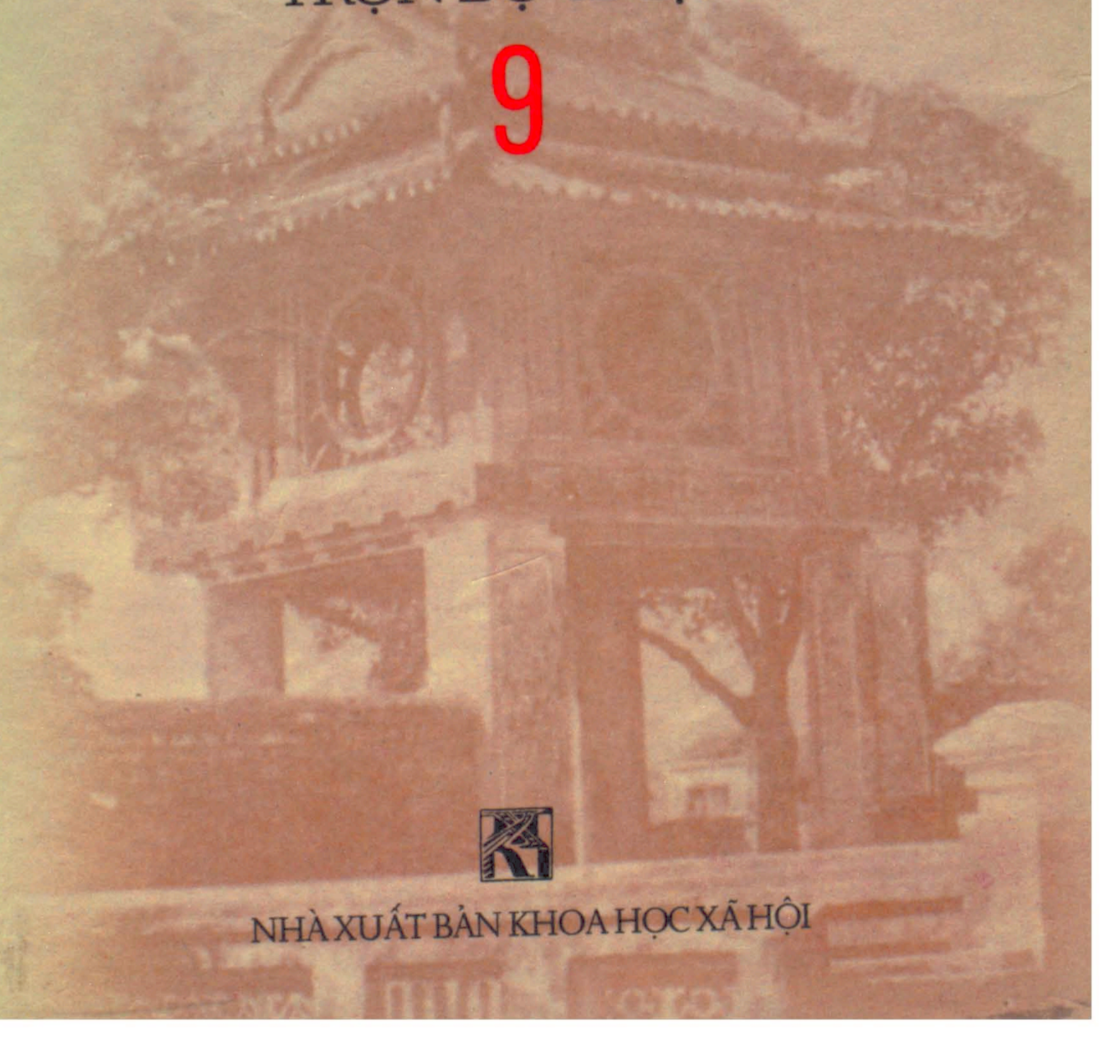
TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

9



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 9

Chủ biên: TRẦN NGHĨA

Sưu tầm, biên soạn:

TRẦN NGHĨA - NGÔ ĐỨC THỌ - NGUYỄN THỊ THẢO
NGUYỄN THUÝ NGA - CHƯƠNG THÂU - MAI XUÂN HẢI
NGUYỄN VĂN NGUYÊN - TRẦN LÊ HỮU

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

KHẢI LUẬN

Lâu nay, khi nói về tiểu thuyết chương hồi viết bằng chữ Hán của Việt Nam, không ít người chỉ nghĩ đến một tác phẩm tưởng chừng như duy nhất: *Hoàng Lê nhất thống chí*. Nhưng mấy năm gần đây, do những cố gắng trong việc sưu tầm thư tịch Hán Nôm và sự mở rộng giao lưu văn hóa với nước ngoài, đặc biệt là với các nước thuộc khu vực văn hiến chữ Hán như Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản... chúng ta đã nhìn lại và phát hiện trước cũng như sau *Hoàng Lê nhất thống chí* còn có một loạt tác phẩm cùng loại mà nếu gom vào một chỗ, chúng sẽ chiếm một khoảng không nhỏ trong khu vườn văn học Việt Nam. Ấy là *Hoan Châu ký, Nam triều công nghiệp diễn chí, Hoàng Lê nhất thống chí, Việt Lam xuân thu, Hoàng Việt long hưng chí* và *Trùng Quang tâm sử* [1] v.v...

Hoan Châu ký còn có tên là *Thiên Nam liệt truyện Nguyễn Cảnh thị*

---

1. Trên Tạp chí *Nam phong*, từ số 48, Nguyễn Hữu Tiến có dịch và giới thiệu bộ tiểu thuyết chương hồi nhan đề *Lĩnh Nam dật sử* mà theo lời tựa của sách thì tác phẩm này do Trần Nhật Duật người đời Trần dịch từ chữ Mán ra Hán văn. Nhưng đúng như Nguyễn Đổng Chi, tác giả *Việt Nam cổ văn học sử* từng cảm nhận: "Xét câu văn và lối sắp đặt chữ thì còn hồ nghi lắm" (VNCVHS, Nxb Hàn Thuyên, 1942, tr.273). Gần đây, chúng tôi đọc cuốn *Trung Quốc thông tục tiểu thuyết thư mục* của Tôn Giai Đệ, Tác gia xuất bản xã, Bắc Kinh, 1958, ở tr.150 có giới thiệu lai lịch bộ sách đó như sau: "*Lĩnh Nam dật sử* 28 hồi, khắc in vào năm Gia Khánh thứ 14 (1809) đời nhà Thanh. Hiện còn loại bản khổ nhỏ, ngoài bìa đề "Lâu Ngọc Lâu tàng bản". Một loại bản khổ nhỏ khác ngoài bìa đề "Văn Đạo Đường tàng bản". Sách do Hoàng Nại Am người đời Thanh soạn. Trong sách có ghi Hoa Khê Dật Sĩ biên thứ; Túy Viên Cuồng Khách bình điểm; Trác Trai Trương Khí Giả và Trúc Viên Trương Tích Quang đồng tham hiệu. Đầu sách có bài tựa của Tây Viên Lão Nhân viết năm Giáp Dần, Càn Long thứ 59 (1794), một bài tựa nữa của Trương Khí Giả. Bản "Văn Đạo Đường" thiếu hai bài tựa trên, nhưng lại có bài Tựa của Lý Mộng Tùng viết năm Tân Dậu, Gia Khánh thứ 6 (1801) và một bài *Phàm lệ* gồm 4 mục. Nại Am người Quảng Đông. Tên thực cũng như quê hương bản quán, chờ tra cứu". Có thể thấy bản *Lĩnh Nam dật sử* viết tay hiện tàng trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.856/1-3, cuốn mà Nguyễn Hữu Tiến đã dựa vào để dịch, chỉ là một "ngụy tác" hay đúng hơn, đánh tráo một bộ tiểu thuyết chương hồi của Trung Quốc.

Hoan Châu ký, biên soạn vào khoảng năm Chính Hòa (1680 - 1705) đời Lê. Tác giả là một người thuộc dòng họ Nguyễn Cảnh (họ kép), nhưng chưa rõ tên cụ thể.

Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm hiện có 2 dị bản *Hoan Châu ký*, một bản mang ký hiệu VHv.4079 (thay cho ký hiệu cũ là VHv.4199) và một bản mang ký hiệu VHv.3588 (thay cho ký hiệu cũ là VHv.4200), đều là những bản sao. VHv.4079 được chép lại vào thời Gia Long (1802 - 1819); VHv.3588 được chép lại vào năm Thành Thái thứ 6 (1894). Cả hai bản đều do dòng họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An hiến tặng cho Viện Nghiên cứu Hán Nôm vào năm 1983.

Sách đã được dịch và xuất bản lần đầu [1].

Nam triều công nghiệp diễn chí còn có tên là *Việt Nam khai quốc chí truyện*, do Nguyễn Bảng Trung soạn, Phong Sơn Dương Thận Trai đề tựa, Tri huyện huyện Phù Ninh tên là Giản đề bạt. Nguyễn Bảng Trung tên thực là Nguyễn Khoa Chiêm (1659 - 1736), tự Bảng Trung, tước Bảng Trung Hầu, nguyên quán Hải Dương, sinh quán Hương Trà, Thừa Thiên, làm quan đến chức Cai bạ phó đoán sự. Dương Thận Trai và Tri huyện Giản đều là người sống vào đầu triều Nguyễn [2].

Hiện có 4 truyền bản *Nam triều công nghiệp diễn chí* sau đây, đều ở dạng viết tay: 1 bản của Viện Hán Nôm, ký hiệu A.24/1-2; 1 bản của Viện Sử học, ký hiệu HV.503; 2 bản của Thư viện Hiệp hội châu Á Paris, ký hiệu HM.2140 và HM2141. Tất cả đều mang tiêu đề *Việt Nam khai quốc chí truyện*, có lẽ do người đời Nguyễn chữa lại. Tên gọi ban đầu của tác phẩm, theo gia phả của họ Nguyễn Khoa, là *Nam triều công nghiệp diễn chí*.

Sách đã được dịch và xuất bản [3].

Hoàng Lê nhất thống chí nguyên tên là *An Nam nhất thống chí*, theo

---

1. *Hoan Châu ký*, Nguyễn Thị Thảo dịch, Trần Nghĩa khảo đính và giới thiệu, Nxb.KHXH, Hà Nội, 1988.

2. Hoàng Xuân Hãn, trong bài *Đúng 300 năm trước* (tập san *Sử Địa* số 26, Sài Gòn, 1974), dựa vào *Quốc triều hương khoa lục*, cho rằng "Tri huyện Giản" tên thực là Nguyễn Giản, người xã Yên Định, huyện Thụy Anh, xứ Sơn Nam (nay thuộc Thái Thụy, Thái Bình), đỗ Hương cống năm 1807, làm quan đến Án sát. Cũng trong bài viết trên, dựa vào *Đại Nam thực lục chính biên*, ông cho rằng "Dương Thận Trai" tên thực là Dương Công Tòng, giữ chức Tham hiệp trấn Sơn Tây đầu đời Nguyễn (Dẫn theo *Nam triều công nghiệp diễn chí* Bd., lại có sửa chữa của Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga, Ngô Đức Thọ giới thiệu, có in trong *Tổng tập văn học Việt Nam* tập 9 này.

3. *Trịnh Nguyễn diễn chí*, Ngô Đức Thọ dịch, Sở VH - TT Bình Trị Thiên xuất bản, 1986; *Mộng bá vương*, Ngô Đức Thọ dịch, Nxb. Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1990.

Ngô Giáp Đậu thì phần đầu sách do Học Tốn viết; phần tiếp theo do Trưng Phủ viết (xem *Hoàng Việt long hưng chí tự tự*). Học Tốn là tên tự của Ngô Thì Chí (1753 - 1788), hiệu Uyên Mật, người Tả Thanh Oai, Hà Tây, con trai thứ hai của Ngô Thì Sĩ, làm quan đến chức Thiêm thư bình chương sự. Ông là tác giả 7 hồi đầu của *Hoàng Lê nhất thống chí*. Trưng Phủ là tên tự của Ngô Thì Du (1772 - 1840), hiệu Văn Bác, cháu gọi Ngô Thì Sĩ bằng bác ruột, làm Đốc học Hải Dương. Ông là tác giả 7 hồi tiếp theo (từ hồi 8 đến hồi 14). Mấy hồi cuối (từ hồi 15 đến hồi 17) tương truyền do Ngô Thì Thuyến (có người đọc là Thiến) viết.

Hiện có 13 dị bản *Hoàng Lê nhất thống chí* đều ở dạng viết tay: 6 bản của Thư viện Viện Hán Nôm, mang các ký hiệu A.22/1-2 (tiêu đề *Hoàng Lê nhất thống chí*, Học Tốn Công trứ, Trưng Phủ Công tục. Cuối hồi 1, có một đoạn lời bình), A.883 (in ảnh trên giấy tây, tiêu đề *Lê quý ngoại sử*, Sơn Nam Thanh Oai huyện Tả Thanh Oai Thiêm thư Ngô Thì Thuyến soạn Long phi Kỷ Hợi niên (1899) hạ lục nguyệt thập ngũ nhật, Hàn lâm viện Thị độc sung Bắc Kỳ Thống sứ phủ thực thụ đệ ngũ hạng Lục sự Nguyễn Hữu Thường phụng lục), VHv.1542/1-2 (tiêu đề *An Nam nhất thống chí*, bản này cùng loại với bản do Nguyễn Hữu Thường chép), VHv.1296 (tiêu đề *Hoàng Lê nhất thống chí*, có "mi phê"), VHv.1534/1-2 (tiêu đề *Hoàng Lê nhất thống chí*, có dấu ấn của Hoàng Xuân Hãn), VHv.1534/B (tiêu đề *Hoàng Lê nhất thống chí*, chỉ có 8 hồi đầu, hồi thứ 8 chép chưa hết); 1 bản của Thư viện Quốc gia Hà Nội (tiêu đề *An Nam nhất thống chí*, chỉ có 7 hồi đầu); 4 bản của Thư viện Hiệp hội châu Á Paris, mang các ký hiệu HM.2224 (7) (tiêu đề *An Nam nhất thống chí*, chép từ sách *Ngô gia văn phái*, Tập 7, Quyển 19 - 20, phần *Học Tốn Công di thảo)*, HM.2134 (tiêu đề *Hoàng Lê nhất thống chí*, Học Tốn Công trứ, Trưng Phủ Công tục; bản này chép từ bản A.22 của Viện Hán Nôm), Ms.b.21 (tiêu đề *Hoàng Lê nhất thống chí*, Gia Long tam niên Giáp Tí (1804) quý đông sóc, Lê Cảnh Hưng Quý Mùi khoa Tiến sĩ Tả Thanh Oai nhân Ngô Thì Nhậm biên tập, cuối hồi 1 có một đoạn lời bình. Đây là sách của Fonds Landes), 1 bản chưa lên ký hiệu (tiêu đề *An Nam nhất thống chí*, Thiêm thư bình chương Học Tốn Công di thảo. Đây là sách của Fonds Demiéville); và 1 bản của Thư viện Đại học Khánh Ứng (Keio), Nhật Bản, mang ký hiệu 244-56-1 (tiêu đề *Hoàng Lê nhất thống chí*, chỉ có Q1, gồm 5 hồi đầu).

Sách đã được dịch và xuất bản nhiều lần [1]. Trong bộ Tổng tập này

---

1. Bd. của Cát Thành xuất bản năm 1912; Bd.của Ngô Tất Tố xuất bản năm 1942, tái bản năm 1958; Bd. của Nguyễn Đăng Tấn - Nguyễn Công Liên xuất bản năm 1950 dưới tiêu đề *Hậu Lê thống chí;* Bd. của Nguyễn Đức Vân - Kiều Thu Hoạch xuất bản năm 1964, tái bản vào các năm 1970, 1984.

truyện *Hoàng Lê nhất thống chí* được giới thiệu ở tập khác, tức là tập về các tác giả đời Tây Sơn).

Việt Lam xuân thu, còn được gọi là *Hoàng Việt xuân thu* hay *Việt Lam tiểu sử* được biên soạn vào cuối thế kỷ XIX và xuất bản năm Duy Tân, Mậu Thân (1908). Tác giả *Việt Lam xuân thu* tương truyền là Vũ Xuân Mai (?), quê phường Xuân Yên thuộc tỉnh Hà Nội cũ, đậu Cử nhân năm Giáp Thân (1884), đã có lúc làm Tri huyện Phúc Thọ (thuộc tỉnh Hà Tây).

Hiện có 12 dị bản *Việt Lam xuân thu:* 5 bản của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm mang các ký hiệu VHv.1819/1-3 (sách in, thiếu 10 hồi cuối), A.13 (viết tay), A.3215 (viết tay), VHv. 1638 (viết tay, thiếu 32 hồi cuối) và VHv.2085 (viết tay, thiếu 9 hồi đầu và hồi 60 ở cuối sách); 2 bản của Thư viện Viện Sử học mang các ký hiệu HV.84 (sách in, đủ cả 3 quyển và 60 hồi) và HV.141 (viết tay); 1 bản của Thư viện Quốc gia Hà Nội, ký hiệu R.451 (viết tay, chỉ có Q.2 với các hồi từ 22 đến 40); 1 bản của Hiệp hội châu Á Paris, ký hiệu HM.2184 (viết tay); 1 bản của Thư viện Quốc gia Paris, ký hiệu A.69/1-2, có "giáp phê" của người đời sau; 1 bản của Bảo tàng Guimet Paris, ký hiệu MG.FV.55732 (sách in); và 1 bản của Đông Dương văn khố Nhật Bản (mang tiêu đề *Việt Lam tiểu sử),* ký hiệu X-2-35.

Hoàng Việt long hưng chí biên soạn xong vào năm Thành Thái Giáp Thìn (1904), tác giả Ngô Giáp Đậu (1853 - ?), hiệu Tam Thanh, biệt hiệu Sự Trai, người làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai (Hà Tây), đậu Cử nhân năm Thành Thái thứ 3 (1891), làm Đốc học. Ngoài *Hoàng Việt long hưng chí,* ông còn là tác giả một số cuốn giáo trình về sử như *Trung học Việt sử toát yếu,* về địa lý như *Hiện kim Bắc Kỳ địa dư, v.v...*

Hiện có 1 bản *Hoàng Việt long hưng chí* tàng trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.23 (viết tay).

Sách đã được dịch và xuất bản lần đầu [1].

Trùng Quang tâm sử do B.G sáng tác, Hiến Hán dịch, lần lượt đăng trên *Binh sự tạp chí* ở Hàng Châu (Chiết Giang, Trung Quốc) từ số 81 tháng 1 - 1921 đến số 132 tháng 4 - 1925. Có người cho "B.G" chính là B.C, chữ C xếp chữ nhầm thành G (xem *Phan Bội Châu toàn tập* tập 3, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1990, tr.288, chú thích 1). "B.C" tức Bội Châu hay Phan Bội Châu (1867 - 1940), hiệu Thị Hán, biệt hiệu Sào Nam, người làng Đan Nhiễm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, một chính khách nổi tiếng, được những người trong nước hết sức kính mến vào những năm đầu thế kỷ 20. "Hiến Hán" là bút danh của

---

1. *Hoàng Việt long hưng chí,* Ngô Đức Thọ, Mai Xuân Hải, Nguyễn Văn Nguyên dịch, Ngô Đức Thọ giới thiệu và chỉnh lý, Nxb Văn học, Hà Nội, 1993.

người "dịch", thực ra là biên tập tác phẩm này để đăng tạp chí. Tác phẩm sau khi biên tập, có khác với lúc đầu chút ít về tên người, tên đất, cũng như số chương hồi.

Hiện có 3 dị bản về *Trùng Quang tâm sử* đều ở dạng viết tay: 2 bản của Viện Hán Nôm chép theo bản thảo lúc đầu, ký hiệu VHv.1524 (tiêu đề *Hậu Trần dật sử,* Sào Nam Phan Bội Châu trứ. Bản này chép vào năm 1957) và VHv.2716 (tiêu đề *Hậu Trần dật sử,* Sào Nam Phan Bội Châu trứ. Bản này chép vào năm 1964, theo bản VHv.1524; 1 bản của Thư viện Quốc gia Hà Nội, ký hiệu R.2258 (tiêu đề *Hậu Trần dật sử).* "Hậu Trần dật sử" là tên do người chép tạm đặt, bởi lúc bấy giờ chưa biết tên thật của tác phẩm.

Sách đã được dịch sang tiếng Việt và xuất bản nhiều lần [1].

Với cách nhìn của chúng ta ngày nay, *Hoan Châu ký, Nam triều công nghiệp diễn chí, Hoàng Lê nhất thống chí, Việt Lam xuân thu, Hoàng Việt long hưng chí* và *Trùng Quang tâm sử* đều là những tác phẩm văn học và đều mang đặc trưng của thể loại "tiểu thuyết chương hồi". Điều này được cụ thể hóa trong mối quan hệ giữa nội dung và hình thức ở từng tác phẩm vừa kể.

Trước hết, ta thấy ở các tác phẩm ấy, toàn bộ câu chuyện được chia ra làm nhiều mảng, hay đúng hơn, tác phẩm do nhiều "hồi" hoặc "tiết" có quan hệ vừa "khép" vừa "mở", vừa "gián cách" vừa "liên tục" hợp lại mà thành. Mỗi mảng như thế, ở *Hoan Châu ký* và *Trùng Quang tâm sử* được gọi là "tiết" (*Hoan Châu ký* có 16 tiết, *Trùng Quang tâm sử* có 22 tiết); ở *Hoàng Lê nhất thống chí, Việt Lam xuân thu* và *Hoàng Việt long hưng chí* được gọi là "hồi" (*Hoàng Lê nhất thống chí* có 17 hồi, *Việt Lam xuân thu* có 60 hồi, *Hoàng Việt long hưng chí* có 34 hồi). Riêng *Nam triều công nghiệp diễn chí* thoạt nhìn, tưởng như tác phẩm được viết liền một mạch từ đầu chí cuối, chỉ chia "quyển" mà không chia "hồi" hoặc "tiết". Nhưng đọc kỹ nguyên bản, ta thấy ở cuối Q.4 có câu: "Vị tri Tú Phượng nhập Nam triều báo tín nhược hà, thả khán hạ hồi phân giải"; cuối Q.5 có câu: "Vị tri hư thực như hà, thả thính hạ hồi phân giải", cuối Q.7 có câu: "Vị tri hậu sự nhược như hà, thả thính hạ hồi phân giải"; từ đó có thể nghĩ mỗi "quyển" ở đây được tác giả xem như một "hồi", *Nam triều công nghiệp diễn chí* có cả thảy 8 quyển, cũng tức là 8 hồi.

Mỗi "hồi" hoặc "tiết" như vậy trong cùng một tác phẩm thường có độ dài xấp xỉ như nhau, kể lại một hoặc vài câu chuyện nhỏ tương đối hoàn chỉnh. Mở đầu các "hồi" hoặc "tiết" là 2 câu đối ngẫu, mỗi câu từ 7 đến 16 chữ. Trong *Nam triều công nghiệp diễn chí* mỗi "hồi" (quyển) được mở đầu bằng một bài từ hoặc

1. Bd. của Trần Lê Hữu, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1957, dưới tiêu đề *Hậu Trần dật sử;* Bd. của Nguyễn Văn Bách, Nxb Văn học, Hà Nội, 1971, dưới tiêu đề *Trùng Quang tâm sử.*

một bài thơ thất ngôn Đường luật, trừ hồi thứ 2 và thứ 7; Trong *Trùng Quang tâm sử* trước mỗi "tiết" là một cụm từ 4 chữ, vừa dùng để khái quát nội dung, vừa dùng làm đầu đề cho "hồi" đó hoặc "tiết" đó, gọi là "hồi mục". Kết thúc mỗi "hồi" hoặc "tiết" thường lại có 2 câu đối ngẫu nữa, mỗi câu 7 chữ, cùng một câu văn lề lối (sáo ngữ) kiểu "muốn biết (...) như thế nào, xem hồi sau sẽ rõ", một là nhằm dự báo nội dung của "hồi" tiếp theo, hai là nhằm kích thích sự tò mò của người đọc (*Trùng Quang tâm sử* không sử dụng hình thức này). Ở một số tác phẩm, ngoài những tiêu chí nói trên, còn có các phần mang tính chất bình luận văn học (bình điểm) như "độc pháp", "hồi bình", "giáp bình", "my phê"... cũng là hiện tượng thường thấy trong tiểu thuyết chương hồi của các nước cùng khu vực. "Độc pháp" thường đặt ngay ở đầu sách, tổng luận về nội dung hoặc giải thích, nhấn mạnh một số điểm cốt yếu thuộc chủ đề tư tưởng của tác phẩm.Đoạn văn đặt ở đầu tiết 1 của *Trùng Quang tâm sử* có thể xem là "độc pháp". Với *Hoàng Lê nhất thống chí*, "hồi bình" lại đặt ở cuối hồi 1 và đây cũng là trường hợp có "hồi bình" duy nhất ở tác phẩm này. "Giáp bình" là những lời bình luận viết xen kẽ trong từng hồi hoặc từng tiết, thấy xuất hiện nhiều nhất ở *Việt Lam xuân thu*. "My phê" là những câu chữ bình luận viết ngay trên khoảng giấy trống đầu trang sách, thấy xuất hiện nhiều nhất ở *Trùng Quang tâm sử*.

*

* *

Việt Nam cũng như Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản... đều có tiểu thuyết chương hồi. Nhưng như vậy không có nghĩa là con đường dẫn tới sự hình thành tiểu thuyết chương hồi ở các nước thuộc cộng đồng văn hiến Hán đều hoàn toàn giống nhau.

Tiểu thuyết chương hồi viết bằng chữ Hán của Việt Nam có nguồn gốc khác với Trung Quốc.

Ở Trung Quốc, tiểu thuyết chương hồi bắt nguồn từ thoại bản. "Thoại" có nghĩa là "cố sự", truyện tích. "Bản" có nghĩa là "để bản", bản gốc. "Thoại bản" tức bản gốc mà nghệ nhân hay người kể chuyện (thuyết thoại nhân) dùng làm chỗ dựa để giảng về truyện xưa tích cũ cho người ta nghe, một hình thức văn nghệ dân gian chớm lên từ đời Đường và đặc biệt thịnh hành vào giai đoạn Tống Nguyên do rất đồi hợp "gu" của tầng lớp thị dân mới trỗi dậy hồi đó.

Có thể chia thoại bản Trung Quốc thành hai loại lớn: tiểu thuyết và giảng sử. "Thoại bản tiểu thuyết" thường ngắn, viết bằng văn bạch thoại, phản ánh đời sống của quần chúng lớp dưới như những người buôn bán nhỏ, thợ thủ công, phụ nữ bình thường... Thí dụ các thoại bản *Phùng Ngọc Mai*

đoàn viên, Thố trám Thôi Ninh. Ở loại này, lời văn thường sinh động, bình dị. Trước phần chính văn, thường có mấy câu mào đầu bằng thơ, từ hoặc một mẩu truyện ngắn, cốt lôi kéo thính giả tới nghe kể chuyện, gọi là "đắc thắng đầu hồi" (gây hứng thú ngay từ hồi đầu) hoặc "nhập thoại" (vào câu chuyện kể). Trong khi miêu tả nhân vật hoặc tường thuật sự kiện, thường xen vào những câu văn vần để cho câu chuyện thêm sinh động. Buổi kể chuyện thường dừng lại ở đoạn gay cấn nhất, nhằm lôi cuốn người nghe đến nghe tiếp vào lần sau, đêm sau. Kết thúc mỗi buổi kể hoặc đoạn kể, thường dùng những câu thơ hoặc bài từ ngụ ý "khuyên giới". "Thoại bản giảng sử" so với "thoại bản tiểu thuyết" thường dài hơn, viết bằng văn ngôn, đôi khi cũng pha phách văn bạch thoại. Loại thoại bản này chịu nhiều ảnh hưởng của chính sử. Nội dung dựa vào truyện tích lịch sử là chính, như *Tân biên ngũ đại sử bình thoại* chẳng hạn. Nhưng cũng có khi vừa giảng sử, vừa chen vào những mẩu chuyện đời thường, như *Đại Tống Tuyên Hòa di sự, Đại Đường Tam Tạng thủ kinh thi thoại,* v.v...

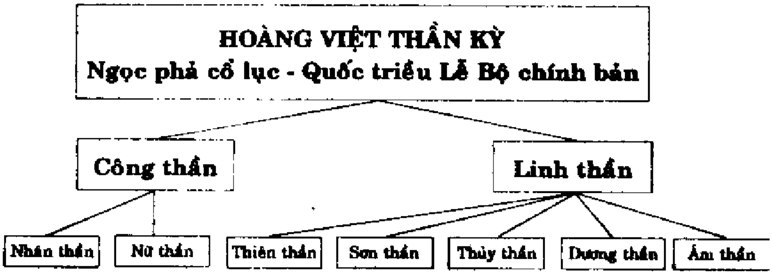
Chính trên nền tảng phát triển rôm rả của thoại bản mà tiểu thuyết chương hồi của Trung Quốc đã ra đời, với những tác phẩm tiêu biểu như *Tam quốc diễn nghĩa, Thủy hử, Tây du ký*... trong đó *Tam quốc diễn nghĩa* là một trong những cuốn tiểu thuyết chương hồi ra đời sớm nhất, lưu hành rộng rãi nhất và được nhân dân Trung Quốc cũng như nhân dân thế giới đặc biệt ưa thích.

Khác với Trung Quốc, Việt Nam không có thoại bản [1]. Sự ra đời của tiểu thuyết chương hồi Việt Nam trước hết liên quan tới các bản thần tích, thần phả được ghi lại từ truyền thuyết dân gian, theo khuynh hướng ngày một hệ thống hóa, với quan niệm cả dân tộc đều sinh ra từ một bọc, có chung một cội nguồn. Hệ thống hóa, nhưng lại phải tách bạch. Cùng xuất xứ từ một nguồn nhưng lại phát triển có lớp lang. *Lĩnh Nam chích quái, Việt điện u linh*... được biên soạn và nhiều lần sửa chữa, bổ sung, thậm chí trình bày thành nhiều hồi, như trường hợp *Tân đính Lĩnh Nam chích quái,* đều trong tinh thần như vậy. Đặc biệt khoảng thế kỷ 15,16, triều đình nhà Lê sai một số Nho thần có trình độ học vấn uyên bác như Đào Cử (1449 - ?), Nguyễn Bảo (TK15), Lê Tung (1451 - ?), Nguyễn Bính (TK16)... sưu tầm, chỉnh lý và viết lại một cách đầy đủ, có hệ thống các thần tích ở nước ta, làm thành bộ *Ngọc phả* (còn gọi là *Ngọc phả lục* hay *Ngọc phả cổ lục),* đặt tại Bộ Lễ, thông qua đó để cấp bằng sắc, quản lý các

---

1. Trong kho thư tịch Hán Nôm Việt Nam hiện có một cuốn sách nhan đề *Lưu Kinh thoại bản*, mang ký hiệu AB.594, soạn theo thể văn kể chuyện, mỗi câu 6 chữ, nhưng không thuộc ngôn ngữ văn học khu vực thời cổ tức Hán ngữ, mà thuộc về ngôn ngữ văn học dân tộc Việt Nam tức văn Nôm. Vả chăng loại "thoại bản" như thế này ở nước ta cho đến nay chưa thấy có trường hợp thứ hai.

di tích lịch sử, văn hóa trên phạm vi cả nước, kết hợp với việc giáo dục truyền thống cho dân. Bộ *Ngọc phả* chính thức đặt tại Bộ Lễ (Quốc triều Lễ Bộ chính bản) này, nay đã mất, nhưng một số bản thần tích, thần phả chép lại từ bộ sách gốc trên về sau vẫn còn lưu giữ ở các địa phương, từng được Học viện Viễn đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội tổ chức sao chép thành 537 tập *Thần tích* hiện để tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, mang ký hiệu AE [1]. Qua các tập *Thần tích*, hay đúng hơn, bộ *Ngọc phả* triều Lê được khôi phục lại một phần này, ta có thể mường tượng cách hệ thống hóa các thần trong "Quốc triều Lễ Bộ chính bản" ở thế kỷ 15, 16 như sau:



Dưới mỗi mục thần (Nhân thần, Nữ thần, Thiên thần, Sơn thần, Thủy thần, Dương thần, Âm thần) lại còn chia ra thành Càn chi, Khảm chi, Cấn chi, Chấn chi, Tốn chi, Ly chi, Khôn chi, Đoài chi và dưới mỗi nhánh, lại chia làm Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần...

Cũng qua *Ngọc phả* đời Lê, ta còn thấy quá trình các anh hùng dân tộc được truyền thuyết hóa, rồi thần linh hóa và cuối cùng, tiểu thuyết hóa như thế nào. Thí dụ chuyện Ngô Long chép trong *Hà Nội Hàm Long thần tích* $AE\frac{a1}{1}$, trích từ "Nam Việt Hùng triều Duệ Vương Long thần xuất thế phù quốc uy linh Đại Vương tự điển" (Quốc triều Lễ Bộ chính bản Thượng đẳng phúc thần). Ngô Long, với một địa chỉ cụ thể, một sự tích thần kỳ, đã được những người lập truyện xây dựng như một nhân vật tiểu thuyết thực thụ. Mới lên tám, đã có tài "thất bộ thành chương", làm xong một bài thơ trong vòng bảy bước. Ngô Long còn lầu thông cả "bách gia chư tử", "tam lược lục thao",

---

1. Bao gồm thần tích thuộc các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Đông, Hà Nam, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Kiến An, Lạng Sơn, Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An, Phú Thọ, Phúc Yên, Quảng Yên, Sơn Tây, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Vĩnh Yên dưới triều Nguyễn.

Về việc Học viện Viễn đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội cử người về các địa phương sưu tầm, ghi chép "truyện cổ bách thần", xem *Tiểu dẫn* sách *Lê quận công biệt truyện*, A.2619.

"Thái Công phù phép" và đặc biệt, ông còn sáng tác không ít thơ "Đường luật", dù đang sống dưới triều Hùng! Có thể nói mỗi bản thần tích trong *Ngọc phả* là một thiên tiểu thuyết.

Chính phương pháp hệ thống hóa các từ đơn lẻ và lối viết sinh động, hấp dẫn gây ấn tượng mạnh trên đây của *Ngọc phả*, trong chừng mực nhất định, đã ảnh hưởng đến tiểu thuyết chương hồi Việt Nam về sau, rõ nhất là ở *Hoan Châu ký*, một tập gia phả được cải dạng thành tác phẩm văn học.

Tiểu thuyết chương hồi Việt Nam còn chịu ảnh hưởng các thể văn biên niên, thực lục và ký sự. Ở sử biên niên (như *Đại Việt sử ký toàn thư)* và thực lục (như *Lam Sơn thực lục, Trung hưng thực lục, Đại Nam thực lục)* các biến cố lịch sử được trình bày theo niên đại các triều vua. Lối viết này để lại dấu ấn khá đậm nét trong *Hoan Châu ký*, *Nam triều công nghiệp diễn chí*, *Việt Lam xuân thu* và *Hoàng Việt long hưng chí*. Có thể nêu một vài thí dụ. *Nam triều công nghiệp diễn chí*, Q.6 viết: "Lại nói năm Thịnh Đức Nhâm Dần thứ 10, tháng giêng, trung tuần, Nguyên Soái công tử Hiệp Đức bèn chuyển quân đến đóng ở xã Vũ Xá, cùng các tướng bàn kế tiến đánh". *Việt Lam xuân thu*, Hồi 20 viết: "Năm Bính Tuất, Khai Định thứ 1 (Minh Vĩnh Lạc thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, ngày Giáp Dần, tiến quân về phía Trù Giang" v.v... Nhiều đoạn trong tác phẩm đã hành văn y như sử biên niên, lấy năm tháng làm tuyến ngang (kinh), sự kiện làm tuyến dọc (vĩ). Chẳng hạn *Hoan Châu ký*, Hồi 2, Tiết 2 có đoạn: "Ngày 12, gặp dịp sinh nhật của Tiết chế Trưởng quận công, trăm quan vào chúc mừng. Lễ xong, mở tiệc lớn chiêu đãi. Trong quân ai nấy đều vui say. Ngày 14 tháng 8 vào giờ Dần, quan Tiết chế cùng các tướng đốc quân thủy bộ cùng tiến về sông Hát yết kiến miếu Trưng vương (...) Ngày 15, vào giờ Thân, quân tiến đến cửa Nam thành Thăng Long, tạm nghỉ. Ngày 18..." Thậm chí có tác phẩm như *Hoàng Việt long hưng chí*, bên cạnh sự kiện, còn kèm theo những chú giải đôi khi khá dài dòng về tên người, tên đất như chúng ta thường gặp ở các bộ sử chính thống. Ở thể loại ký sự, mỗi sự kiện là một thứ dây giềng (cương) xuyên qua một chuỗi chi tiết (mục), câu chuyện nhờ đó có đầu có đuôi, không bị cắt xén. *Hoàng Lê nhất thống chí* và *Trùng Quang tâm sử* đại để chịu ảnh hưởng của cách thể hiện này.

Về mặt giao lưu văn học, tiểu thuyết chương hồi Việt Nam tiếp thu nhiều ảnh hưởng của tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc. Dễ thấy hơn cả là *Tam quốc diễn nghĩa*. Thí dụ *Hoan Châu ký* trong hồi 1 tiết 2, từng ví việc Nguyễn Tử Nha định sử dụng Lê Trang Tông làm bung xung theo kiểu Tào Tháo sử dụng Hán Hiến Đế trong truyện *Tam quốc diễn nghĩa*. Hay *Nam triều công nghiệp diễn chí*, chỉ trong phạm vi Q.1 trong số 8 quyển của tác phẩm, đã có ít ra là 4 trường hợp dính dáng đến *Tam quốc diễn nghĩa*: Quận Lập muốn

bắt chước Quan Vân Trường "đơn đao phó hội"; Phùng Khắc Khoan xấu xí, nhưng có cái tài của Gia Cát, Lưu Cơ; Phan Ngạn tự xưng là Quan Vũ tái sinh; Trịnh Tùng mắng Phùng Khắc Khoan muốn bắt chước Trương Tùng đem Ích Châu về theo Lưu Bị.

Có thể nói tiểu thuyết chương hồi Việt Nam ra đời là kết quả của những hối thúc từ bên trong do sự vận động nội tại của bản thân nền học thuật chữ Hán Việt Nam sinh ra, cộng với những kích thích từ bên ngoài do giao lưu văn học mang lại.

TRẦN NGHĨA

HOAN CHÂU KÝ

NGUYỄN THỊ THẢO *dịch*
TRẦN NGHĨA *khảo đính và giới thiệu*

LỜI GIỚI THIỆU

Hoan Châu ký hoặc *Thiên Nam liệt truyện Nguyễn Cảnh thị Hoan Châu ký* là một bộ tiểu thuyết chương hồi miêu thuật 8 thế hệ đầu của dòng họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An thuộc đất Hoan Châu thời cổ, trong đó đặc biệt nổi bật là Nguyễn Cảnh Hoan (thế hệ thứ 5), Nguyễn Cảnh Kiên (thế hệ thứ 6), Nguyễn Cảnh Hà (thế hệ thứ 7) và Nguyễn Cảnh Quế (thế hệ thứ 8), những người được coi như là có nhiều đóng góp trong công cuộc "phò Lê diệt Mạc" và tạo dựng nền trung hưng của nhà Lê.

Sách không ghi rõ năm biên soạn. Nhưng trong lời bạt có đoạn viết: "Chuyện kể ra đây khởi đầu từ năm Bính Tuất triều Nhuận Hồ, đến năm Bính Ngọ thuộc niên hiệu Vĩnh Trị của bản triều cộng cả thảy 273 năm sự tích". Năm Bính Ngọ niên hiệu Vĩnh Trị là năm 1678, thuộc thời Lê Hy Tông, như vậy sách không thể viết xong trước thời gian này. Từ hai chữ "bản triều" cũng có thể khẳng định sách được viết ra vào triều Lê chứ không phải vào triều đại sau đó như Tây Sơn (1788 - 1802) hoặc Nguyễn (1802 - 1945). Cũng trong lời bạt còn có những câu như: "Ngu tôi hồi còn bé từng lùng sục nơi bạn hữu được cuốn *Thường Quốc nam chinh ký* và cuốn *Phan Thị trường biên*, mỗi cuốn chỉ còn vài mươi tờ, độ một phần ba tác phẩm. Giấy thì mọt ăn, chữ thì rơi rụng. Đến mùa đông năm Bính Tí (1696) sưu tầm thêm được cuốn *Hoan Châu Nguyễn Cảnh ký* còn lưu giữ tại Đô Lương thì lời văn vụng về, chữ nghĩa sai lạc, tam sao thất bản, không thể nói là không đáng tiếc. Vậy là nhân lúc rỗi rãi, tôi đem ba tập trên đúc lại thành một tập". Năm "Bính Tí" mà lời bạt nhắc tới ở đây có khả năng là năm 1696, niên điểm sách hoàn thành.

Hoan Châu ký không ghi tên tác giả. Nhưng qua việc đối chiếu cách ghi thế thứ trong sách này với cách ghi thế thứ trong một vài cuốn gia phả khác (không viết theo dạng tiểu thuyết chương hồi) cũng của dòng họ Nguyễn Cảnh hiện còn lưu giữ tại Nghệ An, như gia phả của chi thứ Nguyễn Cảnh Ất (thuộc thế hệ thứ 7) hay chi thứ Nguyễn Cảnh Cái (thuộc thế hệ thứ 8), ta cũng thấy được tác giả *Hoan Châu ký* là người trực tiếp liên quan đến chi trưởng Nguyễn Cảnh Quế.

Bản *Hoan Châu ký* được viết ra vào năm 1696 hoặc ít lâu sau đó, nay chưa tìm thấy. Các bản hiện tàng trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm mang ký hiệu VHv.4079 và VHv.3588 đều thuộc loại bản sao. VHv.4079 là bản cổ nhất,

gồm 156 tờ giấy bản gấp (song điệp miên chỉ) đã ngả sang màu vàng xỉn, khổ 23 cm x 14 cm. Mỗi tờ được viết lên cả hai mặt a và b, từ phải sang trái, mỗi mặt 7 dòng, viết từ trên xuống dưới; mỗi dòng có trung bình 20 chữ, dòng ngắn 17chữ, dòng dài 23 chữ. Thỉnh thoảng có những dòng cước chú với loại chữ cỡ nhỏ bằng một nửa chữ bình thường của sách (lưỡng cước chú). Sách được viết bằng bút lông mực tàu, nét chữ đẹp, nửa chân nửa thảo. Có nhiều chữ mang lối viết khác lạ. Sách bị rách mất nhiều chỗ. Về niên đại bản sao này, mặc dù sách không ghi chép, nhưng dựa vào các chữ kiêng húy tên vua Gia Long như *Chủng* 種 viết thành *Trọng* 重 (để khuyết bộ *hòa* 禾), ta vẫn có thể đoán định là sách được chép lại vào đầu triều Nguyễn. Bản VHv.3588 gồm 194 tờ giấy gấp đã ngả màu vàng, khổ 25 cm x 17 cm. Mỗi tờ được viết lên cả hai mặt a và b, từ phải sang trái; mỗi mặt 6 dòng, viết từ trên xuống dưới; mỗi dòng có trung bình 17 chữ, dòng ngắn 15 chữ, dòng dài 18 chữ. Thỉnh thoảng có những dòng cước chú như bản VHv.4079. Sách cũng được chép bằng bút lông mực tàu, nét chữ chân phương, dễ đọc, hoàn toàn khác với lối chữ chép ở bản VHv.4079. Đáng chú ý là đầu sách có dòng chữ "Thành Thái lục niên lục nguyệt sơ cửu nhật Nguyễn Cảnh Thăng phụng sao gia phả đại toàn nhất quyển" (Nguyễn Cảnh Thăng phụng sao cuốn gia phả đầy đủ nhất vào ngày mồng 9 tháng 6 năm Thành Thái thứ 6, tức 1894).

Bản dịch của nhà nghiên cứu Hán Nôm Nguyễn Thị Thảo sau đây chủ yếu dựa vào VHv.4079 được xem như bản nền; nơi nào mà bản nền bị thiếu câu hoặc mất chữ, dịch giả đã dựa vào VHv.3588 được xem như dị bản để bổ chính.

Cả hai bản chữ Hán vốn không chia thành chương tiết. Các hồi, các tiết trong bản dịch là căn cứ vào tinh thần lời bạt của sách mà tách riêng ra, nhằm giúp bạn đọc dễ dàng lĩnh hội khi đến với tác phẩm. Và cũng vì lý do tương tự, *Lời bạt* nguyên ở cuối sách, nay trong bản dịch được đưa lên đầu sách.

TRẦN NGHĨA

LỜI BẠT

Chuyện kể ra đây khởi đầu từ năm Bính Tuất (1406) triều Nhuận Hồ, đến năm Mậu Ngọ (1678) thuộc niên hiệu Vĩnh Trị của bản triều [1] cộng cả thảy 273 năm sự tích. Những điều ghi chép trong truyện dù chân thực hay hoang đường, đáng tin hay đáng ngờ, thì phần nhiều cũng là để xem cho biết.

Tập truyện ký này được viết ra, là bởi vì sau lúc nhà Lê suy vi, họ Mạc cướp quyền, anh hùng hào kiệt trong thiên hạ chẳng ai là không nghiến răng căm tức, tìm lập con cháu vua đứng đầu, sẵn sàng xông vào nơi tên đạn để cùng giết bọn Mãng, Tháo [2], mong giành lại cơ đồ, lưu công danh nơi trúc bạch. May khi gặp Trang Tông Dụ Hoàng đế của bản triều nổi dậy ở Sầm Châu [3], một mực ủy quyền cho chủ soái là Chúa Trịnh thu nạp tướng văn tướng võ để lo toan việc khôi phục đất nước. Qua hơn 60 năm chiến chinh dẹp trừ giặc giã, nhà Lê mới nắm lại được quyền bính. Thiên hạ thái bình, định công ban thưởng, lưng ngựa cơ mưu, phẩm cao tước trọng, sự nghiệp chói chang, tất cả đều được ghi vào sử sách. Riêng số công thần thời trung hưng tuy gia phả các nhà đều có ghi, nhưng vì đây là những bản sao làm của riêng, sự tích của họ phần nhiều bị mai một, biết dựa vào đâu để làm cho sáng tỏ?

Ngu tôi hồi bé từng lùng sục nơi bạn hữu được cuốn *Thường Quốc nam chinh ký* [4] và cuốn *Phan Thị trường biên* [5], mỗi cuốn chỉ còn vài mươi tờ, độ

---

1. Chỉ triều Lê.

2. Vương Mãng và Tào Tháo. Vương Mãng người Đông Bình Lăng, từng giết Hán Bình đế, lập Nhụ Tử Anh, rồi cướp ngôi nhà Hán, đổi quốc hiệu là Tân. Tào Tháo người Bái Quốc Tiều, nguyên họ Hạ Hầu, vì cha là con nuôi của Tào Đằng nên đổi lại họ là Tào. Tào Tháo từng đàn áp phong trào nông dân khởi nghĩa Hoàng Cân, dẹp loạn Đổng Trác, đón Hán Hiến đế ở Hứa Đô, diệt Viên Thuật, phá Viên Thiệu, tự làm Thừa tướng, được phong tước Ngụy công, tiến tước Ngụy vương. Đến đời con là Tào Phi cướp ngôi nhà Hán, lập ra nhà Ngụy.

3. *Sầm Châu:* Tây Nam giáp Lào; năm Minh Mệnh thứ tám (1827) đổi Sầm Châu ra Sầm Nưa, năm Minh Mệnh thứ chín (1828) lệ vào phủ Trấn Man, tỉnh Thanh Hóa.

4. Chép về các trận đánh nhà Lê Trung hưng ở vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh của danh tướng nhà Mạc là Nguyễn Quyện, tước Thường quốc công, người làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai. Sách *Thường Quốc nam chinh ký* nay không còn nữa.

5. Chép về Phan Công Tích, tước Lai quận công, người Thái Xá, Đông Thành, Nghệ An. Sách *Phan Thị trường biên* sau đó cũng đã mất.

một phần ba tác phẩm. Giấy thì mọt ăn, chữ thì rơi rụng. Đến mùa đông năm Bính Tí (1696) sưu tầm thêm được cuốn *Hoan Châu Nguyễn Cảnh ký* còn lưu giữ tại Đô Lương thì lời văn vụng về, chữ nghĩa sai lạc, tam sao thất bản, không thể nói là không đáng tiếc. Vậy là nhân lúc rồi rãi, tôi đem ba tập trên đúc lại thành một tập.

Truyện viết xong, không còn biết đâu là khách, đâu là chủ nữa. Bản ý của người soạn truyện là: *Thường Quốc nam chinh ký* là sách của kẻ phản thần nối giáo cho giặc. *Phan Thị trường biên* là sách của hạng bất tài đời sau, chỉ biết khư khư giữ mình. Cả hai tác phẩm ấy sao có thể đề cao được? Bì sao nổi với tám đời nhân nghĩa, bốn lớp trung cần, đặc biệt Tấn quốc công [1] là người đã làm rạng rỡ ông cha, tạo phúc lành cho con cháu. Thế thì Thường, Lai [2] là khách, mà Tấn Nguyễn [3] là chủ! Cho nên mới đặt tên sách là *Nguyễn Cảnh Hoan Châu ký* [4].

Đã nói là sách của dòng họ Nguyễn Cảnh, lẽ ra chỉ chép về một gia tộc thôi. Đằng này lại có nhiều đoạn dính líu tới quốc sự, nhiều chứng cứ viện dẫn từ sách cổ, không thể không cài thêm vào nhan đề mấy chữ "Nam Đường phiếm thoại". Chữ "thoại" ở đây không để riêng cho dòng họ Tấn quốc công, mà để chung cho chuyện phiếm Nam Đường. Vì sao vậy? Bởi lẽ nhờ tập truyện ký của họ Nguyễn ở Nam Đường mà các sự việc của thiên hạ trong vòng 273 năm tình cờ cũng ghi chép lại, giống như đò là đò của kẻ khác, nhưng họ không chỉ chở bản thân, mà còn mời khách quý của họ cùng qua sông để con đò có thêm sức nặng. Sách là sách của người khác, nhưng họ không chỉ chép về bản thân họ, mà còn chép cả sự việc của đất nước để tập sách trở thành phong phú hơn.

Ngạn ngữ có câu: "Muốn kẻ lông mày phải cậy gương soi, muốn đựng thóc lúa thì tìm thúng mủng". Tập dã sử của kẻ viết tiểu thuyết này đâu dám sánh với các bộ sách của triều đình. Chẳng qua muốn có một chỗ quy tụ để gửi gắm chút truyện tích cổ kim; thấy quốc sử còn có chỗ bỏ sót thì chú thích thêm cho đủ. Nếu tập này có gì khác với chính sử, như xác Lai công [5] có thật nằm trên lưng voi không, Cảnh Hà có thật bắt sống được Kiền vương [6] không, hư thực thế nào, phải đợi tra cứu thêm các nguồn tư liệu khác mới có thể tin được.

---

1. Tước phong của Nguyễn Hoan, hoặc Nguyễn Cảnh Hoan, người Nông Sơn, Nam Đường, Nghệ An.

2. *Thường* tức Thường quận công; *Lai* tức Lai quận công.

3. Tức Tấn quốc công Nguyễn Hoan.

4. Có nghĩa là sách *Hoan Châu ký* của dòng họ Nguyễn Cảnh.

5. Lai quận công, chuyện này chép ở Hồi hai, Tiết thứ nhất.

6. Chuyện này chép ở Hồi bốn, Tiết thứ nhất.

Nay tập truyện đã thành, lẽ đâu lại dung dị cắt xén câu này câu nọ. Cứ tạm để nguyên như vậy, cả thảy bốn hồi, mỗi hồi bốn tiết [1], bốn lần bốn mười sáu, tổng cộng mười sáu tiết.

Sưu tập tuy còn có chỗ chưa khắp, khảo cứu tuy còn có chỗ chưa tường, nhưng dựa vào sự thực mà diễn thành văn, ngang qua thế cuộc, chép đủ tám đời thành một cuốn sách. Sau này có ai muốn biết chuyện cổ xưa hãy theo đây mà đọc, cố nhiên sẽ được điều khuyên giới.

---

1. Nguyên văn là "Tổng hoàn tứ quyển, nhất quyển quy tứ diện" (tổng cộng 4 quyển, mỗi quyển 4 phương diện). Dưới lại nói "Cộng thành thập lục điều văn" (cả thảy 16 đoạn văn). Đây dịch là "cả thảy bốn hồi, mỗi hồi bốn tiết", dùng "hồi" và "tiết" dễ hiểu hơn, và cũng phù hợp với thực tế việc chia hồi, chia tiết trong truyện hơn.

HỒI MỘT

TIẾT THỨ NHẤT

Trời chuyển, đất rung...

Trời đất sinh ra tổ tiên ta được hưởng non cao Ngọc Lĩnh [1], nước biếc Lam Giang [2]. Đây thực là nơi sinh ra nhiều tướng văn tướng võ tài ba, danh lừng thư kiếm, từng phò giúp vua Lê ổn định cơ đồ, khiến con cháu sau này hưởng ơn nước dài lâu muôn đời không đổi.

Thoạt đầu, cụ tổ tên là Lữ, nguyên người phương Thiên Lý, huyện Đông Triều [3]. Đến cuối đời Hồ, khi người Ngô [4] sang xâm lược nước Nam, cụ tổ chạy loạn tới huyện Gia Viễn [5] trấn Thanh Hoa [6]. Sau đó lại lánh vào làng Tuân Lý, huyện Hương Sơn, thuộc Hoan Châu [7]. Hồi bấy giờ đang cơn ly loạn, di chuyển nay đây mai đó vô chừng. May gặp lúc Lê Thái Tổ dấy binh ở Lam Sơn [8], trừ diệt giặc Ngô, thiên hạ đại định. Cụ tổ dời đến bên sông [9], lần theo các xã Trường Cát, Hoa Lâm, Đông Liệt thuộc huyện Nam Đường [10], đến cư ngụ tại bến Ngọc Sơn [11], làm nghề đưa đò ngang, chở người qua sông kiếm tiền độ nhật. Đến năm Canh Tuất niên hiệu Thuận Thiên (1430), nhân làm hộ tịch, cụ xin nhập tịch làm dân xóm Ngọc Sơn. Cuối đời cụ như thế nào, không thấy ghi chép. Nơi an táng cũng không rõ.

---

1. Ngọc Lĩnh: còn gọi là Ngọc Sơn, người địa phương gọi là Rú Nguộc, ở xã Thanh Ngọc, huyện Thanh Chương, Nghệ An.
2. Lam Giang: tức sông Lam. Rú Nguộc nằm ở tả ngạn sông Lam.
3. Huyện Đông Triều: xưa thuộc Hải Dương, nay thuộc Quảng Ninh.
4. Người Ngô: chỉ người thời nhà Minh, Trung Quốc.
5. Huyện Gia Viễn: nay thuộc Ninh Bình.
6. Trấn Thanh Hoa: đây là Thanh Hoa ngoại, nay thuộc Ninh Bình.
7. Hoan Châu: tương đương với Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay.
8. Lam Sơn: thuộc huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa.
9. Đây chỉ sông Lam.
10. Huyện Nam Đường: thuộc phủ Anh Đô, trấn Nghệ An cũ.
11. Bến Ngọc Sơn: bến đò dưới chân Rú Nguộc, ven bờ sông Lam.

Cụ tổ sinh hạ được một người con trai tên là Luật. Luật theo cha cư ngụ tại xóm Ngọc Sơn. Đến khi cha mất, Luật mang bầu giác và kim chích [1] đi làm nghề châm cứu. Vốn tính hiền lành, được xóm giềng nhiều người yêu mến, Luật nhân đó dựng túp nhà dưới chân Rú Nguộc để ở. Khổ nỗi sau cơn loạn lạc, lại xẩy ra mất mùa, phương dân đói kém, hàng nghìn dặm ruộng nương không được cấy trồng. Sống dưới chân Ngọc Sơn được dăm năm, một hôm Luật vắt bầu giác lên vai đi về phía xóm Sạ Lương, xã Đông Liệt để hành nghề. Vừa tới eo Chó Đẻ [2], ngước thấy rừng cây um tùm, đường sá hoang vắng. Đi chưa được mấy bước, bỗng nghe tiếng gầm vang, rồi Sơn tinh [3] nhảy xổ ra, Nguyễn Luật ngã lăn xuống, hổ không nỡ ăn thịt, chỉ dùng chân bới đất lấp kín thi hài. Năm mất không thấy ghi (chỉ biết về sau, khi con cháu có công lớn với bản triều, Luật được phong tặng là khai quốc suy trung dương nghĩa phụ quốc công thần, quản lĩnh Thiết đột trung thánh dực tướng Diễn Phúc hầu. Đến khoảng niên hiệu Hoằng Định (1601 - 1619), lại được phong làm Á quận công [4]). Ông sinh được một người con trai lớn tên là Cảnh.

Cảnh thấy cha không về, vội vàng chạy ra chợ xem bói. Thầy bói vốn là người thạo về Dịch lý [5], đã gieo tiền xin âm dương, được quẻ "Kỷ tị nhật thần, đắc Chấn chi nhị" [6]. Thầy bói dựa vào quẻ bói, đã kể lại hết cho Cảnh nghe chuyện hổ vừa mai táng Luật. Cảnh tạ ơn gạt lệ trở về, rồi đi thẳng đến thôn Sạ Lương hỏi thăm tin tức. Bỗng gặp một ông lão trong thôn cho biết: "Hôm qua có thầy châm cứu tới đây, không may bị lão ông (tục gọi hổ là lão ông) hại chết, vứt cả túi bầu giác ra đó, mọi người đều biết cả". Đoạn dẫn Cảnh vào eo Chó Đẻ chỉ tay nói: "Đây chẳng phải là nơi tiên nhân của anh hóa thân đó sao?" Cảnh thấy nấm mồ như đã qua tay người đắp, nghĩ rằng đây là dấu hiệu trời cho, không dám tự ý dời đi nơi khác. Bèn cho con cháu nhận đó là ngôi mộ tổ.

---

1. Các thứ y cụ dùng để giác và châm cứu.

2. Nay gọi là Đồi Chay, thuộc xã Thanh Ngọc, huyện Thanh Chương.

3. Sơn tinh: chỉ con hổ, bên dưới có nói rõ.

4. Những chữ trong hai ngoặc đơn là phần chú thích vốn có của sách. Từ đây trở xuống đều như vậy.

5. Dịch lý: những nguyên lý chủ yếu của *Kinh Dịch*.

6. Có nghĩa là "vào ngày Kỷ Tị, được hào thứ hai của quẻ Chấn". Quẻ Chấn gồm một hào dương (một vạch) ở dưới và hai hào âm (hai vạch) ở trên. Vậy hào thứ hai của quẻ tức hào âm.

Cảnh dáng vẻ khoan hòa, thích làm việc thiện. Học được nghề y, ông thường có ý bốc thuốc chữa bệnh để cứu giúp người đời. Già trẻ một vùng đều chịu ơn ông. Giàu lòng nhân đức, ông lên núi hái thuốc và thường vào Nam Phong [1] lấy các loại thuốc như hậu phác, ngũ gia bì, ty giải, thổ phục linh v.v... Một hôm, đến xứ Long Tính lấy mẫu đơn, hoắc hương, trần bì, hương phụ, khi quay về đến xã Đại Đồng [2], ông rẽ vào nghỉ tại nhà một người bạn. Cạnh nhà, có một ông lão thuộc hạng khá giả, con cháu đông đúc, tuổi ngoại 60, ốm từ một năm rồi mà nay vẫn chưa khỏi. Nghe Cảnh là danh y, ông lão liền cho người sang mời. Khách vào nhà vừa ngồi, ông lão đã sai dọn cơm rượu thiết đãi, rồi bỏ luôn ra năm quan tiền nhờ xem bệnh cho thuốc. Cảnh chỉ lấy một quan tiền thuốc, đưa gói mộc qua [3] tán bảo hòa với rượu cho bệnh nhân uống. Lại cho đem hắc đậu [4] và ngưu tất sao vàng, sắc lấy nước bôi lên chỗ đau. Dặn dò xong, Cảnh ra về. Bệnh nhân theo lời dặn uống thuốc đều, chỉ hơn một tháng bệnh đã khỏi, đi lại được, bèn cùng người nhà đến Rú Nguộc để tạ ơn thầy thuốc. Bấy giờ Cảnh đang sao tẩm các vị thuốc, nghe có khách ở Đại Đồng tới liền ra cửa đón vào. Khách ngồi được một lát, Cảnh mang cơm hẩm canh rau ra tiếp. Khách chỉ nhìn qua cảnh nhà là biết thầy thuốc nghèo túng. Vậy mà hôm trước khi bốc thuốc, thầy lấy rất ít tiền. Khách ngạc nhiên hỏi: " Gia đình thầy vất vả, khổ sở, chỉ dựa vào túi tiền để chi dụng qua ngày. Vậy mà hôm trước bốc thuốc, thầy lại cứ từ chối lấy nhiều tiền. Có phải vì cho lão là người già nua bệnh tật, không nỡ nặng tay, hay vì cho lão là người thô bạo keo kiệt nên thầy chỉ lấy như thế?". Cảnh đáp rằng: "Phương thuốc đó tuy chữa khỏi bệnh nhưng tiền nong có đáng là mấy, chẳng lẽ lừa người để vơ tiền sao?" Ông lão nói: "Người có lòng từ thiện như thế này, chắc rồi trời sẽ báo đáp!" Nói xong từ biệt ra về. Mấy ngày sau, ông lão sai đứa cháu dắt một con bò đến xóm Ngọc Sơn để biếu thầy thuốc. Có được con bò, Nguyễn Cảnh bèn cày vỡ ruộng rẫy dưới chân núi trồng cấy để sinh sống.

Lại nói ở xã Đại Đồng có người họ Chu, trong khi dạo chơi các cảnh đẹp núi sông, gặp một cụ già đầu râu tóc bạc, mặt đỏ như gấc,

---

1. Nay thuộc xã Thanh Phong, huyện Thanh Chương.
2. Thuộc tổng Đại Đồng, huyện Nam Đường.
3. Đu đủ.
4. Đậu đen.

có chú tiểu đồng quải la bàn theo sau, đâu cũng len lỏi tới, khuấy động cả càn khôn, rõ là một nhà thuật số vào loại cỡ. Họ Chu bèn kết giao với cụ già, có ý muốn nhờ cụ tìm hộ cho ngôi đất quý. Cụ già cho biết không thể trì hoãn công việc trước mắt của mình, hứa mùa đông tới sẽ gặp lại họ Chu ở xã Đại Đồng, quyết không sai hẹn. Thế rồi họ chia tay nhau.

Được ít lâu, y theo lời hẹn, cụ già lần lối trở lại Đại Đồng. Vừa tới chợ Sa Nam [1] chỉ thấy:

Ngư tiên trình tửu điếm,
Long phấn tứ phủ đình.
Hoán khách mỹ muội chiêu thủ tiếp,
Trường đồ du khả thích tình ninh!

Nghĩa là:

Cá ngon bày quán rượu,
Thịt nhừ chật hàng ăn;
Vẫy tay gọi khách, cô hàng đẹp.
Du tử đường xa thử một phen!

Những khách vào ăn uống thoải mái ở đây nếu không phải là hạng tráng du, thì cũng là người quen lui tới vì hâm mộ. Cụ già vén áo bước vào quán, nghĩ rằng Đại Đồng hãy còn xa, thôi thì dốc cả hầu bao say sưa một bữa. Đến khi rượu tàn trà cạn, tớ thầy mới dò lối lên đường.

Trời đã xế chiều mà vẫn ngỡ là chưa muộn. Chân tay bước mà mắt vẫn say nhìn cảnh đẹp xung quanh. Thủng tha thủng thỉnh, bất giác đi đến Hoa Lâm, ngẩng mặt trông lên, mặt trời đã gác núi. Hai thầy trò rẽ xuống ven sông đi một hồi thì tới chân Ngọc Sơn. Bỗng thấy bên nương có một người thợ cày thân hình vạm vỡ. Thầy trò bước tới hỏi rằng: "Bác người ở đâu?". Người thợ cày đáp: "Tôi người làng này". "Đường từ đây đến Đại Đồng chừng bao nhiêu dặm? Trời còn đang sáng, bước săn chân liệu có tới nơi không?". Người thợ cày trả lời: "Từ đây đến Đại Đồng đường còn xa, mà trời cũng đã sắp tối. Đoạn đường này lại qua nhiều khu rừng rậm, hay có ác thú hại người, trong vùng ai cũng gờm sợ. Sao cụ không tìm một nơi để nghỉ chân có hơn không? Tội gì mà dấn thân vào chốn núi rừng nguy hiểm?".

Cụ già nghe nói, đứng tần ngần hồi lâu, không biết nên đi hay

1. Nay là chợ Tro, thuộc huyện Nam Đàn.

nên ở. Cuối cùng chau mày nói với người thợ cày rằng: "Nhà bác ở đây, có thể cho chúng tôi về nghỉ tạm một đêm, may khỏi cảnh màn trời chiếu đất?". Người thợ cày đáp: "Nhà tôi nhỏ hẹp, chỉ sợ cụ không ngủ yên giấc thôi. Nếu cụ không quản ngại, tôi xin sẵn sàng đón tiếp". Cụ già nói: "Đêm sắp xuống rồi mà núi rừng thì ở trước mặt. May được bác hậu tình cho ngủ lại, chúng tôi đâu dám chê cơm nhạt giường thô!". Nói đoạn, cụ già theo người thợ cày về nhà.

Đến nơi, chỉ thấy hai gian lều cỏ, một chiếc chõng tre. Chủ nhà nhường giường cho khách ngồi. Được một lúc, chủ nhà sai làm cơm. Cụ già nói: "Hai cha con tôi từ Sa Nam định qua An Toàn đi Hiến Lãng thuộc tổng Đại Đồng [1] tìm thăm người bạn cũ, không dè lỡ đường, chưa chuẩn bị gì cả". Người thợ cày gọi người nhà ra một nơi hỏi nhỏ: "Ngày xưa thầy Khổng ở nước Trần, nước Thái đến nỗi không có cái ăn [2]. Nay khách không có lương thực, xem hũ gạo nhà ta còn được bao nhiêu?" Năm đó hạn hán mất mùa, gạo đắt, nhà không đủ ăn. Người nhà đáp: "Hiện còn một con gà trống, một bát gạo nếp và hai đấu đỗ đen, có thể dùng để tiếp khách. Chỉ e ngày mai giỗ gia tiên biết lấy gì thay vào?" Người thợ cày nói: "Không lo, sẽ có cách. Ta cứ đồ xôi và giết gà đi, lấy một nửa cúng gia tiên, vừa giữ tròn đạo hiếu, vừa có cái để tiếp cha con vị khách đường xa chắc đang đói và mệt lắm. Nửa xôi và thịt còn lại sẽ dùng để cúng gia tiên chính thức vào ngày mai".

Bấy giờ hai cha con cụ già tuy đang nằm ở phòng ngoài vờ ngáy to lên, kỳ thực họ vẫn chú ý theo dõi đầy đủ câu chuyện.

Bàn định xong đâu đấy, gia đình người thợ cày cứ thế mà làm. Sau khi cúng gia tiên, chủ nhà đem đồ cúng ra mời khách [3]. Ăn xong, trong khi trà thuốc, cụ già xin gia chủ cho biết rõ gốc gác, tính danh. Gia chủ đáp: "Tôi họ Nguyễn, tên Cảnh. Ông nội tôi vốn người phường Thiên Lý, huyện Đông Triều (tỉnh Hải Dương). Cuối đời Hồ loạn lạc, quân phương Bắc sang xâm lấn. Từ trên nguồn đến dưới biển giặc giã nhiễu nhương, dân các nơi đều khốn đốn. Vì vậy các cụ

---

1. Gồm các xã Thanh Phong, Thanh Ngọc, Thanh Nam thuộc huyện Thanh Chương ngày nay.

2. Sở Chiêu Vương mời Khổng Tử sang nước Sở. Khi Khổng Tử qua nước Trần, nước Thái, ông bị người địa phương đem quân bao vây, vì sợ nước Sở dùng ông thì nguy hiểm cho họ. Khổng Tử do vậy 7 ngày không có cái ăn.

3. Đoạn này ở nguyên bản lời văn rườm ra, chúng tôi đã lược bớt.

tổ tôi phải dắt díu nhau rời bỏ quê hương lưu lạc đến đây không biết đã bao nhiêu năm. Gặp hồi đói kém, bố mẹ đều mất sớm. Vì mộ các cụ hiện còn tại Chùa Nùng nên chúng tôi không nỡ rời bỏ, định cứ lưu lại đây để giữ chỗ ở cũ của tổ tiên. Che chụm túp nhà nho nhỏ cho vợ con ở, mùa đông thì lạnh lẽo, mùa thu thì sương móc, rất dễ nhiễm bệnh tật. Tôi thường phải đi làm thuốc để nuôi sống gia đình, nhưng miệng ăn thì nhiều mà tiền của có hạn, sớm hôm thiếu thốn. Nay cụ có lòng hỏi tới, há không thổ lộ hết chân tình". Qua cách ăn nói của gia chủ, ông cụ biết Nguyễn Cảnh rất thành thật và cho rằng đây là con người sâu sắc.

Sáng hôm sau, Cảnh gánh một gánh củi vào làng đổi được hai đấu gạo trắng và một chai rượu tăm mang về, bảo người nhà nấu cơm và đem các thứ hôm qua còn lại để lại bày cỗ cúng. Cúng xong, bưng rượu cùng thức ăn ra khoản đãi hai cha con ông cụ, mời mọc rất ân cần. Ông cụ nghĩ bụng rằng đang khi đói kém mà người ta lại tiếp đãi hậu hĩnh như thế này, mình sao có thể dửng dưng được. Lúc sắp chia tay, ông cụ từ tạ nói: "Cơm nước hậu tình, chưa biết ngày nào mới có thể đền đáp được!". Cảnh thưa lại rằng: "Đang lúc khó khăn, cơm canh đạm bạc, thật tôi chưa thỏa bụng chút nào, đâu dám trông sự báo đáp". Nói rồi tiễn khách ra cổng. Chợt có người từ thôn Yên Lạc đến mời Cảnh đi thăm bệnh. Vốn không biết ông cụ trước mặt mình là một thầy địa lý giỏi, Cảnh chia tay và đi một mạch tới thôn An Lạc chữa bệnh, để cho cụ già rẽ qua phía Đồng Luân.

Cụ già xăm xăm đi vào núi Mộng Sơn, xem ngôi mộ tổ Nguyễn Cảnh, thấy có kiểu "từ lâu hạ điện" [1], bèn lần theo long mạch tìm tới xã Hoa Lâm, thấy hòn Ngọc Sơn đỉnh cao to đầy khí thế. Ông cụ phát hiện được ở vùng này một ngôi đất quý: "Tân long chuyển tốn nhập tả hữu, cước kết kim tinh khai thủy huyệt". Rất dễ thấy: phía trước thì phân, phía sau thì hợp, bên trái thì rồng, bên phải thì hổ, có vẻ như trương cờ mở lọng vậy. Mặt trước có sông lớn chảy qua, dòng lượn quanh co, nước trong leo lẻo. Đây đúng là đất phát "tam công, võ tướng", một long mạch tuyệt hảo. Tìm được ngôi đất quý, ông cụ gắn ghi vào lòng, không tiết lộ cho ai hay, rồi theo con đường cũ, lần qua các xã Đại Đồng, Hiến Lãng tìm đến nhà họ Chu, khỏi phải bàn nữa.

---

1. Bỏ lầu cao xuống điện thấp.

Lại nói Nguyễn Cảnh sau khi chữa bệnh ở Yên Lạc về được ba bốn ngày, bỗng một hôm, nhìn qua rèm thưa, thấy có một người từ xa lững thững đi tới. Người đó không phải ai xa lạ, mà chính là cụ già đêm nao đã ngủ lại ở nhà mình. Cảnh liền đứng dậy ra cửa đón khách vào nhà. Theo sau ông cụ là một người gánh khoảng sáu bảy đấu gạo trắng, hai con gà trống, một vò rượu Bắc, một buồng chuối tiêu, 2 quan tiền đồng. Sau khi xếp gọn các thứ vào một góc nhà, ông cụ bảo người đi theo chuẩn bị thức nhắm. Đêm hôm ấy cả chủ lẫn khách uống một bữa rượu túy lúy, đàm đạo nghĩa nhân, trò chuyện hết sức tâm đắc. Cụ già nói: "Hôm trước, lấy lễ đối xử với nhau không thể nói rằng ít, mà sự trọng vọng nhau cũng đã có thừa. Tôi thấy thái độ của ông thực bụng cung kính chứ không phải bề ngoài. Rõ ràng là người nhân hậu, thuận theo mệnh trời. Nay tôi tìm được một huyệt đất cực quý ở vùng Ngọc Sơn, thuộc loại "vương công thượt cách" [1], ông có vui lòng đến xem chăng?". Cảnh đáp: "Tôi người trần mắt thịt, ít hiểu chuyện phong thủy nên không thể nhận ra. Nay hân hạnh được cụ đến mách bảo cho, nhà tôi như vậy là hãy còn phúc."

Ngày hôm sau, cụ già dẫn Cảnh đến nơi có huyệt đất quý chỉ vạch hình thế, lập hướng núi, định thành nền phúc, rồi lưu lại bài cáo như sau:

Trù trướng cao bích,
Tốn tân xuất mạch,
Công hầu thượng cách,
Đại đại bất dịch.
Đản hiềm sa vệ khoáng phi di,
Lũy thế công khanh cư quán khách.

Nghĩa là:

Dù trướng che cao biếc,
Long mạch xuất tốn, tân [2],
Khanh tướng với công thần,
Đời nối đời không đổi,
Chỉ hiềm án cát rộng dạt trôi,
Nên phải quê người danh mới rạng.

---

1. Huyệt đất tốt vào loại bậc nhất, có khả năng phát vương công.
2. Ý nói long mạch kéo từ Đông Nam đến Tây Bắc.

Lại một bài nữa rằng:

Tiền tam phong, hậu tam phong,
Tử tôn thế thế xuất anh hùng,
Đản hiềm thủy phá Cấn, Dần cung,
Nữ chủ không phòng độc túc trung.

Nghĩa là:

Ba trước ba sau, núi trập trùng,
Đời đời con cháu phát anh hùng,
Hiềm vì Cấn Dần dùng nước phá,
Con gái thường hay dễ góa chồng [1].

Dặn dò xong, cụ già từ biệt ra đi. Cảnh hết sức biết ơn và tiễn chân ông cụ đến tận thôn An Toàn, xã Đông Liệt mới quay trở lại.

Cảnh theo lời dặn suy ngẫm đến nửa năm, rồi mới bắt đầu công việc tu tạo mộ triệu, đem hài cốt người mẹ cải táng vào đấy. Quả thực từ đấy làm nên gia nghiệp. Vợ Cảnh là bà họ Nguyễn, người ở xã Trung Lâm, huyện Thanh Chương, con gái quan Tổng tri quân dân sự vụ họ Nguyễn. Vợ chồng ăn ở với nhau cho đến khi đầu bạc răng long. Cuối đời thế nào không thấy ghi chép. Ông mất chôn ở phúc địa Ngọc Sơn, xã Hoa Lâm [2]. Bà chết chôn ở phúc địa Nùng Na [3]. Tên thụy của ông là Đoan chính phủ quân; tên hiệu của bà là Từ hiếu nhụ nhân. Về sau vì con cháu có công với triều Lê, ông được gia tặng Dương võ uy dũng tán trị công thần, hành hạ Nghệ An đạo, Đô tổng binh sứ ty thiêm sự, quản Tri dân sự vụ Vĩnh Khanh hầu.

Ông bà sinh được bảy người con trai, hai người con gái. Con trai lớn húy là Đạo. Người thứ hai húy là Địch. Người thứ ba húy là Tông Liệt. Người thứ tư húy là Bá Cầm [4]. Người thứ năm húy là Huy. Người thứ sáu húy là Huyên. Người thứ bảy húy là Tạc. Người con gái lớn tên là Ngọc Chẩn. Người con gái thứ hai tên là Ngọc Nô. Cả thảy chín người.

Thật là:

Thất nam nhị nữ tư vi thịnh,
Chấn khởi gia thanh cánh thị thùy?

---

1. Ngôi đất này nay là "phúc địa" Cồn Vệ nằm liền ngay phía Đông Nam Ngọc Sơn, cạnh sông Giang.

2. Nay thuộc xã Thanh Ngọc, huyện Thanh Chương.

3. Thuộc huyện Thanh Chương.

4. Có người đọc là Khẩm.

Nghĩa là:

Bảy trai hai gái cơ phát đạt,
Làm rạng danh nhà đố biết ai?

Theo tranh Hà đồ [1] thì con số 7 và con số 2 ở về phương Nam, xếp thành một chuỗi. Muốn biết người nào có tướng mạo hùng bi [2] chờ xem tiết sau sẽ rõ.

TIẾT THỨ HAI

Hoằng Hưu tị loạn độ Thanh Giang,
An Thanh khởi binh lập đế trụ.

Nghĩa là:

Hoằng Hưu tránh loạn quan Thanh Giang [3],
An Thanh dấy binh dựng ngôi đế.

Người con trai thứ năm là Nguyễn Huy lớn lên có tài trí dũng lược, lập nhiều công tích, được thăng làm Vạn An vệ tổng tri binh dân sự vụ, hành hạ Nghệ An đạo, tước Hoằng Hưu tử. Cuối đời, ông về ở Nùng Quán [4] cày cấy làm ăn. Hồi đầu ông lấy người con gái ở Hiến Lăng sinh ra Noãn, sau đến Đô Lương, lấy thêm người con gái nhà họ Thái tên là Tế mới mười ba tuổi (sinh năm Mậu Thìn, 1508), nhân đó làm luôn nhà tại Đô Lương để ở.

Đến năm Tân Tị (1521) ứng điềm hùng bi [5] bà họ Thái có mang và đến tháng 12 thì sinh nở. Bấy giờ là thời vua Chiêu Tông, niên hiệu Quang Thiệu thứ sáu. Ông đặt tên con là Hoan, tức Tấn quận công, về sau được gia phong Hùng nghị khuông tế trạch dân đại vương. Từ khi sinh Hoan, Huy chăm vỡ đất cấy trồng vui thú cảnh điền viên, đói thì ăn, khát thì uống, ấy là chuyện thường nhật, ở đây không phải nói gì thêm.

---

1. Hà đồ: tương truyền vào đời Phục Hy, có con long mã nổi lên ở sông Hoàng Hà, người ta phỏng theo vằn lông của nó mà vẽ ra bát quái, gọi đó là tranh Hà đồ. Trong bức tranh này, số 2 và số 7 nằm ở phía trên cùng.

2. Hùng bi: tướng võ.

3. Thanh Giang: đây chỉ huyện Thanh Chương. Theo *Thanh Chương huyện chí*, sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.97 bis, thì Thanh Chương trước tên là Thổ Du, đến đầu đời Lê đổi thành Thanh Giang, sau đó vì kiêng húy, đổi ra Thanh Chương.

4. Nùng Quán: nay thuộc huyện Thanh Chương.

5. Điềm sinh võ tướng.

Lại nói đến năm Thống Nguyên (1522 - 1527) có Mạc Đăng Dung người làng Cổ Tế, đất Hải Dương nổi lên cướp ngôi vua, đổi niên hiệu là Minh Đức. Đám cựu thần nhà Lê giận vì họ Mạc vô đạo, đã nổi lên hùng cứ các nơi. Bốn phương nhiễu loạn, trộm cướp ngày càng nhiều. Thời đó có những tên lục lâm sừng sỏ hoạt động ở vùng núi Nam Đường. Đông Liệt thì có tên Mỹ Tích, tên Thằng Bật. Xã Đồng Luân thì có tên Nha Bạt, tên Hạc Lâm. Chúng cùng với Bá Cao ở Đại Đồng tụ tập nhau lại bàn mưu tính kế, quấy rối khắp vùng.

Hoằng Hưu tử Nguyễn Huy nghe tin này, đã về giữ trại Nùng Bang [1], sửa sang hào lũy, để phòng bất trắc. Nhân thế ông mời các trưởng xã, thôn, trang trong tổng cùng về họp, bàn rằng: "Nay phúc nhà Lê đã dời đổi, triều Mạc tiếm quyền, lòng người dao động dẫn đến hoạn lạc. Bọn ta là đầu mục của một vùng, nên tập hợp và dẫn dắt mọi người, phòng chống gian phi, để bảo vệ nhân dân, kiểu như Bình Nguyên đời Hán, như vậy trước mắt há chẳng khoái sao?" Nói vừa dứt lời, mọi người đều tôn Huy lên làm trưởng để chỉ huy, tất cả đều hứa sẽ nhất nhất phục tùng. Huy liền sai chuẩn bị trâu rượu để tế cáo quỉ thần, rồi cùng nhau sáp huyết [2] ăn thề. Ngay ngày hôm ấy tổ chức tuyển đinh tráng, được hơn vài trăm người có đầy đủ khí giới, lập đồn sở để phòng chống giặc.

Lúc ấy bọn [3] Mỹ Tích tự cho mình là hùng mạnh, ngầm sai thủ hạ hơn ba mươi tên trà trộn vào đám người ứng tuyển để gây rối. Lại liên kết với các nhóm giặc khác để ứng cứu cho nhau, hình thành thế nội công ngoại kích, thừa sơ hở đột nhập vào đồn trại...

Lại nói chuyện Nguyễn Huy giết trâu khao quân, trong khi ăn uống thoải mái, không ai để ý đề phòng. Mọi người vui say cho đến lúc trời gần xế bóng. Bỗng thấy trong làng bốc lửa, ngoài đường bụi bay... Hoằng Hưu tử vội vàng gọi thuộc hạ mang vũ khí đến tập hợp trước cửa quân. Chợt nghe ngoài đường có tiếng hô to: "Đánh tới đi". Bao nhiêu gươm giáo hiện ra sáng quắc. Huy vẫy tay ra hiệu cho thuộc hạ xông vào đánh địch và thét lên: "Ai bắt được tên giặc kia sẽ trọng thưởng". Bỗng ở cánh bên trái có một người nhảy ra, vừa nhận ra Mỹ Tích, một tên bợm lợi hại, liền đâm y chết ngay tại chỗ. Tất

1. Sau đổi là Nùng Sơn, nay thuộc huyện Thanh Chương.

2. Thời xưa, để tỏ rõ quyết tâm thực hiện một điều cam kết nào đó, trong hội thề người ta bôi huyết bên cạnh mồm, gọi là "sáp huyết".

3. Đoạn này có lược bớt (ND).

cả đồng bọn đều bỏ chạy tán loạn. Người giết được tên giặc kia là ai? Mọi người đưa mắt nhìn hóa ra là Nguyễn Phúc Kỳ, tức Phú Hệ bá, ở xứ Nùng Bang. Hoằng Hưu tử vẫy tay gọi lại, rót rượu khao thưởng hết sức ân cần. Phúc Kỳ thưa rằng: "Nay giặc cướp hãy còn lan tràn, chưa thể bắt hết được, ta nên trở về bản trại để nuôi dưỡng oai danh cùng nhuệ khí của ta". Huy nghe theo, bèn thu quân về trại Nùng và thưởng cho Nguyễn Phúc Kỳ. Đêm ấy yên quân giữ trại.

Sáng hôm sau thấy ngoài trại có giặc bao vây chờ đánh. Huy lập tức cho quân lính mở trại ra ứng chiến. Đánh nhau chưa đầy vài hiệp bọn giặc giả vờ thua chạy vào Đại Đồng. Huy thúc quân lính đuổi theo. Vừa đến xã Đồng Luân, bỗng nghe trong làng có tiếng thanh la inh ỏi. Huy nhìn về bên trái, thấy lũ người to khỏe nhảy xổ ra, hiệu ở mang dòng chữ "Nha Bạc binh". Huy lập tức cho quân quay lại cản phá giặc Nha Bạc, bắt được tướng giặc đem giết đi, bêu đầu ở chợ Lạt [1], rồi thu quân tiến đánh Đại Đồng. Mới đi được một quãng, bỗng nghe tiền quân hô rằng: "Có giặc đang chặn lối". Tình huống thật bất ngờ. Huy bèn khua chiêng cho quân dừng lại, sai người đi dò xét, biết đấy là bọn Thằng Bật người xã Đông Liệt và Nguyễn Bá Cao người xã Đại Đồng. Ngay ngày hôm đó, ông ra lệnh hạ trại để chống giữ. Sáng hôm sau bọn giặc đem người Đông Liệt và người thôn An Lạc đến khiêu chiến ở xứ Bến Ong [2]. Huy kéo quân ra đánh, đã mười tám hiệp mà vẫn chưa phân thắng bại. Trời nhá nhem tối, các bên đều trở về đồn trại của mình. Đêm hôm đó, Huy họp thuộc hạ bàn mưu kế, sai cháu mình là bọn Phù An hầu đặt quân mai phục tại các nơi hiểm yếu. Ai nấy nhận lệnh ra đi, chỉ để lại vài mươi người giữ trại.

Sáng hôm sau, Hoằng Hưu tử giả vờ kéo quân về trại Nùng. Bọn giặc đi thám thính, thấy đồn trại vắng vẻ, liền đưa quân đến cướp phá. Phục binh bốn mặt bất ngờ xông ra vây chặt quân địch, bắt được tướng ngụy đem giết ngay, bọn còn lại tháo chạy tán loạn. Hoằng Hưu tử thu quân trở về. Vừa tới Đại Đồng, chợt có địch đón đường chống cự. Huy cho người đi dò hỏi, mới biết đó là Nguyễn Bá Cao. Ông ra lời chiêu dụ, nhưng Bá Cao không hàng phục. Huy bèn tiến quân đánh. Bá Cao nghênh chiến được mấy hiệp, quân của hắn bắt đầu tan rã, thế không địch nổi, phải lui về trong thôn. Quân của Huy liền bao vây thôn, chọn những người dũng cảm xông vào bắt

1. Thuộc xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương.
2. Nay thuộc huyện Thanh Chương.

địch. Bá Cao nghe tin, đem trà gai bít kín lối vào cổng trại, rồi lui vào trốn trong chuồng lợn. Quân của Huy phóng lửa đốt, giặc bị thiêu chết vô kể.

Sau khi dẹp hết bọn giặc cướp, Huy họp tất cả quân lính lại bàn rằng: "Ngày nay trong tổng chưa yên, nhà cửa tiêu điều, của cải hết sạch, ta biết dựa vào đâu để sống? Chi bằng rảo tìm nơi đất tốt lập đồn điền để canh tác, tích trữ lương thực, thu công trạng như Triệu tướng ngày xưa". Mọi người răm rắp nghe theo. Bèn dời quân về đóng ở huyện Thanh Chương. Vừa đến địa đầu trang Táo Nha thuộc xã Trung Lâm [1] đã thấy một miền thung lũng đất đai màu mỡ, vườn cau xanh tốt, dân cư đông đúc ở kín núi đồi, hoa màu đủ loại đầy nương rẫy, thật là một cảnh ruộng vườn đáng yêu. Những người đi theo đều nói dựa vào miền đất này có thể nuôi sống mình được. Ông Hoằng Hưu vén rèm xe nhìn ra nói: "Vùng thung lũng này là quê mẹ của ta". Nhân đó vào trong làng gặp gỡ các bậc phụ lão, kể hết sự tình cho bà con hay rằng vì giặc cướp phá, nên cả làng phải lặn lội đến đây tìm nơi nương tựa, xin các cụ rộng lòng thương đến số anh em quân lính đang gặp bước gian truân này". Các vị bô lão trong làng đều an ủi rằng: "Ơn đức của ngài cảm kích lòng người, trong cơn ly loạn mà ai cũng quý mến, một dạ theo ngài không nỡ bỏ, ngài thật là đấng phi thường. Ngày nay ngài đã đến đất "Liêu Đông" này, lẽ nào chúng tôi lại không dung nạp được khách "vượt biển" hay sao? Ngay hôm đó bày rượu thịt khoản đãi khách Nam Đường rồi đem tất cả đất hoang chưa khai khẩn giao cho cấy cấy. Hoằng Hưu tử cho mọi người vỡ đất trồng lúa. Được hơn một năm, hoa lợi thu về rất nhiều, có cái ăn cái để, đời sống ổn định. Nào ngờ:

Ngựa Hồ hí gió Bắc,
Chim Việt tựa cành Nam.

Ngày qua tháng lại, trời chuyển sang đông. Lòng người nhớ quê, thở than bứt rứt. Hoằng Hưu tử tuy vẫn biết nơi quê cũ chưa yên tĩnh, nhưng thể theo nguyện vọng số đông, đã thu dọn hòm xiểng đưa tất cả trở lại trại Nùng. Khi đến nơi, thấy cỏ mọc xanh um, lau sậy đầy cổng, quê hương đã thành cõi hoang vu, Hoằng Hưu tử bèn sai thợ sửa sang lại nhà cửa.

---

1. Nay chia thành hai xã Thanh An và Thanh Chi, thuộc huyện Thanh Chương. Nơi đây còn đền thờ Hoằng Hưu tử Nguyễn Huy. Ở núi Phú cũng có đền thờ ghi nhớ công ơn khai khẩn đất đai của ông.

Chỗ ở đã thành, nhân dân có nơi ăn chốn nghỉ được hơn mười hôm. Không dè ở Đông Luân sau khi Nha Bạc bị đánh bại, có một tên giặc khác gọi là Hạc Lâm tập hợp bè đảng chiếm giữ vùng này. Nghe tin Hoằng Hưu tử trở lại quê cũ, Hạc Lâm bèn kéo quân tới bao vây ngoài trại. Hoằng Hưu tử ra lệnh cho quân lính mang vũ khí xông ra đánh. Nhác thấy Hạc Lâm, Hoằng Hưu tử liền hỏi: "Mày là tên giặc chi mà dám đến trại ta để chuốc lấy cái chết?" Hạc Lâm nói: "Ta vỗ yên dân chúng, cả miền này yên tĩnh gần được năm rồi. Thằng giặc già kia! Ngươi đã phải bỏ sào huyệt chạy ra tận ven sông, cớ sao nay lại trở về quấy nhiễu dân chúng?" Hoằng Hưu tử nói: "Ta lấy điều nhân nghĩa để xử sự, không dè lũ hung bạo chúng bay dùng lời lẽ dối trá để bắt bẻ ta!" Nói xong liền thúc quân xông tới đánh được vài hiệp, đã bao vây bọn giặc, chém chết Hạc Lâm, đem đầu bêu ở xứ Thạch Trúc.

Hồi bấy giờ Hoằng Hưu tử cùng các con tên là Hoan và Hân khởi binh ở thôn Chiêu Quả, tiễu trừ lũ hung bạo, cả vùng do đó được yên tĩnh, nhân dân trở về nghề cũ cày cấy làm ăn, đây khỏi phải bàn thêm.

Lại nói đến Nguyễn Kim người xã Gia Miêu, huyện Tống Sơn [1] dò tìm được người con của Quang Thiệu đế tên là Lê Ninh lập lên làm vua lưu vong trên đất Ai Lao, đổi niên hiệu là Nguyên Hòa, tức Trang Tông Dụ Hoàng đế. Các hào kiệt miền Tây [2] nghe tin, phần nhiều đều theo về, được Thái sư Nguyễn Kim thu dụng cả.

Năm Bính Thân (1536), cha con Nguyễn Huy đến Sầm Châu là nơi vua ở để yết kiến Thái sư, nhờ Thái sư tâu lên triều đình, được vua vời vào yết kiến, phong cho Huy tước Bình Dương hầu, con của Huy là Hoan tước Dương Đường hầu. Cả hai cha con đều nắm binh quyền để phòng khi có việc sai phái. Ở đây ký giả xin miễn nhắc tới.

Sau đó Huy mất, không nhớ là vào năm nào, hưởng thọ 61 tuổi, chôn ở xã Nùng Bang (nay do tránh tên húy của vua Anh Tông là Duy Bang nên đổi là Nùng Sơn), gần xứ chùa thôn Nùng, đặt tên thụy là Huệ Nhật Phủ Quân (ngày 26 tháng giêng, mùa xuân, niên hiệu Thuận Bình thứ nhất, 1549, nhân khi lên ngôi, Trung Tông Vũ Hoàng đế truy phong các vị cựu công thần, có gia phong cho Nguyễn Huy là Dương Vũ dực vận tán trị công thần, hành hạ Nghệ An đạo

1. Nay là huyện Hà Trung, Thanh Hóa.

2. Chỉ vùng Thanh Nghệ.

đô tổng binh sứ ty tổng binh sứ thiêm sự, quản Tri binh dân sự Bình Dương hầu, tặng Phúc Khánh quận công). Ông sinh hạ được năm người con trai, một người con gái.

Người con trai lớn tên là Noãn (do bà vợ người ở Hiến Lăng sinh).

Người con trai thứ hai tên là Hoan, được phong Tấn quận công (do bà họ Thái ở Đô Lương sinh).

Người con thứ ba tên là Hân, được phong Trung quận công (do bà ở thôn Mộ Cơ, huyện Thanh Chượng sinh).

Người con trai thứ tư tên là Văn, được phong Cường quận công (do bà ở giáp Tùy Cứ, xã Đại Đồng sinh).

Người con trai thứ năm tên là Chiêu, được phong Lập quận công (do bà ở xã Cao Điền, huyện Thanh Chương sinh).

Người con gái tên là Ngọc Hoành (lấy Đường quận công. Bà cùng mẹ với Lập quận công).

Riêng người con trai thứ hai là Nguyễn Hoan lúc mới sinh có dáng mạo khôi ngô, lớn lên cương minh trí dũng, chuyên tâm thao lược, xem rộng binh thư, tinh thông thiên văn địa lý, sùng chuộng bùa phép, kỳ tài bí thuật vốn sẵn thiên bẩm, mong gặp thánh chúa để thỏa chí giúp đời. Hồi còn nhỏ theo cha là Huy khởi binh ở thôn Chiêu Quả, tiêu diệt được bọn gian ác. Lớn lên theo giúp vua Trang Tông ở hành tại Sầm Châu, được phong Dương Đường hầu, dưới quyền điều khiển của Hưng quốc công Nguyễn Kim (Dương Đường hầu là hiệu cũ của Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu).

Khi Hưng quốc công bị đầu độc chết [1], hai người con trai là Uông và Hoàng còn nhỏ tuổi. Người anh rể là Trịnh Kiểm, tước Dực quận công, tức Minh Khang Thái vương, trước thường được Nguyễn Kim ủy quyền đi đánh giặc, rất có tín nhiệm trong quân, nay vua Trang Tông cũng giao cho trọng quyền tiết chế, đổi làm Lượng quận công.

Sang năm sau, Thái vương thấy sách Vạn Lại [2] là nơi có thể lập hành tại, bèn sai thợ xây cung điện, sửa sang hào lũy, trong thì nhà cửa cơ ngơi, ngoài thì mấy lần cổng canh gác, tất cả đều cốt được kiên cố.

---

1. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (viết tắt *ĐVSKTT*), năm 1545, hàng tướng nhà Mạc là Trung Hậu mời Nguyễn Kim đến dinh của y, ngầm bỏ thuốc độc vào quả dưa dâng lên mời Kim ăn, do đó Kim bị ngộ độc chết.

2. Nay là xã Vạn Lại, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá.

Đến năm Đinh Mùi (1547)[1], cung điện ở Vạn Lại hoàn thành. Thái vương cùng văn võ bách quan đem xa giá sang Ai Lao rước vua về. Thật là:

Tây nghênh bản thị quy An Ấp,
Bắc hiệp phi tha hạnh Hứa Đô.

Nghĩa là:

Lên miền Tây, chính là để rước vua về An Ấp[2],
Ra phía Bắc, chẳng qua định ép vua tới Hứa Đô[3].

Muốn biết xa giá nhà vua lên đường như thế nào xem tiếp sau sẽ rõ.

TIẾT THỨ BA

Nguyễn Tử Nha binh mã giá thừa dư,
Lê Trang Tông quân thần phá Nguyễn Kính.

Nghĩa là:

Nguyễn Tử Nha binh mã chặn xe vua,
Lê Trang Tông quân thần phá Nguyễn Kính.

Lại nói chuyện Trang Tông ở Sầm Châu lâu ngày, một hôm có vua nước Ai Lao đến thăm. Hai bên đang đàm đạo, chợt có lính chạy vào báo rằng quan quân của triều đình đang đến bên ngoài trại. Vua ra lệnh cho vào. Trăm quan đều dâng biểu xin rước vua về. Vua ưng thuận, sai chọn ngày lên đường và cắt cử tướng lĩnh đôn đốc quân bản bộ chia nhau khống chế vùng biên giới.

Lúc bấy giờ có quan cận thần là Thái Bảo Xuân quận công Nguyễn Tử Nha cũng hưởng ứng cuộc hành quân này, nhận lệnh đi về phía Đông. Khi đến địa giới Hà Trung, nghe tin tướng Mạc là Tây quận công Nguyễn Kính đem hơn một vạn quân áp sát ngoài cõi, Nguyễn Tử Nha liền kéo quân đi đánh. Thấy bên Mạc cờ súy rợp trời, trống chiêng dậy đất, thế quân bố trí rất nghiêm mật, Tử Nha bèn hạ trại đối diện với địch.

Ngày hôm sau, Nguyễn Kính sai người đem thư đến dụ Tử Nha, đại ý nói:

---

1. ĐVSKTT chép việc này xảy ra sớm hơn 1 năm, tức 1546.
2. An Ấp: nơi Hạ Vũ lập kinh đô.
3. Hứa Đô: tức Hứa Xương, nơi Tào Tháo ép vua Hán Hiến đế tới để dễ bề khống chế.

"Tây Chinh Đại tướng quân Tây đạo tướng Tây quận công Nguyễn Mỗ gửi thư tới Nguyễn Thái Bảo Xuân quận công rằng: Ta nay vâng mệnh triều đình lĩnh ấn Đại tướng đem quân dẹp lũ phản nghịch ở Sầm Châu. Lực lượng ta thủy bộ đều mạnh, quân ngũ như rừng, chỉ cần một chuyến hành quân là có thể quét sạch sào huyệt họ Lê. Nhà ngươi nếu sáng suốt thuận theo mệnh trời, đem quân dẫn đường, thì sau khi công thành tấu tiệp, tất sẽ được hậu thưởng, đời đời hiển vinh. Nhược bằng cứ si mê không tỉnh thì ngọc đá đều cháy, hối sao cho kịp. Nói chẳng hết lời, khó trình bày cho cạn lẽ.

Ngày ... tháng ... năm Vĩnh Định thứ nhất" [1].

Thư gửi tới, Tử Nha bóc ra xem, có ý muốn hàng Mạc, bèn đến đồn binh nhà Mạc xin gặp. Nguyễn Kính sai người dẫn Tử Nha vào đồn an ủi vỗ về vô cùng thấm thiết. Nhân đó bảo Tử Nha rằng: "Phượng hoàng là con chim thiêng, không nỡ đậu cành gai. Người anh hùng trí lực lẽ đâu chịu giam mình giữa nơi tù túng? Ngày xưa thầy ta là Trần Thiết Sơn bá có công lớn với triều Lê, vậy mà bị Đà Vương xử bạc, nay ông lại theo thờ người con của Đà Dương vương, ví dù có vất vả lập được công to, mà lòng người ta vẫn nghi ngờ, thì liệu họ có thể đối xử với ông khác với người cha của họ không? Nếu các ông cứ mơ hồ không biết phân tích, e sẽ bị nhục của Hàn, Bành. Nay triều đình ta hậu đãi tướng lĩnh, một tấc công cũng không phụ. Các ông đang dốc chí công danh, sao chẳng biết lấy con đường sáng làm trọng". Tử Nha đáp rằng: "May nhờ ngài chỉ giáo, được tấm ơn sâu, thảng hoặc sau này công thành thân hiển, tôi không dám quên lượng cả". Hai người uống rượu xong, Nguyễn Kính đưa Tử Nha đến chỗ vắng người bàn rằng: "Nếu ông làm được như thế... như thế... thì hẳn là bắt được Lê Ninh thôi". Nói xong, Tử Nha xin nhận sự chỉ huy của Kính và tạ ơn lui ra. Về đến doanh trại, Nha nói thác rằng: "Quân nhà Mạc thế đang mạnh, ta nên lui để cùng tính mưu kế". Ngay tối hôm đó, ra lệnh cho quân lính mang đủ vũ khí bí mật về Thanh Hoa.

Lại nói vua Trang Tông trên đường đến động An Tôn thuộc Tây thành (thành xây tại Vĩnh Phúc, họ Hồ xây thành Tây Đô ở đây) bỗng thấy trước mặt có một đạo quân. Vua ra lệnh khua chiêng thu quân dàn trận thế. Lại sai người gọi to lên rằng: "Đóng ở phía trước kia là đạo quân nào, sao không chịu tránh xa giá?" Hỏi vừa dứt lời, xa trông thấy

---

1. Vĩnh Định năm thứ nhất tức 1547 là niên hiệu của Mạc Phúc Nguyên.

một viên đại tướng áo mũ chỉnh tề, tay cầm vũ khí trả lời rằng: "Tiểu thần là Xuân quận công, phụng mệnh đi tuần tra ngoài ải, thấy giặc bức cận, tạm lui về đây để cùng bàn cách đánh".Vua Trang Tông nghe thế liền cho triệu vào. Nguyễn Tử Nha đem theo vài mươi tay lực sĩ mang đầy đủ gươm giáo đến yết kiến. Vua lúc đó đang cưỡi con ngựa bạch long câu hỏi: "Nhà ngươi liệu thế giặc có chống được không?". Tử Nha tâu rằng: "Hạ thần tuy tài hèn sức mọn, nếu được bệ hạ ủy thác cho đánh giặc, thì chắc chắn thành công. Chỉ e chim hết thì lại dẹp cung, giống như Thiết Sơn bá ngày xưa cuối cùng bị bạc đãi". Vua nói: "Không phải thế đâu. Trước đây Trần Chân (Trần Chân tức họ tên thật của Thiết Sơn bá) làm tướng, có tiếng là hách dịch. Y thả cho quân lính tự do hoành hành, không tuân theo pháp lệnh, hoặc giết danh thần trong kinh kỳ, hoặc uống ngự tửu ở Lục Thanh. Đắc tội với nước nhà như vậy đó, phép vua triều trước nhất mực không dung tha. Nay khanh lòng trung thấu trời, nếu có thể lập được kỳ tích như họ Khâu, họ Đặng, thì công lao bảo toàn nhà Đông Hán, trẫm không bao giờ quên". Nói xong, vua rút gươm cắt tóc cùng Tử Nha thề ước. Tử Nha thấy vua có vẻ đáng tin cậy, bèn mon men tiến gần đến gần ngựa vua. Vua bỗng ngờ sợ, ôm Hoàng tử rời ngựa lên voi, ra lệnh cho tả hữu vũ khí sẵn sàng, phòng bất trắc. Tử Nha thấy vua nghiêm cẩn như thế, đâm ra sợ hãi, bèn cúi đầu tung hô vạn tuế. Y lạy xong, vua lấy tay ra hiệu cho Tử Nha mang quân đóng một nơi chờ sai phái. Tử Nha nhận lệnh ra đi.

Ngày hôm ấy xa giá vào thành Tây Đô [1]. Đại quân đóng liền ở đấy khoảng một tháng, toàn cõi vẫn yên tĩnh. Một hôm Trang Tông đang cùng các tướng bàn kế hoạch ra quân thì có lính tuần tra về cấp báo rằng tướng nhà Mạc là Tây quận công Nguyễn Kính hiện đang đóng quân ở Vân Sàng, đã mấy lần đem quân phá ngoài cửa ải. Vua cùng các triều thần bàn định quyết chiến một phen. Hôm sau đem mười vạn quân, voi ngựa chỉnh tề, lương thảo đầy đủ nổi trống nghiêm quân, tiến thẳng đến xứ Bãi Trồi, hạ doanh trại, bàn cách chia quân tiến đánh. Bấy giờ Tử Nha nghe tin đại quân đã xuất phát, tự mình cũng đem thủy quân theo đường sông đến đóng ở Tây Lôi và viết thư cáo bạch ngầm sai người đến Vân Sàng trao cho Nguyễn Kính. Người đem thư bí mật tới đồn sở quân Mạc. Nguyễn Kính được thư liền mở ra đọc. Lời lẽ trong thư như sau:

1. Còn gọi là thành nhà Hồ, ở địa phận Xuân Giai, Phương Giai và Tây Giai thuộc huyện Vĩnh Lộc, nay thuộc Thanh Hóa.

"Thanh Hoa Hà Trung phủ hiệu thuận tướng Xuân quận công Nguyễn Tử Nha viết thư gửi Tây đạo tướng Tây quận công: Hôm trước nhận được mật lệnh làm kế đánh úp. Nay vua tôi Nguyên Hòa[1] *dốc hết binh mã, lương thảo đến đóng quân ở vùng An Khánh, thuộc huyện Lý Nhân. Thành Tây Đô ở An Tôn hiện nay rất sơ hở, không phòng bị cẩn thận. Xin tướng công ngầm theo đường Lam Sơn tiến vào mặt sau thành Tây Đô cắt đường về của chúng, còn tiểu tướng thì đem quân đánh yểm trợ, như vậy không đến mươi hôm, vua tôi bọn chúng chắc sẽ bị tóm hết. Thời cơ đã đến, thành công trong sớm tối. Mong nhận ở đây tấm lòng trung thành, không nên chần chừ bỏ qua.*

Kính thư

Ngày ... tháng ... năm Vĩnh Định thứ nhất"

Nguyễn Kính xem xong, nói với người đưa thư rằng: "Nếu việc này mà thành công, thì sau khi thắng trận, ta sẽ cố hết sức tiến cử chủ tướng của nhà ngươi vào danh sách những người có chiến tích bậc nhất". Nhân đó giao hẹn trước với Tử Nha các ám hiệu mai phục cũng như nổi dậy.

Sau khi sai nhân nhận lệnh chỉ ra về, Nguyễn Kính liền hạ lệnh cho các quân thủy bộ trang bị đầy đủ khí giới theo đường tắt vào Thanh Hoa, chặn lối đi của binh mã Sầm Châu, cắt đứt đường vận chuyển lương thảo của họ.

Trang Tông Hoàng đế được tin, bèn gọi Thái sư Trịnh Kiểm vào hỏi rằng: "Nay quân Mạc đang chặn đường về của ta, lại thêm tên Tử Nha làm nhiều điều phản phúc, Thái sư trù tính thế nào?" Trịnh Kiểm nói: "Sự việc bức bách lắm rồi, ta nên quay về giữ nơi căn bản; nuôi dưỡng thanh thế, rồi sẽ liệu keo sau". Nói xong, liền hạ lệnh cho chủ tướng thu quân chờ đêm xuống, nhổ hết đồn trại đi về phía Ai Lao.

Sáng sớm hôm sau, Tử Nha đem quân đi dò la, thấy dân trong thôn nói quân nhà Lê đã đi về phía Tây từ tối hôm qua rồi, bèn kéo quân đến Tây Đô gặp Nguyễn Kính. Kính mời ngồi và nói với Tử Nha rằng: "Kế lớn suy nghĩ rất chín, vậy mà cuối cùng đã để cho mãnh hổ về rừng, trường kình thoát lưới, thật đáng tức". Tử Nha đáp: "Không lo. Nay thừa đại thắng, có thể biểu dương thanh thế. Nếu ta chia đường tấn công, thì sào huyệt của chúng tất bị quét sạch, bực dọc làm gì!" Nói rồi, xin chọn một số người Thổ am hiểu địa hình

1. Nguyên Hòa: niên hiệu của Lê Trang Tông.

làm hướng đạo. Hai người đang bàn bạc kế hoạch tiến quân thì có viên sứ do chúa Mạc Phúc Nguyên sai mang chiếu thư tới. Nguyễn Kính đỡ lấy chiếu thư đọc:

"Trẫm nối dòng chính thống của tiên đế, mới lên cầm quyền, nghĩ tới dân một phương đang gặp cảnh binh loạn, lòng rất lo lắng, đã đặc biệt sai ngươi là Tây quận công đưa quân đến đó đánh dẹp cốt làm cho trong cõi được yên. Ngờ đâu tên gian thần Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi mưu lập Chính trung Hoằng vương để gây nội loạn, hiện đang chiếm cứ vùng đất nằm giữa Ngự Thiên và Hoa Dương, làm cho lòng người chao đảo, không thể sống yên. Nay quân nhà Lê đã rút lui, khanh hãy sai người ở lại giữ thành lũy, còn bản thân mình thì nên đưa quân trở về cùng với Khiêm Thân vượng hợp sức hoạch định mưu kế giải quyết những khó khăn bên trong. Chiếu thư đến nơi, khanh phải chấn chỉnh quân lữ về ngay, không được chậm trễ."

Ngày ... tháng ... năm Vĩnh Định thứ nhất (1547)

Nguyễn Kính đọc xong chiếu thư, ngay ngày hôm ấy chỉnh đốn binh mã, thủy bộ cùng tiến phát theo hướng huyện Tân Hưng thuộc Sơn Nam để hội kiến cùng Khiêm Vương Mạc Kính Điển bàn việc tiến công Hoằng vương Chính trung Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi, ở đây không đề cập tới nữa.

Lại nói chuyện Trang Tông ở Thúy Đơn lâu ngày, nghe quân Mạc đã lui, bèn trở về đạo Thanh Hoa, lập hành điện [1] tại sách Long Sùng để ở, ra lệnh cho các tướng tập hợp lực lượng và giữ yên đội ngũ.

Tháng 12, tin tức truyền vào thành Thăng Long. Chúa Mạc thấy Chính trung Tử Nghi đã ra Yên Bang [2], bèn sai Nguyễn Kính kéo quân đi suốt trong ba ngày tới Mạn Hà [3], thanh thế vang dội.

Nhà vua rút quân qua sông, nhằm hướng chân núi Lôi Dương [4] mà đi. Đến xứ Cao Nguyên dừng lại, ra lệnh trong ngoài canh giữ nghiêm mật.

Ngày hôm sau, Nguyễn Kính đốc thúc quân đội làm cầu đường, chia quân đi đánh. Quân trấn Bắc tấn công phía trên Lôi Dương;

---

1. Hành điện: nơi vua nghỉ khi đi kinh lý bên ngoài.

2. Yên Bang: sau vì húy tên Lê Duy Bang, đổi thành Yên Quảng, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

3. Cũng đọc là Vạn Hà.

4. Lôi Dương: thuộc Thanh Hóa.

quân hai trấn Tây và trấn Nam tấn công về phía sau góc tây Thành. Sau khi hai đạo quân tiến phát, tiếng trống và tiếng súng vang rền.

Trang Tông liền triệu Trịnh Thái sư vào bảo rằng: "Quân giặc hung hăng lắm. Chúng đoán ta khiếp sợ, không dám đương đầu, nên đã chia đường xông lên để uy hiếp quân ta. Chả lẽ ta lại dùng dằng lui quân về giữ thế thủ, mà không thể chia đường để chống lại chúng hay sao? Nay trẫm sẽ dẫn quân tiến vào địa giới Lôi Dương, còn Thái sư thì dẫn quân tiến dọc theo sông Thụy Nguyên, nếu như có tiến đánh vào đồn sở của địch, thì phải báo tin bằng cách bắn pháo lệnh để hợp sức chiến đấu". Thái sư nhận lệnh tiến quân theo đường Thụy Nguyên; vua cũng đôn đốc các tướng sĩ, binh mã tiến tới xã Lôi Dương.

Giặc đã dàn trận để đợi. Vua sai người cấp báo với Thái sư. Được một lúc, nghe có tiếng pháo lệnh từ xa vọng lại. Vua thân hành cưỡi con ngựa bạch long câu bày quân xông trận. Đánh được ba hiệp, giặc cố thủ không đánh nữa. Vua hỏi Hùng quốc công Đinh công rằng: "Ta có thể đánh không?". Hùng quốc công trả lời: "Bây giờ phải đánh ngay, không nên chậm trễ để mất cơ hội". Vua lại dàn voi bày trận, nổ pháo hiệu thúc quân xông lên. Giặc chuẩn bị nghênh chiến thì bỗng nghe phía sau có tiếng súng lớn vọng tới. Không dè Thái sư đã đốc thúc quân sĩ vượt sông sang. Hai đạo cùng giáp công, Nguyễn Kính trước mặt sau lưng đều bị đánh bèn dẫn quân tháo chạy. Quân ta thừa thắng xông lên, thúc voi dày nát dù lọng, dinh thuyền của giặc. Quân Mạc thua to, tranh nhau qua sông, chết đuối không biết bao nhiêu mà kể.

Nguyễn Kính bấy giờ tuy thoát được, nhưng gặp lúc trời chiều giá lạnh, muốn thu quân về doanh trại cũ. Vợ Kính khuyên rằng: "Nay quân ta mới bị thua, đang mất tinh thần, không nên kéo về đóng ở nơi cũ, mà cần cấp tốc rút ra ngoài quan ải để nuôi dưỡng uy lực, củng cố nhuệ khí, chuẩn bị cho đợt tiến quân sau". Kính nghe theo, bèn dẫn quân vào tạm ăn uống nghỉ ngơi trong xóm. Xong đâu đấy, nhân lúc tối trời, liền truyền lệnh cho quân bí mật rút ra ngoài biên tái.

Đêm hôm đó, Trang Tông vời Thái sư cùng các tướng đến bàn rằng: "Nay bọn nguy Mạc đã tổn thất nhiều binh mã, vứt bỏ không biết bao nhiêu là khí giới. Qua một trận đánh lớn, thương vong nhiều, chắc chúng không dám ở đây lâu. Có thể trong đêm nay, chúng sẽ rút quân ra khỏi quan ải. Nếu ta đặt quân mai phục sẽ đánh tập kích thì uy thế của quân ta càng lớn, mà bọn chúng cũng sẽ không dám dòm ngó tới doanh trại của ta bên trong cửa quan". Nói

xong, Thái sư liền sai bọn quân hiệu Dương Đường hầu Nguyễn Hoan đặt quân mai phục ở các con đường trọng yếu mà quân Mạc không ngờ tới. Quả nhiên trong đêm đó, quân Mạc rút khỏi quan ải. Nguyễn Hoan tung hết quân mai phục ra đánh, chém được hơn một vạn đầu giặc. Quân Mạc thua to, vất vũ khí mà chạy. Đại tướng Nguyễn Kính ôm vợ lên ngựa chạy ra khỏi cửa quan, rồi nhắm hướng Đông Kinh mà đi.

Bấy giờ Trang Tông nghe tin thắng trận, sai các tướng hiệu chia nhau giữ những nơi xung yếu, rồi xuống chiếu kéo quân về thành Tây Đô. Thật là:

Nhất chiến Mạc triều câu phá đảm,
Quân trung lạc hứng khải ca hồi.

Nghĩa là:

Một trận quân thù đều vỡ mật,
Trong quân vui sướng khải hoàn ca.

Sau khi về đến hành tại Vạn Lại, vua bèn tổ chức bình công ban thưởng. Dương Đường hầu công to hơn những người khác, được gia thăng làm Đề đốc Tấn quận công. Bọn Hoan tạ ơn ra về.

Hồi bấy giờ, vua thân đi đánh giặc, dãi dầu sương gió, việc binh nhung lại phồn tạp, do vậy nhuốm bệnh không khỏi, sang tháng giêng năm sau tức năm Mậu Thân (1548) thì mất. Thần dân ai nấy đều tiếc thương, nhất là Thái sư đau xót vô cùng. Bèn tôn lập Hoàng Thái tử Huyên lên ngôi vua, lấy năm sau cải nguyên làm Thuận Bình năm thứ nhất (1549), đó là Trung Tông Vũ Hoàng đế.

Thái sư Trịnh Kiểm cho rằng quốc quân vừa mới mất, tự vương thì còn nhỏ tuổi, do vậy chỉ nên giữ đất yên dân, bảo toàn xã tắc, không dám cậy tài động binh, gây chuyện biên giới. Còn triều Mạc thì thấy vững vàng như lão tướng họ Nguyễn mà còn bị bại trận, nên không dám nhòm ngó khiêu khích phương Nam nữa. Giữa hai miền Nam Bắc vì thế mà tạm lắng binh đao, nhân dân cũng được vài năm sống yên ổn.

Đông Tây chính thị vô tha cố,
Hà sự Thăng Long phục khởi trang?

Nghĩa là:

Đông Tây đang lúc thôi dòm dỏ,
Sao lại Thăng Long nổi cuộc tranh?

Việc tranh bá đồ vương nổi lên như thế nào, xem tiết sau sẽ rõ.

TIẾT THỨ TƯ

Trịnh Thái sư tôn lập Tuấn Hoàng đế [1]

Lại nói tướng Nam đạo của nhà Mạc là Phụng quốc công Lê Bá Ly thấy chúa Mạc Phúc Nguyên cả tin vào lời dèm pha của cha con Phạm Quỳnh, nghi kỵ các quan đại thần trong nước, nên đã ngầm cùng Trạng nguyên Thư quận công Nguyễn Thuyến [2] (người làng Cam Hoạch, huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam) đem gia quyến chạy vào Thanh Hoa theo vua, được vua cho vào bái yết ở hành tại và được triều đình an ủi, vỗ về, thu dụng.

Sang tháng 3, mùa xuân, Năm Tân Hợi (1551), bên ngoài bốn trấn [3] giặc giã nổi lên như ong. Khi ấy Bá Ly tuy đã được đội ơn ưu đãi, nhưng còn nhớ tới quê nhà ở xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Đàm [4], nơi chôn rau cắt rốn, nơi mồ mả tổ tiên không biết giờ đây như thế nào. Càng nghĩ, Bá Ly càng thấy bùi ngùi tấc dạ, bèn dâng tờ biểu xin rước thánh giá đi đánh lấy kinh thành để thực hiện việc thống nhất đất nước. Tờ biểu đại ý nói:

"Từng nghe: thù nhà Chu phải trả, không thể đội trời chung; nghiệp nhà Hạ đã nguy, phải toan lo khôi phục. Về các công việc lớn, tiểu tướng thiết nghĩ rằng: Kinh sư là gốc của thiên hạ, vậy mà giặc ngụy đã chiếm đóng hơn ba chục năm nay; thánh nhân là dòng dõi đế vương, thế nhưng quốc gia phải chuyển dời hầu hai mươi tuế nguyệt. Sao có thể nấn ná để riêng mình được yên? Việc cần kíp hiện nay là: mở rộng đánh dẹp lũ cá mập hôi tanh ở Hải Dương; vào thẳng kinh thành quét bọn hùm beo kết đảng nơi Như Cái; ngõ hầu đáp ứng lòng trông đợi của mọi người, không nên bắt chước nhà Tống riêng mình nhởn nhơ một góc trời Giang Tả, mà phải thống nhất Đông Đô, khôi phục cơ đồ nhà Hán, dựng nghiệp trung hưng muôn vạn năm sau phúc dài vô tận. Tiểu thần giãi bày ngu ý, chờ xin thánh chỉ."

---

1. Nguyên bản không có câu thứ hai.

2. Cũng đọc là Thiến.

3. Gồm Sơn Nam, Kinh Bắc, Sơn Tây và Hải Dương. Đây là các trấn vây quanh kinh đô Thăng Long, các trấn này do đó còn được gọi là kinh trấn hay kinh đô.

4. Xã Thịnh Liệt tục gọi là làng Sét. Huyện Thanh Đàm tức huyện Thanh Trì, nay thuộc Hà Nội.

Kính dâng biểu.

Ngày ... tháng ... niên hiệu Thuận Bình

Năm thứ ba (1551).

Vua Trung Tông xem biểu xong, đưa xuống cho đình thần bàn bạc. Trịnh Thái sư thấy tờ biểu liền hạ lệnh xuất quân. Trước tiên, sai bọn Lê Bá Ly, Vũ Văn Mật lĩnh binh chia đường xuất phát. Tiếp đó, Thái sư đôn đốc các doanh trại thủy bộ đi theo sau, tiến vào bình định vùng địa giới tây nam.

Bấy giờ Đại tướng Lê Bá Ly đem binh mã theo đường Sơn Nam Hạ thẳng tới áp sát dưới chân thành Thăng Long. Chúa Mạc Cảnh Lịch cả sợ, nhân đêm tối, ra lệnh chuyển thuyền ngự tới bờ sông, dẫn quân vượt sông đến đóng ở hành điện Bồ Đề [1], sai Khiêm vương Kính lưu lại giữ kinh đô.

Tháng giêng năm Nhâm Tý (1552), Thái sư tiến quân qua đạo Tây Bắc. Hôm 29, gặp ngày giỗ Trang Tông. Từ sáng sớm, Thái sư đã gọi những người làm bếp dậy sửa sang lễ vật, cùng trăm quan tới làm lễ rất là thương kính.

Thượng tuần tháng 2 đưa quân qua sông Thao, chia quân mai phục các nơi. Sau đó, đại quân tiến đến đóng ở Hy Sơn.

Nhân dân sợ hãi. Tin tức lọt vào thành Thăng Long. Khiêm vương nghe được, liền đưa quân đi nghênh chiến. Mới tới chợ Xuân Canh, bỗng thấy phục binh bốn bề nổi dậy, trống đánh súng rền, thanh thế bức bách. Được một lúc, Khiêm vương dẫn quân tháo chạy. Đại quân truy đuổi giặc suốt ngày hôm đó, vừa đánh vừa giết thẳng tới doanh Bồ Đề, thế như chẻ tre.

Ngày hôm sau, tiến đánh mạn Đông Bắc, dễ như đẩy cây khô. Nhân dân cả hai xứ hết thảy đều hàng phục. Đại quân thừa thắng tiến thẳng đến phủ Kinh Môn [2], hạ trại trú quân.

Tháng 7, mùa thu, Thái sư cùng các tướng thấy chúa Mạc đào đắp lũy ở kinh thành rất kiên cố, canh gác nghiêm mật, thế khó đánh gấp. Mặt khác, lại sợ mùa thu nước lên to, voi ngựa khó ở lại. Chi bằng sau khi thắng lợi quay về giữ kinh thành để dưỡng sức binh

---

1. Vị trí ở thôn Phú Hựu, huyện Gia Lâm, nay thuộc Hà Nội. Theo *Bắc Ninh tỉnh chí* (sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A. 569), thì ở thôn Phú Hựu có hai cây bồ đề, nên cũng gọi nơi này là Bồ Đề.

2. Thuộc Hải Dương.

lính, chuẩn bị cho trận đánh tiếp theo. Bàn xong, bèn hạ lệnh kéo quân về.

Ngày 14, đại quân qua sông Nguyệt Lão, về đến Thăng Long, mở tiệc lớn úy lạo tướng sĩ, ăn uống linh đình. Thật là:

Duyên hà tẩy giáp thu binh lực,
Mãn kỷ đề bôi xướng tiệp ca.

Nghĩa là:

Ven sông gươm rửa ngừng chinh chiến,
Đầy tiệc chén mừng cất tiếng ca.

Ngày hôm ấy bình công ban thưởng, Thái sư thấy Tấn quận công có nhiều chiến tích, gia thăng cho chức Đô đốc, số còn lại đều được phong thưởng theo thứ bậc khác nhau.

Ngày Trung thu tháng tám, Thái sư truyền cho các tướng vào nội phủ dự hội hoa đăng. Nơi lễ hội nghiêm bày nghi vệ, kẻ hầu dâng thức nhắm, con hát chuốc chén quỳnh; thật là một đêm cực vui say trong quân ngũ. Chợt từ chiếu tiệc bên trái, Diễn quốc công [1] Lê Bá Ly nói rằng: "Nay đang lúc ngụy triều lẩn trốn, phố xá thanh bình, chủ tướng của chúng ta chỉ một mực vui say mà không nghĩ đến Thượng hoàng đang bơ vơ nơi biên trại, sao không sửa sang xa giá đi đón vua về?". Thái sư nghe câu nói ấy, liền sai soạn ngay tờ biểu dâng lên. Vua Trung Tông đọc xong, bảo rằng: "Từ xưa các bậc chân chúa dựng nên nghiệp đế, khi đã chính thức ngôi hiệu rồi, thì ở đâu mà không chính thống. Nay tuy nói Trung Đô [2] là gốc của nước, cố nhiên có thể chiếm lấy. Nhưng chưa bình xong ngụy Mạc, ngoài kinh kỳ ra, các nơi khác còn chưa được yên tĩnh. Trẫm không thể bỏ vùng đất cung cấp binh lương này để đi giữ một ngôi thành rỗng. Mong các tướng sĩ cố phá cho được lũy Hải Dương, chém cho được bọn đảng ngụy để rửa hận cho tiên triều, đó là mong ước của trẫm. Còn như chuyện lên đường về cố đô, hãy đợi đến lúc giang sơn bình định xong sẽ hay". Nói rồi, bèn thông báo cho các tướng lĩnh biết. Viên sai nhân vội vàng trở về kinh truyền đạt lại tinh thần chỉ dụ.

Sau khi lĩnh hội được ý vua, Thái sư tấm tắc khen rằng: "Bề trên có cái nhìn sáng suốt ngoài muôn dặm, cùng phong độ của một đấng

1. Trước kia chép là Phụng quốc công.

2. Đây chỉ Thăng Long. Năm Quang Thuận thứ bảy (1466) đặt phủ Trung Đô, lãnh hai huyện Quảng Đức và Vĩnh Xương.

nhân quân". Ngay ngày hôm đó hạ lệnh cho các doanh trại chuẩn bị lương thảo và khí giới tiến đánh Hải Dương.

Tháng chạp, chúa Mạc được tin, liền sai Khánh quốc công đem binh thuyền tiến vào núi Thiên Kiện để đánh tập hậu. Thái sư biết chuyện ấy, ra lệnh cho đại quân quay về đánh Thiên Kiện, quân Mạc thua to.

Tháng giêng năm sau, Thái sư đưa quân về huyện Từ Liêm trừ bọn gian ác. Bấy giờ đang cơn binh lửa, nhân dân phiêu bạt, đường sá vắng tênh. Thái sư sai tướng chia giữ các xứ rồi chỉnh đốn quân ngũ kéo về Tây Đô, liệt kê chiến tích của các tướng dâng lên triều đình phê duyệt khen thưởng. Khi đó, Tấn quận công đạt nhiều huân vọng, được gia phong Thái bảo. Trịnh Thái sư thấy Tấn quận công Nguyễn Hoan có trí mưu dũng lược, đánh đâu được đấy, thật là một vị tướng tài, do đó đặc biệt kính yêu, cho đổi tên là Trịnh Mô, làm thần tử thân thuộc. Lại cấp thêm cho binh dân và trao quyền trông coi những việc quân quốc trọng đại trong kinh ngoài trấn.

Nguyễn Hoan bái tạ ơn trên, trở lại dinh riêng của mình. Trong khi thơ thẩn ngắm hoa, bỗng thấy điềm sinh con trai. Vợ ông họ Nguyễn, là con gái của Đỗ Liêu Phấn Vũ hầu ở Thiên Lộc [1], nhan sắc xinh đẹp, tính nết hiền lành, được Nguyễn Hoan rất đỗi yêu dấu, giờ đây mới có mang.

Đến ngày 21 tháng 8 năm Quý Sửu, niên hiệu Thuận Bình (1553) bà sinh được một người con trai, trán rộng, mắt sáng, đầu vích, lưng rùa, thật là một vị hổ tướng, dáng mạo phi thường. Sau lấy tên là Cảnh Kiên, tức là Thư quận công. Năm đó Trung Tông Vũ Hoàng đế dời hành tại tới Yên Trường [2].

Năm sau, Giáp Dần (1554), Trịnh Thế Tổ Thái vương dời hành dinh về Biện Thượng [3]. Các công trình do quan quân xây cất tại đây cũng đã nhanh chóng hoàn thành.

Năm Ất Mão (1555), được tin tướng giặc là Thọ quốc công và Vạn Đồn hầu tiến quân xâm lấn huyện Vĩnh Phúc [4], Thái sư bèn tự mình đôn đốc tướng lĩnh mang quân đi đánh. Tấn quận công Trịnh Mô trong

---

1. Sau đổi là Can Lộc.

2. Yên Trường: nằm về phía Tây Nam xã Vạn Lại, nay thuộc huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa.

3. Cũng gọi là Bồng Thượng, nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa.

4. Thuộc phủ Thiệu Thiên, Thanh Hóa.

trận này, bắt sống được tướng giặc đem nộp trước cửa quân. Thái sư sai đem các tên đầu sỏ ngụy ra chém, số còn lại cho về quê cũ làm ăn.

Năm Bính Thìn, niên hiệu Thuận Bình thứ tám (1556), Trung Tông Vũ Hoàng đế mất. Bấy giờ vua chưa có con kế tự. Thái sư cho tìm khắp trong đám con cháu của Thái Tổ, Thánh Tông, nhưng chưa được ai, bèn họp các đại thần lại bàn rằng: "Nhà nước không thể một ngày không có vua. Nay trong hàng tông thất của triều ta còn có Mai Sơn hầu Lê Duy Bang là cháu năm đời của Lam quốc công (anh thứ hai của Thái Tổ Cao Hoàng đế)[1].

Mai Sơn hầu là người tư chất thông minh, quyết đoán có thể tôn lên làm vua". Nói rồi, bèn đem trăm quan đến rước Mai Sơn hầu Lê Duy Bang lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu năm sau (1557) làm Thiên Hựu, tức Anh Tông Tuấn Hoàng đế.

Lại nói triều nhà Mạc nhân khi vua Trung Tông mất, muốn thừa sơ hở, chia đường vào cướp Thanh Hoa, Nghệ An. Thái sư được tin, sai tướng sĩ chia đường chống cự. Quân Mạc không địch nổi, phải chạy về kinh. Thái sư hạ lệnh rút quân về.

Chợt có tin cáo phó hàng thần Nguyễn Thuyến mất. Triều đình nghĩ tới lòng quy thuận chân thành của Thuyến đã ra ơn ban tặng cho tước hiệu. Lại sử dụng con của Thuyến là Quyện, sai đem quân ra trấn giữ phủ Thiên Trường [2]. Quyện sau khi đến phủ trấn, họ Mạc cho người mang hậu lễ tới dụ. Quyện cùng em là Miễn lại trở về với Mạc. Nhà Mạc phong cho Quyện tước Văn Phái hầu; phong cho Miễn tước Phù Hưng hầu, đem con gái quyền quý gả cho.

Cuối mùa thu, nghe tin Trịnh Thái sư đem quân đánh vào miền giữa trấn Sơn Nam bắt sống được Khánh quốc công ở sông Phượng Sí [3], rồi tiến quân thẳng tới miệt dưới huyện Giao Thủy [4], nhà Mạc bèn sai Nguyễn Quyện đưa binh thuyền đến đánh chặn ở sông Giao Thủy. Quan quân thua to. Trong trận này quân ta chết quá nửa. Thái sư nhổ đồn lũy trở về Thanh Hoa, dưỡng sức quân lính, tuyển thêm đinh tráng bổ sung vào quân ngũ, tiến hành luyện tập để mưu đánh lần sau.

---

1. Lam quốc công tức Lê Trừ. Trừ sinh ra Khang, Khang sinh ra Thọ, Thọ sinh ra Duy Thiệu, Duy Thiệu sinh ra Duy Kháng, Duy Kháng sinh ra Duy Bang.

2. Thuộc trấn Sơn Nam.

3. Chưa rõ ở đâu. Hiện nay ở huyện Nam Ninh thuộc tỉnh Nam Hà có sông Phượng Tường, phải chăng đó cũng chính là sông Phượng Sí?

4. Nay là huyện Xuân Thủy, Nam Định.

Năm ấy, do đại quân thua to, nước lụt làm chết lúa. Anh Tông bèn đổi niên hiệu năm sau [1] là Chính Trị (1558).

Năm Kỷ Mùi (1559), Thái sư sai các tướng ở lại bảo vệ cung vua và đóng đồn canh giữ các cửa ải để đề phòng bất trắc, còn mình thì đốc thúc đại quân từ Thiên Quan [2] ra miền thượng lộ Sơn Tây, tiến thẳng đến Kinh Bắc, Hải Dương để đánh quân Mạc. Hai vùng đất này vì thế mà rung động. Chúa Mạc Quang Bảo sợ hãi bỏ thành Thăng Long dời ra ở ngoài cửa Nam.

Trịnh Thái sư ở ngoài đánh giặc đã hơn ba năm.

Đến tháng 3 năm Tân Dậu (1561), Mạc Khiêm vương vào cướp Thanh Hoa, thế lực quân sĩ rất mạnh. Các tướng bảo vệ các cửa bể ở Thanh Hoa lui về giữ Yên Trường. Thái sư nghe tin đó, dẫn quân về Thanh Hoa. Mạc Khiêm vương đánh Yên Trường không được, bèn kéo quân về kinh. Đến cuối thu, quân của Thái sư về tới Yên Trường, vào cung bái yết vua, rồi ra đóng quân ở Cao Mật, ban thưởng cho những người có chiến công.

Mùa đông, tháng chạp, niên hiệu Quang Bảo, Mạc Phúc Nguyên chết. Con là Mạc Hậu Hợp nối ngôi, năm sau Nhâm Tuất (1562) đổi niên hiệu là Thuần Phúc năm thứ nhất. Đến năm Bính Dần (1566) lại đổi niên hiệu là Sùng Khang, dời về quán Bồ Đề, đây không bàn tới nữa.

Lại nói Trịnh Thái sư năm Đinh Mão (1567) tuy đang có bệnh, vẫn đi kiệu ra trận dẹp yên được vùng biên giới Tây Nam. Tháng tư năm Mậu Thìn (1568), Thái sư một lần nữa gượng bệnh ra quân đánh phủ Trường Yên [3], ra lệnh cho quân lính gặt lúa rồi về. Năm Kỷ Tỵ (1569), vào tiết Trọng Xuân (tháng 2), Anh Tông tiến phong Thái sư làm Thượng tướng Thái quốc công, tôn lên làm Thượng phụ. Đến tiết Trọng Đông (tháng 11) [4], Thái quốc công ốm nặng, có ngôi sao băng dài 5 trượng rơi xuống đất, tiếng nổ to như sấm.

Ngày 18 tháng 2, mùa xuân năm Canh Ngọ (1570) ngày Bính Thìn, Thái quốc công qua đời. Bấy giờ vua Anh Tông rất đỗi thương

---

1. Chỗ này trong nguyên bản chép sót hai chữ "minh niên" (năm sau). Chúng tôi dựa theo ĐVSKTT bổ sung thêm.

2. Tên phủ, thuộc trấn Sơn Nam.

3. Còn đọc là Trường An, nay thuộc Hà Nam.

4. Chỗ này trong nguyên bản chép nhầm là "Trọng Xuân", chúng tôi dựa theo ĐVSKTT chữa lại là "Trọng Đông".

tiếc, tặng cho là Minh Khang Thái vương, đặt tên thụy là Trung Huân, sai an táng theo nghi lễ như đối với Chu Công [1].

Tháng 3, xuống chiếu cho con trưởng Thái vương là Tuấn Đức hầu Trịnh Cối thay lĩnh binh quyền đánh giặc. Tuấn Đức hầu sau khi nắm quyền bính trong nước, đã ham mê tửu sắc. Em là Phúc Lương hầu Trịnh Tùng cùng với các tướng như Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ, Văn phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Vệ Dương hầu Trịnh Bách, Lương quận công (sử không ghi rõ tên), Tấn quận công Trịnh Mô, Lai quận công Phan Công Tích, Nghĩa quận công Đặng Huấn chạy vào hành tại Yên Trường.

Đoạn này trong gia phả cũ của họ Nguyễn không thấy nhắc tới, chẳng hiểu vì sao mà lược bớt như vậy.

Lại nói họ Mạc nghe tin Thái vương đã chầu trời, muốn nhân cơ hội này để gỡ gạc, bèn sai Kính Điển vét hết binh mã ở kinh thành đưa vào đánh cướp Thanh Hoa. Các cánh quân hối hả ra đi, chia đường vào trấn giữ các cửa biển, rồi tiến thẳng đến đóng quân ở Hà Trung [2].

Tướng nhà Lê đồn trú ở các nơi đều rút về giữ Yên Trường, đóng cửa ải chống giữ. Anh Tông sắc phong cho con Thái vương là Phúc Lương hầu Trịnh Tùng làm Trưởng quốc công tiết chế thủy bộ chư dinh, cầm quân đánh giặc. Ngày hôm đó Tiết chế Trưởng quốc công mở tiệc lớn chiêu đãi quân sĩ, cùng các tướng võ như Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Tấn quận công Trịnh Mô, Lương quận công (sử không ghi họ tên), Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ, Vệ Dương hầu Trịnh Bách, Văn phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Nghĩa quận công Đặng Huấn, Lai quận công Phan Công Tích, Vị quận công Lê Khắc Thận, Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu, Hùng Trà hầu Phạm Văn Khoái, Tây Hưng hầu Hà Thọ Lộc và ba mươi viên tướng hiệu, mười hai viên văn thần gồm bọn Lại bộ thượng thư Từ quận công Nguyễn Đình... chỉ tay lên trời mà thề. Thề xong, ai nấy chia nhau giữ các cửa thành lũy, đào hào cắm chông để đề phòng quân nhà Mạc.

Quân Mạc tiến đánh lũy Yên Trường, ngày đêm không nghỉ. Quan quân cố thủ. Mạc Khiêm vương thấy công phá thành không được, lại lui về giữ Hà Trung, ra lệnh không được mang muối lên thượng nguồn bán cho quan quân.

---

1. Ý nói lễ tang Trịnh Kiểm được tổ chức long trọng như lễ tang Chu Công, vì Trịnh Kiểm đã hết lòng giúp đỡ Anh Tông, chẳng khác nào xưa kia Chu Công đã hết lòng giúp đỡ Thành Vương.

2. Phủ lỵ Hà Trung hồi đó đặt ở vùng Duy Tinh, nay thuộc huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa.

Anh Tông hội các tướng bàn việc mở chiến dịch để lấy lại đất đai. Ngày hôm đó gia phong cho Trưởng quốc công làm Tả tướng tiết chế, thống lĩnh tướng sĩ thuộc các doanh thủy bộ và quân dân các xứ. Tiếp đó sai bọn An quận công Lại Thế Khanh, Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ, Văn phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Tấn quận công Trịnh Mô đem quân ra đường phía tả, từ An Định qua Vĩnh Phúc [1] đánh lấy Tống Sơn [2]. Bọn Vinh quận công Phan Công Tích, Vệ Dương hầu Trịnh Bách đem quân ra đường phía hữu từ Lôi Dương qua Nông Cống đánh lấy Quảng Xương [3]. Vua tự làm Đô tướng, cùng Trưởng quốc công thống lĩnh đại quân ra trung lộ, từ Thụy Nguyên qua An Định thẳng đến Đông Sơn [4] đóng doanh trại. Bấy giờ cả ba đường cùng tiến quân, thanh thế lừng lẫy. Quân Mạc không dám tiến, lui về giữ sông Bút Cương [5].

Anh Tông sai làm cầu phao ở sông An Liệt [6], cùng Tả tướng thống lĩnh đại quân qua sông, tiến đến xã Kim Tử [7], tất qua Thuần Hựu [8]. Lấy Võ sư Thước làm Tiên phong, khiêu chiến ở Lôi Tân [9]. Các tướng ở hai bên tả hữu cùng tiến công giặc, phần nhiều đều thu được thắng lợi.

Tháng 12, Mạc Khiêm vương thấy đánh mãi không được, binh lính trễ biếng, bèn ra lệnh nhổ trại mà về.

Anh Tông lại chia các tướng hiệu đóng giữ các nơi quan trọng, rồi trở về Yên Trường.

Tháng 2 năm sau, Anh Tông cho luận công ban thưởng. Gia phong cho Tả tướng Trưởng quốc công Trịnh Tùng làm Thái úy Trưởng quốc công. Thứ đến là bọn Đoạn Vũ hầu Lê Cập Đệ đều được thăng thưởng theo thứ bậc khác nhau. Khi ấy Tấn quận công Trịnh Mô công lao đứng vào hàng thứ sáu, được dự thăng chức Thiếu phó. Các tướng đều bái tạ ân mệnh lui về nghỉ ngơi.

Mùa thu, tháng 7, Mạc Khiêm vương đốc các tướng theo đường biển vào cướp Nghệ An. Tướng trấn giữ ở đây không chống nổi.

---

1. An Định và Vĩnh Phúc đều thuộc phủ Thiệu Thiên, Thanh Hóa.
2. Thuộc phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
3. Nông Cống và Quảng Xương đều thuộc phủ Tĩnh Gia, Thanh Hóa.
4. Thụy Nguyên và Đông Sơn đều thuộc phủ Thiệu Thiên, Thanh Hóa.
5. Có thể là đoạn sông Lạch Trường chảy qua huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa.
6, 7. Sông An Liệt và xã Kim Tử đều ở huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa.
8. Nay là huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa.
9. Thuộc huyện Hậu Lộc hoặc huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 9, lại sai Thiếu phó Tấn quận công Trịnh Mô, Lai quận công Phan Công Tích đem quân đến cứu. Quân Mạc rút về. Nghệ An lại được ổn định.

Tháng 7 năm Nhâm Thân (1572), quân Mạc lại vào cướp Nghệ An. Tả tướng sai bọn Lại Thế Khanh, Trịnh Mô, Phan Công Tích đem quân đến cứu. Quân Mạc lui về kinh thành [1].

Tháng 11, Anh Tông sai Phan Công Tích đi kinh lý Thuận Hoa [2] thăm hỏi các tướng sĩ. Khi tới nơi, Tích đặc biệt chú ý đến Nguyễn Hoàng.

Vào đêm Mậu Dần, 26 tháng 12, Anh Tông ra khỏi cung đi tuần thú phương Nam, đóng lại ở Nghệ An. Rạng sáng ngày Kỷ Mão, trăm quan mới biết vua đã chạy ra ngoài [3]. Quan Tả tướng cho rằng thiên hạ không thể một ngày không có vua. Được tin Hoàng tử Duy Đàm hiện đang được nuôi ở xã Quảng Thi [4], huyện Thụy Nguyên, Tả tướng liền cho người đến nơi rước về tôn lập làm vua.

Nhìn chuyện nay mà nhớ chuyện xưa, nên có đôi câu nói rằng:

Chiêu Tông Tây hạnh, Cung Hoàng lập,
Hồng Phúc Nam thiên, Thế miếu nghênh,

Nghĩa là:

Chiêu Tông [5] chạy về phía Tây, Cung Hoàng [6] lên kế vị,
Hồng Phúc [7] lánh vào phương Nam, Thế miếu [8] được đón về.

Lấy việc người mà ngẫm việc ta, các sự kiện tuy thời điểm xa cách, nhưng nội dung lại tương tự nhau! Không biết Anh Tông xiêu giạt ra sao, chờ xem hồi sau sẽ rõ.

---

1. ĐVSKTT chép sự kiện này xảy ra vào tháng 9, muộn hơn 2 tháng so với HCK.
2. ĐVSKTT chép là Thuận Hoa.
3. Theo ĐVSKTT, Lê Cập Đệ có ý hại Trịnh Tùng, Tùng giả vờ không biết, gửi biếu Đệ nhiều vàng. Khi Đệ đến tạ ơn, Tùng sai đao phủ ám sát. Có người nhân đấy nói với Anh Tông rằng Tả tướng Trịnh Tùng thế lực mỗi ngày một lớn, muốn làm gì thì làm, e vua khó lòng sống nổi với Tùng. Anh Tông nghe nói rất hoang mang, đang đêm chạy ra ngoài, đến thành Nghệ An thì trú lại.
4. Nay thuộc huyện Thọ Xuân, ở mạn dưới Lam Sơn, Thanh Hóa.
5. Tức Lê Chiêu Tông Ý (1516 - 1522).
6. Tức Lê Hoàng Đệ Xuân (1522 - 1527).
7. Tức Lê Duy Bang (1557 - 1573).
8. Đây chỉ Lê Duy Đàm (1573 - 1600).

HỒI HAI

TIẾT THỨ NHẤT

Lai quận công tử tiết Quan Trung.
Tấn Trịnh Mô đại phá Nguyễn Quyện.

Nghĩa là:

Lai quận công tử tiết ở Quan Trung [1].
Tấn Trịnh Mô đại phá quân Nguyễn Quyện.

Năm Quý Dậu, niên hiệu Hồng Phúc thứ hai (1573), ngày Nhâm Tý mồng một, tháng giêng, mùa xuân, Hoàng tử Lê Duy Đàm lên ngôi lúc bảy tuổi, đổi niên hiệu là Gia Thái, tức Thế Tông Nghị Hoàng đế. Ngày hôm ấy ban tờ *Đại cáo xá* gồm 6 điều, trong đó có điều thứ 5 là: "Phàm những quan văn võ có công, đều được phép thăng một bậc". Nha môn bộ Lại, căn cứ vào tờ cáo, ban hành chế sắc, tấn phong cho Thái úy Trưởng quốc công Trịnh Tùng làm Đô tướng, điều hành doanh trại thủy bộ các nơi, kiêm chức Tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự. Mọi công việc trong nước đều do Tùng tự quyết định trước, rồi sau đó mới tâu lên cho vua hay. Tiếp đến, lấy Thái phó Nhân quốc công Vũ Công Kỷ làm Hữu tướng; bọn Vinh quận công Hoàng Đình Ái... cũng đều được tăng phẩm trật theo thứ bậc khác nhau.

Hồi bấy giờ, Tấn quận công Trịnh Mô làm tướng đã lâu, tiếng tăm vang dội trong ban võ. Triết vương thấy ông có tài biện luận, muon thăng sang ban văn, bèn phong chức Hiệp mưu công thần, Đặc tiến Kim tử vinh lộc đại phu Binh bộ thượng thư Thái phó, kiêm Hành tướng sự. Trịnh Mô tạ ơn lui ra.

Hôm sau, Nguyễn Hữu Liêu phụng mệnh đi đón Hồng Phúc Hoàng đế [2] về Thanh Hoa.

---

1. Nay thuộc huyện Yên Thành, Nghệ An.
2. Chỉ Lê Duy Bang, tức Anh Tông.

Đến ngày Quý Mão 22, ngự giá về đến Lôi Dương. Bảng quận công Tống Đức Tín vào chầu. Vua mất. Việc này thôi không nhắc tới ở đây nữa [1].

Lại nói họ Mạc đánh chiếm Yên Trường không được, muốn quấy rối Nghệ An để chia nhỏ thế lực của ta. Năm Sùng Khang thứ chín (1574), nhà Mạc sai tướng Nam đạo là Thạch quận công Nguyễn Quyện dẫn binh thuyền vượt biển vào Hoan Châu chiếm Nghệ An. Tướng canh giữ là Hoành quận công [2] thấy quân sĩ của mình sợ hãi chạy trốn, không chống cự được, bèn bỏ thuyền lên bờ, chạy theo đường bộ, tới châu Bố Chính [3] thì bị Nguyễn Quyện bắt.

Mùa thu, tháng 7, tin tức loan đến Yên Trường. Tiết chế Trưởng quốc công triệu tập văn, võ hai ban cùng họp để bàn việc chọn tướng vào cứu Nghệ An. Triều đình đều cử Lai quận công Phan Công Tích và Tấn quận công Trịnh Mô là hai viên tướng có khả năng chống địch. Trưởng quốc công nghe theo, bèn hạ lệnh sai hai tướng đem quân vào cứu Nghệ An.

Hai tướng vâng theo lệnh chỉ, ngay ngày hôm đó tiến công vào Nghệ An. Tới Nghệ An hai tướng cầm cự với Nguyễn Quyện mấy tháng liền. Quyện liệu sức không đánh nổi, bèn kéo quân về kinh thành. Hai tướng cũng thu quân về Thanh Hoa.

Qua năm Ất Hợi (1575), tướng Mạc là Thạch quận công Nguyễn Quyện lại vào cướp Hoa Châu. Tiết chế Trưởng quốc công nghe tin ấy, lại sai bọn Thái phó An quận công Lại Thế Khanh, Tấn quận công Trịnh Mô. Lai quận công Phan Công Tích đem quân phòng ngự. Bọn Thế Khanh đến Nghệ An chia quân đóng các nơi. Tấn quận công thân đốc các thuộc tướng gồm Thế quận công Ngô Cảnh Hựu, Thanh quận công Đặng Kính, Trinh quận công, Bảng quận công, Thắng quận công, (người viết không biết họ tên ba người vừa nêu), Trung quận công Nguyễn Hân, Cường quận công Nguyễn Văn, Lập quận

1. Theo ĐVSKTT bấy giờ Lê Duy Bang đã lánh vào Nghệ An, Trịnh Tùng sai Nguyễn Hữu Liêu đem quân tới chỗ Duy Bang đang ở. Duy Bang bèn tránh ra ruộng mía. Hữu Liêu quỳ lạy ngay bên bờ ruộng, nói rằng: "Xin bệ hạ chóng về cung để yên lòng mong ngóng của thần dân trong nước. Bọn thần không có ý gì khác cả". Rồi đem 4 con voi đón vua về. Sai Bảng quận công Tống Đức Tín (ĐVSKTT chép là Tống Đức Vị) theo hầu. Đến Lôi Dương (Thiệu Yên, Thanh Hóa), Tín theo lệnh Trịnh Tùng, ngầm giết Lê Duy Bang, rồi phao tin là vua tự thắt cổ chết.

2. Có bản chép là Sủng (Nguyễn Cảnh tộc phổ ký).

3. Nay là đất các huyện Quảng Trạch và Bố Trạch tỉnh Quảng Bình.

công Nguyễn Chiêu (cả ba người đều là em ruột của Tấn quận công), Phú quận công (con nuôi của Tấn quận công), Phấn Vũ hầu, Phấn quận công, Hào Lương hầu, Nham Lĩnh hầu (có tài liệu nói đây là Cảnh Kiên, người con trai thứ của Tấn quận công) v.v... Tất cả ba mươi viên chiến tướng cùng với một vạn quân tinh nhuệ tới đóng doanh trại ở đạo Thanh Thủy [1], xây dựng nhà cửa. Lại đắp lũy đất ở xã Lựu Sơn [2] để nhốt voi ngựa, chứa lương thảo. Sau khi công việc hoàn tất, bèn tụ họp mưu thần, chiêu mộ nghĩa sĩ, tung tiền của để thu nạp nhân tài. Từ đó nhiều người theo về, lực lượng ngày càng mạnh. Thực là:

Nhất điều quân lữ nghiêm đồn sở,
Vạn Lại giang sơn tổng thiếp thanh.

Nghĩa là:

Một đoàn quân lính nghiêm đồn sở,
Vạn Lại [3] non sông vẫn lặng yên.

Nào ngờ: Biển đầy thuyền Bắc, ngựa xéo Đông Thành [4]. Quân Mạc lại áp sát bờ cõi. Viên tướng cừ khôi của Mạc là Nguyễn Quyện rất có tài lược, thiên văn địa lý không gì là không biết khắp. Tối tối Quyện thường ra ngoài trời xem thiên văn. Chợt một đêm thấy có ngôi sao sa xuống vùng địa giới Tây Nam, Quyện liền vào phòng gọi các tướng đến mà bảo rằng: "Đêm hôm nay ta thấy một tinh đẩu rơi sáng rực, đây là điềm họ Lê mất một viên đại tướng. Ta nên cùng nhau bàn cách tiến đánh chắc thế nào cũng thành công". Nhân đó, Quyện nói về cách thức tiến công nhổ đồn trại đối phương. Các tướng nhận lệnh ra đi. Sáng hôm sau, Quyện dẫn quân theo đường biển thẳng tiến.

Lúc bấy giờ Lai quận công đang đóng đồn ở Quan Trung, bỗng thấy An quận công Lại Thế Khanh cho lính cầm thư đến báo kế hoạch đặt phục binh để giáp công. Lai quận công y theo lời dặn, tức tốc kiểm điểm binh mã, tiến về hướng Đông dàn quân mai phục. Nguyễn Quyện dẫn quân tới, gặp phục binh nổi dậy, bèn lui về phía trái, theo đường núi mà đi, Lai quận công đuổi giặc đến xã Vân Tụ

---

1. Thuộc tổng Bạch Hà, huyện Nam Đường, phủ Anh Đô, tỉnh Nghệ An.
2. Nay vẫn gọi là xã Lựu Sơn, thuộc Đô Lương, Nghệ An.
3. Vạn Lại: chỉ sách Vạn Lại thuộc huyện Yên Trường, huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hóa. Đây là đất "gốc" của nhà Lê Trung hưng.
4. Nay thuộc huyện Yên Thành, Nghệ An.

thì trời vừa tối, đành kéo quân trở lại Quan Trung. Lai quận công thấy núi Lương Kiên[1] nằm giữa một vùng lầy lội, chỉ có độc một lối ra vào, nghĩ rằng có thể dùng làm hiểm cứ, bèn đưa quân vào đóng ở đó. Nhân đấy, sai lính cấp báo cho hai doanh trại Tấn quận công và An quận công biết, giao hẹn cùng bí mật đánh kẹp địch. Bọn lính nhận lệnh ra đi.

Quân Mạc đi tuần, biết được nơi đóng quân của Lai quận công, liền về báo cáo với Đại tướng Nguyễn Quyện. Quyện sau khi đi xem xét hình thế đóng quân của đối phương, lấy làm lạ nói rằng: "Lai quận công không biết dùng binh. Đâu có chuyện bỏ địch đấy không ngăn chặn, lại đem quân vào nơi tử địa mà gọi là hiểm cứ sao? Nay ta phải đánh gấp để thu toàn thắng, không cho viện binh họ đến kịp". Nói xong, liền truyền lệnh ăn cơm và chuẩn bị khí giới. Đúng trống điểm canh tư đêm ấy, Quyện cho quân lính bí mật đến vây chặt núi Lương Kiên.

Trời tảng sáng, nhìn thế trận bố trí, Quyện đã nắm chắc được phần thắng. Quyện hớn hở bảo mọi người rằng: "Nơi đóng quân của Lai quận công là núi Lương Kiên. "Lương Kiên" có nghĩa là "hai vai" tức không có đầu, như vậy là điềm có thể bắt được tướng cầm đầu". Nói xong liền thúc quân khiêu chiến dồn tên đạn bắn vào cánh quân giữa của Lai quận công.

Lai quận công đến lúc này mới nhận ra nơi mình đang đếm quân không phải là đất an toàn. Nhưng cơ sự đã bức bách, không còn cách lựa chọn nào khác là mặc vội áo giáp trèo lên mình voi. Trông thấy quân Mạc đông nghịt, Lai quận công bèn đốc thúc quân thủy bộ đánh thục mạng, tả xung hữu đột. Nhưng xem chừng không thoát nổi, Lai quận công cho các tướng dồn quân về một phía, quyết tử chiến. Thế là ai nấy đều chen nhau xông lên, làm cho quân địch phải chùn lại.

Bỗng từ bên cạnh, Nguyễn Quyện đưa một đạo quân với đầy đủ cờ quạt khí giới đánh thẳng vào giữa đám quân của Lai quận công, làm cho quân của Lai quận công không còn đường tiến. Quyện thấy Lai quận công liền bảo rằng: "Xin chịu khó xuống voi quy hàng Hoàng triều, đó là kế hay nhất của Lai huynh". Lai quận công cả giận mắng Nguyễn Quyện rằng: "Bề tôi trung không thờ hai vua. Vua của thiên hạ chỉ có mỗi một Lê Hoàng thôi. Còn họ Mạc kia là tuồng

---

1. Tức Lèn Hai Vai, nay thuộc huyện Yên Thành, Nghệ An.

Tào Tháo, Vương Mãng. Thế mà ngươi không biết đục trong, bỏ chân theo ngụy, ta hận không chém được nhà ngươi. Nay sa cơ thất thế chỉ một chết mà thôi, đâu có chuyện cam tâm theo về với giặc?" Nói xong bèn lấy dao đeo bên hông rạch bụng moi ruột ra và bảo với Quyện rằng: "Ruột gan ta đây, ngươi hãy xem cho biết". Nói xong rồi chết. Các thuộc tướng của Lai quận công bảo nhau: "Đại tướng quân đã tử tiết, bọn chúng ta há chịu sống mà đầu hàng? Nay nên liều chết đột phá vòng vây, sống thì lo báo đáp nước nhà, thác thì không mất tiếng là ma trung nghĩa". Nói rồi, ai cũng thúc quân xông tới. Có kẻ thoát được, có người hy sinh, nhưng không một ai đầu hàng giặc cả.

Lại nói An quận công Lại Thế Khanh đóng quân ở ngoài Quỳnh Lưu. Được tin lính của Lai quận công đến xin cứu viện, Lại Thế Khang vội vàng chuẩn bị binh phục khí giới, tiến quân đến sông Cầu Lửa. Nghe Quan Trung đã bị phá, An quận công lập tức khua chiêng cho dừng quân lại. Chợt thấy trên bờ sông trước mặt, về phía hữu ngạn có một con voi không biết từ đâu lại, kêu rống thảm thiết. Lại An công nói với mọi người rằng: "Mắt ta trông xa xa thấy tuồng như là voi Lai quận công thường cưỡi vậy. Lai quận công không rời con voi này bao giờ. Nay thấy voi đến đây, chả lẽ Lai quận công lâm nạn rồi ư?". Nói xong, cho người áp dẫn voi lại. Lại An công nhìn kỹ, thấy nước mắt voi chảy đáng thương. Bỗng voi quỳ xuống, Lại An công sai lính tháo bành và cho voi ăn cỏ tươi. Người lính vâng lệnh đến bên voi để tháo bành, bỗng thấy trên chiếc bành có một thi hài còn nguyên trong bộ áo giáp. Lại An công bảo mở ra xem, thì đó chính là Lai quận công. Lại An công kêu khóc thảm thiết, quân lính kinh hoàng. Ngày hôm ấy sắm quan tài khâm liệm và đem quàn ở một nơi kín, rồi mới đưa thư cáo phó về Yên Trường (Đoạn này ở chính sử nói rằng Nguyễn Quyện ngụy trang, đặt quân mai phục, bắt được Công Tích đem về. Còn ở sách của ta thì chỉ đề Nguyễn Quyện lấy một tí ruột thôi). Việc xong, bèn chia đường chặn đánh quân Mạc. Cho một cánh quân sang sông đánh vào sườn bên phải, một cánh khác men theo bờ sông xuống đánh tập hậu, còn sườn bên trái thì báo cho Tấn quận công ứng cứu. Kế hoạch sắp đặt xong đâu đấy, quan quân cùng một lúc tiến phát. Nguyễn Quyện nghe tin ba mặt giáp công, liệu thế đất Quan Trung khó bề chốt giữ, mà rút lui cũng không được, bèn chuyển quân theo hướng thượng lưu, Lại An công bố trí binh lực giữ cứ điểm Quan Trung để phòng thủ.

Lại nói Tấn quận công hôm nghe tin Lai quận công xin cứu viện,

đã lập tức chỉnh đốn binh mã tiến ra xứ Bông. Chợt thấy ở khúc sông Gang [1] có vài chục chiến thuyền, nhận ngay được đấy là thuyền của Lai quận công. Tấn quận công liền sai lính lôi hết về Bạch Hà [2]. Ngờ rằng Đông Thành đã bị phá, Tấn quận công không dám khinh thường tiến lên, bèn cho quân tạm dừng lại để thám thính. Được một lát, có ba viên tiểu tướng cùng vài chục người theo sau hốt hoảng tới tự xưng là Dĩnh quận, Thông quận, Vị quận, đều là thuộc tướng của Lai quận công, đến báo tin bại trận. Tấn quận công bảo dẫn vào, cho ăn nghỉ và hứa giúp quần áo, lương thực, đồng thời sai người cầm tờ tấu đến Yên Trường xin cho nhận ba vị tướng này vào bản doanh. Sau mấy ngày, chợt thấy Lại An công cho lính cầm thư đến báo rằng thế giặc bức cận, quân Nam Đường nên thận trọng phòng thủ nghiêm mật, chuẩn bị đem quân đánh vào sườn bên trái để tiếp ứng. Tấn quận công liền sai Nghĩa võ hầu [3] hiện đang luyện tập thủy chiến ở sông Gang bố trí quân mai phục chờ địch.

Lúc bấy giờ Nguyễn Quyện tiến quân lên miền thượng lưu, đóng lại ở sông Hao Tiểu [4] . Vì sợ đường cũ Đông Thành có lão tướng Lại Thế Khanh khống chế, thế khó đánh nổi, nên Quyện không dám dẫn quân xuống, đành theo sông Chính Cái [5] chuyển quân ra. Tấn quận công được tin, liền đốc thúc voi ngựa cùng các đạo quân thủy bộ tiến đến bên trái xứ Chùa Hồng, thuộc xã Chung Tháp [6] dàn quân chờ địch. Quân Mạc không hay biết gì cả, cứ kéo tới. Hai bên đánh nhau bất phân thắng bại, bèn đắp lũy cầm cự đến ba ngày. Tấn quận công vô cùng tức giận, sáng sớm hôm sau đốc suất binh mở trận đánh lớn. Tướng tiên phong của ông là Trinh quận công xông lên phá các chướng ngại vật, chém được hơn trăm đầu giặc. Quân Mạc không địch nổi, bèn lui về đóng ở xứ Bãi Liễu. Đại tướng lại đốc quân đuổi đánh. Nguyễn Quyện lập tức triển khai đội ngũ đánh nhau với Tấn quận công. Hàng tiên phong của quân Nạm [7] dàn trận tiến lên. Có một viên thuộc tướng phóng ngựa múa đao xông vào trận giặc, chém được hơn mười thủ cấp. Quân Mạc lui chân. Nguyễn Quyện gọi to sang quân

1. Nay thuộc huyện Thanh Chương, Nghệ An
2. Thuộc huyện Nam Đường, phủ Anh Đô, Nghệ An.
3. Là Nguyễn Cảnh Điển, em thứ sáu của Nguyễn Hoan.
4. Tức sông Rào.
5. Tức sông Lam.
6. Nay thuộc huyện Thanh Chương, Nghệ An.
7. Chỉ quân của Nguyễn Hoan.

Nam rằng: "Tướng tiên phong của các người là ai đấy, sao dám khinh chiến như thế?". Quân Nam đáp rằng: "Đó là Nham Lĩnh hầu [1], con trai của Đại tướng ta đó, các tướng hiệu quân Bắc có dám đọ sức chăng?". Quyện liền bảo với quân lính của mình rằng: "Tên này đao mã cao cường, các ngươi ra trận nếu gặp hắn nên cẩn thận, không được khinh suất". Nói xong, thu quân theo đường núi, đến đóng ở chợ Hoa Viên.

Nhân dân lúc này mạnh ai nấy chạy, làng xóm vắng tanh, không cách gì để phân biệt đâu là đâu nữa. Tướng giặc là Kỳ quận công, Tây quận công tung quân vào cướp bóc ở xã Hòa Lang, vơ vét thóc gạo, gia súc, sản vật. Lương dân nhiều lần bị cướp bóc đã chạy đi tố cáo. Tấn quận công tự mình đốc đại quân đến ứng cứu. Quân tiến đến xã Bạch Hà thì đóng lại. Nghe nói ở Bạch Hà có ngôi miếu cổ nằm ở ven sông Lam, hễ cầu là ứng, hết sức linh thiêng. Tấn quận công bèn sửa đủ lễ vật đến nơi cáo rằng: "Tấn quận công tôi được ban quốc tính Trịnh Mô, nay vâng lệnh triều đình đến đóng quân ở đây để bảo vệ dân chúng. Hiện giặc Mạc đang xâm phạm cõi bờ, giết người cướp của, địa phương không được yên ổn. Tôi xin nhờ uy thần u minh hiệp lực giúp Hoàng gia, cho tôi phục kích đánh tan giặc. Thu được công lớn, tôi sẽ tâu với triều đình gia phong cho thần vinh hiển hơn, không dám nuốt lời". Lễ xong, ngay ngày hôm ấy chia quân đánh úp, nhưng giặc ở các đạo đều chạy thoát, rốt cục không bắt được tên nào. Tấn quận công thấy việc cầu thần Bạch Hà không ứng nghiệm, cáu tiết quát rằng: "Đấy là thần gì vậy? Chễm chệ trên sông, mang danh linh nghiệm, thế mà lại đi giúp cho giặc? Ý chừng cho rằng ta không có cách tống cổ ngươi đi sao?" Nói rồi, tiến đến miếu thần Bạch Hà vẽ bùa trục ấn, yểm cấm cực nghiêm. Ông nghiêm giọng niệm chú rằng:

Cổ hữu linh thần hiệu Bạch Hà,
Nhất khu thành miếu tại duyên hà.
Bất năng u trợ tam quân thắng,
Ngã tấu Hoàng Thiên giáng Bạch Hà.

Nghĩa là:

Xưa có thần linh hiệu Bạch Hà,
Một khu thành miếu cạnh yên ba.
Không tài phù trợ ba quân thắng,
Ta tấu Hoàng Thiên giáng Bạch Hà.

---

1. Tức Nguyễn Cảnh Kiên.

Miếu thần Bạch Hà từ đó không còn thiêng nữa.

Ngày hôm sau, Tấn quận công cắt cử các thuộc tướng rải quân dựng đồn lũy chặn đường rút của quân Mạc. Một dải Nam Đường khống chế càng chặt, Nguyễn Quyện hết cách rút lui, bèn chuyển quân sang bờ Nam theo dòng sông mà xuống, thủy bộ đều lặng lẽ tiến trong đêm. Vừa đến sông Lãng, chợt thấy đồn lũy nghiêm mật đặt khắp trên bờ và dưới sông lại có dàn thò [1] chặn ngang các lối đi, làm cho thủy bộ hai đường đều tắc. Quyện lại theo con sông nhỏ cạnh đường đi ngược lên. Thấy đồn lũy quân Nam la liệt, Quyện cũng muốn xem chỗ nào yếu thế, tìm cách bạt đi vài cái. Nhưng khốn thay chúng lại xây dựng kiên cố, chưa thể làm gì được. Quyện bèn dẫn quân đến trên bến La Mạc. Trời về chiều, Quyện hạ lệnh đóng quân và sai canh gác nghiêm mật để đợi.

Hôm sau trời vừa sáng, Quyện cho quân dàn trận, lùa voi phất cờ. Đảo mắt thấy thuộc tướng của quân Nam là Bảng quận công đang giữ lũy ở trước mặt, Quyện liền vẫy tay nói: "Cậu chẳng phải là người cũ của ta ư? Ân nghĩa ngày trước sâu nặng là vậy, nay sao lại trở mặt đi so đọ với nhau giữa chốn đao cung". Bảng quận công chắp tay đáp: "Được bác vạch cho thấy rõ chỗ tình xưa nghĩa cũ, song giờ đây thế lớn đã phân, làm sao mà hợp được. Nay đến nông nỗi này, chỉ còn cách đánh mà thôi. Còn như chuyện tình nghĩa trước đây, xin đành phụ bạc". Quyện nói: "Cố nhân câu nệ quá đấy! Muốn thành người am hiểu thời thế, cố nhân không nên coi nhẹ tình xưa. Xin thử hỏi cố nhân trong quân Nam quyền hành tín nhiệm liệu có bao nhiêu? Quân Lữ trong tay phỏng được mấy người?". Bảng quận công chau mày đáp: "Phụ thuộc vào đại doanh, quân không đầy một lữ. Tôi chỉ là kẻ nắm cương ngựa nhìn cờ chỉ huy thôi". Nguyễn Quyện nói: "Ta nghĩ, tài lược như cố nhân, đáng ra phải nắm hẳn một doanh, chỉ huy một cánh quân. Ai dè lại bị người khác chỉ huy, xông pha sương tuyết, để làm một viên tướng liều thân! Nay thánh triều rất trọng vũ khách. Nếu cố nhân có thể hướng về chỗ sáng, cùng ta lập kỳ công, thì chắc chắn sẽ được tôn quý. Tội gì mà khư khư giữ tiểu tiết, khúm núm chịu lép vế như vậy". Bảng quận công nghe những lời nói đó, tấm lòng sắt đá trở nên mềm, bèn mở cửa lũy đón quân Mạc và Nguyễn Quyện vào cùng nhau chích huyết ăn thề. Thề xong, Quyện hỏi rằng: "Ta muốn đánh úp

---

1. Dàn thò: dịch chữ "phao mộc", một loại cạm bẫy, có cần thò căng như dây ná và lưỡi sắc thò từng đôi từng đôi gác lên dàn.

binh mã của Tấn quận công, nhưng chưa biết bắt đầu từ chỗ nào?". Bảng quận công đáp: "Nay đại tướng cứ men theo con đường hiểm trở Thanh Chương xuất kỳ bất ý, từ bến Nga Sơn ở Nam Đường tiến sang bờ Bắc mà đánh, thì thật là đấm trúng tim gan, khiến họ bàng hoàng không còn sức nào để tự cứu. Ta lấy quân được ngơi nghỉ đương đầu với họ, thì làm gì mà không thắng được". Nguyễn Quyện nghe theo, bèn lấy Bảng quận công làm Hướng đạo tiên phong đại tướng, sai dẫn quân Mạc theo đường núi đánh phá xã Võ Liệt, đồng thời chuẩn bị lương thực, chờ xem động tĩnh.

Lại nói Tấn quận công Trịnh Mô nghe tin Nguyễn Quyện đã nhổ lũy chạy thoát, ngay ngày hôm đó, cho gọi tất cả các tướng đến bảo rằng: Nguyễn Quyện xuất quân lâu ngày, lương thực đã cạn, nay thoát được ra hạ đạo, chỉ e lại đi cướp bóc thôn dân càng nhiều. Kế sách ta hiện nay, không gì quan trọng bằng cứu cấp". Bèn riêng sai thuộc tướng là Nham Lĩnh hầu tới Cao Điền ở Thanh Chương hiệp sức cùng Trung quận công Nguyễn Hân, Lập quận công Nguyễn Chiêu, Thanh quận công Đặng Kính đi cứu xã Võ Liệt, còn Trịnh quận công thì hiệp sức cùng Cường quận công Nguyễn Văn, Thế quận công Ngô Cảnh Hựu và Phấn quận công theo Nam Đường hạ đạo đặt phục binh ở xã Hoa Lâm. Các tướng đều lĩnh mệnh ra đi. Tấn quận công đốc thúc binh mã cùng tiến theo sau. Thực là:

Lưỡng ngạn trường khu nghiêm nhạn trận,
Tam quân địch khái chấn hùng uy.

Nghĩa là:

Dọc sông quân tiến như đàn nhạn,
Khí thế ba quân dậy oai hùng.

Chưa biết hai đạo quân tiến đánh như thế nào, xin xem tiết sau sẽ rõ.

TIẾT THỨ HAI

Nguyễn Quyện phục binh tòng Mạo Lạp,
Tiết chế hoàng kim thục Tấn công.

Nghĩa là:

Nguyễn Quyện phục binh nơi Mạo Lạp,
Tiết chế đem vàng chuộc Tấn công.

Khi ấy các tướng tiến quân đến Thanh Chương, lấy người bản huyện hoặc người nơi khác để bổ sung cho quân số. Suốt đêm chuyển quân liên tục. Từng cụm, từng cụm vây ráp từ phía dưới chợ Bình Ngô [1] qua vùng núi quanh co ở Hoàng Xá, Võ Liệt, đến dưới vùng Bến Thanh sông chợ Rộ [2], thanh thế vang động.

Nguyễn Quyện được tin, sợ lâm vào thế tựa lưng vào nơi sông nước. Quyện muốn dùng kế đánh gấp để cướp thời cơ, bèn dẫn quân tiến về phía bờ sông Nam Đường. Trông thấy hòn Ngọc Sơn có cái đỉnh cong cong, Quyện liền hỏi người đi theo rằng: "Ồ, đây là núi gì mà ngoằn ngoèo như thây con giun chết vậy?". Người đi theo đáp: "Đây là quê hương và là nơi phát tích của Tấn quận công". Quyện bèn thúc quân sĩ qua sông. Xem kỹ thế núi và khí mạch, Quyện nhận xét: "Núi này hùng vĩ thanh tú, có thế đất huyết thực [3], nhưng phải dáng gãy khúc nên Tấn quận công là Đại vương chết, không khỏi bị ta bắt. Ngọc Sơn ở Nam Đường giống như núi Lưỡng Kiên ở Đông Thành. Tấn quận công sớm muộn rồi cũng như Lai quận công thôi".

Nói vừa dứt lời, bỗng có tiểu tốt cấp báo quân của Tấn quận công đã đến địa giới Đồng Luân. Quyện vội vàng thu quân bày lại trận thế, chiếm các cao điểm quan trọng để đối phó với quân ta.

Sau khi đồn trại đã bố trí xong xuôi, Quyện nhân đề mấy câu thơ gửi sang cho Tấn quận công để khiêu khích. Lời thơ rằng:

Hoan Châu trước cước lộ thôi ngôi,
Vạn lý hành chinh tửu hạc lôi;
Tương thức dĩ hà phong trí Tấn?
Nam Vô lưỡng tự Tấn như Lai!

Nghĩa là:

Hoan Châu đường sá khá lôi thôi,
Muôn dặm hành quân rượu cạn rồi.
Nào biết lấy chi phong Tấn nhỉ?
"Nam vô" hai chữ Tấn như Lai!

Thơ này lấy cớ phải đi xa vào đánh Hoan Châu, lâu ngày lương kiệt, cảnh vật tiêu điều, không biết lấy chi để gửi tặng Tấn quận công. Nay đành phải niệm nam vô phật pháp, xin Như Lai ban phúc lành

---

1. Ở xã Thổ Hào, huyện Thanh Chương. Tương truyền xưa kia, khi Lê Thái Tổ đi đánh giặc Minh, có dừng chân ở chợ này (Theo *Thanh Chương huyện chí*, Sđd)

2. Nay thuộc xã Thanh Minh, huyện Thanh Chương, Nghệ An.

3. Ý nói thế đất phát quan to sẽ được hưởng cúng tế.

cho Tấn quận công. Nhưng nội dung thực là nói Tấn quận công cũng bỏ mạng như Lai quận công, cõi Nam sẽ không còn hai người ấy nữa.

Tấn quận công đọc những câu thơ này, càng thêm tức giận nói: "Thằng giặc ranh chửi bới ta, ta lại không thể đập tan lũ tàn tốt này sao?". Nhân đó báo với đạo quân Thanh Chương cùng lúc phối hợp đánh úp, thanh thế rất gấp. Nguyễn Quyện lui quân mấy dặm để chờ. Tấn quận công tự mình đưa đại quân tiến chiếm Hoa Lâm. Ngay ngày hôm ấy, Tấn quận công sai mang đầy đủ lễ vật đến khấn vái hai miếu thần ở Hoa Lâm và Hoa Ủ, hẹn rằng nếu thần giúp quan quân phá được giặc, sau khi thành công, nguyện sẽ xin gia phong cho thần tước hiệu xứng đáng. Cầu xong, đêm ấy khoảng cuối canh ba, Tấn quận công mộng thấy hai người xếp hàng ở cửa báo rằng: Đại tướng quân muốn phá giặc lớn, nay quân địch đã vào chỗ nguy, ta nên chia quân phục kích, chặn giữ các con đường hiểm yếu, khiến cho chúng tiến lui đều không được, buộc phải liều mạng mà ra, ta thừa thế đánh, tất thu đại thắng". Nói xong, cáo từ ra đi. Tấn quận công bừng tỉnh dậy, gọi ngay các tướng đến, kể lại chuyện thần nhân ứng mộng bày vẽ cơ mưu. Mọi người đều nói thần giúp cho mưu mẹo, quân ta nhất định thành công. Do đó, Tấn quận công sai thuộc tướng là Trinh quận công đem đội quân tinh nhuệ có trang bị súng ống đến mai phục ở quãng đường hiểm yếu, Trinh quận công lập tức dẫn quân ra đi.

Ngày hôm sau, Đại tướng quân Tấn quận công chỉ huy binh mã cờ trống tiến đánh. Nguyễn Quyện được tin đó, liền ra lệnh cho toàn quân triển khai thế trận. Cho thuộc tướng là Kỳ quận công dàn quân đánh mạnh, đã qua hai hiệp mà thắng bại vẫn chưa phân. Quân hai bên cầm cự suốt ba ngày, Nguyễn Quyện gọi các tướng lại bảo rằng: "Đồn lũy bờ Nam Thanh Chương dày đặc, thế chưa thể đánh được. Giả sử viện binh An quận công mà trở lại, thì Tấn quận công sẽ thừa cơ đánh thẳng vào ta, như vậy quân ta trước sau đều có địch, không nên đóng lâu ở đây!". Thế rồi nhân lúc đêm thanh, thu quân định rút ra Sa Nam nghỉ ngơi và chỉnh đốn quân ngũ. Đi chưa được mấy dặm, bỗng nghe trên núi phục binh bắn súng liên hồi. Quân Mạc chết hơn vài trăm người. Nguyễn Quyện cho là bị trúng kế, liền thúc quân chạy thục mạng tới xã Thái Lão. Quyện sai Kỳ quận công đốt phá nhà dân và đánh tiếng là sẽ chuyển quân ra Đông Thành chuẩn bị đánh úp trở lại. Còn Quyện thì xếp giáp dẫn quân theo đường sông, chuẩn bị thuyền lương bí mật rút lui.

Sáng hôm sau, Tấn quận công dậy sớm. Người đầu bếp vừa dâng thức ăn điểm tâm, đã thấy nhân dân chạy đến cấp báo. Tấn quận công vội vàng ra lệnh thúc quân đuổi đánh, chém được Kỳ quận công chết ngay dưới chân ngựa. Quân Mạc tranh nhau rút chạy theo đường thủy. Tấn quận công thừa thắng đốc quân truy kích. Quân Mạc tổn thất rất nặng. Thạch quận công cùng em là Phù Hưng hầu thu quân xuống thuyền, xuôi theo dòng mà chạy. Quân của Tấn quận công từ trên hai bên bờ sông hò reo bắn súng xuống, đồng thời cho thủy quân đuổi theo. Bọn Quyện sai chèo thuyền gấp ngày đêm ra thẳng cửa biển chạy về Kinh.

Tấn quận công sau khi đánh đuổi được quân Mạc, bèn thu quân về trại, lập tức sai người mang thư báo tin thắng trận và tâu xin phong cho hai vị thần Hoa Lâm và Hoa Ủ có công phò giúp quan quân, giữ yên bờ cõi. Sai nhân lĩnh mệnh đi Yên Trường. Tấn quận công mở tiệc úy lạo quan quân và làm lễ tạ ơn hai vị thần. Ai nấy đều được nhận ơn đầy đủ. Trong cõi Hoan Châu binh lính được rảnh vai, nhân dân trở lại nghề nghiệp cũ.

Thật là:

Thiên cảnh đốn vô cuồng khấu nhiễu,
Khổn doanh duy thính lậu thanh khoan.

Nghĩa là:

Cõi hẻo lánh sạch sanh bóng giặc,
Nơi quân danh thong thả giọt đồng [1]

Quân sĩ sống trong vòng trật tự, ngóng trông mệnh lệnh triều đình.

Lại nói khi Yên Trường nghe quan quân ở Nghệ An báo tin thắng trận, Tiết chế Trường quốc công khen rằng: "Tấn quận công làm tướng đã gần ba mươi năm, lập được nhiều công to, tiếng tăm vang dội triều đình. Nay vâng mệnh đi cứu Nghệ An, đã phá tan được quân Mạc, đuổi dài Nguyễn Quyện từ sông Tam Kỳ đến cửa biển Đan Nhai [2], khiến cho trong cõi được yên. Gánh nặng nước nhà có thể trông cậy nhiều ở Tấn quận công. Từ nay các công việc nếu có điều kiện, nên để cho Tấn quận công cùng bàn bạc".

Năm Bính Tý (1576), triều đình nhà Mạc lại bàn cách đánh Ái Châu. Sai Khiêm vương Mạc Kính Điển tiến đánh Lam Giang [3] ở huyện

1. Giọt nước của đồng hồ thời cổ.
2. Tức cửa Hội Thống, gọi tắt là cửa Hội, nay thuộc huyện Nghi Lộc.
3. Đây chỉ sông Chu ở Thanh Hóa, chứ không phải sông Cả ở Nghệ An.

Thụy Nguyên. Ngạn quận công là Ngọc Liễn tiến đánh sông Đồng Cổ [1] thuộc huyện Yên Định. Hai đạo binh mã được tăng cường gấp bội.

Tin tức truyền đến Yên Trường, trăm họ sợ hãi. Tiết chế Trưởng quốc công ra lệnh các tướng chia nhau đi phòng ngự các quan ải. Lại sai người phụng chỉ đến Nghệ An triệu Tấn quận công vào triều bàn bạc việc nước.

Sai nhân mang dụ chỉ tức tốc đến đạo Nghệ An. Ngày Quý Sửu, 13 tháng 8, mùa thu, Tấn quận công nghe triều mệnh đến, liền ra ngoài rước vào, mở ra xem. Thấy là tờ tuyên triệu, ông bèn ngay ngày hôm ấy sai các tướng giữ vững doanh trại, còn mình thì đốc thúc quân bản hộ và ba mươi thuộc tướng, do Thông quận công và Vĩ quận công làm tiên phong, mở trại tiến phát.

Nào ngờ tin tức trong nước không giữ được kín, để lọt ra ngoài. Thuộc tướng của Tấn quận công là Lâm quận công bấy lâu vẫn nuôi lòng phản trắc. Nay nghe được tin đó, nhân lúc tướng Mạc là Nguyễn Quyện đem quân rập rình ngoài biển, Lâm quận công bèn chạy về với quân Mạc. Lâm quận công báo với Nguyễn Quyện rằng: "Tôi vốn là tiểu tướng của nhà Lê, vì có chuyện bất bình sâu sắc với Đốc lĩnh đại tướng, nên đánh liều tới đây. Nếu được quan quân rộng lòng thu dụng, tôi có lời xin dâng, may ra các ông có thể thành công được". Quyện nói: "Ta lĩnh trách nhiệm trù tính công việc cho triều đình, sẵn sàng đón nhận kẻ theo về, chiêu nạp người tẩu thoát. Nhà ngươi nếu ra sức chung lo cho công việc được thành tựu, ta sẽ hết lòng tiến cử. Có thần biển ở đây làm chứng, ta đâu dám nuốt lời". Lâm quận công nói: "Hiện nay chủ tướng ở Yên Trương nghe tin quan quân chia đường tập kích Ái Châu, rất lo lực lượng bị dàn mỏng, dễ lâm vào thế bị động, do đó triệu Tấn quận công ở Hoan Châu về cùng hiệp bàn. Nay quân đóng ở Hoan Châu không quá một vạn, mà lực lượng chia đi trấn giữ các nơi đã hơn tám ngàn người. Tấn quận công trên đường về Yên Trường, mang theo bọn thủ hạ chưa đến nghìn người. Nếu như ngài nhân lúc Tấn quận công không phòng bị, cho quân mai phục, thì thế nào cũng bắt sống được ông ta". Quyện đáp: "Khanh nói rất có lý. Kế sách của khanh nay có thể áp dụng được đấy".

Nửa đêm hôm đó, nhân tiết thu trăng sáng, Quyện cho thuyền lặng lẽ theo đường sông tiến thẳng đến huyện Ngọc Sơn [2], đóng đồn

1. Đây chỉ đoạn sông Mã chảy qua địa phận huyện Yên Định.

2. Nay thuộc huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

rải từ Cầu Quán đến Mạo Lạp. Lại đặt quân mai phục ở hai bên đường, im ắng không một tiếng động.

Bấy giờ Tấn quận công thấy lời lẽ trong tờ tuyên chỉ rất khẩn cấp, nghĩ rằng lệnh vua không thể trì hoãn, nhân trống canh năm hối hả lên đường. Bỗng nhiên trời tối sầm lại, mưa như trút nước. Quan quân đội mưa mà đi. Tảng sáng đến các xứ Bông Đồn, Độc Hiệu. Nước chảy ngập đến chân núi. Quan quân quần áo vũ khí đều ướt sũng.

Chợt nghe hai bên đường có tiếng hò hét inh ỏi. Tấn quận công bàng hoàng, vội chỉ huy quân lính giáp chiến từ giờ Mão đến giờ Dậu[1] không phân thắng bại. Trời sắp tối, đường sá khó đi, nẻo ngang lối dọc, vừa đánh vừa hành quân, không còn sức đâu để liên lạc với nhau. Nguyễn Quyện thấy thế, bảo tướng rằng: "Trịnh Mô thua chạy, tướng lệnh vô phèng, ta nhất định bắt được y". Nói rồi, liền đốc quân rượt theo. Quan quân vội vàng tranh nhau chạy. Voi của Tấn quận công bị sa lầy, quân Mạc tranh nhau chạy tới vây chặt. Được một chốc, có con trai Lâm quận công đến trước voi nói rằng: "Tình thế gấp gáp quá, xin cảm phiền ông bác rời voi để chốc nữa khỏi bị tên đạn". Tấn quận công than thở rằng: "Mô này từ hồi mười sáu tuổi theo vua Lê chúa Trịnh, trong vòng hòn đạn mũi tên, cũng giặc đọ thấp cao cả thảy hơn năm mươi trận, chưa từng bị thua bao giờ. Không dè hôm nay lại trúng kế tên phản bội ngấm ngầm thông đồng cùng giặc, làm cho ta khốn quẫn như thế này. Thôi thì cũng là tại ta chuốc lấy, dám đổ lỗi cho trời sao?". Nói rồi xuống voi. Con trai của Lâm quận công bèn đưa Tấn quận công đến chỗ quân của Bắc triều.

Bấy giờ quân ta đang tứ tán, bèn tụ tập lại một nơi. Trông với theo, thấy đại tướng đã bị bắt, ai nấy đều nhìn nhau đau xót. Bèn mật sai bọn gia nô của tướng quân là Bố Lâm, Thằng Sủng, Cha Bát tới dò la bên quân Bắc để biết tin tức về Tấn quận công.

Cả ba người vội vàng chuẩn bị các thứ đồ dùng cần thiết rồi tới đồn sở của quân Mạc. Vừa lúc ấy thấy trên đường có viên tướng miền Nam người Đô Lương tên là Thắng Sơn hầu (không rõ họ tên), mình mặc áo lính. Ba người tới hỏi rằng: "Ông ở đâu đến đây, chắc là có biết tin tức về Đại nhân chứ?". Thắng Sơn hầu nói: "Sau khi quan quân thua chạy, tôi nhân lánh cư ở một nhà người thiếp tên là Hầu Xuyên, bỗng nghe tin có quân Bắc đến đóng trong làng. Lúc bấy giờ tôi đang bơ ao ở

1. Giờ Mão tức khoảng từ 6 đến 7 giờ sáng. Giờ Dậu tức khoảng từ 5 - 6 giờ chiều.

bên bếp. Ăn uống xong, tôi lên giường nghỉ. Khoảng cuối canh một, chợt nghe bên hàng xóm có tiếng Đại nhân đấu khẩu với Nguyễn Quyện nhà Mạc, tôi mới hay là chủ tướng đã bị bắt rồi. Ngày hôm sau, tôi giả làm người bán quán ở trong thôn đi dò la tin tức, chuẩn bị đưa thức ăn hai buổi trong ngày. Nay định ra chợ mua đồ đựng thức ăn thì vừa gặp các anh đây. Các anh định đi đâu bây giờ?". Ba người nói: "Chúng tôi được quan quân sai đi thăm dò tin tức, của Đại nhân. Nay may mắn gặp ông ở đây, mong ông làm môi giới giúp cho".

Ba người cùng Thắng Sơn hầu đến chỗ ở của Tấn quận công, chỉ thấy toàn quân Bắc canh giữ, dây gậy sẵn sàng. Tấn quận công tuy ở nơi giam cầm mà thần sắc vẫn không đổi. Ba người vái chào. Tấn quận công chuyện trò với họ. Mặc dù bị uy hiếp, chí ông vẫn bền, muốn để tiếng thơm cho đời sau. Ông cầm bút viết bài thơ tuyệt mệnh rằng:

Nhân trung bẩm cương nghị,
Thế thượng đốc trung trinh,
Thiên địa quanh chính khí.
Nhật nguyệt chiếu chân tình.
Lăng lăng thanh bất hủ,
Lẫm lẫm tử do sinh.
Sát phạt chư man quỷ,
Tróc phược chúng tà tinh.
Túng hữu chân tâm đảo,
Lai lâm tự luật linh.

Nghĩa là:

Vốn tính người cương nghị,
Trên đời tỏ trung trinh.
Chính khí rạng trời đất,
Nhật nguyệt chứng chân tình.
Thanh danh truyền bất hủ,
Lẫm liệt thác như sinh.
Diệt hết loài gian dối,
Trói bắt lũ tà tinh.
Ai thật lòng cầu khẩn
Ta sẽ đến rất nhanh.

Lại viết thêm một bài nữa rằng:

Thế thụ thao kiềm,
Đàn đăng tướng súy.
Kiên trì kinh tiết thanh,

Lưu thử đan tâm tứ.
Thân thượng tri Lê Trịnh triều,
Diện khẳng tàm trung nghĩa quỷ.
Nhan Đường, Văn Tống liên tiền hiền,
Liệt nhật, thu sương thùy hậu thế.

Hoàng triều Gia Thái tứ niên bát nguyệt
Trung thu nhật. Tấn quận công đề.

Nghĩa là:

Đời trao thao, ấn,
Tướng súy trọng quyền.
Giữ vẹn tròn tiết tháo,
Chết để tấm lòng son.
Thân còn biết triều Lê Trịnh,
Mặt không thẹn ma trung nghĩa.
Gương Chân Khanh [1], Thiên Tường [2],
Nắng hạ, sương thu truyền hậu thế.

Ngày tết Trung thu tháng 8, năm Gia Thái
thứ tư (1576) triều Lê. Tấn quận công đề thơ.

Làm xong thơ tuyệt mệnh, ông đem kèm với cuốn *Dược tính* bằng chữ Nôm và văn thư, điền bạ trao cho bọn Bố Lâm, Cha Bất, Thằng Sủng mang về quê quán. Nhân đó ông bảo ba người rằng: "Tấn lão một dạ trung thành với vua, lấy việc diệt hết bọn tiếm ngụy để khôi phục Hoàng gia làm điều tâm niệm. Ngờ đâu mắc phải kế gian đến nông nỗi này, chỉ có chết mà thôi. Các anh về bảo giúp cho lũ con ta ở nhà phải hết lòng hết sức phò giúp Lê Trịnh, đưa sự nghiệp tới thành công để nối chí ta. Chớ vì ta bị bắt mà nao núng đạo thờ vua". Nghe ông nói xong, ba người lậy tạ, sùi sụt ra về báo cho các doanh trại Nam Đường biết.

---

1. *Chân Khanh:* tức Nhan Chân Khanh, tên chữ là Thanh Thần, người Lâm Nghi, làm Thái thú Bình Nguyên dưới triều Đường Huyền Tông. Khi An Lộc Sơn nổi loạn. Chân Khanh tổ chức quân cần vương chống lại. Sau khi An Lộc Sơn bị diệt, Chân Khanh được cử làm Thượng thư bộ Hình. Đến đời Đường Đức Tông, ông được sai đi dụ Lý Hy Liệt. Trước sự uy hiếp của đối phương, Chân Khanh giữ khí tiết, không chịu khuất phục, bị Hy Liệt giết chết.

2. *Thiên Tường:* tức Văn Thiên Tường, tự Tống Thụy, hiệu Văn Sơn, người Cát Thủy. Ông đỗ Tiến sĩ dưới triều Tống Lý Tông được cử làm An phủ sứ Giang Tây. Khi quân Nguyên xâm lược, ông ứng chiếu cần vương, nhận mệnh đi sứ quân Nguyên. Bị bắt giữ, ông trốn đến Chân Châu. Bấy giờ Tống Đoan Tông lên ngôi ở Phú Châu, cử Thiên Tường làm Hữu tướng, phong Tín quốc công. Ông mộ quân chống Nguyên, lo việc khôi phục, nhưng thất bại, bị giặc bắt. Ông làm bài *Chính khí ca* để tỏ chí hướng của mình rồi ung dung tựu nghĩa.

Mấy người con của Tấn quận công và các tướng sĩ nghe tin báo đều hết sức bàng hoàng. Họ bèn tụ tập nhau lại, ai cũng cảm kích, muốn đuổi theo quân Mạc để cướp Tấn quận công về. Sau khi khẳng khái thề nguyền, mọi người chia đường thủy bộ ngày đêm bí mật tiến phát. Đến vùng biển Ngọc Sơn dò hỏi, thì nhân dân đều bảo rằng tàu thuyền quân Mạc đã rút về kinh rồi.

Bấy giờ người con thứ của ông là Nguyễn Cảnh Kiên vô cùng thương xót, bèn lập hương án ngay trong quân để bái vọng, gào khóc thảm thiết. Từ đó lòng căm thù nung nấu, lúc nào cũng nghĩ đến việc rửa hận cho thân phụ. Ngay ngày hôm đó, Cảnh Kiên chia tay các tướng, tự mình đem binh mã bản bộ tới hành dinh của Tiết chế tâu trình các việc vừa xảy ra và sao lục luôn cả hai bài thơ tuyệt mệnh của thân phụ dâng lên. Tiết chế Trưởng quốc công triệu vào hỏi han mọi việc, thở dài than rằng: "Không ngờ nay cơ sự lại đến thế. Ta thật đã mất đi một danh tướng. Đây không chỉ là một bất hạnh của Tấn lão mà còn là một bất hạnh của Tùng này". Nói xong, nước mắt đầm đìa, trong lòng buồn bực, suốt hai ngày liền không thiết gì đến cơm nước.

Trưởng quốc công thương tiếc Trịnh Mô, muốn dùng kế "tìm hạt châu chìm". Bèn cho gọi một số lái buôn ở Nghệ An tới hành dinh bảo: "Ta nhớ Tấn quận công ngày đêm không lúc nào nguôi. Muốn nhờ các người giúp ta đem vài trăm lạng vàng cùng vài chục chiếc thuyền vượt biển, theo đường thủy tới thành Thăng Long giả làm người buôn bán, tìm cách tới chỗ Thạch quận công bí mật đưa số vàng đó để chuộc tính mạng của ông. Nếu may mà đưa ông về được, thì công lao của các ngươi thật không nhỏ". Bọn lái buôn lĩnh mệnh bái tạ ra đi. Tiết chế Trưởng quốc công lại làm tờ tấu xin vua cấp thêm binh quyền cho Nguyễn Cảnh Kiên là người con thứ của Tấn quốc công, dưới quyền điều khiển của Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu. Kiên lĩnh mệnh lui ra, lập doanh trại, chỉnh đốn binh mã chờ sai phái. Thật là:

Mã hãn thượng tuyên trung chúa niệm,
Ngao đầu thiêm lự báo thân thù.

Nghĩa là:

Chiến mã còn lăm trung với chúa,
Đầu ngao thêm nghĩ báo thù cha.

Chẳng biết sai phái những gì, chờ xem tiết sau phân giải.

TIẾT THỨ BA

Nguyễn Cảnh Kiên đại phá Thạch Quyện binh,
Mạc Sùng Khang mệnh hoàn Tấn công cữu.

Nghĩa là:

Nguyễn Cảnh Kiên phá tan quân Thạch Quyện,
Mạc Sùng Khang sai trả xác Tấn công.

Lại nói Thạch quận công Nguyễn Quyện sau khi bắt được Tấn quận công đem về kinh, báo tin thắng trận, oai thanh càng lừng lẫy. Nhà Mạc úy lạo rất hậu. Các tướng giỏi vùng Giang Đông [1] đều tự cho là không sánh kịp.

Bấy giờ nhà Mạc thấy Tấn quận công là người rộng rãi mà cương nghị, tính rất dễ ưa, muốn tìm cách lôi kéo theo kiểu hậu đãi Quan Vân Trường [2] đem vàng mời Kính Đức, nên đã nhiều lần sai các quan đại thần tới thăm viếng dụ dỗ, nhưng rốt cuộc Tấn quận công không chịu khuất phục. Nguyễn Quyện do vậy tự tay viết một bức thư gửi tới Tấn quận công, nội dung như sau:

"Tướng Nam đạo chưởng Phù nam vệ, Thạch quận công Nguyễn xin tự tay viết thư gửi tới Tấn quận công ở Hoan Châu rằng:

Cao cả thay, đại huynh! Một lòng trung nghĩa, vốn không chút thẹn! Nhưng cái lẽ bỏ chỗ tối, theo chỗ sáng chưa được đại huynh để ý tới. Nay tôi nghĩ hai ta cùng là con nhà tướng, có thể giúp nhau được tí chút chăng.

Xưa cha tôi với Diễn quốc công [3] đều là danh thần trong nước, được đãi ngộ rất hậu. Chỉ vì lời dèm pha ly gián mà không tránh khỏi treo mũ tháo giày để ngao du nơi quan ải [4], bắt chước chuyện

---

1. Chỉ vùng đất do nhà Mạc hồi này đang khống chế, nằm về phía Đông sông Hồng.

2. Quan Vân Trường: tức Quan Vũ, kết nghĩa anh em với Lưu Bị (vua nước Thục). Quan Vũ từng bị Tào Tháo bắt, dùng lễ hậu để lôi kéo, nhưng Quan Vũ không nghe, chỉ chém viên tướng của Viên Thiệu là Nhan Lương để đền ơn Tào Tháo, rồi chạy về với Lưu Bị.

3. Sách *Nhân vật chí* Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.573, tờ 44a chép là Doanh quốc công.

4. Chỉ việc Mạc Phúc Nguyên nghe lời dèm pha, khiến Nguyễn Thuyến và hai người con là Nguyễn Quyện, Nguyễn Miễn đem quân bản bộ hơn 100 người trốn vào Thanh Hoa theo Lê Trung Tông.

tướng Phục Ba [1] ngày xưa, cùng con cháu họ Lê rong ruổi, chỉ mong khôi phục tiên triều. Nào dè khi vua hậu Lê [2] qua đời, hai người con cũng nên thuyền về với chủ cũ [3]. Họ Trịnh coi thường Hoàng tộc, lập người họ xa [4], như vậy làm sao báo đáp được công ơn của Lam Sơn bình Ngô [5] ngày trước? Mưu gian không giữ kín được, ai mà chẳng nghi ngờ! Sách xưa có câu: "Không ở nước loạn" [6]. Đó là lý do khiến Quyện này phủi áo ra đi đấy thôi. Huống nay gặp cảnh nghiêng ngửa, điêu đứng, bị ngấm ngầm bức bách ở Lôi Dương, dù cho có gặp hồi thuận lợi, đã chắc gì "Tấn mã tất tướng" [7]. Người quân tử thấy cơ sự như vậy mà còn phụ họa theo, thì khác nào làm vây cánh cho Hậu Nghệ [8] lưu tiếng xấu muôn đời.

Sao bằng bản triều [9] đang quét sạch bọn quấy rối, trị nước theo kiểu Thuấn [10] Vũ [11], nền văn minh do bản triều tạo dựng không kém gì nhà Triệu Tống ở Phương Bắc [12].

Nếu Tấn quận công có thể kính thuận mệnh trời, bỏ nước Ngu đến nước Tần, thì tôi sẽ cởi dây trói của Lý Tả Xa, đẩy xe cho Tấn quận công ra đảm đương công việc giữa triều đình. Công lao của Tấn quận công sẽ như Bách Lý Hề, để phúc cho con cháu. Như vậy thật là gặp thời để hành đạo, há chẳng sướng ư! Tội gì mà bo bo giữ kẽ, cam

---

1. Tướng Phục Ba: Chỉ Mã Viện đời Đông Hán (Trung Quốc) được phong chức Phục Ba. Viện lúc đầu theo giúp Ngỗi Hiêu, sau về với Hán Quang Vũ để diệt Ngỗi Hiêu.

2. Vua hậu Lê: Chỉ Lê Trung Tông.

3. Sau khi Nguyễn Thuyến chết, hai người con là Nguyễn Quyện và Nguyễn Miễn lại trốn về với nhà Mạc. Nhà Mạc phong Quyện làm Văn Phái hầu, Miễn làm Phù Hưng hầu, đem con gái tông thất gả cho. Nguyễn Quyện sau được phong Thạch quận công.

4. Chỉ việc Trịnh Tùng lập Lê Duy Đàm là cháu xa đời của Lê Trừ (anh của Lê Lợi) lên làm vua

5. Chỉ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do vị anh hùng dân tộc Lê Lợi lãnh đạo, diệt trừ quân xâm lược nhà Minh.

6. *Luận ngữ, Thái Bá:* "Không vào nước nguy, không ở nước loạn" (nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư).

7. Tấn mã tất tướng: chưa hiểu nghĩa.

8. Hậu Nghệ: Còn gọi là Nghệ, vua nước Hữu Cùng (Trung Quốc) đã cướp chức Tể tướng của nhà Hạ, cậy tài bắn giỏi, không chăm lo việc dân, bị Hàn Tróc giết chết.

9. Chỉ triều nhà Mạc.

10. Thuấn: Chỉ Ngu Thuấn, tương truyền là một bậc vua hiền của Trung Quốc thời cổ.

11. Vũ: Chỉ Hạ Vũ, một bậc vua hiền của Trung Quốc thời cổ sau Ngu Thuấn.

12. Triệu Tống: Chỉ triều đại do Triệu Khuông Dận sáng lập, kéo dài từ năm 960 đến năm 1278. Gọi "Triệu Tống" để phân biệt với "Lưu Tống", một triều đại do Lưu Dụ sáng lập trước đó, kéo dài từ năm 420 đến năm 479.

tâm làm anh tù nước Sở khóc lóc nhìn nhau, liệu ai biết cho mình.

Vì mến đại huynh mà thiển nghĩ như vậy, xin sơ lược giãi bày. Mong đại huynh khi nhận được thư, chớ bỏ qua những điều vừa hiến kế.

Nay thư

Sùng Khang năm thứ mười một (1576)

Tấn quận công xem xong thư cả giận nói rằng: "Quyện tuy là con nhà đời đời theo nghiệp Nho, thế mà ăn nói lại rất trái đạo. Nay định dùng lý lẽ để làm khốn ta, ép buộc ta từ bỏ lòng trung thành, ta há không có lý lẽ để bẻ lại hắn sao?". Bèn gọi đem bút giấy lại, tự tay viết thư phúc đáp, nội dung như sau:

"Triều Lê chính thống, Thái Phó Tấn lão Nguyễn viết thư gửi đến Thạch quận công rằng:

Phàm người ta sinh ra trong trời đất, phải hiểu ra lẽ trời đất. Mà nói đến lẽ trời đất, thì cương thường là hệ trọng. Đại trượng phu lập thân, bỏ điều ấy không nghĩ tới, lại thay lòng đổi dạ, đi thờ hai chúa, thì dù có mũ mão áo xiêm cũng chỉ là hạng cầm thú thôi, sao có thể nói đến chuyện để tiếng thơm cho mai hậu?.

Triều Lê trên thuận lòng trời, dưới đáp lòng người, bình Ngô phục quốc, công đức vẫn còn đó; trong triều ngoài nội ai ai cũng là bề tôi, cương thường được tạo dựng. Vừa rồi họ Mạc theo dớp Vương Mãng, can phạm đến ngôi vua. Vậy mà nhà ngươi lại vội đem họ Mạc sánh ngang cùng Tống Tổ, thật không hiểu khi Tống Tổ bị Sáu quân bức ép trở về đất Biện, đã cầm dây cương thề với các tướng rằng: "Thái hậu và Chúa thượng là những đấng ta tôn thờ, các ngươi không được xúc phạm". Đến ngày được nhường ngôi, không hề nuốt lời. Lòng người đều khoái chá, ý trời cũng chiều theo, cho nên mới được như vậy [1]. Còn nay vào việc giam cầm ở nội cung phía tây, nào việc mẹ con Thống Nguyên đều bị bức hại [2], thảm khốc đến thế là cùng!

---

1. Cuối đời nhà Đường, Triệu Khuông Dận làm Đại tướng nước Chu, đã thông đồng với viên tướng quân Cấm vệ tên là Thạch Thủ Tín tổ chức cuộc binh biến để truất bỏ nhà Chu, tôn Triệu Khuông Dận lên làm hoàng đế, lập ra nhà Tống. Sự thật trên đây đã được triều Tống thêu dệt thành chuyện Tống Tổ Triệu Khuông Dận bị Sáu quân (chỉ quân Cấm vệ) "bức ép" làm hoàng đế. Vua nhà Chu "nhường ngôi" cho Tống Tổ, Tống Tổ vẫn đối đãi tử tế với "Thái hậu và Chúa Thượng" của nhà Chu...

2. Chỉ việc Mạc Đăng Dung phế truất Hoàng đệ Xuân xuống làm Cung vương (gọi là Cung Hoàng), giam luôn với Hoàng Thái hậu Trịnh thị ở nội cung phía Tây; được ít lâu, ép phải tự tử.

Đấy là điều Tống Tổ không nỡ làm. Thế mà nhà ngươi lại nói là bắt chước Thuấn, Vũ, chẳng hóa ra nhà họ Tào đi khen Thuấn, Vũ?

Nhà ngươi gốc đạo Nho, thế mà không phân biệt được trong đục, khinh suất đem thân mạng đánh cuộc với loạn triều, khom lưng thờ ngụy chúa. Nhà ngươi nói: "Không ở nước loạn" mà lại xử sự như vậy hay sao?

Cũng may ý trời vẫn còn đó, cây xanh lại đâm chồi. Vua Lê theo chí Thiếu Khang [1], chúa Trịnh giữ phận bề tôi, dẹp loạn, phò chính. Đến thời buổi ấy, cha con nhà ngươi mới đổi hướng hồi tâm quay về với chính thống, cũng là cử chỉ đáng khen. Tới lúc vua Trung Tông qua đời, Tiên đế kế vị [2], cũng giống như Tống Cao Tông dời vào phía Nam, Hiến Tông được nhường ngôi. Nước phải có người đứng đầu, đó là nghĩa lớn của việc tiếp nối dòng họ đã tuyệt. Còn như lễ rước vua ở Bố Vệ [3], sách văn lên ngôi đều được các trung thần nghĩa sĩ trong triều ai cũng ký tên và nguyện cung cúc tận tụy, thì nhà ngươi lại hồ đồ khua môi múa mép, bảo nào là: "Họ hàng xa đời", nào là: "Để đạt tới âm mưu làm phản".

Nhà ngươi gặp gia biến mới một năm [4], mà đã nhanh chóng bỏ con đường của cha, quên công ơn của Chúa, như thế không chỉ bất trung mà còn là bất hiếu, tội không thể trốn tránh được. Nay nếu còn có thể nghĩ tới công ơn nuôi dưỡng của Tiên vương, sửa sai lầm, tự đổi mới, bắt chước việc "qua năm cửa quan chém sáu tướng" [5] để về với Huyền Đức [6] thì bản triều cũng sẵn sàng tha cho lỗi lầm trước, không nỡ bỏ nhà ngươi. Còn nếu cứ cố chấp không chịu tỉnh ngộ, muốn làm Vệ Luật khuyên Tô Vũ hàng Hung Nô thì Tấn Lão này thề phơi thân nơi đồng nội, hoặc chăn dê ở biển Bắc, chứ nhất định không muốn gặp mặt nhà ngươi.

Chí ta đã định, ngươi đừng lải nhải nữa!

Nay thư

Ngày ... tháng ... năm ... Gia Thái thứ tư (1576)"

---

1. Thiếu Khang: một vị chúa dựng nền Trung hưng đời nhà Hạ.

2. Chỉ việc Lê Huyện (Trung Tông) mất, Lê Duy Bang (Anh Tông) lên thay vào năm 1557. Nguyễn Hoan bị Nguyễn Quyện bắt năm 1576, lúc này Lê Duy Bang đã mất, nên ở đây gọi Lê Duy Bang là "tiên đế".

3. Chỉ việc Trịnh Kiểm và các đại thần đón Lê Duy Bang ở Bố Vệ (Đông Sơn, Thanh Hóa) về lập lên làm vua sau khi Lê Trung Tông mất.

4. Chỉ việc cha của Nguyễn Quyện là Nguyễn Thuyến mất năm 1557.

5. Đây là hành động của Quan Vân Trường, tướng giỏi của nhà Thục.

6. Huyền Đức tức Lưu Bị, vua nước Thục.

Nguyễn Quyện xem lời lẽ trong thư, liền chớp mắt xuýt xoa nói rằng: "Ta cũng muốn rộng lòng thương Tấn lão, cứu ông ta ra khỏi chốn gông cùm để được vinh quang nên mới gửi thư như thế, có ý khuyên dụ ông ta. Không ngờ ông ta một mực ngoan cố, cổ cứng không chịu khuất, lại dùng những lời lẽ xấc xược ăn nói với ta. Con chim ưng đói đã bị nhốt vào lồng mà còn háu đấu đá, làm sao thương được". Ngay ngày hôm ấy Quyện ra lệnh cho quân lính cấm ngặt không cho Tấn công đi lại. Việc canh giữ cũng cẩn mật hơn.

Lại nói bọn lái buôn Hoan Châu đi hơn hai mươi chiếc thuyền đến sông Bồ Đề, chèo vào tới bến Cầu Cháy thì đỗ lại, cùng nhau bàn kế hoạch. Ngầm sai bà Trùm Trợ, và một vài người bạn gái mang mấy chục súc lụa, gấm đi bộ tới bên ngoài cửa dinh Thạch quận công, giả làm lái buôn đem hàng bày bán.

Lúc đó, người ở gái của gia đình Thạch quận công báo cho vợ Nguyễn Quyện là Quận chúa Mạc thị [1] biết. Quận chúa bèn cho gọi bọn lái buôn vào hỏi: "Các ngươi người ở đâu mà đến đây buôn bán?" Các bà trả lời rằng:

"Chúng em người chợ Hiến đất Sơn Nam. Dạo này ở đại phương giá cả kém quá nên chúng em đem hàng lên Trường An [2] bán cầu lấy vốn. May được Quận chúa gọi vào, thật là buồn ngủ gặp chiếu hoa". Nói xong, đem hàng hóa bày la liệt. Người bán và người mua cò kè mặc cả với nhau hồi lâu. Người bán cố ý lấy giá rẻ để câu khách.

Quận chúa mừng rỡ giữ họ lại cho ăn uống. Ăn xong, mấy người lái buôn thầm thì với Quận chúa rằng: "Chúng em trọ ngoài thuyền, nghe có khách buôn Hoan Châu nói rỉ tai với nhau là họ muốn đem hai trăm lạng vàng bí mật hiến cho quý doanh để chuộc sinh mệnh của Tấn quận công đưa về, sau này không dám phụ ơn, nhưng họ không biết ý của Quận chúa như thế nào?". Quận chúa nói: "Tấn quận công tuổi cao, triều đình còn thương hại chưa nỡ giết. Vậy ta sẽ thưa lại với quan lớn tìm cách cứu thoát ông ấy. Các ngươi hãy tạm ở lại đây, chờ quan lớn đi chầu về, ta sẽ đem việc ấy nói hộ cho, may ra có thể giúp được chăng".

Bỗng nghe tiếng Quyện [3] trở về. Quận chúa vội vàng bảo khách

1. Vợ của Nguyễn Quyện là người trong tông thất nhà Mạc.

2. Còn đọc là Tràng An, chỉ kinh thành Thăng Long.

3. Nguyên bản viết là "tiếng ngọc kha", tức tiếng phát ra từ các viên ngọc đính trên áo mão của Nguyễn Quyện.

lánh sang phòng bên, rồi đi ra cửa đón chồng vào. Sau khi chồng an tọa, Quận chúa thuật lại hết chuyện bọn lái buôn định đưa vàng chuộc Tấn quận công. Thạch quận công nghe xong cười mà rằng: "Cho rồng xuống biển, thả hổ về rừng, đó là điềm nước nhà nghiêng đổ. Nàng là người sinh trưởng trong nơi tông thất, lá ngọc cành vàng mà còn đi nghe những lời như thế. Giả sử mai kia nước nhà tan nát, thì nàng sẽ dựa vào đâu? Từ xưa những người nghe lời đàn bà ít khi không hỏng việc!"

Quận chúa sững sờ lui ra bảo với bọn lái buôn rằng: "Việc không êm rồi". Khách từ biệt ra đi. Quận chúa lại đưa mắt nói với theo: "Về bảo với họ, muốn chuộc Tấn quận công phải nộp ba vạn lạng vàng".

Chưa được mươi hôm, bỗng ở cửa Đại Hưng có dán tờ yết thị yêu cầu quân lính chuẩn bị đầy đủ ba tháng lương ăn, chờ lệnh vào đánh Thanh Hoa. Đến tháng tám, quả nhiên nhà Mạc sai Khiêm vương Kính Điển và Thạch quận công Nguyễn Quyện tiến quân vào sông Đồng Cổ [1].

Lúc bấy giờ tiết chế Thanh Hoa Trịnh Tùng đang đóng đại quân ở ngoài Yên Mô, Yên Khang [2]. Nghe tin quân Mạc tới, Trịnh Tùng bèn thân hành cùng các Đại tướng Hoàng Đình Ái, Nguyễn Hữu Liêu đem quân ra ngoài lũy Bùi Môn chặn đánh, phá tan được quân Mạc. Sau đó, quân Mạc tiến đến Hà Đô. Tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện phục binh ở ngoài đê, sai bọn Hoằng quận công là Lại Thế Mỹ đem quân khiêu chiến, cùng lúc tiến vào lũy Bùi Môn. Phủ tiết chế liền sai Thái úy Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu đem quân nghênh địch. Dương quận công cho sắp sửa khí giới và sai thuộc tướng Nguyễn Cảnh Kiên làm tiên phong.

Cảnh Kiên bèn bày trận "nhạn", hô quân xung phong. Quân Bắc là Lại Thế Mỹ phóng ngựa lên, chĩa giáo xông vào đánh. Vừa thấy Cảnh Kiên, Thế Mỹ chỉ tay bảo rằng: "Cảnh Kiên! Cha ngươi tài trí như thế mà còn bị bắt. Nay ngươi là thằng con nít, dám chống lại quân nhà vua sao? Hãy mau mau đầu hàng quy thuận Hoàng triều thì cha con đều được an toàn". Cảnh Kiên ngồi trên lưng voi lớn tiếng mắng rằng: "Đồ phản trắc bội chúa hàng giặc, nay lại tới đây định

1. Sông Đồng Cổ: Tức sông Tất Mã, chảy từ huyện Cẩm Thủy qua xã Đan Nê, huyện An Định, Thanh Hóa (ở đây có miếu Đồng Cổ) rồi chảy xuống Lương Giang, đổ ra biển.

2. Tên huyện, đều thuộc phủ Trường An, trấn Sơn Nam.

nộp đầu hay sao?". Thế Mỹ giận lắm, thúc ngựa vượt hàng quân tiến lên. Trong đội tiên phong của quân Cảnh Kiên có Trọng Gian hầu (sử không ghi họ tên) trông thấy Thế Mỹ, bèn nạp đạn vào súng áp nách bắn một phát trúng Thế Mỹ. Thế Mỹ rơi xuống ngựa chết tươi. Quân Mạc đại bại. Quân lính tranh nhau lấy đầu Thế Mỹ.

Chợt nghe ngoài đê có tiếng thét liên hồi của quân tới ứng cứu. Nguyễn Cảnh Kiên đảo mắt nhìn chằm chằm, thấy đấy chính là Đại tướng của quân Bắc Thạch quận công Nguyễn Quyện. Cảnh Kiên bất giác nổi cơn thịnh nộ, lòng như lửa đốt, hai mắt trừng trừng, khoát tay ra hiệu cho quân lính xông tới, nói: "Nhanh lên, liều chết, bắt sống cho được Thạch Quyện". Quyện trông thấy sát khí đằng đằng, liền rút chạy. Cảnh Kiên đốc quân đuổi theo hơn mười dặm. Chợt nghe đằng sau có tiếng kêu giật lại: "Tướng quân đừng đuổi theo nữa!". Cảnh Kiên đành phải cho đánh chiêng ra lệnh quân sĩ thôi truy kích. Quay lại, thấy Thái úy Dương quận công đang liên tiếp vẫy cờ ra hiệu thu quân, tiếng tù và rúc inh ỏi. Cảnh Kiên cùng đại quân trở về trại.

Tiết chế nghe báo tin thắng trận, liền họp bàn chuyện mừng công. Nguyễn Cảnh Kiên chiếm công đầu, được thưởng kim bài, gia phong Cẩm y vệ sự Tín quận công. Những người còn lại cũng đều được phong thưởng theo thứ bậc khác nhau.

Mồng một tháng chín, quan quân dò biết quân Mạc đã trở về Bắc. Tiết chế cũng kéo quân về Yên Trường.

Lại nói Tấn quận công bị giam giữ lâu ngày, sầu đau day dứt. Một hôm, thấy Thạch quận công Quyện từ ngoài bước vào thăm hỏi. Quyện sai bày tiệc rượu để khoản đãi Tấn quận công, nhân đó hỏi Tấn quận công có cần nói thêm gì nữa không. Tấn quận công đáp: "Số phận của Mô đã được định đoạt, chỉ mong có chết mà thôi". Thạch quận công nói: "Hoàng triều không hám giết người, hà tất phải cầu chết". Tấn quận công đáp rằng: "Ta thờ vua Lê chúa Trịnh, chỉ nghĩ tới trung hiếu, muốn để tiếng thơm lại muôn đời. Không may đến nước này, sống gửi thác về, có gì mà phải sợ!". Quyện vờ [1] cười nói: "Ta nghe ở thôn quê có câu sấm truyền rằng: "Mô là cây của Mạc, nếu không

---

1. Chỗ này trong nguyên bản chép là "dương" (ngược với "âm", trong từ "âm dương") có thể dịch là bề ngoài, ngoài mặt. Nhưng đúng ra có lẽ là chữ "dương" (giả vờ) do đồng âm mà chép nhầm. Đoạn dưới cũng có một chữ "dương" chép nhầm như thế (Trong câu: Tấn quận công cũng vờ bảo Quyện rằng...).

được Mạc dùng, ắt sẽ thành tro dưới mồ thôi[1]. Ý giả sấm truyền cũng muốn nhắc nhở Tấn quận công đấy, thế mà Tấn quận công lại một mực không tỉnh ngộ". Tấn công cũng vờ bảo Quyện rằng: "Cảm ơn hậu ý của ông đã giải thích cho nghe câu sấm ngữ, ta há chẳng suy nghĩ sao? Song thuở bình sinh khi qua chơi nhà ông, ta thấy thân sinh của ông bảo ông tuy thông minh nhưng lười học, nên mới đặt tên cho ông là Quyện, nhốt ông trong thư phòng, có câu răn rằng: "Quyện là người của sách, vì quay lưng lại sách, quả nhiên bị cái nhục cầm tù"[2]. Sao ông không nghĩ suy về điều đó! Người đọc sách không thể làm trái với sách. Trong sách có nói: "Tôi ngay không thờ hai chúa", ông sao làm trái lời đó vậy? Họ Mạc kia giết vua, làm nhục nước, tiếm xưng đế vị, lẽ ra ông không nên phục vụ cho chúng mới phải. Đằng này ông Thạch quận công lại phản bội chúa của mình, đi phụng thờ kẻ phản nghịch tức họ Mạc. Tuy có được họ Mạc ngợi khen đấy, nhưng đến đời sau, con cháu họ Thạch sẽ chịu tiếng xấu như loài chó lợn, khiến muôn đời chê cười. Còn Tấn quận công này dù một ngày kia có bị giam đến chết khô, thì vẫn được hoàng ân phong tặng hiển hiệu, cả nước tôn thờ, đền miếu của ta ở Nghệ An sẽ được cúng tế, phúc ấm để lại cho con cháu mãi mãi là công thần, rạng rỡ cùng đất nước. Nền phúc thật to dày, vậy thì việc gì ta phải theo ông đi làm phản?". Thạch quận công nói: "Đại trượng phu không thờ hai vua, thế là trung. Quyện này nếu về với chủ cũ sẽ thất trung"[3]. Nói xong liền đứng phắt dậy, phủi áo bước ra.

Ngày 16 tháng đó, Tấn quận công Trịnh Mô bị hãm hại, hưởng thọ 57 tuổi. Thạch quận công bùi ngùi về số phận một anh hùng danh tướng cùng thời, có làm câu khen tặng rằng: "Trung nghĩa, cương liệt, đời hiếm hoi, sau đây ắt sẽ thành thần lớn". Bèn sai sắm quan tài khâm liệm và xin chúa Mạc cho đưa thi hài về táng ở Hoan Châu. Chúa Mạc đồng ý. Thạch quận công thân hành đưa linh cữu Tấn quận công đến bến Đông, đặt ngay ngắn trên một chiếc thuyền chiến, rồi gọi

1. Nguyên văn câu này là: "Mô giả, Mạc mộc dã; bất vi Mạc dụng, tất thành hưu mộ chi khôi". Đây là một kiểu chiết tự: chữ "Mạc" (đây ám chỉ nhà Mạc) ghép với chữ "mộc" (cây gỗ), thành chữ "Mô" (cái tên do Chúa Trịnh ban cho Nguyễn Hoan).

2. Nguyên văn câu này là: "Quyện giả, quyển nhân dã; hữu vi ư quyển, quả thụ khuyên tù chi nhục". Đây cũng là một kiểu chiết tự: chữ "Quyện" (tên của Nguyễn Quyện) gồm chữ "quyển" (sách vở) ghép với chữ "nhân" (người), Nguyễn Quyện trên kia đã dùng lối chiết tự để khích Nguyễn Hoan. Ở đây Nguyễn Hoan cũng dùng lối chiết tự để khích lại Nguyễn Quyện.

3. Ý nói Nguyễn Quyện nay đang thờ nhà Mạc, không thể lại đi thờ một ông vua thứ hai, dù đó là chủ cũ, tức nhà Lê.

bọn lái buôn Hoan Châu tới lĩnh nhận để chuyển về quê quán.

Bấy giờ trong đám khách buôn có tên Lãng Xuyên, ông Trùm Hắc và bà Trùm Trợ phụng đưa linh cữu Tấn quận công vượt biển mà về. May gặp lúc trời yên gió thuận chỉ qua vài ngày, thuyền đã đến cửa biển Đan Nhai [1]. Đám khách buôn đỗ thuyền lại, cho người về cấp báo với bà con thân quyến cùng bè bạn của Tấn quận công. Khi linh cữu rước về tới quê nhà, bèn dựng trại để cử hành tang lễ. Chuẩn bị xong đâu đấy, cho người đến Yên Trường cáo phó. Phủ tiết chế Trưởng quốc công nghe tin, tiếc thương vô hạn. Ông bèn bảo triều thần rằng: "Tấn quận công là người nghiêm minh dũng nghĩa, có nhiều công lao, vâng mệnh giữ đất Hoan Châu để tăng cường thế lực cho Ái Châu, từng đuổi Nguyễn Quyện chạy dài từ sông Tam Kỳ đến cửa biển Đan Nhai. Tài sản nhân dân tơ hào không xâm phạm, Tấn quận công thật là người từ lâu có công lớn với triều đình, không may mất vì việc nước, thực đáng thương tiếc. Nay ủy cho triều đình bàn bạc, gia phong tước trật để nêu cao khí tiết". Thật là [2]:

Cúc cung tận lực chung thời dĩ,
Truy tưởng phong quân lũy thế gia.

Nghĩa là:

Cúc cung tận tụy cho đến phút chót,
Truy tặng Tấn quận phẩm trật đời đời.

Chưa biết truy tặng phẩm trật như thế nào, xem tiết sau sẽ rõ.

TIẾT THỨ TƯ

Mạc Ứng Vương nhập khẩu Quảng Xương huyện,
Trịnh Tiết chế trực đảo Thăng Long thành.

Nghĩa là:

Mạc Ứng Vương vào cướp huyện Quảng Xương [3],
Trịnh Tiết chế đánh thẳng thành Long Đỗ [4].

1. Ở xã Cổ Đan, nơi tiếp giáp của hai huyện Nghi Xuân và Nghi Lộc.

2. Đoạn từ "Trung nghĩa, cương liệt, đời hiếm hoi" đến "Thật là" ở bản Gia Long đã bị mất, đây dịch theo bản Thành Thái.

3. Thuộc Thanh Hóa.

4. Tức thành Thăng Long

Ngày hôm sau triều đình họp bàn, gia phong cho cố Hiệp mưu công thần Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu Binh bộ Thượng thư thái phó Tấn quận công Trịnh Mô làm Hiệp mưu dương vỏ uy dũng Dực vận tán trị công thần Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu Binh bộ thượng thư Tấn quốc công, ban tên thụy là Hùng Nghị, sai quân mang sắc văn đến làm lễ phong tặng.

Khi tiến hành lễ phong tặng, Hoàng thượng tuy còn ít tuổi, vẫn lắng nghe ý kiến bề tôi, ra lệnh nghỉ chầu ba ngày. Lại sai sứ mang sắc chỉ phong tặng Tấn quốc công làm Hành hạ Nghệ An đạo quan, cùng mười hai nén vàng, một trăm nén bạc và các đồ tế lễ đến tận nhà Tấn quốc công phúng viếng. (Đến năm Hoằng Định thứ hai (1602), Triết vương tưởng nhớ đến các bậc công huân triều trước, đã phong thêm tước phẩm cho Tấn quốc công. Số là một hôm, Triết vương nằm mộng thấy Tấn quốc công đến thưa rằng: "Thần xưa kia xông pha tên đạn, mong đóng góp cơ nghiệp nước nhà. Nay thân tuy thác nơi đất khách, mà ngày đêm vẫn khuông phò đất nước. Tuy xuống cõi âm ty mà lòng vẫn không quên vương thất". Triết vương tỉnh dậy, thương xót nói: "Tấn quốc công lập nhiều công to, trước đây tuy có gia phong, nhưng chưa xứng đáng". Bèn họp triều đình bàn bạc, dâng tờ biểu xin phong thêm cho Tấn quốc công là Hùng Nghị khuông tế trạch dân đại vương, xếp vào bậc trung đẳng thần, hương hỏa ngàn năm, cúng tế muôn thuở. Từ đó có sắc của triều đình lập miếu thờ ở thôn Chân Ngọc, xã Đồng Luân [1] hết sức linh ứng. Ơn thấm đến dân, phúc lưu miêu duệ. Vua chúa các đời đều có tiến phong, con cháu cũng được hưởng quan tước).

Lễ cử hành xong, con cháu Tấn quốc công bưng sắc phong đặt trên chiếc linh sàng để trong rạp che bằng tranh. Sau đó chọn ngày mai táng. Mộ đặt tại địa phận thôn Trường Thọ [2]. Cúng lễ trong ba ngày.

Các tướng tá ở địa phương đều cảm kích, cùng nhau tụ họp để đến viếng.

Lúc bấy giờ, nhân tang lễ thân phụ vừa xong, những người con của Tấn quốc công họp nhau lại tại xứ Lương Ngọc, đốt hương thề rằng: "Cha của chúng ta đã mồ yên mả đẹp, người trong họ không ai được tự động dời mộ đi nơi khác". Về sau người con trưởng là Thụy

---

1. Nay là xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương.

2. Nay thuộc xã Thanh Phong, huyện Thanh Chương.

Trung hầu Cảnh Hải nhân lúc ốm nặng, đã lấy trộm "linh luân" [1] cải táng nơi khác, đem hài cốt giả chôn vào nơi cũ. Tiếp đó, người con thứ hai là Cảnh Kiên biết được chuyện này, đã ngầm sai vợ là Nguyễn thị về quê, dùng tiền chuộc lại hài cốt thật. Hồi ấy, người vợ thứ của Thụy Trung hầu là Nguyễn Thị Năm cùng với Hoàng Đăng Quang người thôn Chân Ngọc, xã Đồng Luân có biết việc trên, Nguyễn thị bèn cùng hai người đó tìm đến ngôi mộ vừa cải táng lấy lại hài cốt mang về xã Đô Lương, táng tại phúc địa xứ Cồn Chỏ Mây, thôn Cẩm Hoa Thượng [2] . Thề thốt xong, sai Gia Định hầu (con của Tráng quận công giữ mộ) và lo việc quét tước đền miếu. Những người khác đem quân bản hộ trở về chờ mệnh lệnh mới của nhà vua.

Tấn quốc đại vương xưa lấy con gái Thái Bảo Đường quận công ở xã Dương Hợp, huyện Đông Thành, họ Đào, húy Ngọc. Sau lại lấy người con gái cùng huyện xã Đô Lương, họ Thái, hiền hậu nết na, chịu thương chịu khó (sau khi mất, hiệu là Từ Tân, húy là Tế, chôn ở phúc địa Đô Lương). Lại lấy con gái Phấn Vũ hầu họ Nguyễn, người xã Đỗ Liêu, huyện Thiên Lộc [3], rất có nhan sắc. Lúc bấy giờ Phấn Vũ hầu là một bực túc tướng [4], nên cho con gái ông làm vợ cả. Còn vợ lẽ thì rất nhiều. Sinh hạ được mười người con trai, tám người con gái và hai người con nuôi. Phổ chép như sau:

Người con trai trưởng là Cảnh Hải (được phong là Thị vệ sự Thụy Trung hầu, do bà họ Nguyễn ở xã Đỗ Liêu, huyện Thiên Lộc sinh).

Người con trai thứ hai là Cảnh Kiên (được phong là Thái bảo Tả tư không quán Thư quận công).

Người con trai thứ ba là Cảnh Bố (được phong là Cẩm y vệ sư Vũ Thắng hầu).

Người con trai thứ tư là Cảnh Thuận (được phong là Hành hạ [5] Nghệ An đạo, Đô tổng binh sứ Điên Phúc hầu, cùng mẹ với Thụy quận công [6]).

---

1. Linh luân: nghĩa đen là bánh xe linh cữu, nghĩa bóng là thi hài người chết. Đây chỉ hài cốt Nguyễn Hoan

2. Sau đổi là Rú Cấm, thuộc xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An.

3. Nay là huyện Can Lộc.

4. Túc tướng: Người làm tướng lâu năm.

5. Nguyên văn bản chữ Hán chép nhầm là "Hạ hành". Chúng tôi chữa lại là "Hành hạ" cho đúng nghĩa.

6. Đúng ra phải là Thụy Trung hầu.

Người con trai thứ năm là Cảnh Núi (được phong là Thự vệ sự Mậu Lương hầu, do bà vợ ở thôn Chân Ngọc, xã Đồng Luân sinh).

Người con trai thứ sáu là Cảnh Điền (được phong là Thự vệ sự Nghĩa Võ hầu, cùng mẹ với Thụy Trung hầu).

Người con trai thứ bảy là Cảnh Sơ (được phong là Thự vệ sự Hào quận công, mẹ người xã La Mỗ, huyện Từ Liêm, họ Đỗ, húy Thuận).

Người con trai thứ tám là Cảnh Đoan (được phong là Tham đốc thần vũ tứ vệ quân vụ sự Phúc Nghĩa hầu, mẹ người xã Đại Đồng)

Người con trai thứ chín là Cảnh Yên (được phong là Vạn Lộc hầu, cùng mẹ với Hào quận công).

Người con trai thứ mười là Cảnh Biền (được phong là Thịnh Mỹ hầu, mẹ người xã Đại Đồng, giáp Bầu Sen, họ Nguyễn).

Người con gái đầu là Ngọc Nhật (trước gả cho Chi quận công [1], sau tái giá, lấy An quận công, sau nữa lại lấy Hoài quận công).

Người con gái thứ hai là Ngọc Sử (cùng mẹ với Thụy Trung hầu, lúc đầu gả cho Trinh quận công, sau tái giá, lấy Xuân Dương hầu).

Người con gái thứ ba là Ngọc Ủ (cùng mẹ với Diên Phúc hầu Cảnh Thuận, gả cho Phúc Trạch hầu).

Người con gái thứ tư là Ngọc Tây (trước gả cho Chân quận công, sau tái giá, lấy Mỹ Tiết hầu).

Người con gái thứ năm là Ngọc Bồng (gả cho người con của Tri huyện Văn Minh [2]).

Người con gái thứ sáu là Ngọc Mô [3] (gả cho một người ở xã Đai Đồng [4])

Người con gái thứ bảy là Ngọc Dương (gả cho Đại Lộc hầu [5]).

Người con gái thứ tám là Ngọc Sâm (gả cho Hùng Xuyên hầu [6]).

Con nuôi: Có Tráng quận công và Phù quận công.

Riêng người con thứ hai là Tín quận công Nguyễn Cảnh Kiên có tính khoan hòa, nhân hậu, dũng lược hơn người. Hồi trẻ hoạt động

---

1. Bản Thành Thái chép là Á quận công.

2. Theo Bản phổ ký của dòng họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An thì chồng của Ngọc Bồng là Tri huyện Văn Minh.

3. Đúng ra phải là Ngọc Điện.

4. Cũng theo Bản phổ ký, chồng của Ngọc Mô (Điện) là Hương quận công người làng Phúc Đồng, nay là xã Liên Sơn, huyện Đô Lương.

5. Chỗ này bản Gia Long chép là: "... trước gả cho Đại Lộc hầu sau lại lấy Hùng Xuyên hầu". Những chữ "sau lại lấy Hùng Xuyên hầu" bị xóa.

6. Chỗ này, bản Gia Long bỏ trống, về sau một người nào đó điền vào mấy chữ "gả cho Hùng Xuyên hầu".

trong doanh lữ của cha, đánh trận nào thắng trận ấy. Sau lại hoạt động trong doanh lữ của Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu, tuân thủ mọi hiệu lệnh và điều động của Liêu.

Năm Tân Tỵ (1581), Thanh Hoa nghe tin Mạc Ứng vương Đôn Nhượng [1] đưa quân vượt biển vào cướp phá. Phủ Tiết chế sai Hoàng Đình Ái đốc thúc các tướng chặn đánh. Quân Mạc đến đóng ở núi Đường Nang huyện Quảng Xương [2].

Ngày hôm ấy, Đại tướng quân Hoàng Đình Ái chia quân thành ba đạo, lấy Nguyễn Hữu Liêu làm tiên phong. Hữu Liêu đốc thúc các thuộc tướng của mình là bọn Nguyễn Cảnh Kiên hăng hái tiến đánh, chém được hơn năm trăm đầu giặc. Quân Mạc sợ hãi trốn về Kinh ấp.

Hồi đó, khi quan quân tiến đến xứ Kiều Công, bắt sống được tướng của Mạc là Chấn quận công Nguyễn Công, cùng quân sĩ giặc khoảng mấy trăm người, rồi kéo quân về doanh trại nạp tù binh. Quan tiết chế biết Nguyễn Công là cháu ngoại của Hữu Liêu nên tha tội cho rồi giao cho Dương quận công vỗ về nuôi dưỡng (sau Nguyễn Công được phong là Tung quận công). Ngoài ra, Phù Bang hầu cùng các tù binh khác độ vài trăm tên đều được cấp quần áo lương thực, cho về quê quán.

Từ đó, quân Mạc không dám dòm ngó phía Tây Nam nữa. Hai xứ Ái, Hoan [3] được yên ổn làm ăn. Triều đình bàn bạc việc khen thưởng những người có công trong trận Đường Nang, phong Hoàng Đình Ái làm Thái úy, Nguyễn Hữu Liêu làm Tây quân Đô đốc phủ Chưởng phủ sự. Những người còn lại đều được phong chức tước theo thứ bậc khác nhau. Năm sau ban sắc mệnh.

Lúc bấy giờ Tín quận công có nhiều công tích, được nhận phẩm trật vinh dự, mừng rỡ khác thường. Lại ứng điềm sinh tướng võ. Vợ ông họ Nguyễn, là chắt của Thái sư Cang quốc công, người xã Thượng Xá, huyện Chân Phúc. Hai người lấy nhau, đến năm Quang Hưng Quý Mùi (1583) thì bà có mang, sinh được một người con trai khác thường, đặt tên là Cảnh Hà, tức Phò mã Đô úy thiếu phó Tả tư không Thắng quận công sau này.

Phúc nha đã thành, không nhãng xao việc nước. Một hôm, hành quân đến xứ Kinh Dự, Tiết chế sai Dương quận công và thuộc tướng

---

1. Đôn Nhượng là con út của Mạc Đăng Doanh, chú ruột của Mạc Mậu Hợp.
2. Nay thuộc Thôn Nang, xã Hưng Lễ, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa.
3. Tức Ái Châu (Thanh Hóa) và Hoan Châu (Nghệ An).

Cảnh Kiên làm cầu phao; đem hơn một vạn tinh binh qua sông, bí mật tới mai phục ở cánh đồng. Phủ Tiết chế lại ra lệnh cho đại quân vờ rút lui. Quân Mạc không biết đây là mưu kế, cắm cổ đuổi theo. Bỗng bốn bề phục binh nổi dậy, giết không biết bao nhiêu là địch. Quân Mạc đua nhau trốn về Kinh ấp. Quan quân cũng trở lại Thanh Hoa, ban thưởng và úy lạo cho các tướng sĩ.

Đến tháng 12 năm Tân Mão (1591), quan Tiết chế cùng các tướng bàn kế hoạch mật đưa quân theo đường núi ra Sơn Tây để tập kích Thăng Long. Sai bọn Điền quận công Trịnh Văn Hải, Thái quận công Nguyễn Thất Lý đem tinh binh trấn giữ các cửa biển, Thọ quận công Lê Hòa túc trực ở ngự doanh. Còn Tiết chế trưởng quốc công thì đôn đốc tướng sĩ chia thành năm đội, đem tất cả sáu vạn quân lên đường. Lấy bọn Thái phó Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu, Kỳ quận công Trịnh Ninh làm đội thứ nhất Tả khu doanh tướng, thống lĩnh quân tinh nhuệ, cùng binh mã tướng sĩ các doanh cơ trung nghĩa gồm một vạn làm tiên phong.

Quân xuất phát từ Tây Đô, men theo huyện Quảng Bình [1] qua đường Thiên Quan đến Mỹ Lương, đây đều là những nơi khỉ ho cò gáy. Quan quân phải phá núi mở đường, băng ngàn vượt suối, đi suốt đêm ngày. Hành quân được khoảng mười hôm thì lương cạn. Bấy giờ gặp tiết trời lạnh, ba quân đi trong đói rét. Khi đến chân núi Mã Yên, được tiếp tế lương thực, bèn trú quân lại ba ngày. Sau đó tiếp tục hành quân. Đến chùa Ngô Sơn (có bản không chép "Ngô" là họ Ngô, mà chép "ngô" là ta) quan quân bèn dừng lại nghỉ ngơi, úy lạo binh sĩ, đồng thời cho người bí mật đi dò la tung tích của địch. Sai doanh Trấn Nghĩa đến Phấn Thượng trước để bày binh bố trận, đâu đấy sẵn sàng.

Lại nói triều Mạc cho rằng nơi biên trại đã yên tĩnh, không có gì phải lo lắng. Chợt nghe Tây đạo cấp báo quân Thanh Hoa ra xâm lấn, Thanh thế chấn động. Trong kinh ngoài trấn do đó đều khiếp đảm. Chúa Mạc xuống chiếu điều binh mã bốn trấn, bốn vệ [2], năm phủ [3] ước hơn mười vạn, hẹn đến ngày 16 tháng ấy cùng đến Hiếp Thượng, Hiếp Hạ, hội quân kiểm điểm để chuẩn bị tiến đánh. Sai bọn Đà quốc công Mạc Ngọc Liễn, Thường quốc công Nguyễn Quyện

1. Nay thuộc Thanh Hóa.

2. Bốn vệ: gồm Hưng quốc, Chiêu vũ, Cẩm y và Kim ngô.

3. Năm phủ: gồm Trung quân, Đông quân, Tây quân, Nam quân và Bắc quân.

chia nhau đốc thúc binh mã các đạo, chờ lệnh tiến phát.

Đến ngày Mậu Ngọ, chúa Mạc là Hồng Ninh dẫn quân đến Phấn Thượng, tự mình đốc chiến. Lấy Khuông Định công, Tân quận công làm tiên phong. Đà quốc công làm Hữu dực, Thường quốc công làm Tả dực. Sau khi đã bố trí đâu vào đấy, Hồng Ninh bèn cho quân khiêu chiến.

Lực lượng tiên phong của quân Nam là doanh Trấn Nghĩa chăng cờ, gióng trống giữ chặt đồn lũy. Thấy thế giặc mạnh, quân Nam liền cho tiểu tốt về cấp báo. Quan Tiết chế liền triệu tập các tướng lĩnh bàn mưu kế đánh địch. Trù tính chưa xong, lại nghe quân tuần tiễu về cấp báo. Quan Tiết chế liền sai quan quân Hữu khu doanh cùng bốn trăm quân thiết kỵ vừa mới tuyển chọn đi trợ chiến.

Tiên phong Dương quận công thấy lực lượng tiếp viện đã tới, bèn cho quân dàn trận. Sai thuộc tướng là Tín quận công Cảnh Kiên đốc quân tinh nhuệ tiến lên. Chỉ trong nháy mắt, Cảnh Kiên đã giết được hai tướng giặc là Khuông Định công và Tân quận công. Quân Mạc dần dần lùi bước.

Thấy bị tổn thất hai viên tướng, quân Mạc liền án binh bất động. Lúc đó Thường quốc công Nguyễn Quyện đang ở mặt trận, thấy người chỉ huy quân Nam đích thị là Tín quận công, bèn đến hành dinh tâu với chúa Mạc rằng: "Quân Trại [1] ương ngạnh lắm, chưa có thể dùng sức mà đánh bạt đi được. Nay nên dùng kế giả chạy để phục kích, chắc sẽ thu toàn thắng. Thần mong bệ hạ dựa vào mưu kế tài tình, hiệp sức cùng các tướng kiên trì mà đánh, còn thần thì lui quân về mai phục ở Phấn Hạ. Đến giữa chiều, bệ hạ vờ dẫn quân rút chạy, giặc tất sẽ điên cuồng đuổi theo. Thần sẽ phát lệnh cho phục binh nổi dậy đánh thẳng vào địch, làm cho chúng tan tác. Bệ hạ chớ vì buồn phiền mà nản chí". Hồng Ninh nói: "Sự thành bại của xã tắc là nhờ vào sự tính toán của khanh, ta không thể không nghe theo". Thường quốc công lạy tạ bước ra, lui quân về Phấn Hạ mai phục sẵn.

Đến giờ Thân [2] quan Tiết chế tự đốc thúc đại quân đánh gấp, thế như chẻ tre. Mạc Hồng Ninh cho quân rút lui. Giặc tuy đông, nhưng mất tinh thần, cờ quạt nghiêng ngả, hàng ngũ rối loạn. Quan quân

1. Chỉ quân Lê Trịnh.

2. Khoảng từ 15 đến 17 giờ

nhân đó cản phá giặc đuổi chúng chạy dài đến cửa sông Hát [1]. Hồng Ninh chạy đến Phấn Hạ, sang sông tẩu thoát. Thường quốc công nhìn thấy quân của nhà vua, trong lòng hết sức rụn sợ. Cho nên tuy có đặt quân mai phục, Quyện vẫn không dám ho he gì, chỉ tìm cách lánh cho xa để bảo toàn lực lượng.

Trời sắp tối. Quan Tiết chế sai thổi tù và thu quân. Đêm hôm ấy nghỉ lại tại An Sơn. Màn trời âm u, thôn xóm tiêu điều. Thật là:

Dực diệu âm thừa lân hí dã.
Túc nghiêm hàn khởi điểu di sào.
Lục canh niên mạo trù tăng điểm.
Ngũ đội thư nhàn thụy đạt tiêu.

Nghĩa là:

Lập loè quãng vắng ma trơi dỡn.
Dời tổ chim kêu lạnh tái tê.
Dằng dặc sáu canh, thêm ít nữa.
Suốt đêm năm đội ngủ ngon lành.

Sáng hôm sau tiến quân đóng ở Cầu Sơn. Đến đêm Canh Thân, quan Tiết chế gọi Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu vào bảo rằng: "Nay quân ta đang ở cái thế sấm rền, phải làm cho chúng không kịp bưng tai. Giặc dã cuồng loạn, ta thừa cơ mà đánh, sẽ dễ như với tay nhặt cái rác. Nhà ngươi cứ đem quân đến dưới chân thành Thăng Long phóng hỏa để phô trương thanh thế. "Chúng tất sợ mà chạy, ta dù không đánh cũng cứ thắng". Dương quận công nhận lệnh lui ra. Tảng sáng hôm sau, ngày Tân Sửu, Nguyễn Hữu Liêu bí mật đem năm ngàn quân và một trăm thớt voi khoẻ theo đường tắt xuất phát. Cùng ngày, quan Tiết chế ra lệnh cho các cánh quân vượt qua sông Cù, san phẳng đồn lũy để tiện đường hành quân. Đêm ba mươi tết, Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu dẫn quân tiến thẳng đến phía dưới thành Thăng Long, đặt lực lượng mai phục ngoài cửa Tây Bắc. Vào khoảng nửa đêm, bắn liền bảy phát súng, rồi đốt nhà cửa dưới chân thành. Lửa cháy rực trời, kinh thành náo động, người người thất kinh. Nhân dân các phố già trẻ dắt nhau chạy đầy đường. Khắp Đông Tây cùng hò reo triệt phá cung điện họ Mạc. Dân chúng tranh nhau qua sông, thuyền đắm chết hơn nghìn người.

Chúa Mạc Hồng Ninh sau khi thất bại ở Phấn Điền về, đã ra

---

1. Ở xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, nay thuộc Hà Tây.

lệnh cho tướng tá túc trực ở các cửa thành, canh phòng cẩn mật. Kinh sư giới nghiêm, mong được yên ổn trong đêm ba mươi tết. Không dè cơ sự lại xảy ra như vậy. Hồng Ninh sợ vỡ mật, bèn cùng chúa hậu và các cung nữ gói ghém vàng bạc của cải, tụ tập ở cửa quân, chờ trời sáng để chạy trốn.

Đến tảng sáng ngày mồng một tết, Dương quận công hạ lệnh rút quân về hành dinh, hội họp tướng sĩ làm lễ chúc mừng năm mới. Tiếp đó cho toàn quân về tập kết tại đồn sở của đại quân. Thật là:

Ngũ quỷ ký khu thanh lạp hối.
Ngũ lôi phục hướng hạ nguyên thần.

Nghĩa là:

Ngũ quỷ [1] xua đi cùng tháng cũ.
Năm quân [2] quay lại đón tân niên.

Trong lúc tấu nhạc vui xuân, vẫn không quên niềm trung kính. Chí cần vương chẳng dám nhãng xao, thật là chuộng khí tiết. Không biết về sau như thế nào, xem hồi sau sẽ rõ.

---

1. Ngũ quỷ: Năm tên gian tà, giả dối, thâm hiểm đời Tống. Gồm Vương Khâm Nhược, Đinh Vị, Lâm Đặc, Trần Bình Niên, và Lưu Thừa Khuê (theo *Tống sử, Vương Khâm Nhược truyện*). Đây chỉ vua tôi nhà Mạc.

2. Năm quân: Tạm dịch chữ "ngũ lôi", năm vị thần sấm sét của nhà trời. Đây chỉ quân Lê Trịnh. Bài thơ trên kia có câu: "Suốt đêm năm đội ngủ ngon lành", chữ "năm đội" ứng với chữ "ngũ lôi" ở đây.

HỒI BA [1]

TIẾT THỨ NHẤT

Mạc quân thần thoái thủ Hà Bắc.
Bùi phụ tử đãi mệnh Điềm Giang.

Nghĩa là:

Vua tôi nhà Mạc rút về giữ Hà Bắc.
Cha con họ Bùi chờ lệnh ở Điềm Giang.

Sáng ngày Nhâm Tuất, mồng một tháng giêng năm Nhâm Thìn (1592), Tiết chế Trưởng quốc công Trịnh Tùng dẫn các tướng sĩ văn võ từ mặt trận trở về, mở hội chúc mừng năm mới. Bỗng thấy Liêu quận công [2] từ ngoài bước vào. Chờ Liêu ngồi xong, Tiết chế Trịnh Tùng an ủi rằng: "Tướng quân vất vả, xông pha tuyết sương, đêm ba mươi tết đột nhập vào thành phóng hỏa, làm sáng rực cả góc trời phía Đông. Tướng quân có được tin tức gì về họ Mạc trong kinh thành không?". Dương quận công nói: "Thần vâng theo kế hoạch tài tình của chủ tướng, nhân đêm tối tiến quân đến đóng ở góc cửa Tây Bắc, phóng hỏa đốt bờ thành. Phố xá vì vậy rối loạn, làm chấn động cả kinh đô. Đến đầu canh năm, tin tuần tra cho biết Hồng Ninh vừa bỏ kinh thành chạy trốn". Quan Tiết chế nói:

"Quân địch đã đảo điên mất vía, rơi vào thế khó chống cự. Còn quân ta thì đang ở thế đuổi giặc chạy dài, tiến thêm bước nữa có thể chiếm lấy kinh sư". Nói xong, ai nấy đều đứng thành hàng làm lễ bái

---

1. Mở đầu phần này, trong nguyên bản chữ Hán còn có những tiêu đề phụ như sau: "Thiên Nam liệt truyện quyển đệ lục" (*Thiên Nam liệt truyện*, quyển thứ VI); "Nam Đường phiếm thoại tứ hồi tam" (*Nam Đường phiếm thoại*, hồi thứ ba trong số 4 hồi); "Nguyễn Cảnh thị Hoan Châu ký" (*Hoan Châu ký* của họ Nguyễn Cảnh). Ở đây, để thống nhất với cấu tạo chung của sách, chúng tôi không dịch các tiêu đề phụ trên.

2. Tức Nguyễn Hữu Liêu.

vọng về phía Nam [1], rồi mở tiệc lớn ăn mừng.

Hôm sau là ngày Quý Hợi, chuyển quân đến đóng ở xứ Bài Ninh. Ngày Giáp Tý, mồng 3, sắm lễ tế trời đất cùng Thái tổ Cao Hoàng và các vị Hoàng đế thuộc bản triều [2], các thần sông thần núi trong cả nước. Lễ xong, bèn thảo luận kế hoạch đánh thành Thăng Long. Ngày hôm đó hạ lệnh nhổ trại tiến quân đến đóng ở bờ phía Tây sông Ninh Giang [3]. Ngày Bính Dần, mồng năm tết, quân của Tiết chế đã sang sông tiến đến chùa Thiên xuân, thanh thế chấn động.

Hồng Ninh nghe tin đại quân sắp áp sát cầu Nhân Mục [4] bèn sai tướng Tây đạo là Mạc Ngọc Liễn tiếp tục giữ đoạn phía Tây cửa Bảo Khánh đến phường Nhật Chiêu; Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên giữ đoạn từ cửa Cầu Dừa đến cửa Cầu Muống. Tất cả đều chia thành từng doanh mà đóng quân, ngày đêm đóng cửa cố thủ. Trong thành Đại La, tướng Nam Đạo là Thường quốc công Nguyễn Quyện kiêm thống lĩnh binh mã vùng Đông Bắc, giữ đoạn từ Mạc Xá trở về phía đông, làm lực lượng ứng cứu. Sau khi các tướng thuộc các đạo dẫn quân lên đường, Hồng Ninh tự đôn đốc thủy quân dẫn hơn một trăm chiếc thuyền ở phía bắc sông Nhị để làm thanh viện. Ngày hôm đó, Hồng Ninh ở quán Thổ Khối [5].

Ngày Đinh Mão, mồng sáu, Tiết chế đốc thúc quân lính qua sông Tô Lịch, đến cầu Nhân Mục xứ Xạ Đôi [6] thì đóng quân lại. Tiếp đó, vạch kế hoạch chia đường cùng tiến, hẹn trong ngày, cố nhổ cho được thành lũy Thăng Long. Phân công xong, các tướng được lệnh xuất phát, Quan Tiết chế đôn đốc đại doanh làm hậu đội tiến theo sau. Đến Hồng Mai [7], Trấn Nghĩa hầu Tuấn Nghĩa tranh lên trước, đến xứ Ung Mạc.

Thường quốc công Nguyễn Quyện dẫn quân mai phục ở ngoài cửa Cầu Giền, bày sẵn các cỗ súng bách tử [8] và hỏa khí để đợi.

Quan Tiết chế bắn ba phát pháo hiệu. Các tướng theo lệnh cùng

---

1. Bái vọng vua Lê lúc này đang ở Thanh Hóa.
2. Bản triều: chỉ triều Lê.
3. Chỉ đoạn sông Đáy chảy qua Ninh Sơn, gần chùa Trầm.
4. Chỗ này trong nguyên bản chữ Hán chép nhầm là "cầu Nhân Lục". Đây theo ĐVSKTT chữa lại là "cầu Nhân Mục, tức Cầu Mọc".
5. Thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.
6. Nay là vùng Giảng Võ, Hà Nội.
7. Nay là vùng Bạch Mai, Hà Nội.
8. Súng bắn đạn ria.

tiến. Quân chính doanh đi thẳng đến Cầu Giền. Tướng Tả khu là Thái phó Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu thống lĩnh các thuộc tướng dàn "nhạn trận" mà tiến. Lấy Tín quận công làm quân tiên phong. Tín quận công Nguyễn Cảnh Kiên xông lên trước, đến Cầu Dừa [1], đặt súng ngay trên đường cái lớn mà bắn, tranh mở đột phá khẩu để tấn công quân Mạc.

Tướng Mạc là Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên thấy sức mình không thể địch nổi, để mặc quan lính mạnh ai nấy chạy. Thấy hai tướng đã rút chạy, Mạc Ngọc Liễn vô cùng sợ hãi, liền tìm đường lẩn trốn.

Quan quân thừa thắng đuổi giặc chạy về phía Bắc đến tận bờ sông. Bèn phóng hỏa đốt cung điện và phố xá kinh thành, khói lửa mù trời. Quan Tiết chế đốc thúc tướng sĩ và voi ngựa, triệt phá Cầu Giền.

Quân mai phục của Thường quốc công Nguyễn Quyện trở tay không kịp, bị chết sạch ở ngoài Cầu Giền. Quyện bị vây, hết đường tiến thoái, bèn cùng hai con là Bảo Trung và Nghĩa Trạch chỉ huy bọn thủ hạ cố sức đánh, hy vọng phá vây. Mặc dù tả xung hữu đột, nhưng thế không làm gì được, tinh binh của Quyện phần nhiều bị chết. Quyện chạy về bản doanh.

Quan quân ba mặt đua nhau tiến. Chỉ trong chốc lát [2] đã bắt sống được Thường quốc công dẫn đến nạp trước quân doanh. Quan Tiết chế sai cởi trói, đãi theo lễ tân khách, nói đến công ơn nuôi dưỡng của Minh Khang Thái Vương. Thường quốc công thẹn đỏ mặt, than rằng: "Trời đã bỏ họ Mạc, thì dù có mưu trí anh hùng cũng chẳng làm gì được". Quan Tiết chế khen câu nói đó.

Khi Thường quốc công bị vây bắt, quan quân có khuyên Thường quốc công hàng phục để góp sức cùng triều đình. Nhưng Thường quốc công đã lấy dao cắt mũi thề rằng: "Chịu ơn sâu của nhà Mạc, há có thể đổi dạ thay lòng!". Phủ Tiết chế nhìn thấy Quyện bị thương ở mũi, lấy thuốc thang cấp cho và sai người chăm sóc. Quan Tiết chế lại hỏi Quyện rằng: "Nay họ Mạc tuy bị mất kinh sư, nhưng còn hùng cứ ở mạn bắc Trường Giang [3]. Ta muốn tiến đánh chúng, theo ý khanh nên làm thế nào?". Bấy giờ Quyện nghĩ họ Mạc sau khi bị tan vỡ, quân các đạo phía Đông và phía Bắc chưa kịp chiêu mộ. Do vậy

---

1. Nguyên văn chép nhầm là Cầu Cau (Lang kiều).
2. Nguyên bản chép là "mới hơn một khắc", tức khoảng 15 phút.
3. Chỉ sông Nhị.

Quyện muốn dùng kế hoãn binh, bèn đề xuất mưu gian rằng: "Quyện là tướng của đám bại quân, không dám nói là dũng cảm. Thế nhưng nơi mà họ Mạc lấy làm chỗ dựa, phải kể Quyện đứng vào hàng đầu. Quyện còn thì họ Mạc còn, Quyện mất thì họ Mạc mất. Nay Quyện đã bị bắt rồi, quân Mạc ở phía bắc Trường Giang không đáng lo. Vậy bàn gì bây giờ? Chung quanh thành Đại La hào lũy chông gai dày đặc. Nếu không san bằng nó đi, chỉ sợ lúc đại quân rút về Tây [1], quân đối phương trở lại chiếm đóng sửa sang thêm thành quách để cố thủ, thì dù có hàng trăm vạn hùng binh cũng không thể hàng tháng, hàng năm mà phá được. Như thế, sự nghiệp trung hưng biết khi nào mới hoàn thành? Tóm lại, nói về kế sách, điều quan trọng là phải san bằng các lũy đất chung quanh thành Đại La để loại trừ nguy cơ quân đối phương về chiếm lại". Quan Tiết chế nghe theo. Ngày Bính Tý - Thượng Nguyên [2] tháng đó, hạ lệnh cho quân lính san bằng lũy đất quanh kinh thành. Thật là:

Thế giới quang minh,
Đông Tây hạo đãng.
Tứ phương đản kiến dân nha khoáng,
Tam Đảo cao chiêm bích tản hình.
Mạc nhân nan cứ Đại La thành,
Lê xã trùng hưng quang chính thống.

Nghĩa là:

Thế giới quang minh,
Đông Tây thoáng đãng.
Bốn phương chỉ thấy dân ly tán,
Tam Đảo cao trông chiếc lọng xanh.
Họ Mạc khó giữ Đại La thành,
Nhà Lê trung hưng, ngời chính thống.

Quan quân lưu trú tại Thăng Long hơn một tháng, tuyển thêm binh mã ở phía Bắc sông, ra sức phòng bị. Thấy chưa có cơ hội đánh lớn, quan Tiết chế đốc thúc binh lính, đi đánh lấy các huyện thuộc hai đạo Tây và Nam rồi trở về Thăng Long.

Tháng ba khải hoàn. Quan quân theo đường Ứng Thiên, Thiên Quan mà đi, sau mười hôm đến phủ Trường Yên báo tin thắng lợi. Vua sai triều đình luận công ban thưởng. Khi ấy Tín quận công Nguyễn Cảnh

1. Chỉ vùng đất Thanh Nghệ, nơi nhà Lê đang chiếm giữ.
2. Tức ngày 15 tháng giêng Âm lịch.

Kiên có công tích trội hơn mọi người, được thăng làm Đô đốc thiêm sự. Số tướng tá còn lại cũng đều được ban phẩm trật. Mọi người bái tạ ân mệnh, trở về doanh trại nghỉ ngơi, đây không nhắc tới nữa.

Lại nói đến triều Mạc sau khi quan quân nhà Lê quay về phía Tây, vua tôi được yên nghỉ, nhân dân Đông Bắc cũng tạm thảnh thơi. Họ Mạc lại cất cử quân sĩ đi kinh lược hai đạo Tây và Nam. Nhân dân các phủ huyện đều im lìm không động đậy. Bộ Lễ tâu xin mở khoa thi Hội để trấn an lòng người. Chúa Mạc nghe theo. Năm ấy lấy đỗ 17 người theo thứ hạng khác nhau, trong đó có Phạm Hữu Năng [1]. Ân lệ ban cấp đều thi hành theo ngạch cũ.

Bốn trấn yên ổn được hơn vài tháng. Đến tối ngày Mậu Tý, mồng một, tiết Trọng Thu, có ngôi sao sa dài năm trượng, trông tựa tấm lụa, sáng rực như ánh chớp, rọi chiếu vào nhà. Khi xuống tới đất, có tiếng nổ vang như sấm.

Chúa Mạc an nhiên, không biết điềm tai biến, buông tuồng dâm dục, trễ nải chính sự. Lại đam mê tửu sắc, không còn biết kiêng dè, làm tình ngay trong cung.

Thường quốc công Nguyễn Quyện có một người con gái đẹp họ Nguyễn được chúa Mạc [2] hết sức yêu vì. Bỗng một hôm, trong lúc cùng Nguyễn thị ngắm hoa ở vườn sau, chúa Mạc thấy ngay trước thềm có một cô hầu lộng lẫy: phấn hồng phớt thoa, mày xanh khéo kẻ, mặc áo lụa huyền, để lộ nước da trắng tựa ngọc, chân đi hài mũi đỏ, tay động búp sen vàng. Nhan sắc nghiêng nước nghiêng thành đầy khêu gợi, quấy lên lòng thèm muốn làm mờ mắt quân vương. Mạc Hồng Ninh nhìn lấm la lấm lét, hai môi lắp bắp, chỉ tay hỏi rằng: "Đây là nhân vật nào mà ta gặp muộn vậy?". Nguyễn Phi [3] thưa rằng: "Ồ em gái của thiếp đấy mà. Nó tên là Ngọc Niên (người con gái thứ ba của Nguyễn Quyện), đã gả cho Sơn quận công Bùi Văn Khuê rồi". Hồng Ninh mắng rằng: "Thường quốc công lầm rồi. Có người con gái đẹp như thế lại đem gả cho Bùi lang. Thật không hiểu Bùi lang tuy có dáng đẹp xuất chúng, nhưng trẫm xem trạng mạo của hắn đích thị là tên có tướng phản nghịch. Trẫm dùng hắn là cực

1. Theo ĐVSKTT thì trong khoa thi này, Trịnh Cảnh Thụy, Ngô Trí Hòa đỗ tiến sĩ xuất thân, Ngô Trí Tri đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Theo *Lịch triều hiến chương loại chí, Nhân vật chí* thì Ngô Trí Tri là con của Ngô Trí Hòa.

2. Chỉ Mạc Mậu Hợp tức Hồng Ninh.

3. Cũng tức là Nguyễn Thị.

chẳng đã đấy thôi. Nguyễn muội [1] sao nỡ hủy hoại nhan sắc, cam tâm đi lấy một tên ô trọc như vậy? Đêm nay nên để cô em ở lại trong cung, đợi trẫm trừ khử thằng phản bội kia đã, rồi sẽ chọn cho cô em một người chồng tốt hơn, ngõ hầu làm cho xứng đôi vừa lứa, trăm năm không còn lo ngại gì. Đó cũng là cách ta đáp lại công lao tình nghĩa của Thường quốc công".

Vừa dứt lời, bỗng có quan trong triều vào tâu việc đề phòng quân Ái Châu ra quấy nhiễu. Chúa Mạc liền ra ngoài tiếp khách. Nguyễn Thị Ngọc Niên nhân đấy chạy về doanh trại, đem những điều Hồng Ninh vừa nói kể lại cho Bùi Văn Khuê nghe. Bùi lang thở dài mà rằng: "Ta vốn một lòng thờ vua, mà quan gia [2] thì hám dục không biết chán. Ta nếu không tính liệu sớm, ắt cũng bị đối xử như Mật Khang công thôi. Với nhan sắc kiều diễm của nàng, rất xứng đáng làm thiếp cho Chúa thượng. Ta sẽ viết giấy hiến nàng cho chúa, ngõ hầu trọn đạo thờ vua". Nguyễn Thị Ngọc Niên đáp: "Thiếp vốn một niềm trung tín với chàng, nỡ nào chàng bỏ thiếp giữa nơi vô vọng!". Nói xong, bèn rút khăn hồng ra định thắt cổ tự vẫn. Bùi Văn Khuê vội vã giật lấy chiếc khăn nói: "Ta vốn biết nương tử trinh tiết, nhưng vì muốn thử tình, thành ra nói như vậy thôi. Ngờ đâu nàng lại quyết liệt đến thế! Nay ta thôi không nói chuyện đem hiến nàng vào Hàm Đan [3] nữa. Nhưng tình huống bức bách, biết làm thế nào bây giờ?". Nguyễn Thị Ngọc Niên nói: "Chúa thượng mê muội, thật không hiểu đạo làm vua. Nay đương khi quốc gia nghiêng ngửa mà buông tuồng như vậy, thì bại vong nhất định sẽ đến thôi. Chàng đã sớm nhìn thấy cơ sự, mà còn có thể tiếp tục thờ chúa Mạc hay sao? Chi bằng chuyên tâm đến phía Tây [4], bắt chước chuyện Trần Nhụ Tử [5]. Bùi nghe theo, bèn cùng vợ gói ghém của cải trong nhà đâu vào đấy. Ngày hôm sau, quả nhiên thấy Hồng Ninh sai mấy viên nội quan đến doanh trại tuyên đọc lệnh triệu tập của triều đình. Bùi Văn Khuê bèn bắt hết bọn nội quan giam vào nhà tối. Đêm hôm đó, ngầm truyền

1. Tức Nguyễn Thị Ngọc Niên, em ruột của Nguyễn Thị, em vợ của Hồng Ninh

2. Chỉ vua nhà Mạc.

3. *Hàm Đan:* tên một cung điện xây vào đời Hán, Trung Quốc. Đây chỉ cung nhà Mạc.

4. Ý nói theo về với nhà Lê.

5. *Trần Nhụ Tử:* tức Trần Bình, tên chữ là Nhụ Tử, người đời Hán. Bình từng giúp Lưu Bang ổn định thiên hạ. Khi Huệ Đế lên ngôi, Bình được phong làm Tả Thừa tướng. Lã Thái hậu lập người họ Lã làm vương, Bình vờ nghe theo. Khi Lã Thái hậu chết, Bình cùng Chu Bột hợp mưu giết người họ Lã, lập Hiếu Văn Đế để giữ ngôi báu cho họ Lưu.

lệnh cho bản bộ nhất nhất chuẩn bị người ngựa lương thảo, nhân đêm sao, nhổ toàn bộ doanh trại chạy về huyện Gia Viễn, xứ Sơn Nam, đóng quân ở đấy không ra nữa. Hồng Ninh sợ xẩy chuyện lôi thôi, nhiều lần sai người đến gọi về nhưng mãi vẫn không được, bèn sai tướng tới lui kể tội. Bùi Văn Khuê nghe tin, lập tức đem quân chống lại quân Mạc, đồng thời sai con vào thành dinh Thanh Hoa xin hàng và xin quân ra cứu viện.

Lúc bấy giờ, quan Tiết chế đang sửa sang khí giới, chuẩn bị người ngựa lương thảo, muốn bằng một trận diệt hết lũ tiếm nghịch. Bỗng thấy Sơn quận công sai con đến hàng và xin đưa quân đến bến Điềm Giang (tức sông Đàm Xá. Lúc này vì Thế Tông húy là Đàm, nên đổi ra như thế), ngõ hầu được cứu nguy và xin làm hướng đạo để góp chút công nhỏ. Quan Tiết chế nói: "Sơn quận công đã hàng, đấy là trời cho ta thành công". Bèn dâng biểu xin xuất quân, truyền lệnh cho các doanh trại cùng lên đường.

Lúc đó, con của Sơn quận công khẩn khoản xin viện binh cấp tốc. Quan Tiết chế trước hết sai Thái úy Vinh quận công Hoàng Đình Ái đi cứu Sơn quận công. Vinh quận công lĩnh binh mã các doanh cơ tiến đến Bãi Trời thì đóng quân lại. Cha con Sơn quận công nghe tin, lập tức đem binh mã bản bộ cùng con em, gia quyến cả thảy ba ngàn người ra đón tiếp, lạy rạp trước quân, xin dẫn quan quân theo đường tắt đi bắt Hồng Ninh. Vinh quận công còn chưa tin, sai Sơn quận công đem quân bản bộ ra giữ Điềm Giang để xin lệnh. Sơn quận công nhận lời ra đi. Vinh quận công bảo các tướng rằng: "Lời nói của y tuyệt thật, nhưng với kẻ địch không nên tin tất cả. Giả sử công việc nhỡ lỡ thì ai chịu trách nhiệm. Nay ta phải mau mau sai người về tâu trình với Quân sư[1] xem ý Quân sư thế nào để tiện làm chỗ dựa". Thế rồi cho người về báo gấp với Yên Trường. Thật là:

Hướng lộ tuy bằng tha hiệu thuận,
Vận trù tu đãi ngã Quân sư.

Nghĩa là:

Dẫn đường tuy cậy người quy thuận,
Trù hoạch phải chờ ý Quân sư.

Không biết chủ soái quyết định như thế nào, xin xem tiết sau sẽ rõ.

---

1. Chỉ Trịnh Tùng.

TIẾT THỨ HAI

Nghị Hoàng đế tiến ngự Đông Kinh,
Phùng Khắc Khoan phụng sứ Bắc quốc.

Nghĩa là:

Nghị Hoàng đế tiến đóng Đông Kinh[1],
Phùng Khắc Khoan phụng sứ Bắc quốc[2].

Lại nói quan Tiết chế cùng các tướng họp bàn việc tiến đánh. Đương lúc chỉnh đốn binh mã, lương thảo, bỗng thấy thư báo của Vinh quận công. Trời đang tiết Huyền Minh[3], Tiết chế liền đem quân ra Trường Yên[4], tiến đến Điềm Giang[5] đồn trú binh mã. Sơn quận công đưa quân đến bái yết, khóc lạy dưới cờ, tâu bày các việc trước sau. Quan Tiết chế vỗ về an ủi, ban cho tước Mỹ quận công, tiến đến Khuất Giang đạo đón đánh quân Mạc.

Quan Tiết chế thúc quân sang Điềm Giang để đánh phá quân Mạc. Khi tiến đến thành Cổ Lộng thì gặp hai tướng Mạc ở Sơn Nam là Quỳnh quận công và Lộc quận công đến hàng.

Ngày hôm sau, lại tiến đến huyện Thanh Liêm. Quan Tiết chế sai quân sĩ thu góp lương thực, rồi ra lệnh cho quân thủy bộ cùng tiến, đóng quân ở Trại Kiều. Các tướng ở Sơn Nam đều ra đầu thú. Quan Tiết chế thu nạp hết và cho giữ chức tước như cũ. Người người tạ ơn lui ra.

Đến tiết đông chí, Tiến đến châu Tinh Thần[6] (*Trung hưng*[7] chép là Thanh Thần) đóng quân lại.

Ngày 12, gặp dịp sinh nhật của Tiết chế trưởng quốc công, trăm quan vào chúc mừng. Lễ xong, mở tiệc lớn chiêu đãi. Trong quân ai nấy đều vui say.

---

1. Chỉ kinh đô Thăng Long.

2. Chỉ Trung Quốc.

3. Nguyên bản là "huyền minh" (huyền là đen, minh là sáng). Đúng ra phải viết chữ "minh" là "tối". "Huyền minh" có nghĩa là u ám, chỉ sắc trời mùa đông. Trịnh Tùng cất quân đi đánh nhà Mạc lần này vào tháng 10 âm lịch (Theo ĐVSKTT).

4. Trường Yên: tên phủ, ở Ninh Bình.

5. Điềm Giang: xưa là bến đò Đàm Gia, ở xã Điềm Xá, huyện Gia Viễn, Ninh Bình.

6. Châu Tinh Thần: sau đổi làm xã Thanh Thần, thuộc Thanh Oai.

7. Chỉ sách *Lê Triều Trung hưng công nghiệp thực lục* của Hồ Sĩ Dương (1621-1681).

Ngày 14 tháng 8 vào giờ Dần [1], quan Tiết chế cùng các tướng đốc quân thủy bộ cùng tiến về sông Hát yết tế miếu Trưng Vương. Lễ xong, tiến đến cửa sông Hát đại phá quân Mạc. Đại tướng Mạc là Đà quốc công cùng các tướng sĩ bỏ thuyền lên bờ chạy trốn. Quân nhà vua đuổi giặc chạy dài.

Ngày 15, vào giờ Thân [2], quân tiến đến cửa Nam thành Thăng Long, tạm nghỉ.

Ngày 18, dời quân đến đóng ở xứ Bãi Cỏ [3], hiệu lệnh nghiêm mật [4], oai thanh trấn động xa gần. Hồng Ninh nghe tin, tối hôm đó bỏ kinh điện chạy tới Kim Thành [5]. Tướng nhà Mạc lục tục ra hàng. Các phủ Thuận An [6] , Tam Đới [7], Thượng Hồng [8] ở phía Bắc sông Nhị đều được bình định.

Ngày 25, Tiết chế tiến quân lấy Hải Dương, đến Liễu Kinh thuộc huyện Phù Dung [9], nhân dân mở cửa nghênh đón. Bèn sai Tả thủy doanh là Nguyễn Thất Lý, Tiền thủy doanh là Trần Bách Niên, Hữu thủy doanh là Bùi Văn Khuê cùng chiến thuyền các cơ nội thủy gồm ba trăm chiếc đánh thẳng vào Kim Thành.

Mạc Hồng Ninh chạy đến phủ Lạng Tả. Quan quân tiến đánh, phá được giặc, thu vàng bạc, của cải và đàn bà con gái không biết bao nhiêu mà kể. Lại bắt được cả Mạc Thái hậu đưa về Kinh sư, đến Bồ Đề, Mạc Thái hậu vì quá lo sợ mà chết.

Tháng 12, được tin Hùng Lễ công Mạc Kính Chỉ đóng quân ở Thanh Hà, chiếm giữ hai phủ Nam Sách và Hạ Hồng. Quan Tiết chế bèn chia quân phục kích, phá tan quân Mạc ở xã Tân Mỹ [10], thu nhiều thuyền, ngựa, khí giới. Mạc Kính Chỉ thua to, trốn về Đông Triều. Các quan văn võ nhà Mạc ra hàng cả thảy trên mười người, đều được tiến cử thu dụng.

---

1. Lúc tảng sáng.
2. Khoảng từ 15 đến 17 giờ.
3. ĐVSKTT chép là bến Sa Tháo.
4. Nguyên văn là "chinh cổ nghiêm mật" (chiêng trống nghiêm mật).
5. Kim Thành: tên huyện, nay thuộc Hưng Yên.
6. Thuận An: nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
7. Tam Đới: tức phủ Vĩnh Tường sau đó, nay thuộc Vĩnh Phúc.
8. Thượng Hồng là một phần của Hồng Châu, nay thuộc Hải Dương.
9. Phù Dung: tức huyện Phù Cừ, nay thuộc Hải Dương.
10. Thuộc huyện Thanh Hà, nay thuộc Hải Dương.

Ngày hôm sau tiến quân đóng ở xã Tranh Giang thuộc Vĩnh Lại [1]. Được vài hôm, quan Tiết chế bèn sai Liêu quận công Lưu Bàn, Trà quận công Nguyễn Đình Luân và Võ quận công chia binh tượng, tiến đánh sông Phố Lại, còn Tiết chế thì dẫn quân thắng lợi trở về Kinh sư.

Các tướng Trà quận công, Liêu quận công và Võ quận công chia quân đi tiễu trừ giặc ở các huyện Yên Dương [2], Vũ Ninh [3], thanh thế lừng lẫy. Chúa Mạc Hồng Ninh bỏ thuyền lên bộ chạy về Phượng Nhãn [4]. Võ quận công đem quân đuổi bắt không kịp, bèn đóng quân ở lại đó. Một hôm, thấy người trong thôn tới báo rằng: "Chúa Mạc Hồng Ninh đang trốn tại chùa Mô Khuê, cắt tóc giả làm sư được mười hôm rồi. Thần xin dẫn quan quân đến nơi để bắt". Võ quận công liền bảo với Liêu quận công và Trà quận công cùng bí mật dẫn quân đến bao vây quanh chùa, cho quân tuần tra xông vào bên trong, quả nhiên bắt được Hồng Ninh cùng hai hồng kỹ nữ, dùng voi chở về.

Cũng trong hôm ấy, có người bắt được Mạc Tổ mẫu đem về Kinh sư hiến nạp trước cửa quân. Quan Tiết chế bèn đưa xuống cho quần thần văn võ công khai bàn bạc. Theo luật đã định, đem Mạc Hồng Ninh chém ở Bồ Đề, gửi đầu về hành tại Vạn Lại ở Thanh Hoa.

Tháng ấy, lại nghe tin Mạc Hùng Lễ quận công tự xưng làm vua ở xã Nam Giản, huyện Chí Linh, đổi niên hiệu là Bảo Định. Lại lập tạm hành tại, chiêu mộ dân đinh được bảy vạn người. Chiếm Thanh Lâm [5], chia đặt các tướng giữ các huyện để chống lại quan quân.

Quan Tiết chế bèn sai Nguyễn Thất Lý, Bùi Văn Khuê, Trần Bách Niên, Nguyễn Nga [6] tiến đánh. Chúa Mạc đem quân tập kích giữa sông, quan quân thua to. Từ đó miền Hải Dương, Kinh Bắc lại thuộc về Kính Chỉ. Kính Chỉ nhân đó đổi niên hiệu năm sau là Khang Hựu năm thứ nhất (1590).

Ngày 17, quan Tiết chế nghe tin bọn Thất Lý bại trận, liền sai Hoàng Đình Ái, Nguyễn Hữu Liêu chia nhau nắm hai đạo quân thủy bộ, làm thế trong ngoài cùng ứng cứu. Hai tướng nhận mệnh, dẫn

1. Vĩnh Lại: Tên huyện, nay thuộc Hải Hưng. Xã Tranh Giang nằm trong địa phận Ninh Giang.

2. ĐVSKTT chép là Yên Dũng.

3. Tức Võ Giàng sau này.

4. Phượng Nhãn: tên huyện, nay thuộc Bắc Ninh.

5. Thanh Lâm: tên huyện, sau đổi là Nam Sách, nay thuộc tỉnh Hải Dương.

6. *Việt sử thông giám cương mục* (CM) chép là Ngô Đình Nga.

quân tiến thẳng về phía Hải Dương.

Khi quan quân đến Cẩm Giàng, chúa Mạc Kính Chỉ bèn tung hết lực lượng ra chiếm giữ Thanh Lâm, lấy Trường Giang làm giới tuyến để cầm cự với quân ta. Lính Mạc không lúc nào được cởi giáp. Lại sai quân đắp hào lũy ven sông để cố thủ.

Tin tức truyền vào thành Thăng Long. Quan Tiết chế nổi giận, sai các tướng đem quân đánh Thanh Lâm.

Ngày Giáp Tý, tháng giêng năm sau, quan Tiết chế đốc đại quân qua sông Nhị. Ngày Đinh Mão đến Cẩm Giàng hạ trại.

Hôm ấy, đưa quan quân qua sông để đánh. Quân Mạc là một lũ ô hợp, thế không địch nổi, chạy thục mạng vào rừng núi. Quan Tiết chế thúc quân đuổi theo, bắt được Khang Hựu cùng những người trong tông thất và một số tướng văn tướng võ nhà Mạc. Sai giải tất cả về doanh trại.

Ngày Nhâm Ngọ 27, các tướng nộp tù binh trước cửa quân. Quan Tiết chế hạ lệnh đưa tất cả ra chém đầu tại Bến Cỏ [1] rồi sai người gửi đầu chúa Mạc Kính Chỉ về hành tại Vạn Lại ở Thanh Hoa. Hai đạo Đông và Bắc nhờ vậy được yên ổn trong ít lâu.

Lại nói Đà quốc công Mạc Ngọc Liễn ở Hát Giang sau khi bị thua, đã chạy vào núi Tam Đảo. Được ít lâu, lại chạy vào địa giới Kinh Sơn, đến Châu Văn Lan tìm được người trong tông thất nhà Mạc là Đôn Hậu Vương Kính Cung lập làm vua, đổi niên hiệu là Kiền Thống.

Lúc bấy giờ, lòng người bốn trấn chưa quy phục hết. Được tin Kiền Thống lên ngôi, các nơi hưởng ứng, từ sông Nhị trở ra Bắc trở lại rối ren. Tiết chế bèn sai các tướng đưa quân qua sông để đánh phá đảng ngụy. Các châu huyện đều được dẹp yên.

Từ khi Thành tổ Triết vương nắm quốc chính, giữ binh quyền, đánh nhau với Mạc từ năm Canh Ngọ (1570) đến năm Quý Tỵ (1593), tổng cộng 24 năm mới diệt được Mạc, khôi phục giang sơn. Quan Tiết chế bèn ra lệnh cho thợ xây cung điện ở phía Tây Nam thành Thăng Long và phía Bắc Cầu Dừa trong vòng một tháng thì xong. Thế rồi sai trăm quan văn võ đại thần sắm sửa đầy đủ xa giá vào hành tại nghênh đón Thế Tông Nghị Hoàng đế về kinh thành.

---

1. Bến Cỏ: nguyên văn là "Thảo Tân". Có thể là vùng ga Hàng Cỏ (ga Hà Nội) ngày nay.

Xa giá đến huyện Thanh Oai thì dừng lại. Tiết chế Trường quốc công Trịnh Tùng dẫn các quan văn võ đến Thanh Oai để phục nghênh thánh giá. Có nhã nhạc cùng đi theo thánh giá vào thành Thăng Long.

Đúng ngày Canh Tý, 16 tháng 4, mùa hạ năm Quang Hưng thứ mười sáu (1593), vua bước lên chính điện, nhận lễ chúc mừng của trăm quan. Đất nước trùng hưng. Về sau Đăng Bình soạn cuốn *Sử ký dã biên*, có bài thơ sau đây để làm chứng:

Lê xã trùng hưng cựu vật hồi,
Lam Sơn phục kiến cựu lâu dài.
Quân thần đạo tận tự vi mỹ,
Chính trị hân quan vạn quốc khôi.

Nghĩa là:

Xã tắc nhà Lê buổi phục hồi,
Lam Sơn được thấy lại lâu dài.
Quân thần trọn đạo nêu gương tốt,
Chính sự, bang giao vẹn cả hai.

Hoàng thượng sau khi vào kinh thành, bèn định công ban thưởng: gia phong cho Thái úy Hoàng Đình Ái làm Hữu tướng Vinh quận công; Thái phó Nguyễn Hữu Liêu làm Thái úy Dương quốc công; Trịnh Đỗ làm Thái phó; Trịnh Đồng và Trịnh Ninh đều làm Thái bảo; Lê Trịnh Bách [1] làm Thái úy Bản quận công; Hà Thọ Lộc làm Thiếu úy; Ngô Cảnh Hựu và Trịnh Văn Hải đều làm Thiếu bảo; Lại bộ Thượng thư Nguyễn Mậu Tuyên làm Thiếu phó Quỳnh quận công. Số còn lại đều gia phong chức tước theo thứ bậc khác nhau.

Bấy giờ Tính quận công Nguyễn Cảnh Kiên có nhiều huân vọng, được gia phong Đô đốc Đồng tri. Sau đó công tích ngày một nhiều, được tiến phong là Hiệp mưu công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ Tả đô đốc, rồi thăng lên là Dương võ uy dũng công thần Nam quân Đô đốc phủ Tả đô đốc. Ông tuy theo đuổi việc quân, chuyên tâm thao lược, nhưng cũng thường để mắt tới sách thuốc và các loại dược liệu, thật giống với Dương Thúc Tử [2] đời Tấn.

1. ĐVSKTT chép là Lê Bách.

2. Dương Thúc Tử: tức Dương Hộ, tên chữ là Thúc Tử, người Nam Thành, sống vào đời Tấn, làm quan đến chức Thượng thư Tả bộc xạ.

"Tứ phân đẳng" "nhị phân khu", không xa lời dặn của Thần Nông Viêm Đế. "Tam chiết yêu", "cửu chiết tý", có thể xem như cái đức của lương y. Phàm những bệnh đặc biệt, không bệnh nào là ông không chữa được. Tên tuổi ông vang dội khắp kinh kỳ. Trên từ công hầu, dưới đến dân chúng đều đến nhà ông xin thuốc, ngựa xe đầy cổng. Danh y bốn phương cũng tìm tới để học hỏi về diệu lý nghề làm thuốc. Thật là:

Biển Thước gia truyền đôn tổ nghiệp;
Đan Khê lực triển tế nhân gian

Nghĩa là:

Biển Thước [1] gia truyền, thừa nghiệp tổ;
Đan Khê [2] rộng mở cứu nhân dân [3].

Cho nên người xưa nói rằng:

Kỳ thượng y, ý quốc;
Kỳ thứ y, ý nhân.

Nghĩa là:

Nghề thuốc loại một chuyên chữa bệnh cho nước;
Nghề thuốc loại hai chuyên chữa bệnh cho người.

Riêng ông có thể gồm cả hai mặt trên [4].

Chúa thượng càng quý trọng tài năng của ông, gia phong cho ông là Hiệp mưu dương võ uy dũng công thần, Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân phủ Nam quân Đô đốc phủ Tả đô đốc tri Thái y viện chưởng viện sự, kiêm Tế sinh đường sứ Thư quận công. Cho nên người đương thời hay gọi ông là "ông thầy Thư" (Hồi bấy giờ những người đến xin thuốc phần nhiều là lấy thuốc Đức thầy Thư).

Lại nói chuyện năm Đinh Dậu (1597), người Minh sai sứ sang ta đòi cống vật. Tháng 4, mùa hạ, vua sai Công bộ Tả thị Lang là

---

1. Biển Thước: tên thật là Tần Việt Nhân, sống vào thế kỷ V trước Công nguyên, sở trường về phương pháp xem mạch.

2. Đan Khê: tên thật là Chu Chân Hanh, danh y thế kỷ XIV, sở trường về phương pháp chữa bệnh ôn nhiệt.

3. Gia phổ của một số chi họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An chép bài thơ này, còn có thêm hai câu nữa là: "Quất tỉnh ba trừng triêm giả quảng. Hạnh lâm xuân noãn ấm thiên trường" (Giếng quất sóng lặng thì ân rộng, Rừng mận xuân ấm bóng râm dài).

4. "Nghề thuốc loại một" chỉ võ tướng. "Nghề thuốc loại hai" chỉ danh y. Nguyễn Cảnh Kiên vừa là võ tướng, vừa là danh y.

Phùng Khắc Khoan, Thái thường tự khanh Nguyễn Nhân Thiện đi sang nhà Minh nộp tuế cống và xin phong.

Bọn Khắc Khoan đến Yên Kinh, dâng biểu xin nạp cống vật. Vua Vạn Lịch nhà Minh thấy tờ biểu rất mừng, bèn làm tờ chiếu phong vua Lê là An Nam Đô thống sứ ty Đô thống sứ, cai quản đất đai và nhân dân nước An Nam. Ban một quả ấn bằng bạc, trên khắc chữ "An Nam Đô thống sứ ty", giao cho bọn Khắc Khoan mang về nước.

Khắc Khoan cho rằng cái mà ta muốn cầu phong là danh hiệu "An Nam quốc vương" kia. Nay Thượng quốc lại phong cho là "An Nam Đô thống sứ", cái chức mà họ Mạc trước đây thọ lãnh, Khắc Khoan hết sức bất bình, bèn viết tờ biểu dâng lên, nói:

"Họ Lê, chúa của thần là con cháu vua nước An Nam, giận vì họ Mạc tiếm đoạt, không chịu nổi mối thù ngàn năm, bèn nằm gai nếm mật, nghĩ cách thu phục cơ đồ tông tổ, để tiếp nối nghiệp lớn của cha ông [1]*. Họ Mạc kia vốn là bề tôi của họ Lê nước An Nam, đã giết vua của mình để cướp nước, thật có tội với Thượng quốc, vậy mà lại lén xin được chức Đô thống. Nay chúa của thần không có cái tội của họ Mạc, mà lại nhận cái chức của họ Mạc, thế là nghĩa làm sao? Cúi xin Hoàng đế bệ hạ cao minh lượng xét cho.*

Kính làm tờ biểu

Ngày...tháng 11 năm Vạn Lịch thứ 25 (1597)"

Vua Minh cho vời bọn Phùng Khắc Khoan vào cung. Xem xong tờ biểu, vua Minh cười bảo: "Chúa nhà ngươi có thể khôi phục được giang sơn, đấy là điều họ Mạc không tài nào sánh kịp, trẫm há lại chẳng biết sao! Ngặt vì mới lấy được nước, e lòng người chưa ổn định. Vậy tạm nhận chức Đô thống, đợi khi trong nước thanh bình, phong cho tước vương cũng không muộn. Nhà ngươi nên vâng mệnh, chớ khăng khăng từ chối". Khắc Khoan vái tạ bước ra.

Đến ngày mồng 6 tháng chạp, đoàn sứ bộ lên đường về nước. Ngày rằm tháng chạp năm sau đến Trấn Nam Giao quan.

Quan Tả Giang nhà Minh là Trần Đôn Lâm sai Vương Kiến Lập

---

1. Chỗ này, nguyên bản chép: "Dĩ thiệu tổ tông chi biến" (để kế tục cái biến của cha ông), nghĩa là không ăn nhập gì với văn cảnh. *Thiên Bàn Canh* trong *Kinh Thư* có câu: "Thiệu phục tiên vương chi đại nghiệp" (tiếp tục phục hồi nghiệp lớn của tiên vương), từ đó có thể nghĩ chữ "biến" trong câu "dĩ thiệu tổ tông chi biến" là do chữ "nghiệp" chép nhầm mà thành.

mang công văn theo đoàn sứ bộ sang nước ta. Quan Tiết chế sai Hữu tướng Vinh quốc công Hoàng Đình Ái, Thái bảo Cơ quận công Trịnh Ninh [1] chuẩn bị nghi lễ để đón tiếp sứ nhà Minh.

Vương Kiến Lập cùng với bọn sứ nước ta là Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Nhân Thiện về tới kinh sư.

Ngày Bính Tý 25, Hoàng thượng ngự thuyền sang sông, đến quán Bồ Đề để nhận tờ chiếu và đón sứ giả về cung làm lễ. Quan Tiết chế cùng các đại thần văn võ vào nội điện để chầu.

Sau khi đọc xong sắc thư, nhìn quả ấn ban cho tuy nói là bằng bạc, nhưng kỳ thực lại là ấn đồng, quan Tiết chế Trưởng quốc công nổi giận bảo sứ nhà Minh rằng: "Thiên triều là nước ở giữa, nên đối xử cho công bằng, khuyên điều thiện, răn điều ác, để có thể giữ uy tín với người ngoài. Nay đối với họ Mạc là kẻ thoán đoạt thì có thể ban cho ấn bạc, còn đối với họ Lê là con cháu dòng chính thống thì lại ban cho ấn đồng. Cư xử như vậy thật không đúng chút nào với cái nghĩa "nhu viễn", tức làm cho yên lòng cõi xa!". Vương Kiến Lập đáp: "Việc này là do những người làm ở Thượng ty, chứ nhà nước thì trăm công nghìn chuyện, làm sao có thể xem xét và làm cho rõ sự việc này". Trưởng quốc công giọng nghiêm chỉnh nói rằng: "Thiên triều ở ngôi chính thống, phải cư xử cho đúng mực. Nói điều đúng, làm việc đúng. Thế mà lại để cho bọn quan viên lộng hành, lừa dối hạ quốc. Cứ tình trạng này, chỉ e sinh loạn nơi biên giới, dần dà dẫn đến mối họa Di Địch (Về sau quả nhiên có chuyện bọn Mãn Châu vào cướp, đúng như lời nói đó). Nói xong, liền thảo tờ biểu trình bày việc hiến nhượng ấn đồng gửi Vương Kiến Lập mang về Trung Quốc.

Kiến Lập về đến Giang Tả, tâu trình lại đầy đủ rằng: "Trịnh Tùng, Phụ thần của nước An Nam, là người khoan hòa, trung hậu, đã diệt trừ được bọn Mạc tiếm nghịch, khôi phục họ Lê. Qua cách cư xử, nói năng, có thể thấy đây là một bậc hiền tài". Đôn Lâm nghe nói như vậy, muốn xin phong cho An Nam làm nước láng giềng giao hảo. Thật là:

Nam quốc hữu nhân thùy cảm vụ,
Bắc phiên khởi kính tặng giao nghi.

Nghĩa là:

---

1. Theo *Ban phổ ký* của dòng họ Nguyễn Cảnh, thì Trịnh Ninh thường được đọc là Tri Nành.

Nước Nam có nhân tài, ai dám coi nhẹ,
Phương Bắc sinh kính trọng, đặt mối bang giao.

Sau đó, nhà Lê bèn cùng Kiến Lập tiến hành việc giao hảo. Muốn biết việc sinh hội thế nào, xem tiết sau sẽ rõ.

TIẾT THỨ BA

Trịnh tả tướng tiến tước Bình An vương.
Đoan quốc công đào quy Thuận Hóa trấn.

Nghĩa là:

Trịnh tả tướng lĩnh tước Bình An vương.
Đoan quốc công trốn về trấn Thuận Hóa.

Năm Kỷ Hợi, Minh Vạn Lịch thứ hai bảy (1599), Đôn Lâm sai Kiến Lập đem ngựa tốt, đai ngọc và mũ xung thiên sang tặng cho quan Tiết chế, hẹn kết làm hai nước láng giềng giao hảo. Lại tặng hai tấm thiếp trong đề tám chữ "Quang hưng tiền liệt, định quốc nguyên huân" (Rạng rỡ cha ông, công đầu dựng nước). Quan Tiết chế vì vậy đối xử với Kiến Lập càng hậu, hộ tống sứ giả về nước. Từ đó, việc bang giao nạp cống được thông suốt.

Gia phong cho các công thần. Lấy Vinh quốc công làm Thái tể. Những người còn lại cũng đều được phong tước vị theo mức độ khác nhau.

Lại nói chúa Mạc Kính Cung ở đất Long Châu của nhà Minh nhiều lần đem quân sang quấy rối châu Thất Tuyền thuộc xứ Lạng Sơn. Năm Mậu Tuất (1598) trước đó chúng bị quan quân truy đuổi, chạy vào Long Châu[1]. Đến nay, chúng đút lót rất nhiều cho thổ quan nhà Minh, nhờ bọn này chuyển tờ biểu xin vua Minh dàn xếp, để An Nam đem miền Thái Nguyên, Cao Bằng cấp cho họ Mạc cai quản. Triều đình của ta nghĩ rằng: "thờ nước lớn cốt phải cung kính phụng mệnh", do đó đã tạm nghe theo nhà Minh để binh lính được nghỉ ngơi.

Đất nước từ đó dần dần được thanh bình. Hoàng thượng nhận thấy Đô tướng tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh kiêm tổng nội ngoại Bình chương quân quốc trọng sự tả tướng Thái úy Trưởng quốc công công lao to lớn, bèn đặc sai quan Thái tể Vinh quốc công Hoàng Đình

---

1. Tên huyện, nay thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Ái đem kim sách tiến phong cho Trịnh Tùng làm Đô nguyên súy Tổng quốc chính Thượng Phụ Bình An vương. Trưởng quốc công kính nhận sách mệnh, mở tiệc lớn chiêu đãi. Các quan văn võ đại thần đều vào chúc mừng. Bình An vương đón tiếp rất nồng hậu, cho ăn uống linh đình. Chỉ thấy:

Song diễm điện quỳnh thanh khúc hứng.
Lưỡng ban xướng hạ động thành minh.

Nghĩa là:

Đôi tay lướt phím đàn tấu khúc nhạc trong trẻo.
Hai ban hát chúc tụng vang dội cả kinh thành.

Thật là những ngày thu cực kỳ hoan lạc. Nhưng vui quá không thể tận hưởng, tận hưởng sẽ sinh ra buồn.

Năm đó, có ngôi sao băng rơi xuống, làm cho điện lớn Kính Thiên bị sạt mất một góc. Hạn hán lâu ngày không mưa, lúa má khắp nơi bị khô héo đến mấy mươi ngày. Bình An vương tự ngồi lánh sang một bên [1] có ý tự răn mình, không dám làm gì, nghĩ ngợi rất sâu.

Ngày 24 tháng 8, mùa thu, Thế Tông Nghị Hoàng đế về chầu trời.

Ngày hôm sau, Bộ Lễ yết bảng về phẩm phục của thần dân như sau: Thượng phụ huân vương [2] là trọng thần của xã tắc, không cùng ngang hàng với các quan, nên để tang trăm ngày. Các thần vương và các quan văn võ từ tước quận công trở lên, các viên có dự ban chầu cùng các viên triều đường, các viên coi một phương diện ở ngoài nên để tang ba năm. Số quan văn quan võ, cùng dân chúng chế phục cũng quy định khác nhau. Thế rồi giao cho quan Tư thiên chọn ngày đưa linh cữu của Đại hành Hoàng đế về sơn lăng.

Ngày Giáp Tuất, 27 tháng ấy, Bình An vương cùng văn võ triều đình tôn Hoàng tử Lê Duy Tân lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu năm sau là Thận Đức năm thứ nhất (1600), ban thưởng rất hậu. Cho Thái tể Vinh quốc công Hoàng Đình Ái làm Tả tướng. Thái úy Đoan quốc công Nguyễn Hoàng Lâm làm Hữu tướng. Có lẽ Bình An vương lúc

---

1. Nguyên văn là "trắc tịch", không dám ngồi đúng vị trí của mình. Thiên khúc lễ trong Kinh Lễ có câu. "Kẻ đang có mối lo thì không dám ngồi đúng vào vị trí của mình". Ý nói sẵn sàng nhường chỗ cho người xứng đáng hơn. Trịnh Tùng (Bình An vương) làm như vậy, vì cho rằng Trời tỏ ra không vừa ý đối với những người đang trị nước.

2. *Thượng phụ huân vương*: chỉ Trịnh Tùng. Vì Tùng có nhiều công lao, nên gọi là "huân vương" để phân biệt với các tước vương bình thường

này nhận thấy vua thì còn nhỏ tuổi, trong nước không khỏi nghi ngờ về bụng dạ thật của mình, nên có ý muốn đè bạt những người có công lớn cùng mình phò tá vua, xây dựng sự nghiệp nhà Lê. Muốn phỏng theo quy chế ngày xưa:

Tư không trạch bách quỹ,
Trủng tể tổng Lục quan.
Nghĩ chư bình bột điều hòa kết,
Suất thử đông tây dự phụ hoan.
Bản tại vương tâm trì nhất thống,
Thùy tri thế thái khước đa đoan.

Nghĩa là:

Quan tư không coi việc triều chính.
Quản Trủng tể đứng đầu Lục quan[1].
Kết mọi xu trào thành một khối,
Đưa cả Đông, Tây vào yên vui.
Vốn biết lòng vua mong nhất thống,
Ai dè thế thái lại đa đoan.

Trái lại trong lòng Đoan quốc công lại muốn dựng riêng một phiên bang hùng mạnh, nhưng không dám nói điều ấy ra, làm cho người ta ngờ vực. Vì thế mà lòng ông ta bứt rứt không vui, như có hàng vạn cái gai đang nhói trong lòng. Thật là:

Long Đỗ thân tuy[2] bồi tử các.
Ô Châu tâm thượng vọng hồng phiên.

Nghĩa là:

Thân tuy hầu hạ nơi Long Đỗ[3].
Mà lòng tơ tưởng xứ Ô Châu

Phàm những khi triều hội, Nguyễn Hoàng thấy Bình An vương ngồi chín lớp chiếu, tiếp đến là Vinh quốc công, rồi thứ ba mới đến Nguyễn Hoàng chỉ ngồi có sáu lớp chiếu, trong lòng tuy không vui, nhưng cố giữ kín, không để lộ ra sắc mặc.

Đến tháng tư, mùa hạ, năm Canh Tý (1600), nhân một hôm vào

---

1. Lục quan: 6 chức quan đời nhà Chu gồm: Trủng tể, Tư đồ, Tông bá, Tư mã, Tư khấu, Tư không (*Hán thư, Bách quan, công khanh biểu*).

2. Nguyên bản chép nhầm là "duy" (màn).

3. Long Đỗ: Chỉ kinh thành Thăng Long.

chầu trong Vương phủ, Nguyễn Hoàng tâu lên Vương [1] rằng: "Tối hôm qua, nhân trời oi bức, thần ra ngoài nhà để hóng mát. Bất đồ người uể oải, rồi nằm xuống ngủ thiếp đi. Thần mộng thấy bầu trời trong sáng, không một gợn mây. Bỗng có vài ngôi sao lạ phạm vào phía sau mặt trăng. Thần liền lấy kiếm dài chỉ vào nó, tự nhiên sao yêu quái rơi xuống đất. Trăng lại sáng vằng vặc. Với điềm mộng này, thần chưa biết tốt xấu thế nào, cứ tâu lên để bậc cao minh xét đoán".

Bình An vương đem câu chuyện trên hỏi những người xung quanh. Bỗng có viên quan ở ban văn trả lời rằng: "Mặt trời tượng trưng cho đế, mặt trăng tượng trưng cho vương, còn các ngôi sao thì giống như đám quan lại. Nay mặt trăng tương ứng với Túc hạ [2]. Bên cạnh mặt trăng có ngôi sao lạ áp sát như thế, bề tôi tất có kẻ phản nghịch mưu hại bề trên. Túc hạ nên đề phòng cẩn thận. Đoan quốc công thân huân đã mộng thấy như thế, thật không phải là chuyện đùa".

Với chữ "đùa" này, có thể nhận ra một cái gì đó. Đoan quốc công nếu để ý một chút, sẽ thấy trong câu nói của mình có chỗ bị hớ. Không biết những lời vừa rồi do ai thốt ra mà nó xuyên vào tận đáy lòng của Đoan quốc công. Đoan quốc công sau khi nghe những lời đó, lo lắng đưa mắt nhìn kẻ vừa nói, thì hóa ra là quan Nghị Trai họ Phùng [3]. Đoan quốc công mặt biến sắc, nói: "Thần vốn thấy mộng như thế, mà Phùng công lại đoán làm vậy, quả có đúng về lý. Túc hạ nên mở rộng uy vũ, răn đe tướng hiệu, tăng cường cảnh giác để đề phòng". Bình An vương im lặng không hỏi gì nữa.

Hôm ấy sau khi bãi chầu ra về, Đoan quốc công nhân lúc vắng người, nói nhỏ với Phùng công rằng: "Bụng dạ của Hoàng này lẽ nào tiên sinh lại không đoán được. Hôm nay gặp nhau ở đây, tiên sinh có điều gì chỉ giáo cho tôi không?" Phùng công nói: "Hoành sơn một dải, có thể dung thân, biển cả là hào, có thể vạn toàn. Lời nói đó của người xưa, không thể không ghi nhớ". Hoàng nói: "Có kế gì để được như vậy?". Lúc đó Phùng công thấy người đi chầu về bước nối đuôi nhau, sợ bị lộ, phủi áo mà đi, không nói thêm một lời nào nữa.

Sau đó, vào dịp diễn tập quân lính ở Giang Võ. Bình An vương tụ tập các tướng bài binh bố trận. Bỗng có một đội cơ thuyền tiến lui sai

---

1. Chỉ Bình An vương Trịnh Tùng
2. Chỉ Bình An vương Trịnh Tùng
3. Tức Phùng Khắc Khoan.

với hiệu lệnh, Hoàng bèn với giọng chế diễu nói nhỏ với Triết vương rằng: "Làm tướng ngày xưa đối với lính rất nghiêm, như Nhương Thư [1] giết Trang Giả; Tôn Võ [2] chém cung tần, cho nên có thể khiến quân lính tuân thủ mệnh lệnh đánh thắng được giặc. Nay đội quân này hàng ngũ không chỉnh tề, đó là do tướng súy ở không, chẳng chịu luyện tập quân lính. Nếu không dùng pháp luật uốn nắn, thì quân đội của quốc gia sẽ theo đó mà rời rã, không còn muốn tranh đua". Vương nghe lời nói ấy, càng thêm tức giận, liền cho gọi tướng hiệu của đội quân đó tới trừng phạt, lăng nhục không tha thứ. Từ đấy về sau, phàm đối xử với bọn bề tôi, chúa hay khuyến khích lối dùng thuật chế ngự, vì vậy cũng tỏ ra nghiêm trọng, cung kính. Thường cho bọn tay chân mang vũ khí đi trị những kẻ kiêu căng, hung hãn, khó sai bảo, cho ta đây là hạng công thần quan trọng của triều đình [3].

Cách chế ngự của nhà chúa là như vậy, nên hầu hết các viên quan võ cứng đầu cứng cổ đều bị mắng nhiếc. Song nhân tình khó có thể dùng uy lực mà ràng buộc, trong khi đó thì bọn tặc tử lại dễ lợi dụng khe hở để gây mối hận thù. Bấy giờ Đoan quốc công thấy sự việc đã chín muồi có thể thực hiện âm mưu gây biến. Một hôm nhân rảnh rang, Đoan quốc công tổ chức tiếp khách, chỉ trong một buổi sáng mà tấp nập kẻ ra người vào.

Lúc ấy có người huyện Gia Viễn, trấn Sơn Nam là Mỹ quận công Bùi Văn Khuê đến xin gặp. Người gác cổng vào trình báo. Hoàng xỏ vội chân vào dép ra đón và dẫn tới một căn nhà vắng vẻ bày đầy rượu và thức nhắm, khoản đãi rất hậu. Hoàng hỏi Bùi rằng: "Trận Thủy Đường năm Mậu Tuất [4] ông còn nhớ chứ?". Mỹ quận công đặt chén rượu xuống chiếu thưa rằng: Lúc bấy giờ Minh công [5] làm Thống lĩnh, còn tôi và các tướng đều ở dưới quyền Ngài. Ngày ấy, triều đình tiến quân ba mũi, cùng đánh vào bọn giặc ở Thủy Đường. Các quận công Chấn, Hải, Kế, Tráng ra huyện Kim Thành để chặn đường; bọn Hoàng Thái tể tiến đánh phía Bắc, còn Ngài thì dẫn chúng tôi tiến đánh phía Nam. Duy chỉ mình ngài đốc

---

1. Nhương Thư: Nhương Thư, người nước Tề, sống vào thời Xuân Thu, làm quan Tư mã, nhờ quân đội có kỷ luật rất nghiêm đã cầm quân đánh lui các nước Yên, Tấn.

2. Tôn Võ: một nhà quân sự nổi tiếng đời Chu, Trung Quốc.

3. Nguyên văn là: "Long ngôn phục phó công thần". "Long ngôn" là lời nói quý giá. "Phục phó" là chịu khó xông xáo.

4. Nhắc đến trận đánh Thủy quận công ở huyện Thủy Đường (Hải Dương), năm 1598.

5. Chỉ Nguyễn Hoàng.

thúc được tướng sĩ bản doanh tiến vào trước, xông lên phía mỏm núi ở Thủy Đường bắt sống được ngụy Thủy quận công. Còn tôi thì đem thuyền bè bày ra giữa sông, cũng bắt sống được ngụy Thụy quận công. Trong trận Thủy Đường, phải nói đạo quân của ta công tích vào bậc nhất". Nguyễn Hoàng ngắt lời nói: "Chiến thắng Thủy Đường chẳng qua là công lao một thời, bõ bèn gì mà đi nhắc lại. Nói là nói về việc mở ra nghiệp lớn Trung hưng, ai dám bảo tiên khảo của ta Chiêu huân Tĩnh công [1], người đã khởi sự từ đất Ai Lao, dò tìm con cháu nhà vua, lập Trang Tông lên ngôi, dựng tại Hoàng đồ để có được cơ nghiệp như ngày nay... là không xây đắp được công lao muôn đời? Khi tiên khảo ta tạ thế, anh em ta còn ấu thơ. Thái vương là anh rể [2] của ta mượn cớ được nhà vua [3] cho thay chức cha ta để đánh giặc lập công. Đến lúc ta trưởng thành, lại đẩy ta ra tận những vùng khỉ ho cò gáy [4]. Tuy phải trèo đèo lội suối vào Nam, ta trước sau vẫn không nề gian nan nguy hiểm, một lòng trung kính, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến việc khuông phò vua. Đến khi Thái Vương mất, Bình An vương nắm giữ binh quyền để đánh họ Mạc, ta cũng đã đưa hết quân ở phiên trấn ra Bắc, theo nghĩa cần vương. Công lao ấy thật không kém ai, nhưng đến khi xếp thứ bậc thì lại đặt ta dưới Hoàng Đình Ái. Xem thế đủ thấy Chủ tướng đã coi nhẹ công lao tôn phù nhà Lê của tổ tiên ta, khinh thường cái nghĩa hết lòng phò giúp Hoàng thượng [5]. Chẳng những vậy, lại còn muốn ngấm ngầm trừ khử ta. Ta mà còn không biết nương thân vào đâu, huống nữa là ông! Ông thì từ năm Nhâm Thìn (1592) quy mệnh [6] đến nay ăn gió nằm sương, xông pha tên đạn, có nhiều công lao, thế mà khi yết kiến lại thường bị mắng nhiếc thậm tệ. Nếu không sớm lo liệu, thì sẽ bị triều đình giết hại như bọn Hàn, Tín,

---

1. Chỉ Nguyễn Kim, cha của Nguyễn Hoàng.

2. Chỉ Trịnh Kiểm, anh rể của Nguyễn Hoàng.

3. Nguyên bản là "hoàng việt", cái búa lớn của nhà vua chỉ chức Đại tướng mà Trịnh Kiểm đã thay nhận, sau khi Đại tướng Nguyễn Kim chết. Chữ "hoàng" đáng lẽ viết "hoàng" (vua) thì bản chữ Hán lại viết nhầm là "hoàng" (màu vàng).

4. Chỉ việc Trịnh Kiểm tiến cử Nguyễn Hoàng đem quân vào trấn giữ Thuận Hóa năm 1558.

5. Nguyên bản là "khai ốc". *Kinh Thư thiên Thuyết mệnh* có câu: "Khải nãi tâm ốc trẫm tâm" (mở lòng của người mà rưới vào lòng của trẫm), ý muốn nói vua yêu cầu bề tôi đem chỗ hiểu biết của mình bổ sung vào chỗ mà nhà vua chưa biết.

6. Chỉ việc Bùi Văn Khuê từ bỏ nhà Mạc về với nhà Lê.

Bành Việt mà thôi"[1]. Mỹ quận công nghe lời nói rất hợp với ý mình, bèn thiểu não cúi đầu than rằng: "Minh công đã có cao kiến, nhận rõ tình hình, nay kế cao bay xa chạy như thế nào, xin bày đường chỉ lối". Đoan quốc công nói: "Ông nếu thực bụng muốn như vậy, thì đến ngày ấy, cứ thế, cứ thế mà thực hiện, ta sẽ làm nội ứng cho ắt việc lớn trong thiên hạ sẽ quyết định từ đây". Mỹ quận công đáp: "Dạ, dạ, xin vâng mệnh". Rồi cáo từ ra về.

Ngày hôm sau, Nguyễn Hoàng lại tiếp Kế quận công Phan Ngạn và Tráng quận công Ngô Đình Nga. Sau khi khách ngồi xong, Hoàng gọi nhà bếp đem rượu thịt ra ân cần tiếp đãi hai người. Hoàng nói với Kế quận công rằng: "Ngày trước, cha của ông Lai quận công, vốn là chỗ bạn bè quen thân của ta. Giữa chừng ta phải chuyển vào Nam để trấn giữ Thuận Hóa. Anh em xa cách, trằn trọc nhớ mong. Đến năm Nhâm Thân (1572) niên hiệu Hồng Phúc, được tin cha ông phụng mệnh tiên quân[2] đi công cán vào trị sở của ta, ta vui vẻ đón tiếp, tình nghĩa sâu đậm. Lúc ấy, phàm có việc gì cơ mật, quyền biến, Lai công đều nhất nhất kể lại cho ta hay[3]. Sau buổi chia tay ra về được ít lâu, Ngài chẳng may mất vì việc nước, ta vô cùng thương tiếc. Nay mừng thấy ông lại được nối quyền khanh tướng, có tiếng tăm trong triều, thân phụ ông tuy ở nơi chín suối, cũng không còn ân hận gì nữa".

Hoàng nói xong được một lát, Kế quận công rượu đã ngà ngà, bèn cất tiếng đáp lại rằng: "Bác là chỗ bạn bè thân thiết với cha tôi, tôi đâu giám không bầy tỏ hết chân tình. Nếu Bác không thương, để lộ việc này ra, đến nỗi gây tai vạ, mắc tội với triều đình, thì Ngạn này cũng ngậm cười mà chết". Nguyễn Hoàng nói: "Lòng tin là báu vật lớn của quốc gia. Những điều ta nói với anh đều lấy niềm tin làm trọng để hoàn tất công việc, sao có thể tiết lộ ra được". Kế quận công đã hé thấy được ý tứ qua câu nói "báu vật lớn của quốc gia", đoán biết

---

1. Hàn Tín: Người Hoài Âm, sống vào đời Hán, từng giúp Hạng Vũ khởi binh. Sau về với Lưu Bang, làm đại tướng, lập nhiều công, cuối cùng đã bị Lã Hậu giết chết, tru di ba họ. Bành Việt: Người Xương ấp, cuối đời Tần theo giúp Hạng Vũ, được ít lâu về với Lưu Bang, lập nhiều công, được phong Lương Vương, sau bị Lưu Bang giết chết, tru di ba họ.

2. Chỉ Lê Duy Bang.

3. Theo ĐVSKTT mùa đông, tháng 11 năm Nhâm Thân (1572). Lê Anh Tông sai Lai quận công Phan Công Tích đi công lý Thuận Hóa. Khi đến nơi, Công Tích đặc biệt để ý đến Nguyễn Hoàng. Hoàng đặt tiệc thết đãi, kể hết những kỷ niệm cũ rất là vui vẻ. Đến khi Công Tích ra về, Hoàng thân đi tiễn.

Đoan quốc công đã có ý đồ khác, bèn nói với Đoan quốc công rằng: "Tôi và Ngô Trang công từ nhỏ đến giờ phụng sự quốc gia, một lòng trung thành, hết lòng phục vụ, xông pha nơi hòn đạn mũi tên để làm việc lớn, không hề có tâm địa gì khác. Vậy mà nay khi đất Thiên Nam dần dần ổn định, Chúa thượng lại đem dạ nghi ngờ, trừng trị ráo riết bọn bề tôi. Việc tệ hại này không hiểu duyên cớ vì đâu, Tôn công [1] là người được hầu hạ gần gũi, có thể cho tôi biết được chăng?". Đoan quốc công đáp: "Người xưa nói thỏ hết thì chó săn cũng thịt, mà chim hết thì cung cũng xếp xó. Câu ấy đủ làm gương cho ta. Ngày nay họ Mạc tiếm nghịch đã bị diệt trừ, Thần Kinh [2] đã được khôi phục. Ta xem ý Bình vương đối với kẻ dưới có vẻ chán ngán và khinh bạc. Ta là kẻ thân thuộc mà còn bị nghi ngờ, huống chi các anh là hạng người có vẻ táo tợn, ưa lật đổ [3], nếu không trốn đi cho nhanh thì tai họa sẽ ập tới trong sớm tối!". Hai ông Kế và Tráng [4] nghe xong, đâm ra thẫn thờ. Đoan quốc công lúc này mới không cần úp mở gì nữa, đem những điều đã nói với Mỹ quận công nói lại cho hai người này biết. Hai người nghe xong từ tạ ra về.

Tháng 5 năm Đinh Mùi (1607), gặp ngày tết Đoan Ngọ. Triết vương vừa đi yết miếu Thái vương về ngồi trong phủ, các tướng hiệu chia nhau đứng hầu hai bên, bỗng nghe bên ngoài thành có tiếng nổ liên tiếp, ba mặt khói lửa bốc cao. Triết vương bèn sai người đến tận nơi xem xét. Gia nhân vâng mệnh ra đi. Lại cho đòi Thái tể Vinh quốc công, Thái úy Đoan quốc công, cùng đại thần văn võ vào trong phủ để lo liệu việc quân.

Lúc bấy giờ phố xá rối loạn, trăm quan bàng hoàng theo lệnh vào triều kiến. Vương nhân đó ra lệnh cho các tướng chia nhau giữ chặt bốn mặt thành. Được một lát, nghe thám mã về báo rằng: "Không phải giặc đâu xa, chỉ thấy ba người là Kế quận công, Mỹ quận công và Tráng quận công bỏ bản doanh, kêu gọi làm phản". Vương nhìn tả hữu nói rằng: "Ba tên này chịu ơn sâu của ta mà lại trở mặt nhanh như thế. Bây giờ cơ sự đã rõ rồi, ai dám ra nghênh

1. Chỉ Nguyễn Hoàng.

2. Chỉ Thăng Long.

3. Chỗ này, nguyên văn dùng chữ "cương lương phiếm giá". "Cương lương" có nghĩa là táo tợn. Sách *Lão Tử* có câu "Đứa tao tợn sẽ chết bất đắc kỳ tử". "Phiếm giá" có nghĩa là lật nhào xe. Sách *Hán thư, Vũ đế kỷ* có câu: "Con ngựa lật nhào xe". Ý nói con ngựa ương bướng.

4. Chỉ Phan Ngạn và Ngô Đình Nga.

địch?" Nguyễn Hoàng vờ tức giận nói: "Mệnh trời đã định, bốn bể rốt cục một nhà. Không ngờ hôm nay bọn chúng ngu tối, đến nỗi buông tuồng làm phản. Thần xin lĩnh mệnh đi đánh chúng. Nếu như bọn Kế, Mỹ không chết, thì thần quyết không gặp lại chủ tướng nữa". Vương nói: "Giấc mộng hôm trước, hiển nhiên không còn gì phải ngờ. Nay cậu [1] lại đi thay, chính là ứng với điềm lấy gươm dài trỏ vào ngôi sao yêu quái, bọn phản nghịch nhất định sẽ bị tiêu diệt". Ngay ngày hôm ấy sai Đoan quốc công đem quân đi bắt bọn phiến loạn. Đoan quốc công nhận mệnh trở về bản doanh.

Bóng mặt trời chiều vừa rọi vào thềm nhà, đã thấy người làm bếp bưng cỗ bàn lên, đốt đèn thắp nhang. Đoan quốc công bèn đến trước chiếu cáo tế tổ tiên. Lúc ấy, tướng sĩ đều chờ lệnh xuất phát. Những người nom thấy đều nói:

Quốc nhĩ vong gia tùy ý cử,
Cơ trung tiên vật hữu thùy tri.

Nghĩa là:

Vì nước quên nhà tùy ý chọn,
Cơ mưu sắp đặt có ai hay.

Cáo tế xong, các tướng hiệu cùng quân sĩ đều ngồi vào dự tiệc. Không biết việc chuẩn bị xuất quân như thế nào, chờ xem tiết sau sẽ rõ.

TIẾT THỨ TƯ

Bình An vương sai binh phạt mộc quái,
Mạc Kiển Thống thoái giá cư Kim Thành.

Nghĩa là:

Bình An vương sai quân chặt cây quái,
Mạc Kiển Thống lui giữ đất Kim Thành.

Đoan quốc công gói ghém các thứ sách vở, của cải, hòm xiểng đâu vào đấy, kiểm điểm lại binh mã lương thảo, đợi đến canh ba, liền hạ lệnh đốt tất cả doanh trại, bí mật dẫn ba quân đi về phía Nam. Quân đi liền mấy ngày đêm, đến huyện Tống Sơn [2]. Lúc bấy giờ thuyền lớn

---

1. Trịnh Tùng gọi Nguyễn Hoàng bằng cậu, vì mẹ Trịnh Tùng là chị ruột của Nguyễn Hoàng.

2. Thuộc Thanh Hóa.

Thuận Hóa đã ngầm ra đợi ở cửa biển. Đoan quốc công bèn cho quân theo đường biển lẫn đường bộ song song cùng tiến về phía Thuận Hóa, đây khỏi phải nhắc nữa.

Đêm hôm đó, kinh thành Thăng Long giới nghiêm. Quân sĩ ai lo phận nấy, không dám lơ là chểnh mảng, dù có lửa sáng ở bên ngoài, cũng tịch nhiên không rục rịch.

Ngày mồng sáu, trời vừa sáng, Bình An vương đã hỏi tả hữu: "Đêm hôm qua ở ngoài thành có lửa sáng rực, đó là lửa ở doanh trại nào vậy?". Lúc ấy nhiều người trả lời nhưng không thống nhất. Có kẻ bảo Đoan quốc công xuất quân vào lúc nhá nhem tối hôm qua, bọn giặc biết được, bèn ngầm sai người đến đốt doanh trại. Có người lại nói Đoan quốc công tự đốt doanh trại của mình rồi không biết đem quân đi đồn trú nơi nào. Vương bèn cho người đi dò xét, biết Đoan quốc công đốt doanh trại và trốn đi xa lắm.

Vương cho vời Thái tể Vinh quốc công hỏi rằng: "Nay bọn phản nghịch đang tung hoành, phố phường xao động, lòng người hùa theo giặc, vậy ta nên làm gì?". Vinh quốc công đáp: "Thời cơ đã bức bách lắm rồi, khó có thể ở lại đây lâu được. Kinh đô vừa mới ổn định, của cải tích trữ chưa nhiều. Kế, Mỹ là lũ tép riu, không đáng lo. Chỉ ngại Đoan quốc công tự mình trốn đi. Khả năng thứ nhất là chia giữ Thuận Hóa, tiếp tục trông coi biên trấn như cũ, nếu vậy thì cũng đỡ lo. Khả năng thứ hai là vào chiếm cứ Thanh Hoa, lay tà tận gốc; nếu vậy thì không thể không lo được. Tốt hơn hết là ta mau mau phò Thánh giá trở lại Yên Trường, đó là thượng sách". Vương nói: "Đúng". Rồi sai quan đi ngay đến điện vua tâu bày việc hồi loan [1]. Phái viên nhận chỉ dụ ra đi.

Ngay ngày hôm đó, nổi trống lớn, bày voi ngựa, hộ tống loan giá ra khỏi thành đi về phía tây. Đến Chúc Giang, gặp nước sông lên to, vương sai thủy quân chở binh lính qua sông.

Ngày Tân Hợi mồng 9, tiến đến chợ Bộ. Các cánh quân đều hết lương thực, thiếu khí giới. Hôm ấy xa giá đến đóng ở Khuất Sơn, kiểm điểm binh mã, ban thưởng vàng bạc lương thảo. Sai triều thần bàn bạc, gia phong cho các công thần lập được chiến công.

Hồi bấy giờ phần lớn các tướng đều được Nguyễn Hoàng kết giao rất hậu. Những kẻ lui tới chè chén hầu hết là người của Hoàng. Sau

---

1. Chỉ quyết định đưa vua Lê trở lại Yên Trường. "Loan" hay "loan giá" cũng có nghĩa như "xa giá", chỉ xe ngựa vua đi.

khi Hoàng bỏ chạy, làm cho xa giá phải dời đi hết nơi này đến nơi khác, người người đều ghen công, tranh tài, tố cáo lẫn nhau.

Trong số nói trên, có lũ em Thư quận công. Vì bất hòa với Thư quận công, họ đã đến trước trướng của Bình An vương bẩm báo rằng: "Xưa cha của bọn thần là Tấn quốc công đã quên mình vì nước, có lời di huấn bảo bọn thần phải lấy lòng trung thờ vua. Ngờ đâu anh của bọn thần là Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên coi thường lời dạy của cha, mù quáng cùng tên gian thần Nguyễn Hoàng âm mưu kết bè kết đảng, bọn thần ai cũng nom thấy. Vì sợ vạ lây đến bản thân, có nguy cơ trúc đổ cả gia nghiệp, bọn thần đã mạo muội đến đây để thưa hết sự thật. Dám xin soi xét cho tấm lòng ngu trung của bọn thần, trừng trị kẻ gian tặc".

Vừa nghe xong, Bình An vương đã biết ngay là lời vu khống, bèn lớn tiếng quát rằng: "Thư quận công vốn là người trung thành, một lòng trung nghĩa, phụng sự nước nhà đã hơn hai mươi năm nay. Ta há không biết đến tấm dạ đồng gan sắt đó hay sao, ai có thể ly gián được" Lũ các người không kính trọng anh thì chớ, lại còn đi tố cáo xằng bậy. Nay nên chọn ngày dựng đàn, truyền cho các tướng bị cáo về hết để dự lễ minh thệ, tỏ dạ trung thành". Ngay ngày hôm ấy ra lệnh yết tên những người có liên quan bên ngoài cửa quân, rồi lập đàn minh thệ. Lấy huyết gà, huyết chó, huyết ngựa, thắp hương để sẵn.

Sáng sớm hôm sau, các tướng đến dự hội thề tất cả hơn hai mươi người. Người đầu tiên là Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên bước lên phía trước, quỳ xuống sáp huyết thề rằng: "Thần tên là Nguyễn Cảnh Kiên, người xã Nông Sơn, huyện Nam Đường, phủ Anh Đô, hiện giữ chức Nam quân Tả đô đốc thự phủ sự kiêm Thái y viện chưởng viện sự, tước Thư quận công, là bề tôi thờ Vua Lê Thận Đức Hoàng Thượng và Chúa Trịnh Bình An vương, vốn một lòng trung nghĩa, mong hưởng tước lộc vinh quang. Nếu do ngu muội chấp nê mà quên lòng hy sinh vì nước của người cha xưa, âm mưu kết bè đảng với Đoan quốc công để làm phản như lời nhiều người tố giác, xin bôi chén huyết này, nếu có điều gì không phải, xin trời đất và các thần sông núi cứ đánh chết".

Ông và các tướng thề xong. Bình An vương thấy ai cũng thanh thản, bèn cho an tọa. Chủ tướng [1] lời lẽ đặc biệt cảm động. Vương vì vậy sai đem các thư tố giác vất hết vào lửa, rồi an ủi các tướng hiệu,

1. Chỉ Nguyễn Cảnh Kiên.

cùng họ ăn uống cho đến đêm mới tan.

Lại nói Mỹ quận công Bùi Văn Khuê nghe theo lời quỷ kế của Nguyễn Hoàng, ngầm dẫn quân bản bộ leo lên thành đốt lửa làm loạn, chờ nội ứng. Sau mấy hôm, không được tin tức gì về Đoan quốc công, chỉ thấy loan giá trở lại miền Tây, Bùi Văn Khuê bèn dẫn quân tới sông Nhị gặp Kế quận công, rồi rải quân đồn trú.

Mỹ quận công ngờ triều đình ngầm cắt Ngạn ở lại phục kích bắt mình, nên đắp lũy tự phòng thủ. Lại sai người đến dụ Ngạn cùng dẫn quân về hàng nhà Mạc để được hưởng trọn vẹn giàu sang. Ngạn thấy thư, phê báo như hẹn ước [1].

Sau khi sứ giả của Mỹ quận công đi rồi, Ngạn lại ngờ Mỹ quận công là kẻ xảo quyệt, lật lọng, e có mưu đồ gì khác chăng. Ngày hôm sau, nghe tin Mỹ quận công dẫn thủy quân bơi thuyền đi giữa sông, Ngạn bèn sai người bắn chết.

Sau khi giết Mỹ quận công, Ngạn đem quân vào Kinh kỳ chia giữ thành quách, dựng cờ lớn, tự xưng là Tiết chế thủy bộ chư doanh Bình chương quân quốc trọng sự Thái úy Sính quốc công. Cho Ngô Đình Nga là Thái bảo Hoa quận công, em Ngạn là Phan... [2] làm Tiền bộ doanh Quỳnh quận công. Số tướng hiệu còn lại được phong tặng phẩm trật khác nhau. Lại dùng niên hiệu Kiền Thống [3] của họ Mạc để đề trên các biển gỗ cấm chỉ. Chiêu an thành phố, mở yến tiệc để khoản đãi cấp dưới. Truyền sai người đến Long Châu báo cáo và đón vua Kiền Thống trở về. Sai nhân phụng mệnh ra đi. Ngày hôm đó, Chủ tướng [4] rượu chè say sưa, cử hành nhã nhạc. Thật là:

Tướng điển soái quyền phù chấn hải,
Thùy tri thiêm mệnh thuộc đoài sơn.

Nghĩa là:

Tướng nắm soái quyền phò biển động [5],
Ai ngờ thiên mệnh thuộc non tây [6].

---

1. Ý nói Phan Ngạn hoàn toàn nhất trí với kế hoạch về quy phục nhà Mạc do Bùi Văn Khuê đề xuất.

2. Nguyên bản chỉ có họ, không có tên. ĐVSK cũng chép như vậy.

3. Kiền Thống: Niên hiệu của Mạc Kính Cung.

4. Chỉ Phan Ngạn.

5. Biển động: Chỉ lực lượng nhà Mạc.

6. Non tây: chỉ lực lượng nhà Lê.

Lúc này, Bình An vương theo ngự giá tạm trú ở chợ Bộ. Được ba ngày, nghe tin tên phản bội Phan Ngạn đã giết chết Mỹ quận công ở sông Nhị, vào chiếm cứ Kinh thành, lại cho người đi báo cáo và đón họ Mạc về, Bình An vương liền ra lệnh các cánh quân tiến đến Mỹ Lương. Trời mưa to, người ngựa đều khó đi, đành phải trú lại tại xứ Nhan Mô ba ngày đêm nữa. Bấy giờ lương thực hết sạch, ba quân phải mò cua cá mà ăn. Hôm sau trời tạnh ráo, Vương dẫn quân vào đạo Nguỵ Lỗ. Ngày Nhâm Tuất, xa giá đến đóng ở Quảng Bình [1]. Nhân dân đều đem trâu rượu đón tiếp úy lạo. Ngày hôm ấy lại thấy bọn con trai của Đoan quốc công là Cẩm quận công, tất cả ba người mang mười thớt voi đực tiến nạp trước quân, rập đầu xin làm trọn đạo bề tôi [2]. Vương lấy tình thân thích, vẫn cho cai quản như cũ. Tháng ấy, quân triều đình đến phủ Yên Trường [3] hội họp các tướng tá bàn tính việc nước, tìm cách chế ngự và trừ diệt Kế quận công.

Trước đây, Kế quận công Phan Ngạn vào khoảng năm Gia Thái (1573-1577), nhân cha mất, về mai táng xong xuôi, thấy mộ tổ để ở núi Lương Kiên là nơi có hình dáng như người bị chặt đầu. Đến khi nghe Thường quốc công nói câu: "Có hai vai mà không có đầu, trong lòng lo lắng, bèn mang hậu lễ đi đón một thầy thuật sĩ cao tay về, nhờ xem đi xem lại chỗ đặt ngôi mộ... Nhìn thế núi, quan sát khí mạch, thấy được chân hình, thuật sĩ liền nói với Kế quận công rằng: "Thế đất rất quý, sẽ sinh ra người kiên cường. Chỉ đáng tiếc là đầu núi lộ xương, tai vạ không phải là nhỏ". Kế quận công nghe như thế, nài xin thuật sĩ cứu giúp cho. Thuật sĩ nói: "Có thể nhổ một cây cù mộc có cành nhánh cong queo đem trồng lên núi, giống hình đầu người. Như vậy thế sa mạch sẽ dần dà được tu bổ. Khi việc cải tạo này hoàn thành ắt sẽ làm nên nghiệp vương bá".

Kế quận công theo lời bày vẽ, ngầm đem loại cây cao to trồng lên đỉnh núi. Từ đấy, đỉnh núi xưa trở nên rậm rạp. Nhìn từ xa, người ta thấy trang nghiêm như có một vị quý nhân đang ngồi bên trên. Phan Ngạn từ đó thường được sai phái, thực sự có công lao, được phong tước quận công. Tới lúc này, Ngạn ngấm ngầm hiệp sức với đảng nguỵ tiếm xưng Quốc sư, muốn khởi đầu sự nghiệp vương bá. Thật

---

1. Quảng Bình: tên huyện, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

2. Nguyễn Hoàng về Thuận Hóa, nhưng vẫn để lại miền Bắc 3 người con để làm con tin.

3. Nguyên bản chép nhầm là Trường Yên.

không hiểu mệnh trời đã có chỗ, dẫu tài cán cũng không làm nên trò trống gì.

Có người hay biết việc trên, đã kể lại đầy đủ với Bình An vương. Vương nói: "Không dè bọn ngụy gian ngoan lại có thể tin cầu những điều huyễn hoặc như vậy. Lén trồng cây cối yêu quái để làm trúc đổ nước nhà. Sao ta lại không "thăng" [1] nó đi nhỉ?". Ngay ngày hôm đó, sai quan quân đến núi Lương Kiên chặt bỏ cây yêu quái trên đỉnh núi. Hôm ấy vào ngày cuối tháng. Quan quân kéo lên đỉnh núi, dùng rìu chặt đổ cây cù mộc. Một lát sau, cây đổ. Mây đen bốn bề kéo tới, mưa gió bỗng nổi lên ở phía Quan Trung, Đông Thành chọc thẳng vào thành Đại La. Bốn bề mờ mịt đến đêm mới yên tĩnh.

Lại nói một hôm, ngụy Sính quốc công Ngạn từ trong thành nhìn về phía Kinh Bắc, thấy ánh lửa nổi lên loạn xạ, bèn sai người ra ngoài thành nghe ngóng. Sáng sớm ngày mồng 1 tháng 6, quân đi tuần về báo rằng vợ của Mỹ quận công là Nguyễn Thị Ngọc Niên khởi binh từ bờ Bắc đang đánh tràn sang. Ngạn rằng: "Đàn bà là cái giống gì mà dám tác yêu tác quái để báo oán chăng?". Nói xong, liền kiểm điểm binh mã, kéo thẳng đến bến Đông Tân dàn thuyền bè, mở trận thủy chiến. Bên sông, Nguyễn Thị Ngọc Niên đang ngồi trên kiệu hoa bảy đòn khiêng, đi giày gai, mặc áo xanh sẫm, lớn tiếng nói rằng: "Trong quân ai giết được Kế quận công sẽ có trọng thưởng". Kế quận công cả giận, lao thuyền đến đánh. Chợt có đạn từ trong quân của bà Nguyễn bắn tới, Ngạn bị trúng đạn, chết giữa Hoàng Giang, Hoa quận công Ngô Đình Nga thu nhặt tàn quân của Ngạn, giữ chặt cửa thành. Được tin chúa Mạc Càn Thống từ Long Châu bên kia cửa quan trở về nước, Hoa quận công bèn dẫn quân đi đón.

Tin tức truyền vào Yên trường, Bình An vương lĩnh mệnh đốc thúc các cánh quân ra Bắc. Ngày 13 tháng ấy quân đến đóng ở xứ Bãi Trời [2].

Chợt nghe tin tên phản nghịch Vân quận công dẫn quân thủy ngầm đi chặn đường. Vương bèn sai đem quân bí mật đến bố trí ở tả ngạn con sông, im ắng không một tiếng động. Tên phản nghịch Vân không để ý, cứ tiếp tục cho thuyền vào sâu nơi phục kích. Quân của

---

1. Thắng: Một kiểu chơi chữ, có nghĩa là làm cho "cây yêu quái" biến mất. "Giáng" cũng như "thăng" là từ ngữ của giới đồng bóng.

2. Nguyên bản chép là "Bái Trời". ĐVSK chép là Bái Đính.

Vân quận công do vậy bị rối loạn, vất cả thuyền tranh nhau tháo chạy. Vân quận công cũng chạy trốn trong bụi rậm. Quan quân thừa thắng, vượt sông đến đóng doanh trại ở Thiệu Sơn. Được ba ngày, tên phản nghịch Vân khoanh tay chịu hàng, Vương tha cho tội chết.

Đến ngày mồng 8, nghe tin Mạc Kiền Thống vào chiếm phía Đông Kinh thành, Vương bèn tung hết các cánh quân thủy bộ ra đánh.

Nguyên trước đó, mẹ Mạc Hồng Ninh [1] nghe tin Kinh thành bỏ trống, bèn tụ tập tông thất nhà Mạc kéo ra chiếm thành Trung Đô [2], tự xưng là Quốc mẫu. Lại sai người đem xa giá đi đón Kiền Thống ở Bắc Quan [3] về. Tiến hành ban thưởng không kể cũ mới, với các chức như Đô chỉ huy sứ, Đồng tri thiêm sự, Tả hữu hiệu điểm ... Ai nấy đều tạ ơn, lao vào công việc.

Khi chúa nhà Mạc đến Thị Cầu thuộc huyện Vũ Ninh [4], bọn Ngô Đình Nga đem quân đến đón. Chúa Mạc thăm hỏi úy lạo và cho ai vẫn giữ nguyên chức ấy. Ngày hôm sau đến Kinh sư, quan viên và dân chúng đều quy phục. Chúa Mạc bèn sai người chia nhau đi các nơi thăm hỏi, động viên. Phiên tướng ở các xứ vẫn được sai bảo vệ địa phương mình. Chẳng hạn Uy Vũ hầu tiếp tục trấn giữ Hải Dương, Tông thất Quận Huệ vương tiếp tục trấn giữ Sơn Nam. Lại cho Nhai quận công, Tung quận công làm Tướng Tây đạo, chia nhau giữ địa giới Sơn Tây. Lúc bấy giờ bốn trấn đều yên tĩnh. Được hơn một tháng, bỗng có tin báo quân Yên Trường kéo ra. Chúa Mạc truyền cho binh mã ở các đạo kéo về bảo vệ Kinh thành. Lúc bấy giờ quân ở Tây đạo lui về giữ mạn Nhật Chiêu [5].

Bình An vương tiến ra đạo Trường An, bắt sống Quốc Mẫu nhà Mạc ở thành Trung Đô, rồi theo đường thủy tiến ra cửa sông Hát, nhân đêm tối chia đường bí mật vào thành Thăng Long. Tướng Tây đạo của nhà Mạc là Nhai quận công và Tung quận công bỏ doanh Nhật Chiêu chạy trốn. Quan quân thu được 40 chiếc thuyền và 7 thớt voi mang về dâng nộp trước cửa doanh. Bình An vương mừng lắm. Đêm hôm ấy, công phá cửa thành, chúa Mạc dẫn quân vượt sông chạy về phía đông. Quân giặc chết đuối không biết bao nhiêu mà kể.

1. *Việt sử thông giám cương mục* chép là Bùi Thị, mẹ thứ của Mạc Mậu Hợp.

2. Đây chỉ thành Thăng Long.

3. Tức Cao Bằng.

4. Thuộc Kinh Bắc, nay thuộc Bắc Ninh.

5. Nay thuộc Hà Nội.

Ngày hôm sau, quân của Vương kéo vào thành vỗ về dân chúng các phố phường. Mấy ngày hôm sau, em trai của Kế quận là Quỳnh quận công họ Phan ra đầu thú, cũng được Vương tha tội cho.

Tháng 9, chúa Mạc đến đóng ở Kim Thành [1]. Lại sai bọn Uy hầu [2], Nam Dương hầu và Ngô Đình Nga tiến vào xứ Ông Mạc [3] huyện Thanh Trì nghênh chiến, làm rung động cả Kinh thành.

Bình An vương sai con cả là Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng cầm búa vàng đem quân đi đánh ở phương Đông. Quan quân tiến đến xứ Ông Mạc phá tan quân Mạc, truy kích giặc đến tận sông Thiên Đức [4], bắt sống được tên phản bội Ngô Đình Nga mang về dâng nộp trước cửa doanh. Sai đem chém.

Lúc bấy giờ tướng Mạc là Uy Vũ hầu lui về đóng ở Hải Môn, cấm không cho đem muối đến bán cho quan quân. Nam Dương hầu thì nhiều lần mang thủy quân lúc ẩn lúc hiện khiêu chiến với quan quân.

Mùa đông, tháng 10, Vương sai Hải quận công Nguyễn Đình Luân đem thủy quân tiến đánh họ Mạc.

Đình Luân và các thuộc tướng nhận lệnh ra đi. Thuyền đến cửa sông Hoàng Giang, bỗng gặp phục binh của tướng Nam Dương hầu. Đình Luân đánh nhau với giặc được mấy hiệp, liệu thế khó địch nổi, bèn bỏ thuyền chạy về Kinh sư. Vương cả giận, sai lột hết chức tước của Đình Luân.

Nam Dương hầu thắng trận, lấy được hơn 40 chiếc thuyền của quan quân mang về Kim Thành ở Hải Dương báo tin thắng trận. Chúa Mạc rất vui mừng, sai người đi đón rước úy lạo rất nồng hậu. Nhân dịp này bình công, ban cho tước Nam quận công, sai đem quân đi giữ huyện Nam Xang, xây dựng doanh trại, thủy bộ ngày đêm canh giữ đề phòng bất trắc.

Nam quận công họ Nguyễn [5] tạ ơn, vâng mệnh kéo quân đến Nam Xang. Gặp lúc lương hết, quân đói, e binh lính uể oải, khó lòng thực hiện nhiệm vụ cần vương, Nam quận công bèn sai người đến vay lương thảo của Uy Vũ hầu. Uy Vũ hầu nói: "Ta và tướng quân ai có quân đội nấy, chỉ biết chiến đấu cật lực thôi, đâu còn thì giờ để tích trữ lương

---

1. Thuộc phủ Kinh Môn, nay thuộc Hải Dương.

2. ĐVSK chép là Uy Vũ hầu.

3. Tức Ô Đông Mác, Hà Nội.

4. Tức sông Đuống ngày nay.

5. Khuyết tên. *Việt sử thông giám cương mục* chép là Nguyễn Dụng. Đúng ra phải là Nguyễn Nhiệm, sử nhà Nguyễn vì kiêng tên Tự Đức, đổi "Nhiệm" là "Dụng".

thảo mà cho nhau mượn. Ngươi hãy về báo với Tướng quân rằng việc chuyển vận lương thực không phải là việc của ta. Tướng quân nếu muốn kêu ca về chuyện thiếu thốn, thì hãy đến chỗ quan Tể tướng[1]".

Sai nhân cáo từ ra về, kể lại mọi việc cho Tướng quân Nam quận công nghe. Nam quận công cả giận nói: "Uy Vũ hầu tiếc của, không thiết gì đến việc đánh dẹp. Hắn không có lòng báo quốc, tội nợ dư thừa. Nay ta giết một Uy Vũ hầu để răn kẻ bất trung".

Ngay ngày hôm đó, Nam quận công dẫn mấy chục tay đao kiếm kéo sang doanh trại Uy Vũ hầu. Uy Vũ hầu đón vào ngồi yên đâu đấy. Nam quận công nói: "Nay vận nước long đong, kho tàng trống rỗng. Các tướng sĩ cùng binh lính ai cũng phải dựa vào trợ cấp của gia đình. Ta vâng mệnh đi đánh dẹp, hết thu sang đông, lương thực sạch nhẵn. Thế mà nhà nước lại giao cho trọng trách bảo vệ bờ cõi, làm sao có thể hoàn thành? Được biết ông đóng quân ở cửa biển đã lâu, có nguồn lợi cá muối, tích trữ được khá nhiều. Kén tơ hùng hậu như vậy mà lại bảo là không làm chức chuyển vận thì ai tin được". Uy Vũ hầu nói: "Bỏ tiền của riêng để chi phí vào việc quân là trung với nước, cái đó lẽ nào tôi lại không hiểu. Có điều việc biên cương Chúa thượng chỉ phó thác cho mỗi một mình ông, tất nhiên là ông phải có cách chuyển vận tài tình để báo đền ơn nước. Vậy việc gì phải đòi hỏi lương thực ở tôi. Tôi có quân đội riêng của tôi, giả sử có của dành của để chăng nữa, thì cũng phải chờ lệnh nhà nước đã chứ. Nếu không biết giữ mà tung hết nó đi, một mai xẩy việc miền Tây[2], trong lúc khẩn trương phải chiêu mộ lính, lấy gì cung cấp để thực hiện sứ mệnh ngoài ngàn dặm". Nam quận công nghe nói, nộ khí bừng bừng, liền thét lớn: "Chúa thượng coi việc biên cương là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu, nên trao cho ta thanh kiếm thượng phương[3] để tiện hành sự. Nhà ngươi bòn rút của dân, không cung cấp cho nhu cầu đất nước, trái mệnh như thế, kiếm không thể trì hoãn". Nói xong liền dùng kiếm đâm chết Uy Vũ hầu ngay tại chỗ ngồi, cướp lấy tất cả tiền bạc, thóc gạo, phân phát đều cho quân nhân. Thu nạp binh lính của Uy Vũ hầu sung vào quân ngũ. Quân đội đã có khí thế, Nam quận công ra lệnh đào hào đắp lũy, dựng hào san sát bên bờ sông, canh phòng rất nghiêm ngặt.

---

1. Nguyên văn là "Tù tướng".
2. Ý nói xảy ra việc đánh nhau với quân Lê Trịnh ở Thanh Hóa.
3. Ý nói thanh kiếm của trời.

Lúc bấy giờ, bè đảng của họ Mạc còn sống sót như Nhai quận công, Trung quận công đang ẩn náu ở Đại Đồng [1] cũng bị thổ quan ngầm bỏ thuốc độc giết chết. Một đạo Giang Đồng giờ đây chỉ như chấu chấu đá xe. Thật là:

Đương triều tự vi điền ba để,
Hãn thủy nhân vân tệ tứ lương.

Nghĩa là:

Ngăn triều, tự xem là hòn đá chắn sóng,
Chặn nước, người ta bảo chiếc thúng rách tươm.

Tin tức truyền đến thành Thăng Long. Không rõ triều đình trù liệu tiến đánh như thế nào, xem hồi sau sẽ rõ.

1. Đại Đồng: tên xã, thuộc Thu Châu, phủ Yên Bình, nay thuộc tỉnh Hà Giang.

HỒI BỐN

TIẾT THỨ NHẤT [1]

Quảng Phú hầu hôn thượng Vương cơ.
Trịnh Thành Tổ mộng kiến Tấn quốc.

Nghĩa là:

Quảng Phú hầu kết hôn với dòng nhà chúa.
Trịnh Thành Tổ mơ thấy Tấn quốc công.

Năm Tân Sửu (1601), niên hiệu Hoằng Định, vào tiết Thiều Quang, Bình An vương hạ lệnh Đông chinh [2].

Vương tự mình đôn đốc tướng lĩnh các doanh thủy bộ tiến về Nam. Lúc này con trai của Thư quận công là Cảnh Đại, Cảnh Hà đều đã trưởng thành, có tài trí mưu lược, được theo phục dịch trong doanh trại của cha, tuân theo hiệu lệnh sai phái.

Sau khi đại quân lên đường, tin tức truyền đến doanh trại quân Mạc. Chúa Mạc sai Nga quận công cùng Nam quận công bảo vệ biên cương. Nam quận công dàn thuyền ở vùng hạ lưu để đợi.

Sáng ngày Bính Dần 27, Bình An vương cho quân dàn trận tiến đánh. Bỗng thấy phía Nam có cầu vồng dài hiện ra, chĩa thẳng về phương Dần [3]. Lại có chim đến đậu đông nghịt ở hành dinh. Thiên văn đoán rằng đây là điềm ta thắng địch thua. Bình An vương ở thượng lưu thân ngự thuyền rồng, sai bộ binh chia nhau đi mai phục sẵn ở hai bên bờ sông. Lại sai Tiên phong Chấn quận công đem quân khiêu khích.

---

1. Mở đầu phần này, trong nguyên bản còn có những tiêu đề như sau: "Thiên Nam liệt truyện quyển đệ thất" (*Thiên Nam liệt truyện*, quyển thứ VII), "Nam Đường phiếm thoại tứ hồi tứ ("*Nam Đường phiếm thoại* hồi thứ IV trong tổng số 4 hồi). Nguyễn Cảnh thị Hoan Châu ký (*Hoan Châu ký* của họ Nguyễn Cảnh), ở đây, để thống nhất trong cấu tạo chung của tác phẩm, chúng tôi không dịch các tiêu đề này.

2. Đi đánh quân nhà Mạc.

3. Đông Bắc.

Nam quận công nghe tin đó, tung tất cả lực lượng thủy bộ ra đánh Chấn quận công. Đánh nhau được vài hiệp, Chấn quận công vì thế bức mà chết tại trận. Quân Tiên phong rối loạn rút chạy. Nam quận công thúc quân đuổi theo. Bỗng nghe ba tiếng súng nổ, thấy Bình An vương ngự trên thuyền rồng, phất cờ lớn đốc chiến. Thuyền kín cả sông, theo dòng mà xuống. Phục binh tả hữu nhất tề nổi dậy hưởng ứng. Từ hai chiếc thuyền trên sông đạn tên dồn dập bắn tới như mưa. Quân Mạc thua to bỏ chạy. Thư quận công hiệp đồng cùng các tướng thúc quân truy kích. Con trai thứ của ông là Cảnh Hà xông lên trước, đuổi giặc chạy đến xã Cổ Lệnh, chém đầu giặc không biết mấy trăm mà kể. Quan quân tiếp tục truy kích địch đến Cổ Lệnh Thượng, phóng lửa đốt hết thuyền quân Mạc. Nam quận công thế cùng, cứa cổ gieo mình xuống sông tự vẫn. Quan quân thừa thắng giết được cả Nga quận công rồi đem thủ cấp của Nga quận công và Nam quận công bêu lên cho mọi người biết. Lại bắt được hai người em của Nam quận công là Tào quận công và Vị quận công đem nộp ở quân môn, cũng sai đem chém cả. Thu được tàu thuyền, hàng binh, chiêu nạp vỗ về nhân dân, người nào người ấy đều vui lòng qui phục. Bèn kéo quân trở về Kinh.

Tháng 3, lại nghe tin vua Mạc Kiền Thống còn chiếm cứ Hà Đông [1]. Vương sai Thái tể Vinh quốc Hoàng Đình Ái thống lĩnh các tướng đem quân đi đánh dẹp.

Hồi đó, Tả phủ Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên lĩnh chức Tiên phong. Cảnh Kiên đưa quân đến sông Bạt Kiều, bắc cầu phao tiến đến địa giới Thanh Lâm [2], cho quân trú lại.

Bỗng thấy người dẫn đường chạy đến cấp báo rằng: "Quân Mạc đang bày binh thuyền đầy rẫy, định tập kích quân ta từ ba mặt. Chúng muốn dồn quan quân vào thế nguy để thực hiện âm mưu cắt đường tiến của ta, Vinh quốc công được tin, liền sai người cấp báo về Thăng Long. Bình An vương vội ngự thuyền rồng, tự mình đôn đốc thủy quân tiến về phía Đông. Đến Thanh Lâm, Vương bày trận thế rồi ra lệnh tiến đánh. Quan Thống lĩnh Vinh quốc công sau khi nhận lệnh, đã leo lên mình voi, cho quân dàn thành trận "nhạn", hình chữ nhất hai đầu to lớn như hình càng cua, quân sĩ tranh nhau mà tiến. Hai người con của Thư quận công là Thự Vệ sự Dương Nghĩa hầu

1. Chỉ vùng Hải Dương

2. Thanh Lâm: tên huyện, nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Cảnh Đại và Quảng Phú hầu Cảnh Hà phóng ngựa vung đao xông ra trận tiền, hăng hái chiến đấu giữa hòn tên mũi đạn, người nào cũng thoăn thoắt như bướm vờn bay, ai trông thấy đều lè lưỡi thán phục. Hồi đó, Cảnh Đại 22 tuổi, Cảnh Hà mới tròn 19 tuổi mà sức lực như vậy. Viên quan theo dõi trận đánh thấy thế, đã ghi thành tích chiến đấu vào giấy, dưới có câu nhận xét rằng: "Hai cậu con trai của Thư quận công giúp nước vô song".

Ngày hôm đó, quan quân đuổi giặc chạy dài đến huyện Kim Thành, đốt phá doanh trại giặc. Mạc Kiền Thống một mình chạy thoát thân. Quân lính của các tướng Triều Lộc, Phú Ninh... đều tan rã hết. Quan quân thu được khoảng gần 50 chiếc thuyền chiến, còn vũ khí thì không biết bao nhiêu mà kể, đều đem dâng nạp tại hành dinh.

Bình An vương cho mở yến tiệc lớn để khao tướng sĩ. Vinh quốc công nói rằng: "Trong trận đánh vừa rồi, các tướng phần nhiều đều gắng sức trong đó có một viên bộ hạ của thần tên là Quảng Phú hầu Nguyễn Cảnh Hà, con thứ của Thư quận công, thật đáng khen. Người này luôn luôn đi đầu trong các trận đánh, vung gươm múa đao, có can đảm và mưu trí, công tích nhiều lắm không thể ghi hết được". Vương cùng Vinh quốc công định công ban thưởng. Ban tặng [1] cho Cảnh Hà chiếc kim bài bốn mặt và thăng thêm tước trật.

Yến tiệc xong, bèn sai quan đi chiêu an nhân dân bảy huyện ở Hải Dương, rồi kéo quân khải hoàn về Thăng Long. Ngay hôm sau, ra lệnh lùng bắt các đảng ngụy, bình định cả bốn trấn. Từ đó, trong kinh ngoài trấn đều được yên tĩnh.

Bấy giờ sai quân vào hành tại Thanh Hoa tâu xin rước xa giá về kinh. Sau khi sai quan mang sớ đi rồi, lại truyền cho Bộ Công sửa sang cung điện, tu bổ đê đường từ Chương Đức đến Mỹ Lương để nghênh đón xa giá.

Mùa thu, tháng 8, Kính Tông Huệ Hoàng đế về Kinh sư. Vương cùng đại thần văn võ trăm quan chuẩn bị xa giá đi trước. Vua vào trong thành, phò lên chính điện. Được một lúc, có rồng vàng hiện ra, mây năm sắc kéo đến. Triều đình xếp hàng bái lạy chúc tụng.

Thế là Kim Đô [2] đã được khôi phục, thiết khoán [3] sẽ được thi

1. Nguyên bản chép nhầm chữ "ban" (ban tặng) thành chữ "lĩnh" (lãnh nhận).

2. Kim Đô : chỉ Kinh thành Thăng Long.

3. Thiết khoán: tờ khoán bền vững, chỉ các đạo sắc ban phong chức tước cho những bề tôi lập nhiều chiến công.

hành. Ngay ngày hôm đó sẽ được bình công ban thưởng. Xuống chiếu sai triều đình bàn việc tăng trưởng tước trật cho các quan theo mức độ khác nhau. Lúc bấy giờ Thư quận công xông pha trận Mạc, công tích rất nhiều, được gia phong Hiệp mưu Dương Vũ uy dũng công thần Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân Đô đốc phủ Tả đô đốc, Tri thái y viện chưởng viện sự, kiêm tế sinh đường, Thiếu bảo Thư quận công. Con của ông là Cảnh Đại, Cảnh Hà đều được phong làm Dương Vũ uy dũng công thần, Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ ty Đô chỉ huy đồng tri thự vệ sự hầu tước. Đại là Dương Nghĩa hầu, Hà là Quảng Phú hầu:

Nhất môn phụ tử công hầu tập,
Vạn thế nhi tôn tước lộc truyền.

Nghĩa là:

Một nhà phụ tử công hầu kế,
Muôn thuở con em tước lộc truyền.

Có lẽ do nhiều đời chứa ân đức, làm việc nghĩa mà thành ra như vậy.

Đến mùa thu, tháng 9, có người mật báo với Bình An vương phủ rằng ngụy Kiền vương chạy trốn, nay lại xuất hiện ở chùa Mô huyện Phượng Nhãn. Vương bèn sai quan quân bí mật tới nơi để bắt.

Bấy giờ Quảng Phú hầu Cảnh Hà được lệnh đem quân đến vây chùa Mô. Ngụy Kiền vương đã ngầm cắt tóc, cạo răng, giả làm nhà sư để xóa nhòa tung tích. Cảnh Hà ra lệnh bắt trói tất cả sư sãi trong chùa mang tới tra hỏi, quả nhiên tóm được đúng Kiền vương, đóng cũi giải về Kinh sư dâng nạp.

Bình An vương được tin, vỗ tay tán thưởng rằng: "Thiên hạ đấu nhau, hạng dũng mãnh có nhiều. Riêng Quảng Phú hầu, cháu của Tấn quốc công, con của Thư quận công là hạng danh gia phiệt duyệt, trí dũng hơn đời, trèo non vượt biển nguy hiểm như vào cõi không người, ai dám đối địch?". Nói xong, bèn cho triệu vào gặp. Đấy là một con người có tư thái đẹp, dáng mạo đáng yêu. Vương rất vừa lòng, bèn phán bảo Cảnh Hà rằng: "Ông nội của anh đã có nhiều công lao đối với nước. Nay anh lại phá được giặc, tài năng xuất chúng, có thể làm Phò mã [1] để đáp công xưa". Cảnh Hà nghe nói, liền kính cẩn lậy tạ.

Vương lại cho triệu Thư quận công vào Phủ đường bàn chuyện

1. Nguyên văn là "quốc tế" (rể của nước).

hôn nhân. Vương phán bảo rằng: "Nhà ta từ khi tôn quân dựng nước [1] tới nay, cuối cùng đã có thể quét sạch bốn biển, dẹp yên Hoa Hạ [2]. Ta nghĩ nhiều đến tổ tiên gia đình ông được ủy quyền chinh phạt, hoàn tất nhiều mệnh lệnh được giao, công tích thật không nhỏ. Nay ông có người con trai là Cảnh Hà lập được công lớn, ta đánh giá rất cao. Còn ta thì lại có chút con gái tên là Ngọc Thanh hiện đã khôn lớn, nên mới có lời vời, muốn cùng ông định việc hôn nhân không biết ý ông thế nào?"

Thư quận công tạ ơn rằng: "Phụ thân của thần vốn bần hàn, nhờ tổ tiên có công lao, được dự phần phúc ấm. May gặp trời sáng sủa, lập được chút công, e không đủ báo đáp ơn nuôi nấng của nước nhà, đâu dám đặt cao vọng. Nay bề trên muốn đem tiên nữ gá trần duyên, thần sao còn có lời này lẽ nọ. Xin tuân ý bề trên".

Vương bèn sai quan Tư thiên chọn ngày vào báo cho họ Nguyễn biết nhật kỳ vu quy.

Thư quận công sau khi bái tạ ân mệnh trở về, chờ ngày lành tháng tốt, sai gia nhân chuẩn bị một trăm quả cây chín ngon thơm thuộc đủ các loại, cùng ngọc quý, bạc, tiền... mang đến nhà họ Trịnh làm sính lễ. Vương sai người nhận lễ, rồi cho công chúa Trịnh Thị Ngọc Thanh về với Cảnh Hà. Lại ban tờ sắc thăng Cảnh Hà làm Dương vũ uy dũng công thần Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ Thị vệ sự phò mã Đô úy Quảng Phú hầu. Tiền bạc, gia sản cùng các thứ đồ vật ban tặng chở đi đầy đường. Từ đó được cấp thêm binh dân, hưởng nhiều tước lộc, phủ đệ khang trang.

Lại nói vua Hoằng Định sau khi chính thức về ngự tại Trung Đô, các công thần từ to đến nhỏ đều được hậu thưởng. Bình An vương lại nghĩ tới các bậc huân nghĩa triều trước, đã dâng biểu xin ban tặng thêm cho những cố công thần. Vua đưa việc này xuống cho triều đình bàn bạc, rồi sai Bộ Lễ chiếu theo thi hành. Sau khi chế sắc ban xuống, phàm dòng họ nào có tổ tiên được phong tặng, đều làm lễ cáo tế ông bà nơi u minh cùng chia sẻ tin vui.

Vừa gặp ngày sinh nhật của Vương đúng vào dịp Đông Chí, các quan văn võ liêu thuộc đều vào phủ đường làm lễ chúc thọ. Lễ xong, đêm hôm ấy nổi mưa gió. Bình An vương vì suốt ngày coi chầu, tối

---

1. Chỉ việc họ Trịnh giúp Lê Trang Tông dựng nghiệp trung hưng.

2. Chỉ toàn bộ đất nước.

đến ngủ say, mộng nghe ngoài thềm có người bẩm bạch rằng: "Tiểu tướng từ đời cha ông đã thờ Tiên đế cùng chủ soái, xông pha tên đạn, có nhiều công huân. Không may chết ở tha hương, nhưng hồn phách không rời vương thất. Ngày đêm ngầm phò quốc mạch, tuy tại âm phủ mà không lúc nào lìa Vương cơ. Nay gặp ngày sinh nhật, đặc biệt xin đến bái yết". Vương nghe tiếng, bèn trở mình nhìn ra ngoài cửa, thấy Tấn quốc công đang nghiêng mình vái chào. Vương liền khoác áo bước ra đón khách vào nhà. Cả hai cùng nhìn nhau khóc nức nở. Bất giác Vương cựa mình tỉnh dậy. Cảnh vật vẫn yên tĩnh. Giọt đồng đã điểm canh năm... Trời sáng. Vương cho vời các quan đại thần phủ liêu đến, kể lại giấc mộng đêm qua. Nhân đó nói thêm rằng: "Tấn quốc công đối với việc khôi phục và tạo dựng phúc nước đều đã góp nhiều công sức. Việc gia phong mới rồi chưa thật thỏa đáng, ta rất lấy làm tiếc". Bèn ra lệnh làm tờ biểu dâng lên, xin hậu tặng điển lễ. Vua đưa xuống cho triều đình bàn bạc, sai Bộ Lại chiếu theo quyết định thi hành. Thật là:

Đông chinh tư báo Quan Công nghĩa.
Tước tặng vô vong Kỷ Tín Công.

Nghĩa là:

Chinh đông muốn đáp lòng Quan Vũ [1].
Tặng tước không quên sức Kỷ Công [2].

Muốn biết Bộ Lại tặng chế sắc như thế nào, xin chờ xem tiết sau sẽ rõ.

TIẾT THỨ HAI

Nguyễn Phò mã trùng tu tự quán,
Vạn quận công khởi hấn túc tường.

Nghĩa là:

Nguyễn Phò mã trùng tu chùa quán,
Vạn quận công gây hấn phủ đường.

---

1. Quan Vũ: Tên chữ là Vân Trường, còn gọi là Quan Công, người đời Tam Quốc, từng giúp Lưu Bị dựng nước Thục, chống lại nước Ngụy và nước Ngô.

2. Kỷ Công: Tức Kỷ Tín, một viên tướng đời Hán, từng cải trang thành vua Hán để đánh lừa Hạng Vũ, cứu thoát Lưu Bang.

Bộ Lại soạn tờ chế xong, đưa đến Bộ Lễ ban hành, gia phong Tấn quốc công làm Hùng nghị khuông tế trạch dân đại vương, xếp vào loại trung đẳng thần trong điển lễ nhà nước, nghìn xuân hương lửa, cúng giỗ muôn đời. Lại ra sắc lệnh dựng miếu tại thôn Chân Ngọc, xã Đồng Luân để thờ phụng. Lệnh ân tặng ban ra, con cháu trong dòng họ đã kéo tới đón nhận niềm vui mừng miên viễn.

Lại nói tháng 4 năm Quý Sửu (1613)[1], triều đình thấy đã đến lệ kỳ tuế cống thiên triều, bèn sai tránh sứ Lưu Đình Chất đi. Bọn Chất sau khi nhận mệnh, đã vào phủ đường báo cáo. Vương đặt tiệc thiết đãi. Cuộc rượu tàn, bọn Đình Chất từ tạ lên đường.

Bình An vương trở lại cung. Công chúa Ngọc Thanh đến trước thưa rằng: "Chồng của thần là Quảng Phú hầu quê tại Đô Lương. Nghe nói cạnh đấy có thôn Bụt Đà[2] cầu đường hư hỏng, đi lại khó khăn. Thần xin được theo phò mã cùng về bản quán bàn định việc bố thí làm điều công ích để rộng cầu mặt con cái". Vương bằng lòng. Lại ban cho tiền bạc, gia thêm công đức. Mẹ công chúa là Tăng Thị Ngọc Hồ còn cấp thêm của cải để giúp vào việc phổ tế.

Công chúa lạy tạ bố mẹ ra về, cùng phò mã khởi công làm cầu đường. Năm sau làm xong, bèn viết tờ khải tâu lên. Vương sai quan soạn văn bia khắc vào đá đặt tại cầu Bụt Đà để truyền mãi về sau.

Khoảng tháng 8 năm Ất Mão (1615), nghe ải Bắc[3] có gửi thiếp đến dịch trạm báo tin đoàn cống sứ An Nam sắp về nước. Triều đình cử Thiếu bảo Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên cùng Hình bộ thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ Mỹ Khuê hầu Nguyễn Lễ đi đón sứ thần. Cảnh Kiên và Nguyễn Lễ nhận lệnh đem binh mã đến cửa quan.

Tháng 11 năm đó. Quảng Phú hầu Nguyễn Cảnh Hà cùng công chúa Trịnh Thị Ngọc Thanh muốn chăm việc bố thí để rộng mong đường kế tự, bèn sùng chuộng đạo Phật, chọn ngày lành, tìm gỗ tốt gần đấy, gọi thợ tới trùng tu chùa trên núi Bụt Đà, tiêu tốn không biết bao nhiêu mà kể, sửa chữa cam lộ thượng điện ba gian, thiêu hương ba gian, tiền đường bảy gian, tả vu ba gian, am bên phải ba gian và tam quan có gác ba gian. Chùa tu sửa xong, lại tạc nhiều tượng Phật để thờ. Sau khi làm trọn vẹn các việc công đức trên đây, vợ chồng Quảng Phú hầu mới trở về Kinh chầu hầu.

Đến mùa xuân năm sau, thân phụ của Quảng Phú hầu là Thư

1. Nguyên bản chép nhầm là Quý Dậu (1633). ĐVSKTT chép là Quý Sửu.
2. Thôn Bụt Đà nằm cạnh núi Bụt Đà, thuộc xã Đà Sơn, huyện Đô Lương.
3. Chỉ cửa Hữu Nghị ngày nay.

quận công nghênh đón quan sứ Lưu Đình Chất về triều. Triều đình thấy có công lao phụng sứ, thăng Tự Khanh Nhân Lĩnh bá Lưu Đình Chất làm Lại bộ Hữu thị lang Nhân Lĩnh hầu, Phúc Nham bá Nguyễn Đăng làm Hộ bộ thị lang Phúc Nham hầu, tham chính Đường Xuyên tử Nguyễn Chính làm Thái bộc tự khanh Đường Xuyên bá. Các sứ thần sau khi nhận chức tước ban thưởng, ai nấy đều tạ ơn lui ra.

Bấy giờ Lưu Đình Chất nổi tiếng văn hay, làm Phụng sự thừa chỉ, được nhiều người mến mộ. Phò mã Cảnh Hà nghe danh, nghĩ rằng Lưu Đình Chất với cha mình là Thư quận công sống với nhau rất có tình nghĩa. Nhân dịp chùa Bụt Đà vừa tu tạo xong, Cảnh Hà bèn mời Lưu Đình Chất soạn cho bài văn bia. Đình Chất lấy lý do kỹ năng có hạn, nhiều lần từ chối không được, đành viết bài văn trùng tu chùa Bụt Đà cho Quảng Phú hầu đại ý như sau:

Châu Thiên Nam từ xưa có chùa Bụt Đà là một danh lam. Phía bên trái có các ngôi tháp đứng thành hàng, phía bên phải có dòng nước uốn khúc. Trước sông là chợ, bên suối là cầu. Đây thật là một cõi Phật vào bậc nhất.

Trải bao năm tháng, chùa Bụt Đà đã trở thành Ông Phỗng [1], chỉ còn trơ lại một cái nền thôi, ai trông thấy cũng không thể không ngậm ngùi về cảnh "thố quỳ, yến mạch" [2]. Đổi phế thành hưng, chuyển điêu tàn thành khôi phục, ắt phải nhờ vào tay một đại thí chủ [3] có lực lượng hùng hậu, có biện pháp hậu quả. Ông Dương Vũ uy dũng công thần Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ Thị vệ sự Phò mã Đô úy Quảng Phú hầu Nguyễn tôn công [4] là người lừng danh trong hàng tướng võ, sánh duyên cùng công chúa cao quý, lòng từ bi vốn sẵn tính trời. Nhận ra chốn Phật kệ danh hương, phát hiện nơi tùng lâm thắng tích, lòng thiện chan chứa nảy sinh. Vào ngày lành tháng Nhất dương [5] năm Ất Mão (1615), ông bèn cho phát dọn gai góc,

---

1. Dịch chữ "Đồng đà", đây ý nói chùa đã thành trống rỗng, bên trong không còn gì.

2. Thố quỳ, yến mạch: những loại thực vật không ăn được, đây chỉ các thứ cây cỏ dại. Lưu Vũ Tích trong *Thi tự* có câu: "Duy thố quỳ, yến mạch động dao xuân phong nhĩ" (Chỉ có thố quỳ, yến mạch rung rinh trước gió xuân).

3. Dịch chữ "đàn việt", từ nhà Phật, có nghĩa là "thí chủ", tức người bỏ tiền của ra làm việc thiện.

4. Chỉ Nguyễn Cảnh Hà.

5. Chỉ Tháng 11 Âm lịch. Theo sách *Chu Dịch* thì đến tiết Đông Chí, khí dương chớm xuất hiện. Trước đó, tháng 10 Âm lịch thuộc quẻ "khôn" gồm 6 vạch âm (– –), không có dương. Bước sang tháng 11 Âm lịch thuộc quẻ "phục", chớm xuất hiện một vạch dương (–) dưới 5 vạch âm, cho nên gọi tháng 11 Âm lịch là tháng "Nhất dương" (một vạch dương).

nhóm thợ khởi công tu sửa chùa, tạc tượng Phật, đổi mới điện ngọc, tô điểm thân vàng [1]. Trong việc tôn tạo núi Bụt Đà thờ Phật Di Đà [2], công đức của tôn ông thật dồi dào, trọn vẹn. Tôn ông xứng đáng có con cháu đông đúc, cửa nhà hiển vinh, sự nghiệp vang dội. Người xưa thường nói: "Chứa điều thiện ắt có mọi tốt lành" (tích thiện tất hữu dư khương), ấy là nói về tôn ông đó. Do thế, cứ theo sự thực mà ghi, khắc vào đá quý để lưu truyền, nhằm khuyến khích đời sau vậy.

"Chỉ ...

Hội chủ...

Phò mã Đô úy Quảng Phú hầu Nguyễn Cảnh Hà, cùng Chánh phu nhân công chúa Trịnh Thị Ngọc Thanh.

Nghiêm phụ là Thiếu bảo Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên.

Nội cung trượng mẫu Tăng Thị Ngọc Hồ.

Các con gồm: Nguyễn Thị Ngọc Thơm, Lương Tài hầu Nguyễn Cảnh Diễn, Nguyễn Thị Ngọc Tài, Nguyễn Cảnh Lâm, Nguyễn Cảnh Trừng, Nguyễn Cảnh Triệt, Nguyễn Cảnh Khê [3].

Hoàng Triều ngày lành tháng tốt năm Hoằng Định vạn vạn niên thứ 17 (1616), sư đốt hương niệm Phật tu tác.

Thiền sư tên chữ là Huệ Minh, chùa Đại Phúc, ở Nhân Ấp, Thuận Gia.

Tứ Đinh Mùi (1607) khoa tiến sĩ xuất thân, tá lý công thần Đặc tiến Kim tử vinh lộc đại phu, Lại bộ Hữu thị lang, Nhân Lĩnh hầu trụ quốc Hoằng hóa Quỳ chử Lưu Đình Chất soạn".

Bài văn bia làm xong, đưa cho sử quan chép lại rõ ràng chân phương rồi sai khắc vào đá. Xong xuôi đâu đấy, chở bia đến Nghệ An dựng bên trái chùa Bụt Đà, ở đây không phải nhắc tới nữa.

Lại nói Mạc Khánh vương Kính Khoan chạy đến Cao Bằng nuôi vỗ quân dân, cắt cử bè đảng xâm lược bờ cõi.

Tin tức truyền tới thành Thăng Long. Vào tiết Mạnh Xuân [4] năm Mậu Ngọ (1618) [5], Bình An vương sai các tướng chia làm hai đạo tiến đánh. Một đạo do Thái Phó Thanh quận công Trịnh Tráng (tức Vương

---

1. Chỉ tượng Phật.

2. Chỉ Phật A Di Đà.

3. Tên những người con của Cảnh Hà chép ở bài văn bia này có khác ít nhiều so với tên những người con của Cảnh Hà chép ở *Hồi bốn, Tiết thứ tư*.

4. Tháng giêng.

5. Nguyên bản chép nhầm là Mậu Tý (1648). Đính chính lại là Mậu Ngọ, theo ĐVSKTT.

thế tử, Văn Tổ Nghị vương) thống lĩnh các thuộc tướng gồm Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên, Lễ quận công Nguyễn Văn Giai, Bạt quận công, Hữu quận công Tạ Thế Phúc, Đăng quận công Nguyễn Khải và Phụ quận công Nguyễn Hắc (con của Đoan quốc công Nguyễn Hoàng), lấy văn thần Lễ bộ Tả thị lang Phương Lan hầu Nguyễn Thực [1] làm quan Đốc thị. Đạo thứ hai do Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân (Vương thế tử) thống lĩnh, các thuộc tướng gồm Cống quận công Hoàng Đình Phùng (con của Vinh quốc công). Luân quận công Trịnh Thức (Vương tôn) và Lang quận công Trịnh Liêm (Vương tôn) [2] lấy văn thần Phó đô ngự sử Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thời làm quan Đốc thị.

Quan quân hai đạo tiến đến Cao Bằng. Mạc Khánh vương nghe tin, liền dẫn quân chạy trốn. Thái phó Thanh quận công lấy Thiếu bảo Thư quận công làm Tiên phong, đốc đại quân tiến đến Bẩm Châu phá tan đảng giặc, bắt được ngụy Hùng quận công cùng bảy thớt voi đực, chém mấy trăm thủ cấp đem dâng nạp trước cửa quân. Ngày hôm ấy thừa thắng trẩy quân tới châu Cẩm Hoa đánh ngụy Nghiêm vương. Nghiêm vương thua chạy. Ngày hôm sau lại tiến đánh ngụy Trí Thủy. Trí Thủy cũng thua chạy. Quan quân thắng lợi lớn kéo quân về.

Được hơn mươi hôm, nghe ngụy Phù Dĩ lén nổi lên tại xã Phù Lộ, Bình An vương lại sai Thiếu phó Kỳ quận công Trịnh Ninh thống lĩnh các tướng đem quân đi đánh. Kỳ quận công lấy Thiếu bảo Thư quận công làm Tiên phong. Bấy giờ đang tiết xuân, quan quân đã tiến đến Phù Lộ. Tiên phong Nguyễn Cảnh Kiên dàn thế trận đánh thọc vào rồi truy kích địch. Bên tả có người con trưởng là Dương Nghĩa hầu Nguyễn Cảnh Đại. Bên hữu có quan đội Lâm Khê hầu. Hai cánh quân đều lên ngựa, dàn thành hình gọng kìm, tranh nhau đánh kẹp lại. Quân giặc thua to. Chém được vô số thủ cấp. Quan quân chấn chỉnh đội ngũ trở về kinh. Triều đình bàn việc khen thưởng, ở đây ký giả xin khỏi nhắc tới.

Lại nói Bình An vương nhân nước có nội biến, vua Hoằng Định mắc mưu gian bị hại [3], bèn lập Hoàng tử Duy Kỳ lên ngôi tại điện Cần Chính

---

1. Nguyên bản chép nhầm là Nguyễn Khoan. Đính chính lại theo ĐVSKTT.

2. Theo ĐVSKTT còn có Phố quận công Trịnh Trăn. Lang quận công, ĐVSK chép là Lăng quận công.

3. Thấy Trịnh Tùng ngày một lấn quyền, lại nghe tin con của Tùng là Trịnh Xuân ngầm cướp ngôi người con trưởng. Lê Hoằng Định đã cùng Xuân lập mưu giết Tùng. Mưu bị lộ, Tùng buộc Lê Hoằng Định (Kính Tông) phải tự thắt cổ chết và tống giam Trịnh Xuân ở nội phủ.

lúc tuổi mới mười ba. Đổi niên hiệu và đại xá. Đó là Thần Tông Uyên Hoàng đế, Vĩnh Tộ năm thứ nhất (1619).

Thư quận công hồi này tuổi đã cao, nhiều lần vâng mệnh đi đánh dẹp ở các đạo, cảm nhiễm sương gió, sức lực suy giảm, cuối cùng bị ốm nặng. Hoàng thượng thương tình, sai Trung sứ mang sắc dụ cùng thuốc men và năm trăm quan tiền đến ban cấp cho ông chữa bệnh. Sau đó còn nhiều lần cho người tới thăm hỏi. Đến mùa thu, tháng 8, tiết Bạch Lộ [1], Tân Hợi sóc, qua ngày Giáp Dần, mồng 4, giờ Thìn, ông mất tại chính tẩm, hưởng thọ 67 tuổi (Ông sinh năm Quý Sửu (1553), mất năm Kỷ Mùi (1619) thọ 67 tuổi. Vậy mà các bản ghi chép cũ nói ông 74, 73 hoặc 72 tuổi. Như thế là không đúng, nhầm). Hoàng thượng nghe tin, ra lệnh bãi chầu ba ngày. Bình An vương không ngớt thở than, đến tận nơi khóc nức nở, dâng biểu xin gia ân. Hoàng thượng bèn sai quan Bộ Lễ mang vật cúng cùng hai chiếc hốt bằng vàng và ba ngàn quan tiền cổ đến viếng, đồng thời gia phong cho là Hiệp mưu Dương Vũ uy dũng Dực vận tán trị công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Nam quốc Đô đốc phủ tả Đô đốc Thự phủ sự Tri Thái y viện chưởng viện sự Thiếu phó tả Tư không Thư quận công (sau lại phong thêm là Mặc tướng hồng đồ, tặng làm Thái bảo). Lại sai quan quân binh lính thủy bộ cùng mười lăm chiếc thuyền đưa linh cữu Thư quận công về bản quán, an táng tại sứ Mô Sơn, thôn Cẩm Hoa thượng, xã Đô Lương [2].

Ông sinh được bốn trai hai gái, phổ ghi như sau:

Người con trai trưởng là Cảnh Đại (phong Thự vệ sự Dương Nghĩa hầu).

Người con thứ hai là Cảnh Hà (mẹ người Thượng Xá, huyện Chân Phúc, là cháu gái xa đời của Thái sư Nguyễn Cang quốc công [3]. Có thuyết nói bà là tằng tôn của Nguyễn Cang quốc công. Hà lấy công chúa họ Trịnh, con gái của Bình An vương, được phong làm Thự vệ sự phò mã Đô úy Quảng Phú hầu).

Người con trai thứ ba là Cảnh Cống (mẹ người bản huyện Đô Lương, là con gái thôn Hoa Viên. Cống lấy Trịnh Thị Ngọc Thịnh, con gái của Bình An vương, được phong là Thự vệ sự phò mã Đô úy, tước đến Ly quận công).

---

1. Tiết trời có sương muối.
2. Nay là xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.
3. Tức Nguyễn Xí.

Người con trai thứ tư là Cảnh Ất [1] (được phong Hiển Nghĩa hầu).

Người con gái trưởng là Ngọc (hiệu Nhất Nương, cùng mẹ với Thắng quận công, gả cho Uy Lộc hầu. Có thuyết nói là Đại Lộc hầu).

Người con gái thứ hai là Ngọc Quý.

Lại nói người con trai thứ hai phò mã Quảng Phú hầu nhiều lần lập công tích, được thăng làm Chưởng vệ sự Thắng quận công, có con gái cả là Ngọc Thơm tiến cung, làm phi tần gần gũi của vua Thần Tông, được đặc biệt sủng ái.

Bấy giờ Vương Thế tử Thanh quận công Trịnh Tráng nhận thấy cha là Bình An vương tuổi già sức yếu, mà em là Vạn quận công Xuân thì có ý muốn cướp đoạt, lại thường riêng chơi thân với quan Án thủ Nghệ An là Thái tể Nhạc quận công. Thanh quận công ngờ Nhạc quận công có mầm mống phản bội, nên tâu với vua rằng Nghệ An là đất quan trọng, nơi yết hầu của quốc gia để khống chế vùng biên, phải kén cho được người trong số trọng thần thân thích có công lao để cai quản vùng đất đó, phòng sự uy hiếp từ bên ngoài. Nhà vua nghe theo, bèn sai Thắng quận công Cảnh Hà vào trấn giữ đạo Nghệ An. Thanh quận công vời Thắng quận công tới để tiễn đưa, nhân thể dặn dò một số ý kín. Thắng quận công tạ ơn ra về, rồi lập tức chỉnh đốn binh mã thuyền ghe đi thẳng vào Nghệ An.

Quả nhiên trên có tai biến của Trời, dưới ắt có mưu gian của giặc. Đêm hôm trước trên trời có chiếu cầu vồng trắng xuyên qua mặt trăng, sự việc có thể chiêm nghiệm được.

Đến tháng Kỷ Mùi [2] năm Quý Hợi (1623), Bình An vương bị cảm. Ngày Bính Tý [3] triều đình xin lấy thế tử của Vương là Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng thay giữ binh quyền, lại lấy người con thứ là Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân phó giữ binh quyền. Xuân vì thế trong lòng ấm ức, gây ra xung đột bên trong.

Ngày hôm sau, Đinh Sửu [4], Xuân tự đem quân lính, voi ngựa, súng đạn, bản bộ dàn ra ở xứ Đình Ngang. Sai bọn thuộc tướng là Điện quận công, Bàn quận công vào Nội phủ cướp lấy vàng bạc của cải, rồi phóng lửa đốt cháy cả dinh cơ phố xá trong Kinh kỳ. Cả đô thành náo động. Lúc ấy quan Chưởng giám là Nhạc quận công Bùi Sĩ

---

1. Nguyên bản chép là "Ất", chú thích âm đọc là "cốt", chú thích nghĩa là "con sau cùng". Vậy Ất ở đây còn có thể đọc là Út.

2. Tháng 6.

3. Ngày 17.

4. Ngày 18.

Lâm vào trong Kinh cấp báo sự biến. Vương than rằng: "Không ngờ hôm nay thằng con nít phản lại, trời đã bức cha nó đến nông nỗi này, ta còn biết chạy đi đâu nữa?" Sĩ Lâm bèn bước tới đỡ Vương lẻn ra cung môn trốn đi. Thật là:

Thế Dân Huyền Vũ thôi phong nhật,
Phật Mã Kiền Nguyên giác biến thu.

Nghĩa là:

Thế Dân vung kiếm cung Huyền Vũ [1]
Phật Mã ra tay điện Kiền Nguyên [2].

TIẾT THỨ BA

Thành Tổ thư chiêu lập Vạn quận công
Thần Tông sách tấn phong Vương thế tử.

Nghĩa là:

Trịnh Thành Tổ gửi mật thư vời lập Vạn quận công,
Lê Thần Tông ban kim sách tấn phong Vương thế tử.

Ngày hôm ấy Vương thế tử nghe biến, bàng hoàng cả người, liền triệu tập các huân cựu đại thần đến họp bàn. Nhân đấy sai em là Thái bảo Dũng quận công Trịnh Khải đón xa giá Hoàng thượng đến chợ Nhân Mục huyện Thanh Trì, rồi ra lệnh triệu tập trăm quan tới để bàn bạc việc quân. Mưu kế sắp đặt đâu vào đấy trong đó có ba việc cực kỳ quan trọng là:

1. Sai đem một doanh cơ quan quân đi hộ vệ Thánh giá và chuẩn bị lương hướng.

2. Một doanh cơ quan quân đi đón tiếp xe Vương và hầu hạ cẩn thận.

3. Một doanh cơ quan quân đi tuần hành biên giới, tóm bắt những kẻ phản nghịch.

Những điều trên, sau khi được công bố rộng rãi, quan quân nhất nhất thi hành.

Lại nói Bình An vương bỏ thành chạy tới xứ Quán Bạc, xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì thì trời đã xế chiều, sai Bùi Sĩ Lâm hộ vệ vào trú ngụ tại dinh người em ruột là Phụng quốc công Trịnh Đỗ. Ngày hôm sau, nghe Vạn quận công bỏ kinh thành lại về chiếm đóng ở

---

1. Đường Thế Dân giết anh là Nguyên Cát ở cung Huyền Vũ.

2. Lý Phật Mã khi lên ngôi vua, bị bốn người anh em tranh ngôi. Phật Mã theo kế của Lê Phụng Hiểu, đã đánh bại bốn người kia ở điện Kiền Nguyên.

Thanh Trì, Vương bèn sai quan đi dụ Xuân tới để trao cho đại quyền. Nhân đây, ra lệnh cho văn thần soạn một bức thư, bọc lại cẩn thận, rồi giao cho sai quan mang đi. Viên sai quan vâng mệnh mang thư đến đồn sở Vạn quận công. Xuân bảo dẫn viên sai quan vào, cho ngồi rồi hỏi: "Khanh từ đâu tới đây?". Sai quan bưng chiếu thư thưa rằng: "Thần mấy hôm trước, khi kinh thành xảy biến, được đi theo Chúa thượng di chuyển tới Hoàng Mai, trú ngụ tại dinh sở của Phụng quốc công. Chúa nay hơi mệt, nhân đêm khuya, triệu thần vào dưới trướng trao cho mật thư này, bảo mang tới quân môn báo gấp, không rõ trong thư như thế nào, minh công cứ mở xem trước đã". Xuân liền cầm thư đặt lên trán rồi mở ra đọc. Lời thư rằng:

"Phụ thân là Đô nguyên soái thống quốc chính thượng phủ Bình An vương viết thư cho con trai là Phó Chưởng binh quyền Thái bảo Vạn quận công Xuân: Nếu nói rằng ta được thừa hưởng cơ nghiệp của tiên khảo Minh Khang Thái vương [1]*, cuối cùng có thể thu phục anh hùng hào kiệt, chỉnh đốn nghĩa quân, diệt trừ bọn tiếm ngụy, khôi phục Hoàng đồ để có ngày phú quý như hôm nay, ấy là nhờ trải qua hàng trăm trận gian nguy. Giờ đây tuổi cao sức mỏi, muốn đem việc nước trao lại cho người kế tục, đã dựa vào lệ lập con đích của cổ nhân, lấy Thanh quận công làm Chính chưởng binh quyền, còn Xuân con làm phó. Như thế là có ý muốn anh em đồng tâm hiệp lực phò giúp Hoàng triều, giữ bền gia nghiệp. Không dè kẻ tài đức xuất chúng, mệnh trời lòng người cũng có liên quan. Bởi vậy Cổ Công* [2] *muốn truyền ngôi cho Quý Lịch, mà có thể khiến cho Thái Bá, Trọng Ung* [3] *biết chạy tới Kinh Man* [4]*. Đường Công* [5] *không muốn lập Thế Dân, mà rốt cục khiến cho Kiến Thành, Nguyên Cát bị nhục ở điện Huyền Vũ* [6]*. Đấy là chuyện đã qua. Nay Xuân con công lao trùm thiên hạ, trong ngoài đều tôn kính, từ lâu vẫn bảo con là bậc nguyên thủ*

---

1. Tức Trịnh Kiểm.

2. Còn gọi là Cổ Công Đàm phủ, tức Chu Thái Vương.

3. Nguyên bản chép nhầm là Ngu Trọng.

4. Thái Bá, con trai lớn của Chu Thái Vương, có hai người em là Trọng Ung và Quý Lịch. Biết Thái Vương muốn lập Quý Lịch để truyền ngôi cho người con của Quý Lịch và Xương. Thái Bá đã cùng người em thứ hai là Trọng Ung chạy tới Kinh Man, để lại ngôi cho Quý Lịch. Người Kinh Man thấy ông là bậc có nghĩa, quy phục rất nhiều và tôn ông làm Ngô Thái Bá.

5. Chỉ Lý Uyên, cha của Lý Thế Dân.

6. Lý Thế Dân lập nhiều công nghiệp, đáng lẽ được kế ngôi vua, nhưng Lý Uyên lại muốn truyền ngôi cho người con trai lớn là Kiến Thành. Thế Dân vì vậy đã giết anh là Kiến Thành và em là Nguyên Cát để không còn ai tranh ngôi với mình nữa. Lý Uyên bất đắc dĩ phải truyền ngôi cho Thế Dân

tốt. Vậy mà ta một sớm lại đặt con làm phó, đến nỗi không phù hợp với mong đợi của nhiều người, dần dà gây thành binh biến. Đó là do lòng chúng thúc ép mới ra như thế, chứ đâu phải tại đứa con nhỏ của ta dám làm loạn. Huống hồ cơ nghiệp trời Nam cũng là của các con cả thôi, ai có thể nối giữ được cơ nghiệp của ta thì phó thác cho người đó, cứ gì phải câu nệ chuyện con đích, con thứ. Nay ta đang bị cảm, có thể bất ổn trong sớm tối, nên sai người gọi con tới dặn dò việc đại sự để dẹp bỏ nội loạn, ổn định nước nhà. Mong con mau mau đến ngay, chớ nên chậm trễ. Thư bất tận ngôn. Nay thư.

Ngày 19 tháng 6 năm Vĩnh Tộ thứ năm (1623)".

Vạn quận công Xuân đọc xong, khóc gào lên rằng: "Xuân là đứa con hư, trên không thể thừa gia khuông quốc, dưới không thể nghiêm khắc giữ quân, đến nỗi để binh lính làm rối loạn Kinh kỳ, khiến xa giá phụ vương phải di chuyển hết nơi này sang nơi nọ, tội thật là lớn. Sai quan ngươi hãy về trước tâu hết mọi điều cho bề trên rõ, còn Xuân này chờ tắm gội, áo mũ chỉnh tề, rồi sẽ đến xin chịu tội sau".

Sai quan từ biệt trở về hành dinh báo cáo hết những điều Xuân nói. Vương nghe xong, bảo rằng: "Bọn gian thần tặc tử ngoài mặt thì vờ trung hiếu, nhưng trong lòng lại phản trắc, làm sao mà tin được". Lúc trời gần trưa, quả nhiên Xuân mồm ngậm cỏ, đến phủ phục dưới sân. Vương hỏi rằng: "Nay mày đến đây, còn có gì để nói nữa không?". Xuân đáp: "Con không giữ được binh lính, để gây rối Kinh kỳ, khiến Chúa phải bôn ba đây đó, tội của Xuân thật là lớn. Nay nghe tin Thánh thể bất an, chưa được nghỉ ở chính điện, phận tôi con ai mà chẳng thương xót trong lòng. Xuân con sở dĩ không tránh né cơn bực tức của phụ thân, dám mạo muội vào thăm sức khoẻ cũng chính là vì thế. Được tha sống hay giết chết con đều xin cam phận, lẽ nào dám lẩn tránh!". Vương hỏi: "Mày muốn làm Đường Thế Dân hả?". Xuân đáp: "Tiểu tử cứ nghĩ Thánh phụ đã già, nên không muốn làm tổn thương tới hòa khí, sợ ảnh hưởng tới bậc cao niên. Chứ nếu như được phép làm một Đường Thế Dân thì có gì là khó!". Vương nổi giận đùng đùng nói: "Mày bảo tao tuổi già à? Vậy sao còn dấy quân làm loạn trong thành để đến nỗi quân thân phải di chuyển hết nơi này đến nơi nọ. Tất cả những điều mày làm không khác chi lắm so với thái độ của bọn Mặc Độc [1], Dương Quảng [2] vậy mà còn dùng những từ rối

1. Nguyên bản chép là "Mạo Đốn", nhưng theo sách *Từ hải* phải đọc là "Mặc Độc". Mặc Độc là con của vua Hung Nô, từng giết cha mình để giành ngôi báu.

2. *Dương Quảng:* là con trai thứ của Dương Kiên (người sáng lập ra nhà Tùy), từng giết vua cha để lên ngôi Hoàng đế.

rắm rỗng tuếch để trang sức, ai tin nổi mày!". Nói rồi, liền sai viên Chưởng giám Bùi Sĩ Lâm lôi Xuân ra chém. Bấy giờ Phụng quốc công Trịnh Đỗ can rằng xét tình máu mủ, lại có công lao, xin giảm tội cho Xuân hai bậc. Vương lại ra lệnh thích chữ vào mặt. Thế là Bùi Chưởng giám sai người áp giải Xuân đi, dùng búa chặt cả hai chân, rồi vất ra nhà ngoài. Xuân đau quá mà chết.

Phụng quốc công Trịnh Đỗ nhân đó sai con trai của mình là Thạc quận công đến chợ Nhân Mục đón Thế tử về bản dinh, chuẩn bị vào hầu bệnh Vương. Thế tử bèn cùng Thạc quận công cưỡi chung một con voi mà đi. Lúc này Lưu Đình Chất biết rất rõ việc cha con Trịnh Đỗ âm mưu làm bậy, bèn rảo bước tới trước mặt can rằng: Thạc quận công là tên phản nghịch, minh công [1] không thể đi cùng với hắn ta được đâu!". Thế tử nghe nói như vậy, lập tức ra lệnh cho Thạc quận công cứ về dinh trước, còn Thế tử thì tự chỉnh đốn binh mã về đóng ở Ninh Giang [2]. Ngày Kỷ Mão 20, vào khoảng giờ Tý, canh ba, Thế tử bèn truyền sai thuộc tướng đem binh mã đến doanh trại của Phụng quốc công đón xa giá Vương phụ [3] đưa tới Ninh Giang. Trời vừa sáng rõ đã đến doanh trại. Quan Thừa sai vào bên trong báo cáo việc rước giá xong xuôi. Ngày hôm ấy, Vương sai Đỗ Lâm đi hộ tống xa giá, đến quán Thanh Xuân, huyện Thanh Oai thì Vương mất. Hôm sau, ngày Canh Thìn, Thế tử tới Ninh Giang [4] phát tang, rồi sai Hợp quận công [5] sửa soạn mười chiếc thuyền rước linh cữu theo đường thủy đưa về an táng tại Thanh Hoa.

Thế tử lại thân hành dẫn các quan văn võ đại thần cùng các doanh cơ binh lính trong nước phò Hoàng thượng theo lối tắt đi từ xã Bất Đoạt, huyện Kim Bảng ra đường chính về giữ đất căn bản [6] để lo tính việc dẹp loạn.

Lại nói Thắng quận công Cảnh Hà đem quân tới Nghệ An. Nghe tin Nhạc quận công đóng quân ở xứ Vạn Lô, huyện Đông Thành, Cảnh Hà bèn dời quân bản bộ cùng voi ngựa đến đóng ở chợ Sa Nam, huyện Nam Đường để xem động tĩnh. Đến khi nghe Kinh thành có biến, tin Bình An vương mất cũng vừa loan tới Nghệ An. Thắng quận

1. *Minh công:* tiếng tôn xưng người có danh vị cao.
2. *Ninh Giang:* khúc sông Đáy ở khoảng xã Minh Sơn gần chùa Trầm, phía Tây Hà Nội.
3. Chỉ Bình An vương Trịnh Tùng.
4. Nguyên bản chép nhầm là "Giang Ninh". ĐVSKTT chép là Ninh Giang.
5. ĐVSKTT chép là Trị quận công.
6. Chỉ Thanh Hoa, nơi nhà Lê dấy nghiệp.

công lập tức ngay ngày hôm đó đốc quân đến Xứ Vạn Lô [1] vây chặt phủ đệ của Nhạc quận công. Nhạc quận công được tin, vô cùng sợ hãi, bèn áo mũ tươm tất, nghi vệ tề chỉnh, ra ngoài doanh trại tiếp đón. Hai người sau khi chào nhau, cùng đi vào một ngôi nhà bên cạnh ngay trước cửa doanh trại. Sau khi ngồi yên, Nhạc quận công lên tiếng hỏi: "Già này bất tài, vâng mệnh giữ nơi phiên trấn, vốn không có hiềm khích với ai, vậy mà nay bỗng dưng được tin phò mã Nguyễn lang mang quân tới áp sát doanh trại, khiến già này phát hoảng là cớ làm sao?". Cảnh Hà đáp: "Bậc Lão tướng của nước nhà lòng trung thành thấu nhật nguyệt. Nếu nghe có mệnh vua, đến trước để nhận lãnh, thì việc gì mà phải ngờ sợ! Nay Vạn quận công nổi loạn ở Kinh kỳ, đã bị giết chết. Còn Chúa ông [2] thì bỏ đô thành chạy loạn, đã mất ở dọc đường. Vương thế tử đưa Hoàng thượng cùng toàn bộ văn võ bá quan, voi ngựa, quân thủy bộ thuộc các doanh cơ về giữ đất căn bản, nhân đó phái người đi suốt đêm tới báo tin. Có mật chỉ sai Tiểu tướng tôi đem binh mã bản bộ tới đây đón Thái tể trưởng quan [3] vào chầu để cùng bàn việc nước, ổn định quốc gia. Mong Thái tể trưởng quan sớm tuân mệnh đặng cởi bỏ mối nghi ngờ". Nhạc quận công nói: "Quyền sinh quyền sát là do tự bề trên, tôi không phải là kẻ bất trung, việc gì phải lẩn tránh!". Nói rồi liền gọi quân lính sắp hương đèn, bày nghi trượng cùng Thắng quận công làm lễ. Lễ xong, thu dọn của cải cùng binh mã kéo tới phủ Yên Trường ở Thanh Hoa. Đến Yên Trường, gặp lúc linh cữu của Chúa ông cũng vừa về.

Chờ đưa xong linh cữu tới sơn lăng, Thắng quận công dẫn Nhạc quận công vào ra mắt Vương thế tử tại cửa quân. Vương thế tử xin gia thưởng tước phẩm cho Cảnh Hà. Cảnh Hà tạ ơn lui ra. Còn như việc Nhạc quận công sau khi vào chầu mệnh hệ như thế nào, ký giả không được rõ, không dám ghi chép tùy tiện.

Lại nói Mạc Khánh vương Kính Khoan tiếm giữ đất Cao Bằng đã lâu. Sau khi Kiền Thống [4] mất, Kính Khoan liền lên ngôi, đổi niên hiệu là Long Thái. Đến nay nghe trong nước có loạn, bèn tập hợp bọn lưu manh, dân làm thuê ở mướn nhân lúc sơ hở đến thẳng huyện Gia Lâm, đóng quân tại các nơi như Đông Dư, Thổ Khối. Bọn dân ô hợp hưởng ứng có tới hàng vạn. Như mạn phía Bắc có Triều Kỷ, mạn phía

1. Nguyên bản chép nhầm là "Doanh Lô". Đây theo ĐVSKTT chép là Vạn Lô.
2. Chỉ Bình An vương Trịnh Tùng.
3. Chỉ Nhạc quận công.
4. Chỉ Mạc Kính Cung (1593-1625).

Tây có Địch Quận, vùng Sơn Nam có Xuân Quang. Chúng chiếm cứ cả bốn trấn, làm xáo động lòng người. Lại đào hào đắp lũy, phương dân không được nghỉ ngơi.

Tin tức truyền vào Thanh Hoa, triều đình bàn việc chia quân tiến đánh. Lương thảo [1] khí giới cũng được gấp rút chuẩn bị. Sang tiết Mạnh Thu [2], tấn phong Vương thế tử Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng làm Hiệp mưu đồng đức công thần Đô tướng Tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh kiêm Tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự Thái úy Thanh quốc công, giao cho xử quyết các việc trọng yếu.

Tháng 8, quan Tiết chế thân đem quân tiến đánh vùng thượng lộ Sơn Nam. Bỗng có tin thám báo nói rằng quân của ngụy Xuân Quang đang chăng rào đắp lũy ở phía ngoài Châu Cầu. Ngày Kỷ Mão 21, quan Tiết chế chia quân tiến đến Lạc Trường đốt cháy rào lũy, cản phá đảng giặc Xuân Quang ở Châu Cầu. Quân giặc thua chạy. Quan quân đánh thẳng tới. Ngày Giáp Thân [3] đến sông Nhị, thủy bộ cùng gặp nhau. Quan Tiết chế lại dẫn quân đến địa phương Gia Lâm cản phá quân Mạc, chém giết rất nhiều. Vua Mạc Long Thái Kính Khoan chỉ một mình chạy trốn vào rừng núi. Kinh thành cung cấm bốn bề trở lại yên tĩnh.

Tháng 9, quan Tiết chế thấy trong nước đã yên, bèn sai bồi tụng Hộ bộ Tả thị lang Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ cùng bọn Chưởng giám Thái bảo Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm vào Thanh Hoa đón thánh giá về Kinh sư.

Đến tiết Mạnh Đông [4], xa giá về đến hoàng cung. Từ đấy trong nước không còn mất ổn định nữa. Phủ Tiết chế bèn phân loại các tướng lĩnh có công trong trận Gia Lâm tâu lên để thăng thưởng. Hoàng thượng đưa xuống cho triều đình bàn bạc. Xong đâu đấy, giao cho Bộ Lại thi hành.

Ngày ấy Thắng quận công có nhiều huân vọng, được nhận sắc lệnh ban thưởng, thăng làm Đô đốc thiêm sự. Lời văn tờ sắc như sau:

"Sắc cho Dương Vũ uy dũng công thần Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ Chưởng vệ sự Thắng quận công,

---

1. Chữ "thảo" (có) nguyên bản chép nhầm là "quân".
2. Tức tháng 7.
3. Tức ngày 26.
4. Tức tháng 10.

đã được quan Khâm sai Đô tướng Tiết chế thủy bộ chư doanh kiêm tổng nội ngoại Bình chương quân quốc trọng sự Thái úy Thanh quốc công sai đi đánh giặc ở vùng Đông Dư, Thổ Khối thuộc đạo Gia Lâm, có công hơn những người khác, đáng thăng chức phẩm. Triều đình đã bàn bạc, gia thăng chức Đô đốc Thiêm sự Thắng quận công trụ quốc thượng trật. Vậy nay ban sắc.

Ngày mồng 5 tháng 10 nhuận, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ năm (1623)".

Các tướng bái nhận sắc mệnh, tạ ơn lui ra. Ngày hôm sau, triều thần văn võ cùng họp lại xin sách phong cho Phủ Tiết chế kế tập tước Vương. Hoàng thượng khen ngợi công lao lớn của Phủ Tiết chế, nhân đó sai Bộ Lễ chuẩn bị các nghi thức để tiến hành lễ sách phong. Chọn được ngày Đinh Mão tiết Đông Chí [1], sai Thiếu phó Lễ quận công Nguyễn Văn Giai mang kim sách tấn phong làm Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô vương. Văn Giai vâng mệnh bưng kim sách đến Phủ Tiết chế làm lễ tuyên đọc. Lời kim sách rằng:

"Lòng trời mở vận trung hưng, tất sinh ra người hiền để giúp xã tắc. Làm vua cầm cân nẩy mực, tất ban cho hậu tước để rạng công lao. Chọn được ngày lành, ghi vào kim sách. Nay Hiệp mưu đồng đức công thần Độ tướng Tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh kiêm Tổng nội ngoại Bình chương quân quốc trọng sự Thái úy Thanh quốc công Trịnh Tráng là bậc đức nghiệp như người trước, anh hùng vượt cổ nhân. Khi cầm quân trăm trận oai phong, dẹp yên hải nội. Lúc sách lập mọi người tín phục, dựng lại nước nhà. Xiêm khôn [2] làm rạng vẻ người, mệnh sư [3] ban cho tước trọng. Đặc biệt sai quan Lại bộ Thượng thư chưởng Lục bộ sư kiêm Ngự sử đài Đô ngự sử Thiếu phó Lễ quận công Nguyễn Văn Giai mang kim sách tấn phong làm Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô vương, ban cho áo mũ phẩm phục, thưởng cho châu ngọc ruộng nương. Mong hãy tuân pháp độ giữ công danh, cẩn thận trong chức vụ, kính theo lời dạy trước; dốc lòng trung hưởng tước lộc, xứng đáng với bậc vương, sánh phúc với nước nhà. Vương kính theo đó.

Ngày 11 tháng 11, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ năm (1623)".

---

1. Tức ngày 11 tháng 11.

2. "Khôn" đây là quẻ khôn. *Kinh Dịch* có câu: "Hoàng thường nguyên cát" (Xiêm vàng rất tốt). Đây là lời bàn ở hào "lục ngũ" quẻ "khôn". Quẻ "khôn" chỉ đạo làm tôi, hào "ngũ" tượng trưng cho vua, "vàng" là sắc ở giữa, "xiêm" là vật trang sức bên dưới. Cả câu có nghĩa là vua đối xử rất tốt với đám bề tôi của mình.

3. "Sư" đây là quẻ sư. *Kinh Dịch* có câu: "Vương tam tích mệnh" (Vua cho cáo mệnh ba lần), ý nói vua rất quý trọng bề tôi.

Sau khi Văn Tổ Nghị vương nhận kim sách, Hoàng thượng lại nhớ tới công đức của tiên Thánh vương [1], nhân đó sai quan bưng kim sách đến truy phong là Cung hòa khoan chính Triết vương. Nghị vương rước kim sách vào phủ đường bái nhận. Lễ xong, bấy giờ Vương lại nhớ tới những người mẫn cán, tiết nghĩa, có công lao trong số văn võ bá quan, bèn sai phân loại thăng thưởng, không để sót một người nào. Nhân đó tâu danh sách lên xin phong thưởng thêm. Thật là:

Tứ hải nhất gia đồng khánh hạ,
Tam công cửu phẩm nhận gia thăng.

Nghĩa là:

Bốn biển một nhà cùng khánh chúc,
Tam công, cửu phẩm mặc gia thăng.

Không biết ý bề trên như thế nào, chờ xem tiết sau sẽ rõ.

TIẾT THỨ TƯ

Thanh Đô vương đại cử phạt Cao Bằng,
Nguyễn Cảnh Hà phụng đắc tứ tính Trịnh.

Nghĩa là:

Thanh Đô vương mang đại quân đánh Cao Bằng,
Nguyễn Cảnh Hà được nhà chúa ban họ Trịnh.

Hoàng thượng Vĩnh Tộ nghe lời tâu, bèn ra tờ chiếu treo ở bên ngoài cửa Đại Hưng rằng: "Phàm các quan văn võ cùng trăm họ quân dân, ai vào năm Quý Hợi (1623) có công đi theo [2] và tiến phát về Kinh, đủ cả hai công ấy thì được thăng chức tước, vinh phong cho chữ công thần, theo thứ bậc khác nhau" [3]. Bộ Lại phụng chiếu thi hành.

Ngày đó Thắng quận công có theo Thanh Đô vương đi đánh giặc lập công, được gia thăng là Đô đốc đồng tri, vinh phong là Dực vận tán trị công thần. Sắc văn như sau:

"Sắc cho Dương Vũ uy dũng công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng

---

1. Chỉ Bình An vương Trịnh Tùng.

2. Ý nói đi theo Trịnh Tráng, Tổng chỉ huy trong chiến dịch đánh quân Mạc năm 1623.

3. ĐVSKTT chép tờ chiếu này ban hành năm 1626.

tướng quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc thiêm sự Thắng quận công trụ quốc thượng trật Nguyễn Cảnh Hà đã đi theo Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô vương đánh giặc vào tháng 8 năm Quý Hợi, công phá ngụy Xuân Quang tại Châu Cầu có công, triều đình bàn bạc, đáng được thăng chức Đô đốc đồng tri, vinh phong mỹ tự Dực vận tán trị công thần, nay cho làm Dương vũ uy dũng Dực vận tán trị công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Nam quân Đô đốc phủ Đô đốc đồng tri Thắng quận công trụ quốc thượng trật. Vậy nay ban sắc.

Ngày 16 tháng 11, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ bảy (1625)".

Thắng quận công cùng các tướng theo chức phận vái tạ ân mệnh lui ra, đây không nhắc tới nữa.

Lại nói tháng 7, mùa thu năm Vĩnh Tộ thứ tám, Bính Dần (1626), Thanh Đô vương cho rằng họ Mạc còn chiếm cứ Cao Bằng, nay nhân dịp nước thu lên to, truyền lệnh lợi dụng nước thủy triều đem thủy quân tiến đánh. Tháng ấy quan quân rầm rộ lên đường, lấy Đô đốc đồng tri Thắng quận công Nguyễn Cảnh Hà làm tiên phong. Tới Cao Bằng quan quân dàn trận nhạn quyết chiến. Quân Mạc củng cố thành lũy để tự giữ. Vương bèn cắt quân công phá thành lũy. Lúc này Cảnh Hà đốc thúc quân lính xông lên phá lũy, đốt cháy doanh trại ngụy Mạc. Quân Mạc ai nấy đều bỏ sào huyệt chạy trốn. Quân Vương thắng lớn khải hoàn, kê rõ thành tích tâu lên. Vua xuống chiếu phàm những ai thuộc cơ đội các doanh có công trong đợt tiến đánh Cao Bằng, diệt trừ giặc Mạc, đều được gia thăng chức tước, Bộ Lại theo đó thi hành.

Hồi này Thắng quận công cũng có dự phần công tích, được thăng Tả Đô đốc và được cấp thêm binh dân. Sắc văn như sau:

"Sắc cho Dương vũ uy dũng dực vận tán trị công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Nam quân Đô đốc phủ Đô đốc đồng tri Thắng quận công trụ quốc thượng trật Nguyễn Cảnh Hà đã đi theo Nguyên soái thống [1] quốc chính Thanh Đô vương đánh giặc Mạc ở Cao Bằng biết chấp hành mệnh lệnh, hăng hái xông lên, đốt cháy doanh trại quân ngụy, có công, triều đình đã bàn bạc, đáng được thăng chức Tả Đô đốc, nay cho làm Dương vũ uy dũng Dực vận tán trị công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc Thắng quận công trụ quốc thượng trật. Vậy nay ban sắc.

Ngày... tháng 4 nhuận, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ mười một (1629)".

---

1. Nguyên bản chép nhầm là "tổng".

Thắng quận công và các tướng sau khi nhận ân mệnh, ai nấy trở về với chức trách của mình.

Năm đó vì hạn hán đói to, Thượng hoàng bèn đổi niên hiệu là Đức Long, đại xá thiên hạ.

Mùa đông tháng 11, sai quan mang kim sách và ngọc chương tấn phong Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô vương làm Hiệp mưu đồng đức công thần Đại nguyên soái thống quốc chính sư phụ Thanh vương.

Đến năm Dương Hòa thứ tư (1639), Vương lại tự mình đốc thúc quan quân tiến đánh giặc Mạc ở Cao Bằng. Quân Mạc chạy tán loạn, Vương bèn chỉnh đốn quân ngũ trở về kinh.

Năm sau, nghe hai huyện Chí Linh, Đông Triều cấp báo với triều đình rằng dư đảng của họ Mạc lại về chiếm cứ địa phận Hồi Trang. Vương sai Tả Đô đốc Thắng quận công đem binh mã bản bộ thẳng tới Hồi Trang để tóm bắt đảng ngụy, vỗ về dân chúng địa phương. Thắng quận công nhận lệnh ra đi, chỉ trong ba bốn hôm đã tới Hồi Trang, quả nhiên bắt được dư đảng ngụy đóng cũi giải về Kinh sư, chiêu an trăm họ. Dân chúng cả một vùng đều nhờ đó được yên. Thanh Vương nghe tin, liền sai quan tới vời Thắng quận công về Kinh, gia thăng làm Thiếu bảo Tả Tư mã, cho đổi tên là Trịnh Tông. Từ đấy con cháu khi đặt tên đều đổi bộ thủy bên cạnh ra bộ mộc [1]. Bấy giờ nhà nước xem Thắng quận công như tay chân tâm phúc, do đó trọng dụng, cho phép vào triều dự bàn chính sự, cấp cho quân bốn nghìn, dân bốn huyện Nam Đường, Chân Phúc, Phù Dung, Thanh Miện, ngựa hơn một trăm con, voi đực ba mươi thớt, cùng thuyền son, thuyền sắt, thuyền cỏ không thể nào kể hết (Ghi chú: Họ Nguyễn từ đời Tấn quốc công đến giờ, triều đình đã chuẩn cấp dân hai huyện Nam Đường và Chân Phúc, cho phép được liên cai liên doanh. Đến Thắng quận công, do có công trong việc vỗ về dân hai huyện Đông Triều và Chí Linh, khiến miền đất này trở nên ổn định và yên tĩnh, được cấp thêm cho hai huyện nữa là Phù Dung và Thanh Miện để hàng quý thu thuế dùng làm bổng lộc).

Tháng 3 năm Quý Mùi (1643), do họ Nguyễn ở Thuận Hóa trở

---

1. Chữ "Hà" (Nguyễn Cảnh Hà) có bộ thủy bên cạnh. Chữ "Tông" (tên do Trịnh Tráng ban cho) có bộ mộc bên cạnh

mặt không thuần phục, Vương bèn phò loan giá tiến vào châu Bố Chính [1], đóng quân tại An Bài (tên xã) liệu định quân cơ, trao phương lược cho các tướng. Bấy giờ thống lĩnh các doanh đều dàn trận sẵn để chờ. Sang tháng hè, Hoàng thượng thấy phương Nam khí hậu oi bức khó bề ở lâu, bèn xuống chiếu đưa quân về [2]. Vương do vậy đốc thúc các tướng phò xa giá, chấn chỉnh đại quân trở lại Kinh.

Mùa đông, tháng 10, Hoàng thượng xuống chiếu truyền ngôi cho Hoàng thái tử Duy Hựu. Thái tử lên ngôi ở điện Cần Chính, đổi năm ấy thành Phúc Thái năm thứ nhất.

Chân Tông [3] Thuận Hoàng đế sau khi lên ngôi, đã rộng ban ân trạch, tất cả quan viên văn võ đều được thăng một bậc.

Bấy giờ Thắng quận công cũng được kính nhận ân mệnh thăng làm Thiếu phó. Bài chế văn như sau:

"Hoàng thượng chế rằng: Nhân đế vị tự gia truyền, mới lên ngôi báu: cho Lão thần được tước trọng, đền đáp công lao. Mến người hiền tài, bèn ban chiếu sắc. Dương vũ uy dũng dực vận tán trị công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc Thiếu bảo Tả Tư mã Thắng quận công trụ quốc thượng trật Trịnh Tông, xuất thân danh tướng, dòng giống nhà Vương. Lòng trung nghĩa dâng hiến quốc gia, càng bền thần tiết; hậu tước vẻ vang nhà cửa, mãi hưởng phúc lành. Trước kia đã có huân danh, nay lại được gia phẩm trật. Thế là thang mây nhẹ bước, Thiếu phó vinh thăng. Lấy đó mà đáp lại công dày; lấy đó mà rọi lên ân lớn. Ôi! Chính công kê ở Sư lục, trẫm đã ở vào thời chính thủy rồi [4]; tòng sự tiến ở Khôn tam, khanh đang giúp nghiệp trung hưng đấy [5]. Kính thay! Ngươi gắng hòa

---

1. *Châu Bố Chính*: Nay gồm đất huyện Quảng Trạch và Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Theo *Đại Nam thực lục* và *Việt sử thông giám cương mục* thì quân Trịnh do Trịnh Lệ chỉ huy vào đến Bố Chính, giết được viên trấn thủ của chúa Nguyễn là Bùi Công Thắng. Trịnh Tráng lại thân hành đem quân đến đóng ở xã An Bài (Thuận Bài, Quảng Trạch, Quảng Bình) rồi sai Trịnh Đảo đánh Trung Hòa (Mỹ Hòa, Quảng Trạch) nhưng không có kết quả. Vì trời quá oi bức, quân Trịnh chết nhiều nên Trịnh Tráng rút quân về Bắc.

3. Nguyên bản chép nhầm là Đại Tông.

4. Ý nói theo quẻ "sư" (Khảm hạ, khôn thượng) ở *Kinh Dịch* một quẻ nói về người quân tử "tập hợp được dân chúng", thì vua vừa mới lên ngôi đang bước vào thời kỳ đầu của quẻ sư gồm 6 vạch (sư lục) này.

5. Ý nói theo quẻ "khôn" (khôn hạ, khôn thượng) ở *Kinh Dịch*, một quẻ nói "Xuất hành về phương Tây Nam sẽ được giúp đỡ", thì Cảnh Hà đạt được "khôn tam" (phần tam hoạch quái), tức giúp vào sự nghiệp trung hưng nhà Lê.

hợp đừng trái mệnh trẫm. Nay nhân lúc lên ngôi đổi niên hiệu, Đại Nguyên soái thống quốc chính Sư phụ Thanh vương có xin thăng cho những quan viên văn võ có công mỗi người một bậc, đã đưa xuống cho triều đình bàn bạc, đánh thăng cho ngươi chức Thiếu phó, nay cho làm Dương Vũ uy dũng Dực vận tán trị công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc Thiếu phó Tả Tư mã Thượng trụ quốc thượng trật.

Ngày ... tháng 11, niên hiệu Phúc Thái thứ nhất (1643)".

Bấy giờ Thắng quận công đã ngoài sáu mươi tuổi. Vương nghĩ tình già cả, bảo vào hầu trong nội các, cho kỷ trượng [1] để dưỡng lão. Đến ngày Giáp Dần, mồng 6 tháng 9 năm Ất Dậu (1645), Thiếu phó Tả Tư mã Thắng quận công Trịnh Tông mất, thọ 63 tuổi. Thanh vương nghe tin, thương xót vô cùng, ra lệnh bãi chầu ba ngày, ban cho hai ngàn quan tiền cổ, sai quan đem mười lăm chiếc thuyền chiến đưa linh cữu Thắng quận công về bến sông xã Hoa Lâm, huyện Nam Đường, Nghệ An. Bà con xóm làng khiêng linh cữu quàn tại một ngôi nhà lá, chọn ngày an táng tại xứ cồn Công thôn Thượng Thọ, rước Thần chủ về xã Đại Toàn cử hành lễ tế lớn. Mọi việc đều hoàn thành tốt đẹp.

Thắng quận công sinh được mười một người con trai, tám người con gái. Phổ ghi như sau:

Người con trai cả là Cảnh Quế (mẹ họ Phạm, con gái của Lai quận công. Lấy Trịnh Thị Ngọc Loan, con gái của Văn tổ Nghị Vương. Làm quan đến chức Tả Đô đốc phó tướng Liêu quận công). Người con trai thứ hai là Cảnh Ích, làm quan đến chức Đề đốc Gia quận công). Lấy công chúa Trịnh Thị Ngọc Cẩn. Cảnh Căn (có bản chép là Cảnh Lương) được phong Hán Dương hầu, làm quan đến chức Tham đốc. Cảnh Ỷ, được phong Cẩm Thụy hầu. Cảnh Lâm được phong Phú Thuận hầu. Cảnh Thuyên được phong Đông An hầu [2]. Cảnh Nghị (mẹ họ Hạ, húy Sử, là con gái thứ hai của Hai Đạo Nhân ở Đông Thành, được ấm phong Á phu nhân) làm quan đến chức Chinh Đội trưởng, phong Luân Nghĩa hầu. Cảnh Khuê được phong Dĩnh Xuyên hầu. Cảnh Đống (có

1. "Kỷ" là ghế ngồi, "trượng" là gậy chống, các thứ đồ dùng cần thiết đối với người già.

4. Gia phổ của một số chi họ Nguyễn Cảnh chép con trai cả là Cảnh Hạp.

2. Trong nguyên bản có chua thêm "sinh hạ được Nguyễn Cảnh Huấn". Bản Thành Thái lại chua thêm: Chi Sơn thành phụng tự, tức các chi họ ở Yên Thành và Sơn Thành cúng giỗ. Con trưởng là Nguyễn Cảnh Lan, gần nhà đá Công giáo".

bản chép là Cảnh Chu) được phong Tuyên Nghĩa hầu [1]. Cảnh Cái [2] được phong Trí Nghĩa hầu. Cảnh Thụ (cùng mẹ với Luân Nghĩa hầu Cảnh Nghị) được phong Chí Thuận Nghĩa hầu. Người con gái lớn là Ngọc Thơm làm phi tần của vua Thần Tông, sinh Hoàng trưởng tử chưa kịp phong Thái tử, đã chết. Người con gái thứ hai là Ngọc Tài, gả cho Nghĩa quận công. Ngọc Thuấn (có bản chép là Ngọc Thoa), gả cho Vân Nham hầu, Ngọc Hựu (có bản chép là Ngọc Hữu), gả cho Toàn Trung hầu. Ngọc Hiên gả cho Ân Vĩnh hầu. Ngọc Triều [3], Ngọc Tuế, gả cho Hào Lương hầu, Ngọc Giao gả cho người trong bản xã) [4]. Con nuôi là Lê Duy Đệ (có bản chép Duy Phất) và Nguyễn Cảnh Đang [5]. Cháu ruột là Nguyễn Cảnh Tường [6].

Gái trai lớn bé cả thẩy hai mươi hai người, đều được lệnh chia đều ruộng đất, vàng bạc, tiền nong, tôi tớ. Ai lãnh phần nấy, cùng hòa thuận với nhau.

Các nha môn ở Đô Lương, Hoa Lâm, Đồng Luân, Thượng Xá, Yên Đại... thì lấy ruộng ao, vườn nhà nơi đó dùng vào việc tế tự đèn nhang, lưu truyền muôn đời, để cho họ Nguyễn được dài lâu. Lập văn khế, chúc thư làm bằng, để tránh việc tranh chấp.

Công việc nhà sắp đặt đâu vào đấy, tháng 12, gia đình cùng vào Kinh tạ ơn. Văn Tổ Nghị vương cho mời vào phủ đường, nói với người con trai cả là Lộc Nghĩa hầu rằng: "Gia đình nhà ngươi là bề tôi đã ba bốn đời rồi, một lòng trung nghĩa giúp rập quốc gia, trong thì phò vua chúa, ngoài thì chống giặc nghịch, công lao rất lớn. Thân phụ của ngươi tuổi già, vào triều đình chưa được bao lâu, rốt cục đã ra đi, ta vô cùng thương tiếc. Nay đem số binh dân ở Nam Đường, Chân Phúc, cùng số tô thuế ở Thanh Miện, Phù Dung đã cấp trước đây chia đều cho con cái để cùng được hưởng ân huệ".

Xưa kia, Thắng quận công lấy người con gái lớn của Tả Tư mã Lai quận Phạm công, người xã Đa Lộc, huyện Yên Định. Đến năm Kỷ Hợi (1599), sinh Cảnh Quế, phong Lục Nghĩa hầu, lấy con gái của Văn Tổ

---

1. Cảnh chữ Tuyên có chua chữ "phú".
2. Còn đọc là Hạp.
3. Có chua thêm: "Gả cho Trấn quận công".
4. Có chua thêm: "Thông Minh hầu".
5. Có chua thêm: "Thuận Mỹ hầu".
6. Có chua thêm: "Phấn Uy hầu". Theo người trong dòng họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An hiện nay cho biết thì Nguyễn Cảnh Tường là con của Nguyễn Cảnh Đại. Sau khi Đại chết trận ở Thăng Long, Tường được chuyển cho Nguyễn Cảnh Hà nuôi.

Nghị Vương là Trịnh Thị Ngọc Loan. Sau đó, Nam đánh Thuận Quảng, Bắc dẹp Cao Bằng. Cảnh Quế đều theo chúa ra mặt trận, có nhiều chiến công. Đến năm Mậu Ngọ (1678) niên hiệu Vĩnh Trị, họ Mạc lui về địa giới phong cấy, xin được cư xử như khách của họ Ngu [1]. Đại quân khải hoàn bình công khen thưởng. Cảnh Quế nhiều lần được thăng chức, đến Tả Đô đốc Phó tướng, tước Liêu quận công.

Từ đó thiên hạ thái bình, cửa nhà vinh hiển, vỗ bụng [2] gõ gốm [3], khắp chốn đều xuân. Phàm những người rong chơi trên đại lộ, không ai là không khoác tay nhau tha thẩn, ngồi xếp bằng trong hàng quân mà gọi to lên rằng:

Mãn chước tửu thương tha quán tử,
Tương lai đại trở nhĩ đồ phu!

Nghĩa là:

Rượu đầy rót tiếp, ơi ông quán,
Thớt lớn mang ra, hỡi nhà hàng.

Mới hay: Từ chuyện người thầy thuốc tiếp được ông già say rượu ở Sa Nam, biết được ngày hôm nay quán rượu tiếp được rất nhiều tửu khách. Từ chuyện kẻ qua đường mắng chó của Ngọc Sơn, biết được ngày hôm nay hàng thịt bày bán rất nhiều món ngon lành. Chẳng qua là có rượu thì say, không có thịt thì không no. Một say, một no, lẽ nào không phải khởi đầu từ điềm lành khách say rượu ở Sa Nam? Đến như chuyện dấy nên sự nghiệp, là nhờ gặp thời sáng sủa. Sống giữa buổi vô lo, còn biết nói gì thêm.

Dựa vào các bản cựu ký soạn nên thiên truyện này. Mong người xem đính chính cho, may ra khỏi bị cười chê.

HẾT

1. Con của Nghiêu là Đan Chu được Ngu Thuấn xử như tân khách. Họ Ngu ở đây chỉ Ngu Thuấn, tức vua Thuấn, người kế nghiệp Đường Nghiêu, tức vua Nghiêu.

2. *Vỗ bụng (cổ phúc):* ý nói ăn no mà nhàn hạ, vô sự, sống cuộc sống thái bình. Thơ Đào Tiềm có câu: "Vỗ bụng không có gì phải suy nghĩ, sáng dậy tối về ngủ" (Cổ phúc vô sở tư, triêu khởi mộ quy miên).

3. Gõ gốm (kích nhưỡng). *Sách Đế vương thế kỷ* chép: "Thời vua Nghiêu thiên hạ thái bình, trăm họ vô sự. Có tám chín chục cụ già gõ vào đồ gốm mà hát".

NGUYỄN KHOA CHIÊM

NAM TRIỀU CÔNG NGHIỆP DIỄN CHÍ

NGÔ ĐỨC THỌ – NGUYỄN THÚY NGA
dịch, chú thích và giới thiệu

LỜI GIỚI THIỆU

Nam triều công nghiệp diễn chí (NTCNDC) của Nguyễn Bảng Trung tức Nguyễn Khoa Chiêm (1659 – 1763) là bộ tiểu thuyết cổ ra đời sớm hàng nhất nhì trong tiến trình phát triển của thể loại tiểu thuyết lịch sử viết bằng chữ Hán của nước ta. Theo *Gia phả họ Nguyễn Khoa,* Nguyễn Khoa Chiêm soạn xong sách *NTCNDC* vào năm Kỷ Tị, năm thứ 22 đời chúa Minh vương Nguyễn Phúc Chu ở Đàng Trong (1719). Thời gian này ông đang làm quan với chính quyền họ Nguyễn, đã thăng đến chức Cai bạ Phó đoán sự. Chức vụ đó, trong các truyền bản hiện còn từ Q.1 đến Q.8, vẫn được trân trọng ghi trên đầu mỗi quyển: "Lại bộ Thượng thư Cai bạ kiêm Phó đoán sự Nguyễn Bảng Trung thừa soạn".

Theo *Đại Nam liệt truyện tiền biên,* tiên tổ của Nguyễn Khoa Chiêm gốc ở xứ Hải Dương. Ông nội – Nguyễn Đình Thân là thuộc hạ của Đoan Quốc công Nguyễn Hoàng. Khi Đoan Quốc công vào trấn thủ Thuận Hóa, Nguyễn Đình Thân là quân tùy tòng, cùng đi với chủ tướng, rồi nhập tịch ở huyện Hương Trà phủ Triệu Phong xứ Thuận Hóa (nay vẫn gọi là huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế), đổi làm họ Nguyễn Khoa, trở thành khởi tổ của một dòng họ có danh tiếng ở vùng cố đô Huế.

Thuở trẻ Khoa Chiêm theo đòi Nho học, khi trưởng thành được bổ chức Thủ hạp. Năm 1701, ông cùng Văn chức Trần Đình Khánh làm phụ tá cho Cai cơ Ngoại tả Nguyễn Phúc Diệu và Nội hữu Tống Phúc tài đi Quảng Bình đốc suất việc đắp Chính Lũy. Năm 1710, Khoa Chiêm được thăng chức Cai hạp ở Chính Doanh, kiêm chức Tri bạ. Vị triều quan có danh vọng là Cai bạ Trần Đình Ân khen đức tài của Khoa Chiêm và tiến cử ông với chúa Nguyễn. Khoa Chiêm được chúa Minh vương tin dùng, thăng bổ qua các chức Câu kê kiêm Tri bạ, Tham tán quân cơ (1715), Cai bạ Phó đoán sự (1718), tham chính Chánh đoán sự (1724), về trí sĩ, thọ 78 tuổi. Sau khi mất, ông được tặng hàm Đại lý tự thượng khanh, được ban tên thụy là Thuần Hậu. Trước khi kết thúc liệt truyện về Nguyễn Khoa Chiêm, *Đại Nam liệt truyện tiền biên* viết: Chiêm giỏi văn chương, từng soạn sách *Nam triều công nghiệp diễn chí* lưu hành ở đời"[1].

Từ đầu triều Nguyễn, Trịnh Hoài Đức đã nói đến tác phẩm này của

1. Xem: *Đại Nam liệt truyện tiền biên,* Q.V-16b.

Nguyễn Khoa Chiêm dưới tên sách *Nam Việt chí* [1]. Quốc sử quán triều Nguyễn thì ghi xuất xứ tư liệu tham khảo từ *NTCNDC* với tên là *Công nghiệp diễn chí* [2].

Ngoài lý do ghi tắt cho gọn, còn bởi vì đối với Trịnh Hoài Đức cũng như Sử quán của Triều Nguyễn đã thống nhất toàn quốc, tên gọi *Nam triều* từ thời các chúa Nguyễn ở Đàng Trong dùng để phân biệt với *Bắc Triều* chỉ triều Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài không còn thích hợp nữa. Có lẽ cũng vì lý do này mà Dương Thận Trai đã lấy quốc hiệu chính thức của nước ta từ đầu triều Nguyễn là Việt Nam để đặt tên sách cho truyền bản của mình là *Việt Nam khai quốc chí truyện (VNKQCT)*. Nhưng cũng có những truyền bản lấy tên khác là *Nam triều Nguyễn chúa khai quốc công nghiệp diễn chí* [3], hoặc ngoài tên sách chính là *VNKQCT* còn ghi thêm một tên sách phụ khác.

Hiện có 4 bản chép tay nguyên văn chữ Hán lưu tàng ở Viện nghiên cứu Hán Nôm, Viện Sử học tại Hà Nội và ở Thư viện Hội Á Châu (Société asiatique) tại Paris. Cả bốn bản này [4] đều thuộc loại truyền bản mang tên *VNKQCT*, riêng bản của Viện Sử học có thêm sách phụ là *Hoàng triều khai quốc chí*. Các bản đều bị thiếu vài câu hoặc một đoạn ở cuối các quyển 2,3,8, – Riêng bản Maspéro ở TV Hội Á Châu và bản Viện Sử học thiếu hẳn cả quyển 3; giữa các so sánh với nhau tồn tại không ít dị văn dị tự [5]. Dù có ít nhiều suy suyển, nhưng một pho tiểu thuyết cổ của nước ta, ra đời cách đây đã 265 năm, mà văn bản còn giữ được như vậy đã đáng kể là một di sản hết sức quý báu.

Qua tác phẩm có thể thấy trong *NTCNDC* Nguyễn Khoa Chiêm đã sử dụng lối kể truyện đặc trưng của các tiểu thuyết chương hồi vốn có ưu thế trong việc tái hiện những bối cảnh lịch sử - xã hội rộng lớn. Trên đất nước Đại Việt thống nhất cường thịnh ở thế kỷ XV, từ nửa sau thế kỷ XVI đã hình thành ba vùng thế lực: *Nhà Mạc* lúc đầu có chính quyền cả nước, sau mất kinh đô (1592), phải rút lên vùng rừng núi Cao Bằng. Nhà Lê mất ngôi năm 1527, chưa đầy sáu năm sau, với sự phò tá của Nguyễn Kim đã lập được triều đình mới. Với tài chinh chiến của các tướng họ Trịnh, nhất là Trịnh Tùng, quân đội của triều Lê Trung hưng lần lượt đánh tan các đội quân của nhà Mạc, thu phục kinh đô Thăng Long. Tuy vậy, nội bộ chính quyền Lê-Trịnh tiềm ẩn nguy cơ phân liệt. Ngay từ khi cuộc trung hưng mới nhóm, con cháu

---

1. Trịnh Hoài Đức – *Gia Định thành công chí*. Q. 3,4b.

2. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, CB27–40.*

3. Bản này đã được tham khảo dẫn dụng trong cuốn: Việt sử: *Xứ Đàng Trong* của Phan Khoang, Nhà sách Khai Trí xb, Sài Gòn, 1969.

4. Bản của Viện Hán Nôm mang ký hiệu A.24. Bản Viện Sử học ký hiệu Hv.164. Hai bản ở TV Hội Á Châu: 1 bản ký hiệu HM.2140, nguyên là sách của H.Maspéro.

5. Viện Viễn đông Bác cổ Paris đã xuất bản bộ *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san*, in tại Đài Loan năm 1986. Tập 4 trong Série 1 của bộ Tùng san này là nguyên văn chữ Hán của tác phẩm *Việt Nam khai quốc chí truyện*. Các chú giải khảo dị do Nhóm hiệu điểm thực hiện đã giúp ích cho chúng tôi qua đó đối soát được những dị đồng giữa hai bản tại Paris.

của Nguyễn Kim không tin cậy vào thế liên minh với họ Trịnh, đã tạo lập vùng thế lực của *chính quyền họ Nguyễn* ở phía Nam Đèo Ngang. Thời chúa Tiên Nguyễn Hoàng xu hướng cát cứ còn dè dặt, nhưng từ đời Nguyễn Phúc Nguyên thì công khai đối đầu.

Với bối cảnh đó, *NTCNDC* là tác phẩm phản ánh thời kỳ nội chiến Trịnh – Nguyễn phân tranh, đặt lịch sử dân tộc trước một thử thách nội bộ gay go khốc liệt. Cả Bắc triều và Nam triều đều dốc hết sức người sức của vào các chiến dịch lớn gây tổn thất lớn cho cả hai bên, sản xuất nông nghiệp hầu như bị đình đốn. Ngay cả những lúc hưu chiến, kinh tế hơi gượng dậy được thì lại bị bọn cường hào áp bức, quan lại tham nhũng, cuộc sống của người dân vì thế lâm vào cảnh triền miên cực khổ.

Ấn tượng để lại qua NTCNDC là dằng dặc những năm khói lửa chiến tranh giữa hai tập đoàn phong kiến thống trị ở Đàng Trong và Đàng Ngoài, là những đội quân cờ xí rợp trời, những đoàn thuyền chiến qua lại ngoài khơi Đèo Ngang có khi đông cả ngàn chiếc, là vùng chiến sự hoang tàn từ sông Nhật Lệ đến sông Gianh, sông Lam. Có lẽ tác giả chưa phải đã có một lập trường rõ rệt lên án chiến tranh phong kiến, nhưng ý nghĩa khách quan của tác phẩm lại nói lên điều đó. Ở Trấn Ninh, khi trận đánh lũy đang diễn ra ác liệt, có người lính bên Trịnh gọi to báo cho những anh em Đàng Trong của mình biết cách nấp tránh đạn nổ. Trên chiến trường sông Lam, cả hai bên quân Trịnh – Nguyễn đều có những quân sĩ giương súng mà không bắn, vung kiếm mà không chém. Cuộc chiến tranh mất lòng dân như vậy thì không một bên nào có thể giành được thắng lợi chân chính.

Sau gần ba thế kỷ, tác phẩm *NTCNDC* của Nguyễn Khoa Chiêm là dư âm của thời nội chiến Trịnh – Nguyễn đau thương và những bài học của nó. Nhưng lịch sử là luôn luôn đi tới, cuốn theo nó là kỳ vọng lớn lao của các tầng lớp nhân dân ta mong muốn xây dựng đất nước thịnh vượng thái bình. Giá trị văn học, sử học, ý nghĩa nhân văn của tác phẩm có lẽ cũng hàm chứa trong tinh thần đó.

Hà Nội, 9-1994

NGÔ ĐỨC THỌ

HỒI THỨ NHẤT

Lánh Trịnh Kiểm, Đoan quốc công đem quân vào Thuận Hóa
Nắm quyền binh, Trịnh Đô tướng lập vua nhỏ Duy Đàm

Thơ rằng:

Ngày bụi phất đêm dặc dài
Kể chuyện rồng rên hổ rống
Khoe tài côn nhảy bằng bay [1]
Đến đâu chẳng biết trời đất rộng
Đưa mắt mới hay núi sông dài
Ngoài cuộc chán xem tranh thắng bại
Trong vòng những muốn giữ đất đai
Đó thịnh kia suy, triều đại hưng vong chăng chẳng đổi
Đông chinh Tây chiến, trời người ứng thuận chẳng hề sai.

Chuyện rằng nước Nam ta từ thời Hùng Vương, Triệu Vương, đến Đinh, Lý, Trần, Lê, sáu triều đại hưng phế tiếp nhau. Nhà Trần lại đến lúc hết vận, quân nhà Minh kéo sang xâm lược nước ta. Tướng giặc hung ác, lính giặc kiêu căng, dân ta bị giết hại khốn khổ không kham đặng. Trời sinh vua Lê Thái Tổ vốn là người áo vải dấy nghĩa ở đất Lam Sơn, thu phục được giang sơn bờ cõi, đường đường cùng với Trung Quốc làm đế một phương. Triều Lê truyền ngôi qua các đời Thái Tông, Nhân Tông, Thánh Tông cho đến Chiêu Tông Hoàng đế. Nhưng vì Chiêu Tông nhu nhược, rốt cuộc bị cường thần Mạc Đăng Dung cướp mất. Chiêu Tông phải chạy ra ngoài, trở về đất gốc Thanh Hóa, lấy làm hổ thẹn vì nỗi sinh linh phải chịu lầm than, xã tắc biến thành gò đống. Vua bèn thu thập tàn binh, chí muốn diệt Mạc, một phen quyết chiến với Mạc Đăng Dung, phục thù cho tông xã. Không

1. Côn: tên một loài cá. Truyền thuyết của Trang Tử nói: Biển Bắc có con cá tên là côn. Cá côn lớn không biết mấy nghìn dặm; hóa thành chim tên gọi là chim bằng. Lưng chim bằng rộng không biết mấy nghìn dặm; giận mà bay thì cánh nó che tỏa khắp trời *(Trang Tử, Tiêu dao du)*.

may Chiêu Tông bị Đăng Dung bắt, rồi bị giết hại. Họ hàng con cháu nhà Lê phải chạy trốn. Con Chiêu Tông tên là Ninh còn thơ dại, bà mẹ sợ Đăng Dung trừ cỏ nhổ rễ phải ôm con chạy lánh sang đất Ai Lao.

Bấy giờ cựu thần nhà Lê đều theo về với họ Mạc để mưu cầu phú quý. Chỉ có viên tướng cũ là An Tĩnh hầu Nguyễn Kim quê ở Gia Miêu Ngoại Trang, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa, vì lúc trước ở Thăng Long từng có lần ngăn trở việc Đăng Dung xin quân nên Đăng Dung không vừa ý, bèn tức giận giải tán bộ thuộc, lui về quê quán. Về sau, hầu vào trú ngụ ở Nghệ An, cũng nghĩ an phận để bảo toàn mạng sống. Nhưng thấy cơ đồ vương triều nhà Lê ngày một suy vong, bề tôi không kẻ vui lòng giúp rập. Nguyễn Kim vì thế ngày đêm khóc thầm, bèn đi khắp các nơi ở miền Thanh Nghệ chiêu tập hào kiệt nêu danh nghĩa phù Lê diệt Mạc để dụ bảo, nhiều người vui theo. Bấy giờ hầu bèn bàn với người họ ngoại của vua Chiêu Tông là Trịnh Duy Sản tìm đón Lê Ninh ở Ai Lao về, lập làm vua (tức Trang Tông), cất dựng hành điện ở gần sông Tất Mã [1]. Lại đặt doanh ở sách Vạn Lại [2] làm nơi ở, chiêu binh mãi mã, tiếp đón anh hùng, trữ lương chứa cỏ, cùng nhau mưu đồ việc khôi phục. Chỉ trong vài tuần binh chúng đã được mấy vạn người.

An Tĩnh hầu thỉnh thoảng đưa quân ra ngoài đánh nhau với quân Mạc, nhưng thường bị thua. Sau khi tiến đánh quân Mạc ở lộ Sơn Nam Thượng, quân Mạc bị thua. Bên Mạc ngầm sai tướng là Trung Hậu hầu [3] làm kế trá hàng. An Tĩnh hầu cả tin thu nhận, rồi sau đó bị Trung Hậu hầu đầu độc mà chết, được tặng tước Chiêu Huân Tĩnh vương.

An Tĩnh hầu có con là Nguyễn Hoàng, bẩm tính thông minh mẫn tiệp, trí tuệ hơn người, nhưng vì tuổi nhỏ chưa thể cầm nắm việc quân. Rể của hầu là Trịnh Kiểm vốn người có sức có tài được quân sĩ tuân phục. Bấy giờ Kiểm đang đóng quân ở nội đạo [4]. Trang Tông tạm giao cầm giữ binh quyền, chuyên lo việc đánh dẹp. Nguyễn

---

1. *Sông Tất Mã:* Tức sông Mã ở Thanh Hóa.

2. *Sách Vạn Lại:* Nay là xã Vạn Lại, huyện Thọ Xuân (Thanh Hóa). *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn ghi Trang Tông lên ngôi (Bd.tr. 227) ở sách Thúy Thuần.

3. *Trung Hậu hầu:* Tên tước của tướng nhà Mạc. *Toàn thư* ghi không rõ họ tên. ĐNTLTB ghi là hoạn quan, tên là Trung, không rõ họ. *Cương mục* ghi rõ họ tên là Dương Chấp Nhất, sau khi đầu độc Nguyễn Kim lại trốn về với nhà Mạc.

4. Cũng gọi là Nội trấn. Thời Lê Trung hưng, phủ Trường Yên là Thiên Quan (thuộc Ninh Bình cũ) sáp vào trấn Thanh Hoa, gọi là Thanh Hoa ngoại trấn. Nội trấn (hoặc đạo) là phần đất tỉnh Thanh Hóa nay.

Hoàng lớn lên theo Kiểm đi chinh chiến, trong nhiều năm đều lập được nhiều chiến công, được Trang Tông gia phong nhiều lần, làm quan đến chức Hữu tướng.

Kiểm thấy vậy, ngày càng thêm lo ngờ, cho rằng Hữu tướng Nguyễn Hoàng ngày sau công danh không kém gì Kiểm. Kiểm bèn tâu với vua xin cho Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa. Trước đó đất Thuận Hóa do quân tướng nhà Mạc đóng giữ. Mưu của Kiểm sai Hoàng vào trấn thủ ở đó là ý muốn mượn tay họ Mạc để giết Hoàng. Tâm địa của Kiểm như thế, nhưng đạo trời lại không phải thế. Người đời sau có thơ rằng:

Thành bại hưng vong lẽ lớn lao.
Kinh kỳ im nhịn tự hôm nào.
Phượng vin cành lẻ đàn vẹt rỡn.
Cọp rống rừng bằng đảng ác trào.
Chớ bảo giếng làng nhện chăng lưới.
Hãy xem ngựa chiến vượt khe rào.
Rồng thần há phải loài ao cạn.
Nằm đợi trời cao gió thét gào?

Lại nói năm Mậu Ngọ, niên hiệu Chính Trị thứ nhất (1558), con của Thái sư Chiêu Huân Tĩnh vương là Hữu tướng Đoan quận công Nguyễn Hoàng đi đánh nhà Mạc lập nhiều công lớn, đi đến đâu quân địch đều kinh sợ tháo chạy, dân chúng ngưỡng mộ yêu mến. Từ sau khi Chiêu Huân Tĩnh vương qua đời, Thái sư Minh Khang vương Trịnh Kiểm là con rể của Tĩnh vương cậy quyền, cậy thế, không nghĩ đến ân tình, chỉ ghen ghét muốn mưu tính làm hại Đoan quận công. Bấy giờ Thích quốc công [1] là cậu ruột của Đoan quận công bí mật bàn với Đoan quận công sai người lén vào nội cung cầu cứu chị ruột là Nguyễn Thị [2]. Bà chính phi của Trịnh Kiểm nghe chuyện lấy làm lo, bèn lập mưu bảo Nguyễn Hoàng giả điên, rồi vào thưa với Khang vương rằng:

– Đứa em của tiện thiếp là quận Đoan bỗng dưng phát chứng điên đến nỗi ngu mê, như thế thì không thể giúp việc chính sự trong triều. Thiếp bị người trong triều chê cười phải xấu hổ nhiều phen. Nay thiếp nghe nói hai xứ Quảng Nam, Thuận Hóa là chỗ núi độc nước xấu, dân man hung dữ, người ta đều chê không muốn đến, cúi

1. Tên tước của Nguyễn Ư Dĩ (tự Vô Sự).

2. Theo *Toàn thư*, bà chính phi này tên là Ngọc Bảo.

xin tôn ông nghĩ đến công cha tình thiếp, cho quận Đoan em thiếp, vào trấn thủ ở xứ ấy, làm bề tôi nơi phên giậu để được hưởng ơn sống suốt đời, tình nghĩa chị em nhờ thế may ra mới được trọn vẹn. Mong tôn ông thương xót ưng thuận cho

Thái sư Minh Khang vương nói:

– Em Đoan là kẻ anh hùng tuấn kiệt, đủ trí nhiều mưu, có thể dùng vào việc lớn, nào phải là người đần độn đâu. Ta sao nỡ đặt em vào nơi đất xấu ấy? Phu nhân chớ lo, ta đâu có lòng nào.

Chính phi nghe nói, nức nở quỳ khóc, hai ba lần khẩn khoản van nài. Thái sư Minh Khang vương thầm nghĩ: "Xứ ấy có quân đồn trú của nhà Mạc, cứ cho y đến đó, kể như mượn tay nhà Mạc, ta khỏi phải mang tiếng không biết dùng người". Nghĩ vậy Kiểm mới chịu ưng cho. Chính phi vái tạ lui ra. Rồi đó Thái sư vào tâu vua xin phong cho Nguyễn Hoàng làm Thái úy Đoan quốc công, giữ chức trấn thủ tổng quản binh dân hai xứ Thuận, Quảng, hàng năm theo thể lệ thu thuế mà dâng nộp.

Đoan quốc công Nguyễn Hoàng vái tạ trở về phủ từ biệt chị là Nguyễn Phi. Rồi Đo n quốc công cùng với các công tử thái bảo Hòa quận công, Thụy quận công và các tướng Văn Nham, Thạch Xuyên, Tiền Trung, Tường Lộc ngay ngày hôm ấy đem một nghìn quân thủy ra cửa biển nhằm theo hướng hai xứ Thuận, Quảng mà tiến.

Chiến thuyền tiến thẳng vào cửa Yên Việt [1] đóng quân trên bãi cát nổi thuộc xã Ái Tử, huyện Vũ Xương [2], Nguyễn Hoàng mật sai quân đi khắp các huyện từ Vũ Xương đến Hương Trà xem xét địa thế. Quân của Hoàng thấy ở xã Phú Xuân huyện Hương Trà núi sông vòng tụ, cảnh đẹp dân giàu, bèn trở về bẩm báo. Đoan quốc công rất mừng, nghĩ cách thi hành đức chính để vỗ về dân chúng.

Lại nói lúc trước vào khoảng năm Quang Bảo (1554 – 1561) nhà Mạc đã sai tướng là Đô đốc Lập quận công vào trấn thủ hai xứ Thuận, Quảng. Quân Lập đóng doanh ở miền huyện Khang Lộc [3], khi nghe tin Đoan quốc công vào trấn thủ liền đem ba mươi chiến thuyền

1. Cửa Yên Việt tức Cửa Việt.

2. *Vũ Xương:* Tên huyện đời Lê Mạc. Sau đời Nguyễn đổi gọi là Đăng Xương, nay là huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

3. *Khang Lộc:* Tên huyện đời Lê, trước gọi là Kiến Lộc, sau đổi là Khang Lộc, đầu đời Nguyễn đổi là Phong Lộc, nay thuộc phần đất của huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

vượt biển đến cửa Yên Việt. Lại sai một ngàn quân bộ tiến phát theo đường Hồ Xá, qua xã Lãng Uyển dừng lại đóng quân ở miếu Thanh Tương, dự định đánh úp cướp trại của chúa Tiên [1].

Bấy giờ chúa Tiên vốn không có quân bộ, chỉ có hai mươi chiếc chiến thuyền không có bộ binh, thế khó chống cự. Chúa rất lo lắng, đang đêm đốt đuốc ngồi buồn, bỗng nghe bên bờ sông có tiếng dòng nước kêu vang "trảo trảo...". Chúa lấy làm lạ. Sáng ngày ra bờ sông thấy một vùng nước xô sóng cuộn âm thanh vang động khác thường, bèn thầm khấn rằng: "Trên sông nếu có thần linh xin phù hộ cho đánh tan quân giặc, sẽ xin lập miếu bốn mùa cúng thờ", khấn xong trở về doanh. Đêm ấy chúa chiêm bao thấy một người đàn bà mặc áo xanh, tay cầm chiếc quạt the đi đến thưa rằng: "Tướng quân muốn diệt trừ ngụy đảng cần lập kế dụ chúng đến bãi cát bên sông, thiếp sẽ giúp sức trừ được, khỏi phiền nhiễu đến dân trong miền". Nói xong buông tay áo mà đi. Chúa tỉnh dậy mới biết là nằm mộng, thầm vui trong lòng, ngước lên không mà kính tạ. Chúa nghĩ bụng: Chiêm bao thấy người đàn bà bảo ta phải lập kế dụ địch, như vậy ắt phải dùng kế mỹ nhân.

Bấy giờ chúa có nàng hầu xinh đẹp quê ở xã Thế Lại [2] xứ Thuận Hóa tên là Ngô thị Lâm, tuy là phận gái nhưng có mưu trí gan dạ, nói năng nhanh nhẹn dễ nghe, ứng đối trôi chảy, về nhan sắc thì nguyệt mờ hoa thẹn, dáng điệu cá lặn nhạn rơi, dẫu là đối với nàng Tây Thi [3] ở Hàm Đan cũng không chịu thua kém mấy. Chúa cả mừng, bèn sai Ngô thị đem các thứ báu vật vàng bạc, kỳ nam đến trại quân tiến dâng cho quận Lập xin mở đường hòa hiếu, ưng chịu cho hắn tư thông rồi tìm cách dụ hắn đến xứ Trảo Trảo để lập kế diệt trừ. Ngô thị nghe nói quỳ khóc thưa rằng:

– Tiện thiếp từ khi theo hầu chúa thượng dốc lòng theo nữ đạo, giữ trinh tiết phu nhân. Nay chúa bảo nhảy vào chỗ nước sôi lửa bỏng, muôn chết thiếp cũng không dám từ. Nhưng lại bảo tư thông với người ta, thiếp thật không hiểu là có ý gì! Thần thiếp xin chịu tội

---

1. Từ đây trở đi trong nguyên văn gọi Nguyễn Hoàng là Vương (chúa) hoặc Tiên Vương (chúa Tiên).

2. Xã Thế Lại thuộc huyện Tư Vinh. Tư Vinh là tên huyện từ đời Lê, đến đời Nguyễn đổi gọi là Phú Vinh (thường đọc là Phú Vang).

3. *Tây Thi:* người con gái đẹp ở nước Việt thời Xuân Thu, Việt vương Câu Tiễn thua trận ở Cối Kê, Phạm Lãi đem Tây Thi dâng cho Ngô vương Phù Sai làm kế mỹ nhân. Nước Ngô mất, Tây Thi lại trở về với Phạm Lãi.

chết chứ không dám tuân theo lệnh ấy.

Chúa vừa cười, vừa bảo:

– Lời nàng nói như thế thật biết giữ phẩm tiết lớn của đàn bà. Ta hiểu rõ lòng nàng. Nhưng nay việc quốc gia đại sự, không dùng sức nàng thì làm sao mà phá giặc được? Nàng cứ nghe theo lời ta, chớ chối từ.

Thị Lâm vái khóc tuân mệnh, rồi lĩnh các thứ báu vật đến quân doanh xin yết kiến Lập quận công. Thị Lâm thưa rằng:

– Thần vâng lệnh quan quận Đoan nghe tin minh công oai trời sắp đến, lo sợ khôn xiết, đặc cách sai tiện thiếp đem vài thứ đồ vật cũ đến kính mừng để bày tỏ thành tâm. Xin minh công cho lập lễ thề: Minh công làm huynh trưởng, bản quan của thiếp làm nghĩa đệ, cùng đồng lòng chung sức may mới tránh khỏi hiềm thù đánh giết lẫn nhau, gây tổn hại cho trăm họ.

Quận Lập nghe xong cất giọng cả mắng:

– Ngươi muốn làm sứ giả đàn bà đến thuyết khách để câu ta đó chăng?

Thị Lâm giả cách run sợ sụp đầu van lạy, nhưng vẫn ngước mắt chuyển làn thu ba đưa tình. Quận Lập là kẻ tham của và mê gái, thấy nàng Ngô thị xinh đẹp vô song, ăn nói giỏi giang khéo léo, lòng dục đã bốc lên. Quận Lập liền đổi sắc mặt, cả cười thu nhận lễ vật, rồi dắt tay đưa về phòng riêng, cùng Ngô thị tư thông. Thị Lâm dùng kế "cành dương ngả theo bóng dương". Quận Lập đã say đắm mê muội. Thị Lâm lại dẹp tình nhắc việc lập lễ thề, quận Lập bèn nghe theo. Quận Lập hai ba lần sai quân đi thám thính, thấy quả thật bên quận Đoan ít quân, không có điều gì đáng nghi ngờ, bèn cùng với Ngô thị Lâm định ngày làm lễ thề kết nghĩa.

Ngô thị Lâm vui mừng khôn xiết, bèn sai người hầu trở về báo tin cho chúa biết. Đoan quốc công cả mừng, liền sai người đến bãi cát ở xứ Trảo Trảo dựng một gian miếu tranh, đào hố ngầm ở bốn phía, chọn những tên quân sĩ khỏe mạnh, ai nấy đều cầm khí giới nằm nấp trong hố, lấy cỏ lác và cát lấp vùi lên. Còn lại hơn hai mươi tên quân già yếu sai cầm sọt xách chổi đứng chờ ở cửa miếu để đợi lệnh.

Hạ tuần tháng mười, thị Lâm dụ quận Lập đến thảo miếu làm lễ thề. Quận Lập thấy bên quận Đoan ít quân, cho nên không dè dặt nghi ngờ, bèn lên một chiếc thuyền nhỏ, đem theo ba mươi tên quân

hầu, bắt chước cách Quan Vân Trường một mình đến chỗ hội. Khi đến trước cửa miếu Trảo Trảo, thuyền ghé vào bãi, quận Lập tay cầm bảo đao đi bộ vào miếu. Bấy giờ thị Lâm đi theo bên cạnh thưa rằng:

– Xin minh công đi chầm chậm kẻo bản quan của thiếp lo sợ.

Quận Lập cất tiếng cười vang, bèn lơi chân thong thả bước về phía cửa miếu. Đoan quốc công sửa áo mũ ngay ngắn, chắp tay ra đón tiếp từ xa. Khi quận Lập đi đến gần miếu, Đoan quốc công bèn quát lớn: "Quân bay dậy mau để đón tiếp tôn huynh!"

Quân phục nấp dưới hố nhất tề vùng dậy xông vào vây bắt. Quận Lập cả kinh, hồn xiêu phách lạc co chân tháo chạy, đến bên sông thì thuyền vừa rời bãi. Quận Lập trổ hết sức bình sinh nhảy ào lên mạn thuyền, nhưng rơi tõm xuống sông. Lúc ấy bộ tướng của Đoan quốc công là Thự Trung, Thự Thiết [1] kịp đến, thấy quận Lập lóp ngóp dưới sông, bèn dương cung bắn chết. Quân hầu của quận Lập tán loạn chạy trốn. Đoan quốc công thừa thắng tung quân đánh gấp. Quân thủy quân bộ của quận Lập tìm đường tháo chạy về Đông Kinh [2] hoặc đầu hàng.

Đoan quốc công giận thần miếu Thanh Tương [3] trách mắng rằng:

– Ta đã cho bốn mùa thờ cúng, xin giúp phúc nước hộ dân, sao lại dung cho đảng giặc vào trong cõi? Thế thì thờ cúng có ích gì?

Nói đoạn Đoan quốc công Nguyễn Hoàng trở về phủ doanh mở tiệc thiết đãi các tướng, hậu thưởng ba quân. Lại sai người tu sửa miếu Trảo Trảo, phong hiệu cho vị thần ấy là "Linh thu phổ trạch tướng hựu phu nhân [4]", bốn mùa thờ phụng. Chúa nghĩ đến công lao của nàng hầu Ngô thị, muốn đền đáp trọng hậu, bèn mời nàng tới bảo rằng:

– Trừ diệt được phe đảng của quận Lập, ấy là nhờ công lao của nàng. Ta muốn kén chọn người tài trí gả chồng cho nàng để tác thành địa vị khanh tướng, khỏi phải khóc lóc[5] làm kẻ nô tỳ, cũng là để làm cho hiển rạng công lớn.

---

1. *Thự Trung, Thự Thiết:* hai người tên là Trung và Thiết giữ chức Thự vệ (quan võ).

2. Tức Kinh đô Thăng Long (bấy giờ do nhà Mạc kiểm soát).

3. Miếu Thanh Tương (ở gần xã Lãng Uyển) là nơi quân bộ của quận Lập dừng nghỉ khi đánh Nguyễn Hoàng.

4. Nghĩa là "Vị nữ thần ở dòng nước thiêng có công phù hộ".

5. Có nghĩa là cô đơn (từ cổ, chép chữ Nôm trong nguyên văn).

Ngô thị nghe nói, sụp khóc mà than rằng:

– Ý nguyện bình sinh của thần thiếp là muốn được cầm khăn lược theo hầu chúa thượng, giữ vẹn tiết trinh. Chỉ vì việc nước mà phải ô uế tấm thân, khó mài rửa được. Từ nay về sau thần thiếp xin giữ việc bếp nước quét tước đền ơn thánh chúa để vẹn đạo làm tôi. Còn như chúa thượng muốn cải giá cho thần thì thần đến chết cũng không dám tuân mệnh. Xin chúa thượng lượng thứ cho.

Chúa cười đáp:

– Đây là công việc quốc gia, không phải tội lỗi tình riêng của nàng. Đền công đáp nghĩa đó là do ý muốn bản tâm của ta, nàng nên nghe theo để làm sáng tỏ công danh với đời sau.

Chúa phải vỗ về khuyên bảo hai ba lần Ngô thị mới chịu nghe. Bấy giờ có người huyện Kỳ Hoa [1] ở Nghệ An là Văn Hùng bá Vũ Doãn Trung (tên là Nghi Côn) làm phó đoán sự ở vệ Thiện Vũ theo giúp việc ở phủ chúa. Văn Hùng tướng mạo khôi ngô, hình dung đẹp đẽ, văn võ kiêm toàn, thông kim bác cổ, rất được chúa yêu mến, bèn gả Ngô thị cho Văn Hùng. Hai người vái vọng tạ ơn rồi mới làm lễ động phòng hoa chúc.

Người thời bấy giờ có thơ chê cười Lập Bạo [2] rằng:

Giúp rập thua tài chốn dậu li,
Nhờ mưu nữ sắc thắng binh uy.
Tình xưa người cũ nay đành dứt,
Duyên mới hồn bay nét vẽ mày.
Trác gặp Thuyền Quyên, thân chẳng vẹn [3],
Tiễn mừng Tây Tử nước qua nguy [4].
Ai rằng Lập Bạo phường khinh suất.
Thuở trước anh hùng có khác gì?

Lại nói về năm Kỷ Tị, niên hiệu Chính Trị thứ mười hai (1569) ở Bắc triều, Thái sư Minh Khang vương Trịnh Kiểm đánh lấy được miền Sơn Tây, thấy con thứ là Trịnh Tùng (tức Bình An vương) đủ tài trí mưu lược anh hùng, có công đánh dẹp, bèn cho lĩnh ấn Bình Đông,

---

1. Kỳ Hoa là tên huyện đời Lê, nay là Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Lập Bạo cũng tức là Lập quận công.

3. *Trác* tức Đổng Trác, tể tướng thời Đông Hán, trúng kế mỹ nhân của Điêu Thuyền, bị Lã Bố giết.

4. *Tiễn* tức Việt vương Câu Tiễn dùng kế mỹ nhân dâng Tây Thi (cũng gọi là Tây Tử) cho Ngô vương Phù Sai.

mở doanh Cung Nghĩa, tước Trường Nguyên công, giữ chức đồng tiết chế thống binh, đem quân đi đánh giặc.

Năm ấy bỗng nghe tin tướng trấn thủ ở phía Nam là Đoan quốc công đặt mưu giết được tướng Mạc là Lập Bạo, đoạt lấy binh chúng, Minh Khang vương là Trịnh Kiểm trong lòng cả giận, muốn lập kế trừ đi. Trước kia ở xã Hành Phổ, huyện Khang Lộc, xứ Thuận Hóa có viên cai tổng là Mỹ Lương bá cùng các em là bọn Văn Lan, Nghĩa Sơn có công trong việc nộp thóc, xin được thăng quan tước. Thái sư Minh Khang vương Trịnh Kiểm cho Mỹ Lương bá làm cai trị lo việc thu nộp tô thuế để hàng năm tiến nạp. Trịnh Kiểm thấy anh em Mỹ Lương bá thu nộp tô thuế có công, bèn phong cho Mỹ Lương bá làm tham đốc, tước quận công, bọn Văn Lan, Nghĩa Sơn làm thự vệ, đều được phong tước hầu, giao cho cai quản việc thu tô thuế ở xứ Thuận Hóa. Nay chúa Tiên vào trấn thủ hai xứ Thuận, Quảng, Minh Khang vương ngầm sai anh em quận Mỹ lựa chọn binh lính khỏe mạnh người bản xứ, nhân lúc sơ hở mà đánh úp để dứt mối lo về sau, xong việc sẽ có gia thăng trọng thưởng.

Quận Mỹ được mật lệnh liền gọi hai em là bọn Văn Lan, Nghĩa Sơn vào phòng kín bàn việc tuyển chọn binh lính, sắm sửa khí giới. Quận Mỹ sai bọn Văn Lan, Nghĩa Sơn đem quân đến đóng ở xã Hương Da, huyện Minh Linh [1], mai phục ở những nơi hẻo lánh. Quận Mỹ tự đem quân theo đường bí mật dưới chân núi đến đóng quân ở Cầu Gạch thuộc xã Trà Trì, huyện Hải Lăng, làm thành thế đầu đuôi ứng tiếp lẫn nhau, đợi ngày đánh ốp vào.

Lại nói chúa Tiên Nguyễn Hoàng trước đã dò biết được đích xác ý đồ của bọn quận Mỹ, cả giận mắng rằng: "Lũ bọ ngựa oắt con kia dám giơ càng chống xe hay sao!". Nói đoạn sai Trà quận công [2] đem quân đến xã Hương Da đánh bọn Nghĩa Sơn, Văn Lan. Chúa tự mình điểm quân, nhân lúc đêm tối lặng lẽ tiến đến Cầu Gạch đánh thọc vào, đốt cháy doanh trại của quận Mỹ, khói lửa ngút trời, sáng bốc như nắng rựng. Chúa ra sức đốc chiến. Quận Mỹ kinh sợ bối rối, quân lính nhốn nháo tìm đường tháo chạy tán loạn. Quận Mỹ một mình chạy trốn vào rừng. Chúa đuổi kịp, chém chết ngay. Rồi đó chúa Tiên dẫn quân thẳng tiến đến xã Hương Da đánh bọn Văn Lan, Nghĩa Sơn.

---

1. *Minh Linh:* Tên châu đời Lê - Mạc, tức phần đất huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.
2. *Cương mục:* chép Trà quận công họ Trương (Trương Trà).

Lại nói quận Trà vâng lệnh đem quân đến xã Phúc Bố, cùng với bọn Văn Lan, Nghĩa Sơn đôi bên đánh lớn một phen, chưa phân thắng bại. Sau quận Trà bị tướng giặc là Nghĩa Sơn bắn trúng, chết tại trận.

Quân lính trở về báo tin cho vợ quận Trà. Vợ quận Trà là Trần thị, người xã Khu Trường, nghe tin cả giận, bèn cải dạng ăn mặc như đàn ông, đầu đội nón chóp, tay cầm giáo sắc, cưỡi voi ra trận đốc thúc quân sĩ đánh gấp để báo thù chồng. Quân của Trần thị đến bờ sông thì gặp địch, đôi bên xông vào hỗn chiến. Bọn Nghĩa Sơn chống cự không nổi, trốn không kịp, liền bị Trần thị bắn chết, thây hất bên đường. Văn Lan thấy vậy cả giận, thúc quân cung nỏ xáp đánh để báo thù. Bỗng thấy từ sau lùm cây rậm bên con ngòi bụi cuốn tung trời, cờ bay rợp đất, chiêng trống vang lừng. Quân do thám báo tin đó là Chúa Tiên Nguyễn Hoàng đang ruổi đại quân tiến đến. Văn Lan cả kinh, lường sức không địch nổi, vội bỏ quân chạy về phía bắc tìm đường trốn về Tây Kinh [1].

Từ đó quét sạch quân giặc, Đoan quốc công Nguyễn Hoàng đem quân về dinh mở tiệc chúc mừng thắng trận, xét công ban khen tướng sĩ, khao thưởng ba quân, hậu thưởng cho Trần thị, ban hiệu là quận Trà phu nhân, cấp bổng lộc ân sủng lụa tiền trọng hậu. Truyền lệnh an táng linh cữu quận Trà.

Bấy giờ Văn Lan thua trận chạy về Kinh đô (Tây Kinh) tâu bày sự việc. Thái sư Trịnh Kiểm biết mưu không thành, trong lòng tức giận, ăn ngủ không yên. Kiểm bèn quy tội cho quận Mỹ, và lờ đi không xét đến việc đó nữa.

Từ đó Đoan quốc công Nguyễn Hoàng thu phục hết quân dân hai xứ Thuận, Quảng. Voi ngựa, vàng lụa, thóc tiền sung dùng vào việc công để ban phát ân đức, chiêu vỗ muôn dân, thân yêu trăm họ. Hàng năm thu tô đòi thuế để tiến nạp triều đình. Dân địa phương hai trấn được an cư lạc nghiệp.

Một hôm Chúa ngồi rỗi chợt nghĩ đến việc ngày trước, khi còn ở Trung Đô [2] một hôm giả vờ ốm mệt đi dạo chơi ở ngoài, bị một gã thầy chùa làm nhục. Từ đó ôm giận nhà chùa, hễ khi có việc chạy

---

1. *Tây Kinh:* Chỉ nơi đóng hành doanh của vua Lê Anh Tông bấy giờ ở sách Vạn Lại (Thọ Xuân, Thanh Hóa).

2. *Trung đô:* kinh đô ở miền Trung, chỉ nơi nhà Lê Trung hưng đóng đô ở Thanh Hóa (cũng gọi là Tây Kinh).

đàn sám nguyện cầu phúc thường chỉ chuộng dùng đạo sĩ [1] không dùng tăng thích. Các nhà sư đều lánh xa không ai dám đến hầu. Ấy vì sư là người tiêu biểu cho cửa Thiền mà không giữ được lời răn giới về phẩm hạnh của nhà sư.

Năm Canh Ngọ, niên hiệu Chính Trị thứ mười ba (1570), ngày mười tám tháng hai, ở Bắc triều Thái sư thượng phụ Minh Khang vương Trịnh Kiểm mất, thọ sáu mươi tám tuổi. Khang vương phò tá cơ nghiệp nhà Lê không sợ gian lao vất vả. Nhưng vì việc dẹp trừ phe đảng nhà Mạc chưa xong, Vương [2] thường đau tiếc rơi lệ, ăn ngủ đều kém sút. Sau khi Vương mất, vua Lê (Anh Tông) gia phong là Minh Khang Thái vương, ban vàng bạc vóc lụa, làm lễ an táng theo nghi lễ bậc vương. Vua thân đến vương phủ lập đàn làm lễ tế. Rồi đó tể tướng và các quan thay mặc áo xô trắng đến lạy trước linh cữu. Vua đọc bài văn tế như sau:

"Tiểu tử là Lê mỗ kính cẩn dâng chén rượu trong, vài thứ hoa quả lên trước linh cữu tôn nghiêm của Thái sư thượng phụ tặng tước Minh Khang thái vương, khóc mà thưa rằng:

Than ôi, bậc nghiêm quân! Xót thay vương phủ! Ngoài là thác nghĩa làm vua tôi, trong là ơn sâu như phụ tử. Xưa tiểu tử hàn vi, nhờ công lao thượng phụ, kính được tôn thờ tiên đế quy mô, lại khai sáng thêm cõi bờ triều cũ. Hiểm nguy trăm trận, trịnh trọng một niềm; trung nghĩa tỏ với thần minh, công nghiệp sánh tày vũ trụ. Quách Phần Dương [3] phụ giúp Đường đế giữ vẹn thanh danh. Gia Cát Lượng khôi phục Hán đô, thêm dài quốc tộ. Mảng từ nghe tin, xiết bao kinh sợ. Đang giở cuộc kinh dinh bốn bể, một mình biết nhờ cậy vào ai. Mà ơn tư nuôi dưỡng một nhà, vì đại nghĩa lòng sâu cảm mộ. Nay rót chén dâng, biệt người thiên cổ. Như tinh anh có thiêng, xin giúp vì quốc tộ. Ô hô! Đau thay! Cúi xin thượng hưởng".

Vua đọc văn tế xong phục xuống khóc lớn, các quan văn võ đều đau xót thương khóc. Vua trở về cung, ngày đêm nghĩ công lao của

1. *Đạo sĩ:* Tu sĩ của đạo. Giáo thuyết giảng phép tu luyện trường sinh bất tử (dân gian thường gọi là đạo Tiên). Người đương thời gọi Đoan vương Nguyễn Hoàng là chúa Tiên có lẽ vì lý do nói trên.

2. Nguyên thư chép chữ "đế": Câu này đang nói về Trịnh Kiểm, do ảnh hưởng bởi chữ "thường" ở sau có khuôn chữ hơi giống chữ đế nên chép nhầm chữ vương ra chữ đế.

3. *Quách Phần Dương:* tức Quách Tử Nghi, danh tướng đời Đường, tước Phần Dương Vương.

Minh Khang thái vương thật to lớn khó bù đáp đền đáp. Từ đó về sau hễ có việc nước đều ủy thác cho Trịnh Nguyên công [1].

Năm ấy, ở Nam, Chúa Tiên Nguyễn Hoàng nghe tin bèn sai người đem lễ vật ra phúng tang và dâng bài *Tán* để bày tỏ tình nghĩa anh em. Bài *Tán* viết: "Minh Khang Thái vương có tài Y Doãn, Chu Công, hùng dũng đảm lược mưu trí, giữ chắc đánh thắng, ứng biến vô cùng. Vạch gai góc, lập quy mô, phía Nam mở biên thùy, phía Bắc chăm đất ruộng. Khôi phục triều Lê, lập kỷ cương chế độ. Danh như Quách Phần Dương, nghiệp lớn tựa Tề vương Tín [2]. Từ Hán, Đường, Triệu, Tống đến Đinh, Lý, Trần, Lê đời không sánh kịp. Than ôi! Nghìn quân dễ có, một tướng khó tìm! Khi vua mới lên ngôi tôn làm Thượng Phụ, nay lại tặng Minh Khang Thái vương. Vua thân đến làm lễ, quả là hết đạo quân thần. Tiếc thay nửa đường đứt gánh, chưa thỏa ý xưa. Nhưng có Nguyên công tiếp bước, tài năng khá nối chí cha. Rạng tiếng tổ tông, thế là tốt đẹp".

Mùa hạ, tháng tư, Nguyên công Trịnh Tùng thấy trong nước có biến động bèn đem quân về chiếm giữ lũy Vạn Lại để cố thủ. Ngày mồng hai, vua phong cho Nguyên công tước hiệu "Kiệt tiết trung thành". Ngày mồng ba lại phong là "Tuyên lực công thần" để đền đáp công lao. Các bậc đại thần huân cựu như thái phó Nghĩa quốc công [3], Dương quốc công [4], An quốc công [5] cùng chung lòng hợp sức phò giúp nhà chúa.

Tháng tám năm ấy, vua Mạc Thuần Phúc sai quân vào đánh phủ Hà Trung giết người cướp của, dân chúng kinh sợ lánh trốn vào chốn núi rừng.

Nguyên công Trịnh Tùng biết tin bèn đóng quân giữ nơi căn bản, sai Định quận công đem quân chặn địch, đánh lớn với quân Mạc, phá tan được. Quân Mạc kinh sợ không dám ngoái đầu, chạy xuống đóng quân ở xứ Bãi Dương. Đến tháng chín hết lương ăn phải rút quân trở về Đông kinh.

Lại nói năm Tân Mùi, niên hiệu Chính Trị thứ mười bốn (1571),

1. Tức Trịnh Tùng (con Trịnh Kiểm) tên tước cũ là Trường Nguyên công.

2. Tức Hàn Tín, trước giúp Hán Cao Tổ, sau được phong tước vương ở đất Tề.

3. Tên tước của Đặng Huấn.

4. Tên tước của Nguyễn Hữu Liêu.

5. Tên tước của Lại Thế Khanh. Ba người nói trên đều là tướng bộ thuộc đã giúp Trịnh Tùng nối ngôi chúa.

vua Lê phong cho Nguyên công Trịnh Tùng làm Khâm sai Đô tướng tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh, kiêm Tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, hàm Thái úy, tước Trường quốc công, giữ chức Đô tướng trông coi việc nước. Trường quốc công Trịnh Tùng vái tạ nhận tước phong, chính thức thống suất cai quản việc triều chính. Từ đó binh uy ngày thêm vang dậy.

Chúa mới cầm nắm quyền hành, trông coi việc nước, ngoài lo dẹp giặc, thiên hạ yên bình. Các quan văn võ đều vui lòng tuân phục, người theo về dưới thềm rất đông. Từ đó về sau, thiên hạ hơi được yên bình.

Lại nói năm Quý Dậu, niên hiệu Chính Trị thứ mười sáu (1573), tháng giêng, vua Lê qua đời. Vua ở ngôi mười bảy năm, thọ bốn mươi hai tuổi, các quan dâng tên thụy là Anh Tông Hoàng đế, táng ở Tuyên Lăng.

Bấy giờ Trường quốc công Trịnh Tùng cùng các quan đại thần bàn việc lập hoàng thái tử Duy Đàm lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Gia Thái, xuống chiếu đại xá thiên hạ.

Năm Quý Dậu, niên hiệu Gia Thái năm đầu (1573) vua mới bảy tuổi, lên ngôi khi còn trứng nước, chưa hiểu việc chính sự quốc gia, quyền binh đều ủy thác cả cho Trịnh Tùng làm phụ chính. Trường quốc công Trịnh Tùng tài kiêm văn võ, mưu lược lớn lao, thu gồm hào kiệt, chiêu tập những kẻ ngoan ngạnh quật cường, uy hiếp công khanh, ngầm có ý lấn vượt.

Lại nói năm ấy ở Đàng Trong, Đoan quốc công Nguyễn Hoàng làm Trấn thủ hai xứ Thuận, Quảng, dân chúng được yên vui, trong cõi yên bình thịnh vượng. Bỗng nghe tin có bọn "giặc giàu sang" [1] đem năm chiếc tàu đến đậu ở ngoài khơi Cửa Việt, dùng thuyền nhỏ vào bờ cướp bóc dân lành. Chúa nghe tin, liền sai con là Thụy quận công [2] đem quân đi quét diệt.

Thụy quận công vâng lệnh đem hơn mười chiến thuyền đi thẳng đến Cửa Việt, thấy thuyền giặc còn cách hơn ba mươi dặm, tất cả để móc neo đậu liền nhau một dải. Quận Thụy cả giận đốc thúc thủy quân tiến thốc lên. Đoàn thuyền chiến như một con trường xà ruổi

1. Nguyên văn: "Hiển quý tặc" (giặc giàu sang) - cách nói của người đương thời gọi tàu thuyền của người phương Tây xâm nhập lãnh hải nước ta. ĐNTLTB có ghi việc này, nhưng cước chú "Hiển quý là hiệu gọi của bọn tù trưởng phiên" có lẽ không đúng.

2. Tên tước của Nguyễn Phúc Nguyên (con Nguyễn Hoàng).

tới, tiếng súng đồng loạt phát nổ, vang động trời đất. Hai tàu giặc bị bắn vỡ. Bọn "giặc giàu sang" cả sợ, vội cuốn neo kéo buồm chạy gấp ra biển Đông. Thụy quận công xua quân đuổi theo không kịp, chỉ thu được một số đồ vật của tàu giặc nổi trên biển đem về.

Thụy quận công vào triều báo tin. Đoan vương cả mừng, vỗ về, úy lạo rằng:

– Con ta thật anh hùng!

Nói đoạn bèn trọng thưởng cho Thụy quận công, ban khen hậu hĩnh cho ba quân tướng sĩ, mở tiệc mừng. Từ đó về sau tàu của bọn "giặc giàu sang" không dám mon men gần cõi, dân miền ven biển cũng được yên nhờ.

Lại nói việc năm Giáp Tuất, niên hiệu Gia Thái thứ hai (1574), bên nhà Mạc là niên hiệu Sùng Khang thứ chín. Vua Mạc là Mạc Mậu Hợp còn bé thơ [1] quyền hành ủy thác cả cho Tể tướng [2] cầm nắm việc nước. Tướng sĩ trên dưới lìa lòng, dấy loạn nổi giặc, ai nấy đều muốn tranh công. Dân chúng Đông kinh cũng bị điêu linh khốn khổ. Luôn trong mấy năm nhà Mạc lại mưu tính cất quân vào đánh Thanh Hoa. Năm Gia Thái thứ năm (1577), vua Lê đổi niên hiệu là Quang Hưng.

Năm Mậu Dần, niên hiệu Quang Hưng năm thứ nhất (1578), tháng bảy, tướng nhà Mạc đem quân vào đánh xứ Lũy Cổn. Đô tướng Trịnh Tùng xốc quân ra đánh. Quân Mạc thua lớn, bỏ chạy về Đông Đô. Quân nhà Lê đuổi theo chém giết bêu đầu, quân Mạc chạy dài lánh trốn.

Năm Canh Thìn, niên hiệu Quang Hưng thứ ba (1580), Mạc Mậu Hợp lại sai tướng là Diễn quốc công [3] vào đánh quân Lê. Quân Mạc đến xứ Cầu Công [4] chia doanh lập trại đóng giữ, cướp bóc quấy nhiễu dân chúng. Đô tướng Trường quốc công Trịnh Tùng thống lĩnh thủy quân tiến đánh. Chúa thúc quân bắn rất rát, tiếng súng ầm vang như sấm, đạn bay như sao sa. Quân Mạc khó bề chống đỡ, kinh sợ trốn chạy, rơi xuống sông chết đuối rất nhiều. Tướng Mạc là Diễn quốc công bỏ quân, bịt đầu lẩn tránh, tìm đường chạy về Đông kinh. Từ đó

---

1. Mạc Mậu Hợp nối ngôi khi lên hai tuổi (lúc nói đây cũng chỉ mới mười bốn tuổi). Mậu Hợp sáu lần đổi niên hiệu, Hồng Ninh là niên hiệu cuối cùng (1591 – 1592), vì vậy đời sau thường gọi là Mạc Hồng Ninh.

2. Chỉ Mạc Kính Điển.

3. Tên tước của Mạc Kính Điển.

4. Chữ "Công" nếu đọc theo chữ Nôm có thể đọc là "Trong" (Cầu Trong).

mối lo về nhà Mạc hơi được yên. Đô tướng Trịnh Tùng hạ lệnh đem quân trở về sách Vạn Lại. Người thời bấy giờ có thơ bình luận rằng:

Phù vận giúp mưu khó cứu đời,
Đuổi quân nhà Mạc chạy tơi bời.
Dương uy tướng sĩ thu non nước,
Gắng sức muôn dân [1] dựng cõi bờ.
Một trận ầm vang bao giặc chết,
Bốn phương tưới khắp vạn dân nhờ.
Nghiệm xem thiên tượng sao Huỳnh [2] mọc,
Ngoài cõi lờ mờ cửa lại khơi.

---

1. Nguyên văn câu 3 và 4 dùng 4 chữ tên 4 con vật mạnh (trãi, hổ, tì, hưu) tạm dịch như trên: (Một trận ầm vang bao giặc chết).

2. *Huỳnh:* tức sao Huỳnh Hoặc (sao Hỏa).

HỒI THỨ HAI

Diệt Hồng Ninh, Bình An vương rước vua về đô cũ
Rời Thuận Hóa, Nguyễn Thái Úy lại ra Bắc chầu mừng

Lại nói năm Quý Mùi, niên hiệu Quang Hưng thứ sáu (1583), tháng ba, vua Mạc Hồng Ninh lại đem quân tiến đánh. Đô tướng Trường quốc công Trịnh Tùng sai quân đánh lại phá tan được. Tháng Chín, tướng Mạc là Chấn quận công lại đem quân đánh xuống để báo thù lần thua trước. Tướng Mạc chia quân, đóng trại,... quân thủy bộ tiếp liền nhau. Đô tướng Trường quốc công sai quân đón đánh quân Mạc ở núi Đường Nang [1]. Quân của Chấn quận công bên Mạc thua lớn phải chạy lui về phía sau trận. Quận Chấn chưa chạy được mấy dặm thì bị tướng Trịnh là quận Miễn đuổi kịp, bắt sống đem về nộp. Trường quốc công ra lệnh chém đầu. Quân Mạc chết trận đến quá nửa, số bị bắt làm tù binh nhiều không đếm xuể. Đô tướng Trường quốc công vốn có đức hiếu sinh, cấp cho chúng cơm ăn áo mặc, cho về quê hương bản quán. Quân lính nhà Mạc vái vọng tạ ơn rồi ai về làng nấy. Dân Hoan, Ái [2] hai xứ lại được yên ổn như xưa. Đô tướng Trường quốc công Trịnh Tùng lại cất quân đi đánh lấy hai huyện Yên Khang và Yên Mô [3], đặt quân đóng đồn ở núi Kiềm Tu. Nhà Mạc lại sai quân đến đánh. Trường quốc công Trịnh Tùng cho quân mai phục hai bên bờ sông ở khoảng chùa Điền. Quân hai bên đánh giữ giằng co đến hơn mười ngày, Đô tướng Trường quốc công thấy vậy hạ lệnh thu quân về.

Tướng Mạc tưởng quân Trịnh khiếp sợ, bèn thừa thế đuổi theo, đến chỗ có rừng rậm che khuất, đang lúc không để phòng, bỗng nghe tiếng súng nổ vang, quân của Trường quốc công mai phục hai bên sườn núi liền nổi dậy xông vào giáp chiến. Quân Mạc thua to, tán loạn tìm đường chạy trốn, số chết tại trận rất nhiều. Những tên sống thoát tìm đường trốn về. Từ đó trong cõi được yên.

1. Theo *Cương mục* núi Đường Nang ở huyện Quảng Xương (Thanh Hóa).
2. Tức Nghệ Tĩnh (Châu Hoan) và Thanh Hóa (Châu Ái).
3. Hai huyện của phủ Trường Yên đời Lê ở xứ Sơn Nam (nay thuộc Nam Định).

Năm Bính Tuất, niên hiệu Quang Hưng thứ chín (1586), Đô tướng Bắc triều là Trường quốc công Trịnh Tùng sai quan là Hiến sát sứ Nguyễn Tạo vào hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam đo khám ruộng đất để thu thóc thuế. Hiến sát sứ Nguyễn Tạo vâng mệnh vào Thuận Hóa, đến công dinh yết kiến Đoan quốc công. Chúa xuống dưới thềm đón tiếp, mời vào trong trướng, chia ngôi chủ khách cùng ngồi nói chuyện. Rồi chúa sai mở tiệc khoản đãi, thăm hỏi chăm sóc Tạo rất ân cần, ngày đêm không rời nửa bước.

Hiến sát sứ Nguyễn Tạo được chúa Nam tiếp đón trọng hậu, trong lòng rất cảm phục. Những khi trò chuyện với chúa, Tạo thường tỏ ý khuyên chúa biệt lập cơ đồ. Tạo lưu lại ở Thuận Hóa khoảng năm, sáu tháng không vội về Bắc, cũng chẳng buồn bước chân ra đến đồng ruộng. Chỉ truyền cho các quan phủ huyện sửa sang biên chép điền bạ (sổ ruộng) nộp lên. Tạo chỉ xem lướt qua cho biết ruộng đất tốt xấu, lại tự mình cắt giảm đi phân nửa rồi mới đệ trình cho chúa Nam để theo đó mà thu thuế cấp phát cho ba quân.

Nguyễn Tạo nấn ná ở lâu tại Thuận Hóa sợ đắc tội với triều đình, bèn cáo từ để về Bắc. Chúa lưu luyến, tỏ cách rơi lệ cầm tay Hiến sát sứ Nguyễn Tạo mà nói rằng:

– Ta nay được gặp ông ở đây thật duyên may như rồng mây cá nước, khôn xiết vui mừng. Muốn lưu ông lại đây để cùng đàm đạo cho thỏa tâm tình. Nhưng ông từ biệt ra về khiến cho ta lòng rối như tơ vò, đau tựa dao cắt. Ông nỡ rời bỏ ta mà về chăng?

Hiến sát sứ Nguyễn Tạo nghe xong sụp quỳ khóc lớn, thưa rằng:

– Thần vâng mệnh lớn của triều đình, đi về minh bạch, không thể ở lâu. Thần xin trở về Bắc trả lại ấn thao [1] rồi sẽ trở vào xin giúp rập minh công, không dám quên ơn minh công lượng cả.

Chúa nghe đoạn bèn sai mở tiệc khoản đãi Nguyễn Tạo, khi lên đường, chúa theo tiễn chân hai dặm mới chia tay. Hiến sát sứ vái vọng cáo từ trở về Bắc, bấy giờ chúa mới trở về công phủ để xử lý công việc.

Từ đó, trong cõi thường gặp mưa hòa gió thuận, lúa thóc được mùa, dân chúng mừng vui, ngoài đường không ai nhặt của rơi, phần nào có dáng dấp cảnh tượng thái bình.

---

1. *Ấn thao:* (chữ Hán là *ấn thụ,* là quả ấn (con dấu), do triều đình cấp cho các viên trưởng quan. *Thao* là giải lụa màu dính ở cán con dấu để đeo bên lưng.

Lại nói năm Tân Mão, niên hiệu Quang Hưng thứ mười bốn (1591), tháng giêng, Đô tướng của Bắc triều là Trường quốc công Trịnh Tùng cất quân đi đánh dẹp miền Sơn Tây, đến chùa Ngô Sơn dừng lại đóng quân, chia doanh đặt trại, thủy bộ tiếp ứng cho nhau, đội ngũ chỉnh tề. Vua Mạc Hồng Ninh nghe tin liền chia quân đi chặn địch. Hơn hai tháng đôi bên đánh nhau mấy trận không phân thắng bại. Tháng hai, ngày hai mươi bảy, Đô tướng Trường quốc công Trịnh Tùng suy nghĩ mưu kế dụ địch, bèn hạ lệnh nói phao lên rằng: vì hết lương ăn nên phải rút quân. Trước hết sai người đưa xe lương về theo đường tắt, phao tin cho nên Mạc biết để dụ chúng đưa quân đuổi theo đánh úp. Lại mật truyền cho Thái phó Dương quốc công Nguyễn Hữu Liêu đem một nghìn quân bí mật tiến vào chân núi, xem xét địa hình, tìm nơi hiểm yếu để đặt phục binh. Đô tướng Trường quốc công Trịnh Tùng tự dẫn đại quân tiến đến đóng quân ở xã Phấn Thượng[1].

Ngày hai mươi tám, giờ Dần, Mạc Hồng Ninh cả phát quân lính người ngựa tiến thẳng đến dàn trận trước doanh trại quân Trịnh và chia quân tỏa đi vây bọc bốn phía. Đô tướng Trường quốc công Trịnh Tùng nghe tin báo cả cười rằng:

– Bọn giặc kia chẳng hiểu việc binh, ếch ngồi đáy giếng lại muốn khoe khoang sức mạnh! Thế là lọt vào bẫy của ta rồi.

Nói đoạn vào trong trướng gọi họp các tướng để sai phái. Lệnh cho hai doanh Thận Nghĩa và Khuông Nghĩa tiến quân hai cánh tả hữu; doanh Tuấn nghĩa làm quân tiên phong; hai doanh Tráng Nghĩa, Sùng Nghĩa tiến sau làm hậu ứng.

Bấy giờ bên Mạc sai hai tướng An Nghĩa và Khuông Định xuất quân đánh ập vào. Giờ Ngọ, hai tướng đem quân ra đánh. Các tướng bên Trịnh cười nói: "Phép đánh trận phải đợi thiên thời. Chưa đến thời thì chớ có vội". Các tướng đều lặng yên. Đến giờ Thân, Đô tướng Trường quốc công hạ lệnh xuất quân đánh gấp. Các tướng được lệnh nhất tề dẫn quân xốc tới. Tướng Mạc là An Nghĩa, Khuông Định trễ nải không phòng bị, trở tay không kịp, đều bị chém đầu trước trận. Quân Mạc bị giết rất nhiều. Các đạo quân Trịnh thừa thắng đuổi dài đến tận sông Hát[2], vua Mạc Hồng Ninh sợ hãi mất mật, quay đầu chạy bừa về phía Bắc, khi đến gần chân núi bị phục binh của Dương

1. Nay là xã Ngọc Tảo huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây.

2. *Sông Hát Giang:* chi lưu của sông Hồng chảy qua các huyện Phúc Thọ, Đan Phượng, tỉnh Hà Tây.

quốc công xúm vào vây đánh. Mạc Hồng Ninh cả kinh liều thân chạy thoát. Đô tướng Trường quốc công xua quân đuổi theo. Bỗng có một tên quân chạy ngựa đến báo rằng tướng Mạc là Thường quốc công đã cho đặt phục binh ở xã Phấn Hạ để chẹn phía sau.

Đô tướng Trường quốc công Trịnh Tùng hay tin bèn hạ lệnh phát quân tiến đánh. Tướng Mạc là Thường quốc công biết mưu bị lộ, đang đêm bỏ quân trốn về Đông Kinh. Trường quốc công đánh thắng, thu quân về đóng trại ở huyện Yên Sơn [1]. Đô tướng Trịnh Tùng sai quân đi thám thính tình hình quân Mạc. Quân do thám trở về báo Mạc Hồng Ninh chiếm đóng quân ở xã Yên Thạch [2]. Trịnh Tùng bèn sai chọn một trăm con voi đực, sai Thái phó Đương quốc công lĩnh ba nghìn quân, cùng voi và ống lửa, súng lửa, nhân ban đêm tiến đánh, bắn vào doanh trại để phá tan quân Mạc.

Đương quốc công vâng lệnh, đang đêm dẫn quân tiến thẳng đến doanh trại quân Mạc, xua đàn voi chiến và bắn ống lửa, súng lửa vào đốt trại. Quân Mạc không chống cự nổi, tán loạn khắp nơi tìm đường tẩu thoát. Mạc Hồng Ninh cả sợ, một mình chạy trốn về Đông Kinh.

Đến đồn Nhị Hà, Mạc Hồng Ninh lại chiêu tập tàn binh để mưu đồ khôi phục, nhưng gặp khi năm hết tết đến đành phải đóng binh bất động. Người đời sau có thơ vịnh rằng:

Ào ào đảng Mạc dấy đao binh,
Khắp núi đầy đồng trống thúc nhanh.
Trường quốc vung đao xuạ nghịch tặc,
Hồng Ninh vứt giáp chạy Đông Kinh.
Nhị Hà đêm trốn nghe vượn khóc,
Yên Thạch canh khuya tiếng nhạn vang.
Khen khéo chồn ranh khoe võ mép,
Nghe xa cọp rống đất hồn kinh!

Năm Nhâm Thìn, niên hiệu Quang Hưng thứ mười lăm (1592), mùa xuân, ngày tiết Nguyên dương [3], Đô tướng Trường quốc công Trịnh Tùng cùng các tướng hướng về phía hành tại của vua Lê kính vái chúc mừng. Trường quốc công Trịnh Tùng mở tiệc lớn khoản đãi các tướng, khi cuộc rượu ngà say, Tùng bảo các tướng rằng:

---

1 *Yên Sơn:* Thời Lê sơ gọi là huyện Ninh Sơn, thời Lê Trung hưng kiêng húy của Quang Tông (Lê Ninh), đổi gọi là Yên Sơn. Nay là huyện Quốc Oai.

2 *Yên Thạch:* Tên xã thuộc huyện Yên Sơn.

3. Tức ngày rằm tháng giêng.

– Bọn ta vâng chiếu lệnh của thiên tử dẹp trừ giặc dữ, quét sạch gian tà. Nay giặc Mạc chưa yên, ta muốn cất quân đi đánh, tiễu trừ cho hết loài sói lang. Chưa hay ý các tướng thế nào?

Các tướng đều đứng dậy chấp tay bẩm rằng:

– Bọn thấp hèn chúng tôi được hưởng tước lộc nhà vua, ai nấy đều nhờ ơn nặng của nước nhà. Nay ngụy Mạc đánh giữ đều không xong, chính là lúc bọn chúng đang tan rã. Chúng ta không nhân lúc này mà đánh phá thì còn đợi đến bao giờ? Xin minh công xuống lệnh chia quân, bọn chúng tôi xin tùy cơ đánh dẹp, diệt trừ hết đảng nghịch, lấy lại Đông Kinh. Ý nguyện của chúng tôi là như thế!

Đô tướng Trường quốc công cả mừng. Thế là qua ngày mồng hai Tết, dời quân đến đóng ở Ninh Giang[1]. Ngày mồng năm, từ sáng sớm các đội quân thủy bộ voi ngựa và đội hùng tượng tiến thẳng đến Nhân Mục[2]. Đến giờ Ngọ lại tiến quân đến trận địa để xem xét tình thế quân giặc nhiều ít hư thực ra sao. Giờ Thân lại rút quân về Ninh Giang.

Đô tướng Trường quốc công đứng trước trướng gọi các tướng đến họp bàn. Trường quốc công nói:

– Giặc Mạc chiếm đóng thành Đại La, cậy nơi hiểm yếu. Nhưng nơi đây đường đi thông suốt bốn phương tám hướng. Bọn kia không hiểu binh pháp, việc phá thành chẳng có gì khó khăn. Ta có một kế lấy thành Đại La dễ như trở bàn tay...

Nói đoạn bèn lệnh cho Thái phó Dương quốc công dẫn ba nghìn quân làm tiên phong. Hai doanh Tráng Nghĩa và Sùng Nghĩa làm Tả xung vệ trận tiến quân theo đường Cầu Dừa. Hai doanh Trấn Nghĩa, Khuông Nghĩa làm Hữu xung vệ trận, tiến theo đường Ông Mác, Nguyệt Áng.

Trường quốc công nói:

– Ta đích thân dẫn đội chính binh tiến theo đường Cầu Giền. Doanh Trấn Nghĩa[3] đi sau để tiếp ứng. Hẹn đêm nay từ lúc canh ba dậy thổi cơm ăn, canh bốn các đạo theo đúng hiệu lệnh dẫn quân thẳng tiến, nhất loạt cùng đánh phá. Ai vào thành trước được xếp công đầu, kẻ nào trái lệnh xử theo quân pháp!

1. Nay là huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

2. Tên xã (tức làng Mọc) thuộc huyện Từ Liêm (ngoại thành Hà Nội).

3. So phiên hiệu của các doanh thì thấy doanh Trấn Nghĩa nhắc đến hai lần, có thể đây là doanh Tuấn Nghĩa.

Các tướng nghe lệnh ai nấy lui về doanh trại chuẩn bị trận đánh. Đến ngày mồng sáu, tướng cầm quân các đạo theo đúng thứ tự đã ghi trong bản đồ, lần lượt đem quân tiến đến thành Đại La. Chỉ thấy:

Cờ xí rợp đất, gươm giáo tuốt sương;
Voi ngựa đầy non xanh, thuyền mành che nước biếc.
Sừng trống dồn rúc[1] *rung đất, chiêng khua sấm động trời.*
Dương oai tựa sấm rền chớp giật, diệu võ như gió táp mây cuốn.
Người người béo khỏe, ai nấy oai hùng.
Giặc Mạc làm sao chống nổi!

Thế là các đạo quân nhất tề xốc tiến đến thành Đại La, chia binh đánh vào rất gấp. Tướng Mạc là Thái phó Thường quốc công[2] đem quân ra chống cự. Hai bên giao chiến một hồi lâu, sắp phá được thành. Quân Mạc thua to, chết tại trận nhiều không đếm xuể, số còn lại tán loạn chạy trốn. Thường quốc công cả kinh, vội giả làm một tên lính trà trộn trong đám loạn quân tìm đường thoát. Đang nghĩ cách ẩn náu, bỗng gặp quân tiên phong bên Trịnh, Thường quốc công liền bị bắt giữ. Quân Trịnh không biết mặt Thường quốc công bèn bảo nhau cắt mũi đem nộp để tính công. Thường quốc công cắn răng chịu đau, rồi cứ thế nhằm phía núi sâu mà chạy trốn. Chẳng may lại gặp phải Thái phó Vinh quốc công[3], Thường quốc công bèn bị bắt sống đem về.

Mạc Hồng Ninh thấy tình thế nguy cấp vội bỏ thành chạy gấp sang huyện Phượng Nhãn[4]. Các đạo quân của Trường quốc công bèn hạ thành Đại La, phóng hỏa thiêu hủy cung điện phố phường, phe đảng nhà Mạc bị giết hết. Quân Mạc chết trận máu nhuộm đỏ sông Nhị Hà, thây trôi chất đầy bãi cát. Đô tướng Trường quốc công Trịnh Tùng hạ lệnh treo bảng chiêu an, cấm quân lính không được phá phách cướp bóc của cải giết hại nhân dân, trong thành lại được giữ yên như cũ.

Trường quốc công thăng trướng, tướng cầm quân các đạo đều tới dâng công. Thái úy Vinh quốc công Hoàng Đình Ái dẫn tướng Mạc

---

1. Tiếng tù và kêu.

2. *Thường quốc công:* tên tước của Nguyễn Quyện, tướng nhà Mạc, trước là Văn Phái hầu, sau thăng Thạch quận công, rồi Thường quốc công (1584), bị bắt năm 1592, chết trong ngục (1593).

3. Tên tước của Hoàng Đình Ái.

4. *Phượng Nhãn:* tên huyện đời Lê, nay thuộc huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Thường quốc công vào dâng nộp. Trường quốc công Trịnh Tùng thấy Thường quốc công bị cắt mũi rất lấy làm thương xót, bèn cởi trói đưa vào trong trướng an ủi, chẩn cấp cho rất hậu. Quân lính bên Mạc bị bắt đều được cấp cơm áo rồi tha cho về. Đô tướng Trường quốc công đi tiễu trừ các nơi ở La Thành, đề phòng đồ đảng họ Mạc tái tụ. Người đương thời có thơ vịnh rằng:

Sâu ong tụ tập đã bao sinh,
Một trận uy phong quét sạch sanh.
Mậu Hợp thân cô chuồn Phượng Nhãn,
Quận Thường mất mũi khốn La Thành.
Gươm dao vùng vẫy khói lang tắt[1]*,*
Ngựa chiến nhanh bon cõi thái bình.
Khen khá Trường công ơn trạch xuống,
Ngời ngời đức sáng đến thương sinh.

Khi trước tướng Mạc là Văn Phái hầu Nguyễn Quyện được nghe bài thơ sấm bốn câu chưa hiểu ý nghĩa ra sao. Thơ nói:

Tam ngũ chi thời,
Hắc long ngộ hổ,
Quân tiễu Long thành,
Sinh cầm đại vũ.

Nay phá được thành Đại La, các nhà nho cùng với Nguyễn Quyện mới giải thích được ý nghĩa của bài thơ sấm ấy: "Tam ngũ chi thời" tức là năm Quang Hưng thứ mười lăm. "Hắc Long" (rồng đen) tức là năm Nhâm Thìn[2]. "Ngộ hổ" (gặp hổ) là nói về tháng giêng[3]. "Quân tiễu Long thành" là nói quân nhà Lê phá thành Đại La, tức thành Thăng Long. "Sinh cầm đại vũ" là chỉ vào Thường quốc công vậy.

Lại nói tháng ấy, Đô tướng Trường quốc công Trịnh Tùng san phá thành Đại La, quét trừ nghịch Mạc, quân dân mới hơi được tạm yên. Bấy giờ Đô tướng lại đem quân về đóng ở Ninh Giang, sai quân đi thám thính tin tức Mạc Hồng Ninh. Thường quốc công ở lại trong quân nửa tháng rồi ốm chết. Trường quốc công rất thương xót, cấp tiền bạc, gấm vóc điếu phúng, sai người đem về quê làm lễ an táng.

---

1. Nguyên văn "lang yên" (khói lang): thời cổ khi có quân địch xâm phạm bờ cõi, đồn binh ở biên thùy đốt lửa để báo hiệu bằng khói. Vùng sa mạc phía Bắc thường dùng phân chó sói để đốt, cho nên gọi là *lang yên*. *Tắt khói lang* nghĩa là được yên bình.

2. *Thìn* là năm rồng.

3. Tháng giêng là tháng Dần, ứng với hổ.

Bấy giờ Trường quốc công đã lấy được hai xứ Sơn Tây và Sơn Nam, lập được công lớn, bèn đem quân về đóng doanh ở phủ Yên Trường, trấn Thanh Hoa [1], sai quan đem lễ vật đến bái yết lăng điện các vua triều trước. Trường quốc công cùng các quan văn võ vào triều bái yết thiên tử ở thềm son. Vua xuống dưới thềm vỗ về úy lạo, nói rằng:

– Khanh năm nay dẹp yên hung đồ, quét trừ ngụy đảng, chinh chiến vất vả, công lao thật to lớn, trẫm không biết lấy gì báo đáp. Công của khanh dẫu là kẻ anh hùng thời xưa cũng khó sánh tày.

Trường quốc công vái tạ tâu rằng:

– Thần đội nhờ uy đức bệ hạ, dựa vào các tướng hùng cường, ba quân sức mạnh, thành công ngày nay không phải do tài năng của thần, thần đâu dám được nhận lời ban khen của Thánh thượng!

Vua nghe tâu, cười bảo rằng:

– Từ xưa đã có câu "Hữu đức bất cư, hữu công bất phạt" [2] ấy là nói về khanh đấy.

Trường quốc công vái tạ, vua bèn sai mở yến tiệc thưởng công, úy lạo các tướng, khao đãi ba quân. Yến tiệc xong, các tướng ai nấy trở về bản doanh.

Từ đó Đô tướng Trường quốc công Trịnh Tùng truyền lệnh cho các tướng sĩ luyện tập quân sĩ, chuẩn bị chiến cụ và binh lương đủ dùng trong khoảng hơn sáu bảy tháng. Thượng tuần tháng tám có tướng Mạc là Bùi Văn Kháng tìm đến quân doanh của Đô tướng thưa rằng:

– Cha thần là Sơn quận công Bùi Văn Khuê người huyện Gia Viễn [3], làm tướng nhà Mạc. Vì thấy vua Mạc Hồng Ninh bản tính say đắm tửu sắc, giết hại trung thần lương tướng, tin dùng bọn xiểm nịnh gian tà, liệu thế nhà Mạc tất không được lâu. Nay nghe tin thánh chúa ở Biện Hương [4] là người nhân từ độ lượng, nạp sĩ chiêu hiền, thiên hạ kéo nhau theo về. Cha thần đã quyết chí đến hàng. Không ngờ cơ mưu không kín, bị đồ đảng họ Mạc dò biết, sai người hãm hại vây bức ở Điềm Giang [5]. Cúi xin chúa công sai quân

---

1. *Yên Trường:* Nơi đóng hành doanh của triều Lê Trung hưng (nay là huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

2. Có nghĩa là: có đức không tự mãn, có công không khoe khoang.

3. *Gia Viễn:* Tên huyện thuộc tỉnh Ninh Bình.

4. *Biện Hương:* Tức xã Biện Thượng, thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

5. *Điềm Giang:* Con sông chảy qua làng Điềm Xá, huyện Gia Viễn (Ninh Bình).

đến cứu cho cha thần thoát về, thần nguyện hết lòng dương khuyển trổ lực ngựa hèn, bết đất gan óc để đền đáp ơn đức Chúa thượng, thỏa lòng giữ vẹn đạo vua tôi.

Nghe Bùi Văn Kháng nói, Trường quốc công cả mừng bèn sai Thái phó Vinh quốc công đem quân đến đóng ở Bãi Lĩnh. Quân Mạc dò biết phải trốn về. Quận Sơn Bùi Văn Khuê thấy quân Mạc chạy tan, vội dẫn quân tùy tùng xông ra, tìm đến trại quân của Vinh quốc công. Hai người gặp gỡ chào hỏi nhau xong, bèn cùng về yết kiến Trường quốc công.

Sơn quận công Bùi Văn Khuê đến trước tướng vái chào, trần tình đầu đuôi việc mình bị vây khốn. Trịnh Tùng vui mừng sai mở tiệc khoản đãi, ban cấp cho Văn Khuê rất trọng hậu. Quận Sơn đứng dậy vái tạ, thưa:

– Cúi xin minh công lại một phen xuất phát thiên binh, thần xin dẫn đường đi bắt Mạc Hồng Ninh dâng nộp để lập công khởi tiến.

Đô tướng Trường quốc công nghe nói cả mừng, ban sắc phong cho Văn Khuê giữ chức quản thống binh dân các huyện ở phủ Trường Yên. Quận Sơn nhận chức, vái vọng tạ ơn. Trường quốc công bèn cho tiến quân đến phía Nam sông Quyết. Tướng nhà Mạc là bọn Quỳnh quận công, Lộc quận công đều dâng thư xin hàng. Trường quốc công lại tiến quân đến đóng quân ở Cầu Tắc huyện Thanh Liêm [1]. Từ đó các tướng Nam đạo của nhà Mạc đều đem cờ xí, khí giới, voi ngựa, chiến thuyền đến trước cửa quân của Trường quốc công Trịnh Tùng dâng nộp xin hàng. Trường quốc công cả mừng, mở tiệc khoản đãi, cho ai nấy đều được giữ chức cũ. Các hàng tướng đều hồ hởi tuân phục. Đô tướng lại sai quân đi dọ thám tin tức quân Mạc.

Lại nói quân Mạc từ lúc thua trận, lui về đóng giữ ở vùng Hát Giang, chiêu binh mãi mã, dựng lũy đắp thành để làm thế cầm cự lâu dài. Quân do thám trở về báo tin, Trường quốc công nghe xong bèn sai sắp sẵn binh lương, khí giới, voi ngựa đợi lệnh. Đến ngày mười bốn tháng mười, Đô tướng Trường quốc công Trịnh Tùng dẫn quân thủy bộ thẳng tiến đến Hát Giang đánh lớn với quân Mạc. Tiếng súng nổ vang động trời đất, tên đạn vèo bay như sao vượt. Quân Mạc thua to, bỏ thành tan chạy, quân tướng đều không dám ngoái đầu lại, ai nấy đều lánh trốn tìm đường tẩu thoát. Tướng Mạc là Đà quốc

1. *Thanh Liêm:* Tên huyện thuộc trấn Sơn Nam (nay thuộc Hà Nam).

công[1] một thân chạy thoát. Vua Mạc Hồng Ninh cả kinh, liệu bề khó chống cự nổi bèn giả làm một tên lính thường chạy gấp về huyện Phượng Nhãn, trong tay không một tấc sắt, không có quân hầu, thật đã đến bước đường cùng. Khi chạy đến chùa Mô Khuê, Hồng Ninh bèn cạo tóc giả làm nhà sư để ẩn náu, người đời không ai biết.

Ngày mười lăm, Trường quốc công đem quân đến Trường Yên, đóng trại ở xã Bát Cổ. Bề tôi nhà Mạc nghe tin đua nhau đến xin hàng. Trường quốc công tiếp đãi rất trọng hậu. Đến ngày mồng một tháng chạp lại sai Trà quận công[2], Liêm quận công đưa quân qua sông Nhị Hà đến huyện Phượng Nhãn tra hỏi dân tin tức Mạc Hồng Ninh trốn tránh nơi nào. Dân chúng đều nói: Trước đây có vua ngụy Mạc giả làm sư ẩn náu ở chùa Mô Khuê. Quận Trà nghe xong sai người về bẩm báo. Trường quốc công cả mừng. Ngày mồng ba, sai hai doanh Tráng Nghĩa, Sùng Nghĩa dẫn quân ập đến vây chặt chùa Mô Khuê, bắt thầy chùa đem ra xét hỏi họ tên quê quán. Mạc Hồng Ninh đáp:

– Bần tăng người huyện Thạch Hà, xứ Nghệ An, bình sinh mến chuộng đạo Phật, cạo tóc đi tu, tháng ngày vân du non biển, gối tuyết nằm sương, không can dự việc đời, xem phú quý tựa bụi trần, coi công danh như cỏ rác. Chỉ mong vẹn thành chính giác để cứu vật giúp người, đối với Hoàng triều không làm điều gì can phạm. Nay các ông bắt giữ bần tăng, chẳng hay vì cớ gì?

Quan quân nghe nói thế đã toan tha. Nhưng trong bọn có kẻ biết xét đoán, thấy dáng mạo ông sư chẳng phải người thường, lại nói năng hoạt bát, trong bụng đã sinh nghi, bèn cứ trói tay giải nộp. Mạc Hồng Ninh tự liệu không thoát, bèn nghiêm giọng nói lớn:

– Ta chính là Mạc Hồng Ninh, vua muôn thặng[3] thống trị cả nước. Nay không may sảy chân gặp bước đường cùng. Ta từng nghe kẻ làm vua thiên hạ, gặp bước loạn ly, chết không có điều gì oan uổng. Nay ta đến bước này, đó là vận số của ta như thế. Bọn ngươi chỉ là hạng tiểu tốt, không được làm nhục ta.

Quân lính nghe nói liền phi báo cho hai tướng biết. Trà quận công và Liêm quận công cả mừng, sai đóng cũi nhốt Hồng Ninh áp giải về kinh sư dâng nộp. Tới nơi, Hồng Ninh không chịu quỳ. Trường quốc công nghiêm giọng mắng:

---

1. *Đà quốc công:* Tên tước của Mạc Kính Điển.
2. *Trà quận công:* Tên tước của Nguyễn Đình Luận.
3. Ý nói vua chính thống (Thiên tử có muôn cỗ xe).

– Ngươi là kẻ bề tôi tiếm đoạt ngôi vua, tội ngươi to tày núi biển. Nay ngươi bị bắt, ấy là đạo trời báo ứng, còn muốn nói gì mà không chịu quỳ?

Mạc Hồng Ninh cất tiếng đáp lại:

– Ông nói sai rồi, ông không biết các đời Hạ, Thương, Chu, Hán, Đường, Tống kế tiếp thay nhau hay sao? Huống chi nhà Lê lên ngôi nhân lúc họ Trần hết vận, nhà Mạc kế trị khi nhà Lê suy tàn, đó là lẽ phế hưng thông thường. Ta tuy tiếm đoạt, nhưng ai là vua đó chăng, ai là bề tôi đó chăng?

Mạc Hồng Ninh nói xong ngửa mặt lên trời cười vang.

Trường quốc công nghe xong cả giận mắng:

– Tên nhãi nhép điên rồ không biết công nuôi dưỡng lại còn khua môi múa lưỡi!

Nói đoạn hạ lệnh sai quân dẫn Mạc Hồng Ninh ra ngoài phía Nam cửa doanh xử lăng trì [1] để răn đe dân chúng. Cho đến khi chết, Hồng Ninh vẫn còn chửi mắng không thôi. Từ đó đồ đảng họ Mạc nam nữ lớn bé đều bị tru diệt, thây chất như núi, máu chảy thành sông. Nhà Mạc mất. Chỉ còn người con thứ của Mạc Hồng Ninh là Mạc Đăng Mạo lánh trốn lên miền rừng núi Cao Bằng, lại tụ tập đồ đảng trộm chiếm xứ Cao Bằng, xưng hiệu là Long Thái vương. Triều đình nhiều phen sai quân đi đánh dẹp cho dứt hẳn. Chưa biết họ Mạc còn mất ra sao, chỉ biết khi trước đã có thơ sấm nói rằng:

Ngưu đầu thử vĩ nguyệt,
Thần đao trảm thảo tuyệt.
(Tháng đầu trâu đuôi chuột
Đao thần chém đứt cỏ).

Người bấy giờ không hiểu ý ra sao. Đến khi nhà Mạc mất, người ta mới hiểu rằng: ngưu đầu (đầu trâu) là nói về thượng tuần tháng chạp, thử vĩ (đuôi chuột) là nói về cuối tháng mười một [2]. Hòa đao là trong chữ Lê có chữ đao; thảo tuyệt (đứt cỏ) là chữ Mạc. Bấy giờ người ta mới nghiệm rằng lời sấm ngữ quả không sai! Nhân đó có thơ chê cười nhà Mạc như sau:

Âm vang tiếng trận đến La Thành,

1. Cực hình dùng voi xé xác.
2. Tháng mười một là tháng Tý (chuột), tháng mười hai là tháng Sửu (trâu).

Họ Mạc ngày tàn đã đến nhanh.
Đêm tối quốc kêu buồn lạc lối,
Canh khuya nhạn khóc đáng thương tình.
Hiên ngang chịu chết lòng chẳng khuất,
Khẳng khái liều thân miệng quát vang.
Khen khá Hồng Ninh gan cứng mạnh,
Đời con nhắc nhở cũng lưu danh!

Bấy giờ Mạc Hồng Ninh đã chết, đồ đảng nhà Mạc tụ tập ở miền huyện Thanh Lâm [1] tìm được tông thất nhà Mạc tên là Hùng Lễ [2] lập lên làm vua, xưng niên hiệu là Khang Hựu [3] năm đầu, ngầm chiếm một cõi, áp bức dân chúng, cướp bóc của cải. Trường quốc công Trịnh Tùng nghe nói cả giận, bèn sai Thái phó Dương quốc công thống lĩnh thủy quân, Thái phó Vinh quốc công thống lĩnh bộ binh chia đường tiến phát, Vinh quốc công dừng chân đóng trại ở huyện Thanh Lâm, sai lính đi do thám tình hình quân giặc, rồi cho quân tiến đánh. Hùng Lễ chia quân chống cự. Quân đôi bên đánh lớn mấy trận không phân thắng bại, rồi lui về đóng trại cố thủ.

Năm Quý Tỵ, niên hiệu Quang Hưng thứ mười sáu (1593), tháng giêng, ngày mồng mười, Đô tướng Trường quốc công hạ lệnh tiến quân, các đội quân nhằm theo bờ sông, thủy bộ đều tiến. Khi đến sông Giẻ liền tung quân đánh ngay. Quân Mạc thua to, máu trôi đỏ ngầu sông Giẻ, thây chết chất đầy bờ cát. Hùng Lễ một mình chạy thoát thân. Trường quốc công sai lính kỵ đuổi theo, đến miền huyện Chí Linh, Đông Triều [4] bắt sống được đem về dâng nộp. Hùng Lễ liền bị chém đầu. Từ đó dẹp yên đồ đảng nhà Mạc. Trường quốc công đem quân về Kinh đô Thăng Long, sai người tu sửa cung điện, kho tàng, phố phường cho được như cũ.

Mùa hạ, tháng tư, sai Thái phó Dương quốc công Nguyễn Hữu Liêu về phủ Yên Trường, xứ Thanh Hoa đón rước xa giá vua Lê về

1. *Thanh Lâm*: tên huyện thời Lê Mạc, thuộc phủ Nam Sách (nay thuộc tỉnh Hải Dương).

2. Tên tước của Mạc Kính Chi (con của Mạc Kính Điển) xưng vương ở miền Chí Linh, Đông Triều.

3. Nguyên bản chép Khai Hựu, sửa lại là Khang Hựu như Lê Quý Đôn đã ghi trong ĐVTS.

4. Huyện Chí Linh nay thuộc tỉnh Hải Dương. Huyện Đông Triều nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

kinh thành Thăng Long. Vua Lê vỗ yên răn bảo dân chúng, cho giảm nhẹ lao dịch phu phen.

Lại nói chúa xứ Nam là Thái úy Đoan quốc công Nguyễn Hoàng từ ngày thống quản hai xứ Quảng Nam, Thuận Hóa rộng ban ơn đức, thương yêu dân chúng, chậm bữa ăn để đón người hiền, xuống xe để tiếp quân sĩ. Anh hùng quy phục, hào kiệt đến theo. Luôn năm mưa thuận gió hòa, khắp nơi được mùa no đủ, các nước lân bang tìm đến chầu phục.

Một hôm Đoan quốc công đang coi chầu bàn xét triều chính bỗng có tin ở Bắc triều Trường quốc công Trịnh Tùng đã diệt được Mạc Hồng Ninh, cắt gai nhổ rễ làm nên công lớn. Đoan quốc công cả mừng, hạ lệnh chuẩn bị ra kinh đô Thăng Long chầu mừng. Trước là chúc mừng Thiên tử, sau là viếng lăng tẩm các tiên vương để thỏa lòng bấy lâu tưởng nhớ.

Tháng sáu, Nam chúa Đoan quốc công Nguyễn Hoàng dẫn quân về Kinh đô, vào triều bái yết Hoàng đế. Vua Lê an ủi vỗ về nói:

– Khanh trấn nhậm hai xứ, lòng dân được yên, công ấy rất lớn.

Vua Lê nói xong truyền mở tiệc khoản đãi. Đoan quốc công chắp tay tạ ơn. Dự ban yến xong, Đoan quốc công lui chầu, đi ngay đến phủ Đô tướng yết kiến Trường quốc công Trịnh Tùng. Lễ tương kiến đã xong, hai người chia ngôi chủ khách, cùng ngồi bàn việc nước, bày tỏ tình thân. Đoan quốc công là kẻ anh hùng cái thế, công đức lớn lao, dẫu là các bậc danh tướng đời xưa cũng không sánh kịp. Trường quốc công cả mừng, lấy tình thân thích máu mủ mà đối xử, phong Đoan quốc công làm Hữu thừa tướng, ngôi thứ xếp sau Trường quốc công một bậc. Từ đó về sau, ngày đêm không rời, ăn tất cùng mâm, ngồi ắt cùng chiếu, thân thiết như tim phổi, tin dùng như chân tay.

Trường quốc công tưởng nhớ công lao của các bậc huân thần, tâu vua xin xét công ban thưởng, vinh thăng phẩm trật để đền đáp công lao.

Lại nói chuyện Hiến sát sứ Nguyễn Tạo năm trước vâng mệnh vào xem xét mùa màng cày cấy ở hai xứ Thuận, Quảng, đến khi trở về Đông Đô mến chuộng tưởng nhớ Nam chúa Đoan quốc công Nguyễn Hoàng, ngày đêm không khoảnh khắc quên nguôi. Sau đó Tạo vào triều nộp trả ấn thao xin về hưu trí ở quê nhà. Nay nghe

tin chúa Nam về Kinh, Nguyễn Tạo mừng vui khôn xiết, bèn thân đến dưới trướng yết kiến. Nam chúa cả mừng, mời Tạo cùng ngồi ôn lại tình cảm trong lúc chia phôi, xa cách tưởng nhớ. Hai người ngày đêm trò chuyện bàn luận, cảm tình sâu sắc thân thiết, ý muốn cùng nhau mưu đồ đại sự.

Năm Ất Mùi, niên hiệu Quang Hưng thứ mười tám (1595), tháng hai, Trường quốc công cậy vào uy thế, muốn được lập ngôi chúa, bèn sai người mật tâu với vua. Vua lo sợ, bèn xuống chỉ rằng: Đô tướng Thái úy Trường quốc công Trịnh Tùng có công trung hưng nhà Lê, diệt trừ ngụy Mạc, không thể không thăng thưởng. Bèn ban kim sách, ấn ngọc cùng với cờ mao tiết việt. Sai Thái tể Phụng quốc công Trịnh Đỗ đem đến phủ dinh của Trường quốc công tôn phong Trường quốc công Trịnh Tùng làm Đô nguyên suý tổng quốc chính thái sư thượng phụ, tước Bình An vương, được mở vương phủ. Đó là đền đáp công lao của bậc nguyên huân. Trường quốc công nhận tước phong, vào triều bái tạ rồi về phủ định liệu công việc. Các quan văn võ có dáng sợ hãi, cùng đến phủ chúa chúc mừng.

Bình An vương mở yến tiệc khoản đãi, ban phát vàng lụa cho các quan. Từ đó trong triều ngoài quận, mọi việc cắt đặt quan chức, ban cấp bổng lộc đất ruộng, khen thưởng, hình phạt, thăng giáng, bãi truất đều do Bình An vương xét định. Kỷ cương chính sự triều đình cũng do Bình An vương nắm giữ, vua Lê chỉ ở trong thâm cung mà thôi.

Thượng tuần tháng tư, có tin vua Minh sai người hỏi về việc tuế cống. Bình An vương sai Lại bộ thượng thư Nguyễn Văn Giai lên đầu địa giới ở Lạng Sơn nghe lệnh, xong rồi trở về. Tháng sáu, sai Thượng thư Phùng Khắc Khoan lĩnh lễ vật sang triều cống vua Minh. Phùng Khắc Khoan tướng mạo xấu xí, hình dáng thấp bé, tóc rối râu phơ, nhưng bẩm tính thông minh sáng trí, hiểu biết hơn người, có tài năng của Gia Cát, Lưu Cơ [1], có học thức ở Nhan, Tăng, Tử, Mạnh [2]. Văn chương nhất đời, mưu lược hơn người, đáng là bậc trạng nguyên một thời.

Bấy giờ Phùng Khắc Khoan vâng mệnh mang lễ vật đi sứ, ngày

---

1. Gia Cát tức Gia Cát Lượng, tự Khổng Minh, quân sư của Lưu Bị, thời Tam Quốc. Lưu Cơ, tự Bá Ôn, giúp Minh Thái Tổ thống nhất Trung Quốc.

2. Tức Nhan Uyên, Tăng Sâm, Tử Tư, Mạnh Tử, bốn người học trò nổi tiếng của Khổng Tử.

đêm trèo non vượt bể, gội tuyết, xông sương, thẳng tới Kinh đô nước Minh. Sứ bộ nghỉ ở khách quán, ngày hôm sau vào triều bái yết, dâng lễ vật tiến cống.

Vua Minh thấy Phùng Khắc Khoan tướng mạo xấu xí, thấp bé, cười nói:

– Ngày trước bọn Mộc Thạnh, Trương Phụ ở An Nam về tâu rằng nước Nam nhân tài răm rắp, hào kiệt ngời ngời. Nay sứ giả Khắc Khoan đến đây chắc là đã được tuyển tinh chọn kỹ. Nhân tài phồn thịnh có thể thấy được chăng?

Nói đoạn hỏi Phùng Khắc Khoan rằng:

– Ngươi ở nước Nam làm quan chức gì?

Khắc Khoan đáp:

– Thần ở nước Nam thi đỗ Trạng nguyên, được thăng chức Thượng thư bộ Hộ.

Vua Minh nói:

– Ngươi là Trạng nguyên nước Nam, hẳn là thông kim bác cổ. Nay trẫm thử hỏi ngươi: Việc trong thiên hạ rất dễ mà cũng rất khó. Vậy thì việc gì dễ nhất và việc gì khó nhất?

Khắc Khoan tâu đáp:

– Người ta sinh ra trong cõi đời, phàm những chuyện về thiên văn, địa lý, nhân sự, tam giáo cửu lưu, bách công kỹ nghệ, đều là việc rất dễ! Duy chỉ có hai chữ "thanh sắc" là khó mua khó cầu [1], ấy là việc rất khó có được.

Vua Minh lại hỏi:

– Thức ăn món gì ngon nhất? Đồ dùng thứ gì quý nhất?

Khắc Khoan đáp:

– Thức ăn ngon không gì bằng muối trắng, đồ vật quý không gì bằng người hiền. Muối trắng có thể điều hòa cho đủ độ ngọt ngon, cho vừa mặn nhạt, bổ gan bổ phổi, nhuận tâm, nhuận tràng. Đó là thức ăn ngon vậy. Người hiền có thể cương, có thể nhu, có thể giúp phò xã tắc, có thể chuyển loạn thành trị, biến truân thành hanh, bồi dưỡng mệnh mạch nước nhà đạt đến thanh bình thịnh vượng, giúp rập cơ đồ dài lâu. Trên thì giúp vua đạt đến mức Thánh quân

---

1. Vì Phùng Khắc Khoan tướng mạo xấu xí nên mới ngụ ý nói "thanh sắc" là vật khó mua khó cầu.

như Nghiêu, Thuấn. Dưới thì mở mang bờ cõi non sông, bốn biển yên bình, muôn nước chầu phục. Ấy là của báu chân chính.

Vua Minh nghe tâu xong cho là đúng, bèn ban yến cho Khắc Khoan, cho lui về khách xá nghỉ ngơi. Các quan văn võ triều Minh tấm tắc khen ngợi không ngớt. Vua Minh nói:

– Sứ giả nước Nam mặt mũi xấu xí nhưng đối đáp trôi chảy. Ta phải thử hỏi như thế để biết rõ tài năng.

Mấy ngày sau, vua Minh sai thợ giỏi làm giả một con chim sẻ biết chạy, nhảy, bay đặt đậu trên bụi trúc trước điện, cho bay nhảy hệt như chim thật, người lạ nhìn vào không ai phân biệt được. Rồi đó vua Minh cho vời Phùng Khắc Khoan vào chầu, mời lên điện, rồi hỏi rằng:

– Sứ nước Nam có biết chim sẻ này trẫm nuôi đã bao nhiêu năm mà dạn người như thế?

Phùng Khắc Khoan ngắm nhìn thấy nó biết bay biết nhảy như thường, một lúc sau bèn bước xuống thềm đi đến bụi trúc giơ tay chộp bắt ném xuống giữa sân. Con chim sẻ vỡ thành bốn mảnh gỗ. Khắc Khoan bèn đến trước điện thản nhiên tâu rằng:

– Trúc là hạng quân tử, ví như mình rồng của Thiên tử. Sẻ là hạng tiểu nhân, ví như kẻ phàm phu tục tử, lẽ đâu lại để cho tiểu nhân đứng trên quân tử? Thế là các quan của thượng quốc đã khinh mạn Thiên tử vậy. Nước thần tuy nhỏ, nhưng còn biết phân biệt lẽ vua tôi, đạo cha con, nghĩa anh em, rạch ròi kẻ trên người dưới, chứ không ô tạp lộn ngược dưới trên. Lẽ như thế, chứ đâu phải thần không biết nó là con chim giả!

Tâu xong, Khắc Khoan ngửa mặt lên trời cười to.

Vua Minh nghe tâu hơi có ý xấu hổ, làm thinh không nói gì. Từ Tể tướng cho đến các quan trong triều đều lo sợ, ai nấy đều không ngớt lời khen ngợi Khắc Khoan. Vua Minh bèn ban thưởng cho Khắc Khoan, cho lui về nhà công quán nghỉ ngơi. Phùng Khắc Khoan vái tạ ra khỏi triều trở về nhà nghỉ. Từ đó Khắc Khoan nhàn hạ đi du ngoạn, viếng thăm núi sông, chùa tháp các nơi ở nước Minh, tận mắt nhìn ngắm cảnh vật cực kỳ tươi đẹp hùng tráng. Mấy tháng sau, vua Minh lại sai người tìm hai con ngựa cái vóc dáng sắc lông đều y hệt như nhau, người trong nước không ai biết con nào là ngựa mẹ, con nào là ngựa con. Vua Minh sai người dắt hai con ngựa ấy đến nhà công quán, hỏi Khắc Khoan rằng:

– Nhờ Trạng nguyên phân biệt giúp hai con ngựa này, con nào là mẹ, con nào là con? Chỉ ra cho rõ ràng, thế mới thực đúng là Trạng nguyên.

Phùng Khắc Khoan nghe xong mỉm cười bảo rằng:

– Cái lý ấy chẳng có gì khó khăn, cần gì phải đợi nhà vua đích thân hỏi đến!

Nói đoạn hai tay quơ nắm cỏ giơ lên phía trước mà cười. Ngựa con vốn tính nóng vội, thấy cỏ bèn bước lên trước tranh ăn. Ngựa mẹ điềm tĩnh hơn, vẫn đứng yên tại chỗ. Khắc Khoan cười nói:

– Con bước lên đó là ngựa con, con đứng yên kia là ngựa mẹ, chắc chắn như thế, không sai!

Người Minh thấy vậy đều kính phục, tấm tắc khen ngợi: "Quả đúng là Trạng nguyên" rồi lập tức trở về Hoàng cung tâu vua Minh biết. Vua Minh khen ngợi Khắc Khoan là người tài giỏi.

Tháng mười một, Phùng Khắc Khoan dâng biểu xin được trở về nước. Vua Minh có ý muốn giữ lại, nhưng sợ mang tiếng thất tín, bèn ban sắc phong cho Phùng Khắc Khoan là "Lưỡng quốc trạng nguyên" (Trạng nguyên của hai nước), ban thưởng vàng bạc vóc lụa, chuẩn cho được trở về nước Nam.

Phùng Khắc Khoan vào vái chào vua Minh, từ biệt các quan rồi về nhà công quán sắp xếp hành trang trở về. Trên đường về Khắc Khoan có làm một bài văn sứ trình [1].

Về đến Kinh đô, Khắc Khoan vào triều bái yết vua Lê tâu bày công việc đi sứ. Sau đó Khắc Khoan sang vương phủ [2] chào Bình An vương Trịnh Tùng bẩm trình mọi việc. Từ đó người nước Nam ta, trên từ các bậc công khanh, dưới đến học trò dân chúng đều ca ngợi Phùng Khắc Khoan vâng mệnh đi sứ Bắc quốc biết trọng mệnh vua, làm mạnh thế nước, quả đúng danh vị Trạng nguyên. Bình An vương vui mừng, rất mực yêu mến, giao cho giữ chức phụ quốc chính "giúp việc triều chính" chăm lo vun đắp thái bình, xứng đáng là bậc danh Nho ở đời.

---

1. Nguyên văn *Sứ trình văn* (khúc ngâm trên đường đi sứ).
2. *Vương phủ:* tức phủ Chúa Trịnh.

Người đời sau có thơ khen ngợi Phùng Khắc Khoan như sau:

Học đạo tinh thần được quý tôn,
Non sông vạn dặm đến cung môn.
Lộ trình Bắc sứ tùy ứng biến,
Công việc vua giao đã vẹn tròn.
Một chữ kinh luân dành để dụng.
Phải đâu thanh sắc đọ thua hơn[1].
Bốn phương từ trước bao tài giỏi,
Ai được như ông lưỡng Trạng nguyên[2]

---

1. Vì Phùng Khắc Khoan tướng mạo xấu xí mà được người Minh thán phục cho nên nói không phải vì "thanh sắc" (tiếng nói và sắc đẹp) để đọ hơn thua với mình.

2. Phùng Khắc Khoan đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ (tức Hoàng giáp) khoa Canh Thìn niên hiệu Quang Hưng 3 (1580). Nhưng khoa ấy ông đỗ đầu, trên bậc Hoàng giáp không lấy Trạng nguyên, nên người đương thời vẫn coi ông như Trạng nguyên - và vì quê ông ở thôn Phùng Xá, tên nôm là làng Bùng nên thường gọi ông là Trạng Bùng. Còn việc nói ông được ban danh hiệu Lưỡng quốc trạng nguyên có thể chỉ là cách người đương thời ca tụng tài năng của ông trong chuyến đi sứ sang nhà Minh.

HỒI THỨ BA

Ngạn Khuê đốt thành, triều Lê Trịnh một phen rung chuyển
Chúa Tiên về trấn, đất Thuận, Quảng khắp chốn đều vui

Lại nói năm Kỷ Hợi, niên hiệu Quang Hưng thứ hai mươi hai (1599), mùa thu, tháng bảy, vua Lê ốm nặng, mệnh hệ chỉ tính được trong ngày đêm. Vua cho gọi Bình An vương Trịnh Tùng và các cận thần vào nội điện căn dặn rằng:

– Trẫm muốn cùng các khanh chung hưởng phú quý để giữ gìn bờ cõi non sông. Nhưng nay số trời đã đến kỳ, muôn vàng khó chuộc. Sau khi trẫm đã theo xe mây, con trưởng của trẫm là Duy Quân tài hèn sức mọn không kham nổi việc nối ngôi trị nước. Con thứ của trẫm là Duy Tân gồm đủ cả ân uy, có đức có nhân, nối được nghiệp lớn, giữ được quy mô lớn lao để thống quát việc triều chính. Trẫm nhờ cậy cả ở các khanh, mong các khanh hết lòng phò tá giúp rập. Các khanh chớ để phụ lời nói của trẫm.

Dặn dò xong, vua Lê qua đời. Vua ở ngôi hai mươi bảy năm, thọ ba mươi tư tuổi, miếu hiệu là Thế Tông Nghị hoàng đế, mộ táng ở Vĩnh Lăng.

Bình An vương Trịnh Tùng họp bàn với các quan triều đình vâng theo di chúc của vua Lê, lập con thứ là Duy Tân lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thuận Đức. Vua mới lên ngôi, xuống chiếu đại xá thiên hạ. Hạ tuần tháng mười hai lại đổi niên hiệu là Hoằng Định. Vua nối ngôi còn nhỏ tuổi, nhờ cậy cả ở Bình An vương Trịnh Tùng giúp việc triều chính, bên trong thống quản các quan, bên ngoài lo việc dẹp yên bốn biển. Việc chính sự triều đình đặt quan chia chức, bổ dụng cất nhắc, biếm truất, thưởng phạt, hình ngục .v.v... đều do Bình An vương định đoạt. Uy quyền của chúa bao trùm, các tướng đều lo sợ, không ai dám hé răng nghé mắt. Lúc đầu Bình An vương Trịnh Tùng thân quý Đoan quốc công Nguyễn Hoàng, coi như người tâm phúc anh em, đối xử tiếp đãi rất trọng hậu, giao cho cầm giữ những công việc quan trọng. Nhưng về sau, vì Đoan quốc công Nguyễn Hoàng là người khí chất hùng vĩ khác kẻ bình thường, được các quan trong triều nhiều người yêu mến ngưỡng mộ, Trịnh Tùng bỗng đem lòng ngờ vực, muốn

tính kế trừ đi để khỏi mối lo về sau. Vì thế cảm tình của Trịnh Tùng đối với Đoan quốc công ngày càng thưa nhạt, hiềm khích ngày càng tăng mau, nói năng động chạm, đi đứng đề phòng. Nguyễn Hoàng cũng thầm hiểu ý ấy, ngày thêm suy nghĩ tìm cách trở về Thuận Hóa, chẳng hay lúc ấy đã vào dịp cuối năm.

Năm Canh Tý, niên hiệu Hoằng Định năm đầu (1600), mùa hè [1], ngày mồng một tháng năm, hữu thừa tướng Đoan quốc công Nguyễn Hoàng thấy tình cảm đối xử của Bình An vương Trịnh Tùng ngày một thưa nhạt, phải tính kế giữ mình, nhưng không nghĩ ra cách gì, bèn sai người đem lễ vật là vàng bạc đến biếu viên quan nhà Mạc đã hưu trí về làng là Trình quốc công Nguyễn Bỉnh Khiêm để hỏi kế giữ thân, Trình quốc công bèn lấy giấy bút viết tám chữ giao cho người tâm phúc của Nguyễn Hoàng đem về. Đoan quốc công Nguyễn Hoàng mở thư đọc thấy tám chữ: "Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân" Nghĩa là: Hoành Sơn một dải, dung thân muôn đời) [2].

Đọc xong, Nguyễn Hoàng trầm ngâm nghĩ ngợi suốt cả một ngày mới chợt hiểu ra. Từ đó chỉ nghĩ cách tìm đường trở về trấn cũ. Nguyễn Hoàng còn e ngại ở cửa biển có đồn binh của Kế quận công Phan Ngạn và Mỹ quận công Bùi Văn Khuê, tất sẽ chặn đường về, khó lòng qua thoát được. Nhưng thấy bọn Ngạn, Khuê từng nhận mình là Cậu [3], Nguyễn Hoàng bèn nảy ra một kế.

Rồi đó, Đoan quốc công mật sai người giả cách làm sứ giả của chúa Trịnh, rồi làm như thế, như thế... lại sai người mời Ngạn, Khuê đến chỗ phủ doanh của mình.

Đoan quốc công trò chuyện, bàn luận với Ngạn, Khuê các tích cổ kim cùng là các việc chính sự đương thời, bảo rằng kẻ anh hùng hào

---

1. Tính chính xác thì tháng năm năm Canh Tý (1600) vẫn còn thuộc về niên hiệu Thận Đức, theo *Toàn thư* và *Cương mục* thì đến tháng mười một Lê Kính Tông mới đổi niên hiệu là Hoằng Định năm đầu, như vậy niên hiệu Hoằng Định năm thứ nhất chỉ có trong ngoài một tháng (12 - 1600), đầu năm Tân Sửu (1601) là niên hiệu Hoằng Định thứ hai.

2. Câu chuyện Nguyễn Hoàng hỏi kế Nguyễn Bỉnh Khiêm là giai thoại được kể khá rộng trong dân gian, các sách truyện ký cũng nhiều sách có chép. Nhưng nếu thực có chuyện ấy, thì phải ở thời gian trước khi Nguyễn Hoàng lần đầu tiên vào Thuận Hóa (1558). Ghi vào thời điểm năm 1600 thì không hợp vì Nguyễn Bỉnh Khiêm mất năm 1585.

3. Vì Nguyễn Hoàng là cậu của Trịnh Tùng, cho nên các tướng dưới quyền cũng nhận gọi Nguyễn Hoàng là cậu.

kiệt xưng bá, ai nấy đều có gan hùng chí lớn, há cam chịu lóc lóc quỳ gối ở dưới người! Bọn Ngạn, Khuê kéo tay đập chiếu khen phải, cho rằng như thế mới đáng mặt trượng phu.

Trong khi ba người đang trò chuyện, bỗng có lính hầu vào báo: "Có sứ giả của chúa đến truyền lệnh. Nguyễn Hoàng vội bảo Ngạn, Khuê lánh vào ngồi nấp ở buồng trong, rồi sửa áo mũ đi ra đón tiếp sứ giả, mời vào trong phủ. Đôi bên chủ khách an tọa, sứ giả của chúa Trịnh ghé tai Đoan quốc công nói rằng:

– Chúa thượng thấy bọn Ngạn, Khuê cậy có quân hùng tướng mạnh, kiêu căng công lao tài năng, không tuân mệnh lệnh, nói năng không giữ khiêm tốn. Chúa thượng xét nghĩ để bọn ấy lâu tất gây mối lo cho thiên hạ. Vì thế chúa thượng sai hạ quan đến truyền lệnh cho tôn ông phải tìm cách bắt ngay bọn ấy tiến nạp vương phủ để lập công đầu, lớn bé đều không được để sót! Phải giữ kín, không được tiết lộ.

Đoan quốc công đáp:

– Xin tuân lệnh chúa!

Sứ giả vái chào ra về. Thế là bọn Ngạn, Khuê nấp sau vách đã nghe được lời nói nhỏ của sứ giả, nhưng còn nửa tin, nửa ngờ. Sau khi sứ giả ra về, bọn Ngạn, Khuê bước ra hỏi Đoan quốc công rằng:

– Sứ giả của chúa truyền lệnh gì?

Nguyễn Hoàng do dự không đáp, đưa mắt nhìn hai người, dáng buồn rầu, rơi lệ. Ngạn, Khuê khẩn khoản gạn hỏi cho ra. Nguyễn Hoàng đáp:

– Cậu trông hai cháu tướng mạo đường đường, oai phong lẫm lẫm, có tài như Hán Vũ Đế, Tống Thái Tông, trong bụng có trí mưu chẳng kém gì Tôn, Ngô, Trương Tử [1], đầy đủ tài ba cứu đời, yên dân, khuông phù ngôi báu để rạng mặt anh hùng, vẻ vang tiên tổ. Cớ sao hai cháu lại bo bo chịu cho người ta đè nén? Vừa rồi sứ giả truyền mật lệnh của chúa ý không dung cho hai cháu, cậu lấy làm thương. Hai cháu nên suy nghĩ kỹ để ngày sau khỏi phải than tiếc vì nỗi chim hết, cung treo! Cậu với hai cháu đều cùng một lẽ. Nay cậu muốn trở về Thuận Hóa ngao du sông núi để khỏi cảnh cá chậu chim lồng, nhưng cậu đâu nỡ để hai cháu bị người ta giết hại. Mong hai cháu mau trù tính mưu kế lớn kéo

---

1. Tức Tôn Vũ, Ngô Khởi, Trương Tử Phòng, ba nhà quân sự nổi tiếng của Trung Quốc thời cổ.

lại hối về nỗi cắn rốn cháy mày. Các cháu phải ghi nhớ trong lòng, chớ để tiết lộ. Phải cẩn thận lắm đấy! Đừng quên lời cậu dặn!

Bọn Ngạn, Khuê nghe Nguyễn Hoàng nói xong nổi giận đùng đùng, vén áo quắc mắt nói lớn:

– Ông ta là anh hùng thì bọn ta là hào kiệt! Đều là chí lớn của nam nhi, việc gì mà phải chịu nhún!

Nguyễn Hoàng vội ngăn lại nói:

– Các cháu chớ có nôn nóng! Công việc phải suy nghĩ đến nơi đến chốn, đề phòng lời gió tai vách!

Bọn Ngạn, Khuê cảm tạ, khóc vái lĩnh mệnh ra về, quyết chí mưu phản. Đoan quốc công cả mừng. Sáng hôm sau, sửa sang áo mũ vào phủ chúa, bẩm với Bình An vương rằng:

– Lão phu trộm xét trong triều từ tể tướng đến trăm quan đều dốc lòng trung nghĩa, hết sức giúp vua, chỉ có bọn Ngạn, Khuê kiêu căng, ngạo mạn, ngang ngạnh hung hăng, lòng dạ chó má, vong ân bội nghĩa bất hiếu bất trung. Bọn ấy sớm muộn ắt sẽ dấy lên làm loạn, xin chúa thượng định kế trừ đi để khỏi lo về sau.

Bình An vương Trịnh Tùng nói:

– Lời Thừa tướng nói có lý, ta thấy bọn kia rắp tâm đối địch dọc ngang. Nên xử trí sao đây?

Đoan quốc công nói:

– Bọn chúng đều là hạng hữu dũng vô mưu, chỉ ví như trò đùa con trẻ mà thôi. Lão phu xin đem đội thủy quân đi bắt chúng đem về dâng nộp trước mặt chúa thượng có gì khó!

Bình An vương nói:

– Việc bắt hai thằng giặc ấy xin ủy cho Thái úy quốc công cắt đặt định đoạt, trừ bỏ đi để dứt mối lo.

Đoan quốc công nghe nói mừng thầm, vâng mệnh trở về phủ. Hôm ấy là ngày tết Đoan Ngọ (mồng năm tháng năm). Bình An vương cùng các tướng hội họp ca xướng, ăn uống linh đình, ai nấy rượu say ngã lăn khắp sân thềm. Đoan quốc công bèn chỉnh đốn đội thủy quân, rồi cùng Hiến sát sứ Nguyễn Tạo đem quân trở về trấn cũ. Bọn Ngạn, Khuê khóc vái chào biệt.

Thế là Đoan quốc công Nguyễn Hoàng thuận gió xuôi thuyền chẳng mấy ngày đã về đến Nam triều. Các tướng của Nam triều gần

xa nghe tin đến nghênh đón chúa Đoan trở về, rồi cùng vào trong phủ chúc mừng. Từ đó Nam chúa lại sai sửa sang thành trì, thi hành nhân chính để vỗ về dân chúng, trăm họ yên bình, muôn dân vui mừng tuân phục.

Người thời bấy giờ có thơ ca tụng rằng:

Khai cơ sáng nghiệp mở dư đồ,
Thao lược mưu mô giỏi tính lo.
Nam trấn rồng cuốn về Bái Ấp [1],
Bắc triều gió nổi rối kinh đô.
Chớ rằng Vương Xán [2] *tài cao nhất,*
Hãy nói Công Tôn [3] *trí chẳng nhì.*
Chúa sáng vươn mình ngời cõi nội,
Muôn năm xây lớn vững quy mô.

Hôm ấy ở Bắc triều bọn Kế quận công Phan Ngạn, Mỹ quận công Bùi Văn Khuê từ khi biết tin Đoan quốc công đem quân trở về Nam, bèn bàn kín với nhau dấy binh làm loạn. Rồi đó hai tướng đem quân về bao vây Kinh thành rất gấp [4], phóng hỏa đốt cháy doanh trại, phố xá. Dân chúng ai nấy đều kinh sợ, dìu mẹ dắt con tìm nơi ẩn lánh để tránh mũi nhọn binh đao. Các tướng của triều đình đem quân ra đánh mấy phen đều thua bại, ai cũng rụt đầu không dám đem quân ra giao chiến nữa.

Đang lúc bàng hoàng không kế sách gì để đem thi thố, Bình An vương bèn phò giá vua Lê theo đường qua huyện Mỹ Lương [5] trở về giữ Thanh Hoa để củng cố căn bản. Quân đi đến núi Khuất Sơn đóng trại nghỉ lại mấy ngày rồi lại đi tiếp về Thanh Hoa. Đến nơi, Trịnh

---

1. *Bái Ấp:* tức huyện Bái (TQ), nơi dấy nghiệp của Hán Cao Tổ. Đây dùng để chỉ Nguyễn Hoàng trở về dấy nghiệp ở Thanh Hóa.

2. *Vương Xán:* người nước Ngụy thời Tam quốc, học rộng, nhiều tài, một trong nhóm bảy người thường được gọi là "Kiến An thất tử".

3. Chỉ Nguyễn Hoàng

4. Về việc binh chiến của Phan Ngạn và Bùi Văn Khuê. *Toàn thư* chỉ nói sơ qua là do Đoan quốc công Nguyễn Hoàng xúi dục (IV.231). *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn cũng chép tương tự. *Cương mục* thì bỏ qua không nói đến điều đó (có lẽ để tránh tiếng không hay cho Nguyễn Hoàng). Thế lực của phiến quân Ngạn Khuê, có lẽ rất mạnh đã vây bức kinh thành Thăng Long như CNDC đã nói rõ ở đây. Nhưng các tài liệu khác (đã dẫn ở trên) chỉ nói là Trịnh Tùng đem vua Lê chạy về Tây Đô... (Thanh Hóa) và không nói rõ lý do của cuộc rút lui đó.

5. Mỹ Lương: tên huyện đời Lê thuộc trấn Sơn Tây, nay là đất hai huyện Mỹ Đức và Hương Sơn tỉnh Hà Tây.

Tùng bèn sai người trở lại Kinh thành dò xét tin tức quân giặc.

Bấy giờ Phan Ngạn và Bùi Văn Khuê thấy vua Lê đã theo Bình An vương Trịnh Tùng bỏ kinh thành chạy về giữ Thanh Hoa, hai người lấy làm đắc chí, tung hoành vơ vét của cải trong các kho tàng, cướp đoạt tài sản của lương dân. Nhưng lòng tham không đáy, bất ngờ gây nên chuyện tranh chấp chẳng khác kẻ cừu thù. Hai viên tướng ấy ngày đêm đem quân đánh lẫn nhau. Bùi Văn Khuê thấp mưu, bị Phan Ngạn ém phục binh đánh úp giết chết ở sông Nhị Hà. Thế là Phan Ngạn tự khoe khoang mình là kẻ trí dũng kiêm toàn, thiên hạ không ai địch nổi, tự xưng mình là Quan Vũ tái sinh. Phan Ngạn trong lòng không chút e dè. Vốn là kẻ tham của háo sắc, từ khi bắt được Triệu thị, vợ cả của Bùi Văn Khuê là người đàn bà xinh đẹp có đức hạnh nết na, giới nữ lưu ít ai sánh kịp. Phan Ngạn hết sức yêu mến muốn được gặp mặt ngay, bèn sai người đến ép Triệu thị làm lễ thành thân. Triệu thị khóc lóc thảm thiết, bảo với người được Phan Ngạn sai đi rằng:

– Phu quân tôi không biết mệnh trời, đem lòng bội bạc đối với quý nhân, đến nỗi tan nhà mất mạng. Nay tôi cam chịu ở góa, đâu dám nương tựa vào ai. Nếu như quý nhân có lòng thương xót đến kẻ quê mùa này thì tôi xin theo cầm chổi rổ để hầu hạ quý nhân, mong được thân danh hiển quý rạng rỡ ông cha. Nhưng xin lui cho vài ngày rồi hãy xin mời quý nhân đến tệ xá chung hoan để thỏa lòng nắng hạn mưa rào ao ước.

Người của Phan Ngạn nghe xong trở về nói lại với Phan Ngạn. Ngạn cả mừng, chọn ngày ước định để cùng Triệu thị vui vầy. Không ngờ Triệu thị sắm sửa lễ vật, rồi cho người mời họ hàng cùng các quân sĩ của chồng lúc trước đến nhà mình bàn việc. Triệu thị trước hết khóc vái Bùi Văn Khuê, sau chắp tay vái chung mọi người mà thưa rằng:

– Phu quân của thiếp bị Phan Ngạn bức tử mà chết không phải mệnh. Nay hắn lại muốn tỏ tư tình với thiếp. Thiếp đã lừa dối được hắn để định ngày cùng nhau tương ngộ. Xin các vị đoái tưởng vong linh chồng thiếp, cùng là thương xót cho tình cảnh của thiếp đây mà giúp sức phục binh, giết cho được tên Phan Ngạn kia để báo thù cho chồng thiếp. Các vị nếu chịu đồng tâm hiệp lực, ấy là ơn đức như núi cao biển sâu!

Quân sĩ nghe nói đều hăng hái xin theo. Cách mấy ngày, Triệu thị sai người đến mời Phan Ngạn. Ngạn cả mừng vội đem theo vài

tên quân hầu đi đến nhà Triệu thị. Phan Ngạn sắp bước chân vào cửa, Triệu thị bèn cất tiếng gọi to:

– Người nhà đâu sao không mau ra nghênh tiếp quý nhân!

Thế là quân sĩ nấp sau bức tường đều nhảy ào ra, ai nấy đều vung đao múa kiếm. Phan Ngạn cả kinh tìm đường chạy trốn, nhưng bị quân sĩ xông tới chém chết.

Triệu thị bèn chặt lấy đầu Phan Ngạn dâng tế Văn Khuê để thỏa thù chồng. Mới hay kẻ loạn thần tặc tử chuốc lấy tai ương, đạo trời lồng lộng, báo ứng rất mau!

Triệu thị [1] làm lễ tế xong muốn gieo sông trầm mình để vẹn tiết phu nhân. Họ hàng phải hết sức khuyên giải mới ngăn được.

Lại nói Bình An vương Trịnh Tùng phò giá vua Lê trở về Thanh Hoa, đi mất hơn 22 ngày [2] thì đến phủ Trường Yên [3], gặp con của Đoan quốc công là ba anh em Cẩm quận công. Anh em quận Cẩm dắt voi đến trước mặt chúa quỳ khóc thưa rằng:

– Cha thần là Đoan quốc công hứa hẹn đem quân đi bắt bọn Ngạn, Khuê. Chẳng may cơ mưu không kín nên việc không thành, làm trái lời đã hứa. Cha thần vì thế lấy làm hổ thẹn đã trở về trấn cũ không dám trở lại gặp mặt chúa thượng. Bọn thần mất hiếu được trung, cúi xin được làm bề tôi cầm roi cầm khải, gắng sức ngựa hèn, xông pha thân nát xương tan để đền ơn chúa thượng [4].

Bình An vương Trịnh Tùng nghe bọn Cẩm quận công khóc thưa như thế, nghĩ bụng lấy làm thương. Lại hơi nghĩ đến tình thân thích máu mủ, cũng muốn mở lượng bao dung, bèn vẫn cho giữ chức tước, được cai quản binh dân như cũ. Chúa bèn thu nhận voi ban phát cho

---

1. Về người vợ của Bùi Văn Khuê nói ở đoạn này, *Toàn thư* chép họ tên là Nguyễn Thị Niên là con gái thứ của tướng nhà Mạc là Nguyễn Quyện (sau quy thuận nhà Lê, rồi lại làm phản chết trong ngục).

2. Nguyên bản chép: "Nhị thập nhị nhật dư" – đi mất hơn 22 ngày. Vì không tròn số nên có thể nghĩ rằng bản sao chép thừa chữ "dư" (nếu như vậy thì 22 ngày Trịnh Tùng đem vua Lê đến Trường Yên chứ không phải đi mất 22 ngày).

3. Phủ Trường Yên đời Lê gồm đại thể đất các huyện phía Nam tỉnh Ninh Bình cũ ĐNTLTB chép tự điển nói đây là huyện Yên Sơn(?) có lẽ là chỉ huyện Yên Mô mà chép nhầm chăng?

4. ĐNTLTB có chép người con của Nguyễn Hoàng đón gặp Trịnh Tùng tên là Hải (là con thứ năm) và cháu tên là Hắc, nhưng không ghi tên tước Cẩm quận công. Nơi gặp thì ghi là huyện Yên Sơn. Bọn Hải nói: cha tôi về Thuận Hóa chỉ nghĩ việc bảo vệ đất đai, thực không có ý khác (ĐNTLTB,41).

các tướng. Cách mấy ngày bỗng nghe tin ở Kinh đô bọn Ngạn, Khuê xảy ra chuyện tranh chấp, Chúa cả mừng, vỗ tay cười nói:

– Trời giúp ta đó!

Cách mấy ngày sau lại nghe tin ở kinh đô, vợ Bùi Văn Khuê là Triệu thị lập mưu giết chết Phan Ngạn, Kinh đô Thăng Long đã được bình yên, Bình An vương vui mừng khôn xiết. Mùa hạ, tháng sáu, ngày mười ba, Bình An vương lại phò giá vua Lê trở về Thăng Long.

Quân của Bình An vương đi đến Gián Khẩu thì gặp tướng nhà Mạc là bọn quận Vân đem thủy quân đến chặn đường. Trịnh Tùng liền phát lệnh cho các quân xông lên đánh mạnh, bắn gấp. Binh thuyền của quận Vân thua lớn. Bọn quận Vân cả bại, bỏ thuyền lên bộ chạy trốn về phía Đông kinh. Bình An vương hạ lệnh thu quân không đuổi theo.

Sau khi đưa quân trở lại kinh đô, Bình An vương Trịnh Tùng sai người tu sửa cung điện, lầu gác, phố phường cho được như cũ, xuống lệnh tha tội cho Triệu thị – vợ Bùi Văn Khuê, cho người triệu về phủ, khen ngợi là người đàn bà trinh tiết, ban thưởng cho rất trọng hậu. Có thơ rằng:

Bốn giới[1] *sao không biết xét tình,*
Tham tài háo sắc dấy đao binh.
Ký, Thôi[2] *thân chết chưa hết nhục,*
Khuê, Ngạn xong đời, tiếng xấu inh.
Ca tụng Từ nương[3] *người tiết phụ,*
Nêu gương Triệu thị sáng lòng trinh.
Cổ kim ba kẻ anh hùng đấy,
Đến chỗ nên dừng mộng chửa tinh!

Bấy giờ có dư đảng nhà Mạc là Tráng quận công Ngô Đình Nga vẫn đóng quân các nơi ở miền Đông Bắc. Quân của quận Tráng kéo đi cướp bóc của cải của dân lành, hiếp bức trăm họ. Bình An vương sai con là Thiếu phó Thanh quận công Trịnh Tráng đem quân đi đánh dẹp.

Quân của Thanh quận công đến nơi giao chiến với quân Mạc, bắt được Ngô Đình Nga đem chém đầu. Quân của quận Thanh xông vào

1. Nguyên văn: "Tứ giới": bốn điều răn.
2. *Ký, Thôi:* hai người có họ (hoặc tên) là Ký và Thôi, chưa rõ theo tích truyện nào.
3. *Từ nương:* Chỉ Từ Thục, người phụ nữ tiết hạnh đời Hán.

phá doanh trại giặc, bắt được Phạm thị là vợ Đình Nga. Thấy Phạm thị xinh đẹp, Thanh quận công thu nạp làm cung phi. Đến tháng mười một, Thanh quận công lại cưới con gái trưởng của chúa Nam là Đoan quốc công Nguyễn Hoàng làm chính phu nhân [1] sau sinh con trưởng là Trịnh Kiều.

Lại nói tháng năm năm ấy, chúa Nam là Đoan quốc công Nguyễn Hoàng từ khi rời kinh đô Thăng Long đưa thủy quân trở về trấn cũ, các tướng dưới quyền Nam chúa đều vào phủ dinh chúc mừng. Chúa tôi cùng nhau trò chuyện, kể lại đầu đuôi mọi việc, ai nấy khôn xiết vui mừng. Từ đó Nguyễn Hoàng rộng ban ơn đức, thu phục cố kết các nơi theo về giúp rập. Trong cõi mưa thuận gió hòa, mùa màng lúa tốt, trăm họ vui ca, cho là đời thái bình.

Một hôm chúa Nam nhân khi nhàn hạ đi du ngoạn các nơi núi non sông biển, chẳng đâu không khắp. Khi đến xã Hà Khê, huyện Hương Trà thấy giữa chốn đồng bằng nổi lên một gò cao dáng tựa như chiếc đầu rồng đang ngoái đầu về phía núi mẹ, Đoan vương Nguyễn Hoàng trong bụng lấy làm ưa thích, bèn trèo lên đồi cao ngắm nhìn khắp xung quanh. Chợt thấy một đoạn hào đào cắt ngang dưới chân núi, Nguyễn Hoàng thầm nghĩ lấy làm tiếc, chưa biết nguyên do ra sao. Sau đó Đoan vương tìm người địa phương hỏi ngọn đồi kia tên gọi là gì. Người địa phương thưa:

– Chúng tôi là dân mọn, chỉ nghe lời truyền của các cụ ngày xưa bảo rằng: núi này rất linh thiêng, khoảng đời nhà Đường có viên đại tướng là Cao Biền từng đi khắp các nơi núi non sông biển nước ta xem những nơi nào có vượng khí linh thiêng thì tìm cách cắt yểm đi, ý là muốn cướp đoạt nước Nam ta. Cao Biền thấy trên núi có khí thiêng bèn đào hào phía sau chân núi để cắt mạch, khiến cho linh thiêng về sau không cư tụ được. Đêm hôm ấy bỗng có một người đàn bà thể sắc trông còn trẻ nhưng mày tóc bạc phơ, mình vận áo đỏ quần xanh ngồi dưới chân núi kêu gào than vãn, rồi cất tiếng nói to: "Đời sau nếu có bậc quốc chủ muốn bồi đắp mạch núi để làm mệnh mạch cho Nam triều thì nên lập chùa thờ Phật, cầu thỉnh linh khí trở về nơi núi này để phúc dân giúp nước, tất không có gì phải lo". Người đàn bà ấy nói xong liền biến mất. Dân trong vùng ghi nhớ hình dáng người đàn bà ấy, đặt tên núi là Thiên Mụ. Ấy là sự tích người xưa truyền lại như thế, đúng sai

1. Người con gái trưởng của Nguyễn Hoàng tên là Ngọc Tú. Sau khi Trịnh Tráng nối ngôi chúa, lập chánh phu nhân Ngọc Tú làm Tây cung chánh phi.

ra sao bọn dân chúng tôi không biết rõ, mong tôn ông minh xét.

Nguyễn Hoàng nghe nói cả mừng, bảo rằng:

– Ấy là bà lão bảo ta mở nền định đất, biến nhà thành nước để nên nghiệp lớn.

Nói đoạn sai người cất dựng chùa Phật, viết bảng đề chữ: "Thiên Mụ tự" (chùa Thiên Mụ) [1]. Từ đó dân chúng tới cầu khẩn đều thấy linh thiêng ứng nghiệm.

Chúa Nam Nguyễn Hoàng lại đi thăm cảnh đến xứ Quảng Nam, thấy núi Ải Vân hiểm trở sừng sững vươn cao, đáng ví tựa núi Ma Thiên Lĩnh ở đất Ba Thục, Đoan vương Nguyễn Hoàng khen mãi, cho là nơi cảnh đẹp núi kỳ. Rồi đó Nguyễn Hoàng vượt đèo đi vào địa phận núi Thăng Hoa [2] Quảng Nam xem xét hình thế núi non các nơi trong xứ. Thấy núi này đầu nguồn hiểm yếu, cửa biển vững chắc, bèn sai dựng hành điện [3], kho tàng để chứa trữ thóc tiền, mưu toan công việc lâu dài. Lại để công tử Thụy quận công Nguyễn Phúc Nguyên ở lại làm trấn thủ để bảo vệ cho kẻ dân lành.

Bấy giờ có viên khám lý ở phủ Hoài Nhơn là Cống quận công [4] tìm đến hành dinh của chúa bày tỏ lòng khâm phục, xin được góp sức giúp rập. Đoan vương cả mừng, khoản đãi rất hậu. Rồi đó, Đoan vương Nguyễn Hoàng đem quân trở về. Từ bấy binh thế càng tăng, tiếng tăm càng nổi. Dân mạn ngược ngóng phục, nước Chiêm đến hàng. Đoan vương thi hành nhân chính cai trị muôn dân. Vương chịu nghe lời nói phải, nhận lời can gián, thân gần người hiền, lánh xa kẻ nịnh, bỏ xa hoa, theo cần kiệm, nhẹ thuế khóa, nới hình phạt, dân chúng trong hai xứ đều cảm mộ ơn đức.

Lại nói chuyện năm Tân Sửu, niên hiệu Hoằng Định thứ hai (1601), dư đảng nhà Mạc ở Hải Dương là Nam Dương hầu [5] họp quân đóng đồn ở Nam Đạo [6]. Đội quân thủy rất đông.

---

1. Việc này cũng được ghi trong ĐNTLTB.

2. *Thăng Hoa:* tên phủ đời Lê, gồm đất các huyện Thăng Bình, Tam Kỳ, Quế Sơn thuộc Quảng Nam, Đà Nẵng.

3. *Hành điện:* nhà làm dành riêng cho vua chúa ở khi đi kinh lý các địa phương.

4. Tên tước của Trần Đức Hòa, quê huyện Bồng Sơn (Bình Định).

5. Tên tước của tướng nhà Mạc là Nguyễn Nhậm (Người xã Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, Hà Tây). *Toàn thư* không ghi rõ tên, *Cương mục* kiêng húy Tự Đức đổi chép là Nguyễn Dụng.

6. Nguyên văn chép là Nam Đạo, ngờ là Nam Sách mà chép lầm.

Tháng giêng, Bình An vương ở Bắc triều nghe tin, tự thống lĩnh đại quân thủy bộ tiến đánh. Trịnh Tùng sợ thủy quân của Nam Dương hầu là quân tinh nhuệ, khó giành được phần thắng, bèn suy tính để bày đặt quỷ kế. Rồi đó Trịnh Tùng phong cho đô đốc Chấn quận công giữ chức Tiết độ thủy quân, cho ngồi thuyền che lọng của chúa theo đường sông tiến đánh thủy quân của Nam Dương hầu. Trịnh Tùng tự mình dẫn quân bộ theo đường chân núi đánh ráp lại.

Bấy giờ Chấn quận công giả làm chúa Trịnh dẫn thủy quân thẳng tiến, đánh lớn với quân nhà Mạc. Nam Dương hầu từ xa trông thấy chiến thuyền che lọng của chúa Trịnh tưởng đó là thủy quân của Bình An vương đang tiến đến, bèn đốc thúc quân lính ra sức đánh gấp. Chấn quận công trở tay không kịp, bị Nam Dương hầu chém đầu trước trận. Quân Trịnh thua to. Nam Dương hầu đắc thắng định thu quân về, bỗng gặp quân thủy bộ của Bình An vương thình lình ập đến, quân Trịnh hăng hái đánh thốc vào. Quân của Nam Dương hầu đại bại. Anh em Nam Dương hầu bị bắt sống tiến nạp cho Trịnh Tùng, cả hai đều bị chém đầu. Quân Trịnh thu được khí giới, chiến thuyền nhiều vô kể. Vua Kiền Thống [1] nhà Mạc cả sợ, ngay đêm ấy bỏ quân chạy về huyện Kim Thành.

Tháng ba, đúng vào ngày tiết thanh minh (mồng ba tháng ba) Bình An vương Trịnh Tùng sai em là thái tể Phụng quốc công [2] đem quân đi đánh dẹp huyện Kim Thành, phóng hỏa đốt doanh trại giặc, đánh tan quân Mạc. Mạc Kiền Thống cùng tướng bộ thuộc là bọn Triều Lộc, Phúc Thọ bỏ doanh trại chạy trốn về đất Cao Bằng. Quân của Phụng quốc công thu được cờ, chiến thuyền, khí giới, voi ngựa nhiều không đếm xuể, đều đem về dâng nộp cho chúa Trịnh Tùng. Từ đó dẹp yên được bảy huyện ở miền Hải Dương. Bình An vương thi hành nhân chính để vỗ về dân chúng, trăm họ đều vui lòng khâm phục. Vương đem quân về Kinh đô xét công ban thưởng, gia phong phẩm tước cho các tướng có phân biệt thứ bậc khác nhau. Bình An vương lại sai người lo việc trùng tu các nơi danh lam, kính thờ đạo Phật, cùng là sửa sang Văn miếu ở Kinh đô [3] và đền thờ các bậc tiên đế để bốn mùa thờ cúng. Lại sửa sang điện, sập ngự, ngai

---

1. Chỉ Mạc Kính Cung lấy niên hiệu là Kiền Thống.

2. Tên tước của Trịnh Đỗ.

3. Nguyên văn: "Cập tu chính Nam quận văn miếu", ở đây chỉ việc sửa chữa Văn miếu ở Thăng Long, ngờ chép sai chữ "quận" (đúng phải là chữ "quốc").

vua, thảy đều tuân theo thể lệ như cũ. Tháng tám vâng mệnh rước vua Lê trở lại Long thành. Các quan văn võ vào triều chúc mừng. Từ đó về sau thiên hạ được thái bình.

Lại nói chuyện năm ấy con của chúa Tiên ở Nam triều là Thụy quận công làm trấn thủ Quảng Nam sinh con thứ là Nhân (tức Thương Ương)[1]. Công tử sinh ra tướng mạo đoan trang, tư thế hùng vĩ có tài kinh bang tế thế.

Năm Nhâm Dần, niên hiệu Hoằng Định thứ ba (1602), thượng tuần tháng bảy, bấy giờ Đoan vương Nguyễn Hoàng ái mộ đạo Phật từ bi, khuyên việc thiện, trồng duyên lành, nhân gặp tiết Trung nguyên, ngày rằm tháng bảy[2], bèn ra chùa Thiên Mụ cúng Phật, niệm kinh giải oan cầu phúc, tế độ chúng sinh, giúp người cứu khổ, công đức vẹn thành. Khi trở về đến địa giới xã Triêm Ân[3], Vương ngồi ở đầu mũi thuyền nhìn lên trên bờ, thấy giữa nơi đất bằng nổi lên một vùng xanh rậm rạp, cây cối um tùm, hoa kỳ cỏ lạ. Trong vùng có cây đa, gốc to đến mấy người ôm, cao hơn trăm thước, cành lá tốt tươi, thân cây rắn rỏi, uy nghiêm tựa như có quỷ thần bảo hộ. Trên cây chim lành lượn đậu, từng đàn kêu hót dậy vang. Vương thấy thế lấy làm ưa thích, liền sai đậu thuyền, lên bờ ngắm cảnh. Vương đi tới thấy nơi đó có di tích xưa. Một ngôi thảo am trong lùm cây rậm, tường vách sụp nát, rường mái đổ nghiêng. Vương sai gọi người già ở địa phương đến hỏi am ấy do ai lập ra? Cố lão địa phương thưa rằng:

– Chùa am đã có lâu năm, bọn chúng tôi là kẻ hậu sinh, không biết đầu đuôi thế nào.

Vương nghe nói thế có ý muốn cho tu sửa lại, bèn sai thợ mộc làm lại điện thờ, gác chuông, lầu trống, phụng thờ chư vị Bồ Tát để cầu phúc phù hộ cho dân, sau vài tháng chùa làm xong, quy mô rất tráng lệ, lòng Vương cả mừng. Vương bèn sai cai bạ Lâm đề biển hiệu là "Sùng Hóa tự" (chùa Sùng Hóa). Chỉ thấy:

Vời vời điện báu, bốn bên bày múa phượng cuộn rồng.

---

1. Nguyên văn: "... sinh trưởng tử Nhân công". Nhân công là tiếng tôn xưng đối với Nhân Lộc hầu Nguyễn Phúc Lan (sau nối ngôi thường gọi là chúa thượng). Nhân Lộc hầu là con thứ hai của Phúc Nguyên, được nối ngôi vì người con trưởng là Khánh Mỹ hầu Nguyễn Phúc Kỳ mất sớm (ở đoạn sau của sách này đã nói rõ điều đó). Ở đây chép "trưởng tử" là nhầm, chúng tôi sửa lại.

2. Nguyên thư chép nhầm là tiết Trung Thu.

3. Thuộc huyện Phú Vang.

Lớp lớp cửa thiền, tượng Phật chư tôn vàng lấp lánh.
Đèn trí tuệ huy hoàng xán lạn, hương định thiền phảng phất thơm bay.
Trống phép dồn khua, âm vang mà địa ngục giải oan.
Chuông đồng động tiếng rền mà thiên giới khai chầu.
Cao bay cực lạc, ấy lòng ta Bồ Đề cây mọc.
Rạng ngời kinh sáng, đài Phật vốn phép lớn hư vô.
Người hay giác ngộ chẳng sai, làm thiện thiện báo, cầu phúc phúc tìm.
Từ bi huyền diệu há bao giờ sai!

Năm Quý Mão, niên hiệu Hoằng Định thứ tư (1603), mùa hạ, tháng tư, Đoan vương Nguyễn Hoàng lại sai thỉnh nhà sư trụ trì đứng ra mở hội Đại Pháp [1], đọc kinh Đại Thặng [2], giảng phép Thượng thặng cứu độ cho chúng sinh ba đường sáu lối, cầu siêu cho bảy tổ chín huyền được vẹn thành chính giác. Trong ngày hội ấy thần dân thiên hạ kéo đến xem hội rất đông, ai nấy đều tấm tắc ngợi khen cho là khá sánh với hội lớn Vô Già. Mọi bề công đức hoàn thành, lòng chúa Đoan vương hết mực thư thái. Từ đó Vương rộng mở thi hành nhiều việc chính sự giáo hóa, ơn chăm trăm họ, bề tôi tuân phục vui lòng, các nước láng giềng đều đến viếng thăm, thiên hạ đều xưng tụng cho là bậc vua sáng ở đời thái bình.

Năm Bính Ngọ, niên hiệu Hoằng Định thứ bảy (1606), mùa xuân, ngày mồng năm tháng ba, thứ phi họ Phạm của Thiếu phó Bắc triều là Thanh quận công Trịnh Tráng có mang, sinh con thứ là Trịnh Tạc, sau là Tây Định vương (thứ phi nguyên là vợ của tướng nhà Mạc là Ngô Đình Nga, Thanh quận công thu nạp làm cung phi).

Năm Mậu Thân, niên hiệu Hoằng Định thứ chín (1608), các nơi ở Đàng Ngoài thời tiết khô hạn, lúa mạ cháy khô, một thưng gạo giá một mạch (tiền), có nhiều người chết đói, thậm chí có nơi người ăn thịt lẫn nhau. Đói khổ như thế đến hơn một năm. Duy chỉ có hai xứ Quảng Nam, Thuận Hóa mưa thuận gió hòa, một đấu gạo giá chỉ ba tiền, ngoài đường không ai nhặt của rơi, bốn dân sĩ, nông, công,

---

1. *Đại Pháp:* (Mahâdharma) giáo lý lớn của đạo Phật.

2. *Đại Thặng:* tên kinh Phật (cũng đọc là Đại Thừa). Sau khi Phật Thích Ca tịch diệt, các đệ tử họp lại cùng ghi lời dạy của Phật, chia làm 2 bộ kinh. Tiểu Thặng (cỗ xe nhỏ) nói về các giáo pháp cơ nhỏ và Đại Thặng (cỗ xe lớn) nói về các giáo pháp cơ lớn (đại giáo), Kinh Đại Thặng về sau chia thành 12 bộ.

thương, đều được an cư lạc nghiệp.

Năm Tân Hợi, niên hiệu Hoằng Định thứ mười hai (1611), ngày mười sáu tháng sáu, núi Tản Viên ở Đàng Ngoài lở dài hai mươi trượng, sâu ba, bốn thước. Ngày mười tám xứ Kinh Bắc trời mưa nước màu đỏ suốt một ngày đêm mới tạnh, sông ngòi khe suối khắp nơi đều một màu nước đỏ, phải đến mười ngày mới rút hết. Mùa đông, ngày mười một tháng mười, ban đêm ở kinh đô Thăng Long có hỏa hoạn cháy trụi đến hơn vạn nóc nhà, hao tổn của cải, khốn khổ muôn dân, ấy đều là triệu chứng chẳng lành. Bình An vương Trịnh Tùng hết sức lo buồn, sai quan lập đàn cầu tạ, xin trời Phật phù hộ đế thất. Người đời sau có thơ rằng:

Kính Tông hèn yếu kém anh tài,
Tể tướng[1] *chuyên quyền chính lệnh sai.*
Biển réo đồi tan dân hoảng hốt,
Sao rơi đất nẻ vật mất bầy.
Thiên thời đổi khác bao miền khổ,
Mưa gió không thường những hoạn tai!
Sau trước thử xem hanh truân vận,
Mới hay trời đất đạo chẳng sai!

*
* *

1. Chỉ Trịnh Tùng.

HỒI THỨ TƯ

Vang tiếng khóc la, Đoan quốc công trở về cõi thọ
Rắp mưu không kín, Lê Kính Tông phơi xác sân triều

Lại nói chuyện năm Quý Sửu, niên hiệu Hoằng Định thứ mười bốn (1613), Nam chúa Đoan vương Nguyễn Hoàng tướng mạo đĩnh đạc khác kẻ bình thường, bản tính thông minh xuất chúng, có khí phách như Tống Tổ, Đường Tông, từ khi cai quản hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam nhân chính ban khắp gần xa, ơn đức bao trùm mọi chốn, người người yêu mến ngưỡng mộ như cha mẹ, trên thuận đạo trời, dưới hợp tình dân, đúng là bậc minh chúa tài ba sáng suốt. Hạ tuần tháng năm năm ấy, Vương không được khỏe, trong người mỏi mệt, các thầy lang giỏi hết sức chữa chạy, nhưng bệnh tình vẫn không thuyên giảm.

Vương tự biết mệnh trời sắp đến chỉ trong ngày đêm. Ngày mồng ba tháng sáu, Vương gọi con thứ là Thụy quận công Nguyễn Phúc Nguyên [1] và các cận thần đến bên sập mà bảo rằng:

– Ta và các khanh đã nguyện ước vui buồn có nhau, đồng cam cộng khổ, trên lo khuông phù cơ nghiệp nhà vua, dưới chăm cứu giúp dân chúng, cùng nhau làm tròn sự nghiệp muôn đời. Nhưng mệnh trời đã hẹn khó nài, ta đành phải từ biệt các khanh. Con ta là Thụy quận công còn chưa hiểu việc quân cơ, ít am hiểu chính sự, đều phải nhờ vả các khanh giúp rập để giữ vững cơ đồ lớn lao. Các khanh chớ quên lời ta dặn.

Vương nói xong cầm lấy tay Thụy quận công mà bảo:

– Phàm đạo làm tôi phải trung, đạo làm con phải hiếu, tình anh em bè bạn lấy tin yêu làm đầu, không được quay quắt tráo trở để mất nhân tâm. Con phải nhớ lời ấy, chớ có trễ quên!

---

1. *Nguyễn Phúc Nguyên* (tước Thụy quận công) là con thứ 6 của Nguyễn Hoàng. Khi Nguyễn Hoàng mất thì con cả là Hà, thứ hai là Hán, thứ ba là Thành, thứ tư là Diễn đều đã mất sớm. Con thứ 5 là Hải đang làm con tin ở triều đình Lê Trịnh (được phong tước là Cẩm quận công như ở phần trên đã nói đến). Phúc Nguyên là con thứ 6, được truyền ngôi.

Thụy quận công quay về phía mọi người, gạt nước mắt vái tạ chịu mệnh. Nam chúa Đoan quốc công đưa mắt nhìn từng người, thở dài mấy tiếng rồi mất. Chúa ở ngôi bốn mươi sáu năm, thọ tám mươi chín tuổi. Các tướng đều khóc, vật vã đổ lăn khắp trước sân chầu, tiếng gào thương vang động bốn phía. Rồi đó các tướng cùng nhau hội họp, dâng tôn hiệu là Cẩn Nghĩa đạt lý hiển ứng chiêu hựu Gia Dụ vương, bàn định dùng nghi lễ bậc vương an táng ở thượng nguồn sông Thạch Hãn, huyện Hải Lăng. Sau cải táng về miếu Nguyên Lập ở huyện Hương Trà, bốn mùa thờ cúng.

Lúc bấy giờ các tướng cùng nhau hội họp ở phủ doanh, tôn lập thế tử là Thụy quận công Nguyễn Phúc Nguyên làm Thống lĩnh thủy bộ chư doanh quản lĩnh mọi việc binh dân, kiêm giữ chức thái bảo nội ngoại bình chương, tước Thụy quận công.

Bấy giờ Thụy quận công năm mươi mốt tuổi, lên nối ngôi, thường gọi là Sãi vương. Vương cho dời cung phủ về xã Phúc Yên, huyện Quảng Điền, ngày đêm lo sửa sang chính giáo do tiên vương để lại. Sãi vương cai quản binh dân hai xứ, rộng ban ơn đức, thu phục nhân tâm, bốn biển tám phương đều đến chầu cận, còn dân trăm họ đều hoan hỉ vui ca. Khắp trong hai xứ dân cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, gió không lay cành, nước không dâng sóng, cũng là cảnh tượng thái hòa vậy.

Lại nói chuyện ở Bắc triều, Bình An vương Trịnh Tùng sai vương tử là Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng đem quân đi đánh quân nhà Mạc ở An Bang [1], sau khi dẹp yên đảng giặc, lo tính ngay đến việc mở mang bờ cõi, khai khẩn đất đai, dân chúng theo về. Sau đó Bình An vương sai thuộc tướng là Hằng quận công đến làm trấn thủ để giữ yên cho dân chúng trong vùng.

Mùa đông, tháng mười, ở Kinh thành cháy lớn, lửa lan đốt trụi hơn vạn nóc nhà. Của cải ra tro, người vật chết cháy, tình cảnh thật thương tâm. Sinh linh lại một phen chịu khổ, dân chúng đói nghèo, nhà cửa bỏ hoang. Tháng ấy, Bình An vương sai các quan trong triều đi các nơi thăm hỏi tình hình dân chúng đói khổ. Nhà nhà kêu than, khắp nơi buồn bã. Phần mộ tổ tiên không ai ngó tới, chẳng còn nghĩ đến họ đương xóm giềng, ai nấy tự lo thân, xiêu tán bỏ làng đi nơi

1. *An Bang:* tên đạo thời Lê, sau kiêng húy Lê Anh Tông (Duy Bang) đổi là An Quảng bao gồm phần đất thuộc tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

khác. Bình An vương hạ lệnh chuẩn cho miễn tô thuế phu dịch trong ba năm để cho dân xiêu tán lại trở về yên nghiệp.

Năm Giáp Dần, niên hiệu Hoằng Định thứ mười lăm (1614), mùa xuân, ngày hai mươi chín tháng hai là ngày giỗ vua Lê Thánh Tông. Bình An vương đang đứng làm lễ, chợt từ ngoài rèm có người bước vào, liền đó các cành hoa cắm trong ba lọ hoa đặt trên hương án không dưng bỗng rơi xuống đất, bay vòng vòng rồi tung ra khắp nơi. Vương lấy làm lạ, không biết duyên cớ ra sao, trong lòng rất lo buồn.

Mùa thu, tháng hai, thời tiết đại hạn. Lúa má ở Thanh Hoa khô héo, trăm họ sầu khổ, ai nấy ôm nhau khóc mà bảo rằng: "Vua chúa đối xử bạo ngược với dân, chính sự rối nát đến nỗi con dân phải chịu tai ương. Ấy là mệnh trời sai nên như thế".

Mùa đông, ngày mười một tháng mười một là tiết Đông chí, hết sấm. Nhưng năm ấy vô cớ sấm kêu chuyển động trời đất, quan Tư thiên [1] bẩm với Bình An vương đó là triệu chứng không lành. Bình An vương nổi giận mắng:

– Sấm kêu hay không kêu là do lệnh của trời, thỉnh thoảng mới ứng hợp. Sao dám bảo là triệu chứng bất thường?

Nói đoạn muốn đem chém quan Tư thiên, các quan ở triều phải hết sức khuyên giải mới tạm nguôi. Bấy giờ Bình An vương Trịnh Tùng nghe tin Nam chúa Đoan quốc công về chầu trời, con thứ là Thụy quận công lên nối, lòng người hướng phục, binh mạnh xứ giàu, Bình An vương trong lòng rất ngờ vực. Vương bèn sai người mang sắc chỉ truy tặng cho thái úy Đoan quốc công chức Đô tướng, tên thụy [2] là Cẩn Nghĩa công, cùng lễ vật phúng điếu. Việc làm đó một là để cố kết tình thân, hai là để dòm ngó tình hình hư thực ở Đàng Trong thế nào?

Tháng tư, chúa Nam là Thụy quận công sai con trưởng là Hữu phủ Khánh Mỹ hầu [3] vào làm trấn thủ Quảng Nam để lấn Chiêm Thành, yên trăm họ. Khánh Mỹ hầu vâng lệnh đem quân vào trấn, tìm cách thi thố ân đức, thăm hỏi giúp đỡ dân chúng địa phương, khiến cho họ được yên cư lạc nghiệp.

---

1. *Tư thiên:* Viên quan đứng đầu Tư thiên giám (tên cơ quan thiên văn lịch pháp đời Lê).

2. Tên thụy là tên hiệu đặt cho người quá cố.

3. Tên tộc tước của Nguyễn Phúc Kỳ, con trưởng của Phúc Nguyên.

Năm Ất Mão, niên hiệu Hoằng Định thứ mười sáu (1615), tháng hai, quan văn ở Bắc triều là Hình bộ thượng thư kiêm đông các học sĩ tế tửu Quốc tử giám là Nghĩa Khê hầu Nguyễn Hữu Lễ dâng sớ điều trần nói về việc "trừ bỏ tám điều hại cho nước" (khử quốc tệ bát điều) để dẹp dứt các tệ nạn. Bình An vương cho phép đem thi hành, lại gia thưởng cho Hữu Lễ rất ưu hậu. Tháng ba, ngày mồng một có nhật thực, mặt trời bị che khuất cả, ánh sáng nửa xanh nửa đen, một lúc sau vầng nhật lại tròn như cũ. Ngày hai mươi tám ở xã Hoằng Liệt, huyện Thanh Trì [1] vào khoảng giờ Thân, nước sông Cái (tức sông Nhị) bỗng cạn hết, trong khoảng hơn năm khắc, cá tôm đều phơi ra giữa nắng, người ta tranh nhau bắt được nhiều vô kể. Ấy là một việc hết sức kỳ lạ.

Mùa thu, tháng tám nhuận, ở kinh thành lại xảy ra hỏa hoạn, phố phường nhà cửa kho lẫm cháy trụi. Dân chúng đàn ông đàn bà chết cháy đến ba bốn chục người, tiếng kêu khóc vang động trời đất. Ngày mười sáu tháng ấy, Bình An vương được tin báo sứ bộ sang sứ nước Minh trở về. Vương bèn sai các tướng ở Vũ vệ phủ là thiếu bảo Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên cùng quan văn là Hình bộ thượng thư Nghĩa Khê hầu Nguyễn Hữu Lễ đi nghênh đón sứ bộ trở về.

Năm Bính Thìn, niên hiệu Hoằng Định thứ mười bảy (1616), mùa xuân, ngày mười sáu tháng giêng, nguyệt thực. Mặt trăng bị che mất khoảng một phần mười. Lại có sao Khách phạm vào trong quầng mặt trời, hơn mười ngày mới hết. Cung phi họ Tô của Bình An vương ốm chết. Tháng ba, Vương xét các quan văn võ có công trong chuyến đi sứ, thăng cho Lại bộ hữu thị lang Xuân Dương bá Nguyễn Thế Danh làm Hộ bộ tả thị lang; thăng cho Lễ Xuyên bá Phùng Khắc Khoan làm Hình bộ hữu thị lang; thăng cho ngự sử Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thì làm Đô đài ngự sử. Thăng cho các tướng võ: Cẩm y vệ thự vệ sự Đông Dương hầu làm Đô đốc đồng tri, tước Miên quận công, Kim ngô vệ thự vệ sự Hoa Dương hầu Mai Ngọc Châu làm Tham đốc, tước Phố quận công, để bồi đáp công lao vâng mệnh làm xong việc đi sứ trở về triều.

Năm Đinh Tị, niên hiệu Hoằng Định thứ mười tám (1617), mùa xuân, ngày rằm tháng giêng, giờ Sửu có nguyệt thực, sau hai giờ mặt

1. Tức xã Trịnh Liệt, huyện Thanh Trì (nay ngoại thành Hà Nội).

trăng mới lại tròn. Tháng hai, Bình An vương Trịnh Tùng thăng chức cho Hình bộ thượng thư Nghĩa Khê hầu Nguyễn Hữu Lễ làm Đô đốc đồng tri, tước Tuyền quận công, thăng cho Hiến sát phó sứ Thuận Hóa là Trà Nam hầu Đạm Cảnh Tường làm Đô đốc thiêm sự, tước Trà quận công. Những người khác trong sứ bộ đều được gia thăng chức tước có thứ bậc khác nhau...

Mùa hạ, tháng tư, trời bỗng nổi gió bão, mưa đá rơi như trút, đất đá cuộn bay đổ cây. Mạc Phù Long nhân lúc gió bão nguy cấp ấy sai gian tế [1] phóng hỏa đốt cháy phố phường kho lẫm ở Kinh thành Thăng Long. Ngọn lửa bị gió táp bò lan trên mặt đất thiêu hết cây cỏ không chừa. Bấy giờ người và vật bị chết nhiều, của cải hao tổn không kể xiết. Dân chúng gào khóc vang động khắp trong ngoài. Tháng bảy lại mưa bão lớn, lũ dâng ào ào, chỗ đất bằng ngập nước đến hơn một thước. Nhà cửa tường vách một phen nghiêng đổ. Đồng ruộng lúa má hao tổn, người và vật chết đuối rất nhiều. Ngày mười lăm tháng chín, đang lúc lúa chắc bông thì trời lại nổi bão lớn, mưa xối xả như trút. Ở miền ven biển, nước mặn ập vào cuốn phăng ruộng bờ, nhà cửa, trâu bò, gia súc bị kéo trôi ra biển. Lại ở xứ Sơn Tây sinh nạn sâu keo cắn nát hết lúa má, hoa mầu, cây cối. Tháng chạp, ở kinh kỳ lại cháy mất hơn vạn nóc nhà. Phần nhiều là những triệu chứng chẳng lành như thế. Cả ở kinh thành và các nơi người chết đói đầy đường, kẻ sống sót tìm đường khắp tây đông bôn tẩu để lo mạng sống. Dẫu là các nạn thủy tai hạn hán thời xưa cũng chưa bao giờ thiệt hại nặng nề như lúc bấy giờ, các quan tại triều nhiều lần đem sự việc bẩm trình lên chúa Trịnh. Bình An vương tức giận nói:

– Muôn điều đều ở mệnh, nửa điểm cũng do trời. Há phải tại ta đâu!

Rồi cứ tảng lờ không xét đến, ai nấy đều ngạc nhiên. Người thời bấy giờ có thơ rằng:

Vua yếu tôi loàn thế nước nguy,
Bốn phương giặc nổi nhiễu bang kỳ.
Tố giông mưa đá thiên lôi giáng,
Biển cạn rừng lay trục đất đi.
Làng xóm hoang vu nghìn hộ khốn,
Phố phường nghiêng đổ vạn dân bi.
Cổ kim trị loạn hưng vong ấy,
Mịt mịt mờ mờ chẳng biết chi!

---

1. *Gian tế:* có thể hiểu như danh từ gián điệp ngày nay.

Năm Mậu Ngọ, niên hiệu Hoằng Định thứ mười chín (1618), ngày mười sáu, tháng giêng, nguyệt thực, mặt trăng bị che khuất chín phần, khoảng một giờ mới tròn như cũ. Tháng hai, Mạc Khánh vương [1] ở Cao Bằng đem quân về đánh, xâm phạm ở vùng ven biển. Bình An vương Trịnh Tùng sai thống lĩnh Thiếu phó Thanh quận công Trịnh Tráng, quan Đốc thị [2] là bọn Tả thị lang An Lan bá Nguyễn Thực theo đường thủy tiến đến đánh ở Đàm Giang. Lại sai Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân cùng Đốc thị phó đô sứ Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thì đem quân bộ đến Đàm Giang hợp sức với thủy quân đánh kẹp vào để dẹp quét dư đảng họ Mạc.

Hai đạo binh vâng lệnh xuất quân cùng tiến, chẳng bao ngày đã đến Đàm Giang. Mạc Khánh vương cùng các tướng dưới quyền là bọn Trí Thủy sai quân đi thám thính biết tin đại quân hai đường tiến đến, lấy làm lo sợ, không dám chống cự, đua nhau chạy về Cao Bằng.

Bấy giờ Thiếu phó Thanh quận công Trịnh Tráng trước đó đã truyền mật lệnh cho quận Phú, quận Lộc đem quân đóng chặn ở những nơi rừng sâu đường hiểm. Bọn quận Phú, quận Lộc biết tin Mạc Khánh vương chạy trốn bèn tung quân đánh thốc, chém được tướng Mạc là quận Lập, tàn binh nhà Mạc thua to, tìm đường trốn lánh. Thanh quận công Trịnh Tráng chiến thắng đem quân trở về. Bình An vương căm giận bè đảng nhà Mạc, muốn đánh phá cho tan hang ổ của bọn chúng mới thật nguôi lòng.

Lại nói chuyện tế tửu Nghĩa Khê bá Nguyễn Lễ vốn có hiềm khích với Trạng nguyên Phùng Khắc Khoan, nguyên do là Nguyễn Lễ thấy Phùng Khắc Khoan là người thông minh mẫn tiệp, tài trí hơn mình thì ôm lòng đố kỵ, bèn nói dèm với Trịnh Tùng rằng:

– Thần thấy Phùng Khắc Khoan cậy tài, kiêu căng khoe giỏi, nói thiên hạ chẳng ai bằng mình. Thấy cảm tình của Chúa thượng ngày một thưa nhạt không được sủng ái như trước, Khắc Khoan có ý hai lòng, ngầm mưu với giặc Mạc, hẹn ngày cho bọn chúng đem quân về đánh kinh đô, Khắc Khoan sẽ làm nội ứng, trước hết đem thành trì

1. Tức Mạc Kính Khoan, từ năm 1621, biệt lập với Mạc Kính Cung xưng niên hiệu là Long Thái.

2. *Đốc thị:* Theo quy chế quân sự thời xưa mỗi khi xuất binh đi đánh thì trao quyền chỉ huy cho một viên võ tướng, bên cạnh lại đặt một viên quan văn làm nhiệm vụ giám sát và bàn định về khía cạnh chính trị, đó là chức Đốc thị.

ra dâng. Thần nghe gần xa đồn đại. Mong Chúa thượng suy xét trừ đi kẻo để lo về sau.

Trịnh Tùng nghe Nguyễn Lễ nói xong bừng bừng nổi giận:

– Lời khanh tố cáo ta đã hiểu ý. Ta thường thấy những khi quân Mạc quấy nhiễu chẳng thấy Khắc Khoan bàn định một mưu kế gì, cứ làm thinh ngồi yên, xem ý tứ từ trước thế là đã rõ, hà tất phải xét hỏi.

Nói đoạn liền sai người gọi Phùng Khắc Khoan vào phủ mà trách hỏi rằng:

– Ngươi là kẻ Nho học, thường đọc Ngũ kinh chư sử, sao không nghĩ điều trung quân ái quốc để đền ơn tri ngộ? Lại chớm lòng bán nước phản chủ? Muốn bắt chước Trương Tùng đem đất Ích Châu về theo Lưu Bị chăng?

Phùng Khắc Khoan nghe Bình An vương Trịnh Tùng nặng lời trách mắng chẳng hiểu ý tứ thế nào, chỉ biết sợ hãi cúi đầu thưa:

– Thần là kẻ học Nho, vẫn biết sách xưa của Khổng Mạnh, phép diệu của Tôn, Ngô, chăm giữ cương thường luân lý, một khắc cũng không dám quên. Ấy cũng là muốn thanh danh lưu truyền sử sách, há có tiểu tâm như bọn giặc Trương hay sao? Phải chăng có kẻ ôm lòng đố kỵ, vu khống quàng xiên, xin Chúa thượng thẩm xét để rõ gian ngay.

Trịnh Tùng nghe nói cả giận, quát gọi võ sĩ lôi ra chém đầu, Phùng Khắc Khoan sắc mặt vẫn không đổi. Các quan triều thấy thế ai nấy lấy làm thương tiếc, đều xuống cả dưới thềm rập đầu can ngăn:

– Khắc Khoan là kẻ hiền sĩ, nhiều lần lập được kỳ công, giàu lòng trung hiếu, không phải là hạng phản phúc hung đồ. Người nước Minh còn khen ngợi là hạng thượng báu! Cúi xin Chúa thượng chớ giết ông ta kẻo lại mắc phải mưu kế của kẻ khác! Làm như thế thiên hạ sẽ bàn tán cho rằng Chúa thượng không rộng đức bao dung kẻ sĩ.

Bình An vương nghe các quan can gián, cơn giận dữ mới tạm nguôi, bèn chỉ Phùng Khắc Khoan mà mắng rằng:

– Ta nể mặt các quan, tha tính mạng cho ngươi. Cái đầu ta hãy tạm gửi ở trên cổ đó! Không có gì phải biện bạch nữa!

Nói đoạn ra lệnh thích chữ vào mặt đưa đi đày ở chỗ núi sâu. Từ đấy không cho Khắc Khoan lui tới Kinh đô triều đình, cũng không

được đi đó đi đây trong dân dã!

Khắc Khoan vái tạ chịu tội đi ra khỏi sân triều, theo kẻ sai nhân của chúa đem đi đầy ở trên núi Phượng Nhãn![1]

Khắc Khoan bèn dựng một căn nhà nhỏ, phát hoang một khu rừng, trồng cây lấy hoa, vun bón gốc quả, lòng dạ vẫn một niềm giúp vua báo nước, không chút oán hờn, tự cho rằng ấy chỉ là do thời do vận. Từ đó Khắc Khoan thường làm một thiên tự thuật để làm *Lâm tuyền giai thú* (Thú vui nơi rừng suối) ngâm ngợi cho khuây buồn. Mà cũng là để nhạo cười nhân tình thế thái, vui dưỡng bản tính thiên nhiên, đợi ngày mây mù bị xua tan, trên trời xanh lại thấy vừng hồng sáng rỡ.

Lại nói chuyện hạ tuần tháng năm, chúa Nam Thụy quận công sai người đi các nơi trong hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam để xem xét ruộng đất cày cấy, trưng thu thuế má để chi dùng việc công. Từ đó dân trong hai xứ tuân giữ bờ cõi, chăm lo cày cấy để cung đốn chứa trữ, tịnh không có tệ nạn tranh đoạt cướp bóc.

Năm Kỷ Mùi, niên hiệu Hoằng Định thứ hai mươi (1619), ngày mồng ba tháng ba, trên vùng trời ở Kinh đô Bắc triều có ngôi sao trông dáng như lưỡi đao yển nguyệt[2], đầu ngọn chỉ về phía Tây. Sao chổi cũng xuất hiện ở phía Đông, đến hơn một tháng mới hết. Lại ở xứ Kinh Bắc trời mưa đổ xuống những kim khí sắc như lưỡi giáo, mưa nước đen mực, nước trắng như phấn, lại có nơi mưa gạo. Vườn tược nhà dân bị hư hại, nhà cửa nghiêng sụp. Toàn là những triệu chứng bất thường. Vua Lê lấy làm lo âu, nhưng chưa từng xem xét trong nước xảy ra việc gì. Đến mùa hạ vào khoảng tháng tư, chợt vua Lê phát hiện ra mọi kỷ cương nước nhà, công việc triều chính, khen thưởng hình phạt đều do ở cửa chúa định đoạt, không tâu lên vua. Đó chính là thói cũ của bọn Vương Mãng, Tào Phi thời Hậu Hán[3]. Vua Lê lấy làm buồn lo khôn xiết, bèn mật sai viên hoạn quan hầu cận là Bộ Lâm bí mật lên Cao Bằng báo tin cho họ Mạc biết để làm kế phối

---

1. Nguyên văn: "Biếm Phượng Nhãn sơn thượng". Chưa rõ núi Phượng Nhãn mà tác giả *Diễn chí* nói ở đây là núi nào, có lẽ không phải là núi ở huyện Phượng Nhãn (nay thuộc Yên Dũng, Bắc Giang). Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú thì Phùng Khắc Khoan bị đày đến huyện Tương Dương, Nghệ An.

2. *Yển Nguyệt:* đao lưỡi bầu tựa như hình mặt trăng khuyết nằm ngang.

3. *Vương Mãng:* Tể tướng thời Hán Bình Đế (Trung Quốc) sau giết Bình Đế, đoạt ngôi vua. Tào Phi (con Tào Tháo) đoạt ngôi nhà Hán, xưng đế (tức Ngụy Văn Đế).

hợp trong đánh ra ngoài đánh vào. Chỉ có việc quân nội ứng bên trong chưa biết giao cho ai.

Vua Lê Kính Tông từ trước vốn biết con thứ của Bình An vương Trịnh Tùng là Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân bản tính bạo ngược, hung ác, Bình An vương từng muốn giết đi. Vua bèn cho người gọi Trịnh Xuân vào cung, khóc mà bảo với Trịnh Xuân rằng:

– Trẫm biết khanh, con của Bình An vương, là kẻ anh hùng xuất chúng, hiểu biết hơn người, có tài năng cứu đời, đảm đương việc lớn của quốc gia. Nhưng phụ vương của khanh thương yêu không đều, khiến cho khanh không được duỗi chí. Nay trẫm muốn mở lời phổi ngực, chưa biết ý khanh thế nào?

Quận Vạn nghe xong sụp lạy tâu rằng:

– Tiên tổ của thần đều hết sức dốc lòng phù tá hoàng triều, công lao bậc nhất, danh truyền sách sử. Nay thần hèn nhụt, may được nhờ bệ hạ coi như chân tay, thần đâu dám không hết lòng tâm phúc để vâng hầu bệ hạ? Muôn trông bệ hạ có gì ủy thác thần nguyện đem hết sức trâu ngựa bình sinh để thần đáp đặc ân của bệ hạ, vẻ vang họ hàng!

Bấy giờ vua Lê mới kề tai quận Vạn, nói:

– Bình An vương cha khanh lăng lộng quá lắm, ngấm ngầm lừa dối, khinh mạn muốn làm hại trẫm. Trẫm sợ khó giữ được thân mình trong khoảng ngày đêm. Vì thế phải vời khanh vào định kế cứu trẫm để trẫm khỏi bị cảnh sừng đâm lửa bỏng. Được như thế là muôn phần may mắn!

Quận Vạn nghe nói xong tâu rằng:

– Thần ăn lộc vua phải biết báo ơn vua. Nay nếu thần manh tâm bất trung thì trời đất đâu dung? Thần từng nghe lời nói của thánh nhân: "Trước trung mà sau hiếu". Cha thần đã bất trung như thế, thần đâu còn dám nghĩ đến chữ hiếu! Huống chi thần từ lâu đã nghĩ trong lòng như thế. Xin bệ hạ cứ giao phó trọng trách, thần sẽ tùy cơ mà hành động, công việc tất xong. Bệ hạ không cần lo nghĩ nhiều.

Vua Lê nghe nói cả mừng, vỗ vai quận Vạn mà căn dặn rằng:

– Tính mệnh của trẫm ở trong tay khanh, khanh chớ để thất tín!

Quận Vạn vái tạ ra về, muốn nghĩ mau mau ra trăm cách nghìn mẹo. Bỗng nảy ra một kế, trong bụng lấy làm khoái trá. Rồi đó quận

Vạn bèn sai thợ vẽ chẻ tre đan hình voi, làm thành hai con, lấy giấy bồi lên cho giống như voi thật của Bình An vương thường cưỡi. Lại làm địa lôi chôn giấu ở trong cấm doanh, tính toán cự ly tập bắn cho thật tinh chuẩn, trăm phát trăm trúng. Một mặt quận Vạn sai thủ hạ ban đêm lẻn vào ẩn nấp bên đường ngự đạo phía sau cửa khuyết, đợi Bình An vương đi xem xưởng thợ trở về thì bắn giết. Được như thế thì vua Lê khoái dạ, mà mình đoạt được ngôi vị lớn!

Hôm ấy, Bình An vương cưỡi voi đi xem xưởng trở về, gần đến chỗ Trịnh Xuân mai phục, vì voi bước thong thả nên đi chậm lại sau. Bỗng địa lôi nổ sớm giây lát, chỉ trúng vào người hầu cầm lọng của chúa. Bình An vương thất kinh, vội về phủ triệu họp các quan tướng văn võ để tìm hỏi căn do. Bấy giờ Vương mới hay rằng vua Lê và quận Vạn ngày đêm vụng lén mưu toan để gây nên việc này.

Bình An vương bèn sai tướng võ là thái tử thái bảo Trấn quận công Trịnh Bôi, nội giám [1] là bọn quận Nhạc [2] tức tốc ập vào cung điện bắt vua Lê, thắt cổ giết chết, vứt thây ở sân chầu, không cho quàn ở Thái miếu. Lại sai người đi bắt Vạn quận công Trịnh Xuân giao nộp cho chúa. Bình An vương tức giận muốn giết ngay. Nhưng nghĩ tình cha con vốn là thiên tính, không nỡ giết hại, bèn truyền lệnh tống vào ngục tối giam kín trong nhà kho. Cách vài tháng sau mới cho tha, biếm làm dân thường, không cho nhận vào trong tộc thuộc.

Lại nói vua Lê bị họ Trịnh lấn lướt, tiếm đoạt quyền bính, thường vẫn để bụng bất bình, cùng mưu tính với Trịnh Xuân để khởi sự, không may một lúc bị hại, nước trở thành không vua. Vì thế các công khanh đại thần bẩm với Bình An vương Trịnh Tùng rằng:

– Nước không thể một ngày không vua. Xin Vương thượng chọn lập để nắm quyền chính của nước.

Bình An vương nghe theo, bèn lập Hoàng thái tử Lê Duy Kỳ lên ngôi Hoàng đế, cải nguyên là Vĩnh Tộ năm đầu.

Vua mới lên ngôi vinh phong cho các quan, xuống chiếu đại xá thiên hạ. Người thời bấy giờ có thơ chê trách Bình An vương Trịnh Tùng như sau:

Thương xót Lê hoàng vận bĩ là!
Rồng thần thất thế gặp yêu xà.

---

1. *Nội giám:* Chỉ các viên quan hoạn hầu việc ở trong cung vua, phủ chúa.

2. Tức Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm.

Anh hùng ít kẻ giúp triều chính,
Tiếm loạn nhiều tay rắp gian tà.
Trịnh Xuân ví thử mưu chắc thắng,
Định Đế [1] nào đâu phải khóc la.
Kìa xem con, bố tru diệt lẫn,
Mới biết lòng trời bỏ Trịnh gia!

*
*   *

---

1. Về Thụy hiệu của Lê Duy Tân (miếu hiệu Kính Tông) sau khi chết, *Toàn thư* chép là Huệ Hoàng Đế; *Cương mục* chép là Giản Huy Đế. Ở đây tác giả chép là Định Đế.

HỒI THỨ NĂM

Mưu phản loạn, Văn Nham gửi mật cho Trịnh Tráng
Cường xe loan, Phụng Quốc bỏ chúa ốm ở Cầu Đơ

Kể chuyện thời xưa, về thời Hán Hoàn Đế có ba anh em Hứa Điền, Hứa Phổ, Hứa Vũ cha mẹ mất sớm, ngày đêm anh em dạy dỗ nhau, chuộng tình hiếu hữu, châu huyện biết tiếng chọn làm hiếu liêm [1] tiến cử về triều, đều được bổ làm quan, danh tiếng lưu truyền ở đời. Chẳng như thời Tam quốc, Viên Hy, Viên Thượng cũng là anh em, nhưng vì em tranh ngôi của anh, đem quân đánh nhau. Tào Tháo nhân đó mà phá tan được, cơ nghiệp họ Viên bèn bị diệt. Bảo rằng anh em trong nhà đánh nhau thì bên ngoài bị người ta chê cười là như thế. Chuyện chia làm hai đường kể tiếp:

Lại nói năm Canh Thân, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ hai (1620), vua Lê từ khi lên ngôi cẩn thận giữ mình, không dám gọi hỏi từ các quan đến Tể tướng bất cứ việc gì, chỉ biết qua ngày đoạn tháng mà thôi. Bình An vương mỗi khi vào triều chỉ ghé mắt nhìn là vua đã hết sức lo sợ.

Mùa thu, tháng tám, Bình An vương sai vương tử là thiếu phó Thanh quận công Trịnh Tráng đem quân đến đóng ở xứ Cầu Nghệ, huyện Vĩnh Gia để làm thế phòng ngự vùng biên. Bấy giờ chúa Nam ở Thuận Hóa là Thụy quận công Nguyễn Phúc Nguyên có hai người em là Văn Nham và Thạch Xuyên do người thiếp hầu của Đoan quốc công sinh ra. Hai người ấy vốn là dòng xướng ca, không biết đến chữ hiếu đễ. Từ khi thấy Thụy quận công được nối ngôi cha, hai người ôm lòng làm trái, mưu đồ tranh đoạt ngôi chúa [2].

Một hôm Thạch Xuyên đến phủ doanh của Văn Nham vào ngồi trong phòng kín bảo Văn Nham rằng:

---

1. *Hiếu liêm:* người có đức hạnh và văn học.

2. Văn Nham: Tên tước (có lẽ là Văn Nham hầu) của Nguyễn Phúc Hiệp (hoặc đọc Hợp), con thứ bảy của Nguyễn Hoàng. Thạch Xuyên (có lẽ là Thạch Xuyên hầu), tên tước của Nguyễn Phúc Trạch, con thứ tám của Nguyễn Hoàng, đều do người vợ thiếp sinh ra. Sau khi Nguyễn Phúc Nguyên nối ngôi chúa, hai người âm mưu chống đối bị liệt vào hạng nghịch thần. Có lẽ vì thế mà ĐNTLTB và ĐNLTTB chỉ ghi tên (Hiệp, Trạch), bỏ tước không ghi họ và tên tước.

– Anh em ta vốn cùng một mẹ sinh ra, tài sức chẳng kém gì người, nhưng lệnh truyền đều trao vào tay vương huynh cả. Bọn ta được nhờ chút phú quý, nếu ngày sau tôn mẫu chúng ta qua đời thì dòng dõi anh em ta biết nhờ cậy vào đâu?

Văn Nham nói:

– Số trời đã định, khó tránh được. Huống chi bọn ta thủ hạ hiếm người, lại không sẵn có lương hướng, mà trong ngoài kẻ đồng lòng với mình cũng không biết dựa vào ai. Thế mà mưu toan cử sự làm việc lớn thì làm sao xong được? Đệ phải xét kỹ đi.

Thạch Xuyên đáp:

– Huynh bất tất phải lo nhiều, đệ đã có một kế, lấy được như trở bàn tay! Việc gì mà phải lo nhiều ít có không?

Văn Nham nói:

– Mưu kế ra sao đệ hãy nói nghe?

Thạch Xuyên nói:

– Đệ nghe nói Bình An vương ở Bắc triều sai vương tử là thiếu phó Thanh quận công đem quân vào đóng đồn ở Cầu Nghệ, quân tinh, lương đủ. Đệ muốn sai người đem báu vật vàng bạc đến quân doanh của Thanh quận công định thành mật ước nhờ bọn họ làm ngoại ứng. Nếu vương huynh đem quân ra ngoài cự địch, bên trong bỏ không, anh em ta liền dấy quân tiến đánh thì có thể bắt được vương huynh, mà ngôi lớn cũng sẽ về tay ta, rồi sai lấy người bên họ mẹ mà giao chức việc. Như thế bọn ta ắt giành được hiển vinh phú quý.

Văn Nham nghe nói gật đầu cả mừng:

– Mưu ấy khá hay đấy. Vậy nên mau chóng làm ngay đi!

Rồi đó anh em Văn Nham liền viết thư kín, sai người tâm phúc bí mật cầm đi. Tên người nhà của anh em Văn Nham đến xứ Cầu Nghệ xin vào quân doanh của quận Thanh trình mật thư và các thứ lễ vật. Thanh quận công cả mừng tiếp nhận bức thư, mở ra xem. Trong thư nói:

"Người em hèn nhục của trấn tướng xứ Nam là Văn Nham hầu vái trình bức thư này lên súy phủ của tộc huynh [1] các hạ đoái xét. Từng nghe đạo quân thần là giềng mối lớn của trời đất, tình anh em

1. Trịnh Tráng là anh rể của Văn Nham hầu Nguyễn Phúc Hiệp, cho nên thư này xưng là tộc huynh.

là đạo cả của nhân luân. Nhưng nay thân huynh của chúng tôi [1] làm trấn thủ ở xứ Nam ngầm mưu hai lòng, vứt bỏ cương thường, quên khuây tín nghĩa, ngày đêm toan tính mưu riêng, quyết đoạt lấy dân chúng thóc tiền trong hai xứ để chống cự với hoàng triều, tranh ngôi đế vương. Bọn đệ vẹn lòng trung hiếu, không chịu manh tâm cùng với thân huynh, vì thế thân huynh rắp mưu muốn làm hại, chẳng đoái đến tình nghĩa anh em ruột thịt. Tình cảnh của bọn đệ hiện nay như cá trong chậu, nguy cấp như lửa xém mày, liệu bề khó thoát lưới. Vì vậy bọn đệ phải sai kẻ tâm phúc chuyển thư này để các hạ xét. Xin các hạ sai binh hùng tướng mạnh sớm đến cứu ứng để bọn đệ được thấy tôn nhan. Ấy là muôn phần may mắn. Việc bất đắc dĩ chẳng đừng được, phải đâu bọn đệ bội tình. Ngàn dặm ngóng trông, mong các hạ soi xét lượng thứ. Được như thế thật là may mắn lắm. Nay thư".

Thiếu phó Thanh quận công xem xong thư mừng nói:

– Ta vẫn biết chúa Nam nhiều năm nay chưa từng ra đô thành là có lòng dạ khác, giận lắm, nhưng cũng chưa có cách gì. Nay hai người anh em của ta vốn lòng trung hiếu, vì công quên tư, lòng thành đáng khen.

Rồi đó Thanh quận công thưởng hậu cho sai nhân của bọn Văn Nham. Lại bí mật dặn dò rằng:

– Ta nhắn lời bảo hai ông ấy nên sớm liệu đi! Nhưng phải cẩn thận, chớ để tiết lộ! Nếu việc đó sắp đặt ra sao thì phải tức tốc báo ngay cho ta biết, tất sẽ đem quân vào giúp.

Sai nhân của Văn Nham vái chào trở về. Sau đó Thanh quận công Trịnh Tráng sai đô đốc Đăng quận công Nguyễn Khải, tướng bộ thuộc là Tường Khê hầu, Tuấn Lộc hầu đem năm nghìn quân dời vào phía Nam đóng ở cửa biển Bố Chính, Nhật Lệ đợi tin tức của bọn Văn Nham. Trịnh Tráng nói:

– Các ông xua quân đánh gấp ở mạn ngoài, cốt giữ cho được vẹn toàn, công không phải nhỏ!

Bọn quận Đăng vâng lệnh đem quân tiến phát.

Lại nói bọn Văn Nham, Thạch Xuyên hai người ở Nam triều, từ khi sai người đưa thư ra trấn phía Bắc cho Thanh quận công, tự mình ở nhà sửa sang khí giới, cờ quạt để mưu tính, cử sự từ bên trong.

1. Chỉ Thụy quận công Nguyễn Phúc Nguyên.

Bỗng nghe sai nhân trở về kể lại lời Thanh quận công căn dặn như thế, đã sai đem quân đi các nơi như thế, Văn Nham, Thạch Xuyên cả mừng cùng vào trong phòng kín bàn bạc. Hai người định ra cái thế trận chính binh kỳ pháp, du binh phục binh. Cả anh lẫn em đều xoa tay nắm quyền, coi như việc thò tay vào túi lấy đồ vật, chẳng có gì đáng phải lo xa. Nhân đó lại suy nghĩ thêm thấy rằng các người trong triều không có ai đáng coi là đối thủ, duy chỉ sợ có người cháu là Tuyên Lộc vốn trí dũng kiêm toàn, khi lâm chiến cũng khá đáng ngại. Chi bằng lập kế bàn với Thụy quận công cho Tuyên Lộc ra giữ Quảng Bình, thế là trong triều không còn ai đáng kể, ắt sẽ lấy được dễ như trở bàn tay.

Hai người bàn định xong bèn gật đầu tủm tỉm, rồi ai về nhà nấy, chuyện không có gì phải nói.

Tháng ấy, chúa Nam là Thụy quận công bỗng nghe tin báo tướng Bắc triều là bọn quận Đăng đem quân vào lấn đóng đồn ở cửa biển Nhật Lệ. Thụy quận công bèn triệu tập các tướng đến bàn định sai quân đi chặn địch. Thụy quận công bảo các tướng rằng:

– Nay quận Thanh sai bọn quận Đăng vào xâm lấn biên thùy, triều đình xem nên chọn tướng nào cầm quân đi cự địch để cho bọn chúng khỏi khoe khoang binh cường tướng mạnh?

Thạch Xuyên bèn lên tiếng nói trước:

– Phàm đánh dẹp là việc của bậc nguyên súy. Mà cái tài của nguyên súy nếu không phải là người thân thì không sai khiến được. Thần xét thấy hiền điệt Tuyên Lộc trí dũng đều đủ, hùng lược hơn người có thể giao cho cầm quân đi chặn địch, thế mới thật xứng chức.

Văn Nham tiếp lời:

– Lời nói của Thạch Xuyên hầu chí phải! Xin vương huynh cấp tốc sai đi, tất đánh tan được quân giặc.

Tuyên Lộc [1] nghe Văn Nham, Thạch Xuyên nói xong, biết rõ ý tứ của bọn họ, cả giận bước lên trước nói rằng:

– Thống lĩnh đại quân đi đánh dẹp là việc lớn của triều đình, không phải là chức phận góp bàn của hai chú! Đã không cầm quân đi

---

1. Tên Tước của Nguyễn Phúc Tuyên (Tuyên Lộc hầu), con thứ tư của Nguyễn Phúc Hà (Hà là con trưởng của Nguyễn Hoàng chết sớm). ĐNTLTB và ĐNLTTB gọi theo hệ tính quy định là Tôn Thất Tuyên.

đánh được, cớ sao còn muốn mưu đồ việc riêng? Lại muốn sai khiến thằng cháu này đi làm việc ấy chăng?

Thạch Xuyên nghe Tuyên Lộc nói xong nghiêm giọng mắng rằng:

– Ta muốn cho ngươi lập được công danh để lại cho đời sau, rạng mặt hào kiệt với đương thời, cho nên ta mới bẩm với vương thượng giao cho ngươi cầm quân. Sao ngươi lại chống cự? Nay quân địch đem binh vào cõi, bọn ta có lời bảo cử trình với vương thượng, ấy là lẽ đương nhiên, sao dám nói năng thất lễ?

Tuyên Lộc bừng bừng tức giận nhảy bật ra khỏi chiếu nói:

– Mưu mô của hai chú chẳng che mắt được thằng cháu này đâu! Bây giờ nếu ta đem quân rời phủ doanh đi đến Quảng Bình, hai chú tất dấy binh làm nội phản để thu lợi ngư ông, có gì mà phải nói. Loạn từ đây mà ra!

Giữa sảnh đường chú cháu to tiếng cãi vã, mắng nhiếc lẫn nhau, các tướng phải ra sức khuyên giải.

Từ đó Thụy quận công trong lòng ngờ vực, bèn sai Vệ quận công [1] đem quân đi đánh bọn quận Đăng. Văn Nham, Thạch Xuyên vội trở về nhà, căm tức Tuyên Lộc đã hiểu hết âm mưu của bọn họ, bèn quyết chí mưu phản. Đêm ấy anh em Văn Nham sai lính chở súng đạn, khí giới đến kho Ái Tử (tục gọi là kho Cây Khế - Cồn Cờ) để dùng vào việc binh, đắp lũy ở Cồn Cát (tục gọi là Cồn Cờ) để giữ thế công kích. Dân chúng thấy thế cả kinh, vội tìm đến phủ dinh trình với Thụy quận công, Thụy quận công nghe xong liệu tình thế bên ngoài có địch, trong cửa họa sinh, trong lòng cả giận. Nhưng lại nghĩ rằng: nếu ta cất quân cùng với hai anh em tranh chiến thế là dứt tình đoạn nghĩa, mà không khỏi bị chê cười như đối với anh em nhà họ Viên. Nếu giữ tình nghĩa không đánh thì hai em tất sẽ tung hoành cướp phá, diễu võ dương oai để được đắc chí.

Cả hai ý nghĩ ấy thật khó quyết bề nào. Thụy quận công rất lấy làm phiền não. Nghĩ đoạn, Vương bèn sai người đến trại của Văn Nham, Thạch Xuyên nói với hai người rằng:

– Chúa chuyển ý đến hai ông, nói rằng hai ông muốn thống quản binh dân hai xứ thì chúa sẽ nhường, cốt sao cho trọn vẹn nghĩa tình anh em cung kính thân yêu để yên lòng trăm họ. Còn như cốt nhục tàn sát lẫn nhau chỉ tổ cho người đời phỉ báng, chê cười cha ông.

---

1. Tức Nguyễn Phúc Vệ, cháu Nguyễn Hoàng (con thứ hai của Phúc Hồ).

Văn Nham chưa kịp mở miệng trả lời ra sao thì Thạch Xuyên đa tuốt gươm ra khỏi vỏ chỉ vào mặt người tùy sai Thụy quận công, nghiêm giọng bảo rằng:

– Bọn chúng ta đã đi đến núi báu, lẽ nào lại về tay không! Nay sự đã như thế thì phải quyết một phen sống mái. Cứ như lời ngươi nói thì vương huynh của bọn ta muốn gọi anh em ta về triều mà trao nhường chức vị. Lời nói ấy thậm vô lý, nghe làm sao được! Đáng lẽ phải chém đầu ngươi trước để tỏ uy của bọn ta. Nhưng hãy tạm cho ngươi trở về nói lại cho vương huynh ta biết, mau mau đem quân đến quyết chiến để phân thắng bại. Ta từng nghe: được thì làm thân vua, thua thì làm đầu quỷ. Xưa nay đó là việc thường chẳng có gì phải nói!

Sai nhân nghe xong trở về bẩm với Sãi vương. Chúa cả giận mắng rằng:

– Đồ súc sinh ngỗ ngược như thế! Ta lấy tình thân ái mà đối đãi, nhưng nó lấy gian xảo hung ác mà phản lại ta.

Nói đoạn liền lập đàn tấu cáo với trời đất quỷ thần và các bậc tiên vương, rồi sai Tuyên Lộc làm tiên phong, chúa tự mình thống lĩnh đại quân thủy bộ đi sau tiếp ứng, thẳng tiến đến xứ Cồn Cát xã Ái Tử. Quân đôi bên đối trận đánh lớn, đạn bay như mưa, súng nổ ầm vang như sấm, nhưng chưa bên nào thắng bại. Tuyên Lộc cả giận múa tít tay đao sáng loáng như luồng chớp xông tới. Văn Nham, Thạch Xuyên cả kinh, liệu thế khó bề chống cự vội vàng tháo lui, quân lính thua chạy tán loạn.

Văn Nham, Thạch Xuyên thất thểu cắm đầu chạy miết vào phía núi sâu tìm đường ẩn náu, bị Tuyên Lộc đuổi kịp bắt đem về dâng nộp.

Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên thấy mặt hai người, rơi nước mắt bảo rằng:

– Ta với bọn ngươi nghĩa tình anh em thiên tính, sao nỡ nhẫn tâm làm sự việc xấu xa muôn đời?

Văn Nham, Thạch Xuyên mặt xanh như đất, cứng họng không đáp được câu nào, đành phải cúi đầu chịu tội. Vương muốn đem chém, triều đình phải hết sức can gián mới ngăn được, bèn hạ lệnh giải về giam tại nhà, ngày đêm sai quân canh giữ. Văn Nham, Thạch Xuyên xấu hổ, phát ốm rồi chết. Vương bèn ban cho gấm lụa, sai người khâm liệm mai táng.

Bấy giờ đô đốc bên quân Trịnh là Đăng quận công Nguyễn Khải, đóng quân ở cửa Nhật Lệ, nghe tin chúa Nam sai quận Vệ đem đại quân ra chặn đánh. Lại nghe tin Văn Nham, Thạch Xuyên dấy binh làm nội loạn, nhưng việc không xong, binh lính thua tan, thân bị cầm tù. Quận Đăng nghe tin như thế bèn đem quân lui về phía Bắc đường ranh. Việc nơi biên cảnh được yên.

Nam chúa Nguyễn Phúc Nguyên sai mở yến tiệc xét công, ban khen các tướng, khao đãi ba quân, trọng thưởng cho Tuyên Lộc. Bấy giờ muôn dân chúc mừng. Thế mới hay rằng bề tôi phản vua, con bội cha, em lật anh đều không yên vẹn được.

Chúa Nam từ đó giận quận Thanh nghe lời phản nghịch cất quân lấn cõi, bèn tăng mức thu tô thuế, nhưng không cho chở ra nộp ở Kinh đô nữa. Ngày đêm vương thường hội bàn với các quân văn võ, định mưu giữ vững bờ cõi, suy tính kế sách lâu dài.

Người đời sau có thơ rằng:

Mây lành che vị tốn [1]*,*
Khí tốt tụ Nam phương.
Trong xanh làn thu thủy,
Phấp phới tỏa mù sương.
Nhăm nhe loài cáo vượn,
Rình rập lũ cầy lang.
Một cơn gió mạnh quét,
Chuột sẻ hết chốn nương.
Danh lừng kinh đất Bắc,
Nghiệp dấy động Nam bang.
Nghìn năm nên quy củ,
Muôn thuở lập kỷ cương.
Ngôi kiền thêm lớn mạnh
Non nước vững biên cương.

Năm Tân Dậu, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ ba (1621), mùa đông, tháng mười, nhà Mạc ở Cao Bằng cất quân đánh xuống Kinh đô, nhiễu hại dân lành, cướp bóc tiền của, trăm họ kinh hoàng. Tướng đóng giữ ngoài biên dâng thư cáo cấp với Bình An vương. Vương cả giận, bèn sai thái úy Vinh quốc công dẫn quân chia đường tiến đánh.

Thái úy Vinh quốc công vâng lệnh đem quân thẳng tiến đánh lớn với

---

1. *Tốn:* phía Đông Nam.

quân nhà Mạc. Quân Mạc thua to, tan chạy về Cao Bằng. Vinh quốc công thắng trận đem quân trở về, giặc Mạc bèn yên.

Lại nói Nam chúa Thụy quận công từ khi nối ngôi cai dân trị nước, các lân bang đều hướng phục, trong nước thanh bình, tắt dứt khói lang, biển yên sóng lặng. Đến tháng 4 năm này bỗng có viên tù trưởng bộ lạc Lạc Hòn ở nước Ai Lao manh tâm làm phản, cho dân Man vượt qua sông Cả cướp bóc người buôn, cướp đoạt của cải của dân lành. Nam chúa Thụy quận công nghe tin báo tức giận nói: "Bọn sâu kiến muốn vuốt râu hùm!". Bèn sai Công tôn là quận Hòa đem quân đi đánh dẹp. Quận Hòa vâng mệnh đem quân nhằm hướng Ai Lao mà tiến. Chẳng bao lâu đến cách Lạc Hòn ba mươi dặm, quận Hòa ra lệnh cho quân đóng trại nghỉ ngơi. Quận Hòa cho thực thi diệu kế: một mặt cho quân mai phục ở những nơi hiểm yếu, một mặt cho dân đi lại buôn bán như bình thường. Tên tù trưởng Lạc Hòn thấy vậy không biết là mưu kế bèn cho thủ hạ đi chặn cướp. Dân buôn bỏ chạy, người Lạc Hòn đuổi theo. Khi bọn chúng đến đầu hang núi, quận Hòa ra lệnh bắn pháo hiệu. Quân Nam mai phục bên đường lập tức vọt ra bủa vây, bắt sống bọn chúng đem đến nộp trước trại chủ tướng. Quận Hòa ra lệnh canh gác cẩn mật rồi áp giải về vương đình. Nam chúa Thụy quốc công truyền cởi trói, cấp cho bọn chúng quần áo lương ăn, và tiền nong rồi răn bảo rằng:

– Ta lấy lòng tin thành thật để cai trị thiên hạ, bọn các ngươi sao lại manh tâm như thế? Lý ra các ngươi phải bị chém thành mảnh để làm rõ pháp lệnh của ta. Nhưng ta thể đức hiếu sinh không nhẫn tâm giết hại, cho phép các ngươi được trở về nước. Từ nay về sau các ngươi phải biết lỗi, giữ vẹn đạo bề tôi để khỏi phải hối về nỗi nước tan thân chết. Bọn người Ai Lao cúi đầu lạy tạ xin vâng lời, chỉ tay lên trời mà thề rằng: "Nghìn đời vạn đời đều nguyện làm bề tôi, không dám manh tâm làm phản. Nếu làm trái lời thề thì xin trời tru đất diệt!"

Thề xong bọn dân Lạc Hòn lạy chào rồi lui ra để về nước. Nạn Ai Lao quấy nhiễu được dẹp yên. Từ đó dân chúng miền biên thùy khỏi bị quấy nhiễu khốn khổ. Nam chúa Thụy quận công trọng thưởng cho quận Hòa để biểu dương công lao.

Năm Quý Hợi, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ năm (1623), mùa hạ, tháng tư, Bình An vương Trịnh Tùng ở Bắc triều cho lệnh mở khoa thi chọn học trò. Nho sĩ trong thiên hạ về Kinh thi hội, lấy đỗ Tiến sĩ bảy người, đều được bổ dụng làm quan.

Khoảng trung tuần tháng năm, Bình An vương lâm bệnh, nằm ngồi không yên, bỏ cả ăn uống, thân thể suy nhược, chân tay không cất nhắc được. Vương sai mời các lương y, thầy phép, tăng nhân, đạo sĩ khắp nơi trong nước về bốc thuốc chữa trị, lập đàn cầu cúng, nhưng bệnh tình vẫn ngày càng trầm trọng, thuốc men đều không khỏi. Vương rất lo buồn, nhưng chỉ yên lặng ứa nước mắt mà thôi.

Mùa hạ, tháng sáu, con của vương phi là thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân oán giận Vương về việc bị phạt khi trước, nay thấy Vương bệnh tình nguy kịch, bỗng lại nổi tà tâm tặc tử, âm mưu muốn cướp ngôi chúa, tranh quyền với anh, bèn hội họp bàn mưu với quân sĩ. Ngày mười sáu, quận Vạn đem quân vây phủ chúa và đặt phục binh ở các ngả đường hiểm yếu trong phố phường. Rồi đó quận Vạn xông vào trong phủ, đi thẳng đến chỗ giường bệnh của chúa. Thấy chúa nằm yên bất động, miệng chỉ nói được ú ớ, mắt nửa nhắm nửa mở lờ đờ, quận Vạn liền ôm thốc chúa đặt lên kiệu, sai khiêng ra ngoài điện định đưa chúa về nhà riêng của mình, thực hiện mưu đồ cướp ngôi. Nhưng lúc ấy Thái tể quốc công Trịnh Đỗ bàn mưu với con cả của mình là quận Thạch rằng:

– Thằng Xuân đã dấy binh làm loạn, cướp bác mày đem về nhà hắn. Mày mau đem quân đi chặn đường cướp kiệu bác đem về trong dinh nhà ta. Rồi lập mẹo lừa bọn con bác vào trong phủ mà giết đi thì ngôi chúa sẽ sang tay nhà ta!

Quận Thạch vâng dạ điểm quân đi ngay. Dọc đường gặp kiệu của chúa, quận Thạch liền đón lấy rước về dinh Phụng quốc công. Cả hai cha con quận Thạch vui mừng khôn xiết. Rồi đó cha con quận Thạch dìu Bình An vương đặt lên giường. Bấy giờ chúa đã hôn mê chỉ còn thở thoi thóp mà thôi. Phụng quốc công lại rỉ tai quận Thạch, bảo nói dối là vâng lệnh chỉ của Chúa triệu các vương tử vào phủ để nghe di chúc của chúa.

Quận Thạch vội đến mời ngay con thứ của Vương là Vạn quận công Trịnh Xuân. Quận Thạch nói:

– Bây giờ chúa đang ngự ở trong dinh cha đệ. Chúa có chỉ truyền tôn huynh đến lạy để chúa truyền ngôi cho. Ngày sau tôn huynh lên ngôi Chúa chớ quên ơn của tiểu đệ.

Quận Vạn là kẻ loạn thần tặc tử, ít trí kém mưu, nghe quận Thạch nói thế cả mừng, trong lòng không chút nghi dè, liền đi theo quận Thạch đến dinh Phụng quốc công. Trịnh Xuân vừa bước chân

vào, Phụng quốc công liền sai đóng cổng, chặt phăng hai chân, máu tuôn như xối rồi chết, phơi thây giữa sân. Mới hay đạo trời ứng báo thật mau lẹ.

Quận Thạch lại đến phủ của Thiếu phó Thanh quận công Trịnh Tráng nói dối rằng:

– Chúa thượng đang ngự ở dinh của cha thần, có lệnh chỉ truyền gọi vương huynh đến để nhận nối ngôi chúa thống lĩnh thiên hạ. Muôn trông tôn huynh đừng quên ơn vất vả của tiểu đệ. Thần nguyện dốc hết sức ngựa hèn, hầu hạ vương huynh để cùng được hưởng phú quý.

Trịnh Tráng nghe quận Thạch nói thế cũng không thấy có điều gì đáng nghi. Nhưng lúc ấy bỗng có viên quan văn là Đô cấp sự trung Lưu Đình Chất nghiêm giọng mắng quận Thạch:

– Cha con ngươi ngầm mưu gian kế cướp đón chúa về nhà, đã giết quận Vạn, nay lại muốn hãm chủ ta vào hang cọp hay sao? Mưu gian của ngươi chẳng che nổi mắt ta!

Quận Thạch nghe Lưu Đình Chất nói xong nổi giận mắng rằng:

– Đồ hủ Nho còn hơi sữa chỉ biết mưu tính lợi riêng, làm sao biết được công việc đại sự của nhà chúa? Ngươi sao dám ly gián tình anh em cốt nhục của chúng ta thành kẻ cừu thù?

Thanh quận công nghe hai người cãi vã chửi mắng nhau, thầm nghĩ là có lý. Lưu Đình Chất nói với quận Thanh:

– Xin tôn ông mau dời loan giá về giữ Thanh Hoa để chắc căn bản, chớ nghe lời của quận Thạch mà mắc họa lửa cháy sém mày.

Trịnh Tráng cho là phải, bèn không nghe lời quận Thạch. Rồi đó đem quân đi ngay về Ninh Giang. Thuyền đang thuận dòng xuôi xuống, bỗng có viên quan văn là Đô đài Nguyễn Thế Danh đuổi kịp. Lưu Đình Chất trông thấy vỗ tay reo to:

– Minh công được thiên hạ nhờ ở người này đây!

Thanh quận công liền mời Nguyễn Thế Danh vào cùng ngồi bàn luận kế sách lấy thiên hạ.

Nguyễn Thế Danh nói:

– Minh công đã cho người đi gọi các em, cùng là những người anh hùng hào kiệt trong thiên hạ đến hay chưa?

Trịnh Tráng đáp:

– Chưa.

Nguyễn Thế Danh nói:

– Xin Minh công cho đi mời ngay!

Thanh quận công nghe lời, liền sai người bí mật đi mời. Chẳng mất mấy ngày các vương đệ đã dẫn binh tướng hùng mạnh đến theo giúp rất đông.

Thanh quận công và các tướng cùng đem quân tiến về phía Thanh Hoa.

Lại nói Bình An vương Trịnh Tùng bị cha con Phụng quốc công Trịnh Đỗ cướp rước ra khỏi điện, ngày hai mươi đến xứ Đa Kiều [1] bệnh tình nguy kịch rồi mất.

Cha con Trịnh Đỗ bỏ Bình An vương bên cầu. Bấy giờ có viên hoạn quan là Thái bảo Nhạc quận công tìm cách đem thi hài của Vương xuống thuyền, đuổi theo Thanh quận công ở phía Ninh Giang. Thanh quận công và các quan văn võ khóc lóc đau đớn làm lễ phát tang, chặt cây gạo làm quan tài để khâm liệm. Thanh quận công Trịnh Tráng bỏ thuyền lên bộ, dẫn bộ binh voi ngựa theo đường cái về giữ Thanh Hoa. Khi đến phủ Yên Trường, Thanh quận công cho dừng quân đóng trại, chọn đất mai táng Bình An vương.

Rồi đó Thanh quận công Trịnh Tráng triệu các tướng bộ thuộc và quan văn võ đến hội để bàn định kế sách thu phục Kinh đô.

Bấy giờ cha con Thái tể Phụng quốc công Trịnh Đỗ thấy Bình An vương đã chết, vương tử là Thanh quận công Trịnh Tráng cùng các tướng đã đem quân về chiếm Thanh Hoa. Liệu tình thế không xong việc lớn, cha con Trịnh Đỗ bèn lục soát thu đoạt hết báu vật tiền của, voi ngựa, khí giới trong vương phủ và trong dinh riêng của Vạn quận công Trịnh Xuân chở về Mỹ Lương, đến khi nghe tin Trịnh Tráng đóng quân ở Yên Trường, Trịnh Đỗ lấy làm lo bảo quận Thạch rằng:

– Nay ta muốn dấy nghiệp lớn để giữ ngôi chúa, nhưng ít quân, thiếu tướng khó bề cử sự. Chi bằng đem báu vật, voi ngựa đến dâng nộp cho Thanh quận công xin chịu tội, để khỏi bị hại, ngõ hầu bảo toàn tộc thuộc.

---

1. *Đa Kiều:* tên xã, tên Nôm thường gọi là Cầu Đơ, ở thị xã Hà Đông hiện nay. *Toàn thư* chép Bùi Sĩ Lâm đưa Trịnh Tùng đến quán Thanh Xuân, huyện Thanh Oai, có lẽ là cũng ở khoảng này.

Quận Thạch cho là phải. Rồi cha con Phụng quốc công Trịnh Đỗ đem báu vật voi ngựa đến phủ Yên Trường bái yết giao nộp để xin chịu tội. Trịnh Tráng thương tình chú cháu, anh em thúc bá tha tội cho cả hai cha con, vẫn cho giữ chức tước cũ, Thanh quận công bèn đem voi ngựa ban phát cho các tướng. Cha con Phụng quốc công Trịnh Đỗ vái tạ chịu ơn. Đến tháng bảy, phong tặng Bình An vương Trịnh Tùng làm Tiên Triết vương, lập miếu phụng thờ.

*

* *

HỒI THỨ SÁU

Sãi vương đãi hiền, Đào Duy Từ tìm vào đất Quảng
Thanh Đô kế vị, Phùng Khắc Khoan phục chức Thượng thư

Bấy giờ các quan văn võ họp bàn việc nước. Quan võ ban là bọn thái bảo Lị quận công Lê Lựu, Phụ quận công Nguyễn Hắc nghiêm giọng nói:

– Các ông ăn lộc hậu của chúa thì phải báo đáp ơn trọng của chúa. Nay Chúa thượng vừa mới băng hà, thiên hạ không thể một ngày không vua thiếu chúa. Sao các ông không bàn việc tôn lập thế tử lên ngôi báu, điều khiển binh dân trong thiên hạ để cho vững mạnh căn bản?

Các quan văn võ đều chắp tay nói: "Phải!". Rồi dâng biểu tâu vua Lê xin sắc phong cho Thanh quốc công Trịnh Tráng làm Khâm sai đô tướng tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh kiêm Tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, Tả tướng thái phó Thanh quốc công. Thanh quốc công nhận sắc phong, vào triều bái yết vua Lê, rồi trở về phủ chúa xử lý việc chính sự.

Bấy giờ có Thái úy của Nam triều là Lương quốc công đem hơn một nghìn chiến thuyền đến phủ Yên Trường trấn Thanh Hoa tiến nạp trước quân doanh, do đó binh uy ngày càng chấn phát.

Tháng tám, Mạc Kính Khoan [1] ở Cao Bằng đem quân vào đánh phủ Trường Yên, sai quan đi đóng đồn ở các nơi để làm thanh thế. Kính Khoan sai các tướng là Xuân Quang đóng giữ Hải Dương, Uy Lăng đóng đồn ở Sơn Nam, Thao Lược đóng đồn ở Sơn Tây, Trí Thủy đóng ở Kinh Bắc, tuyển quân chọn tướng để chống cự với quân của chúa Trịnh.

Tháng ấy, Thanh quốc công Trịnh Tráng dâng biểu lên vua Lê xin rước ngự giá trở về. Rồi Thanh quốc công thống lĩnh tướng sĩ thủy bộ tiến về kinh đô Thăng Long.

---

1. *Mạc Kính Khoan:* cháu gọi Mạc Kính Cung bằng chú. Khi nhà Mạc thua chạy khỏi Thăng Long, Kính Khoan lên lập căn cứ ở Cao Bằng, xưng là Khánh vương, đặt niên hiệu là Long Khánh (1623 - 1625).

Quân chúa Trịnh đi đến xã Châu Cầu xứ Sơn Nam gặp tướng nhà Mạc là Xuân Quang đem quân chặn đánh. Thanh quốc công sai tướng Nghệ An là Đô đốc Định quận công Hoàng Nghĩa Phi đưa quân đánh mở đường ở bến đò Cương. Quân của Mạc Xuân Quang thua to, bỏ chạy tán loạn, chết trận rất nhiều. Xuân Quang một mình tìm đường chạy trốn về Cao Bằng.

Thanh quốc công tiếp tục tiến quân. Đến xứ Điện Chùy gặp vua nhà Mạc là Kính Khoan đem quân vây đánh. Thanh quốc công thúc quân tiến gấp như gió thổi mây cuộn, quân Mạc cả kinh, biết thế lực không chống cự nổi, vội rụt đầu lạnh gáy nhằm theo phía núi Vân mà chạy không dám ngoái lại.

Con gái Mạc Kính Khoan là vợ Ký quận công tiến lên phía trước nói với Mạc Kính Khoan:

– Xin phụ vương cho phép, con tuy là phận gái, nhưng cũng có chí khí nam nhi anh hùng, xin phụ vương cho đem quân đi chặt đường chặn đánh, chém đầu quân địch để rạng mặt nữ lưu hào kiệt. Còn phụ vương xin tìm đường thoái lui ngay, chớ nên nấn ná lâu nơi này!

Nói đoạn Mạc thị liền dàn quân đợi đại binh của Thanh quốc công kéo tới. Quân hai bên đánh lớn một trận. Rốt cuộc Mạc thị là phận gái, sức không địch nổi, bị quân Trịnh đâm trúng trong đám loạn quân, chết tại trận. Quân Mạc thua to tìm đường chạy trốn.

Thanh quốc công phò giá vua Lê về đến Kinh thành.

Trăm quan các tướng đều đến chầu mừng. Thanh quốc công lại sai tu sửa cung vua phủ chúa, cùng các kho tàng phố phường cho được như cũ.

Từ đó uy quyền ngày càng lừng lẫy, Thanh quốc công dâng biểu cầu phong làm Nguyên súy thống quốc chính, tước Thanh Đô vương, giữ cờ mao tiết việt. Mọi việc chính sự trong nước đều ủy cả cho Thanh Đô vương Trịnh Tráng định đoạt.

Bấy giờ có Cẩn quận công họ Vũ [1] ở Đại Đồng [2] đem quân về

1. Tên tước của Vũ Công Ý.

2. *Đại Đồng:* tên đất thuộc phủ Yên Bình, trấn Tuyên Quang, khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, anh em Vũ Văn Uyên và Vũ Văn Mật dấy binh chống Mạc, giúp nhà Lê trung hưng. Về sau trở thành một lực lượng cát cứ, tuy thực tế không xưng vua, nhưng con cháu truyền nối cai trị vùng Đại Đồng.

hàng. Thanh Đô vương sai quan đi trấn thủ các nơi gần xa được dân yên giặc tắt, biển lặng sông trong, người ta đều khen là thời thịnh.

Tháng chín ở Nam triều, Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên coi chầu, cùng các quan văn bàn chuyện cổ kim. Rồi Vương xuống chiếu chiêu hiền đãi sĩ. Bỗng nghe tin Bắc triều Bình An vương Trịnh Tùng bệnh tình nguy ngập, bị con là quận Vạn cưỡng bắt đem đi, chết dọc đường, thật ê chề nhục nhã. Sãi vương bèn triệu các quan văn võ vào phủ họp bàn. Sãi vương bảo các tướng:

– Họ Trịnh rắp tâm hung ác, lăng loàn tiếm quyền vua Lê, uy hiếp sỉ nhục các công khanh đại thần, đến nỗi tấm thân bị con cháu phản nghịch tranh cướp, chết quăng thây bên đường, ấy là cách trời đất báo trả vậy. Bèn ra lệnh bắn đại pháo ba tiếng, hô lớn ba tiếng để chúc mừng.

Xong việc, Sãi vương hỏi cách đối phó việc ấy. Các tướng chưa kịp bàn luận, bỗng có viên quan văn ở hàng bên hữu đứng dậy bước lên trước thưa:

– Bình An vương chết, con cháu kế vị, bên ta muốn đánh thì đánh, muốn giữ thì giữ, có gì mà phải bàn! Nhưng vừa rồi chúa thượng cho quân sĩ bắn súng và hô như thế là nghĩa làm sao?

Sãi vương nhìn ra mới hay đó là Chiêu Vũ [1], con trai của tham tướng Triều Văn [2]. Chiêu Vũ tuổi mới mười sáu, có tài văn học, thông minh sáng trí được chúa dùng làm văn chức. Nghe Chiêu Vũ nói xong, Sãi vương cười nói:

– Chiêu Vũ còn nhỏ tuổi, chưa am hiểu việc quân cơ nên lời nói còn lỗ mãng, tính chưa thuần. Nay phải giao về cho Triều Văn dạy dỗ, ngày sau lớn lên sẽ cất nhắc làm quan văn!

Chiêu Vũ vái tạ mỉm cười bước ra khỏi cổng phủ, trở về nhà. Rồi Sãi vương bảo các tướng:

– Ta muốn nhân thời cơ mà cử sự để khôi phục Trung Đô, khuông phò cơ nghiệp vua Lê. Nhưng nhà ta với họ Trịnh vốn là chỗ thân thích. Kinh sách nói: Thừa lúc người ta có tang mà đánh là bất nhân, nhân khi người ta nguy cấp mà đoạt là bất võ. Chi bằng hãy sai người đem lễ vật ra điếu tang, trước để kết ơn tình, sau là để

---

1. *Tên tước của Nguyễn Hữu Dật.*
2. Tức Nguyễn Triều Văn, quê ở Gia Miêu Ngoại Tran, huyện Tống Sơn, Thanh Hóa.

nghe ngóng hư thực ra sao rồi sẽ định kế thi hành cũng chưa muộn.

Các tướng đều cho lời bàn ấy là phải. Rồi Sãi vương sai người đem lễ vật phúng viếng ra Thăng Long lập đàn phúng tế. Thanh Đô vương thấy vậy khôn xiết vừa lòng, khoản đãi rất hậu rồi cho sứ giả trở về. Mùa đông, tháng mười, Thanh Đô vương tôn phong cho chú là Phụng quốc công, làm phó nguyên suý phủ, tước Dương Lễ công, được cùng xử lý việc nước.

Bấy giờ Dương Lễ công Trịnh Đỗ [1] có con trưởng là quận Thạch vốn tính tình hung bạo, thường ngấp nghé muốn chiếm đoạt đại quyền. Quận Thạch do vậy liên kết mua chuộc những kẻ hào kiệt trong thiên hạ. Một hôm quận Thạch đến nhà người em của chúa là Gia quận công, vào ngồi trong phủ đường. Hai người thảnh thơi ngồi luận đàm sự tích anh hùng danh tướng các đời xưa nay, nào những việc tranh bá đồ vương, khai khẩn đất đai, mở mang bờ cõi đều được hiển đạt, danh lừng khắp trong ngoài. Đang khi cười nói, quận Thạch xúc cảm bồng bột vỗ chiếu bảo quận Gia rằng:

– Anh em ta là nam nhi, trong lồng ngực cũng có chí anh hùng hào kiệt, chẳng phải hạng đàn bà mặc váy đeo yếm, thế mà vẫn bo bo cúi đầu chịu cho người ta sai khiến hay sao?

Nói xong quắc mắt bừng giận. Quận Gia nghe quận Thạch nói xong thầm nghĩ: "Tay này hẳn là manh tâm làm phản cho nên mới biểu lộ ra ngoài như thế, ta biết tỏng cả". Nghĩ vậy bèn vỗ vai quận Thạch mà bảo rằng:

– Ngày xưa Đường Thái còn biết biến nhà thành nước. Tống Tổ [2] thường nghĩ việc đổi ngôi tôi thành vua. Huống chi quý phủ là người anh hùng cái thế, dũng mãnh siêu quần, người ta đều khâm phục ái mộ, nào có lo gì không thành tựu được!

Quận Thạch gật gù cả mừng. Khi hai người chia tay, quận Gia thầm nghĩ: "Tên giặc Thạch này hung ác thế, thật chẳng khác gì loài cầm thú. Quên nhân luân, vứt đại nghĩa, dung thứ cho nó có ích gì?".

Nghĩ thế quận Gia bèn vào phủ chúa tố cáo với Thanh Đô vương

---

1. Phụng quốc công, sau được thăng Dương Lễ công, là tên tước của Trịnh Đỗ, em Trịnh Tùng. Nguyên thư chép nhầm là Trịnh Cối, chúng tôi chỉnh lý lại (cả *Toàn thư* và *Cương mục* đều không ghi tên tước của Dương Lễ công, nhưng *Trịnh gia thế phả* có ghi tên tước đó của Trịnh Đỗ, như CNDC đã ghi đây).

2. Gọi tắt Đường Thái Tông và Tống Thái Tổ.

về việc quận Thạch mưu phản. Thanh Đô vương nghe xong bừng bừng nổi giận mắng rằng:

– Thằng súc sinh chứng nào vẫn tật ấy! Nay lại manh tâm làm phản! Bè lũ hung ác thật khó dung tha.

Nói đoạn sai gọi quan Đô khoa Lưu Đình Chất vào phủ hỏi rằng:

– Có ông quận Gia tố cáo quận Thạch mưu phản, nên xử trí thế nào?

Lưu Đình Chất nói:

– Bọn này hung ác ngang ngạnh không chịu từ bỏ thói cũ. Nay lại manh tâm làm phản, cách xử trí cần phải thận trọng, chớ nên nóng vội. Xin Chúa thượng sai người truyền lệnh cho các quan văn võ ngày mai vào hội ở phủ đường, ban thưởng trọng hậu cho mọi người, khi quận Thạch đến, lệnh cho bắt ngay, thế là thượng sách, khỏi phải sai quân vây đánh phủ dinh của hắn, đỡ mệt nhọc sĩ tốt, tổn hại cho dân lành. Ấy là kế "thả cá câu cá vậy".

Trịnh Tráng nghe theo lời, bèn sai người triệu họp các tướng. Sáng sớm ngày hôm sau, tể tướng và các quan vào chầu ở phủ chúa, ai nấy theo thứ bậc đều ngồi yên vị. Thanh Đô vương tay cầm thanh bảo kiếm trao cho quan Đô khoa Lưu Đình Chất, nói:

– Khanh hãy vạch mặt chỉ tên ra.

Lưu Đình Chất vâng lệnh cầm kiếm trên tay nghiêm giọng nói:

– Ngày hôm qua ông quận Gia nói gì, sao không trình bày minh bạch cho cả triều đình cùng nghe? Phải chăng là định bưng bít che giấu?

Bấy giờ quận Thạch nghe lời Lưu Đình Chất nói mặt mày tái mét, mồ hôi đổ ướt vã sau lưng, bồn chồn như ngồi trên đống lửa [1].

Lúc ấy quận Gia bèn quỳ xuống bẩm rằng:

– Khoảng chập tối ngày mồng ba hay mồng bốn, quận Thạch đến nhà thần, mượn cớ là đến thăm. Trong khi ngồi chơi nói chuyện, quận Thạch bỗng nhiên chuyển sắc mặt giận dữ, nghiêm giọng nói: Anh hùng xưa nay đều là những kẻ tranh bá đồ vương, đổi tôi làm vua, biến nhà làm nước, đều được hưởng vinh hoa phú quý vô cùng. Ta cũng là nam nhi, cớ sao bo bo như đàn bà con gái để cho người ta chế ngự. Nghe lời nói ấy, thần biết quận Thạch có lòng làm phản, thần không dám giấu giếm, liền vào phủ bẩm Chúa thượng biết. Xin triều đình xét định.

1. Nguyên văn: Như tọa châm chiên: như ngồi trên chiếc đệm bằng kim.

Quận Thạch nghe quận Gia nói cả kinh, hồn bay ngoài chín cõi, mồ hôi vã như xối, bấy giờ vội bỏ mũ, quỳ gối, rập đầu kêu oan:

– Thần sinh ra làm người cũng biết đạo quân thần phụ tử, cũng hiểu điều trung hiếu kính yêu. Đó là quận Gia vu cáo chứ thần không nói như thế. Muôn trông vương thượng minh xét kẻo oan uổng cho thần.

Thanh Đô vương làm thinh ngồi nghe.

Quan Đô đài Nguyễn Thế Danh nói:

– Đó chỉ là lời chống chế của quận Thạch. Xem sắc mặt thì biết tình gian đã rõ! Xin triều đình xét hỏi minh bạch để định tội cho đúng.

Các tướng nổi giận điệu quận Thạch ra tra khảo, cho đến lúc phải nhất nhất chịu khai. Rồi các tướng dẫn quận Thạch vào nộp trước mặt Thanh Đô vương, thưa rằng:

– Quận Thạch là đứa sất phu, quả đã có gian tình như thế. Không thể nào dung tha cho cha con hắn được!

Trịnh Tráng nghe xong cả giận, nhưng giả cười mà bảo quận Thạch rằng:

– Đó là việc thường xưa nay, há phải chỉ một mình ngươi đâu. Nhưng sang hèn đã có mệnh trời định sẵn, khó mà tranh đoạt được! Nay tội trạng của ngươi như thế, có gì mà nói nữa?

Quận Thạch chưa kịp cất miệng, Lưu Đình Chất đã quát vang:

– Võ sĩ đâu!

Quân hổ bí [1] vội xông ra túm cổ quận Thạch kéo ra bên ngoài trước cửa phủ chúa thắt cổ giết chết. Rồi Thanh Đô vương sai quân vây phá phủ dinh của Dương Lễ công Trịnh Đỗ, tước binh quyền, tịch thu hết tài sản, voi, ngựa khí giới của Đỗ chi dùng vào việc Chúa. Biếm truất Trịnh Đỗ làm dân thường. Trịnh Đỗ chịu tội, lui về sống ở ruộng vườn, rồi vì xấu hổ mà ốm chết.

Người thời bấy giờ có thơ chê trách như sau:

Không dưng bằng địa nổi nghê kình,
Lời kín đâu ngờ lỡ kiếp sinh!
Cá bơi trong chậu khoe nhẩy lượn,
Hươu chạy trong giếng uổng tung hoành.
Lưu Chất giỏi lo mau trù định,
Quận Thạch mưu ngu chịu nhục hình.

---

1. *Hổ bí:* Tên gọi quân dũng sĩ.

Đếm đốt ngón tay loài hung ác,
Ê chề chẳng ngớt tiếng ô danh!

Năm Giáp Tý, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ sáu (1624), Thanh Đô vương Trịnh Tráng từ sau khi giết quận Thạch, tước binh quyền của Trịnh Đỗ, xét Đô khoa Lưu Đình Chất là người có công xếp đặt mưu kế, phong cho Đình Chất chức Hộ bộ thượng thư kiêm Đô đài ngự sử, hàm Thiếu phó, tước Lộc quận công, lại gả công chúa cho con trai của Đình Chất. Thăng chức cho quan Đô đài Nguyễn Thế Danh làm Hình bộ thượng thư, hàm Thiếu phó, tước Quỳnh quận công. Các quan văn võ khác đều được thăng chức tước có thứ bậc khác nhau, ai nấy đều được tăng cấp bổng lộc. Thanh Đô vương mở yến tiệc khao đãi các quan văn võ. Tan tiệc ai nấy trở về bản doanh, giảng binh pháp, luyện võ nghệ, rèn tập quân cơ lo tính việc dẹp trừ nhà Mạc. Năm ấy, các quan triều đình bẩm với Thanh Đô vương rằng: Thụy quận công ở Nam trấn giữ hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam đã nhiều năm không nộp tô thuế. Trịnh Tráng cả giận bèn sai Thượng thư bộ Công kiêm tư nghiệp Quốc tử giám [1] là Phương Tuyền hầu Nguyễn Duy Thì làm trung sứ [2] cùng với bọn Bá Khê hầu Phan Văn Trị vào xứ Nam trách hỏi.

Duy Thì, Văn Trị vâng mệnh rong ruổi đến Thuận Hóa, vào công phủ của Thụy quận công truyền dụ rằng:

– Hoàng thượng đặc cách sai chúng tôi vào đây để hỏi ông về các khoản thóc tiền của hai xứ. Vả lại việc tô thuế có quan hệ lớn nước nhà, minh công đã mấy năm không đem ra nộp là lý do vì sao?

Sãi vương đáp:

– Nhà nước chứa trữ lương tiền là để sung dụng vào việc binh. Nhưng mấy năm nay mùa màng thất bát, trăm họ thiếu ăn, gần đây đã có người chết đói. Tôi thường nghe người xưa nói rằng: Dân là gốc lớn của nước. Muốn nuôi giữ lòng dân không nỡ thu tô đòi thuế trong những năm mất mùa. Các năm về sau mùa màng lúa tốt sẽ xin thu đem ra giao nộp, há phải là kẻ quay lưng làm phản để chiếm đoạt tô thuế của hoàng thượng đâu.

Sứ giả của Bắc triều nghe chúa Nam nói có lý, không dám gạn hỏi, bèn cáo từ về Bắc, trình lên để Thanh Đô vương biết. Trịnh

1. Chức quan đứng đầu Quốc tử giám.

2. Trung sứ tức sứ giả đi truyền lệnh của vua chúa.

Tráng cũng làm ngơ đi không hỏi đến việc ấy nữa.

Năm Ất Sửu, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ bảy (1625) tháng giêng, nhà Mạc ở Cao Bằng đem quân xuống đánh, lấn cướp ở vùng giáp ranh, Thanh Đô vương sai Thái bảo Nhạc quận công đem quân đi đánh dẹp, quân Mạc thua to phải rút về [1]. Tháng sáu, Mạc Kính Khoan lại đem quân đánh xuống, đóng đồn ở núi Hương Lĩnh, giết người cướp của, quấy nhiễu dân chúng vùng ven ranh. Thanh Đô vương Trịnh Tráng sai Thái bảo Hùng quận công đem quân đi đánh. Hai bên đánh lớn hơn một tháng không phân thắng bại. Thanh Đô vương cả giận, lại sai Thái úy Vũ quận công thống lãnh đại quân tiếp chiến. Vũ quận công lệnh cho quân sĩ đánh gấp. Mạc Kính Khoan phải chia quân chống giữ, nhưng quân của Vũ cũng khó giành phần thắng. Vũ quận công sai người về báo tin cho Thanh Đô vương biết. Thanh Đô vương bèn sai người sang cầu cứu mưu kế của nhà Minh. Người nhà Minh viết hai chữ giao cho người của Vương mang về. Thanh Đô vương mở giấy ra đọc thấy người Minh viết hai chữ "thanh thuỷ", chưa hiểu nghĩa lý ra sao, bèn triệu các quan vào phủ cùng bàn xét. Ai nấy đều hăng hái bàn tán nhưng vẫn chưa ngã ngũ ý nghĩa nằm trong hai chữ ấy. Thanh Đô vương lấy làm lo buồn. Bấy giờ văn quan là Đô đài Nguyễn Thế Danh thưa rằng:

– Chữ nghĩa rắc rối khó phân giải lắm. Nước ta thời Triết vương [2] có trạng nguyên Phùng Khắc Khoan là người thông đạt sáng suốt, đọc rộng biết nhiều. Nhưng vì có kẻ gièm pha vu cáo với Triết vương, nên bị thích chữ vào mặt biếm đày ở núi Phượng Nhãn. Từ đó đến nay kể đã lâu rồi. Xin Chúa thượng cho triệu về, bảo ông ta giải thích xem sao, kẻo ta lại bị người Minh cười thầm.

Thanh Đô vương nghe lời Thế Danh, cả mừng nói:

– Ta quên khuấy người này đã lâu rồi, không phải ông thì còn ai biết mà nhắc tới nữa!

Nói đoạn bèn sai người đem một mâm vàng đến núi Phượng Nhãn tìm đón Phùng Khắc Khoan. Sứ giả phải hai ba lượt chào mời, Phùng Khắc Khoan mới chịu vâng chỉ trở về Kinh đô. Khắc Khoan vào triều vái chào. Thanh Đô vương an ủi rất hậu, các quan đều đến

---

1. Về cuộc hành quân của quân Trịnh đánh quân Mạc nói đây. *Đại Việt thông sử* (của Lê Quý Đôn) chép vào tháng 5 năm trước (1624), chép họ tên của Nhạc quận công là Bùi Sĩ Lâm và vùng chiến sự là ở Chí Linh, Đông Triều (giáp giới giữa Hải Dương và Quảng Ninh ngày nay).

2. Tức Bình An vương Trịnh Tùng.

chúc mừng. Thanh Đô vương bèn đưa hai chữ "thanh thúy" của người Minh trao cho Khắc Khoan xem. Phùng Khắc Khoan chỉ liếc qua một lượt đã hiểu ngay ý tứ, cười mà thưa rằng:

– Người nước ấy nhắn ta đến tháng chạp xuất quân thì ắt giành được đại thắng! Có gì khó đâu [1].

Thanh Đô vương nghe Phùng Khắc Khoan giải thích nhận là rất có lý, vui mừng trọng thưởng cho Phùng Khắc Khoan, nhưng Khắc Khoan một mực chối từ.

Ngày tháng thoi đưa, chẳng mấy chốc đã đến tháng chạp. Thanh Đô vương bèn sai con trưởng là Thái bảo Sùng quận công Trịnh Kiều làm Nguyên súy, vương đệ là Thiếu phó Tung quận công Trịnh Đống làm Phó nguyên súy, thống lĩnh các tướng bộ thuộc là Thái bảo Nhạc quận công, Thắng quận công, Tào quận công [2], Doanh quận công, Cảnh quận công, Cẩm quận công đem đại binh đi đánh quân nhà Mạc.

Bọn Sùng quận công vâng lệnh đem quân lên đường, nhằm theo hướng Cao Bằng tiến phát. Chẳng mấy hôm, quân đã đến núi Ly Đà, cách Cao Bằng hai mươi dặm. Đại binh dừng lại đóng trại rồi chia quân tiến đánh. Mạc Kính Khoan sai quân đi chặn địch. Quân hai bên đánh lớn ở bãi Lãng Sơn. Sùng quận công phất cờ lệnh, phục binh nổi dậy đánh thốc tới. Quân Mạc thua lớn, chết trận rất nhiều, khí giới voi ngựa vứt bỏ ngổn ngang, quân Trịnh của Sùng quận công thu đoạt được nhiều không kể xiết. Con trưởng của Mạc Kính Khoan là Sùng vương Mạc Kính Loan cùng với cựu vương Mạc Kiền Thống [3] và tộc thuộc đàn ông, đàn bà bị bắt giam đem về Kinh xử tội. Tàn quân của họ Mạc sống sót tìm đường chạy trốn về Cao Bằng. Quân Trịnh sai người báo tin thắng trận, khải hoàn đem quân về Kinh.

Các tướng vào triều vái chào, bẩm trình với Thanh đô vương đầu đuôi việc đánh dẹp họ Mạc, Trịnh Tráng cả mừng khoản đãi các tướng rất hậu. Bấy giờ mới hay cao kiến của Phùng Khắc Khoan.

Bấy giờ đồ đảng họ Mạc ở Cao Bằng là Mạc Kính Khoan nghe tin thua trận, binh lính trốn về, liệu thế không chống giữ được, bèn

---

1. Theo cách chiết tự, chữ "thanh" đọc từ trên xuống thấy ba chữ "thập nhị nguyệt", còn chữ "thúy" thì nửa dưới có chữ "tốt" (quân lính). Đây chỉ là một giai thoại, không khớp với năm tháng vì lúc này Phùng Khắc Khoan đã mất.

2. Tên tước của thái bảo Ngô Phúc Vạn.

3. Tức Mạc Kính Cung.

bàn với các tướng rằng:

– Chúa Trịnh Thanh Đô vương ở Kinh, quân sắc tướng mạnh, đánh đâu thắng nấy, lấy đâu được đấy, uy danh lừng lẫy. Nay quân ta ô hợp, lương thực thiếu thốn khó chống cự nổi. Thảng lại có đại quân ở Kinh đô đánh lên thì biết đối địch ra sao? Chi bằng dâng thư xin hàng để làm kế sách giữ thân, rồi sau hãy liệu tính mưu kế khác. Chẳng hay ý nghĩ của các tướng thế nào?

Mọi người đều đáp lời cho là phải. Thế là Mạc Kính Khoan dâng biểu về triều đình Lê - Trịnh xin hàng, sai con là Mạc Kính Dung về Kinh làm con tin. Thanh Đô vương cả mừng cho thu nạp, ưu đãi rất trọng hậu, cho Mạc Kính Dung làm Thiếu phó tước Tham quận công, gả con gái cho Kính Dung. Giáng phong cựu vương nhà Mạc là Mạc Kính Khoan hàm Thái úy tước Thông quận công, giao cho làm Trấn thủ xứ Cao Bằng, phong cho Cẩn quốc công Vũ Công Ý hàm Thái phó tước Mưu quận công, giao cho làm Trấn thủ xứ Đại Đồng, cai quản binh dân thu nạp tô thuế của bản xứ. Từ đó các đoàn cống sứ [1] đi lại không ngớt. Thanh Đô vương thường dùng ơn đức để vỗ về, ưu đãi trọng hậu. Binh lính và dân chúng các nơi đều vui lòng tuân phục.

Thanh Đô vương xét công của Sùng quận công Trịnh Kiều trong việc dẹp Mạc, phong làm Tả hiệp quân doanh phó đô tướng, hàm Thái phó, tước Sùng quận công [2] để đền đáp chút ít công lao. Các tướng có dự việc đánh dẹp đều được gia phong phẩm tước có thứ bậc khác nhau. Lại phong cho Phùng Khắc Khoan làm Hộ bộ Thượng thư, hàm Thiếu úy, tước Thông quận công. Bọn Sùng quốc công vái tạ ra về. Từ đó trong nước yên việc đao binh. Người làm quan yên giữ chức vụ, người làm dân vui nghề nghiệp làm ăn.

Lại nói năm ấy, tháng tám, Thanh Đô vương Trịnh Tráng xuống lệnh mở khoa thi chọn học trò. Bấy giờ có người học trò quê ở xã Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia [3] là Đào Duy Từ, tên hiệu là Lộc Khê, vốn là con nhà ca xướng, tuổi mới hai mươi mốt, cha mẹ mất sớm, bẩm tính thông minh sáng trí, thông hiểu sự tích cổ kim, các sách ngũ kinh, chư sử, không sách nào không đọc. Hiểu rộng tam

---

1. Đây chỉ các đoàn công cán từ các vùng trước đó do nhà Mạc và Vũ Công Ý kiểm soát về kinh đô Thăng Long.

2. Nguyên thư chép là Sùng quận công (vẫn như tước cũ) đúng ra là Sùng quốc công như ở dưới đã nói.

3. Nay thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

giáo cửu lưu, mà về thơ văn tứ phú lại càng tinh xảo. Nếu không phải là những người có tài xuất quỷ nhập thần, những bậc trí giả giúp nước phò vua, thì học giả trong thiên hạ không ai có thể sánh kịp. Vì thế người ta suy tôn khen ngợi cho là Gia Cát tái sinh ngày nay vậy. Bấy giờ Đào Duy Từ nghe tin triều đình mở khoa thi kén kẻ sĩ, bèn thu xếp hành trang, định ngày về Kinh đô dự thi. Nhưng khảo quan ở trường thi theo điều quy định nói rằng hễ là con nhà ca xướng thì dầu thông hiểu sách cũng không được dự thi Cống cử [1]. Vì thế Lộc Khê phải nuốt giận-trở về. Từ đó Lộc Khê ngày đêm suy nghĩ để tìm kế lập thân, anh em họ hàng đều không hay biết. Nhân vì Lộc Khê từng nghe người ta đồn rằng chúa xứ Nam là Thụy quận công trấn thủ ở Thuận Hóa rộng ban ơn đức, phong độ gần được như Nghiêu Thuấn, mà chính sách cầu hiền chọn giỏi thì phỏng theo đời thịnh Đường, Ngu, danh tiếng vang khắp xa gần, hào kiệt khắp nơi tìm đến. Lại thêm xứ giàu dân thịnh, gió thuận mưa hòa, có cảnh tượng của thời đế vương mới dấy, lâu dài về sau ắt thành nghiệp lớn. Lộc Khê nghĩ rằng nếu theo vào trong đó thì công danh của mình sẽ được hiển đạt như Trương Tử Phòng về Hán, Ngũ Tử Tư về Ngô, ngõ hầu khỏi bị nát vì cây cỏ, uổng phí một đời.

Nghĩ vậy là xong, khoảng trung tuần tháng mười, Lộc Khê một mình đốt hương vái biệt phần mộ cha mẹ, ông bà tổ tiên, rồi lên đường vào Thuận Hóa thuộc Nam triều. Anh em bà con họ hàng đều không ai hay biết việc ấy.

Duy Từ đi đường chẳng mất bao ngày đã đến địa giới huyện Vũ Xương, giả làm như một người câm, ngu khờ mất trí, hàng ngày quanh quẩn ăn xin ở các xóm làng, kỳ thực là để bí mật quan sát địa thế núi sông, cũng là dò kiếm xem nơi nào có thể đặt chân nhờ cậy được. Duy Từ để ý nhiều, nhưng chưa gặp chỗ vừa ý. Rồi đó Duy Từ lén đến gần phủ chúa Nam triều, ngắm nhìn các khu dinh thự lâu đài, quả thấy có khí lành hội tụ bốc lên trời cao. Duy Từ thấy thế cả mừng. Chỉ hiềm một nỗi nơi đây là chốn thị tứ đô hội không lấy gì phân biệt kẻ hèn ngu, khó bề làm cho người ta biết đến tên tuổi của mình. Nghĩ vậy Duy Từ bèn rời chân đi khắp đây đó các nơi để ý xem xét tình hình trong xứ. Cứ thế Duy Từ ngày đêm đi nghỉ, không ngại vượt núi qua sông. Thấy cảnh vật tươi đẹp không thua kém đất

1. Thi Cống cử; tức thi Hương (trong khu vực mấy tỉnh làm một trường) người trúng tuyển được gửi về kinh đô thi Hội, gọi là Cống cử.

kinh kỳ, tình cảm của Duy Từ lại càng thêm yêu mến.

Một hôm, Duy Từ đi qua phủ Hoài Nhơn [1]. Nơi đây địa hình phong phú tươi đẹp, phong tục hào hiệp. Duy Từ quyết chí ở lại đây tìm chỗ nương thân, trong thôn ấp, chịu làm đầy tớ nhà người để tìm kế lập thân. Nhưng Duy Từ vẫn chưa tìm được nơi vừa ý, đành phải dừng chân ở quán nước nghỉ ngơi.

Ngọn sóng có lớp lang, câu chuyện có khúc đoạn: Duy Từ nghe những người ngồi uống nước trong quán trò chuyện với nhau đều nhắc đến tên của quan khám lý Cống quận công [2] ở xã Bồ Đề [3] là em kết nghĩa với Nam chúa. Mỗi khi quan khám lý về phủ dinh bàn nói điều gì đều được Nam chúa nghe theo, có quyền ra vào tự do trong dinh cấm.

Quan khám lý gia tư hào phú, bàn tính mưu trí đảm lược đủ tin cậy để cùng chung sự nghiệp. Duy Từ nghe nói mừng thầm, nghĩ bụng: được đúng như lời, thì ta tìm đến đó sẽ lập được thân nên danh. Rồi đó Duy Từ trước hết tìm đến một thôn gọi là thôn Tùng Châu, cách xã Bồ Đề có nhà quan khám lý một con sông nhỏ. Trong thôn có một phú ông, cũng là kẻ hào hữu một thời, tính thích văn chương, quý trọng Nho sĩ như châu báu, bày mâm cỗ rượu thịt cùng những người Nho học sum họp giảng bàn kinh sử, trò chuyện sự tích cổ kim, mong làm sáng tỏ đạo nghĩa thánh hiền. Về gia sản, thôn ông ruộng nương vô số, nghìn con trâu bò, của cải rất giàu có. Nhưng người chăn trâu thì rất khó thuê. Duy Từ hỏi thăm biết vậy, trong bụng rất mừng, bèn tìm đến ngoài ngõ, giả làm kẻ ăn xin. Lúc ấy thôn ông đang dạo bước trước sân nhà, đưa mắt nhìn ra, thấy Duy Từ đang rảo chân đi vào, mặt mũi khôi ngô, dáng người tuấn tú, có cốt cách nhà Nho.

Duy Từ đi tới trước chủ nhân cúi chào rồi hỏi xin ăn. Chủ nhân nghe xong bèn hỏi:

– Nhà ngươi quê quán làng nào? Đi làm việc gì, ở đâu? Cha mẹ

---

1. *Hoài Nhơn:* Tên phủ đời Lê, thuộc trấn Quảng Nam, gồm tất cả đất tỉnh Bình Định. Nhân đọc là Nhơn vì kiêng húy tên thường gọi của chúa thượng Nguyễn Phúc Lan (Nhân quận công).

2. Tên tước của Trần Đức Hòa giữ chức khám lý phủ Hoài Nhơn ĐNTLTB chép: "Đức Hòa thường dự bàn việc quân việc nước, rất được chúa (Nguyễn Hoàng) thân yêu tin dùng, thường gọi là em kết nghĩa".

3. *Bồ Đề:* Tên xã thuộc huyện Bồng Sơn, tỉnh Bình Định.

có còn hay không mà quần áo ăn mặc lam lũ thiếu thốn như vậy? Vả lại trong bốn hạng dân [1] há lại không tìm được một chỗ nương thân mà phải lủi thủi một mình góc cửa ăn xin cho khốn khổ tấm thân? Hoặc giả là lười biếng bất tài, cho nên không có nơi nương tựa? Bấy nhiêu tình trạng, ngươi nên từ đầu chí cuối nói thật ta nghe rõ.

Duy Từ đối rằng:

– Tiểu nhân là dân ngụ cư [2] ở Thuận Hóa, cha mẹ chết sớm, bà con chẳng còn ai, linh đinh cơ khổ. Cũng muốn theo đòi học nghiệp nhưng chẳng có cách gì mà học được. Huống chi tuổi cũng đã gần nửa tuổi đời, ai người ta chịu nuôi cho, vì thế nên đành phải cúi thân ăn xin cho qua ngày đoạn tháng. Nay nghe nói quý ông có trâu bò hàng đàn mà còn thiếu người chăn dắt rơm cỏ, tiểu nhân xin gửi thân làm kẻ chăn trâu, mong nhờ vả bát cơm lứt [3] để khỏi đói rét.

Chủ nhân nghe nói động lòng thương xót chặc lưỡi tiếc mãi không thôi, bèn thu nhận cho ở. Từ đó Duy Từ lùa trâu bò đi chăn dắt. Nhưng chỉ lùa trâu vào hẳn trong động núi hoặc thả cho ăn ngoài bãi và thường chỉ chọn hai hướng Đông Tây mà thôi. Những nơi thường ngồi nghỉ, Duy Từ đều có cất dấu sách vở để đọc. Ban đêm về nhà thì giả cách làm như người ngu khờ ú ớ, nói phô cẩn thận giữ gìn, tuyệt không hề tranh cãi đúng sai với người khác. Đến như ban đêm cũng lánh ra nơi riêng nằm ngủ một mình, chưa từng khinh suất trong việc giao tiếp. Vì thế chẳng ai dò biết ý tứ của Duy Từ ra sao, đều cho là đứa chăn trâu ngu ngốc, không thèm hỏi han đến. Nguyên vì Duy Từ là người có tài năng ngang đất dọc trời mà chịu lam lũ làm kẻ tầm thường như thế, cho nên người ta không hiểu lý do tại sao. Quả như cổ nhân thường bảo: chim én chim sẻ làm sao mà hiểu được chí khí của chim hộc chim hồng!

Người đời sau có thơ khen Đào Duy Từ như sau:

Chí ngút trời cao khó nổi danh,
Sớm rời cửa Bắc đến Nam doanh.
Mây hồng muôn dặm xem rồng đấu,
Tuyết động từng không ngắm hổ tranh.

---

1. Sĩ, công, nông, thương.

2. Nguyên văn: Trúc ốc (làm nhà, dựng nhà) chỉ trường hợp vì lý do làm ăn sinh sống đến làm nhà ở một địa phương khác. Văn bản chép nhầm chữ "trúc" là dựng (nhà) thành chữ "trúc" (cây tre) đặt ở đây không có nghĩa.

3. Nguyên văn: thô phạn (cơm thổi bằng gạo chưa giã).

Nấn ở đất Tần theo Ninh Thích[1]
Nhàn nơi Sần dã học Y Khanh[2]
Phải chăng chẳng gặp vua hiền sáng,
Trọn kiếp cùng người vẫn ở canh!

*

* *

---

1. *Ninh Thích:* Người thời Xuân Thu (TQ), khi đi chăn trâu treo sách ở sừng trâu mà học, sau giúp Hoàn Công nước Tề dựng nên nghiệp.

2. *Y Khanh:* Tức Y Doãn, người hiền đời Thương (TQ), có công giúp Thành Thang đánh Kiệt, diệt nhà Hạ.

HỒI THỨ BẢY

Mắc mưu Chiêu Vũ, Thanh Đô vương lui quân về Bắc
Ra thăm Sãi vương, Cống quận công tiến cử rể hiền

Lại nói năm Bính Dần, niên hiệu Vĩnh Tộ năm thứ tám (1626), ở Nam trấn, chúa Sãi vương đã nhiều năm không muốn đích thân xét quyết việc chính sự, mọi việc hình phạt kiện tụng đều ủy cho em là Tổng trấn Tường quận công xử lý. Từ đó các quan văn võ hàng ngày vào chầu ở vương phủ một lúc sáng sớm đến khoảng giờ Thìn lại sang dinh của Tường quận công hầu việc. Nếu có kẻ nào phạm tội bàn xét đáng tội chết thì mới bẩm trình lên chúa để thi hành. Sãi vương chỉ khoanh tay rũ áo sửa đức làm nhân, chăm thương dân chúng, ngày đêm một niềm mong ước có người hiền tài giúp rập để lo toan khai sáng cơ nghiệp. Nhưng chưa tìm được người như thế, chúa vì thế buồn lo trong lòng.

Tháng sáu, Sãi vương sai gọi Chiêu Vũ Nguyễn Hữu Dật là con trai Tham tướng Triều Văn hầu vào triều lại trao chức văn quan như trước. Từ đó Chiêu Vũ ngày đêm dự bàn việc quân cơ, bàn luận chính sự.

Chiêu Vũ là người có tài thông kim bác cổ, học sâu đạo lý hơn người, lại nói năng lưu loát, vì thế rất được Sãi vương yêu mến. Sãi vương từng muốn giao phó cho Chiêu Vũ việc lớn mở mang bờ cõi, nhưng vì còn thiếu người, hãy tạm thời cất nhắc sử dụng để chờ đợi trong ngoài. Khi có người hiền tài đến giúp sẽ tùy đó mà cử động.

Lại nói chuyện tháng tư năm ấy, ở Bắc triều ngôi điện mái bằng trong hoàng cung tự dưng bỗng có máu từ trên một cột trụ chảy xuống loang cả nền nhà, mùi tanh hôi nồng nặc. Thanh Đô vương sai đạo sĩ lập đàn cầu tạ để giải trừ đến ngoài tháng bảy mới hết. Vua Lê càng thêm lo lắng vì chưa biết triệu chứng lành dữ ra sao?

Mùa thu, tháng tám, Thanh Đô vương Trịnh Tráng sai Thái bảo Đăng quận công Nguyễn Khải cùng với quan Đốc thị là Thiếu bảo Hình bộ thượng thư Quỳnh quận công Nguyễn Thế Danh thống lĩnh các thuộc tướng là bọn Hội quận công, Dụ quận công, Phú quận công đem năm nghìn quân tinh nhuệ vào huyện Kỳ Hoa đóng giữ ở xứ Kỳ

Doanh, chia quân đóng làm hai trại để phòng khi đánh giữ có thể hỗ trợ cho nhau. Đó là ý định của Thanh Đô vương muốn thu phục đất đai Nam triều.

Lại nói chuyện người học trò lưu ngụ ở phủ Hoài Nhơn thuộc Nam triều là Lộc Khê Đào Duy Từ, từ khi thay hình đổi dạng che dấu tung tích, gửi thân làm kẻ chăn trâu cho nhà phú hào ở thôn Tùng Châu, ban ngày lùa trâu bò đi chăn dắt, đêm về lánh riêng nằm ngủ một nơi, người nhà không ai hay biết. Một hôm chủ nhà mời những người Nho học tới sum hội. Đến khoảng chập tối mọi người đang vui vẻ ngồi đàm luận kinh sử thì Duy Từ lùa trâu về ràn. Buộc trâu xong, Duy Từ tay cầm chiếc roi trâu, vai đeo nón lá, lưng quấn khố vải đi đến chỗ trước các ông khách Nho, ghếch chân lên bậc thềm đứng nhìn chằm chặp. Các ông khách có người quát, có người mắng đuổi. Duy Từ chỉ nhếch mép cười, giả làm như không biết gì cả. Chủ nhà mắng rằng:

– Ngươi là đứa ở chăn trâu, vốn không biết đạo Khổng Mạnh, đã đưa trâu vào ràn, thì xuống bếp tìm cơm ăn rồi mà đi nghỉ, sáng mai cho trâu ra sớm, còn đứng đấy làm gì cho phí sức mệt xác? Huống chi các vị Nho học đây đều là bậc quân tử, còn ngươi là hạng tiểu nhân, thế mà dám ngang nhiên đứng trước mặt, chẳng biết khiêm tốn cung kính gì cả. Thế là có tội đấy.

Duy Từ nghe xong ha hả cười vang, đáp rằng:

– Nho cũng có hạng Nho quân tử, Nho tiểu nhân. Chăn trâu cũng có kẻ chăn trâu anh hùng, kẻ chăn trâu tôi tớ, cao thấp không giống nhau, hiền ngu chẳng phải một. Còn nay tiểu nhân tôi đứng nhìn thì chẳng liên can gì đến sự tôn quý, có tội lỗi gì mà phải xua đuổi?

Các khách Nho nghe Duy Từ đối đáp như thế đều ngạc nhiên, hỏi:

– Ngươi bảo ai là Nho quân tử, ai là Nho tiểu nhân?

Duy Từ cười nhạt đáp:

– Phàm là Nho quân tử, thì trên thông thiên văn, dưới hiểu địa lý, giữa thấu việc người. Ở nhà tất phải giữ đạo cha con, anh em, bạn bè, chồng vợ. Đối với nước tất phải biết mưu lược yên dân giúp đời, cứu hiểm phò nguy, bày binh dàn trận, vào chính ra kỳ [1], lập công

---

1. *Kỳ, chính:* là thuật ngữ quân sự thời cổ: dàn quân đối trận với quân địch là chính (chính trận); phục quân đặt hiểm, lợi dụng chỗ địch sơ hở để tấn công gọi là kỳ (kỳ trận).

danh ở đời nay, lưu sự nghiệp cho đời sau, ngời ngời rỡ rỡ, nghìn thu không mờ. Nhà Thương có Y Doãn, nhà Chu có Thái Công [1]; nhà Hán có Vũ hầu Gia Cát Lượng, là những người như thế. Còn như Nho tiểu nhân thì tài học chỉ ở chỗ tầm chương trích cú, cầu danh, cầu lộc, lại muốn rong ruổi trên chỗ bút mực văn chương, cậy danh là Nho mà cười gió cợt trăng, coi thường cả những kẻ hào kiệt ở đời. Thế thì làm sao mà hiểu được ý chí của thánh hiền, đạo lớn của vua tôi? Huống chi nửa đường may mà được ra làm quan, nhất thời được giao cho việc coi sóc dân chúng, xử lý chính trị thì trăm phương nghìn kế mưu đồ lợi riêng, không nghĩ rằng sâu mọt hại dân là điều đáng sợ. Lại may hơn nữa mà được dự bàn kế sách lớn, xét quyết công việc đại sự của quốc gia thì mặc cho người khác hết lòng lo toan suy nghĩ, còn tự mình thì bàn tán rông dài, thao thao bất tuyệt. Như bọn Kiểu Hạo, Vương Diễn ở đời Tấn thì có gì đáng phải nói đến!

Các ông khách nghe xong cả kinh nói:

– Còn kẻ chăn trâu anh hùng, kẻ chăn trâu tôi tớ ra sao, khá nói luôn rõ ràng cho nghe một thể!

Duy Từ hơi chút mỉm cười rồi nói:

– Kẻ chăn trâu anh hùng thì như Nịnh Thích, phục hưng được nước Tề, Điền Đan [2] tung lửa đốt giặc thu lại hết thành trì đã bị mất vào tay nước Yên. Hứa Do [3] cho trâu uống nước ở khe mà có thể phân biệt được hưng vong trị loạn, Bách Lý Hề [4] chăn dê ở miền hoang nước Tần mà biết được thời vận bĩ thái, thịnh suy. Đó là những kẻ chăn trâu dắt dê anh hùng. Còn những kẻ chăn trâu tôi tớ, thì quẩn quanh trong cõi, xe chở đấu lường, no thì bỏ trâu đi trộm quả, ban

---

1. Tức Thái Công Vọng người thời cuối Ân đầu Thục, mưu sĩ có công giúp Chu Vũ vương diệt Trụ lập ra nhà Chu (nguyên họ Khương tên Thượng). Chu Vũ vương đi săn gặp Thượng ngồi câu bên bờ sông Vi, nói: "Cha tôi mong ông đã lâu rồi" (Ngô Thái công vọng tử cửu hĩ), nhân đó người ta thường gọi Thượng là Thái Công Vọng.

2. *Điền Đan:* Người nước Tề thời Chiến Quốc, dùng hơn 1000 con trâu buộc sậy khô, tẩm dầu vào đuôi trâu rồi đốt lửa thả ra ngoài thành, quân Tề theo đàn trâu xông ra đánh thắng quân Yên.

3. *Hứa Do:* Tương truyền vua Nghiêu tìm đến núi Cơ để nhường ngôi cho Hứa Do. Hứa Do đang cho trâu uống nước đáp rằng: "Ông trị thiên hạ thì thiên hạ đã trị rồi, tôi phải thay ông làm gì nữa ?"

4. *Bách Lý Hề:* Người nước Ngu thời Xuân Thu, bỏ sang nước Tần, tự bán mình đi ở chăn trâu cho người với giá bằng 5 bộ da dê. Tần Mục Công biết Hề là người hiền, sai đem 5 bộ da dê đến chuộc về, phong làm đại phu (ba điển trên đây đều nói đến việc chăn dắt trâu, dê để hợp với cảnh ngộ của Đào Duy Từ lúc bấy giờ).

đêm ngủ khướt, quên rơm cỏ cho trâu bò ăn. Bọn ấy chỉ biết một thời mình, tắm mưa giãi gió coi quỷ thần cũng chẳng có gì đáng sợ, coi cha mẹ không đáng cậy nhờ, lêu lổng chơi bời không bờ bến, ngu muội vô chừng, thuận chí vui thì hò reo hô hoán, giận thì chẳng còn thân sơ, làm xấu lây cả các bậc cha anh, để oán giận cho hàng xóm. Đấy là hạng chăn trâu tôi tớ, chẳng cần phải hỏi để làm chi!

Các ông nhà Nho nghe Duy Từ nói năng lưu loát, bác cổ thông kim, ai nấy đều kinh hãi ngồi nhìn, rồi cùng đứng cả dậy khoanh tay thưa rằng:

– Ông quả là bậc thầy cao minh!

Rồi mời Duy Từ cùng ngồi, nhưng Duy Từ khiêm nhường vẫn đứng. Các ông đồ phải xuống thềm dẫn Duy Từ lên ngồi chiếu trên.

Chủ nhà thấy vậy lấy làm lạ, bèn thúc giục các ông khách Nho hỏi thêm nhiều nữa về học thuật của Bách gia chư tử, ba giáo chín dòng. Lộc Khê Đào Duy Từ đáp lời, tất cả đều nói qua một lượt, không sai sót chữ nào, ai nấy đều rụt đầu lè lưỡi hồi lâu vẫn chưa hết ngạc nhiên. Ông lão chủ nhà thấy vậy vui mừng khôn xiết, vỗ vai Lộc Khê mà nói rằng:

– Tài giỏi như vậy sao lại giấu mất lão phu, đến nỗi mấy tháng nay phải phong trần dính áo, ngọc đá chẳng phân? Ấy là lỗi của lão phu không sáng suốt. Có tội lắm! Có tội lắm!

Từ đó chủ nhà may sắm quần áo mới cho Duy Từ, mời ngồi giảng học không làm việc chăn trâu nữa. Ngày tháng trôi qua rồi chủ nhà tiến cử Lộc Khê với quan khám lý Cống quận công Trần Đức Hòa. Cống quận công cùng Lộc Khê ngày đêm bàn luận mọi việc cổ kim, các lẽ hưng vong trị loạn, không điều gì không thông suốt. Cống quận công hết sức yêu quý, gả con gái cho để gắn bó tình thân.

Lộc Khê ngay thường nghĩ việc báo hận họ Trịnh. Mỗi khi xem đến chuyện *Tam quốc diễn nghĩa* thấy Khổng Minh từ khi ra khỏi thảo lư vang danh Hoa Hạ, lừng uy anh hùng, vẫn muốn noi theo, bèn sáng tác một thiên *Ngọa long cương văn* (khúc ngâm núi Ngọa Long) [1] đem trình Cống quận công. Cống quận công xem bài *văn* thấy văn từ khoáng đạt, sự tích tinh thông, có tài quân sư của bậc đế vương, trong lòng rất lấy làm mừng, bèn cầm bút đề mấy chữ: "Trời sinh minh chúa

1. *Ngọa Long cương:* Tên gọi núi nhỏ ở quận Nam Dương (Trung Quốc), nơi ở của Gia Cát Lượng (tự Khổng Minh, người đời thường gọi là Ngọa Long tiên sinh, sau Gia Cát Lượng giúp Lưu Bị nên cơ nghiệp nhà Thục Hán).

trị dân, tất có hiền tài giúp rập. Lộc Khê chính là Ngọa Long tiên sinh ngày nay". Từ đó cảm tình của Cống quận công đối với Lộc Khê ngày thêm thân quý, dự tính sẽ tiến cử với chúa Nguyễn. Người đời sau nhân đó có thơ bình tán Lộc Khê rằng:

Huyền vi trù nghĩ đã bao ngày,
Hiển hách cao danh thật sáng thay.
Ngọc tỏa non cao người chẳng biết,
Châu chìm nước biếc chúng khôn hay.
Gió mây rồi có ngày mây gió,
Cá nước đâu hơn cá nước này.
Một sớm sấm vang theo mưa xối,
Ao tù vùng vẫy thấy rồng bay!

Lại nói chuyện Thanh Đô vương ở Bắc triều từ năm Giáp Tý sai người vào hỏi chúa Nam về việc tô thuế đến bây giờ đã cách ba năm mà vẫn không thấy chở ra nộp. Lại nghe nói Thụy quốc công Nguyễn Phúc Nguyên ở xứ Nam thường ngày luyện binh tuyển tướng, dạy tập voi ngựa, sửa sang khí giới chiến thuyền, rắp tâm ra mặt chống cự. Thanh Đô vương Trịnh Tráng bèn sai Binh khoa cấp sự trung Mỹ Toàn bá Nguyễn Hữu Bản đem sắc dụ vào Nam đốc thúc việc nộp lương tiền.

Nguyễn Hữu Bản vâng lệnh lên đường, ngày đêm rong ruổi đến Thuận Hóa, vào ngay phủ dinh của Nam chúa để chuyển đạt sắc dụ. Thụy quận công tiếp sắc thư mở ra xem. Lời sắc nói:

"Hoàng thượng ban sắc dụ cho thái bảo Thụy quận công Nguyễn Phúc Nguyên biết rằng: Mệnh lệnh của triều đình, người làm tôi cần phải tuân theo. Việc tô thuế ở châu quận các phiên tướng [1] không được chuyên đoán theo ý riêng. Ngày trước đã sai bọn Công bộ thượng thư kiêm Quốc tử giám tư nghiệp Phương Tuyền hầu Nguyễn Duy Thì, Bá Khê hầu Phan Văn Trị vào xứ Thuận Hóa nói rõ tình ý, bảo cho biết sự họa phúc để tỉnh ngộ mà tuân theo mệnh lệnh của triều đình. Không ngờ vẫn còn mê muội chưa biết lẽ hơn thiệt, chỉ mượn cớ tâu thưa qua lại để kéo dài ngày tháng, đến nỗi thóc tiền thu phát chia cấp đều không được rõ. Đạo người làm tôi có như thế chăng?

Nay ngươi nên sửa lỗi trước, tuân giữ phép tắc chế độ. Phàm là tô thuế của hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam từ năm Quý Hợi (1623) trở về trước bảo là gặp lúc mất mùa thì đều cho miễn cả. Nhưng từ

1. *Phiên tướng:* Tướng trấn thủ ở vùng biên giới.

năm Giáp Tý (1624) trở lại đây thì phải theo đủ lệ ngạch mà thu nộp cho đủ số như lệ thuế về thời quốc công trước [1], phải mau chóng đốc thúc đem thuyền tàu chở ra nộp số thóc thuế ấy, cùng với các khoản cống nộp về binh lính, voi ngựa. Hoặc tự mình đến Kinh đô chào mừng, hoặc sai con làm con tin đi thay, để nhìn thấy cảnh tượng trong nước mà hiểu rõ sự kính lễ của bậc đại thần. Như thế thì triều đình sẽ cho người gia thăng phẩm tước để rạng rỡ tổ tông. Phải cẩn thận chớ chậm trễ hoặc nghi ngại mà không chịu đến thì triều đình sẽ phải xử trị. Kính tuân sắc dụ".

Nam chúa xem xong cả cười bảo sứ giả:

– Ta vốn biết Thanh Đô [2] là kẻ quên ơn chuốc oán, ích kỷ hại người, không đoái đến tình thân thích, không nghĩ đến đại nghĩa, tự ý làm sắc dụ đưa vào đây, nói càn là của Hoàng đế để dọa ta. Lẽ nào vua Lê đích thực có làm cái sắc dụ này hay sao? Huống chi thiên tử do trời sai xuống, là bậc nhân từ đại độ, lượng cả bao dung, thảy đều tốt đẹp, biết suy nghĩ việc xưa để thể nghiệm ở đời nay, có đâu nhẫn tâm quên ơn con cháu bậc công thần! Nay ta cai quản hai xứ đây chẳng qua là một trấn nhỏ, thuế má có đáng là bao mà cứ sai đi đòi hỏi luôn luôn, chỉ thêm phiền phí. Nếu Thanh Đô nghĩ đến công lao của Thánh tổ thiên vương thì nên dâng biểu xin Hoàng thượng cắt gộp luôn cả xứ Nghệ An giao cho ta cai quản, ngõ hầu mới xứng đáng công lao của đời trước, cần gì phải mượn oai hổ mà hù dọa ta?

Thụy quận công nói xong lại cười lớn. Sứ giả nghe nói lấy làm sợ hãi không dám mở miệng hỏi lại. Tiếp đó các đại thần văn võ ở triều đình cũng nghiêm giọng nói:

– Các ông sao cứ giữ mê đến như thế? Người đầu tiên chiêu tập nghĩa binh để khuông phù nhà Lê, phục hồi nghiệp đế đều là công sức của tổ tông nhà họ Nguyễn, chẳng phải chỉ một mình họ Trịnh mà có thể làm nổi. Đối với việc giữ yên xã tắc, nhất thống sơn hà, lẽ nào người có công lao mà không thưởng được không? Hơn nữa họ Trịnh lại tiếm đoạt quyền chính, càn rỡ, tự cho mình là to, trên khinh nhờn Thiên tử, dưới hiếp đáp đình thần, ai nấy đều không dám hé răng. Phú quý đã tột mức mà không chịu dừng. Nay lại thôi thúc chủ chúng tôi đưa tô thuế ra nộp. Phải chăng là coi dân xứ Nam

1. Tiền quốc công: Vị quốc công đời trước, chỉ Nguyễn Hoàng.

2. Tức Thanh Đô vương (Trịnh Tráng), chỉ gọi tên tước không kèm theo chữ "vương" là gọi ngang.

chúng tôi như đàn bà con gái? Nếu tự cậy là anh hùng, chúng ta đây cũng là hào kiệt, há chịu khom lưng để cho người ta nắm cổ tay lôi đi hay sao?

Thụy quốc công nghe các tướng nói xong, bèn đập tay cười vang mà bảo các tướng rằng:

– Các ông không cần phải nhiều lời nữa. Ta với Thanh Đô là chỗ tình nghĩa thân thích, ơn như tim phổi, chớ vì chuyện tín nghĩa mà gây thù kết oán để thiên hạ người ta chê cười cho. Ấy không phải chuyện hay.

Rồi đó Thụy quốc công quay lại nói với sứ giả:

– Các ông hãy về. Tôi vái vọng Hoàng thượng, gửi lời chào Thanh Đô. Kẻ trượng phu chí khí thì trông mong cho nhau, chớ vì hiềm khích nhỏ mọn mà để bụng nghi ngờ. Còn như việc tô thuế, xin để thư thả cho vài năm lúa má được mùa đôi chút thì tôi sẽ đích thân đốc thúc sai người đi thu vén để đưa ra giao nộp, há dám trái lệnh của Hoàng đế hay sao?

Thụy quốc công nói xong sai người đem bạc và lụa hậu tặng cho những người trong sứ bộ của Bắc triều.

Chuyện đến đây chia làm hai mối kể tiếp:

Những người trong xứ bộ Bắc triều bị lời lẽ áp đảo, đành nén lòng vái chào lên đường trở về Bắc, đem lời phúc đáp của Nam chúa là Thụy quốc công bẩm trình với Thanh Đô vương Trịnh Tráng. Thanh Đô vương nghe xong cả giận muốn dốc hết quân lính đi đánh phạt Nam chúa, nhưng vì bấy giờ đã sắp hết năm, nên đành phải tạm lắng.

Năm Đinh Mão, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ chín (1627), tháng giêng, ở Bắc triều, Thanh Đô vương Trịnh Tráng từ khi Binh khoa cấp sự trung Nguyễn Hữu Bản vâng lệnh đi sứ vào Nam trở về bẩm trình công việc như thế, Thanh Đô vương rất căm tức Thụy quốc công, muốn cất quân đánh lấy hai xứ Quảng Nam, Thuận Hóa. Nhưng nghĩ rằng đem quân đi đánh như thế không có danh nghĩa gì. Rồi đó Thanh Đô vương bèn nghĩ ra một quỷ kế, mật sai người vào Nam trấn làm như thế, như thế... Nếu chống lệnh, tất đem quân vào đánh hỏi tội có lý lẽ, bấy giờ hãy xuất quân cũng chưa muộn.

Rồi đó Thanh Đô vương sai trung sứ là An Toàn hầu Lê Đại

Nhậm [1] đi Thuận Hóa, vào phủ chúa bẩm với Sãi vương rằng:

– Hoàng thượng có lệnh truyền cho Nam chúa phải đưa công tử cưng nhất về Kinh chầu hầu làm con tin. Một là chầu cửa vua để vẹn đạo quân thần, hai là hầu việc ở vương phủ để thể hiện tình anh em với chúa Trịnh. Lại phải chọn voi đực ba mươi con, thuyền biển ba mươi chiếc cùng lúc đưa ra nộp ở triều đình để dùng làm lễ cống cho nhà Minh còn thiếu mấy năm trước, phải mau mau sai người đem ra tiến nộp, chớ để chậm trễ. Trái lệnh vua là phạm tội không thể dung tha, chẳng có lý lẽ gì để oán trách nữa.

Thụy quốc công nghe sứ giả nói, cho là thậm vô lý, hết sức tức giận, nhưng vẫn giả làm ra vẻ tươi cười, nói với sứ giả rằng:

– Vâng lệnh Hoàng thượng, ông hãy trở về. Tôi muốn lạy Hoàng đế, sau nữa gửi lời chào Thanh Đô. Tôi vẫn nghe nói lễ vật nước ta nộp cho nhà Minh chỉ là vàng tốt và kỳ nam mà thôi, hai thứ ấy đúng là vật quý, còn như voi đực và ghe thuyền thì trước đến nay không thấy có lệnh ấy. Huống chi voi thì còn ở trên rừng, tôi đã sai tìm mà chưa bắt được. Thuyền biển thì gỗ lạt hết nhẵn, đang sai quân đốn chặt. Nếu có lệnh truyền nộp gấp hãy cứ tạm chờ vài năm để làm cho hoàn bị, rồi sẽ sai người ra báo tin. Còn như lệnh đòi đưa công tử về Kinh làm con tin thì con tôi còn bận việc coi sóc quân sĩ, đúc súng lớn, sửa sang khí giới để đề phòng sự bất trắc bốn phương, chưa rỗi để về Kinh chầu hầu! Có về cũng phải đợi vài năm nữa cho công việc xong xuôi bấy giờ hãy ra Kinh đô bái yết Hoàng đế cũng chưa muộn! Còn như tức tốc phải làm theo ngay, thì là bức bách nhau, tôi chưa dám vâng mệnh vậy.

Sứ giả nghe Nam chúa nói xong, vái chào trở về Kinh, vào triều bẩm với Thanh Đô vương lời lẽ phúc đáp của Nam chúa. Thanh Đô vương nghe xong cả giận, vội sai triệu các tướng vào Phủ chúa hội họp để bàn việc cất quân đi đánh xứ Nam.

Tháng ba, Thanh Đô vương đích thân thống lĩnh đại quân thủy bộ rước xa giá vua Lê để đi đánh dẹp xứ Nam.

Tháng tư, đại quân tiến đến cửa Nhật Lệ, chia quân đóng trại

1. Sứ giả của chúa Trịnh Tráng mang sắc phong vào Thuận Hóa năm 1627. *Toàn thư* không chép. CNDC và ĐNTLTB chép là An Toàn hầu Lê Đại Nhậm. Đến thời Tự Đức, vì kiêng húy *Nhậm* nên *Cương mục* phải đổi là Lê Đại Dũng (*nhậm* và *dũng* là hai từ đồng nghĩa).

đồn trú, làm thành thế trận để phối hợp tiến đánh.

Bấy giờ Sãi vương được tin báo bèn triệu tập các quan văn võ vào phủ dinh bàn định, Vương sai tướng người họ là Vệ quận công [1] làm Tiết chế, Lương quận công [2] làm phó, quan văn là Chiêu Vũ Nguyễn Hữu Dật làm giám chiến đem bộ binh tiến theo đường thượng đạo [3]. Lại sai con là Trung Tín hầu làm Tiết chế thủy sư đem binh thủy binh đi tiếp ứng cho bộ binh, dàn quân để đợi đánh quân Bắc triều.

Lại nói, ngày mồng mười tháng ấy, Tiết chế cánh quân đi xuống thượng đạo là Vệ quận công, quan Giám chiến là Chiêu Vũ, chia quân đóng giữ các nơi hiểm yếu trong rừng núi, bất ngờ xông ra đánh quân của Bắc triều. Hai bên đánh lớn mấy trận chưa phân thắng bại. Bên Trịnh tung thêm quân ra sức tiến đánh. Quân Nam giữ vững đồn lũy không đem quân ra ngoài.

Ngày 13, giám chiến Chiêu Vũ Nguyễn Hữu Dật, cùng với Lương quận công Trương Phúc Gia bàn mưu thi hành kế phản gián. Sai gián điệp [4] lẻn ra miền Bắc tung tin đồn rằng: Anh em của chúa là bọn quận Gia, quận Nhạc [5] cùng mưu dấy loạn ở Kinh đô muốn đoạt ngôi chúa. Chẳng mấy hôm lời phao đồn bay đến miền Nam Hà [6], Thanh Đô vương nghe biết cả kinh. Từ đó vua tôi anh em nghi ngờ lẫn nhau, trễ biếng việc đánh chác, quân sĩ không muốn chiến đấu. Thanh Đô vương Trịnh Tráng bèn hạ lệnh rút quân về Kinh đô để giữ chắc căn bản.

Bấy giờ tướng Nam triều là công tử Trung Tín hầu [7] dò biết tin Trịnh Tráng rút quân về liền dẫn quân đuổi theo đến bờ Nam sông Gianh. Nhưng khi ấy quân Trịnh đã đi xa rồi. Trung Tín hầu bèn cho lui quân sĩ về trong xứ. Về đến nơi, Trung Tín hầu vào phủ báo tin cho Sãi vương biết. Sãi vương cả mừng, khen ngợi Trung Tín hầu hồi

1. Tức Nguyễn Phúc Vệ (theo hệ tính của nhà Nguyễn gọi là Tôn Thất Vệ), cháu nội của Nguyễn Hoàng gọi Phúc Nguyên bằng chú (con thứ tư của Hà quận công Nguyễn Phúc Hà).

2. Tên tước của Trương Phúc Gia.

3. *Thượng đạo:* đường đi ở miền núi, đường núi.

4. Nguyên văn "Tế tác nhân" (người làm những việc nhỏ nhặt, tức những việc khôn ngoan mưu trí), danh từ thời cổ có ý nghĩa tương tự như người làm gián điệp, do thám.

5. Tức Trịnh Gia và Trịnh Nhạc.

6. Tức phía Nam sông Nhật Lệ, vùng do chúa Nguyễn kiểm soát. Bấy giờ quân Trịnh vượt sông Gianh đã vào đến cửa Nhật Lệ.

7. Tên tước của chưởng cơ Nguyễn Phúc Trung, con thứ 4 của Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên (sau mưu phản chết trong ngục).

lâu. Rồi đó Vương sai mở tiệc khoản đãi các tướng, trọng thưởng cho Chiêu Vũ, chuyện ấy khỏi phải nói.

Lại nói bấy giờ khám lý Cống quận công Trần Đức Hòa ở phủ Hoài Nhơn nghe tin Sãi vương dẹp giặc thắng lớn, bèn thân hành về công phủ chúc mừng. Cống quận công chúc mừng đã xong, hỏi thăm dân tình Quảng Nam làm ăn yên vui hay đau khổ ra sao. Khám lý Cống quận công thưa rằng:

– Nhờ Chúa thượng rộng ban ơn đức, hiệu lệnh nghiêm minh, thân gần những người trung thần lương tướng, lánh xa những kẻ xiểm nịnh gian tà, ngăn cản hung bạo, trừng phạt ác cướp, người người đều tuân theo mệnh lệnh, trăm họ đều được yên cư, vỗ bụng ca mừng, khen là đời sáng thịnh, có gì là đau khổ đâu!

Sãi vương nghe nói cả mừng. Sau đó Khám lý Cống quận công đứng dậy, lấy trong ống tay áo ra bản chép bài *văn* của Lộc Khê trình lên Sãi vương nói rằng:

– Ở nhà thần có một viên Huấn đạo [1] nhân lúc nhàn rỗi làm bài *văn Ngọa Long cương*. Thần là kẻ quê mùa nông cạn, thấy bài *văn* từ điệu thanh nhã, lời lẽ giúp nước cứu đời, có ý vị sâu đượm, xin Chúa thượng ngó thử xem hay dở ra sao.

Sãi vương cầm bài *văn* lên xem thấy quả là có tài vén mây rẽ mù, đủ thuật dẹp loạn lập trị, so với thơ văn tài tử của cổ nhân không phải là thua kém lắm. Sãi vương thấy vậy trong bụng cả mừng, bèn bảo Khám lý Cống quận công:

– Khanh mau vời người ấy đến để ta sớm được gặp mặt, thỏa lòng hằng mong.

Cống quận công Trần Đức Hòa vái chào trở về, cách mấy tháng sau cùng đi với Lộc Khê ra cổng phủ chầu đợi. Cống quận công bèn sắm mũ chầu đưa cho Lộc Khê đội để cho đầy đủ nghi thức tiến dẫn. Nhưng Lộc Khê nói:

– Có chức thì mới có mũ đội, không có chức thì không dám đội.

Bèn gạt đi không dùng, cứ để đầu trần theo Cống quận công vào phủ chúa.

Bấy giờ Sãi vương đang ngồi trên điện trầm ngâm nghĩ ngợi, tìm cách để thử người sắp được tiến dẫn, để biết người ấy trí tuệ ra sao

1. *Huấn đạo:* giáo chức trông coi việc học ở một huyện.

mà tiện bề sử dụng. Vương bèn mặc áo trắng đi hia xanh, tay cầm long trượng [1] vai khoác túi vải, đi ra ngoài cửa bên đứng chờ, nét mặt vui vẻ rạng rỡ. Lộc Khê trông thấy bèn hỏi Cống quận công rằng:

– Người này là ai vậy, thưa cha?

Quan Khám lí khẽ đáp:

– Vương thượng đấy! Con mau đến lạy chào!

Lộc Khê nghe nói thế chỉ cười nhạt, không chịu đến chào, rồi rảo chân quay bước đi ra. Lộc Khê gần ra khỏi sân, Cống quận công đuổi theo kịp trách rằng:

– Chúa ngự ra đây để đón con, sao con không lạy chào? Con không chịu lạy thì tội tất phải quy vào ta thôi!

Lộc Khê đáp:

– Đấy là tư thế của Vương thượng lúc sắp đi dạo chơi cùng bọn con gái, không phải là nghi lễ tiếp khách đãi hiền. Nếu con lạy chào tức là phạm vào tội khi quân [2], vì thế không dám lạy, có tội gì đâu?

Khám lý Cống nghe nói thế phát gắt, thúc giục Lộc Khê đến lạy chào, nhưng Lộc Khê vẫn đứng yên một chỗ chỉ cười khẽ mà thôi. Thế là Sãi vương biết ý, trong lòng rất mừng, bèn trở vào trong phủ sửa sang áo mũ lên ngồi ở công đường, sai nội giám lấy áo mũ, quan văn đem ra ban cho Lộc Khê, rồi mời vào sảnh đường bái yết.

Lộc Khê cùng đi với viên nội giám vào trong sảnh bái yết Sãi vương. Nghi thức lạy chào xong, Sãi vương đứng dậy tiếp lễ, nói với Lộc Khê:

– Ta đợi nhà thầy [3] đã lâu, sao thầy đến muộn thế?

– Thần là kẻ hủ Nho nơi thôn dã tài thưa học cạn, tiến thoái đều lo sợ đến nỗi chậm trễ Chúa thượng phải trông mong, thần muôn lần cam chịu lỗi!

Sãi vương nói:

– Quân thần hợp đạo với nhau là nhân duyên ngàn năm chung hội một nhà. Các bậc đế vương ngày xưa chọn người hiền tài giúp rập để tác thành sự nghiệp lớn. Nay ta được gặp thầy, cũng là như thế chăng?

Lộc Khê nhân đó thưa rằng:

---

1. *Long trượng:* Cây gậy ở tay cầm chạm hình đầu rồng.

2. *Khi quân:* lừa dối, vô lễ với vua.

3. Nguyên văn xưng từ "tử", tiếng xưng hô dành cho người có tài đức cao mà mọi người tôn trọng như bậc thầy.

– Thần vốn chỉ là kẻ thư sinh không nơi nương dựa, được đội ơn sâu của Thánh thượng thu dùng, cho trổ sức trâu ngựa để báo đền tấm ơn đặc cách hơn người. Thần không dám tự ví mình như ông lão ngồi câu trên sông Vị [1], như kẻ nông phu cày ruộng ở đất Sằn [2], nguyện xin Chúa thượng bao dung tha thứ.

Sãi vương nghe nói không ngớt khen thầm trong bụng, bèn phong cho Lộc Khê quan hàm Kim tử vinh lộc đại phu, đại lý tự khanh, vệ úy nội tán, tước Lộc Khê hầu, được dự bàn các việc quốc chính quân cơ trong ngoài.

Lộc Khê vái tạ nhận chức rồi lui chầu. Khám lý Cống quận công mừng vui khôn xiết. Từ đó Sãi vương thường gọi Lộc Khê vào phòng riêng cùng bàn luận sự việc cổ kim, các mưu kế giúp vua yên nước, dẹp bạo, trừ gian, có khi suốt cả ngày không mệt chán, vua tôi đều mừng vui bội phần. Người đương thời thấy Sãi vương tin dùng Lộc Khê không câu nệ thứ bậc trên dưới, nhân đó có thơ vịnh rằng:

Nắng rọi sao ngời chiếu khắp miền,
Quân thần tựa nước cá ưa duyên.
Kế mưu trù tính quy mô lớn,
Chính sự khuông phù xã tắc yên.
Chí mạnh tôn vua nuôi hoài bão,
Lòng son giúp chúa gánh ưu phiền.
Nam Dương người rạng Nam Dương đó [3]
Giúp rập cơ đồ ức vạn niên.

Lại nói Thanh Đô vương Trịnh Tráng ở Bắc triều từ khi rước xa giá vua Lê đi đánh Nam Hà, nghe nói quận Gia, quận Nhạc dấy loạn ở Kinh đô bèn rút quân trở về đến Kinh xét hỏi nguyên do thì không có tin tức gì về việc ấy, Trịnh Tráng mới hay là đã bị kế phản gián của người Nam, lấy làm xấu hổ bèn lờ đi không nhắc đến việc ấy nữa.

Mùa thu, tháng tám, mở khoa thi Hương chọn cống sĩ, những người trúng tuyển đều được triệu về Kinh bái yết, ban cho tiền lụa có thứ bậc khác nhau, từ đó thành định lệ.

---

1. Chỉ Thái Công Vọng (hoặc Lã Vọng).

2. Chỉ Y Doãn (khi chưa ra giúp Thành Thang nhà Thương, Y Doãn chỉ làm kẻ cày ruộng ở đất Sằn).

3. *Nam Dương:* Gia Cát Lượng trước khi ra giúp Lưu Bị ở bên núi Ngọa Long, đất Nam Dương người ta thường gọi là Nam Dương Công.

Năm ấy dân bốn trấn [1] bị thiên tai lũ lụt, trăm họ người chết đói chết rét, bỏ nhà đi xiêu tán khắp nơi rất nhiều. Thanh Đô vương rất lấy làm lo buồn, nhưng thóc gạo trong kho đã vận chuyển để dùng vào việc binh hết sạch, không còn gì mà chẩn cấp.

Năm Mậu Thìn, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ mười (1628), mùa xuân, tháng hai, Thanh Đô vương sai em là thái bảo Quỳnh quận công [2] làm Đề điệu [3], mở khoa thi Hội các cống sĩ, lấy đỗ bọn Giang Văn Minh mười tám người. Vương thân ra đầu đề văn sách, ban các hạng cập đệ và xuất thân có thứ bậc khác nhau.

Năm ấy, Thanh Đô vương nghĩ đến Lê Thái Tổ Cao Hoàng đế cùng là Minh Khang Thái vương [4] và Tiên Triết vương [5] là các vị có công lớn trong việc bình Ngô diệt Mạc, sai quan đi cất dựng đế miếu ở Thanh Hoa, Nghệ An và các nơi khác ở bốn trấn, phụng rước bài vị Hoàng đế và các Tiên vương về phụng thờ, bốn mùa hưởng tế để tưởng nhớ công lao. Đó là đạo vua tôi rất mực vậy [6].

*

* *

1. *Bốn trấn:* tức là các trấn xung quanh Kinh đô Thăng Long (Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây, Sơn Nam).

2. Quỳnh quận công, cũng là Quỳnh Nham công, tên tước của Trịnh Lệ.

3. *Đề Điệu:* viên quan điều khiển toàn bộ một khoa thi (dùng đại thần ban võ).

4. Minh Khang Thái vương: Thụy hiệu của Trịnh Kiểm.

5. *Tiên Triết vương:* Thụy hiệu của Trịnh Tùng.

6. Nguyên thư đến đây còn chép tiếp mấy dòng về sự việc năm Vĩnh Tộ 11 (1619) nhưng bỏ dở, các văn bản hiện còn đều bị thiếu đoạn này.

HỒI THỨ TÁM

Ra Quảng Bình, Lộc Khê đắp lũy Nhật Lệ
Học Tôn Ngô, Thuận Nghĩa đêm trăng tập binh

Thơ rằng:

Ngời ngời tinh đẩu sáng bầu trời,
Chỉ thấy Đào Từ gắng giúp đời.
Tráng sĩ cần vương mong giúp rập,
Lòng son báo nước nắm cơ thời.
Quyết tìm mưu lược yên bờ cõi,
Hiển đạt thanh danh khắp mọi nơi.
Mong chúa phương Nam mau thống nhất,
Thăng Long về lại khỏi chê cười!

Lại nói chuyện năm Tân Mùi, niên hiệu Đức Long thứ ba (1613), quan văn của Nam triều là nội tán Lộc Khê hầu Đào Duy Từ khuyên Nam chúa đắp lũy Nhật Lệ để làm kế cố thủ, giữ lấy tô thuế sung vào việc chi dùng để mưu tính việc khôi phục Trung Đô [1], trả mối hận cũ đối với họ Trịnh. Thụy quốc công Nguyễn Phúc Nguyên chỉ nghĩ mình thiếu quân ít tướng, bên trong không có hỗ trợ, bên ngoài không có viện binh, bèn chỉ im lặng không nghe theo. Lộc Khê hầu mấy lần khuyên bàn thấy Chúa không nghe, trong lòng không được vui, bèn nghỉ đến hơn mười ngày không vào chầu, ở nhà chuyện trò bàn luận với quan văn là Chiêu Vũ. Chúa Nam mấy lần cho gọi, Lộc Khê vẫn thác cớ cáo ốm không vào chầu, ở nhà xem sách giải buồn, nhân đó làm một bài thơ Đường luật tự thuật việc hàng ngày của mình, có ý để khuyến khích quyết tâm của Chúa. Bài thơ bằng quốc tự (chữ Nôm) như sau:

Tàu là lác [2] *cột là tre,*
Ngày tháng an nhàn đặng chở che,
Màn [3] *vải thưa giăng ngăn muỗi mạt,*

---

1. Chỉ kinh đô Thăng Long.
2. *Tàu là lác:* Mái nhà lợp bằng lác (cây cói).
3. *Mạn:* tức là mượn.

Rào gai kín đáo kẻo ong ve,
Cơm ba bữa chuộng rau cùng muối,
Thích bốn mùa ưa rượu lại chè.
Muôn sự đã ngoài chăng ước nữa,
Ước tôi hay gián chúa hay nghe.

Lại có một thể bằng chữ Hán [1]:

Phiên âm: Nha thị trụ cái thị quản,
Tuế nguyệt nhàn cư hoạch tế yên.
Bố mạn sơ sơ giao sắt tị,
Cức ly mật mật miễn phong thiền.
Sơ diêm nhật thích tam xan lạc,
Trà tửu thì sung tứ tự hoan.
Vạn sự thắng tình vô sở vọng,
Vọng thần năng gián chúa tòng nguyên (ngôn) [2].

Lộc Khê làm xong xem đi xem lại mấy lần, rồi sai người đem vào phủ dinh dâng cho Chúa. Sãi vương xem thơ đến câu kết thấy lời lẽ khích thiết có ý trách giận, bèn sai người triệu Lộc Khê vào trong trướng bảo rằng:

– Vua tôi là duyên cá nước hài hòa, hội rồng mây gắn bó, có lời nào mà không nghe, kế sách nào mà không dùng? Nay thấy trong bài thơ tự thuật của khanh có câu tỏ ra bất bình, không hiểu là ý gì?

Lộc Khê đáp:

– Thần chỉ mong muốn Chúa công, trên thì khuông phò đế thất để rạng thanh danh, dưới cứu sinh dân hầu tỏ đạo nghĩa, khiến cho ngàn thu về sau biết chúa công là bậc hiền tài sáng suốt, lừng lẫy gia thanh, khắp trong bốn biển đều biết Chúa công có huân lao to lớn, đời đời ghi truyền sử sách. Cho nên bất đắc dĩ phải mượn lời muôn thuở để thư duỗi cái ý chứa chất trong lòng, há phải thần dám cố ý bất bình đâu? Thần đã hiểu ý Chúa công rất lấy làm lo vì quân ít khó chống, cho nên vẫn còn do dự như thế. Nay thần đã có đầy đủ kế sách hay, coi trăm vạn hùng binh của quân Bắc như đàn ong bầy kiến, chẳng có gì đáng sợ!

Sãi vương nghe nói vui mừng hiện lên nét mặt, gật đầu bảo rằng:

1. Nguyên văn chép là "tráng âm", không có nghĩa gì. Đây là chữ "Bác âm" (đối với chữ *quốc tự ở* bài trên) tức là thơ chữ Hán.

2. Đây là bản chữ Hán của cùng một bài thơ chữ Nôm đã phiên âm ở trên.

– Nếu quả như lời khanh nói, thì cứ tương kế tựu kế mà làm đi. Ta không có gì nghi ngại.

Lộc Khê vâng mệnh cùng với Chiêu Vũ đến dinh phủ Quảng Bình hạ lệnh cho quân dân đắp lũy ở cửa biển Nhật Lệ. Địa thế lũy này dựa núi gần khe, chỉ hơn một tháng là đắp xong, rất chắc chắn, ngăn cách đất Bắc, hiểm trở chẳng khác gì đường đi vào đất Thục.

Lộc Khê rất hài lòng về triều trình bẩm với Sãi vương. Chúa nghe xong cả mừng sai mở tiệc khánh hạ, trọng thưởng cho Lộc Khê và các tướng có thứ bậc khác nhau. Lại phát tiền lụa ban khen hậu hĩ cho quân dân. Các quan văn võ ai nấy đều vui mừng.

Từ đó thành chắc thế mạnh, các quan triều đình ngày tháng hội họp bàn định kế sách thu phục Kinh đô.

Một hôm, Lộc Khê thong thả ngồi chơi, vì trong triều chưa có đủ các danh tướng anh hùng tài trí, muốn nhân thời cơ mà hành động thì chưa được vẹn toàn. Lộc Khê vì thế mà nghĩ ngợi mỏi mệt nghiêng lưng nằm bên ghế. Chợp mắt say giấc một lúc, mơ thấy đông người tụ họp ở phía trước đang luận binh giảng võ, dàn đặt thế trận. Bỗng thấy một con hổ đen từ phía nam nhảy vào trước sân lắc đầu vẫy đuôi, giơ nanh múa vuốt rồi nhảy vào trong nhà ôm lấy chiếc cột trụ thứ ba, đầu rướn lên trên, đuôi thõng xuống dưới. Lộc Khê hoảng hốt vội gọi quân lính vây đánh. Bỗng nhiên con hổ đen từ hai bên nách mọc ra hai cánh rồi bay vút lên trời về phía Đông Nam, cất tiếng gầm vang như sấm.

Lộc Khê kinh sợ tỉnh dậy mới hay đó là chiêm bao. Bấy giờ trống lầu canh phía Đông đã điểm ba tiếng. Lộc Khê trong lòng nửa lo nửa mừng, lặng im suy nghĩ hồi lâu. Lộc Khê cho rằng thời xưa Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công chiêm bao thấy con hùng, con bi [1] mà về sau có người hiền tài tìm đến giúp đều làm nên nghiệp bá. Nay ta chiêm bao thấy hổ mọc cánh bò trườn rồi bay lên không, ắt cũng sẽ có kẻ hiền tài đến tìm mình để phó tá Chúa thượng thống ngự cơ đồ to lớn. Chắc hẳn như thế không sai!

Nghĩ vậy Lộc Khê một mình ngồi thâu đến sáng, rồi sửa áo mũ đi ra sảnh đường ngồi đợi. Cho đến khoảng giờ Tị đều không thấy ai qua lại, Lộc Khê đã toan đứng dậy trở vào phòng riêng. Chợt thấy từ phía Nam có một người thân thể tráng kiện, mặc áo đen đã sờn rách,

1. *Hùng* là con gấu, *bi* cũng thuộc loài gấu nhưng nhỏ hơn.

tay cầm một chiếc quạt lông bước vào đứng trước sân khẽ giọng xin chẩn cấp cứu trợ.

Lộc Khê thấy người anh hùng lẫm lẫm, tướng mạo đường đường, phong độ tư thế vượt khác người thường, lại có sức mạnh dời núi nâng vạc. Lộc Khê trong dạ mừng thầm, bèn hỏi:

– Ông là người ở đâu tá? Họ tên là gì, tuổi tác bao nhiêu, tại sao lại không kế nuôi thân đến nỗi cơ cực như thế? Ông mau nói rõ ta nghe!

Người ấy thưa rằng:

– Tiểu nhân người xã Vân Trai, huyện Ngọc Sơn [1], phủ Tĩnh Gia, xứ Thanh Hoa, họ Nguyễn tên Tiến, biểu danh [2] là Thuận Nghĩa, sinh năm Nhâm Dần [3], năm nay tuổi ba mươi. Trước đây cha mẹ tiểu nhân lưu ngụ ở phủ Hoài Sơn [4] không may song thân đều mất sớm. Tiểu nhân vì thế cô đơn một thân một mình không nơi nương tựa, đành phải chịu cảnh đói rét quá đỗi. Dám mong minh công thương giúp.

Lộc Khê nghe nói nửa thương nửa mừng, bèn mời lên sảnh đường. Thuận Nghĩa bước lên sảnh đi đến bên chiếc cột thứ ba thì vòng tay ôm cột mà đứng. Một lúc sau Thuận Nghĩa nhìn về phía Đông Nam rồi đi ra, bước xuống thềm nhà mà lạy chào. Thấy tướng mạo người ấy ứng đúng như giấc mộng đêm qua, Lộc Khê cả mừng, bèn gọi vào lưu lại nuôi dưỡng trong nhà.

Thuận Nghĩa được chu cấp nơi ăn chốn nghỉ yên vui. Khoảng vài tháng sau, Lộc Khê Đào Duy Từ thấy Thuận Nghĩa quả là người thông minh nhạy bén, sức khỏe mưu lược hơn người, tài năng xuất chúng, bèn gả con gái cho, và tiến cử với Sãi vương. Sãi vương cho Thuận Nghĩa giữ chức đội trưởng, chỉ huy đội thuỷ binh nội thị Địch cần thuyền [5].

Thuận Nghĩa từ đó vui vẻ sảng khoái [6]. Nhưng chí hướng còn muốn ba điều nói theo Ngũ hổ, Thất tuấn, Cửu anh để sáng với muôn

---

1. Người đồng hương với Đào Duy Từ.

2. *Biểu danh:* Cũng như biệt hiệu.

3. Tuổi Dần là tuổi hổ.

4. Theo ĐNLTTB, Nguyễn Hữu Tiến di cư vào huyện Bồng Sơn, phủ Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. *Nội thị Địch cần thuyền:* Đội thủy binh ở các sông trong nội địa, *Địch cần thuyền* là tên hiệu của đội thuỷ binh, có nghĩa là đội thuyền giúp chính đạo.

6. Nguyên văn: "Khoái hoạt" nguyên thư chép nhầm chữ "hoạt" thành chữ "thoại" (vì tự dạng gần giống nhau).

đời, tỏ mặt hào kiệt với hiện tại. Vì thế, nhân buổi ban đêm trăng sáng ngời ngời, trời xanh lồng lộng, Thuận Nghĩa bèn tập họp quân lính, dạy chèo thuyền để luyện tập chiến pháp của thủy quân. Thấy quân lính xếp hàng không ngay ngắn, Thuận Nghĩa cả giận, trách mắng người kỳ trưởng [1] rằng:

– Ngươi là kỳ trưởng tại sao không tuân theo hiệu lệnh, tập luyện quân sĩ không nghiêm, coi pháp luật như trò đùa.

Người kỳ trưởng vốn có ý ngạo mạn, bèn cao giọng đáp:

– Tập quân thì như thế, nhưng trong lòng người chẳng cùng một ý thì pháp luật có đùa gì được đâu?

Thuận Nghĩa giận quát:

– Ngươi coi khinh ta quá!

Người kỳ trưởng trừng mắt nhìn Thuận Nghĩa đáp:

– Muốn chém thì chém hà tất phải quát tháo!

Thuận Nghĩa nghe nói cả giận bèn tuốt gươm chém liền, quăng thây bên vệ đường, rồi rũ áo vào ngồi yên trong công sảnh. Quân lính kinh sợ kêu la huyên náo. Lộc Khê nghe tin cả kinh, vội nhân đêm trăng sáng đi ngay vào phủ chúa. Bấy giờ Sãi vương đang thong thả ngồi xem sách. Lộc Khê đứng chờ bên ngoài cửa ngăn, dặn người xin Chúa cho phép vào. Quan nội thị gọi vào. Lộc Khê vào đứng hầu bên cạnh. Sãi vương hỏi:

– Đêm khuya thế này quan nội tán vào có việc gì chăng? Hay là lương tướng nhân đêm trăng sáng vào cùng ta bàn luận việc nước.

Lộc Khê chỉ vâng dạ thưa qua. Sãi vương bảo Lộc Khê ngồi, cùng nói chuyện các bậc anh tài hào kiệt xưa nay, những kẻ trí mưu giúp dấy nghiệp vương, định thành nghiệp bá. Chúa tôi đang lúc vui vẻ, Lộc Khê bèn kể với Sãi vương chuyện thời Chiến Quốc, Ngô vương muốn làm bá chủ chư hầu, đón mời Tôn Vũ vào cung giao cho việc luyện quân tập trận, Lộc Khê nói:

– Thời Xuân Thu, Ngô vương muốn làm bá chủ chư hầu, lựa chọn cả cung nhân thể nữ làm lính, giao cho Tôn Vũ tập luyện trận pháp. Hai cung phi của vua là nàng họ Khương và nàng họ Mãi được làm đội trưởng. Tôn Vũ đem cờ hiệu ra nói rõ trước cho biết các điều quy định, bảo hai nàng ấy rằng: "Phép dùng binh quý hiệu lệnh. Nay hai

---

1. *Kỳ trưởng:* Người chỉ huy cờ lệnh của một phân đội.

nàng được chọn làm đội trưởng của đội quân tì thiếp tất phải biết điều khiển quân lính. Hễ nghe hiệu lệnh chiêng trống thì tiến, dừng, dậy, nấp, tản ra, tụ lại đều phải tuân hành đúng phép". Thế là ngày hôm sau vào tập trận, Tôn Vũ khua chuông thúc trống mấy lần, nhưng hai nàng cung phi vốn được vua yêu, chỉ đứng nhìn Ngô vương mà cười ngặt nghẽo, không làm theo lời Tôn Vũ đã dạy hôm trước. Tôn Vũ cả giận tâu với Ngô vương rằng: "Vương muốn lấy thiên hạ chăng? Thì phải nghiêm pháp lệnh. Hay là Vương muốn làm trò vui đùa?". Ngô vương nói: "Nhà nước phải lấy pháp lệnh làm đầu, có gì mà phải hỏi?". Tôn Vũ liền lui ra quát võ sĩ lôi hai nàng cung phi kia ra chém. Ngô vương rất tiếc, nhưng đã trót nói dương cao pháp lệnh rồi. Bèn tôn phong Tôn Vũ làm quân sư. Từ đó Tôn Vũ dạy tập binh pháp, chấn hưng thế quân, chẳng ai không phục tùng. Sau nước Ngô đem quân đi đánh các nước chư hầu, đã đánh là thắng, đã tiến công là lấy được, bèn định nên nghiệp bá hùng mạnh. Sãi vương thú vị vỗ tay reo to mà nói:

– Quân không chém không đều, tướng không giết không mạnh! Ngô vương có độ lượng như thế, mà Tôn Vũ biết ước thúc quân lính như thế, đó chính là phép dùng binh, có gì lạ đâu?

Lộc Khê nghe Sãi vương nói xong bèn đứng dậy vái thưa rằng:

– Đứa con rể ngông cuồng của thần là Thuận Nghĩa giữa ban đêm dạy quân lính tập chèo thuyền, trong quân có tên kỳ trưởng không tuân theo hiệu lệnh, bị Thuận Nghĩa trách mắng. Tên kỳ trưởng không chịu phục tòng lại thốt ra lời nói không khiêm tốn, thậm chí rất xấc ngạo. Thuận Nghĩa đã lỡ tay giết chết. Mong Vương thượng xử tội cho!

Sãi vương nghe xong cười đáp:

– Đứa ngông cuồng lăng nhục người trên, giết đi cũng đáng. Người xưa nói: "Nghìn quân dễ có, một tướng khó tìm", Thuận Nghĩa là kẻ như thế, cũng là một viên tướng anh hùng, nào có tội lỗi gì?

Lộc Khê cúi vái tạ ơn rồi rạ về. Từ đó uy danh của Thuận Nghĩa ngày càng lừng lẫy, người ta đều tuân phục. Mấy tháng sau Thuận Nghĩa được thăng chức cai đội, giao cho quản lĩnh quân lính tập luyện tinh thuộc chờ khi dùng đến.

Người đời sau có thơ bình tán Thuận Nghĩa như sau:

Nghiệp dựng trời cao sáng đẩu tinh,
Vua tôi gặp gỡ đất Nam thành.

Văn thần thao lược bày rồng hổ,
Võ tướng xông pha mạnh giáp binh.
Thu hết càn khôn khoe tuấn kiệt,
Tung hoành bốn biển rạng anh linh.
Bảo đao sáng suốt oai thần vũ,
Thuận Nghĩa danh lừng thật hiển vinh.

Tháng mười hai, con trưởng của Sãi vương là Khánh Mỹ hầu [1] làm trấn thủ ở Quảng Nam bất ngờ bị ốm chết. Sãi vương rất đau xót, truy tặng hàm thiếu bảo, tước Khánh quận công, cho dùng nghi lễ tước công để mai táng. Người Quảng Nam đều thương khóc than tiếc.

Năm Nhâm Thân, niên hiệu Đức Long thứ tư (1632, Sãi vương, từ khi con trưởng là Khánh Mỹ hầu lâm bệnh rồi qua đời, ngày đêm thương tiếc buồn rầu. Chúa lấy làm lo vì Quảng Nam là nơi quan trọng mà không có người trấn nhậm, bèn sai công tử thứ ba là Dương Nghĩa hầu Nguyễn Phúc Anh [2] (tức ông Chưởng Bộ) làm trấn thủ phó tướng, công tử thứ tám là Đức Lễ hầu làm tham tước cùng quản lĩnh việc trấn thủ Quảng Nam. Nhưng Dương Nghĩa hầu là kẻ bất hiếu, mặt mày dữ tợn, xấu xí, bản tính hung ác thô bạo, Sãi vương có ý không yêu. Nay sai đi làm trấn thủ ở nơi xa không khỏi sinh sự tranh giành. Vì thế Sãi vương muốn có một văn thần đi theo giúp việc, nhưng chưa tìm được người nào.

Bấy giờ có viên văn chức là Vân Hiên Tử (tức Cống Phạm [3]) cùng với công tử con thứ hai của Sãi vương là Nhân Công [4] rất được Chúa ưu ái trọng hậu, ngày đêm dạy bảo và cho được cùng bàn luận công việc, thân như tâm phúc. Hôm ấy được tin Dương Nghĩa hầu đi trấn thủ Quảng Nam, Vân Hiên cũng xin giữ chức ký lục theo Dương Nghĩa đi cai quản việc dân sự trong xứ, Sãi vương cả mừng, bằng lòng cho đi. Nhân Công biết tin ấy lấy làm sợ hãi, đưa mắt nhìn Vân

---

1. Tức Nguyễn Phúc Kỳ (gọi theo quy định của nhà Nguyễn là Tôn Thất Kỳ).

2. Con thứ ba của Sãi vương là Nguyễn Phúc Anh. Do chữ *anh* có bộ *thủy* tự dạng giống với chữ *hán* nên ở đây bản sao chép nhầm là *hán*. Phúc Anh tên tước là Dương Nghĩa hầu (vì liên hệ chuyển giữa hai chữ "nghĩa" và "lễ") chúng tôi đã chỉnh lý lại.

3. Theo ĐNTLTB thì Phạm là tên thường gọi của viên văn chức này. Phạm là người bạn thân của Nhân Lộc hầu Nguyễn Phúc Lan. ĐNLTTB ghi là "Không rõ họ gì". Có lẽ Phạm là người được lấy đỗ trong kỳ "quận thí" do Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên lần đầu tiên tổ chức vào đúng năm này (1632). Bản sao chép nhầm chữ "cống" thành chữ "chân".

4. Tức Nhân Lộc hầu Nguyễn Phúc Lan, sau sẽ nối ngôi chúa. Trong sách này Nhân Lộc hầu thường được chép là Nhân Công (ông Nhân) tức là gọi chữ đầu của tên tước.

Hiên, tỏ ý không được yên tâm lắm. Vân Hiên cũng ngầm hiểu ý của Nhân Công bèn đảo mắt liếc lại, Nhân Công hiểu ý, đến khi bãi chầu trở về liền đến nhà Vân Hiên chúc mừng rồi hỏi:

– Tiên sinh đi chuyến này lòng tôi có ý cầu mong. Không biết bao giờ chúng ta lại được gặp nhau?

Vân Hiên hạ giọng nói với Nhân Công rằng:

– Tôi đi chuyến này minh công đừng lo. Có tôi ở đấy thì yên như núi Thái Sơn. Minh công cứ cao gối ngủ yên, bất tất phải lo nghĩ nhiều.

Nhân Công nghe nói yên lòng bèn nắm tay từ biệt Vân Hiên.

Bấy giờ hai công tử Dương Nghĩa và Đức Lễ cùng với ký lục Vân Hiên lên đường đến trấn sở nhận chức để gìn giữ dân lành, dẹp yên giặc cướp. Từ đó về sau công tử Dương Nghĩa tự ý làm việc gì riêng tư đều đã có Vân Hiên sai người ruổi ngựa đem mật thư phi báo cho Nhân Công biết để đề phòng Dương Nghĩa có khác ý.

Tháng sáu, Sãi vương xuống lệnh thúc giục thi hành lệ đổi hàng. Tất cả các địa phương trong hai xứ đều phải chở đến nộp các sản vật như hồ tiêu, kỳ nam, vây cá, yến sào (tổ én) v.v... Chúa cho theo thời giá trả tiền cho các chủ thuyền để đổi lấy các thứ hàng ấy. Chẳng bao lâu các nơi đều chở sản vật đến nộp. Chúa sai người triệu Lộc Khê hầu đến để định giá. Lộc Khê hỏi người sai nhân rằng:

– Chúa gọi bàn hỏi việc gì thế?

Người sai nhân thưa rằng:

– Chúa sai gọi trưởng quan đến định giá đổi hàng để trả tiền cho các chủ thuyền trở về.

Lộc Khê nghe xong cả cười, nói:

– Vâng mệnh! Vâng mệnh!

Rồi đó lấy áo vải ra mặc, lưng buộc dây đay, đầu đội nón lá, tay cầm chiếc cân hỏa hiệu [1] đi vào phủ chúa đợi lệnh. Quân lính thấy lạ đều phì cười. Sãi vương trông thấy bèn nói:

– Quan nội tán làm sao mà ăn mặc như thế?

Lộc Khê thưa rằng:

---

1. Nguyên thư chép: "Thủ hỏa hiệu cân". Xét mạch văn liền bên trên thì có thể xác định sau chữ "thủ" (tay) chép thiếu chữ "chấp" (cầm), còn 3 chữ "hỏa hiệu cân" chưa hiểu rõ là loại cân gì, xin để theo nguyên văn để tiện tra cứu thêm. Dù sao thì ý chính vẫn là xách chiếc cân tay mà thôi.

– Thần chỉ mong Chúa thượng khai thác cõi bờ, thu phục lãnh thổ, thực hành đạo bá vương trong thiên hạ. Ngờ đâu Chúa thượng lại muốn làm nhà phú hào buôn bán để kiếm lời? Thế thì thần cũng theo ý của Chúa thượng mà ăn mặc quần áo như người buôn, cầm theo đồ dùng của người buôn, đâu dám chỉnh tề áo mũ? Xin Chúa thượng tha tội cho!

Sãi vương nghe nói có ý lấy làm thẹn, nói chống chế rằng:

– Nay dân chở sản vật đến nộp, chưa biết thời giá cao thấp thế nào, vì thế ta cho vời quan nội tán vào định giá trả tiền để cho dân chúng vừa lòng, khỏi ta thán. Nào phải ta có ý buôn bán gì đâu!

Lệnh ấy, sau đó bèn bãi bỏ.

Lại nói bấy giờ Sãi vương thấy việc đắp lũy Nhật Lệ đã xong, thế lực đã vững chắc, vua quan cùng bàn bạc, quyết định lờ bỏ việc chở thóc tiền ra nộp thuế ở Kinh đô. Sãi vương ngày đêm lo tính muốn mưu đồ đại sự. Chúa thấy ngày trước quan nội tán Lộc Khê có nói: dù quân Bắc có trăm vạn hùng binh cũng không đáng sợ. Ấy là lời nói khích lệ. Nhưng Sãi vương ngày đêm vẫn nghĩ rằng bên Bắc đông người, bên mình ít người, có thể khó địch nổi, vì vậy muốn tăng thêm quân để mưu đồ việc lớn. Về tô thuế thóc tiền thì số thu được trong hai xứ cũng sợ chưa đủ dùng. Lộc Khê bèn thưa rằng:

– Nay ta đã mưu tính việc lớn thì binh và lương là việc cấp bách. Xin Chúa thượng xuống lệnh lập ra các tuyển trường, sai quan đến đó để tuyển chọn các hạng đinh dân khỏe mạnh, được đến đâu thì đem tăng thêm cho các quân doanh để phòng khi có việc sai phái đi chiến đấu. Lại tăng thêm các khoản tô thuế thóc tiền để đủ số cấp phát cho ba quân, đề phòng khi thiếu ăn.

Sãi vương nghe thưa cả mừng, bèn chuẩn theo kế ấy, sai đi tuyển lựa dân đinh trong hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam, theo từng hạng mà chia bổ vào các quân doanh. Một mặt thì tăng thu tô thuế, chứa trữ vào các kho. Từ đó binh lương thu bổ hàng năm đặt thành định lệ.

Lại nói chuyện ở Nam triều có viên cai cơ là Mậu Lễ hầu Tống Phúc Thông [1] có con gái nhan sắc xinh đẹp đã gả cho trưởng công tử là hữu phủ Khánh Mỹ hầu Nguyễn Phúc Kỳ làm chính thế, sinh được ba con trai. Cai cơ Mậu Lễ hầu thầm tính ngày sau Khánh Mỹ ắt

---

1. Nguyên văn chép nhầm chữ Tống (họ) thành chữ Tống (dưa).

được nối ngôi chúa, hiển rạng cho họ hàng thân thích. Không ngờ năm Tân Mùi (1631), hữu phủ Khánh Mỹ hầu qua đời. Mậu Lễ từ đó lo buồn suy nghĩ sinh ra ăn chơi phóng túng, sau đó trốn về Kinh đô Thăng Long để lo giữ phần mộ tổ tiên và khỏi chịu nhục với triều đình xứ Nam. Mậu Lễ sắm một chiếc thuyền con, nhân lúc đêm tối đem hết gia thuộc vượt Cửa Noãn [1] trốn về Bắc, chỉ để con gái là Tống thị ở lại miền Nam.

Ngày hôm sau những người thuộc quyền của Mậu Lễ mới biết, đem sự việc trình lên Chúa. Sãi vương cả giận, khép tội quan tuần xét cửa biển và truyền đem chém, tha cho vợ của hữu phủ Khánh Mỹ hầu. Tống thị nhờ đó may mà được thoát chết. Chuyện đến đây chia làm hai ngả:

Nói tiếp tháng giêng năm ấy, ở Bắc triều, Thanh Đô vương Trịnh Tráng [2] cho rước bài vị của Giản Hoàng đế [3] vào thờ ở Thái miếu, trăm quan đến chầu mừng. Ngày ba mươi tháng hai, truy tặng tôn hiệu cho các vị Thái vương [4], Triết vương [5] và cho đúc kim sách [6].

Ngày hai mốt, giờ Tị, giữa trời xuất hiện hai quầng tán màu đỏ và trắng che hẳn mặt trời, đến hai khắc mới tan. Ngày hai bốn lại có hai quầng đỏ bao phủ ngoài mặt trời, khoảng hai giờ mới hết, không rõ điềm lành dữ thế nào. Ngày hai nhăm, Thanh Đô vương gia phong phẩm tước cho các quan tại triều. Đặc cách sai Lễ bộ thượng thư thiếu úy [7] Lan quận công Nguyễn Thực, Lại khoa đô cấp sự trung Nguyễn Duy Hiển, một viên nội giám, thị độc Hàn lâm viện Nguyễn Phương Danh đem sách vàng đến phong cho vương tử là thiếu phó Sùng quận công Trịnh Kiều làm chỉ huy tả tiệp quân doanh, hàm khâm sai đô tướng tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh kiêm tổng nội

---

1. Nguyên văn: "Tương xuất thuộc việt gia Noãn hải môn", không ra nghĩa gì. Câu này bản sao chép ngược vị trí của 3 chữ, đúng phải là: "Tương xuất gia thuộc việt Noãn hải môn", (dịch như trên). Cửa Noãn cũng gọi là Cửa Eo, tức cửa Thuận An.

2. Từ tháng 10 năm Kỷ Tỵ (11 - 1629) Thanh Đô vương Trịnh Tráng đã được phong tước vương một chữ là Thanh vương, nhưng từ đây về sau nguyên văn có khi vẫn gọi theo tên tước đã quen gọi là Thanh Đô, hoặc Thanh Đô vương.

3. *Giản Hoàng đế:* Thụy hiệu của Kính Tông Lê Duy Tân.

4. *Thái vương:* tức Minh Khang Thái vương, thụy hiệu của Trịnh Kiểm.

5. *Triết vương:* Thụy hiệu của Trịnh Tùng.

6. *Kim sách:* sách phong khắc chạm tên trên những lá vàng giát.

7. Nguyên thư chép là "Thiếu phủ", đúng ra là thiếu úy như ở dưới đã chép. *Toàn thư* cũng ghi Lan quận công Nguyễn Thực hàm thiếu úy.

ngoại bình chương quân quốc trọng sự [1], phó chưởng quốc chính, hàm thái úy, tước Sùng quốc công, được mở phủ Hùng Uy, đặt hiệu thuộc để thi hành phận sự. Sai thái úy Lăng quận công Trịnh Bảng, đề hình Nguyễn Khắc Văn, một viên nội giám, một viên khai độc [2] đem sách bạc đến phong cho thái úy doanh Hiệp nghĩa là Tung quận công Trịnh Vân, tước Tung quốc công [3], được mở phủ Hiệp Nghĩa. Sai phó tướng Đức quận công Trịnh Tạc, đô hộ trung úy Binh khoa cấp sự trung Lê Kinh, một viên nội giám, một viên khai độc đem sách bạc đến phong cho thái úy doanh Phù Nghĩa là Dũng quận công Trịnh Khải [4] tước Dũng Lễ công, được mở phủ Phù Nghĩa. Sai Công bộ thượng thư Tuyền quận công Nguyễn Duy Thì, phó tướng đô úy Hương Khuê hầu Trần Vĩ, đề hình Lã Thì Trung cùng một viên nội giám đem sách bạc đến doanh Thăng Nghĩa phong cho thái phó Trịnh Lệ tước Quỳnh Nham công. Lại phong cho phó tướng thái bảo quận công Nguyễn Hắc [5] hàm thái phó, tước Phụ quận công.

Ngày hai mươi bảy, Thanh Đô vương cho vời hai quan quốc lão là Lễ bộ thượng thư thiếu úy Lan quận công Nguyễn Thực, Binh bộ thượng thư thái bảo Đăng quận công [6] Nguyễn Khải vào triều cùng dự bàn việc nước. Từ đó thành lệ như thế.

Tháng tư, ngày mồng ba, gia phong duệ hiệu của liệt thánh thờ ở Thái miếu, vua Lê thân đến làm lễ, trăm quan tới chầu mừng. Ngày mồng bảy các quan triều đình dâng tờ bẩm [7] hạch tội bọn Lại bộ thị lang Nguyễn Tuấn, hữu thị lang Nguyễn Lại, thăng giáng các chức tham nhũng không thích đáng. Vương sai võ tướng Lăng quận công Trịnh Bằng, Diên quận công Trịnh Tài xét hỏi, quả đúng như thế, bèn bãi chức thải về làm dân. Người đương thời có câu dao ngôn "Các

---

1. Nguyên bản chép: "...bình chương quân quốc dân trọng" thừa chữ "dân", thiếu chữ "sự" (bình chương quân quốc trọng sự).

2. *Khai độc:* Viên quan có nhiệm vụ mở và tuyên đọc sách dụ của vua.

3. *Toàn thư* chép là Tung Nhạc công.

4. *Toàn Thư* cũng như *Trịnh gia thế phả* đều chép Dũng Lễ công tên là Khải. Bản sao sách này, ở đây chép là Liệu, ở dưới chép là Phúc, có lẽ đều là chữ Khải mà ở bản chính viết thảo khó đọc nên chép nhầm. Chúng tôi đã hiệu chỉnh lại.

5. Nguyễn Hắc (Phụ quận công) cháu của Nguyễn Hoàng (con Nguyễn Hán), cùng với chú là Cẩm quận công Nguyễn Hải ở lại Thăng Long làm con tin.

6. Thái bảo Nguyễn Khải tước Đăng quận công. Ở đây nguyên thư chép lầm là Hợp quận công (ở dưới đã chép đúng là Đăng quận công).

7. *Bẩm văn:* Văn thư gửi lên vua là *biểu*, văn gửi cho chúa gọi là *bẩm văn*.

chức bị viên, lưỡng Bột tận điền"[1] là chỉ vào bọn hữu thị lang Nguyễn Lại.

Tháng năm, Thanh Đô vương phong cho vương tử là tả phụ Tây quận công[2] làm chỉ huy Tuấn Hiệp quan doanh, tước Tây quốc công, được lĩnh kiếm ấn voi ngựa phòng khi dùng vào việc binh.

Cho Lễ bộ thượng thư kiêm Hàn lâm viện Nguyễn Thì Phúc giữ chức chưởng Hàn lâm viện sự, đông các học sĩ quốc lão thiếu úy Lan quận công Nguyễn Thực thăng hàm thiếu bảo Công bộ thượng thư kiêm Quốc tử giám tư nghiệp, thiếu bảo Tuyền quận công Nguyễn Duy Thì thăng hàm thiếu phó chức Binh bộ thượng thư, thái bảo Đăng quốc công Nguyễn Khải thăng hàm thái phó tước Đăng quốc công, cùng dự bàn triều chính.

Các quan triều đình dự lễ thụ phong, lạy tạ ơn rồi trở về phủ, thi hành các công việc cần kíp, ai nấy tuân theo chức vụ của mình.

---

1. Có nghĩa là: các chức quan bổ cho đủ để làm vì, thì hai làng Bột (Bột Thượng, Bột Hạ huyện Hoằng Hóa, phủ Hà Trung, Thanh Hóa) hết ruộng.

2. *Tây quận công:* tên tước của thế tử Trịnh Tạc, con Trịnh Tráng.

HỒI THỨ CHÍN

Nhật Lệ quân thua, Thanh Đô xa giá bon nhanh
Quảng Nam dinh vỡ, Dương Nghĩa xuống suối vàng ôm hận

Lại nói năm Quý Dậu, niên hiệu Đức Long thứ năm (1633), tháng ba, bấy giờ thiên hạ vô sự, Thanh Đô vương sai trấn thủ Nghệ An là Thiếu phó Tây quốc công Trịnh Tạc thống lĩnh thủy sư đến đồn trấn ở cửa biển Kỳ La [1]. Sai Thái phó Thắng Nghĩa phủ Quỳnh Nham kiêm Nghĩa doanh Hồng quận công thống lĩnh các tướng cùng sáu nghìn quân bộ vào đóng đồn ở châu Bố Chính, phía Bắc sông Gianh để chuẩn bị thế tiến đánh tiếp ứng cho nhau, có ý dòm ngó việc chính sự của Nam triều.

Lại nói chuyện Sãi vương ở Nam triều năm ấy [2] sai cháu là Tuấn Lương hầu [3] làm trấn thủ doanh Quảng Bình, Tuấn Lương hầu rộng rãi thi hành nhân chính, hiệu lệnh nghiêm minh, ngoài đường không ai nhặt của rơi, dân đều được yên vui nghề nghiệp.

Bấy giờ công tử con thứ của chúa là Dương Nghĩa hầu Nguyễn Phúc Anh giữ chức trấn thủ ở doanh Quảng Nam có bụng muốn đoạt ngôi của anh cả. Nhưng nghĩ rằng xứ này ở xa địa giới Bắc triều, khó bề cử động, Dương Nghĩa hầu muốn ra làm trấn thủ Quảng Bình để dễ mưu đồ tranh đoạt. Dương Nghĩa bèn ngầm sai người đi móc nối với một quan chức ở doanh Quảng Bình là Lý Minh [4], lôi kéo vài ba tướng khác cùng mấy tên xã dân gian ác ở huyện kéo nhau về phủ chúa vu cáo trấn thủ Tuấn Lương hầu [5], nói hầu ở trấn không biết thương yêu dân chúng, chỉ mưu đồ buôn bán kiếm lời, ích kỷ hại nhân, khiến dân chúng lầm than khốn khổ, xin chúa cho đổi đi nơi

1. Kỳ La: tên cửa biển ở huyện Kỳ Hoa (đời Lê), tức cửa Nhượng ở huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

2. Nguyên thư chép "thị triều" (triều ấy), có phần chắc là chép nhầm, đúng là "thị niên" (năm ấy) do ảnh hưởng chữ "tiều" ở trên mà nhầm xuống chữ dưới.

3. Tên tước của Nguyễn Phúc Tuấn, con của Phúc Điền (Điền là em Sãi vương).

4. Nguyên văn chép chữ "Lý" bằng chữ "Lý" (lẽ). Có thể Lý Minh là tên thường gọi, không phải họ Lý.

5. Bản sao chép nhầm là Tuấn *Vương* hầu, đúng là Tuấn Lương hầu như đã chép ở trên.

khác để cho sinh dân khỏi bị điêu linh tàn hại, xin đổi cho Công tử Dương Nghĩa hầu về thay để yên vỗ dân đen.

Sãi vương nghe theo [1] bèn gọi Tuấn Lương hầu về ở phủ chúa, sai người vào Quảng Nam triệu Dương Nghĩa về để sai đi trấn thủ Quảng Bình, đáp lòng mong mỏi của dân. Sứ giả của chúa vâng mệnh ngày đêm đi gấp vào Quảng Nam truyền lệnh. Gặp lúc Dương Nghĩa hầu đang đi du chơi săn bắn ở xa, đến hơn một tuần [2] vẫn chưa về, sai nhân thấy vậy bèn trở về vương phủ trình với chúa. Sãi vương nghe bẩm tức giận Dương Nghĩa vì tội du đãng, không cho ra ngoài làm trấn thủ nữa, bèn sai em là Phó tướng Quảng Lâm hầu Nguyễn Kiều [3] đi trấn thủ Quảng Bình.

Quảng Lâm hầu vái tạ lĩnh chức Phó trấn, chăm vỗ binh dân, thương yêu sĩ tốt, mọi người đều vui vẻ tuân phục. Thế là Công tử Dương Nghĩa mất hy vọng, trong lòng uất ức nhưng không biết làm gì. Dương Nghĩa lại sai người đi gặp Lý Minh tử để hỏi kế. Lý Minh viết mật thư báo rằng: trấn thủ Quảng Bình, Quảng Lâm là người có ân đức, được dân chúng yêu mến cho nên khá có uy thế, khó mà lay chuyển được. Nhưng Quảng Lâm hầu bản tánh mềm yếu, minh công nên dùng mưu kín chiêu dụ quân Bắc để họ quấy rối ở châu Bố Chính thì Quảng Lâm ắt phải trốn chạy trước, khi ấy chức trấn thủ Quảng Bình không phải là minh công thì còn vào tay ai? Minh công được đến trấn thủ ở đấy thì việc lớn ắt thành, không cần phải lo nghĩ nhiều.

Dương Nghĩa khấp khởi mừng thầm. Rồi đó ngầm đặt kế trá hàng, nói với người lái buôn tên là Điện, sai Điện chuyển ra trình với Thanh Đô vương Trịnh Tráng mưu kế như thế, xong việc xin báo đáp trọng hậu. Lái Điện lĩnh tờ khải [4] lên đường đi lén ra kinh đô Thăng Long dâng vào phủ chúa.

Thanh Đô vương Trịnh Tráng tiếp tờ khải mở ra xem. Khải văn viết:

"Thần là công tử ở xứ Nam Dương Nghĩa hầu Nguyễn Phúc Anh cùng với bọn các tướng kính cẩn trăm lạy bẩm lên Chúa thượng xét cho.

---

1. ĐNTLTB cũng nói vắn tắt sự việc này: "Bấy giờ Anh ở Quảng Bình để tiện được thông với họ Trịnh, bèn sai người bàn mưu với văn chức Quảng Bình là Lý Minh (không rõ họ). Lý Minh tập hợp những bọn bất mãn ở địa phương, kiện vu cho Tuấn là hà khắc trăm họ, xin đổi Tuấn đi nơi khác (ĐNTLTB, 64).

2. Theo cách tính thời gian ngày trước một tháng có 3 tuần, mỗi tuần 10 ngày.

3. ĐNTLTB chép viên tướng này là Nguyễn Phúc Kiều. Nguyên thư ở đây chép chữ "bạt". Hai chữ "kiều" và "bạt" viết tháo có thể đọc và chép nhầm.

4. *Khải:* Theo quy chế thời Lê – Trịnh, các văn thư gửi lên chúa Trịnh thì gọi là "khải" (khải văn).

Trước vì phụ thân của thần đã già yếu khó cậy dựa giáo hóa, sau là vì trong chỗ anh em không hòa mục, không biết suy nghĩ đạo cương thường, sợ rằng ngày khác sinh biến ở bên tay nách, không khỏi bị coi là tặc đồ. Sâu nghĩ về sau họa đấy, trong nhà anh em tranh đánh lẫn nhau, khó tránh bị chép ghi là ngỗ ngược. Cúi mong Thánh vương cả phái đại quân sớm đến cửa biển Nhật Lệ bắn súng [1] làm hiệu, bọn thần ở bên trong sẽ cùng cử sự đem binh chúng quy hàng, ngõ hầu xa thư [2] thống nhất một mối, Nam Bắc một nhà, bọn thần được ngước thấm ơn giáo hóa. Muôn trông Thánh thượng cứu vớt cho. Kính bẩm".

Thanh Đô vương xem tờ khải cả mừng, bèn lệnh cho Tiết chế thái úy Sùng quốc công Trịnh Kiều thống lĩnh đại quân vào đóng ở chợ Vân Trang, châu Bố Chính để ứng phó khi lâm sự.

Mùa đông, tháng mười, Thanh Đô vương đem đại quân thủy bộ rước xa giá vua Lê đi đánh Nam Hà. Tháng chạp, quân đến cửa Nhật Lệ. Thanh Đô chia quân đi đóng trại, đầu đuôi tiếp ứng với nhau, thế trận rất nghiêm chỉnh. Dân chúng châu Bố Chính hoảng sợ dắt già, bế trẻ chạy trốn khỏi nơi có đồn lũy lớn để tìm đường sống thoát.

Chúa Nam nghe tin bèn triệu các quan văn võ vào phủ đường bàn định. Sãi vương giận nói:

– Họ Trịnh không hiểu biết thời cơ, vô cớ cất quân xâm nhiễu biên cảnh, giết hại dân chúng trong cõi của ta, trời đâu có dung tha!

Nói đoạn sai Đại tướng Mỹ Thắng hầu [3] cùng với Đốc thị Chiêu Vũ tử Nguyễn Hữu Dật thống lĩnh các quân thủy bộ đi chặn địch.

Hai tướng vâng mệnh đem quân lên đường thẳng đến cửa Nhật Lệ để ứng phó với tình thế. Bấy giờ trấn thủ Quảng Bình là Tuấn lương quận công Quảng Lâm hầu ruổi ngựa về triều trình kế sách phòng thủ cửa biển Nhật Lệ để đề phòng thủy quân bên Trịnh lọt vào [4]. Đốc thị Chiêu Vũ lại hiến kế đắp lũy ở bãi cát Trường Sa [5] để

---

1. Bản sao chép nhầm chữ "súng" thành chữ "kính" (vì tự dạng gần giống nhau).

2. *Xa thư:* Cỗ xe và chữ viết. Thời Chiến Quốc các nước có riêng các quy cách thể lệ về kiểu xe cộ, chữ viết. Sau khi thống nhất Trung Quốc, Tần Thủy Hoàng định lệ "thư đồng văn, xa đồng quỹ" (viết một thứ chữ, đóng xe cùng một kích thước trục).

3. ĐNTLTB ghi viên tướng này là Nguyễn Mỹ Thắng.

4. Nguyên văn chép là "bẩm ư (có chữ sửa = *tu*) di hãn chi pháp": chưa rõ "di hãn chi pháp là gì? Theo nghĩa chữ "hãn" là chống cự, tạm dịch như trên.

5. Tức lũy Trường Sa từ cửa sông Nhật Lệ đến khoảng xã Võ Xá, huyện Lệ Thủy, đắp dựa theo những cồn cát chạy dài ở sát biển.

hoàn bị kế sách đánh giữ. Sãi vương đều nghe theo và cho thi hành.

Hai tướng được lệnh sai quân đắp lũy cát, ngăn bờ sông để bảo vệ cho Chính lũy [1] và đóng cọc gỗ ngăn cửa biển để chặn không cho quân Trịnh vượt sang.

Bấy giờ Thanh Đô vương Trịnh Tráng rước xa giá vua Lê đến phía ngoài cửa biển Nhật Lệ bắn ba phát súng làm hiệu, không thấy Dương Nghĩa ra hàng. Thanh Đô vương lấy làm ngờ bèn cho lui quân ra xa mặt lũy đóng trại để chờ tin tức của Dương Nghĩa hầu, đợi đến hơn mười ngày. Các đạo quân Nam thấy quân Bắc trễ nải không có ý phòng bị, bèn đồng loạt xông ra đánh lớn. Súng nổ vang rền như sấm, đạn bay khói tỏa dày khít như mưa đá. Đại quân của chúa Nguyễn ào ạt tiến đến như cuốn chiếu. Quân Trịnh thua rạp, vất bỏ xe pháo mà chạy không dám ngoái đầu, thây chất cao thành đống. Thanh Đô vương thấy vậy hoảng sợ, rước xa giá của vua Lê chạy về Bắc Bố Chính đóng quân bên bờ sông Gianh. Điểm lại binh mã thấy thương vong đến quá nửa, Trịnh Tráng hối xót, bèn xuống lệnh thu quân về kinh giao cho con của Hoa quận công Nguyễn Khắc Kham là Hiển Tuấn hầu Nguyễn Khắc Tôn [2] ở lại giữ Bắc Bố Chính. Phần châu Bố Chính ở phía Nam sông Gianh thuộc về chúa Nam cai quản. Người đời sau có thơ chê cười rằng:

Trong nhà lục đục gió Bắc sinh,
Ẩm ỹ Thanh Đô gây chiến tranh,
Hổ chiếm đầu non xua hoẳng thỏ,
Rồng nằm mặt nước át côn kình.
Binh đao vừa lặng khói lang tắt,
Thông rợp tàn che, cõi biển xanh.
Ví biết Nam Hà vương khí mạnh,
Thong manh nào dám dắt thong manh!

Bấy giờ thấy bọn Mỹ Thắng, Chiêu Vũ đánh thắng, khải hoàn đưa quân sĩ về triều bái yết, Sãi vương vui mừng khôn xiết, sai mở tiệc ban thưởng trọng hậu cho Mỹ Thắng, Chiêu Vũ và úy lạo ba quân.

---

1. *Chính lũy:* tức lũy Nhật Lệ.

2. Trước tên Nguyễn Khắc Tôn, nguyên thư có hai chữ "Hiển hậu" (với chữ "hậu" = sau). Đúng ra đó là chữ "tuấn" viết nhầm thành. (Đoạn sau đã nói rõ trấn thủ Quảng Bình là Hiển Tuấn hầu Nguyễn Khắc Tôn). *Cương mục* chép tên người này là Nguyễn Khắc Loạt. ĐNTLTB lại chép là Nguyễn Khắc Liệt.

Lại nói chuyện bọn Dương Nghĩa hầu Nguyễn Phúc Anh nghe tin quân Bắc thua trận phải lui về, biết cơ mưu không thành bèn rắp tâm làm sự phản nghịch bạc ác, ngầm bỏ tiền của ra chiêu dụ môn khách để mưu đồ tranh đoạt, hoặc khéo léo tặng biếu các tướng, hoặc đem cho kẻ dân phu, ai quý trọng vật gì thì cho vật ấy, rồi ghi tên vào quyển sổ gọi là sổ "Đồng tâm hướng thuận". Trong khoảng vài năm những kẻ hướng theo được khoảng vài trăm người, nhưng không ai hay biết ý tứ gì của Dương Nghĩa. Dương Nghĩa lại thường bảo kẻ tâm phúc đi lại thăm hỏi các tướng tại triều, nhỏ to dụ dỗ kết nghĩa tương thân. Từ đó về sau Dương Nghĩa ngày đêm thường cùng bọn tay chân tụ hội để bàn tính việc cắt đặt quan chức, phải đi đóng giữ các nơi biên ải nhằm ý tranh đoạt ngôi chúa.

Nói tiếp chuyện năm Giáp Tuất, niên hiệu Đức Long thứ sáu (1634), mùa xuân, tháng giêng, Thanh Đô vương rước xa giá vua Lê về đến Cầu Doanh [1] đóng quân nghỉ lại cho tu sửa thành quách hào lũy, tuyển chọn và luyện tập lính cưỡi ngựa để mưu đồ báo phục. Bèn cho Thiếu bảo Định quận công thăng hàm Thiếu phó, chức Đô đốc, bọn quận Tần, quận Vĩnh, quận Tào, quận Cẩm đều được thăng hàm bảo chức Tham đốc, cho quận Mỹ, quận Hà thăng chức Đô đốc, cho thêm số dân các xã được thu tô để tăng bổng lộc và ban cho bạc tiền nhiều ít khác nhau. Lại sai quan thăm xét người trong xứ, ai có công thì thưởng, kẻ có tội thì phạt. Vì thế các quan được yên chức, dân được yên nghiệp, Thanh Đô vương bèn hạ lệnh đưa quân về kinh. Chẳng mấy ngày quân về đến kinh sư, Thanh Đô vương xuống lệnh cho quân sĩ nghỉ ngơi.

Tháng tư, Thanh Đô vương sai em là Thái bảo Diên quận công [2] làm đề điệu khoa thi Hội các cống sĩ trong nước. Bọn Vũ Bạt Tụy năm người được lấy đỗ Tiến sĩ, đều được Thanh Đô vương bổ dụng.

Lại nói tháng mười năm ấy, ở Nam triều, văn thần là Tham tán Lộc Khê hầu Đào Duy Từ tuổi cao bệnh nặng, việc sống chết chỉ tính trong chốc lát, bèn sai người tâm phúc vào bẩm với chúa. Sãi vương nghe tin bèn thân đến tận nhà thăm hỏi. Lộc Khê hầu gắng gượng quỳ dưới chân giường rập đầu thưa rằng:

– Thần là kẻ hủ Nho nơi thôn dã, may gặp được Chúa thượng quá yêu, hưởng ơn tri ngộ đã nhiều. Thần không biết lấy gì đền đáp,

---

1. Cầu Doanh, tức Dinh Cầu, cũng gọi là Dinh Hà Trung, ở xã Hà Trung huyện Kỳ Hoa, nơi đặt lỵ sở của trấn Nghệ An thời Lê Trịnh.

2. *Diên quận công:* Tên tước của Trịnh Nha.

chỉ một niềm căng cắng đem hết tâm sức giúp rập Chúa thượng thu phục trung nguyên, diệt trừ nghịch tặc họ Trịnh, khỏi cho vua Lê nhức nhối lo âu, trăm họ khỏi cảnh nước lửa khốn cực. Đó là ý nguyện của thần. Không ngờ tính mệnh của thần hiện đã như ngọc lá sương móc, chưa đến mùa thu mà đã héo tàn, thần xin cam chịu muôn tội, mong Thánh thượng miễn thứ cho.

Nói xong nước mắt rơi đẫm ướt áo. Sãi vương nắm tay Lộc Khê khóc mà đáp:

– Ta từ ngày gặp khanh như chim hồng thuận gió, chưa thỏa tâm tình. Ai ngờ giữa đường khanh đành lòng bỏ ta. Há chẳng phải trời không muốn chúng ta bình trị thiên hạ mới khiến cho khanh đau ốm đến thế này chăng? Khanh khá sâu nghĩ giữ gìn thân thể, chớ nên nói điều gì khiến cho ta kinh sợ. Huống chi khanh có tấm lòng tốt như thế thì trời đâu nỡ phụ?

Lộc Khê nghe xong cúi đầu ứa lệ, muốn nói nhưng không cất lên tiếng, thở hắt hơi mấy lần, động miệng ú ớ rồi tắt nghỉ, thọ sáu mươi ba tuổi. Sãi vương đau xót vô cùng, các tướng biết tin đều đến vây khóc. Sãi vương bèn ban sắc truy tặng Lộc Khê hầu làm Tán trị dực vận công thần đặc tiến phụ quốc kim tử vinh lộc đại phu, hàm đại lý tự khanh, tước Lộc quận công, ban cấp gấm lụa, cho rước linh cữu về an táng ở thôn Tùng Châu. Sau đó vương lại sai lập đền thờ phụng để báo đáp huân lao.

Người đương thời có thơ điếu buồn như sau:

Lên mây tiên hạc đã bay lâu,
Đầu cúi chẳng kham chuyện tủi sầu [1].
Đất Bắc thanh danh sông núi biết,
Trời Nam sự nghiệp sử truyền lâu.
Mưu thân chí lớn thêm giàu nước,
Giúp chúa tài cao sánh Vũ hầu [2].
Đường chữa chung xe thân thác trước,
Vua tôi thương khóc lệ rơi trào.

Lại nói trấn thủ Bắc Bố Chính của Bắc triều là Hiền Tuấn hầu

---

1. Nguyên văn: "Thoại cựu châu" (nói chuyện ở quê cũ) nhắc việc Đào Duy Từ không được trọng dụng ở Bắc, tạm dịch như trên.

2. *Vũ hầu:* Tức Gia Cát Lượng.

Nguyễn Khắc Tôn kiêm giữ bản châu, mưu toan phản lại Bắc triều. Khắc Tôn bèn xuất tiền của cho biếu tân khách, mua chuộc nhân tâm, chọn tướng chuyển binh, sửa sang khí giới, quân sĩ ngày càng thêm hăng. Khắc Tôn muốn hòa thân với Nam chúa để giúp sức một tay, bèn bí mật sai người tâm phúc lén vào Nam triều bẩm với chúa Nam xin kết làm anh em, đồng lòng gắng sức dấy quân tiễu trừ họ Trịnh, cắt đất xưng vương để cùng được phú quý.

Sãi vương nghe xong cả mừng, bảo với người của Khắc Tôn rằng:

– Bỏ nghịch theo thuận ấy là lẽ thường. Nay các quan nhân đã có lòng như thế, ta rất vui mừng. Nhưng việc này không phải chuyện nhỏ, ta nhắn lời với quan nhân rằng nếu muốn nhân thời cơ mà cử động thì cần phải lưu tâm, mười phần cẩn thận mới có thể giữ được vẹn toàn. Đó là ước mong của ta.

Tiếp đó Sãi vương lại nói:

– Vả lại việc này ta muốn cùng với các quan nhân một phen gặp mặt cùng chuyện trò cạn lời tim phổi để rõ thực hư. Nhưng, ta một lần đi đâu là rất hệ trọng, ngươi cũng nên trình đạt với quan nhân cái ý ấy.

Nói đoạn sai khoản đãi người của Khắc Tôn để y trở về phúc đáp cho chủ nhân. Tên người nhà của Khắc Tôn vái tạ ra về, đem việc Nam chúa nghe chuyện vui mừng, tiếp đãi, căn dặn các điều ra sao thuật lại một lượt cho Khắc Tôn nghe. Khắc Tôn cả mừng bèn chuẩn bị đích thân vào Nam hội kiến với Nam chúa. Chẳng mất bao ngày Khắc Tôn đã vào tới nơi. Sãi vương được tin báo vội ra ngoài phủ đón tiếp, dắt tay mời vào trong trướng cùng ngồi, sai đặt yến tiệc khoản đãi trọng hậu, nghe thuật lại tình hình mọi lẽ trước sau. Rồi đó, hai người giao ước rằng sau khi xong việc thì chia bờ rạch cõi mà cai trị để rạng mặt anh hùng với muôn đời.

Hiền Tuấn hầu nghe nói khôn xiết vui mừng bèn cáo từ trở về bản trấn ở bên đất Bắc triều. Từ đó Hiền Tuấn hầu quyết chí mưu phản, sai bồi đắp lũy Nham Bụt, lại chia quân đi giữ kín các ngả ở Hoành Sơn để làm thế chế ngự.

Thanh Đô vương biết chuyện muốn đem quân vào hỏi tội Khắc Tôn. Nhưng nghĩ làm thái quá lại sinh thêm một kẻ địch, bèn cứ giữ yên chuyện để mưu tính kế khác. Từ đó Hiền Tuấn hầu cho rằng Thanh Đô vương không biết, ngày một thêm buông thả, tự khoe

khoang thế mạnh mưu cao, cho thiên hạ không ai bằng mình.

Bấy giờ người của Sãi vương sai đi thám thính, trở về báo tin. Nam chúa mừng nói:

– Cứ để mặc hắn cử động, ta ở giữa thu lợi, mượn tay hắn cứ thế mà làm [1], ta khỏi phải nhọc sức binh mã, phí tốn tiền của trong kho.

Lại nói chuyện năm Ất Hợi, niên hiệu Đức Long thứ bảy (1635) [2], tháng ba, bấy giờ ở Bắc triều trời đại hạn lúa má héo khô, cây cối hoa mầu héo rụng, khắp nơi dân chúng đói kém, dân xiêu tán rất nhiều, trách oán rằng: vua chúa chỉ làm những chuyện chính sự vu vơ, đến nỗi tai họa giáng xuống đầu dân đen, hậu thổ hoàng thiên bỏ mặc không phù hộ. Thanh Đô vương nghe biết, thầm nghĩ lấy làm kinh sợ, bèn triệu các quan vào triều bàn định, rồi đó thay niên hiệu Đức Long làm Dương Hòa năm đầu (1635), đại xá thiên hạ, miễn tô thuế để yên dân tâm.

Tháng bảy, xuống lệnh cho các quan lại, giám sinh, nho học cùng vào thi khảo xét ở sân đan trì, lấy trúng cách bọn Nguyễn Văn Lễ mười hai người đều được thăng chức bổ nhiệm các chức thiếu khanh, tri phủ, tri huyện, viên ngoại lang v.v... giao cho việc chăn dân.

Lại nói tháng mười năm ấy (1635), ở Nam triều, Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên bất ngờ ốm nặng, thuốc thang đều không thuyên giảm. Chúa bèn gọi em ruột là Tổng trấn Tường quận công [3] và Thế tử Nhân [4] vào trong trướng căn dặn rằng:

– Ta nối nghiệp cũ của tiên vương cai trị bình dân hai xứ, chí muốn thu phục cơ đồ, khuông phò cho vua Lê để thanh danh sáng tỏ. Nay ta sắp hết số trời cho, nghìn vàng khôn chuộc. Sau khi ta mất, thế tử Nhân Lộc chưa tiện để phó thác việc quân cơ, mọi công việc triều chính đều ủy thác cho hiền đệ, tùy theo sự thích nghi mà thống quản, ngõ hầu được yên xã tắc.

Tường quận công nghe chúa nói xong, rập đầu khóc lớn mà thưa rằng:

---

1. Nguyên thư chép: "Khí thử nhi hành". Đúng ra đấy là chữ "bỉnh" (*bỉnh thử* – nắm lấy đó) hai chữ "bỉnh" và "khí" hơi giống nhau, dễ lầm.

2. Nguyên thư chép là "Đức long nhị niên". Đúng là "thất niên" (năm thứ bảy).

3. *Tường quận công*: Tên tước của chưởng cơ Nguyễn Phúc Khê, con thứ 10 của Nguyễn Hoàng (ĐNTLTB) sau theo quy định phả hệ của nhà Nguyễn, đổi gọi là Tôn Thất Khê.

4. Tức Nhân Lộc hầu Nguyễn Phúc Lan, con thứ 2 của Nguyễn Phúc Nguyên.

– Thần nghe người xưa thường nói cha truyền con nối. Thế tử chưa kham nổi thì đã có các đại thần đồng tâm hiệp lực để lo toan việc nước. Còn như thần tuy là chỗ cốt nhục của nhà chúa, nhưng cũng là chức phận của kẻ bề tôi, thần đâu dám vâng mệnh thay thế! Huống chi thần bình sinh vốn tự giữ mình trung nghĩa. Nay nhận lời ủy thác làm cố mệnh đại thần chẳng khỏi bị thiên hạ chê cười, cho thần là kẻ phản bội. Xin chúa công nghĩ lại để cho thần khỏi lo âu.

Tường quận công nói xong lại khóc lớn. Sãi vương nói:

– Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn, vốn chẳng phải là người của họ. Tống Thái Tổ truyền ngôi cho Thái Tông cũng là anh chết em thay, xưa nay đều cùng một lẽ như thế, có gì đáng ngại?

Tổng trấn Tường lại thưa rằng:

– Người thời xưa bên Trung Quốc thì như thế. Còn ở nước Nam ta từ Đinh, Lý, Trần, Lê chưa có lẽ ấy. Thần nguyện xin làm kẻ bề tôi giữ phẩm tiết trung thẳng cho đến khi thịt nát xương tan để giúp rập Thế tử của vương huynh, quyết không ăn ở hai lòng. Xin vương huynh chớ nói vậy khiến cho thần mắc tội với trời đất!

Sãi vương nghe nói nắm tay Tổng trấn Tường ứa nước mắt nói:

– Lòng tốt của hiền đệ ta đã biết rõ. Nay cháu của hiền đệ là Thế tử Nhân Lộc còn nhỏ tuổi, phần nhiều đều phải nhờ cậy hiền đệ phò tá giáo huấn cho thì mới có thể gồm nắm được việc nước. Chớ để cho Thế tử chơi bời, tham bạo, làm tổn hại cho sinh dân. Còn hiền đệ, cũng phải ngày đêm cùng với triều thần xử lý việc nước, chăm lo cho dân, chiêu hiền đãi sĩ để mưu đồ thu phục giang sơn, khuông phò cơ nghiệp nhà vua, để ý nguyện bình sinh của ta được thỏa. Còn việc trấn thủ ở miền biên thùy Bố Chính thì Hiền Tuấn hầu là kẻ phản bội, hiền đệ nên cùng với các đại thần nghĩ cách mà trừ đi để dứt mối lo sau. Chớ nghe lời nó nói mà lầm lỡ việc quốc gia đại sự của ta. Các khanh khá nên ghi nhớ vào lòng.

Tổng trấn Tường và Thế tử Nhân Lộc hầu quỳ bên chân giường cúi lạy lĩnh mệnh. Sãi vương lặng yên không nói, chỉ đưa mắt nhìn quận Tường rồi đưa tay chỉ vào Thế tử Nhân Lộc hầu thở dài mấy tiếng rồi tắt nghỉ. Vương ở ngôi hai mươi ba năm, thọ bảy mươi ba tuổi. Quận Tường và Thế tử Nhân Lộc hầu xô đến bên giường khóc gào lên. Đình thần nghe tin dữ, ai nấy đều tiếc gào khóc vật vã khắp nơi trong sân triều. Rồi đó đình thần bèn hội họp dâng tôn hiệu là

Đại nguyên súy tổng lý quốc chính dực thiện tuy du Thụy Dương vương, dựng đàn làm lễ tế, rồi dùng nghi lễ của bậc vương rước linh cữu đến an táng ở vùng núi huyện Hương Trà.

Người thời bấy giờ có thơ than tiếc Sãi vương như sau:

Mây sầu núi thảm tỏa đầy trời,
Ánh ỏi ve kêu gió nghẹn lời.
Phượng biếc cao bay ngoài chín cõi,
Rồng thần quẫy động giữa đêm ngời.
Đình thần đau tiếc vua hiền sáng,
Dân chúng gào la chúa cứu đời.
Khai thác cơ đồ nên thịnh vượng,
Lưu thơm muôn thuở khắp muôn nơi!

Bấy giờ, sau khi lo liệu xong tang lễ của Sãi vương, Tổng trấn Tường quận công bèn mời các tướng đến hội ở điện bên để bàn việc. Tường quận công nói với các tướng:

– Thiên hạ không thể một ngày không có vua. Nay Thánh thượng đã đi xa, tang sự xong xuôi cả rồi, các ông còn đợi gì mà không tôn phò Thế tử lên nối ngôi quản lĩnh việc nước để yên lòng muôn dân?

Thế là các tướng lĩnh cùng đi với Tường quận công đến doanh Thuận Nghĩa tôn phò thế tử là Phó tướng Nhân Lộc hầu Nguyễn Phúc Lan làm Tiết chế thủy bộ chư doanh kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, hàm Thái bảo, tước Nhân quận công để nối ngôi chúa, tức Thượng vương (chúa Thượng).

Thượng vương lên nối ngôi, xuống lệnh đại xá thiên hạ, dựng đàn tạ ơn trời đất, yết cáo tiên vương ở nhà Thái miếu.

Tường quận công sai người vào doanh Quảng Nam triệu Dương Nghĩa hầu [1] về triều nhận lệnh. Nghe tin triều thần đã tôn lập Nhân Lộc hầu lên ngôi chúa, Dương Nghĩa hầu cả giận, quyết chí làm phản. Dương Nghĩa hầu bèn mời Ký lục Vân Hiên tử vào bàn bạc. Vân Hiên hiến kế đắp lũy Cu Đê để làm kế cố thủ. Dương Nghĩa cả mừng sai quân đắp lũy [2] ... ra đến biển, xuống lệnh cấm ở các cửa biển không cho dân chúng ra vào. Lại sai Đại tướng Khang Lộc Tiết chế

1. Nguyên bản chép nhầm là Nghĩa Thuận.
2. Nguyên văn để trống khoảng 4 chữ, có lẽ vì nguyên bản bị rách thiếu hoặc khó đọc.

thủy bộ quân làm tiên phong, đem quân rải đóng ở cửa biển Đà Nẵng để cố thủ, không chịu về triều nhận lệnh. Dương Nghĩa chỉ sai em là Đức Lễ hầu một mình về triều. Dương Nghĩa tự mình đem quân đến đóng đồn ở lũy Cu Đê để xem thế đánh giữ. Tướng tiên phong Triều Khang [1] đem thủy quân vượt cửa biển trốn về phủ chúa ở Thuận Hóa. Ký lục Vân Hiên tử cũng đem gia thuộc, nhân đêm tối lén qua cửa ải Hải Vân [2] trở về phủ Chúa cấp báo.

Chúa Thượng vương nghe tin cả giận bèn mời chú là Tường quận công vào phủ khóc bảo rằng:

– Cháu với Dương Nghĩa hầu là anh em cùng cha một mẹ sinh ra, chung gốc liền cành, hoạn nạn giúp nhau, phú quý cùng hưởng. Ai ngờ Dương Nghĩa manh tâm tiếm đoạt phản nghịch, giết hại dân chúng trong miền. Cháu muốn nhường ngôi cho hắn để khỏi sinh sự tranh giành, không biết có nên chăng? Mong tôn thúc liệu xét cho.

Tổng trấn Tường quận công Nguyễn Phúc Khê nghe xong bừng bừng tức giận nói:

– Dương Nghĩa là đồ lục súc không nghĩ gì đến công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ! Nay hắn đã dấy binh làm loạn, tội khó dung tha! Còn phải hồ nghi gì nữa?

Quận Tường bèn xuống lệnh sai Hùng Lương và Triều Phương chỉ huy quân thủy, Yên Vũ và Hùng Uy chỉ huy quân bộ thẳng tiến vào Quảng Nam bắt sống Dương Nghĩa áp giải về giao nộp ở phủ chúa, không được tự tiện xử tội.

Bấy giờ các tướng đem quân lên đường. Quân bộ tiến trước đến lũy Cu Đê. Quân thủy tiến đến vũng Sơn Trà. Dương Nghĩa lập tức chia quân đi chặn địch. Cai đội bộ binh là Dương Sơn [3] và Công tôn Tuyên Lộc bất ngờ đem quân đánh thốc qua cửa Hải Vân tiến vào Quảng Nam. Dương Sơn vào trước trong doanh trại của Dương Nghĩa hầu thu được quyển sổ "Đồng tâm hướng thuận" [4] của Dương Nghĩa, chỗ giấy có chữ ghi chép rồi đếm được hơn mười tờ. Thấy họ tên các quan văn võ và dân chúng ghi trong sổ đó ước khoảng vài trăm người, Dương Sơn cả kinh, chau mày suy nghĩ rằng: "Tên giặc này đã

1. Tức tướng Nguyễn Triều Khang, tước Khang Lộc hầu đã nói ở trên.
2. Nguyên văn "Vân quan", tức Hải Vân quan.
3. Dương Sơn là tên tước, chưa rõ tên thật.
4. Có nghĩa là "cùng lòng theo về".

ghi tên người vào sổ, đâu phải là người thiên hạ đều có lòng này? Giữ sổ thì hại cho tính mệnh trăm họ, vứt sổ đi thì phạm tội bất trung". Suy đi nghĩ lại hồi lâu, Dương Sơn bèn xé bỏ khoảng năm, sáu tờ. Sau đó Tuyên Lộc tiếp đến phóng hỏa thiêu cháy [1] trại quân của Dương Nghĩa, lửa bốc rừng rực ngút trời. Dương Nghĩa chạy trốn về phía cửa biển Đại Chiêm, Tuyên Lộc đuổi theo bắt được đóng gông giải về [2]. Thượng vương xuống lệnh cho dân chúng được đi lại bình thường. Một mặt sai võ sĩ theo tên ghi trong sổ, bí mật bắt giết đi để bịt đầu mối thẩm vấn. Thương thay chỉ trong nhất thời mà năm sáu chục người phải chịu chết không đúng mệnh.

Khoảng mười ngày sau, Thượng vương Nguyễn Phúc Lan thăng Chưởng cơ Hùng Lương hầu [3] làm Chưởng doanh trấn, thăng cai đội Dương Sơn hầu làm Cai cơ, Ký lục Vân Hiên làm nội tán phù dực vương triều, phong viên câu kê bộ Lại là Hoa Phong làm Cai bạ. Các quan văn võ có tài đức đều được thăng phẩm có thứ bậc khác nhau.

Lại nói Thượng vương từ khi mới ngồi cai trị trong miền, gần xa rộng ban ơn đức, đối xử với các tướng thân tình như anh em, thương yêu chúng dân như con đỏ, nhẹ phu dịch, ít thuế khóa, thận trọng ngục tụng, thương xót hình phạt, thời bấy giờ trở nên đời thịnh trị. Chúa bèn xuống lệnh dời cung điện đến Kim Long, huyện Hương Trà. Nơi đây núi vòng sông lượn, địa thế rồng cuộn hổ ngồi, đúng là nơi bậc đế vương định đô để trị vì bốn phương thiên hạ.

Lại nói tháng mười năm ấy, ở miền biên phía Bắc sông Gianh, trấn thủ Hiền Tuấn hầu nghe tin chúa Nam là Thụy quốc công đã về chầu trời, đấm tay xuống chiếu khóc lớn, lấy làm đau tiếc lắm. Lại nghe tin Thế tử Nhân quận công nối ngôi, thầm nghĩ rằng: "Nhân quận công còn ít tuổi chưa hiểu việc quân quốc đại sự lại chưa từng trải chiến trận, khó giúp sức cho mình được. Chi bằng khấu đầu chịu tội với triều đình để lại mưu đồ kế khác".

---

1. Nguyên thư chép là "túng đại phan doanh" chép sai liền ba chữ. Đúng ra là "phóng hỏa phần doanh" (phóng hỏa đốt doanh trại); vì liên hệ ghép mà chữ "phóng" chép lầm là "túng"; chữ "hỏa" nhầm thành "đại", "phần" (đốt cháy) nhầm thành "phan" (vin, trèo). Hai cặp chữ sau tự dạng hơi giống nhau, dễ ghép lầm.

2. ĐNLTTB có chép rõ việc Phúc Anh (tức Dương Nghĩa) bị bắt giải về: "Anh nằm rạp xuống đất kêu oan, Chúa không nỡ giết. Tôn Thất Khê (tức Tường quận công) và các tướng đều nói: "Anh là kẻ phản nghịch, tội rất lớn xin phép gia hình để răn bọn loạn tặc, chúa bèn nghe. Anh cúi đầu chịu chết".

3. Tên tước của Bùi Huy Lượng.

Nghĩ vậy Hiền Tuấn hầu bèn sai người về kinh dâng khải chịu tội, trình bày các lẽ lợi hại để cho triều đình khỏi dị nghị bàn tán. Thanh Đô vương Trịnh Tráng tha cho lầm lỗi cũ, lại thăng cho Nguyễn Khắc Tôn là Đô đốc chỉ huy đội quân Trung Thuận, tước Hiền quận công, vẫn giao cho làm trấn thủ châu Bắc Bố Chính. Hiền Tuấn cả mừng, từ đó có ý dòm ngó đất đai của Nam triều.

*

* *

HỒI THỨ MƯỜI

Dùng mưu phản gián, Chiêu Vũ làm rơi đầu Hiền Tuấn
Say đắm mỹ nhân, Thượng vương phải thẹn với Vân Hiền

Lại nói năm Bính Tý, niên hiệu Dương Hòa thứ hai (1636), mùa xuân, tháng giêng, chúa Nam triều là Thái bảo Nhân quận công Nguyễn Phúc Lan sai người ra kinh đô Thăng Long báo tang [1]. Thanh Đô vương biết tin bèn sai bọn Lại khoa cấp sự trung Nguyễn Quang Minh, Binh khoa cấp sự trung Lê Kính, Công khoa cấp sự trung Nguyễn Phù đem lễ vật vàng bạc vào Thuận Hóa điếu tang [2] để bày tỏ tình anh em thương yêu cố kết. Bọn Nguyễn Quang Minh làm lễ viếng tế xong. Nam chúa đem tặng lại vàng bạc gấm lụa làm lễ vật tiễn chân sứ bộ trở về.

Lại nói tháng ba năm ấy, ở vùng kinh kỳ của Bắc triều xảy ra hỏa hoạn, lửa lan cháy trụi cả phủ chúa, dinh thự của các quan triều, cùng là kho tàng nhà cửa, của cải của dân chúng, gia súc hao tổn khá nhiều. Thanh Đô vương nghi cho Phúc Hào (là con trai của Vãi Thiệu) thông mưu với chúa Thuận Hóa cho người phóng hỏa đốt khu thành nội, bèn sai xét hỏi. Nhưng Phúc Hào một mực kêu oan, vương bèn cho Phúc Hào chích máu đến thề ở các đền miếu.

Mùa đông, tháng mười, Thanh Đô vương thấy em là Dũng Lễ công Trịnh Phúc [3] ở dinh Phù Nghĩa là kẻ có ân uy tài trí, ai nấy đều mến phục, dưới trướng có nhiều người theo giúp. Thanh Đô có ý lầm làm ngờ, ngầm tính kế hãm hại để khỏi phải lo sau. Thanh Đô vương nói dối rằng có ngụy Mạc ở Cao Bằng quấy nhiễu biên cảnh, bèn sai Dũng Lễ công Trịnh Phúc đem quân đi đánh. Dũng Lễ công vâng mệnh đem quân lên đường. Thanh Đô vương lại gọi đô đốc Bật quận công vào

---

1. Báo tin cho triều đình Lê Trịnh biết việc Thụy quốc công Nguyễn Phúc Nguyên qua đời.

2. Sứ bộ của triều đình Lê Trịnh vào điếu tang Thụy quốc công Nguyễn Phúc Nguyên lần này, ĐNTLTB không ghi tên Lê Kính, trong khi đó lại ghi Binh khoa cấp sự trung là Nguyễn Trật. Hai chữ "Trật" và "Phù" có thể chép nhầm với nhau. Theo đây, Nguyễn Phù (Trật) là Công khoa cấp sự trung.

3. *Toàn thư:* chép Dũng Lễ công là người được mở dinh Phù Nghĩa là Trịnh Khải.

phủ rỉ tai dặn rằng: "Cho khanh làm thuộc tướng đem quân đi theo Dũng Lễ, rồi tìm cách giả làm quân Cao Bằng, chặn đường giết cho được Dũng Lễ và những kẻ tâm phúc, không cho đứa nào trốn thoát để khỏi lo về sau. Mưu thành thì sẽ trọng thưởng cho khanh".

Quận Bật quỳ lạy nhận lệnh rồi đem quân lên đường đuổi theo Dũng Lễ.

Bấy giờ Dũng Lễ công ban đêm chiêm bao thấy máu me đầy người, tỉnh dậy không biết điềm lành dữ ra sao, trong lòng làm nghi hoặc, bèn để phòng trước, cho khiêng kiệu vác lọng [1] đi trước, tự mình lẩn vào hậu đội. Quận Bật đã đón đường cho quan quân mai phục, thấy kiệu của Dũng Lễ công đi tới bèn giả xưng là quân Cao Bằng xông ra đánh. Nhưng thấy kiệu bỏ không, Quận Bật kinh hãi chân tay run rẩy rụng rời [2]. Vừa lúc đó Dũng Lễ công phóng ngựa ập đến sai quân bắt sống.

Quận Bật bị trói giải đến trước ngựa. Dũng Lễ công hỏi:

– Ngươi vâng mệnh đi theo ta đánh giặc Cao Bằng, sao lại trở mặt đặt phục binh để đánh ta? Ta có mệnh trời, ngươi làm hại ta sao được?

Quận Bật cấn cỏ lạy khóc thưa rằng:

– Thần tuân theo mật lệnh của Chúa không dám làm trái, chứ thần không dám có manh tâm xúc phạm đến minh công. Nay cơ sự đã đến nước này, thần cam chịu muôn tội chết, không dám nói sai. Xin minh công lượng thứ cho.

Dũng Lễ công trầm ngâm hồi lâu, thầm nghĩ: "Chúa nghi ngờ ta cho nên bí mật sai người giết ta, không phải tội của Bật", nghĩ vậy Dũng Lễ công bèn tha cho quận Bật. Quận Bật lạy tạ ôm đầu trốn về.

Dũng Lễ công sai người đi thám thính thấy không có quân nhà Mạc bèn đem quân trở về kinh, trong lòng căm tức buồn giận. Dũng Lễ than rằng:

– Ta với Thanh Đô là anh em ruột thịt. Ta lấy trung hiếu phụng sự ông ta, nhưng ông ta lấy oán thù đối đãi với ta. Ta những muốn bỏ ông ta mà theo Nam chúa để báo thù. Nhưng chỉ sợ đời sau sẽ chê

---

1. Nghi thức ra trận thời Lê Trịnh; chủ tướng ngồi kiệu có lọng che.

2. Nguyên thư chép: "kiến kỳ kiêu hãi chiếu, thủ túc chiến lật" sau chữ "kiệu" có thể chép sót 2 chữ "vô nhân" và chữ "chiếu" là do chữ "nhiên" chép nhầm thành (*hãi nhiên* – kinh hãi, kinh sợ, *hãi chiếu* thì không có nghĩa gì).

cười ta là kẻ bề tôi bất trung. Ta sống còn có ích gì? Thà chết mà để lại danh thơm còn hơn!

Nói xong bèn uống thuốc độc tự tử. Thanh Đô vương nghe tin trong lòng rất oán ghét, bèn xuống lệnh bỏ mặc phơi thây ngày tháng, không cho khâm liệm chôn cất. Người đời sau có thơ than rằng:

Tiếc thay Trịnh Phúc được tôn suy,
Khiến nỗi Thanh vương phải dị nghi.
Dẹp giặc sai đi, tìm kẻ giết,
Mưu ngầm chặt cánh đã tiên tri
Xác phơi luống để nghìn năm nhục.
Nuốt giận nào hay thế vận suy.
Cốt nhục mấy hồi nhiều bạc bẽo.
Nồi da hà tất oán Tào Phi [1].

Tháng mười, ngày mười một, động đất ở xứ Nghệ An, nghiêng đổ nhà cửa, thuyền bè giữa sông đều bị lật đắm, người đi bộ đặt chân không vững, người ngồi không được thẳng lưng, đến hơn nửa giờ mới yên, chưa rõ là triệu chứng lành dữ ra sao.

Lại nói năm Đinh Sửu, niên hiệu Dương Hòa thứ ba (1637), tháng hai, núi Tản Viên vô cớ bị sạt lở một góc, dài hơn hai mươi trượng, sâu chừng ba thước.

Tháng tư có ngôi sao băng to như chiếc đuôi trâu, dài hơn mười trượng, lướt từ phía Đông sang phía Tây, tiếng kêu rít như sấm động.

Tháng bảy, thứ phi của Thanh Đô vương là Tô thị chết.

Mùa đông, tháng mười, Thanh Đô vương sai Thiếu phó Lan quận công Nguyễn Thực làm Đề điệu (chủ khảo) khoa thi Hội các cống sĩ trong nước. Bọn Nguyễn Xuân Chính hai mươi người được lấy đỗ Tiến sĩ. Vua Lê đích thân ban cho các hạng cập đệ và xuất thân có thứ bậc khác nhau.

Năm Mậu Dần, niên hiệu Dương Hòa thứ tư (1638), mùa xuân, tháng giêng, nhà Mạc ở Cao Bằng dấy quân đánh lấn xuống Thái

1. Tào Thực là em Tào Phi (Ngụy Văn Đế), vì có tài nên thường bị Phi nghi ngờ. Phi gọi Thực vào cung bắt làm một bài thơ trong khoảng bảy bước, nếu không xong thì bị giết. Tào Thực làm xong một bài thơ hay (thường gọi là *thất bộ thi):* "Chử đậu nhiên đậu ky, đậu tại thử trung khấp..." "Nấu đậu đun bằng cành đậu, hạt đậu trong nồi khóc...) Tào Phi xem xong hối khóc (chuyển dịch chữ "nhiên ky" bằng chữ nồi da (nồi da nấu thịt), nghĩa tương tự).

Nguyên, thả quân đi đánh giết dân lành, bắt hiếp đàn bà con gái, cướp bóc của cải, trăm họ kinh sợ tìm đường lánh trốn. Thanh Đô vương nghe tin cả giận, bèn xuống lệnh sai quân đi dẹp giặc, đánh lui quân Mạc. Thanh Đô vương thắng trận, khải hoàn đem quân trở về. Dân chúng Thái Nguyên lại trở về yên làm nghề nghiệp.

Lại nói chuyện tháng ba năm ấy, ở trấn Nam thời Sãi vương, con trưởng của Chúa là hữu phủ Khánh Mỹ hầu trấn thủ ở Quảng Nam, vợ là Tống thị nguyên là con gái của Cai cơ Mậu Lễ hầu [1], sinh được ba con trai. Năm Tân Mùi (1631), Khánh Mỹ hầu ốm chết. Tống thị tuy là phận gái nhưng có chí lớn, nhan sắc hoa thẹn, nguyệt mờ, dáng điệu nhạn rơi cá lặn, tính tình lẳng lơ mây sớm gió chiều, thân Hồ nhớ Việt, nói năng khéo léo khoái hoạt, cợt gió đùa trăng, phong thái chẳng kém Ly Cơ, Tiểu Muội. Tống thị thường ra vào phủ chúa, ý muốn tư tình với Thượng vương, nhưng vương không chú ý đến. Một hôm Tống thị ngồi xâu một chuỗi hoa như vòng ngọc liên châu rất đẹp, sai người đem đến dâng cho Chúa. Thượng vương cầm lên ngửi thấy mùi hương bốc thơm ngát, tự nhiên xúc động lòng yêu. Từ đó Thượng vương đem lòng say mê Tống thị.

Năm Kỷ Mão [2] niên hiệu Dương Hòa thứ năm (1639), tháng hai, Tống thị thân vào phủ chúa chầu hầu. Tống thị sụp lạy dưới thềm thưa trình về tình cảnh góa bụa thảm thiết. Trong khi nói cũng yểu điệu ôm ngực, cau mày [3] ai trông thấy cũng xiêu lòng. Thế là chúa Thượng nổi tình riêng, liền mời Tống thị vào nội thất vui thú mây mưa. Từ đó Thượng vương hết mực sủng ái Tống thị, không đoái đến các cung nhân khác, ngày ngày chỉ cặp kè với Tống thị, không lúc nào rời, chẳng khác nào Đổng Trác với nàng Điêu Thuyền, Ngô vương Phù Sai với nàng Tây Tử. Tống thị trình bẩm việc gì, Chúa liền nghe theo. Các bậc đại thần thân cận nhiều lần can gián, nhưng Chúa không nghe.

Từ đó Tống thị vào thì lựa lời khéo léo để Chúa vui lòng, ra thì nghĩ cách chiếm đoạt của cải của dân để làm giàu riêng. Thời bấy giờ

---

1. Tức Tống Phúc Thông đã nói ở đoạn trên.

2. Bản sao chép là Ất Mão, niên hiệu Dương Hòa thứ năm (1639); đúng phải là năm Kỷ mão, tiếp sau năm Mậu Dần đã nói ở trên.

3. Nguyên văn: "Chuyền tác phủng tâm hiệu tần". *Phủng tâm hiệu tần* là chữ dùng của Trang Tử, dẫn chuyện nàng Tây Thi có bệnh đau tim thường phải cau mày, đàn bà xấu trong làng thấy vậy cũng bắt chước ôm ngực cau mày (Trang Tử, *Thiên vận*).

các quan công khanh ở triều đình chẳng ai không là người than giận, đều muốn xé xác Tống thị, nhưng còn sợ uy của chúa Thượng nên chưa ai dám làm. Chuyện không nói đến nữa.

Nói tiếp chuyện ở Bắc triều năm Canh Thìn, niên hiệu Dương Hòa thứ sáu (1640), Thanh Đô vương sai Thái bảo Kiên quận công làm Đề điệu mở khoa thi Hội các cống sĩ trong nước. Bọn Văn Thuật [1] hai mươi người đều được lấy đỗ Tiến sĩ, đều được thăng cấp bổ dụng.

Mùa hạ, tháng tư, Thanh Đô vương sai tư nghị điển lại ở phủ Hùng Uy là Phan Hưng Tạo mang sắc thư vào châu Bắc Bố Chính ban quốc tính [2] cho Hiền quận công Nguyễn Khắc Tôn, cho đổi tên họ là Trịnh Bách. Khắc Tôn cả mừng vái vọng tạ ơn.

Khắc Tôn từ khi được ban quốc tính, lại càng cậy quyền cậy thế, phóng túng kiêu sa, khinh rẻ các quan, cướp bóc dân chúng, tự cho mình là to lớn muốn đạt lấy Nam trấn để tự lập làm chúa, xây dựng cơ nghiệp ở chốn trung thiên. Vì vậy Khắc Tôn từng sai người vào quấy nhiễu phía Nam châu Bố Chính.

Mùa thu, tháng tám, Thượng vương nghe tin cả giận, bèn triệu các quan văn võ vào phủ quan bàn định mưu kế để dẹp vật chướng ngại ngạt mũi. Các tướng có người bàn đem quân ra đánh, có người bàn tìm cách dụ hàng rồi giết đi, Vương còn đương phân vân chưa định. Bấy giờ mưu sĩ Chiêu Vũ hầu bước ra nói:

– Hiền Tuấn là kẻ ngông cuồng nhưng nhút nhát, không phải là viên tướng trí dũng tài năng. Đem quân đi đánh thì mệt nhọc sĩ tốt, dụ về hàng thì có dùng được việc gì? Thế của hầu chẳng qua như sâu kiến gỗ mục không đáng phải nói đến, Thần có một kế chém đầu Hiền Tuấn dễ như trở bàn tay, bất tất phải nhờ đến triều đình bàn xét.

Thượng vương hỏi:

– Mưu kế ra sao, khanh cứ nói nghe.

Chiêu Vũ thưa:

– Hiền Tuấn là đứa chần chừ nhút nhát, không hiểu binh pháp, xin Chúa thượng sớm sai người truyền mật lệnh cho Nghĩa Lâm hầu trấn thủ dinh Quảng Bình, sai người ra Bắc Hà giả cách đi nghênh

---

1. Tức Phí Văn Thuật.

2. *Quốc tính:* họ của vua, nhưng thời Lê Trịnh "quốc tính" do chúa Trịnh ban tặng nên lấy họ Trịnh làm quốc tính.

đón Hiền Tuấn vào phủ chúa để bàn về việc đã hẹn ước từ đời tiên vương. Lại mật lệnh truyền cho trấn thủ dinh Quảng Bình là Phấn Vũ [1] và Tham tướng thủy doanh là Dương Tri nhân đêm tối đem quân vượt sang bờ Bắc sông Gianh hư trương thanh thế như sắp tiến đánh, lại viết một bức thư để ly gián, cho người lén đem sang bờ Bắc. Làm như thế chỉ trong khoảng mấy ngày đầu Hiền Tuấn phải rụng, chẳng có gì khó!

Thượng vương nghe dứt vỗ tay cười lớn nói rằng:

– Kế ấy rất diệu, chẳng thua kém gì mưu kế những người tài giỏi xưa!

Rồi đó Thượng vương sai người ra dinh Quảng Bình truyền lệnh cho trấn thủ Nghĩa Lâm hầu làm theo kế đã định không được sai lỡ. Lại sai Chiêu Vũ viết bức thư ly gián, cho người lén đưa đến địa giới phía Bắc, dùng kế để trừ đi.

Chiêu Vũ vâng mệnh về nhà viết một bức thư giả sai gián điệp lén sang bờ Bắc sông, giả cách sơ suất vô ý đánh rơi dọc đường, khiến cho dân bên bờ Bắc được thư đem trình lên chúa Trịnh. Bức thư viết:

"Chủ trấn miền Nam kính thư gửi đến dưới cờ của quý phủ Hiền tướng quân xem xét:

Từng nghe: quân thần là đầu của tam cương. Giềng (cương) chính là lưới (kỷ) trương. Anh em cũng là nghĩa đầu của ngũ thường (...) [2]. *Ngày trước quý phủ cùng với tiên vương tôi đã thầm ước kết nghĩa anh em, cùng hẹn chia ranh cắt đất để rạng tỏ anh hùng, vẻ vang vạn đại. Quý phủ là kẻ hào kiệt ở đời nay, sao lại vì cái lợi được ban họ tên* [3] *mà bo bo đóng giữ ở cái đất nhỏ bé, cam chịu làm thuộc hạ cho kẻ bỉ phu? Nay tôi có một kế đã mưu tính cho quý phủ: tôi giả cách bất hòa với quý phủ, sai quân Nam đánh thọc ra. Quý phủ trước thì giả cách điều quân chống cự, sau vờ thua chạy về nói với Thanh vương* [4] *đem quân báo phục. Dọc đường sẽ tương kế tựu kế, mượn dịp mà chém đi, chặt lấy thủ cấp đem bêu như việc cũ Phùng Đại, Ngụy*

---

1. Tên tước của Trương Phúc Phấn.

2. Nguyên văn ở đây có 4 chữ: "đế tín nhi lập biểu", chưa rõ nghĩa gì, ngờ có sai sót vài chữ.

3. Ở trên đã nói Hiền Tuấn hầu được ban họ tên là Trịnh Bách.

4. Tức Thanh Đô vương Trịnh Tráng.

Diên. Như thế thì quý phủ với tôi sẽ thực hiện được lời hẹn ước cũ. Mong quý phủ tiếp nhận kế ấy thì việc lớn ắt thành. Công việc phải có thời cơ. Mong quý phủ xét kỹ. Nay thư".

Ngay ngày hôm ấy, Thượng vương sai người đem thư ra châu Bố Chính làm theo kế đã định. Lại sai người ra dinh Quảng Bình truyền lệnh mật cho trấn thủ Nghĩa Lâm hầu làm như thế, như thế...

Nghĩa Lâm hầu vâng mệnh, sai người phi báo cho hai tướng trấn thủ Phấn Vũ và Dương Trí sẵn sàng quân thủy bộ chờ lệnh sẽ tiến phát.

Ngày mười ba tháng ấy, Nghĩa Lâm hầu sai người vượt sông sang phía Bắc châu Bố Chính tung lời nói phao rằng: chúa xứ Nam mời Hiền quận công vào bờ Nam hội họp để bàn tính việc lớn. Dân phía Bắc sông vì thế đều biết chuyện cả. Thế là ở châu Bắc Bố Chính từ tướng sĩ đến quân dân đều chụm đầu kề tai thì thào bàn tán với nhau, chẳng bao ngày đã bay tin về kinh đô.

Ngày hai mươi ba tháng ấy, Thượng vương lại một mặt sai người đến trước trướng mời đón quận Hiền. Quận Hiền nghe nói lặng im suy nghĩ, chưa hiểu nguyên do thế nào, vì vậy tiến thoái lưỡng nan, nên chăng còn trù trừ chưa định. Vả lại lúc ấy trong doanh trại không phòng bị trước, quan sĩ ngồi rỗi tán róc nô đùa, hoặc nằm khểnh phơi rốn, vỗ tay ca hát nghêu ngao. Khuya đêm hôm ấy vào khoảng canh tư, mây đen ùn đến, trời tối mù mù, quận Hiền đang ngồi trong trướng nghỉ ngơi, bỗng nghe phía ngoài có tiếng quân lính reo hò, quận Hiền hốt hoảng kinh sợ. Trong doanh trại hiệu lệnh nổi lên ầm ầm. Quận Hiền sai người đi thám thính mới biết tướng Nam là Nghĩa Lâm [1] và Phấn Vũ đem quân ra đánh ở phía bên phải, Dương Trí dẫn quân thủy tiến đánh ở phía bên trái. Quân do thám trở về báo tin. Quận Hiền bản tính nhát sợ nghe tin báo thế địch như vậy liền gục xuống ngất xỉu, miệng kêu liền mấy tiếng "khổ! khổ!", chân tay bỗng tê dại không cất nhắc được. Bấy giờ có thuộc tướng là Nham Vũ ôm quận Hiền lên ngựa, bỏ quân thục mạng chạy về kinh đô. Chạy về Cầu Dinh thở đứt hơi không kịp nghỉ, bỗng gặp Sùng quốc công [2] và Sùng Nhạc công [3] đem đại quân từ kinh đô tiến vào. Quận Hiền cả mừng cho là may có quân triều đình đến cứu ứng. Bọn quận Hiền không chút đề phòng, vội chạy vào trong quân trình

---

1. Tên tước của Nguyễn Phúc Kiền.

2. *Sùng quốc công*: Tên tước của Trịnh Kiều con trưởng của Trịnh Tráng.

3. *Sùng Nhạc công:* Tên tước của Trịnh Nẩm.

báo. Ở kinh đô, Sùng quốc công đã nhận lệnh của Thanh vương Trịnh Tráng. Cho nên, vừa trông thấy quận Hiền, Sùng quốc công đã quát quân đao phủ trói gô lại. Quận Hiền cả kinh, quỳ khóc kể lể rằng:

– Tôi vì thiếu quân ít tướng, khó ngăn chặn được quân địch, đến nỗi bị thua. Xin minh công tha tội cho.

Sùng quốc công Trịnh Kiều cả giận mắng rằng:

– Ngươi là kẻ bề tôi bất trung, bán chúa cầu vinh, thông mưu với Nam trấn còn biện bạch gì nữa!

Nói đoạn sai quân canh giữ, áp giải về kinh đô giao nộp trước sân phủ chúa. Quận Hiền luôn mồm kêu vô tội, lại nói:

– Quân Nam thế mạnh, lực của thần không chống đỡ nổi. Nếu có lời vu cáo từ bên ngoài, xin chúa công soi xét cho thần được theo hầu để đem quân vào đánh báo thù. Ý nguyện của chúng thần là như thế.

Nghe quận Hiền nói thế, Thanh vương Trịnh Tráng lại nhớ đến ý tứ trong bức thư đã xem từ trước, bừng bừng nổi giận mắng rằng:

– Ta vốn đã biết tâm địa của mi, hà tất phải chống chế nữa!

Nói đoạn Trịnh Tráng quát võ sĩ lôi chém quận Hiền, bêu đầu cho dân chúng biết. Bọn võ sĩ liền lôi quận Hiền ra ngoài cửa phủ tuân lệnh thi hành. Chỉ trong chốc lát quận Hiền đã đầu lìa khỏi cổ. Nguyên là trước đó dân châu Bắc Bố Chính nhặt được bức thư phản gián của Chiêu Vũ, đã có người ruổi ngựa về kinh trình báo. Trịnh Tráng xem xong thư dựng tóc nổi giận, đập tay xuống chiếu mà mắng rằng:

– Thằng giặc Tuấn là đồ nghiệt súc, vong ơn bội nghĩa, trở tráo như lật bàn tay! Năm trước tội hắn to như núi, ta đã tha cho không nỡ gia hình, lại đối xử với hắn không đến nỗi bạc. Thế mà nay hắn lại manh tâm dấy loạn, thông đồng với quận Nhân ở Nam trấn muốn làm hại ta. Huống chi trước ta đã nghe dân Bố Chính đồn đại, chưa rõ hư thực ra sao. Nay quả nhiên đúng thế thì còn dung tha sao được!

Nói đoạn Trịnh Tráng bèn sai Sùng quốc công Trịnh Kiều, Sùng Nhạc công Trịnh Nẫm thống lĩnh năm nghìn quân khỏe mạnh vào châu Bố Chính để phanh thây Khắc Tôn, bêu đầu thị chúng. Hai tướng vâng mệnh đem quân đi, nhằm hướng châu Bố Chính mà tiến. Đang lúc đóng trại nghỉ quân chợt thấy quận Hiền chạy đến lại càng thêm nghi, hai tướng bèn sai lính bắt trói áp giải về kinh đô giao nộp. Thanh Đô vương Trịnh Tráng đang lúc tức giận liền quát lệnh

đem chém [1]. Một lúc sau bình tâm nghĩ lại [2], Thanh Đô vương chợt nghĩ ra là mắc phải mưu kế của chúa Nam! Trịnh Tráng vì thế hết sức buồn rầu, bảo triều thần rằng:

– Ta nhất thời không tính kỹ, trúng phải kế của họ Nguyễn đánh lừa ta. Ấy là do ta thiếu sáng suốt!

Sau Trịnh Tráng lặng im không đả động gì đến việc ấy nữa.

Bấy giờ chúa miền Nam là Nhân quận công Nguyễn Phúc Lan sai người do thám ra kinh đô Thăng Long nghe ngóng tin tức, trở về nói lại đầy đủ sự việc quận Hiền xảy ra như thế nào, Thượng vương nghe xong cả cười nói rằng:

– Ta cùng với Chiêu Vũ [3] mới thi thố một kế nhỏ mà bọn họ đã phải giết nhau, như thế thì có lo gì không thu phục được kinh đô?

Nói đoạn Thượng vương bèn trọng thưởng cho Nguyễn Hữu Dật thăng hàm Dực tán quốc sự, giữ chức Giám chiến. Chúa lại sai mở tiệc khoản đãi các tướng, khao thưởng ba quân.

Người đời sau làm thơ chê cười Hiền Tuấn hầu Nguyễn Khắc Tôn như sau:

Chê thay Hiền Tuấn kẻ ngu đần,
Giun dế làm sao địch phượng quần!
Rường cột từng phen phò xã tắc,
Biên cương một chuyến dấy phong trần.
Nửa đời phó mặc vèo theo gió,
Một kiếp danh nhơ với hậu nhân,
Sau trước biết bao quân phản nghịch,
Trời cao buông lưới chẳng thoát thân.

Bấy giờ chúa Thượng khi mới lên ngôi dốc lòng mưu trị, chăm thương dân chúng, ai nấy đều được yên nghiệp làm ăn. Chúa muốn mở mang cơ nghiệp của tiên vương. Nhưng từ sau vụ dùng mưu trừ

1. *Toàn thư* và *Cương mục* không ghi việc này, nhưng ĐNTLTB có ghi (với tên Nguyễn Khắc Liệt). Một bộ sử tư gia, cuốn *Tân tạp Hoan Châu Thạch Hà Trảo Nha Ngô thị truyền gia tập lục,* do Ngô Phúc Lâm (1722 – 1783) biên soạn nói việc này do thiếu bảo Tào quận công Ngô Phúc Vạn bày mưu bức Khắc Tôn đầu hàng.

2. Nguyên văn: "bán hưởng". Bản sao chép chữ "hưởng" là lương thực (nhầm bộ "nhật" ra bộ "thực"). "Bán hưởng" nghĩa là một hồi lâu sau một thời điểm nào đó.

3. Mưu phản gián nói đây, tác giả trước sau đều nói là mưu kế của Chiêu Vũ hầu (Nguyễn Hữu Dật). Riêng ở vị trí trên bản sao chép là "Hiển Vũ" hẳn là chép nhầm chữ Chiêu ra chữ Hiển.

được Hiền Tuấn, các việc trong triều phần nhiều đều bị mụ đàn bà độc ác Tống thị dèm pha. Gặp việc gì Chúa thường [1] hay nóng giận, triều thần ai nấy chỉ liếc mắt nhìn nhau không dám hé răng. Dân chúng kẻ nào đem chuyện phao đồn Chúa sai bắt chém ngay, bêu đầu ở chợ, không cho tra xét hỏi han gì cả. Trăm họ sợ hãi, ngày đêm nơm nớp lo âu, không dám cùng nhau chuyện trò to tiếng. Chúa thậm chí cũng không chịu nghe trình bẩm xét quyết các việc chính sự. Chúa chỉ muốn xây lầu cao nhà rộng để lấy chỗ vui chơi, thường hạ lệnh bắt dân các huyện lên rừng đẵn gỗ xẻ ván [2], định kỳ hẹn phải đem về giao nộp, ai trái lệnh thì bị chém. Thế là dân chúng Thuận Hóa lớn bé đều phải lên rừng đốn gỗ, anh đi em về, không kể ngày đêm chỉ mong nộp cho đủ số để khỏi mắc tội. Chúa lại sai gọi thợ mộc vào tận nơi để làm cho được vừa ý.

Bỗng tin báo có nội tán Vân Hiên hầu (thường gọi là Cống Phạm) vào chầu. Vân Hiên hầu nghe biết mọi chuyện, cho rằng Chúa vui chơi quá độ như thế, nếu không can gián thì không đúng đạo vua tôi, bèn vào chầu, thưa với Thượng vương rằng:

– Thần nghe nói Chúa thượng sai dựng lầu ở phía Nam cho được cao rộng. Thần chưa rõ làm cái lầu ấy để dùng vào việc gì?

Thượng vương đáp:

– Ta hàng ngày ở trong thâm cung, các công việc của sĩ nông công thương trong thiên hạ siêng lười ra sao không biết hết được. Vì thế phải làm ngôi lầu này để lên cao nhìn xa trông rõ. Hoặc có bọn do thám gian đồ nhân đêm tối trộm cắp gây sự này khác thì ta ắt thấy rõ. Ấy cũng là một cách phòng bị đấy.

Vân Hiên nghe xong cười nhạt thưa rằng:

– Thưa Chúa thượng, không phải như thế. Phàm ngôi đế vương do trời định, cần phải dùng hiền đức làm thành trì thì dân vui việc cày ruộng đào giếng, thân quý bề trên, dám chết cho bậc trưởng. Dùng họ vào việc chiến đấu thì không trận nào không thắng, dùng họ vào việc phòng thủ thì không thành nào không vững. Hà tất phải làm lầu cao nhà rộng mà cho là đủ để phòng giữ đâu! Nếu chúa công cho việc ngày nay được giữ một góc đất đã là đủ thì cứ làm như thế.

---

1. Nguyên bản chép chữ "mẫu" đúng ra là chữ "mỗi" (thường) sót hai nét ở phía trên.

2. Nguyên văn: "sở tác vị đều đẳng hạng". Chữ "vị" chính là do chữ "mộc" chép thừa một nét ngang. "Mộc điều" là từ chỉ chung gỗ lạt đã cưa xẻ.

Nếu chúa công nghĩ đến cơ nghiệp của tổ tiên, công lao khai thác gian nan thì phải đồng tâm hiệp lực để mở mang bờ cõi, dấy hưng sự nghiệp, trên phò giúp đế thất, dưới vỗ về dân chúng, thì lầu cao nhà rộng kia chẳng cần có làm gì! Vả lại, trời đã sinh ra bậc đế vương, trên thuận đạo trời, dưới đẹp lòng dân, đức tỏa gần xa, ôn nhuần bốn biển. Như ngày xưa vua Nghiêu ở ngôi cung điện chỉ lợp bằng tranh không xén, mấu gỗ không chặt, rộng ban ơn nhân mà các nước chư hầu đều kính mến uy đức, nào phải xây dựng lầu son gác tía gì đâu! Huống hồ ngày nay ở Bắc triều họ Trịnh trên hiếp thiên tử, dưới nén công khanh, ngấp nghé muốn giành lại cõi đất miền Nam để làm quy mô nhất thống. Thế mà Chúa thượng điềm nhiên không lấy làm điều. Nếu họ Trịnh nhân có hiềm khích mà ồ ạt cất quân tiến vào thì ta tính sao đây? Nếu chúa công muốn dựng lâu đài để thị uy với bốn phương thiên hạ, thì từ xưa đến nay chưa từng nghe nói người thiên hạ thấy cửa cao nhà rộng mà khiếp sợ, cũng không nghe nói vì có lầu cao nhà rộng mà người ta theo về. Huống chi dấy động việc thổ mộc làm hao kiệt sức của cũng quan hệ như hao kiệt sức người. Đến khi ở biên cương có việc biến thì những lâu đài kia có dùng được việc gì? [1] Vì thế, thần xin Chúa thượng dừng bỏ hết tất cả những việc cất dựng ấy. Như thế thì xã tắc được may mắn lắm. Lời nói của thần ngu khờ, muôn trông Chúa thượng soi xét.

Thượng vương nghe Vân Hiên hầu nói, sắc mặt ủ dột bảo rằng:

– Gỗ lạt ấy là do dân chúng tiến nạp chứ không phải bản tâm ta muốn thế!

Rồi đó Chúa xuống lệnh bãi bỏ hết các việc xây cất, dân chúng đều lấy làm mừng, bảo nhau rằng: "Chúa thượng nghe theo lời can gián mà đổi ý, chúng ta không phải lo gì nữa!"

Lại nói năm Tân Tị, niên hiệu Dương Hòa thứ bảy (1641), tháng ba, miền kinh kỳ của Bắc triều trời thường giáng thiên tai bão lụt hỏa hoạn [2], dân chúng mất nhà cửa, áo không đủ che thân, cơm ăn không no bữa, đói rét cùng khổ, tai biến từ xưa chưa có bao giờ tệ hại như lúc này. Bấy giờ Thanh Đô vương thấy dân chúng bị thiên tai thiệt hại bèn sai quan dựng đàn cầu đảo, hơi có phần được yên. Vả

1. Nguyên bản sao sau đoạn câu "biên cương hữu biến" chỉ có một chữ "tạ" (*đài tạ: lâu đài*), rồi tiếp đến câu sau (*Thần thỉnh...*) có lẽ chép thiếu vài chữ (*tạ lâu hà dụng?*), chúng tôi theo ý dịch thêm cho rõ nghĩa.

2. Nguyên bản sao bỏ trống vài chữ.

lại Thanh Đô vương thường ôm giận về việc năm trước trúng kế phản gián của Nam triều đến nỗi chúa tôi chém giết lẫn nhau. Nhưng thấy trong cõi dân chúng đói khổ, lại bị dịch bệnh hoành hành, quân dân chết chóc quá nửa, nên không nghĩ đến việc động binh, đành phải lặng yên để đợi thời. Đến tháng chín, lúa mùa thu gặt được khá, bấy giờ dân chúng mới khỏi bị đói.

Lại nói chuyện tháng năm năm ấy, hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam ở Nam triều cũng bị đại hạn, lúa má cháy khô, hoa màu hỏng hết, một đấu gạo giá đến một quan tiền mà ở chợ không ai bán vì không mấy nhà có thóc tích trữ, người chết đói đầy đường. Cũng có khi tù nhân bị giết vứt thây ở chợ, dân đói tranh nhau xé thịt nướng ăn, chỉ cốt sao giữ được mạng sống. Ấy cũng là do vận trời xui khiến nên như thế, há phải sức người mà ngăn chặn được đâu! Thượng vương trai giới lên đàn khấn trời phù hộ. Mấy tháng sau dương khí trở về, âm khí lui đi, lại đủ mưa thuận gió hòa, ruộng đồng lúa má tươi tốt, mọi nhà đủ ăn, muôn dân lại được yên bình.

HỒI THỨ MƯỜI MỘT

Hàn Tiến tung quân vài phen thắng nhỏ
Chúa Hiền họp tướng bàn kế đánh to

Xét nghĩ chúa Hiền [1] ở Nam triều từ khi lên ngôi năm Mậu Tí (1648) đã phát binh đánh đồn Tam Hiệu [2], lấy Dinh Cầu [3], giết Hàn Tiến, đuổi quận Đông, chiếm giữ miền sông Lam ở Nghệ An, thu phục được bảy tám châu huyện, anh hùng hào kiệt theo về nhiều không xiết kể. Đến đầu năm Canh Tí (1660) rút đại quân về Nam, trước sau tất cả là sáu năm. Quân dân Đàng Trong, Đàng Ngoài phần nhiều đều mệt mỏi chán nản, cho là số trời đã định, thời cơ đã đến, nào phải là do sức người mà có thể hiểu được đâu?

Thơ rằng:

Khai sáng tuy rằng vận chửa thông,
Sáu năm giao chiến rạng anh hùng,
Đức như đế Thuận thời đương thịnh,
Công tựa vua Chu buổi rạng đông.
Khí tốt đã ngời ngoài ấp Bái [4]
Ánh lành còn đọng giữa thinh không.
Một mai nếu được mây sấm động.
Sẽ thấy rồng bay chốn cửu trùng [5].

Lại nói chuyện năm Ất Mùi, niên hiệu Thịnh Đức thứ ba (1655), tháng giêng, chúa Nam triều là Hiền vương từ khi nghe trấn thủ dinh Bố

---

1. Hiền vương Nguyễn Phúc Tần, con thứ hai của chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan, lên ngôi năm hai mươi chín tuổi, ở ngôi: 1648 – 1687.

2. Tức thị trấn Ba Đồn ở Quảng Bình.

3. *Dinh Cầu:* sở phủ Hà Trung xứ Nghệ An, ở phía Bắc Đèo Ngang 30 km (huyện ly Kỳ Anh ngày nay).

4. *Bái ấp:* quê của Hán Cao Tổ, trong thơ văn thường dùng để chỉ quê hương hoặc nơi phát tích của các vua sáng nghiệp.

5. *Cửu ngũ long:* rồng bay ở hào Cửu Ngũ ("Cửu Ngũ" là tên *hào* trong *Kinh Dịch*, biểu thị sự hanh thông tốt đẹp nhất).

Chính là Phù Dương báo tin tướng Trịnh là Hàn Tiến [1] sai quân quấy nhiễu vùng ven rất lấy làm tức giận, bèn gọi các tướng văn võ hội họp để bàn định. Có người bàn nên phát binh tiến đánh, cũng có ý kiến cho là chưa nên hành động, còn đang phân vân chưa định bề nào. Chúa Hiền làm thinh chưa nói ý gì, luôn mấy ngày không ra coi chầu, thường chỉ một mình ngồi trong công dinh nghĩ ngợi để chọn người đi đánh quân Trịnh, nhưng chưa biết giao phó cho ai. Một đêm, Hiền vương mệt mỏi nghiêng lưng bên ghế rồi ngủ quên, chợt thấy một người râu tóc bạc phơ, mặc áo hồng bào, đầu đội mũ quan văn, tay cầm tờ giấy từ phía Nam đi tới, phong thái ung dung như người hiền ẩn dật thời xưa. Cụ già đến bên cạnh nói: "Tướng quân muốn cất quân dẹp trừ tiếm loạn, tôi có tờ giấy đây, xin tướng quân xem kỹ, tất chọn được người vừa ý, hà tất phải lo nghĩ nhiều..." [2]

Hiền vương tiếp lấy tờ giấy giơ lên đọc, thấy một bài thơ tứ tuyệt như sau:

Tiên kết nhân tâm thuận.
Hậu thi đức hóa chiêu.
Chi diệp kham thôi lạc,
Căn bản dã nan dao.

Dịch nghĩa:

Trước hết phải liên kết cho thuận nhân tâm.
Sau phải thi hành đức hóa cho sáng tỏ.
Lá cành có thể xô gãy rụng,
Nhưng gốc rễ khó lung lay.

Chúa Hiền xem xong hỏi rằng:

– Ông là ai mà đem thơ văn trêu đùa ta như thế?

Cụ già đầu bạc lặng yên không đáp, chỉ gật đầu nói: "Tốt, tốt" mà thôi. Chúa Hiền cả giận nói:

– Thế thì ngươi hà tất là yêu quái cả gan đến đây trêu đùa ta.

Nói đoạn, Chúa rút kiếm, quát lớn một tiếng, bỗng tỉnh dậy, mới biết là giấc chiêm bao. Bấy giờ trống lầu ở cửa Đông đã điểm canh

---

1. Viên tướng này, *Toàn thư* và *Cương mục* đều chép là Tiến quận công Lê Văn Hiến. Nguyên văn CNDC chép là Tiến Hàn, có lẽ đương thời vẫn gọi là Hàn Tiến (Hàn, chỉ người có quan hàm Hàn lâm viện) nhưng ĐNTLTB và ĐNLTTB lại chép là Trịnh Đào. Chưa rõ vì sao có sự khác biệt ấy.

2. Nguyên bản chép thiếu một đoạn khoảng 6 chữ.

ba, chúa bèn trở dậy lấy giấy bút chép lại bài thơ, ngẫm đi ngẫm lại đến lúc trời sáng mới lý giải được ý nghĩa của bài thơ đó. Hiền vương tự nghĩ mình còn đang lưu tâm đến việc chọn người mà thần nhân trao cho mảnh giấy, bảo xem vào đó mà chọn người. Như câu thơ "Tiên kết nhân tâm *thuận*", thì chữ Thuận là tên người; "Hậu thi đức hóa *chiêu*" thì *Chiêu* cũng là tên người. Trong triều hiện nay về tướng võ thì có Thuận Nghĩa Nguyễn Hữu Tiến là người trí dũng song toàn, quả đúng là bậc tướng có tài. Về văn chức thì Chiêu Vũ Nguyễn Hữu Dật là con cháu bậc danh tướng, khá có mưu lược, người thường khó sánh được. Hai người ấy ta đã biết từ lâu. Nay thần dân tiến cử cho ta hai người ấy, hẳn không có gì phải nghi ngờ. Đến hai câu sau thì chưa rõ ý nghĩa ra sao, phải đợi ngày sau suy nghiệm mới biết.

Tháng ba, Hiền vương sai vời văn chức Chiêu Vũ vào trong trướng bàn kín, giao cho Chiêu Vũ ra dinh Bố Chính điều tra tin tức và quan sát địa thế, đường sá núi sông, các ngả tiến lui ra vào. Hiền vương lại dặn riêng Chiêu Vũ mật truyền cho Thuận Nghĩa biết như thế.

Văn chức Chiêu Vũ vâng mệnh định ngày ra đi.

Chiêu Vũ Nguyễn Hữu Dật nguyên gốc người Thanh Hoa, cùng làng với Nam chúa [1], là con của Tham tướng Triều Văn, sinh ở Kinh đô (Thăng Long), đến năm lên sáu tuổi mới vào Nam theo cha. Bấy giờ Dật còn nhỏ, nhưng hiểu biết thông minh, đức lành tính tốt, ăn nói trôi chảy, làm văn chương từ phú rất nhanh, các sách của bách gia chư tử, tam giao cửu lưu đều đọc thuộc. Nhưng Chiêu Vũ bấy giờ còn tính ngạo mạn không chịu kém người. Khi đi học ở trường, Dật thường bày đặt mưu mẹo xúi cho bạn đánh nhau còn mình thì ngồi nhìn vỗ tay mà cười. Lại thường cùng bọn trẻ con bày trò chơi, tự xưng là đại tướng, cầm đầu bọn trẻ chia thành đội ngũ, bày binh bố trận, cùng đặc binh, kỳ binh, đặt phục binh, xuất du binh, thường dàn thành thế trận đôi bên đánh nhau, lấy thế làm vui. Cha là Tham tướng Triều Văn thấy thế làm mừng, bảo rằng: "Con ta chẳng phải tầm thường, ngày sau tất trở thành rường cột được trọng dụng", trong lòng càng thêm yêu quý. Chiêu Vũ mười sáu tuổi được Sãi vương (Nguyễn Phúc Nguyên) bổ làm văn chức, nhưng vì tính hạnh chưa thuần, lại giao về cho cha dạy dỗ. Đến đời Thượng vương (Nguyễn Phúc Lan) Chiêu Vũ lại được bổ làm văn chức, được trao quyền Giám

1. Tức Gia Miêu Ngoại Trang, huyện Tống Sơn (nay thuộc huyện Hà Trung, Thanh Hóa).

chiến. Năm Mậu Tí (1648), Hiền vương thăng Chiêu Vũ lên chức Cai cơ kiêm Ký lục trấn thủ dinh Bố Chính. Chiêu Vũ có ý muốn lấy đô thị [1], ngầm chế tạo khí cụ theo kiểu miền Bắc, bị người khác tố cáo. Chúa bèn gọi về giáng chức. Nhân đó, Chiêu Vũ làm *Truyện trung thần liệt nữ* nhờ dâng lên Chúa. Chúa tha cho, lại cho giữ văn chức như cũ. Từ đó về sau, khi có việc quốc gia đại sự, Chúa thường vời Chiêu Vũ vào bàn bạc. Chiêu Vũ bàn mưu hiến kế, ai nấy khâm phục. Chúa đều rất vừa ý. Bấy giờ Hiền vương sai Chiêu Vũ đi xem xét tình hình ở biên cương để định kế sách tiến đánh quân Trịnh. Mấy chục năm sau, Chiêu Vũ làm quan đến chức Chưởng dinh, trấn thủ đạo Lưu Đồn.

Lại nói lúc bấy giờ, văn chức Chiêu Vũ vâng mệnh rời triều, ngày đêm ruổi gấp ra đạo Lưu Đồn [2], vào trướng quân hội kiến với Thuận Nghĩa Nguyễn Hữu Tiến. Chào hỏi xong, hai người yên chỗ, Chiêu Vũ ghé tai nói nhỏ với Thuận Nghĩa, rồi bảo rằng:

– Mật lệnh của Chúa thượng là như thế.

Thuận Nghĩa nghe xong cả mừng nói:

– Vận trời đã ứng, lòng người đã theo, ấy là cơ hội đáng làm lắm!

Chiêu Vũ bèn từ giã Thuận Nghĩa đi thẳng đến đầu địa giới dinh Bố Chính để xem xét tình thế núi sông, sau là thăm dò tình hình quân địch hư thực như thế nào. Rồi đó Chiêu Vũ đến quân doanh của trấn thủ Phù Dương. Phù Dương ra ngoài cửa doanh đón mời Chiêu Vũ vào trong trướng. Khi hai người đã yên tọa, Phù Dương trình bày cặn kẽ với Chiêu Vũ đầu đuôi việc tướng bên Trịnh là Hàn Tiến thường sai người vào quấy nhiễu vùng ven. Chiêu Vũ nghe xong trở về triều tâu với Hiền vương:

– Thần vâng mệnh Chúa thượng đã đi xem xét tình hình ở vùng biên. Từ năm ngoái, tướng bên Trịnh là Hàn Tiến thường sai thuộc hạ là

---

1. Nguyên văn chữ Hán chép là "Kỳ ý dục thủ thị đô", ngờ sai thiếu một vài chữ. Theo ĐNTLTB: "Năm Canh Dần (1650), Dật thường ra lệnh cho các tướng sĩ ngụy trang, mặc quần áo và mang cờ xí của Bắc Hà, muốn làm rối quân Trịnh. Lại làm thư trá hàng đưa cho bên Trịnh, hẹn làm nội ứng, nhưng chưa kịp cho Chúa biết. Tôn Thất Trang vì có hiềm khích với Dật, bèn đem việc ấy dèm pha với Chúa. Chúa sai bắt Dật giam vào ngục.

2. Tức dinh Lưu Đồn, thường gọi là Dinh Mười, trấn dinh đặt ở xã Võ Xá, huyện Khang Lộc (tức Quảng Ninh, thuộc Quảng Bình).

Mậu Long [1] đem quân qua sông mai phục để đón bắt quân tuần tiễu của bên ta. Tướng trấn thủ biết mưu địch, đã dự liệu đặt phục binh vây bắt không cho thoát về bờ Bắc. Đến tháng hai năm nay, Hàn Tiến sai quân đi do thám, biết tướng trấn thủ Phù Dương là người bản tính thô bạo kiêu căng. Hàn Tiến nói: "Tính nết của Phù Dương như thế, nếu ta sai quan vào bắt lính tuần giữ ban ngày thì bọn họ sẽ cất đại quân ra đánh, đôi bên thua được chưa biết thế nào. Chi bằng lập mưu bắt lén là hơn cả". Thế rồi vào giờ Dậu [2] ngày tháng ấy sai bọn Thao Giang Lộc Tài[3], Thự vệ Nghiêm Kiều theo đường hạ đạo theo sông Gianh, đón bắt lính tuần của ta từ Yên Náu đến Thuận Cô, Đá Dĩa, Bồ Khê, Thanh Hà v.v... không để cho một tên quân nào của bên ta chạy thoát. Vì thế Phù Dương không hay biết gì cả. Đến khoảng canh tư lại sai Tham đốc Minh Lãng, Thự vệ Nghiêm Trung theo đường thượng đạo chặn bắt lính tuần của ta từ đầu Ròn [4] đến núi Lệ Đệ. Lính tuần ở đây thấy có biến vội chạy về báo cho trấn thủ Phù Dương biết tin, Phù Dương nghe nói cả giận, vội cất quân đón đánh. Đến phía Đông tuần Mục Dưỡng, khi đó qua Cao Trang, có người dân đến báo tin rằng: quân bên Bắc đã bắt hết lính tuần của ta ở các nơi từ Thanh Hà đến Yên Náu rồi. Nay quân Bắc ở thượng đạo đã rút xuống nhập theo quân ở hạ đạo. Vậy minh quân chớ đem quân ra Lệ Đệ. Nên theo đường từ tuần Hạc Hải [5] đi xuống chặn đánh, chớ để cho bọn chúng vào thành mà khó truy quét. Phù Dương nghe xong bèn trọng thưởng cho người dân ấy rồi chia quân tiến xuống tuần Hạc Hải, tự mình đem đại quân về trấn giữ doanh, phòng bị đánh chặn hậu. Bấy giờ quân Trịnh thẳng tiến đến núi Lệ Đệ. Tướng bên Nam giữ cửa tuần là Triều Tài và Văn Lộc cùng với hai đội quân mới đến [6] đã bố trí quân mai phục. Quân Trịnh do Tham đốc Minh Lãng, Thự vệ Nghiêm Trung chỉ huy xông vào bắt lính giữ cửa tuần, liền bị Triều Tài và Văn Lộc tung quân chặn đánh. Quân hai bên

---

1. *Mậu Long:* tên tước của Phan Tất Toàn, bấy giờ có lẽ tước hầu, sau thăng quận công (*Toàn thư* ghi Mậu quận công) ĐNTLTB và ĐNLTTB ghi là Phan Tất Đồng cũng là người này (vì kiêng húy đời Nguyễn sửa chữ Toàn thành Đồng). Trong bản sao CNDC có một số chỗ chép là Mậu Phong (hai chữ Phong và Long dễ lầm với nhau).

2. Khoảng từ 5 – 7 giờ tối.

3. Có lẽ Thao Giang là tước hiệu của Lộc Tài (không ghi họ).

4. Tuần là nơi đóng quân đồn trú (số lượng ít hơn quân ở đồn) làm nhiệm vụ canh gác tuần tiễu kiêm cả việc kiểm soát kinh tế dân sự (thường gọi tuần môn = cửa tuần).

5. *Hạc Hải:* đầu biển cạn (ở khoảng Thạch Xá). Nguyên bản chép là Hải Hạc.

6. Nguyên văn là: "Tân chí nhị đôi". Bản sao chép nhầm chữ "chí" là ghi, đúng ra là chữ "chí" = đến.

hỗn chiến một hồi lâu, sau đó Triều Tài và Văn Lộc vì ít quân không chống cự nổi phải rút chạy về tuần Mục Dưỡng, quân Trịnh đuổi theo thu nhặt khí giới đem về bờ Bắc. Đó đều là mưu kế của Hàn Tiến cả.

Hiền vương nghe Chiêu Vũ tâu xong bừng giận, nói rằng:

– Tên lính đội nón dấu [1] mà cả gan đến thế ư? Ta sẽ đưa đại quân ra chém đầu đem bêu cho hắn hết khoe mẽ, khỏi thả quân xâm nhiễu miền ta!

Chiêu Vũ nói:

– Xin Chúa thượng bớt giận, để từ từ tìm kế trừ khử hắn, chớ nên nóng vội.

Hiền vương lặng yên suy nghĩ hồi lâu rồi cho bãi chầu. Đến thượng tuần tháng tư sai Cai bạ Hoa Phong hầu truyền lệnh cho văn chức Chiêu Vũ cùng với các tướng bàn định mưu kế bắt cho được Hàn Tiến, xong việc sẽ được trọng thưởng.

Chiêu Vũ trình với Cai bạ Hoa Phong rằng:

– Xin Cai bạ tâu lên Chúa thượng truyền lệnh cho các đại thần từ tể tướng tới các quan văn võ, cứ buổi sáng một người, buổi chiều một người, ai nấy đều tự trình bày mưu kế, không được bàn luận chung. Người xưa nói: Mưu không thể đông người, đông người tất bị lộ. Ấy là lo xa vậy.

Cai bạ Hoa Phong hầu về triều tâu lên chúa Hiền lời hiến kế của văn chức Chiêu Vũ. Hiền vương nghe theo, truyền cho các quan văn võ vào chầu để hiến kế. Người nói nên cất quân đánh ra mà bắt, kẻ thì bàn nên dùng kế thích khách ra mà giết. Ý kiến bàn định khác nhau chưa ngã ngũ ra sao. Hiền vương bèn cho gọi Chiêu Vũ về triều, hỏi rằng:

– Nay ta muốn tìm kế bắt Hàn Tiến để hả giận trước, giao cho khanh trù định xem nên dùng mưu chước gì.

Chiêu Vũ tâu rằng:

– Thần kém tài ít học, nhưng trộm nghĩ: nay Chúa thượng muốn bắt Hàn Tiến thì trước nên phao tin sai quân sang bờ Bắc sông Bố Chính [2] đánh quân của Mậu Long để trả đũa việc bên Trịnh bắt quân

---

1. Nguyên văn: "Quan lạp tiểu bối" "Quan Lạp" chỉ loại nón của quân triều đình Lê Trịnh sơn đen, thường gọi là nón dấu. Ở đây chỉ Hàn Tiến.

2. Tức sông Gianh.

tuần của ta. Hàn Tiến nghe tin như thế chỉ cho rằng quân ta vây đánh quân của Mậu Long chứ không có ý đánh ra Dinh Cầu, tất sẽ tự mình đem quân vào ứng cứu. Như thế Dinh Cầu bị bỏ trống không đề phòng. Ta sẽ sai một đội quân tiến thẳng ra đánh Dinh Cầu chặn đánh Hàn Tiến dễ như trở tay, không cần phải bàn luận nhiều. Xin Chúa thượng xét chọn.

Chúa Hiền nghe xong cả cười nói:

– Mưu của khanh rất hợp ý ta! Nay họ Trịnh dùng Hàn Tiến làm tướng phên giậu. Hắn ngồi giữ ở Dinh Cầu gây phiền nhiễu cho vùng biên thùy của ta, cũng ví như các ung nhọt chưa chích bỏ đi được thì cả thân mình còn đau nhức. Khanh khá nên hết lòng theo kế ấy mà thi hành cho xứng với sự giao phó của ta.

Chiêu Vũ cúi đầu vâng mệnh, thưa:

– Hàn Tiến tuy là hạng bề tôi nhưng kể cũng có chút mưu trí, không dễ bị người khác đánh lừa. Nay họ Trịnh dùng y làm tướng giữ miền biên, kể cũng là trọng dụng. Chúa thượng muốn chắc thắng bắt gọn Hàn Tiến thì phải dùng mưu kín. Xin Chúa thượng cho thần tu sửa khu kho Trường Dục để bí mật chứa trữ lương hướng, xin cho đặt hiệu lửa từ cửa Nhật Lệ đến cửa Tư Dung [1]. Lại sai chiến thuyền dàn hàng đậu ngoài biển thường chặn cướp thuyền buôn của lương dân, cho nên phải phòng ngự như thế. Còn như dân châu Bố Chính ở bờ Nam thì hạ lệnh không kể già trẻ, đàn ông, đàn bà đều phải đi sửa kho Trường Dục, không cho một ai ở nhà. Lại truyền cho các nơi ven sông phải tuần phòng cẩn mật không cho một người dân nào ở châu Nam Bố Chính vượt sông sang bờ Bắc để khỏi lộ tin cho Hàn Tiến biết tất khó đánh. Như thế sau ba ngày, thần sẽ mật truyền cho các tướng trấn thủ Quảng Bình, Bố Chính cùng tướng chỉ huy các đạo quân đồn thú lo liệu đầy đủ mọi việc quân nhu để đề phòng đánh địch. Cắt đặt điều khiển mọi việc xong xuôi, thần sẽ sai người ruổi ngựa về tâu trình lên Chúa thượng. Lúc ấy xin Chúa thượng sai quân ở chính doanh đi sau tiếp ứng. Như thế thì bắt Hàn Tiến như trở bàn tay, không có gì khó.

Chúa Hiền nghe xong cả mừng nói:

– Kế của khanh ta đã hiểu rõ. Nhưng việc bắt Hàn Tiến thì tình

1. *Cửa Tư Dung:* tức Cửa Tư Hiền (đời Mạc vì kiêng húy Mạc Đăng Dung, đổi gọi là Cửa Tư Khách).

thế nên làm gấp hay chậm? Khanh khá tâu trình cho ta nghe rõ.

Chiêu Vũ đáp:

– Binh pháp nói: Binh quý thần tốc (việc dùng binh cốt nhanh chóng), lợi ở chỗ đánh nhanh, không trì hoãn. Vả lại Hàn Tiến cũng ví như con hổ dữ ở trên núi, rắn độc ở ngoài hang. Xin Chúa thượng chọn tướng tài, kén quân dám đánh, chia làm ba đạo thủy bộ cùng tiến, đến nơi cùng một lúc dàn thành thế ỷ dốc, chia quân thành chính binh và kỳ binh, dương đằng đông, đánh đằng tây, vào lối này, ra lối khác. Như thế Hàn Tiến dù có cơ mưu cũng không xét đoán kịp, ấy gọi kế điệu hổ ly sơn. Hàn Tiến liệu có chạy đằng trời?

Chúa Hiền lại hỏi Chiêu Vũ:

– Khi quân ta đã qua sông Gianh thì ở đó là vùng sông nước, sao lại còn bảo dàn thành thế ỷ dốc? Khanh khá nói cho ta nghe điều ấy.

Chiêu Vũ thưa rằng:

– Hàn Tiến ngồi trấn ở Dinh Cầu hiện là tả trấn quân doanh, thống lĩnh một vạn quân bộ giữ con đường chính từ Lũng Bông đến chợ Đằng [1] ở bên sông.Mậu Long làm tiên phong, Minh Lãng, Triều Tiên làm tả hữu tiếp ứng, đóng trại ở vùng Phù Lưu, Lũng Bông. Hữu đô đốc tham tướng Đông quận công [2] hiện là hữu trấn quân doanh, lĩnh năm nghìn quân thủy giữ đường hạ đạo từ cửa Bố Chính đến Cửa Ròn; Giản Trung làm tiên phong, đóng trại ở bờ Bắc sông Gianh. Đó là thế ỷ dốc của các đạo quân bên Trịnh.

Nay quân ta khi đã qua bờ Bắc sông Gianh thì thủy quân chia đậu theo dọc bờ sông. Quân bộ chia làm ba cánh: cánh bên tả theo đường hướng đạo phải gắng sức đánh vào trại quân của Mậu Long ở thượng đạo phía Bắc Lũng Bông. Cánh bên hữu theo đường hạ đạo chiếm Cửa Ròn rồi cho du binh vượt Đèo Ngang khống chế quân của Giản Trung ở hạ đạo để đề phòng bị đánh chặn ở phía sau. Buổi sáng tung quân đánh đuổi Mậu Long ở Lũng Bông, buổi chiều thu quân về sông Gianh cùng đóng giữ với quân thủy, không giao chiến với quân Mậu Long. Làm như vậy Hàn Tiến nghe tin tất cho rằng quân ta muốn đánh Mậu Long mà không đánh được, phải trở về địa giới phía Nam, còn nói chi đến việc dòm ngó Dinh Cầu? Qua ngày hôm sau,

---

1. *Đằng* là tên Nôm của xã Lữ Đăng (ở bờ Bắc sông Gianh).
2. *Đông quận công:* tên tước của Lê Hữu Đức.

vào khoảng giờ Sửu [1], quân bộ ở cánh bên tả theo đường thượng đạo tiến đánh Mậu Long ở Lũng Bông. Cánh bên hữu thì thủy quân theo đường hạ đạo tiến ra chiếm Cửa Ròn, quân bộ dàn thành thế du binh vượt qua Đèo Ngang. Quân bộ ở chính đạo tiếp ứng theo đường thượng đạo thần tốc vượt Đèo Ngang, đánh quân của quận Đông, đuổi dài đến tận Dinh Cầu, bắt Hàn Tiến như thò tay vào túi lấy đồ vật. Đó là phép dùng thế ỷ dốc để phá phép ỷ dốc, một diệu kế của binh gia vậy.

Chúa Hiền nghe xong gật đầu vui mừng khen ngợi. Lại hỏi Chiêu Vũ rằng:

– Thế nào gọi là điệu hổ ly sơn?

Chiêu Vũ đáp:

– Bổn phận của Hàn Tiến là trấn giữ từ Dinh Cầu đến Lũng Hống. Nếu quân tiên phong của ta đến Lũng Hống thì Mậu Long tất sai quân ra Dinh Cầu cấp báo xin quân cứu viện. Hàn Tiến nghe tin, đâu dám ngồi yên mà nhìn, ắt là phải đem vào tiếp ứng. Nếu Hàn Tiến đem quân vào Lũng Bông, Dinh Cầu tất phải bỏ ngỏ, quân ta chỉ xoa tay [2] tự khắc lấy được. Ấy gọi là kế điệu hổ ly sơn vậy.

Chúa Hiền lại hỏi Chiêu Vũ:

– Thế nào gọi là đuổi rắn vào hang? Khanh khá nói nghe.

Chiêu Vũ đáp:

– Quân Trịnh ở hạ đạo do quận Đông lĩnh thủy binh đóng từ cửa Bố Chính đến cửa Ròn, tướng tiên phong là Giản Trung giữ đường bộ ở Đèo Ngang – Lũng Hống để ngăn không cho quân ta vượt qua. Nếu quân của Giản Trung giữ Đèo Ngang quân số chỉ dưới năm trăm, không có trọng binh [3]. Như thế quân thượng đạo của ta đánh Mậu Long ở Lũng Hống chỉ nên giao chiến từ từ, không nên đánh gấp, đôi bên chỉ cầm cự làm thế nghi binh. Đợi quân ở hạ đạo đánh gấp đuổi quận Đông chạy đến Đèo Ngang thì người ngựa quân chính đạo của ta sẽ xông ra tiếp ứng, đuổi theo sau mà đánh gấp. Hàn Tiến đã đem quân đi khỏi Dinh Cầu, quận Đông chạy vào Lũng Bông, quân ta chỉ

---

1. Giờ Sửu tức là khoảng từ 1 giờ đến 3 giờ sáng.

2. Chữ Hán là "thóa thủ", có nghĩa là nhổ nước bọt xoa tay (trước khi bắt tay làm một việc gì).

3. *Trọng binh:* những đội quân chỉ có khí giới thường, không có súng lớn bắn đạn nổ, xe đánh thành v.v...

vui vẻ chuyện trò cũng có thể lấy được. Ấy là kế đuổi rắn vào hang. Thần kém tài ít học, mưu kế tuy còn nông cạn, nhưng dám tâu trình để Chúa thượng chọn lựa những vị đại thần cao mưu sáng trí bàn định xem có thể thi hành được hay không.

Chúa Hiền nghe xong cả mừng, bảo Chiêu Vũ rằng:

– Lời khanh bàn luận mưu kế thật màu nhiệm, dẫu quỷ thần cũng khó lường. Quả là diệu thuật biến hóa vô cùng [1] dẫu là Trương Lương đời Hán, Lưu Bá Ôn [2] đời Minh cũng khó sánh kịp. Việc trù mưu tính kế trong màn trướng chẳng qua cũng chỉ đến như thế, ta bất tất phải hỏi đến người khác làm chi nữa. Từ nay các việc lớn ở biên cương ta ủy thác cả cho khanh và Thuận Nghĩa. Khanh khá tận tâm làm phận sự, mau ra Lưu Đồn cùng với Thuận Nghĩa theo đúng mưu kế đã bàn định mà điều khiển thi hành. Ta sẽ đích thân tiến theo tiếp ứng.

Rồi đó Hiền vương phong cho Thuận Nghĩa làm Tiết chế, văn chức Chiêu Vũ làm Đốc chiến lĩnh quân thi hành mệnh lệnh.

Người đương thời có thơ vịnh Chiêu Vũ rằng:

Lời nói thao thao tựa nước trào,
Bàn hay giảng giỏi định mưu sâu.
Trướng quân trù tính hay thành bại,
Chiến địa am tường biết thấp cao.
Chớ bảo Kiên Châu vui thưởng cúc.
Đừng khoe Vị Thủy cợt buông câu.
Minh quân tất có tôi hiền sáng.
Ngoài lại Dinh Cầu một sớm nhào.

*

* *

1. Nguyên bản chép "tạo hóa vô cùng chi thuật". Xét ý ở đây dùng chữ "biến hóa" thì thích đáng hơn.

2. *Trương Lương* (tự Tử Phòng) mưu thần của Hán Cao Tổ, *Lưu Cơ* (tự Bá Ôn) có công giúp Minh Thái Tổ thu phục Trung Quốc.

HỒI THỨ MƯỜI HAI

Chặn Hàn Tiến, Chiêu Vũ vào Lũng Hống
Vượt Đèo Ngang, Thuận Nghĩa chiếm Dinh Cầu

Lại nói văn chức Chiêu Vũ Nguyễn Hữu Dật vâng mệnh rời triều đi gấp ra đạo Lưu Đồn cùng với Tiết chế Thuận Nghĩa Nguyễn Hữu Tiến bí mật bàn định để thi hành mệnh lệnh của Hiền vương.

Tháng ấy, ngày mười ba, Thuận Nghĩa và Chiêu Vũ truyền lệnh cho các nơi cửa biển đặt bài hỏa hiệu, một mặt sức cho dân ở dinh Bố Chính không kể già trẻ, đàn ông, đàn bà đều phải đi làm kho ở xã Trường Dục, suốt cả ngày đêm. Lại mật truyền cho các trại quân thủy bộ đóng ở phía Nam sông Gianh phải canh phòng nghiêm ngặt, không cho bất cứ người dân nào ở dinh Bố Chính qua sông sang bờ Bắc, kẻ nào trái lệnh xử chém.

Ngày mười bốn, vào khoảng giờ Mùi [1], Đốc chiến Chiêu Vũ truyền lệnh mật cho trấn thủ dinh Quảng Bình là Nghĩa Lâm hầu sai người đến các xã Thủ Cừ, Đông Hải chọn lấy một trăm chiếc ghe [2] sắp sẵn chờ lệnh để chở quân bộ và khí giới ở dinh Quảng Bình qua sông.

Lệnh cho thủy dinh Quảng Bình dùng hai mươi chiến thuyền chở đủ các thứ quân nhu, chiến cụ đậu sẵn ở cửa Nhật Lệ, chờ hiệu lệnh thủy bộ cùng tiến.

Ngày mười lăm, giờ Dậu, phát binh vượt biển đến bờ Nam sông Gianh.

Ngày mười sáu, giờ Tí [3], trấn thủ Nghĩa Lâm đem quân bộ ở dinh Quảng Bình ra đóng ở Cửa Ròn để chặn quân Trịnh ở đường hạ đạo. Hai chục chiến thuyền của thủy quân Quảng Bình đến đậu ở xã Thanh Hà bờ Nam sông. Quân bộ ở Dinh Cũ (Cựu Dinh) vượt sông Gianh sang địa giới phía Bắc, quân ở dinh Bố Chính tiến theo phòng bị ở phía sau. Lại mật truyền cho Phù Dương, trấn thủ dinh Bố Chính, sai người đến các xã Yên Náu, Thuận Cô, Lý Ninh chọn lấy

---

1. *Giờ Mùi:* khoảng thời gian từ 1 đến 3 giờ chiều.

2. Nguyên văn: "Câu thuyền": loại thuyền đi ven biển, cao thành, mũi nhọn cong vuốt, thường gọi là ghe Quảng Bình.

3. *Giờ Tí:* vào khoảng nửa đêm (23 giờ – 1 giờ sáng)

tám mươi chiếc ghe để nửa đêm ngày mười sáu chở quân của bản dinh từ cửa Thuận Cô vượt thuyền qua sông Gianh đến đậu cùng một nơi với thủy binh Quảng Bình, chờ quân chính đạo và quân ở Dinh Cũ cùng đến. Khoảng canh tư, tất cả ghe thuyền đều buông chèo vượt sông sang bờ Bắc, quân lính lên cả trên bờ đợi lệnh. Các tướng chỉ huy xuống lệnh dừng lại chờ đến canh tư. Khi các đội quân thủy bộ đều đã sang địa giới phía Bắc, các tướng đều đến dưới trướng của Tiết chế chờ sai phái.

Bấy giờ bên Trịnh, quân tuần tiễu dò tin tức liền phi báo cho trấn thủ Mậu Long. Mậu Long cả giận nói:

– Tướng bên Nam đến đây ta bắt sống ngay!

Nói đoạn liền lặng lẽ chia quân đóng giữ các nơi, chờ quân Nam đến sẽ xông ra giao chiến, không cần phải báo cho trấn tướng Hàn Tiến biết tin.

Lại nói ngày hôm ấy, Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ vào trong trướng hội họp các tướng để truyền lệnh chia quân, sai trấn thủ Bố Chính là Phù Dương đem quân dinh đột nhập vào Phù Lưu, Lũng Bông đánh phá trại quân của Mậu Long. Sai trấn thủ Dinh Cũ là Mỹ Thắng đem quân bản doanh thẳng tiến đến chợ Đằng đánh quân của Tham đốc [1] Minh Lãng tiếp ứng cho quân Bố Chính. Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ thống lĩnh quân tráng kiện đóng ở xã Trung Hòa. Các cơ ở dinh Lưu Đồn đều thuộc về đạo quân của chính doanh để phòng ngừa tiếp ứng. Nếu ở chính đạo, quân của trấn thủ Phù Dương đánh trại của Mậu Long mà Mậu Long thua trận phải chạy về Lũng Bông thì chỉ đuổi theo một cách từ từ, không quá gấp, chờ đến tối thì lui quân về bờ sông để phòng ngự cùng với thủy quân. Các tướng lĩnh kế xong ra khỏi trướng trở về bản doanh.

Lại nói chuyện trấn thủ Đại Thắng đem quân đánh trại quân Trịnh của Tham đốc Minh Lãng. Minh Lãng thua to phải chạy vào núi [2]. Đại Thắng bèn chia quân, tự dẫn quân bản doanh đi tiên phong

---

1. Viên tướng Nguyễn làm trấn thủ Dinh Cũ chỉ huy cánh quân đi đánh Tham đốc Minh Lãng của bên Trịnh nói ở đây, theo ĐNTLTB tên thật là Tống Hữu Đại (do tên thật là Đại nên tên tước là Đại Thắng). Ở đây chép là Mỹ Thắng, nhưng ở dưới đều chép là Đại Thắng.

2. Viên tướng Trịnh bị vây đánh và đầu hàng ở xã Lũ Đằng (chợ Đằng) như đã ghi trong *Toàn thư*, ĐNTLTB và *Cương mục* là Đặng Minh Tác. Như vậy Minh Lãng có lẽ là tên tước của Đặng Minh Tác.

để đón cánh quân chính đạo đến tiếp ứng. Trấn thủ Phù Dương dẫn quân chính đạo đánh thốc vào trại của Mậu Long. Mậu Long bèn tung quân ra đánh. Hai bên giao chiến mấy chục hiệp chưa phân thắng bại thì gặp lúc tướng bên Nam là Đại Thắng đem quân đến. Hai cánh quân cùng đánh ốp vào. Mậu Long cả bại, nhằm về phía Lũng Bông chạy trốn. Trấn thủ Phù Dương khua quân đuổi theo. Đến chập tối, hai tướng Phù Dương, Đại Thắng bèn thu quân về đóng ở bên bờ sông Gianh.

Lại nói chuyện tháng ấy, ngày mười bốn, Hàn Tiến đang ngồi nhàn ngắm hoa ở Dinh Cầu. Chợt có viên triều quan người xã Thổ Sơn là Trạc quận công [1] đến thăm. Hai người cùng nhau tương kiến, rồi Hàn Tiến mời quận Trạc vào dinh chia ngôi chủ khách cùng ngồi. Nhân đêm trăng sáng đẹp tốt trời, hai người bàn chuyện xưa nay. Bỗng từ góc trời phía Nam có đám mây đen hình dáng sắc nhọn đâm xuyên vào giữa mặt trăng. Ánh trăng bỗng nhiên tối mờ. Quận Trạc ngước nhìn bầu trời thấy triệu chứng chẳng lành, trong lòng lấy làm nghi hoặc. Quận Trạc nhân đó hỏi Hàn Tiến rằng:

– Tả Đô đốc sáng nay có việc gì mà sửa soạn lễ vật như thế?

Hàn Tiến đáp:

– Ngày mười bảy tháng này là ngày giỗ của thân phụ tôi. Dù quan sơn cách trở việc công bận rộn, nhưng tình phụ tử sâu nặng không thể quên nên tạm biện chút lễ mọn để bày tỏ hiếu tâm.

Quận Trạc nói:

– Hôm ấy đúng là ngày quân địch đến đánh thành, quan tả Đô đốc sẽ gặp nguy lớn, muốn tỏ lòng hiếu cũng khó đấy.

Hàn Tiến nghe nói cả giận, nghiêm giọng bảo quận Trạc:

– Nếu quả như lời ông nói thì quân địch từ hướng nào tới?

Quận Trạc đáp:

– Từ phương Nam đến.

Hàn Tiến quát:

– Đèo Ngang kia như dãy trường thành chắn ngang đường, dẫu có Hạng Vũ tái sinh cũng không thể lật nhổ để vượt sang đây, huống chi quân giặc phía Nam. Nếu giặc mọc cánh bay đến, ta sẽ chém nát

1. *Trạc quận công:* tên tước của Nguyễn Văn Trạc.

như bùn hết cả, quyết không để một tên nào chạy thoát, chẳng có gì đáng nói!

Quận Trạc nói:

– Lão già này vì quan tả Đô đốc mà nói điều đó. Nghe hay không là tùy ý quan, không can dự gì đến già này. Nhưng vì lão phu yếu mệt, xin tả Đô đốc vui lòng cấp cho một thớt ngựa để trở về cho chóng, kẻo gặp sự binh lửa chẳng may.

Hàn Tiến nhếch mép cười nhạt, bằng lòng cấp ngựa cho quận công. Quận Trạc vội xỏ giày lên ngựa từ biệt Hàn Tiến để ra về. Hàn Tiến quay lại nói với những người đi theo rằng:

– Đúng là bọn tục Nho. Chẳng qua chỉ vẽ chuyện tào lao cho người ta chú ý đến mình. Hạng sất phu như hắn ta thì làm sao mà biết trù hoạch mưu lược gì! Nay hắn thả chuyện ra như thế rồi xin ngựa để về. Sao mà nhu nhược quá thế?

Hàn Tô nói:

– Lời nói của ông ta nghĩ lại tựa như có lý. Tướng công nên suy xét kỹ. Người xưa có câu: Lời nói của kẻ cuồng phu, thánh nhân còn có khi nghe lọt.

Hàn Tiến cả cười lắc đầu, luôn miệng nói: chẳng đáng nghe, chẳng đáng nghe.

Đến ngày mười sáu, vào khoảng gà gáy. Hàn Tiến đang sai phái bọn thủ hạ bày soạn lễ vật lên bàn, chưa kịp làm lễ cúng. Bỗng có tên tiểu tốt chạy vào báo tin quân Nam vượt sông Gianh đánh phá dinh Tam Hiệu. Quận Mậu (tức Mậu Long) thua to, bỏ quân chạy vào Lũng Bông. Xin quan tả phủ gấp đem đại quân vào cứu viện để khỏi lỡ việc!

Hàn Tiến cả kinh, không kịp truyền báo, vội ra trại điểm quân lên ngựa ruổi gấp vào Lũng Bông để tiếp ứng.

Lại nói quân chúa Nguyễn ngày mười sáu cả phá quân của Mậu Long ở đồn Tam Hiệu rồi lại rút về đóng ở bờ sông Gianh. Vào khoảng cuối giờ Dậu đầu giờ Tuất [1], tiết chế Thuận Nghĩa vào trong trướng hội họp cùng các tướng.

Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

---

1. Khoảng 6 – 8 giờ chiều.

– Chúa thượng xuống lệnh cho bọn ta đem quân đánh kẻ tiếm đoạt [1]. Nay quân ta qua sông, hiện đã phá được hai trại quân của giặc. Nhưng quân Trịnh cũng chống cự rất gắt. Các ông có cách gì hay để bắt Hàn Tiến, khiến quân Trịnh phải một phen rơi mật kinh hoàng thì xin cho nghe cao kiến.

Quan văn là Ký lục Thịnh Hội nói:

– Binh pháp nói: lấy chắc đánh rỗng thì thắng, lấy rỗng đánh chắc thì bại.

Tiết chế Thuận Nghĩa hỏi:

– Thế nào là lấy chắc đánh rỗng?

Thịnh Hội đáp:

– Phàm việc dùng binh, suy rộng ra có mấy phép ở hàng đầu. Ngày hôm qua quân ta đã đánh thắng Mậu Long ở Lũng Bông, đuổi Minh Lãng ở chợ Đàng. Hàn Tiến biết tin ắt sẽ đem đại quân chặn giữ ở Đèo Ngang và Cửa Ròn, quân ta khó vượt qua. Chi bằng nên sai thủy quân ở hạ đạo đi vòng qua mũi Ròn đánh úp vào sau lưng bọn chúng, chiếm lấy vùng ven cư ven biển rồi đốt lửa làm hiệu, khiến cho quân Trịnh trông thấy khói lửa tưởng rằng quân ta đã lấy được cả vùng. Bọn chúng tất sẽ sợ hãi mất mật tìm đường chạy trốn, còn ruột gan nào mà đóng giữ ở Đèo Ngang nữa? Khi bọn chúng đã bỏ Đèo Ngang thì quân ta thừa dịp vượt nhanh qua, ví như trận gió to thổi đám lá rụng, mưa rào xối hoa tàn. Đại quân cứ nhằm thẳng Dinh Cầu mà tiến, hẳn là bắt được Hàn Tiến. Đó là phép lấy chắc đánh rỗng vậy.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe xong nói:

– Kế ấy tuy diệu nhưng quá gấp, sợ mất lòng dân.

Lại hỏi Đốc chiến Chiêu Vũ rằng:

– Lệnh chỉ của Chúa thượng ra sao, ông nên tóm lược nói qua một lượt để các tướng hiểu rõ.

Đốc chiến Chiêu Vũ nói:

– Chúa thượng bảo tôi truyền lệnh cho anh em ta phải chỉ huy quân số các doanh thủy bộ, việc cắt đặt điều khiển giao chiến công kích tùy cơ ứng biến, thảy đều giao phó ở quyền tiết chế của Nguyên

1. Chỉ chúa Trịnh.

súy. Nếu trong các tướng có ai làm trái, việc tâu về vương đình, đều bị xử trị theo quân luật không tha thứ.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe xong hướng về vương đình vái vọng, đoạn bảo các tướng rằng:

– Trong vương đình thì vâng mệnh chúa, ngoài chiến địa phải theo lệnh của tướng cầm quân. Nay tôi với các ông cùng ăn lộc chúa, phải nên đồng lòng báo đền ơn chúa, chớ tự cậy tài làm theo ý riêng mà phạm quân lệnh. Ai trái lệnh tất phải xử theo quân pháp, không thể tha thứ được.

Các tướng đồng thanh đáp:

– Xin vâng tướng lệnh của Tiết chế !

Giờ Thân [1] ngày mười sáu, Tiết chế Thuận Nghĩa truyền lệnh chiến đấu. Trước hết sai quân chính doanh theo đường hạ đạo do Chưởng cơ Xuân Sơn làm tiền phong, trấn thủ dinh Quảng Bình là Nghĩa Lâm chỉ huy đội thứ hai, Cai cơ Uy Lễ chỉ huy đội thứ ba, Cai cơ Mậu Hoa chỉ huy đội thứ tư, Cai cơ Nghĩa Lộc chỉ huy đội thứ năm, Tiết chế Thuận Nghĩa dẫn quân tráng tiệp [2] làm chính đội, theo thứ tự trước sau mà tiến phát.

Lại sai các cơ Triều Nghi [3] làm tả vệ trận, Cai cơ phú tài làm hữu vệ trận. Tiền nhuệ cơ do Đốc chiến Chiêu Vũ chỉ huy ghép lại thành hậu quân đi tiếp ứng. Các tướng ai nấy theo đúng lệnh truyền, chuẩn bị đến canh ba đêm ấy cho quân sĩ dậy thổi cơm ăn, đến đầu canh tư nghe tiếng pháp lệnh là tiến phát. Hẹn đến tảng sáng thẳng tiến đến đánh phá Dinh Cầu, bắt Hàn Tiến, không cho chạy thoát. Ai bắt được Hàn Tiến kể là có công đầu.

Lại sai trấn thủ Phù Dương làm tiên phong chỉ huy quân của dinh Bố Chính tiến theo đường thượng đạo, rấn thủ Đại Thắng chỉ huy quân Dinh Cũ theo tiếp ứng tiến quân đến Lũng Bông đánh vào trại của Mậu Long. Nhưng chỉ được phép đánh ở mức từ từ, không gấp vội. Đến giờ Ngọ (giữa trưa) thì hai tướng cho quân thả sức đánh lớn, bắt cho được Mậu Long. Nếu Mậu Long chạy thoát thì dẫn quân tiếp ứng ngay với quân ở hạ đạo để chặn đường bắt Hàn Tiến giao nộp, không được trái lệnh.

---

1. *Giờ thân:* từ 3 đến 5 giờ chiều.

2. *Tráng tiệp:* nghĩa là khỏe mạnh và nhanh nhẹn.

3. Triều Nghi ĐNTLTB chép là Triều Nghĩa và chú thích: Triều Nghĩa, Phú Tài là hai người đều không rõ họ.

Các tướng lĩnh mệnh lệnh trở về bản doanh sửa soạn để đợi hiệu lệnh tiến quân.

Sắc trời rạng xanh, canh tư đã đến. Tiết chế Thuận Nghĩa truyền lệnh bắn súng hiệu. Các tướng ai nấy theo thứ tự đem quân lên đường. Chỉ thấy:

Binh uy lẫm liệt, kiếm kích ngời sương,
Chiêng trống động vang trời, tinh kỳ che rợp đất
Voi ngựa kín rừng tắc rẫy, chiến thuyền đầy biển khơi
Sóng nước tựa rồng cuồn, đầu non như lửa rực.

Lại nói tướng tiên phong ở hạ đạo là Chưởng cơ Xuân Sơn vào khoảng giờ Dần [1] rạng ngày mười bảy đem quân tiến thẳng đến Đèo Ngang đánh vào trại quân của quận Đông Lê Hữu Đức. Quận Đông bất ngờ không chuẩn bị trước, quân Nam ào ạt tiến vào như sấm rền sét nổ không kịp bưng tai. Quân lính kinh hoàng tán loạn chạy trốn khắp nơi. Quận Đông một mình chạy ra Lạc Xuyên [2] . Quân của Chưởng cơ Xuân Sơn thu được hai con voi trận cùng với khí giới súng đạn nhiều không thể đếm xuể. Chưởng cơ Xuân Sơn khua quân tiến thẳng đến Dinh Cầu.

Bấy giờ tướng trấn thủ Dinh Cầu là tả Đô đốc Hàn Tiến đã đem đại quân vào Lũng Hống để cứu viện cho Mậu Long, chỉ để hai tiểu tướng là Trăn Bái và Ký Thiệu [3] ở lại giữ trại. Bọn Trăn Bái vừa thấy tiểu tốt bán sống bán chết chạy từ Thạch Bàn về báo tin quân Nam theo đường hạ đạo đã đánh tan quân của quận Đông, thế tất sẽ kéo thẳng đến, Dinh Cầu không khỏi bị vây. Bọn Trăn Bái nghe báo tin xong thì thấy quân Nam đã đến bao vây ngoài doanh rồi. Trăn Bái và Ký Thiệu cả kinh, vội đem một trăm tên mai phục tại miếu Bình Lâm ở trong thành để đón đánh quân Nguyễn.

Bấy giờ tướng tiên phong là Chưởng cơ Xuân Sơn thấy doanh trại quân Trịnh bỏ không, cho là xoa tay lấy dễ, bèn thúc quân tiến vào. Khi quân đến miếu Bình Lâm bất ngờ gặp một đội quân từ trong miếu chạy ra chặn đánh. Đó là hai tướng Trăn Bái và Ký Thiệu xua quân ra đánh xáp. Trăn Bái dẫn đầu một bọn hơn mười người. Chưởng cơ Xuân Sơn thấy Trăn Bái hung tợn vội lui quân về Thạch

---

1. *Giờ Dần:* từ 3 – 5 giờ sáng.
2. *Lạc Xuyên:* tên xã thuộc huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh hiện nay
3. Trăn Bái và Ký Thiệu, ĐNTLTB ghi hai người đều không rõ họ.

Bàn chiếm dòng khe để chống đánh. Quân hai bên giao chiến chừng hai chục hiệp, bỗng thấy ở góc Tây Nam bụi tung mù trời, chiêng trống dậy đất, một đoàn quân đông như kiến đang tiến gấp đến. Đó chính là đội quân của Tiết chế Thuận Nghĩa tiếp đến trợ chiến, thế mạnh như đất rộng, núi lay. Trần Bái cả kinh, hoảng hốt, trở tay không kịp, bị chém chết trong đám loạn quân. Còn Ký Thiệu giả làm một tên lính chạy qua khe Thạch Bàn chạy trốn. Tiết chế Thuận Nghĩa và Chưởng cơ Xuân Sơn hội quân đóng đồn, chiêu hàng các quân sĩ bên Trịnh, bèn chiếm đóng Dinh Cầu. Thế là ba quân đột nhập vào nhà riêng của Hàn Tiến, thấy rượu thịt bầy sẵn trên mâm rất nhiều, bèn tranh nhau ăn uống sạch trơn.

Người đời sau có thơ bình rằng:

Lẫm lẫm oai phong buốt ngọn thương,
Dài khua giáp sĩ quét biên cương,
Gươm đao vung tựa rồng cuốn biển,
Ngựa sắt bon như cọp nhảy rừng.
Sớm dậy sấm vang chồn cáo khiếp,
Gấp rền sét đánh mãnh xà cuồng.
Hùng binh một tiến khói lang tắt,
Lừng lẫy Trung Châu ai dám đương?

Lại nói chuyện khi trời chưa sáng, tiên phong quân thượng đạo là trấn thủ Phù Dương cùng tiếp ứng với các tướng Đại Thắng, Chiêu Vũ thúc quân đánh Mậu Long, Hàn Tiến ở Lũng Hống. Nhưng Đốc chiến Chiêu Vũ đã dự liệu trước, bèn dẫn quân bản bộ ra núi Eo Gió mai phục sẵn ở con đường hẻm yếu trong rừng sâu đợi bọn Đại Thắng, Phù Dương tung quân đánh Mậu Long, Hàn Tiến ở Lũng Hống. Quân lính bên Nam đều thuộc hạng to mạnh, ai nấy đều chiến đấu dũng cảm, một người địch nổi cả trăm quân Trịnh. Quân của Mậu Long thất thế, khiếp sợ vỡ mật run tim, chẳng ai dám đương đầu chống cự, bèn chạy tháo quân về phía núi sâu. Nhưng thế núi ở đây dốc đứng, quân Trịnh không biết lẩn trốn vào đâu, bèn vứt cả khí giới mà đầu hàng. Tiết chế Thuận Nghĩa cho thu nạp cả. Hàn Tiến cả bại, dẫn tàn quân chạy đến Hẻm Nỏ [1]. Quân bộ thuộc theo sau voi chỉ còn hai ba trăm tên, phần nhiều đều bị thương nặng, trong tay không có một tấc sắt, tiếng gào la kêu khóc không ngớt dậy vang

1. Chữ trong nguyên văn trong âm chữ Hán đọc là "Khiểm Nổ". Nhưng có lẽ đây là một địa danh đọc theo âm Nôm là Hẻm Nỏ.

khắp đường. Hàn Tiến dẫn quân vòng theo đường núi phía sau Đèo Ngang mà chạy. Đến gò Đá Trắng, sắp qua Eo Gió, thấy không có bóng dáng của quân Nguyễn, Hàn Tiến ngửa mặt nhìn trời, cười to bảo quân lính rằng:

– Nếu tướng bên Nam có mưu trí ngầm đặt quân mai phục ở đây chặn đường về thì hẳn bọn ta đều phải đi đời cả.

Hàn Tiến chưa dứt lời bỗng từ trên sườn núi thấy một viên đại tướng xông ra. Người ấy mình hạc, râu rồng, mày lân, mắt phượng, phong thái hùng mạnh đang dẫn quân đổ ào xuống, thế gấp như suối tuôn nước chảy. Hàn Tiến thấy vậy cả kinh, cất tiếng hỏi:

– Tướng bên Nam là ai, xin cho biết tính danh.

Tướng Nam đáp:

– Ta là Đốc chiến Chiêu Vũ của Nam triều.

Hàn Tiến giận nói:

– Quân Nam làm nhục ta quá lắm! Kẻ trượng phu thà chết ở chiến trường lấy da bọc thây, ý nguyện của ta là thế đó.

Nói đoạn thúc quân giao chiến. Tiếng súng vang như sấm rền, đạn bắn như sao bay. Bấy giờ con voi đực của Chiêu Vũ đang cưỡi sợ súng lùi về phía sau. Chiêu Vũ vội xuống voi, khua quân đánh xáp vào. Hai bên cầm cự giằng co chưa phân thắng bại. Chiêu Vũ ngắm rất nhanh bắn ngay một phát, trúng vào vai Hàn Tiến [1]. Hàn Tiến chao người rơi xuống, may có quân lính cứu đỡ, dìu chạy vào núi tìm nơi ẩn nấp.

Đốc chiến Chiêu Vũ sai quân đuổi theo tìm bắt, nhưng không ai biết Hàn Tiến chạy trốn lối nào. Bây giờ đã về chiều, bỗng có lệnh của Tiết chế Thuận Nghĩa truyền gọi các tướng thu quân. Quân Nam bèn phóng hỏa đốt hai trại của quận Đông. Khói lửa bốc rựng trời, nhà cửa thảy biến thành tro bụi. Đốt doanh trại xong, các đạo quân đều hội cả về Hẻm Nỏ. Tiên phong Phù Dương và trấn thủ Đại Thắng trình bày với Tiết chế Thuận Nghĩa xin cho dẫn quân đi lùng bắt Hàn Tiến để trừ mối lo sau.

Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

– Hàn Tiến thua chạy, sức kiệt thế cùng, cũng ví như cá bơi trong chậu, chó rớt xuống hang, chẳng phải bận tâm làm gì. Nay trời

---

1. Ở đoạn dưới nguyên bản viết Hàn Tiến bị thương ở chân, có thể do tác giả sơ suất.

sắp tối, đường xa quân lính chưa am hiểu núi non khe suối, chi bằng chia quân đóng trại tạm nghỉ ở đây một đêm, đợi sáng hôm sau tìm người địa phương dò hỏi tin tức rồi hãy đi lùng bắt cũng chưa muộn.

Các tướng đều nói:

– Xin vâng lệnh của Tiết chế .

Rồi ai nấy đều về nghỉ ngơi.

Tảng sáng ngày mười tám, Đốc chiến Chiêu Vũ đem quân tiến đến xã Lạc Xuyên Hạ, Chưởng cơ Xuân Sơn đem quân đến Dinh Cầu, trấn thủ Phù Dương đem quân đến Kỳ Quyết, trấn thủ Đại Thắng đem quân theo đường dưới chân núi Hoàng Sơn. Các đội khác đi sau tiếp ứng. Các tướng đều dẫn quân cùng tiến. Đi đến đâu trấn thủ Đại Thắng cũng sai quân tìm người địa phương để hỏi bắt Hàn Tiến. Nhưng họ đều nói không thấy, may gặp một người dân báo tin rằng:

– Tôi nghe nói hôm qua tả Đô đốc Hàn Tiến bị quân Nam đánh đuổi, thua to, phải chạy trốn vào nhà dân, chiêu tập tàn binh, thu nhặt khí giới, mưu tính đón đánh quân Nam để báo thù. Phó tướng là Vinh Dương can rằng: "Nay quân ta đã bỏ trốn khắp nơi, các chiến tướng đều lánh trong núi cao lèn hiểm, khí giới, đạn dược, lương thực chẳng còn mà voi ngựa, súng thuyền, cờ xí cũng đều mất hết. Huống chi tướng công trên người còn mang thương tích nặng, tình thế khó chống cự với quân Nam, chi bằng ta hãy lùi về đóng ở Trại Ống dâng biểu về triều đình xin cho quân vào cứu viện để mưu đồ thu phục về sau. Xin tả tướng công dời đến nơi đó yên tĩnh nghỉ ngơi để tìm thuốc men điều trị. Đợi cho vết thương lành hẳn khi đó hãy chọn tướng luyện quân cũng còn chưa muộn. Vả lại, nay bên Nguyễn tướng hùng quân mạnh, nhuệ khí khó ngăn. Nếu ta giao phong với họ thì không khỏi bị thua. Xin tả tướng công minh xét". Hàn Tiến nghe xong đập cả hai tay xuống chiếu, cả giận ngước lên trời kêu to lên rằng: "Chỉ vì trời không giúp nên Hàn Tiến mới bị Chiêu Vũ làm khốn nhục đến nỗi này. Hàn Tiến tôi thề cùng với Chiêu Vũ không đội trời chung". Nói xong lại giận giữ một hồi nữa, vết thương vì thế lại càng đau. Hàn Tiến không ngớt kêu rên. Vinh Dương lại phải khuyên can Hàn Tiến mới hết cơn giận. Đến canh năm ngày hôm ấy Hàn Tiến bèn lui quân về đóng trại ở cồn Chợ Thành [1], sai người đi tìm thuốc tốt để

1. Nguyên văn viết xen chữ Nôm và chữ Hán "cồn thành thị" có thể hiểu hai cách là chợ Cồn Thành, hoặc cồn Chợ Thành, tạm phiên như trên.

điều trị. Một mặt viết biểu tâu về triều xin cho quân vào cứu viện.

Quân do thám nghe lời người dân kể lại như thế bèn trở về trình với trấn thủ Đại Thắng. Trấn thủ Đại Thắng bèn sai quân đem thư hỏa tốc trình lên cho Tiết chế Thuận Nghĩa biết. Thuận Nghĩa xem thư xong mừng nói:

– Hàn Tiến chết đến nơi rồi.

Nói đoạn bèn sai chức sự là Văn Xá đem thư hỏa tốc đến báo cho Đốc chiến Chiêu Vũ biết. Đốc chiến Chiêu Vũ xem xong thư báo các tướng rằng:

– Bọn ta chỉ một lần cất quân đánh là thành công, lấy lại Trung Đô cũng chỉ xoa tay là xong việc. Huống chi một mình Hàn Tiến mà không bắt được!

Nói đoạn bèn sai chức sự là Tuy Vũ đến trình với Tiết chế Thuận Nghĩa rằng Đốc chiến Chiêu Vũ xin cho tiến binh đến đóng ở các xã Vĩnh Kiều, Vĩnh Lại, trước là để chặn đường về của Hàn Tiến, sau là chiêu dụ hào kiệt đất Bắc quy hàng phòng khi dùng đến.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe xong, lệnh cho Tuy Vũ trở về nói với Chiêu Vũ:

– Kế ấy là điều quan yếu của binh gia, rất hợp với ý ta. Nhưng các tướng đi đánh lần này chưa gửi tờ tâu để Chúa thượng biết tin thắng trận. Vì thế ta mời Đốc chiến hãy tạm lui về để cùng với các tướng soạn thảo bẩm văn, sai người đem về dâng Chúa biết, ngõ hầu bọn ta khỏi mắc lỗi tự chuyên.

Tuy Vũ vâng lệnh trở về trình lại với Chiêu Vũ.

Ngay ngày hôm ấy Tiết chế Thuận Nghĩa vào trong trướng cùng các tướng bàn việc viết bẩm văn, rồi sai quân ruổi ngựa ngày đêm đi gấp về vương đình trình báo. Hiến vương tiếp tờ biểu mở xem. Bẩm văn viết:

"Các tướng văn võ vâng mệnh dẹp trừ quân địch ở biên thùy phía Bắc kính cẩn trình lên Chúa thượng soi xét:

Bọn thần vâng mệnh phát quân thủy bộ cùng tiến, vượt qua sông Gianh sang địa giới phía Bắc, rồi hội đồng các tướng để điều khiển quân lính. Ngày mười sáu tháng này, từ sáng sớm, tướng tiên phong đường thượng đạo là Phù Dương, Đại Thắng đánh tan quân Mậu Long ở Lũng Hống, đuổi dài đến Lũng Bông, Mậu Long phải đầu hàng.

Ngày mười bảy, tướng chỉ huy đường hạ đạo là Nghĩa Lâm, Xuân Sơn vượt Đèo Ngang đuổi đánh quân của quận Đông, chiếm Dinh Cầu, đuổi quân Trịnh chạy vào Hẻm Nỏ. Quân chính đạo do Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ chỉ huy chém chết Trần Bái ở Thạch Bàn, đuổi Hàn Tiến đến Eo Gió. Quân hai bên giao chiến một lúc thì Đốc chiến Chiêu Vũ bắn Hàn Tiến bị thương nhưng quân Trịnh cứu đỡ đưa đi trốn tránh. Tiết chế Thuận Nghĩa đem quân đánh lớn nhưng quân Trịnh buốt gan rét lòng, tướng binh đều run sợ chạy trốn vào hang núi, khiếp đảm kinh hoàng, đứng không vững chân, lại phải chạy về trú ở cồn Chợ Thành, gọi binh họp tướng để mưu kế báo thù. Bọn chúng lương thực cạn khô, khí giới chẳng có, Hàn Tiến phải dâng biểu tâu về triều xin chúa Thanh sai quân vào cứu viện. Huống chi họ Trịnh vẫn coi Hàn Tiến là tướng mạnh, trông cậy để giữ biên thùy. Bọn thần nhờ hồng phúc của Chúa thượng cho nên ra quân được tiếng. Một lần cất binh đánh tan hung đồ, đánh lần thứ hai đuổi dài ngụy đảng. Bọn thần nghĩ rằng Hàn Tiến như cá đã lọt vào nơm, sớm muộn tất cũng bị bắt. Kính cẩn tâu trình cúi mong Thánh thượng lãm xét. Các tướng bọn thần trăm lạy dâng khải".

Chúa Hiền xem xong cả mừng, vuốt râu bảo các tướng rằng:

– Ta có Thuận Nghĩa, Chiêu Vũ, phá được quân Trịnh là việc tất nhiên. Đúng là tài hổ tướng.

Các tướng đều lạy mừng, hết lời ca tụng chiến công.

Chúa Hiền sai chức sự là Văn Nghiêm ra địa giới phía Bắc đem đồ thưởng ban cho các tướng và khao lạo ba quân, trao mật lệnh cho Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ. Mật lệnh nói: "Lệnh cho các tướng: mới đây các khanh đã vâng mệnh đem quân ra đánh Hàn Tiến. Ấy là các khanh đã có lòng hết sức cần vương, cho nên mới có thể một lần ra quân đã đạt được thành công như thế, ta hết sức vui lòng. Nay ta trên nhờ hoàng thiên che chở, tổ tông phù trì, dưới cậy ba quân anh hùng dũng nhuệ, quân thần hiệp sức, trên dưới đồng lòng, ta muốn cuốn chiếu ra đánh Trung Đô đuổi dài ngụy đảng, diệt họ Trịnh tiếm quyền, phù nhà Lê khỏi đổ. Xét ra thì Hàn Tiến không đáng kể là hạng tướng nam nhi, nhưng hắn ta vốn là kẻ tâm phúc của họ Trịnh, quyết không thể dung tha cho hắn. Binh pháp nói: "Trước chặt cành lá, sau trừ gốc rễ", làm cho quân Trịnh không dám nhìn thẳng vào nhuệ khí của quân ta. Trước là khiến Trung Đô lạnh tim, sau cho bốn trấn đứt mật, biết tay Nam Việt anh hùng, các

điều trị. Một mặt viết biểu tâu về triều xin cho quân vào cứu viện.

Quân do thám nghe lời người dân kể lại như thế bèn trở về trình với trấn thủ Đại Thắng. Trấn thủ Đại Thắng bèn sai quân đem thư hỏa tốc trình lên cho Tiết chế Thuận Nghĩa biết. Thuận Nghĩa xem thư xong mừng nói:

– Hàn Tiến chết đến nơi rồi.

Nói đoạn bèn sai chức sự là Văn Xá đem thư hỏa tốc đến báo cho Đốc chiến Chiêu Vũ biết. Đốc chiến Chiêu Vũ xem xong thư báo các tướng rằng:

– Bọn ta chỉ một lần cất quân đánh là thành công, lấy lại Trung Đô cũng chỉ xoa tay là xong việc. Huống chi một mình Hàn Tiến mà không bắt được!

Nói đoạn bèn sai chức sự là Tuy Vũ đến trình với Tiết chế Thuận Nghĩa rằng Đốc chiến Chiêu Vũ xin cho tiến binh đến đóng ở các xã Vĩnh Kiều, Vĩnh Lại, trước là để chặn đường về của Hàn Tiến, sau là chiêu dụ hào kiệt đất Bắc quy hàng phòng khi dùng đến.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe xong, lệnh cho Tuy Vũ trở về nói với Chiêu Vũ:

– Kế ấy là điều quan yếu của binh gia, rất hợp với ý ta. Nhưng các tướng đi đánh lần này chưa gửi tờ tâu để Chúa thượng biết tin thắng trận. Vì thế ta mời Đốc chiến hãy tạm lui về để cùng với các tướng soạn thảo bẩm văn, sai người đem về dâng Chúa biết, ngõ hầu bọn ta khỏi mắc lỗi tự chuyên.

Tuy Vũ vâng lệnh trở về trình lại với Chiêu Vũ.

Ngay ngày hôm ấy Tiết chế Thuận Nghĩa vào trong trướng cùng các tướng bàn việc viết bẩm văn, rồi sai quân ruổi ngựa ngày đêm đi gấp về vương đình trình báo. Hiền vương tiếp tờ biểu mở xem. Bẩm văn viết:

"Các tướng văn võ vâng mệnh dẹp trừ quân địch ở biên thùy phía Bắc kính cẩn trình lên Chúa thượng soi xét:

Bọn thần vâng mệnh phát quân thủy bộ cùng tiến, vượt qua sông Gianh sang địa giới phía Bắc, rồi hội đồng các tướng để điều khiển quân lính. Ngày mười sáu tháng này, từ sáng sớm, tướng tiên phong đường thượng đạo là Phù Dương, Đại Thắng đánh tan quân Mậu Long ở Lũng Hống, đuổi dài đến Lũng Bông, Mậu Long phải đầu hàng.

Ngày mười bảy, tướng chỉ huy đường hạ đạo là Nghĩa Lâm, Xuân Sơn vượt Đèo Ngang đuổi đánh quân của quận Đông, chiếm Dinh Cầu, đuổi quân Trịnh chạy vào Hẻm Nỏ. Quân chính đạo do Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ chỉ huy chém chết Trần Bái ở Thạch Bàn, đuổi Hàn Tiến đến Eo Gió. Quân hai bên giao chiến một lúc thì Đốc chiến Chiêu Vũ bắn Hàn Tiến bị thương nhưng quân Trịnh cứu đỡ đưa đi trốn tránh. Tiết chế Thuận Nghĩa đem quân đánh lớn nhưng quân Trịnh buốt gan rét lòng, tướng binh đều run sợ chạy trốn vào hang núi, khiếp đảm kinh hoàng, đứng không vững chân, lại phải chạy về trú ở cồn Chợ Thành, gọi binh họp tướng để mưu kế báo thù. Bọn chúng lương thực cạn khô, khí giới chẳng có, Hàn Tiến phải dâng biểu tâu về triều xin chúa Thanh sai quân vào cứu viện. Huống chi họ Trịnh vẫn coi Hàn Tiến là tướng mạnh, trông cậy để giữ biên thùy. Bọn thần nhờ hồng phúc của Chúa thượng cho nên ra quân được tiếng. Một lần cất binh đánh tan hung đồ, đánh lần thứ hai đuổi dài ngụy đảng. Bọn thần nghĩ rằng Hàn Tiến như cá đã lọt vào nơm, sớm muộn tất cũng bị bắt. Kính cẩn tâu trình cúi mong Thánh thượng lãm xét. Các tướng bọn thần trăm lạy dâng khải".

Chúa Hiền xem xong cả mừng, vuốt râu bảo các tướng rằng:

– Ta có Thuận Nghĩa, Chiêu Vũ, phá được quân Trịnh là việc tất nhiên. Đúng là tài hổ tướng.

Các tướng đều lạy mừng, hết lời ca tụng chiến công.

Chúa Hiền sai chức sự là Văn Nghiêm ra địa giới phía Bắc đem đồ thưởng ban cho các tướng và khao lạo ba quân, trao mật lệnh cho Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ. Mật lệnh nói: "Lệnh cho các tướng: mới đây các khanh đã vâng mệnh đem quân ra đánh Hàn Tiến. Ấy là các khanh đã có lòng hết sức cần vương, cho nên mới có thể một lần ra quân đã đạt được thành công như thế, ta hết sức vui lòng. Nay ta trên nhờ hoàng thiên che chở, tổ tông phù trì, dưới cậy ba quân anh hùng dũng nhuệ, quân thần hiệp sức, trên dưới đồng lòng, ta muốn cuốn chiếu ra đánh Trung Đô đuổi dài ngụy đảng, diệt họ Trịnh tiếm quyền, phù nhà Lê khỏi đổ. Xét ra thì Hàn Tiến không đáng kể là hạng tướng nam nhi, nhưng hắn ta vốn là kẻ tâm phúc của họ Trịnh, quyết không thể dung tha cho hắn. Binh pháp nói: "Trước chặt cành lá, sau trừ gốc rễ", làm cho quân Trịnh không dám nhìn thẳng vào nhuệ khí của quân ta. Trước là khiến Trung Đô lạnh tim, sau cho bốn trấn đứt mật, biết tay Nam Việt anh hùng, các

khanh nên kính cẩn tuân theo lệnh chỉ, hiệp sức mà thi hành cho xứng với lòng mong mỏi của ta".

Nghe truyền lệnh chỉ xong, các tướng vái vọng lĩnh mệnh. Ai nấy đều tự gắng chí, muốn thu phục Trung Đô, dẹp yên bờ cõi, lập công danh muôn đời.

Lại có mệnh lệnh của Chúa truyền riêng cho Đốc chiến Chiêu Vũ, nói rằng: "Việc giao chiến đánh dẹp, ta ủy cho khanh. Riêng việc khanh vạch ra mưu kế bắt Mậu Long, đánh Hàn Tiến, đuổi quận Đông, chiếm Dinh Cầu quả đúng là diệu kế. Ta rất vui lòng. Nhưng Hàn Tiến thua trận, thất thế phải lẩn trốn ở nhà dân. Nếu để cho dân chúng nơi ấy thấy Hàn Tiến vẫn còn đó thì bên ta khó thu phục nhân tâm. Cho nên khanh phải mau nghĩ mưu kế lùng bắt cho được, quét sạch dấu vết bọn hung đồ, chiêu dụ quân dân bên Trịnh quy hàng. Đó là thượng sách. Còn như việc bàn mưu định kế thì phải cùng với Tiết chế Thuận Nghĩa đồng lòng, không được sơ suất, nhất thiết phải cẩn thận giữ gìn. Phủ dụ tướng sĩ binh dân Nghệ An được bao nhiêu người phải biên vào sổ, sai người đem về nộp, thảy đều nên an ủi nhân tâm để vui lòng quy thuận. Khanh nên nghĩ kỹ để xứng với sự ủy thác của ta"[1].

Đốc chiến Chiêu Vũ xem xong, vái vọng lĩnh mệnh thụ ơn. Rồi đó, Chiêu Vũ làm ngay sổ sách ghi tên tướng sĩ binh dân Nghệ An mới về hàng, lại viết tờ khải giao cho chức sự Văn Nghiêm đem về triều.

*

* *

---

1. ĐNTLTB cũng có chép việc chúa Hiền mật dụ cho Hữu Dật "đóng binh mà vỗ về quân dân để chờ cơ hội, chớ nên khinh tiến, phàm việc quân nên cùng Hữu Tiến thương nghị, không nên tự chuyên".

HỒI THỨ MƯỜI BA

Hàn Tiến trúng kế nâng ly chịu chết
Văn Phương xong việc về báo tin mừng

Lại nói chức sự Văn Nghiêm nhận sổ sách và thư xong liền lên đường ngày đêm ruổi ngựa đi gấp về triều dâng lên chúa. Hiền vương mở xem, tờ khải của Chiêu Vũ viết:

"Thần là Chiêu Vũ rập đầu trăm lạy kính trình Chúa thượng minh xét:

Nay thần được ban lời vàng ngọc, ủy nhiệm việc lớn. Thần lấy làm hổ thẹn vì tài hèn học cạn, ít trí nghèo mưu, làm lỡ sự tin dùng của Chúa thượng [1]. May cho thần, trên được đội ơn tri ngộ của Chúa thượng, dưới nhờ có các tướng đồng lòng hợp sức, khiến cho Hàn Tiến gặp phải đối thủ lợi hại, quân thua thân tàn, hoảng loạn chạy trốn, che giấu tung tích. Nay Chúa thượng muốn quét diệt nó, thì Hàn Tiến tuy chỉ là kẻ hoạn quan nhưng đáng kể là viên tướng trí năng, họ Trịnh coi là trụ cột. Nay Chúa thượng muốn khôi phục Trung Đô, dẹp yên bốn trấn, tất phải thu nạp anh hùng, chiêu dụ hào kiệt không thể trì hoãn được. Thần xin viết thư chiêu dụ Hàn Tiến ra hàng để làm một cánh tay đắc lực của quân Nam, có thể gọi là cọp beo được chắp thêm cánh vậy. Nếu y kiên lòng không chịu theo ta thì sau đó sẽ dùng kế phản gián, khiến cho chúa tôi bọn chúng giết hại lẫn nhau, ta khỏi phải mệt tay giương cung vung kiếm.

Còn như các tướng sĩ và dân chúng châu Bắc Bố Chính và các huyện Kỳ Hoa, Thạch Hà ở Nghệ An mới về hàng, thì xin Chúa thượng chuẩn cho những người đã làm quan được giữ quan chức cũ, binh lính cấp cho tiền và lương ăn, dân chúng thì cho miễn thuế khóa phu dịch. Làm như thế tướng sĩ Đàng Ngoài sẽ theo nhau về hàng, trăm họ tuân phục. Thần xin tuyển binh chia thành đội ngũ đặt tướng hiệu cai quản để phòng khi dùng đến. Ấy là phép lấy Tần đánh Tần vậy. Kính mong Chúa thượng tường xét. Nay bẩm".

---

1. Chỉ vào việc các tướng đi đánh Nghệ An bấy giờ chưa bắt được Hàn Tiến.

Hiền vương xem xong thư cả mừng, sai chức sự Văn Cảnh truyền lệnh cho Thuận Nghĩa và Chiêu Vũ cứ theo đúng như thế mà làm, sớm cho người về bẩm báo.

Hai tướng vâng mệnh, liền viết thư dụ hàng, sai Lộc Tiên giấu trong mình đem ra chợ Cát [1] tìm em ruột là Triều Lãng để nhờ Triều Lãng chuyển cho Hàn Tiến. Triều Lãng là bộ tướng của Hàn Tiến, sau khi nhận được thư liền đem vào trình với Hàn Tiến rằng:

– Chúa Nam nghe tên của tả Đô đốc lấy làm yêu quý như châu ngọc, sai các tướng chuyển bức mật thư này đến tay tả phủ muốn gọi tả phủ về hàng để làm đại tướng của Nam triều, ủy thác làm rường cột. Đó là lòng thành thật. Các tướng Nam triều sai Lộc Tiên kính chuyển thư này đến đây, hiện đang chờ ở ngoài cửa trại. Xin tả phủ lựa chọn việc đi ở thế nào, bảo cho Lộc Tiên biết, trở về báo tin để các tướng Nam triều đến tiếp đón.

Hàn Tiến tiếp nhận thư, mở ra đọc. Thư viết:

"Nam triều Nguyên súy Thuận quận công, Đốc chiến Chiêu Vũ hầu cùng các tướng kính gửi bức thức đến dưới cờ của tả Đô đốc phó tướng tôn công:

Từng nghe trời đất có âm có dương, có âm dương tất có tiêu (hao mòn), có trưởng (lớn mạnh). Mặt trời, mặt trăng có thăng có giáng, có thăng giáng tất có đầy, có vơi. Thiết nghĩ: quan tả Đô đốc chí nén kinh luân, lòng tàng thao lược, trên dốc lòng khuông phò đế thất để rạng đặc tài, dưới lo nghĩ cứu giúp sinh dân để tỏ ơn huệ. Nhưng họ Trịnh đè lấn vua Lê, khoét nước hại dân, ngoài mang danh là bề tôi nhà Lê mà trong thật là kẻ giặc của nhà Lê. Trên hiếp thiên tử, dưới ép công khanh, ghen ghét kẻ hào kiệt anh hùng, phế truất các bậc danh thần văn võ. Người ta đều tai nghe mắt thấy cả, há phải là lời nói không đâu. Huống chi quan tả Đô đốc là người thông đạt thức thời, vẫn được người đời khen ngợi là bậc anh tài tuấn kiệt thì việc bỏ bóng tối theo ánh sáng quả thật chẳng phải khó tính liệu.

Vả lại bọn chúng tôi từng nghe nói "chim khôn chọn cây mà đậu, tôi hiền chọn chúa mà thờ". Nhưng kẻ anh hùng hào kiệt thời xưa đều như thế cả. Há phải bọn chúng tôi dám lấy sự trái lẽ mà thúc bức đâu!

---

1. *Chợ Cát:* "Cát thị". Bản sao chép nhầm chữ "thị" là họ, đúng phải là chữ "thị" là chợ.

Nay chúa xứ Nam là bậc minh công, đức phô xa gần, ơn khắp mọi chốn, đã nhiều lần tỏ ý cầu hiền, nghiêng mình tiếp đãi kẻ sĩ, chí nguyện khuông phò đế thất, tấm lòng thương xót dân đen. Minh công chúng tôi nghe tiếng tài năng của quan tả Đô đốc, hâm mộ đức vọng của quý phủ. Nếu ngày nay quan tả Đô đốc chịu dốc lòng hướng phục thì chẳng những hết hẳn hiềm nghi, mà về công danh phú quý tất cũng sẽ chung hưởng cùng quý phủ. Còn nếu tả Đô đốc vẫn giữ mê chẳng tỉnh, thì tấm thân tuy tạm thời được hưởng quyền quý, nhưng không tránh khỏi người đời chê cười, sẽ biên chép quý phủ vào sử xanh như kẻ làm tôi cho Vương Mãng, nhuốc danh ngàn thu. Lại sợ một ngày kia ngọc đá đều cháy tan, cỏ thơm và cây mục đều không phân biệt, phượng lành gà mái cùng chung khốn quẫn. Mong Đô đốc xét kỹ, ấy là may mắn lắm. Nay thư".

Hàn Tiến lật thư xem đi xem lại mấy lần, bỗng quắc mắt cả giận nói:

– Ta thờ chúa Trịnh được ưu ái rất trọng, phú quý cũng đã tột mức, hưởng ơn chẳng phải là cạn. Lẽ nào ngày nay ta lại mưu toan ăn ở hai lòng để mưu cầu phú quý mà quên khuấy đại nghĩa? Vả lại ta thường nghe nói "trung thần chẳng thờ hai vua, liệt nữ không lấy hai chồng". Nay người miền Nam dám đem cho ta bức thư phản loạn này để khiến cho ta trở thành kẻ bất trung chăng?.

Nói đoạn Hàn Tiến quát gọi tiểu tốt ra bắt ngay Lộc Tiên áp giải về kinh chém đầu cho hả giận. Phó tướng Triều Tô can rằng:

– Từ thời xưa hai nước giao tranh với nhau không ai giết sứ giả. Huống hồ Lộc Tiên là kẻ đầu sai, bất quá chỉ là một tên tiểu tốt, giết hắn có ích gì đâu. Chi bằng đuổi hắn về để tỏ uy đức.

Hàn Tiến nghe lời Triều Tô, cơn giận có phần nguôi bớt, bèn bảo Triều Lãng rằng:

– Ngươi mau đưa Lộc Tiên về để nói với người bên Nam rằng: ta thà sống làm bề tôi họ Trịnh, chết làm ma họ Trịnh, phải đâu bắt chước bọn tiểu nhân sớm tối ăn ở hai lòng để mưu cầu tước lộc? Ta thà chết chứ không đầu hàng!

Người đương thời biết chuyện có làm bài thơ luật như sau:

Ngoài cõi cầm quân chốn chiến trường,
Cửu trùng ơn nặng há xem thường.
Trung thần quyết chẳng thờ hai chúa,

Liệt nữ ai người chịu đổi chồng.
Chớ bảo Từ công[1] *không chịu khát*
Hãy rằng Ngu thị[2] *sử nêu gương.*
Quan nhân tự thuở Hán Đường ấy
Yêm hoạn[3] *như ông thật ít dường.*

Rồi đó Triều Lãng trở ra nói với Lộc Tiên:

– Quận Tiến kiên lòng như thế, ông phải về mau kẻo nguy to.

Lộc Tiên nghe xong liền trốn về ngay. Về tới nơi, Lộc Tiên đem lời Hàn Tiến thuật lại một lượt cho các tướng nghe.

Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ nghe xong cả giận. Chiêu Vũ nói với Thuận Nghĩa:

– Tên hoạn quan thô bỉ điên rồ dám thốt ra lời kiêu ngạo! Cứ găm câu nói ấy cho hắn phải hối về sau. Ta phải dùng kế phản gián mới nguôi được cơn giận này.

Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

– Đúng thế! Quan Đốc chiến hãy làm ngay đi.

Hai tướng tuy căm giận Hàn Tiến nhưng cũng phải khen rằng: "Hắn ta quả là kẻ trung nghĩa, người đời không sánh kịp".

Qua ngày hai mươi bốn, Chiêu Vũ bèn sai lệnh sử tên là Văn Phương lĩnh vàng bạc cùng với mật thư đến nhà thượng thư bộ Hộ là tả Đô đốc Sùng quận công kể tội Hàn Tiến, tương kế tựu kế mượn tay họ Trịnh giết Hàn Tiến để trừ hậu họa. Bọn Đô đốc quận Lễ, quận Sùng đều là hạng tham lam xu nịnh, vốn có hiềm khích với Hàn Tiến sẽ nhận vàng hối lộ để mưu tính công việc.

Văn Phương lĩnh kế, theo đường tắt mà đi, chẳng mấy ngày ra đến Trung Đô, tìm hỏi được nhà Văn Tường. Anh em cùng nhau chuyện trò, ôn lại tình cảm bấy lâu xa cách. Sau đó Văn Phương đem công việc được sai đi thật tình kể lại một lượt cho Văn Tường nghe. Rồi Văn Tường và Văn Phương đến phủ đệ của cha là Đô đốc quận Lễ. Văn Phương vái khóc chào cha, kể nguyên do sự tình cha con cách biệt, nhận lời thất lễ sớm tối hầu thăm. Rồi đó Văn Phương

1. Nhắc việc Từ Thứ vì mẹ bị bắt phải về với Tào Tháo nhưng vẫn giữ lòng trung với Lưu Bị.

2. Chỉ Ngu Cơ, người thiếp yêu của Hạng Vũ, tự sát theo chồng.

3. *Yêm hoạn:* tức hoạn quan.

đem trình các thứ lễ vật kính biếu của các tướng Nam triều, nói thật công việc cho cha biết. Đô đốc Lễ quận công nghe xong cả mừng, bèn cùng với Văn Phương, Văn Tường đến tư dinh trình với thượng thư bộ Hộ là tả Đô đốc Sùng quận công. Văn Phương vái chào xong, bày tỏ thiện ý của các tướng Nam triều quý mến uy đức của tôn phủ Đô đốc, thường ngày vẫn đề cao khen ngợi, đặc cách sai mang lễ vật kim ngân ra kính biếu để tỏ lòng thành. Rồi đó Văn Phương đem trình bức mật thư. Quận Sùng cả mừng thu nhận lễ vật, tiếp nhận mật thư, dời chỗ vào ngồi trong phòng riêng, mở thư ra xem. Thư viết:

"Tiết chế của Nam triều là hổ uy Đại tướng Thuận quận công, Tham mưu Đốc chiến Chiêu Vũ hầu cùng các tướng vái chào gửi bức thư đến dưới cờ của quý quan tả Đô đốc thượng thư bộ Hộ của Bắc triều:

Từng nghe: Có trời đất thì có dân sinh, muôn vật. Dân sinh muôn vật được yên chỗ sống của mình thì thiên hạ hòa bình, gọi là có triều đình, có công khanh. Công khanh mà chọn được đúng người thì triều đình được trung chính, xưa nay đều chẳng khác, trong kinh điển vẫn còn ghi.

Thiết nghĩ rằng: quý quan là bậc đại thần được trọng dụng ở triều đình, là bậc hoành tài rường cột, sâu hiểu lẽ yêu nước lo vua điều cốt yếu là trừ gian dẹp phản. Huống chi ngày nay Hàn Tiến là một kẻ hoạn quan thô bỉ được dùng làm đại tướng trấn giữ đất phên giậu, đáng lẽ phải tận trung báo quốc, cớ sao lại có thói đàn bà điên gieo rắc tai vạ. Lại cậy tài kiêu căng, coi triều đình chẳng ra gì, ví như ếch ngồi đáy giếng, há chẳng biết trời xanh rộng lớn hay sao? Nay xin đặc cử ra đây ba tội của Hàn Tiến làm bằng chứng để quý quan lượng xét [1]. Trước đây, năm Mậu Tí (1648), Hàn Tiến dùng mưu chuột kế sẻ [2] sai bọn Bộ Gia, Quyến Gia [3] liều mạng vào địa giới xứ Nam xâm lấn lũy Hàn. Chúa Nam sai một viên hùng tướng dương uy tì hổ đánh đòn sấm sét, khiến cho bọn Bộ Gia sợ hãi rụt đầu run tim, không còn mảnh giáp mà về, đến nỗi chết cháy, chết đuối. Hổ thẹn đến như thế là cùng. Đó là một tội. Đến Năm Giáp Ngọ (1654), lại sai bọn Mậu Long lén vào địa giới xứ Nam cướp bắt tăng ni, đàn bà, trẻ con, chặt đầu đem về tâu báo, tự khoe lập công diệt địch. Nếu

1. Câu này trong nguyên bản chép ở cách sau một câu, ngờ chép nhầm vị trí.

2. Chữ Hán: "thử mưu tước kế" ý nói những mưu kế vặt vãnh.

3. *Bộ Gia* (với chữ *Gia* là nhà), *Quyến Gia* (với chữ *Gia* là tốt đẹp) chưa rõ chỉ viên tướng nào bên Trịnh.

quả là có công diệt địch thì giao làm tướng cũng đáng. Nhưng sư sãi, đàn bà, con trẻ không đánh nhau thì có tội gì mà sai quân giết bừa để lập công? Thế là trên lừa dối vua, khinh mạn triều đình. Đó là hai tội. Đến năm nay Hàn Tiến lại gây hấn trước, sai Mậu Long lén đem quân qua địa giới phía Nam bắt cóc lính tuần, tự khoe là dũng mạnh. Xưa nay có kẻ làm tướng nào như thế không? Vậy mà Hàn Tiến dám tự chuyên càn rỡ, bày đặt mưu kế vặt vãnh, không thiết nghĩ gì đến việc quốc gia đại sự, để đến nỗi Nam Bắc giao phong, quân dân trăm họ chết uổng. Đó là ba tội.

Nay chúa miền Nam nhân từ đại lượng, không nỡ để con đỏ vô tội mà phải chịu chết chóc, nghĩ phải bắt Hàn Tiến, cứu dân đen khỏi cảnh lầm than. Các tướng Nam triều thấy Hàn Tiến là hạng gà mái gây loạn, muốn bao dung mà theo phép không thể bao dung, muốn tha thứ mà theo luật không thể tha thứ. Vì thế hai ba lần bẩm xin ra quân xuất tướng. Đánh một trận mà còn chiếu đến tận Dinh Cầu. Đánh hai trận là Hàn Tiến thua chạy, phải lánh trốn ở nơi hẻo lánh. Thế cùng lực kiệt, Hàn Tiến phải cho Mậu Long ra đầu hàng trước để xin mệnh lệnh cho mình về đầu hàng tiếp sau, tự nguyện làm nội ứng để lập công làm lễ tiến kiến. Các tướng Nam triều tức giận đều nói: Trước gây hỏa loạn cũng do kẻ này, sau xin quy hàng cũng lại con người ấy. Đó là kẻ sất phu vong ơn phản chúa, dùng hắn thì có được ích gì? Vì vậy các tướng Nam triều bọn tôi chưa chịu thu nạp. Hắn đã mưu phản Trung Đô, bọn chúng tôi vẫn muốn thừa cơ ngồi giữa mà thu lợi. Nhưng làm như thế không xứng đáng là kẻ trượng phu. Vì thế chúng tôi đặc sai Văn Phương mật báo tin tức để quý quan biết. Văn Phương là tộc thuộc của quý quan, bản tính cẩn thận, tất không để tiết lộ ra ngoài.

Nay Hàn Tiến đã ngạo mạn như thế, xướng loạn phản trắc như thế, tội của hắn có thể nói là ngút trời. Huống hồ quý quan lại là bậc tể phụ của triều đình, rường cột của xã tắc, lẽ nên lo xa để tránh phiền gần. Mong quý quan xét kỹ thì nước nhà được may mắn lắm. Nay thư".

Tả Đô đốc Sùng quận công xem xong thư căm giận hỏi Văn Phương sự việc quả có thể như thế không. Văn Phương đáp:

– Những sự việc nói trong thư, thần đều chính mắt trông thấy cả, không có điều gì dối trá.

Quận Sùng nghe nói thế tức giận mắng chửi Hàn Tiến:

– Tên tướng nhép điên rồ dấy loạn phản vua, tội hắn to như núi biển. Thế mà trước đây hắn làm nhục ta quá lắm. Bây giờ không báo nhục thì còn đợi đến bao giờ? Ta quyết trình lên vương thượng biết để bắt hắn đem về hỏi tội, không thể dung thứ được.

Sáng hôm sau, tả Đô đốc quận Sùng, cùng các Đô đốc quận Lễ vào triều lạy tâu hoàng đế rồi lạy trình với Thanh vương Trịnh Tráng rành rẽ trước sau về tội Hàn Tiến bỏ chạy để mất Dinh Cầu cùng các nơi ở Hoàng Sơn, Bố Chính, y lại muốn đầu hàng Nam chúa và manh tâm phản loạn. Thanh vương Trịnh Tráng bừng bừng tức giận, cho gọi các quan văn võ triều đình vào hội họp để bàn xét. Binh Bộ Thiếu úy Hào quận công Lê Thì Hiến nói:

– Quân Nam xâm phạm địa giới, nhuệ khí đang hăng, nên cấp tốc sai binh hùng tướng mạnh vào giữ Nghệ An để ngăn chặn quân giặc, thăm hỏi phủ dụ dân chúng khỏi sợ hãi. Sau đó sai một viên tướng đem quân vào bắt Hàn Tiến áp điệu về triều đình luận tội. Để chậm thì hắn sẽ chạy thoát, lại mọc thêm ra một kẻ địch nữa. Ấy là kế vẹn toàn cả đôi việc.

Thượng thư bộ Lại là Vân Đài bước ra tâu rằng:

– Việc sai quân đi chặn địch thì nên bàn định ngay. Còn việc bắt Hàn Tiến thì không nên vội vã. Huống chi Hàn Tiến tuy chỉ là một viên quan nhỏ, nhưng cũng có chí trung thành cần vương, thông thạo thao lược, tài trí anh hùng, đáng kể là tướng có tài. Có thể là do quân Nam sợ hãi tung kế phản gián khiến cho chúng ta vua tôi giết hại lẫn nhau, bọn họ ở giữa ngồi thu lợi. Xin Chúa thượng xét kỹ cho kẻo mắc phải mưu kế của người khác.

Thanh vương Trịnh Tráng không chịu nghe vẫn nghiến răng tức giận.

Tháng năm, sai Thái bảo Khê quận công [1], Đô đốc Lũng quận công [2] đem ba vạn quân thủy bộ vào giữ Nghệ An để ngăn chặn quân Nam. Lại sai Thự vệ Lễ Tường đem quân đi bắt Hàn Tiến giải về kinh hỏi tội.

Hàn Tiến nghe truyền lệnh của chúa, cả kinh, hốt hoảng xuống ngựa chịu trói. Nghĩ ngợi hồi lâu Hàn Tiến mới nhận ra rằng mình làm trấn thủ Nghệ An mà vừa đây không ngăn chặn được quân Nam, để mất đất tan quân, đến nỗi bị bắt về kinh trị tội. Lúc đầu Hàn Tiến

1. *Khê quận công:* Tên tước của Trịnh Trượng, con thứ ba của Thanh vương Trịnh Tráng.

2. *Lũng quận công:* Tên tước của Vũ Văn Thiêm.

không biết chuyện các tướng bên Nam dùng mưu phản gián, đến khi hỏi những người tùy hành ra đi từ kinh đô mới biết rõ đầu đuôi sự việc. Bấy giờ Hàn Tiến mới hối rằng: "Nếu ta nghe lời Lộc Tiên thì khỏi mắc tai họa ngày hôm nay. Bây giờ việc đã như thế, đảo ngược lại làm sao được! Vả lại vết thương sưng tấy khó mà đi được nữa".

Chập tối đến dịch trạm, Hàn Tiến nói với Thự vệ Lễ Tường rằng:

– Tôi bị vết thương nặng ở chân, đau không thể đi được, xin cho tạm nghỉ ở đây một đêm, sáng ngày sẽ đi tiếp cũng không muộn.

Thự vệ Lễ Tường bằng lòng, bèn truyền cho quân sĩ tạm vào nhà trạm nghỉ ngơi. Đêm hôn ấy Hàn Tiến một mình ngồi trên chiếc chõng tre, nghĩ ngợi càng thêm tức giận, ngửa mặt lên trời mà than rằng: "Hàn Tiến thân từng làm quan to ở triều đình, giữ trách nhiệm nặng. Nay làm trấn thủ ở Dinh Cầu trót để mất thành, thoát thân trở về như thế không phải anh hùng. Nếu nhẫn nhục về kinh thì còn mặt mũi nào trông thấy người trong thiên hạ? Âu cũng là do vận mệnh cả!"

Nói đoạn bèn uống thuốc độc mà chết [1]. Năm ấy Hàn Tiến năm mươi tư tuổi. Người đương thời có thơ rằng:

Trung nghĩa lòng son chí chẳng dời,
Nào hay tâm sự chẳng theo thời.
Núi vôi trúng đạn người khôn đoái,
Nhà trạm canh khuya luống ngậm cười.
Năm trước xót ông buồn chưa dứt,
Ngày rầy tơ tưởng lệ tuôn rơi.
Mới hay phú quý là giấc mộng,
Chẳng quản nên chăng chuyện ở đời.

Sáng hôm sau, Thự vệ Lễ Tường biết tin bèn sai lính đem thi thể

1. Về việc Tiến quận công Lê Văn Hiểu để thất thủ Dinh Cầu, *Toàn thư* chỉ chép: "Tháng 5 (6 – 1655) cho gọi Lê Văn Hiểu, Lê Hữu Đức và các thuộc tướng về kinh, đi đến nửa đường, Văn Hiểu bị đau vì vết thương mà chết"

Cương mục chép: "Vì việc bị thua ở Hà Trung (tức Dinh Cầu), Trịnh Tráng cho triệu Lê Văn Hiểu, Lê Hữu Đức về triều. Văn Hiểu bị đạn lạc trúng vào chân nên chết ở dọc đường". Nhưng ĐNLTTB ở truyện Nguyễn Hữu Tiến có tham khảo CNDC chép vắn tắt các việc như Chiêu Vũ Nguyễn Hữu Dật biên thư dụ hàng, không có kết quả, lại tung tin phản gián cho Trịnh Tráng biết. Trịnh Tráng nghi ngờ sai bắt về kinh hỏi tội, chết dọc đường – Nhưng như đã chú ở trên, thay vì Tiến quận công Lê Văn Hiểu (Hàn Tiến), ĐNLTTB lại chép là Trịnh Đào.

Hàn Tiến chôn tạm, rồi sai người hỏa tốc về triều tâu báo. Thanh vương Trịnh Tráng nghe xong liền lấy làm hối, nói rằng:

– Ta mắc phải gian kế rồi! Không hối kịp nữa.

Trịnh Tráng than tiếc hồi lâu rồi cho đem di hài Hàn Tiến về mai táng ở quê nhà để biểu dương hồn trung nghĩa.

Gián điệp [1] Văn Phương nghe tin cả mừng, liền từ biệt cha để vào Nam, rủ luôn cả em là Văn Tường về hàng.

Anh em Văn Phương, Văn Tường ngày đêm ruổi ngựa đi gấp vào Nghệ An báo cho Đốc chiến Chiêu Vũ biết đầu đuôi sự việc. Chiêu Vũ nghe xong vui mừng không xiết, đập tay cười vang mà nói:

– Thế là ta đã lập mưu trừ khử được Hàn Tiến, đánh bại ngàn vạn quân Trịnh, đất Trung Đô có thể hẹn ngày mà lấy được.

Nói đoạn bèn sai người đến báo cho Tiết chế Thuận Nghĩa biết. Tiết chế Thuận Nghĩa Nguyễn Hữu Tiến, được tin mừng gia bội phần, phất tay áo nói:

– Số phận nhà Trịnh sắp hết đến nơi rồi! Cánh đã bị chặt thì thân mình khác nào chim cụt cánh.

Rồi đó Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ sai chức sự là Quảng Trung đem Văn Phương và Văn Tường về triều tâu báo. Bọn Quảng Trung vâng lệnh ngày đêm ruổi gấp về Cựu Dinh, vào yết kiến chúa Hiền. Lạy chào xong, Quảng Trung đem việc Hàn Tiến trước sau tâu lên, Hiền vương nghe tâu cả mừng cười nói:

– Hai tướng Thuận, Chiêu đã ra tay thì không mưu kế nào không ứng nghiệm. Đúng là Ngọa Long, Phượng Sồ [2] ở triều ta. Thanh Đô đã hết hơi đến nơi rồi.

Nói đoạn Hiền vương sai nội hầu [3] là Tài Điện và Đô Lễ đem lễ vật ra Nghệ An ban thưởng cho các tướng sĩ, truyền lệnh cấm biển chiêu an, cấm quân sĩ cướp bóc để yên lòng dân chúng. Trọng thưởng cho Tiết chế Thuận Nghĩa vàng ba mươi lạng, bạc một trăm nén, lụa hai mươi tấm. Đốc Chiến Chiêu Vũ vàng ba mươi lạng, bạc tám mươi nén, lụa hai mươi tấm. Lại thưởng riêng cho mỗi người một thanh bảo kiếm và một chiếc áo gấm. Các tướng văn võ đều được trọng

---

1. Chữ Hán: "Tế tác".
2. *Ngọa Long:* biệt danh của Khổng Minh; *Phượng Sồ:* biệt danh của Bàng Thống.
3. Nguyên văn: nội sai, viên quan hầu cận chúa ở nội điện.

thưởng có phân biệt thứ bậc khác nhau. Lại sai viên quan giữ việc vận chuyển [1] chở gạo và tiền ra ban phát để khao thưởng ba quân. Thưởng cho Văn Phương, Văn Tường mỗi người hai mươi lạng bạc để biểu dương công trạng. Tài Điện và Đô Lễ vâng lệnh đi gấp ra Nghệ An ban phát đồ thưởng cho tướng sĩ. Quân tướng các đạo đều vái vọng lĩnh thưởng.

Tài Điện lại truyền lệnh cho Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ rằng:

– Chúa thượng truyền cho hai ông cho cắm biển chiêu an để kêu gọi tướng sĩ quân dân trăm họ ở Nghệ An về hàng, cấm quân lính đinh phu đi cướp bóc để dân chúng được yên cư lạc nghiệp. Chúa cũng truyền cho hai ông bàn định mưu kế, sớm đem quân đánh lấy Trung Đô, Chúa thượng sẽ phát binh đi sau tiếp ứng, không được chậm trễ lỡ thời cơ. Phàm mọi việc quốc gia đại sự đều ủy thác cho hai ông cùng nhau bàn định.

Hai tướng Thuận Nghĩa, Chiêu Vũ vâng mệnh, ngay ngày hôm ấy truyền lệnh yết thị chiêu an tướng sĩ quân dân Nghệ An.

Cáo thị viết:

"Tướng vâng mệnh Nam chúa là Tiết chế các doanh hổ uy đại tướng Thuận quận công, Tham mưu Đốc chiến Chiêu Vũ hầu dựng biển chiêu an này để báo cho tướng sĩ binh dân Bố Chính và các huyện Kỳ Hoa, Thạch Hà xứ Nghệ An được biết:

Để nhổ bật kẻ cận thần họ Trịnh manh tâm chiếm đoạt ngôi vua, nhiều phen sai cường binh vào xâm phạm quấy nhiễu bờ cõi, giết hại lương dân, đã có thư từ can gián mà thói cũ không chừa, các đại thần văn võ ở Nam triều xin đem quân đánh dẹp tiễu trừ đảng giặc. Giáo trời thẳng chỉ, gió lửa bùng lên, oai lừng sấm sét, khắp nơi kinh sợ, chẳng ai không rụt đầu lạnh tim, bôn đông chạy bắc, hoặc lánh trốn ở nơi lùm hoang bãi vắng, nương náu trong chốn núi thẳm hang cùng, ngày qua tháng lại chưa biết dừng đỗ nơi đâu.

Nay vâng lệnh dụ bảo cho tướng sĩ binh dân ai nấy đều hay: Bọn các ngươi nên báo tín cho ai nấy đều biết, cùng nhau về hàng, dân chúng thì được yên nghiệp làm ăn, người đã làm quan cho giữ chức cũ để thể đức hiếu sinh, tỏ lòng rộng nạp. Từ nay về sau lệnh cho các đội binh thuyền không được quấy nhiễu cướp bóc tài sản, bức hiếp

1. Nguyên văn: "vận ban quan".

gian dâm đàn bà con gái nhà dân, đốt phá nhà cửa vườn tược, cướp đoạt gia súc, hái bẻ hoa màu các vật. Kẻ nào làm trái thì cho phép người trông thấy trói bắt can phạm cùng với tang vật dẫn đến nộp trước cửa quân để xử trị theo quân luật.

Lệnh cho ai nấy đều phải đến chỗ cắm biển chiêu an để đọc bản cáo thị này".

Từ khi cắm biển chiêu an, quan lại, dân chúng Nghệ An ai nấy đều oán giận Trịnh Tráng, muốn về hàng chúa Nam.

Bấy giờ bên quân Trịnh có Tham đốc Minh Lãng sai người bí mật mời Thự vệ Triều Tô đến bàn rằng:

– Ta nghe nói chúa Nam là bậc anh minh uy vũ, rộng ban ơn đức, các tướng hiệp sức, trăm họ đồng lòng, đúng là bậc chân chúa ở đời nay. Còn chúa Trịnh, trên khinh nhờn Thiên tử, dưới lăng loàn giết hại công khanh, họa trời hại người chẳng phải một ngày. Thế chẳng phải số trời của họ Trịnh sắp hết rồi hay sao? Nay bọn ta nếu cứ bám theo họ Trịnh mãi không khỏi bị hậu thế chê cười. Người xưa có câu: "Không biết xét lẽ ở đi, chẳng phải là người quân tử".

Triều Tô nói:

– Lời Tham đốc nói rất phải.

Bấy giờ Triều Tô cùng Tham đốc Minh Lãng quyết chí theo hàng quân Nam. Rồi đó cùng gọi các tướng hiệu người Nghệ An là bọn Thự vệ Tú Long, Uy Bố, Nghiêm Tuấn, Đô Kiều, Thiêm Vinh; Cai đội Toản Võ, Tiềm Vân, Hoành Vân, Lễ Toàn, Hiển Trung; Thư ký Hồng Lĩnh, Thiếu Hải, Đội Thứ, Ninh Lộc, Triều Hoa, Triều Hùng, Đô Lễ đem vợ con gia quyến cùng quân lính voi ngựa khí giới tìm đến trại quân của Tiết chế Thuận Nghĩa dâng thư xin hàng [1]. Tiết chế Thuận Nghĩa ra ngoài trướng đón tiếp sai mở tiệc khoản đãi trọng hậu.

Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

– Các ông là người thức thời thấu lẽ, biết bỏ chỗ tối, hướng chỗ sáng, là những kẻ anh hùng hào kiệt đời này.

Tham đốc Minh Lãng đứng dậy nói:

– Bọn tiểu tướng chúng tôi từ lâu nghe tin chúa Nam là người khoan nhân hậu đức, thương yêu dân chúng, chính là bậc chân chúa ở

1. Việc này, ĐNTLTB chép "Tham đốc của Trịnh là Đặng Minh Tắc cùng với Triều Tô, Tú Long, Toản Võ, Ninh Lộc (bốn người đều không rõ họ) đều đến cửa quân đầu hàng".

đời nay. Chúng tôi lâu nay đã có ý muốn hàng phục nhưng chưa biết nơi chốn mà đi. Lại nghe tôn danh của Tiết chế lừng lẫy như sấm vang. Hôm nay được dịp bái yết tôn nhan thật là may mắn lớn trong đời.

Đêm ấy, tiệc tan, mọi người nghỉ lại trong trướng của Tiết chế. Ngày hôm sau, Tiết chế Thuận Nghĩa sai tuyển chọn hàng binh lập thành các cơ đội, các hàng tướng được phân chia phối thuộc vào các doanh đội.

Rồi đó Tiết chế Thuận Nghĩa sai làm quyển sổ ghi tên các tướng bên Trịnh mới về hàng, sai chức sự là Văn Xá đem về vương dinh tiến nộp.

Chúa Hiền xem qua sổ sách vui mừng thấy các hàng tướng, quan lại và dân chúng mới về hàng rất đông, bèn sai Cai Điện mang bạc và lụa ra ban thưởng để an ủi tình cảm của những người mới về hàng. Lại mật truyền cho Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ nghe:

– Mọi việc trong miền do ta xếp đặt nhưng ở ngoài cõi thì ủy cả cho hai ông điều khiển, sớm thu phục Trung Đô để hiển rạng danh tiếng, thỏa ước nguyện của ta.

Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ nghe xong vái vọng vâng lệnh. Rồi đó Tiết chế Thuận Nghĩa vào trong trướng triệu các tướng đến họp bàn.

Bỗng có người dân ở xã ấy tên là Diễm Lộc đến cửa quân xin hàng. Diễm Lộc trình rằng:

– Khi ở kinh đô, tôi có nghe chuyện chúa Thanh Đô biết tin Hàn Tiến để thua quân mất đất bèn sai Thái bảo Khê quận công Trịnh Trượng làm Nguyên súy, Lại bộ tả thị lang Văn Trạc bá [1] làm Tham mưu đem hai vạn quân vào chiếm lại Dinh Cầu. Lại sai nội giám là Đô đốc đồng tri Lũng quận công Vũ Văn Thiêm đem năm mươi chiến thuyền vào đóng giữ ở cửa biển Kỳ La để ngăn chặn quân Nam. Tôi được biết có vậy xin kính trình quý tướng.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe xong bảo các tướng rằng:

– Quân địch như thế, ta phải chia quân dàn trận đợi sẵn để khi bọn chúng kéo tới là tung quân đánh gấp, chỉ một trận có thể bắt sống tướng giặc.

---

1. *Văn Trạc bá:* tên tước của Nguyễn Văn Trạc, trong sách này cũng gọi là quận Trạc.

Đốc chiến Chiêu Vũ nói:

– Đó là phép đoạt chiến của quân giặc. Nhưng nay tình thế quân giặc đã khó tranh thắng với ta. Binh pháp nói: Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng. Phép dùng binh cốt yếu ở việc trù tính nơi màn trướng. Huống hồ nay quân giặc đông gấp bội quân ta. Lấy ít đánh nhiều tất là khó thắng, chẳng bằng lập kế mà đoạt lấy thì sẽ thành công.

Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

– Đốc chiến có kế sách gì hay?

Chiêu Vũ đáp:

– Nay quân ta hãy tạm lui về phía Nam đóng quân ở mạn Thanh Hà, làm ra cách yếu kém. Rồi đó bí mật sai một viên dũng tướng dẫn quân bộ và voi mai phục ở Lũng Bông. Lại sai một tướng dẫn thủy quân đợi sẵn ở Cửa Ròn. Quận Khê nếu đem quân tiến thẳng vào Dinh Cầu sẽ thấy quân ta đã rút về phía Nam, ắt sẽ kiêu căng khoe mẽ, cho là quân ta khiếp sợ. Như thế quân chúng sẽ cậy mình là hùng dũng mà không chú ý đề phòng. Ta sẽ thừa dịp quân Trịnh trễ nải bất ngờ phát binh tiến ra đánh úp bắt sống quận Khê. Ở phía ngoài, quận Lũng đóng quân ở cửa biển Kỳ La, nghe tin quận Khê bại trận ắt phải tháo chạy. Thủy quân của ta thừa thế đuổi theo mà đánh, tất sẽ giành được toàn thắng. Đó là kế một việc lợi cả đôi bề.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe xong rất mừng nói:

– Đó thật là diệu kế! Ta sẽ xuống mật lệnh cho các tướng thi hành.

Nói đoạn Tiết chế Thuận Nghĩa sai Cai cơ Hùng Uy dẫn ba nghìn quân bộ, voi đực ba mươi thớt mai phục ở một nơi sâu trong Lũng Bông để đợi địch. Sai Chưởng cơ Vân Long hầu lĩnh hai mươi chiến thuyền phục sẵn một nơi kín đáo ở Cửa Ròn, hễ nghe hiệu lệnh là đánh gấp, không được để lỡ thời cơ. Đại quân rút về bên bờ sông Gianh, đóng đồn ở xã Thanh Hà sẵn sàng tiến đánh. Lại sai gián điệp là bọn Diễm Lộc, Văn Hiển đi các nơi nghe ngóng tình hình bên phía quân nhà Trịnh hư thực ra sao để về triều tâu trình với Nam chúa, chuyện không có gì đáng nói.

HỒI THỨ MƯỜI BỐN

Mất Lạc Xuyên, Trịnh Trượng tháo chạy về Vinh
Từ Dinh Cầu, Chiêu Vũ tung người ra Bắc

Lại nói chuyện tướng Trịnh là Thái bảo Khê quận công Trịnh Trượng đem quân tiến thẳng đến Dinh Cầu, thấy quân Nguyễn đã rút về địa giới phía Nam. Quận Khê nửa nghi nửa mừng, bèn cho triệu quận Lũng Vũ Văn Thiêm, Tham mưu Văn Trạc cùng các tướng văn võ đến bàn định.

Khê quận công Trịnh Trượng hỏi các tướng:

– Chúa Nam sai các tướng Thuận Nghĩa, Chiêu Vũ đem quân ra đánh tả phủ Hàn Tiến, đã lấy được Dinh Cầu và các nơi khác trong xứ. Không hiểu vì sao bọn họ lại bỏ đất mà trở về địa giới miền Nam, không để quân canh giữ, chưa rõ ý tứ ra sao? Hoặc bọn họ nghe tin ta đem đại quân vào đây đã bí mật đặt sẵn phục binh? Cũng có thể là bọn họ sợ quân ít không địch nổi, nên đã tính kế trốn trước? Binh pháp có các phép thực, hư, cũng khó định liệu. Các ông nên xét kỹ, đem hết tài lược thao, bàn tính xem nên định liệu việc binh như thế nào?

Tham mưu Lại bộ tả thị lang Văn Trạc nói:

– Trước đây tả phủ Hàn Tiến ngồi giữ Dinh Cầu nhiều phen khinh địch nên đã gây mối chiến tranh, trăm họ kinh hoàng, dân chúng sầu khổ, để đến nỗi quân thua, thân chết. Nay Chúa thượng sai Nguyên súy đem quân vào thu phục Dinh Cầu, đại quân chưa đến mà quân Nam đã phải rút trước, chẳng phải bọn họ khiếp nhược đến thế đâu. Hơn nữa quân Nguyễn, về tướng võ có Thuận Nghĩa Nguyễn Hữu Tiến, tướng văn có Chiêu Vũ Nguyễn Hữu Dật, đều là những viên tướng trí dũng. Ba quân của bọn họ thừa thắng, nhuệ khí đang hăng. Nay đột nhiên bỏ Dinh Cầu, tôi e rằng bên trong tất có kế dụ địch. Huống hồ, nếu Nguyên súy đóng giữ ở Dinh Cầu, tôi xét thấy có ba điều bất lợi. Về sau sợ khó tránh khỏi sự không hay như việc của tả phủ Hàn Tiến vừa rồi.

Quận Khê Trịnh Trượng cả kinh hỏi lại rằng:

– Thế nào gọi là ba điều bất lợi? Mong Tham mưu nói rõ cho biết.

Văn Trạc đáp:

– Nay quân dân châu Bố Chính và huyện Kỳ Hoa đã đầu hàng chúa Nam. Nếu quân Nam tiến đánh thì dân Kỳ Hoa tất làm nội ứng. Quân ta trước mặt sau lưng đều gặp địch, Nguyên súy làm sao chống cự được? Đó là một điều bất lợi. Huống chi ở Dinh Cầu hai đường thủy bộ cách xa nhau, không tiện tiếp ứng, khó dựa cậy vào nhau, giao chiến đã khó, tiến lui cũng không dễ. Đó là hai điều bất lợi. Địa thế Dinh Cầu chật hẹp, tiến lui không thuận tiện, nếu quân lính, voi ngựa của bên Nam thừa thế đánh thốc qua Đèo Ngang ruổi dài tiến thẳng đến đây thì quân ta lấy gì mà chế ngự? Đó là ba điều bất lợi vậy. Chi bằng ta nên lui về đóng quân ở xã Lạc Xuyên Hạ để đề phòng bất trắc. Đó là thượng sách. Hơn nữa, nơi đó phía trước có dòng sông rộng lớn, dễ việc chiến đấu, thủy bộ tiếp ứng cho nhau, dễ tùy cơ ứng biến. Đó là phép lớn của binh gia. Lời bàn nông cạn của tôi là thế. Mong Nguyên súy xét định để khỏi trúng kế của quân Nam triều.

Thái bảo Khê quận công nghe Văn Trạc nói xong suy nghĩ gật đầu:

– Tham mưu nói rất có lý.

Nói đoạn bèn hạ lệnh cho các tướng đem quân lui ra đóng trại ở xã Lạc Xuyên. Quận Khê lại cùng các tướng hội họp bàn mưu tính kế chặn giữ quân Nam.

Gián điệp Văn Hiền được tin tức như trên liền trở về báo cho Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ biết. Hai tướng nghe Văn Hiền báo tin, tức giận nói rằng:

– Tên nhãi nhép Văn Trạc làm sao mà biết được mưu kín của ta để khiến cho quận Khê lánh trốn?

Chiêu Vũ trong lòng vẫn còn nửa tin nửa ngờ, lại sai gián điệp đi dò xét lại, qua một tháng chưa thấy có tin tức gì. Đến tháng bảy, bỗng có người dân tên là Hòa Vũ, người ở xã Ủy Lan từ Thăng Long vào hàng kể lại đầu đuôi sự việc, khớp đúng như lời bọn Diễm Lộc, Văn Hiền đã nói. Hòa Vũ lại cho biết thêm rằng quận Khê đóng quân ở xã Lạc Xuyên Hạ hàng ngày sai khoảng năm, sáu trăm quân đi tuần tiễu từ Lạc Xuyên đến Dinh Cầu, sáng đi tối về để gây thanh thế. Bọn chúng đi sâu vào tận xã Sâm Đồn (?), đóng quân ở nhà dân, cướp đoạt thóc lúa hoa màu, trâu bò gà lợn đem về xã Lạc Xuyên Hạ phân phát cho quân sĩ, còn ở Dinh Cầu thì không đóng quân.

Đốc chiến Chiêu Vũ bấy giờ mới tin thực, liền đến doanh của Tiết chế Thuận Nghĩa, vào trong trướng để bàn xét việc ấy. Hai tướng bàn rằng: quận Khê vâng mệnh đóng giữ Dinh Cầu mà lại bỏ Bố Chính, Kỳ Hoa, lui về đóng đồn ở xã Lạc Xuyên Hạ, cướp bóc của cải của dân. Như thế thì một là quân hết lương ăn, hai là quân tướng không có ý chí chiến đấu. Trong khi bàn luận giữa hai ý kiến nên đánh hay giữ, hai tướng mỗi người đều có ý riêng của mình.

Nhưng ở Nam triều chúa Hiền chưa biết nguyên do sự việc. Vì thế hai tướng lại viết chung một tờ khải sai người đem về Nam tâu trình. Người đưa thư chẳng mất bao ngày đã về đến nơi, vào triều tâu việc lên chúa Hiền. Khải văn viết:

"Vâng mệnh cầm quân đi đánh dẹp, bọn thần là Thuận Nghĩa và Chiêu Vũ kính cẩn dâng tờ khải trình lên vương thượng ngự lãm:

Hiện nay quận Khê đem đại quân vào đóng giữa Dinh Cầu, ý muốn diễu võ dương oai, đã hơn một tháng chưa đánh chác được trận nào, chỉ đóng đồn ở xã Lạc Xuyên Hạ, chia quân đi đóng giữ vài nơi, chứ không dám nhìn thẳng vào quân ta. Hàng ngày quân lính của chúng hiếp bóc cướp đoạt tài sản của dân. Như thế thì một là quân Trịnh mỏi mệt đói khát, hai là tướng tá khiếp nhược lạnh lòng. Nay thấy lòng người thì biết ý trời, sớm muộn quân Trịnh cũng phải rút về để giữ kế bảo toàn. Khi quân Trịnh rút về bọn thần sẽ phát binh đuổi theo đánh tập hậu, cuốn chiếu đuổi dài đến tận Trung Đô để bắt họ Trịnh. Xin Chúa thượng gấp sai binh hùng tướng mạnh đem quân đi sau tiếp ứng, sai thủy quân đồn trú ở sông Gianh, thời thường cho bắn súng lớn, một là để tỏ thanh thế của quân ta, hai là để cho binh tướng họ Trịnh khiếp sợ. Hơn nữa bọn thần thấy rằng quân địch tuy đông nhưng không có chí khí chiến đấu, trí địch tuy rộng nhưng ít mưu kế dũng cảm. Ngày xưa Tào Tháo quân đông trăm vạn mà bị quân Đông Ngô đánh thua ở Xích Bích, Hách Chiêu quân chỉ ba nghìn mà chống được với Gia Cát[1]*. Như thế quân nhiều hay ít không có gì đáng kể mà lo về đảng giặc đâu?*

Bọn thần thấp mưu cạn trí, mong Chúa thượng thần minh xét định. Bọn thần cúi đầu trăm lạy kính cẩn dâng tờ khải".

---

1. Nguyên văn viết: "... bại Đông Ngô dữ Xích Bích tam thiên do cự Gia Cát". Chép như vậy là nhầm ở chữ "dữ", đúng phải là chữ "ư" (... đánh bại quân Đông Ngô ở Xích Bích). Trước chữ "tam thiên" còn phải có hai chữ "Hách Chiêu" thì mới rõ nghĩa.

Hiền vương Nguyễn Phúc Tần xem xong khải văn cả mừng, bèn sai chức sự là Kiêm Lược đến xã Thanh Hà truyền mật lệnh cho Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ rằng:

– Mưu kế của các ông rất hay, chính hợp ý ta. Ông Tiết chế nên cùng với các tướng bàn bạc để điều khiển quân số. Hễ quân Trịnh lui thì thừa cơ đánh gấp, không được chậm trễ, thẳng tiến đuổi dài, không cho quân địch kịp ngoái đầu lại. Ta sẽ đích thân đem đại quân đi sau tiếp ứng để thu phục Trung Đô, bắt diệt họ Trịnh. Bọn quận Khê như nhọt mọc dưới mông, chớ để cho chúng ở lâu nơi đó. Phen này bên quân Trịnh tướng sĩ lìa lòng, khó quay lại nữa.

Hai tướng Thuận Nghĩa, Chiêu Vũ vái lạy lĩnh mệnh. Ngay ngày hôm ấy vào trong trướng triệu họp để cắt cử quân tướng: Chính đạo do trấn thủ Phù Dương làm chánh tiên phong, Cai cơ Thuận Đức làm tả tiên phong, Cai cơ Khuê Thắng làm hữu tiên phong, Cai cơ Diên Lộc, Thịnh Hội làm tả hữu vệ trận. Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ chỉ huy quân trung đạo, Chưởng cơ Triều Khang lĩnh ba trăm thớt voi cùng với quân ở chính doanh đi sau tiếp ứng. Quân các đạo hễ nghe hiệu lệnh là xuất phát thẳng tiến đến đánh phá quân Trịnh của Thái bảo Khê quận công Trịnh Trượng ở Lạc Xuyên Hạ. Ở thượng đạo, hàng tướng Mậu Long [1] chỉ huy bốn đội quân của châu Bắc Bố Chính tiến ở cánh bên tả, năm đội quân ở châu Quảng Bình do Chưởng cơ Xuân Sơn, Cai cơ Phù Tài và văn quan Cống Giác [2] chỉ huy tiến ở cánh bên hữu. Trấn thủ Đại Thắng đưa quân đi sau tiếp ứng, nghe lệnh là tiến phát đánh quân Trịnh ở xã Lạc Xuyên Thượng.

Cắt đặt quân tướng đã xong, Tiết chế Thuận Nghĩa bảo các tướng rằng:

– Chúng ta ăn lộc hậu của vua thì phải báo ơn nặng của nước, các ông cần phải tuân theo vị thứ đã cắt đặt mà đánh phá quân địch, việc binh quý ở chỗ thần tốc, đuổi dài quận Khê, quận Địch, cuốn chiếu đánh thẳng đến Trung Đô. Sử sách lưu danh chỉ ở ngày hôm nay, kẻ nào trái lệnh thì quân pháp khó dung tha, người lập được chiến công ắt được trọng thưởng.

---

1. Nguyên văn: "Trung nghĩa tướng": tướng của bên địch sau về hàng đối phương thì được người của phe đối phương đó gọi là "trung nghĩa tướng" (cốt để tránh gọi là "hàng tướng" là từ không hay).

2. Xuân Sơn, Phù Tài và Cống Giác, ĐNTLTB chú là: "Ba người đều không rõ họ".

Các tướng chấp tay vâng theo tướng lệnh của Tiết chế, rồi ai nấy đều trở về bản trại, kiểm điểm khí giới, sẵn sàng nghe hiệu lệnh tiến phát. Tướng sĩ đều vui lòng hả dạ, xoa tay, bóp quyền, nghĩ đến việc đánh lấy Trung Đô, bắt diệt họ Trịnh tựa như việc bắt cá trong chậu, bắt hổ dưới hầm, chẳng có sự gì khó khăn! Chợt có người dân ở xã Vĩnh Hinh đến trước quân doanh khóc lóc kể khổ với Đốc chiến Chiêu Vũ rằng:

– Thái bảo Khê quận công là kẻ bạo ngược hung tàn, thả quân đi giết hại dân chúng, cướp bóc tài sản của lương dân đem về làm của riêng, vì thế dân chúng phải lánh vào rừng núi hoặc trốn tránh ngoài sông biển, cha ở Bắc, con ở Nam, vợ chồng lìa nhau, sầu khổ quá chừng. Hiện nay quân Trịnh vẫn còn đóng trong nhà dân, cúi mong chư vị tôn công sớm phát binh trời cứu vớt tính mệnh cho trăm họ. Được như thế là đức lớn của trời đất vậy.

Đốc chiến Chiêu Vũ nghe xong xúc cảm thương tâm, cấp cho tiền lụa. Rồi đó Chiêu Vũ sai người đến trình để Tiết chế Thuận Nghĩa biết việc người dân xã Vĩnh Hinh đến tố cáo quận Khê tàn bạo hại dân như thế. Đúng hắn là hạng sất phu lỗ mãng, xin Tiết chế ngay ngày hôm nay truyền mật lệnh cho ba quân, người ngậm tăm, ngựa rọ mõm, đúng giờ Dậu thì lên đường, đến tảng sáng tiến thẳng tới Dinh Cầu đánh gấp vào trại giặc để cứu dân chúng khỏi cảnh lầm than, khiến cho quận Khê nghe tin mà bỏ chạy. Tiết chế Thuận Nghĩa nghe xong cả mừng, sai người đến phúc đáp với Đốc chiến Chiêu Vũ, cứ theo đúng mưu kế đã định mà làm!

Rồi đó Tiết chế Thuận Nghĩa truyền mật lệnh cho tướng chỉ huy các đạo biết đúng giờ Dậu ngày hôm ấy theo thứ tự đã sắp xếp cho quân lên đường, thẳng tiến đến đánh trại quân của quận Khê, quận Địch, bắt sống tướng giặc giải nạp trước vương đình.

Các tướng tuân lệnh cho quân tiến phát.

Trước hết nói chuyện tướng tiên phong là bọn Phù Dương, Hùng Uy [1] đến Cửa Ròn thúc quân tiến đánh rất gấp. Quân Trịnh nghe tin hốt hoảng kinh sợ chạy ra xã Lạc Xuyên Hạ kêu cứu với quận Khê.

Khê quận công Trịnh Trượng nghe tin, chưa kịp điểm quân đã thấy quân Nguyễn ập đến bên ngoài doanh Lạc Xuyên. Quận Khê

---

1. *Hùng Uy hầu*: tên tước của Trương Phúc Hùng (con trai của cai cơ Trương Phúc Phấn).

kinh hoàng bạt vía, xua quân tháo chạy không kịp ngoái đầu. Quân lính rối loạn tìm đường trốn tránh. Quân Nam đuổi theo đánh một trận lớn, thây chất ngổn ngang đầy đồng, máu trôi lênh láng ngòi rãnh. Quận Khê cưỡi voi dẫn quân bộ chạy vào núi sâu, tìm đường ra Cầu Hộ để trở về Vĩnh Dinh [1]. Quân Nguyễn phá tan doanh trại của quận Khê ở Lạc Xuyên.

Lại nói quân Nguyễn ở đường thượng do trấn thủ Đại Thắng, Chưởng cơ Xuân Sơn, Cai cơ Phù Tài và hàng tướng Mậu Long nghe tin quân ở hạ đạo đã đánh tan quân quận Khê, liền ruổi quân thẳng tiến đánh phá các trại quân Trịnh của quận Tài, quận Địch, Nghĩa Lâm, Hào Sách. Bấy giờ bọn quận Tài nghe tin quận Khê Trịnh Trượng bỏ trại chạy trốn không dám ngoái đầu nhìn lại. Cùng lúc ấy ở thượng đạo, quân của Mậu Long Phạm Tất Toàn ráng ruổi gấp tiến đến. Bọn quận Tài, quận Địch, Nghĩa Lâm, Hào Sách vội đem quân chạy gấp về Vĩnh Dinh, voi ngựa, đạn dược, khí giới vứt bỏ đầy đường. Quân dân các nơi cả ở thượng đạo và hạ đạo thu nhặt được nhiều không kể xiết.

Quân Nguyễn tiến đến hội binh ở xã Lạc Xuyên Hạ. Đến giờ Thân, Tiết chế Thuận Nghĩa sai Cai cơ Phù Tài, Phù Lâm, Triều Nghĩa cùng với Đốc chiến Chiêu Vũ dẫn quân thẳng đến cửa Kỳ La [2] tiến đánh quân thủy của quận Lũng Vũ Văn Thiêm. Quân hai bên giao chiến, đánh lớn hồi lâu. Quận Lũng cả bại, vội cho chiến thuyền chạy về Vĩnh Dinh.

Tiết chế Thuận Nghĩa sai đánh chiêng thu quân về doanh trại, gọi các tướng đến hội họp để xét định chiến công. Một mặt sai người về triều báo tin thắng trận, một mặt chia quân đóng trại ở xã Lạc Xuyên để đề phòng quân Trịnh đánh trở lại.

Người đương thời có thơ bình tán rằng:

Cờ xí tung bay sát khí lòa
Oai phong gắt gắt bước nhanh qua.
Hùng như sấm sét kinh cáo thỏ,
Dũng tựa cuồng phong khiếp quạ già.
Nức tiếng anh hùng bao tướng giỏi,
Tướng hùm rắp rắp giảng binh gia.

---

1. Tức thị xã Vinh ngày nay.
2. Tức cửa Nhượng Ban ở huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

Càn khôn nắm vững như tay ngửa,
Vần chuyển cơ màu thật khó ra!

Lại nói Khê quận công Trịnh Trượng chạy về Vĩnh Dinh, điểm soát quân số thấy mất đến quá nửa, lòng dạ hết sức buồn rầu. Chợt nghe tin thủy quân của quận Lũng Vũ Văn Thiêm thua to phải chạy về. Hai tướng gặp mặt ôm nhau khóc, nói rằng: "Bọn ta vâng mệnh triều đình đi chặn quân Nam, không ngờ bị quân Nam đánh cho tan tác, tổn tướng hao binh, nhục hết chỗ nói, liệu còn mặt mũi nào trông thấy triều đình?" Nói xong lại khóc. Tham mưu Văn Trạc nói:

– Hai vị tướng quân khóc lóc như thế để đánh thắng quân Nam chăng? Thắng bại là sự thường của binh gia, cớ sao lại dở thói đàn bà như thế? Chi bằng hai ông hãy lo thu tập binh mã để chống cự, sai người về tâu với triều đình xin sai quân vào cứu viện để rửa nhục phục thù. Khóc với nhau nào có ích gì đâu?

Quận Khê nghe đoạn thở dài than vãn, bảo Văn Trạc rằng:

– Bọn ta làm quan to ở triều, nay thống lĩnh hùng binh đi diệt trừ nghịch tặc để cứu sinh dân. Chẳng may bị quân Nam đánh bại, nhục nhã quá lắm, còn mong sống làm chi? Chi bằng chỉ một cái chết là xong!

Văn Trạc nói:

– Nguyên súy nói như thế là phụ tấm lòng ủy nhiệm của triều đình, không phải chí khí bậc anh hùng.

Quận Khê nghe lời Văn Trạc, bèn viết biểu văn đưa về triều xin Thanh vương Trịnh Tráng cho quân vào cứu viện. Trịnh Tráng xem biểu văn mới hay quận Khê thua trận, bèn triệu các quan văn võ vào triều bàn định. Đương quận công[1] nói:

– Quận Khê là hạng vũ dũng vô mưu nên mới bị thất bại. Thần xin được lĩnh quân ruổi dài thẳng tiến, bắt sống bọn Thuận, Chiêu hiến nạp dưới cờ để thỏa khí anh hùng!

Thanh vương Trịnh Tráng cả mừng, bèn sai tả Đô đốc Đương quận công Đào Quang Nhiêu làm Nguyên súy, cùng với Lại quận công và đô Thự vệ Tường Trung lĩnh một vạn năm nghìn quân vào đóng đồn ở xã Minh Lương, huyện Thiên Lộc[2]; nội giám quận Hằng, quận Hán và Thự vệ Ninh Lộc dẫn một vạn quân vào đóng đồn ở núi Bình Lăng. Lại sai Đô đốc đồng tri Lũng quận công Vũ Văn Thiêm đem

1. *Đương quận công:* tên tước của đô đốc Đào Quang Nhiêu.

2. *Thiên Lộc:* nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

đội quân thủy gồm ba mươi chiến thuyền tiến vào sông Khu Độc [1] để làm thế ỷ dốc. Sức cho các huyện gọi hương binh đến trú đóng để tự giữ bản huyện.

Các tướng lĩnh mệnh đem quân lên đường chẳng mất mấy ngày các đội quân đã đến huyện Thiên Lộc. Các tướng hội họp định mưu kế đánh phá quân Nam, chuyện không phải nói đến.

Lại nói gián điệp của Nam triều là Văn Tường thăm dò được tin tức ở kinh đô Thăng Long, đến tháng chạp trở về dinh Lạc Xuyên trình với Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ về việc Thanh vương Trịnh Tráng sai quận Đương, quận Lũng đem quân vào đánh báo thù. Hai tướng nghe xong bèn triệu tập các tướng để vạch định mưu kế. Chợt có quân do thám về báo tin bọn quận Đương, quận Lũng tức giận dân chúng huyện Kỳ Hoa quy hàng chúa Nam, đã sai hai tướng là Thự vệ Ninh Lộc và Tường Trung đem hương binh hai huyện Thanh Hà, Thiên Lộc vào bắt dân huyện Kỳ Hoa cả già trẻ, đàn ông, đàn bà đem về Kinh đô xử tội. Tiết chế Thuận Nghĩa được tin báo cả giận nói rằng:

– Bọn quận Đương giết hại lương dân, phải quét diệt cho hết!

Bèn xuống lệnh cho các tướng cùng hội ở chợ Vân Cát [2] chia binh đặt quân mai phục để bắt bọn Tường Trung, Ninh Lộc. Sai Cai cơ Lưu Diên làm chính tiên phong, Cai cơ Thiêm Vinh [3] làm phó tiên phong, Cai cơ Hùng Uy làm tả hữu vệ trận trước sau tiếp ứng với nhau. Các tướng tuân lệnh đem quân tiến ra huyện Thạch Hà.

Lại nói chuyện tướng tiên phong Lưu Diên đang đưa quân đi đường gặp ngay quân Trịnh do Thự vệ Ninh Lộc chỉ huy. Lưu Diên liền tung quân đánh gấp. Ninh Lộc cả bại, bắt được một con voi đực cùng nhiều khí giới súng đạn. Thự vệ Ninh Lộc bỏ chạy vào núi Hương Tích [4] . Thấy Lưu Diên ít quân, lại không có tiếp ứng, Thự vệ Ninh Lộc tức giận đem quân cung nỏ quay lại đánh. Lưu Diên ít quân

---

1. *Khu Độc*: tên con sông ở hữu ngạn sông Lam, dưới chân núi Hồng Lĩnh.

2. *Vân Cát:* tên xã thuộc huyện Thạch Hà (Hà Tĩnh).

3. Lưu Diên và Thiêm Vinh, có lẽ chỉ là tên thường gọi, ĐNTLTB chú giải là Lưu Diên và Thiêm Vinh, hai người không rõ họ".

4. Tên một ngọn núi chính trong dãy Hồng Lĩnh ngăn cách hai huyện Nghi Xuân và Thiên Lộc (nay là Can Lộc). Trận chiến nói ở đây ở vị trí bãi núi dưới chân ngọn Hương Tích, thuộc xã Minh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh.

không địch nổi phải chạy về Cầu Nghèn [1]. Ninh Lộc đoạt lại được con voi và những thứ khí giới đã mất, lấy làm đắc chí, đem quân về, không để ý phòng bị. Đi đến xã Quảng Khuyến, bất ngờ gặp phục binh của quân Nam do Chưởng cơ Thiêm Vinh chỉ huy. Đợi cho quân của Ninh Lộc đi qua được quá nửa, Thiêm Vinh hô quân xông ra, thế như sấm sét, bịt tai không kịp. Quận Ninh Lộc kinh hoàng bạt vía tìm đường tháo chạy. Thự vệ Ninh Lộc vứt giáp, giả làm tên lính thường chạy trốn về Vĩnh Dinh.

Ninh Lộc thở dốc chưa kịp lại hơi thì Thự vệ Tường Trung nghe tin đã vội bỏ chạy trước. Quân Thiêm Vinh đuổi theo lại bắt được voi và khí giới của quân Trịnh, đem về trước trướng nộp cho Tiết chế Thuận Nghĩa để báo công đầu. Tiết chế Thuận Nghĩa trọng thưởng cho Thiêm Vinh, sai mở tiệc chúc mừng thắng trận. Rồi đó Thuận Nghĩa truyền lệnh cho các tướng đem quân lui về đóng trại ở Dinh Cầu, cho quân ăn nghỉ để lấy sức tăng thêm nhuệ khí, bàn mưu định kế đánh lấy Trung Đô.

Các tướng vâng lệnh rút quân về Dinh Cầu, chia doanh đóng trại nghỉ ngơi. Bấy giờ bên quân Trịnh, quận Đương, quận Lũng nghe tin Thự vệ Ninh Lộc, Tường Trung thua trận, ai nấy cả kinh. Quận Đương nói:

– Người ta bảo tướng Nam nhiều mưu lắm kế, dũng lược anh hùng, ba quân nhuệ khí hùng tráng, tướng sĩ đồng lòng, quả nhiên không phải là nói ngoa. Ta nếu muốn tranh hơn thua với họ thì tất bị đánh bại, chẳng bằng chia quân đóng giữ để xem thời cơ chuyển biến thế nào. Rồi nhân lúc quân Nam trễ nải mà phát binh tiến đánh thì sẽ được vẹn toàn. Đó là thượng sách.

Quận Lũng Vũ Văn Thiêm nói:

– Lời Nguyên súy nói rất phải.

Bèn truyền cho các đạo quân chia đắp lũy làm kế tự giữ . Đôi bên cầm cự trong mấy tháng, cho quân nghỉ ngơi, không bên nào đánh trước.

Nói tiếp chuyện tướng Nam triều là Đốc chiến Chiêu Vũ, một hôm nghĩ được một kế, bèn sai gián điệp là bọn Văn Tường, Nho Hoàng và Khoái Đức mang theo vàng bạc và các tờ hiểu dụ theo đường bí mật ra bốn trấn ở Đàng Ngoài làm thuyết khách chiêu dụ

1. Cầu bắc qua sông Nghèn ở xã Trảo Nha, huyện Thiên Lộc (nay là huyện Can Lộc, Hà Tĩnh).

hào kiệt cùng hợp sức đánh họ Trịnh.

Bọn Văn Tường ba người vâng lệnh lên đường, lén đến miền Khoái Châu, xứ Sơn Nam[1]. Các tướng bên Trịnh nghe lời khuyên dụ của Văn Tường đều hết lòng hướng phục, hẹn sẽ dấy quân ứng nghĩa. Ba người cả mừng nói:

– Bọn chúng tôi phải chia đường đi ngay, không thể chậm trễ.

Rồi đó Khoái Đức đi Cao Bằng, Văn Tường sang Hải Dương, Nho Hoàng lên Sơn Tây[2].

Trước hết nói chuyện Khoái Đức đi Cao Bằng, vào yết kiến Thịnh vương và các danh tướng của nhà Mạc. Khoái Đức thưa rằng:

– Chúa xứ Nam là bậc nhân từ lượng cả, tiếng đức lan xa bốn phương. Họ Trịnh gian xảo hung tàn, hại dân mọt nước. Chúa Nam triều chúng tôi có ý muốn kết giao với quý vương để phù giúp cho vua Lê, vì thế đặc cách sai tôi đến đây báo tin, xin tôn vương sớm sai binh hùng tướng mạnh tiến đánh để chia bớt thế lực họ Trịnh. Ấy là cách hai trấn chúng ta[3] cùng nhau hòa hiếu vậy. Kính mong vương thượng lưu ý định đoạt.

Vua Thịnh Đức nhà Mạc[4] cả mừng nói:

– Ta vẫn muốn cất quân diệt họ Trịnh để báo thù trước, nhưng vì thế cô, lực mọn chưa hành động được. Nay được tin của Nam chúa lẽ nào lại không theo! Chỉ mong quân Nam đánh sang phía Bắc sông Lam[5], ta sẽ đem quân đánh xuống. Trong đánh ra, ngoài đánh vào, họ Trịnh tất bị diệt. Ông trở về nói với Nam chúa cứ thế làm gấp đi, không nên để lỡ dịp.

Khoái Đức vái chào ra về.

Lại nói chuyện Văn Tường sang Hải Dương tìm đến phủ dinh yết

---

1. Khoái Châu là tên phủ thuộc xứ Sơn Nam đời Lê, gồm các huyện Khoái Châu, Kim Động, Phù Cừ, Tiên Lữ, Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

2. Bản sao chép nhầm là Sơn Nam, chúng tôi sửa lại theo ý ở dưới đã nói là Khoái Đức đi Sơn Tây.

3. Chỉ chính quyền họ Mạc ở trấn Cao Bằng và chính quyền họ Nguyễn ở trấn Thuận Hóa.

4. Nhà Mạc vào khoảng thời gian này, ngoài Mạc Kính Vũ lấy niên hiệu Thuận Đức(1638–1877) còn có một số người khác cũng xưng vương. Theo ĐNTLTB thì năm này (1655) người của Nguyễn Hữu Dật đến Cao Bằng liên lạc với Mạc Kính Hoàn. Như vậy có lẽ Thịnh Đức là niên hiệu của Mạc Kính Hoàn.

5. Nguyên văn chữ Hán là "Đàm giang".

kiến Phấn quận công. Văn Tường nói:

– Hai quan Tiết chế và Đốc chiến của Nam triều nghe đại danh tướng quân lừng lẫy, nghĩ rằng họ Trịnh phải trọng dụng tướng quân như cánh tay phải, hàng ngày cùng ở chốn miếu đường trù hoạch việc đại sự quốc gia. Vì vậy các quan chúng tôi ngày đêm thiết tha mong được gặp mặt tướng quân để cùng nhau đàm đạo. Không ngờ họ Trịnh lại đặt tướng quân ở một góc cõi đông. Thế là vất châu ngọc mà lấy gạch đá, thật chẳng hiểu thế nào?

Quận Phấn tức giận nói:

– Họ Trịnh ỷ thế quyền bính, lăng nhục miệt thị vua Lê, tàn hại dân chúng, trăm họ phần nhiều oán phản. Ta nghe nói Nam chúa là bậc anh hùng cái thế, kiến thức độ lượng hơn người, kẻ hiền tài trong thiên hạ đều có lòng quy thuận, dân chúng ngưỡng mộ ơn đức. Lại nghe nói hai quan Tiết chế và Đốc chiến đều là những viên tướng trí dũng kiêm toàn, ơn uy đều sáng. Ta vẫn muốn quy thuận từ lâu. Nhưng giận vì đường sá không thông, đành phải ngồi đợi thời cơ để mưu đồ đại sự. Nay mừng gặp ông đến đây, cũng là dịp để chim hồng cất cánh.

Văn Tường nói:

– Tướng quân thật có lòng như thế thì xin báo tin cho các bậc danh tướng hào kiệt trong bản xứ, rồi lên đường vào quân doanh của Tiết chế để hiệu dụng. Hoặc cứ ở tại chỗ chiêu tập nghĩa sĩ, đợi đại quân tiến đến thì nhân thời cơ mà hành động để diệt trừ họ Trịnh, khuông phù nhà Lê, công lao cũng không phải nhỏ.

Quận Phấn nghe nói mừng thầm. Văn Tường lại nói:

– Các khoản thuế má trong bản xứ thì nên khất lần, chớ để cho dân chở nạp về Kinh đô. Đó cũng là một kế tuyệt lương của họ Trịnh, không đánh mà phá được.

Quận Phấn mừng nói:

– Bản tâm tôi cũng nghĩ như thế. Ông mau trở về trình với hai vị trưởng quan Tiết chế và Đốc chiến sớm cất quân vượt sông Lam ruổi dài thẳng tiến. Tôi sẽ dấy binh tiến đánh, khiến họ Trịnh trước mặt sau lưng đều gặp địch thì có thể bắt sống được.

Văn Tường vái tạ ra khỏi quân doanh lên đường về Nghệ An.

Lại nói chuyện Nho Hoàng đi lên Sơn Tây, giữa đường gặp Ký

lục Hồ, cùng vào nghỉ ngơi ở nhà trạm. Hai người chào hỏi nhau xong, Nho Hoàng nói với Ký lục Hồ:

– Quan Đốc chiến Chiêu Vũ hầu gửi lời chào quý quan, không rõ quý quan còn nhớ lời trò chuyện năm ngoái hay không? Nay quân Nam đã chiếm giữ các huyện phía Nam sông Lam, chia quân đóng đồn các nơi, rất mong được cùng quý quan gặp mặt, cùng nhau chuyện trò, ngõ hầu cạn lời tim phổi.

Ký lục Hồ nghe nói cả mừng, bảo Nho Hoàng:

– Chủ ý của tôi từ lâu đã mong muốn như thế. Chẳng hay hiện nay ý định của quý quan Đốc chiến ra sao?

Nho Hoàng đáp:

– Đốc chiến chúng tôi muốn quý quan đi thuyết phục những người thức thời trong địa hạt Sơn Tây để họ sớm dấy nghĩa binh trong vùng, cùng đồng tâm hiệp lực để dẹp trừ bè đảng họ Trịnh, cùng chung hưởng thái bình.

Ký lục Hồ nói:

– Xin tuân mệnh lệnh.

Nói đoạn bèn viết mật thư giao cho Nho Hoàng đem về trình với Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ. Ký lục Hồ lại bảo Nho Hoàng rằng:

– Ông về trình lại để hai vị tướng quân biết rõ: hiện nay chúa Trịnh trên đè lấn vua Lê, dưới lăng nhục uy hiếp sĩ phu, người người đều căm giận. Mong quan Tiết chế và Đốc chiến sớm đem hùng binh vượt tiến ra Bắc. Tôi sẽ chiêu dụ hào kiệt bốn phương, quân dân cùng nổi dậy bắt nghịch đảng, trước là để sáng tỏ ngôi vị của nhà Lê, sau là để kẻ anh hùng rạng mặt. Đó là ý nguyện bình sinh của tôi.

Nho Hoàng vái tạ nhận thư, lên đường trở về Nam.

Đúng là:

Một sứ dụ hàng khua tấc lưỡi,
Bốn phương nổi dậy múa binh đao.

HỒI THỨ MƯỜI LĂM

Đến thành Vinh, Trịnh Tuyền thay chức Nguyên súy
Vào cửa Sót, Chiêu Vũ đại chiến thủy quân

Lại nói chuyện năm Bính Thân, niên hiệu Thịnh Đức thứ bốn (1656), tháng hai, gián điệp của Nam triều là bọn Văn Tường, Nho Hoàng và Khoái Đức ra Bắc thăm dò tin tức ở bốn trấn trở về, vào dưới trướng trình với Đốc chiến Chiêu Vũ rằng:

– Dân bốn trấn ngoài Bắc đều đã nghiêng lòng hướng phục, sẵn sàng dấy binh đánh họ Trịnh.

Đốc chiến Chiêu Vũ nghe xong cả mừng. Tiếp đó, Nho Hoàng đem trình bức thư mật của Ký lục Hồ. Đốc chiến Chiêu Vũ tiếp lấy mở ra xem, thư viết:

"Ngu lão quê mùa là Phạm Hữu Lễ kính vái trình bức thư đến dưới cờ của quan Đốc chiến là đại tướng quân Chiêu Vũ hầu thẩm xét:

Người xưa thường nói: Kẻ trượng phu ở đời gặp bậc minh chủ hiểu mình, bàn nói được nghe, hiến kế được dùng, ấy là duyên cá nước. Ngày nay có thể nói là trông mong được như vậy. Nay ngu lão tôi đi làm thuyết khách ở các nơi xa, giữa đường may gặp sứ giả của quý quan Đốc chiến phái ra, cùng chuyện trò mấy câu tỏ lời tim phổi, thật duyên may ngàn năm có một. Những muốn cùng sứ giả rong ruổi các nơi khuyên Hồ về Tống, lẽ nên cùng thăm hỏi gần xa để dụ Bắc vào Nam. Nhưng nghĩ sâu: e sứ giả đi không có tin về, lại sinh điều nghi ngại. Dám phiền sứ giả trở về thay lời trình báo. Lòng thành thực nông cạn, mong tướng quân cao minh lượng xét, tâu trình lên Chúa thượng. Sau đó xin cho sứ giả trở lại cùng với ngu lão đi các nơi ở đất Bắc để chiêu dụ dân chúng vâng thuận mệnh trời, giúp thánh triều sáng nghiệp trời Nam. Công thành tất cơ đồ rộng mở, xã tắc nhà Lê vững yên. Lòng thành kính trình, xin quý quan Đốc chiến chớ nghi ngại. Nay thư".

Đốc chiến Chiêu Vũ xem xong thư cả mừng, trọng thưởng cho cả ba người. Rồi đó Chiêu Vũ đến báo tin với Tiết chế Thuận Nghĩa. Tiết chế Thuận Nghĩa đón Chiêu Vũ vào trong trướng cùng ngồi. Chiêu Vũ nói:

– Hồi năm ngoái chúng ta đã sai bọn Văn Tường ra bốn trấn ngoài Bắc trần thuyết hơn thiệt, chiêu dụ hào kiệt dấy quân diệt trừ họ Trịnh, ai nấy đều vui lòng tuân lệnh, xin nhóm nghĩa binh, đồng lòng hướng phục. Nay có Ký lục Hồ ở Sơn Tây đã gửi thư vào đây.

Tiết chế Thuận Nghĩa hỏi bọn Văn Tường:

– Các ông ra bốn trấn ngoài ấy thấy tình hình hư thực ra sao? Có phải họ thật lòng ra sức dấy binh khuông phò đế thất, cứu vớt sinh dân, hay đó chỉ là lời dối trá?

Văn Tường đáp:

– Bọn anh em chúng tôi lén đi bốn trấn, nói rõ công việc, ai nấy nghe lời đều nghiến răng cắn lợi, căm giận bọn chúa Thanh, nói rằng: Nếu quân Nam vượt tiến sang phía Bắc Sông Lam, ruổi dài ra Bắc thì xứ Hải Đông [1] sẽ đoạt lấy thóc thuế để tuyệt lương thực của họ Trịnh, xứ Cao Bằng sẽ dấy quân chiếm đóng thành Đoàn [2] , chia bớt thế lực của quân Trịnh. Ngoài Sơn Tây sẽ nổi dậy làm nội ứng, đoạt lấy trấn thành. Người xứ Sơn Nam xin làm tiên phong chặn đánh để chùn bớt mũi nhọn của quân Trịnh. Thảy đều thật tâm, không phải là lời dối trá [3] .

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe Văn Tường nói xong cả mừng, nói với Chiêu Vũ:

– Ông dùng mưu như thế quỷ thần còn khó lường, Gia Cát, Tử Phòng đời xưa cũng không hơn được.

Đốc chiến Chiêu Vũ nói:

– Ấy đều là nhờ phúc của Chúa thượng, ý trời khiến nên. Bốn trấn nghiêng lòng, khắp nơi hướng phục, thần người đều ủng hộ, cho nên mới được như thế, đâu phải là Chiêu Vũ này có tài cán gì. Nay lòng người đã thuận, trời người đều theo giúp. Binh pháp nói: "Thành công do quả quyết, thất bại bởi chần chừ". Xin Tiết chế sớm định kế xuất quân đánh đuổi bọn quận Đương, ruổi dài đánh lấy Trung Đô để hoàn thành nghiệp lớn. Người xưa có câu: "Trời cho không lấy, lại

---

1. Tức Hải Dương.

2. Tức Trấn thành Lạng Sơn.

3. Việc Nguyễn Hữu Dật sai người bí mật đi chiêu dụ các trấn ở Đàng Ngoài cũng được nói đến trong ĐNTLTB: "Bọn Phạm Hữu Lễ đều vâng mệnh nói rằng: Hễ quân chúa qua sông Lam thì xin phát binh hưởng ứng, Hải Dương thì không nộp tô thuế để tuyệt lương. Cao Bằng thì tiến chiếm Đoàn thành để chia thế lực...".

chuốc tai ương", xin Tiết chế xét định.

Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

– Đốc chiến nói rất phải.

Bèn thăng trướng cho gọi các tướng đến hội họp ở Dinh Cầu chia quân đặt tướng, theo thứ tự trước sau chờ hiệu lệnh xuất quân. Ở chính đạo, sai Trấn thủ Phủ Dương, Ký lục Thịnh Hội làm tiên phong. Tiết chế Thuận Nghĩa chỉ huy đội trung quân. Chưởng cơ Triều Khang dẫn quân chính doanh đi sau tiếp ứng. Quân chính đạo tiến đến núi Hằng Lãng [1], phá lũy đánh quân của quận Hằng, quận Hán cùng bọn Thự vệ Ninh Lộc, Vinh Dương, Bật Trung ở xã Bân Xá [2]. Quân thượng đạo do Cai cơ Lưu Diên làm tiên phong [3], Cai cơ Thiêm Vinh, Đăng Doanh, Thọ Lộc, hữu Đô đốc Mậu Long làm tả hữu vệ trận. Trấn thủ Đại Thắng chỉ huy đội trung quân, Vệ úy Thuần dẫn quân tiến sau tiếp ứng. Quân thượng đạo tiến đến sông Minh Giang [4] đánh trại quân của quận Lai và Thự vệ Tường Trung, rồi chuyển hướng hội với quân chính đạo phá lũy Hằng Lãng.

Quân hạ đạo do Cai cơ Diên Lược dẫn quân bản bộ làm tiên phong, Cai cơ Phù Tài, Ký lục Cống Giác chỉ huy đội trung quân, Đốc chiến Chiêu Vũ đem quân đi tiếp ứng. Quân hạ đạo đến Lũng Hống thẳng tiến đánh lũy Bàn Xá, đốt lửa làm hiệu để đánh về phía sau doanh trại của quận Hằng, quận Hán cùng bọn Thự vệ Ninh Lộc, Vinh Dương, Bật Trung.

Chia đặt các cánh quân đã xong, Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

– Bọn chúng ta hưởng lộc hậu của nước, nay vâng lệnh của Chúa thượng ủy thác, sử sách ghi tên, tiếng thơm muôn đời. Mong các tướng đồng lòng hợp sức diệt trừ đảng Trịnh, khuông phò đế thất. Các ông phải dũng mãnh ra uy, diệt bọn quận Đương, cứu giúp trăm họ. Đấy là chí khí của kẻ anh hùng!

Các tướng đều chấp tay vâng đáp:

---

1. *Hằng Lãng:* có lẽ là một tên khác của Hoàng Sơn, tên Nôm gọi là Rú Bụt ở xã Thường Nga, nay là xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh.

2. *Bân Xá:* tên xã thuộc huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Nguyên văn viết là "quy nghĩa tướng", cũng có nghĩa như trung nghĩa tướng, tức hàng tướng. Ở đoạn trên đã có nói đến Lưu Diên (không rõ họ) nhưng không nói rõ hàng tướng. Như vậy có thể Lưu Diên là hàng tướng từ trước chiến dịch 1655.

4. Cũng gọi là sông Minh Lương, con sông này chảy qua phía Bắc huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

– Xin tuân tướng lệnh của Tiết chế !

Rồi đó ai nấy trở về bản trại sửa soạn xuất quân.

Ngày mồng hai tháng hai, giờ Dậu, quân các đạo trước sau theo thứ tự tiến phát.

Trước hết, nói về cánh quân ở hạ đạo do Đốc chiến Chiêu Vũ chỉ huy. Giờ Dậu tiến quân, tiên phong Diên Lược đến Lũng Hống gặp lính tuần bên Trịnh chống cự. Quân Nam nhất loạt hô lớn một tiếng, nhằm bắn tới tấp, lính tuần bên Trịnh thua to, bỏ chạy vào rừng. Quân Nam bắn theo, thấy một bà già trúng tên nằm chết ở cửa rừng. Diên Lược chuyển báo với Đốc chiến Chiêu Vũ. Chiêu Vũ nói:

– Quân ta mới tiến vào đường hẻm đã giết được một mụ yêu tinh, thế là điềm "âm tiêu, dương trưởng" ắt thành công đại thắng!

Nói đoạn cho quân tiến thẳng vào rừng. Bấy giờ đã sang canh tư. Đường núi hiểm trở, phía trước lại có khe sâu ngoằn ngoèo khó đi, Chiêu Vũ bèn truyền lệnh cho quân dừng lại, đóng trại nghỉ đợi trời sáng. Chiêu Vũ vừa thiu thiu chợp mắt trên bành voi, bỗng nghe trên không có tiếng gọi lớn: "Quân Nam tiến mau, có ta ở đây phù trợ, không được trì hoãn!". Chiêu Vũ liền choàng dậy vái tạ trời đất, rồi truyền lệnh lên đường.

Quân Chiêu Vũ đi sâu vào rừng, đến eo núi ở xã Mẫn Tường thì trời vừa sáng. Bỗng gặp quận Lũng Vũ Văn Thiêm đem thủy quân lên bờ. Quân hai bên gặp nhau ở eo Mẫn Tường. Tướng tiên phong Diên Lược cho quân xông vào đánh gấp. Quân quận Lũng đại bại, phải chạy về xã Đằng Để [1], lại dàn quân chống cự. Quân hai bên đối trận đánh lớn từ giờ Mão đến giờ Tỵ [2]. Tiếng súng nổ rền như sấm động, đạn bay như sao sa. Hai bên vẫn giằng co chưa phân thắng bại. Đốc chiến Chiêu Vũ tức giận, ngửa mặt lên trời cầu khấn xin thần minh phù trợ như lời hứa trước. Rồi đó thúc quân xông trận, thế mạnh như sét đánh. Thự vệ Tường Trung trở tay không kịp, liền bị chém đầu trước trận [3]. Quận Lũng Vũ Văn Thiêm kinh hoảng thua chạy về sông Khu Độc, vứt thuyền vượt sông mà chạy trốn vào xã

---

1. *Mẫn Tường* và *Đằng Để*: hai tên xã thuộc huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh).

2. Tức là suốt buổi sáng, từ khoảng 5 giờ đến 11 giờ.

3. *Cương mục* không ghi việc Tường Trung chết trận, nhưng ĐNTLTB đại thể cũng chép như CNDC "Văn Thiêm (quận Lũng) lui giữ xã Đằng Để; Hữu Dật đốc quân xung kích, bắn giết được tướng của Văn Thiêm là Tường Trung".

Miêu Nha, Ngũ Khố, rồi tránh lén tìm đường trở về Vĩnh Dinh. Quân Nam đuổi dài thẳng tiến.

Đến giờ Ngọ [1], Đốc chiến Chiêu Vũ xuống lệnh thu quân, nổi khói lửa khuếch trương thanh thế để đợi quân chính đạo.

Nói tiếp quân chính đạo của Tiết chế Thuận Nghĩa tiến đến sông Minh Giang, đánh trại quân của quận Đương Đào Quang Nhiêu. Cánh quân thượng đạo do trấn thủ Đại Thắng chỉ huy tiến thốc đến núi Hằng Lãng, đánh bọn quận Hán, quận Hằng. Quận Đương nghe tin vội sai tướng chia quân chống cự. Hai bên giao chiến lớn, súng nổ như sấm giật không ngớt, đạn bay lả tả đầy trời, chiêng trống vang dậy trời xanh, cờ xí che rợp đất, quân Nam Bắc cầm cự không phân thắng bại. Tướng Trịnh là quận Hán khua quân xốc đánh, bị tướng bên Nam là Đăng Doanh đón đường chém hạ. Quân Trịnh cả bại tháo chạy. Chợt có tên quân chạy đến báo với quận Đương.

– Tướng bên Nam là Chiêu Vũ đánh tan quân của quận Lũng ở sông Khu Độc, đốt hết lương thực khí giới của quân ta, khói lửa bốc rừng rực.

Quận Đương cả kinh, ngoái đầu thấy lửa bốc lưng trời, khói tro mù mịt. Lại có tên quân đến báo:

– Tướng Nam là Chiêu Vũ đã đánh tan quận Hằng, quận Hán, các Thự vệ Ninh Lộc, Vinh Dương, Bật Trung bỏ lũy chạy vào chùa Thiên Tượng [2] vượt sang xã Bân Xá lánh trốn, hiện không biết đang ở đâu.

Quận Đương Đào Quang Nhiêu càng thêm kinh hãi luống cuống, lại thấy bên Nam tướng hùng binh mạnh, liệu thế khó địch nổi, bèn bỏ lũy chạy trước về Vĩnh Dinh. Bấy giờ quân Trịnh không có tướng chỉ huy, mạnh ai nấy trốn, tự giết hại lẫn nhau. Trận này quân Trịnh bị giết thây chất đầy đồng, máu chảy thành ngòi rãnh, tiếng kêu khóc vang khắp gần xa. Quân Nam thu nhặt được ngựa voi, súng đạn, khí giới nhiều không kể xiết.

Tiết chế Thuận Nghĩa truyền lệnh cho ba quân hội cả ở lũy Bân Xá, mở tiệc khao mừng, bình công xét thưởng. Rồi đó bèn thu quân về đóng trại ở chợ Vân Cát. Một mặt viết khải văn gửi về tâu Chúa và làm sổ ghi quân công (quân công bạ) sai văn chức là Văn Hiển đem về dâng nộp ở vương đình.

---

1. Tức giữa trưa.
2. Chùa Thiên Tượng ở núi Thiên Tượng (một ngọn trong dãy Hồng Lĩnh).

Hiền vương mở xem khải văn cả mừng, sai chức sự là Tài Mỹ đem vàng bạc tiền lụa ra chợ Vân Cát trọng thưởng cho Tiết chế Thuận Nghĩa, Đốc chiến Chiêu Vũ và các tướng văn võ theo thứ bậc khác nhau, cùng là khao thưởng úy lạo ba quân. Mọi việc đã xong. Tài Mỹ truyền đạt mệnh lệnh của chúa Hiền:

– Chúa thượng bảo đạo vua tôi cũng như nghĩa cha con, một khắc không thể quên khuây. Ta coi các tướng như chân tay, các tướng phải tận đáp như lòng bụng. Nay quân ta đã đến núi báu, chẳng lẽ lại về tay không. Chư tướng các ông phải đồng tâm hiệp lực giúp rập nhà chúa, mở nghiệp lớn ở trời Nam, dẹp trừ kẻ ngoan ngạnh ở đất Bắc, tên tuổi lưu truyền sử xanh. Thế mới gọi là anh hùng đất Nam Việt.

Các tướng vái vọng lĩnh mệnh khoản đãi sứ giả của chúa rồi ai nấy trở về bản trại chỉnh đốn binh mã sẵn sàng tiến đánh thu phục Trung Đô.

Lại nói bên quân Trịnh, quận Đương Đào Quang Nhiêu và quận Lũng Vũ Văn Thiêm cả bại phải chạy về Vĩnh Dinh, thu thập tàn binh bại tướng, kiểm điểm tướng hiệu binh sĩ thấy chết trận mất quá nửa, số bị thương nhiều không kể xiết, mất tích hai tướng là quận Hán và Thự vệ Tường Trung. Quận Đương vội sai người đi tìm hỏi mới biết hai tướng đều đã bị giết tại trận. Quận Đương cả kinh, than rằng:

– Chỉ mới tháng trước đây ta từng khoe khoang trước mặt chúa, chê bai bọn quận Khê bất tài, đoán chắc ra quân là thành công. Ngờ đâu bây giờ hao binh tổn tướng, tội không gì to bằng! Còn mặt mũi nào mà vác xác về trước mặt Chúa, trông thấy triều đình! Chi bằng trốn lánh sang Ai Lao chiêu binh mãi mã để báo thù chuộc tội!

Quận Lũng Vũ Văn Thiêm nói:

– Như thế không được! Binh gia một thắng, một thua, đó là lẽ thường. Chớ nên kiêu vui khi thắng, mà cũng chớ nên buồn nản khi thua, xin Nguyên súy gấp sai người dâng biểu về triều nhận tội, sau là để xin quân cứu viện. Ấy là kế lưỡng toàn vậy. Còn như trốn sang Ai Lao là mắc tội bất trung, khiến cho hậu thế chê cười.

Đào Quang Nhiêu nghe lời quận Lũng, bèn viết khải sai người đem về triều đình trình lên Thanh vương Trịnh Tráng nhận tội thua trận, xin triều đình cho quân vào cứu viện.

Thanh vương Trịnh Tráng biết tin cả giận, bảo triều thần rằng:

– Quận Đương là kẻ sất phu khoe môi múa mép. Nay bị quân

Nam đánh bại, chết quân mất tướng, tội khó dung tha. Triều đình nghĩ nên xử trí thế nào?

Văn quan là Đô đốc đồng tri thượng khanh Dự quận công bước ra nói rằng:

– Tội của quận Đương đã quá rõ. Nhưng xét lẽ thì được thua vốn sự thường. Ngày xưa Hán Cao Tổ bảy mươi hai lần bại, chỉ một lần thắng mà nên nghiệp vương. Hạng Vũ thắng luôn, nhưng chỉ một lần bại mà mất nước, thân chết. Xin Chúa thượng gấp sai binh hùng tướng mạnh vào chống giữ quân Nam để yên lòng dân, vẫn nên cho quận Đương có dịp để lập công chuộc tội. Như thế thì quận Đương được hàm ơn, dẫu gan óc bết đất cũng không dám quên ơn chúa.

Trịnh Tráng nghe lời quận Dự, cơn giận có nguôi phần nào, bèn hỏi các tướng:

– Trong các tướng ai dám đem quân vào chặn địch, bẻ bớt nhuệ khí của bọn chúng, để quân Nam khỏi lấn lướt coi thường quân ta?

Các tướng đều nói:

– Bọn thần thấy Thái bảo Ninh quận công [1] là tướng tài dụng song toàn, nên được giao trọng quyền. Còn như người khác nếu không phải là chỗ thân thuộc của chúa thì không thể giao phó được.

Thanh vương Trịnh Tráng bèn phong cho Thái bảo Ninh quận công Trịnh Tuyển [2] làm đại Nguyên súy, Đô đốc đồng tri thượng khanh Dự quận công [3] làm Tham mưu, thống lĩnh bốn vạn quân thủy bộ tiến vào huyện Thạch Hà. Quân chính doanh đóng trại ở xã Đan Chế [4], quân bộ đóng ở hai xã Thanh Bộc [5], Đại Nài [6], quân thủy đóng ở cửa Nam Giới và Đan Nhai [7]. Thái bảo Ninh quận công Trịnh

---

1. *Ninh quận công* tên tước của Trịnh Tuyển (con thứ mười lăm của Thanh vương Trịnh Tráng) ĐNTLTB chép là Trịnh Ninh, không chính xác, vì Ninh là tên tước chứ không phải tên thật.

2. Chữ *Tuyển* đến đời Nguyễn vì kiêng húy đọc tránh là *Toàn* (đến nay vẫn quen đọc là *Toàn*). *Toàn thư* phiên là Trịnh Toàn cũng tức là người này.

3. Viên quan văn làm đốc thị tương đương như Tham mưu, cùng đi với Trịnh Tuyển trong cuộc hành quân cứu viện này, theo *Toàn thư* là Lê Đình Dự.

4. Tên xã thuộc huyện Nghi Xuân, giáp giới với huyện La Sơn (Đức Thọ) và Thiêm Lộc (Can Lộc).

5. *Thanh Bộc:* tên xã thuộc huyện Thạch Hà, (sau gọi là Hương Bộc) gần thị xã Hà Tĩnh.

6. *Đại Nài:* tên xã thuộc huyện Thạch Hà.

7. Cửa Nam Giới tức Cửa Sót (nay thuộc huyện Thạch Hà); Cửa Đan Nhai tức Cửa Hội (Nay thuộc huyện Nghi Lộc).

Tuyên cho dừng quân đóng trại, sửa soạn để tiến đánh. Bọn quận Đương Đào Quang Nhiêu và quận Lũng Vũ Văn Thiêm đều đến trước trướng chịu tội. Thái bảo Ninh quận công nói:

– Lệnh của chúa tha tội cho hai ông để hai ông có dịp lập công. Hai ông phải gắng sức đồng lòng để báo thù trước, chuộc lỗi cũ.

Hai tướng vui mừng lạy tạ, trở về bản doanh luyện tập quân lính, sẵn sàng tiến đánh. Người đương thời có bài thơ Đường luật bình luận rằng:

Muôn thuở đua tranh đám bụi trần
Đo lường danh lợi nhọc vào thân.
Hoài nghi hiểu sự đều chuyện nhảm
Lại ngỡ không tài được hưởng nhàn.
Trẻ đến già đi xưa nay vẫn,
Nhục vinh theo gót thật ngang phần.
Khuyên người hãy chớ khoe sắc nhọn,
Giấc mộng đầy vơi chẳng thật chân!

Lại nói tướng Nam triều là Tiết chế Thuận Nghĩa thấy quân Bắc lặng lẽ tiến vào nhưng chưa thấy giao chiến, chỉ chia quân đóng giữ làm kế lâu dài. Tháng ba, ngày hai mươi ba, Tiết chế Thuận Nghĩa cho người mời Đốc chiến Chiêu Vũ đến bàn bạc. Chiêu Vũ nói:

– Quân Bắc liên tiếp bị thua, không dám chiến đấu. Trịnh Tráng tất thêm cố thủ, chờ bên ta lâu ngày mỏi mệt hết lương ăn mới tung quân ra đánh. Ấy là kế "dĩ dật đãi lao" (lấy nhàn đánh mệt). Tôi đã nghĩ một kế an toàn không phải lo ngại, có thể bắt sống Trịnh Tráng như lấy vật trong túi.

Trong khi hai tướng đang bàn bạc bỗng có quân hầu vào báo tin: Ký lục Hồ ở Sơn Tây sai Cống Ban theo đường bí mật tìm vào, hiện đang đợi trước quân doanh xin được yết kiến chủ tướng. Hai tướng vội xuống dưới thềm tiếp đón Cống Ban mời vào trong trướng.

Chủ khách yên tọa xong, Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

– Tiên sinh đường xa vào đây chắc có tin vui mừng?

Cống Ban đáp:

– Trước đây quý quan có mật truyền cho Ký lục Hồ đi chiêu dụ các nơi, giao kết với anh hùng hào kiệt bốn trấn ở Đàng Ngoài, hẹn cùng dấy binh đánh họ Trịnh, hướng về với Nam chúa. Ký lục Hồ vâng lệnh đi khắp trong bốn trấn để làm công việc đó. Ai nấy đều vui lòng

nghe theo, hiện đã sẵn sàng, đợi quân Nam tiến ra thì đồng loạt hưởng ứng, trước sau cùng đến họ Trịnh, giành phần thắng vẹn toàn. Ý nguyện của mọi người là như thế. Nhưng mới đây Thịnh Đức vương nhà Mạc ở Cao Bằng đã sai tám viên đại tướng đem quân tiến đánh Trung Đô. Khi quân Mạc đến Đoàn thành (Lạng Sơn) thì Thanh vương Trịnh Tráng sai Thái bảo Khê quận công Trịnh Trượng, Hộ khoa đô cấp sự trung Hưng Tạo tử [1] cầm đầu mười hai viên quận công đem một vạn hùng binh tiến đánh Cao Bằng. Quân của quận Khê bị quân Cao Bằng đánh gấp. Quận Khê thua to phải chạy về sông Thương. Quân Cao Bằng đóng giữ ở Đoàn thành, đợi quân Nam tiến ra thì kéo thẳng xuống đánh phá kinh đô để bắt sống cha con Thanh vương, Tây Định [2] hiến nạp cho Nam chúa làm lễ vật tiến kiến.

Cống Ban nói đoạn lấy bức thư của Ký lục Hồ trình lên. Hai tướng tiếp thư, cùng mở ra xem:

"Ngu sĩ xứ Sơn Tây là Ký lục Hồ kính vái, trình bức thư đến dưới cờ của quý tướng:

Trộm nghe người xưa có câu: Trời sinh hào kiệt tất sẽ giúp cho thành nghiệp lớn. Nay quý tướng mượn được tài hùng của trời, gồm được vũ lược của đời, tướng văn tướng võ hòa điệu với nhau, quân lính một lòng, ly gián không nghe, gièm pha không động, quả là bậc anh hùng cái thế đời nay. Ngu tôi nghe thanh danh quý tướng mà khôn xiết vui mừng, xin cùng quý tướng kết là chỗ chí thân khác họ. Cùng góp sức vì đại nghĩa, tình thân ái đã thành, công lao ắt có, không dám nói nhiều. Mong sao quý tướng theo gương Hán Cao Tổ mở đại lượng nghe theo sáu kế của Trần Bình: một là thi hành kế ly gián để làm nghi tâm quân địch; hai là giao kết rộng để hoàn thành mưu kế; ba là thu gồm hào kiệt để cùng hưởng thành công. Làm như thế nghiệp lớn ắt thành, dễ như trở bàn tay. Thời đã đến, thế đã kề, vận hội vừa ứng hợp. Mong quý tướng chớ nên nghi ngại. Kính thư".

Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ xem xong cả mừng, hỏi Cống Ban rằng:

– Bắc trấn đã dấy binh như thế [3], còn ba trấn khác ra sao?

1.Tên tước của Phan Hưng Tạo, sau được thăng tước là Thọ Lĩnh bá.

2. *Tây Định* tức Tây Định vương Trịnh Tạc, con thứ tư của Trịnh Tráng, được phong tước năm 1652, nối ngôi chúa năm 1657.

3. *Bắc trấn* chỉ trấn Đông Bắc do nhà Mạc chiếm giữ.

Cống Ban đáp:

– Ba trấn khác cũng đồng lòng hướng phục.

Trong khi đang bàn luận, bỗng có viên do thám tên là Văn Dụ ra trấn ngoài Bắc trở về xin vào yết kiến. Hai tướng hỏi:

– Ba trấn ngoài ấy động tĩnh ra sao?

Văn Dụ đáp:

– Ở Đông trấn [1] có quận Phấn đã mật truyền cho các nơi trong bản xứ đoạt giữ các thứ thuế không giao nộp. Hai trấn Tây và Nam [2] đều đã sửa soạn dấy binh, đợi quân ta vượt sông Lam tiến ra sẽ đưa binh mạnh tiến theo sau tiếp ứng bảo vệ quân ta [3].

Hai tướng nghe báo tin cả mừng, bèn trọng thưởng cho Văn Dụ và mời các tướng cùng vào gặp gỡ, sai dọn tiệc khoản đãi Cống Ban. Yến tiệc xong, Cống Ban từ biệt ra về. Hai tướng muốn lưu lại khoản đãi vài ngày nữa, nhưng Cống Ban nói:

– Sau này thành công, ngàn năm chung hưởng, hà tất phải ở thêm mấy ngày!

Hai tướng cũng không nài ép, bèn tiễn chân Cống Ban lên đường, bảo rằng:

– Tiên sinh về chuyến này, bọn chúng tôi gửi lời chào Ký lục Hồ, mong tiên sinh nói lại rằng, tuy xa cách ngàn dặm nhưng cũng như đã gặp mặt đàm luận với nhau. Xin cứ nhớ lời nói trước là may mắn lắm. Đó là tình bạn của người quân tử.

Cống Ban vái tạ lên đường trở về trấn Sơn Tây.

Hai tướng nhận được tin tức các nơi, vui mừng khôn xiết, bèn truyền lệnh cho các đạo luyện tập quân sĩ, sửa soạn ghe thuyền chuẩn bị tiến quân.

Thượng tuần tháng năm, có người quê ở Thanh Hóa là Triều Nham từ kinh đô Thăng Long vào hàng. Triều Nham trình với Tiết chế Thuận Nghĩa rằng:

---

1. *Đông trấn* tức trấn Hải Đông (nay là Hải Dương và một phần Hải Phòng).

2. Tức hai trấn Sơn Tây và Sơn Nam.

3. ĐNTLTB cũng có chép việc Văn Dụ vào gặp Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật: Bấy giờ lại có người ở Hải Dương là Văn Dụ (không rõ họ), đến nói rằng: "Hào kiệt ở Hải Dương cũng cùng nổi dậy với hào kiệt ở Sơn Tây, Sơn Nam, đợi quân chúa (Nguyễn) sang sông Lam sẽ tiếp ứng".

– Dạo trước Thanh vương Trịnh Tráng nghe tin báo bọn quận Đương, quận Lũng thua trận ở núi Hàng Lãng, bèn triệu các tướng vào bàn xét. Rồi đó sai Thái bảo Ninh quận công thống lĩnh bốn vạn quân thủy bộ vào đồn trú ở huyện Thạch Hà. Quân bộ thì đóng ở các xã Thanh Bộc, Đại Nài, quân thủy đóng ở Cửa Sót, Cửa Hội; chia quân đóng giữ làm thế ỷ dốc để ngăn chặn quân Nam.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe xong, sai người đi mời Đốc chiến Chiêu Vũ. Chiêu Vũ đến doanh Tiết chế , vào trong trướng cùng ngồi bàn việc. Chiêu Vũ nói:

– Trước hết nên sai người đem khải văn về bẩm với vương đình, sau sẽ họp các tướng để chia quân phá địch.

Hai tướng bèn soạn thảo khải văn, rồi sai tùy tùng là Văn Trí ngày đêm đi gấp đem về tâu trình, Tiết chế Thuận Nghĩa triệu các tướng đến hội ở xã Na Khố [1], chia đặt các cánh quân theo thứ tự trước sau. Về quân bộ thì chính đạo do trấn thủ Phù Dương làm Khám chiến [2] , Phú Nhan làm tiên phong; Tiết chế Thuận Nghĩa cầm quân ở chính đội; Trấn thủ Đại Thắng đem quân đi tiếp ứng, hẹn giờ Dần [3] ngày mồng mười tiến quân đến đầu xã Đại Nài đánh phá lũy thượng đạo của quận Đương. Quân hạ đạo do hai hàng tướng Đăng Doanh và Thọ Lộc làm tiên phong, hai tướng Phù Tài [4] , Lưu Diên làm tả hữu vệ trận. Mậu Long chỉ huy đội trung quân, Chưởng cơ Triều Khang và Thị chiến [5] Xuân Đài dẫn quân chính doanh sau khi tiếp ứng, hẹn hội quân ở xã Thanh Bộc đánh phá lũy hạ đạo của quận Đương. Về quân thủy: Cai cơ Hoàng Vinh dẫn mười lăm chiến thuyền làm tiên phong, trấn thủ Dương Trí và văn chức Thuần [6] làm Thị chiến, dẫn hai mươi lăm chiến thuyền làm chính đội, sáng sớm ngày mười một tiến đến Cửa Sót tiến đánh thủy quân bên Trịnh do quận Xuân chỉ huy. Đốc chiến Chiêu Vũ và Thị chiến Cống Giác dẫn

1. *Na Khố*: tên xã thuộc Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

2. *Khám chiến*: chưa rõ, có lẽ cũng làm chức Tham mưu như đốc chiến, song ở cấp bậc phối thuộc thấp hơn.

3. Tức là khoảng từ 3–5 giờ sáng.

4. Bản sao chép là "Tiếp tài" có lẽ nhầm ở chữ "Tiếp" viên tướng Nguyên có mặt cho đến trận này là Phù Tài.

5. *Thị chiến:* có lẽ cũng là quan chức thuộc Tham mưu như Khám chiến (xem chú ở trên).

6. ĐNTLTB chép là Văn Thuần (không rõ họ) cũng tức là nói về người này.

hai nghìn quân bộ và ba mươi thớt voi, vào khoảng giờ Sửu [1] tiến đến núi Nam Giới đặt phục binh bắn vào thủy quân của quận Xuân, hộ vệ chiến thuyền của quân nhà tiến vào Cửa Sót. Tham tướng Vân Long dẫn ba mươi chiến thuyền đi tiên phong, trấn thủ Nghĩa Lâm làm Thị chiến. Quảng Xuyên dẫn ba mươi chiến thuyền đi sau tiếp ứng, cùng tiến vào cửa Đan Nhai ở xã Hội Thống [2]. Chia quân đặt tướng đâu đó đã xong, Tiết chế Thuận Nghĩa truyền cho các tướng tuân lệnh theo thứ tự tiến phát, ai trái lệnh sẽ xử trị theo quân pháp. Các tướng đều tuân lệnh, đến giờ Dần ngày mười một tháng năm các đạo quân chỉnh điểm binh mã lên đường.

Chỉ thấy:

Binh uy lẫm liệt, gươm giáo sáng ngời,
Chiêng trống động trời xanh, cờ quạt che đất biếc.
Người người dũng tráng, ai nấy anh hùng.
Đồng lòng diệt địch, cùng chí chém tướng cướp cờ [3].

Nói tiếp quân thủy do trấn thủ Dương Trí chỉ huy, chập tối ngày mồng mười cho chiến thuyền tiến phát. Giờ Tuất [4] Đốc chiến Chiêu Vũ đem quân bộ, voi ngựa đến xã Lạc Đạo ở núi Nam Giới, đặt quân mai phục. Dân xã Lạc Đạo thấy vậy phi báo cho tướng Trịnh là quận Xuân [5] biết tin. Quận Xuân vội sai người đến trình với Nguyên súy Thái bảo Ninh quận công. Quận Ninh liền sai quận Lý [6] đem hai mươi chiến thuyền đến tiếp ứng cho quận Xuân để cắt đường không cho thủy quân bên Nguyễn tiến đến núi Nam Giới dựa vào mạn thuyền mà bắn vào cửa biển, và không để cho chiến thuyền của quân Nam cập bờ.

Quận Lý được lệnh vội đem chiến thuyền đến tiếp ứng cho quận Xuân. Tướng bên Nam là Đốc chiến Chiêu Vũ đứng ở núi Nam Giới

---

1. Khoảng 1–3 giờ sáng.

2. Bản sao chép là "Đan Nhai, Hội Thống nhị hải môn", chắc là chép nhầm. Đúng ra cửa Đan Nhai ở xã Hội Thống.

3. Bản sao ở trước chữ "kỳ" (cờ) chép một chữ không thành có dáng như chữ "cử" đúng ra đây là chữ "đoạt" (đoạt kỳ = cướp cờ). Cướp cờ chém tướng là nhóm từ thường dùng trong việc mô tả chiến trận.

4. Giờ Tuất: khoảng từ 7–9 giờ tối.

5. Quận Xuân chỉ huy thủy binh của quân Trịnh đóng ở Cửa Sót trong trận này, ĐNTLTB chép tên là Xuân và chú là không rõ họ. Đoạn sau lại ghi một tướng khác: Lê Sĩ Hậu. *Cương mục* chép đúng là *Xuân quận công Lê Sĩ Hậu.*

6. ĐNTLTB chép "thuộc tướng của Trịnh Ninh tên là Xuân (không rõ họ)".

trông thấy chiến thuyền của quận Lý đậu ở phía bờ đối diện bèn hạ lệnh cho quân bắn mạnh. Quân hai bên đánh lớn mấy đợt chưa phân thắng bại. Bỗng thấy chiến thuyền của trấn thủ Dương Trí dàn hàng ở phía ngoài cửa biển. Quận Xuân sai quân bắn tới rất rát, chiến thuyền quân Nam không tiến vào bờ được. Đốc chiến Chiêu Vũ bèn chia quân đóng giữ các nơi bên bờ cửa biển, giương cờ làm hiệu, nhằm vào đội hình thuyền ngang [1] mà bắn liên tục trong gần suốt buổi sáng.

Trấn thủ Dương Trí ở ngoài biển nhìn vào bờ thấy cờ hiệu ngoài trắng giữa đỏ, biết là quân của Đốc chiến Chiêu Vũ. Dương Trí quát vang một tiếng như sấm động, rồi đốc thúc chiến thuyền tiến thốc lên. Quân thủy của Dương Trí bắn tới tấp vào thuyền địch. Quân Trịnh chết rất nhiều, thây rơi đầy sông Cửa Sót. Quân Trịnh thất thế, quận Lý, quận Xuân vội bỏ thuyền lên bờ chạy trốn. Chiến thuyền của quân Nam tiến vào sông Cửa Sót, thế như rồng bay chớp giật. Quận Xuân trở tay không kịp, liền bị bắt sống trước trận. Quân Nam thu được ba mươi sáu chiến thuyền, cùng khí giới, quân lương nhiều không kể xiết.

Quận Lý một mình chạy trốn về Vĩnh Dinh cấp báo. Quận Ninh vội sai Phò mã Trình đem bốn mươi chiến thuyền đến tiếp chiến. Thủy quân hai bên gặp nhau đánh lộn, tiếng súng nổ vang như sấm dậy. Bỗng có cơn gió nam bốc ngọn lửa lên cao, khói mù mịt trùm tỏa. Đoàn thuyền chiến của quân Trịnh như lạc vào giữa đêm đen, quân lính kinh sợ, hoảng hốt bỏ thuyền chạy lên bộ. Quân không theo tướng, tướng chẳng đoái đến quân, mạnh ai nấy chạy, tìm đường lánh trốn. Quân Nam thu được bảy mươi sáu chiến thuyền ở Cửa Sót. Phò mã Trình chạy về báo cho quận Ninh biết quân Nam khí thế sắc mạnh, khó bề chống giữ. Quận Ninh nghe nói cả sợ, bèn cho lui quân về chiếm giữ lũy Đò Điểm [2] . Đốc chiến Chiêu Vũ thúc quân tiến đến chia các mặt vây lũy, đánh vào rất gấp. Quận Ninh thất thế, trông ngóng không thấy có quân cứu ứng, lặng người suy nghĩ hồi lâu. Bấy giờ quận Ninh phải nhận rằng các tướng bên Nam lắm trí nhiều mưu,

---

1. Nguyên văn: "hoành thuyền", chỉ chiến thuyền của quận Xuân Lê Sĩ Hậu bấy giờ dàn hàng ngang trên biển để chặn đánh thủy quân của bên Nguyễn.

2. Nguyên văn chép là: *"Độ diêm"* đọc theo âm Nôm là *"Đò Điểm"* *Cương mục* (Q.32, 16a) chép là *"Hoạt độ"* tức là chép nhầm chữ *"Điểm"* ra chữ *"Hoạt"* (2 chữ có nửa bên phải giống nhau) và chú CNDC chép *"Đò Điểm"* là chính xác; địa danh ấy đến nay vẫn còn, gọi là *Đò Điểm* hay *Đồ Điệm* ở phía Bắc huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

quân Nam tinh nhuệ cường tráng, còn bên quân nhà thế cô lực yếu như một muôi nước khó dập tắt đám cháy nghìn xe. Chi bằng hãy sớm đầu hàng để mưu hậu kế. Nghĩ vậy, Ninh quận công Trịnh Tuyền muốn đem quân ra hàng. Gặp lúc nước thủy triều rút xuống, tướng chỉ huy quân bên Nam là trấn thủ Dương Trí phải đem chiến thuyền lui về đóng giữ ở Cửa Sót. Đốc chiến Chiêu Vũ thấy vậy cũng muốn rút quân về để hỗ trợ quân thủy. Bên quân Trịnh có tên lính dò biết tình hình như vậy liền phi báo với Thái bảo quận Ninh: "Bên Nam, quân thủy quân bộ đều đã lui về đóng trại ở Cửa Sót, không rõ họ dùng kế sách gì!"

Quận Ninh nghe nói cả mừng, không kịp truyền lệnh cho quân sĩ, vội bỏ cả đạn dược khí giới chạy về lũy Đại Nài, cùng với quận Đương đóng quân chống giữ.

HỒI THỨ MƯỜI SÁU

**Đại Nài thất lợi, Thuận Nghĩa dừng quân cố thủ
Bình Hồ thắng lớn, Chiêu Vũ muốn tiến ra Vinh**

Sáng sớm ngày mười hai, trấn thủ Dương Trí và Đốc chiến Chiêu Vũ dẫn quân thủy bộ cùng tiến qua huyện Thiên Lộc, đến sát sông Lam. Thủy quân dừng đóng ở bờ sông, quân bộ tiến theo quân chính đạo.

Kể tiếp chuyện quân ở chính đạo của Tiết chế Thuận Nghĩa do trấn thủ Phù Dương làm tiên phong tiến thẳng đến xã Đại Nài, đánh gấp vào lũy thượng đạo của Đương quận công Đào Quang Nhiêu. Quận Đương chia quân cố thủ. Quân Nam không phá được lũy, đôi bên cầm cự giằng co không phân thắng bại. Vừa lúc đó cánh quân thượng đạo của Chưởng cơ Triều Khang và Thị chiến Xuân Đài tiến đến xã Thanh Bộ, cùng hợp sức đánh vào. Phó tướng Nghĩa Lâm, Tham tướng Vân Long và Thị chiến Quảng Xuyên dẫn quân thủy tiến thẳng đến cửa Đan Nhai đánh thủy quân Trịnh của quận Tài, cả phá được.

Bấy giờ tướng Trịnh là quận Ninh và quận Đương (đang bị vây ở lũy Đại Nài) bảo nhau rằng: "Quân Nam cậy khoẻ, coi khinh chúng ta quá lắm! Nhưng bọn họ là người thế nào, chúng ta là người thế nào mà dám làm quá quắt như thế?" Nói đoạn hai tướng tức giận quả quyết dẫn đại quân xông ra, liều một phen tử chiến. Bên quân Nam, các tướng Triều Khang, Phù Dương ít quân không địch nổi, bị thua to, phải chạy về Dinh Cầu và quận Đương dẫn quân đuổi theo đến tận xã Tam Lộng [1]. Tàn quân bên Nguyễn chạy về báo cho Tiết chế Thuận Nghĩa biết hai tướng Triều Khang, Phù Dương thua chạy, hiện không biết hướng nào. Tiết chế Thuận Nghĩa liền sai văn chức Hoằng Tín là tham mưu ở doanh Bố Chính truyền mật lệnh cho tướng cầm quân các đạo đang đóng ở sông Lam biết: "Hôm trước quận Ninh và quận Đương đuổi theo quân thượng đạo của tướng Triều Khang và Phù Dương đến tận xã Tam Lộng. Bọn quận Ninh ngờ có quân ta ở đó, tất phải rút quân về. Các tướng phải chia quân mai phục để chặn đường về của chúng, như thế tất sẽ bắt sống được bọn quận Ninh, quận Đương".

---

1. *Tam Lộng:* tên xã thuộc huyện Cẩm Xuyên (Hà Tĩnh).

Bèn sai Tham tướng thủy quân là Vân Long làm tiền đội dàn chiến thuyền ở đò Phù Thạch, Trấn thủ Nghĩa Lâm làm trung đội, dàn chiến thuyền từ Ngã Ba Triều [1], Trấn thủ Dương Vạn làm hậu đội dàn quân ở khúc sông phía trên xã Yên Việt [2]. Chuẩn bị sẵn sàng, hễ trông thấy quân Trịnh qua sông ở xã Nam Ngạn là tung quân chặn đánh để tiếp ứng cho bộ binh. Cai cơ Hoàng Tín dẫn mười chiến thuyền mai phục ở cửa sông Minh [3] chặn phía sau quân Trịnh. Đốc chiến Chiêu Vũ dẫn bộ binh, voi ngựa mai phục chỗ khuất ở xã Nam Ngạn để cắt đánh quân của quận Ninh.

Cắt cử đâu đó đã xong, các tướng tự điểm quân theo thứ tự, chờ đợi để tiến đánh.

Sáng sớm ngày mười bốn, Đốc chiến Chiêu Vũ dẫn quân đến xã Nam Ngạn dàn quân mai phục ở chỗ hẻo lánh phía sau ngôi đền trong núi, rồi sai quân đi do thám tin tức. Bỗng có quân tuần tiễu về báo tin:

– Hôm trước quận Ninh đem quân về qua dưới chân núi, đến xã Sơn Nê, sai quân đi dò xét xem quân ta đóng đồn ở đâu. Quân do thám về báo với quận Ninh rằng: Đốc chiến Chiêu Vũ đặt phục binh ở ngôi đền trong núi, tướng các đạo chia quân đóng chặt ở ven bờ sông Lam. Quận Ninh sai quận Đương đem ba nghìn quân đóng ở Cầu Nghèn xã Thổ Sơn [4] để cắt đường tiến của quân chính đạo nhằm đánh úp phía hậu quân của bên ta.

Lại có một tên quân nữa vào báo tin:

– Quận Ninh đã đem quân về đến xã Bạt Trạc.

Đốc chiến Chiêu Vũ nghe xong bèn cho mời Thị chiến Cống Giác vào bàn định. Chiêu Vũ nói:

– Bọn quận Ninh, quận Đương đem đại binh từ kinh đô vào đây. Nay quân bọn hắn đông, quân ta ít, phải chế ngự như thế nào?

---

1. Tức ngã ba sông, nơi sông Lam và sông La hợp lưu ở xã Triều Khẩu, nay thuộc huyện Hưng Nguyên.

2. Tức sông La từ chợ Hạ ở thị trấn Đức Thọ trở lên.

3. Nguyên văn chép "Minh Kiều cảng", có lẽ ở chỗ bến đò xã Trung Lương (huyện Đức Thọ) ngày nay. Những địa điểm trên đây đều nằm trên tuyến chắn ngang đường ra Vĩnh Dinh (Vinh).

4. Bản sao chép chữ *Mộc + Liêm*, đọc là *Rèm*. Có phần chắc là chép nhầm từ chữ *Mộc + Ngạn*, đọc là *Nghèn*. Cầu Nghèn ở xã Thổ Sơn (Trảo Nha huyện Can Lộc).

Cống Giác đáp:

– Lấy trí thắng lực, lấy ít thắng nhiều, tỏ ra yếu để thắng kẻ mạnh, tỏ ra sợ để thắng kẻ dũng, đó là phép của binh gia.

Đốc chiến Chiêu Vũ vỗ tay cười vang nói:

– Thị chiến nói rất phải lẽ! Vậy thì ta nên dùng kế "thị nhược thủ cường" (tỏ ra yếu để thắng kẻ mạnh) khiến cho bọn chúng hết khoe giỏi về sau!

Bèn một mặt truyền cho Cai cơ Hoằng Tín đem chiến thuyền mai phục ở bến đò Phù Thạch [1] để cắt đường quân Trịnh trở về Vĩnh Dinh. Nếu quân Trịnh phát hiện được sẽ tính kế khác. Đốc chiến Chiêu Vũ dẫn quân qua cầu Minh Lương, dàn quân chỗ cây đa lớn ở xã Bình Hồ [2] để nghi binh, khiến cho thủy quân Trịnh từ xa trông thấy binh thuyền của quân Nam lui về xã Nam Ngạn [3]. Khi thấy lá cờ trắng tung bay trên cây gạo ở xã Bình Hồ thì quân thủy liền quay lại phía cầu Minh Lương, nhằm chỗ cây gạo ra sức đánh bắn để lập công đầu, không được để lỡ thời cơ.

Cai cơ Hoằng Tín vâng lệnh tuân hành.

Lại sai Cai đội là Đô Tín và Thị chiến Cống Giác đem quân dàn trận ở Cồn Nổi xã Nam Ngạn, khi thấy quân Trịnh thì bắn chặn một đợt rồi giả vờ thua chạy về phía sau xã Nam Ngạn chia quân mai phục, giấu cờ im trống, chờ hiệu lệnh sẽ tung quân ra đánh, đó là phép lấy ít thắng nhiều, ai trái lệnh sẽ bị xử trí theo quân pháp.

Các tướng đều vâng lệnh chuẩn bị sẵn sàng.

Đốc chiến Chiêu Vũ dẫn quân dàn trận ở chỗ cây đa xã Bình Hồ, rồi ung dung ngồi uống rượu gảy đàn ca hát. Người đời sau có thơ bình tán rằng:

Ngày nắng đêm sao trời sáng thay,
Vua tôi gặp gỡ hội rồng mây.
Khoan rằng Quản Nhạc tài trăm thắng,
Hãy nói Tôn Ngô trí bậc thầy!
Khí phách anh hùng lo việc nước,

---

1. *Phù Thạch*: tên xã ở nam ngạn sông Lam (đối bờ với xã Triều Khẩu) nơi hợp lưu của sông Lam và sông La. Nơi đây từng là trị sở lâu đời của xứ Nghệ An.

2. Bản sao chép là Bằng Hồ tức xã Bình Hồ như đã chép trong ĐNTLTB và *Cương mục*, sau đổi thành Yên Hồ (tức làng Trổ) thuộc huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh.

3. Bản sao chép: "Nam giới Ngạn xã": thừa chữ "giới".

Kinh luân thao lược suốt xưa nay.
Nam Dương đã định chia ba cõi,
Muộn thấy xe yên[1] *khuất nẻo này.*

Lại nói chuyện quận Ninh, quận Đương đem quân trở về Cầu Nghèn sai quân đi do thám tin tức quân Nam. Quân do thám trở về báo rằng: "Các tướng bên Nam đóng quân ở các gò bãi bên bờ sông Lam, chỉ có Đốc chiến Chiêu Vũ đóng quân ở chỗ cây gạo giữa hai xã Bình Hồ, Nam Ngạn".

Quận Ninh hỏi:

– Ngươi thấy quân của Chiêu Vũ nhiều hay ít?

Quân do thám đáp:

– Con thấy cũng không nhiều, chỉ có chừng sáu bảy trăm, không thấy chiến cụ khí giới gì to nặng

Quận Ninh nghe xong đập tay cả cười rằng:

– Quân Chiêu Vũ thế cô, giống như cá mắc cạn, lọt vào lưới rồi, ta chẳng còn phải lo gì nữa.

Bèn truyền lệnh cho ba quân sẵn sàng để đánh bắt Chiêu Vũ. Trước hết sai năm quận công: Hợp Dụ, Quảng Lương, Tào Nham, Diễn Thọ[2], Sách Dương, cùng mười hai viên Thự vệ đem một vạn quân và năm nghìn thớt voi tiến đến đánh gấp vào Gò Nổi xã Nam Ngạn. Quận Ninh đích thân dẫn chính binh đến chợ Hạ rồi xuống cầu Minh Lương[3] đánh vào phía sau quân Nam để bắt sống Chiêu Vũ, cho ba quân làm gỏi nhắm rượu. Các tướng vâng lệnh dàn quân tiến phát.

Quân do thám bên Nguyễn kịp thời báo với Đốc chiến Chiêu Vũ biết tin tức như trên. Chiêu Vũ vui mừng nói:

– Thế là quận Ninh trúng kế của ta rồi!

Bèn truyền cho các tướng tuân hành theo đúng mệnh lệnh không để cho quận Ninh chạy thoát. Các tướng vâng lệnh đem quân đi dàn trận đón đợi.

---

1. Nguyên văn: "an xa", chỉ cỗ xe đón hiền của Lưu Bị đi đón Gia Cát Lượng.

2. *Cương mục* chú: Tào Nham và Diễn Thọ (đều sót họ).

3. Bản sao chép là Cầu Dinh (tức Dinh Cầu ở thị trấn Kỳ Anh) không liên hệ gì đến chiến sự nói đây. Hẳn là chép nhầm. Ở trên đã hai lần cho biết mưu kế của Chiêu Vũ đưa quân đi qua rồi quay lại cầu Minh Lương, tức là khoảng bến đò xã Trung Lương. Như vậy đúng ra phải chép là Minh Kiều (chép là "Cầu Dinh có lẽ do liên tưởng vì địa danh ấy xuất hiện nhiều trong sách này).

Bỗng từ phía Tây Nam, quân Trịnh do bọn Hợp Dụ, Quảng Lương, Tào Nham, Diễn Thọ, Sách Dương chỉ huy tiến gấp đến xã Nam Ngạn, đánh lớn một trận với quân Nam do Đô Tín chỉ huy. Đô Tín giả thua chạy về phía sau xã Nam Ngạn ém quân mai phục. Đốc chiến Chiêu Vũ nghe tiếng súng nổ vội đem quân quay trở lại bờ Nam cầu Minh Lương (Minh Kiều), rồi tiến vào xã Nam Ngạn cho buộc lá cờ trắng trên cây gạo xã Bình Hồ. Lá cờ trắng hứng gió, phần phật tung bay.

Bấy giờ Tham tướng Vân Long thấy cờ hiệu liền lệnh cho thủy quân bắn gấp. Quân lính bên Trịnh muốn lùi lại, nhưng bọn Tào Nham vẫn muốn lập công danh, cứ xua quân thẳng tiến. Bất ngờ gặp Đô Tín tung phục binh ra đánh. Tào Nham hỏi:

– Tướng bên Nam là ai, cho biết họ tên rồi mau mau đầu hàng kẻo bị đầu rơi khỏi cổ!

Cai đội Đô Tín cả giận nói:

– Ta là Đại tướng của Nam triều. Mi là kẻ sất phu nhãi nhép sao dám hỏi tên ta?

Nói xong bèn xông lên đánh Tào Nham. Tào Nham chưa kịp chống cự đã bị Đô Tín nhanh tay bắn trúng, từ lưng voi lăn nhào xuống đất. Diễn Thọ thấy vậy thúc voi xông đến trợ chiến cứu Tào Nham, nhưng bị Đô Tín bắn chết vắt thây ngang lưng voi. Bọn Hợp Dụ, Quảng Lương, Sách Đương đang ở cách sông, thấy hai tướng Tào Nham, Diễn Thọ bị giết trước trận, vội chạy về theo quân của quận Ninh. Đại binh ở hướng chính đạo của bên Trịnh thẳng tiến đến chỗ cây đa ở xã Bình Hồ, bỗng tiếng súng nổ vang như sấm, đạn bay rào rào như mưa, quân Trịnh chết tại trận nhiều không kể xiết. Quận Ninh vội lui quân về chợ Hạ [1]. Bấy giờ tướng tiên phong của quân Trịnh là quận Hào và Triều Hoa [2] đem quân lui trước đến khúc sông La phía trên xã Yên Việt bất ngờ bị đoàn chiến thuyền ba mươi chiếc của quân Nam đuổi đánh, bắt sống được, áp giải về Dinh

1. *Chợ Hạ* (Hạ thị): chưa rõ chỉ chợ Hạ ở thị trấn Đức Thọ hay chợ Hạ nào. Các sách khác như *Cương mục*, ĐNTLTB đều chép sau trận đánh ở xã Nam Ngạn, Trịnh Tuyền (quận Ninh) đem quân chạy về An Trường (Vinh).

2. Nguyên văn chép: "Hào quận Triều Hoa". Hào quận công là tên tước của Lê Thì Hiến. Như vậy Triều Hoa là một tướng khác cùng đi tiên phong với Lê Thì Hiến, nhưng không thấy chép rõ họ và chức tước.

Cầu[1] dâng nộp. Đốc chiến Chiêu Vũ bèn truyền lệnh thúc quân thẳng tiến đuổi bắt quận Ninh. Ba quân được lệnh ai nấy đều tranh lên đi đầu, quân đi dài hơn ba mươi dặm.

Thấy quận Ninh đã đi xa, Thị chiến Cống Giác bèn can rằng:

– Quân ta đã đi sâu vào đất địch, chưa tỏ tường hình thế núi sông thế nào. Hơn nữa ở cửa sông nước cạn, thủy quân của ta cũng đã rút đi xa, không có quân tiếp ứng. Nếu quận Ninh lập kế dụ địch, đặt quân mạnh mai phục, trước sau đánh xáp vào thì quân ta thế cô, biết lấy gì mà chống cự? Chi bằng lui quân bộ về cùng tiếp ứng với thủy quân, chọn nơi địa thế có lợi để đóng trại đồn trú, rồi đó sẽ bàn định mưu kế phá địch cũng chưa muộn. Binh pháp nói: Đất lợi thì giữ, đất hại thì bỏ. Đó là kế vẹn toàn, nắm chắc thành công.

Đốc chiến Chiêu Vũ cho là phải, bèn truyền lệnh lui quân về bến đò Phù Thạch, phao tin là đem ba trăm chiến thuyền để chở quân qua phía Bắc sông Lam, tiến thẳng đến Eo Gió để chặn đường về của quận Ninh.

Sáng sớm ngày mười sáu Chiêu Vũ truyền lệnh cho Cai cơ Triều Nghĩa dẫn quân qua sông Khu Độc[2] trở về cùng tiếp ứng với quân thủy.

Quân do thám của quận Ninh về báo tin quân Nam đã qua sông, cắt đường về ở Eo Ống. Quận Ninh cả kinh, gọi các tướng đến bảo rằng:

– Eo Ống là con đường cuống họng của quân ta. Chiêu Vũ cướp được thì quân ta trước là hết lương ăn, sau là không có đường về. Chưa biết phải tính liệu ra sao?

Rồi đó quận Ninh cho đem quân về Vĩnh Dinh chia đóng các nơi để chống giữ. Một mặt hội các tướng cùng thảo biểu văn, sai người về tâu với triều đình. Trong tờ biểu ấy, quận Ninh chỉ tâu về trận đánh thắng bọn Triều Khang, Phù Dương, còn những lần thua trận thì không nói đến.

Thanh vương Trịnh Tráng nghe tâu việc Ninh quận công Trịnh Tuyền, Đương quận công Đào Quang Nhiêu đánh thắng tướng bên Nam là Triều Khang, Phù Dương, cho là công lớn, bèn sai sứ vào Vĩnh Dinh phong cho Thái bảo Ninh quận công làm Khâm sai Tiết

1. Bản sao chép là "áp giải về Vĩnh Dinh hiến nộp", chắc là nhầm ở chữ Vĩnh. Đúng ra là Cầu Dinh (Kỳ Anh), vì Vĩnh Dinh (Vinh) là đất bên Trịnh.

2. Nguyên văn viết là "Khu giang" tức sông Khu Độc thuộc địa phận huyện Nghi Xuân dưới chân núi Hồng Lĩnh.

chế thủy bộ chư doanh, kiêm hành trấn thủ Nghệ An đạo phó đô tướng, hàm thái uý, tước Ninh quốc công; chuẩn cho Đô đốc đồng tri Đương quận công Đào Quang Nhiêu được khỏi tội trước, thăng hàm Thái bảo; Hào quận công Lê Thì Hiến được thăng chức hữu Đô đốc; các tướng văn võ khác đều được thăng chức tước có thứ bậc khác nhau.

Bọn Ninh quận công vâng sắc lệnh, vái tạ ơn, mở yến tiệc khoản đãi sứ giả. Sau đó sứ giả lên đường, ngày đêm ruổi gấp về kinh.

Lại nói tướng Nam triều là Tiết chế Thuận Nghĩa cùng Trấn thủ Đại Thắng dàn quân ở cầu Đại Nài đánh lớn với quân Trịnh. Bỗng có lính tiền tiêu ruổi ngựa về báo:

– Tiên phong bên quân ta là Tham tướng Triều Khang và trấn thủ Phù Dương đánh quân của quận Ninh, quận Đương, bị bọn chúng đuổi chạy đến xã Tam Lộng. Quận Ninh muốn quay lại chặn đánh hậu quân của bên ta. Hai tướng Triều Khang, Phù Dương nhân đó chạy về Dinh Cầu, vứt bỏ chiến thuyền khí giới đạn dược để cho quân Trịnh thu nhặt được.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe tin quân tiên phong thua trận, lại chờ tin bốn trấn ngoài Bắc chưa thấy dấy binh. Huống chi nay quân Trịnh thì đông, quân mình thì ít, địa thế núi cao sông rộng không biết lấy gì mà chế ngự. Chi bằng hãy rút quân về đóng ở Dinh Cầu, giữ nơi hiểm yếu, rồi sau sẽ mưu tính kế khác. Tiết chế Thuận Nghĩa bèn triệu họp để hỏi ý kiến các tướng. Các tướng đều nói:

– Lời bàn của Tiết chế rất phải!

Thuận Nghĩa bèn sai Tham tướng Vân Long chặn đường phía sau để tiếp ứng. Đốc chiến Chiêu Vũ truyền lệnh cho các tướng đem quân rút về Dinh Cầu từ từ, chớ để cho quân Trịnh hay biết.

Bấy giờ Đốc chiến Chiêu Vũ đuổi quân quận Ninh đến chợ Hạ nghe lệnh truyền của Tiết chế, bèn rút quân về xã Cổ Đạm [1]. Có người dân ở xã ấy đến báo tin: "Quận Đương đem ba nghìn quân dàn trận ở Lũng Hống để đợi quân Nam, chập tối hôm nay đã đến chỗ bến đò Cương [2]".

Đốc chiến Chiêu Vũ nghe xong bèn sai người xuống cửa biển Hội Thống báo tin cho Tham tướng Vân Long biết để Vân Long gấp sai

---

1. *Cổ Đạm:* tên xã ở huyện Nghi Xuân.
2. *Bến đò Cương:* có lẽ nói đến bến đò ở xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân.

người vào cửa Nhượng trình với Tiết chế Thuận Nghĩa sai bộ binh tiếp chiến. Một mặt lệnh cho Tham tướng Vân Long đem chiến thuyền phục sẵn ở bến đò Cương trợ chiến để tăng thanh thế. Nếu gặp quân của quận Đương thì đem quân ra đánh lớn để bắt sống quận Đương.

Tham tướng Vân Long vốn có điều bất hòa với Đốc chiến Chiêu Vũ, bèn bảo người đưa tin rằng:

– Ông về trình với quan Đốc chiến rằng: hiện nay quan Tiết chế đã có lệnh bảo tôi gấp đem thủy quân về. Tôi không dám nán lại đây nữa. Huống hồ chinh chiến là việc lớn của quốc gia, Chúa thượng ở xa, mệnh lệnh đều do quan Tiết chế định đoạt, tôi đâu dám trái lệnh. Canh tư đêm nay tôi phải đem chiến thuyền về đậu ở Cửa Sót để đợi lệnh, quan Đốc chiến cũng nên mau chóng đem quân bộ đi theo cho kịp thủy quân. Nếu đến bến đò Cương gặp quân địch thì xin bắn súng làm hiệu, tôi sẽ cho quân thủy lên bờ tiếp chiến, quân Trịnh tất phải thua.

Sai nhân trở về trình với Đốc chiến Chiêu Vũ như trên. Chiêu Vũ nghe qua biết ý, nhưng làm thinh không nói. Sáng ngày mười bảy, Đốc chiến Chiêu Vũ truyền lệnh lui về cửa Hội Thống để cùng xuất phát với thủy quân, dùng loại ghe dài chở những khí giới bắt được của quân Trịnh, cùng rời cửa Hội Thống lui về đóng ở Dinh Cầu. Bấy giờ Chiêu Vũ trong lòng chỉ giận không bắt sống được quận Đương để trừ hậu họa.

Người đương thời có thơ bình tán rằng:

Anh hùng hiển hách móng diều dương,
Tì kiếm nhanh bon động viễn phương.
Từng múa thương đao lên Bắc ải,
Lại cầm tiết việt vượt Tây Giang.
Đừng buồn thế sự nhân tâm đoản,
Nào sợ non sông dặm đường trường.
Ví thử đệ huynh lòng chẳng bợn,
Kinh đô văn võ dám ai đương?

Lại nói ở Nam triều, Hiền vương Nguyễn Phúc Tần ra đóng tại điện Phù Lộ ở xã Bắc Hà châu Bố Chính, nghe tin Tiết chế Thuận Nghĩa tiến quân ra sông Lam đuổi đánh quân Trịnh, bèn triệu các tướng văn võ đến hành điện bảo rằng:

– Nay hai tướng Thuận, Chiêu đã phát binh tiến đánh, ta phải

thống lĩnh đại quân theo ra tiếp ứng. Các khanh sửa soạn để lên đường ngay!

Các tướng vâng lệnh vái chào ra về.

Tháng năm, ngày mười một, giờ Thìn, Hiền vương thống lĩnh đại quân tiến ra sông Lam. Chỉ thấy:

Tả hữu binh uy răm rắp,
Trước sau khải giáp lấp loang.
Gươm giáo sáng loè muôn đội,
Quân kỳ nắng dọi đôi hàng.
Chiêng phèng rền khua đất chuyển,
Sừng trống[1] ảnh ỏi trời vang
Quân Nam khoe cứng mạnh,
Tướng Trịnh xiết kinh hoàng.

Sáng sớm ngày mười hai quân đến gò núi Lũng Bông. Bỗng thấy trên đường có người hốt hoảng chạy đến trước xe Chúa, tâu rằng:

– Quân thượng đạo của Chưởng cơ Triều Khang và Trấn thủ Phù Dương bị thua trận, phải chạy về xã Na Khố, chưa biết sống chết ra sao. Quân Bắc đã đuổi theo đến Lũng Nồm. Nhưng ở Lũng Nồm chỉ có một con đường thông đến phía sau Lũng Bông. Xin Chúa thượng quay lại ngay kẻo mắc mưu giặc.

Người ấy vừa nói vừa khóc, chúa Hiền nhìn kỹ mới hay đó là người xá sai quê ở xã Mộc Hãn tên là Phú.

Hiền vương hỏi:

– Thế quân Chiêu Vũ ở đâu?

Xá sai Phú đáp:

– Thần nghe nói quân Chiêu Vũ đã trúng kế giả thua, bị quân Bắc dụ đến xã Bình Hồ. Từ đó mất tin tức, không biết được thua thế nào.

Chúa Hiền nghe nói cả kinh, lại hỏi Thuận Nghĩa và các tướng khác hiện ở đâu. Xá sai Phú đáp:

– Quan Tiết chế cùng với Trấn thủ Đại Thắng hiện đóng quân chống cự với quân Bắc ở cầu Đại Nài.

Chúa Hiền hỏi:

– Ngươi dự đoán Thuận Nghĩa chống nhau với giặc thua được ra sao?

1. Nguyên văn *Cổ giác: cổ* là *trống, giác* là tù và làm bằng sừng trâu để thổi tiếng hiệu.

Phú đáp:

– Quân Bắc đông hơn quân ta cả chục lần. Hơn nữa quân quận Ninh đang lúc thắng thế đã đuổi Triều Khang và Phù Dương chạy dài. Nhưng Triều Khang, Phù Dương hiện đã chạy xa, thần cho rằng quân Bắc tất sẽ chia đường quay về để đánh vào phía sau quân ta. Thần trộm nghĩ Tiết chế và các tướng khó mà thắng nổi. Mong Chúa thượng cho xa giá phản hồi ngay. Ở đây đã gần chỗ quân Bắc rồi.

Chúa Hiền nghe nói cả giận, tuốt gươm khỏi vỏ nghiêm giọng nói rằng:

– Quân lính quận Ninh là hạng bọ ngựa, làm sao mà dám chống cả cỗ xe?

Bèn truyền lệnh cho các tướng chia quân dàn trận chờ đợi, sẵn sàng giao chiến với quân Trịnh một trận lớn, tiến thẳng đến Trung Đô bắt sống cha con Thanh vương, Tây Định [1] để rạng mặt anh hùng cõi Nam! Các tướng đều can rằng:

– Quận Ninh là hạng tướng trẻ hoi. Chúa thượng cầm quân giao chiến với hắn khác nào như lấy châu ngọc mà đạp gạch đá. Giết gà đâu cần đến dao trâu! Phải chờ Trịnh Tráng, Trịnh Tạc đem quân đến đây, bấy giờ Chúa thượng ra đối địch mới là xứng đáng. Vả lại lời bẩm của xá sai Phú xem ra cũng có lý. Bọn thần xin Chúa thượng lui xe. Chỉ cần sai vài viên tướng mạnh dàn quân ở đây đón đợi, nếu gặp quân Bắc thì tung quân đánh lớn, bắt sống quận Ninh giải về dâng nộp. Chúa thượng cần chi phải nhọc mình, cầm quân đi chặn địch?

Bấy giờ Thủ bạ Đông Triều [2] tâu rằng:

– Thần trộm nghĩ là không nên rút quân, chỉ nên dàn trận để đón đánh. Thần xin cùng các tướng đem quân đi chặn địch, bắt quận Ninh dâng nạp trước Chúa thượng để quân Bắc khỏi cho rằng quân ta nhát sợ.

Hiền vương im lặng nghĩ rằng: Xá sai Phú đã nói như thế, nếu không tạm lui binh, xảy ra sự gì sơ suất thì liệu tính ra sao? Hiền vương chần chừ hồi lâu chưa quyết bề nào, Đông Triều hầu Trần Đình Ân lại thưa rằng:

– Hiện nay chưa tiếp được khải văn của quan Tiết chế. Huống chi

1. Tức Trịnh Tráng và Trịnh Tạc

2. Tức Đông Triều hầu, tên tước của Trần Đình Ân.

xá sai Phú dọc đường có thể nghe lầm tin thất thiệt cũng chưa đáng tin. Xin Chúa thượng minh xét.

Hiền vương vẫn do dự chưa quyết. Xá sai Phú lại khóc lớn mà thưa rằng:

– Xin Chúa thượng nghe lời khuyên can của các tướng, gấp cho lui quân, chớ nghe lời của quan Thủ bạ mà lỡ việc.

Lúc ấy Hiền vương mới quyết ý truyền lệnh cho lui về. Một mặt sai chức sự là Tài Trí và Văn Cảnh đi dò xét tin tức, hư thực ra sao kịp về báo. Lại sai xá Hân [1] đi truyền lệnh cho Tiết chế Thuận Nghĩa và các tướng đi tìm để tiếp ứng cho Chiêu Vũ, nếu để Chiêu Vũ bị thất lợi thì đừng trở về kiến diện ở vương đình. Lại sai xá Thắng gấp đi tìm Chiêu Vũ để truyền lệnh gọi Chiêu Vũ đem quân về phủ An Trạch, Quảng Bình không được chậm trễ.

Các sứ giả của chúa vâng lệnh cấp tốc lên đường.

Chúa Hiền bèn cho quân lui về châu Bố Chính phía Nam sông Gianh chờ đợi tin tức. Cách vài hôm sau, bọn Tài Trí, Văn Cảnh trở về tâu rằng:

– Tiết chế Thuận Nghĩa, Trấn thủ Đại Thắng cùng các tướng cự chiến với quân Bắc ở cầu Đại Nài. Quân địch cố thủ không dám đối trận. Quân của Đốc chiến Chiêu Vũ, Trấn thủ Dương Trí, Nghĩa Lâm, Tham tướng Vân Long đánh tan quân giặc ở Cửa Sót và cửa Hội, đuổi quân của quận Ninh đến chợ Hạ thì quay về. Trấn thủ Phù Dương vây đánh lũy thượng đạo, nhưng không đề phòng trước nên bị quân Bắc bất ngờ đánh ra cướp trận, đến nỗi phải thua chạy. Tiết chế Thuận Nghĩa và các tướng đều xét thấy nơi đây phía trước là sông lớn, phía sau là núi cao, hơn nữa quân Bắc đông quân ta ít, đại quân của vương đình chưa ra tiếp ứng, bốn trấn ngoài Bắc cũng chưa thấy động tĩnh, tình thế khó giành phần thắng. Vì vậy Tiết chế đã xuống lệnh cho quân lui về Dinh Cầu đóng giữ để định kế khác. Nay bọn quận Ninh đã chạy về Vĩnh Dinh.

Chúa Hiền nghe bọn Tài Trí, Văn Cảnh tâu xong bừng bừng nổi giận, lấy làm hối tiếc nói rằng:

– Ta nhất thời nghe lời nói xằng bậy, trót để mất cơ hội rồi!

Nói đoạn truyền lệnh đao phủ xử trảm xá Phú, bêu đầu thị

---

1. Xá Hân tức là xá nhân (người giúp việc) tên là Hân.

chúng, rồi đem quân trở về ngự dinh ở phủ An Trạch thuộc dinh Quảng Bình.

Bấy giờ xá Thắng ra đến Dinh Cầu vừa may gặp quân của Đốc chiến Chiêu Vũ. Xá Thắng bèn truyền lệnh chỉ của chúa gọi Chiêu Vũ ngày đêm đi gấp đem quân trở về.

Đúng là:

Sứ chúa chẳng nề tê yên ngựa,
Tôi hiền rong ruổi yết long nhan.

HỒI THỨ MƯỜI BẢY

Dinh An Trạch, Chiêu Vũ trình chiến sách
Xứ Hải Dương, quận Phấn mắc mưu gian

Nói tiếp việc chúa Hiền đem quân về đến phủ An Trạch biết Thuận Nghĩa và các tướng đã lui quân về Dinh Cầu, chỉ còn Đốc chiến Chiêu Vũ thì vẫn bặt vô âm tín. Chúa Hiền vì vậy càng thêm lo lắng, ăn không biết ngon, ngủ chẳng yên giấc, ngày ra cửa ngóng nhìn, đêm đốt đèn ngồi đợi, cầu khấn trời đất quỷ thần phù hộ. Bỗng có người hầu vào báo:

– Bẩm Chúa thượng, Đốc chiến Chiêu Vũ đã về, hiện đang đợi ngoài cửa phủ!

Chúa Hiền nghe tin cả mừng sai người ra đón tiếp. Chiêu Vũ vào ngự doanh phủ phục lạy chào. Chúa Hiền bước xuống thềm vui mừng nói:

– Ta gặp lại Chiêu Vũ cũng mừng như được thấy Trung Đô.

Chiêu Vũ cúi đầu vái tạ tâu rằng:

– Thần nhờ có Chúa thượng cao minh, được quỷ thần phù hộ, không may lọt vào hang cọp mà vẫn được an toàn khỏi lo.

Chúa cả cười dắt tay Chiêu Vũ lên ngồi bên ghế ngự, nói:

– Chập tối ngày mười hai khanh đóng quân ở đâu?

Chiêu Vũ đáp:

– Từ giữa buổi sáng hôm đó, quân của bọn thần ở Cửa Sót, tiếp với thủy quân của Trấn thủ Dương Trí đi qua kênh Thiên Lộc cùng hội binh với trấn thủ Nghĩa Lâm, Tham tướng Vân Long đánh vào cửa Hội Thống bắt sống quận Xuân, thẳng tiến vào sông Lam, cùng các tướng hội họp bàn việc đánh lấy Vĩnh Dinh. Tiết chế Thuận Nghĩa truyền lệnh cho quân chính đạo chiếm giữ cầu Đại Nài, tiến đánh quân hạ đạo của quận Ninh ở sông Lam và quân thượng đạo của quận Đương, đợi quân của vương đình tiếp đến để thần tốc đuổi dài đến tận Trung Đô, không phải là điều khó lắm. Không ngờ bọn Triều Khang, Phù Dương dùng binh không biết tính toán đến nỗi thất bại. Ngày hôm ấy, thần trước đã đem quân bộ cùng với thủy

quân của Tham tướng Vân Long, trấn thủ Nghĩa Lâm, Dương Trí, Cai cơ Hoằng Tín, thủy bộ tiếp ứng cho nhau, cùng tiến qua bến đò Phù Thạch đến kênh Minh Lương. Quân của thần đóng ở chỗ cây đa giữa hai xã Nam Ngạn và Bình Hồ để làm kế dụ địch. Quận Ninh sai quân đi do thám biết thần đóng quân ở đó, lấy làm thích thú đắc thắng, vội sai bọn quận Dụ đem một vạn quân vây đánh. Bọn thần, trên nhờ uy đức của Chúa thượng, dưới cậy có nhuệ khí của ba quân, theo kế "tỏ yếu thắng mạnh, biến khách thành chủ". Quân Trịnh không hay biết, xông đến chỗ bọn thần đặt sẵn phục binh. Quân ta xông ra đánh giết, chém chết hai tướng Tào Nham, Diễn Thọ ngay tại trận. Quân Trịnh tan rã bỏ chạy. Quân ta thu được voi, ngựa, súng đạn, khí giới nhiều không kể xiết. Quân quận Ninh đến xã Bình Hồ, bị thủy quân của Cai đội Hoằng Tín chặn đánh. Quận Ninh thua to, liều chết chạy về Vĩnh Dinh. Thần đem quân đuổi theo đến chợ Hạ*, muốn đốc xuất quân lính tiến tới đánh phá Vĩnh Dinh. Nhưng lúc ấy Tiết chế đã truyền lệnh lui quân. Chỉ vì là lệnh của quan Nguyên súy, không dám bất tuân, đến nỗi mất cả cơ hội như thế! Thần rất lấy làm tiếc. Ví thử ngày ấy các tướng cứ theo kế sách của thần dự định thì bây giờ có thể Chúa thượng đã ngự tại Trung Đô, chẳng có gì phải lo nghĩ cả. Nhưng, thời âu cũng là vận đấy thôi, biết làm thế nào được.

Chúa Hiền nghe Chiêu Vũ nói xong, đập tay xuống chiếu, tiếc nói:

– Nếu ta sớm nghe lời Chiêu Vũ thì xuất quân lần này giang sơn đã thu về một mối! Chỉ vì ngày hôm ấy ta đem quân tiến đến Lũng Bông, giữa đường gặp tên xá Phú xằng bậy nói rằng các tướng Triều Khang, Phù Dương thua trận. Ta hỏi nó quân các đạo cùng với khanh lúc ấy ở đâu, thì tên ấy nói quân của Chiêu Vũ hiện không biết ở đâu! Quân các đạo khó địch nổi quân Trịnh, có cơ bị thất bại. Rồi nó khuyên can phải mau lui binh kẻo bị quân Bắc đánh úp. Khi ta đã lui binh về Bố Chính phía Nam sông Gianh mới biết bị mắc lừa, đã sai chém ngay tên Phú rồi. Huống chi khi đó đã lui binh về, cũng khó giành lại cơ hội. Ta đem quân về Quảng Bình ba, bốn ngày hôm nay, đã sai người đi dò tin, biết các tướng đã về đóng ở Dinh Cầu, chỉ có khanh là không biết tin tức ra sao, chỉ lo khanh bị thất lợi mà thôi. Nay thấy khanh về đây, lòng ta vui mừng khôn xiết, thật bõ công ngóng chờ. Chỉ vì khanh đi theo quân thủy tiến binh đã xa, nếu khanh gửi mật thư báo về cho ta biết rõ hư thực, tất là ta đã ruổi

quân ra tiếp ứng, cơ hội đã thành, khỏi cho tướng sĩ ba quân biết bao lao khổ! Hơn nữa quân ta tiến đóng Nghệ An đã hai năm, hễ đánh là thắng, đã giành là lấy được. Như thế thì bốn trấn ngoài Bắc tất đã nghe tin, họ Trịnh hẳn kinh hồn, nhụt khí. Nay ta lui quân như thế, bốn trấn chưa thấy động dạng, không biết ý khanh thế nào?

Chiêu Vũ tâu rằng:

– Thần kém tài cạn học, nghèo trí ít mưu, nhưng tuân lời vàng của Chúa thượng, thần xin được trình ngu ý: Trước là nhờ hoàng thiên che chở, được tông miếu phù trì, từ khi các tướng bên ta đem quân ra Nghệ An đã chiếm được bảy tám châu huyện. Anh hùng hào kiệt, sĩ tốt binh dân quy phục rất đông. Ngày quân ta chiếm giữ sông Lam kể cũng đã là lao khốn lắm. Các tướng sĩ cũ mới đều bảo nhau rằng Chúa thượng cao minh, sánh tày Hán Cao Tổ, đức sánh ngang với Đường Thái Tông, biết dốc lòng đãi sĩ, nhún mình cầu hiền, coi con đỏ dân đen như trân châu bảo ngọc, đúng là bậc minh chúa đời nay. Cho nên ai nấy đều vui lòng quy thuận, mừng chọn minh chúa mà thờ, người người đều đồng lòng hiệp sức làm hết đạo bề tôi, không có tình ý gì khác. Nhưng từ đó về sau, các tướng bên Trịnh mới theo về thường thấy quân ta tướng văn tướng võ hiệu lệnh không nghiêm, dung túng cho quân lính đi cướp phá các nơi. Lại thấy bên ta dùng người chỉ nặng cũ mà nhẹ mới, có công không ghi, có tội không xử. Bên ngoài tuy họ không nói ra, nhưng trong lòng đã chớm nản, cho nên mới đến nỗi như thế.

Vả lại thiên hạ chẳng phải là thiên hạ của riêng ai, mà thiên hạ là của thiên hạ vậy. Người xưa nói: chọn hiền không riêng một lệ nào. Từ nay muôn trông Chúa thượng chớ phân biệt bốn trấn, đừng xét ở chỗ đồng quận đồng hương. Nên chọn những người có tài mà ủy nhiệm công việc. Người có tài năng xuất chúng thì cho tăng bổng lộc để sai cầm quân, kẻ không giỏi việc quân thì cấp bổng lộc mà cho về dưỡng lão. Có công thì thưởng, có tội thì phạt, hiệu lệnh nghiêm minh, ai nấy đều vui vì được dùng đúng chỗ. Đó là chính đạo của việc dùng người. Còn như quân sĩ, kẻ nào dũng cảm thì tùy tài năng mà cất nhắc, trao cho chức tước, khiến cho hạ thần gần với bề trên, dám chết cho bậc trưởng. Ấy cũng là kế lớn trong việc dùng binh. Nếu làm đúng được như thế thì khắp chốn núi sâu hang cùng trẻ già mến đức theo về, người có tài không giấu, kẻ có trí không che. Thế gọi là dùng mồi trí để câu cá ngao, mở cửa song mà xem trăng sáng. Như thế có

lo gì không đẩy lùi được quân địch mạnh, thiên hạ một mối chẳng thu về? Vả lại, từ khi bên ta ra quân[1] đến nay đã trải hai năm tuy giết được quân Trịnh không biết đến mấy nghìn, thu chiến thuyền hơn trăm chiếc. Nhưng họ Trịnh hoành hành lấn vượt vẫn chưa diệt được, dân bốn trấn dù có tai nghe, nhưng cũng chưa tận mắt nhìn thấy. Vì vậy mà còn chần chừ nghe ngóng, chưa dám mưu tính gì. Người xưa nói: "Dễ thành do vận hội, khó được bởi thời cơ". Lại có câu: "Thành công do quả quyết, thất bại bởi chần chừ". Muôn trông Thánh thượng mạnh gắng uy kiền, tỏa sáng vầng nhật nguyệt, coi sự dùng người là việc gấp, lo diệt trừ bạo nghịch làm mưu kế trước tiên. Chớ nên vội tiến vội lui, thoắt đi thoắt về, khiến cho dân bốn trấn nghe tin mà nản lòng thì sự nghiệp lớn khó thành được. Nếu Chúa thượng cho rằng năm nay là năm hạn của mệnh Chúa, chưa hưng binh được, thì nên theo ý nguyện của dân chúng, cho đắp lũy để dân được ở yên. Lòng dân đã hiệp thì ý trời tất thuận. Công đắp lũy là do ở dân, khi lũy đắp xong thì lệnh cho thủy quân đến đóng ở cửa biển để khuếch trương thanh thế. Dân bốn trấn nghe biết tự nhiên sẽ nổi dậy như ong. Họ Trịnh đâu dám ngồi yên mà nhìn? Tất họ sẽ điều quân đi đánh dẹp. Nhưng phát binh đi đánh dẹp lại lo quân ta nhân lúc sơ hở mà đánh úp; lại sợ dân bốn trấn nổi dậy thế lực chia đôi, trước sau đều gặp địch.

Trong tình thế họ Trịnh lưỡng nan như thế, quân ta thừa thần cơ mà cử sự, thẳng tiến đến Trung Đô. Đến lúc ấy dẫu họ Trịnh có Gia Cát tái sinh, Bá Ôn xuất hiện cũng khó tránh khỏi thất bại. Nay thời đã đến, chớ nên ngồi nhìn. Đó là ngu ý của thần, cúi mong Chúa thượng hỏi thêm những người có Tài Trí khác để xét xem có thể thi hành được hay không. Ấy là điều phúc lớn của nước nhà vậy.

Hiền vương nghe nói cả mừng, bảo Chiêu Vũ rằng:

– Khanh trình bày mưu kế rất hợp ý ta. Bản ý của ta muốn gọi khanh về để hỏi cho rõ ràng thực hư rồi mới quyết. Nay khanh đã bẩm trình mọi việc, ta cứ theo kế sách đó, hà tất phải đổi thay ý khác. Từ nay, việc quốc gia đại sự ta đều ủy cho khanh. Khanh cần đem quân đi gấp, cùng với Thuận Nghĩa họp bàn các tướng mà thi hành. Trước là giữ gìn cuộc thế yên trị lâu dài để khai sáng cõi trời Nam, sau là kết mối đồng tâm với dân bốn trấn ngoài Bắc cùng diệt

1. Bản sao chép là "cẩn binh" đúng phải là "động binh" (hai chữ "cẩn" và "động" hơi giống nhau, dễ lầm).

trừ tiếm ngụy, nhất thống quy mô, vang uy với các nước, khuông phò cơ nghiệp nhà Lê đến chỗ thăng bình, chuyển dựng lại càn khôn, chính định danh phận vua tôi để cùng hưởng phúc của tổ tông. Đấy là sự nghiệp của anh hùng đất Nam Việt. Nếu có tin mật về việc gì khanh kíp sai người ruổi ngựa về báo để ta biết rõ kịp thời định liệu.

Chiêu Vũ nghe lời chúa nói, vái tạ vâng lệnh. Chúa Hiền nói xong vào trong trướng lấy một thanh bảo kiếm, vàng tốt hơn hai chục lạng, gấm Thục hai tấm, lụa tốt ba chục tấm thưởng cho Chiêu Vũ. Đốc chiến Chiêu Vũ vái từ, nói:

– Thần vâng mệnh đem quân đi đánh giặc còn thẹn chưa lập được chút công, đâu dám nhận đồ thưởng. Xin Chúa thượng giữ lại để thưởng cho quân sĩ.

Chúa Hiền nói:

– Đây chỉ là mấy thứ vật cũ ban cho khanh làm lộ phí đi đường, không phải là đồ thưởng. Khanh chớ khá chối từ.

Bấy giờ Chiêu Vũ mới chịu nhận, vái tạ lui ra, rồi lên đường ngày đêm đi gấp ra Dinh Cầu. Đến nơi, Chiêu Vũ thuật lại với Tiết chế Thuận Nghĩa lời căn dặn của chúa, Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

– Bọn ta mang ơn Chúa thượng, cùng mong muốn hoàn thành việc lớn. Đốc chiến nên sai người thăm dò tình hình bốn trấn ngoài Bắc hiện nay ra sao để còn trù tính kế khác.

Đốc chiến Chiêu Vũ đáp phải, rồi cáo từ về doanh viết mật thư. Viết xong, Chiêu Vũ sai bọn Văn Tường, Nho Hoàng, Thế Lương lên đường ra Bắc tìm hỏi tin tức của Ký lục Hồ. Bọn Văn Tường lĩnh mật thư và vật làm tin, luôn đêm đi lén ra Bắc. Khi qua trấn Sơn Nam, bọn Văn Tường, tình cờ gặp Ký lục Hồ đang trên đường đi du thuyết ở bốn trấn. Ký lục Hồ vui mừng đón bọn Văn Tường về nhà khoản đãi. Văn Tường trình tín vật và trao mật thư cho Ký lục Hồ. Ký lục Hồ tiếp bức thư, bóc ra xem. Thư viết:

"Gửi đến dưới đài của Ký lục tiên sinh ở Bắc trấn cùng các vị hào kiệt xem xét:

Từng nghe: khí số có đầy vơi, âm dương luân chuyển mà khó lường, nước nhà có thịnh suy, trời đất tuần hoàn mà chẳng nói. Suy xưa nghiệm nay, hết lại bắt đầu. Nhớ xưa: vua Lê Thái Tổ Cao hoàng đế, lúc đầu người ứng theo chỉ có nửa nghìn mà mở vận bình Ngô, khôi phục đất trời, hiển hách nhất thống, khoan thứ để yên dân,

sáng lập hoàng triều, dài truyền con cháu. Lập trị thì chính đáng, lập công thì lẫy lừng. Các đời nối truyền, vua sáng sánh tày sự nghiệp nhà Chu. Nước nhà hưng thịnh đất Việt vững cơ đồ. Về sau, nhân lúc vận nước suy vi đến nỗi gian thần tiếm vị. May thay, hoàng thiên cho đức Tĩnh vương[1] *ta ra đời, một tấm lòng son báo đền Lê đế. Giặc tặc đồ tiếm nghịch gian manh, phục nghĩa binh phù Lê diệt Mạc. Noi theo Quách Phần Dương khôi phục nhà Đường*[2] *lập công đầu, một xướng mà hào kiệt chín châu theo về, một hô mà anh hùng bốn biển đến họp. Từng nếm mật nằm gai, hòa rượu uống chung cùng quân sĩ. Nghiệp trung hưng đã hẹn ngày, nền hoàng gia lại đắp. Nhưng đạo trời khó lường, quốc thống còn gặp lúc gian truân. Rốt cuộc khiến cho họ Trịnh gian manh hoành hành, thừa cơ hội mà gây nên sự nghiệp, giữ ngôi vị để thỏa lòng gian. Thả chí như Tào Tháo kiêu rông, rắp tâm tựa Đổng Trác phản nghịch. Cho nên hai vị tiên vương ta xét kỹ thế vận, biết bĩ thái có kỳ, sâu nghĩ thời cơ, tính sự hưng vong khi còn chưa sáng tỏ. Giấu tiếng giữ đạo, sửa đức cầu hiền. Biết trời chưa bỏ kẻ gian thần, đành ẩn nhịn vừa mức mà xử thế để tùy cơ. Đã có lời thề, khá nhân theo mà báo nước.*

Trộm nghe rằng: Thanh vương tội ác đã dày hơn tổ phụ, hôn ám đã quá lỗi xưa. Dựa ở bọn nịnh thần mà mượn danh tiếm hiệu, tự chuyên phế lập thật ngạo mạn vô chừng. Trên dưới trái luân thường, giầy mũ đảo ngược. Ngày qua tháng lại, chốn cửu trùng Lê đế gối chẳng yên. Thoát hổ gặp trăn, trăm họ khốn khổ như thân mình treo ngược.

Trộm nghĩ: Như ta cũng là con cháu bậc công thần, làm phên dậu của nhà vua, ngày đêm một lòng khẩn khẩn, dốc chí cần vương, xót thương trăm họ, chăm chắm nghĩ việc cứu lửa vớt đuối. Nghĩ khó khăn nhất là sách lược khuông phò, chỉ một mưu e khó xong việc. Việc thiên hạ thật rất nặng, chỉ một sức lo khó thành. Mừng có tiên sinh là bậc cao minh ẩn dật, quả là người hào kiệt thức thời ở đời nay. Nén lòng xem chính sự bạo ngược, lén nấp giữa gian hùng. Gắng một lòng giúp vận phù vua, liên kết chính châu tuấn nghĩa. Đúc một chí cứu dân giúp nước, rộng tìm khắp bốn biển anh hùng. Có tiên sinh, cao phong tựa Khổng Minh, mưu lược sánh Tôn – Ngô. Được người cao minh hiền tài như thế thật khôn xiết vinh dự vui mừng.

---

1. Chỉ Nguyễn Kim (được truy tặng tước An Tĩnh vương).

2. *Quách Phần Dương*: tức Quách Tử Nghi, công thần đời Đường, giúp Đường Túc Tông dẹp loạn An Sử.

Nay sai viên tiểu sứ chuyển đạt lời chân thực bày tỏ tấm lòng thành, bố cáo công đạo. Dám phiền tiên sinh thi triển sức khuông phò, báo tin khắp các tướng tài Nam Bắc, bố cáo lòng nhân cứu đuối, để thu gồm hào kiệt khắp đông tây, hẹn nhau hội quân ở bến Mạnh Tân cùng đánh dẹp trên đồng Mục Dã. Cơ đồ Lê đế được trung hưng, càn khôn này chuyển lại. Được như thế thì công ghi sử sách, tên truyền không nát.

Thư không thể nói cạn lời. Mong tiên sinh cùng chư vị xem xét. Kính đạt".

Ký lục Hồ xem xong thư cả mừng, chấp tay trước mặt, nói rằng:

– Cám ơn Nam chúa có lòng yêu rất hậu, ngu tôi dẫu gan óc bết đất cũng không dám quên ơn. Lại có quý tướng lòng thành báo nước như thế, lão phu đâu dám không tận sức ngựa hèn?

Rồi đó Ký lục Hồ bèn mời các bậc danh tướng quen biết đến chơi nhà để cùng xem mật thư và tiếp nhận tặng vật. Xong đó mọi người đều hướng về phương Nam vái tạ lĩnh mệnh. Những người có mặt đều ước hẹn giữ lời nói trước, nguyện dấy binh tả hữu tiền hậu theo giúp quân Nam để lập nên công lớn.

Ký lục Hồ bèn sai con trai là Tú Phượng đem mật thư và tín vật đi khắp các nơi để báo tin cho những người quen biết. Một mặt lưu bọn Văn Tường ở lại nghỉ ngơi vài ngày để đợi tin tức đem về tâu báo với Nam triều. Bọn Văn Tường nghe theo, bèn chuyển sang bên nhà khách nghỉ ngơi đợi tin.

Người đời sau có thơ rằng:

Đã hay thiên ý hợp nhân tâm,
Dòng nước về đông sóng cuộn ầm.
Một sứ chẳng từ du thuyết khổ,
Bốn phương hổ rống lại rồng gầm.

Lại nói chuyện ở kinh đô Thăng Long, Tây Định vương Trịnh Tạc giữ người nước Minh là Ngô Cửu Lương không cho về nước. Vua Minh sai Đốc chiến Quảng Đông là Dương Tông đem một trăm chiến thuyền đến đóng ở Đàm Hồng để đòi trả Ngô Cửu Lương về nước. Dương Tông bèn truyền lệnh cho quận Phấn ở Đông đạo, Triều Kỳ ở Tây đạo làm tiên phong dẫn đường cho quân thiên triều đi hỏi tội Tây Định vương Trịnh Tạc vì cớ khinh mạn Hoàng đế thượng quốc bắt hiếp Ngô Cửu Lương không cho về nước. Một mặt gửi điệp văn

cho Tây Định, nói rằng: nếu thả Cửu Lương về nước thì tha thứ tội trước, nếu không sẽ cho quân đánh phá thành trì, già trẻ không khỏi bị tru diệt. Tây Định vương Trịnh Tạc nghe tin vội triệu hội quần thần bàn bạc. Bỗng có tin báo quận Phấn ở Đông đạo, Triều Kỷ ở Bắc đạo đã làm phản dẫn đường cho giặc. Tây Định vương Trịnh Tạc cả kinh, tức giận nói:

– Quân Nam xâm nhiễu biên cảnh, hiện còn chiếm đóng ở miền sông Lam chưa lui. Nay Đốc chiến Quảng Đông lại đem quân sang đóng ở Đàm Hồng. Người Cao Bằng đoạt lấy tô thuế không chịu nộp. Nay Đông Bắc hai đạo lại rắp tâm làm phản. Như thế chưa biết ý trời muốn làm gì ta đây?

Bèn gấp sai Quỳnh Nham ở dinh Thắng Nghĩa thống lĩnh năm mươi chiến thuyền đi chặn giữ quân Đốc tướng Quảng Đông. Lại sai Dĩnh quận công đem hai mươi chiến thuyền tiến đánh bọn quận Phấn, Triều Kỷ. Hai tướng vâng mệnh đem quân xuất phát.

Trước hết nói quận Dĩnh đưa quân đến ba sông ở Cầu Hoa, gặp lúc quận Phấn và Triều Kỷ đã hội quân, dẫn hai trăm thuyền nan vây đánh quận Dĩnh. Quận Dĩnh cả bại, bỏ thuyền lên bộ chạy về cửa Giao Thủy [1].

Tây Định vương Trịnh Tạc nghe tin, cả giận nói:

– Quận Phấn là đứa sất phu phản bội triều đình, tội lỗi của nghiệt đảng khó bề dung thứ!

Rồi đó Trịnh Tạc nghĩ ra được một mưu kế để bắt quận Phấn. Nguyên là ở đất Hải Đông có viên Cai tri là Hoàng Tín [2] có hai con gái nhan sắc đều xinh đẹp nguyệt thẹn hoa mờ, chim sa cá lặn, dáng đi tựa người Hàm Đan, nụ cười như nàng Tây Tử. Lúc trước quận Phấn muốn lấy làm vợ lẽ, nhưng Cai tri Hoàng Tín không bằng lòng, bèn đem hai người con gái ấy tiến vào cung làm thị nữ ở phủ chúa Tây Định. Quận Phấn căm giận, bèn bắt Hoàng Tín tống giam. Nhân đó, Tây Định vương sai người lén tìm người nhà Hoàng Tín bàn mật mưu như thế, như thế... Ngày hôm sau Tây Định truyền lệnh rằng: Vì Cai tri Hoàng Tín đồng mưu làm loạn với quận Phấn cho nên hai con gái làm thị nữ bị biếm truất, đuổi về nhà. Hôm ấy Hoàng Tín thấy con trở về, vui mừng khôn xiết, bèn đem cả hai người tiến cho quận

---

1. Tức cửa Ba Lạt ở huyện Xuân Thủy, Nam Định.
2. Bản Nôm chép là Hoàng Tín (A.559).

Phấn. Quận Phấn cả mừng, thu nạp ngay, rồi hỏi Hoàng Tín rằng:

– Hai quý nữ do đâu mà được về?

Hoàng Tín đáp:

– Từ khi tôn công dấy binh đánh quận Dĩnh đến nay, Tây Định vương sai quân bắt giam hai con gái của bỉ nhân, bảo bỉ nhân cùng với tông công đồng mưu làm loạn. Tây Định vì thế tức giận muốn giết hai con gái của bỉ nhân. Hai con của bỉ nhân bèn đem vàng bạc nhờ người dẫn đường ban đêm chạy trốn. Tây Định sai quân đuổi theo đến tận nhà bỉ nhân. Cha con gặp nhau mừng vui khôn xiết, nhưng mà còn sợ Tây Định lại sai quân đến nữa. Vì thế bỉ nhân xin đem thị nữ đến hầu hạ tôn công. Ngày sau đại sự thành công, cùng được hưởng phú quý, ấy là thỏa nguyện.

Quận Phấn nghe nói cả mừng, bèn tha tội cho Hoàng Tín, cất nhắc làm việc trong quân cho giữ chức Cai đội, coi như kẻ tâm phúc thân tín. Từ đó quận Phấn ngày đêm cùng với hai người con gái uống rượu vui đùa, thường cùng với Hoàng Tín mưu tính việc đánh lấy kinh đô.

Bấy giờ Tây Định vương sai người đi dò xét biết chắc sự thực trở về tâu báo. Tây Định vương cả mừng nói:

– Tên giặc Phấn nằm gọn trong tay ta, chẳng còn phải lo ngại gì!

Bèn sai Thái bảo Hào quận công đem ba mươi chiến thuyền tiến xuống Hải Đông để bắt quận Phấn.

Quân của quận Hào đến Cầu Hoa truyền lệnh kể tội Phấn rằng:

– Tên quận Phấn ti tiện cớ sao dám trá xưng lệnh chỉ vua Bắc quốc để âm mưu làm loạn cướp thuế? Lệnh cho dân xứ Đông kẻ nào hối lỗi cắn rơm chịu tội thì tha cho khỏi chết. Nếu chống cự, đại binh kéo đến sẽ làm cỏ hết không chừa!

Quận Phấn cả giận, nói:

– Hắn là anh hùng thì ta là hào kiệt, sao dám múa lưỡi khinh mạn ta?

Nói đoạn đem một trăm thuyền nan kéo đi đánh quận Hào. Cai đội Hoàng Tín vội can rằng:

– Xin chớ! Xin chớ! Nay đang giữa mùa đông gió to sóng mạnh, thuyền bên ta nhỏ bé, khó cự địch. Chi bằng xin tôn công đến đóng ở nhà của hạ quan, đặt binh mai phục chỗ hiểm, đợi quận Hào đem quân vào chỗ trọng địa, sẽ cho quân xông ra đánh, không để tên nào

chạy thoát, tất sẽ bắt gọn quận Hào, rồi thừa thắng đánh luôn lên lấy kinh đô!

Quận Phấn nghe nói cả mừng, vỗ vai Hoàng Tín nói:

– Mưu kế của ông thật là xuất quỷ nhập thần, không thể lường trước. Quả là Khổng Minh của thời nay. Ấy là trời đem ông đến cho tôi đó vậy.

Nói đoạn bèn dẫn quân đến đóng ở nhà Hoàng Tín. Vừa bước vào trong cổng, quận Phấn liền bị phục binh của Hoàng Tín xông ra vây bắt, trói ném dưới thềm. Quận Phấn kinh sợ, bấy giờ mới biết việc, bèn lớn tiếng chửi mắng Hoàng Tín:

– Lão già mạt kiếp kia sao dám thông mưu phản hại ta?

Hoàng Tín đáp:

– Mi làm phản triều đình, tội ác trời không dung, đâu phải ta làm phản hại mi!

Hoàng Tín bèn mời quận Hào vào dinh, rồi cùng áp giải quận Phấn đem về kinh đô dâng nạp. Tây Định vương xét Cai tri Hoàng Tín có công, cho thăng chức Đô đốc đồng tri, tước quận công, giao cho cai quản Đông đạo. Hoàng Tín tạ ơn, lui triều trở về bản trấn. Bấy giờ Triều Kỳ ở Kinh Bắc cũng đã lui quân về. Đốc tướng nhà Minh là Dương Tông đóng quân ở Đàm Hồng chưa hề hay biết tin tức.

Tú Phượng đi dò xét tin tức, trở về báo tin. Ký lục Hồ nghe nói bật tiếng khóc to:

– Thương thay quận Phấn! Xót thay quận Phấn! Đáng tiếc kẻ anh hùng chết không đúng mệnh. Thế là ta mất một cánh tay rồi.

Rồi Ký lục Hồ bảo bọn Văn Tường rằng:

– Nay đã lỡ mất cơ hội, xin hẹn dịp khác. Tôi tạm trở về Sơn Tây để khôi phục mới kết giao với tướng sĩ ở vùng kinh đô. Nếu có cơ hội sẽ xin lập sổ ghi tên, đưa vào tiến nạp Nam triều để bày tỏ tình trạng. Các ông ở đây có thể tận mắt trông thấy hiệu lệnh của tôi rất kỹ càng, khi trở về xin tâu trình lên Chúa thượng biết rõ lòng tận tâm của kẻ bề tôi ở nơi xa.

Nguyên trước đó Ký lục Hồ đã lo liệu để lọt vào vương phủ của Tây Định vương làm một chân giáo thụ dạy học cho các công tử, giảng dạy văn học, đàm luận binh pháp, không điều gì không thông suốt. Vì vậy Tây Định vương rất yêu kính Ký lục Hồ. Tả phủ

Quỳnh, hữu phủ Bích là con rể của Ký lục Hồ, được Tây Định vương thân yêu như người tâm phúc, ngày đêm thường sai ở gần bên tả hữu. Ký lục Hồ bèn bí mật kết giao với hai người, cùng các hào kiệt ở hai huyện Đan Phượng, Từ Liêm và nhiều quân sĩ ở khắp trong ba mươi sáu phố phường Thăng Long. Tất cả được mười hai tướng và năm nghìn quân, đều theo đúng binh pháp mà luyện tập, ngày lén đêm động, tối hợp sớm tan, đi dừng có phép, tiến thoái có quy củ. Ai nấy đều tình nguyện làm nội ứng tôn Ký lục Hồ làm quân sư tuân theo mệnh lệnh điều khiển. Ký lục Hồ lại truyền lệnh cứ mồng một ngày rằm hàng tháng đều lập đàn cầu cúng chẩn áp cho dân nghèo, mượn cớ để hội họp bàn luận ở miếu Tam Vị, ở đền Bạch Mã, hoặc chùa Tổ sư. Ở các nơi chùa miếu ấy đều dựng một cây cờ phướn lớn may bằng vải vàng, lấy đó làm hiệu để chiêu tập anh hùng bốn phương đến cúng lễ. Những ai cùng chung ý kín thì dời vào ngồi trong chỗ kín đáo để cùng nhau đàm luận. Mọi người đều ngóng trông Nam chúa đem quân vượt sông Lam, ruổi dài thẳng tiến ra Bắc, khi ấy sẽ cùng nhau hưởng ứng Các điều mật ước đã hẹn định chu tất đâu vào đó.

Ký lục Hồ bảo bọn Văn Tường rằng:

– Nay tôi hãy tạm thi hành một hiệu lệnh để các ông thấy rõ là một hô trăm ứng. Khi về triều, mong các ông tâu trình để Chúa thượng biết rõ.

Bọn Văn Tường vâng dạ nghe lời. Ký lục Hồ bèn truyền lệnh mật cho người đồng đảng ở ba mươi sáu phố phường kinh kỳ ai có của cải thì đào hầm chôn giấu, chỉ để cái xác nhà không. Đích thân Ký lục Hồ sẽ lén vào phủ chúa bắn tên lửa làm hiệu lệnh. Khi thấy tên lửa vọt lên cao, ai nấy tự đốt nhà mình rồi chạy đến nơi phát ra hiệu lệnh, ai trái lệnh xử trị theo quân pháp.

Thế là mật đảng ở khắp kinh kỳ đều tuân theo mật lệnh của quân sư, ai nấy tự chôn giấu của cải, sẵn sàng để nổi lửa đúng hiệu lệnh.

Nguyên là Ký lục Hồ biết phép chế loại tên dẫn hỏa rất tốt. Tây Định vương Trịnh Tạc thường sai Ký lục Hồ bắn tên lửa để thử hiệu lệnh [1]. Đêm ấy Tây Định vương triệu Ký lục Hồ vào phủ sai bắn tên lửa để xem cho vui. Ký lục Hồ vâng mệnh bước ra giữa sân giương

1. Nguyên văn chép: "... sử phần phóng vi vệ" (... sai bắn để phòng vệ) "để bảo vệ" nghĩa là thế nào? Theo ý trên dưới tạm dịch như thế.

cung lắp bắn một mũi tên ba mồi lửa bay vút tận mây xanh, đuôi lửa tạo thành hình như ba rồng vờn nhau nhào lộn mấy vòng trên không. Lại bắn tiếp một mũi tên năm lửa thẳng vút cùng trời, đuôi lửa xoè màu trông dáng như năm chim phượng vờn múa giữa trời đêm. Tây Định vương đứng xem vỗ tay cả cười không ngớt ngợi khen:

– Khéo lắm! Khéo lắm!

Bèn rót rượu chén lớn ban thưởng cho Ký lục Hồ. Ký lục Hồ lại phóng đi một tên bảy lửa, mỗi lửa bay lên tan thành vô số đốm lửa rơi lả tả xuống phía ngoài phố, bén lửa vào các nhà dân. Đêm ấy, dân ba mươi sáu phố phường ai nấy đều trông thấy ngọn lửa, người của Ký lục Hồ đều tự đốt nhà mình theo đúng mật lệnh [1].

Bấy giờ ở bốn cửa thành lửa cháy rừng rực, khói bay mịt mù, giữa bầu trời đêm lửa bốc sáng rực như ban ngày, nhặt được cả chiếc kim rơi dưới bụi cỏ. Già trẻ, đàn ông, đàn bà khắp mọi phố phường đều vỗ tay reo nhìn. Tây Định vương cả kinh vội sai các viên đề lĩnh giữ việc bảo vệ các cửa thành đem quân tứ vệ đi chữa cháy [2]. Nhưng bấy giờ đang lúc gió to, lửa theo gió càng bốc càng mạnh, chữa mấy cũng không sao dập được.

Ký lục Hồ trở về báo với bọn Văn Tường:

– Các ông xem hiệu lệnh ứng biến như thế, khi trở về Nam triều xin chuyển tấu rành rõ trước vương đình.

Rồi đó Ký lục Hồ mật truyền cho người của mình hội họp để liên danh ký tên vào sổ: tất cả hội được hơn ba mươi viên dũng tướng, tinh binh hơn hai vạn năm nghìn người, đều ghi tên giao nộp cho Ký lục Hồ. Rồi đó bèn viết khải văn, kèm theo cả sổ ứng nghĩa giao cho bọn Văn Tường đem về Nam triều tiến nạp. Ký lục Hồ lại cho con trai là Tú Phượng cùng đi vào Nam triều để làm con tin.

Chưa biết bọn Tú Phượng vào Nam báo tin ra sao xem hồi sau sẽ rõ.

---

1. Bản sao chép: "Hải suất tứ vệ quân *phóng hỏa*": chữ "hải" chính là do chữ "mỗi" chép nhầm ra (thừa bộ "thủy"); chữ "phóng" (đốt lửa).

2. Đây nói việc quân giữ thành đi chữa chạy, do liên tưởng ngược mà chép nhầm, đúng ra là "diệt" (diệt hỏa: dập lửa).

HỒI THỨ MƯỜI TÁM

Trịnh Tuyền về Đông Kinh liền vào ngục
Chúa Hiền ra Vân Cát lệnh dừng binh

Thơ rằng:

Anh hùng lừng lẫy khắp trung châu,
Xã tắc oai linh hộ nguyện cầu.
Bái ấp [1] *điềm thiêng rồng đến hiện,*
Gia hương [2] *linh ứng phượng về chầu.*
Thành trì bền chắc muôn thuở vững,
Kẻ sĩ theo về chật trước sau
Khai sáng cơ đồ nên thánh chúa,
Tía hồng mây rạng tỏa kim âu.

Lại nói năm Đinh Dậu, niên hiệu Thịnh Đức thứ năm (1657), tháng hai, người của Nam triều là bọn Văn Tường, Nho Hoàng, Thế Lương cùng với con trai của Ký lục Hồ là Tú Phượng ngày đêm đi gấp về đến Dinh Cầu vào bái yết Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ. Văn Tường thuật lại công việc của Ký lục Hồ ở ngoài Bắc trước sau như thế, rồi đó đem thư mật của Ký lục Hồ trình lên. Hai tướng mở thư xem xong cả mừng, trọng thưởng cho bọn Văn Tường, sai bày yến tiệc khoản đãi Tú Phượng. Hai tướng ân cần thăm hỏi bảo ban Tú Phượng, cảm ơn lòng thành của Ký lục Hồ, ca ngợi ký lục tiên sinh quả là kẻ anh hùng tuấn kiệt thức thời. Tú Phượng vái tạ, thầm nghĩ người xưa có câu: chưa được biết vua, trước xét ở bề tôi. Nay nghe lời của hai vị chủ tướng thì biết Nam chúa là bậc thu dùng được hiền tài.

Yến tiệc xong, hai tướng sai chức sự tên là Tú Minh cùng đi với bọn Văn Tường, Nho Hoàng, Thế Lương, Tú Phượng về triều tâu báo. Bọn Tú Minh vâng lệnh ngày đêm đi gấp về ngự doanh ở Quảng Bình, xin vào bái yết chúa Hiền, dâng khải văn và sổ ứng nghĩa của Ký lục Hồ. Tờ khải viết:

---

1. *Bái ấp* : quê Hán Cao Tổ
2. *Gia hương:* tức Gia Miêu Ngoại Trang ở Thanh Hóa, quê tổ của các chúa Nguyễn.

"Tiểu thần ở rừng núi Đàng Ngoài là Ký lục Hồ Phạm Hữu Lễ cùng những người ứng nghĩa dập đầu trăm lạy kính tâu dưới điện xin thánh chúa phương Nam soi xét:

Bọn thần trộm nghĩ: Thánh chúa thông suốt sáng láng, lượng cả bao dong. Bọn thần nghĩ đến việc giúp rập, thành thực đem cờ ứng nghĩa, sợ hãi mạo muội theo về, cúi ngước dong nhan dâng đạt.

Trộm nghĩ: Bọn thần hổ danh ở đời, may được thức thời đôi chút. Bao lần nén chịu dưới triều vô đạo, chỉ biết ẩn tránh tự vui. Nay mừng thấy vận nước đang lên, những muốn đi theo giúp việc. Vừa đây nhân đi thăm người quen ở xứ Sơn Nam gặp tín sứ ra Bắc. Được biết tin trời giúp chúa Nam đem quân qua ải hiểm, những mong Thánh thượng phát binh châu Ô đánh kẻ địch, gót phượng đặt yên. Thần được đặc ban ân thưởng, Chúa thượng quá khen là "cao ẩn tiên sinh". Sứ giả truyền lời dụ rằng: Tiên hoàng đế khai sáng cơ nghiệp, các bậc tiên chúa lập công mà thời thế còn gặp lúc bĩ. Nhưng vận thái ngày nay đã đến, ôn tồn lời thánh chỉ trong thư tài sáng suốt nghĩ xa vạn dặm.

Thần những muốn ruổi ngựa ký tới vương đình bái yết long nhan nhưng công việc bộn bề, việc xướng nghĩa không thể ngừng lo liệu. Vì thế thần xin cho con trai đánh đường xa vào bái kiến cửu trùng, ngõ hầu tình dưới được thông lên, ý trên được đạt xuống. Thần nguyện noi theo gương Lã Vọng giúp sự nghiệp nhà Chu, thường ngày vẫn tiếp đãi tân khách tại nhà, cùng ước hẹn hiệp đồng tâm chí [1].

Muôn trông được nghênh đón ngự giá ra Thăng Long để hoàn thành công lớn. Xin Chúa thượng chớ nên nghi ngại.

Bọn thần dập đầu trăm lạy kính bẩm" [2].

Chúa Hiền ngự xem khải văn và sổ ứng nghĩa, rất lấy làm mừng. Bọn Tú Minh lại dâng lời sấm ngữ nói: "Tuy hữu đồng tính, diệc phi miêu duệ, cửu cửu chi số, phi tam tắc tứ". Chúa xem xong chưa hiểu ý nghĩa ra sao bèn gọi hỏi Tú Minh:

---

1. Lược bớt một đoạn sau bức thư, phần nhiều lời lẽ xưng tụng.

2. Về bức thư của Ký lục Hồ (tức Phạm Hữu Lễ). ĐNTLTB chép vào việc tháng ba năm Bính Thân (4-1656): "Tháng ba, Phạm Hữu Lễ ở Sơn Tây sai người đem thư cho Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật xin thi hành ba chước: một là tung phản gián cho họ Trịnh nghi lòng; hai là kết mối hòa hảo để cầu giúp đỡ; ba là dùng người hào kiệt để họ ra công".

– Khanh có hiểu lời sấm ngữ nói gì không?

Tú Minh đáp:

– Khi trước gặp ông thầy số người Tầu, quan Đốc chiến có hỏi kỹ, người ấy đã trả lời rành rõ.

Hiền vương hỏi:

– Lời sấm nói: "Tuy hữu đồng tính, diệc phi miêu duệ" câu ấy nghĩa lý thế nào?

Tú Minh đáp:

– Thầy số nói: hai câu ấy nguyên là nói về việc ở ngoài kinh đô nhà Lê. Nhà vua hiện nay là Lê Duy Kỳ, tuy cùng người họ Lê nhưng không phải là miêu duệ (con cháu) của vua Lê Thái Tổ. Hơn nữa vua Lê Thái Tổ quê ở làng Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, dấy nghĩa binh mà dựng lên nghiệp đế. Còn vua Khánh Đức [1] là người làng Bố Vệ huyện Tống Sơn. Từ Bố Vệ lên Lam Sơn còn phải đi hơn hai ngày đường nữa. Thế gọi là: tuy chung một họ, chẳng là con cháu.

Chúa lại hỏi:

– Hai câu sau: "Cửu cửu chi số, phi tam tắc tứ" là nghĩa thế nào?

Tú Minh đáp:

– Thầy số nói: Nước Nam này biết bao người ẩn cư dật sĩ, học rộng biết nhiều, tài năng bao quát trời đất, mưu mô xuất quỷ nhập thần, thông kim bác cổ, tất biết điều đó là nói về vận số bĩ thái tồn vong của Thanh vương Trịnh Tráng, có gì khó đâu? Vả lại Trịnh Tráng năm nay tám mươi mốt tuổi, tức là số chín chín tám mươi mốt vậy. Tính ra như thế thì năm nay, không phải tháng ba thì đến tháng tư, Trịnh Tráng sẽ chết. Hai câu: "Cửu cửu chi số, phi tam tắc tứ" là như thế.

Chúa Hiền nghe xong cả mừng nói:

– Quả là người cao minh viễn kiến, tiếc không được gặp để cùng mưu việc lớn.

Nói đoạn, chúa Hiền cho gọi Tú Phượng vào chầu. Tú Phượng lạy chào tâu rằng:

– Cha thần là Ký lục Hồ cùng các tướng ở bốn trấn Đàng Ngoài ngước nghe thánh chúa đức tỏ gần xa, ơn khắp mọi chốn, nhún người

1. Khánh Đức là niên hiệu của vua Lê Thần Tông (Lê Duy Kỳ).

để cầu hiền, nghiêng mình tiếp kẻ sĩ. Ai nấy đều vui lòng, khen là bậc minh quân, cùng trông mong Chúa thượng phát dương uy đức, dẹp yên bốn biển, khôi phục Trung nguyên ngõ hầu thi triển sức anh hùng, thỏa nguyện bình sinh.

Hiền vương thong dong bảo Tú Phượng:

– Ta nghe danh Hồ tiên sinh là bậc hiền sĩ cao minh, hiểu đạo lý, biết cơ thời, khuông phò vương thất dẹp trừ nghịch hại, đem dân bốn trấn theo về, quả là bậc hào kiệt ở đời nay. Tuy xa cách ngàn dặm nhưng đọc thư cũng kể như đã gặp mặt chuyện trò. Mong có ngày cùng nhau hội ngộ để thỏa lòng mong ước của ta. Huống chi ngươi vì ta vượt đường xa hiểm trở vào đây bày tỏ lòng trung thuận trước vương đình, lòng ta càng bội phần sung sướng. Xét ngươi có công to không biết lấy gì báo đáp. Lẽ nên trao chức quan cao, cấp bổng lộc nhiều để biểu dương. Nhưng vì Nam Bắc khác nhau, sợ sơ suất tiết lộ.

Nói đoạn chúa Hiền sai lấy vàng tốt mười lạng, bạc tốt ba mươi lạng, lụa mịn năm tấm ban thưởng cho Tú Phượng để đáp lòng ngưỡng mộ. Bọn Tú Phượng bước lên vái tạ. Chúa Hiền lại căn dặn rằng:

– Ngươi trở về Sơn Tây, ta gửi lời chào Hồ tiên sinh cùng các vị hào kiệt. Mọi công việc nên đồng lòng hợp sức, trước sau phải giữ lời thề như Hán Cao Tổ gặp Trương Lương, Lưu Huyền Đức dùng Gia Cát Lượng. Mọi thứ quân nhu cần lo liệu đầy đủ, đợi cuối xuân đầu hè, bốn phương cùng nổi dậy. Bấy giờ quân ta tiến ra, các ngươi từ hai phía đánh vào để phân chia thế lực họ Trịnh, ngõ hầu kẻ tiếm nghịch bị diệt trừ, dư đồ thu về một mối. Làm được như thế công trạng của Hồ tiên sinh dài truyền sử sách, không phải là nhỏ.

Bọn Tú Phượng vâng mệnh, vái tạ lui ra, rồi lên đường trở về Sơn Tây.

Hiền vương lại gọi Tú Minh đến dặn riêng rằng:

– Ngươi hãy mang theo vàng tốt năm mươi lạng, bạc một trăm lạng ra Nghệ An giao cho Đốc chiến Chiêu Vũ, dặn Chiêu Vũ viết mật thư chọn mấy người bản thuộc tin cậy cùng đi với sứ giả đem ra cho Ký lục Hồ, nói số vàng bạc đó thưởng cho Ký lục Hồ cùng các vị hào kiệt ứng nghĩa để làm tin. Một mặt cũng dò xét luôn nội tình bọn họ hư thực, đi lại, cử chỉ ra sao, mau trở về hồi báo, chớ chậm trễ.

Bọn Tú Minh vâng lệnh đi ra, ngày đêm ruổi ngựa trạm đi gấp

ra hành doanh của Đốc chiến Chiêu Vũ. Tú Minh vào trong trướng yết kiến Đốc chiến, giao nộp vàng bạc và chuyển đạt lệnh chỉ của Hiền vương. Đốc chiến Chiêu Vũ nghe xong suy nghĩ hồi lâu, định ý lần này sẽ sai Thế Lương, Tri Xuyên cùng đi với Văn Tường. Thế Lương và Tri Xuyên đều là người Quảng Nam. Còn về Văn Tường thì trước đây, khi Đàng Trong, Đàng Ngoài còn đi lại với nhau, cha Văn Tường là Đô đốc Lễ quận công từng làm đại thần ở Bắc triều, sinh Văn Tường ở Thăng Long. Từ năm Ất Mùi (1655) Nam Bắc giao binh, cõi miền cách biệt. Khi quân Nam triều tiến đánh Hàn Tiến, Chiêu Vũ Nguyễn Hữu Dật từng sai Văn Phương là cháu của Lễ quận công ra Trung Đô bàn mưu với quận Lễ mượn tay họ Trịnh giết Hàn Tiến để trừ hậu họa. Quận Lễ cho Văn Tường theo Văn Phương vào Nam ứng nghĩa, làm bề tôi cho Nam triều để thông tin tức. Văn Tường đã gây được tình thân tín với Ký lục Hồ, từng được ủy đi các trấn thăm dò tin tức thực hư. Văn Tường ở nhà còn có mẹ già đã ngoài tám mươi, cô quả góa bụa, hoàn cảnh thật là lênh đênh cơ khổ. Nay sai Văn Tường đi làm công vụ nơi xa, ở nhà mẹ già không người nuôi dưỡng, không khỏi tựa cửa ngóng trông.

Chiêu Vũ nghĩ đoạn bèn viết biểu văn, sai bọn Văn Tường, Thế Lương, Tri Xuyên về ngự doanh ở Quảng Bình tâu bẩm, ngõ hầu được Chúa thượng ban cho chức quan nhỏ để khuyến khích công lao chăm lo việc nước. Chiêu Vũ giao biểu văn cho Tú Minh, sai đem bọn Văn Tường cùng về yết kiến ngự doanh. Bọn Tú Minh, Văn Tường về đến ngự doanh, vào lạy chào, dâng biểu văn của quan Đốc chiến.

Chúa Hiền xem xong tờ biểu, bảo bọn Văn Tường rằng:

– Các ngươi là chỗ tâm phúc của ta, trước nay vẫn siêng năng việc nhà chúa, ta vẫn ghi nhớ trong lòng. Nhưng nghĩ để ngày sau nghiệp lớn thành công sẽ bội gia ưu thưởng cũng chưa muộn. Nay Đốc chiến đã có biểu văn trình rõ, ta có tiếc gì đâu?

Bèn ban cho Thế Lương, Tri Xuyên giữ chức Cai đội, Văn Tường làm Cai hợp, thưởng ba mươi lạng bạc tốt chung cho cả ba người. Bọn Văn Tường vái nhận tạ ơn, đã xong, chúa lại sai cấp cho mẹ già của Văn Tường ba mẫu đồn điền, hàng tháng được nhận quan lương hai hộc để cung dưỡng tuổi già. Văn Tường xuống dưới thềm vái tạ, thưa rằng:

– Thần được đội ơn dầy, xin hết sức trâu ngựa để đền ơn Thánh thượng mở đức bao dung, dẫu gan óc bết đất cũng không dám từ.

Chúa Hiền lại bảo bọn Văn Tường:

– Các ngươi nay việc nhà đã xong xuôi, khá mau trở lại dinh Đốc chiến để thi hành công vụ.

Ba người vái chào xin lui rồi lên đường ra Dinh Cầu. Đến nơi, bọn Văn Tường liền vào trong trướng bái yết Đốc chiến Chiêu Vũ. Văn Tường đem việc ở ngự doanh được Chúa thượng ban ơn ưu đãi thuật lại một lượt. Đốc chiến Chiêu Vũ cả mừng bèn lấy thư cùng bạc vàng các khoản trao cho bọn Văn Tường, lại đinh ninh dặn dò mọi việc. Bọn Văn Tường vội lên đường đi gấp ra Trung Đô để lên trấn Sơn Tây tìm Ký lục Hồ. May lại gặp Ký lục Hồ đang trên đường đi thăm bạn hữu các nơi để liên kết hào kiệt trong bản trấn. Gặp nhau chào hỏi đã xong, bọn Văn Tường kể lại cho Ký lục Hồ nghe đầu đuôi công việc, trình mật thư và chuyển giao cho Ký lục Hồ những lễ vật vàng bạc của Nam chúa gửi ra để quân sư tùy nghi ban thưởng cho những người có công. Ký lục Hồ rất lấy làm mừng, bèn phi báo cho các hào kiệt đến nhà Ký lục Hồ để cùng xem mật thư của Nam chúa do bọn Văn Tường đem ra. Bức mật thư ấy viết rằng:

"Nam chúa gửi bức thư và tín vật kim ngân đến Ký lục quân sư Hồ tiên sinh cùng chư công xét hiểu:

Từng nghe: trời có nhật nguyệt tinh sao, nhật nguyệt rạng mà tinh sao ngời. Nước có quân thần phụ tử, quân thần sáng thì phụ tử hiền. Ngày nay tiên sinh cùng các ông là bậc người nhân quân tử, đạt lý thức thời, biết lẽ lấy bỏ, ở về, giấu danh giữ đạo.

Thiết nghĩ: họ Trịnh trên khinh mạn đế thất, dưới tàn ngược sinh dân, giết hại kẻ trung lương, cương thường đều rối loạn, khắp chốn rừng sâu lũng vắng, già cả trẻ thơ chẳng ai không oán giận. Ngày trước từng nghe vì căm giận họ Trịnh hôn ám rối loạn khiến trăm họ đảo điên, mà tiên sinh cùng các ông tự ý muốn gắng sức trung nghĩa, diệt Trịnh phù Lê. Võ thì có trí tín dũng nghiêm. Văn thì có lược thao kinh vĩ. Mong giúp vương thất trung hưng, nghĩ cứu dân đen thoát cơn nước lửa. Dẫu là đối với bậc danh thần hào kiệt có lòng lo vua yêu nước thời xưa cũng không hề kém.

Từ khi tiếp mật thư kể rõ công việc ngoài ấy, thấy mọi việc binh cơ trù hoạch đều được chu tất vẹn toàn, lòng ta thật vui mừng khôn xiết. Nhưng ta tài thấp đức mỏng, không sánh kịp các bậc vua hiền các đời Chu, Hán mà đâu dám mong có Lã Vọng, Trương Lương giúp vì. Đành chỉ đăm đăm ngày đêm mong gặp người hiền, ước ao như

khát nước mà chưa được người.

Nay may gặp tiên sinh, đúng là cá gặp nước. Bèn có lễ mọn, kính biếu thành tâm, cảm phiền các vị xét thấy lòng này, đồng tâm hợp sức, hẹn ngày tháng ra tay để trợ lực cho quân ta. Tình thế ra sao, sớm báo tin về, ta sẽ dẫn hùng binh cuốn chiếu ruổi dài để rộng tỏ công lao tổ tông, quét sân triều sạch loài gian ác. Nay thư".

Ký lục Hồ cùng các hào kiệt xem thư xong ai nấy đều vui mừng, nói rằng: "Như lời lẽ trong thư, nghĩ kỹ thì đúng là chúng ta đã chọn được bậc minh chúa". Rồi đó cùng nhau chia lĩnh đồ thưởng, hướng về phương Nam vái tạ rằng: "Đội ơn Nam chúa ưu đãi trọng hậu, bọn thần dẫu thân nát xương tan vẫn lo báo đền khôn đặng". Bấy giờ ai nấy đều xoa tay xắn áo cùng thề nguyền diệt trừ họ Trịnh. Mọi người cảm tạ Ký lục Hồ, cáo từ ra về để bí mật luyện tập binh mã, tích trữ lương thảo đợi ngày hành động.

Đến ngày mười tám tháng tư, bỗng có tin Thanh vương Trịnh Tráng ốm chết. Tây Định vương Trịnh Tạc lên nối ngôi chúa, làm lễ chịu tang.

Bọn Ký lục Hồ nghe tin cả mừng bảo rằng:

– Nay trong nước có tang, thế là thời vận đã đến, không còn nghi ngờ gì nữa.

Ký lục Hồ bèn sai bốn người là Văn Du ở Hải Đông, Triều Nam ở Kinh Bắc, Tú Phượng ở Sơn Tây và Khoái Đức ở Sơn Nam họp bọn lên đường đi gấp vào Nam triều báo tin, xin Nam chúa sớm cho quân vượt sông Lam đánh mạnh ra Bắc để tiện cho bốn trấn ngoài Bắc khởi binh, cùng lúc đánh giáp bắt cho được Tây Định vương Trịnh Tạc.

Hiền vương Nguyễn Phúc Tần nghe tin cả mừng trọng thưởng cho bốn người bảo rằng:

– Các khanh mau trở về nói với Ký lục Hồ và các vị hào kiệt ngoài Bắc sửa soạn gấp rút, chớ phụ lời hẹn trước. Sớm muộn ta cũng đem quân vượt sông Lam tiến ra Bắc, trước sau đều tiến đánh để tiến hành sự nghiệp lớn!

Bọn Văn Dụ bốn người vâng mệnh, liền lên đường trở về Bắc. Người đương thời có thơ bình tán rằng:

Muôn thuở ào ào sóng cuộn trôi,
Bốn phương vua với nước cùng vui.
Tây Nam xuân đến qua núi biếc,

Đông Bắc hạ về vượt biển khơi.
Ước hẹn theo lời lòng cố kết,
Bằng mình chuyển đạt dạ khôn nguôi.
Duyên may nghìn thuở bao giờ gặp,
Mãi mãi truyền lưu với đất trời.

Lại nói tháng tư năm ấy (1657), ngày mười tám, ở Bắc triều Thanh vương Trịnh Tráng mất. Vua Lê Thịnh Đức [1] thân đến phủ Thanh vương mặc áo tang, lập đàn yết, thần dân văn võ đều để tang. Chuyện chia hai đằng, kể tiếp:

Bấy giờ ở Nam triều, Hiền vương Nguyễn Phúc Tần nhận được tin do Ký lục Hồ sai người vào báo về việc Thanh vương Trịnh Tráng chết. Hiền vương bèn lên xa giá thân dẫn ba quân ra huyện Thạch Hà, xứ Nghệ An dừng quân ở dinh Vân Cát [2]. Tiết chế Thuận Nghĩa cùng các tướng văn võ đều đến lạy mừng. Nghi lễ đã xong, Tiết chế Thuận Nghĩa tâu rằng:

– Nay Thanh vương mới mất, Đàng Ngoài đang có tang. Bọn thần liệu thế chiến đấu của quân Trịnh tất phải trễ biếng. Nghĩa binh ở bốn trấn đã sẵn sàng, lòng người quy thuận, chính là lúc trời và người đều theo về. Xin Chúa thượng cho quân vượt sông Lam, nắm lấy thời cơ mà tiến đánh, ngõ hầu một phen cất quân thẳng tiến đến Trung Đô, họp với quân của bốn trấn để diệt trừ họ Trịnh. Nếu để mất cơ hội thì hóa ra khi trời cho thì không lấy, lại chuốc phải tai ương. Cúi mong Chúa thượng xét quyết để khỏi mất cơ hội!

Chúa Hiền nghe xong nói rằng:

– Tiết chế bàn như thế là đúng. Nhưng đời tiên vương ta từng có quan hệ thân thiết với họ Trịnh. Thời Sãi vương, khi Thánh tổ về trời, Thanh vương từng sai người đem lễ vật vào điếu phúng. Nay họ Trịnh có tang, nếu ta đem quân ra đánh không khỏi mang tiếng là bất nghĩa. Người xưa nói: Đánh người lúc nguy khốn là bất vũ, thủ lợi khi người ta đau khổ là bất nhân. Các khanh nên hiểu ý ấy, hãy tạm đóng quân yên chỗ rồi sẽ mưu tính về sau.

Các tướng nghe lời chúa Hiền đều sụp lạy tâu rằng:

– Thánh thượng xét nghĩ thật có lòng nhân của vua Nghiêu, vua

---

1. Thịnh Đức (1653 - 1657) hiệu của vua Thần Tông Lê Duy Kỳ.
2. Tức quân doanh đóng ở xã Vân Cát, huyện Thạch Hà (thuộc tỉnh Hà Tĩnh ngày nay).

Thuấn, bọn thần đâu dám không tuân mệnh.

Rồi Hiền vương cho người sửa soạn lễ vật điếu phúng, sai người đi kinh đô viếng tang để trả nghĩa trước. Rồi đó truyền lệnh cho các tướng giữ yên vị trí đóng quân ở bờ Nam sông Lam từ phía trong núi ra đến biển, dựa theo địa thế đắp lũy chia đồn cố thủ để ngăn chặn quân Trịnh. Rồi đó, Hiền vương đem quân trở về Nam. Từ bấy giờ quân Đàng Trong, Đàng Ngoài tạm ngưng chiến, cả đôi bên đều đóng quân giữ yên ranh giới.

Lại nói Tây Định vương Trịnh Tạc từ sau khi nối ngôi chúa thường vẫn cho rằng Thái bảo Ninh quốc công Trịnh Tuyền vốn là viên tướng dũng cảm tài giỏi được nhiều người suy tôn tuân phục. Từ năm ngoái, Trịnh Tuyền theo lệnh Thanh vương đem đại binh vào trấn giữ quân Nam, đóng đồn ở dinh Yên Trường[1] chiêu binh mãi mã, giao kết anh hùng hào kiệt, ngầm chứa lòng phản nghịch. Tây Định vương lấy làm ngờ. Bấy giờ Trịnh Tạc bí mật sai Đương quận công Đào Quang Nhiêu nói dối là có lệnh chỉ triệu Thái bảo Ninh quốc công về triều chịu tang. Trịnh Tuyền lấy làm ngờ, vẫn còn do dự chưa quyết, bèn triệu những người tâm phúc như Tham tướng Hợp, Thự vệ Dực Tường vào phòng riêng bàn bạc. Thái bảo Ninh quốc công nói:

– Nay vương huynh nối ngôi, sai triệu ta về kinh. Ta lấy làm ngờ lệnh ấy có ý chẳng lành. Vả lại vương huynh với ta tuy là cốt nhục, nhưng ta trộm xét vương huynh vốn chẳng có cảm tình thân mật với ta. Nay sai người đi triệu gấp như thế, bên trong hẳn có duyên cớ gì hệ trọng chứ chẳng phải là thiện chí. Ta muốn lo trước để giữ mình nhưng không biết nên về hay ở lại. Ta nghe nói ở Nam triều, chúa Nguyễn là bậc sáng suốt, độ lượng, kiến thức hơn người, nhún thân cầu hiền, xuống mình đãi kẻ sĩ, ta muốn theo hàng để khỏi mắc thân vào tai họa. Hay là cứ theo lệnh về kinh rồi tùy đó may sao hay vậy? Hai lẽ ấy chẳng hay chủ kiến các ông thế nào? Các ông khá giúp ta một câu để sớm định liệu.

Bọn quận Hợp và Thự vệ Dực Tường nghe nói cả kinh, đáp rằng:

– Thái bảo nói lời ấy là giả hay thật?

Trịnh Tuyền nói:

– Hai ông là chỗ tâm phúc theo giúp ta đã lâu ngày, há lại không

1. Cũng tức là Vĩnh Dinh, hành doanh đóng ở xã An Trường, nay là địa phận Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

biết lòng ta hay sao mà còn phải nghi ngờ?

Bọn quận Hợp, Thự vệ Dực Tường nói:

– Đạo làm dân làm con chỉ một tiến một lùi, đúng sai đều rất hệ trọng. Nay Thái bảo đã nói như thế tất là vạn bất đắc dĩ. Bọn chúng tôi trộm nghĩ, nếu sự việc quả đã đến mức như vậy mà trở về kinh thì khác nào rồng bò vào vạc nước nóng, chi bằng sớm đầu hàng chúa Nam rồi sau đó sẽ mưu đồ việc khác. Bọn chúng tôi cũng tránh khỏi tai họa cá nhốt trong ao.

Trịnh Tuyền nghe nói trầm ngâm nghĩ ngợi hồi lâu, rồi bảo bọn quận Hợp và Thự vệ Dực Tường rằng:

– Hai ông nói rất có lý. Nhưng nhà ta ở kinh đô còn có mẹ già một thân vò võ, ngày đêm không kẻ đến hầu thăm. Nếu ta bỏ mà đi thì vừa bất trung lại mang tiếng là bất hiếu, không khỏi bị thiên hạ chê cười là loài cầm thú. Mưu kế hiện nay chi bằng hai ông hãy đi trước sang Nam giới, đem sự tình của ta thưa trước với hai tướng Tiết chế và Đốc chiến bên Nam xét định. Nếu họ đối xử đầy đặn, sai người đi đón tiếp thì ta sẽ xin đầu hàng rồi theo về cùng với người của họ.

Quận Hợp và Thự vệ Dực Tường từ biệt Trịnh Tuyền đem vợ con cùng quân lính người ngựa dưới quyền đi về hướng đường ranh giới phía Nam. Gặp quân chúa Nguyễn, hai người xin báo tin cho tướng trấn thủ nhờ dẫn đến dinh Tiết chế. Hai người đến trước cửa dinh cúi lạy. Tiết chế Thuận Nghĩa ra ngoài trướng đón tiếp, hỏi han duyên cớ rồi mời vào trong dinh chia ngôi chủ khách cùng ngồi, sai bầy yến tiệc khoản đãi. Quận Hợp rời chiếu tiệc, đứng dậy nói rằng:

– Hiện nay Thái bảo Ninh quận công Trịnh Tuyền đem đại binh đóng giữ ở miền ven. Tây Định vương Trịnh Tạc có ý nghi kỵ, tuy là tình anh em, nhưng thế không dung hợp được. Thái bảo chúng tôi vì thế ngày đêm đau xót thương khóc không thôi, đã bao lần nghĩ kế giữ thân, nên chưa biết nên theo đường nào. Lâu nay Thái bảo chúng tôi từng nghe tôn công thờ vua hết lòng đã quyết ý muốn theo về nhờ lượng cả của tôn công để có chốn nương thân. Nhưng chưa biết ý của tôn công dung nạp ra sao, cho nên Thái bảo sai chúng tôi đến trước báo tin. Xin tôn công cho biết ý xét định.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe xong bèn sai người đi mời Đốc chiến Chiêu Vũ đến bàn định. Đốc chiến Chiêu Vũ nói:

– Thái bảo Ninh quốc công Trịnh Tuyền nếu quả có lòng như vậy, xin Tiết chế sai người về triều tâu báo, đợi Chúa thượng ban lệnh chỉ ra sao rồi hãy theo đó mà thu xếp.

Tiết chế Thuận Nghĩa cho là phải, bèn sai chức sự là Văn Xuyên về triều tâu lên chúa Hiền biết ý định của Thái bảo bên Trịnh là Ninh quốc công Trịnh Tuyền muốn xin về hàng. Hiền vương nghe tâu cả mừng bèn truyền lệnh rằng: "Bọn quận Hợp, Dực Tường nay đã về hàng vẫn cho được giữ chức cũ, đặt dưới quyền điều khiển của Tiết chế Thuận Nghĩa. Nếu Thái bảo Trịnh Tuyền muốn xin hàng, giao cho Đốc chiến Chiêu Vũ biên thư và sai người đi đón tiếp".

Chức sự Văn Xuyên vâng mệnh trở lại dinh Tiết chế truyền đạt lệnh chỉ của chúa. Hai tướng vâng mệnh, bèn viết mật thư trao cho quận Hợp chọn người tâm phúc đem về đưa cho Thái bảo Trịnh Tuyền. Bức thư viết:

"Nam chúa gửi thư đến quý phủ của Thái bảo các hạ.

Thiết nghĩ: từ xưa đến nay, việc thiên hạ quốc gia thường vẫn hưng vong, trị loạn thảy đều do ở vận trời mà ra. Huống chi Nguyễn, Trịnh tuy là khác họ, nhưng cùng chung một dòng. Nay ta ứng vận trời thuận lòng người, nhân thời cơ mà cử sự để khuông phò nhà Lê, được hưởng ơn lớn của trời đất, cứu sinh dân khỏi cảnh lầm than.

Nay Thái bảo đem quân từ xa vào đây, có ý muốn đem quân về hàng. Ta với Thái bảo vốn có tình nghĩa thân tộc, cần gì phải nói cạn lời? Huống nữa, người xưa thì có Cơ Tử về hàng nhà Chu cốt để việc thờ cúng tông tộc được bảo tồn, danh thơm lưu truyền sử sách, hai bề trung hiếu đều được vẹn toàn. Thế gọi là bậc minh triết (sáng suốt). Nếu Thái bảo thành tâm theo về với ta cũng như là giúp ta một cánh tay, đến khi hoàn thành việc lớn thì sẽ cùng chung phú quý. Công việc cần nhất ở chỗ dự liệu trước thời cơ. Thái bảo chớ nên dè dặt chậm trễ để sau khỏi hối. Nay thư".

Thái bảo Ninh quốc công Trịnh Tuyền tiếp thư mở xem vui mừng như bắt được báu vật, hồi lâu mới sực tỉnh, bất giác rơi lệ, mối buồn lo càng tăng thêm bội phần.

Trịnh Tuyền đang lúc tựa ghế nghĩ ngợi tìm đường tiến thoái, bỗng nghe ngoài cửa doanh có tiếng người kêu ngựa hí, rồi một tên lính chạy vào báo tin:

– Triều đình sai Thái bảo Phú quận công [1] đem quân vào bắt Nguyên súy, quân lính hiện đã vây chặt cả ngoài dinh. Tiểu tốt trộm nghe sứ giả báo phải bắt Nguyên súy về triều để xử trị về tội Nguyên súy không về kinh chịu tang.

Thái bảo Ninh quốc công nghe xong bật tiếng khóc to, than rằng:

– Ta hối tiếc vì không nghe lời khuyên của quận Hợp nên mới mắc phải tai họa này.

Dứt lời đã thấy Phú quận công Trịnh Căn đi trước dẫn quân vào. Quận Phú truyền lệnh chỉ của chúa Tây Định. Trịnh Tuyền đành đứng yên chịu trói, theo quân của quận Phú áp giải về kinh.

Bấy giờ người của Tiết chế Thuận Nghĩa sai đi, sau khi trao thư cho Trịnh Tuyền, tạm nghỉ ở chỗ trọ để đợi tin hồi báo. Sai nhân chính mắt trông thấy Ninh quốc công bị trói bắt giải đi vội ruổi ngựa trở về cấp báo với Thuận Nghĩa. Tiết chế Thuận Nghĩa nghe tin lấy làm buồn, than rằng:

– Ninh quốc là kẻ anh hùng, chỉ tiếc ta chưa được gặp mặt!

Chuyện chia làm hai đằng, kể tiếp:

Lại nói Thái bảo Phú quốc công áp giải Ninh quốc công về kinh, dẫn thẳng vào phủ chúa phục tội. Tây Định vương Trịnh Tạc mắng rằng: "Ngươi là phận làm tôi làm con mà vương phụ quy tiên không chịu về kinh chịu tang. Lại còn thác cớ mắc bận công việc ở biên cương chiến trường, manh tâm làm điều khác ý. Xét đạo nghĩa vua tôi, cha con, ngươi đáng tội gì?"

Ninh quốc công Trịnh Tuyền sụp lạy cúi đầu, chỉ biết gào khóc kêu oan mà thôi. Tây Định quát:

– Ngươi còn oan uổng nỗi gì mà mong chối cãi!

Nói đoạn bèn truyền lệnh đóng cũi tống giam vào ngục cấm.

---

1. Tên tước của Trịnh Căn, con thứ tư của Tây Định vương

HỒI THỨ MƯỜI CHÍN

Trận Nam Hoa, Hiến – Giao không mảnh giáp
Lũy Đồng Hôn, Nham – Khả bại theo nhau

Sau khi tống giam Trịnh Tuyền, Tây Định vương Trịnh Tạc sai con là Phú quận công Trịnh Căn thay làm Nguyên súy, vào Nghệ An thống lĩnh binh quyền trước vẫn do Trịnh Tuyền nắm giữ.

Phú quận công Trịnh Căn vâng lệnh đi trấn thủ, bèn triệu Đô đốc Hào Man Lê Thì Hiến, Tham tướng Đô đốc Nhuận quận công [1] vào trong trướng bàn định. Quận Phú nói:

– Các ông giữ chức quan to ở triều đình, ăn lộc đỉnh vạc [2] nên phải hết sức hết lòng báo đền ơn chúa. Nay chúa xứ Nam sai hai tướng Thuận, Chiêu đem quân ra quấy nhiễu miền biên giới, hiện đã chiếm bảy tám châu huyện ở xứ Nghệ An, đào hào đắp lũy, mưu tính kế sách lâu dài. Ấy là tội khinh mạn, coi triều đình ta như chỗ không người. Huống chi bọn Thuận, Chiêu lại khinh chúng ta quá lắm. Ta quyết thề rửa hận, có chúng không ta! Các ông nên mật truyền cho các đạo tuyển chọn binh lính khoẻ mạnh dám đánh, đến ngày hai mươi ba tháng này vào lúc chập tối thu lấy ghe thuyền của dân vạn chài để chở khí giới đạn dược, hẹn tảng sáng ngày hai mươi bốn sẽ đánh thốc sang phía Tây xã Nam Hoa [3] trèo vào đánh phá trại quân Nam của trấn thủ Đại Thắng, nhổ luôn hai đồn của Thuận Nghĩa và Chiêu Vũ. Quân đi sau tiến lên tiếp ứng bắt cho kỳ được hai tên tướng ấy giải nộp để lập công đầu.

Cắt cử quân tướng đâu đó đã xong, các tướng tuân lệnh trở về doanh trại sửa soạn đợi lệnh.

Đến ngày bên Trịnh xuất quân đã nói ở trên, có người dân xã Phúc Châu ở phía Bắc sông Lam thuộc huyện Nghi Xuân tên là Phàn Lân [4] nghe ngóng được tin Phú quận công bàn định với các tướng về

1. *Nhuận quận công:* tên tước của Hoàng Nghĩa Giao.
2. Chữ Hán là "đỉnh chung": ăn lộc đỉnh vạc, chỉ các quan to phẩm trật cao.
3. *Nam Hoa:* tên xã, nay là xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
4. *Phàn Lân: Cương mục* ghi là không rõ họ.

việc cất cử quân tướng các đạo, tự đến cửa quân của Tiết chế Thuận Nghĩa mật báo việc tướng Bắc là Đô đốc Phú quận công lĩnh binh quyền thay quận Ninh, đóng đồn ở Vĩnh Dinh, đã sai Thự vệ Hiển Dương đến đậu thuyền ở bến sông xã Phúc Châu, chọn lấy tám mươi chiếc thuyền của dân bản xã cùng sáu mươi chiếc ghe đi biển của dân vạn chài, hẹn đến ngày hai mươi ba tháng sáu đem thuyền đến Vĩnh Dinh đậu ở bờ Nam sông Lam, chia chở đạn dược khí giới, các vật phẩm quân nhu v.v... lại truyền cho bọn Đô đốc Hào Man Lê Thì Hiến, Đô đốc đồng tri Nhuận quận công Hoàng Nghĩa Giao, hẹn đến tảng sáng ngày hai mươi bốn người ngậm tăm, ngựa rọ mõm, lặng lẽ dẫn quân vượt sông Lam tập trung sức mạnh đánh vào lũy phía Tây xã Nam Hoa để phá đồn thượng đạo của trấn thủ Đại Thắng. Phú quận công Trịnh Căn đốc xuất đại quân đi sau tiếp ứng, hợp sức với nhau để bắt sống quận Man.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe Phàn Lân báo tin, cả giận nói:

– Quận Phú là đứa trẻ ranh miệng còn hơi sữa, sao dám giơ càng bọ ngựa chống xe! Ta quyết phải bắt sống hắn chém đầu đem bêu chợ mới hả được cơn giận này.

Nói đoạn sai người đem Phàn Lân đến buồng trọ của khách nghỉ ngơi, khoản đãi. Một mặt sai người mời Đốc chiến Chiêu Vũ cùng các tướng đến trướng quân bàn định. Tiết chế Thuận Nghĩa bảo Đốc chiến Chiêu Vũ:

– Quận Phú tướng nhóc ngầm dùng quỷ kế sai quân đánh úp ta ở lũng thượng đạo tại xã Nam Hoa. Ông nên nghĩ kế mà bắt sống hắn!

Đốc chiến Chiêu Vũ cả cười đáp:

– Nếu Tây Định tự dẫn xác đến đây cũng bắt sống dễ như trở bàn tay, huống hồ chỉ một quận Phú nhãi ranh chẳng bõ cho bọn ta lo nghĩ. Xin Tiết chế sai người phi báo cho trấn thủ Đại Thắng biết để chuẩn bị trước, cho gom nhặt rơm củi chất sẵn một chỗ ở bờ sông, tảng sáng ngày hai mươi bốn đem quân ra ngoài lũy dàn trận sẵn trên đường đi để đón đợi. Nếu thấy quân Bắc tiến xộc đến liền tung quân chặn đánh, giả vờ thua chạy vào lũy. Tôi sẽ sai quân đốt lửa làm hiệu. Nếu quân Trịnh thừa thế đuổi kịp, trấn thủ Đại Thắng thấy nổi lửa hiệu bên bờ sông thì nhanh chóng cho quân cung nỏ quay lại đánh. Nếu quân Bắc thua trận bỏ chạy thì đuổi gấp đến gần sông để bắt quận Phú, kịp thời thu nhặt khí giới không được chậm trễ. Thế gọi là kế "thả mồi bắt cá". Lại sai trấn thủ Phù Dương đem một đội quân đến mai

phục một chỗ trên gò núi phía Tây xã Nam Hoa, hễ nghe tiếng súng nổ và thấy khói lửa báo hiệu thì cho quân xông ra đánh chặn đường để bắt bọn quận Hào, quận Nhuận. Tiết chế cùng tôi đem đại quân tiếp ứng theo đường thủy để chặn đường về của bọn quận Phú, khiến cho bọn chúng không còn mảnh giáp mà về, chẳng dám nhìn thẳng vào quân ta.

Thuận Nghĩa nghe Chiêu Vũ nói xong cả mừng, vỗ tay cười nói:

– Mưu kế của Đốc chiến thật là tuyệt diệu, chính hợp ý ta.

Bèn truyền lệnh cho các tướng cứ theo mưu kế ấy mà làm, ai trái lệnh thì phải trách phạt nặng. Tiết chế Thuận Nghĩa liền sai người báo tin mật cho trấn thủ Đại Thắng như thế, như thế...

Tảng sáng ngày hai mươi bốn tháng sáu, quân Trịnh do hai tướng Hào Man và quận Nhuận cho quân vượt sông Lam bỏ thuyền lên bộ, chúc cờ, im trống, tiến về lũy phía Tây xã Nam Hoa. Bỗng thấy phía trước cờ xí rợp đất, chiêng trống vang trời, một đoàn quân đang tiếp đến chặn đường. Đó là quân của trấn thủ Đại Thắng đã dàn thế trận đợi sẵn. Đại binh bên Trịnh không dám tiến nhanh, Đại tướng Hào Man [1] thúc quân tiến lên đánh gấp. Trấn thủ Đại Thắng vờ thua chạy về lũy Nam Hoa. Bọn Hào Man Lê Thì Hiến và quận Nhuận Hoàng Nghĩa Giao thừa thắng đuổi theo. Quân Nam chạy chậm, vừa chạy vừa ngóng nhìn về phía bờ sông. Bỗng thấy bên phía Tây Bắc sông có ngọn lửa bốc lên, khói đen tỏa mù trời. Trấn thủ Đại Thắng liền hô quân quay lại ra sức đánh mạnh. Tiếng súng nổ vang như sấm dậy, đạn bay rào rào. Khi ấy quân Nam lên sức, một người địch nổi cả trăm người. Hào Man cả bại, vội lui quân chạy về, binh lính ném giáo trút giáp ai nấy đều tìm đường chạy trốn. Quân Trịnh chạy được nửa đường, bỗng nghe có tiếng súng nổ trong rừng, rồi một đội quân tiến vọt ra, thảy đều hùng dũng, lẫm liệt uy phong. Quân Trịnh trông thấy cả kinh. Nhìn ra thì đó là quân của tướng Nam triều là trấn thủ Phù Dương. Phù Dương thúc quân đánh lớn. Hào Man Lê Thì Hiến hoảng hốt trở tay không kịp vội bỏ quân chạy trốn, trên mình không một mảnh giáp, trong tay không một tấc sắt, cắm đầu chạy miết về phía Bắc.

Đúng là:

Cắm đầu như hổ đuổi
Cuống cẳng tựa beo vồ.

---

1. Bản A. 24 chép là "Hào Man đại bại" đúng phải là Hào Man đại tướng.

Quận Nhuận phải lánh vào rừng tìm đường lẻn trốn. Hào Man Lê Thì Hiến thấy lửa hiệu ở bờ sông phía thượng lưu, ngờ quân Nam đặt phục binh, vì thế không dám cho quân tiến lên, chỉ theo đường ở hạ lưu, mạnh ai nấy trốn. Khi quân của Hào Man chạy đến bến sông thì thấy ở phía hạ lưu chiến thuyền của quân Nam nhiều vô kể đang vượt sông lướt tới. Đấy là đội thủy binh của Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ đang tiến đến chặn đường. Lại nghe có tiếng hô to: "Quân sĩ gắng lên bắt sống Hào Man, quận Nhuận giải nộp sẽ được trọng thưởng thăng quan!". Hào Man nghe tiếng kinh hoảng rụng rời, đặt chân không vững, đành ngẩng mặt lên trời mà than rằng: "Phía trước là sông lớn, phía sau quân địch đuổi theo, không đường trốn thoát. Thế là trời bắt ta phải chết ở đây!". Bèn tuốt kiếm sắp tự sát. Quân sĩ tùy tòng thấy vậy vội chạy đến can ngăn, chợt thấy phía thượng nguồn có đội thủy quân đang chèo thuyền lướt xuống, có tiếng hô lớn:

– Đô đốc chớ vội! Quân ta đã có tiếp ứng đây!

Hào Man nhìn kỹ liền bình tâm cả mừng, lấy sức nhảy mạnh, ngã nhào vào trong khoang thuyền. Bấy giờ mới hay đó là Nguyên súy Phú quận công Trịnh Căn đưa đoàn chiến thuyền đi cứu viện. Các đội quân bên Trịnh đều lần lượt tìm đường chạy trốn về Vĩnh Dinh. Quân Nam đuổi theo không kịp. Tiết chế Thuận Nghĩa truyền lệnh thu quân về trại, triệu tập họp các tướng bàn xét ghi tên vào sổ quân công, sai người đem về tâu nộp trước sân phủ chúa.

Hiền vương Nguyễn Phúc Tần nghe tâu xong cả mừng, vuốt râu cười vang, nói rằng:

– Thuật dùng binh của hai tướng Thuận, Chiêu thật chẳng kém tài của Tôn, Ngô ngày trước.

Nói đoạn bèn sai chức sự là Kiêm Lược mang vàng bạc gấm lụa ra tận nơi trọng thưởng cho tướng sĩ ba quân. Lại thưởng cho Phàn Lân, cho giữ chức Cai đội để biểu dương công trạng. Các tướng đều vái vọng nhận thưởng.

Công việc khao thưởng đâu đó đã xong, chức sự Kiêm Lược vội lên đường trở về ngự doanh ở Quảng Bình.

Người đời sau có làm thơ rằng:

Vung gươm thu tít tận từng mây,
Gặp gỡ đừng mong kịp trở tay.

Diệu kế bày chơi kinh lũ ác,
Kỳ tài nức tiếng cõi Nam này.
Phù Dương mai phục ngăn đường thoát,
Thì Hiến kêu la động đất dày.
Chỉ bởi Trịnh gia còn vận thái,
Khiến nên bờ cõi khó thu ngay.

Lại nói bấy giờ ở Bắc triều có viên cựu thần là Lại bộ thượng thư tả Đô đốc Trạc quận công, người xã Thổ Sơn, huyện An Lão, xứ Hải Dương, đã từng thờ các đời chúa Bình An, Thanh Đô, nay tuổi đã tám mươi nhăm. Quận Trạc giỏi thiên văn địa lý, thông hiểu lược thao, ngũ kinh các sử đều có thể đọc thuộc, có tài của Liêm Pha, Lý Mục, có trí của Triều Thố, Bùi Độ, tướng mạo mặt rồng xương hạc, mắt biếc mày xanh, có tư thế của bậc tiên phong. Bấy giờ quận Trạc nhàn cư ngoài triều, thầm xét họ Trịnh nối đời giữ ngôi chúa thi hành chính sự giáo hóa nhiều điều sai trái, giết cha thí vua, không nghe lời nói thẳng, chỉ chuyên nghe những lời xu nịnh gièm pha, giết hại kẻ có công, thăng thưởng quan tước không đúng người, dân chúng đều lấy làm thất vọng. Vì thế quận Trạc đã gói ghém ấn thao đem trả trước vương đình, xin được về trí sĩ dưỡng già. Tây Định vương Trịnh Tạc cố nài giữ, nhưng quận Trạc một mực cố từ, Tây Định bèn phải chuẩn cho về dưỡng lão. Quận Trạc vái tạ lui triều về quê nhà nghỉ ngơi. Bấy giờ nhân có ông nghè hiệu là My Khê Tử ở kinh về thăm quê, quận Trạc bèn mời đến nhà chơi nói chuyện.

Quận Trạc hỏi:

– Ông có nghe nói chúa miền Nam hiện đóng quân ở đâu, thi hành chính lệnh thế nào không?

My Khê đáp:

– Quân Nam hiện đóng ở phía Nam sông Lam, chia đồn đắp lũy, phòng giữ vững chắc. Còn về quân lệnh thì rất nghiêm túc, chính lệnh cũng rất khoan nới. Từ sau khi chiếm được Nghệ An, của cải trong dân gian tơ hào không xâm phạm, nhẹ sưu dịch thuế khóa, hình phạt khoan hòa, nghiêng lòng đãi kẻ sĩ, nhún mình để cầu hiền. Tôi trộm xét lòng nhân của Thang, Vũ cũng không hơn thế, đúng là bậc chúa hiền ở đời này. Hơn nữa các bề tôi giúp rập: vũ thì có Tiết chế Thuận Nghĩa cùng các tướng như Dương Trí, Phù Dương, Đại Thắng, Hùng Uy, Vân Long, đều là những viên tướng dũng cảm như Quan, Trương, Mã, Triệu; văn thì có Đốc chiến Chiêu Vũ có tài năng

như Gia Cát, Lưu Cơ, đến như bọn Vệ Thuần, Cống Hòa, Cống Giác, Cống Hiển là những người tinh thông thao lược, văn võ kiêm tài, đều có thể giúp đời được cả, thế gọi là vua sáng tôi hiền, rồng mây cá nước, duyên gặp gỡ hiếm có nghìn năm. Đó là điều tôi được tai nghe mắt thấy chứ không dám nói sai.

Quận Trạc nghe xong tỏ vẻ buồn rầu bảo rằng:

– Cứ như lời ông nói thì quyền thế họ Trịnh cũng chẳng còn được mấy chốc nữa. Chỉ tiếc cho công lao của Minh Khang vương Trịnh Kiểm không truyền nối được muôn đời.

Chuyện phiếm vừa xong. My Khê Tử đứng dậy cáo từ ra về. Đêm ấy quận Trạc thong thả dạo bước trước sân nhà, nhìn lên trời thấy ngôi sao Sâm đầu hướng về phía Bắc, đuôi chỉ về phương Nam ở giữa có một làn mây xanh che khuất. Lại có sao La chiếu vào cung tử vi, sao Tuế phạm vào chòm Thị Túc. Nhớ lời sấm ngữ có câu: "Hầu binh bách vạn hồi gia" (Đội quân trăm vạn về nhà), quận Trạc bèn đập tay lên ngực nói rằng:

– Khí vận họ Trịnh chưa hết, quân Nam sớm muộn sẽ rút về. Đất Trung Đô không còn phải lo ngại gì.

Nói tiếp, thượng tuần tháng chín năm ấy có bọn Huân Lộc, Lái Kiêm, Lái Thốn người ở Vĩnh Dinh thuộc Bắc triều lên qua bờ Nam sông Lam tìm đến quân doanh Khu Độc xin bái yết Đốc chiến Chiêu Vũ báo tin bọn họ ở bên bờ Bắc, ngày hôm qua nghe nói Nguyên súy Bắc triều là Phú quận công Trịnh Căn cùng các tướng hội họp. Quận Phú nhận thấy Thắng Nham đóng giữ lũy Đồng Hôn [1] địa thế thấp mỏng, nay đang lúc cuối thu đầu đông nếu gặp mưa to gió lớn có thể bị nước lũ dâng ngập. Chiêu Vũ bên Nam vốn là bậc tướng tài, lại hiểu cả khí số, nếu biết bên ta chưa kịp chuẩn bị, nhân sơ hở mà đánh thọc thì Thắng Nham làm sao mà chống giữ nổi. Huống chi nếu sai sửa đắp cao lên thì sợ lại thêm một lần khiến cho lòng quân xao xuyến, khó mà thu phục được. Vì vậy, quận Phú gọi các tướng đến họp để hỏi mưu kế chống giữ. Quận Liêm, quận Mỹ thấy quận Phú hỏi như thế, bèn xin quận Phú gấp sai người mật truyền cho Thắng Nham dời trại quân đến đóng ở dưới chân ngọn núi đất, chia quân chặn giữ những chỗ đồi gò sông lạch để tăng thanh thế. Nếu xảy lũ lụt, quân Nam thừa thế đánh sang thì Thắng Nham đã có núi đất

---

1. *Đồng Hôn*: Tên thôn ở xã Mỹ Dụ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

làm chỗ dựa, đánh hay giữ đều được dễ hơn, có thể nói là không phải lo nữa. Đợi cho hết đông sang xuân sẽ trở lại đóng giữ lũy Đồng Hôn. Như thế thì cứ cao gối ngủ yên không phải lo ngại gì hết.

Bọn Huân Lộc nói các tướng bên Bắc bàn luận như thế nhưng chưa kịp thi hành, vì thế bọn Huân Lộc xin đến báo tin để các tướng Nam triều được biết. Đốc chiến Chiêu Vũ nghe xong cười đáp:

– Quận Phú chỉ là đứa trẻ con, sao đủ mưu trí sâu xa mà dự liệu được ý đồ của ta. Ta đã dự tính trước rằng ngày Quý Hợi hai mươi nhăm tháng này là ngày sao Chẩn sáng nhất trong tháng, tất sẽ có mưa to gió lớn. Hơn nữa lại có mây đen phát ở phía cửa lớn của chòm Bắc đẩu mây trắng che ở cung Chấn [1] thì ở phía Tây Bắc sẽ có mưa to gió lớn nước dâng. Ta đã chuẩn bị sẵn, bên Trịnh có biết thì cũng đã muộn. Ta sẽ nhanh tay lấy trước để mưu kế khỏi bị tiết lộ. Các ông cứ tạm nghỉ trong doanh đợi xem quân ta phá trước lũy Đồng Hôn khiến cho quận Phú ớn lòng không thi hành được mưu kế nữa.

Nói đoạn Chiêu Vũ sai người phi báo cho Tiết chế Thuận Nghĩa biết tin ấy. Tiết chế Thuận Nghĩa bèn truyền cho Cai cơ Hùng Uy sửa soạn đầy đủ khí giới, đợi đến ngày hai mươi nhăm có mưa to gió lớn, nước sông Lam dâng cao sẽ đem quân đánh thốc sang phá lũy Đồng Hôn của Thắng Nham. Tiết chế Thuận Nghĩa đích thân đem quân đi tiếp ứng.

Tảng sáng ngày hai mươi bốn bỗng thấy mây đen bốn phía kéo đến, mưa gió sấm chớp đầy trời, cát bay đá chạy ào ào, nhà cửa xiêu đổ. Ngày hai mươi nhăm ở xứ Đồng Hôn nước ngập sâu hơn năm, sáu thước, Thắng Nham thấy vậy cả sợ. Bỗng nghe phía ngoài lũy dậy tiếng hò reo, súng nổ vang trời. Lại thấy quân Nam ngồi trên thuyền đang lướt sóng tiến đến. Đó là đội quân của Đốc chiến Chiêu Vũ cùng lúc ập qua, vượt lũy nhảy vào đánh phá doanh trại của Thắng Nham.

Bấy giờ Thắng Nham đang đốc thúc quân lính vận chuyển quân nhu khí giới để rời trại đi nơi khác, thấy tình thế như vậy ai nấy đều kinh hoàng không kịp trở tay. Quân lính của Thắng Nham cũng chẳng có lòng ham đánh. Thắng Nham một mình chạy lên núi đất tìm đường trốn thoát. Bấy giờ quân Trịnh ở lũy Đồng Hôn chết đuối

1. Bản sao chép: "ư tinh thần chi cung", tinh thần có nghĩa là các tinh tú nói chung. Ở đây chỉ về Phía Tây Bắc ứng với cung Chấn tinh (sao Chấn). Chữ Chấn gồm Vũ + Thần có lẽ chép sót bộ Vũ mà nhầm thành.

nhiều không kể xiết, binh lính bị bắt sống thì gào khóc kêu la động đất vang trời.

Lại nói Thắng Nham chạy trốn dọc đường đói khát khốn khổ, ngoái lại thấy quân Nam vẫn đuổi sát phía sau. Gặp tên quân thuộc hạ mang nồi niêu chạy gấp theo sau, Thắng Nham thở dốc ngồi bệt bên vệ đường để đợi, rồi sai tên quân ấy tìm một nơi khuất gió trên sườn núi, đào lỗ bắc nồi cơm ăn cho đỡ đói. Nhưng cơm chưa kịp chín đã thấy ở góc Đông Nam bụi bốc mù trời, một đội quân cưỡi ngựa đang gấp đường đuổi tới. Cờ xí lóa mắt, tên lông đạn đá rào rào như mưa. Thắng Nham cả sợ trèo lên núi đất nhìn cho rõ. Đó là quân của Tiết chế Thuận Nghĩa và Cai cơ Hùng Uy. Thắng Nham kinh hồn bạt vía lại thêm bụng đói như cào, không tài nào chống cự nổi, vội cúi đầu co chân nhằm về phía Eo Ống mà chạy. Quân Nam đuổi theo không kịp, chỉ thu nhặt được khí giới đạn dược, voi ngựa nhiều không kể xiết. Tiết chế Thuận Nghĩa đánh trống thu quân quay trở lại sông Lam, xuống lệnh cho quân sĩ nghỉ ngơi. Ba quân các tướng đều đến dâng công.

Tiết chế Thuận Nghĩa đập vào vai Đốc chiến Chiêu Vũ nói rằng:

– Trận thắng hôm nay đủ thấy ông điều binh khiển tướng thật tài giỏi hơn người, đâu phải chỉ riêng người xưa bàn định trù hoạch trong chốn màn trướng mới là đáng khen.

Đốc chiến Chiêu Vũ đứng dậy cảm tạ rằng:

– Bọn ta trên được hoàng thiên phù hộ, giữa đội phúc lớn của thánh chúa, dưới nhờ được tướng sĩ đồng lòng mà lập nên công tích ngày nay. Đâu phải do một mình Chiêu này mà có thể làm nên được!

Tiết chế Thuận Nghĩa bèn triệu họp các tướng, cho bày tiệc chúc mừng rồi sai người về triều tâu báo[1].

Người đời sau có thơ khen rằng:

Thuyền chiến bồng bềnh lướt sóng dồi,
Binh hùng mấy vạn vượt núi đồi.
Giao long nhảy rỡn trên lưng sóng,
Hổ báo run chân trước lửa sôi.
Giá ngắt sương thu mờ mũi giáo,
Lấp loang áo mũ sáng bừng trời.
Liệu xem tướng sĩ đà như thế,
Dân nước yên vui sẽ đến hồi.

1. Bản sao chép nhầm chữ "báo" thành chữ "cứ".

Lại nói chuyện năm Mậu Tuất, niên hiệu Thịnh Đức thứ sáu (1658), tháng giêng, quân hai bên Nam Bắc đều đóng yên bất động. Quân sĩ hàng ngày lo việc luyện tập, dân chúng được yên nghiệp cày cấy làm ăn, phu phen tạp dịch được giảm nhẹ, trăm họ đều vui mừng.

Thượng tuần tháng sáu, bên quân Nam, Đốc chiến Chiêu Vũ soạn bài văn kể tội họ Trịnh, sai người lén đưa ra Thanh Hoa, Thăng Long và các nơi khác, đem dán ở các nơi cửa chợ hoặc vờ đánh rơi dọc đường để cho người ta nhặt được mà đọc, hoặc trình nộp quan trên, cũng là một cách để phao truyền dao ngôn. Tờ kể tội viết rằng:

"Từng nghe: có trời có đất, có dân có vật. Dân và vật được yên nơi chốn thì trời đất hòa, gọi là có triều đình, có công khanh. Tìm chọn được đúng người mà đặt chức công khanh thì triều đình được đúng đắn, xưa nay chẳng khác thế, sự tích còn ghi trong sử sách.

Trộm thấy họ Trịnh dùng quan lại không chọn người hiền mà phẩm trật công hầu những tạp việc chính sự không chăm giữ cho thưa giản thì bốn phương tô thuế nặng nề. Kẻ giảo hoạt được coi là trung thần. Người trong sạch thẳng thắn thì bị chê bai. Một bọn mê của mê sắc tự lấy làm vui, hút máu mủ của trăm họ. Đầy ải, phế truất những bậc danh tướng, danh thần có công. Đánh thành chiếm đất đuổi dân để cướp đoạt tiền nong của cải, tác oai tác phúc, bẻ cong pháp độ để khép hình phạt cho người. Trước đây Âu Công Dũng, phò ký Trà vô tội mà bị giết. Năm ngoái tả phủ Tài, Phò mã Địch có công lao chỉ vì không tuân thượng lệnh mà bị cực hình... đều là bị phế truất xử đoán thiên lệch. Chim chưa hết đã bẻ gẫy cung tốt, địch chưa tan đã giết hại mưu thần. Mổ bụng giết thai nhi mà kỳ lân không đến chầu, đạp trứng phá tổ mà phượng hoàng không lượn đậu. Sai tướng sĩ đi đánh dẹp mà chẳng đoái đến lao khổ nằm kích gối giáo, đến đâu chẳng nghĩ nỗi thảm khốc giết vật hại người. Thưởng kẻ có công bất quá một tờ giấy rách, thu tô thuế thì không bỏ sót một hạt gạo hẩm, thóc lép. Cấp ruộng đất tế tự cho nhà Lê chẳng qua chỉ một khoảnh cô thôn, mà bổng lộc ban cho thân thích họ Trịnh thẩy đều xã lớn dân đông hàng vạn. Huống nữa năm Tí, năm Ngọ chưa táng thây khô mà năm Mão năm Dậu còn trơ xương trắng. Sinh sự thì sự sinh, trách người chẳng bằng trách mình.

Nay chúa Nam là bậc sáng suốt. Trên xem đạo trời mà biết thời cơ đến, dưới xét lòng dân mà biết dân nguy phải cứu. Trừ gian diệt

nghịch, mở vận giúp trời khuông phù sự nghiệp trung hưng của nhà Lê, chuyển cơ tái tạo của đất trời. Thống lĩnh quân tỳ hổ mười vạn, binh uy đất chuyển núi xô. Tướng diều hâu dưới quyền, có trăm viên bày mưu đặt kế xuất quỷ nhập thần. Những kẻ thức thời sao lại không tự mưu tính cho mình? Nhạc Nghị bỏ nước Yên, quyết theo về với Triệu mà làm nên sự nghiệp. Ngũ Viên bỏ nước Sở, gửi chí theo nước Ngô mà công danh lớn lập nên.

Nay có lời hiểu dụ cho các tướng Bắc triều: nếu là người thức thời đạt lý hãy trở giáo giúp việc thuận về hàng. Hoặc nếu xét thế lực mà biết thời cơn đem binh lính hướng về chỗ sáng mà bỏ chỗ tối, cùng đồng lòng diệt nghịch mà dốc sức cần vương. Như thế chẳng những tấm thân được vẹn toàn mà về công danh cũng được hiển vinh ghi truyền mãi mãi. Nhược bằng kẻ gian đồ tiếm nghịch cứ giữ điều mê muội thì chẳng khác gì làm tôi cho Tào Tháo, tôn thờ Đổng Trác, không trốn khỏi danh nhơ sử sách cùng với sự tích phản vua, tránh sao khỏi bị đời sau chê cười. Một khi lửa nổi ở núi Côn Lôn[1] thì ngọc đá đều cháy tan, chẳng còn phân biệt là linh chi hay cỏ mục, phượng hoàng hay gà núi đều chung một sàn.

Nay hiểu dụ".

Nói tiếp chuyện Đốc chiến Chiêu Vũ viết xong tờ hiểu dụ kể tội họ Trịnh, bèn sai người lén đem ra kinh đô Thăng Long cùng các trấn ở Đàng Ngoài theo kế đã định mà treo dán hoặc đánh rơi dọc đường. Dân Đàng Ngoài nhặt được mở xem, cũng có người tức giận mà hủy đi, cũng có người trầm ngâm không nói hoặc gật đầu cho lời lẽ trong dụ thư là có lý. Lại có kẻ nhặt được đem nạp lên các quan to trong triều xem, hoặc nhận để đó mà không đọc.

Từ đó nhân tâm phần nhiều oán phản, hoặc bàn bạc cùng nhau nổi dậy, hoặc quyết vượt đường xa về hàng. Tây Định vương Trịnh Tạc thấy lòng người xao xuyến bèn gia tăng binh quyền cho Đô đốc Lân quận công để đề phòng sinh biến. Nhưng cũng từ đó binh lính và dân chúng lén đường vào Nam theo chúa Nguyễn ngày một thêm đông.

Tháng hai năm ấy, đại quân của Hiền vương Nguyễn Phúc Tần đã đóng lâu ở đất Nghệ An, núi sông xa cách, lương hướng vận chuyển khó khăn. Hiền vương bèn sai các quan văn võ đến các huyện trong xứ Nghệ An lập tuyển trường để chọn lựa các hạng dân đinh

---

1. Tên ngọn núi tương truyền có nhiều ngọc quý.

khỏe mạnh sung làm lính, và chiếu theo sổ sách mà thu thóc thuế để lấy nuôi quân. Nhưng dân Nghệ An từ trước đến lúc ấy chưa từng phải nạp thuế thân, nay nghe lệnh mới như thế, dân chúng bảo nhau rằng: "Chúng ta những vui hưởng nghiệp thái bình, được miễn tô thuế ai nấy đều được yên cư, nay lại phải chịu tô thuế nặng hơn khi trước. Như thế thì ngày sau nếu trời cho Nam chúa nhất thống được cả nước thì bọn ta còn được cậy nhờ gì? Chi bằng lại theo về với quân Bắc để đợi xem thời thế ra sao". Có người nghe được dân chúng bàn tán như vậy liền ruổi ngựa đến báo cho Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ biết dân tình như thế.

Đốc chiến Chiêu Vũ nghe cả kinh, bèn mật sai người tâm phúc đi khắp làng xóm các huyện nói phao rằng: "Theo định lệ của Nam triều thì việc đặt tuyển trường là để chọn trong số dân đinh những người tráng kiện cho lập thành đội ngũ để đề phòng khi quân Trịnh đánh vào, ai có công thì được cất nhắc làm quan, không có công trạng gì cung cấp nuôi trọn đời. Nay tạm thời chỉ ghi đủ số đã ghi trong sổ thuế để cấp phát làm lương thực nuôi quân. Một mặt sẽ ghi tên vào sổ, ngày sau sự nghiệp thành công thì sẽ tra xét sổ sách mà trả về, dân chúng không nên lo ngại".

Dân Nghệ An nghe lời nói ấy mới được yên lòng [1]. Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ cho người đi dò xét biết được như thế, hai tướng cả mừng.

Đến tháng tám, chúa Hiền xuống lệnh truyền rằng dân bảy tám châu huyện ở Bắc Bố Chính ra đến Nghệ An hễ người nào có tài văn học, có thể làm được tri phủ, tri huyện hoặc các chân đề lại, thông lại ở các phủ huyện hoặc là các chức khác như cai phủ, ký phủ, thư ký, cai tổng, lại viên, xã trưởng v.v... thì theo thứ bậc lần lượt sẽ cho làm. Một là để đủ người xét hỏi các việc kiện tụng, phân biệt ngay gian, hai là để đủ người áp thúc thu nộp, tô thuế, bắt xét giặc cướp, dẹp tất gian manh. Từ đó dân Nghệ An nhiều người đem vàng bạc tiến nộp để xin quyền mua chức. Người thì được trao cho việc cầm quân theo đi đánh dẹp, người thì được trao chức trị dân, thi hành thưởng phạt, đều lấy làm mừng vì được chúa miền Nam cất nhắc trọng dụng.

---

1. Về sự việc này ĐNTLTB chép: "Quận chúa mới đến, chúng ta ngày ngày mong chính lệnh rộng rãi mà sao bây giờ lại thuế thân nặng hơn trước?" Nguyễn Hữu Dật nghe thấy, sai người đi các làng ấp dụ báo dân chúng rằng: "Nay việc quan chưa xong tạm lấy để giúp quân nhu, chứ không có ý tăng thuế". Lòng dân mới yên.

Bấy giờ Nam chúa lại sai các quan văn võ ra Nghệ An đi những nơi đã chiếm giữ được để xem xét ruộng đất, lập thành công điền, tư điền, đặt các mức thu thóc tô để cấp phát cho quân sĩ, dân chúng Nghệ An cứ theo đúng kỳ hạn mà giao nộp. Từ đó quân lính có đủ lương ăn, không phải tốn công vận chuyển thóc gạo đi ngàn dặm.

Tháng chín, người ở Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn tây là bọn Khánh Vinh, Triều Nham, Tú Phượng lén đường vào vùng giáp ranh phía Nam tìm đến dinh Tiết chế Thuận Nghĩa báo tin rằng:

– Tháng tư năm nay, bọn chúng tôi ở kinh đô nghe được tin nói Tây Định vương Trịnh Tạc hội họp triều thần ở nội điện nói rằng: Năm trước Thắng Nham đem quân đóng giữ ở lũy Đồng Hôn không biết phòng bị trước đến nỗi bị quân Nam của Chiêu Vũ đánh úp phá được. Triều đình xử tội của Thắng Nham là bề tôi được giao trọng trách cầm quân đi đánh dẹp ở ngoài, tất phải xem xét địa thế đất bằng núi hiểm để lập đồn đóng trại chống giữ, khỏi để quân giặc xâm phạm quấy nhiễu ở chốn biên cương, trên để báo đền ơn vua, dưới để yên lòng dân chúng. Nhưng Thắng Nham làm việc khinh xuất, coi việc binh như trò trẻ con để đến nỗi mất đất chết quân, tội đáng bêu đầu. Triều đình bèn đem sự việc tâu lên. Nhưng Tây Định vương Trịnh Tạc cho rằng Thắng Nham là cận thần của tiên triều không nỡ xử tội chết, chỉ biếm chức bắt trở về làm dân. Sau đó Tây Định sai Tham đốc Vân Khả [1] vào thay Thắng Nham giữ lũy Đồng Hôn. Nhưng Vân Khả là kẻ tham lam tàn bạo từ khi đến Đồng Hôn chẳng ngó ngàng đến việc quân ngày đêm chỉ lấy việc hãm hiếp đàn bà con gái làm vui, dân chúng phần nhiều đều kêu khổ. Mong tôn công xếp đặt cơ thần cất quân ra đánh để tuyệt trừ hậu họa.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe xong sai người dẫn bọn Khánh Vinh sang đồn Khu Độc để Đốc chiến Chiêu Vũ hỏi lại cho rõ. Đốc chiến Chiêu Vũ vui mừng nói:

– Ta đã nghe tin Vân Khả đem quân đến lũy Đồng Hôn nhưng chưa rõ hư thực ra sao. Nay các ông về báo tin thì không phải hồ nghi gì nữa.

Nói đoạn Đốc chiến Chiêu Vũ quay lại bảo với người lính sai rằng:

– Ngươi mau về trình với quan Tiết chế cùng các tướng rằng ta

---

1. Viên tướng bên Trịnh thay Thắng Nham giữ lũy Đồng Hôn, *Cương mục* cũng chỉ chép tên là Vân Khả và chú thích là "sót họ".

xin Tiết chế và các tướng người ngựa chiến thuyền đợi đến ngày Mậu Thìn mười một tháng này là ngày "lục long" sẽ có mưa lũ, ta có thể thừa cơ đánh tan quân Trịnh ở lũy Đồng Hôn, bắt sống Vân Khả trói cánh khuỷu để làm trò vui.

Người lính sai vâng lệnh trở về trình lên quan Tiết chế. Thuận Nghĩa bèn triệu tướng chỉ huy các đạo đến hợp bàn công việc, chuẩn bị sẵn sàng đâu đó mọi việc để đợi thời cơ.

Đến ngày mồng mười từ khoảng giữa buổi sáng bỗng thấy mây đen ập đến rồi mưa to gió lớn ầm ầm trốc cây đổ lá, cho đến đêm hôm ấy thì nước sông Lam dâng tràn mênh mông, sóng xô dữ dội. Lũy Đồng Hôn cơ hồ sắp ngập. Vân Khả thấy thế nước cuộn dâng ầm ầm, sợ quân Nam thừa cơ cho binh thuyền tiến đánh thì không tránh khỏi như Thắng Nham bị thua to năm trước.

Vân Khả bèn sai người tìm thuyền đậu sẵn bên núi đất để phòng lũ cuốn. Chính lúc Vân Khả lo nghĩ, không ngờ Chiêu Vũ đang đích thân dẫn quân bản bộ ra sức chèo thuyền lướt tới, khí thế như muôn ngựa đua bon nhằm về trại quân của Vân Khả thẳng tiến. Quân Chiêu Vũ xông đánh phía đông, đột nhập phía Tây, tiếng hô reo súng nổ vang trời. Vân Khả hoảng sợ lội ào qua nước, chạy lên núi đất tìm đường trốn về Vĩnh Dinh, quân lính bị giết hoặc tan rã tháo chạy.

Đốc chiến Chiêu Vũ thúc quân đuổi theo nhưng thấy Vân Khả trốn chạy đã xa bèn thu quân trở về. Dọc đường gặp Tiết chế Thuận Nghĩa ruổi quân đến tiếp ứng, Chiêu Vũ đem chuyện Vân Khả thua chạy kể lại từ đầu chí cuối, Tiết chế Thuận Nghĩa và các tướng ai nấy đều vui mừng, nói rằng:

– Quân Trịnh từ nay bạt vía, hẳn hết khinh nhờn quân ta!

Rồi đó các tướng đem quân trở về đóng giữ ở doanh trại cũ, sửa soạn cho trận đánh sau.

Bấy giờ Vân Khả thua chạy về Vĩnh Dinh, tự trói mình đến trước trướng của Phú quận công Trịnh Căn xin tha tội. Trịnh Căn cả giận mắng rằng:

– Ngươi làm Đại tướng, được triều đình giao cho đóng giữ ở đồn ấy, sao không nhớ bài học của Thắng Nham khi trước, vin cớ vì bão lụt bị đánh úp mà vứt bỏ quân sĩ, khí giới? Xét theo phép quân, liệu ngươi có trốn tội được không?

Vân Khả chỉ cúi đầu, không biện bạch được. Trịnh Căn sai người

giải Vân Khả về kinh đợi triều đình xét định. Rồi đó, Trịnh Căn giao cho Miện quận công lĩnh quân đến thay Vân Khả đóng giữ lũy Đồng Hôn. Trước khi đi, quận Phú căn dặn rằng:

– Phàm làm tướng phải rất cẩn thận! Nếu khinh suất thì phép nước không tha!

Quận Miện vâng lệnh đưa quân đến lũy Đồng Hôn lo việc sửa đắp thành trì, ngày thì chia quân phòng ngự, đêm đốt đuốc rồi xem sách để đề phòng quân Nam lại tiến đánh. Chuyện ấy không có gì phải nói.

Lại nói bấy giờ dinh Trấn Biên thuộc Nam triều sai người ra ngự doanh ở Quảng Bình trình với Hiền vương: "Quốc vương Cao Miên là Nặc Chân có ý định làm phản, đã thả quân sang cướp bóc lương thực ở vùng biên giới". Hiền vương nghe xong cả giận, lệnh sai phó tướng dinh trấn biên là Yên Vũ, Cai đội Xuân Thắng, Minh Lộc, tham mưu Câu kê Văn Lĩnh đưa quân sang Cao Miên đánh dẹp.

Ngày Mồng 9 tháng 9 xuất quân, ngày 20 sang đến đất Cao Miên. Đại tướng Yên Vũ sai quân do thám lẻn vào kinh đô Cao Miên để dò la nghe ngóng hư thực trở về bẩm báo. Rồi Yên Vũ chia quân bao vây Cao Miên, đánh với quân Miên mấy trận lớn, bắt sống Nặc Chân và các tướng tá cùng tù trưởng Man Lạc. Lại thu được voi ngựa khí giới súng đạn đưa về giao nộp. Hiền vương thể đức hiếu sinh bèn tha cho cả bọn họ về nước. Nạn Cao Miên quấy nhiễu được yên.

Nói tiếp đến chuyện năm Kỷ Hợi, niên hiệu Thịnh Đức thứ bảy (1659), mùa xuân, ngày mồng bảy tháng giêng bỗng có người xã Thanh Kỳ huyện An Dương xứ Hải Dương là Văn Dụ tìm vào quân doanh yết kiến Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ xin được làm thuộc hạ. Văn Dụ nói năm trước ở kinh đô nghe chuyện các công khanh tại triều bàn luận rằng:

Từ khi Đoan quốc công Nguyễn Hoàng vào thống quản hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam chưa từng động binh xâm lấn địa giới Đàng Ngoài. Nay Dũng quận công [1] từ năm Ất Mùi (1655) đến nay đã đem quân ra đánh tan quân Hàn Tiến, đuổi quận Đông, tiến thẳng ra xâm phạm Nghệ An, chiếm lấy bảy tám châu huyện, đóng giữ suốt bờ Nam sông Lam, đắp lũy tiếp nhau từ núi ra đến biển, chia quân đặt

1. Dũng quận công tức Hiền vương Nguyễn Phúc Tần. Triều đình Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài không thừa nhận tước vương tự phong của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, nên chỉ gọi Phúc Tần là Dũng quận công.

đồn đóng giữ. Một mặt các tướng bên Nam chiêu dụ anh hùng hào kiệt, thi thố ơn đức, dân chúng đều vui lòng tuân phục, chẳng phải là không do ý trời xui nên như thế. Cổ nhân nói: Trời người cùng theo, hết loạn đến trị. Họ Trịnh trên bất trung với vua, dưới bất hiếu với tổ tiên, khinh thường tộc thuộc, đầu độc anh em, giết hại trung thần. Bọn cận thần thân tín được thể coi triều đình như chốn thảo dã, xem dân chúng chẳng khác côn trùng, sớm muộn không tránh khỏi tai họa tan nhà mất nước. Huống chi lại có lời tiên tri (sấm ngữ) nói rằng:

Cửu cửu kiền khôn dĩ định,
Thanh minh thời tiết tàn hoa,
Thập đáo dương đầu quá mã,
Hầu binh bách vạn hồi gia.

Nghĩa là:

Chín chín trời đất đã định,
Hoa tàn giữa tiết thanh minh.
Mười đến đầu dê qua ngựa,
Đội quân trăm vạn về nhà.

Theo lời sấm nói trên mà xét thì hai câu đầu đã ứng nghiệm [1]. Còn hai câu: "Thập đáo dương đầu quá mã, Hầu binh bách vạn hồi gia", giải thích ra thì "dương đầu quá mã" (đầu dê qua ngựa) có nghĩa là năm Ất Mùi (dê) động binh, qua năm Ngọ (ngựa) đến năm Thân vượt qua địa giới. "Hầu binh bách vạn hồi gia" là chỉ quân trăm vạn của Nam chúa Dũng quận công sẽ ra Thăng Long vào năm Canh Thân. Suy nghiệm theo lời sấm ngữ đó thì quân Nam sẽ thần tốc cuốn chiếu ruổi thẳng tiến ra Trung Đô, thu phục giang sơn dựng nên sự nghiệp bá vương. Bọn chúng ta nên cẩn thận giữ mình đợi thờ cơ, một khi Nam chúa đem đại quân tiến ra thì tương kế tựu kế mà theo hàng. Cốt yếu là phải biết lo liệu trước, ngõ hầu hiển rạng thanh danh tôi hiền biết chọn chúa, khỏi bị chê cười là kẻ không thức thời.

Tiết chế Thuận Nghĩa cùng các tướng Dương Trí, Hùng Uy, Vân Long, Thịnh Hội, Xuân Đài v.v... nghe xong ai nấy đều mừng nói:

– Lòng trời đã như thế thì không phải lo ngại gì nữa. Bọn ta khá nên sai người về vương đình tâu lên Chúa thượng xin cho phát binh thẳng tiến ra Trung Đô, thỏa nguyện phù Lê diệt Trịnh.

---

1. Vẫn là lời của Văn Dụ thuật lại lời bàn tán của các quan triều ở Thăng Long. Ám chỉ việc Trịnh Tráng chết năm 81 tuổi (9 x 9 = 81).

Đang lúc mọi người cùng nhau bàn luận, bỗng có tiểu tốt vào trong trướng thưa rằng:

– Có mấy người làm quan bên Trịnh đến xin hàng phục, hiện đang đứng chờ lệnh ở ngoài cửa doanh.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe nói bèn sai hàng tướng là quận Hợp ra ngoài hành lang đón tiếp, mời vào trong trướng.

Bọn quan văn Đàng Ngoài lạy chào xong, Tiết chế Thuận Nghĩa mời ngồi rồi hỏi:

– Các ông từ kinh đô vào đây xin cho biết họ tên cùng là từng vị ở ngoài ấy giữ chức gì?

Văn Dụ bèn đứng dậy bước lên trước trình tên từng người: thứ nhất là Đoán Hiển bá [1] người xã Bạch Trì huyện Thạch Hà giữ chức chưởng tư thiên giám, người thứ hai là Cổn Lương tử người xã Vạn Xuân cũng thuộc huyện Thạch Hà, giữ chức Chiêm hậu quan ở tư thiên giám, người thứ ba là Đoán Chân tử, đậu đồng Tiến sĩ, người thôn Đồng Hoạch xã Thiên Lộc, người thứ tư là cống sĩ Canh, người thứ năm là cống sĩ Văn Điền, người thứ sáu là cống sĩ Ban, người thứ bảy là vệ sĩ hộ binh Tộ Long tử, người xã Bình Hồ, huyện La Sơn [2]. Cả bảy ông đều là người xứ Nghệ cả.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe xong đứng dậy chắp tay nói rằng:

– Các vị đều là kẻ anh tài hiểu biết thời thế, bỏ tối theo sáng, cùng nhau phò giúp nhà Lê. Tuy trước đây Nam Bắc xa cách muôn dặm, nay đều là anh em một nhà, không có điều gì phải lo ngại. Ngàn dặm đến đây, chỉ mong các vị đem hết sức lực bình sinh phò giúp minh chúa thành toàn sự nghiệp bá vương như ngày trước Nhạc Nghị giúp vua Yên, được như thế thì phú quý công danh không lường trước hết được.

Bọn Đoán Hiển đều lạy tạ nói rằng:

– Chúng tôi đều là kẻ hủ nho nơi thôn dã, ít học kém tài, đâu dám sánh với người hiền thời xưa! Chỉ là vì ngày nay các công khanh

---

1. Trong số bảy người Đàng Ngoài đến đầu hàng quân chúa Nguyễn năm Kỷ Hợi (1654) như CNCD đã ghi ở đây, ĐNTLTB ghi ba người, trong đó có Chu Hữu Tài giữ chức Tư thiên giám, CNCD ghi là Đoán Hiển bá, như vậy Đoán Hiển bá là tên tước của Chu Hữu Tài, Chiêm hậu Cổn Lương (CNCD ghi tên tước đầy đủ là Cổn Lương tử) và hộ binh Tộ Long tức Tộ Long tử. ĐNTLTB ghi: hai người này đều không rõ họ.

2. *La Sơn:* huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

triều sĩ ở Thăng Long nghe tin chúa phương Nam là bậc tài đức cao minh, ơn nghĩa ban khắp xa gần, đích thân đẩy xe đón người hiền, vắt tóc tiếp kẻ sĩ [1]. Mọi người ngày đêm chờ mong trông thấy mặt rồng để thỏa nguyện quân thần gặp gỡ. Vì vậy bạn hữu thân quen chúng tôi bảo chúng tôi đi trước vào yết kiến tôn công mong được biết ngày quân ta tiến phát nhanh chậm lối hướng thế nào.

Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

– Phàm việc dùng binh tiến lui đều có thời nhất định, chưa dám nói trước làm tiết lộ quân cơ, khiến cho tai vách mạch rừng ngoài ngàn dặm nghe biết.

Bọn Đoán Hiển lại nói:

– Chúng tôi liệu tính nông cạn rằng ngày nay Nam chúa được trời thuận người theo, thời vận đã đến, xin sớm hẹn ngày đem binh tiến ra. Chúng tôi xin báo tin để các quan tại triều cùng anh hào tuấn kiệt bốn phương đem người ngựa khí giới về tụ họp, trong Nam tiến ra, ngoài Bắc nổi đánh, hợp thành thế nội công ngoại kích, tất diệt được bọn Trịnh. Tiết chế Thuận Nghĩa, Đốc chiến Chiêu Vũ cùng các tướng nghe nói cả mừng. Thuận Nghĩa bảo bọn Đoán Hiển rằng:

– Các ông hãy thư thả chờ chúng tôi bàn bạc.

Nói đoạn bèn sai dọn tiệc khoản đãi hết sức vui vẻ. Rồi bọn Đoán Hiển ra trạm nghỉ ngơi, các tướng cũng ai về trại nấy. Chỉ còn Đốc chiến Chiêu Vũ ở lại, Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

– Lời nói của bọn họ thật giả ra sao chưa dám mười phần tin cả. Huống chi người xưa có câu: "Thế sự tín mạc bất tín", "nhân tình nghi, tắc khả nghi" (Sự đời tin chẳng bằng không tin, tình người còn ngờ thì cứ để ngờ).

Đốc chiến Chiêu Vũ nói:

– Bọn họ nói xét ra cũng có lý, ta chớ nên nghi ngại. Xin Tiết chế mau thảo biểu văn sai người đem về triều tâu báo.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe theo, bèn ủy cho Chiêu Vũ thảo khải văn. Khải văn viết:

"Bề tôi văn võ vâng mệnh đem quân các đạo đi đánh xa tâu trình lên Chúa thượng cao minh xem xét:

1. Theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên: Chu Công ở nhà gội đầu thấy có khách lạ đến hỏi thăm phải bỏ dở ba lần, vắt tóc cho khô để ra tiếp chuyện, dang dở bữa ăn vội nhả miếng cơm để ra tiếp người hiền.

Vừa đây, các hiền sĩ làm quan văn ở Trung Đô là bọn Tư thiên giám Đoán Hiển bá trình rằng các quan ở triều đình Đàng Ngoài cùng nhau bàn bạc, có ý muốn theo vào hàng phục bên ta để được hiển rạng công danh. Bọn họ bèn giả tiếng về thăm quê ở Nghệ An tìm đến báo tin cho bên ta, xin thánh chỉ cho lệnh khi nào quân ta đánh ra để bọn họ trở về báo tin cho hào kiệt các nơi dấy binh làm nội ứng, giúp quân ta bắt sống Tây Định giải vào trước vương đình dâng nộp bày tỏ lòng kính mến, thỏa ý nguyện anh hào tuấn kiệt khắp nơi.

Bọn thần xin trình lên Chúa thượng xem biết. Kính khải".

Chúa Hiền xem xong tờ khải, vui mừng nói:

– Các người hãy về nói với hai ông Thuận Nghĩa và Chiêu Vũ cùng nhau bàn định. Vả lại việc ở ngoài biên đều theo lệnh của tướng cầm quân, tùy cơ ứng biến. Mưu kế gì có thể mau chóng thu phục được Trung Đô thì cứ theo thế mà làm, không cần phải hỏi lại. Ngày xưa đã vậy thì ngày nay cũng thế. Việc chọn ngày định hẹn, ta đều ủy thác cả cho hai ông Tiết chế và Đốc chiến bàn bạc mà làm. Bao giờ tiến quân ta sẽ đem đại binh đi theo tiếp ứng.

Chức sự vâng lệnh lạy chào trở ra Nghệ An trình với Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ biết Chúa truyền như thế. Hai người bèn triệu các tướng bàn tính mưu kế, định ngày xuất quân. Lại lệnh cho tướng cầm quân các đạo tập luyện quân sĩ, sửa soạn khí giới quân nhu sẵn sàng đợi lệnh. Rồi đó chưởng Tư thiên giám Đoán Hiển bá, Chiêm hậu Cổn Lương tử ứng nghĩa xin được làm bề tôi của chúa Nam, cùng với các cống sĩ và hộ binh Tộ Long cáo từ trở về kinh đô báo tin. Chuyện không có gì phải nói.

Lại nói chuyện ở Bắc triều, bấy giờ có quan nghè là Hồng Lĩnh tử, từ kinh đô về thăm nhà ở xứ Hải Dương. Thượng thư hưu trí là quận Trạc nghe tin bèn sai người mời Hồng Lĩnh tử đến chơi nói chuyện. Đang lúc hai người bàn luận việc quốc gia trị loạn hưng vong, quận Trạc hỏi Hồng Lĩnh tử:

– Từ khi chúa Đàng Trong đem quân xâm phạm địa giới Đàng Ngoài, chính lệnh ở đó ra sao? Lão nay về hưu ở chốn quê mùa thôn dã chẳng biết tin tức gì. Ông ở kinh về đây tất là biết rõ sự việc, dám phiền ông nói cho nghe.

Hồng Lĩnh nói:

– Từ năm Ất Mùi đến năm Bính Thân – Đinh Dậu, quân Nam thường vận chuyển lương thực trong miền đưa ra cấp phát cho ba quân, nhưng về sau vì đường bộ cách trở núi cao, đường thủy phải vượt biển rộng, việc chuyên chở không được đều, vì thế phải phân bổ thóc thuế cho dân các huyện ở Nghệ An để cấp lương cho quân. Nam triều lại xuống lệnh chọn những người có học ở Nghệ An để cho làm lại ở các phủ huyện, đặt các nha môn để xét xử đơn từ kiện tụng. Tôi thiết nghĩ đấy cũng là lẽ thường, việc chính sự xưa nay đều phải làm như thế.

Quận Trạc lặng yên suy nghĩ hồi lâu rồi nói:

– Cứ như lời ông thì cơ đồ họ Trịnh cũng chưa có gì phải lo lắm. Theo ý trời việc người mà xem thì năm sau quân chúa Nguyễn phải rút về Nam.

Quận Trạc nói xong, ha hả cười vang. Ông nghè Hồng Lĩnh nói:

– Quan thượng khanh cười vui như thế hẳn là có chủ ý gì?

Quận Trạc đáp:

– Đấy là tôi nghe lời ông mà đoán nghĩ nông cạn như thế nên cười cho vui thôi, có gì lạ đâu.

Ông nghè Hồng Lĩnh hai, ba lần khẩn khoản nhờ giải thích, quận Trạc đều lặng thinh không đáp. Người đời sau có thơ bình tán rằng:

Lòng tàng thao lược nhất đương thì,
Để tiếng ngàn năm sử sách ghi.
Cửa tướng giỏi bàn đường tiến thoái,
Công môn trước đã biết hưng suy.
Mới hay phú quý như bèo nổi,
Lại nhạo công danh chớp mắt đi.
Giữ đạo bên mình nhàn năm tháng,
Giấc song biếng thốt chuyện thị phi.

Ngày mười một tháng giêng năm ấy, chưởng Tư thiên giám Đoán Hiển bá Chu Hữu Tài dâng ba điều then chốt để phá địch *(Địch sách khu cơ tam điều)*. Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ xem qua rồi sai thủ hạp tên là Trí về vương đình dâng lên chúa Hiền vương. Sách văn viết:

"Từng nghe: Việc quân quốc cấp bách không vượt ra ngoài ba điều thiên văn, địa lý và nhân luân. Cho nên Mạnh Tử nói: "Thiên

thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hòa". Lời nói ấy đến nay càng ứng nghiệm.

Điều thứ nhất bàn về *thiên thời*. Thiên thời là quan hệ thống thuộc giữa mặt trời, mặt trăng và năm tháng. Sách *Xuân Thu tả truyện* nói: Sao Tuế ở tinh phận nước nào thì nước ấy có phúc, có thể đánh được người mà người thì không thể đánh được. Lấy việc biên cương mà nghiệm thì năm Giáp Tý, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ bảy (1624) [1], sao Tuế ở vào độ Mùi của sao Thuần, đến Đinh Mão năm Vĩnh Tộ thứ chín (1627) [2] sao Tuế ở vào độ Thìn của sao Thọ. Đó là những năm quân Trịnh ở Đàng Ngoài mấy lần vào xâm lấn miền Nam, nhưng đều bị thua cả, thế lực Đàng Trong từ đó mạnh dần. Đó là một việc nghiệm. Lại đến năm Mậu Tý, niên hiệu Phúc Thái thứ sáu (1648), sao Tuế lại chiếu ở phương Nam, họ Trịnh u tối không biết xét, chỉ muốn làm liều, lại sai bọn Bộ Gia xua đàn dê đánh nhau với mãnh hổ, cho nên năm ấy quân Trịnh lại cả bại. Lúc ấy Nam chúa oai lừng cõi trời Nam [3]. Đó là việc nghiệm thứ hai. Lại đến năm Ất Mùi (1655) sao Tuế ở cung Đoài, thế mà quận Tiến, quận Đông [4] không biết thiên thời, không thông độ số, lại giơ càng bọ ngựa chống xe, cho nên tự chuốc lấy bại vong. Từ đó quân ta thừa thắng tiến ra tận sông Lam, thế như xô cây mục, chiếm trọn đất đai ở bờ Nam dễ như ngắt tàu lá cải. Đó là ba việc nghiệm. Lại đến năm Kỷ Hợi [5] sao Tuế mọc ở độ Dần, lặn ở độ Thân. Thần đọc sách *Cương mục* có đoạn viết: Chỗ sao Sâm mà có sao Tuế mọc thì miền ấy tất cả là bậc chân nhân nổi lên. Tượng trời ứng nghiệm rõ ràng lắm. Năm ngoái, ngày mồng một tháng năm có nhật thực, mặt trời bị che hết, ban ngày trời đất tối bưng. Năm nay, ngày tiết thanh minh (mùa xuân) thì ấm mà đến cuối năm thì rét. Ý trời đã tỏ cho biết khá rõ. Thiên *Hồng Phạm* trong *Kinh Thư* nói: Trời âm u lâu ngày mà không mưa, kẻ thần hạ tất có người rắp mưu phản hại bề trên. Đó là bốn việc nghiệm. Vả lại xét

---

1. Nếu tính chính xác thì năm Giáp Tý là niên hiệu Vĩnh Tộ thứ sáu (1624).

2. Nguyên bản sao chép là Ất Mão, đúng ra là Đinh Mão niên hiệu Vĩnh Tộ thứ chín (1627).

3. Bản sao chép là "Nam phương uy chấn Nam thiên". Chữ "phương" có lẽ là do chữ *chủ* (chúa) chép nhầm thành.

4. Bản sao chép là "Tiến súy", "Đông súy". Hai chữ "súy" ở đây hẳn là chữ "quận" chép nhầm thành. Tiến quận cũng tức là Tiến Hàn (Hàn Tiến) đã nói đến ở trước.

5. Bản sao chép là Ất Hợi. Nhưng Ất Hợi là năm 1635, không ăn nhập với chuyện đang nói, chắc hẳn là Kỷ Hợi (1659) mà chép nhầm thành Ất Hợi.

ngược từ khi họ Mạc tiếm ngôi nhà Lê ở kinh đô Thăng Long đã xuất hiện hai câu sấm mười sáu chữ:

Mạc thị thừa long phụ nguyên thừa thống
(...) tinh lạc địa ngọ nhật dương thiên [1]

Tám chữ trên đã nghiệm: Họ Mạc (chỉ Mạc Đăng Dung) cưỡi rồng (= làm vua) giao cho Nguyên (= Phục Nguyên) nối vị. Tám chữ dưới chưa cho biết ý nghĩa ra sao, nhưng sự việc quá khứ nói đã đáng tin thì việc tương lai cũng nên ngẫm kỹ. Đến nay lại càng ứng hợp câu sấm "Chín chín trời đất đã định. Hoa tàn giữ tiết thanh minh". Quả là trời đất giúp người theo, ấy là thiên cơ chớ để tiết lộ. Than ôi! Vận hết *bĩ* thì đến *thái, loạn* tột thì *trị sinh,* đúng là lúc này vậy. Còn như năm nay vào tháng Kỷ Hợi, quân giặc đóng ở phía Bắc, theo phép "hợp thần" mà suy thì mệnh tình của quân giặc đã ở vào năm hạn, tướng giặc ắt bị bắt. Ấy là giềng mối chính, ấy là thời tiết tốt, thời cơ trên dưới một lòng. Nhưng *thiên trời* không bằng *địa lợi.* Vậy có điều thứ hai bàn về địa lợi như sau:

Địa lợi đó là nói về sự kiên cố do thành cao hào sâu, địa thế hiểm trở. Xem trên bản đồ địa dư thì xứ Nghệ An long mạch khởi từ Quỳ Châu đổ xuống, chuyển vào đến châu Bố Chính rồi lại chuyển ra miền Kỳ Hoa, Thạch Hà, đến huyện Thiên Lộc vượt khởi lên thành dãy Hồng Lĩnh, làm thành một thế đất chung đúc vượng khí, đúng là nơi định cục của bậc đế vương mới đấy. Về đường thủy thì có thể thông với hai cửa biển cổ họng [2], đường bộ có thể chứa được đội quân mười vạn người ngựa. Xin cho quân ta đóng dinh tại đó làm thành thế trận "trường xà" (con rắn dài), lấy La Sơn [3] làm tả giác (góc bên trái), lấy Nghi Xuân làm hữu giác (góc bên phải), lấy đồn Khu Độc làm tiên phong, làm thành thế trận đóng giữ, chờ cho quân địch tự tan rã. Lại thấy ở miền Hương Sơn long mạch như tám đầu rồng chầu về cung Tử vi, thanh long thì phục ở núi Thiên Nhẫn, bạch hổ liền với bờ sông. Như thế là Thất diện, Tam tinh, Long thủy đều giao hội ở minh đường, lấy Hồng Lĩnh chín mươi chín ngọn cao làm án ngự, trấn giữ phía ngoài cho thế đất đẹp dấy nghiệp đế vương. Khi dùng võ, nói về quân đội thì thành lũy vững chắc, thóc lúa dồi dào;

---

1. Bản sao chép sót một chữ ở đầu vế thứ hai. Điều này nói về thiên thời, địa lợi theo cách giải thích của thuyết thiên văn sấm vĩ.

2. Chỉ Cửa Hội và Cửa Sót, hai đầu mối giao thông đường biển quan trọng ở Hà Tĩnh.

3. Tức là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

nói về quân thủy thì đường sông tiện lợi. Đem đại quân đến chiếm vùng này, chia đóng các nơi theo bản đồ bát trận làm thành thế nương dựa lẫn nhau: phía Bắc đối diện với địch ở cửa *Khảm*, lấy huyện Thanh Chương là tả kỳ binh. Ở cửa *Kiền* lấy huyện La Sơn làm hữu kỳ binh. Ở cửa *Cấn*, tả cơ tiếp ứng ở phía Tây Nam. Năm nay, là năm hợp của Tuế tinh nên xuất quân tiến đánh. Hữu cơ ở phía đông bắc, năm nay là năm xung, chỉ nên cố thủ cho vững chắc, hoặc tuỳ nghi vừa đánh vừa giữ, ví như các trường xà, bị đánh ở đầu thì đuôi tiếp ứng, đánh ở đuôi thì đầu tiếp ứng, đánh ở giữa thì cả đuôi và đầu đều tiếp ứng. Quân giặc đóng ở bên tả thì bên hữu đánh, đóng ở bên hữu thì bên tả đánh, đóng ở đầu thì tả hữu cùng đánh. Như thế không đầy năm, quân giặc phải tan rã. Đó là điều quan yếu của phép hành quân, then chốt của kế sách mở nước. Đối với miền đất tốt phải tranh lấy thì không thể để lỡ thời cơ.

Nhưng *địa lợi* không bằng *nhân hòa*. Vậy xin điều thứ ba bàn về nhân hòa. Đó là nói về sự hòa hợp giữa vua tôi dân chúng. Những nghĩ lòng trời mến mãi nhà Lê, chung cục triều đình vua Lê bị họ Mạc tiếm đoạt. Nhưng quả lớn nuốt không trôi, nguyên khí lại về, thực là nhờ công lao của Chiêu Huân Tĩnh công [1], chỉ trong năm năm tái tạo hoàng đồ, xã tắc nhà Lê lại được khôi phục. Không may quyền chính rơi vào tay họ Trịnh, lành dữ điểm đã rõ ràng, cõi Nam ngày càng thịnh vượng. Nay thực trời sinh thánh chúa, cúi ngước tỏ rõ oai hùng, sai tướng giỏi cầm quân, trao quyền định đoạt ở biên địa, chia quân đóng giữ nơi hiểm yếu đối mặt với quân thù. Mỗi lần vận mệnh nhà Lê trung hưng, muốn nói bớt nỗi lo của thiên hạ, lập nền trị khắp chốn trong ngoài thì đều phải thu phục cho được lòng dân. Lòng dân đã hướng về, xin giương ngọn cờ đại nghĩa của ta để đánh phạt kẻ bề tôi phản loạn. Các vua Chính Trị [2], Hoằng Định [3] và Phúc Thái [4] đều bị họ Trịnh giết hại, mà vua hiện nay [5] cũng đang bị họ Trịnh hiếp bức đè nén, cả thần và người đều phải căm giận. Bề tôi nhà Lê đều muốn theo phép của kinh *Xuân Thu* để trị tội kẻ phản vua hại cha, thề không đội trời chung cùng nghịch tặc, hẹn ngày dựng lại nghiệp trung hưng. Ngày xưa Hạng Vũ sai người ngầm giết hại Nghĩa

---

1. Nguyễn Kim.
2. Lê Anh Tông (1557 – 1573).
3. Lê Kính Tông (1600 – 1619).
4. Lê Chân Tông (1643 – 1649).
5. Thần Tông Lê Duy Kỳ (1649 – 1662).

Đế ở giữa sông, Hán vương nghe lời của Đổng Giá vạch mười điều tội ác của Hạng Vũ, đã dấy đội nghĩa binh đánh kẻ có tội, dựng lên nghiệp lớn bốn trăm năm.

Nay họ Trịnh giết vua cướp quyền của nhà Lê, tội ác mười mươi, ai ai đều biết, há lại không đáng dấy quân đánh dẹp hay sao? Xưa nữa thì vua Trụ tuy phạm nhiều tội ác nhưng không mắc tội giết vua, thế mà Vũ vương nghe lời bàn của Thái Công Vọng vạch mười điều tội ác của Trụ, cất quân đánh phạt, gây được cơ đồ to lớn hơn tám trăm năm. Huống chi ngày nay tội họ Trịnh giết vua đã vượt cả Trụ, nhà Ân há lại không thể cất quân trừ dẹp? Khổng Tử ở đất Lỗ, nghe tin Trần Hằng giết vua bèn tắm gội xin cất quân đánh diệt kẻ loạn thần tặc tử, việc còn chép rõ ở kinh *Xuân Thu*. Nay theo phép kinh *Xuân Thu* để nghiêm khắc trừng phạt họ Trịnh thì có gì là quá đâu? Muốn làm được thế thì chọn dùng kẻ tài năng là việc rất lớn. Xin chọn trong số con cháu các bậc danh tướng cùng là những người mộ nghĩa, ai đáng làm cai cơ, cai đội thì giao cho làm. Lại mở các tuyển trường chọn trai tráng khỏe mạnh để sung làm lính.

Về học nghiệp khoa cử xin theo chế độ ngày xưa, mở các khoa thi Hương và thi chế sách [1] để thu dùng người có tài văn học. Đã chọn được người thì giao cho chức việc. Người có tài vũ lược thì trao chức quan cầm quân; người có đức liêm chính thì cho làm quan châu huyện. Không cần phải đặt nhiều quan chức để khỏi phải phiền hà cho dân chúng. Người làm quan phải xét đoán các đơn từ kiện tụng để dân chúng khỏi bị oan ức, lòng người tuân phục. Dân trông ở vua, hai chữ "khoan hòa" (khoan nới, êm dịu) làm điều cần kíp. Ruộng công nên cấp đều cho từng đầu người, cấm những nhà quyền hào không được chiếm dụng. Ruộng tư cần phải lập sổ kê khai, tùy từng nhà nhiều ít mà định rõ mức thuế [2] không được gian lận che giấu, cứ thu gặt được mười phần thì nộp thuế một phần. Như thế thì ai nấy đều vui lòng mà nghe nghề nông có lợi, thóc lúa càng nhiều, không lo thiếu lương ăn, quân dân ai nấy đều yêu kính, trời đất tự nhiên ứng hòa, điều lành theo nhau ứng hiện. Như thế thì tận dụng được thiên thời cũng là ở con người, sử dụng được địa lợi cũng là do con người.

---

1. Nguyên văn: "Hương thí chế sách đằng khoa". *Hương thi* là khoa thi Hương, *chế sách* là khoa thi Hội (thi các môn chế nghĩa và sách văn).

2. Bản sao là: "Minh kỳ phú hữu" (định rõ giàu có). Theo ý cả câu có lẽ là "Minh kỳ phú thuế" mà chép nhầm chữ "phú" = thuế, ra chữ "phú" = giàu.

Có thể đánh để lấy, có thể giữ cho chắc. Ấy là nhen nhóm thời thịnh trị, ấy là kế giữ yên thiên hạ, khôi phục hoàng đồ trăm năm bền vững, phò giúp đế nghiệp vạn năm yên bình.

Ngu thần mạo muội bàn xét mấy điều quan yếu trong quan hệ giữa trời đất và con người, đâu dám gọi là tài cán. Phúc ấm ba sinh, tự biết duyên may hạnh ngộ. Kế sách trị bình, sâu mong bậc thánh chúa hiền thần lưu tâm xét đến. Thần xin tâu mọi nhẽ như trên [1].

Chúa Hiền xem xong tờ tâu kế sách ba điều quan yếu bèn trao cho các quan văn trong triều cùng bàn giải xem hay dở thế nào. Các quan đều nói:

– Quả đúng dòng chính học, đọc rộng biết nhiều, tất phải có tài kinh bang tế thế. Xin Chúa thượng trọng dụng để chấn phát Nho phong, bồi dưỡng mệnh mạch nước nhà.

Hiền vương Nguyễn Phúc Tần bèn phong cho Đoán Hiển bá Chu Hữu Tài chức Tham chính giám hộ quân, xếp vào hạng cận thần hầu việc ở vương phủ, lấy Cổn Lương tử làm chức Chiêm hậu, cho Văn Tuyển giữ chức Thủ hợp đặt dưới quyền điều khiển của dinh Đốc chiến. Ba người lạy tạ lĩnh mệnh, rồi ai nấy trở về bản dinh giúp rập điều hàng việc quân.

---

1. Về tờ khải điều trần chính sách do Đoán Hiển bá Chu Hữu Tài dâng lên chúa Nguyễn Phúc Tần năm Kỷ Hợi (1659), ĐNTLTB (Q.5) chỉ chép tóm tắt các khoản điều trần trong khoảng một trang và cho biết: "Chúa Hiền xem xong nói: "Người này học rộng nhiều văn, có thể dùng để bàn hỏi được". Liền đó giao cho Tài chức Tham chính hộ quân.

HỒI THỨ HAI MƯƠI

Tây Định vương dụ hàng Chiêu Vũ
Ký lục Hồ sa lưới Hào Man

Nói tiếp chuyện năm Kỷ Hợi (1659) tháng hai, ngày mười hai, tướng Đàng Ngoài là Phú quận công Trịnh Căn sai văn quan là Tiến sĩ Tuấn Đức viết bức thư khiêu khích. Thư viết:

"Khâm sai Tiết chế Trịnh súy phủ gửi bức thư đến người anh em họ ngoại là Nguyễn lệnh công hiểu rõ:

Đại phàm trời người đều cùng một lý, hiểu thấu đạo lý, thì phận được yên. Gần đây lệnh công nghe lời xúi bẩy, gây hấn ở chỗ biên thùy, hao dân tốn của, động binh kết oán liên miên. Trong lúc trận mạc giao tranh, mạnh yếu hơn thua không phân biệt được. Huống chi sinh linh khốn khổ vì việc binh, gan óc bết đất, thật là đáng thương. Nay lệnh công cử sự như thế là muốn thu gồm lãnh thổ, cứu vớt muôn dân, hay là có ý định xâm lăng thôn tính? Hơn nữa lại càn bậy tự phong tước lớn, không đếm xỉa đến thiện ý của tiên vương nộp cống vật, dâng lòng thành, nước nhỏ thờ nước lớn. Vả chăng thứ bậc cao thấp, danh phận lớn bé đều là lý đương nhiên của trời đất đạo người không thể vượt qua được. Lệnh công đã biết như thế thì phải hiểu cho thấu lẽ, giữ phận thật yên. Lệnh công há không biết điều đó chăng? Kế sách ngày nay không có gì hơn là khôi phục nghiệp cũ của tiên vương, giản việc binh cách, ai yên cõi nấy, để cho dân chúng được yên vui cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống. Như thế há không phải là sự nghiệp to lớn hay sao? Lệnh công hãy lượng xét, chớ nên nghi ngờ. Nay thư".

Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ xem xong thư, cả giận nói:

– Quận Phú trẻ ranh, miệng còn hơi sữa mà dám chọc phạm đến Chúa thượng của ta chăng?

Hai tướng ỉm việc không báo về triều, rồi viết ngay thư bài bác họ Trịnh. Ngày mười, tháng ba sai đội trưởng Triều Thạch đem qua bờ Bắc đến bến đò Phù Thạch đưa cho lính tuần bên Trịnh để chuyển

cho Trịnh Căn. Quận Phú bóc xem thấy lời thư đáp rằng:

"Tiết chế các doanh quân Nam là Hổ uy Đại tướng Thuận quận công đáp thư đến Trịnh súy phủ biết rõ:

Trộm nghe: Đạo trời có âm dương, âm dương hòa thì đạo trời thuận. Đạo người có cương có nhu, cương nhu có kiềm chế thì đạo người được đúng. Thuở xưa Minh Khang vương [1] nhớ ơn trước mà phân ranh chia đất, kính trọng nghĩa tình. Tiên vương ta [2] giữ lễ giáo tín nghĩa, lấy việc cống nộp để tỏ lòng thành, Nam Bắc kết thân, Tấn Tần hòa hiếu. Dân chúng nhờ vậy được vui sống trong cõi yên gió bụi. Gần đây Đàng Ngoài mấy bận gây việc đao binh, chuyện cũ thôi không nói. Đến năm Mậu Tý (1648), chỉ vì nghe lời xằng của hoạn quan mà bỗng dưng gây hấn xâm lăng. Quân ứng nghĩa bèn dấy lên dương oai chẻ trúc, đuổi hùm hổ chạy dài, quyết tâu công bắt giặc. Đến nay trải đã sáu năm chưa từng một lời đối đáp. Nếu có ý được đất Lung, dòm đất Thục thì còn đợi gì đến ngày nay? Nay thế lực mạnh yếu, trí dũng vụng khéo ra sao hầu đã phân biệt rõ. Chỉ vì luôn năm dùng binh, hao sức tốn của, nghĩ thương xót dân lành. Nghĩ đến điều ước trước bèn lui về cho quân lính nghỉ ngơi dưỡng sức, gìn giữ cõi nhà. Gần đây tiếp được thư của súy phủ, lời ý chân thành sâu sắc, xét kỹ mọi việc trước sau, khiến lòng vui khôn xiết. Mọi việc chỉ do nơi súy phủ, động tĩnh cương nhu ra sao thì chúng tôi sẽ tùy theo mà đáp ứng. Ngũ hành lấy thổ (đất) làm chủ, ngũ thường lấy chữ tín làm đầu. Lời nói chân thành từ chốn xa, mong súy phủ hãy xét. Nay thư".

Phú quận công xem kỹ bức thư thấy ý tứ có phần ngạo ngược lại càng tức giận bội phần, bèn sai Tiến sĩ Tuấn Đức lấy danh nghĩa của trấn thủ Quảng quận công viết tờ hiểu dụ đáp lại. Khoảng chập tối ngày hai mươi bảy buộc thư vào đuôi tên lửa, sai lính bắn vào trong đồn Khu Độc. Lính tuần bắt được thư đem trình lên Đốc chiến Chiêu Vũ. Thư viết:

"Tướng triều đình là Đô đốc Quảng quận công phúc thư cho các người cầm đầu trong lũy tổ quạ [3] đều biết:

Đại phàm lễ không điều gì lớn hơn phận, phận không gì lớn hơn danh. Cho nên cần phải chính danh phận rồi mới ổn định việc khen

1. Trịnh Kiểm.
2. Nguyễn Hoàng.
3. Nguyên văn: ô lũy (đồn lũy của bầy quạ).

chê. Bữa qua đây thấy bức thư của mấy người cầm đầu trong lũy nói đến việc biến loạn, phải trái khen chê lộn phèo. Đối với bên Trịnh ta thì quá lời dìm nén, đối với họ Nguyễn bên ấy quá lời tâng bốc. Thế chẳng phải là để cho người đời bàn tán chê cười cho là không thích đáng hay sao? Nay lấy việc của chúa Trịnh và họ Nguyễn đem ra mà so sánh thì biết rõ:

Ngày trước, khi Trang Tông Dụ hoàng đế mới dấy lên ở nguồn sông Mã, Minh Khang thái vương đảm đương việc nước, xoay chuyển càn khôn. Bấy giờ Chiêu Huân Tĩnh công chiêu tập nghĩa cùng hiệp sức phò vua Lê. Nhưng bên trong thì ngấm ngầm tiếm đoạt, phải chết độc bởi trời. Dù đạo trời như thế, nhưng tiên Thái vương vẫn làm trọn nghĩa tình, nhớ công ơn ngoại gia nuôi dưỡng, giúp tâu vua cho Cẩn Nghĩa công[1] *được vào làm trấn thủ châu Ô, khiến cho được tự giữ vẹn toàn. Cẩn Nghĩa công đã kính thuận hòa mục với Triết vương từng giúp việc dẹp trừ họ Mạc thu phục kinh thành, đến cửa khuyết bày tỏ lòng trung để cùng giữ gìn phú quý. Nhưng cuối cùng lại rắp tâm gây loạn, tự ý bỏ về trấn cũ. Vả lại Cẩn Nghĩa công còn là con cháu bậc huân thuần, thực là bề tôi xương cốt. Tiên Triết vương đối đãi như tình thân tim phổi, không nỡ dùng búa rìu trừng phạt. Chúa Trịnh ta lượng bao dung như biển cả, há lại không biết lòng trời đất hay sao? Chỉ một lòng trung phò giúp vua Lê, ngôi trời không tơ hào dòm ngó.*

Bên họ Nguyễn các ngươi, Tĩnh công Nguyễn Kim trước đã không biết tự răn về việc mặc áo vàng[2]*, sau lại ngông cuồng tự gia thăng vương tước. Cẩn Nghĩa công Nguyễn Hoàng đã không xin mệnh vua mà trở về bản trấn, sau lại tráo trở trăm chiều. Theo sự việc mà đánh giá, dùng nghĩa lý mà xét đoán, ai là người giữ tín nghĩa, ai là người mất tín nghĩa đó chăng? Các ngươi chẳng biết đầu đuôi khúc nhôi, như thế một là giầy mũ đảo ngược, trên từ ái mà dưới ác ngược; một nữa là lấy nghịch tâm báo nước, trời phải mượn tay kẻ trung thần mà dẹp trừ đi. Sao lại còn chối cãi xằng bậy để manh tâm bội phản? Các đời thánh chúa dẹp trừ hung đồ, gươm giáo đầy đất, vương nghiệp sáng ngời giữa trời cao biển rộng, kẻ thần thuộc phải*

---

1. Cẩn Nghĩa công là tên thụy của triều Lê – Trịnh ban cho Nguyễn Hoàng sau khi Nguyễn Hoàng mất.

2. Chỉ việc phạm thượng nhà vua.

theo về. Thế mà cha con quận Thụy[1] *lại làm phản gây việc hiềm thù, binh đao đối địch. Đến nỗi bọn Văn Nham, Thạch Xuyên gây họa ở trong, rồi thông ra tố cáo. Triều đình phải sai bộ Đăng, quận Tào vào tuyên chỉ dụ để dẹp yên, khiến cho cõi miền nhờ đó được bảo toàn. Đã không biết công việc của sứ bộ sai đi để làm việc gì*[2]*, lại bảo triều đình dùng mưu trai cò lôi kéo nhau để ở giữa ngư ông thu lợi. Há chẳng phải là lấy lòng dạ tiểu nhân để đo lòng quân tử hay sao? Lại nữa là chuyên quyền việc binh bị tiền tài mà bỏ bễ nghi thức dâng nộp thuế cống, chống cự chiếu mệnh mà lỗi đạo phiên thần, cương thường vứt đất, tội ác đầy trời. Khổng Tử nói: "Nhiễu hiền hại dân thì phải trừng phạt, ngoan cố bất phục thì phải dẹp trừ". Vì thế tiên thánh vương vâng mệnh hoàng thượng đem quân vào trách hỏi việc thiếu thuế, đâu có phải bụng dạ tham lam? Cất quân hỏi tội, có gì là quá đáng? Tự mình không sai trái, làm sáng tỏ mối giềng, cứu sinh dân trong vòng nước lửa. Thế mà các người dám nói là vì tham tài bạo ngược mà phải dấy nghĩa quân, làm những điều sai phép. Vì mưu toan gây hấn mà tung bủa phao vu, không lấy làm hổ thẹn về lời nói quá đáng sao?*

Nay thánh chúa ta vâng nhận cơ nghiệp lớn, vẹn toàn đạo hiếu trung, thay trời đánh phạt, thì kẻ nghịch khôn đường trốn tội, giáo trời chỉ đến thì bốn phương yên bình. Tiểu dân chờ mong mà kẻ quyền hào thì lo sợ, kẻ gần thì vui mà người xa tìm đến. Ngu xuẩn thay bọn con cháu họ Nguyễn các ngươi thì chỉ biết bo bo một chút trí mọn, ngồi trong nhà cột chạm mà yên vỗ dân chúng một miền, quên ơn sâu nghĩa nặng của tiên vương ta, cha con nối nhau theo thói bất thần phục, đem quân đánh tướng trấn thủ, quấy nhiễu dân biên thùy, vào đất người mà cướp vườn người, thu vét cả trâu bò gia súc. Nói là phò Lê mà lại phản vua Lê, không gì xấu xa hơn nữa. Nhưng dân châu Ô nhỏ yếu, phải tăng số bắt thêm quân, hiếp bức trẻ già phải đi đắp hào lũy. Thế là chỉ biết họa mà không biết tránh họa, trước sau cũng phải chuốc bại vong. Các ngươi không biết điều đó mà chỉ muốn lấy sức cứng mạnh xô đẩy thế vận để đề cao cho mình. Thế là không biết cái thời của hào "lục tam" ở quẻ Bĩ[3] *nói về sự chuốc nhục cho mình. Lại không dưng đem quân lại biên ải, thế là không*

---

1. Tức Thụy quận công Nguyễn Phúc Nguyên.

2. Đây chỉ việc Trịnh Tráng sai Đăng quận công Nguyễn Khải đem quân vào cửa Nhật Lệ để hỗ trợ cho cuộc phản biến do Nguyễn Phúc Hiệp cầm đầu ở Đàng Trong.

3. *Bĩ*: tên một quái (quẻ) trong *Kinh Dịch*, nói về sự khó khăn bế tắc trong quá trình phát triển của sự vật.

hiểu cái thế thua kém ở quẻ Sư[1]. *Thế mà nói thắng trận ở Kỳ Hoa, đánh ruổi ra bảy huyện, thì có khác nào thua to ở Hương Bộc mà tan chạy ở Đại Nài? Nếu cho rằng vì dân mà đắp lũy chặn đường thì có khác gì đi giật lùi mà mong tiến tới? Khoe khoang cho lắm, bất tất phải nhiều lời. Lên cao mà nhìn lại mới biết cái thế vãng phục (qua lại) không cùng. Không có nhà chép sử, lấy ai mà phân biệt đúng sai? Chỉ thấy sử quan chép việc năm Đinh Mão (1627) quận Thụy chiếm cứ Hóa châu không về kinh triều cống, vua phải sai chúa Trịnh đem quân vào đóng ở Bố Chính, Nhật Lệ để răn đe. Năm Bính Thân (1656) con cháu họ Nguyễn lại xâm chiếm cướp bóc các thôn dân ở miền Nam Hà*[2], *vua lại sai các tướng họ Trịnh đem quân vào đánh cho thua to ở vùng Hương Bộc, Đại Nài. Ghi như thế không những cốt để chính danh phận ở đương thời, mà còn để công việc khen chê cho hậu thế. Đến ngàn năm sau dư luận khen chê vẫn rất rõ ràng. Những kẻ gian hung đại tặc mà không dám làm sự tiếm đoạt cũng là do đó. Còn như các ngươi rườm lời tô vẽ cũng không tránh được tội ác ghi vào sử sách, muôn lời khéo léo cũng không trốn được tội ác phản nghịch. Họ Nguyễn đã thế, các người khác làm sao thoát khỏi? Phàm lập thân không gì lớn hơn cương thường, sửa mình không gì bằng trung hiếu. Vì trung là để thờ vua, hiếu là để thờ cha. Cha ông các ngươi là bề tôi nhà Lê, ăn lộc nhà Lê. Sao các ngươi không theo chính đạo của cha ông để được hưởng ơn lộc dài lâu đời đời, hướng chỗ sáng để nên danh tước? Nay ta vâng mệnh triều đình đem quân trấn giữ biên ải Bắc Hà, cậy nhờ oai trời mà đuổi loài hổ báo, trước chuyển máy thần mà sau mới phải dùng nanh vuốt, bất tất phải nhiều lời. Phải quyết một trận để dẹp trừ nghịch tặc chốn biên cương, khôi phục cõi bờ xưa của các đời chúa trước. Nay phúc thư cho các ngươi biết rõ."*

Đốc chiến Chiêu Vũ xem xong thư bừng bừng nổi giận, không tiếc lời nhục mạ kẻ sất phu dùng lời lẽ quá quất. Rồi đó Chiêu Vũ đem bức thư đến trướng phủ của Tiết chế Thuận Nghĩa gọi họp các tướng cùng xem xét. Bấy giờ bọn các tướng Phù Dương, Đại Thắng, Vân Long, Hùng Uy đều hết sức tức giận, ai nấy vùng dậy vén áo xắn tay

---

1. *Sư:* tên một quẻ trong *Kinh Dịch*, nói về lợi hại trong việc hành quân.

2. Đây chỉ bảy huyện ở phía Nam sông Lam: Kỳ Hoa (tức Kỳ Anh), Thạch Hà, Thiên Lộc (tức Can Lộc), Nghi Xuân, La Sơn (tức Đức Thọ), Hương Sơn thuộc tỉnh Hà Tĩnh và huyện Nam Đàn, nay thuộc tỉnh Nghệ An.

trở về phía Bắc, không ngớt xỉ mắng bọn quan quân họ Trịnh. Tiết chế Thuận Nghĩa xuống lệnh cho quân tiến đánh để bắt quận Phú đền tội.

Đốc chiến Chiêu Vũ nói:

– Chưa nên đánh vội. Bọn chúng dùng văn từ phúc đáp thì ta cũng lấy thư trát trả lời, để bọn chúng khỏi chê cười Nam triều ta ít hiểu biết văn chương nghĩa lý, chỉ quen cậy vũ dũng hơn thua.

Tiết chế Thuận Nghĩa cho là phải, bèn cùng nhau dùng tên của Cai cơ Hùng Uy viết thư phúc đáp. Đến ngày tám tháng tư cho buộc thư vào đuôi tên lửa, bắn vào trong lũy Đồng Hôn. Quân Trịnh nhặt thư trình lên Phú quận công Trịnh Căn [1]. Đến ngày mười bốn, Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ lại sai lấy danh nghĩa của Cai cơ Hùng Uy viết thư bắn vào trong lũy Đồng Hôn. Thư viết:

"Đại tướng Nam triều là Chưởng cơ Hùng Uy hầu đáp thư cho bọn ngu Quảng đều nên nghe biết:

Từng nghe: Lời nói đúng thì có thể làm thành luật pháp, việc làm đúng thì có thể làm thành quy tắc. Không như thế thì không thể coi là chuẩn mực được. Nay bọn quận Quảng các ngươi chỉ tu sức lời nói để che giấu lỗi lầm, phô tốt đẹp để che tì vết. Đều là lời nói rỗng tuếch, không đáng bàn đến. Ta hãy tạm nói vài lời để đáp lại.

Trước hết hãy nói về câu: một lòng giúp rập vua Lê không chút tơ hào ngôi báu. Nói được điều đó chỉ có Minh Khang Thái vương Trịnh Kiểm có công khuông phò, nhưng nửa đường mất sớm, chưa được thấy thành công. Triết vương Trịnh Tùng thì công không đủ chuộc tội [2]. Thanh vương Trịnh Tráng thì mất phép tắc bề tôi, khó tránh lời của bút phê mấy điều: giết hại, hiếp bức, lừa dối vua. Việc gần đây hai vua Chính Trị, Hoằng Định [3] thăng hà, nguyên do bởi bàn tay độc của ai, khiến cho thiên hạ dù ở chốn núi sâu hang hẻm cũng đều căm giận. Theo chính lý mà xét thì tội ác còn quá hơn Ngũ Viên dùng roi đánh thây Bình Vương, thậm tệ hơn Đổng Trác hiếp bức Thiếu Đế. Thánh nhân còn nói vua không chính thì bề tôi không

---

1. Hai bên Trịnh, Nguyễn còn gửi cho nhau hai thư đối đáp khác, ở đây tạm lược bớt.

2. Bản sao chép: *"Vị thục hoàn"*. Chữ "hoàn" ở đây do chép nhầm chữ "quá". Thục quá = chuộc lỗi.

3. Tức là vua Lê Anh Tông và Lê Kính Tông.

thể không bất trung, cha không hiền thì con không thể không bất hiếu. Cái đạo lý ấy bỏ mất đi đâu rồi? Từ các đời Hán, Đường, Tống (ở Trung Quốc) đến các đời Đinh, Lê, Lý, Trần ở nước ta chỉ nghe nói các tôn hiệu Thái thượng hoàng và Kim thượng hoàng, chưa từng nghe nói có tước hiệu Thái thượng vương và Kim thượng vương. Đối với vua Lê, giết hiếp dối khinh như thế đã mười phần đáng tội bất trung hay chưa? Thế phải chăng là không tơ hào ngó dòm ngôi báu? Chẳng biết ai là kẻ "cương thường vứt đất, tội ác ngút trời"? Như nói rằng: người ta gốc ở tổ, vẻ vang phải mặc áo gấm về làng, thì người xưa nói rằng: nước vô đạo, kẻ thức giả lấy làm hổ thẹn. Lại nói rằng: nước nguy không vào, nước loạn không ở. Xưa ở nước Tề, Tu Vô vì ghét tặc thần Thôi Trữ mà coi khinh phú quý như chiếc giầy rách, treo mũ từ quan. Mai Phúc nhà Hán giận Vương Mãng gian ác tiếm đoạt mà tự quý danh tiết của mình, coi nó còn hơn châu ngọc, vượt biển lánh cõi xa, ẩn cư rày đây mai đó. Nay họ Trịnh ở Đàng Ngoài, đối với nghĩa quân thần là không chính, đối với cha con là không nghiêm, quyền bính chuyển xuống dưới, tác oai tác phúc... kỷ cương rối loạn, giáo hóa không thực hành, hào kiệt bị nghi ngờ, thứ dân khổ vì lao dịch. Bốn phương nổi dậy như ong, giặc cướp nhan nhản. Vận nước rối vò, tình thế nguy ngập. Như thế, chẳng hay gốc ở tổ là yên hay nguy? Vinh chăng? Hay nhục chăng? Bọn ngu Quảng các người khác nào nộm rơm rối gỗ, chẳng biết nghĩa lý phải trái, như cá trong ao, như chim sa lưới, chẳng biết đến nguy cơ bại vong, khó tránh khỏi bị đời sau luận xét coi là cùng tội phạm với họ Trịnh... Mình đã bất chính thì sợ người khác biết tội lỗi của mình, do đó mà nghi ngờ kẻ anh hùng hào kiệt. Thế lực đã suy thì sợ người khác thừa cơ tiến đánh. Đại phàm dùng binh là việc rất hệ trọng, vậy mà giao phó quyền hành quá khinh suất, ngày trước làm mất nhà Tần là bởi Hồ Hợi, mà ngày nay làm mất họ Trịnh là do ở Trịnh Căn. Cái thế tất nhiên là như vậy.

Nay Nam chúa nhân thời mở vận, xướng nghĩa cần vương dẹp trừ nghịch tặc tiếm ngụy, khôi phục cơ nghiệp nhà Lê, nêu danh mở cõi, vẻ vang áo gấm về làng. Ý nghĩa như thế mới thật là đúng vậy. Nay phúc đáp cho các ngươi hiểu rõ".

Phú quận công Trịnh Căn xem xong bức thư giật mình hổ thẹn, bất đắc dĩ phải cho gọi các tướng văn võ đến cùng bàn xét. Ai nấy đều lắc đầu lè lưỡi, cho rằng bên quân Nam quả là có bậc văn tài

thông kim bác cổ, bàn công xét tội, biện bác đúng sai đều có lý lẽ. Quận Phú bảo các quan văn võ lại đáp thư lần nữa để khỏi bẽ mặt với các người Đàng Trong. Nhưng lúc ấy mọi người chỉ nhìn nhau không ai lên tiếng. Trịnh Căn vừa tức giận, vừa có ý hổ thẹn, bèn thôi không nhắc đến nữa. Quân đội bên Đàng Trong, Đàng Ngoài đều theo kế sách đóng yên cố thủ.

Thượng tuần tháng tám, Tây Định vương Trịnh Tạc triệu họp các mưu thần. Tây Định nói:

– Ở Đàng Trong quận Dũng coi Chiêu Vũ như tâm phúc, chuyên bày mưu hiến kế, bên ta nhiều phen thua bại, tổn tướng hao quân. Chẳng hay ai có cách gì dụ được Chiêu Vũ về hàng, theo ta đánh bại họ Nguyễn để dứt hẳn mối lo sau?

Thượng thư bộ Lễ là Đương quận công bẩm rằng:

– Chúa thượng bàn rất phải. Thần nghe Chiêu Vũ là người có đức độ, trung thành liêm khiết, bàn rộng thấy xa. Xin vương thượng chọn người khéo ăn khéo nói, thông hiểu cổ kim đem theo lễ vật đãi hiền và mật thư do chính tay Chúa thượng viết đi làm thuyết khách, tựa như Lưu Huyền Đức ba lần đến lều tranh của Gia Cát Lượng, Chiêu Vũ tất sẽ cảm động về hàng.

Tây Định vương nghe nói cả mừng, bèn sai Cai đội Triều Hữu và quan văn là Tiến sĩ Liêm Thanh đem theo thư và lễ vật gồm một phong ngọc châu, năm thoi vàng tốt, bí mật vào đồn Khu Độc trao cho Chiêu Vũ. Tây Định căn dặn rằng:

– Ta có chút lễ mọn đem đi tiếp đón bậc quốc sư. Đặc sai các ông chuyển lời đến quan Đốc chiến Chiêu Vũ, nói rằng ta ngày đêm mong gặp gỡ tướng công để thỏa nguyện rồng mây mưa hạn. Mong quốc sư sớm đến kinh đô, một là để cùng khuông phù đế thất, vẹn toàn trung nghĩa, hai là để được yết kiến bệ rồng, tỏ lòng thần tử. Tướng công chớ nên nghi ngại mà khiến cho châu ngọc phải đắm chìm biển khơi.

Bọn Liêm Thanh hai người vâng mệnh lên đường. Vào tới quân doanh Khu Độc, hai người tìm đến bảo lính canh:

– Chúng tôi có việc cơ mật, xin được vào trình với quan Đốc chiến.

Tiểu tốt vội phi báo lên chủ tướng. Đốc chiến Chiêu Vũ cho mời vào trong trướng. Bọn Triều Hữu, Liêm Thanh lạy chào kính chuyển lễ vật và mật thư. Chiêu Vũ nghe nói mật thư, nghĩ bụng ắt là chúa Trịnh sai người đến làm thuyết khách dụ mình về hàng. Nghĩ vậy,

Chiêu Vũ bèn nói:

– Hai ông là ai đây?

Bọn Triều Hữu thưa:

– Chúng tôi là Cai đội Triều Hữu và Tiến sĩ Liêm Thanh ở Trung Độ vâng lệnh vào xin yết kiến quốc sư để kính chuyển bức thư của Chúa thượng chúng tôi.

Đốc chiến Chiêu Vũ khẽ cười, mời hai người cùng ngồi, quát tả hữu lui cả ra ngoài, rồi mở thư ra xem. Thư viết:

"Trịnh vương gửi bức thư đến dưới trướng của tuấn sĩ xứ Nam là Nguyễn công xem biết:

Từng nghe: Tiếng kêu vang đồi cao, hạ cánh đậu cây ngô đồng, ấy là chim phượng, bậc trên hết trong các loài lông vũ. Nay tướng công cao danh ở đương thời, nức tài khắp chốn, tinh thông sự lý, xét quyết trù hoạch cơ mưu, tướng công quả là chim phượng báo điềm lành đó vậy. Gần đây nghe nói tướng công không được thỏa chí buông câu, thắng cỗ xe không chốt, tất là xe phải đổ, Trịnh tôi đã nghe biết đại khái, nghĩ ra thì trong chỗ không lời, cái lẽ hữu tâm đã có. Nếu được tướng công vui lòng rời Vị Thủy mà đến Kỳ Châu [1], rời Ngọa Long mà đến Tân Dã [2] thì lễ nghênh tiếp của vương sư không thua kém Văn Vương, Lưu Bị. Đến lúc ấy dám mong tướng công đừng chối từ một chuyến về kinh, đặng thi triển học vấn bình sinh, bái yết long nhan để vẻ vang tông tổ. Được như thế tức là vén mây mù để trông tỏ trời xanh, rẽ gai góc tìm về đường lớn. Há lại chẳng phải là lớn hơn hay sao? Mong tướng công suy xét. Nay thư".

Đốc chiến Chiêu Vũ xem xong bừng bừng nổi giận, nhưng cố nén, giả cách vui mừng mỉm cười bảo bọn Liêm Thanh:

– Chiêu Vũ tôi vẫn có ý nghĩ ấy từ lâu, nhưng chưa biết nên đi đường nào. Nay tiếp bức thư đây thật lòng tôi vui mừng khôn xiết. Sớm muộn thế nào tôi cũng phải lựa thời cơ để ra ngoài ấy. Muôn lạy hoàng đế, cho tôi gửi lời thưa với Trịnh vương: xin đến thượng tuần tháng sau cho quân đến đón ở bên đê sông, tôi sẽ xin đến quy hàng. Hai ông cần hết sức cẩn thận, chớ để việc tiết lộ ra ngoài.

---

1. Nhắc sự tích Lã Vọng đến Kỳ Sơn giúp Chu Văn vương.
2. Nhắc sự tích Gia Cát Lượng đến Tân Dã giúp Lưu Bị.

Đợi cho bọn Liêm Thanh ra về, cơn giận còn chưa nguôi, Đốc chiến Chiêu Vũ bèn sai thuộc hạ là Tú Minh đem mật thư và vật làm tin về nộp cho vương đình Nam triều, thay lời nhờ tâu với Hiền vương: "Chiêu Vũ thờ chúa Nguyễn ơn sâu như phụ tử, được chúa coi như kẻ tâm phúc, lời nói được nghe, kế sách được dùng, để tâm trí ở việc khôi phục quy mô, chung sức hoàn thành sự nghiệp trung hưng, phù Lê diệt Trịnh, cứu đuối dẹp gian để rạng tỏ thanh danh muôn đời. Chiêu Vũ tôi dẫu gan óc bết đất, thịt nát xương tan cũng chưa báo đáp được ơn đức của Chúa thượng. Huống chi giết vua hiếp cha, tội ác ngút trời, thần người đều căm giận, ai cũng muốn nhai xương xé thịt mới hả giận. Thế mà nay họ Trịnh lại sai người đem mồi thơm vào để dụ dỗ Chiêu Vũ về hàng. Chiêu Vũ tôi đã tương kế tựu kế muốn để bắt Tây Định, chỉ lo Chúa thượng chưa biết rõ nguyên do. Vậy thần xin sớm tâu trình, cúi mong Thánh thượng cao minh xét quyết. Kính trông Thánh thượng không chút nghi ngờ, sai quân đến ngay tiếp ứng. Chiêu Vũ tôi sẽ thừa cơ cử sự, bắt sống Trịnh vương dễ như trở bàn tay".

Tú Minh vâng lệnh ruổi ngựa về ngự doanh của Hiền vương dinh ở Quảng Bình dâng mật thư và tín vật, theo đúng lời của Đốc chiến Chiêu Vũ căn dặn mà tâu lên. Hiền vương nghe xong lặng yên suy nghĩ một lát rồi bảo Tú Minh:

– Người hãy mau trở về nói với Chiêu Vũ: tấm lòng của ta cũng tức là tấm lòng của Chiêu Vũ, chí hướng của ta cũng là chí hướng của Chiêu Vũ. Chúa tôi hợp sức, hà tất phải nghi ngờ. Bậc trung thần liệt nữ thời xưa xem ra cũng đến như Chiêu Vũ mà thôi. Huống chi Chiêu Vũ ngày nay, thực là viên ngọc châu ngời sáng, ai mà chẳng muốn tìm mua? Ngươi mau quay ra bảo Chiêu Vũ cứ tương kế tựu kế mà làm, ta sẽ đem quân tiến ra sau để tiếp ứng. Ta không hề nghi ngờ, Chiêu Vũ không phải lo nghĩ gì cả. Còn như vật làm tin của bọn họ đưa đến, cho phép Chiêu Vũ cứ giữ lấy mà dùng [1].

Tú Minh vái tạ vâng lệnh trở ra Nghệ An trình lại với Đốc chiến

1. Việc Trịnh Tạc đưa thư dụ hàng Chiêu Vũ là chuyện có thực. ĐNTLTB chỉ chép gọn vài dòng: "Trịnh Tạc bèn sai người mang một gói trân châu, năm khối vàng mã đề và mật thư đưa cho Dật để dụ hàng. Hữu Dật được thư cả giận giả vờ trả lời rằng: "Tháng sau xin vương đem quân tiếp tôi ở trên sông". Sứ Trịnh đi rồi, Hữu Dật liền đem bức thư và đồ vật của Trịnh Tạc biếu để báo lên... Chúa Nguyễn Phúc Tần trả lời rằng: "Ta vẫn biết khanh trung thành, lễ vật của họ Trịnh, khanh cứ nhận lấy đừng hiềm nghi bận lòng".

Chiêu Vũ mọi lời truyền bảo của chúa. Chiêu Vũ ca mừng bèn sắp xếp mọi việc để đón đợi người của bên Trịnh.

Lại nói Tây Định vương Trịnh Tạc từ khi sai bọn Triều Hữu, Liêm Thanh đem lễ vật và mật thư vào dụ dỗ Đốc chiến Chiêu Vũ, Chiêu Vũ đã hẹn đến thượng tuần tháng sau dẫn quân về hàng, Tây Định vui mừng khôn xiết, nói: "Phen này quân Đàng Trong hẳn sẽ như chim gẫy cánh, chẳng có gì phải lo ngại nữa". Tây Định vì thế háo hức mong chờ. Ngày giờ thấm thoát chẳng mấy chốc đã cuối tháng, vẫn chưa thấy có tin tức gì. Một hôm bỗng thấy người sứ Sơn Tây tên là Vi Xuyên về kinh đô tâu báo rằng:

– Cha con Ký lục Hồ mưu chiêu dụ binh dân, danh tướng bốn phương làm nội ứng, thường vẫn có thư từ qua lại thông mưu với các tướng của Nam triều, ước hẹn ngày tháng để quân Nam đem quân vượt ra phía Bắc sông Lam. Bấy giờ Chúa thượng sẽ phái quân vào chặn địch, bỏ ngỏ kinh đô, bọn Ký lục Hồ sẽ dấy quân nổi loạn để khiến cho quân triều đình trước mặt sau lưng đều gặp địch. Sau khi thành công, bọn họ sẽ cùng chia đất xưng vương như thời loạn Mười hai xứ quân ngày trước.

Tây Định vương Trịnh Tạc nghe xong cả giận, sai Tham đốc quận Hào đem quân đi vây bắt toàn gia cha con Ký lục Hồ giao cho Ty đình úy xét hỏi. Ký lục Hồ không chịu nổi cực hình phải khai nhận hết sự việc. Bọn đình úy lại hỏi Ký lục Hồ kết bè đảng tất cả bao nhiêu người? Ký lục Hồ mím miệng không đáp. Con Ký lục Hồ là Tú Phượng nhảy phắt dậy nghiêm giọng nói rằng:

– Các ông bất tất phải tra khảo, để tôi nói rõ cho các ông biết: dân chúng đều đồng tình coi bè lũ của chúa Trịnh như lang sói làm hại dân sinh, giết mẹ, bức cha, hãm hại kẻ bề tôi trung thực , trời người đều căm tức, quỷ thần đều muốn tru diệt đi, bốn phương trăm họ ai nấy mong ăn gan xé xác, há phải chỉ riêng bọn ta đâu? Bọn ta chỉ muốn phanh thây nghịch Trịnh thành trăm mảnh để nguôi tức giận, ấy là ý muốn tự trong lòng bọn ta, có cần gì phải âm mưu kết bè kết đảng? Việc ấy vốn chỉ do cha con bọn ta đây mà thôi, không can dự gì đến người khác. Chẳng may mưu cơ tiết lộ, âu cũng là lòng trời chưa muốn diệt họ Trịnh vậy.

Tú Phượng nói xong, nhảy chồm tới định cướp thanh kiếm của một tên đình úy để giết quận Hào. Vệ sĩ của quận Hào vội bắt giữ, trói riêng cha con Ký lục Hồ mỗi người một nơi rồi vào bẩm với chúa

Tây Định. Trịnh Tạc cả giận hạ lệnh đem cha con Ký lục Hồ chém ngay tại chỗ rồi đem bêu đầu ở chợ để thị uy với dân chúng. Sau đó Trịnh Tạc lại xuống lệnh bắt giết cả ba họ nhà Ký lục Hồ, già trẻ lớn bé đều không tha sót một ai. Thương thay cho hơn ba chục con người phải chịu chết làm ma không đầu, thây vất đầy đường ngõ, mùi tanh hôi nồng nặc không ai chịu nổi. Ấy là sự việc vào ngày bảy tháng năm. Dân chúng ở kinh đô và bốn trấn đều nhao nhao bàn tán, ai nấy rơi nước mắt thương xót cho tình cảnh của cha con Ký lục Hồ. Người đương thời có thơ than rằng:

Mây sầu oan khí thấu không trung,
Uổng khiến anh hùng huyết lệ hồng.
Giang bắc ngô đồng vèo lá rụng,
Sơn Tây vầng nguyệt lững cao không.
Kỳ tài chửa kịp thân đà thác,
Tráng chí vẫn còn mệnh đã xong!
Ảnh hình chẳng có, danh không mất,
Trời trăng soi tỏ, sáng vô cùng.

HỒI THỨ HAI MƯƠI MỐT

Chiêu Vũ định đánh lấy Trung Đô
Mậu Long rơi đầu chợ Vân Cát

Lại nói chuyện tháng ấy gián điệp Đàng Trong trở về báo cho Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ biết tin cha con Ký lục Hồ ở Sơn Tây mưu khởi sự, việc tiết lộ, đều đã bị giết. Hai tướng nghe tin báo đều sửng sốt, than tiếc hồi lâu rồi nói:

– Thế là mất cha con Ký lục Hồ, cơ hội tốt không còn, mưu của ta khó thành, chẳng biết đến bao giờ mới thu được Trung Đô? Tiếc thay!

Rồi hai tướng cho lập đàn hướng về phía Sơn Tây làm lễ tế vọng để an ủi linh hồn cha con Ký lục Hồ.

Từ đó bặt hẳn tin tức ở Đàng Ngoài. Quân đôi bên vẫn đóng yên tĩnh chỗ cũ. Đốc chiến Chiêu Vũ càng nghĩ càng tức giận việc họ Trịnh sai người mang vàng bạc vào dụ hàng, bèn viết thư bêu diếu Trịnh Tạc, sai người sang bờ Bắc sông Lam đem đến trại quân quận Phú Trịnh Căn. Quận Phú xem xong thư cả giận, sai người đem thư về nộp cho phủ Chúa. Tây Định mở thư ra xem:

"Đại Tướng quân Đốc chiến bên quân Nam là Chiêu quận công gửi thư đến Tây Định vương xem biết:

Từng nghe: Trời đất vốn không thiên lệch, muôn vật đều được ơn nhờ. Vua tôi nguyện cùng một đạo, bốn phương cùng hợp một lòng. Bữa gần đây Trịnh vương sai người đem thư dụ hàng và biếu ta vàng bạc. Nhưng lòng trung nghĩa của ta vẫn không lay chuyển. Ta thường nghe xưa nói: trung thần không thờ hai vua, liệt nữ chẳng đổi hai chồng. Chiêu Vũ này vẫn ghi nhớ mãi trong lòng. Lúc bấy giờ ta muốn tương kế tựu kế để dễ bề thu phục Trung Đô. Nhưng Nam Chúa của chúng ta biết thời cơ chưa đến, chưa thuận ra quân. Ấy là một cơ may cho họ Trịnh đó vậy. Chí hướng của chúng ta phù Lê diệt Trịnh, trừ gian bạo, dẹp tiếm loạn. Vậy mà các ngươi toan đem lễ vật đến dụ ta, trong lòng các ngươi không tự biết hổ thẹn hay sao? Ấy là do kẻ đại trượng phu quân tử xem ơn nghĩa phú quý như châu ngọc, coi khinh vàng bạc như bã rã. Họ Trịnh các ngươi lừa dối hại vua,

tàn ngược dân chúng, chẻ hết trúc núi Nam vẫn không ghi hết tội ác, tát cạn nước bể Đông không rửa sạch vết nhơ. Tội ác của các ngươi có thể nói là ngút trời vậy. Chí nguyện của ta là muốn lưu tiếng thơm đến muôn đời, họ tên được ghi trong sách vàng. Thế thì bia ghi việc trung thần, sử chép tên danh tướng, lẽ nào ta lại chịu theo về với bọn gian nghịch tiếm ngụy như Tào Tháo, Vương Mãng hay sao? Hoặc là các ngươi lòng dạ càng căm tức hẹn ngày đem quân tiến đánh. Hoặc là các ngươi khiếp sợ, trở giáo tự trói mà quy hàng, thì Nam Chúa của bọn ta sẽ thể lòng hiếu sinh mà tha tội chết.

Vậy ta có mấy lời báo lại. Các ngươi lấy đó làm răn! Nay thư".

Tây Định vương Trịnh Tạc xem xong tức giận xé thư, châm lửa đốt rồi triệu các tướng đến họp bàn. Tây Định nói:

– Chiêu Vũ là kẻ sất phu dám khua môi múa mép xem thường ta quá lắm! Mong các tướng hãy vì ta cấp tốc định kế đem đại quân ngày đêm tiến gấp vào Nam Hà, bắt gọn Thuận Nghĩa, Chiêu Vũ phanh thây trăm mảnh!

Các tướng nghe xong đều chắp tay vâng lệnh. Thiếu phó Lan quận công [1] nói:

– Thần xin đem quân thẳng tiến vào địa giới phía Nam đánh tan quân họ Nguyễn, lấy đầu hai tướng Thuận, Chiêu về vương dinh dâng nộp! Nếu không thắng trận thần xin thề không dám đem quân về. Phải làm cho bọn giặc biết tay để chúng khỏi coi Trung Đô như chỗ không người.

Tây Định vương cả mừng, bèn sai Lan quận công Nguyễn Thực làm Nguyên súy, Đô đốc Hùng quận công làm tiên phong, điểm năm vạn quân, định ngày tiến phát.

Bấy giờ có Lại bộ thượng thư là Thiếu bảo Bạt quận công [2] can rằng:

– Theo ngu ý của thần thì không nên làm như thế. Quận Lan tuy có dũng lược, nhưng binh lính đều không có lòng chiến đấu. Huống chi bên quân ta đã mấy lần thất lợi, quân Nam thắng luôn, chí chiến đấu còn hăng hái. Nếu chẳng may quân ta lại thua nữa chỉ thêm cho quân Nam chê cười. Chi bằng cứ lặng yên đóng giữ khiến cho quân Nam tự khoe dũng mạnh, chê quân ta hèn yếu, bọn chúng ắt sẽ không chuẩn bị. Thần

1. *Lan quận công:* tên tước của Thiếu phó Nguyễn Thực.
2. *Bạt quận công:* tên tước của Dương Trí Trạch.

có một kế quân ta không cần phải đánh mà quân Nam cũng phải tự lui, khiến bọn chúng không còn mảnh giáp mà về. Tây Định vội hỏi kế ấy như thế nào. Bạt quận công Dương Trí Trạch đáp:

– Quân Nam chiếm bẩy tám châu huyện ở xứ Nghệ An đã năm năm, thi hành nhiều luật lệnh mới như mở tuyển trường chọn lính, thu thuế thân, đo ruộng tính thóc để thu tô, quấy nhiễu trăm họ, xem ra thì cũng đã mất lòng dân. Lòng dân đã mất thì khó làm xong việc lớn. Thần xin Vương thượng sai người bí mật phao truyền dao ngôn, rải tờ rơi [1] làm cho quân dân xứ Nghệ biết rõ lợi hại. Người xưa nói: Cái ấp mười nhà tất có kẻ trung tín. Nếu quân dân đồng lòng làm phản, trong đánh ra, ngoài đánh vào thì có thể lấy đầu hai tướng Thuận, Chiêu dâng nạp dưới cờ. Quân lính của bọn họ tất phải tan tác chạy về. Đấy là kế đánh phía ngoài để mở bật cửa thành phía trong, không cần phải dùng sức của quân lính.

Tây Định nghe Bạt quận công tâu xong khôn xiết vui mừng nói:

– Kế của khanh rất diệu, thật vừa ý ta. Khanh khá mau theo kế ấy mà làm.

Bạt quận công chấp tay vâng mệnh. Tây Định bèn bãi việc dùng binh. Từ đó quân đôi bên Đàng Trong, Đàng Ngoài đều ngừng chiến, mỗi bên đều đóng quân tự giữ phần đất của mình.

Lại nói Đốc chiến Chiêu Vũ vì căm tức Chúa Trịnh sai người chiêu hàng mà gửi thư phúc đáp lời lẽ gay gắt, thường vẫn lấy làm lo quân Trịnh quyết đánh tới sẽ làm kinh động lòng quân. Chiêu Vũ thường ngày lo việc luyện tập quân sĩ, đêm về ngồi đọc binh thư. Tới ngày mười bốn tháng chín, Chiêu Vũ suy nghĩ mệt mỏi, tựa lưng vào thành ghế xem sách rồi chợp mắt thiu thiu ngủ, chiêm bao thấy mình ra ngoài lũy Khu Độc ngồi trên tảng đá bên bờ sông thong thả cầm cần trúc buông dây câu cá. Chợt có con cá cắn mồi động đậy ở đầu dây câu. Chiêu Vũ giật dây liền hai lần, chỉ thấy con cá to nổi đầu lên trên mặt nước, còn phần đuôi thì vẫn chìm dưới sông. Bỗng lại có con cá lớn khác bơi đến cắn đứt phần đuôi của con cá mắc câu. Chiêu Vũ nghĩ mãi không biết làm cách nào bắt được, ngoái đầu lại thấy một cụ già mày tóc bạc phơ, râu dài quá rốn, mình khoác áo dài đạo

1. Nguyên văn: *phiến ngôn* có nghĩa là mảnh giấy nhỏ có viết nội dung cần truyền bá để đem dán ở nơi công cộng hoặc dán dọc đường như kiểu truyền đơn ngày nay.

sĩ màu xanh, đầu đội mũ quan văn, phong thái ung dung đĩnh đạc như thần tiên đang đứng sau lưng mình. Lúc ấy cụ già bèn đọc cho Chiêu Vũ nghe bài thơ luật:

Công danh đậu có thì,
Tảng đá câu bên khe.
Có đầu mà không cuối.
Sử sách tên nửa ghi.

Cụ già đọc xong bài thơ rồi phất áo đi về phía Nam, không ngoái lại. Chiêu Vũ muốn đuổi theo hỏi cho rõ nghĩa, nhưng cụ già đã đi xa rồi. Chiêu Vũ cố sức trèo lên, mồ hôi vã ra như tắm. Giật mình tỉnh dậy, Chiêu Vũ mới hay là giấc chiêm bao, bèn sai lính hầu đốt đèn ngồi suy nghĩ đến khi trời sáng mới đoán hiểu được ý nghĩa của bài thơ. Chiêu Vũ thầm nghĩ: "Ta vâng mệnh Chúa Nam triều cầm quân đánh phạt kẻ có tội, yên vỗ sinh dân, dương oai trời đuổi dài quân Trịnh, vâng lệnh Chúa làm mạnh cho Nam triều, đã tiến quân chiếm được phần đất phía Nam sông Lam. Nay chiêm bao thấy mình ngồi câu cá ở ngoài thành Khu Độc như thế, lại gặp cụ già đọc bài thơ như thế. Vậy thì tuy ta tận sức với triều đình nhưng vất vả mà chẳng có công lao, danh tiếng chỉ được ghi chép sử sách nửa vời. Chỉ lo anh em bất mục, bằng hữu chẳng hòa làm phí mất tấm ân tình của ta". Chiêu Vũ lại nghĩ rằng: "Gia Cát đời Thục Hán sáu lần đem quân đến Kỳ Sơn mà chưa đủ với đạo trời chăng? Nhưng mộng mị chỉ là giấc ngủ say! Mộng là do tâm trí mình tưởng nghĩ. Chỉ vì ta nhiều ngờ mới đến nỗi chiêm bao như thế này, hà tất phải lo trước làm gì. Chỉ biết rằng chí khí của kẻ trượng phu bao quát cả trời đất, mong dẹp yên bốn biển, tôn phong sự nghiệp của Chúa Nam, diệt họ Trịnh hung tàn bạo ngược, ấy là việc của kẻ hào kiệt đất Nam triều, chẳng có điều gì đáng phải lo nghĩ".

Lại nói ở triều đình Đàng Ngoài, Thiếu bảo Bạt quận công từ khi vâng mệnh Tây Định trở về tư dinh tuyển chọn mấy kẻ thuộc hạ tâm phúc, sai vào Nghệ An lén sang bờ Nam sông Lam tung ra các loại tờ rơi để dân chúng Nghệ An nhặt được mà lén đọc. Lời hiểu dụ nói:

"Trời có nhật nguyệt, đất có núi sông, người có vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em. Ấy là điều quan trọng nhất của tam cương, ngũ thường. Bọn các ngươi sinh ra trên đất Bắc, được nhờ ơn của phương

khảm [1] vì cớ gì không lo nghĩ đến việc báo đền gốc tổ mà lại để cho người khác dụ dỗ? Tuy có người được làm quan với bọn họ, nhưng cha mẹ vẫn còn ở Trung Đô. Hoặc có người ra làm lính đóng ở Nghệ An, nhưng anh em còn ở kinh đô hoặc ở trong quân ngũ đang phải chịu khổ cực vì chinh chiến. Cũng có người đi làm dân phu mà ở nhà phải khốn khổ vì thiếu tô, thiếu thuế. Huống chi tướng bên Nam là Chiêu Vũ chỉ biết khoe khoang cậy tài; Thuận Nghĩa thì ỷ thế mạnh mà không có mưu trí. Còn như bọn Vân, Phù [2] ra dáng mạnh tợn nhưng chỉ là những kẻ tài thường, không phải là bậc anh hùng hào kiệt. Các ngươi nếu đi theo bọn họ lâu ngày, rốt cuộc cũng chẳng được ích lợi gì. Ta nghe nói Chúa Nam tin dùng Chiêu Vũ như tâm phúc, coi các tướng khác nào gỗ mục. Chiêu Vũ lấy làm đắc chí tự khoe mưu lược hơn người. Ấy thực là lòng kiêu rông ngạo mạn, coi các tướng bên Nam chẳng khác gì con nít.

Các ngươi là bậc trượng phu quân tử, nếu biết suy xét kỹ ân tình, yêu vì người thân thích thì hãy sớm cùng nhau bí mật bàn mưu tính kế, lựa thời cơ tập hợp quân dân cùng nổi lên trói bắt bọn tướng của họ Nguyễn giải đến giao nạp trước vương đình, ấy mới thực là chí khí của bậc anh hùng. Được như thế thì ta sẽ gia ân trọng thưởng quan tước, ban bổng lộc tối hậu, trung hiếu đều được vẹn toàn. Thế chẳng phải là tốt đẹp cả hay sao? Nay hiểu dụ".

Dân chúng Nghệ An nghe đọc tờ hiểu dụ trên đây, từng đám túm năm tụm ba, kề tai châu đầu thì thầm cùng nhau bàn tán. Có người đọc xong nói rằng: "Lời lẽ trong tờ dụ kể ra cũng có phần hữu lý. Bọn ta nhất thời không gặp dịp may mắn, lại bị quân Nam đánh đuổi cho nên mới sinh lòng làm phản". Cũng có người nghiêm giọng bác bẻ rằng: "Đó là lời lẽ của bọn điên rồ! Chỉ biết một điều Nam Chúa là con cháu của bậc công thần nhà Lê, đức tài rộng lớn như Hán Cao, Tống Tổ, một lòng chiêu hiền đãi sĩ, yêu thương dân chúng. Đúng là bậc minh Chúa ở cõi trời Nam. Bọn ta theo phò giúp, ấy là biết chọn bậc vua hiền sáng mà thờ. Huống chi họ Trịnh, trên lừa dối Thiên tử, dưới hiếp đáp công khanh, ngược đãi trăm họ, giết hại dân lành, lánh xa người trung thực lương thiện, thân gần bọn ca kỹ vô loài. Bọn Chúa Trịnh sớm muộn cũng phải bại vong! Bọn ta quyết chẳng nghe theo lời dụ dỗ". Mỗi lần như thế ai nấy đều xôn xao bàn tán,

1. *Phương khảm:* biệt danh chỉ phương Bắc (thuật ngữ của ngũ hành gia).

2. *Vân:* chỉ tướng Vân Long. *Phù:* chỉ tướng Phú Dương (bên Nguyễn).

thường khi phải tụ tập ở chỗ rừng hoang núi vắng mà bàn riêng với nhau, cũng có lúc hẹn gặp nhau ở bãi cát ven sông.

Khoảng trung tuần tháng mười một, có thuật sĩ là hộ quân Tộ Long bá từ kinh đô Thăng Long về Nghệ An tìm đến quân doanh của Đốc chiến Chiêu Vũ. Lạy chào xong, Tộ Long thưa:

– Hồi tháng bảy năm nay, Tộ Long tôi đang ở kinh đô Thăng Long, được biết chuyện Bạt quận công người làng Canh Hoạch và một số người Nho học có chân hương cống cùng nhau hội họp ở chỗ vắng. Bọn họ hỏi tôi: "Quân Nguyễn đóng ở bờ Nam sông Lam thi hành pháp lệnh giáo hóa ra sao? Tộ Long tôi đáp: "Chúa Đàng Trong lệnh cho các tướng đóng quân ở các châu huyện ở xứ Nghệ An phải chọn người giao cho làm các chức quan văn võ để chăn dân thu thuế, làm lại sổ ghi ruộng đất, theo số ghi trong sổ mà thu thuế, lấy thóc nuôi quân. Như thế thì tất là họ có kế sách ở lại Nghệ An lâu dài". Nghe Tộ Long tôi nói xong, các quan ở triều bàn luận rằng: "Đại phàm phép dùng binh để phạt ác yên dân, mở mang bờ cõi chỉ nên đánh thần tốc, cuốn chiếu ruổi dài, quân đi đến đâu lấy lương thực của địch ở nơi ấy mà ăn, hà tất phải do dự cho quân đóng đồn cày ruộng. Huống chi từ khi quân Nam đánh ra đến nay đã năm năm. Đất thiên hạ ba phần chưa chiếm được một, thế thì đến bao giờ mới đạt được mục đích diệt Trịnh phù Lê, cứu vớt sinh linh trăm họ? Nay phải có cách thu gom sức lực của anh hùng hào kiệt bốn phương thì việc lớn mới thành công được". Trong bọn họ nhiều người ứa nước mắt than rằng: "Thật đáng tiếc cho cha con Ký lục Hồ giữ mưu không kín đến nỗi nhà mất thân tan. Các tướng Nam triều thì nghi ngờ do dự không nghĩ đến việc ruổi dài thẳng tiến. Như thế bọn chúng ta khó mong có ngày được yết kiến long nhan Chúa Nam triều. Con đường công danh và cơ hội của chúng ta cũng không trông mong gì được nữa. Sự việc đã như thế cũng đành chịu vậy". Sau đó các tướng bên Trịnh ai nấy trở về bản doanh. Đốc chiến Chiêu Vũ nghe xong tiếp đãi Tộ Long rất mực trọng hậu, bảo Tộ Long trở về kinh đô nói với các quan ở Đàng Ngoài hãy tận tâm hết sức, sớm muộn đại quân sẽ đến Trung Đô như lời ước hẹn từ trước, xin đừng buông lơi ý chí.

Tộ Long vái tạ, cáo từ lên đường trở về Bắc. Đốc chiến Chiêu Vũ bèn đến quân doanh của Tiết chế Thuận Nghĩa gọi họp các tướng cùng nhau bàn định. Chiêu Vũ thuật lại sự việc như lời báo tin của Tộ Long. Tiết chế Thuận Nghĩa nghe xong hỏi lại:

– Hiện giờ Tộ Long ở đâu? Sao không thấy đến trình ta?

Đốc chiến Chiêu Vũ nói:

– Ông ta đã lên đường về Thăng Long rồi.

Tiết chế Thuận Nghĩa lặng yên không nói, nhưng phật ý về chuyện đó. Bọn Tham tướng Vân Long, tiên phong Phú Dương, Đại tướng Đại Thắng biết ý chủ tướng, nói:

– Đại quân đi đánh dẹp ở cõi ngoài hết thảy mệnh lệnh đều do quyền của Nguyên súy. Tộ Long không đến trình diện với Nguyên súy, lại đến trình diện với quan Đốc chiến là lý làm sao? Huống chi trước đây đã nghe nói: Tây Định sai người đem thư và lễ vật đến doanh Đốc chiến thuyết phục lý lẽ thiệt hơn. Việc ấy hư thực chưa biết ra sao. Nay Tộ Long lại không đến trình diện quan Nguyên súy, chẳng biết là có ý gì? Người xưa nói: "Chưa biết cong hay thẳng, hãy đề phòng kẻ bất nhân". Giả sử họ Trịnh dùng mưu dụ địch, lừa cho ta đem quân ra Bắc Hà chỉ trông cậy vào tường lũy trơ trọi giữa nơi địa thế đồng bằng rộng lớn, không có núi cao dốc hiểm, rất khó tạo thế ỷ dốc hỗ trợ cho nhau, lại càng khó đặt thế chính kỳ. Nếu dàn trận mà đánh thì bên Trịnh quân đông, bên ta quân ít, khó chống cự nổi. Hơn nữa địa thế từ phía ngoài Nghệ An, hai đường thủy bộ không thông tiếp với nhau. Chi bằng ta cứ đóng quân bất động để đợi thời. Một mặt sai quân đi do thám tình thế núi sông để biết rõ những nơi có thể đánh giữ, giấu phục binh, nơi nào có thể dàn trận tung quân mà đánh, lại phải cố kết lòng dân. Lòng dân đã thuận thì việc lớn ắt thành [1].

Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

– Các ông bàn thế rất phải. Ta hãy để việc này lại sau sẽ hay.

Đốc chiến Chiêu Vũ tức giận đứng dậy nói:

– Chiêu Vũ tôi cùng với quý huynh và các tướng vâng mệnh đem quân ra đây, chí hướng đều muốn một lần cất quân làm xong việc lớn, để tiếng tăm lưu truyền hậu thế như bia ghi công kẻ trung thần nghĩa sĩ. Ngoài ra chẳng hay kẻ nào có lòng dạ kia khác. Vả lại trước đây Tây Định sai người đem thư và lễ vật đến dụ dỗ Chiêu Vũ này về hàng, Chiêu Vũ tôi đã cho người về ngự doanh bẩm với Chúa thượng, có ý muốn tương kế tựu kế, cho sứ giả đi trước, quân lính theo sau,

---

1. Đoạn đối thoại ở trên đây trong ĐNLTTB cũng có chép ngắn gọn, do đó có thể xác định họ tên thật của tướng Phú Dương bên Nguyễn là Nguyễn Phúc Tráng (tức Tôn Thất Tráng).

quyết bắt cho được cha con Tây Định. Việc ấy đã rõ rồi, các ông bất tất phải nghi ngờ.

Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

– Bọn chúng ta hưởng ơn sâu lộc hậu của nhà Chúa thì phải tận sức báo đền. Nếu ai khác lòng thì quỷ thần tru diệt, nào có gì mà phải nghi ngờ? Vả lại lời bàn tán của các tướng vừa rồi xét ra cũng có lý. Vậy ta nên nán chờ khi thời cơ thuận lợi thì chỉ thúc một hồi trống là thu trọn thành công. Nay chưa nên tính vội. Đốc chiến hãy nghe lời các tướng để đồng tâm hòa khí vẹn toàn.

Thuận Nghĩa dứt lời, các tướng đều nói:

– Tiết chế xét việc như vậy là sáng suốt lắm, ta cứ theo thế mà làm.

Sau đó các tướng trở về doanh trại lo việc luyện tập quân sĩ, sửa sang khí giới để đợi thời cơ tiến phát. Bấy giờ đã gần hết năm, chỉ thấy:

Chốn chốn vui ca mừng năm mới,
Nhà nhà đuốc sáng đón xuân sang.

Vậy có lời bình rằng:

Trời sinh thánh Chúa tất có hiền thần giúp đỡ, ai có phận nấy mà nên công đại trị. Nhưng ở Trung Đô thì quan lại hiếm kẻ tài năng, tướng hiệu thiếu người trung nghĩa. Vì thế mới dẫn đến chuyện Tây Định vương Trịnh Tạc sai người đem vàng bạc vào dụ Chiêu Vũ quy hàng, rốt cuộc bị Chiêu Vũ đáp thư bêu nhục, thật hổ thẹn lắm thay! Huống chi bọn Ký lục Hồ là quan lại ăn lộc của triều đình mà manh tâm phản lại triều đình, không có chút lòng lo vua yêu nước, bán nước cầu vinh, rốt cuộc phải nhà tan thân nát, tông tộc bị tru di. Ấy là đạo trời sáng rệt vậy. Còn như ở Nam Triều, các bậc anh hùng danh tướng lẽ ra nên đồng tâm hiệp lực hòa thuận với nhau để khuông phù vương thất, cùng lo đại nghĩa diệt Trịnh phù Lê, diệt trừ gian đảng tiếm ngụy. Ấy là đạo của bậc lương thần. Sao lại để xẩy ra sự việc nghi ngờ, oán giận lẫn nhau mà mất cả hòa khí, để lỡ mất thời cơ, tốn phí tiền tài quốc dụng, hao tổn sức lực quân lính, khó tránh khỏi người đời sau chê cười. Nếu trên dưới một lòng, quân dân một chí, thì chỉ ra tay một lần là có thể thu được thành công vẹn toàn.

Bấy giờ ở Đàng Ngoài Tây Định vương Trịnh Tạc nghĩ đến việc mấy năm trước Mậu Long [1] đầu hàng quân Nguyễn, được Tiết chế

1. Mậu Long: tên hiệu của Phan Tất Toàn.

Thuận Nghĩa cho làm tướng tiên phong đem quân ra đánh lại quân nhà. Trịnh Tạc căm tức muốn tìm cách giết đi. Nghĩ vậy Tây Định bèn sai người đi tìm vợ Mậu Long là Phạm Thị Cúc để thăm hỏi tình cảnh gia đình. Rồi sau đó viết một bức mật thư thay lời vợ Mậu Long gửi cho chồng, sai người giả làm gia nhân lén đường tìm vào quân doanh của Mậu Long chuyển bức thư và ba nén vàng đỏ, nói điều hơn lẽ thiệt. Mậu Long nghe xong chỉ lặng lẽ gật đầu rồi tìm một chỗ kín đáo bóc thư nhà ra xem. Thư viết:

"Từng nghe: Đức của trời đất thì trước hết là bốn mùa. Đạo vua tôi thì lấy tam cương làm chính. Huống chi Tướng quân đường đường là một bậc trượng phu quân tử, trước đây quân Nam bức bách, cực chẳng đã phải nép thân giữ mình, cũng ví như chim phượng hoàng gặp lúc gió bão, há phải là Tướng quân thay lòng đổi dạ mà ra thế đâu! Nhưng nay dưới tay tướng quân đã có binh hùng lực mạnh thì tất sẽ chế ngự được. Sao Tướng quân không nghĩ đến ơn vua tôi, nghĩa vợ chồng, tình anh em trong gia tộc mà tìm mưu kế báo phục? Nếu Tướng quân xét kỹ tấm gương của những người trung hiếu xưa nay thì nên thừa cơ mà cử sự, mượn cớ đem quân đi đánh dẹp như chuyện Mã Đại, Ngụy Diên thời xưa, chờ thời cơ lấy đầu Thuận Nghĩa mà trở về đất nhà. Như thế Tướng quân giữ vẹn đại nghĩa vua tôi, đền đáp được ơn sâu cha mẹ, vẻ vang với xóm làng. Thế chẳng là tốt đẹp hay sao? Nếu Tướng quân vẫn giữ vững lòng mê chẳng tỉnh ngộ thì khó tránh khỏi hậu thế chê cười, cho là kẻ phản vua theo giặc, khác nào những kẻ cam chịu làm bề tôi cho bọn Tào Tháo, Đổng Trác, khó tránh khỏi nhơ danh sử sách, bất tất phải nhiều lời. Mọi việc xưa nay Tướng quân đều nên ghi nhớ. Nay thư".

Mậu Long xem xong thư đầu óc rối bời, băn khoăn suy nghĩ bất giác lệ rơi thấm áo. Mậu Long một mình ngồi trước đèn, thâu đêm không chợp mắt, vẫn chưa tìm được mưu kế gì để trở về bên Bắc. Mậu Long vì thế sinh ra cáu gắt, đánh mắng quân lính. Có lúc đang ngồi chợt xoa tay vỗ chiếu, hoặc ngày đêm hơi thở vắn dài. Quân lính thấy vậy chẳng ai dám nhìn gần, chỉ ta thán riêng với nhau: không hiểu vì sao chủ tướng Mậu Long bỗng nhiên dở chứng như vậy.

Thủ hạ của Mậu Long có một tên lính tên là Tiềm Lộc, lén nấp một chỗ kín để dò xét, thấy Mậu Long ngày đêm thường lấy một bức thư ra đọc lén rồi sinh ra suy nghĩ giận dữ, trong bụng đã có ý nghi ngờ. Sau đó Tiềm Lộc lén vào buồng của chủ tướng, chợt thấy bức thư

bỏ quên trên ghế liền cầm lấy xem trộm. Xem xong biết lời ý trong thư, Tiềm Lộc cả kinh bèn giấu bức thư vào trong tay áo đi ngay đến dinh Tiết chế trình rằng:

– Mậu Long từ khi nhận được mật thư dụ hàng này, ngày đêm nghĩ cách làm phản. Mong quan Tiết chế sớm định liệu để khỏi mắc mưu ông ta.

Tiết chế Thuận Nghĩa xem xong thư hết sức tức giận, quát hỏi Tiềm Lộc:

– Việc này hư thực ra sao?

Tiềm Lộc nói:

– Sự việc quả đúng như thế. Xin minh công sớm định, khỏi mắc phải mưu gian làm hỏng việc lớn.

Tiết chế Thuận Nghĩa bèn đem cho Tiềm Lộc vào một nơi kín rồi sai gọi Mậu Long đến dinh Tiết chế để bàn công việc. Khi Mậu Long vào trong trướng, Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

– Ta vâng lệnh vương đình đem quân đi đánh giặc ở đất Bắc đến nay đã năm năm, bao phen vào nguy ra hiểm ở chốn chiến trường mà cuộc thế vẫn chưa thắng bại. Tướng quân nghĩ xem có kế sách gì hay có thể phá được quân giặc?

Mậu Long đáp:

– Phàm việc dùng binh đem quân đi đánh dẹp ở cõi xa thì nên đánh gấp. Xin Tiết chế hạ lệnh tiến quân vượt sang bờ Bắc sông Lam, thừa thắng đuổi dài. Mậu Long tôi nguyện trổ tài ngựa hèn theo sát Tiết chế để đánh bắt họ Trịnh. Như thế tất công lớn phải thành.

Tiết chế Thuận Nghĩa cười nói:

– Tướng quân nói thật hay nói dối đấy?

Mậu Long đáp:

– Phàm đạo làm tôi là phải nghĩ cách báo đền ơn nước. Mậu Long tôi dẫu thịt nát xương tan, gan óc bết đất cũng chưa đền đáp được trọng ân của thánh Chúa, Mậu Long tôi đâu dám không thực tình.

Tiết chế Thuận Nghĩa lại nói:

– Tướng quân xem Tam quốc chí biết chuyện Ngụy Diên, Mã Đại không?

Mậu Long nghe nói thế, mặt liền biến sắc, vội đáp:

– Ấy là do mưu kế của Khổng Minh.

Thuận Nghĩa nói:

– Ngươi có muốn xem rõ chứng cớ hay không?

Nói đoạn liền lấy bức mật thư đem ra cho Mậu Long xem. Mậu Long liếc thấy bức thư cả sợ, hồn vía bay tận mây xanh, chỉ gắng gượng chống chế:

– Đây là thư nào Mậu Long tôi không biết. Mong Tiết chế lượng xét cho khỏi bị oan ức.

Tiết chế Thuận Nghĩa bèn sai gọi Tiềm Lộc vào đối chất.

Mậu Long trông thấy Tiềm Lộc, biết là việc lộ không thể chối cãi được, đành đứng trơ không đáp. Tiềm Lộc nói:

– Không phải là tiểu nhân có ý muốn phản chủ hại thầy để mưu cầu phú quý. Nhưng vì mảnh đất, dòng nước không đâu là không đất nhà vua. Vậy mà bản quan của tiểu nhân lại không trung thành với vương thất, muốn làm hại minh công. Vì thế tiểu nhân phải đem sự việc trình báo, ngõ hầu tiểu nhân được khỏi tội.

Tiết chế Thuận Nghĩa hỏi Mậu Long:

– Sự việc này đúng sai thế nào, ngươi có gì nói hay không?

Mậu Long cúi đầu bật khóc, đáp rằng:

– Đấy là kế tung tin phản gián của Tây Định vương, chứ Mậu Long tôi không có lòng ấy.

Tiết chế Thuận Nghĩa cả giận sai lính bắt đi xét hỏi. Mậu Long nhất nhất phải thú nhận là có manh tâm muốn trở về bên quân Bắc, liên quan đến tộc thuộc tâm phúc tất cả hơn hai chục người đều phải cung khai ra cả.

Tiết chế Thuận Nghĩa hạ lệnh tống giam rồi sai người về tâu bẩm với vương đình. Chúa Hiền xem xong cả giận, truyền lệnh đem hàng tướng Mậu Long và những kẻ đồng mưu ra xử trảm, bêu đầu thị chúng. Tiết chế Thuận Nghĩa được lệnh, đến trung tuần tháng giêng năm Canh Tí bèn truyền đạo phủ đem bọn Mậu Long hai mươi người ra pháp trường ở chợ Vân Cát xử chém.

Bỗng có quân do thám ở bờ Bắc báo về nói rằng Tây Định vương biết tin Mậu Long bị giết rất làm mừng, bảo là đạo trời không dung kẻ gian. Người đời sau có thơ rằng:

Ngời ngời thiên đạo vốn vô tư,
Chẳng phải âm dương số mệnh thừa.
Họa giáng gian tà đều dẹp hết,
Phúc truyền trung hiếu hãy còn lưu.
Sái Trung gian kế thân đành thác,
Triệu Dự manh tâm mệnh sớm trừ.
Đừng nói được thua bao sự việc,
Phân minh báo ứng chẳng chần chừa.

Năm Thịnh Đức thứ tám (1660) [1] hạ tuần tháng giêng có người dân binh ở miền thượng đạo đến trình với Tiết chế Thuận Nghĩa rằng các tướng sĩ mới về hàng đều có manh tâm làm phản, rủ nhau tụ họp ở chỗ kín để mưu đồ khác ý.

Chưa biết sự việc thực ra sao, xem hồi sau sẽ rõ.

1. Theo trình tự thời gian thì ở đây đang kể các sự việc về năm 1660. Ở Đàng Trong các chúa Nguyễn vẫn dùng niên hiệu của vua Lê. Từ năm 1658, vua Lê Thần Tông đã đổi niên hiệu là Vĩnh Thọ. Vậy đúng ra năm 1660 là niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 3. Còn niên hiệu Thịnh Đức chỉ có 5 năm (1653 – 1657).

HỒI THỨ HAI MƯƠI HAI

Thuận Nghĩa với Chiêu Vũ bất hòa
Quận Lan trấn Đồng Hôn đại bại

Thơ rằng:

Cờ xí tung bay nhật nguyệt cao,
Hùng binh muôn đội chấn anh hào.
Uy như hổ báo nương rừng núi,
Thế tựa giao long cuộn sóng trào.
Gia Cát mưu thần rung chẳng chuyển,
Bá Ôn diệu toán khó động dao.
Anh hùng nay trước đà bao kẻ,
Chiếc ngựa bon nhanh vượt thác gào.

Lại nói năm Canh Tí, niên hiệu Thịnh Đức thứ tám (1660) hạ tuần tháng giêng, viên Đội trưởng quân chính đạo là Bái Kiều đến dưới trướng của Tiết chế Thuận Nghĩa trình rằng:

– Hạ chức ở trong quân dò biết quan tướng dân phu người Nghệ An thường tụ họp trong núi vắng hoặc ở các chùa chiền, hoặc chụm đầu rỉ tai bàn tán, có ý muốn làm phản về với người Bắc, nhưng vì chưa nghe đích xác họ nói những gì, chỉ xin quan Tiết chế đề phòng cẩn thận để khỏi rơi vào mưu kế của bọn tiểu nhân. Tiết chế Thuận Nghĩa nghe xong hỏi Bái Kiều:

– Ta đã từng biết lời lẽ riêng tư của quân lính có điều không hợp, cử chỉ, việc làm có ý nghĩa không theo lệnh trên, ngươi bất tất phải nói rõ. Nhưng ngươi đã biết chuyện thì giao cho ngươi thám thính tỏ tường.

Bái Kiều vâng lệnh lui ra, trở về trong quân lặng lẽ dò xét cho biết binh tình hư thực ra sao.

Tháng ba năm ấy, Hiền vương Nguyễn Phúc Tần xuống lệnh mở khoa thi cho các viên quan lại, định phép thi chính đồ, lấy trúng cách được năm người, thi họa văn, lấy trúng cách được mười tám người. Tất cả đều được cất nhắc bổ dụng.

Lại nói Tham tướng thủy quân Hạ đạo là Vân Long từ bữa hội

họp các tướng ở dinh Tiết chế trở về hàng ngày lo luyện tập quân lính, thao dượt thủy chiến, các đội binh thuyền vùn vụt đi lại như bay. Cũng có lúc tập đổ bộ lên đánh trên bờ, dương oai diệu chí, muốn khôi phục Trung Đô để vẻ vang cho đời trước. Một hôm Vân Long rỗi việc đang nghỉ ngơi trong trướng, bỗng có tên lính thuộc bản doanh đến trình rằng:

– Tiểu tốt dò biết dân Nghệ An mới được tuyển vào lính phân bổ trong các cơ đội những năm trước đều tuân thủ quân lệnh. Nay nghe nói chúa Trịnh có bức thư hiểu dụ nói lý lẽ lợi hại, cho nên bọn họ đều có dị tâm, e sẽ xẩy ra biến loạn. Tiểu tốt thấy bọn họ ban đêm thường đến dinh quan Đốc chiến tụ hội ở nơi kín đáo không biết bàn tán những gì. Nhưng quan Đốc chiến là bậc tướng tài năng mưu lược, được Vương thượng tin yêu. Tuy vậy, cũng có thể là quan Đốc chiến có tư tình làm việc kín mà chủ tướng không hay biết. Nghiệm ra thì quan Đốc chiến vì được ưu thưởng nên sinh ra tự ý chuyên quyền. Tiểu tốt nghe được lời nói ấy xin đến trình báo. Mong minh quan thẩm xét, đề phòng.

Tham tướng Vân Long nghe báo lặng người một lúc rồi nói:

– Có lý, có lý! Ta đã biết cả.

Từ đó Tham tướng Vân Long để ý nghi ngờ đối với các binh lính người Nghệ An mới theo về. Hơn nữa, Vân Long nghe nói thế cũng có ý vui thích, vì trước đây Tham tướng Vân Long vẫn có ý tức giận đối với Đốc chiến Chiêu Vũ.

Bấy giờ tướng chỉ huy quân các đạo đại khái đều nghe báo tin như thế.

Trung tuần tháng tư năm ấy, Đốc chiến Chiêu Vũ ở trong quân doanh thường khổ tâm lo nghĩ để tìm cách thu được thành công vẹn toàn. Chiêu Vũ ngày đêm lo buồn, ăn không biết ngon, ngủ không yên giấc, nung thành cơn bệnh sốt rét, thân thể ngày đêm nóng lạnh bất thường, lương y phải hết sức thuốc men điều trị, bệnh tình mới hơi thuyên giảm. Chiêu Vũ than phiền rằng: "Ta muốn khuông phù công cuộc phù Lê đến chỗ thăng bình thịnh trị, giúp chúa Nguyễn khôi phục Trung Đô, diệt trừ nghịch đảng cho đất nước muôn năm thái bình, tiếng thơm để lại lâu dài trong sử sách. Ý nguyện bình sinh của ta là như thế. Nay không may bị ốm, khó nói đến rong ruổi đường xa, hẳn là việc ứng với điềm chiêm bao dạo trước. Người xưa nói: "Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên". Lòng người như thế,

nhưng lẽ trời thì còn chưa rõ. Chỉ lo rằng anh em đồng liêu không thuận, các tướng bất hòa mà lỡ mất cơ hội".

Người đời sau có thơ vịnh rằng:

Thay đổi vần quanh bởi tiết trời,
Than thay cây héo lá vàng rơi.
Nam Kha chợt giấc đà hay biết,
Gia Cát chiều lòng vẫn ghé chơi!

Bấy giờ ở cánh quân thượng đạo Trấn thủ Đại Thắng, Phù Dương, Tiết chế thủy quân Dương Trí, Tham tướng Vân Long và các tướng khác đều nghe báo tin "Quân lính người Nghệ có lòng oán giận muốn làm phản", ai nấy lại càng thêm nghi ngờ Đốc chiến Chiêu Vũ. Vả lại lòng người hay ích kỷ, ghen ghét kẻ hiền tài. Thế là bọn họ không báo tin cho Đốc chiến Chiêu Vũ biết, cùng nhau đến hội họp ở dinh Tiết chế Thuận Nghĩa. Tiết chế ra ngoài trướng đón tiếp các tướng, mời vào trong trướng theo ngôi thứ cùng ngồi, sai bầy tiệc khoản đãi. Trong khi mọi người trò chuyện, Trấn thủ Phù Dương nói:

– Tiểu tướng có lời thưa chuyện sau đây, xin các vị nghe cho. Bọn chúng ta là con cháu các nhà công thần danh tướng của Nam triều, ai nấy đều có chí mây xanh vùng vẫy, khuông phò vương thất, diệt trừ nghịch tặc, mong lập công danh ở đời nay mà tên tuổi lưu truyền sử sách cho hậu thế. Ấy là chí tang bồng hồ thỉ của kẻ trượng phu ở đời. Còn như xếp đặt việc quân thì có ai là kẻ thấp mưu kém trí? Chiêu Vũ chỉ là hạng bạch diện thư sinh tầm chương trích cú, chỉ giỏi ăn nói kiểu cách khéo léo nên được Chúa thượng thân thương, ông ta do vậy coi triều đình như chỗ không người, giả cách làm như khiêm tốn nhịn nhường, nhưng thực ra tự ví mình như Quản Trọng, Nhạc Nghị. Bọn chúng ta thật rất lấy làm hổ thẹn. Nay nghe nói chúa Trịnh thường sai người đi lại căn dặn riêng tư, sớm muộn ông ta nhất định bỏ bên Nam mà về theo bên Bắc. Đến như việc quân lính Nghệ An mới theo về với ta phần nhiều cũng có lòng oán phản. Nếu để sinh biến dưới nách thì ta khó bề cử động, thế gọi là "Trong nhà xích mích, trong thành lửa cháy, tai ương chẳng phải đâu xa", kính mong Tiết chế Nguyên súy thẩm xét, để không phải công danh đến mà bỏ dở nửa chừng.

Phù Dương vừa dứt lời, các tướng đều đồng thanh nói:

– Bọn chúng tôi thấy lời nói vừa rồi của Phù Tướng quân nếu

không đúng hẳn thì cũng là lo trước vẫn hơn. Xin Tiết chế xét kỹ.

Tiết chế Thuận Nghĩa thong thả đáp:

– Các vị nói sai rồi. Phàm đạo làm tôi phải lấy chữ trung ái làm đầu. Trung để thờ vua, ái để xử với anh em bằng hữu. Như Đốc chiến Chiêu Vũ là người quân tử lẫy lừng, đường đường là một đấng trượng phu, cũng buồn vui với mọi người. Khi có thành công thì nhường công cho người khác, khi định mưu kế thì chú ý đến ý kiến của người khác, chưa từng kiêu căng khoe khoang công trạng, đoạt lợi tranh danh. Nay bỗng dưng đâu lại có tâm địa ấy. Các ông chớ nên lấy lòng dạ tiểu nhân mà xét đoán người quân tử. Sinh nghi ngờ làm mất hòa khí, để lỡ sự ủy nhiệm của triều đình.

Tiết chế Thuận Nghĩa nói xong, cất tiếng cười to, rồi nói tiếp:

– Các hàng tướng và binh dân Nghệ An đã có manh tâm thì không tránh khỏi nổi lên làm loạn. Ta cũng đã ít nhiều biết trước điều đó. Người xưa có câu: "Ngồi lâu sinh chán". Nhưng phép hành binh quý ở mau chóng, như sét đánh không kịp bưng tai. Nhưng Chúa thượng còn do dự, đến nay đã năm năm chưa quyết đoán việc tiến quân. Phàm trong việc đánh giặc dẹp loạn khó giữ cho khỏi mất lòng dân [1]. Nếu như lòng dân đã kêu ca oán thán thì tự nhiên nẩy sinh ý nghĩ làm phản, chụm đầu rỉ tai bàn tán to nhỏ. Các ông nên mau trở về doanh trại lo việc đề phòng để khỏi trúng mưu quân giặc. Việc này phải cẩn thận chớ tiết lộ ra ngoài.

Nghe Tiết chế Thuận Nghĩa nói xong, các tướng đều chắp tay tuân lệnh rồi cáo từ trở về doanh trại mình.

Bấy giờ Tiết chế Thuận Nghĩa bề ngoài tuy có lời nói tốt đẹp, nhưng thâm tâm càng thêm tức giận nghi ngờ, cũng là vì việc lúc trước Đốc chiến Chiêu Vũ được ban thưởng riêng một mình. Từ đó nẩy sinh bất hòa [2], có ý muốn lập mưu làm hại.

Đến đầu tháng tám, vào ngày mồng bảy, sau khi sai người đi dò xét tình hình trong quân lính, Tiết chế Thuận Nghĩa bèn triệu các

---

1. Câu này nguyên văn là: "...nhân tâm mạc bất ta oán" (= lòng người chẳng ai không kêu ca oán thán).

2. ĐNTLTB và ĐNLTTB cũng ghi về việc bất hòa giữa Hữu Tiến và Hữu Dật. Hữu Tiến thấy Hữu Dật nhiều lần được khen thưởng, sinh lòng ghen ghét. Phù Dương nói với Hữu Tiến: Hữu Dật là bạch diện thư sinh, chỉ nhờ nói năng mà được tin dùng, tự ví mình như Quản Trọng, Nhạc Nghị.

tướng để họp bàn, chia quân các đạo hẹn đến ngày mồng chín sẽ phát binh đánh sang bờ Bắc sông Lam. Sai hàng tướng [1] là Cai đội Triều Ngạn và Đình Nghị dẫn một đội quân tiến qua bến đò Phù Thạch đánh vào doanh trại của quận Hoàng, quận Diệu, nếu đánh thắng thì Tiết chế sẽ đích thân dẫn đến tiếp ứng.

Lại sai Tham đốc Minh Lãng, cai đội Triều Tô, Nghiêm Tuấn, Tú Minh [2], Long Nghị, Triều Uy, Bái Kiều dẫn đại quân tiến đến xã Miêu Nha gần chỗ gò nổi bên quân Bắc để đánh vào trại quân của quận Lan Nguyễn Thực, nếu thắng thì dẫn quân đến tiếp ứng, cùng tiến thu phục thành Thăng Long, lập công hàng đầu. Lại mật truyền cho Cai cơ thủy quân là Diên Tộ đem chiến thuyền loại có bánh lái đến đóng ở Triển Luật, đến ngày mồng chín vào giờ Dậu đưa chiến thuyền đến xã Tam Chế đóng gần bờ để chở quân qua sông, đến canh tư (tảng sáng) thì bất ngờ tiến đánh. Các tướng cứ tuân lệnh sửa soạn để khởi binh. Cắt đặt đâu đó đã xong, các tướng tuân lệnh sửa soạn để khởi binh. Mệnh lệnh nói trên ngay từ đầu Tiết chế Thuận Nghĩa không báo cho Đốc chiến Chiêu Vũ biết. Bất ngờ đến ngày mồng chín từ lúc canh hai các đạo quân đã thức dậy nấu cơm ăn, đến canh tư bắt đầu tiến phát. Quân Nam kéo đến vây trại quân của quận Lan Nguyễn Thực. Quận Lan nghe tin quân Nam bất ngờ tiến đánh dữ dội từ giờ Dần đến giờ Thìn [3] chưa phân thắng bại.

Bấy giờ bên quân Nam, số quân lính người Nghệ An mới về hàng vốn không có chí khí chiến đấu, hoặc có người cầm súng mà chỉ bắn không bằng thuốc nổ, không lắp đạn, hoặc có người cầm gươm giáo vung lên mà không cố ý đâm chết rồi tìm đường bỏ trốn, mười phần lánh chạy mất bẩy tám phần.

Tiết chế Thuận Nghĩa biết quân tình có biến, liệu thế không thắng nổi bèn xuống lệnh rút quân về cố thủ ở bờ Nam.

Bên quân Trịnh, Lan quận công Nguyễn Thực chia quân đi đóng giữ các nơi ở ven sông, tự mình dẫn một đội quân đến cố thủ lũy Đồng Hôn.

---

1. Bản sao chép: quy mỹ tướng. Đúng ra là quy *nghĩa* tướng (tướng trở về theo chính nghĩa), một mỹ từ để chỉ hàng tướng. Chữ *nghĩa* viết thảo hơi giống chữ *mỹ* nên bản sao chép nhầm.

2. Bản sao chép thiếu một chữ tên trong số các tướng nói ở đây. Soát theo ĐNTLTB thấy có tên Tú Minh. Như vậy chữ sót là chữ *Minh* ở sau chữ Tú.

3. Tức là khoảng từ sáng sớm đến 9 giờ sáng.

Lại nói Đốc chiến Chiêu Vũ lúc bấy giờ đang lên cơn sốt rét nằm ở đồn Khu Độc, gắng gượng tựa ghế xem sách cho đỡ buồn. Chợt nghe tiếng súng nổ vang vào lúc canh tư, Chiêu Vũ vội sai lính đi nghe ngóng. Quân do thám trở về báo tin Tiết chế Thuận Nghĩa đã dẫn đại quân vượt sông sang bờ Bắc sông Lam đánh quân của quận Lan. Hai bên giao chiến hiện chưa phân thắng bại. Chiêu Vũ nghe nói cả kinh, nói: "Dùng binh là việc lớn của quốc gia. Nay Tiết chế phát quân tiến đánh mà không bàn bạc với Đốc chiến, như thế là nghĩa lý gì?". Bèn sai người tâm phúc ruổi ngựa đến dinh Tiết chế trình rằng:

– Quan Đốc chiến kính lời lạy chào minh công và xin trình: đêm qua Đốc chiến bị cơn sốt rét phải uống thuốc nghỉ ngơi trong phòng. Chợt nghe tiếng súng lớn nổ vang, chưa được biết nguyên do ra sao phải sai quân thám mã đi dò xét mới hay tin đại quân ta đang tiến đánh quân Trịnh mà chưa được lệnh của minh công cắt đặt sai phái, chưa rõ nguyên do thế nào. Vì thế Đốc chiến đặc sai bọn chúng tôi đến đây đợi lệnh.

Tiết chế Thuận Nghĩa cả giận, nghiêm giọng đáp:

– Ta sai đại binh vượt sông đánh giặc từ canh tư đến bây giờ. Tướng chỉ huy các đạo đã dẫn quân tiến phát, ai nấy đều vất vả mỏi mệt ở chốn chiến trường. Đó là việc lớn của quốc gia, đâu phải chuyện riêng tư. Vậy mà quân nội đạo do Đốc chiến chỉ huy thì không thấy một ai. Như Đốc chiến bị ốm thì còn có thể tha thứ được, còn các viên Cai cơ, Cai đội khác ở trong quân thì phải chăng là bận rong chơi hay ngồi chuyện vãn mà bất tuân lệnh thì phải xử phạt theo quân pháp, có gì mà phải hỏi? Ngươi hãy về truyền lệnh cho Đốc chiến và các tướng mau đem quân tiến đánh lũy Đồng Hôn để tiếp ứng cho đại binh, không được chậm trễ lỡ việc.

Lính sai của Chiêu Vũ tuân lệnh ruổi ngựa về gấp trình lại với Đốc chiến. Chiêu Vũ liền xuống lệnh cho quân sĩ tiến phát. Chưa ra khỏi doanh trại, chợt thấy tiêu binh cỡi ngựa về báo tin đại quân của Tiết chế đánh nhau với quân Trịnh chưa thắng, hiện đã rút về cố thủ ở bờ Nam rồi.

Đốc chiến Chiêu Vũ bèn lệnh dừng quân binh, sai người đi dò xét. Quân do thám trở về báo tin tướng bên Bắc là Thái bảo Lan quận công đã đem quân về giữ lũy Đồng Hôn. Chiêu Vũ bèn triệu hàng tướng là quận Hợp và các tướng khác đến bàn định, Chiêu Vũ nói:

– Quan Tiết chế cùng các tướng bên ta đem quân đánh quận Lan ở các xã Miêu Nha, Ngũ Khố [1] không thắng, đã rút quân về. Quận Lan sợ bên ta, tự dẫn quân về đóng giữ lũy Đồng Hôn. Các ông xét xem có mưu kế gì phá tan quân giặc, bắt sống quận Lan không?

Quận Hợp nói:

– Tiểu tướng có hơi biết quận Lan là kẻ nhát sợ, vô mưu. Nay quận Lan đóng giữ ở lũy Đồng Hôn chẳng khác gì cá bơi trong chậu, không có gì đáng phải lo. Tiểu tướng xin đem một đại quân đánh lũy Đồng Hôn để bắt quận Lan như bắt ba ba ở ao cạn, chẳng có gì là khó!

Đốc chiến Chiêu Vũ nói:

– Không dễ như thế đâu! Quận Lan tuy vô mưu, nhưng quận Hoảng hơi có đảm lược. Nếu ta phái quân tiến đánh thì địch đông ta ít. Huống chi sông lớn mà mực nước khá thấp khó bề dương oai diễu võ. Quân địch đóng ở chỗ đồng bằng, quân ta ở trên sóng nước, ấy là điều bất lợi trong phép dùng binh. Chi bằng phải chờ đợi thời tiết. Nếu được thiên thời thì ắt có địa lợi. Huống chi hiện nay là tiết sương giáng, tất sẽ có mưa gió. Đợi khi mưa to, nước sông dâng cao ngập lũy Đồng Hôn, quân Bắc không chú ý đề phòng, ta sẽ nhân thế nước lên mà tiến đánh thì chắc chắn giành phần thắng!

Bọn quận Hợp đều bái phục mưu cao. Khi mọi người đang bàn luận thì chợt nghe từ phía Tây Bắc có tiếng sấm sét nổi lên, rồi mưa ập xuống như xối, chỉ trong khoảnh khắc nước sông Lam dâng lên tràn ngập lũy Đồng Hôn. Đốc chiến Chiêu Vũ thấy vậy cả mừng, bèn sai quận Hợp làm tiên phong, Cai đội Vân Triều làm tả hữu vệ trận, tự mình dẫn đại quân theo tiếp ứng, hẹn tảng sáng hôm sau thi hành mệnh lệnh phát binh đánh thẳng sang lũy Đồng Hôn, ai vi phạm bị xử trị theo quân pháp. Các tướng vâng lệnh, ai nấy trở về doanh trại sửa soạn tiến quân.

Đốc chiến Chiêu Vũ lại sai người đến dinh Tiết chế Thuận Nghĩa trình báo mọi việc.

Đến tảng sáng ngày mười một, các tướng dưới quyền Chiêu Vũ đều đem quân xuất phát, nhằm phía bờ Bắc reo hò vang dậy tiến sang. Chỉ thấy:

---

1. *Miêu Nha:* ĐNTLTB chép là Do Nha, tên xã thuộc huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh). *Ngũ Khố:* tên xã, cũng thuộc huyện Nghi Xuân.

Chiến thuyền băng nước biếc, gươm giáo chói trời xanh;
Lũy Bắc rộn ếch kêu rùa lặn, quân Nam xát chưởng, xoa quyền;
Hăng đánh dương oai đất Bắc, chiến trường danh dậy trời Nam.

Bấy giờ quân Nam đánh thốc lũy Đồng Hôn khác nào như ánh sao sa vụt đến. Quận Lan cả kinh, không kịp mặc giáp, lên ngựa không kịp thắng yên, vội cùng với quận Diệu, quận Hoảng cúi đầu nhằm phía Bắc mà chạy. Tướng bên Nam là bọn Vân Triều thừa thắng đuổi theo đến dưới chân thành, tung quân đánh gấp. Quận Lan ngồi nghỉ trên hòn núi đất, hổn hển thở dốc hơi. Thấy bên Nam ít quân, quận Lan cả giận, nói:

– Quân Nam thừa thế đuổi tới, coi khinh ta quá lắm!

Nói đoạn sai quận Hoảng đem quân vòng ra phía sau núi đất, bất ngờ xông ra đón đánh. Bọn Vân Triều cả bại phải chạy lui về lũy Đồng Hôn.

Đốc chiến Chiêu Vũ từ xa trông thấy, vội sai quận Hợp cùng con trai là Đội trưởng Hào Lương đem quân đuổi theo đánh gấp, quận Hoảng phải chia quân chống cự.

Bỗng thấy từ phía Đông Nam cờ xí rợp sông xanh, trống chiêng vang trời biếc, quân bộ tiến theo dẫy núi tấc đồng, chiến thuyền san sát đầy sông kín biển đang tiến đến vùn vụt như cơn lốc. Nhìn ra mới hay đó là quân của Tiết chế Thuận Nghĩa đang ra sức tiến đánh rất gấp. Bọn quận Lan, quận Hoảng kinh sợ, không đoái đến quân lính, vội bỏ lũy Đồng Hôn nhằm hướng chạy về Vĩnh Doanh, bọn quận Lan vào dưới trướng Phú quận công Trịnh Căn khấu đầu chịu tội. Từ lúc ấy, quân Nam đóng lại ở bờ Bắc sông Lam, chia doanh đặt trại để chống đánh với quân của quận Phú.

Quân của Đốc chiến Chiêu Vũ đóng từ lũy Đồng Hôn đến bãi nổi ở Hoành Cảng [1] xã Lãng Khê, chia đặt đồn trại làm thành thế nương tựa lẫn nhau, cùng là để uy hiếp tinh thần của quân Trịnh. Chiêu Vũ bèn sai quân làm cầu phao từ lũy Đồng Hôn sang bờ Nam sông Lam thông với đường bộ để tiện qua lại.

Từ đó binh uy bên Nam càng chấn phát.

1. *Hoành Cảng:* có lẽ là từ Hán, chỉ địa điểm cảng Bến Thủy hiện nay.

Lại nói tướng Trịnh là Phú quận công Trịnh Căn đóng giữ ở thành Vĩnh Doanh dò biết tin tức, cả sợ nói:

– Quân Nam nhuệ khí đang hăng, nếu chúng thừa thắng đuổi dài thì quân ta biết gì chống cự? Chi bằng ta nên bỏ Nghệ An, đem quân về Thanh Hoa để giữ nơi căn bản rồi sau sẽ trù mưu tính kế thu phục giang sơn, phục thù rửa thẹn.

Tham đốc Dĩnh quận công can rằng:

– Xin Nguyên súy chớ quá lo, hãy khoan làm như thế. Nay quân Nam vượt qua sông lớn đóng trại ở ven sông bên bờ Bắc. Nhưng nơi đây không có thành lũy, phía sau lại có sông lớn, ấy là quân Nam rơi vào chốn tử địa - điều tối kị trong phép dụng binh. Huống chi Chiêu Vũ lại là tên tướng có đủ trí mưu, hiểu rộng binh pháp, tất không khi nào chịu đóng quân lâu ở đó, sớm muộn ắt sẽ phải rút quân về bên bờ phía Nam.

Quận Phú cho là phải, bèn đóng quân không động.

Cùng trong tháng ấy, bên quân Nam, Tiết chế Thuận Nghĩa và Đốc chiến Chiêu Vũ sai người ruổi ngựa về vương đình tâu việc chiến sự, nói các tướng vâng lệnh đánh ra Bắc hiện đã đem quân vượt sông Lam sang đóng đồn trại ở bờ Bắc, xin Chúa thượng gấp đem đại quân đi sau tiếp ứng, chính bây giờ là thời cơ thu phục Trung Đô.

Chúa Hiền nghe tâu, lặng yên suy nghĩ hồi lâu rồi sai chức sự là Văn Cảnh ruổi gấp ra sông Lam truyền lệnh cho Tiết chế Thuận Nghĩa, Đốc chiến Chiêu Vũ cùng các tướng biết:

– Đã là đem quân đi đánh dẹp bình định bốn phương thì trước hết phải xét thiên thời, thứ đến là xem địa thế, sau là xét đoán nhân tâm. Vả lại hiện nay đang lúc giao thời thu đông nhiều mưa gió, ba quân phải chịu rét mướt, đó là một điều bất lợi. Huống chi bên bờ Bắc đất đai trống rộng, phía trước không có thành lũy, phía sau lại là sông lớn, quân bên ta voi ngựa đi lại khó khăn. Đó là hai điều bất lợi. Lại nữa bên ta quân đi xa ngoài ngàn dặm đã hơn năm năm, cha mẹ vợ con họ ở nhà trông đợi. Nếu cất quân đánh lớn thì quân Trịnh đông, quân ta ít. Đằng trước là núi cao, đằng sau là sông rộng thì quân ta ắt nản chiến. *Kinh Thư* nói: Bầy lớn một khi đã tan thì khó hợp lại. Đó là ba điều bất lợi. Các tướng đều nên cùng nhau hiểu rõ, chi bằng sớm dỡ cầu phao, rút quân về ranh giới cũ để giữ vững thành lũy, liên lạc với nhau để yên lòng binh dân. Đợi đến sang năm

sẽ tùy cơ mà cử sự cũng không muộn.

Các tướng nghe truyền chỉ đều chắp tay vái vọng tuân lệnh. Chức sự Văn Cảnh lại đi khắp các nơi núi sông đường sá xem xét địa hình, vẽ thành đồ bản đem về dâng nộp ở vương đình. Tiết chế Thuận Nghĩa bèn hạ lệnh cho các tướng các đạo rút quân về phía Nam sông Lam, phá dỡ cầu phao, các cánh quân đều đóng yên ở các đồn lũy cũ.

Ba quân được lệnh rút về bờ Nam, ai nấy đều vui mừng.

Người đương thời có thơ vịnh chúa Hiền như sau:

Đường đường tỏ rõ chúa hiền minh,
Xét hiểu uyên sâu thấu chúng tình.
Ngàn dặm sao ngời soi chiến tượng,
Muôn phương nắng rọi sáng dân sinh.
Gió xuân tuy đã sắp ngừng thổi,
Tuyết lạnh không ngăn dứt chiến tranh.
Chớ bảo âm dương nhiều biến thái,
Đầy vơi thiên vận cũng công bình!

HỒI THỨ HAI MƯƠI BA

Thuận Nghĩa lui về giữ Hoành Sơn
Chiêu Vũ bị bỏ rơi đồn Khu Độc

Lại nói tướng bên Bắc là Phú quận công Trịnh Căn đóng đồn ở Vĩnh Doanh ngày đêm căm tức về việc tướng bờ Nam là Đốc chiến Chiêu Vũ đốc quân đánh bại quận Lan, quyết phải báo thù rửa hận. Quận Phú bèn lệnh cho Thự vệ Triều Thạch ban đêm lên bắc cầu phao từ lũy Đồng Hôn qua bờ Nam sông Lam, sai Đô đốc quận Diệu đem một vạn quân bộ theo đường tắt bí mật vượt qua đồn Khu Độc tiến đánh quân Nam đóng ở lũy Ngang tại Kiệm Thạch, sai Tham đốc Hằng quận công đem mười lăm chiến thuyền theo đường sông từ Hoành Cảng xã Lãng Khê tiến thẳng đến đánh úp vào phía sau đồn Khu Độc. Quân thủy bộ tương tiếp với nhau đánh ép vào để phân chia lực lượng của quân Chiêu Vũ. Như thế quân Nam không thể chống cự được. Nếu bắt được Chiêu Vũ sẽ thừa thắng đuổi dài luôn cả Thuận Nghĩa đem về kinh dâng nộp. Công ấy đáng kể là to nhất, tướng sẽ không được trễ biếng lỡ việc. Đích thân Trịnh Căn sẽ dẫn đại quân tiến theo tiếp ứng [1].

Nghe quận Phú cắt đặt xong mọi việc, hai tướng quận Diệu, quận Hằng tuân lệnh đem quân đi khỏi trại, nhằm phía Nam mà tiến. Bỗng có quân do thám trở về ấp báo với Đốc chiến Chiêu Vũ. Đốc chiến Chiêu Vũ nghe xong cười bảo:

– Bọn quận Diệu đáng coi là ngu xuẩn, không nhớ tới trận thua to ngày trước, dám đem quân đến đánh úp ta, tất sẽ bị ta bắt sống khiến cho quân Bắc hết dám nhìn thẳng vào quân ta!

Chiêu Vũ dứt lời bèn sai Cai đội Vân Triều đem một cánh quân đến lũy ngang ở Kiệm Thạch mai phục hai bên đường núi. Nếu thấy quân Trịnh đến thì không vội đánh, cứ để cho quá nửa quân chúng đi

---

1. ĐNTLTB (tr.43) ghi về trận này cho biết tì tướng của Chiêu Vũ đem quân đến mai phục ở rừng Thạch Hiệp (tức núi Kiệm Thạch, theo CNDC, đúng tên hơn) là Trương Văn Vẫn. Như vậy Cai đội Vân Triều nói trong chiến dịch này là Trương Văn Vân (Triều Tô và Tú Minh, ĐNTLTB đều ghi: không rõ họ).

qua. Bên Trịnh thấy không có người tất không chú ý đề phòng, đợi khi bọn chúng đã có ý uể oải mới tung quân đánh cắt làm hai đoạn. Quân Trịnh rối loạn đội ngũ tất phải tháo chạy. Chiêu Vũ dặn Vân Triều không đuổi theo, mà cho quân quay nhanh trở lại để phá trận quân thủy ở phía sau, tất sẽ được toàn thắng. Lại sai Cai đội Triều Tô cùng bọn Tú Minh đem một đội quân đến đóng trên bờ cao ở Hoành Cảng. Hễ thấy thủy quân bên Trịnh đến gần thì bắn đạn pháo liên thanh chặn đường, đợi quân của Vân Triều tiến đến, hai tướng thúc quân đánh áp vào thì quận Hằng, quận Diệu phải thua chạy.

Bọn Vân Triều, Triệu Tô tuân lệnh đem quân đi, rồi đó Đốc chiến Chiêu Vũ cho người phi báo để Tiết chế Thuận Nghĩa biết.

Lại nói bên quân Trịnh, canh tư đêm ấy, quận Diệu đem quân tiến về phía lũy Kiệm Thạch. Gần đến lũy ngang thấy hai bên đường đều là núi non rậm rạp, quận Diệu thột ý ngờ có phục binh, vội cho quân đi do thám trước. Quân do thám trở về báo là đã xem xét kỹ thấy hai bên đường đều không một bóng người ngựa. Bấy giờ quận Diệu mới thật yên lòng cho quân tiến vượt lên. Quân vừa mới đi được quá nửa dặm đường bỗng nghe từ trong núi tiếng súng nổ vang, tiếp đó quân Nguyễn reo hò rung chuyển trời đất xông ra chặn đánh. Quân Trịnh bị giết nhiều vô số. Lúc ấy quận Diệu mới biết tướng bên Nam là Vân Triều đã ém quân mai phục ở đây, đành phải cố sức tung quân ra chống cự. Nhưng đoàn quân kẹt vào hẻm núi, bị cắt làm hai đoạn, đầu đuôi không cứu ứng được nhau. Chẳng bao lâu, phía Đông trời đã rạng hồng, quận Diệu biết là không thắng nổi vội dẫn quân tiến về phía lũy Lũng Trâu.

Bấy giờ tướng giữ lũy bên quân Nam là Cai cơ Hùng Uy [1] bị đánh bất ngờ vội dàn quân chống cự, nhưng thế không địch nổi phải bỏ lũy chạy về phía hạ đạo. Quận Diệu bèn xua quân chiếm lấy lũy Lũng Trâu. Tham đốc bên Trịnh là quận Hằng, Thự vệ Hiển Dương chỉ huy thủy quân tiến đến Hoành Cảng ở xã Lãng Khê. Đội thuyền của Thự vệ Hiển Dương tiến lên trước, bất ngờ bị quân của Cai đội Triều Tô mai phục trên bờ nổ súng bắn xuống rất gắt. Chiếc thuyền của Hiển Dương vỡ tan làm ba mảnh. Thủy quân Trịnh rối loạn thua to, phải bỏ thuyền lên bờ chạy trốn về đồn cảng Phúc Châu, rồi sai lính về Vĩnh Doanh cấp báo với quận Phú.

1. Tên tước của Trương Phúc Hưng.

Trịnh Căn nghe tin báo cả giận xuống lệnh dừng binh để bàn định kế sách tiến đánh. Rồi đó Trịnh Căn sai người ruổi ngựa về kinh đô bẩm trình lên Tây Định vương xin quân tiếp ứng, tính việc giành lại phần đất đã mất.

Đến trung tuần tháng mười, Tiết chế Thuận Nghĩa từ khi thấy Cai cơ Hùng Uy thua trận trong lòng rất lo buồn, thường sai người đi khắp các doanh trại để dò xét lòng quân. Thuộc hạ trở về mật báo với Tiết chế Thuận Nghĩa:

– Các tướng sĩ mới về hàng và binh dân người Nghệ An xì xào bàn tán ước hẹn với nhau làm nội ứng quay về với quân Trịnh, ý định sẽ thừa cơ nổi dậy chống đánh như việc bọn Triệu Tuấn ở trạm Trần Kiều ngày xưa [1].

Thuận Nghĩa im lặng thầm nghĩ: "Lòng quân chán nản, lòng dân ly tán thì tình thế cũng khó mà kiềm chế được". Rồi Thuận Nghĩa cho gọi các tướng đến dinh Tiết chế họp bàn.

Tiết chế Thuận Nghĩa nói:

– Bọn chúng ta được hưởng ơn dầy của Chúa, vâng mệnh đem quân đánh phạt họ Trịnh ở Đàng Ngoài, chí muốn khôi phục Trung Đô, tiễu trừ nghịch đảng, dựng lại non sông. Ấy là ý nguyện bình sinh của bọn chúng ta. Nhưng nay thời thế có khác, ý dân lòng quân như thế, các ông bàn tính xem thế nào?

Trấn thủ Đại Thắng [2] nói:

– Phép dùng binh đem quân đi đánh cõi ngoài cốt ở chỗ mau chóng, bất ngờ, đánh ở chỗ kẻ địch không phòng bị tất giành được thắng lợi vẹn toàn. Nếu do dự thì không xong việc. Xin Tiết chế cấp tốc tra xét, nếu quả thấy trong quân có kẻ phản loạn thì phải xử trảm ngay bêu đầu thị chúng. Quân dân khiếp sợ thì pháp lệnh được tuân hành. Pháp lệnh được tuân hành thì chỉ cất quân một lần là giành được thắng lợi, có gì phải lo sợ đâu.

Tiên phong thủy quân Vân Long [3] tiếp lời:

– Đại Thắng tôn huynh bàn rất phải. Xin Tiết chế cứ làm như

1. *Trần Kiều:* tên dịch trạm (ở phía Đông Bắc huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam, TQ), nơi quân sĩ cuối đời Chu Cung đế đi đánh Khiết Đan, khoác hoàng bào suy tôn Triệu Khuông Dận làm Hoàng đế (tức Tống Thái Tổ).

2. Tức Tống Hữu Đại.

3. Tức Tôn Thất Tráng.

vậy, rồi thủy bộ cùng tiến, chỉ một hồi trống là thu được thành công, rạng tỏ danh tiếng anh hùng đất Nam Việt, khiến cho bè đảng họ Trịnh hết dám coi thường quân ta.

Bấy giờ Đốc chiến Chiêu Vũ nghe bọn Vân Long nói thế, bèn đứng dậy nói:

– Hai Tướng quân vừa nói đó chỉ là phép hành binh thôi chứ việc dụng binh thì điều cốt yếu trước hết là phải xét thiên thời. Nhưng thiên thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hòa. Nhân tâm hòa thì làm xong việc lớn, đánh là thắng, giành là được. Người làm tướng cần phải biết năm điều: kẻ nhân không tham sát, kẻ nghĩa làm việc thuận lý, kẻ lễ lấy công chính xử mình, kẻ trí xét việc từ khi chưa thấy rõ, kẻ tín giữ nghiêm lệnh suốt bốn mùa. Giữ đúng được cả năm điều ấy thì thiên thời, địa lợi, nhân hòa tự nhiên đều có cả. Thời cổ Thang, Vũ hành binh không giết mà ba quân theo về. Kiệt, Trụ hành quân hiếu sát mà quân dân phản lại. Nay xét kỹ thì dầu có chém giết cũng không ích gì. Chi bằng ta hãy chia quân giữ vững đồn trại, lấy ơn mà cố kết lòng người, lấy tín mà chiêu vỗ gần xa, giúp nghèo cứu khổ, cấp lúa gạo cho dân đói có ăn, như thế thì chẳng mấy ngày dân chúng đều theo về. Dân chúng đã theo về thì họ sẽ đồng lòng dốc sức, chỉ cử sự một lần là xong việc lớn, không phải lo ngại gì.

Trấn thủ Đại Thắng nghe Chiêu Vũ nói tỏ ý bực tức, bèn nghiêm giọng đáp:

– Ông Đốc chiến bảo thế nào là chém giết vô ích? Phàm kẻ làm tướng phải lấy việc sát phạt làm quyền. Kinh thánh đã nói: "Binh bất trảm bất tề" (Quân không chém thì không thể làm cho đều nhau được). Làm tướng mà không chém là không dũng. Chém giết là để ra uy. Không có uy lực thì không cai trị được. Như thế sao lại nói chém giết là vô ích?

Tham mưu Cống Đẩu [1] nói:

– Tiểu sinh xin có lời bàn như sau: Từ xưa các bậc thánh vương cất quân điếu phạt, cốt lấy nhân nghĩa làm đầu còn lo dân chúng không tuân phục. Huống chi ngày nay quân ta đã đánh ra địa giới Đàng Ngoài, nếu không lấy nhân nghĩa để cố kết mà lại muốn chém giết thì cũng ví như muốn làm bụi cây mà lại xua đuổi chim sẻ, muốn

---

1. Tức Vũ Đình Phương, người giữ chức Tham mưu trong quân doanh của Tiết chế Thuận Nghĩa.

làm việc nước mà lại xua đuổi cá tôm. Như thế thì làm sao mà thu thắng được với thiên hạ? Vả lại, quân ta đông mười vạn, lương thực phải đài tải ở xa ngoài ngàn dặm. Thế mà chần chừ chậm trễ không lấy sự đánh nhanh làm thượng sách, khiến cho quân sĩ mỏi mệt. Mưu kế mới đã chẳng có thêm mà lòng mong đất nhớ quê lại không cùng một. Đó là điều tiểu sinh lấy làm lo lắng. Hiện nay lòng quân thay đổi mà thế địch thì còn vững, đánh nữa tất là khó khăn mà giữ cũng không phải dễ. Chi bằng hãy rút quân về, sẽ tính bước sau. Mong quý tướng xét kỹ.

Tiết chế Thuận Nghĩa nghe các tướng bàn bạc mỗi người một ý khác nhau, bèn đứng dậy nói to rằng:

– Hai ông Đại Thắng, Vân Long nói rất hợp ý ta. Còn ý của hai ông Đốc chiến và Tham mưu theo binh pháp mà xét thì rất có lý, nhưng một tiến một thoái, quân đi ngàn dặm mệt mỏi, cơ hội chưa biết đến bao giờ mới có. Chi bằng phải quyết chiến một trận để rạng danh anh hùng. Các ông nên tận tâm gắng sức để quyết một phen thắng bại, chớ nên do dự nữa.

Các tướng ai nấy cáo từ trở về bản trại sẵn sàng đợi lệnh.

Bấy giờ Tiết chế Thuận Nghĩa nghe lời bàn của Đốc chiến Chiêu Vũ lấy làm phật ý tức giận. Bề ngoài tuy nói đánh gấp, bên trong ngầm có ý muốn rút quân về, nhưng giấu kín không nói ra, ngày đêm băn khoăn nghĩ ngợi giấc ngủ không yên.

Lại nói bên Trịnh, Phú quận công Trịnh Căn lấy làm hổ thẹn việc Chiêu Vũ bầy mưu đánh bại quận Diệu, quận Hằng, muốn báo thù lại. Một ngày trong tháng mười một Trịnh Căn cho gọi các tướng đến hội họp bàn việc chia quân tiến đánh quân Nam. Sai Đô đốc Hào quận công Lê Thì Hiến làm tiên phong, Tham đốc chiến quận công làm tả hữu vệ trận, các tướng khác mỗi người chỉ huy một vạn quân, Trịnh Căn tự mình dẫn hai vạn quân làm hậu đội, quân thủy quân bộ tiếp liền với nhau. Đến ngày mười chín vào giờ Tí [1] các tướng theo hiệu lệnh dẫn quân thẳng tiến về phía đồn trại của quân chính đạo bên Nam ở Lũng Gió.

Bỗng có quân do thám về báo tin bên quân Nam Tiết chế Thuận Nghĩa đã chia quân đón đánh. Quân hai bên giao chiến từ giờ Dần

1. Tức là lúc nửa đêm.

đến giờ Mùi [1], ước hơn hai trăm đợt chưa phân thắng bại.

Chợt có cơn lốc cát bụi mù trời nổi lên từ phía Đông Bắc thổi về bên quân Nam ở phía Tây. Thế là quân Nam không nghe rõ hiệu lệnh, không nhìn thấy cờ hiệu bèn tan rã chạy trốn. Tiết chế Thuận Nghĩa ngăn cản không nổi, tự biết không thắng được, bèn bỏ lũy Lũng Gió rút quân về đóng ở lũy Dinh Việt để mưu tính bước sau.

Bấy giờ quận Phú Trịnh Căn đem quân vào chiếm lũy Lũng Gió. Các tướng Trịnh vào trong trướng chia ngôi thứ cùng ngồi, ai nấy đều tự báo dâng công. Trịnh Căn sai Đô đốc Diễn ở lại lũy Lũng Gió rồi đem quân trở về Vĩnh Doanh để trù tính đánh trận khác.

Lại nói bên quân Nam, Tiết chế Thuận Nghĩa từ khi mất lũy Lũng Gió càng thêm buồn giận bội phần, biếng ăn quên ngủ, thường một mình ngồi trong trướng nghĩ ngợi mưu kế đánh giặc. Lại nghe người tâm phúc mật báo rằng: Các tướng sĩ binh dân mới về hàng có kẻ đã chạy trốn về với quân Trịnh, có kẻ ngầm mưu làm nội ứng, lòng người xao xuyến lắm mối, xin Tiết chế sớm tìm cách đối phó để khỏi phải lo sau. Thuận Nghĩa thấy vậy bèn quyết ý rút quân về Nam, chỉ lo mưu kế tiết lộ làm hỏng việc lớn.

Đến ngày hai mươi bẩy tháng ấy [2], Tiết chế Thuận Nghĩa truyền lệnh giả cho tướng các đạo sửa soạn đem quân đánh qua bờ Bắc sông Lam một lần nữa để thừa cơ tiến thẳng ra lấy Trung Đô. Thuận Nghĩa lại sai người về triều xin Hiền vương đem đại quân ra tiếp ứng. Rồi đó Tiết chế Thuận Nghĩa gọi họp các tướng để cắt đặt việc hành quân: sai Trấn thủ Thống Đức tiếp ứng cho Trấn thủ Đại Thắng đem quân tiến thẳng đến Lũng Gió đánh vào phía sau quân quận Diễn, đánh thắng được thì đưa quân ra trước ở bờ Nam sông Lam để cùng thủy quân vượt sông lớn đánh gấp vào Vĩnh Doanh, không cho quân địch kịp ngoái đầu. Sai Tiết chế thủy quân Dương Trí làm tiên phong, Cai cơ Vân Long đem chiến thuyền đến đóng ở cửa sông, hễ nghe tiếng súng hiệu thì cho thuyền cập bến chở quân của Đại Thắng và Thuần Đức qua sông sang bờ Bắc. Lại truyền lệnh cho Đốc chiến Chiêu Vũ tiếp ứng cho Cai cơ Hùng Uy đem quân bản bộ cùng với quân ba đạo hợp làm một, hẹn đến khắc đầu canh ba, ngày hai mươi tám, người ngậm tăm, ngựa rọ mõm tiến đến đánh gấp phá lũy Lũng Trâu

1. Từ sáng sớm đến hai giờ chiều.
2. Tức tháng mười một đã nói ở trên.

rồi nhanh chóng vượt sông ra đánh Vĩnh Doanh, bắt sống quận Phú, thừa thắng tiến thẳng ra Trung Đô. Các tướng tuân lệnh thi hành.

Lệnh truyền ra như thế, nhưng lại nói nhỏ dặn riêng các tướng sửa soạn hành trang khí giới để đến canh ba ngày hôm ấy ai nấy tự dẫn quân rút về địa giới phía Nam châu Bố Chính, các cánh quân hẹn gặp nhau ở lũy Hoành Sơn. Nghiêm lệnh không được tiết lộ kế hoạch hành quân để khỏi bị quân địch lợi dụng. Các tướng đều tiếp được mật báo, chỉ riêng không báo cho Đốc chiến Chiêu Vũ biết việc rút quân về Nam.

Các tướng nghe truyền mật lệnh đã xong, chợt có quân thám báo từ Vĩnh Doanh trở về báo rằng: Trịnh Căn nghe tin quân Nam lại sắp đánh sang, cả giận nói: "Bọn Thuận Nghĩa không ghi nhớ trận thua hôm trước, nay còn dám đem quân đến khinh nhờn ta chăng? Nếu bọn chúng đến đây, ta thề phải bắt gọn hết". Nói đoạn quận Phú sai quân dàn trận đợi sẵn.

Đến giờ Dậu (chập tối) ngày hai mươi tám, tháng mười một, quân Nam bỏ không đồn trại, nhưng vẫn có hiệu lệnh tù và và trống cầm canh như cũ để làm kế nghi binh. Rồi đó các đạo quân thủy bộ đều bí mật lên đường trở về châu Bố Chính. Chợt có bầy ong rừng tỏa ra kín đất mù trời, bay xả vào giữa hàng quân mà đốt cắn. Quân Nam rối loạn bưng đầu bịt tai mà chạy không dám ngoái lại. Các binh lính người Nghệ An nhân khi lộn xộn kêu nhau tìm đường lẩn trốn. Có kẻ mang cả khí giới chạy về nhà, cũng có đem nộp đao kiếm xin về quê hương bản quán. Các hàng quân vợi đi đến quá nửa, các viên suất đội không thể nào ngăn cản được. Kẻ nào không tuân lệnh bị bắt chém đầu ngay, thây chất đầy đường, tiếng gào la thảm thê không ngớt.

Chỉ thấy:

> *Cuốn cờ im trống, người người chán nản rã rời; kéo giáo lê qua, ai nấy mong về quê quán. Vù vù ong rừng bay đến, đuôi vàng đầu xám đầy trời. Nọc độc đốt bừa, cánh dài lưng eo rợp đất. Kẻ bị đốt hoặc choáng người đau điếng, hoặc kêu la tựa móng sắc hổ vồ. Trùm áo trận, người người lánh trốn; vắt chân cao ai nấy chuồn nhanh. Mới hay thiên ý rõ ràng, chớ bảo sức người ngăn được. Thời chăng? Cơ chăng? Đều do vận cả.*

Bấy giờ bên quân Bắc, Phú quận công Trịnh Căn chia binh dàn trận đợi sẵn, nhưng mãi đến canh ba vẫn không thấy bên quân Nam

có động tĩnh gì. Chợt có quân thám mã trở về báo tin các tướng bên Nam đã dẫn quân đi đâu không rõ; đồn trại đều bỏ không, chỉ Đốc chiến Chiêu Vũ vẫn đóng quân ở đồn Khu Độc, không hiểu là có ý gì.

Trịnh Căn nói:

– Đấy là kế dụ địch của quân Nam đó. Đến nay quân ta hãy tạm im để khỏi mắc mưu bọn chúng.

Sáng hôm sau Trịnh Căn truyền lệnh cho các tướng đem quân qua sông, chỉ tiến từ từ không được vội quá, ai trái lệnh xử trảm!

Các tướng tuân lệnh đưa quân vượt sông sang bờ Nam sông Lam. Quân lính được lệnh chỉ tiến thong thả, đến gần trước trại địch thì dừng chân nghe ngóng, không được khinh xuất tiến vào vì nghi ngờ bên Nam có đặt phục binh.

Lại nói chuyện bên quân Nam, Đốc chiến Chiêu Vũ theo lệnh của Tiết chế Thuận Nghĩa trở về bản doanh chỉnh điểm người ngựa chiến thuyền, đến đầu canh một cho quân thổi cơm ăn để canh ba nghe hiệu lệnh thì tiến phát. Truyền lệnh đâu đó xong xuôi, Chiêu Vũ khoác áo trận ngồi trong trướng chờ đợi. Chợt nghe trống tuần đã điểm canh ba mà hiệu lệnh của đại quân thì không thấy động tĩnh. Chiêu Vũ chột dạ lấy làm ngờ, vội sai thám mã đi nghe ngóng tin tức. Quân thám mã trở về báo tin rằng Tiết chế Thuận Nghĩa cùng các đạo thủy bộ từ chập tối hôm qua đã dẫn quân về Nam, hiện giờ quân Trịnh đang tiến qua bờ Nam sông Lam, cờ xí ùn ùn che kín mặt đất, quận Phú cho quân chiếm lại các nơi, phóng hỏa thiêu trụi doanh trại cũ của quân Nguyễn rồi chia quân đóng cụm san sát nhau xung quanh các đồn. Tình thế hiện quân địch rất đông, quân ta thì ít, chưa biết chống cự ra sao.

Đốc chiến Chiêu Vũ nghe xong liền rảo bước ra sân quan sát bốn phía, thấy lửa cháy sáng rực như ban ngày, khói tro bốc cao mù mịt. Chiêu Vũ ngửa mặt nhìn trời mà than rằng:

– Chiêu Vũ tôi thờ chúa Nguyễn chỉ biết lấy trung nghĩa, hòa ái làm đầu, đồng tâm hiệp lực cùng các tướng, khó khăn cùng chia, ngọt bùi cùng hưởng. Ngờ đâu lại sinh ra sự bất hòa [1], anh em mưu hại lẫn nhau. Nếu muốn rút quân về thì cứ nói thật, hẹn ngày cùng đem quân lên đường, cớ sao lại để Chiêu Vũ này rớt lại giữa hang cọp?

---

1. Bất hòa giữa hai tướng Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật chỉ huy quân Nguyễn trong chiến dịch đánh ra phía Nam Nghệ An năm 1660 là sự việc có thật mà các sách sử quan phương của nhà Nguyễn ít nhiều đều có ghi.

Nay Chiêu Vũ tôi trên nhờ hoàng thiên che chở, dưới đội ơn của bậc thiên chúa phù trì, kính xin chư vị thần linh bảo hộ cho muôn sự vẹn toàn để được thấy lại điện báu của Nguyễn vương". Nói đoạn chắp tay hướng lên cao không mà lạy.

Rồi đó Chiêu Vũ bảo quân sĩ rằng:

– Ta cùng các ngươi được hưởng ơn lớn của triều đình, đội hồng phúc của chúa Nguyễn, đồng tâm khôi phục giang sơn, hơn sáu năm nay đã giành được bảy, tám châu huyện ở đất Nghệ An. Chí hướng của bọn ta là muốn thừa thắng cuốn chiếu đuổi dài tiến ra thu phục kinh đô Thăng Long, ngõ hầu vẻ vang cho đất tổ, cùng nhau chung hưởng thái bình. Không ngờ các tướng có lòng ghen ghét ta, bỏ ta mà rút về trước. Thật đáng tiếc để mất cơ hội, biết đến bao giờ mới có dịp tốt như ngày nay? Ta cùng các người đều tận tâm hết sức, tình nghĩa ví như cha con anh em, thề cùng sống chết giúp rập lẫn nhau, quyết một trận sống mái với quân Trịnh để đền đáp ân sủng của Chúa thượng. Nếu lực yếu không chống cự nổi, ta thề chết ở chốn chiến trường để được hưởng lễ vật tế thờ chứ không lo riêng cho thân mình!

Các tướng nghe Chiêu Vũ nói, ai nấy đều cảm động ứa lệ nói rằng:

– Minh công đã quyết không tiếc sinh mệnh khôn sánh ngàn vàng để báo đền ơn nước thì bọn thuộc hạ chúng tôi là hạng cỏ cây cát bụi, đâu dám tiếc thân mình! Xin được cùng minh công một phen quyết chiến với quân giặc, nào có phải lo sợ gì!

Mọi người nghiến răng thề tử chiến. Đốc chiến Chiêu Vũ cả mừng, bèn truyền phát mệnh lệnh sai các tướng cầm quân đánh địch. Các tướng tâm phúc là Vân Long, Tú Minh quỳ xuống thưa:

– Bọn chúng tôi đầu óc ngu xuẩn, dám xin thô thiển trình lên minh công xét rằng: bọn chúng tôi thường nghe binh pháp nói: "Bảo toàn được nước là tốt nhất, làm tan nước thì kém hơn bảo toàn được quân là tốt nhất, làm tan quân thì kém hơn. Trước nay Chúa thượng trọng dụng minh công, tin yêu như tâm phúc, dựa cậy như rường cột, ngày đêm không quên... cùng minh công suốt đời gắn bó để đồng tâm hiệp lực dẹp trừ gian tặc, khai sáng trời Nam, cứu vớt sinh dân trăm họ, quét sạch tiếm nguỵ ở Đàng Ngoài, cùng lưu danh sử sách, để tiếng thơm muôn đời. Ấy là đức độ của bậc thánh quân, trung thần. Nay minh công quyết chia binh tử chiến thì không được ích gì với quốc gia. Làm như thế trên thì phụ ơn của Chúa thượng, dưới quên đức tổ tông, không phải là chí khí của bậc anh hùng hào kiệt...

Huống chi người xưa từng nói: Bậc danh tướng dùng thao lược, mưu trí điều khiển để giúp vua, chứ không phải thờ vua bằng cách hủy quân hại mình. Mong minh công xét kỹ, nên sớm rút quân về, cùng các tướng hội ngộ để khỏi bị lời khen chê của người đời sau".

Đốc chiến Chiêu Vũ thầm nghĩ lời nói của bọn Vân Long cũng có lý lẽ, bèn truyền lệnh cho quân sĩ cứ ở trong doanh trại vui vẻ ca hát, gõ trống gẩy đàn. Một mặt truyền mật lệnh sửa soạn rút quân.

Bấy giờ bên quân Bắc, quận Phú Trịnh Căn đã chia quân bao vây xung quanh đồn Khu Độc. Nhưng dò xét chỉ nghe từ các trại quân trong đồn vang tiếng đàn ca hát. Trịnh Căn ngờ rằng Chiêu Vũ lại có mưu kế gì nên không dám khua quân tiến vào.

Thế là Chiêu Vũ liền cho quân bỏ đồn Khu Độc bí mật rút ra ngoài nhằm hướng Đèo Ngang đi gấp. Trịnh Căn dò biết sự thực, vội thúc quân đuổi theo. Nhưng quân Trịnh sợ gặp phục binh chỉ tiến từ từ không dám đuổi gấp.

Quân Chiêu Vũ đi qua cánh đồng xã Bạt Trạc đến xã Nga Khê [1]. Dọc đường hàng tướng là Cai đội Lễ Toàn và Cai đội Hiển Trung đoạt lấy khí giới đem gia thuộc chạy về quê nhà. Đốc chiến Chiêu Vũ sai lính tì tướng Vân Triều đem quân đuổi theo bắt lại được, nhân tiện cũng đón luôn những tên quân ốm yếu và cha mẹ vợ con binh lính đi theo cánh quân thượng đạo bị rớt dọc đường. Đến ngày hai mươi chín, Chiêu Vũ đem quân về đến lũy Hoành Sơn cùng gặp gỡ các tướng. Tiết chế Thuận Nghĩa thấy Chiêu Vũ đem quân trở về toàn vẹn, thầm nghĩ bữa trước trót nghe lời của mấy viên thuộc tướng, nhất thời rút quân về không báo tin cho Chiêu Vũ, tự xét là mất thể thống của Tiết chế, cho nên nét mặt có vẻ hổ thẹn.

Thuận Nghĩa gượng gạo nói với Chiêu Vũ:

– Các tướng có dừng lại chờ đợi khá lâu. Sao Đốc chiến về muộn thế?

Chiêu Vũ giả tảng không đáp, quay sang kể cho các tướng nghe những chuyện đoàn quân của mình vượt nguy hiểm gian nan thế nào. Rồi đó các tướng chia quân giữ lũy đóng trại nghỉ ngơi.

Lại nói bên quân Bắc, Trịnh Căn đem đại binh ngày đêm vượt đường đuổi gấp đến trước lũy Hoành Sơn. Quân hai bên gặp nhau đánh lớn một trận, từ xế chiều đến chập tối súng nổ vang không

1. *Nga Khê*: tên xã thuộc huyện Thiệu Lộc (nay là Can Lộc), tỉnh Hà Tĩnh.

ngớt, tên đạn đan chéo khắp trời. Bên Trịnh hao binh tổn tướng không thắng nổi, Trịnh Căn phải hạ lệnh lui quân ra xa ngoài hai mươi dặm đóng trại nghỉ ngơi để tính bước sau. Nhưng thấy bên Nam quân lính đánh giữ rất hăng mạnh nên quân Trịnh cũng không dám tiến gần. Cả đôi bên chỉ dương binh hư trương thanh thế. Tiết chế Thuận Nghĩa thấy đại binh quân Trịnh rất đông, đến canh ba đêm ấy bèn truyền mật lệnh cho tướng chỉ huy các đạo dẫn quân lui về lũy Nhật Lệ ở địa phía Nam hạ trại nghỉ ngơi, chỉ để Đốc chiến Chiêu Vũ, Cai cơ Hùng Uy cầm quân ở lại giữ lũy Hoành Sơn chặn đường không để quân Trịnh đuổi theo.

Đốc chiến Chiêu Vũ bèn sai Cai cơ Hùng Uy đem một đội quân dàn trận ở rừng bằng làng Phù Lưu [1] để làm thế nghi binh, đợi hiệu lệnh. Nếu thấy có hiệu lửa nổi lên ở Cửa Ròn thì mau chóng rút quân về Đò Phố giữ núi Lệ Đệ chặn quân Trịnh vượt qua địa giới. Lại lệnh cho Đội trưởng Tài Minh, cùng bộ thuộc là Tú Minh đem quân đến Cửa Ròn phóng hỏa đốt đồn trại, nhà kho để làm hiệu, cùng lúc phá luôn cầu Ròn rồi đưa quân về đợi ở xã Thanh Hà.

Bọn Cai cơ Hùng Uy tuân lệnh đem quân đi ngay. Đốc chiến Chiêu Vũ tự đem quân đến đóng ở xã Đại Đan. Thấy bên mình ít quân, Chiêu Vũ lập kế sai quân chặt cây để nguyên cả cành lá, mỗi người kéo hai cây đi đi lại lại ở trong rừng khiến bụi bay mù mịt. Lại sai quân trèo lên treo cờ trên cây cao. Cờ hứng gió bay phần phật khắp nơi khiến quân Trịnh từ xa trông thấy tưởng là cả đội quân trăm vạn, khi thì xuất hiện ở phía Đông mà biến khuất ở phía Tây, hoặc thấy quân đi về phía Nam mà đột nhiên lại ruổi gấp về phía Bắc, như có viện binh rầm rập kéo đến, ấy là phép thần cơ biến hóa khôn lường.

Bỗng có quân do thám bên Trịnh về phi báo với Phú quận công Trịnh Căn rằng:

– Quân Nam hiện còn chiếm giữ xã Đại Đan.

Trịnh Căn hỏi:

– Quân của tướng nào? Binh mã bao nhiêu?

1. Bản sao chép là: "Tại Phù Lưu Bình Lâm". Bình Lâm chưa rõ là tên thôn hay là tên rừng. Phù Lưu là tên xã thuộc huyện Can Lộc (Hà Tĩnh) quá xa với địa bàn cần nghi binh, ngờ bản sao chép nhầm từ chữ Phù Lộ là tên xã ở gần bờ Bắc sông Gianh, nơi chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần đã đến đóng hành doanh năm 1656.

Quân thám mã thưa:

– Số quân không nhiều, chưa rõ ai là chỉ huy.

Trịnh Căn bèn sai quận Dĩnh đem năm nghìn quân tiến thẳng đến xã Đại Đan bắt cho được Nam tướng đem về, không để một tên quân nào chạy thoát, ai có công sẽ được trọng thưởng.

Quận Dĩnh vâng mệnh đem quân thẳng tiến đến xã Đại Đan dàn trận đánh gấp, ý muốn bắt sống ngay Nam tướng để rạng mặt anh hùng. Bỗng có tiêu binh cưỡi ngựa về báo: "Tướng bên Nam cầm quân đóng ở xã Đại Đan là Đốc chiến Chiêu Vũ". Quân Bắc nghe tin đều lo lắng sợ hãi. Quận Dĩnh ngẩng đầu nhìn về phía xa thấy trong rừng đất bụi cuốn tung mù mịt khắp nơi, ngờ có phục binh ẩn nấp, không rõ số quân nhiều ít thế nào. Đang lúc ấy bỗng thấy về phía Cửa Ròn lửa cháy ngùn ngụt, khói bốc lưng trời. Quận Dĩnh cả kinh, luống cuống hô quân tháo chạy. Quân Bắc ai nấy tìm nơi trốn tránh.

Bấy giờ Đốc chiến Chiêu Vũ thấy vậy vỗ tay cả cười mà nói:

– Ta mới chỉ tạm thi hành một mưu kế nhỏ để lừa quân giặc đó thôi! Quận Dĩnh nhất thời hoảng hốt, chưa đánh đã chạy trước, quân lính xéo đạp lên nhau mà chết rất nhiều. Ấy là trời giúp quân ta giết giặc vậy.

Thấy hiệu lửa đã phát ở Cửa Ròn, Chiêu Vũ bèn lệnh cho Cai cơ Hùng Uy rút quân lui về. Chiêu Vũ một mặt truyền quân sĩ bắn chặn để khống chế không cho quân địch đuổi theo, một mặt đốc thúc quân lính của bản doanh lui về đóng ở xã Hi Duyệt châu Bố Chính bên bờ Nam sông Gianh.

Khi tướng cầm quân các đạo đã gặp nhau, kiểm điểm binh mã sai người về triều tâu báo việc rút quân. Hiền vương bèn sai phái viên ở ty tướng thần lại là Tú Lâm đem tiền bạc, vải lụa đến các đạo quân ban cho các tướng để đền đáp công lao và khen thưởng ba quân tướng sĩ. Rồi đó Tú Lâm truyền đạt lệnh chỉ của Hiền vương: "Chúa thượng gửi lời chào các ông, bảo rằng Chúa tôi gặp gỡ, trên dưới đồng lòng, ai cũng muốn cất quân một lần thu được thành công trọn vẹn. Nhưng ngặt vì thời cơ chưa đến, ta nên nuôi dưỡng quân sĩ, hun đúc nhuệ sĩ, rèn tập cho thật tinh thông. Nay dù sự việc như thế cũng chớ nên ngã lòng".

Tiết chế Thuận Nghĩa và các tướng cùng vái vọng tạ ơn, vâng lĩnh chỉ dụ. Rồi các tướng trở về bản doanh chiêu tập binh mã, sửa soạn quân nhu để mưu đồ lần sau cử sự. Người đương thời có thơ rằng:

Anh hùng trời trao mệnh,
Trí giỏi lại thông minh.
Đức dầy yên bờ cõi,
Tài cao đuổi giặc nhanh.
Mưu lược biết thế vận,
Ơn trị thấu dân tình.
Mây tạnh trời lại sáng,
Nghìn thu hưởng thái bình.

Người đời sau lại có thơ vịnh Đốc chiến Chiêu Vũ:

Với kẻ bo bo vốn chẳng đồng,
Dùi mài thao lược rất tinh thông.
Thờ vua khai sáng cơ đồ lớn,
Giữ phận xông pha lập chiến công.
Quân tử đó người chê Thuận Nghĩa,
Tiểu nhân đâu dám mắng Vân Long.
Sáu năm đánh trận công phu bấy,
Còn giấc Nam Kha để hận lòng!

HỒI THỨ HAI MƯƠI TƯ

Đánh Quảng Bình, Hào Man bại trận
Về kinh sư, Hiệp Đức khải hoàn

Lại nói năm Tân Sửu niên hiệu Thịnh Đức thứ chín (1661), hạ tuần tháng giêng, chúa Hiền sai văn chức ở ty tướng thần lại là Kiêm Lược mang sắc chỉ đến phong Đốc chiến Chiêu Vũ làm Chưởng trấn thủ dinh Bố Chính, đóng ở thôn Thổ Ngoã [1] xã Đông Cao. Đốc chiến Chiêu Vũ vái vọng tạ ơn nhận mệnh lệnh, trông giữ bản dinh, sửa sang thành trì hào lũy để sẵn sàng chế ngự quân địch. Bấy giờ quân dân châu Bố Chính đều được yên cư lạc nghiệp, công việc phu phen lực dịch vẫn như cũ, nhưng tô thuế thì được giảm nhẹ, ai nấy đều hân hoan vui mừng nói là được nhờ ơn đức của bậc tướng nhân từ.

Tháng ba năm ấy, người Đàng Ngoài vào hàng là văn quan tham chính giám hộ quân Đoán Hiển bá, từ khi theo vào ứng nghĩa làm bề tôi cho chúa Đàng Trong đã tỏ ra là người tinh thông pháp thuật. Nhưng Hiền vương thấy hắn ta vốn là bề tôi Đàng Ngoài mà phản chủ theo hàng, nên vẫn đem lòng nghi ngờ, không giao cho công việc gì quan trọng. Đoán Hiển bá biết ý chúa Hiền như thế cùng Cốn Lương bí mật bàn mưu nhân ban đêm trốn về Đàng Ngoài [2]. Chúa Hiền biết chuyện bảo rằng:

– Hạng người ấy theo về với ta cũng chẳng ích gì, mà bỏ trốn cũng chẳng đáng lo. Không có gì phải tiếc cả.

Bèn làm ngơ cho bọn họ đi trốn không thèm hỏi đến.

Tháng tám, chúa Hiền sai văn chức ở ty tướng thần lại là Văn Cảnh truyền lệnh cho Đốc chiến Chiêu Vũ phải dời dinh trấn về đóng ở xã Phúc Lộc. Nguyên nơi đây phía trước có sông sâu thông qua cửa biển, phía trên có núi cao uốn lượn nối liền đến lũy lớn Đồng Hới,

---

1. Tên Nôm là thôn Ngói, do đó tên trấn dinh cũng thường gọi là Dinh Ngói.

2. Họ tên thật của Đoán Hiển bá có lẽ là Chu Hữu Tài. ĐNTLTB Q.4 chép: "Khi đầu Giám hộ quân Chu Hữu Tài vì không hiểu thuật số được dùng, đến đây bọn hàng tướng Nghệ An nhiều người làm phản, chúa mới thờ ơ. Hữu Tài bèn cùng Cốn Lương nhân đêm trốn đi" (Bd, đd, tr. 106-107).

đúng là thế đất có lợi cho việc phòng thủ.

Đốc chiến Chiêu Vũ vâng lệnh truyền cho dời quân về xã Phúc Lộc đóng trại đồn trú. Chiêu Vũ sai quân đào đất đắp lũy, dưới từ cửa biển An Náu [1], trên đến đỉnh núi hiểm Liu Hiu dựa vào sông An Náu để làm gián cách, đắp ụ đặt súng, tu sửa đường sá đi lại để tạo thế đánh thắng giữ chắc.

Hạ tuần tháng mười một có tin Tây Định ở Đàng Ngoài giận việc năm trước quân Nam xâm phạm bờ cõi, bèn sai Thiếu bảo Phú quận công Trịnh Căn làm chánh nguyên soái, Hào quận công Lê Thì Hiến làm tiên phong, tả thị lang Quyền Trung làm Tham mưu, dẫn ba vạn quân định ngày đi đánh Đàng Trong. Tây Định vương Trịnh Tạc truyền lệnh cho quân sĩ ra sức đánh thành bắt tướng để báo thù những năm trước. Bọn quận Phú vái lạy vâng lệnh, chọn binh điểm mã, định ngày mồng mười tháng chạp đem quân lên đường. Tướng tiên phong là Hào Man Lê Thì Hiến chẳng bao lâu đã dẫn đến bờ Bắc sông Gianh, cho bắc cầu phao qua bến Đò Phố. Bấy giờ Phú quận công Trịnh Căn đóng quân ở điện Phù Lộ phía Bắc sông Gianh thuộc châu Bố Chính. Bắc xong cầu phao, quận Phú dẫn quân các đạo thẳng tiến vượt qua sông Gianh chia đường tiến về phía trấn dinh Bố Chính. Bên quân Nam, quân thám báo phi ngựa về báo cho Đốc chiến Chiêu Vũ biết quân Bắc đã vượt sông như thế nào. Chiêu Vũ nghe xong vội sai người về triều bẩm báo, một mặt cũng báo cho tướng trấn thủ các đồn trại thuộc dinh Quảng Bình biết tin để chia quân đi chặn đánh tiếp ứng.

Được tin bên Bắc sai bọn quận Phú, quận Đương đem quân vào xâm phạm bờ cõi, chúa Hiền bèn triệu họp các tướng để bàn cách ứng phó. Rồi chúa sai công tử thứ hai là Chưởng dinh Hiệp Đức hầu làm Nguyên soái, văn chức là Cống Giác làm Tham mưu đem quân đi chặn địch. Công tử Hiệp Đức sinh năm Quí Mùi (1643), đến bấy giờ mới 19 tuổi, nhưng là người trung hiếu vẹn toàn, văn võ gồm đủ, bẩm tính thông minh hùng dũng, trí tuệ mưu lược hơn người, có dáng đi như rồng, thế bước chân như hổ, phong độ cốt cách như tạc, như tiên, biết gần người tài, lánh xa sắc đẹp, yêu mến quân sĩ, quý trọng người hiền, đáng bậc anh hùng đương thời. Công tử Hiệp Đức vâng mệnh ra khỏi triều, dẫn quân thẳng tiến về phía dinh Quảng Bình.

---

1. *An Náu:* tên xã có cửa biển ở châu Nam Bố Chính (huyện Bố Trạch, Quảng Bình).

Chỉ thấy:

Quân uy nghiêm túc, kiếm kích buốt rừng;
Chiêng trống động trời xanh, tinh kỳ che đất biếc.
Người người dương oai đoạt mạnh,
Ai nấy ra sức tranh hùng,
Mới hay Đàng Trong khỏe vững,
Chẳng ai không một thắng trăm.

Chỉ mấy ngày quân chúa Nguyễn đã tiến đến dựng trại đóng giữ ở phủ An Trạch thuộc dinh Quảng Bình. Công tử Hiệp Đức bèn mời các tướng đến họp để bàn định chia quân đi đánh địch.

Trước hãy nói tướng bên Trịnh là Phó nguyên súy Đương quận công ngày mười chín tháng ấy đem quân đến dàn trại đóng giữ ở phía trước mặt lũy An Náu thuộc thôn Phúc Tự để chuẩn bị đánh chiếm. Bấy giờ trấn thủ An Náu là Đốc chiến Chiêu Vũ không chút khiếp sợ, vẫn ngồi ghế cao trong dinh, vừa gảy đàn vừa ca hát rất vui vẻ. Chiêu Vũ ra lệnh cho các Cai đội Vân Trạch, Vân Triều, Tài Hùng cầm quân giữ chắc mặt lũy để nghe ngóng động tĩnh. Tướng bên Trịnh là Đương quận công Đào Quang Nhiêu lệnh cho Tham mưu là Hoan Trung [1] bày hương án giả và đặt sắc chỉ của vua Lê lên đó rồi giương tàn che lọng sai lính khiêng đến trước cửa lũy An Náu, nơi quân giữ lũy do Cai đội Vân Trạch chỉ huy. Bấy giờ quân Trịnh đồng thanh hô lớn:

– Có sắc chỉ của Thiên tử nhà Lê truyền cho các người! Mau báo cho chủ tướng ra nghe lệnh tờ truyền.

Cai đội Vân Trạch liền dẫn quân lên mặt thành lớn tiếng hỏi:

– Các người khiêng hương án và dẫn quân xộc đến trước lũy là có ý muốn gì?

Tham mưu bên Trịnh là Hoan Trung nói:

– Có sắc mệnh của Thiên tử. Các ngươi sao không báo tin cho chủ tướng ra ngoài lũy nghênh đón mà lại còn hỏi lôi thôi? Thế là trên coi thường Hoàng đế, dưới khinh mạn triều đình, coi Trung Đô chẳng ra thá gì.

Cai đội Vân Trạch cười vang mà đáp:

---

1. Ở đây bản sao chép là Quyền Trung, nhưng ở trang sau chép là Hoan Trung. Hai chữ *Quyền* và *Hoan* có thể nhầm lẫn nhau. ĐNTLTB cũng chép tên của viên Tham mưu này là Hoan Trung.

– Năm Canh Tí quân Đàng Trong chúng ta về đến lũy Hoành Sơn, không có sắc chỉ của Thiên tử mà các người vẫn xua quân đuổi đánh, huống chi là bữa nay? Muốn đánh thì đánh, muốn về thì về, cớ sao dám mạo sắc chỉ của Thiên tử mà dọa bọn ta? Các ngươi hãy mau trở về bảo quận Đương đến sớm để cùng ta quyết phân thắng bại một phen. Bọn ta đây chẳng run sợ!

Cai đội Vân Trạch nói xong liền hô quân ở trên mặt thành bắn xuống rất rát, đạn đá bay rào rào như mưa. Bấy giờ tướng bên Trịnh là Tham mưu Hoan Trung lui chạy không kịp, trúng đạn chết bên vệ đường. Quân Trịnh vội vứt hương án chạy về báo cho quận Đương Đào Quang Nhiêu biết. Quận Đương cả giận lệnh cho tướng tiên phong Hào Man Lê thì Hiến xua quân tiến vào đánh gấp.

Đốc chiến Chiêu Vũ chia quân chặn địch. Quân đôi bên đánh lớn từ giờ Dần đến giờ Thân. Quân Nam ai nấy đều gắng sức tỏ rõ oai phong hùng dũng. Quận Đương Đào Quang Nhiêu liệu thế không địch nổi bèn khua chiêng thu quân trở về đóng trại ở thôn Phúc Tự, chia quân đi đào đất đắp lũy để tạo thế cầm cự cố thủ.

Tướng bên quân Nam là Nguyên súy công tử Hiệp Đức chia quân đến tiếp ứng, một mặt sai người về triều bẩm báo tình hình cho Hiền vương nghe biết. Vương bèn sai xá Hân ruổi ngựa đến dinh Bố Chính truyền cho Đốc chiến Chiêu Vũ phải gấp dẫn quân lui về lũy lớn để cùng hợp sức tương trợ với các tướng, không thể ít quân đóng giữ cô thành mà chống cự với quân địch lớn. Như thế gọi là kiêu binh, không phải phép chính của binh pháp.

Đốc chiến Chiêu Vũ vâng lệnh bảo xá Hân rằng:

– Tôi ở ngoài Nghệ An hơn năm, sáu năm đã biết rõ tận tim phổi bọn họ, chẳng đáng lo sợ chút nào. Nay bọn họ dẫn quân xâm nhập lãnh thổ của ta, Chiêu Vũ này hãy tạm đóng quân một hai ngày đánh với bọn chúng dăm trận để cho biết ý chí anh hùng của Nam Việt ta, sau đó sẽ đưa quân vào trong lũy, bọn họ ắt không dám đối diện với quân ta.

Xá Hân về triều bẩm báo với Hiền vương. Rồi đó Chiêu Vũ sai Cai đội Triều Tài và thuộc viên là Tú Minh trước hết đi đốc thúc dân chúng châu Bố Chính, già trẻ đàn ông, đàn bà đều vào ở cả trong chính lũy. Đến chập tối ngày hai mươi ba truyền lệnh cho các trại quân đều thắp đèn đốt đuốc sáng trưng để làm kế nghi binh, một

mặt ra lệnh cho các tướng từ từ lui quân vào đóng bên trong lũy Đồng Hới, chia quân đóng giữ các hướng. Tảng sáng hôm sau quận Đương sai lính đi do thám mới biết quân Nam đã rút vào trong lũy rồi. Quận Đương lệnh cho quân sĩ tiến vào chiếm đóng các doanh trại bỏ không, sai quân do thám đi xem xét địa hình đường xá để đề phòng quân Nam thình lình tiến đánh. Chẳng ngờ năm ấy thời tiết bất thường, cuối năm mây mù u ám, cả hai bên Nam, Bắc đều đóng quân tự giữ, không giao chiến.

Nói tiếp năm Nhâm Dần niên hiệu Thịnh Đức thứ mười (1662) trung tuần tháng giêng, Nguyên súy bên quân Nam là công tử Hiệp Đức sau khi dời quân đến đóng đồn ở xã Võ Xá [1] bèn cho triệu các tướng đến hội họp để bàn cách tiến đánh quân Trịnh. Hạ tuần tháng ấy Hiền vương sai văn chức ở ty tướng thần lại là Minh Tiến đến truyền lệnh của Vương cho tướng cầm quân các đạo: "Từ nay cấm quân lính, dân chúng, dân phu không được ra ngoài lũy để khỏi tiết lộ bí mật, quân trong lũy tạm thời không được động binh, không được khinh xuất giao chiến với địch. Hơn nữa, quân Nam cố thủ vững chắc, quân Bắc đông mấy vạn từ xa kéo đến thì lợi thế cốt ở đánh nhanh. Huống chi lương hướng chậm trễ vì vận chuyển từ xa ngoài nghìn dặm, quân sĩ chưa khỏi sắp đói. Chỉ ở mấy tháng là quân Trịnh hết lương ăn thì hoặc muốn bỏ về, hoặc trễ nải không còn lòng chiến đấu. Chờ cho bọn chúng mệt mỏi kéo về, quân ta chặn đánh tất là thắng lớn. Đó chính là kế "dĩ dật đãi lao" (lấy quân nhàn nhã đối chọi với quân mỏi mệt). Các tướng phải cùng nhau tuân lệnh chỉ, ai trái lệnh thì trừng trị theo quân pháp".

Các tướng vái tạ vâng lệnh, ai nấy trở về bản doanh chia quân đóng giữ cẩn mật không để một người nào ra khỏi lũy.

Mồng mười tháng hai, tướng Trịnh là Đương quận công Đào Quang Nhiêu đốc suất đại quân đóng trại từ Thái Xá đến Trấn Ninh, Hào Man Lê Thì Hiến đóng quân từ xã Phú Xá đến xã Chính Thủy . Các đạo quân đều chia doanh dựng trại, đắp lũy, đào hào để làm kế cầm cự. Ngày nào bên Trịnh cũng sai quân khiêu chiến; nhưng bên quân Nam vẫn đóng yên không động. Quân Trịnh bắn vào lũy một chập để ra oai rồi lại rút lui về bản trại.

Ngày đêm trôi qua đã hơn một tháng, quận Đương bảo quận Hào:

---

1. *Võ Xá:* tên xã, nơi đóng lị sở của dinh Quảng Bình.

– Năm trước quân Nam xâm nhập cảnh thổ Đàng Ngoài thì muốn tiến gấp đánh nhanh không có ý khiếp sợ. Nay bọn họ lại án binh bất động chẳng hiểu tại sao. Nếu họ có mưu kế gì sâu xa thì chưa đoán được. Huống chi quân bên ta đi đánh miền Nam đã lâu, quân lính mỏi mệt đều muốn chóng về, thật khó ngăn cản được. Chẳng hay huynh tướng có kế sách gì tốt không?

Quận Hào đáp:

– Chỗ dựa cậy của bên quân Nam là Chiêu Vũ. Đệ có một kế hiến cho quân Nam biết tất sẽ kinh sợ không dám chống cự, quân ta lại càng có thế mạnh hơn.

Quận Đương nói:

– Tiên phong có cao kiến xin cho biết ngay.

Hào Man đáp:

– Tôi sẽ viết một bức thư khiêu khích buộc vào mũi tên bắn vào trong lũy. Quân Nam mở đọc ắt phải hoảng sợ, ta không đánh cũng có thể bắt sống hết.

Quận Đương nói:

– Tiên phong cứ thế làm gấp đi!

Hào Man liền viết bức thư buộc vào đầu mũi tên, sai bắn vào trong lũy ở vị trí do Cai cơ Hùng Uy chỉ huy.

Hùng Uy nhặt được bức thư, sai người đem ngay đến dinh của Nguyên súy Hiệp Đức dâng nộp. Công tử Hiệp Đức mở ra xem, lời thư viết:

Hào tôi gửi bức thư đến cho Đốc chiến Chiêu Vũ xem biết: Bọn chúng đều giữ đạo bề tôi, ai theo chủ nấy. Kia hào kiệt thì đây cũng chẳng không anh hùng! Nếu đem hết sức ra mà tranh giành với nhau thì kể cũng là sướng tay lắm. Huống chi trước đây ở Nghệ An hơn năm sáu năm, đã từng khổ sở vì chinh chiến, cái hơn kém mạnh yếu của mỗi bên há lại không hiểu rõ hay sao? Hào tôi biết Đốc chiến Chiêu Vũ đốc xuất quân dân, người ngựa châu Bố Chính vào đóng trại ở hết trong lũy Đồng Hới, số quân đến ba nghìn. Quân triều đình bên chúng ta thì nhiều hơn đến một vạn, đủ để phá tan lũy đất của Đốc Chiêu, bắt tướng chém lính, quét sạch tận hang ổ không chừa một mống! Như thế quân Nam

các người liệu có bay thoát đằng trời, bọn ta cần gì phải đánh? Nếu Chiêu Vũ tức thời hiểu lẽ tự trói đem quân ra hàng thì phú quý cùng nhau chung hưởng để khỏi phải đầu rơi máu chảy. Hãy suy xét cho kỹ.

Không ký.

Nguyên súy Hiệp Đức xem xong nổi giận đùng đùng liền sai lính ruổi ngựa đến lũy Đồng Hới mời Đốc chiến Chiêu Vũ đến dinh Vũ Xá. Chiêu Vũ đến nơi liền vào ngay dưới trướng súy. Hai người yên tọa, công tử Hiệp Đức liền đem bức thư khiêu khích của Hào Man đưa cho Đốc chiến Chiêu Vũ xem. Chiêu Vũ cầm đọc bức thư, nghiến răng cả giận rồi nhảy phắt ra khỏi ghế, chỉ tay về phía quân Trịnh cả mắng rằng:

– Tên quận Hào ti tiện dám buông lời nói láo! Chiêu Vũ này cùng với tên giặc Hào quyết chẳng đội trời chung! Sớm muộn phải phanh thây mi làm muôn mảnh! Lũ sâu kiến mà dám khinh nhờn ta chăng!

Nguyên súy Hiệp Đức nói:

– Lời lẽ của tên giặc Hào xấc ngạo quá lắm. Quân sư sớm nghĩ kế bắt sống hắn cho bằng được để trả mối hận này.

Đốc chiến Chiêu Vũ nói:

– Quận Hào là hạng sất phu hữu dũng vô mưu. Năm trước Chiêu Vũ tôi đánh tan Hàn Tiến, Hào Man liều chết chạy đến Lũng Bông bỏ ngựa lủi trốn. Nảy hắn khua môi múa mép đem quân lọt vào cõi Nam thì địa hình núi sông không hiểu, thủy thổ sông biển không rành. Vì thế hắn mới tung lời nói dại để lòe bịp quân ta, thực cốt để che dấu sợ hãi. Chiêu Vũ tôi coi hạng ấy chẳng qua chỉ như chó đất gà giấy. Nhưng nay Chúa thượng đã có lệnh chỉ cấm không được đánh thọc ra ngoài lũy, Chiêu Vũ tôi thấy khó thi thố kế sách gì. Nếu muốn phát quân tiến đánh để bắt hắn cho hả giận thì lại sợ bị Chúa thượng quở trách, mà bỏ qua đi thì ăn ngủ không yên. Kính trông Nguyên súy xét đoán, cân nhắc sáng suốt.

Nguyên súy Hiệp Đức nghe xong nói:

– Đại phàm phép hành binh, nắm quyền ngoài mặt trận là do ở tướng. Huống chi Hào Man là tên giặc nhãi nhép mà kiêu ngạo láo xược như thế, quân sư phải định kế mà trừ đi. Vương thượng có khiển trách thì Hiệp Đức này xin chịu hết, quân sư bất tất phải lo nghĩ gì.

Chiêu Vũ nghe càng mừng đáp:

– Chiêu Vũ tôi xin nhân lúc đêm tối đem quân ra ngoài lũy tiến đánh bất ngờ. Xin Nguyên súy sớm truyền lệnh cho tướng cầm quân các đạo: hễ nghe ngoài lũy có tiếng súng nổ thì lập tức hô quân hò reo hét la và bắn đạn giả trợ uy tiếp ứng khiến cho quân địch khiếp sợ, tất sẽ bắt được Hào Man. Xin Nguyên súy cho thi hành ngay chớ bỏ lỡ cơ hội.

Nguyên súy Hiệp Đức cả mừng đáp:

– Kế ấy rất diệu! Quân sư hãy cấp tốc cho thi hành để khóa mồm kẻ địch láo xược.

Đốc chiến Chiêu Vũ vâng lệnh trở về doanh trại. Bấy giờ Nguyên súy Hiệp Đức truyền lệnh ngay cho các đạo: Ban đêm hễ ngoài lũy có tiếng súng nổ thì quân sĩ ở đâu đóng yên tại đó, nhưng cấp tốc phát súng bắn giả, cùng lúc nổi trống hò reo trợ uy tiếp ứng, chờ đến tảng sáng quân các đạo nhất tề vượt lũy, đuổi dài để bắt sống bọn quận Phú, quận Đương!

Các tướng nghe lệnh, ai nấy đều lặng yên ngẫm nghĩ: Chúa thượng đã có lệnh cấm quân không cho ra ngoài lũy, nay Nguyên súy lại truyền lệnh vượt lũy đánh giặc, không hiểu là thế nào? Nhưng binh pháp đã nói: "Quân trong thành thì quyền Tiết chế ở vua, quân ngoài trận thì quyền Tiết chế ở tướng". Huống chi trong lúc hành quân, pháp lệnh đều do ở Nguyên súy. Nay Nguyên súy đã ra lệnh như thế, ai dám không tuân theo? Thế là các tướng ai nấy đều trở về chuẩn bị chu đáo đợi giờ cử sự.

Lại nói Đốc chiến Chiêu Vũ trở về bản doanh bèn lệnh cho tì tướng là các Cai đội Vân Trường, Vân Triều, Việt Tài và Tú Minh mỗi người lĩnh một đội quân, thẩy đều mặc áo đen bên ngoài để che áo trận màu đỏ, dùng khăn đen để che nón vàng, bắt chước đúng cách thức ăn mặc của quân Bắc. Đến canh hai dẫn quân theo dòng khe nhỏ bí mật ra khỏi lũy, ngậm tăm cuốn cờ mà đi, giả xưng là quân Bắc đi tuần tiễu. Khi đến gần hai trại quân của quận Đương và quận Hào thì lập tức cởi bỏ khăn đen, áo ngoài rồi nổi trống hò reo xông vào giữa trại, bắn súng làm hiệu, quân các đạo đóng trên mặt lũy cùng hò reo tiếp ứng để đuổi bắt quân Bắc, không cho kẻ nào trốn thoát. Ai bắt sống được nhiều thì được thưởng công đầu, kẻ trái lệnh thì bị xử trị theo quân pháp.

Các tướng theo kế ấy mà thi hành. Ngày mồng năm tháng ba vào khoảng giờ Dậu bỗng có sương mù che kín bốn phía, đối mặt cũng không nhìn thấy rõ. Đốc chiến Chiêu Vũ cả mừng, liền hạ lệnh cho các

tướng theo kế hoạch đã định mà thi hành. Bọn Vân Triều dẫn quân ra ngoài lũy theo khe nhỏ Đồng Hới đi ngang qua núi Mật Cật, đến khe xã Chính Thủy thì gặp quân tuần tra của Hào Man. Quân Trịnh hỏi: "Lính nào đấy?", quân Nam đáp: "Quân của Nguyên súy quận Đương đi tuần về đây". Thấy toán quân kia áo nón cùng kiểu nên quân Bắc không chút nghi ngờ. Lại vì trời tối mây mù dầy đặc không rõ số quân ít nhiều, người đôi bên cứ thế xen vào nhau mà đi. Đến gần cửa trại quân Trịnh, quân Cai đội Vân Triều bèn đánh chiêng làm hiệu lệnh, quân Nam ai nấy đều cởi bỏ vứt khăn áo, hiện rõ là quân Nam. Bọn Vân Triều vung kiếm chém đầu hơn một trăm quân Trịnh ngay tại trận. Quân Trịnh kinh hoàng bỏ chạy vào trong lũy. Quân Nam thừa kế đuổi thốc vào giao chiến, tiếng súng ầm ầm như sấm nổ. Thế là các đạo quân Nam ở trong lũy nghe hiệu lệnh liền cùng lúc hò reo, nổ súng bắn giả, tiếng súng và tiếng hò reo vang động khắp bốn phương trời.

Bấy giờ bọn quận Đương, quận Hào do lâu ngày không được chiến đấu, quân tướng đều có ý trễ nải, không đề phòng khả năng bị đánh bất ngờ. Trong giấc ngủ say mơ màng ai nấy nghe tiếng súng vang dội, lại nghe trong doanh trại dậy tiếng ồn ào, choàng tỉnh ngước đầu nhìn ra thấy bên ngoài lửa cháy phần phật, mới hay quân Nam đã thọc đánh vào trại, nhưng địch quân người ngựa nhiều ít ra sao không biết rõ. Quân Trịnh kinh sợ cuống cuồng, thân không mảnh giáp, ai lo người nấy, nhân ánh lửa sáng rực như ban ngày cướp đường nhằm về phía Bắc mà chạy. Bấy giờ phía Đông bình minh đã rạng, các đạo quân Nam cùng lúc vượt ra khỏi lũy đón đường đánh lớn. Bọn quận Phú Trịnh Căn ngoái đầu nhìn lại chỉ thấy cờ xí rợp đất, tiếng chiêng trống vang trời, quân bộ ùn ùn kéo đến chật đất,quân thủy ngập biển đầy sông đuổi theo vùn vụt. Bọn quận Phú, quận Đương rét lòng run sợ, vội vất cả khí giới tầu thuyền, voi ngựa mà chạy bộ, vượt qua sông Gianh, cố thoát về phía Đèo Ngang. Đến xã Bình Lâm, bọn quận Đương dừng lại nghỉ chân, thở dốc không ra hơi. Kiểm lại số binh mã thấy mất hơn một nửa, số chiến tướng tử trận tất cả là bốn mươi ba người. Bọn quận Phú, quận Đương, quận Hào đều hết sức hổ thẹn, ai nấy ôm đầu lủi thủi trở về Trung Đô, nộp thân chịu tội, chuyện không có gì phải nói.

Nói tiếp bên quân Nam, Đốc chiến Chiêu Vũ cùng các tướng thúc quân đuổi gấp, nhưng quân Trịnh chạy đã xa, đuổi theo cũng không kịp, bèn chỉ thu lấy khí giới, voi ngựa, tàu thuyền nhiều không xiết

kế. Rồi Chiêu Vũ đem thu quân trở về, cùng vào dinh Nguyên súy để dâng nộp. Nguyên súy Hiệp Đức trước đó đã ra ngoài lũy đứng đợi trên bờ đê. Khi các tướng về tới nơi, mọi người cùng nhau tương kiến. Chào hỏi đã xong, Nguyên súy Hiệp Đức dắt tay Chiêu Vũ đi mời các tướng vào trong trướng theo ngôi thứ cùng ngồi. Nguyên súy sai bầy tiệc lớn để khao đãi. Hiệp Đức vỗ vai Chiêu Vũ vui vẻ nói:

– Mưu kế của quân sư thật hợp ý ta, quả là tinh vi, gió mây biến ảo, quỷ thần cũng không lường trước được. Chỉ một lần hành động mà thu được công to. Có điều là khi lệnh mới phát ra ta đã biết các tướng có ý nghi ngờ, chỉ thi hành một cách miễn cưỡng mà thôi, có ngờ đâu giành được thắng lợi như ngày hôm nay!

Các tướng nghe xong đều đứng dậy chắp tay thưa rằng:

– Bọn thần vốn tuân theo lệnh chỉ của Chúa thượng sai cầm quân đóng giữ để làm kế cố thủ không dám xuất quân. Nhờ có mật lệnh quả quyết sáng suốt của Nguyên súy mới thành công lớn. *Kinh Thư* nói: "Thành ở quả quyết, bại vì do dự". Nguyên súy khác nào Đường Thái Tông, Tống Thái Tổ ngày xưa sống lại!

Nguyên súy Hiệp Đức khiêm tốn nói:

– Ta trên nhờ có hoàng thiên phù trợ và phúc lớn của phụ vương, giữa nhờ có mưu hay của quan Đốc chiến cùng là sự anh hùng dũng cảm của chư tướng các ông, dưới nhờ có ba quân hùng tráng, tướng sĩ hòa hiệp một lòng, cho nên đánh lớn ngày hôm nay mới thu công thắng lợi vẹn toàn. Ta nào có tài năng gì đâu!

Nguyên súy Hiệp Đức nói xong mọi người cùng vui vẻ cạn chén. Rồi công tử Hiệp Đức sai người về triều báo tin thắng trận. Chúa Hiền nghe xong cả mừng, bảo với các tướng tại triều:

– Hiệp Đức gan to chí lớn, kiến thức độ lượng hơn người. Chỉ vì trước đó ta đã xuống không cho đem quân ra ngoài lũy, cho nên chưa dám hành động. Ấy là do ta còn coi nhẹ thực tình của ba quân. Biết tài hùng dũng đảm lược thì phải xét khi quyết đoán thời cơ. Thế gọi là gió to mới biết cỏ cứng, nước ngược mới hay thuyền nhẹ. Nay Hiệp Đức cùng Chiêu Vũ một lòng, cất quân một lần phá tan địch lớn. Thế mới gọi là tướng có tài.

Các tướng đều lạy mừng, tiếp nhau xưng tụng mãi không ngớt. Rồi đó Hiền vương sai văn chức ở ty tướng thần lại là Diễn Phái đem vàng bạc tiền lụa đến các đạo ban thưởng cho các tướng, khao thưởng

ba quân, xuất ba trăm hốt bạc để chia thưởng theo thứ bậc khác nhau; lại truyền cho công tử Hiệp Đức đem quân trở về.

Bấy giờ là hạ tuần tháng tư, công tử Hiệp Đức đem quân về triều. Chỉ thấy:

Tiếng nhạc vang vang, hậu ủng tiền hô rầm rập.
Ngựa chiến vó dồn, yên cương thẳng tắp.
Một chuyến dương oai sông biển lặng,
Ba quân cùng xướng khải hoàn ca.

Ngày hôm ấy nguyên soái Hiệp Đức truyền lệnh cho ba quân thắng lợi trở về, chỉ mấy ngày các đạo quân đã đến chính điện Phú Xuân. Các tướng cùng vào triều bái yết. Hiền vương cả mừng an ủi rằng:

– Ngờ đâu ngày nay lại được thấy phong độ của công tử nhà Đường! Cần nhất là phải có dũng cảm quả quyết, biết lo tính cao xa, hợp trời thuận người. *Kinh Thư* nói: "Trong là con hiền, ngoài là tôi trung", ấy là của đại báu của quốc gia. Vậy các khanh quả là trung hiếu vẹn toàn, có thể nói là những bậc hào kiệt thời nay. Giờ đây chỉ mới một trận đánh mà bọn quận Phú cả bại trốn về, họ Trịnh từ nay về sau phải run tim rụng mật, không dám coi thường quân ta nữa.

Nói đoạn Hiền vương sai lấy vàng đỏ một trăm lạng, bạc trắng một nghìn lạng ban thưởng thêm để đền đáp kỳ công thắng trận. Công tử Hiệp Đức lạy tạ thưa:

– Thần trên nhờ có oai trời của vương phụ, giữa có diệu kế của Chiêu Vũ, các tướng hiệp sức đồng lòng tỏ rõ anh hùng dũng mãnh, dưới dựa vào ba quân hùng tráng, sĩ tốt tinh nhuệ mới có được công lớn ngày nay. Chỉ riêng một mình thần nào có tài năng chi! Thần đâu dám nhận riêng hậu thưởng.

Hiền vương cười đáp:

– Người xưa nói: "Có đức không tự mãn, có công không khoe khoang", ấy là đạo của người quân tử. Nhưng người có công thì đáng nhận mức thượng thưởng, khanh hà tất phải chối từ.

Công tử Hiệp Đức vái tạ nhận thưởng rồi ra khỏi triều. Các tướng văn võ đều đến lạy mừng.

Cũng trong năm này, Tiết chế Thuận Nghĩa, Trấn thủ Phù Dương, Đốc chiến Chiêu Vũ đích thân đi xem xét cầu Mũi Nạy và địa thế xã Trấn Ninh. Rồi đó các tướng sai người viết tờ khải dâng lên

triều đình xin cho đắp lũy ở xã Trấn Ninh để bảo vệ cửa biển, cùng với lũy Động Cát làm thành thế ỷ dốc để sẵn sàng cố thủ. Hiền vương xem xong biểu văn phê chuẩn cho thi hành.

Các tướng cầm quân ba đạo vâng theo lệnh chỉ, từ trung tuần tháng chín khởi công đắp lũy, chỉ sau mấy tháng là xong. Hiền vương biết tin vui mừng khôn xiết, truyền cấp tiền bạc ban thưởng trọng hậu cho tướng sĩ ba đạo. Từ đó quân đôi bên Nam Bắc dừng binh không động, thiên hạ được thái bình. Tháng mười hai năm ấy [1] vua Lê ở Bắc triều mất. Tây Định vương Trịnh Tạc cùng các quan tại triều tôn lập Hoàng tử trưởng Lê Duy Vũ [2] lên ngôi, đổi niên hiệu là Cảnh Trị, đại xá thiên hạ , thăng thưởng trăm quan, truy tôn miếu hiệu cho các vị tiên Hoàng đế [3].

Năm Quý Mão niên hiệu Cảnh Trị thứ nhất (1663), ở Nam triều Chúa Hiền vương Nguyễn Phúc Tần thấy trong miền vô sự, rộng đường thi hành đức chính, vỗ về yên trị muôn dân, nhẹ lao dịch, giảm thuế khóa, việc công thưa giảm, hình phạt khoan dung, sửa sang việc văn, giảng tập việc võ để làm kế gìn giữ lâu dài.

Tháng năm, Hiền vương ngự triều. Chúa tức giận nhớ chuyện năm trước bọn quận Đăng ở Bắc triều đem quân vào quấy nhiễu bờ cõi, cho thủy quân đóng ở ngoài khơi cửa Nhật Lệ, Vương sai thủy quân ra đánh đuổi, nhưng vì tài bắn chưa tinh nên không thắng được. Vì vậy Vương muốn noi theo phép cũ của tiên vương trong việc luyện tập thủy binh. Hiền vương bèn xuống lệnh sai quân đến địa phận xã Hoằng Phúc đắp lại cồn bắn cũ cho cao hơn ba mươi thước, bề mặt rộng hơn một trăm ba mươi thước, trước cồn dựng bia để tập bắn.

Tháng sáu, Hiền vương lệnh cho quân nội thủy dàn chiến thuyền để quân sĩ luyện tay chèo, tập bắn súng cho tinh thạo. Quân nhân nào bắn giỏi trúng tấm bia thì được thưởng tiền bạc các mức khác nhau, ai bắn hỏng mất đạn thì phải theo vết tích mà tìm lại, nếu không tìm được thì phải chịu phạt và bồi thường tùy theo số cân lạng của từng viên đạn. Từ đó phép quân được chỉnh đốn, mọi việc thưởng phạt được công minh xác đáng, ba quân đều hân hoan vui lòng.

Thấy quân sĩ đã tinh thông phép bắn, Hiền vương mừng vui

1. Tức năm Nhâm Dần niên hiệu Thịnh Đức thứ mười (1662) đã nói ở trên.
2. Bản chép A24 chép là: Lê Duy Bình, có thể là chép nhầm.
3. Tức vua các triều trước (đã chết).

khôn xiết, chỉ muốn khôi phục kinh đô Thăng Long để làm rạng rỡ cho các đời chúa trước, được vinh hiển với xứ sở quê hương để thỏa chí nguyện bình sinh.

Ngày mười sáu tháng chín có nguyệt thực, mặt trăng bị che kín toàn phần, ánh sắc nửa đen nửa đỏ, khoảng hai giờ sau mới trở lại hình tròn. Một ngày vào tháng chạp, bầu trời đang quang đãng bỗng từ phía Tây Nam đùn lên một đám mây đen, liền đó nổi cơn lốc mạnh gẫy cây, đổ nhà, cát bay đá chạy, tường sụp ngói tan, thuyền bè trên sông biển phần nhiều bị chìm vỡ, người và gia súc chết đuối khá nhiều. Chừng khoảng một giờ thì gió dứt, trở lại trong xanh, người đổ ra đi lại ùn tắc các ngả đường, chưa biết điềm lành, điềm dữ ra sao.

Năm Giáp Thìn niên hiệu Cảnh Trị thứ hai (1664), tháng hai, trấn thủ đạo Lưu Đồn là Hổ Uy, Đại Tướng quân Tiết chế Thuận Nghĩa vì tuổi già sức yếu, cảm thấy trong người không được khỏe bèn sai người đem tờ khải dâng lên Hiền vương xin được về làng dưỡng bệnh. Hiền vương bèn triệu hội các quan văn võ để xét định. Vương hỏi các tướng:

– Thuận Nghĩa dâng khải xin về nghỉ dưỡng bệnh. Các tướng bàn định xem nên chọn ai xứng đáng thay thế trấn giữ biên thùy để bảo vệ cương giới.

Chưởng doanh Yên Vũ nói:

–Hiểu con không ai rõ bằng cha. Biết rõ bề tôi không ai bằng quân thượng. Nay Thánh thượng thấy trong số các quan ai là kẻ có tài trí dũng lược, trong khoảng hơn năm, sáu năm ở Nghệ An bày mưu định kế, cất cử điều khiển công việc ba quân đều vui, trăm họ mến đức thì nên cất nhắc để ủy thác trách nhiệm lớn. Huống chi đạo Lưu Đồn là nơi trọng yếu, tướng trấn thủ ở đó cũng có quyền hạn như một vị Nguyên súy, thần thiết nghĩ phi Chiêu Vũ thì không ai xứng đáng bằng. Đó là ngu ý của thần, muôn trông Thánh thượng minh xét.

Các tướng đều đồng thanh nói lớn:

– Lời nói của Yên Vũ phải lắm!

Hiền vương cả mừng, liền sai văn chức ở ty tướng thần lại là Tài Trí ra đạo Lưu Đồn truyền lệnh đặc ban cho Tiết chế Thuận Nghĩa về nghỉ ở Cựu Doanh. Lại sai văn chức ty tướng thần lại là Văn Cảnh đem sắc chỉ gia phong cho Đốc chiến Chiêu Vũ thăng

chức Chưởng doanh, tạm quyền chức Tiết chế trấn thủ Lưu Đồn. Lại chuẩn bị cho Cai cơ ở chính doanh là Hùng Uy thăng chức Cơ trấn thủ dinh Bố Chính.

Hai tướng đều vâng mệnh đến dinh trấn thủ lo việc sửa sang thành trì, huấn luyện sĩ tốt, giảng dạy binh pháp để mưu đồ khôi phục lại Trung Đô. Từ đó quân lính không phải vất vả các việc lao dịch, dân chúng được yên ổn làm ăn, tiếng vui ca rộn rã khắp đường làng ngõ xóm.

Bấy giờ Hiền vương thảnh thơi ngự triều ở chính phủ, thấy con sông nhỏ xế bên Xướng Đình dòng nước chảy ngược về phía bên trái. Vương muốn đắp chặn sông nhỏ ấy để khỏi bị xói lở hư hại. Đến tháng chín, Vương xuống lệnh cho các huyện Hương Trà, Phú Vang, Quảng Điền đắp đê bối để làm cánh thành ở xã Vi Dã, đắp ngăn sông nhỏ ở góc gần Xướng Đình để khỏi bị xói lở và tiện việc đi lại. Hơn một tháng đê bối đắp xong, người qua kẻ lại đều khen là thuận tiện.

Năm Ất Tị niên hiệu Cảnh Trị thứ ba (1665), Hiền vương muốn tăng cường vũ bị để làm mạnh quân uy bèn xuống lệnh truyền cho các văn thần võ tướng phải sửa sang binh khí giáp mã cho sắc nhọn, hẹn đến thượng tuần tháng tư các quan văn quan võ ba ti thuộc dinh Chính, dinh Cựu và dinh Quảng Nam cùng các loại viên quận hương thuộc các huyện Hương Trà, Quảng Điền, Phú Vang, Vũ Xương, Hải Lăng phải có mặt ở ao Cồn Nổi trong phủ Chúa để đợi sát hạch. Các quan văn võ các doanh Quảng Bình, Lưu Đồn, Bố Chính cùng với các lại viên các quận hương thuộc các huyện Minh Linh, Khang Lộc, Lệ Thủy, Bố Chính thì sửa sang giáp mã binh khí, đợi quan ở chính doanh đến sát hạch. Từ đó ai nấy tuân hành mệnh lệnh, chỉnh đốn việc phòng bị không dám làm trái. Đến kỳ kiểm tra, Chúa cưỡi ngựa long tuấn đi xem xét xong, người nào thực hiện tốt đều được trọng thưởng vàng bạc tiền lụa theo thứ bậc khác nhau, kẻ làm xoàng thì bị phạt tùy theo phẩm trật. Mọi người kính phục ca tụng Hiền vương là bậc Chúa thánh minh.

Chúa lại ra lệnh cho các văn thần và lại viên ba ti phải tập cưỡi ngựa bắn cung, người nào bắn trúng bia thì được thưởng để biểu dương, bắn rơi tên sau ngựa thì bị phạt một quan tiền. Người ta đều gắng chí tập luyện tinh thông các môn bắn cung cưỡi ngựa. Khi có người bắn trúng bia thì đám đông đánh chiêng reo hò khen ngợi, người bắn thì được nhận phần thưởng của Chúa. Từ đó người trong

nước đều tinh thông các phép cưỡi ngựa bắn cung, không mũi tên nào bắn không trúng đích.

Hạ tuần tháng sáu có nước to gió lớn, nước dâng ngoài cánh thành làm sụt lở góc đê bối. Hiền vương ra lệnh đắp sửa, tôn bề mặt rộng đến hai trượng cho thật chắc vững. Một hôm Chúa rỗi việc đi chơi chùa Thiên Mụ, nguyên là di tích cũ từ thời Cao Biền, năm Canh Tí niên hiệu Hoàng Định thứ nhất (1600), chúa Tiên(Nguyễn Hoàng) trở về lập đô ở Phú Xuân đã cho tu tạo. Nay cảnh chùa tiêu xơ đổ nát, Hiền vương xuống lệnh cho trùng tu, qua năm sau mở đại hội khánh thành.

Tháng mười, ngày mồng tám vào giờ Tí, giữa lúc trời quang mây tạnh, thời tiết ấm áp bỗng mây đen che phủ, sấm chớp đầy trời, gió to ào nổi cuốn tung đất đá, rồi mưa to ập xuống như trút nước suốt từ giờ Thân đến giờ Mão, cơ hồ sập mái đổ tường, nước dâng mênh mông khắp nơi, người và vật bị cuốn trôi theo dòng nước, nhà cửa bị sóng xô đổ ào. Đến giờ Thìn ngày mồng mười nước lũ mới rút hết, thấy đê bối bị nước cuốn phăng, nơi miệng đê lở bị xói sâu đến năm thước. Mới hay rằng vũ trụ đã an bài, núi sông đào đắp đều đã do tạo hóa xếp định từ trước, không phải do sức người mà có thể làm ra được.

Hiền vương biết ý trời như vậy bèn bãi bỏ việc đắp đê bối. Từ đó về sau những việc tai dị giảm hẳn, hàng năm thường được mùa, dân chúng sung túc no đủ, có cảnh tượng của đời thái bình. Người đời sau có thơ rằng:

Trời đất sơ khai tiết khí thuần,
Chim muông cây cỏ thảy đua xuân,
Sân triều đứng chật quan văn võ,
Non biển bày phô cảnh tuyệt trần.
Muôn thuở an bài nền vững chắc,
Một thời khai phá thấy thanh tân.
Sông dài núi rộng do tạo hóa,
Nhân lực làm sao thắng quỷ thần.

HỒI THỨ HAI MƯƠI LĂM

Đông Triều tử dựng chùa Vinh Hòa
Đương quận công xin đánh Nam trấn

Năm Bính Ngọ niên hiệu Cảnh Trị thứ tư (1666) tháng hai, Hiền vương Nguyễn Phúc Tần nhân lúc rỗi rãi lên xe loan đi chơi cửa biển Tư Dung để thưởng ngoạn cảnh non xanh biển biếc. Vương tận mắt được thấy dân tục miền đây thuần hậu tốt đẹp, trong lòng lấy làm vui. Bỗng Vương nhìn thấy trên bãi cát Trường Sa [1] vốn là nơi có di tích bến biển từ xưa, đột nổi lên một ngọn núi hình dáng tựa như con rùa nằm ngóc đầu nhìn lên, đầu ngoảnh về hướng Đông Nam, đuôi quẫy về phía Tây Bắc, gọi là núi Cổ Rùa, trên núi cây cối tươi tốt um tùm, nhiều hoa kỳ cỏ lạ. Hiền vương thấy nơi cảnh đẹp lấy làm yêu thích, bèn lên núi dạo xem, thấy trên đỉnh núi có di tích một ngôi tháp cổ linh thiêng, dân địa phương xưa nay vẫn phụng thờ. Vương trạnh lòng từ bi định dựng ở đây một ngôi chùa để cầu Phật cứu vớt chúng sinh, khuyên người ta bỏ ác theo thiện. Vương bèn sai thủ bạ Đông Triều tử làm hội chủ trông nom việc dời tháp xây chùa.

Thủ bạ Đông Triều vâng mệnh chọn ngày lành tháng tốt đến làm lễ dâng hương khấn cáo, rồi sai quân dời tháp để lấy chỗ đắp nền dựng chùa. Quân lính theo lệnh xúm vào cậy đá để dỡ tháp. Bỗng ai nấy đều gục đầu hoa mắt ngã lăn bên chân tháp, tay chân tê cóng không cử động được. Thủ bạ Đông Triều thấy vậy biết xẩy ra sự chẳng lành, bèn mặc áo đội mũ nhà sư, cổ đeo tràng hạt, tay cầm trượng kim cương đi đến quỳ trước tháp khấn rằng:

– Đệ tử vâng mệnh của đức Như Lai và tuân lệnh của quốc chủ trộm nghĩ núi sông non biển đâu cũng là cõi đất của nhà vương, thần linh kính tôn há nên xâm chiếm?Nếu phải tháp thiêng thì nên tỉnh ngộ. Nay quốc chủ ta phát nguyện từ tâm để rộng mở Phật pháp giác ngộ, cầu kết quả Bồ đề, dựng tháp thiêng đài Phật. Nay xin dời tháp

---

1. *Trường Sa:* chỉ những cồn cát trắng chạy dài theo ven biển Quảng Bình từ Cửa Tùng đến cửa Nhật Lệ là Đại Trường Sa, từ cửa Việt đến cửa Tư Dung là Tiểu Trường Sa.

cũ, trước là để cho dân được chầu gần điện Phật, tiện tập phép nghe kinh, sau là để trông thấy Như Lai cầu được siêu thăng tịnh độ. Xin nguyện thần linh cúi xét cho lời khẩn cầu của đệ tử, hãy ứng nghiệm quẻ bói âm dương để chứng cho tấm lòng thành mong mỏi.

Đông Triều khấn xong cầm hai đồng tiền cúi đầu tung lên rồi sụp lạy, dạ ran một tiếng, bảo mọi người là thần linh đã ứng, cho một âm dương. Rồi Đông Triều chỉ trời đất mà nói:

– Xin làm theo lời quẻ dạy.

Nói xong Đông Triều bước vào cửa tháp, trước hết bưng dời đồ thờ rồi bắt tay cậy gạch dỡ đá. Quân sĩ thấy vậy cũng vào làm theo. Dời hết gạch đá ở tháp cũ ra gò núi phía sau lại để thờ phụng. Sau đó Thủ bạ Đông Triều cho hưng công xây chùa. Quân lính và dân chúng đổ đất, dời tường, đắp nền. Chùa mới dựng lên, lầu điện nguy nga, chuông trống ngân vang, ngọc vàng sáng lạn, ngoài cổng treo biển đề tên chùa ba chữ "Vinh Hòa tự" (chùa Vinh Hòa). Từ đó Phật pháp tôn nghiêm, Bồ đề vững gốc, chỉ trong vòng một năm xây xong toàn bộ khu chùa, đúng là một nơi cực lạc trong rừng thiền. Người đời sau có thơ vịnh như sau:

Lồng lộng tôn nghiêm bóng Phật đài,
Theo làn gió Tuệ quét trần ai.
Bồ đề cây ấy vốn không có,
Gương sáng không đài há thấy đài? [1]
Lương đế, Đàm tăng nào vượt quá [2],
Đường Tông [3]*, Huyền lão há thua tài.*
Mới hay đức lớn quỷ thần phục,
Lại thấy thiền môn tỏa ánh ngời.

Tháng ba, ngày mười bẩy, giờ Thân, vùng Cựu Doanh từ chợ Phương Lang đến quán Hồ Xá động đất, nhà cửa đồ đạc nghiêng đổ, dân chúng chạy ra các cánh đồng, người ngồi trong nhà thấy chao đảo như thuyền đi trên sóng, sau chốc lát mới trở lại bình thường. Đến ngày mười tháng tư, núi ở huyện Cam Lộ sụt lở một góc sâu hơn ba thước, dài hơn mười trượng, ở vùng sông Thạch Hãn mưa đỏ như

1. Hai câu 3 và 4 dùng ý của Lục tổ Huệ Năng (638 - 713): Bồ đề bản vô thụ, minh kính diệc phi đài, nghĩa là: Bồ đề vốn không có cây ấy, gương sáng cũng không có đài.

2. *Lương đế:* chỉ Lương Vũ Đế. *Đàm tăng:* chỉ nhà sư Đàm Thiên.

3. *Đường Tông:* tức Đường Thái Tông.

máu, nước có mùi tanh, sau ba ngày nước sông mới trong như cũ.

Thượng tuần tháng bẩy, Tiết chế Thuận Nghĩa trấn thủ Cựu Doanh bị ốm nặng, chạy chữa thuốc men không khỏi, cầu cúng cũng không thiêng. Đến ngày chín tháng tám, Thuận Nghĩa biết bệnh nặng không sống nổi bèn gọi thuộc tướng và các con vào bên giường rồi nói:

– Ta đội ơn được Thánh thượng quý trọng tin dùng đã lâu, làm quan đã đến tột bực của đại thần, được hưởng phú quý hơn người nhiều lắm. Chỉ giận nỗi chưa diệt trừ được họ Trịnh, giúp chúa Nguyễn thu phục cơ đồ để thỏa nguyện kẻ bề tôi. Các ngươi hãy về triều bẩm lên Thánh thượng biết để dưới suối vàng ta khỏi mắc tội phụ ơn bậc Thánh vương.

Thuận Nghĩa nói xong thở dài mấy tiếng rồi mất, thọ sáu mươi lăm tuổi.

Các tướng bộ thuộc ở Cựu Doanh bèn viết khải sai người đưa về Vương đình. Hiền vương nghe tin đau buồn rơi lệ, than rằng:

– Làm kẻ bề tôi như ông Thuận giúp chúa hết lòng. Ông ở Nghệ An hơn năm, sáu năm gối kích nằm đao, gội mưa chịu rét, khổ thân mệt trí, chỉ mong giúp ta thu phục Trung Đô, dựng quy mô nhất thống, lập công trí, hưởng phúc thái bình, vẻ vang với quê hương làng xóm, rạng rỡ cho thân thích tổ tiên. Không ngờ nửa đường đứt gánh. Ấy thật là trời không muốn giúp ta hoàn thành nghiệp lớn.

Hiền vương nói xong lại đau buồn thương khóc hồi lâu. Các tướng có mặt tại triều ai nấy đều thương tiếc, bùi ngùi rơi lệ, nói riêng với nhau rằng:

– Thánh thượng yêu quý bề tôi, thân như cha con, ân đức như thế, thật đáng sánh với Hán Quang Vũ, Đường Thái Tông. Bọn ta dẫu phải thân nát xương tan cũng không đáng tiếc.

Rồi đó Hiền vương sai người đem chiếu vương ra Cựu Doanh truy tặng cho Thuận Nghĩa là Hiệp mưu tá lý công thần Trung quân đô đốc phủ, Chưởng phủ sự Đại đô đốc, tước Thuận quận công, ban tiền bạc vóc lụa để lo việc tang, cho làm lễ an táng theo nghi thức tước công để biểu dương đạo nghĩa của bậc công thần. Lại cho triệu các con của Thuận Nghĩa về vương đình triều cận để đền đáp. Một mặt, Hiền vương truyền lệnh cho Tham tướng Vân Long đến làm trấn thủ Cựu Doanh, Cai cơ Tài Lễ làm Tham tướng trấn thủ thủy doanh

Quảng Bình. Hai tướng vâng mệnh đem quân đi nhận chức để vỗ yên binh dân.

Năm Đinh Mùi niên hiệu Cảnh Trị thứ năm (1667), Hiền vương sai quan Giám thí đề điệu tổ chức khoa thi Hội. Hạng chính đồ trúng cách được lấy đỗ năm người, hạng hoa văn trúng cách được lấy đỗ bốn người. Tất cả đều được cất nhắc bổ dụng. Đến tháng tư, thủ bạ Đông Triều tử vâng lệnh làm hội chủ đã hoàn tất việc trùng tu chùa Vinh Hòa. Hiền vương ngự giá đến chùa mở đàn siêu độ đón chư Phật giáng lâm.

Ngày mồng một tháng sáu có nhật thực, mặt trời bị che khuất bẩy phần kéo dài từ giờ Tị đến giờ Mùi mới hết. Đến ngày mười sáu lại có nguyệt thực, mặt trăng bị che khuất, ánh sáng nửa vàng nửa đỏ, từ giờ Tị đến giờ Dần mới tròn như cũ. Tháng mười sâu cắn lúa lan tràn, dân chúng lo buồn. Hiền vương sai quan lập đàn cầu đảo, nạn sâu hại liền hết, mùa màng vẫn được bội thu, dân tình lại vui mừng như trước.

Năm Mậu Thân, niên hiệu Cảnh Trị thứ sáu (1668) tháng tư, Hiền vương theo lệ vua Thánh Tông chống thần kiếm đốc suất đào kênh Thủy Liên làm cho việc đi lại dễ dàng, đường nước chảy không bị ứ tắc [1]. Nhân đó Vương cho đo đạc địa hình ghi rõ những chỗ nước nông nước sâu, đến thượng tuần tháng mười, Vương ngự giá đốc suất ba quân và dân chúng ba huyện khơi đào lại kênh cũ, nước sâu đến hai, ba thước. Mới được một năm chỗ ngã ba kênh cát bồi lại dồn tắc, thuyền bè khó đi. Từ đó, năm nào cũng điều dân đi vét kênh, thành lệ thường niên như thế. Năm ấy trời đại hạn, lúa má khô héo, dân gian đói kém, kho lẫm rỗng không. Vương triệu các quan văn võ vào triều nghị bàn rồi cho lập đàn cầu đảo trời đất linh thần, chỉ trong một tuần quả nhiên có mưa, mùa màng cứu vãn được một vài phần. Nhân đó Ký lục Xuân Đài bẩm rằng:

– Thần nghe nói dân giàu thì kho đầy đụn chặt, kho đụn đầy chặt thì binh thế hùng cường. Nay thôn dân các nơi phần nhiều làm ruộng lậu không nộp thuế. Xin Chúa thượng cho thánh chỉ sai người đi đo đạc những ruộng đất hiện đang cấy cầy làm công điền để tiện

---

1. *Kênh Thủy Liên:* từ xã Thủy Liên đến xã Hồ Xá, khởi đào từ đời Hồ Hán Thương đến đời Lê, khi Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành thấy kênh bị bồi lấp đã cho đào vét lại.

thu quan thuế dùng vào việc nước, ổn định binh lương. Đó là phép dùng sức dân để bảo vệ quân sĩ.

Vương nghe bẩm xong, cho là phải.

Năm Kỷ Dậu, niên hiệu Cảnh Trị thứ bẩy (1669), Vương sai các quan ở văn ban đến các huyện xã thuộc hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam đo đạc, ruộng đất hiện đang cấy cầy, định ra hạng nhất, hạng nhì, cùng tư điền và đất mạ, đặt mức thu thóc thuế các hạng phân biệt khác nhau. Như các hạng công điền thì giao bản xã chia cho dân cầy cấy, thu thóc, nộp thuế, không được thiên vị để khỏi sinh chuyện tranh chấp. Từ đó dân chúng không còn tình trạng cãi vã lẫn nhau, ai nấy đều theo bổn phận mà cầy cấy.

Năm Canh Tuất niên hiệu Cảnh Trị thứ tám (1670), thượng tuần tháng hai, bỗng thấy hai ngôi sao rất to sáng như nhau, cùng song song di chuyển trên bầu trời, hơn một tháng mới tách ra xa nhau. Tháng tư, có trận mưa nước mặn ở hai huyện Hương Trà và Quảng Điền, đến năm, sáu ngày nước mới ngọt lại như cũ. Trung tuần tháng sáu, núi Hương Chiếu bỗng nhiên sụt lở mất một góc dài đến sáu, bẩy trượng, rộng hơn bảy thước, Hiền vương sai người đến làm lễ cầu đảo. Ngày mười bảy tháng ấy có nguyệt thực, mặt trăng bị che toàn phần tỏa mầu xanh và đen, từ giờ Tuất đến giờ Tí mới tròn như cũ. Hạ tuần tháng bẩy ở vùng đô thành xẩy ra hỏa hoạn, cháy đến bảy trăm nhà dân, của cải gia súc thiệt hại nhiều vô kể. Vương biết ý trời,bèn giữ mình, sửa đức để cầu cho dân chúng tai qua nạn khỏi. Đến ngày Canh Thân mười sáu tháng chín vào giờ Dậu, ở vùng trời biên giới phía Tây Nam bỗng có một luồng khí lạ bốc lên như dải lụa rộng đến ba, bốn thước, đầu nhọn, tỏa ánh sáng rực rỡ nửa vàng nửa đỏ, hàng ngày cứ chập tối thì nhìn thấy, đến lúc mặt trời mọc mới thu thành một đám nhỏ rồi đứng yên, đến thượng tuần tháng mười hai mới mất. Danh sĩ Nam Hà thời bấy giờ xôn xao bàn tán tìm lời giải thích, không biết lành dữ thế nào. Có kẻ cao kiến nói nhỏ với nhau: "Luồng khí ấy khởi từ tháng Thân, kết ở phương Thân mà hai đầu đều nhọn, sợ có động chạm đến gót chân của Vương thượng, cứ theo phép xem thiên tượng là như vậy". Tuy thế nhưng không ai dám nói với Hiền vương. Người đời sau có thơ vịnh việc ấy như sau:

Thiên đạo ngời ngời ứng nghiệm thay,
Vận hành suy thịnh há vơi đầy.
Thời Nghiêu rối loạn mười vầng nhật,

Ngũ đại tung hoành lũ sói cầy.
Thiên cổ việc đời suy dó biết,
Tiên tri giác ngộ hiểu sau nay.
Mới hay vận số âm dương nghiệm,
Tám chữ [1] xưa rày chẳng phải sai.

Năm Tân Hợi, niên hiệu Cảnh Trị thứ chín (1671), tháng tư, Bắc triều cho người đến địa giới bờ sông Đại Linh [2] gọi to bảo lính tuần của quân Nam:

– Có sắc mệnh của Hoàng đế truyền cho chúa Nam. Đã nhiều năm xứ Nam bỏ khuyết cống lễ thiên triều, muốn chiếm riêng xứ Nam. Trên lừa dối Hoàng đế, dưới khinh mạn triều đình, có lý nào như thế? Lính tuần bên quân Nam đáp:

– Lính tôi chỉ là hạng tiểu tốt, đâu biết việc quốc gia đại sự, không dám nhận lệnh của các ông.

Nói đoạn bọn chúng phi báo cho Trấn thủ Triều Tín biết. Triều Tín bèn sai người vào triều thương nghị. Có người bàn cứ sai người ra tiếp nhận sắc mệnh, cũng có người bàn nên lờ đi không nhận. Mọi người xôn xao bàn tán, nhưng chưa ngã ngũ ra sao. Bấy giờ Hiền vương nói quả quyết:

– Đấy là lời lẽ xảo trá của Tây Định, không phải sắc mệnh của vua Lê. Thế thì việc gì ta phải đón nhận.

Nói đoạn Vương bèn sai người truyền lệnh cho Trấn thủ Triều Tín biết như thế. Triều Tín vâng lệnh chọn người giỏi biện bác ra bờ Bắc sông Đại Linh đối đáp với sứ Đàng Ngoài, hỏi bọn họ vào có việc gì. Sứ giả đáp:

– Hoàng đế sai chúng tôi vào hỏi chúa Đàng Trong vì cớ gì chiếm đoạt binh dân, tô thuế hai xứ Quảng Nam, Thuận Hóa? Đã nhiều năm không đem lễ vật ra triều cống thượng quốc. Vậy Nam chúa của các người phải mau mau sai quân đem cống vật ra dâng nạp trước sân triều thì mới khỏi trọng tội. Nếu chống lệnh khi đại quân đến có hối cũng không kịp.

Sai nhân của Triều Tín đáp rằng:

---

1. *Tám chữ* (bát tự): thuật xem tướng căn cứ vào năm tháng, ngày, giờ, sinh đẻ để đoán định họa, phúc, thọ, mệnh gọi là tám chữ.

2. *Đại Linh Giang:* tức sông Gianh ở Quảng Bình.

– Việc lớn của quốc gia triều đình, bọn chúng tôi là quân nhân làm sao biết được! Nếu quả có sắc mệnh của Thiên tử thì các ông nên đích thân đem vào vương đình của Nam triều, cớ sao lại khinh suất giao sắc mệnh của Hoàng đế cho bọn tiểu tốt chúng tôi? Bọn tôi đồ chừng rằng các ông là hạng người cuồng, không phải sứ giả nào cả. Huống chi cái sắc ấy hẳn không phải mệnh chỉ của Thánh thượng, chỉ là lời xảo trá của biên tướng bọn các ông thôi. Cùng một hạng ngốc nghếch như nhau cả chứ chẳng phải sứ của triều đình. Lễ cống vàng bạc thượng quốc đã chẳng coi là quý thì sao còn vào đây xách nhiễu Nam chúa của bọn ta phải cống nộp kim ngân? Hơn nữa Nam chúa coi vàng bạc như phân đất, chỉ quý dùng hiền tài, trọng người mưu lược. Hoặc những vật thiết dụng cho việc quân, thì chúa ta có thuyền rồng voi chiến, uy thế nghiêng trời, nếu chúa Trịnh và triều thần các ngươi muốn có thì Nam chúa bọn ta tất sẽ mang ra biếu để các ngươi khỏi trông mong.

Sứ giả Đàng Ngoài nghe nói cả giận, đáp:

– Chúa tôi các ngươi khinh mạn Thiên tử quá lắm!

Rồi hai bên cãi vã nhau một trận, chẳng ai chịu ai. Sứ Đàng Ngoài đành quay lại địa giới phía Bắc rồi về Thăng Long bẩm lại với Tây Định vương. Tây Định nghe xong tức giận gọi triều thần đến bàn bạc, phát quân đánh Đàng Trong cho hả giận.

Bấy giờ đình thần là bọn quận Đương, quận Hằng, quận Đĩnh, quận Tráng cùng các tướng đều xin chúa Tây Định cho đem đại binh đi Nam chinh, phá thành bắt tướng hiến nạp trước vương đình, để bọn Đàng Trong hết khua môi múa mép, coi triều đình như chỗ không người, nếu không đạt được như thế, thề không đem quân trở về. Tây Định vương nghe lời cả mừng, dự tính dốc quân cả nước, chọn tướng tài đi đánh Đàng Trong. Lại bộ thượng thư là tả Đô đốc Thông quận công can rằng:

– Xin Chúa thượng hãy bớt cơn giận dữ lôi đình để tính kỹ xem sao. Phần dấy binh động chúng tất trước hết phải biết vận trời, sau xét địa hình, hiểu lý số, biết âm dương, xem lòng người nặng nhẹ thế nào, hiểu rõ chỗ mạnh yếu của địch, của ta, xét thời thế có thuận hay không rồi mới nên xuất quân đi đánh. Binh pháp nói: "Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng; biết mình không biết người trăm trận trăm thua". Nay Nam trấn quân tinh, lương đủ lũy cao, hào sâu, voi chiến đầy đồng chật núi, thuyền chiến kín biển đầy sông; chúa tôi

đồng lòng hiệp sức, tướng sĩ trên dưới hòa một lòng. Quân ta tuy đông, nhưng tựa như bầy quạ mới nhóm, lâu nay không tập luyện, hiệu lệnh không nghiêm. Lại thêm khắp bốn trấn giặc giã như ong còn chưa dẹp trừ. Nếu Chúa thượng nhất thời giận dữ dốc hết quân đi Nam chinh thì giặc giã bốn phương sẽ thừa cơ nổi dậy đánh chiếm Trung Đô. Như thế là trong nhà anh em bất hòa, đối với người ngoài chịu nhục. Người xưa từng nói: "Chưa bắt được giặc đã nướng mất quân", thì hối sao kịp? Nếu Chúa thượng muốn cất quân đi đánh Đàng Trong, chi bằng trước hết hãy sai người đi vỗ về, an ủi bốn trấn, đem vàng bạc sang cả các nước Ô Lan [1], Hoa Lang [2], Nhật Bản cầu thân với họ để nhờ nước Ô Lan giúp cho phép dạy quân tập bắn, nhà nước Nhật Bản dạy cho tài múa kiếm phi đao, nước Hoa Lang dạy cho phép thủy công đánh gấp. Như thế thì trong nước tướng sĩ anh hùng, ba quân thủy bộ tinh nhuệ, tích lương chứa cỏ, chọn tướng tập binh. Bấy giờ hãy xuất quân đi đánh. Kẻ ngu thần có lời bàn nông cạn như thế, cúi mong Vương thượng cân nhắc soi xét.

Tây Định vương nghe Thông quận công can ngăn, ngẫm nghĩ cho là phải, bèn bãi việc Nam chinh. Rồi Vương thân hành đi thăm viếng khắp bốn trấn, ban thưởng các quan, an ủi dân chúng. Lại chọn các triều quan có tài ăn nói, am hiểu tiếng nói các nước, đem vàng bạc báu vật sang các nước Ô Lan, Hoa Lang, Nhật Bản làm lễ vật hòa thân, xin họ cho người sang tập luyện binh pháp cho quân ta. Một mặt lại truyền cho các nơi trong nước vận chuyển lương thảo, đắp đường vét kênh để tiện việc tiến quân.

Chuyện chia làm hai mối, kể tiếp:

Lại nói tháng bẩy năm ấy, Hiền vương Nguyễn Phúc Tần đột nhiên sinh chứng đau ống chân, thuốc men chạy chữa không khỏi. Từ đó Vương đi lại khó khăn, không ngồi voi cưỡi ngựa như trước, vì thế Vương không vui. Vương truyền lệnh cho các tướng luyện tập quân cơ, để mưu đồ khôi phục. Đến lúc ấy triều thần mới nghiệm biết điềm khí lạ năm trước ứng vào việc Hiền vương bị đau chân. Ấy là thiên cơ huyền diệu vậy.

Đến tháng tám, khắp nơi trẻ chăn trâu tụ tập từng đoàn, chia đôi bên tập đánh trận giả, đẽo gỗ làm kiếm kích, dán giấy làm cờ,

---

1. *Ô Lan:* theo Hoàng Xuân Hãn là miền Batavia trên đảo Java (Indônêxia), thuộc địa của Hòa Lan.

2. *Hoa Lang:* tức nước Hòa Lan.

vắt đất làm đạn, mồm kêu giả tiếng súng, kết củi khô làm thuyền để đánh thủy chiến. Thường là suốt ngày đêm reo hò đánh trận giả như thế. Đấy tuy là trò chơi của lũ trẻ, nhưng xem ra cũng là do lòng trời xui nên như thế!

Người thời bấy giờ có thơ vịnh như sau:

Bĩ thái theo nhau vật đổi dời,
Tính ra như thế cũng do trời.
Nước nhà tướng sĩ còn yên gối,
Đồng ruộng nhi đồng đã đấu roi.
Ai bảo Triệu giầu mây trắng cuộn,
Đừng rằng Yên loạn tuyết đen hôi.
Hãy đem tài trí phù thánh chúa,
Giữ vững non sông mãi vạn đời.

HỒI THỨ HAI MƯƠI SÁU

Quân Tây Định áp sát Trấn Ninh
Tướng Hoàng Phương giải vây núi Mật Cật

Lại nói năm Nhâm Tí, niên hiệu Cảnh Trị thứ mười (1672), tháng hai, Hiền vương Nguyễn Phúc Tần nhân lúc nhàn hạ cho gọi con trai, con gái xã Hạ Lang đến trước gác Quyển Bồng chia nhau làm trò mua vui như đánh cờ người, đá quả cầu, đánh đu tiên, đáng kể là ngày hội lớn. Bấy giờ các quan văn võ, dân chúng già trẻ, gái trai bồng con bế cháu cùng đi, người trẩy hội đông không kể xiết.

Rồi Hiền vương cho bãi các trò vui đùa, truyền cho quân nội bộ và quân ngoại thủy chia làm hai quân tả hữu. Quân nội bộ đứng bên phải, quân ngoại thủy đứng bên trái, mỗi bên một thuyền cầm đầu dây, nghe ba tiếng trống thì quân đôi bên ra sức kéo dây, thuyền nào thắng thì được thưởng năm quan tiền. Thế là quân sĩ ra sức kéo, không phân thắng bại. Bỗng chốc sinh ra tranh giành, quân sĩ vứt dây ôm nhau mà vật, cùng lúc đến hơn hai chục người. Hiền vương thấy vậy thích thú cười vang, bèn truyền thôi trò kéo dây, cho thi vật nhau, cùng lúc đến năm, sáu người. Bấy giờ quân nội ở trên thuyền Hoàng Kiếm, có tên quân sĩ tên là Đăng Kiếm được giải nhất, không ai địch nổi. Vương bèn thưởng cho mười quan tiền và một tấm lụa để nêu danh. Từ đó trẻ chăn trâu các nơi thường tụ tập thi nhau kéo dây, đấu vật, đẽo gỗ làm đao kiếm, làm cờ xí, chia quân dàn trận đánh nhau làm trò vui. Xem đó mới biết vận trời như thế.

Ngày mồng một tháng tư, có nhật thực, từ giờ Tị đến giờ Mùi ánh sáng mới trở lại như cũ. Ngày mười sáu lại có nguyệt thực toàn phần, sắc mặt trăng nửa đen nửa đỏ từ giờ Tuất đến giờ Sửu mới sáng lại như trước. Đến ngày mười hai tháng năm, trấn thủ doanh Bố Chính là Triều Tín trước đã sai người do thám tin tức ở Đàng Ngoài, nay trở về báo tin:

– Bọn tiểu tốt chúng tôi vâng lệnh tìm đường đến Trung Đô, dò biết chúa Tây Định tức giận việc năm trước quân ta mắng nhiếc sứ giả, định đem quân vào đánh Đàng Trong, nhưng có văn thần là Thông

quận công bầy mưu, Tây Định nghe theo đã sai người sang cầu thân với các nước Ô Lan, Nhật Bản để nhờ họ huấn luyện chiến pháp cho quân sĩ. Vào khoảng tháng ba, Tây Định đã sai quân vận chuyển lương thảo đến chứa ở hai nơi là Đinh Cầu và ở điện Phù Lộ phía Bắc sông châu Bố Chính. Cho đào kênh Ròn để khai thông đường thủy. Lại cho quân đến núi Câu Vanh ở xã Kim Linh thượng chặt loại gỗ nhẹ và tre nứa chuyển về chất thành đống cao như núi ở hai xã An Bài và Thổ Ngoã để sẵn sàng bắc cầu phao cho quân qua sông Gianh. Truyền lệnh điểm mười tám vạn quân, rước vua Lê đi đánh, Tây Định đích thân làm Nguyên súy quân bộ, Thiếu bảo Phú quận công Trịnh Căn làm Nguyên súy thủy quân, dốc quân cả nước kéo vào chiếm đất phía Nam.

Trấn thủ Triều Tín nghe báo liền truyền lệnh cho tướng sĩ bản doanh sửa soạn quân nhu, voi ngựa để ngự địch, một mặt sai quân phi báo cho các doanh khác cùng biết. Lại sai người về triều bẩm với Hiền vương việc Bắc triều chuẩn bị quân binh như thế. Hiền vương nghe báo chỉ phất tay áo, cười nói:

– Tây Định là kẻ sất phu, không nhớ bài học thất bại năm trước, nay lại dám đặt điều xúc xiểm thiên tử dấy quân vào quấy nhiễu cõi ta lần nữa!

Nói xong Vương liền triệu triều thần văn võ vào phủ bàn định. Hiền vương nói:

– Nay bọn Tây Định lại ép thiên tử dấy quân vào xâm lấn cõi ta, vậy các tướng hãy cùng nhau bàn xem nên cử tướng nào làm nguyên súy nắm quyền cầm quân đi chặn địch, quyết bắt cho được họ Trịnh, phá tan ổ chuột của chúng ở Trung Đô.

Bấy giờ Chưởng doanh Yên Vũ và các tướng thưa rằng:

– Chinh chiến là việc lớn của quốc gia, chức nguyên súy phải chọn được người trí mưu toàn tài, ân uy gồm đủ, có thế chủ tướng mới dốc lòng, ba quân đều kính mộ, nếu không phải là người thân trong vương tộc thì không thể ủy nhiệm được. Bọn thần thấy công tử Hiệp Đức tuy còn ít tuổi, nhưng tài đức kiêm toàn, có mưu lược kinh vĩ cứu nước giúp đời, mọi người đều tuân kính yêu mến, tất nên ủy nhiệm trọng chức đánh bại Bắc quân.

Hiền vương cả mừng, bèn phong cho công tử Hiệp Đức làm

Nguyên súy, vệ úy Phú Lĩnh [1], Ký lục Xuân Đài [2] làm Tham mưu, các văn chức ở ty tướng thần lại là Minh Tiến, Văn Cảnh, Văn Vinh, Văn Học và viên vũ lược tên là Cường cùng đi. Lại sai phò mã Chưởng cơ Đức Kiêm [3] và Tiến Đức [4] làm tả hữu tiên phong, chọn ngày xuất quân đi cự địch, Vương đích thân đem đại quân đi sau tiếp ứng. Lại sai hai viên ở ty tướng thần lại là Cai hạp Trường Lộc tử đến kho Lai Cách, Cai hạp Văn Giang tử đến hai kho Yên Tranh, Trường Dục vận chuyển lương thực phân phát cho ba quân, theo như cách làm của Tiêu Hà đời Hán.

Bọn công tử Hiệp Đức lạy tạ vâng mệnh ra khỏi triều, cùng các tướng chọn ngày hai mươi hai tháng bẩy sẽ xuất quân.

Đến ngày ấy, chỉ thấy:

Binh uy rầm rập, nhuệ khí bừng bừng.
Kiếm kích như mây dồn mù đọng, cờ xí tựa phất tuyết bay sương
Voi ngựa đi tắc đồng nghẽn núi, chiến thuyền dàn kín biển đầy sông
Người người hùng tráng, ai nấy oai cường...
Thừa sức sức yên Nam giới, quét giặc Bắc phương.

Chẳng bao lâu quân đến phủ Tân Thắng ở xã Thạch Xá, phủ Quảng Bình, chia quân dựng đồn đóng trại. Ngày hôm sau Nguyên súy Hiệp Đức cho mời Tiết chế Chiêu Vũ, trấn thủ Mỹ Thắng, Thuần Đức, Tham tướng Tài Lễ cùng các tướng chỉ huy các đạo đến bàn định việc quân.

Nguyên súy Hiệp Đức đứng dậy khoanh tay nói:

– Tiểu sinh tài thưa học cạn, kém trí ít mưu, được thánh thượng ủy thác quyền chức nặng nề, trộm nghĩ sợ không kham nổi. Mọi việc tất phải nhờ cậy ở các tướng quân. Rất mong các ông cùng đồng lòng hiệp sức trừ giặc ác khuông phò vương thất. Nay giặc Trịnh đem quân xâm phạm bờ cõi, các ông hãy sớm bày mưu định kế để quét diệt quân giặc, lập công bình định để rạng mặt hào kiệt xứ Nam. Đấy là lời tim phổi của Hiệp Đức tôi. Các ông có điều gì cứ nói, xin đừng ngần ngại.

1. *Phú Lĩnh:* tên hiệu của Vệ úy Mai Nhuận.
2. *Xuân Đài:* Ký lục Vũ Phi Thừa.
3. *Đức Kiêm:* Chưởng cơ Trương Phúc Cương.
4. *Tiến Đức:* Chưởng cơ Nguyễn Đức Bảo.

Bấy giờ Tiết chế Chiêu Vũ cùng các tướng đều đứng cả dậy, chắp tay vái mà nói rằng:

– Bọn thần đội ơn Thánh thượng bao dung, nếu có chút ít tài năng nguyện xin dốc sức trâu ngựa để đền ơn Thánh thượng, đâu dám che giấu điều gì không nói. Có điều là bọn thần nghe rằng chúa Trịnh dốc quân cả nước kéo vào đây, thế lực mạnh lớn, chứ không phải như bọn quận Phú, quận Đương trước đây có thể sánh được. Nay Nguyên súy thân nhận vương mệnh đã trù tính ở chốn miếu đường, cầm quân đến đây để bọn thần được hợp sức chặn địch, bọn thần chưa biết chủ kiến của Nguyên súy đánh giữ ra sao nên cũng khó tính liệu. Xin Nguyên súy xét rõ, sớm phát hiệu lệnh chỉ thị để bọn thần có sở cứ, ai nấy tuân lệnh mà làm thì mới khỏi lầm lỡ.

Nguyên súy Hiệp Đức nghe xong, lại khiêm tốn nói:

– Hiệp Đức tôi tuy làm Nguyên súy, nhưng tuổi đời còn ít, chưa từng xông pha chiến trận. Các tướng quân lâu năm theo việc binh, tình hình quân giặc hư thực thế nào đều hiểu rõ. Huống chi các vị lại là các bậc tuổi tác cao niên, mưu lược liệu địch, đặt kỳ tất giỏi hơn Hiệp Đức tôi nhiều lắm. Xin các ông cứ bày tỏ hết những điều hiểu biết uẩn khúc của mình, tiểu sinh sẽ liệu bề châm chước, ngõ hầu làm tròn đại sự của quốc gia. Mong các ông chớ nên chối từ.

Các tướng nói:

– Không dám! Không dám! Xin Nguyên súy sớm phát hiệu lệnh, bọn thần sẽ theo đó tuân hành để phép quân được sáng tỏ.

Rồi đó Nguyên súy Hiệp Đức bèn hạ lệnh điều quân khiển tướng. Lệnh cho Tiết chế Chiêu Vũ đem quân dàn trận ở lũy Cát và giữ bãi Trường Sa bên bờ biển; trấn thủ Quảng Bình là Đại tướng Mỹ Thắng đem quân đến giữ Chính Lũy, trên từ Khe Cự, dưới đến Hói Tráng; trấn thủ Cựu Dinh là Thuần Đức đem quân đến giữ lũy Đòn Võng, tướng tiên phong là Chưởng cơ Đức Khiêm và Tiến Đức, Cai đội Hoằng Tín, Tham mưu Xuân Đài đem quân đến giữ thành Trấn Ninh. Cai cơ Thuận Trung đem quân đến giữ cầu Mũi Nậy và đài Mũi Thóc. Tham tướng Tài Lễ đem chiến thuyền đến Hãn Nội, dàn ở hai bên để giữ cửa biển Nhật Lệ. Lại sai người truyền lệnh cho Trấn thủ Triều Tín ở doanh Bố Chính cấp tốc sai quân hộ vệ dân chúng bản châu vào cả trong lũy, tất cả già trẻ trai gái không để sót một ai, sau đó đem quân vào giữ lũy Động Hồi ở chỗ núi Đâu Mâu. Các tướng ai nấy tự chia quân đi đóng giữ nghiêm ngặt, nghe hiệu lệnh mà thi hành, không được trễ

nải. Nếu trái lệnh sẽ trừng phạt theo phép quân không tha thứ.

Các tướng tuân lệnh ra khỏi trướng nguyên súy, nói riêng với nhau, ai nấy đều khen ngợi: "Nguyên súy truyền phát hiệu lệnh nghiêm minh, cắt đặt gọn gàng đầy đủ, quả là bậc tướng có tài". Sau đó các tướng đem quân đi đóng giữ các nơi như lệnh định, ai nấy đều lo chỉnh đốn khí giới, quân nhu sẵn sàng đánh địch.

Lại nói chuyện ở Bắc triều, Tây Định vương Trịnh Tạc tức giận người của Nam triều lăng nhục sứ giả, đã truyền lệnh chỉnh đốn binh mã, liền sai Đô đốc Hào Man Lê Thì Hiến làm tiên phong, Tây Định đích thân làm nguyên súy, rước vua Lê ngự giá cầm quân đi tiếp ứng. Lại sai Thiếu bảo Phú quận công Trịnh Căn làm Nguyên súy thủy quân. Quân thủy bộ tất cả có mười vạn, nói phao lên là có mười tám vạn. Chọn ngày hai mươi tám tháng sáu đem quân xuất phát, tiến vào phía Nam.

Chỉ thấy:

Xe loan chuyển bánh, Thiên tử rời kinh,
Quân hổ bí tiền hô hậu ủng, phất pha hình hổ báo trên cờ.
Đội long nhương tả dực hữu phù, cuồn cuộn lưng rắn rồng giữa phướn;
Trống khua sừng thúc vang trời đất, chiêng rung phèng chát dậy non sông.
Kiếm kích lòa buốt sương, ngựa voi đi đầy núi;
Dập dờn cuồn cuộn như sóng biển dâng trào, ùn ùn lớp lớp tựa mây dồn mưa dập,
Đúng là Hoàng đế hành quân, hàng ngũ thật chỉnh túc.

Trung tuần tháng bẩy quân Trịnh đến châu Bắc Bố Chính dàn quân đóng trại ở phía Bắc sông. Đến trung tuần tháng tám Tây Định vương hạ lệnh phát binh qua sông Gianh tiến vào địa giới xứ Nam. Quân tiên phong đóng ở xã Đông Cao. Chính binh đóng ở bờ sông Thanh Hà. Do thám của quân Nam trở về báo tin với Trấn thủ Triều Tín. Triều Tín liền sai Cai đội Hoàng Lộc đem quân các nơi từ đầu núi ra đến biển hộ vệ dân chúng bản châu, tất cả già trẻ, trai gái đều vào cả trong lũy để khỏi bị quân Trịnh nhiễu hại. Một mặt sai người vào triều bẩm báo và trình lên Nguyên súy.

Bấy giờ Trấn thủ Triều Tín chia quân đóng giữ thành trì nghiêm ngặt để phòng ngự. Đến ngày mồng ba tháng chín, Tây Định rước vua Lê và dẫn quân qua sông Gianh, tiến thẳng đến trước lũy của quân Nam ở

doanh Bố Chính. Quân hai bên đóng trại đối nhau. Trấn thủ Triều Tín đem quân chặn địch, đánh lớn một trận. Nhưng vì quân ít không địch nổi, Triều Tín phải cho quân lui vào Chính lũy ở núi Động Hồi. Quân Trịnh thừa thắng đuổi theo, tướng tiên phong Hào Man Lê Thì Hiến dẫn quân tiến thẳng đến đóng từ xã Chính Thủy đến đầu núi, sai quân đắp lũy đào hào, dựng trại. Tây Định vương đem quân vào đóng doanh Bố Chính, chia quân giữ chặt vào các làng mạc sục sạo bắt người cướp của. Có khi bắt được dân Đàng Trong, bất kể già trẻ, trai gái, bọn họ đều lấy sọt cứu hỏa khoét lỗ ở đáy rồi chụp vào cổ mà quay, máu me chảy lênh láng, dân chúng kêu khóc vang động gần xa. Tra khảo để lấy của cải lại càng thảm khốc hơn nữa.

Tây Định lại sai các đạo quân xây đắp thành lũy từ núi ra đến biển để làm kế lâu dài. Truyền lệnh cho Nguyên súy thủy quân Phú quận công đem thuyền trường xà và chiến thuyền, tất cả hơn tám trăm chiếc đến đậu ở sông Gianh để sẵn sàng đánh vào bãi cát Trường Sa, đến cửa biển Nhật Lệ thì cho quân bỏ thuyền lên bộ đánh vào sau lưng quân Nguyễn. Sai Tham đốc Thắng quận công đem hơn ba mươi chiếc thuyền đến đóng chỗ ngôi miếu ở cửa biển Nhật Lệ để tiếp ứng cho quân bộ. Sai Phò mã Hương quận công đắp đài súng ở xứ Cồn Mắm thuộc xã Trấn Ninh, đặt súng lớn để bắn gẫy cầu Mũi Nậy làm cho quân Nam không đi lại qua sông được.

Bên quân Nam, Nguyên súy Hiệp Đức dò biết được kế sách tiến binh của bên Trịnh, bèn sai quân nghiêm ngặt đánh giữ các thành trì. Lại sai Tham tướng Tài Lễ đắp đài súng ở trong thành Trấn Ninh, đặt đại bác ở cầu Mũi Nậy để đối chọi với đài súng của quân địch.

Từ đó quân hai bên Nam, Bắc đều giữ thế cố thủ.

Lại nói Nguyên súy Hiệp Đức từ khi vâng mệnh đem quân đi đánh giặc đã hơn hai tháng, chỉ dùng đàn ông làm người hầu phòng ngủ trong trướng, không dùng đàn bà con gái. Có viên cai đội người vùng ấy là Bật Nghĩa có con gái yêu kiều, xinh đẹp dò biết chuyện ấy, bèn nhờ người đem con gái tiến vào trong trướng để hầu hạ khăn lược. Hiệp Đức trông thấy liền nổi giận mắng:

– Ta chỉ muốn dẹp tan quân giặc, sao ngươi dám đem nữ sắc đến cầu ta? Ta vốn không có lòng ấy, lẽ ra phải mổ bụng ngươi để cảnh cáo người khác. Chỉ thương ngươi nghèo đói muốn sống nổi tấm thân nên đến nỗi phải như thế.

Nói đoạn sai người cho mười quan tiền rồi đuổi đi. Người con gái

ấy thẹn thùng kinh sợ trốn về. Bật Nghĩa thấy vậy sợ hãi khôn xiết. Người ngoài biết chuyện đều chê là tham lam.

Lại nói ngày năm tháng chín năm ấy, Hiển vương ngự ở chính điện, triệu hội quần thần bàn việc đối phó với quân Bắc. Trấn thủ doanh Bố Chính sai người về thưa rằng:

– Hoàng đế Bắc triều và chúa Tây Định đem mười tám vạn quân vào xâm phạm bờ cõi, đóng quân ở Bố Chính, thả quân đi cướp bóc dân chúng.

Hiển vương hỏi các quan văn võ:

– Nay Tây Định đem mười tám vạn quân vào xâm lấn bờ cõi. Quân chúng đông, quân ta ít, các khanh có cách gì chống giặc?

Cai cơ nội là Minh Lễ [1] thưa:

– Quân Bắc tuy đông nhưng như đàn sẻ bầy quạ. Quân ta tuy ít nhưng đều là quân tinh nhuệ hùng tráng, một người có thể địch được mười người. Vả trong địa giới của ta có hào sâu lũy cao, nước giàu lương đủ thì việc gì phải sợ quân chúng đông người? Người xưa từng nói: "Một người giữ chỗ hiểm, nghìn quân không địch nổi". Huống chi binh pháp có câu: "Đánh thành là tai họa của binh gia". Nay quân Trịnh đang giữa tiết thu đông phát quân tiến vào cõi ta, nhưng ở chỗ Khe Cự là vùng khí độc. Nếu gặp mưa gió bão lụt thì phía trong cao, phía ngoài thấp, khí độc bốc lên làm hại quân chúng. Nếu lại ăn uống phải nước độc thì thiệt mạng. Bên ta không phí một mũi tên hòn đạn mà giành được toàn thắng. Ấy là vì họ Trịnh không hiểu thiên thời, không biết địa lợi. Quân ta nên đóng giữ nghiêm ngặt, tránh giao phong với bọn chúng. Chỉ trong vài tháng quân Trịnh hết lương tất phải tháo chạy về Bắc. Ta thừa thế tung quân đuổi theo, chỉ một hồi trống là thành công lớn.

Các tướng đều đồng thanh nói:

– Kế ấy rất hay. Xin Thánh thượng truyền lệnh cho các đội quân ở chiến trường cứ theo thế mà làm.

Hiển vương nghe xong trầm ngâm nghĩ ngợi hồi lâu, rồi nói:

– Kế ấy rất hay, chỉ hiềm quân ta tự biết quân mình ít mà quân Bắc đông thì trong lòng không tránh khỏi lo sợ.

Bấy giờ Thủ bạ Đông Triều thưa:

---

1. *Minh Lễ:* tên tước của Cai nội tả Tống Đức Minh.

– Quân Bắc nói phao lên là có mười tám vạn vào xâm phạm cõi ta, thần liệu xét thì quân Trung Đô chỉ có từ mười vạn trở xuống chứ không nhiều hơn, huống chi khắp bốn trấn đều đang có quân làm phản. Nay Tây Định đem quân vào xâm lấn, ước chỉ khoảng từ bẩy vạn đến chín vạn mà thôi. Hạng tinh binh ở lại giữ Trung Đô bất quá chỉ còn hai vạn, có lấy thêm hương binh cũng chỉ được chừng một vạn nữa là cùng. Bọn họ làm sao dám bỏ nước trống không mà dốc quân vào đây? Còn như nói mười tám vạn thì e rằng đó chỉ là nói không đích thật đúng số. Thần có một kế gọi là phép "lấy rỗng, phá rỗng".

Hiền vương nghe nói cả mừng, hỏi:

– Kế như thế nào, khanh mau trình rõ.

Thủ bạ Đông Triều nói:

– Số quân của ta đã có mười sáu vạn, xin chọn thêm mười vạn hương binh nữa, cộng là hai mươi sáu vạn, đủ sức chặn đánh quân Bắc, không có gì phải lo lắng.

Hiền vương nghe xong có ý nghi ngại, nhưng chỉ lặng yên không nói. Thủ bạ Đông Triều biết ý bèn đi đến bên cạnh nói với Chúa rằng:

– Hai nước tranh chấp nhau tất có kẻ do thám đi lại. Nói là mười sáu vạn quân chỉ là lời nói hư trương của thần mà thôi. Xin Chúa thượng cứ dương ngôn là giao cho thần tuyển thêm mười vạn, Vương thượng đích thân thống lĩnh hai mươi vạn đi đánh, còn sáu vạn đóng giữ các cửa biển và bãi cát Trường Sa. Lại sai viết tờ lệnh truyền cho các viên cai cơ, cai đội, đội trưởng tuân theo mệnh lệnh đem quân đi tiễu trừ quân Bắc, cứ nói phao lên như thế để lừa quân địch. Quân Bắc nghe thấy sẽ kinh hồn bạt vía, không đánh mà cũng tự tan rã. Ngu ý của thần như thế, cúi xin Thánh thượng xét đoán.

Hiền vương nghe xong cả mừng vỗ chiếu cười nói:

– Kế ấy rất diệu, phải cho thi hành ngay!

Thủ bạ Đông Triều vái tạ tuân lệnh. Hiền vương cho bãi chầu.

Ngày hôm sau Hiền vương ra ngự sớm ở gác Quyển Bồng, triều thần đều đến chầu đông đủ. Lạy mừng xong, Vương bèn truyền lệnh cho Thủ bạ Đông Triều sai ty tướng thần lại phái người đến các phủ huyện ở hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam chọn thêm mười vạn hùng binh để cho đủ số hai mươi sáu vạn và viết lệnh chỉ truyền cho các chức cai cơ, cai đội, đội trưởng đem quân đi chặn giặc. Nếu ai lười biếng trái lệnh sẽ trừng trị theo phép nước. Rồi đến ty tướng thần lại

bàn việc tuyển quân. Lại lấy năm trăm tờ giấy trắng sai người viết lệnh. Lại truyền cho các viên đội trưởng nội thủy cùng các chiến thuyền đến ngày mồng chín đến gác Quyển Bồng để nhận lệnh.

Đúng sáng mồng chín, Hiền vương ngự ở gác Quyển Bồng, Thủ bạ Đông Triều truyền cho các tướng nhận lệnh. Các tướng vái tạ nhận lệnh rồi ra khỏi triều, trở về bản doanh sửa sang quân nhu, khí giới, sẵn sàng xuất quân. Hiền vương lại truyền lệnh cho các tướng chỉnh điểm binh mã, thủy bộ ba quân chọn ngày hai mươi ba tháng ấy phát quân đi cự địch. Sai sáu vạn hùng binh đóng giữ các cửa biển cùng bãi cát Trường Sa. Các tướng tuân lệnh sửa sang khí giới voi ngựa, chiến thuyền, đạn dược đợi lệnh tiến quân. Bấy giờ do thám của quân Bắc dò biết tình hình điều quân của chúa Nam bèn luôn đêm lén về Bố Chính bẩm với Tây Định vương:

– Chúa Nam phát hai mươi vạn quân chặn đánh quân ta. Còn sáu vạn hùng binh thì điều đến mai phục ở các cửa biển và ở bãi cát Trường Sa để sẵn sàng đánh úp khi thủy quân bên ta đổ lên bờ. Về các tướng tá chỉ huy thì như thế, như thế.

Tây Định nghe xong cả kinh, bèn truyền lệnh cho các tướng:

– Nay quân Nam đông hơn quân ta, các ngươi phải đề phòng cẩn thận, không được sơ suất, nếu không sẽ trúng mưu kế của địch. Lại truyền cho Nguyên súy thủy quân Phú quận công dẫn thủy quân đánh chiếm các nơi trọng yếu ở cửa biển gần bãi cát Trường Sa phải thăm dò cẩn thận, không vội đổ quân lên bờ để khỏi bị quân địch đánh úp. Thế là Phú quận công Trịnh Căn vâng lệnh chỉ đồn trú thủy quân ở sông Gianh, không dám khinh động tiến phát.

Người đương thời có thơ khen Thủ bạ Đông Triều như sau:

Bắc quân muôn vạn dậy hùng uy,
Ruổi gấp về Nam ngựa chiến phi.
Đạo Tế đếm cờ quân thêm mạnh,
Ngu Công tăng bếp địch càng nghi.
Quân kia trông thấy liền kinh khiếp,
Nước tổ lo gì kẹt thế nguy.
Trời biết triều ta rồi gặp nạn,
Đã cho Thủ bạ [1] phép thần kỳ.

---

1. *Thủ bạ:* chỉ Trần Đình Ân.

Lại nói Hiền vương chọn ngày hai mươi ba tháng ấy làm lễ tế cờ đạo [1] trước khi xuất quân. Lệnh cho Cai cơ Quyền Tín đem ba cơ quân thủy cùng đội chiến thuyền hữu bính đóng giữ ở cửa biển Tư Dung. Cai đội Tín Mỹ dẫn đội chiến thuyền hậu thủy đóng giữ ở cửa Nại Hải, Cai đội Mỹ Tài dẫn cơ chiến thuyền hậu thủy đóng giữ ở cửa Tùng Luật, tri huyện của năm huyện dẫn hương binh đến đóng giữ ở các cửa biển dọc bãi cát Hoàng Sa. Đến ngày hai mươi lăm, Hiền vương ngự giá thống lĩnh đại quân thủy bộ tiến phát.

Chỉ thấy:

Xe cộ dồn dồn, cờ rồng phướn hổ uy nghiêm,
Tàn lọng ngời ngời, giáp sắt mũ vàng chói lọi.
Kiếm kích soi sao sáng, thuyền chiến ánh sơn xuyên.
Quân thủy bộ tựa mây dồn khói tụ, ngựa voi dàn chật
núi đầy đồng.
Thế quân đầy uy tráng, hiệu lệnh thật nghiêm hùng.
Một trận tì hổ xua quân Bắc, muôn năm rồng phượng
mạnh trời Nam.

Ngày hôm ấy thủy quân tiến đến đồi cát Hải Cố, bỗng có trận gió từ phía Tây Nam nổi lên, cát bụi bốc mù mịt, sóng dâng ngút trời, chiến thuyền lướt gió tiến lên. Bấy giờ có chiếc thuyền đánh cá dạt vào gần đội thuyền tiên phong, quân sĩ bèn bắt giữ xét hỏi:

– Thuyền của ngươi từ đâu dám đường đột đến đây?

Người trên thuyền đáp:

– Tiểu nhân là người Nghệ An, vì nhà nghèo nên phải làm nghề đánh cá để sinh sống, không may gặp gió lớn đứt neo nên thuyền trôi đến đây, thật lòng tiểu nhân không dám xúc phạm đến đại quân, cúi mong các vị thứ lỗi cho.

Quân sĩ bẩm lên cho Hiền vương biết. Vương liền nói:

– Đấy là bọn giặc Trịnh đến nộp đầu!

Nói đoạn bèn hạ lệnh chém bêu đầu để làm điềm đại thắng, truyền cho quân sĩ hò reo lướt tới. Không bao lâu đoàn chiến thuyền đã đến phủ Toàn Thắng ở Cựu Doanh, Vương truyền cho đông cung Thế tử Phúc Mỹ hầu dẫn quân ở thủy doanh và ba thủy đội chiến

---

1. *Cờ đạo:* lá cờ lớn bên trên có chùm lông trĩ, vốn là cờ cắm bên xe vua, thường giao cho tướng cầm quân ra trận.

thuyền đóng giữ ở cửa Yên Việt. Lại sai Cai cơ Thái Sơn dẫn cơ ngũ dực, Cai cơ Thuận Trung dẫn cơ nội bộ và các thuyền đường sông tiếp đến đóng giữ thành Trấn Ninh. Các tướng ai nấy phải tự lo liệu chỉnh đốn binh sĩ, khí giới để đánh giặc. Lại nói bên quân Bắc, Tây Định vương Trịnh Tạc từ khi đem quân đến châu Bố Chính chưa đánh trận nào, chỉ sai quân đào những đường hầm ngoằn ngoèo, những đường hào rắn lượn sâu chừng năm, sáu thước, từ trong dinh quân Bắc áp sát đến mặt lũy Trấn Ninh để cho quân đánh thành đi lại khỏi bị tên đạn sát thương, làm kế cầm cự lâu dài. Đến trung tuần tháng mười, quân Bắc ở đường thượng đạo do Tham đốc Văn Lộc chỉ huy thường sai quân lẻn vào do thám lũy Đồng Hới, qua lại ở núi Mật Cật để dòm ngó tình hình bên quân Nam. Bấy giờ trấn thủ Bố Chính Triều Tín ở trong doanh trông thấy quân Bắc vào ra như vậy bèn triệu tập các tướng trong doanh bàn rằng:

– Bọn nhãi nhép Văn Lộc dám sai quân nhòm ngó bên ta. Ta phải xuất quân bắt sống hắn chém đầu thị uy cho hả giận.

Lúc ấy Phó tướng bản doanh là Cai đội Vân Trường [1] nói:

– Mổ gà không cần nói đến dao trâu, xét bọn Văn Lộc chỉ là dúm quân nhỏ nhoi, Đại tướng không phải ra tay đối địch. Vân Trường tôi xin lĩnh một đội quân đến đóng trên núi Mật Cật ém binh mai phục, chờ quân bọn Văn Lộc kéo đến thì chỉ cần một hồi trống là bắt được hắn. Chủ tướng không phải lo ngại nhiều. Nếu không giữ núi đó để bọn chúng chiếm được thì đồn lũy của ta ở sát gần chân núi sẽ bị chúng nhìn rõ trong lòng bàn tay, thấy bên ta ít quân, tất chúng sẽ tăng quân để chiếm đồn lũy thì quân ta khó giữ nổi. Tiểu tướng gắng sức ngựa hèn, quyết liều chết để báo đáp. Xin chủ tướng chớ bận tâm.

Cai đội Hoằng Phương nghe Vân Trường nói vậy liền can:

– Không được! Không được! Núi Mật Cật ở nơi trơ trọi, xung quanh là đất bằng không có cây cối để đặt quân mai phục. Ta nên dựa vào thế sát núi gần sông, ém quân không lộ tung tích khiến bọn chúng không nghe tiếng động, không thấy khói lửa, thế là gọi "nén giấu tận chín tầng đất mà tung lên tận chín tầng trời". Như thế mới có thể bắt được bọn chúng. Nay Vân Trường định đem quân lên đóng trên núi Cật Mật, quân Bắc trông thấy biết đội quân ấy thế cô, chẳng khác gì đem dê nhử hổ vậy. Chỉ sợ kế ấy không thành thì trái

---

1. *Vân Trường:* tên hiệu của Cai cơ Trương Văn Vân.

lại làm mất uy phong của quân ta, mà làm tăng ý chí quân Bắc. Nếu muốn dùng kế đặt phục binh, chi bằng chia quân đến mai phục ở khu rừng rậm trước mặt lũy. Hễ bọn chúng kéo đến thì quân ta đầu động đuôi ứng, đuôi động đầu ứng, tất sẽ thắng được. Việc gì phải đem thân đóng lọt vào giữa vòng vây?

Vân Trường nghe xong xẵng giọng nói to:

– Vân Trường này là con cháu nhà tướng, vốn hiểu biết các phép lục thao, tam lược, cách dàn trận bầy quân trong binh pháp, trên thông thiên văn, dưới biết địa lý. Nếu đại quân của Tây Định kéo đến, Vân Trường này sợ gì? Huống chi Văn Lộc chỉ là đứa sát phu nhãi nhép ít mưu trí, Vân Trường này phải bắt sống hắn bằng được để tỏ mặt anh hùng hào kiệt. Há như bọn ngươi giữ thói đàn bà sợ chết tham sống thì đến bao giờ mới giương danh được với hậu thế?

Trấn thủ Triều Tín nghe hai tướng cãi nhau bèn hòa giải:

– Đánh giặc là việc lớn của quốc gia, cần phải suy xét kỹ, anh em không nên tranh chấp nhau làm mất hòa khí. Đó không phải là đạo của kẻ nhân thần.

Rồi Triều Tín lệnh cho Cai đội Vân Trường đem quân đến đóng ở núi Cật Mật. Vân Trường được lệnh liền đem quân đi ngay, chia đóng giữ các nơi hiểm yếu, sai người chặt cây dẫn gỗ, dựng thành rào lũy trên đỉnh núi. Ban ngày giương cờ gióng trống, ban đêm đốt khói lửa để thêm thanh thế chế ngự quân giặc. Mấy ngày sau Cai đội Hoằng Phương nói với Trấn thủ Triều Tín:

– Vân Trường là kẻ vô học, không hiểu binh pháp, chẳng biết địa hình, chỉ cậy sức mạnh chứ không có mưu kế, sớm muộn tất sẽ bị quân Bắc vây khốn làm lỡ việc nước. Hoằng Phương tôi xin dẫn một đội quân ra khỏi lũy mai phục để sẵn sàng cứu ứng.

Trấn thủ Triều Tín cho là phải liền nghe theo. Hoằng Phương dẫn quân bản bộ lén ra mai phục ngoài lũy.

Tướng bên quân Bắc là Văn Lộc dò biết Vân Trường đem quân đóng trên núi Mật Cật để làm thế dụ địch, cả giận nói:

– Vân Trường là kẻ điên khùng không biết binh pháp, chẳng hiểu trận đồ, đem quân đến đóng ở chỗ núi cô. Ta phải bắt bằng được hắn.

Nói đoạn lệnh cho Thự vệ Mẫn Trung, Cai đội Vân Dương dẫn

hai trăm quân ngay canh hai đêm ấy người ngậm tăm, cờ cuốn cán theo đường khuất lén đến núi Mật Cật chia quân bao vây khắp bốn phía, rồi bất ngờ thốc lên đỉnh núi đốt lửa đánh gấp vào, quyết bắt sống cho được Vân Trường đem về nộp, nếu sơ suất để Vân Trường trốn thoát thì sẽ trừng trị theo quân pháp. Đích thân Văn Lộc sẽ đem đại quân đi tiếp ứng.

Bọn Mẫn Trung nhận kế thi hành.

Canh hai đêm ấy, hai trăm quân Bắc do Mẫn Trung, Vân Dương chỉ huy, nhân lúc trời tối bí mật đến núi Mật Cật theo mưu kế định trước vây chặt núi, trong ngoài kín mít như bưng. Mẫn Trung truyền lệnh cho các quân khi tiến đến đầu núi thì nhất tề đốt đuốc, hò reo xông lên cướp trại. Bấy giờ tướng bên Nam là Cai đội Vân Trường đang ở trong trại thấy xung quanh chân núi lửa cháy rừng rực, tiếng hò hét vang trời. Vân Trường cả sợ biết là bị quân Bắc bao vây, vội xua quân ra giao chiến. Thế là trong lúc bất ngờ, quân lính của Vân Trường hoảng hốt xô nhau vứt khí giới bỏ chạy, không sao ngăn nổi, cả đội quân chạy vợi mất quá nửa. Vân Trường ra sức chống cự, chém đầu được hơn mười tên quân Bắc. Khi Vân Trường đã mệt mỏi rã rời, lại nghe khắp nơi quân Bắc đều hô to: "Phải bắt sống Vân Trường đem về báo công lĩnh thưởng", Vân Trường xiết đỗi kinh sợ, ngửa mặt lên trời than rằng:

– Thần thờ chúa Nguyễn, muốn tròn đạo bề tôi để rạng mặt anh hùng, nêu công danh muôn thuở. Không ngờ mệnh trời như thế, Vân Trường này có sống cũng còn ích gì?

Than xong định rút gươm tự vẫn. Quân sĩ tâm phúc giằng lấy gươm, can rằng:

– Tướng quân được hưởng lộc hậu của nhà chúa thì nên gắng sức báo đền ơn nước. Nay sự đã như thế, âu cũng là thường tình của binh gia. Tướng quân nên mau tìm đường thoát mà về để mưu tính kế khác, cớ sao chịu chết uổng ở đây?

Vân Trường cho là phải, bèn cởi áo bào gấm, nón trận, thay mặc quần áo đội nón như lính thường rồi chạy ẩn vào trong lèn đá. Quân Bắc tranh nhau sục sạo tìm bắt nhưng không thấy Vân Trường. Lại nói đêm ấy tướng bên Nam là Cai đội Hoàng Phương đem quân mai phục trong khu rừng rậm trước lũy, thấy ở đầu núi Mật Cật lửa cháy sáng bừng, lại nghe tiếng reo hò mới biết là quân Bắc đã đánh tan

quân của Vân Trường ở trên núi. Hoằng Phương vội dẫn quân đến ứng cứu. Vừa đến quân núi thì gặp quân Bắc. Hoằng Phương đốc thúc quân sĩ xông vào đánh lớn. Quân Bắc thấy viện binh của quân Nam bất ngờ ập đến, không biết nhiều ít ra sao, ai nấy vội rẽ gai lướt cỏ chạy xuống núi tìm đường chạy trốn. Thấy Vân Trường mặc quần áo lính thường đang ngồi bên tảng đá, quân Bắc tưởng đó cũng chỉ là tên tiểu tốt bên quân Nam, bèn xẻo lấy đầu mũi rồi bỏ chạy. Khi xua quân đuổi theo, từ xa Hoằng Phương đã trông thấy Vân Trường bị quân Bắc xẻo mũi. Nhưng thình lình đại quân của Văn Lộc tiến đến tiếp ứng, Hoằng Phương thấy quân Bắc quá đông bèn thu quân, cứu Vân Trường đưa về lũy.

Trấn thủ Triều Tín cả giận trách mắng Vân Trường:

– Trước quân thì ngươi khua môi múa mép, mắng nhiếc các quan. Nay làm hao tổn quân sĩ, chuốc nhục vào thân như thế, còn có gì đáng nói nữa.

Vân Trường cúi đầu than rằng:

– Tướng để quân thua, thật không còn gì dám nói. Tôi chỉ một chết không oán thán.

Trấn thủ Triều Tín nói:

– Cái đầu của ngươi, ta hãy tạm gửi trên cổ đó! Để đợi bẩm lên Thánh thượng biết rồi sẽ hay.

Rồi Triều Tín sai người về triều bẩm việc Vân Trường để thua quân như thế. Hiền vương nghe xong nói với triều thần:

– Tội của Vân Trường, phép quân không thể dung tha. Nhưng Vân Trường là người đầu tiên ở xứ Nghệ An đã ứng nghĩa theo làm bề tôi ở bên ta, vất vả chinh chiến trong hơn năm, sáu năm, từng lập nhiều chiến công. Con người Vân Trường khá có dũng lược, như bàn việc tranh giữ núi Mật Cật thì rất có lý, nhân đó mới cậy sức mạnh mà không có mưu trí, định làm cho rạng vẻ anh hùng nên mới đến nỗi như thế. Xét công trước để chuộc tội sau, kể cũng đáng tha thứ.

Vương bèn truyền lệnh tha tội cho Vân Trường, vẫn cho giữ chức Cai đội như cũ, hàng năm cấp một trăm quan tiền để nuôi dưỡng đến trọn đời; cho phép trở về Phúc Tuy dưỡng bệnh. Các tướng biết chuyện đều không ngớt lời ca tụng đức độ của Hiền vương nhân từ.

Người đương thời có thơ vịnh như sau:

Ngời ngời thánh đức rạng trời Nam,
Giáo hóa muôn phương ức vạn năm.
Nhân tựa Thuấn Nghiêu tràn khắp chốn,
Đức như Thang Vũ gội thấm dần.
Suy công chuộc lỗi ban ơn xuống,
Xét cũ biết nay bậc khác phàm.
Bao thuở minh quân đều một đạo,
Sân triều văn võ chúc muôn năm.

HỒI THỨ HAI MƯƠI BẢY

Quận Lan thả diều lửa đốt thành
Chiêu Vũ quăng bàn chông phá trận

Bấy giờ tướng Bắc là Văn Lộc có công đánh thắng quân của Vân Trường, bèn sai người báo lên chúa Tây Định, tự khoe lập công đầu trong lần Nam chinh này. Tây Định nghe tin vui mừng khôn xiết, trước mặt triều thần bèn khen ngợi thêm lên, rồi sắc phong cho Văn Lộc chức Đô đốc đồng tri và ban thưởng vàng bạc rất hậu. Từ sau trận núi Mật Cật, quân đôi bên Nam, Bắc đều cố thủ thành trì không ra quân giao chiến.

Đến ngày hai mươi tháng mười một, quân Bắc sai người đến ngoài thành Trấn Ninh nói to:

– Mời tướng bên Nam ra ngoài thành nghe một lời.

Bên quân Nam, Chưởng cơ Tiến Đức là phò mã Đức Kiêm nghe nói như vậy bèn sai người phi báo với Tiết chế Chiêu Vũ, một mặt cũng sai người ruổi ngựa báo lên nguyên súy biết. Nguyên suý Hiệp Đức sai người truyền lệnh cho Tiết chế Chiêu Vũ chọn một người có tài ăn nói, bác cổ thông kim ra ngoài thành đối đáp với người bên quân Bắc.

Tiết chế Chiêu Vũ cho gọi các tướng đến Lũy Cát bàn định, rồi lệnh cho Cai hợp Tú Minh, Đội trưởng Mỹ, Xá sai Đô Quỳnh cùng ra ngoài thành Trấn Ninh đối đáp với sứ Bắc. Lại truyền cho Cai đội Văn Giáp mở cửa thành cho bọn Tú Minh đi ra, còn tự mình dẫn quân mai phục sẵn ở trong thành để nếu quân địch có giở trò gì bất trắc thì lập tức đem quân ra ngoài thành cứu viện. Bọn Tú Minh vâng lệnh, vào giờ Thìn ngày hai mươi ba, ba người áo mũ chỉnh tề thong thả dắt tay nhau bước ra ngoài lũy, thấy sứ giả Bắc triều gồm một viên văn thần và hai viên võ tướng đã đứng chờ sẵn. Sứ giả hai bên gặp nhau, chào hỏi xong thì ngồi thành hai phía gần nhau. Sứ Bắc hỏi:

– Sứ Nam ra đây có việc gì?

Tú Minh đáp:

– Thấy mời thì ra để khỏi thất tín, hơn nữa các quan bên Bắc vào

cõi Nam đã hơn năm, sáu tháng nay, chúng tôi vì bận việc nước chưa lần nào rỗi để đón tiếp. Nhân vì hôm trước nghe có tên quân đến mời nên chúng tôi ra đây gặp các ông. Chẳng hay chuyến này vào đây, các ông có công cán gì, xin cho chúng tôi được rõ.

Sứ Bắc đáp:

– Nguyên là năm trước Hoàng đế nhà Lê sai sứ giả vào hỏi Nam chúa về việc nước, nhưng khi sứ giả đến xã Thạch Hà thì chúa Nam sai tiểu tốt đến lăng mạ sỉ nhục, lại đuổi sứ giả về. Ấy là Nam chúa trên không tôn kính Thiên tử, dưới khinh mạn triều đình, khiến cho Hoàng đế oai trời thịnh nộ, phải ngự giá thân chinh thống lĩnh mười tám vạn hùng binh vào cõi Nam để trách phạt vì việc ấy. Bọn chúng tôi báo cho các ông biết như vậy chứ có gì đáng phải nói đâu?

Tú Minh nghe xong cả cười đáp:

– Các ông nhầm rồi. Tôi có một lời, mong các ông cứ bình tĩnh mà nghe: năm trước sứ Bắc đến tuần Thanh Hà, lẽ ra phải truyền gọi là "có sắc mệnh của Hoàng đế truyền cho chúa Nam" cho Chúa thượng của chúng tôi nghênh tiếp rồi mới nói rõ lý do. Cớ sao bọn họ lại đem chuyện trong sắc mệnh của Thiên tử nói trước với bọn tiểu tốt? Từ xưa bậc trí giả đi sứ nước ngoài, lời nói, việc làm đều phải đúng mực, ứng đối phải kịp thời, không làm nhục mệnh vua. Ấy, sứ giả phải cẩn thận như thế. Năm trước vì sứ Bắc đem lệnh Thiên tử cho bọn tiểu tốt tuần tiễu, thế là sứ Bắc không biết cách xử để đến nỗi bọn lính tuần chê cười cho là ngông cuồng, cũng là vì sắc lệnh giả nên nhất thời làm bọn sất phu tức giận, rồi hai bên sinh chuyện cãi vã nhau. Lúc ấy không thấy bọn chúng phi báo, sau đó trấn tướng biết chuyện liền cho người về bẩm với vương đình. Chúa chúng tôi sai người ra tiếp thì sứ giả đã trở về Bắc rồi. Người vâng mệnh đi sứ mà làm việc sơ suất như vậy, về sau có việc gì cũng không nên sai người ấy đi nữa. Vả chăng Hoàng đế thể lượng trời đất, bao dung khắp chốn, đâu có chuyện nghe lời xúc xiểm mà quên bề tôi con cháu bậc quân thần. Vậy mà nay Hoàng đế ngự giá thân chinh đem đại binh của triều đình vào cõi xứ Nam, há chẳng phải là tha thứ cho kẻ tiếm loạn mà trừng phạt bậc trung thần, bỏ không nghĩ chuyện gần mà mưu tính việc ở xa đó sao? Giá như có hùng binh trăm vạn, người xứ Nam này cũng chế ngự được, huống hồ chỉ có mười tám vạn thôi? Xứ Nam ta chẳng có gì đáng lo ngại cả. Ngày xưa trong chiến thư của Hàn Tín đời Hán có câu: "Giặc đến dưới thành không kể sang hèn, hiền ngu, đều phải chém đầu cả". Nay đã

đem quân đến đây, chúng tôi chẳng biết vua Lê chúa Trịnh gì cả, muốn đánh thì đánh, muốn về thì về, xin cứ tùy ý, bất tất phải nói nhiều.

Sứ Bắc cả giận nói:

– Năm trước quân Nam đã sỉ nhục, lăng mạ sứ giả của Thiên tử, nay các ngươi lại còn bảo chẳng biết Thiên tử là ai, chẳng kể gì vua Lê chúa Trịnh. Ăn nói như thế là nghĩa làm sao? Thế là Nam chúa của các ngươi cậy nước giàu quân mạnh để chống mệnh của Hoàng đế, khinh thường lời nói của Trịnh vương, thật không phải đạo của bậc thần tử.

Tú Minh cả cười đáp:

– Lời nói của các ông tựa hồ như không trách mình mà lại đi trách người. Kẻ ức hiếp Thiên tử, khinh mạn triều đình, chính là cha con họ Trịnh, nay các ông lại đem tội ấy mà gán cho Nam chúa của bọn ta, như thế mà không đáng xấu hổ sao? Chúa Nguyễn và Trịnh vương đều có công diệt Mạc, đuổi Hồ [1] khuông phù nhà Lê. Lúc trước chúa Chiêu Huân Tĩnh vương tôn phò Trang Tông hoàng đế nhất thống giang sơn, kính giữ đạo thần tử. Từ đó đến nay các chúa Nam đều tuân theo chính sóc của nhà Lê, không dám xằng bậy tự tôn tự đại, người khắp bốn biển đều biết. Còn như họ Trịnh thì Khang vương (Trịnh Kiểm), Triết vương (Trịnh Tùng) có chút công nhỏ diệt Mạc, nhưng phạm đại tội giết vua: đầu độc hai vua Chính Trị (Lê Anh Tông) và Hoàng Định (Kính Tông), tự tiện lập các vua Vĩnh Thọ, Vạn Khánh [2]. Lại nói phao lên là vua Thanh cho giữ chức Thượng vị, ban ấn vàng, gia phong tước vương cho họ Trịnh. Cha con họ Trịnh dối trá tự tôn tự đại, ngụy xưng là Thái thượng chúa Thanh Đô vương, Kim thượng chúa Tây Định vương. Nói vua Thanh ban cho thì sắc phong ngày nào mà chúa Nam ta không được biết ? Chúa Trịnh của các ông đã ức hiếp Thiên tử, sai khiến chư hầu. Lại còn dám gán tội ấy cho chúa Nam ta. Nói như thế có nghe được không? Huống chi từ thời thuộc Hán, Đường, Tống đến các đời Đinh, Lê, Lý, Trần chỉ nghe nói có Thái thượng hoàng, Kim thượng hoàng đế, nay lại nói Thái thượng chúa, Kim thượng chúa thì chúng tôi tai chưa từng nghe, mắt chưa từng thấy. So chúa Nguyễn với chúa Trịnh thì ai là trung thần, ai là gian thần? Xin các ông ban cho lời nói để chính nghĩa được sáng tỏ.

---

1. *Hồ:* ở đây chỉ quân xâm lược phương Bắc nói chung.

2. *Vĩnh Thọ, Vạn Khánh:* đều là niên hiệu của vua Lê Thần Tông, có hai giai đoạn làm vua, nói đúng hơn đáng chép là Vĩnh Tộ (niên hiệu giai đoạn trước) và Vạn Khánh (niên hiệu giai đoạn sau).

Nghe đến đây sứ Bắc chỉ cúi đầu im lặng.

Tú Minh lại nói:

– Phàm trị hay loạn là do số trời, nước trị thì dân yên, vật thịnh. Nước loạn thì trời giáng tai ương, dân chúng đau khổ. Nay Trịnh vương thống lĩnh quân lính vào đây để quyết chiến, vậy đánh thì đánh, về thì về, cớ gì phải kéo dài cho phí thời gian? Nay các ông hãy hẹn trước, ngày nào thì đem quân ra giao chiến quyết phân thắng bại, chớ nên do dự nữa.

Sứ Bắc nghe xong không biết đối đáp thế nào, bèn nói:

– Hôm nay đã muộn, định thế nào mai sẽ biết.

Rồi sứ giả hai bên đều chắp tay chào nhau ai về bên nấy.

Bọn Tú Minh vào thành Trấn Ninh rồi về Lũy Cát trình lên Nguyên súy Hiệp Đức cùng các tướng biết câu chuyện đối đáp với sứ Bắc. Nguyên suý nghe xong cả cười nói:

– Khá khen ngươi là Trương Nghi, Tô Tần [1] tái sinh, không làm nhục mệnh vua vậy. Thật đáng khen thưởng.

Nói đoạn bèn sai lấy hai mươi lạng bạc thưởng cho Tú Minh. Tú Minh vái tạ lui ra.

Bấy giờ Tiết chế Chiêu Vũ nói:

– Thần tính Tây Định nghe báo lại câu chuyện đối đáp này tất sẽ đem quân đánh lớn. Xin Nguyên súy truyền lệnh cho tướng cầm quân các đạo chuẩn bị sẵn sàng.

Lại nói chuyện sứ Bắc trở về liền vào trướng của Tây Định vương thuật lại việc sứ Nam trả lời hỗn xược. Tây Định cả giận mắng:

– Bọn chuột nhắt dám khinh nhờn ta quá lắm. Ta phải dấy quân đánh diệt ngay, quyết không chịu cảnh hai chúa.

Nói xong lại càng tức giận hơn, bèn truyền lệnh cho các đạo quân chỉnh điểm quân mã, thẳng tiến đánh gấp vào thành Trấn Ninh, ai vào trước sẽ được ghi công đầu, kẻ hèn nhát thoái lui thì chém đầu thị chúng. Các tướng đều vâng lệnh chuẩn bị tiến quân.

Ngày hai mươi lăm, vào giờ Thìn, quân Bắc tiến thẳng đến dưới thành Trấn Ninh, tiếng hò reo vang dậy, tiếng chiêng trống vang trời. Quân hai bên đánh lớn, tiếng súng nổ ầm ầm. Quân Nam bám

---

1. *Trương Nghi, Tô Tần:* hai thuyết khách nổi tiếng thời Chiến Quốc.

vào mặt thành mà đánh. Quân Bắc đi dưới đường đánh gấp vào thành, đôi bên giành giật nhau từ sáng đến tối không phân thắng bại. Rồi bên nào bên ấy đều khua chiêng thu quân về trại nghỉ ngơi. Bấy giờ bên Nam, Nguyên súy Hiệp Đức nghe tin quân Bắc đánh vào thành Trấn Ninh bèn thống lĩnh đại quân đến thôn Cừ ở bên này sông Nhật Lệ chia quân đóng giữ, rồi cùng các tướng bàn kế sách đánh giặc.

Đêm hôm ấy Tiết chế Chiêu Vũ ngồi ở Lũy Cát thấy tướng bên Bắc là quận Thắng đem hơn ba mươi chiến thuyền đến đóng ở ven biển đối diện với Bàu Rò, gần thành Trấn Định khiến thủy quân ra vào khó khăn. Chiêu Vũ bèn sai các Cai đội Kiên Lễ, Đình Nghĩa, Thiêm Vinh nhân lúc đêm tối đem quân tiến đến Đài Cát ở Lũy Mũi Dùi [1] đặt súng lớn để bắn vào sườn đoàn chiến thuyền của quận Thắng. Lại sai Tham tướng Tài Lễ cho chiến thuyền ở cửa Nhật Lệ đón bắn để chia sẻ quân địch, quận Thắng tất phải thua chạy. Bấy giờ trong quân của quận Thắng không đề phòng trước nên đại bại, quân sĩ chết nhiều, bỏ thuyền năm, sáu chiếc, số còn lại phải chạy về sông Gianh.

Đến ngày hai mươi sáu, Tây Định vương sai chọn quân tráng kiện cho uống rượu cấp nộ [2] rồi sai đến thành Trấn Ninh chọn chỗ nào tường thấp thì nhảy vào quyết chiến với quân Nguyễn. Thế là quân Bắc mượn chất bốc của rượu bèn bám tường trèo lên mặt thành, quân nấp dưới đường hầm thì bắn súng trợ chiến.

Bấy giờ tướng bên Nam là hai Chưởng cơ Tiến Đức và Đức Kiên sai quân chống trả. Khi thấy quân Bắc trèo lên lũy, quân Nam cứ cầm giáo nhọn mà đâm xuống, quân trèo thành chết làm thang mà trèo lên, quân giữ thành ra sức đâm giết, thây chết từng đống cao. Quân sĩ đâm mỏi tay thì đẩy súng lớn ra bắn. Quân Bắc dùng dây thừng buộc thòng lọng quăng vào nòng súng mà kéo xuống rồi tống đất đá, rơm cỏ vào làm tắc nòng không bắn được. Quân Nam lại dùng thương dài mà đâm, quân Bắc cũng đâm trả. Quân đôi bên cứ thế hỗn chiến kéo dài.

Bấy giờ quân Bắc dùng sào dẫn hỏa chất mồi lửa vào đốt mái dài, ngọn lửa bốc cháy rừng rực ngút trời, tướng bên Nam là Cai cơ Thái Sơn và Tham tướng Tài Lễ sai quân xúc cát ướt hất vào mới

---

1. *Mũi Dùi:* tên đất. Nguyên văn viết bằng chữ Hán là "Mỗi chùy", đọc theo tên Nôm là Mũi Dùi.

2. Nguyên văn là "*Cấp nộ tửu*", nghĩa là rượu có khả năng kích thích mạnh.

dập được lửa. Quân Bắc lại ném trái phá vào thành. Những quả trái phá, một quả mẹ đẻ ra năm quả con, bén lửa nổ tung vỏ gang, tiếng vang như sấm động. Quân Nam trúng mảnh đạn chết rất nhiều, số bị thương không có chỗ nào ẩn nấp. Lúc ấy bên quân Bắc có người lính đứng ở ngoài thành kêu to nói vọng vào với quân Nam:

– Chúng tôi và các anh em đều là người cả, sao nỡ tàn hại lẫn nhau. Chỉ vì nhà chúa tranh chấp, anh em ta mới phải chịu chết oan. Tôi bảo anh em, nếu thấy trái phá bay vào, người ở xa thì chạy nấp cho nhanh, người ở gần thì nằm sát xuống mặt đất mà tránh thì được vô sự.

Quân Nam nghe lời cứ theo cách ấy tránh đạn. Đôi bên giao chiến cho đến tận đêm khuya, quân sĩ đều mệt mỏi mới kéo đèn hiệu thu quân, ngừng trận cho quân sĩ về trại nghỉ ngơi. Người thời bấy giờ có thơ vịnh trận đánh thành Trấn Ninh như sau:

Chiến khí xung thiên sáng vọng lâu.
Nước trời lấp loáng ánh đêm thâu.
Rồng cuộn đêm đấu giơ nanh vuốt,
Hổ dữ ngày tranh vểnh ngược râu.
Trước lũy quân say liều đánh trận,
Trong thành quyết chí lập công đầu.
Địch quân lạ có ai kêu bảo,
Mới biết lòng trời muốn giúp lâu.

Đêm ấy Tây Định vương thấy quân sĩ không hạ được thành bèn triệu các tướng đến bàn:

– Thành Trấn Ninh rất kiên cố. Quân Nam tuy ít, nhưng hùng mạnh, quân ta thì đông nhưng mệt mỏi, tiến đánh đã mấy ngày mà chưa phân thắng bại. Quân sĩ chết và bị thương rất nhiều. Các khanh có cao kiến gì mau thưa bày để tính liệu.

Đô đốc Dĩnh quận công thưa:

– Việc thành bại do ở trời, há phải do con người muốn làm ngược lại mà được đâu? Huống chi từ xưa đã có lời sấm nói rằng: "Bắc tránh kim thang thế, Nam kiên bích ngọc thành" [1]. Theo đó mà suy thì quả là đúng. Binh pháp nói: "Đánh thành là tai họa của binh gia" đó chính là điều tối ky của phép hành binh. Huống hồ ngày nay đang giữa tháng trọng đông, quân sĩ không quen thủy thổ, voi ngựa không

1. Có nghĩa là: Bắc mạnh đánh hào sâu, Nam bền giữ thành dày.

chịu nổi giá rét. Một là ba quân mệt mỏi không có lòng chiến đấu, hai là lương hướng vận chuyển xa xôi ngoài ngàn dặm, quân sĩ dễ lâm vào thế đói ăn. Chi bằng xin Nguyên súy hãy rút quân về mưu tính kế khác.

Tây Định nghe xong cả giận nói:

– Ngươi là kẻ nhu nhược, bàn luận vu vơ như bọn hủ Nho chỉ biết thương yêu vợ con mà làm hỏng gia thế, mưu tính cho bề trên tin dùng để dễ bề nhởn nhơ vui thú mà không chịu hết lòng rửa hận báo thù cho nước, miễn sao cho được yên thân mà thôi. Như thế thì dùng ngươi có được ích gì?

Nói đoạn bèn bãi quyền của quận Dĩnh, biếm làm thứ dân. Lúc ấy Thái tể Lan quận công Nguyễn Thực nói:

– Lời quận Dĩnh kể cũng có lý, tuy biết ý trời mà không hiểu thời vận, phàm dấy quân đi đánh dẹp nhất cử nhất động làm việc gì đều rất khó khăn. Nay Vương thượng thống lĩnh đại quân vào đây đã hơn năm sáu tháng, mới bắt đầu đánh vài ba trận chưa phân thắng bại. Người xưa từng nói: "Đã đến núi báu, ai chịu về không". Thần xem như trận đánh hôm trước thì quân sĩ chưa gắng hết sức hết lòng, cho nên mới không hạ được thành. Cúi xin Vương thượng truyền lệnh cho các tướng phải đồng lòng đánh phá, áp sát thành Trấn Ninh, đào sập tường thành, quân ta đổ dồn vào như kiến thì bọn chúng không thể chế ngự được. Còn như muốn bắt cọp mà không vào hang hổ thì làm sao bắt được? Binh pháp nói: "Đặt vào chỗ đất chết rồi sau mới sống". Như thế thì chỉ một trận mà thu được thành công vẹn toàn.

Tây Định vương nghe xong rất mừng, vỗ tay cười lớn nói:

– Lời khanh rất hợp ý ta!

Bèn truyền lệnh cho các tướng theo kế ấy sửa soạn mà làm.

Đến ngày hai mươi bảy, từ sáng sớm, tướng Bắc Hào quận công Lê Thì Hiến đặt súng ở đài Gò Mắm bắn gãy cầu Mũi Nại. Tướng bên Nam là Cai cơ Thuận Trung đóng quân ở đài Mũi Thóc lệnh cho quân sĩ bắn sang. Bỗng đạn đại bác của quân Nam bắn trúng làm tắc nòng súng của quân Bắc, quân của quận Hào không bắn trả được. Thế là quân Nam lại đi lại dễ dàng trên cầu phao Mũi Nại. Khoảng giữa buổi sáng quân Bắc chỉnh đốn chiến cụ, rồi cho ba nghìn quân cầm cuốc quai để đào chân thành, nghe tiếng súng lệnh nổ vang thì nhằm thành Trấn Ninh mà lao vào như cơn lốc cuốn lá rụng. Các

tướng bên Nam trông thấy liền chia quân chặn đánh. Quân hai bên đánh lớn. Súng đạn cung nỏ cùng bắn tới tấp như mưa. Bấy giờ ba nghìn quân Bắc đào thành đều đã uống rượu cấp nộ, chẳng quản sống chết xông thẳng đến lũy Đài Mây ở thành Trấn Ninh, ném lửa đốt hết rào gai chông nhọn, rồi ra sức đào bới chân thành. Tường thành có nguy cơ bị sập đổ. Bấy giờ tướng Nam là Cai cơ Tiến Đức và Đức Kiêm, Tham mưu là Ký lục Xuân Đài chia quân đi cứu ứng, thấy thế giặc đông mạnh, quân mình không chống cự nổi, sợ hãi nghĩ: "Quân giặc hung hãn như vậy, quân ta khó thắng nổi. Chi bằng bỏ thành Trấn Ninh, đưa quân lui về chiếm đại lũy Mũi Nại để cùng các đạo chặn địch thì may ra mới chế ngự được, có người bảo không nên. Bọn Tiến Đức bèn sai người về trình với Nguyên súy Hiệp Đức tình hình như thế.

Nguyên súy Hiệp Đức nghe nói cả kinh bèn sai văn chức ở ty tướng thần lại là Văn Cảnh đến thành Trấn Ninh truyền cho các Cai cơ Tiến Đức và Đức Kiêm cùng các tướng như thế... như thế... Lại sai Vũ Lược đến Lũy Cát báo với Tiết chế Chiêu Vũ:

– Ở Trấn Ninh quân Bắc áp vào chân thành, làm cho thành đổ. Chưởng cơ Tiến Đức và Đức Kiêm sai người phi báo muốn xin bỏ thành, đem quân về chiếm giữ Mũi Nại. Nguyên súy truyền cho Tiết chế đem quân đi cứu ứng ngay thành Trấn Ninh để khỏi xẩy ra sơ suất đáng tiếc.

Tiết chế Chiêu Vũ nghe xong nói:

– Ông Vũ Lược hãy mau về trình lên để Nguyên súy biết: bổn phận của ta là đóng giữ Lũy Cát, nếu không làm tròn tất sẽ bị trọng tội. Còn giữ thành Trấn Ninh là bổn phận của người khác. Các tướng cùng hưởng lộc chúa cả thì phải gắng sức báo đáp ơn chúa, còn ta không dám bỏ lũy này đến đấy.

Vũ Lược nghe xong ra về.

Tiết chế Chiêu Vũ mật bàn:

– Vũ Lược về trình như thế thì Nguyên súy tất phải đem quân đến cứu ứng cho Trấn Ninh, bây giờ ta phải đem quân đi trước để Nguyên súy khỏi lo lắng.

Nói đoạn bèn lệnh cho quận Hiệp thay giữ Lũy Cát, tự mình vội đem quân đi cứu Trấn Ninh. Lại sai lấy mảnh ván làm biển viết chữ dựng bên đường: "Chiêu Vũ đã đem quân đi cứu ứng, xin Nguyên súy thay giữ Lũy

Cát giúp cho". Ý Chiêu Vũ muốn cho Nguyên súy đến đấy thấy biển để như vậy thì sẽ dẫn quân về.

Lại nói bấy giờ Văn Cảnh đến thành Trấn Ninh trình với Chưởng cơ Tiến Đức, Đức Kiêm cùng các tướng rằng:

– Nguyên súy gửi lời đến nói với các ông là các tướng cùng hưởng lộc hậu của triều đình, phải ra sức báo đáp ơn lớn của Thánh thượng để trọn đạo thần tử. Huống chi kẻ dùng binh tiến thì dễ mà lui thì khó. Nay các ông muốn lui quân về giữ lũy Mũi Nại, nếu quân Bắc thừa thế đuổi theo, bấy giờ quân ta phía trước gặp sông lớn, phía sau quân giặc đuổi theo thì kinh hồn hoảng sợ, Khổng Minh có tái sinh cũng không chế ngự được. Các ông hãy nghỉ ngơi chốc lát, đợi Nguyên súy đem quân đến thay đóng giữ rồi các ông tùy ý muốn làm gì thì làm, Nguyên súy cũng không cố ép. Các ông nên hết sức cố thủ chờ đợi, chớ nóng vội.

Cai cơ Tiến Đức, Đức Kiêm nghe lệnh truyền như thế cả sợ, vội nói với Văn Cảnh:

– Xin ông trình để Nguyên súy suy xét cho: bọn tiểu tướng chúng tôi nhất thời bàn bạc nông cạn, mưu tính chưa ngã ngũ ra sao, mong Nguyên súy lượng thứ cho. Huống hồ ngày nay quân giặc đã đến dưới thành, một bước đi đâu cũng khó, bọn chúng tôi đâu dám lui quân bỏ lũy, xin tuân lệnh tử chiến giữ thành. Nguyên súy không phải vất vả đích thân cầm quân đến đây nữa.

Văn Cảnh cáo từ, trở về thuật lại với Nguyên súy. Nguyên súy Hiệp Đức cả mừng nhưng vẫn còn lo ngại. Bỗng lúc ấy Vũ Lược trở về báo Chiêu Vũ không chịu đem quân đi cứu ứng. Hiệp Đức cả sợ, bèn truyền lệnh cho các tướng, rồi đích thân dẫn quân đi cứu thành Trấn Ninh. Đi được nửa đường, quân tiên phong đã nhìn thấy tấm biển gỗ dựng bên đường, vội quay lại báo cho Nguyên súy biết.

Nguyên súy Hiệp Đức bèn chọn mấy tướng tâm phúc đem quân tráng kiện đi cứu viện cho Trấn Ninh, chỉ lưu lại hộ vệ cho mình hơn một nghìn quân, một ngựa chiến và một ngọn kim thương. Văn chức ty tướng thần lại là Văn Cảnh thấy vậy thưa:

– Quân giặc kéo đến dưới thành, thắng bại chưa quyết mà Nguyên súy lại cho quân hầu cận đi xa, nếu có việc khẩn cấp biết lấy gì hộ vệ?

Hiệp Đức cả cười nói:

– Ta tự giữ được ở đây. Thắng được ta, quân giặc phải đông hơn mười lần. Nếu như thành công thắng lớn, ấy là kẻ bề tôi hết lòng báo đền ơn nước, nếu thất lợi thì ta một ngựa một thương cũng quyết tử chiến với giặc, ít nhất cũng phải giết mấy chục tên. Xảy ra chuyện gì chăng nữa thì ta sẽ làm thần linh của đất này để muôn đời được hưởng thờ cúng. Ta có gì phải sợ hãi đâu? Nói xong quắc mắt có ý tức giận. Quân sĩ biết chuyện đều xuýt xoa khâm phục.

Người đương thời có thơ bình tán như sau:

Rực rỡ trời xanh mống vượt ngang,
Trung thành son sắt nổi uy danh.
Thương vàng thẳng tiến trừ hung ác,
Ngựa sắt bon nhanh đạp lướt băng.
Đánh trận bằng mưu người ít kịp,
Lâm nguy ứng biến mấy ai bằng.
Anh hùng cảm khái lời tâm huyết,
Vạn thuở danh vang với thế gian.

Lại nói chuyện Chiêu Vũ dẫn quân đi cứu viện, tới chập tối thì đến Đài Mây thành Trấn Ninh: thấy tường thành bị quân Bắc đào sắp đổ, Tiết chế Chiêu Vũ nghĩ ngợi hồi lâu, nẩy ra một kế. Bèn sai người tìm rơm củi buộc thành những cây định liệu [1] dựng hai bên phía trong lũy rồi châm lửa đốt. Lửa cháy sáng rực như ban ngày. Tướng sĩ trong thành thấy vậy sợ hãi hỏi Chiêu Vũ:

– Quân giặc đang áp thành, chân tường sắp bị đổ, không hiểu Tiết chế cho đốt đuốc sáng trưng như thế để làm gì?

Chiêu Vũ cười đáp:

– Giặc không dám vào thành, công của ta lại càng lớn, các ngươi chớ lo.

Mọi người nghe nói đều lo lắng sợ hãi không ai biết ý tứ của Tiết chế thế nào.

Thế là quân Bắc ở ngoài thấy lửa cháy ngùn ngụt trong thành, lại nghe Chiêu Vũ đem quân đến tiếp viện, ngờ là quân Nam có quỷ kế đặt quân mai phục, nên lui xa không dám tiến đến gần lũy. Quân sĩ trong thành cả mừng.

---

1. *Định liệu:* nguyên nghĩa là những bó đuốc làm bằng loại gỗ dễ cháy tẩm nhựa trám hoặc nhựa thông, lửa cháy to, không tắt. Ở đây chỉ có nghĩa là bó đuốc.

Tiết chế Chiêu Vũ sai quân đi thu hết ghe thuyền của dân ở ven sông, phá ra lấy ván ốp vào hai bên chân tường ở những chỗ sắp đổ. Rồi sai quân chuyển cát trắng đổ lèn vào giữ, lại dùng sọt đựng đầy đất bồi chồng lên nhau để giữ tường. Thành lũy lại chắc chắn như cũ.

Quân Bắc thấy vậy sợ hãi nói:

– Như thế phải chi là có trời giúp, sức người sao có thể làm nổi? Hách Chiêu ngày xưa giữ thành cũng không hơn thế được! Tướng bên Bắc bèn sai tên quân thiện xạ trèo lên mặt lũy mà bắn. Quân trong thành không biết giặc từ hướng nào bắn tới, bị sát hại rất nhiều.

Bấy giờ viên cai đội người vùng này tên là Bá Dương dẫn hơn ba trăm quân đi tuần phía trong lũy để xem nơi nào cần thiết thì hỗ trợ, khi đến chỗ tường mới đắp ở Đài Mây thì nghe một tiếng súng nổ, quân của Bá Dương trúng đạn chết mất năm, sáu người. Bá Dương liền cầm mã tấu nhảy lên mặt lũy. Tên quân Bắc trông thấy vội nhẩy ra bỏ chạy, liền bị Bá Dương vung mã tấu chém làm hai đoạn. Bá Dương cắt lấy thủ cấp đem bêu ngoài lũy rồi nói lớn:

– Tên giặc Trịnh đã bị ta chém đầu ở đây. Kẻ nào chịu trói tay đầu hàng sẽ được tha chết!

Quân Bắc trông thấy cả sợ bảo nhau:

– Thật chẳng khác gì Quan Vân Trường, Trương Dực Đức đời xưa. Rồi chúi đầu nấp dưới chân tường không dám ngước lên, Bá Dương hô quân nhẩy ra đánh.

Bấy giờ Tây Định vương đang đóng quân ở doanh Cây Ủng xã Phúc Địa [1], liền truyền lệnh cho đại quân tiến đánh. Sai quân sĩ lựa chiều gió thả diều giấy cho bay vào dinh lũy. Dưới cánh diều đeo thuốc phát hỏa, khi diều rơi chạm nóc nhà, đài súng thì thuốc lửa bốc cháy. Thế là doanh trại, kho tàng trong thành cháy rừng rực, gần xa đều thấy. Cai cơ Thái Sơn vội đem quân đến chữa cháy. Có khi diều giấy rơi vào giữa đội quân. Quân Nam không biết dập tắt bằng cách nào. Bấy giờ có người lính bên quân Bắc ở ngoài lũy gọi bảo quân Nam rằng:

– Diều giấy có mang vật dẫn hỏa bằng dầu rái, nếu rơi trúng người thì xúc cát hất vào mà dập, lửa sẽ không cháy lan nữa. Còn đổ nước lửa cháy loang ra sẽ chết.

1. *Phúc Địa:* trong nguyên văn có chỗ chép là Phúc Tự.

Quân Nam nghe lời làm đúng như thế, quả nhiên được vô sự.

Bấy giờ Tiết chế Chiêu Vũ thấy quân giặc chiếm sát dưới chân thành. Quân hai bên hỗn chiến, xông vào tranh kích đoạt giáo của nhau. Chiêu Vũ thấy như vậy chẳng đúng phép đánh thành, bèn nảy ra một kế, sai quân cưa hơn ba trăm cây gỗ, mỗi tấm dài sáu thước, rộng ba thước, lấy đinh sắt đóng thò đầu qua ván rồi trồng cọc buộc cây gỗ dài chừng ba chục thước, đầu chúc ra ngoài, dùng dây thừng buộc bàn đinh phía đầu cây gỗ. Khi quân Bắc xông vào chiếm thành thì sai quân bỏ thừng thả bàn đinh xuống, rồi kéo lên ngay, mỗi lần như thế có đến năm, sáu tên quân Bắc bị dập vào bàn đinh. Quân Bắc bị câu bắt lên thành đều run rẩy kêu khóc, chẳng bao lâu thì chết. Bọn ở dưới thành nhìn lên thấy vậy đều sợ hãi bảo nhau:

– Quân Nam dùng độc kế, thà chịu chết còn hơn bị trúng bàn đinh đau đớn như thế!

Rồi chúi đầu ẩn dưới đường hầm không dám trèo lên chiếm mặt lũy nữa. Quân hai bên cầm cự cho đến canh ba thì thu quân về trại nghỉ ngơi. Người thời bấy giờ có thơ bình tán rằng:

Lòng tàng thao lược suốt bình sinh,
Mưu kế ngăn lui trăm vạn binh.
Chỉ thả bàn chông quân địch khiếp,
Chẳng cần kiếm lớn chém nghê kình.
Chớ rằng Gia Cát nay tìm khó,
Lại thấy Lưu Cơ mới tái sinh.
Thỏa chí anh hùng mưu giúp chúa,
Trần ai quét sạch, nước phồn vinh.

Lại nói ngày hai mươi tám tháng ấy, vào giờ Dậu, Tây Định vương thấy đánh liền mấy ngày không hạ nổi thành Trấn Ninh, lấy làm tức giận, lại ra lệnh cho quân sĩ áp vào đánh lớn, ném trái phá tới tấp vào trong thành. Chiến thuyền của quân Nam trông thấy liền báo cho quân trong thành biết. Thế là đạn lửa cũng không còn hiệu quả. Quân hai bên xông vào hỗn chiến, đèn đuốc sáng như ban ngày, đánh đến gần sáng vẫn chưa phân thắng bại, rồi bên nào tự lui về trại bên ấy nghỉ ngơi.

Bấy giờ quân Bắc vào chinh chiến, quân sĩ đều đã mệt mỏi bàn thầm với nhau:

– Các đời chúa trước khuông phù nhà Lê thì Nguyễn chúa Chiêu Huân có công hàng đầu, vậy mà con cháu họ Nguyễn chỉ được cai quản một góc đất, chưa xứng với công lao tổ tiên. Nay chúa Trịnh ngoài ta

một mình cai quản bốn trấn, nắm thiên hạ trong lòng bàn tay mà còn tham lam đem quân vào tranh quyền ở xứ Nam này khiến cho anh em bọn ta phải chịu chết oan uổng, bỏ cả cha mẹ vợ con, thế là nghĩa lý gì?

Nói xong mọi người đều bừng bừng tức giận. Từ đó trong quân Bắc lan truyền tâm trạng oán giận.

Lại nói ngày hôm ấy Hiền vương đóng ngự doanh ở phủ Toàn Thắng nghe tiếng súng nổ vang như sát ngay bên tai, bèn sai quân thám mã đến các cửa biển nhưng không thấy gì lạ, mới biết quân hai bên đánh lớn ở thành Trấn Ninh, trong lòng có phần băn khoăn lo nghĩ. Vương bèn sai văn chức ở ty tướng thần lại là Tài Trí ruổi ngựa ra quân doanh của Nguyên súy Hiệp Đức và Tiết chế Chiêu Vũ hỏi tin chiến sự. Tài Trí vâng mệnh đến quân doanh ở thôn Cừ trình với Nguyên súy Hiệp Đức về việc Vương sai đi hỏi tin chiến trận như thế nào. Tài Trí lại đến thành Trấn Ninh, vào trướng quân yết kiến Tiết chế Chiêu Vũ. Tài Trí thưa:

– Vương thượng gửi lời đến bảo Tiết chế tướng quân rằng hiện nay thế lực quân Bắc mạnh lớn, Tiết chế cho Vương thượng biết sức ta đánh giữ thắng bại thế nào? Vậy xin Tiết chế cho lời lượng định để tiểu nhân về bẩm lên Vương thượng.

Chiêu Vũ nghe xong liền rũ tay áo nghiêm giọng nói:

– Quân Bắc tuy đông, nhưng như bầy quạ, đàn sẻ, như ong, như kiến sâu bọ theo gió mà họp bầy, chỉ bị một trận mưa là tan tác cả thôi, không có gì đáng sợ. Hơn bẩy, tám năm trước cầm quân ra đánh ở Nghệ An, ta đã biết tim gan quân tướng nhà Trịnh. Lúc ấy quân ta chiếm giữ những chỗ hiểm yếu như vào chỗ không người. Ngày nay ở đất ta lũy chắc hào sâu, binh cường tướng dũng, vui lòng chiến đấu thế, tất không chuyện gì đáng lo. Ngươi về triều bẩm lên Thánh thượng, xin Thánh thượng cứ yên giấc không phải lo nghĩ.

Tài Trí nghe Chiêu Vũ nói trong lòng còn do dự chưa dám trở về. Chiêu Vũ biết ý lấy giấy cầm bút viết như sau: "Thần xin ra sức cố thủ, quyết giành thắng lợi, dẹp tan giặc để báo đền ơn nước. Đấy là trách nhiệm lớn của kẻ bầy tôi, nếu xảy ra sơ suất, thần xin chịu tội tru di tam tộc để nghiêm quân lệnh". Chiêu Vũ viết xong đưa cho Tài Trí đem về triều trình Hiền vương.

Tài Trí cầm thư của Chiêu Vũ rồi cáo từ, luôn đêm trở về phủ Toàn Thắng.

Bấy giờ có anh em bọn Hào Lương là con trai Chiêu Vũ cùng đi

theo trong quân, thấy Chiêu Vũ viết như vậy thì đưa mắt nhìn nhau, chỉ có cậu thứ ba là Nguyễn Thành ngồi mỉm cười. Anh em Hào Lương, Trung Thắng bước lên thưa với cha:

– Cứ như ngu ý của anh em chúng con, thế địch đang mạnh mà quân ta thì đã mệt mỏi. Hơn nữa thành trì đang bị vây hãm, phụ thân viết cam đoan trong tờ quân lệnh như thế, nếu quân ta không ngăn được giặc thì cả ba họ đều bị nguy khốn hay sao? Bấy giờ biết trông cậy vào đâu?

Chiêu Vũ nghe xong đập tay cười lớn nói:

– Con trai ta chưa am hiểu việc quân cơ. Người xưa từng nói: "Binh gia là kẻ giỏi mưu quỷ kế". Nay đang lúc ta và địch giằng co nhau, nếu ta nói không địch nổi thì ba quân sẽ lại lo sợ, thế không cứu vãn được. Nếu sự thể quả là không địch nổi thì bốn phương mênh mông, ai tru di nổi ba họ nhà ta? Các con phải bình tĩnh mà xem xét, không nên nói năng lộn xộn.

Bọn Hào Lương bấy giờ mới hiểu hết ý cha, bèn sụp lạy rồi cùng Chiêu Vũ ngồi bàn mưu kế đánh giặc.

Lại nói Tài Trí về đến phủ Toàn Thắng liền vào triều trình thư của Tiết chế Chiêu Vũ lên Hiền vương. Hiền vương cả mừng, vuốt râu nói với các tướng:

– Chiêu Vũ từ khi làm tướng đem quân đi đánh giặc đến nay, lập mưu đều đúng, định kế không sai, đã đánh là thắng, đã giữ là chắc, không thua kém các danh tiếng đời xưa. Nay Chiêu Vũ đã hứa, ta không còn phải lo ngại gì nữa.

Rồi Hiền vương và các tướng cùng vui vẻ bàn luận tình hình chiến trận. Người đương thời có thơ bình tán Chiêu Vũ như sau:

Sừng sững trời Nam bậc tướng tài,
Thần cơ phép diệu ngút trời mây.
Tình thân tướng sĩ vui hoan lạc,
Nghĩa nặng quân thần chẳng đơn sai.
Cõi thế kỳ lân rày đã có,
Trận tiền sâu kiến phải chạy dài.
Ví không lệnh trạng làm khi ấy,
Sao được ba quân trổ hết tài.

HỒI THỨ HAI MƯƠI TÁM

Hào Man theo Tây Định trốn về Bắc
Hiệp Đức cùng tướng sĩ mừng chiến công

Hiền vương và các tướng đang bàn tính việc đánh giặc, bỗng nghe báo quân của Nguyên súy Hiệp Đức ở ty tướng thần lại là Văn Học về vương đình bẩm báo việc đánh giữ giữa đôi bên trong mấy ngày qua. Hiền vương vui mừng nói:

– Chẳng bao lâu nữa quân Tây Định tất sẽ bị thua. Ta sẽ thống lĩnh đại quân ruổi dài tiến thẳng ra Trung Đô bắt sống giặc Trịnh để tỏ ra mặt anh hùng đất Nam Việt.

Nói đoạn Vương bèn truyền cho Văn Học trở về nói với các tướng:

– Ta coi các tướng như chân tay, các tướng cũng coi ta là tâm phúc, cũng đồng lòng hiệp sức để cứu muôn dân, lập công danh với hậu thế, phú quý cùng hưởng với nhau. Ấy là đạo quân thần, ta bất tất phải nói hết. Các tướng nên cùng nhau nghĩ kỹ.

Văn Học vâng mệnh trở về thành Trấn Ninh truyền đạt thánh chỉ. Các tướng đều vui mừng tuân lệnh, cùng bày tỏ quyết tâm đánh thắng quân Trịnh. Rồi ai nấy trở về bản doanh chỉnh điểm binh mã để sẵn sàng tiến đánh.

Lại nói bên quân Bắc, Thái bảo Hào Man Lê Thì Hiến đóng quân ở xã Chính Thủy. Ngày ba mươi tháng ấy Hào Man dẫn quân ra khỏi lũy tiến đến xứ Cây Đa cho trương tám chiếc lọng xanh sai quân sĩ gióng trống, rúc tù và cho quân tiến lên, hàng ngũ chỉnh tề, cờ xí rợp đất, khí thế nghiêng trời, thẳng đến bên chân thành mới dừng lại.

Bên quân Nam, tướng trấn thủ thành Trấn Ninh là Đại tướng Mỹ Thắng đóng quân ở Chính Lũy, từ xa trông thấy Hào Man diễu võ giương oai như vậy thì tức giận, bèn sai Đề đốc Lân quận công cho quân sĩ chúc nòng súng đại bác nhằm bắn vào giữa trận quân Hào Man ở xứ Cây Đa. Đạn rơi ngay sát cạnh Hào Man. Hào Man cả sợ vội bỏ chạy về lũy Chính Thủy. Quân Bắc rối loạn vứt giáo mác mà chạy. Đại tướng Mỹ Thắng thúc quân khua trống, hò reo trợ uy cho

các pháo thủ. Quân Bắc chết trận đến hơn năm trăm người.

Hào Man chạy về lũy Chính Thủy thu quân cố thủ, không dám đối đầu với quân Nam.

Lại nói Nguyên súy thủy quân Bắc triều là Thái tể Phú quận công Trịnh Căn đem chiến thuyền vào đóng ở bờ Bắc sông Gianh, định đưa thuyền vượt biển vào đánh chiếm cửa Nhật Lệ, bất ngờ trúng gió bị cấm khẩu phải nằm trong trướng, váng đầu, hoa mắt, mạch đập rối loạn, bỏ ăn uống, chân tay bất động, thuốc men điều trị đều không khỏi. Thấy bệnh tình Thế tử ngày càng trầm trọng, Tây Định vương cả sợ, mật sai người đưa về Trung Đô chạy chữa, giấu kín không cho người ngoài biết, sợ làm quân sĩ nản lòng. Tây Định bèn sai Lan quận công Nguyễn Thực thay giữ thủy quân. Đến ngày hai tháng chạp, thấy đánh thành Trấn Ninh đã lâu mà không hạ được, Tây Định trong lòng buồn bực, nhưng không có kế sách gì có thể thi thố được. Bỗng có viên cống sĩ người xứ Thanh Hoa là Hiền Minh dâng kế sách ba điều: "Phàm dùng binh cốt ở thần tốc xuất kỳ bất ý đánh vào chỗ địch sơ hở, ấy là phép tranh thắng trong binh pháp. Nay đại quân tiến vào đất địch, phải một phen đánh lớn, đạp bằng hào lũy, đưa quân tiến lên hỗn chiến khiến cho quân địch đầu đuôi không cứu ứng được nhau thì quân ta mới giành được thắng lợi. Trung sách là: biến hóa không theo thói thường tham điều nhỏ nhặt. Giành được thắng lợi lớn là do ở bậc quân phụ, nhưng dân chúng tất cũng có những người không quan tâm lắm. Chi bằng xin với Chúa thượng đừng tiếc vàng lụa tiền bạc, mật sai người cẩn thận đi đến các huyện trong xứ Thuận Hóa để kết giao ân nghĩa với các hào trưởng, ban cho họ vàng lụa để khuyên dụ những điều họa phúc, khiến họ thấy điều lợi mà bỏ chúa Nguyễn theo về quân ta. Lại sai người trà trộn vào trong hàng ngũ quân Nam phao tin đồn, khen chê lý thuận nghịch bên này bên nọ. Quân Nam nghe vậy cũng lạnh nhụt chí khí chiến đấu. Hễ nhân tâm đã lung lay thì không cần đánh cũng có thể phá được. Còn hạ sách, như người xưa nói: "Đánh mà không thắng thì lui về sửa đức". Nay quân ta từ xa vào đây đã lâu, nhưng giao chiến với địch chưa giành được phần thắng, thời tiết nóng lạnh thất thường. Đã sáu, bảy tháng tướng không muốn xông trận, quân thì mong được về. Nếu không có kẻ địch, bọn họ cũng còn muốn về, huống chi hiện nay Trung Đô bỏ không, giặc giã thừa cơ nổi dậy khắp bốn trấn. Chúa thượng đóng quân ở đây quan sơn xa cách, làm sao có thể trở về ngay mà chế ngự

được? Chi bằng chúa thượng nên rút quân về giữ lấy căn bản, đợi cho thiên hạ tạm bình yên, lòng người yên ổn rồi sẽ tính sau.

Tây Định vương xem xong bèn triệu hội các tướng văn võ để bàn bạc kế sách đó ra sao. Thái bảo Lê Thì Hiến nói:

– Vương thượng thống lĩnh đại quân từ xa vào xứ Nam này, chí những muốn bạt thành hãm trận, dẹp bằng quân phiến loạn. Nay quân ta đánh hết sức, nhưng chưa hạ được thành, tướng sĩ vất vả mà công chưa toại. Huống chi người xưa vẫn thường nói: "Đánh thành là tai họa của binh gia". Binh pháp còn nói: "Nhanh thì thắng lợi, chậm thì thất bại". Nay quân đồn trú đã sáu, bảy tháng, tướng sĩ không quen thủy thổ bị đau ốm nhiều, thương vong tại trận cũng không ít, quân sĩ ta thán, thần liệu nghĩ rằng nếu quân ta đóng lâu ở đây việc lớn cuối cùng cũng không thành. Hơn nữa bốn trấn ngoài Bắc đều có những kẻ muốn làm phản, mà Trung Đô cũng không ít người dòm ngó ngôi báu. Chi bằng Chúa thượng nên theo kế sách của Cống Hiền, tâu Hoàng đế dời xa giá về nghỉ ngơi chờ đợi ở điện Phù Lộ phía Bắc sông Gianh. Thần xin được đem một đội quân đánh lớn với quân Nam một trận nữa. Nếu thắng thì Vương thượng đem quân vào tiếp ứng, thừa thắng ruổi dài. Còn nếu bất lợi thì vương thượng đem quân về địa giới phía Bắc, hộ giá Hoàng thượng về kinh rồi sẽ mưu tính kế vẹn toàn. Hào Man nói xong, Tây Định gật đầu nói:

– Khanh nói cũng có lý.

Tuy vậy Tây Định trong lòng vẫn còn do dự. Vừa lúc ấy có người tâm phúc của vương đệ là Thái bảo Kiêm quận công từ Trung Đô vào báo tin: "Ở kinh đô, phò mã quận Tiến manh tâm làm phản". Tây Định vương nghe tin hoảng sợ, bèn bí mật truyền lệnh rút quân về, chỉ để quận Hào và một vạn quân ở lại đóng giữ lũy Phúc Địa, để phòng quân Nam đuổi theo đánh chặn hậu. Tây Định bèn rước vua Lê về hành điện Phù Lộ trước.

Lại nói bên quân Nam, Tiết chế Chiêu Vũ bàn với các tướng:

– Quân Bắc đánh thành Trấn Ninh, đã bốn năm ngày nay không thấy di chuyển, không biết bọn chúng có ngầm mưu tiến đánh chỗ nào. Các ông bàn tính xem sao!

Văn chức Cống Giác nói:

– Quân Bắc mưu cùng trí tận, đánh thành không nổi, hết kế thi thố. Cứ như Cống Giác tôi xem xét, quân Bắc đã mất nhuệ khí chiến

đấu, chỉ nội trong chín, mười ngày nữa tất bọn chúng phải rút chạy, không dám đối đầu với quân ta. Như vậy chắc bọn chúng không thể đánh ở đâu khác nữa.

Chiêu Vũ liền bảo Cống Giác bấm quẻ bói đoán xem tình thế quân giặc đánh, giữ thế nào. Cống Giác bấm độn rồi nói:

– Trong quẻ rất ít vượng khí, chỉ thấy vắng vẻ rỗng không. Chắc chắn bọn chúng không dám tiến đánh nữa, mà chủ tướng thì đã trốn chạy rồi, chỉ để một ít quân đóng lại trong dăm bảy ngày nữa, mà không dám đánh lớn.

Tiết chế Chiêu Vũ và các tướng nghe xong liền cười vui vẻ. Chiêu Vũ nói:

– Nếu quả đúng như thế, ta sẽ trọng thưởng cho ông.

Người đương thời có thơ bình tán Cống Giác như sau:

Chớ bảo không tướng tài,
Tể tướng giữa trần ai.
Mưu cơ xem quá khứ,
Trù liệu biết tương lai.
Âm dương tay nắm thuật,
Lòng theo đạo đất trời.
Máy huyền ai dò biết,
Phép diệu đã an bài.

Lại nói đến quân Bắc, Tây Định từ khi đem quân rút về doanh Phù Lộ ở xã Vĩnh Giang, lòng càng thêm tức giận chúa Nam không chịu thần phục. Ngày mồng chín tháng chạp đến doanh Bố Chính truyền lệnh cho Hào Man và các tướng rằng:

– Sinh ra ở đất nước Nam, ai là kẻ anh hùng thì mang chiêng đeo trống tiến đánh vào Nam trấn. Còn những kẻ nấn ná đợi thời, sợ hãi chúa Nam không hết sức dốc lòng, để mất thời cơ thì nên trở về kinh sư mặc váy mà làm bạn với hạng đàn bà con gái, không đáng mặc áo đội mũ đứng giữa triều đình mà xưng là tể tướng nữa.

Bọn Hào Man nghe lệnh truyền cả sợ. Đến chập tối ngày mồng mười, Hào Man và các tướng lại đem quân đến thành Trấn Ninh ra sức đánh lớn một trận nữa. Nhưng quân sĩ chỉ nấp dưới đường hầm mà bắn.

Các tướng bên Nam nghe tiếng súng nổ vội dàn quân trên mặt thành đánh trả. Tiếng súng cả hai bên vang lên không ngớt, đến giờ Hợi mới lắng. Sau đó hai bên đều thu quân về nghỉ ngơi.

Ngày mười một, Nguyên súy Hiệp Đức thấy quân Bắc thường đến vây lũy, suy nghĩ mãi chợt nảy ra một kế. Bèn sai Cai đội Thắng Lâm điều đoàn voi trận hơn sáu mươi con, sửa sang khí giới uy nghiêm chỉnh tề, dàn hàng ở phía trong Lũy Cát, mở cửa Đông Bắc cho voi đi từ từ ra bãi cát Trường Sa, rồi vòng lại đi về lũy ở cửa phía Tây Nam. Cứ cho voi vòng đi vòng lại như thế từ giờ Thìn đến giờ Ngọ, tưởng như voi đi không bao giờ hết. Lại truyền cho đội thủy quân sai lấy bốn chiếc thuyền nhỏ, buổi sáng chèo ra ngoài khơi Cửa Ròn, buổi chiều quay lại cửa Nhật Lệ để thám thính tình hình quân giặc, làm như kế hư hư thực thực.

Bấy giờ quân Bắc ở phía bên kia sông đứng ngẩn người nhìn voi đi, ai nấy sợ hãi bảo nhau:

– Nam trấn nhiều voi thật, phải đến năm, sáu nghìn con chứ không ít. Quân Nam hùng cường như thế, ai dám ra mà đương đầu. Hơn nữa tướng bên Nam lại cao mưu diệu kế, nếu họ cho voi tràn sang bên ta, đàn voi ấy ầm ầm xông tới xéo nát tất cả thì quân ta ắt chết mất xác cả.

Quân Bắc lại thấy mấy chiếc thuyền nhỏ ở ngoài khơi, cứ buổi sáng chèo ra, buổi chiều chèo vào, sáng chèo đi, chiều chèo về, chưa hiểu ý định gì. Hào Man ngờ vực lo buồn, bèn nghĩ ra kế giả vờ tung tin là rút quân về để dụ quân Nam đuổi theo, rồi chặn đường đón đánh. Hào Man bèn sai quận Hoảng, quận Cống, quận Kiêm, quận Đường đem quân mai phục những chỗ hiểm yếu để đề phòng quân Nam đánh úp. Lại sai người giỏi ăn nói đến ngoài thành Trấn Ninh gọi quân Nam ra để dò hỏi tin tức.

Rồi mấy người của Hào Man đến ngoài thành Trấn Ninh gọi quân Nam ra ngoài thành trò chuyện. Bên quân Nam Cai cơ Triều Bản sai quân lên mặt lũy hỏi:

– Các ngươi gọi ra hỏi chuyện, thật có công việc, hay là hết thuốc đạn đến gọi xin bọn ta? Nếu thuốc đạn đang còn muốn đánh thì đánh, không đánh thì về, có chuyện gì mà gọi hỏi?

Quân Bắc trả lời:

– Đánh trận là việc lớn của quốc gia, bọn quân sĩ chúng tôi làm sao mà biết được! Chỉ vì thấy chúa Nam cho voi trận ra vào ở bãi Trường Sa, lại sai quân chèo thuyền con ra ngoài biển, không biết có ý định gì? Bọn chúng tôi không hiểu nên muốn hỏi cho biết.

Quân Nam đáp:

– Đó là chưa đầy một phần số voi theo hộ giá Nguyên súy tướng công. Đầu tháng này vì trời mưa đường sá lầy lội, nay trời nắng ráo cho voi đi dạo phơi nắng để tăng phần hùng tráng chứ có ý gì đâu. Còn như thuyền con ra vào ngoài khơi thì đó là nghề nghiệp làm ăn thả lưới câu cá của bọn ngư dân chứ có gì khác. Các ngươi muốn đánh thì cứ dẫn quân đến đây, đừng gặng hỏi vu vơ.

Quân Bắc nói:

– Chúng tôi chỉ được sai đến đây cho biết rõ mấy việc ấy. Nay xin cáo từ anh em Nam trấn để chúng tôi trở về Bắc.

Nói xong mấy người quân Bắc cáo từ ra về. Cai cơ Triều Bản liền báo cho Tiết chế Chiêu Vũ biết quân Bắc đến gợi chuyện hỏi như thế. Tiết chế Chiêu Vũ lại đến trình với Nguyên súy. Nguyên súy Hiệp Đức gọi mời các tướng đến bàn bạc. Các tướng có người nói:

– Nên cho quân bộ đuổi theo chặn đường mà đánh.

Lại có người bàn nên đem chiến thuyền đón chặn ở sông Gianh để bắt sống quân giặc.

Mọi người xôn xao bàn bạc chưa xong, Tiết chế Chiêu Vũ nói:

– Việc này nên thận trọng, chưa thể vội vàng được. Binh pháp nói: "Thực làm ra hư, hư làm ra thực" cốt ở chỗ biết mưu tính trước để khỏi mắc mưu địch.

Vệ úy Phú Lĩnh nói:

– Lời bàn của Tiết chế tướng quân thật là cao kiến, huống chi nghe lời nói của quân Bắc cũng khó biết rõ như thế nào. Nếu chỉ nghe bọn chúng mà không xét kỹ thì sẽ mắc mưu, quân Bắc sẽ dụ cho quân ta lọt vào những chỗ hiểm yếu rồi tung quân đánh úp, giặc đông ta ít, khó chống cự nổi. Hiện nay thủy quân của bọn họ còn đóng ở sông Gianh, thuyền của ta đi lại ngoài khơi mà không có quân hộ tiếp ứng thì khó đánh vào. Thế gọi là xua bầy dê quần nhau với hổ. Chi bằng bên ta cứ đóng đinh bất động rồi sai người đi thám thính tin tức xem hư thực thế nào rồi hãy phát quân chặn đánh thì chắc giành được toàn thắng.

Nguyên súy Hiệp Đức bèn truyền cho các tướng chia quân ngày đêm canh giữ đồn trại, thành trì cẩn mật, đề phòng quân Bắc thừa lúc sơ hở đánh vào.

Lại nói bên quân Bắc, Đại tướng Hào Man Lê Thì Hiến nghe quân trở về báo lại, những tưởng quân Nam bên này tất phải trúng mưu, bèn cho quân đi nối phục các nơi hiểm yếu, chờ quân Nam đuổi theo thì sẽ tung ra đánh. Nhưng sau mấy ngày vẫn không trông thấy bóng dáng quân Nam, Hào Man biết mưu kế không thành. Đến ngày mười ba, Hào Man truyền lệnh cho ba quân đem hết súng lớn đến dàn hàng trước thành Trấn Ninh, cùng lúc bắn dồn dập đạn trái phá vào thành, một mặt xua quân xông vào đánh gấp. Lệnh của Hào Man truyền cho quân sĩ chỉ được tiến không được lùi. Ai lùi một bước thì chém đầu thị chúng.

Đến xế chiều quân Bắc áp sát vào chân thành, cắm cờ trên bờ hầm, đặt súng lớn dưới hầm, bắn đạn trái phá vào trong lũy. Loại trái phá này một quả mẹ đẻ ra mười quả con, tiếng nổ vang trời như muôn sấm động. Quân Nam cứ theo cách như mấy lần trước, hễ thấy quả đạn rơi xuống thì nằm rạp xuống đất mà tránh nên đều được an toàn. Quân hai bên đánh lớn, quyết liệt gấp mười lần những trận trước. Quân Nam cứ bám riết mặt thành mà đánh, còn quân Bắc thì giữ đường hầm đánh xốc lên, đôi bên giằng co nhau không phân thắng bại. Hào Man Lê Thì Hiến thấy không hạ nổi thành mà không còn cách gì khác để thi thố, biết là đánh nữa cũng không xong. Hào Man muốn truyền lệnh, nhưng thấy quân sĩ cứ ẩn nấp dưới hầm bị quân Nam bắn xuống tới tấp nên không dám gần để truyền lệnh. Đến lúc trời tối Hào Man bèn dẫn quân tâm phúc chạy trốn về bờ Bắc sông Gianh.

Quân sĩ của Hào Man không ai hay biết. Đến gần sáng, mấy tên quân từ trong hầm chui ra ngoài nghe ngóng mới biết chủ tướng đã bỏ trốn. Bấy giờ quân Bắc đều vứt cờ quạt, súng đạn khí giới tranh nhau tháo chạy, nhao nhao chửi rủa Hào Man không ngớt lời. Quân Bắc tranh đường mà chạy, dẫm đạp lên nhau, chết không biết bao nhiêu mà kể, tiếng kêu khóc như ri.

Bấy giờ quân Nam nghe ngoài thành tiếng súng của quân Bắc tự dưng im bặt, bèn sai quân đi tất đón đường nghe ngóng mới biết quân Bắc đã xô nhau rút chạy. Quân do thám vội phi báo cáo với Nguyên súy Hiệp Đức.

Hiệp Đức liền truyền lệnh cho tướng các đạo tung quân ra ngoài thành đuổi đánh. Các tướng được lệnh vội đưa quân đuổi theo quân Bắc. Nhưng khi quân Nam đuổi theo đến núi Lệ Đệ thì quân Bắc đã

qua sông Gianh rồi, chợt thấy dưới gốc đa ở xã Phúc Tự có dòng chữ lớn "Ngũ thập niên vi kỷ" nét mực chưa khô, không hiểu ý thế nào. Quân Nam bèn thu nhận khí giới đạn dược đem về nhiều không kể xiết. Bắt được mấy tên quân Bắc tụt lại đằng sau, tra hỏi thì bọn chúng đều khai là vua Lê và chúa Tây Định vương đã lui về trước, Đại tướng Hào Man chạy trốn theo sau. Bấy giờ các tướng bên quân Nam liền dẫn quân trở về trước trướng Nguyên súy dâng nộp các thứ vũ khí và đồ dùng bắt được của quân Bắc, thuật lại việc quân Bắc bỏ chạy, quân Nam giành được toàn thắng. Nguyên súy Hiệp Đức cả mừng, vái tạ trời đất thần linh rồi sai Minh Tiến về triều báo tin thắng trận. Một mặt, Hiệp Đức sai mở tiệc mừng công khoản đãi các tướng. Rượu cạn vài tuần, mọi người chuyện trò vui vẻ. Nguyên suý Hiệp Đức đứng dậy đi đến bên các tướng chạm chén với từng người. Nhân thấy lá cờ của quân Bắc nhiều vết đạn xuyên thủng dầy như tổ ong, Nguyên suý bất giác rơi lệ nói:

– Vật còn như thế, huống chi là người!

Yến tiệc xong, Nguyên súy sai dựng đàn tế các tướng sĩ trận vong, cùng là vong hồn quân Bắc chết trận. Các tướng đều khen ngợi Nguyên súy là vị tướng nhân đức. Bèn dựng một đàn tế trong thành Trấn Ninh để tế các tướng sĩ quân Nam, một đàn ở ngoài thành để tế quân Bắc chết trận, cùng dùng cỗ thái lao để dâng tế.

Bài văn tế tướng sĩ quân Nam tử trận như sau:

Xét nghĩ các tướng sĩ lâm trận tử vong
Các ngươi:
Chí thỏa tang bồng, mạnh dương uy vũ,
Từng lo gắng sức việc binh nhung, thề quyết tận trung mà báo chủ;
Gầm vang hổ rống, những mong nuốt chửng tặc đồ;
Nhảy nhót diều vờn, ngờ đâu mệnh trời yểu số.
Tới chiến trường chết ắt thành danh, xông đao thương công truyền bất hủ;
Xót nghĩa tình đau đớn khôn nguôi, dựng đàn tế lễ nghi đã đủ.

Các ngươi:
Hãy nghe lời mời, cùng nhau về dự,
Hưởng cỗ rượu trên chiếu đau buồn, lĩnh bạc vàng về nơi âm phủ

Giải thoát tướng sĩ nghìn sầu, nhân mối ân tình vạn thuở,
Phách có linh nên về phụ với thê nhi, hồn có thiêng khuông phò quê tổ.
Hưởng tế tự vô cùng, giúp đàn con cháu nhỏ,
Hỡi ôi! Thương thay!
Cúi mong chư linh thượng hưởng!

Bài văn tế quân Bắc tử trận như sau:

Nghĩ các ngươi:
Chí ước thỏa tang bồng, danh muốn ghi tre lụa;
Giúp chủ tướng tránh đao thương, liều chết xông vào tên đạn,
Vì chúa ngươi chẳng biết sức mình, khiến các ngươi phải xông pha chết trận.
Hoặc sĩ tốt chưa có phẩm danh,
Hoặc tướng sĩ tước hầu, tước bá
Khoảnh khắc lửa cháy Côn Cương
Thẳng thốt thân về âm phủ
Hoặc lênh đênh chết rụi chốn sa trường
Hoặc lẩn trốn lọt vào nơi đất hiểm
Hoặc vì súng đạn tổn thương, hoặc bị thương đao chém giết.
Hoặc vì đau ốm thủy thổ không quen, sụt hố sụt hầm, thân lâm tai ách,
Hoặc chìm thân sông nước bay hồn, hoặc đói khát rừng sâu rụng phách.
Than ôi!
Sống chẳng nên công, xót các ngươi chết mà vô ích,
Nay vâng đức lớn thánh minh, bầy đàn tế tỏ lòng thương tiếc.
Tế thì cùng về, mời xin hưởng hết,
Từ nay muôn phiền não thảy tiêu trừ, về sau nghìn buồn lo đều rửa sạch.
Các ngươi nên tìm về quê cũ, hưởng xôi thơm cốt nhục thân tình,
Nhận đúng quê hương, chớ làm kẻ xa xôi lữ khách.
Ô hô! Thương thay!
Cúi mời thượng hưởng!

Tế xong, Nguyên súy Hiệp Đức buồn rầu mãi không thôi, bèn sai người đi thu nhặt thi hài quân Bắc mai táng chu đáo. Rồi truyền lệnh

quân các đạo tu sửa thành trì cho vững chắc, sau đó dẫn quân về doanh Thạch Xá.

Lại nói văn chức ở ty tướng thần lại Minh Tiến tuân lệnh về phủ Toàn Thắng bẩm trước vương đình việc quân Bắc đã rút chạy, quân Nam đã giành đại thắng. Hiền vương nghe tin cả mừng nói với các tướng:

– Ta đã tính trước là thế nào Tây Định cũng phải bỏ chạy, chỉ giận là không bắt được tên phản thần ấy để hỏi tội hiếp bức giết vua, rửa hận cho vua Lê ở nơi chín suối, làm rạng danh tổ tiên họ Nguyễn nhà ta.

Hiền vương liền sai văn chức Tài Trí mang vàng bạc vóc lụa đến trướng của Nguyên súy Hiệp Đức để ban thưởng cho ba quân tướng sĩ. Lại truyền cho Nguyên súy Hiệp Đức đến tháng hai năm sau làm lễ khải hoàn đem quân về bái yết thế miếu. Vương hạ lệnh cho loan giá trở về phủ Lương Phúc. Ba quân được lệnh nhảy múa vui mừng khôn xiết, ai nấy đều ca khúc khải hoàn lên đường trở về. Không bao lâu quân đã về đến nơi, kịp đón mừng năm mới. Cũng vào lúc ấy văn chức Tài Trí mang tặng vật của chúa đến phủ Thạch Xá thuộc doanh Quảng Bình để ban thưởng ba quân tướng sĩ. Các tướng vái vọng tạ ơn Hiền vương. Tài Trí bèn truyền lệnh của Vương hẹn Nguyên súy Hiệp Đức đến đầu tháng hai thì đem quân về triều bái yết thái miếu.

Các tướng tuân lệnh ai nấy đem quân về bản trấn, lo việc sửa đắp thành trì, trăm họ lại trở về đông vui như cũ. Chỉ thấy hoa nở nhị phô, âm lui dương đến, mùa xuân đã tới rồi.

Năm Quý Sửu, niên hiệu Dương Đức thứ hai (1673) thượng tuần tháng hai Nguyên suý Hiệp Đức vâng mệnh đem quân về kinh sư. Đúng là:

Một trận dẹp tan quân lấn cõi,
Ba quân đều xướng khải hoàn ca.

Chẳng bao lâu quân đã về phủ Lương Phúc. Nguyên súy Hiệp Đức vào triều bái yết Hiền vương.

Hiền vương cả mừng nói:

– Con ta quả là bậc anh tài, dương uy cõi Bắc, họ Trịnh tất phải run sợ, từ nay về sau hẳn không dám nhòm ngó Nam triều ta nữa. Người xưa nói: "Giống rồng sinh con rồng, hổ phụ sinh hổ tử" quả cũng không ngoa vậy!

Rồi Vương sai lấy một trăm lạng vàng tốt, một nghìn lạng bạc

trắng và các loại vóc lụa năm mươi tấm trọng thưởng cho công tử Hiệp Đức. Hiệp Đức thưa:

– Thần đội ơn Hoàng thiên phù hộ, được hưởng ơn lớn của phụ vương, dưới nhờ có các tướng sĩ dốc sức hùng tráng mới lập nên công lớn ngày nay. Còn như thần tài nông học cạn, nào có công gì đáng kể. Số thưởng vật này xin phụ vương chia đều cho các tướng để khuyến khích công lao. Còn thần, ngoài là đạo vua tôi, trong là tình phụ tử, vương phụ hà tất phải ban thưởng cho thần.

Hiền vương cười nói:

– Con ta lập công trong chiến trận, mọi người đều tai nghe mắt thấy chứ đâu phải chuyện hư truyền. Ai có công đều được ban thưởng để nêu danh, con không phải khiêm nhường cố từ như vậy.

Công tử Hiệp Đức từ chối mấy lần không được đành phải vâng nhận rồi vái tạ ra khỏi triều. Các quan văn võ đều đến vương đình lạy mừng Hiền vương.

Vương bèn truyền lệnh dựng đàn tế tạ ơn trời đất và các vị linh thần đã có công bảo hộ quốc hộ dân.

BÀI PHÚ TRẬN TRẤN NINH [1]

Lê hoàng suy nhược, họ Trịnh hung cường
Đem ngụy đảng vượt Bắc giới, dẫn tặc đồ vào đất
Nam phương.
Nói phao mười tám vạn hùng binh, khoe phô một trăm
viên chiến tướng;
Gươm giáo sáng lòe, dàn thế trướng hổ uy nghi,
Tinh kỳ chói lọi, dập dìu đầu non thẳng hướng.
Lê hoàng đế dừng xe loan ở điện Phù Lộ, Tây Định vương
xua quân chuột qua bến sông Gianh;
Xem thấy:
Quân đến Trấn Ninh, lính xông lũy Chính;
Đào hầm ruột dê, quân Lê qua lại náu mình.
Khoét hào lưng rắn, lính Trịnh đi về ẩn lánh.
Khênh đất đắp lũy, dương oai cường mà thế yếu đã rành;
Điều tướng khiển binh, khoe mẽ mạnh mà lòng run tỏ rõ.

1. Bài phú chép ở vị trí này có ý nghĩa là bài phú được soạn và đọc trong dịp chúa Nguyễn làm lễ tế mừng thắng trận Trấn Ninh.

Tây Định chặn đường chính đạo, xua quân cướp phá
trăm họ kinh hoàng;

Hào Man tiến trước mở đường, thả lính tung hoành,
muôn dân khiếp đảm.

Bất ngờ:
Nam triều nổi giận, Nguyễn chúa tỏ uy;
Đem voi ngựa hùng binh thẳng tiến, dẫn hùm beo
dũng tướng ra tay.

Nguyên súy Hiệp Đức khiển tướng đến Lưu Đồn,
Tiết chế Chiêu Vũ điều quân ngồi Cát Lũy.
Tiến Đức, Đức Kiêm giữ thành Trấn Ninh mà cự chiến,
Thuận Trung, Trung Lộc đóng lũy Mũi Nại để tương trì.
Thái Sơn chở nước đến Đài Mây chữa cháy,
Hoằng Phương lăn đá cứu Mật Cật qua nguy.
Bỗng chốc:
Bên Trịnh bày mưu, quận Lan bàn kế sách,
Khoét tường lũy dùng cung tên công kích.
Quân Trịnh - Nguyễn giương cờ tranh giữ thành,
Lính Nam - Bắc tuốt gươm cùng đâm thích.
Chiêu Vũ bày diệu kế, đóng bàn đinh thả xuống móc người
Bá Dương phô dũng lực, múa đao cong hất đầu quân nghịch
Đình Nghị dốc chí nguyện, đánh mà thốc ra;
Triều Bảng tung cảm tử, đuổi mà chặn địch.
Triều Tín, Thuần Đức dương oai khiến Văn Lộc bay hồn,
Mỹ Thắng, Xuân Đài diệu võ làm Hào Man bạt vía.
Bỗng thấy:
Tướng khoe dũng mãnh, quân trổ sắc nanh;
Súng nổ đì đoành như chớp giật, đạn bay tới tấp tựa
mưa nhanh;

Quân lính máu hăng mà chiến đấu, tướng sĩ hỗn chiến để
tranh giành.

Kiếm múa tựa trời phất tuyết trắng, cờ bay như đất nổi
sao băng.

Xao xác sừng rúc ánh ỏi, ầm ầm chiêng trống khua vang.
Lại có:
Cống Giác độn chiêm, Nha Thuần hiến kế;
Mượn thần linh lay động nhân tâm, nêu quyết sách vận trù
chinh chiến.

Nguyên súy Hiệp Đức đến Lũy Cát dàn quân giữ thành,
Tham tướng Tài Lễ đóng chiến thuyền giữ yên cửa biển.
Thắng Lâm dẫn voi chiến theo bãi cát đi vòng,
Hào Mỹ đưa xe trận ra lũy ngoài xông tiến.
Thế như núi đổ đồi tan, nào khác sóng xô biển chuyển
Lúc bấy giờ:
Quân Bắc run gối, lính Trịnh chùn tay,
Kẻ bắn súng không kéo nổi dậy, người áp trận gươm rơi súng gẫy;
Táng đảm kinh hoàng, rụt cổ nép mình trong hào rẫy.
Run lòng khiếp sợ, vùi đầu chúi mũi dưới đầm lầy.
Kẻ trúng tên đạn thân vong mệnh đoản, người lính đao thương phách lạc hồn bay.
Nát thịt tan thây, chất chồng lăn lóc,
Cháy đầu bỏng trán, kêu khóc thảm thay.
Ô hô!
Khắp đồng chất thây, đầy sông máu đỏ,
Vang tiếng quỷ khóc thần kêu, khác nào đất nứt núi đổ.
Tây Định khiếp vía chạy về Phù Lộ, chân cuống vẫn còn lo,
Nam chúa thừa thắng đuổi đến sông Gianh, quân mạnh như hùm hổ.
Những mong:
Tôn phò nhà Lê, dựng nghiệp thăng bình,
Diệt trừ nghịch Trịnh, dẹp tan hung ác.
Khai sáng cơ đồ vững vô cương,
Danh lưu sử sách truyền không nát.
Chia đôi ranh giới sơn hà, hào kiệt tên ngời không tắt,
Trị loạn với hưng suy, trời xanh đà sắp đặt.

Năm Quý Sửu niên hiệu Dương Đức thứ hai (1673), hạ tuần tháng hai, Hiền vương truyền lệnh đem quân về phủ Phú Xuân. Vương cho mở tiệc lớn mừng thắng trận, khen thưởng quần thần. Chưa biết sự việc về sau ra sao, xem hồi sau sẽ rõ.

HỒI THỨ HAI MƯƠI CHÍN

Quận Tiến chọn đường về Tây Định
Hiệp Đức mộng du núi Bổ Đà

Trời sinh thánh chúa nổi uy dương,
Lẫm liệt hùng binh dẹp bốn phương.
Một trận nồm Nam xua Bắc địch,
Muôn năm gây nghiệp mở Nam bang.
Cơ đồ vững chắc điềm rồng đẹp,
Nhà nước hưng long triệu phượng hoàng.
Ước thấy triều tà sau mãi nữa,
Thành trì tráng vĩ thế hùng cường.

Lại nói chuyện năm Quý Sửu niên hiệu Dương Đức thứ hai (1673), hạ tuần tháng hai, Hiền vương đem quân về phủ chính ở Phú Xuân. Các quan văn võ vào phủ chúc mừng xong, Vương truyền lệnh dựng đàn lễ tạ trời đất và tế cáo với các tiên vương thờ ở tông miếu. Tôn phong lăng linh thần có công giúp nước hộ dân. Lại sai mở yến tiệc mừng công dẹp giặc, khoản đãi tướng sĩ.

Tháng bảy, người do thám của doanh Bố Chính là Phù Lộc từ năm Nhâm Tí, nhân lúc Tây Định vương Trịnh Tạc rút quân, Trấn thủ Triều Tín đã sai cải trang ăn mặc như quân Trịnh, trà trộn vào trong đám quân trở về để nghe ngóng tin tức ở Đàng Ngoài, nay Phù Lộc trở về vào cung phủ lạy chào Hiền vương. Vương hỏi:

– Ngươi từ khi ra Bắc đến nay nghe ngóng được những việc gì?

Phù Lộc thưa:

– Tháng chín năm Nhâm Tí, Tây Định thống lĩnh binh mã vào xâm phạm bờ cõi xứ Nam. Tây Định có phò mã thứ hai là quận Tiến, con trai của Thống tướng Dinh Cầu là Đương quận công Đào Quang Nhiêu. Quận Tiến được Tây Định sủng ái, cho cầm quân ở lại đóng giữ quốc đô. Quận Tiến gia tư cự phú, thường đem vàng bạc, châu báu, tiền lụa cho người này người nọ để mua chuộc cố kết lòng người, rồi khắc tên họ vào tấm đồng, đề là "Đồng khởi nghĩa bản" (bản ghi tên những người đồng lòng dấy nghĩa) có ý muốn dòm ngó ngôi báu. Ba phần thiên hạ quận Tiến đã thu được một phần. Thấy Tây Định

vương dốc quân quấy nhiễu xứ Nam, trong nước bỏ không, quận Tiến bèn manh tâm làm loạn để đoạt lấy ngôi chúa. Những ai có lòng quy thuận, cùng mưu làm phản thì ban thưởng cho vàng bạc châu báu. Kẻ nào còn do dự thì quận Tiến vu cho là làm trái phép nước, ngầm mưu giết đi, có đến hơn mười người bị giết như thế. Các tướng không ai dám nói năng gì, đều phải nghe theo hiệu lệnh của quận Tiến cả... Thế là quận Tiến để em là Đô đốc Thắng quận công thay mình ở lại giữ Trung Đô, tự mình dẫn quân vào đóng ở Dinh Cầu để xem thời thế biến chuyển thế nào. Quận Tiến mưu tính, Tây Định được lợi thì sẽ đem quân đánh tập hậu để cùng chúa Đàng Trong chia đôi thiên hạ, nếu Tây Định thua trận chạy về thì sẽ chặn đường ở Đèo Ngang không cho thoát, cứ để cho quân Nam đuổi bắt mà giết đi, bấy giờ quận Tiến sẽ chặn giữ ở Đèo Ngang rồi đoạt lấy Trung Đô mà lên ngôi chúa. Không ngờ em Tây Định là quận Kiêm dò biết ý định của quận Tiến liền sai người phi báo cho Tây Định. Tây Định nghe báo vội rút quân lui về Dinh Cầu. Quận Tiến biết mưu mô không thành, lấy làm lo sợ bèn đến lạy chào Tây Định. Tây Định trách hỏi:

– Ta sai ngươi cầm quân đóng giữ kinh đô, vì cớ gì ngươi lại bỏ thành dẫn quân đến đây? Có phải định làm loạn không?

Quận Tiến quỳ xuống thưa:

– Thần là phận bề tôi, chỉ lấy trung hiếu làm đầu. Nay thấy Vương thượng đem quân đi đánh Đàng Trong lâu ngày không có tin tức, thần lấy làm lo lắng nên dẫn quân vào đây chờ đợi để đón tiếp, chứ có dám mưu tính làm loạn đâu!

Thấy quận Tiến tuy mồm miệng đối đáp dễ nghe, nhưng sắc mặt có dáng sợ sệt, Tây Định lại càng nghi ngờ, bèn sai quân bắt ngay quận Tiến giải về kinh tra hỏi. Về đến Trung Đô, Tây Định bèn triệu tập các quan đại thần đến để cùng xét hỏi. Quận Tiến không chịu khai, chỉ một mực kêu oan. Bấy giờ Thái bảo Kiêm quận công ở lại giữ kinh đô, biết rõ việc ấy bèn tố cáo tất cả. Quận Tiến không chối cãi được phải cung khai từ đầu chí cuối, thú nhận quả là có sự manh tâm dấy loạn. Thái bảo quận Kiêm bèn lấy ngựa đi ngay đến nhà quận Tiến, lục lạo chỗ kín, tìm được bản đồng khắc tên những kẻ cùng mưu làm phản đem nộp trước vương đình. Xem qua một lượt thấy ghi đến hơn bảy tám chục người, Tây Định trầm ngâm hồi lâu, thầm nghĩ: "Nếu căn cứ theo bản đồng này mà khép các tướng vào tội chết thì tất sẽ sinh lòng phản loạn nhiều nữa. Chi bằng phải giữ

kín việc này để yên lòng thuộc hạ". Nghĩ vậy Tây Định bèn nói:

– Đây là do giặc Tiến giả mạo danh hiệu của các tướng, chứ không phải đúng thật như thế. Vả chăng ta và các tướng tình thân như cha con, anh em, cùng nhau đồng lòng hiệp sức, cùng hưởng phú quý, ai dám có lòng khác như vậy?

Các tướng nghe nói đều rạp đầu lạy tạ, nói rằng:

– Đúng như lời Vương thượng nói. Bọn thần được dự hưởng tước lộc ở triều đình đều là nhờ Vương thượng đoái thương đến, ngày đêm những lo báo đáp nhưng chưa được mảy may, đâu dám có manh tâm như chữ khắc trên bản đồng ấy. Xin Vương thượng suy lòng trời đất bao dung vạn vật thì bọn thần may mắn được bảo toàn.

Rồi đó Tây Định vương bèn ném bản đồng vào lò đúc tiền nung chảy ra, không hỏi đến họ tên ai nữa. Tây Định hạ lệnh đưa quận Tiến và em là quận Thắng ra xử lăng trì, phanh thây đem bêu ở bốn cửa ô để cho bọn loạn thần tặc tử phải khiếp sợ. Còn công chúa thì trả về cho nhà chúa, tịch thu gia sản nộp quan. Các người trong họ quận Tiến đều bị tước binh quyền, giáng làm thứ dân, suốt đời không được bổ dụng. Thần nghe biết được những chuyện như vậy xin trở về bẩm lên Vương thượng.

Hiền vương nghe xong cả cười, nói:

– Họ Trịnh tiếm đoạt đã lâu. Nếu Tây Định không đem quân về thì đã bị với tay quận Tiến rồi.

Vương bèn trọng thưởng cho Phù Lộc, cho thăng chức Đội trưởng. Rồi Vương truyền chỉ miễn thuế ba năm cho các xã ngoài lũy thuộc châu Bố Chính và huyện Khang Lộc để dân chúng được trở lại an cư lạc nghiệp. Còn các xã ở trong luỹ thuộc hai huyện Khang Lộc, Lệ Thủy thì được miễn lệ nộp thuế thường tân [1]. Dân gian trăm họ đều hết sức vui mừng, cảm nhận ơn đức của Vương thượng.

Từ đó binh cách lắng yên, thiên hạ thái bình, đồng ruộng được mùa, trong nước hưng vượng. Ngoài đường không ai nhặt của rơi, cổng ngõ không phải đóng, có thể sánh với đời thịnh thời Đường Ngu vậy.

Bấy giờ công tử Hiệp Đức bỗng nhiên phát tâm Bồ Đề, bắt đầu mộ đạo từ bi, bèn lập một tiểu am ở xã Khách Quán để hàng ngày thắp hương lễ Phật, học đạo, tham thiền, đặt phép, tụng kinh, nói

1. *Thường tân:* nghĩa là cơm mới. Thuế thường tân là lễ nộp nếp mới, gạo cám đầu mùa gặt.

huyền niệm chú. Từ đó công tử lánh xa sắc đẹp, chẳng màng của cải, chỉ vui cùng hạt thiện rễ nhân, có thể sánh với đạo hạnh của Mộc công vậy.

Bấy giờ đông cung thế tử là Phúc Mỹ hầu [1] biết chuyện ôm giận trong lòng, cho rằng Hiệp Đức lén lút cầu cúng để mưu đồ việc lớn. Phúc Mỹ hầu định sai người phá tĩnh am của Hiệp Đức đi, nhưng chưa dám tự tiện, bèn ôm giận không nói ra.

Người đương thời có thơ bình nghị như sau:

Danh lợi tranh giành chuyện cũ thay,
Chi bằng rũ áo biệt trần ai.
Bồ Đề hãy biết cây đất Phật,
Gương sáng thì hay ánh sáng ngời.
Chớ bảo Trang Vương không giác ngộ,
Đừng khoe Trương Tử sớm quên đời.
Rành rành thiện ác đều gây quả,
Thiên đạo ngời ngời há có sai [2].

Lại nói, năm ấy Nặc Ong Đài [3] mưu toan làm phản, sai đóng bè nổi, rèn xích sắt, đắp lũy Gò Bích ở Nam Vang, rồi triệu tướng tá đến bàn rằng: "Ta muốn chống lại Nam triều để rửa nhục cho các đời vua trước. Chỉ ngại còn có Nặc Nộn [4] ở đây. Nếu ta động binh, Nặc Nộn sai người đến báo cho vua nước Nam biết, tất sẽ khó cử động. Nếu ta đem quân đánh Nặc Nộn trước, vua nước Nam tất sẽ đưa quân sang giúp. Như thế bên ta người ít, bên chúng quân đông, chắc ta phải thất bại, khó chế ngự được. Bọn các ông có cao kiến gì cứ nói cho ta biết để mưu đồ đại sự, rửa hận cho Tiên vương. Đó là đạo bề tôi vậy". Bấy giờ người nước Minh là Ốc Nha Lạc Chi Gia kiều ngụ ở nước Cao Miên trình rằng: "Nay đại vương muốn dấy binh kháng cự Nam Thiên vương [5] và tiễu trừ Nặc Nộn, hai lẽ ấy quả là rất khó vậy. Huống chi Nam Thiên vương nước giàu quân mạnh, đất rộng người đông, võ tướng là những người hùng dũng vác đỉnh bạt núi, văn thần

---

1. *Phúc Mỹ hầu:* tên tước của thế tử Nguyễn Phúc Diễn.

2. Tiếp sau bài thơ này đến cuối tác phẩm có một số đoạn ghi chép quan hệ giữa chúa Nguyễn với Nặc Ô Đài, Nặc Nộn nước Chân Lạp (tức Cao Miên), chúng tôi tạm lược không dịch vì các diễn biến không trực tiếp liên hệ đến cuộc chiến Trịnh - Nguyễn.

3. *Nặc Ong Đài:* nguyên bản phiên âm là Nặc Ô Đài tức Ang Chei, quốc vương Cao Miên (1673-1674).

4. *Nặc Nộn:* Tức Ang Non (đệ nhị vương Cao Miên).

5. *Nam Thiên vương:* chỉ chúa Nguyễn Phúc Lan.

là những bậc tài năng kinh bang tế thế, voi ngựa xe thuyền đầy sông chật núi, lừng danh xa gần, uy vang bốn biển. Nếu ta dấy binh chống lại cũng ví như vác trứng ghè đá, xua bầy dê đánh nhau với hổ, khó bề chế ngự được, không khỏi dẫm phải vết thất bại của người xưa. Nay đại vương quyết chí dấy binh làm phản thì trước hết hãy sai người tâm phúc có tài biện thuyết mang quốc thư và cống vật sang trần thuyết lợi hại với vua nước Xiêm La, trước là để cố kết tình giao hảo, sau là xin họ cho quân tiếp ứng. Nếu Xiêm La chịu đem quân cứu viện, việc lớn ắt hẳn là tốt đẹp. Trước hết diệt giặc Nộn, sau xua quân thẳng tiến. Nếu thắng tức là rửa được hận thù xưa. Nếu chẳng may bị thua thì sẽ tạm thời chạy sang Xiêm tạm thời nương náu rồi sau tính kế khôi phục, Nếu không làm được như vậy mà ta một mình dấy binh thì như người xưa nói "cây đơn chẳng thành núi, tay lẻ vỗ không kêu", không khỏi bị quân nắm bắt trói. Xin đại vương xét kỹ để sau khỏi hối hận". Nặc Ong Đài nghe Lặc Chi Gia nói xong vỗ tay mừng rỡ nói: "Mưu mô của ngươi thật là diệu kế! Diệu kế! Rất hợp ý ta". Rồi đó Nặc Ong Đài sai người mang cống vật và quốc thư sang trần thuyết với vua nước Xiêm La. Vua Xiêm La sau khi nghe biết sự việc bảo sứ giả Cao Miên rằng: "Trẫm với quốc vương của các ngươi ân tình trọng hậu nhưng nước của trẫm từ xưa đến nay đã quen cuộc sống thái bình, dân chúng chỉ biết đánh đàn ca hát, gõ mõ thuyết pháp tụng kinh, vui đạo Bồ Đề, chưa từng cất quân đi đánh nước khác. Đối với những việc đánh dẹp loạn lạc, nước của trẫm lấy làm buồn lòng, không mấy hứng thú. Nay chủ ngươi xin quân cứu viện, nếu không đáp ứng thì mất tín nghĩa. Hãy từ từ để trẫm trù liệu. Thưa với chủ ngươi đừng quá vội, sớm muộn trẫm cũng cho quân đến".

Sứ giả Cao Miên vái tạ trở về, tâu với Nặc Ong Đài ý của vua Xiêm như thế. Nặc Ong Đài nghe xong cả mừng bèn sai người nói phao lên rằng vua Xiêm sai hai vạn quân bộ, năm nghìn quân thủy, voi ngựa hơn một nghìn sang giúp. Nặc Nộn nghe tin cả sợ vội đem vợ con gia quyến lẻn ra ngoài thành, lẩn trốn trong vùng rừng núi rồi tìm đường ngày đêm chạy gấp sang nước Nam. Khi đến dinh Thái Khang, [1] Nặc Nộn dừng nghỉ bên chân núi, sai người vào dinh trấn thủ báo tin Nặc Ong Đài làm phản đã xin quân nước Xiêm La sang tiếp ứng để kháng cự với đại vương nước Nam. Tướng trấn thủ dinh Thái Khang là Triều Đức nghe tin lập tức viết biểu văn sai lính ruổi

1. *Dinh Thái Khang:* sau đổi là Bình Khang - ở địa phận tỉnh Khánh Hòa ngày nay.

ngựa ra Vương đình trình tấu. Một mặt điều lương thảo đến cấp cho gia quyến Nặc Nộn tạm thời sinh sống để chờ chỉ dụ của quốc vương. Nặc Nộn vâng lệnh của trấn thủ dinh Thái Khang, vui mừng khôn xiết.

Nam Giáp Dần... Quảng Nam, cũng như việc năm trước. Có người của tướng trấn thủ dinh Thái Khang sai mang biểu văn ra vương đình tâu về việc Nặc Ong Đài ở Cao Miên làm phản, đã xin quân Xiêm La tiếp ứng, cùng việc Nặc Nộn lánh nạn chạy sang dinh ấy.

Hiền Vương nghe xong cả giận, triệu họp các tướng để thương nghị. Rồi đó lệnh cho Cai Cơ trấn thủ dinh Nha Trang là Dương Lâm hầu làm Thống binh, thủ hạp Ty tướng thần lại ở Chính doanh là Diên Phái tử làm tham mưu, Văn Sùng Nam làm thị chiến đem quân đi đánh dẹp, tiễu trừ nghịch đảng đốt phá hết thành trì. Cai cơ Dương Lâm hầu và các tướng dưới quyền vâng lệnh đưa quân tiến thẳng sang đất Cao Miên. Thống binh Dương Lâm cùng tham mưu Diên Phái tử bàn định mưu kế, phao tin sai quân chế tạo chiến thuyền, để đánh tàu giặc ở biển Câu Lao. Quân Miên do thám biết được, trở về báo tin nhưng cũng không chuẩn bị đề phòng. Đến tháng tư, thống binh Dương Lâm hầu và Tham mưu Diên Phái tử chia quân hai ngả, nhân lúc đêm tối đánh úp phá lũy Gò Bích, chặt đứt bè mảng và xích sắt chắn sông của quân Miên rồi tiến thẳng đến Nam Vang dàn quân vây thành. Quân Miên bị bất ngờ như sét đánh không kịp bịt tai. Nặc Ong Đài hoảng sợ, bỏ mặc thành trì gia thuộc chạy vào rừng trốn tránh, rồi chết trong rừng sâu. Nặc Thu ra ngoài thành đầu hàng, xin được cống lễ như trước. Việc Cao Miên bèn được yên.

Thống binh Dương Lâm hầu cho quân đi thám thính mới hay rằng Xiêm La không cho quân tiếp ứng, đó chỉ là tin giả do Nặc Ong Đài tung ra. Bấy giờ tham tướng Diên Phái tử và thị chiến Văn Sùng nam vì không quen thủy thổ nên bị ốm phải nằm chữa bệnh trong quân doanh. Thống binh Dương Lâm thường đến thăm hỏi, mời lương y mang thuốc men đến điều trị, nhưng bệnh tình của hai người ngày càng nặng. Một hôm Dương Phái tử mời thống binh Dương Lâm hầu đến bên giường bệnh, chắp tay rơi lệ mà nói rằng: "Tiểu tướng đội ơn được chúa thượng tin dùng, ân nghĩa trọng hậu. Nay cùng Thống binh đem quân đi đánh dẹp bọn tiểu khấu ở Cao Miên, những mong lập chút công danh lưu truyền hậu thế. Nay đã dẹp yên tặc khấu, không may số trời đã định như thế. Xin Thống binh khi trở về triều bẩm lên chúa thượng rằng tiểu tướng tuy thuộc hàng lại bổ,

nhưng cũng có chí giúp đời, khuông phò vương thất tiến lấy Trung đô để thỏa nguyện bình sinh. Nay chỉ mới dẹp yên một dúm giặc nhỏ, chưa mấy khoái tâm, chẳng may không quen thủy thổ phát bệnh nan y chắc khó qua khỏi. Chỉ tiếc không về triều bẩm mệnh để được trông thấy thiên nhan, tận đạo quân thần, dẫu xuống suối vàng cũng yên lòng nhắm mắt. Không ngờ nửa đường đoản mệnh, mong Thống binh nhớ giúp cho tiểu tướng mong muốn ấy".

Dương Lâm hầu nghe xong ôm chầm Diên Phái khóc mà đáp rằng:
– Tham mưu hãy nên chăm lo bảo trọng đừng quá lo buồn mà nói gở.

Diên Phái gật đầu rơi lệ, nhưng chỉ mấy ngày sau thì từ trần. Thống binh Dương Lâm cho làm lễ khâm liệm rồi mai táng Diên Phái trên đất Cao Miên, đến năm sau cho đưa hài cốt về cải táng ở trong nước.

Sau khi thủ hạp Diên Phái chết ở đất Cao Miên, hồn thiêng của Diên Phái thường hiển hiện, quan dân người Cao Miên lấy làm sợ hãi, ai cầu cúng đều thấy linh thiêng ứng nghiệm. Quốc vương Cao Miên vì thế cho dựng đền thờ ở cửa biển Mỹ Tho, bốn mùa thờ cúng.

Trung tuần tháng sáu năm ấy, thống binh cai cơ Dương Lâm hầu thu lễ vật triều cống, rồi cùng sứ giả Cao Miên đem quân khải hoàn. Dương Lâm vào triều yết kiến Hiền vương bẩm trình việc đại thắng dẹp yên cuộc phản loạn ở Cao Miên, Nặc Ô Đài đã chết, Nặc Thu phải đầu hàng, xin nạp cống lễ. Hiền vương cả mừng, trọng thưởng cho Dương Lâm, Dương Lâm lạy tạ cáo từ. Năm sau định công ban thưởng, Dương Lâm hầu được thăng chức trấn thủ dinh Thái Khang. Bấy giờ Dương Lâm mới trình với Hiền vương về việc tham mưu Diên Phái chức Câu kê, truy thăng Văn Sùng làm thủ hạ để biểu dương công lao. Rồi đó, vương sai văn chức ở Ty tướng thần lại là Thư Đường mang sắc chỉ đến phong cho Nặc Thu làm chính quốc vương, thống quản nước Cao Miên, phong Nặc Nộn làm thứ quốc vương, cùng coi việc nước, đóng ở Sài Côn [1]. Nặc Thu, Nặc Nộn trông về hướng nam vái tạ lĩnh mệnh. Từ đó việc Cao Miên được yên, vua nước ấy mãi nguyện làm phiên thần, hàng năm triều cống. Năm Giáp Dần niên hiệu Đức Nguyên năm đầu (1674), tháng hai, Hiền vương truyền lệnh cho khâm sai văn võ đi tuyển duyệt quan liêu quân sĩ ở

1. ĐNTL TB: Tin thắng trận báo về, triều đình ban rằng Nặc Thu là dòng đích thì phong làm vua chính đóng ở thành Long Úc (U Dong), Nặc Nộn làm vua thứ nhì, đóng ở thành Sài Côn (Sài Gòn).

hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam. Ngày hai mươi tháng bảy, vào giờ Dậu, thình lình trời đổ mưa đá, từ phía Đông Nam mưa đến, tiếng động ầm ầm như sấm dậy. Dân chúng đều phải ẩn nấp không ai dám ngước lên nhìn, đến quá nửa giờ Tuất mới hết. Sau trận mưa người ta nhặt được những cục nước đá to bằng quả cam, nhỏ hơn thì như quả trứng gà, bỏ vào trong lọ sứ qua một đêm cũng chưa tan hết. Năm ấy trong dân nhiều người mắc bệnh đậu mùa, các ông lang lấy thứ nước mưa đá ấy bôi vào thì người bệnh cũng có phần được mát mẻ dễ chịu. Đến ngày mười ba tháng chín, vào giờ Mùi, bỗng nhiên ở cung mùi phía Tây Nam bầu trời nứt ra một lỗ xuyên thấu lên cao, xung quanh mây lành quần tụ như hình rồng cuộn phụng bay, dân chúng ai nấy đều đứng ngước nhìn. Bỗng thấy từ trong lỗ mây ấy bay vút ra một vệt sáng lóa như ngọn đuốc, từ trên cao rơi xuống. Quả là một điềm lạ hiếm thấy. Các danh sĩ thời bấy giờ đều bàn tán rằng: "Đó là điềm lành, sau này sẽ có bậc quân vương chân chính giáng sinh, sớm muộn tất sẽ gặp vận trung hưng".

Năm ấy được mùa lúa tốt, dân yên vật thịnh. Trên núi không có thú dữ, ngoài biển không có sóng to. Bốn dân đều được an cư lạc nghiệp, có thể thấy được thời vận thái bình. Người đương thời có thơ vịnh điềm lành lúc bấy giờ:

Ngời ngời khí đẹp khắp không trung,
Chiếu dọi huy hoàng Đâu Suất cung.
Năm sắc mây dồn đàn phượng múa,
Ba màu ráng tỏa bóng rồng lung.
Mới hay nước có ngôi anh chúa,
Quả thực trời sinh bậc thánh thông.
Giữ vững kiền khôn nền tảng vững,
Lâu dài nước thịnh nghiệp trung hưng.

Năm Ất Mão niên hiệu Đức Nguyên năm thứ hai (1675), trung tuần tháng hai, có sao Thái Bạch di chuyển ngang qua bầu trời, sau hai tháng mới mờ khuất. Đến tháng tư, Hiền vương cho mở khoa thi chọn kẻ sĩ. Hạng hoa văn được lấy trúng cách hơn ba mươi người. Đều được Vương cất nhắc bổ dụng.

Năm ấy, công tử thứ ba là Hoằng Ân hầu sinh con trai vào giờ Mùi ngày mười tám tháng năm. Bấy giờ mây lành rạng tỏa, khí đẹp bao trùm, đầy nhà hào quang bừng sáng, khắp nơi trong cung phủ thơm nức hương trời.

Vương tôn sinh ra mày Nghiêu, mắt Thuấn, lưng Vũ, vai Thang, trạng mạo như Đường Tông, phong tư tựa Tống Tổ. Đến khi lớn lên, vương tôn ấn uy gồm đủ, văn võ kiêm toàn, đúng là bậc chân chúa do trời sinh ra để định nước yên dân. Bấy giờ những bậc tài trí trong thiên hạ mới nghiệm biết vương tôn ứng vào điềm lành năm trước [1].

Lại nói chuyện tháng ấy công tử thứ hai là Hiệp Đức hầu sau khi bãi chầu ra về, vào trong am giảng kinh, thuyết pháp chân lý của đạo từ bi, chợt nghiêng lưng chợp mắt trong phòng thiền, chiêm bao thấy mình đi ra ngoài dạo chơi. Hiệp Đức đứng bên bờ sông ngắm nhìn non nhân nước trí, cỏ lạ hoa kỳ, thứ gì cũng tươi thắm mỹ lệ, trong lòng rất lấy làm yêu thích. Bỗng thấy xa xa về phía Tây Bắc có một con thuyền không buồm, không chèo đang lướt gió trôi nhanh về phía Đông Nam. Hiệp Đức thấy trong thuyền có đến hơn hai chục thiền tăng, còn thuyền thì nhẹ bỗng, tịnh không có một thứ đồ vật hàng hóa nào cả. Hiệp Đức hỏi:

– Thuyền này đi về đâu?

Vị sư già đáp:

– Ta đi chơi núi Bồ Đà ở Nam Hải, tiên sinh có việc gì mà gọi thuyền?

Hiệp Đức nghe nói như vậy mừng thầm, nghĩ rằng: "Bản tâm ta muốn được thanh tĩnh, nay lại gặp con thuyền ra núi Bồ Đà là cõi báu của Phật Quan Âm. Ta muốn một lần trông thấy cõi ấy cũng đủ thỏa nguyện ba sinh". Nghĩ vậy, Hiệp Đức bèn thưa:

– Đệ tử muốn được đi theo, xin sư phụ rộng lòng cưu mang.

Vị sư cười đáp:

– Tiên sinh muốn đi thì mau lên thuyền, bần tăng không có gì e ngại.

Hiệp Đức nghe nói cả mừng liền bước lên thuyền. Con thuyền rời bến ra giữa lòng sông, rồi không sóng dồn gió thổi mà lao đi vun vút như ánh sao sa, trong chớp mắt đã đi hơn trăm dặm. Bỗng thấy trên bờ hiện lên một ngọn núi cao, hình thế rất đẹp, có nhiều chim muông cây cỏ quý lạ. Trên núi có một ngôi chùa nguy nga tráng lệ, đèn nến sáng trưng, chuông trống vang lừng. Một thiền sư cao niên tay cầm gậy trúc, chân đạp trên đám mây đứng trước cửa tam quan. Thiền sư giơ gậy vẫy, con thuyền liền dừng lại bên chùa. Các nhà sư trên thuyền đều vào chùa lễ Phật, tham thiền. Sau đó mọi người đều sắp

---

1. Hoàng tôn nói trong đoạn văn trên là Nguyễn Phúc Chu, sau nối ngôi chúa tức là Minh vương (chúa Minh).

hàng đứng hai bên vị thiền sư. Thiền sư hỏi Hiệp Đức:

– Nhà ngươi quê quán ở đâu? Theo thuyền đến đây có việc gì?

Hiệp Đức cúi đầu thưa:

– Bạch sư phụ, đệ tử là con vua nước Nam. Nay đệ tử muốn đến núi Bồ Đà mong được trông thấy bảo tướng của Phật Quan Âm để xin sư tổ cứu độ ra khỏi bến mê.

Vị thiền sư già cười đáp:

– Tiên sinh muốn đi đến đó thì ta sẽ ban cho một lời kệ. Tiên sinh hãy suy ngẫm cho kỹ và ghi nhớ trong lòng.

Lời kệ như sau:

Gọt tóc khai tâm trừ gai góc
Đài gương tuy sáng không ký ức
Của cải thành tro hóa bụi trần,
Một trận gió tung ai lường trước?

Thiền sư đọc xong lời kệ, lại cười bảo rằng:

– Tiên sinh hãy ghi nhớ bài kệ ấy, đừng quên sót chữ nào rồi mau về nước phụng thờ cha mẹ cho tròn đạo hiếu. Ngày sau nếu còn muốn đi thì ta sẽ dẫn đường cho.

Hiệp Đức vái lạy, hai ba lần khẩn thiết xin được đi theo để được một lần tham yết Phật Quan Âm. Bỗng một trận gió mạnh nổi lên, cát bay đá chạy mù trời, cây gẫy núi lở khắp nơi. Hiệp Đức giật mình tỉnh dậy, mới hay là giấc chiêm bao. Bấy giờ nghe trong doanh tiếng cầm canh đã điểm canh ba. Hiệp Đức bèn ngồi dậy lấy bút suy nghĩ nhớ lại để ghi lại đầu đuôi những điều trông thấy, cả lời kệ mà vị thiền sư già ban cho trong giấc mộng. Viết xong, Hiệp Đức ngồi xem đi xem lại cho đến lúc trời sáng. Công tử Hiệp Đức gọi mấy người thân tín vào trong am cùng ngồi biện giải ý nghĩa của lời kệ. Mọi người cùng nhau bàn cãi, thấy ba câu đầu thì ý nghĩa có thể hiểu được, chỉ còn câu: “Đĩnh trung minh kính nguyên vô ức” thì ý tứ huyền diệu khó hiểu, đành tạm để đấy chờ sau sẽ chiêm nghiệm xem sao.

Từ đó công tử Hiệp Đức ghi nhớ lời kệ ngữ, trong lòng nửa buồn nửa vui. Buồn vì đạo hiếu báo đáp cha mẹ chưa tròn, vui vì cửa Phật đã mở lòng truyền thụ, ngày đêm tưởng vọng không dám quên khuây.

Đến thượng tuần tháng sáu, vận trời đang lúc lưu chuyển, công tử Hiệp Đức bỗng nhiên nhiễm bệnh đậu mùa, ngũ tạng trong người nóng rực, chân tay đau nhức, toàn thân như đặt trên lò lửa, ngồi nằm

không yên. Đã mấy ngày liền công tử Hiệp Đức bỏ ăn uống, thuốc men chữa cũng không lành mà bệnh tình lại ngày càng trầm trọng. công tử biết số trời đã vậy không thay đổi được, chỉ đành lặng lẽ than vãn mà thôi.

Hiền vương cũng biết bệnh tình của công tử Hiệp Đức không qua khỏi, trong lòng lấy làm sợ hãi lo buồn. Vương biếng ăn kém ngủ, ngày đêm thương khóc lệ rơi. Vương cũng lập đàn cầu mát, đến đền thần cửa Phật và tông miếu thờ các bậc tiên vương để xin cho công tử được tai qua nạn khỏi. Hàng ngày Vương đều đến bên giường Hiệp Đức thăm hỏi bệnh tình.

Đến ngày rằm tháng ấy công tử Hiệp Đức biết bệnh tình ngày càng tăng, thế tất không qua khỏi, bèn gọi người hầu đỡ dậy rồi quỳ xuống trên giường, cúi đầu rớt lệ thưa với Hiền vương:

– Thần nhờ ơn vương phụ vương mẫu sinh thành, công đức to lớn như trời đất, phải đâu thần lại không muốn dốc tận lòng trung báo đền ơn nước, phụng thờ cha mẹ. Nhưng nay đành nửa đường đứt gánh! Chỉ giận chưa diệt trừ được bè đảng họ Trịnh khuông phù cơ nghiệp nhà Lê để báo đáp ơn lớn của cha mẹ, cho trung hiếu được vẹn toàn. Nay số trời đã hết, tự xét là ứng với lời kệ trong giấc mộng năm xưa. Thần xin cam chịu tội bất hiếu, muôn trông vương phụ tha thứ cho.

Nói xong công tử lại khóc to rồi thở dài một tiếng mà mất. Năm ấy công tử hưởng thọ 33 tuổi.

Hiền vương đau xót ôm con, ngã vật xuống giường, gào khóc thảm thiết:

– Đau tiếc cho con ta tài đức đầy đủ, trung hiếu vẹn toàn, xứng đáng là bậc anh hùng cái thế. Sao trời nhẫn tâm đoạt con ta đi mau như thế!

Nói xong Vương lại khóc to. Các tướng có mặt ai nấy đều bùi ngùi rơi lệ, thương tiếc không thôi.

Vương sắc phong cho công tử là Minh nghĩa tuyên lực công thần khai phủ quốc sự [1] thiếu úy Hiệp Đức quận công Nguyễn Phúc Thuần để đền đáp công lao của Hiệp Đức công tử. Lại sai dựng đàn tế, dùng nghi thức tước công an táng Hiệp quận công ở đầu nguồn núi xã Hiền Sĩ, huyện Quảng Điền, lập đền thờ ở xã Vân Thê để ngày đêm hương

---

1. Các bản đều chép: "... khai phủ quốc sự..." ngờ chữ đúng là "Khai quốc phủ sự".

khói phụng thờ. Dân gian trăm họ già trẻ trai gái biết tin công tử Hiệp Đức qua đời, ai cũng đều che mặt ôm nhau khóc than, thương tiếc cho công tử là bậc nhân đức hiếm có ở đời, ngờ đâu ông trời lại cho tuổi thọ quá ít.

Sau khi công tử Hiệp Đức qua đời, người ta mới hiểu nghĩa câu kệ: "Đĩnh trung minh kính nguyên vô ức": Đĩnh trung (nửa đỉnh) là "bán ngũ", bán ngũ tức là nửa năm, chỉ vào tháng sáu vậy. Minh kính (gương sáng, chỉ mặt trăng) là ngày rằm, trăng tròn và sáng. Còn "nguyên vô ức" thì hiểu theo đúng nghĩa ấy (không được lâu dài). Tất cả câu kệ có nghĩa là: ngày rằm tháng sáu năm nay công tử Hiệp Đức qua đời. Bấy giờ người ta mới biết lời kệ thật huyền diệu, ứng nghiệm không sai.

Người do thám của Bắc triều dò biết việc công tử Hiệp Đức mất bèn lén qua miền ranh trở về Bắc báo tin cho chúa Tây Định biết. Tây Định cả mừng nói:

– Công tử thứ hai của nhà họ Nguyễn là Hiệp Đức đã chết. Thế là Nam triều mất một người hiền tài. Trong mấy trận chiến năm trước, người ấy đã hăng hái gắng sức đặt kế bày mưu khiến cho quân ta nhiều lần thua trận. Đúng là hổ cha sinh hổ con! Con ta làm sao mà sánh kịp! Từ nay về sau ta không còn gì phải lo nghĩ nữa.

Rồi Tây Định sai gióng trống để tỏ ý vui mừng, các quan trong triều đều vỗ tay đắc ý.

Người đương thời có thơ than tiếc công tử Hiệp Đức như sau:

Nước trôi hoa rụng tựa thoi đưa,
Than tiếc nhân sinh được mấy mùa.
Nhạt bóng bên mây dừng ngựa chiến,
Tay lăng ngoài cõi nhớ đao xưa.
Mới hay phú quý theo hoa rụng,
Lại bảo công danh tựa chớp mưa.
Hạt giống Bồ Đề gieo đã mọc,
Nhàn xem thế sự nực cười chưa!

HỒI THỨ BA MƯƠI

Chiêu Vũ qua đời, Hiền vương tạ thế
Ngãi vương nối trị, đại xá ban ơn.

Năm Bính Thìn niên hiệu Vĩnh Trị năm thứ nhất (1676) ngày mồng một tháng ba có nhật thực, mặt trời bị che khuất đến chín phần mười, sau hai giờ mới lại tròn như trước. Đến ngày mười sáu có nguyệt thực, sắc mặt trăng nửa đỏ nửa đen. Tháng tám có sao chổi hiện ở bầu trời phía Đông Bắc, sau ba tháng mới mờ hẳn. Năm ấy xẩy ra dịch bệnh, hạn hán, dân chúng đói khổ.

Năm Đinh Tị niên hiệu Vĩnh Trị thứ hai (1677), thiên hạ thái bình, trăm họ yên ổn làm ăn, lúa má được mùa, hoa màu cây cỏ tươi tốt, một đấu gạo giá chỉ ba đồng tiền, dân chúng đều được an cư lạc nghiệp.

Năm Kỷ Mùi niên hiệu Vĩnh Trị thứ tư (1679), tháng hai Hiền vương lệnh cho các quan khâm sai văn võ đi tuyển duyệt quan lại các nơi trong hai xứ Quảng Nam, Thuận Hóa theo điều lệ đã có từ trước. Như trường thi nhiêu học thì cho các sĩ tử thuộc hạng chính đồ được thi, còn các sĩ tử thuộc hạng hoa văn thì không được dự thi.

Bấy giờ có Cai bạ Cẩm Lĩnh hầu và Thủ bạ Đông Triều hầu thưa rằng:

– Phàm những kẻ Nho lại đều có thể bổ dụng làm việc nước, đâu phải chỉ hạng Nho sinh chính đồ. Nay không cho hạng hoa văn dự thi nhiêu học thì sợ là không đúng với điển lệ đã có từ trước. Mong Thánh thượng khoan dung để thể hiện chính giáo của các bậc tiên vương, an ủi lòng dân thiên hạ.

Hiền vương không nghe lời khuyên ấy. Những người thuộc hạng hoa văn biết tin đều phàn nàn, ta thán, bỏ cả học nghiệp đến nỗi ngạch hoa văn ngày một suy biếng. Kẻ sĩ thuộc hạng hoa văn tìm đường bỏ trốn để mưu sinh, chuyện không phải nói đến.

Lại nói năm ấy, người nước Đại Minh nguyên là đăng khấu tướng quân Dương Ngạn Địch cầm quân trấn thủ thành Long Môn đến nước ta. Mùa đông năm trước Ngạn Địch thống lĩnh quân thuỷ bộ của thành Long Môn đánh lại quân Thanh của vua Khang Hi, vì quân ít không

chống cự nổi nên đại bại, phải bỏ thành chạy trốn. Ngạn Địch định chạy về Nam Kinh, nhưng đường bộ thì đã bị quân giặc bao vây mà đường thủy thì không thông được. Thế chạy không thoát, Ngạn Địch bèn đưa hơn hai trăm chiến thuyền chạy ra biển Đông trốn tránh ở gần vùng biển nước ta, rồi viết biểu văn sai người về kinh tâu với triều đình nhà Minh xin sai quân đến cứu viện. Đoàn thuyền của Ngạn Địch cứ bồng bềnh trên mặt biển đến hơn một tháng, không thấy viện binh đến cứu, Ngạn Địch trong lòng rất lo buồn. Bỗng hạ tuần tháng giêng, gặp hôm mây mù dầy đặc bốn phía, gió to bão lớn nổi lên, sóng biển trắng xóa dâng cao ngút trời, đoàn chiến thuyền của Dương Ngạn khó bề dừng cụm được một nơi, không bao lâu bị sóng đánh trôi dạt khắp bốn phía, nhiều thuyền bị đắm, quân lính chết đuối không biết bao nhiêu mà kể. Đến khi gió yên sóng lặng, Dương Ngạn Địch thu thập số còn lại, điểm thấy mất đến quá nửa tất cả chỉ còn hơn năm chục chiến thuyền với hơn ba ngàn quân sĩ, Ngạn Địch gào khóc:

– Trời không phù hộ triều Minh để đến nỗi quân lính của Ngạn Địch tôi gặp nguy khốn thế này!

Ngạn Địch khóc xong, đưa mắt nhìn bốn phía, thấy mặt biển mênh mông, triều dâng sóng cuộn trắng xóa, không biết thuyền mình đang ở chỗ nào, sống chết ra sao cũng không nắm chắc. Bấy giờ lương ăn đã hết, quân sĩ phải xé da giầy mà ăn, hứng nước sương mà uống, chỉ mong giữ cho được mạng sống. Còn hạng binh phu, vợ con người nhà quân sĩ chẳng may ốm chết thì bị cầm chân ném xuống biển, tình cảnh thật là thảm khốc.

Đoàn thuyền của Dương Ngạn Địch lênh đênh trên biển chừng hơn một tuần thì người trên thuyền trông thấy bãi cát ở chân núi đằng xa, cũng không biết rõ đoàn thuyền đã trôi giạt đến địa giới nước nào.

Dương Ngạn Địch hỏi quân sĩ:

– Các ngươi có ai biết chỗ này thuộc nước nào mà núi non hiểm trở như thế?

Trong thuyền có tên quân sĩ họ tên là Quách Tam Kỳ trước kia từng đến buôn bán ở nước ta. Tam Kỳ nhận ra được địa thế vùng biển liền thưa:

– Núi non phía kia thuộc về nước An Nam.

Dương Ngạn Địch hỏi:

– Quân tướng thành quách của nước ấy yếu mạnh thế nào?

Chúng ta hãy tạm vào đó ở nhờ, rồi đoạt lấy quân lính của họ để mưu đồ đạt kế lớn, không biết có nên không?

Quách Tam Kỳ đáp:

– Đất An Nam nước giàu dân thịnh, binh tướng hùng cường thành quách vững chắc. Các môn thủy chiến, bộ chiến họ đều luyện tập thành thạo, các nước lân bang đều không dám xâm phạm. Trước đây có bọn giặc Ô Lan [1] cậy giỏi thuỷ chiến, đem hơn chục chiến thuyền đến đậu ở ngoài khơi hải phận nước Nam, mưu tính để quân vào cướp bóc, không ngờ bị quân nước Nam đánh cho tan tành, quân giặc Ô Lan bị giết nổi đầy mặt biển. Từ đó về sau quân Ô Lan không dám xâm phạm nữa. Bọn chúng còn như thế, huống hồ là quân ta?

Dương Ngạn Địch nghe nói cả kinh, mồ hôi ướt vã lưng áo. Rồi Dương Ngạn Địch hạ lệnh cho các chiến thuyền đi chậm, cách xa ngoài bãi cát. Ban ngày thì đánh thanh la, ban đêm thì treo đèn làm hiệu. Nếu nước Nam sai người ra hỏi thì đầu hàng để xin được chốn nương thân. Sở dĩ phải làm như vậy là để khỏi gây sự cấp bức đường đột làm kinh động đến người nước Nam, tránh xảy ra chuyện phải đánh nhau tổn hại quân sĩ.

Đoàn chiến thuyền của quân Long Môn bỏ neo đậu ngoài bờ biển từ cửa Nại Hải đến cửa Đà Nẵng.

Ngày mười tám tháng ấy, quân tuần tiễu ở các cửa biển của ta thấy có thuyền lạ, không rõ bao nhiêu chiếc, dàn hàng đỗ ngoài khơi. Bọn họ lấy làm sợ hãi, báo tin về vương đình. Hiền vương nghe báo bèn truyền lệnh cho các đội thủy quân đem chiến thuyền đến phục sẵn ở các cửa biển để sẵn sàng đánh giặc. Quân tuần tiễu ở cửa Tư Dung là Trí Thắng hầu đi chiếc thuyền nhỏ, sai lính chèo thẳng đến gần đoàn thuyền lạ, cất tiếng gọi to:

– Những thuyền kia của nước nào? Sao dám đậu ở địa giới nước ta! Các ngươi ý gì hãy mau trả lời.

Dương Ngạn Địch thấy thuyền của nước ta xộc đến, vội sai treo cờ trắng tỏ ý xin hàng. Bên đoàn thuyền Long Môn, Quách Tam Kỳ lên tiếng trả lời:

– Chúng tôi là quân sĩ của đăng khấu tướng quân Dương Ngạn

1. Ô Lan: tức người Hòa Lan.

Địch nguyên là tướng trấn thủ ở thành Long Môn, vì chống cự với quân nhà Thanh bị thất lợi nên phải bỏ thành lên thuyền lánh nạn để đợi thiên triều đem quân đến cứu viện. Không may gặp gió bão, thuyền trôi vào vùng biển của quý quốc. Chúng tôi xin đầu hàng giữ phận bề tôi để có chốn nương thân, an toàn tính mạng cho quân sĩ. Thật lòng chúng tôi như thế, ngoài ra không có ý gì khác. Cúi mong đại nhân thương xót kẻ bị nạn, giúp tâu lên để quốc vương xét cho tấm lòng thành thật của chúng tôi.

Trí Thắng hầu nghe xong đáp:

– Nếu thật tình như vậy, các ông phải sớm tự mình đến tâu bày với triều đình để tuỳ ý quốc vương nước tôi định đoạt.

Dương Ngạn Địch cả mừng bèn viết biểu văn xin đầu hàng rồi sai Hoàng Tiến và Quách Tam Kỳ theo Trí Thắng hầu vào vương đình dâng lễ, tâu bày đầu đuôi việc thua trận và tình cảnh khốn bức, muốn xin đầu hàng để có chốn nương thân.

Hiền vương xem xong biểu văn, lại nghe bọn Hoàng Tiến tâu bày, lấy làm thương xót, bèn truyền chỉ cho phép được đầu hàng. Lại ban cho tiền gạo, vải vóc, rượu thịt để an ủi cho binh chúng khỏi sợ hãi.

Năm Canh Thân [1] niên hiệu Chính Hòa thứ nhất (1680) ngày hai mươi tháng ba, ở phường Mỏ Sắt huyện Cam Lộ đang lúc trời đất thanh bình, không mưa gió bão táp, một đôi voi đực đang ăn chồi non bên bụi cây bỗng nhiên sụt xuống đất. Chỗ đất sụp ấy như một cái hố, sâu quá lưng voi ba bốn thước, rộng đến hơn hai chục thước. Dân chúng chạy ra bới đất cứu được, lại chặt gỗ lớn lót đất cho voi đi, mất một ngày một đêm mới đem được đôi voi lên khỏi hố. Nhưng cả hai con voi ấy đều kinh sợ bỏ ăn uống, chỉ gào rống, mười ngày sau thì chết.

Đến tháng bảy, trời mưa xuống nước mặn và mưa tro ở hai huyện Vũ Xương, Hải Lăng, lúa má hao tổn cháy khô cả. Năm ấy dân chúng mất mùa đói kém.

Ngày hai mươi hai tháng tám, vào giờ Thân, thình lình một cơn lốc nổi lên từ phía Đông Bắc, khắp nơi ào ào rung chuyển ngói bay nhà đổ, núi lở đá sập. Rồi mưa to, sấm chớp đầy trời, không bao lâu nước lũ dâng lên. Một dải đồng ruộng làng mạc từ biển cho đến tận

---

1. Năm Canh Thân (1680) nguyên thư chép là niên hiệu Vĩnh Trị thứ năm. Sửa lại là Chính Hòa năm đầu.

chân núi ngập nước sâu đến hơn trượng, đồ đạc của cải bị nước cuốn phăng ra biển. Người vật chạy lên núi tránh lũ, nhưng vẫn không khỏi hao tổn nặng nề. Ấy là trời giáng tai ương, vật đã đến lúc tột cùng vậy. Hiền vương bèn sai dựng đàn cầu đảo, sau đó mới được yên tĩnh.

Năm Quý Dậu niên hiệu Chính Hòa thứ hai (1681), ngày mười tám tháng hai trấn thủ đạo Lưu Đồn là Tiết chế Chiêu Vũ Nguyễn Hữu Dật đột ngột lâm bệnh, thuốc thang chạy chữa không thuyên giảm, bèn sai người về bẩm ở vương đình. Hiền vương liền sai người hầu đem lương y ra điều trị. Vương đích thân làm lễ cầu mát xin trời đất thần linh phù hộ cho Tiết chế tai qua nạn khỏi. Đến hạ tuần tháng ấy, biết số trời sắp hết, Chiêu Vũ đang nằm trên giường xoa tay vỗ chiếu than rằng:

– Chiêu Vũ này bình sinh chỉ mong giúp chúa Nguyễn diệt trừ nghịch đảng họ Trịnh tiếm đoạt ở Bắc Hà, khuông phò cơ nghiệp nhà Lê để xã tắc được yên bình, rạng công danh với đời trước, tỏ sự nghiệp với đời sau. Nhưng số trời đã hết, biết làm sao được! Nói đoạn tự cầm bút viết khải văn, sai người về triều dâng lên Hiền vương. Vương nhận tờ khải văn mở ra xem. Khải văn viết:

"Thần Chiêu Vũ đắc tội, trăm lạy dâng khải văn lên Thánh thượng vạn vạn tuế. Thần cảm ngộ ơn đức Thánh thượng, được tin yêu trọng dụng hơn người. Chức tột cao lạm giữ, danh cha mẹ hiển vinh. Thần một chí báo đền ơn nước, những mong giúp cơ đồ Nguyễn chúa, trừ đảng Trịnh phù tá Lê triều, kéo sinh linh ra khỏi lầm than, cứu trăm họ thoát hàm sói hổ. Nào ngờ thiên vận tuần hoàn, âm dương khó liệu. Bệnh thần khó chữa. Biển Thước bó tay. Ấy là số trời an bài sẵn vậy. Há thần chẳng muốn cùng Thái Sơn, Ngũ Nhạc trường tồn, sánh Hoàng Hà sông kia trôi mãi? Để đạo quân thần toàn vẹn, để lòng trung hiếu chẳng mờ. Ấy ước nguyện của thần, bình sinh mong có thế. Nếu chẳng may cành thu lá rụng, giữa đồng băng tuyết chảy tan, ấy là mệnh vậy, vận vậy. Muôn trông Thánh đức minh xét mà tha thứ cho. Nay dâng khải".

Hiền vương xem xong khải văn, lệ ướt đầm áo, than rằng:

– Tấm lòng của Chiêu Vũ cứng rắn như sắt đá, bệnh tình đã nguy cấp mà vẫn khảng khái như thế. Nếu được trời phù hộ thì không có gì đáng lo.

Nói đoạn Vương bèn sai người đem tiền bạc ra đạo Lưu Đồn

chăm sóc Chiêu Vũ, lại sai thái y viện phái lương y đem thuốc thang đi điều trị, chữa khỏi tất được trọng thưởng. Chiêu Vũ biết vậy bèn khóc lớn rồi gọi người đỡ dậy, vái vọng tạ ơn Hiền vương. Đến ngày mồng ba tháng ba, giữa tiết thanh minh, trời xuân tươi đẹp, các tướng bộ thuộc trong bản doanh đều đến chực hầu trong trướng của Tiết chế Chiêu Vũ. Chiêu Vũ biết số trời đã hết, khó gắng gượng được, bèn gọi các con đến bên giường bảo rằng:

– Ta thờ Vương thượng tình thân như cha mẹ, ơn sánh non cao, lời nói được nghe, mưu kế được dùng, sự tiếp đãi chưa từng trễ biếng. Ta những muốn khuông phù nhà chúa để thành toàn sự nghiệp trung hưng. Nào ngờ số trời đã định, trăm tuổi khó bền. Các con phải ghi nhớ tuân lời cha dạy, lấy đạo hạnh lập thân, nêu danh với hậu thế. Ấy là con có hiếu vậy. Vả chăng đạo thần tử tất phải lấy trung hiếu làm đầu, các con phải nên nghĩ kỹ để dạy bảo lẫn nhau. Nếu quên lời cha mà sinh lòng kia khác tất sẽ bị trời, người, quỷ thần tiêu diệt, ta ở dưới suối vàng cũng nhắm mắt không yên.

Các con vái lạy vâng lời. Chiêu Vũ lại bảo đỡ ngồi dậy, rồi mời các bộ tướng vào phòng trong. Chiêu Vũ ứa nước mắt nói với các tướng:

– Lão phu này cùng với các ông đều là tâm phúc của triều đình, trong lòng những muốn ra sức báo đáp. Nay lão phu số trời đã hết, không thể nào khác được. Vả chăng ta năm nay tuổi đã gần tám mươi, có gì phải tiếc đời đâu? Chỉ tiếc là không được bái yết tôn nhan của Thánh thượng để tỏ bày lời tim phổi cho vẹn đạo quân thần. Mong các ông hết lòng dốc sức phò tá vương thất làm cho ta ở dưới suối vàng ngõ hầu được yên lòng.

Nói xong lại ứa nước mắt, thở dài mấy tiếng rồi mất, thọ bảy mươi tám tuổi. Các tướng trong bản doanh đều đấm ngực gào khóc thương tiếc rồi cùng nhau lo liệu việc tang. Một mặt lập bàn thờ kính tế, một mặt sai người ngày đêm về triều báo tang. Hiền vương nghe tin buồn, bật khóc nức nở, nói với tả hữu:

– Tiếc thay bậc danh tướng của ta, bao năm lao tâm khổ tứ, ra hiểm vào nguy những mong thành toàn sự nghiệp gian nan. Ngờ đâu nửa đường đứt gánh, đau tiếc biết chừng nào! Chiêu Vũ dưới suối vàng có thấu hiểu cho lòng ta?

Nói xong lại gào khóc, rồi sai người mang vàng bạc vóc lụa ra phúng điếu, sắc phong làm Tán Trị tĩnh nạn công thần, tả quân đô đốc Chiêu quận công để đền đáp công lao bậc huân thần, cho dùng

nghi lễ tước công an táng ở núi Yên Đại thuộc phủ Quảng Bình.

Bấy giờ dân chúng Quảng Bình già trẻ trai gái nghe tin Tiết chế Chiêu Vũ qua đời đều khóc thương đau đớn như mất cha mẹ, gọi Chiêu Vũ là "ông Bồ Tát" trách trời xanh sao không để ông sống lâu thêm nữa, các tướng ở đạo Lưu Đồn cùng nhau dựng miếu thờ ông ở xã Thạch Xá, gần dinh, bốn mùa thờ cúng.

Nhân sĩ đương thời có thơ than Tiết chế Chiêu Vũ như sau:

Uẩn súc trong lòng mấy vạn binh,
Sớm rời hoài bão giữa thanh minh.
Kinh đô chưa thỏa lòng rong ruổi,
Quê cũ còn lưu mãi nghĩa tình.
Chẳng bởi Thuận công vùi tiết lớn,
Nhờ tài Sử thị sáng cao danh.
Động Hồi qua đó vạn người hỏi,
Phụ lão đều phô Đốc chiến thành.

Tháng năm năm ấy, Hiền vương ngự giá đến chỗ đào kênh ở xã Trung Đan. Kênh đào xong, Vương đi thuyền ngự về đến phủ Lương Phúc thì dừng lại nghỉ rồi dẫn quân theo đường bộ về phủ chính. Đến quán Thanh Kệ, Vương cho xa giá đi chậm để xem phong cảnh dân cư. Viên đội trưởng thị nội cưỡi ngựa đi hầu ở sau, thấy đường đi rộng rãi bằng phẳng chợt nảy ý hiếu thắng, bèn bảo quân sĩ hộ giá dừng ngựa, chờ cho xe trước đi khá xa rồi mới thi nhau cưỡi ngựa đuổi theo. Mọi người đều reo cười huyên náo. Bọn họ cưỡi ngựa đua nhau như vậy đã hai ba quãng đường. Hiền vương nghe tiếng ồn ào ở phía sau bèn hỏi người hầu:

– Đội hậu quân có việc gì ồn ào thế?

Người hầu đáp:

– Thưa Nguyên súy, đó là do ông đội trưởng thị nội cùng các viên trong đội hộ giá đua ngựa với nhau nên mới reo cười ồn ào như thế.

Hiền vương bèn cho dừng xa giá ở bờ ruộng bên đường, rồi truyền cho đội thị nội đua ngựa cho Chúa xem. Viên đội trưởng được lệnh liền hẹn các đội viên dừng ngựa trước quan Triều Tây, chờ hiệu lệnh thì ai nấy ra sức ruổi ngựa về đích ở trường bắn Vạn Xuân. Vương ngự xem rất vui thích, bảo tả hữu:

– Đó cũng là một phép diễu võ. Huống chi ngựa lại là vật cần

thiết trong lúc hành binh, người xưa vẫn quen dùng. Cần phải cho luyện tập để tăng thêm binh uy.

Rồi Vương truyền cho đắp mở đường rộng từ trường bắn Vạn Xuân đến quán Thanh Kệ và đắp hai đài ngự mã để hàng năm đua ngựa. Từ đó các quan văn võ chăm lo lựa chọn thiết kỵ tuấn mã, tập luyện được nhiều tuấn mã như giống ngựa Ký, ngựa Kỳ, cũng có nhân tài chọn ngựa như Bá Nhạc, Đồng Quán. Các nước láng giềng biết tiếng chúa Nam đều sai sứ đến tiến cống.

Năm Nhâm Tuất niên hiệu Chính Hòa thứ ba (1682), ngày mồng tám tháng sáu, ở xã Yên Ngạn, nguồn Cam Lộ, giữa lúc thanh bình không có mưa gió bão lụt, dân chúng đang vui vẻ làm việc nông, người đi cày ca hát, kẻ chăn trâu thổi sáo trên cánh đồng, bỗng ban đêm nghe một tiếng động lớn nổ vang như sấm nổ rung chuyển cả đất trời, dân chúng lấy làm lo sợ. Sáng ra thăm ruộng mới biết đất sụt thành cái hố rộng hơn sáu, bảy trượng, còn sâu thì không biết bao nhiêu, luồng khí đen dưới hố vẫn còn bốc lên trời. Dân chúng thấy sự lạ, chỉ dám đứng từ xa mà nhìn. Trong làng có một gã táo tợn thường chẳng biết sợ hãi, bèn bò đến bên miệng hố thò đầu trương mắt nhìn xuống, trong đám khói lờ mờ không có vật gì. Bỗng thấy mắt hoa tim lạnh, toàn thân tê dại, mồ hôi ướt đẫm lưng áo, gã ta khiếp sợ quay lại bỏ chạy. Từ đó về sau không ai dám đến gần mà nhìn, cũng chẳng biết dưới hố có vật gì kỳ lạ. Sau ba bốn năm đất vùi xuống tấc, nhưng cũng chưa đầy miệng hố.

Tháng tám năm ấy có một ngôi sao đôi phạm vào hai bên mặt trăng, thường cứ lánh theo góc xoay của mặt trăng mà di chuyển, đến hơn một tháng ngôi sao ấy mới mờ hẳn.

Năm Quý Hợi niên hiệu Chính Hòa thứ tư (1683) trong nước được mùa. Đến tháng ba, Hiền vương cho mở khoa thi chọn kẻ sĩ để tìm người hiền tài. Vương truyền cho các quan tứ trụ và các quan văn làm đề điệu, giám thí. Khoa ấy, hạng chính đồ lấy trúng cách bốn người, hạng hoa văn trúng cách ba mươi hai người, đều được cất nhắc bổ dụng.

Tháng bảy có ngôi sao trắng phạm vào cung mặt trăng, dân chúng phần nhiều đều nói là hoa kết ở mặt trăng, đến tháng chín mới mờ hẳn, người ta không biết ngôi sao ấy chủ về việc lành hay việc dữ? Tháng mười lại có sao Cờ xuất hiện ở phương Đông Nam, chiếu sáng vào cung Canh, đuôi quay về cung Tân, sắc sao nửa trắng nửa đỏ, dài hơn ba mươi thước, đến tháng Chạp mới mất. Năm ấy

trong nước bị bệnh dịch, người chết rất nhiều. Hiền vương cho lập đàn cầu đảo với trời đất thần linh, dân chúng mới được bình yên như trước.

Năm Giáp Tý niên hiệu Chính Hòa thứ năm (1684), tháng hai, Hiền vương xuống lệnh cho các quan văn võ làm khâm sai đi tuyển duyệt binh dân các nơi ở hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam, theo đúng như điển lệ cũ của vương triều. Những người trai tráng khỏe mạnh ở xứ Quảng Nam được tuyển để bổ sung quân số. Lại truyền lệnh cho học trò thuộc hạng chính đồ không phải dự thi ở trường nhiêu học, ai thông hiểu văn chương đều cho dự đại khoa thi Hội, người có tài được cất nhắc trọng dụng. Học trò thuộc hạng nhiêu học nghe tin đều kêu ca phàn nàn. Các quan văn võ vào triều xin chúa cứ nên mở kỳ tiểu thí để vun trồng nhân tài như lệ cũ của tiên vương, nhưng chúa không nghe theo.

Tháng ba, người do thám ở Đàng Ngoài về báo Tây Định vương đã mất, Phú quận công Trịnh Căn kế vị lúc đang đau ốm, phải nằm ngự triều mà chấp chính, thiên hạ bàn tán xôn xao. Hiền vương nghe tin muốn cất quân đánh ra thu phục Trung Đô, nhưng trong xứ năm ấy mất mùa, kho tàng thiếu hụt, bèn bỏ ý định ấy.

Ngày hai mươi bảy tháng năm, sao Thái Bạch di chuyển ngang qua bầu trời, sao chuyển theo độ số của mặt trời, to bằng cái chén, ánh sáng trắng, đến hạ tuần tháng sáu mới khuất hẳn. Năm ấy sâu, chuột phá lúa, mùa màng thất bát, lại thêm dịch tả làm cho dân chúng điêu hao. Trộm cướp sinh nhiều, hổ báo đi từng bầy, dân không dám lên rừng đốn gỗ, phải chịu đói khát nằm chết bên đường.

Lại nói chuyện đông cung Thái tử Phúc Mỹ hầu Nguyễn Phúc Diễn thường ngày thương yêu dân chúng, đãi sĩ chiêu hiền, xuất tiền của dựng chùa thờ Phật, cứu giúp kẻ cô quả bần hàn, chăm lo tu nhân tích đức để mưu tính việc lớn. Thế tử biết mẹ đẻ, Nguyên phi Chu thị, là người thông minh, có tài ăn nói bàn luận, nhưng ít chịu sửa mình giữ đức, thường hay làm những việc độc ác khiến không ít người trong bọn thị tì bị chết oan. Thế tử thường khuyên can, nhưng mẹ không nghe, và vì thế lấy làm buồn phiền, ngày quên ăn, đêm nằm lệ trào đẫm gối, chân tay đau buốt, ho mãi không thôi, lương y chạy chữa thuốc men đều không thuyên giảm. Một hôm hầu nằm trên giường vỗ trán than rằng:

– Tiếc cho ta làm thân vương tử mà không lập được công lớn để lại ở đời, thế là uổng mất một kiếp sống. Huống chi tôn mẫu lại tu đức không được dầy, ta còn biết trông dựa vào đâu?

Nói xong bật khóc nức nở. Hiền vương biết tâm sự con như vậy, ngày đêm thường đến bên giường thăm hỏi bệnh tình, ôm con khóc mà nói:

– Thương cho con ta, nay đã trưởng thành, ta sắp nhường ngôi cho cầm nắm chính sự, để ta nhàn du sơn thủy vui hưởng tuổi già. Ngờ đâu bệnh tình của con như thế, ta còn biết làm sao! Con nên cẩn thận giữ gìn, chớ nên buồn phiền lo nghĩ để khỏi bệnh nặng thêm.

Phúc Mỹ hầu gắng gượng ngồi dậy lạy tạ vương phụ:

– Thần là phận tôi con, chưa báo đáp ơn của phụ vương. Nay con mắc bệnh nặng, nếu không qua được, tất sẽ không tránh khỏi tội bất hiếu. Xin phụ vương tha thứ cho.

Nói xong khóc nức. Hiền vương đau lòng, nước mắt ràn rụa, đỡ Thế tử nằm xuống giường. Thế tử cúi đầu lạy tạ nói:

– Thủ hạ của thần có mấy người đáng kể là có đảm lược, mong phụ vương thu dùng.

Nói đến đây Thế tử nghẹn lời, thở dài một tiếng rồi mất, thọ bốn mươi lăm tuổi.

Vương gào khóc đau xót, than rằng:

– Tiếc cho con trưởng của ta là người nhân từ đại độ, biết thương yêu dân chúng, sắp ủy thác cho con nối nghiệp lớn của tổ tiên, nắm giữ việc nước. Con nỡ nào phụ lòng ta mà đi!

Nói xong lại đau xót thương tiếc. Vương bèn phong tặng cho Thế tử là Tá lý dương vũ công thần khai phụ thượng trụ quốc chưởng phủ sự thiếu sư Phúc quận công. Cho theo nghi thức tước công, an táng Thế tử ở nguồn núi Trúc Lâm huyện Hương Trà, lại dựng đền thờ ở xã Thế Lại để bốn mùa cúng tế.

Lại nói chuyện Chu thị phu nhân là chánh phi của Vương, từ khi vào cung sinh hạ được hai trai một gái. Con gái là Nguyễn Thị Ngọc chết sớm (1675). Nay Thế tử Phúc quận công lại qua đời nốt. Chu thị phu nhân vì thế buồn phiền, ngày đêm thương khóc, biếng ăn kém ngủ, hình dung tiều tụy. Phu nhân lại dở chứng hay quên, thường tức giận đòi đánh đập bọn tì thiếp, thị nữ không dám đến gần. Hiền vương triệu lương y đến điều trị. Hàng ngày, sau khi bãi chầu, Vương đều đến ngồi bên cạnh giường hỏi han bệnh tình, ôn tồn an ủi. Nhưng bệnh phu nhân ngày càng trầm trọng, thuốc men chạy chữa không khỏi. Đến ngày hai mươi hai tháng mười một, Vương vào thăm

bệnh, Chu phu nhân tự biết số trời sắp hết, sai người đỡ dậy, cúi đầu ứa lệ thưa với Vương:

– Thiếp đội ơn Vương thượng yêu mến nhưng chưa từng báo đáp muôn một. Thiếp sinh hạ một gái hai trai, đều đã mất trước cả, thiếp còn biết cậy dựa vào ai? Nay tính mệnh của thiếp cũng như chiếc lá mùa thu, chưa biết rơi rụng lúc nào, Vương thượng nghĩ tình tao khang, sau khi thiếp chết, xin thắp cho nén hương đặt ở một góc bàn thờ để lại hậu thế cho thiếp khỏi tủi hổ.

Nói xong, phu nhân lại đinh ninh căn dặn hai ba lần, rồi chấp tay khóc thương đau đớn. Vương bật khóc to, nói:

– Hiền khanh nên giữ gìn thân thể, đừng nói gở làm đau héo lòng ta. Dù mệnh trời khó giữ sức, ta cũng không bao giờ quên lời hiền khanh.

Chu thị phu nhân nghe Vương nói xong chấp tay lạy tạ, nước mắt ràn rụa, một lúc sau thì mất, hưởng thọ sáu mươi tuổi. Vương ôm quàng lấy phu nhân, khóc lớn:

– Đau xót hiền khanh của ta, sau này có việc nhà, ta biết nhờ cậy vào ai?

Nói xong lại thương khóc thảm thiết. Các tướng đều cúi đầu thương tiếc. Vương sắc phong cho phu nhân là Tán quốc quốc thái phu nhân, cho dùng nghi thức của vương hầu an táng ở đầu nguồn núi xã Kim Vương [1] huyện Hương Trà, cho dựng đền bốn mùa thờ cúng.

Từ khi Thái phu nhân Chu thị qua đời, Hiền vương buồn rầu thương tiếc, mắt lệ ít khi nào khô, bữa ăn thường bỏ, đêm nằm vẫn đặt chung đôi gối như khi Thái phu nhân còn sống, các mỹ nhân trong cung không mấy khi được gần.

Người đời sau có thơ bình tán rằng:

Sông nước dài trôi bóng nguyệt tà,
Nhân sinh nào khác giấc Nam kha.
Dặn dò nghẹn giọng cung khuê vắng,
Thương xót ghi lòng năm tháng xa.
Chớ bảo cầu Ô Chức Nữ quạnh,
Hãy xem gác phượng gọi Hằng Nga.
Đã hay thiên mệnh là như thế,
Giá có thuốc tiên liệu có qua!

---

1. ĐNTLTB chép là xã An Ninh.

Các quan văn võ biết tình trạng của Vương như thế đều vào triều khuyên giải. Các quan nói:

– Bậc đế vương trị vì thiên hạ thì một lòng lo nghĩ vì thiên hạ, giữ mình lặng rỗng để ngày đêm cùng quần thần bàn luận đạo trí trị, không nên vì tình cảm chốn khuê phòng mà tổn thương đến thánh thể. Huống chi Thánh thượng là bậc quân trưởng của một nước mà âu sầu như thế thì trăm họ biết nhờ cậy vào ai?

Vương nghe lời khuyên giải của các quan, từ đó mới chịu ngồi thuyền ngự ra biển câu cá bắt rùa, hoặc du ngoạn khắp nơi danh sơn săn báo bắt hổ, vừa là để trừ hại, vừa để tập luyện binh phu phòng khi có chiến trận.

Năm Ất Sửu niên hiệu Chính Hòa thứ sáu (1685), ngày sáu tháng sáu, vào giờ Tuất có ngôi sao băng từ phía Đông lướt sang phía Tây rồi rơi xuống, sáng rực trời, dân chúng đều trông thấy. Đến hạ tuần tháng bảy, công tử thứ tư là Cương lĩnh hầu hộ giá vương phụ đi xem đua ngựa, khi về doanh trại bỗng nhiên nhức đầu hoa mắt, chân tay đau mỏi không cử động được, thuốc men chạy chữa đều vô hiệu. Vương đến bên giường bệnh thăm hỏi, nhưng bấy giờ công tử đã yếu lắm, không gượng dậy được nữa, đến ngày tám tháng tám thì mất. Vương đau đớn thương khóc, lại càng thêm buồn phiền. Sau khi mất, công tử được phong tôn hiệu là Thuần tín công thần hữu quan phủ chưởng phủ sự hàm thiếu bảo, tước Cương quận công. Vương cho dùng nghi lễ tước công, an táng công tử ở vườn xã Thế Lại, lại sai lập dựng đền thờ cho vợ con thờ phụng.

Ngày mười ba tháng mười mưa to gió lớn, nước lũ dâng tràn ở đồng bằng nước ngập đến bốn năm thước, sau một ngày mới rút hết.

Năm Bính Dần niên hiệu Chính Hòa thứ bảy (1686), ngày mười tám tháng bảy, giờ Mùi có luồng ánh sáng trắng khởi từ phương Thìn đến phương Thân, trông tựa như dải lụa, hai bên có viền sáng đỏ, đến giờ Thân mới mất. Đến tháng tám sụt đất ở xã Thượng Độ, huyện Vũ Xương. Đất nứt thành một hố dài rộng chừng bốn mươi trượng, sâu ước hơn một trượng. Tháng mười một, Vương xuống lệnh cho quân sĩ đào kênh Hà Kỳ. Vương ngự xa giá đến phủ cũ ở An Tân [1] thấy phủ ấy chật hẹp, lại ở gần bờ sông, định chọn chỗ rộng rãi dựng phủ mới để

1. ĐNTL chép tên xã là Tân An.

dừng chân khi tuần du, hạn năm sau sẽ khởi công xây đắp. Rồi vương cho loan giá trở về chính điện.

Lại nói chuyện năm Đinh Mão niên hiệu Chính Hòa thứ tám (1687), ngày mồng một tháng hai, vào giờ Thân có nhật thực toàn phần, mặt trời tối đen không nhìn thấy, đến giờ Dậu mới sáng lại như cũ. Thượng tuần tháng ba, Vương ở trong cung, đêm nằm chiêm bao thấy mình lên chơi trên thiên đình, gặp một cụ già râu tóc bạc phơ, mặc áo dài đỏ, tay cầm thanh giản báu. Cụ già nói với Vương:

– Tướng quân xuống trần thế đã nhiều năm, hưởng phú quý tột bậc, không nghĩ đến chuyện trở về hay sao?

Vương hỏi lại:

– Lão trượng là ai, xin cho biết?

Cụ già đáp:

– Sớm muộn rồi Tướng quân sẽ biết, không cần phải hỏi trước.

Nói xong phất tay áo mà đi.

Vương muốn đuổi theo nhưng không kịp. Tỉnh dậy mới biết là chiêm bao, trong lòng vấn vương suy nghĩ mãi không hiểu ra sao. Sáng hôm sau, Vương bèn triệu Vệ úy Xuân Đài và Thủ bạ Đông Triều vào cung kể lại giấc mộng và hỏi điềm lành hay dữ thế nào. Thủ bạ Đông Triều đáp:

– Thánh thượng chiêm bao thấy cụ già mặc áo bào đỏ, thần nghĩ đó là Hỏa đức tinh quân. Còn như câu cụ già nói với Vương thượng thì thần trộm nghĩ đó là vị tinh quân truyền mệnh trời cho Vương thượng vậy. Vương thượng nên trai giới, lập đàn tạ trời đất xin tăng tuổi thọ để thánh thể được mạnh khỏe lâu dài.

Văn chức Xuân Đài cũng nói:

– Thần nghĩ lời Thủ bạ Đông Triều nói là đúng.

Hiền vương nghe xong lặng yên không đáp. Khoảng mười ngày sau, Vương cảm thấy tinh thần mệt mỏi, ăn uống không ngon, bèn vời quan thái y vào, thuốc men điều trị. Lại truyền cho các đạo sĩ dựng đàn cầu đảo. Nhưng bệnh tình ngày càng thêm nặng. Vương bèn gọi công tử thứ ba là Hoàng công [1] đến bên giường ngự bảo rằng:

---

1. Tức Hoàng quận công sau nối ngôi chúa, tức Ngãi vương Nguyễn Phúc Thái (các sách trước đây đều ghi là Phúc Trăn).

– Từ khi tiên vương qua đời, ta kính vâng ngôi lớn, chỉ một niềm lo lắng không giữ được cơ nghiệp của tổ tông, ngày quên ăn, đêm quên ngủ, đau đáu bàn mưu tính việc với các bậc cựu thần để làm sáng tỏ chính giáo, giảm nhẹ thuế khóa cùng hưởng vui với muôn dân trăm họ. Chỉ vì họ Trịnh không cam chịu ai ngồi yên nấy, thường vẫn cho quân xâm phạm xứ Nam ta, khiến ta cùng ba quân tướng sĩ luôn năm phải chịu binh cách mệt mỏi, ra hiểm vào nguy, trải bao gian khổ. May nhờ Hoàng thiên phù hộ mới tạm được bình yên như ngày nay. Ta những muốn kén bậc hiền sĩ, dùng kẻ tài năng, ra sức mưu cầu trị bình, ngõ hầu được dân giàu vật thịnh, mưu đồ sự nghiệp dài lâu để được thỏa chí! Nhưng mệnh người tại trời, khó mong lâu dài mãi. Sau khi kế vị ta, con nên dùng các bậc huân thần văn võ trù tính việc lợi hại, đồng tâm hiệp sức vượt gian nan, diệt trừ bọn hung đồ gian tặc, thu phục Trung Đô, làm vẻ vang sự nghiệp tiên vương. Con không nên tin dùng bọn bất tín, bất nghĩa, rào đường rấp lối làm mất chí khí của kẻ hiền. Nếu để mất chí khí của kẻ sĩ thì hỏng việc lớn của quốc gia, biết đến bao giờ mới lập được nền trí trị. Con phải ghi nhớ kỹ lời ta.

Thế tử Hoằng quận công khóc vái nhận vương mệnh.

Ngày mười chín tháng ấy, Vương lại triệu các bậc huân thần phụ chính đến bên giường bệnh căn dặn:

– Ta cùng các khanh như tay chân tâm phúc, cá nước duyên ưa, chỉ muốn phù Lê diệt Trịnh, dẹp yên loạn nước. Không ngờ giữa đường đứt gánh. Con ta nối ngôi còn nhỏ tuổi, chưa am hiểu chính sự, mong các khanh đồng lòng phò tá để lo toan việc nước, mọi người yên lòng khiến quốc gia vững chắc như bức tường thành. Các khanh chớ quên những lời tim phổi của ta.

Các quan văn võ nghe Hiền vương nói xong đều cúi đầu khóc lớn rồi sụp lạy thưa:

– Xin Chúa thượng giữ gìn mình rồng, còn nếu số trời đã hết thì bọn thần xin với thiên đình bớt của bọn thần mỗi người một vài năm để tăng thêm tuổi thọ cho Thánh thượng.

Hiền vương mỉm cười nói:

– Thọ yểu là do tiền định, chẳng riêng tư một mình ai, có lý nào bớt của người này sang cho người khác. Các khanh có lòng như thế, nhưng số trời không thay đổi được. Các khanh chớ nên đau buồn ủ rũ khiến ta đau lòng.

Hiền vương nói xong im lặng chốc lát rồi mất, thọ sáu mươi tám tuổi, ở ngôi bốn mươi năm.

Thế tử Hoằng quận công đau xót ngã vật xuống đất gào khóc thảm thiết. Các tướng đều ôm lấy nhau mà khóc rồi đem quan tài vàng đến khâm liệm, đưa thi hài Vương lên chính điện.

Hoằng quận công và các tướng đến trước linh cữu làm lễ phát tang, truy tặng tôn hiệu là Đại nguyên súy thống quốc chính công cao đức hậu dũng triết vương. Rồi dùng nghi lễ bậc vương an táng Hiền vương ở đầu nguồn núi xã Hải Cát, huyện Hương Trà, dựng miếu bốn mùa thờ phụng. Lại truyền cho các quan văn võ và dân quân trong xứ để tang.

Bấy giờ tướng sĩ ba quân và dân trăm họ khắp hang cùng ngõ hẻm, từ cụ già đầu bạc đến hạng trẻ thơ nghe tin Hiền vương mất ai nấy đều khóc thương đau xót, bảo nhau rằng: "Tiếc thay bậc nhân quân sớm trở về trời".

Bấy giờ các triều thần văn võ cùng họp trước điện. Vương tộc là Đạt Nghĩa hầu đứng dậy nói:

– Phàm nước không thể một ngày không vua. Tiên vương nay đã băng hà, các ông sao không sớm định việc tôn phò thế tử lên kế vị trông coi việc nước để yên lòng dân chúng, còn chờ gì nữa? Các quan bèn chọn ngày hai mươi bốn tháng ấy triều thần văn võ sẽ đến doanh Tả Thủy tôn lập Thế tử Hoằng Ân hầu Nguyễn Phúc Trăn làm Tiết chế thủy bộ chư doanh kiêm thống nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự thái phó Hoằng quốc công lên nối ngôi, tức là Hoằng Nghĩa vương [1].

Đình thần văn võ tung hô chúc mừng xong, Nghĩa vương lên ngôi báu.

Vương sai dựng đàn tế tạ ơn trời đất, tôn phong cho các vị linh thần, đại xá thiên hạ, giảm lao dịch, nhẹ tô thuế, mở tiệc mừng lên ngôi. Thăng Quảng Nam doanh trấn thủ chưởng dinh Tiến Đức hầu và vương tộc Đạt Nghĩa hầu làm Trấn thủ; Chưởng cơ đạo Lưu Đồn Đức Thắng hầu làm Chưởng doanh; trấn thủ cựu doanh Tráng Lương hầu, Trấn thủ doanh Quảng Bình Thận Đức hầu, vương tộc Dương Xuyên hầu; Chưởng cơ Bình Lộc hầu, Minh Nghĩa hầu làm Chưởng doanh; Trấn thủ doanh Bố Chính là Trấn Ninh hầu, vương tộc Cương

---

1. *Hoằng Nghĩa vương:* thường gọi là chúa Ngãi (người miền trong kiêng húy chữ Nghĩa nên đọc là Ngãi)

Lĩnh hầu, Cai cơ Tín Nghĩa hầu, Thắng Lâm hầu, Lưu Đình hầu đều được thăng làm Chưởng cơ, văn quan là Cai bạ Chiêu Lễ hầu ở doanh Quảng Nam được thăng làm Tham khán đô tri Thế Lộc hầu làm Chính thiêm sự; Vệ úy Xuân Đài hầu làm Tham nghị, Cai bạ phó đoán sự Cẩm Lĩnh hầu làm Tham chính chính đoán sự, Thủ bạ Đông Triều bá làm câu kê kiêm tri. Các quan chức văn võ khác đều được gia phong quan tước theo thứ bậc khác nhau. Các quan đều vái tạ thụ phong. Ngãi vương bèn truyền lệnh cho Tham chính Cẩm Lĩnh hầu, Tri bạ Đông Triều bá chuẩn cho các phủ thuộc hai xứ Quảng Nam, Thuận Hóa từ năm Kỷ Dậu giảm một nửa thóc thuế cho các ruộng mới khai hoang để dân vui vẻ làm ăn. Muôn dân đều xưng tụng là bậc chúa nhân hậu.

Tháng bảy, Vương truyền lệnh để lấy phủ cũ làm nơi thờ phụng tiên vương, chọn đất làm phủ mới ở đầu nguồn sông cách phủ cũ hơn năm trăm trượng, lấy núi Ban Sơn [1] làm án, lại đắp đê cơ ở cánh phải để ngăn nước lũ xói bờ.

Thế là quân lính, dân phu, thợ giỏi vâng mệnh hưng công xây dựng cung phủ mới quy mô tráng lệ.

Năm Mậu Thìn niên hiệu Chính Hòa thứ chín (1688), tháng ba, viên Đội trưởng Tín Nghị, con của vương tộc Dương Xuyên hầu là người bản tính hung bạo, thô lỗ nhưng lại hiếu sắc, thường chơi bời du đãng, uống rượu, đánh bạc, ham thích đi săn đánh cá, trễ nải việc hầu triều. Một hôm Tín Nghị [2] cao hứng chèo chiếc thuyền con lên đầu nguồn Hương Trà câu cá. Khi qua lăng Hiền vương, Tín Nghĩa vẫn mặc áo trắng hiên ngang ngồi trên đầu mũi thuyền thả neo giữa dòng buông lưới, uống rượu cười nói vui vẻ. Bỗng nghe trong lăng có tiếng quát như sấm, Tín Nghị không hiểu duyên cớ ra sao. Tín Nghị sợ hãi bèn cho người lên bờ xem có chuyện gì, nhưng chẳng thấy bóng dáng người nào. Tín Nghị càng thêm sợ hãi, vội cho cuốn neo quay thuyền trở về. Được nửa chừng, Tín Nghị thấy tâm thần hốt hoảng, tay chân rã rời, mắt nảy đom đóm, nhìn thấy một tên quân đến trói bắt và nói lắp bắp điều gì đó với mấy người cùng đi trong thuyền. Một lúc sau thuyền về đến nhà, Tín Nghị kêu rống lên một tiếng rồi ngã vật ra chết. Từ đó tin đồn Hiền vương linh ứng truyền lan khắp nơi, ai đi qua lăng đều kính cẩn khom lưng ôm nón.

---

1. *Ban Sơn:* Tức núi Ngự Bình ở Huế.

2. *Tín Nghị:* theo ĐNTLTB Tín Nghị là hiệu của Tôn Thất Tín.

Lại nói Ngãi vương từ khi lên ngôi, ý muốn sùng chuộng Phật pháp, bèn lệnh cho Đội trưởng Nghị Tín hầu làm hội chủ đốc suất binh dân trùng tu chùa Thuận An cho thật tráng lệ.

Đến đây chuyện chia làm hai ngả:

Bấy giờ người nước Minh là Dương Ngạn Địch năm trước được phép cư trú ở vùng cửa bể Mỹ Tho địa giới Cao Miên, bị thuộc tướng là Hoàng Tiến âm mưu giết hại. Rồi Hoàng Tiến đoạt lấy thuộc hạ quân lính, tự xưng là Phấn dũng hổ uy đại tướng tướng quân, cai quản đồ đảng Long Môn. Hoàng Tiến cho quân đến đóng giữ chỗ hiểm yếu ở Khe Trúc gọi là Rạch Tre, dựng đồn đắp lũy, đóng chế nhiều bè nổi và xích sắt để chắn ngang cửa biển. Tiến thường cho quân quấy nhiễu các nơi dân cư của nước Cao Miên. Sứ giả của Cao Miên mang lễ vật hoặc tiền thuế sang cống nạp cũng thường bị bọn Tiến cho quân chặn cướp. Tiến còn uy hiếp bắt ép Nặc Nộn phải sẻ ván để đóng thuyền, hoặc mười ngày một kỳ hoặc hai mươi ngày một kỳ phải nộp đủ số, nếu không nộp đủ thì phải phạt ba mươi hốt bạc. Tiến lại sai quân Long Môn tìm bắt dân Cao Miên mỗi nhóm khoảng năm sáu chục người, hoặc bảy tám chục người, đem về giam giữ rồi đòi hai quốc vương Cao Miên đem tiền bạc đến chuộc, cứ một người phải nộp năm mươi lạng bạc. Nếu vua Cao Miên không chuộc về thì sai chém đầu để thị uy. Tội ác tàn bạo của bọn Tiến khiến cho dân chúng Cao Miên oán ghét. Nặc Thu lại càng oán giận chúa Hiền vương nước Nam khi trước đã cho quân Long Môn cư ngụ để xảy ra tai họa ngày nay. Vì thế Nặc Thu sinh lòng làm phản. Nặc Thu cho gọi các tướng tá đến họp bàn. Thu nói: "Hiền vương nối ngôi trị nước thật là một bậc vua nhân hậu, rộng ban ân đức đến cả nước ta. Ta vì cảm mến Hiền vương đối xử với ta rất hậu, thân như cha con nên phục tòng để cho trọn đạo. Cho dù lúc trước Hiền vương cho bọn quân Long Môn của Dương Ngạn Địch cư trú trên đất của nước ta, nhưng lúc đó bọn họ tuân theo pháp lệnh, không dám cướp bóc, dân chúng được yên ổn. Nay tên nghịch tặc Hoàng Tiến đoạt quyền, bạo ngược giết hại dân ta. Hơn nữa ngày nay Hiền vương đã mất, chúa mới nối ngôi, không biết răn đe trừng phạt khiến cho bọn tặc đồ ngang ngược lộng hành. Hoặc dung dưỡng cho bọn chúng làm như vậy, hoặc biết mà không trừng phạt, chưa rõ sự thực thế nào. Vả lại các đời vua nước ta mở đời dựng nghiệp, gìn giữ nước nhà, chưa từng thần thuộc nước nào. Đến đời ta làm vua, trước đây vì mỏng đức yếu lực, bất đắc

dĩ phải chịu nhục làm thần thuộc Nam triều. Nay ta muốn nhờ sức của các tướng tá, trước hết trừ diệt Hoàng Tiến, sau là phản lại Nam triều, khôi phục đất cũ của tổ tiên, gìn giữ lấy cơ đồ để khỏi phải chịu cống lễ. Chưa biết ý các khanh thế nào?

Ốc Nha Hà chức Cống Sa [1] thưa rằng:

– Lời nói của Đại vương rất hữu lý. Hơn nữa bọn họ với chúng ta cũng đều là bậc nam nhi, Nam triều một nước, chúng ta cũng một nước, Đại vương cần gì phải chịu cúi đầu quỳ gối trước người khác? Bọn chúng tôi nguyện dốc hết sức hèn tài mọn để báo đáp ơn đức của tiên vương. Trước hết diệt trừ tên nghịch tặc Hoàng Tiến, sau trừ khử Nặc Nộn, sau nữa chống lại Nam triều để khỏi bị người Nam sai khiến.

Nặc Thu nghe Ốc Nha Hà nói xong hết sức vui mừng, bèn quyết chí làm phản. Nặc Thu sai quân bồi đắp lũy Nam Vang, Gò Bích ngả vào lũy cầu Nam [2], giăng bè mảng xích sắt trên sông Lạch Cá [3], đóng chiến thuyền, đúc đại bác, chế thêm binh khí, cung nỏ, cờ xí để đánh trận. Từ đó Nặc Thu quyết chí làm phản, bèn hoãn cống sứ, người nước Nam sang các nơi ở Cao Miên buôn bán bị giữ lại không cho về để họ khỏi báo tin cho Nam triều biết.

Bấy giờ vua thứ hai của Cao Miên là Nặc Nộn dò biết Nặc Thu muốn phản lại Nam triều, lấy làm sợ hãi, lại giận bọn Hoàng Tiến cướp bóc dân Miên, vào hạ tuần tháng tám bèn viết mật biểu, sai người tâm phúc giấu kín trong người, ngày đêm ruổi ngựa ra vương đình bẩm báo việc Nặc Thu, Hoàng Tiến như thế.

Thượng tuần tháng mười, ở Nam triều, chúa Ngãi vương ngự triều, các quan văn võ vào chầu mừng. Bỗng có sứ giả của vua Cao Miên vào dâng biểu tâu. Ngãi vương xem xong biểu văn cả giận mắng rằng:

– Gã Nặc Thu dám manh tâm làm phản chống lại Nam triều ta chăng? Còn Hoàng Tiến chỉ là tên giặc cùng đường, lênh đênh cướp bóc ngoài biển, không chốn dung thân, nay được Tiên vương ta thương xót cho trú ngụ ở đó. Sao hắn dám bất tuân vương mệnh, lại còn manh tâm làm nghịch tặc, giết hại dân lành? Không thể dung tha cho hắn được!

---

1. Ốc Nha Hà chức Cống Sa: ĐNTLTB chép Ốc Nha Cống Sa.
2. ĐNTLTB (Q.5) chép gọn là: đắp ba lũy Nam Vang, Gò Bích, Cầu Nam
3. Bản Maspéro chép Lạch Trúc (?)

Nói đoạn Ngãi vương triệu các đại thần bàn định để chọn tướng giữ chức Thống binh đi đánh dẹp nghịch đảng ở Cao Miên, quét sạch quân làm phản. Chưởng binh Minh Lễ hầu [1] tâu rằng:

– Thần xem trong triều không thiếu kẻ anh hùng. Nay nếu Cao Miên nổi loạn, cũng chỉ là hạng cáo chuột mà thôi, chẳng cần phải chọn binh tuyển tướng làm gì cho náo động triều đình. Người xưa nói: "Bắn sẻ chớ phí đạn ngọc, giết gà chẳng bõ dao hầu". Thần nghe tiếng Cai cơ Thắng Long hầu [2] dinh Trấn Biên tại Nha Trang là tướng hùng dũng trí lược, trước đây đã từng đi nhiều nơi ở Cao Miên, am hiểu thủy thổ, xứng đáng giao cho giữ quyền thống binh đem quân đi đánh dẹp. Lại ban lệnh chỉ giao cho Hoàng Tiến làm Tiên phong, dẫn quân bản bộ tiến trước để xem xét động tĩnh thế nào. Nếu Tiến thực lòng vâng mệnh đánh giặc thì quân ta ở sau sẽ giúp thêm một tay, tha thứ tội trước cho hắn. Nếu hắn chần chừ, vẫn thúc phải đem quân đi, ta sẽ thừa cơ ở giữa để hành động. Phía trước thì quân Nặc Thu chặn đường, phía sau thì quân ta thẳng tiến, tất sẽ giết được Hoàng Tiến rất dễ dàng, Hoàng Tiến dẫu có mọc cánh cũng không thể bay thoát được. Quân ta nhân thời cơ này đánh phá nước Cao Miên khác nào gió xô lá rụng, chỉ trong chớp mắt là đánh lấy được. Đó là kế "một công đôi việc" vậy.

Ngãi vương lấy làm mừng, nghe theo lời bàn của Minh Lễ hầu, bèn xuống lệnh sai Cai cơ Thắng Long ở dinh Trấn Biên làm Thống binh, Thủ hạp Ty tướng thần lại ở Chính dinh là Văn Vị làm tham mưu, tướng Long Môn Hoàng Tiến làm tiên phong đem quân đi đánh, thắng trận tất được ban khen trọng thưởng.

Sai nhân ruổi ngựa mang lệnh chỉ ngày đêm chạy gấp về dinh Trấn Biên giao cho Thắng Long hầu vâng mệnh thi hành. Bọn Thắng Long lạy tạ vâng mệnh.

Mấy hôm sau, bỗng có viên đội trưởng tên là Thiêm Lộc [3] là cháu gọi Phó tướng dinh Trấn Biên Vạn Long hầu bằng cậu xin vào triều tâu báo. Thiêm Lộc vốn là kẻ tham lam, nghe nói Cao Miên có nhiều của cải báu vật, nảy ra ý nghĩ mưu lợi, bèn vào triều tâu với Ngãi vương rằng:

– Cậu của thần là Vạn Long hầu, Phó tướng dinh Trấn Biên, sai

---

1. Minh Lễ hầu: tên tước của Chưởng dinh Tống Đức Minh.
2. Thắng Long hầu: tên tước của cai cơ Nguyễn Thắng Long, con của Nguyễn Dương Lâm (ĐNTLTB).
3. Thiêm Lộc: tức Trương Thiêm Lộc.

tiểu thần tâu lên chúa thượng rằng, cậu thần đội hồng ơn của thánh thượng cho làm đại tướng cầm quyền trấn thủ biên cương, được hưởng ơn lộc trọng hậu, mong muốn báo đáp ơn lớn của chúa thượng. Nay chúa thượng xuống lệnh đi đánh Cao Miên giữ yên biên giới, sai Cai cơ Thắng Long làm thống binh. Thế là Tỳ tướng mà được giữ chức đại tướng. Cậu thần là Vạn Long hầu chỉ rũ áo ngồi nhàn, cũng như hạng đàn bà đeo đai mặc yếm, thật không phải anh hùng đất Nam Việt, vì thế, cậu thần lấy làm hổ thẹn lắm. Cậu thần nguyện xin chúa thượng cho dẫn quân đi đánh Cao Miên giữ yên biên cảnh, mong lập công danh lưu truyền hậu thế, cho xứng với chức tước của mình. Nếu chúa thượng không cho phép, ngày sau cậu thần còn mặt mũi nào trông thấy người trong thiên hạ? Mong thánh thượng minh xét cho.

Ngãi vương nói:

– Không phải là ta không muốn giao chức ấy cho cậu ngươi, nhưng thấy cậu ngươi tuổi tác đã cao, sức khỏe suy giảm. Nếu ta xuất quân thu phục Trung đô thì đó là kẻ địch lớn, tất sẽ xứng việc sai phái cậu ngươi. Còn như Cao Miên chỉ là hạng phản tặc nhỏ bé, cần gì phải lấy ngọc ném đá? Hơn nữa đường sá xa xôi, núi non hiểm trở, thủy thổ không hòa. Ta không nỡ sai cậu ngươi đi đánh, cho nên đặc sai Thắng Long đi thay. Ấy là bản tâm ta muốn như thế cậu ngươi nên bằng lòng vậy.

Thiêm Lộc lại tấu rằng:

– Chúa thương bậc lão thần, ơn ấy như non như biển, dầu nát thịt tan xương cũng không đền đáp. Nhưng tiểu thần nghe nói ngày xưa Triệu Vân, Mã Viện tuổi ngoài bảy mươi vẫn có thể mặc giáp nhảy lên lưng ngựa, uy danh lừng lẫy bốn phương. Huống chi cậu thần năm nay chưa quá sáu mươi, sức còn có thể trốc cây bạt núi mà chúa thượng đã cho là già yếu không sai đi, chỉ được ngồi nhà mà xem ngóng thì cũng là nhục nhã. Mong chúa thượng cho cậu thần được vâng mệnh đem quân đi cho thỏa chí nguyện bình sinh.

Ngãi vương nghe xong cười đáp:

- Đúng là quyền của bậc đại tướng, ngươi nói đúng lẽ.

Ngãi vương lập tức đổi lệnh, lấy Vạn Long hầu [1] phó tướng trấn thủ dinh Trấn Biên làm Thống binh, Cai cơ Thắng Sơn. Cai đội Tân

---

1. Vạn Long hầu: tên tước của Mai Vạn Long.

Lễ làm tả hữu vệ trận, tướng Long Môn Hoàng Tiến làm tiên phong đem quân đi đánh dẹp. Bèn sai quân mang sắc chỉ vào dinh Trấn Biên truyền lệnh.

Bấy giờ Tham mưu thủ hạp Văn Vị tử và các tướng sĩ hành chính đều vái vọng lĩnh mệnh, chọn ngày hai mươi lăm tháng mười khởi hành. Hạ tuần tháng mười một đến dinh Trấn Biên. Phó tướng Vạn Long ra ngoài thành mấy dặm nghênh đón, mời các tướng của triều đình đem quân vào thành. Hai bên phân ngôi chủ khách cùng ngồi. Tham mưu Văn Vị tử cùng các sai nhân của Ngãi vương tuyên đọc lệnh chỉ sai trấn thủ cùng các tướng ở dinh Trấn Biên đem quân đi đánh dẹp Cao Miên. Phó tướng Vạn Long cùng các tướng lạy tạ vâng mệnh, rồi chỉnh điểm binh mã khí giới, cờ xí, thuyền bè, định ngày mười bảy tháng mười hai đưa quân rời dinh Trấn Biên chia đường tiến về phía Cao Miên. Chỉ thấy:

Binh uy chỉnh túc, cờ xí rợp núi đầy non;
tướng sĩ mạnh hùng, gươm giáo sáng lòa trên bến.
Chiến hạm bồng bềnh mặt nước, thuyền mông che kín lòng sông,
Trèo non vượt biển, vượt núi qua đèo gội mưa đội rét, khoác nguyệt đeo sao.
Nhìn quen quạ bay thỏ chạy, ngẫm biết hè đến đông qua.

Đúng là:

Pháo trúc nổ vang hay năm hết,
Mẫu đơn tung nở biết xuân về.

Năm Kỷ Tỵ niên hiệu Chính Hòa thứ mười (1689), hạ tuần tháng giêng quân sĩ của Thống binh Vạn Long hầu đã đến địa giới Cao Miên, vào cửa biển Mỹ Tho rồi tiến thẳng đến Rạch Gầm [1] dừng lại dàn quân đóng trại. Vạn Long hầu trước hết sai người đến Rạch Le [2] truyền chỉ dụ lấy Hoàng Tiến làm tiên phong, đem quân bản bộ vâng lệnh đi đánh Nặc Thu, sau là thám thính tình hình thành lũy doanh trại, đường sá ra vào, quân số nhiều ít ra sao, trở về trình báo để biết rõ hư thực, thuận tiện cho việc tiến quân.

1. Rạch Gầm: tên con sông nhánh chảy vào sông Mỹ Tho.

2. Rạch Le: nguyên văn viết bộ thủy + Li, theo cách đọc chữ Nôm có thể đọc li-tle-tre. Vậy Rạch Le (Tle) tức Rạch Tre, nhưng đoạn trên có chỗ đã ghi Rạch Tre với chữ Tre = mộc + trúc. Chưa rõ đây là hai mã chữ ghi cùng một địa danh, hay là hai địa danh khác nhau.

Bấy giờ nghe tin Vạn Long hầu đem quân đến, vua thứ hai Cao Miên là Nặc Nộn cả mừng, liền đến quân doanh chào mừng, trình bày nguyên do việc Nặc Thu, Hoàng Tiến như thế, mong Thống binh nghĩ cách trừ đi. Vạn Long nói: "Quý ông Nặc Nộn chớ lo, Vạn Long tôi đã có cách". Nặc Nộn nghe xong cáo từ ra về sửa sang binh khí để sẵn sàng tiến phát. Chưa biết thống binh Vạn Long chia quân tiến đánh thắng bại thế nào.

Lại nói tháng hai năm ấy, Ngãi vương lệnh cho các quan văn võ làm khâm sai đi tuyển duyệt binh dân các huyện trong hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam theo như điển lệ cũ. Nguyên là về thời Hiền vương có lệnh không cho hạng chính đồ, hoa văn được dự thi nhiêu học, việc đó khiến nhiều người trong đám sĩ tử thất vọng, từ đó nho phong có phần suy biếng. Nay Ngãi vương ban lệnh mới cho tất cả sĩ tử, chính đồ, hoa văn đều được dự trường thi nhiêu học để đào tạo nhân tài giúp nước. Nho sĩ khắp nơi trong xứ nghe tin đều rất vui mừng, bảo nhau: "Ngày nay lại được thấy bậc nhân quân sùng nho trọng đạo, phục hưng văn giáo". Từ đó nho phong lại chấn phát [...].

VŨ XUÂN MAI (?) soạn
LÊ HOAN nhuận sắc

VIỆT LAM XUÂN THU

TRẦN NGHĨA *dịch và giới thiệu*

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

Việt Lam xuân thu còn gọi là *Việt Lam tiểu sử* hay *Hoàng Việt xuân thu*, biên soạn bằng chữ Hán vào khoảng cuối thế kỷ 19, được sửa sang lại và xuất bản vào năm Duy Tân Mậu Thân (1908). Tác giả, tương truyền là Vũ Xuân Mai (?) (xem *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, tập 2, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 179); người biên tập, đề tựa và tổ chức in là Lê Hoan.

Vũ Xuân Mai quê phường Xuân Yên, tỉnh Hà Nội cũ, đậu Cử nhân năm Kiến Phúc Giáp Thân (1884), làm Tri huyện huyện Phúc Thọ (Hà Tây).

Hiện có 12 dị bản *Việt Lam xuân thu*: 5 bản của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm mang các ký hiệu VHv. 1819/1–3 (sách in, mang tiêu đề *Việt Lam tiểu sử*, thiếu 10 hồi cuối), A.13 (viết tay), A.3215 (viết tay, mang tiêu đề *Hoàng Việt xuân thu*, gồm Sơ tập, Trung tập và Hạ tập), VHv. 1683 (viết tay, thiếu 32 hồi cuối), và VHv. 2085 (viết tay, thiếu 9 hồi đầu và hồi 60 ở cuối sách); 2 bản của Thư viện Viện Sử học mang các ký hiệu HV.84 (sách in, đủ cả 3 quyển và 60 hồi) và HV.141 (viết tay); 1 bản của Thư viện Quốc gia Hà Nội, ký hiệu R.451 (viết tay, chỉ có Q.2 với các hồi từ 22 đến 40); 1 bản của Thư viện Quốc gia Paris, ký hiệu A.69/1–2; 1 bản của Bảo tàng Guimet Paris, ký hiệu MG.FV.55732 (sách in); và 1 bản của Đông Dương văn khố Nhật Bản (sách in), ký hiệu X-2-35, đều mang tiêu đề *Việt Lam tiểu sử*.

Vào các năm 1914, 1915, và 1916, Đông Kinh ấn quán Hà Nội đã lần lượt công bố bản dịch *Việt Lam xuân thu* gồm 60 hồi của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến. So bản dịch này với bản chữ Hán in năm 1908, tiêu đề *Việt Lam tiểu sử*, ta thấy nhiều câu chữ, thậm chí những bộ phận hoặc những đoạn văn dài có trong bản chữ Hán, nhưng lại thiếu vắng trong bản dịch Nguyễn Đông Châu; và một số câu chữ xuất hiện trong bản dịch Nguyễn Đông Châu nhưng lại không thấy có trong bản chữ Hán. Có thể Nguyễn Đông Châu đã lược dịch bản *Việt Nam tiểu sử* in năm 1908, hoặc dựa vào một bản chữ Hán nào khác mà nay chúng ta chưa được rõ.

Năm 1971, Phương Phủ Nguyễn Hữu Quỳ đã công bố bản dịch *Hoàng Việt xuân thu* (gồm 256 trang dịch và 231 trang bản chữ Hán viết tay) tại miền Nam Việt Nam. Đáng tiếc là văn bản gốc mà Nguyễn Hữu Quỳ sử dụng (*Hoàng Việt xuân thu*, Tân thư viện, Huế, N°178) là một bản viết tay và chỉ

có 40 hồi đầu trong số 60 hồi tất cả.

Vì thế, để bạn đọc có dịp tiếp cận với *Việt Lam xuân thu* dưới dạng hoàn chỉnh và đầy đủ nhất của nó, trong lần xuất bản này, chúng tôi giới thiệu bản dịch của Trần Nghĩa. Ở đây, dịch giả đã chọn bản in *Việt Lam tiểu sử* mang ký hiệu HV.84 của Viện Sử học là bản tốt nhất trong số các dị bản để phiên chuyển sang tiếng Việt hiện đại.

Các chú thích trong bản dịch, nếu là của sách gốc (tức phần "giáp phê", "giáp bình"), thì được ghi là "nguyên chú" để phân biệt với các chú thích của người dịch.

Về nhan đề sách, ở đây chọn *Việt Lam xuân thu* vốn dĩ là tên gọi đầu tiên của tác phẩm [1].

TRẦN NGHĨA

1. *Việt Lam xuân thu* là một tiểu thuyết lịch sử. Đã là tiểu thuyết lịch sử thì tác giả có quyền có phần hư cấu, nhưng nhất thiết phải tôn trọng những sự thực cơ bản của lịch sử. Nhược điểm của tác phẩm này là ở chỗ đã có phần trái với sự thực cơ bản của lịch sử. Đó là việc kể rằng nghĩa quân Lam Sơn lúc đầu đã liên hiệp với giặc Minh để diệt trừ nhà Hồ rồi về sau mới quay lại đánh giặc Minh.

QUYỂN 1

HỒI THỨ NHẤT

**Con cháu nhà Trần cậy mạnh, mất nước;
Cha con họ Hồ ngang ngược, chuyên quyền.**

Chuyện kể rằng thiên hạ là trọng đại; nếu không phải bậc thánh đức yêu sinh linh, thần vũ không giết chóc, thì không sao cai quản nổi. Đã làm người chăn dân thì không thể cậy giàu mạnh mà không sửa sang văn đức, thi thố võ công. Thậm chí trên thì giáo hóa buông lơi, dưới thì phong tục đồi bại, dẫu mạnh như Tần [1], giàu như Tùy [2], cũng khó thoát khỏi cảnh nước mất nhà tan.

Trần Thái Tông [3] nhận mệnh trời, thi hành chính sách nhân đức, khiến dân yên sống, đất nước thanh bình, Nam Bắc [4] đi lại giao hiếu với nhau. Truyền qua sáu đời, đến khoảng năm Khai Hựu [5] triều Hiến Tông, nhà vua cậy vào uy tín của tiên tổ, thừa hưởng một cơ nghiệp lớn lao, không lo sửa sang triều chính, hoang chơi vô độ, đến nỗi bị người anh là Thúc Minh bức hại để tự lên làm vua, tức Dụ Tông. Nhà vua ở ngôi 38 năm [6], truyền ngôi cho em là Nhật Suyền [7] tức Nghệ

1. *Tần:* tên một triều đại Trung Quốc, do Doanh Chính (Tần Thủy Hoàng) sáng lập, tồn tại từ năm 246 đến năm 207 TCN.

2. *Tùy:* tên một triều đại Trung Quốc, do Dương Kiên (Tùy Văn Đế) sáng lập, tồn tại từ năm 581 đến năm 618.

3. Chữ "Tông" viết bớt nét, húy tên vua Thiệu Trị (Miên Tông) triều Nguyễn. Những chữ "Tông" khác bên dưới cũng đều viết khuyết nét như thế.

4. *Nam Bắc:* chỉ Việt Nam và Trung Quốc.

5. *Khai Hựu:* 1329–1341.

6. *Đại Việt sử ký toàn thư* (ĐVSKTT) chép là 28 năm.

7. *Nhật Suyền:* ĐVSKTT chép là "Phủ".

Tông. Nghệ Tông ở ngôi ba năm thì mất [1], em là Nhật Vĩ [2] kế lập, tức Duệ Tông.

Dụ Tông bấy giờ tuy đã già [3], nhưng vẫn nắm việc triều chính, cậy nước giàu quân mạnh, gây binh đao với Chiêm Thành, nhiều lần xâm phạm đất Tư Minh [4] của Bắc triều, lập phủ cai trị, lương thực nuôi quân vận chuyển không ngớt, khiên cho quốc khố trống rỗng, chính sự phiền hạ, sưu cao thuế nặng, dân sống không nổi, giặc cướp hoành hành, quyền thần lũng đoạn. Dụ Tông mất, kẻ bề tôi là Lê Quý Ly giết Duệ Tông [5], lập con của Dụ Tông là Nhật Hôn [6] lên làm vua, tức Phế Đế, đổi niên hiệu là Xương Phù.

Bấy giờ vua Minh Hồng Vũ của Bắc triều được tin, bèn sai hành nhân [7] Nhật Nhượng đưa thư sang quở trách. Nhưng Quý Ly vẫn ngày thêm bạo ngược, truất ngôi Nhật Hôn, lập con của Nghệ Tông là Ngung lên ngôi, tức Thuận Đế, rồi lại giết Thuận Đế, lập con của vua là Xung Lợi [8] đang tuổi còn nằm trong tã lên ngôi [9], sau đó cũng giết luôn.

Sau một phen làm cỏ người họ Trần, Quý Ly tự xưng là con cháu của Hồ Công Mãn thuộc dòng dõi vua Thuấn, từ đó sửa lại tên là Hồ Nhất Nguyên. Hán Thương, con của Quý Ly, cũng đổi tên là Huyễn.

Năm Canh Thìn, Thiên Thánh thứ 1 [10], Quý Ly tiếm ngôi, lấy tên nước là Đại Ngu [11], đặt niên hiệu là Thiên Thánh. Cướp ngôi

1. Theo ĐVSKTT, Nghệ Tông ở ngôi ba năm, truyền ngôi cho em là Kính, rồi về phủ Thiên Trường làm Thái Thượng hoàng.

2. ĐVSKTT chép là "Kính".

3. Theo ĐVSKTT, Dụ Tông thọ 34 tuổi.

4. *Tư Minh:* tên phủ, thuộc Quảng Tây.

5. Theo ĐVSKTT, Duệ Tông bị chết trong trận đánh vào thành Đồ Bàn của Chiêm Thành năm 1377.

6. *Nhật Hôn:* ĐVSKTT chép là "Hiện" 晛.

7. *Hành nhân:* sứ giả.

8. Xung Lợi: nguyên văn chữ Hán là [illegible]利, chữ [illegible] nguyên bản chú thích âm đọc như "Xung" 衝. ĐVSKTT chép là "án" 案 (không có chữ "Lợi").

9. Sử gọi là Trần Thiếu Đế (1398–1400). Theo ĐVSKTT, Quý Ly tuy phế bỏ Thiếu Đế, nhưng vì vua là cháu ngoại nên sợ tiếng, chưa giết, chỉ giáng xuống làm Bảo Ninh Đại vương.

10. ĐVSKTT chép là "Thánh Nguyên năm thứ 1" (1400).

11. Vì Quý Ly cho mình là dòng dõi của Thuấn, tức Ngu Thuấn, một triều vua Trung Quốc thời Cổ đại, nên đặt quốc hiệu là "Đại Ngu".

được 1 năm, tự xưng là Thái Thượng hoàng, truyền ngôi cho con là Hán Thương, đổi niên hiệu là Thiệu Thành.

Năm Tân Tỵ, Thiệu Thành 1, Hán Thương gửi tờ biểu sang Bắc triều nói dối rằng họ Trần không còn ai nữa, chỉ có một người cháu ngoại tên là Huyễn, xin tạm cho thay để trông coi việc nước. Minh Thái Tông không xét rõ hư thực, đã chấp nhận.

Năm Nhâm Ngọ, Thiệu Thành 2 (Minh Thành Tổ, Vĩnh Lạc 1) [1] tháng 11, nhà Minh sai sứ sang phong cho Hán Thương làm vua nước An Nam.

Năm Quý Mùi, Thiệu Thành 3 (Vĩnh Lạc 2), mùa hạ, tháng 6, Hán Thương sai quan Thượng thư Hoàng Hối Khanh mang tờ biểu sang Bắc triều, đồng ý trả lại vùng đất đã xâm chiếm [2]. Hối Khanh vâng lệnh, tức tốc lên đường. Quần thần tiễn Hối Khanh ra tận ngoại ô mới quay về.

Hán Thương bảo các viên quan theo hầu:

– Trẫm nay đã làm vua mà quan dân hưởng ân đức chưa được khắp. Hãy cho họ tụ tập ăn uống vui chơi trong 3 ngày.

Chiếu chỉ ban xuống, trong triều đình ngoài dân dã, đâu đâu cũng tổ chức tiệc tùng linh đình, đàn sáo râm ran, đèn đóm sáng rực, đêm hóa thành ngày...

Quần thần đang say sưa chè chén thì một phong thư từ biên cương gửi về tâu rằng:

"Trần Thiên Bình [3] ở Lão Qua đang chiêu tập binh mã, mấy lần rục rịch định tiến vào cửa quan, xin bệ hạ mau sai tướng đem quân đi đánh!".

1. Về năm can chi cũng như niên hiệu đối chiếu giữa Việt Nam và Trung Quốc ở sách này phần nhiều không đúng với thực tế. Nó chỉ mang ý nghĩa "tượng trưng", không cốt chính xác, nên khi dịch đã để nguyên văn không chữa.

2. Chỉ đất Tư Minh. Theo ĐVSKTT, năm Khai Đại 3 (Vĩnh Lạc 3) (1405), nhà Minh sai sứ sang đòi cắt đất Lộc Châu ở Lạng Sơn (Bấy giờ thổ quan phủ Tư Minh, Quảng Tây là Hoàng Quảng Thành báo lên rằng Lộc Châu là đất cũ của phủ ấy). Quý Ly sai Hành khiển Hoàng Hối Khanh đi giải quyết việc đó. Hối Khanh đem 59 thôn trả cho nhà Minh. Quý Ly trách mắng Hối Khanh thậm tệ, vì đã giao cho nhà Minh quá nhiều đất.

3. ĐVKTT chép là "Trần Thiêm Bình", "Thiêm" chứ không phải "Thiên". Về tên người cũng như sự kiện, *Việt Lam xuân thu* nhiều chỗ viết khác sử, vì lẽ đây là một tác phẩm tiểu thuyết.

Hán Thương nói:

– Thiên Bình cô lập, cùng khốn ở nước ngoài, dù hắn có muốn giở trò binh đao, cũng chả làm gì được!

Rồi ra lệnh cho Bộ Binh chỉ thị các nơi biên ải đem quân đuổi theo Thiên Bình, không để hắn tới gần cửa quan. Bộ Binh chấp hành mệnh lệnh. Hán Thương lại cho lũ bề tôi tiếp tục vui chơi, say sưa đến sáng bảnh, chè chén suốt canh thâu, xa hoa hết chỗ nói trong 3 ngày liền. Nhân dân phải nai lưng phục dịch mà Hán Thương thì không hề hay biết.

Hán Thương lại ra lệnh cho viên Nội giám đi sục sạo khắp thiên hạ, hễ có con gái đẹp thì bắt cống nạp cho vua, ai không nghe sẽ bị giết cả ba họ. Nội giám được lệnh, rời cung đình ra ngoài hiếp dâm phụ nữ không chút kiêng dè. Chưa đầy một tháng, y đã mang về triều 3.000 gái đẹp, chọn 300 người cho vào hầu Thượng hoàng, số còn lại để phục dịch trong cung. Từ đó, suốt 3 tháng liền, Hán Thương không ngó ngàng gì đến việc triều chính, ngày đêm ở lì trong hậu cung để vui đùa cùng mỹ nữ.

Bỗng có viên cận thần vào tâu rằng:

– Quân do thám ở biên giới vừa cho biết Trần Thiên Bình đã sang Trung Quốc xin quân về phục thù, việc này quan hệ rất lớn, mong bệ hạ cho họp triều thần để bàn cách đối phó.

Hán Thương nói:

– Việc này thực hư thế nào chưa rõ. Nay nhân dịp Nguyên đán, ta cứ theo lệ, cử người sang chúc Tết nhà Minh, Ngự sử Triệu Doãn Cung sẽ đi sứ Trung Quốc, nhân đó dò xem bụng dạ nhà Minh thế nào, rồi trẫm sẽ có ý kiến sau.

Thật là:

Nào biết trăng hoa gây lỡ việc,
Ai hay nhan sắc chuyển lay người.

Chưa rõ chuyện Thiên Bình như thế nào, hãy nghe hồi sau phân giải.

HỒI THỨ HAI

Trần Thiên Bình van nài Thượng quốc,
Bùi Bá Kỳ cáo cấp Trung triều.

Lại nói Trần Thiên Bình nguyên là dòng dõi của Trần Thánh Tông, con của Thiên Minh [1]. Khi Thúc Minh bức hại Hiến Tông, Thiên Bình hết lời chê trách, Thúc Minh vì vậy đã có ý định giết Bình. Bình sợ vạ, trốn sang Lão Qua. Sau đó nghe họ Hồ cướp nước, Thiên Bình muốn dấy nghĩa phục thù, nhưng bị Hán Thương sai biên thần truy nã, bèn bàn cùng viên Tuyên ủy sứ Lão Qua tên là Điêu Lục giúp mình tới kêu nài Trung Quốc rủ lòng thương. Điêu Lục liền thảo một tờ biểu, sai sứ hộ vệ Thiên Bình sang nhà Minh. Đường đi cheo leo, băng ngàn lội suối, dần xa đất Việt, vời thấy Bắc Kinh. Núi sông thành quách vẫn như xưa, hết thôn quê tới phố chợ, quang cảnh thật thanh bình. Nhân làm bài thơ cảm hứng rằng:

Chín trời văn vật rạng Kim thành,
Đây chốn giàu sang nức tiếng danh,
Đất khách quê người lòng man mác,
Non sông áo mão nghĩ buồn tênh.

Ngâm xong, tìm quán trọ để nghỉ, chờ hôm sau dâng biểu lên.

Vua Minh Thành Tổ bấy giờ đang ngự ở cung Thúy Vi. Xem xong tờ biểu, nhà vua liền cho vời Thiên Bình vào yết kiến. Quan Thị lang triều Minh là Vương Tuấn dẫn Thiên Bình đến quỳ ở sân rồng. Thiên Bình tâu rằng:

– Thần là con cháu nhà Trần, biết rõ uy danh và giáo hóa của Thượng quốc, một lòng cung kính thiên triều, từ đầu đã quy thuận, mấy đời đều được phong cho vỗ về nước Nam. Nay gặp vận đời suy, nghịch thần tiếm quyền, bày trò gian trá, giết chúa phản dân, thần may chạy ra ngoài mà được sống sót, phải ẩn náu nơi ngõ hẻm hang cùng. Thần vừa định chiêu binh dẹp giặc, đã bị đảng nghịch truy nã,

1. Theo ĐVSKTT, Trần Thiên Bình tên thật là Nguyễn Khang, gia nô của Trần Nguyên Huy.

những người thân cận của thần đều tản lạc hết. Thần bàng hoàng tháo chạy, lăn lộn vất vả mới tới được Trung Nguyên, ngóng trông triều đình mà khôn bề bày tỏ. Nay Hoàng thượng thừa kế đại thống, tôn trọng nếp xưa, cúi mong bệ hạ lấy đức sinh thành của trời đất cha mẹ mà thương xót tới kẻ bề tôi bé mọn này, làm cho đời đời được giữ đất phương Nam, chăm lo triều cống. Cha con Quý Ly tội ác ngút trời, thần thề quyết không chung sống với giặc!

Nói xong, dập đầu lia lịa xuống đất mà lạy. Thành Tổ thương hại nhận lời, rồi chỉ thị cho Bộ Lễ sắp xếp nơi ăn chốn ở cho Thiên Bình, chờ vua xử lý sau. Thiên Bình bái tạ lui ra.

Lại có quan Thiếu khanh Lý Duy Nghiêm tâu rằng:

– Gần đây có Bùi Bá Kỳ người Phù Nội đất Thanh Miện là bề tôi cũ của nhà Trần ở An Nam cũng tới đây cầu cứu, xin diệt trừ Quý Ly, nguyện đi trước dẫn đường như Thân Bao Tư [1] xưa kia vậy. Kỳ hiện đang chờ ngoài cửa thành, chưa dám cho vào.

Thành Tổ nói:

– Đã thế, cứ bảo Kỳ vào đây cho trẫm hỏi.

Bọn thị vệ dẫn Kỳ vào phủ phục xuống đất. Thành Tổ nói:

– Khanh là bề tôi cũ, sao không tới tâu báo sớm? Nay nước đã đến trôn, chạy sao cho kịp! [2]

Bá Kỳ tâu rằng:

– Thần thờ Trần vương ân trạch sâu dày, chỉ vì tuổi già bóng xế nên cáo lão về hưu. Bao phen muốn dấy nghĩa diệt thù, chỉ e không đủ tài đủ sức. Đau lòng nhức óc, đến bữa quên ăn. Vời trông thiên triều, cách xa nghìn dặm. Không nề gian khổ, lặn lội đến đây. Ngước trông Thánh hoàng rộng mở lòng nhân, vực dậy cái đã bị diệt, nối lại cái đã bị dứt, giúp kẻ thần tử làm cái nghĩa đánh giặc phục thù, công việc dù khó khăn đến mấy, thần cũng không từ chối.

---

1. *Thân Bao Tư:* Đại phu nước Sở thời Xuân thu, họ Công Tôn, tên Bao Tư, vốn thân quen với Ngũ Viên. Khi Ngũ Viên chạy ra nước ngoài, có bảo Bao Tư rằng: "Tôi phải lật đổ nước Sở". Bao Tư đáp: "Tôi quyết giữ cho nó tồn tại". Đến khi quân Ngô đánh Sở tới Ảnh Đô, Bao Tư vào Tần xin quân, dựa vào tường mà khóc 7 ngày liền. Tần Ai Công cảm động trước sự chân thành của Bao Tư, bèn ra quân cứu Sở. Quân Ngô phải rút lui. Sở Chiêu Vương trở lại Ảnh Đô, thưởng công cho bề tôi. Bao Tư trốn đi, không chịu nhận tước lộc.

2. Nguyên văn: "*Sự nhiên mi; phệ tê hà cập* = Sự việc đã tới mức như lửa cháy đến lông mi; cắn sao cho tới rốn".

Tâu xong lệ nhỏ như mưa. Thành Tổ nghe lời tâu bày, rất đỗi thương hại. Dụ rằng:

"Việc này trẫm đã biết. Mới rồi, Thiên Bình cũng đến đây van nài, trẫm đã hứa giúp đỡ. Thiên Bình hiện đang trọ tại Lễ viện, khanh có thể đến gặp. Chờ trẫm cắt cử người đưa về nước sau cũng chưa muộn".

Bá Kỳ nghe nói chủ cũ đang ở đây, mừng rơn cả người, liền bái tạ vua Minh, tức tốc bước ra.

Bấy giờ sứ giả của Hán Thương sang chúc Tết vua Minh cũng vừa tới nơi. Thành Tổ bảo thử đưa sứ giả tới gặp Thiên Bình xem y ăn nói như thế nào. Bèn chỉ thị Bộ Lễ cho Thiên Bình ra gặp sứ giả. Triệu Doãn Cung nhận ra người cháu của cố vương [1] liền bối rối sụp lạy, xúc động đến rơi nước mắt [2]. Bá Kỳ lấy nghĩa cả trách mắng Doãn Cung, Cung sợ hãi, cứng họng không đối đáp được. Thành Tổ nghe chuyện, bảo thị thần rằng:

– Cha con Quý Ly giết chủ một cách vô đạo, ngược đãi người trong nước, vậy mà thần dân đều bị bưng bít. Chúng là tội nhân của muôn đời, cần mang quân diệt trừ, đây là điều hết sức hợp lý!

Thật là:

Tặc tử loạn thần trời cũng giận,
Giết vua cướp nước đất khôn dung.

Chưa biết việc cất quân như thế nào, hãy xem hồi sau sẽ rõ.

1. *Cố vương:* đây chỉ Trần Thánh Tông.

2. Theo ĐVSKTT, viên sứ giả của Hán Thương sang Bắc Kinh có vào lạy Thiên Bình, tên là Lưu Quang Đình. Tên này sau khi về nước, đã bị xử chém.

HỒI THỨ BA

Ngự sử triều Minh đưa sắc hỏi tội,
Thị Lang nhà Hồ dâng biểu thuận theo.

Lại nói Minh Thành Tổ biết Hán Thương làm nhiều điều bất nghĩa, bèn mở đại hội quần thần văn võ để bàn về việc An Nam. Tân Thành Hầu Trương Phụ tâu rằng:

– Quý Ly phản phúc, bạo ngược đủ điều, tội ác không gì lớn hơn. Nay nhân trong nước biến loạn, phúc tộ họ Trần đã hết, ta nên đưa quân đi bắt cha con họ Hồ đem về đây, rồi đặt dân nước họ vào chế độ quận huyện, để dứt mối lo cho đất nước [1].

Đại học sĩ Dương Vinh nói:

– Đất An Nam nằm trong vùng người Man, phong tục lễ nghi đều khác với Trung Quốc. Dù có được dân ấy, ta không thể cai trị họ; dù có được đất ấy, ta không thể ở nổi [2]. Chi bằng cứ đặt ra ngoài để họ tự khu xử với nhau, thành bại không liên quan gì tới ta, được mất thế nào mặc họ. Làm như vậy, triều đình sẽ khỏi lâm vào cảnh binh đao, mà bệ hạ cũng đỡ phải bận tâm tới miền biên viễn.

Thành Tổ hỏi đến ý kiến quan Thượng thư Hoàng Phúc. Phúc nói:

– Bệ hạ đường đường một ông vua Trung triều, gồm thâu bốn biển, khắp thiên hạ không ai không là bề tôi. Vả lại họ Trần trước đây nhiều đời làm thần tử, tuy quyền thần giết chủ, nhưng con cháu vẫn còn. Nếu ta thờ ơ không quan tâm gì tới, như thế không phải là làm theo cái nghĩa còn nước còn tát. Cứ theo ngu ý, trước hết nên sai người sang hỏi tội cha con họ Hồ, khiến chúng phải đón Thiên Bình, trả việc nước lại cho ông ta. Nếu chúng tham quyền cố vị, thì đem quân đi diệt, lập lại họ Trần cai quản người Giao [3], mãi mãi làm thần thiếp cho ta. Làm như vậy, bệ hạ được tiếng là bậc nhân giả thương nuôi kẻ bé mọn.

---

1. Nguyên chú: "Dã tâm của Trương Phụ ở đây đã lộ rõ".
2. Nguyên chú: "Quả tình như thế".
3. *Người Giao:* tức người Giao Chỉ (tên nước ta thời cổ).

Thành Tổ nói:

– Lời của khanh rất có lý.

Bèn bảo Bộ Lại soạn sắc thư.

Giáp Thân, năm thứ 4 (Minh Vĩnh Lạc 3) [1], mùa xuân, tháng Giêng, nhà Minh sai Ngự sử Lý Kỳ, Hành nhân Vương Xu mang sắc thư sang An Nam để hạch Quý Ly về tội cướp ngôi nhà Trần. Bọn Lý Kỳ tới An Nam, Hán Thương dẫn quần thần ra chờ ở mé trái đường để nhận sắc thư mang về triều đọc. Sắc rằng:

"Cha con Quý Ly các ngươi cực kỳ bạo ngược, dù có giết chết, tội lỗi cũng khó đền. Đáng lý phải đưa quân sang để hỏi tội các ngươi, nhưng trẫm lại nghĩ đến sinh linh nước Nam không khéo lâm vào cảnh gươm giáo, nên đã sức cho Ngự sử Lý Kỳ, Hành nhân Vương Xu đến tận nơi giảng giải. Các ngươi nên sửa chữa lầm lỗi, đón Bình trở về, trả nước lại cho người ta, may chi khỏi bị giết sạch cả họ. Hãy cung kính thực hiện!".

Hán Thương nghe đọc xong, im lặng không nói gì, chỉ mời sứ giả nhà Minh sang nhà khách để mở tiệc chiêu đãi.

Khi ấy Triệu Doãn Cung đi sứ cũng vừa về tới nơi, đem tình hình Thiên Bình, Bá Kỳ tâu lên một lượt. Hán Thương họp quần thần để bàn, nhưng suốt cả ngày vẫn không quyết định nổi. Bỗng Quý Ly từ gác trong đi ra bảo mọi người rằng:

– Văn võ đầy triều đình, nhưng chỉ toàn vô tích sự, không biết quyền biến là gì. Trẫm nghĩ ra một kế, khiến quân vương triều đình yên như bàn thạch.

Quần thần cúi đầu lạy tạ, nói:

– Thượng hoàng có mưu lược gì để thoát khỏi mối lo?

Quý Ly đáp:

– Soạn tờ biểu sai sứ giả mang đi, trước là để tạ lỗi, sau là mời Thiên Bình về nước. Như thế chẳng có gì phải lo nữa.

Quần thần chắp tay hỏi:

– Thiên Bình về nước, sao lại không phải lo?

1. Theo ĐVSKTT, việc nhà Minh đưa Thiên Bình về nước diễn ra vào năm Bính Tuất, Hán Thương Khai Đại 4 (Minh Vĩnh Lạc 4), tức 1406, có khác với cách nói ở đây.

Quý Ly đáp:

– Khi đó sẽ thấy, hà tất phải hỏi.

Mọi người đều không dám nói nữa.

Quý Ly bèn tự tay thảo tờ biểu, sai quan Thị lang Nguyễn Cảnh Chân theo Lý Kỳ sang sứ nhà Minh. Hán Thương cùng các quan văn võ tiễn Cảnh Chân ra tận ngoài cửa thành mới quay trở lại.

Cảnh Chân đi chuyến này đường mây muôn dặm, ngõ liễu bồi hồi, trăng gió ba canh, đình mai lưu trọ. Ngẩng đầu, vầng nhật cạnh Trường An; phóng mắt, ánh sao bên cung khuyết. Bọn Lý Kỳ dẫn Cảnh Chân vào bái kiến, đệ trình tờ biểu như sau:

Bề tôi là Hán Thương dập đầu, cúi đầu xin dâng tờ biểu trần tình tạ tội: Thần xúc phạm oai trời, cam chịu vương pháp. May nhờ Thánh thượng mở đức hiếu sinh, nên kẻ biên thần đội ơn khỏi chết, cả gia tộc bình yên, muôn dân hưởng phúc. Nay cúi xin rước Thiên Bình về nước, khôi phục lại non sông Giao Chỉ, giúp họ Trần trung hưng, vỗ trị dân chúng nước Nam. Thần nguyện trao lại quyền bính để họ Trần giữ mãi cơ nghiệp lớn".

Thành Tổ xem xong tờ biểu, nói:

– Nghịch thần nước Nam đã tự biết hối lỗi, ta cũng nên nới tay một chút.

Bèn cho gọi người Viện hàn lâm vào cung để thảo sắc thư phong Thiên Bình làm Quốc vương An Nam, sai Hành nhân Nhiếp Thông đưa Bình về nước. Lại ra lệnh cho Chinh Nam Phó tướng quân Hoàng Trung, Lã Nghị và Đại lý tự khanh Tiết Nham đem 5.000 kỵ binh đi theo hộ tống. Ngoài ra, còn cho Cảnh Chân về trước bảo Hán Thương phải hết sức cẩn mật chỉnh đốn binh mã đến biên giới để đón. Nguyễn Cảnh Chân vâng lệnh về nước trước.

Thật là:

Chín trời nắng tỏa lệnh vua truyền,
Muôn dặm mây bay cờ sứ giả.

Chưa biết sứ giả về nước như thế nào, hãy nghe hồi sau phân giải.

HỒI THỨ TƯ

Đoàn Thị giảng tiến cử nhân tài,
Lê Thái Tổ khước từ cộng sự.

Lại nói Cảnh Chân mang sắc thư của Minh Thành Tổ về đến Đông Đô [1] vào triều tâu báo. Hán Thương nói:

– Thiên Bình một khi cầm cân nẩy mực, sẽ đền ân trả oán không chệch tơ hào. Biết làm sao đây?

Bấy giờ có Hàn lâm Thị giảng Đoàn Phát bước lên tâu rằng:

– Thần xin tiến cử một người có thể giúp gỡ rắc rối!

Hán Thương hỏi:

– Khanh tiến cử ai vậy?

Đoàn Phát nói:

– Đám con của cụ Lê Thường người Lam Sơn, huyện Nga Lạc, phủ Thanh Hóa; trưởng là Lê Lai, thứ là Lê Lợi, thứ nữa là Lê Thạch, và út là Lê Thiện [2].

Lê Lợi lúc sinh, nhà có đóa mây hồng che phủ suốt ba ngày liền không tan. Ông tính tình cởi mở, ít nói, có kiến thức, Ngũ kinh, Chư sử chỉ xem qua là nhớ.

Còn Lê Thạch thì dũng mãnh hơn người, lại có mưu lược.

Riêng Lê Thiện, mẹ ông lúc có mang, đêm nằm mộng thấy một ngôi sao to bằng hạt cườm rơi trên bụng, lúc tỉnh dậy sinh ra ông. Năm lên ba, ông đã biết nói; 15 tuổi, làu thông các sách kinh điển, am hiểu thao lược, người đương thời gọi ông là thần đồng. Cha mẹ định lấy vợ cho ông, nhưng ông không chịu, chỉ thích dạo xem đây đó, từ thôn quê đến thành thị, từ cảnh vật đến nhân dân. Biển sông kênh rạch, đường sá xa gần, không một nơi nào ông không ghi nhớ. Một hôm đến chơi ở trang Lũng Ngoại thuộc châu Tam Đới [3], ông gặp người con gái của quan cựu Thái giám nhà Trần Lý Tự Thành, thấy

---

1. *Đông Đô:* tức Thăng Long (Hà Nội).

2. Theo *Lam Sơn thực lục* (LSTL), Lê Khoáng có 3 người con: "Trưởng là Học, thứ là Trừ, út tức là vua (chỉ Lê Lợi)".

3. *Châu Tam Đới:* nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

cô dáng mạo đứng đắn, tính nết thuần hậu, ông đem lòng yêu, bèn tìm cách dạm hỏi. Lý Tự Thành vì mến tài ông, đã gả con gái cho. Sau sinh được một người con trai đặt tên là Khâm. Nhờ sự dạy bảo của cha, Khâm chăm chỉ học tập, điển tích sử kinh đều hiểu, thiên văn địa lý làu thông. Cả hai cha con cùng nổi tiếng ở đời.

Thần vốn sống cùng quê với họ, nên biết về họ khá kỹ. Xin bệ hạ cho mang thư cùng lễ vật đến vời họ. Nếu ta được một trong bốn người ấy, thì có thể làm cho thiên hạ yên bình được.

Hán Thương nghe lời tâu rất mừng, liền sai viên Trung quan Mai Sĩ mang chiếu thư đi vời.

Lại nói Lê Lợi cai quản gia đình rất nghiêm. Con trai thì chuyên việc cày cấy, con gái thì chăm bề thêu dệt. Có một hôm anh em đang tụ tập tại học đường để đàm luận về bài vở, bỗng một con chim xanh từ phía Đông bay lại đậu trên ngọn cây trước sân, kêu lên ba bốn tiếng rồi bay đi. Lê Thiện bói một quẻ nói:

– Chim xanh truyền tin, việc trọng đại đấy.

Lê Lợi hỏi:

– Tin gì thế?

Thiện nói:

– Chắc là Hán Thương sai sứ đến để vời ta.

Lợi hỏi:

– Đến vào ngày nào?

Thiện nói:

– Ngày hôm nay thôi! Vậy ta phải quét dọn nhà cửa [1] để đón sứ giả.

Lê Thạch hỏi:

– Không biết họ định vời ta để làm gì?

Thiện nói:

– Ý chừng Thiên Bình mang quân về nước, Hán Thương sợ tai họa ập tới, nên tìm người để giúp đỡ. Chắc là có kẻ nào đó tiến cử bọn ta, muốn ta cúc cung phụng sự họ, giúp họ cứu vãn tình thế. Nếu ta theo họ, khác nào tiếp tay cho Kiệt làm điều bạo ngược.

Thạch nói:

– Ta tuy hèn mọn, vẫn có lòng trung nghĩa, lẽ đâu lại uốn gối để phụng sự bọn tiếm ngụy? Nếu quả có sứ giả đến thì bảo người đuổi quách đi là xong! [2]

---

1. Nguyên văn: "*Đình trừ* = sân và thềm nhà".

2. Nguyên chú: "Đuổi sứ giả nhà vua đi sao? Nói nghe mà buồn cười".

Lợi nói:

– Không được đâu. Ta là dân quê, họ là chủ một nước, nếu xảy ra điều gì bất kính, họ có cớ để làm khó dễ ta. Chi bằng ta nhân đây gặp họ mà từ chối khéo để khỏi phải ra cộng tác. Nếu họ vẫn cứ khăng khăng mời ta, thì ta đành làm theo kiểu Mẫn Tổn [1] vậy [2].

Ba anh em bàn vừa xong thì có người vào báo thiên sứ tới. Mấy anh em cùng ra cửa đón. Sau khi vào nhà, Mai Sĩ đem chiếu thư đặt lên bàn, chắp tay nói:

– Hoàng thượng nghe quý ngài là những bậc đại hiền, nên trong triều còn chừa chỗ ngồi bên tả [3]. Mỗ được lệnh đến tận đây thăm, mong quý ngài mau lên xe để khỏi phụ sự ân cần của Thánh Thượng [4].

Lê Lợi nói:

– Thần chỉ là hạng phàm phu bé mọn, do tin đồn thất thiệt mà đến tai Thánh Thượng [5], khiến thiên sứ phải vất vả tới đây, rồi sẽ làm cho triều đình thất vọng. Lợi tôi không dám phụng chiếu.

Sĩ nói:

– Ngày nay trên có thánh chúa sáng suốt, khắp bốn biển không ai không xưng là bề tôi [6]. Giúp triều đình giữ mối hòa hiếu với các nước [7] vĩnh viễn loại bỏ nạn xâm lấn từ bên ngoài [8] vin theo mình rồng, tựa vào cánh phượng [9] vốn không thiếu chi người. Duy có hạng

---

1. *Mẫn Tổn:* còn gọi là Mẫn Tử, tên chữ là Tử Khiên, người nước Lỗ, sống vào thời Xuân Thu, nổi tiếng là người có hiếu với cha mẹ và đối xử tốt với anh em. Chưa rõ điển này liên quan tới câu chuyện như thế nào.

2. Nguyên chú: "Quả có việc như thế không?"

3. *Chỗ ngồi bên tả:* ngôi vị quan trọng dành cho bậc hiền tài.

4. Nguyên chú: "Sứ giả ơi! Sứ giả ơi!"

5. Nguyên văn: "*Vọng can thánh thính* = xằng bậy xúc phạm tới thính văn của Thánh Thượng". Đây dịch thoát.

6. Nguyên chú: "Không chịu làm bề tôi, họa chăng có mấy anh em họ Lê".

7. Nguyên văn: "Hữu Hạ tu hòa", chữ trong câu sau đây của *Kinh Thư*: "*Duy Văn Vương thượng khắc tu hòa ngã Hữu Hạ* = chỉ có vua Văn Vương là còn có thể sửa sang chính hóa để thiết lập mối hòa hiếu giữa các nước trong khối Hoa Hạ (=Trung Quốc) của ta".

8. Nguyên văn: "Phòng thu vĩnh bãi". Vào đời nhà Đường, Hung Nô cứ đến mùa thu thường xâm phạm lãnh thổ Trung Quốc, do vậy, gọi việc phòng ngừa sự xâm nhập của người Hung Nô là "phòng thu". "Phòng thu vĩnh bãi" là vĩnh viễn loại trừ mối họa xâm lấn của người Hung Nô.

9. Nguyên văn: "Phan long phụ phượng". Theo *Hậu Hán Thư*, Cảnh Thuần từng nói với Quan Vũ rằng: "Sĩ đại phu trong thiên hạ rời bỏ quê hương, xa người thân thuộc để theo Đại vương xông pha nơi hòn tên mũi đạn, cũng chỉ vì muốn dựa vẩy rồng, nương cánh phượng (phan long phụ phượng) để thực hiện cái chí của mình".

hiền sĩ câu ở sông Vị, [1] cày ở núi Sằn [2] thì còn đang khát khao mong ngóng. Nếu quý ngài chịu tung chí hồng hạc, trổ tài kỳ lân, ra mà duy trì thế đạo, giúp chúa, làm lợi cho dân, khiến công danh lưu sử sách, thì hay biết mấy!

Lê Thiện đáp:

– Trên đã có bậc vua hiền như Nghiêu, Thuấn [3], dưới lại có bề tôi giỏi như Tắc, Tiết, Vũ, Cao [4], dù bên ngoài triều đình có hàng trăm Sào Phủ, Hứa Do [5] chăng nữa thì cũng không ảnh hưởng đến nền thịnh trị của đời Đường, đời Ngu [6]. Còn như anh em Thiện đây chỉ là hạng trí mọn tài sơ, không xứng đáng để triều đình sai phái. Vậy cảm phiền sứ giả về tâu lại với nhà vua cho anh em thần được tạ lỗi.

Mai Sĩ tìm mọi cách thuyết phục, nhưng anh em họ Lê đều từ chối. Không làm thế nào được, Sĩ đành mang chiếu thư trở về, vào triều gặp vua. Hán Thương hỏi:

– Họ có chịu đến với chúng ta không?

Sứ giả đang định báo cáo lại mọi việc thì viên thị vệ bước vào tâu rằng:

– Có thư của Bắc triều cho biết Thiên Bình hiện đã đến biên giới, xin bệ hạ cho quân tới cửa ải đón rước.

Thật là:

Hiền nhân chưa chịu ra phò giúp,
Thư Bắc đưa sang dấy họa tai!

Chưa biết thư Bắc triều gây ra điều gì, hãy xem phần sau sẽ rõ.

---

1. *Câu ở sông Vị:* tích Lã Vọng hay Lã Công Vọng. Ông nguyên tên là Thượng, sống vào đầu đời Chu. Vua Văn Vương đi săn, gặp ông đang câu cá bên bờ sông Vị, bèn đón về để giúp nhà Chu.

2. *Cày ở núi Sằn:* tích Y Doãn. Ông từng cày ruộng ở đất Hữu Sằn, vua Thang ba lần đến vời, ông mới chịu ra giúp.

3. *Nghiêu, Thuấn:* tức Đường Nghiêu và Ngu Thuấn, hai vị vua nổi tiếng hiền tài trong sử xưa của Trung Quốc.

4. *Tắc, Tiết, Vũ, Cao:* "Vũ" tức Hạ Vũ, vị vua sáng lập ra nhà Hạ. "Cao" tức Cao Dao, quan Tư pháp đời Nghiêu, Thuấn. "Tắc" tức Hậu Tắc, quan Tư nông đời Nghiêu, Thuấn, sau thành ông tổ của nhà Chu. "Tiết" là bề tôi của Ngu Thuấn, sau thành ông tổ của nhà Thương.

5. *Sào Phủ, Hứa Do:* hai bậc cao sĩ đời Đường Nghiêu.

6. *Đời Đường, đời Ngu:* tức đời vua Đường Nghiêu và đời vua Ngu Thuấn, một giai đoạn lịch sử "thái bình thịnh trị", theo truyền thuyết.

HỒI THỨ NĂM

Hồ Quy Ly lập kế hành hung,
Trần Thiên Bình giữa đường bị hại.

Lại nói Hán Thương đang hỏi chuyện Mai Sĩ, chợt có lính thị vệ bước vào tâu rằng Bắc triều gửi thư sang báo tin Thiên Bình sắp về tới biên giới. Thương liền sai cận thần vào hỏi kế Quý Ly. Quý Ly bèn lâm triều, quần thần văn võ ai đứng vào chỗ nấy. Hán Thương nói:

– Nay Thiên Bình về nước, thế bất lưỡng lập [1], xin Hoàng thượng chỉ giáo!

Quý Ly hỏi:

– Các khanh thấy thế nào?

Quần thần đều đứng trơ như phỗng, xấu hổ đưa mắt nhìn nhau. Quý Ly nói:

– Tiên lễ hậu binh [2], ấy là cách hay nhất. Trước hết, ta hãy cử đại tướng đem quân mai phục những nơi hiểm yếu. Tiếp đó, cho người chuẩn bị rượu thịt thết đãi quân Thiên Bình, rồi dụ chúng vào rừng mà giết sạch để trừ mối họa về sau. Chính hồi Khổng Minh đánh Chu Du cũng đã dùng kế này, gọi là "bày cung thiêng để tóm mãnh hổ, thả mồi ngon để bắt cá to" [3].

Hán Thương vái hai vái nói:

– Thượng hoàng tính toán thật tài tình, đám bề tôi không sao sánh kịp!

Hán Thương liền ban chiếu chỉ bắt dân dọc hai bên đường, bất luận thôn quê thành thị đều phải sắm sửa lễ vật, trước là để lạy mừng quốc chủ, sau là nhằm tiếp sứ giả thiên triều. Lại lệnh cho Hoàng Hối Khanh mang lương thực thức ăn đến đợi ở cửa ải, mọi việc cứ theo kế sách mà làm. Hán Thương gọi Thần phong tướng quân Lương Dân Hiến và phó tướng quân Thái Bá Nhạc đến trước mặt dặn rằng:

---

1. *Thế bất lưỡng lập:* ý nói đôi bên thù hận quá sâu, không thể cùng nhau chung sống.
2. *Tiên lễ hậu binh:* trước dùng lễ, sau dùng quân sự.
3. Nguyên chú: "Lòng lang dạ sói của Quý Ly".

– Khanh đem 8.000 tinh binh tới Cần Trạm. Nơi đây, bên trái có Huyền Cung Lĩnh, bên phải có Túc Diên Lĩnh, địa thế cực kỳ hiểm yếu. Khanh đặt phục binh ở cả hai bên, chờ Thiên Bình và lũ tướng Bắc triều tới, cho quân xông ra giết hết bọn chúng. Kế sách thực hiện được, công lao thật không nhỏ!

Hai người nhận lệnh ra đi.

Năm Ất Dậu, năm thứ 5 (Minh Vĩnh Lạc 4), mùa xuân, tháng 3 [1], bọn Hoàng Trung đưa Thiên Bình về tới Khâu Ôn [2], đã thấy trăm họ già trẻ đốt hương đón đường vái lạy. Cũng có người xúc động đến khóc, nói:

– Không ngờ hôm nay lại được nhìn thấy uy nghi!

Nhân dân dìu già dắt trẻ bám lấy xa giá, Thiên Bình cũng thấy bịn rịn khó rời. Bất giác trời sẩm tối, Bình ra lệnh vào trạm dịch ăn uống nghỉ ngơi. Các quận huyện gần đấy mang đặc sản địa phương tới cống nạp, thôn dân cũng đem biếu nào rượu thịt, nào hoa quả. Ai nấy đều được Thiên Bình vỗ về thăm hỏi rồi cho về.

Bình trở vào đi nằm, suốt đêm trằn trọc không sao ngủ được. Vừa chợp mắt, bỗng thấy mặt trời hồng từ phía Bắc mọc lên, di chuyển sang phía Nam, rồi rơi tõm xuống nước, ánh sáng chói chang, ai thấy cũng phải sợ. Bình bừng tỉnh dậy, hóa ra là một giấc chiêm bao. Hỏi thị thần, mới biết đằng Đông trời đã hửng sáng, bèn giục quân lên đường. Bấy giờ Hoàng Trung thấy binh sĩ của Hối Khanh đua nhau đem rượu thịt tới khao quân thiên triều với vẻ đặc biệt cung kính; những kẻ tháp tùng Hối Khanh khi thấy Thiên Bình đều vái lạy, nhảy nhót reo vui. Trung hỏi:

– Sao Hán Thương không đến?

Hối Khanh đáp:

– Đâu dám không đến, chỉ vì ông ấy hơi khó ở nên mới tổ chức đón tiếp tại Gia Lâm đấy thôi [3].

Trung liền bảo Hối Khanh về giục Hán Thương chuẩn bị nhanh lên. Lại ra lệnh cho kỵ binh đi thám thính, thấy dân chúng lũ lượt mang cơm rượu ra đứng chật hai bên đường để úy lạo. Trung yên tâm

1. Việc nhà Minh đưa Thiên Bình về nước kể lại dưới đây theo ĐVSKTT, xảy ra vào năm Bính Tuất, Hán Thương Khai Đại 4 (Minh Vĩnh Lạc 4) (1406), mùa hạ, tháng 4.

2. *Khâu Ôn:* nay là tỉnh lỵ Lạng Sơn.

3. Nguyên chú: "Đã bày cung thiêng và mồi ngon tại Cần Trạm rồi!".

cho quân vượt ải Vũ và ải Kê Lăng.

Gần đến Cần Trạm, Trung tiến quân qua cầu Lạc Bình [1]. Chung quanh núi non hiểm trở, cây cối um tùm, quân đi không thành hàng lối. Lại gặp mưa to như trút nước, bọn Trung phải đội mưa mà đi. Chợt nghe một tiếng súng nổ, phục binh bốn mặt nổi lên, tiếng hò hét vang động cả rừng núi. Dân Hiến từ bên trái đánh thốc xuống, Bá Nhạc từ bên phải đánh ập vào. Thiên Bình vừa đến đầu cầu, kinh hồn mất vía, bị Dân Hiến đâm cho một nhát, rơi xuống nước chết [2]. Người đương thời có thơ điếu rằng:

Xiêu dạt quê người trải mấy đông.
Gian nan trời muốn thử anh hùng.
Tinh hoa báu vật [3] *nào đâu thấy?*
Vương bá cơ đồ hóa rỗng không!

Tiết Nham và Nhiếp Thông định lùi lại, nhưng cầu Lạc Bình đã bị đứt, liền bị hại. Bùi Bá Kỳ cố xông lên chém giết, nhưng do tuổi già sức yếu chống đỡ không nổi, cũng bị Bá Nhạc đâm chết. Linh hồn ông không tiêu tan, thường hiện ra trong núi, dân địa phương phải lập miếu phụng thờ. Người đời sau có thơ điếu rằng:

Nước nhà là trọng, phận con con,
Thế sự hưng vong chẳng sá bàn.
Chiếc bóng ngang trời bên ải Bắc,
Niềm trung dãi nguyệt nước cùng non.
Lòng trời chưa muốn cho bình trị,
Cửa khuyết khôn đường tỏ tấm son,
Nước biếc non xanh lưu chính khí,
Nghìn thu tuy thác vẫn như còn.

Hoàng Trung muốn chấn chỉnh đội ngũ để đánh, hiềm vì cầu bị đứt, không tiến lên được. Dân Hiến dẫn quân đến bên kia đầu cầu vái chào nói:

---

1. Nguyên chú: "Tên cầu không lành, Bình quả nhiên bị hại". "Lạc Bình". "Lạc" là rơi, rụng; "Bình" là Thiên Bình, ý nói Thiên Bình sẽ bị hại ở ngay chiếc cầu có cái tên không lành này.

2. Theo sử chép thì Trần Thiên Bình bị quân nhà Hồ bắt sống đưa về Kinh xử tội lăng trì.

3. Nguyên văn: "Vật hoa thiên bảo", chữ dùng trong bài *Đằng Vương các tự* của Vương Bột (650 – 676), người đời Đường.

– Quân đội phương xa đâu dám chống lại vương sư! Chỉ vì Thiên Bình là kẻ tiểu nhân, không phải người thân thuộc của họ Trần. Y chuyên giở trò xảo trá, may mà giết được y để tạ lỗi người Giao. Vua của chúng tôi nay mai sẽ dâng biểu xin thiên triều tha tội. Nay quân thiên tử tới, nước nhỏ này nghèo túng lắm, không dám giữ lại lâu [1].

Hoàng Trung bất đắc dĩ phải rút quân về nước [2]. Bọn Hiến mừng lắm, bèn báo tin thắng lợi, kéo quân trở về.

Hán Thương mời Quý Ly đến dự dạ hội mừng công, khen thưởng các tướng lĩnh. Quý Ly nói:

– Nay kẻ thù đã bị giết [3], thiên hạ thanh bình [4]. Trẫm nghe ở Nam Hải vùng Giao Thủy có cây ngô đồng già biến thành yêu quái, quấy nhiễu nhân dân, trẫm muốn đi tuần phương Nam để trấn yểm yêu khí. Các khanh cho chuẩn bị xa giá để kịp ngày lên đường!

Thật là:

Bày kế giết vua, thành đại ác,
Đang tâm hại chúng, sính tuần du.

Chưa biết việc đi tuần phương Nam như thế nào, hãy xem phần sau sẽ rõ.

---

1. Nguyên chú: "Sai Dân Hiến làm bài văn đuổi khách thật là lão luyện".

2. Chung quanh việc Hoàng Trung bị quân nhà Hồ đánh bại, dẫn đến cái chết của Trần Thiên Bình, ĐVSKTT chép như sau: "Hoàng Trung đem 10 vạn quân ở Quảng Tây sang xâm lược, mượn cớ là đưa Trần Vương ngụy là Thiên Bình về nước (...). Ngày mồng 8, Hoàng Trung đánh vào ải Lãng Kinh (ở khoảng Đáp Cầu, Hà Bắc). Quân họ Hồ thất bại (...). Đó là vì thấy bên kia quân ít, coi thường chúng. Duy có Tả thánh dực quân Hồ Vấn từ Vũ Cao dẫn quân đến đánh úp, giặc bị thua. Trung liệu thế không địch nổi, đến trống canh hai nửa đêm trốn về. Tướng chỉ huy quân Hữu thánh dực Hồ Xạ, tướng chỉ huy quân Thánh dực Bắc Giang Trần Đĩnh đã được lệnh chặn đánh ở cửa ải Chi Lăng từ trước. Quân Minh bèn đưa giải Thiên Bình cho ta và sai Quân y Cao Cảnh Chiếu gửi thư hàng (...). Lễ dâng thắng trận xong, tra hỏi Thiên Bình là tông phái nào, Thiên Bình không chịu nói (...). Xử tội lăng trì" (ĐVSKTT tập II, Bd. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1985, tr. 213).

3. Nguyên chú: "Kẻ thù nào đây?"

4. Nguyên chú: "Lửa còn chưa cháy".

HỒI THỨ SÁU

Du Nam Hải, Quý Ly gặp quỷ,
Nấp Nguy Sơn, Trần Cảo báo thù.

Lại nói ở sách Hoành Đông, xế về phía nam huyện Giao Thủy, bên con sông Cái, có cây ngô đồng đã sống trên nghìn năm. Cạnh cây có cái giếng đá. Tương truyền vào đời Tần, có con phượng hoàng từ đất Bắc bay sang đậu trên cây ngô đồng này ba ngày liền, sau đó mới bay đi. Từ ấy về sau, cây cành lá sum suê, khách qua đường thường dừng chân dưới gốc cây để hóng mát, có khi đến hàng nghìn người mà vẫn đủ chỗ ngồi.

Bấy giờ ở Liêu Đông có người đàn bà họ Đinh vốn con nhà khuê các, thông thạo chữ nghĩa. Trong lúc chồng đi xa, nàng ở nhà một mình chong ngọn đèn khuya, làm công việc phụ nữ. Chợt nhìn bóng mình trên vách, nàng thấy rạo rực, chạnh nhớ tới chồng, bèn ngâm một bài thơ như sau:

Việc chi trêu cợt phận tơ đào,
Thấp thoáng đèn khuya dạ khát khao.
Đi đứng chẳng rời nhau nửa bước,
Đêm thanh kề cạnh thú nhường bao!

Ngâm xong, nàng nhìn bóng mình và đề luôn bài thơ lên vách.

Chồng nàng về, thấy bài thơ liền sinh nghi, mắng rằng:

– Tôi đi vắng chưa bao lâu mà nàng ở nhà đã tư thông với người khác [1].

Vợ đáp:

– Thiếp đâu dám như vậy.

Chồng nói:

– Bút mực còn sờ sờ ra kia kìa, còn chối gì nữa?

Vợ đáp:

---

1. Nguyên văn: "Nhữ động tiền dữ ngoại nhân cấu hợp", sau chữ "động" có lẽ in sót hai chữ "tư thông". Tạm dịch như trên, chờ tra cứu thêm.

– Thiếp từ tuổi còn thơ đã nâng khăn sửa túi [1] cho chàng, không hề thay lòng đổi dạ, trước sau vẫn một niềm chung thủy, nào có chuyện trăng gió như Tiểu Ngọc [2], sỗ sàng như Văn Quân [3]? Bài thơ kia là để vịnh cái bóng của thiếp đấy thôi!

Chồng nhất quyết không nghe, đánh đập vợ tàn tệ, anh em bà con khuyên giải thế nào cũng không được. Người vợ tức uất, đang đêm chạy ra chỗ cây ngô đồng nhảy xuống giếng tự tử. Từ đấy về sau, vào những hôm gió mưa ủ dột, thường thấy có một người con gái dáng vẻ ngây thơ, điểm trang lộng lẫy, khi thì hát, khi thì múa, khi thì cười, khi thì nói bên gốc cây ngô đồng. Người bấy giờ ai cũng cho là lạ, bảo nếu không phải Hằng Nga nơi Nguyệt điện, thì cũng là tiên nữ chốn Quỳnh lâu.

Một hôm, có một khách buôn người Bắc quốc từ Kinh thành về ngang qua đây, thấy bên cây ngô đồng có một cô gái kiều diễm đang nằm một mình ra chiều tư lự, mắt đăm chiêu như có ý chờ ai. Khách bèn buộc thuyền leo lên bờ, đến tận nơi tán tỉnh. Thiếu nữ hớn hở đi theo, ra tới bờ sông thì biến mất. Khách sợ hãi đến phát ốm rồi chết ngay trên thuyền. Người đương thời có thơ rằng:

Giang hồ vương vấn chuyện mê say,
Lửa dục bừng bừng khó dẹp thay!
Nhan sắc bao phen làm lụy khách,
Tuyền đài sướng khổ ít người hay!

Từ đó về sau, yêu tinh khi thì quyến rũ người trong thôn, khi thì hò hẹn khách qua đường. Người nào không may gặp nó, sẽ bị hết tai họa này đến tai họa khác. Vì vậy không ai dám tới gần nó cả.

Riêng Quý Ly sau khi nghe chuyện, đã ra lệnh cho quần thần chuẩn bị đầy đủ nghi vệ, chọn ngày Canh Dần tháng 5, lên đường đi kinh lý phương Nam. Đường bộ thì lũ lượt ngựa voi, đường thủy thì buồm căng gió lộng [4]. Khi tới địa phận Giao Thủy thuộc Liêu Đông,

---

1. Nguyên văn: "Cân trất = khăn lược".

2. *Tiểu Ngọc:* tức Hoắc Tiểu Ngọc, một danh kỹ đời Đường.

3. *Văn Quân:* tức Trác Văn Quân, người đời Hán. Nàng mới góa chồng, nghe bài đàn "Phượng cầu hoàng" của Tư Mã Tương Như, cầm lòng chẳng được, đang đêm lén đến với chàng.

4. Nguyên văn: "*Lục tắc tượng mã tinh trần, thủy tắc chu sư phong tống* = Đường bộ thì voi ngựa như sao bày, đường thủy thì quân thuyền được gió đưa". Dịch thoát cho dễ hiểu.

Quý Ly ngự trên thuyền lầu xem cảnh vật bốn phía. Bỗng thấy một người con gái đang nằm phủ phục trên bờ sông, Quý Ly đoán là trong dân hẳn có kẻ muốn kêu oan, bèn ra lệnh cho thuyền ghé vào bờ, hỏi:

– Con cái nhà ai mà dám đường đột như vậy?

Người con gái dập đầu xuống đất tâu rằng:

– Thiếp nguyên là con gái quan Thái thú tại Kinh thành, cha thiếp không may bị khiển trách, phải đổi ra làm quan ở vùng biên xa xôi. Thiếp tự cảm thấy mình chẳng có tài năng gì, nhiều lần muốn tự vẫn, chỉ e xuống chốn Tuyền đài bị Đề Vinh [1] chê cười, vào cõi U Tịch xấu hổ với Lý Thị [2]. Thiếp định sung vào nhà quan làm nô tỳ, nhưng vừa đến nơi, Thánh thượng đã lên xa giá đi thị sát phương Nam. Thiếp vì vậy không quản ngại gian khổ, lặn lội đến đây đón xa giá giữa đường, liều chết kêu oan, cúi mong bề trên soi xét, cho cha con thiếp được sửa lỗi!

Quý Ly thấy người con gái da trắng như tuyết, môi đỏ tựa son, xinh đẹp lạ thường, nói năng dịu ngọt, tình xuân trỗi dậy, bèn cho phép nàng lên thuyền, gọi nàng là tài nhân, dụ bảo rằng:

– Trẫm nay đến đây [3] là để trấn yểm yêu tinh, sau đó trở về triều đại xá thiên hạ, như vậy tội của cha nàng vô hình chung sẽ được giải tỏa.

Người con gái hỏi:

– Yêu tinh là ai thế [4]?

Quý Ly nói:

– Cây ngô đồng sống một nghìn năm đã hóa thành yêu tinh, trẫm muốn chặt nó đi để trừ mối lo cho dân.

---

1. *Đề Vinh (Oanh):* con gái út của Thuần Vu Ý, người đời Hán, Vu Ý không có con trai, chỉ có 5 người con gái. Ông không may phạm tội, phải đến Trường An để thụ hình. Hôm lên đường, Vu Ý mắng mấy cô con gái rằng: "Sinh con, sao không sinh con trai, để đến khi nguy cấp, chả được tích sự gì!". Đề Vinh khóc lóc thảm thiết, theo cha tới Trường An, dâng thư xin vào nhà quan làm nô tỳ để chuộc tội cho cha. Vua động lòng, tha tội nhục hình cho Vu Ý.

2. *Lý Thị:* đây chỉ Lý Ký đời Đường, nhà nghèo, bán mình cho làng cúng thần rắn để lấy tiền nuôi cha mẹ.

3. Nguyên văn: "Lâm bắc = đến phía Bắc", không hợp văn cảnh. Chữ "bắc" 北 có lẽ do chữ "thử" 此 khắc nhầm.

4. Nguyên chú: "Chính đây là yêu tinh rồi!".

Người con gái nói:

– Nhà Trần hết phúc, cho nên đức không thắng được yêu tinh. Còn nay là triều thánh, yêu tinh không thắng được đức! Huống chi bệ hạ đạo như Nghiêu Thuấn, đức giống Vũ Thang; lấy lễ làm người đánh xe, lấy nhạc làm cỗ xe chở; dùng nhân làm cái mộc, dùng nghĩa làm cái khiên. Như thế, kẻ xa sẽ tới, người gần sẽ đẹp lòng [1], chẳng qua sợ quá hóa lo, chứ có yêu quái gì đâu mà phải trấn yểm! Vả, cây ngô đồng nghìn năm là cột trời chống đỡ một phương, giả dụ có yêu quái cậy thế hại đi nữa, thì nạn nhân bất quá cũng là hạng mệnh bạc. Còn các bậc tôi trung, lo lắng cho đất nước, sống ngay thẳng, không gian dối, yêu quái nào dám xúc phạm [2]. Còn nữa, nhân dân có cây đại thụ cũng như đất nước có bậc thế thần. Nếu đại thụ mà khô héo, thì thế thần cũng khó đứng vững được.

Bấy giờ quan Trụ quốc Lê Quý Lạc đang ở bên cạnh, thấy lời lẽ người con gái liên quan đến bản thân, bèn tâu rằng:

– Tài nhân kiến thức thật uyên bác, không những biết thừa thế, mà còn rất thức thời. Bên ngoài không dám mơn trớn sự mê tín của quân vương; bên trong thiết thực khuyên bề trên phải biết thương yêu dân chúng. Thần trộm nghĩ Khương Hậu [3] đời Chu, Phàn Phi [4] nước Tề cũng không hơn nàng được. Mong bệ hạ tiếp nhận nàng!

Quý Ly thấy cận thần tha thiết đề nghị, riêng mình cũng xiêu vì nàng, liền từ bỏ ý định chặt cây ngô đồng, rồi hạ lệnh cho quân đội không đi đường bộ nữa, mà cứ theo sông ra biển rồi tiến thẳng vào Nam, đến cửa Độc Bộ [5] thì dừng lại.

Quý Ly như chợt nhớ điều gì, liền quay sang bảo thị thần:

– Trẫm nghe nói người họ Trần như một mối họa tiềm tàng hiện vẫn còn lẩn lút trong dân, các khanh phải bí mật sức cho các nơi hễ

---

1. Nguyên chú: "Xa như nước phương Bắc, không mấy lúc rồi cũng sẽ tìm tới thôi".

2. Nguyên chú: "Dám xúc phạm chăng, chỉ có Quý Ly".

3. *Khương Hậu:* vợ Chu Tuyên Vương, nổi tiếng hiền lành đức độ. Bà thấy Tuyên Vương hay ngủ sớm, dậy trưa, bỏ bê việc triều chính, bèn cởi trâm tháo hoa tai, ra ngõ hẻm chờ xử tội, sai người báo mẫu cho vua biết, Tuyên Vương từ đó thay đổi lối sống buông thả của mình.

4. *Phàn Phi:* tức Phàn Cơ, vợ Sở Trang Vương. Trang Vương sau khi lên ngôi ham săn bắn, Phàn Cơ khuyên ngăn thế nào cũng không được, bèn bỏ ăn thịt thú Trang Vương hối hận, từ đó chăm việc triều đình.

5. Nguyên chú: "Còn có tên là Đại Nha".

thấy con cái nhà Trần thì bắt giải nộp ngay để lĩnh thưởng. Ai cố tình che giấu, sẽ bị giết cả họ.

Sau khi đám thị thần nhận lệnh thông báo đi các nơi, Quý Ly lại nói:

– Núi Thôi Nguy là một nơi danh lam cổ tích, điện ngọc cung châu, trẫm muốn đến để ngắm phong cảnh. Hãy sai trăm họ sửa sang đường sá, chờ trẫm giá lâm.

Nhân dân được lệnh, phải chạy như đèn cù, phục dịch vất vả không nói sao cho xiết.

Hồi bấy giờ có Trần Cảo là cháu ba đời của Trần Anh Tông, trước đây chạy loạn đến sách An Giang huyện Đại An [1], cư ngụ tại nhà Phan Thế Thúc. Thúc đem con gái gả cho, sau sinh được hai người con. Chợt nghe Quý Ly sắp đi qua đây, lại có mật chỉ tầm nã con cháu nhà Trần, Cảo sôi sục hờn căm, ngấm ngầm tìm cách báo thù. Vốn thân quen với Vũ Duy Dương người Nhân Trạch, Cảo bèn bí mật đến nhà. Dương bày tiệc thết đãi. Khi rượu đã ngà ngà, Cảo nói cốt để dò ý Dương:

– Tôi vốn là tội nhân của họ Hồ, chạy đến đây để trốn tránh. Nay triều đình có mật chỉ tầm nã tôi khắp nơi, thế thật khó thoát. Tôi muốn tự trói đầu hàng, mong cứu sinh mệnh cả nhà. Nếu may được triều đình thương xót, ban cho chức tước, thì chẳng những vợ con được nhờ, mà bè bạn cũng có lợi.

Duy Dương nghe xong cáu tiết mắng rằng:

– Trước tôi cứ tưởng ông là lá ngọc cành vàng, dòng dõi hoàng tộc, ai có ngờ ông tâm địa chó má, định làm những việc bỉ ổi như vậy. Tôi còn mặt mũi nào tiếp ông nữa!

Nói xong, phẩy áo đứng lên. Cảo vội nắm tay Dương kéo lại, tạ lỗi rằng:

– Tôi vẫn biết bác là người trung nghĩa. Những lời vừa rồi của tôi chỉ là nói đùa thôi!

Dương ngồi lại xuống ghế. Cảo khóc oà lên. Dương nói:

– Công tử có việc gì phải lo nghĩ, hãy bảo ngay cho tôi biết.

Cảo nói:

---

1. *Huyện Đại An:* thuộc phủ Nghĩa Hưng, trấn Sơn Nam Hạ, nay là huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

– Quý Ly nay qua đây, tôi muốn giết hắn để báo thù, nhưng không biết cậy ai, xin tiên sinh giúp đỡ.

Dương nói;

– Ngựa gặp Bá Nhạc [1] thì hí, kẻ sĩ sẵn sàng chết cho người tri kỷ [2]. Tôi cũng đang thâm thù Quý Ly mà chưa có cách nào ra tay. Được công tử tiến cử, tôi dù chết cũng không tiếc [3].

Cảo nói:

– Nếu quả như vậy, thì không chỉ là cái may của Cảo, mà còn là cái may lớn của thiên hạ nữa.

Hai người bàn định xong xuôi, Dương từ giã ra đi.

Lại nói Quý Ly bỏ đường thủy lên đi đường bộ, nhằm hướng núi Thôi Nguy mà tiến. Khi đến chân núi, Quý Ly chia quân ra bao vây bốn mặt rồi thân hành leo lên.

Vừa tới lưng chừng núi, Quý Ly bị Duy Dương đang phục trong lùm cây [4] nhảy bổ ra đâm một nhát trúng vào chiếc mão bằng vàng. Quý Ly ngã khuỵu xuống. May có quân ngự lâm dùng mộc [5] che chắn, Dương không đâm thêm được nhát nào nữa. Quần thần đỡ nạn nhân đứng lên. Quý Ly ngơ ngác nhìn bốn phía, thấy tài nhân từ trên đỉnh núi nói vọng xuống rằng:

– Thiếp vốn là trích tiên [6] có dịp gặp ông. Vì ông bạo ngược, rồi sẽ bị trời trừng phạt. Thiếp vừa được lệnh [7] trở lại cung Bích Ngô [8]. Ông mau quay loan giá trở về ghìm chân giặc Bắc. Nếu còn tiếp tục đi tuần du, tai vạ e không nhỏ.

Nói xong liền biến mất. Quý Ly nhìn lại không biết tài nhân đi

---

1. *Bá Nhạc:* tên thật là Tôn Dương, sống vào thời Xuân Thu, có tài xem ngựa. "Bá Nhạc" nguyên là tên ngôi sao Thiên mã (=ngựa trời), được mệnh danh cho Tôn Dương để ca ngợi tài xem ngựa của ông.

2. Nguyên chú: "Thốt ra một tiếng *chết*".

3. Nguyên chú: "Lại thốt ra một tiếng *chết* nữa".

4. Nguyên văn là "tùng = cây thông", ngờ do chữ "*tùng = lùm* cây" viết nhầm.

5. Nguyên văn "*thập thuẫn* =mười chiếc mộc". Chữ "*thập* = mười" có lẽ do chữ "*can* = cái khiên" viết sót một vạch ngang ở trên.

6. *Trích tiên:* người tiên trên trời bị đày xuống cõi trần.

7. Nguyên văn là "*Khiển thiếp* =quở trách thiếp". Chữ "khiển" 譴 đúng ra phải viết là "khiển" 遣 = sai khiến".

8. Nguyên chú "Đã úp mở cho thấy người con gái chính là yêu tinh ngô đồng, vậy mà Quý Ly vẫn không biết, thật buồn cười".

đâu, vừa than tiếc khôn nguôi [1], nhưng cũng vừa rợn sợ. Quý Ly cho võ sĩ lùng sục, bắt được Duy Dương đang trốn giữa lùm cây, bèn sai lôi ra đè xuống đất, dùng gậy gộc mà đánh. Quý Ly hỏi:

– Xem chừng mi là hạng tiểu nhân, sao dám vô lễ với ta như vậy? [2].

Dương nói:

– Ta báo thù cho con cháu họ Trần, hận không giết được ngươi, thật đáng tiếc! [3].

Quý Ly hỏi:

– Con cháu họ Trần là ai vậy?

Dương đáp:

– Nhân dân nước Nam đều là con cháu nhà Trần cả.

Quý Ly lại ra lệnh đánh cho nhừ tử, máu me đầm đìa. Lại hỏi:

– Ai khiến mi làm việc này?

Dương đáp:

– Trời sai ta giết tên vô đạo.

Quý Ly thấy Dương một mực không khai, ra lệnh lấy kìm sắt bẻ gãy hai chiếc răng cửa của Dương. Lại hỏi:

– Ai khiến mi làm chuyện phản nghịch?

Dương đáp:

– Ta muốn giết nhà ngươi, không ai khiến ta cả!

Quý Ly giận sôi sục, ra lệnh chặt hết chân tay Dương. Dương nói:

– Nhà ngươi dùng cực hình, chẳng qua muốn ta cung khai mọi việc. Vậy thả ta ra, ta sẽ đầu thú!

Quý Ly sai vực Dương dậy. Dương gượng ngồi, nhìn về phía Tức Mặc [4] cúi đầu lạy hai lạy, đoạn nói:

– Tôi sống không giết được tên giặc nghịch đặng đền ơn họ Trần, chết sẽ làm ma để xơi thịt Quý Ly!

Nói xong, đâm đầu vào đá mà chết. Người đời sau có thơ điếu rằng:

Ngút cao chính khí át thu sương,
Khảng khái cô trung chút chẳng nhường.

---

1. Nguyên chú: "Than tiếc như vậy, lại càng buồn cười nữa".
2. Nguyên chú: "Còn thế này thì lại có lễ độ ư?"
3. Nguyên chú: "Ta cũng lấy làm tiếc quá".
4. *Tức Mặc:* nay là Mỹ Lộc, Nam Định, quê hương nhà Trần.

Núi giáo rừng gươm coi nhẹ bẫng,
Thà đem một thác tạ quân vương.

Lại có thơ chửi Quý Ly như sau:

Dân đau, nước ốm, vẫn chơi rong,
Bác Lãng [1]*, Nguy Sơn khó sánh cùng.*
Một nhát dao đâm sao chẳng chết,
Trời kia nỡ thả kẻ gian hùng.

Bấy giờ Trần Cảo nghe công việc không thành, Duy Dương bị chết, liền bỏ vợ con chạy sang Lão Qua. Về sau con cháu nhà Trần còn sót lại ở An Giang là có gốc gác từ đây.

Quý Ly thấy Dương đã chết, muốn dừng xa giá lại để tiếp tục tầm nã người họ Trần. Chợt có thư cáo cấp từ Đông Đô tới, Quý Ly buộc phải gấp rút trở về hoàng cung, gác sang một bên các công việc đang tính dở.

Thật là:

Xa giá ruổi rong, sương tuyết gội,
Ba quân xuôi ngược, gió mưa xông.

Chưa biết chuyện về hoàng cung thế nào, hãy nghe hồi sau phân giải.

1. *Bác Lãng:* nơi Trương Lương sai lực sĩ đâm Tần Thủy Hoàng, nay ở về phía Nam huyện Tân Hương, tỉnh Hà Nam của Trung Quốc.

HỒI THỨ BẢY

Đánh phương Nam, triều Minh chọn tướng,
Ngừa giặc Bắc, họ Hồ dàn quân.

Lại nói Quý Ly định dừng xa giá để lùng bắt người họ Trần thì thấy có thư cáo cấp cho biết triều Minh sắp sửa đưa quân sang cướp bóc, nên không dám nấn ná, lập tức quay về Kinh, đây không bàn tới nữa.

Trở lại chuyện bọn Hoàng Trung đưa Thiên Bình về nước thất bại, dẫn tàn quân về triều tâu lên. Thành Tổ cả giận, bảo Thành quốc công Chu Năng rằng:

– Một nước cỏn con dám chống lại nước lớn. Thế mà không trừ diệt, thì quân đội để làm gì?

Chu Năng gục đầu lạy nói:

– Tội lớn của giặc nghịch không thể nào tha. Bọn thần xin dựa vào oai trời, đem quân giết sạch chúng [1].

Thành Tổ do đó quyết tâm dùng vũ lực, ra lệnh cho quan Trấn thủ Vân Nam là Tây Bình hầu Mộc Thạnh điều quân đi đánh phương Nam. Thạnh được cấp thêm 75.000 quân Thục để tăng cường lực lượng.

Mùa thu, tháng 7 [2], ngày Tân Mão, lấy Chu Năng làm Đại tướng, Tân Thành hầu Trương Phụ làm Tả tướng, Mộc Thạnh làm Hữu tướng, Phong Thành hầu Lý Bân làm Tả tham tướng, Vân Dương bá Trần Húc làm Hữu tham tướng. Đại tướng chỉ đạo các Tả, Hữu phó tướng, Tả phó tướng, Tả tham tướng cùng Thanh Viễn bá Vương Chi thống lĩnh các Thần cơ tướng quân Trình Khoan, Chu Quý, các Du kích tướng quân Mao Bát Đơn, Chu Quảng, Vương Thứ; các Hoành hải tướng quân Lỗ Lân, Vương Ngọc, Thương Bằng; các Ưng dương tướng quân Lã Nghị, Chu Ngô, Giang Hạo, Phương Chính; các Phiêu kỵ tướng quân Chu Vinh, Kim Minh, Ngô Vượng, Lưu Đáp Xuất, lớn nhỏ cả thảy 25 tướng lĩnh chỉ huy 25.000 quân, gồm quân hai Kinh

---

1. Nguyên chú: "Chưa chắc!"

2. ĐVSKTT chép sự việc này xảy ra vào tháng 9 năm Bính Tuất (1406), muộn hơn 2 tháng.

Kỳ [1] và quân Kinh, Hồ, Mân, Chiết, Quảng Tây, xuất phát từ Bằng Tường thuộc Quảng Tây. Hữu phó tướng, Hữu tham tướng, các Đô thống Chỉ huy Trần Duệ, Lư Vượng, lớn nhỏ cả thảy 20 tướng lĩnh, chỉ huy 10.000 quân, gồm quân của tướng Ba Thục và quân Kiến Xương, Vân, Quý, xuất phát từ Mông Tự thuộc Vân Nam. Thủy sư Đại đô đốc Liễu Thăng chỉ huy 25.000 thủy quân và 500 chiếc thuyền chiến đến phòng ngự ở các cửa biển. Binh bộ Thượng thư Lưu Tuấn, Tham tán quân vụ Công bộ Thượng thư Hoàng Phúc, Đại lý khanh Trần Hiệp vận chuyển lương thực.

Bố trí công việc xong, ngay ngày hôm ấy, Thành Tổ đến Long Giang làm lễ tế cờ, phát lệnh rằng:

"Cha con giặc Hồ phải bắt, không tha. Còn những người bị bức theo chúng thì đều thả. Không nuôi mầm gây loạn, không đùa cợt với giặc. Không triệt phá hàng quán, không làm ảnh hưởng đến cấy hái. Đừng đua nhau vơ vét tiền của, đừng tranh cướp vợ lớn vợ bé của người ta [2]. Đừng giết kẻ hàng. Ai phạm một trong các điều trên, dù có công cũng không tha thứ. Chớ hành động mạo hiểm, chớ vì tham lợi mà tiến bừa. Khi đã bắt được kẻ có tội rồi, thì chọn người hiền tài trong con cháu họ Trần để cai quản đất ấy [3]. Sau đó rút quân về làm lễ cáo miếu, bàn định công lao".

Phát lệnh xong, các tướng lên đường. Thành Tổ tiễn đưa một đoạn rồi quay trở lại.

Đêm hôm ấy xem điềm trời, thấy có một ngôi sao to bằng cái đấu rơi xuống ở hướng Tây. Thành Tổ bảo viên quan theo hầu:

– Quân đội miền Tây có mối lo, Chu Năng chắc không thoát nổi.

Quả nhiên khi đạo quân vào đến Long Châu [4] thì Chu Năng ốm chết. Các tướng cho quân dừng lại để tâu về triều.

Bấy giờ viên tướng nước Nam cũng báo tin về triều đình. Hán Thương xin Thượng hoàng cho họp quần thần để bàn kế đánh lui địch. Quý Ly nói:

– Nay giặc Bắc thế đang cực mạnh. Hai Kinh [5] nước ta thực là nơi

---

1. *Hai Kinh Kỳ:* tức Yên Kinh (Bắc Kinh) và Kim Lăng (Nam Kinh).

2. Nguyên chú: "Hai câu này chỉ là nói suông".

3. Nguyên chú: "Nếu thực như vậy thì sao dám phụng chiếu".

4. *Long Châu:* tên huyện, thuộc Quảng Tây. Theo ĐVSKTT, Chu Năng đến phủ Thái Bình ở Quảng Tây thì chết.

5. *Hai Kinh:* đây chỉ Đông Đô (Thăng Long, nay là Hà Nội) và Tây Đô (còn gọi là thành nhà Hồ, nay ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa).

trọng yếu, không thể sơ hở. Trẫm về Tây Kinh để đề phòng mặt trong; còn Đông Đô và các nơi quan ải thì giao phó cho các khanh sắp đặt.

Hán Thương thưa rằng:

– Được Hoàng phụ lo chu đáo như vậy, thực là phúc cho xã tắc [1].

Quý Ly lên xa giá về Tây Đô. Hán Thương tiễn ra tận ngoài thành, ký thác rằng:

– Hoàng phụ tiện đường hạ cố tới Lam Sơn mời anh em Lê Lợi ra phò giúp; nếu được, thì nước ta khỏi phải lo [2].

Quý Ly nói:

– Xem ra hắn cũng chỉ là một gã nhà quê thôi, việc gì phải hạ nhục trẫm như vậy [3]? Trẫm sẽ sai người gọi hắn tới, không tới thì trẫm giết quách đi là xong [4].

Nói rồi, liền lên đường.

Hán Thương trở về triều, triệu tập quần thần văn võ tới giao nhiệm vụ: lấy Kim Duy Hiếu làm Thái thú giữ cửa ải Lư; Phạm Khoan làm Thống lĩnh giữ cửa ải Kê Lăng; Phó nguyên súy Đinh Mỹ đem quân đóng ở Cần Dinh; Bình khấu tướng quân Trần Thừa giữ sách Trù Giang; sông Bàn Than thì do Mưu lược tướng quân Hồ Đỗ giữ; sông Mộc Phàm [5] thì do Trung lang tướng quân Hoàng Thế Cương, Nguyễn Tử Nhân giữ; Thái thú Trịnh Hiền đóng ở sông Gia Lâm; Phi hùng đại tướng quân Vũ Tất Khắc giữ ải Hoa Manh; Đại nguyên nhung Lương Dân Hiến, Đại đô đốc Thái Bá Nhạc, Tham quân Đoàn Phát trấn giữ thành Đa Bang, các tướng lớn nhỏ gồm cả thảy gần 60 người, chỉ huy 30 vạn, nhưng phao tin thành 100 vạn binh mã, chia nhau chốt giữ các nơi hiểm yếu, nghe theo lệnh của Đại nguyên nhung [6].

Hán Thương lại cho gọi Dân Hiến vào nội điện, cầm búa sắt chìa cán cho Dân Hiến, nói:

---

1. Nguyên chú: "Phải nói thực là họa cho xã tắc".

2. Nguyên chú: "Hán Thương tuy vào hạng đạo tặc, nhưng vẫn giục lòng ham thích những người hiền tài".

3. Nguyên chú: "Ngốc thay!".

4. Nguyên chú: "Người hiền tài gọi không đến thì giết, cái kiểu cầu hiền ấy thật nực cười!".

5. ĐVSKTT chép là Mộc Hoàn.

6. Tổng chỉ huy.

– Thành Đa Bang [1] là cổ họng của nước Nam, chỗ này mà không cẩn thận thì nguy nan cho đất nước. Tất cả từ Phó tướng trở xuống, ai không tuân kệnh, cứ xử trảm [2].

Dân Hiến nhận lệnh, phân công các tướng đem quân trấn giữ các nơi và sai người đi dò la tin tức quân Bắc.

Thật là:

Một cõi phương Nam be bé thế,
Dám đem tuồng mọn chống quân trời.

Chưa biết dò la tin tức thế nào, hãy xem hồi sau sẽ thấy.

---

1. *Thành Đa Bang*: nay thuộc đất huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

2. Nguyên chú: "Đây cũng có thể xem là lệnh vua ban cho tướng trong buổi lễ xuất quân".

HỒI THỨ TÁM

Trương Tổng binh nhổ hai ải quan,
Đinh Nguyên soái giấu năm chiến tướng.

Lại nói Lương Dân Hiến phân công cho các tướng xong, tự mình cầm quân đến trấn giữ thành Đa Bang. Ngựa do thám về báo cáo:

– Quân Minh tiến tới Long Châu, Chu Năng chết, Thành Tổ đã lấy Trương Phụ thay Năng và giục Phụ trẩy quân lên đường, chắc sẽ đến nước ta trong nay mai.

Hiến vội vàng thảo công văn sức cho những nơi quan ải lo việc phòng thủ. Viên quan coi ải Lưu là Kim Duy Hiếu sau khi nhận được công văn, liền ra lệnh cho quân sĩ chuẩn bị mọi mặt, lên thành canh gác.

Bấy giờ Trương Phụ xuất phát từ Bằng Tường, vượt qua Pha Lũy [1] tiến đánh ải Lưu, thấy trên cửa ải đã dàn bày trận thế. Trung quân đại tướng Kim Duy Hiếu tay cầm cây siêu dài, ngồi trên ngựa Thanh tông, gọi to rằng:

– Tên giặc kia sao dám xâm phạm bờ cõi ta? Hãy mau mau rút quân về, bằng không, thây chúng bay sẽ bị băm vằm ra hàng trăm hàng nghìn mảnh!

Trương Phụ tức lắm, không thèm trả lời, ra lệnh cho Du kích tướng quân Mao Bát Đan xuất trận, vừa la hét vừa xông tới. Hai người hai ngựa giao tranh hơn trăm hiệp mà không phân thắng bại. Trời tối, hai bên đều khua chiêng thu quân. Trương Phụ nói:

– Ta thấy tướng giặc võ nghệ cao cường, không thể dựa vào sức mà thắng hắn được. Ngày mai sẽ dùng kỳ binh mà tóm hắn.

Phụ sai Trình Khoan mai phục ở bên trái, Chu Quý mai phục ở bên phải. Hôm sau trời vừa tảng sáng, Phụ bảo Mao Bát Đan ra khiêu chiến. Kim Duy Hiếu mở cửa thành dẫn quân ra trận. Bát Đan kêu rằng:

– Nay ta đến đây để lấy đầu ngươi, ngươi không sợ sao?

Hiếu tức giận nói:

---

1. *Pha Lũy:* tức cửa ải Nam Quan sau này.

– Thằng giặc chó má dám trêu ta đấy hả?

Nói xong, cầm siêu xông vào. Đánh nhau được ba bốn hiệp, Đan quất ngựa bỏ chạy [1]. Hiếu nói:

– Tên giặc chó má sao không trở lại đánh?

Đan xách đao quay lại. Đấu được sáu bảy hiệp, Đan lại bỏ chạy [2]. Hiếu thừa thắng đuổi theo. Bỗng nghe một hồi còi đồng vang lên, Trình Khoan xông ra từ bên trái, Chu Quý xông ra từ bên phải thi nhau đâm chém làm cho hậu quân của Hiếu rã ra. Duy Hiếu quay ngựa lại chống cự. Bát Đan từ sau lưng rượt tới đâm một nhát, Hiếu rơi xuống ngựa. Trương Phụ vẫy quân lính xông vào chém giết, hạ được ải Lưu [3], đại quân thẳng tiến. Quân Nam tháo chạy về ải Kê Lăng.

Tại Kê Lăng, viên Thống lĩnh Phạm Khoan thấy ải Lưu đã mất, bàn cùng các tướng rằng:

– Cửa ải ta đang giữ đây thuộc loại xung yếu, không có quân viện từ bên ngoài, thế rất khó giữ. Theo các ông thì ta nên giữ hay nên bỏ?

Chỉ huy Phan Chính nói:

– Giặc chưa đến, lẽ nào bỏ thành chạy trước? Nếu triều đình vạch tội, thì khó mà chống chế được. Chi bằng cứ để giặc tới, đánh với chúng một trận xem thắng bại thế nào rồi sẽ hay [4].

Nói chưa dứt lời, ngựa do thám về báo quân Bắc đã tiến đến đầu biên giới. Phạm Khoan thúc quân lính ra chống giặc, nhưng không một ai dám xáp trận [5], Trương Phụ dẫn quân tiến về phía cửa ải. Phạm Khoan bị bắt, xin hàng. Phụ cho Khoan làm Tiên phong hướng đạo [6], Phụ hỏi:

– Đường từ đây tới Cần Trạm [7] thế nào?

Khoan nói:

---

1. Nguyên chú: "Dụ địch đây".

2. Nguyên chú: "Lại dụ địch".

3. Nguyên chú: "Nhổ được một cửa quan rồi".

4. Nguyên chú: Thế cũng là bỏ chạy rồi, dù chỉ là năm mươi bước". Lấy ý từ sách *Mạnh Tử, Lương Huệ Vương thượng*.

5. Nguyên chú: "Địch thì tăng thêm khí thế, còn ta thì mất cả tinh thần, sao dám ra trận!".

6. Nguyên chú: "Thống lĩnh Đại tướng mà lại quyền chức Hướng đạo tiền quân sao?".

7. *Cần Trạm:* nay là Kép, Bắc Giang.

– Rất hiểm trở! Xe không thể đi sóng đôi, kỵ binh không thể đi thành hàng [1].

Phụ lại hỏi:

– Tướng giỏi nhất bên Nam là ai?

Đáp:

– Phó nguyên soái Đinh Mỹ. Ông ta có tài cưỡi ngựa, bắn cung, tinh thông thao lược. Ông ấy đã đem quân chốt hiểm, thì đố ai thắng nổi.

Phụ nói:

– Ông về tìm cách dụ ông ấy đầu hàng. Công việc mà thành, mỗ sẽ tâu triều đình phong tước cao cho ông.

Khoan nhận lời ra đi.

Bấy giờ Đinh Mỹ đang giữ Cần Trạm, được tin hai cửa quan thất thủ, Phạm Khoan đầu hàng, liền nhóm họp các tướng bàn rằng:

– Giặc đang thừa thế đánh xa, không thể tranh thắng với chúng. Chi bằng bắt chước kế sách của Thượng hoàng trước đây là hay hơn cả [2].

Các tướng đều nghe lệnh. Bèn sai Hiệu úy Lý Thông dẫn 2.000 quân mai phục ở bên trái [3], Chỉ huy Bùi Uẩn dẫn 2.000 quân mai phục ở bên phải [4], hễ nghe súng nổ thì xông ra diệt giặc. Hai người nhận lệnh ra đi. Tiếp đó, sai Đốc binh Phùng Ý mai phục ở ven cầu, chờ giặc sang được một nửa thì tung quân ra đánh, đồng thời dứt cầu để cắt hậu quân của địch [5]. Lại bảo Nguyễn Phác, Trịnh Phương đem quân đóng ở bên tả hữu Cần Trạm để đề phòng giặc Bắc tới cướp trại [6].

Đinh Mỹ vừa bố trí xong thì thấy Khoan hộc tốc tới ngoài thành kêu rằng:

– Xin Nguyên soái cho gặp một chút!

Quân sĩ vào tâu báo. Đinh Mỹ xách cung tên lên ngựa ra ngoài

---

1. Nguyên văn: *"Xa bất đắc phương quỹ, kỵ bất đắc thành hàng* = Xe không thể đi sóng đôi, kỵ binh không thể đi thành hàng". Trong *Sử ký, Tô Tần truyện* cũng có một câu tương tự, duy chữ "thành" được viết là "tị", có nghĩa là ngang hàng nhau. Đây dịch theo câu ở sách *Sử ký*. Cuối câu này, có chú thích: "Giống như Tỉnh Hình Khẩu". "Tỉnh Hình Khẩu" là tên một cái kẽm cực kỳ hiểm trở trên núi Tỉnh Hình, nằm giữa hai tỉnh Hà Bắc và Sơn Tây của Trung Quốc.

2. Nguyên chú: "Xem lại đoạn trên".

3. Nguyên chú: "Một viên tướng đi mai phục".

4. Nguyên chú: "Viên tướng thứ hai đi mai phục".

5. Nguyên chú: "Viên tướng thứ ba đi mai phục".

6. Nguyên chú: "Viên tướng thứ tư và thứ năm đi mai phục".

thành. Phạm Khoan nói:

– Nay thiên binh tới đây là để đánh kẻ có tội, cứu giúp dân lành. Mỗ đã đầu hàng rồi, được ban cho chức tước [1]. Mong minh công cũng sớm đầu hàng để bảo toàn tính mệnh.

Mỹ mắng rằng:

– Ngươi đang hưởng lộc triều đình; đã không có mưu sâu [2], không thể giữ vẹn tiết tháo để thờ vua thì chớ, lại còn cam tâm đầu hàng giặc. Ngươi hãy cút mau đi, từ nay nói năng phải cẩn thận. Bằng không, sẽ làm bẩn mũi tên này của ta! [3]

Nói xong, giương cung chực bắn. Khoan xấu hổ quay về.

Đến doanh trại quân Bắc, Khoan kể lại sự tình cho Trương Phụ nghe. Phụ bảo thổ quan mang bản đồ ra cho xem, rồi sai Hoàng Trung, Lã Nghị đem quân thẳng tới hai bên cầu Lạc Bình [4] để lùng bắt quân mai phục, sau đó tới chợ Xương Giang làm cầu phao đưa đại quân qua sông. Sai Chu Quảng, Vương Thứ theo Hướng đạo [5] thẳng tới hai bên Cần Trạm để đánh lui quân ứng cứu [6], rồi chia lực lượng đi cướp trại. Lại gọi Hậu bộ Giang Hạo, Chu Minh đến dặn rằng:

– Các ngươi đến bên cầu, cứ đi chậm rãi thôi, để hộ vệ ba quân. Hễ nghe có tiếng giặc thì từ từ cho quân ra đánh. Chớ để cầu bị đứt [7].

Các tướng theo lệnh ra đi. Bèn truyền hịch kể tội Quý Ly gồm 20 khoản [8], dụ bảo cho các nơi biết ý định lập người họ Trần. Đại quân sau đó tiếp tục tiến, vừa đi vừa nghe ngóng.

Khi tới cầu Lạc Bình, thấy Đinh Mỹ đã dàn sẵn thế trận. Phụ ra lệnh cho quân đội xông lên đánh. Tiếng kêu thét vang trời, tiếng hò la dậy đất. Đinh Mỹ phát pháo hiệu, nhưng không thấy ai hưởng ứng cả. Nguyên trước đó, Hoàng Trung và Lã Nghị đi gấp đường đột ngột tới, yên lặng chờ đợi. Thấy bên quân Nam súng nổ, Lý Thông tung lực lượng ra, Hoàng Trung liền thẳng tới đâm chết Lý Thông [9], quân Nam rã chạy, cánh bên phải, Bùi Uẩn vừa dẫn quân ra, đã bị Lã

1. Nguyên chú: "Cho làm chức Hướng đạo".
2. Nguyên chú: "Đinh tướng quân có thể nói là đọc khá kỹ sách *Xuân Thu*".
3. Nguyên chú: "Chửi nghe thật sướng".
4. Nguyên chú: "Nơi hai tướng đã qua trước đây".
5. Chức này do Phạm Khoan đảm trách.
6. Nguyên chú: "Hai viên tướng này sẽ đánh với Nguyễn Phát và Trịnh Phương".
7. Nguyên chú: "Sợ giẫm lại vết xe đã đổ lần trước".
8. Nguyên chú: "Chưa rõ 20 tội này là gì, đây miễn chép".
9. Nguyên chú: "Mất một tướng rồi".

Nghị vung đao chém rơi đầu [1], quân Nam bị giết sạch. Phùng Ý ở phía sau muốn ra cắt cầu, cũng bị Giang Hạo và Chu Minh đánh lui. Đinh Mỹ thấy không có quân tiếp cứu, bèn quay lưng chạy.

Về tới Cần Trạm, Mỹ thấy trên thành toàn binh mã quân Bắc. Trước đó, Chu Quảng và Vương Thứ được lệnh đem quân tới Cần Trạm. Thấy Nguyễn Phác và Trịnh Phương đang mai phục ở đấy, Chu Quảng chia quân xông vào đâm chém. Trịnh và Nguyễn chống đỡ không nổi, tìm đường tháo chạy. Chu Quảng cướp được thành. Thấy Đinh Mỹ chạy về, Chu Quảng bảo:

– Ta đã lấy thành rồi, sao ngươi không xuống ngựa chịu trói?

Nói xong, xua quân xông ra. Trương Phụ từ phía sau cũng ập tới vây chặt Đinh Mỹ. Mỹ tả xông hữu đột vẫn không thoát được, bị quân Bắc bắt sống.

Phụ lấy được Cần Trạm, vào thành an ủi vỗ về trăm họ. Tướng sĩ dẫn Mỹ đến dưới trướng. Phụ nói.

– Nếu đầu hàng, ông sẽ được miễn tội!

Mỹ lớn tiếng chửi:

– Ta là Đại tướng Nam triều, lẽ nào đi hàng lũ chuột bọ chúng bay? Nước Nam chỉ có tướng chém giặc chứ không có tướng hàng giặc!

Phụ cả giận, sai lôi Mỹ ra chém. Mỹ luôn mồm chửi giặc cho đến khi chết. Người đương thời có thơ điếu rằng:

Trượng phu ngạo nghễ chí cần vương,
Thà chết lòng son chẳng chịu hàng.
Trung hiếu để đời vững nhật nguyệt,
Nghìn thu sử sách mãi lưu hương.

Chém xong Đinh Mỹ, Phụ sai Chu Quảng và Vương Thứ do thám đến tận sông Phú Lương. Sau đó, Phụ từ Cần Trạm rẽ sang phía Tây, đến huyện Tân Phúc. Lại sai Chu Vinh bắt liên lạc với Mộc Thạnh.

Thật là:

Nhổ cờ chém tướng vừa toàn thắng,
Chiếm đất công thành rắp hội quân.

Chưa biết việc liên lạc kết quả thế nào, hãy nghe hồi sau phân giải.

---

1. Nguyên chú: "Mất thêm một tướng nữa!".

HỒI THỨ CHÍN

Ải Hoa Manh, Mộc Thạnh thắng địch,
Chợ Xương Giang, Trương Phụ dời dinh.

Lại nói quân Mộc Thạnh xuất phát từ phủ Lâm An thuộc Vân Nam, qua huyện Mông Tự, đến châu Dã Mân, chặt cây mở lối, rầm rộ tiến tới ải Hoa Manh. Bấy giờ người đang giữ ải là Phi hùng đại tướng quân Vũ Tất Khắc dò la biết tin Mộc Thạnh sắp tới, bèn sai Tham tướng Dương Sinh mai phục ở cánh rừng bên trái, Giám quân Lưu Cơ mai phục dưới chân núi bên phải, còn mình thì lùi về mai phục phía sau, ra lệnh mở cửa ải để dụ quân Bắc [1]. Mộc Thạnh thấy cửa ải không khóa [2], sinh nghi ngờ, bèn sai người đến nơi trinh sát. Tin về cho biết trong ải chỉ có mấy cụm nhà dân. Vặn hỏi thì bảo tướng sĩ giữ ải nghe đại quân tới đều bỏ chạy hết [3]. Thạnh nói:

– Người man hay lừa dối, không thể tin cả được. Nhưng quân đã đến đây, làm sao hoàn thành sứ mệnh?

Liền vẫy quân lính tiến vào ải [4]. Mộc Thạnh đi trước, Đô đốc Cao Sĩ Văn theo sau [5]. Đi chưa đầy một dặm, bỗng nghe một tiếng súng nổ, bên trái thì Dương Sinh, bên phải thì Lưu Cơ cùng xông vào đâm chém [6]. Trước mặt thấy Đại tướng Vũ Tất Khắc tay cầm kích phương thiên, mình ngồi ngựa hoa lưu trắng [7], ra lệnh cho hai bên cung nỏ cùng lúc bắn xả vào quân Bắc. Mộc Thạnh lúc này đang bị bao vây [8]. Cao Sĩ Văn cầm đao chống đỡ, bị Dương Sinh bắn tên

---

1. Nguyên chú: "Khi Phụ tới ải Lưu thì cửa ải đóng kín, còn Thạnh tới Hoa Manh thì cửa ải lại mở, trước sau hoàn toàn trái ngược nhau".

2. Nguyên chú: "Thiên hạ thái bình, cửa ngoài không đóng".

3. Nguyên chú: "Đấy cũng là kế".

4. Nguyên chú: "Chớ vào! Chớ vào! Trúng kế đấy!"

5. Nguyên chú: "Mời tướng quân vào hầm vậy!".

6. Nguyên chú: "Ải Lưu thì Trương Phụ đặt phục binh, ải Hoa Manh thì Tất Khắc đặt phục binh. Một qua một lại đáp lễ thật tương xứng".

7. Nguyên chú: "Hồi trên miêu tả thanh thế Kim Duy Hiếu, hồi này miêu tả thanh thế Vũ Tất Khắc, trước sau ứng đối nhau".

8. Nguyên chú: "Khốn tại Cai tâm", nhắc chuyện Hạng Vũ bị vây ở Cai Hạ thời trước.

trúng tim, ngã lăn xuống ngựa [1]. Quân Nam thừa thắng đánh cho quân Bắc thất điên bát đảo, thây chất đầy đồng. Dương và Lưu giết giặc đang hăng thì Hậu đạo tướng Bắc là bọn Trần Húc, Trần Duệ dẫn quân trù bị tới. Sinh và Cơ bị đẩy lùi. Húc và Duệ phá trùng vây lăn vào cứu Mộc Thạnh [2], sau đó gộp quân đánh lớn [3]. Mộc Thạnh tiến vào lấy Hoa Manh. Tất Khắc thu thập tàn quân vượt qua sông Thao. Mộc Thạnh đốt hết nhà dân bên trong quan ải [4] rồi xua quân đuổi theo Tất Khắc. Thấy sông lớn chắn lối, không có đò qua [5], Thạnh bèn đóng quân lại ở bờ Bắc sông Thao rồi ra lệnh đóng thuyền, chờ ngày sang Bạch Hạc gặp Phụ.

Bấy giờ Trương Phụ ở huyện Tân Phúc theo tin tình báo [6] được biết nhà Hồ có Đông Đô và Tây Đô đều rất hiểm yếu và kiên cố. Các sông Tuyên, Thao, Đà, Lương sóng nước dữ dằn, dọc bờ Nam của các sông đều dựng rào làm phòng tuyến kéo dài 900 dặm, nhà Hồ bắt dân các quận ven sông canh giữ, nghe nói tới 200 vạn người. Lại đóng cọc dọc bờ Nam sông Phú Lương, vét sạch tàu thuyền trong nước đem về để ở bên trong bãi cọc. Các nơi sông biển đều tháo cho nước chảy xiết. Thường dàn tượng trận phía trong rào. Thuyền ghé vào bờ không tài nào lên được. Chỉ có thành Đa Bang là bằng phẳng, khả dĩ trú quân. Lại đắp những ngôi thành cao, chân thành đào nhiều mương rãnh dưới có cắm chông tre. Ngoài rãnh là hào sâu vô cùng hiểm ác. Trước tình hình như vậy, Phụ quyết định dời doanh trại tới chợ Xương Giang thuộc châu Tam Đới, ngày đêm đóng thuyền, chuẩn bị tiến quân. Chợt có tin phi báo Thái thú Gia Lâm là Trịnh Hiền cử binh đánh rất gấp, Phụ liền sai Chu Vinh đem quân chống cự.

Lại nói Trịnh Hiền thấy mấy cửa ải đều mất sạch, vội vàng chỉnh đốn binh mã tính chuyện giành lại. Gặp lúc tướng Bắc là Hậu quân hiệu úy Ngụy Vân Đồng thừa thắng cướp bóc nhân dân [7] đến

---

1. Nguyên chú: "Có thể đáp lại cái lễ mà Duy Hiếu đã nhận ở ải Lưu".

2. Nguyên chú: "Tướng thua, lại thắng".

3. Nguyên chú: "Đã thắng mà rồi lại thua, sao còn đặt tên là Tất Khắc?" Ở đây có chơi chữ: "Tất Khắc" vừa nghĩa là tất thắng, lại vừa trùng với tên của Đại tướng Vũ Tất Khắc bên quân Nam vừa bị thua trận.

4. Nguyên chú: "Lệnh của Thành Tổ trở nên rỗng tuếch!".

5. Nguyên chú: "Tất Khắc đã lấy sạch tiền để sang sông rồi".

6. Nguyên văn: "Mưu đắc", chữ *mưu* 謀 có lẽ do chữ *điệp* 諜 là tình báo khắc nhầm.

7. Nguyên chú: "Lệnh của Thành Tổ hóa thành rỗng tuếch".

tận ven Gia Lâm, Trịnh Hiền bèn dẫn quân ra đánh. Sau khi giết được Vân Đồng ngay tại đầu sông, Hiền nhân đà truy kích hậu quân của Trương Phụ. Tới Giang Bắc thì vừa gặp Chu Vinh. Hai bên không thèm lên tiếng, cứ vẫy quân xáp trận, tiếng hò hét dậy vang. Đánh nhau chưa được bao lâu, hậu quân của Trịnh Hiền bỗng chạy tản cả ra. Hiền quay ngựa lại quát tháo thế nào cũng không được. Nguyên trước đó, Chu Vinh đã sai người đi vòng ra sau lưng Trịnh Hiền, từ hai mặt giáp công. Lúc Hiền quay lại, bị Chu Vinh xông tới đâm một nhát rơi xuống ngựa. Quân Nam thua to. Chu Vinh dẫn quân trở lại Xương Giang.

Lúc bấy giờ Mộc Thạnh đã đưa quân qua sông tập kết. Hoàng Phúc cũng vừa tới nơi. Phụ dắt hai người vào trong trướng bàn rằng:

– Nay giặc cậy địa thế hiểm yếu không chịu ra giao chiến, muốn làm cho quân ta nản lòng, vậy các ông nghĩ nên như thế nào?

Thượng thư Lưu Tuấn đáp:

– Binh pháp nói lấy một chọi trăm, không gì hơn địa thế hiểm yếu. Ta muốn đánh, cũng có cái khó của nó. Chi bằng dùng kế ly gián, khiến chúng nội bộ choảng nhau, ta sẽ thừa cơ mà hành động, ấy mới là cách tính toán hay.

Phụ hỏi:

– Làm sao để ly gián được chúng?

Hoàng Phúc nói:

– Hồi mỗ qua cửa quan, đêm xem thiên văn, thấy có cát tinh tụ ở vùng Tây Bắc, lại có sao Thái bạch chiếu qua tinh phận sao Ngưu Lang – Chức Nữ. Theo đó mà đoán, nước Nam ắt có người tài giỏi dấy binh dẹp kẻ phản nghịch, chưa rõ đấy là ai thôi. Vậy ta nên sai người bí mật đi tìm, kết làm tâm phúc, sau đó dùng kế ly gián, may chi có thể thành công.

Nói chưa dứt lời, viên gác cổng đã vào báo có người tự xưng là sứ giả của họ Lê mang thư đến xin theo.

Thật là:

Đang sợ giặc gian lười xuất trận,
Vừa may tướng giỏi tới tòng chinh.

Chưa biết việc sứ tới như thế nào, hãy xem hồi sau sẽ rõ.

HỒI THỨ MƯỜI

Anh em Lê Lợi dấy binh dẹp giặc,
Tướng tá nhà Minh sai sứ cầu hiền.

Lại nói Lê Lợi, Lê Thiện sau khi khước từ lời vời của họ Hồ, ngày ngày đọc *Thi, Thư,* đêm đêm xem thao lược, hiền sĩ bốn phương nghe tiếng theo về. Một hôm có công văn của Huyện lệnh gửi tới cho biết thừa dư [1] sắp đến. Lê Lợi nói:

– Họ cố tình bắt ép ta sao?

Thiện nói:

– Bắt ép mà không chịu ra, chắc họ không để mình yên. Chi bằng ta mang cả gia quyến trốn vào rừng rồi sẽ liệu sau.

Lợi nói:

– Rất hợp ý ta!

Liền đưa vợ con vào trốn trong rừng. Người đời sau có thơ vịnh rằng:

Chằm trạch rồng nằm trải mấy thu,
Thẹn đem danh tiết bán cho người.
Ba quân từ thuở giương vây cánh,
Chẳng hiểu còn không nước Trúc Côi [2] ?

Lại nói Quý Ly từ Đông Đô về, theo lời ký thác của Hán Thương, trước hết, sức cho quận huyện gửi công văn thông báo, sau đó dừng xa giá bên ngoài núi, sai sứ đi vời anh em họ Lê. Nhưng khi đến nhà, không thấy ai cả. Hỏi dân địa phương thì thấy nói Lê Lợi đã bỏ nhà đi từ lâu rồi. Sứ giả về tâu lại, Quý Ly bảo:

– Trẫm vốn biết mấy gã nhà quê đó hữu danh vô thực, vậy mà dám làm cho trẫm phải xa giá thân hành đến tận nơi [3], tội đáng diệt tộc!

---

1. Chỉ vua.

2. Nguyên văn cả câu thơ: "Bất giác Nam thành hữu vấn vô". Chữ "vấn", theo *Khang Hy tự điển,* còn có một nghĩa chỉ "Vấn Thành" (còn đọc là Văn Thành) tức nước Cô Trúc đời nhà Thương, nơi sinh ra hai nhà ẩn sĩ nổi tiếng Bá Di, Thúc Tề vì không chịu thần phục nhà Chu mà vào núi Thú Dương ở cho đến hết đời.

3. Nguyên chú: "Ai khiến phải thân hành đến tận nơi?".

Liền xuống chiếu sai quận huyện bắt anh em họ Lê giải lên, rồi Quý Ly về Tây Đô, miễn nhắc tới.

Bấy giờ Lê Lợi trốn vào rừng được vài tháng. Thiện sai người dò la biết tin quân Bắc, liền họp anh em lại cùng bàn. Thiện nói:

– Nay triều Minh mang đại quân sang hỏi tội họ Hồ, các quan ải họ đều đã nhổ sạch, chỉ còn thành Đa Bang do tướng nhà Hồ dựa vào địa thế hiểm trở mà giữ, muốn đánh cũng không được, nên họ phải dừng quân ở Lâm Thao – Tam Đới. Ta có thể nhân lúc này dấy binh cùng họ tiêu diệt giặc Hồ, lập lại con cháu nhà Trần, vỗ trị một phương, cứu trăm họ khỏi cảnh khổ ải. Bằng không, bên ngoài thì quân Bắc cướp bóc, bên trong thì tướng Hồ sách nhiễu, lê dân như thịt cá trên thớt. Chưa kể Quý Ly đang truy tìm ta rất gấp. Ta mà không toan tính trước, khác nào một mình ngồi giữa núi rừng sâu, thả hổ ra để tự vệ!

Lợi nói:

– Tập hợp binh mã là chuyện dễ, nhưng liên lạc được với tướng Minh là rất khó, làm sao giải quyết đây?

Thiện nói:

– Xin tôn huynh đừng lo, tiểu đệ đã có cách![1]

Lợi nghe theo, bèn treo bảng chiêu binh.

Hồi này thiên hạ đang chán ghét sự tàn bạo của họ Hồ, nên chưa đầy ba ngày, đã có 8.000 người tới đầu quân. Người giàu góp của, người khỏe giúp sức. Các tướng lĩnh suy tôn Lê Lợi làm Thượng tướng, Lê Thiện làm Quân sư. Những người còn lại đều phong chức tước. Xong đâu đấy, chia quân thành hai đạo, một đạo do Lê Lợi điều khiển, một đạo do Lê Thiện chỉ huy. Thiện sai một viên tướng lấy 500 quân hộ vệ gia đình già trẻ sang tạm trú bên Lão Qua. Lại nói với Lê Lợi rằng:

– Tôn huynh mang quân ra vùng Mỹ Lương – Hoành Lâm, nơi này vừa hiểm trở vừa kiên cố, có thể đồn trú được. Còn tiểu đệ sẽ tìm đường ra đóng ở núi Tản Viên, nếu có tin tức gì, dễ dàng thông báo.

Lợi nói:

– Hay đấy!

1. Nguyên chú: "Không biết cách gì?".

Hai đạo quân cùng lúc lên đường.

Tới núi TảnViên, Lê Thiện quan sát địa hình rồi cho quân hạ trại. Đoạn tự thảo một bức thư, mật sai người mang tới Tam Đới trao cho Trương Phụ. Sứ giả đến Tam Đới đứng chờ ngoài cửa quân. Viên gác cổng vào tâu báo.

Trương Phụ cho gọi sứ giả vào. Sứ giả đệ trình thư, Trương Phụ mở ra xem đi xem lại, hết hoài nghi đến kinh ngạc. Hoàng Phúc nói:

– Đúng là người cần tìm đây rồi, trời giúp ta đó!

Phụ còn chưa tin. Bèn gọi thổ quan vào hỏi:

– Lê Thiện ở nước ngươi, ông ta người như thế nào? Với Hán Thương có ân huệ gì không?

Viên thổ quan đáp:

– Ông ấy học vấn uyên thâm, vừa có tài vừa có trí, cha con cùng nổi tiếng ở đời. Họ Hồ nhiều lần cho người đến vời ra giúp mà không được, nói chi tước lộc? Nguyên ông ấy lấy vợ ở châu này, tức con gái quan cựu Thái giám nhà Trần Lý Tự Thành, nên thường tới lui quen thuộc, mỗ rất biết ông ta. Tướng quân nếu không tin, xin cứ gọi ông cựu quan nhà Trần tới hỏi thì sẽ rõ đầu đuôi mọi việc.

Trương Phụ nghe nói liền sai sứ giả mang rượu thịt, vàng bạc, cùng cỗ xe bốn ngựa tới Lũng Ngoại mời viên cựu quan nhà Trần. Lý Tự Thành theo lời vời, đi ngay [1]. Phụ dẫn hết tướng tá lớn nhỏ ra tận ngoài đường nghênh đón. Vào tới doanh trại, sau vài câu hỏi han thường lệ giữa chủ và khách, Phụ sai bày tiệc chiêu đãi. Phụ nói:

– Bộc theo lệnh vua sang đây để dẹp lũ loạn thần. Hiện bọn giặc đang dựa vào sông để cố thủ, thế rất khó đánh. Đại quân đành phải dừng lại. Nghe có đại nhân ở đây nên mới tới thưa chuyện. Đại nhân không quản đường xa, thân hành tới nơi, bộc lấy làm toại nguyện. Thế là rất tốt! Rất tốt! [2]

Thái giám nói:

– Lão phu khí chất yếu ớt, tài trí nông cạn, lại được quan đại thần cho quân hạ cố, triệu lão phu tới bái yết, cũng là chút an ủi đối

1. Nguyên chú: "Họ Hồ vời họ Lê, họ Lê không đến. Họ Trương vời họ Lý, họ Lý lại tới ngay. Một đằng thì nguyền rủa sự tàn bạo của ngụy chúa, một đằng thì cảm kích cái đức của vua xưa. Hai thái độ hoàn toàn trái ngược".

2. Nguyên chú: "Làm bộ từ bi, giảo hoạt thật!".

với lão lúc bình sinh. May thật! May thật! [1]

Phụ nói:

– Bộc nghe đại nhân có người rể yêu quý tài năng tuyệt vời, thông minh sắc sảo, lòng vững vàng như tùng bách, chí kiên định như sắt đá, thật khéo kén rể! [2]

Thái giám ngạc nhiên nói:

– Sao ngài biết? [3]

Phụ nói:

– Lan sinh ở khe sâu không có ý khoe thơm mà hương thơm ngào ngạt; trăng mọc nơi biển thẳm không cố tình phô sắc mà ánh sáng lung linh. Cần gì phải ngắm mình trước gương, đứng đầu ngọn gió rồi mới biết? [4]

Thái giám thấy lời lẽ bức cận bèn thoái thác rằng:

– Thằng con rể của lão chỉ có cái danh hão thôi. Ngày thường tự hợm tài năng, hẹn ước kinh bang tế thế, nhưng khi cần hiến thân cho nước, phò chúa giúp dân, lão chỉ e hắn gặp thời thì như rồng bay lên mây, lỡ thời thì như cá chìm đáy nước. Cái kiểu chưa nóng nước đã đỏ gọng ấy [5] thì sao mà trông cậy được?

Trương Phụ biết Thái giám vì còn ngờ vực nên mới trả lời quanh co như vậy [6], bèn sai trao bức thư Thiện gửi tới cho Thái giám xem. Phụ nói khích:

– Nhà Trần mất ngôi, giặc Hồ chuyên quyền làm đủ điều càn rỡ, dân chúng lầm than, tuy là nước láng giềng còn phải ra quân hỏi tội, huống chi bậc cựu thần như đại nhân chẳng lẽ lại không nuôi chí báo thù sao? Nay bộc mang đại quân vào cõi để bắt kẻ hung tàn, lập con cháu họ Trần nhằm ổn định nước Nam. Đại nhân chịu ơn dày của triều trước, lẽ nào cứ ngồi yên nhìn đất nước trầm luân?

Thái giám thấy lời lẽ xúc động [7], bèn hăng hái nói:

---

1. Nguyên chú: "Trong thực thà, có cái tinh quái".

2. Nguyên chú: "Nịnh hay thật. Khéo là ở chỗ không nói toạc ý đồ ra!".

3. Nguyên chú: "Biết từ lâu rồi!".

4. Nguyên chú: "Vẫn không nói toạc ra. Tuyệt thật!".

5. Nguyên văn: "Bàng lương đông sát, kim hàn quyết ly", chưa rõ xuất từ điển nào. Đây căn cứ vào mặt chữ, tạm dịch ý như trên, chờ tra cứu thêm.

6. Nguyên chú: "Phụ còn đang nghi ngờ Thiện, thì Thái giám làm sao không nghi ngờ Phụ được?".

7. Nguyên chú: "Kiên nhẫn không được nữa rồi!".

– Cha con Quý Ly, lão hận chưa xé xác chúng ra! Nguyện cho đứa con rể đến giúp tướng quân; may mà được tin dùng, đầu giặc Hồ tất sẽ mang đến dưới trướng, mong tướng quân xem xét.

Nói xong cáo biệt. Phụ cùng đám tướng lĩnh tiễn Lý Tự Thành ra tận cổng. Phụ cầm tay Thái giám nói:

– Đại nhân sớm bảo hiền tế trù tính mọi việc, chớ để ngày tháng trôi xuôi.

Thái giám nhận lời.

Thật là:

Không cho sứ giả đi vời đón,
Sao được người hiền góp chiến công.

Chưa biết sau khi chia tay tình hình thế nào, hãy xem phần sau sẽ rõ.

HỒI THỨ MƯỜI MỘT

Lê Thiện cho người làm nội ứng,
Thái giám sai tớ gửi thư khuyên.

Lại nói Thái giám cáo từ ra về, Trương Phụ tiễn chân ra tận cửa quân. Sau đó Phụ trở vào trong trướng viết thư, sai lại sứ mang về núi Tản Viên gặp Thiện. Thiện hỏi:

– Thái độ người Bắc thế nào?

Sứ giả đáp:

– Khi mỗ mang thư đến, Trương Phụ có vẻ trầm ngâm. Ông ta trước hết hỏi chuyện viên thổ quan, tiếp đó cho đón Trần Thái giám tới, không biết bàn việc gì.

Thiện kinh ngạc hỏi:

– Nhạc phụ ta cũng đến đấy sao?

Sứ giả đáp:

– Đúng thế!

Thiện nói:

– Ta với họ Nam Bắc phong tục không giống nhau, ăn mặc cũng mỗi đằng một khác, sao mà không nghi kỵ nhau được. Có điều Thái giám đã ở đấy, công việc chắc ổn thôi!

Bèn mở thư đọc rồi nói:

– Trương tướng quân biết ý ta! [1]

Thiện liền gọi viên Trung quân tòng sự Phạm Đán đến bảo:

– Ngươi dẫn 30 người thật khỏe nhân cơ hội đến thành Đa Bang giả về theo tướng Hồ để dò la tin tức, bí mật báo về cho ta biết. Đến ngày hẹn, trong ngoài sẽ phối hợp cùng nhau.

Phạm Đán theo lệnh, mang 30 người vào rừng đốn củi gánh sang thành Đa Bang bán, ngày nào cũng vậy. Quân Hồ dần dà quen mặt.

---

1. Nguyên chú: "Chỗ này sách không nói rõ. Có thể là yêu cầu sai người làm nội ứng để lấy thành Đa Bang, nhưng tác giả đã lược bớt?".

Có người tự xin làm cấp dưỡng, có người nhận gánh nước cho quân Hồ. Lúc thì họ trú ngụ ngoài quán, lúc thì họ ngủ lại trong quân, quân Hồ đều không nghi ngờ gì cả.

Bấy giờ có viên Vệ úy họ Cao được lệnh ra doanh trại úy lạo quân sĩ, thấy Phạm Đán bèn hỏi:

– Các anh người vùng nào[1]? Trông vạm vỡ thế kia mà chẳng chịu nuôi chí lập công, lại tự làm khổ mình đến vậy?

Phạm Đán đáp:

– Chúng tôi người vùng Tây Lan – Sơn Vi [2], bị giặc Bắc cướp bóc tài sản, giết hại sinh linh, muốn nổi dậy báo thù, chỉ e thiếu người xướng xuất, đành vượt sông sang bờ Nam, sớm chiều hái củi bán kiếm tiền độ nhật.

Vệ úy nói:

– Ta sẽ thưa chuyện với Nguyên soái lấy các anh vào quân ngũ để giết giặc lập công, các anh có dám không? [3]

Đán nói:

– Chúng tôi thề không đội trời chung với giặc Bắc. Nếu được tướng quân dung nạp, thì khác nào anh em cốt nhục sống chết có nhau.

Vệ úy vào trong trướng báo cáo lại mọi việc. Dân Hiến cho gọi bọn Đán tới viên môn để gặp. Trông người nào cũng khỏe mạnh, lực lưỡng, Hiến thích lắm, bèn hỏi:

– Các anh có biết bắn cung không?

Đán đáp:

– Bọn chúng tôi sống ở núi rừng, làm nghề săn bắn, lẽ nào lại không biết bắn cung?

Hiến nói:

– Vậy bảo Thiện xạ quân đem cung nỏ ra đây để bắn thử ta xem!

Cả 30 người mang cung tên ra trường bắn, lúc lên lúc xuống, hoặc chậm hoặc nhanh [4]. Nhìn vào bia, thấy trăm phát trúng đích cả

---

1. Nguyên chú: "Mỗ là dân do Lê Thiện sai tới làm nội ứng đây?".

2. *Tây Lan – Sơn Vi:* tên hai huyện, nay là vùng Đoan Hùng, Phong Châu, tỉnh Phú Thọ.

3. Nguyên chú: "Sao lại không dám?"

4. Nguyên chú: "Bước xuống mà uống rượu". Chữ sách *Luận ngữ,* nói về quá trình thi bắn cung.

trăm. Dân Hiến nói:

– Ta được các tay thiện xạ này, quân Bắc sẽ tiêu đời! [1]

Ngay ngày hôm đó, Dân Hiến cho bọn Đán làm Thần xạ quân, ban ngày thì lấy làm quân hầu, ban đêm thì cho đi tuần tra [2].

Phạm Đán sau khi được quân Hồ tin dùng, liền bí mật cho người về báo tin. Sai nhân về tới doanh trại ở núi Tản Viên, Thiện hỏi:

– Các anh đến đó làm được những gì rồi?

Sai nhân kể lại đầu đuôi mọi việc. Thiện vui mừng [3] nói:

– Anh trở sang dặn Phạm Đán phải hết sức cẩn thận. Công việc mà bại lộ thì kế hoạch sẽ hỏng hết! [4]. Đến ngày Mậu Ngọ tháng Chạp hãy quay về đây, ta sẽ có chỉ thị mới.

Sai nhân nhận lệnh lui ra.

Chợt thấy tên gia đồng của nhạc phụ bị quân sĩ trói giải về doanh trại, Thiện vội vàng quát quân sĩ lui ra, tự mình cởi trói cho tên gia đồng rồi hỏi:

– Ngươi từ đâu đến, để đến nỗi bị quân ta bắt?

Tên gia đồng nói:

– Lý đại nhân sang doanh trại quân Bắc trở về, nghe tin tướng quân dấy binh dẹp giặc, vừa mừng vừa lo, bèn họp cả họ tộc nói rằng: "Có con rể ta cùng lo công việc, Quý Ly ắt phải thua. Chỉ sợ tướng Minh nhiều kẻ gian tham, chưa chắc chịu lập con cháu nhà Trần. Giả sử họ tự ý chiếm đóng nước ta, thì cái công khuông phò của rể ta hóa thành bánh vẽ!". Lý đại nhân vì vậy viết thư sai mỗ giấu kín trong người [5], giả làm tiều phu vượt sông sang bờ Nam để đưa cho ngài. Bất đồ tới núi Cẩm Đới thì lạc vào rừng, bị vài ba tráng sĩ bắt được định lôi ra chém. Mỗ không biết đây là quân nào nên không dám nói thật, chỉ nài nỉ xin tha, quân sĩ bảo nhau cứ giải về doanh trại để Quân sư quyết định.

Thiện cười hỏi:

---

1. Nguyên chú: "Quân Hồ tiêu đời thì có!".
2. Nguyên chú: "Trúng kế rồi!".
3. Nguyên chú: "Hiến vui mừng được Đán, Thiện cũng vui mừng được Đán". Nguyên bản in sót 3 chữ *"Thiện hỷ viết* =Thiện vui mừng nói". Đây dựa vào bản viết tay mà bổ sung thêm.
4. Nguyên chú: "Mà Đán cũng chết thôi".
5. Nguyên văn: "*Niêm vu nhục nội* = dán vào trong thịt!".

– Thư đâu rồi?

Tên gia đồng lấy từ trong người ra một mẩu giấy đưa cho Thiện.

Thiện lần mở xem. Thư rằng:

Viên cựu Thái giám nhà Trần là Lý Tự Thành gửi thư đến
Lê hiền tế túc hạ:
Mảng nghe:
Tuyên bố lấy đại nghĩa để trừ diệt bạo tàn, đấy là chí hướng của đấng đại phu;
Dùng chí nhân để dẹp yên giặc nước, đấy là lòng của người quân tử.
Huống chi nay thượng quốc ra quân, với lý do điếu dân phạt tội [1]*;*
Tưởng những lúc trong quân bàn việc, lấy danh nghĩa kế tuyệt hưng suy [2]*.*
Tuy nói diệt Mảng [3]*, hưng Lưu* [4]*,*
Chỉ e được Lũng [5]*, ngóng Thục* [6]
Việc khó định liệu,
Biến hóa khôn lường.
May mà:
Tuấn kiệt thức thời, hành động nhìn gương xứ sở [7]
Anh hùng xử thế, công việc lường trước khó khăn.
Duy hiệp sức diệt thù,
Thực nguyện vọng ta đó!
Còn như:
Việc liều thân thờ chúa,
Riêng túc hạ toan lo.
Ôi! Viết sao cho hết!"

Thiện xem xong thư, liền nói:

– Nhạc phụ ta thực là bậc lão luyện [8]. Lo nghĩ gần, xa đều rất chu đáo.

---

1. *Điếu dân, phạt tội:* hỏi thăm nhân dân, đánh kẻ có tội.
2. *Kế tuyệt hưng suy:* làm cho cái bị đứt được nối, cái bị suy được thịnh.
3. *Mảng:* chỉ Vương Mảng, kẻ cướp ngôi nhà Hán.
4. *Lưu:* chỉ nhà Hán.
5. *Lũng:* tên đất, chỉ Cam Túc.
6. *Thục:* tên đất, chỉ Ba Thục.
7. Nguyên văn: "*Ly cảnh* =cõi nóng", chỉ nước Nam ta.
8. Nguyên chú: "Đúng như câu tục ngữ: *Bái nhạc phụ làm cha; cha một nhà tiên chỉ*".

Rồi bảo tên gia đồng rằng:

– Người về thưa lại với đại nhân không phải lo lắng nữa. Việc phục hồi đất nước, mỗ sẽ tự đảm đương.

Gia đồng vừa bước ra [1] thì ngoài cửa lại cho biết có thư của Lê Thượng tướng gửi tới, người đưa thư còn đứng chờ bên ngoài. Thiện nói:

– Cho phép vào để ta hỏi.

Thật là:

Bên vợ, tin hồng, mây chuyển tới,
Phía mình, thư nhạn, gió đưa sang.

Chưa biết nội dung như thế nào, hãy xem hồi sau sẽ rõ.

---

1. Nguyên chú: "Chẳng biết được phép cấp lộ phí không?".

HỒI THỨ MƯỜI HAI

Lê Tướng quân tìm em định kế,
Phạm Tòng sự về trại hỏi mưu.

Lại nói Tướng quân Lê Lợi sau khi đem quân ra Mỹ Lương [1], đã thiết lập đồn trại, chiêu hiền đãi sĩ. Phàm nhân tài trong thiên hạ do Quý Ly vô đạo mà phải lánh vào rừng núi để ở, nay nghe Lê Lợi khởi binh, đều rủ nhau theo về rất đông. Lợi xây dựng đội ngũ, ngày luyện võ nghệ, tối dạy binh thư. Bấy giờ con cháu nhà Trần là Giản Định, Quý Khoáng cũng đến gặp mặt [2]. Lê Lợi mừng rỡ có ý tôn lập họ Trần. Bèn họp mọi người lại bàn rằng:

– Nay giặc Hồ ngông cuồng, quân Bắc phóng túng, ta đóng quân tại đây xa gần lắm người theo. Các ông bảo nên như thế nào là tiện hơn cả?

Phạm Liễu nói:

– Bàn về thế, họ Hồ đang dựa vào địa hình hiểm yếu, không ra giao chiến, chờ cho quân Bắc mệt mỏi rồi mới tấn công, tướng Minh ất phải thua. Thần cho rằng ta nên cùng với Hồ đánh Minh là tiện hơn cả [3].

Phan Liêu nói:

– Nhìn về công việc, triều Minh sai tướng đánh kẻ có tội, thăm hỏi nhân dân, cứu giúp người yếu, nâng đỡ kẻ suy, thật là phải đạo. Thần cho rằng ta nên cùng với Minh đánh Hồ là tiện hơn cả [4].

Lợi thấy ý kiến các bên không thống nhất, bèn ra lệnh các tướng giữ chặt đồn lũy, rồi tự tay thảo thư thông báo tình hình cho Quân sư ở đồn Tản Viên biết và hẹn sắp tới sẽ đích thân đến nơi cùng định kế.

Lê Thiện thấy thư, liền ra lệnh trong quân sửa soạn thết tiệc, rồi

---

1. *Mỹ Lương:* tên huyện, nay là một phần huyện Chương Mỹ và huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tây.

2. Nguyên chú: "Từ đây dẫn tới cuộc Trung hưng về sau".

3. Nguyên chú: "Cũng có ý kiến thắc mắc không biết tiện ở chỗ nào".

4. Nguyên chú: "Trên nói về thế, đây nói về công việc, cũng là một kế sách. Duy chưa rõ đằng nào tiện nhất".

dẫn tướng lĩnh ra đường để đón. Lê Lợi cùng vài ba người lính đi ngựa tới. Thiện cúi chào rồi đưa về doanh trại. Khi mọi người đã ngồi đâu vào đấy, Thiện ra lệnh bày rượu. Lợi nói:

– Mỗ từ dạo chia tay bốn hiền đệ để ra Mỹ Lương, thổ hào các quận huyện sở tại đến gặp đông lắm. Có người khuyên nên cùng với Hồ đánh Minh, có người khuyên nên cùng với Minh đánh Hồ, ý kiến nhiều lắm và rất phân tán. Vì thế mỗ đến đây nhờ hiền đệ quyết định cho.

Thiện nói:

– Ý tôn huynh thế nào?

Lợi nói:

– Mỗ nghĩ trước hết nên diệt giặc Hồ, sau đó đánh tan quân Bắc, rồi thừa thắng ruổi dài sang Trung Nguyên bắt vua tôi cha con nhà Minh mang về Nam [1], tôn lập Hoàng Trần, thống nhất thiên hạ, truyền hịch chư hầu, lập vua dựng nước, ban tước cấp đất, hưởng lộc quân điền, trọng dụng trung lương, làm cho quan lại có chức có quyền, nhân dân an cư lạc nghiệp, tung hoành một phen như vậy mới thực là sướng! [2].

Thiện lắc đầu nói:

– Chí của tôn huynh lớn thật, nhưng không khỏi có chỗ khiếm khuyết. Phàm muốn đánh người ta, phải làm cho người ta đến chỗ mình, chứ không phải mình đến chỗ người ta để mà đánh. Huống hồ ta quân mỏng, tướng ít, nước nhỏ, dân nghèo. Mang vài nghìn quân ô hợp để chống lại trăm vạn hùng binh, giống như đem trứng chim chọi với núi Thái. Người xưa có nói: "Non sông nước Nam vua Nam ở; Rành rành phân định tại sách trời", không hẳn là câu nói suông. Chi bằng ta hợp sức cùng quân Minh để tóm bọn loạn thần, khiến non sông nước Nam trở về với chủ cũ, sau đó anh em ta sẽ lui về chốn ruộng đồng an cư lạc nghiệp. Giả dụ nhà Minh có ý dòm ngó, cũng phải tính đến danh nghĩa chứ [3].

Lợi trầm ngâm hồi lâu rồi bảo:

---

1. Nguyên chú: "Bốc quá thể!".

2. Nguyên chú: "Trước hết là có chí, sau nữa là có hoài bão. Lời lẽ tuy bốc thật, nhưng không làm mất tính cách đế vương".

3. Nguyên chú: "Rõ ràng là muốn lập họ Trần rồi quay về với đồng ruộng. Chỉ lo không được như vậy đến nỗi để lắm chuyện xảy ra thôi".

– Hiền đệ nói đúng. Nhưng đã liên hệ bàn bạc gì với tướng bên Bắc chưa?

Thiện đáp:

– Không cần quá bận tâm. Tôn huynh cứ trở về chỉnh đốn binh mã, chờ một ngày nào đó, khi cháu nhỏ [1] mang ấn phù tới, tôn huynh đến ngay Đông Đô mà lấy thành.

Lợi hỏi:

– Làm thế nào lấy được ấn phù?

Thiện ghé vào tai Lợi nói nhỏ như thế... như thế... [2]. Lợi hiểu ý, từ biệt ra về. Thiện gọi Hà Lôi đến dặn rằng:

– Ngươi bí mật sang trại quân Bắc la tin tức rồi về báo cho ta biết!

Hà Lôi theo lệnh ra đi.

Lại nói Trương Phụ được Lê Thiện gửi thư xin quy phụ, mừng rỡ cho là trời giúp, bèn truyền lệnh cho ba quân rằng:

– Lê Quân sư viết thư [3] bày kế cho ta: "Lấp hào thì dùng bao cói đựng cỏ khô; leo thành thì dùng thang mây; qua sông thì kết bè nổi. Thấy bắn pháo thăng thiên thì vượt sông mà tới; nghe tiếng còi đồng thì trèo thành mà lên. Hễ thấy người nào áo khâu chữ "nghĩa", cổ buộc bẹ chuối, thì đấy là quân bên ta, cẩn thận chớ giết bừa". Ba quân theo kế trên mà làm!

Quân sĩ được lệnh, chia nhau đi chuẩn bị các thứ. Phụ lại sai người đến hẹn với Mộc Thạnh cho bọn Trần Húc dàn quân từ Lâm Thao đến Bạch Hạc; bọn Lý Bân hạ trại từ Gia Lâm đến Tam Đới. Đồn trại mạch lạc, trận pháp tề chỉnh, khí giới tinh nghiêm, chiến cụ hoàn bị.

Hà Lôi sau khi dò biết tình hình hư thực, liền lẻn về. Đến giữa rừng, gặp Phạm Đán đang săn bắn trong núi, Lôi hỏi:

– Có phải Phạm Tòng sự đấy không?

Đán ngoảnh lại nhìn, vội vàng chạy tới hỏi:

– Ông đi đâu thế?

Lôi đáp:

---

1. Chỉ Lê Khâm, con trai của Lê Thiện, như sẽ thấy bên dưới.
2. Nguyên chú: "Chẳng biết làm sao để được ấn phù, người ta đoán mãi không ra".
3. Nguyên chú: "Thư gửi, nói ở hồi thứ mười, đến đây mới tiết lộ nội dung".

– Mỗ vâng lệnh Quân sư sang dò la tin tức quân Bắc, nay trở về bị lạc vào đây, xin hỏi ông cách làm sao để ra!

Đán nói:

– Tụi chúng [1] sai tôi đi tìm thức ăn, may được một vật hay lắm [2], ông và tôi cùng về dâng cho Quân sư!

Lôi nói:

– Đúng đấy!

Hai người về tới đại đồn, liền vào doanh trại bái yết. Lôi đem tình hình quân Bắc kể lại một lượt. Phạm Đán nói:

– Dân Hiến sai mỗ vào núi kiếm thức nhắm. Chợt thấy ở rìa núi có đôi chồn đen ôm nhau kêu, mỗ bắn một phát trúng cả hai, xin mang tới dâng nộp.

Thiện cười nói:

– *Chồn* tức là Hồ, *đen* tức là *Thương*. Hán Thương sắp đi đời rồi sao? Ngươi vào chuồng sau nhà bắt thêm vài con nai đem nộp cho Dân Hiến cùng với đôi chồn này. Hắn mừng được đồ nhắm ngon, tất sẽ tổ chức chè chén. Ngươi xin Hiến cho mở tiệc lớn để quân sĩ được bữa no say. Khoảng canh ba, anh em phía ta đều đính chữ "nghĩa" bên vạt áo trước, cắt bẹ chuối buộc vào cổ, ra ngoài bắn pháo thăng thiên, rồi lên mặt thành ứng chực. Khi thấy quân Bắc sang được bên đây sông rồi thì thổi một hồi còi đồng, dẫn quân Bắc vào thành [3], sau đó xông vào trong trướng cướp binh phù cùng tướng ấn chạy ra Phong Châu giao cho con trai ta theo kế hoạch đã định. Cẩn thận kẻo nhỡ việc.

Phạm Đán nhận lệnh trở về Đa Bang.

Thật là:

Ngoài dùng kế nhỏ trao tướng Bắc,
Trong lập mưu kỳ phá quân Hồ.

Chưa biết việc dâng nộp đồ nhắm như thế nào, hãy nghe hồi sau phân giải.

---

1. Chỉ quân Hồ.

2. Nguyên chú: "Không biết vật gì mà hay vậy!".

3. Nguyên chú: "Chỗ này ứng hợp với điều giao hẹn cùng tướng Bắc trong bức thư trước".

HỒI THỨ MƯỜI BA

Bày trận pháp, Thiện lập năm đồn,
Luận binh thư, Đán dìm hai tướng.

Lại nói Lê Thiện sau khi cắt cử Phạm Đán đi rồi, bèn lên trướng tính số Thái ất [1], thấy "ba cửa đủ, năm tướng phát", bèn bảo các tướng đúng canh năm phải có mặt đầy đủ tại viên môn để nghe mệnh lệnh. Đến giờ hẹn, các tướng đều tới nơi. Thiện sai người vào trong trướng lấy ra một chiếc tráp mở xem, thấy toàn hình vẽ sư tử và hổ [2]. Thiện trước tiên gọi con trai là Lê Khâm tới bảo:

– Ta đối với con, bên trong là tình phụ tử, bên ngoài là quan hệ giữa tướng với quân, luật pháp không cho phép thiên vị, con nên nhớ điều đó [3]. Ta cho con 500 tinh binh, 2 viên chiến tướng, ra đóng ở Viễn Sơn, hễ thấy thành Đa Bang nổi hiệu lửa, lập tức lấy hình sư tử và hổ phủ lên ngựa, tiến thẳng tới Phong Châu, xông vào tượng trận của giặc [4]. Hãy cố mà đánh, để được toàn thắng. Sau đó gặp Phạm Đán nhận phù ấn, rồi tiến quân vào phía Nam, tới huyện Đan Phượng hiệp sức cùng bá phụ [5] để đánh Đông Đô. Ai trái lệnh, sẽ bị xử trảm [6].

Thiện lại gọi Tiền quân Sùng Quang tới dặn rằng:

– Ngươi đem 500 tinh binh qua Bất Bạt [7], ra núi Tùng, ngay dưới chân núi có khu rừng nhỏ. Chia quân một nửa đóng trên núi, một

---

1. *Tính số Thái ất:* 4 phép tính cơ bản của Triệu Nghiêu Phu đời Tống dựa vào hành độ và cung độ của sao Thái ất, gồm *Tuế kế* (tính năm) xem thời vận của đất nước, vua quan; *Nguyệt kế* (tính tháng) xem trình độ năng lực của các bậc khanh tướng. *Nhật kế* (tính ngày) xem họa phúc của nhân dân; và *Thời kế* (tính giờ) xem triển vọng các hoạt động quân sự.

2. Nguyên chú: "Không biết tiên sinh làm ra tự bao giờ".

3. Nguyên chú: "Dạy con mình trước để cảnh tỉnh người khác, cách giáo dục của tiên sinh thật là thiết thực".

4. Nguyên chú: "Quân Bắc vốn sợ tượng trận, tiên sinh dùng kế này để phá địch". "Quân Bắc" ở đây chỉ quân nhà Hồ.

5. *Bá phụ:* ông bác, đây chỉ Lê Lợi, anh ruột của Lê Thiện.

6. Nguyên chú: "Đây là quân thứ nhất".

7. *Bất Bạt:* tên huyện, nay thuộc Ba Vì, Hà Tây.

nửa đóng trong rừng, canh phòng cẩn mật, nhằm chặn hậu quân của địch. Nếu tướng giặc tới thì đánh, đừng để chạy thoát. Ai trái lệnh, cố nhiên có luật nhà binh [1].

Hậu quân Triệu Hộ cũng được cấp 300 bộ binh, được lệnh ra mai phục ven Hạc Hải; ngày hôm sau vào giờ Thân [2] tướng giặc thế nào cũng tới, quân địch mỏi mệt, ta xông ra bắt sống, đỡ tốn công sức [3]. Lại sai Trung quân Nguyễn Tế đem 300 quân kỵ ra núi Cẩm Đới. Tại đây có ba lối đi, dùng gỗ đá bịt chặt hai con đường lớn, chỉ để con đường nhỏ, chia quân mai phục hai bên. Hễ thấy giặc tới, lấy trống làm hiệu, tung quân ra đánh. Dù không bắt được giặc, chí ít cũng làm cho chúng nướng già nửa số quân [4]. Giám quân Đặng Đôn được lệnh dẫn 400 tay thiện xạ gấp rút ra đóng ở núi Ngọc Nhụy. Tại đây có lối rẽ, bịt chặt con đường nhỏ, chỉ để cho đi con đường lớn [5], chờ giặc tiến vào, sẽ cho quân bám đuổi mà đánh, xong thu nhặt vũ khí, sang Cẩm Đới tiếp ứng cho Nguyễn Tế, sau đó cùng về Hạc Hải tập kết [6].

Các tướng nhận lệnh ra đi.

Thiện lại ra sau trướng gọi ba, bốn người vệ sĩ tới, ghé vào tai nói nhỏ như thế... như thế... [7]. Số người này cũng ra đi. Bấy giờ Thiện lên trướng chờ tin thắng lợi.

Lại nói Phạm Đán mang mấy con nai về Đa Bang, Dân Hiến bảo đem đến trước mặt, lấy tay sờ vuốt, khen nức khen nở. Bá Nhạc nói:

– Chồn có dấu tên bắn, sao nai lại chẳng thấy gì?

Đán nói:

– Thật duyên may! Mỗ vào rừng, thấy đàn nai đang tụ tập uống nước ở khe suối, liền xông vào tóm được mấy con. Mỗ trộm nghĩ không nhờ uy danh của Đại tướng, làm sao được những thứ này? [8].

Hiến nói:

– Cũng phải nhờ thần lực của ông nữa chứ!

---

1. Nguyên chú: "Đây là đồn thứ hai".
2. *Giờ Thân:* khoảng từ 15 ^{h} đến 17^{h}.
3. Nguyên chú: "Đây là đồn thứ ba".
4. Nguyên chú: "Đây là đồn thứ tư".
5. Nguyên chú: "Trên kia thì bịt hai con đường lớn, chừa lại con đường nhỏ, còn ở đây thì lại bịt con đường nhỏ, chừa con đường lớn. Tiên sinh dùng binh "dũ xuất dũ kỳ", càng triển khai, càng nhiều cách lạ.
6. Nguyên chú: "Đây là đồn thứ năm".
7. Nguyên chú: "Không biết nói những gì, đến hồi sau sẽ rõ!".
8. Nguyên chú: "Khéo tâng bốc".

Nhạc nói:

– Tim chồn tháng chạp là món cực ngon! [1].

Hiến ra lệnh mở tiệc. Đán nói:

– Thần từ độ phục vụ Nguyên soái đến giờ, chưa biết mặt hết quân sĩ. Thần muốn xem việc tổ chức tiệc rượu, chia nhau đồ nhắm này như là lễ ra mắt của thần trước ba quân, không biết ý chủ tướng thế nào?

Hiến nói:

– Thật hợp với ý ta!

Bèn truyền lệnh cho phép trong quân chén một bữa túy lúy [2]. Các tướng sĩ được lệnh, sục sạo mua rượu thịt, náo động cả trong ngoài.

Bỗng Tham quân Đoàn Phát hớt hơ hớt hải [3] từ ngoài vào lớn tiếng rằng:

– Nay hai nước đang giằng co, chưa biết hươu chết vào tay ai [4]. Vậy mà Nguyên nhung [5] không biết lo xa, đam mê chơi bời, trong lúc giặc Bắc kết bè, đóng thuyền, thế nào chúng cũng tới đây giao chiến, nguy cơ chỉ trong sớm tối [6]. Huống chi chúng ta chưa biết Phạm Đán thuộc loại người gì, tướng quân mới gặp mà đã tin dùng ngay. Đã chắc nước Nam không có kẻ ngấm ngầm gây loạn [7], thông đồng với giặc, vào đây để làm nội ứng [8]? Giả sử bên trong có người tiết lộ tin tức, giặc ngoài kéo đến đánh, tướng quân lấy gì để ngăn chặn? [9]. Kế tốt nhất bây giờ là chém đầu bọn Đán đi, rồi đem cả tướng sĩ lên bảo vệ thành, may ra còn cứu vãn được. Bằng không, tai họa sắp tới nơi!

Đán thấy Đoàn Phát nói trúng tim đen, làm ra vẻ giận dỗi thanh minh:

– Tham quân sao chẳng bao dung? Huống hồ làm tướng mà

1.Nguyên chú: "Thuốc cường dương"

2.Nguyên chú: "Chết đến nơi rồi!".

3. Nguyên chú: "Ta cũng phát hoảng".

4. Nguyên chú: "Chết vào tay Phạm Đán".

5. *Nguyên nhung:* viên tướng chỉ huy, đây chỉ Dân Hiến.

6. Nguyên chú: "Nguy cơ xảy ra ngay trong buổi sáng, chả phải chờ đến tối".

7. Nguyên chú: "Hồ Hán Thương tiếm loạn đấy thôi!". Trong nguyên văn, chữ *Thương* 蒼 in nhầm thành *Xương* 昌.

8. Nguyên chú: "Đúng thế! Đúng thế! Phát đã nói toạc ý đồ của Thiện!".

9. Nguyên chú: "Lúc ấy tướng quân chuồn thôi!".

không biết thiên thời, không hay nhân hòa, không hiểu địa lợi thì xoàng quá. Tướng Minh dùng binh tất có ba điều thua mà ông không biết, lại đi ghen tỵ với người khác?

Dân Hiến chộp hỏi:

– Ba điều thua đó là gì vậy?

Đán đáp:

– Trời đông rét mướt, lội suối trèo đèo, dãi gió dầm sương, gối gươm mặc giáp, quân đóng lâu ngày, giá buốt thấu xương, dẫu muốn hành quân, co ro cúm rúm [1], đấy là điều thua thứ nhất [2]. Binh pháp nói: "Kéo quân đi chiếm nước người, phải dùng dân bản địa. Trước phải hòa, rồi sau mới thành tựu việc lớn". Huống chi chúng từ lúc gây hấn tới nay, tàn hại sinh linh, giết người vô tội, nhân dân bờ Bắc dìu già dắt trẻ sang sông vào Nam, tiếng kêu khóc vang động đất trời, tướng quân đã thấy cả. Vả, người cùng thì chống đối, dân khổ thì chia lìa, việc này sinh ra từ nội bộ, muốn đàn áp cũng không được. Cho nên nói: "Không hòa với dân, không đẩy cuộc chiến lên được". Đấy là điều thua thứ hai [3]. Có người cho rằng: "Lấy một chọi trăm, không gì bằng nơi hiểm yếu; lấy nghìn đánh vạn, không gì bằng chốn khó qua [4]. Lại nói: "Người thiện chiến không dựa vào nước để đánh với đối phương" [5]. Tướng quân trấn giữ thành này, mặt tiền có sông nước làm áo đai, mặt hậu có rừng núi che chắn, tuy Đồng Quan của Tần, Kiếm Các của Thục cũng không hơn, dù ai muốn thừa cơ chắp cánh cũng khó bay qua được. Nếu kẻ địch không biết nguy hiểm, cứ nhắm mắt đổ quân vào, thì lúc này ta chỉ cần cho vài tay kỵ binh [6] lên mặt thành bắn tên xuống, quân Bắc sẽ hóa thành cá của sông nước vùng này thôi. Đấy là điều thua thứ ba [7]. Cũng đừng nghĩ là phía quân Minh không có người. Biết đâu trong bọn chúng lại

---

1. Nguyên văn: "*Chiết giao huy chỉ* 折膠隳指 = chất keo bị gãy, ngón tay bị sưng". Chữ "giao" 膠 có lẽ do chữ "yêu" 腰 là "eo lưng" khắc nhầm; chữ "huy" 隳 có lẽ do chữ "đọa" 墮 là "rơi xuống" khắc nhầm. "Chiết yêu đọa chỉ" 折腰墮指 là "khom lưng, rụng ngón tay" ý nói quá rét, chúng tôi dịch "co ro cúm rúm" cho dễ hiểu.

2. Nguyên chú: "Đây là nói về thiên thời".

3. Nguyên chú: "Đây là nói về nhân hòa".

4. Nguyên chú: "Đây cũng là điều Lưu Tuấn trả lời Trương Phụ".

5. Nguyên chú: "Tiên sinh vốn sở trường về binh pháp".

6. Nguyên chú: "Không nói tự mình lên thành, mà lại nói cho kỵ binh lên thành. Thật tuyệt diệu!".

7. Nguyên chú: "Đây là nói về địa lợi".

chẳng có tướng tài, thấy bên ta đem quân nhàn chờ đánh quân nhọc, trong khi chúng lương thực không tới, ba quân cắm trại lâu ngày, bệnh tật phát sinh, muốn kéo quân về, vì vậy ngoài mặt thì giả vờ kết bè qua sông, nhưng bên trong thì ngầm cho quân rút. Cho nên sách *Vũ bị* nói: "Người sành dùng binh, khi tiến không ai ngăn nổi, khi thoái không ai đuổi kịp" là nghĩa như vậy [1]. Mỗ cùng quẫn, thất thế nên mới chạy đến đây nương tựa, may tính mệnh được an toàn, những mong giết giặc phục thù để đền đáp ơn nghĩa Nguyên nhung, dốc dòng thờ chủ. Thế mà lại bị nghi ngờ, mỗ nguyện chết trước mặt Đại tướng để dứt đường kẻ gian tế.

Nói xong, lấy gươm định tự sát. Dân Hiến vội ôm choàng Phạm Đán, giật thanh gươm vứt vào trong trướng [2] rồi quát lớn:

– Tham quân cút khỏi đây ngay! Ta được Phạm Đán như Tề Hoàn được Di Ngô [3], sao ngươi chẳng rộng lượng tí nào vậy?

Phát thấy can gián không được, thở dài than rằng:

– Ba quân tất chết vào tay quân gian nịnh.

Bèn ra cửa phía Nam lấy 300 tinh binh chạy về Vật Lại [4].

Thật là:

Phỉnh nịnh lừa người âu còn dễ,
Can ngăn cứu chủ ấy mới gay!

Chưa biết Đoàn Phát ra đi như thế nào, hãy nghe hồi sau phân giải.

---

1. Nguyên chú: "Trước tiên giải thích ba điều thua, sau đó lại thuyết một tràng về binh thư, nhằm hù dọa tướng Hồ. Tuyệt diệu thật!"

2. Nguyên chú: "Giả sử Hiến không giật thanh gươm đi, thì Đán sẽ xử trí ra sao?"

3. Nguyên chú: "May mà không trúng vào vai đấy!"

4. *Vật Lại:* tên đất, ở huyện Minh Nghĩa, phủ Quốc Oai, nay thuộc Hà Tây.

HỒI THỨ MƯỜI BỐN

**Phạm Đán cướp ấn tếch Phong Châu,
Trương Thiều chộp be choảng Vương Hữu.**

Lại nói được tin Đoàn Phát dẫn quân ra đi, Phạm Đán vờ thở dài tiếc rẻ, Dân Hiến phải tìm lời an ủi vỗ về. Đán nói:

– Thần muốn nuốt sống tên Tham quan cho hả giận.

Nhạc nói:

– Hắn dẫu sao cũng nhận tước mệnh triều đình, ta không nên khinh động. Chờ lúc thanh bình, ta đưa lên một mảnh cáo trạng, tước bỏ binh quyền của hắn, bấy giờ muốn làm gì thì làm!

Đán bèn thôi. Liền truyền lệnh tiếp tục tiệc rượu. Ba hồi trống giong, trên dưới hòa vui [1]. Bên trong nghiêng chén Bắc đẩu, bên ngoài tấu nhạc Nam luân. Uống suốt đêm thâu, chơi tràn ngày thẳm. Trăng bạc treo cao, cây núi nghìn trùng bóng rọi; sao đêm chiếu sáng, sóng xô khắp nẻo lung linh [2].

Bất giác đồng hồ điểm canh ba [3]. Hiến và Nhạc đều say mềm, gọi Phạm Đán tới bảo:

– Cuộc vui hôm nay chớ có coi thường! Hãy vào trong lấy tướng ấn và binh phù là những vật quan hệ đến vận mệnh quốc gia gìn giữ cẩn thận, đừng để sơ suất! [4].

Đán vâng dạ rối rít. Bọn Hiến liền đi ngủ. Đán bước ra ngoài, thấy tướng sĩ khắp các trại nằm lăn lóc, ai nấy đều say lử cò bợ, bèn vào gọi tất cả những người trong bọn nai nịt áo mũ, lưng đeo cung

---

1. Nguyên chú: "Hơn mười lần cuộc yến hội của Hán ở Bành Thành, làm sao không thất bại?"

2. Nguyên chú: "Đây là nói về cảnh, trước tả "trăng sao cùng chiếu sáng" để đối lập với cảnh "mây mưa u ám" ở bên dưới, qua đó mới biết đạo trời không dứt bỏ giống người Nam".

3. Nguyên văn: "Đồng long tam chuyển". "Đồng long" là cái đầu rồng đúc bằng đồng để nhả nước, một bộ phận trong dụng cụ đo giờ thời cổ. Nhả nước đến lần thứ ba, tức tới canh ba. Đây dịch ý.

4. Nguyên chú: "Xin cất giữ! Xin cất giữ! Thật gửi trứng cho ác, nộp mình cho hổ".

tên, tay cầm dao sắc, bắn pháo thăng thiên, lên mặt thành ứng chực.

Bấy giờ quân Bắc ở phía tả ngạn sông, nhìn thấy hiệu lửa, bèn vào tâu báo với Trương Phụ. Phụ vội vàng truyền lệnh trong quân rằng:

– Giặc chỉ còn trông cậy vào ngôi thành này. Ta đã được thần nhân trợ giúp, bậc đại trượng phu lập công báo đền ơn nước chính là lúc này đây. Ai leo lên thành trước đều nhất loạt được thưởng.

Thế là các tướng sĩ ai cũng hăng hái nhảy nhót, vung mái chèo như bay, đến canh tư thì cập bờ Nam. Tất cả các bao cỏ đều được mang ra để lấp hào, chỉ trong khoảnh khắc đã thành con đường lớn.

Đán nom thấy quân Bắc đã đến gần thành, liền lấy còi đồng thổi một hồi dài. Phụ dẫn đô đốc Hoàng Trung đem thang mây đặt sát bờ thành, bọn Chỉ huy Thái Phúc leo lên trước, quân lính leo theo sau. Dãy trại phía Nam bị đốt cháy. Trên thành đèn đuốc sáng rực [1], trống đánh vang lừng. Quân Hồ bối rối không biết làm thế nào để đối phó, lại vì đang say rượu nên tên đạn không bắn được phát nào, chỉ còn cách bỏ chạy. Nhân lúc này, bọn Đán lao vào trong trướng chộp lấy ấn phù rồi ra cửa Đông chạy về phía Phong Châu.

Bọn Hiến bắt đầu tỉnh rượu. Nghe trong quân nhốn nháo, Hiến vội vàng nhỏm dậy ra cửa xem, thấy lửa sáng rực trời, bèn gọi Phạm Đán, nhưng không thấy đâu cả [2]. Nhìn vào trong trướng, thấy phù ấn đều đã mất. Hiến hớt hải chạy ra cửa Đông, thấy lửa đang bốc cao. Chạy về cửa Nam, nghe toàn tiếng nhí nhố "xiao, na, mo" của quân Bắc. Chuyển sang cửa Tây thấy không có ai, Hiến bèn mở cửa thành ra ngoài, thu nhặt được hơn nghìn người, tìm đường tháo chạy. Quân Bắc vây ráp chung quanh, phóng lửa đốt, nhà cửa bị thiêu trụi. Trong thành còn khoảng 30.000 người mặt mày cháy sém, kêu khóc ầm ĩ. Bỗng sấm chớp nổi lên, mây đen phủ kín, mưa đổ như trút, lửa đều bị dập tắt. Những người còn nghẽn lại trong thành nhờ vậy mà thoát chết. Người đời sau có thơ rằng:

Dấy cuộc đao binh lũ giặc ngông,
Tự đem quỷ đỏ [3] nhốt trong lồng.

---

1. Nguyên văn: "*Hỏa cự tề minh* = lửa, đuốc cùng sáng". Chữ "minh" 明 là "sáng" in nhầm thành "minh" 鳴 là "kêu".

2. Nguyên chú: "Đã lấy ấn phù đi xa rồi!"

3. *Quỷ đỏ:* đây chỉ lửa.

Không nhờ Thần nữ Vu Sơn[1] *xuống,*
Ba vạn sinh linh hóa hỏa long[2].

Hoàng Phúc hạ lệnh thả hết binh dân nước Nam, không giết bừa một người nào, chỉ bắt giữ những kẻ đầu sỏ. Bấy giờ tướng Minh là Vương Hữu[3] xua quân vào thành vơ vét của cải, gặp tướng Hồ là Thư ký Trương Thiều, bèn cho quân vây chặt. Thiều cướp giáo đột phá vòng vây, đâm chết ba bốn người, chẳng may giáo gãy, bị quân của Hữu bắt giải về doanh trại. Đây vốn là nơi từng mở tiệc hôm qua, rượu thịt vẫn còn, Vương Hữu sai người mang ra đánh chén[4]. Được một chốc, quân sĩ dẫn Trương Thiều tới. Hữu cười ha hả tợp một chén rượu, nói:

– Trương Thư ký sao đến muộn thế? Theo ta hưởng giàu sang có hơn không?

Lại nâng cốc tợp thêm một ngụm nữa, cười nói:

– Tốt! Tốt!

Thiều chửi thẳng vào mặt:

– Bọn chuột bọ chúng mày dám coi thường ông hả? Thành còn thì giữ, thành mất thì chết theo thành, nào có chuyện cầu phú quý?

Hữu cầm be rượu đến trước mặt Thiều định rót mời, không ngờ bị Thiều cướp lấy be choảng vào mặt Hữu, be vỡ, mảnh be đâm vào mặt máu chảy ướt đẫm cả vạt áo. Hữu nổi giận hạ lệnh điệu Thiều ra chém ngang lưng. Thiều luôn mồm mắng giặc cho đến chết. Đương thời có thơ điếu rằng:

Gian nan sá ngại trấn biên thành,
Múa giáo ngang tàng giữa trại doanh,
Tính khí sang giàu coi nhẹ bẫng,
Lòng son thề chết chẳng theo Minh.

Lại nói Trương Phụ vào trong thành sai quân tìm kiếm khắp nơi

---

1. *Thần nữ Vu Sơn:* trong lời tựa bài phú *Cao Đường* của Tống Ngọc có nói Sở Tương Vương cùng Tống Ngọc dạo chơi Vân Mộng. Ngọc nói: "Xưa Tiên vương dạo chơi Cao Đường, mộng gặp một vị Thần nữ tự nguyện tiến dâng chăn gối. Lúc sắp ra đi, Thần nữ nói nàng ở sườn phía Nam núi Vu Sơn". "Thần nữ Vu Sơn" trong văn bản chỉ "mưa".

2. *Hỏa long:* rồng lửa.

3. Chữ "Hữu" 友 ở nguyên bản in nhầm thành "Chi" 支, ngoại trừ trong câu thứ hai của cặp biền ngẫu ở đầu hồi viết là "Hữu" 友, đây là cách viết đúng.

4. Nguyên chú: "Dại dột thay, Vương Hữu!".

vẫn không thấy tướng Hồ đâu, vô cùng kinh ngạc. Hoàng Phúc nói:

– Tướng Hồ không giữ được thành, thế tất phải tẩu thoát, chẳng có gì là lạ cả. Có điều ta được thành này, phải nói là nhờ ở công sức của Thiện. Vậy mà giờ đây chẳng thấy một ai thuộc phía Thiện, không biết họ đi đàng nào?

Bèn gọi dân địa phương đến hỏi. Dân nói:

– Vào lúc canh năm thấy có một tốp lính áo có đính chữ "nghĩa", tay cầm binh phù, mở một đường máu đi ra cửa Đông, chẳng biết họ là quân nào.

Đến đây thì Phúc hiểu cả, liền nói:

– Lê Thiện dụng binh tài như thế, chớ bảo chằm nông không có rồng.

Lưu Tuấn nói:

– Tuy thành giặc đã bị phá, nhưng tướng giặc vẫn còn đó. Diệt cỏ mà không trừ tận gốc, thì cỏ lại tiếp tục mọc ra, trở nên khó diệt hơn. Huống chi ở Phong Châu còn có tượng trận, binh tướng hãy còn đông, chúng mà quay trở lại đây, thì không chừng sẽ tốn thêm một trận đánh nữa.

Hoàng Phúc bảo:

– Ông nói có lý đấy! Bây giờ Trương tướng quân hãy dẫn thủ hạ đuổi theo giặc, còn Mộc tướng quân thì sang phá Phong Châu, dò la tin tức về Lê Lợi. Sau đó tất cả quay về đây tập kết.

Các tướng đều tuân lệnh. Mộc Thạnh lên đường tới Phong Châu.

Thật là:

Chẳng lo tướng giặc trèo thành chạy,
Chỉ sợ quân Lê lấy ấn về.

Chưa biết việc này ra sao, hãy nghe hồi sau phân giải.

HỒI THỨ MƯỜI LĂM

Lê Khâm phi ngựa đâm Văn Khâu,
Đoàn Phát phục binh đánh Mộc Thạnh.

Lại nói viên tướng nhà Hồ giữ thành Phong Châu lúc bấy giờ là Phí Văn Khâu, một con người dũng mãnh, có năng lực, ngày nào cũng dàn tượng trận ở Xuân Nội để luyện tập, quân đội nhờ vậy mà rất tinh nhuệ.

Lê Khâm vâng lệnh ra tới Viễn Sơn, họp mọi người lại bàn rằng:

– Thân phụ của tiểu tướng không cắt cử ai khác mà lại sai tiểu tướng ra đây, ý chừng muốn dựa vào sức lực của các ông đấy thôi!

Các tướng nói:

– Mệnh lệnh của Quân sư không phải ngẫu nhiên mà có. Chắc là ngài trước hết muốn thử tài bọn chúng tôi, và sau nữa là để khảo nghiệm mưu lược của tiểu tướng đó. Vậy có kế hoạch gì, tiểu tướng cứ dạy bảo, bọn chúng tôi không từ nan.

Khâm nói:

– Nếu vậy thì ông Nguyễn Sản đem 200 quân ra Đông Vi, ở đó có ba quả núi, ông cho vẽ hình sư tử phủ lên mình ngựa phục tại đấy, hễ nghe hiệu lệnh là nổi dậy đánh vào bên trái của giặc; còn ông Đỗ Dung thì đem 200 quân ra Phú Lão, nơi đó không có núi, nhưng có một vùng cây cối rậm rạp, cũng có thể ém quân, ông lấy da hổ trùm lên đầu ngựa, hễ thấy hiệu lệnh, bất ngờ đánh vào phía bên phải của giặc.

Hai tướng vâng lệnh ra đi. Khâm lại bảo 100 người đi chặt những cành khô rưới dầu lên, mỗi người mang một bó tới địa điểm mai phục chờ sẵn.

Lúc này ở Phong Châu các tướng sĩ đang đem rượu thịt do đại quân ban cấp chia cho nhau ăn uống vui say. Phí Khâu [1] nói:

– Lệnh Nguyên soái truyền xuống, không thể không nghe theo. Có điều, đạo lý dùng binh không thể vì trị mà quên loạn, vì an mà quên nguy. Vũ khí không thể không sẵn sàng, thành quách không

1. Tức Phí Văn Khâu.

thể không phòng bị. Mong anh em hãy cẩn thận!

Quân sĩ đều tuân lệnh, không dám sa đà ăn uống, ngày đêm lo canh phòng. Đến canh năm thấy thành Đa Bang lửa cháy rực trời, súng nổ dậy đất, quân sĩ bèn vào tâu báo. Phí Khâu vội vã mang quân đi ứng cứu. Đi chưa đầy nửa dặm đã bị Khâm phát hiện, ra lệnh quân lính mang rơm củi xông và đốt thành. Nhóm quân đi sau cùng của Khâu nhìn thấy lửa bèn kêu lên: "Thành của ta cũng bị cháy rồi!" Khâu ngoảnh lại thấy bốn bề rừng rực khói lửa, vội vàng dẫn quân quay về cứu. Khi gần tới ngoài thành, thấy một tiếng súng nổ, phía bên trái có Nguyễn Sản chém tới, phía bên phải có Đỗ Dung xông lên. Khâu thúc voi chống cự. Bọn Sản, Dung từ hai cánh cho sư tử và hổ tiến lên; voi nom thấy sợ hãi, nhiều con bị trúng đạn, co vòi chạy. Khâu tay cầm song kiếm đánh nhau với hai tướng được hơn trăm hiệp, càng đánh càng hăng. Khâm thấy hai tướng dần dần đuối sức liền phi ngựa giơ giáo xông thẳng tới đâm Phí Khâu ngã nhào xuống đất, quân Khâu liền thua. Chợt thấy một đoàn tượng binh sấn tới, đó là Đốc binh tiền đồn Hồ Huyền nghe Phí Khâu bị vây, dẫn quân tới cứu. Khâm sai Nguyễn Sản ra ứng chiến, hai bên đánh nhau cho đến lúc trời sáng mà vẫn chưa phân thắng bại. Bỗng thấy Hồ Huyền rơi xuống voi, quân địch liền tan rã. Khâm thừa thắng xông vào giết giặc, chợt thấy Phạm Đán cầm phù ấn, xăm xăm đi tới. Khâm hỏi:

– Sao ông đến sớm vậy?

Đán nói:

– Tôi vâng lệnh Quân sư theo kỳ hẹn mà tới. Khi đến đây, thấy có một người đang đứng trên đầu voi đốc chiến. Nhân lúc hắn không đề phòng, tôi quay lại bắn một phát trúng vào yết hầu hắn, thế là hắn lăn quay xuống đất. Khâm nói:

– Đã có lệnh của chủ tướng, ông đi cùng tôi nhé, không nên chậm trễ.

Hai người bèn hợp quân tiến về phía Đan Phượng.

Khi Mộc Thạnh kéo quân tới Phong Châu thì toàn bộ thành lũy ở đây đều đã bị phá. Thấy trong đống tường vách đổ nát có vài ba người lính bị thương nằm lại, Thạnh không hiểu lý do, bèn gọi một tên tiểu tốt tới hỏi:

– Các ngươi là lính ở đâu, báo cáo thực cho ta biết. Kẻ nào nói

dối, sẽ bị chém đầu [1].

Tên tiểu tốt sợ hãi, đem những chuyện vừa xảy ra kể hết lại một lượt. Bấy giờ Thạnh mới biết các hoạt động đằng sau của quân Lê. Thạnh trở ra, dẫn quân đi xem các nơi Lê Khâm đặt phục binh, kinh ngạc nói:

– Tướng giỏi thế này, ta thật không sao theo kịp. May mà trời cho ta thành công. Ví thử họ hợp tác với giặc, ta không dễ mà thắng.

Nói rồi chia quân làm hai bộ phận theo ngã Vĩnh Thệ rút về.

Lại nói trước đây, Đoàn Phát dẫn quân tới Vật Lại, tuyển thêm dân binh được hơn 200 người rồi vào đóng trong rừng. Được tin Đa Bang thất thủ, Phát liền sai người đến Phong Châu lấy binh mã để đi thu phục lại. Sai nhân trở về cho biết thành Phong Châu cũng đã mất rồi, các tướng đều bị giết. Phát kinh hoàng không dám xuất quân, ra lệnh cho binh sĩ mồm ngậm tăm, ngựa tháo nhạc, đâu ở yên đấy. Lại sai người đi dò la tình hình quân Bắc. Sai nhân đi đến giữa đường, nghe tin Mộc Thạnh đang cho quân sục sạo liền quay về tâu báo. Phát chia quân thành hai đạo [2] cho đi mai phục và dặn:

– Hễ nghe có hiệu lệnh chiêng thì xuất quân, hiệu lệnh trống thì thu quân.

Hai đạo phục binh lên đường.

Mộc Thạnh dẫn quân xộc tới, cánh trung quân có lá cờ lớn mang dòng chữ "Bình Nam Đại tướng quân Tây Bình hầu Mộc Thạnh". Phát chờ cho quân Thạnh đến gần, khua một hồi chiêng, phục binh nhất tề nổi dậy, tiếng hò hét vang dội cả cánh rừng. Mộc Thạnh bị vây chặt [3]. Bấy giờ Thạnh không dè có quân mai phục nên chẳng để phòng gì cả, trong tay không một tấc sắt. Đoàn Phát dẫn quân lao tới thét lớn:

– Có tướng quân họ Đoàn đây!

Nói rồi đâm thẳng vào Mộc Thạnh. Thạnh chỉ còn kịp đưa mộc gỗ ra đỡ, tưởng khó thoát chết. May lúc ấy có Ngô Vượng đang dẫn quân tới. Vượng tay cầm giáo bát xà, mình ngồi ngựa xích thố, chọc bên trái đâm bên phải, che phía trước chắn phía sau, mở một con

---

1. Nguyên chú: "Diễu võ dương oai giữa chỗ không người, buồn cười thật!".

2. Nguyên văn viết là "ba đạo", nhưng ngay bên dưới lại nói là "hai đạo". Đây tạm chữa lại thành "hai đạo" để trước sau được nhất quán.

3. Nguyên chú: "Đây là lần thứ hai bị vây".

đường máu cứu Mộc Thạnh ra ngoài. Phát biết không thể thắng được, bèn lui về trong rừng đánh trống thu quân. Ngô Vượng thấy trống đánh inh ỏi, ngờ có quân tiếp viện nên không dám nấn ná, bèn rút theo Mộc Thạnh.

Phát về tới doanh trại, quân sĩ hỏi:

– Chúng tôi đang muốn đuổi theo diệt giặc, sao ông lại thu quân?

Phát đáp:

– Lúc đó thấy ở mạn phía Nam bụi bốc mù trời, nghĩa là hậu quân của giặc thế nào cũng đến; biết bên ta thế cô sức mỏng, chúng sẽ chia quân đánh kẹp lại. Ta trước mặt sau lưng đều có địch, ắt sẽ thua to. Chi bằng nhân lúc chúng chưa tới, ta cho quân rút trước rồi sau sẽ liệu dần.

Quân sĩ đều tuân lệnh. Phát giải tán dân binh, chỉ giữ lại 300 người khoẻ mạnh dẫn về Vô Khuy.

Tướng bên Bắc là Lý Bân đốc suất hậu quân đi tới đâu hãm hiếp phụ nữ và cướp bóc tài sản tới đó, nên không thể tiến nhanh được. Đến lúc nghe trống đánh, dẫn quân tới nơi, lại không thấy ai cả. Hỏi những người gần đó, mới biết Mộc Thạnh vừa lao đao, Bân hối hận mãi, bèn thúc quân đi tìm Mộc Thạnh.

Thật là:

Quân côi tướng ít, toan lo sớm,
Dạ tối tài sơ, hối hận chầy.

Chưa biết việc tìm Mộc Thạnh như thế nào, hãy nghe phần sau sẽ rõ.

HỒI THỨ MƯỜI SÁU

Hỏi người làng, Dân Hiến mắc kế,
Gặp nghĩa quân, Đoàn Phát giải vây.

Lại nói Lý Bân tìm được Mộc Thạnh đến họp. Hỏi tới Trương Phụ, Phụ đã đuổi theo Dân Hiến rồi.

Trước đó, Dân Hiến và Bá Nhạc đi một mạch tới giữa đường thì gặp mưa to [1]. Quân sĩ cứ đội mưa mà đi, muốn tiện thể về Đông Đô.[2] Nhưng vừa đến Tùng Sơn, thấy một tiếng súng nổ, trên núi rực cờ đỏ, trên cờ đề dòng chữ lớn "Phụng Lê mệnh Tiền quân Sùng Quang" [3]. Hiến và Nhạc không rõ là quân sĩ bên nào, chần chừ không dám tiến. Lại thấy súng bày san sát, phục binh thập thò, Dân Hiến tâm thần bất định, vội quay đầu chạy. Sùng Quang thúc quân đuổi theo, đánh đến nỗi quân Hồ phải vứt cả áo giáp và giáo mác mà chạy, số đầu hàng vô kể. Quang ra lệnh thu nhặt vũ khí rồi trở về doanh trại.

Dân Hiến và Bá Nhạc chạy tới Phú Hữu kiểm lại quân số, thấy mất quá nửa. Hai người ra lệnh quân sĩ vào nhà dân, cướp lương thực, khoét bếp thổi cơm [4]. Bá Nhạc nói:

– Tôi tiếc trước đây quá. Hồi ấy mình đang còn một vạn hùng binh tại Phong Châu [5], Nguyên soái tới hợp sức lấy thêm quân, việc thu phục Đa Bang có thể nắm chắc phần thắng.

Hiến nói:

– Đúng như vậy!

Ăn cơm xong, hai người dẫn quân lên đường.

Bỗng thấy năm sáu tên tiểu tốt hớt hải tới. Hiến hỏi:

---

1. Nguyên chú: "Đây là cơn mưa đã dập tắt lửa, cứu dân trong thành".
2. Nguyên bản khắc nhầm là "Tây Đô."
3. Có nghĩa là "Tiền quân Sùng Quang vâng mệnh họ Lê".
4. Nguyên chú: "So với chuyện đón tiếp bằng gió cơm bầu nước thì đây hơn gấp mười lần". *Mạnh Tử, Lương Huệ vương*: "*Đan tự hồ tương dĩ nghênh vương sư* = gió cơm bầu nước để đón quân vua". Về sau, thành ngữ "gió cơm bầu nước" được dùng với nghĩa "khao quân".
5. Nguyên chú: "Đã mất sạch rồi".

– Các ngươi là quân nơi nào?

Bọn tiểu tốt thưa:

– Chúng tôi là lính giữ Phong Châu, đến canh năm bị quân Lê tới đốt thành, giết chủ tướng, voi ngựa tan tác, cả một vạn quân đều thua liểng xiểng, chúng tôi chạy thục mạng đến đây.

Hai người nghe nói đâm sửng sốt, không biết nên tiến thoái thế nào. Lại thấy hai ba người dân làng đầu tóc rối bù chạy ngang qua [1]. Hiến sai lính gọi giật lại, hỏi:

– Các ngươi ở đâu mà chạy nháo nhào thế? [2].

Dân làng thưa rằng:

– Chúng tôi là dân Ngọc Nhụy, không rõ binh mã từ đâu tới tự xưng là Đại tướng quân dấy binh đánh giặc Bắc, rồi họ xông vào nhà dân cướp bóc, đánh đập. Chúng tôi sợ vạ, trốn chạy ra đây.

Bá Nhạc nói:

– Đó chắc là bọn dân ngu thừa cơ đục nước béo cò, cướp bóc tài sản nhân dân đấy thôi [3]. Ta sẽ tới nơi ngay để dụ chúng hiệp sức dẹp giặc rồi sẽ được phong thưởng xứng đáng. Nếu chúng chịu theo, ta sẽ chỉnh đốn đội ngũ đi đánh lấy lại tiền đồn [4]. Sự việc mà thành, chém chúng đi là xong. Như thế mọi công lao sẽ về tay ta cả [5]. Còn nếu chúng không theo, cũng sẽ bị giết sạch, về triều sẽ tính sau [6].

Hiến nói:

– Đô đốc rất có kiến thức [7].

Bèn hỏi người dân quê:

– Về Đông Đô đi lối nào cho tiện?

Đáp:

– Vào Ngọc Nhụy, sang Cẩm Đới, qua Hạc Hải, thẳng tới Tản Viên, rẽ ra Mỹ Lương rồi về Đông Đô là tiện nhất.

---

1. Nguyên chú: "Trước kia Lê Thiện có ghé vào tai nói nhỏ "như thế... như thế..." nay mới thấy rõ".

2. Nguyên chú: "Chúng tôi vốn là người do Lê Quân sư sai tới để dụ tướng quân đây mà"

3. Nguyên chú: "Tài sản đâu chưa thấy, nhưng cướp gạo thì rõ rồi".

4. Chỉ thành Đa Bang.

5. Nguyên chú: "Bá Nhạc lòng lang dạ sói"

6. Nguyên chú: "E không về triều nổi đâu".

7. Nguyên chú: "Cũng hạng chó má cả".

Bọn Hiếu rất mừng, dẫn quân vào Ngọc Nhụy [1]. Đến nơi, thấy con đường nhỏ đã bị rấp, chỉ còn con đường lớn phẳng phiu. Bá Nhạc sinh nghi, nói:

– Con đường nhỏ thì tắc, con đường lớn lại thông, thế là thế nào? Hiến nói:

– Chắc là tụi cướp dùng kế bít con đường nhỏ, chỉ để con đường lớn cho thương nhân qua lại, đặng tiện bề cướp giật đấy thôi.

Nói xong liền thúc quân tới. Thấy xa xa trên đỉnh núi cờ quạt rợp trời, giáo mác sáng quắc, Hiến đứng lên mình ngựa gọi to:

– Tiểu tướng ở đâu, hãy xuống núi đầu hàng, cùng ta đi dẹp giặc, rồi ta sẽ tâu lên triều đình gia phong chức tước cho.

Vừa dứt lời, bỗng thấy một tiếng nổ vang lên, một viên tướng hiện ra, đầu che lọng xanh, mình ngồi ngựa trắng, ngạo mạn nói:

– Ngươi không nhận ra Giám quân đại tướng Đặng Đôn sao? Ta phụng mệnh Lê Quân sư đến đây lấy đầu ngươi. Vậy ngươi hãy mau mau xuống ngựa đầu hàng, kẻo xương tan thịt nát!

Hiến cả giận, vẫy quân xông lên quyết chiến. Từ trên núi tất cả súng, nỏ đồng loạt bắn xuống, quân Hồ không sao lên được. Chợt có ba người dân chạy tới kêu rằng:

– Ở bên sau thấy không biết cơ man nào là quân Bắc [2] đang vượt núi băng đồng tràn tới, xin tướng quân rút ngay.

Hiến và Nhạc hoảng sợ, cứ theo đường lớn mà chạy. Đằng sau họ, Đặng Đôn đang xua quân nhổ trại xuống núi đuổi theo, kêu lớn:

– Quân Hồ mau hàng đi, để khỏi bị giết!

Quân sĩ vái lạy xin hàng. Dân Hiến ngoảnh lại, thấy quân mình chỉ còn độ trăm người.

---

1. Nguyên chú: "Mời ông vào chum". *Tư trị thông giám, Đường Tắc Thiên Hoàng Hậu, Thiên thụ nhị niên:* "Chu Hưng và Khâu Thần Tích thông đồng làm phản, Thái hậu sai Lại Tuấn Thần xét hỏi. Tuấn Thần hỏi Hưng rằng: "Phạm nhân phần lớn không chịu nhận tội, làm sao bây giờ?". Hưng nói: "Điều đó dễ lắm! Đem một cái chum lớn, đặt than bốn phía mà đốt rồi bắt phạm nhân chui vào, gì mà không khai!". Tuấn Thần bèn sai mang ra một cái chum lớn, đốt lửa chung quanh y lời Hưng bày, rồi đứng dậy bảo Hưng rằng: "Có đơn tố cáo ông anh, vậy mời ông anh hãy chui vào cái chum này!". Hưng hốt hoảng dập đầu chịu tội. Người đời sau mượn thành ngữ "mời ông vào chum" để nói lên cái ý "gậy ông đập lưng ông".

2. Nguyên chú: "Quân Bắc ở đây chính là thứ quân mà Lê Thiện từng ghé vào tai nói nhỏ "như thế.. như thế...".

Khi chạy tới núi Cẩm Đới, thấy hai con đường lớn đều bị cây và đá lấp kín, chỉ có một lối đi nhỏ là còn thông, Nhạc nói:

– Nơi này hẳn có phục binh.

Hiến cũng thấy đáng ngờ, bèn dừng lại quan sát. Bỗng thấy một tiếng trống vang, phục binh nhất tề nổi dậy. Viên Đại tướng đi đầu là Nguyễn Tế tay cầm cờ đỏ chỉ huy các cánh quân vây chặt Hiến và Nhạc. Hiến thấy hết đường tiến thoái, bèn nói với quân sĩ rằng:

– Ta cùng đường rồi, không đánh thì chết!

Quân sĩ cố đánh, nhưng không tài nào thoát khỏi vòng vây. Đột nhiên thấy quân Lê ù té chạy tản ra hai bên, một viên tướng múa đao lướt tới, tả xung hữu đột như vào chỗ không người, cứu được Hiến và Nhạc ra ngoài. Nhìn lại phía sau, chỉ thấy còn độ ba bốn tên tiểu tốt đi theo, viên tướng hỏi:

– Quân ta đâu rồi?

Bọn tiểu tốt đáp:

– Đang bị vây cả!

Viên tướng lại xách đao mở con đường máu xông vào trùng vây cứu ra được một toán binh mã, rồi đuổi theo đánh Nguyễn Tế [1]. Tế chống chọi không nổi, leo lên ngựa mà chạy.

Viên tướng dẫn quân quay trở lại. Dân Hiến nhìn kỹ, hóa ra là Tham quân Đoàn Phát, liền hỏi:

– Tướng quân sao biết mà đến đây cứu bọn tôi?

Phát đáp:

– Sau khi đánh lui Mộc Thạnh ở Vật Lại, tôi dẫn quân vào Đông Lâm, cho người do thám, biết quân Bắc sớm muộn gì rồi cũng tới nên không dám ở lâu, băng rừng vượt núi đến đây, thấy nguyên soái bị vây, túng thế phải liều chết mà cứu.

Hiến nói:

– Nếu không gặp tướng quân, thì chắc bọn tôi đã rơi vào tay giặc.

Phát hỏi:

– Di Ngô đâu rồi?

Hiến xấu hổ đáp:

– Hận vì không theo kế Tham quan, nên thành trì bị mất, ngày

1. Trong nguyên văn, chữ "Nguyễn" in nhầm thành "ký".

chạy nạn ba bốn lượt. Gặp một đám người tự xưng là "vâng mệnh Lê Quân sư đặc biệt đến đây để dẹp trừ các ngươi", không rõ họ là ai?

Phát nói:

– Lúc đó, mỗ quắc mắt mà đánh, không biết họ là ai cả. Nay nghe Nguyên soái nhắc tới, đoán là anh em Lê Lợi. Ngày trước mỗ từng tiến cử họ với triều đình, nhưng vời mà không ra. Nay họ thông đồng với quân Bắc, nước nhà sẽ nguy khốn.

Hiến nói:

– Xem ra, nó chỉ là đứa cùng đinh, sao dám hành động như vậy?

Phát nói:

– Nguyên soái chớ coi thường người ta. Lê Lợi có cái lượng của bậc đế vương; Lê Thiện có cái tài của kẻ làm tướng mà Võ Hầu đời Hán hồ dễ đã hơn.

Hiến nói:

– Vậy làm thế nào bây giờ?

Phát thở dài đáp:

– Mệnh trời có phế có hưng, phúc nước có dài có vắn, không thể quay ngược được. Nay đã tới nông nỗi này, ta hãy tạm về triều rồi sẽ liệu tính sau.

Cả ba cùng lên đường, quân sĩ trong tay không một mẩu sắt.

Đến Hạc Hải, thấy non xanh nước biếc, cây cỏ thanh u, chim kêu vượn hú, mây gió hiu hiu, ba người bèn xuống ngựa nghỉ chân. Quân sĩ khát cháy họng, đổ xô ra phía biển tìm nước uống. Hiến, Nhạc mỏi mệt, cởi áo giáp nằm lăn trên cỏ thiu thiu ngủ [1]. Đoàn Phát ngồi một mình, đặt tay lên chuôi kiếm trầm ngâm... Chợt thấy một tiếng súng nổ, phục binh đổ ra đâm chém, bắt Hiến và Nhạc trói gô lại. Đoàn Phát rút kiếm chống cự, vừa đánh vừa chạy. Lúc gần đến núi, không may trượt chân ngã xuống hầm đá, không sao lên được. Quân Lê sấn tới. Biết không thể thoát, Phát quay mặt về hướng Đông kêu rằng:

– Ta không phải không tận tâm vì nước, nhưng sức đã kiệt rồi!

Nói xong, định dùng gươm tự vẫn. Chợt có một người gọi to:

– Ngươi không biết Hậu quân Triệu Hộ sao? Ta vâng lệnh tới đây

1. Nguyên chú: "Có thể nói là cực khổ hết mức. *Kinh Thi có câu:* "*Bộc phu huống tụy* = tôi tớ mệt nhoài", là chỉ cảnh này chăng?".

bắt sống ngươi, tự sát đâu có được!

Nói xong xông tới giật phắt thanh kiếm. Phát chết không được, đành để cho trói. Tất cả binh sĩ đều đầu hàng. Hộ khua chiêng thu quân. Sùng Quang, Nguyễn Tế, Đặng Đôn lúc này đều tụ tập cùng một chỗ, trước hết viết công văn tâu về, sau đó sẽ dâng tù binh.

Thật là:

Gió tiễn quần hùng về tận cửa,
Sao truyền thư tín tới quân môn.

Chưa biết việc dâng tù binh như thế nào, hãy nghe hồi sau phân giải.

HỒI THỨ MƯỜI BẢY

Hộ Tham quan hàng Lê Quân sư,
Minh Đốc chiến giết Hồ Nguyên soái.

Lại nói bọn Triệu Hộ bắt sống được tướng nhà Hồ, báo tin thắng lợi về Đại đồn. Lê Thiện cầm thư tấu tiệp, nhưng không xem, hỏi:

– Này ta bắt được một viên Đại tướng, sao không giải về đây?

Tên tiểu hiệu nói:

– Được cả thảy ba viên Đại tướng

Thiện nói:

– Trong ba người ấy, có một hạc, hai gà. Ngươi mau ra tiền đồn bảo Triệu Hộ xem hôm nay ai liều chết đánh với ông ta, hãy đưa người đó về đây cho ta hỏi. Hai viên tướng còn lại cứ tạm giam tại chỗ, rượu thịt tử tế. Số hàng binh thì cấp lương thực cho ăn, đừng để thiếu.

Tên tiểu hiệu lĩnh mệnh chạy đi cấp báo. Các tướng đoán rằng Đoàn Phát phen này chắc chết, bèn đưa về viên môn ứng hầu.

Thiện thấy quân sĩ trói Đoàn Phát dẫn đến trước cửa, vội vàng bước tới quát mọi người lui ra, thân hành cởi trói cho Phát, rồi đẩy Phát ngồi lên chiếu trên, pha trà mời. Không ngờ Phát đưa tay gạt đổ chén nước, mắng Lê Thiện rằng:

– Ngươi là kẻ không có lương tâm, cùng sinh ở cõi Nam lại thông đồng với giặc Bắc, cùng chung một Tổ quốc mà bỏ rơi dân mình, sống tại nước nhà mà giở mặt phản chúa, kiếm cớ từ chối lời vời để lăm le chiếm đất, giả làm dân quê chỉ nhằm thể hiện sự bội nghịch tày trời, ta mặt mũi nào đi uống trà cùng ngươi? Mau mau chém ta đi, may ra đỡ thẹn là người phụ bạc.

Thiện cười nói:

– Ông mắng tôi, chẳng lẽ ông không nghe người ta nói đấy sao, rằng con chim khôn chọn cây mà đậu, kẻ hiền sĩ chọn chúa mà thờ. Ông có hoài bão kinh bang tế thế, việc gì phải để rơi vào tay kẻ bạo nghịch. Cứ theo cái chí của ông mà luận về việc làm của ông, thì khác nào xua hổ ăn thịt người, dạy vượn trèo cây, không khéo sẽ thành bia cười cho hậu thế.

Phát nói:

– Người con gái vì tình nhân mà trang điểm, kẻ sĩ vì tri kỷ mà liều thân. Ta làm việc quên mình là để đền ơn tri ngộ. Cổ nhân nói: "Đi xe của người thì phải che chở cho người lúc hiểm nguy; mặc áo của người thì phải đùm bọc cho người khi hoạn nạn". Ta lẽ nào vì lợi mà quên tình nghĩa?

Thiện nói:

– Họ Hồ tàn hại muôn vật, giết chóc dân lành, ác như Kiệt, Trụ [1]; giết vua cướp nước, tội quá Vương, Tào [2]. Huống hồ dân là dân nhà Trần, chúa là chúa nhà Trần. Việc dấy quân của Thiện này không nhằm lợi ích bản thân [3], mà chính là trên thì vì nước, dưới thì vì dân, lẽ đâu lại manh tâm tiếm thiết để thực hiện cái chí bấy lâu ôm ấp? Ông nếu rời nơi tối ra nơi sáng, bỏ chỗ tà về chỗ chính, thì không chỉ Hán Thương có thể diệt, mà họ Trần cũng phục hưng, nhân dân được hưởng phúc. Mong ông nhớ kỹ điều đó, chớ để bị chê cười.

Phát thấy Lê Thiện lời lẽ hùng hồn, ngay thẳng, xuất phát từ chân tình, liền bước xuống thềm bái phục xin hàng. Thiện đỡ dậy, dắt vào trong trướng cùng mưu tính việc quân.

Các tướng hỏi Lê Thiện:

– Có ba tay cừ khôi, Quân soái gạt đi hai là tại làm sao? Thiện nói:

– Tại các ông không suy xét đấy thôi. Hiến, Nhạc giúp Kiệt là điều bạo ngược, tội ác đầy rẫy. Ngày trước, lúc ở Cần Trạm, chính bọn Hiến, Nhạc đã giết Thiên Bình và tướng nhà Minh. Nay Bắc triều sang hỏi tội, là con em của Tiết Nham, Nhiếp Thông [4] lẽ nào họ lại không muốn giết để báo thù? Nếu ta chấp chứa Hiến, Nhạc, Bắc triều ắt bảo ta nuôi giặc. Chi bằng tạm để chúng ở đó cho quân Minh tới giết, ta khỏi mang tiếng là kẻ sát nhân, mà Bắc triều cũng thỏa chí phục thù của họ.

---

1. *Kiệt, Trụ:* tức Hạ Kiệt và Thương Trụ, hai tên bạo chúa ở Trung Quốc thời cổ, đời sau hay dùng hai từ này để chỉ những tên vua hung bạo.

2. *Vương, Tào:* tức Vương Mãng và Tào Tháo, những kẻ "giết vua cướp nước", mưu đồ "soán ngôi" thời Hán.

3. Nguyên chú: "Mà nổi dậy là để thoát khỏi cái nạn Quý Ly đó thôi".

4. *Tiết Nham, Nhiếp Thông:* những người được nhà Minh giao nhiệm vụ hộ tống Thiên Bình (= Trần Thiên Bình) về nước, bị tướng nhà Hồ là Dân Hiến và Bá Nhạc giết chết khi mới sang biên giới.

Các tướng nghe nói đều tin phục.

Thiện gọi Triệu Hộ tới bảo rằng:

– Việc trước tiên bây giờ là ngươi hãy đem quân đi đón tướng Bắc, đưa họ vào Tiền đồn nghỉ ngơi.

Các tướng nói:

– Không biết hôm nay họ đến chưa?

Thiện nói:

– Tối nay ắt đến!

Hộ vâng lệnh ra đi.

Lại nói Trương Phụ đem quân đuổi theo bọn Dân Hiến, nhưng không thấy tăm hơi, liền gọi người địa phương đến tra hỏi. Người địa phương nói:

– Chúng tôi thấy họ vào Ngọc Nhụy lâu rồi.

Phụ đang định dẫn quân đuổi theo thì vừa gặp Mộc Thạnh, Lý Bân thất tha thất thểu đi tới, kể lại chuyện quân Lê đốt tượng trận và quân Bắc đã bị giặc Hồ đánh bại như thế nào. Phụ hỏi:

– Bây giờ giặc đi đâu?

Thạnh đáp:

– Không rõ chúng hiện ở chỗ nào nữa.

Phụ nói:

– Vậy hãy đuổi theo những tên đầu sỏ trước đã!

Bèn gộp quân lại, xẻ núi đục đá, chặt cây san rừng mở đường mà tiến.

Đến Ngọc Nhụy, thấy có dãy rào cũ, Phụ cho quân quan sát hồi lâu. Chợt có người đi tới, Phụ hỏi:

– Ai đóng quân tại đây?

Người kia đáp:

– Dạo trước có một tốp quân tự xưng là "Lê nghĩa binh" dụ tướng nhà Hồ đến đây để đánh rồi đuổi vào tận trong rừng.

Phụ lập tức cho quân lao theo.

Đến Cẩm Đới, thấy bốn bề cây cỏ tan hoang y như một bãi chiến trường. Hoàng Phúc nghi ngờ hỏi dân sở tại:

– Quân đội nào đã đánh nhau ở đây?

Người trong thôn đáp:

– Lê Quân sư sai người dụ nguyên soái nhà Hồ tới đây, cho quân mai phục đánh một trận lớn, đến nỗi tướng nhà Hồ phải vất cả vũ khí, chỉ một mình tẩu thoát.

Phúc nói:

– Lê Thiện dùng binh thật như thần.

Lưu Tuấn nói:

–Mỗ nghiệm ra là từ việc đưa thư mách kế, quyết sách đánh thành, tượng trận đốt đồn, Ngọc Nhụy dụ địch, cho đến việc xảy ra ở đây, dẫu Y, Lã [1] cũng không ngoài những thứ đó.

Trương Phụ thấy hai người tán dương Lê Thiện, chột dạ nói:

– Hạng tép riu ấy thì làm nên trò trống gì! [2]. Chẳng qua là dựa vào cái thế của ta để hoạt động nên mới được nổi như vậy. Có gì mà các ông khen quá thế?

Phúc nói:

– Tướng quân chớ coi thường người ta. Nước Nam có những nhân vật như thế này, ta mà không khéo đối xử, sẽ gây không ít mối lo về sau.

Phụ ấm ức không trả lời [3], chỉ thúc quân sĩ tiến lên.

Đi chừng nửa buổi, Phụ thấy một đám binh mã cờ quạt sáng rực, cung kiếm tinh nghiêm, trên cờ đề chữ "nghĩa". Đi đầu là một viên Đại tướng tay cầm thần cung, mình ngồi tuấn mã, từ xa đánh tiếng:

– Tôi là Tiền quân Triệu Hộ vâng lệnh Quân sư từ xa đến đây đón Đại tướng, xin Đại tướng cùng đi.

Phụ thấy quân Lê, liền hỏi:

– Tướng giặc nay ở đâu?

Hộ đáp:

– Mỗ đã tóm được rồi.

Quân Minh nghe tên giặc sừng sỏ đã bị bắt, ai cũng mừng ra mặt, trầm trồ khen mãi. Rồi hai bên cùng hợp quân lên đường. Tới

---

1. *Y, Lã:* tức Y Doãn và Lã Thượng. Y Doãn giúp vua Thang; Lã Thượng giúp vua Vũ, cả hai ông Y, Lã hành động giống nhau, nổi tiếng là những bậc hiền tài.

2. Nguyên chú: "Lòng buồn rời rợi, giận lũ tiểu nhân".

3. Nguyên chú: "Chính từ sự ấm ức này mà về sau đẻ ra vô số trận đánh".

Hạc Hải, Hộ đưa Phụ vào Tiền đồn nghỉ ngơi.

Lại nói Đốc chiến quân Bắc Tiết Thạch và Nhiếp Hành nguyên là con của Tiết Nham và Nhiếp Thông. Trước kia khi thân phụ của họ hộ tống Thiên Bình về Nam, bị tướng nhà Hồ là Dân Hiến và Bá Nhạc giết chết. Khi nhà Minh đem quân sang dẹp giặc Hồ, Tiết Thạch và Nhiếp Hành đều quyết chí căm thù, tình nguyện tòng chinh. Thành Tổ cho họ sung vào quân đốc chiến trong trận nhổ thành Đa Bang. Hai người hận vì chưa bắt được bọn Hiến, cứ khóc than mãi. Nay nghe các tướng truy kích giặc đến Hạc Hải, họ mang gươm đi theo. Khi dò biết bọn Hiến, Nhạc đang bị giam tại Tiền đồn, họ đích thân tới đâm Hiến, Nhạc mỗi người một nhát, đoạn chạy đến trước Trương Phụ vừa lạy vừa nói:

– Tiểu hiệu nhờ oai thần của Đại tướng, đã giết được kẻ thù, nay xin đến chịu tội.

Trương Phụ nói:

– Ngươi trả được thù cho cha một cách ngoạn mục, chỉ tiếc là giết khi người ta đang bị trói, giết như thế chưa khoái lắm.

Hai viên tiểu hiệu lạy tạ bước ra.

Chợt thấy một người mặc áo vải, cưỡi ngựa trắng, dáng hình tuấn tú, mặt mũi nghiêm trang, tướng sĩ đứng vây hai bên, sai người vào cửa quân báo trước, nói là có Lê Quân sư đến đón. Hồi này tướng sĩ Bắc triều tuy nghe tiếng Lê Thiện, nhưng chưa biết mặt, nên đều túa ra xem, binh lính chật đường, ngựa không tiến được. Đặng Đôn phải quát lớn:

– Ba quân chú ý: nghiêm!

Tiếng Đôn vang như sấm, quân Bắc cả sợ đâu đứng nguyên đấy. Trương Phụ tuy trong bụng tức lắm, nhưng để lấy lòng mọi người, đã đích thân dẫn bọn Mộc Thạnh, Lưu Tuấn, Hoàng Phúc ra tận cửa quân để đón khách vào doanh trại. Cả hai bên chủ khách đều xuống ngựa vái chào, rồi kéo nhau vào trong trại. Sau phần nghi lễ, Thiện nói:

– Thiên binh từ xa xôi hạ cố đến tệ ấp, tiểu quốc xin nhận lỗi lớn.

Lưu Tuấn nói:

– May mắn được tiên sinh giúp mưu thần, nếu không, sao được thế này.

Đôi bên chuyện trò hồi lâu, Thiện nói:

– Trời tối rồi, nay tạm nghỉ. Sáng mai, xin mời các vị quá bước đến đồn nhỏ của chúng tôi để cùng bàn công việc.

Các tướng đều đáp:

– Vâng!

Thiện sai quân sĩ đem bò, dê đến biếu rồi quay về.

Thật là:

Giặc nghịch nghe hơi đà vỡ mật,
Quân Minh thấy bóng bỗng yên lòng.

Chưa biết việc quay về thế nào, hãy nghe hồi sau nói tiếp.

HỒI THỨ MƯỜI TÁM

Mộc Hữu tướng tiến công Đoàn Phát
Lê Tướng quân tập kích Đông Đô.

Lại nói Lê Thiện ra tiếp tướng nhà Minh xong, trở về Đại đồn [1] vào phòng trong, cùng Đoàn Phát bàn luận binh cơ, sủ quẻ tính toán. Đoàn Phát sực nhớ, hỏi Thiện rằng:

– Lê tôn bá [2] giờ đang ở đâu?

Thiện nói:

– Hiện ở cách đây không xa, nhưng ông hỏi để làm gì?

Phát đáp:

– Nay thiên hạ đại loạn, người có khả năng theo ý trời nắm lấy thời cơ để cứu dân ra khỏi cảnh gian truân, nếu không phải bậc thượng thánh và đám anh hùng, thì còn ai nữa? Chi bằng ta cử Tôn bá huynh làm chúa để dẹp trừ loạn lạc, vỗ về muôn dân, thì thiên hạ mới mong ổn định [3].

Thiện nghe xong, sợ hãi nói:

– Tiên sinh sai rồi! Vả thiên hạ là vật lớn, không phải thứ mà sức lực nhỏ nhoi, yết ớt [4] có thể chế ngự được. Gia đình tôi đức mỏng, đâu dám mong điều ấy! Huống chi dòng dõi nhà Trần hiện vẫn còn, khôi phục ngôi báu cho họ chính là dịp này đây. Vậy ta nên ra sức giúp họ để tránh sự dị nghị của người đời, thế cũng đã là may lắm.

Phát nói:

– Phúc nhà Trần đã hết, dù ông có bỏ công chèo chống để nâng đỡ trời, dốc hết kế mưu để thu gọn đất, e công việc cũng chẳng đi đến đâu. Đúng như người ta nói: "Trời không cho họ Lưu hưng thịnh thì

---

1. Nguyên văn viết là "Tiền đồn", có lẽ nhầm. Đây phải là "Đại đồn", tức đồn Tản Viên được nhắc tới ở hạ văn.

2. Chỉ Lê Lợi. Bên dưới, có chỗ còn gọi là "Tôn bá huynh".

3. Nguyên chú: "Rõ ràng Phát đã có ý lập họ Lê".

4. Nguyên văn: "Bạc lực tế cố". Thành ngữ này, đúng ra phải là "Bạc vật tế cố".

dù có trăm Khổng Minh cũng không phò giúp nổi". Vả lại, lũ bề tôi nhà Minh vốn tính gian tham, dòm ngó giang sơn ta không phải một ngày. Nay nhân nước ta đang có chuyện tranh chấp, họ chiếm đất đai ta, cai trị nhân dân ta, lúc bấy giờ muốn giành lại, phải tốn biết bao công sức. Mong minh công nghĩ cho.

Thiện nói:

– Quyền hành không thể đặt hờ, biến cố không thể liệu trước, cái cơ hưng phế đành phó mặc con tạo. Nếu ta mượn tiếng khôi phục nhà Trần để cướp phúc của họ, thì còn mặt mũi nào đứng giữa trời đất này nữa!

Hai người đàm đạo suốt canh thâu, bất giác phương Đông trời hửng sáng.

Thiện cho người tới Tiền đồn mời bọn Trương Phụ đến ngay đồn Tản Viên. Sau khi chia ngồi theo chủ khách, Thiện bảo bày tiệc rượu. Lại sai bọn hầu rượu đến tận chỗ chuốc mời. Tới dãy phía Tây, bọn hầu rượu nói:

– Kính mời Trương tướng quân cạn chén; kính mời Mộc tướng quân cạn chén; kính mời Hoàng tướng quân cạn chén.

Tiếp đó, lại sang dãy phía Đông nói:

– Kính mời Sùng tướng quân cạn chén; kính mời Triệu tướng quân cạn chén; kính mời Đoàn tướng quân cạn chén.

Bấy giờ Mộc Thạnh mới nhận ra người đang đối ẩm với mình kia chính là Đoàn Phát, tướng nhà Hồ, dạo trước từng phục kích quân Minh. Thạnh bừng bừng nổi giận, trừng trừng nhìn Phát tưởng đến rách khóe mắt. Phát cũng đột nhiên giận dữ, quắc mắt nhìn Thạnh, trong bụng tức anh ách. Hai bên gườm nhau một hồi, Thạnh bèn tuốt gươm ra, Phát cũng xách cung sấn tới cùng nhau ẩu đả. Thạnh lấy gươm đâm vào bụng Đoàn Phát. Phát tránh sang một bên, rồi dùng cung đập lên đầu Mộc Thạnh. Thạnh gạt đi... Trương Phụ thấy thế quát to:

– Mộc tướng quân sao vô lễ thế?

Lê Thiện cũng nói:

– Đoàn Phát hãy ngừng tay!

Hai người nói xong đều đứng lên ôm chầm lấy thủ hạ của mình.

Thiện đẩy Phát về dãy chiếu phía Đông; Phụ dắt Thạnh về dãy chiếu phía Tây [1].

Thiện nói:

– Trong quân đang vui, lại xảy ra chuyện hằn thù.

Phụ cũng vì việc này mà quở trách Thạnh. Thạnh nói:

– Hắn là bề tôi của giặc, lại giở trò quỷ kế, đặt quân mai phục bên đường để chống lại thiên binh, khiến tướng sĩ phải chạy bán sống bán chết. Nay gặp hắn ở đây, giết quách hắn đi cho rồi!

Thiện nói:

– Phát đã hàng rồi!

Thạnh nói:

– Hàng ông chứ không phải hàng tôi.

Phụ nói:

– Hàng Lê Quân sư tức là hàng ta, tướng quân không nhớ những lời Hoàng thượng căn dặn quân đội lúc ở Long Giang à? [2].

Hoàng Phúc nói:

– Cung đã giương lên, không thể không bắn. Ngày trước chưa phục thù thì là kẻ thù của ta. Nay đã hàng rồi thì thành tướng của ta. Giả sử tướng quân ở vào địa vị Đoàn Phát lúc ấy, liệu sẽ đánh hay đừng?

Thạnh tự biết mình sai bèn đứng dậy xin lỗi. Phúc khum tay quay về phía Lê Thiện hỏi:

– Nay giặc doanh trại đã mất, nhưng sào huyệt vẫn còn kiên cố, tiên sinh có kế gì chăng?

Thiện nói:

– Xin các ông đừng lo, Đông Đô đã lọt vào tay Thiện rồi!

---

1. Nguyên chú: "Trong cuộc hội kiến này không có Hiền vương, Hạng Vũ, mà có Hạng Trang, Hạng Bá. Vui thật!". Hạng Bá là chú ruột của Hạng Vũ. Khi Bái Công (= Lưu Bang) vào quan ải, Phạm Tăng khuyên Hạng Vũ nên đánh ngay. Hạng Bá vốn chơi thân với Trương Lương, đem chuyện này bảo cho Trương Lương biết để kịp thời lánh nạn. Không ngờ Trương Lương báo cho Bái Công hay. Bái Công bèn nhờ Hạng Bá hòa giải với Hạng Vũ. Ngày hôm sau, Bái Công đến yết kiến Hạng Vũ, cùng dự tiệc ở Hồng Môn. Hạng Trang rời chiếu đứng dậy múa kiếm, muốn ám sát Bái Công. Hạng Bá cũng rút kiếm đứng lên múa, dùng thân mình che cho Bái Công, nhờ vậy mà Bái Công thoát chết.

2.Nguyên chú: "Không sao nhớ nổi".

Trương Phụ ngạc nhiên hỏi:

– Tiên sinh có cách xuất quỷ nhập thần gì mà hạ được Đông Đô?

Thiện nói:

– Mỗ có hai người anh và một người con trai nữa, ý chừng đã đánh lấy nơi đó rồi. Sớm muộn sẽ có tin báo tiệp trong nội nhật ngày hôm nay thôi!

Các tướng nhà Minh nghe nói đều cười nhạt. Họ cho là chuyện tào lao, nên cứ thản nhiên uống rượu, đây không nhắc tới nữa.

Lại nói Lê Lợi sau khi được Lê Thiện trao cho kế sách, đã trở lại Mỹ Lương chiêu binh mãi mã, nuôi dưỡng quân sĩ, lấy Phan Liêu làm Tả quân, Xa Tam làm Hữu quân, Phạm Liễu làm Tiền quân, Phạm Yến làm Hậu quân, Nông Văn Chỉnh là Trung quân, Đinh Lễ và Lê Trãi làm Tả Hữu tham tán, Lê Thạch làm Tổng thống binh mã. Vào tháng chạp, ngày Kỷ Mùi, giết trâu bò khao đãi tướng sĩ. Vừa gặp lúc Đoàn Mãng dẫn 3.000 khinh kỵ theo về, Lê Lợi cử làm Tiền bộ Tiên phong, truyền lệnh canh tư thổi cơm, canh năm xuất quân ra thẳng Sài Sơn, đến Đan Phượng đồn trú. Đinh Lễ sai Đinh Tuận dẫn quân từ Đan Phượng tới Hát Giang, bịt chặt các con đường lớn nhỏ, hễ thấy quân Hồ trốn về thì tóm cho kỳ hết. Đinh Tuận đi không bao lâu, đã bắt sống hơn trăm người giải về, Đinh Lễ ra lệnh cởi bỏ quân phục khí giới, giam vào một nơi riêng, không để trốn thoát.

Quân sĩ vừa đem tù binh đi nhốt xong, thì đã có ngựa tuần tiễu về phi báo:

– Không biết binh mã ở đâu đang lướt tới như gió, xin Thượng tướng cho quân cự chiến.

Lợi liền lên ngựa ra cổng quan sát, thấy viên Đại tướng đi đầu là Lê Khâm, theo sau là Phạm Đán dẫn 500 tinh binh đi tới. Vừa thấy Lê Lợi, Lê Khâm vội vàng xuống ngựa sụp lạy nói:

– Cháu đến muộn, xin bác thứ lỗi!

Rồi Khâm cùng về với Lê Lợi. Khâm đem binh phù và ấn tín dâng lên. Lợi sai Lê Trãi viết tờ tâu, đóng dấu đỏ "Hồ Nguyên soái" [1], Đinh Lễ cải trang thành lính tiên phong của nhà Hồ. Lại sai Đoàn Mãng mang cờ hiệu quân Hồ, cầm binh phù tới Đông Đô. Các cánh quân khác nhổ trại đi sau.

---

1. Nguyên chú: "Ngày trước Thiện có ghé tai nói nhỏ "như thế... như thế..." đến bây giờ mới thấy rõ".

Ngày Mậu Thìn [1] tới Đông Đô. Lê Lợi phân công các tướng mai phục ở ba mặt, sai Đoàn Mãng đến cổng thành gọi cửa cấp báo. Lúc này trong thành Đông Đô toàn là văn thần, bên võ tướng chỉ có mỗi một người là Lã Trí làm Tổng thống quân quốc sự vụ, đôn đốc quân sĩ bảo vệ thành trì. Đang đêm nghe có người gõ cửa thành cấp báo:

– Thành Đa Bang đang nguy khốn, Nguyên soái có gửi tờ tâu về.

Viên gác cổng nói:

– Trong thành nghiêm cấm, đang đêm không thể mở cửa.

Đoàn Mãng nói:

– Nếu tờ tâu không đệ trình được, thì Đa Bang ắt bị mất.

Viên gác cổng thắp nến soi, thấy cờ hiệu Nguyên soái, kiểu quân phục cũng là người của mình, bèn nói:

– Có sớ hãy đưa lên đây!

Mãng buộc tờ sớ vào tên rồi bắn vào trong thành. Viên gác cổng mang sớ vào tâu. Hán Thương xem kỹ thấy rành rành có dấu ấn Nguyên soái, bèn cho phép mở cổng thành. Đoàn Mãng liền dồn quân ập vào chém chết ngay viên gác cổng. Hậu quân cũng tới nơi, đằng đằng sát khí. Lã Trí thấy động, dàn quân ra nghênh địch, gặp Đoàn Mãng ngay trên lối đi [2]. Hai bên đánh với nhau mấy trăm hiệp vẫn chưa phân thắng bại. Lính thị vệ vào tâu rằng:

– Trong thành bọn phỉ ùa vào gây rối, đang đánh phá rất gấp. Xin bệ hạ xuất bôn lánh nạn!

Hán Thương nghe theo. Vừa ra khỏi thành, thấy ba mặt lửa cháy rực trời, súng nổ dậy đất, Hán Thương cả sợ chạy vào cung dẫn một nhà già trẻ, hoàng thân, công tử, cùng văn võ cận thần theo cửa Đông chạy ra ngoài [3]. Lã Trí không hề hay biết, cứ mải mê đánh nhau với Đoàn Mãng cho đến tận sáng. Bấy giờ Phạm Yến xông tới, giương cung bắn một phát trúng vào tim Lã Trí. Trí lộn nhào xuống đất, quân Hồ tan rã.

Ngày Tân Dậu, lấy được Đông Đô. Lê Lợi vào thành vỗ yên trăm họ. Nhân dân trong thành đốt hương phủ phục bên đường nghênh

---

1. Nguyên văn là *"thú mạt"* 戍末, có lẽ khắc nhầm chữ. Căn cứ vào ngày "Kỷ Mùi" bên trên, đây tạm phiên âm là "Mậu Thìn", chờ tra cứu thêm.

2. Nguyên văn là *"Nhai hạng* 街巷 = đường lớn và lối đi ở thôn quê".

3. Nguyên chú: "Không biết 3.000 mỹ nữ có mặt trong số người chạy nạn này không".

đón. Lợi tìm lời an ủi, dụ rằng:

– Ta đến đây là để trừ bạo cứu dân, không làm hại điều gì.

Ra lệnh trong quân tơ hào không được đụng tới của dân, ai vi phạm sẽ xử trảm. Trăm họ vui mừng khôn xiết.

Lê Lợi ra lệnh dùng ngựa truy phong phi báo cho Quân sư biết. Khi tới đồn Tản Viên, tiệc rượu của tướng lĩnh nhà Minh cũng vừa tàn. Nghe tin quân Lê lấy được Đông Đô, mọi người đều kinh ngạc và thán phục. Mộc Thạnh nói:

– Quân sư mưu lược thần tình, khiến người ta không sao đoán nổi.

Thiện nói:

– Xin các vị khen ít thôi, Đông Đô tuy đã phá được, nhưng bọn cường tặc vẫn chưa bị diệt trừ, tướng sĩ còn phải nỗ lực hơn nữa để quét sạch bè lũ gian ác.

Mọi người đều nói:

– Đúng rồi!

Bọn Phụ đứng dậy đi ra.

Thiện gọi Đoàn Phát tới dặn:

– Ông ở lại đây phủ dụ dân chúng địa phương, đồng thời sai người sang Quảng Oai quan sát địa thế, nơi nào hiểm yếu, cứ vẽ thành bản đồ, chờ mỗ tới Đông Đô xem sự thể ra sao, sẽ bàn riêng sau.

Lại gọi Triệu Hộ tới, ghé vào tai nói nhỏ mấy câu, rồi cùng tướng Bắc tiến quân về Đông Đô. Thật là:

Hạ được thành trì, nhờ trí giỏi,
Đánh vào hang ổ, dựa mưu sâu.

Chưa biết tiến quân như thế nào, hãy nghe phần sau phân giải.

HỒI THỨ MƯỜI CHÍN

Trẩy Tây Đô, Bân trúng mưu thâm,
Chài Bích Hồ, Lợi được gươm báu.

Lại nói Lê Thiện cùng tướng nhà Minh tiến về Đông Đô, đi qua nơi nào cũng được nhân dân địa phương mang cơm nước ra tiếp tế. Lúc tới Đông Đô, họ được Lê Lợi dẫn tướng tá ra tận ngoài đón vào, hỏi han về tình hình của nhau nhân dịp Nam Bắc hội ngộ.

Các quận huyện thuộc lộ Tam Giang [1] đều đến cửa xin hàng. Quân Bắc đắc chí không còn biết kiêng nể ai, thường ra ngoài thành cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ, nhân dân khốn khổ, chạy tới Lê Lợi kêu cứu. Lợi sai người đuổi bắt. Quân sĩ đi không mấy chốc đã lôi về ba bốn tên. Lợi tuyên bố:

– Thiên binh tới đây là để giúp yên dân chứ không phải để hại dân. Vậy để các ngươi sống làm gì?

Lập tức sai đem chém [2]. Tướng tá nhà Minh trông thấy đều thất sắc, nhưng vì đuối lý nên không dám hé môi.

Lê Tuấn nói:

– Hán Thương trốn chạy, chắc là về Tây Đô [3]. Lê Quân sư có kế gì phá được hắn?

Thiện nói:

– Quý Ly ở Tây Đô nghe Đông Đô vỡ thế nào cũng bỏ thành mà chạy. Ta nên cho một viên Đại tướng tới nơi chiếm đất căn bản, rồi sẽ đánh dẹp các chỗ khác sau, đừng để chúng co cụm lại, giữ thành cố thủ, bấy giờ ta rất khó đánh.

Tuấn nghe theo, bèn sai Tham quân Lý Bân đem 10.000 quân tiến vào Tây Đô. Thiện nói:

---

1. *Lộ Tam Giang:* thuộc lưu vực của 3 con sông Lô, Thao và Đà.

2. Nguyên chú: "Tướng nhà Minh lấy đấy làm gương"

3. *Tây Đô:* nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Đây là kinh đô thứ hai của nhà Hồ.

– Mỗ có đứa con còn khờ khạo là Khâm cũng cho nó cùng theo, có việc gì sẽ bàn bạc với nhau mà thực hiện.

Phụ nói:

– Được lắm!

Lý Bân và Lê Khâm lên đường. Thiện chọn 1.000 quân tinh nhuệ cho đi theo Khâm. Lý Bân cho Khâm là tuồng trẻ con, mặt khác, oán trách Trương Phụ điều hành công việc thất sách, nên chẳng nói chẳng rằng, một mình dẫn quân đi trước. Đến sông Đồng Mai, Bân thấy sông rộng nước sâu, không thuyền đò gì cả, bèn ra lệnh cho quân dừng lại để chặt cây làm cầu chuyển quân qua sông. Khâm nghĩ bụng:

– Lý Bân khinh ta còn trẻ, không đáng để cùng y bàn việc. Vậy ta hãy tính cách riêng của ta thôi.

Bèn gọi Nguyễn Sản, Đỗ Dung đến bảo:

– Hai ông đem 600 tinh binh đến vùng thượng lưu sông Đồng Mai, trưng dụng thuyền bè của dân địa phương mà sang sông, đến mai phục ở huyện Thạch Thành, hễ thấy quân Nam và quân Bắc đánh nhau thì chia lực lượng thành hai đạo, một đạo đánh vào sau lưng giặc, đạo kia tiến vào Tây Đô để chặn quân ứng cứu.

Hai người tuân lệnh ra đi.

Lại nói Tây Đô nghe tin các quận huyện thuộc Đông Đô đều mất sạch, quân Bắc lại tiến vào thành, nhân dân trong thành nhốn nháo ngày bốn năm bận, Quý Ly hoang mang, muốn lánh vào Nam, nhưng đám bề tôi ngăn lại. Quan Thượng thư Phạm Kiến Lãm nói:

– Đây là đất căn bản, quân đội tinh nhuệ, thóc lúa đầy đủ, nếu bỏ mà không giữ thì biết nương thân vào đâu nữa. Chi bằng sai người khống chế các nơi núi sông hiểm yếu, rồi sau đó tuyển lính tiến ra lấy lại thành trì, khôi phục xã tắc. Nếu bệ hạ lánh vào Nam, thì thiên hạ biết lấy ai làm chủ để lo công việc?

Quý Ly nghe theo, bèn xuống chiếu sai Đại tướng Hàn Hùng ra quân chống địch.

Hùng nhận lệnh tiến đến Thạch Thành. Bấy giờ quân của Lý Bân đã vượt sông Đồng Mai, đang ào ào lướt tới. Hùng cho quân dừng lại, ra lệnh dân chúng dọc hai bên đường rời khỏi nhà, dùng dầu cá và diêm sinh rưới lên các căn nhà trống rồi chia quân mai phục.

Riêng Hùng dẫn một cánh quân lên phía trước dàn thành trận thế. Hùng dừng ngựa, ra đao, sẵn sàng chiến đấu. Lý Bân phi ngựa tới. Hùng không thèm nói nửa lời, vẫy quân giao chiến. Tiếng còi tiếng trống từ hai phía vang lên. Đánh nhau độ bốn năm hiệp, Hùng quay ngựa chạy. Bân xua quân sấn tới. Hùng kêu rằng:

– Các người không sợ chết sao?

Rồi Hùng múa đao quay lại đánh tiếp. Sau sáu bảy hiệp, lại bỏ chạy. Lý Bân đuổi riết theo. Đến Vũ Xá, thấy súng nổ liên hồi, lửa cháy rừng rực. Lửa càng cháy càng sinh ra gió; gió càng mạnh lửa càng lan nhanh. Phục binh nhất tề nổi dậy. Hàn Hùng dẫn quân quay lại làm cho Lý Bân khốn đốn tại Cai tâm [1]. Bân lao mình trong khói lửa, tả đột hữu xông, nhưng không sao thoát được. Sau lưng Hàn Hùng đang chém tới. Bỗng quân Hồ kêu giật giọng:

– Ở mặt sau có người tiến công ta!

Hùng dừng đao ngoái lại nhìn. Bân muốn nhân cơ hội này tìm đường tẩu thoát. Chợt thấy một viên tiểu tướng cưỡi ngựa giơ giáo từ bên trái xông tới đâm Hàn Hùng một nhát rơi xuống ngựa, đánh cho quân Hồ giạt ra, cứu thoát Hữu tướng họ Lý. Viên tiểu tướng ấy chính là Lê Khâm. Lý Bân hỏi:

– Tiểu tướng ở đâu mà đến cứu tôi?

Khâm đáp:

– Mỗ đoán tướng quân thế nào cũng trúng kế địch, nên đã chia quân mai phục đánh vào bộ phận hậu quân địch, khiến chúng phải quay lại cứu, mỗ nhân lúc địch không để ý mà giết chúng để cứu tướng quân.

Lý Bân cúi đầu đa tạ [2].

Hai tướng thừa thắng cho quân rượt theo diệt địch. Lúc tới Tây Đô, không thấy động tĩnh gì. Lý Bân lấy làm lạ, cho quân dừng lại. Bỗng nghe ba tiếng trống vang, trên thành có lá cờ đỏ đề chữ "nghĩa". Một viên Đại tướng kêu lớn:

– Tiền quân Triệu Hộ vâng lệnh Quân sư lấy ngôi thành này từ lâu rồi!

---

1. Hạng Vũ bị vây ở Cai Hạ, thua trận phải tự sát. Từ đó về sau, trong tiểu thuyết thường dùng thành ngữ "*Khốn tại Cai tâm* = khốn đốn tại giữa Cai Hạ" để chỉ "bị bao vây". "Cai" ở đây, chỉ "Cai Hạ" (theo *Khang Hy tự điển*, mục chữ "Cai").

2. Nguyên chú: "Đừng đa tạ. Đâu có chuyện tướng quân đi đa tạ con nít?".

Nói xong, sai mở toang cả bốn cửa thành. Lý Bân cả sợ, vào thành hỏi Triệu Hộ:

– Sao tướng quân lại đến đây?

Triệu Hộ nói:

– Khi Quân sư tới Đông Đô, có mật sai mỗ mang 1.000 quân đêm đi ngày nghỉ thẳng tới Tây Đô, giấu quân trong khu rừng bắc Cẩm Thủy, chờ lúc tướng nhà Hồ ra ngoài, sẽ đánh lấy thành [1]. Khi mỗ đến đây cho người dò la, biết Hàn Hùng đã dẫn quân ra khỏi thành, bèn thừa cơ đánh chiếm. Quý Ly đốt cung điện, kho đụn rồi tháo chạy. Mỗ cho quân vào thành dập lửa, sau đó rượt theo địch. Quý Ly chạy nửa đường thì bị Lê tiểu tướng sai Đỗ Dung chặn đánh, làm cho y hết đường tiến thoái, phải trốn ra biển, thế là trượt mất.

Lý Bân nói:

– Quân sư tính toán giỏi như thế, thật là bậc kỳ tài.

Bèn sai viết thư báo tin thắng trận. Khâm và Hộ cũng kéo quân về Đông Đô.

Trương Phụ mừng chiếm được cả hai Đô [2]. Lại thấy Giao Chỉ nào núi sông, thành quách, nào phố chợ, dân cư...nước giàu người đông, nam thanh nữ tú, Phụ sớm có ý muốn chiếm lấy, bèn dẫn tướng tá giả vờ đi thị sát các quận huyện để xem xét địa thế. Phụ ngờ họ Lê hoặc có âm mưu gì khác, bèn sai người đến mời cùng đi. Lợi nói:

– Đi thì đi, cần gì phải mời!

Thiện nói:

– Chúng chưa tin mình đấy thôi, nên mới muốn cùng đi với chúng. Đi thì đi có chi mà sợ!

Liền vui vẻ nhận lời.

Khi tới Bích Hồ, Thiện thấy có một làn khói trắng từ giữa hồ bốc lên, biết là có gươm báu, muốn quay về sai người mò lấy, ngặt vì hứa cùng đi với Phụ, chả lẽ lại thay đổi ý kiến, đành lặng lẽ lên đường.

Lê Lợi ở lại trong thành gặp ngày giỗ cha, sực nhớ thân phụ bình sinh thích ăn cá chày, sai quân sĩ tìm mua khắp nơi, nhưng chưa được, anh em Lê Lợi lấy làm bứt rứt. Thạch nói:

1. Nguyên chú: "Ở hồi trên, Lê Thiện có ghé tai nói nhỏ với Hộ mấy câu, đến đây sự việc mới lộ rõ".

2. Chỉ Đông Đô và Tây Đô.

– Bích Hồ vốn là nơi nuôi cá, chắc ở đó cá không ít, bá huynh thử sai người đến đó tìm xem, biết đâu lại chẳng có!

Lợi nói:

– Rất hợp với ý ta!

Bèn bảo bọn thuyền chài bủa lưới xuống hồ, không mấy chốc đánh bắt được nào cá mè, nào cá chép, nhưng tuyệt nhiên không thấy cá chày. Lợi nói:

– Cá tôm ê hề thế này, sao riêng cá chày chẳng có?

Bèn gọi Lê Thạch đến bảo:

– Hiền đệ một thuyền, mỗ một thuyền, mỗ với hiền đệ cùng đánh bắt, lẽ nào lại không được?

Thế là hai anh em cùng chèo thuyền ra giữa hồ quăng lưới, rong thuyền qua lại hàng chục lần mà lưới vẫn không động đậy. Lợi nói:

– Quái thật! Quái thật! Không thấy gì cả, sao thế nhỉ?

Nói xong, lại quăng lưới. Bỗng thấy lưới lay động. Lợi liền nắm giềng lưới kéo lên. Càng kéo, càng thấy nặng. Lợi nói:

– Mẻ này chắc không ít!

Rồi lại cố sức kéo. Khi lưới lên khỏi mặt nước. Lợi thấy bên trong không có gì khác ngoài một khúc gỗ cũ. Lợi nói:

– Cá sổng mất rồi! Tiếc thật! Tiếc thật!

Nói xong, nhặt khúc gỗ vất đi, rồi lại quăng lưới xuống. Lê Thạch nói:

– Lưới của mỗ được cá rồi, hẳn là con to lắm!

Nhưng khi kéo lưới lên thuyền, thấy bên trong không có gì khác ngoài một mẩu sắt cũ, Thạch cũng nhặt vất đi. Cứ thế năm ba bận, anh em chỉ lượm được mỗi một khúc gỗ và một mẩu sắt. Lợi nói:

– Trời đông rét mướt, gió lạnh thấu xương. Cá đánh bắt chẳng được, thôi hãy tạm về tìm thứ khác mà cúng vậy.

Bèn rời thuyền lên bờ, mang khúc gỗ và mẩu sắt về nhà xem kỹ lại. Hóa ra vật của Lê Lợi là một chuôi gươm lỗ cắm vẫn còn, vật của Thạch là một lưỡi gươm đốc chưa bị hỏng. Đem lưỡi gươm lắp vào chuôi gươm, thấy vừa vặn sít sao, không tháo ra được nữa. Hai anh em bèn mang vào cất trong trướng. Người đương thời có thơ rằng:

Vật thiêng đây vốn của trời trao,
Tỏa chiếu hào quang tận Đẩu, Ngưu.
Ba thước Long tuyền nơi đức độ,
Đế vương vẫn thuộc chúa Nam châu.

Lê Lợi sai quân sĩ giết trâu bò để cúng thân phụ.

Tối hôm ấy, Lê Thiện từ ngoài về, nhìn sang phía Bích Hồ không còn thấy làn khói trắng đâu nữa, trong lòng rất băn khoăn. Vào thành, đến trước bàn thờ cha vái lạy xong, Thiện trở ra khoản đãi các tướng tá, sau đó về phòng riêng nghỉ ngơi. Bỗng thấy ánh sáng đầy nhà, Thiện đến gần xem, hóa ra là một thanh kiếm. Thiện kinh ngạc hỏi bọn tiểu tốt:

– Gươm này từ đâu ra vậy?

Bọn tiểu tốt liền thưa:

– Hôm vừa rồi hai Đại tướng ra hồ đánh cá, bỗng được vật này!

Thiện mừng thầm là gươm thần đã lọt vào tay anh mình rồi, bèn lặng lẽ đi ngủ.

Sáng hôm sau, Thiện thấy lính gác vào báo Hoàng Thượng thư mời đến bàn việc. Thiện y phục tề chỉnh tới doanh trại quân Bắc, thấy văn võ đã ngồi đâu vào đấy cả. Thiện vào chiếu ngồi. Phụ hỏi:

– Tiên sinh sai Triệu Hộ đánh thành, sao không tóm luôn Quý Ly?

Thiện đáp:

– Mỗ hôm trước xem thiên văn, thấy chưa thể bắt được hắn.

Phúc nói:

– Tinh tượng Nam chúa ánh sáng chưa mờ, sao có thể bắt được. Kiến giải của Lê Công đại để cũng giống với cách nhìn của tôi [1].

Lưu Tuấn nói:

– Hai Đô đã vào tay ta cả rồi, nhưng bọn đầu sỏ giặc vẫn chưa trừ diệt. Các tướng nên gắng sức thêm phen nữa để quét sạch bè lũ gian ác.

Thiện nói:

– Cha con họ Hồ đã cao bay xa chạy, không đáng phải lo lắng. Nay ở Trù Giang, Bàn Than, Mộc Hoàn tướng giặc vẫn kiêu hùng, tụ

1.Nguyên chú: "Đã nói kiến giải đại để giống nhau, sao còn đi xâm chiếm nước người?"

tập hàng mấy vạn quân sĩ, nếu ta đem quân đi xa, chúng sẽ lập tức tung lực lượng tới đánh. Chi bằng chặt đứt vây cánh chúng trước, rồi hãy viễn chinh, làm một trận là định yên được đại cuộc.

Trương Phụ nghe theo, định ngày cất quân lên đường. Thật là:

Không lo trùm giặc tìm đường trốn,
Chỉ sợ cừ khôi trở mặt nhau.

Chưa biết cất quân như thế nào, hãy nghe hồi sau phân giải.

HỒI THỨ HAI MƯƠI

Sông Mộc Hoàn, Hồ tong hai tướng,
Cửa Muộn Hải, Minh nướng ba quân.

Lại nói Trương Phụ, Mộc Thạnh nghe theo kế sách của Thiện, lưu bọn Hoàng Phúc, Trần Hiệp ở lại cùng anh em họ Lê giữ thành.

Năm Bính Tuất, Khai Đại nguyên niên [1], mùa xuân, tháng giêng, ngày Giáp Dần, Phụ cất quân tiến về phía Trù Giang. Tướng giữ Trù Giang lúc này là Bình khấu tướng quân Trần Thừa nhân ngày xuân đẹp trời, tổ chức chè chén linh đình, thành quách không phòng bị, quân sĩ chểnh mảng lười biếng. Không ngờ Trương Phụ đột nhiên tới, Thừa dẫn quân ra nghênh địch. Phụ sai Lã Nghị ra đánh. Hai tướng đánh nhau đến 300 hiệp mà vẫn không phân thắng bại. Phụ mật bảo Mộc Thạnh đi tắt đường vòng ra phía sau đánh kẹp lại, quân địch liền thua to. Thừa quay ngựa chạy. Phụ và Thạnh vẫy quân sấn tới chiếm sách Trù Giang. Thừa chạy tới sông Vạn Kiếp. Phụ xua quân thẳng tiến đến núi Phả Lại, chém 30.000 thủ cấp, thây chết đầy nội, máu chảy thành sông.

Thừa một mình một ngựa trốn tới sông Bàn Than. Tướng trấn giữ ở đây là Mưu lược tướng quân Hồ Đỗ thấy Thừa thua chạy về, lập tức đem binh mã dàn thành trận thế, rồi cả hai cùng đứng ở trận tiền chờ địch tới. Lã Nghị đến nơi, thấy Trần Thừa đứng trên mình ngựa, bèn gọi to lên rằng:

– Thằng giặc chó má kia đã thua chạy, giờ còn muốn chống lại thiên binh à?

Thừa mắng lại:

– Dùng mưu gian cướp thành quách của ta, mi hãy về gọi bọn Phụ, Thạnh đến đây nộp mạng, bằng không, đừng hòng sống sót!

1."Bính Tuất" tương đương với năm 1406; "Khai Định nguyên niên" tương đương với năm 1403. Hai niên đại không khớp nhau. Nguyên chú: "Minh Vĩnh Lạc năm thứ 5", tức 1407, cũng lại không khớp. Như trên kia đã nói, các năm can chi cùng sự đối chiếu về niên hiệu giữa vua Việt Nam và vua Trung Quốc ở đây chỉ có ý nghĩa "tượng trưng", không cốt trăm phần trăm chính xác.

Lã Nghị nói:

– Thằng giặc chó má đã xảy chân mà còn dám khoác lác!

Nói rồi, liền vẫy quân xáp trận. Đỗ và Thừa vây chặt lấy Lã Nghị. Nghị tả xung hữu đột, cố sức đánh. Đương lúc ấy, Phụ và Thạnh từ phía sau Đỗ và Thừa lao tới, thấy Lã Nghị bị vây, liền chia quân cứu. Trần Thừa và Hồ Đỗ thua to, vội vàng chạy trốn. Thế là chiếm được vùng sông Bàn Than. Bọn Phụ vào thành an ủi trăm họ xong, lại tiến quân đến Lỗ Giang.

Thừa và Đỗ thu nhặt tàn quân chạy về sông Mộc Hoàn. Lang trung tướng Nguyễn Tử Nhân cùng Tham tướng Hoàng Thế Cương nói:

– Xin mời hai ông vào trướng phủ nghỉ ngơi!

Hai tướng nói:

– Chúng tôi bị giặc Bắc dùng kế cướp mất hai đồn trại, tức hết chỗ nói. Dám xin tướng quân cho 3.000 binh sĩ cùng chúng tôi đi lấy lại các đồn đã mất, giết lũ nghịch tặc.

Nhân nói:

– Hai ông mới vừa bị thua, không thể tiếp tục đưa quân đi!

Thừa và Đỗ cố nài nỉ. Hoàng Thế Cương nói:

– Đã thế, mỗ sẽ sắp sẵn 500 chiếc thuyền để hai ông đem thủy quân đi đánh địch. Còn về mặt bộ, bọn mỗ sẽ tự lo.

Thừa và Đỗ theo lời ra đi [1].

Bấy giờ Trương Phụ thừa thắng truy kích địch đến sông Mộc Hoàn, thấy thủy bộ hai đồn đều rất nghiêm chỉnh, bèn truyền lệnh chia quân thành 4 đạo với các nhiệm vụ: Mộc Thạnh chống cự với thủy quân, không để địch lên bờ; Vương Thông bên tả, Hoàng Trung bên hữu, chính giữa là Phụ sẽ phát lệnh chiến đấu. Nguyễn Tử Nhân xách đao xông ra. Phụ sai Chu Hoàng nghênh chiến. Hai bên đánh nhau được 50 hiệp, Hoàng Thế Cương từ phía sau lên tới hỗ trợ cùng Nhân. Phụ bèn cử Thái Phúc ra trợ sức cho Hoàng. Bốn ngựa giao phong. Đánh nhau chưa được mấy hiệp, Phụ thấy Nhân và Cương tinh thần mỗi lúc một thêm hăng, bèn mật sai Vương Thông và Hoàng Trung từ hai bên đánh vào bên tả và bên hữu của hai tướng, đồng thời xua quân lăn xả tới. Vương Thông bất ngờ đâm Tử Nhân một nhát rơi xuống ngựa. Hoàng Trung từ bên phải giương cung bắn

---

1.Nguyên chú: "Vậy là Nhân và Cương đã có người chết thay cho. Đấy cũng là may nhờ trời".

Thế Cương một phát trúng tròng mắt, Cương ngã nhào xuống đất, bị quân đối phương giết chết. Chém được hơn 100 thủ cấp. Quân Hồ chạy tán loạn. Thừa và Đỗ muốn đem quân tới cứu, nhưng bị Mộc Thạnh đánh lui. Hai người bèn dẫn 10.000 quân xuống thuyền, rời khỏi vùng hạ lưu chạy về Giao Thủy.

Sau chiến thắng sông Mộc Hoàn, Phụ cho quân trú lại, sai người đi do thám. Được mấy hôm, thám tử về báo cáo:

– Quân giặc hiện tụ tập ở cửa Muộn Hải, Quý Ly và Hán Thương cũng đang ở tại đấy, thế lực rất mạnh.

Trương Phụ cậy mình vừa thắng liên tiếp, nói:

– Ta đến đâu vô địch đến đấy, sợ gì chúng mạnh với không mạnh.

Lập tức xua quân bám sát địch tới Giao Thủy, đồng thời sai người phi báo cho các cửa biển biết trước. Lại gọi đô đốc Liễu Thăng tới họp. Thăng được lệnh, đốc suất các đạo thủy quân cùng đến, đến gặp Phụ ở Hưng Giang. Phụ và Thăng hợp quân tiến về cửa Muộn Hải.

Bấy giờ Quý Ly bỏ Tây Đô chạy ra ngoài biển, gặp Hán Thương, cha con và quần thần tụ tập ở cửa Muộn Hải, quân sĩ còn khoảng năm sáu vạn người. Được tin tình báo cho biết Trương Phụ sắp đến, cha con Hồ Quý Ly họp quần thần lại bàn rằng:

– Nay giặc đang thừa thắng ruổi quân đánh xa, thế như chẻ tre, các khanh cho rằng ta nên dùng kế gì để đẩy lùi quân địch?

Trụ quốc Quý Liệp thưa rằng:

– Đây tuy là vùng ven biển, nhưng phi lao, sú vẹt rậm rạp, có thể đặt phục binh chờ giặc tới mà diệt, ắt thu toàn thắng!

Quý Ly tán thành, lệnh cho Trần Thừa mai phục ở trại Nam Chiểu, Hồ Đỗ mai phục ở sách Hà Lạn để chống bộ binh địch. Lại sai Tham tướng Đoàn Trực, Nguyễn Hoà đem thuyền nhỏ mai phục giữa các bãi cỏ sình lầy dọc hai bên bờ, Quý Liệp thì đích thân chỉ huy các thuyền lớn chắn ngang sông đương đầu với địch. Các tướng nhận lệnh ra đi.

Trương Phụ chia quân thành hai cánh tả, hữu cùng tiến. Liễu Thăng đi thuyền tới. Quý Ly lệnh cho Phạm Kiến Lãm đem mấy chục chiếc thuyền nhỏ lên phía trước dụ địch. Trương Phụ nom thấy, chỉ huy thủy quân đánh gấp. Phạm Kiến Lãm vừa đánh vừa chạy, chửi rằng:

– Lũ chuột bọ chúng bay muốn toi mạng à?

Liễu Thăng điên tiết lên, xua quân lao vào đâm chém. Trương Phụ

thấy mặt đường bộ không có ai, yên tâm tiến quân. Bỗng thấy một tiếng súng nổ, phía bên trái Hồ Đỗ thình lình xông ra, khiến Phụ quáng mắt, nhìn cây cỏ ngỡ là quân Hồ, bèn quay đầu chạy [1]. Hồ Đỗ sấn lại đâm chết chỉ huy Khương Bích [2]. Trần Thừa từ bên phải chém tới, Mộc Thạnh kinh hoàng, nghe tiếng sóng biển dội vào như muôn nghìn xe ngựa, bèn cướp đường tẩu thoát. Đốc chiến Tiết Thạch bị Trần Thừa giết chết [3]. Liễu Thăng đang ở giữa sông, không may gặp lúc thủy triều xuống, thuyền mắc cạn, không tiến được. Bên trái thì Doãn Trực, bên phải là Nguyễn Hòa cùng đẩy thuyền ra diệt địch. Đạn bắn như mưa sa, giáp đâm tua tủa, Thăng liền bỏ thuyền nhảy xuống nước bơi trốn. Hơn 30.000 quân Bắc bị chết, nước sông không chảy được [4].

Quý Liệp thắng trận trở về, Hán Thương hỏi:

– Sao không truy kích chúng?

Liệp thưa:

– Giặc tuy thua, binh tướng hãy còn nhiều. Dốc lực lượng đuổi theo chúng, e trúng kế gian [5]. Chi bằng kéo quân về sửa sang chiến cụ, sau đó tiến đánh cũng không muộn.

Hán Thương nói:

– Chiến cụ thế nào?

Liệp thưa:

– Nay bọn chúng thuyền chiến nhiều, ta mà không có kế hoạch phòng ngự, e khó giành thắng lợi. Cần trưng dụng thuyền đánh cá vùng ven biển khoảng hơn nghìn chiếc làm chỗ chứa, chở gỗ dựng rào, cung nỏ giấu kín bên trong, giáo mác dựng ngoài để phòng chống giặc [6].

Hán Thương nói:

– Việc quân cứ tùy nghi mà làm.

Quý Liệp nhận lệnh ra đi.

Thật là:

Trước bày diệu kế thu thành tích,
Sau đặt kỳ mưu để lập công.

Chưa biết việc này thế nào, hãy nghe phần sau phân giải.

---

1. Nguyên chú: "Phù Kiên lúc ở núi Bát Công nhìn cây cỏ cũng tưởng là địch".
2. Nguyên chú: "Để tạ lễ Hoàng Thế Cương ở sông Mộc Hoàn".
3. Nguyên chú: "Để tạ lễ Nguyễn Tử Nhân".
4. Nguyên chú: "Để tạ cái lễ núi Phả Lại".
5. Nguyên chú: "Nhân lúc giặc thua mà đuổi đánh, chúng còn giở kế gì?
6. Nguyên chú: "Để chuẩn bị hỏa công".

HỒI THỨ HAI MƯƠI MỐT

Thiện dùng lửa, Hồ Thị nướng quân,
Lợi được mưa, Quý Ly mất nước.

Lại nói Trương Phụ thua chạy tới Hát Giang, chia quân đồn trú, sai sứ về Đông Đô mời anh em Lê Lợi đến bản doanh bàn công việc.

Sứ giả đến, Lê Lợi hỏi riêng Lê Thiện rằng:

– Trương Tổng binh thắng liên tiếp như vậy, hà tất phải đến mời ta?

Thiện nói:

– Bằng lòng với thắng lợi cỏn con, không lo phòng bị, ắt sẽ dẫn tới thất bại lớn. Vì lẽ ấy mà họ đến vời ta.

Lợi hỏi:

– Vậy ta nên đi hay không đi?

Thiện đáp:

– Nếu không đi, họ sẽ cho là ta sợ, nên chi cứ đi. Việc bắt cha con Quý Ly nội trong năm nay là có thể làm được.

Hai anh em bèn nhận lời vời của Trương Phụ, nhổ hết trại, đưa quân lên đường.

Đi không đầy hai ngày, Lợi và Thiện đã đến Hát Giang. Quân Bắc thấy họ tới, mừng rỡ nói:

– Lê Quân sư đã đến!

Bọn Phụ ra tận cửa đón vào trong trướng, sai bày rượu thết đãi. [1] Phụ kể lại việc thua trận hôm trước. Thiện nói:

– Không một lần thất bại, không thể có thắng lợi. Chờ mỗ dò la xem tình hình địch như thế nào, rồi sẽ bàn sau.

Rượu xong, Phụ sai lấy một chiếc thuyền nhỏ ngụy trang thành thuyền đánh cá đưa cho Thiện dùng, Lợi cũng ra bên ngoài ở.

Thăng nói:

– Hạng tiểu nhân giường ấy, sao Tổng binh lại trọng vọng như thế?

---

1. Nguyên chú: "Đáp lại việc Thiện đón tiếp ở đồn Tản Viên hôm nào".

Phụ nói:

– Anh em Lê Lợi dấy binh hiệp sức cùng ta phá giặc.

Thăng nói:

– Sao chúng dám xưng sư xưng tướng?

Phụ nói:

– Anh xuất phát từ lợi ích của anh, tôi xuất phát từ lợi ích của tôi. Nếu không mạnh dạn nâng mình lên, thì làm sao điều khiển được dân chúng An Nam?

Thăng nói:

– Bọn giặc cỏ An Nam bất quá là cáo mượn hơi hùm, ta xem chúng như tuồng nhãi nhép [1] không đáng đếm xỉa.

Nói xong, giũ áo ra đi.

Lại nói Lê Thiện phóng thuyền nhỏ tới trước doanh trại quân Hồ quan sát hồi lâu. Quân Hồ sớm phát hiện, vào báo cáo rằng:

– Bọn phỉ đang dòm dỏ tình hình hư thực của ta.

Quý Ly cả giận, cho người đuổi theo. Thiện thấy trong trại bóng cờ lay động, liền ra lệnh cho quay thuyền về. May gặp gió xuân thổi mạnh, buồm lướt như bay, quân Hồ không sao đuổi kịp.

Về tới doanh trại, Thiện bảo Trương Phụ rằng:

– Bọn giặc này phải dùng kế mà đánh.

Phụ hỏi:

– Kế như thế nào?

Thiện đáp:

– Nếu mỗ nói toạc ra, Liễu tướng quân chưa hẳn đã tin [2], công việc do vậy sẽ không thành. Chi bằng tướng quân tự mình điều hành lấy.

Rồi ghé vào tai Phụ nói hết kế hoạch đã tính toán. Phụ cả mừng bèn họp các tướng lại truyền rằng:

– Liễu Đô đốc đem quân thuyền đến khuỷu khe Hàm Tử. Đây là nơi lau sậy rậm rạp, có thể đậu thuyền, cờ trống giấu kín, im ắng chờ

---

1. Nguyên văn: "*Hủ thử* = con chuột thối nát". Đây dịch thoát.

Nguyên chú: "Lưu Tuấn xem Lê Thiện như Y, Lã; Liễu Thăng xem Lê Thiện như nhãi nhép. Đúng là bê con dại dột không biết sợ lão hùm".

2. Nguyên chú: "Bụng dạ của Thăng như thế nào, Thiện đã nhìn thấu hết"

giặc đi qua, ta sẽ phóng thuyền ra, từ sau lưng địch đánh kẹp lại. Vương Thông dẫn 3.000 quân đến mai phục ở sau Phú Sách. Chu Quảng đem 3.000 quân sang sông, mai phục ở hai bên mặt hậu trại Giám Lục, hễ thấy trên sông nổi lửa thì đánh vào bộ binh của giặc. Hoàng Trung, Lã Nghị lấy khoảng 300 chiếc thuyền tải rơm, củi có tẩm các chất dẫn lửa như dầu, nến, diêm sinh đến chực sẵn ở cửa Hưng Giang, khi giặc tới, phóng hỏa đốt thuyền thả cho trôi xuống, rồi dẫn quân xuôi theo sông mà đánh. Ngô Ban đem 500 người cùng 20 chiếc thuyền nhỏ lên phía trước dụ địch tới vùng thượng lưu, rồi dồn quân trợ chiến với hai tướng Hoàng và Lã.

Ngô Ban được lệnh, cho quân thuyền xuất phát.

Bấy giờ quân Hồ thám thính được tin, liền chạy về trại Nam cấp báo. Quý Liệp vào tâu rằng:

– Nay chiến cụ đã sẵn sàng, quân giặc lại tới, xin bệ hạ sớm ban dụ chỉ sáng suốt.

Hán Thương nói:

– Khanh làm sao để có một trận thắng thật giòn giã, rồi sớm báo tin vui để thỏa lòng trông mong của trẫm [1].

Quý Liệp kính cẩn nhận lệnh, sai Hồ Đỗ cùng Nguyễn Hoà đem 10.000 quân theo tả ngạn sông chống cự với bộ binh địch; Trần Thừa cùng Doãn Trực đem 10.000 quân theo đường bộ bên hữu ngạn sông đón giặc; còn mình thì cùng Thượng thư Phạm Kiến Lãm quản lĩnh mặt đường thủy ở giữa. Các cánh quân thủy bộ cùng tiến.

Gặp Ngô Ban đang ngáng giữa sông, Kiến Lãm nói:

– Đại tướng xuất chinh đây, ngươi hãy mau mau nộp thủ cấp.

Ngô Ban đứng ngay đầu thuyền múa đao nói:

– Mi về bảo cha con Quý Ly tới đây đọ sức cùng ta, còn mi là hạng oắt con, ta không thèm chấp.

Quý Liệp nghe nói, bừng bừng nổi giận, vẫy quân xáp chiến. Gươm chỉa rợp trời, chèo khuấy dậy nước. Ngô Ban vừa đánh vừa chạy. Đến đồn Hát Giang, Thiện bảo Trương Phụ cũng nhổ trại chạy nốt. Quý Liệp nhìn thấy, vẫy quân tả hữu đuổi theo, dưới sông thuyền hậu cần nối đuôi nhau hơn 10 dặm, trên bờ bộ binh lũ lượt tiến. Khi địch tới sông Phú Lương, Hoàng Trung phóng hỏa đốt

---

1. Nguyên chú: "Khiến trẫm phải chạy trước".

thuyền thả cho trôi xuống. Lửa cháy sinh ra gió, thuyền thuận dòng lao tới như bay, chẳng mấy chốc mà cả đoàn thuyền hậu cần của quân Hồ đều bốc lửa, đỏ rực cả một vùng trời nước. Ở hạ đạo, Liễu Thăng từ khuỷu khe Hàm Tử cho thuyền lao ra chặn mặt hậu của địch, rồi chia quân từ hai bên đánh kẹp lại. Hồ Đỗ và Nguyễn Hòa từ bên trái dẫn quân đến cứu, bị Chu Quảng ở phía sau chém tới. Trần Thừa và Doãn Trực từ bên phải đưa lực lượng tới chi viện, thì vừa gặp Vương Thông bám đánh ở phía sau. Hai bên giao chiến, quân Hồ liều chết mà đánh, kẻ sứt đầu, người mẻ trán, bị giết và bị bắt đến mấy vạn người, thây trôi đầy sông, máu chảy đỏ nước. Quý Liệt và Kiến Lãm thoát chết, vớ được chiếc thuyền con liền chèo vào bờ chạy trốn. Phụ gom quân đuổi theo đến tận cửa Muộn Hải. Bấy giờ cha con Hồ Quý Ly thấy quân mình thua to, bèn trốn về Nghĩa An. Thượng thư Phạm Kiến Lãm ra hàng. Phụ vỗ về trăm họ.

Tháng tư, Phụ dẫn tướng tá cùng anh em họ Lê chia đường truy kích địch, tới cửa Kinh Thước phủ Kiến Hưng. Quý Ly thu thập tàn quân cùng với dân binh được khoảng ba bốn vạn, chia ra đóng các nơi. Trương Phụ mời Lê Thiện theo đường bộ, Lê Lợi và Mộc Thạnh theo đường thủy cùng tiến quân. Mộc Thạnh bảo Lê Lợi rằng:

– Ông vốn là người Nam, am hiểu địa hình, nên đưa thuyền chiến đi trước, mỗ sẽ đi sau.

Lợi vui vẻ nhận lời, dẫn quân theo cửa Kinh Thước tiến thẳng vào. Bấy giờ Quý Ly đang đóng quân tại sông Trà Long, lệnh cho quân sĩ khâu túi đựng cát bịt chặt thượng nguồn, lại sai tướng tá chia quân mai phục ở hai bên sông. Sau đó lại bảo Quý Liệp chuẩn bị tàu thuyền để chống địch trên sông.

Lại nói Lê Thiện trước đó cho người do thám, biết quân Hồ chia đường theo sông Trà Long mà xuôi xuống. Thiện sinh nghi, gọi Vinh Quang và Đặng Đôn tới bảo:

– Các ngươi đem 5.000 quân đến bờ đông sông Kinh Thước tuần tiễu, sự thể thế nào, về báo ngay cho ta biết. Hai người tuân lệnh ra đi.

Bấy giờ Lê Lợi dẫn quân thuyền đến địa phận Thanh Hà, nước sông tự nhiên cạn hết, thuyền không đi được. Lợi sai quân sĩ leo xuống sông đẩy thuyền. Bỗng thấy một tiếng súng nổ, hai bên tả hữu vang lên tiếng la hét, gọi nhau xông vào giết. Lợi sai Đoàn Mãng, Phạm Liễu chia quân chống địch. Hai người chiến đấu hồi lâu, tên đạn đều hết sạch, thế không thể thoát. Từ thượng lưu, quân Hồ cho

mấy chục chiếc thuyền nhỏ đánh xuống, tên bắn như mưa [1]. Lợi ngoái đầu nhìn lại, thấy không còn cách gì để lên bờ được nữa, bèn than thở:

– Mệnh ta hết rồi!

Bỗng Xa Tam vụt ra nói:

– Minh công chớ lo, thần xin đương đầu cùng giặc.

Nói rồi xông lên đánh địch. Quân Hồ thủy bộ ba mặt giáp công. Xa Tam múa gươm, khiến tất cả tên bắn tới đều rào rào rơi xuống nước. Lợi hoảng sợ ngửa mặt lên trời khấn rằng:

– Lợi tôi vì dân diệt giặc, không ngờ bị nguy khốn ở đây, cúi mong Hoàng thiên, Hậu thổ hãy cứu đám sinh linh.

Khấn xong, trời liền đổ mưa, nước sông dâng cao đến mấy thước [2]. Tướng sĩ reo mừng nói:

– Trời giúp ta rồi!

Các mái chèo lại khua nước. Người đời sau có thơ rằng:

Rồng rắn đua tranh nước sục sôi,
Giáo gươm tua tủa một phương trời;
Lôi Công ví chẳng ra tay giúp,
Một cõi sinh linh thảy bỏ đời.

Quân Hồ đánh đang hăng thì hậu đạo của quân Minh xộc tới. Chu Quảng nhảy lên bờ, lùng sục miệt tây Kinh Thước, gặp tướng nhà Hồ là Nguyễn Hòa đang đánh nhau với Xa Tam ở ven sông. Quảng quay lại trợ chiến, đâm chết Nguyễn Hòa trong thung lũng, rồi xua quân đánh mạnh.

Lại nói Vinh Quang và Đặng Đôn tới bờ đông Kinh Thước, thấy Doãn Trực và Phạm Liễu đang đánh nhau ngay bên sông, Đông xách đao xông vào chém Doãn Trực đứt thành hai khúc, quân Hồ chạy tan tác. Lợi nhờ vậy được giải nguy, cho quân thủy bộ cùng tiến.

Tháng năm, ngày Giáp Thân, Trương Phụ dẫn quân từ Đông, Tây hai phía men theo sông thẳng đến sông Trà Long. Quân thuyền của Liễu Thăng cũng vừa tới nơi, đánh bại quân Hồ, thu được 300 chiếc thuyền. Bọn Quý Ly bỏ thành chạy trốn. Quân Lê và quân Minh phối hợp đuổi

---

1. Nguyên văn: "*Thỉ như phi hoàng* = tên bắn như sâu keo bay". Đây dịch thoát.

2. Đây là thước ta, khoảng 0m33.

theo đến cửa biển Kỳ La [1], làm cho quân Hồ phải nhiều phen khốn đốn, tướng tá mạnh ai nấy chạy.

Ngày Ất Mão, Liễu Thăng dẫn vệ binh Vĩnh Định gồm Vương, Sài, Hồ v.v... cả thảy 7 người đi tầm nã, biết Quý Ly đang ẩn trong núi, liền xua quân vào lùng sục, bắt được Quý Ly và con là Quý Trừng trói đưa lên xe. Ngày hôm sau, người địa phương là Vũ Như Khanh bắt được Hán Thương và Thái tử Nhuế, cùng tướng văn tướng võ, kể cả bọn vương hầu và Thượng trụ quốc Lê Quý Liệt, tất cả đều bị trói dẫn tới cửa quân.

Ngày Đinh Tỵ, toàn bộ lực lượng nhà Hồ đều bị tiêu diệt.

Thật là:

Bảy năm vương bá, đâu sự nghiệp?
Một dải sơn hà, phút sạch tay!

Chưa biết sau khi dẹp xong nhà Hồ, tình hình như thế nào, hãy nghe hồi sau phân giải.

1. *Cửa biển Kỳ La*: nay thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

QUYỂN 2

HỒI THỨ HAI MƯƠI HAI

Chiếm An Nam, Phụ hiến bản đồ,
Bình Giao Chỉ, Minh ban chức tước.

Lại nói Trương Phụ sau khi bắt được họ Hồ, bình định được An Nam, tỏ vẻ dương dương tự đắc, quyết chí thôn tính, bèn sai người vẽ bản đồ nước Nam. Phàm núi sông thành quách, quận huyện châu phủ, hộ khẩu gia súc, khí giới lương thuyền đều theo thực số mà chép thành một quyển để đối chiếu. Tiếp đó, bảo các tướng chia nhau đi các quận thăm hỏi, hiểu dụ. Xong đâu đấy, Phụ cùng anh em Lê Lợi trở về Đông Đô mở tiệc mừng công, khen thưởng.

Lê Lợi nói với Phụ:

– Nước Nam ở lánh một phương, bị gian thần tiếm thiết; thiên triều không nỡ bỏ mặc, lệnh tướng xuất chinh; kết quả đảng nghịch bị bắt, muôn nhà vui mừng. Vậy xin lập con cháu nhà Trần [1] để yên lòng trăm họ.

Phụ nói:

– Hôm nay là bữa mừng công, hãy say sưa cái đã!

Nói rồi liền ra ngoài, mật sai người đi xúi giục dân xin lập lại chế độ quận huyện. Tiệc vừa mãn, đã thấy ngoài cửa có ba bốn kỳ lão phủ phục dưới đất kêu rằng:

– Họ Trần không còn ai nữa, xin lập lại chế độ đô hộ như nhà Hán, nhà Đường thuở trước!

Phụ nói:

– Lòng dân đã vậy, các tướng thấy thế nào? Chi bằng hãy tâu thắng lợi về triều, dâng tù binh và xin chỉ thị, sau đó việc lập hay

1.Nguyên chú: "Đau đáu không quên".

không lập con cháu nhà Trần mới có thể quyết định được.

Lợi từ giã, trở lại bản doanh nói cùng các tướng:

– Bọn Minh muốn chiếm nước ta!

Phạm Đán nói:

– Xin chém sạch bè lũ cướp nước rồi tôn lập minh công để định yên xã tắc. Lẽ đâu ta lại chịu khuất trước đám vô lại này?

Thiện nói:

– Các ông sai rồi. Nước ta vốn là thần tử của Trung triều, hãy chờ xem họ thỉnh thị ý kiến như thế nào đã, rồi sau ta mới có cớ mà hành động.

Các tướng đều hiểu ra. Bấy giờ Trần Giản Định, Trần Quý Khoáng thấy tướng nhà Minh không muốn khôi phục họ Trần, đã tìm đường lẩn trốn.

Trương Phụ cho thảo tờ lộ bố, sai bọn Liễu Thăng đóng cũi giải Quý Ly và đồng bọn về Bắc Kinh [1]. Thành Tổ nghe tin thắng lợi, họp văn võ bá quan tại cửa Phụng Thiên để tiếp nhận tù binh, ra lệnh cho quan Tả thị lang Bộ Binh là Phương Tân đọc bản lộ bố. Nghe đến câu "Giết chủ cướp nước, tiếm ngôi đặt niên hiệu", Thành Tổ bèn hỏi Quý Ly rằng:

– Đạo làm tôi mà lại như thế ư?

Quý Ly cứng họng không trả lời được. Bèn hạ chiếu giam Quý Ly và Hán Thương vào ngục, còn con là Trừng và cháu là Nhuế thì đều được thả. Về sau Quý Ly được phóng thích, cho đi canh giữ vùng biên Quảng Tây; hai con là Thương và Trừng do thạo về vũ khí nên được tha để sử dụng. Lại đưa sắc chỉ sang An Nam gọi Trương Phụ về triều, ra lệnh cho Mộc Thạnh, Lưu Tuấn, Hoàng Phúc xem ở Giao Chỉ có người nào tài đức, hãy đưa về Kinh sư để cất nhắc.

Năm Đinh Hợi (Minh Vĩnh Lạc thứ 6), mùa xuân, tháng 3, Trương Phụ từ Giao Chỉ trở về, đem bản đồ An Nam dâng lên, đất đai từ Đông sang Tây dài 1.760 dặm, từ Nam chí Bắc dài 2.800 dặm. Lại tâu rằng:

"An Nam vốn là đất Trung Quốc, con cháu họ Trần nay không còn ai để kế nghiệp, các vị bô lão và dân chúng trong nước đều xin

---

1.Theo ĐVSKTT thì cha con Hồ Quý Ly và các bề tôi bị giải về Kim Lăng (Nam Kinh)

lập quận huyện theo chế độ Trung Quốc. Thần xin đặt hai sứ ty là Bố chính và Án sát Giao Chỉ, chia đất ấy thành 17 phủ là Giao Châu, Giang Bắc, Lạng Giang, Tam Giang, Kiến Bình, Tân An, Kiến Xương, Phong Hóa, Thanh Hóa, Tuyên Hóa, Thái Nguyên, Trấn Man, Lạng Sơn, Tân Bình, Nghĩa An, Thuận Hóa, Thăng Hoa, và 47 châu, 157 huyện, 11 vệ, 3 sở, 1 ty Thị bách. Đổi Kê Lăng thành Trấn Di Quan; xây dựng các nha môn lớn nhỏ cho quan dân tại 472 nơi. Lại vỗ yên nhân dân được tất cả 2.200.000 hộ; bắt được 2.087.500 người Man; thu được 13.600.000 thạch lương thực. Ngoài ra, còn có 135.900 voi, ngựa, bò; 8.700 chiếc thuyền; 20.539.000 vũ khí [1]".

Thành Tổ chuẩn y lời tâu [2], khen thưởng úy lạo, cho mở tiệc ở phủ Đô đốc thuộc trung quân. Mỗi quân nhân được thưởng 5 thoi bạc.

Mùa thu, tháng 7, Thành Tổ hỏi Thượng thư Bộ Hộ Hạ Nguyên Cát:

– Thăng và thưởng, đằng nào hơn?

Cát thưa rằng:

– Thưởng thì chi phí nhất thời mà lại có mức độ; còn thăng thì chi phí về sau mà lại lâu dài. Cho nên thăng nhiều vẫn hơn là thưởng hậu.

Thành Tổ nghe theo, bèn tiến phong Tân Thành hầu Trương Phụ làm Anh quốc công, Bình Tây hầu Mộc Thạnh làm Kiềm quốc công, Lý Bân và Trần Húc mỗi người được tặng thêm 500 thạch lương bổng, tiến phong Vương Hữu làm Thanh Viễn hầu [3]. Đô đốc Liễu Thăng được phong làm An Viễn bá. Những người chết trận như Đô đốc Cao Sĩ Văn được tặng phong là Kiến Bình hầu; Khương Bính và Tiết Thạch được tặng phong là Đô đốc thiêm sự, con cháu được đời đời tập ấm. Viên quân hiệu Vương Sài Hồ do có công tự tay bắt được Quý Ly, được đề bạt làm Chỉ huy sứ, nhưng kẻ cùng đi với Sài Hồ gồm Lý Phúc v.v... tất cả 4 người đều được phong làm Chỉ huy thiêm sự. Về phía An Nam, Lê Lợi được cất nhắc làm Tuần kiểm Giao Chỉ [4], Lê Thạch làm Chỉ huy thiêm sự, Lê Thiện làm Tri phủ, Lê Khâm làm Tri châu, Phạm Đán làm Đồng Tri châu. Lại cử những kẻ đỗ Minh kinh như Cam Nhuận Tổ... cả thảy 11 người từ Giao Chỉ mới

1. Nguyên chú: "Từng nấy chiến lợi phẩm, thật tiếc!"
2. Nguyên chú: "Thế là kém sáng suốt, khiến về sau đẻ ra vô số chiến trường".
3.Nguyên chú: "Lẽ ra, nên phong làm "phá diện công", tức là ông vỡ mặt".
4.Nguyên chú: "Hoàng đế tạm nhận chiếc ấn Tuần kiểm".

đưa sang làm Đồng tri ở các phủ như Lạng Sơn v.v... Ban tặng cho con cháu họ Trần tất cả 7 người đều là hậu duệ của cố An Nam quốc vương; phong tặng Bùi Bá Kỳ làm Án sát phó sứ Giao Chỉ, nâng lên hàng công đầu. Số còn lại được ban thưởng theo thứ bậc khác nhau. Lại sắc cho Thượng thư Hoàng Phúc kiêm nắm công việc ở 2 ty Bố chính và Án sát Giao Chỉ. Lấy Thị lang Trương Hiển Tông làm Tả bố chính sứ, Đô đốc Lã Nghị nắm công việc Đô ty.

Tuyển bổ xong cấp lãnh đạo các phủ huyện, vua Minh bèn sai sứ mang chiếu, sắc sang An Nam phong tước vị cho các công thần.

Thật là:

Một trời mưa móc nhàn ban phát,
Muôn dặm quan hà khó ruổi rong.

Chưa biết sứ sang như thế nào, hãy xem phần sau phân giải.

HỒI THỨ HAI MƯƠI BA

Phò chính thống, Lê Lợi tìm chúa,
Gắng trung hưng, Giản Định lên ngôi.

Lại nói sứ nhà Minh mang chiếu thư sang An Nam, Hoàng Phúc theo đó lập danh sách và sức cho các châu huyện giục quan lại lớn nhỏ đi nhận chức.

Lê Lợi nói với các tướng rằng:

– Ta dẹp giặc là để khôi phục nhà Trần, không ngờ lại hóa thành trò bù nhìn! Không biết Giản Định giờ đang ở đâu?

Lê Thiện nói:

– Tiểu đệ đã sai người dò hỏi, biết ông ta hiện đang ở châu Tri Hóa. Anh em ta hãy vờ tới lỵ sở rồi lẻn về Tri Hóa để xoay tính kế khác thôi.

Hai anh em tính liệu vừa xong thì thấy Đoàn Phát từ ngoài vào yết kiến. Sau vài câu thăm hỏi thường lệ, Phát nói:

– Mỗ được tin triều Minh chiếm giữ lãnh thổ, chia quan cai trị, nên chẳng quản đêm tối gió mưa, tức tốc tới đây để nói với minh công đôi lời.

Lợi hỏi:

– Tiên sinh định nói gì?

Phát xin tả hữu lui hết ra. Lợi nói:

– Những người đang có mặt ở đây đều cùng chung một lòng, hà tất phải e ngại.

Phát nói:

– Kế sách bây giờ là hãy tiêu diệt bọn tướng tá nhà Minh rồi tôn minh công lên làm chúa [1], bảo toàn dân chúng một phương, sau đó chia quân giữ các nơi hiểm yếu, hễ chúng đến là đánh, chứ đâu có chuyện non sông ta cứ để mặc bọn chúng ngang nhiên làm gì thì làm?

Lê Lợi nói:

---

1. Nguyên chú: "Muốn giết giặc Bắc, Phát định tiêu diệt bọn tướng nhà Minh, làm cho chúng ngồi không yên chỗ".

– Tiên sinh mới đến, sao lại đẩy tôi vào chỗ bất nghĩa? Tôi mặt mũi nào đang tâm chiếm đoạt thiên hạ của họ Trần.

Phát nói:

– Họ Trần hiện không còn, lấy đâu để tìm kiếm? Chả lẽ lại ôm bùa mà chết à?

Thiện nói:

– Tiên sinh đừng lo, cứ về Tản Viên nhổ trại mà sang Hóa Châu trước đi, rồi mỗ sẽ tới bàn chuyện sau.

Đoàn Phát hiểu ý, liền cáo biệt lên đường.

Hôm sau, Lợi vào từ biệt Hoàng Phúc để tới nhiệm sở. Phúc nắm tay Lợi nói:

– Không dè lại ra nông nỗi này, cũng là do mệnh lệnh của thiên tử, xin ông chớ lấy làm điều[1].

Lê Lợi vờ vâng vâng dạ dạ, rồi trở lại bản doanh sai các tướng nhổ trại đi trước, mình sẽ theo sau.

Lúc tới đô môn, Lợi gói ấn sắc treo lên xà nhà, vờ bảo viên gác cổng:

– Hoàng Thượng thư bảo người trông coi các vật này, nội trong ba ngày nếu không ai tới nhận thì mang nộp lại cho ông ấy. Hãy cẩn thận, chớ sơ suất[2].

Dặn xong, Lợi cùng Thiện đến châu Tri Hóa tìm Giản Định[3].

Lại nói Giản Định nguyên là con Trần Nghệ Tông; Quý Khoáng là cháu của Giản Định. Hai ông vì sợ Quý Ly, đã trốn đến nơi hẻo lánh. Sau nghe tướng nhà Minh đem quân sang dẹp giặc, hai ông mới về theo Lê Lợi. Họ Hồ cáo chung, tướng Minh chiếm giữ đất nước, hai ông bèn đi về phương Nam. Đến Mộ Độ thuộc châu Trường Yên, qua nơi dựng nền móng nhà Trần, cả hai lánh tới châu Trị Hóa. Thấy thổ hào Đặng Tất tập hợp mấy vạn quân để giữ quận huyện, Giản Định bèn phân tích tình thực cho Tất nghe, Tất liền theo. Đến khi anh em Lê Lợi kéo quân tới, lực lượng Đặng Tất đã khá mạnh, rục rịch muốn dấy binh. Lê Thiện nói:

– Thiên hạ không thể một ngày không vua. Xưa Quang Vũ khi loạn

---

1. Nguyên chú: "Sao không làm tờ tấu để can gián, chẳng qua vì lòng tham thôi".

2. Nguyên chú: "Muốn trì hoãn việc truy nã đấy thôi".

3. Nguyên chú: "Trước kia Giản Định tìm Lê Lợi, nay thì Lợi tìm Giản Định. Vua tôi tương ngộ vốn là chuyện khó".

tặc chưa dẹp xong, đã chọn được đất Lạc làm Kinh đô [1]. Vậy xin hãy chính thức ngôi báu để yên lòng dân, rồi sau đó dấy binh là ổn nhất.

Các tướng đều nghe theo, bèn tôn Giản Định làm quốc vương An Nam, đặt niên hiệu là Hưng Khánh; lấy Đặng Tất làm Thừa tướng; Lê Lợi làm Kim Ngô Đại tướng quân; Phan Quý Dụ làm Thiếu bảo; Trần Nguyên Tôn làm Thiếu phó; Nguyễn Sơn, Phan Kinh làm tả hữu Phó tham tướng; Nguyễn Cảnh Dị [2], Trần Nguyên Khanh làm tả hữu Phó tham tướng; Trần Hi Cát, Nguyễn Sư Cối làm Chinh khấu tướng quân; Nguyễn Yến, Phan Đế làm Giám môn vệ tướng; Đặng Như Hí, Hồ Cụ Trừng làm Dực vệ tướng quân; Đặng Dung [3], Lê Nhị làm Tiền bộ tiên phong; Lê Thạch làm Đô đốc; Phạm Hữu, Nông Văn Lịch làm tả hữu Giám sát; Phạm Đán, Triệu Hộ làm Du kích tướng quân; Đoàn Phát làm Tuyên ủy sứ ty. Lại lấy Lê Thiện làm Tham tán quân vụ; Đoàn Mãng, Nguyễn Thế Mỹ đôn đốc việc vận chuyển lương thực. Số tướng tá lớn nhỏ còn lại, người nào cũng được cất nhắc.

Nam Hưng Khánh nguyên niên (1407), mùa thu, tháng 8, ngày Nhâm Ngọ, tiến quân ra đánh Hàm Tử.

Bấy giờ Hoàng Phúc ở Đông Đô trong một đêm nhận đến năm lần thư cáo cấp từ biên cương gửi về. Phúc họp các tướng bàn rằng:

– Ta biết trước kia anh em Lê Lợi đã gây họa không ít, nay lại treo ấn từ quan, theo Giản Định tạo phản.

Tham chính Lưu Dục nói:

– Mỗ xin dẫn quân đi đánh chúng.

Hoàng Phúc một mặt tâu về triều xin thêm binh sĩ, mặt khác sai Lưu Dục đem quân chặn địch. Dục dẫn quân đến cửa Hàm Tử dàn thành trận thế, sau đó hạ lệnh mở cửa quan bước ra kêu rằng:

– Bọn Giản Định các ngươi phản bội triều đình, manh tâm dấy loạn. Đại tướng nay đến đây, các ngươi sao không sớm đầu hàng?

Đặng Tất sai Nguyễn Sơn ra quyết chiến. Sơn xách đao phi ngựa tới nói:

– Lũ chúng bay lòng lang dạ sói, âm mưu chiếm nước ta. Nay thiên tử thân chinh, không chỉ lũ các ngươi nộp mạng, mà ngay đến

1. Hán Quang Vũ định đô ở Lạc Dương.

2. Nguyên chú: "Con của Cảnh Chân".

3. Nguyên chú: "Con của Đặng Tất".

cha con Vĩnh Lạc cũng phải trao thủ cấp.

Dực cả giận, giơ giáo xông vào đánh. Nguyễn Sơn múa đao nghênh địch. Hai ngựa giao tranh, chưa đầy ba hiệp, Lưu Dục đã bị chém rơi xuống ngựa [1]. Đặng Tất vẫy quân xông lên chiếm được cửa Hàm Tử, rồi chia quân đi đánh các quận huyện lân cận. Bấy giờ lòng dân còn đang tưởng nhớ họ Trần, nên đã hăng hái hưởng ứng cuộc nổi dậy của Giản Định. Các quận huyện cáo cấp về Đông Đô. Hoàng Phúc gọi Lã Nghị tới bảo:

– Thế giặc nay đang thịnh, ta nên tránh nhuệ khí của chúng. Ông đem 10.000 tinh binh tới sông Sinh Quyết [2] chia đường đồn trú, bịt các nơi hiểm yếu. Nhất thiết không được giao chiến, chờ quân triều đình tới rồi hãy đánh. Lã Nghị dẫn quân lên đường.

Thật là:

Mây quyện bóng rồng bay khắp nội,
Đêm tung quân kỵ quá trùng quan.

1. Nguyên chú: "Đại tướng sớm hàng rồi!"

2. Nguyên chú: "Còn gọi là Bô Cô, nay thuộc huyện Phong Doanh".

HỒI THỨ HAI MƯƠI BỐN

Viết chiến thư, Lã Nghị thị hùng.
Dùng kế lạ, Lê Thiện quyết thắng.

Lại nói Lã Nghị tới sông Sinh Quyết, chia đường phòng giữ các nơi hiểm yếu. Vua Trần dẫn quân đến, sai Đặng Tất tiến đánh. Lã Nghị cố thủ không chịu ra. Tất bảo quân sĩ nhiếc móc thậm tệ. Nghị ngồi trên thành cũng ra lệnh cho lính kỵ chửi bới [1] đến tận tối mịt mới về. Ngày hôm sau Tất lại bảo quân lính tới sát bờ sông cởi trần ra mà chửi, còn mình thì ngồi trên ngựa đốc thúc. Nghị cả giận, giương cung bắn trúng vào cánh tay phải của Tất, làm cho Tất ngã nhào xuống. Tất được quân sĩ dìu dập đưa về. Vì tên có tẩm thuốc độc, Tất buộc phải tạm cho quân rút lui để điều trị.

Bấy giờ Minh Thành Tổ thấy Hoàng Phúc tâu xin thêm quân, đặc biệt lệnh cho Kiềm quốc công Mộc Thạnh đem mấy vạn quân Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên sang tiếp ứng, có Chỉ huy Lưu Vượng và Phiêu kỵ tướng quân Lưu Trát Xuất cùng đi theo [2]. Vào dịp này, Thành Tổ còn cử Binh bộ Thượng thư Lưu Tuấn sang làm Tán quân vụ.

Tháng 12, Mộc Thạnh tiến quân tới sông Sinh Quyết. Lã Nghị ra đón. Thạnh hỏi:

– Đã đánh nhau với giặc chưa?

Nghị đáp:

– Hoàng Thượng thư ra lệnh cố thủ chờ thiên binh tới.

Thạnh nói:

– Hãy sai người viết chiến thư, ngay ngày mai qua sông đánh địch [3].

Nghị bảo viết tờ chiến thư như sau:

"Đại tướng Lã Nghị gửi thư cho ngụy chúa Giản Định:

Kìa đạo dùng quân phải biết thiên thời; cơ ngăn địch cần xem

1.Nguyên chú: "Nam Bắc tụ về một nơi để đấu khẩu".

2.Nguyên chú: "Không có hai người này. Mộc Thạnh hẳn là khó thoát chết vào những ngày sau đó".

3. Nguyên chú: "Ngày hôm sau thì chết".

nhân sự. Nếu sức có thể địch nổi thì chỉnh đốn quân ngũ mà giao chiến; còn như thế không thể đương đầu thì đưa tay chịu trói để quân đội đỡ nhọc mệt, sinh linh khỏi lầm than".

Sứ giả mang chiến thư tới trại quân Nam. Vua Trần đọc xong, cả giận nói:

– Bọn giặc cuồng ngông coi thường trẫm quá!

Bèn ra lệnh lôi sứ giả ra chém. Tham tán Lê Thiện nói:

– Lời lẽ của giặc thiện ác thế nào ta không cần chấp. Chém lại sứ chỉ tổ làm bẩn mũi đao của ta thôi. Chém được Lã Nghị thì mới khoái. Vả hôm trước bọn chúng không dám ra đánh, nay lại đưa thư sang, ý chừng quân Mộc Thạnh tiếp viện đã tới.

Liền bảo đem bút mực ra phê lên thư mấy chữ "Ngày mai quyết chiến", rồi sai sứ giả mang về.

Vua Trần hỏi:

– Giặc chốt các lối đi để cố thủ, ta dùng kế gì có thể thắng được chúng?

Thiện đáp:

– Đường sá như bàn cờ, lẽ nào phong tỏa hết được. Thần xin trong nội nhật ngày mai sẽ lấy được đầu tướng Minh dâng nộp dưới trướng.

Vua Trần hớn hở nói:

– Nếu quả như thế thì từ nay mọi việc quân cơ quân vụ mong khanh để ý điều hành [1].

Thiện nhận mệnh lui ra, họp các tướng trình bày kế sách. Bọn Cảnh Dị không hài lòng.

Bấy giờ Thừa tướng vết thương chưa khỏi, nghe Cảnh Dị không chịu theo kế sách của Lê Thiện, bèn gượng dậy bước ra nói:

– Mệnh vua nhất thiết không được làm trái, giả sử Lê Tham tướng có sai khiến tôi, tôi cũng không dám cưỡng lại nữa là!

Bọn Dị bèn thôi. Thiện tuyên bố:

– Tả phó tướng Nguyễn Cảnh Dị dẫn 300 người chèo thuyền qua sông. Nơi ấy thuộc Lỗi Giang, bờ sông dốc đứng, ghé thuyền vào dùng thang dây mà lên. Gặp một con đường nhỏ, vén cỏ mà đi, tới mai

1. Nguyên chú: "Nếu quả được tin dùng, thì nhà Trần đâu đến nỗi mất?".

phục ở hai bên bờ sông Sinh Quyết [1].

Cảnh Dị nói:

– Thế giặc rất mạnh, vậy mà ông chỉ cho tôi 300 người, lấy gì để chống địch? Ông có định giết tôi thì cứ giết quách đi cho xong!

Thiện nói:

– Quân không cốt ở đông, cái chính là ở con người. Nếu mỗ cấp thêm quân, thì ẩn náu lại càng khó. Ông cứ tạm đi đi, hễ thấy thành Quyết Giang trống rỗng thì đánh, không tốn một tên lính. Đừng chần chừ mà hỏng việc.

Cảnh Dị bực dọc lên đường. Thiện lại gọi Hữu phó tướng Trần Nguyên Khanh bảo:

– Ông dẫn 300 người từ hạ đạo chèo thuyền qua sông. Nơi ấy có một khu rừng cây cối phủ cả lên sông, dùng thừng buộc vào cành cây rồi theo kiểu xâu cá mà leo lên bờ, tới mai phục ở hữu ngạn sông Sinh Quyết, cũng giống như Cảnh Dị vậy.

Thiện quay sang nói:

– Trần Hi Cát và Nguyễn Sư Cối lên phía thượng nguồn dùng mành tre, ván gỗ bịt dòng chảy, khi nào nghe có tiếng người ngựa quân Minh tới thì tháo mành tre, ván gỗ, thả thuyền xuôi xuống mà đánh. Còn Nguyễn Yến và Phan Để thì xuống phía hạ lưu chuẩn bị ghe thuyền, chờ sẵn bên sông để cứu người và ngựa, thu vớt quần áo, vũ khí. Phạm Đán và Triệu Hộ đem 500 dân quân đến dàn trận ngay trước sông, hễ giặc tới thì đánh, nhưng chỉ được thua chứ không được thắng. Cứ để cho giặc đi qua, rồi lẳng lặng chia quân mai phục ở hai bên tả hữu, chờ giặc thua trở về, sẽ đổ quân ra đánh. Đặng Dung và Lê Nhị dẫn quân đi mai phục ở trung đạo, dụ giặc tới hậu đồn, ta hãy tản ra, khi nào thấy có ánh lửa thì đem quân tiến đánh. Nguyễn Sơn và Phan Kinh trú ở hậu đồn, lấy rơm, củi tẩm chất dẫn lửa để sẵn hai bên, hễ thấy giặc tới là phóng hỏa đốt, rồi chia quân chặn đánh.

Các tướng theo lệnh ra đi.

Lại nói sứ nhà Minh mang chiến thư trở về, Mộc Thạnh thấy trên thư có phê hai chữ "quyết chiến" bèn hỏi:

– Ngày mai ai dám ra trận?

---

1. Nguyên chú: "Người ta đã không hài lòng, lại còn phải tới nơi nguy hiểm, như vậy càng làm tăng thêm sự không hài lòng của người ta thôi".

Lưu Trát Xuất nói:

– Mỗ xin đi!

Lư Vượng cũng nói:

– Mỗ sẽ ứng chiến!

Lã Nghị nói:

– Mỗ ở đây lâu ngày muốn lập tấc công, xin được đi trước để chém đầu giặc Man, kiếm chút thành tích cụ thể [1].

Mộc Thạnh đồng ý, truyền lệnh trong quân canh năm thổi cơm, tảng sáng xuất phát.

Tới giờ hẹn, ba hồi trống giục, mấy tiếng súng vang, Lã Nghị vẫy quân thẳng sang sông, thấy Phạm Đán đến trận tiền kêu rằng:

– Thằng giặc họ Lã kia tới đây để nộp thủ cấp phải không?

Nghị thấy quân Nam hàng ngũ không tề chỉnh nên không thèm đáp lời, cứ hươ đao tới đánh. Đấu với nhau mới ba bốn hiệp, Đán thua chạy. Nghị đuổi sát sau lưng. Triệu Hộ dẫn quân thẳng tới nói:

– Thằng Lã chó má không sợ chết sao? Có Đại tướng đây này!

Nghị tức lắm, xách đao xáp lại. Đánh nhau chừng sáu bảy hiệp, Hộ quay đầu chạy. Từ doanh trại quân Bắc, Mộc Thạnh thấy quân mình đang liên tiếp thắng, nước sông lại cạn hết, bèn không dùng cầu phao nữa, xua quân bỏ thành sang cả bên kia sông. Lã Nghị ngoảnh lại thấy đại quân đã tiến sát, nên rất yên tâm đuổi theo địch. Đến giữa đường, nghe một tiếng súng nổ, thấy Đặng Dung và Lê Nhị nhảy ra kêu rằng:

– Mi không sợ Đại tướng quân à?

Nghị nói:

– Bọn Đán, Hộ mà còn phải chui nhủi như chuột, ngươi phỏng làm được trò trống gì?

Dung nói:

– Đán, Hộ là hạng tiểu tướng vô danh. Như ta đây này, mi dám xông vào để nộp mạng không?

Lã Nghị điên tiết, múa đao lướt tới. Hai bên vừa đánh vừa đi

---

1. Nguyên chú: "Thiện muốn chém đầu tướng Minh, cuối cùng hoàn thành được việc lớn. Nghị muốn chém đầu giặc Man, rốt cục phải bỏ mình. Lời nói tuy giống nhau, sự việc xảy ra có khác".

chuyển, bất giác đến hậu đồn. Nghị mắng rằng:

– Thằng oắt con này sao không chết cho rảnh!

Nhị ngoảnh lại bảo:

– Nếu ngươi dám thì hãy tới đây! [1].

Nghị sấn đến cạnh đồn, không thấy ai cả, bèn ghìm ngựa lại để quan sát. Bỗng thấy lửa cháy ở hai bên tả, hữu, Nghị cả sợ bỏ chạy. Bấy giờ bên tả có Nguyễn Sơn ập tới, bên hữu có Phan Kinh xông ra. Nghị chìm ngập trong khói lửa, cố mở một con đường máu mà thoát. Đến giữa đường gặp Đặng Dung và Lê Nhị đón đánh. Lúc này Nghị lâm vào cảnh người thì khốn quẫn, ngựa thì kiệt sức, bị Đặng Dung đâm một nhát lăn xuống đất chết tươi. Từ hậu quân, Mộc Thạnh và Lưu Tuấn thấy Lã Nghị tử trận, vội vàng tháo chạy, bị Phạm Đán và Triệu Hộ dẫn quân chặn lối về. Mộc Thạnh cố sống cố chết mà đánh, nhờ thế thoát được. Lưu Tuấn là văn thần chạy theo không kịp, bị Phạm Đán bắn chết. Thế là cả bốn viên tướng Sơn, Kinh [2], Dung, Nhị đều dẫn quân đuổi theo giặc. Quân Bắc chạy tới bên sông, người kêu trời vì khổ, ngựa hí lên vì mệt. Trần Hi Cát và Nguyễn Sư Cối từ thượng nguồn nghe thấy, liền tháo mành tre, ván gỗ, làm cho nước dâng cao, thả mấy chục chiếc thuyền nhỏ lao xuống như bay để cắt địch ra mà đánh. Quân Bắc chết đuối, áo giáp và vũ khí trôi đầy sông. Từ phía hạ lưu, Nguyễn Yến và Phan Để đốc thúc ghe thuyền ngược dòng mà lên, cứu người ngựa và thu vớt vũ khí nhiều không biết cơ man nào mà kể. Mộc Thạnh may thoát được trước sang bờ Bắc, định vào thành, thấy trên thành đã treo cờ hiệu quân Nam. Cảnh Dị và Nguyên Khanh đứng trên thành kêu rằng:

– Ta vâng mệnh thiên tử lấy ngôi thành này rồi. Ngươi mau mau đến đây chịu trói!

Nói rồi giương cung bắn xuống. Mộc Thạnh bị trúng tên vào cẳng chân bên trái [3], nhào xuống ngựa. Nguyên Khanh vơ gươm xốc tới định giết, bị Trát Xuất và Lư Vượng đánh lui để cứu Mộc Thạnh chạy về Đông Đô; 40.000 quân Minh nay chỉ còn độ 500 người.

Vua Trần thừa thắng vẫy quân sang sông để chiếm vùng Sinh

1. Nguyên chú: "Không dám! Không dám!"

2. Sách in nhầm thành "Kính".

3. Nguyên chú: "Có thể đáp lễ cho Đặng Tất. Nhưng Đặng Tất chết mà Thạnh lại không chết, cũng là chuyện may rủi thôi".

Quyết, còn mình thì tiến đánh huyện Lộc Phúc.

Chợt có viên tiểu hiệu vào tâu Thừa tướng Đặng Tất vừa mất. Vua khóc òa lên, truyền lệnh dừng quân. Binh sĩ ai cũng thương xót.

Thật là:

Một lữ ra uy trừ nghịch tặc,
Ba quân rơi lệ khóc trung thần.

Chưa biết dừng quân thế nào, hãy xem hồi sau phân giải.

HỒI THỨ HAI MƯƠI LĂM

Đặng công quy táng não ba quân,
Trần vương tây tuần phiền trăm họ.

Lại nói Đặng Tất vốn tính cần kiệm nhân từ, thương người cô quả, sống hòa mình với dân, thấy tướng Minh chia đất nước thành châu quận để cai trị, bèn tự động tập hợp dân binh bảo vệ thôn xã, trộm cướp đều yên. Khi họ Trần trung hưng, Đặng Tất được vời làm Thừa tướng, đem quân ra trận, sau ốm chết trong quân. Vua Trần nghe tin, khóc òa nói:

– Trời sao nỡ cướp Đặng công chóng thế!

Rồi vua ra lệnh trú quân ở châu Lộc Phúc [1].

Tháng 12, lệnh cho ba quân phát tang, làm lễ tế, vua đích thân đến trước bàn thờ than khóc thảm thiết. Quân sĩ đều sụt sùi. Vua Trần sai dựng một cây phướn trắng trong thành, bên ngoài treo cờ tang, đưa linh cữu Đặng Tất về Hóa Châu an táng. Trong quân làm bài hát đưa ma như sau:

Anh hùng xử thế,
Quân tử ra tay.
Trời thu nổi gió [2],
Ngày đông mây bay.
Đông này xót xa cảm kích,
Thu tới lo sợ bi ai.
Thu đông tiêu điều, cơ tạo hóa,
Đời người một thoáng, cảnh vần xoay.
Ôi thôi! Ôi thôi!
Không khóc người ấy thì khóc ai đây?

Người đương thời có thơ điếu rằng:

Sa trường muôn dặm bấy gian nan,
Giúp chúa ngược xuôi chẳng dám nhàn.

1. Ở hồi trên lại chép là "huyện" Lộc Phúc.
2. Nguyên chú: "Tháng 8 dấy binh".

Vương nghiệp chưa thành, thân đã bỏ,
Ba quân than khóc, lệ dâng tràn.

Tướng sĩ đưa linh cữu lên đường, quân dân Lão Qua nghe tin, ai cũng thương tiếc. Tuyên úy sứ Điêu Lục sai các cô gái Lão Qua chở lương thực, dắt bò, dê đến cúng viếng nhiều vô kể. Bấy giờ nước Vạn Tượng sai sứ đem mấy đàn voi đến cống, các quận huyện miền duyên hải từ đó cũng theo về. Vua Trần đắc ý, việc nước bắt đầu buông lơi. Nguyễn Cảnh Dị khéo đón ý bề trên, tìm mọi cách làm cho vua thỏa mãn, do vậy mà được tin sủng, cất nhắc làm Tướng quốc.

Vua Trần muốn bàn chuyện dấy binh. Cảnh Dị tâu rằng:

– Triều ta vừa mất Thừa tướng, quân sĩ đau buồn, chưa thể điều động được. Vả chăng tướng tá nhà Minh chỉ là một lũ tài hèn, trong khi phía ta nay có đến 50.000 voi, ngựa, hễ ra quân là dẹp yên giặc ngay, lo gì không làm được việc [1].

Vua Trần nghe theo. Cảnh Dị từ đấy chuyên quyền độc đoán, hợm hĩnh kiêu căng. Bọn gián điệp Đông Đô chớp được tình hình ấy, vội về tâu báo. Bấy giờ Hoàng Phúc thấy mình mới vừa hao binh tổn tướng ở trận Sinh Quyết, Mộc Thạnh thì lại bị trúng tên, nằm liệt chưa dậy được, may mà Nam triều mới mất Đặng Tất, chưa tính ra quân, mình nên nhân cơ hội này chia quân phòng bị các nơi để cố thủ [2] và tâu trình công việc về triều.

Mậu Tý, năm thứ 2 (1408) (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 7), mùa xuân, tháng giêng, vua Trần thết đãi quần thần ở Trung quân, nói:

– Trẫm nghe ở các châu thuộc Ngũ Lĩnh có con hồ tinh đã sống nghìn năm, thường tác oai tác quái, quấy nhiễu dân lành. Trẫm muốn đi thị sát miền Tây, trước là nhằm săn lùng lũ yêu tinh, sau là để cúng tế núi non, quan tâm tới bách thần [3], các khanh thấy thế nào?

Tướng quốc Nguyễn Cảnh Dị nói:

– Bệ hạ là chúa của thần dân trong thiên hạ, nảy ra những suy

---

1. Nguyên chú: "Khoác lác quá thể".

2. Nguyên chú: "Cách hành binh của Hoàng Phúc có thể thu tóm trong một chữ "thủ" là giữ!"

3. Nguyên chú: "Trước kia, Quý Ly nghe có cây ngô đồng sống nghìn năm, đã hóa thành quỉ, bèn đi tuần thú miền Tây đến Thôi Ngôi; nay Giản Định nghe có con hồ tinh sống nghìn năm đang tác oai tác quái, cũng đi miền Tây tế sơn thần, hai việc được đối sách cùng nhau".

nghĩ như thế, thật là phúc cho sơn hà xã tắc.

Vua Trần bèn quyết định tổ chức chuyến đi, trăm quan can ngăn thế nào cũng không nghe. Kim ngô Lê Lợi và Tham tán Lê Thiện dâng sớ khuyên gián rằng:

"Thần nghe muôn nước trị an, vua Ngu [1] đi thị sát; trăm họ đại định, Chu vương cáo tế [2]. Nước ta vừa thoát khỏi những ngày họ Hồ hoành hành, lại bị quân Minh xâm chiếm, hộ khẩu tản mác, dân chúng điêu linh. Bệ hạ hãy xốc dậy quân đội của Thiếu Khang [3] để khôi phục cơ đồ; vẫy múa chiếc giáo của Tuyên vương [4] để giành lại đất cũ. Đây chính là lúc phải ăn muộn, mặc xoàng, thức khuya, dậy sớm; chăng lưới *Thố tư* [5] thu dụng người hiền mà chài tóm giặc Bắc, đón mời các bậc ẩn sĩ tài giỏi để cai quản nước Nam. Được như thế, xã tắc sẽ tốt lành, nhân dân được hạnh phúc. Việc gì phải bẫy chim săn thú, chơi bời kiểu Hạ Khang, Chu Mục [6]; tế sông tế núi, phóng đãng như Hán Vũ, Tần Hoàng [7]. Mẩu giấy tầm thường, cúi mong soi xét".

Tờ sớ tâu lên, vua Trần nói lại với Cảnh Dị. Dị vốn ghét tính ngay thẳng, đa mưu của anh em họ Lê, sợ nếu cho quà, mình sẽ không còn cơ hội muốn làm gì thì làm, bèn tâu rằng:

– Ngạn ngữ đời Hạ có câu: "Vua ta không rong chơi, ta lấy gì nghỉ ngơi; Vua ta không hoan lạc, ta lấy gì phò trợ". Nay bệ hạ phát tích Trung hưng, người gần thì theo về, kẻ xa thì quy thuận, thiên hạ không ai là không nghển cổ nhìn thiên tử xuất du, thăm thú địa phương, quan sát phong tục, làm tăng thêm hào khí cho non sông. Vậy mà anh em họ Lê lại nhìn vua mình như là những tên vua mất

---

1. Chỉ Ngu Thuấn.

2. Nguyên văn là: "Thời mại", tên một bài thơ trong *Chu tụng, Kinh Thi*. Đây là bài nhạc ca dùng khi Vũ vương đi tuần thú, cáo tế thần sông, thần núi.

3. *Thiếu Khang:* tên vị chúa từng trung hưng nhà Hạ của Trung Quốc.

4. *Tuyên vương:* chỉ Chu Tuyên vương, người đã tiếp nhận cái di sản quá ư tồi tệ của Lệ Vương, để rồi từ đó trung hưng cơ nghiệp nhà Chu, có thể sánh với các đời Văn, Vũ, Thành, Khang hưng thịnh trước đó.

5. *Thố tư:* tên một bài thơ trong *Chu Nam, Kinh Thi,* nói về thời Chu Văn vương nhiều nhân tài, ngay đến người săn bắt thỏ cũng có chỗ khả thủ.

6. *Hạ Khang, Chu Mục:* "Hạ Khang" tức Hạ Thái Khang, cháu vua Vũ, con vua Khải. Lúc ở ngôi, Thái Khang đam mê săn bắn, vì vậy mà mất nước. "Chu Mục" tức Chu Mục Vương, tên là Mãn, con Chiêu vương. Sau khi lên ngôi, Mục vương đi xe 8 ngựa lên chơi miền Tây, mải vui quên về, suýt mất ngôi báu.

7. *Hán Vũ, Tần Hoàng:* "HánVũ" tức Hán Vũ Đế, tính thích thần tiên, đến cuối đời mới hối hận. "Tần Hoàng" tức Tần Thủy Hoàng, thích tuần du, tìm thuốc trường sinh.

nước vào các đời Hạ, Thương, Tần, Hán, hẳn phải có ý đồ gì đây!

Vua Trần cả giận nói:

– Chúng trước kia đã thông đồng với giặc Bắc, nay lại manh tâm lộng hành [1]. Chém quách chúng đi là xong!

Đình thần vội tiến gián rằng:

– Anh em họ Lê thực là bậc trung quân ái quốc, giữ đạo nghĩa dốc lòng thành, cúi mong bệ hạ nguôi cơn giận, rủ lòng tha thứ.

Cảnh Dị nói:

– Ngăn thiên tử tuần du, nào phải vì tỉnh giảm tô thuế; mong vua giẫm phải vết xe đổ, còn chi là bề tôi đỡ đần [2]. Trung quân ái quốc mà lại như thế ư?

Thiếu bảo Phan Quý Hựu nói:

– Trận Sinh Quyết mà không nhờ mưu kế của họ thì bệ hạ sao được như ngày nay? Lấy công định tội, cúi mong xét lại.

Vua Trần nói:

– Đã thế, ta tha cho tội chết.

Ngay ngày hôm đó xuống chiếu lột hết chức tước của anh em Lê Lợi cùng phe cánh, truất làm dân thường, để khỏi mang tiếng là bất trung.

Tờ chiếu ban xuống, ba anh em họ Lê cáo biệt ra về. Nhưng người thuộc phe cánh như Đoàn Phát, Phạm Đán... đều hớn hở bảo nhau:

– Thế này thì khác nào rồng được ra biển, hổ được về núi, dù Ban Sinh có lên tiên cũng không sướng hơn.

Thầy trò tôi tớ thu dọn hành trang lên đường trở về. Người đương thời có thơ vịnh rằng:

Tấu thư một bức gửi long nhan,
Đất nước tồn vong thật hữu quan.
Đời trị thi quy [3] lưu sử sách,
Thái bình ngọn bút ngụ khuyên can.
Vua hiền, tướng giỏi nhàn tác động,
Chúa thộn, tôi trung khó liệu toan.

1.Nguyên chú: "Không thông mưu với giặc thì sao có được ngày hôm nay".

2. Nguyên văn: "*Vi cổ vi quăng chi thần* = bề tôi làm chân tay". Đây dịch ý.

3. *Thi quy:* "Thi" là một loại cỏ, "quy" là con rùa, cả hai đều được người xưa sử dụng để bói toán.

Giả sử gián thư [1] *mà trọng thị,*
Cơ đồ đâu đến nỗi lìa tan.

Vua Trần sai Cảnh Dị chia giữ các đồn ải, lấy Quý Khoáng làm Thủ tướng, rồi xa giá lên đường, cờ quạt kín đất, thuyền bè chật sông, trăm họ phải đón rước, thật phiền phức, vất vả. Trời vừa tối, vua ra lệnh đỗ thuyền ở sông Đà để nghỉ ngơi. Bấy giờ các quận huyện xa gần đều mang của ngon vật lạ nối đuôi nhau đến dâng biểu. Vua Trần hạ chiếu cho ba quân mở tiệc ngay trên sông. Ba hồi trống vang, cầu mở xích sắt, cây chăng hoa bạc [2] trên trời dưới nước sáng rực như ban ngày.

Thật là:

Chật đất lâu dài, xuân phú quý,
Dậy trời ca múa, tối phong lưu.

Chưa biết tiệc tùng thế nào, hãy xem hồi sau phân giải.

---

1. *Gián thư:* thư can gián.

2. Nguyên văn: "Kiều khi thiết tỏa, thụ hợp ngân hoa". Vì chưa thật hiểu, nên tạm dịch như vậy, chờ tra cứu thêm.

HỒI THỨ HAI MƯƠI SÁU

Giữa sông Quý Khoáng gặp yêu tinh,
Lên đài Giản Định nhường ngôi báu.

Lại nói vua Trần ra lệnh cho ba quân bày tiệc. Bấy giờ vua ngự thuyền rồng neo ở giữa sông, còn Quý Khoáng thì nghỉ lại trên lâu thuyền buộc cạnh bờ. Khoảng đầu canh hai, Khoáng thấy lính gác vào tâu báo có hai vị đạo sĩ, một người xưng là Viên tú tài, người kia xưng là Hồ xử sĩ xin yết kiến. Quý Khoáng cho mời vào và bản thân giả vờ trùm chăn nằm. Hai người khách se sẽ bước xuống thuyền, thấy Quý Khoáng chưa dậy, bèn giũ áo quay ra. Khoáng nhìn theo, thấy họ đầu đội mũ nhà nho, mình vận áo đạo sĩ, nếu không phải thần tiên trong cõi thế, cũng là nhân vật ngoài chốn phong trần, liền nhỏm dậy chào hỏi, mời khách vào chỗ ngồi. Khoáng nói:

– Hai ngài từ xa tới, chắc có điều gì cần chỉ giáo?

Tú tài họ Viên nói:

– Chúng tôi đến đây, trước là vì tướng quân đang chiêu hiền nạp sĩ, sau là để gỡ vạ cho thiên tử đấy thôi!

Khoáng nói:

– Gỡ cái vạ gì mới được chứ?

Viên nói:

– Triều Hồ sổng con hươu, chúa Trần lên ngôi báu; lũ ong kiến mừng rơn, đám chim thú đua nhau phụ họa. Riêng Hoàng Thượng thư giống con hổ đang rình chờ tại đô thành, Mộc Hữu tướng như con cáo lăm le ngoài biên ải. Vết rắn bò chằng chịt, tiếng chuột rúc đinh tai, khiến trăm họ buồn đau, bốn phương tan nát. Chính vì thế mà bọn chúng tôi thoát khỏi nơi chằm rộc, ẩn náu chốn lâm tuyền, mong bề trên hãy toan tính để cứu tình trạng lửa đã bén đến lông mi.

Khoáng thấy lời lẽ rõ ràng nho nhã, sai mang rượu ra đãi, nói:

– Nay thiên tử nghe trong rừng có con cáo biến thành gái đẹp để hại người, nên xa giá đi tuần miền Tây để diệt trừ yêu quái, cứu lấy mạng dân.

Xử sĩ họ Hồ nói:

– Sài lang ngăn đường, nói chi chồn cáo. Kìa giặc Bắc đang ngông nghênh, nước Nam đang rối loạn. Quá nhiều cá mập, chó ngao cắn xé nuốt người; không ít chuột cống, chồn đằng chuyên đào nền khoét vách. Nay thiên tử trên thì có năm con rồng bay, dưới thì có ba con ngựa chạy. Sư lữ hùng mạnh giương cao cờ Quang Vũ ở Kinh thành nhà Hán; quân đội dũng cảm, mau trở gót Túc Tông về Kinh đô nhà Đường. Ra Hàm Tử thì Lưu Dục phải nộp đầu; qua Quyết Giang thì Lã Nghị phải bỏ mạng. Dùng cái oai như hùm ấy để quét lũ kiến phụ họa thì giặc hết cách co cụm, dân được yên sống. Nếu từ bỏ việc này để đi làm việc kia, thì cũng giống như coi thường gà nhà mà yêu quý cò đồng, sao Tể tướng không nói điều đó với bề trên?

Khoáng thấy khách lời lẽ sâu sắc, hùng hồn, bèn nói:

– Mỗ quả sai lầm. Ngày mai mỗ sẽ tâu xin thiên tử hồi loan.

Hai vị khách từ tạ ra về. Quý Khoáng tiễn đến đầu thuyền, thấy khách nhoáng một cái đã tới ven rừng, bỗng một người biến thành con chồn và người kia biến thành con vượn, rồi mất hút [1]. Quý Khoáng vừa sợ hãi vừa tức giận, muốn tâu với bề trên chặt trụi cả rừng để tìm bắt ác thú. Nào ngờ trời đổ mưa tầm tã, sư lữ không thể tiếp tục đóng lại. Vua Trần giáng chỉ kéo quân về, lòng bực dọc vì chưa toại nguyện. Vua muốn trao thiên hạ cho Quý Khoáng để rảnh rang đi tuần du, dạo khắp non sông, ngắm xem vũ trụ.

Quân về tới huyện Lộc Phúc, quần thần nghênh đón vào trong thành. Sau một vài nghi thức, vua Trần nói:

– Trẫm xem cái thế trong thiên hạ hiện nay, phi người hùng tài đại lược, e không đương nổi. Trẫm muốn trao thiên hạ [2] cho Quý Khoáng, may chi cứu vãn được tình hình [3], làm cho cái chân nguyên được bồi đắp vững chắc. Các khanh thấy có được không?

Cảnh Dị đáp:

---

1. Nguyên chú: "Trước kia Quý Ly gặp một con quỷ biến thành cô gái, nay Quý Khoáng gặp hai con yêu biến thành những chàng trai, việc tuần du của họ tương tự nhau mà rốt cục đều không thành công cả". Chi tiết "Viên tú tài, Hồ xử sĩ" này, ít nhiều phỏng theo truyện *Đà Giang dạ ẩm ký* trong *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ.

2. Nguyên văn: "*Đại vật* = vật lớn"

3. Nguyên văn: "*Thứ miễn kỳ khang thời sắc*" chưa rõ nghĩa gì, tạm dịch như trên, chờ tra cứu thêm.

– Nhị đế [1] nhường ngôi cho người hiền, Tam vương [2] truyền ngôi cho con mình. Trần Tể tướng đức, nghĩa, nhân, hiếu đều nổi tiếng ở đời, bệ hạ nhường ngôi cho ông ấy, ý đồ cũng giống như vua Nghiêu, vua Thuấn, có gì mà không được.

Quần thần hồi này đều sợ Cảnh Dị, không ai dám phản đối, chỉ biết vâng vâng dạ dạ. Vua Trần bèn ra lệnh xây đài ở Thành Nam [3], chọn ngày nhường ngôi.

Mùa hạ, tháng 5, quần thần vào tâu đài đã xây xong, trăm thứ đã bày biện nghiêm chỉnh, mời vua tới làm lễ. Vua Trần cùng Quý Khoáng và văn võ bá quan bước lên Thụ thiện đài đốt hương cáo tế. Xong đâu đấy, vua sai Thiếu bảo Phan Quý Hựu quỳ đọc tờ chiếu rằng:

"Trong cõi, lớn nhất là vua; làm chủ thiên hạ là Tể tướng. Sách truyện nói: "Người đức lớn phải có địa vị", sự hệ trọng không phải ít. Sách kinh nói: "Lịch số tại mình", không phải tầm thường mà được. Cho nên mệnh trời quy về người có đức; lòng dân hướng tới bậc chí nhân. Riêng Quý Khoáng đức nghĩa mỗi ngày một đổi mới, nhân hiếu mỗi ngày một dồi dào, quan lại nghe theo, trăm họ hướng tới. Tìm người hiền để nhường ngôi vốn là ý nguyện của trẫm. Trách nhiệm giúp Thượng đế vỗ về dân, không phải ngươi thì còn ai? Vậy ngươi hãy lên làm vua!"

Quý Khoáng sau khi nghe tuyên đọc, đã phụng chiếu tức vị Hoàng đế tại Thành Nam, đặt tên nước là Đại Việt, đổi niên hiệu là Trùng Quang, tôn vua Trần lên làm Thái thượng hoàng, phong thưởng các công thần. Bá quan văn võ đều quay về phía vua chúc mừng, tung hô vạn tuế. Sau đó loan báo khắp xa gần để ai nấy đều hay.

Hồi bấy giờ thiên hạ không nỡ bỏ họ Trần, lại thấy các đời Đường, Ngu có phong tục nhường ngôi, nên đều hăm hở kéo nhau theo Quý Khoáng, người đông như về chợ. Thế rồi bàn định việc khởi binh, cử Trung quân đại tướng Nguyễn Thế Mỹ đến đóng ở cửa Hàm Tử; Giám môn vệ tướng Phan Để đến đóng ở cửa biển Thái Bình; Uy viễn tướng quân Nguyễn Sư Cối, Hữu phó tham tướng Trần Nguyên Khanh, Giám sát tướng quân Phạm Hữu chia đường đến đóng ở các

1. *Nhị đế:* chỉ Đế Nghiêu và Đế Thuấn. Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn, Thuấn nhường ngôi cho Vũ, đều theo phương thức truyền hiền.

2. *Tam vương:* chỉ ba đời Hạ, Thương, Chu. Lúc này việc truyền ngôi chuyển sang phương thức cha truyền con nối.

3. Nguyên chú: "Còn một tên nữa là Chi La".

xứ thuộc Đông Triều; Nguyễn Sơn đến đóng ở sông Tây Tầm; Phan Kinh đến đóng ở sông Ái Tử; Trần Hy Cát đến đóng ở Lỗi Giang; Nguyễn Yến đến đóng ở cửa Ngưu Ty. Các tướng soái lớn nhỏ mỗi người đem 10.000 tinh binh đến nơi đồn trú.

Bấy giờ bọn gián điệp do viên tướng trấn giữ Bàn Than sai đi dò la được tình hình, liền báo cáo về Đông Đô, xin phái quân tới đánh. Hoàng Phúc nói:

– Giặc từ lâu không thấy động tĩnh, do trong quân có nhiều việc phải giải quyết. Nay lại khởi binh, thế giặc tất lớn, không thể coi thường.

Mộc Thạnh nói:

– Ngụy chúa mới lập, lòng quân chưa ổn định, ta tung lực lượng ra đánh, có thể thu toàn thắng [1].

Nhân đó sức cho Từ Chính xuất quân.

Thật là:

Chỉ vì Ngụy chúa ngôi vừa lập.
Tở mở lòng tham dấy chiến tranh.

Chưa biết xuất quân thế nào, hãy nghe hồi sau phân giải.

1.Nguyên chú: "Có thể thu toàn thua".

HỒI THỨ HAI MƯƠI BẢY

Đánh Bàn Than, Nguyễn Dị dùng mưu,
Nghe Trọng Đông, Từ Chính trúng kế.

Lại nói Mộc Thạnh lợi dụng lúc vua Trần mới lập, lòng quân chưa ổn định, sức cho Từ Chính đưa quân đi đánh. Chính được lệnh, chiêu binh tuyển tướng, định ngày xuất quân.

Bấy giờ trong dân có người biết tin, liền báo cho phía Lộc Phúc biết. Vua Trần xuống chiếu sai Cảnh Dị đem 5.000 quân tới đánh Bàn Than. Cảnh Dị nhận lệnh. Mùa thu, tháng 8, Dị dẫn quân lên đường. Đến Bàn Than, thấy quân Từ Chính thế lực hùng mạnh, thành quách kiên cố, Dị cho quân dựng rào hạ trại. Hôm sau, chia quân ra ngoài dàn thành trận thế. Dị bảo đem ghế dựa ra đặt ở trận tiền cho mình ngồi, tay cầm câu liêm hình rồng, đầu che lọng xanh. Gươm giáo, cung nỏ đều bố trí sẵn sàng. Xong đâu đấy, Dị sai người gọi tướng trấn giữ Bàn Than ra nói chuyện.

Vừa lúc ấy, thấy một hồi còi đồng vang lên, Từ Chính dẫn quân ra, đầu đội mũ bạc, cưỡi ngựa xích thố, mình khoác áo giáp lưỡng long, tay cầm giáo bát xà, lớn tiếng kêu rằng:

– Chủ của ngươi không vâng theo vương hóa, sinh lòng phản bội, tập hợp một lũ vô lại đi cướp bóc của dân, mưu đồ làm những điều phi pháp, tội thật đáng chết. Nay ta vâng oai Hoàng đế, thay trời chinh phạt. Nếu ngươi biết sửa lỗi lầm, khuyên chủ đến hàng, cải tà quy chính, sẽ được trọng dụng. Còn như cứ mê muội không tỉnh ngộ, ta sẽ đạp bằng thành quách không để sót một đinh đinh. Ngươi hãy nghe theo lời ta!

Cảnh Dị nói:

– Chỉ có nước Minh nhà ngươi, từ vua quan đến sĩ tốt, đều toàn một lũ lòng lang dạ sói, cướp đoạt thành trì ta, xâm chiếm lãnh thổ ta. Chặt hết trúc núi Nam không ghi đủ tội ác; kéo hết sóng biển Bắc không rửa sạch án hình. Thiên tử ta nhận mệnh sáng của trời khai thác lãnh thổ, tách biệt một phương; vẫy giáo vàng biển lặng như tờ, vọt ngựa sắt Trung Nguyên yên tĩnh. Lẽ nào ta lại tính được thua với đàn chó đàn gà, so thiệt hơn với con chuột con bọ. Ngươi mau nhổ

quân rút đi, bỏ trại về nước, để khỏi phải chứng kiến cái cảnh xương chất ngập chiến trường, thây lấp đầy hang hố. Nếu không, ta sẽ dẫn một đội hùng binh chiếm đoạt tất cả 840 ngôi thành của nước ngươi, lúc đó ngọc đá đều cháy, hối sao cho kịp [1].

Từ Chính quất ngựa xông lên, Cảnh Dị cũng múa đao xáp tới. Hai bên đấu với nhau 200 hiệp không phân thắng bại. Trời tối, cả hai bên đều đốt đèn đuốc lên để đánh. Qua bao nhiêu hiệp nữa, được thua vẫn chưa ngã ngũ. Bỗng bão tố nổi lên, cát bụi bay mù mịt, quân hai phía đều mạnh ai nấy chạy về trại mình [2].

Cảnh Dị thấy đánh nhau đã một ngày đêm mà không thắng được Từ Chính, trong bụng liền nảy ra một kế, bèn gọi Thiên tướng Nguyễn Trọng Đông tới hỏi rằng:

– Ông dám sang trá hàng địch để làm nội ứng không?

Trọng Đông nói:

– Sao lại không dám, xin tướng quân cứ chỉ vẽ!

Dị nói:

– Ông dẫn 100 tinh binh tới hàng Từ Chính để làm nội ứng, dụ hắn đến cướp trại, ta sẽ đặt phục binh đánh hắn, thế nào cũng được!

Sáng hôm sau, Trọng Đông tới trại quân Bắc đầu hàng. Lính gác vào báo có giặc đến xin hàng. Từ Chính lúc này cũng đang nghĩ kế cướp trại, nhưng chưa tìm được người để sai phái. Chợt có lính vào tâu báo, bèn hớn hở nói:

– Thử gọi hắn vào đây cho ta hỏi.

Lính gác dẫn Trọng Đông vào phủ phục dưới đất kêu xin. Từ Chính nói:

– Ngươi đã theo Cảnh Dị nay lại đến hàng ta, không trá hàng đấy chứ? [3].

Trọng Đông nói:

– Mỗ theo chúa Trần chiến đấu có công, nay Cảnh Dị chuyên quyền, mưu đồ nắm hết việc nước, đánh đập quân sĩ, bỏ rơi công thần, nếu mỗ ở lâu, e bị vạ lây, nên tìm tới đầu hàng, mong kiếm chút công lao.

---

1. Nguyên chú: "Trận đấu khẩu giữa Từ Chính và Cảnh Dị nghe thật sướng tai"
2. Nguyên chú: "Ví thử không mưa gió, dễ chừng hai người còn đánh nhau đến sáng".
3. Nguyên chú: "Quả vậy! Quả vậy!".

Chính vừa nghe đến chữ "kiếm công lao" lòng sinh nghi, cả giận mắng rằng:

– Ngươi đúng là tên trá hàng, mau lôi ra mà chém đi thôi!

Võ sĩ kéo Trọng Đông ra ngoài. Đông cười ha hả. Chính nói:

– Ngươi sắp chết còn cười nỗi gì?

Đông nói:

– Ta cười ngươi toi mạng tới nơi mà vẫn không biết.

Chính nói:

– Ta việc gì mà chết?

Đông nói:

– Cảnh Dị nhờ Lê Thiện bày mưu. Hai trận hôm trước sở dĩ không thắng, là nhằm dò xem ngươi chiến đấu như thế nào. Không sớm thì muộn, ngươi cũng chết mà thôi.

Bấy giờ Từ Chính sợ nhất Lê Thiện, thấy nói Thiện tới, hoảng sợ hỏi:

– Thiện cũng ở đây sao?

Đông nói:

– Có chém ta thì chém đi, hỏi làm gì nữa?

Chính sai giải Đông đến trước mặt dịu giọng nói:

– Mỗ người trần mắt thịt nên không biết [1], xin hiền huynh thứ lỗi.

Trọng Đông vào chỗ ngồi. Chính hỏi:

– Có kế gì phá được giặc, mong hiền huynh chỉ giáo!

Đông nói:

– Đêm nay dẫn quân đi cướp trại, mỗ xin làm nội ứng, cầm chắc sẽ bắt được Thiện và Dị.

Chính nói:

– Nếu được như vậy, công việc xong xuôi, Chính này sẽ tiến cử hiền huynh làm Tham nghị.

Đông nói:

– Mỗ không ham vinh hoa lợi lộc, chẳng qua là chọn chúa mà thờ. Vừa rồi nói chuyện "kiếm công lao" là đùa đấy thôi.

Từ Chính sai đem rượu ra đãi. Đông uống liền mấy chén, đoạn dặn thêm rằng:

1. Nguyên chú: "Đúng là mắt thịt!"

– Tối nay tướng quân tới, mỗ sẽ giơ lửa làm hiệu.

Chính vâng dạ, xin ghi nhớ.

Đông trở về trại Nam kể hết lại mọi việc. Dị sai Chiến tướng Đặng Giai và Tham tướng Hoàng Kiên đem 2.000 quân ra mai phục ở hai bên ngoài trại. Hai tướng theo lệnh ra đi. Lại sai Trọng Đông dẫn 3.000 quân lên đường đến dụ Từ Chính.

Lại nói Từ Chính cả tin ở Trọng Đông, truyền lệnh trong quân ai nấy ngậm tăm, ngựa tháo bỏ nhạc, canh ba lên đường đi cướp trại quân Nam. Tướng sĩ tuân lệnh. Đi tới giữa đường thì gặp Trọng Đông. Chính nói:

– Huynh về, tình hình thế nào?

Đông nói:

– Thiện và Dị không đề phòng gì cả, đang uống rượu trong trướng [1]. Vậy tướng quân hãy đi gấp, mỗ về trước chuẩn bị tín hiệu.

Chính đốc thúc quân đội thẳng tiến. Tới trại Nam, Chính không thấy Trọng Đông đâu cả, cũng không một người lính giữ trại, bấy giờ mới biết là mình mắc mưu, định cho quân quay lại. Bỗng thấy hỏa pháo bắn lên, phục binh nhất tề nổi dậy. Từ Chính xách đao vùng vẫy, mở một con đường máu để thoát thân. Sau lưng Đặng Giai và Hoàng Kiên sấn tới. Quân Bắc giẫm đạp lên nhau, thây chết đầy đồng. Chính chạy về tới bên thành, đã thấy Cảnh Dị kêu rằng:

– Ta lấy thành rồi, ngươi mau tới đây chịu trói!

Chính sợ hãi men theo đường hào chạy trốn. Hoàng Kiên đuổi kịp, giơ đao chém Chính đứt làm hai khúc. Vậy là chiếm được sông Bàn Than [2].

Sáng hôm sau, Cảnh Dị vỗ về dân chúng, báo tin thắng trận về Triều. Vua Trần rất mừng khi biết đã lấy được Bàn Than, giết được Từ Chính, bèn họp quần thần mở tiệc chúc mừng. Bỗng có tin về cho biết tướng Minh là Trương Phụ đang đưa quân sang, không mấy ngày nữa sẽ tới biên giới.

Thật là:

Trong triều mở tiệc mừng quân thắng,
Ngoài ải truyền thư cáo cấp về.

Chưa biết cáo cấp thế nào, hãy nghe hạ hồi phân giải.

---

1. Nguyên chú: "Mời tướng quân đến cùng uống".
2. Nguyên chú: "Cảnh Dị trước sau đều dùng trí như thế, sao đến nỗi phải thất bại?."

HỒI THỨ HAI MƯƠI TÁM

Cửa Hàm Tử, Nguyễn Mỹ bại vong,
Đồn Thái Bình, Phan Để bị bắt.

Lại nói Minh Thành Tổ thấy Hoàng Phúc dâng sớ tâu rằng Mộc Thạnh bị thua to ở sông Sinh Quyết, nhiều tướng sĩ bị chết, nên cả giận sai Anh quốc công Trương Phụ làm Tổng binh, Thanh Viễn hầu Vương Hữu làm Phó nguyên soái, đem 200.000 quân sang đánh. Sắc rằng:

"Mộc Thạnh ra quân không đúng phép, khiến đảng giặc hoành hành. Nay nghe Đặng Tất chết mà 800 cô gái Lão Qua còn chở lương hướng tới cung cấp, ấy là vì ai? [1]. Giặc bảo chúng có 50.000 thớt voi [2], tướng soái ta, theo chúng, đều là loại dễ đối phó. Ta phải cẩn thận, đồng tâm hiệp lực để sớm diệt bọn giặc này".

Trương Phụ lúc bấy giờ nghe chúa nhà Trần không dùng anh em Lê Lợi nữa, trong lòng mừng lắm, bèn dẫn quân lên đường.

Mùa đông, tháng 10, Trương Phụ tới Giao Chỉ. Quân Nam dò la biết được tin, liền cấp báo về triều đình. Vua Trần hạ chiếu sai Nguyễn Cảnh Dị cho người thay giữ Bàn Than, điều số quân vừa thắng trận về giữ cửa Hàm Tử, phối hợp cùng Nguyễn Thế Mỹ.

Dị được lệnh, dẫn quân đến Hàm Tử. Bấy giờ Trương Phụ nghe tin Từ Chính tử trận, rất đỗi căm thù Cảnh Dị, bèn tức tốc phi báo cho Mộc Thạnh biết để đem quân phối hợp tác chiến. Mộc Thạnh bệnh tình lúc này đã thuyên giảm, có thể cùng Phụ tiến đánh. Hai tướng đến Hàm Tử chia quân vây thành, lòng căm giận sôi sục, sát khí đằng đằng. Cảnh Dị và Thế Mỹ thấy thế không địch nổi, bèn bỏ Hàm Tử, nhân đêm tối, mở con đường máu vượt cửa phía Đông chạy về cửa biển Thái Bình.

Phan Để thấy hai người vừa bị thất trận, liền đón vào trại bàn rằng:

– Thế giặc đang mạnh, ngôi thành này mà bị mất nữa, thì các đạo cũng sẽ nguy nan. Vậy xin Nguyễn Tướng quốc đem 5.000 quân

---

1. Nguyên chú: "Ở hồi trên có nói Lão Qua chở lương thực tới trợ giúp tang gia" (Xem hồi thứ 25).

2. Nguyên chú: "Ở hồi trên có nói nước Vạn Tượng cống voi (Xem hồi 25).

đến đóng ở Vân Úc, chỉnh đốn ghe thuyền để phòng chống mặt đường thủy; Nguyễn tướng quân thì đem 5.000 quân đến đóng ở Vạn Đồn để chống cự mặt đường bộ. Còn mỗ sẽ đóng ở sách Dương Hoa để làm thế ỷ dốc. Nếu giặc đánh mặt đường thủy thì lục quân sẽ đến ứng cứu; nếu giặc đánh mặt đường bộ thì thủy quân sẽ tới đương đầu với địch, như vậy mới có thể thu toàn thắng.

Dị và Mỹ theo kế sách ra đi.

Bấy giờ Trương Phụ dò biết 3 cánh quân Nam đều đang tụ tập tại cửa biển Thái Bình, bèn trưng dụng hết các ghe thuyền đậu ven sông mà đi, men theo bờ biển vào cửa Thái Bình, nhân đêm tối chia quân tiến đánh. Dị và Mỹ bị tấn công bất ngờ, phải bỏ cả lều trại chạy về Lộc Phúc [1], quân sĩ rơi vào thế cùng, bị chết đuối nhiều vô kể. Phụ và Thạnh chém mấy nghìn thủ cấp ném xuống cửa biển, rồi hợp quân vây Dương Hoa. Phan Để dẫn quân xông ra chém giết mãi cho đến lúc rạng sáng, quân sĩ tuy không còn mấy người mà vẫn chiến đấu không lùi bước, tinh thần càng đánh càng hăng. Phụ thấy Để là một con người anh dũng, muốn bắt sống, bèn kêu rằng:

– Đã cùng đường rồi, sao không hàng đi?

Để nói:

– Trừ một thác mà thôi, đâu có chuyện đầu hàng giặc!

Nói rồi lại tiếp tục đánh. Phụ tiếc lắm, ra lệnh trong quân không được bắn tên nữa, cố bắt sống Để đặng sử dụng. Tướng Minh đánh thêm một thời gian, nhưng không sao bắt được Phan Để. Phụ sai Chu Quảng ra trận, dùng kế để tóm đối phương. Chu Quảng xách đao lên ngựa sấn tới. Đánh với nhau chừng năm sáu hiệp. Quảng vờ thua, kéo lê đao mà chạy. Phan Để đuổi theo. Quảng lấy chiếc dùi đồng ra, chờ Để tới gần, đâm một nhát, trúng nhằm cánh tay phải, làm cho cây giáo của Để rơi xuống đất. Tướng Minh lao tới. Phan Để dùng tay không đánh gục ba bốn tên rồi mới chịu để cho đối phương bắt giải về doanh trại. Trương Phụ nói:

– Ông nếu hàng sớm, đâu đến nỗi bị trói như thế này!

Để nghiến răng trợn mắt mắng:

– Ta là thần tử triều Thần, chẳng lẽ lại đi hàng bọn tặc nô sao? Hãy mau mau chém ta đi, bằng không thì hôm nay đầu hàng, ngày mai sẽ chống lại thôi!

---

1. Nguyên chú: "Lúc này sao không dám theo kế?".

Phụ muốn mua chuộc lòng người, đích thân đến cởi trói cho Để, không ngờ bị Để đấm một quả vào mắt suýt lòi con ngươi [1]. Phụ cả giận, quát lôi ra chém. Để giương cổ đón lấy cái chết. Người đương thời có thơ điếu rằng:

Tấm lòng trung nghĩa thấu thần linh,
Một vạn cô nhi chống hải kình.
Giặc nghịch đang tâm mà giết hại,
Trời kia rõ khí tiết Phan Sinh.

Chém Để xong, Phụ tung quân lùng bắt được hơn 200 người, thu hơn 400 chiếc thuyền, sau đó chấn chỉnh đội ngũ đuổi theo bọn Cảnh Dị.

Bấy giờ vua Trần đang ở Lộc Phúc, thấy Dị và Mỹ thua trận chạy về, vô cùng sợ hãi, bè bàn cùng Thượng hoàng thảo thư sai người mang đến chỗ Trương Phụ cầu phong. Phụ vốn hận quân Nam đã giết hại nhiều tướng Bắc nên không nghe, sai lôi sứ giả ra chém, đốt thư thỉnh cầu, rồi tiến quân vào Thanh Hóa. Vua Trần được tin, liền rút chạy vào Nghĩa An. Thượng hoàng đến Diễn Châu đồn trú. Bọn Phụ dốc lực lượng đuổi theo. Thượng hoàng cô quân, không dám đóng lại, bỏ thành tìm đường chạy ra Mỹ Lương, sai người đến Ngưu Ty, Lỗi Giang gọi Trần Hy Cát, Nguyễn Yến về cứu. Hai người được lệnh, dẫn quân về Mỹ Lương, vào trong thành bái yết. Thượng hoàng nói:

– Quân giặc đuổi theo rất gấp, các khanh có kế gì để chống lại chúng? [2]. Nguyễn Yến thưa rằng:

– Ngôi thành này nhỏ hẹp, không thể đóng quân. Chi bằng rút lực lượng vào đóng ở đồn cũ của Lê Lợi tại Hoành Lâm, may ra có thể bảo toàn được.

Thượng hoàng theo kế Nguyễn Yến dẫn quân vào Hoành Lâm, thấy thành hào rào giậu thông nhau, trong ngoài tề chỉnh, bèn lệnh cho Trần Hy Cát đóng quân ở phía bên tả, Nguyễn Yến đóng quân ở phía bên hữu, còn mình thì ở giữa. Đến canh khuya, nghe đầu thành trống điểm, trong rừng chim kêu, Thượng hoàng lặng lẽ ra ngoài thành ngắm nhìn, thấy núi non ảm đạm, cây cối tiêu điều,

---

1. Nguyên chú: "Trương Thiều ném be rượu vào mặt Vương Hữu làm cho chảy máu, Phan Để đấm vào mắt Trương Phụ thiếu chút nữa lòi tròng. Một be rượu, một nắm tay, một cứng, một mềm, trước sau ứng đối".

2. Nguyên chú: "Chỉ cần Cảnh Dị đi thị sát miền Tây là có thể chống lại được".

trăm vật khắc khoải, ba quân thở than, trạnh nhớ quê hương, càng đau buồn về thất bại vừa nếm trải, nước mắt đầm đìa, ruột vò chín khúc, bèn trở vào đồn đi nằm. Vừa chợp mắt, thấy có một người đầu bạc hoa râm đứng ngoài cửa ngâm rằng:

Ngựa chạy vào Mỹ Lương,
Rồng bay lên Cát Lợi.
Hai chuột ẩn trong tre,
Ba gấu chung một cũi.

Thượng hoàng định dậy hỏi thì bừng tỉnh giấc, bèn họp các tướng lại để giải mộng, nhưng không ai hiểu là gì cả.

Thật là:

Lệ rỏ tha phương, lòng vạn dặm,
Hồn đau chinh chiến, nguyệt ba canh.

Chưa biết giấc mộng ấy như thế nào, hãy xem phần sau phân giải.

HỒI THỨ HAI MƯƠI CHÍN

Vào Hoành Lâm, Trương Phụ khốn nguy,
Lên Cát Lợi, Giản Định bị bắt.

Lại nói Thượng hoàng thấy mộng, bảo các tướng giải đoán mãi cho đến khi trời sáng mà vẫn chưa ra, bèn sai người đi thám thính tin tức về Trương Phụ.

Bấy giờ Trương Phụ truy kích đến Diễn Châu không thấy Thượng hoàng đâu cả, bèn cho người dò xét, biết Thượng hoàng đã chạy ra Mỹ Lương, liền cắt cử Mộc Thạnh từ phía Nam Lỗi Giang tiến lên, Chu Vinh tới ải Ngưu Ty rồi từ đó tiến ra, còn mình thì dẫn quân đuổi thẳng đến Mỹ Lương. Nhưng khi tới nơi, lại vẫn không thấy động tĩnh gì, Phụ lập tức cho gọi người địa phương tới tra hỏi. Người địa phương nói:

– Trần Thượng hoàng nghe đại quân tới, đã bỏ thành chạy vào Hoành Lâm rồi.

Phụ bèn xua quân xông vào, thấy có một cụm đồn trại cũ, ba bề bốn mặt đều có cửa lớn, cửa nhỏ y như một trận đồ, nhưng không có người trấn giữ. Phụ cảm thấy ngờ ngợ, bèn hỏi viên quan dẫn đường rằng:

– Đây là đồn trại gì vậy, sao bỏ trống, không có người?

Viên quan dẫn đường nói:

– Trước kia anh em Lê Lợi đem quân vào đóng ở đây để chống phá quân Hồ. Nay họ đã bỏ nơi này, không biết đi đâu.

Trương Phụ nói:

– Kẻ nào dùng binh kiểu này thì không thể ở lâu được. Vậy ta nên phá bỏ để dứt mối lo về sau [1].

Nói xong, Phụ tự dẫn quân đi thẳng vào quan sát. Bỗng một tiếng súng nổ, bên tả là Trần Hy Cát, bên hữu là Nguyễn Yến cùng lướt tới đâm chém, Thượng hoàng ở giữa cũng lao ra vây chặt lấy Trương Phụ [2]. Trống giục inh ỏi, tên bắn như mưa [3], quân Bắc bị giết

---

1. Nguyên chú: "E phá bỏ không nổi, trái lại thành vạ lớn".
2. Nguyên chú: "Khốn tại Cai tâm". Xem lại chú thích 1, tr.91.
3. Nguyên chú: "Giá gặp người có trí, Phụ tất bị bắt sống rồi!".

đến nỗi thây chất đầy khe, máu chảy ngập đất. Trương Phụ ra sức chống đỡ, trên mình bị trúng liền mấy mũi tên, tưởng chết tới nơi. Bỗng từ phía trước Mộc Thạnh dẫn quân xông tới, từ phía sau Chu Vinh xua quân đánh lên, hai mặt giáp công, cắt quân Nam ra thành năm ba khúc, làm cho bên quân Nam kẻ chạy đằng đông, người lủi đằng tây, số bị chết nhiều vô kể [1]. Trương Phụ nhờ vậy được cứu thoát. Thượng hoàng liền tìm đường chạy trốn.

Phụ nói:

– Các ông làm sao biết mà sớm đến đây để cứu tôi?

Thạnh nói:

– Mỗ từ Lỗi Giang lên, may không gặp cản trở thành ra mới đến nhanh như vậy.

Chu Vinh cũng nói:

– Vinh tôi dẫn quân đến ải Ngưu Ty, có phục binh, sai người trinh sát biết hoàn toàn không có gì, bèn đốc thúc quân đội tiến thẳng đến đây, thấy Tổng binh bị vây, liền mở con đường máu để cứu.

Phụ nói:

– Nếu không có các ông, mỗ hôm nay bỏ mạng rồi!

Vừa nói, Phụ vừa vạch những chỗ bị tên bắn cho tướng sĩ xem, ai nấy đều phấn khích. Phụ nghiến răng nói:

– Thề giết cho được tên giặc này, mong các ông cố sức đuổi bắt.

Nói rồi ra lệnh hợp quân cùng tiến.

Bấy giờ Thượng hoàng bị mất hết quân, sau lưng thì quân Minh đang đuổi theo rất gấp, sinh sợ hãi, vứt cả ngựa chạy lên núi Cát Lợi. Phụ chia quân bốn bề lùng sục. Thượng hoàng trốn vào hang sâu. Chu Vinh cuối cùng đã tìm tới, Thượng hoàng không kịp trở tay, bị Chu Vinh đấm ba bốn đấm rồi bắt trói. Mộc Thạnh bắt được bọn Thành Viễn hầu tướng quân Trần Hy Cát, Giám vệ tướng quân Nguyễn Yến... cũng trói nốt dẫn về nhốt chung vào một cũi. Sự việc diễn ra đúng như những điều thấy trong mộng: "Ngựa chạy vào Mỹ Lương, Rồng bay lên Cát Lợi v.v...". "Cát Lợi ở đây tức là núi Cát Lợi. Tháng 11 năm Tý là tháng Tý; năm Tý và tháng Tý là "hai chuột". "Trong tre" hay "trúc gian", tức "bộ trúc" cộng với chữ "gian" là "Giản", chỉ Giản Định. Giản Định, Trần Hy Cát, Nguyễn Yến là

1. Nguyên chú: "Một qua một lại, không trường hợp nào là không có sự đáp lễ".

"ba gấu" cùng bị nhốt chung vào một chiếc cũi [1].

Trương Phụ ra lệnh giải cả ba người về Kinh sư. Thượng hoàng sau đó bị giết, còn Hy Cát và Nguyễn Yến thì đều được phóng thích, nhưng cả hai nhất định không chịu đầu hàng. Khi nghe tin Thượng hoàng bị hại, hai người đều tự sát. Thành Tổ thương hại, ra lệnh dùng quan, quách mai táng hai người ở ngoài thành. Bấy giờ người phương Bắc có thơ điếu rằng:

Thành bắc đôi gò dãi gió sương,
Quân thần gặp gỡ quặn sầu thương.
Trăm năm hiệp nghĩa tình bền vững,
Nghìn thuở lưu danh tiếng rõ ràng.
Vượn hú đồng hoang khi nắng xế,
Chim kêu non quạnh lúc chiều buông.
Hành nhân đeo kiếm rày đâu tá?
Đối mặt kiền khôn một nén hương!

Sau khi tóm được Trần Thượng hoàng, Trương Phụ định truyền hịch tiến quân đuổi bắt vua Trần. Chợt có công văn của Hoàng Phúc gửi tới phi báo:

"Đảng giặc đang hoành hành, châu Đông Triều sắp đưa quân vào Đông Đô, xin Tổng binh mau kéo quân về để ngăn địch".

Trương Phụ họp các tướng lại nói:

– Mỗ định truy kích bọn giặc Man đến cùng. Nay bè lũ phản nghịch đang làm loạn ở bên ngoài, không thể không trừ khử. Nếu đưa quân đi xa, nhỡ giặc uy hiếp Kinh đô, nước Nam sẽ không thể bảo vệ được. Vậy ta cứ quay về tiễu trừ dư đảng giặc đã, rồi hãy truy kích vua Trần sau. Nếu không, "chưa dất ra khỏi cửa, đã làm cho mất nhà" là điều không thể chấp nhận.

Các tướng đều nghe lệnh, nhổ trại trở về.

Thật là:

Tây tiến vừa lăm truyền hịch tới.
Đông chinh bỗng lại báo thư về.

Chưa biết Trương Phụ phản hồi thế nào, hãy nghe phần sau phân giải.

---

1. Xem lại 4 câu thơ trong mộng chép ở cuối hồi 28.

HỒI THỨ BA MƯƠI

Đắp Kinh quán, Trương Phụ tàn ngược,
Dâng biểu thư, Trần Đế trá hàng.

Lại nói Nguyễn Sư Cối cùng Trần Nguyên Khanh và Phạm Hữu đang đóng quân ở Triều Châu, nghe tin Trương Phụ liên tiếp phá được ải Hàm Tử và cửa biển Thái Bình, thừa thắng truy kích Thượng hoàng đến Nghĩa An [1], cả ba người [2] bèn cùng họp để bàn công việc. Phạm Hữu nói:

– Nay Trương Phụ cho quân đi xa để đuổi bắt Chúa thượng, Đông Đô tất bỏ trống, ta nên cất quân tiến đánh để chia bớt thế lực địch, chứ ai lại trong khi xa giá bôn ba mà ta chỉ giữ cô thành, lòng thần tử lẽ đâu như vậy?

Nguyên Khanh nói:

– Những lời ông nói rất hợp với ý tôi. Bọn chúng ta một lòng cứu giá, dù chết cũng không từ chối.

Sư Cối nói:

– Tướng quân chưa tiến binh, sao thốt ra những lời gở như thế!

Hữu nói:

– Đấng trượng phu thờ chúa, huyết chiến sa trường, nên lấy da ngựa bọc thây làm điều hân hạnh, sợ gì cái chết!

Cối thấy hai người một niềm trung phẫn, quyết định vào ngày Tân Tị sẽ khởi binh.

Đến ngày đã định, Cối chia quân thành 5 đạo với 5 màu cờ khác nhau, bắn ba phát pháo hiệu, tất cả cùng xuất phát. Bỗng có trận gió xoáy làm gãy cờ của Nguyên Khanh và Phạm Hữu. Sư Cối sinh nghi, muốn hủy bỏ cuộc xuất quân, nhưng hai tướng không nghe, một mực thúc quân lên phía trước. Khi quân Nam đi gần đến Lỗ Giang, viên tướng giữ thành là Giang Hạo dò biết tin tức, một mặt sai người về

---

1. Nguyên văn là: "An Nghĩa", đây đảo lại là Nghĩa An cho thống nhất với địa danh ở hồi 28.

2. Nguyên văn: "*Nhị nhân* = hai người". Đây chữa lại thành "ba người" cho phù hợp với mạch văn.

kinh đô cáo cấp, mặt khác đóng chặt cửa thành cố thủ. Sư Cối tới nơi, sai người gọi Giang Hạo ra hàng. Hạo cậy thành vững chắc, đích thân trèo lên chòi gác [1] kêu rằng:

– Chúa của người đã thành con chó trong cũi mà ngươi vẫn chưa biết, lại còn tính chuyện lấy thành quách của người ta sao?

Khanh tức giận gào quân tiến đánh, bốn mặt giáp công. Nhưng vì thành kiên cố, sau 5 ngày vẫn không hạ được. Hữu sai người nhân đêm tối đào hầm xuyên vào trong thành, cho quân luồn vào bên trong mà đánh. Giang Hạo không hay biết gì cả, nghe động liền xách đao ra cổng thì vừa gặp Phạm Hữu. Hai bên đánh nhau chưa đầy hai hiệp, Hạo bị Hữu chém chết ngay ở cổng thành. Bốn cửa thành đều được mở, quân bên ngoài ập vào trong giết chết quân Minh không biết bao nhiêu mà kể. Rạng sáng hôm sau, các tướng vào trong thành an ủi vỗ về trăm họ, sau đó dự định tiến quân về Đông Đô. Bỗng có tin thám báo cho biết bọn giặc phương Bắc Trương Phụ đang kéo đến đông nghịt, cả ba người liền ra ngoài bố trí trận địa chờ đánh địch.

Không mấy chốc Trương Phụ tới. Nghe tin Giang Hạo bị giết, Phụ giận lắm, vẫy quân giao chiến, sát khí ngút trời. Ba người quân ít, chống chọi không lại, phải rút chạy. Bọn Phụ thừa thế đánh mạnh, cho quân truy kích quân Nam đến tận châu Đông Triều. Sư Cối thế cùng, quay ngựa lại đánh nhau với Chu Vinh. Được bốn năm hiệp, Vương Thông từ sau lưng sấn tới, Sư Cối thua chạy. Vinh và Thông cùng đuổi theo, chém 5000 thủ cấp. Nguyên Khanh cầm gươm xông tới đâm trúng đùi bên trái của Trương Phụ. Phụ gượng đau tránh sang một bên. Chẳng may ngựa Nguyên Khanh bị vấp, hai chân trước tụt xuống hố, Chu Vinh lao tới bắt sống được Nguyên Khanh. Mộc Thạnh đuổi theo Phạm Hữu đến tận chân núi. Hữu múa đao quay lại đánh. Thạnh giương cung bắn trúng ngựa của Hữu, con ngựa vừa hý vang vừa lồng lên, làm cho Hữu rơi xuống đất, bị quân Bắc bắt sống cùng với hơn 2000 người. Trương Phụ căm hận, sai đem chôn sống tất cả, đắp thành ngôi mộ chung gọi là Kinh quán. Từ đó về sau, mây sầu gió thảm thường từ đây phát ra. Người đương thời có thơ than rằng:

Hiu quạnh bên thành một hố xương,
Cỏ cây ủ rũ quện sầu thương.

---

1. Nguyên văn là "địch lâu".

Trời già, đất cỗi, thù còn đó,
Dễ khiến chinh nhân lệ vấn vương.

Sau khi phá được Đông Triều, Trương Phụ dâng thư tấu tiệp. Minh Thành Tổ thấy Phụ bắt sống được chúa ngụy, phá liên tiếp mấy ngôi thành, phải ở lại Giao Chỉ lâu ngày vất vả, bèn xuống chiếu gọi Phụ về triều. Phụ dâng biểu xin để Mộc Thạnh ở lại quản lĩnh công việc.

Năm Kỷ Sửu [1], Trùng Quang nguyên niên (1409) (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 8), mùa xuân, tháng 2, Phụ đem quân về nước. Trước lúc lên đường, Phụ bảo Mộc Thạnh rằng:

– Trần Quý Khoáng đã trong tầm mắt ta rồi, không có gì phải lo lắm. Duy anh em Lê Lợi các ông phải tính liệu, đừng để hậu hoạ về sau.

Dặn dò xong liền cáo biệt.

Chợt có người về báo Trần Quý Khoáng đã tới cửa biên Linh Trường, đang cho quân đánh phá khắp nơi, hoành hành ngang ngược. Hoàng Phúc xin Mộc Thạnh đem quân đánh dẹp. Thạnh dẫn 40.000 tinh binh đến nơi, thấy đối phương đã dàn quân theo trận pháp: bên tả là Trần Nguyên Tôn tay cầm giáo dài, ngồi trên ngựa ô; bên hữu là Nguyễn Cảnh Dị tay cầm bảo kiếm, ngồi trên ngựa hoa; vua Trần ở giữa, ngồi trên xe loan che lọng xanh, cờ quạt vây quanh, trước sau tề chỉnh. Mộc Thạnh cũng bày quân thành trận thế, rồi thúc ngựa lên phía trước kêu rằng:

– Giản Định của các ngươi đã trở thành ma không đầu, ngươi cũng nên trói tay [2] về hàng kẻo lỡ dịp phong hầu. Bằng không, một khi thiên binh đến đây, sẽ xương tan thịt nát.

Dị nói:

– Ta đến đây quyết lấy đầu nhà ngươi để trả thù cho Thượng hoàng, ngươi hãy mau mau nộp thủ cấp, nếu không thì lũ các ngươi tất tần tật sẽ trở thành mồi của cá biển Linh.

Thạnh tức giận vẫy quân xông vào chém giết. Hai bên vũ khí giao nhau, trống chiêng inh ỏi. Đánh mãi cho đến lúc xẩm tối, quân Nam mệt nhoài. Bỗng nổi mưa to gió lớn, bốn bề mù mịt [3]. Cả quân

---

1. Bản in khắc nhầm là "Ất Sửu".

2. Nguyên văn: "*diệp phọc* = trói ké, trói trật cánh khuỷu".

3. Nguyên chú: "Trước kia, khi Cảnh Dị đánh nhau với Từ Chính, trời nổi giận cuồng phong. Nay, khi chúa Trần giao tranh với Mộc Thạnh, gió mưa mù mịt. Ý trời có thể nói là lạ lắm!".

Nam lẫn quân Bắc đều rút về doanh trại của mình.

Hồ Cụ Trừng nói:

– Quân Bắc thế mạnh, ta không thể tranh thắng với chúng được. Chi bằng lui về Nghệ An, tìm kế khác hay hơn.

Vua Trần nghe theo, bèn nhân đêm tối nhổ trại ra đi. Sáng hôm sau tướng Minh phát hiện, nhưng ngờ là quân Nam dùng kế nên không dám đuổi theo, cũng dẫn quân về.

Vua Trần trở lại Nghĩa An, họp quần thần bàn rằng:

– Nay thế giặc càng kiêu, các khanh bảo ta nên thế nào?

Hồ Cụ Trừng thưa rằng:

– Kế sách bây giờ là dâng biểu xin hàng để hoãn binh một thời gian, ta nhân đó nuôi dưỡng uy lực rồi sẽ tính chuyện về sau.

Cả triều đình đều nói:

– Kế này rất hay.

Nhà vua chuẩn y, ra lệnh soạn tờ biểu sai Hồ Ngạn Phong mang sang doanh trại quân Bắc. Hoàng Phúc đem việc này tâu lên. Thành Tổ sai Phương Chính sang An Nam dụ bảo Quý Khoáng làm Giao Chỉ Hữu bố chính sứ. Lại phong chức cho các tướng tá của Quý Khoáng: Trần Nguyên Tôn làm Tham chính; Phan Quý Hựu làm Án sát Phó sứ; Hồ Cụ Trừng, Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị làm Đô chỉ huy sứ.

Mùa đông, tháng 10, Phương Chính đến Nghĩa An. Bấy giờ vua Trần cùng quần thần cố ý tỏ ra lạnh nhạt. Phương Chính cậy mình là thiên sứ, lên mặt ngông nghênh. Lê Nhị từ ngoài vào, xẵng giọng mắng Phương Chính:

– Ngươi khinh nước Nam không có người chắc? Chúa ta đường đường thiên tử, lẽ nào lại hạ mình để nhận cái tước quèn của chúa ngươi? Ngươi cút ngay đi, kẻo làm bẩn lưỡi gươm của ta!

Chính nói:

– Ta là đại sứ thiên triều, chúa của ngươi là bề tôi bé mọn, sao không cúc cung thành kính đúng mực đối với ta?

Nói chưa hết lời, Lê Nhị liền quát lớn:

– Thế này mới là đúng mực này!

Vừa nói, Nhị vừa túm đầu Chính tát cho mấy cái nên thân [1]. Chính kêu oai oái:

– Các ông cứu tôi với [2].

Bọn Hồ Cụ Trừng xúm tới can xin, Phương Chính vội ôm đầu lủi chạy.

Thật là:

Đường đường một đấng vua Nam quốc,
Đâu phải tẻo teo tớ Bắc triều!

Chưa biết Phương Chính sau đó thế nào, hãy xem phần sau phân giải.

---

1. Nguyên chú: "Chuyện thật khoái, văn cũng hay".

2. Nguyên chú: "Không dám! Không dám! Chúng tôi nước bé, đâu dám cứu đại sứ thiên triều?".

HỒI THỨ BA MƯƠI MỐT

Đến Từ Liêm, Lê Nhị được lợi,
Tại Tây Tâm, Hàn Quan mất lương.

Lại nói Lê Nhị đánh Phương Chính, mọi người tới cứu, Chính mới được tha, ôm đầu trở về [1]. Vua Trần nói:

– Việc này sao có thể thôi được?

Lê Nhị nói:

– Các tướng đều còn khoẻ, ba quân cũng vực dậy được rồi, thần xin dựa vào oai trời, đem 1.000 tráng sĩ đi lấy lại các quận cho bệ hạ!

Vua Trần khen Nhị có ý chí mạnh mẽ, phong làm Chinh bắc tướng quân, sai đi đánh Giao Chỉ. Lại lệnh cho Nguyễn Sóc, Hồ Cụ Trừng đánh quận Cửu Chân, Nguyễn Cảnh Dị đánh sông Nguyệt Thường. Lấy Phan Quý Hựu làm Thủy sư đô đốc, Đặng Như Hí làm Phó đô đốc. Sức cho đoàn quân thuyền men theo bờ biển thẳng tới cửa Thần Phù, lấy đường tiến đánh Đông Đô.

Canh Dần, năm thứ 2 (1410) (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 9), mùa xuân, tháng giêng, các tướng được lệnh dẫn quân ra đi. Lê Nhị mang 1.000 kỵ binh chia làm 4 đội tiền, hậu, tả, hữu, giữa giương cờ vàng mang dòng chữ "Khâm sai Chinh bắc đại tướng quân Lê". Sau khi vào triều vái tạ, Nhị cho quân tiến về Giao Chỉ. Phàm các nơi quân Lê Nhị đi qua đều mảy may không mất mát. Quân trấn giữ các quận huyện thấy cờ đề tướng quân họ Lê, tưởng là lực lượng của anh em Lê Lợi nên đều sợ sệt, bỏ cả thành quách chạy trốn. Nhờ vậy Lê Nhị thắng lợi liên tiếp, tiến quân một mạch tới huyện Từ Liêm. Hồi này, quân sĩ nhà Minh thường kháo nhau rằng Lê Thiện hành binh như từ trên trời xuống, khiến các tướng giữ Cửu Chân. Nguyệt Thường đều run sợ, nhân đêm tối mở cửa thành rút chạy [2], nhờ thế mà các nơi Hồ Cụ Trừng và Cảnh Dị tới đều không cần đánh đấm gì cả, chỉ

1. Nguyên chú: "Đẹp mặt thay, thiên sứ!".

2. Nguyên chú: "Cứ thấy bóng quân Nam là ngờ sợ, không đợi sau trận đánh mới vỡ nhẽ đây không phải là quân của Lê Thiện".

khoanh tay cũng lấy được thành.

Bấy giờ Hoàng Phúc ở Đông Đô thấy các tướng thua liểng xiểng trở về nói:

– Lê Thiện dẫn quân chia đường đánh phá thành trì, bọn mỗ chống cự không nổi, chạy thoát thân về đây.

Hoàng Phúc than rằng:

– Ngày trước anh em họ Lê bị tống khứ về nhà [1], ta khấp khởi mừng trong quân rồi sẽ được yên giấc. Nay thấy họ được dùng trở lại, tướng sĩ ta ăn không ngon ngủ không yên chính là lúc này đây. Mong các ông chớ ngại gian khổ, các châu quận vòng ngoài nhỡ mất đi thì thôi, riêng những thành quách quanh đây thì phải cố giữ cho cẩn thận, chờ quân triều đình tới, đừng để sơ hở. Nếu mất Đông Đô, quân ta sẽ không có đất mà chôn.

Hồi này Mộc Thạnh cũng sợ thanh thế Lê Thiện, không dám đề xuất việc ra quân, chỉ theo kế hoạch Hoàng Phúc chia quân đóng chặt các cửa thành để cố thủ.

Hoàng Phúc viết sớ sai dịch trạm tâu về. Minh Thành Tổ lại lệnh cho Trương Phụ sang An Nam hiệp sức cùng Chinh di tướng quân Mộc Thạnh dẹp giặc Giao Chỉ. Sắc cho quan Đô ty ở 6 nơi gồm Tứ Xuyên, Quảng Tây, Giang Tây, Hồ Quảng, Vân Nam, Quý Châu như An Khánh v.v... điều thêm 24.000 tinh binh đi cùng với Trương Phụ.

Mùa thu, tháng 7, quân Phụ đến ải Hoa Manh, nghe nói ở đây Tham quân Lê Thiện đang đóng giữ nên không dám tiến đánh. Qua gần một tháng, tin thám báo cho biết viên tướng nhà Trần trấn giữ ở đây không phải Lê Thiện mà là Lê Nhị, Phụ liền hạ lệnh tiến quân, nửa đêm truyền tin, sáng đi tối nghỉ.

Bấy giờ bọn Nguyễn Sóc, Hồ Cụ Trừng thấy quân Bắc cố thủ, lâu ngày không xuất hiện, sinh ra lười biếng, không đề phòng. Đột nhiên Trương Phụ cho quân ập tới, Nguyễn Sóc và Hồ Cụ Trừng phải bỏ Cửu Chân rút chạy. Trương Phụ đắc thắng, quay về đánh sông Nguyệt Thường. Cảnh Dị thất thế thua chạy. Phụ chiếm được cả hai thành. Tiếp đó, Phụ lại cho quân thuyền sang sông đóng doanh trại sát Từ Liêm. Lê Nhị dẫn quân ra ngoài thành dàn trận. Phụ biết ngôi thành này trơ trọi, mật sai bọn An Khánh đem 3.000 quân tìm

---

1. Chỉ việc vua Trần lột hết chức tước của anh em Lê Lợi cùng phe cánh, truất làm dân thường... nói ở cuối hồi thứ 25.

cách mai phục ở phía sau thành, dặn hễ thấy giặc và quân Bắc đánh nhau thì tập kích lấy thành. Sau khi An Khánh đi rồi, Trương Phụ cho đánh trống giăng cờ, sai quân tiến về phía trận địa của Nhị. Lê Nhị đứng trước trận réo tướng Minh ra nói chuyện. Phụ không thèm đáp, vẫy quân xông vào trận. Nhị xách đao nghênh chiến. Hai ngựa giao phong. Đánh nhau chưa mấy hiệp, thắng bại chưa phân, bỗng có tên tiểu tốt gọi to:

– Trong thành bốc lửa!

Nhị thất kinh quay lại, bị Chu Quảng từ phía trái sấn đến chém rơi xuống ngựa. Quân Nam chạy loạn. Phụ lấy được hạt Từ Liêm. Các châu Phúc Yên v.v... đều bình định được. Nhân đó, Phụ lệnh cho các quân do Bắc triều tuyển chọn chia nhau cai trị các châu, huyện. Mùa đông, tháng 10, Phụ trở lại Đông Đô, đây không nhắc tới nữa.

Lại nói trước đó, bọn Đô đốc Phan Quý Hựu dẫn quân thuyền đến cửa biển Thần Phù thám thính biết tin Trung quan Mã Kỳ đang trấn giữ nơi đây. Kỳ vốn tính tham lam, xảo quyệt. Quý Hựu bàn với Nhữ Hí giả làm thuyền buôn, bảo quân sĩ cuốn cờ, im trống, cầm đao búa nấp trong thuyền. Trước hết sai một người có tài ăn nói mang lễ vật quý báu dâng lên, số người còn lại từ từ vào sau. Mã Kỳ mừng rỡ thu nhận các lễ vật rồi nói:

– Ngươi ra báo với chủ buôn cho thuyền vào đây để ta khám.

Sai nhân quay ra báo cáo lại. Lê Hựu thấy thế, cho thuyền ghé vào sát cửa đồn, bắn mấy phát pháo hiệu, phục binh nhất loạt nổi dậy xông thẳng vào trong thành. Mã Kỳ thất kinh, bỏ cả quân sĩ, một mình leo qua tường sau đồn chạy trốn [1]. Quý Hựu bắt sống quân Bắc nhiều vô kể, ra lệnh cởi bỏ quân phục cùng khí giới lại rồi đuổi đi. Hai tướng lấy xong ngôi đồn ven biển, bèn tiến quân một mạch về Đông Đô. Bấy giờ Hoàng Phúc đã sai quân phòng chặn các nơi quan ải, hai tướng đánh không được, đành lui quân về đóng ở cửa biển. Nhữ Hí cho 100 chiếc thuyền đi tuần tiễu trên mặt biển.

Tân Mão, năm thứ 3 (1411) (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 10), mùa xuân, tháng 3, tướng Minh trấn giữ Giao Chỉ là Hàn Quan vận chuyển lương thực từ Quảng Đông sang An Nam để cung cấp cho quân lính. Nhữ Hí thám thính được tin, bàn cùng các tướng dưới quyền rằng:

---

1. Nguyên chú: "Không biết lễ vật quý báu có mang theo được chăng. Nếu Mã Kỳ hôm nay mà chết, thì ngày sau đỡ sinh ra chuyện lông chim trả, quạt ngà voi".

– Người giỏi dùng binh, lấy lương thực của địch mà sử dụng. Bọn các ngươi hãy mặc quần áo quân Bắc lấy được hôm trước, chỉnh đốn khí giới thuyền bè, giả đi bảo vệ thuyền lương, chờ địch đến là cướp lấy. Địch không có lương thực tiếp tế, tự chúng phải rút đi.

Các tướng theo kế đó, chèo thuyền xuống phía Đông thì gặp ngay Hàn Quan ở sông Tây Tâm. Hàn Quan gọi to lên rằng:

– Quân sĩ nơi nào mà ngăn đường tiến quân của ta vậy?

Nhữ Hí lệnh cho hàng binh đứng ở đầu thuyền trả lời rằng:

– Chúng tôi vâng lệnh Trương tổng binh đặc biệt đến đây để bảo vệ thuyền lương.

Hàn Quan thấy người trên thuyền đều ăn vận kiểu quân Bắc nên không nghi ngờ, yên tâm thẳng tiến. Lúc giặc đến gần thuyền quân Nam, Nhữ Hí cầm cờ phất một cái, quân Nam ồ ạt nhảy sang thuyền địch chém giết vô số quân Bắc. Hàn Quan phải nhảy xuống sông, nhờ bơi thạo mà tẩu thoát, quân Nam đuổi theo, nhưng không tóm được. Nhữ Hí thu hơn 10.000 thạch lương thực, cắt đặt các tướng ở lại giữ sông Tây Tâm, còn mình thì phóng ngựa về Thần Phù, sai người chuyển số lương thực lấy được vào Nghĩa An để sử dụng.

Bấy giờ Hàn Quan bị mất nhiều lương thực, chạy về Đông Đô than thở. Trương Phụ mắng rằng:

– Ngươi nửa đời sống trong quân ngũ mà không biết thực hư, đến nỗi để mất cả quân lẫn lương!

Nói rồi, hạ lệnh lôi ra chém. Nhờ Hoàng Phúc cố tranh biện, Quan mới được tha. Phụ nói:

– Giặc cướp lấy lương thực ta hiện cất giấu ở nơi nào?

Quan nói:

– Lúc ấy mỗ nhảy xuống nước để thoát thân, không hiểu chúng để lương thực ở đâu nữa.

Phụ lập tức sai người bí mật dò la. Được ít lâu, thám tử về báo rằng:

– Hiện nay bọn tướng giặc Phan Quý Hựu, Đặng Nhữ Hí đang đóng tại cửa biển Thần Phù, sai tướng dưới quyền giữ sông Tây Tâm, lương thực chắc là để cả ở lũy Thần Phù.

Trương Phụ hạ lệnh cho đại quân đi suốt ngày đêm đến tận nơi [1].

1. Nguyên chú: "Chậm mất rồi!".

Mùa thu, tháng 8, Phụ đến lũy Thần Phù. Hai tướng Phan, Đặng dẫn quân nghênh địch. Phụ vẫy quân xông lên, quát lớn:

– Ai lùi lại sẽ bị chém!

Tướng sĩ sợ hãi, người nào cũng cố sức đánh. Nhữ Hí chống cự không nổi, quay ngựa chạy. Trình Khoan [1] từ phía sau xông lên, cầm giáo đâm trúng chân ngựa của Nhữ Hí, Hí ngã xuống đất, bị đối phương bắt. Phan Quý Hựu cũng thua chạy, trốn vào núi Khả Lôi, xin đầu hàng. Phụ theo lệ, lấy Quý Hựu làm Án sát phó sứ để cai quản vùng Nghĩa An [2]. Phụ thừa thắng truy kích địch đến sông Tây Tâm, quân Nam thua chạy tán loạn. Phụ liên tiếp lấy được hai ngôi thành, lúc này mới biết là lương thực không để tại đây, bèn kéo quân trở lại Đông Đô.

Thật là :

Ven biển không lo gươm giáo chạm,
Sườn non chỉ sợ gạo lương khan [3].

Chưa biết sự tình ra làm sao, hãy nghe hồi sau phân giải.

---

1. Nguyên bản chép nhầm là Lê Khoan.

2. Nguyên chú: "Chiếu theo chức phong của Thành Tổ trước kia".

3. Nguyên văn: "Chỉ ưu giang thượng quý canh hô". "Quý canh" tức "canh quý", một tiếng lóng chỉ "quân lương".

HỒI THỨ BA MƯƠI HAI

Sính quân kiêu, Trương Phụ thất bại,
Dẹp giặc mạnh, Lê Lợi thành công.

Lại nói Trương Phụ dẫn quân về Đông Đô, chém xong Nhữ Hí, họp các tướng bàn rằng:

– Tên giặc man Trần Quý Khoáng như con thỏ trong lưới, tóm lúc nào mà chả được. Duy anh em Lê Lợi như con hổ trong rừng, vồ người chẳng biết lúc nào, không diệt trừ ngay, ắt sẽ thành mối lo về sau.

Hoàng Phúc nói:

– Anh em nhà họ túc trí đa mưu, không dễ thắng được. Nếu ta bức họ, tất họ sẽ đến với Quý Khoáng [1]. Một khi đủ lông đủ cánh, thì khó mà đánh bại được họ.

Phụ nói:

– Họ đã bị Quý Khoáng tẩy chay không dùng, làm sao mà về với Quý Khoáng được. Để mỗ đem quân đi bắt anh em Lê Lợi đã [2], sau đó tiện đường giết Quý, giống chuyện Biện Trang đâm hổ ngày xưa [3]. Phúc nói:

– Con người ấy hễ đối xử nhẹ nhàng thì vẫn là dân của ta, chờ diệt giặc xong, sẽ có cách giải quyết. Còn như già néo không khéo đứt dây, sự việc bất thành hóa ra tai vạ. Mong Tổng binh suy nghĩ kỹ.

Trương Phụ không nghe, quyết ý khởi binh, bèn truyền lệnh các tướng đem 80.000 quân đi đánh dẹp.

Nhâm Thìn, năm thứ tư (1412) (Minh Vĩnh Lạc thứ 11), mùa xuân, tháng Giêng, ngày Bính Ngọ, Phụ cho đại quân tiến vào Thanh Hóa. Hoàng Phúc than rằng:

– Đánh nhau liên miên, gieo thù chuốc họa không lúc nào thôi

---

1. Nguyên chú: "Đâu có chuyện như thế".
2. Nguyên chú: "E không bắt nổi đâu".
3. *Luận ngữ, Hiến vấn*: "*Biện Trang Tử chi dũng* = cái dũng của Biện Trang Tử". Biện Trang Tử là quan đại phu ở ấp Biện ở nước Lỗ thời Xuân Thu, có dũng lực, từng một lúc đâm chết hai con hổ. Người nước Tề vì vậy mà sợ không dám đánh Lỗ.

chính là dịp này đây. Người xưa nói: "Quân kiêu thì bại" là điều khó tránh khỏi.

Lại nói anh em Lê Lợi sau khi bị khiển trách về nhà được ít lâu, vào rừng dựng một túp lều tranh, sai người sang Lão Qua đón gia đình về đây ở. Riêng anh em Lê Lợi đến cư trú tại Lam Sơn, bọn đồ đảng đều tình nguyện đi theo, không nỡ rời bỏ. Trong vòng ba bốn năm an thường thủ phận, giáo hóa đến tận xóm thôn, nhân dân đều vui vẻ. May sao một miền mưa hòa gió thuận, thóc lúa đầy bồ, người các vùng lân cận kéo tới đây đông như về chợ.

Một hôm Lê Lợi đang ăn, bỗng mất một chiếc đũa [1], liền hỏi các tướng:

– Việc này chẳng biết lành dữ ra sao?

Đoàn Phát vén tay áo bói một quẻ, nói:

– Đây tất là dấu hiệu nguy hiểm.

Lợi đang nửa tin nửa ngờ thì Lê Thiện từ ngoài vào nói:

– Các ông mau chuẩn bị chiến cụ để đánh địch!

Lợi hỏi:

– Quân nào vậy?

Thiện đáp:

– Đệ thấy một luồng sát khí bốc lên trời, rồi từ từ hạ xuống bao phủ doanh trại ta, đêm nay quân Bắc thế nào cũng tới!

Lợi hỏi:

– Vậy làm sao bây giờ?

Thiện đáp:

– Đưa ngay dân vào rừng để tránh tên đạn, sau đó đem quân ngăn địch.

Lợi bèn yết thị cho mọi người đều biết. Thiện sai người vào núi khuân vác khí giới, đánh trống thu quân, chẳng mấy chốc được hơn 2.000 người. Thiện gọi các tướng truyền lệnh:

– Đoàn Mãng lấy 300 người ra mai phục ở Bà Sơn, giặc tới cứ để đi qua, đêm đi đốt lửa đánh trống, ngày thì dựng cờ quạt tại nơi phục binh, chờ khi giặc thua, hãy tung quân ra đánh. Phạm Đán lấy 300

1. Nguyên chú: "Không có sấm, sao lại mất đũa?".

người mai phục ở Bái Lâm, cũng làm như Đoàn Mãng. Triệu Hộ, Nguyên Tế đem 300 người, mỗi người cầm một lá cờ, mười người mang một cái trống, men theo đường chính mà đi, đến mai phục dọc thung lũng núi, hễ thấy giặc thua thì gióng trống phất cờ, đốt lửa để trợ uy, không cần phải đánh [1]. Đinh Lễ, Lê Trãi đem 600 người ra Lam Sơn, lấy rơm củi chất sẵn hai bên tả hữu, rưới dầu cá và rắc lưu huỳnh lên rồi chia quân mai phục ở cả hai phía, hễ nghe pháo hiệu thì phóng hỏa đốt, sau đó xuất kích.

Mọi người tuân lệnh lên đường. Thiện lại chọn trong dân năm sáu người già, ghé vào tai nói nhỏ như thế... như thế... Xong đâu đấy, anh em Lê Lợi cùng bọn Nguyễn Yến, Sùng Quang dẫn 600 người ra đi.

Lại nói quân của Trương Phụ đi chật cả đường sá vào đến địa đầu Nga Lạc, thấy hai ba cụ già dáng vẻ bơ phờ đang đốt nhang phủ phục bên đường. Phụ hỏi:

– Các ngươi là dân vùng nào [2], sống có yên vui không?

Các cụ già nói:

– Yên vui làm sao được!

Phụ hỏi:

– Phải chăng bị trộm cướp?

Các cụ già đáp:

– Tuy không có trộm cướp mà cũng quá trộm cướp. Anh em Lê Lợi sau khi bị lột chức về làng bòn rút máu mủ của dân, hiếp đáp con trai con gái, người nào không nghe, liền bị chúng giết chóc rất thê thảm.

Phụ nghe nói như vậy, bèn vỗ về an ủi, rồi cho các cụ trở về [3]. Phụ ngoảnh lại nói với các tướng sĩ:

– Thế mà Thượng thư còn ngăn ta đừng hàng động. Nếu bỏ qua không hỏi tội Lê Lợi, thì nhân dân của ta khác nào cá thịt trong nồi [4].

Nói xong, thúc quân tiến lên.

Phụ đi được một lúc thì thấy mặt trời đã xuống núi. Lại thấy ba bốn cụ phụ lão đặt bàn che lọng, bày rượu đốt hương, đứng bên trái

---

1. Nguyên chú: "Gióng trống tấn công, cần gì phải đánh".
2. Nguyên chú: "Bọn mỗ vốn là những người do Lê Thiện sai tới đây để dụ địch".
3. Nguyên chú: "Xảo quyệt hết chỗ nói".
4. Nguyên chú: "Chỉ lo binh sĩ của tướng quân bị chín mục mà thôi".

đường vái chào. Phụ hỏi:

– Các ngươi là dân mọn nào đây? [1]

Các phụ lão thưa rằng:

– Bọn thần là dân Lam Sơn, nghe đại tướng hành quân qua địa phương, đặc biệt ra để bái yết.

Phụ hỏi:

– Lê Lợi đang ở nhà làm gì? Sao thiên binh tới đây mà không ra đón tiếp? [2]

Các phụ lão chỉ chau mày nhăn mặt mà không nói gì [3].

Phụ hỏi lại lần nữa, các phụ lão tần ngần hồi lâu [4] rồi nói:

– Khổ lắm! Khổ lắm! [5] Chúng là những kẻ bất lương, ban ngày thì lôi kéo bọn phóng đãng đi cướp bóc các làng lân cận, tối đến thì tụ tập tụi vô lại tại nhà để uống rượu đánh bạc. Chúng thả sức tham tàn, không kiêng sợ ai cả.

Phụ nói:

– Hôm nay chúng có ở nhà không?

Đáp:

– Có.

Phụ nói:

– Ta đến bắt tụi vô lại này, các ngươi có theo ta không?

Các phụ lão nói:

– Nếu quả tướng quân rủ lòng thương trăm họ, tóm bắt bọn hung tàn kia, thì dân chúng miền này như con thơ gặp từ mẫu.

Phụ nói:

– Vậy các ngươi đi trước làm hướng đạo cho quân ta nhé!

Các phụ lão vui vẻ nhận lời đi trước mở đường.

Khoảng trống canh ba, Phụ đến vùng hiểm yếu của Lam Sơn. Thấy có ánh đèn le lói, Phụ hỏi:

---

1. Nguyên chú: "Chúng tôi là người do Lê Thiện sai tới để dụ địch đấy thôi".
2. Nguyên chú: "Đã chuẩn bị hỏa công để đón tiếp tại vùng thung lũng núi".
3. Nguyên chú: "Tuyệt diệu!".
4. Nguyên chú: "Tuyệt".
5. Nguyên chú: "Càng không nói ra điều gì, tuyệt thật".

– Đèn gì vậy? [1]

Các phụ lão đáp:

– Đấy là nhà Lê Lợi đang uống rượu đánh bạc đó!

Phụ cho quân sĩ tiếp cận. Các phụ lão bỗng biến đâu hết, chỉ thấy lèo tèo vài nếp nhà dân chong đèn suông, bên trong không một bóng người. Phụ bấy giờ mới biết là đã trúng kế [2], định lui quân, thì thấy một tiếng súng nổ, khói lửa ngùn ngụt bốc lên, thiêu cháy cả một chòm rừng núi, tiếng la hét inh ỏi. Bên trái Đinh Lễ đánh ra, bên phải Lê Trãi xáp tới. Bọn Phụ vùi mình trong khói lửa, sém đầu mẻ trán [3]. Chạy tới Bà Sơn, lại nghe một tiếng súng nổ, lửa bốc cháy, tiếng trống vang lừng, Đoàn Mảng dẫn quân chặn đường, tướng Minh phải xua quân ra nghênh chiến, mở con đường máu cứu Trương Phụ chạy thoát. Đến Bái Lâm, lại nghe tiếng la hét ầm ĩ, Phạm Đán giơ thương sấn tới thét lớn:

– Phạm tướng quân đang ở đây, ngươi đầu hàng đi cho sớm!

Phụ hồn vía lên mây, không biết chạy đi đâu nữa. Phạm Đán đưa thương đâm thẳng, may có Vương Thông tới đón đánh, cứu được Trương Phụ. Quân Minh chạy tán loạn, dẫm đạp lên nhau, xô đẩy nhau rơi xuống vực không biết bao nhiêu mà kể. Phụ chạy ra đường lớn, thấy hai bên khe núi, trong ánh lửa, cờ quạt hiện ra, trống đánh như sấm vang, tiếng hò la dậy đất, không biết rốt cục có bao nhiêu binh mã, nên mạnh ai nấy chạy. Mãi cho đến lúc rạng sáng mới tới Nga Sơn, lại nghe một tiếng súng nổ, Phụ kinh hoàng nhìn lên, đã thấy bọn Lê Lợi đứng ở đầu núi gọi với rằng:

– Trương tướng công lâu nay có mạnh khỏe không?

Phụ điên tiết lên, cầm roi ngựa chỉ vào mặt đối phương nói rằng:

– Ngươi thật trơ trẽn. Ta đến đây để gặp gỡ các ngươi [4], không dè lại mắc mưu gian. Ta thề giết ngươi cho bằng được!

Nói rồi liền hạ lệnh cho tướng sĩ đánh thốc lên núi. Lê Thạch từ trên cao sắp cung nỏ bắn xuống, Phụ năm bảy lượt tổ chức tấn công, nhưng không tài nào lên nổi. Chợt Phạm Yến từ bên trái đánh ra,

1. Nguyên chú: "Đây là nơi hỏa công đấy. Tướng quân hành binh già nửa đời người, hẳn là biết hư thực chứ!".

2. Nguyên chú: "Tướng quân đã biết hư thực chưa?".

3. Nguyên chú: "Đáng đối xử như thượng khách".

4. Nguyên chú: "Cảm ơn".

Sùng Quang từ bên phải xáp tới, làm cho tướng sĩ nhà Minh phải vất cả áo giáp, kéo lê giáo mác mà chuồn. Phụ thất kinh, bèn quay ngựa chạy. Ra tới Thần Phù, Phụ điểm lại quân số, thấy mất đứt hơn 20.000 người, bấy giờ mới tin lời Hoàng Phúc là đúng, đành kéo quân trở lại Đông Đô.

Thật là:

Thượng tướng thót tim như cưỡi hổ,
Trung quân khiếp vía mất chim ưng.

Chưa biết Trương Phụ về Đông Đô như thế nào, hãy xem phần sau sẽ rõ.

HỒI THỨ BA MƯƠI BA

Yết Vương thành, nhà Lê dấy nghiệp,
Tới Nam Mô, họ Trần cáo chung.

Lại nói Lê Lợi sau khi thắng trận, dẫn quân sĩ đi thu nhặt trang phục khí giới mang về. Sai Triệu Hộ đốc thúc binh lính lượm xác quân Bắc đem chôn dưới chân Đông Sơn trước khi rút quân. Xong đâu đấy, Lợi họp các tướng bàn công việc. Đoàn Phát nói:

– Nay nhân giặc Bắc đang thua to, ta hãy truy kích mà tiêu diệt chúng nhằm mưu đồ việc lớn.

Lê Thiện nói:

– Chưa được đâu, chúng tuy thua, binh tướng vẫn còn nhiều, thế khó đối địch.

Phát nói:

– Nếu không thừa cơ tấn công chúng thì ta phải nghĩ một kế khác. Bằng không, khi chúng quay trở lại, ta lấy gì đối phó?

Lê Lợi nói:

– Lời Phát rất đúng.

Thiện nói:

– Ta quân ít, tướng mỏng, dân nghèo, đất bỏ hoang còn nhiều, nơi đây lại không thể đóng quân lâu được. Mặt khác, chúng vừa thất bại, ắt muốn phục thù. Chỉ có điều không rõ quân ta hiện nay nhiều ít thế nào, nên không dám manh động. Chi bằng nhân lúc địch không để ý, ta bốc toàn bộ gia quyến, nhân dân đưa vào xã Lam Sơn ở Nghĩa An. Nơi này có núi Thiên Nhẫn cao 990 ngọn, thật là hiểm trở, ta chia quân ra chiếm giữ. Địch dù có trăm vạn hùng binh cũng không thể bay qua được. Có vậy mới đảm bảo vẹn toàn!

Lợi nói:

– Chính hợp ý ta!

Liền sai người thông báo với dân ai muốn đi theo để tránh sự giết hại của giặc thì cùng lên đường một thể. Bấy giờ nhân dân quanh vùng

đều đi theo [1]. Lợi lệnh cho Đoàn Mãng bảo vệ gia quyến, Triệu Hộ bảo vệ nhân dân, cả nam phụ lão ấu hơn 10.000 người di chuyển trước, còn anh em Lê Lợi cùng tướng lớn nhỏ dẫn quân đi sau.

Tới Nghĩa An, Lợi cho quân dừng lại, dẫn các tướng vào thành định bái yết vua Trần. Nhưng khi đến nơi, không thấy ai cả. Lợi gọi người địa phương đến hỏi, dân sở tại nói:

– Vua Trần được tin Trương Phụ đem 80.000 quân tới đánh, sợ thế yếu, đã kéo vào Thuận Châu cả rồi.

Lê Lợi nói:

– Muốn vào gặp mặt vua, may được rủ lòng thương để mình được dốc tâm phụng sự. Nay lại không gặp, phải chăng tại trời?

Rồi than rằng:

– Trời xanh thẳm thẳm, nỡ để xe loan long đong lận đận trên đường; những lúc chim kêu hoa rụng, gặp cảnh nước biếc non xanh, lấy ai đỡ đần hộ vệ?

Nói xong, cho quân tiếp tục lên đường, chân bước đi mà mặt còn ngoảnh lại, lòng dùng dằng không nỡ. Khi đến núi Thiên Nhẫn thì gặp gia quyến và nhân dân đã tới đó từ trước rồi. Lợi ra lệnh dựng mấy túp lều tranh cho dân tạm trú. Lê Thiện đích thân đi xem chỗ ở, lệnh cho quân sĩ xây một ngôi thành bên trong và dựng 8 doanh trại bên ngoài, theo kiểu 8 cửa trận pháp "hưu", "sinh", "thương", "tử", "cảnh", "đỗ", "kinh", "khai". Không đầy một tháng, cả thành trong trại ngoài đều hoàn bị, bèn sai Đoàn Mãng trú ở chính Đông, Triệu Hộ trú ở Đông Nam, Phạm Liễu trú ở chính Nam, Phạm Yến trú ở Tây Nam, Sùng Quang trú ở chính Tây, Đinh Tuận trú ở Tây Bắc, Nguyễn Tế trú ở chính Bắc, Đặng Côn trú ở Đông Bắc. Đinh Lễ, Lê Trãi, Phạm Đán, Lê Khâm chia nhau dẫn quân trú ở quanh núi và tìm nơi yên tĩnh trong núi làm nhà cho nhân dân già trẻ cùng ở. Lại sai những người khỏe mạnh vỡ đất cấy trồng, khiến trăm họ an cư lạc nghiệp.

Một hôm, anh em Lê cùng bọn Đoàn Phát cả thảy năm sáu người lên núi ngắm nhìn, thấy ngôi thành trong vuông ngoài tròn, có nhà có cửa; đồn trước trại sau, có chính có kỳ; thành quách liền kề, phòng ốc san sát; có nơi tích trữ lương thảo, có chỗ mai phục nghi binh; thoái có thể giữ, tiến có thể đánh, y hệt trận pháp Lục Hoa vậy, sau

1. Nguyên chú: "Được lòng dân trước đã!"

nhân đó mà đặt tên là "Lục Hoa Thành". Đoàn Phát nói:

– Tài năng như thế này, đáng tiếc vua Trần không dùng để đến nỗi thất bại, thật là đau xót!

Lê Thiện nói:

– Đó là trách nhiệm người dùng binh, hà tất phải tự đề cao ta như vậy.

Xem xong đồn trại, mọi người xuống núi về thành. Thiện tạm biệt Lê Lợi cùng các tướng để về châu Tam Đới thăm gia đình vợ con, đây không nhắc tới nữa.

Lại nói vua Trần xa giá rút vào Thuận Châu, sai bọn Đại tướng Nguyễn Sư Cối [1], Nguyễn Sơn, Phan Kinh kéo quân ra ở sông Ái Tử, luyện tập binh tượng, chuẩn bị thu lại các vùng đất đã mất. Bọn thám tử báo tin này về Đông Đô. Trương Phụ nghe xong nói:

– Ta cay cú là với Lê Lợi kia, chứ đâu phải với Quý Khoáng.

Hoàng Phúc nói:

– Mỗ sai người thám thính, biết anh em họ Lê đã dẫn quân vào Nghĩa An xây thành cố thủ, có đánh cũng còn khướt. Chi bằng trưng dụng thuyền bè đi thẳng vào Thuận Châu quét sạch bọn Quý Khoáng, vỗ về vùng Giao Nam, khiến trăm họ được yên giấc, ai cũng nhớ ơn. Lúc này ta triệu anh em Lê Lợi đến cho làm các chức vụ béo bở. Nếu họ không theo, ta mang quân hỏi tội. Dù họ có muốn trổ tài, thì thiên hạ cũng đã chịu ơn ta rồi, không theo bọn Lợi để chống lại ta nữa. Như thế, ta bẻ gãy họ dễ như trở bàn tay.

Trương Phụ nghe theo, bèn tự đốc suất quân thuyền phối hợp với các tướng tá lớn nhỏ như Mộc Thạnh, Vương Hữu theo đường biển thẳng vào Thuận Châu. Đến sông Ái Tử, thấy quân Nam đã dàn trận đâu vào đấy: Nguyễn Sư Cối ở giữa, Nguyễn Sơn ở bên tả, Phan Kinh ở bên hữu. Rất nhiều voi khỏe được bày ở trận tiền. Phụ huấn thị lực lượng tiền phong:

– Nay giặc đã trơ trọi, cùng quẫn rút về giữ nơi này. Chúng ta là phận bề tôi, cần ra sức lập công, xây dựng sự nghiệp, làm cho tên tuổi được ghi vào sử sách [2].

---

1. Nguyên bản in nhầm là *"Trần* Sư Cối".

2. Nguyên văn: "*Thái thường* = tên một loại cờ trên vẽ mặt trăng mặt trời (nếu là của vua) hoặc 2 con rồng, một bay lên, một bay xuống (nếu là của chư hầu). Đây dịch thoát.

Các tướng đều nhảy múa xin đi. Phụ sai đem thuyền ghép liên hoàn, chắn ngang cả một khúc sông. Súng lớn đặt ở phía trước, cung tên bố trí ở phía sau. Súng bắn liên hồi, trống đánh inh tai. Tất cả áp sát bờ sông. Nguyễn Sư Cối lùa voi xông lên, bị tên đạn quân Bắc bắn tới tấp, một mũi tên trúng người nài, một mũi nữa trúng nhằm vòi voi, làm cho con voi sợ hãi quay đầu chạy, quân Nam tự giẫm đạp lên nhau. Quân Bắc thừa cơ sấn tới hò hét chém giết. Nguyễn Sơn vung đao đánh trả địch, bị Mộc Thạnh đâm một giáo chết tươi. Vương Hữu bắt sống được bọn Phan Kinh cả thảy mấy chục người. Nguyễn Sư Cối thua chạy. Quân Nam chết không biết bao nhiêu mà kể.

Quý Tị, năm thứ 5 (1413), (Minh Vĩnh Lạc thứ 12), mùa xuân, tháng 1, bọn Phụ thừa thắng xua quân tới sông La Mông ở huyện Chính Hòa. Nơi đây núi non hiểm trở, đường sá khó đi, bọn Phụ và Thạnh phải xuống ngựa đi bộ, tìm thấy Cảnh Dị đang ẩn náu trong hang, bèn dùng tên bắn vào rồi bắt sống [1]. Sau đó cho quân tỏa ra bốn phía lùng sục, đến châu Nam Linh thì bắt được bọn Nguyễn Sư Cối, Đặng Dung. Quân Nam tan vỡ. Vua Trần hoảng sợ chạy trốn sang Lão Qua, được quân dân sở tại bảo vệ và đưa trở lại về nước. Không may tướng Bắc là Đô chỉ huy Sư Hựu dẫn quân bám riết, có đại quân theo sau, vượt được 3 cửa ải của Lão Qua, khiến quân dân nước này phải chạy tán loạn, bỏ vua Trần cùng thê thiếp ở Nam Mô, bị tướng Bắc bắt sống tất cả. Phúc vận nhà Trần đến đây là hết. Thật đúng như câu sấm ngữ ở Nam Giao:

Tuần Tây Lĩnh,
Tẩu Nam Mô.
Lâm Bắc địa,
Thất Đông A [2].

Trương Phụ sau khi diệt được họ Trần, muốn cất quân đi đánh Lê Lợi. Chinh di Phó tướng quân Lương Viên bước lên tâu xin:

– Mỗ muốn đem 5.000 tinh binh đi bắt sống đồ đảng Lê Lợi đem về nộp dưới trướng, khỏi cần Tổng binh ra tay.

Phụ nói:

– Bọn chúng lắm mưu mô, không thể xem thường được.

Viên nói:

---

1. Nguyên chú: "Chỉ còn cách như thế thôi".
2. Nguyên chú: "*Đông A*" tức chữ Trần.

– Ngày trước đại quân bị trúng kế dân ngu, nay mỗ nắm chắc tình hình rồi mới đi, lo gì không bắt được chúng.

Phụ nói:

– Nếu quả như vậy thì ta cho phép ngươi đi trước, sớm có hồi âm nhé!

Viên dẫn quân lên đường. Phụ áp giải vua Trần về Đông Đô.

Thật là:

Nghé nọ gặp thời khinh cọp dữ,
Gian kia đắc thế cợt rồng thần.

Chưa biết việc áp giải vua Trần như thế nào, hãy xem hồi sau phân giải.

Chép bổ sung vào đây bài thơ *Cảm hoài* của Đặng Dung khi bị bắt:

Việc thế lôi thôi tuổi tác này,
Mênh mông trời đất hát và say.
Gặp thời đồ điếu thừa nên việc,
Lỡ vận anh hùng luống nuốt cay.
Gặp chúa những lăm giằng cốt đất,
Rửa dòng không thể vén sông mây.
Quốc thù chưa trả già sao vội,
Dưới nguyệt mài gươm đã bấy chày! [1]

1. Bản dịch của Phan Võ.

HỒI THỨ BA MƯƠI TƯ

Trương Quốc công ba bận dâng tù,
Đoàn Tham tướng một phen dụng kế.

Lại nói Trương Phụ sau khi bắt được vua Trần cùng các quan văn võ hơn 30 người, thắng lợi kéo quân về Đông Đô. Hoàng Phúc ra tận cửa thành nghênh đón, giết bò giết ngựa khao đãi tướng sĩ. Trong thành ngoài trại đều ban rượu thịt để ăn mừng dẹp được họ Trần. Hết ngày lại đêm đèn đuốc sáng rực, đàn sáo ca hát suốt cả ba hôm. Phụ sai Trần Hiệp thảo tờ lộ bố, nhốt Quý Khoáng cùng thuộc hạ vào cũi giải về Kinh sư. Đến tháng 8, vua Trần bị hại.

Phụ nói với Mộc Thạnh và Hoàng Phúc:

– Nay đã tóm được ngụy chúa. Riêng anh em Lê Lợi còn táo tợn lắm [1], các ông có kế gì bắt chúng?

Mộc Thạnh nói:

– Chẳng biết Lương Chinh di đem quân đi đánh dẹp, công việc có thành không [2].

Hoàng Phúc ngạc nhiên nói:

– Đã sai người đi ngăn lại rồi mà?

Phụ nói:

– Lúc bắt Quý Khoáng, ta muốn nhân cơ hội giết nốt anh em Lê Lợi. Lương Phó tướng khẳng khái xin đi làm việc ấy, ta đã đồng ý cho đi.

Hoàng Phúc nói:

– Lương Viên thế là tong! Ta dù có trăm vạn hùng binh cũng chưa chắc thắng nổi anh em Lê Lợi, huống gì 5.000 quân của Lương. Bọn Lê Lợi ấy, ta chỉ có thể thắng bằng mưu trí, chứ không phải bằng vũ lực. Ngày trước, mỗ đã nói đi nói lại mãi điều đó, lẽ nào tướng quân không nghe?

Phụ nói:

– Vậy làm sao bây giờ?

---

1. Nguyên chú: "Trước sau không quên anh em Lê Lợi".
2. Nguyên chú: "Lương Chinh di chết rồi".

Phúc nói:

– Phải sức ngay cho các quận huyện đem quân ứng cứu, may ra còn vớt vát được tí chút nào chăng.

Phụ hối hả sai thảo công văn phi báo các nơi, đây không nhắc đến nữa.

Lại nói Lương Viên đánh tiếng đi tuần tra thăm hỏi, dẫn quân thẳng tới Nghĩa Sơn. Mỗi lần dừng chân trên đường đi là một lần cướp bóc của cải; trăm họ khổ sở chạy đến thành Lục Hoa kêu cứu. Lợi hỏi:

– Giặc từ đâu tới?

Nhân dân thưa rằng:

– Nghe nói chúng đã bắt sống được vua Trần ở Thuận Châu, nay dẫn quân đi tuần tra thăm hỏi.

Lợi nói:

– Thôi các ngươi cứ về đi rồi ta sẽ nghĩ cách.

Trăm họ vái tạ lui ra.

Bấy giờ Lê Thiện sang Tam Đới chưa về, Lợi bèn họp các tướng bàn rằng:

– Nay giặc lại tới, các ông đoán xem chúng định làm gì?

Đoàn Phát nói:

– Hẳn là chúng thừa thắng đến tập kích chúa công, giả vờ đi tuần tra thăm hỏi để đánh lạc sự chú ý.

Lợi nói:

– Ai dám ra chống địch?

Phát nói:

– Mỗ xin đi.

Lợi nói:

– Ông quả không nề gian khổ, vậy hãy mang 1.000 quân cùng Phạm Đán và Lê Khâm đi dẹp giặc, ta sẽ theo sau tiếp ứng.

Phát nói:

– Khỏi nhọc chúa công phải cất công, chỉ cần bọn mỗ là đủ!

Cả ba người lĩnh mệnh dẫn quân ra cách thành 60 dặm chọn địa điểm hạ trại.

Bấy giờ Lương Viên tiến quân đến địa đầu huyện Thanh Chương,

đã thấy quân Lê đang phòng bị. Viên cũng rải quân dàn thành trận thế, sai người đi dò la số quân của họ Lê. Thám tử về báo chỉ có độ 1.000 người thôi. Lương Viên nói:

– Người Nam hay đánh lừa, không tin được đâu. Lẽ nào thiên binh đến đây mà chúng chỉ đem có 1.000 lính quèn thì làm sao địch nổi? [1] Ý chừng chúng dùng kế "đánh nhiều, bày ít "? Vậy ta cũng phải dùng kế mật để thắng chúng mới được.

Các tướng hỏi:

– Đại tướng có kế mật gì vậy?

Viên đáp:

– Sai người trá hàng, dụ chúng đến cướp trại ta, ta nhân đó dẫn quân lẻn ra phía sau mà đánh úp trại chúng.

Các tướng nói:

– Tướng quân tính toán thật thần tình.

Viên bèn gọi Tòng sự Mã Hòa đến nhận kế hoạch. Hòa vâng lệnh dẫn mấy mươi người đến trại quân Lê xin hàng. Viên gác cổng vào báo cáo lại. Phát trầm ngâm hồi lâu, gọi Lê Khâm đến ghé vào tai nói mấy câu, rồi bảo viên gác cổng cho Hòa vào. Mã Hòa tới, Phát ra tiếp đón. Sau khi giới thiệu họ tên, đôi bên chia chủ khách mà ngồi. Phát nói:

– Tướng quân từ xa tới, chắc có điều gì chỉ bảo?

Hòa nói:

– Mỗ thấy Lương Viên tham tàn, đi tới đâu làm hại sinh linh tới đó. Mỗ thẳng thắn tranh cãi với hắn, bị hắn chửi bới, đánh đập. Nghe Lê công nhân đức, sự nghiệp lớn tất thành, nên mỗ đến đây xin hàng, mong được thu dụng.

Phát vui vẻ nhận lời [2], nói:

– Tướng quân thực bụng giúp tôi lấy được trại quân Bắc, sự việc mà thành, tôi sẽ xin với chúa công tôn tướng quân làm Thượng phụ [3].

Hòa nói:

---

1. Nguyên chú: "Như thế là nhiều rồi!"

2. Nguyên chú: "Ngày trước Trọng Đông trá hàng Từ Chính, Chính trước ngờ sau tin. Còn ở đây Mã Hòa trá hàng Đoàn Phát, Phát tin ngay. Qua đó mới biết hễ chóng tin thì dễ ngờ, mà trước ngờ thì sau tin".

3. Nguyên chú: "Từ Chính hứa cho Trọng Đông làm Tham nghị, Đoàn Phát hứa cho Mã Hòa làm Thượng phụ, trước sau ứng đối nhau!"

– Lê công ở đâu, mỗ xin gặp một chút?

Phát nói:

– Lê công thấy giặc mạnh tới, gượng ốm xuất quân. Nay quý thể đã đỡ chút ít, còn đang ngủ chưa dậy.

Phát dắt tay Mã Hòa ra sau trướng để xem. Hòa liếc vào trong trướng thấy có một người đang trùm chăn nằm rên không ngớt. Phát chỉ ra hai bên nói:

– Quân không có mấy, e khó địch lại.

Hòa nói:

– Quân bất tất phải nhiều, cốt là tính toán cho giỏi. Tướng quân chớ lo, đã có mỗ đến giúp, chắc chắn chém được Lương Viên! [1]

Phát nói:

– Thật may quá!

Xem xong, hai người trở vào trại. Mã Hòa vờ nói:

– Mỗ xin ở lại đây thôi.

Phát ngạc nhiên hỏi:

– Tướng quân ở lại đây thì ai làm nội ứng?

Hòa nói:

– Nếu vậy thì mỗ xin về. Tối nay tướng quân nhớ đến cướp trại, đừng để lỡ cơ hội!

Phát vâng vâng dạ dạ. Hòa từ giã ra về.

Bỗng Phạm Đán xông thẳng vào nói:

– Tướng quân vừa thấy giặc tới, chưa biết hư thực đã tin ngay, để chúng nắm hết tình hình của ta là cớ làm sao?

Phát nói:

– Chúng dùng kế trá hàng nên tôi cố ý cho chúng biết tình hình của ta, về sau cứ tương kế tựu kế.

Đán hiểu ý. Phát gọi Lê Khâm tới bảo:

– Ông đem 300 người mai phục ở hai bên trại ta,hễ thấy giặc đến thì ra hiệu tiến đánh. Còn Phạm Đán đem 500 người tìm cách vượt núi đến giết quân mai phục ở hai bên trại quân Bắc, sau đó xông vào cướp trại.

---

1. Nguyên chú: "Không ngờ lộng giả thành chân, chuyện vờ hóa ra chuyện thật".

Hai tướng ra đi, Phát cũng dẫn 200 người phục sẵn ở con đường trước trại.

Lại nói Mã Hòa về đến trại Bắc, Lương Viên liền hỏi:

– Tình hình giặc thế nào?

Hòa trình bày lại mọi việc. Viên hớn hở lệnh cho Chỉ huy Nguyễn Bính đem 2.000 quân mai phục ở phía Đông và phía Tây trại của mình, dặn hễ giặc đến thì đánh; Tham quân Hoàng Cử đem 2.000 quân mai phục ở hai bên tả hữu trại quân Nam, chờ chúng dẫn quân ra ngoài, tập kích cướp trại.

Dặn dò xong, Viên lên ngựa dẫn quân theo sau để ứng cứu. Khi tới con đường phía trước trại Nam, Viên nghe tiếng súng nổ, ánh lửa cùng lúc rực lên, thấy có một viên tướng đứng ở chân núi giơ ngang cây thương quát lớn:

– Có Đoàn tướng quân đây.

Lương Viên kinh hoàng quay lại, bị Đoàn Phát đâm một thương chết tươi. Phát vẫy quân xông vào. Quân Bắc thua to chạy về bản trại. Nguyễn Bính tưởng quân Nam đến cướp trại, xáp tới đâm chém. Hai bên giáp lá cà, người chết nằm chật đất. Từ sau lưng, Phạm Đán sấn đến chém chết Nguyễn Bính ngay ngoài trại.

Hoàng Cử đến trại Nam, quát tháo quân lính xông vào bên trong nhưng không thấy có ai cả, hoảng sợ định rút lui. Bỗng nghe trống đánh liên hồi, từ hai bên Lê Khâm thúc quân xông ra, Hoàng Cử vội tìm đường tháo chạy. Đến giữa đường gặp Đoàn Phát, Cử bị Phát đâm một thương trúng vào tim, nhào xuống ngựa.

Trời rạng sáng. Cả ba viên tướng thắng lợi kéo quân trở về thành Lục Hoa. Lúc này các quận huyện lân cận tiếp được công văn Trương Phụ, cho quân tới ứng cứu. Đến nơi thì thấy Lương Viên đã chết, cả 5.000 quân đều toi mạng. Chỉ có Mã Hòa thoát chết chạy về.

Thật là:

Tự hượm tài năng bao kẻ hố,
Xưa nay chinh chiến mấy ai về.

Chưa biết Mã Hòa chạy về như thế nào, hãy nghe phần sau phân giải.

HỒI THỨ BA MƯƠI LĂM

Quý Hựu bày mưu bắt nguyên lão,
Đoàn Phát dẹp giặc cứu mẫu thân.

Lại nói Mã Hòa bại trận chạy về Đông Đô, vào thành bái kiến, kêu rằng:

– Lương Phó tướng đem quân tới Nghĩa An, bị mắc mưu giặc, tướng sĩ đều chết cả.

Hoàng Phúc nói:

– Khinh địch là thua, còn nói nỗi gì?

Phụ hỏi:

– Lê Lợi đánh như thế nào mà các ngươi lại thua? [1]

Hòa đáp:

– Không thấy Lê Lợi, chỉ thấy Đoàn Phát ở đấy thôi. Tên này vô cùng quỷ quyệt, gian trá.

Phụ hỏi:

– Có phải cái tên ngày trước quần nhau với Mộc tướng quân ở đồn Tản Viên đó không?

Hòa đáp:

– Chính hắn!

Phụ nói:

– Xem chừng hắn cũng chỉ là hạng tiểu nhân thôi, sao dám táo tợn như vậy?

Hàng tướng Phan Quý Hựu nói:

– Đoàn Phát là người ở Du Tràng, huyện Thuần Lộc, thờ mẹ rất có hiếu. Trước kia từng chơi thân với Hán Thương. Thương ép ra làm quan, sung chức Hàn Lâm thị giảng. Sau đó điều tới tham gia việc quân ở Đa Bang, bị Lê Thiện dùng kế dụ tới Tản Viên để bắt. Phát xin hàng. Nay đang ở đó.

Mộc Thạnh nói:

---

1. Nguyên chú: "Cũng giống như đạo đánh tướng quân trước đây thôi!"

– Các ông thất sách lắm. Lúc tụ họp ăn yến ở Tản Viên, giá cứ để cho mỗ giết hắn đi thì đâu đến nỗi như ngày nay?

Phụ nói:

– Hồi đó muốn ném chuột lắm, nhưng sợ vỡ cốc chén. Giặc Hồ còn đang mạnh, nếu không để Phát làm nội gián thì công việc sẽ không thành, chứ đâu phải ta không biết? Nay đem quân tiêu diệt bằng hết bọn hắn đi thôi [1].

Quý Hựu nói:

– Mỗ xin hiến một kế, tướng quân không phải tốn một mống binh mã, mà hắn vẫn phải dẫn xác tới đưa tay cho trói.

Phụ hỏi:

– Kế gì vậy?

Hựu đáp:

– Thiện và Phát một khi chung nhau bàn việc thì như hùm có vây, khó dùng sức mà đánh chúng. Chi bằng trước hết tiến quân đến Tam Đới tóm quan Thái giám nhà Trần [2], sau đó sang Thuần Lộc bắt mẹ già Đoàn Phát mang về Kinh đô rêu rao là sẽ tra tấn hành hạ. Lại đưa thư triệu Thiện và Phát tới. Một vì thương nhạc phụ, hai vì xót mẫu thân, hai người tất nhiên phải xin hàng. Lúc này Lợi có biết cũng không làm gì được nữa.

Phụ nói:

– Kế này rất hay! [3]

Phụ liền sai Lý Bân đem 1.000 quân đến ven gò Tam Đới; Vương Hữu đem 1.000 quân tới Du Tràng, huyện Thuần Lộc. Hai tướng nhận lệnh ra đi. Chưa đầy ba hôm, Lý Bân về nói Lê Thiện đã đón gia đình Thái giám đi lâu rồi.

Nguyên trước đó, Lê Thiện sợ tướng Bắc khi lâm vào thế cùng, sẽ làm khổ nhạc gia, nên đã đến xin Lý công đưa hết gia quyến về cư trú ở thành Lục Hoa thuộc Nghĩa An. Lúc về tới thành, anh em đến thăm hỏi. Lê Lợi nói:

– Sau khi hiền đệ đi rồi, quân giặc lại tới.

Thiện nói:

---

1. Nguyên chú: "E diệt không nổi đâu".
2. Tức Lý Tự Thành, bố vợ của Lê Thiện (Xem hồi 10).
3. Nguyên chú: "Hay thì hay thật, chỉ e trượt thôi".

– Tiểu đệ đoán sau khi bắt được vua Trần, chúng thế nào cũng thừa thắng tới đây, nhưng đã có Đoàn tướng quân đủ sức đương đầu với chúng.

Vừa dứt lời, đã thấy Đoàn Phát vào yết kiến. Thiện hỏi:

– Đoàn tướng quân chém được tướng giặc, phá được quân giặc, thế đã an tâm chưa?

Phát đáp:

– Dựa vào uy thế chúa công, có gì mà không an tâm!

Thiện nói:

– Không hẳn thế. Tôi nghe thân mẫu ông vẫn còn ở quê nhà. Giả sử địch thấy ông đang tham gia bàn tính công việc ở đây, thừa cơ đến bắt thân mẫu ông, bấy giờ liệu ông có còn an tâm nữa hay không?

Phát hoảng lên, nói:

– Mong được đại nhân chỉ bảo.

Liền đó, Phát xin về thăm mẹ. Thiện nói:

– Ông nên mang theo 300 dũng sĩ, cùng Nguyễn Sản, Đỗ Dung cấp tốc lên đường. Mỗ đoán không biết chừng bọn giặc đã mò tới rồi đấy.

Phát tuân lệnh dẫn quân đi gấp đường đến Nga Châu, đã thấy người nhà chạy tới báo rằng:

– Tôn từ [1] đã bị quân Bắc bắt đi rồi!

Phát hỏi:

– Lúc ấy mẹ tôi có nói gì không?

Người nhà đáp:

– Bà cười ha hả nói: "Chết thế này cũng xứng đáng! Chết thế này cũng xứng đáng!".

Phát nghe nói khóc òa lên rằng:

– Mong các ông cứu tôi với.

Các tướng sĩ đều cảm kích nói:

– Nguyện theo lệnh tướng quân.

Phát không về Thuần Lộc nữa, đi gấp ra Thần Phù rình chờ bên đường, sai người do thám. Tin báo về:

1. *Tôn từ:* đấng tôn kính và hiền từ, đây chỉ mẹ Đoàn Phát.

– Tướng giặc Vương Hữu đi còn cách đây không xa, chỉ ít nữa là đến.

Phát lệnh cho Đỗ Dung đem 100 người phục sẵn ở bên trái, Nguyễn Sản đem 100 người phục sẵn ở bên phải, còn mình thì dẫn 100 người mai phục trong hốc núi.

Vương Hữu bấy giờ bắt sống mẹ của Đoàn Phát mà không ai ngăn trở gì, đâm ra buông tuồng, quân sĩ không còn đi theo đội ngũ nữa. Mới trèo đến lưng chừng núi, thấy một tiếng nổ vang lên, bên trái Đỗ Dung nhào tới, bên phải Nguyễn Sản xông ra, trên núi Đoàn Phát lao xuống thì vừa gặp Hữu. Phát giơ thương đâm trúng vai Vương Hữu, Hữu cố sống cố chết tẩu thoát. Ba tướng giết quân Bắc chết đầy đường, tháo chiếc cũi tre cứu thân mẫu Phát ra. Phát hỏi:

– Hôm nay mẹ có hoảng không?

Mẹ Phát cười nói:

– Sống chết, kinh sợ chẳng là cái gì đối với mẹ. Mẹ coi cái chết như về, sao con mềm yếu vậy? Ngày trước do tình thế bức bách, con phải ra phục vụ ngụy triều, lòng mẹ thường áy náy. Nay gặp buổi Lê công là vị vua trưởng giả, khoan hồng độ lượng, mẹ muốn đến Đông Đô chửi bọn Hoàng Phúc, Trương Phụ một mẻ, có chết cũng sướng. Vậy mà con lại đón đường bắt mẹ về, lòng mẹ chưa toại nguyện đấy thôi.

Đoàn Phát cúi lạy vâng dạ, rồi dẫn quân đi thu nhặt quần áo, vũ khí, xong hộ vệ mẹ già cùng gia quyến về Nghĩa An.

Cụ bà vào thành cúi đầu lạy tạ. Lê Lợi nói:

– May lão mẫu không việc gì, thế là tốt rồi, hà tất phải tạ ơn.

Mẹ Đoàn Phát nói:

– Thiếp nghe người đời ai mà không chết. Chết vì việc nước, đó là cái chết yên tâm. Thiếp may mắn có đứa con theo thờ minh quân, giặc rắp tâm bắt mẹ của nó để dụ nó tới. Thiếp biết rõ điều đó nên cứ thản nhiên đi, định khi tới Đông Đô, trước hết dùng nghĩa lý thuyết phục giặc, vạch cho chúng thấy lẽ thuận nghịch, khiến tướng nhà Minh phải xấu hổ. Sau đó hy sinh vì nước, dạy con tận trung, đây thật là sở nguyện của thiếp. Nào dè minh quân không bỏ qua, sai tướng đón đường bắt về, khiến mẹ con thiếp được nhìn thấy mặt trời, sao không cảm tạ.

Lê Lợi nói:

– Tinh thần trung liệt của cụ dù các bà mẹ của Vương Lăng,

Nguyên Trực [1] cũng không hơn.

Nói xong, ra lệnh chọn một căn phòng cho cụ bà ở, đây không nhắc tới nữa.

Lại nói Vương Hữu thua to, dẫn hơn 100 tàn quân về Đông Đô chịu tội. Trương Phụ vặn hỏi:

– Vì lý do gì mà bắt không được tù nhân, quân sĩ không toàn vẹn?

Vương Hữu nói:

– Mỗ bắt sống mẹ Đoàn Phát đem về đến Thần Phù, không may gặp Phát. Bọn giặc mai phục trong núi bất ngờ đổ ra đánh, đường núi lại hiểm trở, sức không đương đầu nổi, phải thoát thân về đây.

Phụ nói:

– Không rõ bọn đảng địch ở đâu mà ra nơi đó sớm thế?

Hoàng Phúc nói:

– Chắc Lê Thiện biết trước, sai Đoàn Phát mai phục bên đường cướp về.

Phụ giận dữ nói:

– Thằng giặc này không thể tha thứ được!

Phúc can ngăn thế nào Phụ cũng không nghe, một mực hạ lệnh chọn 100.000 quân hùng mạnh, cùng với 30 viên tướng khỏe, 30.000 quân thuyền, 8.000 kỵ binh, lương hướng sẵn sàng, khí giới đầy đủ, chọn ngày Canh Thân, tháng giêng, mùa xuân, năm Minh Vĩnh Lạc 13 (1415) lên đường, quyết san bằng Nghĩa An, tiêu diệt đảng nghịch.

Chợt viên gác cổng vào báo có thiên sứ mang chiếu mệnh tới. Bọn Trương Phụ, Hoàng Phúc ra ngoài cửa thành Đông Đô đón thiên sứ.

Thật là:

Ba quân bày bố gươm sáng quắc,
Chín bệ lệnh truyền bức đan thư.

Chưa biết việc tiếp sứ như thế nào, hãy nghe hồi sau phân giải.

---

1. Vương Lăng người đất Bái, mới đầu làm huyện hào. Người anh cả của Lăng có giúp Hán Cao Tổ lúc hàn vi. Đến khi Cao Tổ nổi dậy ở đất Bái, Lăng tập hợp quân sĩ đi theo. Trong cuộc tranh giành Sở – Hán, mẹ Vương Lăng bị Hạng Vũ bắt. Lăng cho người tới chỗ Vũ, Vũ sai mẹ Vương Lăng chiêu dụ con. Nhưng bà không nghe, nhắn với con cố thờ vua Hán, đừng vì hoàn cảnh mẹ mà ăn ở hai lòng. Sau đó bà tự sát. Nguyên Trực là tên chữ của Từ Thứ, người Dĩnh Xuyên, sống vào thời Tam quốc. Lúc đầu Từ Thứ theo Lưu Bị. Sau, vì mẹ bị Tào Tháo bắt làm con tin, ông buộc lòng phải về với Tào. Mẹ ông bèn tự tử để phản đối sự "bất trung" của con.

HỒI THỨ BA MƯƠI SÁU

Lập trạm dịch, Hoàng, Trương đặt lệ,
Cống lông chả, Mã, Lý hại dân.

Lại nói khi Trương Phụ bắt được vua Trần, Hoàng Phúc sợ y cậy tài khoe mẽ, bày chuyện hiến công, bèn mật tâu với triều đình ban thánh chỉ ra lệnh Trương Phụ bãi binh, vỗ yên dân chúng. Bấy giờ Thành Tổ thấy chúa ngụy đã bị bắt, nghĩ tới công lao các tướng, sai sứ phụng chiếu sang Nam Giao khen thưởng. Sứ giả đến nơi, Trương Phụ cùng Hoàng Phúc đón vào cung, bày hương án mở tờ chiếu ra đọc, thấy nói:

"Trương Phụ sang Nam Giao ba lần bắt chúa ngụy, uy danh vang dội cõi Tây Nam, đặc biệt cho trấn giữ đất Giao Chỉ, được ban cấp 500 xấp lụa, 100 cân vàng. Gia phong cho Trần Hiệp chức Binh bộ Thượng thư, tiếp tục cho làm Tham tán quân vụ. Thượng thư Hoàng Phúc có ân uy, được người Giao mến phục, không dám xuẩn động, đáng thăng 5 cấp, ban cho 100 lạng vàng. Các tướng còn lại cũng đều được khen thưởng".

Lại sắc cho Trương Phụ thôi việc đao binh, bảo ban dân chúng. Đối với anh em Lê Lợi nếu có thể dùng đức để cảm hóa, thì không nên lấy uy quyền mà ức chế họ [1]. Thế là Phụ không dám gây hấn nữa, phủ dụ tù trưởng người Man là Đinh Nhân Nghiệm về hàng. Phụ cho Nghiệm làm Trấn di bá hộ. Sớ tâu lên được Thành Tổ phê duyệt, sai ban sắc mệnh.

Năm Ất Mùi (1415), (Minh Vĩnh Lạc 13) [2], mùa hạ, tháng 4, Phụ sai Đinh Nhân Nghiệm sang chầu, cống ngựa để tạ ơn, được Thành Tổ ban tiền giấy và cho phép trở về.

Tháng 5, Hoàng Phúc lập trường học ở các phủ, huyện, châu và cấp phát các sách về âm dương, y học, tăng đạo. Bấy giờ những người Giao Châu như Lâm Thiếu Ngại, Lê Công Soạn cũng tới Đông Đô

---

1. Nguyên chú: "Những lời này đều dựa vào lời mật tấu của Hoàng Phúc".
2. Nguyên bản viết lầm là Minh Vĩnh Lạc 14.

theo học Hoàng Phúc [1]. Trương Phụ tâu xin lập các trạm quan dịch. Từ trạm dịch Quảng Đông, Khâm Châu, Thiên Tân qua trạm dịch Miêu Cảng, đến trạm dịch Dũng Luân, Phật Đào. Từ huyện Vạn Linh tới Giao Chỉ phần nhiều theo đường thủy. Nếu đi đường bộ, cũng phải đến 261 dặm. So với đường cũ Khâu Ôn giảm bớt được 7 trạm dịch, đi lại rất tiện lợi. Thành Tổ chuẩn y. Phụ lại dụ cho thổ quan các phủ Tam Giang... là bọn Mạc Huân, Đỗ Duy Trung, Đào Hoằng sang chầu, cống ngựa và vàng bạc, được Thành Tổ đặc biệt ban yến úy lạo, thăng Huân làm Hữu bố chính sứ, Đỗ Duy Trung làm Tham nghị, Đào Hoằng làm Giao chỉ trung tả hữu vệ chỉ huy, người nào cũng được ban tiền giấy và cho phép trở về. Phụ lệnh cho Giám sát ngự sử Hoàng Tông Tải đi tuần sát Giao Chỉ. Tông Tải tới nơi thấy nhà cửa đều lợp bằng tranh, thường bị hỏa hoạn, liền lệnh cho ba ty [2] tuyển mộ người đi chặt gỗ, hầm ngói để làm lại nhà cửa [3]. Không đầy nửa năm, các ngôi nhà ngói được dựng lên, hỏa hoạn bớt hẳn.

Mùa đông, tháng 12, vua Thành Tổ nhà Minh thấy Trương Phụ toan lo công việc Giao Chỉ vất vả suốt năm, bèn triệu về, cử Phong Thành hầu Lý Bân sang thay. Lại sai sứ mang cuốn *Hồng Vũ cấm thư,* tức *Đồ cảo* của Cao Biền sang dụ Hoàng Phúc rằng:

–Trẫm nghe ở An Nam có nhiều kiểu đất quý. Khanh là nhà phong thủy nổi tiếng, nhân thời bình, hãy đi khảo sát kỹ các nơi, vẽ bản đồ gửi về cho trẫm xem.

Hoàng Phúc vâng lệnh thực hiện. Khốn nỗi nhân dân mới quay về, trộm cướp chưa hết, không tiện đi xa, Phúc bèn sai bọn đồ đệ chia nhau đi các nơi xem xét. Chưa đầy mấy tuần [4], bọn đồ đệ đã đem các bản vẽ về. Phúc bảo:

– Hãy tạm thời đề chữ ngay dưới bản vẽ.

Một hôm Lý Bân đến thăm, thấy dưới mỗi bản vẽ đều có những câu 4 chữ, vừa đăng đối vừa ăn vần với nhau, liền cười nói:

– Ai lại trình bày khoa địa lý phong thủy theo kiểu thế này? Nếu

---

1. Nguyên chú: "Ở đây nêu lên họ Lâm và họ Lê, chuẩn bị để trình bày kỹ về hai người này trong hồi tiếp sau, một kiểu "phục bút".

2. Ba ty: Bố chính sứ ty, Án sát sứ ty và Đô chỉ huy ty (Xem hồi 22).

3. Nguyên văn: "*Khởi lập gia sản* = bắt đầu dựng gia sản", chữ "sản" có lẽ do chữ "ốc" khắc nhầm. Đây tạm dịch theo nghĩa "gia ốc" 家屋, chờ tra cứu thêm.

4. Mỗi tuần ở đây gồm 10 ngày, theo kiểu tính phương Đông thời cổ.

bản đồ được công bố, thì rõ ràng là học trò làm hại thầy, cũng tức là thầy làm hại người đời sau rồi!

Phúc nói:

– Tạm viết vào đấy, chờ sau khi tình hình yên ổn sẽ hay.

Bân trở về nhà. Trung quan Mã Kỳ bàn rằng:

– Nước Giao Nam mới sát nhập vào bản đồ Trung Quốc. Bọn ta vâng mệnh chia nhau cai quản đất này, chả lẽ lại không có một lễ vật gì để thể hiện lòng thành của chúng ta đối với bề trên sao? Nay những vật quý như quạt làm bằng ngà voi, lông chả đang nhiều, ta dâng nộp để tỏ rõ sự thành kính của kẻ thần tử, quan hầu thấy có được không?

Lý Bân nói:

– Rất hợp ý ta.

Hai người quyết định tuế cống 10.000 chiếc quạt làm bằng ngà voi và lông chim.

Năm Bính Thân (1416) (Minh Vĩnh Lạc thứ 15), mùa xuân, tháng giêng, Lý Bân và Mã Kỳ sức dân nộp cống phẩm. Mã Kỳ là tên tham bạo, một lấy thành mười, yêu sách dân đem vàng bạc thay. Các trạm dịch đệ chuyển cống phẩm tất bật suốt ngày đêm. Chầu chực đưa đón, mệt vì phục dịch, người chết đầy đường. Các quan quận huyện đắc ý, hoành hành ngày càng dữ, vơ vét sạch tài sản của dân. Hồi này, theo chế độ nhà Minh, ai ra làm quan cõi ngoài mang đồ châu báu về nước, hễ bị phát hiện thì theo luật phải xử trảm. Vì vậy bọn quan lại tuy thu được nhiều của báu mà không dám mang về, đành chia ra cất giấu tại các đền thần, chùa Phật, ao giếng, gò đồi trong dân gian, phong thần giữ của, rồi sẽ tìm cách lấy sau. Nhân dân An Nam không chịu nổi, nhiều cụ già ở các quận huyện đã lén tới Nghĩa An, vào thành Lục Hoa kêu rằng:

– Giặc Bắc lòng lang dạ sói, đối xử với dân hết sức khắc nghiệt, tàn nhẫn. Cúi mong minh công mở rộng cái đức vua Thang vua Vũ để trừ khử lũ bạo tàn, cứu vớt sinh linh. Nếu không, nước Nam này sẽ trở thành cá thịt của bọn giặc.

Lợi nói:

– Bọn mỗ là hạng tầm thường, bị giặc nhiều phen bức hại, chỉ mong bảo vệ lấy thân mà còn chưa được, đâu dám có ý định điếu dân

phạt tội như các bậc vương giả thuở xưa!

Các cụ già nói:

– Đức độ của minh công mọi người đều rõ. Mây Lam Sơn che phủ linh nghiệm, mưa Kinh Thước trợ giúp kịp thời, dù một đứa trẻ lên ba cũng biết đây là vị vua mới sắp xuất hiện. Cho nên thiên hạ trông minh công như nắng hạ ngóng mưa rào, minh công sao nỡ từ chối?

Lợi nói:

– Các cụ sai rồi! Dẹp loạn cứu dân, nếu không phải vị chúa anh hùng e không làm nổi, Lợi tôi đâu dám. Thôi các cụ về đi. Thiên hạ đại loạn, lẽ nào lại không xuất hiện trang dẹp loạn. Người ấy một khi xuất hiện, đất nước sẽ yên bình, có gì phải lo!

Các cụ khóc lóc ra về, Lợi cũng vì vậy mà rơi nước mắt.

Lợi sai người gọi Lê Thiện tới bàn công việc. Nhưng Thiện lúc đó ra ngoài chưa về. Lợi lui vào hậu phòng buông màn nằm nghỉ, song vì lo cho dân nên trằn trọc không sao ngủ được, bèn trở dậy châm đèn bói Lục nhâm [1]. Quẻ đang bày dở dang, chợt có người vén màn sụp lạy. Lợi cả giận, tuốt kiếm định chém.

Thật là:

Cứu chữa bệnh dân, tìm bí quyết,
Toan lo việc nước, được tôi hiền.

Chưa biết người kia là ai, xem hồi sau sẽ rõ.

1. Nguyên văn là "Thích thần kinh 剔神經, chưa hiểu nghĩa gì, tạm dịch như trên, chờ tra cứu thêm.

HỒI THỨ BA MƯƠI BẢY

Nguyễn Trãi quyết chí tìm minh chủ,
Lê Lợi đêm thanh được mưu thần.

Lại nói kẻ vén màn sụp lạy Lê Lợi chính là Nguyễn Trãi, người Nhị Khê, huyện Thượng Phúc [1]. Trãi từ tấm bé đã côi cút bần hàn, nhưng vốn tính thông minh, các phép bói Nhâm, Cầm, Độn, Ất [2] không thứ nào không thạo. Cuối đời Trần, Trãi đỗ Thái học sinh. Từ lúc họ Hồ cướp nước, tướng Minh đem quân sang đánh, chiếm cứ đất đai, cho đến lúc họ Trần trung hưng, Trãi biết vận nhà Trần không còn được mấy, nên đã bỏ trốn không chịu ra, muốn ngầm tìm các bậc hào kiệt trong thiên hạ để cùng lo tính dần việc cứu nước. Một hôm tới huyện Hoằng Hóa, trời sắp tối, Trãi muốn tìm nơi qua đêm. Chợt thấy một túp lều tranh, Trãi bước vào xin trọ thì vừa gặp một bà lão từ trong đi ra nói:

– Nơi này từ ngày loạn lạc, sơn quân [3] thường quấy, khách qua đường phần nhiều bị hại. Chú tìm chỗ khác mà ở thì an toàn hơn, chứ lão có tiếc gì đâu.

Trãi nhìn ra ngoài thấy mặt trời đã khuất về Tây, không còn cách nào khác, bèn thưa rằng:

– Xin cụ cứ cho cháu ở lại đây, nếu có điều gì, cháu sẽ tự giải quyết.

Bà già từ chối không được, đành cho ở.

Bấy giờ Trãi cứ vương vấn về những lời bà lão nói lúc xẩm tối, nên không dám ngủ. Đến canh ba, nghe ngoài cửa có tiếng thì thầm. Một người nói:

– Trong nhà hiện có cậu con trai trông kháu lắm, ta vào bắt mà xơi thịt đi thôi!

Người kia nói:

– Không được đâu. Đó là vị danh thần mở nước theo sứ mệnh

1. Nguyên chú: "Là con Nguyễn Phi Khanh".
2. Tức là Lục nhâm, Kê túc, Độn giáp, Thái ất.
3. *Sơn quân:* chỉ con hổ.

trời trao, đừng động tới mà Thượng đế trừng phạt đấy!

Trãi rút kiếm lên ra ngoài cửa [1]. Cả bọn đều chạy tản, chỉ còn một thiếu nữ áo xiêm chững chạc, dáng vóc mảnh mai, khép nép đứng bên trái lối đi. Trãi hỏi:

– Cô là con gái nhà ai mà đang đêm khuya khoắt đến đây?

Thiếu nữ đáp:

– Thiếp vốn là thần nữ ở Sùng Sơn, hôm qua về chầu Thượng đế, nghe các ban ở Lương tào nói nước Nam đang nhiễu loạn, Thượng đế sẽ cho Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm phụ tá để ổn định tình hình. Vì thấy lũ yêu tinh muốn hại tướng quân, nên thiếp đặc biệt tới đây để can ngăn chúng.

Nói xong liền biến mất. Trãi vừa sợ vừa mừng, vội vàng xách kiếm trở vào nhà đi nằm.

Sáng hôm sau, Trãi trở dậy lên đường, dần dà tới núi Thiên Nhẫn ở Nghĩa An. Tại đây thấy có một tòa thành quách pháp độ tinh nghiêm, binh cơ chỉnh túc, nhân dân quần tụ, trai gái hài hòa, thật là cảnh tượng đế vương. Không biết ai là chủ nơi này, Trãi đánh bạo cứ vào để xem ý tứ người ta ra làm sao. Ai đến đây cũng được tiếp nhận. Con trai chăm chỉ đọc sách, con gái cần cù dệt vải. Người làm thợ thì tinh chuyên nghề nghiệp, người làm ruộng thì lo việc cấy cầy. Qua 6, 7 tháng ở lại đây, Trãi thấy quen dần, duy không biết Lê Lợi là ai.

Một hôm có các cụ già trong làng đến hỏi thăm, định xin gặp Lê công để đề bạt ý kiến. Trãi liền xin theo. Tới nơi, Trãi đứng nép sát một bên lén mắt nhìn, thấy trước mặt mình là một người hình dáng trang nhã, ít nói, có phong độ đế vương. Lại thấy các cụ già nói "Mây che linh nghiệm, mưa đổ kịp thời", Trãi nghĩ bụng đây chính là vị chúa nhận mệnh trời làm vua. Khi trở ra, Trãi nấp bên cạnh trại chờ trời tối. Lúc Lê Lợi trở về phòng, Trãi bám theo sau. Đến nơi, Lợi mở cửa phòng bước vào rồi khép ngay cửa lại và gài chốt. Trãi đi vòng quanh, phát hiện căn phòng có một chỗ trống, bèn trèo lên nóc nhà chui vào, thấy Lê Lợi đang xếp Thái ất trong trướng. Trãi vào góc phòng ngồi yên, chờ lúc quẻ bày gần xong thì vén màn xộng vào. Lợi giật mình rút kiếm ra định chém. Trãi sụp lạy, van lơn:

---

1. Nguyên chú: "Thật dũng cảm".

– Xin minh công tha lỗi, cho thần được nói một lời.

Lợi hỏi:

– Ngươi tên họ là chi, sao cả gan như vậy?

Trãi thưa:

– Thần là Tiến sĩ triều Trần, người Nhị Khê, họ Nguyễn tên Trãi, bởi tướng nhà Minh bạo ngược nên phải lẩn lút tha phương. Nghe minh công là bậc trưởng giả khoan dung, thần đặc biệt tới đây xin theo, nhưng không có cách gì để đạt nguyện vọng. May gặp lúc minh công ra tiếp dân, thần hân hạnh được thấy dung nhan, muốn vái chào nhưng sợ đường đột. Vì vậy mà liều lĩnh đi theo, trốn vào góc phòng, trộm thấy minh công tính Thái ất còn sai đôi chút, muốn giải giúp minh công.

Lê Lợi nghe xưng là Tiến sĩ, lòng thấy kính mộ, liền bước xuống dìu Nguyễn Trãi lên giường cùng ngồi, đoạn hỏi:

– Tiên sinh cũng biết tính Thái ất sao? Cúi mong được chỉ vẽ.

Trãi đỡ lấy các con tính xếp thành ngôi thứ thần, tướng, 16 cung đâu ra đấy, không sai sót tí nào. Lợi bấy giờ mới thật tin phục. Khi nghe Trãi phân tích về thời sự, Lợi cả mừng cho rằng mình cũng giống như Hán Cao [1] được Trần Nhụ Tử [2] vậy. Trãi nóng lòng muốn thi triển tài năng, khuyên Lê Lợi hãy dấy binh. Lợi nói:

– Nay dưới cửa toàn tướng võ "hữu dũng vô mưu", không cho phép hành động gấp gáp.

Trãi nói:

– Bốn người em của minh công đều mưu trí kiêm toàn, sao bảo là vô mưu?

Lợi hỏi:

– Tiên sinh do đâu mà biết?

Trãi thưa rằng:

– Hữu xạ tự nhiên hương, cứ gì phải đứng trước gió để cho người ta biết!

Lợi nói:

– Đạo làm tướng, binh thư, thuật số không thể không hiểu. Lê

1. *Hán Cao:* tức Hán Cao Tổ Lưu Bang.

2. *Trần Nhụ Tử:* tức Trần Bình, một mưu sĩ của Hán Cao Tổ.

nào một người lại có thể ứng phó nổi với muôn nghìn biến cố sao? Tiên sinh nếu không từ bỏ kẻ cô quả yếu kém này, thì xin chỉ vẽ, dạy bảo giúp các tướng sĩ, khiến họ hiểu được muôn một, sau đó bắt tay vào đại sự cũng chưa muộn.

Trãi vâng lệnh lui ra.

Thật là:

Vua sáng tôi hiền may gặp hội.
Tướng tài quân giỏi chính là đây.

Chưa biết Nguyễn Trãi lui ra thế nào, hãy nghe phần sau phân giải.

HỒI THỨ BA MƯƠI TÁM

Làm trường trại, sơn thần báo mộng,
Dẹp giặc Minh, dân chúng kêu cầu.

Lại nói Nguyễn Trãi lui ra đi xem đất, thấy trên đỉnh Lam Sơn có một chỗ khả dĩ làm trường, bèn trở về báo cáo. Lê Lợi trước hết sức dân sở tại đắp ngay trên núi một nền đất bằng phẳng, rồi chỉ thị cho các tướng sĩ cùng nhân dân đến đó nghe Nguyễn Trãi giảng dạy.

Trãi ra trại đàm đạo với các tướng. Đến canh hai đi nằm, vừa chợp mắt đã thấy một người đàn bà có mang tới trước mặt kêu rằng:

– Núi này là chỗ ở của thiếp, tướng quân thơi thơi cho độ mươi hôm nữa, chờ thiếp sinh nở xong rồi muốn làm gì thì làm.

Nguyễn Trãi choàng thức dậy mới hay là mộng, vội vàng khăn áo bước ra khỏi trại. Trời đã hừng đông. Trãi một mạch thẳng tới Lam Sơn, thấy nhân dân đã phát dọn cây cối, đắp một cái nền bằng phẳng. Trãi hỏi:

– Bà con phát dọn ở đây có thấy gì lạ không?

Mọi người đều trả lời:

– Bọn mỗ phát dọn đến đỉnh núi, thấy một con rắn chửa màu vàng, bèn rượt theo chém, chỉ được khúc đuôi thôi.

Trãi trầm ngâm không nói gì.

Bấy giờ trăm họ mến đức Lê Lợi, không mấy hôm trường trại đã làm xong.

Năm Đinh Dậu (1417) (Minh Vĩnh Lạc 16), mùa thu, tháng 7, Trãi đến trường dạy học. Tướng sĩ sáng tới lớp, tối về giữ doanh trại. Con em nhân dân vùng lân cận nghe tiếng đều tới xin nhập học đông vô kể. Tiếng đọc sách hòa cùng âm thanh rừng núi, vẻ văn chương hợp với cảnh sắc mây ngàn. Người đời sau có thơ ca ngợi rằng:

Sương lọt rèm thưa lúc xế tà,
Vọng lên tiếng đọc sách ngân nga.
Cây treo gươm mũ qua nghìn dặm,
Hoa rắc đàn thư góp một nhà.

Bút cắm lô nhô làn khói phủ,
Nghiên bày lấp loáng bóng trăng lòa.
Vin rồng dựa phượng đây nào có,
Chỉ thấy đầu non ngát cỏ hoa!

Có một tối Trãi mở sách đọc, thấy một giọt máu đỏ rơi trên sách, thấm xuống đến ba lớp giấy. Trãi ngạc nhiên nhìn lên, thấy một con rắn to màu vàng đang nằm cuộn tròn trên nóc nhà. Trãi biết là sơn thần đang oán trách, liền nói:

– Ta vâng lệnh thiên tử tới đây dạy học, chính là để cứu nước cứu dân, không phải cố ý hại ngươi. Ngươi hãy đi đi, bằng không, ta sẽ nhờ vào oai trời để trừ diệt, lúc ấy đừng hối hận.

Nói vừa dứt, rắn liền cúi đầu bò đi. Trãi đoán biết con rắn này rồi sẽ gây họa không ít, nhưng trước mắt trời chưa cho giở giói đấy thôi. Rồi Trãi thản nhiên dốc tâm vào việc rèn cặp chữ nghĩa, giảng dạy kinh sách cho tướng sĩ cùng các môn đệ. Ít lâu sau, Lê Lợi thân hành tới thăm lớp học, thấy tướng sĩ cần cù đọc sách, chuyên nghiên cứu điển chương, y như trên đất Trâu Lỗ [1] vậy.

Rời lớp học, Lợi hớn hở trở về thì vừa gặp Lê Thiện. Cả hai cùng vào trong thành nghỉ ngơi. Thiện nói:

– Tiểu đệ vừa sang Quảng Oai ngắm địa thế lần nữa [2]. Lại tới Tản Viên, lúc leo lên núi nhìn, thấy cát tinh tụ hội nơi sao Khuê, ý chừng tôn huynh ở nhà được hiền sĩ tới giúp. Vậy người đó nay đang ở đâu?

Lợi đáp:

– Không hiểu tiểu đệ nói về ai? Dạo trước thấy có một người thông tuệ đặc biệt, tự xưng là Tiến sĩ Nguyễn Trãi ở Nhị Khê về đây theo chúng ta, nay đang dạy cho các tướng sĩ học ở ngoài núi kia kìa!

Thiện nói:

– Tôn huynh có duyên lắm!

Lợi hỏi:

– Trãi và hiền đệ ai hơn?

Thiện nói:

---

1. Trâu Lỗ: Khổng Tử người đất Lỗ, Mạnh Tử người đất Trâu, đời sau do vậy thường dùng từ "Trâu Lỗ" để chỉ nơi văn hóa, giáo dục phát triển mạnh.

2. Nguyên chú: "Để làm chỗ đóng quân về sau".

– Trãi thiên văn địa lý không mặt nào là không thạo, tam giáo cửu lưu [1] không thứ gì là không học, hơn Thiện kể gấp mười lần. Tiểu đệ nghe tên tuổi ông ta đã lâu lắm, nhiều phen muốn tìm gặp mà chưa có dịp. Nay ông ta tự tới, việc lớn như thế là ổn rồi!

Thiện bèn xin ra gặp Trãi [2]. Lợi nói:

– Nên lắm!

Thiện tới trường học. Trãi ra tận cổng đón vào. Sau vài câu thăm hỏi, Thiện nói:

– Các tướng sĩ học hành có tiến bộ không?

Trãi đáp:

– Mỗ vâng lệnh minh công tới đây dạy học. Các tướng sĩ đều thông minh, chưa đầy 5 tháng đã thông thạo phép thuật; trong số nói trên, Đoàn Phát và Phạm Đán vào loại cừ nhất.

Sau một hồi đàm đạo, hai người cùng trở về thành. Bỗng thấy có mấy cụ già phủ phục trước cửa, khóc lóc khẩn khoản:

– Nay giặc Bắc bắt dân cống nộp, ai không lo nổi đều bị chúng giết chóc tàn nhẫn. Mong Lê công khởi binh dẹp giặc để cứu dân lành.

Bấy giờ các tướng đang có mặt đông đủ. Nguyễn Trãi nói:

– Dấy quân lúc này là có danh nghĩa, mong minh công thể theo nguyện vọng của dân.

Lợi nói:

– Không được.

Trãi nói:

– Văn thần võ tướng đã đông, khí giới lương thực đầy đủ, sao lại không được?

Thiện nói:

– Chưa có thời cơ.

Trãi nói:

---

1. *Tam giáo cửu lưu:* "Tam giáo" chỉ đạo Nho, đạo Phật và đạo Lão. "Cửu lưu" chỉ 9 học phái ở Trung Quốc thời cổ, gồm Nho gia, Đạo gia, Âm dương gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tạp gia và Nông gia.

2. Nguyên chú: "Trước đây, Trãi nói nghe tên tuổi Thiện đã lâu, nay Thiện cũng nói nghe tên tuổi Trãi đã lâu. Đúng như người ta nói: phải là anh hùng rồi mới biết được anh hùng".

– Minh công dẹp giặc cứu dân, nếu cứ chờ thời thì trăm họ tan nát tuyệt diệt cả, lúc đó có khởi binh cũng chẳng để làm gì.

Đoàn Phát nói:

– Người ta theo minh công là để chung lo việc đánh kẻ có tội, cứu vớt dân lành. May được chút công lao, trên có thể làm vẻ vang tiên tổ, dưới có thể làm hiển hách họ hàng. Nếu minh công không chiều theo ý nguyện của dân thì lòng người sẽ trễ biếng, còn ai cộng sự với minh công nữa?

Nói vừa dứt lời, lại thấy nhân dân tốp năm tốp ba tiếp tục tới kêu cầu dấy binh. Lợi thấy thần dân ai cũng nài nỉ, đành phải đồng ý. Trãi nói:

– Trời sinh ra dân ai cũng có điều ham muốn, nếu không có chủ thì loạn ngay. Xin minh công hãy lên ngôi Hoàng đế rồi sau đó dấy binh là hợp nhất.

Lê Lợi sợ hãi nói:

– Sao ông lại thốt ra những lời như vậy? Ta có đức độ gì đâu mà dám làm vua!

Trãi nói:

– Mệnh trời ở lòng người. Lòng người theo về đâu, tức mệnh trời ở đó. Nay mệnh trời đã ở minh công, đúng như người ta nói: "Mệnh trời quy vào kẻ có đức". Nếu không có đức, sao nhân tâm lại hướng về? Minh công dù muốn tránh cũng không được! [1].

Lê Lợi nhất định không nghe, phủi áo đứng dậy. Các tướng cũng lui ra. Thật là:

Đã biết lòng trời quy đức độ,
Dám nhờn nhân sự, tự tôn vinh!

Chưa biết các tướng lui ra thế nào, hãy nghe phần sau phân giải.

---

1. Nguyên chú: "Trãi đem chuyện "mệnh trời" và "lòng người" nhắc đi nhắc lại với bề trên của mình".

HỒI THỨ BA MƯƠI CHÍN

Nguyễn Tiến sĩ bày mưu lập chúa,
Lê Thái Tổ tức vị làm vua.

Lại nói các tướng khuyên nhủ như thế nào Lê Lợi cũng không nghe, bèn kéo nhau ra về. Nguyễn Trãi nảy ra một kế: lấy mật ong vẽ lên cây cổ thụ dòng chữ "Lê Lợi vi vương, Nguyễn Trãi vi phụ", nghĩa là "Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm phụ tá" [1], để cho kiến tụ tập tới ăn, làm trống chỗ vỏ cây có mật ong, đâu đâu cũng thế. Quân sĩ cùng dân chúng trông thấy, kháo nhau đây là sách trời ban xuống. Tin truyền vào trong thành. Lê Lợi không tin, nhân đêm trăng đeo kiếm ra xem, thấy bóng hai người đang trò chuyện. Một người nói:

– Ngày mai ta sẽ có vua mới!

Người kia hỏi:

– Ai vậy?

Đáp:

– Lê Lợi chứ còn ai nữa!

Người kia nói:

– Lợi mà làm vua, thiên hạ tất ổn định đấy!

Lợi vốn tính đa nghi, lại hiếu sát, nghe đến đó liền rút gươm ra chém, chỉ thấy một chòm lửa hóa thành tảng đá [2]. Lợi quay về, thấy trên nhiều cây cối cũng xuất hiện 8 chữ y như thế, liền nghĩ bụng:

– Hẳn là trời khiến ta làm vua thật [3].

Bèn sai quân lính đắp một cái đàn ở phía Nam núi Thiên Nhẫn.

Năm Mậu Tuất, Bình Định Vương 1 (1418) (Minh Vĩnh Lạc 17), mùa xuân, tháng giêng, ngày Giáp Dần, quần thần văn võ đều lên đàn, trên dựng 5 cây cờ ứng với ngũ hành, giữa bày 28 khẩu pháo

---

1. Nguyên chú: "Căn cứ vào lời thần báo mộng dạo trước".

2. Nguyên văn: "Tẩm thạch 寢石, chưa hiểu nghĩa. Tạm dịch như vậy, chờ tra cứu thêm.

3. Nguyên chú: "Do thực thà nên Nguyễn Trãi đã lừa được".

thần công tượng trưng cho 28 vì sao, dưới xếp 8 đội binh mã, tượng trưng cho bát quái, giữa đặt bàn hương án. Công việc sắp đặt xong xuôi, Nguyễn Trãi bên trái, Lê Thiện bên phải, Lê Thạch phía trước, Đoàn Phát phía sau, văn thần võ tướng vây quanh, cùng dìu Lê Lợi bước lên đàn. Lợi chúc nguyện rằng: "Lợi tôi do số đông nài ép lên làm vua để dấy binh khởi nghĩa, điếu dân phạt tội. Cúi mong Hoàng thiên Hậu thổ giám lâm, mãi mãi ban phúc cho đất nước".

Chúc xong, hướng về phía Tây nhún nhường 3 lần, lại hướng về phía Nam nhún nhường 2 lần [1] rồi mới bước lên ngôi chính. Quần thần tung hô vạn tuế !

Mọi người sau đó hộ giá về thành. Sau khi bàn bạc, lấy Lê Thạch làm Tướng quốc, Đinh Lễ làm Tư đồ, Lê Trãi làm Tư không, Đoàn Mãng làm Đô đốc thủy bộ binh mã, Phan Liêu làm Tham nghị lục Thượng thư sự, Phạm Liễu làm Tả tướng quân, Triệu Hộ làm Hữu tướng quân, Sùng Quang làm Tiền bộ đại tướng quân, Nông Văn Lịch làm Hậu bộ đại tướng quân, Xa Tam làm Bình khấu tướng quân, Nguyễn Tế làm Uy địch tướng quân, Đặng Đôn làm Uy viễn tướng quân, Phạm Đán làm Du kích tướng quân, Phạm Yến làm Đô chỉ huy sứ, Đỗ Dung và Nguyễn Sản làm Tiễu lược tướng quân, Đoàn Phát làm Thị lang kiêm Tham tán quân vụ, Đinh Tuận làm Chuyển vận sứ, Lê Khâm làm Điều bát quân lương. Sắc cử Lê Thiện làm Chánh Quân soái, Nguyễn Trãi làm Phó Quân soái, người nào cũng nắm việc quân việc nước.

Thiện từ chối nói:

– Thiện là em ruột của vua, lẽ nào lại độc giữ binh quyền; chỉ mong được làm tòng sự trong quân là đủ. Vậy xin nhường chức của tôi cho Nguyễn Quân soái kiêm nhiệm.

Nguyễn Trãi cũng cố từ chối nhưng không được, đành phải nắm cả hai chức Chánh và Phó Quân soái. Các tướng lớn nhỏ khác ai cũng được đề bạt hoặc thăng chức. Lại lấy con trai vua là Lân làm Thái tử. Sai Thị lang Đoàn Phát làm bài dụ để bá cáo trong thiên hạ, khiến ai nấy đều hay. Dụ rằng:

Trời đặt Tư mục, giúp Thượng đế ổn định bốn phương,
Vua thay thiên công, việc hàng đầu giữ yên muôn nước.
Không mưu lợi riêng.

---

1. Nguyên chú: "Việc nhún nhường này tuy là thủ tục, nhưng cũng thể hiện khí tượng đế vương".

Uy tín tất lớn.

Cho nên:

Cưỡi rồng mà giải tỏa sự hà khắc của Tần, Hán Lưu Bang cứu sinh dân nơi nước lửa,
Ruổi ngựa mà diệt trừ sự tàn bạo của Tùy, Đường Thế Dân cứu trăm họ khỏi đọa đày.

Thật là:

Có chí yêu dân,
Không nhằm gây loạn.
Như nước Việt ta:
Trời xoay vận thái,
Đất mở phương ly [1].
Hiền thánh hiếu sinh, tụ họp chốn Kỳ Sơn khi phượng gọi,
Nước nhà yên tĩnh, thanh bình nơi Lạc Thủy thuở rùa ra.
Năm trăm năm, dân chẳng biết đao binh,
Ức vạn tuế, nước không cần chinh chiến.
Mà nay giặc Bắc,
Xâm lược nước Nam.
Bắt dân làm tôi con,
Chia đất thành quận huyện.
Lễ nghĩa nhẹ tuồng chó cỏ, giáo hóa vắng bóng bốn phương.
Gươm đao nhiều tựa cây rừng, ngục hình thảm thê khắp cõi.

Nha lại xuẩn ngu, chính sách ác hơn thú dữ,
Quan tham vơ vét, nhân dân sợ quá thuồng luồng.
Thần người đều giận,
Trời đất chẳng dung.

Trẫm nay:

Phát tích Lam Sơn,
Ngụ cư Tế Thủy.
Vì trăm quan nài nỉ nên phải nhận ngôi đầu,
Bởi quần chúng suy tôn mới nắm quyền làm chúa.
Thuận lòng người khởi nghĩa diệt thù, tụ tập chốn Thương giao [2],

---

1. *Phương ly:* phương Nam, miền nóng bức, đây chỉ nước ta.

2. *Thương giao:* vùng ngoại ô kinh đô nhà Thương, đây hiểu là nơi vùng lên khởi nghĩa.

Theo mệnh trời dấy binh trừ bạo, quây quần nơi Chu trạch[1].

Nay:

Quân dân một dạ,
Chim cá đồng lòng.
Chim há lặng giữa bụi mù,
Cá nào yên trong nước nóng.
Mong tất thảy các ngươi.
Ai cũng hiểu lòng trẫm!

Bổ sung một số câu trích từ *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi:

... Bại hoại nhân nghĩa, đất trời hầu tan nát,
Nặng nề thuế khóa, chằm núi chẳng còn gì.
Khai mỏ vàng thì vạc non đãi cát, phơi mình trong lam chướng,
Tìm châu ngọc thì lặn ngụp biển sâu, liều mạng với giao long.
Nhiễu dân, đặt bẫy bắt hươu đen,
Hại vật, chăng lưới tìm chim trả...
... Châu huyện thuế xâu đè nặng,
Xóm thôn canh cửi vắng tênh...

Lại nói:

... Giơ gậy làm cờ, tụ tập bốn phương manh lệ,
Trút rượu mời lính, chan hòa một khối cha con...

Lại nói:

... Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật,
Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay...

Lại nói:

... Voi uống cạn nước sông,
Gươm mài vẹt đá núi.
Đánh một trận, sạch sanh kình ngạc,
Đánh hai trận, tan tác chim muông...
... Lãnh Câu máu chảy trôi chày, nước sông rền rĩ,
Đan Xá thây chất như núi, cỏ nội đỏ lòm.

Tờ dụ ban ra, nhân dân trăm họ hớn hở bảo nhau:

---

1. *Chu trạch:* nhà của triều Chu, đây hiểu là nơi nghĩa quân tập kết.

– Ông chân nhân họ Lê ứng thời vận nổi lên, bọn ta tất được yên chăn gối.

Những kẻ hào trưởng lũ lượt kéo nhau tới theo. Quần thần tâu xin dấy binh, Thái Tổ giáng chỉ cho phép.

Mùa xuân, tháng Giêng, Lê Thái Tổ xa giá tới Tế Thủy tổ chức đại tế. Vua tự tay giết ngựa trắng để thệ sư [1], thề rằng:

"Hành quân phải có phép tắc. Tướng lĩnh phải biết tình hình quân đội, quân lính phải theo ý người chỉ huy. Thấy giặc đừng rút, thấy lợi đừng tranh. Giặc đã cùng khốn đừng nên đuổi, thức ăn của địch nên dùng. Chớ hiếp đàn bà con gái người ta, chớ cướp tài sản của người ta. Chớ phá hoại nhà cửa, chớ xâm phạm lăng miếu. Tướng tá triều Minh phải tóm lấy không tha. Nhưng nếu đầu hàng, sẽ tùy năng lực mà sử dụng. Đừng tha kẻ có tội, đừng giết kẻ vô can. Nếu ai vi phạm, dù có công lao cũng không khoan thứ" [2].

Thề xong, Thái Tổ sai Lê Thiện cùng bọn Triệu Hộ, Nguyễn Tế điều quân đội bảo vệ Thái tử và giữ thành Lục Hoa, còn mình thì dẫn 36 tướng cùng 60.000 binh mã theo xa giá thân chinh.

Thật là:

Gió đưa xa giá vang đàn sáo,
Mây cuốn binh nhung sáng giáo gươm.

Chưa biết thân chinh như thế nào, hãy nghe phần sau sẽ rõ.

---

1. *Thệ sư:* thề trong quân trước khi ra trận.

2. Nguyên chú: "Trước kia Minh Thành Tổ đến Long Giang thệ chúng, nay Lê Thái Tổ đến Tế Thủy thệ sư, trước sau cùng ứng đáp".

HỒI THỨ BỐN MƯƠI

Nguyễn Quân sư lập kế hạ thành.
Thái hàng tướng bày mưu truyền hịch.

Lại nói Lê Thái Tổ đại giá thân chinh, phía trước phía sau có kẻ dẹp đường, bên phải bên trái có người bảo vệ. Võng xanh lọng đỏ, giáo loáng cờ hồng, rành rành như nghi vệ một đấng thiên tử thuở thái bình vậy. Trăm họ nhìn theo đoàn quân đi, thắp hương cúi vái. Nhân dân trai gái bầu rượu giỏ cơm mang ra tiếp quân vua, kẻ lui người tới dập dìu. Sau khi an ủi hiểu dụ, Thái Tổ bảo họ về. Các cụ già nói:

– Không ngờ hôm nay lại được thấy quan quân!

Rồi ai nấy đều chen xem đến nỗi chật đường nghẽn lối, xe vua không tiến lên được.

Bấy giờ viên Trấn thủ Nghĩa An là Thái Phúc dò biết tin tức, cho người phi ngựa cấp báo với Đông Đô, đồng thời sức các châu huyện chỉnh đốn quân đội để đánh địch. Bọn thú lệnh sợ thanh thế của Thái Tổ, không dám chống cự. Nguyễn Trãi dẫn quân thẳng tới Nghĩa An, cho hạ trại cách thành 20 dặm, sai Từ Phương vào trong thành dụ hàng. Thái Phúc họp những người dưới quyền bàn rằng:

– Lê Lợi thế đang lớn, hàng và đánh đằng nào lợi hơn?

Viên Đô chỉ huy nói:

– Quân chưa giao chiến, chẳng lẽ lại hàng. Chi bằng lấy cớ đầu hàng để xem tình hình hư thực của người ta đã, sau đó sẽ định liệu.

Thái Phúc cho là phải, bèn lệnh cho Lý Trung theo Từ Phương sang Trại quân Nam. Lính gác vào báo cáo. Nguyễn Trãi gọi sĩ tốt tới bí mật dặn dò, rồi cho Lý Trung vào. Trãi niềm nở đón tiếp. Sau khi giới thiệu họ tên, ai nấy ngồi vào chỗ. Trung nói:

– Thái Trấn thủ ngày mai sẽ xin hàng Quân sư, nay sai mỗ đến hẹn trước.

Trãi nói:

– Thái tướng quân sớm tới gõ cửa quy phụ như thế này, có thể

nói là hết sức sáng suốt, hiểu biết thời cơ.

Trung nói:

– Thái tướng quân đã chú ý tới Quân sư từ lâu đấy!

Trãi nói:

– Vâng! Vâng!

Trung lén mắt nhìn, thấy quân sĩ tụm năm tụm ba uống rượu đánh bạc, cười nói ầm ĩ, gươm giáo vất lung tung, trong lòng có ý khinh rẻ, bèn cáo từ ra về. Trãi tiễn chân đến tận cổng, nói:

– Ngày mai các ông hãy đến sớm, mỗ sẽ ra đón.

Trung nói:

– Vâng.

Về đến thành, Trung kể lại tình hình quân Nam một lượt. Chu Quảng nói:

– Vậy mà Trấn thủ lại định hàng chúng, không thành trò cười cho thiên hạ sao? Ngày mai ta đánh tóm hết bọn chúng đi thôi.

Thái Phúc nghe theo kế đó, bèn sai Quảng đem 1.000 quân đi đánh, còn mình sẽ dẫn lực lượng tiếp ứng sau. Công việc thế là sắp đặt đâu vào đấy.

Lại nói Nguyễn Trãi sau khi tiễn Lý Trung ra khỏi cổng quay vào, Phan Liêu liền nói:

– Tướng giặc trá hàng đấy, Quân sư đừng có tin!

Trãi nói:

– Đã biết rồi! Ta cố ý bảo sĩ tốt giả vờ lười nhác để cho địch coi thường, sau đó sẽ dùng kế mà tóm địch.

Các tướng đều tin phục. Trãi gọi Phạm Liễu, Phạm Yến, Đỗ Dung, Nguyễn Sản đến, ghé vào tai dặn như thế... như thế...

Hôm sau trời vừa sáng, Trãi dẫn một nhánh quân đến ngoài thành Nghĩa An, sai người gọi Thái Phúc ra hàng. Lý Trung đứng trên thành mắng rằng:

– Quan Trấn thủ ta lẽ nào lại đi hàng bọn các ngươi? Hãy mau mau đến đây mà nộp mạng!

Trãi vờ tức giận, lệnh cho tướng sĩ đánh vào thành. Chu Quảng mở cửa thành ra ứng chiến. Phan Liêu vỗ ngựa tới nghênh địch. Đánh nhau được bốn năm hiệp, Phan Liêu và Nguyễn Trãi đều thua chạy. Chu Quảng xua quân đuổi theo. Vừa đến trước trại quân Nam,

thấy một phát súng nổ, bên trái Nguyễn Sản xông ra, bên phải Đỗ Dung đánh tới, vây chặt lấy Chu Quảng. Thái Phúc từ sau lưng kéo quân đến, bị Phạm Yến chặn đánh, phải quay trở về thành. Vừa tới nơi, đã thấy Phạm Liễu đứng trên thành nói rằng:

– Ta vâng lệnh Quân sư lấy ngôi thành này rồi, sao ngươi không đầu hàng đi?

Phúc hết hồn, vội vàng xuống ngựa xin hàng. Nguyễn Trãi, Đỗ Dung trói Chu Quảng dẫn tới. Nguyễn Trãi vào trong thành cởi trói cho Quảng, yên ủi vỗ về nhân dân. Phúc sai người báo cho bọn Thái thú Diễn Châu là Đô chỉ huy Tập Tụ, Thái thú Trấn Định là Vu Toản, Thái thú Trấn Biên là Lỗ Quý, cùng Thiên hộ Lý Trung tới cửa quân đầu hàng. Riêng Thái thú Trà Long Cầm Bành là không chịu hàng mà thôi.

Trãi báo tin thắng lợi. Thái Tổ dẫn quần thần cùng tới Nghĩa An. Bọn Thái Phú ra ngoài thành bái yết, được Thái Tổ đãi làm mạc khách. Bọn Chu Quảng cũng được giữ lại sử dụng trong quân. Trãi hỏi Phúc:

– Mỗ định lấy các thành ở Thanh Hóa trước, rồi sau mới tiến ra Đông Đô, tướng quân thấy thế nào?

Phúc nói:

– Thanh Hóa thành trì kiên cố, núi sông hiểm trở, rất khó đánh. Chi bằng truyền một tờ hịch, nếu chúng chịu hàng thì ta không tốn một tên lính. Nhược bằng chúng không chịu hàng, ta cất quân đi đánh cũng chẳng muộn. Thế gọi là "tiên thanh hậu thực", trước đàm sau đánh trong nghệ thuật quân sự.

Trãi nghe theo, liền thảo tờ hịch gửi đi các nơi. Lời hịch như sau:

"Vũ Canh [1] gây loạn chốn Ân am, Chu Công phải đông chinh để đánh dẹp;
Hiểm Doãn [2] định cư nơi Tiêu hoạch, Cát Phủ phải bắc phạt đặng diệt trừ.
Quyết chẳng dung giặc nước cùng vua,

1. *Vũ Canh:* tên Lộc Phụ, con của vua Trụ, được Chu Vũ Vương phong làm hậu duệ nhà Thương. Sau khi Vũ Vương mất, Vũ Canh đã cùng Quản Thúc, Thái Thúc, Hoắc Thúc nổi loạn. Chu Thành Vương sai Chu Công đem quân đánh dẹp, giết Vũ Canh và Quản Thúc, đày Thái Thúc, biếm Hoắc Thúc làm dân thường.

2. *Hiểm Doãn:* tổ tiên người Hung Nô.

Thề không đội trời chung với giặc.
Bọn Trãi:
Kính vâng mệnh chúa,
Nương dựa oai trời.
Oai hùng binh mã gấu hùm, vẫy cờ đỏ trỏ về phía giặc;
Sừng sững đoàn quân dũng sĩ, vung kiếm dài mở lối tiến quân.
Cho dù:
Hoàng Hà nước chắn nghìn tầm, tung roi ngựa sông sâu hóa cạn;
Xích Huyện thành vàng nghìn dặm, gõ mái chèo nước đục thành trong.
Dùng chí nhân mà đánh bất nhân, như gió thét lá vàng tơi tả;
Lấy đại nghĩa để đương bất nghĩa, tựa mưa vùi hoa cỏ xác xơ.
Quân đóng tựa non,
Quân đi vô địch.
Giặc Minh các ngươi:
Trên từ Đô hộ, Bố, Án, Tham chính;
Dưới đến Tuần kiểm, Thú, Lệnh, biền binh,
Tự xét lại mình,
Cùng nghe mệnh lệnh:
Cải tà quy chính, ngõ hầu thoát vạ én nhà,
Tự trói về hàng, may chi khỏi thân cá chậu.
Còn như:
U mê không tỉnh ngộ,
Trí trá tự đề cao,
Đại tướng ra quân, một mẻ lưới là vét sạch;
Gươm trời vạch chỉ, đến mống nhỏ cũng không còn.
Lời hịch rõ ràng.
Các ngươi gắng sức!

Quân sư kiêm Chưởng quân quốc sự vụ
Nguyễn Trãi ra lời hịch

Hịch phát đi các nơi. Tướng giữ Thanh Hóa là La Thông xem xong tờ hịch, nổi giận đùng đùng, muốn dẫn quân nghênh địch, nhưng rồi vì sức yếu nên không dám ra, chỉ bịt chặt các ngả đường để cố thủ. Tờ hịch truyền tới Đông Đô, Hoàng Phúc xem xong nói:

– Nhân tài nước Nam sao mà đông vậy? Thế tất họ không chịu khuất mãi, bọn ta chẳng yên gối được đâu!

Tổng binh Lý Bân nói:

– Vâng mệnh vua trấn giữ biên cương, chả lẽ lại ngồi nhìn lũ chuột bọ hạ nhục?

Hoàng Phúc nói:

– Trước đây Trương Anh Công [1] nhiều lần muốn đánh chúng, nhưng mỗ cứ nghĩ là nên dụ chúng về với ta để sử dụng thì hơn. Nào ngờ nay chúng lại dấy binh làm loạn, ta không thể không trừ diệt [2].

Lý Bân nói:

– Thượng thư nên tâu việc này với triều đình, còn mỗ sẽ điều quân chống giặc.

Bèn sai Đô đốc Chu Vinh và Đô chỉ huy Trần Trung đem 30.000 binh mã đi đánh địch. Ngự sử Hoàng Thông Thái và Tham tán quân vụ Lý Bân dặn dò rằng:

– Giặc Man biến trá khó lường, phải thật cẩn thận mới được.

Các tướng tuân lệnh ngay ngày hôm đó lên đường, vượt núi băng ngàn xiết bao gian khổ.

Thật là:

Mấy độ ra quân, non ám bụi,
Đôi hồi còi rúc, nước thành băng.

Chưa biết lần đi này thế nào, hãy nghe phần sau phân giải.

---

1. Tức Trương Phụ.
2. Nguyên chú: "Hoàng Phúc lúc này không chịu đựng được nữa".

QUYỂN 3

HỒI THỨ BỐN MƯƠI MỐT

Đánh Cầm Bành, Quân sư đắc thắng,
Dẹp Chu Vinh, Thái Tổ bị thua.

Lại nói Thái Phúc thấy tướng giữ Thanh Hóa là La Thông không chịu đầu hàng, bèn vào tâu Thái Tổ cất quân đi đánh, Phúc xin làm Tiên phong. Thái Tổ mời Quân sư cùng bàn bạc. Nguyễn Trãi nói:

– Thần muốn đánh Thanh Hóa trước, sau đó sẽ dẹp Đông Đô. Nghe quân do thám về cho biết tướng giữ Trà Long là Cầm Bành đang tụ tập quân lính, hình như muốn đánh ta. Nếu đại giá viễn chinh, hắn lập tức nhân lúc ta trống rỗng, đem quân tập kích. Bấy giờ ta trước mặt sau lưng đều có địch, rất khó chống đỡ. Thần xin đem một đại đội binh mã đi lấy Trà Long trước, sau đó tiến đánh Thanh Hóa cũng chưa muộn.

Thái Tổ nói:

– Phải đấy!

Trãi bèn sai Đoàn Mãng, Phan Liêu, Xa Tam đem 5.000 quân khinh kỵ lên đường.

Bọn thám tử quân Bắc đã sớm báo tin về Trà Long. Cầm Bành nói:

– Lê Lợi được tên Thái Phúc chó má về hàng, hẳn là đắc ý lắm. Ta thề giết cho được Lợi, nhất định không hàng.

Vừa dứt lời, bỗng thấy tiểu tốt vào báo quân giặc đã tiến đến đầu địa giới. Cầm Bành dẫn Chỉ huy Hà Lượng và Giám quân Chu Tịnh đem 3.000 quân ra ngoài thành hạ trại. Nguyễn Trãi cũng vừa tới nơi, cho quân dàn thành trận thế. Trãi lệnh cho Phan Liêu sang bên tả, mai phục ở ven sông. Xa Tam sang bên hữu, mai phục ở cạnh

rừng, còn Đoàn Mãng thì đi khiêu chiến, dụ địch tới chỗ có quân mai phục, bắn pháo hiệu để tất cả xông ra đánh. Sau khi mọi người ra đi, Trãi và Đoàn Mãng đi thẳng tới trước trại quân Bắc gọi tướng giữ cửa thành ra nói chuyện. Cầm Bành mở cửa trại ra đứng ngay giữa trận, bên tả có Hà Lượng, bên hữu có Chu Tịnh, trông rất khí thế. Trãi nói:

– Ta vâng mệnh vua mang quân tới đây hỏi tội, tướng giữ thành sao không sớm đầu hàng để bảo toàn tính mệnh ba quân?

Cầm Bành nói:

– Bọn các ngươi đồ mọi rợ mà lại dám xưng vương xưng tướng ư? Ta quyết lấy cho được đầu ngươi, đâu có chuyện đầu hàng!

Trãi vờ tức giận sai Đoàn Mãng ra đánh. Hai bên vang dậy tiếng trống, tiếng tù và. Đánh nhau được năm sáu hiệp, Mãng vờ bỏ chạy. Bành biết là đánh lừa nên không đuổi theo. Mãng quay ngựa lại chửi:

– Thằng chết tiệt kia không truy kích à?

Bành nói:

– Ai không biết ngươi đang định dụ ta đến chỗ có phục binh để đánh?

Trãi thấy mưu kế bị lộ, bèn sai người gọi Phan Liêu và Xa Tam cho quân theo đường tắt tới, từ hai bên đánh kẹp lại. Đồng thời sai Mãng đánh trống khiêu [1] chiến. Cầm Bành quất ngựa múa đao ra nghênh địch, đánh nhau hơn trăm hiệp mà vẫn chưa phân thắng bại. Bỗng thấy bên cánh tả Phan Liêu cho quân ập tới, Hà Lượng liền cầm thương dẫn quân chống cự; bên cánh hữu Xa Tam xông vào, Chu Tịnh cũng xách đao ra ứng chiến. Sáu tướng la hét vang trời dậy đất. Anh chàng Hà Lượng địch sao lại Phan Liêu, liền bị chém một nhát, rơi xuống ngựa. Chu Tịnh mải miết quần nhau với Xa Tam, tinh thần mỗi lúc một hăng. Xa Tam liền nảy ra một kế, quất ngựa vờ chạy. Chu Tịnh lao tới. Xa Tam vội giắt gươm vào lưng, giương cung bắn một phát, trúng ngay vào mắt con ngựa Chu Tịnh đang cưỡi. Ngựa đau quá vừa hí vừa lồng lên, làm cho Chu Tịnh ngã xuống đất, bị quân Nam bắt sống. Cả ba [2] viên tướng đều châu vào, Cầm Bành một mình địch không nổi ba, liền quất ngựa chạy vào trong thành, kéo cầu dây lên rồi đóng cửa thành cố thủ, không trở ra nữa. Trãi lệnh

---

1. Chữ "khiêu" 挑 nguyên bản khắc nhầm thành "bài" 排.

2. Nguyên bản khắc nhầm là "hai".

cho quân sĩ đem đất lấp hào, dùng thang mây áp sát vào thành leo lên. Trên thành Cầm Bành sai bắn đá xuống, làm cho thang mây bị đứt, không thể nào leo lên được. Trãi ra lệnh khoét một đường hầm xuyên vào trong thành. Cầm Bành bèn cho tướng sĩ đào hào bên trong, khiến đối phương khó bề vào nổi. Qua ba bốn ngày liền thành không hạ được, Trãi bèn cưỡi ngựa đi quanh thành quan sát một lượt, xong trở về gọi Đoàn Mãng tới bảo:

– Ông đem 1.000 quân tới mai phục ở ngoài cửa thành phía Tây, hễ thấy bên cửa thành phía Đông bốc lửa thì dùng thang mây leo lên thành mà đánh.

Mãng vâng mệnh dẫn quân ra đi. Trãi lại sai Phan Liêu cùng Xa Tam dẫn quân đi lấy nào rơm nào củi chất đống bên cửa thành phía Đông, mặt hướng vào thành, vờ chuẩn bị phóng hỏa đốt thành. Cầm Bành từ trên chòi gác nom thấy, liền bảo tướng sĩ:

– Cửa thành phía Đông hơi bị nứt, nay địch chất rơm, củi ở đó để đốt thành, các ngươi phải hết sức cẩn thận, hễ thấy lửa cháy thì tức tốc đến cứu!

Cầm Bành sai quân lính múc nước chứa sẵn ở cửa thành phía Đông, phòng khi dùng đến.

Khoảng canh ba, Trãi lệnh cho Phan Liêu đốt đống rơm củi ngoài cửa thành phía Đông, lửa cháy ngút trời. Cầm Bành liền dẫn tướng sĩ đến cứu. Lúc này, nhân cửa phía Tây không có lực lượng phòng giữ, Đoàn Mãng nhanh chóng cho quân leo thang mây lên thành đánh thốc vào bên trong. Quân Bắc kêu to:

– Trong thành có biến!

Cầm Bành hết vía, vội vàng dẫn quân quay trở lại, bị Đoàn Mãng đâm một thương chết tươi. Quân Bắc chạy tán loạn. Cửa thành liền được mở, cầu dây thả xuống, Nguyễn Trãi vẫy quân xông vào kêu to:

– Quân sĩ ai đầu hàng sẽ khỏi bị giết!

Quân Bắc tất cả 6.000 người đều xin hàng. Đến lúc trời hửng sáng, châu Trà Long được bình định, Trãi ra ngoài thành an ủi vỗ về nhân dân.

Chợt có trận gió xoáy quật đổ cột cờ vàng. Trãi đưa tay lên bấm độn, kinh hoàng gọi Đoàn Mãng tới bảo:

– Đại vương bị khốn rồi! Ông mau dẫn 1.000 quân đi gấp đường

ra Diễn Châu để bảo vệ Đại vương.

Đoàn Mãng theo lệnh ra đi.

Lại nói lúc Thái Tổ sai Nguyễn Trãi đem quân đi đánh Trà Long, có nhân đấy họp các tướng sĩ bàn mưu kế. Bỗng có ngựa trạm về báo cáo:

– Tướng Bắc là Chu Vinh đang kéo quân tới đông nghịt, hiện sắp đến khe Lãnh Thủy.

Thị lang Đoàn Phát nghe tin, bước lên tâu rằng:

– Thần xin được đem quân đi ngăn địch.

Thái Tổ nói:

– Thế giặc đang lớn. Vậy khanh hãy giữ thành, để trẫm đương đầu với giặc cho!

Bèn sai Phạm Liễu, Phạm Yến và Nông Văn Lịch đem 10.000 quân theo vua đánh giặc. Các tướng vâng lệnh hộ giá lên đường. Đoàn Phát dẫn các quân văn võ tiễn vua ra trận ngoài thành rồi mới quay trở lại. Phát nghĩ bụng: "Chúa thượng hơi coi thường giặc, e có tổn thất chăng!", bèn gọi Đỗ Dung và Nguyễn Sản tới bảo:

– Các ông đem 2.000 quân khinh kỵ đi tắt đường ra Diễn Châu hậu đạo để tiếp ứng cùng Chúa thượng.

Hai người vâng lệnh ra đi.

Thái Tổ dẫn quân tới Hoàng Mai nghe quân Bắc đã đến Trúc Viên, bèn cắt cử Phạm Liễu đóng quân bên tả, Phạm Yến đóng quân bên hữu, còn vua thì ở giữa để chống địch. Bấy giờ Chu Vinh cho người đi trinh sát, thấy Thái Tổ chia quân thành ba bộ phận đóng ở Hoàng Mai, Vinh bèn sai Ngự sử Hoàng Tông Tải dẫn quân tới khiêu chiến, Trần Trung đem 10.000 quân đi tắt đường tới đánh đồn bên tả, còn mình thì đem 10.000 quân đi đường tắt tới đánh vào đồn bên hữu. Sau khi Vinh bố trí công việc đâu vào đấy, Tông Tải bèn cho quân tiến thẳng đến Hoàng Mai. Thái Tổ sai Đốc chiến Ái xuất kích. Ái lĩnh mệnh xông ra quát lớn:

– Mi dám chống lại thiên binh sao?

Tông Tải mắng lại rằng:

– Ta đến đây để lấy đầu bọn các ngươi!

Ái cả giận cầm vũ khí xông vào đánh. Sau 20 hiệp giao tranh, Ái thua chạy. Tông Tải rượt theo. Thái Tổ vẫy cờ cho hai bên tả hữu tới tiếp ứng. Phạm Liễu mới tiến ra, đã gặp ngay Trần Trung từ phía sau

lao lên, Liễu quay lại giao chiến. Phạm Yến từ bên tả xông tới, bị Chu Vinh chặn đánh từ mặt hậu, Yến lùi về chống cự. Tông Tải từ đằng sau đánh lên, Yến trở tay không kịp, bị Chu Vinh bắt sống. Tông Tải thừa thắng ra hiệu cho quân sĩ xông vào chém giết, Phạm Liễu liền thua chạy. Nông Văn Lịch xách đao ra ngăn địch, bị Chu Vinh, Trần Trung, Tông Tải từ ba mặt đánh kẹp lại, Văn Lịch chống đỡ không nổi, quay ngựa bèn chạy. Bấy giờ Thái Tổ trơ trọi không làm gì được, cũng bỏ cả xa giá lên ngựa tẩu thoát. Chu Vinh sấn vào chém chết vài trăm người, rồi sai Trần Trung giải Phạm Yến về Giao Chỉ [1], còn mình thì cùng Tông Tải hợp quân truy kích.

Thái Tổ chạy tới Bồng Độ, nhìn lại phía sau thấy bụi bốc mù trời, kinh hoảng than rằng:

– Mặt trước có sông chắn lối, mặt sau có địch đuổi theo, phen này ắt chết!

Nói vừa dứt lời, thấy quân địch truy kích rất gấp, vua bèn men theo sông chạy ra phía Bắc. Bỗng thấy một nhánh binh mã đang lướt tới như gió, đi đầu là một viên đại tướng kêu to lên rằng:

– Chúa thượng hãy yên tâm, có Đoàn Mãng vâng lệnh Quân sư đặc biệt đến đây để tiếp ứng, xin Chúa thượng hãy đi theo!

Thái Tổ cả mừng, liền phóng ngựa sang. Sau lưng, Chu Vinh cũng vừa lao tới, Đoàn Mãng bèn giơ thương đón đánh. Hai bên hò hét vang trời, bất phân thắng bại. Chợt thấy ở mặt hậu, quân Bắc ào ào tản ra. Đỗ Dung và Nguyễn Sản dẫn quân xông vào giết. Chu Vinh và Tông Tải sợ hãi bỏ chạy. Đoàn Mãng, Đỗ Dung và Nguyễn Sản giết quân Bắc chết la liệt, máu chảy thành sông. Cả ba tướng hợp quân đuổi theo Chu Vinh 50 dặm, nhưng không kịp, đành quay trở lại. Phạm Liễu, Văn Lịch lúc đó cũng vừa tới hộ vệ Thái Tổ về Nghĩa An.

Thật là:

Thần tử tận trung đền nợ nước,
Thánh vương lắm nạn thuở hưng bang.

Chưa biết vua về Nghĩa An như thế nào, hãy xem phần sau sẽ rõ.

1. *Giao Chỉ:* chỉ miền Bắc nước ta hồi đó.

HỒI THỨ BỐN MƯƠI HAI

Đánh Lâm Thao, Nguyễn Trãi lập mưu,
Lấy Đoan Hùng, Nông Lịch dùng trí.

Lại nói bọn Chu Vinh, Tông Tải thua chạy về Thanh Hóa, La Thông ra đón. Bấy giờ thu gom quân Bắc, thấy mất hơn 8.000 người. Tuy nhiên trước đó cũng thắng được một trận, bắt sống được Phạm Yến, báo tin thắng lợi về Đông Đô. Lý Bân cả mừng, xin đem Yến ra chém tại Giao Chỉ để trả thù cho số quân Bắc bị chết trận. Bân đích thân giải Yến ra Đông Đô. Trần Trung nói:

– Phạm Yến là một trang dũng sĩ, hãy tha chết để sử dụng!

Yến chửi thẳng vào mặt giặc:

– Ta là phận tôi con của triều Lê, hận không giết được các ngươi để tạ ơn người Giao, lẽ đâu lại chịu để cho bọn chó má các ngươi sử dụng?

Lý Bân cả giận, rút kiếm ra chém. Yến luôn mồm chửi giặc cho đến khi chết. Người đương thời có thơ điếu rằng:

Quân kỳ ủ rũ bóng trầm trầm,
Máu đẫm chiến bào, chí vẫn căm.
Một dạ thờ vua không đổi chủ,
Lâm nguy, sống chết vốn vô tâm.

Chém xong Phạm Yến, Lý Bân trở vào thành khích lệ quân sĩ.

Tin dữ sớm truyền vào Nghĩa An. Thái Tổ nghe xong khóc òa lên, rồi sai làm lễ truy điệu Phạm Yến trong quân, vua đến bên bàn thờ khóc lóc rất thảm thiết. Các tướng sĩ đều rơi lệ. Truy điệu xong, cũng vừa lúc Nguyễn Trãi thắng lợi kéo quân về. Thái Tổ bàn chuyện mang quân đi trả thù. Nguyễn Trãi nói:

– Các quận ở Thanh Hóa chưa lấy được, xin cho kéo quân đi đánh.

Thái Phúc nói:

La Thông cậy địa thế hiểm trở, không chịu hàng phục. Nay lại được Chu Vinh và Tông Tải giúp sức, mưu đồ cố thủ, ta rất khó đánh. Thần xin lấy đường đánh Giao Chỉ trước, sau đó đánh Đông Đô, bấy giờ Thanh Hóa dù không đánh cũng tự tan vỡ. Chưa nói Thanh Hóa

là đất thang mộc của Đại vương, không thể đánh nhau ở đó, e làm tổn thương đến hòa khí.

Thái Tổ nói:

– Lời Thái tướng quân rất đúng. Vậy ta hãy ra đánh Giao Chỉ, chém đầu Lý Bân cho hả giận trẫm!

Liền sai Quân sư Nguyễn Trãi, Tham nghị Phan Liêu, Đại tướng quân Nông Văn Lịch, Bình khấu tướng quân Xa Tam, Uy địch tướng quân Nguyễn Tế đem 20.000 quân tiến đánh Giao Chỉ.

Kỷ Hợi, năm thứ 2 (Minh Vĩnh Lạc 18), mùa xuân, tháng giêng, Nguyễn Trãi dẫn quân từ Ngũ Lĩnh xuất phát, cờ quạt kín đất, gươm giáo đầy trời. Quân đi tới đâu, giặc chạy trốn tới đó. Đến Hồi Hồ, bị sông lớn chắn ngang, Trãi bèn cho đóng quân lại, sai binh lính đi trưng tập thuyền bè kết thành cầu phao để quân đội qua sông.

Bấy giờ tướng giữ Lâm Thao là Lương Thành dò biết tin tức, bèn họp nhau bàn bạc. Tham tướng Tô Khang nói:

– Ngôi thành này che đỡ mặt sau cho Giao Chỉ. Giặc không tấn công Giao Chỉ trước, mà đánh vào thành này trước, đó là nước cờ rất lợi hại [1]. Nếu nhỡ ở đây xảy ra việc gì, thì Giao Chỉ khó lòng bảo vệ nổi. Nay nhân giặc mới đến, chờ cho chúng qua sông được một nửa, ta sẽ tấn công, để làm nhụt nhuệ khí của bọn chúng.

Lương Thành theo kế đó, bèn sai Tô Khang dẫn quân xuất kích, còn mình thì đi theo sau để tiếp ứng. Khang y lệnh, tiến quân đến bên sông đợi địch.

Trãi nhìn thấy phía bờ sông bên kia có phòng bị, bèn gọi bọn Phan Liêu đến bảo:

– Ông đem 1.000 quân theo đường rừng xuống vùng hạ lưu, chờ trời tối chèo thuyền qua sông, đi đường tắt tới mai phục ở bên trái thành Lâm Thao. Còn Xa Tam thì đem 1.000 quân đi về phía thượng lưu bí mật sang sông, rồi đi đường tắt tới mai phục ở bên phải, hễ thấy trên sông có hiệu lửa thì đánh vào thành.

Hai tướng đi xong, Trãi lại lệnh cho quân sĩ quấn rơm thành hình người tay cầm gậy gộc, đặt đứng dọc hai bên mạn thuyền. Khoảng canh hai, mỗi thuyền chở 4 người, 2 người cầm đèn, 2 người

---

1. Nguyên chú: "Vì nếu tôi đánh Giao Chỉ trước, thì anh sẽ lập tức đánh tôi ngay sau lưng".

chèo thuyền lên phía trước, đại quân tiếp theo sau, đánh trống hò hét, vẫy quân qua sông. Quân Bắc thấy trên sông đèn đuốc sáng rực, tiếng người xôn xao như muôn vạn hùng binh rầm rộ sang sông, đang đêm không biết đối phó thế nào. Tô Khang vội vã sai người về gọi Lương Thành; mặt khác lệnh cho quân sĩ dùng cung nỏ đồng loạt bắn xuống. Cứ thế kéo dài đến nửa buổi, bao nhiêu tên và mũi tiêu đều dùng sạch. Bấy giờ thấy quân Nam hò la inh ỏi tiến sát bờ Bắc. Nông Văn Lịch xách đao vọt lên bờ, Tô Khang giơ thương đón đánh, vây chặt lấy Văn Lịch. Trãi vẫy quân xông tới. Nguyễn Tế nâng đao phi thân lên bờ sông, lao vào giữa vòng vây, tả xung hữu đột như vào chỗ không người, chém Tô Khang đứt làm hai đoạn. Quân Bắc thua chạy. Lương Thành dẫn quân đi tiếp ứng, giữa đường được tin Tô Khang tử trận, vội vã quay về. Vừa tới ngoài thành, thấy trên thành đèn đuốc sáng rực, hiệu cờ toàn là quân Nam. Có tiếng người kêu to:

– Các Đại tướng Liêu và Tam đã lấy ngôi thành này rồi, sao ngươi không đầu hàng đi cho sớm?

Lương Thành thất kinh, men theo thành mà chạy. Văn Lịch từ sau lưng sấn tới chém Lương Thành rơi xuống ngựa.

Trời tảng sáng, Trãi dẫn quân vào thành. Trăm họ phủ phục hai bên đường bái yết. Trãi an ủi, hiểu dụ. Sau đó vào công đường, thấy hơn 30 mỹ nữ đều là con gái của dân bị Lương Thành bức đem về đây làm của riêng, Trãi bèn ra lệnh thả tất cả [1]. Lại bảo Phan Liêu và Xa Tam tỏa quân ra bình định các châu huyện. Được vài hôm, Liêu sai người về báo cáo rằng:

– Địch ở các huyện đã chạy trốn từ sớm, ta không phải tốn sức mấy. Duy tướng trấn giữ Đoan Hùng là Tạ Quang thì vẫn còn tập trung quân rất đông, không chịu thần phục.

Nguyễn Trãi nói:

– Ai dám đi phá địch?

Nông Văn Lịch xin đi. Trãi nói:

– Tạ Quang dũng mãnh gấp hai người thường, e tướng quân không đương nổi hắn. Phải Đoàn Mãng mới xong!

Lịch nói:

– Sao Quân sư lại tâng bốc người khác, làm mất cả uy phong của

---

1. Nguyên chú: "Tiếc quá! Tiếc quá!".

mình vậy? Cứ để mỗ đi, nếu không thắng, mỗ sẵn sàng nhận quân luật!

Trãi nói:

– Đã vậy, ta cấp cho ông 3.000 lính khoẻ, liệu liệu mà đi, cẩn thận chớ để sơ suất.

Lịch nhận lệnh dẫn quân lên đường.

Bấy giờ dân Đoan Hùng có kẻ được tin, liền báo cho tướng giữ thành là Tạ Quang biết. Quang nói:

– Giặc cậy mạnh không nghĩ tới tai họa về sau. Cứ để chúng đến đây ta sẽ cho một mẻ!

Bèn sai thiên tướng Mai Đức đem quân ra đóng ở mỏm núi đằng sau thành, lệnh cho Giám quân Lưu Thùy lấy 300 lính khỏe sang Lâm Xuyên mai phục sẵn, dặn hễ giặc tới thì giáng trận phủ đầu, làm cho chúng mất tinh thần. Sau khi hai người ra đi, Quang chấn chỉnh đội ngũ cho canh giữ quanh ngôi thành.

Quân Nông Văn Lịch tới Phù Ninh, thấy rừng núi hiểm trở, không dám tiến nhanh, gọi dân địa phương tới hỏi thăm đường. Người vùng này là Ngô Quýnh vốn căm ghét Tạ Quang đã bắt đi con gái mình, liền nói với Lịch rằng:

– Đường Lâm Xuyên này hiện có giặc mai phục, tướng quân phải diệt bọn chúng rồi mới có thể tiếp tục đi.

Lịch liền nhờ Ngô dẫn đường, cùng Chỉ huy Đặng Pháp gấp rút cho quân tiến lên. Lịch hẹn với quân sĩ đến đêm phải tới được Lâm Xuyên. Lúc đến nơi bỗng nghe một tiếng súng nổ, phục binh nhất tề nổi dậy. Đi đầu là Lưu Thùy. Lịch giơ thương nghênh chiến, đánh với Lưu Thùy được 20 hiệp. Từ phía sau, Đặng Pháp cho quân vây kín rồi xông vào đâm chết Lưu Thùy. Quân Bắc hết đường rút chạy, bèn xin hàng. Lịch nói:

– Các ngươi hãy dẫn bọn ta về trá hàng để lấy thành, rồi ta sẽ tha chết cho các ngươi.

Quân Bắc răm rắp nghe theo. Lịch tự tay trói một tên lính của mình cho quân Bắc dẫn đi trước, quân Nam theo sau. Về đến cửa bên phải thành Đoan Hùng, quân Bắc kêu rằng:

– Bọn tiểu tốt chúng tôi đã tóm được tướng giặc giải về đây!

Lính trên thành cầm đèn ra soi, thấy đúng là quân của mình, lại có cả tù binh nữa, liền mở cửa thành. Văn Lịch vẫy quân ùa cả vào

chém giết. Tạ Quang biết là có biến, mở cửa thành phía trước chạy ra ngoài, sau lưng Văn Lịch đang đuổi riết. Quân Bắc phải dựa vào sông để đánh, nên chết đuối nhiều vô kể. Tạ Quang túng thế phải nhảy xuống cửa sông Ngọc Chúc, cũng bị chết chìm. Mai Đức từ trên núi kéo quân xuống cứu, bị Đặng Pháp chém một nhát bỏ mạng. Các cánh quân địch đều tan rã. Ngô Quýnh theo quân Nam đột nhập vào thành cứu được con gái của mình về [1].

Sau khi lấy được phủ Đoan Hùng, Văn Lịch sai Đặng Pháp đi các nơi gọi hàng. Các viên Huyện lệnh nghe tin phủ Đoan Hùng thất thủ, đều tới cửa quân xin hàng. Lịch để Đặng Pháp ở lại giữ Đoan Hùng, còn mình dẫn bọn Huyện lệnh về Lâm Thao. Nguyễn Trãi ra đón tiếp, nói:

– Tướng quân sao thành công nhanh thế?

Lịch nói:

– Giá Quân sư không nói khích thì chắc gì đã thắng được!

Trãi cười ngất, cùng Lịch vào thành. Các viên Huyện lệnh đều tới bái yết. Trãi theo quy định, cấp giấy chứng nhận và con dấu cho từng người rồi cho ai nấy trở về ly sở cũ.

Sau khi bọn Huyện lệnh bước ra, Trãi quay sang bàn việc đánh Giao Chỉ. Chợt có ngựa do thám về báo:

– Ở các châu thuộc Tuyên Hóa trộm cướp đang nổi lên như ong, xin Quân sư đem quân đi trừ diệt.

Trãi liền làm tờ sớ tâu thắng lợi lên triều đình, xin sai Thị Lang Đoàn Phát ra đánh Giao Chỉ, còn mình thì dẫn quân đi dẹp trộm cướp ở Tuyên Hóa.

Thật là:

Việc người lắm nỗi khôn lường trước,
Định tới Tiêu Tương lại tới Tần.

Chưa biết việc Trãi đến Tuyên Hóa thế nào, hãy xem phần sau sẽ rõ.

1. Nguyên chú: "Hoa đào bấy giờ đã bị một phen dập nát".

HỒI THỨ BỐN MƯƠI BA

Vương Thủ tướng giao hoàn Tuyên Hóa,
Đoàn Thị lang công phá Quốc Oai.

Lại nói tướng giữ Tuyên Hóa là Vương Ngọc nghe tin Nguyễn Trãi đánh lấy các quận, đùng đùng nổi giận, muốn cất quân đi thu lại những vùng đất đã mất. Ngựa do thám bên Nam nắm được tin này, vội vã quay về báo cáo. Nguyễn Trãi theo đó dâng sớ xin vua lệnh cho Xa Tam ở lại giữ Lâm Thao, còn mình thì chuyển quân đi Tuyên Hóa. Vừa tới nơi, thấy Vương Ngọc đã bố trí đồn trại, phòng giữ cẩn thận. Trãi sai Nguyễn Tế dẫn quân khiêu chiến. Vương Ngọc cưỡi ngựa ra trận tiền kêu rằng:

– Ngươi quả lòng tham không biết chán, xâm phạm địa giới của ta, muốn tìm lấy cái chết phải không?

Tế không thèm trả lời, cầm thương tiến lên. Ngọc cũng xách đao xông tới. Hai ngựa giao phong. Đánh nhau đến 50 hiệp mà vẫn chưa phân thắng bại. Trãi khua chiêng thu quân.

Vừa về tới trận địa của mình, Tế liền hỏi:

– Mỗ đã thua đâu mà Quân sư lại thu quân?

Trãi nói:

– Ta xem đường đao của Vương Ngọc lão luyện lắm. Vậy phải dùng kế chứ không thể dùng sức để thắng hắn được.

Bèn gọi các tướng tới truyền đạt kế sách, xong ai nấy đều ra đi.

Ngày hôm sau, Trãi cho Nông Văn Lịch ra tiếp tục khiêu khích, nói:

– Ta vâng lệnh Quân sư tới đây để lấy đầu nhà ngươi, vậy ngươi có dám đánh với ta không?

Vương Ngọc bị trêu tức, cầm đao [1] xông ra. Hai người đánh với nhau được sáu bảy hiệp, Lịch quất ngựa chạy. Ngọc gọi theo rằng:

– Này thằng chó má, chỉ giỏi phét lác thôi ư?

Lịch múa đao quay lại. Đánh nhau được ba bốn hiệp, Lịch lại bỏ chạy. Ngọc lao theo. Lịch quay đầu lại nói:

– Ngươi dám đến đây, ta băm nát đầu ngươi ngay lập tức!

Ngọc cáu tiết cắm đầu cắm cổ rượt theo. Đến núi Xích Thổ, không

---

1 Nguyên văn chép là "thương".

thấy Văn Lịch đâu nữa, chỉ nghe một tiếng pháo nổ, Ngọc vội vàng ghì ngựa lại đứng nhìn. Từ trên đỉnh núi một bóng người lao xuống nói:

– Có Quân sư đây, sao không hàng đi cho sớm?

Ngọc nhìn ra hai bên chân núi thấy không một bóng người, bèn vẫy quân xông lên. Trãi sai quân dùng cung nỏ từ trên cao bắn xuống, khiến Ngọc năm ba lần muốn lên đều không được, quân sĩ mỏi mệt. Trãi cầm cờ hồng phất một cái, bên tả Nguyễn Tế xông lên, bên hữu Phan Liêu lao tới. Ngọc kịch liệt chống cự, càng đánh càng hăng. Văn Lịch từ trên núi bắn tên xuống, trúng vào mũ kim khôi của Ngọc, làm cho Ngọc ngã nhào xuống ngựa, bị Phan Liêu tới bắt sống. Quân Bắc chạy tán loạn. Trãi xuống núi trở về doanh trại, vừa lúc quân sĩ giải Vương Ngọc tới. Trãi tự tay cởi trói cho Ngọc, nói:

– Tại tướng quân không nghe lời tôi mới ra nông nỗi này.

Ngọc nói:

– Khi người kiệt sức mới phó tính mệnh cho trời. Chim chưa phải ná, thấy cây cong nào biết sợ!

Trãi thấy Ngọc lời lẽ khảng khái, dìu lên cùng ngồi, sai lấy rượu ra mời, nhưng Ngọc không uống. Ngọc sau đó dẫn Nguyễn Trãi về thành giao nộp binh lương khí giới rồi cáo biệt. Trãi cố lưu lại, nhưng Ngọc không chịu ở, mang tất cả bằng sắc, ấn tín đi Đông Đô. Sau khi lấy được Tuyên Hóa, Trãi nán lại để vỗ về trăm họ, mặt khác sai người tới Giao Chỉ dò la tin tức.

Lại nói Thái Tổ ở Nghĩa An nhận được tờ tấu của Nguyễn Trãi, liền lệnh cho Đoàn Phát, Phạm Đán, Đỗ Dung và Nguyễn Sản đem 6.000 tinh binh ra đánh Giao Chỉ. Bọn Đoàn Phát vâng lệnh dẫn quân lên đường.

Trước đó, các tướng trấn thủ Giao Chỉ là Tả tham chính Phùng Quý và Hữu tham chính Hầu Bảo nghe tin Lâm Thao thất thủ, liền cho phi ngựa về báo cáo với Đông Đô. Lý Bân, Hoàng Phúc sai người vào Thanh Hóa triệu Chu Vinh và Hoàng Tông Tải về gấp để ngăn địch. Bọn Vinh nhận được thư trạm, lập tức dẫn quân về Giao Chỉ. Bấy giờ các quận ở Bắc Hà đều thất thủ. Vinh sai Phùng Quý giữ Đa Bang để đối phó với quân Lâm Thao; lệnh cho Hầu Bảo giữ Tam Đới để đương đầu với mặt Tuyên Hóa; chỉ huy Trần Hoằng giữ Quốc Oai để chống cự với quân nội đạo.

Đoàn Phát dẫn quân đi gấp đường ra phủ Quốc Oai. Lúc này Chỉ huy Trần Hoằng và Thái thú Hà Trí chẳng hay biết gì cả, nên không đề phòng. Đến khi Đoàn Phát bất chợt tới, hai người mới dẫn quân

nghênh địch. Quân sĩ hoảng sợ không dám ra trận. Phát vẫy quân xông thẳng vào, Trần Hoằng thua chạy. Sau lưng, Phạm Đán sấn tới, giương cung bắn một phát trúng vào gáy, Hoằng ngã xuống ngựa. Hà Trí bị Đỗ Dung giết chết. Bốn tướng hiệp sức đánh đuổi giặc, lấy được phủ Quốc Oai. Quân Bắc thua chạy về Giao Chỉ. Tông Tải hoảng sợ nói:

– Quân giặc thật như từ trên trời xuống!

Rồi sai Chu Vinh đem quân phòng giữ các nơi hiểm yếu, chờ báo cáo lên trên. Chu Vinh ra đi. Tông Tải nghĩ: "Liền năm đánh nhau không ngớt, họa loạn thực do quan lại gây nên", bèn tự động kiến nghị với triều đình rằng:

"Nhân dân Giao Chỉ mới nhập vào bản đồ Trung Quốc, việc tập hợp, vỗ về tuy thuộc rất nhiều ở người cai quản. Trước đây Mã Kỳ sách nhiễu dân cống nạp, nên chỉ trong vòng ba năm mà dân nổi lên chống lại đến bốn năm lần, trong đó kịch liệt nhất là anh em Lê Lợi. Sau đó, các quan quận huyện phần nhiều là Cử nhân, Cống sĩ vùng Lưỡng Quảng, Vân Nam, chưa qua quốc học [1], đã vội bổ nhiệm phương xa; người chăn dân thì không biết đến chữ "vỗ về", người xử lý hình phạt thì không rõ pháp luật. Nếu cứ chờ đến chín năm mới miễn nhiệm hoặc đề bạc, thì số hư hỏng, trì trệ càng nhiều. Nên lệnh cho những người nhận nhiệm vụ từ hai năm trở lên phải qua sự khảo hạch nghiêm túc của các quan Tuần án, Ngự sử và hai ty Bố chính, Án sát. Việc miễn nhiệm hay đề bạt phải dựa vào sự liêm khiết và năng lực của từng người".

Thành Tổ chấp nhận lời tâu, bèn sai sứ sang An Nam tuyên dụ trăm họ, khiển trách đám quan viên. Lại sắc cho Phong Thành hầu Lý Bân rằng:

"Lũ giặc phản nghịch Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Phan Liêu, Xa Tam, Nông Văn Lịch đến nay vẫn chưa bắt được. Cần đốc tâm trù tính phương lược để sớm diệt bọn chúng".

Canh Tý, năm thứ 3 (Minh Vĩnh Lạc 19), mùa hạ, tháng 5, sứ nhà Minh phụng chiếu tới An Nam. Hoàng Phúc, Lý Bân đón vào trong cung vái nhận chiếu chỉ và mở ra đọc. Bỗng thấy có tin của tướng trấn giữ Tam Đới là Hầu Bảo phi báo về rằng bọn giặc Lê đang tiến đánh rất gấp, xin Tổng binh ứng cứu.

Thật là:

Trong cung tụ tập nghe truyền chiếu,
Ngoài cửa tin về báo chiến tranh.

Chưa biết việc ứng cứu như thế nào, hãy xem hồi sau phân giải.

---

1. Như bậc Đại học ngày nay.

HỒI THỨ BỐN MƯƠI BỐN

Xua Đa Bang, Phùng Quý Tự vẫn,
Giữ Tam Đới, Hầu Bảo quyên sinh.

Lại nói Thị lang Đoàn Phát xuống Quốc Oai, muốn kéo quân đánh Giao Chỉ, bị Chu Vinh đem đại quân chốt các nơi hiểm yếu, Phát không sao nhúc nhích được. Sau hai tháng thấy đánh không ăn thua, Phát bèn lệnh cho Phạm Đấn đánh Quốc Oai, còn mình đưa quân sang Tản Viên để đánh vào Đa Bang.

Bấy giờ tướng giữ Đa Bang là Phùng Quý, người đất Vũ Lăng thuộc Hồ Quảng. Quý đỗ Tiến sĩ, làm Cấp sự trung, thăng Giao Chỉ Tham chính, khéo vỗ về tập hợp dân ly tán, số người quy phụ rất đông. Quý mộ được hơn 20.000 lính địa phương đều vào loại vạm vỡ dũng cảm, thiện chiến. Sau vì Trung quan Mã Kỳ ghét Quý mà đoạt hết số lính đó. Khi Đoàn Phát tới đánh, Quý cáo cấp xin quân, Mã Kỳ chỉ cho thêm mấy trăm lính trù bị. Quý dẫn quân ra ngoài thành dàn trận. Phát lệnh cho Đỗ Dung ra đánh. Dung tiến ra trận tiền nói:

– Đại tướng đến đây, sao không hàng đi cho mau?

Quý nói:

– Ta là tôi con của thiên triều, đứng vào hàng danh giáo, chỉ muốn sống như Hứa Viễn, Trương Tuần [1], chứ không thể làm theo Lý Lăng [2], Vệ Luật [3]. Nguyện làm cái lưỡi của Nhan Thường Sơn [4], cái

---

1. *Hứa Viễn, Trương Tuần:* Trương Tuần người đời Đường, đỗ Tiến sĩ, làm Huyện lệnh Thanh Hà thuộc Chân Nguyên. Khi An Lộc Sơn làm phản, Tuần đem quân đi đánh, cùng Hứa Viễn giữ Tuy Dương, có ngày đánh nhau với giặc đến 20 trận. Sau bị vây, hết lương thực, Tuần buộc phải giết nàng hầu để nuôi quân sĩ. Thành hãm, Tuần luôn mồm chửi giặc, bị giặc giết.

2. *Lý Lăng:* người đời Hán, được Hán Vũ Đế cho làm Kỵ đô úy, đi đánh Hung Nô bị thua phải đầu hàng, vua Hung Nô cho làm Hữu hiệu vương.

3. *Vệ Luật:* cha người Hồ, nhưng Luật sinh trưởng ở đất Hán. Do thân với Hiệp luật Đô úy Lý Diên Niên, được Diên Niên tiến cử đi sứ Hung Nô, lúc trở về gặp khi gia đình Diên Niên bị hãm hại, Luật sợ vạ lây bèn chạy sang hàng Hung Nô, được Hung Nô cho làm Đinh linh vương.

4. *Nhan Thường Sơn:* Nhan Cảo Khanh người đời Đường, được cử làm Lục sự tham quân ở Ngụy Châu, sau đó được An Lộc Sơn tiến cử làm Thái thú Thường Sơn. Khi An Lộc Sơn làm phản, Cảo Khanh mang quân đi đánh. Thành Thường Sơn bị hãm, Cảo Khanh bị bắt, luôn mồm chửi giặc cho đến chết.

đầu của Nghiêm tướng quân [1], đó là tố chí của đấng trượng phu, ta dạy cho ngươi biết đấy!

Dung nói:

– Ông đã là nhà khoa bảng của Trung triều, lẽ nào không biết điều phải điều quấy? Kìa Trương Phụ, Hoàng Phúc lòng lang dạ sói, rêu rao cứu yếu phò suy, thực chất là chiếm cứ cháu quận, tàn hại sinh linh, coi nhân dân như thịt cá. Ta vâng oai trời tảo trừ đảng nghịch, ông nên về bảo vua Minh đến đây cúi đầu xin hàng để tránh cho cả nước bị giết sạch. Bằng không, một khi đại quân tới, ngọc đá đều thiêu cháy, lúc đó đừng hối hận.

Quý cả giận xách đao tới đánh. Dung không nỡ giao chiến, vẫy cho quân lính xáp vào. Quý tả xung hữu đột, cuối cùng kiệt sức, bèn rút kiếm tự vẫn. Đoàn Phát thương tiếc một con người trung nghĩa, lệnh cho tướng sĩ dùng quan quách chôn vào khu giữa Thanh Mai. Đến khi Thái Tổ được nước, phong Quý là Ngô vương, sai dân lập miếu tại chỗ để thờ, bốn mùa hưởng tế. Người đương thời có thơ điếu rằng:

Đây đất từng ghi bách chiến công,
Trụt lừa dựa ngựa mấy anh hùng.
Bên thành thương nắm xương vô chủ,
Giấc mộng công hầu hóa viễn vông.

Hạ xong thành Đa Bang, Đoàn Phát cho quân vào trong thành đồn trú. Bỗng có tờ hịch của Nguyễn Trãi hỏa tốc gửi đến bảo Đoàn Phát chỉnh đốn binh mã phòng ngự mạn sông, chuẩn bị sang đánh Tam Đới. Đoàn Phát được lệnh dẫn quân tiếp ứng.

Lại nói Nguyễn Trãi lúc bình định Tuyên Hóa, bị người Nùng phản phúc bất thường nên phải lưu lại vài ba tháng để ổn định tình hình, sau đó xuôi theo sông tiến đánh Tam Đới. Bấy giờ tướng giữ Tam Đới là Hầu Bảo người Tán Hoàng thuộc đất Chân Định, do chân Quốc tử giám sinh sung làm Tri huyện Quảng Thành, có kinh nghiệm trong việc cai trị. Khi nhà Minh mới thiết lập chế độ quận huyện ở Giao Chỉ, chọn người sang vỗ về dân, đã thăng Hầu Bảo làm Tri phủ

---

1. *Nghiêm tướng quân*: chỉ Nghiêm Nhan, vâng lệnh Hậu Hán Lưu Chương giữ Ba Thục, bị Trương Phi bắt, Phi quát lớn: "Sao không đầu hàng?" Nhan nói: "Châu của ta chỉ có tướng quân bị chặt đầu, chứ không có tướng quân đầu hàng". Phi tức giận, sai lôi ra chém đầu. Nhan không thay đổi sắc mặt nói: "Chém đầu thì chém, có gì mà tức giận?" Phi cho là người có chí khí, cởi trói, tiến dẫn làm tân khách.

Giao Châu, sau đó đổi làm Tham chính. Chu Vinh sai giữ Tam Đới, Bảo sức dân binh xây đồn trại ở các nơi hiểm yếu phòng chống địch. Nguyễn Trãi tiến quân tới sông Để Giang, thấy bên bờ Nam lều trại san sát, muốn qua sông không được, bèn mật bảo Đoàn Phát vờ làm cầu phao để đưa quân sang đánh. Hầu Bảo bắt dân sở tại ra phòng hộ vùng ven sông. Lý Bân cũng dẫn quân tới, khí thế rầm rộ. Hai bên đánh nhau được vài tuần nhật, Trãi bảo tướng sĩ:

– Giặc nghịch đang như thế này, ta lẽ nào cứ ngồi mà nhìn. Ngày mai sẽ bày trận thủy chiến để sang bên kia sông.

Các tướng nhận lệnh chỉnh đốn thuyền bè. Trời vừa sáng, gióng ba hồi trống, một tiếng súng vang, quân Nam thẳng qua sông. Lý Bân dẫn binh lính ra tận bờ sông để chống cự. Quân Bắc trên bờ, quân Nam dưới nước, giáo mác không chạm được nhau. Bân ra lệnh dùng cung nỏ bắn xuống, quân Nam không tài nào lên bờ nổi. Bấy giờ Nguyễn Trãi đang ngồi ở mui thuyền để theo dõi trận đánh, bị mũi tên lạc cắm vào đầu, ngã nhào xuống nước, được các tướng kéo lên, may mà có lớp khăn đầu nên vết thương không nặng lắm. Trãi ra lệnh khua chiêng thu quân rồi gọi các tướng tới doanh trại để nghe truyền đạt kế sách mới. Một mặt, Trãi cho loan truyền trong quân tin Quân sư bị tên lạc bắn chết, sắp cử hành tang lễ. Mặt khác, sai Nông Văn Lịch chia quân ra mai phục ở hai bên doanh trại, tối nay thế nào giặc cũng tới cướp trại, lúc đó sẽ phát tín hiệu mà đánh. Riêng Nguyễn Trãi cùng Nguyễn Tế xuống thuyền dẫn quân ra đi. Quân sĩ theo lệnh dựng một cây cờ trắng, mọi người đều mặc tang phục [1].

Tin đồn sớm truyền tới trại quân Bắc. Lý Bân nói:

– Lúc giặc bị trúng tên ta định nhảy xuống để bắt hắn, ngặt vì thuyền cách bờ xa quá nên còn chưa tóm được. Bây giờ thì giặc đã chết, tối nay ta đi cướp trại, chặt đầu hắn đem về bêu ở Đông Đô để bù lại những tổn thất của ta tại các thành trước đây.

Liền sức cho viên tướng giữ Tam Đới là Hầu Bảo đem quân tiếp ứng. Không bao lâu Hầu Bảo tới. Bân nói:

– Ông tối nay dẫn quân đi cướp xác Nguyễn Trãi, ta sẽ theo sau để tiếp sức.

---

1. Nguyên chú: "Ngày trước ở Phúc Lộc dựng một cây cờ trắng, đó là Đặng Tất chết thật. Nay ngoài doanh trại quân Lê cũng dựng một cây cờ trắng, nhưng đây là Nguyễn Trãi chết vờ. Một chết, một sống, sau trước ứng đối với nhau".

Hầu Bảo nói:

– Tướng giặc lắm mưu mẹo, không thể cả tin vào chúng.

Bân nói:

– Hắn ngoẻo thật rồi, có gì mà không tin !

Hầu Bảo cố sức can ngăn, Lý Bân xẵng giọng nói:

– Ngươi thông mưu với giặc rồi chắc, nếu không, sao lại thoái thác như vậy?

Khoảng canh hai, Bảo bất đắc dĩ phải cho quân ngậm tăm, ngựa tháo nhạc, thả cầu phao vượt sông Để Giang, tiến đến Lập Thạch, luồn vào trại địch, nhưng thấy không có ai cả. Bảo hoảng sợ định lui quân. Chợt nghe một tiếng súng nổ, Văn Lịch vẫy quân xông ra. Bảo tả xung hữu đột, nhưng cuối cùng kiệt sức, bị Văn Lịch chém chết. Nguyễn Trãi nghe tiếng súng, sai Nguyễn Tế qua cầu phao sang bên kia sông kêu to rằng:

– Xin Lý tướng quân đem binh mã tiếp ứng. Quân của Hầu Tham chính đã tới, nhưng vì địch cố thủ nên chưa cướp đồn trại của chúng được.

Bân nghe nói, lập tức dẫn quân qua sông. Trãi lệnh cho Tế đánh lên trại quân Bắc, cắt đứt cầu phao. Lý Bân đi đến giữa đường, thấy tàn quân chạy về nói là bị trúng kế của giặc, Bân kinh hoàng rút chạy. Sau lưng Văn Lịch đuổi theo. Đến bờ sông, thấy cầu phao bị cắt, Bân cướp đường chạy ra phía Bắc. Tướng sĩ nhà Minh phải dựa lưng vào sộng mà đánh nên chết vô kể. Lịch tìm không thấy Lý Bân, đành quay về. Nguyễn Tế cho thuyền đưa Văn Lịch qua sông. Trời hửng sáng, tiến quân lấy châu Tam Đới.

Thật là:

Vô kế, Lý Bân nay thoát chết,
Đa mưu, Hầu Bảo lại đi đời.

Chưa biết lấy Tam Đới như thế nào, hãy xem phần sau sẽ rõ.

HỒI THỨ BỐN MƯƠI LĂM

**Quân Quốc Oai gặt hái thành công,
Lính Lạng Sơn củi rơm thất thủ.**

Lại nói Nguyễn Trãi lấy được châu Tam Đới, chia quân đi phủ dụ các huyện và sai Nguyễn Tế lùng bắt Lý Bân.

Lý Bân sau khi thua to, một mình một ngựa chạy trốn, băng rừng vượt núi khổ sở trăm bề, qua mấy tuần trăng mới về đến Đông Đô. Bân ân hận mãi vì nghĩ: "Hoàng thượng sắc cho ta dẹp giặc mà ta lại để hao binh tổn tướng, tiêu phí bao nhiêu lương thực, rốt cục chẳng làm nên tích sự gì!".

Cũng may mà trước đó, Bân đã tâu lên triều đình rằng:

"Giao Chỉ là nơi rất xa xôi, vận chuyển lương thực tới đó không thông suốt, vậy xin theo lệ các đô ty vệ sở chia quân làm đồn điền để cung cấp lương thực, tùy theo địa hình hiểm trở hay dung dị mà trưng dụng, điều động quân đồn trú nhiều hoặc ít".

Thành Tổ đã nghe theo. Bân bèn lệnh cho các ty chiếm những vùng đất béo bở ở Từ Liêm, Phúc Thọ, cướp trâu bò của dân, cắt đặt người cày cấy. Đến lúc này nhìn lúa tốt bời bời, Bân có phần yên tâm.

Tân Sửu, năm thứ 4 (Minh Vĩnh Lạc 20), mùa thu, tháng 4, Đoàn Phát đóng quân ở Quốc Oai lâu ngày không đánh nhau, phải tiếp tế lương thực mãi rất phiền phức, bèn sai các tướng lấy 4.000 dân binh, chuẩn bị sẵn liềm hái, dây lạt để đi gặt lúa. Các tướng hỏi:

– Lúa đâu mà gặt.

Phát nói:

– Giặc chiếm đoạt ruộng dân để cấy lúa, không gặt thì để làm gì?

Các tướng nhận lệnh chuẩn bị đâu vào đó. Đoàn Phát nói:

– Đỗ Dung lấy 1.000 quân ra huyện Phúc Thọ tìm chỗ mai phục, chuẩn bị đánh bật quân cứu viện ở mặt tiền; Nguyễn Sản cũng lấy 1.000 quân ra mai phục ở Từ Liêm để cắt quân cứu viện ở mặt hậu.

Cả hai nhận lệnh, nhân đêm tối ra đi. Phát dẫn 4.000 quân đi suốt đêm, sáng hôm sau tới nơi, ào xuống ruộng gặt sạch lúa. Quân

Bắc nom thấy hô hoán ầm ĩ. Phát ra lệnh bó tất cả lúa lại. Đến giữa trưa, Huyện lệnh Phúc Thọ là Doãn Văn Chức được tin, kéo quân tới đối phó. Chức vừa ra khỏi Tam Độ thì Đỗ Dung đã cho phục binh xông ra bao vây. Chức vùng vẫy không được, rốt cục bị bắt. Bại quân chạy về Từ Liêm cáo cấp. Huyện lệnh Từ Liêm là Vương Điều hốt hoảng dẫn quân ra đánh. Quân vừa tới Phương Khê thì Nguyễn Sản cho phục binh xông ra bắt sống Vương Điều, quân của Điều vỡ chạy. Đỗ Dung và Nguyễn Sản giải Chức và Điều tới chỗ ruộng đang gặt. Đến chiều tối, Phát bảo các tướng chở lúa về trại, sai người lấy than đen bôi lên mặt Doãn Chức và Vương Điều rồi đuổi đi. Chức và Điều chạy đến Giao Chỉ kêu rằng:

– Giặc Man đã gặt hết lúa của ta mang về Quốc Oai rồi!

Chu Vinh cả giận nói:

– Lũ chuột bọ dám làm như vậy sao?

Liền lệnh cho Trần Trung đem 3.000 khinh kỵ tới cướp Quốc Oai, trước là để chém đầu giặc Man, sau là giành lại lúa mang về. Trần Trung một mực từ nan. Vinh nói:

– Nay giặc đang đắc chí tất không đề phòng, ta đánh nhất định thắng. Ngươi cứ đi trước, ta sẽ tiếp ứng sau.

Trung theo lệnh dẫn quân ra đi.

Bấy giờ Đoàn Phát gặt được khá nhiều lúa, sai dân binh mang vào sơn trại để vò. Lại lệnh cho Đỗ Dung, Nguyễn Sản chia quân mai phục ở hai bên phủ thành, sẵn sàng chiến đấu. Dung hỏi:

– Đang vô sự, cho quân mai phục làm gì?

Phát nói:

– Các viên Huyện lệnh mà ta vừa đuổi đi thế nào cũng chạy về Giao Chỉ cáo cấp. Chu Vinh vốn nóng tính chắc là không chịu được, nghĩ rằng ta thiếu phòng bị, đêm nay thừa cơ đến cướp trại.

Hai người tin phục, dẫn quân ra đi.

Khoảng canh ba, Trần Trung kéo quân xông vào trong thành, nhưng không thấy động tĩnh gì. Trung kinh ngạc muốn cho quân lui ra. Bỗng nghe trống đánh vang rền, Đỗ Dung và Nguyễn Sản từ hai bên tả hữu xáp vào vây chặt lấy Trần Trung. Trung liều chết mở một con đường máu chạy thoát. Vừa gặp Chu Vinh, Trung cho biết là đã mắc mưu địch. Vinh phẫn nộ thét lên:

– Ai rút quân sẽ bị chém!

Nói chưa dứt lời, bỗng thấy một tiếng súng nổ, Đoàn Phát cho quân xông vào. Vinh và Trung đều thua chạy. Phát đánh đến nỗi quân Bắc phải vất lại không biết bao nhiêu quần áo và vũ khí. Đoàn Phát lệnh cho quân sĩ thu nhặt các thứ quân trang quân dụng về tới doanh trại thì phương Đông trời cũng bắt đầu hừng sáng. Sai đếm chiến lợi phẩm, được hơn 3.000 vũ khí và ngoài 10.000 hộc lương thực, đều giao cho Phạm Đán chở về Nghĩa An, mặt khác cho người tới Tam Đới báo tin cho Quân sư biết.

Bấy giờ Nguyễn Trãi đã ổn định được tình hình ở một số châu huyện, lại thấy thư Đoàn Phát báo về, trong lòng rất vui, bèn nói với các tướng rằng:

– Đoàn Thị lang công to lắm, bọn ta lẽ nào chịu kém? Chi bằng nhân lúc các quận huyện tạm ổn, ta kéo quân đi đánh phủ Lạng Sơn để dứt bớt vây cánh địch, sau đó hẵng tính chuyện trong châu, thế mới hay.

Văn Lịch nói:

– Lời Quân sư rất đúng.

Trãi sai Nguyễn Tế giữ Tam Đới, còn mình thì dẫn quân tiến về Lạng Sơn.

Tướng giữ Lạng Sơn lúc này là Dịch Quang thấy quân Nam kéo tới, liền đóng chặt cửa thành phòng thủ. Nguyễn Trãi cho tướng sĩ đánh mãi không được, bèn sai binh lính tìm mọi cách nhục mạ quân Bắc. Từ trên thành, Dịch Quang cũng bảo quân sĩ chửi bới quân Nam. Cứ thế bốn năm hôm liền, hai bên đấu khẩu từ mờ sáng cho đến xẩm tối. Trãi lại sai quân vây thành mà đánh, ròng rã ba ngày vẫn không thắng được. Trãi lên núi, thấy có cây cổ thụ bèn leo lên nhìn vào trong thành, thấy quân sĩ đang chạy đông chạy tây tìm cái đun, biết là trong thành rơm củi đã hết sạch. Trãi liền về trại gọi các tướng tới truyền mưu kế, cho nhổ trại rút đi. Dịch Quang từ trên chòi gác nhìn ra, không thấy quân Nam đâu nữa, liền sai người mở cửa thành ra xem, quả nhiên không còn tung tích. Quang bèn cho quân sĩ ra ngoài thành kiếm củi. Bỗng quân Nam quay lại, quân Bắc hốt hoảng chạy vào trong thành. Lúc này Trãi đã sai Văn Lịch giả làm tiều phu trà trộn trong đám quân Bắc để vào thành. Trãi cắt quân tấn công cả bốn mặt. Dịch Quang chấn chỉnh đội ngũ, cho quân lên bảo vệ thành.

Quang bị Lịch chém chết. Lịch giết thêm năm sáu người nữa. Quân Bắc vỡ chạy. Lịch kêu to lên rằng:

– Dịch Quang chống lại vương sư nên ta đã giết chết. Bọn quân lính các ngươi ai đầu hàng sẽ khỏi bị chém đầu.

Quân Bắc đều xin hàng. Nguyễn Trãi vào thành, quân Bắc đổ xô tới van xin cho về Đông Đô. Trãi đuổi đi.

Thật là:

Một tướng ngậm hờn thân chết uổng,
Ba quân ôm hận cảnh tha về.

Chưa biết quân Bắc về Đông Đô như thế nào, hãy nghe phần sau phân giải.

HỒI THỨ BỐN MƯƠI SÁU

Lý Bân dâng sớ lừa Thành Tổ,
Phạm Đán ngăn sông đánh giặc Minh.

Lại nói Lý Bân tại Đông Đô kinh hoàng khi thấy Chu Vinh báo cáo rằng tất cả số lúa do quân Bắc cấy trồng đều bị quân Nam gặt hết, và tiếp đó là tin bại quân từ Lạng Sơn về cho biết tướng giữ nơi này là Dịch Quang cũng vừa tử trận. Bân tự nghĩ: "Mình làm Trấn thủ mà chưa định ra được một kế sách gì hay, trái lại đã để mất bao nhiêu thành trì, tổn hao vô số tướng tá, tội ấy quy về ai?" Bèn nảy ra một kế, dâng sớ nói dối với Thành Tổ rằng:

"Nay bọn Lê Lợi đã trốn sang Lão Qua, sai người tới xin hàng. Thần không dám cho phép, cứ tiến quân đuổi bắt. Lão Qua sai đầu mục là Lãm Kỳ Lang ngăn cản thiên binh không cho vào đất họ, nói là để họ tự đem quân đi tìm bắt Lê Lợi mang đến giao nộp. Nhưng chờ mãi không thấy gì. Cúi mong bệ hạ ban lệnh đại xá, cho bọn Lợi cơ hội sửa chữa lỗi lầm, đổi mới bản thân".

Sớ tâu lên, Thành Tổ cho là Lão Qua chứa chấp giặc, chơi trò lá mặt lá trái, bèn lệnh cho Hoàng Phúc bảo đầu mục nước ấy đến Kinh đô để vặn hỏi. Lão Qua nhận được chiếu chỉ, liền sai sứ mang tờ biểu tới Bắc Kinh kể rõ thực hư, bấy giờ Thành Tổ mới hay là Lý Bân lừa dối, cho gọi về để trị tội, lấy Vinh Xương bá Trần Trí thay Bân làm Trấn thủ.

Nhâm Dần, năm thứ 5 (Minh Vĩnh Lạc 20), mùa xuân, tháng 2, Thành Tổ băng hà. Nhân Tông lên ngôi, đại xá, đổi niên hiệu. Sai sứ sang An Nam báo tang. Ban sắc chỉ tha tội cho Lê Lợi và cử làm Tri phủ Thanh Hóa. Những người thuộc phe cánh Lợi cũng được đề bạt, cất nhắc theo thứ bậc khác nhau. Sai Nội quan Sơn Thọ mang chiếu chỉ sang An Nam hiểu dụ bọn Lợi.

Bấy giờ Sơn Thọ chưa tới nơi, mà tin cáo phó thì đã đến. Trần Trí họp các tướng làm lễ phát tang. Chu Vinh trước đây có nghe tin Lý Bân nói điêu là "Lê Lợi đã thua chạy", nay nhân dịp đến trợ tế, nói với Trí rằng:

– Mỗ nghe Lê Lợi từ Lão Qua về châu Ninh Hóa, vờ xin hàng, không ra đánh, Tổng binh cảm thấy thế nào?

Trần Trí nói:

– Sao ông ngờ nghệch thế! Nếu quả Lê Lợi bỏ chạy, thì sao tướng sĩ của ta mỗi ngày một lụn bại, thành quách của ta mỗi lúc một điêu tàn? Cứ chần chờ không tiêu diệt địch, tai họa ắt sẽ tới.

Nhân đó, Trí họp mọi người lại bàn rằng:

– Lợi nay đang ở Nghĩa An, tướng tá của y đều ở cả bên ngoài. Ta nên sai người hợp sức cùng La Thông đánh Lợi trước, nếu y mà thua thì các tướng của y sẽ dễ phá.

Bảo Định hầu Mạnh Anh nói:

– Kế của Tổng binh rất hay!

Bèn sai Đô ty Đô đốc Phương Chính và Xương Giang vệ Chỉ huy Ngũ Vân đem 10.000 quân phối hợp cùng lực lượng các đạo đi đánh Lê Lợi. Bọn Phương Chính theo lệnh đem quân lên đường.

Bấy giờ Thái Tổ tại Nghĩa An sai chư tướng đi đánh lấy các thành ở bên ngoài, phần nhiều đều thắng lợi. Lại được Đoàn Phát chuyển về hàng vạn hộc lúa vừa gặt được, lương thực và binh lính đầy đủ, Thái Tổ cảm thấy yên tâm. Bỗng có ngựa tuần tiễu về cho biết:

– Đô đốc giặc Bắc là Phương Chính đem quân xâm phạm Nghĩa An, hiện chúng sắp đến đầu địa giới, xin bệ hạ sai tướng đi ngăn địch.

Thái Tổ nói với quân thần:

– Đã lâu không thấy giặc tới, do chúng đang bị tướng tá của ta đánh rát. Nay kéo quân đến đây, ý chừng muốn chặt cái gốc trước, sau đó sẽ tính tới cái ngọn. Vậy ai dám ra đương đầu cùng giặc?

Đoàn Mãng quay mặt về phía vua vái hai vái xin đi, Thái Tổ cho phép. Sắc chỉ sai Đoàn Mãng, Phạm Liễu, Phạm Đán đem 5.000 quân nghênh địch.

Bọn Mãng bái tạ, dẫn quân thẳng đến châu Trà Long. Bấy giờ Phương Chính đã cắm xong lều trại. Trời mưa không ngớt. Đoàn Mãng chia quân bố trí xong, họp các tướng bàn rằng:

– Đồn giặc kiên cố, về thế cũng khó đánh, vậy theo các ông ta nên làm thế nào?

Phạm Đán nói:

– Thử cho Liễu tướng quân ra khiêu khích, xem giặc mạnh yếu làm sao, sau đó sẽ định kế.

Mãng lệnh cho Phạm Liễu ra trận trước. Liễu dẫn quân thẳng tới kêu lớn:

– Bọn giặc chúng bay muốn chết sao? Hãy mau ra đây giao chiến cùng ta!

Phương Chính sai Chỉ huy Ngũ Vân ra đánh. Hai bên cùng nổi trống, tù và, đánh nhau 50 hiệp mà vẫn chưa phân thắng bại. Phạm Đán khua chiêng thu quân. Liễu lui về trận địa của mình. Đán nói:

– Ngũ Vân là tay kiêu dũng, hiếu chiến. Ngày mai ta dùng kế để thắng hắn.

Mãng hỏi:

– Kế gì vậy?

Đán nói:

– Ta dời doanh trại đến chân núi, sai người xuống miền hạ đạo bịt chặt các mương, ngòi, làm cho đồn giặc ngày mai sẽ bị ngập trong bùn, nước, ta kéo quân đến đánh ắt thu toàn thắng.

Mãng theo kế hoạch cắt cử người đi thực hiện. Đán lại sai quân sĩ chặt tre nứa kết thành bè. Trời tảng sáng, Phạm Liễu bên trái, Phạm Đán bên phải, Đoàn Mãng ở giữa nhất loạt hò reo xông tới.

Quân Bắc lúc này đang đóng ở nơi vừa thấp, vừa ẩm ướt, thấy nước mỗi lúc một dâng cao, làm cho lều trại ngập đến 3 xích [1], quân sĩ nhốn nháo chạy lấy đất đắp bờ ngăn nước. Quân Nam thình lình ập tới. Ngũ Vân kinh hãi, vơ lấy chiếc "Phương thiên họa kích" lội nước mà đánh địch. Đoàn Mãng vẫy quân thả bè xông lên đâm chém. Ngũ Vân chống cự không nổi, bị Mãng đâm ngã xuống nước chết. Quân địch chạy tán loạn. Phạm Liễu, Phạm Đán xua quân từ hai bên xông vào vây chặt quân Bắc. Phương Chính cả sợ, bèn mở cổng sau, cưỡi ngựa truy phong băng qua nước chạy thoát. Bọn Đoàn Mãng giết quân Bắc mười phần chết đến bảy tám phần. Sau đó sai người đi tháo những bờ đập, làm cho nước rút hết. Cả ba tướng cho thu nhặt vũ khí, đem xác quân Bắc thả xuống suối cho nước tống ra sông cái.

Thật là:

Tướng Việt cờ hồng treo đỉnh núi,
Quân Minh xương trắng chật lòng sông.

Chưa biết xác quân Minh tống đi như thế nào, hãy ngne phần sau phân giải.

1.Khoảng 1 mét

HỒI THỨ BỐN MƯƠI BẢY

Báo thù cha, năm hổ dấy binh,
Trừ nạn nước, một rồng hộ giá.

Lại nói Phương Chính thất bại chạy về Thanh Hóa, sai người báo cáo với Đông Đô. Trần Trí rụng rời nói:

– Giặc lộng hành đến vậy sao! Ai có thể giúp ta đi trừ diệt bọn chúng?

Bấy giờ con của Ngũ Vân là Ngũ Nguyệt đang làm Nha môn tướng quân, nghe cha tử trận, khóc nức nở bước lên phía trước kêu rằng:

– Thần xin lấy cái chết để đền nợ nước, trả thù cho cha!

Lúc bấy giờ đang có mặt Cầm Khắc là con Cầm Bành, nguyên Thái thú Trà Long; Dịch Minh là con Dịch Quang, Thái thú Lạng Sơn; Hầu Lập là con Hầu Bảo [1]; Phùng Gián là con Phùng Quý. Cả bốn người này đều có cha tử trận và bản thân họ đều được tập phong làm Hiệu uý. Thấy Ngũ Nguyệt nức nở khóc, họ cũng động lòng thương cha khóc òa lên, xin đi báo thù cho người thân của họ. Trần Trí thương tình, tạm phong làm Ngũ hổ tướng quân, sai Trần Trung giám hộ, cấp cho 60.000 tinh binh để đi dẹp giặc. Năm tướng nhận lệnh, sai quân sĩ giương cờ trắng, mặc áo tang, theo Trần Trung ra trận. Trần Trí hồi này có hai con chó ngao, mỗi con cao 4 xích [2], hiểu được ý người, vừa dữ tợn vừa giỏi săn bắt, rất khác với chó thường [3], Trí đều cho cả Trần Trung và dặn:

– Ngươi đem mấy con chó này đi bắt cho được Lê Lợi mang về đây.

Trần Trung vâng lệnh đưa quân vào Thanh Hóa. Đến phủ Tĩnh Gia, La Thông và Phương Chính cũng dẫn quân tới hiệp sức, khí thế rất mạnh.

Bấy giờ bọn Đoàn Mãng sau khi thắng ở châu Trà Long, kéo quân về đóng ở Trúc Viên, dò biết tình hình quân Bắc, vội vàng cho người

1. Nguyên chú: "Ba người này đúng là cần báo thù Nguyễn Trãi"
2. Khoảng 1^m30
3. Nguyên chú: "Đã có 5 con hổ rồi, lại còn thêm 2 con chó ngao nữa".

phi ngựa về báo cáo với Nghĩa An. Thái Tổ họp quần thần bàn rằng:

– Thế giặc đang mạnh, trẫm phải thân chinh mới được; bằng không, các tướng khó mà đương đầu nổi với bọn chúng.

Tư đồ Đinh Lễ liền tâu:

– Xin triệu ông Tư[1] về đây thì giặc nhất định phải thua!

Thái Tổ nói:

– Lê Thiện hiện đang giữ thành Lục Hoa, không dễ mà bỏ đi được. Vả lại, Thiện cho đến nay vẫn chưa chịu nhận chức, đâu đã chịu đi? Vậy cứ để cho trẫm đi một chuyến đặng tảo trừ quân yêu nghiệt, các khanh đừng ngăn cản.

Đinh Lễ thôi không dám nói nữa. Thái Tổ lệnh cho Đinh Lễ và Lê Trãi giữ thành, sai Phó đô đốc Hoàng Nghĩa và Tham quân Trần Lý đem 5.000 quân theo vua đi đánh giặc.

Khi Thái Tổ đến Hoàng Mai, Đoàn Mãng dẫn tướng sĩ ra tiếp đón. Đến Trúc Viên, Thái Tổ lệnh cho Trần Lý dẫn quân đi trước chặt tre làm cầu, chờ đưa quân vượt khe Lãnh Thủy ra đánh Thanh Hóa. Sai Hoàng Nghĩa làm Tiền bộ, Đoàn Mãng làm Tả hữu hộ vệ, Phạm Đán làm Hậu bộ, Phạm Liễu làm Trung bộ, canh tư làm cơm, canh năm[2] lên đường. Các tướng vâng lệnh ra đi.

Lại nói Lê Thiện ở thành Lục Hoa một hôm lên núi ngắm nhìn, thấy một luồng sát khí bay đi bay lại giữa vùng Thanh Hóa – Nghĩa An; lại có một áng mây lành như con rồng đang lửng lơ vơ vẩn. Thiện sinh nghi, bèn thử bói, được quẻ "ỷ môn"[3]. Thiện vội vã xuống núi gọi Triệu Hộ và Sùng Quang tới bảo.

– Các ông đem 2.000 tinh binh, cho một nửa ra mai phục ở rừng Bạch Đằng thuộc vùng thượng lưu khe Lãnh Thủy, nửa còn lại đến mai phục ở vùng hạ lưu, hễ thấy giặc tới thì xông ra đánh để cứu Đại vương.

Hai người nhận lệnh đi gấp đường đến địa điểm đã định, nhưng trong lòng vẫn chưa tin. Lúc tới nơi, mật sai người dò la, quả có tin quân Bắc đang đóng ở Tĩnh Gia, còn Đại vương thì đang đóng quân ở Trúc Viên, chuẩn bị ngày mai tiến đánh, hai tướng bấy giờ mới kinh ngạc nói:

---

1. Chỉ Lê Thiện.
2. Nguyên văn thiếu hai chữ "*ngũ canh* = canh năm", như hạ văn cho thấy.
3. Nghĩa là "tựa cửa".

– Tướng công thật như thần, thấy rõ cả những việc ngoài muôn dặm.

Hộ và Quang liền chia quân mai phục.

Bấy giờ Thái Tổ đồn trú ở Trúc Viên, đến canh năm, bắn một phát pháo lệnh, vẫy quân qua sông. Ngựa tuần tiễu liền báo với Tĩnh Gia. Trần Trung lệnh cho La Thông và Phương Chính giữ thành, còn mình thì chia quân thành 5 đạo cùng xuất phát. Thái Tổ vừa cho quân sang tới Khoa Trường thì gặp quân Bắc. Hai bên không nói không rằng, cứ xua quân giao chiến, hò hét vang trời. Ngũ Nguyệt rút vũ khí xông lên, quân lính đều liều chết mà đánh.

Hoàng Nghĩa địch không lại, thua chạy. Ngũ Nguyệt sấn tới. Thái Tổ lệnh cho Chỉ huy Hồ Trọng ra đánh, bị Ngũ Nguyệt đâm chết tại chỗ. Đoàn Mãng xách đao lao lên, Ngũ Nguyệt trở tay không kịp, bị Đoàn Mãng chặt đứt thành hai khúc [1]. Trần Trung thấy Ngũ Nguyệt bị chết, ra sức xua quân đâm chém. Thế là 4 tướng Cầm Khắc, Dịch Minh, Phùng Gián và Hậu Lập cùng phối hợp đánh mạnh. Đoàn Mãng một mình địch không nổi 4 tướng, quất ngựa bèn chạy. Bốn tướng cắt quân Nam thành ba mảnh, Lê Lợi cũng bị bao vây. Thái Tổ lúc này chỉ còn hơn 300 quân, vùng vẫy thế nào cũng không thoát ra được. Phạm Liễu kêu quân tới đánh, bị Trần Trung chặn lại, cuối cùng cũng thua chạy. Hậu bộ Phạm Đán giương cung bắn chết mấy chục người, cứu Thái Tổ ra. Từ sau lưng, Cầm Khắc sấn tới, bị Đán bắn trúng tim, ngã lăn xuống ngựa [2]. Đán nhẹ nhõm bỏ đi [3].

Thật là:

Mấy mũi tên vèo trừ nghịch tặc,
Một thân lăn lộn cứu quân vương.

Chưa biết Phạm Đán bỏ đi rồi thế nào, hãy nghe phần sau phân giải.

---

1. Nguyên chú: "Mất con hổ thứ nhất"

2. Nguyên chú: "Mất con hổ thứ hai"

3. Nguyên văn chữ Hán: "Đán lạc hoang tiện tẩu 旦落荒便走" chưa rõ nghĩa gì, tạm dịch như vậy, chờ tra cứu thêm.

HỒI THỨ BỐN MƯƠI TÁM

Náu Bạch Đằng vua Lê thoát hiểm,
Dựa Lãnh Thủy tướng giặc mệnh vong.

Lại nói Thái Tổ sau khi được Phạm Đán cứu thoát, liền cướp đường cùng Đoàn Mãng và Lê Lai chạy tháo thân. Đến giữa đường thấy một mỹ nữ bị quân Bắc hiếp chết nằm ngay lối đi, Thái Tổ than rằng:

– Vì trẫm mà trăm họ phải chịu cảnh thê thảm như thế này sao!

Bèn dừng lại để đào hố chôn cất người xấu số. Vừa mai táng xong, đã thấy Trần Trung xua quân ồ ạt tới.

Trước đó, Triệu Hộ đem quân mai phục ở thượng nguồn Lãnh Khê, có cắm đăng chắn suối để bắt cá, nước suối vì vậy cạn hết. Thái Tổ tới, sau khi qua suối, sai Lê Lai ở lại dứt cầu dây để an toàn mặt hậu. Quân Bắc thình lình đến, Lê Lai trở tay không kịp, bị Trần Trung chém chết rồi cho quân đuổi theo vua. Thái Tổ chạy đến mệt lử, chừng như không đi được nữa, bèn nói cùng Đoàn Mãng:

– Trẫm kiệt sức rồi! Vì ta mà các tướng vất vả!

Nói vừa dứt, thấy vài ba tên tiểu tốt chạy tới tâu rằng:

– Ông Một [1] đã bị Trần Trung giết chết!

Thái Tổ nghe tin liền khóc òa lên rồi ngã vật xuống đất ngất lịm, muốn tự vẫn. Đoàn Mãng khuyên hãy gắng gượng mà đi, nhưng Thái Tổ không chịu dậy. Mãng thấy quân Bắc sắp đuổi kịp, bèn kêu rằng:

– Xin Đại vương hãy cố mà đi, giặc đã đến nơi rồi!

Thái Tổ nói:

– Đại huynh đã chết, trẫm sống làm gì nữa!

Nói chưa dứt lời, Trần Trung đã xua chó ngao chạy lại. Mãng bất đắc dĩ phải xốc nách Thái Tổ nhảy vào lùm gai mây ở khu rừng Bạch Đằng. Trần Trung cùng hai con chó ngao miệng sủa chân quào, vây chặt lùm gai mây. Mãng dùng gươm khoét đất đặt Thái Tổ nằm sát xuống, rồi lấy thân mình che lên trên. Trần Trung sai quân sĩ phạt dọn gai góc, dùng mũi giáo nhọn chọc vào, trúng chân tay Đoàn

1. Nguyên văn chữ Hán là *"Lê nhất công* = ông họ Lê thứ nhất", chỉ Lê Lai.

Mãng đến hơn mười chỗ, máu chảy đầm đìa. Mãng sợ quân Bắc phát hiện lấy tay vốc cát vuốt sạch vết máu ở đầu mũi giáo. Chợt có hai con chồn trắng từ trong lùm gai mây vọt ra [1], hai con chó ngao liền tranh nhau đuổi bắt. Trần Trung bực tức nói:

– Bảo chúng mày săn giặc, không dè chúng mày lại đi săn chồn, còn để sống làm gì chứ?

Nói rồi liền chém chết hai con chó và cho quân tiếp tục tiến. Bỗng thấy một phát súng nổ, Triệu Hộ kéo quân xông tới. Tiếng trống và tiếng người la hét vang trời dậy đất. Trung dẫn quân lùi lại, Triệu Hộ liền đuổi theo. Dịch Minh giơ thương đón đánh, bị Hộ đâm chết [2]. Hộ thấy nước suối cạn hết, bèn cho hậu quân quay lại nhổ hết dãy đăng chắn trên suối rồi tiếp tục đuổi theo địch. Thái Tổ thoát được, tìm đường chạy vào rừng, gặp Phạm Đán đã tập hợp được hơn 1.000 tàn quân. Đán cắt 300 người hộ tống Thái Tổ và Đoàn Mãng về Nghĩa An, còn mình dẫn số quân còn lại mai phục ở trung lộ, phòng giặc truy kích.

Bấy giờ bọn Trung đang tháo chạy, thấy nước suối lên to, muốn sang bên kia suối, nhưng cầu dây đã mất, bèn cứ nhằm hướng Nam mà chạy. Đến hạ lưu, lại thấy súng nổ liên hồi, vang trời dậy đất, trống đánh ầm ầm, Sùng Quang kéo quân xông ra. Hầu Lập thúc ngựa tới đánh, bị Quang dùng thương đâm chết [3]. Trần Trung may có chiếc thuẫn bằng gỗ mà bơi được sang bờ Nam chạy trốn. Quân Bắc tranh nhau qua suối, nhưng không được, phải dựa lưng vào nước mà đánh, thây chết lấp đầy cả suối. Phùng Gián cũng bị rơi xuống nước chết [4]. Người đương thời có thơ điếu rằng:

Bạch thảo, hoàng sa nhuộm máu hồng,
Trời chung không đội, bởi cô trung.
Chiến bào phủ xác hồn vương hận,
Năm hổ đương sao nổi một rồng!

Sau khi đẩy lùi quân Bắc, Triệu Hộ tìm không thấy Thái Tổ đâu cả, bèn tả xung hữu đột, tình cờ gặp Phạm Đán đang kéo quân ra. Hộ hỏi:

– Đại vương đâu, tướng quân?

Đán nói:

---

1. Nguyên chú: "Phạm Đán đi săn, có hai con chồn đen chạy ra. Thái Tổ ẩn náu, có hai con chồn trắng vọt ra, trước sau đối nhau".

2. Nguyên chú: "Mất con hổ thứ ba".

3. Nguyên chú: "Mất con hổ thứ tư"

4. Nguyên chú: "Mất con hổ thứ năm".

– Mỗ sai người hộ tống về Nghĩa An rồi. Nhưng sao tướng quân lại ra đây?

Hộ nói:

– Ông Tư sai mỗ đến vùng thượng lưu chờ cứu Đại vương. Thấy giặc tới, mỗ đã giết bọn chúng.

Đán nói:

– Sao không truy kích Trần Trung?

Hộ nói:

– Vậy tướng quân hãy cùng mỗ đuổi bắt hắn nhé!

Thế là hai người hiệp sức đuổi theo địch. Gặp Sùng Quang, Đán hỏi:

– Trần Trung đâu?

Quang nói:

– Vì mỗ giết chết Hầu Lập nên Trung vượt qua suối đi rồi.

Cả ba người hợp quân thu nhặt vũ khí. Khi đến bên suối, thấy xác Lê Lai, Phạm Đán liền bảo quân sĩ tìm áo quan khâm liệm chở thi hài về Nghĩa An. Thái Tổ nhìn thấy khóc òa lên, ngất ngã xuống đất năm ba bận, quần thần khuyên giải mãi mới tỉnh. Lệnh cho trong ngoài thành đều phát tang, lập bàn thờ tế.

Chôn cất Lê Lai xong, Thái Tổ vì quá căm giận giặc, định truyền chiếu thư đi các đạo ra lệnh dấy binh phục thù. Đinh Lễ can rằng:

– Ông Trưởng vừa qua đời, tướng sĩ đang sợ hãi, nếu dấy binh, trong quân sẽ hoang mang. Vả giặc mới mất năm hổ tướng, thế tất sẽ mang quân báo thù, trong khi các mưu thần võ tướng của ta đều đang ở bên ngoài cả. Nay nếu Đại vương đem quân đánh xa, sẽ thiếu kẻ đỡ đần, một khi lòng người đã ly tán, thần nghĩ sẽ không dễ mà cố kết. Đại thế đã chia, khó bề hợp lại. Mong Đại vương nghĩ kỹ.

Thái Tổ trầm ngâm một lúc rồi nói:

– Vậy làm sao bây giờ?

Đinh Lễ liền tâu:

– Kế sách bây giờ, tốt nhất là nên viết thư trá hàng để địch không đề phòng, sau đó ta sẽ đánh.

Thái Tổ chấp nhận, liền sai thảo một bức thư cho người mang tới Đông Đô xin hàng, để xem Trần Trung khu xử ra sao.

Thật là:

Việc đời hư thực thôi đừng nhắc,
Thua được binh gia ấy chuyện thường.

Chưa biết việc này thế nào, hãy xem phần sau sẽ rõ.

HỒI THỨ BỐN MƯƠI CHÍN

Hoàng Thượng thư vâng chiếu về Bắc,
Sơn Chiêu phủ phụng mệnh sang Nam.

Lại nói Trần Trung thua to, lúc qua suối ngoảnh đầu nhìn lại, thấy sĩ tốt không còn mấy, kinh hoàng chạy về Tĩnh Gia kiểm điểm quân số, thấy mất đứt năm hổ tướng cùng hơn 10.000 quân. Trung buồn bã không dám ho he gì nữa, lủi thủi kéo quân về Đông Đô. Trần Trí cả giận muốn đem quân phục thù. Bỗng có chiếu thiên tử gọi Hoàng Phúc về Kinh, sắc cho binh bộ Thượng thư Trần Hiệp sang thay Phúc trông coi công việc ở hai ty Bố chính và Án sát Giao Chỉ, đồng thời tiếp tục làm Tham tán quân vụ.

Trước đó, khi cai trị Giao Chỉ, Hoàng Phúc rất coi trọng việc luyện quân trị dân, thường bao dung khích lệ, nhắc nhở quan lại nơi quận ấp phải biết vỗ về dân. Đối với các sĩ phu Trung triều bị giáng chức hoặc biếm trích sang Giao Chỉ, Phúc đều tỏ ra thông cảm, nâng đỡ, cất nhắc những người hiền tài trong số họ ra cộng sự với mình. Trung quan Mỹ Kỳ nhởn nhơ phóng túng, nhiều lần bị Phúc chặn cho, vì vậy mà vu tâu với triều đình là Phúc có mưu đồ kia khác. Thành Tổ biết là lời sàm bậy nên dẹp bỏ. Phúc ở Giao Chỉ 18 năm, mở trường dạy học, học trò theo học rất đông. Tình cờ một hôm bão to, nhà dân phần nhiều sụp đổ, Phúc nhân đó ra một vế đối rằng:

Tạc triêu phong vũ gia gia đảo hoại cựu viên tường

Nghĩa là "Mưa gió sáng hôm qua làm cho nhà nhà sụp đổ tường vách cũ".

Bấy giờ bên cạnh đang có hai người học trò xứ Giao là Lê Công Soạn và Lâm Thiếu Ngại. Ngại ứng khẩu đối lại rằng:

Kim nhật càn khôn xứ xứ phát vinh tân thảo mộc

Nghĩa là "Trời đất ngày hôm nay khiến cho nơi nơi cây cỏ mọc tốt tươi".

Phúc đứng dậy vào nhà trong bảo vợ:

– Ta sẽ dâng sớ xin về nước hầu bề trên thôi.

Vợ hỏi:

– Thế là thế nào?

Phúc nói:

– Ta xem khẩu khí của học trò, biết nước Nam sẽ sinh vua thánh. Nếu cứ chần chừ ở đây, tai vạ ắt không nhỏ. Phải sai đồ đệ chuẩn bị ngay hành trang đi thôi!

Nói xong vừa trở ra thì thấy viên coi cổng vào báo cáo:

– Hoàng thượng nghĩ tình Thượng thư vất vả ở cõi ngoài đã lâu, nên nay triệu về.

Phúc nhận chiếu lệnh, vô cùng mừng rỡ, ngay ngày hôm ấy lên đường. Người Giao, nhất là những kẻ chịu ơn Phúc đều dìu già dắt trẻ đi tiễn đưa. Công Soạn và Thiếu Ngại tiễn Phúc đến cửa ải Lưu, nằm vật ra đất gào khóc mãi. Hoàng Phúc thương xót bảo:

– Đâu phải ta không muốn ở lại để tiếp tục dạy các em? Chỉ vì có chiếu Thiên tử gọi về, ta không thể trái mệnh. Vả ở nước các em đã có thánh quân, ta dù muốn ngồi lì ở đây cũng không thể được. Các em khi trở về không nên chúi mũi vào việc học, mà hãy tìm đến miền Tây Bắc, thấy ai là bậc anh hùng hào kiệt thì theo, như thế cũng đủ để rạng danh.

Thiếu Ngại nói:

– Thầy dựa vào đâu mà biết?

Phúc nói:

– Ta nghiệm ngay ở vế đối của em có chữ "càn khôn", không phải Tây Bắc là gì?

Bọn Ngại lúc này mới tỉnh ngộ. Soạn và Ngại bái yết trở về tìm đến Quốc Oai theo Đoàn Phát. Phát dẫn hai người vào yết kiến Thái Tổ, được cho theo phục vụ trong quân [1]. Thái Tổ sai các tướng chia nhau đi đồn trú các đạo.

Bấy giờ Tham tướng Giao Chỉ là Bảo Định hầu Mạnh Lại và Xương Vinh bá Trần Trí được tin, bàn rằng:

---

1. Chi tiết thầy trò "Hoàng Phúc, Công Soạn, Thiếu Ngại" này, ít nhiều phỏng theo chuyện thầy trò Hoàng Phúc, Thúc Hiển, Thiếu Dĩnh trong truyện *Lê Cảnh Tuân ký. phụ Quang Bí, Thúc Hiển, Thiếu Dĩnh* ở sách *Công dư tiệp ký* (Phần *Tiết nghĩa*).

– Lê Lợi đã cho người tới hàng, lại sai quân chia nhau đi đồn trú các nơi. Vả triều đình cũng đã tư báo việc ân xá cho Lê Lợi. Thế nhưng Chiêu phủ Sơn Thọ chưa tới mà bọn giặc trước sau đã đánh phá Trà Long, Lạng Sơn, thôn tính các nơi châu huyện, các tướng trấn giữ ở đó vì lực kiệt mà chết vô kể. Nay chúng lại phản ta. Vậy phải cho quân đi phòng giữ các đạo, chờ sau khi Sơn Thọ tới sẽ tính toán kỹ lưỡng rồi báo cáo cho trên biết.

Hai người bàn bạc xong đâu đấy thì có tin Sơn Thọ tới. Cả hai ra đón vào trong trướng bày tiệc thết đãi xong, Thọ phụng chiếu tới Nghĩa An, cho người vào tư báo trước. Thái Tổ sai Phạm Đán ra tiếp, giữ lại nơi quán trạm để khoản đãi. Phạm Đán hỏi:

– Thượng quốc phong cho chúa tôi tước gì vậy?

Sơn Thọ nói:

– Hoàng thượng đã đại xá và cho làm Tri phủ.

Đán nhếch mép cười nói:

– Chức to thế!

Rồi cáo biệt để vào thành tâu lại. Thái Tổ bàn cùng quần thần:

– Ta tạm thời cứ nhận chức[1] để trăm họ khỏi khổ vì chiến tranh[2].

Đinh Lễ và Lê Trãi cùng tâu:

– Bọn thần thờ Bệ hạ là muốn lập chút công lao để làm vẻ vang cho tiên tổ. Nay thiên hạ mười phần đã lấy được bảy tám mà Bệ hạ lại hạ mình nhận chức Tri phủ, thì không hiểu bọn thần sẽ làm chức gì đây?

Thái Tổ nói:

– Lẽ nào trẫm lại không biết điều đó, chẳng qua thấy các tướng vất vả vì binh đao, quân sĩ sa vào nơi hòn tên mũi đạn, trẫm không nỡ!

Quần thần cố tranh biện, Thái Tổ nói:

– Hãy để trẫm suy nghĩ thêm.

Các tướng vái tạ lui ra.

Đoàn Mãng tới quán trạm thấy Sơn Thọ phớt lờ không đứng dậy, bèn nổi giận nói:

– Ngươi khinh tướng tá nước Nam không ai ra gì phỏng? Mấy

1. Nguyên chú: "Hoàng đế tạm nhận làm Tri phủ, thật nực cười!"

2. Nguyên chú: "Cũng là cách nói để khích các tướng lĩnh".

hôm nữa thôi, ta sẽ diệt sạch các ngươi, đánh cuốn chiếu tới Bắc Kinh bắt hết vua tôi bọn ngươi mang về dưới cửa khuyết. Thiên tử ta thống nhất bốn biển, lẽ nào lại hạ mình đi nhận chức phong của chúa các ngươi?

Thọ nói:

– Ta là sứ giả thiên triều, sao ngươi dám vô lễ?

Đoàn Mãng cáu tiết quát lên:

– Thế này mới là có lễ!

Vừa nói vừa tuốt gươm định chém [1]. Phạm Đán liền ôm choàng Sơn Thọ nhảy ra ngoài, Thọ do vậy thoát chết. Thọ trở về Đông Đô nói với Trần Trí tâu việc này lên trên. Minh Nhân Tông cả giận, bàn chuyện khởi giá thân chinh.

Quý Mão, năm thứ 6 (Minh Nhân Tông, Hồng Hy 1), mùa xuân, tháng giêng, vua Minh hạ chiếu cử Vinh Xương bá Trần Trí làm Chinh Di phó tướng quân, chuẩn bị quân tiếp ứng. Lại lệnh cho các trấn thành thuộc 36 đạo đem 360.000 hùng binh hộ giá thân chinh. Chẳng may Nhân Tông băng ở tẩm điện, mọi việc đều dừng lại.

Thật là:

Gió đưa hạc biếc phò nhung lộ [2].
Mây cuốn rồng vàng tới Đỉnh Hồ [3].

Muốn biết sự việc sau đó ra sao, hãy xem hồi sau sẽ rõ [4].

---

1. Nguyên chú: "Trước kia Lê Nhị ghì đầu Phương Chính xuống mà đánh, bây giờ Đoàn Mãng tuốt gươm ra định chém Sơn Thọ, hai sự việc trước ứng đối nhau"

2. *Nhung lộ:* chiến xa.

3. *Đỉnh Hồ:* tương truyền Hoàng đế đúc vạc (đỉnh) dưới chân núi Kinh Sơn, vạc đúc xong, ông cưỡi rồng về cõi tiên. Người đời sau gọi nơi Hoàng đế đúc vạc là "Đỉnh Hồ", và từ này được dùng để chỉ việc vua mất.

4. Nguyên bản vốn không có câu kết thúc này, tạm thêm vào cho đoạn văn được hoàn chỉnh.

HỒI THỨ NĂM MƯƠI

Luận thiên văn, Thiện Trãi nhất trí,
Cầm quân đội, Trí Chính vô công.

Lại nói Nhân Tông vừa sắp đặt xong việc thân chinh thì đột ngột qua đời. Quần thần phò Tuyên Tông lên ngôi, đổi niên hiệu là Tuyên Đức, sai sứ sang An Nam cáo phó. Bọn Trần Hiệp, Trần Trí dẫn các tướng ra bái vọng xong, trở về doanh trại. Trần Trí nói:

– Lê Lợi làm nhục thiên sứ, tội thật tày đình. Ngặt vì nay triều đình đang gặp hung sự, chưa thể động binh. Cần sai thám tử dò la xem Lê Lợi khu xử thế nào rồi sẽ định liệu.

Trần Hiệp nói:

– Phải đấy!

Bèn cắt cử người đi.

Lại nói Thái Tổ thấy Đoàn Mãng đánh chửi Sơn Thọ, nghĩ bụng: "Việc này chắc sẽ lôi thôi đây". Liền sai người triệu tập Lê Thiện và Quân sư Nguyễn Trãi cùng ngày về triều bàn công việc. Chưa đầy vài hôm thì Thiện đến, vào thành thăm vua. Thái Tổ nói:

– Nay Đoàn Mãng làm nhục sứ mà Minh, chắc chúng sẽ mang đại quân sang hỏi tội, theo hiền đệ ta nên thế nào?

Thiện đáp:

– Quả có việc ấy thật, nhưng rồi cũng sẽ phải gác lại mà thôi.

Thái Tổ nói:

– Dựa vào đâu mà biết?

Thiện nói:

– Tiển đệ xem thiên văn, thấy quầng sao Tử Vi mờ lắm, chắc Nhân Tông đã không còn ở cõi đời, cho nên dù chúng có khởi binh rồi cũng phải dừng lại.

Thái Tổ cùng quần thần còn ngờ vực không dám tin hẳn. Sau vài hôm, Nguyễn Trãi từ Lạng Sơn về vào thành bái yết, tâu rằng:

– Thần vâng mệnh đi đánh giặc, tướng giặc nhiều lần muốn phục

thù, khiến lòng dân xao động, nên thần phải ở lâu bên ngoài để ổn định tình hình, không được thường xuyên hầu hạ cạnh vua, tội thật muôn phần đáng chết, cúi mong tha thứ.

Thái Tổ nói:

– Nay có việc khẩn cấp, nên mới gọi Quân sư về đây để bàn.

Trãi nói:

– Chắc bệ hạ đang lo việc quân Bắc tới xâm lấn. Thần dạo trước ở Lạng Sơn có nghe tin bệ hạ bị bất lợi, hiềm vì quan san cách trở, không cách gì tới được. Vả đã có ông Tư ở đây, chắc không việc gì.

Thái Tổ nói:

– Đúng như vậy.

Trãi nói:

– Bọn tướng Minh chưa rỗi tay để gây hấn. Trung Quốc đang có tang lớn, chúng khó bề thực hiện ý đồ xâm lược trong lúc này.

Thái Tổ nói:

– Sao Quân sư biết?

Đáp:

– Sao Bắc Đẩu dao động [1], vầng sao Tử Vi mờ tối, Hồng Ly chắc đã thăng hà.

Quần thần đều thán phục bảo:

– Các bậc mưu trí kiến giải đại để giống nhau!

Thái Tổ nói:

– Việc này cũng đã nghe chú Tư nói, nhưng lúc đó trẫm chưa tin lắm. Nay Quân sư cũng nói như vậy thì hẳn là đúng rồi!

Trãi thưa rằng:

– Ông Tư kiến thức hơn thần gấp mười lần, xin Bệ hạ bảo ông ấy cùng hiệp sức thì có khả năng lấy thiên hạ được.

Thiện nói:

– Mỗ trí thiển tài sơ, sao dám đương việc lớn!

Trãi nói:

– Xin đại nhân chớ nề gian khổ cứu vớt sinh linh, được thế thì

1. Nguyên bản in nhầm chữ "dao" là "dao động" thành "dao" là "xa".

vô cùng may mắn cho nhân dân, xã tắc.

Quần thần cũng nói:

– Nếu đại nhân không chung tay giúp, thì thiên hạ biết làm thế nào?

Thái Tổ cũng khuyên nài, Thiện mới chịu ứng mệnh, quyền nhận chức ấn Phó quân sư.

Nguyễn Trãi cáo biệt xin trở lại phủ Lạng Sơn, được Thái Tổ chấp nhận. Lê Thiện cũng xin về thành Lục Hoa để luyện tập quân sĩ. Hai người về lại nơi ở cũ, chiêu binh mãi mã...

Bọn thám tử Đông Đô sớm nắm được tình hình liền báo về. Trần Hiệp dâng sớ nói:

"Lợi về danh nghĩa tuy là xin hàng, nhưng thực tế thì lá mặt lá trái, chiêu mộ đảng nghịch, mỗi ngày một lấn tới, cúi mong ra lệnh cho Tổng binh sớm tiêu diệt bọn chúng để biên phương được yên tĩnh.

Minh Tuyên Tông bèn sắc cho Trần Trí, Phương Chính đi đánh Lê Lợi.

Giáp Thìn, năm thứ 7 (Minh Tuyên Tông Tuyên Đức 1), mùa xuân, tháng 3, Trần Trí đem 30.000 quân đến đầu địa giới châu Trà Long. Bấy giờ Thái thú Trà Long là Vũ Tất Đạt nghe tin liền cấp báo về [1]. Thái Tổ lệnh cho bọn Phạm Đán, Hoàng Nghĩa, Trần Lý, Lê Công Soạn, Lâm Thiếu Ngại dẫn 6.000 quân ra chống cự. Các tướng vâng lệnh lên đường. Lúc tới Trà Long, thấy Trần Trí đã bủa quân vây thành để đánh. Phạm Đán cho quân dừng lại, viết một bức thư trao cho Trần Lý, sai lấy mấy chục tinh binh mở con đường máu, đưa thư vào trong thành báo tin. Trần Lý bọc thư trong người, mang cung tên tiến thẳng vào thành. Trên thành Tất Đạt thấy có quân tới cứu, liền mở cửa thành thả cầu treo xuống, Trần Lý theo đó vào thẳng trong thành, để lại sau lưng vô số quân Bắc đang đuổi theo chém giết. Từ trên thành, Tất Đạt lệnh cho cung nỏ nhất tề bắn xuống, quân Bắc phải lùi lại. Tất Đạt mở thư xem xong, sai tướng sĩ theo hiệu lệnh mở cửa thành ra đánh.

Bấy giờ Phạm Đán leo lên núi nhìn, thấy Trần Lý vào được trong thành, liền lệnh cho Thiếu Ngại bên tả, Công Soạn bên hữu, Hoàng Nghĩa ở giữa, còn mình thì ở phía sau đốc quân chiến đấu. Ba tiếng

1. Chữ "cáo cấp" (cấp báo) nguyên bản in nhầm thành "thậm cấp" (rất gấp).

súng nổ, quân Nam hò hét đánh vào thành. Từ trong thành, Tất Đạt và Trần Lý cho quân đánh ra. Trong ngoài giáp kích, khiến Trần Trí và Phương Chính quân tuy đông, vẫn nơm nớp sợ mưu lược các tướng bên Lê, không dám cố đánh. Vì vậy quân Nam tiến đến đâu, quân Bắc vỡ chạy đến đấy. Trí và Chính chống cự không nổi, quay ngựa chạy. Phạm Đán vẫy quân bám theo mà đánh, làm cho quân Bắc thất điên bát đảo, chạy thốc chạy tháo. Phạm Đán thắng lợi kéo quân vào trong thành; bọn Chính thất thểu rút về Đông Đô. Sơn Thọ lúc này chủ trương chiêu nạp vỗ về, giữ vững lực lượng là chính, còn Trần Hiệp thì lại nằng nặc đòi dấy binh đánh dẹp, nhưng Thọ không nghe [1]. Thế là sau khi thất bại, Trần Trí và Phương Chính lại không ăn ý với nhau [2], bực tức đem sự việc tâu lên triều đình.

Thật là:

Ba vạn hùng binh vô tích sự,
Mấy tờ sớ tấu mớ hư văn.

Chưa biết tâu lên triều đình thế nào, hãy xem phần sau phân giải.

1. Nguyên chú: "Sợ Đoàn Mãng chém chết chăng?".
2. Nguyên văn in đảo chữ: "Bất năng tương hợp" in thành "bất tương năng hợp"

HỒI THỨ NĂM MƯƠI MỐT

Tuyên Tông bàn sâu về Giao Chỉ
Mã Anh thắng nhỏ ở Quảng Oai.

Lại nói Tuyên Tông hôm ấy họp quần thần ở điện Văn Hoa, thấy tờ khải tấu của Thượng thư An Nam, Tuyên Tông nói:

– Tướng văn tướng võ bất hòa nên giặc cướp mới có cơ hội làm mưa làm gió.

Rồi hạ tỉ thư [1] khiển trách nặng bọn Trí, đồng thời lấy Thành Sơn hầu Vương Thông mang ấn phong Chinh Di tướng quân sung chức quan Tổng binh; đô đốc Mã Anh [2] sung chức Tham tướng đi đánh Lê Lợi. Lệnh cho Trần Hiệp tiếp tục giữ chức Tham tán quân vụ, An Bình bá Lý An nắm công việc Đô ty Giao Chỉ. Lột hết quan tước của Trần Trí và Phương Chính, nhưng vẫn cho ở lại phục vụ trong quân.

Các tướng nhận lệnh ra đi xong, liền bãi chầu, duy bọn Kiển Nghĩa, Hạ Nguyên Cát, Dương Sĩ Kỳ, Dương Vinh lưu lại hầu vua. Tuyên Tông nói:

– Thái Tổ Hoàng đế từng dạy rằng: "Bọn Di ở bốn phương cùng nước An Nam nhỏ bé núi sông cách trở, ở lánh về một góc, ta dù được đất họ cũng không đủ để cung cấp, dù được dân họ cũng không đủ để sai khiến, con cháu ta chớ cậy giàu mạnh, ham chiến công". Sau vì họ Hồ giết chủ, ngược đãi dân nên Thái Tông Hoàng đế mới đem quân điếu phạt, ấy cũng bởi nặng tình về việc vực dậy cái đã bị diệt, nối lại cái đã bị đứt. Vả con cháu họ Trần đã bị giết gần hết, bất đắc dĩ phải nể tình người địa phương chia đất ấy thành quận huyện, đặt quan coi giữ. Từ bấy đến nay ở Giao Chỉ không năm nào là không dùng binh, Hoàng khảo ta mỗi khi nghĩ tới điều đó thường lấy làm đau xót. Dạo trước sai tướng mang quân sang, trẫm suy đi tính lại, muốn làm như đời Hồng Vũ, cứ để họ tự thành một nước, hàng năm nộp cống, để bảo toàn tính mệnh dân chúng một phương, các khanh thấy thế nào?

---

1. *Tỉ thư:* thư có dấu ấn của vua.

2. *Mã Anh*, chữ "Anh" 英 sách in nhầm thành "Phác" 樸.

Kiến Nghĩa thưa rằng:

– Thái Tông Hoàng đế bình định nơi đó tốn kém rất nhiều, công lao 20 năm chả lẽ lại vất đi trong một sớm, bọn thần cho như thế là không đúng.

Tuyên Tông nhìn sang phía Sĩ Kỳ và Dương Vinh nói:

– Còn hai khanh?

Thưa rằng:

– Giao Chỉ tự Đường Ngu, Tam đại là đất hoang phục cõi ngoài. Từ Hán, Đường trở đi, tuy là quận huyện, nhưng lúc theo lúc chống không chừng. Đến thời Hán Nguyên đế, đất Chu Nhai chống lại, phải đem quân đánh dẹp, Giả Quyên khuyến nghị nên bỏ quận Chu Nhai, sử đời trước khen là sáng suốt. Kìa Nguyên đế là hạng chúa bậc trung thôi mà còn biết ban hành chính sách nhân nghĩa, huống chi bệ hạ là cha mẹ muôn dân, lẽ nào lại so đo hơn thiệt với bọn chó lợn ấy!

Tuyên Tông gật đầu. Nguyên Cát thưa rằng:

– Thiên tử nhất cử nhất động, thiên hạ đều hay biết. Nay đã sai tướng ra quân, nếu nửa chừng dừng lại, thiên hạ sẽ cho rằng Trung Quốc ta yếu kém!

Tuyên Tông nói:

– Đúng thế!

Bèn truyền thư giục Vương Thông đi gấp để cứu dân chúng phương Nam, đồng thời mật sai người dò la xem quân Nam thế nào.

Lại nói Lê Thiện sau khi trở về thành Lục Hoa, lấy Phạm Đán làm Tiền quân, Hoàng Tất làm Hậu quân, Doãn Hài là Tả quân, Đinh Tuận làm Hữu quân, xin Thái Tổ cử Lê Thạch giữ thành Lục Hoa.

Mùa đông, tháng 11, Thiện dẫn 30.000 quân ra đóng ở đồn cũ núi Tản Viên, đưa thư gọi Đoàn Phát tới họp. Bấy giờ Đoàn Phát ở Quốc Oai chiêu mộ được mấy vạn dân binh; Đỗ Dung và Nguyễn Sản nghe tin Thiện ra, cũng đến chào hỏi, thế quân rất mạnh.

Thiện lệnh cho Phạm Đán đem quân công phá Quảng Oai. Phạm Đán vâng lệnh dẫn quân tiến đánh. Bấy giờ tướng giữ Quảng Oai là Hàn Quang không dám chống cự, mở cửa thành chạy trốn. Đán vào trong thành, sai người về báo cáo. Thiện dồn quân ra chiếm Quảng Oai, chia đường đánh phá các quận huyện, lệnh cho Hoàng Tất lấy 2.000 người sang đánh Thanh Oai.

Tất được lệnh dẫn quân lên đường, thế như gió lốc, không mấy ngày đã tới Thanh Oai. Huyện lệnh Hà Tường thấy quân Nam đến, kéo quân ra đánh. Hoàng Tất quát to:

– Thiên binh đã đến đây, sao ngươi không nộp vũ khí để đầu hàng?

Hà Tường không thèm đáp, giơ thương đón đánh. Hai ngựa giao phong. Đấu nhau được 50 hiệp, Hoàng Tất càng đánh càng sung sức, Tường địch không nổi thua chạy. Tất xua quân đuổi riết, Tường không dám về thành, tìm đường tẩu thoát. Tất hạ được Thanh Oai, kéo quân vào thành an ủi vỗ về dân.

Hà Tường chạy đến Đông Đô cáo cấp. Vương Thông lệnh cho Tham tướng Mã Anh dẫn quân ra đánh trước, còn mình thì cùng với Trần Hiệp đem 30.000 người tiến theo sau.

Quân Mã Anh tới đầu địa giới Thanh Oai, chia ra bịt các đường. Hoàng Tất dò biết, viết thư sai người phi báo tới Quảng Oai. Không may sai nhân bị quân Bắc tóm được giải về. Mã Anh lấy được thư liền lôi sai nhân ra trảm, rồi dẫn quân lính chờ tối sẽ tấn công. Hoàng Tất không biết sai nhân đã bị bắt, giữa đêm tối quân Bắc bất ngờ ập đến. Tất đóng chặt cửa thành cố thủ. Rạng sáng, Mã Anh sai người ra ngoài bắn pháo thăng thiên, Hoàng Tất ngỡ viện binh đã tới, mở cửa thành ra đánh. Mã Anh phi ngựa xách đao sấn tới, hai bên đấu với nhau hơn trăm hiệp mà vẫn chưa phân thắng bại. Không thấy viện binh, Tất vô cùng bối rối. Vương Thông lại sai Kỵ tướng Vu Luân, Chiến tướng Trương Bình ba mặt giáp công. Tất ra sức chống chọi với ba tướng giặc, mũi thương sứt gãy, chỉ còn trơ cán gỗ. Mã Anh cầm thương lao vào đâm trúng hông Hoàng Tất, làm cho ruột phòi ra ngoài. Tất vẫn mải mê đánh không chịu lui. Quân sĩ phải gọi to:

– Tướng quân bị lòi ruột ra kia kìa!

Tất nghe gọi nhìn xuống bụng, lấy tay nhét ruột vào, nhưng không được, bèn cắt phăng đoạn ruột phòi ra ngoài vứt đi rồi quay lại quần nhau với giặc, vừa đánh vừa di chuyển, đến bên hào thì chết. Mã Anh lấy lại được Thanh Oai.

Thật là:

Thất bại chua cay đang đón đợi,
Chính từ thắng nhỏ báo cho hay.

Chưa biết lấy lại Thanh Oai rồi thế nào, hãy xem phần sau sẽ rõ.

HỒI THỨ NĂM MƯƠI HAI

Bên Tích Giang, Vương Thông mất mật,
Tại Hoàng Phổ, Hoàng Tất hiện hồn.

Lại nói Mã Anh đâm chết Hoàng Tất, giành lại Thanh Oai, sai người báo với Thanh Sơn hầu Vương Thông tập kết quân ở huyện Thạch Thất, tiến đóng Ninh Kiều để nhòm ngó tình hình đối phương.

Trước đó, Lê Thiện phái Hoàng Tất ra đánh Thanh Oai. Sau khi Tất đi, Thiện sực nghĩ:

– Ta sai rồi! Hoàng Tất ra Thanh Oai, niên canh và hướng đi xung khắc nhau, ắt có chuyện không lành.

Thiện vội vã sai người tới Quốc Oai lệnh cho Đoàn Phát đi thay. Khi sai nhân tới nơi, Đoàn Phát đã vào Sơn Động mộ lính chưa về [1]. Chờ đến hôm sau, khi Phát về, đã thấy tàn quân thất thểu chạy tới nói:

– Hoàng tướng công sau khi lấy được thành, bị bọn tướng Bắc là Mã Anh, Vương Thông, Trần Hiệp kéo quân đến bao vây. Vì không có quân cứu viện, Tất kiệt sức mà chết.

Phát liền sai người phi ngựa cho Quảng Oai biết. Lê Thiện ân hận nói:

– Hoàng Tất gặp chuyện không may là lỗi tại ta. Mối thù này không thể không trả!

Liền lệnh cho các tướng xuất quân. Lấy Cao Đoan làm Tiên phong dẫn 1.000 quân đi trước; Doãn Hài, Đinh Tuận [2], Mai Tố, Phạm Đán dẫn 10.000 quân tiếp theo sau. Tới Quốc Oai cho quân dừng lại. Đoàn Phát tới tiếp ứng. Sau đó tiến quân tới núi Hoàng Thổ đồn trú, sai người đưa chiến thư tới Ninh Kiều [3]. Thư rằng:

"Phó quân sư gửi thư cho tướng nhà Minh là bọn Vương Thông để biết:

---

1. Nguyên chú: "Hoàng Tất tử trận âu cũng là số trời"

2. *Đinh Tuận*, sách in nhầm "Đinh" 丁 thành "Vương" 王.

3. Nguyên chú: "Trước kia Lã Nghị hạ chiến thư với vua Trần, giờ đây Lê Thiện cũng hạ chiến thư với Vương Thông, trước sau đều có đáp lại".

Kìa đạo làm tướng phải hiểu binh cơ, nắm vững thời thế, như vậy mới có thể nói chuyện đánh nhau được. Nếu sự cơ thế lực có thể làm nổi thì sắp sẵn đội ngũ ngày mai đánh với nhau. Còn như không làm được thì hãy trói tay quy hàng, may chi khỏi bị giết chết. Đừng trách là không bảo cho biết sớm".

Thư đến nơi, Vương Thông cả giận muốn chém lai sứ. Trần Hiệp can rằng:

– Đại nhân nên rộng lượng, chấp nhặt chi lời kẻ tiểu nhân. Nay nếu ta giết lai sứ, thì chúng sẽ bảo ta không có lượng bao dung.

Vương Thông bảo lai sứ:

– Mi nhờ có lời Thượng thư, nếu không, ta sẽ cắt đầu mi gửi về cho Lê Thiện, coi đó là mệnh lệnh.

Bèn sai mang bút mực ra phê rằng: "Ngày mai quyết chém đầu giặc Man".

Sau khi sứ giả ra về. Thông sai các tướng sửa soạn ghe thuyền để ngày mai qua sông tóm tên "Chó già" kìa. Trần Hiệp nói:

– Giặc có ý báo thù, ta nên đóng quân ở bãi sông huyện Thạch Thất để quan sát thế giặc.

Vương Thông tức tối chỉ chực qua sông ngay. Trần Hiệp phải nhắc đi nhắc lại là địa thế hiểm trở, cần theo dõi giặc cẩn thận, nhưng Thông không nghe, cứ bảo các tướng đúng canh năm tiến quân. Các tướng tuân lệnh lui ra.

Lê Thiện sau khi nghe sứ giả trở về kể lại mọi chuyện, bèn sai Doãn Hài dẫn 2.000 quân xuống sách La Giang, lấy buồm cói làm bao đựng cát, chờ lúc trời sáng đem bịt nước vùng hạ lưu, hễ thấy núi Hoàng Thổ bốc lửa thì dẫn quân qua Châu Sơn, ra Ninh Kiều đánh vào trại phía Nam của địch; Đinh Tuận đem 2.000 quân sang mặt hậu sách Kim Quan, lén ra mai phục ở phía Bắc Thạch Thất, hễ thấy hiệu lệnh thì đánh vào trại phía Bắc của địch; Mai Tố dẫn quân ra phía trước núi, tỏa ra mai phục ở hai bên; Cao Đoan dẫn 2.000 quân ra mé sông, nơi đó toàn là lau sậy rậm rạp, có thể đặt phục binh, giặc tới cứ để cho đi qua, chờ lúc chúng thua sẽ đánh; còn Phạm Đán thì đi dụ địch.

Cắt đặt xong đâu đấy, Thiện vào doanh trại nghỉ. Vừa thiu thiu ngủ, đã thấy Hoàng Tất tới trước mặt vừa lạy vừa khóc, nói:

– Thần nhỡ trúng kế giặc đến nỗi bại vong, hận không được sống để đền ơn Chúa thượng, nay dẫu chết cũng nguyện góp sức diệt thù, mong minh công rủ lòng thương.

Nói xong, hóa thành trận gió lốc mà đi. Lê Thiện bừng tỉnh giấc, tiếc thương Hoàng Tất vô hạn, sai lính hầu đốt đèn xem sách, chợt nghe súng nổ liên hồi...

Vừa trống canh năm, Vương Thông đã thúc quân qua sông. Trời đang còn tối, gió mưa tầm tã. Trần Hiệp giục ngựa lên phía trước khuyên cho quân dừng lại, nhưng Vương Thông không nghe, cứ xua quân thẳng tiến. Bỗng thấy một viên tướng đang ở trước mặt, đó là Phạm Đán. Đán dừng ngựa giơ đao thét lớn:

– Vương Thông định đến đây nộp mạng phải không?

Thông cả giận múa thương tới giao chiến. Đấu với nhau được ba bốn hiệp, Đán thua chạy. Thông sấn lại. Đán múa đao quay lại đánh. Được hai ba hiệp, Đán lại chạy. Cứ thế ba bốn bận, kéo Vương Thông tới núi Hoàng Thổ. Trần Hiệp gọi to:

– Tướng quân chớ vào chỗ hiểm, e mắc kế gian!

Vương Thông nói:

– Không vào hang hùm, bắt sao được hùm con?

Nói vừa dứt lời thì thấy một tiếng súng nổ, Thông dừng ngựa đứng xem, thấy Lê Thiện đang ngồi chễm chệ trên đầu núi uống rượu. Thông tức giận chửi rằng:

– Thằng giặc coi thường ta quá thể!

Liền xua quân đánh thẳng lên núi. Từ trên núi, tên đạn tới tấp bắn xuống. Quân Bắc năm lần bẩy lượt không sao lên nổi. Thông đuối sức dần. Thiện bắn súng liên châu, phóng một phát hỏa tiễn, tức thì bên tả có Mai Tố kéo quân đánh ra, trên núi Thiện cho quân đánh xuống. Vương Thông kiệt sức, bèn quay ngựa chạy. Sau lưng Thông, Mai Tố đang bám theo. Thông đến bên sông thấy trời mưa bùn lún, nước sông lên to, ba đào cuồn cuộn, sóng vỗ bốn bề, quân Bắc không qua sông được. Từ bên tả Cao Đoan chia quân xông tới. Quân Bắc dựa lưng vào nước mà đánh, chết đuối đầy sông. Trần Hiệp đang tháo chạy, bỗng thấy trong mây đen Hoàng Tất hiện ra giơ đao chắn lối. Hiệp kinh hoàng ngã xuống ngựa, bị Phạm Đán giết chết. Mã Anh cũng chạy tới bên sông, thấy Hoàng Tất từ trên không giáng xuống đuổi đánh. Anh cả sợ quay ngựa chạy, bị Cao Đoan giết chết.

Vương Thông túng thế phải nhảy xuống sông, nhờ bơi thạo mà sang được bờ bên kia. Thông chạy tới Thạch Thất, thấy Đinh Tuận đang đứng trên thành nói:

– Ta đã lấy thành rồi, sao ngươi không hàng đi!

Thông kinh hãi chạy về phía Đông. Đến Ninh Kiều, thấy Doãn Hài đang chắn lối đi nói:

– Vương Thông mau đến đây cho ta trói.

Thông hồn vía lên mây, vất cả vũ khí chạy vào nhà dân, cởi bỏ quần áo giả làm nông phu trốn về Đông Đô. Ba vạn quân Bắc thế là nướng sạch.

Thật là:

Ba quân tan rã, quân kỳ đổ,
Một tướng chạy dài, sợ thót tim.

Chưa biết rồi cơ sự thế nào, hãy xem hồi sau sẽ rõ.

HỒI THỨ NĂM MƯƠI BA

Phá Đông Quan, Trọng Kỳ mất mạng,
Đánh Thanh Hóa, Hà Trung rơi đầu.

Lại nói Lê Thiện sau khi đánh bại Vương Thông, thu quân về doanh trại. Thái Tổ tại Nghĩa An được tin thắng lợi hết sức vui mừng, sai Đoàn Mãng ở lại giữ thành, chia quân đồn trú các nơi. Lại lệnh cho Đinh Lễ, Lê Trãi, Lê Công Soạn, Lâm Thiếu Ngại[1] lấy 10.000 quân đi đánh Giao Chỉ. Các tướng nhận lệnh dẫn quân lên đường. Khi đến Thạch Thất, Lê Thiện cùng các tướng tá lớn nhỏ tới bái yết vua. Lê Thiện đem chuyện Hoàng Tất hiển linh trợ chiến vừa qua kể lại cho vua hay. Thái Tổ thương xót, sai dân sở tại lập miếu thờ Hoàng Tất trong núi để bốn mùa cúng tế, phong là Trung trinh hiển ứng uy linh đại thần. Sau đó vua đem tinh binh tới vây Đông Quan.

Tướng giữ Đông Quan là Hà Trọng Kỳ cáo cấp với Vương Thông. Thông sau khi thất bại, mất hết tinh thần, quân sĩ sợ hãi không dám ra trận. Hà Trọng Kỳ đóng chặt cửa thành cố thủ. Thái Tổ đánh không được, sai người gọi hàng. Kỳ dẫn tướng sĩ lên ngồi trên thành xỉ vả đủ điều. Thái Tổ cả giận, gọi hàng tướng là Thái Phúc tới bảo:

– Giặc hống hách như thế đó, ông bảo làm sao bây giờ?

Phúc nói:

– Xin cho làm thang dây, thang tre và đắp lũy đất, núi đất ngoài thành. Đặt một đầu thang lên lũy đất, núi đất và đầu kia cho ngã tỳ lên thành mà tiến vào. Đánh như thế chắc thắng được.

Thái Tổ nghe theo, bèn sai quân sĩ chuẩn bị sẵn mọi thứ, trong vòng ba ngày thì xong. Bấy giờ Trọng Kỳ đang ngồi trên đài quan sát nom thấy, liền sai quân sĩ làm các đồ hỏa công, chờ đêm tối lẻn ra ngoài đốt các dụng cụ. Thái Phúc leo lên núi đất nhìn vào trong thành thấy tình hình đó, liền xuống tâu với Thái Tổ:

– Công phá thành trì quý ở chỗ nhanh chóng. Nếu trì hoãn,

---

1. *Lâm Thiếu Ngại*, chữ "Thiếu" 少, nguyên bản in nhầm thành "Tất" 必.

chúng ắt biết, kế hoạch của ta sẽ vỡ lở.

Thái Tổ bèn lệnh cho tướng sĩ rằng:

– Người nào leo lên thành trước sẽ được thưởng công đầu.

Quân sĩ đều nô nức kẻ kê thang tre, người đặt thang dây để leo lên thành. Trong thành 9.000 người còn đang làm đồ hỏa công thì thấy quân Nam dồn lên trên thành. Công Soạn và Thiếu Ngại leo lên trước tiên, Trọng Kỳ hốt hoảng giơ thương tới đánh, bị Thiếu Ngại đâm ngã xuống thành. Thái Tổ chưa hả giận, ra lệnh giết sạch quân Bắc. Thành Đông Quan bị hạ.

Bọn thám tử sớm báo tin cho Vương Thông biết. Thông càng sợ hãi, viết thư sai người bí mật cầu mong Thái Tổ bãi binh và hứa dâng sớ đề nghị cắt đất phong tặng. Lại xin gửi hịch tới Thanh Hóa, Dĩ Nam để trao các nơi đó cho họ Lê. Tướng giữ Thanh Hóa là La Thông nhận được tờ hịch, nói cùng các tướng rằng:

– Không có lệnh vua mà định bán đứng ngôi thành, về nghĩa thật không ổn.

Người đưa hịch về báo lại là La Thông không chịu giao thành. Thái Tổ hỏi:

– Người nào dám đi đánh lấy Thanh Hóa?

Cao Đoan bước lên xin đi. Thái Tổ chấp nhận. Sai Đoàn Phát, Doãn Hài đem 2.000 quân cùng lên đường. Thái Phúc tâu rằng:

– Thần cũng xin được đến nơi để thuyết phục La Thông, may chi tướng sĩ khỏi vất vả.

Thái Tổ cho phép. Cả bốn người vâng lệnh đến Thanh Hóa.

La Thông dò biết được tin, liền dẫn quân ra Hương Quán dàn trận chờ sẵn. Thái Phúc bảo Đoàn Phát:

– Hãy giáng một trận phủ đầu để làm nhụt bớt nhuệ khí của chúng đã, rồi sau đó sẽ tìm cách thuyết phục mới tiện.

Phát nghe theo, bèn lệnh cho Cao Đoan bên tả, Doãn Hài bên hữu, còn mình thì ở giữa, giương cờ giống trống đánh thẳng vào trận địa địch. La Thông cũng gõ trống vẫy quân xông vào chém giết. Hai bên đánh nhau khá lâu, nhưng vẫn chưa phân thắng bại. Phát sai Cao Đoan đem quân lẻn ra phía sau trận địa của Thông để đánh úp. Thông bị bất ngờ nên thua to, chạy vào trong thành đóng chặt cửa lại. Phúc phóng ngựa tới bên thành kêu lớn:

– Xin mời tướng giữ thành ra tiếp chuyện!

La Thông nghe gọi, leo lên thành. Phúc nói:

– Vật lấy cắp hãy trả về cho chủ [1] cũ. Nay vua Lê nhân đức tỏa khắp thiên hạ, ta muốn chống cũng không được. Ông nên chớp thời cơ để bảo toàn tính mệnh của mình.

La Thông quát lớn:

– Ngươi là bề tôi bất trung, hạ mình thờ giặc, lại còn muốn bắt chước Lý Lăng dụ Tô Vũ ư? Ta không thèm giết ngươi, đừng lôi thôi nữa!

Nói xong giương cung bắn một phát vào mũ của Phúc rồi quay vào trong thành. Phúc thẹn chín cả mặt trở về nói:

– Lòng người Bắc không xê dịch nổi, chỉ còn cách vây thành mà đánh thôi!

Phát bèn cho quân áp sát thành đánh liền trong sáu hôm mà vẫn không hạ được thành. Phát sai dựng chòi cao, trèo lên trên để quan sát, thấy trong thành quân sĩ đang thịt ngựa mà ăn, biết chúng đã hết lương thực. Phát lệnh cho Cao Đoan giải vây Đông Quan, ra Trinh Giang mai phục, sai Doãn Hài dẫn quân tới núp sẵn ở Đông Quán, hễ thấy giặc rút chạy thì đánh. Sau khi hai người vâng lệnh ra đi, Phát lập tức cho quân phá thành, ngày đêm không nghỉ. Trong thành hết lương thực, La Thông họp các tướng bàn bạc. Viên Tri châu Bình Châu là Hà Trung nói:

– Lương thực đã hết nhẵn mà giặc thì lại đánh gấp. Ở phía cửa Đông hiện không có người, xin chủ soái nhân đêm tối cho mở cửa Đông chạy ra ngoài để về Đông Đô rồi sau đó sẽ liệu.

La Thông nghe theo, bèn tới cửa Đông thả cầu treo xuống, dẫn quân rút chạy. Vừa đến Đông Quán, nghe một tiếng súng nổ, thấy Doãn Hài vẫy quân xáp lại. Thông trở tay không kịp bị Doãn Hài chém chết. Hà Trung tìm đường tháo chạy, tới bến Trinh Giang lại nghe tiếng la hét vang trời, Cao Đoan xông tới bắt sống. Đoan hớn hở nói:

– Sao đến muộn thế?

Rồi Đoan sai đem rượu ra ép mời Trung, nói:

– Nếu chịu hàng ta, vinh hoa lợi lộc sẽ không ít.

---

1. Nguyên bản in nhầm "chủ" 主 thành "thổ" 土

Trung nhổ vào mặt mắng rằng:

– Đồ nặc nô! Ta là tôi của thiên triều, lẽ nào lại đi chén chú chén anh với lũ chó lợn các ngươi?

Vừa nói, Trung vừa chộp lấy cốc rượu ném vào mặt Đoan, máu chảy đầy má. Đoan cả giận điệu Hà Trung ra chém. Người đương thời có thơ điếu rằng:

Trượng phu chi khí khác thường dân,
Trung nghĩa tâm can khiếp quỷ thần.
Anh phong lẫm liệt truyền muôn thuở,
Đã đành giữ nghĩa, lại thành nhân.

Lý An nghe tin Hà Trung chết, liền tâu lên triều đình. Tuyên Tông vô cùng thương tiếc, ra sắc lệnh biểu dương dòng họ, ban tên thụy là Trung Tiết. Cao Đoan thu quân về. Lấy được Thanh Hóa. Đoàn Phát sai Doãn Hài báo tin thắng lợi.

Thật là:

Nhân gian từ cổ ai không chết,
Trung nghĩa riêng còn mãi đến nay.

Chưa biết Doãn Hài báo tiệp thế nào, hãy xem phần sau sẽ rõ.

HỒI THỨ NĂM MƯƠI TƯ

Hạ Di Nam, Cách Quân bêu đầu,
Phá Kiến Xương, Mã Thư bỏ mạng.

Lại nói Đoàn Phát lấy được Thanh Hóa, sai Doãn Hài báo tin thắng lợi. Thái Tổ nghe tin cả mừng, lệnh cho Lê Thiện tới Di Nam chiêu an. Thiện lĩnh mệnh dẫn Đinh Tuận, Đỗ Dung, Doãn Hài cùng 5.000 quân lên đường, qua Hoài An, ngang Bình Lục, ra sách Đông Biểu ở Nghĩa Hưng đồn trú, sai người sang Di Nam chiêu an.

Trước đó, tướng giữ Di Nam là Bính An thấy tờ hịch của Vương Thông gửi đến, họp các tướng bàn rằng:

– Vương Tổng binh dạy ra như thế, các ông bảo giao nộp thành với giữ lại thành đằng nào hay hơn?

Chỉ huy Cách Quân nói:

– Ăn lộc vua ban, mặc áo vua cấp, ra trấn giữ biên thành, muốn mở rộng lãnh thổ mà còn lo chưa đủ huống chi vứt bỏ!

Bính An nói:

– Nếu không giao nộp, họ tới chiêu an, bấy giờ biết ăn nói thế nào với họ?

Cách Quân nói:

– Cứ choảng thôi!

An nói:

– Lê Lợi tuy kém năng lực, nhưng dũng tướng mưu thần của Lợi thì không phải không nhiều, chỉ sợ ta chống không nổi họ.

Quân nói:

– Vậy thì lâm cơ ứng biến, không thể dự tính trước được.

Đến đây thì thấy Thiện sai người tới chiêu an. An hỏi Cách Quân rằng:

– Bọn Lê Thiện đã tới, ông có kế gì ứng phó?

Quân nói:

– Trấn tướng cứ cho chuẩn bị sẵn rượu, hoa quả, vờ làm lễ vật đón tiếp, khao quân. Mỗ xin đích thân mang các thứ ấy đến nơi chúng ở, khiến chúng tưởng thật, không đề phòng, mỗ sẽ đâm chết bọn chúng là xong tất.

An y theo kế hoạch, phái 100 tinh binh cùng đi với Quân.

Thiện bấy giờ đang đóng quân ở Đông Biểu, đêm đó thấy trong làng nhốn nháo, tiếng gia súc kêu ầm ĩ. Thiện sai Đinh Tuận dẫn quân đi trấn an thế nào cũng không hết. Trong doanh trại cung tên động đậy, Thiện sinh nghi, trầm ngâm hồi lâu rồi uể oải ngả lưng xuống giường. Vừa nhắm mắt, thấy Hoàng Tất đến trước mặt nói:

– Phó Quân sư nên hết sức cẩn thận, ngày mai thế nào cũng có bọn thích khách tới.

Nói xong liền bước ra. Thiện kinh hoàng tỉnh giấc, liền gọi các tướng cùng những người già trong làng đến nghe Thiện kể lại chuyện Hoàng Tất đến ngầm giúp và báo mộng vừa rồi. Các già làng mừng rỡ xin đặt bàn thờ ngay giữa sân để cầu khấn. Gia súc trong làng tức thì trở lại yên tĩnh. Các già làng vào thưa chuyện với Lê Thiện, xin được lập miếu giữa làng để thờ Hoàng Tất, đồng thời xin Thái Tổ tấn phong, giống như chuyện xây miếu thờ Hoàng Tất tại núi Hoàng Thổ vậy. Lê Thiện đồng ý, các già làng bèn ra về.

Thiện lệnh cho Đỗ Dung cầm đao búa phục sẵn trong góc tường và dặn:

– Hễ nghe tiếng ta quát thì xông ra tóm ngay tên lạ mặt!

Sau khi bố trí đâu đấy, Thiện một mình vào ngồi trong trướng. Sáng hôm sau, thấy tiểu tốt vào báo có tướng Minh là Cách Quân tới đón tiếp. Thiện lệnh cho Đinh Tuận giữ hết bọn lính tùy tùng ở bên ngoài, chỉ cho một mình Cách Quân vào thôi. Đinh Tuận được lệnh, ra bảo quân Bắc tạm ở lại bên ngoài, riêng mời Cách Quân vào trước trướng. Thiện quát lớn:

– Ai ra bắt tên này cho ta!

Đỗ Dung từ trong góc tường nhảy ra tóm lấy Cách Quân. Quân nói:

– Tiểu tướng không có tội.

Thiện nói:

– Ngươi tới đây định ám sát ta, sao gọi là không có tội?

Rồi Thiện ra lệnh khám trong người, thấy sau lưng Quân có giắt

một con dao ngắn. Bên ngoài doanh trại, Đinh Tuận cũng cho bắt trói cả 100 tên lính tùy tùng, khi kiểm tra trong người thấy đều có mang hai con dao nhọn. Thiện bèn ra lệnh lôi Cách Quân ra chém, rồi bảo quân Bắc:

– Các ngươi theo đóm ăn tàn, ta không thèm giết!

Nói xong đuổi đi. Lại sai Doãn Hài đem đầu Cách Quân treo trên cờ, dẫn quân tiến đến ngoài thành Di Nam. Bính An trên thành nom thấy, hồn phiêu phách lạc, liền hạ vũ khí, sai người mở cửa thành đầu hàng. Thiện hỏi:

– Thái thú Kiến Xương là ai vậy?

Bính An đáp:

– Là Mã Thư, một con người gan dạ, ương ngạnh.

Thiện nói:

– Ông hãy cùng ta đi chiêu an ông ấy nhé!

Bính An tuân theo, cùng Lê Thiện tiến quân tới Phương Tùng đồn trú.

Thiện sai Đinh Tuận ra Ô Mễ tiến xuống, Doãn Hài theo đường tắt tới Lạc Đạo vòng lên, còn mình thì cùng Bính An dẫn một tốp lính đi không thành hàng thành lối. Mã Thư được tin, kéo quân ra sau phủ thành dàn trận. Quân Lê Thiện thình lình ập tới. Mã thư thấy quân Thiện đi lộn xộn, quay lại cười bảo các tướng rằng:

– Người ta nói Lê Thiện dùng binh như thần, nhưng cứ xem kia thì biết hắn chỉ hữu danh vô thực. Đáng tiếc Vương Thông ngu xuẩn, đã để mất bao nhiêu thành trì. Nay trước hết ta hãy chém đầu Lê Thiện đem về bêu ở Đông Đô, xem Vương Tổng binh có hổ thẹn hay không hổ thẹn.

Vừa dứt lời, đã thấy Thiện cùng Bính An dẫn quân tới trận tiền. Thiện cao giọng nói:

– Ta đã đến đây, sao không đầu hàng đi cho sớm?

Mã Thư mắng rằng:

– Lũ chó má! Đầu hàng chúng mày ư? Ta là đại tướng, đâu có chuyện hàng chúng mày.

Thiện vờ tức giận vẫy quân giao chiến. Thư xách đao xáp lại, Thiện bỏ chạy. Thư không đuổi theo. Thiện quay lại nói:

– Thế mà còn không đầu hàng thì đợi đến bao giờ?

Thư mắng lại:

– Tên giặc khốn kiếp này còn khoác lác!

Nói rồi vung gươm đuổi theo và bảo quân sĩ cố gắng truy kích, thế nào cũng chém được Thiện. Quân Bắc nghe thế đều dốc sức đuổi đánh. Lúc gần tới Phương Tùng, bỗng thấy một tiếng súng nổ, một viên đại tướng hiện ra thét lớn:

– Đỗ Dung đang ở đây!

Mã Thư múa đao nghênh chiến. Hai bên đánh nhau hơn trăm hiệp mà vẫn không phân thắng bại. Chợt thấy Đinh Tuận dẫn quân tập kích phía sau. Mã Thư liều chết mở một con đường máu chạy về phủ thành. Vừa đến nơi, thấy Lê Thiện đã ngồi trên thành kêu rằng:

– Ta lấy ngôi thành này rồi!

Thư cả giận muốn đánh thốc lên thành, nhưng thấy sau lưng Đỗ Dung và Đinh Tuận đang xông tới. Thư cả sợ bèn chạy về phía Nam. Doãn Hài, Đinh Tuận cùng Đỗ Dung chia quân đuổi theo. Thư chạy tới An Lão, bị Đinh Tuận đuổi kịp, vung dao chém chết ngay dưới gốc cây. Ba người bèn thu quân trở về. Thế là các viên Thú, Lệnh ở Chân Định, Thái Bình, Thụy Anh đều bỏ thành chạy trốn. Thiện cho báo tin thắng lợi.

Thật là:

Quyết kế phá thành thường chậm được,
Bày mưu chống địch hóa ra hay!

Chưa biết báo tiệp thế nào, hãy nghe phần sau sẽ rõ.

HỒI THỨ NĂM MƯƠI LĂM

Tuyên Tông tuyển tướng đánh An Nam,
Thái Tổ bầm gan công Giao Chỉ.

Lại nói Thái Tổ được tin vui từ Lê Thiện, biết các quận huyện ở Di Nam đều được giải phóng, bèn đưa thư khuyên Lý An đầu hàng. An cả giận khuyên Vương Thông tiến đánh, nhưng Thông thoái thác không dám ra quân. Lý An thấy Thông thần thờ, liền nghĩ bụng: "Trước đây Hoàng Phúc vỗ về cai trị phương Nam, được nhiều người mến phục. Chi bằng ta tâu xin cho ông ấy trở lại để biên cảnh được yên". Bèn dâng lời rằng:

"Thượng thư Hoàng Phúc ngày trước ở Giao Chỉ được lòng dân tưởng nhớ. Vậy xin lệnh cho ông ta trở sang phương Nam để thỏa lòng mong ngóng của dân"

Lại lập bảng thống kê các thành trì của nước Nam tâu lên. Tuyên Tông sai gọi Hoàng Phúc từ Nam Kinh về cửa khuyết để bàn công việc. Lấy An Viễn bá Liễu Thăng làm Chinh di Phó tướng quân, cùng Bảo Định bá Lương Minh, Đô đốc Thôi Tụ từ Quảng Tây sang; Mộc Thạnh làm Chinh di tướng quân, cùng Hưng An bá Từ Hanh, Tân Ninh bá Đàm Trung từ Vân Nam sang. Thượng thư Lý Chấn làm Tham tán quân vụ; Hoàng Phúc vẫn giữ công việc hai ty Bố chính và Án sát:

Ất Tị, năm thứ 8 (Minh Tuyên Tông năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, Minh Tuyên Tông ngự ở điện Văn Hoa, vời các Đại học sĩ Dương Sĩ Kỳ, Dương Vinh tới bảo:

– Trước kia, khi bàn về Giao Chỉ, Kiển Nghĩa [1] và Nguyên Cát quá câu chấp [2]. Thuở xưa Hạ Trưng Thư giết Trần Linh Công, Sở Tử mang quân đi đánh, giết Trưng Thư rồi lấy nước Trần làm một huyện, Thân Thúc hồi đó cho rằng cách làm như vậy là không ổn. Sở Tử liền phong lại đất ấy cho nước Trần, cổ nhân làm việc nghĩa như

1. Nguyên bản in sót chữ "Nghĩa".
2. Xem hồi 51.

thế đó. Đức Thái Tông ta hồi đầu bắt được giặc Hồ, bình định Giao Chỉ, đã có ý định lập con cháu họ Trần. Nay ta muốn nối chí tổ tiên, làm cho người Trung Quốc được thái bình vô sự, các khanh hãy cân nhắc kỹ cho trẫm.

Sĩ Kỳ thưa rằng:

– Đấy là thái độ đầy nhân đức, xin hệ hạ xét lại lòng mình.

Tuyên Tông nói:

– Chí của trẫm đã quyết, đừng nghi ngại. Duy đang lúc chiến tranh, chưa có điều kiện sai người đi tìm con cháu họ Trần. Trước mắt cứ bảo Hoàng Phúc để ý xem xem.

Sĩ Kỳ tâu rằng:

– Trước hết cần phi báo cho Vương Thông luyện tập binh lính, chờ vương sư tới sẽ cùng tiến quân.

Tuyên Tông nói:

– Phải đấy!

Liền sai ngựa trạm đưa thư báo cho Vương Thông biết.

Lại nói An tức tối về chuyện Thái Tổ chiêu hàng, sai người đưa thư trả lời Thái Tổ, lời lẽ hết sức xấc xược. Thái Tổ cả giận nói:

– Quân Bắc chó má khinh người quá đỗi, dám gửi thư xem trẫm không ra gì, trẫm thề giết sạch lũ chúng nó.

Liền truyền lệnh cho các tướng cất quân đi đánh. Sai Đinh Lễ, Lê Trãi, Lê Soạn, Lâm Thiếu Ngại đem 30.000 quân tiến đánh Giao Chỉ. Các tướng vâng lệnh dẫn quân lên đường.

Lúc này Đoàn Phát về đến Thanh Hóa, nghe Thái Tổ xuất quân, rụng rời nói:

– Hai vị Quân sư đang đi vắng mà vua lại ngự giá viễn chinh, e có điều bất lợi.

Liền gọi Cao Đoan và Phạm Đán tới bảo:

– Hai ông lấy 3.000 quân, một người sang Từ Liêm, một người sang Vĩnh Thuận mai phục sẵn ở ven huyện, nếu chúa công toàn thắng thì thôi, còn như gặp khó khăn thì hai ông mang quân đến cứu.

Hai người vâng lệnh ra đi.

Bấy giờ quân Thái Tổ đến Đại Đồng, bọn thám tử Giao Chỉ đã sớm báo tin về. Lý An nói với Vương Thông rằng:

– Mỗ vừa viết chiến thư, đoán Lê Lợi không chịu đựng nổi, nay quả nhiên kéo quân tới. Tổng binh nên nhân lúc chúng chưa kịp hạ trại mà đánh.

Vương Thông nghe theo, liền sai Đô ty Đô đốc Lý Cát và Tham tướng Chu Thường đem quân mai phục ở Đông Ổ và Tây Ổ, Vương Thông theo sau tiếp ứng. Cát và Thường vâng lệnh lên đường.

Thái Tổ tiến quân đến ngoài thành Giao Chỉ, truyền lệnh hạ trại. Tướng sĩ tất bật dựng lều trại. Bỗng thấy một hồi còi đồng vang lên, Lý Cát từ Đông Ổ xông ra, Chu Thường từ Tây Ổ lao tới. Quân Nam trận địa còn dở dang nên thua chạy, Tư không Đinh Lễ quát thế nào cũng không được. Vương Thông, lại thình lình ập tới, Lễ trở tay không kịp, bị Thông chém chết. Tư đồ Lê Trãi tung quân đến cứu, bị Lý Cát đâm chết, hạ hơn 10.000 thủ cấp. Thái Tổ bị địch vây chặt lớp trong lớp ngoài. Vua than rằng:

– Chỉ vì ta coi thường địch nên mới đến nông nổi này!

Nói đoạn, rút bảo kiếm trỏ thẳng về phía quân Bắc. Những quân Nam theo vua đều tử trận. Cùng lúc ấy, thấy Thiếu Ngại và Công Soạn đều bị thương nặng, đang dẫn quân chạy tới kêu rằng:

– Chúa thượng hãy khoan đã, bọn thần xin liều mình cứu chúa.

Hai người cố mở một con đường máu xông vào đưa Thái Tổ ra ngoài. Sau lưng, Lý Cát và Chu Thường đang thúc quân đánh tới. Công Soạn sai Thiếu Ngại hộ vệ Thái Tổ đi trước, còn mình che chắn mặt sau, vừa đánh vừa chạy. Đến Từ Liêm, thấy có tiếng hò la inh ỏi, Ngại kinh hoảng vượt lên phía trước xem, thấy đi đầu là một viên đại tướng, nhìn kỹ hóa ra Phạm Đán. Đán gọi to:

– Lâm tướng quân hãy thong thả một chút, để mỗ chặn đánh địch cho.

Ngại cả mừng, mời Thái Tổ phi ngựa đi trước. Lý Cát lao tới, Phạm Đán quát lớn:

– Có Đại tướng đây!

Nói rồi phi ngựa bắn Lý Cát ngã xuống bên sông, quân Bắc bị giết chết vô kể.

Thái Tổ chạy đến Vĩnh Thuận, thấy trong rừng cỏ cây lay động, nghĩ là có phục binh, bèn sai Thiếu Ngại cầm đao xông vào trước, không ngờ lại thấy Cao Đoan. Đoan kêu rằng:

– Có phải Lâm tướng quân đấy không?

Ngại nói:

– Đúng rồi! Nhưng sao tướng quân lại ra đây?

Đoan nói:

– Đoàn Thị lang sai tôi đến đây để tiếp ứng cho Chúa thượng. Vậy giờ Chúa thượng đang ở đâu?

Ngại nói:

– Cách đây không xa.

Hai người liền tới gặp Thái Tổ. Kể lể sự tình vừa xong, thấy phía sau bụi bốc mù trời. Thái Tổ nói:

– Chắc là giặc đang đuổi theo ta rồi!

Cao Đoan nói:

– Bệ hạ hãy yên tâm, thần xin đi giết chúng.

Nói rồi xách thương xông ra.

Trước đó, Chu Thường biết Thái Tổ cho Công Soạn ngăn địch mặt hậu để vua đi trước, nên Thường không đánh nhau với Công Soạn, mà dẫn quân đi gấp đường đuổi theo Thái Tổ. Khi Thường tới Vĩnh Thuận, Đoan liền cho phục binh ra đánh. Do bất ngờ, Thường bị Đoan đâm ngã xuống ngựa. Quân Bắc chạy tan tác. Đoan bèn cùng Thái Tổ quay trở lại. Công Soạn và Phạm Đán cũng vừa tới nơi, mọi người cùng nhau về Đông Quan.

Thật là:

Những tưởng thua to mà thắng lợi,
Ai dè suýt chết hóa bình yên.

Chưa biết trở về Đông Quan như thế nào, hãy xem phần sau sẽ rõ.

HỒI THỨ NĂM MƯƠI SÁU

Tướng vua Lê hoãn binh Giao Chỉ,
Tôi nhà Minh tử tiết Xương Giang.

Lại nói Thái Tổ thua chạy về Đông Quan, dựng trại đào hào, sửa sang thành quách, khí thế quân sĩ dần dần được xốc dậy. Vương Thông sau khi thắng, các tướng đều xin nhân cơ hội này đánh mạnh lên, nhưng Thông còn do dự chưa quyết. Đến khi Lý Cát và Chu Thường tử trận, Lý An hốt hoảng báo cáo tình hình lên trên. Tháng 3, vua Tuyên Tông nhà Minh lệnh cho Hành tại Hình bộ Thị lang Phàn Kính đến Quảng Tây, Phó đô Ngự sử Hồ Dị đến Quảng Đông chở lương thực sang Giao Chỉ. Lại sắc cho Đô hộ vệ và Trung đô lưu thủ ty thành Vũ Xương cùng các Hành đô ty ở Hồ Quảng, Chiết Giang, Hà Nam, Sơn Đông, Quảng Đông, Phúc Kiến, Giang Tây, Vân Nam, Tứ Xuyên cấp mấy vạn quan binh theo An Viễn bá Liễu Thăng và Kiềm quốc công Mộc Thạnh đi đánh Giao Chỉ. Lại sắc cho Anh quốc công Trương Phụ thống lĩnh quân đội đi đánh phương Nam. Lúc này Trương Phụ nể sợ anh em họ Lê, nên đã cáo bệnh để khỏi lên đường. Bọn Liễu Thăng phải sai người chạy thư báo cho Vương Thông biết trước rồi mới xuất phát.

Bấy giờ Thái Tổ bị mất hai tướng Lê Triện và Đinh Lễ, thương tiếc mãi khôn nguôi, công việc ngày một bê trễ, bỏ cả ăn uống. Quần thần khuyên can thế nào cũng không được. Qua mấy hôm, Thị lang Đoàn Phát vào tâu rằng:

– Người đời thọ yểu, số mệnh tại trời. Xưa kia, lúc đào viên kết nghĩa, người ta không nguyền đồng sinh mà nguyền đồng tử. Tuy nhiên, khi Quan, Trương [1] mất, Tiên chúa [2] cũng chẳng thể làm sao được. Cúi mong bệ hạ hãy chú ý đến long thể để các tướng yên lòng. Việc cần làm ngay là xuống chiếu gọi Nguyễn Quân sư và Lê Quân sư cùng về đây để diệt trừ giặc Bắc, trả mối thù xưa. Nếu bệ hạ cứ một mực lo phiền thì chẳng những giặc thù không trừ được, mà việc thiên hạ cũng bỏ bễ.

---

1. *Quan, Trương:* Quan Vũ và Trương Phi, cả hai cùng kết nghĩa anh em với Lưu Bị.
2. *Tiên chúa:* chỉ Lưu Bị.

Thái Tổ nghe nói thế mới trở dậy, sai người đi vời Lê Thiện về và tiếp đó, sắc cho Nguyễn Trãi dấy binh.

Trước đây, khi ở Lạng Sơn, Nguyễn Trãi đã vỗ về bảo ban trăm họ, rồi kéo quân vây Khâu Ôn. Tướng giữ nơi này là Tôn Tụ đánh mãi không thắng, cuối cùng bị Văn Lịch chém chết. Sau khi lấy được Khâu Ôn, Trãi lại tiến đánh Xương Giang. Song vì nơi này lũy cao hào sâu, trong thành có 5 viên mưu sĩ cùng 30.000 hùng binh. Đô đốc chỉ huy Cố Phúc lại ngày đêm đánh trả, nên dù trăm phương nghìn kế, Trãi vẫn không sao lấy được. Không dám lơi lỏng, Trãi cho quân vây thành đã được 9 tháng. Cách đây mấy hôm, lính tuần tra bắt được một sứ giả phương Bắc giải về. Trãi cho khám xét trong người, thấy có bức thư mật nói về việc bọn Liễu Thăng, Mộc Thạnh đem quân sang đánh, tháng 9 sẽ đến nơi, báo trước để Vương Thông làm nội ứng. Trãi đem thư tẩy xóa, sửa "tháng 9" thành "tháng 12", rồi sai đem sứ Bắc ra chém, thay người khác mang thư đến Giao Chỉ. Chợt thấy Thái Tổ ra lệnh dấy binh, Trãi liền trình bày đầy đủ nội dung bức thư mật và dâng sớ xin Thái Tổ đích thân gom quân đánh địch.

Khi tờ sớ của Nguyễn Trãi chuyển đến Đông Quan thì Lê Thiện từ Di Nam cũng vừa về đến nơi. Thái Tổ triệu tập quần thần bàn rằng:

– Trãi xin trẫm thân chinh. Ví thử Vương Thông biết ở đây trống rỗng kéo quân tới đánh thì làm thế nào?

Thiện thưa rằng:

– Chúng sao dám tới đánh? Nguyễn Quân sư đã chữa ngày giờ trong thư lùi 3 tháng, khiến địch thế nào cũng chậm ra quân. Xin cứ y như kế sách Quân sư, sai người hư trương thanh thế, vờ chuẩn bị đánh Giao Chỉ. Lại giả đưa thư cầu hòa, sau đó tiến quân đánh Liễu Thăng. Thăng mà thua thì Vương Thông sẽ phải bó tay.

Thái Tổ theo lời bàn, cắt đặt công việc đâu vào đấy, rồi truyền hịch triệu tập các tướng hội quân săn đuổi giặc Bắc, còn mình thì đem quân tới Xương Giang. Nguyễn Trãi dẫn các tướng ra đón. Thái Tổ liền ra lệnh đánh thành.

Bấy giờ trong thành lương thực đã cạn kiệt. Lý Nhậm và Cố Phúc treo tượng Minh Hoàng lên tường, lạy 5 lạy rồi khóc rống lên ba bốn lượt, cuối cùng ngất xỉu ngã xuống đất. Sau đó cả hai đều dùng gươm cứa cổ mà chết. Đương thời có người qua Xương Giang làm thơ điếu rằng:

Làm tôi thờ chúa gắng trung trinh,
Vắt kiệt tâm can giữ phủ thành.
Tự cổ người đời ai chẳng chết,
Chết vì việc nước, tử như sinh!

Trung quan Mã Trí cũng khóc nức nở, quay về phương Bắc lạy hai lạy rồi đập đầu vào tường đá đến vỡ sọ mà chết. Người đời sau có thơ rằng:

Ngoảnh đầu về Bắc lệ chứa chan,
Sống chết cùng thành dám thở than.
Một dải Xương Giang còn trơ đó,
Gợi niềm kính trọng Mã Trung quan.

Chỉ huy Lưu Thuận và Tri phủ Lưu Tử Phụ thấy Nhậm, Phúc và Mã Trí đều đã chết, bảo nhau rằng:

– Thà làm con ma chết vì nghĩa, chứ không làm kẻ phụ bạc xấu xa.

Nói đoạn, hai người nhìn nhau mà khóc. Trước đó, khi Lưu Tử Phụ tới Xương Giang có lấy người con gái của Phan Huệ, sinh được một cậu con trai tên là Bật. Hai mẹ con ra ngoài doanh trại, thấy Tử Phụ hai mắt đỏ hoe liền hỏi:

– Chàng làm sao mà mặt mày hoen lệ như vậy?

Tử Phụ đáp:

– Việc này nàng không biết được đâu.

Phan Nương nói:

– Lẽ nào thiếp lại không biết! Hễ chúa lo thì thần nhục, chồng thác thì vợ cũng chết theo. Vậy thiếp xin chết trước.

Phụ nói:

– Việc gì tới nàng mà nàng phải bỏ mình?

Phan Nương nói:

– Thiếp tuy người Nam, chẳng gì thì cũng đã nâng khăn sửa túi cho chàng. Gốc ngũ luân [1] đều quan hệ tới việc người, *Kinh Thi* đã chẳng nói đấy sao: "Tử sinh khế khoát, dữ tử thành thuyết [2]". Sống

1. Những quy định của lễ giáo phong kiến về năm mối quan hệ vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em và bè bạn.

2. Ý nói thề sống chết có nhau. Câu này trích từ bài *Kích cổ* trong phần *Bội phong* của *Kinh Thi*.

thì cùng buồng, chết thì cùng huyệt, ấy là sở nguyện của thiếp.

Nói rồi quay lại nhìn con, thấy Bật đã cứa cổ chết tự lúc nào. Phan Nương liền cắn lưỡi tự tận. Người đương thời có thơ điếu rằng:

Một trái tim vàng chẳng chuyển lay,
Trẻ thơm muôn thuở đối cao dày,
Nam nhi áo mão mà gan sứa,
Sánh với nàng Phan thật khó tày!

Thấy mẹ con Phan Nương đều đã chết, Lưu Thuận và Tử Phụ cũng thắt cổ tự tử. Quân sĩ cảm mến ân huệ lâu nay của Phụ, ai cũng thề chiến đấu đến cùng.

Thái Tổ sai người chiêu an. Phan Liêu và Trần Hãn vâng lệnh tới bên thành gọi lớn:

– Binh lính ai ra hàng sẽ khỏi giết!

Quân sĩ trên thành cởi áo chửi bới. Liêu tức giận phóng hỏa đốt thành, làm cho quân Bắc trong thành chết đến quá nửa. Xương Giang liền bình định được. Vương Thông lúc này nghe tin càng sợ hãi, co quân không dám ra.

Thật là:

Én nọ phải tên, sinh sợ hãi,
Ưng kia vỗ cánh, xót chim lồng.

Chưa biết co quân thế nào, hãy xem phần sau sẽ rõ.

HỒI THỨ NĂM MƯƠI BẢY

Đánh Ải Lưu, Sản chém tướng Bắc,
Phục Trấn Di, Trãi ém quân Nam.

Lại nói Vương Thông từ sau khi thua ở Ninh Kiều, nhụt hết chí khí, tuy có thắng một trận mà tinh thần vẫn hoang mang. Lại thấy triều đình tư báo sắp đưa đại quân sang, tháng chạp sẽ tới biên giới. Liễu Thăng tuy đã khởi hành, nhưng kỳ hạn còn lâu, đường sá lại phần nhiều trắc trở, chưa thể đến ngay được. Thái Tổ lại đưa thư cầu hòa, không thể không chấp thuận. Án sát ty Dương Thời Tập nói:

– Ta vâng lệnh đi đánh dẹp mà lại hòa với giặc, bỏ đất rút quân về, làm sao tránh khỏi tội lỗi?

Thông lớn tiếng mắng rằng:

– Việc khác thường phải là người phi thường mới giải quyết nổi, ông biết cái gì? Nay giặc đang bài binh bố trận chực đánh ra Giao Chỉ, ông chỉ biết cậy vào văn từ, sao không làm một bài thơ để đẩy lùi địch?

Tập đành ngậm miệng không nói gì thêm. Thông bèn chuẩn bị lễ vật, soạn tờ biểu, chọn người giả làm sứ giả của Thái Tổ mang về triều tiến cống. Lê Thiện dò biết tin tức, liều tâu xin Thái Tổ cho đánh Ải Lưu.

Mùa thu, tháng 7, đại quân tiến đến thành Ải Lưu. Tướng giữ thành là Triệu Khiêm yêu cầu tướng giữ Nam Ninh là Trấn Viễn hầu Cố Hưng Tổ cho quân tới cứu. Nhưng Tổ sợ thanh thế anh em họ Lê, án binh bất động. Thành Ải Lưu bị vây hãm. Triệu Khiêm liều chết dẫn quân ra đánh. Lê Thiện sai Đỗ Dung nghênh chiến. Hai người đánh nhau đến trăm hiệp, Khiêm càng đánh càng hăng, Dung địch không nổi thua chạy. Khiêm sấn tới, Dung múa đao quay lại đánh. Thiện lệnh cho Nguyễn Sản vòng ra phía sau đánh bọc hậu, Triệu Khiêm vì bất ngờ, bị Sản đâm một nhát, chết ngay trên ngựa. Đỗ Dung vẩy quân xông lên chiếm Ải Lưu. Thái Tổ tiến vào ải, nhân dân phủ phục hai bên đường bái yết, vui mừng nhảy múa nói:

– Nay chúng tôi lại được thấy Thiên tử thái bình!

Rồi mọi người tung hô vạn tuế. Thái Tổ an ủi bảo đi.

Vua họp quần thần bàn bạc. Thái Tổ hỏi:

– Nay nghe đại tướng Bắc triều dẫn quân tới, các ông định dùng kế gì để đẩy lùi địch?

Lê Thiện thưa rằng:

– Liễu Thăng dũng cảm nhưng thiếu mưu mô, Mộc Thạnh vừa kiêu căng vừa coi thường địch, Hoàng Phúc thì mưu trí nhưng lại chậm chạp. Nay Tuyên Tông sai những con người như thế chỉ huy quân đội, hàng trăm vạn nhân mạng sẽ vất đi như bỡn! Vậy dùng kế phá giặc chẳng khó khăn gì.

Thái Tổ hỏi:

– Kế như thế nào?

Thiện đáp:

– Trước sai Công Soạn và Thiếu Ngại đem 2.000 quân ra hai bên tả hữu Ải Lưu, dùng gỗ đá bịt chặt các con đường nhỏ rồi vào thung lũng mai phục, chờ quân Bắc rút lui sẽ đổ ra đánh. Lại sai các tướng dựng trại dọc đường để đón địch mà đánh, chỉ cần thua không cần thắng, cốt dụ chúng tới Trấn Di rồi dùng kế tóm bắt. Còn như tụ tập cả ở đây, trong nước sẽ trống rỗng, giả sử Vương Thông mà biết được, đánh úp ta từ bên trong, thì trước mặt sau lưng đều có địch, tiến thoái lưỡng nan!

Thái Tổ nói:

– Đúng đấy!

Bèn lệnh cho Xa Tam giữ Ải Lưu, Công Soạn cùng Thiếu Ngại chia nhau đi mai phục, còn vua thì dẫn quân về Trấn Di.

Thái Tổ nói:

– Ta trước đây bị các ông cùng trăm họ bức ép, dựng lên làm vua. Nay thiên hạ mười phần đã giành lại đã được tám chín phần, giá có ai giúp ta đi khắp nơi dò hỏi con cháu nhà Trần đưa về tôn lên ngôi báu, ta sẽ tôn thờ, với tư cách bề tôi, để thỏa lòng mong mỏi của ta!

Quần thần dâng lời rằng:

– Chúa thượng theo mệnh trời đáp ứng lòng người, thiên hạ không ai là không nghểnh cổ trông mong Chúa thượng làm vua, lẽ nào lại đi nhường ngôi cho kẻ khác? Sách có câu: "Trời cho không

lấy, sẽ bị vạ trời". Mong Chúa thượng hãy nghĩ đến điều đó.

Thái Tổ nói:

– Chả lẽ trẫm lại phải gánh cái tiếng bất nghĩa hay sao?

Quần thần cố tranh luận, nhưng Thái Tổ vẫn không nghe, cứ sai người đưa thư sang Lão Qua tìm kiếm con cháu nhà Trần.

Sau khi sai nhân ra đi, có tin từ Ải Lưu tới cáo cấp: Quân Liễu Thăng không còn mấy bữa sẽ tới nơi. Nguyễn Trãi tâu rằng:

– Xin Chúa thượng sớm ban chỉ dụ để các tướng tiện tiến hành công việc.

Thái Tổ nói:

– Kế hoạch như thế nào tùy Quân sư định liệu.

Trãi vâng lệnh ra ngoài họp các tướng truyền đạt kế hoạch. Các tướng tề tựu đông đủ, Trãi nói:

– Triệu Hộ đem 1.000 quân ra Cách Lâm, Văn Lịch đem 1.000 quân ra Cừ Lĩnh. Phạm Đán đóng ở Hàn Khê, Cao Đoan đóng ở Quỷ Môn Quan. Trại Thanh Giang thì Doãn Hài, sách Thọ Đức thì Mai Tố, mỗi người mang 1.000 quân ra đấy đồn trú, cố làm ra vẻ yếu kém, đừng cho địch biết mình hùng mạnh, hễ giặc tới thì dẫn quân ra đánh, không cần thắng, chỉ cốt dụ chúng tới được Trấn Di mà thôi.

Sau khi sáu tướng ra đi, Trãi lại sai Đinh Tuận và Sùng Quang đem 3.000 quân tới mai phục ở hai bên dốc Đảo Mã, còn Phạm Liễu thì nấp ở bên cầu, hễ thấy giặc sang thì chặt cho cầu đứt. Lại lệnh cho tướng giữ Xương Giang tăng thêm quân phòng bị, hễ thấy giặc hành quân theo đường tắt thì báo ngay về Đông Quan. Lệnh cho Đoàn Phát dẫn quân chặn hậu đạo của Giao Chỉ [1].

Sai phái các đạo quân đi xong, Trãi trở về doanh trại. Thái Tổ sai dọn trà đối ẩm. Lê Thiện nói:

– Chúa thượng sai người tìm con cháu họ Trần chắc thế nào cũng kết quả. Nay nên thảo một bức thư cử người mang tới chỗ Liễu Thăng xin bãi binh, lập vua Trần cai quản đất nước là ổn nhất.

Nguyễn Trãi nói:

– Nhưng chúng có chịu bãi binh đâu?

Thiện nói:

1. Nguyên chữ: "Điều quân thế này, có thể nói không bỏ sót một mũi tên".

– Vẫn biết là chúng không chịu, nhưng tới lúc đó ta diệt chúng, sẽ không có gì hối hận.

Thái Tổ nói:

– Giặc mạnh lắm, không dễ mà phá được chúng đâu!

Thiện nói:

– Hôm trước thần xem thiên văn, thấy sao tướng ở vùng trời phía Bắc lắc lư muốn rơi, nội trong 3 ngày nữa, Liễu Thăng ắt chết.

Thái Tổ nhìn sang Nguyễn Trãi, hỏi:

– Quân sư cũng nghĩ như vậy?

Trãi đáp:

– Thần đã bày Thái ất, thấy sao khách gặp vận cùng, không chỉ Liễu Thăng, mà cả đến tướng văn, tướng võ cùng các công thần khác của nhà Minh cũng sẽ chết gần hết.

Thái Tổ bèn tin, liền viết thư sai người mang đến chỗ Liễu Thăng.

Liễu Thăng nhận được thư không thèm mở ra xem, trao cho thuộc hạ tâu lên triều đình. Thăng nói với các tướng:

– Mặc dù như thế, ta sang chuyến này phải diệt cho kỳ hết bọn chó má phương Nam mới hả!

Hoàng Phúc can rằng:

– Giặc đã hàng, cứ bãi binh là hơn, để đại quân đỡ vất vả. Anh em bọn họ mưu mẹo khiếp lắm, ta không dễ mà được an toàn.

Thăng nói:

– Sao Thượng thư quá sợ chúng thế? Anh em Lê Lợi mỗ biết rõ lắm, có thể bắt chúng như chim ưng tóm vịt trời.

Phúc khổ sở khuyên can, Thăng vẫn không nghe, cứ cho quân đánh vào quan ải.

Thật là:

Không chịu thành tâm nghe khuyên gián,
Chỉ mong lòe bịp sính kiêu hùng.

Chưa biết đánh vào quan ải như thế nào, hãy xem phần sau sẽ rõ.

HỒI THỨ NĂM MƯƠI TÁM

Phá bảy đồn, Liễu Thăng được thể,
Bắn một phát, Thái Tổ oai thần.

Lại nói Liễu Thăng không chịu nghe sự can ngăn của Hoàng Phúc, dẫn quân đi đánh quan ải. Bấy giờ đại tướng giữ ải là Xa Tam thấy Thăng đến, kêu rằng:

– Tên địch họ Liễu muối mặt kia! Chúa của ta đã hòa, còn đến đây khiêu khích. Muốn nộp mạng phải không?

Thăng nói:

– Ta đến lấy đầu chúa ngươi đây!

Xa Tam vờ nổi giận giơ thương đón đánh. Đấu với nhau được bốn năm hiệp, Xa Tam giả thua. Liễu Thăng vẫy quân xáp tới. Xa Tam bỏ ải chạy trốn.

Thăng đuổi tới Cách Lâm, không thấy Xa Tam đâu cả, chỉ nghe một tiếng súng nổ, một viên tướng dừng ngựa giơ đao quát lớn:

– Tên tặc nô không biết ta là ai sao?

Thăng không thèm đáp, phi ngựa tới đánh. Triệu Hộ giao chiến với Thăng hơn mười hiệp, vờ thua chạy. Thăng lại đuổi theo, nhưng không biết Hộ đi đâu. Trời tối Thăng thu quân đồn trú.

Sáng hôm sau, Thăng tiến quân đến Cừ Lĩnh, thấy Văn Lịch đã dàn bày thế trận. Thăng đảo mắt nhìn, thấy quân Nam toàn già yếu, liền cười nói:

– Lê Lợi dùng binh như thế này mà Hoàng Thượng thư lại đề cao quá mức!

Nói chưa dứt lời, đã thấy Văn Lịch gọi lớn:

– Sao ngươi dám xâm phạm bờ cõi của ta? Muốn bảo toàn tính mệnh phải quay cờ về Bắc, bằng không sẽ bị băm thây thành trăm mảnh.

Liễu Thăng nói:

– Tụi Giao Nam chúng bay hãy mau mau nộp thủ cấp cho ta!

Văn Lịch vờ tức giận múa giáo đến đánh. Thăng cười ha hả, lệnh

cho Đô đốc Thôi Tụ ra ứng chiến. Văn Lịch nói:

– Hãy bảo Liễu Thăng của ngươi đến đây.

Tụ nói:

– Đại tướng của ta lẽ nào lại đi đọ sức với lũ chuột bọ các ngươi sao?

Lịch xáp lại giao chiến. Đấu với nhau được sáu bảy hiệp, Lịch lại vờ bỏ chạy. Thôi Tụ sấn tới nói:

– Thằng nhãi con khoác lác sao không trở lại đánh?

Lịch múa giáo quay lại. Đấu với nhau ba bốn hiệp, Lịch lại bỏ chạy. Liễu Thăng xua quân tới, Lịch chạy càng nhanh hơn.

Thăng đuổi theo đến Hàn Khê, thấy Phạm Đán kéo quân ra đón đánh. Thăng thừa thế xông vào chém giết. Đán chống đỡ không nổi bèn rút chạy. Bỗng nghe trống đánh vang lừng, phục binh nhất tề nổi dậy. Thăng nhìn thấy toàn là những lính tráng mỏi mệt, vỗ tay cười nói:

– Quân mai phục thế này mà gọi là trác tuyệt?

Bèn vẫy quân tới đánh. Quân Nam tan chạy cả.

Thăng tiếp tục tiến quân đến Quỷ Môn Quan, thấy trong cửa ải dựng một cây cờ lớn, với dòng chữ "Khâm mệnh Đại tướng quân họ Cao". Sau cờ, thấy có một người cầm đao "khai lộ", cưỡi ngựa "hoàng tông" đang đứng. Thăng sai người gọi tướng của đối phương ra nói chuyện. Tụ vâng lệnh đến gọi. Cao Đoan không thèm trả lời, vẫy quân ra đánh. Thăng cả giận xua quân đánh trả. Hai bên còi trống inh ỏi, tiếng la hét vang trời dậy đất. Đánh nhau suốt từ giờ Ngọ đến giờ Dậu [1], Đoan thua chạy. Thăng khua chiêng thu quân, truyền lệnh:

– Hôm nay trời đã tối, các tướng tạm nghỉ. Ngày mai canh năm sẽ tiếp tục tiến quân.

Các tướng đều tuân lệnh.

Đến canh năm, sau ba hồi trống, Thăng cho các cánh quân tiến đến trại Thanh Giang. Vừa tới nơi, thấy Doãn Hài kêu lớn:

– Các ngươi liên tiếp phá 5 đồn cũng chẳng có gì là ghê gớm. Nay ta đang ở đây, bọn các ngươi dẫu chắp cánh cũng không thể bay qua được.

Thăng nghe nói, lên phía trước quan sát, thấy thành rào sơ sài, cười bảo:

---

1. Từ giữa trưa đến chiều tối.

– Bọn quân Nam chỉ toàn phét. Thành rào thế này mà tự cho là vững chắc đây!

Nói rồi xua quân đánh mạnh. Hài không giao chiến, cứ tìm đường mà chạy. Vừa chạy, Hài vừa ngoái đầu lại gọi tổ tỉ Liễu Thăng ra mà chửi. Rồi Hài thách thức:

– Ngươi cậy mạnh cướp thành lũy của ta. Đố dám tới đây, ta chém đầu ngươi ngay lập tức.

Thăng cả giận thúc quân đuổi theo. Vừa tới Thọ Đức, Thăng đã thấy Mai Tố đem quân chặn lối đi, nói:

– Tên giặc khốn kiếp không sợ toi mạng sao? Có hai tướng quân ở đây!

Thăng thấy quân đối phương hàng ngũ rời rạc, cờ xí nghiêng ngả, lẩm bẩm nói:

– Người ta bảo bọn giặc Nam dùng binh như kiến ong tụ tập, đúng thật! Chuyến này phải chém cho được bọn man khấu mới nghe!

Nói rồi, bèn lệnh cho các tướng xông vào ẩu đả. Mai Tố thua chạy. Thấy nơi nào mình qua, đồn lũy đối phương đều liên tiếp bị phá, không ai dám chống cự, Thăng an tâm tiến thẳng đến địa giới Trấn Di. Lương Minh cùng Lý Khánh thấy vậy bèn đi vượt lên phía trước nói với Thăng:

– Nghe anh em Lê Lợi hành quân rất bài bản, lẽ đâu có chuyện ta phá liên tiếp bảy đồn của họ như vào chỗ không người? Chắc là có âm mưu gì đây, xin tướng quân cho quân sĩ tạm dừng để thăm dò thêm tình hình giặc. Chả lẽ mới thắng tí chút mà ta lại kêu căng? Quân đội nhiều ngày không được nghỉ ngơi, quá mệt mỏi nên ít nắm được tin tình báo. Không biết giữ chỗ hiểm, tính toán cân nhắc trước khi hành động, mà lại muốn đánh nhanh thắng nhanh, giả sử bị địch phục kích thì làm thế nào?

Lý Khánh gượng bệnh cố thuyết phục Thăng, nhưng Thăng chỉ ừ hữ lấy lệ.

Khi thấy Thăng tiến quân đến phía Nam dốc Đảo Mã, Lê Thiện bèn lệnh cho Đỗ Dung ra chửi bới. Tiếp đó, Nguyễn Trãi bên tả, Lê Thiện bên hữu, Thái Tổ ở giữa, Nguyễn Sản theo sau, dẫn quân nghênh địch. Liễu Thăng bị quân Nam lăng nhục đủ điều, vô cùng tức tối, một mình cùng 100 quân kỵ phóng ngựa qua cầu trước. Bỗng nghe súng nổ liên hồi, Phạm Liễu cho phục binh lao ra chặt đứt cầu.

Liễu Thăng vừa tới đầu cầu bờ nam, Lê Thiện liền hô lớn:

– Chúa thượng bắn đi!

Thái Tổ giương cung bắn trúng ngực Liễu Thăng, Thăng ngã xuống nước chết. Phía bờ nam, quân sĩ cũng hò reo đánh địch. Bên tả, Đinh Tuận xông lên chém Lương Minh rơi xuống ngựa. Bên hữu, Sùng Quang lao tới, Lý Khánh trở tay không kịp, bị Quang giết chết. Thôi Tụ ở phía sau bị kẹt không lên được, phải dẫn quân bản bộ theo đường tắt mà về. Đến Xương Giang, Tụ bị Phan Liêu ngăn đường, hớt hơ hớt hải liều chết mà đánh, nhưng quân sĩ do mới mất nguyên soái nên nhụt hết chí khí. Liêu nhân cơ hội xua tượng binh xông lên, quân Bắc hoàn toàn tan vỡ. Tụ bị bắt sống. Lang trung Trung An, Chủ sự Trần Dung, Lý Phưởng đều rút chạy. Cả ba vừa tới Thọ Đức thì gặp Mai Tố tung quân ra đánh. Trung An bị đâm rơi xuống ngựa. Dung và Phưởng thoát chết, rút chạy đến trại Thanh Giang thì bị Doãn Hài chặn lối về. Hai người túng thế phải rút kiếm ra nghênh chiến. Lý Phưởng bị Doãn Hài đâm chết. Trần Dung cướp đường chạy đến Quỷ Môn Quan, bị Cao Đoan dẫn quân ra chặn đánh, Dung bị Đoan chém chết. Riêng Chủ sự Phan Nguyên do lạc vào rừng nên mới thoát chết về được mà thôi. Bảy vạn tinh binh của Thăng thế là nướng sạch.

Bấy giờ Vương Thông được tin Liễu Thăng đánh nhau với Thái Tổ, bèn đem quân đi ứng cứu. Giữa đường Thông bị phục binh của Đoàn Phát chặn đánh, buộc phải lùi trở lại. Quân Bắc chết quá nửa, sợ hãi chạy về Đông Đô không dám ló ra.

Công bộ Thượng thư Hoàng Phúc đi sau, được tin Thăng đã chết, đại quân tan rã, liền tìm đường chạy trốn. Đến Ải Lưu, Phúc thấy phục binh nổi dậy, bên tả là Thiếu Ngại, bên hữu là Cộng Soạn vây chặt lấy Hoàng Phúc. Phúc bị bắt sống. Soạn và Ngại phát hiện đây là thầy cũ của mình, bèn xuống ngựa vái lia lịa nói:

– Đích thị sư phụ của chúng ta rồi! Giá ngày trước thầy không về Bắc thì hôm nay bọn tiểu tử đâu đến nỗi phải tới đây!

Nói xong đều khóc. Xa Tam lệnh cho quân sĩ bắt Hoàng Phúc nhốt vào cũi giải về Trấn Di để bẩm báo.

Thật là:

Sư đệ một niềm không bội nghĩa,
Quân thần tấc dạ dám quên ơn!

Chưa biết bẩm báo thế nào, hãy xem phần sau sẽ rõ.

HỒI THỨ NĂM MƯƠI CHÍN

Cứu Hoàng Phúc, Thiếu Ngại xin chết,
Lập Trần Cao, Thái Tổ cầu phong.

Lại nói sau khi bắt sống Hoàng Phúc và thu nhặt được các thứ bản vẽ, giấy tờ, Soạn và Ngại lệnh cho Xa Tam đưa hết về Trấn Di chờ lệnh trên. Thái Tổ sai đem các thứ nhặt được mở ra xem, thấy có cuốn *An Nam địa khóa*, bản khảo sát địa lý phong thủy An Nam, đây là di cảo của Cao Biền, có kèm theo phần chú giải của học trò Hoàng Phúc. Thái Tổ cười nói:

– Ngài Hoàng Phúc tự cho là nhà phong thủy nổi tiếng, vậy mà không bảo vệ được bản thân, nay tránh sao khỏi cái chết?

Phúc nói:

– Nếu mỗ mà bị hành hình, thì điều này không hợp với tinh thần địa lý phong thủy.

Thái Tổ nói:

– Gươm đã kề cổ mà vẫn chưa hay, còn bảo là không chết.

Phúc nói:

– Mỗ chỉ e có gươm mà không giết được người, lại tự giết mình thôi.

Thái Tổ nổi giận sai đem ra chém.

Võ sĩ vừa điệu Thượng thư Hoàng Phúc ra, chợt thấy Lê Công Soạn chạy tới ôm chầm lấy Phúc. Thiếu Ngại sấn tới phía trước lạy lia lịa xin chết thay cho Thượng thư. Thái Tổ nói:

– Ta giết giặc thù, ông việc gì phải cứu hắn?

Thiếu Ngại tâu rằng:

– Thần và Công Soạn từng theo học Hoàng Thượng thư. Lúc mới bắt ông ta, do quan hệ thầy trò, lẽ ra nên thả. Nhưng nghĩ đến đạo vua tôi, không dám vị tình riêng, nên đã giải ông ta về đây dâng nộp. Thần xin tình nguyện chết thay cho thầy, có gì phải ân hận.

Thái Tổ nói:

– Trẫm chả lẽ ra giết sủng tướng mà tha cho kẻ thù?

Nguyễn Trãi tâu rằng:

– Phó Quân sư sai Soạn và Ngại phục binh nơi ấy, chắc có ý để hai tướng đền ơn đáp nghĩa cho thầy?

Thiện nói:

– Quả có như thế! Trước đây cử hai tướng đi, đoán thế nào cũng bắt được Phúc, và chắc hai trướng không vì tình riêng mà bỏ phép công. Dâng tù binh dưới trướng, đó là lòng trung thờ vua; xin thay chịu cực hình, ấy là đạo nghĩa thờ thầy. Mong Chúa thượng rộng lòng tha thứ để hai người được vẹn toàn trung nghĩa.

Thái Tổ bèn tha chết cho Hoàng Phúc.

Phúc vào tạ ơn rằng:

– Dân nước Nam khổ về chinh chiến, xin Đại vương khải hoàn, cho binh lính bảo vệ nước Nam. Mỗ sẽ về triều tâu xin bãi binh để hai nước được yên ổn vô sự, đó là điều may mắn lớn của thiên hạ.

Thái Tổ nói:

– Được!

Phúc cáo biệt ra về, Thái Tổ đưa mắt trông theo. Thiện và Trãi tiễn Phúc đến nửa đường mới quay trở lại. Công Soạn và Thiếu Ngại dẫn 1.000 quân đưa Phúc ra quan ải. Các thổ hào địa phương mang lương thực đến cho, dùng kiệu khiêng Phúc đi, đem vàng bạc tặng biếu Phúc.

Khi Phúc ra khỏi biên cảnh, Soạn và Ngại nằm lăn ra khóc lóc. Phúc khuyên giải rằng:

– Lê vương là vị chúa anh hùng, rất đáng để các em phụng sự. Nên trở về khuyên Vương bãi binh, chính thức lên ngôi báu, cử người sang Trung Quốc giao thiệp, giảng hòa. Nếu không ai dám đi thì các em cứ xin đi, lúc đó thầy trò ta sẽ lại gặp nhau.

Nói xong, từ biệt.

Phúc về tới Long Châu, đem các thứ người nước Nam tặng biếu trao cả cho quan sở tại. Bấy giờ Mộc Thạnh và Lý Chấn đang hội quân ở Vân Nam chưa dám tiến sang. Phúc trước tiên đưa thư gọi bọn Mộc Thạnh trở về, tiếp đó sai người tới Nam Ninh bắt Cố Hưng Tổ hạ ngục.

Soạn và Ngại quay về Trấn Di, chợt có người đến báo Trần Cao từ Lão Qua về. Thái Tổ dẫn quần thần văn võ ra tận cổng đón Cao

vào trong trướng. Sau một hồi hàn huyên, Lê Thiện nói:

– Minh chủ [1] vừa mới về, mà Giao Chỉ thì chưa giành lại được, vậy xin Minh chủ đem quân hỏi tội giặc, chứ đâu có chuyện để chúng yên giấc ngáy pho pho!

Thái Tổ nói:

– Phải đấy!

Bèn đem quân ra đánh Giao Chỉ.

Bấy giờ Vương Thông biết Liễu Thăng đã chết, sợ hãi cuốn giáp đến trại quân Nam xin cùng Thái Tổ lập đàn giao hẹn rút quân. Thái Tổ sai người soạn tờ biểu gửi vua Minh xin phong cho Trần Cao. Vương Thông cử Chỉ huy Khám Trung cùng với người do phía Thái Tổ cử ra mang tờ biểu và lễ vật lên đường sang Trung Quốc. Nội dung bài biểu như sau:

"Bề tôi nước An Nam là Trần Cao cúi đầu dâng lời: Thần là cháu ba đời của Trần Nhật Khuể, trước đây bị bề tôi phản nghịch là cha con Quý Ly cướp nước, giết hại họ Trần, thần phải chạy sang Lão Qua để sống nốt những ngày còn lại, chốc đã 20 năm. Nay người trong nước nghe tin thần vẫn còn sống, buộc thần phải trở về. Mọi người đều nói Thiên tử sau khi dẹp được giặc Hồ, liền có chiếu chỉ dò tìm con cháu họ Trần để lập lên làm vua, nhưng vì chưa được ai nên tạm dựng chế độ quận huyện. Nay dân chúng đều muốn thần làm tờ trần tình để đề đạt ý kiến. Ngửa trông ơn trời đất sinh thành, xin dâng biểu mong bề trên soi xét".

Minh Tông đọc xong tờ biểu, mật đưa cho Trương Phụ xem. Phụ thưa rằng:

– Không thể như thế được. Tướng sĩ vất vả suốt bao nhiêu năm trời mới có đất ấy. Tờ biểu này là do sự xảo quyệt của Lê Lợi mà ra. Ta nên đưa thêm quân sang để giết tên giặc đó [2].

Thượng thư Kiển Nghĩa và Hạ Nguyên Cát đều nói:

– Không nên bỏ rơi công lao và để lộ mặt yếu của ta cho giặc thấy.

Đại học sĩ Dương Sĩ Kỳ và Dương Vinh nói:

– Từ độ dấy binh đến giờ thiên hạ không năm nào được yên ổn. Nay vết thương chiến tranh chưa hàn gắn mà lại tiếp tục ra quân

---

1. Chỉ Lê Lợi
2. Nguyên chú: "Mời tướng quân cùng sang nhé".

thần không nỡ nghe nữa. Huống hồ việc tìm lập hậu duệ họ Trần vốn là bản tâm của Thái Tông Hoàng đế. Vì tìm chưa được nên mới đặt quận huyện, từ đó họa hoạn nối theo nhau, chỉ chuốc âu lo cho Tiên đế. Nay nhân dịp họ cầu xin, ta hãy vỗ về, bù khú cho họ để yên lòng dân chúng, đó là cách tiện lợi nhất. Nhà Hán bỏ Chu Nhai, sử sách đời trước khen là hành động sáng suốt, sao lại bảo là để lộ mặt yếu cho người ta thấy?

Tuyên Tông nói:

– Lời hai khanh rất phải. Trẫm vốn hiểu ý của Tiên đế.

Ngày hôm sau đưa tờ biểu của Cao ra cho quần thần xem và giải thích rõ ý tưởng bãi binh dưỡng sức dân của Tuyên Tông, được quần thần đặc biệt tán thưởng. Nhân đó, lấy Lễ bộ Thị lang Lý Kỳ và Công bộ Thị lang Lã Nhữ Kinh làm Chánh sứ, Thông chính sứ Hoàng Vân và Thượng khanh Từ Vĩnh Đạt làm Phó sứ mang tờ chiếu sang dụ bảo An Nam rằng:

"Hậu duệ họ Trần đang còn, người trong nước xin phong Cao làm vua, mãi mãi vâng mệnh triều cống. Các chức sắc lớn nhỏ đã báo cáo tình hình thực tế, nên nay sai sứ sang thụ phong như kiểu đời Hồng Vũ".

Lại sắc cho Vương Thông và các viên trấn thủ nội ngoại, vệ sở ba ty, quan lại văn võ các phủ huyện châu ngay trong ngày nhận được sắc lệnh, phải mang toàn bộ gia quyến cùng về nước.

Thật là:

Nước Nam chúa lại hoàn ngôi cũ,
Đất Bắc tôi về với chức xưa.

Chưa biết về Trung Quốc như thế nào, hãy xem phần sau sẽ rõ.

HỒI THỨ SÁU MƯƠI

Trần Cao tạ thế ở Nam cung,
Lê Tổ lên ngôi tại Đông các.

Lại nói Tuyên Tông sắc cho bọn Vương Thông mang quân về triều. Thái Phúc không may chết ở Đông Quan, được Thái Tổ cho khâm liệm trong quan ngoài quách. Thái Tổ lại sai đem xác các tướng nhà Minh tử trận trước đây thiêu thành tro, đựng vào hộp gỗ mang về để ngoài cửa thành Đông Đô, lập đàn cho tướng sĩ Bắc triều đến tế. Thái Tổ sau khi dẫn tướng sĩ tới điếu, cho phép quân Bắc chở các hộp tro về nội địa an táng, Vương Thông từ biệt Thái Tổ lên đường.

Bính Ngọ, năm thứ 9 (Minh Tuyên Tông năm thứ 3), tháng 4 nhuận, Vương Thông về tới Kinh, quần thần đàn hặc Thông cùng bọn Lương Anh, Thôi Tụ, Triều đình luận tội: Vương Thông hành quân thất lợi, làm chết quân, mất đất; Sơn Thọ bao che cho bọn phản tặc; Mã Kỳ gây biến ở biên phương; tất cả đều phải tội chết. Chiếu sai Hà Trung thông báo tình hình cho gia đình các tội nhân biết. Bọn Lương Anh cũng bị trị tội theo mức độ khác nhau. Lại xuống chiếu phong tặng cho những bề tôi vì công việc mà tử tiết ở An Nam; số còn lại như Chu Quảng, Tập Tụ, Lỗ Quý, Lý Trung đều bị giết. Hoàng Phúc và Mộc Thạnh đều được miễn xét xử, ở đây không nhắc tới.

Lại nói lúc Thái Tổ tiễn Vương Thông, có sứ giả nhà Minh là Lý Kỳ tới để cùng Thái Tổ bàn chuyện giảng hòa. Công việc xong xuôi, khách được đưa về công quán nghỉ ngơi. Thái Tổ sai bày tiệc chiêu đãi. Bỗng nhiên vệ sĩ vào báo cáo rằng:

– Trần Cao bị đi tả, tình hình rất nguy ngập.

Thái Tổ cả sợ, liền từ biệt sứ giả về cung để thỉnh an. Lúc tới nơi thì Trần Cao đã tắt thở. Thái Tổ khóc òa lên nói:

– Trời khiến nước Nam vô chủ ư, sao cướp Trần Cao nhanh thế?

Lý Kỳ cũng đến thăm, thấy Trần Cao quả thực đã chết. Lý Kỳ nói:

– Trời không muốn họ Trần hưng thịnh thì mọi toan tính của con người cũng chỉ uổng công thôi!

Thái Tổ cắt đặt quần thần cử hành tang lễ xong, bèn trở ra công quán bàn công việc với sứ giả. Lý Kỳ nói:

– Minh công tự làm vua đi thôi! Dâng biểu nói Cao đã chết, xin thay cai quản đất nước.

Thái Tổ nói:

– Nếu mỗ làm như vậy, đời sẽ bảo Lê Lợi cướp nước của Trần Cao, mỗ không đâu!

Quần thần đều nói:

– Nếu Chúa thượng nhất định không làm vua thì bọn tướng lĩnh chúng tôi sẽ hết chỗ trông mong, chỉ còn cách giải tán. Đến nước ấy thì giặc giã sẽ nổi lên, thiên hạ không còn một mống.

Nói vừa dứt lời, đã thấy nhân dân cùng các vị bô lão kéo đến xin Đại vương lên ngôi. Lý Kỳ cùng nhiều người đều nói:

– Lòng dân đã như vậy, tránh sao cho được?

Đến lúc này Thái Tổ mới chịu nghe, bèn soạn tờ biểu kén người mang sang Trung Quốc. Nhưng các tướng đều ngại không dám đi, duy Công Soạn đã hăng hái nhận lời, được Thái Tổ ưng thuận.

Lê Công Soạn lên đường đi sứ, trao trả cho Bắc quốc 3.000 tướng tá lớn nhỏ, 15.170 sĩ tốt, 1.240 con ngựa, riêng số người chết không kể.

Bọn Sĩ Kỳ cùng Công Soạn tới Bắc Kinh dâng tờ biểu lên. Tuyên Tông họp quần thần bàn rằng:

– Thời Văn Hoàng trước đây có mấy độ dùng binh, vì Giao Chỉ không chịu thần phục. Nhiều người cho rằng xưa kia, đây là đất cơ mi[1], chỉ quan hệ với Trung Quốc về mặt chức cống, dù có được đất ấy cũng không đáng lập làm quận huyện. Văn Đế nghe những lời này tỏ ra không bằng lòng, nhưng bây giờ thì bắt đầu được chứng thực. Tuy tờ biểu của Lê Lợi thực hư thế nào chưa biết, nhưng đã có ý định bỏ đất ấy thì bất tất phải bận tâm.

Trương Phụ nói:

– Lê Lợi là tay tráo trở, chống lại quân vua, xin bắt Công Soạn tống giam rồi giết đi cho khuất mắt.

Công Soạn bị hạ ngục được vài hôm, Phụ sai dẫn ra, lấy vỏ ngao úp kín cả hai mắt, rồi đem bỏ ngoài bờ thành, không cho ăn uống gì

1. *Đất cơ mi:* nơi mà Trung Quốc chỉ có thể ràng buộc lỏng lẻo thôi, không can thiệp sâu vào nội tình được.

cả, sau đó Phụ vào tâu cho vua biết.

Bấy giờ Hoàng Phúc về triều, thấy có người đang phanh áo nằm ngửa bên thành, nom kỹ thì ra Công Soạn. Phúc lặng lẽ không nói gì. Nhưng bề tôi đi theo Phúc hỏi Công Soạn:

– Sứ giả phương Nam nằm đói meo thế này, làm sao chịu nổi?

Công Soạn nói:

– Ta đang phơi hòm sách Ngũ kinh đấy thôi!

Hoàng Phúc về nhà sai lấy cám gạo vê thành những viên tròn rồi bí mật cho vào bít tất, đến bên thành móc ra bỏ cạnh Soạn, Soạn mò nhặt lấy mà ăn, nhờ thế sau bảy ngày vẫn sống. Tuyên Tông bảo người ra xem, thấy Công Soạn vẫn cao đạo ngâm nga không ngớt. Sai nhân về tâu lại. Tuyên Tông hỏi Hoàng Phúc:

– Y thư nói người ta bảy ngày không ăn thì chết, sao sứ giả phương Nam đã chín ngày không ăn mà vẫn chưa chết?

Phúc thưa:

– Thần trông anh ta thuộc hạng thông minh tuấn dị chứ không phải người thường. Anh ta không chết như vậy hẳn là có thần linh giúp đỡ. Mong hệ hạ hãy thả anh ta đi!

Tuyên Tông bèn tha cho Công Soạn và gọi vào triều chờ lệnh chỉ.

Công Soạn vào điện Văn Hoa lạy tạ. Tuyên Tông nói:

– Trẫm có cuốn *Đại học diễn nghĩa* bị đóng lộn và rách mất nhiều chỗ, nếu ngươi có thể chép lại tường tận đầy đủ, thì trẫm sẽ tha cho về!

Soạn xin mang cho giấy bút, ngồi ngay tại sân chầu viết liền một mạch toàn bộ cuốn sách, có kèm theo các dòng cước chú, trên dưới lớn nhỏ không sai một chữ, xong dâng lên cho vua Minh xem. Tuyên Tông khen nức khen nở, bèn ban thưởng úy lạo Công Soạn và thả cho về.

Công Soạn về tới An Nam vào triều bái yết xong, quần thần xin Thái Tổ tới Đông các chọn ngày tức vị Hoàng đế, lấy tên nước là Đại Việt, đặt niên hiệu là Thuận Thiên.

Bính Ngọ, Thuận Thiên năm thứ 1, mùa thu, tháng 8, ngày Bính Ngọ đại xá thiên hạ, phong thưởng cho các công thần. Phong Nguyễn Trãi làm Thái bảo Tế Văn hầu; Lê Thiện làm Thái phó Hưng Bang công. Thiện cố từ chối nói:

– Thiện may được làm Hoàng đệ, thế là vinh hạnh cùng cực rồi, không dám lạm dự triều chính.

Thái Tổ bèn thôi. Lại thăng cấp, đề bạt các quan lại lớn nhỏ, khen tặng những bề tôi tiết nghĩa. Mở khoa thi chọn kẻ sĩ. Các việc giấy tờ, điều động, sai phái đều cốt đơn giản, gọn nhẹ. Thiên hạ thái bình, sĩ nông công thương đều vui với nghề nghiệp. Triều đình nhàn nhã, biên cảnh yên tĩnh, đất nước trở thành xứ sở ấm no hạnh phúc.

Thế mới biết kẻ có đức ắt được trời giúp, người theo; vốn không cậy phú cường mà thiên hạ vẫn tự bình trị.

HẾT

NGÔ GIÁP ĐẬU

HOÀNG VIỆT LONG HƯNG CHÍ

NGÔ ĐỨC THỌ – MAI XUÂN HẢI – NGUYỄN VĂN NGUYÊN *Dịch*
NGÔ ĐỨC THỌ *Giới thiệu, và chỉnh lý*

LỜI GIỚI THIỆU

Bộ tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi *Hoàng Việt long hưng chí* này nguyên văn bằng chữ Hán, do Ngô Giáp Đậu, quê ở Tả Thanh Oai, thuộc dòng dõi Ngô gia văn phái soạn, kể lại những diễn biến của một giai đoạn lịch sử có nhiều biến động chính trị, quân sự ảnh hưởng sâu rộng đến vận mệnh của dân tộc ta.

Tác phẩm bao quát trên dưới năm mươi năm từ cuối thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX. Nằm gọn trong khoảng thời gian này có một trong những trang sử đẹp nhất của dân tộc: Đó là sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, dẫn đến sự sụp đổ của chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong, triều đình Lê–Trịnh ở Đàng Ngoài và chiến thắng mùa xuân Kỷ Dậu (1789), đánh tan cuộc xâm lăng của quân nhà Thanh. Ngoài các tác phẩm sử học, góp phần tái hiện thời oanh liệt này, về văn học chúng ta đã biết đến thành công của tiểu thuyết *Hoàng Lê nhất thống chí*. Nhưng tác phẩm này không đề cập toàn diện phong trào Tây Sơn, nhất là những sự kiện trước khi Nguyễn Huệ tiến quân lấy Phú Xuân (1786), những sự kiện trong nội bộ triều Tây Sơn và quan hệ đối địch giữa Tây Sơn với thế lực phục thù của Nguyễn Ánh.

Để dễ theo dõi thời kỳ này, có lẽ bạn đọc nên ghi nhớ một niên đại: Năm Giáp Ngọ, 1774. Hai thế kỷ từ năm này trở về trước, trên lãnh thổ nước ta tồn tại hai chính quyền đối địch nhau, lấy sông Gianh làm ranh giới. Sau nhiều trận đánh với quy mô lớn, không bên nào giành được thắng lợi, cho nên kể từ khi kết thúc trận Trấn Ninh (1672), hai bên thực tế đã hưu chiến, nhân dân cả hai miền được yên ổn làm ăn sinh sống trong vừa tròn một thế kỷ. Bất ngờ vào cuối tháng Chạp năm Giáp Ngọ, quân Trịnh do tướng Hoàng Ngũ Phúc làm Tổng chỉ huy vượt sông Gianh, tiến vào đánh chiếm Phú Xuân. Từ lúc này ở Đàng Trong, xứ Thuận Hóa, một phần Quảng Nam thuộc về quyền kiểm soát của quân Trịnh. Cũng trong khoảng thời gian này, cuộc khởi nghĩa của anh em Nguyễn Nhạc khởi lên ở ấp Tây Sơn, dùng mưu đoạt lấy trấn thành Quy Nhơn (1773), rồi tiếp tục tiến xa hơn nữa cả về phía Bắc và phía Nam. Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần ẩn lánh ít ngày ở Quảng Nam rồi dẫn tùy tòng vượt biển vào Gia Định. Không bao lâu sau, quân Tây Sơn do Nguyễn Lữ chỉ huy tiến vào đánh lấy Gia Định, Hoàng Tôn Dương chạy ra Ba Việt (Ba Vác), bị vây bức, phải tự sát; Duệ Tông lánh xuống Cà Mau cũng bị

quân Nguyễn Lữ bắt về hành quyết tại Sài Gòn (11-1777). Từ đây cho đến hết thế kỷ, hơn 25 năm, là thời gian đương đầu của Nguyễn Ánh với quân đội của vua Thái Đức Nguyễn Nhạc và của triều đình Quang Toản (từ sau 1793).

Lần thứ nhất, do Nguyễn Lữ chủ quan, chỉ để lại lực lượng phòng thủ không đủ mạnh, Nguyễn Ánh chiếm được Sài Gòn (12-1777), trụ được hơn 4 năm để gây lực lượng. Nhưng tình hình xấu đi nhanh chóng sau khi Nguyễn Ánh phản trắc giết tướng Đông Sơn Đỗ Thành Nhơn, người có công đầu trong việc đưa Nguyễn Ánh lên ngôi vương. Nắm lấy cơ hội, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đích thân đưa đại quân vào đánh. Thủy quân Nguyễn Ánh gần 500 chiến thuyền đậu ở cửa Cần Giờ bị đánh tan, Ánh phải lánh ra đảo Phú Quốc. Chỉ sau 5 tháng, các tướng Tôn Thất Mân, Lê Văn Quân đã hội binh đánh bại được quân phòng thủ Tây Sơn do Nhàn Trập và Hộ bộ Bá chỉ huy, rồi đón Nguyễn Ánh về Gia Định (5-1782). Chu Văn Tiếp, Dương Công Trừng đốc suất đắp lũy Vàm Cỏ (Thảo Câu), Cá Trê (Giác Ngư) ở hai bờ nam bắc sông Gia Định. Khi quân Tây Sơn tiến vào (2 – 1783), trận thủy chiến hỏa công của quân Nguyễn đã không ngăn được nổi đoàn thuyền của Tư khấu Nguyễn Văn Kim, Đô đốc Lê Văn Kế, lại thêm gió Đông Bắc bất ngờ thổi mạnh, các bè lửa trôi ngược lại đốt trụi tàu thuyền của quân Nguyễn. Tướng Tây Sơn Trương Tiến Thận tung quân truy kích đến tận Hà Tiên; Nguyễn Ánh phải cướp thuyền chạy ra đảo Côn Lôn. Thủy quân Tây Sơn của phò mã Trương Văn Đa dàn chiến thuyền ba vòng vây đảo, nhưng gặp cơn lốc mạnh, Nguyễn Ánh mới được thoát vây. Qua các hải đảo Cổ Cốt, Phú Quốc, rồi lại trở lại đảo Thổ Chu, thế cùng lực tận, Nguyễn Ánh nghĩ đến việc cầu viện nước ngoài. Giám mục Bá Đa Lộc đưa hoàng tử Cảnh xuống thuyền đi Pondichéry, để từ đây đáp nhờ tàu biển qua Paris xin vua Pháp cho quân cứu viện. Một mặt Ánh lại sai người sang xin Xiêm cho đến tị nạn ở Băng Cốc.

Sẵn mưu đồ thôn tính Cao Miên và Nam Việt, vua Xiêm là Chất Tri (Chakkri) sai Chiêu Tăng, Chiêu Sương thống lĩnh 2 vạn thủy quân và ba trăm chiến thuyền đưa Nguyễn Ánh về nước. Lại thêm 3 vạn quân bộ do Sa Uyển và Chiêu Thùy Biện chỉ huy theo đường núi qua Chân Lạp tiến xuống để phối hợp. Quân Xiêm đi đến đâu cướp phá, giết chóc tàn bạo tới đó, khiến cho dân chúng căm ghét phỉ nhổ Ánh là kẻ "cõng rắn cắn gà nhà". Bên Tây Sơn lúc đầu bất lợi: Chưởng Cơ Bảo tử trận. Phò mã Trương Văn Đa thua chạy về Long Hồ. Tin nguy cấp báo về Quy Nhơn. Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ được lệnh đưa thuỷ quân vượt biển vào cứu ứng. Nguyễn Huệ tới nơi (1-1785), liền tung quân đi chặn giữ không cho quân Xiêm tiến về Sài Gòn. Bấy giờ quân Xiêm tập trung ở Trà Tân, Tiền Giang, chuẩn bị đánh chiếm Mỹ Tho. Rạng sáng 19-1-1785, đoàn thuyền của quân Xiêm qua cửa sông Rạch Gầm, tiến vào cửa sông Xoài Mút thì lọt vào giữa trận địa mai phục thủy bộ, liền bị đại quân của Nguyễn Huệ bất ngờ tung ra đánh. Quân Xiêm bị chặn đầu khóa đuôi, hơn 300 chiến thuyền bị đánh đắm, phá hủy, năm vạn quân của Chiêu Tăng, Chiêu Sương bị tiêu diệt, chỉ còn vài

nghìn tên sống sót theo chủ tướng chạy lên bộ, cướp thuyền nhỏ của dân ven biển trốn về nước. Hai con sông nhỏ Rạch Gầm – Xoài Mút từ đây trở nên nổi tiếng cùng với chiến công vang dội đầu tiên của vị anh hùng Nguyễn Huệ mà bốn năm sau sẽ cưỡi trên lưng ngựa chỉ huy đoàn quân làm nên chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa lịch sử. Nguyễn Ánh và một nhúm tùy tòng lại một lần nữa phải lưu vong sang sống nhờ bên đất Xiêm.

Kinh hoàng vì trận Xoài Mút, người Xiêm không còn mặn mà với Nguyễn Ánh. Tình hình lại xấu đi vì tin Phú Xuân thất thủ đã lọt sang Băng Cốc, lại có tin Nguyễn Huệ sai người sang giao hảo với Xiêm v.v... Rồi một đêm không trăng sao (8–1787), Nguyễn Ánh bí mật xuống thuyền rời đất Xiêm về nước. Một trong những sai lầm nghiêm trọng của bên Tây Sơn là do bất hòa trong anh em Nguyễn Nhạc, xứ Đồng Nai Gia Định đã không được chú ý phòng thủ đúng mức. Nguyễn Lữ, vị chủ súy cai quản miền đất này lại tỏ ra là viên tướng ít có bản lĩnh cả về cầm quân và về việc cai trị. Vì thế, chỉ một mưu kế nhỏ do Tống Phước Đạm thi thố, khiến cho tướng lầm Phạm Văn Tham đã đầu hàng, Nguyễn Lữ vội bỏ chạy về Quy Nhơn! Chỉ thêm vài trận đánh nhỏ, Phạm Văn Tham bị đánh bại, Nguyễn Ánh lại đưa quân vào Gia Định.

Do những khó khăn nội bộ như đã nói, lần này Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ thực tế không còn khả năng tái chiếm Gia Định. Trái lại, Nguyễn Ánh được rảnh rang sắp đặt công việc cai trị có quy củ, mở trường đúc súng, lập xưởng đóng chiến thuyền, lực lượng quân sự được củng cố tăng cường, Nguyễn Ánh do đó có điều kiện đưa quân đánh nống ra lấy dần các địa phương của Nam Trung Bộ. Trong khi đó ở Bắc Hà, Quang Trung Nguyễn Huệ đã đánh tan 29 vạn quân Thanh, trở về Phú Xuân điều khiển triều đình. Không phải Nguyễn Huệ không nghĩ đến mối lo Gia Định, nhưng ông đã không thể với tay qua dải đất Nam phần Trung Bộ thuộc quyền cai trị của vua anh. Khai thác lợi thế đó, Nguyễn Ánh cất quân đánh tan căn cứ thủy quân của Nguyễn Nhạc ở cửa Thị Nại, tiến chiếm Bình Khang, Diên Khánh, rồi bao vây Quy Nhơn (1793).

Bấy giờ Quang Trung mới qua đời được mấy tháng, thái úy Phạm Công Hưng vâng mệnh Quang Toản đem 4 vạn quân vào cứu nguy cho Nguyễn Nhạc, nhưng lại tương kế tựu kế chiếm thành, Nguyễn Nhạc uất ức mà chết (10–1793). Do sự khuynh loát của Thái sư Bùi Đắc Tuyên (cậu Quang Toản) chính sự triều đình rối nát, các đại thần văn võ chia rẽ thành bè phái mâu thuẫn với nhau gay gắt. Tướng Trần Quang Diệu phải bỏ dở cuộc bao vây thành Diên Khánh đem quân về Phú Xuân. Quân Nguyễn tiếp tục ra lấy Phú Yên, đánh cửa Thị Nại, rồi bao vây Quy Nhơn. Viện binh Phú Xuân của Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng chưa vào tới nơi thì trấn tướng Lê Văn Thành đã mở cửa ra hàng.

Tiếp đó là cuộc bao vây thành Quy Nhơn trong hơn một năm, nổi tiếng trong chiến cuộc Tây Sơn – Nguyễn. Trung thành với chúa của mình, Võ Tánh tự thiêu ở Lầu Bát Giác, Ngô Tòng Chu uống thuốc độc tự sát, giành thời cơ cho đại quân Nguyễn Ánh đánh ra thu phục Phú Xuân (6–1801).

Quang Toản và đoàn hộ tống theo đường núi chạy ra Thăng Long, đổi niên hiệu là Bảo Hưng, lập đàn tế ở Tây Hồ, hội quân còn lại được hơn 3 vạn, lại tiến về Nam, vượt sông Gianh đánh vào cửa Nhật Lệ với hy vọng giành lại kinh đô Huế. Nhưng tình thế hầu như đã tuyệt vọng: Trận kịch chiến cuối cùng ở lũy Trấn Ninh đã ghi tên tuổi của nữ tướng Bùi Thị Xuân vào sử sách, nhưng không thể cứu cho triều Quang Toản khỏi sụp đổ. Tiền quân của Lê Văn Duyệt, Lê Chất, Nguyễn Văn Trương không bao lâu sao đó tiến quân ra lấy Bắc Thành.

Trên đây là tóm tắt những sự kiện lịch sử chủ yếu đã diễn ra trong ngót 30 năm cuối cùng của thế kỷ XVIII. Đó không chỉ là bối cảnh, mà còn là mục đích tái hiện của tác phẩm. Ngô Giáp Đậu là cháu bốn đời của Học Tốn công Ngô Thì Chí và Trung Phủ công Ngô Thì Du, các đồng tác giả của *Hoàng Lê nhất thống chí*. Bài tựa ông viết đầu sách cho thấy ông biết rõ giá trị của tác phẩm ấy và rất mong muốn được nối chí cha ông trong việc trước tác thể loại văn học chí truyện.

Ngô Giáp Đậu khởi thảo tác phẩm này vào năm cuối cùng của thế kỷ XIX. Lúc bấy giờ quan điểm thù địch với nhà Tây Sơn không còn khắt khe như trước. Vì vậy trong *Hoàng Lê nhất thống chí* mới có thể có được một đoạn bình thuật (mượn lời của một triều thần) rất có ý nghĩa như sau: "Quang Trung tuy "đắc tội" với triều ta, nhưng cũng là bậc chúa anh hùng. Cứ xem con người ấy chỉ có gậy gộc mà khởi binh đánh lấy Phú Xuân dễ hơn quận Việp, đích thân ra Thăng Long tiêu diệt chúa Trịnh, đem quân giết Nguyễn Hữu Chỉnh khiến cho vua Lê sợ hãi chạy khỏi Kinh thành; phía Bắc đuổi viện binh nhà Thanh, một trận Ngọc Hồi đủ khiến quân Ngô gãy kiếm,... xưng đế, xưng vương chẳng biết sợ ai, vừa có tài võ, vừa có tài văn, quần thần đều sợ phục".

Hơn hai thế kỷ đã trôi qua kể từ những sự kiện được nói đến trong tác phẩm. Ngày nay chúng ta có điều kiện để nhận ra rằng, hình như lịch sử là một tổng hợp lực của nhiều chuyển động nhiều khi trái ngược nhau, mà chính nó thì như một cỗ xe cứ chuyển động về phía trước. Vì thế, cả hào hùng và bi tráng là những yếu tố đan xen khó tách rời.

Vì mục đích đó, tác giả Ngô Giáp Đậu dày công tìm kiếm sử sách liên quan như các tập *Đại Nam thực lục (Tiền biên* và *Chính biên), Đại Nam liệt truyện v.v...;* và nhiều tư liệu khác để viết về thời kỳ có nhiều biến động dữ dội nói trên bằng phương cách của một tiểu thuyết chương hồi. Thể loại văn học này bắt đầu có ở nước ta tương đối muộn, số lượng tác phẩm hầu như chưa đếm hết trên đầu ngón tay. Ngoài *Hoàng Lê nhất thống chí,* gần đây có thêm cuốn *Nam triều công nghiệp diễn chí* của Bảng Trung hầu Nguyễn Khoa Chiêm (1659 – 1736) mới được giới thiệu với đông đảo độc giả [1]. *Hoàng Việt long hưng chí* của Ngô Giáp Đậu lại là một bổ sung, khiến cho khoảng cách sự kiện lịch sử giữa hai tác phẩm kể trên rút ngắn ít nhiều, và so riêng với

1. Xem Nguyễn Khoa Chiêm - *Việt Nam khai quốc chí truyện.* Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga dịch. Nxb Hội Nhà văn, H, 1994.

Hoàng Lê nhất thống chí thì nó còn vươn thêm mười chín năm về giai đoạn sau, bao quát đến hết triều Gia Long (1802 – 1819). Cả trong phần này, bạn đọc cũng có thể tìm hiểu được không ít những sự kiện đáng chú ý và nhiều nhân vật nổi tiếng trong hồi đầu triều Nguyễn.

Với mong muốn chuyển tiếp tác phẩm đến tay bạn đọc, nhóm biên dịch chúng tôi thực hiện một ít chỉnh lý về cách xưng hô, mỹ từ, sáo ngữ v.v... ở mức độ tối thiểu để không phá vỡ lôgic nội tại của tác phẩm. Việc chú thích các địa hình, nhân danh cũng chỉ hạn chế ở một ít trường hợp cần thiết để bạn đọc theo dõi tác phẩm. Về văn bản, chúng tôi có chú thích những trường hợp văn bản tác phẩm bám sát tài liệu tham khảo, nhưng có những dị biệt đáng lưu ý.

NGÔ ĐỨC THỌ

HỒI THỨ NHẤT

Định gốc nước các chúa Nguyễn dựng nền
Rối triều đình bọn gian thần chuốc oán

Chuyện nói về Thế Tổ Cao Hoàng đế triều ta dấy nghiệp trung hưng ở đất Gia Định, thu phục Phú Xuân, thu tóm Bắc Hà, cầm tù vua Tây Sơn rồi xưng đế nước Nam. Trải qua binh đao chồng chất lao khổ, lập công cao nhất, cõi Nam mở mang, thần truyền thánh kế, thật đã gây dựng cơ đồ vững chắc cho con cháu.

Xưa, Triệu Tổ Chiêu Huân Tĩnh vương họ Nguyễn, húy Hoằng Kim, quê ở Gia Miêu ngoại trang huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung xứ Thanh Hoa [1] là hậu duệ của Thái úy Trinh quốc công Nguyễn Đức Trung thời vua Lê Thánh Tông. Thân phụ của Chiêu Huân là Nguyễn Văn Lựu giữ chức Kinh lược sứ đạo Đà Giang thời Lê Hiến Tông, từng giúp vua Tương Dực dấy binh ở Thanh Hoa, có công, được phong hàm Thái phó, tước Trừng quốc công. Chiêu Huân là con trưởng, làm quan nhà Lê đến chức Hữu vệ điện tiền tướng quân, tước An Tĩnh hầu.

Năm Thống Nguyên thứ năm (1526) đời vua Lê Chiêu Tông, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê. An Tĩnh hầu giữ vẹn lòng trung với nhà Lê, chỉ muốn khuông phò chính thống. Hầu bèn rời Đông Đô [2] tìm đường lánh sang Ai Lao. Sau đó Hầu bí mật trở về miền rừng núi xứ Thanh Nghệ, tập hợp hào kiệt, đón dòng dõi nhà Lê là Lê Ninh về sách Thúy Đan lập làm vua, đặt niên hiệu là Nguyên Hòa. Đó là vua Lê Trang Tông đời Lê Trung hưng. Vua dựng hành điện ở bên bờ sông Tất Mã [3], đóng quân ở sách Vạn Lại, tấn phong An Tĩnh hầu làm Hưng quốc công. Ít lâu sau, Quốc công ăn phải quả dưa đỏ tẩm thuốc độc do hàng tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất đem biếu, rồi trúng độc mà chết, thọ 78 tuổi. Vua Trang Tông truy tặng tước hiệu là Chiêu Huân Tĩnh công, sai các quan văn võ theo nghi lễ trọng hậu

1. *Thanh Hoa:* tức Thanh Hóa, gọi theo địa danh đời Lê.
2. *Đông Đô:* tức kinh đô Thăng Long.
3. *Tất Mã giang:* tức sông Mã ở Thanh Hóa.

mai táng ở núi Thiên Tôn [1]. Về sau chúa Nguyễn Hoàng tôn phong Quốc công là Chiêu Huân Tĩnh vương.

Chúa Tiên Nguyễn Hoàng là con thứ hai của Chiêu Huân. Sau khi Chiêu Huân mất, con rể là Trịnh Kiểm, người xã Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc [2] thay giữ việc quân. Nguyễn Hoàng còn thơ ấu, nhờ có cậu ruột là Nguyễn Ư Dĩ nuôi dưỡng. Ư Dĩ cũng người xứ Thanh Hoa, là con của Thượng tướng quân phụ quốc Nguyễn Minh Biện, anh ruột bà Nguyên phi của Tĩnh vương. Ư Dĩ giữ chức Thái phó, tận tâm chăm sóc bảo dưỡng Nguyễn Hoàng, khuyên dạy cháu nuôi chí lập công danh sự nghiệp lớn.

Nguyễn Hoàng lớn lên theo vua Lê Trang Tông đi chinh chiến, nhiều lần lập công, được phong Hữu tướng quân, tước Đoan Quận công.

Bấy giờ Trịnh Kiểm đã được thăng tước Lạng Quốc công. Thấy em vợ có công lao, danh vọng, Lạng Quốc công ghen ghét, muốn tìm cách làm hại. Hoàng vì thế lấy làm lo. Nghe nói Trình quốc công Nguyễn Bỉnh Khiêm (người làng Trung Am) [3] tinh thông môn thuật số, Nguyễn Hoàng sai người đến hỏi kế sách để mưu tính chuyện lâu dài. Nguyễn Bỉnh Khiêm dạo chơi thong thả bên hòn non bộ trước sân, thấy đàn kiến bò quanh từ dưới chân núi lên, bỗng nói rằng:

Hoành sơn nhất đái
Vạn đại dung thân.

(Hoành sơn một dải
Muôn đời nương thân)

Nguyễn Hoàng nói lại chuyện ấy với cậu. Ư Dĩ bí mật sai người vào cung nói với em gái là Ngọc Bảo (vợ Trịnh Kiểm) xin Kiểm cho Nguyễn Hoàng được đi trấn thủ ở xứ Thuận Hóa. Kiểm cũng đang muốn đẩy Hoàng đi xa, hơn nữa ở đó vẫn còn quân tướng nhà Mạc, Kiểm muốn mượn tay quân Mạc để trừ khử Nguyễn Hoàng. Vì thế Kiểm xin chỉ vua Lê cho Hoàng đi trấn thủ Thuận Hóa. Mùa đông năm Mậu Ngọ niên hiệu Chính Trị 1 (1558). Nguyễn Hoàng lên đường vào Nam, năm ấy ba mươi tư tuổi.

---

1. *Thiên Tôn:* tên núi ở quê Nguyễn Kim, ở huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
2. *Sóc Sơn:* tên xã thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.
3. *Trung Am:* tên thôn, sinh quán của Nguyễn Bỉnh Khiêm, nay thuộc xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, ngoại thành Hải Phòng.

Vào xứ Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng đóng hành doanh ở xã Ái Tử [1], được bọn Tống Phúc Trị, Mạc Cảnh Huống, Nguyễn Ư Dĩ dốc lòng phò tá. Thời gian đầu, chúa chiêm bao gặp nữ thần mặc áo xanh, rồi nhờ thần giúp mưu mà đánh thắng tướng Mạc là Lập Bạo [2]. Về sau chúa lại được linh phù của thần mẫu, bèn cho dựng chùa Thiên Mụ [3]. Sau đó chúa vâng mệnh vua Lê, kiêm giữ chức trấn thủ Quảng Nam, được tùy nghi hành sự, chỉ cần giữ lệ cống nạp hàng năm.

Xứ Thuận Hóa nguyên là đất Chiêm Thành. Khoảng niên hiệu Hưng Long (1293 – 1314), đời Trần Anh Tông, vua Chiêm Thành là Chế Mân sang cầu hôn, xin nộp đất Ô, Lý làm sính lễ. Vua Trần gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân để đổi lấy Ô, Lý; đặt làm hai châu Thuận và Hóa. Đến đời Lê, vua Thánh Tông, đổi làm Thuận Hóa thừa tuyên. Xứ Quảng Nam xưa cũng là đất Chiêm Thành. Khoảng niên hiệu Hồng Đức (1470–1497) đời vua là Lê Thánh Tông, vua Chiêm là Bàn La Trà Toàn đem quân ra đánh Thuận Hóa, vua Thánh Tôn đích thân cầm quân đi đánh, phá thành Chà Bàn, bắt sống Trà Toàn, lấy đất đặt làm Quảng Nam thừa tuyên. Phía Bắc hai xứ ấy có dãy Hoành Sơn và sông Triền giang [4] hiểm trở, phía Nam có đèo Hải Vân và núi Bi Sơn chắn ngang. Trong núi có vàng, đồng, dưới biển nhiều cá, muối. Thật là đất dụng võ cho bậc anh hùng.

Nguyễn Hoàng trấn giữ hai xứ Thuận, Quảng, thu phục nhân tài, cắt đặt chức việc, ban ơn huệ để cố kết lòng người. Khi Chiêm Thành sang xâm lấn biên giới, Chúa sai Chủ sự Văn Phong đi đánh dẹp, lấy đất đặt làm phủ Phú Yên, các bọn giặc núi, cướp biển trước sau đều bị dẹp tan. Rồi chúa thu quân, ra Đông Đô giúp nhà Lê đánh giặc. Sau tám năm, Chúa đem quân về Nam [5] lại đóng trị sở ở Dinh Cát [6]. Chúa ở trấn năm mươi sáu năm, thọ 89 tuổi (1525 – 1613) được Sãi vương

1. Xã Ái Tử nay thuộc huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

2. Lập Bạo tức Lập quận công.

3. *Thần mẫu:* chỉ vị thần tương truyền đã hiển linh ở xã Hà Khê, huyện Hương Trà nói lời tiên tri phù trợ cho chúa Nguyễn Hoàng, chúa bèn cho dựng chùa thờ Phật (đặt tên là chùa Thiên Mụ), như lời nữ thần đã dặn.

4. *Triền giang:* chỉ sông Linh giang (sông Gianh), chưa rõ Triền giang là một tên gọi khác hay văn bản chép lầm.

5. Trịnh Tùng thu phục Thăng Long 3-1593, hai tháng sau Nguyễn Hoàng từ Thuận Hóa đem tướng sĩ, voi ngựa, thuyền ghe ra Kinh đô chào mừng, ở lại giữ chức Thái úy, giúp đánh dẹp dư đảng họ Mạc, đến tháng 6-1600 bí mật đem quân trở về Thuận Hóa.

6. *Dinh Cát:* cũng gọi là Cựu Dinh hoặc Dinh Cũ, ở xã Ái Tử, huyện Triệu Phong.

tôn phong thụy hiệu là Gia Dụ. Sãi vương tên húy là Phúc Nguyên [1] là con thứ sáu của chúa Tiên Nguyễn Hoàng. Sau khi kế vị, chúa dời trấn doanh về Phú Xuân [2] bắt đầu xưng quốc tính là Nguyễn Phúc. Chúa được Đào Duy Từ phò tá, đặt dinh Ai Lao để thông với người Thượng ở phía Tây Bắc. Sau chủ sự Văn Phong thông với người Chiêm Thành làm phản, chúa sai Nguyễn Phúc Vinh (con Mạc Cảnh Huống, được ban quốc tính, sau đổi thành họ Nguyễn Hữu) đi đánh dẹp, lập dinh Trấn Biên [3]. Ở phía Bắc đắp các lũy Trường Dục, Nhật Lệ [4], lập tuyến trường, đặt thể lệ thuế khóa, dựng quy mô triều đình, mọi việc sắp xếp đâu vào đấy. Chúa Đàng Ngoài là Trịnh Tráng gây hấn, không thắng nổi phải đem quân về Bắc. Chúa Đàng Trong ở ngôi hai mươi hai năm, thọ bảy mươi ba tuổi (1562 – 1634), được Thượng vương tôn thụy hiệu là Thụy Dương vương.

Thượng vương (chúa Thượng) tên húy là Phúc Lan, con thứ hai của Sãi vương. Chúa dời cung phủ đến Kim Long, đuổi quân Trịnh đến tận Linh giang (sông Gianh), phá giặc Ô Lan [5] ở cửa Eo. Chúa ở ngôi ba mươi năm, thọ bốn mươi tám tuổi (1601 – 1648), được Hiền vương tôn thụy hiệu là Chiêu vương.

Hiền vương (chúa Hiền), tên húy Phúc Tần, con thứ hai của Thượng vương, đánh đuổi quân Chiêm Thành đến phía Đông sông Phan Rang, đặt làm hai phủ Thái Khang và Diên Ninh, đặt dinh Thái Khang ở phía Tây sông, vẫn cho lệ thuộc vào nước Chiêm Thành, chỉ ràng buộc Quốc vương Chiêm Thành là Bà Tấm hàng năm phải cống nộp; bắt giam chúa Chân Lạp là Nặc Ong Chăn, sau lại cho về nước làm phiên thần. Về phía Bắc, chúa cho đắp các lũy Sa Chuy, Trấn Ninh, Mũi Nại. Bên Trịnh luôn năm cho quân vào xâm lấn, đều bị mưu thần Nguyễn Hữu Dật, chiến tướng Nguyễn Hữu Tiến, Nguyên súy là Vương tử Nguyễn Phúc Hiệp đánh bại. Chúa

---

1. *Sãi vương:* nguyên văn chép là Phật vương, chỉ chúa Nguyễn Phúc Nguyên, chúng tôi dùng tên quen gọi ở Đàng Trong là Sãi vương.

2. *Phú Xuân:* tên xã sở tại của kinh đô Phú Xuân (Huế). Bản của VĐBC chép nhầm là Phú Yên (do liên tưởng đến tên phủ Phú Yên ở cách trên mấy dòng).

3. Dinh Trấn Biên đời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613 - 1634) bao gồm phần đất Sài Gòn - Gia Định - Biên Hòa đời sau.

4. *Lũy Trương Dục:* ở phía Nam sông Nhật Lệ, do Đào Duy Từ trông coi việc xây đắp (1630); *lũy Nhật Lệ* ở phía Bắc sông Nhật Lệ, do Đào Duy Từ và Nguyễn Hữu Dật trông coi xây đắp (1631), đều thuộc đất Quảng Bình.

5. Chỉ thương thuyền của người Hòa Lan, việc xảy ra vào năm 1644.

cũng thu nạp các tướng của nhà Minh là bọn Dương Ngạn Địch, Trần Thắng Tài, cho Ngạn Địch đến Mỹ Tho [1], Thắng Tài ở Bàn Lân [2]. Hiền vương ở ngôi ba mươi chín năm, thọ sáu mươi tám tuổi (1620 – 1687) được chúa Ngãi vương tôn thụy hiệu là Triết vương.

Ngãi vương (chúa Ngãi) tên huý là Phúc Thái, con thứ của Hiền vương. Chúa thấy xã Phú Xuân, huyện Hương Trà có núi Bình Sơn, có sông Hương Giang, vượng khí tươi tốt [3], bèn dựng vương phủ tại đó. Chúa ở ngôi bốn năm, thọ bốn mươi ba tuổi (1649 – 1691), được Minh vương tôn thụy hiệu là Hoằng Nghĩa vương.

Minh vương (chúa Minh) tên húy là Phúc Chu, con trưởng của Ngãi vương. Chúa bắt đầu xưng quốc vương, đem quân đi đánh Chiêm Thành, bắt chúa Chiêm là Bà Tranh, lấy đất đặt làm trấn Thuận Thành, chia đất Đông Phố đặt làm phủ Gia Định, dựng dinh Phiên Trấn, mở trấn Hà Tiên, phá giặc Linh vương ở Quảng Ngãi, [4] dẹp yên dân Thượng hung dữ ở Cam Lộ. Chúa ở ngôi ba mươi tư năm, thọ năm mươi mốt tuổi (1675 – 1725), được Ninh vương tôn làm Hiếu Minh vương.

Ninh vương tên húy là Phúc Chú, là con trưởng của Minh vương, đuổi giặc Ai Lao Sá Tốt, bắt hàng vua Chân Lạp Nặc Tha. Chúa thấy đất Gia Định rộng lớn nên chia đặt châu Định Viễn và dinh Long Hồ. Chúa ở ngôi mười ba năm, thọ bốn mươi ba tuổi (1696 – 1738), được Vũ vương tôn thụy hiệu là Hiếu Ninh vương.

Võ vương tên húy là Phúc Khoát, lại húy là Hiểu, con trưởng của Ninh vương. Chúa dâng miếu hiệu các chúa đời trước, xây cung điện ở đô thành, đặt quan chế, quy định sắc phục của các quan, chia toàn cõi làm mười hai dinh: dinh Bố Chính đóng ở Thổ Ngõa, dinh Quảng Nam đóng ở Quảng Nam, dinh Phú Yên đóng ở Phú Yên, dinh Bình Khang đóng ở Diên Khánh, dinh Trấn Biên đóng ở Long Phúc [5], dinh Phiên Trấn đóng ở Tân Bình, dinh Long Hồ đóng ở Định Viễn. Duy hai phủ Quảng Ngãi và Quy Nhơn lệ thuộc vào dinh Quảng Nam, Hà

1. Nguyên chú: nay là tỉnh Định Tường.

2. Nguyên chú: nay là tỉnh Biên Hòa.

3. Sách *Dư địa chí* chép. "Miền này đất bằng như ngửa bàn tay, thoai thoải dốc xuống bờ sông trong khoảng hơn năm mươi dặm; phía trước về bên phải núi non trập trùng" (Nguyên chú).

4. Theo *Đại Nam thực lục tiền biên* (viết tắt: ĐNTLTB): có người lái buôn ở Quảng Ngãi tên là Linh (không rõ họ) tụ đảng hơn trăm người, tự xưng là Linh vương.

5. Đúng ra là Phúc Long.

Tiên tách riêng thành một trấn dinh. Cung phủ đóng ở Phú Xuân [1] gọi là Chính Dinh. Chúa đánh tan giặc người Thanh là Lý Văn Quang [2], cứu binh hoạn cho người Côn Man [3], Nam Bàn (tức Thủy Xá; Hỏa Xá), Vạn Tượng (gọi là Ai Lao, từ cuối đời Lê gọi là Vạn Tượng). Chúa bắt hàng vua Nặc Nguyên của Chân Lạp, chiếm đất Soài Rạp, Tầm Bôn; cho Nặc Nhuận trông coi việc nước rồi chiếm hai phủ Trà Vinh, Ba Thắc, lại dẹp loạn Nặc Hinh, phong cho Nặc Tôn làm quốc vương nước Chân Lạp. Nặc Tôn dâng đất Tầm Bào, Phong Long, lại cắt dâng thêm năm phủ: Hương Úc, Cần Vọt, Hân Sum, Sài Mạt và Linh Quỳnh [4]. Vương cho năm phủ ấy lệ thuộc vào trấn Hà Tiên, lại dời dinh Long Hồ về xứ Tầm Bào, nay thuộc tỉnh Vĩnh Long. Chúa cho đặt đạo Đông Khẩu ở Sa Đéc, đặt đạo Tân Châu ở Tiền Giang, đặt đạo Châu Đốc ở Hậu Giang. Chúa ở ngôi hai mươi bảy năm, thọ năm mươi hai tuổi (1714 – 1765), được Định vương tôn là Hiếu Vũ vương.

Các đời Nguyễn vương nối nhau mở mang cơ nghiệp, bờ cõi ngày càng lớn rộng, dân chúng vui thuận theo về, các bậc hiền tài thả sức thi thố tài năng, thế lực ngày càng mạnh, uy đức càng cao khiến cho nước nhỏ khâm phục, nước lớn nể vì. Thổ phỉ quấy nhiễu ở phía Nam bị dẹp tan, quân ngoại xâm ở phương Bắc bị bẻ gãy. Việc truyền ngôi kế vị phân minh, các đời đều có minh chúa, không xảy chuyện gian thần âm mưu chuyên quyền phế lập.

Lại nói Thế tử của Võ vương là Hạo [5] mất sớm. Con thứ hai của Võ vương là hoàng tử Cốn theo thứ bậc đáng được lập làm Thế tử. Võ vương sai Nội hữu Trương Văn Hạnh phò tá, muốn để ngày sau cho hoàng tử Cốn nối ngôi. Hoàng tử Cốn bèn được trao chức Chưởng cơ, thường được tham dự triều chính. Quan đại thần Ngoại tả Trương Phúc Loan biết hoàng tử Cốn thông mẫn, quả quyết, sợ ngày sau

1. Ở trên đã nói là "Chia toàn cõi làm 12 dinh, nhưng chỉ kê 9 dinh, thiếu tên 3 dinh là: Cựu Dinh đóng ở Ái Tử, dinh Quảng Bình đóng ở An Trạch, dinh Luân Đồn đóng ở Võ Xá.

2. Nguyên bản chép: Thiên Quang tặc. ĐNTLTB về năm Đinh Mão (1747) chép: Khách buôn người Thanh là Lý Văn Quang, chúa sai cơ Tống Phước Đại dẹp được. Hai chữ Thiên và Văn dễ ghép lẫn với nhau, chỉnh lý lại theo ĐNTLTB.

3. Tên gọi những người Chiêm Thành (ở Tây Nguyên) di cư đến ở đất của Chân Lạp, còn gọi là Vô tì man.

4. Năm phủ nói trên do vua Chân Lạp là Nặc Tôn dâng để tạ ơn Mạc Thiên Tứ che chở khi lánh nạn. Năm 1757, Thiên Tứ tâu lên, chúa Nguyễn Phúc Khoát cho đặt 5 phủ ấy thuộc trấn Hà Tiên.

5. Nguyễn Phúc Hạo là con thứ 9, nhưng được Nguyễn Phúc Khoát lập làm Thế tử.

không thao túng được. Sau khi Võ vương mất, Phúc Loan thấy hoàng tử thứ mười sáu là Phúc Thuần còn nhỏ, dễ chế ngự, bèn mật mưu với Thái giám Chử Đức và Chưởng dinh Nguyễn Cửu Thông đổi di mệnh lập nên. Đó là Định vương, tên húy là Phúc Thuần, lại có tên húy là Hân, được Trương Phúc Loan lập làm Chúa khi mới lên mười hai tuổi. Sau khi tôn lập Định vương, Phúc Loan sai bắt hoàng tử Cốn giam vào lãnh cung. Hoàng tử Cốn uất giận sinh ốm, khi được tha trở về phủ đệ thì mất, thọ ba mươi ba tuổi.

Thế Tổ Cao Hoàng đế (tức Gia Long) sinh ngày Kỷ Dậu, tháng Giêng, năm Nhâm Ngọ (1762), tên huý là Chủng, lại có các tên húy khác là Ánh, Noãn và Cảo (Định vương lấy nghĩa chữ Cảo là hình tượng mặt trời lúc giữa trưa mà đặt tên cho). Thế Tổ là con thứ ba hoàng tử Cốn, khi Võ vương mất ngài mới lên bốn tuổi. Trương Phúc Loan quê huyện Tống Sơn, trấn Thanh Hoa, là con thứ ba của Thái bảo Phàn quốc công Trương Phúc Phan, cháu Chưởng cơ Trương Phúc Cương, chắt thứ của Trấn thủ dinh Bố Chính Trương Phúc Hội. Phúc Loan vì là con cháu nhà thế thần mà được giữ chức Phụ quốc chính chứ không phải do bản thân có tài cán gì. Bấy giờ Loan có công tôn phò Định vương lên ngôi nên được gia thêm chức Quốc phó, Chưởng Hộ bộ, quan Trung tượng cơ kiêm Tàu vụ. Phúc Loan lại được chúa ban cho các nguồn Lệ Nguyên, Thu Bồn, Trà Sơn, Trà Vân, Đồng Hương làm ngụ lộc, thu thập thuế sản vật hàng năm bốn năm vạn quan, còn những thu nhập khác ở Hộ bộ, Tàu vụ cũng không kém ba bốn vạn quan. Ngọc vàng gấm vóc chất cao như núi, ruộng vườn, nhà cửa, nô bộc, trâu bò nhiều không đếm xuể. Con trưởng là Thặng, con thứ là Nhạc đều lấy công chúa, làm quan đến chức Chưởng dinh cai cơ, không có công như Tử Nghi, Lý Thạnh [1] mà một nhà giàu sang quyền thế chẳng kém gì Phiến Trụ, Di Viễn [2], trăm quan đều phải răm rắp tuân phục. Loan đưa người đồng đảng là Thái Sinh vào làm ở Hộ bộ, sai thuộc hạ chia giữ những bến sông hiểm yếu. Ở trong triều Loan nghếch chân lên ghế mà chẳng ai dám nói gì. Người ta gọi Loan là Trương Tần Cối [3]. Con rể của Loan là Tôn Thất Dục gọi Loan là Trương Nghiêm Tung [4]. Dục là con trưởng của Thiếu sư Luân quốc

1. Tử Nghi (tức Quách Tử Nghi) và Lý Thạnh: hai danh tướng đời Đường.

2. Phiến Trụ, Di Viễn: chưa rõ chỉ ai.

3. Ví Trương Phúc Loan như Tần Cối, gian thần thời Tống Cao (đầu hàng quân Kim).

4. Ví Trương Phúc Loan như Nghiêm Tung, gian thần đời Minh Thế Tông.

công Tôn Thất Tứ (hoàng tử thứ tám của Minh vương Nguyễn Phúc Chu). Dục học rộng tài cao, được triều đình nể trọng, lúc bấy giờ đang làm quan Hình bộ. Phúc Loan muốn kéo làm vây cánh, bèn gả con gái cho Dục để ràng buộc. Dục tuy là rể của Loan, nhưng không vì thế mà chịu khuất. Các công việc Dục đều giữ đúng phép, không a tòng theo Loan, vì thế Loan tức giận nói với Thái Sinh:

– Thằng Dục nó coi thường ta, làm việc gì nó cũng cứ nhè vào ta mà đánh. Ai đời con rể với bố vợ mà hục hặc nhau như thế?

Rồi Loan sai người vu cáo Dục mưu phản. Triều đình bắt Dục để xét hỏi, nhưng không có chứng cớ. Dục tức hăng nói:

– Kẻ giặc ấy bãi chức ta, tôn thất há chẳng còn ai dám lên tiếng răn đe hay sao?

Bấy giờ có Tôn Thất Viên và Tôn Thất Nghiễm được Định vương tin dùng [1], nhưng cả hai người này đều mê đắm tửu sắc chẳng để ý gì đến việc nước. Trương Phúc Loan vì thế càng không kiêng nể gì nữa, tự ý bán quan bán tước, xét đoán ngục tụng, thuế khóa hình phạt nặng nề, dân chúng oan ức khổ sở. Trong khoảng bốn, năm năm xẩy nhiều điềm tai dị như động đất, núi lở, sao sa, mưa máu. Trăm họ đói kém, giặc dã nổi lên khắp nơi. Giặc Triều Châu [2] nổi lên ở Bạch Mã, quân Xiêm La hãm Hà Tiên. Trong cõi từ đó xẩy ra nhiều việc rối loạn. Những người hiểu biết trong triều lo ngại bàn tán, nhưng Loan vẫn bỏ ngoài tai. Bấy giờ lại có sao chổi xuất hiện, cán sao quay về phía Đông Bắc, đầu hướng về phía Tây Nam. Quan Tư thiên tâu là sắp có tai họa binh biến. Thái Sinh thưa với Phúc Loan:

– Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài quên ơn Nam triều mà ta chưa hỏi đến. Huống chi bọn họ lại ức hiếp vua Lê, thế không thể nhịn được nữa. Quốc phó nên theo ý trời, xin lệnh chỉ của Vương thượng, rồi phát hịch kể tội họ Trịnh, nêu danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh để làm sáng tỏ đại nghĩa nhất thống. Lập được công lớn, Quốc phó lại đem quân về Nam, ung dung mũ cao áo dài ngồi giữa triều đình, còn kẻ nào dám khinh nhờn nữa.

---

1. Nguyên chú: Cả hai người này đều là con của Thái bảo quốc công Tôn Thất Điền, con thứ 12 của Minh vương (Nguyễn Phúc Chu). Viên giữ chức Chưởng thủy cơ; Nghiễm làm quan đến chức Chưởng dinh quan hai bộ Lại, Binh, lĩnh chức Quảng Nam dinh Tả phủ chương phu sự, tước Quận công.

2. Chỉ bọn Trần Thái (người Triều Châu, Trung Quốc), đóng sào huyệt ở núi Bạch Mã, bị Mạc Thiên Tứ đánh tan năm 1769.

Có người biết chuyện ấy kể lại cho quan Hàn lâm viện Nguyễn Quang Tiền. Quang Tiền người huyện Quảng Điền, học rộng biết nhiều, rất giỏi môn chiêm tinh lịch số, được bổ chức Hàn lâm viện dưới triều Võ vương Nguyễn Phúc Khoát, các việc văn thư bang giao đều do ông soạn thảo. Võ vương muốn xưng quốc hiệu, Quang Tiền sợ gây ra chuyện binh đao, nên kiên trì can ngăn chúa. Võ vương giận, bãi chức của Quang Tiền. Trương Phúc Loan chuyên quyền triều chính, sợ dư luận công chúng chê trách, lại thấy Quang Tiền là người có danh vọng, bèn xin Định vương Nguyễn Phúc Thuần phục chức cho Quang Tiền. Quang Tiền làm việc trong sảnh viện, tuy không thể ngăn cản được những việc làm của Trương Phúc Loan, nhưng vẫn lo lắng công việc triều đình. Khi biết mưu kế của bọn Thái Sinh, Quang Tiền nói:

– Đuôi sao Chổi chỉ về hướng Tây Nam, chẳng bao lâu nữa binh đao sẽ dấy lên ở đất Quảng. Nhiều năm nước nhà yên ổn, dân không biết đến việc binh, ngày thường không có binh khí đánh giặc, nếu họ Trịnh đem quân vào đánh phá thì không còn đất dung thân. Thế chẳng phải như chim én làm tổ trên mái nhà đang cháy hay sao?

Chẳng cách bao lâu, biên trấn bay thư về báo tin Nguyễn Văn Nhạc ở ấp Tây Sơn dấy loạn, hiện đã đem quân về chiếm thành Quy Nhơn.

Đúng là:

Mọt nước gian thần nhào sụp đất
Cứu nhà quân loạn khí tung trời.

HỒI THỨ HAI

Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc họp dân phản biến
Bắc triều Hoàng Ngũ Phúc thừa thế tiến quân

Lại nói Nguyễn Văn Nhạc người ấp Tây Sơn, huyện Phù Li, phủ Quy Nhơn [1]. Trước là vào khoảng niên hiệu Thịnh Đức (1653 – 1657) nhà Lê, Hiền vương Nguyễn Phúc Tần đem quân ra đánh quân Trịnh, lấy Nghệ An, bắt dân bảy huyện [2] đem về Đàng Trong phân tán cho ở các nơi. Tổ bốn đời của Nhạc người ở huyện Hưng Nguyên là một người trong số dân bị bắt đó. Cha Nhạc là Phúc dời đến ở ấp Kiên Thành, sinh được ba con trai: trưởng là Nhạc, thứ là Lữ, út là Huệ. Nhạc làm nghề buôn trầu, thường đi lại buôn bán với người Thượng. Một hôm đi qua núi An Dương nhặt được thanh kiếm, tự nghĩ là kiếm thần, đi đâu thường đem theo để lòe người. Về sau Nhạc làm Biện lại ở đồn Phú Vân, vì tiêu mất tiền công, bèn cùng em là Văn Lữ, Văn Huệ trốn vào trong núi. Anh em Nhạc tụ tập thủ hạ được hơn trăm người, đóng giữ nơi hiểm yếu để làm cường đạo. Thầy học của Nhạc là Giáo Hiến, con Trương Văn Hạnh, nói riêng với Nhạc rằng:

– Lời sấm ngữ có câu: "Tây khởi nghĩa, Bắc thu công". Ông là người ấp Tây Sơn nên gắng lên.

Nhạc cho là đúng, bèn lập đồn đóng trại ở Tây Sơn thượng đạo, chiêu nạp bọn vong mệnh làm thủ hạ. Bấy giờ gặp năm đói kém, Nhạc đem quân đi cướp các nhà giàu chia cấp cho kẻ nghèo, nhờ thế thu phục được lòng dân. Có người nhà giàu là Huyền Khê xuất tiền của giúp Nhạc. Thổ hào ở Thuận Nghĩa là Nguyễn Thung khuyến khích thêm vào. Đồ đảng ngày một đông, Nhạc bèn chia đi cướp bóc các làng ấp quanh vùng, dân các nơi ấy không chống cự nổi. Nhạc bàn với đồ đảng mưu trừ Quốc phó Trương Phúc Loan rồi đón Hoàng Tôn Dương, lập làm Chúa để yên vương thất. Bàn định xong, Nhạc cho người đi loan báo khắp xa gần, người ta phần nhiều tin theo. Nhạc dẫn quân

1. *Quy Nhơn:* tên phủ do Nguyễn Hoàng đặt năm 1602, nay là phần đất cả tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai - Kontum. Huyện Phù Li nay là huyện Tây Sơn.

2. *Bảy huyện:* chỉ bảy huyện bờ Nam sông Lam, bao gồm toàn bộ tỉnh Hà Tĩnh.

thủ hạ đến đóng ở Kiên Thành, tự xưng là Đệ nhất trại chủ, cai quản hai huyện Phù Li và Bồng Sơn. Nguyễn Thung làm Đệ nhị trại chủ, cai quản huyện Tuy Viễn [1], Huyền Khê làm Đệ tam trại chủ, quản việc quân lương. Bấy giờ có Nữ Chúa Chiêm Thành là bà Chúa Hỏa đóng trại ở Thạch Thành, Nhạc sai người đến kết ước làm chỗ dựa [2]. Rồi Nhạc lập mưu chiếm thành Quy Nhơn. Quy Nhơn thời cổ là Trà Bàn, vua Lê Thánh Tông đặt làm phủ Hoài Nhơn. Hồi đầu triều ta Triết vương Nguyễn Phúc Tần đổi làm phủ Quy Ninh, Võ vương đổi làm phủ Quy Nhơn, gồm ba huyện. Nguyễn Nhạc muốn đánh lấy thành để làm đất căn bản. Được Nguyễn Văn Huệ hiến kế, Nhạc tự ngồi vào trong cũi, sai thủ hạ khiêng đi rêu rao khắp nơi, nói là bắt sống được Biện Nhạc, áp giải về thành nộp quan. Tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên tin là thực, sai mở cổng thành cho đem Nhạc vào. Đêm ấy đồ đảng của Nhạc bí mật kéo đến ngoài thành. Nhạc phá cũi nhảy ra, đoạt lấy binh khí, giết quân canh ngục, mở toang cửa thành. Đồ đảng của Nhạc vào phóng hỏa đốt trại. Tướng thủ thành Nguyễn Khắc Tuyên bỏ chạy. Nhạc bèn chiếm thành, mở nhà ngục thả hết tù phạm, gom dân làm lính, dựng cờ đề hiệu Tây Sơn, chia đặt năm đội: trung, tiền, tả, hữu, hậu, tiếp tục cai quản quân dân như trước.

Định vương Nguyễn Phúc Thuần được tin báo liền sai Chưởng cơ Nguyễn Cửu Thống (con Nguyễn Cửu Thông), Nguyễn Cửu Sách (con Nguyễn Cửu Pháp), Cai cơ Phan Tiến, Cai đội Nguyễn Vệ, Tổng nhung Tống Sùng, Tán lý Đỗ Hoảng đem quân tiến đánh. Khi bọn Cửu Thống đem quân tiến đến Bản Tân (Bến Ván), Nhạc giả vờ thua chạy. Bọn Cửu Thống thừa thắng đuổi dài, Nhạc liền quay lại tung quân ra đánh. Tống Sùng, Đỗ Hoảng chết tại trận. Cửu Thống dẫn tàn quân chạy về. Thế lực của Nhạc từ đó ngày càng mạnh lên như lốc. Bọn thương gia người Thanh là Tập Đình và Lý Tài cũng dấy binh tiếp ứng cho Nhạc. Nhạc liên kết với bọn họ để làm chỗ dựa, ban cho Tập Đình hiệu Trung Nghĩa quân, Lý Tài hiệu Hòa Nghĩa quân. Triều đình sai tướng đi đánh, nhưng các tướng phần nhiều đều tìm cớ thoái thác. Trương Phúc Loan lại tìm cách đút lót để sai người khác. Quân lính vì thế tức giận, hễ ra trận là bỏ chạy, không ai dám đương đầu với quân Tây Sơn. Các Tôn thất đại thần phải trốn tránh loạn lạc, ai cũng oán trách Phúc Loan. Bọn họ bàn mưu bảo Hàn lâm

1. *Nguyên chú:* về sau Thung bị Nhạc giết.

2. Bà Chúa Hỏa về sau bị quân của Tống Phúc Hiệp giết.

viện Ngô Thứ, Tri phủ Trần Giai, viết giả thư của Trương Phúc Loan thông đồng với giặc, vờ đánh rơi ngoài đường. Tham mưu Tá bắt được mang về cáo giác với Tôn Thất Văn (Văn là con thứ ba của Võ vương, giữ chức Chưởng cơ, từng vâng mệnh đi kinh lý việc binh dân ở Quy Nhơn, rất được lòng dân), Văn vốn ghét Phúc Loan, liền đem việc ấy trình bày ngay với Định vương, xin bắt Loan hạ ngục. Loan cố thanh minh là bị vu cáo, nên Định vương không khép tội. Loan ngờ thư ấy do Tá làm ra, bèn bắt giam rồi giết Tá. Cũng vì việc đó, Phúc Loan lại thù oán cả Tôn Thất Văn, giả viết thư của giặc nói Văn thông đồng với Nhạc, sai người đem đến tố giác. Văn sợ phải bỏ trốn. Loan sai Tôn Thất Hương đem quân đuổi theo bắt được, dìm chết Văn ở phá Tam Giang (phá Tam Giang ở địa phận hai xã Vĩnh Xương và Kế Môn, mùa thu đông sóng gió lớn, thuyền bè qua đây thường bị lật đắm, nên gọi là xứ Bàu Ngược). Dân chúng ai cũng thương xót Tôn Thất Văn bị oan, căm oán Phúc Loan bạo ngược.

Phúc Loan xin Định vương sai Tôn Thất Hương làm Tiết chế để chế ngự quân Tây Sơn. Hương đem quân đến núi Bích Kê (ở Quy Nhơn), bị phục binh của Tập Đình và Lý Tài giết chết. Quân lính tan rã bỏ chạy. Nguyễn Nhạc tung quân đuổi theo, đánh chiếm phủ Quảng Ngãi. Tôn Thất Bân (con Tôn Thất Tĩnh) thu thập tàn quân ra sức chống đánh, nhưng không thắng nổi phải lui về. Nhạc sai thủ hạ quân đi đánh, chiếm được hai phủ Diên Khánh, Bình Khang. Từ đó phần đất từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận đều do Nguyễn Nhạc chiếm giữ. Sau đó Nhạc đem quân đánh ra Quảng Nam. Quân triều đình giao chiến nhiều lần đều bị thua trận. Nguyễn Cửu Dật [1] đem quân bản hộ chống cự với quân Tây Sơn, ban đêm sai dân chúng đốt đuốc trong rừng rậm để nghi binh rồi đánh úp vào trại quân của Nhạc ở phố Mỹ Thị. Quân của Nhạc hoảng sợ chạy lùi về lập đồn đóng giữ nơi hiểm yếu ở Thiên Lộc [2] làm kế cầm cự lâu dài. Tin báo về kinh Phú Xuân, Định vương cho Dật tước Du quận công, tiếp đó sai Tôn Thất Thăng đem quân vào dinh Quảng Nam để hội binh đánh giặc (Thăng là em Tôn Thất Dực, làm quan đến chức Chưởng dinh, tước Quận công). Thăng đem quân đến Quảng Nam, thấy thế giặc sắc mạnh không thể đương đầu nổi, bèn bỏ quân luôn đêm chạy về (sau quân Trịnh đánh vào Thuận Hóa, Thăng đến quân doanh của

1. *Nguyễn Cửu Dật:* con thứ ba của Nguyễn Cửu Pháp.

2. *Thiên Lộc:* có lẽ là tên xã, một địa phương không xa với Bến Ván và Mỹ Thị.

Hoàng Ngũ Phúc đầu hàng). Nhạc cho quân đuổi theo chiếm lấy vùng cửa Xích Lam, Nhạc căn dặn thuộc hạ:

– Tôn Thất Thăng không làm được trò trống gì, phải đề phòng viện binh của ngũ dinh.

Quả nhiên sau đó Điều khiển [1] Gia Định là Nguyễn Cửu Đàm ủy cho Lưu thủ dinh Long Hồ là Tống Phước Hiệp và Cai bạ Nguyễn Khoa Thuyên đốc xuất tướng sĩ năm dinh Long Hồ, Bình Thuận, Bình Khang, Trấn Biên, Phiên Trấn, lại lấy thêm quân ứng mộ, chia đường thủy lục cùng tiến.

Nguyễn Cửu Đàm người Quý huyện [2] xứ Thanh Hoa, là con Nguyễn Cửu Vân, làm quan đến chức Hữu quân phó tiết chế Trấn Biên phó tướng. Khi quân Xiêm vào xâm lấn Hà Tiên, Đàm làm Khâm sai chánh thống suất, cầm quân đánh giặc, giữ chức Điều khiển Gia Định, đánh tan quân Xiêm ở Nam Vang. Tống Phước Hiệp cũng người Quý huyện xứ Thanh Hoa, là dòng dõi của Luân quận công Tống Phước Trị, tướng trấn thủ Thuận Hóa của nhà Lê. Hiệp đã từng đem quân đến cứu viện cho Hà Tiên, đánh tan quân Xiêm ở Châu Đốc. Nguyễn Khoa Thuyên người huyện Hương Trà, cùng Tống Phước Hiệp làm Lưu thủ dinh Long Hồ.

Bấy giờ các tướng sĩ hăng hái cần vương, bộ binh của Phước Hiệp đóng đồn ở Chợ Khu, thủy quân của Khoa Thuyên đóng ở Vũng Lấm, bất ngờ bao vây tiến đánh quân Tây Sơn, lấy lại ba phủ Bình Thuận, Diên Khánh, Bình Khang, truyền hịch mộ quân ứng nghĩa. Bọn Nguyễn Văn Nhơn ở huyện Vĩnh An trấn An Giang đến ứng nghĩa, được Hiệp cho làm đội trưởng dưới quyền của Khoa Thuyên. Bọn Văn Nhơn chỉ huy bốn đội tân binh theo Khoa Thuyên đến đóng ở Yên Cương (Hòn Khói, sau đổi là Vân Phong).

Định vương Nguyễn Phúc Thuần nghe báo tin thắng trận bèn cho người đến úy lạo quân sĩ, sai Tôn Thất Nghiễm đem quân tiến vào Quảng Nam, thu thập tàn quân các đạo để tiến đánh Nguyễn Nhạc. Gián điệp của bên Nguyễn ở Đàng Ngoài báo tin quân Trịnh đã tiến vào xâm lấn Đàng Trong, hiện đã kéo đến Hà Trung [3].

Lại nói ở Đàng Ngoài, mấy đời chúa Trịnh đã lăm le xâm lấn,

---

1. *Điều khiển:* tên chức quan, tương đương như Trấn thủ.

2. *Quý huyện:* tức huyện Tống Sơn, Thanh Hóa (vì là nguyên quán của các chúa Nguyễn, nên nhà Nguyễn gọi là Quý huyện).

3. *Hà Trung:* tên xã thuộc Kỳ Anh, nơi đóng trị sở của trấn Nghệ An lúc bấy giờ (thường gọi là Dinh Cầu).

nhưng thấy chúa tôi họ Nguyễn ở Đàng Trong trên dưới hòa mục, nên không có cớ gì để gây hấn. Đến hồi này tướng trấn thủ Nghệ An là Bùi Thế Đạt dò biết Quảng Nam có biến, bèn mật khải với chúa Trịnh. Trịnh Sâm sai Hoàng Ngũ Phúc làm thống tướng, Bùi Thế Đạt làm phó tướng, đem tướng sĩ hai mươi hai dinh cùng các đạo binh thủy bộ của các xứ Thanh Nghệ và Đông Nam tất cả là ba vạn quân tiến vào Nghệ An để sửa soạn tiến đánh. Bọn Phan Lê Phiên, Uông Sĩ Điển, Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Đình Thể làm thuộc tướng. (Hoàng Ngũ Phúc người xã Phụng Công, huyện Yên Dũng xứ Kinh Bắc, do chân hoạn quan, được thăng đến chức cao nhất trong hàng quan thuộc, từng đem quân đi dẹp loạn Hoàng Công Chất, Nguyễn Hữu Cầu. Bùi Thế Đạt người xã Tiên Lý, huyện Đông Thành, xứ Nghệ An từng đánh dẹp Lê Duy Mật ở Trấn Ninh).

Bọn Hoàng Ngũ Phúc, Bùi Thế Đạt vâng lệnh Trịnh Sâm đem quân tiến đóng ở Hà Trung, sai người đem thư vào Nam triều, nói tổ tiên chúa Nguyễn nhiều đời có công, nay triều đình vua Lê cho quân vào giúp dẹp giặc. Định vương sai viết thư phúc đáp, bảo Ngũ Phúc hãy đem quân về Bắc. Một mặt sai Tống Hữu Trường làm Thống suất đạo Lưu Đồn, Tôn Thất Hiệp làm Trấn thủ dinh Bố Chính chống cự quân Trịnh. Triều thần tâu với Định vương thế lực quân Trịnh hùng mạnh, phải gấp phòng ngự ở đầu địa giới, còn quân Tây Sơn cuồng bạo thì phải cấp tốc diệt trừ. Định vương nghe lời, bèn giao cho Tôn Thất Kính tạm quyền làm Giám quốc vương bấy giờ đang giữ chức Chưởng cơ, được thăng tước Quận công.

Thuyền ngự đến cửa Tư Dung. Tư Dung, tên cũ là Ô Long, nay gọi là Tư Hiền, giáp giới giữa hai huyện Quảng Điền và Phú Vang (Thừa Thiên). Thời Lý – Trần, các vua đưa quân đi đánh Chiêm Thành thường dừng lại ở đây. Lê Thánh Tông cũng có bài thơ viết về cửa Tư Dung. Nguyễn triều đóng đô ở Phú Xuân, cửa Tư Dung lại càng là nơi quan yếu. Định vương sai Trương Phúc Loan luyện quân ở núi Quy Sơn để phòng bị tiếp ứng. Vừa bàn xong kế sách tiến quân thì có thư của dinh Quảng Bình gửi đến cấp báo quân Trịnh đã tiến đến châu Bắc Bố Chính, Tri phủ Trần Giai chạy sang quân Hoàng Ngũ Phúc làm hướng đạo. Ngũ Phúc sai Trần Giai quản quân hậu đạo, lại cho thuộc hạ của Giai là Nguyễn Ngô Dao đem quân đến đóng trại ở xã Đại Đan để khuếch trương thanh thế.

Định vương giao cho Nguyễn Cửu Dật làm Tả quân đại đô đốc,

thống lĩnh quân thủy bộ ở lại chống giữ quân Tây Sơn, gọi Tôn Thất Nghiễm hộ giá về kinh chế ngự quân Trịnh. Quân do thám về báo tin quân Trịnh đã qua trạm sông Thanh Hà [1].

Bấy giờ Phúc sai người sang bờ Nam ngầm giao kết với bọn cai đội canh giữ vùng biên, rồi đêm đến lặng lẽ đem quân vượt sông đóng ở Cao Lao. Ngũ Phúc bảo Hoàng Phùng Cơ:

– Người Nam từng nói: "Ai tài giỏi vượt được sông Thanh Hà, chưa dễ có cánh mà bay qua Lũy Thầy". Nay quân ta đã qua sông Gianh, nếu Lộc Khê hầu (Đào Duy Từ) còn sống cũng chưa chắc giữ được hiểm địa mà chống lại quân triều đình.

Định vương về kinh liền sai Cai cơ Quý Lộc, Câu kê Kiêm Long đến khao quân Ngũ Phúc và nói: "Giặc cỏ Tây Sơn chẳng bao lâu nữa sẽ bị quét sạch, không dám phiền quan quân triều đình phải vất vả". Khi bọn Quý Lộc đến quân doanh, Ngũ Phúc sai gọi vào hỏi riêng. Kiêm Long đáp:

– Đường không đi không đến, chuông chẳng gõ chẳng kêu.

Ngũ Phúc hiểu ý, bèn cho quân tiến đánh dinh Bố Chính. Tướng trấn thủ là Tôn Thất Tiệp và Ký lục Bảo Quang lui về giữ lũy Đồng Hới. Ngũ Phúc sai tướng Hoàng Đình Thể lặng lẽ đem quân áp sát Trấn Ninh [2]. Bọn mã quân Hoàng Văn Bật, Lê Thập Thí làm nội ứng, mở cửa lũy cho quân Trịnh. Quân Trịnh giống trống, hò reo tiến vào. Các tướng bên quân Nam là Luận Chính, Thành Tín đều ra hàng. Hoàng Đính Thể nói:

– Ngày trước Nam chúa đắp lũy Trấn Ninh xiết bao vất vả, quân Bắc triều đánh Trấn Ninh cũng thật là gian nan [3]. Vậy mà bây giờ hai tướng quân vừa thấy quân ta đến đã ra hàng ngay?

Rồi Thể sai đưa Thành Tín và Luận Chính đến trước quân doanh của Hoàng Ngũ Phúc báo công.

Ngũ Phúc cho quân tiến đến dinh Quảng Bình . Tướng trấn thủ là Liêm Chính cùng Tôn Thất Tiệp bỏ chạy. Ngũ Phúc bèn họp các

1. *Sông Thanh Hà:* tức là phần hạ lưu sông Gianh, phía Bắc chạy song song với Đèo Ngang, phía Nam đến Lũy Thầy.

2. *Trấn Ninh* nguyên chú: tên xã ở ven biển ở đầu địa giới Quảng Bình, giáp với Trấn Ninh của nước Vạn Tượng, ven núi địa thế quanh co.

3. Nhắc việc hơn 100 năm trước Hiền vương Nguyễn Phúc Tần sai Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật đem quân ra đắp lũy Trấn Ninh (năm 1662) và trận Trịnh Nguyễn 55 ngày đêm ở lũy Trấn Ninh (năm 1672).

tướng để lập sổ ghi công, sai người ruổi ngựa về Thăng Long báo tiệp với chúa Trịnh Sâm. Trịnh Sâm được tin liền dẫn binh thuyền vào Nghệ An, đóng dinh ở Hà Trung để từ xa làm thanh viện cho Hoàng Ngũ Phúc. Ngũ Phúc tiếp tục tiến đánh đạo Lưu Đồn, Thống suất Tống Hữu Trường cũng chạy trốn. Phúc giận nói với các tướng rằng:

– Thủ tướng Tiệp ở Quảng Bình bỏ chạy, Thống suất Trường ở Lưu Đồn cũng lại chạy nốt! Người Nam quả là giỏi trốn! Làm gì có chuyện để cho bọn tướng ấy giữ được cái đầu dễ dàng thế?

Rồi đó Ngũ Phúc lại đốc suất quân tiến đóng ở Hồ Xá. Hồ Xá thuộc địa giới tỉnh Quảng Trị, đồng lầy rộng lớn, chân núi chạy dài, trước kia là nơi ẩn náu của nhiều bọn giặc cướp, về sau nội tán Diên Thọ hầu [1] tìm cách ngăn cấm được. Dân địa phương có câu ca rằng:

Thương anh em cũng muốn vô
Sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam Giang
Phá Tam Giang giờ đây đã cạn
Truông nhà Hồ, Nội tán lệnh nghiêm.

Hoàng Ngũ Phúc cho dừng chân, bảo các tướng rằng:

– Người ta nói truông nhà Hồ khó vượt, nhưng ta đã đến được đây. Còn nói phá Tam Giang hiểm trở thì đúng lắm. Phải truyền hịch kể tội Trương Phúc Loan để khuếch trương thanh thế của quân ta.

Lời hịch viết: "Trương Phúc Loan cậy thân thích họ ngoại, lạm giữ cơ yếu triều đình, tin dùng đảng gian, hãm hại trung thần dũng tướng, giết người nọ lập kẻ kia. Thật sói lang mà ở cạnh người, đúng thú muông mà mang áo mũ. Nặng thuế khóa để hút máu mủ, giảm quân lương hòng cắt vuốt nanh, khiến dân manh lệ Tây Sơn nổi dậy như ong kiến ào ào, chiếm miền màu mỡ Quảng Nam chóng lẹ tựa sói hùm sổ cũi.

Vì thế, trước phải diệt đứa cường thần, sau sẽ dẹp quân nghịch tặc. Trừ gian khử bạo, giúp quốc thích qua bước gian nan, truyền đạo thống để đời sau thờ phụng. Thế là cứu nạn thực do nghĩa cử, phò nguy không chút tham tâm".

Lời hịch của Hoàng Ngũ Phúc cốt để mê hoặc dân Đàng Trong, nhưng thực các quan chức Nam triều vẫn nhiều người căm ghét Trương Phúc Loan ngang ngược. Thế là bọn Tôn Thất Huống, Nguyễn Cửu Pháp bàn nhau bắt Trương Phúc Loan đem nộp để xin Hoàng

1. *Diên Thọ hầu:* tên tước của Nguyễn Khoa Đăng (1691 - 1725), con của Bảng trung hầu Nguyễn Khoa Chiêm.

Ngũ Phúc lui binh. Tôn Thất Huống là con thứ tư của Võ vương, bấy giờ giữ chức Tiết chế thủy bộ chư quân, tước Thành quận công. Nguyễn Cửu Pháp là con thứ tư của Nguyễn Cửu Thế, từng giúp rập ba triều chúa làm quan đến chức Chưởng doanh, tước Hoán quận công. Trương Phúc Loan chuyên quyền, Cửu Pháp thường chống lại, nhưng không được. Đến khi Nguyễn Nhạc nổi dậy, Cửu Pháp tiến cử các con là Cửu Sách, Cửu Thận và Cửu Dật đem quân vào Quảng Nam đánh dẹp. Đến lúc này, Cửu Pháp cùng với Huống bắt Trương Phúc Loan đem nộp cho quân Trịnh. Hai người lại cho bắt luôn cả Thái Sinh là tay chân thân tín của Trương Phúc Loan.

Sau khi bắt được Phúc Loan, Hoàng Ngũ Phúc đòi Loan phải đem vàng bạc hối lộ cho mình, rồi chỉ giam giữ Loan ở Trung quân [1] (sau Loan bị Ngũ Phúc sai lính giải về Thăng Long, chết dọc đường). Rồi đó Phúc cho quân cuốn cờ im trống mà đi. Đến dinh Đăng Xưng ở Quảng Trị, có người tên là Trần Duy Trung đến quân doanh nói với Hoàng Ngũ Phúc:

– Quân Bắc muốn chiếm ngay lấy Phú Xuân chăng? Nước cũ hai trăm năm [2] có trời đất quỷ thần chứng giám. Tướng quân Quạ đen cho người Nam chúng tôi ngày nay không còn ai như Phấn Cố Trì nữa sao?

Thời bấy giờ người Đàng Ngoài thường gọi Hoàng Ngũ Phúc là Hắc Ô tướng công (Tướng quạ đen). Còn Phấn Cố Trì là biệt danh của Trương Phúc Phấn. Thời chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan, chúa Trịnh đem quân vào đánh lũy Trường Dục, Trương Phúc Phấn cầm quân giao chiến kịch liệt với quân Trịnh, không sợ gì tên đạn, quân Trịnh không sao chiếm được, vì thế người ta gọi Phúc Phấn là Phấn Cố Trì (ông Phấn cố giữ lũy).

Nói đoạn Duy Trung ung dung quay ra. Hoàng Ngũ Phúc cho gọi Trần Giai đến hỏi xem người ấy là ai. Trần Giai đáp:

– Người ấy là Trần Duy Trung, quan chức Nam triều, đến đây tất có việc quân cơ muốn nói.

Đúng là:

Liêu dấy Tống lui do Thác bạt
Hán thu Thục hiểm bởi Trương Tùng.

---

1. ĐNTLTB chép Trương Phúc Loan sai lính và con trai thực hiện việc đưa vàng bạc hối lộ Hoàng Ngũ Phúc, số lượng đến vài ngàn lạng.

2. Chỉ chính quyền các chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Từ năm 1558 khi Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa đến đời chúa Định vương đã tồn tại hơn 200 năm.

HỒI THỨ BA

Hãm Phú Xuân, Quận công Chính bại binh
Vào Gia Định, Đô đốc Dật hỗ giá

Lại nói Trần Duy Trung thấy Nam triều thế yếu, muốn bán nước cầu vinh, bèn làm một bài thơ định đem đến yết kiến Hoàng Ngũ Phúc. Hiềm vì không có người tiến cử, Duy Trung bèn tìm đến dinh quân Bắc đánh tiếng trước để thăm dò xem ý tứ của Ngũ Phúc thế nào. Quân tiên phong bên Trịnh được lệnh cho đưa vào. Trần Duy Trung bèn lấy bài thơ trình lên Hoàng Ngũ Phúc. Bài thơ ấy có câu:

Thập thế yếm văn Tần pháp lệnh
Bách niên phục đổ Hán uy nghi

(Mười chúa chán nghe Tần pháp lệnh
Trăm năm lại thấy Hán uy nghi)

Hoàng Ngũ Phúc hất hàm ra hiệu, Trung bèn nói:

– Người Nam oán ghét Trương Phúc Loan đến tận xương tủy. Tướng quân giúp người Nam trừ được mối hại ấy, công đức lớn lao khác nào núi Hải Vân, biển Cửa Hàn, Duy Trung tôi vì thế đến quân doanh xin được tướng công sai phái.

Hoàng Ngũ Phúc hỏi:

– Nay ta tiến quân vào Phú Xuân thì nên đi đường thủy hay đường bộ?

Trung đáp:

– Quân Nam không quen đánh bộ, nhưng thủy chiến là môn sở trường. Binh pháp nói: "Bỏ chỗ chắc, đánh chỗ lỏng". Nay tướng quân mới từ xa đến, xin đừng đọ sở trường với quân Nam. Tướng quân cứ theo đường bộ là hơn.

Phúc khen là phải, bèn lưu Duy Trung ở lại trong quân, cho giữ chức Câu kê. Sau đó Phúc gửi thư cho Nam triều nói: "Giặc Tây Sơn chưa trừ được, xin hội quân ở Phú Xuân để tiện đối phó".

Định vương Nguyễn Phúc Thuần triệu đình thần đến bàn bạc, rồi sai Tôn Thất Tiệp làm thống binh và Thuộc nội cai đội Đặng chỉ huy

quân cấm vệ để phòng ngự. Lại sai bọn Tuyên Chính và Thành Đức trá hàng để dụ quân Trịnh. Sai Cai đội Phẩm Bình đến hai dinh Quảng Bình và Bố Chính chiêu dụ các hào mục địa phương ứng nghĩa, chia đi đóng đồn các nơi để quấy nhiễu phía sau lưng quân Trịnh. Không may Phẩm Bình bị quân Trịnh bắt, Ngũ Phúc tra hỏi biết được mưu trá hàng, bèn sai các tướng khác là bọn Nguyễn Tiến Khoan, Hoàng Phùng Cơ đem quân đánh bại Tôn Thất Tiệp. quân của Cai đội Đặng không đánh cũng tự tan vỡ. Ngũ Phúc bèn cho tiến quân đến đóng ở xã Bái Đáp.

Định vương sai Tôn Thất Chí [1] làm Tiết chế bộ binh, Tôn Thất Doanh làm Tiết chế thủy binh, Tĩnh Diệp hầu Nguyễn Đăng Trường làm Tham tán quân cơ quản lĩnh hội thuyền hải đạo chia đường tiến đánh quân Trịnh ở đồn Lương Phúc. Quân Nam không thắng được, lại dàn trận đánh quân Trịnh trên sông Phú Lễ. Hoàng Ngũ Phúc sai Nguyễn Tiến Khoan cầm quân nghênh địch, Hoàng Phùng Cơ đem quân chặn phía sau. Quân Tôn Thất Chí đại bại, Chí phải cho người về kinh Phú Xuân báo tin.

Định vương bèn sai gọi Tôn Thất Chí trở về, sai Chưởng dinh là Quận công Nguyễn Văn Chính đưa quân các dinh thủy bộ đi chống cự với quân Trịnh. Bấy giờ tinh binh mãnh tướng của Nam triều đều đã điều vào Quảng Nam đánh quân Tây Sơn, từ sông Hiền Sĩ trở ra binh tướng phần nhiều là loại già yếu, không luyện tập chiến trận. Vì thế quân Trịnh đến đâu bọn họ không đón đường xin hàng thì cũng mở lũy chạy trốn. Hoàng Ngũ Phúc thừa thắng tung quân đuổi dài, tiến sâu vào đất Nam như vào chỗ không người. Hoàng Ngũ Phúc nhân đó quay lại hỏi Duy Trung:

– Ngày xưa, lúc chúa Tiên Nguyễn Hoàng mới vào Nam, nghe nói có nàng Ngô Mỹ Nhân [2] lập kế đánh tan quân tướng nhà Mạc, lại có người tiết phụ họ Trần [3] đem quân ứng nghĩa báo thù cho chồng, không biết có thật không?

---

1. Tôn Thất Chí: là con thứ 6 của Thế Tông Nguyễn Phúc Khoát.

2. *Ngô Mỹ Nhân:* chỉ nàng Ngô Thị Lâm, người thiếp xinh đẹp của Nguyễn Hoàng. Khi Nguyễn Hoàng đóng quân ở Ái Tử, Ngô Thị Lâm tự nguyện thi hành kế mỹ nhân để quân phục kích của Nguyễn Hoàng giết tướng Mạc là Lập Bạo.

3. *Tiết phụ họ Trần:* vợ của Trương Trà, người xã Diên Trường, huyện Phú Vang, Thừa Thiên. Năm 1571, Trương Trà bị bọn Nghĩa Sơn phục kích giết. Trần thị nghe tin nổi giận, mặc quần áo đàn ông thúc quân tiến đánh trả thù cho chồng, bắn chết Nghĩa Sơn tại trận.

Duy Trung đáp:

– Xin tướng quân chớ hồ nghi, mà đánh giá dân Nam triều chúng tôi không bằng hạng đàn bà con gái. Xứ Đàng này cũng lắm anh tài. Chỉ vì triều đình không biết trọng dụng họ cho nên tướng quân mới vào đây được dễ như thế. Nay quân Bắc đã vào sâu trong đất địch, tướng quân nên cẩn thận trong phép dùng binh, phải có mưu kế kỳ lạ đề phòng bị mới bảo toàn thắng lợi. Nếu không thì như việc Nguyễn Đình Hùng đánh úp ở châu Nam Bố Chính, Nguyễn Hữu Tiến đánh tan quân Phạm Tất Toàn, Nguyễn Hữu Dật đánh đuổi khiến cho Trịnh Đào phải đem quân rút chạy, Tống Hữu Đại đuổi dài Lê Thì Hiến năm nào. Những trận đánh ấy quân lính Bắc triều lạnh thấu xương, trong tâm trí của người Nam tưởng cũng chưa lâu lắm.

Hai người đang nói chuyện văn thì quân do thám vào báo tin tướng bên Nam là Nguyễn Văn Chính sau khi nhận chức Thống quân các dinh thủy bộ liền nghiêm lệnh khép tội Cai đội Đặng tự ý lui quân, xử trảm để răn quân sĩ, hiện đang dẫn quân ra tiến đánh quân Bắc.

Chẳng bao lâu quả nhiên Văn Chính gặp quân Bắc, liền dàn trận đánh. Hoàng Ngũ Phúc thấy bên Nam cờ xí rợp đất, kiếm kích tua tủa, bèn quay lại nói với các tướng:

– Đội quân này cũng khá đấy!

Quân hai bên giao chiến mấy hiệp, quân Nam tuy hăng hái nhưng thanh thế mới chấn phát nên chưa giành được phần thắng. Hoàng Ngũ Phúc có ý đề phòng, gọi Trần Duy Trung đến hỏi Văn Chính là người thế nào? Duy trung đáp:

– Chính không có tài làm tướng. Tuy có lòng trung nghĩa khảng khái, nhưng không có mưu kế đánh giữ; ngày đêm chỉ rượu chè, đàm luận những chuyện vu khoát. Ngày xưa có kế mưu trí mà giết được Trương Phi, đổ rượu cho Tạ An mà đánh bại quân Tần, nhưng Chính thì không phải là hạng như vậy.

Ngũ Phúc bèn sai bọn Hoàng Đình Thể, Hoàng Đình Phác (người xã Hoàng Vân, huyện Kim Động) theo đường núi qua bãi Hang Ma phất cờ gióng trống, hò reo trèo núi vượt sông bất ngờ ập đến đánh. Tướng giữ đồn là bọn Tường Quang, Doãn Đức vội ra nghênh chiến, liền bị giết tại trận. Ngũ Phúc bèn truyền lệnh đóng cầu phao để đem quân qua sông. Nhân lúc quân Nam không phòng bị, quân Hoàng Ngũ Phúc từ hai phía đánh khép vào. Nguyễn Văn Chính dẫn

quân ra giao chiến bị giết tại trận, quân sĩ kinh sợ tan rã. Hoàng Ngũ Phúc bèn cho quân tiến vào chiếm Phú Xuân. Bấy giờ là ngày Đinh Mùi, tháng 12 năm Giáp Ngọ, niên hiệu Lê Cảnh Hưng năm thứ 35 (tháng giêng 1775).

Lại nói chuyện sau khi kinh thành Phú Xuân bị vây hãm, Định vương Nguyễn Phúc Thuần sai Tống Phước Đạm đem số quân còn lại trong thành ra chống cự ở cửa Bắc. Phước Đạm người huyện Hương Trà, là hậu duệ của công thần Tống Phước Đào, lúc bấy giờ Đạm đang giữ chức Tham mưu ở đội trung quân. Định vương thấy Đạm là người trầm tĩnh, có mưu lược bèn cho giữ chức Giám quân ở dinh trung quân. Định vương lại sai Hoàng Tôn Dương dẫn quân đi trước ra cửa đèo Hải Vân, Quản đội tả thủy Nguyễn Cốc, Quản đội trung thủy Võ Di Nguy, Quản đội tiền thủy Trương Phước Dĩnh dàn chiến thuyền chờ sẵn. Khi quân Tống Phước Đạm thua trận, Định vương xuống thuyền ra cửa Tư Dung rồi vào Quảng Nam, ghé dừng lại ở Bến Giá. Chuyến ấy có Tôn Thất Tĩnh, Tôn Thất Kính, Tôn Thất Chí và bọn Cai đội nội thủy Nguyễn Cửu Thận, Trương Phúc Dĩnh, Đỗ Thành Nhơn cùng đi.

Định vương nghĩ Nguyễn Cửu Dật là kẻ trung nghĩa đáng dựa cậy, bèn triệu Dật về hành tại. Cửu Dật là con thứ ba của Nguyễn Cửu Pháp, có tài làm tướng, vì công thu phục Mỹ Thị, được Định vương điều đi đánh quân Tây Sơn. Mỗi khi ra trận Dật thường cưỡi voi, mặt đỏ như cục than hồng, tiến đến đâu quân địch đều sợ rạp như cỏ lướt. Người ta đều cho là Quan Vân Trường tái thế. Dật thường cho quân mai phục dưới chân núi rồi khiêu khích cho quân địch ra giao chiến, địch quân bị thiệt hại rất nhiều. Dật cũng cho đặt súng lớn ở trên thuyền, dụ cho thủy quân địch ra giao chiến, thường giành được phần thắng. Quân Tây Sơn chiếm đóng ở đồn Thiên Lộc, quân triều đình nhiều lần tiến đánh mà không được. Dật bất ngờ đem quân đánh úp từ phía sau, quân địch tan rã phải rút chạy về Bến Ván. Trước sau Dật đánh hơn mười trận, lần nào cũng giành phần thắng. bấy giờ Dật vâng lệnh đến Bến Giá, cùng với các tướng bàn định. Thấy đất Quảng Nam binh lương không đủ dùng, thế khó giữ lâu dài, bọn Dật xin Định vương dẫn bộ thuộc vào Gia Định để mưu đồ việc khôi phục, Định vương cho là phải. Lúc ấy Tôn Thất Chí tâu rằng:

– Nay gặp lúc vận trời gian nan mà ngôi tự vương chưa định, xin

Vương thượng lập Hoàng Tôn Dương làm Thế tử để yên lòng người.

Hoàng Tôn Dương là con Thế tử Hạo, được Định vương coi như con. Hoàng Tôn Dương tướng mạo khôi ngô tuấn tú lại có hiền đức được mọi người kính thuận. Bấy giờ Định vương chưa có con trai, bèn lập Dương làm Thế tử, cho ở Đông cung, giữ chức Trấn thủ Quảng Nam, được toàn quyền xử trí mọi việc binh dân trong ngoài.

Hoàng Tôn Dương bèn hạ lệnh cho các tướng kiểm điểm các quân thủy bộ, định kế sách tiến thủ. Tướng Tây Sơn Nguyễn Nhạc do thám biết rõ sự việc, bèn sai bọn Tập Đình, Lý Tài đem chiến thuyền ra cửa Hiệp Hòa, Nhạc thân dẫn quân ra khỏi nguồn Thu Bồn, hai đường thủy lục cùng lúc tiến đánh. Nguyễn Cửu Dật đem quân ra trận bị bất lợi, phải chạy về Trà Sơn. Đông cung Dương phải lui giữ lũy Cu Đê. Định vương dời đến Liên Chữ (Bến Sen), sai người đến truyền bảo Đông cung rằng:

– Nay phía trước có giặc Tây Sơn, phía sau có quân họ Trịnh, quân ta có chưa đầy một nghìn, lương thảo thiếu thốn. Vả lại Cu Đê là nơi đất hẹp mà quân Gia Định thì đã lâu không biết tin tức ra sao. Vì thế ta đã cho Nguyễn Cửu Thận làm Hữu quân đại Đô đốc, cùng với Đông cung ở lại giữ lũy Cu Đê, còn Nguyễn Cửu Dật thì sửa soạn chiến thuyền để hộ giá đi Gia Định. Sau đó sẽ thu thập quân lính đánh ra Phú Yên, Qui Nhơn để chia thế giặc. Lúc ấy quân ở Cu Đê của các khanh sẽ hợp sức tiến đánh. Đó là phép đánh xa để cứu gần vậy.

Đông cung Dương bèn vâng lệnh ở lại giữ lũy Cu Đê. Bọn Tôn Thất Tĩnh (em Tôn Thất Dực), Tôn Thất Chí (con thứ sáu của Võ vương) cùng Tống Phước Đạm đều ở lại làm thuộc hạ.

Mọi việc sắp xếp xong, đoàn thuyền của Định vương nhổ neo tiến vào Gia Định. Gặp lúc trời nổi gió lớn, Nguyễn Cửu Dật và Tôn Thất Kính ngồi ở thuyền khác, sợ thuyền ngự gặp nguy, bèn chấp tay khấn thần biển xin phù hộ cho Quốc vương được tai qua nạn khỏi. Cửu Dật khấn:

– Dật tôi bất tài, khi sống đã không thể cứu chúa khỏi cơn nguy biến, nay gặp sóng gió sống chết ra sao xin được Hoàng thiên định đoạt.

Tôn Thất Kính quay lại nhìn thuyền ngự của Định vương mà kêu lớn:

– Sóng to gió lớn mà chỉ chèo chống bằng sức người thì làm sao qua khỏi?

Vừa nói xong, thuyền bị lật úp, Nguyễn Cửu Dật và Tôn Thất Kính đều bị chết đuối trên biển cả.

Bấy giờ Thế Tổ Cao Hoàng đế bản triều (Nguyễn Ánh) mới mười bốn tuổi, ngồi cùng thuyền với Định vương nên may mắn thoát chết. Thế Tổ thấy Dật và Kính tử nạn, trong lòng đau xót. Khi thuyền đến phía ngoài huyện Bình Khang vừa may có bọn Tống Phước Hiệp, Nguyễn Khoa Thuyên từ đồn Hòn Khói đến đón. Định vương cho Tống Phước Hiệp làm Tiết chế, tước Kính quận công, cho Khoa Thuyên giữ chức Tham chính. Các thuộc hạ khác như Nguyễn Văn Nhơn được giữ chức Cai đội dưới quyền của Đốc chiến Kiên, theo làm bộ hạ của Phước Hiệp đóng ở huyện Bình Khang để chống giữ với quân Nguyễn Nhạc. Nguyễn Khoa Thuyên cùng Chưởng cơ Trương Phước Thận theo hộ giá vào Gia Định. Phước Thận là cháu của Quận công Trương Phước Thức, con Cai đội Trương Phước Duyệt.

Miền Gia Định xưa vốn là đất Chân Lạp, các triều chúa Nguyễn vào khai phá, nhập vào bản đồ nước ta, thường gọi là xứ Đồng Nai, tên chữ Hán là Lộc Dã. Phía Đông Nam giáp biển, đất đai phì nhiêu; phía Tây Bắc giáp Cao Miên núi rừng trùng điệp, đất rộng người thưa, quân mạnh lương đủ. Trấn giữ này có thể chế ngự được các vùng thiểu số, khống chế được nước Xiêm, nước Lạp. Quả thật là một miền phiên trấn hùng mạnh của nước ta.

Định vương Nguyễn Phúc Thuần dừng lại ở Bến Nghé (Gia Định), giao cho Hoàng tôn Phúc Ánh giữ chức Chưởng sử, chỉ huy quân tả dực. Quan quân Gia Định theo thứ bậc đến hành tại yết kiến. Người địa phương là Mạc Thiên Tứ cũng đến bái yết Định vương.

Thiên Tứ con của đại tướng quân Vũ Nghi công Mạc Cửu, là người có công khai phá trấn Hà Tiên. Thời chúa Ninh vương (Nguyễn Phúc Chú), Mạc Cửu được bổ chức Đô đốc trấn thủ Hà Tiên, nối đời làm bề tôi Nam triều. Thiên Tứ có công chiêu tập dân chúng khai phá đất đai, gần đây bị quân Xiêm đánh phá phải lui về giữ đạo Trấn Giang, sai thuộc hạ chở thóc về kinh cung cấp quân lương. Đoàn thuyền của Thiên Tứ đến ngoài biển Quy Nhơn thì bị giặc cướp. Thiên Tứ đang lo buồn, nghe tin Định vương đã vào Nam, bèn dẫn các con đến hành tại yết kiến. Định vương thăm hỏi, khen thưởng rồi ban cho Thiên Tứ tước Quận công. Các con của Thiên Tứ là Hoàng, Thảng và Diên đều được trao quan tước, sai trở về đóng giữ đạo Trấn

Giang. Sau đó Định vương truyền cho Trương Phước Thận sai người ra Quảng Nam báo cho Đông cung biết.

Bấy giờ Đông cung vẫn đóng giữ ở Cu Đê, Nguyễn Nhạc sai thuộc hạ là Thống suất Diện, Tiên phong Tường đem quân đến đóng ở Thúy Loan và Bồ Bản làm quân thượng đạo; sai tập Đình, Lý Tài đem quân đến đóng ở Ba Độ làm trung đạo; sai Đốc chiến Phong, hổ tướng Hãn đem quân đến đóng ở Hàn Thân làm quân hạ đạo, hẹn ai đón được Đông cung thế tử sẽ được trọng thưởng. Đông cung biết được tin ấy bèn sai mưu sĩ là Giáo Quý đến khuyên dụ bọn Diện, Tường đầu hàng. Bọn Diện, Tường đem quân thượng đạo theo về với Đông cung. Nguyễn Cửu Thận hộ vệ Đông cung đi theo đường núi thì gặp Tập Đình, Lý Tài đem quân đến Ô Nha đón đánh. Quân Cửu Thận bị thua, phải rước Đông cung chạy về phố Hội An. Nguyễn Cửu Thận chết tại trận.

Tin báo về hành tại ở Bến Nghé, Định vương sai người truyền cho Tống Phước Hiệp vạch kế đánh quân Tây Sơn để cướp lại Đông cung. Sứ giả chưa kịp ra đi thì quân do thám từ Quảng Nam trở về cấp báo: Hoàng Ngũ Phúc và quân Tây Sơn đang đánh vào Cẩm Sa.

Đúng là:

Thất thế rồng thần nhàn vượt biển
Thừa cơ hổ dữ thét trèo non.

HỒI THỨ TƯ

Được điềm rồng, Nguyễn Văn Nhạc xưng vương
Vời tướng hổ, Đỗ Thanh Nhơn dấy nghĩa.

Lại nói tướng Trịnh là Hoàng Ngũ Phúc nhận mật chiếu của Trịnh Sâm đem quân tiến đánh Quảng Nam. Quân Ngũ Phúc sắp đến đèo Hải Vân, Nguyễn Văn Nhạc sai Tập Đình làm tiên phong, Lý Tài làm tướng trung quân, Nhạc tự đem quân làm hậu đội đón đánh quân Trịnh ở Cẩm Sa (Quảng Nam). Ngũ Phúc sai thuộc tướng là Hoàng Phùng Cơ dẫn quân khinh kỵ đánh thốc vào. Quân Tập Đình bị giết rất nhiều. Nguyễn Văn Nhạc cùng bọn Lý Tài phải chạy về Bến Ván. Nguyễn Văn Nhạc xét tội thua trận, định giết Tập Đình. Tập Đình vội chạy trốn về Quảng Đông. Nhạc bèn bức Đông cung về Quy Nhơn. Hoàng Ngũ Phúc cho quân đóng đồn ở Quảng Nam để cắt đường của Nhạc. Tống Phước Hiệp nhân khi Nhạc thua trận bèn cho quân tiến đánh, thu phục Phú Yên, cho quân bộ đóng đồn ở Xuân Đài, quân thủy đóng trại ở Vũng Lấm, sai Bạch Doãn Triều đi thuyết dụ Nguyễn Nhạc. Bạch Doãn Triều người huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình, đậu Giải nguyên khoa Nhâm Tí, bấy giờ đang giữ chức Tri huyện huyện Đồng Xuân. Doãn Triều là người sáng suốt liêm chính, cương nghị mẫn cán, có nhiều thành tích tốt đẹp trong việc trị dân. Lúc ấy Tống Phước Hiệp muốn chọn người để sai đến chỗ quân Tây Sơn, nhưng chưa biết chọn ai. Doãn Triều khảng khái xin đi. Phước Hiệp bèn cho Cai đội Thạc cùng Bạch Doãn Triều đi đến quân doanh của Nhạc. Doãn Triều nói với Nhạc rằng:

– Ông Nhạc hãy trả lại Đông cung cho chủ tướng chúng tôi. Nếu không đại binh kéo đến thì ông Nhạc không còn đường chạy đâu.

Nhạc có ý phục khí phách của Doãn Triều, không nỡ giết hại. Vả lại Nhạc mới thua trận, vẫn còn sợ binh uy của Phước Hiệp, nên vờ ưng thuận để bọn Doãn Triều ra về. Sau đó Nhạc đem Đông cung đến xã Yên Thái, huyện Hà Liêu, bí mật đem của báu về cất giấu ở trên núi Tây Sơn, rồi cùng em là Văn Huệ bàn định kế sách đánh lui quân Trịnh ở phía Bắc, đẩy quân Phước Hiệp ở phía Nam.

Rồi đó Nhạc sai thuộc hạ là Phan Văn Tuế đem vàng bạc đến quân doanh của Hoàng Ngũ Phúc xin nộp ba phủ Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phú Yên để được làm tiểu tướng đi tiên phong cho đại quân Trịnh tiến đánh Gia Định. Một mặt, Nhạc lại sai Tôn Thất Tĩnh là tướng tùy tòng của Đông cung đi phủ dụ các nơi ở Quảng Nam, sai Tôn Thất Chí vào Phú Yên dụ dỗ Tống Phước Hiệp theo tôn phò Đông cung.

Phan Văn Tuế đến quân doanh của Ngũ Phúc dâng biểu xin hàng. Ngũ Phúc viết khải văn trình lên chúa Trịnh Sâm xin cho Nhạc giữ chức Tây Sơn trưởng hiệu Tráng tiết tướng quân, sai Nguyễn Hữu Chỉnh mang sắc chỉ, cờ, ấn kiếm đến ban cho Nhạc.

Tôn Thất Chí đến Phú Yên đem tình hình việc quân của Nhạc nói cho Phước Hiệp biết, lại nói bọn Lý Tài đối xử rất tốt với Đông cung, khuyên Phước Hiệp hàng phục để giúp một tay cho Nguyễn Nhạc. Tống Phước Hiệp nói:

– Nguyễn Nhạc phò Đông cung chẳng qua cũng như khi trước Lê Thái Tổ tôn phù Trần Cảo. Đông cung ở trong lồng cũi của bọn Nhạc mà không tìm cách tương kế tựu kế thì làm sao có thể vực được cỗ xe của triều ta?

Vừa lúc ấy quân do thám ở Quảng Nam về báo Tôn Thất Tĩnh bị Nhạc giết. Tôn Thất Chí nghe tin bèn không trở về với Nhạc, cáo từ Tống Phước Hiệp để vào Gia Định yết kiến Định vương. Phước Hiệp cho quân theo hộ vệ Chí vào Nam. Một mặt sai người đến quân doanh của Nhạc để nói về việc của Đông cung. Nhạc nghe tin có người của Tống Phước Hiệp sai đến, bèn cho đặt sập rồng ở giữa trướng quân mời Đông cung quay mặt về hướng Nam, Nhạc đứng hầu bên trái, Tống Phước Đạm đứng hầu bên phải để tiếp sứ giả của Phước Hiệp. Nhạc nhân đó báo sứ giả của Phước Hiệp rằng:

– Tướng sĩ năm dinh nghìn dặm vất vả cần vương, khá khen là có lòng trung nghĩa. Nay ta rước Hoàng tôn về tôn phò để định nghiệp lớn, các tướng sĩ nên đồng lòng giúp rập.

Sứ giả của Phước Hiệp đáp:

– Minh công đứng ra chủ trương, ai là người không theo hưởng ứng. Chẳng hay khi quân năm dinh đến đây thì chia đóng đồn ở những đâu?

Nhạc trầm ngâm nghĩ ngợi hồi lâu, lại nói với Đông cung:

– Xin điện hạ định đoạt. Nguyễn Nhạc tôi xin tuân theo.

Đông cung bảo Nhạc:

– Điều khiển thế nào là tùy khanh.

Văn Nhạc muốn lừa Phước Hiệp, bèn biên thư giảng hòa, giao cho sứ giả đem về. Phước Hiệp tưởng thật không đề phòng, bị Nguyễn Huệ bí mật đem quân đến đánh, Hiệp phải rút quân về Nha Trang. Cai đội Nguyễn Văn Hiền là người khảng khái đảm lược, lúc trước đã dẫn quân hương dũng theo Hiệp cần vương, từng đánh bại quân Tây Sơn ở Phan Rang. Trong trận này quân của Hiền gặp địch, Hiền ra sức đánh, chết tại trận. Văn Huệ bắt được Cai đội Nguyễn Khoa Kiên ở đảo Tam Sơn đem về, lưu bọn Lý Tài ở lại đóng đồn ở Phú Yên.

Hoàng Ngũ Phúc nghe tin Nguyễn Nhạc đã phá tan quân Nam bèn lập tức đem quân tiến đến Châu Ổ [1]. Nguyễn Nhạc bèn báo công của Nguyễn Huệ đánh bại quân Nam ở Phú Yên với Ngũ Phúc. Ngũ Phúc trình lên Trịnh vương, xin sắc phong cho Nguyễn Huệ làm Tây Sơn hiệu tiên phong tướng quân.

Quân Trịnh ở Quảng Nam gặp bệnh dịch, bị chết đến quá nửa. Ngũ Phúc sai lính ruổi ngựa đưa thư về dâng lên chúa Trịnh Sâm xin cho bỏ hai phủ Thăng Hoa, Điện Bàn. Rồi Ngũ Phúc dẫn quân về Thuận Hóa, nhưng chưa đến Phú Xuân thì bị ốm chết dọc đường.

Lúc trước, khi Ngũ Phúc đem quân vào Phú Xuân, lên đường vào ngày mồng năm, có kẻ cuồng phu vin thành xe mà can rằng:

– Tướng quân xuất binh hôm nay là ngày xấu, cứ đến ngày mười tám sẽ biết.

Phúc cho là người điên nói nhảm, bỏ ngoài tai không nghe. Đến nay ốm chết dọc đường, lời nói của người điên kia quả ứng là điềm xấu. Thập bát tức là chữ mộc, chữ mộc thêm bộ nhật (ngày) thành chữ *Cảo,* là ngự danh của Thế Tổ (Nguyễn Ánh). Đó là lời báo trước triều Nguyễn ta lại thu phục Phú Xuân.

Ngày hôm ấy Nguyễn Nhạc nghe tin Hoàng Ngũ Phúc chết, bèn sai quân ra chiếm giữ Quảng Nam. Vừa lúc ấy quân do thám về báo tin Tôn Thất Quyền đã dấy binh kéo đến Quảng Nam. Quyền là con thứ mười bốn của Võ vương, sau sự biến năm Giáp Ngọ (quân Trịnh chiếm Phú Xuân, năm 1774), Quyền không kịp theo hộ giá, bèn cùng

1. Châu Ổ: tên xã ở đầu địa giới tỉnh Quảng Ngãi.

em là Thung lén vào Quảng Nam chiêu tập hào kiệt. Nhân lúc Hoàng Ngũ Phúc rút quân về, Quyền bèn dấy quân cần vương, dùng Trương Phúc Tá là mưu sĩ, lại được khách buôn người Thanh tên là Tất đem của nhà hàng ức vạn giúp cho. Đến lúc này quân của Tôn Thất Quyền chiếm giữ hai phủ Thăng Hoa và Điện Bàn, thanh thế lừng lẫy. Nguyễn Nhạc định dùng Khoa Kiên làm tướng chống đánh. Kiên là con Nguyễn Khoa Thuyên, tướng mạo hùng dũng, sức lực hơn người, trước kia là bộ thuộc của Tống Phước Hiệp, sau dần dần lập nhiều công được mọi người gọi là Triệu Tử Long của chiến địa Phú Yên. Sau vì thế cô, Khoa Kiên bị quân Nguyễn Huệ bắt được. Nhạc khen Khoa Kiên là người dũng khí, sai đem quân đi đánh Tôn Thất Quyền, nhưng Kiên không chịu, quát mắng Nhạc rồi rút gươm tự tử. Nhạc bèn dốc hết quân tiến đánh. Cầm cự được hơn hai tháng, quân của Quyền thiếu lương ăn, bị Nhạc thừa cơ đánh tan. Không biết kết cuộc Quyền ra sao, còn Xuân chạy về Gia Định. Văn Nhạc lưu tham tướng Nguyễn Văn Duệ ở lại giữ Quảng Nam, tự mình dẫn quân về Quy Nhơn; ghi tên trai tráng của ba huyện vào lính, sai em là Nguyễn Văn Lữ làm Tiết chế đốc suất quân thủy bộ vào đánh Gia Định.

Định vương Nguyễn Phúc Thuần đang ở Bến Nghé, được tin cấp báo bèn sai Chưởng cơ Tống Phước Hiệp đốc suất các quan tùy tùng hộ giá đến dinh Trấn Biên, dừng chân ở Đồng Lam. Văn Lữ đem quân vào chiếm Sài Gòn.

Sài Gòn ở trong biên giới Đông Phố, vua thứ hai nước Chân Lạp là Nặc Nộn chiếm cứ, quốc triều ta thu phục đất ấy, đắp thành, đặt làm phủ Gia Định. Văn Lữ đóng quân ở Gia Định, sai thuộc tướng là Điều khiển Hòa tiến đánh dinh Long Hồ. Ký lục Bùi Hữu Lễ (người Phú Vang) bị Văn Lữ bắt. Lữ viết quân lệnh trạng [1] sai người ruổi ngựa về báo cho Nhạc biết. Nhạc mời Văn Huệ đến bàn việc đem quân vào đánh miền Nam.

Nguyễn Huệ nói:

– Mộ tổ của anh em ta ở Tây Sơn là đất có vượng khí Thiên tử. Thầy địa lý nói mộ ấy táng được mười hai năm thì không gì chế ngự được nữa. Kể từ anh em ta dấy binh ở Kiên Thành đến nay, đánh đâu thắng đó, bọn chúa Nguyễn phải chạy dạt khắp nơi, Hoàng Tôn

1. *Quân lệnh trạng:* danh từ chỉ loại văn thư dùng khi hành quân, các văn bản do cấp trên gửi cho cấp dưới, cấp dưới báo cáo lên trên đều gọi là quân lệnh trạng.

Dương thì đang bị ta giao cho mấy người nhà chùa cai quản. Bọn họ có tính chuyện khôi phục được thì cũng còn lâu. Hiện nay Bắc triều kỷ cương rối bét, anh em họ Trịnh đánh giết lẫn nhau, trước sau cơ nghiệp nhà Lê cũng phải sụp đổ. Ngạn ngữ có câu:

Trâu đen húc lẫn bò vàng
Húc xuôi húc ngược lăn càng xuống sông.

Đó là điềm chúa Trịnh bức bách vua Lê, rồi cả hai đều bị diệt vong. Anh cả nên sớm lên ngôi vua để tỏ cho thiên hạ biết ngôi báu đã về chủ mới. Rồi đây anh cả sẽ chăm lo thu dùng hào kiệt làm vây cánh, tuyển mộ đinh tráng làm binh lính để mạnh thêm nanh vuốt. Trước hết chiếm lấy miền Nam, sau đó thu quân tiến ra Bắc, đoạt ngôi vua của nhà Lê, để ứng với câu đồng dao "Phụ Nguyên Trì thống" (họ Nguyễn nối giữ đại thống) [1]. Còn ai có thể tranh cạnh được với anh em ta?

Khoảng thời gian này có điềm rồng xuất hiện ở phủ thành Quy Nhơn, vươn đầu ngóng về Phú Xuân, lượn vòng quanh thành rồi biến mất. Nhân đó Huệ lại bảo Nguyễn Nhạc rằng.

– Rồng là điềm Thiên tử đóng đô ở Thuận Hóa mà cai trị cả Nam Bắc hà. Đã đến lúc anh em ta lấy được thiên hạ rồi đấy. Vả lại thành Chà Bàn xưa là thành Bàn Xà của nước Chiêm Thành. Lúc anh em ta mới dấy đã chiếm ngay được để làm nơi căn bản, thế chẳng là trời trao thiên hạ cho ta đó sao?

Sau đó Huệ cho đắp sửa thành Quy Nhơn rồi đặt long án, tôn Nhạc là Tây Sơn vương. Bấy giờ là ngày tháng ba năm Bính Thân niên hiệu Cảnh Trị thứ 37 (1776).

Sau khi xưng vương, Nguyễn Nhạc cho đúc quốc ấn bằng vàng, nhưng phải đúc đến lần thứ ba mới thành. Nguyễn Nhạc phong cho Văn Lữ làm Thiếu phó, Văn Huệ làm Phụ chính. Các tướng tá khác đều được trao quan chức theo thứ bậc khác nhau.

Phong quan đặt chức đã xong, Nguyễn Nhạc liền triệu hội các tướng bàn việc đem quân đánh Tống Phước Hiệp để chiếm Phú Yên.

Lại nói Tống Phước Hiệp sau khi thua trận ở Phú Yên bèn sai

---

1. *Nguyên chú:* Thời bấy giờ có câu sấm ngữ:

Ngọ vận dương thiên
Phụ nguyên trì thống

"Ngọ vận" tức là vận hội năm Giáp Ngọ (1774).

"Phụ nguyên" là chiết tự của chữ Nguyễn (gồm chữ Phụ + chữ Nguyên).

em con chú là Tống Phước Hòa đóng giữ ở Ô Cam. Lúc ấy Nguyễn Văn Nhơn theo Đốc chiến Kiên đánh quân Tây Sơn ở đảo Tam Sơn, bị thua phải chạy về chỗ Phước Hiệp. Phước Hiệp bèn cho lệnh thu nạp quân của Phước Hòa rồi dẫn quân lui ra đóng ở Hòn Khói. Bấy giờ có tin người huyện Đồng Xuân là Chu Văn Tiếp dấy binh, Nguyễn Nhạc sai người đi chiêu dụ Tiếp theo về với mình.

Văn Tiếp nguyên tên là Doãn Ngạnh, võ nghệ hơn người, có tài làm tướng. Tiếp khi trước làm lái buôn, có quen biết Nguyễn Nhạc. Khi Nguyễn Nhạc xưng vương, Văn Tiếp cùng anh là Doãn Chử và em là Doãn Chấn, Doãn Húc vào nguồn Hà Than chiêu tập thuộc hạ dân miền Thượng được hơn một nghìn người, chiếm giữ núi Trà Lang. Tham mưu Vũ Danh Sơ theo tiếp, giữ chức Tham tán nhung vụ. Hào kiệt gần xa nhiều kẻ theo về. Lê Văn Quân người huyện Kiến Hưng tìm đến quân doanh xin theo dưới trướng của Văn Tiếp, được bổ chức Cai đội. Quân là người dũng cảm, thiện chiến, người ta thường gọi là Dũng Nam công, được Văn Tiếp gả em gái là Thị Đậu. Thị Đậu cũng giỏi võ, người ta thường gọi là Chu Muội nương. Nguyễn Nhạc mới dấy binh, phải đối phó với quân của chúa Nguyễn và quân Trịnh, trong ngoài đều không có chỗ dựa. Nhạc bèn sai người đến chỗ Văn Tiếp, hẹn cùng Tiếp tôn lập Đông cung Dương. Tiếp bèn đến Quảng Nam để hội kiến với Nhạc, nhưng khi đến Quy Nhơn thì Nhạc bội ước. Tiếp bèn dẫn bộ hạ trở về đóng giữ núi Trà Lang, Tiếp sai người đưa thư đến xin theo quân cần vương. Phước Hiệp xin chúa Định vương thu nạp, sai Tiếp cầm quân đóng giữ miền thượng đạo để làm thanh ứng với quân Nguyễn. Văn Tiếp sai Vũ Danh Sở thảo hịch vạch tội Nhạc, rồi truyền đi cho khắp xa gần biết. Sau đó Văn Tiếp cùng thuộc hạ bàn mưu đánh chiếm Phú Yên.

Bấy giờ tướng trấn thủ Phú Yên là Lý Tài, từ sau khi Tập Đình chạy trốn về Quảng Đông cũng bị Nhạc đối xử nhạt nhẽo, cho nên có ý muốn làm phản. Lúc trước Đông cung Dương ở Hội An nhiều lần định làm phản (Tập Đình muốn làm hại Đông cung, Lý Tài phải nhiều lần can ngăn). Khi Tôn Thất Chí đi khỏi Quy Nhơn đã có mật ước với Lý Tài. Sau đó ít lâu, khi cầm quân đóng giữ ở Phú Yên, Lý Tài đã đem quân mã bộ hạ đến quân doanh của Tống Phước Hiệp xin hàng. Tống Phước Hiệp dâng biểu tâu về triều. Định vương cho Lý tài làm Tiết chế trong quân của Tống Phước Hiệp.

Định vương Nguyễn Phúc Thuần đóng quân ở Đồng Lam, thế lực

đơn yếu, bèn sai gọi Tống Phước Hiệp đem quân vào hợp viên, giao các đạo Phú Yên, Bình Thuận lại cho Tham tán Trần Văn Thức và Chu Văn Tiếp đóng giữ. Lại sai Đỗ Thành Nhơn truyền hịch chiêu mộ nghĩa binh các đạo để phối hợp với Phước Hiệp tiến đánh Sài Gòn. Đỗ Thành Nhơn người huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên là bậc kiêu dũng. Lúc mới theo việc quân, Nhơn giữ chức Đội trưởng Hữu thuyền. Định vương vào Nam, Nhơn theo hầu trong quân. Đến lúc này Nhơn đi chiêu tập binh mã lính mộ. Thấy quân Tống Phước Hiệp hiện còn xa chưa tới được, mà quân của Phước Hòa do Phước Hiệp phái vào cứu viện thì đã tiến vào đóng đồn ở Lương Pha, Thanh Nhơn bèn đến Ba Giồng (Tam Phụ) để gọi Nguyễn Hoàng Đức. Đức người huyện Kiến Hưng trấn Định Tường, nguyên họ Hoàng, được ban quốc tính họ Nguyễn, cho nên lấy họ kép là Nguyễn Hoàng. Ông nội của Đức là Châu giữ chức Cai đội, cha là Lương cũng làm Cai đội. Đức lớn lên tướng mạo khôi ngô, dũng cảm hơn người, dân chúng thường gọi là hổ tướng. Đã chiêu mộ được một ít nghĩa binh rồi, Nhơn lại gọi bọn Trần Búa, Đỗ Vàng, Đỗ Ky cùng với Vũ Nhàn, Đỗ Bảng v.v... chia đi tuyển mộ các nơi, tất cả được ba ngàn quân, lấy Ba Giồng làm nơi căn cứ hiểm yếu để tụ nghĩa. Ba Giồng thuộc địa hạt trấn Định Tường, trên có núi Chúa Triệu, giữa có núi Cai Lữ, dưới có núi Kiến Định, tất cả là ba gò núi đất cổ, tục gọi là Ba Giồng, chạy xuyên qua địa phận hai huyện Kiến Hưng, Kiến Đăng, gò núi nhấp nhô, cây cối um tùm. Phía trước có sông dài ngăn trở, phía sau là vùng đồng lầy cỏ rậm. Lấy đây làm nơi đóng quân chứa lương, khi xẩy việc nguy cấp có thể trông cậy được, khác nào rắn núi Thường Sơn ở ải Kiếm Các, hổ nép góc rừng ở bến nước Lương Sơn.

Đỗ Thanh Nhơn chiếm giữ vùng rừng núi này, tự xưng là Đông Sơn thượng tướng quân. Nhơn nói với các tướng bộ thuộc:

– Nay anh em ta đồng lòng dấy nghĩa để chắp cánh cho quân triều đình, ai nấy phải gắng sức chiến đấu, giết cho được bọn Văn Lữ thu phục đất Gia Định, rước Định vương về Thúy Hoa để làm kế cố thủ. Sau đó ta sẽ trình lên xin Chúa thượng điều quân khiển tướng trụ giữ thành Quy Nhơn, bắt gọn anh em Nguyễn Nhạc đem tế cờ của ta. Nếu Phước Hiệp đem quân tới thì ta chưa vội tỏ ý làm đội quân riêng độc lực.

Rồi Đỗ Thanh Nhơn cùng thuộc hạ mật bèn mưu kế, chặt gỗ dựng cờ may áo vẽ mũ. Xong các việc chuẩn bị, bèn đưa quân từ vùng núi

rừng Ba Giồng tiến ra đánh úp quân Nguyễn Lữ, thắng luôn mấy trận. Quân Nguyễn Lữ thua rạp như cỏ lướt. Nguyễn Lữ biết không địch nổi, bèn lấy thóc trong kho chở hơn hai trăm thuyền chạy về Quy Nhơn.

Đỗ Thanh Nhơn lấy lại được Gia Định (thu phục lần thứ nhất), bèn đón Định vương Nguyễn Phúc Thuần trở về Bến Nghé. Phúc Thuần thưởng công. Tướng sĩ quân Đông Sơn đều được ban thưởng theo thứ bậc.

Không bao lâu sau có tin báo Tống Phước Hiệp đã từ huyện Bình Khang đem quân vào. Phước Hiệp từ khi được lệnh của Định vương liền đem quân đi gấp vào Gia Định, đến dinh Trấn Biên thì gặp Phước Hòa từ Lương Pha tới hội quân. Hiệp để Phước Hòa ở lại giữ dinh Trấn Biên, tự mình dẫn bọn hàng tướng Lý Tài đến hành tại yết kiến Định vương. Phước Thuần báo Phước Hiệp đem quân đến đóng gần hành tại để tiện điều khiển. Giữa lúc đó Phước Hiệp lâm bệnh nặng, Định vương nói với các tướng:

– Phước Hiệp là người mưu lược, khảng khái, lấy việc đánh giặc là bổn phận của mình, từ trước đến nay ta vẫn coi Hiệp là chỗ dựa quan trọng. Nay Phước Hiệp lâm bệnh hiểm nghèo, biết lấy ai thay Hiệp để làm chân tay cho ta?

Định vương sai người tìm kiếm lương y, nhưng chưa kịp chạy chữa thì Tống Phước Hiệp chết vì bệnh tình quá nặng (truy tặng tước Hữu phủ quốc công, dựng đền thờ ở Long Hồ, xuân thu hai kỳ cúng tế).

Hàng tướng Lý Tài theo quân Tống Phước Hiệp vào cứu viện, Định vương muốn thu dùng, nhưng Đỗ Thanh Nhơn nói:

– Tập Đình, Lý Tài là bọn chó lợn ở chợ Phù Li, nhân lúc loạn lạc tiếp tay cho quân Tây Sơn, tội đáng phải chết. Tập Đình đã bị Tổng đốc Quảng Đông xử trảm. Nay Lý Tài không dám vác mặt về gặp chủ Tây Sơn, cùng đường phải theo quân ta. Xem ra hắn là hạng vô lại, có dùng cũng chẳng nên công cán gì. Hung hãn như hắn thì về sau khó chế ngự. Chi bằng sớm kết liễu hắn đi để khỏi sinh chuyện rắc rối.

Lý Tài do vậy kết oán với Đỗ Thanh Nhơn. Tống Phước Hiệp chết, Lý Tài lo Thanh Nhơn làm hại mình, bèn đem quân bộ thuộc chiếm giữ núi Chiêu Thái để làm phản.

Đúng là:

Chuồng tre heo nhốt chưa khỏi trói,
Bãi dâu quạ lủi vẫn còn nhơ.

HỒI THỨ NĂM

Đất Sài Gòn Hoàng Tôn Dương làm Giám quốc
Đạo Long Châu Tôn Thất Đồng chết vì vua

Lại nói núi Chiêu Thái cách chấn Biên Hòa về phía Nam hơn mười một dặm, là tấm bình phong che chắn cho trấn thành. Núi từ giữa đồng bằng đột khởi cao vút, từ phía Đông quanh co theo hạ lưu sông Phước Giang, chạy đến Gò Công (Khổng Tước), núi non trùng điệp, cổ thụ um tùm. Quả là nơi u nhã hợp với cảnh thiền, mà cũng là chỗ hiểm yếu đóng giữ lợi hại. Lý Tài đem quân đến đóng ở núi ấy, bảo thuộc hạ:

– Ta trên đầu vốn chẳng chịu ai, thấy Nam triều thế nguy, nên mới bỏ Nguyễn Nhạc theo về giúp Chúa. Nay bọn họ nhẫn tâm coi ta như giặc, trừ phi có Đông cung đến đây, còn thì là quyết không bao giờ quay lại Quy Nhơn nữa.

Sau đó Lý Tài đem quân đánh úp Đỗ Thanh Nhơn. Thanh Nhơn chống cự không nổi, phải đắp lũy từ sông Bến Nghé đến Bến Than làm kế cố thủ. Bấy giờ gặp lúc Tôn Thất Xuân từ Quảng Nam vào tâu với Định vương là Đông cung đang vượt biển theo về hành tại. Định vương ân cần thăm hỏi, bảo Xuân rằng:

– Khanh cùng với Quyền tướng quân dấy binh định thu phục Thăng Hoa, Điện Bàn, việc tuy không thành, nhưng cũng đủ khiến cho bọn Văn Nhạc biết bề tôi họ Tôn Thất của triều ta còn có người, danh trung nghĩa đồn vang khắp xa gần. Ta chỉ chưa biết rõ khi Đông cung ở Quy Nhơn, sự thể như thế nào?

Tôn Thất Xuân nhân đó kể lại việc Nguyễn Nhạc xin hàng quân Trịnh, sau khi mưu kế đã thành bèn sai người đến Yên Thái đón Đông cung về, dựng nhà bên sông Bồng Giang, gả con gái là Thọ Hương cho Đông cung, lấy huyện Bình Sơn làm của hồi môn, mưu lập Đông cung làm Vương để mê hoặc dân chúng. Đông Cung không chịu nghe theo. Nhạc tức giận bảo với Huệ là Hoàng Tôn không chịu làm vua, tức là muốn làm "con sãi giữ chùa để quét lá đa". Rồi Nhạc đưa Hoàng Tôn đến chùa Di Đà xứ Thập Tháp (chùa này do bậc cao tăng

người Hồ Châu là Tạ Nguyên Thiều cắm tích trượng cho dựng lên). Sau khi Đông cung bị đưa đến chùa Di Đà, Đông cung bí mật bàn mưu với Giáo Quý để tìm cách trốn vào Nam.

Bấy giờ có người chủ thuyền tên là Tiến đến đậu thuyền ở bến Hổ Ky. Giáo Quý hẹn với Tiến ghé thuyền vào bến đợi sẵn. Đông cung cùng Trương Phúc Dĩnh, Tống Phước Đạm, Trần Văn Hóa cùng bọn Giáo Quý nhân đêm hôm mưa gió trốn khỏi chùa, xuống thuyền rời bến Hổ Ky. Bấy giờ trời đang ngược gió, nhưng khi Đông cung xuống thuyền thì tự nhiên gió thuận buồm xuôi, thuyền lướt nhanh như bay. Đến ngoài hải phận Vị Nê gặp thuyền của Tôn Thất Xuân chèo tới. Xuân bèn theo thuyền của Đông cung vượt biển vào Nam. Đông cung nhân đó sai Xuân đi trước tìm đến hành tại báo để Định vương biết.

Định vương bèn sai Tôn Thất Xuân giữ đồn Hương Phúc, sai quân hầu đi đón Đông cung.

Đông cung đến hành tại, vào yết kiến Định vương. Lạy chào vấn an xong, Đông cung xin Định vương sai Tham mưu Nguyễn Danh Khoáng đi chiêu dụ bọn Lý Tài. Lý Tài ngờ Đông cung chưa ra khỏi Quy Nhơn bèn giữ Khoáng ở lại trong quân, rồi Lý Tài cùng bốn thuộc tướng là Tân, Hổ, Hiền, Nam đem quân tiến thẳng đến Sài Gòn. Quân của Đỗ Thanh Nhơn vốn sợ Lý Tài, vừa nghe tin Lý Tài đem quân đến vội tan rã bỏ chạy, rồi dừng lại đóng trại ở Ba Giồng. Lý Tài bèn chia quân bốn đạo gióng trống mà tiến. Đông cung bèn sai người giương cờ hiệu cho bọn Lý Tài trông thấy, trên cờ có đề sáu chữ "Đông cung phụng mệnh chiêu an". Quân Lý Tài từ xa trông thấy, liền vứt gươm giáo sụp lạy la liệt, tiếng reo mừng dậy như sấm. Bọn họ bèn rước Đông cung đến Dầu Mật rồi theo Đông cung về Sài Gòn. Trương Phúc Thận xin Định vương ngự giá đến chùa Kim Chương (ngoại thành Gia Định). Lý Tài theo Đông cung vào yết kiến chúc mừng Định vương.

Định vương bèn triệu các quan văn võ đến chầu rồi làm lễ nhường ngôi cho Đông cung. Đông cung vâng mệnh, tự xưng là Tân Chính vương. Hôm ấy là ngày Nhâm Thân, tháng Chạp, năm Bính Thân (1–1777).

Đông cung Dương lên nối ngôi, tôn Định vương làm Thái thượng vương, thăng Tôn Thất Chí làm Thiếu phó, Tôn Thất Xuân làm Chưởng cơ, phong Lý Tài làm Bảo giá đại tướng quân. Bấy giờ các bề tôi hộ giá đều có mặt đông đủ, chỉ riêng Đỗ Thanh Nhơn và Lý Tài

không phục nhau, nên không đến dự hội. Lý Tài tâu với Tân Chính vương xin sai Chưởng cơ Tống Phước Hòa cùng Tống Phước Thiêm đem quân đến đóng giữ Long Hồ nói là để phòng quân Tây Sơn, nhưng thực ra là để phòng bị, vì sợ Đỗ Thanh Nhơn đem quân đánh úp.

Bấy giờ Thế Tổ biết Lý Tài là kẻ ngang ngược kiêu căng, khó chế ngự, bèn mật báo với Định vương xin cho mình được đem quân đi Ba Giồng chiêu dụ quân Đông Sơn. Lý Tài biết chuyện bèn bức Định vương đến Dầu Một. Tham mưu Đoàn Đức Hiệp không theo, liền bị Tài giết, Tân Chính vương không chế ngự được. Tân Chính bèn sai Trương Phúc Dĩnh theo hộ giá, ngay ngày hôm sau bảo Tài đưa về Sài Gòn. Vừa lúc ấy bọn Võ Di Nguy, Tô Văn Đoài đưa hơn hai trăm quân từ Quy Nhơn vừa vào đến nơi. Di Nguy người huyện Phú Vang, phủ Thừa Thiên; Văn Đoài người huyện Bình Dương, phủ Gia Định đều giữ chức Cai đội. Khi Định vương vào Nam, hai người không kịp đi theo, cùng nhau thu thập tàn quân, rồi bí mật lén vào Nam tìm đến hành tại. Tân Chính vương cho hai người đưa quân đi theo để chờ sai phái. Rồi Tân Chính vương lấy Tống Phước Đạm làm Giám quân, lấy Trần Văn Hòa (em Trần Văn Trạc) làm Tham mưu, sai bí mật đưa quân trở ra Quảng Ngãi cùng Đô thống sứ Đặng Văn Phong, Chiêu thảo sứ Nguyễn Văn Đổng chiêu tập nghĩa binh. Bọn Phước Đạm đến đê Bồ ở Bồng Sơn bị phục binh của Nguyễn Nhạc chặn đánh, Văn Hòa chết tại trận. Phước Đạm không thể đi tiếp ra Bắc, đành phải quay về. Vừa lúc ấy quân do thám báo tin Nguyễn Nhạc đã chiếm được Quảng Nam, sai bề tôi là Đỗ Phú Tuấn làm sứ giả đến xin chúa Trịnh cho giữ chức trấn thủ Quảng Nam. Trịnh Sâm sợ xảy ra việc binh đao phải phong cho Nguyễn Nhạc làm Quảng Nam Trấn thủ tuyên úy đại sứ, tước Trà quốc công. Nhạc đắc chí, cho rèn binh khí, tích lương thảo, thế lực càng hùng mạnh, chỉ chờ dịp là ruổi quân vào đánh lấy các nơi ở phía Nam.

Lại nói Nguyễn Nhạc nghe tin Đông cung lên ngôi xưng là Tân Chính vương, dùng Lý Tài làm Thượng tướng, bèn bảo Nguyễn Huệ rằng:

– Đối với Tân Chính vương thì hơi khó đánh, còn Lý Tài rốt cuộc cũng chỉ là kẻ phản phúc. Nam triều không còn tướng khác hay sao mà phải dùng loại chó má ăn cháo đái bát ấy?

Rồi Nhạc tức tốc sai Nguyễn Huệ đốc suất quân thủy bộ vào đánh. Tin báo với Gia Định, Tân Chính vương lưu Lý Tài ở lại giữ Sài Gòn, tự mình làm tướng dẫn quân đến Trấn Biên, lệnh cho Phó

tiết chế Nguyễn Cửu Tuấn đóng ở Ký Giang, Tôn Thất Xuân đóng ở Hưng Phước, Chưởng trường đà [1] Nguyễn Đại Lữ đóng ở núi Nữ Tăng để chống cự. Quân Nguyễn Huệ bí mật theo đường thượng đạo, ngày đêm đi gấp vào đến nơi liền ồ ạt tiến đánh như sấm sét. Quân của Nguyễn Cửu Tuấn đều là hạng mới tuyển mộ, chưa quen chiến trận. Nguyễn Huệ thừa thắng tung quân ruổi dài. Nguyễn Cửu Tuấn, Nguyễn Đại Lữ đều chết tại trận, Lý Tài ở Sài Gòn đem quân giao chiến với thủy quân của Nguyễn Huệ ở sông Bến Nghé, mấy lần đều thất bại. Tân Chính vương nghe tin báo liền triệu các tướng đến thương nghị. Tham tán Nguyễn Đăng Trường cho rằng quân Huệ đông, quân ta ít nên lui về Sài Gòn để mưu tính kế sách đánh giữ. Tân Chính vương bèn sai Tống Phước Lương ở lại đóng giữ Trấn Biên, tự mình dẫn quân lui về Sài Gòn.

Vừa bàn xong chưa kịp ban mệnh thì quân của Nguyễn Huệ đã thình lình ập đến. Tân Chính vương sai Lý Tài đem quân Hoà Nghĩa [2] ra Hóc Môn chặn đánh. Lý Tài chém được viên tuần sát bên quân Nguyễn Huệ tên là Tuyên. Quân Huệ hơi chùn lại. Vừa lúc ấy Trương Phước Thận từ Cần Vọt đem quân đến cứu viện. Quân Phước Thận không đông, nhưng đội ngũ tề chỉnh, khá có khí thế. Lý Tài xa trông bóng cờ lại tưởng quân Đông Sơn [3] đến đánh bèn lui quân về. Quân Nguyễn Huệ thừa thế đuổi đánh đến tận Sài Gòn. Lý Tài hoảng loạn đem quân chạy về Ba Giồng. Lý Tài cùng bọn người Thanh chạy đến đây đều bị quân Đông Sơn giết hết. Tân Chính vương được quân Trương Phước Thận hộ vệ lui về giữ sông Tranh, sai người đi tìm Nguyễn Đăng Trường. Bấy giờ mới biết Đăng Trường đã bị quân Nguyễn Huệ bắt sống. Tân Chính vương lại sai người đi hỏi tin tức Định vương, nhưng lúc ấy Định vương đã lánh đến miệt sông Trừng Giang ở Định Tường. Bờ Nam sông Trừng Giang có nhiều cồn gò, phía Bắc nhiều rừng rậm, đầm lầy kéo dài đến năm sáu trăm dặm. Quân Đông Sơn vẫn thường tụ tập ở đây để chặn chỗ hiểm. Bọn chúng tiến lui mặc sức tung hoành, không ai biết tung tích. Định vương dừng lánh ở đây, may gặp được Thế Tổ dẫn bốn nghìn quân Đông Sơn đến cứu viện.

Định vương sai dựng cờ hiệu "Đông Sơn thượng tướng quân" rồi

1. *Chưởng trường đà:* tên chức quan chỉ huy quân thủy.
2. *Hòa nghĩa quân:* tức quân của Lý Tài
3. *Đông Sơn quân:* tức quân của Đỗ Thanh Nhơn

đem quân đi về phía Giồng Tài, bảo Tân Chính vương rằng:

– Về mạn sau sông Tranh thì Vương tự đảm đương, còn mạn trước Giồng Tài thì để ta lo liệu.

Nói xong Định vương cho quân sĩ quay lưng lại phía sông dàn trận đợi sẵn. Sau đó, sợ không đối phó nổi với Nguyễn Huệ, Định vương bèn lánh về Long Hưng ở Định Tường, thế cô lực yếu. Gặp Đỗ Thanh Nhơn từ Giá Khê dẫn quân đến, Định vương hỏi có còn nơi nào hiểm trở có thể tạm lánh quân được không? Đỗ Thanh Nhơn đáp:

– Mạc Thiên Tứ hiện đóng quân tại Cần Thơ ở Trấn Giang. Xin Chúa thượng đến lánh tạm ở đó.

Định vương bèn đem quân đi Cần Thơ. Đến nơi thấy quân Mạc Thiên Tứ thế lực yếu ớt khó bề chống nổi với quân Tây Sơn, Định vương sai Đỗ Thanh Nhơn cùng bọn Lê Văn Quân [1] bí mật ra Bình Thuận gọi bọn Chu Văn Tiếp, Trần Văn Thức đem quân cứu viện. Một mặt sai người mật báo với Tân Chính vương nên cẩn thận đề phòng, chờ quân cứu viện.

Lúc ấy Tân Chính vương đang giữ miền sông Tranh. Bị quân Tây Sơn tiến đánh phải lui về giữ Bến Trà [2], được tin báo Nguyễn Đăng Trường bị quân của Huệ giết. Trường quê huyện Hương Trà là người khẳng khái có khí tiết. Khi trước thua trận ở sông Phù Lễ, Trường theo xa giá đến Quảng Nam, nhưng đến nơi thì Định vương đã lên thuyền vào Gia Định. Trường không theo kịp, bèn về trốn tránh ở quê nhà. Sau đưa mẹ là bà họ Hoàng vượt biển vào Nam, nhưng gặp sóng gió dạt vào cửa Thi Nại, bị quân Tây Sơn bắt được. Nguyễn Huệ nghe nói Trường là người hiền nên đối xử như bậc tân khách, Trường một mực không chịu. Lúc này Tân Chính vương đang bị ép ở Quy Nhơn, Trường bí mật bàn mưu với Tân Chính vương. Vương bảo Trường tìm cách đi trước vào Gia Định. Trường đem việc ấy nói với Nguyễn Huệ, xin Huệ cho mình theo chủ cũ để giữ trọn khí tiết bề tôi.

Huệ nói:

– Tiên sinh đi chuyến này, ý muốn kéo lại trời đất được chăng?

Trường đáp:

– Kẻ đại trượng phu ở đời lấy trung hiếu làm đầu. Nay tôi dắt mẹ đi tìm vua, đạo nghĩa đã rõ ràng.

1. ĐNTLTB chép người này họ Nguyễn, giữ chức Cai đội.

2. *Trà Tân*: thuộc huyện Định Tường.

Huệ khen là người hiếu nghĩa, thả cho Trường đi. Vào đến Gia Định, Trường được phục chức Tham nghị. Sài Gòn thất thủ, Trường lại bị bắt. Huệ hỏi:

– Bây giờ tiên sinh định thế nào?

Trường trả lời:

– Vua nhục thì bề tôi phải chết. Kẻ nghĩa khí không cần sống thừa.

Trước khi bị hành hình, Trường quay mặt về phía Bắc lạy mấy lạy rồi vươn đầu chịu chết.

Tân Chính vương buồn rầu thương xót, khen Đăng Trường là người trung nghĩa. Rồi Vương triệu họp các tướng để bàn định việc quân cơ. Vừa lúc ấy Tống Phước Thiêm từ Long Hồ đem quân thủy đến đón Tân Chính vương về đóng hành dinh ở Ba Việt trấn Định Tường. Tân Chính vương sai Tôn Thất Hựu đóng giữ Mỹ Lung, Tống Phước Hiệp giữ Hương Đôi làm hai cánh bảo vệ ở tả hữu. Lại sai Tống Phước Hòa quản lĩnh các quân hộ trận để chống cự. Chưa được bao lâu quân Tây Sơn lại tiến đánh đến Ba Việt. Tôn Thất Chí, Nội tả Nguyễn Mẫn, Chưởng cơ Tống Phước Hựu đều bị ốm chết trong quân. Tống Phước Hòa một mình chống cự với quân Tây Sơn, thắng liền mấy trận. Nhưng với thế lực ngày càng lớn mạnh, quân Tây Sơn đánh đến Hương Đôi. Tống Phước Thiêm thế cô phải chạy về Ba Việt. Tân Chính vương cạn lương, quân ít, định chạy ra Bình Thuận hội binh với Chu Văn Tiếp. Trần Văn Thức từ Phú Yên đem quân vào cứu viện, đến Bình Thuận thì gặp quân Tây Sơn, Thức không chống cự được, chết tại trận. Ý định của Tân Chính vương muốn ra hội quân với Tiếp vì thế cũng không thực hiện được. Thấy tình cảnh binh tàn lực cạn, Tống Phước Hòa than rằng:

– Chúa lo thì bề tôi phải chết, nghĩa không thể tránh được!

Nói xong rút gươm tự sát. Người đời sau có câu đối thương tiếc Tống Phước Hòa:

Cố quốc hữu thế thần, dữ đồng hưu ưng dữ đồng thích,
Cùng thời kiến liệt tiết, năng liệu tử bất năng liệu sinh

Nghĩa là:

Nước cũ có công thần, chung phúc nên cùng chung nạn,
Thời cùng thấy tiết cả, một chết chẳng mong sống còn.

Tân Chính vương đã mất Tống Phước Hòa, lo đồn bị vây hãm, quân dân không tránh khỏi thương vong, bèn sai người đến nói với tướng Tây Sơn:

– Nếu các ông bảo toàn tính mệnh cho quân dân trong đồn thì ta sẽ tự đến nộp mạng.

Quân Tây Sơn hứa sẽ y theo. Tân Chính vương bèn đến trước quân doanh Tây Sơn rồi rút gươm tự sát. Quan quân tùy tùng mười tám người đều bị giết. Đó là ngày Canh Tuất, tháng Tám, năm Đinh Dậu (9–1777).

Tin giữ báo đến Cần Thơ. Định vương Nguyễn Phúc Thuần triệu Mạc Thiên Tứ đến bảo:

– Thế quân Tây Sơn trùm lấy cả trời đất. Tân Chính vương đã lìa trần rồi, bây giờ biết hoạch định ra sao để mưu đồ khôi phục?

Mạc Thiên Tứ đáp:

– Xin Chúa thượng sai thuộc hạ của thần là Quách Ân đem thuyền biển phò giá sang Quảng Đông nước Thanh xin quân cứu viện để khôi phục bờ cõi của triều đình. Nếu không tính xa như vậy thì sợ chúng ta không còn đất trú chân.

Sau đó Định vương đi Long Xuyên. Thiên Tứ sai Cai cơ ngũ nhung tên là Khoan hộ giá Định vương đi trước, còn mình ở lại giữ cửa sông Kiên Giang để chờ Quách Ân đưa thuyền tới.

Long Xuyên nguyên là đất Kha Mao của Chân Lạp, sau đặt thuộc vào trấn Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ xin triều đình lập thành đạo Long Xuyên, trong vùng không có nơi nào hiểm trở đáng trông cậy.

Định vương đến Long Xuyên, binh tướng tùy tòng chẳng còn được mấy người. Thân thần chỉ có Thế Tổ (Nguyễn Ánh), Tôn Thất Đồng (con thứ hai của Hưng Tổ) và Tôn Thất Xuân. Bề tôi theo hầu thì có bọn cha con Trương Phước Thận, Lưu Thủ Lượng, Tham mưu Nguyễn Danh Khoáng, mấy người mà thôi.

Nguyễn Huệ dò biết nội tình, bèn sai Chưởng cơ Thành đem quân đuổi gấp đến Long Xuyên. Định vương phải quay trở về Gia Định rồi mất [1]. Định vương Nguyễn Phúc Thuần ở ngôi được mười hai năm, thọ hai mươi bốn tuổi. Tôn Thất Đồng, cha con Tống Phước Thận cùng Lưu Thủ Lượng, Tham mưu Khoáng cũng đều chết cả. Đó là ngày Canh Dần, tháng Chín, năm Đinh Dậu niên hiệu Lê Cảnh Hưng thứ 38 (1777), tức là chỉ một tháng hai mươi mốt ngày sau khi Tân Chính vương tự sát.

Ngày trước, khi chúa Nguyễn Hoàng chưa vào trấn thủ Thuận

1. Đúng ra Nguyễn Phúc Thuần bị quân Tây Sơn bắt giết.

Hóa, ở đây đã có câu đồng dao:

Kim qua đái thủy hàn
Hoàng báo khứ Sài quan
Bích văn thành cửu điểm
Vũ tích một trùng san
Quỳnh mộc đãi kim thăng bạch nhật
Dao nguyên y cựu lộ toàn ban.

Dịch:

Nước Kim đen dưa lạnh
Báo vàng đến cửa Sài
Lấp lánh thành chín điểm
Vết vỡ lặn non dài
Gỗ ngọc đến nay bay giữa sáng
Đồng châu như cũ hiện hoa văn.

Lúc bấy giờ người ta không hiểu ý nghĩa ra sao. Đến nay mới biết là: Kim đái thủy (chữ Kim thêm bộ thủy) là tên của Triệu tổ Nguyễn Kim, qua hàn (dưa lạnh) chỉ việc ăn dưa trúng độc chết. Hoàng (màu vàng) và tên chúa Nguyễn Hoàng đồng âm. Sài là Sài lũy (Lũy Thầy) ở đầu địa giới Quảng Bình, nói việc chúa Nguyễn Hoàng lánh nạn vào trấn thủ ở Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng bắt đầu dựng nghiệp năm Mậu Ngọ (1558); Định vương Nguyễn Phúc Thuần chết vì nạn nước năm Đinh Dậu (1777), ngôi chúa truyền được chín đời, tất cả hai trăm ba mươi năm, ấy là số trời đã ghi thành chín điểm. Do Trương Phúc Loan chuyên quyền mà gây ra loạn, dẫn đến việc Nguyễn Nhạc dấy binh làm sụp đổ triều đình chúa Nguyễn. Chữ Loan và chữ Nhạc đều có bộ sơn (núi) ứng với câu "tích một trùng san" (khuất bóng núi ngàn). Mộc thăng bạch nhật (cây bay lên giữa ban ngày), nguyên lộ toàn ban (hiện hoa văn như cũ), đó là nói việc khôi phục toàn cõi nước Việt phải chờ đến ngày Cao Hoàng đế bản triều đánh thắng quân Tây Sơn.

Nguyễn Huệ đã giành được toàn thắng bèn sai người đi dò xét tông tích của Thế Tổ, lại sai người đến Kiên Giang chiệu dụ Mạc Thiên Tứ. Thiên Tứ không chịu theo, bèn lánh ra đảo Phú Quốc. Ít lâu sau vua nước Xiêm sai sứ đón Thiên Tứ sang Xiêm. Tôn Thất Xuân từ Long Xuyên chạy thoát ra hải đảo, rồi theo Mạc Thiên Tứ sang Xiêm xin cứu viện.

Đúng là:

Quân Kim về Bắc tôn vua Tống
Sứ Sở sang Tây khóc bá Tần.

HỒI THỨ SÁU

Thắng mấy trận, chúa Gia Định lên ngôi
Trừ nghịch thần, tướng Đông Sơn bị chém

Lại nói Xiêm La xưa là nước Xích Thổ, sau chia làm hai là Xiêm và La Hộc, sau La Hộc lại thôn tính nước Xiêm mới gọi là Xiêm La, Trong khoảng niên hiệu Vạn Lịch [1] Xiêm La đánh phá nước Ngưu ở phía Đông, bắt Chân Lạp hàng phục, làm bá chủ các nước nhỏ trong vùng. Năm đầu Định vương (1765) ở nước ta, Miến Điện [2] đánh phá nước đó, cầm tù Phung vương và con trưởng là Chiêu Đốc. Con thứ hai của Phung vương là Chiêu Thúy chạy sang Hà Tiên, con thứ ba là Chiêu Xỉ Xoang chạy sang Chân Lạp. Quan Trưởng đất Mường Tát là Trịnh Quốc Anh [3] nhân lúc nước Xiêm không có vua, dấy binh cướp đất, tự xưng là Quốc vương nước Xiêm. Quốc Anh sợ Chiêu Thúy ở Hà Tiên sẽ là mối hậu họa, bèn đem quân đánh úp Mạc Thiên Tứ, bắt Chiêu Thúy đem về, rồi giảng hòa với Thiên Tứ. Nghe tin cấp báo việc binh tại miền biên thùy phía Nam, vua Xiêm sai người Chân Lạp là Bò Ong Giao gọi Mạc Thiên Tứ và Tôn Thất Xuân sang Xiêm. Xuân và Thiên Tứ đến nơi, vào cung yết kiến vua Xiêm tâu về việc xin viện binh. Vua Xiêm nói:

– Tây Sơn thế mạnh, khi trước Chiêu Nam Cốc (vua Nam Việt) [4] đã chết vì xã tắc, tướng sĩ năm dinh đều tan tác, dân các đạo chạy rạp như cỏ ướt, hiện không còn đất cắm dùi, quốc thống còn ai nối nữa mà xin ta cứu viện?

Tôn Thất Xuân đáp:

---

1. *Vạn Lịch:* (1573 – 1620) niên hiệu vua Thần Tông nhà Minh Trung Quốc.

2. Nguyên chú: ***Miến Điện*** thời cổ là nước Chu Ba. Đời Gia Tĩnh triều Minh bị đánh phá. Thụy Thể nổi lên ở Đông Ngô, đánh Nam Chưởng, lấy đất Thổ Á, đánh Cảnh Mại, thu phục Xa Lý, trở thành một nước mạnh ở miền Tây Nam. Con là Ứng Lý giúp vua Thanh đánh diệt dư đảng của nhà Minh.

3. *Nguyên chú:* Trịnh Quốc Anh là người Triều Châu nhà Thanh, cha là Yến, ngụ cư ở Xiêm làm quan trưởng đất Mường Tát. Yến chết, Quốc Anh thay cha xưng là Phi Nhã Tân (có nghĩa là Quốc vương)

4. Nguyên chú: Tiếng Xiêm, Chiêu là vua; Nam Cốc tức là Nam Việt.

– Tây Sơn tuy nhất thời nổi dậy nhưng chính lệnh tàn bạo, cùng một bọn như Trần Thắng, Ngô Quảng [1] ngày xưa. Nam triều nước chúng tôi tuy đang gặp nạn, nhưng dũng tướng, nghĩa dân thì khắp nơi vẫn còn. Vị Tả dục quân thống soái tất cả tướng tá chúng tôi [2] nguyên là thân điệt của chúa Định vương đời trước, từng đốc suất bọn Nguyễn Cửu Tuấn đi đánh Chân Lạp bắt hàng Nặc Vinh; một mặt lại chiêu tập nghĩa binh Đông Sơn phò giúp chúa Định vương ở Cần Thơ, theo hầu việc quân lập được nhiều mưu hay chước lạ, lúc lâm nguy ứng phó tỏ ra có tài dẹp loạn, khuông phò xã tắc, được lòng thần dân trong nước. Hiện nay chúa chúng tôi đang tạm lánh ở Long Xuyên, chiêu tập anh hùng hào kiệt để mưu đồ khôi phục, kính xin Bệ hạ cử binh giúp chúa Nam tôi lấy lại Gia Định, cứu nước Nam khỏi bước gian nan thì ngai vàng của Bệ hạ càng thêm vững bền, không còn mối lo như vua Ngu mất nước vì không có nước Quắc làm phên dậu [3].

Vua Xiêm sai khoản đãi, lưu giữ Tôn Thất Xuân và Mạc Thiên Tứ ở thành Vọng Các để chờ tin của Thế Tổ.

Lại nói chuyện Thế Tổ sau khi thất thủ Long Xuyên, một mình chèo thuyền nhỏ đến đậu ở bến sông Khoa Giang, định nhân đêm tối theo cửa biển Đốc Hoàng vượt ra khơi để lánh quân Tây Sơn. Lúc ấy có ba con cá sấu bơi đến chắn ngang trước mũi thuyền, Thế Tổ bèn thôi. Sáng hôm sau dò biết phía trước có thuyền địch, các tướng tùy tòng sợ quân Tây Sơn lần theo dấu vết đuổi theo, nên xin Thế Tổ dời ra đảo Thổ Chu. Quân do thám trở về báo tin mới biết Nguyễn Huệ chỉ lưu bọn Tổng đốc Chu, hổ tướng Hãn, Tư khấu Oai, Điều khiển Hòa, Cai cơ Chấn chia giữ các doanh ở Gia Định, còn tự mình dẫn quân lui về Quy Nhơn. Thế Tổ bèn thu thập tàn quân, dấy binh ở Long Xuyên rồi tiến về Sa Đéc. Đất Sa Đéc cách trấn Vĩnh Thanh hơn năm mươi sáu dặm về phía Tây, phía Nam có đồn quân của đạo Đông Khẩu, bên trái có Phố Tiên, bên phải có bãi Phượng Nga, bốn phía có thành đất che chắn, núi sông hiểm yếu, biên ải hùng vĩ. Thế Tổ bèn ra lệnh cho đóng quân tại đây. Đỗ Thanh Nhơn lúc trước vâng mật chiếu đi chiêu dụ tướng sĩ ở Bình Thuận, nay cùng với thuộc hạ là Lê Văn Quân chiêu tập những người nghĩa dũng ở đất Ba

---

1. Trần Thắng (tức Trần Thiệp), Ngô Quảng: hai lãnh tụ khởi nghĩa nông dân đời Tần đã khiến cho đế chế Tần sụp đổ.

2. Nêu chức vụ để khiêm xưng chủ soái Nguyễn Ánh.

3. *Quắc:* một nước nhỏ (đời Chiến Quốc) ở gần nước Ngu.

Giồng đến cửa quân nghênh đón Thế Tổ để truyền hịch kêu gọi các đạo cần vương. Thống nhung Nguyễn Văn Hoằng, Chưởng dinh Tống Phước Khuông, Tống Phước Lương, Điều khiển Dương Công Trừng, Cai cơ Hồ Văn Lân đều đem quân đến hội.

Hoằng người Tuy Phước tỉnh Bình Định, dưới triều Định vương làm quan đến chức Tổng nhung chưởng cơ. Khi Tây Sơn nổi lên, Hoằng đem quân đi đánh ở Phú Đa, bị thất lợi phải chạy về phía Nam vào Gia Định.

Phước Khuông nguyên là người huyện Tống Sơn, Thanh Hoa, tiên tổ trước kia theo Đoan quốc công Nguyễn Hoàng vào trấn thủ phía Nam, nhập tịch ở Thừa Thiên. Cha là Tống Phước Thành, dưới triều Võ vương làm quan đến chức Chưởng cơ, sau khi mất được tặng tước Quận công. Khuông được hưởng tập ấm, làm quan đến chức Chưởng doanh, lấy vợ họ Lê người Quảng Nam, sinh ra bà Thừa Thiên Cao hoàng hậu [1]; sau lại lấy công chúa Ngọc Cư, sinh con trai là Tống Phước Lương [2].

Khi Định vương chạy vào Nam, Khuông đem hết gia quyến đi theo. Tống Phước Lương có họ với Phước Khuông, dưới triều Định vương, Lương làm chức Cai cơ, từng đóng quân ở Trấn Biên, cùng được ban tước Quận công như Phước Khuông.

Dương Công Trừng người Long Xuyên trấn Hà Tiên, kiêu dũng hơn người, đương thời thường gọi là hổ tướng họ Dương, trước giữ chức Cai cơ, sau thẳng đến chức Khâm sai điều khiển. Khi Định vương vào Gia Định, Trừng hiệp quân cùng Tống Phước Hòa đánh lại Tây Sơn, nhiều lần thắng.

Hồ Văn Lân người Kiến Đăng trấn Định Tường, hiện làm Cai cơ. Cai đội Nguyễn Văn Nhơn cũng theo Công Trừng ứng nghĩa.

Bấy giờ các tướng đều đến hội, Thế Tổ xuống lệnh phát tang Định vương. Ba quân đều mặc đồ tang, thề báo thù nước, tiến đánh quân của Điều khiển Hòa ở dinh Long Hồ, rồi tiến về đánh lấy Sài Gòn (thu phục Gia Định lần thứ hai). Đỗ Thanh Nhơn cùng các tướng tôn Thế Tổ làm Đại nguyên súy nắm giữ quốc chính. Bấy giờ là ngày tháng Giêng năm Mậu Tuất, niên hiệu Lê Cảnh Hưng năm thứ 39 (1778).

---

1. Thừa Thiên Cao hoàng hậu, vợ cả của Gia Long, mẹ hoàng tử Cảnh.

2. Phước Lương (con Tống Phước Khuông) nói ở đây khác với Phước Lương trong câu trên và câu dưới, đồng âm khác chữ.

Khi Thế Tổ đã lên nắm quyền chính, Thủ ngự đạo Quang Hóa là Lê Chữ phụng dâng kim sách và quốc bảo của tiên triều. Hồi Định vương đến Ba Giồng, Chữ vâng mệnh mang bốn tờ kim sách, một ấn quốc bảo bằng vàng và bốn ấn đồng đi theo. Đến sông Trà Giang gặp quân Tây Sơn, Chữ sợ, vứt cả ấn sách xuống sông mà chạy. Đến bây giờ quay lại chỗ cũ, mò tìm được đem dâng lên.

Thế Tổ dẫn đầu các tướng làm lễ dâng tôn thụy cho Định vương, tôn Hưng tổ [1] là Hiếu Khang vương.

Gián điệp bên quân Nam từ Quy Nhơn về báo tin Nguyễn Nhạc tự lập làm vua, xưng hiệu là Thái Đức năm thứ nhất, giao cho em là Lữ làm Tiết chế, Nguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân. Tiếp đó, Nhạc sai Tổng đốc Chu, Tư khấu Oai đem thủy binh vào cướp phá các vùng ven sông ở Trấn Biên và Phiên Trấn. Nguyễn Nhạc lại sai quan hộ giá là Phạm Ngạn đem quân từ Quy Nhơn đến. Bên quân Nam, Trần Phượng chỉ huy quân đạo Hòa Nghĩa chống cự với quân Tây Sơn ở sông Phước Lộc, nhưng không thắng nổi.

Thế Tổ sai Đỗ Thanh Nhơn giữ Sài Gòn, còn mình đem quân đóng ở sông Lật, trương cờ "Tam quân tư mệnh" (Tư lệnh ba quân) để chỉ huy tướng sĩ. Lê Văn Quân cùng Nguyễn Văn Hoằng đốc suất đạo quân đánh quân Tây Sơn ở Lật Giang và Ô Nguyên. Quân Tây Sơn phải lui về Trường Giang rình đánh phá những nơi sơ hở.

Thế Tổ sai các quân đắp thành đất ở bờ Tây sông Bến Nghé kéo dài đến Cảng Thông, sai chặt gỗ lim đóng cọc giữa lòng cảng, sắp sẵn chiến thuyền để chống lại quân Tây Sơn. Lê Văn Quân lại đem thủy binh giao chiến với quân Văn Nhạc. Đỗ Thanh Nhơn cũng đem quân hợp đánh, chém Tư khấu Oai ở sông Bến Nghé, đoạt hết các chiến thuyền. Nguyễn Văn Hoằng tiến quân đến Đồng Nai phá được quân Nhạc, chém hai tướng Liêm và Lăng, thu phục đất Trấn Biên. Tướng Tây Sơn là Phạm Ngạn phải tháo chạy về Quy Nhơn. Dẹp yên Gia Định, Lê Văn Quân thừa thắng đem quân tiến đánh Bình Thuận. Rồi đó Quân sai thuộc hạ đi báo tin và đón Chu Văn Tiếp. Trước kia Tiếp cùng Trần Văn Thức đóng giữ Phú Yên, phía trong ngăn chặn Gia Định, phía ngoài chống với Tây Sơn, khiến quân Tây Sơn hơi chùn. Khi Định vương đến Cần Thơ, Tiếp sai Thức cùng Tham mưu

1. *Hưng Tổ:* hoàng tử Côn (con Võ vương), cha của Nguyễn Ánh.

Sở [1] đem quân tiếp viện. Thức giao chiến với quân Tây Sơn, tử trận, Tham mưu Sở bị bắt. Nguyễn Nhạc bảo Sở rằng:

– Trước kia viết hịch, ngươi gọi ta là lang sói. Bây giờ định thế nào?

Sở đáp:

– Ta chỉ biết chúa ta, không biết ngươi là ai?

Nhạc bèn giết Sở.

Thế Tổ ở Ba Giồng thường mật sai Vũ Văn Tiếp đi đánh quân Tây Sơn để chia thế địch. Tiếp vì ít quân, không dám tiến. Bấy giờ được tin Lê Văn Quân thắng trận. Tiếp muốn hợp binh tiến đánh Diên Khánh. Tin báo vào Sài Gòn, Thế Tổ triệu quân về, sai Tổng nhung Nguyễn Văn Hoằng, Lễ bộ Nguyễn Nghi đem quân bộ ra đóng giữ Bình Thuận để hợp binh với Chu Văn Tiếp.

Bấy giờ có mấy người ở trấn Sơn Nam là Trần Xuân Trạch quê huyện Giao Thủy, Nguyễn Kim Phẩm quê huyện Thượng Nguyên, cùng thuộc hạ là bọn Trần Xuân Cách, Nguyễn Kim Oanh [2] theo vào với Thế Tổ. Lúc trước bọn Trạch tụ họp đồ đảng làm giặc cướp, từng vây hãm thành Quảng Yên, đánh phá trấn Sơn Nam đến tận đất Thận Vi (thuộc huyện Thượng Nguyên), sau bị quân Trịnh đánh bại. Kim Phẩm là con Nguyễn Kim Tích, hiệu úy, lĩnh chức Án trấn Sơn Tây. Phẩm cùng bọn Xuân Trạch tụ họp thủ hạ hơn ba trăm người, đặt sào huyệt ở ngoài biển. Đến đây bọn Trạch đem quân vượt biển vào Gia Định. Thế Tổ khen bọn Xuân Trạch, Kim Phẩm có tài võ nghệ, trao cho giữ chức Tả hữu chi chưởng cơ, giao đi các dinh để huấn luyện quân sĩ. Những người khác cũng đều được giao các chức việc trong quân.

Ít lâu sau, Thế Tổ duyệt định bản đồ các dinh ở Gia Định, phân chia địa giới của dinh Trấn Biên và dinh Long Hồ, khiến cho hai dinh thuận tiện, liên lạc với nhau. Lại xét đạo Trường Đồn là nơi trọng yếu giữa ba dinh, nên đổi làm dinh Trường Đồn, đặt quan trấn thủ. Cũng trong dịp này Thế Tổ xuống lệnh bãi bỏ lệ biệt nạp khố trường [3], giao cho các dinh tham chước để quy định thuế điền thổ cho

---

1. *Tham mưu Sở:* tức Vũ Danh Sở, giữ chức Tham tán nhung vụ trong quân Vũ Văn Tiếp, từng viết hịch kể tội Tây Sơn.

2. Nguyễn Kim Oanh: ĐNTLCB (bản Duy Minh thị) chép là Nguyễn Kim Loan. Hai chữ *Oanh* và *Loan* gần giống nhau, dễ chép lầm.

3. *Khố trường:* kho công của các dinh. Theo ĐNTLCB trước đó đặt 9 khố trường ở

được công bình. Các việc quốc kế binh mưu đều xếp đặt có thứ lớp.

Rồi đó Đỗ Thanh Nhơn họp các quan dâng lời khuyên Thế Tổ lên ngôi vua. Bấy giờ Thế Tổ mới mười chín tuổi, nghĩ mối thù của Nam triều chưa báo, nên khiêm nhường không chịu nhận. Bọn Đỗ Thanh Nhơn hai ba lần khuyên mời, Thế Tổ mới chịu lấy ngày Quý Mão, tháng Giêng, năm Canh Tí (2–1780) làm lễ nối vương vị ở Sài Gòn. Từ đây các văn thư đều áp ấn quốc bảo, đề chữ "Đại Việt Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo" (ấn này đúc từ đời chúa Minh vương Nguyễn Phúc Chu) niên hiệu thì vẫn theo niên hiệu Cảnh Hưng của vua Lê (tính vào năm Cảnh Hưng thứ 41)

Thế Tổ xét công phò tá, các bề tôi tùy tòng như Ngoại tả Tống Phước Khuông, Nội hữu Tống Phước Lương, Nội tả Nguyễn Đình Thuyên, Tham nghị Trần Đại Lễ, Lại bộ Hồ Toàn, Hộ bộ Trần Phước Giai, Lễ bộ Nguyễn Nghi, Hình bộ Trần Minh Triết, Binh bộ Minh (không rõ họ) và các tướng sĩ khác đều được thăng chức tước theo thứ bậc khác nhau.

Riêng Đỗ Thanh Nhơn được xếp công đầu, thăng chức Ngoại hữu phụ chính thượng tướng công.

Lại nói chuyện Đỗ Thanh Nhơn, trong khoảng đời chúa Định vương đến đầu đời Thế Tổ mấy lần có công thu phục Gia Định, từng cùng với Hồ Văn Lân đem quân đi đánh Chân Lạp, giết Nặc Vinh, lập con Nặc Tôn là Nặc Ấn lên làm vua Chân Lạp. Cùng Đỗ Thanh Nhơn đốc suất Dương Công Trừng đi đánh bọn Ốc Nha làm phản ở Trà Vinh, dẹp tan dư đảng của Ốc Nha, lấy phủ Trà Vinh đặt làm đồn Uy Viễn. Thanh Nhơn cũng có công trong việc đóng chiến thuyền, luyện tập thủy chiến đều vượt qua, cho nên xét công lao thì Đỗ Thanh Nhơn được xếp đầu các tướng. Nhưng cậy mình có đội quân Đông Sơn hùng mạnh, Đỗ Thanh Nhơn vẫn có ý ngang tàng, chuyên quyền sinh sát, tước đoạt hay ban phát tài vật cho ai, Nhơn đều tự ý muốn làm gì thì làm. Các khoản chi dùng ở ngự dinh, Đỗ Thanh Nhơn tùy tiện cắt giảm không chịu cúng nạp. Thậm chí ngày giỗ Hưng Tổ mà Thanh Nhơn cũng không chịu chi tiền để mua sắm lễ vật. Phàm người thân thuộc của kẻ vây cánh thì Thanh Nhơn đều cho lấy theo họ Đỗ của mình. Người phạm tội thì Thanh Nhơn bắt nướng

---

Quy An, Quy Hóa, Cảnh Thương, Thiên Mụ, Dinh Thảo, Hoàng Liệp, Tam Lịch, Bá Canh, Tân Thịnh, đến lúc này bãi bỏ.

trên than lửa, thi hành hình phạt rất thâm độc. Dân chúng và quân sĩ nghiến răng căm giận, nhưng không dám nói. Thế Tổ biết thế, nhưng xét vì Nhơn có công, nên vẫn ưu đãi bao dung. Có khi Thế Tổ đích thân đến thăm Nhơn tại nơi ở mà Nhơn cũng không kính lễ tiếp đãi. Có lần quân Tây Sơn đến đánh, Nhơn lén đem quân lánh vào trong núi, định làm phản theo Tây Sơn, nhưng không thành, phải quay về để mưu tính phản nghịch. Tống Phước Thiêm [1] ghét Thanh Nhơn rông càn, không kiêng nể ai, bèn mật tâu với Thế Tổ xin trừ kẻ giặc bên cạnh vua. Thế Tổ vẫn còn do dự chưa nỡ. Phước Thiêm nói:

– Thanh Nhơn ôm lòng muốn làm Tào Tháo, Vương Mãng, không thể không trừ khử hắn đi. Nếu Chúa thượng cho dùng mưu thì chỉ cần sức một võ sĩ là đủ.

Thế Tổ bèn lấy cớ bị mệt cho gọi Thanh Nhơn vào dinh bàn công việc. Đỗ Thanh Nhơn đến, liền bị vệ sĩ xông ra bắt giết. Xong việc, Thế Tổ truyền lệnh vạch tội Thanh Nhơn, còn các tướng hiệu dưới quyền của Nhơn thì đều được tha tội. Thế Tổ lệnh cho Chưởng thủy binh Hoảng chỉ huy bộ binh, Cai cơ Tống Phước Thiêm chỉ huy thủy binh. Lại truyền lệnh phân tán quân Đông Sơn làm bốn đội để đề phòng bọn chúng làm phản. Giao cho Lê Văn Quân chưởng tiền quân, Tống Phước Lương chưởng tả quân, Vũ Doãn Triêm chưởng hữu quân, Trương Văn Bác chưởng hậu quân.

Sau khi Đỗ Thanh Nhơn bị giết, thuộc hạ của Nhơn phần nhiều trốn đến Ba Giồng làm cướp, Thế Tổ sai người đi chiêu dụ, nhưng bọn họ không chịu về. Bọn Vũ Nhàn, Đỗ Bảng bèn chiếm Ba Giồng để làm phản, mưu chiếm Bình Thuận để thừa dịp chạy ra đầu hàng Tây Sơn.

Bấy giờ Thống nhung trấn Bình Thuận là Nguyễn Văn Hoằng và Lễ bộ Nguyễn Nghi đều bị ốm chết. Thế Tổ sai Tôn Thất Dụ (con Tôn Thất Thắng, anh của Tôn Thất Hội) giữ chức Chưởng trung quân tiết chế bộ binh các đạo đóng giữ trấn Bình Thuận. Một mặt sai triệu Chu Văn Tiếp về Gia Định, trao cho Tiếp chức Khâm sai đô đốc chưởng cơ, tước Quận công, điều khiển công việc của tướng sĩ binh dân ở dinh Phú Yên.

---

1. *Đại Nam thực lục chính biên* (viết tắt là ĐNTLCB) (Bản Duy Minh thị) chép người nói câu này là Thiêm Lộc, không rõ họ gì. Như vậy Thiêm Lộc tức Tống Phước Thiêm.

Ít lâu sau, Thế Tổ truyền lệnh điểm duyệt quân số các dinh thủy bộ trong ngoài, trù tính việc cất quân đi đánh Tây Sơn. Sai Tôn Thất Dụ chỉ huy bộ binh Bình Thuận, Tống Phước Thiêm, Nguyễn Hữu Thụy, Dương Công Trừng chỉ huy thủy quân Gia Định. Chu Văn Tiếp cũng được lệnh sửa soạn binh mã để tiến đánh Diên Khánh. Bọn Tôn Thất Dụ đến Hòn Khói ở Nha Trang [1] thì hội quân với Chu Văn Tiếp, dàn trận đối lũy với quân Tây Sơn. Quân Tây Sơn dàn trận bộ binh với rất nhiều voi chiến. Quân Gia Định thấy thế sợ hãi, bỏ chạy. Chu Văn Tiếp không sao ngăn nổi, phải lui về giữ núi Trà Lang ở Phú Yên.

Bên quân Gia Định, từ khi xẩy ra sự biến Đông Sơn lòng người phần nhiều tan rã, thủy binh vì thế không xuất chiến được. Thế Tổ phải truyền lệnh cho bọn Tôn Thất Dụ rút quân về. Rồi đó Thế Tổ sai Nguyễn Đình Thuyên và Tống Phước Lương chia đường tiến đánh loạn quân của bọn Vũ Nhàn, Đỗ Bảng.

Bọn Đình Thuyên, Phước Lương đã vâng mệnh đem quân đi rồi, Thế Tổ bảo Tống Phước Thiêm rằng:

– Nay thế giặc đang kiêu, trong nước có biến, thân thần Xuân và cựu thần Tứ còn đang ở bên Xiêm. Trước ta đã sai Cai cơ Tham và Cai cơ Tĩnh sang sứ, chưa rõ ý vua Xiêm đối với việc cho quân cứu viện như thế nào. Nay nên truyền cho trấn thần Hà Tiên sai người đi dò xét tin tức, trở về bẩm cho ta biết.

Phước Thiêm đáp:

– Gần đây thần nghe tin bọn các ông Tham và Tĩnh sang sứ nước Xiêm, gặp lúc thương thuyền của vua Xiêm từ Quảng Đông về đến ngoài khơi Hà Tiên bị Lưu thủ Thăng đón giết mà đoạt lấy hết hàng hóa. Vua Xiêm vì thế tức giận, ra lệnh tống giam Tham, Tĩnh. Người Chân Lạp là Bò Ong Giao sàm tấu với vua Xiêm rằng Nam triều ta âm mưu đánh chiếm thành Vọng Các, đã gửi mật thư cho Xuân và Tứ để hẹn làm nội ứng. Con của Tứ là Dục hết sức biện bạch lời vu cáo của Bò Ong Giao. Vua Xiêm không nghe, giết Dục. Mạc Thiên Tứ bèn tự tử. Các ông Xuân, Tham, Tĩnh cùng quyến thuộc của Thiên Tứ năm mươi ba người đều bị giết cả. Người nước ta sang sinh sống ở bên Xiêm cũng đều bị đầy đi các nơi xa xôi hẻo lánh.

Thế Tổ nghe tin ấy buồn bã hồi lâu.

---

1. Nguyên bản chép là Vân Phong (núi Mây), chọn lấy theo địa danh trong ĐNTLCB ghi là Yên Cương (Hòn Khói).

Tống Phước Lương dâng biểu tâu về việc đi đánh quân của bọn Nhàn, Bảng ở sông Lương Phú [1] bị thua, Thống binh Tống Văn Phước (con của Tống Văn Khôi) tử trận, Thế Tổ chê Phước Lương không biết cầm quân, bèn bãi chức của Lương, rồi sai điều thêm quân cho Đình Thuyên để định ngày tiến đánh. Một mặt lập kế sai Nguyễn Văn Quý, Phàn Văn Tuyên trà trộn nhập bọn, bắt sống được Nhàn và Bảng đem chém. Tiếp đó sai Vũ Viết Bảo nguyên là thuộc hạ của Đỗ Thanh Nhơn đi dụ hàng. Từ đó dẹp yên dư đảng loạn quân Đông Sơn.

Tống Phước Thiêm, Nguyễn Hữu Thụy, Dương Công Trừng cùng đến ngự dinh khuyên Thế Tổ nhân binh uy vừa đánh dẹp quân Đông Sơn nên cất quân đi đánh Tây Sơn. Thế Tổ triệu họp các tướng để bàn định kế sách. Vào lúc ấy có tin báo Quốc vương nước Chân Lạp sai sứ sang xin quân cứu viện.

Đúng là:

Trong bình loạn lạc lừng thần vũ
Ngoài giúp lân bang nức tiếng uy

1. Nguyên bản chép: "Phú Lương giang", sửa lại theo ĐNTLCB là sông Lương Phú (tên thôn).

HỒI THỨ BẢY

Cầu Tham Lương, Tôn Thất Dụ báo tiệp
Thành Sài Gòn, Chu Văn Tiếp lập công

Lại nói Quốc vương nước Chân Lạp Nặc Ong Ấn do Nam triều nước ta lập nên, sau đó để Hồ Văn Lân ở lại bảo hộ. Đến hồi này vua Xiêm sai tướng là Chất Tri và Sô Si (hai anh em) đem quân sang xâm chiếm. Nặc Ong Ấn sai người ruổi ngựa mang quốc thư sang cấp báo. Thế Tổ bèn sai Nguyễn Hữu Thụy đem quân sang cùng với Hồ Văn Lân cứu viện cho Quốc vương Chân Lạp. Nguyễn Hữu Thụy người huyện Tống Sơn xứ Thanh Hoa, cha là Nguyễn Hữu Đức làm Cai đội. Thụy dũng cảm mưu lược, có tài làm tướng, cùng cha và em là Hựu theo chúa Định vương vào Gia Định, một nhà cha con anh em phò tá Nam chúa. Thụy giữ chức Chưởng cơ giám quân dinh trung quân, lấy công chúa Nguyễn Thị Ngọc Toàn. Đến đây Thụy vâng lệnh đem quân đi cứu viện Chân Lạp. Thụy cho quân đóng lại ở La Bích, gặp lúc vua Xiêm là Trịnh Quốc Anh bắt giam vợ con của Chất Tri và Sô Si. Bọn Chất Tri, Sô Si bèn mưu phản lại vua Xiêm, sai người đến quân doanh xin Hữu Thụy giúp sức, mời Thụy đến trại mình để hội ước. Em Thụy là Hựu can:

– Vua Xiêm sai tướng đem quân đi đánh người mà ở nhà lại bắt giam vợ con người ta. Chất Tri cầu hòa với ta, lại mời ta đến trại của hắn để hội ước, ắt bên trong phải có mưu ngầm?

Thụy đáp:

– Quốc Anh bị bệnh đau tim thường hay vô cớ bắt bớ. Bọn họ vì cớ ấy nhờ ta cứu viện thì lời mời của Chất Tri chẳng dối. Huống chi ta đã hứa rồi, nếu không đến bọn họ tất sợ ta.

Ngay ngày hôm sau, Hữu Thụy dẫn mấy chục quân tùy tùng đi thẳng đến trại quân Xiêm. Chất Tri và Sô Si bẻ mũi tên lập thề. Hữu Thụy tặng cho bọn họ cờ, đao kiếm và mấy thứ đồ thờ Tam bảo rồi ra về.

Vừa trong dịp này xảy ra cuộc dấy loạn ở thành Cổ Lạc của nước Xiêm. Trịnh Quốc Anh sai tướng là Phi Nhã Oan Sản đem quân đi đánh. Người cầm đầu cuộc dấy loạn lại chính là anh em ruột của Phi

Nhã Oan Sản, Oan Sản bèn hợp binh với quân khởi loạn quay lại đánh thành Vọng Các, bắt Trịnh Quốc Anh tống ngục. Bọn Oan Sản cho người ruổi ngựa báo tin và mời Chất Tri về nước. Chất Tri để em là Sô Si ở lại giảng hòa với Hữu Thụy, tự mình luôn đem dẫn quân về Vọng Các, xộc vào ngục thất giết Trịnh Quốc Anh, rồi đổ tội cho bọn Phi Nhã Oan Sản. Tiếp đó Chất Tri uy hiếp quân quan rồi tự lập làm vua nước Xiêm La [1], đặt hiệu là Phật vương. Chất Tri phong cho em là Sô Si làm Nhị vương, phong cho cháu là Ma Lặc làm Tam vương. Nạn dân nước ta trước bị Quốc Anh bắt đi lưu đày đều được trở về Vọng Các, được cấp tiền bạc thóc gạo để sinh sống.

Sau những sự việc kể trên, Hữu Thụy sai người trở về dâng biểu tâu lên Thế Tổ. Lúc này Thế Tổ đang sửa soạn đem quân đi đánh Nguyễn Nhạc. Nghe tin báo tiệp, Thế Tổ bèn lệnh cho Hữu Thụy đem quân về nước để sẵn sàng sai phái.

Trước đó, Nguyễn Nhạc nghe tin Đỗ Thanh Nhơn bị giết, mừng bảo tả hữu:

– Hữu Phương [2] chết rồi, các tướng khác không có gì đáng sợ!

Rồi đó Nhạc cùng với em là Nguyễn Huệ dẫn mấy trăm chiến thuyền vào đánh Gia Định. Khi thuyền quân của Tây Sơn đến cửa Cần Giờ ở trấn Phiên An, Thế Tổ sai Tống Phước Thiêm chỉ huy thủy quân dàn trận ở sông Thất Kỳ để chặn đánh. Nơi đây không có chỗ nào đáng gọi là đất hiểm, gần đó cũng không có đồn quân trú phóng. Quân Tây Sơn thừa gió xông thẳng vào, thủy quân của Phước Thiêm phải lui chạy cả. Cai cơ Mạn Hoè [3] chết tại trận. Mạn Hoè người nước Phú Lãng Sa (Pháp) do Bá Đa Lộc [4] tiến cử, được Thế Tổ trao chức Quản đốc đội chiến thuyền biển. Thấy thủy binh tan rã tháo chạy, Mạn Hòe đứng trên chiến thuyền bọc đồng của người Tây dương ra sức chống cự hồi lâu. Thuyền quân Tây Sơn bốn phía áp sát vào, ném hỏa khí lên đốt thuyền. Mạn Hòe và binh lính trên thuyền đều chết cháy cả.

Thế Tổ nghe tin báo vội đốc suất binh thuyền đi tiếp ứng, đến sông Tam Kỳ gặp thủy quân Tây Sơn. Thế Tổ mình mặc áo chiến,

---

1. Tức vua Xiêm Chakkri I.

2. Hữu Phương, biệt danh của Đỗ Thanh Nhơn

3. Mạn Hoè: tức Manuel.

4. Bá Đa Lộc: tức Pierre Joseph Georges de Béhaine, évêque d'Adran (giám mục năm 1774, từng đến vùng Hòn Đất từ năm 1765).

đầu đội nón trận đứng đầu mũi thuyền, tay cầm súng chim [1] chỉ huy các tướng vừa đánh vừa lui. Chiến thuyền của Thế Tổ vừa về đến sông Bến Nghé thì thủy quân Tây Sơn cũng vừa ập tới. Quân Nam triều thua luôn mấy trận, Thế Tổ phải lùi về Ba Giồng để tránh mũi nhọn của quân Tây Sơn. Chưa được bao lâu Tống Phước Thiêm bị kẻ thù cũ trong quân Đông Sơn giết chết.

Phước Thiêm người huyện Tống Sơn xứ Thanh Hoa, từ đầu theo Định vương vào Nam, làm quân đến chức Chưởng cơ, từng lập công to trong các trận Long Hồ, Ba Việt, Thiêm lại có công phò tá Thế Tổ lên ngôi ở Sài Gòn, được Thế Tổ giao cho quản lãnh hai bộ Hộ, Hình, kiêm quản Tàu vụ [2] và các đạo thủy binh, phong tước Quận công. Chỉ vì Thiêm giúp Thế Tổ trừ khử Đỗ Thanh Nhơn, nên bị đồ đảng của Nhơn thù oán mưu hại.

Nghe tin Phước Thiêm bị giết, Thế Tổ than rằng:

– Phước Thiêm là bậc trung thần, không chết vì quân địch mà lại chết bởi tay kẻ thù. Mệnh trời như vậy chăng?

Rồi đó Thế Tổ sai người đi dò xét tình hình bên quân Nguyễn Nhạc. Bấy giờ quân Tây Sơn đã tiến vào chiếm giữ Sài Gòn (đây là lần thứ ba Gia Định thất thủ), Thế Tổ bèn ra lệnh cho các tướng dẫn quân bộ từ địa giới Biên Hòa theo đường thượng đạo đi ra trấn Phiên An để đề phòng quân Tây Sơn chắn ngang cắt đường liên lạc với quân Bình Thuận. Tiết chế Bình Thuận là Tôn Thất Dụ nghe tin báo liền dẫn Tả chi Trần Xuân Trạch, thuộc tướng Trần Văn Tự, Tham tán Hồ Công Siêu, thuộc tướng đạo Hòa Nghĩa Trần Công Chương đem quân đi đón. Đến địa phương Phù Viên (Vườn Trầu) liền gặp quân Tây Sơn. Dụ bèn cho quân mai phục trong rừng rậm, rồi bất ngờ xông ra đánh, chém tướng hộ giá của Nhạc là Phạm Ngạn ở cầu Tham Lương. Nhưng lúc đó đại quân của Tây Sơn ập đến, Tham tán Hồ Công Siêu bên quân Nam triều bị trúng đạn súng lớn của quân Tây Sơn chết tại trận.

Hồ Công Siêu người huyện Đăng Xương phủ Thừa Thiên, lúc mới vào Gia Định theo giúp việc nhung vụ dưới trướng của Điều khiển Tống Văn Khôi, được Khôi giao giữ chức Tham mưu. Trong lần giao chiến với quân Tây Sơn, Khôi tử trận, Siêu bị thương, lui về giữ Bình

---

1. Nguyên văn: Điểu sang.
2. *Tàu vụ:* cơ quan quản lý công việc của các thương thuyền.

Thuận rồi theo hộ giá Định vương vào Gia Định. Sau đó Siêu được bổ giữ chức Ký lục dinh Long Hồ. Sau có lệnh triệu về Gia Định, thăng chức Tham tán Bộ Binh, theo Tôn Thất Dụ đi đánh quân Tây Sơn ở Bình Thuận. Đến đây Siêu tử trận.

Tôn Thất Dụ lấy làm đau tiếc, nhưng may có chiến tích giết được Phạm Ngạn, nên mới sai người về hành tại tâu với Thế Tổ. Ngạn là bề tôi thân tín của Nguyễn Nhạc. Nghe tin Ngạn tử trận, Nguyễn Nhạc rụng rời như mất cánh tay, buồn rầu nói:

– Ngạn ngữ có câu: "Dữ tợn như cọp Vườn Trầu" ấy là chỉ vào Trần Công Chương chăng?

Sau dò hỏi thì biết quân Hòa Nghĩa đều là người Thanh, Nguyễn Nhạc bèn ra lệnh bắt hết người Thanh ngụ cư ở Gia Định, tất cả hơn vạn người, bất kể là binh dân cũ mới hay người làm nghề buôn bán, đều giết hết, tử thi trôi bập bềnh đầy sông.

Lại nói Thế Tổ nghe tin quân nhà giết được tướng Phạn Ngạn của Tây Sơn, bèn rời Ba Giồng đem quân đến Định Tường. Bề tôi tùy tòng có bọn Nguyễn Hoàng Đức, Trần Xuân Trạch, Nguyễn Kim Phẩm, Dương Công Trừng và Thống binh người Thanh là Cai Kinh v.v..., thu thập quân còn lại tất cả được hơn ba trăm người. Thế Tổ sai đắp lũy ở Giồng Lữ để chống cự với quân Tây Sơn. Gặp lúc quân Tây Sơn do Đô đốc Nguyễn Học dẫn quân đuổi đến, Thế Tổ đích thân chỉ huy binh thuyền nghênh chiến. Quan quân hăng mạnh xông đánh, Nguyễn Kim Phẩm chém giết Nguyễn Học tại trận. Quân Tây Sơn thua lớn phải rút chạy. Quân Thế Tổ thu đoạt hơn ba mươi chiến thuyền, thừa thắng đuổi theo quân Tây Sơn đến tận dinh Trấn Định. Thế Tổ sai Nguyễn Hoàng Đức làm tiên phong, Tôn Thất Dụ chưởng trung quân, bọn Xuân Trạch, Kim Phẩm làm tướng hộ vệ, rồi truyền lệnh tiến quân đến đóng quân ở sông Tứ Kỳ thuộc Gia Định. Lúc này tướng Tây Sơn Nguyễn Huệ chỉ huy quân tinh nhuệ ập đến, dàn thủy trận trên sông đánh xáp với thủy quân của Thế Tổ. Cha Nguyễn Hữu Thụy là Nguyễn Hữu Đức và em Thụy là Hựu đều chết trận. Ngự mã bị sụp trong sình bùn, Nguyễn Hoàng Đức cõng Thế Tổ lên bờ, kéo ngựa lên. Thế Tổ gia roi dẫn quân chạy đến sông Lật Giang. Vừa lúc ấy có Lưu thủ Thăng, Tiên phong Túy từ dinh Vĩnh Trấn đem quân đến cứu viện, đón Thế Tổ về Hậu Giang.

Thế Tổ nhớ việc Hữu Thụy lúc trước đã có hòa ước với Xiêm muốn sai Thụy sang sứ xin vua Xiêm cho quân cứu viện, bèn sai

người đi triệu Thụy.

Lúc trước, quân Tây Sơn vào đánh Sài Gòn, Thụy cùng vợ là công chúa Ngọc Toàn dẫn quân bộ hạ đến đóng ở Đồng Nai, dựng lũy nước [1] trên sông Bình Hóa, đóng đồn quân ở Tân Nhuận. Tướng binh nhung của quân Tây Sơn là Nguyễn Văn Kim đem quân đến đánh úp, Thụy lui về Giang Lăng, thu nhập tàn quân đánh tiếp. Từ đó vợ chồng Thụy lạc nhau, chỉ biết ít lâu sau Ngọc Toàn lánh đến Ba Phủ [2].

Khi Thụy đến, Thế Tổ sai Thụy sang sứ Xiêm La, lại sai Trần Xuân Trạch cùng bọn cai cơ Nguyễn Văn Nhàn, Cao Phước Trí cùng đi (Nhàn quê huyện Vĩnh An trấn An Giang; Trí quê huyện Bình Dương, Gia Định). Bọn Hữu Thụy mượn đường qua Chân Lạp để sang Xiêm, không ngờ Chân Lạp đã ngầm theo Tây Sơn, bắt giết Hữu Thụy và Xuân Trạch. Bọn Nhàn, Trí chạy thoát được sang Xiêm.

Thế Tổ nghe tin Thụy tử nạn lấy làm thương xót, sai người đi tìm kiếm công chúa Ngọc Toàn. Quân do thám về báo tin công chúa Ngọc Toàn bị tướng binh nhung của Tây Sơn là Nguyễn Văn Kim bắt, thuộc tướng của Kim là Đô đốc Nguyễn Danh Tập áp giải công chúa về Sài Gòn. Khi thuyền đến sông Tam Đà, công chúa vì nghĩa không muốn chịu nhục, nhảy xuống sông tự tử.

Sau sự việc nói trên. Thế Tổ lánh đến Giá Khê (thuộc huyện Kiên Giang). Người Chân Lạp dẫn binh thuyền đuổi theo đến tận Sơn Chiết. Tiên phong Túy cắt đường phía sau đánh lui được. Kế đó Thế Tổ đến Hà Tiên, rồi nhân đêm tối xuống thuyền nhỏ lánh ra biển. Lúc bấy giờ dưới đáy thuyền tựa như có vật gì đội lên, đến lúc trời sáng nhìn kỹ mới hay đó là một bầy rắn. Quan quân tùy tòng đều hoảng sợ, Thế Tổ vẫn bình tĩnh mà đuổi rắn đi. Bầy rắn như vâng lời, lặn khuất cả.

Thuyền Thế Tổ cập bờ, dừng lại ở đảo Phú Quốc (đó là lần thứ nhất Thế Tổ lánh đến đảo Phú Quốc). Thế Tổ sai người bí mật đi các nơi kêu gọi các tướng, phát hịch đánh Tây Sơn. Nhưng giao phong trận nào thua liền trận ấy, tướng sĩ tan lạc, không còn quân mà đánh nữa.

Nguyễn Nhạc đã giành được toàn thắng, không còn phải lo nghĩ

---

1. *Lũy nước:* dịch chữ "thủy bảo". Công sự nổi trên nước, tạo bằng cách kết thuyền bè thành mảng dựng cọc nhọn đắp ụ đất ở trên để chiến đấu.

2. *Giang Lăng, Ba Phủ:* theo ĐNTLCB (bản Duy Minh thị) là hai địa danh thuộc tỉnh Biên Hòa.

gì nữa, bèn cùng với Nguyễn Huệ dẫn quân về Quy Nhơn, giao cho tướng Đông Sơn là Đỗ Nhàn Trập và Hộ bộ Bá lĩnh ba nghìn quân ở lại đóng đồn tại Bến Nghé để giữ đất Gia Định. Nhàn Trập là kẻ tham tàn bạo ngược, quân dân nhiều người oán ghét. Có kẻ hiếu sự treo câu đối đả kích như sau:

Bá thiên phi đế Tống, bất ưng hải cảng biệt tàng thiên,
Bát loạn hữu hoàng Đường, hội kiến xuân lôi kinh chấn địa.

(Chạy quanh nào phải vua nước Tống, chẳng nên vũng biển che trời,
Dẹp loạn có Thế Tổ nhà Đường, sẽ thấy sấm xuân chuyển đất).

Bấy giờ Hồ Văn Lân thu thập tàn quân tiến đánh quân Tây Sơn do Đô đốc Nguyễn Loan chỉ huy ở dinh Long Hồ, thắng được. Tiếp đó Lân lại hội binh với Điều khiển Dương Công Trừng, Cai cơ Nguyễn Văn Quý cùng tiến đánh quân Tây Sơn ở sông Lật Giang, đoạt được hơn mười chiến thuyền. Lại sai ruổi ngựa đưa thư báo cho Chu Văn Tiếp biết để Tiếp đem quân đến hội. Lúc ấy, Tiếp đang đóng quân ở núi Trà Lang, bỗng nghe tin quân Nam triều thất lợi ở Gia Định [1] bèn cùng Thiếu phó Tôn Tất Mân tính chuyện đem quân vào cứu viện, Mân là con thứ năm của Hưng Tổ do bà Từ phi họ Nguyễn sinh ra, là em cùng mẹ với Tương Dương quận vương Hạo. Mân theo Định vương vào Gia Định, thường theo đi đánh trận có công. Sau khi nghe tin quân Thế Tổ thua trận ở sông Tứ Kỳ, Mân đã dự tính chiêu mộ hào kiệt cần vương. Nay biết tin Thế Tổ phải lánh ra ngoài, Mân bèn cùng với Chu Văn Tiếp cắt đặt các tướng: giao cho Phạm Văn Sĩ làm tiên phong; Lê Văn Quân làm tả chi; Nguyễn Văn Thuận làm hữu chi, Nguyễn Văn Thả làm hậu đạo; Nguyễn Long, Phan Viện làm bảo hộ; Tôn Thất Mân làm Trung quân. Văn Tiếp tự chỉ huy đội quân tinh nhuệ tùy cơ ứng phó.

Phạm Văn Sĩ người huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Nguyễn Văn Thuận quê Vĩnh Bình, Vĩnh Long; Nguyễn Văn Thảo quê huyện Bình Dương, Gia Định, lúc trước theo Chu Văn Tiếp ứng nghĩa, được đưa về dinh An Toàn, sau Tôn Thất Mân vâng mệnh giao cho Thảo làm

1. Nguyên văn viết: "Sậu văn binh biến" (bỗng nghe tin binh biến). Binh biến ở đây không dùng theo nghĩa thông thường của từ này mà dùng với ý mờ nhạt chỉ việc Nguyễn Ánh thua trận ở Gia Định.

Trấn thủ trấn Bình Khang. Nguyễn Long người huyện Đông Xuân, tỉnh Bình Định, theo Chu Văn Tiếp ứng nghĩa, chiếm giữ miền thượng đạo Phú Yên chống cự với quân Tây Sơn, sau đến Bình Hòa chiêu mộ quân nghĩa dũng, đóng đồn ở Bàn Thạch, người ta thường gọi là Long tướng quân.

Bấy giờ các tướng đều đã sẵn sàng, định ngày tiến phát, trương cờ hiệu bốn chữ "Lương Sơn tá quốc", thanh thế lừng lẫy. Tin báo vào Gia Định, Hộ bộ Bá của quân Tây Sơn bảo Nhàn Trập rằng:

– Văn Tiếp võ nghệ hơn đời, nay đem đại quân vào đánh, thế của ta khó địch nổi. Chi bằng bọn ta tạm rút về Quy Nhơn, mùa xuân sang năm lại đem quân vào đánh cũng không muộn.

Nhàn Trập không nghe, đáp:

– Tiếp tuy là tướng kiêu dũng, nhưng so uy hổ với bọn Đông Sơn tôi thì bằng sao được! Huống chi Tiếp đóng giữ ở núi Trà Lang đã lâu năm, đến trận Nha Trang, quân lính mới lâm trận thấy voi chiến của bên ta đã kinh sợ tháo chạy. Thế đủ biết quân lính của Tiếp không điều khiển được. Nay cứ giả dụ hắn có đánh chiếm thành Gia Định của ta thì cũng kể như cho hắn mượn tạm ở nhờ, rốt cuộc rồi hắn cũng phải chết về tay quân ta thôi. Hơn nữa bọn ta vâng mệnh giữ thành, gặp địch đến là đánh. Vạn nhất không chống cự nổi thì tâu về triều xin thêm quân để đánh tiếp. Để xem chim chích có chọi nổi với mòng két [1] hay không?

Nói đoạn Nhàn Trập đem quân ra nghênh chiến. Bên quân Vũ Văn Tiếp, Phạm Văn Sĩ dẫn quân tiến lên đánh trước. Quân các đạo lục tục tiếp đến thừa thắng xông trận. Quân Tây Sơn tử thương nhiều không kể xiết, số còn lại tán loạn tháo chạy. Nhàn Trập không có cách gì ngăn giữ được quân lính, muốn lui chạy. Hộ bộ Bá bảo Trập:

– Mòng két sao không đứng chờ bắt cá lại định vù đi đâu?

Nhàn Trập giận, lừ mắt nhìn không đáp, rồi cùng với Hộ bộ Bá thoát chạy về Quy Nhơn. Văn Tiếp đưa quân vào thu phục Sài Gòn (lần thứ ba thu phục Gia Định). Tiếp đó Văn Tiếp chia quân đi các nơi đánh lấy các phủ huyện, cho người đi trước ra đảo Phú Quốc báo tiệp với Thế Tổ, tự mình đem quân đi tiếp theo để nghênh đón.

---

1. *Mòng két:* nguyên văn chữ Hán là *Tín thiên ông,* một loài chim vịt trời, bay cao bay xa, không sợ bão tố.

Bấy giờ Thế Tổ ở đảo Phú Quốc, ngày đêm lo toan tập họp binh tướng để mưu đồ khôi phục. Được tin Văn Tiếp lấy lại được Gia Định, Thế Tổ vội truyền lệnh đem thuộc hạ trở về. Đến sông Tứ Kỳ gặp Chu Văn Tiếp dẫn các thuộc tướng đi đón. Bọn Văn Tiếp đều sụp bên vệ đường lạy chào. Văn Tiếp khóc nói:

– Không ngờ ngày nay lại được trông thấy Chúa thượng! Thật xã tắc còn phước to.

Thế Tổ úy lạo bọn Văn Tiếp hồi lâu rồi mới lên ngựa trở về Sài Gòn. Thăng Văn Tiếp lên chức Ngoại tả chưởng binh, lại xét chiến công trong trận cầu Tham Lương, thăng Tôn Thất Dụ làm Ngoại chưởng hữu dinh. Rồi đó Thế Tổ truyền cho bọn trung thủy Vũ Di Nguy, tiền thủy Trương Phước Dĩnh chiêu tập các thủy binh cũ, đóng sửa chiến thuyền để sẵn sàng giao chiến với quân Tây Sơn. Ít lâu sau Thế Tổ lại sai sứ sang Xiêm thông hiếu.

Đúng là:

Việt giữ Cối Kê mưu phục quốc
Đường thông Đột Quyết tính vay quân.

HỒI THỨ TÁM

Thắng Gia Định, tướng Tây Sơn khinh địch
Đến Phú Quốc, chúa Nguyễn vương náu mình

Lại nói Thế Tổ tuy đã thu phục được Gia Định, nhưng quân cô thế yếu, lại thêm quân Tây Sơn luôn năm vào đánh phá. Thế Tổ vì vậy lấy làm lo buồn, bảo các tướng:

Quân Tây Sơn năm nay tuy thua ta, nhưng mùa xuân sang năm tất lại kéo vào đánh nữa. Ta nghĩ kế sách không gì bằng phải liên kết với Xiêm La để nhờ họ giúp sức.

Rồi Thế Tổ cho làm các đồ trang sức bằng vàng bằng bạc, sai Cai cơ Lê Phước Điển, Tham mưu Lê Phước Bình sang thông hiếu với nước Xiêm. Lại sai người bí mật ra Phú Xuân dò xét tình hình triều Tây Sơn. Vừa trong dịp đó có bọn Tôn Thất Hi, Ngũ trưởng Đặng Đình Vân, Tri huyện Nguyễn Đô, Hoàng Công Khuê, Huyện giáo Nguyễn Bảo Trí từ Phú xuân vào. Vân và Khuê không rõ người ở đâu, còn Hi là con thứ của Tôn Thất Dực; Đô là người huyện Quảng Điền do chân hương cống được bổ chức Tri huyện; Trí người huyện Phong Điền, do có học hành, được bổ chức Huyện giáo. Sau khi Định vương rút về Nam, cả mấy người nói trên đều không chịu nhận quan chức của Tây Sơn, khi nghe tin Thế Tổ thu phục Gia Định bèn tìm đường vào yết kiến. Bọn Tôn Thất Hi nói:

– Ở Đàng Ngoài, chúa Trịnh Sâm mê đắm cung phi Đặng Thị Huệ, bỏ con trưởng là Trịnh Tông, lập con thứ là Cán nối ngôi chúa, giao cho Hoàng Tố Lý làm Phụ chính đại thần. Sau khi Trịnh Sâm chết, bọn ưu binh nổi loạn giết Hoàng Tố Lý, phế Trịnh Cán, lập Trịnh Tông làm chúa, tức Đoan vương. Ưu binh cậy thế, càng kiêu rông ngang ngược, không coi phép nước ra gì. Môn thuộc của Tố Lý là Nguyễn Hữu Chỉnh muốn phục thù cho chủ, nhân vì năm trước có dự trong đoàn đi sứ vào giao thiệp với Tây Sơn, nay muốn mượn sức quân Tây Sơn để trừ nạn kiêu binh. Chỉnh bèn đi thuyền biển vào Đàng Trong đầu hàng Nguyễn Nhạc. Nhạc yêu tài của Chỉnh, trao cho Chỉnh chức Đô đốc. Từ đó Chỉnh ngày đêm trù hoạch cơ mưu cho

Nguyễn Nhạc. Chẳng bao lâu nữa tất Nguyễn Nhạc sẽ chiếm được Phú Xuân. Chúa thượng mới thu phục Gia Định, thành trì còn thưa mỏng, sợ khó chống cự với quân Tây Sơn. Bọn thần nghe tin Tây Sơn hiện đang trù tính đem quân vào đánh Gia Định, xin Chúa thượng sớm định phương lược để chế ngự.

Thế Tổ bèn phong cho Tôn Thất Hi làm Chưởng dinh, giám quản trung quân, Đặng Đình Vân giữ chức Binh bộ, Nguyễn Bảo Trí làm Tham mưu, Nguyễn Đô làm Thị giảng, Hoàng Công Khuê chức Câu kê. Rồi Thế Tổ gọi các tướng đến hội họp để bàn định kế sách đánh giữ. Theo đó, đắp lũy Thảo Giảng ở bờ Nam sông Bến Nghé, giao cho Dương Công Trừng đóng giữ. Ở bờ bãi sông Bến Nghé đắp lũy Ngư Giác, giao cho Tôn Thất Mân đóng giữ, bọn Chu Văn Tiếp, Tôn Thất Cốc, Võ Di Nguy chỉ huy các đội chiến thuyền chia đóng dọc sông, làm thành thế trận như con rồng cỏ để đề phòng thủy quân Tây Sơn đánh vào. Lưu thủ Thăng, tiên phong Túy mỗi người đều chỉ huy quân đóng đồn riêng để làm kỳ binh. Giám quân Tô trông coi các bè mảng đã chuẩn bị sẵn để đánh hỏa công, khi địch quân đánh vào thì cho phóng hỏa để đốt cháy thuyền địch. Mọi việc cắt đặt đâu đó xong xuôi, chỉ chờ ngày quân Tây Sơn vào là đánh.

Mới đầu Nguyễn Nhạc thấy Hộ bộ Bá và hàng tướng Trập thua trận chạy về, tức giận mắng:

– Quân giặc ngoan ngạnh cứng đầu dữ! Để em ta đem quân vào xem bọn chúng có còn dám ương ngạnh nữa thôi.

Nói đoạn bèn sai em Văn Lữ, Văn Huệ đốc suất binh thuyền theo cửa Cần Giờ ngược dòng mà tiến vào. Tư khấu của Tây Sơn là Nguyễn Văn Kim đem quân áp sát lũy Vàm Cỏ [1], Đô đốc Lê Văn Kế tiến vào lũy Ngư Giác [2]. Bên quân Gia Định, Lưu thủ Thăng, tiên phong Túy dẫn kỳ binh chặn đánh ở Khúc Lăng để nhử cho quân Tây Sơn lọt vào giữa trận. Giám quân Tô liền hô lệnh đánh hỏa công, khí thế mãnh liệt. Binh thuyền Tây Sơn cơ hồ tan rã. Không ngờ bấy giờ thủy triều đang lên, lại thêm gió Đông Bắc thổi mạnh, các bè lửa trôi ngược trở lại thiêu cháy tàu thuyền của bên quân chúa Nguyễn. Khói

---

1. *Vàm Cỏ:* (Hán văn ghi là Thảo Câu) ở vào vị trí cuối kho Thương Cảng, góc sông Sài Gòn với cầu Tân Thuận ngày nay (*Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*, 1987, tr.172).

2. *Lũy Ngư Giác:* cũng gọi tên nôm là Đồn Cá Trê, trên bờ Tả ngạn sông Sài Gòn, đối diện với đồn Vàm Cỏ (Sđd, tr.172).

lửa bốc lên mù trời, tướng sĩ hốt hoảng tán loạn, quân Tây Sơn thừa thế áp sát vào quân Gia Định mà đánh. Tôn Thất Mân bỏ chạy, Đô đốc Tây Sơn Lê Văn Kế sai chặt cầu phao. Mân rơi xuống sông chết đuối. Dương Công Trừng bị quân Tây Sơn bắt sống. Chu Văn Tiếp thấy tình thế bất lợi, không chống cự nổi bèn theo đường núi mà chạy. Bấy giờ là ngày hai mươi bốn, tháng Hai, năm Quý Mão (1783).

Quân Tây Sơn tiến vào chiếm Sài Gòn. Đó là lần thứ tư thất thủ Gia Định. Thế Tổ phải chạy lánh về Ba Giồng, bề tôi tùy tòng lúc này chỉ còn có Tôn Thất Cốc cùng bọn Kim Phẩm năm sáu người, quân lính hộ vệ cũng không quá một trăm. Sau đó quân lính các đạo dò biết nơi Thế Tổ ở, lại lục tục tìm đến. Thế Tổ sai Nguyễn Kim Phẩm làm tiên phong, Nguyễn Hoàng Đức làm hậu ứng; Tôn Thất Dụ, Nguyễn Đình Thuyên cùng Lại bộ Hồ Đồng, Binh bộ Minh, Tham nghị Trần Đại Thể, Tham mưu Trần Đại Huề làm trung quân. Hoảng làm tả chi, Nguyễn Văn Quý làm hữu chi đốc suất quân lính tiến đánh quân Tây Sơn ở đồn Đồng Tuyên.

Nghe tin báo, Nguyễn Huệ dốc hết quân bộ ra xáp đánh. Quân Gia Định bị bất lợi. Hồ Đồng và Nguyễn Hoàng Đức bị quân Tây Sơn bắt sống. Bọn Thuyên, Quý, Minh, Huề đều tử trận. Binh bộ Minh, hữu chi Quý không rõ người ở đâu. Nguyễn Đình Thuyên người huyện Tân Long, trấn Gia Định, giữ chức Chưởng dinh ngoại tả, có công phù tá Thế Tổ, dẹp yên dư đảng quân Đông Sơn, Huề người huyện Phú Vang, là con Trần Đại Thể. Khi Định vương vào Nam, Huề cùng em là Tự theo cha đi hộ giá. Năm Canh tí (1780) xét công phò tá, cha con Thể đều được thăng thưởng cùng với các tướng. Đến nay Huề và Thuyên tử trận, còn Thể không biết về sau thế nào.

Thế Tổ từ Ba Giồng lại dời đến vùng Lật Giang (Bến Lức?) không tìm được thuyền, phải lội qua sông mà sang. Đến sông Đăng Giang là nơi nhiều cá sấu không thể bơi sang được. Thế Tổ liền cưỡi trâu sang sông. Ra giữa dòng nước xiết, trâu bị nhận chìm. Thế Tổ may được cá sấu hộ vệ nên thoát chết. Đến Mỹ Tho, Thế Tổ sai chỉ huy đội trung thủy là bọn Nguyễn Văn Minh thu thập ghe thuyền đưa quốc mẫu và cung quyến lánh ra đảo Phú Quốc. Rồi Thế Tổ sai Tôn Thất Cốc chỉ huy thủy binh cùng với Điều khiển đạo Hòa Nghĩa là Trần Đĩnh trở về cửa Cần Giờ do thám tình hình quân Tây Sơn. Đĩnh vẫn thường coi khinh Cốc, trong việc quân phần nhiều không tuân lệnh, Cốc bèn kết tội, xin xử trảm. Tay chân của Đĩnh là Tổng

binh Trần Hưng, Lâm Húc bèn chiếm giữ Hà Tiên để làm phản.

Bấy giờ Nguyễn Kim Phẩm đến Hà Tiên để thu mộ quân lính. Thái trưởng công chúa Ngọc Đào (vợ Trương Phúc Nhạc) cùng đi theo để lo liệu quân lương. Bọn Trần Hưng đón đường phục kích giết Kim Phẩm, công chúa Ngọc Đào cũng bị hại.

Thế Tổ nghe tin liền đem binh thuyền đến đánh. Bọn Hưng, Húc tan chạy. Thế Tổ dừng lại ở Hà Tiên. Bấy giờ có tướng nước Xiêm là Vinh Li Ma dẫn quân bộ thuộc hai trăm người và hơn mười chiếc thuyền từ đảo Cổ Long đến quy phục. Thế Tổ thu nạp rồi sai để đóng giữ ở đảo Điệp Thạch (Hòn Đá chồng). Thống suất Tây Sơn Trương Tiến Thận dẫn quân ập đến. Lê Phước Điển thấy tình thế nguy cấp xin với Thế Tổ cho mặc ngự bào đứng ở đầu thuyền. Quân Tây Sơn trông thấy xông vào bắt giữ Điển. Thế Tổ nhân lúc đó nhảy sang thuyền khác chạy ra đảo Côn Lôn.

Đảo Côn Lôn ở giữa biển, thuộc đất Trấn Biên. Thời chúa Minh vương Nguyễn Phúc Chu, trùm cướp biển là bọn An Liệt, Tô Lợi Gia Thi tụ họp lâu la chia đặt các đầu mục, ngăn rào dựng trại chiếm giữ đảo này. Minh vương sai tướng trấn thủ Trương Phúc Phan tìm cách diệt trừ. Trương Phúc Phan đem quân ra đánh dẹp, đoạt hết vàng bạc của bọn cướp nộp kho triều đình. Từ đó về sau quan quân Trấn Biên thường xuyên tuần tra để giữ yên vùng đảo. Thế Tổ bị quân Trương Tiến Thận đuổi đánh, phải tạm lánh ra đảo này (đó là lần thứ nhất Thế Tổ ra Côn Lôn). Hoàng tử Điển, Tôn Thất Cốc, Chưởng cơ Hoảng cùng bọn Vinh Li Ma đều bị quân Tây Sơn bắt sống. Hoàng tử Điển là em cùng mẹ với Thế Tổ, thường theo Thế Tổ đi đánh dẹp có công, Tôn Thất Cốc là con Tôn Thất Đàm, cùng với Chu Văn Tiếp đem chiến thuyền đánh quân Tây Sơn ở ngã tư Ba Giồng, có công hộ giá. Lê Phước Điển quê huyện Phú Vang phủ Thừa Thiên là bậc khí tiết có công lao, tài sắc hơn người, làm quan đến chức Cai cơ, vợ là công chúa Ngọc Tú (trưởng nữ của Hưng tổ). Quân Tây Sơn đem điều lợi dụ dỗ, Tôn Thất Cốc nghiêm giọng đáp: "Ta thà làm ma Đông Phố, quyết không chịu làm tôi tớ Tây Sơn". Hoàng tử Điển và Lê Phước Điển luôn mồm chửi giặc.

– Cà cuống dầu chết vẫn còn vị cay thơm, bọn các người giết ta, nhưng không thể bôi nhọ được thanh danh ta!

Rốt cuộc hoàng tử Điển cùng bọn Tôn Thất Cốc, Lê Phước Điển, Vinh Li Ma, Chưởng cơ Hoảng đều bị quân Tây Sơn giết. Vợ của

Chưởng cơ Hoảng là Thị Tính trước bị quân Tây Sơn bắt đưa về Quy Nhơn, nghe tin Hoảng bị hại, Thị Tính cũng gieo mình xuống sông để chết theo chồng.

Tin dữ báo ra hành tại ở Côn Lôn. Thế Tổ thấy quân Tây Sơn thế mạnh, mà đảo Côn Lôn chỉ rộng chừng trăm dặm, từ cửa Cần Giờ thả thuyền đi về phía Đông chỉ hai ngày đêm là đến nơi. Lại có bọn hải phỉ người Chà Và [1] thỉnh thoảng ghé thuyền vào đảo, Tây Sơn rất có thể dùng bọn ấy làm gián điệp, tình thế xét ra khó ở lâu được tại Côn Lôn. Thế Tổ vì vậy dự tính chuyển về đảo Phú Quốc để tránh mũi nhọn của quân địch. Bất ngờ chính vào lúc đó, Nguyễn Huệ sai phò mã Trương Văn Đa đưa thủy quân ra vây đảo, vòng trong vòng ngoài, tất cả đến ba vòng chiến thuyền. Bỗng mưa gió nổi lên, giữa ban ngày trời đất tối sầm, sóng triều ầm ầm dâng đổi, thuyền quân Tây Sơn đắm dạt rất nhiều. Thừa dịp đó, Thế Tổ ngồi thuyền vượt qua vòng vây của thuỷ quân Tây Sơn, rồi dừng lại cập bờ đảo Cổ Cốt, sau đó chuyển sang đóng dinh ở đảo Phú Quốc. (Đó là lần thứ hai Thế Tổ lánh đến bảo Phú Quốc).

Lại nói đảo Phú Quốc thuộc về hải phận xã Phú Quốc, giáp gần với hai nước Xiêm, Chân Lạp, trên đảo có nhiều hang núi hẻo lánh, ngoài khơi lại có đảo Thổ Chu vào đảo Hòn Tre chắn giữ, quả là một nơi lợi hại cho kẻ anh hùng náu binh. Thế Tổ cầm cự với quân Tây Sơn, nhưng khi thất bại thường ra đảo này ẩn lánh. Lúc này thế lực Tây Sơn bao trùm, khắp cõi đất phương Nam không một nơi nào còn có thể được yên toàn, nên Thế Tổ ra đảo Phú Quốc dựng rào đóng trại, đắp đài đặt súng làm kế phòng giữ để chống cự với quân Tây Sơn. Bề tôi tùy tòng chỉ có bọn Trương Phúc Dĩnh, Vũ Văn Chính, Trương Phúc Giáo hơn chục người, mà lương ăn thì không đủ. May đâu có người đàn bà làm nghề buôn chở một thuyền gạo ra hiến [2]. Buồm thuyền rách nát thì lại may có người chủ thuyền đem buồn cói đến dâng. Thế Tổ thấy vậy cho là lòng người còn thuận, bèn hăng hái mưu đồ khôi phục. Rồi đó Thế Tổ đích thân đến cửa biển Ma Li để dò xét tình hình quân địch. Bỗng có đoàn chiến thuyền Tây Sơn hai mươi chiếc lướt đến bao vây, Thế Tổ vội căng buồm nhằm hướng Đông mà chạy. Lênh đênh giữa biển khơi suốt bảy ngày đêm, nước dự trữ trong thuyền hết kiệt, quân sĩ khát bỏng cổ. Thế Tổ ngước nhìn trời thầm khấn:

---

1. *Chà Và:* Java thuộc quần đảo Nam Dương.
2. ĐNTLCB (Bản DMT) chép tên người phụ nữ này là Thị Uyển.

– Nếu tôi có mệnh làm Quốc vương thì cầu trời cứu mệnh cho người trên chiếc thuyền này.

Vừa dứt lời thì gió ngừng sóng lặng, rồi một dòng nước trong vọt lên, Thế Tổ nếm thử thấy vị nước ngọt. Quân sĩ trên thuyền thỏa sức uống cho đến lúc hết khát. Thế Tổ sai hứng đầy bốn năm chum dự trữ, sau đó nước biển lại mặn như cũ. Thuyền của Thế Tổ lại quay về đảo Phú Quốc, các hải thuyền theo hộ vệ Thế Tổ cũng lần lượt trở về đảo.

Sau này Tham tri Bộ Hộ Ngô Vị vâng mệnh soạn biểu mừng công bình định có câu:

Trong gian nan có Long Khâu, Phú Đảo, mừng khắp nơi như Câu Tiễn tới Cối Kê.

Giữa biển khơi gặp nước ngọt, gió xuôi, được trời giúp tựa Lưu Bang qua Thư Thủy.

Đoạn văn ấy có lẽ là ghi chuyện có thật.

Thế Tổ cùng bọn Trương Phúc Dĩnh bàn tính việc trở về Gia Định, bèn sai Vũ Văn Chính đi trước về Long Xuyên chiêu tập binh mã để cử sự (Chính quê Vĩnh Trị, Vĩnh Long, giữ chức Cai cơ). Thế Tổ cũng cho thuyền đi tiếp sau. Đến cửa Ông Đốc gặp thuyền địch đi tuần tra, Thế Tổ sai áp đánh, bắt sống được tướng Tây Sơn là Quản Nguyệt. Thế Tổ sai áp giải Quản Nguyệt giao cho Văn Chính chém đầu lập uy làm mạnh thế quân [1]. Về sau đi đánh Quy Nhơn, Văn Chính chết trận.

Thuyền cập bờ vào Long Xuyên, Thế Tổ liền sai sửa chữa thuyền buồm, tìm lương thực dự trữ. Tướng trấn thủ của Tây Sơn là Nguyễn Hóa dò biết được, liền truyền lệnh mật cho đại đội thủy binh từ Ba Thắc tiến đến phục sẵn ở cửa Ông Đốc để chặn đường. Đêm ấy bọn Cai cơ Nguyễn Văn Giảng, Cai đội Nguyễn Văn Oai đi thuyền tuần tra ngoài biển, bắt được thuyền tuần tra của Phó tướng Khương bên quân Tây Sơn. Thế Tổ hỏi cung, biết Nguyễn Hóa đã đặt thủy binh phục sẵn, liền ra lệnh cấp tốc chèo thuyền ra khơi. Nguyễn Hóa biết Thế Tổ đã đề phòng, nên không dám cho thuyền đuổi theo.

---

1. ĐNTLCB (bản DMT) chép một chi tiết có thể cho thấy tính cách của Nguyễn Ánh: Văn Chính muốn tha cho Quản Nguyệt để dùng làm hướng đạo. Vua giận Văn Chính trái lệnh bèn tuốt thanh kiếm "Quy Y" trao cho Trương Phúc Giao đến ngay chỗ Văn Chính để chém đầu Quản Nguyệt, một mặt nghiêm lệnh khiển trách Văn Chính.

Thuyền của Thế Tổ ghé vào Hòn Chông. Phó chiến của quân Tây Sơn tên là Hiến đến xin hàng. Lại một viên phó chiến khác là Nguyễn Khả Bằng đi thuyền bị gió cuốn dạt vào cũng bị quân Thế Tổ bắt sống.

Thế Tổ hỏi tình hình bên quân Tây Sơn. Bằng thuật lại rằng anh em Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ đã rút về Quy Nhơn, chỉ để phò mã Trương Văn Đa và Chưởng tiền quân tên là Bảo đóng giữ Gia Định. Nay bọn Trương Văn Đa sắp sai binh thuyền đến vây bức đảo Phú Quốc. Thế Tổ sai tha tội cho Hiến và Hữu Bằng, cho ở lại theo việc quân. Rồi đó Thế Tổ lập tức dẫn tùy tòng lánh sang đảo Thổ Chu, truyền lệnh cho các tướng chia đường tiến đánh Tây Sơn.

Sau khi Chưởng cơ Hồ Văn Lân đánh thắng quân Tây Sơn ở Tân Châu, điều bát của Tây Sơn là Nguyễn Kế Diệm lui chạy. Quân Nam lại tiến đến Cần Thơ đánh bại quân của Lưu thủ Nguyễn Hóa đoạt được mười ba chiếc hỏa thuyền. Tiền quân Lê Văn Quân thu thập binh lính Tây Sơn đầu hàng đóng giữ sông Tân Hòa. Chưởng cơ Tôn Thất Hội cũng thu tập tướng sĩ mới theo đóng giữ ở lũy Giồng Sao (Tinh phụ bảo). Quân Tây Sơn kéo đến vây lũy. Hồ Văn Lân đưa quân bộ thuộc đến trợ chiến. Hội nghe tin có viện binh liền xông phá vòng vây chạy về sông Tân Hòa cùng hội binh với Lê Văn Quân. Phò mã Tây Sơn Trương Văn Đa dẫn quân đuổi đánh. Các tướng thua chạy, quân trốn thoát chạy sang Xiêm. Lân cùng bọn Cai cơ Hồ Văn Trương, Nguyễn Văn Biên cũng theo đường qua Lư Việt (Lò Vẹt?) chạy sang Xiêm.

Thế Tổ ở đảo Thổ Chu nghe báo thất lợi, muốn tìm cách cầu viện trợ của nước ngoài. Nghe tin Bá Đa Lộc hiện đang ở Chân Bôn bên nước Xiêm, Thế Tổ bèn sai người đi gọi.

Bá Đa Lộc là giám mục nước ngoài Phú Lãng Sa (Pháp) đến miền Gia Định, Chân Lạp bí mật truyền đạo Gia Tô. Biết tin Thế Tổ lên ngôi chúa, Bá Đa Lộc tìm đến yết kiến xin giúp sức, được Thế Tổ thu nạp. Sau đó quân Tây Sơn vào đánh, Thế Tổ phải chạy lánh ra ngoài, quốc mẫu và cung quyến lánh sang Chân Lạp. Biết người Chân Lạp mưu phản, Bá Đa Lộc dẫn thuộc hạ hộ vệ quốc mẫu và cung quyến trở về Ba Giồng gặp lại Thế Tổ. Sau đó nữa, Thế Tổ lại phải di chuyển lánh nạn đến các đảo ở ngoài khơi. Từ đó Bá Đa Lộc xin được trở về Gia Định chiêu dụ hào mục địa phương, rồi tiện đường sang Xiêm để tìm xin cứu viện. Bây giờ được Thế Tổ cho gọi, Bá Đa Lộc liền lên đường tìm đến hành tại.

Thế Tổ bảo Lộc:

– Nay chưa dẹp được Tây Sơn, khanh có thể giúp ta làm sứ giả sang nước Đại Tây xin quân cứu viện không?

Bá Đa Lộc nhận lời xin đi, hỏi lấy gì để làm tin. Bấy giờ hoàng tử Cảnh mới bốn tuổi, Thế Tổ sai bọn Phạm Văn Nhơn, Trần Văn Học, Nguyễn Văn Liêm, Hoàng Tiến Cẩn cùng với Bá Đa Lộc hộ vệ hoàng tử Cảnh sang nước Pháp.

Phạm Văn Nhơn người huyện Tống Sơn, nhập cư ở Thừa Thiên. Thời Võ vương, Nhơn giữ chức Cai đội. Khi Định vương vào Nam, Nhơn bị đạn súng bắn bị thương ở chân không đi theo được; đến khi Thế Tổ nhiếp chính, Nhơn mới bí mật trốn vào Gia Định, được thăng chức Phó vệ úy. Khi quân Tây Sơn vào đánh Gia Định, Nhơn theo hộ vệ Thế Tổ lánh ra đảo Phú Quốc. Khi Thế Tổ vào Long Xuyên, nghe có quân địch ở Hòn Khoai, Nhơn cùng với Ngô Công Quý chèo thuyền thoi đi trước để trinh thám.

Trần Văn Học người huyện Bình Dương, trấn Gia Định, theo Bá Đa Lộc đến yết kiến Thế Tổ, gặp lúc quân Nam bị Tây Sơn vây đánh, Học cùng Bá Đa Lộc hộ vệ quốc mẫu và cung quyến lui về lánh ở Long Úc, rồi giả mạo chiếu lệnh bắt người Chân Lạp phải hộ tống đến Cần Thơ.

Nguyễn Văn Liêm cũng người huyện Bình Dương, còn Hoàng Tiến Cẩn người huyện Phong Lộc, phủ Quảng Bình.

Sau khi hoàng tử Cảnh đã lên thuyền sang Pháp 1, có tướng nước Xiêm đem quốc thư của vua nước ấy cùng biểu tâu của Vũ Văn Tiếp mời Thế Tổ sang Xiêm. Trước đó, sau lần thua trận ở lũy Ngư Giác, Vũ Văn Tiếp cùng Phạm Văn Sĩ theo đường bộ chạy sang Ai Lao, từ Ai Lao qua Chân Lạp rồi sang Xiêm. Bọn Tiếp đến triều đình Xiêm xin quân cứu viện. Vua Xiêm muốn cho nhưng còn do dự chưa quyết, bảo bọn Tiếp theo đường bộ trở về, sau đó sai tướng là Thát Xỉ Đa đem binh thuyền đến Hà Tiên đón mời Thế Tổ sang Xiêm. Vũ Văn Tiếp viết biểu tâu, rồi cho người của mình theo quân Xiêm về nước.

Nhận được biểu tâu của Vũ Văn Tiếp, Thế Tổ cả mừng, bèn đi ngay đến Long Xuyên để gặp tướng nước Xiêm. Bọn Thát Xỉ Đa hết

1. Bấy giờ là ngày 25–11–1784 (Giáp Thìn).

sức khuyên mời Thế Tổ sang Xiêm. Thế Tổ nghe lời đi theo. Thát Xỉ Đa sai người về trước báo tin cho vua Xiêm biết.

Vua Xiêm là Chất Tri nhận được tin báo Nguyễn vương nước Nam đã nhận lời đi Vọng Các, bèn sai người đuổi theo gọi bọn Văn Tiếp trở lại để nghênh đón Nguyễn Chúa.

Đúng là:

Vượt gian hiểm cô thần lòng hướng chúa,
Cứu lân bang Xiêm đế muốn phù Nam!

HỒI THỨ CHÍN

Trận Xoài Mút, viện quân Xiêm đại bại
Đất Vọng Thành, Nguyễn Thế Tổ nương thân.

Lại nói Thế Tổ nghe lời mời của Thát Xỉ Đa, vượt biên giới sang Xiêm xin viện binh, bèn sai người về an ủi quốc mẫu và cung quyến, khuyên hãy tạm lánh ở đảo Thổ Chu.

Bấy giờ có viên nội thần là Lê Văn Duyệt (người huyện Chung Nghĩa, bẩm sinh ái nam ái nữ) bản tính mạnh tợn, giỏi võ nghệ, được chọn sung chức Thái giám, rất quen thạo các việc trong cung phủ. Duyệt thường cùng các tướng bàn luận việc binh, được Thế Tổ khen có tài làm tướng. Trước khi ra đi, Thế Tổ giao cho Duyệt ở lại hộ vệ quốc mẫu.

Sắp đặt xong công việc, ngày mồng một, tháng Hai, năm Giáp Thìn (1784), Thế Tổ xuống thuyền sang Xiêm. Bề tôi theo hầu có bọn Tôn Thất Hội, Hồ Văn Vui, Trương Phúc Giáo, Nguyễn Văn Tri, Lưu Văn Trung, Nguyễn Văn Huấn, Trần Văn Xạ, Nguyễn Văn Tôn, tất cả ba mươi người, đem theo chừng vài chục quân hộ vệ. Lại bộ Bạch Doãn Triều chèo thuyền đuổi theo xin được cùng đi, Thế Tổ khuyên Triều tạm về ẩn lánh ở thôn dã. Doãn Triều khóc tâu:

– Vì đạo nghĩa quân thần, vua đi đâu, bề tôi xin đi đến đó.

Doãn Triều cứ đi theo, rồi vì sức yếu không chịu đựng nổi, chết dọc đường. Thế Tổ khóc, cởi áo ngự đắp thi hài, an táng cho Doãn Triều. Người đời sau có câu đối viếng Doãn Triều như sau:

Thiên vị tử anh hùng, khảng khái hữu tâm thôn Thái Đức,
Địa phi tầm can tịnh, sinh bình vô mộng đáo Xiêm La.

Dịch:

Trời không chết bậc anh hùng, khảng khái một lòng bình Thái Đức.

Đất chẳng tìm nơi khô ráo, bình sinh nào mộng đến Xiêm La.

Tháng Ba, thuyền của Thế Tổ đến thành Vọng Các, vua Xiêm tiếp đón khoản đãi rất trọng thể. Thấy Thế Tổ buồn lòng vì việc nước, vua Xiêm nói:

– Vua nước Nam nản sợ rồi chăng?

Thế Tổ đáp:

– Vận nước đang lúc lâm nguy, tôi dẫu bất tài cũng muốn một phen báo thù rửa hận, dẫu chết cũng cam lòng, đâu phải nản sợ!

Vua Xiêm tán thưởng câu nói ấy, nhân đó hỏi tình hình ở trong nước ta. Chưa dứt lời thấy Chu Văn Tiếp ở ngoài vào sụp quỳ, ôm đầu gối Thế Tổ mà khóc như mưa. Vua Xiêm xúc động, bảo các quan hầu cận:

– Vua nước Nam gặp bước gian nan, những lúc trèo núi vượt biển được quỷ thần hiển linh phù hộ, trung thần nghĩa sĩ hết lòng phò tá; tuy là việc người, nhưng bên trong cũng có ý trời. Xem như vậy thì biết Nguyễn triều ở nước Nam sẽ có ngày khôi phục nghiệp trung hưng.

Rồi vua Xiêm tỏ ý sẵn lòng giúp binh cho Thế Tổ. Đệ nhị quốc vương nhân đó cũng nhắc lại chuyện ngày trước cùng Nguyễn Hữu Thụy giao ước khi có việc khẩn cấp thì ứng cứu lẫn nhau. Nay Đệ nhị vương xin được đem quân đi ứng cứu, lại đem mấy thứ báu vật do Hữu Thụy tặng cho mọi người xem để làm tin, rồi định ngày cất quân sang cứu viện Nam triều.

Thế Tổ sai Vũ Văn Tiếp sửa sang thuyền tầu súng đạn để sẵn sàng sai phái, một mặt xin vua Xiêm định ngày cho xuất quân. Vừa lúc này có tin báo quân nước Miến Điện xâm phạm vùng biên giới. Đệ nhị vương phải đích thân cầm quân đi đánh. Vua Xiêm sai hai cháu của Đệ nhị vương là Chiêu Tăng, Chiêu Sương [1] dẫn ba vạn thủy binh và ba trăm chiến thuyền hộ tống Thế Tổ về nước.

Thế Tổ cho Chu Văn Tiếp làm Bình Tây đại đô đốc, được toàn quyền điều khiển việc quân. Ngày chín, tháng sáu, chiến thuyền xuất phát từ Vọng Các, theo đường biển tiến vào cửa Bắc Nộm, đánh lấy đạo Kiên Giang, tiến đánh quân Tây Sơn của Đô đốc Nguyễn Hóa ở Trấn Giang, tiến thẳng đến Ba Thắc, Trà Ôn, Mân Thít, Sa Đéc, chia quân đóng giữ để nghe ngóng. Chẳng bao lâu các tướng đều đến hành tại của Thế Tổ tâu rằng:

1. Tăng và Sương: chưa rõ tên nguyên ngữ, còn *Chiêu* là chữ phiên âm từ Chao (hay Chạn) của tiếng Thái, tên tước của quý tộc (có lẽ là tước tiểu vương).

– Đại quân hộ tống Vương thượng về nước mấy ngày nay, nhưng chưa thấy thần dân đến tòng quân ứng nghĩa. Trông cậy cả vào người Xiêm thì chưa biết thế nào.

Bấy giờ có viên Cai đội Trịnh Ngọc Trí người châu Minh Linh, phủ Thừa Thiên nghe tin Thế Tổ về nước bèn tìm đến hành tại xin yết kiến. Thế Tổ cho Ngọc Trí thăng chức Cai cơ, sai đi các nơi trong vùng quân Tây Sơn chiếm đóng chiêu dụ các cựu thần cùng hào kiệt sĩ dân nổi dậy ứng nghĩa. Khi Ngọc Trí đến Vũng Liêm, Phó đốc chiến của Tây Sơn tên là Lý đem cả quân bộ thuộc xin hàng. Khi dẫn về dinh đô đốc, Lý nói với Chu Văn Tiếp.

– Chưởng tiền quân của Tây Sơn tên là Bảo hiện đang chỉnh điểm quân mã, chẳng bao lâu sẽ đem quân quyết đánh một trận sống chết với tướng quân. Nếu tướng quân chỉ trông cậy vào quân Xiêm, chưa chắc giành được toàn thắng.

Sau đó Chu Văn Tiếp dẫn thủy binh tiến đánh quân Tây Sơn ở sông Mân Thít. Chưởng cơ Bảo ra sức chống cự. Chu Văn Tiếp nhảy lên thuyền địch, bị quân Tây Sơn đâm trọng thương.

Thế Tổ phất cờ ra lệnh cho quân đánh gấp vào, chém được Chưởng cơ Bảo. Quân Tây Sơn bị giết tại trận rất nhiều. Phò mã Trương Văn Đa liều chết chạy về Long Hồ. Chu Văn Tiếp không bao lâu qua đời vì vết thương quá nặng. Thế Tổ sai lấy chiến bào khâm liệm cho Văn Tiếp, an táng ở Hội An.

Thế Tổ thương tiếc Văn Tiếp là bề tôi tin cậy, có nhiều công giúp rập, bảo các tướng rằng:

– Trong vòng mười năm lại đây, Tiếp với ta cùng chung hoạn nạn. Nay giữa đường Tiếp bỏ ta mà đi, chưa biết ai có thể thay ta nắm giữ việc quân?

Các tướng đều nói quan Tiền quân có thể đảm đương được chức trách ấy.

Bấy giờ Lê Văn Quân giữ chức Tiền quân, Thế Tổ bèn thăng Lê Văn Quân giữ chức Khâm sai Bình Tây đại đô đốc, tước Dũng quận công. Sau khi nhận chức thống lĩnh đại quân, Lê Văn Quân liền xuống lệnh tiến đánh hai lũy Ba Lai, Trà Tần. Chưởng cơ Đặng Văn Lượng chết tại trận. Lượng người huyện Kiến Hòa, phủ Định Tường, theo Chu Văn Tiếp ứng nghĩa, làm quan đến chức Cai cơ khâm sai thượng đạo, từng theo Thế Tổ sang Vọng Các.

Nghe tin Đặng Văn Lượng tử trận, Thế Tổ bảo Lê Văn Quân điều chỉnh quân cơ để tránh gây thương vong cho tướng sĩ. Lại sai Tham tướng là Mạc Tử Sinh làm trấn thủ Trấn Giang, Tham tán Nguyễn Thừa Diễn làm trấn thủ Bình Áo; sai Tham luận Nguyễn Văn Thành đi Bát Chiên, Quang Hóa thu thập dư đảng của quân Đông Sơn.

Mạc Tử Sinh là con Mạc Thiên Tứ, khi Thiên Tứ bị hại, Sinh và hai em là Tuấn, Thiêm và các cháu của Thiên Tứ là Bách, Du, Tài, Thê đều còn nhỏ được tha chết, chỉ bị đầy đi biên viễn. Chất Tri lên ngôi vua Xiêm, cho đem bọn Sinh về kinh đô nuôi dưỡng. Khi Thế Tổ sang Vọng Các, Sinh đến yết kiến. Thế Tổ thương xót con cháu của công thần, cho Sinh giữ chức Tham tướng. Nguyễn Thừa Diễn người huyện Hải Lăng, phủ Thừa Thiên, là con của cựu Tham chính Nguyễn Thừa Tự, từng giữ chức Ký lục Bình Thuận. Sau khi theo Định vương vào Gia Định, Diễn được trao chức Tham tán. Nguyễn Văn Thành là con Nguyễn Văn Chất, người xã Bác Vọng huyện Triệu Phong, giỏi võ nghệ, theo cha vào đội quân mộ nghĩa, được Định vương cho giữ chức Cai đội thuộc quyền của Khám lý Kỷ. Kỷ tử trận, Thành Lập hợp binh cũng được hơn tám trăm người, theo Đỗ Thanh Nhơn làm tiên phong quân bộ. Sau Thành theo Nguyễn Văn Hoằng đi đóng giữ các nơi Trấn Biên và Phan Rí. Thế Tổ sang Xiêm, Thành không kịp đi theo. Khi Thế Tổ theo quân Xiêm hộ tống trở về, Thành đến Trà Tân xin yết kiến. Thế Tổ sai Thành đi chiêu dụ dư đảng Đông Sơn là bọn Đặng Triệu.

Bấy giờ Triệu giữ chức Tổng nhung của Tây Sơn, cùng phe cánh là Chưởng Hùng, Chưởng Tuy đóng giữ ở Bát Chiên, Quang Hóa. Thành đến nơi, khuyên Triệu giết bọn Hùng, Tuy rồi dẫn quân về theo Thế Tổ.

Thành trở về, Thế Tổ sai Thành đem tám nghìn quân theo quân Xiêm đi đánh trận. Quân Xiêm tàn bạo, đi đến đâu cướp bóc bắt bớ, nên dân chúng đều ta thán oán ghét. Thế Tổ bảo các tướng:

– Quân Xiêm là bọn bất trị. Lấy được Gia Định mà mất hết dân tâm ta cũng không nỡ làm. Huống chi Tây Sơn sẽ cho quân tăng viện. Vậy các ngươi phải cẩn thận để phòng khỏi xẩy sự đáng tiếc.

Quả đúng như Thế Tổ nói: tướng trấn thủ của Tây Sơn cáo cấp về triều, Nguyễn Nhạc liền sai Nguyễn Huệ đem đại quân binh thuyền vào ứng cứu. Huệ vào đến nơi, giao chiến liền mấy trận bị thất lợi, định rút quân về, không ngờ có kẻ phản thần là Lê Xuân Giác bày

đặt mưu kế cho Huệ. Huệ mừng nói:

– Ông như người đất Mân hiến kế sách, ta sẽ như Ngột Cầu, quyết đánh cho quân Gia Định một phen tan tác.

Rồi Huệ cho quân thiện chiến mai phục ở sông Xoài Mút, trên sông Rạch Gầm, dụ cho quân Xiêm tiến vào. Bọn Chiêu Tăng, Chiêu Sương không biết địa thế hiểm dễ ra sao, nhân đà thắng bèn cho quân tiến thẳng về Mỹ Tho. Phục binh của Tây Sơn, cả quân thủy và quân bộ bất ngờ xông ra chặn đánh. Quân Xiêm đại bại. Chiêu Tăng, Chiêu Sương chỉ thu thập được mấy nghìn tàn quân theo đường núi Chân Lạp chạy về nước. Binh lính của Lê Văn Quân và các tướng khác cũng tan rã. Chưởng cơ Nguyễn Văn Oai tử trận. Thế Tổ phải chạy về Trấn Giang [1], chỉ có bọn Hộ bộ Trần Phước Giai, Cai cơ Nguyễn Văn Bình, Thái giám Lê Văn Duyệt v.v... hơn chục người theo hộ vệ; trong lúc đi đường hết sạch cả lương ăn, may gặp người dân mang cơm đến dâng

Thế Tổ cùng các bề tôi tùy tòng chạy đến Rạch Giá thì bị Chưởng cơ Trân của quân Tây Sơn bắt được, giam giữ ở trên thuyền. Trân nghĩ đến cha ông đời trước chịu ơn Nam triều, đêm ấy nhân lúc lính ngủ say, Chưởng cơ Trân bèn cởi trói rồi đưa Thế Tổ và những người tùy tòng lên bờ.

Thế Tổ phải đi bộ từ Vân Dã đã mỏi mệt, lại thấy có quân Tây Sơn đuổi theo rất gấp. Cai đội Nguyễn Văn Trị phải cõng Thế Tổ chạy về sông Thi Giang, may gặp Mạc Tử Sinh đem thuyền đến đón. Thế Tổ bèn sai Sinh và Cai cơ Trung sang báo tin với vua Xiêm.

Bọn Mạc Tử Sinh và Cai cơ Trung đi rồi, thì Nguyễn Văn Thành cùng với Tôn Thất Huy, Tôn Thất Hội dẫn tàn quân năm, sáu chục người tìm đến hành tại. Thế Tổ bèn đưa tất cả lánh ra đảo Thổ Chu. Quân Tây Sơn đuổi theo rất gấp, Thế Tổ phải cho thuyền ghé vào lánh ở đảo Cổ Cốt, vừa may gặp được Cai cơ Trung từ Xiêm đem thuyền đến đón. Thế Tổ lại một lần nữa sang Xiêm.

Lại nói chuyện Thế Tổ sang Xiêm lánh nạn lần này, tùy tùng đi theo có Thiếu phó Tôn Thất Huy, Chưởng cơ Tôn Thất Hội, Huỳnh Tiến Cảnh, Phó trung quân Nguyễn Văn Thành, Cai cơ Trương Phước Dĩnh, Nguyên Văn Định, Mai Đức Nghị, Nguyễn Văn Thụy, Trương Phước Tấn, Tống Phước Ngoạn, Nguyễn Văn Nhàn, Nguyễn Văn

1. Trấn Giang: đất tỉnh Cần Thơ ngày nay.

Tính, Nguyễn Long, Vũ Văn Chính, Trương Phước Tuấn, Cai đội Nguyễn Văn Hựu, Tô Văn Đoài, Nguyễn Văn Mẫn, Lê Văn Luật, Nguyễn Văn Dực, Tống Viết Phước, Mai Tiến Vạn, Trương Phước Giáo, Tôn Thọ Vinh, Nguyễn Vĩnh Thị, Nguyễn Tần, Lê Thượng, Hộ bộ Trần Phước Giai, Tri bạ Phan Thiên Phước, Tham mưu Ngô Hữu Hựu, Lưu thủ Nguyễn Đăng Chiêu, Đoàn Văn Khoa, Thái giám Lê Văn Duyệt, Đội trưởng Hồ Văn Vui, Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Văn Khiêm, Nguyễn Văn Đắc v.v... tất cả hơn hai trăm người. Tháng Tư, năm Ất Tị (1785) đến Vọng Các. Vua Xiêm hỏi tình hình thua trận ra sao, Thế Tổ đáp:

– Quý Quốc vương nghĩ tình lân bang giao hảo cho quân sang giúp, nhưng vì tướng tá kiêu căng, quân lính tham bạo, nên mới đến nỗi thất bại như thế.

Vua Xiêm tức giận nói:

– Bọn chó má chỉ khôn nhà dại chợ! Để thua trận lần này làm cho Tây Sơn coi thường nước Xiêm ta.

Vua Xiêm định hạ lệnh chém đầu bọn Tăng, Sương, Thế Tổ lựa lời khuyên giải:

– Hai tướng Chiêu Tăng, Chiêu Sương cố nhiên là đắc tội. Nhưng có lẽ ý trời muốn bắt phải chờ thời. Xin quý Quốc vương hãy tạm tha tội chết cho hai tướng.

Vua Xiêm mời Thế Tổ ở lại đất Xiêm. Thế Tổ nghĩ thế lực Tây Sơn đang lúc lớn mạnh, chưa có thời cơ thuận lợi dấy quân khôi phục, bèn ở lại đất Long Khâu, sai người về đảo Thổ Chu đón quốc mẫu và cung quyến đến hành tại ở Xiêm.

Lúc trước Thế Tổ từ Xiêm về đón quốc mẫu và cung quyến đến Khe Lạp. Khi lên đường sang Xiêm lần thứ hai, Thế Tổ sai Ngô Công Quý đưa quốc mẫu và cung quyến dời đến đảo Thổ Chu. Quý quê ở huyện Long Xuyên là người thành thực chất phác, sức vóc hơn người. Khi Thế Tổ lánh ra đảo Phú Quốc, Quý bưng ấn quốc bảo đi theo, sau đó bị lạc. Khi Thế Tổ trở lại Sài Gòn, Quý từ Long Hồ về, mang ấn quốc bảo đến dâng nộp. Đến đây Quý vâng mệnh hộ vệ Quốc mẫu đi Long Khâu. Quốc mẫu nghĩ Thế Tổ vì việc nước mà phải lánh sang Xiêm, tình thế chưa thuận tiện, nên còn chần chừ chưa muốn đi. Công Quý nói:

– Thần vâng mệnh hộ vệ Quốc mẫu, nếu chậm trễ thần bị mắc tội.

Nói xong Công Quý thúc giục vợ con thu xếp đi ngay theo Quốc mẫu và cung quyến. Quý đưa Quốc mẫu theo đường núi mà đi. Một hôm nghe trong núi có tiếng người. Quý trèo lên cây cao xem xét, thấy quân Xiêm kéo nhau đi lùng sục bắt người. Quý cả sợ, bỏ vợ con, vội đưa Quốc mẫu và cung quyến chạy ra phía bờ biển. Thấy một chiếc thuyền con đỗ trên bờ biển, Quý bèn đưa mọi người lên thuyền ra đảo Thổ Chu. Nay Quý lại vâng mệnh đón Quốc mẫu và cung quyến đi Long Khâu.

Quý về đến hành tại, vấn an xong, Thế Tổ hỏi Quý có nghe ngóng được tình hình quân Tây Sơn không? Quý nói:

– Nguyễn Huệ đã đem quân về Quy Nhơn, chỉ để Đô úy Đặng Văn Trấn ở lại làm Trấn thủ Gia Định, đốc thúc quân lính đắp lũy đóng trại. Tướng sĩ xôn xao bàn tán có ý dao động. Xin Chúa thượng triệu Lê Văn Quân và các tướng đến bàn định mưu kế khôi phục. Nếu không tính gấp, đến khi vua Xiêm nghe lời Tây Sơn xúc xiểm thì kế sách của ta lại thêm khó.

Thế Tổ cho là phải, sai người đưa thư gọi bọn Lê Văn Quân. Ít lâu sau, Lê Văn Quân dẫn bộ thuộc hơn sáu trăm người đến yết kiến. Các tướng khác cũng lục tục về đến hành tại. Thế Tổ sai chia quân đi làm ruộng đồn điền để có lương ăn. Lại sai Nguyễn Đăng Chiêu, Lê Thượng, Nguyễn Tần dẫn mười chiến thuyền bí mật về Long Xuyên do thám tình hình quân Tây Sơn. Thuyền của bọn Đăng Chiêu đến Đại Đồng (tên đất, ở bờ biển nước Xiêm) thì gặp thuyền của Dương Công Trừng. Công Trừng sau khi thua trận ở Bến Nghé bị Tây Sơn bắt. Nghe tin Thế Tổ ở Vọng Các, Công Trừng nhân lúc quân Tây Sơn sơ hở dẫn bọn Nguyễn Văn Nhơn đoạt lấy ba chiến thuyền chèo ra biển; đến ngoài khơi Đại Đồng thì gặp thuyền của Lê Thượng, Nguyễn Tần.

Lê Thượng bảo Trừng:

– Chúa thượng sai chúng tôi chia nhau vào các đảo để dò la tin tức rồi sau mới tính kế.

Công Trừng đáp:

– Bọn ta nên nhân lúc địch sơ hở, bất ngờ đánh vào Long Xuyên, đóng giữ ở đó để kêu gọi dân chúng ứng nghĩa, chiêu tập quân sĩ cũ hiện ẩn lánh các nơi về Long Xuyên mưu tính việc sau.

Bọn Lê Thượng cho là phải, bèn hợp binh đưa thuyền cập bến đánh úp đồn lũy quân Tây Sơn ở Long Xuyên, bắt sống được viên

binh nhung của Tây Sơn tên là Trực. Bọn Lê Thượng đóng quân ở xã Ông Điền, sai Nguyễn Văn Nhơn và Tống Văn Khương áp giải tù binh về dâng ở hành tại.

Thế Tổ nói:

– Long Xuyên là nơi trọng yếu của trấn Gia Định. Tây Sơn tất sẽ cho quân đến đánh chiếm lại. Hơn nữa đất Ông Điền ở miền ven biển, không tiện đường thủy lục. Quân cô thế yếu mà đóng ở đấy, quân địch đến đánh thì làm sao mà ứng phó được?

Rồi Thế Tổ sai Văn Nhơn ruổi ngựa báo cho các tướng đem thuyền ra hải đảo để trù liệu cử sự về sau. Phạm Văn Nhơn chưa kịp tới nơi thì tướng Tây Sơn là Thái bảo Tham đã dẫn quân từ Sài Gòn đến đánh. Lê Thượng, Nguyễn Thái đều tử trận. Dương Công Trừng lại bị quân Tây Sơn bắt. Nguyễn Đăng Chiêu đoạt được chiếc thuyền con chèo trở lại đất Xiêm để báo tin.

Thế Tổ nói:

– Các tướng không am hiểu binh pháp nên mới bị thua như thế.

Thái bảo Tham bắt sống được Dương Công Trừng, kể tội Trừng là phản tặc. Trừng đáp:

– Ta đầu hàng các ngươi chỉ là trá hàng, bỏ các ngươi mà đi mới chính là đạo nghĩa. Chúa Nam triều ta còn đó, không có lý nào ta lại hàng phục các ngươi.

Tham sai giết Trừng, Trừng lớn tiếng chửi mắng Nguyễn Nhạc rồi vươn đầu chịu chết. Tham tâu lên Nguyễn Nhạc biết việc ấy, Nhạc nói:

– Được làm vua, thua làm giặc. Ta là người chiến thắng thì ngồi ngôi vua, không hiểu sao dân Nam nhiều kẻ vẫn bảo ta là giặc? Trừng bại trận mà còn xấc ngạo chửi bới, giết đi là phải!

Người đời sau đọc truyện Dương Công Trừng có làm câu đối viếng:

Quân quốc sự mạ đắc thành, Trương Thư Dương tảo khế
Thường Sơn cửu quận hiến Đường thiên tử,
Cổ kim nhân khiếu trụ, Hô Diên Chước tằng vi Thủy Bạc
đầu lĩnh chiến Tống tướng quân.

Dịch:

Vì việc nước mắng địch quân, Trương Thư Dương sớm đem
chín quận Thường Sơn dâng Đường thiên tử.
Nhớ người xưa nhắc tích cũ, Hô Diên Chước từng làm đầu
lĩnh Thủy Bạc đánh Tống tướng quân.

Văn Nhơn dò biết việc Dương Công Trừng bị giết, trở về tâu báo. Thế Tổ vô cùng thương tiếc.

Bấy giờ vua Xiêm cho người mời Thế Tổ đến bàn bạc việc biên giới. Có tin quân Miến Điện chia ba đường kéo sang Xiêm xâm chiếm miền Sài Nặc, vua Xiêm đích thân cầm quân đi đánh. Trước khi lên đường, vua Xiêm cho người mời Thế Tổ đến để nhờ giúp mưu kế. Thế Tổ đáp:

– Quân Miến từ xa đến, đánh nhanh thì có lợi.

Vua Xiêm liền cho lệnh tiến quân. Thế Tổ cũng tự mình cầm quân đi chợ chiến. Thế Tổ sai Lê Văn Quân, Nguyễn Văn Thành đem quân đi tiền đạo. Gặp quân Miến, quân Thế Tổ dùng ống phun lửa tiến đánh. Quân Miến kinh sợ bỏ chạy, quân Thế Tổ bắt sống hơn năm trăm tù binh cùng nhiều khí giới đạn dược.

Sau đó ít lâu, Xiêm bị quân Chà Và sang xâm chiếm. Vua Xiêm lại mời Thế Tổ đem quân đi đánh. Thế Tổ sai Lê Văn Quân chỉ huy thủy binh, cùng với Đệ nhị vương nước Xiêm đi chặn địch. Quân Chà Và bị thua phải rút về. Từ đó vua Xiêm kính phục mưu lược của Thế Tổ và tài tướng của Lê Văn Quân, muốn giữ Thế Tổ và các tướng tùy tòng ở lại để giúp thêm lực lượng cho quân Xiêm. Lê Văn Quân dò biết ý, bảo thuộc hạ: "Rồng đến nhà tôm, trổ chút sấm sét để tỏ uy thần, hóa ra lại bị bọn họ lợi dụng". Rồi Văn Quân tâu với Thế Tổ xin bí mật trù tính việc về nước.

Thế Tổ sai bọn Huỳnh Tiến Cảnh, Nguyễn Văn Nhàn, Võ Di Nguy, Trương Phước Dĩnh đem quân vào núi Giang Khảm đóng mười chiến thuyền. Lại sai mưu sĩ Gián trở về Gia Định chiêu mộ quân nghĩa dũng rồi ra Quy Nhơn dò xét tình hình quân Tây Sơn tâu báo cho Thế Tổ. Đúng vào dịp đó có tin báo: Quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy tiến đánh kinh đô cũ của Nam triều ở Phú Xuân.

Đúng là:

Rời đất Ngu, đế tử về Luân ấp
Quấy trời Hán, công tôn chiếm Thục đô

HỒI THỨ MƯỜI

Về nước cũ, Phước Đạm bày mưu
Dấy quân uy, ba quân báo tiệp

Lại nói kinh đô Phú Xuân là đất căn bản của Nguyễn triều, lúc trước chúa Trịnh cho quân vào xâm chiếm rồi đặt Hoàng Ngũ Phúc ở lại đóng giữ. Phúc chết, Bùi Thế Đạt thay làm trấn thủ. Đạt về Bắc, Tạo quận công Phạm Ngô Cầu thay Đạt làm trấn thủ. Quân Tây Sơn nhiều phen dòm ngó Phú Xuân, nhưng còn nghe ngóng chưa dám quyết. Gặp khi Phạm Ngô Cầu sai thuộc hạ là Nguyễn Phu Như vào do thám ở vùng Tây Sơn, không ngờ Phu Như quen biết Nguyễn Hữu Chỉnh. Phu Như nói với Chỉnh tình hình Thuận Hóa có thể đánh lấy được. Chỉnh nói lại chuyện ấy với Nguyễn Nhạc. Nhạc bèn sai Nguyễn Huệ làm Tiết chế thủy bộ chư quân, con rể là Vũ Văn Nhậm làm tả quân, Hữu Chỉnh làm hữu quân, sai Nguyễn Lữ đốc suất thủy quân tiếp tiến theo sau. Quân Nguyễn Huệ vây đánh Phú Xuân, phó tướng Hoàng Đình Thể đem quân ra ngoài thành nghênh chiến. Thể cùng với hai con và tì tướng Võ Tá Kiên đều tử trận. Đốc thị Nguyễn Trọng Dương chết trong đám loạn quân. Phạm Ngô Cầu tự trói ra hàng, bèn bị quân Tây Sơn giết.

Chiếm được Thuận Hóa, Nguyễn Hữu Chỉnh muốn thừa cơ đem quân ra Đàng Ngoài diệt họ Trịnh. Chỉnh bèn vào trong trướng dâng mưu với Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ để anh là Nguyễn Lữ ở lại giữ thành Phú Xuân, rồi tự mình cùng với Nguyễn Hữu Chỉnh dẫn quân thủy bộ tiến thẳng ra Thăng Long. Quân bộ của Hoàng Phùng Cơ, quân thủy của Đinh Tích Nhưỡng đều tan rã bỏ chạy. Đoan Nam vương Trịnh Khải đích thân đem quân đến bến Long Tân chống cự với quân Nguyễn Huệ. Trịnh Khải thua trận lui chạy về Sơn Tây rồi bị người dân là Nguyễn Trang lừa bắt được, áp giải đi nộp cho quân Tây Sơn. Dọc đường Khải tự đâm cổ mà chết.

Nguyễn Hữu Chỉnh dặn Nguyễn Huệ lấy việc tôn phò nhà Lê làm danh nghĩa. Bấy giờ vua Hiển Tông nhà Lê đau ốm, bệnh tình ngày càng nặng. Nguyễn Huệ gặng ép vua làm lễ thiết triều, tự mình

đem sổ ghi hộ tịch binh dân vào dâng. Vua Hiển Tông phong cho Huệ tước Uy quốc công, gả con gái là công chúa Ngọc Hân cho Huệ.

Sau khi vua Hiển Tông băng hà, Nguyễn Huệ lập cháu trưởng của vua là Duy Kỳ nối ngôi. Nghe tin Huệ lấy được Bắc Hà, Nguyễn Nhạc ngờ Huệ phản mình, bèn dẫn quân tùy tòng lên đường đi gấp ra kinh đô nhà Lê, rồi kèm luôn cả Huệ và các tướng sĩ dưới quyền của Huệ trở về Nam.

Bấy giờ Thế Tổ ở Vọng Các, nghe báo cáo các việc ở trong nước bèn bảo các tướng:

– Tây Sơn đã chiếm được cả nước Nam, Nguyễn triều ta không còn một tấc đất. Hoàng trưởng tử Cảnh đi Tây Dương xin viện binh chưa về. Chưa biết làm thế nào để khôi phục cơ nghiệp cũ?

Đang lúc bàn định có bọn Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Văn Liêm, Trần Văn Học đem biểu văn về tâu với Thế Tổ việc hoàng tử Cảnh đến Tiểu Tây (Ấn Độ) vào mùa xuân năm Ất Tị (1785), gặp lúc nước Đại Tây (Pháp) có nội biến, phải dừng nghỉ ở thành Phong-tì-thê-đa [1]. Phạm Văn Nhơn bàn nên cầu viện nước Hồng Mao (Anh), Bá Đa Lộc nói người Hồng Mao gian xảo, không bằng cầu viện người Bút Tu Kê (Bồ Đào Nha) nhu thuận hơn. Rồi đó Bá Đa Lộc cùng bọn Phạm Văn Nhơn cùng thảo quốc thư cầu viện nước Bút Tu Kê. Mùa hè năm nay người nước Tiểu Tây đã thu xếp tầu thuyền để đưa hoàng trưởng tử sang nước Đại Tây. Bọn Nhơn vội vã tâu để Thế Tổ biết.

Thế Tổ nói:

– Gần đây ta có ủy cho người Hi Pha Nho (Tây Ban Nha) là Da-Đố-Bi-Ma-Nô-Y đi thuyền biển sang Lữ Tống [2] để xin giúp binh, không may gặp binh thuyền Tây Sơn, Da-Đố-Bi-Ma-Nô-Y bị giết. Ta vì thế rất lo ngại. Nay tiếp được tin báo, rất mừng là con ta được bình yên vô sự.

Thế Tổ an ủi bọn Văn Nhơn vì việc nước mà phải chịu long đong vất vả, rồi lưu Văn Nhơn, Văn Liêm ở lại hầu việc, còn Trần Văn Học tiếp tục theo thuyền đi Tây Dương.

Ít lâu sau, vua nước Bút Tu Kê (Bồ Đào Nha) sai tướng An Tôn Lỗi [3] đem quốc thư đến. Trong thư nói nước Bút Tu Kê đã sửa soạn

1. Phong-tì-thê-đa, tức *Pondichéry,* thuộc địa của Pháp ở Ấn Độ.

2. Tức đảo Luyxông thuộc Philippin.

3. Tức Antonio Vincente de Rosa.

sẵn năm sáu chục chiến thuyền, đang đậu ở hải cảng thành Goa [1]. An Tôn Lỗi cũng dâng lễ vật cho vua Xiêm để xin đón vua Nguyễn triều nước Nam sang nước ấy. Vua Xiêm tỏ ý không bằng lòng. Thế Tổ thấy vậy đành phải bảo bọn An Tôn Lỗi trở về, sai Hộ bộ Trần Phước Giai đáp thuyền của người Ma Cao sang Goa để đáp tạ. Sau khi Phước Giai cùng bọn An Tôn Lỗi ra đi, quân hầu của Thế Tổ vào báo có Giám quân Tống Phước Đạm đến. Thế là cầu viện người Tây Dương chưa được việc gì mà bề tôi nước Nam đã có người đến giúp.

Phước Đạm từ sau khi thua trận ở Bồ Đề lén tìm đường về kinh đô Phú Xuân, nên biết rõ tình hình bên Tây Sơn. Nghe tin Thế Tổ sang Xiêm, Tống Phước Đạm cùng Thị giảng Nguyễn Đô, Cai cơ Tống Phước Ngọc, Cai bạ Nguyễn Văn Thiêm vượt biển theo sang. Không may gặp gió bão, thuyền của bọn Phước Đạm dạt vào bờ biển Miến Điện. Người Miến vốn có hận thù lâu đời với người Xiêm, ngờ bọn Đạm là gián điệp của Xiêm. Bọn Phước Đạm bị bắt giam hơn một tháng. Sau nhân gặp một người nước Thanh (Trung Quốc) cư ngụ ở Miến Điện, Phước Đạm dùng bút đàm nhờ người ấy nói giúp, vì thế được tha. Bọn Phước Đạm liền đi ngay sang Xiêm, tìm đến hành tại xin yết kiến.

Thế Tổ hỏi hiện tình quân Tây Sơn thế nào, Phước Đạm đáp:

– Nguyễn Nhạc từ Thăng Long trở về phong cho Nguyễn Huệ làm Bắc Bình vương, trấn thủ Phú Xuân, còn mình dẫn tùy tòng về Quy Nhơn. Nhạc hỏi những báu vật vàng bạc đoạt được ở phủ chúa Trịnh, Huệ từ chối không nộp. Huệ muốn kiêm quản cả đất Quảng Nam, nhưng Nhạc không cho. Huệ bèn phát hịch kể tội Nhạc, rồi đem quân vào vây thành Quy Nhơn. Nhạc đóng cửa thành cố thủ. Phe cánh của Nhạc là Đặng Văn Trấn để Tham đốc Trần Tú ở lại giữ thành Gia Định rồi đem quân về cứu viện, nhưng khi đến Phú Yên bị quân Huệ bắt. Nhạc đứng trên mặt thành khóc gọi Huệ, rồi anh em cùng hòa giải, nhưng thực lòng vẫn thù oán nhau. Hiện nay thành Gia Định quân đơn thế yếu, là cơ hội tốt cho công cuộc phục hưng của Nam triều.

Lê Văn Quân nói:

– Người Biên Hòa là Nguyễn Văn Nghĩa, Nguyễn Văn Tuyết dấy quân chống Tây Sơn. Tham đốc quân Tây Sơn là Trần Hiếu Liêm giết

---

1. *Goa:* thuộc địa của Bồ Đào Nha ở Ấn Độ.

Văn Tuyết, đuổi Văn Nghĩa. Người phiên trấn là Lê Công Trấn, Phạm Văn Khánh, cùng với y sứ Gia Định là Đỗ Phước Thận tập họp binh chúng mưu đánh úp đồn Bến Nghé, đều bị Tham đốc Nguyễn Tú bắt giết. Như vậy thế lực Tây Sơn ở Gia Định cũng chưa hẳn là yếu. Gần đây Cai cơ Phạm Văn Châu đi do thám ở Hà Tiên trở về nói là Nhạc phong Nguyễn Lữ làm Đông Định vương trấn thủ Gia Định, Thái bảo Phạm Văn Tham làm phó. Tham là bề tôi tâm phúc của Nhạc, ta không nên xem thường hắn.

Phước Đạm nói:

– Tướng của Tây Sơn chỉ có Nguyễn Huệ là tài giỏi. Nay Huệ đóng quân ở ngoài đèo Hải Vân, đang muốn thôn tính Bắc Hà, chưa rỗi để mắt đến phía Nam. Nhạc chiếm từ Quảng Ngãi trở vào Nam, đất hẹp dân thưa, địa thế ở vào vùng giữa, khó xoay trở, dễ lâm vào thế mắc kẹt. Lữ là người kém thế nhất trong ba anh em Tây Sơn. Nếu thành Gia Định bị vây, không có quân cứu viện ắt không chống cự nổi, dẫu Tham, Tú cứng mạnh đến đâu cũng có thể bức hàng được. Nay Chúa thượng nấn ná ở đất Xiêm để trông chờ quân cứu viện, nhưng người Xiêm từ sau phen thất bại năm Giáp Thìn (1784), trong lòng vẫn sợ Tây Sơn như sợ cọp. Gần đây nghe nói Nguyễn Huệ đã sai người sang giao hảo với Xiêm, xem ra người Xiêm chẳng phải là không có ý tứ gì khác. Nếu ta vẫn dựa cậy vào họ thì chẳng những vô ích, mà nấn ná lâu không khỏi mắc vào tròng bọn họ. Thần tâu trình việc quân cơ như trên, thực có ý muốn hộ giá Chúa thượng trở về Gia Định để mưu tính dựng lại cơ đồ, rồi đó sẽ tùy cơ mà mưu tính, như thế cuộc trung hưng có thể trông mong được.

Lê Văn Quân và các tướng đều nhận lời bàn của Tống Phước Đạm là đúng. Các tướng bèn xin Thế Tổ cho bàn định kế hoạch trở về nước.

Lại nói Thế Tổ từ ngày sang lánh nạn ở đất Long Khâu nước Xiêm thấm thoát đã ba năm, một lòng mong chờ vua Xiêm cho viện binh. Nguyễn Văn Thành từng tâu với Thế Tổ rằng mượn binh lực của Xiêm đến khi thành công tất phải sinh điều lo nghĩ. Tôn Thất Hội cũng nói người Xiêm bị Tây Sơn cho một vố hoảng hồn, tất không dám sang đất Gia Định nữa.

Thế Tổ trong bao năm vận hành then máy thần thông, nhưng chưa gặp dịp. Nhân lời tâu của Tống Phước Đạm, bèn cùng Đạm sắp đặt mưu kế bí mật về nước. Trước hết sai Nguyễn Văn Thành,

Nguyễn Văn Liêm trở về Hà Tiên dò xét tình hình quân Tây Sơn, Phạm Văn Nhơn về Hòn Tre sửa sang thuyền bè đợi sẵn. Sai Tiền Thủy Dinh, Cai cơ Ngoạn đi mua thóc, nói là sắm thóc giống làm ruộng cấy ở trong núi, sai Cai cơ Trung đến dinh của Phi Nhã Phạt Lăng gửi thư lên vua Xiêm xin cho phép chở thóc giống về làm ruộng ở Hòn Tre, thực ra là để sẵn lương thực. Ngày Bính Dần, tháng 7 năm Đinh Mùi (1787), Thế Tổ cho chuyển thóc xuống các thuyền, để bức thư tạ ơn lại trong doanh trại, rồi đưa quốc mẫu và cung quyến xuống thuyền, nhân lúc đêm khuya cho chèo thuyền ra cửa Bắc mà về nước. Sáng hôm sau Đệ nhị vương biết tin liền sai chèo thuyền nhẹ đuổi theo nhưng không gặp, đành phải quay về.

Thế Tổ cho thuyền cập bến ở Hòn Tre. Trong khi đi đường gặp thuyền buôn của người Xiêm, Cai cơ Trung giết chủ thuyền đoạt lấy của cải. Thế Tổ lo vua Xiêm cho là cố ý gây hấn, bèn ra lệnh xử chém Cai cơ Trung, chặt thủ cấp gửi đến tạ lỗi với vua Xiêm. Khi thuyền của Thế Tổ vào vùng biển Hà Tiên, đến đảo Cổ Cốt thì gặp bọn Hà Hỉ Văn đem binh thuyền đến quy phục.

Hà Hỉ Văn là người của đảng Bạch Liên giáo ở Tứ Xuyên nước Thanh, xưng hiệu là Thiên Địa Hội nổi lên cướp phá vùng ven biển Quảng Đông, Phúc Kiến. Khi còn ở Xiêm, Thế Tổ từng sai Nguyễn Đại Nguyên, Nguyễn Văn Thành đến dụ hàng. Hỉ Văn vượt biển đến yết kiến xin quy phục, được Thế Tổ vỗ về chiêu dụ. Đến nay Hỉ Văn cho thuộc hạ là bọn Lương Văn Anh, Chu Đạt Quyền đến làm con tin. Thế Tổ cho Hỉ Văn giữ chức Tuần hải đô doanh đại tướng quân; bọn Văn, Anh, Đạt, Quyền cũng được trao chức Phó quân doanh.

Thuyền Thế Tổ đến Long Xuyên, lại có Nguyễn Văn Trương đem binh thuyền, bộ thuộc đến quy phục. Văn Trương người Lễ Dương tỉnh Quảng Nam, tài năng mưu lược xuất chúng, theo Tây Sơn được giữ chức Chưởng cơ. Trong trận Long Xuyên, Thế Tổ thua trận phải chạy đến Trà Sơn. Trương dẫn quân đuổi theo. Bỗng thấy trong núi đang lúc không có gió bão mà cây to bật gốc đổ xuống làm tắc đường. Trương cho là Thế Tổ có thần linh phù trợ, bèn dẫn quân quay lại đóng giữ Long Xuyên, có ý chờ dịp để theo dõi về với Nguyễn chúa. Sau khi ở Xiêm về, Thế Tổ sai Nguyễn Văn Mẫn báo tin cho Trương. Trương sai thuộc hạ là Huỳnh Văn Điểm đến đầu hàng, xin Thế Tổ đưa quân đến giữ Long Xuyên để mưu tính tiến thủ. Thế Tổ bèn đi Long Xuyên. Khi tới nơi, Nguyễn Văn Trương dẫn luôn ba trăm tinh

binh và mười lăm chiến thuyền ra ngoài thành nghênh đón. Thế Tổ cho Trương giữ chức Khâm sai chưởng cơ, quản tiền đạo thủy binh. Tiếp đó Thế Tổ lấy Cai cơ Ngô Công Quý đóng giữ Long Xuyên, sai Văn Trương dẫn quân tiến đánh, phá được lũy Trà Ôn. Nguyễn Văn Nghĩa nghe tin quân chúa Nguyễn thắng trận bèn đem quân tìm đến hành tại yết kiến Thế Tổ. Nghĩa được Thế Tổ trao chức Chưởng cơ, sai đem quân về đánh quân Tây Sơn ở Trấn Biên.

Khi binh thuyền của Thế Tổ về đến cửa Cần Giờ, dân chúng nhiều nơi tấp nập dựng cờ khởi nghĩa để hưởng ứng. Tin báo đến Sài Gòn, Đông Định vương Nguyễn Lữ lánh ra Giồng Lượng. Lữ cho quân lính đắp lũy đóng giữ, sai Thái bảo Phạm Văn Tham ở lại cố thủ Sài Gòn. Quân của Thế Tổ tiến đánh mấy lần không hạ được, chỉ đoạt được chiếc thuyền Kim Bồng, thu được một đạo quan bằng, bắt được ái thiếp của Hộ đốc Lý là Thị Lộc. Tống Phước Đạm muốn tìm cách chia nhỏ lực lượng của quân Tây Sơn, bèn bắt chước dáng chữ và con dấu trong đạo quan bằng, làm giả mật thư của Trung ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc gửi cho Nguyễn Lữ. Trong thư nói Tham là phe đảng của Bắc Bình vương Nguyễn Huệ, bảo Lữ tìm cách giết đi. Viết xong thư, Phước Đạm giao cho Thị Lộc, bảo đem về báo cho Phan Văn Tham. Tham xem xong thư cả kinh bèn quyết mưu khởi sự trước để chế ngự Nguyễn Lữ. Tham giả trương cờ trắng [1] dẫn thuỷ binh tiến thẳng đến Giồng Lượng. Nguyễn Lữ thấy cờ trắng cho là Tham đã đầu hàng chúa Nguyễn, vội dẫn quân chạy về Quy Nhơn. Từ đó một mình Tham trấn thủ Sài Gòn.

Thế Tổ lệnh cho các tướng tiến quân về Hổ Châu, đến sông Ba Vẹt, Điều khiển của Tây Sơn là Nguyễn Kế Diệm đem hơn mười chiếc chiến thuyền đến hàng. Thế Tổ thu nạp, sai Hồ Văn Lân và Nguyễn Tiến Lượng đi trước về Kiên Giang, đợi khi Thế Tổ đến Mỹ Tho sẽ hội ngộ.

Sau khi bọn Hồ Văn Lân ra đi, Chưởng cơ Lê Văn Quân vào tâu với Thế Tổ:

– Thần nghe tin Ngự úy của Tây Sơn là Nguyễn Văn đóng quân ở Ba Lai, dàn thuyền ở cửa sông để chặn đường của thuỷ quân ta. Thần xin tìm cách lọt vào giữa trận của quân giặc, đốt lửa khiến cho quân

1. Cờ trắng nói đây không phải là cờ đầu hàng mà là quân kỳ của quân Nguyễn Ánh.

Tây Sơn rối loạn. Xin Chúa thượng chỉ huy đại quân ở ngoài tiếp ứng.

Thế Tổ sai Hồ Văn Vui, Nguyễn Văn Trị, Trương Phước Giáo, Nguyễn Văn Tôn cùng đi với Lê Văn Quân.

Hồ Văn Vui quê huyện Bình An, trấn Biên Hòa, hai lần theo Thế Tổ sang Vọng Các. Nguyễn Văn Trị người huyện Bình Dương, trấn Gia Định, khi Phú Quốc, lúc Xiêm La, vất vả theo hầu Thế Tổ. Phước Giáo người huyện Tân Long, Gia Định cũng mấy phen ra đảo khơi, không ngại gian lao, hai lần theo Thế Tổ đến Long Khâu nước Xiêm. Nguyễn Văn Tồn người Trà Vinh, xuất thân là gia nô, có công hộ giá khi Thế Tổ ở Vọng Các.

Bọn Hồ Văn Vui vâng lệnh theo Lê Văn Quân bí mật vào gần lũy quân Tây Sơn, nấp dưới gầm cầu. Đến chiều tối, có mấy tên quân ra bờ sông gánh nước, Lê Văn Quân chặn bắt, xét hỏi họ tên, mật khẩu ra vào trại, rồi cùng bọn Hồ Văn Vui dùng mật khẩu ấy mà vào trong lũy. Lúc ấy quân Tây Sơn đang uống rượu ăn cơm tối. Bọn quân liền châm lửa đốt doanh trại. Thấy lửa cháy rừng rực, quân Tây Sơn cả kinh, doanh trại đại náo loạn. Lê Văn Quân xông lên trước vung gươm chém đầu Nguyễn Văn. Bên ngoài, Thế Tổ thấy hiệu lửa, bèn dẫn đại quân đánh áp vào. Trong trận ấy quân Nam triều thu được thuyền bè khí giới nhiều vô số. Thế Tổ thừa thắng dẫn quân tiến đến Mỹ Tho. Quân Tây Sơn (của Trấn thủ Tham) đuổi đánh, quân Thế Tổ thua trận. Cai cơ Nguyễn Đăng Vân bị hương binh người xã Thanh Xá theo Tây Sơn bắt sống. Đăng Vân từ nhỏ làm con nuôi của Nguyễn Huệ, có tiếng giỏi võ nghệ, lớn lên biết anh em Tây Sơn dấy loạn, Vân bèn giả cách trúng phong bị câm, rồi dẫn thuộc hạ bí mật chèo thuyền ra hải đảo xin theo Thế Tổ. Thế Tổ cho Vân giữ chức Cai cơ. Trong trận này, Thế Tổ sai Vân dẫn thủy binh tiến đánh thủy quân của Phạm Văn Tham. Vân bị thua, chạy trốn đến Gò Công, bất ngờ bị quân Thanh Xá chặn bắt đem nộp cho Phạm Văn Tham. Đến đây Vân bất khuất chịu chết, không đầu hàng. Nguyễn Văn Thành cùng bọn Hà Hỉ Văn Mười chín người theo hộ vệ Thế Tổ không kịp, phải lui thuyền lánh ra đảo Côn Lôn.

Thế Tổ đóng quân ở Hố Châu, thu tập tướng sĩ được ba trăm người, chiến thuyền hơn hai mươi chiếc. Ít lâu sau, Thế Tổ sai người đi chiêu tập phiên dân ở Trà Vinh, Mân Thít được vài nghìn người,

chia đặt quân ngũ, dựng đồn đóng giữ, gọi là đồn Lính Xiêm [1], sai Nguyễn Văn Tồn quản lĩnh. Lại chia mấy trăm nghĩa dân ở hai thôn An Hòa, Tân Đông đặt làm hai vệ để theo quan quân đi đánh dẹp.

Thế Tổ sai Hồ Văn Lân dẫn quân đi đánh quân Tây Sơn ở sông Đăng. Đô đốc Tây Sơn Nguyễn Văn Mân thua chạy. Chưởng cơ Chân, Hữu hiệu Huấn đem quân bộ thuộc đến đầu hàng. Thế Tổ cho Chân và Huấn làm tiên phong; sai Nguyễn Văn Trương, Đỗ Văn Hựu làm hậu ứng, đem quân đi đánh úp quân Tây Sơn của Chưởng cơ Trì ở sông Mỹ Lung. Trì bỏ doanh trại chạy trốn. Bọn Chân, Trương thu được chiến thuyền hơn mười chiếc, binh uy của quân Nam triều lại chấn phát.

Sau khi cho quân tiến đến đóng ở Mỹ Lung (trấn Vĩnh Thanh), Thế Tổ sai Tôn Thất Huy và Lê Văn Quân đi Ba Thắc, Giồng Trôm chiêu mộ hương binh, còn đại binh thì tiến đóng ở Giồng Sao. Tôn Thất Hội thu quân tiến đến Giồng Triệu để tiếp ứng, Thái bảo Tham của quân Tây Sơn nghe tin Chưởng cơ Trì thua trận bèn dẫn quân đến đánh Mỹ Lung, không thắng. Lúc này tướng Tây Sơn là Thái úy Nguyễn Văn Hưng từ Quy Nhơn đưa ba mươi chiến thuyền vào cùng Thái bảo Tham ra sức chống cự.

Thế Tổ ra lệnh cho tướng các đạo quân đóng quân cố thủ. Không bao lâu, Nguyễn Văn Hưng cho chuyển thóc gạo xuống đầy các chiến thuyền rồi rút đi. Tham thế cô, lui về giữ Sài Gòn. Thế Tổ bèn cho quân tiến đến Trà Tân, Mai Giang; sai Lê Văn Quân, Tôn Thất Hội chia quân đóng giữ nơi hiểm yếu để chặn đường quân Tây Sơn. Tô Văn Đoài đi các nơi ở Hàm Long, Bình Phụng bí mật thăm dò tình hình quân Tây Sơn. Vừa lúc đó có tin báo Bắc Bình vương Nguyễn Huệ sai tướng ra đánh Thăng Long lần thứ hai:

Đúng là:

Vua Hán đem quân về Đông Lạc
Quân Kim lần nữa đánh Bắc Kinh.

1. Theo ĐNTL (bản Duy Minh thị), đồn này đến năm Gia Long thứ 9 (1810) đổi làm đồn Uy Viễn.

HỒI THỨ MƯỜI MỘT

Trung quân Trương lấy lại Gia Định
Đô đốc Mân bức hàng Phạm Tham

Lại nói Bắc Bình vương Nguyễn Huệ đã đánh bại quân Trịnh, muốn mượn tay người Bắc giết Nguyễn Hữu Chỉnh, bèn lặng lẽ đem quân về Nam, không báo cho Chỉnh biết. Chỉnh vội vã đuổi theo, về đến Nghệ An thì gặp Huệ. Huệ lưu Chỉnh và Nguyễn Văn Duệ ở lại đóng giữ Nghệ An, lại sai Vũ Chiêu Viễn [1] đóng ở Hà Trung [2], Vũ Văn Nhậm đóng ở Đồng Hới để làm thế ỷ dốc [3]. Huệ dặn riêng Văn Nhậm để ý dò xét động tĩnh của Chỉnh, nhưng Chỉnh không biết việc ấy. Chỉnh tập họp đinh tráng các làng lập thành các đội hương dũng, ngầm có ý tranh chiếm đất Nghệ An. Bấy giờ các bề tôi cũ của nhà Lê lập Trịnh Bồng làm Yến Đô vương, vua Lê Chiêu Thống thấy mình bị trơ trọi, bèn gọi Chỉnh từ Nghệ An về Kinh đô để bảo vệ cho mình. Chỉnh bèn đem quân về Thăng Long đuổi Trịnh Bồng, tôn phò vua Chiêu Thống. Chỉnh đem nhiều vàng lụa cho Văn Duệ để cùng mưu khử Chiêu Viễn, chống lại Nguyễn Huệ, lấy sông Gianh làm địa giới phân cách hai bên. Vũ Văn Nhậm dò xét, biết được mưu ấy của Chỉnh, bèn sai người ruổi ngựa về Phú Xuân báo biến với Huệ. Huệ liền sai người ra Nghệ An bắt Duệ, nhưng Duệ thấy động, đã bỏ về Quy Nhơn rồi. Huệ bèn sai Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân ra Nghệ An, theo quyền Tiết chế của Vũ Văn Nhậm cùng đưa quân ra Bắc hỏi tội Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh sai thuộc hạ là Lê Duật, Nguyễn Thái và con là Nguyễn Hữu Du cầm quân chống cự, đều bị quân Vũ Văn Nhậm đánh bại cả. Chỉnh đưa vợ con chạy sang Kinh Bắc. Vua Chiêu Thống cũng đem cung quyến qua sông Nhị Hà đi lánh nạn.

Nhậm sai bộ tướng Nguyễn Văn Hòa đem quân đuổi theo Chỉnh, hai bên giao chiến ở núi Tam Tằng. Chỉnh bị quân của Nguyễn Văn Hòa bắt sống, đóng cũi giải về Thăng Long. Nhậm kể tội rồi sai chặt chân tay, phanh thây Chỉnh.

---

1. Chiêu Viễn: hiệu của Võ Văn Dũng
2. Hà Trung: huyện ly Kỳ Anh (tức Dinh Cầu), tỉnh Hà Tĩnh.
3. Ỷ dốc: dựa vào nhau.

Bấy giờ vua Chiêu Thống đã chạy lánh vào vùng núi Bảo Lộc, Nhậm lập hoàng thân nhà Lê là Sùng Nhượng công Lê Duy Cẩn làm Giám quốc, tất cả mọi việc đều phải xin lệnh của Huệ. Huệ sai Vũ Văn Nhậm làm Trấn thủ, đóng giữ ở Thăng Long, Ngô Văn Sở làm phó.

Tin chính sự ở Bắc Hà báo về hành tại của Thế Tổ ở Mai Giang. Tống Phước Đạm nói:

– Tây Sơn tuy lấy được Bắc Hà, nhưng số nhà Lê chưa hết. Thần trộm nghĩ vua Chiêu Thống tất sẽ xin nhà Thanh cho quân cứu viện. Nếu quân Thanh kéo qua cửa ải, Nguyễn Huệ khó lòng chống đỡ nổi. Nam triều ta, tuy hiện nay còn phải lưu vong nơi đất khách, nhưng ơn trạch nhiều đời dầm thấm, quân dân trong nước vui lòng quy thuận. Nhân dịp này Chúa thượng đem quân về tất sẽ thu phục được đất Gia Định. Nguyễn Nhạc du dú nép lánh ở Quy Nhơn, tất không dám giơ càng bọ ngựa chống xe rồng.

Nhân đó các tướng xin Thế Tổ đưa đại quân về đóng ở đồn Hồi Oa [1].

Quân Thế Tổ về đến Hồi Oa, chưa kịp dựng đồn trại. Thái bảo bên quân Tây Sơn là Phạm Văn Tham nghĩ là quân Thế Tổ chưa kịp phòng bị, bèn bí mật cho quân đến tiến đánh. Thế Tổ ra lệnh cho các tướng đắp lũy đất. Nguyễn Văn Trương, Tô Văn Đoài đóng quân ở bên tả, Tống Phước Ngoạn đóng ở bên hữu, đối trận với quân Tây Sơn. Luôn tiếp mấy ngày giao chiến kịch liệt, quân của Tham mới chịu lui.

Bấy giờ viên đội trưởng quân hầu vào báo cáo có người nghĩa dân là Phan Văn Triệu xin vào yết kiến. Triệu người ấp Bảo An, trấn Vĩnh Long, dũng cảm thiện chiến, khi Tây Sơn vào chiếm Gia Định, Triệu tập họp quân nghĩa dũng theo giúp Thế Tổ. Khi Thế Tổ sang Xiêm, Triệu vì nhà có mẹ già, không đi theo được. Triệu lẩn lén ở lại trong thôn ấp, thường chỉ huy dân chúng tiến đánh quân Tây Sơn. Quân Tây Sơn bắt mẹ già của Triệu đem về trong quân để chiêu dụ, Triệu bèn đến hàng. Quân Tây Sơn tha cho bà mẹ, lấy Triệu làm người bẻ bánh lái trên chiến thuyền. Một hôm thuyền của Triệu đi tuần trên sông, Triệu vờ sẩy chân rơi xuống nước. Vừa lúc ấy có con cá sấu to lướt sóng bơi tới, quân Tây Sơn kinh sợ bảo nhau "Thằng Triệu bị cá sấu ăn thịt thôi !" Rồi bọn chúng bỏ mặc Triệu, chèo

1. Hồi Oa: tên đồn cũ ở thôn Tân Long, sau đổi là Long Hưng, huyện Vĩnh An, tỉnh An Giang.

thuyền đi, nhờ đó mà Triệu trốn thoát. Nghe tin Thế Tổ từ Xiêm về, Triệu cùng người trong thôn là Trương Tấn Bửu lại tụ họp quân nghĩa dũng chờ sẵn để giúp việc cần vương. Khi Thế Tổ đưa quân về Hồi Oa, Triệu và Bửu dẫn thuộc hạ tìm đến yết kiến.

Thế Tổ trao cho Triệu chức Tổng binh cai cơ, đặt lệ thuộc dưới quyền của Tôn Thất Huy. Bửu được trao chức Đốc chiến cai cơ, đặt lệ thuộc dưới quyền của Tôn Thất Hội. Huy sai phái viên đến Giồng Sao báo cho Hà Văn Lộc thận trọng đóng giữ, không để cho địch thừa cơ xâm đoạt. Phái viên trở về báo tin đã tử trận trong khi giao chiến với quân Tây Sơn ở Giồng Trôm.

Thế Tổ liền sai Cai cơ Nguyễn Đình Đắc đến đóng giữ Giồng Trôm thay Hà Văn Lộc. Đắc người huyện Chân Lộc, trấn Nghệ An, kiêu dũng giỏi dạy quân. Khi Thế Tổ trở về Gia Định, Đắc tìm đến Long Xuyên yết kiến, được Thế Tổ cho giữ chức Cai cơ, đặt lệ thuộc dưới quyền Tôn Thất Huy. Đắc từng cầm quân đóng giữ đồn Mỹ Lung, Trà Tân, lập được chiến công. Thế Tổ thấy trại quân ở Giồng Trôm bị cô lập, bèn sai Lê Văn Quân đến đóng ở Giồng Sao, Tôn Thất Huy đóng giữ ở lũy Giồng Triệu để tiếp ứng. Tôn Thất Huy nhờ Mạc Tử Sinh ở lại trấn thủ Hà Tiên, Phạm Văn Nhơn trấn thủ Long Xuyên rồi đem quân lên đường đi gấp đến Giồng Triệu để phòng ngừa quân Tây Sơn tiến đánh.

Tống Phước Đạm xin Thế Tổ sai Trương Phước Giáo gọi Võ Tánh đến Gò Công. Tánh người huyện Phước Yên, trấn Biên Hòa, sau dời đến ở huyện Bình Dương. Anh của Tánh là Võ Nhàn là thuộc tướng trong quân Đông Sơn của Đỗ Thanh Nhơn. Nhàn bị giết vì bị kết tội mưu phản, nhân đó Tánh được quản lĩnh dư đảng của quân Võ Nhàn. Nghe tin Võ Văn Lượng ở Tân Hòa là người nghĩa hiệp, Tánh dẫn bọn Nguyễn Văn Hiếu, Mạc Văn Tô người huyện Kiến Hòa, Trần Văn Tín người huyện Bình Dương đến theo giúp Võ Văn Lượng. Cha Lượng là Trung gia sản giàu có, bị quân Tây Sơn cướp đoạt, cá mắm nhiều không lấy hết, bọn chúng đổ làm phân. Lượng căm tức nói với cha:

– Bọn Tây Sơn coi khinh chúng ta quá lắm, phải dấy nghĩa binh giết hết bọn chúng mới hả được mối hận này !

Rồi đó cha con Lượng đem hết gia tài dùng vào việc bí mật liên kết các hào kiệt. Sau khi Võ Tánh đem quân bộ hạ đến giúp, quân số ngày càng tăng. Bọn Lượng bèn tôn Võ Tánh đứng đầu, phát lệnh dấy nghĩa ở Phù Viên (Vườn Trầu). Võ Tánh thấy miền Gò Công đất

đai màu mỡ, lại nhiều cồn gò ngòi lạch, thóc gạo nhiều mà địa thế lại hiểm yếu có thể làm căn cứ để đánh giữ lâu dài. Tánh bèn cho dời quân đến đóng ở Gò Công, quân chúng có hơn vạn người. Võ Tánh chia quân lập thành năm chi, năm hiệu, tự xưng là Tổng nhung, đặt hiệu là đạo quân Kiến Hòa. Quân Tây Sơn qua lại trong vùng thường bị quân Võ Tánh phục kích tiêu diệt. Quân Tây Sơn sợ hãi bảo nhau: "Gia Định có tam hùng, Võ Tánh là một" [1] Năm trước, khi từ Xiêm trở về đến bãi Ngao, Thế Tổ sai Nguyễn Đức Xuyên đến tuyển dụ Tánh giúp việc cần vương. Khi quân Thế Tổ tiến đánh Ba Lai, quân Tây Sơn chạy về Kha Hôn [2], Tánh dẫn quân chặn đường đón đánh, thắng liền cả ba trận. Thế Tổ khen ngợi, sai người đến triệu, Tánh bèn đem quân đến quy thuận, Thế Tổ trao cho Võ Tánh giữ chức Khâm sai tổng nhung, Chưởng cơ dinh Tiên phong gả trưởng công chúa Nguyễn Thị Ngọc Du cho Tánh. Bọn Võ Văn Lượng, Nguyễn Văn Hiếu, Mạc Văn Tô, Trần Văn Tín đều được trao chức Cai cơ hộ giá Thế Tổ tiến quân đến đóng ở núi Bát Tiên.

Bấy giờ quân Tây Sơn do chưởng cơ Diệu chỉ huy đóng ở Trấn Định, Đô đốc Mân đóng ở Than Lung. Thế Tổ sai Tôn Thất Huy và Lê Văn Quân đến đánh đồn Trấn Định, bắt sống được Diệu, lại tiếp đánh Than Lung, bắt được Đô đốc Mân. Được tin thắng trận, Thế Tổ sai Tôn Thất Huy và Tống Phước Đạm đến quản lãnh các việc binh dân ở Trấn Định, giao cho Tôn Thất Hội cai quản đội Hậu quân, Lê Văn Quân quản lính Tiền quân, lấy Nguyễn Văn Nhơn làm Chưởng cơ vệ Thần sách, dưới quyền Tôn Thất Hội, lấy Nguyễn Văn Thành làm Cai cơ dinh Trung quân, dưới quyền Lê Văn Quân.

Thế Tổ cắt đặt các tướng đâu đó vừa xong thì có Hà Hỉ Văn đem binh thuyền đến xin yết kiến. Thế Tổ truyền lệnh đem quân đến đóng ở Ba Giồng, hội các tướng bàn định kế hoạch tiến đánh Sài Gòn. Giao cho Nguyễn Văn Trương đóng giữ Mỹ Tho, sẵn sàng tiếp ứng cho quân bộ ở Trấn Định, sai Tôn Thất Hội cùng với tiên phong Võ Tánh đem quân bộ đến bao vây quân Tây Sơn do Đốc chiến Lê Văn Minh chỉ huy ở Lũy Ngũ Kiều. Võ Tánh cho quân dùng loại đèn lồng sắt đốt cháy rào trại của địch. Quân Tây Sơn kinh sợ tan rã, quân của Tánh bắt sống được tù binh nhiều không kể xiết.

---

1. *Gia Định tam hùng:* chỉ Đỗ Thanh Nhơn, Chu Văn Tiếp, và Võ Tánh

2. *Kha Hôn:* tên thôn ở huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường. Địa danh này, bản dịch *Đại Nam nhất thống chí* (tập V, tr. 108) phiên là Ca Hon, có chợ và sông Ca Hon.

Thế Tổ đang định thừa thắng ruổi dài thì có quân thám mã ở Trấn Biên về báo tin Nguyễn Văn Nghĩa đại phá quân Tây Sơn ở Đồng Nai. Thế Tổ liền sai Lưu thủ Đoàn Văn Khoa dẫn đội quân cựu binh vừa chiêu mộ đến hợp sức với quân của Nghĩa đóng giữ đạo Trấn Biên. Rồi đó Thế Tổ dẫn quân tiến đến sông Nghi Giang. Thái bảo Tham của Tây Sơn cho dựng hàng rào từ chợ Điều Khiển đến Khung Dung để chống cự. Võ Tánh cho quân vòng về phía Nam Bãi Tập trận, tiến thẳng về Bến Nghé để cắt đường phía sau của quân địch. Các tướng chia quân các hướng cùng đánh giáp vào. Quân Tây Sơn tan rã, bỏ chạy tán loạn. Thái bảo Tham thu thập binh thuyền định vượt ra cửa Cần Giờ chạy trốn. Thế Tổ sai Lê Văn Quân đem quân đuổi theo chặn đánh, Tham phải lui về Ba Thắc. Quân Thế Tổ bèn thu phục Sài Gòn (lần thứ tư quân Nguyễn triều thu phục Gia Định). Đó là ngày Đinh Dậu, tháng Tám, năm Mậu Thân (9–1788). Bấy giờ đã là năm thứ hai sau khi vua Lê Chiêu Thống bỏ chạy khỏi kinh đô Thăng Long.

Lại nói vua Chiêu Thống từ vùng núi Bảo Lộc bí mật đi lánh ở các nơi thuộc đất Hải Dương, Sơn Nam, tập hợp nghĩa binh cần vương, bị tướng Tây Sơn Ngô Văn Sở đánh tan ở sông Ngô Đồng, Chiêu Thống phải vượt biển chạy vào Thanh Hoa, rồi lại bí mật quay ra huyện Phượng Nhãn xứ Kinh Bắc. Tại đây, Chiêu Thống sai văn thần Trần Danh Án, Lê Duy Đản đem quốc thư sang nhà Thanh. Đến phủ Thái Bình, bọn Danh Án mới biết lúc trước Thái hậu (mẹ Chiêu Thống) chạy lên Cao Bằng rồi cùng với Đốc trấn Nguyễn Huy Túc theo cửa ải Đẩu Áo chạy sang đất nhà Thanh gửi cho quan Chưởng dinh Long Bằng xin với Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị cho quân sang cứu viện. Tôn Sĩ Nghị dâng biểu lên vua Thanh Càn Long xin cho phép Nghị điều quân Lưỡng Quảng, Vân Nam, Quý Châu chia hai đường sang cứu viện cho nhà Lê. Biết được như vậy, bọn Đản, Án bèn quay trở lại báo cho Chiêu Thống biết để bí mật lên cửa ải đón tiếp viện binh.

Tôn Sĩ Nghị vừa đưa quân qua cửa ải Nam quan liền truyền hịch bố cáo sẽ thưởng công đầu cho kẻ nào bắt sống Nguyễn Huệ thì được thưởng công đầu.

Bấy giờ Ngô Văn Sở trấn thủ Thăng Long. Nghe tin báo, Văn Sở hội các tướng bàn kế lui về Tam Hiệp giữ đất hiểm để tiện việc đánh giữ. Rồi đó Sở bí mật báo cho các trấn bí mật lui quân. Tôn Sĩ Nghị tiến thẳng vào Thăng Long, chọn ngày hai mươi mốt, tháng Mười

Một tuyên phong Chiêu Thống làm An Nam quốc vương. Các bề tôi văn võ của nhà Lê xin Nghị cho quân tiến đánh quân Nguyễn Huệ. Nhưng Nghị không theo, truyền cho các cánh quân hạ trại nghỉ ngơi, định đến ngày mồng sáu sau Tết mới ra quân.

Ở Tam Điệp, Ngô Văn Sở sai Nguyễn Văn Tuyết ruổi ngựa về Phú Xuân cáo cấp. Bắc Bình vương muốn chính ngôi hiệu để cố kết nhân tâm, bèn cho đắp đàn ở phía Nam núi Bình Sơn, chọn ngày hai mươi lăm, tháng Mười Một lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Quang Trung. Rồi ngay ngày hôm ấy truyền lệnh đưa quân lên đường ra Nghệ An, chia quân cựu binh Thuận, Quảng làm bốn dinh Tiền, Hậu, Tả, Hữu. Đến Nghệ An, Huệ chọn thêm quân mới, đặt làm dinh Trung quân. Đội quân đắc thắng của Nguyễn Huệ tất cả có hơn mười vạn, chia làm năm đạo, hò reo thúc trống tiến ra Bắc. Mùa xuân năm Kỷ Dậu, ngày mồng năm Tết, quân Nguyễn Huệ tiến đánh quân Thanh ở đồn Ngọc Hồi. Quân Thanh chống cự không nổi, chết trận và bị thương nhiều không kể xiết. Đề đốc Hứa Thế Hanh, Tổng binh Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng, Thái thú Điền Châu Sầm Nghi Đống chết tại trận [1]. Tôn Sĩ Nghị một mình một ngựa chạy về phía Bắc, vua Lê Chiêu Thống chạy theo sang nhà Thanh.

Nguyễn Huệ tiến quân vào thành Thăng Long, rồi lần lượt thu trọn cả các địa phương Bắc Hà, sai người báo cho Nguyễn Nhạc biết tin đại thắng quân Thanh.

Bấy giờ thế lực của Nguyễn Nhạc ngày một suy yếu, lo Nguyễn Huệ thắng lớn thì sẽ bất lợi cho mình. Khi nghe tin Phạm Văn Tham thua trận, Nhạc muốn cho quân vào cứu viện, nhưng lại sợ Huệ thừa cơ vào đánh úp, nên không điều quân đi. Phạm Văn Tham trông đợi mãi, không thấy Nhạc cho quân vào cứu, bèn chọn vùng Ba Thắc cho dàn trại đóng quân cố thủ.

Thế Tổ bảo các tướng:

– Tham bảo vệ vùng Ba Thắc là có ý muốn thừa dịp đưa thuyền ra biển chạy về Quy Nhơn. Ta phải chặn đường không cho bọn chúng lọt lưới.

Rồi Thế Tổ sai Nguyễn Văn Trương đem binh thuyền đi tuần tiễu phía ngoài cửa biển, cùng với các tướng chia quân, chặn đường không

---

1. Một số tài liệu khác, chẳng hạn *Lê quý kỷ sự* của Nguyễn Thu chép Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử ở Đống Đa (Hà Nội).

cho quân của Phạm Văn Tham chạy thoát. Sai Tôn Thất Hội giữ Vĩnh Trấn, Tống Phước Đạm giữ việc tham mưu Binh bộ, giao cho Hà Hỉ Văn vượt biển ra Quy Nhơn, Thuận Hóa rồi ra Bắc Hà dò xét tình hình quân Tây Sơn, sang cả Liêm Châu chiêu dụ bọn hải phỉ Tề Ngỗi. Sai Tống Phước Châu sang Xiêm báo tin thắng trận, nói quân Tây Sơn của Phạm Văn Tham chẳng bao lâu nữa sẽ phải đầu hàng.

Lại nói chuyện Phạm Văn Tham đưa binh thuyền ra cửa cảng, chờ dịp thuận tiện là vượt ra khơi. Thế Tổ biết tin, liền sai tiền quân Lê Văn Quân, hậu quân Tôn Thất Hội, tiên phong Võ Tánh hợp binh tiến đánh. Cai cơ Nguyễn Văn Mẫn, Đỗ Văn Hựu đốc thúc chiến thuyền tiến lên giao chiến trước với thuyền địch, chưa đầy vài lần xáp đánh đã chém đầu Đô đốc Nguyễn Hùng Hựu của quân Tây Sơn, đoạt được cờ Tư lệnh ba quân của Hựu. Văn Mẫn, Văn Hựu vẫy cờ hô quân áp vào đánh gấp, đạn súng của quân Tây Sơn bắn sang như mưa, cả hai người trúng đạn, chết tại trận (Nguyễn Văn Mẫn người huyện Lệ Thủy trấn Quảng Bình, Đỗ Văn Hựu người huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, có công theo hầu khi Thế Tổ sang Vọng Các).

Thế Tổ thương tiếc hai tướng tử trận, ra lệnh cho Võ Tánh cùng Tôn Thất Hội, Lê Văn Quân thúc quân tiến đánh. Thủy quân hai bên giao chiến ở Bãi Hổ. Quân Tây Sơn rối loạn tan rã, Tham phải cho binh thuyền lui về cố thủ ở Ba Thắc.

Thế Tổ sai Lê Văn Quân đem quân bộ vòng đường đón chặn ở phía sau, rồi ra lệnh cho thuỷ quân khiêu chiến ở phía trước trận địch, nhưng Phạm Văn Tham giữ lũy, không ra giao chiến. Thấy vậy, Thế Tổ tự mình dẫn quân tiến đánh. Thuộc hạ của Phạm Văn Tham có người trong đội quân Thanh Xá, nguyên là bề tôi cũ của Thế Tổ đã đầu hàng quân Tây Sơn khi thua trận ở Sài Gòn, được Tham chọn làm thuộc hạ tâm phúc. Tham sai người Thanh Xá ấy đóng quân ở vành ngoài, đối trận với lũy của Đô đốc Mân chỉ huy Tả chi của quân Nam triều. Người Thanh Xá này với Đô đốc Mân lại là bạn quen cũ, thường ra ngoài lũy chào hỏi nhau. Người Thanh Xá bảo Mân:

– Tiểu nhân lúc trước là bề tôi chúa Nam triều, nay lại là tướng bên quân Tây Sơn. Tình thế bắt buộc như thế, chẳng biết nên thế nào?

Đô đốc Mân đáp:

– Ông phải đầu hàng quân Tây Sơn, chẳng qua là sự bất đắc dĩ. Tây Sơn nay như cá nằm trong lưới, không sớm lo liệu thì còn mặt

mũi nào gặp lại chúa cũ nữa ?

Người Thanh Xá nói:

– Tiểu nhân tội nặng, sợ Chúa thượng không dung tha.

Mân đáp:

– Trời đất, cha mẹ sao lại nỡ không bao dung ? Ông muốn chuyển họa làm phúc dễ như trở bàn tay thôi.

Người Thanh Xá nói:

– Nếu quý huynh giúp tâu với Chúa thượng cho, tiểu nhân xin mở lũy đem dâng, khỏi mệt sức tướng sĩ.

Đô đốc Mân tâu việc ấy lên, được Thế Tổ cho phép. Mân báo ngay cho người Thanh Xá ấy biết. Sáng hôm sau. Thế Tổ đích thân đến đồn lũy của Đô đốc Mân, người Thanh Xá ấy bèn xin vào yết kiến, rập đầu nhận tội. Thế Tổ vỗ về an ủi, rồi cho người ấy trở về, sai Đô đốc Mân đem quân đi theo. Đến cửa lũy, Mân vẫy quân ùa vào. Quân Tây Sơn rối loạn, Phạm Văn Tham chạy về Soài Rạp. Nguyễn Văn Trương, Lê Văn Quân dẫn quân đuổi theo, đánh tan quân tùy tòng của Tham, Tham lại chạy đến Hàm Long rồi lén trốn về miệt sông Cổ Cò, tìm cách cố thủ để chờ quân cứu viện. Từ cửa biển Mỹ Tho tướng Tây Sơn là Tham đốc Trần Tú, Chỉ huy Nguyễn Chuẩn đem thủy binh đến cứu viện. Thế Tổ đích thân đốc thúc chiến thuyền tiến đánh. Nguyễn Chuẩn chết tại trận. Trần Tú cùng thuộc hạ phải đầu hàng. Văn Tham nghe tin cả sợ, có người khuyên Tham đầu hàng, Tham nói:

– Bó thân về với triều đình, hàng thần lơ láo chẳng còn mặt mũi nào.

Người ấy lại hỏi:

– Vậy ông có giắt theo đoản đao bên mình không ?

Tham đáp:

– Ta đâu phải là Phương Bính [1] mà dùng đến đoản đao !

Nhưng rồi thế cùng lực tận, Văn Tham cũng phải đến trước cửa dinh quân Nam triều xin đầu hàng. Thế Tổ tha tội cho Tham, phân tán quân của Tham sung vào quân ngũ các dinh. Gia Định lại được dẹp yên, Thế Tổ ngự giá trở về Sài Gòn. Cũng vừa dịp đó Trần Văn

1. Phương Bính: họ Trần.

Học từ thành Goa về đến đảo Thổ Chu, Thế Tổ lại sai Học đi Tây Dương báo tình hình trong nước cho Bá Đa Lộc biết để Lộc cùng các đầu mục nước Tiểu Tây xin phát lệnh cho quân sang cứu viện.

Thế Tổ lại sai Tôn Thất Hội đem quân đi đánh để nhổ đồn Cần Thơ, sai Lê Văn Quân ra đóng giữ đạo Bà Rịa. Sau khi Hội và Văn Quân đã ra đi, quân hầu vào báo có Nguyễn Hoàng Đức từ Xiêm về xin yết kiến.

Đúng là:

Thu nước Hứa chiến công vang Lỗ Tụng
Đuổi quân Tào tiết cả đẹp Quan Công

HỒI THỨ MƯỜI HAI

Mạnh thế nước, đất Gia Định dựng đô
Nghiêm binh uy Lê Văn Quân chịu tội

Lại nói chuyện sau trận chiến ở Đồng Tuyên. Nguyễn Hoàng Đức và thuộc hạ năm trăm quân bị quân Tây Sơn bắt sống. Bắc Bình vương Nguyễn Huệ khen Đức là tướng dũng cảm, muốn thu dùng. Đức ở trong quân của Nguyễn Huệ, vẫn định trốn về với Thế Tổ, nhưng chưa có dịp thuận tiện. Một hôm, Đức chiêm bao, lớn tiếng chửi mắng Huệ. Nhưng Huệ cho là lời nói mê mà bỏ qua, Huệ lại đem biếu Đức nhiều châu báu, muốn cố kết tâm ý của Đức. Nhưng trước sau Đức vẫn không đổi ý. Sau khi ra đánh Thăng Long rồi trở về, Huệ để Đức ở lại cùng Nguyễn Văn Duệ trấn thủ Nghệ An. Văn Duệ vốn là thuộc tướng của Nguyễn Nhạc, không muốn để cho Huệ dùng. Sau Đức cùng Duệ theo đường núi đi lén về Quy Nhơn với Nguyễn Nhạc. Duệ dẫn năm nghìn quân bộ hạ lên đường về Nam, sai Đức dẫn năm trăm quân tùy tòng đi trước làm tiền đạo. Đức đi được hơn mười ngày, sai người quay lại tạ ơn Duệ, nói rằng:

– Kẻ quốc sĩ ai cũng đều phụng sự cho chủ mình. Đức tôi không quên ơn Nam triều, cũng như tướng quân không quên Tây Sơn. Hơn nữa chủ cũ của Đức tôi là bậc chân chúa, thiên mệnh theo về. Tướng quân nếu muốn bỏ tối theo sáng thì có thể cùng đi với Đức tôi.

Văn Duệ tức giận, cho là Đức bán rẻ mình, muốn tương kế tựu kế mà giết đi, bèn sai quân cầm lệnh tiễn đuổi theo khuyên dỗ Đức, hẹn Đức chờ để gặp nhau phân biệt cho rõ phải trái. Đức biết ý, sợ chậm trễ sẽ bị Duệ bắt, bèn luôn đêm rẽ lối khác, theo đường Lạc Hòn ngoặt sang Vạn Tượng. Đường đi quanh co khuất khúc, quân sĩ hết lương ăn phải kiếm lá rừng mà hái ăn. Các bộ lạc người Lào nghe danh tiếng của Đức, nhiều người mang cơm gạo đến tiếp tế. Đức thoát sang tới đất Xiêm, nhưng lúc ấy Thế Tổ đã về nước rồi. Vua Xiêm muốn giữ Đức ở lại, nhưng nghe Đức tâu trình tình cảnh gian nan đi tìm chủ, nên vua Xiêm cũng ưng thuận, lấy lễ tiếp đãi rồi để cho Đức về. Đức về đến Gia Định liền tìm đến yết kiến Thế Tổ lúc bấy giờ đang đóng hành tại ở chùa Kim Chương, Thế Tổ vỗ về yên ủi,

trao cho Đức giữ chức Giám quân dinh Trung quân, quản lĩnh tướng sĩ Trung chi.

Thế Tổ triệu họp các tướng để bàn định việc đánh giữ. Tôn Thất Huy và Tống Phước Đạm tâu rằng:

– Nam triều ta lui vào giữ Gia Định đến nay đã hơn mười năm, thất thủ bốn lần, là vì ít quân nên mới bị thua trận, địa thế tuy hiểm yếu, nhưng cố thủ không vững mới xảy ra như vậy. Tuy nhiên nhà Hán nếu không có Vương Mãng thì không có Quang Vũ hưng binh ở Thung Lăng, Nhà Đường không có rợ Hồ thì cũng không có chuyện Đường Túc Tông dấy quân ở Linh Vũ. Nay Chúa thượng thu phục được đất đai cũ. Chiêm nghiệm ý trời thì thấy biển Cần Hải gió xuôi, sông Bến Nghé trong nước, rõ là có điềm trời ứng. Nghiệm về nhân sự thì trong dân gian lắm thóc nhiều gạo, vui lòng cung đốn cho quan quân, Binh tướng Tây Sơn về hàng. Xem chừng đánh thì thắng được. Nhưng bọn thần nghĩ kỹ thấy đó chưa phải là kế sách vạn toàn. Hiện nay ta đóng quân ở đồn cũ Tân Khai nhỏ hẹp. Hiểm về sức người thì ta không có thành sắt (kim thành) như nhà Tần, hiểm về thiên nhiên thì không Kiếm Các như nhà Thục. Nếu địch đưa quân đánh vào Nam thì không tránh khỏi tai họa bị đốt thành. Trong hào lũy không có lương thực khí giới, xảy ra chiến sự biết lấy gì mà đánh giữ ? Vậy bọn thần xin Chúa thượng chia các tướng đi đóng đồn ở các dinh, đồng thời cho đắp thành Gia Định thật vững chắc để củng cố nơi căn bản. Phòng giữ phải vững chắc rồi sau mới huy động binh lương để mưu đồ khôi phục.

Thế Tổ khen lời bàn ấy là đúng, bèn giao cho Tôn Thất Hội làm Đốc biện xử lý các công việc ở trong thành Gia Định.

Quân tuần thám vào báo hoàng tử Cảnh đi Tây Dương đã trở về. Trước Cảnh sang Tây Dương cầu viện, mất hai năm mới đến nước Đại Tây (Pháp). Quốc vương nước Pháp là Lu-i thứ 16 đã hứa hẹn giúp quân. Nhưng xảy ra sự biến ngày 14 tháng Bảy [1], nên không thực hiện được. Bá Đa Lộc bèn bàn với tuỳ viên quân sự của Pháp tại Ấn Độ là Ba-ni-ê-đa-đột cho hai chiếc tàu [2] theo Bá Đa Lộc hộ tống hoàng tử Cảnh về nước. Đến eo biển Malacca [3] thì phái đoàn của Bá

1. Tức ngày xảy ra cuộc Đại cách mạng Pháp (14–7–1789), xóa bỏ chế độ quân chủ chuyên chế của Louis XVI.

2. Hai chiếc tàu này hiệu là Tàu Rồng và Tàu Phượng *(NgC)*

3. Nguyên văn ghi phiên âm bằng chữ Hán là Ma Lặc.

Đa Lộc gặp Trần Văn Học từ Ấn Độ trở về. Học cùng đoàn của Bá Đa Lộc về đến đảo Côn Lôn thì sai người đi trước về báo tin. Thế Tổ sai Tống Phước Tân đi trước nghênh tiếp, sau đó sai Tôn Thất Hội đem binh thuyền ra cửa Cần Giờ đón phái bộ trở về. Bấy giờ Trần Văn Học đi thuyền biển, không may gặp bão giạt vào đảo Luyxông.

Hoàng tử Cảnh về tới nơi, vất vả ở chốn hải ngoại cả đi lẫn về mất sáu năm, đều là nhờ công bảo hộ của Bá Đa Lộc. Thế Tổ xét công ấy, trao cho Bá Đa Lộc chức Đạt mệnh điều chế chiến tàu thủy bộ viện binh Giám mục thượng sư. Se-Nhô [1] và Van-Ni-E [2] xin ở lại làm bề tôi cho Thế Tổ, được Thế Tổ ban cho họ tên Việt: Se-Nhô là Nguyễn Văn Thắng, Van-Ni-E là Nguyễn Văn Chấn, cùng được trao chức Cai đội, cho quản lĩnh hai tàu Long Phi, Phượng Phi.

Cũng trong dịp này Thế Tổ sai Trương Văn Giao làm trấn thủ dinh Phiên Trấn, Nguyễn Văn Đạo trấn thủ dinh Trấn Biên, Nguyễn Đức Thiện trấn thủ dinh Trấn Định, Huỳnh Tiến Thanh trấn thủ dinh Vĩnh Trấn, Mạc Công Bính trấn thủ Hà Tiên. Lại sai Nguyễn Văn Thành đóng giữ lũy Ngư Giác, để phòng quân Tây Sơn từ phía đường biển đánh vào.

Trần Văn Học từ đảo Luyxông trở về. Thế Tổ sai Học làm phiên dịch cho Ô-Li [3] để làm thông ngôn và dịch các sách vở nói về việc chế tạo hỏa xa, địa lôi và các binh khí khác. Thế Tổ sai Học đo đạc các vùng đất đai của thành mới Gia Định, vẽ đồ bản để dâng nộp. Sau đó, Tôn Thất Huy đốc suất tướng sĩ bắt đầu từ ngày mồng một, tháng Hai, năm Canh Tuất (3–1790) khởi công đắp thành đất Gia Định. Thành mở thông tám cửa, đều xây theo kiểu cửa Bát Quái: phía Nam hai cửa Kiền Nguyên và Ly Minh, phía Bắc hai cửa Khôn Hậu và Khảm Hiểm, phía Đông hai cửa Chấn Hanh và Khảm Chí, phía Tây hai cửa Tốn Thuận và Đoài Duyệt. Phía trước xây nhà Thái miếu để phụng thờ liệt thánh [4]. Phía sau dựng Tẩm Điện làm nơi ở của Quốc mẫu, ở giữa xây hành cung. Các kho tàng ở về phía bên tả, các cục

---

1. Jean Baptiste Chaigneau (được Gia Long cho họ tên Việt là Nguyễn Văn Thắng, tước Thắng Tài hầu)

2. Philippe Vannier (được Gia Long cho họ tên Việt là Nguyễn Văn Chấn, tước Chấn Thanh hầu)

3. Ô–Li, có phần chắc là Olivier Puymanel (thường gọi tên Việt là Ông Tín).

4. *Liệt thánh:* chỉ tiên tổ các chúa Nguyễn, từ Nguyễn Kim, Nguyễn Hoàng... trở về sau.

chế tạo ở về phía bên hữu. Bốn phía dựng các dãy nhà cho các quân thân binh túc vệ. Giữa sân lớn dựng kỳ đài ba tầng, bên trên làm tòa Bát Giác để quan sát thiên văn, ban ngày treo cờ, ban đêm thắp đèn làm hiệu lệnh cho các quân. Bên ngoài thành đào hào sâu, trên hào bắc cầu thông ra các phố xá dân cư được cất dựng có hàng lối thứ lớp. Chỉ trong ba tháng hoàn tất việc xây cất, làm lễ khánh thành, gọi là Kinh Gia Định.

Thế Tổ thấy các việc triều chính đều chỉ mới mở mang ban đầu, cần phải lưu ý trù liệu hoạch định. Bèn cho lập ty Chiêm Hậu, Dinh Công Đồng, đặt Sứ quán, Y viện, định tô thuế, ban hành pháp lệnh, định rõ chế độ quan chức, sửa sang nghi thức triều đình, định ra phép tắc ngạch số tuyển binh để thi hành. Rồi đó Thế Tổ sai Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn Huỳnh Đức, Võ Văn Lượng, Nguyễn Đô, Hoàng Tú Chung, chia đi xem xét các doanh, hiệu định sổ dân tịch, cứ ba đinh thì chọn lấy một lính, lại tuyển những người tinh anh tráng kiện để đưa vào làm quân Ngự doanh, số khác thì chia bổ cho các chi đội. Ngoài ra quan quân các dinh nếu chiêu mộ được nghĩa binh ở các nơi thì cho phép chọn người trao chức quan để chỉ huy các nghĩa binh ấy. Từ chức Cai cơ trở lên được phép tự lập quân tiêu thuộc [1], ghi số báo lên quan để được cấp lương như đối với lính tuyển. Mỗi khi có việc được phép đưa các quân tiêu thuộc ấy đi theo. Lại cho lập xưởng quan thuyền (Chu sư xưởng) ngang dọc ba dặm để chuyên đóng các loại thuyền biển, thuyền chiến, thuyền cong, thuyền then, thuyền son, cách thức quy mô đều làm theo lời bàn định của Tống Phước Đạm. Phước Đạm cũng tâu với Thế Tổ rằng Quang Trung đã được nhà Thanh phong ắt muốn trổ tài khỏe mạnh để mưu đồ nhất thống, xin Thế Tổ ra lệnh cho Tiền quân Lê Văn Quân phải hết sức chú ý giữ vững đồn lũy, không được để xảy ra sơ suất.

Lại nói chuyện Quang Trung Nguyễn Huệ sau khi đánh tan quân Thanh, để tướng Ngô Văn Sở ở lại trấn thủ Bắc Thành, còn mình dẫn quân về Nam. Bấy giờ Tổng đốc Lưỡng Quảng mới là Phúc Khang An đưa thư sang giảng hòa. Huệ bèn sai đem nhiều vàng bạc hối lộ cho Khang An để nhờ An thu xếp cho thành toàn việc ấy. Rồi Huệ sai cháu là Nguyễn Quang Hiển lên cửa ải Nam Quan nộp cống vật để cầu phong và xin cho Huệ được về kinh triều cận. Vua Thanh phong cho Huệ làm An Nam quốc vương. Huệ chọn người cháu gọi

1. *Tiêu thuộc:* cũng như thuộc hạ, quân tùy tòng tự nguyện.

bằng cậu là Phạm Công Trị có diện mạo giống mình, mạo danh là Nguyễn Huệ đi sang kinh đô nhà Thanh để tạ ơn. Vua Thanh ban thưởng cho Huệ (tức Công Trị) rất trọng hậu.

Nguyễn Huệ đã được vinh hiển, tỏ ý coi thường Nam triều. Tin báo vào Gia Định, Tống Phước Đạm xin với Thế Tổ truyền lệnh cho Lê Văn Quân phải lưu ý việc phòng thủ. Bấy giờ Lê Văn Quân đóng đồn tại Bà Rịa dâng sớ về triều tâu với Thế Tổ, nói kinh đô mới ở Gia Định chưa được vững chắc, nếu quân Tây Sơn thuận gió đem thủy binh vào đánh thì lo dân Man ở miền Thượng đạo thừa cơ nổi dậy sau lưng, xin Thế Tổ cho đóng bộ binh ở Quang Hóa, đậu chiến thuyền ở Hưng Phước để phòng ngừa bất trắc. Đợi đến cuối mùa gió Đông Bắc, quân Tây Sơn không dám vào sẽ đem quân tiến thẳng ra lấy Bình Thuận, Bình Khang, đóng đồn dựng trại, chiêu mộ quân lính để liên lạc ứng phó cho nhau. Như thế quân Tây Sơn có vào cũng không thể làm gì được. Thế Tổ xét thời chưa cho phép, lệnh cho Lê Văn Quân hãy từ từ để trù liệu sau. Rồi đó Thế Tổ gọi Quân về Gia Định. Quân xin Thế Tổ cho đánh lấy Bình Thuận. Thế Tổ bèn sai Quân chỉ huy quân thủy bộ sáu nghìn người, lấy Võ Tánh làm tiên phong, Nguyễn Văn Thành làm phó tiên phong. Trước khi lên đường, bọn Quân vào bệ kiến, Thế Tổ bảo:

– Chuyến này đi đánh là để cứu sinh dân một phủ Bình Thuận, không được thừa thắng ruổi dài để lọt vào nơi trọng địa của quân địch mà mất uy mang nhục.

Nhân đó Thế Tổ ban chiến bào cho bọn Quân. Ba tướng vâng mệnh đem quân lên đường. Quân và Tánh chia binh đóng đồn ở Phan Rí, Văn Thành đóng quân ở Hóc Trôm. Đô đốc Tây Sơn là Đào Văn Hổ tiến đánh. Võ Tánh và Văn Thành từ hai phía tiếp ứng cho Quân. Đào Văn Hổ thua chạy, Quân sai người về báo tự nhận là công lao của mình. Võ Tánh nói với thuộc hạ, chê Quân là hạng nhờ gió bẻ măng. Quân muốn tiến đánh Diên Khánh, lệnh cho Văn Thành đem quân tiến trước, Võ Tánh tiến đến Tam Độc làm hậu ứng. Văn Thành nói:

– Muốn đánh Diên Khánh thì chỉ nhổ nước bọt xoa tay là lấy được. Nhưng nơi đó cách xa Sài Gòn, nếu quân Tây Sơn đưa đại binh đến thì địch nhiều ta ít, chẳng phải là xẻo thịt ném cho hổ ăn ư?

Quân bèn sai Thành đóng quân ở Mai Thị, Tánh đóng ở Phan Rí, Quân tự mình đem quân tiến đóng Phan Rang chờ nghe ngóng để đánh lấy Diên Khánh. Thành sai người ruổi ngựa về báo với Thế Tổ,

Thế Tổ nói:

– Những phủ huyện mới lấy được, phải cố sức mà giữ lấy một tấc đất, một người dân. Nếu hành động khinh suất thì liệu có chắc thắng hay không ?

Rồi Thế Tổ truyền chiếu lệnh cho Quân phải dừng binh đóng giữ, gọi Văn Thành và Võ Tánh về Gia Định.

Bấy giờ Đô đốc Tây Sơn là Hồ Văn Tự, Tham đốc Từ Văn Tú tiến đánh Quân ở lũy Mai Nương. Văn Quân không chống cự nổi, thuộc tướng là Nguyễn Quận, Nguyễn Văn Khương tử trận (Quận người huyện Bảo An, trấn Vĩnh Long. Khương người huyện Vĩnh Bình, trấn Vĩnh Long, có công theo hầu khi Thế Tổ đến Vọng Các), quân sĩ phần nhiều bị giết, bị thương.

Nguyễn Văn Thành nghe tin Lê Văn Quân bại trận, khuyên Võ Tánh đem quân về cứu, Tánh ngoảnh mặt bỏ đi. Văn Thành nói:

– Giặc đến nhà đàn bà phải đánh, huống là tướng quân ư ? Lại còn tình nghĩa cùng được Chúa thượng ban chiến bào nữa ?

Văn Thành nói xong, một mình đem quân quay lại cứu viện cho Lê Văn Quân.

Thế Tổ nghe báo tin, truyền bảo Quân cố thủ chờ viện binh. Quân và Văn Thành giữ lũy Phan Rí. Quân Tây Sơn kéo đến bao vây rất đông. Quân dâng biểu xin thêm viện binh. Thế Tổ sai Võ Tánh cùng Nguyễn Hoàng Đức, Nguyễn Văn Trương đem quân đi cứu viện. Nghe tin có viện binh đến, Văn Quân mở cửa lũy xua quân ra đánh, trong ngoài ra sức đánh ốp vào, quân Tây Sơn thất thế tán loạn chạy trốn. Văn Quân tiến đóng Lũy Lam. Thế Tổ nhận được tin báo, truyền lệnh cho các tướng đưa quân rút về. Quân lui về đóng giữ ở Hưng Phước.

Bấy giờ vua Chân Lạp là Chiêu Thùy Biện nói với vua Xiêm là Nam triều nước ta luyện quân đúc súng, có ý thôn tính đất đai nước Xiêm. Vua Xiêm ngờ vực, sửa soạn cất quân sang đánh Nam triều.

Thế Tổ biết người Xiêm trọng nể Lê Văn Quân, gọi Quân về để giao cho Quân dàn xếp mối bất hòa với Xiêm. Quân hổ thẹn vì bị Võ Tánh khinh bỉ nên cố ý lừng khừng không về ngay, dâng biểu về nói đại ý trong trận Bình Thuận dạo trước quan quân cứu viện nhiều kẻ ngang ngược cướp phá, xin triều đình cho phái viên ra xét tội, trừng trị để nghiêm quân lệnh. Có lẽ Quân có mưu ngầm muốn thanh toán với Võ Tánh.

Thế Tổ giận Quân nấn ná không chịu về triều, bèn viết quốc thư, sai Nguyễn Văn Nhàn, Nguyễn Tiến Lượng sang Xiêm để phân biện gỡ mối hiềm nghi. Xem đến biểu tâu của Văn Quân, Thế Tổ khiển trách rằng:

– Việc đã qua còn xét hỏi làm gì, chỉ thêm rắc rối. Hơn nữa triều đình còn lắm chuyện phải lo, Văn Quân kia còn định toan tính điều gì ?

Văn Quân sợ tội lại dâng biểu cáo ốm. Thế Tổ bèn sai Cai cơ Nguyễn Văn Lợi ra thay thế Quân. Một thời gian lâu, bệnh của quân không khỏi, Thế Tổ truyền cho Lợi chia quân của Văn Quân làm ba chi Tiền, Trung, Hậu, giao cho Nguyễn Văn Tính quản Hậu chi, đóng ở Đồng Môn, Nguyễn Văn Lợi quản Tiền chi, đóng ở Bà Rịa. Nguyễn Văn Tính người huyện Long Thành, trấn Biên Hòa, lúc đầu theo Chu Văn Tiếp ứng nghĩa, giữ chức Tổng nhung cai cơ, từng theo Tiếp sang Vọng Các, khi trở về được bố trí dưới quyền của Lê Văn Quân. Sau Tính lại theo Thế Tổ trong chuyến sang Xiêm lần thứ hai. Khi trở về Gia Định, Tính theo Thế Tổ đi đánh quân Tây Sơn, có công, từ Mỹ Lung đến Sài Gòn trải qua hơn mười trận chiến chưa từng nao núng. Văn Lợi quê huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường. Trước Lợi cùng Văn Tính theo Lê Văn Quân hộ giá Thế Tổ sang Vọng Các, khi trở về, Tính nhiều lần theo Thế Tổ đi chinh chiến có công lao, làm quan đến chức Thống nhung cai cơ.

Bấy giờ Lợi và Văn Tính thừa lệnh thay chức chỉ huy của Văn Quân, mỗi người đều đem quân đến đồn trú.

Thế Tổ lại sai Phùng Văn Nguyệt quản lĩnh Trung chi, đóng ở Hưng Phước, cũng là để xem xét bệnh tình của Lê Văn Quân thế nào. Văn Quân khỏi ốm, từ Hưng Phước về Gia Định. Thế Tổ sai giao Quân cho triều đình xét tội. Các quan đều nói tội của Văn Quân đáng phải xử tử. Thế Tổ xét Quân có công theo hầu Vọng Các, trải bao gian lao nguy hiểm, khi về Gia Định đi chinh chiến có công lao nhiều nhất, không nỡ xử đến cực hình. Thế Tổ bèn sai tước đoạt quan tước của Quân, cho chờ để lập công chuộc tội. Quân là kẻ không có học, ít hiểu biết, nghe tuyên mệnh của Thế Tổ thì uất ức hổ thẹn, rồi uống thuốc độc tự tử.

Thế Tổ vừa giận vừa tiếc, đích thân đến nơi Quân ở gào khóc, xong cầm roi đánh lên quan tài một trăm roi. Các quan tướng có mặt tại đó chẳng ai không khiếp phục. Thế Tổ chế ngự các tướng nghiêm minh, than tiếc cho Lê Văn Quân không giữ được trọn đạo bề tôi.

Quân số Tiền quân do Quân quản lĩnh đã phân ra các chi, nhưng chưa có tướng chỉ huy, Thế Tổ bèn sai Chưởng cơ dinh Tiên phong Võ Tánh giữ chức Chưởng hậu quân (thay Tôn Thất Hội), Cai cơ dinh Trung quân Nguyễn Văn Thành giữ chức Chưởng dinh Tiên Phong (thay cho Tánh). Lấy Phó tướng dinh Hậu quân Nguyễn Văn Thư giữ chức Phó tướng Tiền quân, Trưởng chi dinh Tiên phong Mạc Văn Tô làm Phó tướng Hậu quân, Cai cơ dinh Trung quân Nguyễn Văn Tính làm Phó tướng dinh Tiên phong.

Cắt đặt các chức vụ đâu đó đã xong xuôi, Thế Tổ định cùng các tướng bàn định kế sách tiến đánh quân Tây Sơn. Vừa lúc ấy có tin báo công chúa Ngọc Tuyên từ Phú Xuân sai người vào tâu việc cơ mật.

Đúng là:

Lui giặc mưu thần nhường Kiến Vũ
Diệt thù kế mật quá Hồ Dương.

HỒI THỨ MƯỜI BA

Cửa Thi Nại, quân Nam triều báo thắng
Thành Phú Xuân, Bắc Bình vương băng hà

Lại nói về công chúa Ngọc Tuyên là con gái thứ mười hai của Võ vương, đã gả cho Chưởng cơ Nguyễn Văn Thống. Sau sự biến năm Giáp Ngọ, Thống chết, công chúa về lánh ở Vân Dương, cắt tóc làm ni. Quang Trung Nguyễn Huệ xâm phạm tới lăng mộ các vị liệt thánh, công chúa bèn sai con rể là Nguyễn Đức Tuấn ngầm tới xã Kim Ngọc, Định Môn, Cư Chính dặn dò cư dân tìm cách bảo vệ lăng mộ. Có người xã Cư Chính là Nguyễn Ngọc Huyên vẫn bí mật phụng thờ lăng Cư Chính, nay dời lăng về một nơi sạch sẽ yên ổn.

Khi Thế Tổ về Gia Định, công chúa sai người thân tín tên là Hỉ đáp thuyền buôn vào tâu với Thế Tổ, lại ghi *Khúc ca Hoài Nam* dâng lên. Khúc ca này do xử sĩ Thai Dương [1] là Hoàng Quang, giỏi quốc âm soạn ra. Đoạn đầu thuật lại việc các đời chúa trước của Nam triều mở mang gian khổ, ơn đức thấm nhuần; phần sau quy tội bọn quyền thần, căm giận phản tặc, lời lẽ rất bi tráng. Thế Tổ sai phổ biến khúc hát ấy trong quân sĩ, ai nghe cũng nhỏ nước mắt.

Thế Tổ sai người bí mật mang chỉ dụ và chiếu sắc lưu không trở về Vân Dương giao cho công chúa đi chiêu dụ những người dân lành trung nghĩa. Cả những kẻ theo quân Tây Sơn, nếu họ chịu quy thuận, tùy từng trường hợp cũng ban sắc chỉ cho họ, đợi ngày đại quân trở về thì cầm sắc chỉ tới quân doanh để được giao công việc. Nhân đây, Thế Tổ bảo các tướng:

– Thế lực Tây Sơn đang mạnh, chưa thể diệt trừ ngay được. Nhưng nếu năm tháng lần nữa không tiến đánh thì chẳng khác gì để cho bọn chúng rảnh tay nghỉ ngơi. Chi bằng nhân lúc này thuận gió cho thủy binh tiến theo cửa Cần Giờ, bộ binh tiến theo đường Bình Thuận, chiếm được châu nào thì xây thành ở châu ấy, nhổ được

1. Thai Dương: tên xã ở huyện Hương Trà (nay thuộc huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên).

huyện nào thì đóng đồn ở huyện ấy. Phên dậu che chắn của đất Gia Định này kiên cố thì thế lực Tây Sơn tất phải suy yếu.

Các tướng nghe nói, tâu rằng:

– Lòng người mong nhớ thì đất Bạch Thủy nhà Hán lại trùng hưng, miền Linh Vũ nhà Đường lại tái tạo. Hiện nay ở Thuận Hóa hằng năm đến mùa gió nồm, lòng người lại nhớ chúa cũ. Dân Gia Định mỗi khi Chúa thượng ban chiếu chỉ, ai nấy đều tranh nhau nộp lương, thuyền buôn Tây Dương thì bán súng ống, quân tướng nước Xiêm giúp ta đánh vùng rừng núi. Nguyễn Nhạc chẳng qua như mặt trời gác núi đằng Tây, Nguyễn Huệ làm mưa làm gió cũng lắm chưa trọn một buổi sáng. Quân lính Nam triều ta ngày một tinh nhuệ, tướng sĩ ta ngày càng hăng hái. Xin Chúa thượng cứ thử ra quân đánh phá đồn Thi Nại để xem thắng bại ra sao, rồi sau sẽ tính mưu khác.

Thi Nại xưa gọi là cửa Thì Phú (thuộc huyện Bồng), phía Nam là cửa Trà Ô, phía Bắc là cửa Tân Quan; núi Thì Phú, núi Bào Voi xa bày ở hai bên tả hữu. Đó là nơi hiểm yếu phòng vệ mặt biển của đất Quy Nhơn. Tây Sơn đã cho quân đóng giữ ở đó để ngăn chặn quân Nam từ Đồng Nai ra. Bấy giờ các tướng muốn đánh Thi Nại để mở đường biển thông với Quy Nhơn. Tống Phước Đạm khuyên Thế Tổ nghe theo lời bàn của các tướng. Thế Tổ bèn sai Võ Di Nguy đốc thúc đóng năm hiệu thuyền lớn là Hoàng Long, Xích Nhạn, Thanh Tước, Bạch Yến, Huyền Hạc; sai Ngô Công Quý cùng Tham luận Lê Đình Liêm tới các đạo Cổ Chiên, Xích Lam tuyển chọn đinh tráng để bổ sung vào quân ngũ; sai Nguyễn Hoàng Đức cùng Tán lý Chiêu hiệp sức với tướng giữ đồn Bà Rịa. Sau đó Nguyễn Hoàng Đức tiến đánh phố Hài; Tán lý Chiêu cùng Nguyễn Văn Lợi đem quân tới đánh các vùng hiểm yếu ở Lâm Dương, Sa Đàm; Nguyễn Văn Nhơn hiệp sức với tướng trấn thủ Đồng Môn là Nguyễn Văn Tính đốc thúc việc đắp lũy Đồng Môn. Nguyễn Văn Thiện nguyên quản lĩnh hai đạo Long Xuyên, Kiên Giang hiệp sức với tướng trấn thủ Hà Tiên là Mạc Công Bính phòng giữ, cắt đứt đường biển. Thế Tổ lại viết quốc thư cho vua Xiêm, nói Quang Trung Nguyễn Huệ sắp cho quân bộ đánh người Man ở thượng đạo, tiến đánh Nam Vang, rồi quay lại đánh vào mặt trước Sài Gòn. Nay bàn kế: Nam triều sẽ đem đại binh đánh Quy Nhơn, xin vua Xiêm cũng cho đại binh sang đánh Nghệ An. Nếu Tây Sơn giữ Nghệ An thì quân Xiêm đánh phía trước, quân Nam đánh mặt sau. Nếu Tây Sơn giữ Phú Xuân thì quân Xiêm vây mặt sau,

quân Nam vây phía trước. Thư viết xong, Thế Tổ sai Nguyễn Văn Thụy cùng Nguyễn Tiến Lượng đi sứ sang Xiêm. Lại sai tả quân Tôn Thất Huy, hậu quân Võ Tánh, trung doanh Giám quân Tống Phước Đạm giữ Gia Định, sai Nguyễn Đức Thành đem đội quân Kiên Uy đến đóng giữ ở Đồng Tranh, Vũng Tàu. Đức Thành người Bình Dương, sau khi tòng quân được bổ vào đội Phiên Nhự thuộc quyền chỉ huy của Tôn Thất Dụ. Thành chỉ huy đội quân bài đao giao chiến với quân Tây Sơn, bị bắt sống. Thành vờ nhận chức của giặc, sau lại quay về với Nam triều, được thăng chức Tổng nhung cai cơ, chiêu tập nghĩa dũng, tiến đánh quân Tây Sơn, nhiều lần lập chiến công, được Thế Tổ sai đem quân đến đóng giữ các nơi nói trên để đề phòng bất trắc.

Rồi Thế Tổ sai Nguyễn Văn Thành đem năm mươi chiến thuyền đi trước làm tiên phong. Thế Tổ tự mình dẫn quân xuất phát từ sông Nghi Giang, Nguyễn Văn Trương theo hỗ giá. Thủy quân tiến ra cửa Cần Giờ, các hiệu thuyền mới đóng lần đầu tiên được thử dùng đi biển, gặp gió nam thổi mạnh, thừa thế tiến thẳng tới Diên Úc. Quân Thế Tổ bắt sống thuyền tuần tra của Tây Sơn, hỏi cung biết thủy quân Tây Sơn ở cửa Thi Nại không phòng bị. Thế Tổ bèn hạ lệnh cho Nguyễn Văn Thành cùng Phạm Văn Nhơn chỉ huy đội Phượng thuyền, Nguyễn Văn Trương cùng Nguyễn Đức Xuyên chỉ huy đội Long thuyền, đột nhập vào trước, Võ Viết Bảo quản lãnh hỏa phá chỉ huy đội thuyền Bằng Nhất, hiệp đồng với Trần Đăng Long và Nguyễn Văn Khiêm, các đội quân cùng tiến.

Nguyễn Đức Xuyên người huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên là người dũng lược, theo việc quân có công hộ giá ở Hòn Chồng, Hà Tiên. Khi Thế Tổ đi Vọng Các, Xuyên giết nhầm thương nhân người Xiêm, sợ bị tội, phải ở lại vùng Rạch Gầm. Sau ngày Thế Tổ ở Xiêm về, Xuyên cùng Nguyễn Văn Khiêm đến Bình Thuận để do thám tình hình giặc và thu thuế dầu, vải. Viết Bảo là người huyện Tống Sơn, trấn Thanh Hoa, từng được sai đi dụ hàng dư đảng quân Đông Sơn. Khi Thế Tổ sang Vọng Các, Bảo không theo được, phải lánh về miền sông Tam Kỳ. Sau đó Bảo theo Võ Tánh tiến đánh quân Tây Sơn ở Gò Công. Sau ngày Thế Tổ thu phục Gia Định, Bảo được bổ chức Tiểu sai. Trần Đăng Long quê huyện Diên Phúc đạo Quảng Nam là người khôi ngô tuấn tú có sức khỏe, năm mươi chín tuổi tòng quân. Khi Thế Tổ đi Vọng Các, Long bị ốm không đi theo được. Bị quân Tây Sơn bắt, Long giả làm người câm nên được tha về. Khi Thế Tổ về tới Gia

Định, Long được thăng chức Túc trực. Văn Khiêm người Phong Điền, Thừa Thiên, theo cha vào Gia Định tòng quân. Khi Định vương đi Long Xuyên, Khiêm ở lại lánh trong thôn xóm. Thế Tổ lên nắm quốc chính, Khiêm bị Tây Sơn bắt. Khi xa giá từ Xiêm về, Khiêm trốn thoát khỏi tay giặc, theo Lê Văn Duyệt tìm đến hành tại xin yết kiến. Sau Khiêm lại theo Thế Tổ trong chuyến Thế Tổ sang Xiêm lần thứ hai.

Bấy giờ các tướng cùng với Phạm Văn Nhơn theo Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Trương tiến đánh đồn cửa biển Thi Nại. Quân Tây Sơn của Đô đốc Thành và Chỉ huy Tính vừa nghe tin quân Nam triều kéo tới, đã tan vỡ bỏ chạy. Quân Thế Tổ phóng lửa đốt thủy trại giặc, bắt được chiến thuyền rất nhiều. Nguyễn Văn Thành cùng Nguyễn Văn Trương muốn thừa thắng tiến công Quy Nhơn. Thế Tổ cho rằng quân sĩ mới tập hợp, không lợi việc đánh nhau, bèn ra lệnh thu quân trở về. Nguyễn Huỳnh Đức xin cử binh tiến công Phố Hài, tướng Tây Sơn phải bỏ lũy trốn chạy. Tiếp đó Đức lại xin cho đánh lấy Phan Rí. Thế Tổ thấy ở Bình Thuận dân đói, quân không có lương ăn, bèn ra lệnh thu binh về. Sau khi về Gia Định, Thế Tổ thăng Nguyễn Văn Thành Quản lĩnh dinh tiên phong, được tiếp nhận các thuyền của người Tây Dương và thuyền mũi tày bắt được của quân Tây Sơn để dùng vào việc chiến trận. Thế Tổ lại sai đắp lũy ở Mỹ Tho, đóng trọng binh ở Hưng Phước; rồi sai Nguyễn Đức Thành làm Trấn thủ đạo Tân Châu, kiêm quản hai đạo Hùng Thắng, Chiến Sai. Lại sức cho trấn tướng Hà Tiên đề phòng hải phỉ người Chà Và. Bấy giờ Nguyễn Tiến Lượng và Nguyễn Văn Thụy từ Xiêm trở về, gặp bọn chúng ở Hòn Cau. Hai bên đánh nhau, bọn Tiến Lượng chém được hơn ba mươi thủ cấp, bắt sống hai tên, đoạt được một chiếc thuyền dâng lên Thế Tổ, và tâu với Thế Tổ việc vua Xiêm muốn biết hiện tình Tây Sơn ra sao. Thế Tổ sai Lượng áp giải hai tên tù binh Chà Và sang giao cho vua Xiêm, còn tình hình của quân Tây Sơn sẽ xin báo sau.

Lại nói chuyện sau khi Nguyễn Tiến Lượng vâng mệnh sang Xiêm, Thế Tổ muốn biết rõ thế lực của Quang Trung và tình hình Bắc Hà động tĩnh ra sao, cùng là kế sách nên đánh hay nên giữ, bèn họp các quan văn võ. Thế Tổ hỏi:

– Quang Trung đã nhận tước phong của nhà Thanh, vậy các bề tôi cũ của nhà Lê còn có ai xướng nghĩa nữa không ?

Tống Phước Đạm thưa:

– Các quan văn võ của nhà Lê phần nhiều theo vua Lê Chiêu Thống chạy sang nhà Thanh. Hào kiệt Bắc Hà không ai không nhớ nhà Lê, nhưng hành động thì sợ Nguyễn Huệ giết hại, nên không dám làm gì. Chỉ có Lê Duy Kỳ là em vua Lê chiếm giữ vùng Tuyên Quang, Cao Bằng, dựa vào thế lực của thổ tù Nùng Phúc Tấn, Hoàng Văn Đồng, liên kết với các vùng Trấn Ninh, Trịnh Cao, Quy Hợp của Vạn Tượng mưu đánh Nghệ An. Nguyễn Huệ sai trấn tướng Nguyễn Quang Diệu, Đô đốc Nguyễn Văn Uyển đem năm nghìn tinh binh, theo đường thượng lộ Nghệ An tiến đánh, chiếm được Trấn Ninh, diệt Trịnh Cao, Quy Hợp. Vua nước Vạn Tượng phải bỏ thành mà chạy. Quang Diệu thừa thắng đuổi dài tới tận biên giới Xiêm La, chém tướng Vạn Tượng là Tả súy Phan Dung và Hữu Súy Phan Siêu, rồi kéo quân về Bảo Lộc. Lê Duy Kỳ cùng bọn Nùng Phúc Tấn, Hoàng Văn Đồng thế không chống đỡ nổi, đều bị quân Quang Diệu giết. Việc ấy xảy ra trước khi Quang Trung nhận sắc phong của nhà Thanh.

Thế Tổ nói:

– Đó là việc nghĩa cử, tuy thất bại, nhưng cũng chưa đủ làm cho nhà Lê khởi sắc.

Rồi Thế Tổ hỏi việc Nguyễn Huệ xin thụ phong với nhà Thanh không gặp trở ngại gì hay sao ? Phước Đạm thưa:

– Huệ diệt Duy Kỳ rồi sai sứ sang nhà Thanh báo tin thắng trận, nhân đó xin mở cửa ải Bình Thủy ở Cao Bằng, ải Du Thôn ở Lạng Sơn để cho dân chúng họp chợ thông thương, lại xin đặt phái bộ đại diện ở phủ Nam Ninh trong nội địa. Nhà Thanh sợ Huệ mạnh, đều nghe theo những điều Huệ xin.

Thế Tổ hỏi:

– Bài bản chính sự của Nguyễn Huệ như thế nào ?

Đạm thưa:

– Nguyễn Huệ đã đắc chí với nhà Thanh, bèn tự đặt thể chế Hoàng đế, lập Lê Thị Ngọc Hân làm Bắc cung Hoàng hậu, phong con trưởng là Quang Toản làm Thái tử. Thấy Nghệ An là trung tâm của cả nước, Nguyễn Huệ cho đắp thành đất ở núi Kỳ Lân, dựng lầu điện, đặt tên là Trung Đô, chia các trấn để cai trị, định quan danh, lập sổ bạ tịch đinh điền, phát thẻ tín lệnh để xét bắt những người lậu tên không khai trong sổ bạ; dân oán, cho là chính lệnh phiền hà.

Thế Tổ lại hỏi:

– Như vậy đến ngày nào mới dẹp được Tây Sơn ?

Đạm thưa:

– Có nhân nghĩa thì có thể đổi yếu ra mạnh. Bạo ngược thì tuy mạnh sẽ thành yếu. Phù Sai không mạnh hay sao, thế mà không địch nổi Việt vương Câu Tiễn. Thiếu Khang không yếu hay sao, thế mà cuối cùng diệt được Hàn Xúc vậy.

Lúc ấy có viên đội trưởng mật sai vào tâu rằng:

– Nguyễn Đình Đắc ở Bắc Hà, ủy cho Cai đội Quyền vào báo tình hình của Tây Sơn.

Thế Tổ gọi vào, hỏi:

– Sự tình Tây Sơn thế nào ?

Quyền thưa:

– Quang Trung Nguyễn Huệ đã chết ngày hai mươi chín, tháng Chín.

Thế Tổ quay sang hỏi Tống Phước Đạm:

– Nguyễn Huệ tung hoành được mấy năm ?

Đạm thưa:

– Nguyễn Huệ xưng vương năm Bính Ngọ, xưng đế năm Mậu Thân, năm nay là năm Nhâm Tí, hết số, cả thảy là bảy năm.

Thế Tổ hỏi:

– Huệ chết đột ngột như thế vì cớ gì ?

Quyền thưa:

– Nguyễn Huệ sắp khởi binh đánh nhà Thanh, bỗng lâm bệnh nên không thực hiện được. Một tối Huệ đang ngồi, bỗng tối tăm mặt mũi rồi thấy một cụ già đầu bạc từ trên không bước xuống. Cụ già khoác áo trắng, chống gậy sắt, mắng Huệ rằng: "Ông cha ngươi sinh ra trên đất Nguyễn chúa, đời đời là dân của Nguyễn chúa, sao ngươi dám phạm đến lăng tẩm ?". Nói đoạn cụ già cầm gậy đánh vào thái dương Huệ. Huệ xây xẩm ngã vật xuống, hồi lâu mới tỉnh. Sau đó Huệ nói cho Trung thư Trần Văn Kỷ biết, rồi bảo Kỷ: "Phú Xuân là đất thần linh, ta lo không thể sống lâu được". Rồi đó Huệ cho gọi trấn thủ Nghệ An Nguyễn Quang Diệu về bàn việc dời đô. Chưa bàn định xong thì bệnh tình của Huệ ngày một tăng, rồi lo buồn mà chết.

Thế Tổ nâng tay lên ngang trán tạ ơn tiên vương thần linh, rồi hỏi tình hình vua nối nghiệp của Tây Sơn thế nào.

Quyền thưa:

– Thái tử Quang Toản của Tây Sơn lên ngôi năm mười hai tuổi, an táng thi hài của cha ở phía Nam Hương Giang, tôn thụy hiệu là Võ Hoàng đế, đổi niên hiệu là Cảnh Thịnh, phong cho em Quang Thùy là Khang công làm Tiết chế các doanh thủy bộ ở phía Bắc; phong cho Quang Bàn là Tuyên công lĩnh chức Đô đốc trấn Thanh Hoa; phong cho cậu là Bùi Đắc Tuyên làm Thái sư, trông coi các việc cơ mật trong ngoài, cùng với Thái úy Phạm Công Hưng nắm giữ việc quân quốc trọng sự; cho Trung thư phụng chính Trần Văn Kỷ giữ chức Trung thư cơ mật vụ; sai Thiếu phó Nguyễn Quang Diệu, Hộ giá Nguyễn Văn Huấn, Nội hầu Nguyễn Văn Tứ, Tư lệ Lê Trung cùng trấn giữ Nghệ An. Sai Đại tư khấu Võ Văn Dũng, Đại tư hội Nguyễn Văn Dụng, Thiếu bảo Nguyễn Văn Danh, Đại tư mã Ngô Văn Sở, Hình bộ Thượng thư Lê Xuân Tài, Tuần kiểm Chu Ngọc Uyển, Tiết độ Nguyễn Công Tuyết cùng trấn giữ Bắc thành.

Thế Tổ hỏi:

– Liệu Toản có thể làm vua được không ?

Quyền thưa:

– Toản chỉ thích chơi bời, việc nước đều do Đắc Tuyên quyết định cả. Đắc Tuyên mặc sức hoành hành, tác oai tác phúc, dân chúng trong ngoài không ai không oán ghét Tuyên, mà chê Toản là hèn yếu.

Thế Tổ hỏi:

– Nguyễn Đình Đắc hiện nay ở đâu ?

Quyền thưa:

– Đắc hiện đang đi các vùng Sơn Nam, Kinh Bắc chiêu dụ hào kiệt, một sớm sẽ mang theo nghĩa sĩ đến quy phục Nam triều.

Tiếp đó Thế Tổ sai gọi Tôn Thất Huy tới bàn việc đối phó với Tây Sơn. Huy là con thứ hai của Tôn Thất Dục, giỏi dùng binh, có mưu lược của người làm tướng. Huy chẳng nề gian lao nguy hiểm theo hầu Thế Tổ, lập nhiều công lao, nổi danh ngang hàng với Tôn Thất Hội. Bấy giờ Huy đang ốm nặng, rồi mất, không được gặp vua. Quân hầu cận vào báo tin. Thế Tổ ngậm ngùi thương xót giờ lâu, lại vì nỗi chưa đánh bại được Tây Sơn, nên lại càng thêm buồn giận. Thế Tổ bèn sai đưa thư báo tin cho vua Xiêm.

Cai đội Quyền tâu rằng:

– Có cựu thần Trần Hưng Đạt vượt biển vào, xin được bệ kiến.

Hưng Đạt người huyện Hương Trà, là con thứ bảy của viên Ký lục Hà Tiên cũ là Trần Quế. Đạt thuần hậu có kiến thức, chí khí, trước giữ chức Hàn lâm viện. Khi quân Trịnh lấy Phú Xuân, Đạt muốn theo Định vương vào Gia Định nhưng không kịp, bèn lén vào Quảng Nam ở ẩn dạy học, sau đó sắp sửa vào Nam thì bị quân Tây Sơn bắt. Nhiều lần Đạt đã ở bên bờ cái chết, có viên quan Tây Sơn thấy Đạt có tướng mạo phúc thiện, bèn giải cứu cho khỏi chết. Đạt bèn cùng em là Đức nhân lúc quân Tây Sơn sơ hở bèn chèo thuyền vượt biển vào Nam yết kiến Thế Tổ [1]. Hưng Đạt nói:

– Trời giúp Nam triều, khiến cho Nguyễn Huệ chết đột ngột, thành Chà Bàn không có quân chi viện. Xin Chúa thượng nhân cơ hội này trước hết tiến đánh Nguyễn Nhạc để lấy đường đánh ra Phú Xuân.

Thế Tổ theo lời bàn của Hưng Đạt, cho gọi Tống Phước Đạm vào bàn việc đánh Tây Sơn.

Đúng là:

Trời bỏ, Tây Sơn đâu vững mãi
Người phù, Nguyễn chúa dễ cơ may.

---

1. *Nguyên chú:* Khi Thế Tổ lên ngôi ở Gia Định, Trần Hưng Đạt có con gái được chọn làm cung tần. Bà sinh được hoàng tử thứ tư, tức là bà Thuận Thiên Cao hoàng hậu (mẹ vua Minh Mạng).

HỒI THỨ MƯỜI BỐN

Hoàng trưởng tử mở phủ Đông cung
Thành Quy Nhơn đại quân vây bủa

Lại nói chuyện Thế Tổ sắp đi đánh Quy Nhơn, gọi Phước Đạm vào bảo trình bày kế hoạch điều khiển tướng sĩ.

Phước Đạm thưa:

– Quang Toản tuy nhỏ dại, nhưng tướng giỏi còn nhiều. Nếu Nguyễn Nhạc bị đánh, thế tất Quang Toản phải cho quân vào cứu. Quân ta thế lực chưa mạnh lắm, e rằng khó đánh một trận mà diệt được ngay. Phàm thượng sách của binh gia chẳng gì bằng tự giữ. Nay xin Chúa thượng sức cho các doanh lo việc đóng giữ tích trữ quân lương, tướng sĩ lo luyện tập võ nghệ, đợi khi bên ta binh cường lương đủ mới có thể ra quân tiến đánh. Vả lại Thái tử là ngôi trừ nhị của cả nước, ở triều đình thì giám sát việc nước, ra ngoài phủ dụ quân sĩ để ràng buộc lòng người, giữ gốc nước. Xin Chúa thượng trước hết hãy định ngôi Thái tử, chọn một hai vị đại thần giúp đỡ, khiến cho trên thì có thế thay Chúa thượng chăm sóc Quốc mẫu sớm tối, dưới thì trấn an cho dân chúng Gia Định, khiến cho bên trong không có mối lo, sau đó Chúa thượng hãy ngự giá thân chinh, thần nghĩ đến lúc ấy cũng chưa muộn.

Bấy giờ hoàng trưởng tử Cảnh tuổi vừa mười bốn, thiên tư thông minh tuấn tú. Thế Tổ nghe lời khuyên của đại thần, bẩm với quốc mẫu, rồi sai hữu ti chọn ngày làm lễ tế cáo lăng miếu, sách lập hoàng tử Cảnh làm Thái tử, ban ấn Đông cung. Đó là ngày Giáp Dần tháng Ba năm Quý Sửu (4–1743). Sắc phong viết:

"Cha mà có con như trời có đức nguyên. Đức nguyên dần lớn lên thì đạo trời mới hưng thịnh. Gốc có cành như nguồn có nhánh. Ngọn nguồn sâu thì dòng chảy xa. Cũng có người nghĩ tuổi thơ non sức, làm được việc chăng ? Nhưng nếu chúng trí một lòng thì chẳng lo gì gian hiểm. Lịch Số của trời đã ở thân ngươi. Ngươi hãy gắng tâm gắng đức, tỏ ánh rực rỡ tướng tinh của mình, để cho dân này trong đời này được tắm sóng ơn trong biển nhỏ".

Hoàng tử Cảnh đã vâng mệnh thụ phong làm Thái tử, Tống Phước Đạm lại tâu rằng:

– Đang lúc nước nhà đa nạn, xin cho Thái tử hiểu biết việc binh. Xưa Đế Khải đi đánh đất Cam, Bá Cầm đánh đất Phỉ, đều do gia học vậy.

Thế Tổ bèn giao cho Cảnh giữ chức Nguyên súy, quản lĩnh dinh Tả quân, chia làm năm vệ: Thần võ, Thần oai, Thần dũng, Thần toán, Thần lược. Rồi Thái tử mở suý phủ, đặt liêu thuộc, lấy đại thần bên văn Lễ bộ một người, bên võ Phó tướng một người giúp việc. Việc nhỏ thì do hai đại thần ấy giải quyết, việc lớn thì do suý phủ quyết định, làm như thế để cho Thái tử tập quen với chính sự.

Thế Tổ bảo với Phước Đạm rằng:

– Đông cung tuổi còn nhỏ, ta muốn chọn người hiền làm phó sư để giúp đỡ.

– Phước Đạm xin lập Thái học đường, đặt các chức phụ đạo, đốc học, hàn lâm, thị học, hàng ngày sớm tối tập họp ở Thái học đường để nghe giảng giải kinh sử. Phàm Đông cung nói gì làm gì, quan thị học phải ghi lại, hàng tháng dâng lên cho Chúa thượng xem để biết đức nghiệp của Thái tử ngày một tiến ích.

Thế Tổ xuống lệnh làm theo lời bàn ấy. Tống Phước Đạm tiến cử Ngô Tòng Chu sung chức Đông cung phụ đạo; Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định sung chức Đông cung thị giảng.

Ngô Tòng Chu người huyện Phù cát, phủ Bình Định, ngụ cư ở Gia Định, theo học với Bình Dương ẩn sĩ Võ Trường Toản. Trường Toản là người kinh học súc tích, lập chí cao khiết, khi Tây Sơn nổi dậy, Toản ở nhà dạy học. Buổi đầu trung hưng, Thế Tổ đóng đô ở Gia Định, thường vời Toản đến gặp, khen Toản là bậc cao thượng, ban cho hiệu là Gia Định xử sĩ Vinh Đức Võ tiên sinh. Tòng Chu theo học với Võ tiên sinh, học hành thuần chính, có khí tiết, lúc đầu được trao chức Hàn lâm viện, sau thăng chức Chế cáo, rồi thăng Lễ bộ tham tri, sau được bổ chức Ký lục dinh Trấn Biên. Trịnh Hoài Đức người tỉnh Phúc Kiến nhà Thanh. Ông nội tên là Hội, hồi đầu nhà Thanh, để tóc chạy xuống phía Nam, ngụ cư ở Trấn Biên. Cha Hoài Đức tên là Khánh bỏ tiền để được chức Cai thu, dần được thăng chức Cai đội. Đức có chí lớn hiếu học, theo mẹ dời về ở Phiên Trấn, thờ Võ Trường Toản làm thầy. Lê Quang Định người huyện Phú Vang, phủ Thừa Thiên, cha là Sách làm thủ ngự nguồn Đà Bồng. Quang Định mồ côi

cha từ nhỏ, nhà nghèo, nhưng thông minh dĩnh ngộ, hiếu học, cùng với Nguyễn Hương, người Bình Thuận, vào lưu ngụ ở huyện Bình Dương, cùng đến xin theo học Võ Trường Toản. Quang Định chơi thân với Trịnh Hoài Đức và Ngô Nhân Tĩnh, lập ra Bình Dương thi xã, người có văn học bốn phương phần nhiều đều có ghé qua thăm viếng.

Thế Tổ về Gia Định cho mở khoa thi hương, Quang Định và Hoài Đức dự thi đều đỗ, cùng được trao chức Hàn lâm viện chế cáo, rồi cùng được cử giữ chức Điền tuấn đi đến các huyện khuyên dân chăm chỉ việc nông tang. Đức có phong độ trầm tĩnh, đúng mực, khi bàn luận thường giữ đại thể. Quang Định có tài năng hiểu biết, thông minh mẫn tiệp, quen thạo chính sự được Tống Phước Đạm yêu mến, quý trọng. Đến đây Thế Tổ nghe lời tâu của Phước Đạm, giao cho Trịnh Hoài Đức và Lê Quang Định hầu giảng cho Đông cung. Còn Ngô Tòng Chu hiện đang ở Trấn Biên, sẽ điều người khác ra thay để điều Tòng Chu về giúp việc cho Thái tử. Bấy giờ Tôn Thất Hội dẫn các tướng vào tâu rằng:

– Nay Đông cung đã lập, nhưng quân Tây Sơn vẫn còn đó chưa trừ được. Phải rửa cho sạch mối thù này. Xin Chúa thượng sai Phạm Văn Nhơn làm Tả quân phó tướng, cùng với Giám quân Tống Phước Đạm giúp Đông cung ở lại đóng giữ Gia Định. Thần nguyện cùng Võ Tánh, Nguyễn Văn Thành hộ giá thân chinh, chia đường tiến quân thu phục các huyện gần Quy Nhơn để khuếch trương thanh thế. Thần tính rằng Thái Đức Nguyễn Nhạc thế cô, nếu không chết bởi thiên binh Nam triều ta thì cũng phải xuống làm ma địa phủ.

Lại nói chuyện Thế Tổ từ ngày về dựng đô ở Gia Định đến nay, mỗi lần nghĩ tới những ngày gian khổ ở Long Khâu, nghĩ lăng mộ tiên vương ở Ngự Bình, tâm can ngày đêm như lửa đốt, ngọc thể mệt mỏi, những lo Quang Vũ đầu bạc, bắp Chiêu Liệt sệ ra mà chân đế thì đang ở Tân Thất, đô quận Thục đã ngả về nhà vua, định mang đội quân áo trắng ở Lạc Dương quyết sống mái một trận. Nhân lời tâu của Tôn Thất Hội, Thế Tổ bèn thưa với mẹ, giao cho Thái tử Cảnh ở lại trấn thủ Gia Định, tự mình đem quân đi đánh. Bấy giờ Thế Tổ gọi họp các tướng để bàn định việc xuất quân. Giao cho Chưởng tiền quân Tôn Thất Hội chức Khâm sai Bình Tây đại tướng quân, Chưởng hậu quân Võ Tánh làm Khâm sai tham thặng Bình Tây đại tướng quân, Chưởng dinh tiên phong Nguyễn Văn Thành làm Khâm sai Bình Tây tiền tướng quân, Chưởng cơ quản trung chi

Nguyễn Huỳnh Đức làm Khâm sai chưởng Hữu quân dinh Bình Tây phó tướng quân, đặt dưới quyền điều khiển của Tôn Thất Hội, Trung doanh giám quân Nguyễn Văn Trương đốc thúc việc thu tô thuế của bốn doanh, Hộ bộ Phan Thiên Phước cùng Tham tri Nguyễn Đức Chí đôn đốc thuyền lương, Cai cơ Võ Di Nguy quản Trung thủy doanh Nội thủy, Cai cơ Nguyễn Đức Thiện chỉ huy chi Hiệu Nghĩa, ra Quảng Ngãi chiêu tập nghĩa binh các đạo đóng đồn ở đạo Hưng Phước và Phố Châm thuộc các sách người Thượng.

Đô đốc Tây Sơn Nguyễn Công Thái người ở huyện Đồng Xuân Phú Yên, nguyên chỉ huy đạo Trung Dũng của Tây Sơn đưa quân đến quân doanh xin hàng, được trao chức Khâm sai đô đốc, sai đi chiêu mộ quân sĩ cũ lập thành chi Hiệu Trung, đặt dưới sự điều khiển của Nguyễn Văn Thành, tiến đóng các lộ Thạch Tân, Sa Lung. Cai bạ ở Phiên Trấn là Nguyễn Tử Chu cùng Hình bộ Nguyễn Công Nghị giám sát các doanh thuỷ bộ để nghiêm cấm quân sĩ cướp phá.

Mọi việc cắt cử đâu đấy đã xong, định tới đầu mùa hạ sẽ cất quân.

Tôn Thất Hội cùng Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Huỳnh Đức chỉ huy quân bộ đánh quân của Đô đốc Tây Sơn Hồ Văn Tự ở Phan Rí. Tự bỏ trốn theo đường thượng đạo Tham Lô. Quân Thế Tổ thu phục đất Bình Thuận. Thế Tổ sai quản lãnh chi Kiến Võ là Nguyễn Văn Tính đóng giữ Bình Thuận. Võ Di Nguy và Nguyễn Văn Trương chỉ huy thủy binh các đạo tiến đến Hòn Khói. Quân của Võ Tánh cũng tiếp đến, hai mặt dồn đánh. Chỉ huy quân Tây Sơn là Trí bỏ chạy về Quy Nhơn. Quân Thế Tổ thu phục huyện Bình Khang, thừa thắng tiến thẳng đến Xuân Đài thuộc Phú Yên, đánh quân của Đô đốc Tây Sơn Hồ Văn Điềm đóng ở lũy La Đài. Điềm thua chạy, quân Nam triều thu phục Phú Yên.

Thế Tổ ra lệnh cho phó Trung thủy dinh Trung quân Nguyễn Văn Nhơn tạm ở lại giữ Phú Yên, sai Nhơn đem binh dân đến hành tại để chờ điều động. Cai đội Võ Văn Lượng cùng Tiền chi hiệu úy Nguyễn Văn Đức đánh nhổ lũy Hoa Bông, thu phục Diên Khánh. Nguyễn Văn Trương và Võ Di Nguy bảo hộ ngự thuyền tiến đóng ở cửa biển Thi Nại. Võ Tánh tiến đánh nhổ lũy Thi Nại, đuổi đánh quân Tây Sơn ở cầu Tân Hội. Tánh đóng quân ở Bình Thạnh, Nguyễn Nhạc sai con là Bảo ra ngoài thành giao chiến, bị đánh thua, phải bỏ chạy. Bảo rút về đóng đồn từ núi Thổ Sơn tới núi Úc Sơn để chống quân Nam triều. Quân bộ của Tôn Thất Hội theo hai đường Hà Nha,

Cù Huân kéo tới. Thế Tổ truyền lệnh cho Hội bí mật sai quân chặt cây ở gò Phú Quí, giả vờ mở đường tiến quân để cho quân Tây Sơn nghi, rồi cùng Nguyễn Văn Thành đang đêm vượt Kỳ Sơn, hội quân với Võ Tánh đánh úp phía sau. Quân Tây Sơn bất ngờ bị đội voi chiến làm tan vỡ rối loạn. Tư khấu Võ Văn Dũng, Đô đốc Đào Văn Hổ chạy trốn. Quân Thế Tổ nhổ lũy Thổ Sơn. Lê Văn Duyệt và Võ Văn Lượng tiến đánh nhổ lũy Úc Sơn, thu được súng ống khí giới nhiều vô số. Bảo chạy về Quy Nhơn. Nguyễn Nhạc giận Quang Toản không cho quân vào cứu, nói với Bảo:

– Bốn bể đều là anh em, sao bọn họ nỡ vô tình như thế ?

Bảo thưa:

– Đội quân cha con một lòng thì mới mong xong việc được.

Nhạc gật đầu nói:

– Ta cứ phòng thủ kiên cố, xem quân Nam làm gì được ta ?

Nói đoạn, Nhạc ra lệnh đóng chặt cửa thành phòng thủ. Bọn Tôn Thất Hội, Nguyễn Văn Thành tiến đóng ở núi Tam Tháp. Nguyễn Nhạc sai tướng là Đô đốc Đẩu, Tham tán Tú đóng đồn ở núi Khố Sơn[1], dựa vào địa thế cao bắn súng lớn, quân Nam triều không thể tiến lên được. Thế Tổ muốn chọn người cho trà trộn vào quân Tây Sơn để thi hành mật kế. Lúc ấy có Trần Công Hiến người Quảng Ngãi, năm trước ứng nghĩa, định cướp đường quy phục Nam triều, nhưng không địch nổi quân Tây Sơn. Nay Hiến đến quân doanh xin tự mình đang đêm tới Càn Dương, bí mật lọt vào lũy giặc, tùy cơ làm nội ứng. Thế Tổ khen ngợi sai đi. Lại sai Nguyễn Đức Xuyên một mình đến trước lũy, nói to với quân Tây Sơn:

– Nay quân Nam triều đã chiếm được từ cầu Tân Hội tới núi Tam Tháp. Chủ các ngươi phải thu binh vào thành, đại quân ta bốn mặt bao vây, thành Quy Nhơn chẳng bao lâu nữa sẽ bị triệt hạ. Thế mà các ngươi vẫn vì bọn đội Đẩu mà cố thủ cô thành, chẳng phải là tự chuốc lấy cái chết hay sao ?

Quân Tây Sơn nghe vậy không bắn súng ra nữa.

Thế Tổ sai Nguyễn Văn Trương vào lúc rạng sáng đốc thúc đại quân liên tiếp tiến đánh. Trần Công Hiến một mình xông xáo đánh phá ở trong lũy. Quân Tây Sơn rối loạn, mở cổng lũy đầu hàng. Tham

---

1. ĐNTL (bản Duy Minh thi) chép tên núi này là Phố Sơn.

tán Tú và Đô đốc Đẩu của Tây Sơn chạy trốn. Quân Nam triều chiếm lũy Khố Sơn. Tiếp đó các đạo quân bộ của Võ Tánh và Tôn Thất Hội tiến sát bên ngoài thành Quy Nhơn vây xung quanh thành.

Bấy giờ Thế Tổ tới xứ Lam Kiều. Nguyễn Văn Thành từ đồn Phước Hậu tới yết kiến. Quân Tây Sơn thừa dịp sơ hở đánh úp đồn Phước Hậu. Nguyễn Văn Thành liền dẫn quân quay về đánh, chém được vài trăm tên quân của Tây Sơn. Rồi đó Văn Thành đem quân về hợp sức với đại quân đánh phá Quy Nhơn, Trương Phúc Luật quản lĩnh hơn hai mươi chiếc thuyền của các ban túc trực tiến đánh cửa Thái Cần, đoạt được bảy thuyền của Tây Sơn, thừa thắng tiến thẳng tới cửa biển Đại Áp, đốt thủy trại của quân Tây Sơn. Thế Tổ sai Nguyễn Văn Trương tiến đánh Phong Mãi để chặn đường chi viện của thủy binh giặc, rồi tự đốc thúc binh thuyền đánh vào cửa An Dụ. Trương cùng Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn Đức Thiện chia làm ba đường tiến đánh Lại Dương, Bản Trường, đốt cháy nhiều chiến thuyền của Tây Sơn. Tiếp đó lại đánh các cửa Mỹ Ý, Tân Quan. Quân Tây Sơn tan vỡ tán loạn.

Thế Tổ truyền lệnh cho Nguyễn Văn Nhơn cùng Võ Văn Lượng, Nguyễn Long Quân trở về Phú Yên, đắp lũy La Đài, dựng kho chứa thóc, chuẩn bị quân nhu đầy đủ. Thế Tổ triệu Trần Công Hiến đến trao cho chức Tổng nhung cai cơ, ban cho thẻ yêu bài [1] sai Hiến về Quảng Nam chiêu mộ cho được khoảng bảy trăm quân để bổ sung cho Hữu chi đóng giữ ở Vệ Giang.

Thế Tổ lại lệnh cho các tướng nên thừa cơ cấp tốc đánh phá thành giặc. Bấy giờ quân Nam triều đang vây bức thành Quy Nhơn, khiêu chiến suốt mấy ngày mà Nguyễn Nhạc vẫn cố thủ không ra. Tôn Thất Hội đang định đến ngự doanh để bàn mưu với Thế Tổ thì có gián điệp ở Phú Xuân báo tin Nguyễn Nhạc sắp có viện binh từ Phú Xuân vào.

Đúng là:

Mèo con mấy bận giương cung võ,
Mả tổ khôn lo rước voi giày.

---

1. *Yêu bài:* thẻ quân lệnh đeo ở thắt lưng.

HỒI THỨ MƯỜI LĂM

Chiếm Quy Nhơn, tướng Tây Sơn đổi kế
Cứu Diên Khánh, quân Đông cung lại về

Lại nói chuyện quân Thế Tổ vây đánh Quy Nhơn đã lâu, Nguyễn Nhạc thế quẫn, bèn viết thư sai quân ruổi ngựa cấp báo với Phú Xuân. Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản sai tướng là Thái úy Phạm Công Hưng, Hỗ giá Nguyễn Văn Huấn, Tư lệ Lê Trung, Tư mã Ngô Văn Sở dẫn một vạn bảy nghìn quân bộ, tám mươi thớt voi, Thống lĩnh Đặng Văn Chân dẫn ba mươi chiến thuyền, chia làm năm đường kéo vào tiếp viện.

Tin báo về hành tại, Thế Tổ sai Nguyễn Văn Thành đem quân ra cửa Thạch Tân chặn địch. Bọn Phạm Công Hưng theo đường khác từ Sa Lung vòng ra mặt sau quân Nam. Nguyễn Văn Thành lui về giữ Lại Dương, gặp quân của Hưng, hai bên đánh năm trận đều đuổi được. Nhưng quân của Hưng lợi về tốc chiến, Nguyễn Văn Thành sợ không chống cự nổi, bèn theo đường bộ chạy về cửa Thi Nại cùng hội quân với thủy binh. Chưởng cơ đạo Quảng Ngãi là Trần Ngọc Chữ giao chiến với Tây Sơn, tử trận ở sông Trà Khúc. Nguyễn Đức Thiện rút quân về đóng ở núi Cung Quang. Trần Công Hiến giao chiến với Tư mã Ngô Văn Sở bị thua, chạy về quân doanh ở Thi Nại. Tôn Thất Hội tâu với Thế Tổ:

– Quân thế của Phạm Hưng rất mạnh, xin Chúa thượng ra lệnh cho các tướng sĩ giữ vững các thành lũy mới lấy được, còn Chúa thượng hãy tạm rút quân về để tránh mũi nhọn của bọn chúng, chờ khi quân địch sơ hở sẽ đưa quân tiến đánh.

Thế Tổ bèn bảo các tướng rằng:

– Thành Quy Nhơn kiên cố, chưa thể hạ ngay được, ta phải tạm thời lui quân, nhưng rút từ từ, không được cướp phá tài sản của dân chúng. Nếu quân Tây Sơn đuổi đánh phía sau thì hậu quân đổi làm tiền quân, vừa đánh vừa rút, không cần thắng, chỉ cốt bảo toàn quân mình là chính.

Khi đại quân đã lui về Phú Yên, có người lo viện binh của Tây Sơn đuổi theo, Nguyễn Văn Thành nói:

– Cảnh Thịnh ở Thuận Hóa và Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn, bên

ngoài là thân thích, nhưng bên trong là cừu thù, danh tuy là cứu viện, nhưng thực là muốn mưu đồ thôn tính. Nguyễn Nhạc thì tự cứu mình chẳng xong, còn đuổi theo sao được!

Thế Tổ sai Tôn Thất Hội giữ Phú Yên để chặn Tây Sơn, còn mình rút quân về. Hội đắp lũy Bình Khang, lại đắp thành đất ở Nha Trang, gọi là thành Diên Khánh, giao cho Nguyễn Văn Thành đóng giữ. Cai cơ dinh Hậu thủy là Nguyễn Suyền đến đóng giữ huyện Bình Khang.

Có người nói:

– Quân ta đi qua Bình Thuận, nhiều người bị phiên vương Thuận Thành là Tá đón đường cướp giết. Tên giặc này không trừ đi thì khác nào tiếp tay cho Tây Sơn. Xưa Minh vương diệt Chiêm đặt trấn Thuận Thành, phong Kế Bá Tử làm Thuận Thành phiên vương, cho quân lính người Kinh theo hộ vệ. Sau đó Minh vương lấy các vùng đất phía Tây Phan Rí, Phan Rang làm phủ Bình Thuận, đặt quan cai trị; những vùng còn lại thì vẫn cho thuộc quyền của Kế Bá Tử. Kế Bá Tử chết, Cai cơ Tá nối ngôi làm phiên vương. Khi Tây Sơn đánh vào, Tá đem hết ấn hiệu, sắc phong ra đầu hàng. Khi quân ta rút về Gia Định, Tá chiếm các động người Man, chống lại quan quân.

Bấy giờ có hai tù trưởng của Tá là Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Văn Chấn không chịu theo Tá đầu hàng Tây Sơn, tự dẫn hai trăm quân bản bộ vào quy phục, Thế Tổ cho lệ thuộc vào doanh Tiền quân. Nghe lời các tướng, Thế Tổ bèn sai Nguyễn Văn Hào đem quân tiến đánh, bắt chém Tá. Rồi đó Thế Tổ ra lệnh cho các tướng thu quân về.

Đoàn chiến thuyền ra tới biển khơi thì gió to nổi lên, Lễ bộ tham tri Nguyễn Đức Trí, thuộc nội cai cơ Lưu Văn Trung bị lật thuyền chết đuối (Trí người huyện Phù Cát, Bình Định, theo đi đánh dẹp có công. Trung người huyện Bình Dương, Gia Định, có công ở Vọng Các). Thế Tổ ra lệnh cho quân thủy lên bờ rút về bằng đường bộ.

Tướng của Quang Toản là bọn Phạm Công Hưng thấy quân Nam đã rút đi, bèn vào thành Quy Nhơn. Nguyễn Nhạc sai bưng một mâm vàng, một mâm bạc ra khao quân, sai con là Bảo đến cảm tạ rằng:

– Phụ vương tôi có chút lễ mọn uý lạo quân sĩ.

Hưng nói:

– Phải mang cả tòa thành này mà khao quân nhà vua!

Rồi Hưng sai tịch biên kho tàng, thu hết khí giới mà chiếm lấy thành Quy Nhơn.

Nhạc tức giận nói:

– Toản không nghĩ tới nhà bác nữa sao ? Ta xin ngươi cho quân cứu viện mà ngươi lại chiếm thành của ta ! Ngươi mà giữ trọn được thân xác thoát khỏi tay quân Nam thì thằng bác này chết cũng cam lòng. Còn thằng giặc Hưng kia theo đóm ăn tàn, rồi quân sẽ nghiền nát mày ra.

Nhạc có ý muốn chống lại Hưng, nhưng không có người ủng hộ, tình thế không biết làm thể nào, tức hộc máu mà chết. Bấy giờ là vào tháng Chín năm Quý Sửu (1793). Nguyễn Nhạc khởi binh năm Giáp Ngọ (1774), xưng Tây Sơn vương năm Bính Thân (1776), xưng Trung ương hoàng đế năm Mậu Tuất (1778) đến năm này mất, tung hoành được hai mươi năm.

Phạm Công Hưng báo tin về Phú Xuân. Quang Toản mừng nói:

– Chí của tiên phụ muốn diệt Quy Nhơn để hoàn thành nhất thống, đến nay mới được toại nguyện.

Rồi Quang Toản sai bề tôi bộ Lễ chuẩn bị lễ vật để làm lễ tấu cáo lăng miếu. Toản lại cùng cậu là Bùi Đắc Tuyên bàn nhau phong cho con Nhạc là Bảo tước hiệu là Hiếu công, cắt cho một huyện Phù Ly làm thực ấp, lấy hiệu là "Tiểu Triều", sai Tham nghị Bùi Đắc Trụ phụ giúp cho Bảo, nhưng thực là để ngầm ức chế Bảo. Mẹ Bảo nói khích rằng:

– Khai thác đất đai đều là công lao của cha mày, nay chỉ ăn lộc một ấp, chịu nhục như thế thì thà chết còn hơn.

Thế là Bảo nảy ý bất hòa với Toản.

Nguyễn Văn Thành ở Diên Khánh do thám biết được việc đó nói với thuộc hạ:

– Thật là hồng phúc của nước, Nhạc vừa bị trời diệt, chỉ còn hạng giặc non. Bảo mà chẳng phải của báu, Toản mà chẳng thể kế thừa [1]. Bọn tên Hưng là lũ gian tặc chẳng tránh khỏi bị băm thây. Ngươi thay ta về Gia Định xin với Chúa thượng mau mau ra quân, sớm trừ giặc nước, báo mối thù tử trận cho cha ta.

Nói đoạn Nguyễn Văn Thành sai người thuộc viên đó vào Gia Định tâu lên Thế Tổ.

Lại nói Thế Tổ xem xong biểu tâu của Nguyễn Văn Thành bèn bảo Tống Phước Đạm:

– Thành có nhuệ khí dẹp giặc, lòng son đáng khen, nhưng đại

---

1. Câu này dùng cách nói lộng ngữ: *Bảo* có nghĩa của báu, *Toản* có nghĩa là nối, kế thừa.

quân vừa mới về, chưa tiện hành động. Đất Diên Khánh bốn phía chiến trường, sinh linh lầm than khổ cực. Nay ta sai Đông cung ra đó trấn giữ, Khanh hãy gắng giúp đỡ.

Thế Tổ cho gọi Nguyễn Văn Thành về Gia Định, lệnh cho Thái tử Cảnh đến đóng giữ ở Diên Khánh. Lại sai Tống Phước Đạm và bọn Phạm Văn Nhơn, Tống Viết Phước, Bá Đa Lộc đi theo để giúp đỡ. Thái tử Cảnh sắp ra đi, Thế Tổ dặn rằng:

– Ta nếm đủ mọi cay đắng mới có được mảnh đất cỏn con này. Ngươi hãy gắng úy lạo vỗ về, điều độ đứng đắn, khiến cho trăm họ biết ý dụng binh của triều đình là ở yên dân. Dân được yên vui thì họ mới theo ta. Có thế mới có thể diệt trừ được Tây Sơn. Ngươi đối với ta, tình cha con, nghĩa là quân thần, có công thì thưởng, có tội thì phạt theo đúng phép công.

Đông cung Cảnh cúi lạy vâng mệnh ra đi.

Thế Tổ sai Chưởng cơ Nguyễn Văn Tứ mang quân bản bộ đi do thám trước theo sự điều khiển của Đông cung. Cai đội Nguyễn Văn Khiêm cùng với tướng trấn thủ đồn Thạch Thành là Nguyễn Long mang quân bản bộ trở về thành Diên Khánh để nhận lệnh điều động. Võ Văn Lượng cùng Lưu thủ Nguyễn Văn Nhơn, Cai cơ Nguyễn Đức Thành giữ Phú Yên. Thế Tổ lại cho gọi Tôn Thất Hội về. Hội xin bỏ vương hiệu của nước Thuận Thành, đổi làm trấn Thuận Thành, đặt lệ thuộc vào dinh Bình Thuận, sai Nguyễn Văn Hòa làm chánh trấn, Nguyễn Văn Chấn làm phó, quản lãnh phiên liêu và các sách người Thượng, hàng năm thu tô thuế.

Thống lãnh Thanh Hoa thượng đạo là Hà Công Thái dâng biểu xin đi thu các khoản tô thuế. Thế Tổ hậu thưởng cho và sai đi. Lại lệnh cho Thái chiêu tập đội nghĩa dũng để hưởng ứng với quân của triều đình.

Đông cung Cảnh dâng biểu nói ở thành Diên Khánh không đủ quân nhu. Thế Tổ sai Nguyễn Văn Thành đôn đốc thuyền lương tới cung cấp, nhân tiện do thám động tĩnh của bên quân Quang Toản như thế nào.

Bấy giờ Quang Toản sai tướng Nguyễn Quang Diệu đem thủy binh vào cửa biển Nha Trang, Nguyễn Văn Hưng đem bộ binh đến Bình Khang, hộ giá Nguyễn Văn Huấn, kiểm điểm Trần Nhật Kết mang quân vào cướp phá Phú Yên. Tướng Trấn thủ Nguyễn Văn Nhơn lui về giữ La Bàn thượng đạo. Vừa lúc ấy Tống Phước Đạm

mang quân đi tuần hành, đến Tô Hà nghe tin quân Tây Sơn vào đánh. Phước Đạm gửi thư cho Nhơn nói: "Các ông cầm quân không quá ba nghìn. Quân giặc kéo tới đông hơn bốn vạn, biết khó mà lui, ấy là sự khéo xử của con nhà võ".

Văn Nhơn biết ít không thể địch nhiều, bèn cùng với Võ Văn Lượng, Mạc Văn Tô, Nguyễn Đức Thành dẫn quân lui về Phan Rang. Lúc này có lệnh của Thế Tổ cho Nhơn mang quân sở thuộc bảo vệ thuyền lương tới Diên Khánh, sau đó theo sự điều khiển của Đông cung.

Văn Nhơn trên đường đưa quân về Diên Khánh bị quân Tây Sơn đuổi theo. Đông cung sai Trần Văn Tín mang quân ra nghênh chiến, đánh bại quân Tây Sơn ở Thanh Khê. Tướng Tây Sơn tung hết quân ra đánh, quân Tín hơi lùi. Quân Tây Sơn tiến đến bao vây thành Diên Khánh khắp ba mặt. Đông cung cùng bọn Văn Lượng đóng chặt cửa thành cố thủ, sai Mạc Văn Tô đóng đồn ở Tam Độc, Nguyễn Văn Nhơn đóng đồn ở Long Cương, Nguyễn Long đóng đồn ở thượng đạo để ngăn giặc và mở thông đường tiếp viện của quân Nam triều.

Thế Tổ nghe tin cấp báo, bèn sai Nguyễn Hoàng Đức cùng với Nguyễn Thái Nguyên, Nguyễn Công Nghị ở lại đóng giữ Gia Định, Nguyễn Văn Trương đến thay Nguyễn Văn Thành quản lãnh chiến thuyền chuẩn bị đánh giặc, Trương Phúc Luật quản lãnh ban trực quân Thần Sách tuyển chọn quân tinh nhuệ trong ban Tả Hữu cho ba vệ tiến trước ra Bình Thuận. Hộ bộ Trần Đức Khoan, Tham tri Nguyễn Văn Mỹ hiệp sức với Nguyễn Kỳ Chế chở thuyền lương tới cửa biển Tắc Khái để cung cấp cho quân sĩ.

Kế người Lệ Thủy, Quảng Bình, trước kia theo Chu Văn Tiếp làm Cai hợp, sau thăng chức Chính dinh câu kê, cùng với Ký lục Ngô Hữu Hựu thu các khoản thuế biệt nạp để bổ sung vào việc chi dùng cho Nhà nước, khi về triều được thăng Hộ bộ hữu tham tri, cùng với Chính khanh Phan Thiên Phước coi giữ việc tài chính. Bấy giờ quân Nam triều đánh đông dẹp Tây, tốn phí rất lớn, nhờ tay Kế mà lương tiền được dồi dào đầy đủ. Thế Tổ khen Kế mẫn cán, giao cho chủ việc quân lương ở Diên Khánh.

Ngày thứ tư năm Giáp Dần (1794) Thế Tổ đích thân chỉ huy trung quân tiến đánh, sai Tôn Thất Hội Tiết chế Thủy dinh, đóng đồn ở vũng La Nhung, Võ Di Nguy quản lãnh dinh Trung thủy tiến quân theo đường biển. Gặp thuyền quân Tây Sơn ở Kỳ Na, Trương Phúc Luật cho chiến thuyền tiến đánh, đoạt được kho lương Phan

Rang, rồi tiến quân đến Chư Châu, lại đánh sang Phú Yên, bắt được một thuyền tuần thám của Tây Sơn.

Quân Tây Sơn mấy ngày liền đánh thành Diên Khánh không hạ nổi, nghe tin đại quân kéo tới, tan vỡ chạy trốn. Thế Tổ liền sai Tôn Thất Hội làm tiên phong, Võ Tánh làm hậu tập, chỉ huy trung quân đuổi đến Xuân Đài, đánh tan quân Tây Sơn do Đô đốc Thiêm chỉ huy. Nguyễn Văn Thành chỉ huy quân Tả chi của thượng đạo tướng quân Nguyễn Long, Võ Văn Lượng cùng với tướng giữ Bình Thuận là Nguyễn Văn Tính chỉ huy dinh Tả quân cùng sáu vệ quân Thần sách theo Đông cung đánh giặc ở ba lũy Hà Nha, Đồng Thị và Chủ Sơn. Cai hợp Nguyễn Đình Lan người huyện Phước Lộc, Gia Định, tử trận. Quân của Đông cung bắt sống hơn hai nghìn tù binh. Đô đốc Tây Sơn là Nguyễn Văn Mân bỏ chạy. Đông cung lại trở về lũy Tân Thị chờ sẵn để hộ giá Thế Tổ. Văn Thành chỉ huy quân các vệ đóng giữ ở La Đài. Nguyễn Văn Nhơn quản lĩnh chiến thuyền đi tiền đạo, cùng Nguyễn Văn Trương đánh quân Tây Sơn do Nguyễn Văn Chân làm Thống lãnh, Nguyễn Văn Thận làm Đổng lý ở cửa An Dụ, cướp được hơn mười thuyền lương, rồi thừa thắng tiến vào cửa Đại Cổ Lũy ở Quảng Ngãi. Nguyễn Đình Đắc mang ba trăm quân bản bộ đuổi theo Nguyễn Văn Thận, giao chiến ở núi Tam Tòa. Trần Đăng Long bị quân Tây Sơn bắn bị thương ở chân, băng bó vết thương xong lại hăng hái chiến đấu. Quân Tây Sơn bị bắt sống hơn tám trăm tên. Trần Công Hiến chỉ huy quân Hùng võ theo Nguyễn Văn Trương đánh giặc là đô ngu Nguyễn Văn Giáp ở kho Phú Đăng, cướp được hết thảy thuyền lương. Tiền quân phó tướng Nguyễn Văn Thư trúng đạn chết tại trận. Thư người huyện Kiến Phong, trấn Định Tường, trước kia chiêu mộ quân nghĩa dũng theo Tôn Thất Hội, từng giữ đạo Kiền Đồn và đóng đồn ở Xào Châu, Phòng Ngự, Ba Thắc, có công, nay tử trận.

Tôn Thất Hội tiến đánh các lũy Tiêu Ky, Mai Hương, cướp được nhiều khí giới. Võ Tánh phá giặc ở phố Hội An, tiến công đồn ở cửa Thi Nại. Các tướng muốn thừa thắng tiến thẳng đến Quy Nhơn. Bá Đa Lộc có biết thiên văn, tâu xin rút quân để đề phòng gió to. Thế Tổ ra lệnh cho chiến thuyền lui về đóng ở Vũng Lấm. Ngày hôm sau gặp bão, chiến thuyền Tây Sơn bị đắm quá nửa mà thủy quân của quân Nam không tổn hại. Quân Tây Sơn cho đó là có thần giúp, bèn án binh cố thủ các nơi hiểm yếu. Quân Nam chưa thể tiến đánh được, cũng lui về đóng ở Diên Khánh, sửa đồn tích lương để phòng thủ.

Thế Tổ muốn chọn tướng làm trấn thủ Diên Khánh, vừa hay Võ Tánh xin đảm đương công việc ấy. Thế Tổ truyền lệnh cho Đông cung đốc suất bộ binh rút về trước, lấy Võ Tánh làm trấn thủ Diên Khánh. Lại sai Thượng đạo cai cơ Nguyễn Văn Nguyên (người huyện Đồng Xuân) đóng giữ Thạch Thành; Võ Văn Lượng và Nguyễn Long đóng giữ Phú Yên; Trương Phúc Luật, Nguyễn Văn Trương đóng giữ Chỉ Châu. Rồi đó Thế Tổ khải hoàn đem quân trở về Gia Định. Dọc đường Tống Phước Đạm lâm bệnh chết. Phước Đạm từng vất vả rong ruổi ở Xiêm, Miến, tỏ rõ lòng trung ở chốn xa xôi. Khi Thế Tổ trở về Gia Định, Phước Đạm lập công hàng đầu, mưu lược nơi màn trướng phần nhiều sáng suốt, giúp Đông cung làm Giám quân hiệu lệnh nghiêm chỉnh, chẳng nể thân quý, được Thế Tổ kính trọng nhờ cậy, đến đây mất. Người sau, có câu đối viếng rằng:

Quân tương tín chi thâm, hải bang sơn quốc, thiên vạn lý kỳ khu, huy bất khứ, chiêu bất lai, hoàn tiết Mai Đức Nghị, Bạch Doãn Triều dĩ thượng;

Thiên hà đoạt chi tốc, tài chính binh cơ, lục thất niên trù hoạch, chiến tắc thắng, thủ tắc cố, luận công Võ Di Nguy, Chu Văn Tiếp kỳ gian.

Dịch:

"Vua tin cậy sâu xa, sông núi giang sơn nghìn vạn dặm ruổi rong, bảo chẳng đi, vời chẳng về, trọn tiết Mai Đức Nghị, Bạch Doãn Triều còn kém;

Trời đoạt sao chóng thế, tài chính binh cơ, sáu bảy năm trù hoạch, đánh là thắng, giữ là vững, luận công Võ Di Nguy, Chu Văn Tiếp nào hơn !"

Thế Tổ nghe tin Phước Đạm mất, bèn sai đưa thi hài về Gia Định hậu táng. Cũng nhân dịp này, Thế Tổ xét công chiến đấu để thăng thưởng cho các tướng. Nguyễn Đình Đắc tâu rằng Đặng Trần Thường người Bắc Hà có thể bổ khuyết vào chức Á khanh cho đủ.

Thật là:

Chân nhân ứng vận không khó dễ
Chí sĩ theo vua có tử sinh.

HỒI THỨ MƯỜI SÁU

Vây Diên Khánh, Võ Tánh xin quân
Đốt Khố Sơn, Nguyễn Diệu bại trận

Lại nói chuyện Đặng Trần Thường, người huyện Chương Đức trấn Sơn Nam, là dòng dõi Tham tụng Đặng Đình Huấn triều Lê, đỗ sinh đồ thời Lê Mạt. Gặp thời loạn, Thường ẩn tung tích, có chí xa tìm minh chúa. Nguyễn Đình Đắc vâng mệnh chúa Nam triều ra Bắc chiêu dụ hào kiệt, Thường cùng với bọn Nguyễn Bá Xuyến, người làng Phú Diễn, huyện Thanh Oai, vượt biển vào Nam, tìm đến Diên Khánh, xin yết kiến Đông cung. Đông cung hậu thưởng, rồi để cho Thường đi tiếp vào Gia Định. Đến cửa Cần Giờ, Đình Đắc sai người dâng biểu của Thường vào hành tại. Thế Tổ xem xong lấy làm lạ, vội cho đưa Thường vào yết kiến. Thế Tổ hỏi tình hình Bắc Hà, Thường trả lời từng điều rất đúng ý. Trong chiến dịch Diên Khánh, Thường theo trù hoạch việc quân, nay trở về, Thế Tổ nghe lời tâu của Đình Đắc, thăng cho Thường giữ chức Lại bộ Hữu tham tri. Thường và Đình Đắc tâu rằng:

– Giặc thua trận, thế tất lại kéo quân tới. Diên Khánh là chỗ ngành ngọn dễ gãy, xin sức cho Võ Tánh chuẩn bị trù hoạch binh cơ.

Bấy giờ Võ Tánh trấn thủ Diên Khánh mới được mấy tháng, đang ra sức luyện tập sĩ tốt, tu sửa khí giới, xây đắp đồn lũy, giữ nghiêm việc phòng thủ để đợi giao chiến với quân Tây Sơn. Bỗng có quân do thám báo tin tướng Tây Sơn Nguyễn Quang Diệu đã đem quân tới Phú Yên.

Trước đây, vua Tây Sơn là Nguyễn Quang Toản bảo Quang Diệu rằng:

– Quân Nam triều đánh một trận mà lấy được bốn thành của Thái Đức (Bình Thuận, Bình Khang, Phú Yên, Diên Khánh). Do bá phụ thế cô, mới đến nông nỗi ấy. Nay triều ta đã lấy được Quy Nhơn, nếu không thu phục Diên Khánh thì thành Chà Bàn thế cô, tất bị Nam triều chiếm. Tướng quân nên đưa quân vào đánh Diên Khánh, không được để cho Võ Tánh một mình xưng hùng, xưng bá.

Rồi Quang Toản lệnh cho Quang Diệu xuất quân vào ngày tháng Mười năm Giáp Dần (1794), lấy Tư lệ Lê Trung làm phó, đưa quân vào xâm phạm Phú Yên. Tướng trấn thủ của Nam triều là Nguyễn Long, Võ Văn Lượng thám thính thấy quân Diệu thế to, bèn lùi về giữ đồn Bình Khang, dự định sẽ đưa quân vào thành Diên Khánh giúp việc cố thủ. Võ Tánh sai lính ruổi ngựa mang thư vào Gia Định cấp báo. Thế Tổ thấy đường biển chưa tiện mùa gió để xuất chinh, bèn bảo các tướng:

– Quân Tây Sơn từ xa tới, lợi ở đánh nhanh, khanh nên giữ vững, lấy quân sung sức mà đánh quân mệt mỏi.

Rồi Thế Tổ ban thưởng quần áo rét cho tướng sĩ. Võ Tánh truyền lệnh trong quân phòng thủ nghiêm cẩn, không được mở cửa thành ra giao chiến. Diệu thấy phía trước không có trở ngại, bèn tiến đánh Bình Khang. Võ Tánh lại gửi thư báo cấp. Thế Tổ truyền rằng "Giặc kéo đến là có ý đánh chiếm Diên Khánh. Nay trong thành khí giới đầy đủ, lương thảo dồi dào. Nó giỏi đánh, ta giỏi giữ, chớ nên khinh động". Rồi Thế Tổ sai Nguyễn Văn Thành đem ba nghìn quân ra giữ Bình Thuận. Thành từ chối, nói:

– Tây Sơn quân đông, tướng mạnh, Bình Thuận bốn mặt đều là chiến địa, không giao cho thần năm nghìn quân thì không thể làm gì được.

Nguyễn Hoàng Đức nói:

– Tinh binh ba nghìn có thể tung hoành khắp thiên hạ. Thành Bình Thuận nhỏ xíu, giữ có khó gì !

Thế Tổ bèn sai Nguyễn Hoàng Đức làm chỉ huy, chỉ cho Thành làm phó, dẫn bộ binh tiến thẳng đến Phan Rang, từ xa làm thanh viện cho thành Diên Khánh.

Tin báo tới quân doanh của Diệu. Diệu lập tức đem quân vây Diên Khánh, sai Lê Trung đánh Du Lại để cắt đường tiếp viện của Bình Thuận. Đức bị ngăn không thể tiến được, bèn rút quân về Phố Hài, binh lương cũng không tiếp tế được nữa. Văn Thành cũng rút quân về Ma Ly (Phố Hài ở trên đường dịch trạm Thuận Phan – tức đất Phan Thiết, qua hai dịch trạm Thuận U, Thuận Lân tới Ma Ly). Ma Ly kề núi giáp biển, tiện lợi cho việc đóng quân. Bấy giờ khi rút quân về qua Phan Thiết, Nguyễn Văn Thành có làm bài thơ:

Bạc hải duyên nhai quái chiến phong,
Vương sư đình trú chỉnh nhung dung.
Chinh trần điểm xuất sơn đầu bạch,
Táo hỏa xuy lai thủy diện hồng.
Ngõa giải tư tha bằng hội thế,
Phong lai trì ngã tước bình công.
Dung tài vị học hô phong kế,
Si tọa Chu Lang hổ tướng trung.

Dịch:

Bờ biển men theo lánh nhuệ phong,
Quân vua đồn trú chỉnh quân dung.
Bụi trần mờ mịt đầu non táng,
Bếp lửa lung linh mặt nước hồng.
Thế giặc xem kìa tan ngói vỡ,
Gió to ngăn trở lập quân công.
Tài hèn chẳng thạo mưu hô gió,
Trong tướng Chu Lang luống ngẩn lòng.

Khi về tới Ma Ly, Thành lại ứng khẩu câu thơ:

Phong táp sơn yêu truyền pháo hưởng.
Đào phiên hải giác trợ bề thanh.

Dịch:

Gió nổi sườn non ầm súng nổ.
Sóng xô góc biển dậy chiêng rền.

Vừa lúc Văn Thành đối cảnh sinh tình thì Nguyễn Hoàng Đức đem quân đến. Đức nói:

– Tướng quân làm thơ là để đuổi giặc chăng ?

Rồi Đức hợp binh với Thành rút về giữ Bà Rịa. Thành bảo Đức:

– Thưa Hổ tướng quân, đất này tên là Bà Địa [1], nay chỉ còn là một vùng bạch địa thôi. Ông rốt cuộc chỉ là một người "đàn bà" trước mặt vua, có gì mà khoe khoang!

Đức cười nói:

---

1. *Bà Địa:* tức Bà Rịa đọc theo cách phiên âm chữ Hán. Ở đây Nguyễn Văn Thành nói cách chơi chữ, lặp lại chữ Địa ở từ Bạch địa (vùng đất trống không) và từ Bà (đàn bà).

– Thế thì ngài là đàn ông chắc? Địch nhiều ta ít, phải tạm thời rút lui để cho giặc sinh kiêu căng.

Thế Tổ nghe tin giận bọn Huỳnh Đức, Văn Thành khiếp nhược, sai gọi Đức và Thành về, giao cho triều đình xét tội. Thành biện bạch lý do phải rút quân. Thế Tổ xuống chiếu cho miễn tội, nhưng thu quyền cầm quân, lệnh cho phải làm thuộc tướng của Tiền quân Tôn Thất Hội.

Quang Diệu trinh thám biết viện binh đã rút, bèn đưa quân tới chiếm lũy Hoa Bông, nói với thuộc hạ:

– Người đời khen Gia Định tam hùng, thế mà Thanh Nhơn thì lập tâm bất nhân, Chu Văn Tiếp thì dùng binh bất tiếp, còn Võ Tánh quả là võ chăng? Ta thề cùng sống chết với chúng nó, xem hùng hay không hùng?

Rồi Diệu chia quân cắt đứt đường đến Diên Khánh. Võ Tánh lệnh cho quân ba vệ Tiền du, Tiền kích, Trung kích chặn đánh. Quân Diệu liều chết leo lên thành. Súng trên thành bắn xuống, quân Diệu chết và bị thương rất nhiều. Quang Diệu cho đắp lũy để vây thành. Võ Tánh thừa dịp tập kích, bắt sống Đô đốc Tây Sơn tên là Định. Diệu tức giận ra lệnh cho quân đánh thành rất gắt. Trong thành thiếu muối, tướng sĩ rất khó ăn, tranh nhau nói:

– Nay cơm không có muối, tạm hãy kéo nhau xuống đồng biển cướp muối mà ăn xem sao?

Có viên tham mưu ngăn lại nói:

– Cướp là cấp đao mà đi [1], đó là việc phi nghĩa không nên làm. Khi Thế Tổ đi Côn Lôn, biển mặn biến thành nước ngọt. Khi Hổ tướng quân [2] chạy sang Xiêm, lá cây biến thành chim chóc để cho quân bắt ăn. Chúng ta theo Nam chúa thì phải tỏ rõ trung nghĩa với Nam chúa, biết đâu trong thành Diên Khánh lại không có người mang muối ra biếu cho các binh sĩ hay sao?

Tánh biết tình hình quân sĩ như vậy, bèn lấy trung nghĩa mà khuyến khích. Quân sĩ vui vẻ nghe theo, cố chết mà đánh, quân Tây Sơn không sao thắng được. Võ Tánh lại chọn những quân cảm tử trong thành, nhân lúc đêm tối phá vòng vây chạy về cấp báo với Gia

---

1. Cách nói giải thích chữ cướp bằng cách chiết tự.

2. Hổ tướng quân chỉ Nguyễn Huỳnh Đức.

Định. Có viên đội trưởng chấp kích là Nguyễn Văn Công xin đi. Thế Tổ nghe cấp báo, biết được tình hình trong thành. Duyệt nói:

– Tánh làm tướng, người xưa cũng ít ai hơn được! Thật là may cho nước nhà.

Thế Tổ sai người truyền lệnh bảo Tánh cứ án binh bất động để đợi viện binh.

Thế Tổ lại cho vời Đặng Trần Thường vào dụ:

– Khi ở Xiêm ta mơ thấy Thượng đế hỏi: "Có phải ngươi là chúa miền Trung và miền Nam? Hãy lấy đầu ngươi!". Vậy giấc mộng ấy là điềm lành gì?

Thường thưa:

– Chữ "chúa" là tiếng xưng hô của các quan khanh, đại phu thời cổ. Chữ "vương" là hiệu gọi của người làm vua thiên hạ. Khi ở Đàng Ngoài còn có vua Lê thì Nam triều ta là bề tôi của vua Lê, nên người Bắc gọi ta là "chúa". Nay nhà Lê đã mất, mà Thượng đế lại ban cho giấc mộng ấy, tức là chữ "chúa" bỏ dấu chấm đầu, thành chữ "vương". Thần nghĩ rằng từ nay quân Nam triều ta đánh đâu thắng đó, không phải bôn ba như lúc trước. Nay thành Diên Khánh bị vây, xin Vương thượng hãy mang quân đuổi Diệu, rồi thừa thắng tiến về Kinh đô, để ứng với lòng trời.

Thế Tổ bèn thăng chức cho Thường làm Khâm sai tán lý quân vụ, lại ra lệnh cho Tôn Thất Hội đem quân đi trước tiến đóng Bà Rịa.

Hội thưa:

– Nặc Ấn nước Chân Lạp trước kia bị quân Chà Và đánh phải chạy sang nhờ vả nước Xiêm. Xin bàn với vua Xiêm đưa ông ta về nước, để bày tỏ lòng nhân thương yêu nước nhỏ của triều ta.

Thế Tổ liền sai Cai cơ Nguyễn Văn Thụy mang binh sang Xiêm hộ tống Nặc Ấn về, lập làm vua Chân Lạp. Vua Xiêm sai Chiêu Thùy Biện đóng giữ đất Bát Tam Bang. Thế Tổ lại theo lời xin của vua Xiêm, bằng lòng cắt đất Ba Thắc cho Nặc Ấn.

Thế Tổ sai Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn Văn Nhàn lấy quân Diên Khánh, theo đường thượng đạo tiến đánh để chia bớt thế lực của Diệu. Thái giám Lê Văn Duyệt tâu xin mộ năm trăm quân lập ra vệ Diệu Võ. Thế Tổ ưng chuẩn, cho Duyệt làm Vệ úy, đặt lệ thuộc vào quân Thần Sách, bàn việc mang quân cứu viện Diên Khánh.

Lại nói chuyện Thế Tổ dự định đích thân đem quân đi đánh Quang Diệu, bèn triệu hợp các tướng để bàn việc ra quân. Nguyễn Đức Huấn nói:

– Quang Diệu rất trí trá, xin Vương thượng lưu ý cho giữ nghiêm địa đầu Gia Định, để Diệu khỏi thừa dịp sơ hở đánh vào.

Thế Tổ sai Đông cung Cảnh ở lại giữ Gia Định, lấy bọn Phạm Văn Nhơn, Tô Văn Đoài, Nguyễn Đô, Nguyễn Thái Nguyên, Phan Thiên Phước, Nguyễn Công Nghị giúp đỡ Đông cung. Lại sai Nguyễn Long mang quân ra đường thượng đạo, theo đường tắt xuống thẳng Lộ Khê, Thanh Tuyền làm thế ỷ dốc cho Diên Khánh. Trần Phước Chi và Nguyễn Văn Đức mang quân tới Diên Khánh mua vét thóc gạo trong dân gian để làm kế thanh dã [1]; cho gọi Nguyễn Văn Trương về giữ Chử Câu. Lại lệnh cho các tướng chỉ huy ba dinh Trung thủy, Tiền Thủy, Hậu Thủy theo sự điều khiển của Trung quân. Ngày một tháng Tư năm Ất Mão (1795), các tướng Nguyễn Đức Xuyên, Võ Di Nguy, Tống Viết Phước, Võ Văn Lượng, Nguyễn Văn Tính, Lê Văn Duyệt và Tôn Thất Hội lần lượt đem quân lên đường.

Tôn Thất Hội đốc thúc bộ binh các đạo tiến đến gần Phố Hài. Võ Văn Lượng tiến quân đến giữ đèo Gian Nan. Võ Tánh nghe tin quân cứu viện tới liền đốc suất tướng sĩ đang đêm mở cổng thành tấn công đốt trại giặc, chia quân đóng giữ các nơi, từ Sĩ Lâm tới cầu Hoa Bông, đắp lũy để chống cự. Thuộc tướng của Diệu là Lê Trung mang quân tới đánh Phố Hài, bị quân Tôn Thất Hội đánh thua, phải bỏ chạy. Liền đó Hội đánh tới lũy Giang. Lê Trung phải rút quân về Hạc Giang. Võ Văn Lượng đốc suất số lính ở thượng đạo quân Phú Yên. Võ Văn Sở tập hợp quân người Thượng tấn công lũy quân Tây Sơn, chém đầu Đô đốc Phương.

Thế Tổ tự mình chỉ huy thuyền quân tiến đến vùng Ý Na thuộc Bình Thuận. Đúng lúc ấy, Đô đốc giặc là Nguyễn Văn Sĩ cũng từ cửa Diên Úc kéo tới. Thế Tổ sai Tống Viết Phước đem binh ra đón đánh, phá tan quân địch, chém Văn Sĩ tại trận, đánh đắm một chiếc thuyền, đoạt được bảy chiếc khác. Nguyễn Đình Đắc chỉ huy quân Hữu ngũ vệ giao chiến với quân Tây Sơn ở lũy Lạp Trường, chém đầu Đô đốc Gia và Binh bộ Tiến tại trận. Đoàn chiến thuyền của Thế Tổ tiến đến Cù Huân. Đô đốc Tây Sơn là Lê Danh Phong đóng ở lũy Dao

---

1. *Thanh dã:* thuật ngữ quân sự, có nghĩa như vườn không nhà trống.

Lô. Thế Tổ sai Nguyễn Văn Đắc và Nguyễn Đình Đắc tiến đánh. Phong có quân của Trung giúp mới giữ được lũy. Thế Tổ lại sai Lê Văn Duyệt cùng Nguyễn Đức Xuyên tiến đánh. Duyệt bảo với Đức Xuyên:

– Lũy này nhỏ nhưng kiên cố, khó đánh. Nay lập mẹo chia quân làm hai đường, tôi đánh phía sau lũy, khiến chúng phải đối phó. Tướng quân đánh vào phía trước lũy, cố phá cho được một cửa rồi hô quân đánh trống, reo hò xông vào.

Rồi đó Duyệt đốc suất ba đội vệ Diệu võ vượt sông đánh gấp vào mặt sau lũy. Quả nhiên giặc đưa nhiều quân ra chống cự. Đức Xuyên đốc xuất quân vệ Hùng võ tiến vào trước lũy đánh phá, xua quân xông vào. Quân của Lê Trung tan vỡ, Phong phải bỏ chạy.

Thế Tổ tới xem xét lũy này, Duyệt và Đức Xuyên xin chịu tội trái mệnh. Thế Tổ nói:

– Ra trận đánh thắng, đáng được ghi công. Nhưng phải cấp tốc tiến quân đánh Quang Diệu để giải vây cho Diên Khánh, có như vậy mới tỏ rõ phương lược của con nhà tướng.

Quân do thám báo tin Lê Trung sắp lui về Phan Rang. Thế Tổ sai Nguyễn Văn Đắc cùng chỉ huy Hiệu Trung chi Nguyễn Công Thái ngầm vượt sông Phan Rang đắp lũy chặn giặc. Đắc tấn công cướp kho Nàng Mai, đóng quân ở chợ Kinh Doanh. Quân của Lê Trung đánh tới, Đắc rút lui về đóng đồn ở Tam Độc. Vệ úy Đoàn Cảnh Cư từ núi Lão Lãnh tiến đánh làng Hoa Bông, bị chết tại trận (Cảnh Cư người huyện Kiến Phong, phủ Định Tường, có công ở Vọng Các). Thế Tổ sai Nguyễn Văn Đắc mang quân tới theo sự cắt đặt của Phúc Luật. Quân Tây Sơn kéo vào Đà Diễn, Võ Di Nguy liền cho thuyền binh tiến sát đảo Sầm hợp đồng với Phúc Luật đánh Phú Yên. Quân Tây Sơn không tiến lên được. Võ Văn Lượng thay Phúc Luật giữ Chủ Châu, xin Thế Tổ mang thủy quân đến lấy trước Quy nhơn.

Thế Tổ nói:

– Bỏ gần mưu xa, không phải mẹo hay.

Bèn sai Lượng quay về núi Gian Nan để phòng bị. Tôn Thất Hội xin thêm quân tập kích Lê Trung, Thế Tổ nói:

– Lời thỉnh của khanh cũng là kế hay. Song phá Diệu thì Trung tự tan, cần gì phải thêm quân?

Bấy giờ Quang Diệu bao vây thành Diên Khánh đã lâu, lại đóng

trọng binh ở Khố Sơn, sông Ngư Trường, thế quân rất vững. Thế Tổ muốn gọi Hội đến bàn mưu đánh Khố Sơn, nhưng lúc ấy Hội đang tiến quân đến sông Lương, Lê Trung chặn đánh mấy ngày liền, nhưng đều bị Hội đánh thua. Trung chạy về Do Lâm, lại bị Hội đánh bại, phải chạy về Diên Khánh hợp với quân của Quang Diệu. Hội bèn đưa quân đến chiếm Quán Lạp.

Thế Tổ sai quân đi do thám để tiến đánh Khố Sơn. Vừa lúc có tên du binh của quân Tây Sơn là Nguyễn Danh Nho đầu hàng xin làm hướng đạo. Thế Tổ sai Cai cơ Nguyễn Ngọc Mãn chỉ huy ba trăm quân Túc trực, đang đêm bí mật vượt sông Ngư Trường, ai nấy đều cởi hết quần áo rồi bò lên núi phóng hỏa đốt trại. Thế Tổ dự đoán quân Tây Sơn sẽ bỏ chạy, nên đã chia binh chặn đường. Lúc này đại quân ồ ạt kéo tới, reo hò vang dậy như gió to lửa mạnh, quân Tây Sơn sợ hãi giẫm lên nhau. Quang Diệu cũng bỏ chạy, sai thuộc tướng là Đoàn Luyện Giảng mang ba nghìn quân đóng giữ Bàn Thạch để chống cự với quân Nam. Nguyễn Văn Đắc từ Chử Châu mang quân tới cắt đường đánh quân của Đắc ở núi Cục Kịch. Đắc trúng đạn tử trận (Đắc người huyện Phước Chính, trấn Biên Hòa, từng theo xa giá tới Vọng Các, lập nhiều chiến công). Thế Tổ nghe tin báo sai Cai cơ Nguyễn Đức Thành thay quản lĩnh quân bản bộ của Đắc; lại sai Thành cùng Võ Văn Lượng theo quân của Nguyễn Đức Xuyên, bám trận mà đánh, đại phá quân Tây Sơn ở sông Bàn Thạch, bắt sống được quân tướng, voi ngựa khí giới nhiều không kể xiết. Quang Diệu thua trận, lại nghe tin Thái sư Bùi Đắc Tuyên bị Võ Văn Dũng giết, bèn nói với Lê Trung:

– Vua nhu nhược, đại thần giết hại lẫn nhau, trong triều biến động không ổn, làm sao có thể chống cự được với quân Nam?

Rồi Quang Diệu cùng với Trung dẫn quân chạy về Quy Nhơn. Thế Tổ vào thành Diên Khánh úy lạo bọn Võ Tánh:

– Diệu là kẻ địch mạnh, chỉ có khanh mới giữ được thành này. Gió to mới biết cỏ cứng, thật rất đáng khen.

Thế Tổ thưởng cho Tánh một vạn quan tiền, sai Tôn Thất Hội ở lại giữ Diên Khánh, Nguyễn Long giữ Bình Khanh, Tôn Thọ Vinh giữ Phố Hài, Phan Thiết và Vị Nê. Võ Tánh đánh giặc vất vả lại đang mang bệnh, Thế Tổ cho về Gia Định nghỉ ngơi. Các tướng sĩ hộ giá khải hoàn, mở tiệc khao thưởng, úy lạo tướng sĩ, thăng Võ Tánh tước

Quận công. Tôn Thất Hội xin lập hương binh của các huyện Bình Khanh, Diên Khánh lập thành ba mươi sáu đội Bình Sơn, Bình Hòa, Bình Thành, Bình Thủy... Mỗi đội đặt chức cai độ, đội trưởng, lấy người địa phương sung vào. Thế Tổ nghĩ tăng quân để phòng bị là việc rất cần kíp, bèn chuẩn bị lời tâu của Hội. Nguyễn Văn Vân cũng xin chiêu mộ nghĩa binh để cho đủ số sai phái.

Đúng là:

Phá giặc oai thần tâu chiến thắng,
Về triều tướng sĩ thưởng công lao.

HỒI THỨ MƯỜI BẢY

Từ Văn Chiêu đầu hàng tâu báo
Tôn Thất Thăng xin phong Thái phi

Lại nói về Nguyễn Văn Vân là con thứ của Nguyễn Văn Trương từng vâng mật chiếu đi dụ hàng Đô đốc Tây Sơn tên là Cúc, lại theo Thế Tổ đánh tan quân Phạm Văn Tham ở Mỹ Thanh. Khi Thế Tổ đánh Quy Nhơn, thuyền của Vân bị gió thổi ra tận Cửa Eo, Vân bị Tây Sơn bắt. Sau, Vân thừa dịp trốn thoát, về chiêu mộ nghĩa binh, xin lập thành vệ Chấn Phong. Thế Tổ chuẩn cho Vân giữ chức Vệ úy. Thế Tổ sai Bộ Lễ ghi tên các công thần trận vong và ốm chết từ khi trung hưng cho tới chiến dịch Diên Khánh, lập đền Hiển Trung ở Gia Định, đền Tinh Trung ở núi Hà La phủ Diên Khánh. Nghĩ vận nước gian nan, các bề tôi liều mình vì nước, Thế Tổ sai Võ Tánh chọn người sai ra Phú Xuân để do thám và bí mật khuyên dụ các tướng Tây Sơn là Từ Văn Chiêu vì tư thông với người thiếp của Nguyễn Nhạc sợ bị tội bèn trốn khỏi Phú Yên, tìm vào Gia Định xin đầu hàng Nam triều, Thế Tổ hỏi:

– Bùi Đắc Tuyên là cậu của Quang Toản, vì sao mà bị Võ Văn Dũng giết?

Chiêu thưa:

– Tây Sơn Nguyễn Quang Toản ngông cuồng, giao việc nước cho Tuyên nắm giữ, quyền sinh sát nằm cả trong tay Tuyên. Phụng chính Trần Văn Kỷ có tội, Tuyên bắt đày ra trạm Mỹ Xuyên. Khi ấy Văn Dũng làm trấn thủ Bắc Thành. Sợ Dũng cậy là quân ngoài, rồi ra sẽ là cái gai cho mình, Đắc Tuyên bèn sai người cùng phe cánh là Ngô Văn Sở thay Dũng làm trấn thủ Bắc Thành, gọi Dũng về Phú Xuân. Dũng về tới Mỹ Xuyên gặp Kỷ. Kỷ nói:

– Thái sư chuyên quyền tác oai tác phúc, sẽ là điều bất lợi cho xã tắc, nếu không sớm trừ đi, sau này hối cũng không kịp.

Dũng về Phú Xuân, ngầm mưu với Phạm Công Hưng, Nguyễn Văn Huấn, nói phao là đi đến cánh đồng phía Nam làm lễ tế cờ, rồi đang đêm đem đồ đảng tới vây nhà Đắc Tuyên ở chùa Thiền Lâm

(Tuyên lấy chùa này làm nhà ở), nhưng đêm ấy Tuyên ngẫu nhiên lại có việc ngủ lại trong phủ của Quang Toản. Dũng vây phủ, lục lọi. Toản sợ không che chở nổi cho Tuyên, đành phải giao Tuyên cho Dũng. Dũng tống Tuyên vào ngục, làm chiếu lệnh giả giao cho Tiết chế Thùy phải giải Ngô Văn Sở vào Phú Xuân và cả đồ đảng của Tuyên là bọn Đổng lý Chấn, Ngự sử Chương, tất cả hơn mười người, thêu dệt thành tội trạng phản loạn, đem dìm xuống sông cho chết cả. Quang Toản biết mà không làm gì được. Trong trận Diên Khánh, Quang Diệu tức giận rút về, tuy chưa phải là oai trời đã địch nổi Diệu, chỉ vì họa hoạn trong triều khiến cho Diệu sợ mà rút về. Nếu không thì Diệu thà chết chứ chắc đã chịu lui.

Thế Tổ hỏi:

– Diệu về Phú Xuân có thành ra cái gai cho Dũng không?

Chiêu thưa:

– Dũng cho Diệu và Đắc Tuyên có quan hệ tôn thuộc bên vợ, lo Diệu có thể báo thù, bèn giao cho Công Hưng đem quân đi đón Diệu để điều đình về việc ấy.

Nguyễn Văn Huấn giữ Quy Nhơn, nghe tin Diệu về, liền đến trước tạ tội, Diệu không thèm hỏi. Về đến Phú Xuân, Diệu đưa quân về An Cựu, đóng đồn ở bờ Nam sông Hương. Dũng và Nội hầu Tứ đóng quân ở bờ Bắc, ép buộc Quang Toản phải cho chiếu lệnh đem quân đi đánh Diệu. Quang Toản không biết làm thế nào, đành phải sai người tới khuyên dụ, hòa giải. Diệu mang tả hữu vào cung yết kiến Toản, rồi cùng với Dũng giảng hoà.

Thế Tổ hỏi:

– Tướng Tây Sơn giữ thành Quy Nhơn nay có phải là Huấn không?

Chiêu thưa:

– Diệu cho Huấn là người thân tín của Dũng đã xin Toản triệu về, lấy Lê Trung thay Huấn giữ Quy Nhơn. Vậy Lê Trung là kẻ đối đầu với tướng giữ thành Diên Khánh hiện nay đó. Nay các tướng của Tây Sơn kết bè, kết đảng, thù hằn nhau, thế tất tan vỡ từ bên trong, cho nên thần mới bỏ chỗ tối ra sáng để mưu đồ thước tấc, xin Vương thượng hãy tiến đánh Quy Nhơn, chiếm thành để khai thông đường bộ, như thế thì việc thu phục cựu đô Phú Xuân chỉ trong sớm tối.

Thế Tổ gật đầu, trao cho Chiêu chức Tuyển phong hầu phó vệ úy,

Lệ thuộc dưới quyền Tống Viết Phước. Chiêu thưa rằng:

– Thần trước đây ở trong hàng ngũ Tây Sơn, nghe tiếng Tôn Thất Hội trí dũng song toàn, xin Vương thượng cho thần được lệ thuộc dưới quyền của tướng Hội.

Thế Tổ nói:

– Cứ tạm làm chức ấy, sau hãy hay.

Nói đoạn Thế Tổ cho gọi Tôn Thất Hội về, sai Hội duyệt định quân chính; lại trao cho Nguyễn Hoàng Đức làm Khâm sai chưởng Hữu quân doanh Bình Tây tướng quân đem quân bản bộ đi đóng giữ Diên Khánh, cho Mạc Văn Tô làm phó cho Đức, Đặng Trần Thường làm hiệp trấn. Nguyễn Hoàng Đức tâu rằng:

– Thần nghe tin bọn phỉ Chà Và đang âm mưu quấy nhiễu Hà Tiên.

Thế Tổ nói:

– Ngươi đến Diên Khánh cố gắng giữ gìn bờ cõi. Nếu bọn phỉ người Man kiêu láo, ta sẽ sai phái tướng khác đi tiễu trừ.

Vừa lúc ấy có trấn tướng đạo Kiên Giang vào tâu:

– Bọn phỉ biển Chà Và huy động mười bảy chiếc thuyền đến cướp phá Hà Tiên và vùng bờ biển đảo Phú Quốc, hoành hành cướp bóc, thật là cái gai trên đường biển.

Thế Tổ sai Nguyễn Đức Xuyên đốc suất chiến thuyền đi đánh dẹp. Xuyên chia thủy quân làm ba đường tập kích, cướp bóc thuyền bè súng ống, bắt được bọn đầu sỏ và thuộc hạ của giặc hơn tám mươi tên, rồi kéo quân về. Xuyên dâng tù binh Chà Và, tâu rằng:

– Thần nghe tin người Man ở Ba Phủ làm phản, xin Vương thượng cho thần đem quân đi đánh dẹp.

Bấy giờ viên tù trưởng người Man ở Ba Phủ, Dã Giang là Toàn Phù Tằng Ma, tụ tập đồ đảng chống cự lại Nam triều. Thế Tổ sai Tiền chi Nguyễn Công Thái, Điều bát Nguyễn Kế Diễn, Vệ úy Nguyễn Văn Vân mang quân đi đánh dẹp, cho Xuyên được nghỉ ngơi. Bọn Nguyễn Công Thái đại phá Tằng Ma ở Phố Châm. Tằng Ma chạy trốn. Bọn Thái đốt trại giặc rồi kéo quân về. Thế Tổ lại ra lệnh cho phiên liêu Thuận Thành chiêu dụ dân Man trở về quê quán như cũ. Thế Tổ nghĩ công việc chinh thảo liên miên, tướng sĩ mỏi mệt, bèn cho tạm hưu binh, nhưng ai nấy phải theo mùa luyện tập.

Khi ấy bọn Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Trương, Tống Viết

Phước, Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Khiêm, Nguyễn Thái Nguyên, Trần Phước Tụy, Lê Quang Định và các viên cai cơ, cai đội, tri bạ, tham luận thấy việc quân hơi nhàn, cùng nhau đánh cờ, chọi gà, chọi cá để chơi, ăn thua mỗi lần đến hàng trăm, hàng nghìn quan tiền. Tôn Thất Hội nói với Nguyễn Văn Thành:

– Tướng quân mà cũng theo đường cờ bạc hay sao?

Thành đáp:

– Người xưa có kẻ cờ bạc mất sạch điền sản, mà sau đánh bại được nhà Tần; có kẻ rượu chè mà đẩy lùi được Khiết Đan. Triều ta có Mạc Cửu nổi tiếng ăn chơi sành sỏi thế mà khai thác được cả vùng đất Hà Tiên. Như thế thì cờ bạc ăn chơi đâu có phụ thiên hạ!

Hội nói:

– Nhưng gà chọi làm cho họ Quý Tôn bị hiềm khích; cá kiếm làm cho Ai Bá bị chê bai. Chẳng lẽ tướng quân cũng bắt chước tranh thắng của gà và cá sao?

Thành nói:

– Vậy thì cớ sao hịch gà nổi tiếng trong văn Đường, nơm cá còn ghi lại trong thơ Chu?

Võ Tánh bấy giờ cũng ngồi đó bèn nói:

– Quân địch kéo đến đắp lũy vây thành, đó là cái nhục của khanh đại phu. Nay không hạ được Quy Nhơn, thì Diên Khánh khó mà giữ nổi. Tướng quân sao đang ở chốn công danh mà lại nói những lời về các trò chơi như thế!

Nói đoạn, bọn Võ Tánh cùng nhau kéo đi, xin Thế Tổ đánh lấy Qui Nhơn. Tôn Thất Thăng ngăn lại, nói:

– Tam cương là điều to tát của việc quân, còn lớn hơn cả việc đánh Quy Nhơn, sao không thấy các ông tâu xin Vương thượng thi hành để sáng tỏ đạo hiếu?

Lại nói chuyện Tôn Thất Thăng là con thứ mười tám của Định vương, thuộc về hàng chú của Thế Tổ. Khi Định vương chạy vào Nam, Thăng tuổi nhỏ không đi theo được, bị Tây Sơn bắt. Thống lĩnh Nguyễn Chân muốn gả con gái cho Thăng, hết sức xin giúp, nên Thăng mới khỏi bị giam cầm. Sau Thăng giả đi câu cá, rồi thừa dịp trốn thoát vào Nam. Hôm ấy Thăng ra sông câu cá, thấy xác người đàn ông nổi trên mặt nước, Thăng bèn cởi quần áo của mình mặc vào

xác chết, giả vờ như đi câu bị chết đuối, quân Tây Sơn tưởng thật, mang đi chôn, thế là Thăng trốn thoát. Nghe tin Thế Tổ thân chinh đi đánh Quy Nhơn. Thăng cùng Tôn Thất Liêm ngồi thuyền vượt biển, ngầm đến thẳng chỗ đóng quân ở Hòn Khói. Thế Tổ thấy Thăng đến vừa mừng vừa lo, nắm tay Thăng nói:

– Vận nước gặp buổi gian nan, thân thích li tán, nay được gặp nhau há chẳng phải là nhờ phúc của Tiên vương hay sao?

Nói đoạn Thế Tổ phong cho Thăng là Quốc thúc chưởng cơ quận công, thường cùng Thăng bàn bạc việc nước. Võ Tánh và Tôn Thất Hội rất kính trọng Thăng, giờ đây nghe Thăng nói, bọn họ hỏi có việc nào quan trọng hơn nữa? Thăng đáp:

– Vương thượng từ khi chính thức nối vương vị đến nay đã được mười bảy năm, trước đây từng bàn việc thờ phụng Hưng Tổ, miếu thờ đã tôn nghiêm, nhưng còn Quốc mẫu thì chưa được phong mỹ hiệu Vương phi, có lẽ là do Thế Tổ còn phải bôn ba khi Long Khâu, khi Phú Quốc, các việc phần nào còn tạm bợ. Nay cơ đồ đã khôi phục, sắp sửa trở về đô cũ, dẫu làm báo cáo tôn sùng cũng chưa báo đáp được đức dày của Quốc mẫu. Vương thượng vì thế mỗi khi nghĩ tới tất là chưa yên lòng.

Rồi Tôn Thất Thăng dẫn bọn Tôn Thất Hội, Võ Tánh và các quan văn võ đại thần vào tâu việc ấy với Thế Tổ.

Quốc mẫu người họ Nguyễn, quê ở Yên Du, huyện Minh Linh, phủ Thừa Thiên, là con gái Diễn quốc công Nguyễn Phước Trung, về hầu Hưng Tổ, sinh được ba người con trai. Con trưởng là Đông Hải quận vương Đồng, tử nạn ở Long Xuyên. Con út là Thông Hóa quận vương Điển gần đây cũng tử trận ở Hòn Chông. Thế Tổ là con thứ hai. Vì sự biến năm Giáp Ngọ, Quốc mẫu đến ẩn náu ở Yên Du, khi Thế Tổ làm Nguyên súy đã sai người ra đón về Gia Định, tôn làm Quốc mẫu. Khi Tây Sơn vào đánh phá, mọi người phải đi lánh nạn, Quốc mẫu và cung quyến đều lánh ra đảo Phú Quốc. Thế Tổ kể hết tình cảnh khổ sở ở ngoài biển, Quốc mẫu than rằng:

– Giữa biển cả gặp gió bão, lại có nước ngọt, đó cũng là lòng trời ngầm giúp. Con chớ vì gian khổ mà nao núng.

Thế Tổ cúi lạy vâng lời dạy, rồi lên đường sang Xiêm cầu viện. Quốc mẫu và cung quyến rời sang ở đảo Thổ Chu. Thế Tổ đem quân Xiêm về đánh quân Tây Sơn, bị thua lại phải sang Xiêm lần thứ

hai, đóng ở Long Khâu, sai người về đón Quốc mẫu và cung quyến sang nơi hành tại. Thế Tổ từ Xiêm về đến Hà Tiên sai bọn Võ Di Nguy, Phạm Văn Nhơn hộ giá Quốc mẫu và cung quyến về đảo Phú Quốc. Sau khi thu phục Gia Định, Thế Tổ sai Nguyễn Văn Nhơn đón Quốc mẫu về, dựng hậu điện làm nơi ở của Quốc mẫu. Trong lúc gian nan, Thế Tổ phụng dưỡng mẹ già rất yêu kính. Quốc mẫu thường khích lệ Thế Tổ bền chí diệt thù. Hàng ngày Thế Tổ đều mưu tính việc trở về kinh đô, may mà được thành công, ấy là nhờ vào sự linh thiêng của cửu miếu, thỏa lòng mong mỏi của Quốc mẫu. Đúng lúc Quốc thúc nói về việc ấy, Thế Tổ bèn tâu cho Quốc mẫu biết, rồi chuẩn bị đầy đủ lễ vật làm lễ tế cáo trời đất, lại tự mình đốc suất quần thần, bưng kim bảo kim sách tôn Quốc mẫu là Vương thái phi. Sách văn đại lược viết:

"Hán Văn Đế kế nối chính thống, tôn huy danh cho Bạc hậu. Tống Thái Tổ mở ra cơ nghiệp, tôn biệt hiệu cho Đỗ phi. Ấy là thờ cha mẹ khi rồng còn ẩn, mà nơi cung khuyết vợ vua Thuấn vẫn tự hòa vui. Gìn ấu vương lúc hổ gào mà nơi cửa nhà mẹ vua Nghiêu còn lưu phúc thiện. Công đức mênh mông như thế, tôn sùng nào dám sơ sài. Ấy là đạo càn thừa, đạo khôn trinh, đức sáng ngời nơi bà Thái Nhâm, Thái Tự. Mặt trời lên, mặt trăng tỏ, tốt lành dài rủ cho cháu con".

Quốc mẫu đã nhận sách văn tôn phong mỹ hiệu, Thế Tổ dẫn văn võ quần thần đến lạy mừng, bố cáo cho thần dân nơi sở tại được biết. Bấy giờ là ngày tháng Mười năm Bính Thìn (1796).

Rồi đó Quốc thúc Tôn Thất Thăng cùng với Tôn Thất Hội, Võ Tánh xin Thế Tổ cho tuyển duyệt quân tướng, bàn kế tiến đánh quân Tây Sơn.

Thế Tổ đến doanh Trấn Định tuần sát các vùng Sa Đéc, Long Hồ, khi trở về lại duyệt ba quân ở cánh đồng Tập Trận. Quân voi biểu diễn voi, thuyền chiến thử thuyền chiến. Lại đặt hương binh Bình Thuận, lập ra bốn mươi ba đội Thuận Nghĩa, Thuận Hòa, Thuận Đức, Thuận An, Thuận Thủy lệ thuộc vào dinh Bình Thuận. Lại sai nội viện Tăng Quang Lô đến nước Nhu Phật để thông hiếu. Nhu Phật là một nước nhỏ trong đảo Nam Dương, ở phía Tây đảo Long Nha, phía Nam đảo Tức Lực, gần với các đảo Bành Hành, Đinh Cơ Nghi; bờ cõi rộng khoảng hơn vài trăm dặm. Anh Cát Lợi cho đó là nơi trung tâm, có thể đi tới các đảo quốc khắp bốn phía. Vì thế người Anh đã khai thác mở mang vùng đó, thương nhân tấp nập, thuyền bè

đông vui. Quang Lô đến dâng lễ vật, vua nước đó xin mua đạn sắt, diêm tiêu của ta để dùng vào việc quân.

Võ Tánh xin cho quân đi dẹp Man Ba Phủ, sau sẽ tiến đánh Quy Nhơn.

Thật là:

Lòng yêu cha mẹ hơn Ngu Thuấn,
Công lớn diệt thù sánh Lý Đường,

HỒI THỨ MƯỜI TÁM

Đánh Quy Nhơn, quân Nam một phen diệu võ
Giữ Diên Khánh, Đông cung lần nữa lui dài

Lại nói chuyện người Thượng Ba Phủ, dư đảng của Tằng Ma là Toàn Phù Hà, Tang Mang Ma thu thập chúng đảng lại làm phản. Mùa đông năm ngoái, Chánh trấn Thuận Thành là Nguyễn Văn Hào cũng đã phi báo về việc đó. Thế Tổ từng sai Hào cùng phó trấn Nguyễn Văn Chấn đốc suất quân dân liêu thuộc chia đồn đóng giữ, giao cho Hào vẽ bản đồ đường núi, ghi rõ nơi nào hiểm nơi nào dễ cùng là những nơi có thể đi vòng để đánh địch từ phía sau dâng lên. Thế Tổ lại sai Tả chi Phan Tiến Huỳnh, Cai cơ Lưu Tiến Bình tùy cơ chia binh trù tính sẵn mưu kế để tiến đánh. Nghe lời Võ Tánh tâu như vậy, Thế Tổ bèn ra lệnh tiến quân.

Quân của Tiến Hoàng, Tiến Bình đến Ba Phủ, Nguyễn Văn Hào cùng bọn Nguyễn Văn Chấn đem quân đến hội để đánh giặc. Bọn Hà, Ma tan vỡ lủi trốn. Thế Tổ phủ dụ người Thượng an cư lạc nghiệp như trước. Lại mật sai bọn Cai đội Quyền, Cai đội Hội đi do thám tình hình binh lực Quy Nhơn và những nơi đóng đồn quân của Nguyễn Quang Diệu. Bọn Quyền, Hội trở về tâu rằng Quang Diệu cùng với Nguyễn Văn Huấn, Võ Văn Dũng, Nguyễn Văn Danh, là bốn tứ trụ đại thần của triều Cảnh Thịnh, nhưng người ta dèm pha là Quang Diệu uy quyền quá lớn, sắp có mưu đồ khác. Quang Toản bèn thu binh quyền của Diệu, chỉ cho giữ chức cũ, ở lại hầu việc trong triều. Quang Diệu nghi ngờ lo sợ, cáo bệnh không vào chầu, đốc suất thủ hạ vài trăm người ngày đêm canh phòng tự vệ. Còn tướng trấn thủ Quy Nhơn hiện nay là Lê Trung có rất nhiều quân lính. Thế Tổ quay sang bảo Võ Tánh:

– Theo ý khanh thì Quy Nhơn có hạ được không?

Võ Tánh thưa:

– Chia mũi nhọn mà chặn địch từ xa đến thì nước Tấn phá được nước Sở, đánh mau khiến cho quân địch mệt sức thì quân Ngô vào được đất Sính. Nay thế giặc ngoài cứng trong kiệt, một khi giáo trời đã chỉ, dù quân ta chưa lấy ngay được Quy Nhơn, Quang Toản cũng tất phải hao binh tổn tướng.

Thế Tổ khen phải, rồi tập họp các tướng thương nghị việc cất quân đánh Tây Sơn. Thế Tổ sai Tôn Thất Hội ở lại giữ Gia Định, Nguyễn Văn Nhơn quản lĩnh tàu vận, cùng với Hội bàn bạc cơ vụ. Võ Tánh cùng Nguyễn Văn Thành thống lãnh bộ binh đi trước. Nguyễn Đình Đắc đem quân bộ thuộc theo sự tiết chế của Nguyễn Văn Thành. Thế Tổ tự mình chỉ huy đoàn chiến thuyền, Đông cung Cảnh đi hộ giá. Nguyễn Văn Trương thống lĩnh năm dinh thủy binh đi tiên phong, hẹn xuất quân đúng ngày một, tháng Năm, năm Đinh Tị (1797).

Nhận được tin báo quân Tây Sơn đã vào chiếm Phú Yên, Nguyễn Văn Thành lập tức cùng Võ Tánh đem bộ binh tiến ra giao chiến với quân Tây Sơn ở lũy Hội An. Đô đốc Tây Sơn Lê Văn Hiếu chạy về La Đài. Lê Trung tăng thêm cứu viện cho Hội An. Nhưng khi ấy Văn Thành đã đánh tan quân của Trung, tiếp đó đánh bại Đô đốc Hiếu ở La Đài. Nguyễn Văn Trương đánh với quân Đô đốc Thiêm ở Tiên Châu, Thiêm thua chạy. Đô đốc Tính chống cự ở Nước Ngọt bị Nguyễn Văn Trương đánh tan, đoạt được sáu chiếc thuyền. Thế Tổ đưa thủy binh tiến vào đóng ở Cù Huân, rồi Nguyễn Huỳnh Đức từ Diên Khánh đem quân ra hộ vệ đoàn ngự thuyền tiến vào cửa Thi Nại. Tin báo tới Phú Xuân, vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản ra lệnh cho Nguyễn Văn Huấn mang toàn quân ra chống cự, phục chức cho Quang Diệu, rồi sai Quang Diệu ra giữ ở cửa Thuận để từ xa làm thanh ứng. Bấy giờ các đạo quân Nam triều nhân đà thắng, phần nhiều có dung túng cho quân sĩ sục sạo vào nhà dân cướp bóc của cải. Thế Tổ dụ các tướng rằng:

– Nghĩa cử đánh dẹp cốt ở an dân, quân đội nghĩa nhân phải nghiêm kỷ luật.

Lập tức ban bố giới lệnh quân đội. Đối với các doanh thủy đạo: không được cắm thuyền ở các bến đò, bến sông. Nếu như cột buồm, chèo rách hỏng phải được quản quan khám thực mới được dừng lại sửa chữa. Các đạo bộ binh không được sục vào nhà dân. Nếu đóng quân ở ven núi, bìa rừng, hái nhặt củi, cỏ cũng không được sách nhiễu nhân dân. Nhờ thế, quân Thế Tổ đi tới đâu cũng được nhân dân thăm hỏi, yêu mến.

Thế Tổ ra lệnh cho các doanh chia đường tiến đánh Quy Nhơn. Quân do thám báo tin Nguyễn Văn Huấn đem trọng binh từ Phú Xuân vào giữ Quy Nhơn, thế chưa có thể nhổ được. Thế Tổ sai Nguyễn Huỳnh Đức và Nguyễn Văn Thành ở lại giữ Phú Yên, gọi

Võ Tánh cấp tốc mang quân tới cửa biển Đại Chiêm tiến đánh sau lưng quân Tây Sơn. Nguyễn Công Thái mang quân đến đóng đồn ở núi Tam Thai, rồi tiến đóng ở Bến Ván, cùng với Binh bộ Nguyễn Đức Thiện và Phó tướng Nguyễn Văn Biện chẹn đường về của giặc. Thế Tổ tự mình đốc suất hơn trăm chiến thuyền tiến thẳng vào cửa Đà Nẵng (thuộc Quảng Nam, nguyên gọi là cửa Hàn, phía trước có núi cao, vị trí nằm ở giữa cửa Đại Chiêm và cửa Cu Đê, là một nơi hiểm yếu phòng giữ mặt biển). Bấy giờ tượng binh Quy Nhơn đã tập trung ở cửa biển, tướng Tây Sơn Nguyễn Văn Huấn thấy quân Nam triều tới liền xông ra nghênh chiến. Cai cơ Nguyễn Văn Định tử trận (Định người huyện An Xuyên, trấn An Giang, có công khi ở Vọng Các). Tin báo về, Thế Tổ sai Phan Văn Triệu quản lãnh quân ba vệ Ban trực hậu, Kiên oai, Võ oai xông lên đánh. Quân Tây Sơn phải rút lui. Trần Công Hiến đuổi đánh tới tận cửa biển Chu Mãi, bắt sống tướng Tây Sơn là Đạo giải về dâng Thế Tổ ở hành tại. Thế Tổ sai Nguyễn Văn Khiêm đem quân lên bờ, đang đêm ngậm tăm lặng lẽ tiến sát lũy giặc đánh phá. Thế Tổ lại sai thuộc tướng Trần Đăng Long hiệp đồng với người Tây phương là Ô-li-vi đóng mười lăm chiếc thuyền tam bản để đánh hỏa công, rồi tuyển những tên lính hăng hái, đang đêm phóng hỏa, đốt cháy tàu thuyền của Tây Sơn. Nguyễn Văn Trương thừa thắng tiến đánh, phá giặc ở gò Phú Gia. Võ Tánh đem binh thuyền vượt biển tiến công Đô đốc Tây Sơn Nguyễn Văn Ngũ và bọn phỉ biển ngoài khơi, đoạt được ba mươi chiếc thuyền. Tiếp đó Tánh đưa thủy quân tiến vào cửa Đại Chiêm, hợp với quân của Đông cung tiến đóng Hà Thân (thuộc Quảng Nam). Nguyễn Văn Vân đóng đồn ở cửa Hải Vân. Vũ Bá Đĩnh đóng ở chợ Phú Chiêm. Nguyễn Đức Xuyên mang quân chia đóng đồn từ Đồng Trạm tới Cu Đê để ngăn quân cứu viện. Đô đốc Tây Sơn Lê Văn Thanh, Lê Tông Chất mang quân từ Quy Nhơn đến. Võ Tánh đưa quân ra nghênh chiến; quân Tây Sơn bị voi xéo chết và bị thương rất nhiều. Võ Tánh lại vượt sông đến Mỹ Khê tiến đánh quân của Đô đốc Nguyễn Văn Giáp. Văn Huấn, Tông Chất thu quân lại chống giữ, quân Nam triều mấy lần đánh phá mà không thắng nổi. Lại thêm thuyền lương bị gió to cản trở không đến được. Thế Tổ lệnh cho các tướng thu quân về Gia Định.

Sau khi đại binh về đến Gia Định, Thế Tổ lấy Nguyễn Văn Thành giữ chức Khâm sai chưởng tiên phong dinh Bình Tây tiền

tướng quân, lưu Thành ở lại trấn thủ Diên Khánh; lấy Đặng Trần Thường làm Hiệp tán quân vụ. Thế Tổ cho triệu Nguyễn Hoàng Đức về, Hoàng Đức xin lấy Võ Nguyên Lượng là cựu thần nhà Lê, làm quan tới chức Câu kê. Trước kia, khi Lượng mới đến Gia Định được sung chức Phụng thị nạp ngôn, là người có khí tiết. Thế Tổ nghe lời của Đức, sai Lượng ra Bắc. Một mặt Thế Tổ ra lệnh bổ sung quân ngũ, tu sửa đồn lũy, mua thuốc súng, đóng chiến thuyền chuẩn bị đầy đủ để đánh giặc. Cai đội mật sai tên là Nguyệt báo tin Tiểu triều Nguyễn Bảo chiếm thành Quy Nhơn, sai bề tôi đến dâng biểu xin hàng.

Lại nói chuyện Tiểu triều Nguyễn Bảo trước đã bị Quang Toản tước đoạt, lại bị tướng trấn thủ Quy Nhơn là Bùi Đắc Trụ, Nguyễn Văn Huấn, Lê Trung liên tiếp ức hiếp, trong lòng rất bất bình, ngầm chống lại Toản, nhưng chưa có cơ hội. Khi đem quân ra đánh Đà Nẵng, Thế Tổ sai người tới dụ Bảo rằng: "Nay quân ta tiến đánh Quảng Nam rồi sẽ lấy Quy Nhơn. Ngươi muốn rửa thù cho cha ngươi thì hãy chiêu tập quân cũ, đợi khi nào quân Nam triều đến dưới thành thì giết Lê Trung, mở cổng đón quân Nam triều, lập công chuộc tội là ở dịp này, chớ vì cha có tội mà liên lụy đến con". Từ đó Tiểu triều ngầm có ý quy thuận Nam Triều. Lúc ấy Nguyễn Quang Diệu ở Phú Xuân bất hòa với các tướng. Lê Trung cũng muốn tìm cách báo thù bè đảng của Diệu, bèn đem bộ thuộc về Phú Xuân, chỉ để Uyên Thanh hầu ở lại giúp Bảo. Bảo sai bắt Uyên Thanh hầu tống ngục rồi chiếm thành Quy Nhơn, sai Đô đốc Đoàn Văn Cát, Nguyễn Văn Thiệu chiếm Phú Yên, rồi dâng biểu xin đầu hàng Thế Tổ. Thế Tổ sai Nguyễn Văn Thành đốc thúc các tướng mang quân đến tiếp ứng.

Văn Thành đem quân đến Phú Yên thì nghe tin Quang Toản đã sai quân vây Quy Nhơn, bắt Bảo đem về buộc uống thuốc độc tự tử. Tư vũ Trần Danh Tuấn ở lại làm trấn thủ giữ Quy Nhơn. Thế Tổ nghe tin xuống chiếu lệnh cho Thành rút quân về giữ Diên Khánh. Đoàn Văn Cát chạy vào Diên Khánh đầu hàng. Thế Tổ cho Cát giữ chức Đại đô đốc, quản lãnh chi Hiển Võ, theo Văn Thành đi đánh giặc.

Thế Tổ đóng ở Diên Khánh thấy bọn hải phỉ Tề Ngổi thực là cái gai trên mặt biển bèn lập kế đánh tan, đường biển được yên. Thế Tổ muốn thông sứ với nhà Thanh để ly gián nhà Thanh với Tây Sơn. Đặng Trần Thường dâng sớ nói:

– Người Thanh từ khi có việc ở Bắc Hà bị Tây Sơn đánh bại, há lại không ôm lòng xấu hổ, căm tức hay sao? Họ tạm thời chờ cơ hội đó thôi. Gần đây người Thanh lo ngại bọn phỉ biển, nên đã hịch cho Tây Sơn phải điều tra tróc nã. Nhưng Tây Sơn trễ nải không chịu làm việc ấy. Nhà Thanh tức giận lắm, chỉ vì núi sông hiểm trở một phen động binh lần nữa sợ khó thu được toàn thắng, nên chưa quyết được kỳ ra quân. Quân ta từ ngày thắng trận ở Đà Nẵng đến nay, đoạt được rất nhiều chiến thuyền của bọn Tàu ô, xin mang mấy chiếc trao trả cho họ. Nhân đó sai sứ giả đến triều đình nhà Thanh biện luận phải trái. Một là nêu chuyện Tây Sơn trong thì xưng đế, ngoài giả làm tôi, để cho nhà Thanh ghét, gây thành hiềm khích. Hai là thăm dò tin tức vua Lê, câu kết với họ để xin viện binh. Nếu nhà Thanh chần chừ không quyết, ta lấy điều nghĩa khích họ mà cũng chẳng xong, thì ít ra cũng tỏ rõ được khí tiết, nêu được thanh danh của ta ở đất Hoa Hạ".

Thường lại tiến cử Ngô Nhân Tĩnh là người có học thuật ưu tú có thể sung chức đi sứ về việc ấy. Tổ tiên Nhân Tĩnh là người Quảng Đông, chạy sang nước Nam, vào ở đất Gia Định. Nhân Tĩnh có tài học, giỏi thơ, cùng kết bạn với Lê Quang Định, Trịnh Hoài Đức. Lúc ấy Nhân Tĩnh đang giữ chức Hàn lâm thị học, Thế Tổ cho thăng lên chức Binh bộ hữu tham tri, rồi sai Nhân Tĩnh mang quốc thư, đáp thuyền buôn Quảng Đông sang sứ nhà Thanh, nhân tiện do thám tin tức vua Lê.

Nhân Tĩnh đã đi rồi, Thế Tổ lại cho gọi Tôn Thất Hội vào bí mật bàn bạc việc dinh cơ. Nhưng lúc ấy Hội đang ốm nặng, ít lâu sau mất ở tận kinh Gia Định. Thấy Hội là bậc công thần, trải bao hiểm nguy vất vả, cầm quân đánh dẹp có nhiều công lao, Thế Tổ ban tặng cho Hội là "Phụ quốc nguyên công" (người có công đầu giúp nước). Thế Tổ hỏi Võ Tánh:

– Ai có thể thay Hội nắm giữ Tiền quân của ta?

Võ Tánh tiến cử Nguyễn Văn Thành. Thế Tổ liền phong cho Thành giữ chức Khâm sai chưởng Tiền quân, thăng cho Tiên phong dinh phó tướng là Nguyễn Văn Tính quản lĩnh dinh Tiên phong. Thế Tổ muốn triệu ngay Tính về Gia Định để tiện đi đánh giặc, nhưng chưa biết tìm ai để thay Tính. Quốc Thúc Thăng thưa:

– Diên Khánh là nơi trọng địa, phi người thân tín đại soái thì không thể giao phó, Đông cung là ngôi trừ nhị của nước, tướng sĩ quy

phục, nên điều ra Diên Khánh một lần nữa để giữ vững phên giậu. Đông cung từ khi mở phủ tới nay, học rộng kinh sử, thích nghe lời nói thẳng. Quan phụ đạo Ngô Nhân Tĩnh tùy việc uốn nắn, phần nhiều rất bổ ích.

Xưa, Đông cung trấn thủ Diên Khánh, nhờ có Phước Đạm tâu bày, đã biết nhiều về việc binh. Khi bọn Hưng đánh thành, Đông cung điều khiển các tướng chia quân đóng đồn để chống cự. Kế đó, khi làm trấn thủ Gia Định, Đông cung trong vỗ về trăm họ, ngoài điều động quân nhu, phương lược phòng ngự rất có bài bản, quân dân nhờ đó được yên ổn.

Thế Tổ có ý muốn điều một bề tôi giỏi đi để luyện tài năng, nay nghe lời Quốc thúc bèn sai ngay Đông cung đi trấn thủ Diên Khánh, lấy Bá Đa Lộc và Tống Viết Phước đi theo giúp đỡ.

Đông cung đến Diên Khánh, Nguyễn Văn Thành cùng với Tiên phong Tính, tán lý Thường trở về thành Gia Định. Thế Tổ sai Thành thao luyện quân sĩ để chuẩn bị sai phái; lệnh cho Tả đồn phó tướng Hoàng Viết Toản đốc thúc việc chuyển thuyền lương tới Diên Khánh bổ sung quân nhu. Toản người Hương Trà, theo Định vương vào Nam, chiêu mộ quân nghĩa dũng theo Đỗ Thanh Nhơn thu phục Sài Gòn, đánh phá Trà Vinh, rồi lại theo Tôn Thất Dụ đi đánh Xoài Rạp đuổi quân Tây Sơn đến tận Cẩm Đàm (đầm Gấm), theo Võ Tánh giải vây Bình Thuận, đánh lui quân Tây Sơn ở núi Tam Tòa, giành đất cho tới tận Quảng Ngãi. Nay Toản vâng mệnh đốc thúc thuyền lương và lưu ở lại Diên Khánh để chờ sai khiến.

Thế Tổ lại bàn việc đem tin thắng trận sang báo với vua Xiêm. Lúc bấy giờ Xiêm bị Miến Điện đem quân sang đánh, vua Xiêm sai sứ giả sang Nam triều xin quân. Thế Tổ bèn sai Nguyễn Huỳnh Đức cùng Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Đình Đắc đem một vạn quân và chiến thuyền sang cứu viện. Khi đến Côn Lôn, nghe tin quân Miến đã rút lui, chỉ có mình Huỳnh Đức mang quốc thư sang Xiêm giao hiếu, còn Trương và Đình Đắc dẫn quân trở về. Trên đường vào triều yết kiến Thế Tổ, Trương gặp Nguyễn Văn Nhơn cùng đi với một vị triều sĩ, Trương hỏi:

– Chẳng hay vị này là ai, từ đâu đến?

Nhơn đáp:

– Vị này nguyên là quan Hàn lâm Đặng Đức Siêu từ Phú Xuân tới.

Trương lại hỏi:

– Đến có việc gì?

Nhơn đáp:

– Tiên sinh là bậc chí sĩ, bây giờ tôi dẫn tiên sinh vào yết kiến Vương thượng. Đúng là:

Bắc Địch giữ biên xa Khúc Ốc,
Tây Nhung dâng sách khác Phương Bình.

HỒI THỨ MƯỜI CHÍN

Đánh Quy Nhơn ba phen diệu võ
Đuổi Văn Dũng hai tướng dâng thành

Lại nói chuyện Đặng Đức Siêu là người huyện Bồng Sơn, Bình Định, năm mười sáu tuổi đỗ hương tiến. Dưới triều Định vương, Đức Siêu làm quan Hàn lâm. Khi quân Trịnh vào xâm lấn, ông lánh về dạy học ở Long Hồ, từng sáng tác thơ phú như các bài *Chiếc chùy Trương Lương, Tiết tháo Tô Vũ,* tự ví mình như Quản Trọng, Nhạc Nghị để bày tỏ ý chí của mình. Viên quan của họ Trịnh là Trần Nguyễn Nhưng đưa thiếp mời mà Siêu không đến. Vua Quang Trung nhà Tây Sơn muốn phong quan tước cho Đức Siêu, cũng vì đại nghĩa mà Siêu không chịu nhận. Thế Tổ nghe tiếng, sai người triệu vời, nhưng vì đường sá cách trở, ông không đến được. Nay ông đáp thuyền buôn vào Nam, Nguyễn Văn Nhơn đưa ông vào yết kiến Thế Tổ. Đức Siêu dâng lên Thế Tổ bản *Bình Tây phương lược*. Thế Tổ khen ngợi, trao cho Đức Siêu giữ chức Trung doanh tham mưu.

Một hôm các tướng đang hội họp để bàn định kế hoạch đánh Tây Sơn thì Nguyễn Văn Thụy từ Xiêm về yết kiến. Thụy là người huyện Diên Phước, Quảng Nam trước theo hộ giá ở Vọng Các, khi về lại theo quân đi đánh dẹp, ba lần đi sứ nước Xiêm, hai lần quản lĩnh đạo Thanh Châu, gần đây theo bảo hộ Nguyễn Văn Nhơn sang Xiêm làm việc quân. Nhờ có thẻ thông hành đi qua các cửa quan ở thượng đạo, Thụy trở về tâu việc, được Thế Tổ ban chức Khâm sai thượng đạo đại tướng quân, phủ dụ Thụy rằng:

– Việc binh không ngại phải trí trá, người đến Vạn Tượng cứ nói phao rằng quân Xiêm và quân ta sẽ đi theo đường thượng đạo xuống đánh lấy Nghệ An, khiến cho quân Tây Sơn sợ hãi, không dám mang quân Bắc Hà vào cứu viện. Như thế thì Quy Nhơn có thể phá được.

Nói đoạn Thế Tổ sai Văn Thụy cùng tiền quân Lưu Phước Tường, Tham mưu Nguyễn Hoài Châu, Nguyễn Văn Uẩn, Tham quân Lê Văn Xuân mang cả dàn nhạc đi theo quân. Vua Xiêm sai Chiêu Phi Nhã Phì Sâm men theo đường núi từ Tầm Bông qua Khao Khổn đến U Bôn chiêu dụ các tù trưởng người Thượng dấy binh hưởng ứng.

Nguyễn Văn Thụy lại đến thành Viên Chăn, dụ Quốc vương Vạn Tượng là Chiêu Ấn mang quân trợ chiến. Thụy ở lại Viên Chăn giao cho Nguyễn Hoài Châu, Nguyễn Văn Uẩn đi dụ các sách người Thượng ở Trấn Ninh, Thanh Nghệ, đi tới đâu cũng được dân chúng tuân theo. Nguyễn Văn Thụy cử Lê Văn Xuân về báo. Thế Tổ sai Nguyễn Văn Toản đến Thanh Hoa thượng đạo khuyên Chánh thống lĩnh Hà Công Thái chiêu tập nghĩa dũng khởi binh để tiếp ứng cho quan quân. Thế Tổ lại sai hoàng tử thứ hai là Hi trấn thủ Gia Định, thăng Nguyễn Văn Nhơn làm Chưởng cơ kiêm chưởng Hộ bộ, Hình bộ Nguyễn Tử Châu làm bồi tác quân vụ (Châu người huyện Bình Sơn Quảng Ngãi, trước kia đã soạn nhạc thái thường cho triều Tây Sơn, sau đến quân doanh Nam triều xin đầu hàng, được Thế Tổ trao chức Tham mưu. Châu từng theo đi đánh dẹp ở Quy Nhơn, giám sát các quân thủy bộ, sau đó ở lại Bình Thuận kiểm sát các quan lại nhũng lạm. Vì là người có nhiều công lao, sau khi thăng chức Hình bộ, Châu được Thế Tổ đặc sai cùng với Văn Nhơn đi trấn giữ ở những nơi quan yếu. Thế Tổ nói:

– Nay ta đi đánh dẹp phương xa, không thể hàng ngày cung phụng mẹ già ấm lạnh. Các khanh hãy cùng con ta thay ta ba ngày một lần vấn an để an ủi mẹ già, Gia Định là đất kinh đô trọng địa, phải khéo điều độ, vỗ về quan chức quân dân để xứng với sự ủy thác của ta.

Thế Tổ lại sai Nguyễn Đình Đắc làm Tả quân phó tướng, cùng Hữu quân phó tướng Nguyễn Công Thái theo sự cắt đặt của Đông cung. Sai Bình Tây tiền tướng quân Nguyễn Văn Thành thống nhất các đạo bộ binh tiến quân trước, có Đặng Trần Thường Hiệp tán quân vụ. Hộ bộ tham tri Trịnh Hoài Đức, Lưu thủ Vĩnh Trấn Nguyễn Văn Thịnh, phụ trách việc vận chuyển quân lương cho bộ binh. Thế Tổ thống suất binh thuyền, giao cho Bình Tây tham thặng đại tướng quân Võ Tánh đốc thúc các tướng hộ giá. Mai Đức Nghị quản lĩnh hơn năm mươi chiến thuyền hộ vệ đoàn thuyền lương chở tới kho tạm ở cửa Cù Huân. Lưu thủ Bình Khang là Nguyễn Suyền cho trưng tập hương binh hai phủ Bình Khang, Diên Khánh để chia đi đóng giữ các nơi hiểm yếu.

Mai Đức Nghị người huyện Hương Trà, là con của Hàn lâm Mai Đức Thúc. Nghị là người có hạnh kiểm, biết lễ nghĩa, từng theo hộ giá Thế Tổ sang Xiêm. Khi Thế Tổ trở về Gia Định, ông mang chiến thuyền theo Trương Phúc Luật đi đánh dẹp, được thăng chức Hậu đồn

chính thống. Suyền người huyện Phước Điền, phủ Khánh Hòa, có công ở Vọng Các, được trao chức Cai cơ, từng cùng với bảo hộ Nguyễn Văn Nhàn đem quân đi dẹp loạn giặc biển Chà Và.

Suyền và Đức Nghị đã vâng mệnh đi rồi, Thế Tổ nhằm dịp đầu mùa hè năm Kỷ Mùi (1799) xuống lệnh xuất quân. Nguyễn Văn Thành đốc suất bộ binh tiến đánh quân Tây Sơn ở lũy An Mỹ. Tham đốc Tây Sơn là Hồ Văn Điểm đầu hàng, Phú Yên được thu phục. Văn thành tiến quân đóng ở núi Tam Tháp, chém tướng Tây Sơn là Đoàn Luyện Giảng, mang thủ cấp về quân doanh ở Cù Huân. Đoàn thuyền của Thế Tổ vào cửa biển Thi Nại, Nguyễn Tử Châu cùng Trần Văn Hựu chia nhau quản lĩnh thuyền bè chở thóc gạo tới Cù Huân cung cấp cho quân sĩ. Cũng trong dịp này, một quan chức của Tây Sơn là Trần Văn Trạc đến quân doanh của Thế Tổ xin quy thuận và trình bày phương lược đánh dẹp.

Văn Trạc người huyện Duy Xuyên, phủ Quảng Nam, là con của công thần tiên triều Trần Văn Tuấn. Trước kia Trạc theo Đông cung Dương, bị Tây Sơn bắt, sau được bổ làm quan đến chức Thị lang. Đến đây Trạc tới trước quân môn xin hàng, được lưu lại dưới trướng theo tham quân.

Đông cung tâu lên Thế Tổ:

– Bá Đa Lộc ốm nặng đã chết ở trong quân.

Bá Đa Lộc từng bảo hộ Đông cung Cảnh sang Tây, lại được dự bàn việc binh nhung nơi màn trướng, cậy mình có nhiều công lao nên có ý phóng túng kiêu ngạo, từng bị Trần Đại Luật dâng sớ hạch tội, xin Vương thượng mượn kiếm trời chém đầu đi. Nhưng Thế Tổ dụ rằng:

– Bá Đa Lộc đánh đông dẹp bắc, là người ngu xuẩn trí trá, nhưng có thể sai khiến được. Hãy tạm để đó đã!

Đến đây có tin cáo phó của Đông cung, Thế Tổ bèn phong cho Bá Đa Lộc tước "Bi Nhu quận công", đưa thi hài về chôn cất ở Gia Định [1].

Thế Tổ lại sai Võ Tánh cùng Nguyễn Huỳnh Đức đem quân lên bộ đóng đồn ở Phú Trung, hợp binh với Nguyễn Văn Thành đánh lấy đồn Thị Dã. Thiếu úy Tây Sơn là Nguyễn Tiến Thúy thua chạy. Quân Thế Tổ đoạt được mười ba thớt voi, đuổi quân Tây Sơn tới tận cầu Tân An,

---

1. Bá Đa Lộc chết ở cửa Thi Nại (9 – 10 – 1799) xác được ướp thuốc, đưa về chôn ở gần nhà giảng của Lộc (gần cổng vào sân bay Tân Sơn Nhất ngày nay), xây lăng, gọi là Lăng Cha Cả.

chém đầu Đô đốc Nguyễn Văn Bảo. Bên quân Thế Tổ, Vệ úy Tôn Thất Chấn chết tại trận (Chấn là con Tôn Thất Chiêm, có công đánh dẹp).

Thế Tổ lo các tướng bị hãm, bèn ra lệnh cho Giám quân quân Thần sách quản tướng sĩ năm đồn Phạm Văn Nhơn đốc suất Hoàng Viết Toản chia quân đi đóng đồn ở Nước Ngọt, Sa Lung để chặn giặc đánh đường bộ. Sai Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Khiêm tuần phòng ngoài khơi Quảng Ngãi, Trương đến Tân Quan tiến đánh quân của Tuần kiểm Trần Viết Kết, đốt cháy năm đồn của Tây Sơn ở Sa Huỳnh, Mân Khê, Mỹ Ý, Sa Kỳ và Thái Cần.

Được tin báo, Thế Tổ sai Mai Đức Nghi, Nguyễn Đức Thiện, Vũ Viết Bảo theo Lê Văn Duyệt tiến quân ra đóng ở Tân Quan. Lại sai Trần Công Hiến mang quân Tiền du đến đánh quân Tây Sơn ở Sa Kỳ, Trương Tiến Bảo mang quân đánh quân Tây Sơn ở Đầm Cá Sấu thắng liền mấy trận. Nguyễn Văn Lợi đóng quân ở khe Mân. Nội hầu là Lê Văn Lợi mang quân tới đánh. Nguyễn Văn Lợi dùng xe lửa, súng lớn sát thương rất nhiều, quân Tây Sơn phải lui về giữ lũy Đại Cổ. Nguyễn Văn Thành đang đóng quân ở Tam Tháp thì bị quân Tây Sơn tiến đánh, quân tiền chi phải lui về phía sau. Nguyễn Đức Xuyên ở phía sau chia quân làm ba đường đánh thẳng vào trại giặc, bị trúng đạn ở trán. Xuyên băng bó vết thương xong lại tếp tục dẫn quân tiến lên đánh tan quân Tây Sơn, đoạt được hai mươi thớt voi.

Thế Tổ sai người đem tiền tới ban thưởng úy lạo Đức Xuyên và các tướng sĩ theo thứ bậc khác nhau. Có người bảo Đức Xuyên rằng:

– Người ta nói quan tốt chẳng bằng lắm tiền. Tôi thấy chữ Tiền gồm có chữ Kim (vàng) và hai chữ Qua (ngọn giáo). Tướng quân lẽ nào lại không tranh lấy hay sao?

Xuyên đem chuyện ấy nói với Nguyễn Văn Khiêm, Khiêm nói:

– Ông được ban thưởng vẻ vang, chỉ riêng tôi thì không.

Rồi Khiêm mang quân bản bộ đi đánh giặc, bị thua ở cửa biển Mỹ Ý. Thế Tổ truyền bảo Khiêm phải thận trọng, chớ để giặc biển lợi dụng.

Có gián điệp báo tin bọn hải phỉ ngầm giúp Tây Sơn, thật là cái gai trên mặt biển. Thế Tổ liền ra lệnh cho thủy doanh Phấn Dực vệ Tống Phước Lương tiến đánh. Lương phá được thuộc hạ của bọn Tề Ngổi là thống binh Phan Văn Tài ở cửa biển Kim Bồng, đoạt được hơn ba mươi chiến thuyền. Trước đây Tây Sơn chiêu nạp bọn đầu sỏ

Tề Ngỗi, ban cho chức Thống binh, sau bị người Thanh trách cứ mới che dấu đi, rồi lại mượn tay chúng để chống lại quân Nam triều. Đến đây chúng bị Tống Phước Lương đánh tan.

Lính hầu của Tham thặng Võ Tánh về ngự doanh tâu với Thế Tổ việc Đại đô đốc Tây Sơn là Lê Chất đến quân doanh xin hàng.

Lê Chất là người huyện Phù Ly, phủ Bình Định, theo Tây Sơn làm quan đến chức Đô đốc, thuộc quyền của Tư lệ Lê Trung. Chất ra trận thiện chiến, các tướng Nam triều có đến mấy người đã bị Chất đánh bại. Trung yêu Chất có tài, gả con gái cho. Chất biết thế triều Quang Toản sẽ tan vỡ từ bên trong, nhiều lần khuyên Trung đầu hàng Nam triều, nhưng Trung còn do dự chưa quyết. Gặp lúc có sự biến của Tiểu triều, Quang Toản nghi ngờ Trung có dự vào mưu đó, lệnh cho bắt mà giết đi. Lại xuống lệnh lùng bắt Chất rất gấp. Chất phải chọn lấy tên đầy tớ có mặt mũi gần giống mình, cho uống thuốc độc chết, khiến cho quân của Quang Toản tưởng mình đã tự tử, rồi trốn vào ẩn náu trong núi Trà Bông. Chất có người bạn chơi thân với Tổng quản của Tây Sơn là Lê Văn Thanh, nói với Thanh rằng:

– Chất là người có tài làm tướng, sao ngài không cho dẫn về làm một cánh tay trợ thủ?

Thanh bèn ra lệnh cho dẫn Chất vào gặp, rồi giữ Chất lại làm quản doanh giúp việc trong trướng. Chất vẫn ngầm có ý quy thuận Nguyễn chúa, gặp lúc quân Nam ra đánh, Chất dẫn hơn hai trăm quân bản bộ tới trước quân doanh của Võ Tánh đầu hàng, xin hết sức vì đánh giặc lập công. Thế Tổ cho Chất thuộc quyền điều khiển của Võ Tánh.

Bấy giờ các tướng đã nhận lệnh tiến đánh Quy Nhơn. Tướng trấn thủ Quy Nhơn là Lê Văn Ứng thấy quân Nam thế lớn, ra lệnh cho Tổng quản Lê Văn Thanh, Binh bộ Nguyễn Thái Phác cùng Thiếu úy Nguyễn Tiến Thúy đóng giữ, còn mình mang quân ra ngoài thành đến ấp Tây Sơn Thượng thu chở quân lương. Lê Chất biết được tình hình đó bèn nói với Võ Tánh. Tánh lập tức tiến quân về Bình Thị (chợ Bèo?) sai Nguyễn Đức Xuyên quản lĩnh Tả đạo, Lê Chất quản lĩnh Hữu đạo, tự mình chỉ huy Trung đạo giao chiến với quân của Ứng ở Ỷ Đáo, bắt sống sáu nghìn tù binh và hơn năm mươi thớt voi. Ứng một mình bỏ chạy. Quân doanh các đạo đều nhất tề kéo đến Quy Nhơn. Tuần kiểm Tây Sơn là Nguyễn Lương đầu hàng, số bị bắt làm tù binh nhiều không kể xiết.

Quân Thế Tổ tiến sát thành Quy Nhơn, Võ Tánh đóng quân ở mé

Đông Bắc thành. Nguyễn Văn Thành đóng quân ở phía Tây Nam. Tiếp sau đó Võ Tánh, Văn Thành đem tinh binh chặn đánh quân Tây Sơn ở các hướng, xiết vòng vây rất gắt. Lê Văn Ứng xua quân ra ngoài thành, dàn trận đến tận làng Phước Hậu, bị quân Võ Tánh và Văn Thành đánh áp từ hai phía. Quân của Lê Văn Ứng bị chém hàng trăm thủ cấp. Quân Nam thừa thắng vượt sông Lò Gốm tiến đánh nhổ lũy Ưu Đàm. Lê Văn Thành thế cùng, đóng cửa thành tử thủ để chờ viện binh.

Quang Toản nghe tin thua trận, liền sai đại tướng Nguyễn Quang Diệu, Võ Văn Dũng mang binh thuyền tới cứu viện. Quân do thám báo tin về, Thế Tổ sai Lê Văn Duyệt tiến quân đến Sa Lung, Trà Đình; Tống Viết Phước tiến đến Bình Đê, Cung Quăng; Đông cung thống lĩnh Tả quân, phó tướng Đắc thống lĩnh Hữu quân, phó tướng Thái chia ba đường tiến đánh để chặn quân cứu viện. Võ Di Nguy kiêm quản binh thuyền năm doanh án giữ cửa biển Kim Bồng. Thế Tổ tự mình chỉ huy đại quân tiến đến Tân Quan.

Nguyễn Quang Diệu, Võ Văn Dũng tiến đến Quảng Ngãi, nghe tin quân ta đã chiếm Tân Quan, bèn bỏ thuyền theo đường bộ, quân đông vài vạn, cuốn đất kéo đi. Thế Tổ lo quân ta ít, mật sai trung sứ ruổi ngựa truyền lệnh cho Lê Văn Duyệt, Tống Viết Phước tạm rút lui để tránh mũi nhọn của quân Tây Sơn. Duyệt, Phước thưa:

– Bọn thần hai người đây còn sống thì không có gì đáng lo cả. Xin Vương thượng ra lệnh cho các tướng chia đường chặn giặc.

Trong khi quân Quang Diệu giao chiến với quân Thế Tổ, Võ Văn Dũng ngầm đem binh theo đường tắt qua Hòn Cóc, tiến thẳng đến Bến Đá định tập kích Tân Quan. Quân Dũng đang đêm vượt qua con suối nhỏ, bỗng thấy một con nai ngơ ngác ở phía trước. Mấy tên trong đội Tiền quân Tây Sơn nhìn thấy kêu lên: "Nai! Nai!". Quân sĩ của Dũng trong lúc thảng thốt lại truyền nhau mà kêu là "Quân Đồng Nai! Quân Đồng Nai!". Vì thế quân của Văn Dũng sợ hãi, rối loạn bỏ chạy, ngã xuống hang hố. Viết Phước bèn đem vài trăm quân xông vào đánh. Võ Văn Dũng thua to, quân Viết Phước đuổi theo chém giết, đoạt được quân trang khí giới nhiều vô số. Văn Dũng thu nhặt tàn quân, rút chạy về Quảng Ngãi.

Người sau có bài thơ vịnh rằng:

Thiên vị long chu phản cựu kinh,
Tiên giao Lộc Dã hách vương linh.

Tư đồ dạ trĩ tam quân phách,
Hôn Cốc thần khu nhất đạo binh.
Ngạc khởi vô tâm phù hải giá,
Ngưu tằng hữu ý vệ giang hành.
Bảo Hưng tảo ngộ hi triều phúc,
Hà sự Quy Nhơn khổ chiến tranh.

Dịch:

Chưa buổi thuyền rồng đến cựu kinh,
Thế mà Lộc Dã tỏ oai linh.
Tư đồ đêm cướp hồn quân giặc,
Hòn Cóc đuổi dài một đạo binh.
Kình há không lòng phù vượt biển,
Trâu từng có ý giúp sang sông.
Bảo Hưng sớm biết Nam triều thịnh,
Đâu xẩy Quy Nhơn khổ chiến tranh.

Tống Viết Phước báo tin thắng trận. Thế Tổ lệnh cho Phước giải tù binh đến chỗ Võ Tánh, cốt để cho quân trong thành nhìn thấy phải sợ hãi. Thế Tổ ra lệnh cho Võ Tánh cấp tốc đánh vào thành. Lại sai hàng tướng Đoàn Văn Cát dẫn chị gái Đô đốc Phác của giặc là Thị Huấn mang sắc chỉ vào thành dụ hàng. Trước đây Phác vâng mệnh Quang Toản vào trấn thủ Quy Nhơn. Công chúa Ngọc Tuyên đã sai con rể là Nguyễn Đức Tuấn dụ Phác quy hàng. Nghe Tuấn nói: "Thời cơ Khoái Triệt [1] không bao giờ đến nữa". Phác đã muốn đầu hàng quân Nam. Đến đây đang lúc nhận được chỉ dụ, lại thêm thành cô không quân cứu việc, Phác cùng bàn với Tổng quản Thanh. Thanh thấy vua Cảnh Thịnh nghe lời dèm của Lê Ững mà giết oan Lê Trung, lại nghe lời Hồ Công Diệu mà giết Thiếu phó Nguyễn Văn Huấn, Tổng quản Thanh trong lòng đã chớm có nhị tâm, nhưng sợ không giữ nổi mình. Thanh nhân bàn bạc với Phác, rồi cùng Phác dâng biểu xin hàng. Thế Tổ xuống chiếu sai Phạm Đăng Hưng cùng Lại bộ Trần Văn Trạc đến trước cửa thành tuyên dụ.

Hưng người huyện Tân Hòa, Gia Định, là môn sinh của Lại bộ Nguyễn Bảo Trì, thông minh hiếu học, thạo việc nước, am hiểu lễ nhạc, các môn binh thư lịch pháp đều học tập tinh thông. Đầu thời

---

1. *Khoái Triệt:* Biện sĩ người thời Hán. Hàn Tín nghe theo kế của Triệt mà định được đất Tề. Triệt thường khuyên Tín phản Hán tự lập, Tín không nghe, sau bị chết bởi tay Lã Hậu. Lúc sắp chết, Tín than là "hối hận vì không nghe lời Khoái Triệt".

trung hưng, Hưng thi tam trường trúng cách, làm quan tới chức Phấn Vũ vệ tham luận, theo quân đánh giặc ở Phú Yên, được dự bàn mưu lược nơi màn trướng, sau thăng chức Lại bộ tham tri [1]. Bấy giờ ông đang ở trong quân, Thế Tổ sai Hưng cùng với Văn Trạc đến thành Quy Nhơn chiêu dụ tướng sĩ Tây Sơn quy hàng, và báo cho Nguyễn Văn Thành biết tin.

Văn Thành lúc ấy đang trấn giữ ở Bến Đá, chỉ huy hai doanh Hữu quân và Tiên phong. Nguyễn Quang Diệu mang quân tới đánh, Thành chống nhau với giặc suốt năm ngày không phân thắng bại. Thế Tổ truyền lệnh cho tăng quân đến Bến Đá. Quang Diệu nghe tin Võ Văn Dũng thua trận, không dám ham đánh, bèn cho thu quân rồi rút lui. Các tướng hộ giá Thế Tổ tiến quân đến thành Quy Nhơn. Tướng sĩ Tây Sơn mấy vạn người mở cửa thành xin quy thuận. Thế Tổ xuống lệnh cho sung vào các vệ, các chi để sử dụng. Lại sai Lễ bộ Ngô Tòng Chu, Tham mưu Đặng Đức Siêu tuyển mộ số binh lính của ba huyện Phù Cát, Phù Ly, Bồng Sơn đặt ra năm đồn ngự lâm quân, mỗi đồn đặt năm chi, mỗi chi đều đặt một viên vệ úy để quản lĩnh. Đồn thì đặt chức Đô thống chế để thống lĩnh. Sai Phan Tiến Huỳnh thống lĩnh Trung đồn, hàng thần Lê Chất, Từ Văn Chiêu, Đoàn Văn Cát, Nguyễn Văn Phát được sung chức Thống lĩnh bốn đồn Tả, Hữu, Tiền, Hậu.

Bấy giờ quân tướng rất nhiều, Thế Tổ sợ lương ăn không đủ bèn sai bọn Nguyễn Cửu Hanh, Phạm Như Đăng đi trưng thu thóc gạo ở Quy Nhơn. Cai cơ Phạm Văn Nhưng đi khắp huyện Tuy Viễn, những ruộng nào chưa nộp thuế cho Tây Sơn thì cứ y lệ trưng thu. Lại sai Nguyễn Kỳ Kế và Trịnh Hoài Đức chở lương ở kho Đại La vào trong thành để việc cấp phát được đầy đủ.

Nguyễn Văn Thành dâng chiếu xin tiến đánh Phú Xuân. Thế Tổ hỏi Võ Tánh, Tánh thưa:

– Ta hạ được Quy Nhơn, nhưng thế lực Tây Sơn ở Thuận Hóa vẫn còn nguyên vẹn, thế chưa thể đánh ngay được.

Võ Tánh hết sức trình bày để Thế Tổ tạm gác ý định đánh Phú Xuân. Thế Tổ lại triệu họp các tướng bàn cách trấn thủ Bình Định.

Đúng là:

Vất vả kinh doanh vì nghiệp lớn,
Gian nan trù hoạch lắm mưu cơ.

---

1. Bà Từ Dũ Hoàng thái hậu, vợ Thiệu Trị, mẹ Tự Đức là con gái Phạm Đăng Hưng.

HỒI THỨ HAI MƯƠI

Vây Bình Định, tướng Tây Sơn chia đồn
Cứu Võ Tánh, quân Nam triều báo thắng

Lại nói chuyện Quy Nhơn nguyên trước kia thuộc về Quảng Nam, sản vật dồi dào, sức binh hùng mạnh, đứng đầu trong các trấn. Tây Sơn dựa vào đất Quy Nhơn làm căn cứ, sau hai mươi sáu năm Nam triều mới thu phục được. Thế Tổ bèn cho đổi gọi là thành Bình Định. Thành này, phía trong làm bình phong che chắn cho phủ Diên Khánh, phía ngoài sát với quân Tây Sơn. Việc chọn tướng trấn thủ Bình Định quả thật là việc khó. Nghĩ đến Võ Tánh được coi là người thận trọng trong số các quan tướng Nam triều, có thể tin cậy được. Thế Tổ bèn sai Tánh quản lĩnh quân tướng thuộc hạ và ba đồn quân ngự lâm tả trung tiền dưới quyền của Phan Tiến Huỳnh, Đoàn Văn Cát, Lê Chất, cùng với Nguyễn Văn Tôn chỉ huy lính Xiêm ở lại đóng giữ trấn Bình Định. Lấy Ngô Tòng Chu làm Hiệp trấn, Hình bộ Nguyễn Hoài Quỳnh làm Bồi tán quân vụ, Vệ úy Nguyễn Văn Thịnh làm Lưu thủ, Cai cơ Nguyễn Văn Tường làm Cai bạ, Phụng nghị Tá làm Ký lục. Tất cả những quan chức nói trên giúp Võ Tánh ở dinh trấn thủ. Lưu Tiến Hòa được giao làm Lưu thủ Bình Khang, Phạm Tiến Tuấn làm Lưu thủ Phú Yên, Võ Văn Lân làm Lưu thủ Bình Thuận, Nguyễn Văn Tính làm Lưu thủ Diên Khánh, Đặng Trần Thường làm Hiệp trấn, Nguyễn Văn Trương đóng giữ cửa Thi Nại, chờ đại quân trở về sẽ lui về Cù Huân hợp với quân của Lưu thủ Diên Khánh để đề phòng hải phỉ, nếu Võ Tánh có lệnh thì kịp thời tiếp ứng.

Võ Tánh và Ngô Tòng Chu dâng biểu xin ghi công các nghĩa sĩ Bình Định để khích lệ lòng người. Thế Tổ bèn truyền sắc dụ cho các phủ huyện trong trấn Bình Định, rằng sau hồi loạn lạc các địa phương trong trấn đều có người vì không chịu quy phục triều Tây Sơn, xướng nghĩa cần vương giúp Nam triều mà bị hại, vậy hào mục các nơi phải kê họ tên quê quán và sự trạng của những người ấy gửi đến cho Hiệp trấn Ngô Tòng Chu, quan Hiệp trấn điều tra xác thực để ghi tên vào tự điển (Sổ thờ), an ủi linh hồn người trung nghĩa. Con cháu những người ấy thì tùy theo tài năng sẽ được bổ dụng. Ruộng đất

tài sản bị quan quân Tây Sơn chiếm đoạt thì được xét trả lại.

Rồi đó Thế Tổ lệnh cho Đông cung đốc suất tướng sĩ và các hàng tướng đem quân về Gia Định.

Quang Toản nghe tin báo, bảo Trần Văn Kỷ:

– Quy Nhơn là đất hưng vương của triều ta mà nay không giữ được thì kinh Phú Xuân, cửa Bính Hàn làm sao mà vững chắc được?

Rồi Quang Toản đích thân dẫn đại quân vào Trà Khúc để đốc thúc các tướng tiến đánh quân Gia Định. Trần Nhật Kết nói:

– Nay đã là cuối mùa thu, hướng gió không thuận, xin Hoàng thượng hãy tạm đưa quân lui về.

Quang Toản để Nguyễn Quang Diệu, Võ Văn Dũng ở lại đóng giữ Quảng Nam, Nguyễn Văn Giáp trấn thủ Trà Khúc, rồi đem quân về.

Quân do thám báo tin về dinh trấn thủ Bình Định. Ngô Tòng Chu nói với Võ Tánh:

– Nguyễn Văn Giáp nhát như cáy, mỗi khi ra trận trống ngực đập thình thình. Ta có thể đánh lấy Trà Khúc được. Còn Diệu và Dũng thì quyết chí muốn nuốt thành của ta, hẳn bọn chúng không cam tâm về tay không. Xin quan Tham thặng chú ý đề phòng.

Võ Tánh đáp:

– Tướng trấn thủ ngoài biên muốn cho việc phòng thủ cẩn mật thì phải giữ nghiêm quân pháp. Nhớ lại trong trận Bến Đá, quân của Dũng không đánh mà tan rã. Nội bộ quân Tây Sơn tất sẽ khuynh đảo lẫn nhau. Hơn nữa Văn Dũng vì việc đi Hòn Cóc để cho Tống Viết Phước thừa cơ tiến đánh, sợ Quang Toản trị tội nên phải xin Nguyễn Quang Diệu che giấu sự việc. Vì chuyện ấy, Diệu và Dũng cố kết với nhau rất tương đắc. Nhưng Trần Văn Kỷ, Hồ Công Diệu và Trần Nhật Kết thì vốn ghét Diệu. Nhân vụ Quang Diệu để mất Quy Nhơn, Trần Văn Kỷ viết chiếu sắc giả ra lệnh cho Dũng bắt giết Quang Diệu. Dũng đưa tờ chiếu lệnh ấy cho Quang Diệu xem, Diệu tức giận, cùng với Dũng đem quân về Phú Xuân đóng trại ở bờ Nam sông Hương nói là để giết tên giặc ở bên cạnh vua. Quang Toản sai người ra gọi Diệu vào triều kiến, Diệu không tuân mệnh. Trần Văn Kỷ đổ tội cho Công Diệu và Nhật Kết. Kết bỏ trốn, Quang Toản sai bắt Hồ Công Diệu trao cho Nguyễn Quang Diệu, bấy giờ Quang Diệu và Văn Dũng mới chịu giải binh vào triều cận. Quang Toản dụ bọn Diệu rằng:

– Các khanh là cột trụ của triều đình, nên đồng tâm gắng sức để trừ họa ngoài, không nên nghi ngờ nhau.

Bọn Diệu khóc mà tạ ơn, rồi xin được đem quân vào lấy lại Quy Nhơn. Diệu nói:

– Bọn thần đi chuyến này nếu không thu phục được Quy Nhơn, thề không đem quân trở về.

Diệu, Dũng vào lạy chào Quang Toản rồi đem quân lên đường. Diệu bàn mưu với Dũng:

– Các tướng bên ta không ai dám đối địch với Võ Tánh. Nay Tánh giữ một tòa thành trơ trọi, tiến thoái đều không có viện quân. Chuyến này tôi sẽ đem quân bộ đánh Quy Nhơn, quan huynh đưa thủy quân đánh vào cửa Thi Nại để ngăn chặn quân cứu viện từ Gia Định ra, thành của Tánh tất lấy được.

Rồi Quang Diệu, Văn Dũng đem mấy vạn quân và hơn trăm chiến thuyền đi đánh Quy Nhơn. Thủy quân của Văn Dũng tiến vào cửa Thi Nại, Quang Diệu dẫn quân bộ tiến đóng ở Bến Đá. Đó là ngày tháng Chạp năm Kỷ Mùi (1 – 1800).

Tin báo vào thành Bình Định, Võ Tánh nói với Ngô Tòng Chu:

– Nhuệ khí quân địch đang hăng, ta chưa nên giao chiến.

Rồi Tánh lệnh cho Hậu quân phó tướng Nguyễn Văn Biện thu quân vào thành, sai Võ Viết Bảo chỉ huy các đội quân thương pháo đặt súng canh giữ khắp bốn mặt thành. Hai tướng Nguyễn Tiến Huyên, Hoàng Công Khánh bỏ lũy Mái Sơn, Vũ Khê, đem quân về giữ thành. Võ Tánh lại lệnh cho Lê Chất đem quân bản bộ đi trước về Gia Định chờ lệnh điều khiển.

Bọn Lê Chất vừa đưa quân đi thì quân của Quang Diệu kéo đến vây thành khiêu chiến. Võ Tánh kiên trì không mở cổng thành. Quang Diệu bảo Văn Dũng:

– Võ Tánh không chịu đánh, cầm cự lâu để khiến cho quân ta mỏi mệt. Phen này phải vây thành cho Tánh chết mới hả giận!

Rồi Diệu truyền cho quân sĩ đắp lũy dài ở ngoài thành, đặt quân bộ vây khắp trong ngoài mấy lớp. Văn Dũng cũng cho thủy quân dựng đồn lũy, lại cho hai thuyền lớn hiệu Định Quốc và các chiến thuyền chắn ngang cửa Thi Nại làm trường thành trên mặt biển. Lại đắp chiến lũy ở trên đất liền gần biển, một ở bên trái bãi Nhạn, một

ở bên phải trên núi Tam Tòa để bắn xuống khi quân Gia Định từ phía Nam đánh ra.

Tin báo về Gia Định, các tướng đều thấy quân Võ Tánh thế cô, xin Thế Tổ cho cứu viện gấp. Thế Tổ nói:

– Lương thảo ở thành Bình Định tích trữ đủ ăn một năm. Nay gió mùa Đông Bắc đang mạnh, chưa tiện đưa thủy quân ra.

Rồi đó Thế Tổ sai quân ruổi ngựa đưa thư bảo Võ Tánh:

– Năm trước tướng quân giữ Diên Khánh, bọn Quang Diệu vây đánh rất gắt mà không hạ nổi thành, đủ biết tướng quân là bậc mưu lược. Nay tướng quân nên khích lệ quân sĩ canh phòng nghiêm mật mà cố thủ, không để cho các hàng tướng biết rõ tình hình việc quân. Đợi đến mùa xuân gió thuận sẽ cho đại binh ra tiếp viện.

Thế Tổ sai Võ Di Nguy đóng sửa chiến thuyền, sức cho các vùng xung quanh dinh Bình Thuận chú ý canh phòng địa giới.

Quân thám mã báo tin hàng tướng Tây Sơn Hồ Văn Điểm làm phản, tụ họp dân chúng nổi dậy ở miền thượng đạo trấn Phú Yên. Thế Tổ sai Phạm Tiến Tuấn chia quân đi chặn địch, một mặt báo cho Võ Tánh biết để đề phòng.

Bấy giờ hàng tướng Tây Sơn là Đô đốc Trị ở thành Bình Định dẫn thuộc hạ hơn hai mươi người theo đường núi Sa Lung bỏ trốn. Tánh cho quân đuổi theo bắt lại, chém đầu để thị uy dân chúng. Việc tâu về triều, các tướng nói:

– Trước đây Phạm Văn Tham đầu hàng rồi lại mưu phản, đã bị xử chém, tưởng các hàng tướng Tây Sơn lấy đó làm răn. Nay bọn họ muốn làm phản là vì thấy quân của Diệu đến vây thành. Xin Chúa thượng nhắc lại quân lệnh cho rõ, một mặt phải sớm cho quân ra tiếp viện. Nếu không, sợ các hàng thần ở Bình Định lại mưu toan trốn ra khỏi thành theo về với Tây Sơn.

Thế Tổ bèn xuống chiếu lệnh hợp năm đồn quân Thần sách làm năm dinh, lấy Tống Viết Phước, Phan Văn Kỳ làm Trung doanh chánh phó đô thống chế, lấy Lê Văn Duyệt, Tôn Thất Chương, Phạm Văn Triệu, Mai Đức Nghị làm tả hữu tiền hậu đô thống chế, lấy Hoàng Viết Toản, Trần Văn Tín, Nguyễn Văn Hậu, Tôn Thọ Vinh làm phó đô thống chế, lấy Nguyễn Đức Xuyên làm Tượng chính đô thống quân Thần sách, Phạm Văn Nhơn chỉ huy tướng sĩ năm dinh sửa soạn đi đánh trận. Tính trước tình hình Gia Định đất rộng dân

thưa, lo sau khi đại quân đi đánh thì thiếu quân đóng giữ, Thế Tổ lệnh cho các dinh ở Gia Định đặt thêm vọng gác, ngày đêm tuần phòng quân gian tế.

Vừa lúc ấy tướng trấn thủ dinh Trấn Biên là Nguyễn Đức Giảng tâu việc các bộ lạc người Man làm phản, xin cho quân tăng viện để đánh dẹp.

Lại nói chuyện tù trưởng các sách người Man ở dinh Trấn Biên là Vũ Cần Xa và Vũ Cần Dung tụ tập thủ hạ kéo đi xâm chiếm sách Vũ Việt. An phủ Ỷ Lăng sai Ốc Nha Xà Cốt về triều xin quân. Thế Tổ sai tướng đem quân đi đánh, dẹp yên được. Ốc Nha thu tập thuộc hạ người Man thuộc dâng sớ xin được hàng năm cống nộp như cũ. Các sách Bào Lôi, Phạm Dựng, Đồng Nhai, An Côn cũng xin theo lệ nộp thuế, được Thế Tổ chuẩn cho.

Rồi đó Thế Tổ triệu hội các tướng bàn việc tiến đánh quân Tây Sơn, sai chọn quân thám mã ruổi ngựa ra Bình Định báo cho Võ Tánh biết để sẵn sàng phối hợp.

Bấy giờ quân Tây Sơn vây thành đã bốn tháng. Trong thành phần đông người Bình Định, vốn có quan hệ thân thích tộc thuộc với Tây Sơn muốn trốn ra ngoài thành. Hàng tướng Võ Văn Sự, Nguyễn Bá Phong cầm đầu làm nội phản, ban đêm mở cửa thành phía Bắc ra theo Tây Sơn. Võ Tánh sai tì tướng Ngô Văn Sở chặn giữ ở cửa thành. Phe đảng của Bá Phong lúc ấy đã lọt được ra ngoài hơn bốn trăm người. Số còn lại ở trong thành không dám động đậy. Võ Tánh lo bọn họ sẽ lại làm phản, bèn ra lệnh đem giết cả rồi sai người về triều cáo cấp.

Thế Tổ triệu Đông cung về trấn thủ Gia Định, lấy Nguyễn Văn Nhơn quyền lĩnh Tả quân phó tướng kiêm quản tứ doanh, lưu trấn để giúp Đông cung điều vận lương hướng. Lấy Hình bộ Nguyễn Tử Châu làm Hiệp tán cơ vụ, phong Nguyễn Văn Thụy làm Khâm sai thượng đạo Bình Tây thượng tướng quân, hội binh với quân Vạn Tượng tiến xuống đánh Nghệ An để kiềm chế viện binh Phú Xuân.

Chánh thống lĩnh thượng đạo Thanh Hoa Hà Công Thái cùng thổ hào Nguyễn Đình Ba cho người vào dâng biểu xin đem quân theo Nguyễn Văn Thụy đi đánh Tây Sơn. Lưu Tiến Hòa cũng dâng biểu xin cho quân huyện của huyện Bình Khang đi đánh dẹp, đều được Thế Tổ cho phép.

Mùa xuân năm Canh Thân (1800) ngày đầu tháng Ba, Thế Tổ lệnh cho Nguyễn Đức Xuyên đưa đội tượng binh lên đường, rồi tự mình thống lĩnh đoàn chiến thuyền tiến phát tiếp sau. Tin báo vào đồn quân Tây Sơn, Quang Diệu sai thuộc tướng là Đại đô đốc Đào Công Giản, cùng Đô đốc Tuấn, Tham trấn Điềm dàn quân đóng từ Phú Yên trở ra. Tất cả hơn chín mươi đồn, thế lực rất hùng hậu. Nguyễn Đức Xuyên đưa quân đến Diên Khánh thì được báo tình hình dàn quân của Diệu. Đức Xuyên thấy Tây Sơn quân đông mà quân mình ít, thế chưa tiến mạnh được, bèn dừng quân đóng ở núi Màn Màn rồi dâng sớ xin cho tạm lui về Phan Rí đợi thủy quân tới sẽ cùng tiến. Thế Tổ bảo Xuyên cứ đóng quân ở Diên Khánh chờ lệnh.

Đoàn chiến thuyền đến cửa Cù Huân, Thế Tổ triệu các tướng đến để nghị bàn quân sự. Các tướng đều xin Thế Tổ cho bỏ Bình Định để tiến đánh Phú Xuân. Đặng Trần Thường cho rằng nay quân Nam triều thuận gió bất ngờ ập đến, Tây Sơn không dám chống cự, tất sẽ lui về giữ cửa Thi Nại. Nếu ta tiến thẳng ra Phú Xuân, Tây Sơn ắt cho thủy quân đuổi theo. Như thế quân ta tiến thì gặp thành trì kiên cố, lui thì gặp quân địch mạnh. Đó là con đường nguy hiểm của người dùng binh. Thế Tổ cho là phải, bèn sai Đặng Trần Thường cùng Lưu thủ Diên Khánh Nguyễn Văn Tính tiến đóng Phú Yên. Văn Tính tâu xin sai Mai Tiến Vạn đem quân đến đóng đồn ở Tam Lĩnh. Nguyễn Văn Trương tâu:

– Phú Yên là đất quân địch tất tranh lại, được hay mất cũng chưa đủ vui buồn ngay. Nếu phái thêm trọng binh đến tiếp ứng cho Phú Yên thì Diên Khánh sẽ thưa yếu. Vậy xin củng cố căn bản, đợi thám thính tình hình quân địch rồi sẽ tiến đánh cũng không muộn.

Đông cung Cảnh từ Gia Định sai người ra dâng biểu tâu việc vua nước Chân Lạp là Nặc Ong Ấn sai Cao La Hâm Sâm đem tượng binh sang xin giúp Thế Tổ đi đánh giặc. Cùng dịp này lại có Phí Nhã Phì Phạt chở ba mươi xe gạo sang giúp cho Nam triều. Thế Tổ lệnh sung gạo vào kho để cấp quân lương, còn quân binh và voi của nước Xiêm thì cho đóng trại để chờ sai phái. Thế Tổ lại truyền lệnh cho tướng sĩ các dinh thủy bộ: người nào bắt sống hoặc giết được chủ tướng Tây Sơn cấp chánh quản thì được phong tước công, từ cấp phó quản trở xuống thì được thăng hàm một cấp, thưởng tiền một vạn quan; bắt sống hoặc giết được các cấp thuộc tướng cũng được thăng thưởng theo lệ định. Các tướng sĩ nghe lệnh truyền, ai nấy đều hăng hái diệt địch.

Đoàn chiến thuyền dừng đóng ở Vũng Tích, Thế Tổ sai Nguyễn Văn Thành chỉ huy quân theo vũng Xuân Đài (ở đầu địa giới Phú Yên, còn có tên là cửa Đêm Trăng) đổ lên bộ, tiến lên miền thượng đạo Phú Yên. Đặt Nguyễn Đức Xuyên, Nguyễn Văn Tính, Đặng Trần Thường, dưới quyền tiết chế của Nguyễn Văn Thành.

Các tướng đã vâng lệnh đưa quân lên đường, thì có quân thám báo ở đạo Nghệ An vào báo tin Nguyễn Văn Thụy sai bọn Lưu Phước Tường, Nguyễn Văn Uẩn đem thổ binh người Thượng đạo đánh quân Tây Sơn của Đô thống Nguyễn Danh Lạc ở đồn Bố và quân của phò mã Nguyễn Văn Trị ở đồn Lam. Thế Tổ sai báo tin ấy cho Nguyễn Văn Thành. Rồi đó Thế Tổ dẫn quân đi tiếp theo, gặp quân Tây Sơn của Đô đốc Tuấn. Hai bên giao chiến ở Đất Đỏ, Thanh Kỳ, quân Tây Sơn thua lớn. Quân Thế Tổ tiến đánh nhổ lũy Hội An. Đô đốc Tuấn lui chạy, chiếm giữ gò Đá Ải.

Nguyễn Văn Thành sai Tôn Thọ Vinh đóng giữ lũy Hội An. Lê Chất chỉ huy quân Tiền đạo tiến đến gò Đá Ải. Quân Tây Sơn dựa vào thế núi bắn đạn xuống. Lê Chất trúng đạn bị thương, đội Tả quân hơi chùn lại. Văn Thành sai Nguyễn Đức Xuyên cùng Đặng Trần Thường tiến quân đến Đồng Nghệ, vượt qua sông mà dàn trận, Văn Thành tự dẫn quân vượt qua gò Đá Ải, đánh đuổi quân Tây Sơn đến núi Xương Cá, liên tiếp đánh thắng. Quân Tây Sơn lui về giữ lũy La Đài. Văn Thành để Nguyễn Văn Tính ở lại đóng giữ rồi chia quân làm hai đường, theo đường tắt vượt qua đèo tiến đánh lũy Xuân Đài, quân Tây Sơn thua chạy. Nguyễn Văn Tính đuổi đánh, bắt sống được Đô đốc Tây Sơn tên là Giản và một con voi trận; quân của Văn Tính bèn nhổ lũy La Đài.

Tin thắng trận báo về, Thế Tổ bảo Văn Thành:

– Khanh cầm quân giao chiến với Tây Sơn thắng liền ba trận. Tuy chưa diệt hết được bọn chúng, cũng có thể kể là toàn thắng. Nhưng quân Tây Sơn bị quân ta bẻ gãy, tất sẽ xin điều thêm quân để đánh báo thù. Khanh hãy cùng các tướng tùy cơ ứng phó để lập kỳ công.

Nói đoạn Thế Tổ lấy năm tấm ngự bài đưa cho Nguyễn Văn Thành, dặn Thành rằng: "Từ nay mỗi khi sai người ruổi ngựa về báo việc quân thì phải cầm ngự bài để làm tin". Văn Thành vâng mệnh, rồi hội các tướng để bàn kế hoạch tiến quân.

Nguyễn Đức Xuyên nói:

– Diệu là viên tướng kiêu dũng, nên quan Tham thặng Võ Tánh

mới bị vây lâu ngày như thế. Nay quý đài đưa quân viện đến thì Diệu khó bề chống đỡ.

Bấy giờ Nguyễn Quang Diệu đang tức giận về việc Đô đốc Giản bị quân Gia Định bắt sống, khiển trách Đô đốc Tuấn và các tướng, rồi tự mình đôn đốc quân sĩ vây thành. Võ Tánh ở trong thành nghe tin viện quân liên tiếp thắng trận cũng mở cửa thành phía Nam đưa quân ra đánh quân Quang Diệu ở núi Tam Tháp, đốt phá đồn lũy, đến tận chiều tối mới lui về thành cố thủ.

Tin báo về triều, Thế Tổ nói với các quan tùy tòng:

– Tánh đủ sức chống chọi với quân địch để bảo vệ đô thành, rửa hận cho Võ Nhàn ngày trước.

Rồi Thế Tổ truyền cho Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Hoàng Đức hộ tống đoàn ngự thuyền tiến đóng ở vùng Cù Mông.

Đúng là:

Hổ tướng chung lòng không địch mạnh,
Thuyền rồng lâm chiến sẵn mưu cao.

HỒI THỨ HAI MƯƠI MỐT

Tống Viết Phước đánh chiếm núi Vân Sơn
Lê Văn Duyệt hỏa công cửa Thi Nại

Lại nói cửa Cù Mông là nơi giáp giới giữa Quy Nhơn và Phú Yên. Lúc trước Nguyễn Nhạc từng đóng chiến thuyền lớn ở đây, nhưng vì cửa biển nước cạn, không đưa thuyền ra khơi được, nên phải bỏ lại trên bờ. Bấy giờ Thủy quân của Thế Tổ sắp đánh cửa Thi Nại, khi chiến thuyền đến Trác Vĩnh, Lãng Kinh thì có Cai đội mật sai tên là Nguyệt chèo thuyền đến báo là đồn quân của Võ Văn Dũng rất kiên cố, không thể đánh gấp được.

Thế Tổ truyền lệnh dừng thuyền ở cửa Cù Mông, nhân đó sai quân sĩ khơi luồng để đưa thuyền cập bờ cho thuận tiện. Thế Tổ sai Phạm Văn Nhơn, Tống Viết Phước, Mai Đức Nghị chỉ huy các chiến thuyền hỗ giá, sai Võ Di Nguy chỉ huy các vệ Thần sách trung doanh và hậu doanh, đóng giữ ở vũng Thố để tiếp ứng cho ngự doanh; sai Nguyễn Hoàng Đức đốc suất quân Tiền doanh của Phạm Văn Triệu và quân Hữu doanh của Tôn Thất Chương chỉ huy tiến đóng núi Cù Mông. Hàng tướng Từ Văn Chiêu được điều đến làm thuộc hạ của Nguyễn Hoàng Đức, nhưng vì bất hòa với Viết Phước, nên Đức dẫn cả quân Ngự lâm Hữu đồn làm phản, trở về với Tây Sơn. Thế Tổ nghe báo liền truyền Nguyễn Văn Thành phải hết sức đề phòng.

Lúc này quân Võ Văn Dũng tiến vào sông Vân Sơn. Thế Tổ truyền lệnh cho Nguyễn Văn Trương tiến đánh. Trương cùng Trần Công Hiến dẫn đội du binh tiền tiêu đến đánh, quân Tây Sơn thua chạy. Tư khấu của Tây Sơn là Định đóng quân ở đồn Hoa Yên, mưu toan đánh úp các đồn quân đóng ở núi Cù Mông. Thế Tổ sai Lê Văn Duyệt theo đường núi Cù Mông tiến đánh. Duyệt đánh tan quân của Định, bắt sống nhiều tù binh. Thế Tổ sai Mai Đức Nghị quản lĩnh hai vệ Tiền doanh và Hữu doanh theo Nguyễn Hoàng Đức đem quân đến đóng ở Hoa Yên.

Nguyễn Văn Thành nghe tin Văn Duyệt thắng trận, mà Nguyễn Văn Tính thì đang ốm, bèn xin Thế Tổ lấy Tôn Thọ Vinh thay Văn Tính đóng giữ La Đài, rồi tự mình đem quân qua đèo Mụ tiến đến Hà

Nha. Quân Tây Sơn chiếm giữ núi Hương Sơn để chống cự, bị quân của Văn Thành đánh đuổi, phải lui về lũy ngang ở núi Chủ Sơn. Văn Thành cho quân tiến đóng Đồng Thị, chia quân làm sáu đạo, gióng trống hò reo vây thành. Quân Tây Sơn chống cự quyết liệt. Nguyễn Văn Phụng chỉ huy vệ Thần vũ, Mai Văn Bảo chỉ huy vệ Thần lược tử trận. Bấy giờ ở các đồn của Tả quân có nhiều hàng binh Tây Sơn, Văn Thành lo sơ hở, xin cho quân lùi về Đồng Thị, đắp lũy Hà Nha, Hương Sơn để cố thủ.

Bên quân Tây Sơn, Nguyễn Quang Diệu và Tư khấu Định sửa soạn đốc quân đánh một trận lớn để cắt đường quân Ngự doanh của Thế Tổ. Quân do thám báo tin về, Thế Tổ bèn sai Nguyễn Đức Xuyên chia tượng binh làm hai đội: một do Nguyễn Văn Thành thống lĩnh, một do Xuyên chỉ huy, hội với quân Lê Văn Duyệt để tiến đánh. Nguyễn Đức Xuyên xin Thế Tổ vẫn cho đóng quân tại Đồng Thị và cho quân Tả doanh chiếm đường núi Cù Mông cắt đường đánh tập hậu của quân Tây Sơn, Nguyễn Văn Thành cũng lo Quang Diệu nhân sơ hở sẽ đánh vào Đồng Thị, Thế Tổ nói:

– Địa thế ở Đồng Thị hiểm trở, không phải là nơi thích hợp để dùng tượng binh. Từ Đồng Dự đến Vân Sơn địa hình bằng phẳng, dùng tượng binh ở đó mới có lợi thế. Ông Xuyên phải chọn tượng binh thiện chiến đi ngay ra Cù Mông, còn việc ở Tả doanh thì phải chờ quân Chân Lạp đến rồi mới bố trí được.

Nguyễn Đức Xuyên vâng lệnh đưa tượng binh đi ngay đến doanh trại của quân Lê Văn Duyệt. Vừa lúc đó, Tống Phước Ngoạn dẫn quân Chân Lạp do Cao La Hâm Sâm chỉ huy gồm năm ngàn tên và hơn chục thớt voi đến Đồng Thị. Thế Tổ sai đặt lệ thuộc dưới quyền điều khiển của Nguyễn Văn Thành. Rồi Thế Tổ sai gọi Lê Chất đưa quân Tả doanh đến hành tại của Thế Tổ để chờ sai phái.

Nguyễn Văn Thành dàn quân đánh núi Chủ Sơn, trước hết sai quân đào hầm đến sát lũy giặc, ngầm đặt thuốc nổ để đánh địa lôi, khi xông trận thì châm lửa cho thuốc nổ làm sạt lở chân lũy để mở lối cho quân đánh vào. Thuốc nổ làm sạt lũy rộng đến hai trượng, nhưng quân Tây Sơn ra sức cố thủ, nên quân của Thành vẫn không nhổ được lũy. Vệ úy Nguyễn Công Trọng trúng đạn chết. Trọng người huyện An Xuyên, trấn An Giang, từng theo Đông cung giữ đồn Tô Hà, sau làm Vệ úy trong quân Nguyễn Văn Thành, từng lập nhiều chiến công.

Cai đội mật sai tên là Siêu báo tin quân Tây Sơn do Đô đốc Lê

Văn Hưng chỉ huy đoàn thuyền chở lương một trăm năm mươi chiếc kéo đến cửa Đề Di. Thế Tổ sai Nguyễn Văn Trương cùng thuộc tướng là bọn Nguyễn Văn Kiêm đem quân tiến đánh. Lê Văn Hưng chống cự không nổi, phải bỏ thuyền lên bộ tìm đường chạy trốn. Bọn Văn Trương đoạt được lương thực trên thuyền. Thế Tổ lệnh cho Văn Trương chở lương thực mới đoạt được đến cấp cho quân của Văn Thành.

Bấy giờ Văn Thành đang lo lắng vì chưa nhổ được lũy Chủ Sơn, hàng ngày lấy dân người Thượng dẫn đường, tìm được con đường tắt ở phía Tây Nam có thể đưa quân vòng ra đánh từ phía sau lại. Thành vẽ bản đồ ghi rõ cách bao vây quân Tây Sơn trong lũy, một mặt dâng thư xin Thế Tổ cho quân tăng viện. Thế Tổ liền sai Tống Viết Phước, Lê Văn Duyệt, Nguyễn Đức Xuyên, Lê Chất, dẫn quân bản bộ cùng tướng sĩ các doanh Tiền quân, Hữu quân tiến vào Đồng Thị, đặt tất cả dưới quyền tiết chế của Nguyễn Văn Thành.

Văn Thành để Văn Duyệt và Lê Chất ở lại đóng giữ Đồng Thị, tự mình dẫn quân vượt núi Bột Khê. Quân của Văn Thành gội mưa đi hai mươi dặm, đến trại Đăng thì vòng lại phía sau quân Tây Sơn, phóng hỏa đốt trại giặc. Lê Văn Duyệt dẫn quân xông vào đánh, quân Tây Sơn không chống cự nổi bỏ chạy về thôn Đồng Cờ. Tống Viết Phước, Nguyễn Long từ cánh trái, Lê Văn Duyệt, Phan Văn Triệu từ cánh phải dẫn quân đánh ốp vào. Văn Thành cùng Đức Xuyên dẫn đại quân binh tượng thẳng hướng chính đánh vào. Quân Tây Sơn thua lớn, Đô đốc Hoan bị chém tại trận. Đô đốc Nguyễn Đức Thu phải đầu hàng.

Văn Thành hợp quân tiến về Đông Trường, riêng quân của Tống Viết Phước rẽ về phía núi An Tượng, nhổ liền bốn đồn của quân Tây Sơn. Sau đó Tống Viết Phước hội quân với Mai Đức Nghị, Trần Công Lại tiến đánh, nhổ lũy quân Tây Sơn ở Đầm Sinh, Sơn Trà. Thế là từ núi Lệ Thạch đến Hoa An, Hoa Lộc, quân Tây Sơn đều bỏ đồn lũy tháo chạy. Quân Nam triều tiến đóng ở núi Văn Sơn, Nguyễn Văn Thành sai quân ruổi ngựa về hành tại của Thế Tổ báo tin thắng trận.

Lại nói bấy giờ Thế Tổ đi xem xét địa thế ở Cát Đốc, sai kiểm điểm quân lương vũ khí, vì đang mùa gió ngược thuyền lương từ Gia Định chưa thể ra ngay được. Thế Tổ đã sai Trịnh Hoài Đức đi Phú Yên, Phạm Như Đăng đi Bình Khang, Ngô Ứng đi Bình Thuận để đốc thúc việc thu thóc quân nhu. Nguyễn Văn Tính từ Phú Yên về yết kiến, Thế Tổ sai Tính dẫn quân bản bộ cùng ba đội thuộc doanh Tả vệ trở về đóng giữ lũy La

Đài. Thế Tổ nhận thấy việc nhổ đồn, đuổi giặc, tiếp tế quân lương không gián đoạn, đều là do công lao của Nguyễn Văn Thành, bèn sai đặt Nguyễn Hoàng Đức và các tướng chỉ huy các cánh quân bộ dưới quyền điều khiển của Tiền quân Nguyễn Văn Thành. Một mặt Thế Tổ sai mật báo cho Võ Tánh ở trong thành chuẩn bị phối hợp trong đánh ra ngoài đánh vào.

Lại nói Võ Tánh được tin báo quân Tây Sơn nhiều lần thua trận, thường nhân đêm tối mở cửa thành ra giao chiến với quân Tây Sơn. Nguyễn Quang Diệu càng điều thêm quân đến vây thành đông hơn. Quân của Văn Thành vất vả chống cự mà viện quân thủy bộ thì chờ mãi chưa thấy đến. Phan Văn Triệu tâu với Thế Tổ:

– Việc quân không thể chần chừ, xin Vương thượng cho tung quân đánh một trận để quyết thắng bại.

Thế Tổ bèn sai Phạm Ngọc Uẩn đến quân doanh úy lạo tướng sĩ, truyền mật lệnh cho Văn Thành chọn thời cơ tiến đánh để giải vây cho tướng sĩ trong thành Bình Định. Đặng Trần Thường dâng sớ xin Thế Tổ cho bắt đầu tiến đánh bằng thủy binh, vì bộ binh thì quân nhà cầm cự đã lâu mỏi mệt, mà quân địch thì khí thế đang hăng.

Thế Tổ ngồi thuyền nhỏ, sai chèo đến ngoài khơi cửa Thi Nại. Thấy thủy đồn của quân Tây Sơn rất kiên cố. Thế Tổ than rằng:

– Trời chưa muốn diệt Tây Sơn hay sao mà còn làm khốn khổ tướng sĩ của ta như vậy?

Rồi Thế Tổ trở lại cửa Cù Mông, hội các tướng bàn kế đổ quân lên bộ đánh giải vây thành Bình Định. Đặng Đức Siêu tâu:

– Chúng ta đưa quân thủy lên đánh trên bộ, thuyền không sẽ đậu lại ngoài khơi. Quân Tây Sơn biết, tất sẽ đến đánh đoạt. Nhưng thủy chiến là sở trường của quân ta, nay lại đang mùa gió nồm, xin Vương thượng cho đặt các chất cháy lên một số thuyền không, tuyển quân thiện chiến lặn trước vào trong cửa cảnh đón các thuyền chứa chất cháy từ ngoài khơi đẩy vào, châm mồi lửa để đốt thủy trại của quân giặc.

Thế Tổ nghe theo lời tâu của Đức Siêu, truyền lệnh cho các tướng chuẩn bị đánh hỏa công. Thế Tổ hỏi các tướng có thể sai ai đánh trận này, Tống Viết Phước xin đi. Thế Tổ mật báo cho Nguyễn Văn Thành biết, bảo Thành chia quân, nhân lúc đêm tối đánh úp vào trại thu hút sự chú ý của quân Tây Sơn để thuận tiện cho thủy quân tiến đánh.

Văn Thành kể lại chuyện này cho Nguyễn Đức Xuyên biết. Bấy giờ Đức Xuyên đang bị ốm. Thế Tổ biết tin, sai viên đội tiểu sai Nguyễn Kỷ mang nhân sâm đến ban cho Xuyên, Đức Xuyên nhân đó nói với Kỷ:

– Chúa thượng muốn lập kế hỏa công, Viết Phước xin đi thực hiện kế ấy. Viết Phước tuy dũng cảm, nhưng hay khinh động, Lê Văn Duyệt có mưu lược hơn. Nếu Chúa thượng sai Duyệt đi thì mới chắc thắng.

Nguyễn Kỷ trở về thưa lại với Thế Tổ lời Đức Xuyên nói. Thế Tổ liền cho gọi Duyệt cấp tốc về Ngự doanh. Duyệt đến hành tại, vào yết kiến, Thế Tổ hỏi tình hình quân địch, Duyệt trình bày kế sách đánh quân Võ Văn Dũng, xin Thế Tổ sai cai đội Tường đi do thám tình hình động tĩnh ở các đồn thủy quân Tây Sơn. Tường đi do thám xong trở về tâu với Thế Tổ rằng quân lính của Võ Văn Dũng chỉ lo nghỉ ngơi chơi đùa, canh phòng trễ nải. Lê Văn Duyệt xin Thế Tổ cho đi đánh ngay khi bọn chúng chưa kịp đề phòng. Thế Tổ liền lệnh cho Nguyễn Văn Trương, Tống Phước Lương dẫn thủy quân tiến trước, Lê Văn Duyệt và Võ Di Nguy tiến sau, một mặt sai người đưa tin mật báo cho Võ Tánh biết, để phối hợp đánh giải vây thành Bình Định ngay trong đêm ấy. Thế Tổ truyền lệnh cho các tướng sĩ:

– Báo đền ơn nước chính là vào đêm nay. Sống thì cùng nhau hưởng phú quý, chết thì triều đình hương khói phụng thờ!

Các tướng nghe lệnh đều hăng hái, quyết liều chết đánh giặc. Duyệt vốn bất hòa với Võ Di Nguy, vứt chiếc đèn xách trước mặt Thế Tổ, bảo là Di Nguy không chịu sửa sang quân khí, xin Thế Tổ chém đầu Di Nguy trước rồi sau sẽ xuất quân, Thế Tổ phải khuyên giải mãi Văn Duyệt mới chịu nguôi mà dẫn quân đi. Trần Công Hiến ban đêm dẫn quân vượt bến đò Tiêu Ky, bắt sống được Đô ty của Tây Sơn là Nguyễn Văn Độ. Công Hiến hỏi cung, lấy được mật khẩu của địch, bèn báo về Ngự doanh. Thế Tổ liền trao thanh hổ kiếm ban cho Hiến; rồi truyền lệnh cho Nguyễn Văn Trương, Tống Phước Lương, Trần Đăng Long đưa quân lên mười tám chiếc thuyền thoi, giả cách làm quân Tây Sơn đi tuần tiễu, chèo thuyền áp sát đội hình thuyền giặc mà đánh. Đô đốc Tây Sơn tên là Trà bị chém tại trận. Quân sĩ của Võ Văn Dũng bám lũy đất trên núi mà chống cự, bắn đạn xuống ào ào như mưa. Võ Di Nguy ngồi đầu mũi thuyền đốc thúc chiếc thuyền lướt lên trước, trúng đạn rơi xuống biển chết. Di Nguy là cựu thần từ đời chúa trước, từ khi theo Định vương vào Gia Định, phàm các việc chế tạo thuyền

tàu trong quân đều do Võ Di Nguy chế đặt quy tắc kiểu mẫu. Di Nguy thường chỉ huy binh thuyền Ngũ thủy theo Thế Tổ đi đánh dẹp, lập nhiều chiến công. Người đời sau có thơ vịnh rằng:

Ngũ doanh lâu lỗ trùng thành ngoại,
Vạn khoảnh ba đào nhất trận trung.
Hùng khái dục lăng Lê Tả tướng,
Chiến tâm tranh phó Nguyễn Tiên phong.

Dịch:

Chiến thuyền dàn lớp như thành lũy,
Sóng biển dâng cao chực đổ tung.
So chí muốn trên Lê Tả tướng,
Đọ tài theo sát Nguyễn Tiên phong.

Sau khi Võ Di Nguy tử trận, Lê Văn Duyệt liền cho thuyền vượt lên trước đốc thúc thủy binh áp trận. Từ giờ Dần đến giờ Ngọ, Cai cơ Hoàng Văn Định, Trần Văn Đạo, Vệ úy Nguyễn Văn Hựu (người huyện Tân Minh, trấn Vĩnh Long) kẻ trước người sau trúng đạn chết, quân sĩ tử thương đến hơn sáu trăm người. Thế Tổ dừng thuyền ở vịnh San Hô, ba lần sai lính hầu đi truyền lệnh cho Lê Văn Duyệt lui quân để tránh mũi nhọn của quân địch, nhưng Duyệt xin được tử chiến để cứu quân của tiên phong. Duyệt nói với viên truyền lệnh:

– Đã đến đây rồi thì chỉ có vào chứ không ra!

Nói đoạn đốc thúc thủy binh tiến gấp, đến khoảng giờ Dậu thì vào cập bờ, nhân lúc xuôi gió phóng hỏa đốt trại quân Tây Sơn, lửa bốc đùng đùng che kín một góc trời. Quân Tây Sơn thua lớn, Võ Văn Dũng bảo thuộc hạ:

– Ta có mỗi chiếc tàu Tây thì quân Gia Định đốt mất, Văn Duyệt có thể nói là kẻ biết cầm quân. Nhưng ta chê Duyệt còn kém mưu trí: Lúc trước chiếm Quy Nhơn phải chiếm luôn cửa Thi Nại thì thủy quân ta không có đường vào; nay Duyệt đánh hải đồn đáng phải chốt giữ ở Phú Trung thì bộ quân của ta không còn đường thoát.

Nói đoạn Văn Dũng dẫn quân thuộc hạ theo đường Phú Trung mà chạy. Thống lĩnh quân Tây Sơn tên là Thành bám giữ thuyền Định Quốc mà chống cự. Duyệt sai cắm đèn lồng sát vào mũi thuyền, rồi áp sát vào mạn thuyền Định Quốc mà đốt. Thuyền Định Quốc bốc cháy, Thành nhảy xuống biển chết đuối. Quân Lê Văn Duyệt đoạt được đồn Thi Nại. Đó là vào ngày mười sáu, tháng Giêng, năm Tân

Dậu (1801). Người chép dã sử có câu thơ rằng:

Chà Bàn[1] *thử địa biệt hùng phôn (phiên),*
Thi Nại hà niên độ hải môn.
Kim cổ huyên điền Tam Tòa miếu,
Ba đào kịch liệt bách tẩu đồn.
Nhất bôi Tả tướng quân tiền lệ,
Bán trạo Trung doanh trận hậu hồn.
Vô địch dư uy truyền thủy quốc,
Thùy giao biên khấu tứ kình thôn

Dịch:

Chà Bàn một cõi đấy anh hào,
Thi Nại trăm quân vượt biển vào.
Dồn dập chiêng khua tòa Tam Miếu,
Ào ào sóng nổi lật ghe tàu.
Vẫn rằng Tả tướng rồi rơi lệ,
Chỉ nói Trung doanh tiếng nổi cào.
Uy thắng còn dư truyền đáy nước,
Gieo mồi cho cá bởi ai nao?

Lê Văn Duyệt đã đánh bại thủy quân của Tây Sơn bèn sai người về ngự doanh báo tiệp. Thế Tổ ngồi thuyền Thụy Phượng tiến vào cửa Thi Nại, truyền lệnh cho Nguyễn Văn Thành và Võ Tánh tiến đánh quân Tây Sơn.

Nguyễn Văn Thành nghe tin báo Võ Văn Dũng rút chạy theo đường Phú Trung, liền lệnh cho Đặng Trần Thường đốc suất quân tiền diện mười ba đồn chặn giữ các hướng, tự mình cùng Nguyễn Hoàng Đức, Nguyễn Đức Xuyên dẫn quân tiến đánh Võ Văn Dũng ở hướng Phú Trung, chém đầu Đô đốc Nguyễn Hạch tại trận, bắt được hai thớt voi cùng nhiều binh khí.

Võ Tánh ở trong thành thấy lửa hỏa công của quân nhà ở cửa Thi Nại, bèn cho mở cổng thành phía Đông tung quân ra đánh. Đội súng lửa của Vũ Viết Bảo phóng đạn hỏa vào giữa trận quân Tây Sơn, giết và làm bị thương rất nhiều. Quân vây thành của Nguyễn Quang Diệu kinh sợ tháo chạy. Võ Tánh thúc quân tiến lên, đốt trại

---

1. *Chà Bàn:* cũng đọc là Đồ Bàn, nguyên là Kinh đô của nước Chiêm Thành (Vijaya), ở phía Bắc Quy Nhơn ngày nay khoảng 10 km. Nguyễn Nhạc đóng đô ở đây, gọi là thành Hoàng đế; thành Quy Nhơn nói trong tác phẩm này tức là địa điểm ấy.

địch trong khoảng non một dặm. Thuộc hạ của Tánh là Nguyễn Văn Hiến trúng đạn, bị thương rồi bị quân Tây Sơn bắt. Nguyễn Quang Diệu hỏi Hiếu về tình hình trong thành, Hiếu đáp trong thành vẫn còn đủ lương ăn nửa năm, quân lệnh nghiêm minh, bên ngoài không dễ đánh vào được. Diệu hỏi:

– Ta muốn chiêu hàng Võ Tánh, có thể được không?

Hiếu đáp:

– Võ Tánh là kẻ anh hùng, giữ lòng trung liệt, thà chết không đầu hàng.

Đang lúc Quang Diệu hỏi chuyện Nguyễn Văn Hiếu, thì Võ Văn Dũng thu tập tàn quân chạy về.

Đúng là:

Hùm beo giơ vuốt ai dám chống,
Bọ ngựa ngăn xe thỏa chí hùng.

HỒI THỨ HAI MƯƠI HAI

Tiền quân Thành tiến đánh phá Tây Sơn
Trung doanh Trương luôn đêm thu đất cũ.

Lại nói Võ Văn Dũng đã mất thủy quân, phải chạy về gặp Quang Diệu. Diệu hỏi tình hình quân sĩ, Dũng đáp:

– Tôi không ngờ bọn thủy quân Tây Sơn đưa thuyền cá thu đến đánh, lại thêm kế hỏa công như trận Xích Bích. Một vạn quân bên ta chỉ chạy thoát được hai ba phần mười. Nay tôi làm tướng quân thủy thì tàu Định Quốc đã cháy, mới làm tướng bộ thì ở Hòn Cóc chẳng còn quân. Tướng quân định xử trí với tôi thế nào?

Diệu đáp:

– Kỹ thuật thủy chiến thì bên ta còn kém họ. Khi quân Trịnh vào đánh xứ Đàng Trong họ cũng chuyên dùng quân bộ thôi. Vậy tôi cho ông thêm quân, ông gắng lên mà lập công, đừng để xấu mặt lần nữa khiến cho quân Nam triều thừa thắng ra lấy Phú Xuân thì cả tôi và ông tất bị bắt làm tù binh.

Rồi Diệu bàn mưu với Dũng cho đắp lũy đất cao thêm để quân sĩ đứng trên lũy nhằm bắn vào trong thành, một mặt củng cố rào trại chắc chắn để khép chặt, bao vây quân Võ Tánh ở trong thành.

Tiền quân Nguyễn Văn Thành cho thám mã về báo tin với Thế Tổ. Bấy giờ Thế Tổ đóng ngự doanh ở Thi Nại, sai người về Gia Định báo tiệp, truyền lệnh hợp quân sáu đạo để tiến đánh quân Tây Sơn. Nguyễn Văn Thành tâu:

– Diệu và Dũng hợp binh vây thành, thanh thế khá lớn mạnh. Bên quân ta, từ khi Tôn Thọ Vinh tử trận ở La Đài, Mai Đức Nghị chết ở Hoa Yên, tướng sĩ phần nhiều bị ốm đau dịch bệnh, hơn nữa qua mấy trận đánh số tử thương cũng nhiều. Xin Chúa thượng theo số hộ tịch đã kê khai mà lấy thêm lính để tăng sức quân.

Thế Tổ bèn triệu các tướng đến họp để bàn việc lấy thêm quân. Rồi đó sai Tiền chi Hoàng Hiến Khánh và Binh bộ Nguyễn Đức Thiện đi tuyển quân ở Phú Yên, Bình Khang; sai Tống Phước Châu về tuyển quân ở Gia Định. Lời dụ về việc trưng binh của Thế Tổ nói:

"Ta từ Long Xuyên trở về, dân chúng các ngươi chạy vạy hầu việc giúp binh, giúp lương, cho đến các khoản phí dụng đóng tàu, đúc súng đều do ở dân cả. Trời mở vận trung hưng, trận thắng ở cửa Thi Nại thuyền địch tan tành, không còn mảnh ván. Thừa cơ giành chiến thắng, thẳng tiến lấy lại kinh đô Phú Xuân chính là lúc này. Lại nghĩ quân sĩ các đạo tuy đã quy tập khá đông, nhưng dựa cậy làm nanh vuốt thì cũng chỉ có quân Gia Định dũng cảm vì việc nghĩa. Nay ta dự tính tuyển thêm một vạn quân giao cho Trấn thần Nguyễn Văn Nhơn thực hiện việc chọn lựa, rồi giao cho Tả quân phó tướng Nguyễn Công Thái quản lĩnh.

Trước đó, Nguyễn Văn Nhơn ở lại giúp Đông cung trấn thủ Gia Định, đã xin Đông cung cho mộ dân ngoại tịch lập thành năm chi Trấn thành binh [1] và bốn doanh Hùng trấn binh, mỗi doanh một chi; lại lấy các trại binh ở các đồn điền mới lập bổ sung làm thành năm hiệu Hưng Vũ quân để đợi khi có lệnh điều phát. Nay nhận được chiếu dụ của Thế Tổ, Đông cung liền cho kiểm điểm binh mã, giao cho Nguyễn Công Thái quản lĩnh để dẫn ra cửa Thi Nại.

Công Thái đưa quân từ Gia Định ra tới nơi, Thế Tổ liền sai Thái dẫn năm hiệu binh mã đi ngay đến Vân Sơn đặt dưới quyền tiết chế của tiền quân Nguyễn Văn Thành. Lại vì việc quân nhu cấp tốc, Thế Tổ lệnh cho thủy quân ở Gia Định chở ra bằng đường biển, đội thuyền nào đến trước sẽ được xét công đầu. Lệnh cho các huyện trong bốn doanh mỗi huyện phải cung cấp sáu trăm người để theo hộ vệ các đoàn thuyền lương và bổ sung thêm quân số cho các đồn trú phòng, các đội chiến tượng và các đội chế tạo binh khí.

Rồi Thế Tổ phát lệnh cho Nguyễn Văn Thành chọn thời cơ tiến đánh. Văn Thành nhận thấy Kiền Dương là nơi xung yếu, xin Thế Tổ sai Tống Viết Phước đem quân đến đóng chặn, Nguyễn Văn Vân đóng quân tại Phương Phi để làm thanh ứng cho Viết Phước. Không bao lâu sau đó, tướng Tây Sơn Từ Văn Chiêu đem quân đến đánh úp đồn quân của Tống Viết Phước, Vệ úy Trần Văn Xung tử trận ở chợ Chính Lộc. Viết Phước dẫn quân tiến đến Thạch Cốc thì gặp phục binh của Tây Sơn, Vệ úy Nguyễn Văn Trí bị bắt, Huỳnh Viết Bảo, Huỳnh Văn Tứ bị giết tại trận.

---

1. *Trấn thành binh*: quân địa phương của trấn Gia Định.

Xung người huyện Tuy Phước, trấn Bình Định, Bảo quê huyện Quảng Điền, phủ Thừa Thiên, Tứ người huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường, đều là những người có công theo Thế Tổ sang Vọng Các và có công trong chiến trận.

Tống Viết Phước tức giận nói:

– Phục binh thì chữ *phục* do chữ *nhân* đi với chữ *khuyển*. Thằng Chiêu không biết chó không thể làm người hay sao mà đặt phục binh giết mất hai hổ tướng của ta?

Rồi Phước dâng biểu lên Thế Tổ xin chịu tội. Thế Tổ tha lỗi cho Viết Phước, sai đi giúp việc cho Tiền quân Thành.

Lúc ấy Tiền quân Thành đang đóng quân ở Vân Sơn, đối lũy với Tây Sơn, thường bị quân giặc đánh vào. Thành sai Lê Chất đánh lui được. Đô đốc Tây Sơn Hồ Văn Điềm đem năm trăm quân đến chiếm lũy Yên Mỹ. Văn Thành sai Nguyễn Đức Xuyên và Tống Viết Phước chia quân đón đánh. Điềm thua to, phải chạy trốn. Tiền quân Thành nhân cơ hội tung quân vào đóng trong đồn của Võ Văn Dũng. Quân do thám đã dò biết Dũng chiếm lũy Cầu Cá, đắp lũy từ Gò Lá đến Khe Móc, lại dàn trận từ cầu Lão Ngô đến Đồng Cầu Hoa để cố thủ. Văn Thành tâu sự việc ấy về ngự doanh. Thế Tổ truyền lệnh cho Văn Thành chia quân ba đường cùng với ngự đạo thủy binh xáp vào mà đánh, phá tan được quân của Văn Dũng. Dũng lại chiếm núi Hoa Yên, nhưng bị quân Văn Thành đánh lui. Rồi đó Văn Thành phát lệnh cho tướng chỉ huy các đạo nhất tề tiến lên, gặp địch là đánh, nhổ lũy giặc ở núi Miễn Sơn. Quân Tây Sơn phải lui về đóng giữ ở cánh đồng Bình Thạnh, rồi đắp lũy liên tiếp từ Đông Giang đến Tân Hội.

Thế Tổ sai Lê Văn Duyệt tiến đánh, bắt sống được Đô đốc Tây Sơn Nguyễn Bá Phong. Duyệt cho đắp lũy ở Tân Hội rồi hội binh với quân của Nguyễn Văn Thành đang đóng ở Vân Sơn, ban ngày treo cờ, ban đêm đốt lửa làm hiệu lệnh để tiếp ứng cho quân ngự doanh. Thế Tổ bảo Nguyễn Văn Thành:

– Hồ Văn Điềm là cánh tay tả hữu của Quang Diệu, phải trừ cho được để chặt vây cánh.

Văn Thành truyền mật lệnh cho tướng Trấn thủ Phú Yên tìm cách đánh cắt đường của Điềm. Một mặt giao cho Nguyễn Long làm Chánh thống suất, Lưu Tiến Hòa làm Phó thống suất, chỉ huy hai chi Chấn vũ, Yên vũ của dinh Trung quân, chi Khánh vũ ở doanh Bình

Khang cùng hai doanh Bình Thuận, Phú Yên chia đồn đóng giữ. Quân Hồ Văn Điềm tiến vào đánh lũy Yên Mỹ, quân Nam lui về giữ cửa biển Xuân Đài. Hồ Văn Điềm bí mật cho quân xuống chiếm vũng Lấm, đốt đài hỏa hiệu, Thống suất Nguyễn Long thua chạy. Phó thống suất Lưu Tiến Hòa cầm quân chặn đánh, bị quân Tây Sơn bắt giết. Tiến Hòa quê huyện Long Thành, trấn Biên Hòa, do có quân công được thăng chức Cai cơ, cầm quân đóng giữ Bình Khang. Khi Thế Tổ đem quân đi cứu viện Bình Định, Hòa cùng đi trong quân, cùng Phạm Đăng Hưng hộ tống đoàn thuyền lương đến cửa Cù Mông, Thế Tổ sai đặt quân sĩ của Hòa dưới quyền điều khiển của Tiền quân Thành. Trong công việc chuyển lương, giữ lũy, Hòa đều có công; đến nay lâm trận, thế cô phải chịu chết.

Thế Tổ sai Hoàng Hiến Khánh chỉ huy quân thuộc hạ của Tiến Hòa, đặt dưới quyền điều khiển của Lê Chất. Chánh thống suất Nguyễn Long thua trận chạy về, bị dẫn đến hành tại của Thế Tổ. Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Huỳnh Đức hết lòng xin Thế Tổ tha thứ, nên Long mới khỏi tội.

Bên quân Tây Sơn, Hồ Văn Điềm chiếm giữ cửa Xuân Đài để cắt đường tiếp lương của quân Nam. Lê Chất tung quân đánh tan quân của Điềm ở Hội An, bắt sống thuộc hạ của Điềm là Đô ty Nguyễn Nhiễu, đường tiếp lương của quân Nam lại được khai thông.

Lê Chất từ khi về hàng, gặp giặc là đánh, lập được chiến công. Gặp khi Từ Văn Chiêu làm phản, các tướng hiệu Tả đồn nhiều người bỏ trốn. Chất vì thế không yên lòng, lo sợ tìm đến hành tại để bày tỏ với Thế Tổ. Thế Tổ bảo Chất:

– Khanh thành thật theo giúp ta, lâm trận liều mình chiến đấu, đáng được khen thưởng. Tướng sĩ thuộc quyền của khanh nếu có kẻ vì nhớ nhà mà bỏ trốn, ta cũng không lấy làm điều.

Chất vâng mệnh, cảm thấy phấn chấn, sau đó đem quân đi đánh thường lập được chiến công.

Thế Tổ nhận thấy nhân lúc quân của Chất vừa mới đánh tan quân Hồ Văn Điềm, nên thừa thắng tiến đánh quân Nguyễn Quang Diệu. Nguyễn Văn Thành xin Thế Tổ sai tướng đi chặn đánh cắt đường tiếp viện của quân Phú Xuân, rồi tiến đánh Quảng Ngãi, Quảng Nam để dìm bớt thế giặc. Vừa lúc ấy có tin báo Đông cung Cảnh bị bệnh đậu mùa đã qua đời ở Gia Định.

Hoàng thái tử Cảnh được lập làm Đông cung từ năm lên tám tuổi, từng nắm việc Trấn thủ đất Gia Định, lại nhiều lần đi chinh chiến, uy đức lan rộng trong ngoài. Thế Tổ vẫn tâm niệm việc nối ngôi phụng thờ tiên tổ ngày sau sẽ trông nhờ ở Đông cung, đến nay lâm bệnh mất, tuổi đời mới hai mươi tám, sinh hạ hai con trai là Mỹ Đường và Mỹ Thùy.

Thế Tổ đau đớn nghe báo tin buồn, bèn truyền chiếu sai Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn Tử Châu thay giữ công việc Trấn thủ Gia Định, và phối hợp với Đổng lý bộ Lễ lo liệu việc tang.

Ít lâu sau, Nguyễn Văn Nhơn dâng sớ đến hành tại tâu việc vua nước Vạn Tượng sai sứ sang Gia Định dâng lễ vật tiến cống, xin được dẫn đến yết kiến Quốc vương ở hành tại.

Nguyên là khi trước Quốc vương Vạn Tượng là Chiêu Ấn có đến yết kiến khi Thế Tổ ở Vọng Các, hẹn sau khi về nước sẽ dấy quân tương trợ. Sau đó nước Vạn Tượng tỏ ý không thần phục Tây Sơn, bị Quang Trung Nguyễn Huệ cho quân đánh phá, bèn nuôi chí phục thù. Sau khi Thế Tổ khôi phục Quy Nhơn, đã sai Nguyễn Văn Thụy sang Vạn Tường bảo Chiêu Ấn phát binh theo đường thượng đạo kéo xuống đánh phá các đồn quân Tây Sơn ở Nghệ An. Thế Tổ đã gửi thư khen ngợi Chiêu Ấn về việc đó. Nay Chiêu Ấn sai sứ đem lễ sang tạ ơn. Thế Tổ sai khoản đãi sứ giả, gửi ban cho Chiêu Ấn kỳ nam, súng chim, chì và thiếc, nhắn Chiêu Ấn cứ tiếp tục cho quân tiến đánh quấy nhiễu quân Tây Sơn để giúp kiềm chế quân tiếp viện Quảng Nam.

Rồi đó Thế Tổ lệnh cho tướng chỉ huy Trung doanh Nguyễn Văn Trương dẫn quân tiến đánh Quảng Nam, Quảng Ngãi, dưới quyền có quản vệ Tuyển Phong Phan Văn Đức, quản vệ Phấn Dực Tống Phước Lương, quản vệ Thuận Vũ Vương Văn Học, quản thuyền Long Phi Nguyễn Văn Thắng, quản thuyền Phụng Phi Nguyễn Văn Chấn, quản thuyền Bằng Phi Lê Văn Lăng. Thế Tổ căn dặn Văn Trương:

– Hai xứ Quảng Nam, Quảng Ngãi bấy lâu khổ cực vì Tây Sơn, dân không sống nổi. Khanh cầm quân ra đánh dẹp cần phải làm sáng tỏ quân lệnh, cấm quân sĩ không được cướp bóc để khỏi làm mất lòng dân.

Nguyễn Văn Trương tiến quân đến cửa Đại Cổ Lũy ở Quảng Ngãi, phá kho quân lương của Tây Sơn ở Trà Khúc, Đô đốc Tây Sơn tên là Tuấn phải bỏ chạy. Thừa thắng, Nguyễn Văn Trương cho quân tiến thẳng ra cửa Đại Áp ở Quảng Nam, đánh phá lũy Bến Ván, đoạt

được hai mươi bảy thớt voi chiến của quân Tây Sơn. Tiếp đó Nguyễn Văn Trương tiến quân ra đánh chiếm cửa Đại Chiêm, giao chiến với quân giặc ở Hội An, Phú Triêm. Đại Đô đốc Tây Sơn là Nguyễn Văn Xuân và Thiếu úy Văn Tiến Thể chiếm lũy La Trảo để cố thủ. Trương tung quân vòng ra đánh từ phía sau. Bọn Xuân, Thể thua chạy, quân Văn Trương đoạt được hơn tám mươi cỗ súng.

Nhận được tin báo tiệp, Thế Tổ xuống lệnh khen thưởng, cho tướng sĩ đánh trận ở Quảng Nam. Rồi Thế Tổ sai Tống Viết Phước chỉ huy hơn ba mươi chiếc thuyền và một nghìn quân ra theo giúp Nguyễn Văn Trương. Phạm Văn Nhơn chỉ huy ba chiếc hiệu thuyền, cùng các tướng sĩ trên thuyền Long Phi, Phụng Phi, tiến ra cửa biển Đà Nẵng để phối hợp với quân của Văn Trương.

Thế Tổ lại phái Hình bộ tham tri Trần Văn Trạc đến giúp Văn Trương quản lĩnh cơ thuyền chở lương của binh dân.

Tin báo về Phú Xuân, vua Tây Sơn Nguyễn Quang Toản triệu Trần Văn Kỷ vào nghị bàn kế sách đánh lui quân Nam. Kỷ tâu:

– Hiện nay trấn Nghệ An bị người Vạn Tượng, Trấn Ninh kéo xuống quấy nhiễu, các nơi Thanh Hoa ngoại trấn thì bọn thổ ti nổi dậy làm phản để hưởng ứng với quân Nam triều. Lại còn bọn cha cố đạo Tây Dương xúi giục giáo dân làm loạn, khắp nơi nổi dậy như ong. Các nơi từ Quảng Bình, Quảng Trị ra Bắc binh tướng các trấn chỉ đủ để đóng giữ trong địa phương, không nên điều các đội quân này đi làm việc khác. Quân hùng tướng mạnh bên ta đưa cả vào Quy Nhơn, hiện đã bị quân Nam cắt đường, không thể điều về được. Thần nghe nói La Sơn xử sĩ Nguyễn Thiếp (người làng Nguyệt Áo) nguyên hương cống triều Lê là người có học thuật uyên bác, xin Hoàng thượng cho triệu về kinh đô để hỏi han việc nước.

Quang Toản sai sứ giả đem lễ vật vàng lụa đến ban tứ trọng hậu để mời Nguyễn Thiếp về kinh. Nguyễn Thiếp nói với sứ giả:

> *Song ngư thủy thiển,*
> *Nguyễn thị hoàn lương.*

Dịch:

> Song Ngư nước cạn,
> Họ Nguyễn về làng.

Non sông chủ cũ chẳng bao lâu nữa sẽ trở về tay chủ cũ. Đến khi vào kinh yết kiến Quang Toản, La Sơn xử sĩ nói:

– Việc nước thế không làm gì được nữa. Xin Hoàng thượng cho dời kinh về Vĩnh Đô [1] ngõ hầu không muộn.

Quang Toản do dự chưa dám quyết.

Trần Văn Kỷ khuyên Quang Toản sai phò mã Nguyễn Văn Trị đóng đồn trọng binh ở núi Hãn Môn, cửa Thuận, sông Trừng Hà, thảy đều đắp lũy đóng cọc rào để làm thanh ứng cho đồn binh ở núi Hãn Môn. Lại sức cho Đại Đô đốc Nguyễn Văn Xuân, và Thiếu úy Thể thu tập quân mã tiến đánh quân Nguyễn Văn Trương để lấy lại Quảng Nam, Quảng Ngãi, làm thanh ứng cho quân của Nguyễn Quang Diệu, Võ Văn Dũng.

Gián điệp quân Nam dò biết tin ấy trở về quân doanh báo cho Trung doanh Nguyễn Văn Trương biết. Trương bèn chia quân đặt tướng, chuẩn bị sẵn sàng. Trước khi quân Phú Xuân do Đô đốc Xuân và Thiếu úy Thể tiến vào lũy La Trảo. Trần Văn Kỷ dặn riêng Xuân thử dùng cách biện thuyết đẩy lui quân Nam. Xuân bèn phi ngựa đến trước lũy lớn tiếng gọi, mời Trương ra cửa lũy nói chuyện. Trương đứng trên mặt lũy, bảo Xuân:

– Tướng quân không biết chết kề tận cổ rồi hay sao mà còn trung thành với ngụy triều Tây Sơn?

Nguyễn Văn Xuân đáp:

– Quan Trung doanh quên triều Tây Sơn chúng ta rồi hay sao? Lê Chất đầu hàng đã quên hết ơn vua cũ, nhưng quan Trung doanh tuy quy thuận Nam triều, nhưng vẫn còn nhớ tình chúa xưa. Dùng người có tài, có khi dùng nhầm cả những kẻ gian tham, xảo trá, dù là Nam triều cũng thế thôi. Nhưng bậc sĩ phu không nên coi áo mũ như rơm rác. Quan Trung doanh hẳn có biết Nguyễn Hoàng Đức: Lúc cùng đường thì theo vua Tây Sơn ta, sau trốn theo chúa Nam triều, đang tâm giết người cùng về hàng với mình là Thượng thư Hồ Đồng, bọn Xuân này đến chết cũng không chịu phục. Tham tán Từ Văn Chiêu, Đô đốc Hồ Văn Điềm trước khi phải chịu khuất theo Nam triều, nhưng cuối cùng vẫn giữ vẹn lòng trung với vua Tây Sơn. Đó là những người giỏi sửa chữa sai lầm của mình. Nay quan Trung doanh nên trả lại hai trấn Quảng Nam, Quảng Ngãi cho ta, đem quân về

1. *Vĩnh Đô:* Vua Quang Trung có dự định lập kinh đô mới ở Vinh (Kẻ Vĩnh) với tên gọi là Phượng Hoàng trung đô, đã bắt đầu cho dựng lầu Phượng Hoàng và một số nha thự ở đó. Vì vậy dưới triều Tây Sơn cũng có khi gọi Vinh là Vĩnh Đô.

triều, bọn Xuân tôi sẽ hết sức xin với Hoàng thượng tha tội cho Trung doanh.

Nguyễn Văn Trương nghiến răng cười đáp:

– Nơi đây là chiến trường, ta làm tướng không cần dùng miệng lưỡi, phải giao chiến để phân định thắng thua.

Nói đoạn Văn Trương lệnh cho Tống Viết Phước tung quân ra đánh, phá tan được quân của bọn Nguyễn Văn Xuân, đuổi đánh đến tận Thủy Bồ, La Đới. Nguyễn Văn Trương đóng quân ở Phú Triêm, Kim Bồng, dựa thế sông dài hiểm yếu để chống cự. Một mặt sai người ruổi ngựa báo cho Phạm Văn Nhơn biết để Nhơn cho quân đi thám mã đến cửa núi Vân Quan cắt đường của địch.

Tin báo về ngự doanh, Thế Tổ cho rằng Quảng Nam là nơi có đông quân Tây Sơn thường qua lại, lệnh cho Nguyễn Văn Trương chú ý chiếm giữ những nơi hiểm yếu, tích trữ lương thảo để làm kế lâu dài. Lại ban cho Trương một trăm tấm sắc khống chỉ, phàm những người ở phía Tây Sơn quy thuận giúp việc quân Nam triều mà có tài năng sử dụng được ghi tên và ban cấp cho họ, rồi sai đi giúp việc chinh chiến.

Bấy giờ có Đại Đô đốc Nguyễn Văn Toản quê huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi đang quản lĩnh sáu đạo quân Quảng Ngãi của Tây Sơn, Thế Tổ từng sai người đến khuyên dụ, Toản dần dà có ý quy thuận Nam triều. Khi Nguyễn Quang Diệu đem quân vây thành Bình Định, Diệu sai Toản đóng giữ ở phía Đông thành. Toản bí mật trở về Quảng Ngãi dẫn quân thuộc hạ đến Ngự doanh của Thế Tổ xin đầu hàng. Thế Tổ cho Toản giữ chức Lưu thủ Quảng Ngãi. Theo sự điều khiển của Trung doanh Nguyễn Văn Trương, Toản chia quân đi đóng giữ các nơi hiểm yếu trong bản phủ.

Quân tuần thám trên biển báo tin bọn phỉ Tề Ngôi thường cho thuyền nhẹ qua lại do thám ngoài khơi cửa Thi Nại. Thế Tổ sai Tống Phước Lương dẫn hai vệ Nội trực và Túc hải đem quân đi đánh, bắt được đầu sỏ bọn phỉ là Đông Hải vương Mạc Quan Phù, thống binh Lương Văn Canh, Phàn Văn Tài.

Thế Tổ sai người báo cho Nguyễn Văn Thành biết việc nói trên. Văn Thành và các tướng nhân đó tâu với Thế Tổ biết quân sĩ vây thành Bình Định đã lâu, thế chưa giải vây được, xin Thế Tổ mật dụ cho Võ Tánh mạo hiểm vượt vòng vây mà ra, bỏ thành không làm

mồi nhử Nguyễn Quang Diệu, trong khi đó quan quân sẽ chặn đường tiếp viện binh lương, nói phao lên rằng quân Nam sẽ từ Quảng Nam tiến ra đánh lấy Phú Xuân, khiến cho Diệu phải chia quân đưa về cứu viện. Ta sẽ đặt tinh binh chặn đánh trên đường, tất phá tan được quân Diệu.

Thế Tổ cho triệu các tướng đến hội bàn kế hoạch hành quân.

Đúng là:

Đánh địch thần uy chắc cán búa,
Vận trù mưu lược khéo thừa cơ.

HỒI THỨ HAI MƯƠI BA

Bỏ Phú Xuân, Nguyễn Quang Toản ra Bắc,
Mất Bình Định, Quận công Tánh về trời.

Lại nói chuyện Thế Tổ đóng ngự doanh trại ở Thi Nại nghĩ cách tiến đánh Phú Xuân để giải vây cho Võ Tánh, bèn triệu các tướng đến bàn định mưu kế. Các tướng đều nói tinh binh mãnh tướng của Tây Sơn hiện dốc cả vào Bình Định, tất bỏ rỗng Phú Xuân, binh pháp vẫn chuộng kế bỏ chỗ chắc đánh chỗ trống. Nghe lời bàn của các tướng như vậy, Tiền quân Nguyễn Văn Thành xin Thế Tổ chuẩn bị cho tiến quân đánh ra Phú Xuân.

Thế Tổ cũng biết lương ăn trong thành Bình Định đã cạn, thế không tự giữ được, chỉ thương tiếc các tướng sĩ bị vây trong thành, không nỡ bỏ mà đi. Thế Tổ bảo các tướng:

– Thà mất thành chứ không được để mất tướng giỏi.

Đặng Trần Thường sai người đến thưa riêng với Lê Văn Duyệt: không đánh Phú Xuân thì không có cách nào khác giải vây Bình Định được. Lê Văn Duyệt tâu lại với Thế Tổ:

– Việc binh cốt thần tốc, dùng mưu chuộng quả đoán. Nay quân ta bị vây bức trong thành đã lâu ngày mỏi mệt. Nếu đại quân ta tiến đánh Phú Xuân thì Bình Định không đánh cũng giải vây được. Đánh cờ muốn bắt con tượng thì phải bỏ con xe, ấy cũng là một phép vậy.

Đặng Đức Siêu nói:

– Thần quen thuộc địa hình Phú Xuân. Xin Vương thượng chia binh thuyền làm hai đạo, một tiến đánh cửa Tư Dủng, một tiến đánh cửa Thuận An. Quang Toản là kẻ nhu nhược, phò mã Trị chỉ núp váy đàn bà, chẳng có mưu lược đánh giữ gì đáng để ý. Thần tính rằng Thế Tổ cất quân đi đánh lần này tất sẽ giành được toàn thắng.

Thế Tổ nói:

– Lời bàn của các khanh đều rất hợp lý. Nhưng ta nghĩ Võ Tánh từ khi theo giúp Nam triều ta, thế nước ngày càng thêm vững. Nay

Tánh vì ta mà ở lại giữ thành. Gặp cảnh ngộ như thế, dẫu là đối với người khác chăng nữa các khanh tất cũng không yên lòng.

Rồi đó Thế Tổ sai người lặn qua cảng biển bí mật vào thành chuyển thư khuyên Võ Tánh phá vòng vây mà ra. Võ Tánh xem xong mật thư, nhận thấy rào lũy vây thành của quân Tây Sơn rất vững chắc, nếu phá vây mà ra tất tướng sĩ phải thương vong nhiều, bèn nhờ người đưa thư về tâu với Thế Tổ xin quan quân đừng bận tâm gì về thành Bình Định, hãy thừa cơ thẳng tiến ra đánh Phú Xuân, đó là một thời cơ tốt hiếm có. Võ Tánh còn nói:

– Đổi tính mạng của một mình thần mà lấy lại được Phú Xuân thì thần dẫu chết cũng hả lòng.

Thế Tổ nghe xong có ý buồn rầu thương tiếc, rồi triệu hội các tướng mật bàn kế hoạch tiến quân. Trước hết Thế Tổ sai người ruổi ngựa về Gia Định lệnh cho Nguyễn Văn Nhơn nghiêm mật canh phòng trấn thành Gia Định đề phòng mọi bất trắc. Các tướng lưu thủ Bình Thuận, Diên Khánh đem quân đi tuần phòng đến đầu địa giới ngăn chặn quân Tây Sơn tràn vào. Nguyễn Văn Thành ở lại chỉ huy các đội quân chống cự với quân Tây Sơn. Thế Tổ truyền dụ bảo Nguyễn Văn Thành:

– Được thua, sắc cùn ở một việc này. Từ Bình Định trở vào Nam do khanh đảm đương. Diệu và Dũng tuy không đáng là địch thủ của khanh, nhưng vì quân ta số ít, thế cô. Khanh nên cẩn thận để bảo toàn thắng lợi.

Rồi Thế Tổ lại triệu Nguyễn Đức Xuyên đến hành tại ban cho một bộ áo trận, bảo Xuyên rằng:

– Nguyễn Văn Thành giỏi mưu, có thể đảm đương được một mặt. Nhưng Thành hay kiêu căng, thường làm mất lòng thuộc hạ. Vậy ta lưu khanh ở lại giúp ngăn chặn bớt những điều quá thất của Thành để làm tròn việc nước.

Nguyễn Hoàng Đức được giao quản lĩnh binh thuyền đóng giữ cửa Thi Nại để phòng kẻ địch tiến đánh từ phía sau.

Chính lệnh ban bố đến tận các quân doanh rất rõ ràng, các điều khoản khen thưởng về việc bắt sống quan tướng địch cũng được nêu rõ. Ngày Canh Ngọ hai mươi lăm, tháng Tư (5 – 1801), Thế Tổ đích thân thống lĩnh chiến thuyền tiến phát. Ngay đêm hôm ấy sai đốt lửa trên núi Trọc Sơn để báo hiệu cho quân thứ Vân Sơn và thành

Bình Định biết. Võ Tánh thấy hiệu lửa, liền cho mở cửa thành đưa quân ra giao chiến, liên tiếp giết mấy tướng Tây Sơn. Nguyễn Quang Diệu điều thêm quân đến vây thành, sai tướng tiến đánh cầu Song và núi Độc. Nguyễn Văn Thành chia quân chúc cờ im trống tiến vào tiếp viện cho Võ Tánh. Quang Diệu sợ gặp phục binh không dám cho quân đuổi theo.

Ngày Nhâm Thân, đoàn chiến thuyền của Thế Tổ tiến đến cửa biển Đại Chiêm. Trần Văn Trạc đến ngự thuyền yết kiến, Thế Tổ nói:

– Nếu khanh có thể giúp ta chặn đường không cho Quang Diệu đưa quân về tiếp viện thì chỉ trong chừng mười ngày ta sẽ đánh lấy Phú Xuân được an toàn.

Trạc tâu:

– Xin cho một đội quân đến đóng ở Bích Trâm, Sơn Trà để chặn nơi hiểm yếu, một đội đến đóng ở cửa Đê, dọc theo bờ sông phía Bắc để cắt đường hạ đạo đèo Hải Vân, một chi đóng ở Lổ Đông để cắt đường trung đạo đèo Hải Vân. Làm được như thế quân của Quang Diệu không thể vượt được đèo Hải Vân. Bọn chúng tất phải tiến theo đường thượng đạo Lao Giáo. Đường này không có người qua lại, cây cối rậm rạp um tùm, cho quân đóng chặn ở đó trong chừng một tháng thì có thể ngăn chặn được viện binh của Quang Diệu.

Thế Tổ chuẩn cho Trần Văn Trạc theo kế ấy mà thi hành, giao cho Trạc và Tống Viết Phước đảm đương trấn thủ Quảng Nam, tự mình tiếp tục đốc suất chiến thuyền tiến ra cửa Hàn. Sai Phạm Văn Nhơn và Nguyễn Văn Trương đốc suất binh thuyền tiến vào Cửa Thuận; Lê Văn Duyệt, Lê Chất dẫn chiến thuyền tiến vào cửa Tư Dung.

Ngày Nhâm Tí mồng một tháng Năm, chiến thuyền của Lê Văn Duyệt, Lê Chất vào cửa Tư Dung. Phò mã Trị và Đại Đô đốc Trần Văn Tạ, Phan Văn Sách của Tây Sơn giữ núi Hãn Môn chống cự, cho đóng cọc ở cửa cảng để ngăn chiến thuyền quân Nam. Đoàn chiến thuyền của Thế Tổ tiến vào cửa Mỹ Am. Chiến thuyền của Văn Duyệt, Lê Chất áp vào bờ, bị súng quân Tây Sơn đặt trên núi bắn xuống, từ giờ Thìn đến giờ Dậu, quân Nam bị tử thương rất nhiều. Văn Duyệt bàn với Lê Chất:

– Địch chiếm chỗ hiểm, không thể xông vào mũi nhọn của chúng được, phải đánh tập hậu mới thắng được.

Ngay đêm hôm ấy Văn Duyệt và Lê Chất truyền lệnh cho quân sĩ đội thuyền trên đầu vượt qua bãi cát, tiến vào phá Hà Trung. Quân Tây Sơn tưởng viện binh đến nên không phòng bị. Quân của Văn Duyệt, Lê Chất ào lên nhổ cọc chắn cửa biển, cho thuyền lướt vào. Hai mặt trước cùng đánh ốp, quân Tây Sơn tan rã bỏ chạy: Văn Duyệt, Lê Chất tung quân đuổi đến sông Trừng Hà, bắt sống phò mã Trị và Đô đốc Sách, số đầu hàng đến hơn năm trăm tên.

Bấy giờ, Thế Tổ đi thuyền ngự Thụy Long đậu ở vũng Chu Mãi, sai quân chèo thuyền đi dò tin Nguyễn Văn Trương đã đánh vào cửa Thuận hay chưa, tình hình quân Tây Sơn chống cự như thế nào. Quân do thám trở về báo tin Nguyễn Văn Trương và Phạm Văn Nhơn theo đường riêng đã đưa quân vào cửa Thuận, đốc thúc binh thuyền thẳng tiến, đánh tan quân phòng ngự của Tây Sơn, đang dừng lại chờ đoàn chiến thuyền ngự đạo.

Thế Tổ ra lệnh cho các cánh quân cùng tiến. Tin báo về Phú Xuân, Nguyễn Quang Toản đốc quân ra chống cự. Quân Thế Tổ thừa thắng tiến đánh, bắt sống được hai hoàng đệ là Quang Xuân và Quang Điện, thuộc hạ tan rã chạy trốn. Quân sĩ Tây Sơn phần nhiều là người Thuận Hóa, bọn họ bảo nhau: "Dân xứ ta khổ sở đã ngót ba chục năm, nay chúa cũ lại về, chẳng dại gì theo ai làm loạn nữa". Các cơ, các vệ, thành binh, trấn binh thảy đều chúc giáo quy hàng. Dân chúng xung quanh kinh thành chạy ra đường reo hò:

– Ngụy triều Quang Toản sụp rồi! Từ nay dân ta không phải đeo Tín lệnh bài nữa!

Quang Toản thấy dân tình oán phản, không biết lấy quân đâu mà chống cự nữa, tức giận nói:

– Ngạn ngữ có câu: "Khinh bạc là dân, bất nhân là quân", quả thật là như thế.

Thấy tình thế không thể chống cự nổi, Quang Toản bèn thu vén các đồ vàng ngọc châu báu, rồi bỏ thành chạy về phía Bắc.

Ngày Mậu Dần mồng ba, thuyền ngự của Thế Tổ tiến vào bến sông Hương trước cửa kinh thành Phú Xuân. Các tướng nghênh đón Thế Tổ vào thành. Thế là kinh đô Phú Xuân từ năm Giáp Ngọ năm thứ 9 đời Định vương Nguyễn Phúc Thuần (1774) bị quân Trịnh vào đánh chiếm, 12 năm sau đến năm Bính Ngọ (1786) bị Tây Sơn chiếm, lại 16 năm sau đến năm Tân Dậu (1801) Thế Tổ Nguyễn triều đem quân về thu phục.

Người chép dã sử có thơ rằng:

Phú Xuân thử địa điện Nam Kinh,
Kiên Ấp hà niên khởi Bắc bình.
Thả khán long chu kim phản quốc,
Bất lao hổ lữ tích công thành.
Quan trường hỷ phục uy nghi đổ.
Ngưu tửu hoan đồng phụ lão nghênh.
Chỉ nhật Viêm giao khôi cựu nghiệp,
Thanh cao sơn thủy bái Hương, Bình.

Dịch:

Phú Xuân đất ấy vững Nam kinh,
Kiên ấp năm nao dấy Bắc bình.
Chỉ thấy thuyền rồng về đô cũ,
Chẳng hao quân hổ nhọc vây thành.
Dân mừng áo mũ đầy đường đón,
Trâu rượu hân hoan chén tiếp nghênh.
Khoảng khắc trời Nam thu nghiệp cũ,
Sông Hương núi Ngự vẫn cao xanh.

Thái Tổ vào thành,đi thăm khắp một lượt các nơi cung khuyết, sai thu ấn triện bằng sắc của vua Thanh ban cho triều Tây Sơn, mười hai loại ấn triện và ba mươi đạo sách phong của các vua Tây Sơn. Thế Tổ truyền lệnh niêm phong các kho tàng để chi dùng vào việc quân nhu, cấm quân sĩ không được quấy nhiễu cướp bóc để yên lòng dân chúng. Rồi đó Thế Tổ lên ngự ở Gác Rồng, các bậc kỳ lão cựu thần cùng đến chúc mừng. Có người dân xã An Cựu bắt được em Quang Toản là Quang Tự trói giải đến nộp. Thế Tổ truyền hãy tạm đóng gông giam lại. Một mặt sai Lê Chất dẫn quân bộ đuổi theo Quang Toản, sai Nguyễn Văn Trương dẫn chiến thuyền ra sông Gianh chặn đường không để Quang Toản chạy thoát ra Bắc. Nhưng khi thuyền quân của Nguyễn Văn Trương đến châu Bắc Bố Chính, Quang Toản đã chạy thoát ra Bắc. Hơn hai nghìn quân Tây Sơn đầu hàng, bắt trói em Toản là Quang Tĩnh dẫn đến quân môn dâng nộp. Lê Chất đuổi Quang Toản đến châu Nam Bố Chính, nhưng không theo kịp, bèn quay lại, nộp hai con ấn bắt được của Quang Toản. Các tướng có người chê trách Lê Chất để sống Quang Toản, Thế Tổ nói:

– Quân ta đến nơi thì Quang Toản đã vội cuốn gói chạy, chắc một

hai hôm đã qua sông Gianh rồi, Văn Trương dong thuyền buồm đuổi theo còn không kịp thì Lê Chất đi đường làm sao đuổi kịp? Các tướng phải gấp đề phòng quân Nguyễn Quang Diệu.

Thế Tổ bèn ra lệnh cho Phạm Văn Nhơn giữ cửa Eo, giao cho hai vệ Long Vũ, Tín Uy đóng giữ cửa đèo Hải Vân, sai Phạm Văn Triệu đóng giữ ở nguồn Tả Trạch.

Nếu Quang Diệu cho quân về cứu Phú Xuân thì thuỷ binh tất phải tiến vào cửa Eo, quân bộ tất phải qua đèo Hải Vân, không vượt qua được nguồn Tả Trạch. Suy tính như vậy, Thế Tổ bèn cắt đặt các tướng, truyền lệnh đưa tinh binh đi các hướng chặn đường.

Quân do thám về báo tin viện binh của Nguyễn Quang Diệu đang vượt đèo Hải Vân. Thế Tổ liền sai Lê Văn Duyệt và Lê Chất dẫn quân tiến đánh. Trước đó, Quang Diệu nghe tin quân Nam tiến đánh Phú Xuân, sai Đố đốc Trương Phúc Phượng và Tư khấu Định đem năm ngàn quân về cứu viện, đến cửa ải đèo Hải Vân thì bị quân phòng ngự của quân Nam chặn đánh theo đường núi, đi vòng qua đèo thì bọn người Thượng chỉ đường đánh lừa cho đi lạc hướng, quân sĩ hết lương ăn. Đến nguồn Tả Trạch thì vừa gặp quân Lê Văn Duyệt kéo tới. Đô đốc Phượng cùng đường phải đầu hàng. Tư khấu Định chạy xuống Cao Đôi thì bị chặn đánh, chạy vào vùng người Thượng rồi chết. Thuộc hạ của Định là Lê Văn Từ bị bắt sống, quân sĩ sống sót đều ra đầu hàng.

Sau khi nghe báo tin thắng trận, Thế Tổ liền sai Văn Duyệt, Lê Chất hội binh với Tống Viết Phước vào cứu viện Bình Định.

Lại nói Tống Viết Phước lúc bấy giờ đóng giữ Quảng Nam nghe tin Thế Tổ đã chiếm được Phú Xuân, liền sai người ruổi ngựa báo cho Nguyễn Văn Thành biết. Nguyễn Văn Thành họp các tướng cùng viết biểu văn, sai người ruổi ngựa đưa ra Phú Xuân chúc mừng Thế Tổ.

Nguyễn Quang Diệu sai Đô đốc Nguyễn Văn Khôn, Tham đốc Hồ Văn Tự đem tinh binh đến đóng ở Trà Khúc, muốn đánh lấy Quảng Ngãi để làm chỗ dựa chống cự với quân Nam. Thế Tổ lệnh cho Lê Văn Duyệt, Lê Chất, Tống Viết Phước hội quân với Nguyễn Văn Thành để tiến đánh Nguyễn Quang Diệu.

Trước kia Lê Văn Duyệt và Nguyễn Văn Thành chơi thân với nhau. Lớn lên, Thành sớm được làm tướng, khi ra trận thường thận

trọng không đánh liều. Văn Duyệt xuất thân làm phó tướng, dũng cảm đánh giỏi, nhiều lần lập công lớn, nhiều khi nói năng lấn át coi thường Văn Thành. Trong trận đánh ở Đồng Cờ, Văn Thành ngồi trên bành voi, mở bầu rượu rót uống, nhân đó lại đưa bầu rượu mời Duyệt, Duyệt không chịu uống, Thành mời ép nói:

– Trời rét, tướng quân uống một ngụm cho thêm dũng khí.

Duyệt đáp:

– Tôi không nhát gan, cần gì phải dùng đến rượu?

Vì thế mà hai người sinh ra bất hòa. Thế Tổ biết chuyện, bảo Duyệt:

– Kẻ làm tướng giỏi phải biết giữ hòa khí, chứ không chỉ cốt đông quân. Ngươi nên bình tâm hiệp sức với Văn Thành để đánh giặc lập công.

Rồi Thế Tổ sai Văn Thành chỉnh điểm binh mã để đợi lệnh. Lại sai Tôn Thất Dịch, Trần Đăng Long dẫn các em của Quang Toản là Quang Xuân, Quang Điện, Quang Tự, Quang Tỉnh và phò mã Trị đến quân thứ Hải Vân bêu sống cho quân Tây Sơn sợ hãi, rồi áp giải vào Gia Định treo bảng đem bêu cho mọi người biết.

Thế Tổ vẫn tức giận vì việc Nguyễn Huệ làm tổn phạm lăng mộ các Tiên vương, sau khi thu phục kinh đô Phú Xuân bèn ra lệnh đào mộ Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, vứt hài cốt ra ngoài đồng, còn đầu lâu thì giam vào trong ngục tối.

Rồi Thế Tổ ban kèm lệnh và trống trận cho Tả quân Lê Văn Duyệt, truyền cho Duyệt đốc thúc các tướng đem quân đi đánh Tây Sơn.

Văn Duyệt đưa quân đến chợ Thanh Triêm ở Quảng Nam thì gặp quân của Đô đốc Tây Sơn là Trần Văn An. Quân Tây Sơn thua lớn, Văn An bị bắt sống. Văn Duyệt tiến quân đến đầu địa giới Quảng Ngãi thì quân thám mã về báo: trấn tướng Bình Định Võ Tánh và hiệp trấn Ngô Tòng Chu vì việc nước đã tuẫn tiết. Thành Bình Định bị vây hãm đã lâu ngày, Võ Tánh hết sức chống cự, lớn nhỏ trước sau đã giao chiến với quân Nguyễn Quang Diệu đến mấy chục trận chưa từng nhụt khí. Các thuộc tướng Nguyễn Văn Phụng (người huyện Vĩnh An, trấn An Giang), Phan Văn Thịnh (Bình Dương, Gia Định), Đoàn Văn Cát (Bồng Sơn, Bình Định), Hoàng Công Thành (Phù Cát, Bình Định), Nguyễn Văn Phát (Phù Cát, Bình Định), Phạm Văn Khoan (Long Thành, Biên Hòa), Đỗ Văn Lân (Kiến Hưng, Định Tường) đều bị ốm chết trong thời gian bị quân Tây Sơn vây thành.

Vợ viên Tri bạ Phan Văn Hán là Nguyễn Thị Hảo bí mật mang biểu văn của Võ Tánh, trên đường tìm đến ngự doanh bị quân Tây Sơn bắt. Bọn chúng tra khảo mãi Thị Hảo không chịu cung khai, rồi nhảy xuống sông tự vẫn. Có người khuyên Võ Tánh bỏ thành ra hàng, Võ Tánh đáp:

– Ta vâng mệnh vua Nam triều giữ thành này nên phải sống chết với thành. Nếu tham sống mà bỏ thành thì còn mặt mũi nào trông thấy Vương thượng?

Trong thành hết sạch lương ăn, Võ Tánh cho quân sĩ làm thịt voi ngựa mà ăn. Có người khuyên mở đường máu vượt vòng vây mà ra, nhưng Tánh thấy quân sĩ đều đã đói lướt, không muốn đánh liều. Lại bí mật đưa thư hẹn với Nguyễn Văn Thành ban đêm đem quân đến gò đê Phú Quý để đón người trong thành trốn ra. Nhưng điểm lại trong hàng tướng hiệu thiếu một viên Vệ úy, Võ Tánh bàn với Ngô Tòng Chu bỏ không thực hiện vì sợ kế hoạch đã bị tiết lộ. Rồi Võ Tánh sai quân sĩ lấy củi khô đem chất đống trước lầu Bát Giác, đặt thuốc dẫn hỏa lên trên, bảo các tướng rằng:

– Uống thuốc độc mà chết thì giặc còn trông thấy mặt mình. Ta không muốn cho quân giặc nhìn mặt, ta chết với lửa!

Nói đoạn Võ Tánh sai người đưa thư bảo Quang Diệu:

– Người làm tướng chết vì việc quân, chí ta đã quyết! Quân tướng trong thành vô tội, không được giết hại!

Sáng hôm sau, Ngô Tòng Chu đến tìm hỏi mưu kế, Võ Tánh chỉ lầu Bát Giác mà nói:

– Kế của ta đấy!

Nhân đó Võ Tánh bảo Ngô Tòng Chu:

– Tôi là chủ tướng, đạo nghĩa không thể sống chung với giặc. Bác là văn thần, quân địch tất không giết hại. Quan bác nên tính kế giữ mình cho an toàn.

Ngô Tòng Chu cười đáp:

– Trung ái một đạo, văn võ có khác gì. Tướng quân sẵn sàng tử nạn vì nước, Chu tôi há lại không thể làm bề tôi chết vì trung nghĩa hay sao?

Ngô Tòng Chu nói xong trở về mặc triều phục chỉnh tề, vái vọng về phía kinh đô Phú Xuân, đọc bài thơ khẩu chiến:

Kinh tuế đạn hoàn địa,
Cô thần thỉ thạch trường.
Trung quân vô biệt sách,
Tôn tửu hữu phê sương.

Dịch:

Năm tháng xông tên đạn,
Thân cô giữa chiến trường.
Trung vua không thể khác,
Chén độc [1] cũng là thường!

Đọc xong bài thơ, Ngô ngửa cổ uống cạn chén thuốc độc. Việc đó xảy ra ngày hai mươi lăm tháng Năm.

Võ Tánh nghe tin báo, đau buồn nói:

– Thế là Ngô quân đã đi trước ta rồi!

Nói đoạn đi ngay đến công dinh của Ngô Tòng Chu, lo liệu việc khâm liệm mai táng. Làm xong mọi việc, Võ Tánh mặc triều phục đội mũ chỉnh tề hướng về phía Bắc mà lạy, rồi lên ngồi trên lầu Bát Giác, sai người gọi các tướng sĩ đến đông đủ rồi nói:

– Từ khi ta vâng mệnh Vương thượng đến trấn thủ thành này, Tây Sơn dốc hết quân kéo đến bao vây tiến đánh, bao vây khắp bốn phía. Đến nay đã hai năm, nhờ các tướng đồng tâm hiệp lực, nên vẫn giữ vững được thành trì để chống cự với giặc. Đến nay hết lương ăn, quân sĩ ốm mệt, không đủ sức giữ thành nữa, dẫu có đánh cũng không ích gì. Nay ta nhận lấy cái chết, chỉ mong tướng sĩ các ngươi đừng lấy làm đau buồn.

Tướng sĩ dưới quyền Võ Tánh rập đầu gào khóc thảm thiết, rồi ai nấy lui về. Võ Tánh lấy chiếc súng chim hai nòng trao cho Lưu thủ Nguyễn Văn Thịnh, bảo rằng:

– Ngươi hãy cầm lấy cái này, nói với Quang Diệu rằng ta hãy tạm gửi quan quân cho hắn.

Nói xong Võ Tánh sai phó tướng Nguyễn Văn Biện châm mồi lửa, Biện khóc, bỏ chạy. Võ Tánh vừa hút xong điếu thuốc lào, bèn cầm que đóm đang cháy châm vào mồi thuốc. Vừa lúc ấy thuộc tướng Nguyễn Tiến Tuyên từ ngoài chạy vào, Võ Tánh hỏi:

---

1. Nguyên văn: *Phê sương*, cũng là *Phê thạch*, tức là Thạch tín, một loại chất độc chết người.

– Ngươi đến đây làm gì?

Tuyên đáp:

– Tôi muốn được cầm roi theo hầu tướng quân dưới suối vàng.

Tuyên nói chưa dứt lời thì ngọn lửa đã cháy bùng lên. Nguyễn Tiến Tuyên cũng nhảy ào vào trong đống lửa. Hôm ấy là cách một ngày sau khi Ngô Tòng Chu uống thuốc độc, cách hai mươi bốn ngày sau khi Thế Tổ lấy lại Phú Xuân. Võ Tánh giữ cô Thành, ghìm chân quân giặc mạnh, khiến cho Phú Xuân bị yếu rỗng, cho nên giáo trời chỉ đến là thu phục ngay được đất Thần Kinh. Đối với công cuộc Trung hưng, Võ Tánh đáng được xếp công đầu.

Người chép dã sử có thơ tán dương Võ Tánh như sau:

Sơn tự khuynh Tây, thủy tẩu Đông,
Quan thường thục cánh tử Hoài Công.
Thập niên khổn ngoại sương hoa bạch,
Bát Giác lâu tiền hỏa thụ hồng.
Tướng hiệu hữu tâm tranh nghĩa liệt,
Ngoan cừ vô kế miễn anh hùng.
Đường đường đại tiết kham thiên cổ,
Thi Nại hà nhân chiếm thủ công.

Dịch:

Non dốc về Tây, nước chảy đông,
Cân đai mấy kẻ sánh Hoài Công? [1].
Chục năm cửa tướng sương tóc bạc,
Bát Giác lầu kia lửa rực hồng.
Tả hữu có người tranh chết nghĩa
Cường binh không kế khuất anh hùng.
Cao vời tiết cả lừng thiên cổ,
Thi Nại công đầu ấy chính ông!

Lại có bài thơ tứ tuyệt biểu dương Nguyễn Tiến Tuyên:

Hiệu thủ cô thành kỷ lịch niên,
Đan tâm tranh tự sứ quân hiền.
Tây cừ phách lạc Long Giang độ,
Hối bất đương thời tảo chấp tiên.

1. *Hoài Công:* tức Quốc công tên tước của Võ Tánh.

Dịch:

Trấn thủ cô thành dạ chẳng nao,
Lòng son ai sánh tướng quân cao.
Tây Sơn mất vía Long Giang độ,
Tiếc chẳng cầm roi tự thuở nào.

Nguyễn Quang Diệu nghe tin Võ Tánh đã tuẫn tiết, bèn dẫn quân vào thành, cho mai táng Võ Tánh theo nghi lễ. Tướng sĩ trong thành đã đầu hàng và chưa đầu hàng đều không ai bị giết hại. Có lẽ đó là do lòng trung thành của Võ Tánh đã cảm động lương tâm của quân Tây Sơn.

Nghe Nguyễn Văn Thành tâu về việc Võ Tánh tuẫn tiết, Thế Tổ đau xót thương khóc hồi lâu. Rồi Thế Tổ bảo các tướng tùy tòng:

– Võ Tánh và Ngô Tòng Chu quên mình giữ vẹn khí tiết như thế, dẫu người xưa Trương Tuần, Hứa Viễn cũng không hơn được.

Thế Tổ truyền cho quan trấn thủ Gia Định ban cấp ưu đường cho gia đình Võ Tánh. Thế Tổ lại hỏi thị thần Phạm Ngọc Uẩn:

– Ngô Tòng Chu có con cái không?

Ngọc Uẩn đáp:

– Quan Hiệp trấn chỉ có một người cháu xa là Ngô Tòng Hoảng làm con nuôi.

Thế Tổ nói:

– Nên hậu đãi với người con nuôi ấy, để báo đáp công lao của bậc trung thần.

Tiếp đó Thế Tổ lại hỏi quê quán gốc tích của Phó tướng Tuyên, Phạm Ngọc Uẩn đáp:

– Nguyễn Tiến Tuyên quê huyện Chương Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, trước làm Vệ úy trong quân Tây Sơn, sau quy thuận Nam triều, đưa cả con em tòng quân, được trao chức Cai cơ, Khâm sai thống binh đạo Ứng nghĩa, từng theo Lê Văn Duyệt, chỉ huy quân đồn trú tại Sa Lung, đến đây tử tiết theo Tham thặng Võ Tánh. Thế Tổ khen ngợi, sai quan lưu thủ dinh Quảng Ngãi đặc cách ban cấp tử tuất ngoài lệ định.

Thu xếp mọi việc đã xong, Thế Tổ lại sai người ruổi ngựa truyền lệnh cho Nguyễn Văn Thành và Lê Văn Duyệt tiến đánh quân Nguyễn Quang Diệu lấy lại thành Bình Định để rửa hận cho các bậc trung thần.

Bấy giờ Nguyễn Quang Diệu đã chia quân đóng giữ các nơi trọng yếu để chống cự với quân Nam triều. Văn Duyệt và Lê Chất tiến quân đến Trà Khúc, đánh tan quân của bọn Đô đốc Khôn, bắt sống tù binh nhiều không kể hết. Khôn lui về giữ cửa Tân Quan, Quang Diệu lại cho thêm quân tiếp viện cho Khôn, đắp lũy đất để phòng ngự, còn mình tự cầm quân đi đánh đồn Hải Vân.

Đúng là:

Vì nước trung thần khinh vạn chết,
Báo thù nghĩa đế tỏ ba quân.

HỒI THỨ HAI MƯƠI BỐN

Chiếm Đồng Hới, Nguyễn Văn Trương thắng lớn,
Qua sông Gianh, vua Quang Toản thua to.

Lại nói Nguyễn Văn Thành đóng quân ở Vân Sơn chia đặt các tướng chỉ huy quân sĩ đón đánh quân Tây Sơn từ phía Nam ra. Vừa lúc ấy Nguyễn Quang Diệu đem quân đến tiến đánh, sai tướng thuộc hạ chỉ huy quân sĩ đắp lũy Vân Thê để cắt đứt đường chở lương từ cửa Thi Nại đến. Nguyễn Văn Thành sai Huỳnh Viết Toản chỉ huy tượng binh chặn đánh, quân Quang Diệu tử thương nhiều, phải bỏ dở việc đắp lũy, rút đi. Quang Diệu lại sai Hồ Văn Điềm đưa quân vào chiếm Phú Yên. Văn Thành xin Thế Tổ sai Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Đức Xuyên đánh Phú Yên, đến đèo Tam Lĩnh thì theo đường thủy đưa quân ra Phú Xuân hội binh. Thế Tổ nói:

– Quân của Diệu và Dũng không quá hai vạn, hiện đang bị quân thủy bộ của ta bao vây. Bọn chúng thế chia, sức yếu, chẳng dám chú tâm riêng một mặt nào. Các ngươi cứ giữ vững đồn lũy, trong ngoài đánh ốp vào, tất phải toàn thắng. Bọn Tây Sơn ở Phú Yên cứ để đấy, ta sẽ cho tướng khác đưa quân đến đánh dẹp.

Rồi Thế Tổ sai Tống Phước Lương làm Đô thống chế doanh Phấn dực, đem binh thuyền tiến đánh quân Hồ Văn Điềm. Quang Diệu nghe tin viện binh quân Nam đang tiến vào, liền dẫn quân đến Tân Quan chống cự. Nguyễn Văn Thành cho quân đi do thám, biết quân Quang Diệu không phòng bị, Nguyễn Văn Thành liền truyền lệnh cho quân Nam bất ngờ tiến đánh, từ núi Úc Sơn đến sông Dinh, lần lượt phá hơn hai mươi đồn lũy.

Bấy giờ có người là Nguyễn Văn Hiếu, nguyên là của quân Nam, bị Tây Sơn bắt làm tù binh. Tây Sơn sai Hiếu đưa quân bản bộ lập thành đội hậu tập. Hiếu và thuộc hạ là Phạm Văn Lý trốn về với Nam triều. Lại có Nguyễn Văn Tôn dẫn bảy trăm quân ở đồn Lính Xiêm, cùng với Phó thống Lê Văn Niệm, hậu quân cai cơ Võ Viết Bảo, Nguyễn Văn Công, Vũ Văn Hoan, Lương Văn Phú, Trương Văn Thanh, Nguyễn Tiến Thái, Hoàng Trung Kiệt, Hà Văn

Điềm, Ngô Văn Thanh ai nấy đều dẫn quân thuộc hạ về hàng. Thế Tổ sai xếp họ vào các đội ngũ đặt dưới quyền thống lĩnh của Tiền quân Nguyễn Văn Thành.

Nguyễn Văn Thành sai Lê Văn Niệm, Huỳnh Viết Toản, Nguyễn Văn Tín tiến đánh quân Hồ Văn Điềm ở Bến Mễ. Vừa lúc đó binh thuyền của Tống Phước Lương đến, cùng hội quân tiến đánh quân Hồ Văn Điềm ở Quán Sô, Lệ Uyên, La Đài, Điềm phải bỏ quân chạy trốn. Đất Phú Yên được yên bình.

Tin thắng trận báo về Phú Xuân, Thế Tổ phong cho Nguyễn Văn Thành chức Khâm sai chưởng Tiền quân dinh Bình Tây đại tướng quân, tước Thành quận công. Thành từ chối, tâu là vì chưa dẹp xong Tây Sơn, nên chưa dám nhận. Thế Tổ nói:

– Khanh quản việc quân ở Nam đạo, chỉ huy tướng sĩ đánh quân Nguyễn Quang Diệu, Nguyễn Văn Trương quản việc quân ở Bắc đạo, chỉ huy tướng sĩ đánh quân Nguyễn Quang Toản, cả hai người đều có công ngang nhau. Trước ta đã ban cho Trương chức Khâm sai chưởng Trung quân dinh Bình Tây đại tướng quân, tước Quận công. Nay khanh không nên từ chối.

Trước đó, Nguyễn Văn Trương dẫn quân đuổi theo Quang Toản không kịp, phải quay trở lại. Thế Tổ sai Trương tiến đóng lũy Đồng Hới ở Quảng Bình, cùng với Tham tri Bộ Lại Phạm Như Đăng cai quản công việc binh dân phủ Quảng Bình. Nguyễn Văn Trương có công thu phục Quảng Nam, Quảng Ngãi lại hộ giá thu phục kinh đô Phú Xuân, nên thăng chức cho Trương như đã nói trên.

Nguyễn Văn Trương ở Đồng Hới dò biết tướng Tây Sơn là Đổng lý Nguyễn Văn Thận đóng quân ở Hà Trung, quân sĩ trong quân của Thận có nhiều người chán nản muốn làm phản. Trương bèn dâng sớ xin Thế Tổ cho đem quân ra đánh lấy Hà Trung. Thế Tổ bèn truyền lệnh chỉnh điểm binh mã cho xuất phát, phối hợp với quân Thượng đạo tiến xuống, quét sạch quân Tây Sơn ở Nghệ An. Thế Tổ lại sai Nguyễn Kế Nhuận làm phó điều bát, cùng với Tôn Thất Hoảng đem quân đến đặt dưới quyền tiết chế của Nguyễn Văn Trương.

Trước đó người nước Vạn Tượng bắt được thư của Quang Toản gửi châu mục châu Trấn Ninh. Vua Vạn Tượng bèn sai cai đội Thượng đạo của ta là Tống Phước Uyển đem về nộp cho Thế Tổ. Bấy giờ Tham quân Lê Văn Xuân bị ốm chết, Lưu Phúc Tường thay quản lĩnh. Thế Tổ sai Phước Tường theo đường Cam Lộ đưa thư

sang Vạn Tượng, hẹn ngày để vua Vạn Tượng là Chiêu Ấn đem quân xuống Nghệ An làm thanh ứng cho nghĩa quân ở Thanh Hoa. Cùng lúc ấy Hà Công Thái ở miền thượng đạo Thanh Hoa sai người đưa thư mật báo cho Thế Tổ biết tình hình quân sự ở Thanh Hoa. Thế Tổ bảo Công Thái đem quân bản bộ đánh xuống các phủ huyện ở Thanh Hoa để tiếp ứng với quân Vạn Tượng. Một mặt Thế Tổ truyền lệnh cho Nguyễn Văn Trương tiến đánh Nghệ An.

Bấy giờ quân Tây Sơn đã chiếm vùng Chợ Ròn gần đèo Ngang. Văn Trương sai Nguyễn Kế Nhuận chỉ huy bảy ngàn quân thủy lực tiến đánh. Khi quân của Kế Nhuận đến Chợ Ròn thì quân Tây Sơn đã rút lui, Nhuận và Tôn Thất Hoảng đuổi theo đến núi Thần Đầu (thuộc Hà Tĩnh nay). Quân Tây Sơn phục ở chỗ hiểm yếu đánh trả quyết liệt, Nhuận phải cho quân dừng lại. Tôn Thất Hoảng bị quân giặc bao vây, liều chết đánh ra, chết tại trận. Quân sĩ dưới quyền của Nhuận, Hoảng bị bắt sống đến quá nửa.

Nghe tin báo, Trung quân Nguyễn Văn Trương kinh sợ nói:

– Hoảng là con của Tôn Thất Huống, giúp Vương thượng đi chinh chiến có nhiều công lao, không may bị Kế Nhuận làm lầm lỡ mà thiệt mạng. Như thế ta còn đâu tướng giỏi mà sai phái được nữa!

Rồi Văn Trương truyền lệnh cho quân thủy quân bộ tiến thẳng đến sông Gianh, chia quân đóng giữ.

Thế Tổ nghe tâu báo, cả trách Kế Nhuận không tuân tướng lệnh, đến nỗi thiệt mạng bậc tôn thần, bèn truyền lệnh cho Nguyễn Văn Trương bắt Kế Nhuận xử trảm theo quân pháp. Nhân đó Thế Tổ bảo Trương cho người đi do thám xem quân Vạn Tượng đã y hẹn đánh xuống Nghệ An chưa.

Bấy giờ quản lính quân thượng đạo Lưu Phước Tường chỉ huy quân sĩ năm chi, cùng với tướng quân nước Vạn Tượng là Phá Nhã Khu Bô chỉ huy hơn bốn ngàn quân Vạn Tượng tiến xuống các huyện Hương Sơn, La Sơn, đánh quân Tây Sơn ở cửa Tam Xoa, thu nhiều chiến thuyền và súng đạn. Tiếp đó lại tiến đánh quân của Đô đốc Nguyễn Hiện ở thành Lục Niên huyện Thanh Chương, giết Đô đốc Nguyễn Hiện tại trận. Khắp nơi trong trấn Nghệ An chấn động. Quân Tây Sơn đốt phá nhà cửa của dân chúng suốt trong mấy huyện để làm vườn không nhà trống. Quân của Lưu Phước Tường và quân của Vạn Tượng không có lương ăn phải rút về.

Nguyễn Văn Trương biết được tình hình ở Nghệ An liền sai quân về ngự doanh tâu báo, Thế Tổ truyền lệnh cho thuộc tướng của Trương là Hoàng Văn Điểm ở lại đóng giữ lũy Thanh Hà, tự mình dẫn quân lui về Đồng Hới tu sửa Trường lũy (lũy Dài) từ núi Đâu Mâu đến sông Sa Chủy để làm kế phòng giữ. Tiếp đó Thế Tổ lấy Nguyễn Văn Vân làm Trung quân Trung đồn tham quân sự. Một mặt Thế Tổ truyền cho Đặng Trần Thường ở Bình Định. Lưu Phước Tường ở Nghệ An sửa soạn sẵn sàng để phối hợp với kế hoạch tiến binh của Trung quân.

Nguyễn Văn Trương dâng sớ tâu với Thế Tổ tình hình Bắc Hà rối loạn, dân chúng trông ngóng quân Nam triều. Ở Nghệ An quân Tây Sơn có ba ngàn, đang chán nản bất bình với chủ tướng, xin Thế Tổ đưa đại binh thủy lục cùng tiến để thu lấy các địa phương Bắc Hà, quân Quang Diệu, Văn Dũng ở Bình Định nếu nghe tin quân ta lấy Nghệ An tất phải kinh sợ, mất hết nhuệ khí chiến đấu, quân ta chỉ việc xoa tay là lấy được thành Bình Định.

Bấy giờ có viên Tham quân Tả đồn là Ngô Đức Tuấn nguyên người huyện Đồng Ngàn, trấn Kinh Bắc, thấy tình thế Bắc Hà xao động, xin Thế Tổ cho ra Bắc Hà chiêu dụ các hào mục hưởng ứng quan quân đánh giặc lập công. Thế Tổ trao cho Tuấn chức Hà Bắc chiêu thảo sứ, cho phép được tùy nghi hành sự. Tuấn cùng bọn Nguyễn Đình Hiệu chiêu tập được mấy nghìn nghĩa binh tiến đánh đồn Biện Sơn thuộc Huyện Ngọc Sơn xứ Thanh Hoa, thu được hơn hai chục thuyền chở lương, bắt sống Tham đốc Tính, Tham đốc Lĩnh và hơn ba trăm quân Tây Sơn. Tuấn sai người về báo tin thắng trận. Thế Tổ truyền cho Tuấn tiếp tục đóng giữ Biện Sơn để chặn yết hầu của giặc, chờ khi đại quân tiến ra thì phối hợp tiến đánh. Nhân đó Thế Tổ nói với Nguyễn Văn Trương:

– Tuy quân ta có thể thừa cơ đánh lấy Bắc Hà, nhưng hiện nay đang mùa mưa, nếu cho quân đi đường bộ thì việc tiếp tế quân nhu gặp khó khăn. Khanh hãy trù liệu đưa binh thuyền ra làm thanh ứng cho Ngô Đức Tuấn ở Biện Sơn, còn quân bộ thì cứ chặn giữ ở Hoành Sơn để ghìm chân địch. Chờ dân chúng các nơi nổi dậy ứng nghĩa thì việc đánh lấy Bắc Hà mới thuận lợi.

Bấy giờ ở miền Quảng Bình liên tiếp mưa lũ, lũy Trấn Ninh bị sạt lở nhiều đoạn. Thế Tổ sai Nguyễn Văn Trương điều quân đắp sửa. Trương dâng sớ nói lũy Trấn Ninh vừa dài vừa rộng, việc đắp

sửa, bố trí phòng bị tốn nhiều công, mà quân số hiện có ít; nếu quân địch lọt vào được, trong giữ ngoài đánh thì thế quân ta rất kẹt. Xin cho đội chiến thuyền Phấn dực tiến ra sông Gianh đóng đồn phòng giữ, thuỷ bộ yểm trợ nhau thì đường Đồng Hới, Trấn Ninh chắc chắn được an toàn.

Thế Tổ bèn sai Tống Phước Lương chỉ huy chiến thuyền cùng với Đặng Trần Thường chỉ huy hai vệ Thắng Uy, Nghị Uy và quân dũng ra đóng giữ ở sông Gianh, đặt dưới quyền tiết chế của Trung quân Nguyễn Văn Trương. Nhưng bấy giờ mùa gió ngược, nên Thế Tổ gọi Tống Phước Lương đưa chiến thuyền trở về giữ lũy Thanh Hà làm cánh hộ vệ cho Trung quân của Nguyễn Văn Trương.

Quân do thám báo tin Quang Toản đưa quân quay lại đánh phủ Quảng Bình. Văn Trương xin cho thêm quân để đánh chặn các đường núi. Thế Tổ sai Nguyễn Văn Nhơn dẫn các hậu vệ quân đến đóng ở Trạm Dinh, lệnh cho Văn Trương tiếp tục sai quân thám mã đi do thám tình hình quân của Quang Toản.

Lại nói ở thành Bình Định, tướng Tây Sơn Nguyễn Quang Diệu sai thuộc tướng là Đô đốc Khôn, Tham đốc Tự đem quân đi chặn đánh quân Lê Văn Duyệt. Một mặt sai người cầm mật thư tìm đường liên lạc với Quang Toản, hẹn Toản đưa quân vào đánh chiếm Quảng Bình. Người đưa thư có quen biết với Đô đốc Nguyễn Văn Xuân, nói hở quân vụ của mình cho Xuân biết. Xuân người huyện Chương Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, giữ chức Đại Đô đốc Tả bật trong quân của Quang Toản. Xuân là viên tướng có mưu lược, nhưng từng bị Nguyễn Văn Trương đánh thua, nên bị Quang Toản bạc đãi. Sau khi Quang Toản mất Phú Xuân phải chạy ra Bắc, Nguyễn Văn Xuân đã có ý tìm đến đầu hàng Lê Văn Duyệt. Nay biết có mật thư của Quang Diệu, Xuân bèn đến báo cho Duyệt biết. Duyệt nói:

– Liệu có phải ông định đánh trận lưới với Trung doanh Nguyễn Văn Trương hay không? Ông tự nguyện làm cho quân Tây Sơn, chắc không có thực ý đến đây để đầu hàng?

Xuân đáp:

– Tướng quân đừng nhắc đến chuyện tôi với quan Trung doanh. Cái thế của tôi cũng chẳng khá gì mũi tên nằm trên dây cung vậy. Tình thế ngày nay triều Tây Sơn sắp mất, anh hùng phải chọn chúa để mà thờ, vì thế tôi phải trái mệnh vua Tây Sơn tìm đường vào đây.

Duyệt đem sự việc tâu lên, Thế Tổ cho Xuân ở dưới quyền sai phái của Lê Văn Duyệt. Duyệt giao cho Tống Viết Phước làm tiên phong đưa quân đi đánh bắt bọn Đô đốc Khôn và Tham đốc Tự. Viết Phước vốn ghét người Bình Định cam chịu làm bề tôi cho triều Tây Sơn, nói : "Ta lấy được thành Bình Định thì làm cỏ sạch, không chừa một mống!". Phước đưa quân vượt đến Tân Quan, Đô đốc Khôn, Tham đốc Tự chưa kịp giao chiến đã phải lui quân. Phước thừa thắng dẫn quân đến tận Hang Dơi. Tên hang gọi theo chữ Hán là Phúc Cốc, các tướng tùy tùng của Phước cho là điềm chẳng lành [1], bèn can Viết Phước:

– Hành quân không được khinh suất, qua đây lỡ gặp quân địch thì biết tính thế nào?

Chưa dứt lời thì phục binh Tây Sơn do tướng Từ Văn Chiêu chỉ huy xông ra đánh. Viết Phước ra sức chống cự, nhưng không địch nổi, bị Từ Văn Chiêu bắt sống.

Chiêu nói với thuộc hạ:

– Khi trước ta về hàng quân Nam, được sai làm phó cho Phước, hắn chửi ta là thằng giặc đầu hàng. Tướng tá đầu hàng kể cũng nhiều, mà hắn độc làm nhục một mình ta! Trời có mắt, xui khiến hắn vào tay ta, chỉ một nhát gươm mới có thể trả nợ cho hắn được!

Nói đoạn Từ Văn Chiêu tuốt gươm chém rụng đầu Tống Viết Phước. Lê Văn Duyệt nghe tin báo, nói với Lê Chất:

– Tống tướng quân là dòng dõi thế thần người Quý huyện, theo hầu Thế Tổ có nhiều công lao. Phước dũng cảm mà thiếu mưu trí, cho nên mới bị Từ Văn Chiêu giết hại. Chiêu là kẻ phản phúc hạng nhất, hắn thà suốt đời theo giặc, chứ không chịu quên mối thù làm nhục. Phàm những kẻ trượng phu có quyền thế một thời không nên khinh mạn người khác mà chuốc lấy thù oán.

Rồi Duyệt cùng với Lê Văn Chất đốc suất quân sĩ tiến đánh, bắt sống được Đô đốc Khôn, Tham đốc Tự, quân sĩ của Khôn hơn ba nghìn người phải đầu hàng. Duyệt cho tiến quân đóng ở Thanh Hiếu, đắp lũy từ cửa biển Mỹ Ý liền đến lũng núi để chống cự với quân Từ Văn Chiêu. Thế Tổ nghe tin báo, giận Viết Phước vô mưu, khen Văn Duyệt chuyển bại thành thắng, ban cho Duyệt và Chất tước Quận công, lấy Trần Văn Lại làm Trung doanh đô thống chế thay Tống Viết Phước. Một mặt sai thám mã ruổi ngựa ra bờ Bắc sông Gianh

---

1. Phúc Cốc (Hang Dơi), trùng với tên Tống Viết Phúc (Phước).

báo tin cho Nguyễn Văn Trương tuần phòng nghiêm mật, không cho Quang Toản liên lạc được với quân Nguyễn Quang Diệu.

Bấy giờ có viên cai đội mật sai tên Quyền [1] từ Bắc Hà trở về tâu báo tình hình. Thế Tổ hỏi sự thể Quang Toản chạy ra Bắc thế nào. Quyền thưa:

– Quang Toản thua trận, vội cùng em là Thái tể Quang Thiệu, Nguyên súy Quang Khanh, Tư mã Tứ, Đô đốc Trù lên ngựa ngày đêm chạy miết về Đồng Hới, ngày mồng năm, tháng Năm vượt sông Gianh, đi đường tắt ra trấn thành Nghệ An. Nghỉ ngơi vài ngày, bọn Quang Toản lại lấy ngựa trạm chạy ra Thanh Hoa, sai quân ra trước báo cho em là Quang Thùy trấn thủ Bắc Thành đưa quân vào đón. Hạ tuần tháng Năm, bọn Quang Toản đến Bắc thành, vào ở tại phủ đệ của Quang Thùy.

Thế Tổ lại hỏi về tình hình thiên tai ở Bắc, Cai đội Quyền thưa:

– Sau khi Quang Toản ra Thăng Long, luôn mấy ngày liền mưa to gió lớn, nước ngập đến tận sân triều, sâu hơn một thước. Rồi lũ lớn đổ về, nước ngập sâu đến mấy thước. Lầu ba tầng ở Nghệ An [2] vô cớ đổ sụp, dân Bắc đều cho là điều tai dị.

Thế Tổ lại hỏi về những việc làm của Quang Toản , Cai đội Quyền thưa:

– Quang Toản cho đổi niên hiệu là Bảo Hưng, xuống chiếu tự ăn năn hối lỗi, thăng phẩm trật cho các quan lại, vỗ về quân dân, lập đàn tế cầu phúc ở Hồ Tây, đắp đàn tế xã tắc ở Ô Chợ Dừa. Quang Toản cũng đến thăm nhà Quốc Tử Giám, khảo khóa học sinh. Lại sai Nguyễn Văn Sở sang sứ nhà Thanh xin quân cứu viện. Nhưng người Thanh đuổi Văn Sở về. Hiện nay Quang Toản đang dự định cất quân vào đánh chiếm lại các nơi đã mất ở Nam Hà.

Về việc quân cơ của Quang Toản, Cai đội Quyền thưa:

– Toản sai Quang Thùy điểm binh mã đi trước đến đóng ở Nghệ An, để Quang Thiệu, Quang Khanh ở lại trấn thủ Bắc Thành, rồi tự mình đốc suất quân bốn trấn và ba vạn quân Thanh Nghệ tiến vào Nam. Vợ của Quang Diệu là Bùi Thị Xuân cũng dẫn năm ngàn quân thủ hạ đi theo, hiện đã đến đóng ở Hà Trung. Quân của Đô đốc Đinh

---

1. Tên người cai đội này ở dưới có chỗ lại chép nhầm là Tường.
2. Chỉ lầu Phượng Hoàng do vua Quang Trung cho dựng ở Vinh.

Công Tuyết và Tổng quản Siêu tiến đến đóng đồn ở thôn Pháp Kệ, binh thế khá rầm rộ.

Thế Tổ nghe xong cho Cai đội Quyền lui ra. Quan hầu cận vào báo Trung doanh Nguyễn Văn Trương sai người về dâng mật sớ báo tin quân Quang Toản đã đến gần sông Gianh; Đặng Trần Thường tạm cho quân lui về Đồng Hới. Thế Tổ bèn triệu các tướng đến bàn việc quân cơ rồi truyền dụ báo cho Nguyễn Văn Thành và Lê Văn Duyệt biết:

– Quang Toản đưa quân vào đánh chẳng qua để rửa thẹn, quân ta chỉ cần đánh một trận cũng tan. Bọn Quang Diệu chiếm thành Bình Định thì phải giữ không cho lan rộng ra thêm nữa. Việc quân cơ ở Vân Sơn ủy cho Nguyễn Văn Thành điều khiển, quân thứ Thanh Hiếu thì ủy cho Văn Duyệt điều khiển. Các ngươi phải đồng lòng hiệp sức, có kế sách đánh giữ cho hợp để trừ mối lo ở phía trong.

Rồi đó Thế Tổ giao cho Quốc thúc Tôn Thất Thăng ở lại đóng giữ kinh thành, lệnh các tướng sửa soạn cất quân đi đánh Quang Toản. Bấy giờ là ngày tháng Mười Hai, năm Tân Dậu (1801).

Đại binh tiến đến Đồng Hới thì dừng lại chia quân dựng đồn trại đóng giữ. Thế Tổ cho gọi Trung doanh Nguyễn Văn Trương đến hành tại để hỏi mưu kế đánh giữ. Trương tâu:

– Quân Quang Toản đang tiến sâu vào, bên ta cứ cố thủ giữ thành, chờ khi đường biển gió thuận sẽ cho thủy quân tiến đánh chiến thuyền Tây Sơn, rồi tiến thẳng vào sông Gianh chặn đường rút lui của bộ binh địch, khiến cho bọn chúng không mảnh giáp mà về.

Đêm ba mươi tết Nhâm Tuất (1802), quân Quang Toản vượt sông Gianh. Ngày mồng một tháng Giêng, Nguyễn Quang Thùy và Tổng quản Siêu đem quân tiến đánh lũy Trấn Ninh; Tư lệ Tuyết [1], Đô đốc Kiên đánh đồn quân ở núi Đâu Mâu; Thiếu úy Đằng, Đô đốc Lực liên kết với hải phỉ Tề Ngỗi đem hơn trăm chiến thuyền dàn thành thế trận thủy chiến ở ngoài khơi cửa Nhật Lệ [2].

Thế Tổ lệnh cho Nguyễn Văn Trương đốc suất chiến thuyền đi chặn đánh; sai Phạm Văn Nhơn, Đặng Trần Thường chia đường đón đánh quân bộ của Tây Sơn. Quân Quang Toản bao vây lũy Trấn Ninh,

---

1. Tư lệ Tuyết: Có lẽ vẫn là Đô đốc Đinh Công Tuyết đã nói đến ở trên.

2. Cửa Nhật Lệ: xưa là cửa Sài Môn, ở phía Bắc là cửa An Náu, phía Nam là lũy Mũi Dài.

trúng đạn súng lớn của quân Nam, tử thương rất nhiều. Quân Tây Sơn đông như đàn kiến tràn tới chiếm mũi Đầu Mâu, quân Nam giữ đồn trên núi bắn đạn súng lớn và ném đá xuống tới tấp, quân Quang Toản chết và bị thương không đếm xuể. Quang Toản muốn cho quân lui, nhưng Bùi Thị Xuân một mực xin đánh, tự mình cưỡi voi đốc thúc quân sĩ xông lên tử chiến, từ sáng sớm đến tinh mơ không chịu lui quân. Bấy giờ thủy quân của Nguyễn Văn Trương thuận gió Đông Bắc tiến ra đánh phá chiến thuyền của Quang Toản ở ngoài khơi, đoạt được hơn hai mươi chiếc. Quân bộ của Quang Toản biết tin hoảng sợ tan rã, Quang Toản chạy về xã Đông Cao đi thuyền qua sông Gianh, tướng sĩ tùy tòng chỉ còn lại hai phần mười. Đô đốc Kiên, Thượng thư Trực, Đô đốc Mô, Tham đốc Ngoạn, Thiếu tể Nguyên bị quân Nam bắt sống. Hơn năm chục thuyền lương đậu ở bến sông Gianh, cùng nhiều voi ngựa, súng ống khí giới đều bị quân Tống Phước Lương, Nguyễn Văn Vân, Hoàng Văn Điểm thu đoạt.

Nguyễn Quang Thùy đi tắt theo đường núi, hơn mười ngày thì gặp lại Quang Toản ở thành Nghệ An, rồi theo Toản chạy ra Bắc Thành.

Thế là trong trận này Quang Toản rầm rộ đưa quân đánh qua sông Gianh, chỉ một lần giao chiến đã thất bại tan tành. Thanh thế quân Nam triều vang dậy. Thế Tổ dẫn quân đến trạm Thanh Hà, dân chúng tranh nhau đem trâu, rượu ra đường nghênh đón.

Thế Tổ ra lệnh cho các địa phương từ Quảng Bình trở vào, phàm tàn quân Tây Sơn tan rã trở về làng đều cho được yên nghiệp làm ăn, quan dân sở tại không được đe dọa hạch sách làm cho họ sợ hãi. Thế Tổ lệnh cho Nguyễn Văn Trương đóng giữ ở Đồng Hới, Đặng Trần Thường, Tống Phước Lương đóng giữ ở sông Gianh. Huỳnh Văn Điểm được thăng chức Trung quân phó tướng, đóng giữ ở cửa Ròn.

Khi bàn việc đem quân trở về kinh đô Phú Xuân, các tướng có người bàn nên thừa cơ tiến đánh Bắc Hà, Thế Tổ nói:

– Đánh Bắc Hà không phải chuyện dễ. Nay trong quân Tây Sơn thì Quang Diệu và Văn Dũng là hai viên tướng giỏi nhất mà quân ta chưa trừ được, không thể khinh suất. Phải chờ lấy được thành Bình Định rồi mới đem quân ra Bắc được.

Rồi Thế Tổ khải hoàn đem quân trở về kinh đô Phú Xuân.

Đặng Trần Thường vào tâu việc Ngô Đức Tuấn đưa chiến thuyền từ cửa Biện Sơn vượt biển trở về đến sông Gianh. Thế Tổ lệnh cho

Đức Tuấn lệ thuộc dưới quyền chỉ huy của Đặng Trần Thường.

Rồi đó Thế Tổ truyền lệnh cho Nguyễn Văn Thành và Lê Văn Duyệt hội quân đánh Bình Định.

Đúng là:

Việt báo thù Ngô lừng tin thắng,
Đường yên loạn Sái trải năm thâu.

HỒI THỨ HAI MƯƠI LĂM

Phá Tây Sơn thu phục Bình Định,
Nối Quốc thống đổi hiệu Gia Long.

Lại nói tướng Tây Sơn Nguyễn Quang Diệu và Võ Văn Dũng ở thành Bình Định tuyển chọn đinh tráng, sửa sang binh khí, tích trữ lương thảo, đóng đồn cố thủ để làm thanh viện cho Quang Toản. Sau khi Quang Toản thua trận phải chạy ra Bắc, Thế Tổ thấy quân Quang Diệu, Văn Dũng thế cô, bèn sai đưa bọn Thượng thư Trực, Đô đốc Mô đến quân doanh của Tiền quân Nguyễn Văn Thành, bảo Thành tìm cách làm cho bọn Diệu, Dũng tận mắt trông thấy. Một mặt Thế Tổ sai Văn Thành trù tính mật kế để hội quân với Lê Văn Duyệt tiến đánh thành Bình Định.

Bấy giờ Quang Diệu cho quân ra Sơn Trà, đánh úp quân Nam ở lũy Hoa Yên, qua sông Dinh đánh đồn Độc Sơn. Văn Thành tung quân đánh đuổi, quân Tây Sơn thua chạy về lũy Lò Giấy. Nguyễn Đức Xuyên đưa quân vòng ra phía sau lũy Lò Giấy. Nguyễn Văn Thành đánh nhổ lũy Lão Phủ rồi tiến thẳng đến sông Lò Giấy hội với quân Đức Xuyên, liên tiếp nhổ hơn mười lũy, tướng Tây Sơn chỉ một mình Đô đốc Mân liều mạng chạy thoát. Quang Diệu nghe tin nói:

– Thành không nhớ trận thua ở Bình Thuận hay sao mà muốn đưa quân vào đây bức ta?

Nói đoạn dẫn quân đi tiếp viện. Đến lũy Hang Tro, Diệu chia quân đóng giữ từ Tháp Cái đến núi Sản Sơn để chặn đánh quân Nam. Nguyễn Văn Thành đánh tan quân Văn Dũng, tiến đến sông Sơn Triều, rồi sai thuộc tướng Trương Tấn Bảo vòng đường đánh quân Tây Sơn của Đô đốc Hòa. Hòa không chống cự nổi, phải rút chạy. Văn Thành sai quân đuổi đánh đến Tháp Cái, nhổ liền hơn mười lũy từ Thổ Sơn đến Phú Trung. Đô đốc Tây Sơn tên là Diệm phải đầu hàng. Tiền quân Nguyễn Văn Thành cho gọi Diệm đến hỏi tình hình bên quân Tây Sơn, Diệm đáp:

– Bọn Quang Diệu, Văn Dũng biết quân bên Nam không đủ lương ăn, muốn dốc lực đánh một trận từ Bình Định ra lấy lại Phú Xuân, đón Quang Toản trở về đô cũ làm cái gai cắm vào bên quân Nam.

Bấy giờ quân Nam giao chiến với quân Tây Sơn của Diệu, Dũng đã lâu ngày, vùng Bình Định liên tiếp mấy năm bị mất mùa, đói kém mà thuyền lương từ Gia Định vì trái gió chưa chở ra được. Nguyễn Văn Thành lo không đủ lương cấp cho quân liền sai người ruổi ngựa ra Phú Xuân tâu báo. Thế Tổ sai Nguyễn Khắc Thiệu đốc thúc hai thuyền lớn Phượng Phi, Bằng Phi cấp tốc chở tám ngàn năm trăm hộc gạo vào Bình Định cấp cho Văn Thành. Ít lâu sau đoàn thuyền chở hơn một vạn năm ngàn hộc gạo do Lê Văn Duyệt điều đến cũng vừa tới kịp. Tướng Tây Sơn Từ Văn Chiêu cho quân chặn đánh nhưng không đoạt được, bèn chuyển hướng đánh chiếm lũy Mỹ Ý. Lê Văn Duyệt sai thuộc tướng Trịnh Ngọc Trí đưa quân giao chiến, tự mình dẫn tinh binh đánh khép vào. Từ Văn Chiêu đại bại. Tin báo về quân doanh của Quang Diệu, Diệu liền lệnh cho các đồn binh tung quân chặn giữ các ngả đường hiểm yếu để cắt không cho hai cánh quân Nam gặp nhau.

Bên quân Nam, sau khi nhận được lệnh của Thế Tổ, Nguyễn Văn Thành và Nguyễn Đức Xuyên tiến quân đến Kỳ Sơn, liên tiếp nhổ bảy lũy. Quang Diệu đưa tượng binh ra đón đánh cánh quân của Nguyễn Đức Xuyên. Hoàng Viết Toản cho quân lui về phía sau, Tiền quân phó tướng Hồ Văn Huệ (người huyện Đông Thành, trấn Nghệ An) [1] tử trận. Nguyễn Văn Thành nghe tin cánh quân của Đức Xuyên bất lợi, liền cho quân vòng đường sau núi đánh sang, phá tan quân Quang Diệu.

Quân Quang Diệu thiếu lương ăn, Diệu bí mật sai quân vượt núi Nha Tham sang đoạt lấy thóc gạo ở Phú Yên. Tiền quân Thành dò biết mưu kế của Diệu, bèn tung một đội kỵ binh đón đường đuổi đánh. Quân cướp lương của Diệu thua chạy phải tìm đường lẩn trốn. Tiền quân Thành cho người ruổi ngựa báo cho Lê Văn Duyệt biết quân Quang Diệu đã cạn hết lương ăn, hẹn Duyệt cấp tốc cho đánh thành Bình Định.

Bấy giờ Lê Văn Duyệt giao chiến với quân Tây Sơn của Quang Diệu, bắt sống Đô đốc Chu Hữu Mỹ, lại sai thuộc tướng là Nguyễn Văn Soạn ra trận giao chiến với quân Tây Sơn của Đô đốc Trường ở núi Lao Sơn. Soạn là người cùng huyện với Lê Văn Duyệt, giữ chức Quản vệ Uy vũ, từng theo Tống Viết Phước đem quân vào Quảng

1. ĐNTLTB chép vị Tiền quân phó tướng này họ Nguyễn.

Nam đánh quân của Đô đốc Xuân ở Chiên Đàn, vượt qua đất Quảng Ngãi vào đánh đồn Trà Khúc, lại qua bến Tân Quan hội quân với Phan Văn Triệu để đánh giữ. Sau khi nhận lệnh của Lê Văn Duyệt, Soạn đưa quân đến Đồng Chu, Lại Dương, liên tiếp đánh tan quân Quang Diệu, báo tin thắng trận về Phú Xuân.

Cũng trong khoảng này, Nguyễn Hoài Quỳnh trốn khỏi quân Tây Sơn, tìm đường về đến ngự doanh. Hoài Quỳnh người huyện Kiến Hòa, phủ Định Tường, thi trúng cách tam trường, sau chuyển sang ngạch võ, giữ chức Tham luận vệ Hổ uy, từng theo Thế Tổ đi chinh chiến, được thăng chức Tả tham tri bộ Hình. Sau khi thu phục thành Quy Nhơn, Hoài Quỳnh được Thế Tổ giao ở lại giúp Võ Tánh Trấn thủ. Khi thành bị vây hãm, Quỳnh bị quân Tây Sơn bắt. Quỳnh nhất định không chịu phục tòng bọn Quang Diệu, bí mật trốn về Phú Xuân.

Thế Tổ hỏi thăm Hoài Quỳnh về việc tử tiết của các tướng giữ thành Bình Định, than tiếc nói:

– Người tử tiết quả đúng là bậc trung thần, kẻ sống thoát trở về cũng đáng mặt nghĩa sĩ.

Hồi lâu an ủi Hoài Quỳnh, Thế Tổ nhân đó hỏi Quỳnh tình hình bên quân Tây Sơn. Rồi đó Thế Tổ sai Phạm Văn Nhơn dẫn các vệ hậu quân, cùng với chánh quản Hậu doanh Lê Văn Quế chỉ huy thủy quân cùng đi hiệp sức với Lê Văn Duyệt. Tiền quân Nguyễn Văn Thành từ sau khi đánh tan quân Quang Diệu ở Phú Yên, tiếp tục đốc suất tướng sĩ tiến đánh, hạ liền hơn hai mươi lũy. Tiền quân Thành đặc sai Nguyễn Đình Đắc đem quân vượt sông Dinh, đánh tan quân Quang Diệu ở Kỳ Sơn, tiếp tục đuổi theo đến xứ Vườn Cau (Lang Viên) đắp lũy cố thủ, ngăn chặn không cho quân địch ở Kỳ Sơn, Gò Úc liên lạc được với nhau.

Nhận được tin báo, tướng Tây Sơn Võ Văn Dũng liền đem quân đi chống cự. Tiền quân Thành chia quân đón đánh, chém đầu Đô đốc Khoáng, Đô đốc Thìn tại trận, Đô đốc Thị phải đầu hàng. Tiền quân Thành sai quân sĩ đóng cọc rào ở Vườn Cau để chặn đường tiếp lương của quân Quang Diệu.

Lê Văn Duyệt được tin Tiền quân Thành thắng trận liền cùng Lê Chất tiến quân đến Bến Đá, đánh tan quân của Từ Văn Chiêu, nhổ liền hơn mười chiến lũy của Quang Diệu, rồi thừa thắng dẫn quân bộ theo đường núi Bích Khê tiến đến lũy Kiên Hạ; sai thuộc tướng Phạm Văn Triệu đốc suất thủy quân từ Nước Ngọt (Đạm Thủy) tiến đến cửa

Tân Quan, sai quân ruổi ngựa báo tin cho Tiền quân Thành biết. Rồi Văn Thành và Văn Duyệt cùng đứng tên dâng sớ tâu lên Thế Tổ, đại ý nói quân của Văn Thành đã tiến đóng Vườn Cau, Văn Duyệt đóng quân ở lũy Kiên Hạ, hai phía đề phòng yểm trợ cho nhau, thế quân Tây Sơn rất nguy khốn, xin Thế Tổ lệnh cho các dinh chia quân chặn giữ các con đường hiểm yếu không cho địch quân chạy thoát.

Thấy quân nhà đang vây hãm thành Bình Định, Thế Tổ lo các tướng thả cho quân sĩ cướp bóc giết hại dân chúng, bèn dụ rằng: "Tướng sĩ bắt được tù binh Tây Sơn không được phép giết hại. Đất Bình Định từ khi có việc binh đao cho đến nay đã bị tàn hại điêu đứng, vậy nên phải nghiêm cấm ba quân không được bắt bớ cướp đoạt, làm hại dân chúng".

Nhận được lệnh dụ của Thế Tổ, Nguyễn Văn Thành sai quân đưa thư cho Lê Văn Duyệt, nói: Nay thế lực quân Quang Diệu đã suy yếu, có thể không cần phải nhọc công vây đánh, bên ta thử gửi thư chiêu hàng xem Diệu trả lời thế nào? Văn Duyệt phúc thư nói: "Ngụy tướng Quang Diệu đã học được tấm gương Tham thặng Võ Tánh, tất không khi nào chịu đầu hàng quân ta. Nhưng dù sao thì trong chiến trận việc thư từ qua lại giữa hai bên giao chiến cũng không nên bỏ qua. Nguyễn Văn Thành bèn gửi thư cho Quang Diệu, nói: "Tướng quân đem mấy vạn quân sĩ xâm phạm đất Bình Định của triều ta, từ bấy đến nay cầm cự đã hai năm, đủ biết tướng quân có tài mưu lược. Nhưng tình thế của anh em Tây Sơn ngày nay khó giữ được vẹn toàn. Chỉ một trận chiến ở Phú Xuân đủ kéo hổ dữ lìa rừng, liều đem quân trở lại sông Gianh, thật đã cùng đường hết kế. Nay thì chủ của tướng quân đang ngao du thơ rượu, không lo nghĩ quốc kế binh mưu. Vả lại Thăng Long ở xa ngàn dặm, tướng quân bị vây ở đây liệu có ai tiếp ứng? Phải tùy theo thời thế mà lập công, kẻ sĩ phu phải biết thông biến, bỏ tối theo sáng, bậc quân tử do đó mà hiển rạng thân danh. Chúa Nam triều ta quý trọng nhân tài, coi người thân với kẻ có thù cũng không có gì phân biệt. Quan Trung doanh Quận công Nguyễn Văn Trương, Quận công Hậu quân Lê Chất trước cũng là bề tôi Tây Sơn mà chúa Nam triều ta đối xử rất mực chân thành, khiến cho dốc sức lập công, hẳn là tướng quân cũng đã biết chuyện cả. Hơn nữa tướng quân đem hết tinh binh dũng tướng vào Bình Định khiến cho kinh đô Phú Xuân hầu như bỏ ngỏ, quân Nam triều ta không nhọc sức, chỉ tung quân đánh một trận là thu phục được. Như thế thì tướng quân cũng ngầm có công lớn với

Nam triều ta vậy. Nay nếu tướng quân muốn quay xe về Nam thì Thành tôi cùng với Lê đô thống sẽ xin đến đón".

Quang Diệu xem xong thư trầm ngâm nghĩ ngợi hồi lâu. Võ Văn Dũng nói:

– Nếu theo cái ý hòa trong Kinh Thi thì tôi cũng muốn hàng.

Diệu đáp:

– Tướng quân không đọc Kinh Thư? Sao không nghĩ đến chuyện chạy trốn.

Từ Văn Chiêu nói:

– Xin Thiếu phó cho nghe lời chỉ giáo?

Diệu nói:

– Nguyễn Văn Trương, Lê Chất đầu hàng quân Nam, ấy là lúc tình hình nguy cấp quá, cũng kể như gỗ quý của nước Sở mà người nước Tấn dùng, may mà thành công, cho nên được tin cậy. Các ông không nghe chuyện chúa Nam triều đã trở về Phú Xuân rồi hay sao? Bọn họ đã hủy hoại lăng mộ tiên vương của triều ta, con cháu tướng súy triều Tây Sơn ta bị băm thây bêu đầu, đâu đâu cũng thấy người bị xử chặt chân chặt tay, voi dày ngựa xé. Ấy là bọn họ muốn báo mối thù ở Long Xuyên, Cư Chính [1]. Vì thế mà ta không dám nghĩ tới chuyện về hàng quân Nam. Trung thư Trần Văn Kỷ, Đô đốc Lê Danh Phong, Lê Văn Lợi chịu cúi mình theo quân Nam, được Lê Văn Duyệt dâng biểu tiến cử, nhưng rồi bị Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Đức Xuyên can vua không nên dùng, sau vì họ làm gián điệp nên giết cả. Tôi với Võ tư đồ thuộc hàng quan tứ trụ của triều Tây Sơn, quay lưng lại với chủ cũ đang lúc suy yếu, ngước mặt hướng về vua mới thế mạnh đang lên thì còn ai coi trọng mà tin dùng như người tâm phúc? Chi bằng bọn ta dẫn quân trở về với chúa cũ lo liệu công việc ở Bắc Hà, chịu dừng ở cương giới cũ của nhà Lê để giữ yên một miền cũng đành tạm được.

Nguyễn Văn Giáp nói:

– Hạ quan thường đọc Kinh Dịch, nghiệm ra như lời Thiếu phó

1. Long Xuyên: tên đạo (thuộc trấn Hà Tiên cũ), nhắc việc Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần thua trận ở Long Xuyên (rồi bị quân Tây Sơn bắt giết); Cư Chính: tên xã thuộc huyện Hương Thủy (nay thuộc thành phố Huế nơi táng mộ Nguyễn Phúc Côn (cha Nguyễn Ánh), ĐNNTC chép quân Tây Sơn từng đến phá mộ này.

nói thì quẻ Độn lại là hanh thông. Xin chủ tướng cho chọn những quân sĩ cứng mạnh theo đường thượng đạo vòng sang Ai Lao rồi bí mật trở về Nghệ An.

Lê Văn Hưng nói:

– Xem chuyện tranh hùng giữa các nước thời Xuân Thu, Chiến Quốc, thì thấy họ thường nhân lúc đêm tối mà rút quân đi.

Rồi đó Quang Diệu và Võ Văn Dũng cùng các thuộc tướng Từ Văn Chiêu, Nguyễn Văn Giáp, Lê Văn Hưng, Nguyễn Văn Mân, Nguyễn Văn Điểm hơn tám mươi người dẫn ba ngàn quân cứng mạnh và tám mươi sáu thớt voi, bỏ thành ra đi.

Tiền quân Nguyễn Văn Thành nhận được tin do thám liền truyền hịch cho các tướng đưa quân đuổi theo, nhưng quân Quang Diệu đã đi sâu vào đường tắt trong rừng rậm. Nguyễn Văn Thành cho thu nhận hơn ba ngàn quân Tây Sơn đầu hàng rồi gọi quân trở về giữ thành.

Nguyễn Quang Diệu bắt đầu đánh thành Bình Định vào tháng Mười Hai, năm Kỷ Mùi (1 – 1800), đến ngày tháng Ba, năm Nhâm Tuất (4 – 1802), phải rút lui, tất cả là hai mươi tám tháng. Trải qua bao trận đánh gian khổ, đến bấy giờ quan quân Nam triều lại thu phục thành Bình Định.

Đời sau, Hiệp trấn Hải Dương là Ngô Thì Lữ cảm tác thơ vịnh sử có làm ba bài tứ tuyệt như sau:

I

Quyền độ do lai thất trọng khinh,
Quy Nhơn hà tự Phú Xuân kinh?
Sênh đề tự đọa Nam triều thuật,
Dĩ Thập tam tuyên dịch nhất thành.

Dịch:

Quyền thế từ khi mất trọng khinh,
Quy Nhơn nào phải Phú Xuân kinh?
Nhởn nhơ mắc bẫy Nam triều bủa,
Lấy Thập tam tuyên đổi một thành.

II

Kỳ thu cố nhưỡng vận long thao,
Thuyên tước vô cô tác chiến tàu.
Phù hải kinh niên thành thậm sự,
Ngũ canh thiêu tận vạn gia cao.

Dịch:

Thu về đất cũ trí mưu cao,
Bào xẻ toan lo đóng chiến tàu.
Vượt biển bao năm thành định lệ,
Một đêm lửa bốc vạn nhà thiêu.

III

Chiến hạm thiên tẩu xuất hải môn,
Đăng đàn đê khước Hàn vương tôn.
Cường lân bất tỉ quân năng hiệp,
Hưu quái tướng quân sất mã bôn.

Dịch:

Chiến thuyền ngàn chiếc vượt trùng dương,
Đăng đàn tài tướng cháu Hàn vương.
Cường địch đọ tài khôn sánh kịp,
Chớ chê ngựa tướng chạy đêm trường.

Sau khi Quang Diệu rút chạy, Nguyễn Văn Thành đưa thư về Phú Xuân báo tin thắng trận. Thế Tổ sai Lưu thủ huyện Quảng Đức Nguyễn Công Hòa đem quân vào trấn thủ Quảng Nam; tiếp đó cho người đưa thư sang nhờ vua Xiêm La, Vạn Tượng lệnh cho các đồn quân ở biên giới canh phòng nghiêm mật để chặn đường rút chạy của bọn Quang Diệu. Tiền quân Nguyễn Văn Thành được lệnh vẫn ở lại trấn thủ thành Bình Định, lấy Mai Tiến Huệ làm Lưu thủ, Nguyễn Đình Khiêm làm Cai bạ, Ngô Triều Cao làm Ký lục. Tuân theo sự điều khiển của Tiền quân Thành, các tướng chăm lo vỗ về an ủi dân chúng, một mặt sửa soạn đưa quân về kinh đô Phú Xuân chờ lệnh điều phái.

Lại nói chuyện các tướng hội quân ở thành Bình Định rồi đem quân về triều. Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Đức Xuyên, Lê Văn Duyệt, Lê Chất vào triều lạy chào Thế Tổ. Mỗi người đều được Thế Tổ ban cho áo mũ, tiền, vàng để tỏ sự chăm sóc. Rồi đó Lê Văn Duyệt dẫn tù

binh Tây Sơn là bọn Đô đốc Trần Đại Cựu vào triều trình Thế Tổ. Thế Tổ hỏi Cựu:

– Dư đảng của giặc Diệu còn nhiều, sao không đánh mà bỏ chạy?

Đại Cựu thưa:

– Diệu cho quân nhổ trại chạy trốn chỉ là để cầu trộm sống, không có mưu kế gì khác.

Thế Tổ cho là phải, truyền tha tội cho Trần Đại Cựu. Bấy giờ quân tướng Tây Sơn bị bắt làm tù binh rất đông. Thế Tổ không nỡ tâm giết hại, bèn sai hàng tướng Lê Đình Chính làm giám quản. Chính, sau khi về hàng, đã dâng cho Thế Tổ bản đồ mười ba thừa tuyên ở Bắc Hà. Nhân đó Thế Tổ hỏi Đình Chính tình hình dùng binh ở Bắc Hà khó dễ thế nào? Đình Chính thưa:

– Dân Bắc Hà khổ sở vì chính lệnh bạo ngược đã lâu, mong mỏi quân nhà vua như người khát mong được nước uống. Quang Toản từ sau khi thua trận phải chạy ra Bắc, thế không thể làm gì được nữa. Xin Vương thượng trao cho thần mượn binh thuyền chừng trăm chiếc để đánh ra Bắc, tất bắt sống được Quang Toản đem về dâng trước cửa khuyết.

Thế Tổ khen Đình Chính là người thành thực, cho trông nom tù binh Tây Sơn, sau đổi vệ Túc trực quân Thần sách làm dinh Túc trực giao cho các viên hàng tướng cai quản. Thế Tổ lại thăng chức cho Nguyễn Văn Khiêm làm Đô thống chế, bảo Khiêm phải lưu tâm vỗ về an ủi để yên lòng dân. Cũng trong khoảng này, Thế Tổ hội các quan văn võ để nghị bàn, rồi sai sứ sang Xiêm báo tin chiến thắng.

Trước đó, vua Xiêm nghe tin vua Nguyễn triều ở nước Nam đã thu phục được cố đô Phú Xuân, bèn sai tướng Ốc Nha Trà Tri đem năm ngàn quân theo đường thượng đạo sang hội với quân Vạn Tượng rồi kéo xuống tiến đánh phá các vùng phía Nam sông La, rồi sai người dẫn tướng sĩ đầu hàng cùng voi ngựa khí giới thu được của quân Tây Sơn về kinh dâng nộp. Thế Tổ khen ngợi, ban thưởng cho bọn Ốc Nha Trà Tri, rồi viết quốc thư xin nước Xiêm cho vay năm trăm xe gạo; lại thảo quốc thư đưa sang nước Chân Lạp xin vay một nghìn xe gạo để cấp lương ăn cho quân sĩ. Lúc bấy giờ trong quân Chân Lạp của Ốc Nha Mục Mạn có đến hơn hai trăm người bị bệnh dịch. Thế Tổ cho phép Ốc Nha Mục Mạn đưa quân về nước, nhân đó cũng ban thưởng tiền bạc chi dùng khi đi đường. Với Vạn Tượng, Thế

Tổ tiếp tục viết thư yêu cầu nước ấy sai tướng quân theo đường núi xuống quấy nhiễu Nghệ An, khiến quân Tây Sơn rối loạn.

Thế Tổ dùng binh, điều cốt yếu lấy nhân tâm làm đầu, mà địa lợi thì hễ có điều kiện tất phải giành lấy. Không bao lâu khi trở về Phú Xuân, Thế Tổ bèn đến cửa Eo tuyển duyệt chiến thuyền, biểu diễn thủy quân ở cửa Tư Dung, cửa Đại Chiêm; lại đến Quảng Bình xem xét lũy Đồng Hới, sai Trung quân Nguyễn Văn Trương tăng cường phòng thủ nghiêm mật ở sông Gianh, lệnh cho quản doanh Trung thủy Tống Phước Lương sửa chữa tàu thuyền, quản doanh Hậu thủy Đào Văn Lương, quản doanh Tả thủy Lê Văn Thế, quản doanh Hữu thủy Nguyễn Công Nga, quản doanh Tiền thủy Nguyễn Văn Chính chỉ huy quân sĩ diễn tập thủy chiến ở cửa Eo. Sai Lại bộ Trần Văn Trạc cùng Hộ bộ Nguyễn Kỳ Kế đi kiểm điểm số lượng lương thực khí giới. Sai Hữu quân Nguyễn Hoàng Đức đi kiểm duyệt đoàn hải thuyền ở cửa Thi Nại và tuyển chọn voi chiến ở Bình Định để sẵn sàng đưa đi chiến trận.

Thái Tổ sắp cất quân đi đánh Quang Toản, nhân nói với các quan văn võ:

– Bắc Hà vốn là nước cũ của nhà Lê, Tiên thánh vương triều ta từ khi mở mang cơ nghiệp ở cõi Nam vẫn dùng niên hiệu của nhà Lê. Buổi gần đây họ Nguyễn Tây Sơn tiếm đoạt, lúc bấy giờ cái ý muốn dùng binh của ta chỉ mới có ý chí phục thù mà thôi. Nay kẻ đầu đảng ngụy triều đã trốn chạy ra Bắc, nếu ta cất đại quân đi đánh Bắc Hà để trừng phạt kẻ có tội thì sau đó đối với nhà Lê nên như thế nào?

Quan chính khanh bộ Lễ Đặng Đức Siêu và Trần Văn Trạc cùng tâu:

– Nhà Lê từ khi vua Chiêu Thống chạy sang nhà Thanh, một đi không trở về, đất Bắc Hà đã bỏ mặc cho Tây Sơn chiếm đoạt. Nay triều ta diệt Tây Sơn, thu gồm toàn cõi đất nước, thế là Nam triều ta lấy từ tay Tây Sơn chứ không phải là lấy nước của nhà Lê. Để sau khi yên việc tất sẽ có cách xử trí. Có điều, việc điếu phạt tất phải có danh nghĩa, đội quân được lòng dân trước hết phải tạo ra sự đổi thay chính đáng. Nay triều ta đem quân đi Bắc phạt mà vẫn dùng niên hiệu nhà Lê thì sợ rằng người Bắc Hà sẽ bảo là Nam triều ta mượn danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh làm cái cớ. Chi bằng Vương thượng nên chính danh ngôi vị, đổi niên hiệu, nêu danh tiếng đại nghĩa với thiên hạ. Như thế thì việc được nước sẽ trở thành chính đáng.

Thế Tổ cho triệu hội đại thần văn võ để bàn lại một lần nữa nữa về việc đó. Các quan dâng biểu nói:

– Vương thượng nung nấu ý chí khôi phục, trải hơn hai chục năm chinh chiến dẹp trừ tiếm loạn, Vương sự đi đến đâu dân chúng đều thuận tùng theo đến đấy. Nếu vẫn dùng theo niên hiệu cũ của nhà Lê, thì trong nước, ngoài nước, thiên hạ rộng bao la không ai hiểu ý hướng của chúng ta ra sao cả. Nguyện xin Chúa thượng coi sự vẻ vang của liệt thánh tổ tông làm trọng, vì lòng tận hiếu của kẻ cháu con mà sớm chính danh tôn vị, xuống chiếu thay đổi niên hiệu, để thỏa lòng thần dân mong muốn suy tôn, mãi mãi lưu truyền cơ nghiệp vô bờ của xã tắc tôn miếu.

Thế Tổ bèn dụ rằng:

– Bờ cõi cũ tuy đã thu về, nhưng kẻ quốc thù chưa diệt được. Vì thế, việc lên ngôi báu hãy tạm chưa vội bàn. Nhưng bậc vương giả thay người khác họ để nhận mệnh trời thì nghĩa lớn cốt ở sự đổi mới, vậy thì đổi định niên hiệu là việc đúng phải làm.

Rồi đó quần thần xin dựng đàn cầu yên trên đồng ruộng để tế trời đất, thỉnh báo việc định niên hiệu mới. Ngày hôm sau làm lễ cúng linh vị liệt thánh, rồi Thế Tổ tuyên mệnh đổi niên hiệu là Gia Long, đại xá cho những người phạm tội ở trong nước. Đó là sự việc đã hoàn tất vào ngày mồng một, Canh Ngọ, tháng Năm, năm Nhâm Tuất (6–1802).

Chiếu văn của Thế Tổ viết:

"Trời sinh dân chúng cần có người coi giữ chăn nuôi, cho nên nghĩa kinh Xuân Thu lấy nhất thống làm lớn. Tiên thánh vương ta mở mang cơ nghiệp ở cõi Nam, thần truyền thánh nối đã hơn hai trăm năm. Giữa chừng Tây Sơn dấy loạn, vận nhà Lê cáo chung. Ta bôn ba khắp nơi, chỉ một lòng nghĩ sâu đến miếu đường xã tắc và các sinh dân; nếm mật nằm gai, thường lo nghĩ đem lại yên bình cho đất nước. Đầu năm Canh Tí (1780) ta ở thành Gia Định, được tướng sĩ suy tôn, đã lên nối Vương vị. Nhưng kinh đô cũ chưa thu phục được, cho nên niên hiệu cũ (của nhà Lê) vẫn dùng. Nay may được hoàng thiên mến giúp, liệt vị thánh vương phù trì, bờ cõi cũ đã thu về, cơ nghiệp xưa lại được tươi sáng. Các quan văn võ tại triều dâng sớ khuyên ta lên ngôi Hoàng đế và đổi niên hiệu. Nhưng ta nghĩ mầm giặc chưa trừ, trong nước chưa được nhất thống, ta há lại vội vàng mà lên ngôi báu hay sao? Nhưng nếu cứ theo niên hiệu cũ mà ban bố

những chính lệnh đổi mới thì không thể nêu rõ được pháp độ. Vậy nên ta chuẩn lời xin đổi niên hiệu là Gia Long để thống nhất kỷ cương, làm mới tai mắt".

Chiếu văn ban xuống gần xa chẳng ai không vui mừng. Tiền quân Nguyễn Văn Thành ở Bình Định dâng biểu về kinh chúc mừng, lại gửi kèm một sớ riêng tâu rằng:

"Thánh chúa dẹp bạo trừ loạn tất vì nền trị bình truyền nối lâu dài. Nay từ Bình Định đến Bố Chính gồm chín phủ một châu, tuy có đặt các quan cai trị, nhưng chưa đặt các binh vệ, dinh thần để đảm trách việc dân chính, thốt nhiên gặp nguy cấp chỉ biết trông cậy triều đình điều quân đến, xử trí trong lúc vội vàng, sợ không được nhanh nhạy. Nay sắp có việc Bắc chinh, xin Vương thượng truyền lệnh cho các dinh chọn tinh binh để đóng giữ phòng vệ. Các dinh trọng yếu thì chọn đại thần làm Trấn thủ, kiêm lĩnh thêm một vài dinh nhỏ khác, khiến cho các cánh tay và ngón tay hỗ trợ cho nhau, lúc bình thường cũng như khi nguy cấp đều có phòng bị trước, ngõ hầu các nơi ở Nam Hà không xẩy ra việc gì đáng phải lo lắng".

Thế Tổ khen ngợi lời tâu của Văn Thành, chuẩn lệnh cho các phủ Diên Khánh, Bình Khang, Phú Yên, Bình Định, Quảng Nghĩa, Điện Bàn, Thăng Hoa, Triệu Phong, Quảng Bình, mỗi phủ đều đặt các đội binh vệ, giao cho quản dinh quản lĩnh để sẵn sàng sai phái. Văn Thành cũng xin Thế Tổ lấy Phạm Văn Nhơn làm Thủ ngự ở hai nguồn Bàn Thạch, Quy Hóa, chia quân đóng đồn lũy để ứng phó với những người Man hung ác.

Tướng trấn thủ Gia Định Nguyễn Văn Nhơn tâu: những trại binh ở các đồn điền ở Gia Định trước đã trúng tuyển, cùng là quân trấn thành tòng quân đã lâu ngày, xin cho họ được trở về Gia Định nghỉ ngơi, chờ sau đó sẽ cung làm vệ binh. Thế Tổ ban thưởng trọng hậu cho Văn Nhơn, nhân đó bảo Nhơn khi trở về thì bãi bỏ lệ nhà nước mua chịu tô vay thuế trước cho dân Gia Định để dân tình khỏi căng thẳng.

Cũng trong dịp này, Thế Tổ hội quần thần bàn việc phong tặng cho các trung thần tuẫn tiết ở thành Bình Định, ghi công cho các quan văn võ tử trận hoặc do đau ốm mà chết trong chiến dịch cứu viện thành Bình Định. Tất cả hơn năm trăm người, mỗi vị đều được phong tặng quan tước, cho hưởng lễ quốc tế. Lại bàn đến việc xét công tướng sĩ các quân thủy bộ, ban thưởng một nghìn lạng vàng tốt, một vạn lạng bạc, ba vạn quan tiền, Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn

Huỳnh Đức, Phạm Văn Nhơn đều được thăng tước Quận công; phong cho Tả doanh đô thống chế quân thần sách Lê Văn Duyệt chức Khâm sai chưởng Tả quân doanh Bình Tây tướng quân, Võ Đĩnh Duyên được trao chức phó; đổi đội Tả quân làm Chấn Vũ quân, lấy Nguyễn Văn Nhơn làm chưởng quân, Lê Tiến Tham được trao chức phó; đổi đội Hậu quân làm Thần vũ quân, lấy Phạm Văn Nhơn làm chưởng quân, Trần Quang Thái được trao chức phó. Các tướng nói trên đều được lệnh luyện tập binh mã, sửa soạn Bắc chinh. Các tướng tá khác có công trạng đều được thăng thưởng: võ từ chức Đô thống chế, văn từ chức Chính khanh các bộ, mỗi người đều được thăng phẩm trật theo thứ bậc khác nhau.

Thế Tổ lại sai Nguyễn Văn Tôn dẫn thuộc hạ quân Xiêm về đóng giữ ở lũy Trà Ôn ở Trấn Giang, kiêm bảo vệ hai phủ Trà Vinh, Mân Thít, đặt lệ thuộc vào dinh Vĩnh Trấn; sai Huỳnh Vĩnh đi chiêu mộ dân ngoại tịch ở Gia Định lập đội Thanh Châu chuyên việc tuần phòng ở các cửa biển, sai Nguyễn Văn Thịnh, Vũ Xuân Lý đóng giữ các cửa Kim Bồng, An Dụ; sai Tuần hải đô dinh thống binh Huỳnh Trung Toàn quản lĩnh các thuyền lớn Hoàng Long, Thanh Tước, Xích Nhạn, chuyên lo việc vận chuyển thóc, tiền, gang, thiếc từ Gia Định ra kinh đô Phú Xuân.

Chia đặt các việc đâu đó xong xuôi, triều thần bèn hội việc cử sứ bộ sang nhà Thanh đặt quan hệ bang giao.

Đúng là:

Đổi niên hiệu chiếu ơn ban xuống.
Lập bang giao thơ sứ ngâm vang.

HỒI THỨ HAI MƯƠI SÁU

Lũy Thanh Hà, đại quân xuất phát Bắc chinh,
Thành Nghệ An, Thế Tổ đánh tan Tây tướng.

Lại nói Nam triều ta từ khi khai sáng chỉ mới cai quản được hai trấn Thuận, Quảng, vẫn còn chịu thần phục vua Lê. Đến thời Minh vương Nguyễn Phúc Chu (1691 – 1725) chúa từng sai Hoàng Thì, Hưng Triệt sang Quảng Đông cầu phong với nhà Thanh. Vua Khang Hi triệu các đại thần để bàn định. Các quan nhà Thanh cho rằng nước Quảng Nam [1] hùng cứ một phương, lại kiêm gồm cả đất Chân Lạp, sau tất là một nước lớn. Nhưng vì ở An Nam còn có vua Lê, cho nên không thể phong riêng cho họ Nguyễn được. Sự việc vì thế bèn bị dập đi. Về sau trong thư từ gửi cho nhà Thanh, các chúa Nguyễn không xưng quốc hiệu, nhưng uy danh của xứ Nông Nại [2] thì từ lâu đã vang truyền đến Trung Quốc.

Sau khi thu phục Gia Định, Thế Tổ muốn thông hiếu với nhà Thanh để ly gián quan hệ giữa người Thanh với Tây Sơn, từng sai Phan Chính Trọng đem quốc thư và lễ vật, đáp thuyền buôn sang Lưỡng Quảng, nhưng khi thuyền đến cửa Hổ Môn thì bị bão lật đắm. Sau Thế Tổ lại sai Ngô Nhân Tĩnh sang Quảng Đông hỏi thăm Lê Chiêu Thống để hiệp đồng với nhau cùng xin quân cứu viện. Nhưng khi Ngô Nhân Tĩnh đến nơi thì Chiêu Thống đã chết ở Yên Kinh, Nhân Tĩnh lại phải trở về. Sau chiến thắng ở thành Quy Nhơn, Cai đội Nguyễn Hữu Định lại vâng mệnh đáp thuyền biển ra đi, gặp lúc gió bão thuyền dạt vào vùng biển Quảng Đông; vua Thanh sai cấp cho lương thực, bảo quay về. Thế Tổ thu phục kinh thành Phú Xuân, triều thần bàn định viết thư gửi sang Lưỡng Quảng nói rõ tình hình trong nước, sai nhà buôn người Thanh là Triệu Đại Sĩ mang đi. Đại Sĩ trở về tâu báo sự thể ở nước Thanh. Thế Tổ bảo các đại thần:

– Nước ta tuy là nước cũ, nhưng sứ mệnh của triều ta thì còn

---

1. Nguyên văn là: Quảng Nam quốc, cách gọi của người ngoài đối với chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

2. *Nông Nại*, tên chữ Hán ghi âm địa danh Đồng Nai.

mới, người nước Thanh chưa hiểu đại nghĩa phục thù của triều ta. Lúc trước thuyền chiến của ta gặp nạn, người Thanh ban cấp rất hậu rồi cho về, ta chưa có dịp phúc đáp tạ ơn. Nay ta nên sai người đem những ấn triện và sắc phong của nhà Thanh ban cho Tây Sơn, cùng bọn hải phỉ người Thanh đang truy nã mà ta đã bắt được sang giao nộp cho nhà Thanh, nhân đó cũng báo cho họ biết việc chinh phạt sắp tới. Đợi sau ngày đại binh sẽ tìm cách thiết lập bang giao. Rồi Thế Tổ lấy Trịnh Hoài Đức làm Hộ bộ Thượng thư sung Chánh sứ sang nước Thanh, lấy Tham tri Huỳnh Ngọc Uẩn làm Phó sứ đem quốc thư, lễ vật và các thứ ấn triện, sắc phong của nhà Thanh ban cho Tây Sơn cùng bọn hải phỉ Tề Ngổi là Mạc Quang Phù, Lương Văn Canh, Phàn Văn Tài, đáp hai thuyền Bạch Yến và Huyền Hạc đến cửa Hổ Môn ở Quảng Đông giao nộp, nhờ Tổng đốc Giác La Cát Khánh chuyển tâu về triều.

Bọn Trịnh Hoài Đức vái tạ lĩnh mệnh rồi cáo từ ra đi.

Thế Tổ xuống lệnh tổng duyệt các quân thủy bộ, lời dụ nói:

– Việc dùng binh điều cốt yếu phải giữ yên dân, trước Trẫm đã ban bố các điều quân chính nghiêm cấm quân sĩ. Nay Trẫm sắp thân chinh đốc suất tướng sĩ thẳng tiến ra Bắc để tiễu trừ quân Tây Sơn, vì vậy cần phải sáng tỏ quân lệnh để nghiêm răn tướng sĩ!

Rồi Thế Tổ cho ban bố quân lệnh như sau:

– Quan quân nếu ai chém hoặc bắt sống được Nguyễn Quang Toản và các quan to của ngụy triều thì sẽ được ban thưởng như trong lời hịch trước.

– Quân Tây Sơn đầu hàng hoặc bị bắt sống, trước hết phải xét hỏi tình hình hư thực của giặc rồi giải đến hành tại chờ lệnh, không được tự ý sung vào trong quân mình để khỏi lầm lỡ việc quân sự.

– Đại binh đốt lửa làm hiệu thì nên đốt ở những chỗ rừng núi hoặc cánh đồng rộng. Nếu để lửa lây lan thiệt hại nhà dân là phạm vào quân pháp.

– Không được đốt cướp sách vở kho tàng. Nếu thu được giấy tờ quan trọng của quân địch thì phải nộp lên quan Thống tướng để thống tướng dâng lên vua, người có công ấy sẽ được xem xét khen thưởng.

– Đại binh đi đường cốt phải thần tốc, nếu có những người đau ốm không đi được thì cho lấy dân dọc đường chở đi giúp, ngoài ra không được quấy nhiễu dân chúng điều gì khác.

– Đại binh đóng nghỉ ở đâu, nên chiếu theo thứ tự trong bản đồ mà đóng đồn trại, không được tự tiện vào ở trong nhà dân. Đội quân nào không đủ lương thì cho tạm lấy lương thực của dân để phân phát, nhưng phải làm giấy biên nhận để về sau chiếu trừ các khoản đóng góp của dân.

– Hào mục địa phương có ai tình nguyện theo giúp việc quân thì phải do Thống tướng chuyển tâu lên để tùy việc mà sai khiến, không được tự tiện cấp văn bằng cho đi chiêu mộ binh lương để khỏi sinh tệ nạn rắc rối. Nếu xã dân xin được quan quân chiêu an, xét đúng sự thực thì cấp cho văn bằng để khỏi sinh rối động.

– Quan quân đến đâu đều không được cướp bóc tài sản, gian dâm với đàn bà con gái.

Tướng sĩ có mặt trong hàng quân đều dạ ran tuân lệnh. Thế Tổ sai quân ruổi ngựa phát lời hịch cho quân dân Bắc Hà. Đại lược lời hịch nói:

> "Nghĩa lớn kinh Xuân Thu không gì lớn bằng báo thù, đội quân vương giả coi trừ diệt loạn tặc là việc trước hết. Ngẫm từ khi Tây Sơn gây biến từ Thuận Hóa trở ra Bắc, nhân dân khổ sở đã lâu. Ta mài chí diệt thù là chỉ nghĩ để đánh kẻ có tội, cứu vớt nhân dân. Ta đã từng định nghiêm quân lệnh, khiến quân sĩ mảy may không xâm phạm của dân, thế mà vẫn còn lo có kẻ giả danh mạo chữ để ức hiếp thường dân, rông càn phi pháp. Vậy đặc ban sáu điều dụ sau đây:

– Hào mục nào đánh phá được đồn Tây Sơn hoặc đánh bắt được quân lính địch thì sẽ được xét công khen thưởng. Những người có lòng hướng thuận, tìm đến cửa quân để ứng nghĩa thì tùy theo tài năng mà thu dụng.

– Người dân nào bắt sống được Nguyễn Quang Toản thì sẽ ban cho chức quan Nhất phẩm, một trăm mẫu ruộng, một trăm tên quân; bắt sống được các em Quang Toản thì ban chức quan Nhị phẩm, năm mươi mẫu ruộng, năm mươi tên quân; bắt được các tướng có tước Quận công thì được ban chức quan Tam phẩm, ba mươi mẫu ruộng, ba mươi tên quân; chém chết cũng được thưởng như thế. Kẻ nào chứa chấp hoặc dẫn đường cho bọn ấy chạy trốn, phát giác ra sẽ bị xử tội theo quân pháp.

– Người Thuận Quang đều là con đỏ của triều đình, bị Tây Sơn

hiếp bức phải đi lính thú ra đóng ở ngoài Bắc; nếu họ trốn tránh ở nơi nào thì quan sở tại nên cho ở và nuôi cho tử tế, dẫn đến nộp cho quan quân sẽ được xem xét khen thưởng. Nếu đem lòng thù oán vì thảm họa năm Bính Ngọ bị quân Tây Sơn giết hại ở Phú Xuân mà tự tiện giết hại họ, hoặc ẩn giấu đi không giao nộp thì đều xử theo tội nặng.

– Lương thực, tiền bạc, sổ sách giấy tờ, nếu ai thu nhặt được, cất giữ cẩn thận, đợi khi xong việc đem giao nộp thì sẽ được trọng thưởng. Nếu đốt phá cướp bóc là phạm vào quân pháp.

– Bọn côn đồ vô lại, ăn mặc giả làm quan quân để tự tiện vào nhà dân cướp phá thì cho phép dân sở tại bắt giữ, giải nộp quan trên. Nếu thế lực không thể bắt được thì đến cửa quân trình bày để xin lệnh bắt xét trị tội.

– Hào mục địa phương biết rõ tình hình hư thực của quân địch mà đến cửa quân trình bày thì được xét khen thưởng. Nếu không nói đúng sự thực, trái lại có ý che giấu cho bọn chúng thì bị nghiêm trị theo quân pháp.

Để chuẩn bị cất quân đi Bắc chinh, Thế Tổ lệnh cho Trấn thủ các dinh Quảng Đức, Quảng Trị, Quảng Bình tu sửa hành cung, cầu đường. Một mặt Thế Tổ lệnh cho Trung quân Bình Tây đại tướng quân Nguyễn Văn Trương, Chưởng thủy dinh Tống Phước Long, Chánh thống Hậu đồn kiêm Ngũ đồn tham quân Trần Công Hiếu thao diễn thủy binh, sẵn sàng đội hình để đi đánh Bắc Hà. Sai Tả quân Bình Tây tướng quân Lê Văn Duyệt, Chưởng Hậu quân Bình Tây tướng quân Lê Chất, quản Thần vũ quân Phạm Văn Nhơn dẫn quân bộ đi trước ra lũy Thanh Hà vừa tập luyện đánh trận để chờ lệnh lên đường. Sai Hộ bộ tham tri Nguyễn Hữu Đồng vận chuyển thóc gạo ra lũy Thanh Hà sẵn sàng cấp lương ăn cho quân sĩ. Lệnh cho Quốc thúc Tôn Thất Thăng, Đô thống chế dinh Túc trực Nguyễn Văn Khiêm và Hình bộ tham tri Nguyễn Đăng Hựu ở lại trấn thủ kinh thành Phú Xuân. Thăng chức cho Trần Văn Tín làm Đô thống chế chỉ huy mười vệ quân túc trực đi theo hộ giá.

Ngày Canh Ngọ tháng Năm (6–1802), Thế Tổ lên xa giá, có hoàng tử thứ tư là Phúc Đảm đi theo, xuống lệnh cho các quân xuất phát từ kinh đô Phú Xuân lên đường đi Bắc chinh.

Lại nói chuyện hoàng tử thứ tư (sau lên ngôi là Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, tức vua Minh Mệnh) là con cả bà phi thứ hai họ Trần (sau được tôn phong là Thuận Thiên Cao Hoàng hậu), sinh ngày Đinh Mão

tháng Tư năm Tân Hợi (1791) ở thôn Hoạt Lộc phủ Gia Định. Năm hoàng tử lên ba tuổi, Thế Tổ giao cho Nguyên Phi Tống thị (tức Thừa Thiên Cao Hoàng hậu) nuôi dưỡng, cho nhận làm con, sai Lê Văn Duyệt viết văn tự giữ trong cung để làm bằng. Từ đó Phúc Đảm được vào ở trong Đại Nội. Sau, hoàng trưởng tử Cảnh, hoàng nhị tử Hi, hoàng tam tử Tuấn lần lượt mất. Hoàng tứ tử Phúc Đảm theo vị thứ, được lập làm Thái tử. Bấy giờ Thái tử đã mười hai tuổi. Thế Tổ muốn tập rèn cho Thái tử quen những việc binh dân quan trọng, nên cho theo hầu xa giá trong chuyến này.

Ngày Nhâm Thìn, xa giá đến hành cung Yên Lạc ở Quảng Bình. Trong đội quân Thần Vũ có người vi phạm quân lệnh, bị Cai bạ Trần Văn Tuân (con Trần Văn Hòa) hặc tội. Thế Tổ gọi Phó tướng Trần Quang Thái đến khiển trách về việc không biết răn cấm quân sĩ, phạt đánh roi để thị uy nghiêm lệnh. Từ đó các quân đi đường nghiêm chỉnh theo đội ngũ, không ai dám trái lệnh cấm.

Ngày Ất Mùi, xa giá đến hành cung Đồng Hới, Thế Tổ lệnh cho tướng trấn thủ Quảng Bình Tôn Thất Tuyên chia quân đóng giữ các con đường trọng yếu. Tống Phước Lương đi trước do thám địch tình, trở về ngự dinh tâu báo.

Ngày Bính Thân, đại quân đến hành cung Thanh Hà. Thế Tổ triệu các tướng đến giao nhiệm vụ hành quân: Đặng Trần Thường dẫn quân bản bộ theo đường núi làm đội kỳ binh, bí mật đánh lên Đèo Ngang phía sau lưng địch; Nguyễn Văn Trương điều động thủy quân theo Quang Toản, gây rối loạn giữa lòng địch, Tả quân Lê Văn Duyệt và Hậu quân Lê Chất dẫn bộ binh theo đường chính đánh vào chính diện của quân địch. Nguyễn Đức Xuyên dẫn tượng binh vượt sông Gianh ở phía thượng nguồn. Tham quân đội Thần sách Nguyễn Trí Hòa và Lưu thủ châu Bố Chính Nguyễn Hữu Đồng đốc suất các thuyền chở lương tiến sau để cấp lương ăn cho các quân. Hẹn trước với các tướng mỗi khi thắng trận phải sai quân ruổi ngựa về ngự doanh báo tin.

Mọi việc đã sẵn sàng. Thế Tổ bèn ra lệnh tiến quân.

Bấy giờ bên quân Tây Sơn, trấn thủ Nghệ An là Đổng lý Nguyễn Hữu Thuận nghe tin chúa Nam triều đích thân đưa đại quân ra đánh Bắc Hà, bèn đốc thúc các tướng thủy bộ chia quân đi chặn đánh. Lúc ấy, thủy quân của Trung doanh Nguyễn Văn Trương đã tiến đến Cửa Ròn, đánh tan quân phòng thủ ở cửa biển, Đô đốc bên Tây Sơn

Nguyễn Văn Ngũ, Nguyễn Văn Lục chạy trốn. Nguyễn Văn Trương cho quân tiến ra đánh lấy dinh Hà Trung. Cùng lúc, bộ binh của Lê Văn Duyệt vượt Đèo Ngang tiến xuống đánh lấy Dinh Cầu. Chánh Vệ úy đội Minh uy Nguyễn Quang Lãm xông lên mở đường, bị giết tại trận (Lãm người huyện Tống Sơn, Thanh Hoa). Tả quân Lê Văn Duyệt cho quân tiến thẳng ra đồn Đại Nài, quân phòng thủ của Tây Sơn bỏ đồn chạy ra Vĩnh Dinh (Vinh).

Tiếp được tin thắng trận báo về, Thế Tổ liền đốc suất quân ngự doanh xuất phát, vượt sông Gianh; ngày Canh Tí mồng một tháng Sáu ngự giá dừng nghỉ ở dinh Hà Trung. Cùng lúc đó thủy quân của Nguyễn Văn Trương tiến vào cửa Hội Thống đánh tan quân Tây Sơn phòng thủ ở lũy Cồn Mọc, thu được chiến thuyền, khí giới, lương thực nhiều không kể xiết.

Quân bộ báo tin Tả quân Lê Văn Duyệt và Hậu quân Lê Chất đã tiến đánh đến sông Thanh Long, chiếm được kho Kỳ Lân, bắt được con Nguyễn Nhạc là Nguyễn Lân, tiếp đó đưa quân tiến thẳng ra Vĩnh Dinh. Hiệp trấn Nghệ An của bên Tây Sơn thắt cổ tự tử. Thiếu úy Đặng Văn Đằng, Thống lĩnh thủy quân Nguyễn Văn Đại theo Trấn thủ Nguyễn Hữu Thận chạy ra Tiên Lý (phủ lỵ Diễn Châu). Văn Duyệt thừa thắng cho quân đuổi đến Tiên Lý. Bọn Thận, Đằng, Đại chạy ra Thanh Hoa; Đô đốc Ý đầu hàng. Quân Thế Tổ bèn tiến vào chiếm trấn thành Nghệ An.

Thơ vịnh sử của Ngô Thì Lữ có bài Đường luật như sau:

Bình Tây tướng sĩ độ Minh Linh,
Hoan Ái sơn hà vị chấn kinh.
Thất trận dĩ văn phù tặc tử,
Tiệt lưu do thả dịch dân đinh.
Ác trù chấp chính tiên thâu quốc,
Họa binh tướng quân tái khí thành.
Hà xứ tằng lâu không vãng tích?
Khả lân ngụy Vũ [1] khí kinh doanh!

Dịch:

Bình Tây tướng sĩ vượt Minh Linh,
Hoan ái non sông chợt giật mình.

1. Vũ: tức Vũ hoàng đế, miếu hiệu của Nguyễn Huệ.

Thua trận, trói tay con Nguyễn Nhạc,
Chặn đường, còn khiến khổ dân đinh.
Mới lên chấp chính, nước bèn mất,
Bánh vẽ tướng quân lại bỏ thành.
Nào chốn lầu tầng lưu dấu vết?
Đáng thương Nguyễn Huệ uổng kinh doanh!

Thế Tổ nghe tin báo thắng, liền lên xa giá, lệnh cho quân ngự doanh gấp rút lên đường, ngày Quý Sửu ra đến trấn thành Nghệ An. Tại đây Thế Tổ cho xem xét chiến thuyền điểm số quân sĩ thực có, kiểm kê dự trữ lương thực, thăm dò tình hình đường sá. Trong vòng vài ngày mọi việc đều xong. Vừa lúc ấy Đô đốc Tây Sơn là Đào Văn Hổ dẫn đội hùng tượng gồm bảy thớt voi chiến đến đầu hàng.

Thế Tổ truyền lệnh cho quân tiền đạo thẳng tiến ra Thanh Hoa đánh lấy trấn thành, cho gọi Tán lý Đặng Trần Thường đang chỉ huy quân thượng đạo trở về ngự doanh để hội bàn binh sự, sai Phó tướng Phan Tiến Huỳnh thay chỉ huy đội tượng binh thượng đạo cùng lúc tiến đánh để làm thanh viện cho quân bộ, cũng là do thám tung tích nơi ẩn lánh của tướng Tây Sơn Nguyễn Quang Diệu.

Lại nói Nguyễn Quang Diệu và Võ Văn Dũng từ khi bỏ thành Bình Định đưa quân rút chạy theo đường núi, qua những nơi có bộ tộc người Thượng chặn đường, quân sĩ của Diệu phải ra sức chống đỡ. Sau vài tháng, lương hết, quân tan. Bọn Diệu từ đồn Quy Hợp xuống huyện Hương Sơn. Nghe tin trấn thành Nghệ An đã thất thủ, bọn Diệu bèn đi riết về phía huyện Thanh Chương, qua sông Thanh Long, định cắt đường để bí mật trở ra Bắc Thành. Bất chợt bọn Diệu gặp cánh quân do Tả quân phó đô thống Vũ Doãn Văn và Tiền đồn chánh thống Lê Đức Định chỉ huy đi qua. Nguyễn Quang Diệu cùng các thuộc tướng Từ Văn Chiêu, Nguyễn Văn Giáp, Lê Văn Hưng, Nguyễn Văn Mân và quân sĩ vì ốm đau mỏi mệt không thể giao chiến được, đành phải chịu cho quân Nam bắt sống. Cả đội chiến tượng bảy mươi sáu thớt voi cũng đều bị bắt, áp giải về ngự doanh. Thế Tổ sai giao bọn Quang Diệu cho Tả quân Lê Văn Duyệt giam giữ, một mặt lệnh cho quân thượng đạo và hào mục các địa phương tìm bắt Võ Văn Dũng.

Tán lý Đặng Trần Thường từ thượng đạo Nghệ An trở lại ngự doanh yết kiến Thế Tổ, dâng tù binh Tây Sơn là con thứ bảy của Quang Trung và hai Đô đốc Nguyễn Văn Lục, Nguyễn Văn Ngũ. Thế Tổ truyền đem chém. Một mặt Thế Tổ sai quân thám mã ruổi ngựa

về Nam báo tin cho các tướng trấn thủ thành Bình Định biết tin thắng trận để tăng thêm chí khí của quân sĩ.

Thế Tổ cùng các tướng nói chuyện, nhân hỏi Đặng Trần Thường, Nguyễn Đức Xuyên:

– Ta xem bên quân ngụy Tây Sơn ngày nay không còn tướng tá nào ra hồn, tất không thể địch nổi với quân ta. Đại quân ta tiến đánh phen này tất sẽ lấy được Bắc Hà. Không rõ bọn Quang Toản sẽ tự sát, đầu hàng hay chạy trốn thế nào?

Nguyễn Đức Xuyên thưa:

– Quang Toản là kẻ xét việc không nhanh nhạy, lại ít chí khí, chắc không có gan tự sát. Đầu hàng thì Nam triều ta chưa thỏa được mối thù, tất là lo Toản bị giết. Thần trộm xét thì đối với y, chạy trốn là thượng sách. Nhưng Yến Đô vương Trịnh Bồng chạy trốn còn có bọn Lân Dương, Kiến Xuyên đi theo, Lê Chiêu Thống chạy trốn còn có các đại thần Lê Đản, Trần Danh Án theo giúp kẻ sau người trước. Nhưng Quang Toản chạy trốn phen này không có các bậc thế thần, vọng tộc, quân hầu vệ sĩ nào chịu theo, mà nghĩa quân trung thành cũng không có. Đồng bằng rừng núi chắc cũng không có đất cho Quang Toản dung thân. Mưu kế của y chẳng qua trước chạy sang Kinh Bắc, theo đường tất mà sang nước Thanh, dọc đường không tránh khỏi tai họa như bọn Nguyễn Trang đã làm với chúa Trịnh Khải lúc trước [1].

Đặng Trần Thường tâu:

– Xin Vương thượng mật sức cho quân tiền đạo: khi ra đến trấn Sơn Nam thượng thì phái ngay một tướng đi tắt vòng lên chặn đường ở phía Bắc Thăng Long, tất bắt được Quang Toản.

Thế Tổ liền sai hỏa tốc đưa thư báo mật kế cho Lê Văn Duyệt biết để thi hành. Đặng Trần Thường được Thế Tổ giao cho ở lại trấn thủ Nghệ An. Lại xét việc vận chuyển lương thực cấp phát cho quân sĩ, cả hai đường thủy bộ đều gặp khó khăn, Thế Tổ xuống lệnh cho Đặng Trần Thường theo lệ năm Tân Dậu (1801) mà thu các khoản thuế đinh, thuế ruộng, thuế cửa quan, bến đò, thuế hàng hóa để bổ sung dùng việc quân nhu.

---

1. Chỉ việc Nguyễn Trang người huyện Yên Lãng chặn bắt Trịnh Khải nộp cho Nguyễn Huệ.

Xa giá của Thế Tổ sắp lên đường tiến phát từ Vĩnh Dinh thì có tin báo xa giá của Quốc mẫu đã ra đến kinh đô Phú Xuân. Trước đó, Thế Tổ đã sai dựng điện riêng ở thành Gia Định làm nơi ở của Quốc mẫu. Sau đó Thế Tổ đưa quân đi chinh chiến, mỗi khi thắng trận đều sai quân ruổi ngựa đem thư về báo tin. Từ sau khi thu phục Bình Định, đường đi không còn địch quân cản trở, Thế Tổ đã sai Hoàng Viết Toản, Trần Đại Luật, Trịnh Ngọc Trí về Gia Định phụng đón Quốc mẫu. Nay Quốc mẫu cùng cung quyến của Thế Tổ đã về đến kinh đô. Quốc thúc Tôn Thất Thăng cùng các quan văn võ lưu trấn tại Phú Xuân đều ra ngoài thành nghênh đón, rồi đó sai phó đội Nội mã Lê Văn Đặng ruổi gấp ra Bắc tâu báo với Thế Tổ ở ngự doanh. Thế Tổ xiết đỗi vui mừng, sai sứ giả về kinh vấn an Quốc mẫu.

Cùng lúc đó quân thám mã về báo quân tiền đạo đã lấy được đồn Dương Xá.

Đúng là:

Gió đón buồm từ khơi đường lớn
Sấm dậy quân doanh báo võ công.

HỒI THỨ HAI MƯƠI BẢY

Tây Sơn sụp đổ, Nguyễn Quang Toản thụ hình,
Bắc Thành định yên, Tiền quân Thành đến trấn.

Lại nói Dương Xá là xã đóng ly sở của trấn Thanh Hoa Nội, do em vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản là Nguyễn Quang Bàn làm Trấn thủ; Tư mã Nguyễn Văn Dụng, Nguyễn Văn Tứ cầm quân đóng giữ chống cự với quân Nam triều, Đổng lý Nguyễn Hữu Thận, Thiếu úy Đặng Văn Đằng, Thống lĩnh Nguyễn Văn Đại làm Lưu thủ phò tá cho Quang Bàn.

Bấy giờ, quân Nam do Tả quân Lê Văn Duyệt chỉ huy bất ngờ ập đến, Văn Dụng, Văn Tứ liền đưa quân lui về núi Tam Điệp. Quang Bàn cùng Đổng lý Thận bị quân Lê Văn Duyệt bắt sống, Thiếu úy Đằng, Thống lĩnh Đại phải đầu hàng. Văn Duyệt thừa thắng đốc suất quân sĩ tiến thẳng ra núi Tam Điệp. Văn Dụng, Văn Tứ lại chạy ra phía Sơn Nam Thượng. Văn Duyệt tiến quân vào đánh lấy trấn Thanh Hoa Ngoại. Đô đốc Tây Sơn tên là Tài đầu hàng. Tả quân Lê Văn Duyệt sai quân thám mã hỏa tốc dâng thư báo tin thắng trận. Ngày Quý Sửu xa giá của Thế Tổ ra đến trấn sở Thanh Hoa Nội, trên đường qua các địa phương, Thế Tổ quan lãm hình thể núi sông, ủy cho thị thần đến viếng sơn lăng của tiên tổ ở núi Thiên Tôn. Thế Tổ lại triệu các bậc hương lão ở xã Bố Vệ đến hỏi thăm chuyện cũ triều Lê, nhân đó hỏi xem vua Hiển Tông còn có con cháu dòng đích thừa tự hay không? Các vị hương lão đều nói có Lê Duy Hoán là con trưởng của Lê Duy Kỳ trong trận chiến ở đồn Bảo Lạc, Duy Kỳ bị Quang Trung Nguyễn Huệ giết, Duy Hoán ẩn lánh nơi nào hiện chưa biết rõ. Thế Tổ cảm khái nói:

– Công đức bình Ngô lớn lao nhường ấy mà nay con cháu suy vi, Trẫm sẽ lo liệu để tông miếu nhà Lê có kẻ phụng thờ.

Đang lúc buồn rầu thương tiếc, bỗng quan thám mã đến tâu tướng Tây Sơn Võ Văn Dũng bị dân xã Ngọ Xát bắt sống. Một lúc sau thì các tướng Phạm Ngọc Phác, Phạm Ngọc Thụy áp giải Võ Văn Dũng cùng bọn thuộc tướng Hồ Văn Điềm, Nguyễn Văn Điếm đến

ngự doanh dâng nộp. Thế Tổ sai chuyển giao tất cả cho quân Tiền đạo giam giữ một nơi với Nguyễn Quang Diệu để chờ xử trí. Đội trưởng đội Tiểu hầu vào tâu Hà Công Thái đưa quân tùy tùng đến xin yết kiến. Thế Tổ cho gọi Thái vào. Thế Tổ hỏi:

– Chiêu thảo sứ Tống Sơn Đinh Đạt Biểu năm trước xin được trở về Thanh, Nghệ, Sơn Nam chiêu mộ quân nghĩa dũng chờ hưởng ứng vương sư, đến nay sao vẫn không thấy tin tức gì?

Thái thưa:

– Biểu đi Bắc Thành chiêu mộ nghĩa dũng, không may gặp quân Tây Sơn, ra sức chống cự, nhưng vẫn không thoát chết.

Thế Tổ lại hỏi chuyện Tham tán Vạn Ninh Vũ Bá Đĩnh trước đã có người trong Nam ra chiêu dụ, về sau sao không thấy liên hệ nữa?

Thái thưa:

– Đĩnh vào đến Nghệ An thì bị Tây Sơn bắt, rồi bị hại.

Về trường hợp của chiêu thảo sứ Đông Thành Vũ Nguyên Lượng bị Nguyễn Quang Thùy giết hại, vợ là Hoàng Thị Hân xin nhận mật chỉ ra Bắc thăm dò địch tình, nhưng không thấy trở về, Hà Công Thái thưa là Thị Hân đi chiêu dụ hào mục các nơi, việc tiết lộ, bị Quang Thùy cho quân chặn bắt. Thị Hân không chịu khuất phục, nên bị giết. Thế Tổ sai quan bộ Lễ xem xét để phong thưởng cho vợ chồng Vũ Nguyên Lượng, cấp tự điền để phụng thờ. Rồi Thế Tổ hỏi:

– Tướng trấn thủ các trấn Sơn Nam Thượng, Hạ có dám đương đầu chống cự với quân của Trẫm không?

Hà Công Thái đáp:

– Ngày nay quân của Vương thượng thế như chẻ tre, ai dám chống cự?

Thế Tổ chuẩn cho Thái được theo trong quân để điều dụng. Trước khi rời Thanh Hoa, Thế Tổ triệu Nguyễn Đức Xuyên đến ban cho tước Quận công, giao cho Xuyên ở lại trấn thủ trấn Thanh Hoa Nội. Rồi Thế Tổ lên xa giá khởi trình, Trần Văn Tín đốc suất quân sĩ đi trước làm tiền đạo.

Quân thám mã báo tin chiến thuyền của Trung doanh Nguyễn Văn Trương đã tiến đến cửa sông Vị Hoàng thuộc trấn Sơn Nam Hạ, thống lĩnh giặc biển là bọn Dương Thất Nguyên, Ngô Tam Toàn đưa quân lên bờ chống cự. Trung doanh Trương chỉ huy quân sĩ vây đánh,

bắt sống được cả bọn. Đô đốc Tây Sơn là Nguyễn Văn Thọ mở cửa thành ra hàng. Thế Tổ sai bay thư lệnh cho Nguyễn Văn Trương tạm ở lại giữ thành, còn Tống Phước Lương, Trần Công Hiến đưa chiến thuyền tiến vào sông Nhị Hà để tiếp ứng cho quân bộ. Cùng lúc ấy thám mã quân bộ về ngự doanh báo tin Tả quân Lê Văn Duyệt đã đánh chiếm được đồn Châu Cầu.

Xa giá của Thế Tổ đến trấn Thanh Hoa Ngoại. Quân tiền đạo tiến đóng Châu Cầu, Tả quân Lê Văn Duyệt ruổi ngựa trở lại hành dinh của Thế Tổ để tâu trình tình hình quân sự. Văn Duyệt lĩnh mật chỉ của Thế Tổ, lập tức trở lại bản doanh. Duyệt sai mời Phạm Văn Nhơn, Lê Chất và các thuộc tướng đến trước trướng rồi nói:

– Đô đốc là chức quan võ, phải nuôi chí da ngựa bọc thây. Quân Nam triều ra từ khi đánh cửa Thi Nại đến nay bức hàng đuổi chạy không ít Đô đốc của Ngụy quân Tây Sơn. Các tướng đi đánh trận này phải gắng cho thật xứng đáng với chức vụ Đô đốc, để Vương thượng vui lòng.

Rồi đó Tả quân chia quân bộ làm ba cánh: một cánh bên tả theo đường huyện Thanh Liêm ra Ứng Hòa, tiến đến huyện Từ Liêm; một cách bên hữu từ huyện Nam Xương chuyển sang huyện Kim Động rồi tiến đến Gia Lâm, một cánh đi đường chính, tiến vào cửa Ô Cầu Dền, dẹp đường trước cho xe loan của Thế Tổ.

Bố trí kế hoạch đã xong, cả ba cánh quân dàn xếp hàng ngũ chỉnh tề, cùng gióng trống lên đường. Dân chúng hai bên đường tranh nhau ra đứng xem.

Cánh quân rẽ về huyện Nam Xương ai nấy đều mặc quần áo mới. Ngồi trên bành voi là một viên đại tướng dung mạo ôn hòa nhã nhặn, đó là Tham tướng Phạm Văn Nhơn, Chưởng quản quân Thần Vũ.

Cánh quân đi về phía huyện Thanh Liêm hàng ngũ chỉnh tề. Ngồi trên bành voi là một viên đại tướng nét mặt oai nghiêm, đó là Chưởng quản Hậu quân Lê Chất.

Cánh quân theo đường quan lộ tiến về phía huyện Bình Lục, quân ngũ dàn hàng đều đặn, voi ngựa xen nhau. Cưỡi trên lưng ngựa là một viên đại tướng thân hình thấp nhỏ, đó là Chưởng Tả quân Bình Tây tướng quân Lê Văn Duyệt.

Dân chúng trầm trồ bảo nhau:

– Quân bộ như thế thì quân thủy cũng đủ biết phải như thế nào! Dân mọn bọn ta nên kết hoa, bày hương án bên đường đón chào

Chúa mới.

Bấy giờ Thế Tổ đang đóng ngự doanh ở trấn thành Thanh Hoa Ngoại, giao cho Chưởng cơ Ngô Văn Sở [1] quyền giữ chức Trấn thủ Thanh Hoa Ngoại. Rồi đó Thế Tổ lên xa giá tiến đóng dinh Châu Cầu thuộc trấn Sơn Nam Hạ. Đô đốc Hòa, Hiệp trấn Tín của quân Tây Sơn đến cửa quân đầu hàng. Thế Tổ truyền hỏi về việc đặt quân phòng ngự của Quang Toản thực hư thế nào? Hòa thưa:

– Ngụy vương thế cùng, sắp bỏ thành chạy trốn, đường tiến quân của Chúa thượng không gặp gì trở ngại.

Thế Tổ giao cho Phó tướng Nguyễn Đình Đắc ở lại đóng giữ trấn thành Sơn Nam Thượng, rồi truyền lệnh cho ba quân lên đường.

Thám mã trở lại ngự doanh tâu báo Nguyễn Văn Soạn đã đánh chiếm được kho Xích Đằng, Trương Phúc Phượng nhổ lũy Huyền Khâu. Không bao lâu sau có tin cả ba cánh quân đã tiến vào chiếm thành Thăng Long.

Thế Tổ hỏi đã bắt được Quang Toản chưa, quân thám mã tâu:

– Quan quân tiến đến cách thành Đại La bốn năm mươi dặm, Ngụy vương Quang Toản bỏ thành chạy trốn, hiện đã qua sông Nhị Hà chạy về phía Bắc. Thế Tổ liền sai phi ngựa lệnh cho Lê Văn Duyệt tức tốc dẫn đại quân đuổi theo. Không bao lâu sau có tin báo Quang Toản đã bị quân của Văn Duyệt bắt sống.

Nguyên do là Quang Toản chạy lên phía Bắc, qua Xương Giang, ban đêm vào chùa Thọ Xương xin ngủ trọ, bị thôn dân vây bắt, quân lính tùy tùng đều tan chạy cả. Quang Thùy và vợ chồng Đô đốc Tú treo cổ tự tử. Quang Toản bị người dân ở huyện Phượng Nhãn tên là Hoạch Diêm bắt sống. Quang Thiệu, Quang Duy, Nguyễn Văn Dụng, Nguyễn Văn Tứ lên đường chạy trốn, nhưng sau cũng bị bắt. Vừa lúc ấy quân ta ập đến, đóng gông nhốt vào cũi áp giải về Bắc Thành chờ dâng nộp trước xa giá.

Ngày Canh Thân, xa giá của Thế Tổ tiến vào thành Thăng Long. Tả quân Lê Văn Duyệt và các tướng đón đường nghênh tiếp hỗ tùng xa giá Thế Tổ vào thành. Bấy giờ là năm thứ bảy niên hiệu Gia Khánh triều Thanh, mà kể từ khi Thế Tổ dấy quân trung hưng triều

---

1. Chưởng cơ Ngô Văn Sở nói đây là một tướng của Nguyễn Ánh, trùng họ tên với Đại tư mã Ngô Văn Sở của triều Tây Sơn. *ĐNTL đệ nhất kỷ* (Q.17) cũng ghi "lấy Ngô Văn Sở làm Trấn thủ Thanh Hoa Ngoại".

ta đến lúc đó là hai mươi bảy năm mới giành được thắng lợi.

Bắc Hà từ năm Kỷ Dậu (1789) vua Lê Chiêu Thống chạy sang nước Thanh, Quang Trung Nguyễn Huệ chiếm được nước, đến năm Tân Dậu (1801) Quang Toản phải chạy ra Thăng Long, đến năm Nhâm Tuất (1802) thì bị diệt, cha con trị nước mười bốn năm; khi quân Nam triều tiến ra thì nhân tâm đã ly tán vì chính sự bạo ngược, cho nên quân không dính máu mà chỉ trong vài tuần đã lấy trọn mười bốn trấn, mười bảy phủ, gồm một trăm năm mươi bảy huyện, bốn châu.

Sử sĩ Bắc Hà Ngô Thì Điển có thơ vịnh sử như sau:

Thập tam tuyên trấn thử giang san,
Phi độ hùng binh chỉ cố gian.
Phàm tập ảnh liên Lô Nhị trạch,
Tinh kỳ sắc huyến Đẩu Ngưu hàn.
Đảo qua ngụy tướng lý tâm dị,
Hàm bích hàng quân nhẫn lệ nan.
Đế bá kỷ hồi thù ảnh hưởng,
Hưng triều tôn xã điện trùng quan.

Dịch:

Mười ba tuyên trấn núi sông này,
Bay vượt hùng binh chẳng mấy ngày.
Buồm rợp bóng liền Lô Nhị [1] hẹp,
Cờ bay rực rỡ Đẩu Ngưu lay.
Giáo quay tướng ngụy lìa tâm dễ,
Ngọc ngậm vua hàng lệ xót thay.
Bá chủ mấy hồi còn vang bóng,
Trung hưng tông xã vững triều nay.

Thế Tổ đã vào thành Thăng Long, các tướng dìu Thế Tổ trèo lên Kỳ đài (Cột cờ). Thế Tổ xa ngắm hình thế non sông, hồi lâu sau mới xuống. Tả quân Lê Văn Duyệt và Tham tướng Phạm Văn Nhơn mời Thế Tổ lên ngự ở điện Kính Thiên nhận lời chúc mừng của các bá quan văn võ. Tướng tá các đội quân lần lượt vào dâng tù binh.

Đến lúc này, các vùng xung quanh Thăng Long và các trấn miền thượng du quân Tây Sơn đã đầu hàng hoặc bỏ trốn, xóm thôn lần

---

1. *Lô Nhị:* tức sông Hồng (trong các thư tịch cổ, sông Hồng thường được ghi là Lô Giang).

lượt được yên bình. Duy ở Lạng Sơn tướng trấn thủ vẫn chưa chịu đầu hàng; các thổ tù Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên vẫn còn có ý mong đợi. Thế Tổ sai Đô thống chế Lê Văn Phong dẫn quân lên đánh Lạng Sơn, tướng Trấn thủ Hoàng Văn Kim, Hiệp trấn Trương Văn Luyện mở cửa thành ra hàng.

Thế Tổ lệnh cho quan bộ Lễ thảo cáo dụ, lấy điều hơn thiệt, họa phúc khuyên răn dân chúng Thượng du. Chỉ trong vài ngày thổ tù trong ba trấn Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên như bọn Nùng Phúc Liêm, Ma Thế Cố, Ma Thế Trạch, Ma Thế Nhi, Đinh Công Vượng, Đinh Công Trinh, Đinh Công Kiêm, Nguyễn Quảng Chiếu, Nguyễn Khắc Trương, Phan Bá Phụng, Cầm Nhân Nguyên, Lê Kim Công theo nhau về Thăng Long xin yết kiến Thế Tổ.

Thế Tổ sai tuyên dụ khuyên những người làm quan Tây Sơn ra đầu thú; lại dụ cho các hào mục Bắc Hà không chịu khuất phục mà phải ẩn lánh nơi rừng núi biết: từ nay đất nước xa thư cùng mối, mọi người hãy giải tán nghĩa binh, đến cửa quân giao nộp vũ khí. Quan sở tại tâu lên, ai nấy đều được tùy theo tài năng mà thu dùng.

Chiếu dụ ban xuống, các nơi gần xa đều biết. Quan văn, quan võ, các chức lại viên của chính quyền Tây Sơn đến hành cung đầu thú rất nhiều. Hào mục Lê Duy Đạt dẫn quân thuộc hạ hơn bốn trăm người đến trấn thành Thanh Hoa Nội giao nộp khí giới cho Đốc trấn Nguyễn Đức Xuyên. Thế Tổ chuẩn cho Duy Đạt đến hành tại yết kiến, còn quân thuộc hạ thì cho trở về quê quán yên nghiệp làm ăn.

Từ đó Bắc Hà đại định, Thế Tổ xuống chiếu ban bố khắp trong ngoài. Lời chiếu đại lược viết:

> *"Từ khi Trẫm lấy được kinh thành Phú Xuân, quân Tây Sơn chạy ra miền Bắc. Bờ cõi hai trăm năm núi rừng ngăn cách, phong tục đổi thay; mười ba đạo thừa tuyên như nước ngập sâu, như lửa cháy bỏng. Đánh kẻ có tội để yên dân quả là công việc không thể chậm được.*
>
> *Ngày mười bảy tháng trước, quân thủy bộ tiến phát từ Kinh sư. Ngày hai mươi mốt xa giá của Trẫm lên đường. Ngày hai mươi hai tháng Sáu thủy quân tiến vào sông Vị Hoàng, ngày mười bảy quân bộ đến Thăng Long, ngày hai mươi mốt xa giá của Trẫm vào Thành. Các Đô đốc Hồ, Ý, Tài, Hòa, Tín, Thiếu úy Đằng, Thống lĩnh Đại đầu hàng. Đô đốc Ngũ, Đổng lý Thận, con Nguyễn Nhạc là Lân, bảy*

con của Nguyễn Huệ cùng với Tuyên công ngụy triều Tây Sơn là Quang Bàn bị bắt. Chúa ngụy triều Quang Toản cùng với em là Thái tể Quang Duy, Nguyên súy Quang Thiệu, bề tôi là Tư mã Dụng, Tư mã Tứ, đều bị dân Kinh Bắc bắt sống. Khang công ngụy là Quang Thùy cùng với Hiệp trấn Triêm, Đô đốc Tú thắt cổ tự tử; Thiếu phó Quang Diệu, Tư đồ Võ Văn Dũng cùng phe cánh là bọn Hồ Văn Điềm, Từ Văn Chiêu, Nguyễn Văn Giáp, Lê Văn Hưng, Nguyễn Văn Mân, Nguyễn Văn Điểm bỏ thành Bình Định chạy trốn từ trước, ra đến địa giới Thanh Nghệ đều bị dân chúng chặn bắt. Thế là phe đảng của ngụy triều Tây Sơn đã bị dẹp tan, công lớn đã hoàn thành".

Dân chúng khắp nơi nghe tuyên cáo đều đánh trống khua chiêng, nhảy múa vui mừng đời thái bình. Tiếp đó, Thế Tổ sai thảo văn thư báo tin dẹp tan loạn Tây Sơn sai người đưa lên cửa Nam Quan nhờ chuyển báo với Tổng đốc Lưỡng Quảng. Một mặt cũng sai sứ sang Xiêm, Vạn Tượng và Chân Lạp báo tin thắng trận.

Thế Tổ triệu hội các tướng để bàn định chia đặt các quan chức cai trị. Định rằng: mỗi trấn đặt một viên trấn thủ, một viên hiệp trấn, một viên tham hiệp để xử lý công việc trong bản trấn; võ quan dùng các chức thống chế, chưởng cơ, cai cơ; văn quan dùng các chức tham quân, thiêm sự, hàn lâm, thị thư để chia giữ các việc. Nguyễn Đình Đắc trước đã được lấy làm Trấn thủ trấn Sơn Nam Thượng, dùng Nguyễn Khắc Khoan làm Hiệp trấn, Nguyễn Công Viên làm Tham hiệp. Trấn Thanh Hoa Ngoại trước đã lấy Ngô Văn Sở làm Trấn thủ, dùng Lê Văn Bật làm Hiệp trấn, Nguyễn Danh Thước làm Tham hiệp. Trấn Kinh Bắc do Ngô Văn Ngữ làm Trấn thủ, trấn Hải Dương do Trần Công Hiến làm Trấn thủ, trấn Sơn Tây do Trương Phúc Phượng làm Trấn thủ, trấn Lạng Sơn do Lê Đình Chính làm Trấn thủ; trấn Thái Nguyên do Lê Văn Niệm làm Trấn thủ; Nguyễn Văn Kiên Trấn thủ trấn Hưng Hóa, Nguyễn Hữu Đạo Trấn thủ trấn Quảng Yên, Lê Văn Tiến Trấn thủ trấn Cao Bằng, Vũ Văn Trung Trấn thủ trấn Tuyên Quang. Các viên: Đoàn Đại Thận, Ngô Đức Tuấn, Lê Đắc Thái, Ngô Văn Uyển, Nguyễn Đức Tư, Thái Văn Nguyên, Nguyễn Viết Cơ, Lê Văn Chính, Hoàng Trọng Mộ đều được bổ chức Hiệp trấn. Các viên: Nguyễn Văn Hoàng, Nguyễn Công, Trần Quốc Cao, Lê Minh Huy, Hoàng Văn Đường, Nguyễn Thế Trung,

Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Văn Nghi, Vũ Đình Tiến, đều được bổ chức Tham hiệp.

Quyền Trấn thủ Sơn Nam Hạ Nguyễn Văn Trương, quyền Trấn thủ Thanh Hoa Nội Nguyễn Đức Xuyên được điều về Thăng Long; lấy Trần Công Lại thay làm Trấn thủ Sơn Nam Hạ, Tôn Thất Chương thay làm Trấn thủ Thanh Hoa Nội; lấy Nguyễn Văn Đẳng, Vũ Đoàn Văn được giữ chức Hiệp trấn; Nguyễn Đăng Cơ, Lê Viết Nghĩa được bổ chức Tham hiệp.

Thăng Long là nơi trọng yếu ở Bắc Thành, vũ công mới định, nhân dân, sự vật vừa trải qua một phen đổi mới nếu không phải bậc trọng thần thì không trấn nhậm nổi. Thế Tổ xét thấy Tiền quân Bình Tây đại tướng quân Nguyễn Văn Thành là người có công lao, học thức, lại biết thể thức chính trị, có thể đảm đương việc trấn thủ toàn cõi Bắc Thành để chế ngự mọi biến động. Thế Tổ bèn sai Hữu quân Bình Tây tướng quân Quận công Nguyễn Hoàng Đức thay làm Trấn thủ Bình Định, kiêm lĩnh hai doanh Phú Yên, Quảng Ngãi, bổ Nguyễn Văn Hiếu làm Hữu quân phó tướng giúp việc trấn vụ; Thăng quản Tiên phong doanh Nguyễn Văn Tính làm Chưởng dinh, làm Án trấn Diên Khánh, kiêm quản Bình Khang, Bình Thuận, phàm những khi có việc quan trọng bên trong thì theo sách ứng cho Gia Định, ngoài thì theo sách ứng cho Quy Nhơn. Lệnh cho Trấn thủ Gia Định Nguyễn Văn Nhơn đốc thúc trấn tướng bốn doanh tăng cường tuần phòng nghiêm mật trong địa phương để cho vùng biên cương phía Nam được vững chắc.

Rồi Thế Tổ triệu Nguyễn Văn Thành ra Thăng Long, ban cho sắc ấn giữ chức Bắc Thành Tổng trấn. Trong ngoài mười ba trấn đều đặt dưới quyền tiết chế của Tổng trấn Nguyễn Văn Thành, phàm mọi việc phế truất quan lại, đơn từ kiện tụng đều được tùy nghi xét quyết. Nguyễn Văn Thành tâu với Thế Tổ: công việc Bắc Thành phồn phức, xin cho đặt ba tào Hộ, Binh, Hình để phân chia xử lý công việc trong trấn thành. Thế Tổ chuẩn tâu.

Thế Tổ lại cho triệu Đặng Trần Thường ở Nghệ An về Thăng Long. Thăng Huỳnh Viết Toản làm Đô thống chế thay Thường lĩnh chức Trấn thủ, giao cho Nguyễn Hoài Quỳnh làm Hiệp trấn, Nguyễn Xuân Thục làm Tham hiệp.

Đặng Trần Thường đến Thăng Long, Thế Tổ trao cho Thường chức Chính khanh bộ Binh, lấy Nguyễn Văn Lễ (quê huyện Bình

Dương, Gia Định) làm Tham tri, Nguyễn Doãn Khiêm được trao chức Chính khanh bộ Hộ [1] lấy Nguyễn Đình Khánh làm Tham tri. Phạm Như Đăng được trao chức Chính khanh bộ Hình, lấy Nguyễn Văn Uẩn làm Tham tri, chuẩn cho theo giúp việc trấn tướng. Trao cho Nguyễn Gia Cát làm Cần Chính điện đại học sĩ. Gia Cát người huyện Văn Giang, trấn Kinh Bắc, đậu Tiến sĩ triều Lê, thời Tây Sơn giữ chức Đốc học Quy Nhơn, về sau cùng với Tổng quản Thanh, Thượng thư Phác quy thuận Nam triều, đến đây được thăng chức Học sĩ.

Cắt đặt quan chức các trấn thành đâu đó đã xong, có tin báo bọn hải phỉ Tề Ngổi cướp phá quấy nhiễu ở châu Vạn Ninh, quan bản châu xin cho quan quân về đánh dẹp.

Đúng là:

Ngất trời bay liệng cao cánh phượng,
Động biển cuồng ba át sấu kình.

1. Nguyên chú: Nguyễn Doãn Khiêm người huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, em của Hộ bộ tăng chức Nguyễn Doãn Thống, được Tống Phước Đạm tiến cử làm Hàn lâm thị học, đương thời giữ chức Cai bạ Bình Định, được triệu ra Thăng Long trao cho giữ chức Chưởng Hộ bộ kiêm lĩnh Công tào.

HỒI THỨ HAI MƯƠI TÁM

Sửa việc văn, truy tôn tự điển,
Nghiêm võ bị, chia luyện dân binh.

Lại nói chuyện bọn hải phỉ Tề Ngỗi Trương Á Lộc thời Tây Sơn gọi là thống binh, từng tiếp tay cho quân Tây Sơn đánh quân Nam triều. Sau trận thất bại ở cửa Nhật Lệ, bọn Trương Á Lộc bí mật trốn ra ẩn lánh ngoài khơi châu Vạn Ninh, hàng ngày rông càn cướp bóc. Trấn thủ Quảng Yên tâu về triều. Thế Tổ sai Tống Phước Lương và Nguyễn Văn Vân đem quân đi đánh dẹp. Quan quân đến cửa Vân Đồn gặp đoàn thuyền của hải phỉ gồm mười lăm chiếc, Phước Lương liền ra lệnh tiến đánh, phá tan được, chém tại trận tên trùm phỉ Trịnh Thất, lâu la của bọn phỉ bị bắt sống rất nhiều. Bọn Trương Á Lộc hơn mười tên bị bắt sống.

Thế Tổ thấy mùa gió mùa nước đã muộn bèn truyền lệnh cho Tống Phước Lương rút quân về, lệnh cho các địa phương ven biển đề phòng nghiêm mật. Một mặt sai Tri châu Quảng Yên trao trả tù binh cho quan Khâm Châu. Một mặt cũng truyền cho Tổng trấn Bắc Thành đem bọn Dương Thất Nguyên, Ngô Tam Toàn sang nước Thanh trao trả, nhân đó đưa thư cho Tổng đốc Lưỡng Quảng hỏi về việc bang giao. Tổng trấn Bắc Thành sai thiêm sự Lê Chính Lộ, Binh bộ thiêm sự Trần Minh Nghĩa nhận lệnh đi công cán lên ải Nam Quan.

Cũng trong dịp này Thế Tổ xét công cho những người dân có công. Người dân ở Kinh Bắc bắt được Quang Toản được thưởng ba trăm mẫu ruộng, người dân ở Thanh Hoa bắt Võ Văn Dũng được thưởng ba mươi mẫu ruộng, vẫn cho trở về làm dân như cũ. Lệnh cho các quân thủy bộ cấp tiền thưởng hai vạn nghìn quan cho các quân sĩ đau ốm, được phép về Kinh điều dưỡng, các địa phương trên đường đi có trách nhiệm cấp lương ăn cho họ. Thế Tổ nhớ đến công lao của các tướng sĩ chẳng hề gian hiểm, khi ra trận một lòng tận trung báo quốc. Chiêu dụ của Thế Tổ viết:

> *"Khoảng các năm Kỷ Mùi, Canh Thân, trải bao phen dùng binh, các tướng sĩ theo Trẫm ở Phú Yên, Bình Định, hoặc có kẻ giữ cô thành mà khẳng khái tuẫn tiết, hoặc có*

người ra trận hăng hái chiến đấu mà bỏ mình, một lòng nghĩa khí có thể đối với thần minh, trong lúc vội vàng chưa kịp nêu thưởng.

Nay võ công đã định, bốn biển lặng trong, tôn sùng người có đức, báo đáp kẻ có công, ấy là việc cần phải làm trước hết. Vậy lệnh cho hai doanh Bình Định, Phú Yên lập miếu thờ phụng".

Ở Bình Định dựng hai miếu thờ: một ngôi ở trước lầu Bát Giác trong thành, thờ Võ Tánh, Ngô Tòng Chu cùng các tướng sĩ trận vong và chết vì đau ốm; được tặng chức từ Chưởng cơ đến Cai cơ, tất cả 268 người. Một ngôi ở núi Độc Sơn cửa Thi Nại, thờ Võ Di Nguy, Tống Viết Phước cùng các tướng sĩ trận vong hoặc vì ốm đau mà chết, từ Quảng Ngãi đến Thi Nại, được tặng chức từ Chưởng cơ đến Cai cơ, tất cả 619 người.

Ở Phú Yên dựng một miếu thờ ở Hòn Nan vũng Cù Mông, thờ Tôn Thất Nghị, Tôn Thọ Vinh cùng các tướng sĩ trận vong hoặc ốm chết từ Thị Dã đến Phú Yên; được tặng chức Chưởng cơ, Chưởng đội, tất cả 526 người.

Rồi đó triều thần bàn định việc cấp ruộng thờ định nghi tế lễ. Thế Tổ giao cho trấn tướng Phú Xuân dựng tạm nhà Thái miếu ở bên trái Hoàng thành, đợi khi xa giá hồi kinh sẽ làm tấu cáo võ công hoàn thành.

Thế Tổ lại sắc cho trấn thủ Gia Định: "Gia Định là đất trung hưng, đã từng dựng miếu phụng thờ liệt thánh. Từ nay về sau, tất cả mọi điển lễ đều chuẩn cho trấn thần làm thay".

Đối với lăng mộ của Tiên vương ở núi Thiên Tôn huyện Tống Sơn là nơi phát phúc của bản triều, Thế Tổ xuống chiếu cho ba mươi người dân ở huyện Tống Sơn để trực hầu lăng miếu, lấy dân tổng Thượng Bạn làm phục dịch.

Trong thời gian ở Thăng Long, Thế Tổ đã đến yết Văn miếu thờ Khổng Tử và miếu thờ Lê Thái Tổ ở phía Tây Bắc Thành Nội, sai quan bộ lễ dựng đàn tế thần núi sông.

Thế Tổ cho gọi châu mục Thái Nguyên về Thăng Long để tìm hỏi nơi Lê Duy Hoán ẩn lánh. Bấy giờ Duy Hoán nương dựa ở nhà thổ tù Ma Thế Cố ở Thái Nguyên. Thế Tổ cho triệu Duy Hoán về Thăng Long, phong tước Diên Tự công, cấp cho một vạn mẫu tự điền và một

nghìn dân phụng thờ. Lời chiếu của Thế Tổ viết:

> *"Bậc vương giả dựng nước, suy tôn dòng dõi đời trước là giữ đức trung hậu. Nhà Lê từ khi mở nước đến thời trung hưng, trước sau hai mươi lăm vị vua. Khoảng giữa tuy vua Lê không có quyền hành, nhưng vẫn là vua chung của cả nước. Kíp khi Tây Sơn dấy binh, miếu thờ bỏ phế. Nay Trẫm vâng mệnh trời thống nhất bờ cõi, muốn tôn sùng điển lễ để giữ thờ cúng cho họ Lê. Lê Duy Kỳ tuy là dòng đích của vua Hiển Tông mà không giữ được nước, phải chạy sang nhà Thanh. Cha của ngươi là Duy Chi trong khi vận mệnh ngả nghiêng đã bỏ mình vì nước, tỏ ra là con cháu nhà Lê vẫn còn. Vậy ta đặc cách phong ngươi làm Diên Tự công, cho thế tập tước vị để giữ việc phụng thờ tôn miếu nhà Lê. Ngươi nên kính sửa lễ tiết, thờ cúng lâu đời để hưởng phúc chung".*

Thế Tổ cũng xét cấp cho họ Trịnh năm trăm mẫu tự điền, sai Trịnh Tư làm giám tự. Lời chiếu của Thế Tổ viết:

> *"Tiên tổ họ Trịnh các ngươi với họ Nguyễn ta vốn có tình thông gia. Giữa chừng Nam Bắc chia đôi bờ cõi đó là thuộc về việc cũ. Từ khi nhà Lê mất ngôi, nơi thờ tổ tiên họ Trịnh đã bỏ nát. Trẫm nghĩ tình thân quấn quýt hai họ, chuẩn cho ngươi trông nom việc thờ tự họ Trịnh".*

Các chi họ Lê và họ Trịnh 247 người được miễn lệ trưng binh, cả thuế thân cũng chuẩn cho không phải nộp. Con cháu các công thần triều Lê bị giết hại, tất cả 33 người, đều cho ghi tên vào sổ Khai quốc công thần của triều Lê, công thần trung hưng 15 người, được xếp công nhất nhì, con cháu mỗi nhà một người được tập ấm.

Bấy giờ cựu thần nhà Lê là bọn Nguyễn Duy Hạp, Lê Duy Đản lần lượt đến hành tại yết kiến. Hạp quê ở huyện Phụ Dực, đậu Tiến sĩ, làm quan đến chức Thị lang triều Lê; Duy Đản người huyện Yên Phong, đậu Tiến sĩ, làm quan đến chức Đốc đồng. Thế Tổ chuẩn cho Hạp hàm Thị trung trực học sĩ, cho Đản hàm Kim Hoa điện trực học sĩ. Các viên Tiến sĩ như Lê Huy Trâm ở Thanh Oai, Ngô Tiêm ở Vọng Doanh, Nguyễn Đình Tứ ở Chương Đức được ban hàm Thái Hòa điện học sĩ; Nguyễn Đường ở Thanh Chương hàm Kim Hoa điện học sĩ, Vũ Đình Tế ở huyện Vĩnh Thuận, Nguyễn Huy Đảng ở Từ Liêm được ban hàm Cần Chính điện học sĩ, Phạm Quý Thích ở Đường An,

hương cống Vũ Trinh ở huyện Lang Tài (tham tri đời Lê) được ban hàm Thị trung học sĩ. Các học sĩ trên đây vái tạ tuân mệnh, hàng ngày đến hành cung chầu hầu, đợi có việc hỏi han cần đến. Nhân bàn phép khoa cử, Thế Tổ nói:

– Khoa mục là con đường bằng phẳng cho kẻ sĩ tiến thân, quả thực không thể thiếu được. Cần phải lo việc giáo dục nhân tài, sau sẽ tổ chức các kỳ thi hương, thi hội, lần lượt trước sau sẽ thi hành.

Rồi Thế Tổ lệnh cho các trấn ở Bắc Thành được đặt chức Đốc học. Lấy các vị học sĩ mới được phong hàm để sung vào chức ấy: Nguyễn Đình Tứ nhận chức Đốc học phủ Phụng Thiên, Lê Huy Trâm nhận chức Đốc học Kinh Bắc, Ngô Tiêm Đốc học Sơn Tây, Vũ Đình Tế Đốc học Hải Dương, Nguyễn Đường Đốc học Sơn Nam Thượng, Nguyễn Huy Đảng Đốc học Sơn Nam Hạ.

Thế Tổ cũng xét phong quan tước cho các thổ tù ở Bắc Hà: Thống lĩnh Thanh Hoa thượng đạo Hà Công Thái có công chiêu tập dân chúng ứng nghĩa, được ban tước Quận công. Thổ tù các nơi ở Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên là Nùng Phúc Liêm, Ma Thế Cố v.v... đều được ban chức Tuyên úy đại sứ, tước hầu, các thổ tù khác được phong Tuyên sứ, Chiêu thảo sứ, Phòng ngự đồng tri, Phòng ngự thiêm sự, ban tước hầu, tước bá có thứ bậc khác nhau.

Các cựu thần nhà Lê và thổ tù các nơi cùng nhau dâng biểu xin Thế Tổ lên ngôi Hoàng đế.

Lại nói chuyện Thế Tổ từ khi ngự xa giá vào thành Thăng Long, xét quyết các việc chia trấn cai trị, làm rõ chính lệnh hình pháp, xét công ban thưởng. Các công việc cần thiết phải làm ở Bắc Thành dần dần đều có thứ lớp đâu vào đấy. Vì thế con cháu nhà Lê, con cháu họ Trịnh, các cựu thần văn võ của triều Lê cùng các thổ tù ở các phiên trấn hội bàn rồi dâng biểu xin Thế Tổ sớm lên ngôi báu. Thế Tổ khiêm nhường không chịu nhận, nói:

– Đế vương các đời xưng hiệu không giống nhau, mà làm vua trong nước coi dân như con, thì đạo nghĩa cũng là một. Lúc trước Trẫm ở Gia Định đã lên ngôi Vương để ràng buộc nhân tâm, đến khi thu phục kinh đô Phú Xuân đã xuống chiếu thay đổi niên hiệu, thế cũng đủ rõ ràng sự bắt đầu rồi vậy. Nay vua triều Tây Sơn đã bị bắt, võ công đã định, bọn người dâng biểu khuyên ta lên ngôi Hoàng đế, mối tình nâng đội thật là chân thành khẩn thiết. Nước ta từ Triệu Vũ đến Đinh, Lê, Lý, Trần, các đời đều xưng đế, còn ghi rõ trong sử

sách. Nhưng nghĩ quốc triều mới gây dựng, kẻ thương tật chưa đứng dậy được, người đau ốm chưa lại hồn, phong tục kiêu ngoa chưa thay đổi hết, ngược chính tệ đoan vẫn chưa tận trừ, mọi việc quốc kế dân sinh còn đang bận rộn, nếu cứ an nhàn riêng cho một mình, thì đó không phải là ý Trẫm.

Rồi đó Thế Tổ sai các quan văn võ trần tình các vấn đề thời sự. Trấn thủ Gia Định Nguyễn Văn Nhơn tâu tình hình dân chúng đói kém, xin triều đình chẩn cấp và cho miễn giảm các thứ tạp thuế. Thế Tổ cũng lấy làm lo vì sau khi dẹp Tây Sơn, sức dân chưa hồi phục, hơn nữa võ công mới định, những việc chi tiêu còn nhiều, thuế khó nhất loạt miễn trừ được. Miền Chí Linh, Hải Dương đói khổ nghiêm trọng, cho miễn tô thuế một năm; Nghệ An, Thanh Hoa Ngoại cho miễn thuế; trấn Lạng Sơn được miễn thuế bến đò, cửa ải. Ngoài ra thuế sản vật hàng hóa mỗi năm chia làm bốn quý theo lệ thu nộp. Các nơi khác thực tình không khó khăn lắm thì cứ theo lệ thuế đã quy định từ trước để sung quốc dụng. Các lại viên đi thu thuế cứ một trăm quan được lấy một quan, gọi là tiền ngụ lộc. Các khoản thu tiền trầu cau ngoại lệ, tiền thu do cấp văn bằng chứng nhận thì đều cấm chỉ.

Thế Tổ giao cho bộ Hộ chế khuôn mẫu đong lường như phương, thăng, bát v.v... định thể lệ thu chi thóc gạo, khiến cho các nơi được đồng đều với nhau.

Tổng trấn Bắc Thành xin cho mở cuộc tuyển quân. Lệ thời Tây Sơn chiếu theo sổ đinh, nhất loạt cứ bảy đinh chọn một lính. Thế Tổ bảo Thành cùng các quan bàn định để xem xét lại lệ ấy. Chuẩn cho Nguyễn Văn Trương, Lê Văn Duyệt, Lê Chất, Nguyễn Đức Xuyên, Đặng Trần Thường chia đi tuyển quân ở Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, Sơn Nam Thượng, Hạ, Thanh Hoa Ngoại, chiếu sổ đinh lập năm Giáp Dần (1794) theo lệ bảy đinh chọn một, bổ sung vào bốn đội quân Trung, Tiền, Tả, Hậu, cùng là các đội kỳ binh Thần vũ, Phấn dực; Phạm Văn Nhơn đi tuyển quân ở Thanh Hoa Nội, Nghệ An, cứ năm đinh lấy một lính, bổ vào các doanh quân thần sách, chọn những quân sĩ từng đi chinh chiến có công, xét tài sức mà trao chức quan để cai quản các binh lính mới tuyển mộ ấy. Các trấn Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Yên thì chuẩn cho trấn quan điểm mười đinh chọn một lính, đặt làm kỳ binh của bản trấn, lấy những hào mục địa phương làm quản, tuân theo sự sai phái của quan bản trấn. Phủ Phụng Thiên là vùng ngoài của

Thăng Long, công việc tạp dịch nhiều, cho miễn không phải chọn lính. Cũng trong dịp ấy trấn Bắc Thành quy định chín điều cấm đối với lính mới tuyển.

Chiếu dụ của Thế Tổ viết:

"Giữ nước không thể không có quân binh. Người xưa gửi binh trong nông, cho nên có thể bảo vệ được cho dân. Trẫm lấy người xưa làm thầy, nên rất lưu ý đến các chính sách binh dân. Vừa đây triều thần bàn định việc chọn quân, chia đặt các chi, đội, thay nhau đóng giữ. Làm như thế cho quân sĩ có dịp luyện tập trên bộ dưới nước để bảo vệ nhà cửa làng nước. Trẫm nghĩ thời Tây Sơn việc chọn quân không có thể chế, nạn quan quản nhũng nhiễu khiến cho kẻ tiểu dân phải dối trá thành ra thói tệ, chỉ vâng dạ qua loa cho xong chuyện. Trẫm từ khi ngự giá ra Bắc Thành đã đinh ninh dặn dò dạy bảo, nhưng vẫn còn lo thói ngoan ngạnh trong dân chưa trừ bỏ được. Đến khi xảy ra sự việc rồi mới xử phạt ra uy, không dạy mà giết, lòng Trẫm thật không nỡ. Nay định thêm những điều cấm, ai nấy đều phải lấy đó làm răn".

Thế Tổ triệu hội các tướng bàn định việc cắt đặt các chức quan lại. Năm trấn Sơn Nam Thượng, Hạ, Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Tây đều là dân kinh, gọi là Nội trấn, đặt hai ty Tả thừa, Hữu thừa, mỗi ty đều có câu kê, cai hợp, thủ hợp, mỗi chức một người, lại viên hai mươi hai người. Mỗi phủ đặt một chức đề lại, mười viên thông lại. Mỗi huyện đặt một đề lại, tám thông lại, quân hầu năm mươi người. Các trấn Nghệ An, Thanh Hoa Nội, Ngoại cũng như thế. Các trấn Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Yên người Nùng người Thổ ở xen nhau, gọi là sáu Ngoại trấn. Mỗi trấn đặt hai thừa ty, mỗi ty có một cai hợp, một thủ hợp, quân lệ thuộc mười ba người.

Công việc hành chính ở các tấn tại Bắc Thành một phen sửa sang, thành định chế.

Mọi việc sắp đặt đâu đó đã xong, Thế Tổ bèn truyền lệnh cho các trấn từ Thăng Long đến Nghệ An gấp rút dựng hành cung chuẩn bị để đón Thế Tổ trở về kinh.

Thế Tổ sai Trần Văn Năng đốc suất chiến thuyền áp giải Quang Toản và các tướng Tây Sơn bị bắt tù về Phú Xuân.

Cũng trong dịp này sứ giả của nước Xiêm La đem phẩm vật đến

chúc mừng. Vua Chân Lạp cũng sai Ốc Nha Thư Bồn Nha Diệt đến dâng lễ vật. Thế Tổ sai quan sang hai nước ấy để đáp tạ. Vua Vạn Tượng sai sứ đem quốc thư sang chúc mừng và xin Thế Tổ cho đất Trấn Ninh trả về cho Vạn Tượng. Xứ Trấn Ninh vốn là đất nước Bồn Man thời cổ, vua Lê Thánh Tông thân chinh đi đánh Vạn Tượng, lập phủ Trấn Ninh lệ thuộc vào Nghệ An (Phủ Trấn Ninh gồm bảy huyện: Kim Sơn, Thanh Vị, Cảnh Thuần, Quanh Vinh, Minh Quang, Quang Lang). Miền biên giới nước Vạn Tượng đã bị Hoàng thân nhà Lê là Lê Duy Mật dựa vào địa thế hiểm yếu chiếm giữ trong hơn ba mươi năm. Thế Tổ xét Vạn Tượng có công giúp quân thượng đạo, chuẩn cho lời xin ấy. Bèn truyền lệnh cho trấn thành Nghệ An cắt đất Trấn Ninh giao cho người nước Vạn Tượng. Lại có trấn mục Hưng Hóa gửi biểu văn tâu việc Quốc vương nước Nam Chưởng là Chiêu Ôn Mãnh từ Vân Nam đến xin về Thăng Long bái yết Quốc vương nước Nam.

Đúng là:

Rồng lên nghiệp mới vua Đường dấy,
Hươu chạy bầy tan nước Trịnh lo.

HỒI THỨ HAI MƯƠI CHÍN

Lập bang giao, nhận sắc phong Bắc quốc,
Lên ngôi báu, tôn miếu hiệu tiên vương.

Lại nói nước Nam Chưởng còn có tên khác là Lao Long, tục gọi là nước Lão Qua. Con của Quốc vương Chiêu Phong nước ấy là Ồn Mãnh. Khi Phong chết, Mãnh mới hai tuổi. Anh của Chiêu Phong là Nộ Sạ chiếm lấy quyền trị nước. Lớn lên Mãnh ngờ Nộ Sạ có ý hại mình, bèn ngầm bỏ sang Vân Nam chiêu tập quân lính người Man để đánh lại Nộ Sạ. Nhưng khi quân Mãnh đến Mường Nhĩ thì bị Nộ Sạ đánh bại. Mãnh phải chạy trốn đến Mường Dân, Mường Lự. Sau đó Mãnh ôm sắc ấn lưu vong sang ở châu Chiêu Tấn. Khi nghe tin ở nước ta, Thế Tổ đã bình định xong Bắc Hà, nhân có quan trấn Hưng Hóa về yết kiến hành tại Thăng Long, Mãnh xin đi theo tâu vua nước Nam cho viện binh đưa mình về nước. Thế Tổ nghĩ vừa mới bình định xong thiên hạ, chưa nên xử trí phương xa, bèn bảo Mãnh trở về đợi ở châu Chiêu Tấn.

Bấy giờ cựu thần nhà Lê ở Bắc Hà dâng biểu xin đặt kinh đô ở Thăng Long. Vua hạ chiếu cho đình thần bàn bạc. Các quan văn võ Nam Kỳ bàn rằng:

– Triều ta mở nền ở Thuận Hóa đã hơn hai trăm năm. Nay bệ hạ lên ngôi nắm giữ toàn bộ nước Việt, chính thực tựa như Thành Thang, nguyên chỉ có ấp Bạc bẩy mươi dặm mà mở bờ cõi ra bốn biển. Chu Văn Vương từ Kỳ Sơn một trăm dặm mà tạo cương vực khắp Hoa Hạ. Đất cũ của tổ tông là nơi quan yếu, Thăng Long tuy là cố đô của các đời vua trước nhưng bị tàn phá, vượng khí đã tiêu tan. Vả xét về hình thế ngày nay, đất ấy không quan trọng hiểm yếu, chỉ ở được lúc yên, còn khi xảy ra việc không hay thì không thể chế ngự từ xa được. Vậy xin xa giá trở lại Phú Xuân, trước hãy củng cố ngôi tôn, rồi ở Gia Định phía Nam, Thăng Long phía Bắc đặt hai trấn lớn, sai trọng thần ra trấn giữ, khiến cho các địa phương lớn nhỏ nối liền nhau, khi cấp khi hoãn cùng nhau nương tựa. Như thế vùng biên cương không lo bên ngoài nhòm ngó, mà chốn thần kinh lại có cái thế trọng yếu bên trong.

Rồi triều thần cùng nhau viết biểu dâng lên. Thế Tổ dụ rằng:

– Lời tâu của các khanh cũng hợp ý ta. Chuẩn y lời bàn hồi loan.

Thế Tổ sai Vũ Viết Bảo lựa chọn những thuộc hạ giỏi chia ra quản giữ súng ống ở các thành, thăng Huỳnh Văn Điểm làm Phó tướng trung quân, Trương Tấn Bửu vẫn làm Phó tướng tiền quân, Nguyễn Đình Đắc quản vệ Thần Sách, thăng Nguyễn Văn Thụy làm Chưởng cơ ngự (Thụy nguyên là tướng quân thượng đạo, phạm lỗi bị triệu về Gia Định, giáng làm Cai đội trấn thủ đạo Thanh Châu). Các tướng dẫn quân thuộc hạ đóng giữ các nơi ở Bắc Thành. Thăng Trần Đại Luật làm Chưởng cơ (Luật quê ở Vĩnh Long, làm quan chế cáo, đổi sang chức quan võ, có công lao chinh phạt) thay Nguyễn Đình Đắc lãnh chức Trấn thủ Sơn Nam Thượng. Vua triệu Tổng trấn Nguyễn Văn Thành đến dụ rằng:

– Toàn bộ công việc ở Bắc thành ta ủy thác cả cho khanh.

Thành lạy tạ lĩnh mệnh.

Mọi việc sửa soạn đã xong xuôi. Thế Tổ lệnh cho Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Đức Xuyên, Lê Văn Duyệt, Lê Chất dẫn các tướng thuộc hạ hộ vệ xa giá, ngày mùa thu tháng Chín khải hoàn trở về Phú Xuân. Văn thần Đặng Đức Siêu sáng tác bài ca *Hồi loan cửu khúc*, sai con hát Thanh Nghệ đi diễn tấu trước xa giá. Thế Tổ về đến kinh đô Phú Xuân sai lễ thần chọn ngày đại cáo chiến thắng, làm lễ dâng tù binh ở Thái miếu. Vua Tây Sơn Nguyễn Quang Toản cùng với em là Quang Bàn và các đại tướng Nguyễn Quang Diệu, Võ Văn Dũng v.v... đều bị trừng trị theo quân pháp. Thế Tổ đổi ấp Tây Sơn thành ấp An Tây để ghi lại võ công. Triều thần có người nói:

– Quang Trung tuy đắc tội với triều ta, nhưng cũng là bậc chúa anh hùng. Cứ xem con người ấy chỉ có gậy gộc mà khởi binh đánh lấy Phú Xuân dễ hơn quận Việp [1], đích thân ra Thăng Long tiêu diệt chúa Trịnh, đem quân giết Nguyễn Hữu Chỉnh khiến cho vua Lê sợ chạy khỏi Kinh thành; đuổi viện binh nhà Đại Thanh phương Bắc, một trận Ngọc Hồi đủ khiến quân Ngô gãy kiếm. Cả phá viện quân nước Vạn Tượng, diệt Chiềng Cao mà thiêu cháy sào huyệt quốc trưởng Ai Lao. Xưng vương xưng đế chẳng biết sợ ai, vừa có tài võ, vừa có tài văn, quần thần đều sợ phục. Nếu không phải trời cảnh báo lòng kiêu mà giữa không trung vang ba tiếng sấm khiến cho phải hết hồn,

---

1. Quận Việp: Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc.

thần ghét sự bạo loạn mà nhập mộng đánh ba gậy vào đầu, thì lầu rồng ba tầng cũng đáng là một danh thắng ở Vĩnh Đô mà núi biển Song Ngư [1] cũng không đến nỗi bị chê cười là nơi nước cạn. Quang Toản tư cách nhu nhược, nối ngôi mà giao việc nước cho người cậu gian tham [2] không thể làm được việc gì, do đó mà không thể chế ngự được bọn quyền thần, không tự mình làm chủ được nữa. Vây thành Quy Nhơn mà lại rút bỏ đồn quân quan trọng ở cửa Thi Nại, đến đánh ở sông Trường Giang mà bỏ mất kinh đô Phú Xuân. Rốt cuộc phải chạy ra Đông Cao để lại đưa quân lại quyết chiến bên dòng Linh Thủy [3] cuối cùng bị bắt ở Xương Giang, thân chịu cầm tù bị đóng cũi giải về chốn núi Nùng sông Nhị.

Lê Chất nói:

– Việc Tây Sơn tạm xếp không bàn đến nữa. Nay quốc triều vừa mới sáng lập, kinh thành còn chưa tương xứng cảnh quan, ta nên bàn việc dựng lại đã.

Rồi triều thần liền xin điều động quân sĩ xây dựng kinh thành. Thế Tổ sai bọn Lê Chất, Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Văn Khiêm trông coi công việc, Lê Văn Duyệt tâu:

– Trước đây có hẹn với quân sĩ, khi nào thu phục được kinh sư sẽ cho về nghỉ ngơi. Nay kinh thành thu về, Bắc Hà dẹp yên, tướng sĩ người thì chuyển đi đóng giữ các thành trấn, kẻ ở lại xây dựng kinh thành, hết năm này sang năm khác mà không có kỳ hạn trở về. Như thế thì chữ tín của triều đình còn ra sao?

Thế Tổ dụ rằng:

– Kinh thành là nơi trọng địa căn bản, tất phải chịu khó nhọc thêm một chút.

Rồi công việc cứ kéo dài, Lê Văn Duyệt kiên trì xin cho quân sĩ nghỉ ngơi, nhưng triều đình không nghe. Gặp khi dân Thượng ở Thạch Bích (Đá Vách) phủ Quãng Ngãi quấy nhiễu biên cương, Thế Tổ bèn sai Duyệt đem binh đi đánh dẹp. Lê Văn Duyệt đem quân đi rồi, Thế Tổ triệu các tướng đến bàn việc cầu phong nhà Thanh. Thế Tổ triệu Lê Quang Định ở Gia Định về thăng chức Thượng thư bộ Binh, sung làm

---

1. Song Ngư: tên hòn đảo ở ngoài khơi cửa Hội ở gần Vinh.

2. Chỉ Bùi Đắc Tuyên, cậu của Quang Toản. Sau khi Quang Trung mất (1792) Quang Toản còn nhỏ, Bùi Đắc Tuyên ra mặt chuyên quyền, làm rối nát chính sự.

3. Linh Thủy, tức sông Linh (sông Gianh).

Chánh sứ, lấy Hữu tham tri bộ Lễ Lê Chính Lộ và Cần Chính điện học sĩ Nguyễn Gia Cát làm Phó sứ thứ nhất, thứ hai, sang nhà Thanh cầu phong, đồng thời nói triều ta đã kiểm soát được cả An Nam và Việt Thường, xin cho đổi quốc hiệu cũ là An Nam thành Nam Việt.

Trước đó, sứ bộ nước ta do Trịnh Hoài Đức làm Chánh sứ đã sang đến nước Thanh, vua Thanh truyền chỉ cho theo đường Quảng Tây tiến về Yên Kinh. Đến khi nghe tin sứ bộ của Lê Quang Định đến Nam Quan, vua Thanh truyền dụ bảo Trịnh Hoài Đức dừng lại ở Quế Lâm để đợi. Tháng Tư năm Quý Hợi (1803) hai đoàn sứ thần gặp nhau, cùng xuống thuyền ở Quảng Tây, tới cửa Hán Giang thuộc huyện Hán Dương, tỉnh Hồ Bắc thì lên bộ, vượt qua Vạn lý trường thành đến cửa Cổ Bắc. Tháng Tám đến hành cung Nhiệt Hà ở Mãn Châu bái kiến. Vua Thanh vui lòng chuẩn cho xưng Quốc hiệu là Việt Nam, sai Quảng Tây án sát sứ Tề Bố Sâm cùng đi với sứ bộ ta về nước. Đến cửa Nam Quan, quan chính đường họ Vương ở phủ Thái Bình tỉnh Quảng Tây sai đem thư báo trước cho Tổng trấn Bắc thành Nguyễn Văn Thành biết tin. Văn Thành liền sai quân ruổi ngựa trạm về kinh đô Phú Xuân phi tấu.

Thế Tổ sửa soạn ra Thăng Long, sai người tới trại quân thứ Đá Vách triệu Lê Văn Duyệt về kinh sư đợi mệnh. Duyệt lúc ấy đã phá được loạn Đá Vách, đang đóng quân ở Trà Khúc, được lệnh liền dẫn quân về. Thế Tổ xuống chiếu sai Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Văn Khiêm theo Quốc thúc Tôn Thất Thăng ở lại giữ kinh thành, lệnh cho Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Đức Xuyên, Lê Chất dẫn quân đi theo hộ giá. Mùa thu tháng Chín, xa giá bắt đầu lên đường ra Bắc. Tới Thanh Hoa, sai Nguyễn Đức Xuyên dẫn bộ binh đi trước tới Bắc thành. Tổng trấn Nguyễn Văn Thành báo tin có bọn hải phỉ đang cướp phá Quảng Yên, xâm nhập vào tận Hải Dương, Cổ Pháp. Tin báo đến hành tại, Thế Tổ sai Nguyễn Văn Trương và Lê Chất đem thủy quân lên đường, hội quân với quan trấn Hải Dương Trần Công Hiến, tướng giữ Bắc thành Nguyễn Đình Đắc và Chính khanh bộ Binh Đặng Trần Thường cùng tiễu phỉ. Thuyền giặc không chống cự nổi, phải bỏ chạy về phía Đông ra biển. Nguyễn Văn Trương sai người về báo tin thắng trận. Lúc đó ngự giá đã tới Thăng Long, bèn sai Nguyễn Văn Thành đi kinh lược Hải Dương, Quảng Yên, bày bố việc quân, xem xét hình thế, thiết lập đồn trạm. Cho Nguyễn Văn Trương quyền trông coi công việc trong thành. Phi báo cho Trấn thủ

Lạng Sơn chuẩn bị nghi thức lễ vật đón sứ giả. Quan trấn Lê Đình Chính tâu sứ Thanh đã gần tới ải Nam Quan. Vua sai Trương Tấn Bửu cùng binh bộ Đặng Trần Thường và Tham tri Nguyễn Văn Lễ lên cửa Quan đợi nghênh tiếp sứ giả; Phạm Như Đăng cùng Phó tướng Trần Quang Nghĩa, Tham tri Lê Viết Nghĩa ra đón ở đầu địa giới Kinh Bắc; Tả Tham tri bộ Hình Nguyễn Đăng Hựu cùng Đô thống chế Phan Tiến Hoàng ra đón ở Công quán Gia Quất; Đô thống chế Phan Văn Triệu cùng Hộ bộ Nguyễn Doãn Khiêm, Tham tri Nguyễn Đình Đức tới bến sông Nhị, tất cả đều sắp sửa lễ nghi đón tiếp sứ giả. Khi Tề Bố Sâm vào thành, hai đoàn sứ thần của ta cũng vừa tới đợi mệnh.

Thế Tổ sai Tôn Thất Chương hầu tiếp sứ giả, đề nghị Tề Bố Sâm chọn ngày làm lễ tuyên phong, cử Trịnh Hoài Đức làm thông dịch sứ, Nguyễn Văn Thành làm thụ sắc sứ, Phạm Văn Nhơn ở kinh được triệu ra Bắc thành, sung làm thụ ấn sứ.

Tháng Giêng mùa xuân năm Giáp Tí niên hiệu Gia Long năm thứ 3 (1804), nghi lễ bang giao hoàn thành, Tề Bố Sâm trở về Bắc quốc. Thế Tổ xuống chiếu sai Nguyễn Văn Thành chọn người xứng đáng để cử làm sứ giả sang Bắc quốc tạ ơn, Văn Thành tiến cử Lê Bá Phẩm. Phẩm người huyện Bình Dương, trấn Gia Định, là con của Hàn lâm chế cáo Lê Bá Bình, xuất thân từ thị học Quốc Tử Giám, được đổi sang Hàn lâm rồi bổ làm Ký lục ở Trấn Định, hiện giữ chức Cai bạ Quảng Nam, là người rộng hiểu văn sử, có tài đối đáp. Vua theo lời đề cử của Nguyễn Văn Thành, chuẩn thăng Lê Bá Phẩm làm Hữu tham tri bộ Hình; sung làm Chánh sứ sang nhà Thanh, cùng với hai Phó sứ là Trần Minh Nghĩa và Nguyễn Đăng Đệ mang theo hai lễ tạ ơn và tiến công. Lê Bá Phẩm đã đi khỏi cửa quan, Thế Tổ dặn dò Nguyễn Văn Thành xử lý công việc trong trấn cốt phải lo dẹp giặc, yên dân. Rồi đó Thế Tổ xuống lệnh cho Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Đức Xuyên, Lê Chất đi theo hộ giá trở về Kinh sư.

Lại nói xa giá về đến Thanh Hoa, Thế Tổ dẫn các quan tùy tùng tới bái yết sơn lăng ở núi Thiên Tôn, sai quan trấn trông coi việc xây dựng Nguyên miếu để tỏ lòng kính trọng nền móng phát tích ban đầu. Đi hết phần đất Nghệ An, khi xuống thuyền qua sông Gianh, Thế Tổ bất giác thốt lên:

Non sông hùng tráng thay!
Trời phân chia giới hạn Nam Bắc.

Nguyễn Đức Xuyên tâu rằng:

– Xưa Hiền vương ta tiến phá quân Trịnh, ngày nay Vương thượng ngự giá diệt Tây Sơn, tuy bởi ta có uy nghiêm hiển hách, nhưng cũng nhờ có thần sông núi trợ giúp linh thiêng. Xin Vương thượng ban ân điển để tỏ lòng tưởng nhớ.

Thế Tổ bèn sai dựng đàn tế. Tế xong tiếp tục lên đường về Kinh. Quốc thúc Tôn Thất Thăng hộ tống Thế Tổ tới lạy chào Quốc mẫu ở cung Trường Lạc [1], rồi triệu tập các quan nghị bàn tu sửa sơn lăng, quy hoạch xây Giao miếu, dựng cung điện, đắp hoàng thành. Các quan đại thần Lê Văn Duyệt, Lê Chất, Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Văn Khiêm, Nguyễn Văn Trương chia nhau trông coi công việc. Lại sai các quan chia đi tuyển quân ở các trấn phía Nam. Các phủ Bình Thuận, Diên Khánh, Phú Yên, Bình Định cứ ba đinh thì lấy một, sung vào năm quân (Trung, Tiền, Tả, Hữu, Hậu), năm bảo và các đội thủy quân, tượng quân; Quảng Ngãi thì bổ sung sáu đạo cơ binh; quân Quảng Nam sung vào doanh Than Sách và các vệ thủy quân; quân Quảng Đức, Quảng Trị, Quảng Bình sung vào mười vệ Thị Trung và các vệ Thị Nội; bốn doanh Gia Định cứ tám đinh lấy một, bổ vào các cơ Biên Hùng, Phiên Bình, Định Uy, Vĩnh Bảo để đóng giữ các trấn thành, củng cố phên dậu vững chắc. Sai Nguyễn Văn Trương làm Tổng trấn Gia Định, triệu Nguyễn Văn Nhơn về kinh, hội cùng văn ban tham khảo điều lệ. Nhơn bàn với Quốc thúc Tôn Thất Thăng và bá quan văn võ trong triều mấy lần dâng biểu khuyên Thế Tổ lên ngôi Hoàng đế. Thế Tổ thể tình các quan bộ Lễ sửa soạn nghi lễ kính cáo Giao miếu rồi lên ngôi Hoàng đế. Khi ấy là tháng Ba mùa xuân năm Bính Dần, niên hiệu Gia Long thứ 5 (1806), tương đương với năm Gia Khánh thứ 11 nhà Thanh.

Hoàng đế lên ngự chính điện, nhận lời chúc mừng của trăm quan, rồi cùng đình thần bàn việc tôn huy hiệu cho các Tiên vương. Thế Tổ nói:

– Kính trọng bề trên, yêu quý người thân, đạo hiếu nhờ thế mới lớn; đền đáp công lao, tôn sùng đức cả, việc lễ bởi vậy mới hậu. Trẫm nhận mệnh giữa lúc nguy nan, thế mà đột nhiên vực dậy được, thực chỉ nhờ trời, nhờ tổ tông có lòng thương yêu giúp đỡ Trẫm mới có thể tái tạo lại xã tắc, khôi phục bờ cõi như ngày nay. Tưởng nhớ đến các

---

1. ĐNCBLT (Q.1) chép là cung Trường Thọ.

Tiên vương đã tích đức góp phần cần cù trong hai trăm năm để nay Trẫm được hưởng quả phúc, vậy mà việc lễ miếu chưa làm cho thêm long trọng, nói đến lòng hiếu sao đã gọi là xứng đáng?

Rồi lệnh cho các quan văn võ nghị bàn về tôn hiệu, miếu hiệu cho các vị Tiên thánh vương và Vương phi. Quần thần bàn bạc xong tâu lên xin truy tôn Tĩnh vương là Tĩnh hoàng đế, miếu hiệu Triệu Tổ, tên lăng là Trường Nguyên; bà phi họ Nguyễn là Tĩnh hoàng hậu (lăng hợp táng với Triệu Tổ). Tiên vương là Dụ hoàng đế, miếu hiệu Thái Tổ, tên lăng là Trường Cơ; bà phi họ Nguyễn là Dụ hoàng hậu, tên lăng là Vĩnh Cơ. Sãi vương là Hiếu Văn hoàng đế, miếu hiệu Hi Tông, tên lăng là Trường Diễn; bà phi họ Nguyễn là Hiếu Văn hoàng hậu, tên là Vĩnh Diễn; Thượng vương là Hiếu Chiêu hoàng đế, miếu hiệu Thần Tông, tên lăng là Trường Diên; bà phi họ Đoàn là Hiếu Chiêu hoàng hậu, tên lăng là Vĩnh Diên; Hiền vương là Hiếu Triết hoàng đế, miếu hiệu Thái Tông, tên lăng là Trường Hưng, bà phi họ Chu là Hiếu Triết hoàng hậu, tên lăng là Vĩnh Hưng, bà thứ phi họ Tống là Hiếu Triết hoàng hậu, tên lăng là Quang Hưng. Nghĩa vương là Hiếu Nghĩa hoàng đế, miếu hiệu Anh Tông, tên lăng là Trường Mậu, bà phi họ Tống là Hiếu Nghĩa hoàng hậu, tên lăng là Vĩnh Mậu. Minh vương là Hiếu Minh hoàng đế, miếu hiệu Hiển Tông, tên lăng là Trường Thanh, bà phi họ Tống là Hiếu Minh hoàng hậu, tên lăng là Vĩnh Thanh. Ninh vương là Hiếu Ninh hoàng đế, miếu hiệu Túc Tông, tên lăng là Trường Phong; bà phi họ Trương là Hiếu Ninh hoàng hậu, tên lăng là Vĩnh Phong. Vũ vương là Hiếu Vũ hoàng đế, miếu hiệu Thế Tông, tên lăng Trường Thái; bà phi họ Trương là Hiếu Vũ hoàng hậu, tên lăng là Vĩnh Thái. Định vương là Hiếu Định hoàng đế, miếu hiệu Duệ Tông, tên lăng là Trường Thiệu. Phong Thế tử Hạo của Vũ vương là Tuyên vương, lập đền thờ ở Long Hồ. Phong Tân Chính vương là Mục vương, xây phần mộ ở Long Hồ, thờ chung ở Viên miếu của Tuyên vương.

Khi nghị bàn dâng tôn hiệu của hoàng khảo (cha vua), quần thần dâng biểu tâu:

– Công sinh thành quả là vô tận, nên đạo hiếu cần chú trọng biểu dương; tình yêu thương thực đúng không quên, vậy việc lễ phải trước ca tụng. Thiết nghĩ đấng Hoàng khảo ta, khởi nghiệp thánh, phát điềm lành. Chí thân chốn cửu trùng, độc tôn ngoài bốn biển. Dẫu uy danh tiềm tàng chưa biểu hiện mà tiếng sấm đã chứa tích ở vực

sâu, đức dày đã tỏa hào quang, khơi nguồn nước mát để giành cho con cháu. Nghề văn thì khỏi phải lo, nhưng vì con mà theo việc võ. Bởi vậy con có được thiên hạ phải kính quy về cho cha. Thực đáng coi ngang như liệt tổ mà định đặt danh thơm, sáng cùng cửu miếu mà tôn sùng biểu hiệu, trên thì an ủi anh linh, dưới được thỏa lòng hiếu thảo.

Vua chuẩn lời bàn của triều đình, tôn Hưng Tổ là Hiếu Khang hoàng đế, miếu hiệu Hưng Tổ, tên miếu là Cơ Thánh. Sai Lễ bộ Đặng Đức Siêu biên soạn sách *Thiên Nam thế hệ* bắt đầu từ Triệu Tổ cho tới Duệ Tông. Lại truy ngược lên tới Trừng Quốc công để làm sáng tỏ nguồn gốc của Triệu Tổ; phần sau ghi đến Hiếu Khang hoàng đế để cho thấy nguồn gốc khởi đầu của nhà vua. Tổng cộng trên dưới hai trăm năm, phàm thế thứ, công đức sự nghiệp cho đến ngày sinh, ngày giỗ, phương hướng lăng tẩm đều ghi chép lại đầy đủ để lưu lại cho người đời sau được rõ. Lại vâng mệnh dâng kim sách, kim bảo, tôn Vương thái hậu là Hoàng thái hậu. Sách văn đại lược viết rằng:

> *"Việc hiếu trước hết là yêu kính, việc lễ trọng nhất ở tôn sùng. Thái hậu ta, khuôn thước ở cung đình, lời ban ngoài xã tắc. Phúc để cho con cháu, ơn thấm khắp muôn dân. Tích góp công lao nhân đức để có được ngày nay. Con thiết nghĩ, công nuôi dưỡng ấy thực vô cùng tận như trời cao, xin kính dâng tôn hiệu là Hoàng thái hậu. Đức xứng với danh, ngời ngời sáng cung nhật nguyệt. Phúc từ trời xuống, tuổi thọ dài với non sông".*

Thế Tổ sai Khiêm quận công Phạm Văn Nhơn và Hộ bộ Nguyễn Kỳ Kế dâng sách báu phong Vương hậu họ Tống làm Hoàng hậu. Sách văn đại lược viết:

> *"Đức khôn thuần hậu phối hợp với đạo kiền to lớn, nguồn vương hóa đặt nền từ nội trị. Vương hậu họ Tống cai quản việc trong cung cho Trẫm. Thuở còn lênh đênh trôi nổi, Trẫm bên ngoài vất vả gian lao, Hậu ở trong cần cù giúp đỡ. Trải nếm đủ hiểm nguy, chăm chỉ tròn đạo hiếu. Nết ngọc này làm khuôn thước trong nhà, đạo vợ chồng giáo hóa toàn thiên hạ. Trẫm nghĩ, Hậu ở bên trong cùng với Trẫm coi sóc công việc, việc trong cung tất cùng gốc với việc ngoài triều. Nay tấn phong là Hoàng hậu, khá nên chăm chỉ tu nội chính, cẩn thận giữ đức, luôn nghĩ tới đạo nghĩa vẻ vang, dốc chí lo toan, mãi*

hưởng phúc lành vô tận".

Mọi việc đại lễ đã xong xuôi, truy tặng ông nội Hậu là Phúc Khiêm tước Quận công, thân phụ Hậu là Phúc Trung tước Miên quốc công, lập đền thờ ở Phú Xuân, gọi là đền Dục Đức. Tăng cao tổ của Hậu là Tống Phúc Đức tước hầu, tằng tổ của Hậu là Tống Phúc Dương, ông nội Tống Phúc Thành đều tước Quận công, thân phụ của Hậu là Tống Phúc Khuông tước Quận công, lập đền thờ ở Phú Xuân, gọi là đền Tống công.

Thế Tổ sai quan Bộ Lễ dựng đàn tế các tướng sĩ chết trận truy tặng cho ông nội và cha mẹ của các công thần trung hưng đã theo Thế Tổ từ những ngày còn gian nan, tùy theo từng hạng Nhất phẩm truy tặng ba đời, Nhị phẩm truy tặng hai đời, Tam phẩm truy tặng một đời. Chuẩn cho xây dựng tại kinh sư các miếu thờ ba hạng trung hưng công thần, ghi chép công lao, đặt ruộng thờ, hàng năm xuân thu tế lễ. Xếp hạng các bậc đại thần linh, xuống chiếu ban ân đại xá thiên hạ. Các quan văn võ trong triều ngoài trấn đều vào triều chúc mừng, dâng biểu tạ ơn.

Nguyễn Văn Thành, Tổng trấn Bắc thành, dâng biểu tạ ơn và trình bày về công việc trùng tu thành Thăng long.

Đúng là:

Bình Nam, sự nghiệp ngời đời trước,
Trấn Bắc, đô thành rộng khác xưa.

HỒI THỨ BA MƯƠI

Bắc Hà xứ cũ sửa bản đồ
Nam kỳ trấn mới định đường biên

Lại nói tên thành Thăng Long bắt đầu được đặt ra khi triều Lý đặt kinh đô ở đây; triều Trần, Lê cũng gọi theo thế, trải năm tháng lâu xa bị đổ nát. Nhà Tây Sơn nhân các cổng quây lại làm thành, quy mô đại khái sơ sài nhỏ bé. Khi triều ta đặt đô ở Phú Xuân, Thăng Long trở thành một trấn lớn ở Bắc Hà. Nguyễn Văn Thành muốn sửa sang lại trấn thành cho thêm to đẹp, bèn bàn bạc cùng phó tướng và các quan văn võ xin được xây dựng lại. Đến cuối thu năm Giáp Tí (1804) thành xây dựng xong, sau lại phá dỡ ba cửa Đoan Môn cùng với cửa Đông Hoa phía Đông, cửa Đại Hưng phía Nam để lấy gạch đá dựng lên năm cửa theo phương vị Đông, Tây, Nam, Bắc. Công việc hoàn thành vào mùa thu năm Ất Sửu (1805). Sự việc tâu lên, Thế Tổ sắc chỉ cho tên gọi là Thăng Long (hưng thịnh). Tổng trấn Nguyễn Văn Thành cho dựng bia đá ghi lại việc xây dựng lại đô thành. Bài minh viết:

Ngắm coi Long Đỗ
Hình thắng còn đây,
Phú Lương vòng đai,
Tản Viên nối mạch.
Các triều xây dựng,
Rộng đẹp dưới trời.
Vật đổi sao dời,
Núi sông chẳng khác.
Ngời ngời mệnh sáng,
Thương mến vua ta
Quân nghĩa bình Tây,
Sấm rền trời Bắc.
Xa giá nhẹ lướt,
Thăm thú bốn phương.
Sai tôi là Thành,
Vâng mệnh trấn thủ,

Lo toan quy hoạch,
Tu sửa thành này.
Đến khi việc xong,
Qui mô đổi khác:
Năm cổng cao ngất.
Tường trổ trăm ô.
Yên nhờ uy vua,
Ân đức thêm rộng.
Che chở gìn giữ,
Vững bền cõi Giao.
Phẳng phiu đường rộng,
Bánh xe cỡ chung,
Đất nhờ đức hưng.
Thành nay danh rạng.
Núi Nùng sông Nhị,
Mãi ghi thánh công!

Văn bia soạn xong, quan Tổng trấn cho chép lại dâng lên Thế Tổ ngự lãm. Gặp khi thổ tù Mạc Xán Thường ở Lạng Sơn tụ tập bè đảng nổi lên cướp bóc, lấy ngụy hiệu là Cảnh Xuân. Hiệp trấn Lê Duy Đản đem quân đi đánh, bắt sống được giặc, đóng cũi giải về Bắc thành. Nguyễn Văn Thành tâu xin cho xử trảm.

Thế Tổ cho triệu Tổng trấn Thành vào kinh để hỏi tình hình kinh lý Bắc Hà.

Nguyên Bắc Hà là cương thổ cũ của nước Nam. Nghệ An là nước Việt Thường thời cổ (gồm 9 phủ là phủ Đức Quang, thống quản 6 huyện: Thiên Lộc, Chân Lộc, La Sơn, Hương Sơn, Thanh Chương, Nghi Xuân; phủ Diễn Châu thống quản 2 huyện: Đông Thành, Quỳnh Lưu; phủ Anh Sơn, thống quản 2 huyện: Hưng Nguyên, Nam Đường; phủ Hà Hoa, thống quản 2 huyện: Thạch Hà, Kỳ Hoa; phủ Trà Lân, thống quản 4 huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Vĩnh Khang, Phú Ninh; phủ Qùi Châu, thống quản 2 huyện: Trung Sơn, Thúy Vân; phủ Ngọc Ma, quản châu Trịnh Cao; phủ Lâm An, quản châu Quy Hợp; Bố Chính riêng là một châu và phủ Trấn Ninh gồm 7 huyện đã cắt cho Vạn Tượng (nguyên do xem ở phần trên đã viết rõ). Đến niên hiệu Minh Mệnh, đổi Hà Hoa thành phủ Hà Thanh thống quản Kỳ Anh, Thạch Hà; đặt thêm 1 huyện Cẩm Xuyên lệ thuộc vào phủ đó; đổi Đức Quang thành phủ Đức Thọ, thống quản La Sơn, Hương Sơn, Nghi

Xuân, Thiên Lộc; đặt thêm 3 huyện Cam Cát, Cam Môn, Cam Linh lệ thuộc vào phủ đó, đặt ra tỉnh Hà Tĩnh, thuộc về phủ Anh Sơn Nghệ An; đặt thêm huyện Lương Sơn lấy Thanh Chương, Chân Lộc thuộc vào đó, về sau lại lấy về phủ Trấn Ninh.

Tỉnh này phía Nam giáp giới Quảng Bình, phía Bắc tới Thanh Hoa. Ai Lao ở phía Tây, biển ở phía Đông, núi cao sông sâu, phong thổ thuần hậu, được gọi là thắng địa Nam Châu.

Thanh Hoa là đất Tượng Quận cổ: gồm 4 phủ: phủ Thiếu Thiên, quản 8 huyện: Thụy Nguyên, Vĩnh Lộc, Đông Sơn, Lôi Dương, Yên Định, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Quảng Địa; phủ Hà Trung thống quản 4 huyện: Hoằng Hóa, Phong Lộc, Nga Sơn, Tống Sơn; phủ Tĩnh Gia thống quản 3 huyện: Nông Cống, Ngọc Sơn, Quảng Xương; phủ Thanh Đô thống quản 1 huyện Thọ Xuân; có 3 châu là Khai Lang, Lương Chính, Sầm Châu.

Biển ở phía Đông, Ai Lao ở phía Tây, phía Nam giáp giới Nghệ An, phía Bắc tiếp nối với Thanh Bình, núi sông kỳ tú, vượng khí chung đúc, vốn là đất phát nguồn của triều Lê.

Thanh Bình xưa là Thanh Hoa Ngoại, vốn thuộc Thanh Hoa (gồm 2 phủ: phủ Trường An thống quản 3 huyện: Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khánh; phủ Thiên Quan thống quản 3 huyện: Phụng Hóa, Yên Hoa, Lạc Thổ.

Phía Nam giáp núi Tam Điệp, phía Bắc nối với Sơn Nam Hạ.

Sơn Nam Hạ là nước Lạc Long thời cổ: gồm 5 phủ: phủ Thiên Trường thống quản 4 huyện: Nam Chân, Giao Thủy, Mỹ Lộc, Thượng Nguyên; phủ Nghĩa Hưng thống quản 4 huyện: Đại Yên, Vọng Doanh (về sau đổi là Phong Doanh), Thiên Bản, Ý Yên; phủ Thái Bình thống quản 4 huyện: Thụy Anh, Quỳnh Côi, Phụ Dực, Đông Quan; phủ Tiên Hưng thống quản 4 huyện: Hưng Nhân, Diên Hà, Thần Khê, Thanh Quan; phủ Kiến Xương thống quản 3 huyện: Thư Trì, Vũ Tiên, Chân Định.

Sơn Nam Thượng: gồm 4 huyện: phủ Thường Tín thống quản 3 huyện: Thanh Trì, Thượng Phúc, Phú Xuyên; phủ Ứng Thiên thống quản 4 huyện: Thanh Oai, Chương Đức, Sơn Minh, Hoài An; phủ Lý Nhân thống quản 5 huyện: Nam Xương, Thanh Liêm, Kim Bảng, Duy Tiên, Bình Lục; phủ Khoái Châu thống quản 5 huyện: Đông Yên, Kim Động, Thiên Thi, Phù Dung, Tiên Lữ.

Phía Đông Nam nối với Hải Dương, phía Tây Bắc giáp Kinh Bắc, Sơn Tây: Thời Minh Mệnh lấy 2 huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận thuộc phủ Phụng Thiên và 1 huyện Từ Liêm thuộc trấn Sơn Tây đặt thành phủ Hoài Đức, hợp với 12 huyện của Thường Tín, Ứng Thiên, Lý Nhân để đặt ra tỉnh Hà Nội, thuộc vào Ninh Bình, đặt huyện Chân Ninh thuộc vào Thiên Trường (4 huyện). Lại đặt ra huyện Tiền Hải cùng với huyện Thanh Quan tách ra từ phủ Tiên Hưng, thuộc vào Kiến Xương (3 huyện), hợp với 8 huyện của 2 phủ Thái Bình, Nghĩa Bình để đặt ra tỉnh Nam Định; Lấy 5 huyện của phủ Khoái Châu thuộc Sơn Nam Thượng cùng với 3 huyện của phủ Tiên Hưng thuộc Sơn Nam Hạ để đặt làm tỉnh Hưng Yên, thống quản vào Nam Định.

Sơn Tây là nước Văn Lang cổ: gồm 6 phủ: phủ Quốc Oai thống quản 5 huyện: Từ Liêm, Yên Sơn, Đan Phượng, Mỹ Lương, Thạch Thất, phủ Vĩnh Tường thống quản 5 huyện: Yên Lãng, Yên Lạc, Bạch Hạc, Lập Thạch, Phù Ninh; phủ Lâm Thao thống quản 5 huyện: Sơn Vi, Thanh Ba, Hạ Hòa, Hoa Khê, Tam Nông; phủ Đoan Hùng thống quản 5 huyện: Đông Quan, Tây Quan, Sơn Dương, Đăng Đạo, Tam Dương; phủ Quảng Oai thống quản 4 huyện: Tiên Phong, Minh Nghĩa, Bất Bạt, Phúc Thọ.

Phía Nam giáp Thanh Hoa, Bắc tiếp nối Thái Nguyên, Đông giáp Kinh Bắc, Tây giáp Tuyên Hưng.

Hải Dương là quận Giao Chỉ thời cổ: gồm 4 phủ: phủ Bình Giang thống quản 3 huyện: Đường Hào, Đường An, Cẩm Giàng; phủ Ninh Giang thống quản 4 huyện: Gia Lộc, Tứ Kỳ, Thanh Miện, Vĩnh Lại; phủ Nam Sách thống quản 4 huyện: Thanh Hà, Thanh Lâm, Tiên Minh, Chí Linh; phủ Kinh Môn thống quản 7 huyện: Nghi Dương, Giáp Sơn, Đông Triều, An Lão, Kim thành, An Dương, Thủy Đường.

Phía Nam giáp Sơn Nam, Bắc giáp Quảng Yên, phía Đông giáp biển, Tây giáp Kinh Bắc.

Kinh Bắc là bộ Vũ Ninh thời cổ: gồm 4 phủ: phủ Từ Sơn quản 5 huyện: Đông Ngàn, Quế Dương, Vũ Giàng, Tiên Du, Yên Phong; phủ Bắc Hà quản 4 huyện: Việt Yên, Thiên Phúc, Kim Hoa, Hiệp Hòa; phủ Lạng Giang quản 6 huyện: Phượng Nhãn, Hữu Lũng, Yên Dũng, Yên Thế, Bảo Lộc, Lục Ngạn; phủ Thuận An gồm 5 huyện: Gia Lâm, Lang Tài, Siêu Loại, Văn Giang, Gia Bình.

Phía Nam giáp Sơn Nam, Bắc giáp Thái Nguyên, Tây tiếp nối Sơn

Tây, Đông tiếp nối Lạng Sơn: 5 trấn này trực thuộc thành Thăng Long.

Quảng Yên là quận Giao Chỉ thời cổ: gồm 1 phủ Hải Đông quản 4 huyện: Hoành Bồ, Nghiêu Phong, Yên Hưng, Tân Bình; và 3 châu: Vạn Ninh, Vân Đồn, Vĩnh Yên.

Phía Đông giáp biển, Tây giáp núi, Nam giáp Hải Dương, Bắc giáp Vân Nam.

Hưng Hóa là nước Văn Lang thời cổ: gồm 3 phủ: phủ Hưng Hóa quản 3 huyện: Trấn Yên, Yên Lập, Văn Chân và 2 châu: Văn Bàn, Thủy Vĩ; phủ Gia Hưng quản 1 huyện Thanh Châu và 3 châu: Mai, Việt, Phù Hoa; phủ Tây An quản 10 châu: Lai Châu, Luân Châu, Đàm Châu, Quỳnh Nhai, Chiêu Tấn, Hợp Phì, Tuy Phụ, Hoàng Nham, Phong Tuyền, Tùng Lăng.

Phía Đông liền với Sơn Tây, Tây giáp Vân Nam, Bắc giáp Tuyên Quang, Nam giáp Thanh Hoa.

Tuyên Quang là nước Lạc Long thời cổ: gồm 1 phủ Yên Châu, 1 huyện Phúc Yên và 6 châu: Mai Dương, Lục Yên, Đại Man, Vị Xuyên, Bảo Lạc.

Phía Tây giáp Vân Nam, Đông giáp Sơn Tây, Bắc giáp Thái Nguyên, Nam giáp Hưng Hóa.

Thái Nguyên là nước Âu Lạc thời cổ: gồm 2 phủ: phủ Phú Bình quản 6 huyện: Bình Tuyền, Phổ Yên, Đồng Hỉ, Đại Từ, Tư Nông, Văn Lang và 2 châu Định Hóa, Võ Nhai; phủ Thông Hóa quản 1 huyện Cảm Hóa và 1 châu Bạch Thông.

Phía Nam giáp Sơn Tây, Bắc giáp Kinh Bắc, Tây nối liền Tuyên Quang, Đông giáp Lạng Sơn.

Cao Bằng xưa thuộc Thái Nguyên: gồm 4 châu: Thạch Lâm, Quảng Yên, Thượng Lang, Hạ Lang, nằm về phía Tây trấn thành, giáp giới với Tuyên Quang, Sơn Tây.

Lạng Sơn là đất Lạc Long Cổ: gồm 1 phủ Trường Khánh và 7 châu: Thất Tuyền, Văn Quan, Thoát Lãng, Lộc Bình, An Bác, Văn Uyên, Ôn Châu.

Phía Nam giáp Quảng Yên, Bắc giáp cửa ải, phía Tây giáp liền với Kinh Bắc, Đông tiếp với Cao Bằng. 6 trấn này làm bình phong phía ngoài của thành Thăng Long.

Phủ Phụng Thiên quản 2 huyện Vĩnh Thuận, Thọ Xương, thuộc về thành Thăng Long.

Nguyễn Văn Thành trấn giữ Thăng Long, thống lĩnh khắp cả Bắc Hà, thường đem việc biên giới Hưng Hóa tâu lên, xin đưa thư nhờ nhà Thanh xem xét, đối chiếu cho rõ ranh giới biên cương ở Chiêu Tấn, Lai Châu và Lại Mãnh, Thích Mãnh, Đinh Mãnh, Hiệu Mãnh, Bạng Mãnh, Lộng Mãnh, đề nghị cử quan chức sang họp bàn phân vạch ranh giới. Thế Tổ vì chưa rảnh rỗi việc biên phòng nên gác chuyện đó lại. Lần này Văn Thành về kinh bệ kiến, lại dâng lên 164 bản địa đồ của 11 trấn trong ngoài và các phủ, châu, huyện để Thế Tổ ngự lãm, Văn Thành cũng tâu với Thế Tổ việc đất đai dưới thời bản triều rộng mở hơn hẳn triều Lê trước đây, xin sức cho văn thần làm sách địa dư chí để nêu rõ sự thống nhất của đất nước.

Lại nói sau khi bản triều thu phục Phú Xuân, bề tôi cũ của Tây Sơn là Lê Đình Chính dâng lên vua bản đồ của mười ba đạo thừa tuyên cùng là các cửa quan hiểm yếu và các quận huyện trong cả nước. Thế Tổ xem xong sai quan đo đạc các đường quan lộ từ kinh thông ra bốn phía và các con đường thông ra các trấn, rồi giao cho quan bộ Binh Lê Quang Định kiểm tra biên soạn thành sách *Đại Việt dư địa chí*. Lê Quang Định tâu:

– Biên địa Nam Kỳ xưa nay duyên cách thay đổi nhiều lần so với hình thể hiện tại, những ghi chép trước đây thì chưa được rõ ràng. Xin bệ hạ sức cho các quan trấn nghiên cứu cụ thể từng vùng để tiện thu thập tài liệu về biên soạn thành sách.

Hồi trước Thế Tổ thường duyệt xem địa đồ các doanh, lấy Hương Trà, Phú Vang, Quảng Điền của phủ Triệu Phong đặt doanh Quảng Đức, tức là đất kinh đô Phú Xuân hiện tại (đời Minh Mệnh đổi Quảng Đức thành Thừa Thiên, chia 3 huyện thành 6 huyện: Hương Trà, Hương Thủy, Phú Vang, Phú Lộc, Quảng Điền, Phong Điền), lấy 2 huyện Đăng Xương, Hải Lăng của phủ Triệu Phong cùng với huyện Minh Linh của phủ Quảng Bình đặt thành doanh Quảng Trị, 2 huyện Phong Lộc, Lệ Thủy của phủ Quảng Bình cùng với 2 châu Bố Chính (nội, ngoại) đặt thành doanh Quảng Bình, gọi là Bắc Trực Lệ, phía Bắc giáp Nghệ An, Nam giáp Quảng Ngãi, phía Đông là bờ biển, phía Tây là đỉnh núi Ai Lao, Vạn Tượng. Ba huyện Duy Xuyên, Phong Dương, Hà Đông của phủ Thăng Hoa cùng với 2 huyện Diên Phúc, Hòa Vang của phủ Điện Bàn vẫn giữ là doanh Quảng Nam. Ba huyện Chương Nghĩa, Bình Sơn, Mộ Hoa của phủ Tư Nghĩa vẫn là doanh Quảng Ngãi, gọi là Nam Trực Lệ, phía Bắc giáp Quảng Trị, Nam giáp

Bình Định, phía Đông và Tây là biển và núi cũng giống như Bình, Trị. Đưa doanh Bình Định lên thành trấn Bình Định, phủ vẫn đặt ở Quy Nhơn, quản 3 huyện Tuy Viễn, Phù Li, Bồng Sơn, phía Bắc giáp Quảng Ngãi, Nam giáp Phú Yên, phía Tây là núi, Đông giáp biển (đời Minh Mệnh chia đất Tuy Viễn thành 2 huyện Tuy Viễn, Tuy Phúc, đặt phủ An Nhân, tách Phù Li thành 2 huyện Phù Cát, Phù Mĩ, cùng với huyện Bồng Sơn đặt ra phủ Hoài Nhơn, thống quản về Phú Yên). Đưa doanh Phú Yên lên thành trấn Phú Yên, phủ đặt ở Tuy An, quản 2 huyện Tuy Hòa, Đồng Xuân, phía Bắc giáp Bình Định, Nam giáp Bình Hòa, phía Đông, Tây giống như Bình Định. Phủ Bình Khang đổi làm phủ Ninh Hòa, quản 2 huyện Quảng Phúc, Tân Định, phủ Diên Khánh quản 3 huyện Phước Điền, Hoa Châu, Vĩnh Xương đặt làm trấn Bình Hòa, phía Bắc giáp Phú Yên, Nam giáp Bình Thuận, phía Đông, Tây giống như Phú Yên (đời Minh Mệnh đổi Bình Hòa thành Khánh Hòa, gộp 2 huyện Phúc Điền, Hoa Châu thành 1 huyện Phúc Điền, thống quản vào Bình Thuận). Đưa doanh Bình Thuận lên thành trấn Bình Thuận, đặt phủ Hàm Thuận, quản 2 huyện Yên Phúc, Hòa Đa, nhập trấn Thuận Thành vào đó, phía Bắc giáp Bình Hòa, Nam giáp Biên Hòa, phía Đông, Tây giống như Bình Hòa (đời Minh Mệnh đổi trấn Thuận Thành ra Ninh Thuận, vẫn thuộc về tỉnh Bình Thuận).

Bốn doanh Quảng Đức cùng với Bình Định là đất đai Chiêm Thành thuở xưa. Triệu Tổ ra trấn giữ căn cứ ban đầu Phú Yên cùng với Bình Hòa, Bình Thuận cũng là đất Chiêm Thành được các thánh vương ta mở mang thành đất mới. Doanh Phiên Trấn kiêm thuộc vào Gia Định được đổi thành trấn Phiên An, huyện Tân Bình của trấn này được nâng lên làm phủ, 4 tổng Bình Dương, Tân Long, Phước Lộc, Thuận An của phủ nâng lên thành 4 huyện; phía Bắc giáp Biên Hòa, Nam giáp Định Tường, phía Tây giáp núi Cao Miên, Đông giáp biển (đời Minh Mệnh tác 4 tổng Thịnh Hội, Thịnh Mục, Hòa Lạc, Hòa Đồng của huyện Kiến Hòa, Định Tường đặt ra huyện Tân Hòa, thuộc vào tỉnh Phiên An; vẫn lấy các huyện Tân Hòa, và Phúc Lộc, Thuận An, đặt phủ Tân An; 2 huyện Bình Dương, Tân Long vẫn thuộc phủ Tân Bình, rồi đổi trấn Phiên An thành tỉnh Gia Định thuộc về Biên Hòa). Doanh Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa, huyện Phước Long nâng lên thành phủ, gồm 4 tổng, Long Thành, Phước An của phủ được nâng thành 4 huyện, phía Bắc giáp Bình Thuận, Nam giáp Phiên An, Đông giáp biển, Tây giáp núi. Doanh

Vĩnh Trấn đổi thành trấn Vĩnh Thanh (về sau kiêng húy tên lăng nên đổi thành Vĩnh Long), châu Định Viễn của trấn đổi thành phủ, 4 tổng Vĩnh Bình, Vĩnh An, Vĩnh Định, Tân An của phủ nâng lên thành 4 huyện, thuộc vào đồn Uy Viễn (đời Minh Mệnh chia đồn Uy Viễn thành 2 huyện Tuân Nghĩa, Trà Vinh, đặt phủ Lạc Hóa thuộc vào Vĩnh Long), phía Đông Bắc giáp Định Tường, Nam giáp Châu Đốc, Tây giáp Cao Miên, Đông Nam giáp biển (đời Minh Mệnh đem Định Tường gộp với Vĩnh Long). Doanh Trấn Định đổi thành trấn Định Tường; huyện Kiến An của trấn nâng lên thành phủ, 3 tổng Kiến Đăng, Kiến Hưng, Kiến Hòa của phủ nâng lên thành 3 huyện, phía Bắc giáp Phiên An, Nam giáp Vĩnh Thanh, phía Đông, Tây giống như Phiên An. Trấn Hà Tiên nguyên gồm trên 50 xã thôn xóm, đặt làm huyện Hà Tiên, 2 đạo Long Xuyên, Kiên Giang đổi thành 2 huyện, đặt phủ An Biên để cai quản (An Biên sau đổi thành Khai Biên), phía Nam giáp Châu Đốc, Bắc giáp Cao Miên, phía Tây giáp Xiêm La, Đông Nam là biển. Đồn Châu Đốc cùng với vùng đất khai hoang Hậu Giang lập ra thôn ấp gọi là biên cương mới Châu Đốc, phía Đông Bắc giáp Vĩnh Thanh, phía Nam giáp Hà Tiên, Tây giáp Cao Miên (đời Minh Mệnh đổi đồn Châu Đốc thành tỉnh An Giang, lấy 2 huyện Vĩnh An, Vĩnh Định của phủ Định Viễn đặt ra phủ Tân Thành. Ở phía Đông Hậu Giang, đem các xã thôn lập ra từ trước của đồn Châu Đốc hợp với 2 tổng trích ra từ huyện Vĩnh Định để đặt ra huyện Đông Xuyên; phía Tây Hậu Giang, trích 4 tổng của huyện Vĩnh An làm huyện Tây Xuyên, 2 huyện mới đặt và phủ Tuy Biên thuộc vào Hà Tiên).

Năm doanh Gia Định nguyên là đất Chân Lạp, do nhiều triều đại mở mang, là nơi xuất phát căn bản của Thế Tổ trong sự nghiệp trung hưng, đất đai phì nhiêu, người, vật phồn thịnh, là một trấn trọng yếu ở vùng biên địa phía Nam.

Qua lần hoạch định, các đường ranh giới trải ra chằng chịt. Bấy giờ, Lê Quang Định biên soạn sách *Dư địa chí*, từ kinh sư trở về Nam tận cùng ở Hà Tiên, về phía Bắc lên tới Lạng Sơn, phàm những chi tiết về núi sông hiểm trở, đường sá xa gần, giới hạn cương vực, ngọn nguồn sông suối, cùng là cầu sàn, chợ búa, phong vật, thổ sản v.v... đều được ghi chép đầy đủ.

Tờ biểu dâng sách đại lược viết:

"Nam Việt ta dựng nước, từ Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân

cho đến Đinh, Lý, Trần, Lê trải trên nghìn năm, sách trời còn hạn ở Hoành Sơn. Tiên thánh ta đặt đô, riêng Chiêm Thành, Chân Lạp cùng với bốn châu Quy Nhơn, Hoài An, Quảng Nam, Thuận Hóa đất đai còn hẹp bởi sông Gianh chia cắt. Nhờ ơn trời phù hộ, triều ta từ Đông Phố mà nối tiếp hưng phục phương Nam. Đất đai gom về cương vực của một nhà, một người. Giáo hóa thông từ Bắc tới Nam, nhờ đó mà có dân, có đất. Bản đồ to rộng, hoạch định tỏ tường. Những điều ghi chép trong sách này phỏng theo thể loại của sách Phong tục thông thời Lưỡng Hán, nên đặt tên là Nhất thống dư địa chí. Đất đai cương vực bao la, từ Gia Định cho tới Lạng Sơn, mọi con đường dài bao nhiêu dặm đều ghi tường tận, bắt đầu từ kinh thành tới các biên quận. Trên bản đồ châu rộng trấn to, đông đúc quây quần như các sao chầu về Bắc đẩu trải trước mặt non sông gấm vóc, rạng rỡ quy về đạo gốc. Ghi đầy đủ cho dân triều ta, nước ta khắp bốn phương hay vương đạo thênh thang; tỏ gian nan cho con thảo cháu hiền muôn đời thấy được công lao khai phá".

Thế Tổ xem xong vui mừng, đổi Quang Định giữ chức Lại bộ. Rồi nghĩ tới Nguyễn Văn Trương trấn giữ Gia Định xa xôi đã lâu ngày Thế Tổ chuẩn cho về kinh, lại đưa Nguyễn Văn Nhơn vào làm Trấn thủ Gia Định.

Đúng là:

Mù giăng châu rộng thêm che chở,
Ráng đọng cờ bay trọng anh tài.

HỒI THỨ BA MƯƠI MỐT

Tổng trấn Thành vỗ yên dân đất Bắc
Hậu quân Chất kinh lược loạn sơn man

Lại nói Nguyễn Văn Trương từ năm Gia Long thứ tư (1805) vào Trấn thủ Gia Định có nhiều công lao yên dân khử bạo. Thế Tổ xét Trương hết mình dốc sức lo việc biên cương, muốn cho trở về kinh nhận chức, nhưng khó nỗi chưa tìm được người thay thế. Đình thần tâu rằng:

– Nguyễn Văn Nhơn hồi trước đã trấn giữ Gia Định, suốt hơn năm năm, trông coi việc binh, khuyến khích nghiệp nông, biết sửa sang dân chính, lại rất am tường tình hình biên cương cùng là những thói tệ của quan lại, nên để viên ấy tạm rời kinh sư đi lo việc quốc gia lần nữa.

Thế Tổ bèn lấy Nhơn làm Tổng trấn Gia Định, kiêm Lãnh cơ vụ hai trấn Bình Thuận, Hà Tiên; lệnh cho Trịnh Hoài Đức làm Hiệp tổng trấn. Lại giao cho Nguyễn Văn Hiếu làm Quyền trấn thủ Bình Định; gọi Nguyễn Hoàng Đức về, sai cùng với Lê Chất trông coi việc đắp đường lớn từ Quảng Nam đến Bình Hòa.

Nguyễn Hoàng Đức tâu:

– Thần nghe người nói dân Bắc Hà ngầm có mưu đồ kia khác. Vậy xin bệ hạ sức cho Nguyễn Văn Thành đi tuần tra các địa phương để chế ngự từ khi sự việc chưa xẩy ra.

Duyên do là Bắc Hà hồi đầu mới bình định, việc bắt lính thu tô thuế nặng nề hơn trước. Gần đây chúng dân vất vả vì việc xây đắp Long Thành, tu sửa thành trì các trấn, phu phen tạp dịch càng trở nên phiền khổ. Lại thêm quan lại sách nhiễu trăm bề, khiến người dân không sao kham nổi. Vì thế trong thôn xóm có câu:

Chiếc nón lông gà,
Lòng ta khao khát
Việc quan gia trọng,
Gấp ba lần Tây Sơn.

Thổ phỉ Nguyễn Định Giá ở đạo Thanh Bình [1] nhân đó liên kết với thổ tù ở Thượng đạo vào quấy phá cả ở vùng Thanh Hoa. Nguyễn Văn Thành phát hịch báo cho Trấn thủy Trần Công Lại: "Dân muốn làm loạn, e rằng tướng quân sẽ phải đơn độc mà giữ đất".

Một mặt quan Tổng trấn phi tấu sự việc về kinh.

Thế Tổ sai Chưởng cơ Lê Phước Hưng đóng giữ lũy Hà Trung, Huỳnh Viết Toản chỉ huy chín đội Thị Nội, Thắng Uy ra Nghệ An đóng giữ thay cho Công Lại đem quân đi đánh dẹp. Công Lại tiến đánh phá được sào huyệt giặc. Giá cùng với đồ đảng tán chạy. Thế Tổ lệnh cho tướng trấn thủ Dinh Cầu là Nguyễn Văn Soạn đưa đội vệ binh Long Vũ dời ra đóng ở Thanh Bình để đề phòng dư đảng của giặc.

Khi ấy con cháu nhà Lê là Lê Đoàn và con cháu họ Trịnh là Trịnh Vân nhân vụ biến loạn Thanh Bình bèn chiêu dụ Đặng Trần Siêu ở Chương Đức, Quách Tất Thức ở Sơn Am, và Vũ Đình Khanh, Vũ Đình Lục ở Sơn Nam Hạ tụ tập bọn bất hảo khởi binh nổi loạn. Khắp các vùng Bình Lục, Hoài An, Kim Bảng thuộc Sơn Nam Thượng, Nam Chân, Thiên Trường, Nghĩa Hưng thuộc Sơn Nam Hạ cùng là các nơi ở Hải Dương, Quảng Yên, Kinh Bắc, Sơn Tây đâu đâu cũng có giặc nổi lên như ong. Nguyễn Văn Thành dâng sớ tâu về kinh. Thế Tổ giận Thành không trị nổi dân, để mặc cho Thành tự lo cách dẹp giặc yên dân. Thành sai các tướng chia nhau tới Bắc Kinh, Sơn Tây hiệp đồng với trấn quan tiến đánh quân giặc trong bản trấn. Trấn thủ Sơn Nam Nguyễn Đình Đắc dẫn quân bản bộ có thêm trấn binh Bắc thành tăng viện kéo đi tiễu phỉ ở ba huyện. Chính thống Lê Công Lý cùng Vệ úy Trương Công Lãm đem trấn binh Sơn Nam Hạ tuần tiễu các hạt Nam Chân, Thiên Trường, Nghĩa Hưng. Trấn thủ Thanh Hoa Tôn Thất Chiêm cùng Vệ úy Phạm Văn Xuân tiến công vào Sơn Âm. Tiền quân Phó tướng Trương Tấn Bửu cùng Trấn thủ Hải Dương Trần Công Hiến dẫn quân trong thành chia đường phối hợp với các tướng ở Quảng Yên truy bắt quân phỉ. Quân triều đình tiến đánh ba mươi sáu trận lớn nhỏ. Quân giặc tán loạn lủi trốn vào rừng. Bè đảng đứa đi nộp đầu, đứa bị bắt sống, số còn lại tan vỡ hết. Bên quân triều đình Trương Công Lãm, quản phủ Thiên Trường Đặng Văn Trinh, tri phủ Nguyễn Lượng, Hiệp trấn Sơn Nam Thượng, Nguyễn Khắc Khoan và quản phủ Khoái Châu Lê Đức Kế chết tại trận.

---

1. *Thanh Bình:* tên đạo đời Gia Long. Năm Minh Mệnh thứ hai (1831) đổi là Ninh Bình.

Trước đó, quân giặc giả danh tôn phò nhà Lê để mê hoặc dân chúng. Tổng trấn Nguyễn Văn Thành sai Trần Hựu sáng tác ra khúc ca *Điểm mê* để giảng giải cho dân hiểu. Trong dân gian có người soạn bài ca *Tố khuất* qui tội vì quan lại tham nhũng, nên dân mới phải bỏ đi giặc. Nguyễn Văn Thành sai quan sở tại đi chiêu dụ khắp nơi, dân tình mới được yên. Rồi Văn Thành dâng biểu kể công trạng của các tướng. Thế Tổ ban cho hai vạn quan tiền thưởng, truyền bảo Thành phải tiếp tục dò đuổi tông tích đầu sỏ bọn giặc, truy đuổi đến cùng để diệt hết mầm bạo loạn. Hà Công Thái tâu xin sai người vượt ra ngoài biên cảnh để dò bắt bọn Quách Tất Thúc và Trịnh Vân. Thế Tổ có ý muốn nói riêng với nước Vạn Tượng, nhờ họ bí mật bắt giúp, nên chưa cho phép. Gặp khi con của Chiêu Ấn, quốc vương Vạn Tượng là A Nỗ sai sứ sang tiến cống và trả lại cho ta ba chục tên lính bỏ trốn. Thế Tổ bèn bảo cận thần:

– Vạn Tượng đã chở cống vật sang, lại trao cả binh lính đảo ngũ, như thế đủ thấy họ có lòng thành khẩn. Nếu bọn phỉ Lê Đoàn, Trịnh Vân chạy sang bên ấy, họ nhất định sẽ bắt trói đưa về ta. Vạn Tượng là phên dậu che chở miền thượng đạo của ta, cần hậu thưởng để họ lập công cho ta sau này.

Bấy giờ quan Hình tào Bắc thành là Phạm Như Đăng về triều dâng sớ tâu rằng:

– Bắc Hà xa cách kinh sư, đức hóa rải ra chẳng thấm đều, dân chúng khổ sở tâu lên khó thấu. Xin bệ hạ thường xuyên tuần hành ra ngoài đó xem xét dân tình, chấn hưng việc lợi, trừ bỏ điều hại, làm cho dân chúng thấy được nhân đức của Thánh triều coi khắp chốn như nhau, không phân biệt miền trong, miền ngoài, từ đó họ sẽ vui vẻ qui thuận mà không phát sinh dị tâm.

Đăng lại tâu xin cấp lương cho Bắc thành để nuôi dưỡng binh lính.

Thế Tổ vui lòng chuẩn tấu, thăng Như Đăng làm Thượng thư bộ Hình.

Đăng trở ra Bắc thành gặp khi mẹ của Nguyễn Văn Thành mất, Văn Thành xin nghỉ việc quan về lo việc tang. Vua chuẩn lời xin của Thành, trao cho Phó tướng Trương Tấn Bửu tạm thay công việc Trấn thủ Bắc thành.

Lê Văn Duyệt tâu lên:

– Bắc Hà giặc giã nổi dậy liên tiếp, tất phải có nguyên nhân. Vậy xin sai ngay Lê Chất đi kinh lược Bắc Hà, tra xét tường tận các

vụ việc quan lại xét xử oan uổng, bất công, tập hợp lại thành án để phán quyết, có như vậy mới trừ sạch được nguồn gốc bạo loạn.

Vừa khi ấy có Tham luận Nguyễn Văn Tải tố cáo Lê Chất và Lê Văn Duyệt có âm mưu phản nghịch.

Nguyên là Lê Văn Duyệt cai quản việc quân rất nghiêm khắc, quân tướng không ai dám ho he, ngay đến các bậc huân thần kỳ cựu cũng phải e dè nể sợ. Chất từ khi mới về phụ tá cho Duyệt làm việc rất cẩn thận, phàm các việc hành quân mưu lược, tâu bày công việc tại triều đình, Chất đều bàn bạc với Duyệt. Còn Nguyễn Văn Tải là thuộc hạ của Duyệt ở Tả quân thường khổ sở vì tính nghiêm khắc của Duyệt. Nhân vì việc quân, Tải bị Duyệt trách mắng, bèn tố cáo Duyệt xây dựng đồn lũy, kho tàng, ngầm sai người đi chiêu dụ hào kiệt Bắc thành, lại thường qua lại thì thụt to nhỏ với Lê Chất, nghi là có âm mưu làm phản, Thế Tổ sai bộ Hình xét hỏi, kết tội Tải vu cáo. Thế Tổ phán:

– Lời của Tải dường như cũng có duyên cớ, cần phải cứu xét đến cùng để chấm dứt nghi ngờ về sau.

Lại giao cho đình thần xét hỏi. Tải quả nhiên cứng họng, bị khép vào tội chết. Thế Tổ sai Chất cùng với Nguyễn Hoàng Đức ra Trấn thủ Bắc thành.

Bấy giờ Trương Tấn Bửu đang ở Bắc thành, có giặc cướp biển Tề Ngỗi vào cướp phá ở vùng sông Bạch Đằng. Bửu thân dẫn quân đi đánh, lại sai Bùi Văn Thái đi đánh đám phỉ ở sông Trích Giang, huyện Tiên Minh. Tin báo về, Thế Tổ cho rằng công việc ở Bắc Hà bận rộn, Bửu khó có thể một mình lo liệu xuể, bèn cử Nguyễn Hoàng Đức làm Tổng trấn Bắc thành. Phạm Như Đăng làm Tham hiệp, lấy Lê Chất làm Hiệp tổng trấn. Thế Tổ căn dặn:

– Bắc thành là trấn quan trọng, cai trị phải hết lòng chế ngự, chăm sóc dân chúng cho xứng với ý trẫm.

Cũng trong dịp này, Thế Tổ cho triệu Đặng Trần Thường về kinh.

Lại nói Đặng Trần Thường từ Bắc Hà vào yết kiến, vua cho giữ chức ở kinh. Thường nói với các quan:

– Bọn phiến loạn Bắc Hà thường dựa vào ngoại viện của hải tặc Tề Ngỗi để kiềm chế quân ta. Mà bọn Tề Ngỗi này xưa nay vốn sợ Trung quân Nguyễn Văn Trương. Ta nên tâu xin Hoàng thượng sai quan Trung quân cùng với Tống Phước Lương đem quân đi đánh dẹp, hải tặc bị trừ khử thì loạn quân trong đất liền cũng sợ hãi không dám hoạt động nữa.

Trung quân Nguyễn Văn Trương khi ấy đang ốm nặng ở kinh, các quan chưa kịp để cử thì ông đã mất. Thế Tổ xét Trương có nhiều công lao to lớn, lại biết cẩn thận tuân theo phép tắc, liền ban cho tiền bạc, sai Phó tướng Huỳnh Văn Điểm cùng Tham tri Ngô Nhân Tĩnh lo việc tang lễ.

Sau đó, trấn thủ Gia Định Nguyễn Văn Nhơn tâu về, nói Nặc Ong Chăn báo cho biết quân Xiêm có ý muốn lấy Cao Miên, vậy xin ban cho sách lược đối phó.

Lúc trước con của Nặc Ấn, Quốc vương Chân Lạp tên là Nặc Chăn lên nối ngôi (xét về thời Thái Tông Nguyễn Phúc Tần, chúa Chân Lạp là Nặc Ong Chăn bị Tôn Thất Yến bắt làm tù binh. Nay con của Nặc Ấn cũng tên là Chăn. Đó là vì người Chân Lạp có tên mà không có họ, phàm con cháu của vua đều gọi là Nặc Ong, còn tên thì cứ chọn mỹ tự mà đặt, dù cho ông cháu trùng tên cũng không kiêng ky), lúc bấy giờ Nặc Ong Chăn có sai sứ thần là Ốc Nha Bôn Lịch sang ta cầu phong. Thế Tổ chuẩn cho đổi tên nước là Cao Miên, đúc cho Quốc ấn, lại sai Ngô Nhân Tĩnh và Trần Công Đàn mang sắc ấn sang thành La Bích phong cho Nặc Chân làm Quốc vương. Em của Chăn là Nặc Nguyên chạy sang cầu cứu với vua Xiêm. Vua Xiêm cho Nguyên làm Đệ nhị vương nước Chân Lạp, em của Nguyên là Yêm làm Đệ tam vương. Chăn không chịu nghe theo, Xiêm bèn sai bọn Phi Nhã, Long Mang kéo binh xuống Bát Tam Bang. Nặc Chân lo sợ, vội báo với Gia Định. Phạm Văn Nhơn lại đem sự việc tâu về kinh.

Thế Tổ triệu đình thần bàn bạc đối phó với Xiêm và Chân Lạp. Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt cho rằng nước ta với Xiêm đã kết mối hòa hảo, bây giờ nếu xẩy ra việc binh đao thì cái hại không phải nhỏ. Vậy xin bệ hạ truyền hịch giao cho quân ở biên giới đi tuần tra, xem xét hư thực rồi sau đó tùy cơ xử trí.

Thế Tổ khen lời bàn của Thành, Duyệt rất hợp lý, liền cấp tốc truyền cho Nguyễn Văn Nhơn dẫn quân đi tuần biên. Lại sai Trương Tấn Bửu cầm ấn Tổng trấn, Lê Văn Phong quản Tả doanh Thần Sách vào đóng ở Gia Định. Đến khi quân Xiêm chiếm thành La Bích Nặc Ong Chăn chạy sang Tân Châu đầu hàng ta, Nhơn sai Nguyễn Văn Thụy đem quân hộ tống Nặc Ong Chăn về Gia Định, một mặt tâu sự việc về kinh. Thế Tổ hạ chiếu cho Nhơn cấp tiền gạo hậu đãi, cho ở tại khách quán, tiếp như bậc phiên vương.

Trịnh Hoài Đức nói với Nhơn:

– Việc phiên vương là chuyện phiền phức, hãy gác riêng ra đấy chờ trù tính biện pháp. Nhưng về chuyện thi hương khoa này cần phải xin triều đình cho mở trường thi Gia Định để thỏa lòng mong đợi của sĩ tử.

Nhơn bèn soạn tờ chiếu rằng:

"Việc mở khoa thi, kén kẻ sĩ đã thành qui củ của nước nhà. Những khóa trước, chỉ mở trường thi cho nhân tài Bắc Hà, cũng là bởi Gia Định sau cơn binh đao, việc bút nghiên hoang phế. Nay đất nước thanh bình, kẻ học trò có dịp làm nên sự nghiệp. Chiếu thiên tử ban ra, sĩ tử đến ngày hưởng phúc. Xin cho mở trường thi Nam Kỳ để rộng mở ân huệ kén hiền tài".

Trước đó là năm Đinh Mão, niên hiệu Gia Long thứ 6 (1807), Thế Tổ xuống chiếu mở khoa thi hương vẫn theo lệ cũ triều Lê chia thi ở sáu trường: Nghệ An, Thanh Hoa, Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây. Quan coi thi thì ở trường ngoài đặt đề điệu, giám thí; trường trong đặt giám khảo, sơ, phúc khảo. Phép thi ở đệ nhất trường thi kinh, chuyện, chế, nghĩa mỗi môn một đề; đệ nhị trường thi chiếu, biểu, chế, mỗi môn một bài; đệ tam trường thi một bài thơ Đường luật và một bài phú thể tám vần; đệ tứ trường thi làm một đoạn sách văn. Các trường đều treo bảng đúng kỳ hạn, trúng trường trước mới được vào thi tiếp trường sau. Trúng tam trường là sinh đồ; trúng tứ trường là hương cống được ban áo mũ, thết yến tiệc. Cho phép cứ sáu năm mở một khoa thi.

Khoa Quý Dậu năm ấy theo lệ lại mở trường thi. Thế Tổ cùng Nguyễn Văn Thành bàn việc thi cử, đang định tăng thêm trường thi thì có lời tâu của Văn Nhơn, bèn quyết định ở kinh đô đặt trường Quảng Đức (thi chung cho Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Hòa); Nam Kỳ đặt trường ở Gia Định (thi chung cho Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh, Định Tường, Hà Tiên, Bình Thuận, thi vào tháng 7); Nghệ An, Thanh Hoa mỗi nơi một trường (đạo Thái Bình thi chung với Thanh Hoa, thi vào tháng 3); Sơn Nam, Hải Dương gộp mở một trường Sơn Nam (Quảng Yên thi chung); Sơn Tây và Kinh Bắc gộp mở một trường Thăng Long (thi chung với Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng và Sơn Tây, Kinh Bắc, Phụng Thiên, thi vào tháng 10).

Lệnh đã ban ra, giao cho Nguyễn Văn Nhơn và quan huyện Quảng Đức mỗi nơi dựng một trường thi ở bên ngoài kinh thành, đồng thời sức cho quan trấn Bắc Hà thông tri cho các trấn binh biết mà tuân theo.

Lê Chất nói với Nguyễn Huỳnh Đức.

– Đời Thịnh trị sửa sang qui củ, lấy văn hóa làm cán cân kén tìm kẻ sĩ trong thiên hạ. Nhưng con người ta đâu chỉ kén chọn về văn? Nếu trọng khí tiết thì người lính thường cũng có thể hạch lỗi kẻ công thần, trí mưu thì viên tướng võ cũng có thể tung hoành một vương quốc. Bọn nho sinh nhiều ham muốn mà ít cứng rắn, nếu lấy họ làm chính sự cai trị dân chúng thì chẳng mấy mà cánh quan võ chúng ta bị xếp xó cả. Xin hãy tâu lên để sửa lại việc này.

Nguyễn Huỳnh Đức vội can ngăn mà bảo:

– Chốn trường ốc chỉ xét về văn chương. Đó dẫu chẳng phải quy chế xưa, nhưng nhân tài tất tập trung ở khoa mục, từ đó nảy sinh nhiều khanh tướng. Huống hồ như việc đẩy xe ở Triều Ca, trương cờ ở Châu Đại, kẻ thư sinh há chẳng phải là võ lược hơn người? Tôi với tướng quân lạm giữ quyền chìa khóa, nếu vùng biển nổi lên giặc dữ, mà Đô úy họ Củng không ra công nơi Bột Hải, rừng xanh nhiều lạc thảo, mà Thái úy họ Cao lại để oán ở Đông Kinh, thì những người áo mũ thung dung kia sẽ chê trách ngọn thương của chúng ta. Nay ở Bắc Hà, dư đảng giặc tưởng cũng còn gây nhiều trở ngại cho dân. Một khi chúng thừa cơ sơ hở nổi trống đánh ta thì biết lấy gì đáp mệnh triều đình?

Chợt có tin trấn thủ Thanh Hoa Tôn Thất Chương phi báo bọn Đặng Trần Siêu lại tụ tập bè đảng nổi loạn. Dạo nọ, Siêu đã bị Nguyễn Văn Thành đánh tan, Siêu cùng bọn Lê Đoàn, Trịnh Vân thất lạc nhau, mỗi đứa trốn lủi một nơi trong hang động; bấy giờ nghe tin Nguyễn Huỳnh Đức mới đến nhận chức Tổng trấn Bắc thành mà Lê Chất làm phó, Siêu bèn bảo Quách Tất Thúc:

– Nay kẻ cầm cờ tiết tại xứ Bắc Hà ta đây là con ma đầu hàng ở Đồng Tuyên, bề tôi Nam triều đầu hàng Tây Sơn, rồi lại lừa Tây Sơn mà trở về Nam; kẻ tham hiệp là con quỷ chết hụt ở Trà Đồng, bề tôi Tây Sơn mà hàng Nam triều, rồi lại theo Nam triều mà đánh đuổi Tây Sơn. Đúng là thiên hạ đảo lộn. Những kẻ như thế làm sao hãm ta vào chỗ chết được?

Thế rồi Siêu cùng Tất Thúc bàn mưu với Đinh Thế Đội, Nguyễn Đình Giá, Vũ Đình Lục v.v... tụ hợp đến mấy nghìn người đóng đồn ở Kính Lão (thuộc huyện Mỹ Lương) thừa cơ cướp phá, náo động cả Bắc Hà.

Chất hay tin đảng giặc nổi lên, mới phục Nguyễn Hoàng Đức có tài trí biết trước sự việc, tự xin được dẫn quân đi bắt giặc.

Huỳnh Đức phi báo về triều. Thế Tổ xuống chiếu cho Chất được tùy nghi đánh dẹp cho yên ổn. Chất bèn xuất quân, sai cai đội Ngô Văn Tiến đi đầu. Quân đi tới Yến Vĩ thì gặp phục binh của Đặng Trần Siêu. Tiến bỏ chạy trước, Chất sai đuổi bắt, chém đầu Tiến để cảnh cáo quân sĩ, rồi lại sai trấn thủ Sơn Nam Nguyễn Văn Xuân tiến binh. Đến Thức Cốc, Xuân đánh tan được quân giặc. Siêu và Tất Thức thu tàn quân chạy về tụ tập ở Sơn Âm, cướp phá các huyện Tống Sơn, Phụng Hóa mưu toan đánh úp huyện Thiên Quan. Tôn Thất Chương cùng với trấn thủ Nghệ An Trịnh Ngọc Trí chia quân giữ nơi hiểm yếu để đợi quân của Chất tới, cùng hội quân tiến đánh quân giặc.

Tất Thức hỏi Siêu:

– Bọn ta quân ít lại hết lương, biết làm thế nào?

Siêu bảo:

– Dân Bắc Hà phần nhiều còn nhớ ơn vua Lê, chúa Trịnh; bọn hào kiệt cũng chưa phải đã quên hết. Nay ta hành động vì nghĩa, dẫu phải vươn thân làm lính, ngửa cổ cho đỡ cơn đói lòng cũng có thể làm kinh loạn cả vùng. Nếu như thế lực sa sút thì rút vào rừng núi để mưu tính kế khác.

Bỗng thấy quân của Lê Chất kéo đến đạo Thanh Bình. Siêu dẫn quân bỏ chạy tan tác. Lê Chất đóng quân ở Mai Vi, chiêu tập hào mục địa phương, tuyên bố uy đức của triều đình rồi sai các tướng chiếm giữ các nơi hiểm yếu, dựng đồn lũy, nghiêm lệnh canh giữ chặt chẽ. Lại dựng thêm lũy Chi Nê để cắt đứt đường qua lại của quân giặc. Xong xuôi mọi việc, Chất mới báo tin thắng trận về triều. Thấy Chất không cần tốn sức quân sĩ, giặc mới nghe hơi đã bỏ trốn, Thế Tổ bèn xuống chiếu úy lạo, thăng Chất làm Trấn thủ Bắc thành, đồng thời triệu Nguyễn Hoàng Đức về kinh để hầu đại lễ xây lăng cho Hoàng thái hậu.

Đúng là:

Yên trừ giặc giã công khắc đá,
Sầu thu Trường Lạc não nghe chuông.

HỒI THỨ BA MƯƠI HAI

Nghiêm biên thùy xử lý việc Đá Vạch,
Giúp lân bang bảo hộ đất Cao Miên

Lại nói Hoàng thái hậu băng hà ngày Kỷ Sửu tháng Chín năm Tân Mùi niên hiệu Gia Long thứ 10 (1811), thọ 74 tuổi. Thế Tổ sai đặt linh cữu ở cung Trường Thọ. Quần thần họp bàn, tôn tên thụy là Hiếu Khang hoàng hậu. Bài sách văn viết:

"Kinh Dịch xưng tụng thành vật, Kinh Thi ca ngợi sinh dân. Duy đức dày sánh với trời cao, nên tiếng tốt truyền lưu muôn thuở.

Kính nghĩ: Đại hành Hoàng thái hậu thiên tính nhân từ, mẫu nghi quảng đại, gian khổ giữ lòng trinh, cần cù giúp Nhân khảo. Gần đây nước nhà gặp bước gian truân, mà thần thì hãm thân vòng gian khổ. Người đã đem thân nêu gương kiên thuận, cần cù vì cơ lược lo toan, khiến cho thần tái tạo được quốc gia, nhất thống bốn biển. Tự nghĩ mình nếu không ơn nhờ dạy bảo, làm sao có được ngày nay. Giáo hóa tốt đẹp hòa khắp bốn phương, tuổi thọ thêm cao, vượt ngoài bảy chục, vội bỏ thiên hạ không nuôi, viễn du miền thiên đế. Như trời cao che, muốn báo ơn nhưng không xuể; như đất dầy chở, phải kể đức đến vô cùng. Kính cẩn dẫn quần thần, xin mệnh ở tôn miếu, kính dâng kinh sách, tôn phong là Ý Tĩnh Huệ cung An trinh Từ hiến Hiếu Khang hoàng hậu. Cúi mong linh thiêng soi xét, vẻ vang tiếp nhận đại danh, vào ngự cung riêng, muôn đời hưởng lễ".

Sau đó cho dựng lăng ở núi Định Môn, sung Lê Quang Định làm sơn lăng sứ. Khi hoàn thành, kính đặt tên là lăng Thụy Thánh. Cử Nguyễn Văn Thành, Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Huỳnh Đức làm Chánh, Phó sứ Tổng hộ sơn lăng, Lê Văn Duyệt và Nguyễn Văn Khiêm là Phù liễn sứ, Trần Công Lại làm thủ hộ kinh thành. Nguyễn Đức Xuyên đốc suất binh tượng đi hộ vệ hai bên. Ngày Quý Sửu tháng Tư mùa hạ năm Nhâm Thân (1812) lễ đặt lăng hoàn tất. Bèn đổi Nguyễn Văn Thành làm Khâm sai chưởng Trung quân, giữ lại nhậm chức ở kinh, Nguyễn Huỳnh Đức làm Khâm sai chưởng Tiền quân, vẫn trấn thủ Bắc Thành. Đổi Thần Vũ quân làm Hữu quân,

trao cho Phạm Văn Nhơn làm Khâm sai chưởng Hữu quân, kiêm Giám quân Thần Sách. Sai Tả quân Lê Văn Duyệt lại vào Quảng Ngãi kinh lý giặc Đá Vách.

Thạch Bích thuộc về Quảng Ngãi, núi đá cheo leo, dựng đứng như bức tường. Giặc đặt sào huyệt ở trong núi, nhiều phen gây họa biên giới. Triều ta hồi đầu định dân cư ở đấy đã đặt các đạo cơ binh là Trung kiên, Tiền kiên, Tả kiên, Hữu kiên, Hậu kiên và Nội kiên, chia phiên nhau trấn giữ, dân nhờ đó được sống yên ổn. Thời Định vương Nguyễn Phúc Thuần giặc Man chống mệnh, triều đình cử Cai bạ Trần Phước Thành điều khiển tướng sĩ binh dân của sáu đạo cùng với binh lính Quy Nhơn, Phú Yên dẹp yên được. Hồi Tây Sơn chiếm Phú Xuân, giặc cũng nhiều phen ương ngạnh chống đối. Đến khi Thế Tổ trở về kinh đô, thường lưu ý việc biên cương, lệnh cho trấn quan Quảng Ngãi là Nguyễn Văn Toản bổ sung đội ngũ theo quân số cũ để đề phòng quân giặc. Khoảng đầu niên hiệu Gia Long, người Man gây biến, Duyệt cùng Hữu quân phó tướng Nguyễn Văn Hiếu đã đem quân đến đánh bọn chúng ở Tử Khê, Nhiêu Thủy. Khi Thế Tổ đi tuần phía Bắc, dân Man lại nổi lên, Duyệt vâng mệnh tiến đánh, quân giặc phải bỏ trốn tan tác. Nhưng khi Duyệt thu quân về, chúng lại làm phản như cũ. Lần này vua sai Duyệt dẫn quân đi đánh có Trấn thủ Nguyễn Văn Toản chỉ huy quân sĩ kiên đi theo. Vua dụ rằng:

– Động binh không phải điều hay. Chỉ vì giặc Man gây họa nên mới phải dùng đến quân lính. Nay các tướng sĩ xông pha nơi hiểm trở, dễ sinh tật bệnh. Các khanh phải biết tuỳ cơ mà chiêu dụ hay tiến đánh để yên dân chúng. Bất đắc dĩ cần đánh thì cũng phải đem tình hình tâu về trước đã, không được vội vã tiến quân.

Quân của Duyệt đi tới Đông Dương thì tù trưởng người Man dẫn đầu ra hàng. Duyệt sai chiêu dụ đám người Man hoang dã về sống yên nghiệp, rồi dâng sớ tâu về. Triều đình lệnh cho Trương Phước Phượng cai quản các đạo lính cơ lưu lại giữ Quảng Ngãi phòng ngự người Man, rồi triệu Duyệt dẫn quân về.

Vua nghĩ việc bình Man phải trải mấy tháng ròng gian lao vất vả, bèn ban thưởng cho các tướng sĩ và ban cho cả bọn tù trưởng người Man ra hàng.

Đạo ấy có viên Phó quản cơ Lê Quốc Huy đối xử với dân chúng người Man rất hà khắc, vì thế người Man lại kéo nhau đi nhiễu loạn biên giới. Vua vẫn sai Duyệt dẫn quân đi đánh, đồng thời cho Quyền

lưu thủ Bình Định Nguyễn Văn Hiếu đi theo Duyệt. Thế Tổ dụ rằng:

– Người Man nhiều lần gây động loạn, không thể không đánh dẹp. Nhưng đường sá hiểm trở, không phải dễ gì phá được ngay. Phải khéo léo khu xử để thu phục nhân tâm. Không cần đánh mà người ta phải khuất phục, đó mới là kế sách hay.

Duyệt đến nơi, mật sai Vệ úy Từ và Phó Vệ úy Nhượng giả làm dư đảng Tây Sơn ngầm trà trộn vào trong trại Man để dò la tình hình. Người Man nói với Từ rằng họ vốn không có ý làm phản chỉ khổ vì Lê Quốc Huy hà khắc chịu không nổi, mới bàn nhau chống lại, cũng chỉ cốt mưu cầu cuộc sống mà thôi. Từ nghe xong về báo lại với Duyệt. Duyệt liền bắt Quốc Huy, kể rõ tội trạng rồi xét xử theo quân pháp, tâu xin chém. Người Man biết chuyện kéo nhau ra hàng rất đông. Tin thắng lợi báo về kinh. Vua triệu Duyệt trở về cho giữ chức Thị trung đô thống chế, Nguyễn Văn Khiêm làm Thượng thư bộ Lễ, Đại Đức Siêu làm Lưu thủ kinh thành.

Thế Tổ ngự giá Quảng Nam, sai Phạm Văn Nhơn, Trần Văn Trạc, Lê Quang Định đi trước tiếp nhận đơn khiếu tố của nhân dân, tâu lên vua để hiểu rõ nỗi u uẩn.

Thế Tổ đến Quảng Nam, triệu trấn thủ dinh Quảng Ngãi Trương Phước Phượng tới hỏi về hiện tình giặc Man, Phượng tâu:

– Người Man ngoan ngạnh dựa vào địa thế hiểm trở, hễ quan quân đến thì bỏ trốn, quan quân đi rồi bọn họ lại kêu nhau tụ tập. Bọn này ngang bướng hơn cả giặc Cam Lộ ở Quảng Đức, giặc Ba Phủ ở Thuận Thành. Hơn nữa đất ở đây rộng, quân ta canh phòng không xuể, nếu không có biện pháp thì khó giữ được an ninh.

Vua lại sai Lê Văn Duyệt đi dẹp giặc Quảng Ngãi. Người Man vốn khiếp sợ uy phong của Duyệt, nghe tin Duyệt đến bèn bỏ trốn. Duyệt xem xét địa thế hiểm yếu để tính kế phòng bị lâu dài, rồi tâu lên:

– Sáu đạo lính cơ phòng ngự quá phân tán, khó chế ngự người Man. Vậy xin ở các xã thôn dọc biên giới của ba huyện Bình Sơn, Chương Nghĩa, Mộ Hoa, tùy địa thế mà đặt hai mươi lân liên lạc với nhau, mỗi lân dựng một hai chiến lũy, mỗi lũy đặt ra cai lân và phó lân để cai quản, phối hợp với sáu đạo lính cơ, chia đồn đóng giữ.

Biết Duyệt thấu hiểu tình hình biên cương, Thế Tổ chuẩn cho Duyệt được tùy ý bầy bố. Nhân đó triệu Nguyễn Văn Thành đến hỏi kế sách chế ngự biên thùy.

Lại nói chuyện Nguyễn Văn Thành bấy giờ được sung làm Quốc sử tổng tài, từng viết điều trần về việc binh. Thứ nhất xin đặt nông binh để sẵn sàng trưng dụng, thứ hai xin bắt quân sĩ phải thao luyện những khi nhàn rỗi v.v... Thành còn dâng vua sách *Võ bị chí*. Bấy giờ nhà vua hỏi đến, Thành lại dâng sáu điều về biên cương, trong đó điều thứ sáu nói chế ngự thu phục nước láng giềng để dẹp yên chiến sự biên giới. Vua dụ rằng:

– Nặc Chăn nước Cao Miên muốn dựa vào ta để xin viện binh nhưng ta đã kết giao hảo với Xiêm, giờ nên xử trí thế nào để đưa Chăn trở về nước mà không gây hiềm khích với Xiêm?

Hồi ấy Nặc Chăn lưu ngụ ở thành Gia Định viết thư cho quan trấn Nguyễn Văn Nhơn xin cho quân đưa mình về nước. Nhơn dịch thư rồi dâng lên. Vua đem việc đó hỏi Nguyễn Văn Thành. Thành xin trước hết gửi quốc thư, đem việc đại nghĩa trách Xiêm.

Nguyên là Xiêm vương Chiêu Lục Thư, con của Phật vương, vì chuyện hai phụ thần của Cao Miên là Cao La Hâm và Mang Trà Trị Biện từng được thụ phong của Xiêm, bị Nặc Ong Chăn giết, bèn có ý muốn đánh Nặc Chăn, đã sai Phi Nhã Phì Phạt đem hiến phương vật, đồng thời kể tội Nặc Ong Chăn tàn ác. Vua ta sai Nguyễn Văn Thành thanh minh là vì bọn La Hâm, Trị Biện âm mưu phản nghịch, Chăn lấy quyền quốc quân giết đi, cũng giống như viên quan coi biên giới giết kẻ cấp dưới không tuân quân pháp, như thế sao coi là có tội? Huống hồ nước Xiêm phong cho hai tên kia là không đúng phép, vì thế gây ra hằn thù mà dẫn đến tai vạ, sao có thể chỉ trách cứ Nặc Chăn?. Phì Phạt nghe xong nhận lỗi từ tạ về nước. Đến lúc này, nhân việc Chăn cầu viện binh, Thế Tổ mới sai Thành viết thư trách Xiêm. Người Xiêm tự biết mình sai, liền viết thư sang tạ rằng:

"Trước nay vốn muốn giảng hòa cho anh em Chăn, nhưng Chăn không tự biết điều đó, bỏ nước mà đi. Quân Xiêm đóng kho phủ, sửa thành lũy là để đợi Chăn về. Nay Chăn đã vào ở Gia Định, việc xử trí thế nào xin tùy triều đình quý quốc xét quyết".

Thế Tổ lệnh viết thư trả lời, hẹn cùng hội binh đưa Chăn về nước. Lại đưa tờ thư của Xiêm cho Chăn xem rồi dụ rằng:

– Người Xiêm vốn không có ý đưa vương về nước. Sở dĩ trẫm buộc Xiêm hội quân là bởi trẫm muốn không để mất hòa khí giữa Vương với người Xiêm. Nếu người Xiêm thất tín, gây thù oán thì đó

là lỗi của Xiêm, trẫm đã có tính toán cả rồi.

Vua muốn để một viên đại tướng đi trước hội bàn việc đưa Chăn về nước, bèn triệu Nguyễn Văn Thành về kinh, sai Lê Văn Duyệt giữ chức Tổng trấn Gia Định, Trương Tấn Bửu làm Phó tổng trấn, Ngô Nhân Tĩnh làm Hiệp tổng trấn; thăng Nguyễn Văn Xuân làm Tả quân phó tướng, chỉ huy quân Thần Sách Thanh Nghệ cùng với tượng binh của năm quân Bắc thành, tất cả hơn ba nghìn người theo Duyệt đi trấn thủ. Duyệt tới nơi thì vua Xiêm cũng sai Phi Nhã Ma Ha A Mạc đến Gia Định. Duyệt báo tin về. Thế Tổ cho Duyệt và Nhân Tĩnh dẫn thủy binh gồm một vạn ba nghìn người đưa Chăn về nước, Ma Ha A Mạc dẫn sứ bộ đi theo. Đó là vào tháng Hai, mùa xuân năm Gia Long thứ 12 (1813). Quân ta đến Long Úc, các tướng Xiêm là Phi Nhã Phi Sai Phủ Liên Tháp ra viên môn vái nhận chiếu thư. Nặc Chăn vào thành La Bích. Văn Duyệt sai Cao La Sâm đem 500 quân đi hộ vệ. Trước đấy Xiêm cho rằng quân ta lặn lội đường xa, binh lính tất không đông, nên bề ngoài ra vẻ hòa hảo xong bên trong lại tu sửa binh dị, ngầm thừa cơ đánh úp. Nhưng khi Duyệt đến, thanh thế lừng lẫy, khiến người Xiêm khiếp sợ không dám động cựa. Duyệt giữ nghiêm hiệu lệnh, cấm cướp bóc vì thế dân Chân Lạp được yên ổn. Quân Xiêm ở lại Long Úc lâu không chịu về, hứa hẹn đưa em Nặc Chăn là Nặc Nguyên về mà vẫn chưa thấy. Duyệt dâng sớ về triều tâu rằng:

– Người Xiêm muốn chiếm Chân Lạp nên mới giữ Nặc Nguyên làm bửu bối. Nước ta muốn che chắn Gia Định cũng phải lấy Nặc Chăn làm Phiên vương. Ta đưa được Nặc Chăn lên thì người Xiêm bị bất lợi nhiều. Vua Xiêm chưa chắc là không có mưu đồ, mà Phiên vương chưa chắc là không có lo ngại về sau. Nay quân ta đóng lại đây lâu tất mệt mỏi sĩ tốt, tốn kém tiền của. Nhưng nếu rút về thì Phiên vương thế cô lực yếu, không phòng bị được. Hơn nữa thành La Bích nhỏ hẹp không thể cố thủ. Vậy xin đắp thành Nam Vang cho Phiên vương ở, lại đắp thành Lư Yêm để đóng trọng binh. Đợi khi thành đắp xong ta sẽ lưu một số quân ở lại bảo hộ cho nước ấy, còn đại binh sẽ rút về Gia Định, chờ xem động tĩnh. Như thế tình hình khó khăn hay thuận lợi ta đều tính toán được cả.

Thế Tổ nghe theo, sai Duyệt đem thủy quân chiếm cứ sông Xà Năng, bộ binh thì đóng đồn ở các nơi hiểm yếu, rồi đưa thư trách Xiêm. Xiêm vội lui quân về Bát Tam Bang, sai Nặc Nguyên lấy tình anh em tạ lỗi với Nặc Chăn, rồi cho quân Xiêm rút về nước. Quân ta

xây hai thành Nam Vang và Lư Yêm, trong thành dựng đài An Biên, trên đài xây Nhu Viễn đường làm nơi cho Phiên vương bái vọng. Nặc Chăn sợ Xiêm, xin quan ta bảo hộ cho. Duyệt dâng sớ tâu về. Thế Tổ truyền lệnh cho Duyệt rút quân về kinh lý công việc ở thành Gia Định, lưu Nguyễn Văn Thụy cùng một nghìn quân sĩ giữ thành Nam Vang; thăng Trần Công Đàn làm Tả tham tri bộ binh hiệp đồng bảo hộ.

Nặc Chăn dâng tám mươi con voi. Duyệt cho rằng nước phiên mới dựng lại, kho tàng còn trống rỗng, xin được xuất tiền trong kho gửi trả cho đúng giá trị. Thế Tổ chuẩn cho chi tiền.

Văn Thụy ở Cao Miên thường chuyên quyền quyết định mọi việc khiến Nặc Chăn nghi ngờ sợ hãi. Thế Tổ được tin bèn triệu các công khanh nghị bàn. Nguyễn Văn Thành cho rằng Chân Lạp vốn là thuộc quốc của ta, nhiều đời kính trọng ta. Nay nước ấy non yếu mà triều đình nhận bảo hộ, đó thực là hành động có nghĩa. Nhưng việc bảo hộ tức là củng cố cho họ tồn tại chứ không phải giám sát trông coi nước họ. Xin lệnh cho bọn Thụy đóng riêng ở La Bích, để cho phiên vương được xử trí công việc, như thế nhân tâm sẽ tự yên. Thế Tổ nghe theo kế sách ấy, xuống chiếu cho quan bảo hộ Cao Miên từ nay phàm các việc quốc gia thì cứ để mặc cho vua nước ấy xét xử, chỉ trừ có công văn giấy tờ mới tham gia xem duyệt cho phù hợp với sự thể. Thế Tổ sai Lê Văn Duyệt phi báo cho Văn Thụy biết mà tuân hành.

Duyệt tâu xin ủy cho Nguyễn Văn Xuân trông coi việc đắp đồn lũy Châu Đốc để giữ nghiêm biên giới. Vua chuẩn y. Ít lâu sau Thế Tổ sai Nguyễn Văn Thành hộ giá đi Quảng Nam, nhân đó bàn việc phòng bị bờ biển. Thế Tổ sai Thành trông coi việc xây hai đài Điện Hải và An Hải. Lại theo lời Thành đặt Bảo hóa cục ở Bắc thành, lấy Trương Văn Minh làm Đại sứ, lệnh cho Phó tổng trấn Bắc thành Lê Chất trông coi việc này.

Chất cùng với Tổng trấn Nguyễn Hoàng Đức sớ tâu trấn thủ Hải Dương Trần Công Hiến làm chính sự có thành tích đặc biệt xin được khen thưởng.

Đúng là:

Yên đất Trịnh công tích hơn Tề Bá,
Trị nước Thục tài năng át Tống hầu.

HỒI THỨ BA MƯƠI BA

Điện Thanh Hòa, Hoàng Thái tử lên ngôi,
Cứu Văn Thuyên, Vũ Lan Trì xuống ngục.

Lại nói Trần Công Hiến làm Trấn thủ Hải Dương, gặp năm trong hạt bị bão lụt, dân tình đói kém. Hiến bèn lập nhà chẩn tế ở cổng trấn, dân nghèo đến xin ăn cứ tính theo nhân khẩu mà cấp phát, nhờ thế cứu sống được rất nhiều người. Đối với những nơi mùa màng bị thiệt hại nặng thì cho vay thóc giống, đến khi thu hoạch sẽ hoàn trả. Hai huyện Vĩnh Lại, Tứ Kỳ ở gần biển nước mặn dâng lên gây khó khăn cho canh tác, Hiến đốc thúc dân chúng đắp bịt kín các cửa khe Động Quất, Nội Đan, Kinh Bìa, lại cho xây kè ngăn nước biển, giữ được hơn tám nghìn mẫu ruộng hè, đem lợi cho dân rất nhiều nên mọi người đều gọi kè ấy là kè ông Trần. Thế Tổ biết công trạng của Hiến, bèn ban chiếu khen thưởng.

Khi ấy giặc giã nổi lên ở Thanh Hoa, Trấn thủ Trần Công Lại phát binh đi dẹp, giặc bỏ chạy lên vùng thượng đạo, Hà Công Thái bắt sống được hơn ba chục tên. Vua khen công trạng sai Nguyễn Hữu Nghị mang vàng lụa tới ban tặng. Cũng trong dịp đó Thế Tổ sức cho Lê Văn Duyệt ở thành Gia Định sát hạch quan lại trong trấn để làm trong sạch các phủ huyện. Trấn thủ Hà Tiên lúc bấy giờ là Trương Phước Giáo chăm lo chỉnh đốn trại quân, chiêu tập nhân dân, dựng trường học, khai khẩn ruộng đất, hoạch định đường sá, chợ búa, sắp xếp địa bàn cư trú cho người Man, người Thanh, người Chân Lạp, người Chà Và được quây quần sinh tụ. Hà Tiên trở thành một nơi đô hộ lớn ở biên thùy phía Nam. Duyệt đem sự việc tâu lên, vua rất khen ngợi, sai Duyệt chuẩn lời khen Phước Giáo.

Duyệt nghe tin việc tang Hoàng hậu, vội dâng biểu xin về kinh. Vua nghĩ công việc ở thành còn rất bận rộn, bèn xuống dụ không cho Duyệt về.

Hồi còn long đong, Thừa Thiên Cao hoàng hậu theo hầu Hoàng thái hậu, nếm đủ gian lao nguy hiểm. Hậu thường tự dệt vải, may chiến phục cấp cho quân sĩ. Hậu cũng thường đi trong quân. Có lần đi

thuyền gặp giặc, Vua đốc thúc quân sĩ cố sức đánh trả, Hậu cũng vung mái chèo trợ chiến. Binh lính thấy vậy thêm phấn chấn; đánh bại được giặc. Khi Thế Tổ sang Xiêm có tặng Hậu một nén vàng để làm tin. Đến lúc bình định xong thiên hạ, Hậu đem nén vàng trình lên. Thế Tổ bảo:

– Chút vàng để làm tin thuở gian nan, nay nên giữ lại để cho con cháu biết.

Sau bà được tấn phong Vương hậu. Ngô Vị vâng mệnh thảo sắc văn, đại lược viết:

"Vận gặp bước gian truân, vui có được bạn hiền. Gian khổ giương cờ Thang, Vũ, cùng trẫm chia oán nhục tám chín đời tiên vương; xa xôi vượt thành Thục, đường Tần, theo trẫm trải phong trần ba chục năm ngoài lân quốc. Vất cả dốc chí kiên trinh dịu dàng nêu cao đức tốt. Thuở Trường Lạc giúp tròn đạo hiếu, thân lo toan ngự thiện thơm ngon; chốn Cối Kê chia xẻ đắng cay, tự xe dệt vải gai cùng mặc. Cởi trâm nơi ngõ hẻm, bao phen sửa lỗi giúp vua, trông lửa ở minh đình, nhiều lúc liệu tìm ăn mặc. Miếu đường hương khói, gót thơm chung một nỗi dầm sương. Quân đội gian lao, mày liễu dãn co nghe trống thúc. Nếm đủ âu lo, gửi lòng thành thực, vâng lời dạy bảo, tỏ đức nhu mì. Chăn gấu che vua Hán, chẳng thẹn với Phùng Cơ, cưỡi ngựa dấy nghiệp Chu, vẻ vang như Khương nữ".

Vua phán rằng lời văn chân thực, không tô vẽ.

Hậu mất ngày Ất Mùi tháng Hai, mùa xuân năm Giáp Tuất, niên hiệu Gia Long thứ 13 (1814), thọ 54 tuổi, thi hài quàn ở điện Khôn Nguyên.

Thế Tổ giao cho triều thần nghị bàn tấn tôn thụy hiệu, sau đó sai Khâm sai chưởng hữu quân kiêm giám Thần Sách quân Liêm quận công Phạm Văn Nhơn và quan Thượng thư bộ Lễ Hưng Nhượng hầu Phạm Đăng Hưng bưng kinh sách, kim bảo tấn tôn tên thụy cho hoàng hậu là Giản cung Tê hiếu chính thuận nguyên hoàng hậu, sung Trần Đăng Long làm sơn lăng sứ, vâng mệnh xây Thọ lăng ở núi Thụ sơn xã Định Môn, an táng theo quy chế cổ, đặt tên làng là làng Thiên Thụ. Nguyễn Văn Thành và Nguyễn Văn Nhơn được sung làm sơn lăng tổng hộ chánh, phó sứ, Nguyễn Đức Xuyến làm Phủ liễn sứ, Phó đô thống chế Nguyễn Văn Trí, Thị trung hữu thống chế Trương Phúc Đặng làm thủ hộ kinh thành. Ngày Nhâm Dần tháng Ba, mùa xuân năm Ất Hợi (1815) an táng hoàng hậu ở lăng Thiên Thụ, mé

phải Huyền cung. Ngày Ất Tị đặt thần chủ ở điện Hoàng Nhân, hoàng tử thứ tư vâng mệnh đứng ra làm chủ lễ.

Bấy giờ vua ở ngôi tuổi đã cao mà việc chọn người kế thừa vẫn chưa quyết. Vua triệu Nguyễn Văn Thành vào nội điện hỏi riêng:

– Hoàng tôn Đán còn nhỏ, trong mấy người con của trẫm, khanh thấy ai đáng được lập?

Thành trả lời:

– Cháu đích tôn kế thừa, xét về lễ là chính đáng. Nay Bệ hạ lựa chọn khác đi, thì biết con không ai bằng cha, đó không phải là điều thần dám dự biết.

Sau đó Thành mời riêng một số triều thần đến nhà mình bàn rằng:

– Hoàng tôn Đán là người xứng đáng, chúng ta nên tâu vua xin lập thừa kế cho Hoàng tôn.

Trịnh Hoài Đức ngăn rằng:

– Đây là đại sự của triều đình, tất phải để Thánh thượng tự ý quyết đoán. Nay bọn ta nếu tham công vá trời, mưu tính riêng này khác thì tội đó thực nặng lắm.

Thành bèn thôi. Về sau cứ mỗi khi triều thần nhắc lại việc xin lập ngôi hoàng trừ, vua đều trầm ngâm không nói. Đến khi có tang Hoàng hậu, quần thần có người xin để Hoàng tôn Đán bưng lễ, vua mới bảo:

– Hoàng tử thứ tư là con của hoàng hậu, đã có khế ước. Hoàng hậu đã đem tín kim ban cho hoàng tử thứ tư, vậy nên để hoàng tử thứ tư làm chủ lễ. Kế sách lớn của Quốc gia không thể câu nệ như nghi lễ trong gia đình.

Nguyễn Văn Thành cho rằng như thế xưng hô trong văn khấn sẽ khó khăn. Vua nói:

– Con vâng mệnh cha đứng ra tế mẹ, thế là danh chính ngôn thuận, có gì không được?

Thế rồi quyết định để hoàng tử thứ tư chủ lễ. Lễ táng hoàng hậu xong, vua lệnh triệu tập Lê Văn Duyệt về hầu đại lễ sách lập Hoàng Thái tử.

Trước đó, Duyệt từ Gia Định vâng triệu về kinh. Gặp khi dân Thượng Quảng Ngãi quấy nhiễu biên thùy, trấn phủ Phan Tiến Huỳnh đem quân đánh dẹp không được. Vua sai Nguyễn Văn Tịnh cai

quản vệ binh Tả bảo, Nguyễn Văn Tuyên cai quản vệ binh Hữu bảo, theo Văn Duyệt tiễu phỉ. Văn Duyệt tới nơi, người Thượng bỏ chạy hết. Duyệt cho đắp một lũy dài dọc biên, cho sáu cơ binh đóng giữ, đặt tên là đạo Bình Man.

Duyệt biết ý vua muốn lập hoàng tử thứ tư, bèn tâu rằng:

– Nước có bậc quân trưởng, đó là phúc cho xã tắc, hoàng tử thứ tư xứng đáng kế vị Hoàng thượng.

Hoàng tử thứ tư năm ấy 26 tuổi, có Lễ bộ Đặng Đức Siêu làm phụ đạo chỉ bảo cho nhiều điều bổ ích, có tiếng là bậc hiền minh, nhân hiếu, các đại thần đều có ý tôn lập. Vua mệnh cho bộ Lễ sửa soạn lễ cáo Giao miếu, sai Tham tri bộ Lại Phạm Quang Triệt làm quan phụng chiếu, Thượng thư bộ Hộ Nguyễn Đình Đức làm quan tuyên chiếu, đến ngày mười một tháng Sáu năm Gia Long thứ 15 (1816) sách lập hoàng tử thứ tư làm Hoàng Thái tử, ngự ở điện Thanh Hòa, cử Nguyễn Hoài Quỳnh làm quan phụ đạo. Phàm những việc lớn Quốc gia và quân đội đều phải trình Thái tử quyết định, sau đó mới tâu lên vua.

Xiêm La, Cao Miên sai sứ sang chúc mừng, nhờ quyền trấn thủ Gia Định Trương Tấn Bửu tâu lên. Bửu tâu về, nhân đó xin cử người ra quản việc trấn. Vua sai Nguyễn Huỳnh Đức làm Tổng trấn Gia Định. Huỳnh Đức gần đây từ Bắc thành xin về nghỉ dưỡng bệnh tại Bình Định, nay nhận lệnh mới lại thu xếp lên đường ngay. Về kinh, Huỳnh Đức vào yết kiến Thế Tổ rồi tâu rằng:

– Thần vốn bất tài, nay đi trấn thủ ở nơi có nhiều chuyện gay cấn, công việc dồn tích, e một mình không kham xuể, xin bệ hạ chọn người cho làm phó trấn.

Vua bèn xuống chiếu sai Lại bộ Trịnh Hoài Đức vào làm Hiệp tổng trấn Gia Định. Hoài Đức từ tạ ra đi.

Quan bộ tâu lên: Quan trấn Bắc thành là Lê Chất dâng sớ kể tội Đặng Trần Thường không theo pháp luật. Nguyên Đặng Trần Thường vốn có hiềm khích với Lê Chất. Khi Chất được thăng tước Quận công, Thường nói với mọi người rằng:

– Chất mà làm Quận công thì bọn ta đáng phải làm Thập quận công!

Khi Chất được thăng chức Bình Tây tướng quân, Thường bảo:

– Chất mà làm tướng Bình tây thì ai bình Chất?

Chất biết chuyện căm tức lắm. Đến khi ra trấn Bắc thành, nghe được chuyện trước đây khi trong thành sửa sang kê khai lại thần tích, Thường đã che dấu tội xâm lấn phương Nam để liệt kê lẫn cả Hoàng Ngũ Phúc vào điển thờ, lại vì thân quen mà kê khai là phúc thần. Viên Tham tri bộ Lễ Nguyễn Gia Cát cùng hùa theo mà mạo cấp sắc phong. Sự việc bị phát giác ra, Đặng Trần Thường bèn dâng sớ hặc tội. Vua giao cho đình thần xét định. Nguyễn Văn Thành cho rằng Thường tuy có lỗi, nhưng vì lấy công bù tội thì có thể giảm nhẹ được. Vua cho Thành bênh kẻ có tội, hạ chiếu trách phạt Thành. Triều đình nghị tội Đặng Trần Thường tội đáng bị cách, còn Gia Cát tội đáng chết. Tham biện Hình bộ sự vụ Lê Bá Phẩm nói:

– Thường với Cát cùng một tội mà lại xử phạt khác nhau như thế không phải là hình luật. Cả hai đều phải xử tội chết mới phải.

Vua phán:

– Phẩm nói thế là xác đáng lắm!

Rồi bắt Thường và Cát giam lại đợi đem chém. Về sau vua thương Thường đã có công phò nghĩa, cho giảm tội, được lưu cư tại kinh. Ít lâu sau, Lê Chất lại dâng sớ nói Thường chiếm đoạt nhiều đầm, hồ, giấu diếm các khoản thuế đinh, thuế điền, xin bắt lại để xử tội chết. Thường bị bắt nằm trong ngục, uống rượu nói văng mạng, lại làm bài *Vương tôn phú*, tự ví mình với cảnh ngộ Hàn Tín, lời lẽ oán trách. Triều đình bèn khép tội chết.

Thường bị treo cổ, tịch thu hết gia sản. Nguyễn Gia Cát thì bị giáng xuống làm dân thường. Cát nói với mọi người:

– Thường coi khinh phép vua, chết là đáng lắm. Còn tội tôi là lầm nghe theo Thường. May được đội ơn vua, giữ được cái đầu trên cổ, ơn ấy Cát tôi thực cắn cỏ ngậm vành, đến kiếp sau cũng không trả hết. Chỉ thương cho Nguyễn Văn Thành gặp phải đứa con bất hiếu, bị các đại thần oán trách nặng nề, xét theo phép thì khó mà giữ được vẹn toàn.

Nguyên con của Thành tên là Thuyên, đỗ Cử nhân khoa Quý Dậu (1813), thích dùng văn thơ giao du với tân khách. Nghe đồn Nguyễn Văn Khuê, Nguyễn Đức Nhuận ở Thanh Hoa có văn tài nổi tiếng, Thuyên bèn làm bài thơ, sai gia nhân là Nguyễn Trương Hiệu cầm đi mời hai người. Bài thơ có câu:

Thử hồi nhược đắc sơn trung tể,
Tá ngoãi kinh luân chuyển hóa cơ.

Dịch:

> Phen này giá được ông chúa núi
> Ngang dọc giúp ta chuyển hóa cơ.

Lời thơ hơi có ý tứ ngỗ nghịch. Tên Hiệu đem bài thơ cho Nguyễn Hựu Nghi xem. Nghi xúi Hiệu tố cáo với Lê Văn Duyệt. Duyệt và Thành xưa nay vốn có nhiều ý tứ không hợp nhau, Duyệt nhân cớ ấy bèn làm cáo trạng, kể tội phản nghịch của Thuyên. Thế Tổ xem xong thấy tội trạng chưa có gì rõ ràng, cứ gác lại để xem sao đã, rồi gửi trả tờ cáo trạng. Hiệu giữ luôn tờ giấy ấy để nhiều lần bắt Thuyên phải nộp tiền hối lộ. Có lần Hiệu đón Nguyễn Văn Thành ở giữa đường, níu áo đòi tiền thưởng. Thành bất đắc dĩ phải bắt cả Thuyên và Hiệu tống vào ngục huyện Quảng Đức, rồi tự vào triều tâu trình sự việc. Thế Tổ giao cho triều thần xét hỏi, Thuyên và Hiệu phải đối chất biện bác. Lời nói của Hiệu tỏ ra không có chứng cớ xác thực. Thế Tổ nghĩ Thành có công lớn với nước, cho phép Thành vẫn được hầu triều. Lại lệnh tha cho Thuyên được về nhà. Ở phủ Quảng Trị có viên Ký lục Nguyễn Duy Hòa vốn oán ghét Thành, nhân về triều bệ kiến, hắn kẹp trong tay áo bức thư hặc tội Nguyễn Văn Thành. Đại khái trong thư hắn nói Nguyễn Thuyên ngầm mưu làm điều bất hợp pháp, đến khi sự việc tiết lộ ra, Thành chẳng những không đến cửa khuyết đợi tội mà vẫn mũ áo nghênh ngang đứng trên của triều đình, thực không ra thể thống gì cả. Thành lại còn tiến cử Trần Hữu là một tên giặc phỉ, che giấu cho hắn tội cưỡng dâm vợ người, ngấm ngầm kết bè đảng, làm theo tư ý, lại còn xây cất phần mộ cho mẹ vượt thể cách quy định trái đạo làm bề tôi, tội không gì nặng bằng. Nếu bệ hạ thương xót y có công, thì cũng cứ giao y cho triều đình nghị xét, dùng pháp luật uốn nắn, xong rồi gia ân bảo toàn cho y. Như thế mới giữ được phép nước mà kẻ gian thần thấy vậy cũng phải sợ hãi.

Sau đó triều đình nghị xét, Nguyễn Văn Thành biện bạch được hết. Bấy giờ có việc lễ Nam Giao, các quan có người bảo Thành không xứng đáng tham dự. Vua phán:

– Thành là kẻ trọng thần. Con của ông ta phóng túng, phạm lỗi ngỗ nghịch, sự việc còn chưa rõ, sao có thể chỉ nghe thiên lệch một bên?

Rồi vẫn để Văn Thành cùng với các bề tôi huân cựu dâng lễ tế Giao.

Một hôm, vào lúc bãi chầu, vua vừa bước vào đến cửa thì Thành níu áo vua, khóc mà tâu rằng:

– Thần từ nhỏ đến lớn theo hầu hạ cho đến ngày nay, tự xét thấy mình vô tội. Nay bị rơi vào vòng hãm hại, bệ hạ lẽ nào lại nhẫn tâm nhìn bọn chúng giết thần mà không rủ chút lòng thương giải cứu cho thần hay sao?

Bấy giờ Nguyễn Đức Xuyên lớn tiếng nói:

– Khanh có tội hay vô tội đã có công nghị ở chốn triều đình, sao lại dám vô lễ như thế!

Rồi quát Thành lui ra. Từ đấy có lệnh cấm không cho Thành vào tham dự triều nghị.

Vua nói với các đại thần hầu cận:

– Thuyên không có tâm làm phản, sao lại làm thơ ngỗ ngược như thế?

Vũ Trinh [1] là thầy học của Thuyên, ý muốn bênh vực cho Thuyên bèn tâu:

– Bài thơ ấy cố nhiên là thô thiển, ngỗ ngược. Nhưng trong đó có câu "Hang tối tỏa hương xa nghìn dặm", chữ "hương" đáng lẽ dùng chữ trên thảo đầu, dưới chữ Đông, bộ ngoài là chữ môn [2] , vì kiêng quốc huý nên đổi là Hương. Như vậy dường như không có ý phản nghịch.

Vua nổi giận vì thói bè đảng bênh nhau, bèn cách hết chức tước của Vũ Trịnh rồi tống ngục. Nhân đó sai Lê Văn Duyệt tra xét Nguyễn Văn Thuyên. Duyệt chỉ mới sai tra tấn chút đỉnh, Thuyên đã phải khuất phục ngay. Thành hoảng sợ xin tạ tội. Thế Tổ đưa tờ biểu tạ tội cho các quan xem. Phạm Đăng Hưng tâu:

– Lời lẽ của Thành không rõ ràng, muốn đem trí mọn lừa dối triều đình, xin tạ tội mà dường như không thật lòng.

Quần thần xin hạ ngục. Vua phán:

– Thành cố nhiên có tội, nhưng về lễ đối đãi với kẻ đại thần thì cũng nên có khu xử khác.

Rồi nhà vua ra lệnh thu hồi ấn tín của Thành, cho trở về nhà riêng. Sai Nguyễn Văn Nhơn kiêm giữ ấn vụ Trung quân của Thành. Án dâng lên, quần thần nói theo phép thì cha con Thành phải đáng

---

1. Vũ Trinh tự Nguyên Hanh, hiệu Lan Trì.

2. Tức chữ *Lan:* lệ kiêng húy đời Nguyễn trong các văn bản không được dùng chữ này, phải tìm chữ đồng nghĩa mà thay vào.

tội chết. Tham tri bộ Lại Trần Văn Tuân cho rằng vụ án Nguyễn Thuyên là do Lê Văn Duyệt bày đặt ra, bèn nói với Duyệt:

– Trung quân Thành công trạng không kém gì quan Tả quân. Nay tình cảnh của Trung quân như thế này, không biết ngày sau Tả quân sẽ ra sao?

Duyệt có ý muốn hòa giải. Tuân bèn dâng sớ tâu Thành không biết dạy con là tội nhẹ; Nguyễn Duy Hòa vu cáo bậc đại thần mới là tội nặng. Vua bảo:

– Như thế là khóa miệng người khác, chẳng phải là bè đảng hay sao?

Rồi vẫn sai đình thần nghị xét lại vụ án. Vừa trong dịp này, con cháu nhà Lê là Diên Tự công Lê Duy Hoán mưu làm phản, bị các quan Bắc thành tra xét tống ngục, giải về kinh. Bộ Hình xét hỏi, Duy Hoán khai Nguyễn Văn Thuyên viết thư xui làm phản. Quan bộ Hình tâu lên, đình thần xin bắt trị tội tất cả. Vua liền ra lệnh bắt Thành và các con giam cả vào quân xá ngự dinh. Đình thần hội cả ở nhà Vũ công để tra xét. Hỏi Thành có làm phản không, Thành trả lời "Không!"; hỏi có biết trước không, đáp "Không!".

Thành trả lời xong đi ra trở về quân xá, nói với quan Thị trung thống chế Hoàng Công Lý:

– Án đã xong, nhà vua bắt bề tôi chết, bề tôi không chết là bất trung vậy.

Rồi Thành vào nhà, hồi lâu sau uống thuốc độc mà chết (năm ấy Nguyễn Văn Thành sáu mươi tuổi). Chợt viên quân lại tìm thấy tờ biểu của Thành để lại. Hoàng Công Lý đem biểu ấy dâng lên vua, trong có câu:

"...Ngày đêm nung nấu, thêu dệt cho cha con thần những điều cực ác độc. Thần không biết kêu xin khiếu tố vào đâu, chỉ còn một chết mà thôi".

Vua xem xong biểu văn, bật khóc thảm thiết, quay sang hỏi Phạm Đăng Hưng:

– Thành chết rồi, an táng theo lễ nào?

Đăng Hưng đáp:

– Như dân thường.

Vua sai một viên cai đội Trung quân cùng ba chục quân sĩ lo việc chôn cất. Ban cho năm trăm quan tiền, cấp trả lại mũ áo, ban hai bức

gấm Tống, mười tấm vải. Các con Thành đang bị giam đều được thả ra. Nguyễn Văn Thuyên bị khép tội chết. Vua thăng Nguyễn Duy Hoà làm Hữu tham tri bộ Hình để thưởng công dám hặc tội Nguyễn Văn Thành. Vua thường nói với thị thần:

– Nguyễn Văn Thành gian nan đi theo trẫm, có nhiều công lớn, thế mà trẫm không bảo toàn được y, đó là vì Trẫm đức mỏng vậy.

Các quan hầu cận nhân đó xin bàn định khen thưởng những người có công theo hầu sang Vọng Các.

Thế Tổ từng hai lần sang Xiêm. Phàm những người đi theo hộ tống hồi ấy thì nay ở trước tên quan chức đều được để hai chữ "Vọng Các" để biểu dương công lao. Lại làm sổ "Ghi công Vọng Các", từ Tôn Thất Huy trở xuống gồm hơn ba trăm người. Những người quy phục về sau, nhưng có công lao hiển hách như Nguyễn Văn Trương, Hà Hỉ Văn thì cũng được ghi vào sổ ấy. Từ cấp Chưởng cơ trở lên tăng cho lương bổng gấp đôi; từ Chánh vệ Chánh chi trở xuống chia ra ba hạng: hạng ưu cấp tiền gạo. Các bề tôi chết trận hay ốm chết thì xếp làm năm bậc, xét cấp mộ phu, cấp tiền gạo cho vợ con. Nay lại định phẩm cấp ấn thụ: Một là Khinh xa đô úy (trật tòng nhị phẩm); hai là Kiêu kỵ đô úy (trật tòng tam phẩm), ba là Kỵ đô úy (trật tòng tứ phẩm), bốn là Phi kỵ úy (trật tòng ngũ phẩm), năm là An kỵ úy (trật tòng lục phẩm), sáu là Phụng ân úy (trật tòng thất phẩm), bảy là Thừa ân úy (trật tòng bát phẩm). Tất cả bẩy cấp, xếp theo công lao lớn nhỏ khác nhau. Đình thần bàn bạc xong tâu lên, vua chuẩn y cho thi hành.

Trấn thủ Vĩnh Thanh tâu về vụ án Lưu Phúc Tường. Tổng trấn Gia Định Nguyễn Hoàng Đức xin bãi chức Bảo hộ của Tường, giao cho Nguyễn Văn Xuân quyền giữ việc quân ở Cao Miên.

Đúng là:

Thưởng cao lao lệ nhà Chu đã định,
Giúp lân quốc, quân nước Trịnh chưa nhàn.

HỒI THỨ BA MƯƠI TƯ

Bình thổ phỉ, bậc đại tướng hành binh,
Xây sơn lăng, vua kế ngôi dâng lễ.

Lại nói, Nguyễn Văn Thụy làm bảo hộ Cao Miên trải đã ba năm. Vua xét công lao cho Thụy về kinh, thăng cho Lưu Phước Tường làm Thống chế, sai đi Cao Miên, cấp cho ấn đồng bảo hộ, được giữ trọng quyền. Trước khi Tường đi, Thế Tổ ban cho năm mươi quan tiền, cho phép mộ người lập một đội thuộc sai đi theo. Sau đó Thế Tổ lại sai Nguyễn Văn Thụy vào làm Trấn thủ Vĩnh Thanh. Hồi trước Phước Tường ở Vĩnh Thanh đã cùng Cai bạ Nguyễn Đắc Tần, Ký lục Nguyễn Bá Bảo nhân vụ thu thuế lấy trộm của công hàng mấy vạn. Việc bị phát giác, Nguyễn Văn Thụy tâu lên. Vua sai các quan thành Gia Định xét trị tội, giao cho Nguyễn Văn Xuân quyền giữ Quốc ấn Bảo hộ Cao Miên. Văn Thụy trông coi việc đào cảng Đông Xuyên hoàn tất, được Thế Tổ ban tên là sông Thụy Hà để biểu dương công tích, trao cho Thụy giữ chức Khâm sai thống chế, lại điều làm Bảo hộ Cao Miên, Trần Văn Tuân hiệp đồng nhung vụ, cho Nguyễn Văn Xuân về làm Trấn thủ Vĩnh Thanh, trông coi việc đắp đồn Chiến Sai và Tân Châu.

Nguyễn Văn Thụy gửi biểu văn về tâu việc Nặc Chăn tuổi cao, làm việc cẩu thả tạm bợ, chính sự giao phó về tay quan lại, mà bọn này thì không muốn chịu ơn bảo hộ.

Thế Tổ sai triệu Văn Thụy về làm Trấn thủ Vĩnh Thanh, cùng với Thống chế quản đồn Uy Viễn Nguyễn Văn Tôn, Hữu quân Vệ úy Nguyễn Văn Tuyên đốc thúc binh dân nạo vét sông Vĩnh Tế. Triệu Nguyễn Văn Xuân về kinh để chờ hỏi về tình hình Cao Miên. Xuân tâu:

– Nặc Chăn nhu nhược, chính sự do Chiêu Trùy nắm giữ cả. Nay Chiêu Trùy tài giỏi để làm Phó tá mà Ốc Nha thì không thể nắm giữ toàn bộ được. Vậy xin lệnh cho Phiên vương chọn một người giúp việc cho Chiêu Trùy để công việc có đầu mối kỷ cương, nội tình Cao Miên sẽ tự ổn định.

Vua chuẩn y lời tâu của Văn Xuân. Chợt có sớ của Lê Văn Duyệt xin tỉnh giảm quan ở kinh đô để đưa ra giữ Nghệ An, vua bèn sai Nguyễn Văn Xuân ra Trấn thủ Nghệ An.

Hồi ấy hai trấn Nghệ An, Thanh Hoa gặp năm đói kém, dân chúng nhiều nơi tụ tập làm giặc, quan sở tại không thể chế ngự được. Thổ phỉ ở đạo Thanh Bình, Thiên Quan cũng tụ họp nổi lên. Thổ tù Đặng Tất Thúc ở huyện Sơn Âm cậy địa thế hiểm vững, chiêu dụ nhiều lần vẫn không chịu ra. Vua lệnh cho Lê Văn Duyệt đi kinh lý các địa phương Thanh, Nghệ, lấy Phó đô thống Nguyễn Văn Trí, Vệ úy Tôn Thất Huy đi theo giúp việc binh, Tham tri Nguyễn Bá Phẩm làm Tham lý quân cơ, Tham bồi Nguyễn Hữu Nghi giữ việc từ hàn. Phàm các công việc cơ nghi, điều khiển quân dân, thấy có lợi thì làm, cái gì hại thì trừ, cho đến sự tham nhũng của quan lại, oan khuất của nhân dân đều được tùy nghi xử trí, những việc lớn thì làm xong phải tâu báo về triều đình. Vua bảo Văn Duyệt rằng:

– Thanh Hoa là ấp thang mộc của quốc gia. Nghệ An cũng là quận tay chân của trẫm, chuyến đi này cốt yếu bình định cho yên ổn. Đối với kẻ phục mệnh quay về thì tha cho tội chết; với kẻ quy thuận lập công thì khuyến khích, tùy theo tài năng mà trọng dụng. Công việc của khanh điều cốt yếu là khiến cho dân chúng trở lại với cuộc sống, yên ổn làm ăn mà thôi.

Văn Duyệt tới Nghệ An, ban bố uy đức của triều đình, hỏi han nỗi khốn khổ, bệnh tật của dân. Bọn trộm cướp nghe uy mà tan rã; kẻ thì đến đầu thú trước cửa quân, kẻ thì bị quan quân giết hoặc bắt sống. Trong vùng trở nên yên tĩnh.

Văn Duyệt tâu là dân Nghệ An sở dĩ điêu linh khổ sở đến mức này, xét cho kỹ là bởi hai điều: quan trên thì cai trị bất tài, bên dưới nha lại tham lam bạo ngược, khiến dân phải đi làm giặc. Vậy xin Hoàng thượng cử trấn thần ra Nghệ An chiêu tập họ về an cư, miễn giảm tô thuế, ngừng việc phu dịch thì dân sẽ tự yên.

Thế Tổ chuẩn tâu, sai Nguyễn Văn Xuân ra trấn thủ Nghệ An, Lê Bá Phẩm quyền lãnh Hiệp trấn; xuống chiếu miễn thuế năm ấy cho Nghệ An và xóa nợ tô năm trước. Phàm những công việc của trấn mà không cần kíp thì đều bãi bỏ. Duyệt tuyên chiếu xong dân tình đều vui mừng hớn hở. Xuân lưu lại trấn nhậm, quan trấn cũ là Trần Văn Năng theo Duyệt đưa quân ra Thanh Hoa, truyền hịch cho các phủ huyện trong trấn, phàm bọn đạo tặc đang bị truy bắt đều tha cho

về đầu thú. Lại sai Nguyễn Văn Khuê, Nguyễn Đức Nhuận mang thư đi hiểu dụ các thổ tù, chỉ cho họ thấy các điều họa phúc, khuyên về quy hàng. Trong thời gian đó, Văn Duyệt cho đóng quân bất động. Trấn thủ Thanh Hoa lúc bấy giờ là Trần Công Lại không biết ngăn cấm thuộc hạ, để chúng sách nhiễu của cải của dân, bị dân tố cáo. Duyệt bèn hặc tội, xin cho bắt tống ngục. Rồi Duyệt lệnh cho các quan sở tại phủ dụ yên ổn dân chúng.

Tin tức tâu lên, vua thấy Duyệt hết lòng thương xót dân chúng, xuống dụ cho dân trấn Thanh Hoa và đạo Thanh Bình được miễn hết các khoản tô thuế ruộng đất và các sản vật phải nộp còn thiếu kể từ năm Mậu Dần trở về trước. Đối với dân lưu tán trở về thì miễn tô thuế, binh dịch 3 năm. Chiếu ban ra, bọn tội phạm bị săn đuổi nhiều năm đông có đến mấy trăm đều bỏ khí giới đầu hàng, quan quân không phải đi bắt. Nghe tin ấy bọn tội phạm ở các hạt Bắc Hà cũng đều tự ra đầu thú. Thổ tù thượng đạo là bọn Nguyễn Đình Giá, Quách Tất Thúc, Đinh Thế Đội nghe hịch truyền đều sợ hãi khuất phục, sai con là Công ra hàng trước. Văn Duyệt bảo Công:

– Về nói lại với cha mày là không đánh được thì ra hàng, nếu không chỉ sớm tối ta sẽ sai quân đến hỏi tội.

Công về báo lại, bọn Tất Thúc cùng dẫn vợ con mặc áo trắng ra lạy hàng. Duyệt dâng sớ tâu rằng:

– Xứ sơn man địa thế hiểm ác, ít ai dám đến. Bọn giặc trốn tránh lấy đó làm nơi đi về. Nếu cử đại binh đi tiễu trừ thì quan tới nơi, bọn chúng đều bỏ trốn hết. Nếu đóng giữ lại ở đất đó thì núi khe phong chướng, không trụ được lâu. Vì thế mà các triều đại đều cho đó là nơi heo hút mà bỏ qua. Nay nhờ oai trời chấn động, bọn chúng đều bó thân quy hàng. Vậy xin nhân lúc chúng chịu quy phục, ta lấy đức phủ dụ dạy bảo để bọn chúng sửa đổi cả trong lòng. Đối với bọn phỉ ra hàng, xin được thu dùng tất cả, cho chúng có dịp chuộc tội, phân tán sung vào trong quân, nếu có thành tích thì được ghi công, lại làm điều ác thì giết. Đó là một cách quyền nghi để chế ngự vậy.

Vua xem biểu khen là kế hay, bèn sai tha tội cho bọn Đình Giá. Chiếu văn viết:

"Bọn các ngươi lâu nay chống lại giáo hóa triều đình, đáng phải trừng trị. Nhưng nghĩ rằng bọn người man rợ, dại dột nên chưa tức khắc ra oai, muốn khoan dung để các ngươi tự sửa đổi. Gần đây sai quan đại thần đi kinh lược, chuyên phủ dụ, chiêu tập dân chúng, chứ

bọn tù mọn chúng bay chưa đáng hỏi đến. Nay các ngươi đã hối tội đầu hàng, thế tình đáng được tha thứ. Ta cho phép được rửa sạch tội lỗi xưa, gắng sức làm điều tốt, đặng giữ được thủy chung".

Văn Duyệt được lệnh tiếp nhận cho Đình Giá làm Phòng ngự sứ; Tất Phúc làm Phòng ngự đồng tri, bọn Thế Đội chín người làm Phòng Ngự thiêm sự, thưởng cho áo quần, tiền bạc. Từ đấy giặc giã chấm dứt, dân cư được yên ổn.

Mười động châu Sầm Tợ trước thuộc về nước Vạn Tượng, nay nghe tin Duyệt đi kinh lược, viên tù trưởng Phì Xỉ Vu Hâm cũng ra trước quân xin nội phụ vào nước ta. Duyệt tâu lên, vua chuẩn cho liệt vào hàng Cống nam.

Vừa khi ấy, Hiệp tổng trấn Gia Định Trịnh Hoài Đức tâu việc Tổng trấn Nguyễn Huỳnh Đức bị ốm chết.

Từ năm Gia Long thứ 15 (1816) Nguyễn Huỳnh Đức là Trấn thủ Gia Định, thi hành chính lệnh nghiêm minh, bọn trộm cướp đều bặt tăm, vừa đây được vua giao cho trọng trách phiên trấn phương Nam. Nay nghe tin Đức mất, vua nói với thị thần:

– Huỳnh Đức bất khuất không chịu hàng giặc, lặn lội theo trẫm muôn vàn hiểm nguy, thực hơn hẳn mọi người nhiều lắm. Mấy năm gần đây, Đức lại vì trẫm ra trấn giữ ba cửa ngõ lớn của quốc gia, đức nghiệp huân vọng khó ghi được hết.

Rồi ban cho gấm lụa, tiền bạc, lại sai quan trấn Định Tường đến làm lễ dụ tế. Một mặt sai Nguyễn Văn Nhơn lãnh chức Tổng trấn Gia Định.

Hồi trước, vua muốn phát động quân đội và dân chúng Cao Miên đào vét sông Châu Đốc, nhưng Nguyễn Văn Nhơn cho rằng, việc khơi sông là công trình to lớn. Nay nước Phiên vừa mới phụ về ta, nếu cứ bắt tiến hành nhiều công việc thổ mộc e rằng gây ra kinh động mà khó làm nên việc lớn. Vua đem ý ấy hỏi Nguyễn Đức Xuyên, Xuyên xin làm theo lời bàn của Nhơn. Xuyên nhân đó tâu với Thế Tổ:

– Thiên hạ tuy đang yên ổn, nhưng không thể bỏ lơi việc chiến đấu. Xin lệ cho các thành, doanh, trấn, lấy ngày mồng bẩy tháng Giêng hàng năm thao diễn đánh trận bằng tượng binh, liền trong ba ngày để nhàn việc võ bị.

Khi ấy Xuyên cai quản tượng binh nên bàn như thế. Vua chuẩn y lời tâu của Xuyên.

Việc ở Thanh Hoa cũng đã yên ổn, vua triệu Lê Văn Duyệt về kinh. Duyệt về triều, gặp lúc vua không khoẻ. Vua cho triệu Phạm Đăng Hưng tới, sai thảo di chiếu, sai Lê Văn Duyệt kiêm trông coi năm doanh quân Thần Sách. Duyệt với Đăng Hưng cùng đi nhận di chiếu cố mệnh. Thế rồi vua băng hà ở điện Trung Hòa.

Vua sinh năm Nhâm Ngọ (năm Càn Long thứ 17 nhà Thanh, Cảnh Hưng thứ 23 (1762) triều Lê). Năm Giáp Ngọ (1774) theo Duệ Tông vào Nam, sau được nắm giữ quốc chính. Năm Canh Tí (1780) lên ngôi Vương. Năm Tân Dậu (1801) trở về cố đô Phú Xuân, năm Nhâm Tuất (1802) đại định thiên hạ, năm Bính Dần (1806) lên ngôi Hoàng đế; ở ngôi tất cả 40 năm (vương vị 26 năm, đế vị 14 năm), thọ 58 tuổi.

Lúc ấy các vị thân huân như Quốc thúc Tôn Thất Thăng, quý thích Trần Hưng Đạt, Hồ Văn Vui, các bề tôi huân cựu như Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Văn Khiêm đều đã lần lượt qua đời. Nguyễn Văn Nhơn thì ở Gia Định, Lê Chất ở Thăng Long. Thế là Lê Văn Duyệt, Phạm Đăng Hưng và Nguyễn Đức Xuyên dẫn văn võ bá quan sửa soạn lễ cáo miếu. Ngày mồng 1 tháng Giêng năm Canh Thìn tôn lập Hoàng Thái tử lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Minh Mệnh, tức là Thánh tổ Nhân Hoàng đế đời bản triều.

Thánh tổ lên ngôi, dẫn quần thần nghị bàn, dâng tôn thụy cho vua cha là Khai thiên hoằng đạo lập kỷ thùy thống thánh văn thần vũ tuấn đức phong công chí nhân đại hiếu Cao hoàng đế, miếu hiệu là Thế Tổ.

Lê Chất, Nguyễn Văn Nhơn dâng biểu xin được về kinh chịu tang. Thánh tổ truyền chiếu khen ngợi, bảo Chất tạm ở lại lo việc phòng giữ Bắc thành, cho Trịnh Hoài Đức quyền lãnh Trấn thủ Gia Định, cho phép Nguyễn Văn Nhơn được về hầu để cùng với đình thần lo việc tang. Hiệp trấn Thanh Hoa Nguyễn Xuân Thạc được triệu về kinh sung chức Sơn lăng sứ. Sau đó sức cho Hộ tào Nguyễn Tường Vân và Phó trấn Lê Văn Phong ở Bắc thành trông coi công việc Bắc thành để cho phép Lê Chất về kinh, cùng với Lê Văn Duyệt sung làm Tổng hộ sứ Sơn lăng. Nguyễn Văn Nhơn và Nguyễn Đức Xuyên sung làm Phù liễn sứ. Chọn ngày tốt mai táng linh cữu Đại hành hoàng đế ở lăng Thiên Thụ. Quan Hữu Tham tri bộ Lại Ngô Vị vâng mệnh soạn văn bia Thánh đức thần công. Văn bia viết:

Năm Giáp Tuất niên hiệu Gia Long thứ 13 sắc xây dựng sơn lăng Thiên Thụ ở bên phải là bảo y của hoàng tỉ là Cao Hoàng hậu, bên

trái là Thọ lăng. Hai hàng mà cùng mộ đó là lấy ý nghĩa càn khôn hợp đức vậy. Ngày Đinh Mùi 19 tháng Chạp năm Kỷ Mão niên hiệu Gia Long thứ 18 (1819) Hoàng khảo băng hà, để di chiếu cho thần nối ngôi Hoàng đế. Thần chịu tang bên điện chái, lễ nghi khâm liệm nhất nhất tuân theo mệnh, hết mức lụa là gấm góc, không cùng trang sức ngọc châu. Đến như việc lo toàn đại sự, dù có đem tất cả sự giàu có của bốn bể ra làm cũng không dám coi là quá. Tháng Tư Tân Sửu năm nay là năm Canh Thìn (1802) việc xây sơn lăng hoàn tất. Đứng trước nấm mồ xanh cỏ, ngắm nhìn sông núi trải dài, ngửng đầu nghĩ tới thánh đức công thần rạng rỡ, mở mang khai thác, cao dầy vô cùng như trời đất. Nhưng Hoàng đế, Chuyên Húc không ham vàng đá, Nghiêu, Thuấn ngại tuổi kiều tùng muốn rong ruổi cao xa, níu kêu chẳng được. Chỉ còn biết thuật kể lại sự vẻ vang, rạng rỡ lúc sinh tiền để lại cho hậu thế vô cùng, cho nguôi bớt nỗi bi thương khôn xiết, tỏ lòng hiếu thảo chẳng cùng.

Kính nghĩ, Thái Tổ Gia dụ Hoàng đế ta, mở nên nghiệp chúa, các thánh nối truyền ba trăm năm, bồi đắp nhưng chưa được cao, đẽo gọt mà chưa tô điểm. Nhờ có trời xanh xét người có đức mà sinh ra Hoàng khảo Thế Tổ Cao hoàng đế ta, bẩm tính thông tuệ, chí khí anh hùng, giữa tuổi xuân gặp vận khốn khó, trong mất mát tìm sự sống còn. Thề mũi tên diệt cừu thù, vung chiến bào dẹp yên loạn lạc. Thuở ban đầu giương cờ tuần thú phương Nam, con đường hiểm nguy trắc trở. Tuy người thuận kẻ nghịch khác nhau, nhưng bên ít bên đông khó địch. Gian nan trăm trận, lúc thắng lúc thua; quanh quẩn một vùng, khi được khi mất. Rồi thông quan hệ với Lãng Sa, sống nương nhờ Vọng Các. Báo đen nấp trong mù dầy đặc, rồng thần ẩn đáy vực sâu, vậy mà những bộc thần theo hầu vẫn luôn nhớ tới xã tắc nước Tần, các bậc phụ lão đối với các quan nhà Hán ngày ngày vẫn có ý chờ mong. Thế rồi tụ họp những người trung thành tài giỏi, ngự giá quay quân trở về. Đổ rượu xuống sông cùng hưởng, vác đá trước chịu gian lao. Ban áo lông cáo lúc chiến chinh để ba quân cùng hưởng. Nếm cơm lúa mạch khi gấp gáp, dầu trăm nỗi chẳng sờn. Ấy bởi lòng nhân bao trùm muôn vật, lòng hiếu thảo cảm động thần linh. Văn đủ để quần chúng theo về, vũ đủ để bạo tàn khiếp sợ, mưu của người đã sẵn, trời lại thuận giúp cho. Sông Tân Bình dòng chảy trong xanh, biển Cần Giờ trào dâng nước ngọt. Thần vũ hưởng ứng, chẳng mấy chốc đủ đầy, tam linh phù hộ, gian nan thành bằng phẳng. Bởi thế mới có thể dẫm mây dầy, lội sông sâu, ầm ầm khí thế

không gì chống cự nổi. Quân ta đến đâu, gió nổi bão cuốn, lật nhào tổ quạ, bắt sạch chim non, diệt kẻ thù không đội trời chung, dựng cơ đồ đang cơn rối loạn, làm rạng rỡ nước non xưa, khôi phục lại toàn cõi đất Việt. Nên công bình định, rạng ngời chấn động cổ kim. Kể từ năm Giáp Ngọ cho đến năm Nhâm Tuất, trải 29 năm, phía Bắc lên tới Lạng Sơn, Nam đến Hà Tiên, mở ra 29 miền đất, cùng quy về hưởng phúc trạch nghiệp lớn, tận hưởng thái bình. Lễ, nhạc, hình, chính thi hành; điển chương, pháp độ đầy đủ. Trường thọ yên vui, yêu thương thân thiết. Khôn nguyên giáo hóa, từ trong nhà ra toàn quốc, thông ra láng giềng Tây Bắc mà gây mối hòa hảo lân bang bền vững. Thương xót cháu con Lê, Trịnh mà gìn giữ chẳng phế bỏ điển thờ. Dùng binh lâu dài, hiệu quả to lớn, giữ được tận thiện tận mỹ, thực không sách vở nào có thể ghi hết được. Ôi, lớn lao thay! Công lao đức nghiệp của Hoàng khảo ta ngời ngời trước mắt, như mặt trời mặt trăng không thể che khuất được. Thần chỉ kính cẩn tóm tắt những nét đại lược khắc vào bia Thánh đức thần công, để con cháu thảo hiền đời đời chiêm ngưỡng, biết việc tạo dựng ban đầu đâu có dễ dàng, để nhớ tới gánh nặng gian nan, từ đó mà tuân theo, đáp lại lời giáo huấn quý báu của Hoàng khảo ta, đặng kéo dài sự nghiệp tông xã ta đến muôn vạn năm vô cùng.

Ngày Bính Thìn tháng 7 năm Minh Mệnh thứ nhất (1820), kính cẩn cúi đầu chắp tay soạn bài Minh rằng:

Hiền hậu là trời
Giúp đỡ muôn dân
Lớn lao là thánh,
Cứu vớt gian truân.
Thời buổi nhiễu nhương,
Vo ve ruồi nhặng,
Phải vận mệnh chăng?
Vua là thánh nhân,
Tiêu trừ cừu hận;
Vương sư đến đâu,
Như sấm như sét.
Bắt được kẻ thù,
Võ công hoàn tất
Trải mười tám năm,
Mở nền thịnh trị.

Công đức lớn lao.
Trước sau hoàn mỹ.
Thánh nhân lìa thế.
Phép tắc còn đây.
Bóng hình trong mộng,
Tưởng nhớ chẳng khuây.
Nhìn núi Cảnh Sơn.
Nhớ sông Phong Thủy.
Kính khắc bia to,
Lưu cho con cháu,
Thừa hưởng giữ gìn,
Phát huy rạng rỡ.
Nước Việt vững bền,
Đất trời muôn thuở!

Văn soạn xong dâng lên, Thánh Tổ vui mừng, sai khắc bia dựng ở phía trước tôn lăng. Sau đó sai Ngô Vị cùng Hoàng Long Hoán đi sứ sang nhà Thanh cáo việc tang và cầu phong.

PHAN BỘI CHÂU

TRÙNG QUANG TÂM SỬ

TRẦN LÊ HỮU *dịch*
CHƯƠNG THÂU ***giới thiệu***

Về văn bản tác phẩm
TRÙNG QUANG TÂM SỬ
(Những trang sử lòng ở trại Trùng Quang)

Theo các nhà nghiên cứu thì tác phẩm này được hoàn thành vào thời gian Phan Bội Châu ở tù tại Quảng Châu. Sau đó một trong số bản thảo của nó được chuyển về trong nước và đến năm 1954 nó mới được phát hiện, nhưng đã bị rách nát bìa và không rõ tên sách là gì. Vì vậy năm 1957 nó phải mang tạm cái tên là *Hậu Trần dật sử* khi bản dịch của Trần Lê Hữu được Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội xuất bản và các Giáo sư Đào Duy Anh, Đặng Thai Mai viết *Lời tựa* và *Lời giới thiệu*. Năm 1959 trên tập san *Nghiên cứu văn sử địa* số 48, đã có bài đính chính lại tên sách.

Năm 1967, nhân dịp chuẩn bị kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh nhà yêu nước Phan Bội Châu, chúng tôi đã sưu tầm được nguyên bản tác phẩm *Trùng Quang tâm sử* ở Trung Quốc. Toàn văn cuốn tiểu thuyết này được lần lượt đăng nhiều trên tờ *Binh sự tạp chí* ở Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, từ số 81 tháng 1 – 1921 đến số 132 tháng 4 – 1925, ký tên là **"B.G. trước, Hiến Hán dịch"**.[1]

Nói là "dịch" nhưng so sánh đối chiếu với bản chép tay (bản mà Trần Lê Hữu căn cứ vào đó để dịch) thì Hiến Hán chỉ cắt xén, sắp xếp lại một vài đoạn nhỏ và từ 22 tiết dọn lại thành 20 hồi và đổi tên một số nhân vật, một số địa danh Việt Nam ra tên Trung Quốc, có lẽ để hợp với "khẩu vị" của độc giả *Binh sự tạp chí* hoặc để đánh lạc hướng, che mắt bọn mật thám của chính phủ thực dân Pháp lúc đó còn lảng vảng ở Hàng Châu, Thượng Hải... để theo dõi Phan Bội Châu. Bản *Trùng Quang tâm sử* này năm 1971, Nhà xuất bản Văn học – Hà Nội đã dịch và xuất bản toàn văn (đúng như nguyên văn bản đăng trên *Binh sự tạp chí*). Bản dịch này do Nguyễn Văn Bách thực hiện.

Bản dịch dưới đây là của **Trần Lê Hữu**.

CHƯƠNG THÂU

---

1. B.G. đây theo chúng tôi là B.C. Chữ C. xếp nhầm thành chữ G.

TRÙNG QUANG TÂM SỬ

Dậy! Dậy! Dậy! Hỡi quốc dân ta! Hỡi đồng bào ta!

Dậy mà nghe kể chuyện đời xưa. Chuyện đời xưa mà tôi sắp kể đây, không phải chuyện Âu, chuyện Mỹ, chuyện Trung Hoa, Nhật Bản, chuyện Ấn Độ, Xiêm La, mà là chuyện của tổ tiên ta vậy. Ôi! Chuyện tổ tiên ta, có quan hệ với ta, mật thiết biết là chừng nào! Đồng bào ta chắc ai cũng muốn nghe. Thôi, anh nông dân hãy dừng cày, anh thợ hãy nghỉ đục, bác lái buôn hãy xếp hàng, nhà Nho hãy buông sách, tạm bớt chút thì giờ quý báu để nghe tôi kể xong câu chuyện. Chắc đồng bào ta nghe mà không chán. Sao vậy? Vì người ta, một khi nghe người kể chuyện tổ tiên, thì ai là người không vui lòng lắng tai nghe! Ấy là lương tâm chung của loài người. Nếu không vậy, thì hình người mà tính thú. Há lẽ con Rồng cháu Tiên như đồng bào ta mà lại thế ư?

Tôi may được buổi nhàn hạ này đem những điều bình sinh đã học tập được, dốc hết ra đây, để cống hiến đồng bào.

Nước ta về cuối đời Trần, vì họ Nhuận Hồ làm bậy, giặc Ngô xâm chiếm đất nước ta hơn mười năm. Đất đai và nhân dân tự do của chúng ta, phần lớn bị dị tộc giày xéo. Buổi ấy, cha con, anh em tổ tiên ta bị khốn khổ trong nhà ngục, sống kiếp trâu ngựa, tôi đòi. Những nỗi đau đớn, khổ nhục đã trải qua, còn có phần bằng mười tình cảnh chúng ta ngày nay nữa kia.

Nhưng tổ tiên ta đã nuôi chí, chứa giận, giết giặc, rửa hờn, đuổi hết giặc Ngô, lấy lại quyền chủ nhân đất nước vốn có từ xưa, để lại cho con cháu chúng ta. Về sau đến năm Hàm Nghi nguyên niên triều nhà Nguyễn thì lại mất.

Đến nay, đọc bài *Bình Ngô đại cáo,* xem sử sách nhà Lê, còn cảm thấy cây cỏ đều thiêng, non sông mở mặt. Ôi! Sao mà thịnh vậy! Công lao của tổ tiên ta rực rỡ biết dường nào, oanh liệt biết dường nào!

Hỏi ai làm được như thế?

Thì ai mà chẳng nói rằng, đấy là vua Thái Tổ Cao Hoàng đế nhà Lê, là Lê Lợi vậy.

Chúng tôi nghe rằng: Chủ quyền sở hữu của một nước, đi rồi lại về, mất rồi lại được, không phải một người mà làm nổi.

Nhưng Lê Lợi là một vị anh hùng nổi tiếng lừng lẫy hơn đời đấy thôi. Nếu không có ức triệu anh hùng vô danh khác lôi kéo thúc đẩy, giúp đỡ cho, thì vị anh hùng lỗi lạc đó cũng không thể thành công được.

Đọc lại câu chuyện *Bình Ngô phục quốc* ngày xưa, ta thấy tổ tiên chúng ta sinh vào thời ấy, không một ai không anh hùng.

Thế thì nòi giống anh hùng, hậu thân anh hùng, chính là chúng ta. Chúng ta quên làm sao đặng?

Hỡi quốc dân ta! Hỡi đồng bào ta! Dậy! Dậy! Dậy! Dậy mà nghe tôi kể chuyện đời xưa.

TIẾT THỨ NHẤT

Bỏ nhà cứu bạn

Mặt trời sáng sớm mới nhô trên mặt biển, sương mai còn đọng giọt xuống cây rừng. Trời về mùa đông, gió rét như cắt. Ở ngoài tỉnh thành Nghệ An, dọc theo sông Cấm, đi ra phía Bắc, có một người gánh hai thùng nước mắm, dọc đường vừa đi vừa rao, tiếng sang sảng như chuông đồng, dội xa hơn mười dặm.

Nghe tiếng rao, ai cũng biết đấy là một người rất anh hùng hiện đang làm nghề nhỏ mọn.

Ôi! Người ấy là ai? Chính là ông Xý. Thơ có câu *Cương quốc hùng tâm sơn hữu kiếm* [1] là ca tụng người ấy vậy. Vì ông Xý về sau,

---

1. Có bài thơ cổ, trong có hai câu là: *Cương quốc hùng tâm sơn hữu kiếm*, nghĩa là: *Hùng tâm của Cương quốc* (Nguyễn Xý được phong là Cương quốc công) núi có gươm (tại làng Thượng Xá, quê Nguyễn Xý có núi Gươm) và *Đặng Điền kỳ cốt thạch vi nhân*, nghĩa là cốt cách lạ lùng của ông Đặng Điền (tức Phạm Nguyễn Du), đá làm người (làng Đặng Điền, quê Phạm Nguyễn Du, có núi Lập Thạch, hình dạng như người đứng, tương truyền thần núi hóa thành Phạm Nguyễn Du) (Người dịch).

giúp vua Lê, có công lớn, được phong chức "Cương quốc công".

Lúc Xý còn bé, cha ra cày ruộng. Xý cũng đuổi trâu theo sau. Mặt trời đứng trưa, Xý giục cha về, nhưng cha vẫn cày không nghỉ. Xý nói:

– Cha có về thì về, chớ ở lại, nắng thiêu chết mất.

Cha nói:

– Tao chưa thấy ai chết nắng bao giờ. Tao chỉ thấy không đủ lúa nộp thuế thì chết với pháp luật mà thôi. Con không biết sao? Quân Ngô đòi thuế, cày cuốc bằng mười thế này còn chưa đủ. Cha suốt ngày làm lụng trên thửa ruộng bé này, thế mà vẫn chưa biết sống ra sao? Con này! Năm ngoái nhà ta gặt được bao nhiêu thóc, đem ra chợ bán hết mà vẫn còn thiếu nộp thuế. Cha dù có bị nắng chết ở đây, còn sướng hơn.

Xý nói:

– Xem ở đâu có ruộng quân Ngô không đánh thuế, thì cha con ta đến đó cày vậy.

Cha nói:

– Ở nước Ngô, hoặc giả còn có. Chớ tất cả ruộng của nước Việt Nam chúng ta, thì quân Ngô đều đánh thuế nặng hơn. Con không muốn cày thì chỉ có chết thôi. Thế nhưng mà chết còn sướng chớ nộp thuế không đủ thì phải chịu đủ thứ hình phạt khổ sở, mà vẫn không chết được.

Xý nói:

– Thảm quá! Thảm quá! Con thề nhất định phải giết giặc ấy, để cứu nông dân chúng ta.

Cha vội vàng bịt lấy miệng con và nói rằng:

– Chết! Chết! Con chớ nói nhảm, nhỡ quân giặc nghe được, tất chúng sẽ ghép vào tội "mưu phản" mà trị cả cha nữa cơ đấy!

Xý nói:

– Can gì, con là đứa bé bảy tám tuổi thì làm gì mà nên loạn, có nói cũng chả hề gì.

Cha nói:

– Con không thấy à? Chúng chẳng thường bêu đầu trẻ con lên cành cây, để cho cú diều quạ ác moi óc, rồi chúng vỗ tay reo cười làm vui đấy là gì? Than ôi, những quân mưu đồ diệt chủng người ta, thì

giết được ai là nó giết, lớn bé kể gì.

Lúc ấy, Xý mặt đỏ bừng, tóc dựng ngược, thét lớn lên rằng: "Thề giết hết quân giặc ấy!"

Người cha nghe mà lo sợ, liền mở cày, dắt Xý về, răn Xý rằng:

– Con chớ có nói như vậy nữa. Nếu quân giặc nghe được thì nó giết cả họ nhà ta đấy.

Xý nói:

– Cha sao nhát thế! Nếu răng chúng ta đều trắng thì có kém gì quân Ngô. Há phải răng đen thì không phải loài người hay sao? Quân Ngô tàn ác bất nhân quá lắm, con thề giết hết chúng nó mới thôi.

Từ đấy trở đi, cha Xý bắt Xý đi học, khuyên đọc sách để cho nhuần tính lại. Nhưng Xý đối với việc học thường hay chểnh mảng. Những lúc nghỉ học, hay dẫn các trẻ cùng trường ra làm trò đánh giặc đùa chơi. Thường nói với lũ trẻ rằng:

– Ngày sau, tao sẽ làm tướng đánh giặc Ngô.

Mấy đứa trẻ mạnh bạo đều nói rằng:

– Ai không làm tôi tớ giặc Ngô mới là thầy chúng tao.

Rồi dần dần chúng đều bỏ học, Xý tập nghề võ. Lũ trẻ đua nhau bắt chước. Thế là Xý vì giỏi võ mà nổi tiếng với chúng bạn. Khi tuổi đã lớn, lại càng hào hiệp, ham làm việc nghĩa.

Buổi ấy, pháp luật Ngô rất tàn ác. Người Việt Nam, con trai cũng như con gái, hễ đến 16 tuổi, là quân Ngô cấp cho mỗi người một cái thẻ gọi là "đảm bảo trạng". Những người lĩnh thẻ phải nộp mỗi người từ hai quan đến sáu quan, tùy theo từng hạng. Những người có gia thất rồi thì phải nộp gấp bội lên. Cũng giống như thẻ sưu đầu người chúng ta ngày nay vậy. Nếu không có giấy ấy thì bị quan khép ngay vào tội làm giặc, bắt bỏ tù.

Xý có người bạn tên là chú Cựu, bồ côi từ nhỏ, lại rất nghèo. Đến tuổi rồi mà không có giấy "đảm bảo trạng", quan bắt bỏ tù. Bị tụi lính địch hành hạ, Cựu không chịu nổi, sắp chết.

Xý nghe biết thế, đương đêm dẫn mấy anh em đến phá ngục, cứu chú Cựu ra, trốn vào trong núi. Giặc Ngô ra lệnh bắt Xý rất gắt. Trong lệnh có nói rằng:

– Nếu ai thu giấu Xý trong nhà, bắt được sẽ giết cả họ.

Nhưng lúc ấy dân nước ta chán ghét chính sách độc ác của quân

Ngô, đều cho Xý làm là phải, nên vui lòng ẩn nặc. Giặc Ngô chẳng làm sao mà bắt được Xý. Xý ở trong núi lâu ngày, rất thân thiện với bọn hào kiệt lục lâm, họ đều suy tôn Xý. Chí đánh giặc của Xý lại càng phấn khởi thêm.

TIẾT THỨ HAI

Vì ngạo với giầy phải ở tù

Trong bọn hào kiệt có ông Kiên, thân tài thấp nhỏ, hai mắt sáng như sao mai, tài cao học rộng, đảm lược nhiều. Hành động của bọn hào kiệt đều do ông ấy chỉ vẽ.

Xý cùng bàn cử sự.

Kiên nói rằng:

– Tính việc lớn, phải lấy nhân tâm làm vốn, lấy dân khí làm cơ giới. Chưa biết dân khí ra sao, hãy đợi chớ nóng.

Qua vài năm sau, giặc Ngô càng hung ác đến cực độ. Quốc dân chúng ta bị bạo lực đè ép, tính mệnh rẻ như cỏ rác chó lợn, chưa có hồi nào khổ như hồi này.

Một hôm tên Thừa tuyên sứ Nghệ An cho người treo một đôi giầy trước cửa chợ, bảo rằng:

– Thừa tuyên sứ là đại biểu cho Ngô hoàng, đôi giầy này là đại biểu cho Thừa tuyên sứ. Ở dưới đôi giầy được Ngô hoàng cử làm đại biểu, nếu người Nam nào không làm lễ ba quỳ chín khấn thì bỏ tù về tội làm giặc.

Trong mấy tháng, người Nam đi qua cửa chợ, ngày kể biết bao nhiêu, mà bỏ tù về tội ấy chỉ có ba người là: anh Tinh, anh Lực và anh Phấn.

Kiên thở dài bảo Xý rằng:

– Dân khí Nghệ An chưa dùng được.

Than ôi! Tỉnh Nghệ An hồi ấy, phần nửa còn là mường mọi, dân trí ngu ngốc, sợ cường quyền như thánh thần, so với bây giờ, cũng chẳng khác gì. Kiên và Xý buồn nản thất vọng cũng là phải lắm.

Thừa tuyên sứ giặc Ngô đã bỏ tù ba người, rồi bảo quan cai ngục rằng:

– Ta sở dĩ treo đôi giầy ấy, là để dò xem lòng trung thuần của người An Nam như thế nào? Nay ba thằng này dám ngạo với đôi giầy tức là ngạo với ta rồi đấy, phải nghiêm trị, nghiêm trị.

Ba người bèn bị bỏ tù khổ sai. Đã lâu rồi mà chưa được tha. Kiên nghe được chuyện ba người, rất lấy làm khen ngợi, bảo Xý rằng:

– Quỳ lạy dưới giầy, lúc nhúc đầy đường, dân ta đáng thương mà cũng đáng thẹn. Hiên ngang như ba chàng kia, nếu ta không có cách gì để bảo toàn được, thì hạt giống tự do sẽ tiêu diệt hết.

Vừa gặp ngày lễ thọ của Thừa tuyên sứ, tất cả quân dân toàn thành đều làm lễ đại khánh. Bọn sai dịch đều được nghỉ phép, để tỏ vui mừng. Vì vậy mà cửa ngục chỉ một người canh gác mà thôi.

Kiên giả làm người thăm phạm nhân, đến năn nỉ với tên lính gác ngục, đem nem rượu rất hậu, tự rót rượu đem đến mời uống. Tên lính gác ngục không ngờ là giả dối, uống đến say nhừ. Vừa chập choạng tối, Kiên phá cửa vào, mang trộm ba người chạy trốn. Đến khi lính gác ngục tỉnh rượu, tìm Tinh, Lực, Phấn, thì cả ba đều đã xa chạy cao bay, không biết vân mòng đâu nữa.

Ở nước ta, 500 năm trước đây, thuật chụp ảnh chưa có, nhân tâm còn chất phác, nghề mật thám hãy đơn sơ. Nếu như ngày nay, dưới con mắt của lũ chó săn e cũng chả có đường trốn thoát. Vào địa vị ba người đó, kể cũng khó thay.

TIẾT THỨ BA

Hào kiệt ăn thề

Tinh, Lực và Phấn ra khỏi nhà tù, thì liền tới gặp Kiên và Xý. Hai ông này càng thêm vững lòng, bèn hẹn với các hào kiệt mở cuộc đại hội trên núi Cát Ngạn, để lo việc khởi nghĩa.

Hôm đó khoảng 16, 17 tháng Tám, mảnh trăng thu vằng vặc giữa trời, sân sáng như bạn ngày. Vừa lúc chim rừng về tổ, vượn núi múa lượn, bóng cây lẫn bóng người tha thướt trước gió. Mổ bò bày

rươu, miệng uống tay gắp thi nhau tỏ bày tâm can, rất là vui vẻ.

Xý đứng dậy nói rằng:

– Hò hét ở chốn lục lâm, chẳng qua là công việc tạm thời của chúng mình thôi. Chớ bây giờ đồng bào ta đương bị dị tộc giày xéo, dân chúng lầm than, thì mục đích cuối cùng của kẻ đại trượng phu là cách mạng. Ai tán thành thì xin giơ một ngón tay lên.

Lúc ấy mọi người đều đồng thanh nói "tán thành", rồi đều giơ tay lên hết.

Kiên đứng dậy nói rằng:

– Thưa các bạn, xin ăn thề. Mọi người đều nói: "Phải" và đều đứng dậy.

Kiên chỉ tay lên trời mà thề rằng:

– Tất cả những người trong hội này, nếu đứa nào cam tâm làm tôi tớ giặc về hùa với giặc Ngô, hãm hại đồng bào lương thiện, trời tru, đất diệt, tuyệt hết giống nòi! Từ hôm nay trở đi, chúng ta ở đây là anh em chí thân chí mật với nhau. Một lòng một đức, hẹn giết hết giặc Ngô mới thôi. Dầu chết, lòng này không đổi. Ai trái với lời thề này, trời tru, đất diệt, triệt hết giống nòi.

Tất cả anh em đều hô lên rằng: "Phải", và mọi người lặp lại lời thề một lần nữa.

Người lớn tuổi nhất trong buổi họp này là ông Khoáng, đứng lên dõng dạc nói rằng:

– Thề đã xong xin làm sổ ghi tên.

Kiên nói:

– Chớ. Phàm đảng cách mạng thì chỉ nên nhớ trong lòng, không nên chép ra giấy, viết ra như vậy không lợi cho các đồng chí. Vả tên họ của chúng ta cũng cùng với Tổ quốc chúng ta mà còn mất. Nước Việt Nam chúng ta đương còn thì không cần biên tên họ chúng ta làm gì. Chúng ta gọi nhau cứ nhớ tên trong bụng, đó là danh sách vĩnh viễn, không phai mờ được, hà tất phải dùng giấy mực.

Mọi người đều cho rằng là rất phải. Lần lượt bắt tay nhau, chỉ vào từng người gọi tên. Gọi đến tên ai thì người ấy thưa: Có! Tổng cộng 49 người.

Đoạn mọi người lại ngồi xuống. Xý nói với mọi người rằng:

– Chúng ta muốn được làm người có nước, còn đợi ngày sau. Nay

tạm lấy sơn trại này làm nước tự do lâm thời. Những điều tuyên bố ở đây tức là phép nước.

Mọi người đồng ý.

Kiên nói:

– Anh em chúng ta ai phụ trách công việc gì đều do công chúng ủy nhiệm. Ai không xứng chức, làm hỏng việc, thì mọi người trong anh em đều có quyền trách phạt.

Mọi người đều nói:

– Phải.

Khi ấy, Xý rất vui vẻ hăng hái, giơ cánh tay lên nói rằng:

– Buổi họp tối nay của chúng ta, không có một ngọn đèn, nay mảnh trăng sáng trên trời còn là của chúng ta. Quyền lợi cố hữu của chúng ta từ xưa, giặc Ngô không thể cướp được, chỉ còn chừng ấy. Anh em chúng ta hãy gắng, từ nay về sau, càng phải cố gắng, từ trong tay giặc Ngô, thu hồi quyền lợi của nhân dân nước ta, tròn vẹn như vầng trăng sáng kia!

Mọi người đều hô to:

– Cố gắng! Cố gắng!

Rượu ngà ngà say. Bóng trăng đã xế. Xa xa tiếng kèn của tiều phu, tiếng sáo của mục đồng theo gió thu vẳng lại.

Xý đứng lên nói rằng:

– Việc chúng ta muốn bàn còn nhiều, đêm nay chưa thể xong được, mà bọn tiều mục cũng đã sắp đi qua. Thôi, đến tối mai chúng ta sẽ lại họp ở đây.

Mọi người đều đồng ý. Bắt tay ra về, đều nói: "Tối mai! Tối mai!"

TIẾT THỨ TƯ

Tỏ mặt anh thư

Chập tối, chim bay về tổ, cành lá la đà, ngọn đèn to lớn kia đã lơ lửng trên bầu trời, tỏa ánh trăng sáng xuống mặt sân sơn trại. Chốc lát, các bạn đồng chí đều lục tục đến họp.

Mãi đến gần nửa đêm, điểm danh thì các hội viên đều có mặt, chỉ thiếu anh Phấn. Mọi người chờ đến hơn tiếng đồng hồ, thì ở ngoài cửa trại nghe tiếng chân thình thịch, bỗng thấy bóng hai người hiện ra, đi trước là một chàng thanh niên vạm vỡ, theo sau là một cô gái đẹp, chạc chừng 18, 19 tuổi, lững thững bước vào. Mọi người ngơ ngác nhìn nhau, trông kỹ lại thì ra anh Phấn.

Thấy thế ông Khoáng giận lắm, la rằng:

– Anh em chờ chú đã mỏi cả mắt, nay chú lại kèm thêm cô ả đến nữa à! Chú phải biết cuộc họp của anh em hôm nay là quan trọng như thế nào chứ?

Phấn chưa kịp đáp, thì Kiên đã xen vào nói rằng:

– Xin các ông hãy bình tĩnh. Phấn nó thà chịu tội quyết không quỳ trước giầy giặc Ngô, chắc không phải hạng mê sắc để đến hỏng việc đâu. Hãy xin hỏi cô này là ai, vì sao mà đến đây đã.

Mọi người đều bực lắm, kẻ cười, kẻ mắng, kẻ mỉa mai, xôn xao cả hội trường, làm cho chim rừng hoảng sợ, bay kêu lung tung. Tiếng người tiếng chim huyên náo không phân biệt rõ. Chỉ có Kiên và Xý không nói gì và mời cô kia ngồi. Kiên nói rằng:

– Cô đừng trách anh em chúng tôi lỗ mãng. Vì buổi hội họp của anh em chúng tôi đêm nay rất quan trọng, không thể cho một người khách lạ nào nghe được, huống gì cô là con gái. Nhưng Phấn là một người sắt đá. Người mà anh ấy đã tin, thì chúng tôi cũng đều tin. Nay xin cô cho biết qua lai lịch của cô, và ý định tới đây, để cho mọi người khỏi nghi ngờ, ấy là điều anh em chúng tôi rất muốn nghe.

Cô thiếu nữ tức đỏ mặt nói rằng:

– Tôi vẫn tưởng trong đời này, không có ai là người đáng làm bạn. Nghe nói các ông đây đều là người anh hùng, tôi cho rằng con mắt hẳn không kém, nên tôi mới đánh bạo tới đây. Nay đã vậy, thì tôi xin chết ở đây. Đàn người lúc nhúc kia, đều là tôi tớ của chó Ngô, tôi còn biết sống với ai nữa. Liền đập đầu vào đá.

Xý vội đứng dậy cứu, thì máu trên đầu đã chảy lai láng, nhưng may chưa hề gì.

Khi ấy mọi người đều hết giận, cuộc họp rất là nghiêm trang. Cô gái lặng lẽ, không nói nửa lời. Mọi người đều giục Phấn nói.

Phấn nói:

– Tôi dầu có nói, anh em chưa chắc đã tin. Tâm sự của cô, cứ để cô tự nói ra là hơn. Nhưng theo ý riêng của tôi, thì hai chữ anh hùng không phải chỉ để dành riêng cho bạn trai chúng ta. Anh em chớ vội lấy con mắt hạt đậu mà xem người vậy.

Kiên và Xý đứng dậy xin lỗi cô và xin cô trả lời.

Cô nói:

– Khi tôi mới gặp anh Phấn, thì anh Phấn cũng như các ông bây giờ. Việc đời nhận lời bừa thì khó giữ lời, mà trước quá dễ dãi thì sau ắt nhiều khó khăn. Các ông làm việc, không khinh suất để cho người ngoài biết, cái đó tôi rất phục. Nhưng lịch sử và tâm sự của tôi thì chỉ một mình tôi tự biết, nếu có nói ra đây, các ông cũng khó mà tin được. Thôi xin các ông cứ hỏi anh Phấn.

Khi ấy mọi người đều xúm lại tranh nhau hỏi anh Phấn.

Phấn nói:

– Hôm nay tôi đưa cô lại đây, là đem lại cho anh em thêm một kiện tướng. Nguyên khi tôi mới ở tù ra được vài ngày, hai anh Kiên, Xý gửi tôi ở nhà một bác phường săn làng Mạc Điền. Lúc ấy tôi là một tên tù vượt ngục, nên không dám đi ra nhiều, thường thường chỉ đóng cửa ngồi một mình. Một hôm bỗng có người con gái ăn mày gõ cửa. Tôi trông người ấy mắt sáng mày ngài, nét mặt lộ rõ khí phách phi thường. Tuy vậy nhìn kỹ thì dung nhan buồn rầu. Duy cái dáng buồn thảm vẫn không che được cái vẻ linh lợi, hoạt bát. Tôi thầm lấy làm lạ, nên không dám đối xử như với người ăn xin thường. Tôi gọi vào, lấy ghế mời ngồi. Người ấy ngồi tự nhiên, không có vẻ rụt rè. Khi ấy tinh thần tôi rất là luống cuống. Không giấu gì các bạn, bình sinh trong óc tôi chỉ chứa có hình ảnh anh hùng và đàn bà đẹp mà thôi. Nay thấy người như hoa như ngọc thế này lại ngầm có cái tinh thần lẫm liệt như sương, rực rỡ như mặt trời thế kia, thì làm sao mà khiến tôi chẳng rung động được.

Tôi mới dần dà hỏi cô:

– Cô muốn xin gì?

– Cái tôi định xin rất là quý, nhưng ngay bây giờ thì khó nói với anh quá.

– Tiền phải không?

– Không

– Lúa gạo phải không?

– Không.

– Quần áo phải không?

– Không.

Tôi cười và nói rằng:

– Cô đi xin, mà những thứ tôi vừa hỏi, những thứ cần cho người xin cả, thì cô đều không cần! Vậy tôi biết lấy gì cho cô bây giờ?

Cô ngồi ngẩn người ra như gỗ hồi lâu. Tôi chỉ lẳng lặng ngồi nghe câu trả lời trên môi người ngọc. Dáng điệu cô lại rất trang nghiêm, không phải dễ dàng lả lơi, tôi càng sốt ruột, nhưng cũng không dám hỏi lại. Hồi lâu cô bỗng buột miệng nói:

– Tôi nói thật với anh. Cái tôi muốn xin, trong nhà anh không có.

Tôi hỏi ngay:

– Cái gì?

– Cái đầu Thừa tuyên sứ giặc Ngô.

Tôi hết hồn. Lạ quá! Lạ quá! Câu nói này, sao lại phát ra được ở miệng một người nữ lưu? Nhưng sự vật trong trời đất biết bao nhiêu điều lạ. Tôi ngẫm nghĩ là cần phải nghiên cứu kỹ nữa.

Tôi nói nhỏ rằng:

– Câu nói của cô làm tôi mất cả hồn vía. May trong nhà này không có ai, nếu vách có tai thì tôi với cô sẽ chết cả họ.

Cô ấy nói:

– Tôi đây xem chết như chơi, nên mới nói vậy. Sao anh lại lấy chết để dọa tôi?

Lúc ấy tôi không trả lời được, tự nghĩ rằng chắc trong câu chuyện còn có nhiều thú vị, thì hẵng từ từ chờ xem. Bèn sắp xếp một chiếc giường riêng, mời cô nằm nghỉ. Dọn cơm tối mời cô ăn. Dần dà tôi mới hỏi rằng:

– Sao cô biết tôi? Và biết tôi là người thế nào?

Cô nói:

– Tôi làm sao biết được anh? Chính đôi giầy của giặc Ngô treo ở cổng chợ đã giới thiệu anh với tôi. Tôi là con gái ông Tam, chủ tiệm rượu ở thành Nghệ An. Thừa tuyên sứ nước Ngô thường đến uống rượu ở nhà tôi, thấy tôi có chút ít nhan sắc, liền bắt cha tôi dâng cho

nó làm thị tỳ. Nó bảo thế lực của người Ngô hơn thế lực người Nam thì nó muốn gì là phải như ý. Gươm giáo của chúng là thánh là thần. Tuy vậy, nói thì dễ chứ sự thật có dễ như chúng nó tưởng đâu. Cha tôi tuy là người buôn, nhưng rất hiểu đại nghĩa chủng tộc. Con gái của người thị dân lương thiện há chịu làm tỳ thiếp cho giặc Ngô sao? Thừa tuyên sứ đã nhiều lần đến hỏi, nhưng cha tôi nhất định không chịu. Nó bèn lấy tội rượu lậu vu cho cha tôi, rồi bắt ông cụ bỏ tù, bảo có đứa con gái đến dâng thì tha cho, không thì sẽ giết. Tôi sốt ruột, toan nhận lời để cứu cha tôi, nhưng cha tôi biết bụng tôi, liền thắt cổ chết trong lao để ngăn lòng tôi.

Than ôi! Cha tôi muốn cho con gái được làm một người dân tự do, nên mới liều mình như thế. Thật là đau đớn. Tôi khi ấy rất buồn nản, chỉ muốn chết ngay cho xong. Nhưng lại nghĩ thù cha chưa trả, thì dầu có chết cũng uổng mà thôi. Nên tôi muốn giết được thằng giặc Ngô thì chết mới nhắm mắt. Nhưng tự xét, tấm thân yếu đuối, một mình vò võ, làm sao mà giết được chúng nó bằng vũ lực được. Đêm ngày lo nghĩ, chưa có kế gì. Mà dã tâm của giặc Ngô thì vẫn chưa chán. Nó vẫn cho người ép tôi, quyết bắt tôi làm tỳ thiếp thì nó mới vừa lòng. Vì thế tôi mới bỏ nhà đi, ăn mặc rách rưới, giả làm ăn mày đi khắp tỉnh chỉ mong tìm được người "đồng cừu", thì thù cha tôi mới rửa được. Nhưng khắp tỉnh này đầy rẫy những tụi chó săn chim mồi, ngoài ra thật là vắng vẻ không có một ai. Phong trần lận đận, biết tìm đâu cho thấy người anh hùng!

Năm ngoái, sau khi giặc Ngô hạ cái "lệnh lạy giầy", tôi rất mừng thầm là sẽ có lối tìm người. Than ôi! Giặc Ngô làm nhục người Nam ta đến thế là cùng, mà người Nam ta hèn hạ đến thế cũng là hết chỗ nói! Địa vị chủ nhà với trâu ngựa, còn biết nói sao? Nếu cả An Nam này không có một người trai vĩ đại nào nữa, thì nền độc lập của non sông còn mong gì có ngày khôi phục? Nếu có mà không xuất hiện hồi này, thì còn đợi hồi nào nữa!

Chẳng bao lâu, nghe nói ba người bị tội "ngạo hài" mà anh là một. Từ đó, tôi chuyên làm người trinh thám dò tìm các anh. Ngày đêm khấn trời, nghĩ rằng nếu thần ngục có thiêng, thì tất không vùi dập giống tự do của chúng ta. Các anh vào tù, tôi cũng bôi bác cho mặt mày dơ bẩn, ăn mặc rách rưới, lẩn quất trước cửa ngục luôn luôn, thỉnh thoảng đến xin trước cửa nhà tù một vài đồng tiền. Phẩm cách đã đê tiện, mặt mũi lại nhem nhuốc, ai còn để ý. Các anh ở tù một

ngày, là tôi cũng ăn mày trước cửa ngục một ngày, chỉ khao khát muốn biết kết quả của các anh. Tôi nghĩ rằng, các anh còn đó, thì thân tôi tức là thân các anh.

Đêm hôm lễ đại khánh, có một chàng trai thấp nhỏ mạnh khỏe, cùng tên lính coi ngục uống rượu, nhân lúc say mà cướp anh đi. Từ đó, tôi luôn luôn theo sát anh, chỉ mong anh lần này đi được trót lọt. Nhưng lại nghĩ trong lúc anh đang lo thoát nạn, việc không nên để người ngoài biết, thì tôi lại không muốn làm cho anh sợ, nên đành xa anh một quãng đường. Khi vào làng này, thì mất dấu anh, nhưng chắc là anh vẫn ở đây. Sao tôi lại biết được thế? Vì tôi thấy anh chàng thấp nhỏ hôm trước vẫn còn đi lại ở đây luôn. Tôi chắc rằng anh cũng còn nấp náu đâu gần đây thôi, nên tôi cứ ăn mày miết ở làng này. Quả nhiên, trước đây vài hôm tôi trông thấy anh ở trước cửa nhà người phường săn này. Mũi dùi của Mao Toại [1] lâu nay vẫn muốn thoát ra ngoài. Tôi muốn gõ cửa, nhưng lại hiềm hình thù bẩn thỉu, phải tắm rửa chút đã, mới dám ra mắt. Hôm nay anh ở nhà một mình, tôi mới lấy bộ mặt đứa gái ăn mày đến thử mắt anh. Tôi nói thật với anh, cái tôi muốn xin ở anh, trừ cái đầu chó Ngô ra, không gì khác nữa. Anh có ừ không?

Tôi ngần ngừ chưa kịp trả lời. Trong não tôi lúc này hiện ra một tâm trạng muốn tin mà cũng muốn ngờ, có lưỡi không nói ra được, có bút không vẽ ra được. Nghĩ rằng nếu người này quả là thật, mà chốc lát mất đi, thì mình thực là đổ tồi. Nếu không thế, đây chỉ là quân quỉ quái tinh ranh, đến đánh lừa mình, mà mình mắc phải, thì thật là quá ngu. Nhưng tôi xét kỹ lại, quyết không phải người thường. Song muốn trọng lời ừ của mình, nên chưa thể hứa ngay. Trước phải điều tra cái thảm kịch cô ta vừa nói đó có đúng không đã. Ấy là vấn đề thứ nhất mà tôi phải làm. Tôi suy tính xong bèn trả lời rằng:

– Lời cô vừa nói, tôi rất cảm phục, nhưng trước khi ừ, cho tôi nghĩ kỹ trước đã. Vì kẻ đại trượng phu đã hứa với ai một lời rồi, thì đầu óc tính mệnh đều không tiếc nữa. Đâu dám dễ dàng mở miệng. Nay mời cô ở đây, tôi sẽ có ngày phơi gan bày ruột, để đáp lại nghĩa của cô.

Cô ấy nói:

---

1. Mao Toại thời Chiến Quốc, nói với Bình Nguyên Quân rằng người anh hùng cũng như cái dùi nhọn để trong túi, thế nào cũng đâm thủng túi mà thoát ra. Ở đây ý nói: muốn thổ lộ ý chí anh hùng.

– Phải lắm.

Hôm sau, tôi từ giã cô ta, nói để đi săn xa, ít hôm mới về. Nhưng kỳ thực tôi lên về tỉnh để điều tra thực trạng cha con cô gái quán rượu như thế nào. Người ta bảo tôi rằng:

– Rất đáng thương cho nhà ấy, cha thắt cổ chết ở ngục, con gái đi mất tích, nhà cửa hoang phế, tai vạ mới phát ra độ năm sáu tháng nay thôi.

Tôi hỏi ai gây ra chuyện ấy.

Người ta đáp:

– Người gieo vạ cho nhà này là Thừa tuyên sứ, mà cô con gái là cái mầm tai vạ. Cô kia nếu chịu làm thị tỳ cho quan Ngô, thì chẳng những không phải vạ mà lại còn được nhiều phúc phận không ngờ nữa. Ông Tam thì chết rồi, chẳng nói làm gì, chỉ thương cô con gái đẹp mà khôn, bây giờ không biết đi đâu. Mà Thừa tuyên sứ thì vẫn cho người đi lùng. Con bé thật là người thiếu phúc.

Tôi hỏi cô ấy tên gì. Người ta mắng tôi rằng:

– Khắp cả tỉnh này ai chả biết tên cô Chí. Chú sao ngớ ngẩn vậy?

Tôi nói:

– Tôi cả đời ít đi lên tỉnh, nên tiếng tăm lừng lẫy của cô ấy hôm nay tôi mới được nghe lần đầu.

Tôi đã biết được sự thực, nghĩ lại lời nói của cô, nên bao nhiêu lòng ngờ vực trước, nay biến thành lòng kính mến cả. Tôi nghĩ một cô gái xinh đẹp, mà lỗi lạc đến thế, thời câu chuyện bà Trưng bà Triệu quyết cũng không phải nhà làm sử vẽ vời thêm thắt ra đâu.

Tôi vội vàng về nhà ngụ, thì trời đã xẩm tối. Cô ấy đón vào.

Tôi nói:

– Cùng ở đã mấy hôm mà chưa biết tên cô, cô tên là gì nhỉ?

Cô đáp:

– Tôi thường có tật điên, hay mắng người ta, nên người ta gọi tôi là Chí Điên. Cô Chí chính là tên thật của tôi.

Tôi mừng lắm. Mời cô ngồi lên, rồi sụp xuống làm lễ hai lạy, xin kết làm chị nuôi. Tôi bảo chị rằng:

– Đồng bào ta, nhân dân ta, ai là không thù ghét giặc Ngô. Chúng nó giày xéo lên quyền tự do của đồng bào chúng ta, như bánh

xe lăn trên bùn. Những hoa tươi rực rỡ, tiền nhân ta để lại cho chúng ta, thì tay chúng bẻ, những quả đẹp ngon lành, tiền nhân ta giành lại cho chúng ta, thì miệng chúng ăn. Những của tinh hoa quý báu chúng đều cướp làm của chúng. Còn nhân dân chúng ta, chỉ làm bò kéo xe chở phân, dọn rác cho chúng mà thôi. Điều đáng căm thù ở trên thế gian này, còn gì hơn thế nữa. Chị nói thù nhà, hãy còn nghĩa hẹp. Lúc đã rửa được, thì đồng thời sẽ rửa hết tất cả, xin chị chớ lo. Nếu biết giữ được cái trời đã phú cho, tất trời sẽ giúp. Thời đã đến rồi.

Đó là việc tối qua. Tôi thấy đêm đã khuya vội đi hội nghị. Tôi bèn nói:

– Thôi chị đi nghỉ, tôi có việc phải đi ngay. Tôi khoác áo ra đi, ngoảnh lại bảo chị tôi gài cửa tắt đèn, hẹn đến sáng sớm sẽ về.

Đến sáng tôi về, vừa đến cửa, thấy cửa không đóng, đèn sáng liu hiu, rọi ra ngoài cửa. Khi vào nhà, thấy chị tôi ngồi trên giường buồn thiu không nói một tiếng. Tôi lại hỏi rằng:

– Chị dậy làm gì vậy?

Chị tôi nói:

– Chưa hề ngủ, làm gì có dậy?

Tôi hỏi lý do, chị tôi nói:

– Các anh có kế hoạch lớn như thế, mà bỏ tôi ra ngoài, tôi không phải người sao? Cái lòng thương nước giữ nòi có phải là độc quyền của nam giới đâu?

Tôi rất lạ lùng thưa rằng:

– Có gì đâu?

Chị tôi nói:

– Anh thật là dối người quá lắm. Mấy bữa nay, tôi thấy thần sắc anh, biết anh thế nào cũng có việc gì. Tối hôm qua, thấy anh vội vội vàng vàng đi ra, tôi đoán thế nào cũng có cuộc đại hội, nên lúc anh ra, tôi liền lẻn đi theo. Những câu các anh chỉ trời vạch đất nói ở trong trại, đều văng vẳng bên tai tôi. Lúc ấy tôi ngồi nép lắng nghe ngoài trại, như người gác cho các anh. Tôi không muốn vội vàng nhỡ chuyện các anh, nên nín không dám nói. Khi hội sắp tan, tôi lén về trước. Bóng tôi và hình anh xa nhau cũng chẳng là bao, anh có biết không? Cả một trang nhật ký ở trong bụng tôi còn có thể giở ra cho anh đọc.

Tôi nghe đến đấy, không thể không phơi bày gan phổi được. Những việc đảng ta định làm, tôi đều đã cho chị biết. Cuộc họp đêm nay, lúc đầu tôi tính đi một mình, cố ý nấn ná, đợi chị tôi ngủ rồi mới ra đi, nhưng chị tôi đòi đi theo. Chị tôi nói rằng:

– Nếu các anh đều là anh hùng, thì hẳn không bỏ tôi. Nếu cho tôi là đồ đàn bà mà gạt ra, thì tôi cũng xin cám ơn các anh. Tôi cứ tự làm theo chí tôi thôi, thề không làm nhỡ việc các anh.

Phấn nói đến đấy Tinh và Lực đều đứng dậy, vỗ tay kêu lớn rằng:

– Xin mời vào đảng! Xin mời vào đảng! Chúng ta kết giao chỉ cốt phần hồn, không cần sắc tướng. Nếu ai tán thành đánh giặc tức là anh em rất yêu kính của chúng ta. Xin anh em nhất trí.

Mọi người đều đồng thanh nói:

– Nhất trí! Nhất trí! Nhất trí! Đứng dậy bắt tay cô kia, xin mời vào đảng và tạ lỗi vừa rồi.

Cô Chí đáp tạ rằng:

– Anh em trước đây nhao nhao phản kháng, bây giờ vui cười. Nếu trước không có hoài nghi, thì sau cả tin là giả.

Khi ấy, anh em dự hội tất cả có 50 người, lại ngồi bàn nốt những công việc đêm trước còn chưa bàn xong.

TIẾT THỨ NĂM

Nước cũ mệnh mới

Kiên nói:

– Chúng ta bất luận thế nào, cốt lấy quang phục Tổ quốc làm mục đích duy nhất. Thời kỳ đầu sẽ là thời kỳ vận động, sau đó là thời kỳ tiến hành, cuối cùng là thời kỳ kiến thiết. Thời kỳ cuối này là sau khi quang phục thành công. Khi đó sẽ có người kế chúng ta lo liệu. Chúng ta chỉ đem hết sức lo toan làm hai thời kỳ trên, xin anh em chỉ giáo cho.

Tinh nói:

– Chúng ta đồng tâm đồng đức, trách nhiệm phải rõ rệt. Hễ làm việc có mưu mới có lương, có lương mới chiến đấu được. Ai làm mưu chủ? Xin anh em cử. Mọi người đều nói:

– Ông Kiên.

– Ai làm chiến chủ? Xin anh em cử.

Mọi người đều nói:

– Ông Xý.

– Vậy thì về lương hướng ai làm chủ?

Mọi người đều cử:

– Ông Khoáng

Khoáng nói:

– Việc này rất quan trọng, vận mệnh đảng ta hoàn toàn nhờ vào đó. Một mình tôi không đảm đương. Xin cho ông Kiên cùng phụ trách và cho anh Phấn giúp đỡ. Sức tôi được đến đâu, tôi xin làm đến đấy. Mọi người đều nói:

– Phải!

Kiên nói:

– Các anh quá yêu, ủy cho tôi làm mưu chủ, nhưng tài trí tôi có chỗ thiếu thốn, thì xin anh em luôn luôn chỉ vẽ cho, đừng chia ranh giới. Phải biết rằng 50 anh em chúng ta như một người vậy. Mọi người đều nói:

– Rất phải!

Xý nói:

– Tôi chả giỏi gì, tôi chỉ là người vũ phu có sức khoẻ, phàm gặp những việc nước lửa tên đạn, tôi xin đi trước mọi người để báo đáp anh em. Anh em bảo đi đâu là tôi đi ngay. Mọi người đều nói:

– Hay lắm.

Kiên nói:

– Bây giờ trước tiên cần phải sắp xếp ngay hai việc:

1/ Địa điểm nhóm họp

2/ Các món kinh phí để khởi sự.

Khoáng nói:

– Tôi có sơn trại vài mươi gian, sơn điền vài nghìn mẫu. Tiên nhân tôi mấy đời làm hùng trưởng ở đấy. Chỗ ấy tai mắt chó săn chim mồi của giặc Ngô không đến được, tôi xin dâng cho đảng để làm

chỗ đứng chân tạm thời. Những lúa thóc còn lại, nếu nay đem bán, cũng còn được vài vạn quan tiền, một nửa dùng làm chi phí khởi sự, một nửa dùng làm lương cũng được nửa năm. Còn như mở mang thêm nữa, thì tùy sức anh em.

Mọi người đều vỗ tay nói:

– Hay lắm! Hay lắm!

Kiên nói:

– Chúng ta chỉ biết hết nghĩa vụ đối với Tổ quốc, giống nòi, ngoài ra không có gì gọi là danh vị cả. Nhưng đã kết một đoàn thể, tất phải có người tổng đại biểu mới được. Khoáng đời đời làm thổ hào, lại dòng dõi nhà vua, mọi người đều trông ngóng vào, xin cử ông Khoáng làm trại chủ, gặp có sự cần phải giao thiệp, hay mệnh lệnh gì, trại chủ đương lấy.

Mọi người đều nói:

– Rất tán thành! Rất tán thành!

Kiên lại nói:

– Điều cần phải có nữa là quân lính và khí giới. Những làng chài ở hai bên bờ sông Lam, khổ về thuế nặng của giặc Ngô; phần nhiều không vui theo. Những phường săn ở mé núi, nhiều người có sức mạnh. Nay nếu được người có đảm thức và nói giỏi đi khắp mấy nơi ấy, xét chọn những người gan và mạnh nhất, rủ theo nhập trại, đem về huấn luyện, vài năm sau sẽ thành quân. Ai làm được việc ấy cho?

Mọi người đều nói:

– Tinh!

Tinh bằng lòng.

Kiên nói:

– Bây giờ việc chuẩn bị khí giới mới bắt đầu, những giáo mác của phường săn thường dùng, ta hãy dùng tạm cũng được, nhưng đảng ta cần phải tiến bước lên, phi khí giới đầy đủ thì không thể nói chuyện đánh nhau với quân Ngô được. Có mấy làng kia, nhiều thợ rèn giỏi nhất tỉnh, và ở Đông Thành có nhiều mỏ sắt rất tốt. Nay cần có một người mật đến hai làng Trung Lương và Vân Chàng mời một ít thợ rèn, nếu họ không muốn đi thì bắt cóc chừng hơn chục người, cũng đủ thợ để rèn binh khí. Còn sắt, nếu thiếu, thì sẽ cho người đi Đông Thành mua. Kế ấy sẽ liệu sau, nhưng ai phụ trách cho việc này?

Chưa ai trả lời thì Xý nói:

– Tôi xin phụ trách việc này, nhưng xin Lực đi với nữa.

Lực trả lời:

– Được.

Kiên nói:

– Việc chúng ta phải làm còn nhiều, thời chưa đến, chưa thể tuyên bố được. Đến ngày mai, xin đến họp tại trại ông Khoáng, làm lễ khai trại, làm lễ xong, chia nhau đi, ai làm việc nấy.

Mọi người đều đồng ý. Bèn tan hội.

Phía cực Tây huyện Thanh Chương, giáp nước Lào, nhìn xuống là sông Lam, dựa vào vách núi Giăng Màn. Trong chỗ rừng sâu xanh thẳm, có vài trăm khoảnh sơn điền. Bốn mùa có khe nước chảy, phân tán thành câu cừ. Ở trên có nhà trại, lớn nhỏ hơn trăm gian. Đấy là trại của ông Khoáng hiển đạt ở thời Trần, nhà Trần mất, đem cả bộ thuộc hơn vài mươi người dời xuống phía Nam châu Hoan. Vì quân nhà Minh đuổi bắt riết, nên ông Khoáng cũng trốn đến ở chỗ ấy. Các hào liệt lục lâm thường nhờ làm chỗ trốn tránh. Ông Khoáng là người trưởng giả, trung hậu, nên người xa gần bất kỳ Mường hay Chợ, đều ham đi lại giao thiệp. Thường lấy thóc gạo đổi lâm sản, rồi chở lâm sản xuống chợ bán lấy tiền, hàng năm thu được rất nhiều, cho nên trong trại tích trữ cũng đầy đủ. Ông Khoáng thường nghĩ đến quốc sỉ, nuôi chí lớn, cho nên những người hảo hán đến thường được tiếp đãi rất hậu. Các thổ hào đều gọi ông Khoáng là ông Cả. Khi Kiên và Xý muốn mở hội nghị bí mật, trước hết đến mời ông Khoáng, ông rất mừng, đến ngay. Bèn cử ông làm trại chủ. Miếng đất khô ráo này trở thành một nước độc lập nhỏ vậy. Vì thế đặt tên là trại "Trùng Quang".

TIẾT THỨ SÁU

Thi lớn bài nhỏ

Tối hôm 30 tháng 8, cách huyện lỵ Can Lộc độ chừng 10 dặm, về phía hạ lưu sông Lam ở làng Vân Lương, xảy ra một vụ ăn cướp. Quân cướp chỉ có hai người, một người trai tráng lớn khỏe, một người

là thiếu niên thấp nhỏ. Nhà bị cướp là ông Vân, làm nghề phó cả lò rèn. Vào hồi gần nửa đêm, người nhà mới bắt đầu ngủ, quân cướp đốt đuốc vào, ánh sáng chói lọi soi sáng có đến một dặm. Người lớn khỏe đi trước, tay cầm một con dao năm chĩa, phá cửa vào tìm người thợ cả. Người nhà hô hoán lên, làng xóm đều đến. Tiếng kêu: Kẻ cướp! Kẻ cướp! vang đến mười dặm. Bọn cướp hết sức đề phòng, tay cầm giáo mác múa liên thiên nên cũng không ai dám lại gần. Một lát sau, lũ cướp bắt người thợ cả đi. Ra đến cửa, chúng quát lên một tiếng "tránh" nghe như tiếng sấm. Những người đến cứu đều khiếp sợ, ngã nghiêng ngã ngửa ra cả đôi bên. Quân cướp lại chạy đến nhà ông Mục là phó hai. Lúc ấy Mục vừa ở nhà Vân về, gặp bọn cướp ở cửa, chưa kịp tránh, thì chúng đã thét lớn:

– Anh là ai?

Sợ hết hồn, Mục đáp rằng:

– Mục! Mục! Tiếng rất nhỏ.

Quân cướp liền dắt nốt cả Mục đi, vừa đi vừa ngoảnh lại bảo người làng rằng:

– Cảm ơn bà con. Xin cho chúng tôi mượn hai người này ít lâu, ngày sau sẽ đem tự do đến trả ơn.

Người làng nghe chả hiểu nghĩa lý gì cả [1].

Xong đó, người ta soát lại nhà hai người. Nhà Vân khá giàu, nhà Mục cũng đủ ăn, nhưng của cải không mất tí gì, rương hòm vẫn khóa y nguyên. Mọi người đều lấy làm quái lạ, kẻ cướp sao không lấy của, mà chỉ bắt người? Lại mười hôm sau, cả làng thợ rèn mất tích đến hơn vài chục người nữa.

Xin các bạn thử đoán xem, cướp đây là ai? Phải chăng là bọn Xý và Lực?

Nguyên lúc hai người (Xý và Lực) nhận trách nhiệm rồi, họ nai nịt, mang gươm, đem đủ lương ăn trong một tuần, thuê một chiếc thuyền nhỏ, theo dòng sông Lam đi xuống, đến bến chợ Chế thì trời vừa tối. Buộc thuyền bên bờ sông, mặt trời vừa tắt, ánh sao lại rọi nhấp nhoáng trện mặt sông, có ánh đèn chài chiếu xa xa. Bỗng thấy có bóng người, Xý ngờ là kẻ trộm, ra rình xem, thì thấy một cậu

---

1. Trong bản thảo, có *lời phê* (của một người nào đó) trên đầu đoạn này: "*Không hiểu tự do là gì ? Nên mới là người nhà quê!*"

thanh niên lởn vởn cách chỗ thuyền đậu hơn vài trượng, miệng cứ lẩm bẩm, không rõ nói gì, chỉ thỉnh thoảng xen vào những tiếng nức nở. Tiếng bé dần bóng người cũng lẩn mất, ở chỗ đằng xa, rồi nghe ùm một tiếng, làn sóng dợn lên, rồi lại im ngay. Xý biết là có người trầm mình, liền nhảy xuống nước bơi theo, thì quả mò được một người đàn ông, kéo lên bờ.

Mới mấy phút nên người ấy chưa chết, còn thở leo heo, hồi lâu tỉnh lại, mở mắt thấy Xý, liền mắng rằng:

– Đứa nào ác thế, lại làm hại tao! Tao thù gì mày mà mày làm khổ tao?

Xý nói:

– Tôi làm khổ gì anh? Nếu không có tôi thì anh đã vào bụng cá rồi. Tôi làm khổ gì anh?

Người kia nói:

– Mày biết đâu sự đau khổ của tao! Thôi cứ vứt tao xuống nước, không thời..., rồi không nói nữa.

Xý bế xốc người ấy về thuyền, và hỏi tại sao lại muốn chết. Hồi lâu, người ấy mới hỏi:

– Đây là thuyền lính lệ à?

– Không phải. Làm gì có thuyền lính lệ đỗ chỗ hẻo lánh này?

– Không phải thuyền lính lệ thì tôi mới nói.

– Lính lệ mà thấy chúng ta thì thật là sự không may.

– Thế thì tôi nói. Tôi thật là khổ quá. Khi quân Ngô chưa cai trị đất này, cha tôi, một nhà lực điền, cũng không đến nỗi đói, mẹ tôi tuy già, còn giúp được việc bếp núc. Đôi khi lại đi khâu vá thuê, kiếm thêm được tiền. Vợ tôi cũng con nhà nông. Thường ngày, tôi cày đến trưa, vợ tôi mang cơm đưa ra ruộng cho tôi, tôi ăn rất ngon, vợ tôi lại đưa thuốc lào, bỏ vào điếu mời tôi hút. Đến khi lúa chín cả nhà đều đi gặt, đập lấy thóc, nuôi được 5, 6 người, hàng năm không lo thiếu ăn. Tôi có một trai, một gái, đứa 6 tuổi, đứa 8 tuổi. Thường lúc tôi đi cày về, chúng đón tìm tôi, lục lọi lấy cua đồng, được thì vui lắm, đưa vào bếp nướng, chọn con nào béo đưa tôi ăn, tôi rất vui.

Trước đây 5 năm, tướng Ngô đem quân đến Triều Khẩu, đánh nhau với quân ta. Quân Nam ta thua, quân Ngô vào làng đốt, cả làng bị đốt sạch. Quân Ngô hễ thấy đàn ông nước ta, không kể già trẻ,

đều gọi là giặc, giết hết. Lúc ấy, con tôi mới 2, 3 tuổi, cha tôi bảo vợ chồng tôi bế mỗi người một đứa, đi trốn mau. Tôi giục cha tôi cùng đi trốn một thể. Cha tôi nói:

– Tao đã 79 tuổi rồi, ai còn giết tao làm gì?

Quan quân nước ta thực chưa hề giết người già vô tội, nhưng quân nước khác thì già cũng chả thương nào.

Tôi giấu vợ con vào núi rồi liền trở lại nhà, thì nhà đã bị cháy, cha tôi bị giặc đâm chết. Mẹ tôi vì thương cha tôi, khóc mù cả mắt. Từ đó nhà tôi lâm vào cảnh tan nát. Quân Ngô lại đánh thuế nặng, còn bao nhiêu ruộng, tôi bán hết cho nhà giàu. Nhưng đương còn một con trâu, chỉ cày thuê cũng đủ rau cháo qua ngày. Nếu không cần tiền gì khác nữa, thì cũng không đến nỗi khốn khổ lắm.

Các ông cũng biết chứ? Từ khi có quân Ngô, nhân dân ta phải nạp thứ tiền mua "giấy bảo đảm", không thì ở tù. Trước đây ba ngày, trưởng thôn thôn tôi thừa lệnh quan huyện đốc thúc tiền "giấy đảm bảo" đến nhà tôi. Theo pháp lệnh quân Ngô, như tôi, tuổi ngoài 30, đã có vợ con, thời tiền lĩnh "giấy đảm bảo" nhiều hơn các người mới thành đinh, phải trên 10 quan mới nhận được giấy. Tôi ngó các đồ trong nhà, không có cái gì đáng tiền, chỉ bán trâu mới có tiền. Không bán trâu thì không có tiền nhận "giấy đảm bảo", mà không "giấy đảm bảo" thì là ở tù. Nhưng con trâu ấy, thật là mẹ, vợ và hai con tôi nhờ đó mà sống. Không tiền thì chỉ một mình tôi ở tù, tôi không muốn. Còn trốn đi làng khác thì không "giấy đảm bảo" là người có tội, còn ai dám dung!

Tôi tính đã kỹ rồi, sống mà khổ thà chết còn sướng hơn. Nhà không trai tráng, khỏi phải nạp tiền đảm bảo, con trâu mạnh của tôi còn đó, vợ tôi cố sức đi cày, sau vài năm, con tôi sẽ thành trai cày. Tôi liều chết để duy trì tính mệnh cả nhà tôi, thật là đắc kế lắm. Anh có thể tìm cho tôi một con đường khác không mà lại không để tôi chết?

Xý nói:

– Anh ngu lắm! Kẻ đại trượng phu, không chết thì thôi, đã chết thì cũng phải chết cho hiển hách mới được chứ. Anh không phải là trang râu mày đứng bực đó hay sao? Anh bây giờ tự tử, tức không sợ chết. Thôi đi theo tôi.

Anh kia hỏi:

– Đi để làm gì?

– Cứ theo tôi, hỏi làm gì?

– Ở đây cách làng thợ rèn gần xa? Anh có biết không?

– Biết lắm, làng ấy ở cạnh làng tôi.

– Làng thợ rèn hiện có bao nhiêu người?

– Chừng hơn bốn chục người. Theo lệ làng, phải lấy một nửa vào lò rèn làm việc, còn độ hai chục người ở nhà. Nhưng phần nhiều đều đi làng xa làm nghề kiếm ăn, chỉ có hai ông phó cả và ông phó hai thì ở nhà. Hai ông này giỏi nghề, lại có danh vọng, coi sóc các thợ và giúp đỡ người làng. Người đàn em trong làng đều xem hai ông ấy như thầy.

Xý nói:

– Được rồi, không cần nói nữa. Nay tôi muốn nhờ anh một việc, anh làm được không?

– Việc gì có thể làm thì tôi làm hết.

– Anh đi lấy tre khô hay lau sậy khô, buộc thành bó đuốc, cầm đi trước, dẫn đường cho tôi. Nhưng anh tên gì? Họ gì?

– Tôi không biết chữ, chả có họ tên gì. Thường gọi theo tên con là Cu, nhưng mới rồi, tôi sắp chết chìm, được anh cứu sống, thì gọi là Cu Chìm để ghi nhớ vậy.

– Phải! Phải! Chìm, anh biết chúng ta sẽ đi đâu không?

– Làm sao biết được?

– Chúng ta sẽ đi ăn cướp đây.

Cu Chìm kinh sợ mà hỏi rằng:

– Té ra anh là kẻ cướp à? Anh định ăn cướp gì? Tiền ư? Trâu bò ư?

– Các giống ấy đều không phải mục đích ăn cướp của chúng ta. Chúng ta sẽ đi ăn cướp người đây.

Chìm nói:

– Lạ thật, cả đời tôi chưa thấy ai đi ăn cướp người bao giờ.

– Anh sẽ thấy những điều chưa thấy, cũng là một việc khoái cho anh. Thôi đi.

– Đi đâu?

– Đi đến làng thợ rèn.

Lúc ấy Cu Chìm rất sợ, nhưng cũng đánh bạo đi xem họ làm gì. Bèn thấp đuốc đi trước. Đi đến cổng làng, Chìm nói:

– Đi lên ngõ này, đều là nhà thợ rèn cả. Các ông không nghe tiếng đe, tiếng búa, tiếng bễ đấy ư?

Xý hỏi:

– Anh có biết nhà bác phó cả và bác phó hai không?

– Biết chứ!

Xý nói:

– Ta núp vào bụi cây đã, đêm còn sớm, thợ chưa nghỉ. Làm việc ngay sợ chưa ổn, hãy chậm chút đã.

Gần nửa đêm, tiếng đe búa đều lặng hết. Trời tối đen, chỉ hơi thấy đường thôi.

Xý nói:

– Giờ thì làm việc được rồi.

Chìm cầm đuốc đi trước. Khi đến cửa, Xý rút gươm cầm tay bảo Chìm rằng:

– Anh chớ vào. Đưa đuốc cho Lực.

Chốc lát, đã bắt được hai người thợ rèn, dọc theo đường cũ trở về. Khi về đến thuyền, thì đèn trong thuyền vẫn còn sáng.

Vân và Mục run lẩy bẩy vì khiếp sợ, không thể tả được. Xý đỡ họ ngồi, rót rượu mời uống rồi bảo rằng:

– Hai ông chớ lo, chúng tôi không làm hại các ông đâu.

Vân và Mục nói:

– Nếu các vị hảo hán cần tiền, dân chúng tôi xin dâng ít nhiều. Chỉ xin đừng giết chúng tôi.

Xý nói:

– Đêm khuya trời rét, hẵng uống thêm vài chén cho ấm bụng đã, rồi sẽ nghe tôi nói. Còn chú Lực thì nhổ sào gấp lên.

Người lái trả lời:

– Vâng

Rồi thuyền nhổ sào.

Xý nói:

– Nay chúng tôi cần một trăm vạn quan tiền, hai ông, cứ mỗi ông năm chục, có được không?

Hai người nghe hết hồn, mặt tái mét như xác ma. Xý cả cười, cầm tay hai người mà an ủi rằng:

– Tôi nói đùa đấy, nếu cần tiền thì tôi đến thẳng thành Nghệ An, nhằm vào đầu quân giặc Ngô mà lấy, chớ bắt các ông làm gì! Còn tiền mồ hôi nước mắt của đồng bào thì dù đem dùng một đồng một chữ, chúng tôi cũng đau như cắt ruột.

Hai người nghe câu ấy, biết bọn Xý không phải là phường cướp thường, bèn cả mừng, rạp đầu lạy tạ và thỉnh giáo. Lúc ấy mọi người đều vui vẻ, cùng nhau uống thêm rượu. Uống xong Xý bảo Chìm rằng:

– Chú người nhà quê, biết giọng hát nhà quê, nên hát vài câu để giúp tửu hứng. Chìm đã ngà say, dạn hẳn lên, bèn vỗ vào ván thuyền mà hát rằng:

Đố ai lượm đá quăng trời,
Đan gàu tát biển, mới người khôn ngoan.

Lại hát rằng:

Dây đâu mà giăng khắp trời,
Của đâu mà để cho người nằng ăn.

Lại hát rằng:

Đi lâu mới biết đường dài,
Ở lâu mới biết con người có nhân.

Lại hát rằng:

Có mưa, có gió, có trời;
Có non, có nước, có người, có ta.
Đông, Tây, Nam, Bắc một nhà.

Xý rất vui, nói với Vân và Mục rằng:

– Giờ tôi nói các ông nghe. Các ông có phải tinh nghề rèn không? Những người thợ rèn trong làng có phải đều là đồ đệ của các ông không? Các ông chỉ mệt gân xác, mỏi tai mắt, làm đồ giết người cho giặc Ngô để chúng giết nòi giống mình. Các ông có nỡ lòng được không? Kìa những gươm giáo quân Ngô đều sơn tắm máu đồng bào ta, chó ngựa quân Ngô đều ăn xương thịt quốc dân ta. Chúng ta nay không lo cứu giúp nhau, lại nối giáo cho giặc, hỏi lương tâm các ông có yên được không?

Vân nói:

– Những lời ông mới nói đó, thật là như trời mở mắt cho tôi, trời mở mắt cho tôi. Than ôi! Chúng tôi dân đen, mờ mịt, không biết gì, chỉ xem quyền lực mà lui tới. Chúng đem vài mươi vạn quân hùng hổ,

giữ kiên thành trọng trấn, chế ngự dân ta, khua đuổi dân ta như gà lợn, dân ta làm gì được như chúng nó. Dân ta nay thật là đau lòng nhức óc vì chúng, nhưng tài hèn, trí độn, chả biết làm gì! Than ôi! Thế giới nay thật là của riêng của bọn cường quyền. Ông dạy cho tôi thế nào?

Xý nói:

– Cường quyền cũng chả đáng sợ lắm đâu. Người ta, nếu biết quyết tâm tự cứu thì trời tất cứu cho. Nếu ta biết phấn chí ra sức đấu tranh quyết liệt với cường quyền thì không cái gì không thắng được. Nhân dân nước ta nhiều gấp trăm quân giặc Ngô. Nay thì các ông đưa hai tay ra làm trước để giúp đồng bào, rồi đồng bào sẽ đưa hai tay ra bắt tay các ông, hợp lực với các ông để làm mọi việc thì việc gì mà chẳng nên. Chúng tôi sắp khởi nghĩa, còn thiếu khí giới, muốn phiền các ông giúp trông coi xưởng chế tạo binh khí, cho nên mới đến bắt cóc các ông. Làm như thế là để quân giặc Ngô có biết chăng nữa, cũng không bắt tội gia quyến các ông. Các ông chả lạ gì luật pháp giặc Ngô, nếu có một người chống lại chúng thì cả nhà đều bị giết. Nay chúng tôi bắt các ông đi, người nhà các ông kêu lên quan, quan sẽ không làm tội gia đình các ông nữa. Các ông có vui theo chúng tôi không.

Vân nói:

– Trước đây chưa hiểu công chuyện các ông làm đó thôi. Thợ làng chúng tôi đều người thôn quê, thẳng thắn, gan dạ, xem quân giặc như rắn rết. Nếu có chỗ để theo mệnh lệnh thì kêu một tiếng họ sẽ đến hết, có phải một mình tôi đâu!

Xý nói:

– Được mọi người đồng tâm là trời giúp ta vậy.

Lúc ấy thuyền đã đi đến huyện Thanh Chương. Lực nói:

– Thuyền ngược dòng, đi chậm quá, chúng ta đỗ thuyền lại, lên đi bộ mau hơn. Họ bèn theo bờ sông Bích Triều mà đi lên.

TIẾT THỨ BẢY

Gươm rút khỏi bao

Cách thành huyện Thanh Chương chừng vài dặm, có một khoảng đất rộng, gọi là chợ Rồ, tức là chỗ sau này gọi là chợ Bình Ngô.

Thời ấy quan Ngô đánh thuế rất nặng, bóc lột trăm chiều, nhất là thuế chợ. Người đốc thu thuế chợ là quan huyện.

Lão quan huyện đang ngồi ngất ngưởng trên một sập cao, trước mặt la liệt bọn nha lệ. Quan bảo rót rượu, đánh chén một mình, bên cạnh để một cái rương đựng tiền rất lớn vuông vức chừng 3, 4 thước, có mấy người lính gác.

Lực bảo Xý rằng:

– Có món thịt chó đấy, lấy ta ăn nhỉ.

Xý nói:

– Không nên. Nó đáng giết thật, nhưng cũng có thể là nó bị thế lực áp bức đi làm như vậy. Vả giết nó, tai vạ sẽ dây đến làng xóm. Những người dân chợ vô tội này, ta thật không muốn họ bị một chút vạ lây nào. Thôi hãy tạm nín đi đã.

Mới đi được vài mươi thước thì thấy ở dưới một cây lớn, có một chàng trai tráng bị trói ở đấy. Người ấy trạc chừng 20 tuổi, mặt đen như sắt, chân bị xiềng, tay bị trói trật cánh khuỷu, có hai người lính lệ gác, lính có áo hiệu viết chữ "Ngô". Bọn Xý trông thấy, biết anh này bị quan bắt tội, cho Chìm lại hỏi xem vì sao. Chìm tới hỏi lính lệ, lính lệ nói:

– Tôi vâng lệnh quan giữ nó, còn có tội gì, các ông cứ hỏi nó thì biết.

Chìm lại hỏi người phạm nhân. Anh ta nói:

– Đến mai, tôi sẽ chết. Than ôi! Mạng tôi chỉ đủ đền mạng một con ngựa. Hôm kia, tôi gánh một gánh lúa, từ trong làng ra chợ bán, tưởng bán được tiền về cưới vợ. Tôi đi đến đây, gặp quan Tuần kiểm đến, buộc ngựa ở cây, quan vào trong huyện, lính giữ ngựa đòi lấy lúa tôi cho ngựa ăn. Tôi không cho. Lính bảo rằng:

– Đây là ngựa quan Tuần kiểm. Mày là dân quê lại dám không để lúa cho ngựa quan ăn à? Mày có dám đến gặp quan không? Tôi nói:

– Dám. Bèn đặt lúa ở bên cây này để vào gặp quan. Lính giữ ngựa tố giác tôi với quan rằng:

– Thằng này tiếc lúa mà không thương ngựa quan đói. Quan giận mắng rằng:

– Đồ ngu, thịt người An Nam chúng mày đem nuôi ngựa tao còn được, nữa là lúa. Khí giận của tôi lúc ấy nổi lên bừng bừng, nhưng cố nén lại không dám để bùng ra. Lúc trở về, trông lúa thì ngựa đã ăn

hết quá nửa rồi. Than ôi! Hai sương một nắng mới có lúa này. Nhịn ăn bán đi, những mong để đưa về gây dựng gia thất. Hạnh phúc đời tôi bắt đầu ở đấy. Tưởng bán được lúa, có tiền, rồi đây tôi sẽ có vợ, có con, cha mẹ tôi sẽ có dâu, có cháu, hy vọng lâu dài biết là dường nào! Nay ngựa Tuần kiểm ăn đã gần hết, tôi thương tiếc biết là dường nào! Đau khổ biết là dường nào!

Tôi đã giận quân Ngô tàn bạo, lại buồn cho hạnh phúc của con người ta thật quá mỏng manh. Bao nhiêu tiền đồ, chung quy thất vọng. Lúc ấy tôi không còn nghĩ gì đến họa phúc nữa. Sức tôi vốn mạnh, tôi bèn lấy tay túm bờm ngựa, còn chân thì đá vào hông ngựa. Ngựa rống lên, tôi càng đá khỏe cho đến khi ngựa chết. Lúc ấy cơn giận tôi bốc lên như lửa cháy, tôi chỉ biết trả thù cho việc cưới vợ của tôi, chớ không thấy ai là quan Tuần kiểm, quan huyện, lính tráng và người đi chợ nữa.

Lát sau quan ra. Lính huyện tụ tập từng bầy. Tôi liền bị bắt trói. Trong lúc tôi đá ngựa thì tên lính giữ ngựa đã chạy đi báo quan. Nếu không thì tôi cũng đã cho nó vài đấm chết nốt. Tiếc quá! Tiếc quá! Nay quan Tuần kiểm ra lệnh rằng:

– Trong ba ngày, đền được ngựa thì chớ, không thì phải lấy mạng mày mà bồi thường. Sáng mai đã ba ngày rồi, các ông nghĩ dân đói như tôi đào đâu cho ra ngựa! Nhưng thôi lấy mạng rẻ của tôi mà đền mạng quý của ngựa quan Tuần kiểm thì giá cũng chả rẻ lắm, tôi cũng yên lòng.

Chìm trở về, thuật lại những lời nói của phạm nhân cho Xý nghe và hỏi rằng:

– Quan Tuần kiểm là người Ngô phải không?

– Phải, những chức quan to như vậy, ai cho người An Nam làm. Nhưng nếu người An Nam mà được làm Tuần kiểm thì cũng thế thôi. Chúng làm chó săn chim mồi, kiếm kế sinh nhai, còn đâu tính người. Chúng ta nay phải làm thế nào để cấp cứu tráng sĩ này.

Lực nói:

– Người nước khác xem nòi giống ta quá ư hèn hạ, nếu không cứu người này thì nòi giống ta không bằng chó lợn nữa, ngựa đã thấm gì! Nhất định phải giết thằng giặc này.

Mọi người đều nói:

– Chúng ở trong huyện, có gươm súng, có binh lính, khó mà giết được.

Xý nói:

– Hai tên lính lệ này có thể dụ mưu được không? Thử hỏi xem.

Vân nói:

– Tôi thử dò xem. Liền đến chỗ lính lệ, hỏi rằng:

– Nhà các cậu ở gần đây không?

– Chúng tôi đều người làng núi, vì đói, đi lính mộ ở huyện, làng chúng tôi ở cách xa huyện chừng một tổng.

– Quan chắc không biết làng nhà các cậu?

– Không biết. Những người đi mộ, không ai hỏi làng ở, nên những người mạo tịch cũng sung vào lính được. Chúng tôi đều mạo xưng là người tổng Võ Liệt.

– Các cậu có thích nghề làm lính lệ không?

– Thích gì! Chúng tôi suốt ngày chỉ thấy những việc thảm vô nhân đạo, đau lòng xót mắt, không biết trốn tránh đi đâu. Bác không thấy tội án của phạm nhân này sao? Theo lời phạm nhân vừa kể ra đó, tôi thật không muốn nghe. Đến trưa ngày mai, y đã phải đem mạng đền một con ngựa. Chúng tôi không anh em, cha mẹ, không nhà ở, không áo cơm, nên sống thừa ở chỗ này. Nếu có đường khác nuôi sống được thì chúng tôi bỏ đi ngay.

– Tôi có người bạn có thể kiếm đường khác cho các cậu, các cậu có muốn gặp không?

– Muốn lắm.

Vân chạy về bảo Xý. Xý mua một cuộn thuốc lào biếu các chú lính mà nói rằng:

– Người phạm nhân này rất đáng thương. Các cậu có nỡ lòng để chết nó không? Mạng người này thật ở trong tay các cậu. Các cậu sao không giúp một tay?

Lính lệ nói:

– Tôi đã giữ nó, thì thả cho nó trốn là việc rất dễ. Nhưng uy lực của Tuần kiểm này rất lớn. Nó rất có thể ra lệnh xuống các làng, cho mật thám cưỡi ngựa đi đón các chặng đường, thì trốn vào đâu được? Phạm nhân này sao không khỏi chết, mà chúng tôi cũng không sống được thì sao?

Xý nói:

– Thì giết nốt thằng giặc ấy đi để khỏi lo về sau vậy.

Anh lính lệ hoảng lên nói rằng:

– Như thế thì khó lắm. Tôi không dám! Tôi không dám!

Xý nói:

– Tôi giết được, nhưng còn anh bị trói đây thì xin gửi hai cậu.

Lính lệ nói:

– Tuần kiểm đến đâu, phủ huyện cung đốn rất hậu, tiêu dùng rất xa phí, rượu hát suốt đêm, ngủ đến trưa mới dậy. Đêm nay chúng tôi cùng người phạm này đi trốn, các ông sáng mai cố giết cho được thằng giặc ấy. Thằng giặc ấy độc ác, đồng bào ta căm giận nó vô cùng. Nếu có người giết được nó, thì chả ai oán thù gì đâu. Dân ta yếu sức, không dám hành động đó thôi.

Xý nói:

– Chúng tôi đến đây, đều là khách lạ, muốn được một người quen thuộc ở đây thì kế mới vạn tuyền được. Các cậu có thể chỉ cho một người nào không?

Người lính lệ nghĩ ngợi rồi nói:

– Có! Có! Có ông già trong chợ gọi là ông Chân, trạc 50 tuổi, không lo làm ăn, chỉ ham uống rượu. Nhà có ruộng trâu đều chui vào be bét tất, ít nói, chả mấy khi mở miệng. Chỉ có khi nào say thì hay hát, tiếng rất hùng. Râu ria xồm xoàm, quần áo xốc xếch, mỗi khi ra chợ uống rượu, lũ trẻ chạy theo để nghe ông hát. Ông tuy hay vào chợ, nhưng hễ thấy quan lại và lính tráng thì bưng mặt vừa chạy vừa khóc, quan lại cho là người say không lấy làm lạ. Chỗ nhà ông ở, cách chợ chừng vài mươi thước. Các ông cứ đến hỏi, hoặc giả được việc.

Xý nói:

– Chúng tôi đi đây. Cậu làm sao cho khéo để cứu thoát người này. Việc giết giặc để mặc chúng tôi, không phiền các cậu. Nhưng sau lúc trốn rồi, nhớ đợi chúng tôi ở động Bàn Thạch. Thế nào chúng tôi cũng làm cho các cậu vui lòng. Liền lấy trong lưng ra mấy quan tiền, đưa cho cậu lính lệ và nói rằng:

– Có cần thì dùng tạm ngần này đã.

Cậu lính lệ trả lời:

– Vâng, xin theo lời ông.

Tối hôm ấy, Xý và Lực đều đi tìm ông Chân. Đến gõ cửa. Lúc đầu, ông không tiếp.

Xý nói:

– Bọn chúng tôi đều bợm rượu, nghe ông giỏi uống nên đến kết bạn, việc gì lại chối?

Ông nói với ra rằng:

– Quả là bợm rượu thì mời vào đây? Nếu không thì sẽ bị nhục với bợm say này đó, không cần nói nhiều.

Khách xô cửa vào, ông nằm không dậy, gọi người nhà châm đóm lên. Ông thấy Xý và Lực liền cười, ngồi dậy nói rằng:

– Tôi trông các anh có vẻ bợm rượu thật, sao đến muộn thế?

– Xin lỗi ông, sao ông biết chúng tôi là bợm rượu?

– Các ông khách mặt đỏ, râu he, mắt đen là tướng giỏi uống. Phàm người mắt trắng nhợt, hễ tợp đến rượu là đỏ, đấy là hạng đàn ông nữ tính, tôi tuyệt nhiên không uống với hạng ấy. Các ông có đem rượu đến không? Nếu không thì ở nhà cũng đã có sẵn rồi, sẽ đãi.

– Chúng tôi biết ông sẵn có rượu, nên đem một món đưa cay rất đặc biệt đến biếu đây. Ông có ừ cho không?

– Cứ nói đi, nếu ta thích thì đắt mấy cũng mua, sẽ trả cho các ông một giá rất đặc biệt.

– Xin ngồi tý đã, sẽ trình bày sau.

– Mấy hôm nay, tôi có sự tức giận rất lạ lùng, không chén thì không vui, và cũng không biết nói cười với ai. Bà cháu ơi, đưa rượu đây.

Bỗng chốc cố bà bưng rượu ra. Ông nói:

– Nhà tôi chỉ có bạn già này, ngoài ra không ai hết. Khách cần gì, cứ bảo bà cháu làm cho.

Xý nói:

– Thôi có rượu là được rồi, không dám phiền cố bà.

Cố bà vào, Xý nói:

– Ông bảo ông có sự tức giận lạ lùng, quả là việc gì?

Ông chả nói gì, dốc mấy chén luôn, cũng không mời khách. Xý và Lực cũng đều uống mấy chén. Ông nói:

– Cái giận của tôi không muốn nói ra, nếu các ông đoán trúng thì phải chén thật nhiều vào để giúp tôi hăng hái thêm.

– Cái giận của ông có lẽ cũng là cái giận của chúng tôi đó! Vách có tai không?

– Không. Tôi năm nay đã 50 tuổi, chưa từng được một bạn rượu. Tôi thường say một mình, say rồi hát, hát chán rồi lại mắng người, nên không ai thích gần tôi cả. Nhà tôi ở chợ, nhưng vắng hơn rừng núi.

– Lấy mạng người đền mạng một con ngựa, ở trên thế giới này có chuyện ấy không? Nay mới có. Nhân dân ta sẽ làm ngựa cho giặc Ngô hết. Như thế thì giận hay không giận?

– Ruộng là ruộng của quân Ngô, đất là đất của quân Ngô, thóc gạo của nhân dân ta làm ra không phải quyền nhân dân ta đáng có. Thằng kia lại tiếc mà không đưa cho ngựa quan ăn! Chẳng những thóc gạo, cho đến vợ đẹp con yêu, quan Ngô cũng giầy xéo được. Những đồ nhỏ mọn ấy, tiếc mà làm gì? Cái thằng ngu quá, dám lấy cớ thóc lúa mà giết ngựa quan, bồi thường mạng là đáng. Khách còn giận gì?

– Xin ông đừng dối chúng tôi. Chúng tôi nhất định phải bình cái giận ấy. Ông nên hết sức giúp đỡ chúng tôi.

– Tôi không dối các ông. Đó là câu nói rất thương tâm của tôi. Nhưng bây giờ các ông định làm thế nào?

– Chúng tôi muốn cứu người đồng bào vô tội ấy, tất phải giết thằng Tuần kiểm. Nhưng chúng tôi người làng khác, lạ mặt, việc làm khó thành. Xin ông chỉ vẽ giúp cho.

– Tôi nghĩ mấy hôm nay, bực bội chưa biết trù tính với ai. Nay được các ông, thằng giặc này nhất định chết. Giặc Ngô kiêu mà tham, xem chúng ta không ra gì. Nay nên sắm sanh lễ vật, lựa lời nói, giả làm con em người làng phạm nhân đến quan tạ tội, lại xin giết phạm nhân để đền mạng cho ngựa quan, phùng nghinh ý nó, nó ắt vui lòng tiếp ta. Chúng nó tuy phòng vệ nghiêm, nhưng lấy lễ vật cho hậu vào thì cũng chưa từng thấy nó đuổi một ai. Nhà tôi có con lợn béo, bà cháu nuôi đã hơn một năm. Sáng mai giết đi, thêm vài bình rượu ngon, vài ba con gà thiến, gõ cửa huyện ngỏ ý đến hầu quan Tuần kiểm. Quan tất cho vào. Tôi làm hương lão, hai anh làm con em làng, bưng lễ vật, dắt tôi đến sân để tôi lạy. Than ôi! Đầu gối tôi chưa từng khuất phục với ai, nay vì một đồng bào mà quỳ, gối tôi cũng không đến nhục lắm. Tôi lạy 5 lạy rồi, đứng dậy, xin dâng rượu. Các anh dâng rượu, xa giặc độ vài bước thôi. Các anh có dao chưa?

Một người bắt giặc, một người giúp vào. Khi Tuần kiểm đã rơi vào tay các anh rồi thì tụi vệ binh không dám rục rịch đâu. Đuổi như đuổi chuột thôi. Dân cả huyện đều rất ghét quan Ngô, trong lúc vội vàng, không ai giúp đâu. Chúng ta tóm giặc xách đi xa chợ huyện, rồi gửi nó một dao là chúng ta thành công vậy.

Xý và Lực rất mừng, từ tạ mà nói rằng:

– Món đưa cay này nếu được thì là việc khoái đệ nhất trong đời ông.

Ông nói:

– Món đưa cay này, nếu được hoàn toàn mới là thật sướng.

Xý nói:

– Bọn tôi ở ngoài, còn có ba người trai tráng giết được giặc, muốn ông cho mượn ba cây mác đi săn. Mỗi người cầm một cây, giả làm người đi săn, đứng xa xa ngoài cửa huyện để phòng truy binh.

Bàn tính đâu vào đấy rồi, ông nói:

– Được, cho các anh mượn, cả họ tôi đều người đi săn cả.

Tính toán đã kỹ càng. Sáng sớm hôm sau, Tuần kiểm vừa ngủ dậy, ông đã mang đủ lễ vật, hai người cắp đoản đao đi trước, ông theo sau. Ông mặc áo rộng khúm núm bước lên, làm y như đã nói. Tuần kiểm quả trúng kế, bèn bị bắt. Tụi vệ binh kêu ầm lên:

– Có giặc! Có giặc!

Ba người nói với chúng rằng:

– Chúng tôi chỉ giết một mình Tuần kiểm thôi, không hỏi tội người nào khác. Nếu các anh lôi thôi thì gươm chúng tôi không tha đâu nhá.

Vệ binh đều người Nam, vốn ghét giặc Ngô, việc nổi lên thình lình, đội ngũ rối loạn. Trong ấy có vài người tráng sĩ, nhân dịp hô to:

– Giặc Ngô đáng giết! Đứa nào định cứu giặc Ngô cũng giết luôn!

Tụi tùy viên quan Ngô cùng tụi chỉ huy vệ binh, không ai lên tiếng cả. Bọn quan Ngô biết là lòng dân trở rồi, cũng sợ không dám làm gì, để mặc cho bọn Chân dắt Tuần kiểm đi. Đến chỗ con ngựa chết, Xý lấy dao trỏ vào bụng giặc, cười mà bảo rằng:

– Nay lấy mày đền mạng con ngựa mày. Mày nên biết giá trị người An Nam rẻ, sợ không đủ đền ngựa mày.

Chốc lát thì ba người cầm mác đi săn cũng đều đến, bảo Xý rằng:

– Chúng tôi vừa "săn được ba tráng sĩ" lại đây nữa. Xin mừng cho các ông.

Xý nói:

– Tráng sĩ là những ai?

Bọn Vân dẫn hai người đến nói rằng:

– Lúc ông bắt Tuần kiểm, chúng tôi đã đứng trước cửa huyện, thấy hai người ở lẫn trong đám loạn quân hô lớn:

– Giặc Ngô đáng giết, đứa nào định cứu giặc cũng giết luôn!

Khi các ông ra khỏi cửa huyện, thì hai người này cứ thế hô to không ngớt tiếng. Tôi đi theo rình và khuyên họ vào đảng, nếu chậm thì tất có vạ. Hai người ấy nói:

– Chúng tôi thấy các ông giết giặc, lấy làm đắc ý, nhưng khờ, không tính về sau. Nay nghĩ lại, nếu trở về hàng ngũ cũ, đầu chúng tôi chỉ béo bụng chó Ngô, vậy xin theo các ông.

Xý nói:

– Hai tráng sĩ có nhà cửa không?

Hai người nói:

– Người đại trượng phu thấy việc hay thì dẩu chết cũng cứ làm, nhà cửa kể gì?

Xý nói:

– Hay lắm! Anh em, anh em ta cả! Bèn cùng nhau đi lên phía Đông Bàn Thạch. Đến nơi thì hai cậu lính lệ và anh giết ngựa đều đã ở đó rồi. Bảy người cùng ngồi kể lại công chuyện bắt tên Tuần kiểm.

Khi ấy đảng lại thêm được 6 người nữa, đều gọi tên nhau. Hai cậu lính lệ là anh Phúc, anh Thắng, người thoát nạn là anh Hạnh. Hai tráng sĩ là chú Cương, chú Quả.

Đến tối, Phúc và Thắng đã sửa soạn làm thịt gà, bung bắp, mua mấy chai rượu nếp, mở tiệc liên hoan. Bọn Xý đứng dậy cảm ơn ông Chân và nói rằng:

– Cuộc này thành công là đều nhờ ở sức ông cả. Xin chén thả cửa.

Ông nói:

– Lão đây trông cả ở các anh là làm sao rửa được nhục cho giang sơn, gây dựng được hạnh phúc cho nhân dân, còn những việc lặt vặt như thế này, có đáng công gì.

Mọi người đều bái ta.

Rượu được nửa chừng, Chân nói:

– Người không nghĩ xa, ắt có lo gần. Chỗ này cách huyện ly không xa cho lắm. Sau câu chuyện vừa rồi, nếu chúng lấy đại binh đuổi ta, e không hay chăng?

Xý nói:

– Chúng tôi chạy đường núi quen lắm rồi, ta đi ngay tưởng chúng cũng chả đuổi kịp nào.

Chân nói:

– Nếu chúng lấy voi ngựa đuổi ta, mà ta chạy bộ, làm sao chạy trước được?

Mọi người đều hỏi:

– Vậy thì làm thế nào?

Chân nói:

– Hư thì làm cho ra thực. Thực thì làm cho ra hư, ấy là binh pháp. Chúng ta từ sáng đi về phía rừng xanh, tối đi đến đây, người dọc đường không ai không biết. Quân giặc thế nào mà chả đi về phía các làng sơn cước để tìm ta. May làng núi thưa thớt, không liền nhau. Khi đi qua làng nào, ta nên thắp đuốc mà đi. Giặc đến hỏi người làng, người làng tất phải chỉ cho chúng những chỗ ta đã đi qua. Giặc thấy dọc đường có tàn đuốc, ắt là tin. Thế rồi chúng ta tắt đuốc đi, ngậm tăm mà quanh trở lại làng đồng, dọc theo đường sông mà lên. Giặc có thể đoán ta đi vào, không thể ngờ ta đi ra, lục lạo trong núi, phải đến sáng mai. Không thấy tung tích chúng ta, tất lại chuyển đi chỗ khác, thì ta đi đã xa rồi. Ta chỉ đi trước nó chừng một buổi thì bình yên vô sự thôi, như thế gọi là lấy thoái làm tiến.

Mọi người đều cho là phải. Bèn mỗi người cầm một bó đuốc lớn, đi nhanh qua một làng, vứt gậy, tắt đuốc, cải trang đi tắt về đồng bằng, nhân đêm đi về phía làng Chi Nê, ngược dòng mà lên, đến cửa sông Đồng Du, lại theo đường núi về trại. Về đến trại thì đã mồng một tháng Mười.

Xý đem mọi người yết trại chủ và các anh em, và xin mọi người ăn thề.

Xý và Lực kể lại công việc vừa rồi và đề cử ông Chân làm Tham mưu, để giúp ông Kiên. Mọi người đều tán thành, rồi đặt tiệc úy lạo những người vừa về và bàn về việc chế tạo thêm khí giới.

Kiên nói:

– Gần đây cho người đi các làng mua đồng sắt và những gươm dao ngày xưa, lập lò rèn đúc, cũng đủ dùng trong khoảng một tháng. Nhưng quá nữa thì không đủ. Nếu không cho người ra xưởng sắt Đông Thành mua thêm vài vạn cân nữa thì sợ sẽ bỏ không. Ai giúp cho việc này bây giờ.

Vân nói:

– Các anh đã có lòng thương đến, tôi cũng xin góp một phần khó nhọc. Lò rèn mới lập, một mình anh Mục trông nom cũng đủ, tôi sẽ viết thư mật gọi thêm mươi người thợ bạn nữa đến giúp anh Mục làm việc, thì công việc sẽ chạy. Còn việc đi Đông Thành mua sắt, xin cho vài người nữa cùng đi với tôi. Tôi hằng năm vẫn ra các xưởng sắt ngoài đó, chất sắt và giá cả tôi biết rõ. Việc ấy tôi xin đảm nhiệm.

Kiên nói:

– Được anh Vân đảm nhiệm cho, thật là hoan nghênh, nhưng việc này còn có vài điểm phải nghĩ kỹ. Một là không có công văn mà mua sắt quá nhiều, sợ thế nào rồi cũng có chuyện, hai là mua sắt nhiều, chuyên chở khó khăn, lúc qua các cửa các bến dễ gặp trở ngại. Việc ấy muốn được vạn tuyền thì xin nhờ ông Chân, ông Xý chịu khó cùng đi để lâm thời ứng biến, không thể liệu trước được, hai ông ưng không?

Chân và Xý đều nói:

– Vì nghĩa vụ, để làm hết nghĩa vụ thì việc gì chả ưng.

Khoáng nói:

– Anh Xý đi xa mới về, ngồi chưa ấm chiếu đã phải đi ngay, thật là vất vả.

Xý nói:

– Tôi vốn không ưa nhàn, một khắc không việc là phát ốm ngay. Khó nhọc luôn là nguồn hạnh phúc không gì vui bằng.

Thế là công việc đã quyết định.

Ông Khoáng kiểm lại trong trại, hiện tiền chỉ còn vài nghìn quan, thấy là ít quá, nên cũng chưa định đi được. Vừa lúc đó Tinh và Chí đi về đưa ra hơn năm nghìn quan tiền, cộng được gần một vạn quan. Khi ấy, Vân, Chân và Xý mới xuất phát.

TIẾT THỨ TÁM

Người sắt lên đàng

Nguyên ngày 16 tháng 8, trong cuộc hội nghị, mọi người đều vui, chỉ có một mình cô Chí có vẻ buồn. Tan cuộc, Phấn hỏi Chí rằng:

– Trong cuộc hội nghị, tôi xem chị có vẻ buồn bã, vì sao vậy?

Chí nói:

– Tôi nghĩ lại, vì thù cha mà đi theo các ông, một ngày thù cha tôi chưa báo được, lòng tôi một khắc không yên. Phí thời gian, chưa làm được chút gì để giúp đảng, vỗ tay vào đám, thực buồn chết được.

Phấn đem lời của Chí nhắc lại với Kiên. Kiên nói:

– Việc của chúng ta hiện ở thời kỳ vận động, góp của tìm người, trăm việc đều cần, lẽ nào một người khôn ngoan lanh lợi như cô Chí mà lại ngồi không được. Nhục quế, mật gấu, nhung hươu, sừng tê đã có mấy bao sẵn đó. Nay cứ mang đi bán ở các hạt trong toàn tỉnh, mượn tiếng khách buôn, mặt ngoài đi buôn bán lâm sản, bề trong đi tìm vây cánh cho đảng, tùy thời, tùy chỗ, lấy lời đau xót, lấy lòng hăng hái mà đem tư tưởng cách mạng gieo vào tâm não đồng bào. Mầm mống đã gieo, đợi thời mà phát. Việc ấy rất nặng, Chí phải giúp Tình cùng làm. Công việc âm mưu củ hợp mà được một đồng chí nữ anh hùng giúp đỡ cho thì mệt ít mà kết quả nhiều, anh em chớ xem nhẹ mà hỏng việc lớn. Như thế thì đảng ta được nhờ rất nhiều.

Tình và Chí bèn chuyên làm vận động viên.

Khi bọn Xí trở về trại, thì Tình và Chí cũng vừa đến, đem kể lại những công việc đã đi làm được.

Tình nói:

– Mấy hạt Thanh Chương, Anh Sơn, Nam Đàn đâu đâu chúng tôi cũng đã đi khắp. Đến đâu là bày hàng hóa ra để cho người ta tùy ý lựa chọn. Chúng tôi nhân dịp nói có khi trong một câu đùa, chúng tôi xen vào những lời thống thiết, cũng có khi bàn rộng đến tư tưởng yêu nước, yêu nòi, hay nêu rõ tội ác của giặc Ngô. Nhiều người nghe cũng cảm động. Lời sắc bén của cô Chí lại làm cho người ta phấn khởi. Đại để tâm lý dân ta, đối với hành vi của giặc Ngô, ai cũng tức đến xương

tủy, nhưng e dè trước thế lực và sợ tai vạ là thông bệnh của dân ta. Chúng tôi đã thăm dò có đến hàng trăm người, mà hăng hái, nghĩa khí, thật xứng đáng là đảng viên thì chỉ được 1 người. Chúng tôi đi lần này, thật là thất vọng, nhưng tương lai hoặc có thời cơ, lên cao cất tiếng gọi, thì có lẽ ở trong hang núi cũng có tiếng vang lại chăng. Mười ba người hiện đã cùng chúng tôi về đây, xin cho gia nhập đồng minh.

Mọi người đều mừng. Khoáng cùng anh em ra cửa trại đón vào. Trong 13 người, có 11 nam đảng viên và 2 nữ đảng viên. Sau này 10 người trong bọn họ hy sinh vì nước, họ tên thất truyền, nay còn nhớ được một người là ông Võ. Võ là con nhà làng chài, có sức mạnh lạ lùng. Sống ở vạn chài, bơi lội rất giỏi, có thể lặn dưới nước vài mươi dặm. Hồi đó chưa có môn học hải quân, nếu có, thì ông nhất định vào hạng hải quân ưu đẳng, không nghi ngờ gì. Nhà ông ở Triều Khẩu, làm nghề chèo đò, chở thuyền như bay. Làm được bao nhiêu tiền, đều mua rượu uống, mỗi khi uống rượu, thường mời người khác cùng uống. Cậy sức tự hùng, những việc người ta không dám làm, mà nhờ ông làm, ông đi trước ngay không tính toán gì hết.

Gặp khi quan quân đánh nhau với quân giặc Ngô ở núi Nghĩa Liệt, quan quân ta thua chạy, quân giặc đuổi đến bến Triều Khẩu. Ông lấy thuyền chở quan quân ta sang sông hết. Rồi quân Ngô đến, ông cũng đón mà chở qua, nhưng đến giữa sông, ông đánh chìm thuyền, quân Ngô chết hết. Ông lặn nước trốn, người đứng trên bờ xem thấy khoái quá, tiếng cười như sấm. Ông ra khỏi mặt nước, cùng cười ầm lên mà bảo mọi người rằng:

– Hôm nay mình diễn một vở tuồng thật là khoái chí!

Mọi người đều đem rượu tặng, cho tiền giục ông trốn đi huyện khác. Ông bèn trốn đến làng Nghĩa Động, ở chăn trâu cho người ta. Có khi trâu chạy, ông lấy hai tay kéo sừng trâu, trâu đứng im, không cựa quậy được. Chủ nhà thấy ông sức mạnh như vậy lấy làm lạ nuôi làm con nuôi, khuyên tập nghề võ cho lành nghề, để sai đi chống trộm cướp. Nghĩa Động là một làng núi hẻo lánh, vốn nhiều trộm cướp, nhưng bọn cướp đều sợ ông, thờ ông làm thầy. Nếu không được ông cho phép thì không dám hoành hành. Vì thế mà làng Nghĩa Động hết hẳn trộm cướp. Bọn kẻ cướp thường răn bảo nhau rằng: Đông, Tây, Nam, Bắc, muốn làm gì ở đâu thì làm, nhất thiết chớ phạm đến cõi của ông. Người ta lấy tên Võ mà gọi ông.

Tinh và Chí đến Nam Đàn, nghe tiếng ông, đến thăm. Ông

đương cầm gậy đuổi một bầy trâu mười con, vừa đi vừa hát, tiếng dội vang núi. Hát rằng:

Vui này ai biết mà vui,
Mười con trâu đực một đùi gậy tre.
Sớm đi tối lại đuổi về,
Ăn no vác nặng thỏa thuê sướng đời.
Tập tành võ nghệ đủ rồi,
Bốn bề trộm cướp nghe hơi kinh hồn.
Biết chi đến nước đến non,
Nước nhà dòng giống mất còn mặc ai...

Tinh và Chí chào ông.

Ông hỏi:

– Các người đến mua trâu phải không? Các người hỏi ông chủ, tôi đây là người chăn.

– Thưa không ạ, chúng tôi đến mua người chăn trâu đây ạ.

Ông giận, nói rằng:

– Các người đừng có láo, các người phải biết cánh tay đây khá lợi hại đó nhá! Ta sở dĩ đi chăn trâu, đó là do sở thích của ta. Ai dám mua ta? Ta đi lánh nạn, gặp ông chủ đây hậu đãi ta, ta làm nghề chăn trâu để trả ơn chủ. Vả chăn trâu cũng vui kia, ta rất vui lòng, thôi các ngài đi đi!

Tinh nói:

– Tráng sĩ chớ nóng, chúng tôi "mua" đây, sẽ trả bằng một giá rất đắt, từ xưa nay chưa có, ông hãy nghe đã.

Võ giơ gậy lên mà nói rằng:

– Các người nói nghe cũng kỳ đấy! Thôi nói mau lên, vừa ý ta thì tốt, không thì ta sẽ lấy gậy này thết đãi các người.

Chí đùa và nói rằng:

– Trời sinh một bộ xương đồng gân sắt như thế mà không hiến mình cho quốc gia, không ra sức vì đồng bào, mà lại bo bo tranh nư với đàn bà trẻ con nhà quê, sao tự đãi quá bạc như thế được?

Võ hơi đổi nét mặt, cười nói rằng:

– Các người nói lạ quá. Ta quê mùa, mà các người nói Quốc gia, các người nói đồng bào, nghĩa là thế nào? Lâu nay ta chưa hề nghe ai nói đến.

– Cái ấy nói hơi dài, sợ ông đứng lâu mỏi chân, mời ông hãy ngồi lên tảng đá này, chúng tôi sẽ xin trình bày để ông rõ đầu đuôi.

– Thôi, bất tất, hai chân ta cứ như hai hòn núi, đứng suốt năm cũng chưa mỏi, các người cứ nói đi.

– Loài người khi mới sinh ra ở chung lẫn với muông chim; cọp beo, rắn rết đều cắn đốt được. Khi ấy người mới họp lại làm bầy để tự vệ, cùng nhau tìm cách chế ngự thú dữ. Bấy giờ mới có làng xóm, mỗi làng xóm có vài mươi người, hoặc vài trăm người, hợp sức hợp trí để bảo vệ bầy, cho nên cọp không thể dùng nanh, bò tót không thể dùng sừng, rắn rết không thể dùng nọc độc mà làm hại được người, mà người mới sống được. Đấy là thời đại loài người chiến thắng loài vật.

Loài người càng ngày càng đông, làng xóm càng ngày càng nhiều, rồi mỗi người đều có vợ chồng, anh em, cha con riêng, nên bắt đầu có gia tộc. Gia tộc có rồi, vì lợi hại mà xung đột nhau, mà sinh cạnh tranh. Gia tộc Giáp với gia tộc Ất, gia tộc này với gia tộc kia đối lập nhau, do đó ranh giới lợi hại ngày càng riêng rẽ, hiện tượng cạnh tranh ngày càng rõ. Hơn được kém thua, thích ứng thì còn. Khi ấy các gia tộc phải tìm mưu kế để củng cố địa vị mình, và mở rộng thêm thế lực về sau. Do đó mà sinh ra những cuộc chiến đấu giữa một gia tộc này với một hay nhiều gia tộc khác. Chiến đấu đã hình thành, mọi gia tộc đem hết trí lực ra để giành nhau, gia tộc nào mạnh và giỏi thì chinh phục gia tộc khác, những gia tộc bị chinh phục dần dần bị các gia tộc khác thôn tính. Một gia tộc lớn thôn tính thổ địa và nhân dân vài chục hay vài trăm làng xóm vào phạm vi thế lực của mình, lập thành một nước. Một nước là nhóm họp nhiều gia tộc mà thành ra. Nếu tên thì gọi là nước, thực chất thì là một gia tộc rất lớn, do đó hai chữ Quốc gia mới nối nhau mà sinh ra.

Cũng như trong toàn địa cầu, chỉ là một gia tộc rất lớn. Người ta chỉ chú toàn lực vào sự tranh giành ở trong gia tộc, mà cái thế được thua còn mất chỉ là quan hệ với một thiểu số cá nhân thôi. Bọn người thiểu số này mà thắng thì hạnh phúc thuộc về bọn này, bọn người thiểu số kia mà thắng thì hạnh phúc lại thuộc về thiểu số kia. Nghĩa chữ Quốc gia phải chăng bỗng chốc mà sinh ra? Không phải thế! Lồng lộng bầu trời, thênh thênh năm châu lớn, sinh nở nhóm họp trong ấy, phía này có một gia tộc rất lớn, phía kia có một gia tộc rất lớn, châu này có vô số gia tộc rất lớn, châu kia có vô số gia tộc rất lớn, vì câu chuyện lợi hại, tiếp xúc cùng nhau, ai cũng muốn củng cố

cái địa vị sẵn có của mình, mở mang cái thế lực tương lai của mình nên mới có cuộc cạnh tranh giữa gia tộc rất lớn này với gia tộc rất lớn khác. Bây giờ mới có những cuộc chiến tranh nước này với nước khác. Trước kia, chỉ nhà này tranh giành với nhà kia, thời cuộc đấu tranh bằng trí lực, lấy sự hơn kém của cá nhân mà định được thua. Đến như nước này chiến tranh với nước kia, thì sự phấn đấu trí lực không phải chỉ cậy vào những người thiểu số, mà phải xem sự hơn kém của toàn thể mà quyết định. Toàn thể là gì? Là tập hợp tối đa cá nhân mà thành. Nước kia đem toàn thể cả nước để đánh nước này, mà nước này chỉ lấy một số ít ra đánh lại, thì nước này nhất định phải thua. Đã thua thì tất phải mất, đã mất thì tất phải diệt chủng. Dân trí ngày càng mở, thuật cạnh tranh ngày càng tiến, mà hai chữ Quốc gia, toàn thế giới đều thờ làm thứ thiên kinh địa nghĩa không bao giờ tiêu ma được. Quốc gia nghĩa là hóa một nước làm một nhà. Người trong một nước đều là chủ tể của một nước để cạnh tranh với nước khác. Tất cả mọi người trong nước, không một ai là không có trách nhiệm giữ nước. Thế gọi là toàn thể. Ta lấy toàn thể ra đối địch với kẻ khác, kẻ khác cũng lấy toàn thể ra đối địch với ta. Toàn thể của họ mà hơn thì họ thắng, toàn thể của ta mà hơn thì ta thắng.

Toàn thể nào là hơn? Tập hợp trí khôn của nghìn vạn người lại làm khôn, thành một cái khôn lớn, hợp sức của nghìn vạn người lại làm sức, thành một sức lớn. Nói tóm lại, nghìn vạn người đều một lòng, thế gọi là hơn. Nhưng nghìn vạn người thì làm sao một lòng được? Mọi người chúng ta đều biết, nước ta còn hay mất, quan hệ với mình ta rất lớn. Mình ta có thể chết, chớ nước ta không thể mất. Mình ta chết mà nước ta còn, thì sản nghiệp ta, con cháu ta, họ hàng thân ái của ta, danh dự của ta để lại, vẫn vĩnh viễn không mất, mà còn hy vọng vô cùng treo ở tương lai. Giả sử nước ta mất mà mình ta còn thì toàn nước ta đã bị người nước khác giày xéo, không một người nào trong nước ta mà không bị khốn khó trong vòng trâu ngựa tôi đòi. Chính mình ta cũng phải chịu một phần cái kiếp trâu ngựa tôi đòi. Sản nghiệp ta cũng bị người nước khác xâm chiếm, con cháu ta cũng bị người nước khác khinh rẻ, họ hàng nòi giống thân yêu của ta dần dần cũng bị tiêu diệt. Danh dự của ta để lại cũng chỉ còn là ba chữ "vong quốc nô" mà hy vọng tương lai thì không còn chỗ nói nữa. Người ta nêu rõ lẽ ấy thì quyết không ai không đem hết tâm lực để giữ gìn nước nhà, xem nước tức là mình, mà thân mình có thể bỏ vì nước. Đem nghìn vạn người cùng một lòng ấy mà chống giặc, thì giặc

nào chẳng thua, mà đánh thù thì thù nào chẳng chết. Nghĩa Quốc gia do đó mà thắng được nghĩa gia tộc, và thành cái thiên chức mà chúng ta muôn vàn không thể nào từ chối được.

Ôi! Đã hiểu rõ được thuyết nước là nhà, nhà tức là nước, thì đồng thời cái nghĩa đồng bào cũng thấy rõ được. Người ta đã đều sinh, đều sống trong một nước, thì nước thật là một cái bụng mẹ rất lớn chung cho chúng ta, mà muôn nghìn người chúng ta đều là một phần tử do bụng mẹ ấy sinh ra. Thế gọi là đồng bào. Người ta thường vì họ hàng mà chia ra khu vực. Khu vực đã chia, bèn có ta và người. Ta và người đã phân biệt, bèn có thân sơ, trừ thân mình và huyết thống của mình ra, thì gọi là dị bào, ấy là cái chứng dân trí còn mờ ám. Nếu trong nước dân trí đã phát đạt thì không như thế. Sự phân biệt họ hàng chẳng qua là danh từ nhân tạo, mà không phải nguyên tố trời phú. Người đã chung một nòi giống, hợp nhau thành một tộc thì không thể xem là tộc khác được. Sao lại nói vậy? Vì rằng loài người lúc đầu là do hai khí xung hòa mà hun đúc nên, do tinh hoa của đất đai kết thành. Bấy giờ mới có thủy tổ của loài người, lúc đầu mới có hai, ba người hoặc vài mươi người, càng sinh càng nhiều, dần dần có bộ lạc. Do một hai bộ lạc, càng sinh càng nhiều, dần dần có nhiều bộ lạc. Do nhiều bộ lạc, càng sinh càng nhiều, dần dần phát sinh nhiều sự nghiệp này nọ. Các khu vực chiếm ở cũng ngày thêm mở mang, cho đến khi thành ra một nước. Thế thì người trong một nước thực chỉ là con cháu của tổ tiên một chủng tộc. Như người Việt Nam chúng ta đều là con cháu của Hùng vương cả. Đối với người thế giới thì đương nhiên chúng ta thành một tộc, còn đối với người trong nước thì không có chia rẽ tộc tính gì hết. Người sinh ra trong cùng một nước tức là đồng bào. Đấy là nguyên tố trời sinh, không phải là nhân tạo mà chia lìa được.

Hiểu được nghĩa đồng bào thì nghĩa Quốc gia lại càng thêm đầy đủ, mà ngày càng mạnh thêm. Đã biết đồng quốc là đồng bào thì biết hạnh phúc của người cùng nước, tức là hạnh phúc của đồng bào ta, tức là hạnh phúc của bản thân ta. Hạnh phúc của bản thân ta, chỉ khi nào tất cả đồng bào đều sung sướng, khi đó mới có thể nói hạnh phúc chân chính của ta được. Vì cả đồng bào mà mưu hạnh phúc thì dù có phải hy sinh bản thân cũng không nên tiếc. Không phải như thế là không thương tiếc thân ta, mà chính là rất thương tiếc thân ta đấy. Vì hạnh phúc đã khắp cả đồng bào thì bản thân ta khoái lạc và vinh quang mới rất mực vậy. Bởi thế cho nên những người đã rất yêu

bản thân thì rất yêu đồng bào, mà đã yêu đồng bào tất yêu Quốc gia, mà đã thật yêu Quốc gia tất hy sinh vì Quốc gia mà bỏ hết những sự tư lợi của mình, đem hết sức mình ra bảo vệ Tổ quốc. Nghĩa đồng bào thực là nguyên khí của Quốc gia vậy.

Tinh nói đến đây, còn muốn nói cho hết lời, nhưng Võ vội vỗ vào vai Tinh mà kêu to lên rằng:

– Anh thật giỏi! Anh thật giỏi! Tôi bây giờ mới thoát thai mà để vào cõi người. Trước đây tôi thật chả khác gì cầm thú vậy. Tôi tưởng rằng ngoài mình ra, không còn gì gọi là nhà, gọi là nước, gọi là đồng bào, tôi trước đây thật là cầm thú vậy. Hồi nãy tôi tưởng các người đến mua trâu, tôi thật có lỗi. Té ra các người vì mưu việc chuộc nước mà đến. Bây giờ các người muốn tôi làm gì?

Tinh nói:

– Những việc chúng tôi muốn nhờ ông, khi hồi đã nói hết rồi. Trời gieo vạ cho nước ta, quân Ngô là giống lợn lòi rắn độc đến cắn hại chúng ta, đồng bào ta đau đớn, ông đã biết rồi. Bọn chúng tôi vài ba đồng chí đã bí mật kết nghĩa, muốn cứu nạn cho người nước ta, giữ lấy nước ta. Nhưng lông cánh còn rất mỏng, tất phải tập hợp nhiều tráng sĩ cùng để lo việc. Ông có vui lòng giúp không?

Ông Võ nói:

– Quân Ngô là kẻ thù của chúng ta. Các người nếu làm được việc ấy thì dù có mượn đầu tôi, tôi cũng cắt mà cho mượn. Mấy chục con trâu của chủ, phải đưa trả lại để đi cùng các ngài.

Về đến trại, Tinh lấy việc ấy tuyên bố với mọi người, mọi người đều hoan hô sùng bái ông Võ, cử ông Võ làm Tham mưu để giúp ông Xý. Về sau, xung phong phá trận, ra sức đặc biệt nhiều, ấy là ông Võ vậy.

TIẾT THỨ CHÍN

Chim oan lấp bể

Trong nữ đảng viên thì có cô Liên và cô Triệu. Cô Triệu nguyên người tỉnh thành, hồi trẻ nhà đói lại mồ côi, bị đem bán vào nhà cô đào, học nghề múa hát, hát hay, sắc đẹp bậc nhất đương thời. Giặc

Ngô lấy tỉnh, ăn uống ca hát suốt đêm, đòi tất cả con hát đến, bất kỳ lớn nhỏ, đều nếm thử hết. Chúng thường ép Triệu làm vui, Triệu không chịu, chỉ theo lệnh quản ca, miễn cưỡng hát theo sở năng. Giặc Ngô đam mê tiếng hát, sắc đẹp, không nỡ làm hại. Quân giặc mỗi lần tụ nhau, uống rượu say nhừ, rồi bắt con hát ra sắp hàng đằng trước, tùy ý dâm ô, vô sở bất chí. Cô nào thanh sắc kém hay là nhiều tuổi, quân giặc không thèm thì chúng lại đem gả cho chó ngao. Chó ngao rất khôn, hiểu ý chủ nhân, vẫy đuôi hít các cô hát, bất cùng dâm, nếu cô nào chống lại thì chó cắn chết (nghe nói hiện nay ở Nam Kỳ các cô gái điếm hạng bét cũng phải nếm mùi cay đắng ấy). Quân giặc xúm lại xem, cười rất đắc ý. Các cô đào sợ uy thế giặc, để mặc cho chó hãm hiếp. Triệu tự nghĩ rằng: Nhân đạo đã đến như vậy mà còn nỡ ngồi trông, thật không phải là người nữa. Ta thề ra khỏi hầm lửa này, hễ đi hát về, được bao nhiêu tiền thưởng riêng, đều dành để lại, một đồng cũng không tiêu. Các bạn hát đều khinh bỉ, nhưng Triệu cũng không cãi lại.

Một hôm, nhân khi quản ca đi vắng, đang đêm, các bạn hát ngủ say, Triệu cuốn gói trốn đi. Đến chợ Dừa xã Lãng Điền, thuê một gian nhà, mướn một em gái nhỏ, mở một tiệm rượu, tự mình trông nom cơm rượu mời khách. Những người hay uống đều chọn hàng cô mà vào. Các cậu thanh niên con nhà giàu có, nhiều cậu thích sắc đẹp của cô, thường đến gạ gẫm, nhưng cô đều từ chối. Có người hỏi tại sao, thì cô trả lời rằng:

– Tôi giận không chết được, sống chẳng phải là vui, chồng con mà làm gì? Độ ấy cô đã gần 30 tuổi, mà dung nhan vẫn không hề kém sút, nhưng đối với khách vẫn càng ngày càng hờ hững.

Tinh và Chí đi qua Chợ Dừa, vào hàng gọi rượu uống. Tinh vừa uống vừa nói, có xen thêm giọng đùa bỡn. Triệu mắng rằng:

– Sống trong thế gian này, chưa biết chết sống ngày nào, mà còn hý hửng làm gì! Phường trai các anh còn vậy, huống gì đàn bà như chúng tôi.

Tinh ra đi thì trời đã tối rồi. Chí bèn xin Triệu cho ngủ lại. Triệu nói:

– Hàng tôi xưa nay không chứa khách đêm. Lần này là một, khó lòng vâng lời được.

Chí nói:

– Tôi cũng đồng bào bạn gái, bầu trời lồng lộng, lại không dung được một con gái hay sao? Vả lại đi thì đi đâu bây giờ?

Triệu cho lời nói khác thường, liền đặt giường mời nghỉ lại.

Ăn cơm tối xong, Chí hỏi lịch sử của Triệu, Triệu nói:

– Tôi đem thân thế ra nói với người ngoài, lần này là lần thứ nhất... Nhưng đến đấy lại lặng lẽ hồi lâu không nói nữa.

Chí nói:

– Hôm nay em xin với chị cho ngủ lại đây, chẳng những cám ơn chị về việc đó, mà còn muốn nhờ chị nhiều việc khác nữa. Thênh thênh bốn bể, kiếm được một người tri kỷ, xin chị cứ cho biết lịch sử của chị. Than ôi! Chúng ta là phận đàn bà, không được kể là loài người đã lâu lắm rồi!

Triệu biết Chí không phải hạng khách tầm thường, bèn thở dài mà nói rằng:

– Tôi nghĩ đến lịch sử trước đây của mình và những điều tai nghe mắt thấy trong khoảng mươi năm nay, thật là một phút cũng không muốn sống. Nếu được sinh làm con trai thì tôi đã... đã... Rồi lại ngừng không nói nữa.

Chí nói:

– Con trai thì đã hơn gì chúng ta? Chỉ thấy những lũ theo đuổi giặc Ngô, làm chó săn để giết hại đồng bào, mà cầu lợi lộc thì đều nhan nhản là tụi mày râu, tai to mặt lớn cả. Đàn bà chúng ta có bao giờ thậm tệ đến thế đâu!

Triệu nghe rồi, nóng tai đỏ mặt hăng hái nói rằng:

– Những điều cay đắng nhục nhã chị em ta đã nếm trải thật là gấp trăm nghìn những điều mà chính bản thân tôi đã phải nếm qua. Nay tôi nói ra đau đớn lắm. Cá chậu chim lồng đâu đâu cũng thấy. Người khác giống khinh bỉ ta, ngược đãi ta, thôi còn lạ gì. Chị ôi! Nay tôi lấy những điều mắt thấy nói với chị, chị nhớ lấy nhá. Con chó của nước mạnh còn sung sướng hơn con người nước yếu.

Rồi Triệu lấy tất cả những chuyện vừa kể ở trên nói với Chí, và bảo Chí rằng:

– Những cái nhục của bạn gái chúng ta, tức là cái nhục của bản thân chúng ta. Thù ấy chưa trả được, mà ta cứ giương mắt sống trên đời thì thật là đáng thương. Có lẽ chị cũng cùng với tôi mà chảy nước mắt.

Rồi Chí cũng kể lịch sử mình cho Triệu nghe, và bảo kín với Triệu rằng:

– Chị vì thù bạn, em vì thù cha, nếu không ăn thịt được quân thù thì thà chết còn hơn.

Triệu nói:

– Chúng ta đều là đàn bà thì làm được gì?

Chí nói:

– Chị em ta may được làm người, tai mắt đầu óc hỏi có kém gì đàn ông? Những sự nghiệp anh hùng có phải chỉ một mình đàn ông làm được mà thôi đâu? Ngày xưa nước chúng ta bị nhà Hán đặt làm quận huyện, quan nhà Hán tàn hại nhân dân chúng ta, chiếm cứ thành trì chúng ta, có đến mấy trăm năm. Bà Trưng Trắc chỉ là một cô gái tỉnh Sơn Tây, cất quân trả thù, giết Thái thú nhà Hán là Tô Định, thu lại được hơn 70 thành, tự làm vua một nước, nhân dân đến nay còn ca tụng Trưng Nữ Vương. Đó có phải là đàn bà không! Người ta chỉ sợ không có chí, nếu có chí khí thì đàn bà cũng chả thua gì đàn ông.

Triệu nói:

– Xét lời chị nói thì hình như đã có kế hoạch sẵn rồi, tiền đồ mờ mịt, chị vẽ đường lối cho tôi.

Chí bèn lấy mưu kế của đảng nói cho nghe và bảo lần đi này là cốt để kết nạp đảng viên.

Triệu nói:

– Được cái phúc tầy trời là nhìn thấy kết cục ghê gớm của giặc Ngô thì tôi chết mới nhắm mắt được. Sáng mai tôi sẽ theo chị đi, cái quán rượu này tôi sẽ bỏ.

Chí nói:

– Không nên! Đảng ta đương nghĩ đặt cơ quan khắp nơi, như đi những nước cờ vô tình. Chỗ này đường giao thông cũng tiện lợi, có thể dùng làm một địa điểm để cho đảng tập họp bất thời, rất là thuận tiện. Nay chị hãy tạm đi với tôi về sơn trại, gặp các đồng chí, rồi lại trở về đây, phất cờ gióng trống. Tiệm rượu này, nếu phát đạt lớn, sau này đáng việc tiến hành, sẽ rất lợi. Chị hẵng thong thả nghĩ lại xem.

Triệu nhận lời, dặn đứa ở gái trông hàng cẩn thận, tự mình theo cô Chí lên trại. Khi Triệu đã vào đảng rồi, Chí đem việc đã trù tính nói với các bạn ở trại. Rồi bảo Triệu cứ về hàng cũ và nói rằng:

– Trong hàng vốn liếng còn ít, chúng tôi sẽ cố sức giúp thêm. Nay mai sẽ có đồng chí đến giúp chị chỉnh đốn lại cửa hàng.

TIẾT THỨ MƯỜI

Luyện đá vá trời

Bây giờ mới nói đến cô Liên. Liên là một cô gái trẻ tuổi, người Thăng Long, gia thế là một họ lớn đời Trần. Khi giặc lấy Đông Kinh, ông và cha cô đánh nhau với giặc mà chết. Người tì tướng của cha cô trốn chạy vào Hoan Châu, mẹ cô và cô cũng chạy trốn theo. Chẳng bao lâu, người tì tướng ấy lại cất quân đánh giặc, bị thua chết vì nước. Mẹ cô Liên cũng kế đó mà chết. Cô Liên bèn cắt tóc vào tu ở chùa Hương Tích, núi Hồng Lĩnh. Hồi bé, cô vốn chăm đọc sách, thông văn chương, hiểu kinh Phật. Nước mất nhà tan, nương náu cửa Không, nhờ khách thập phương mà sống qua ngày. Nhưng nghĩ đến cha ông chết vì việc nước, những lúc vắng người vẫn thường sa lệ. Nhiều khi uất ức không chịu được thì khoác áo cà sa, mang kinh kệ đi khắp làng xóm phổ khuyến, mong có lúc gặp người.

Một hôm cô vào một nhà dân trong làng, nói rằng đi phổ khuyến sửa chùa, thì gặp Tình và Chí cùng vào. Ba người chào nhau rồi cùng nhau kể lể "hành tung".

Tình nói:

– Hôm nay may mắn được gặp nhà chùa, xin cho nghe thuyết pháp.

Liên nói:

– Đạo Phật rộng lớn, không bến không bờ, mênh mông lồng lộng, muốn bắt đầu ở chỗ nào?

– Chúng tôi trần nghiệt còn sâu, linh tính bị che lấp, bắt đầu từ đâu mà nói chúng tôi làm sao biết được?

– Tôn chỉ nhà Phật rất là sâu kín, không thể bàn được. Nói *không* mà có khi có; nói có mà có khi *không*. Bảo *không* mà không có cái *không*, bảo *có* mà lại không có cái *có*. Tùy các người muốn nói gì thì cứ theo miệng mà nói ra thôi. Tư tưởng tự do mới thật là lẽ nhà Phật.

– Nghe nói tôn chỉ nhà Phật rất trọng từ bi, *nhất thiết hiếu sinh*, không hề nói *sát* bao giờ. Có người đã từng giết người thì cửa Phật tất đuổi ra phải không?

– Không phải thế, chân lý nhà Phật bao hàm muôn *có*. Giết cái đáng giết là lấy *sát* làm *sinh*, sinh cái không đáng sinh thì lấy *sinh* làm *sát*. Có khi sát cái sát, *sát* đó tức là *sinh*, có khi sinh cái sinh,

cái *sinh* đó lại chuyển thành *sát*. Khi nào biết rõ được cái lẽ mầu nhiệm ấy của nhà Phật thì ***không sinh cái sinh, không sát cái sát***. Sát cái sinh ra sát; sinh cái sát mất sinh; bốn mặt tám phương, đâu đâu cũng đạo. Cái tôn chỉ rất cao của lẽ từ bi không phải là chỉ nói *sinh*. Cho nên những kẻ có thể giết người không chớp mắt có thể tức thời thành Phật.

Tinh nghe Liên nói, chắp tay lễ khấn, bỏ ra đi. Cách làng độ vài mươi bước, bên đường có túp lều tranh đủ che mưa gió, làm chỗ nghỉ chân cho khách qua đường. Tinh và Chí dừng lại đó để chờ cô nữ tăng ra. Một chốc thì thấy cô Liên hớn hở lại, cười bảo hai người rằng:

– Tôi biết các người đi cách đây cũng chưa xa.

Tinh nói:

– Chúng tôi ngồi đợi nhà chùa đấy.

– Anh chị không phải là người buôn bán, những lời tôi vừa nói khi nãy đó, anh chị có lĩnh hội được không?

– Chúng tôi thấy trên nét mặt cô lộ ra một vẻ buồn rầu lẫm liệt, tưởng phải có hoài bão khác, chứ những người tu hành thường thì làm gì có thế. Chúng tôi phải phơi bày gan ruột với cô.

– Chùa tôi gần đây, xin mời tới đó nói chuyện. Bèn cùng nhau đi lên chùa Hương Tích. Nửa gian mây trắng, một gối non xanh, chim rừng nghe chuông, cá khe lắng kệ. Những phường chuốc tanh rúc thối, thật là tuyệt tích ở chốn này, nên ba người được tự do bày gan phơi mật với nhau. Qua vài ngày sau, những đồ vàng bạc châu báu ở chùa Hương Tích bỗng không cánh mà bay và cô vãi trẻ tuổi, mày liễu mặt hoa, gan vàng dạ sắt, đã trở nên một vị anh hùng trong trại Trùng Quang rồi.

TIẾT THỨ MƯỜI MỘT

Gặp trường diễn kịch

Các cô Liên, Triệu về trại được vài ngày thì bọn Vân và Xý soạn gói lên đường, đi về phía huyện Đông Thành. Giữa đường, Xý bảo Chân rằng:

– Đông Thành cách đây không xa, núi sắt đã ở trước mặt ta kia rồi, nhưng chúng ta không có công văn của quan cấp mà mua số sắt

nhiều, chủ xưởng tất làm khó dễ hoặc sinh ra chuyện trắc trở. Các anh chắc cũng đã biết: luật của giặc Ngô, hễ mua sắt quá một trăm cân, nếu không có công văn của quan thì bị tịch thu. Nay trước hết phải giải quyết vấn đề khó ấy đã.

Chân nói:

– Ta hẵng đến gần huyện lỵ Đông Thành tìm một quán trọ, tạm chờ vài ngày, may có tin hay.

Bấy giờ đã hạ tuần tháng Chạp rồi, Xý cho là phải, bèn tới quán trọ nghỉ lại. Nguyên từ khi giặc Ngô chiếm cứ tỉnh thành, phàm những phủ huyện gần tỉnh đều thấy quân Ngô vào. Bọn môn hạ của Thừa tuyên sứ đều cầm ấn tín châu huyện. Lũ gian dâm cờ bạc đều ngất ngưởng ngồi hống hách nơi công đường. Nỗi lầm than của nhân dân ta có lẽ dưới Địa ngục cũng chưa đến thế. Ngày mồng một tháng Giêng, ở huyện đường ăn mừng năm mới, nghỉ làm việc công, tụ tập rượu chè cờ bạc, mâm chén bừa bãi, bài bạc lung tung, chỗ công đường biến thành sòng bạc lớn, mà quan huyện lại chính là chủ sòng.

Chân bảo Xý rằng:

– Kế của chúng ta làm được rồi. Đêm nay quan nha lệ lại chúng nó sẽ say mê cờ bạc, canh gác sơ sài, anh và Vân giả làm con bạc, sấn vào cửa huyện, nhảy lên chiếu bạc, ngồi sát quan huyện, nhân lúc sơ hở cướp lấy hòm ấn là việc rất dễ. Giấy công văn tôi đã viết sẵn đây rồi. Anh bỏ túi đi. Như vậy... như vậy... là công văn sẽ vào tay ta. Vân và Xý đều nói:

– Hay lắm!

Khoảng gần nửa đêm, hai người lưng đeo gươm ngắn, thẳng vào trong huyện, leo lên chiếu bạc, đưa tiền ra đánh, thua luôn mấy chục ván. Mọi người thấy tay bạc lớn, tranh nhau nhường chỗ. Hai người nhận rõ mặt quan huyện. Sau vài canh, tất cả con bạc hứng lên đánh càng dữ, hai người ngấm ngầm rời chiếu để rình lúc quan huyện sơ hở. Một chặp thì quan đứng dậy đi ngoài, hai người theo bám lấy. Gần đến nhà tiêu, hai người hai bên túm lấy tay, bảo rằng có việc khẩn cấp, xin quan huyện chớ lên tiếng, nếu lên tiếng thì chết. Liền giơ gươm cho xem. Dưới bóng đèn, mũi gươm sáng lấp loáng như chớp. Quan huyện sợ mất vía, không dám kêu, chỉ lặng lẽ giơ tay lên, run lẩy bẩy, miệng lập cập như người trúng phong. Hai người dắt quan vào tư thất, rỉ tai nói nhỏ rằng:

– Chúng tôi chả xin gì, có tờ giấy này chỉ cần quan đóng ấn vào là đủ.

Quan huyện xem thì là trát quan huyện phái người đi mua sắt dùng về việc công, tức là một tờ văn bằng "hòa mãi". Đương trầm ngâm chưa kịp đáp, hai người lại thúc gấp, quan huyện liền lấy ấn ra áp vào chỗ cuối giấy và kiềm ấn nhỏ vào những chỗ quan yếu theo hai người chỉ. Đóng dấu xong, hai người nói:

– Cám ơn quan huyện, nhưng còn phiền quan một việc là đưa chúng tôi ra khỏi cửa huyện.

Quan huyện không biết làm sao, phải nghe theo. Hai người cùng quan huyện đi ra, vừa đi vừa đùa cười. Đi đến cửa huyện, vẫy quan huyện bảo trở vào, còn hai người đi thẳng.

Vân bảo Xý rằng:

– Sao không giết thằng giặc ấy đi.

Xý nói:

– Thằng chó làm cho giặc ấy không đáng giết cho bẩn đao của ta. Vả ta quý được việc, nếu giết nó, tiếng tăm vỡ lở, sinh ra nhiều chuyện, lại trở ngại cho việc này của ta. Cứ tha chết cho nó, nó không dám tiết lộ ra đâu. Nếu tiết lộ thì nó cũng có tội, không thể giữ được bát cơm ấy. Ta sợ gì!

Vân nói:

– Rất phải.

Về đến quán trọ, đưa công văn cho Chân xem. Chân rất mừng, cười mà nói rằng:

– Hai ông làm việc thật khiến ai cũng phải sung sướng.

Qua ngày sau, đến núi Sắt, lấy trát đưa cho chủ xưởng. Chủ xưởng dẫn hai người xem hết kho sắt, tùy ý lựa chọn, theo giá trả tiền. Sắt đều tốt, giá cũng hạ, cộng được vài vạn cân, đấy là hiệu lực của tờ công văn hòa mãi vậy.

Bèn nhờ chủ xưởng thuê cho vài chục người phu, đóng thành hơn năm mươi gánh để chở đi. Khi đã đi khỏi hạt, gần đến truông Băng, Chân nói:

– Trát chúng ta cầm là do quan huyện Đông Thành cấp, nay vào địa phận huyện Lương Sơn, nếu gặp người xét hỏi, sợ khó đối đáp. Nay nên mua vài chục gánh chè, cứ mỗi giỏ sắt đều lấy lá chè bọc

ngoài, giả làm buôn chè. Rồi cho bọn phu kia trở về, thuê phu mới thay, như thế mới là ổn thỏa.

Vân bèn giả làm phường buôn bán chè ở Thanh Tuyền, Nghĩa Động, thuê người gánh chè xuyên qua đường núi, tới bến Sa Nam, thuê một thuyền lớn, giả làm thuyền chè, rồi ngược dòng mà lên, mười ngày sau là về đến trại.

TIẾT THỨ MƯỜI HAI

Nền tảng phú cường

Khi ấy, những thợ rèn ở trong trại, được Vân và Mục đi gọi về thêm hơn hai mươi người nữa đều là thợ giỏi. Sắt đã mua đủ, bèn xây nhiều lò rèn để rèn binh khí. Bọn Chí và Tính cũng đã kết nạp thêm được tất cả vài trăm đảng viên. Một mặt thì vỡ núi làm ruộng, vừa chăn nuôi, vừa cày cấy, trù kế chứa lương. Một mặt thì luyện tập võ nghệ, dự bị binh khí, làm kế tiến thủ sau này.

Chân bảo Kiên rằng:

– Hai xứ Qùy Châu và Tương Dương đều là thổ quan, không có người Ngô, ta nên lấy trước để làm chỗ đứng chân. Trại này chỉ có thể làm khu canh mục, không phải là chỗ giấu quân. Ta nên tính ngay.

Kiên nói:

– Ý tôi cũng như thế. Việc đời không tiến thì lui, có thể đánh người thì mới có thể giữ được. Khư khư giữ một trại này, không phải chước hay đâu. Nhưng hiện nay binh lương chưa đầy đủ, chưa nên hành động vội vàng. Bởi vì sau khi đã hành động rồi, nếu có thể thừa kế tiến lên thì không lo gì, nếu vạn nhất thất bại thì chỗ sào huyệt này cũng là của giặc, cho nên phải trù tính thiên sách trước đã.

Chân nói:

– Thế thì làm sao bây giờ?

Kiên nói:

– Chừng một năm nữa thì những con em luyện tập ở đây đều đánh giặc được, đồ binh khí rèn được cũng đủ để dùng. Nhưng mà hiện nay, người đã ngày càng nhiều thì nhu cầu lương hướng ngày

cũng càng to, nên kíp lo tính vấn đề lương, làm thế nào trong khoảng một năm không phải phiền nhiễu gì đến nhân dân cả. Tiếng nhân nghĩa đã có thì tất nhiên người ta vui lòng hưởng ứng. Lúc ấy chúng ta xuất phát thì chẳng những Tương Qùy, mà các phủ huyện khác cũng lấy dễ như chẻ tre vậy.

Chân nói:

– Ta lấy nghĩa mà khởi sự, nhất thiết không cướp bóc của nhân dân. Công việc tích trữ hiện nay, ngoài việc canh mục ra, nên thêm vào việc buôn bán. Tiệm rượu ở chợ Dừa nề nếp đã sẵn, xin giúp thêm vốn, mở luôn quán cơm, lại thêm một thương điếm nữa. Chỗ ấy là nơi nhóm họp của các khách buôn trên chợ dưới sông. Nên phái người đi vào các hương thôn, tìm tòi sản vật, chở hết về cửa hàng. Trên mặt nước lại thu góp các hạng tre nứa củi gỗ, gọi người đến bán hoặc chở xuống các phủ huyện ở hạ du bán cho dân chợ. Lại mua những sản vật ở hạ du như lúa gạo mắm muối chở về cửa hàng để nhân dân miền núi đến mua, hoặc đổi chác. Lợi ấy sẽ cũng không ít. Nếu có người giỏi quản lý, trù tính vốn lãi, mà cùng làm việc canh mục thì lương thực không sợ thiếu nữa.

Kiên nói:

– Rất hay. Việc ấy xin anh Tinh và cô Liên trông nom cho. Cô Triệu đã ở cửa hàng rồi, anh Lực phải giúp đỡ thêm nữa. Bốn người hợp tâm trí để cùng đi vào con đường ấy thì thu nhập tất nhiều.

Cô Liên nói:

– Chị Triệu về việc buôn bán đã có nhiều kinh nghiệm, tôi xin học vậy, không dám chối từ.

Tinh và Lực cũng đều bằng lòng.

Khoảng vài tháng sau, ở cạnh hàng rượu chợ Dừa, lại ngất nghểu nổi lên một tiệm buôn lớn nữa. Trong tiệm bày la liệt những ngà voi, sừng tê, mật gấu, gạc hươu, gạc nai, da voi, quế Quỳ, sâm Thổ Hào và các đồ lâm sản khác, không thứ gì là không có. Tiệm lại ở gần sông Cả, trên bờ sông còn bày đủ gỗ nứa, song mây, gỗ lim, hoàng thảo, chuyên chở xuống bán ở các chợ hạ du. Còn cơm rượu tiếp đón khách khứa đều do cô Triệu, cô Liên và ba bốn người tớ gái trông nom hết.

Cô Triệu thì ăn nói hay, giao tiếp khéo. Cô Liên thì tính toán thạo, chỉ huy siêng, trong tiệm sắp xếp lại rất gọn gàng, sạch sẽ,

khách đi chợ không một ai đi qua cửa mà không vào. Hàng tháng tiền lợi thu vào rất nhiều.

Còn như việc giao dịch xuôi ngược thì đều lo Lực đảm nhiệm. Lại thêm có Chìm cùng Phúc và Thắng giúp vào nữa nên được lời cũng nhiều. Mỗi tháng đem tiền lời về trại. Trại lại lấy các thứ lâm sản mua được đổi cho.

Về việc thu mua các lâm sản thì công của Hạnh rất nhiều, lại có Cương và Quả giúp sức. Ba người ấy sinh trưởng ở rừng núi cho nên tính chất các lâm sản và cách hái lấy, chặt đốn rất thạo. Dùng đều đúng người, người đều xứng chức, lại tuyệt đối không mảy may tự tư tự lợi, cho nên nền thương nghiệp của đảng ngày càng vùn vụt lên.

Còn việc chăn nuôi trong trại thì Khoáng tự mình làm gương cho anh em theo. Các đảng viên có gia quyến đều đem về ở trại cả. Đàn ông thì lo việc ngoài, đàn bà thì giúp việc trong. Đốt săng làm ruộng, thả trâu bò khắp rừng, nông nghiệp cũng phát đạt phi thường.

Lúc Võ mới về trại thì nói với các bạn trại viên rằng:

– Trâu cày ở đây, tôi sợ người nhiều, trâu ít không đủ. Chủ cũ tôi là người ham việc nghĩa, vả lại là người có đạo; ông rất ghét người Ngô, tôi xin khuyên ông ta theo đảng. Ông ấy chắc có thể giúp đảng vài chục con trâu. Vả lại người làng đều là bộ hạ của ông, nếu được ông khuyên bảo thì có thể đem vài trăm trâu cày về trại.

Tất cả trại viên đều đồng ý. Võ bèn về nói với chủ cũ. Ông ấy cả mừng, giúp cho mấy chục con trâu, lại khuyên bảo người làng (làng này toàn là đồng bào công giáo) ai nấy đều vui lòng quyên giúp. Trong trại bèn có trâu hơn một nghìn con.

Võ và Xý đều có sức mạnh hơn người, khi rảnh việc, thường đem vài chục người trai mạnh đến các phủ huyện thuộc Hà Tĩnh, Quảng Bình chẹn đường quan Ngô, cướp lấy của cải, đến đâu được đó. Vì thế cho nên chưa đầy một năm, kho tàng trong trại đã gấp mười ngày trước. Nuôi nấng con em, tiếp đãi khách khứa đã không thiếu thốn, và gặp khi nhân dân các làng lân cận có tai nạn, lại hay giúp đỡ, cho nên nhân dân bốn phía chung quanh đều khen là trại *Phúc Đức*. Tiếng nhân nghĩa của ông Khoáng từ đấy đồn khắp gần xa.

TIẾT THỨ MƯỜI BA

Bước đầu tiên trên đường Đồ vương tranh bá

Vài năm sau, các kiện nhi trong trại đều thạo nghề võ, các môn ném đá, nhảy vọt, ai ai cũng hăm hở muốn thử nghề.

Kiên nói:

– Được rồi. Bèn cùng Chân trù kế tiến thủ.

Chân nói:

– Chỗ này đường đi Tương Quỳ rất tiện. Hai châu ấy chỉ có quan Thổ, lính Mường, vốn sợ người Kinh. Nay chia người trong trại ra làm hai đội, mỗi đội bất tất nhiều, chỉ độ năm mươi người lanh lẹ, khoẻ khoắn. Xý, Võ mỗi người chỉ huy một đội, ngậm tăm đi nhanh, xuất kỳ bất ý mà đánh úp thì lấy được ngay. Nhưng khi lấy được Tương Quỳ rồi, việc nên lo trước là kế lâu dài về sau, chúng ta sẽ tính sau vậy.

Kiên rất tán thành ý kiến ấy. Ngay hôm đó, tập hợp các trai tráng khoẻ mạnh, gươm giáo tinh nhuệ, rồi thuê mấy chục chiếc thuyền lớn, giấu kín binh khí vào trong, giả làm thuyền buôn, chia đường mà tiến. Khi đến huyện ly, mấy đội tinh binh đều nhảy thẳng lên bến, Xý, Võ đi trước. Trời vừa chập tối, quân ta đánh trống reo hò mà vào, hô lớn rằng:

– Ai hàng thì khỏi chết!

Quân Mường không rõ quân ta nhiều ít thế nào, đều xin hàng. Tin thắng trận ở hai châu Tương Quỳ đồng thời báo đến.

Tiếng nghĩa quân vang dội.

Kiên nói:

– Nay ta nên nhân thế chẻ tre, vì hư thực của chúng ta giặc chưa biết rõ. Giờ ta huy động hết trai tráng trong trại, hiện còn độ ba trăm, giao cho Phấn và Lực, mỗi người đem một đội để đánh úp hai huyện Lương Sơn và Thanh Chương, thì chắc là lấy được. Nếu để chậm thì binh lính ở tỉnh lên, sợ không kịp nữa.

Phấn và Lực đều xin đi. Vài ngày sau, hai huyện Lương Sơn và Thanh Chương đều đã hạ được.

Chân nói:

– Giặc sắp đem đại binh đến. Những tiền bạc khí giới lấy được ở bốn châu huyện, nên đem gấp về trại. Một mặt lo kế đánh giữ, một mặt vỗ về nhân dân. Nếu nhân dân về với ta thì quân giặc nhiều, cũng chẳng sợ gì.

Kiên nói:

– Chân nói rất phải.

Liền chạy giấy đi khắp các hương thôn phủ huyện, lấy ý nghĩa đánh giặc cứu dân để hiệu triệu các thân hào địa phương, định ngày khởi nghĩa.

Khi ấy nhân dân địa phương, khổ vì hà chính của giặc Ngô, nghe nghĩa binh dấy lên, thân hào mọi nơi đều nhóm họp hương binh kéo đến quân doanh giúp sức.

Những nơi giặc trú ở các phủ huyện đều dùng thổ binh địa phương canh gác. Thổ binh nghe bốn châu huyện đã về ta, đều giết bọn quan lại Ngô, cướp lại thành trì, về với nghĩa quân. Các hạt Nam Đường, Hưng Nguyên, Đông Thành, Yên Thành, trong khoảng mười ngày, đều vào tay nghĩa quân hết. Thanh thế của đảng lúc ấy rất là lừng lẫy. Giặc bèn tập trung trọng binh ở Nghệ An làm kế cố thủ và cho phi báo ra Long Thành để cầu viện binh.

Bọn Kiên nghe tin, mở cuộc đại hội các đảng viên và thân hào địa phương, trù kế đối phó. Bàn cãi phân vân. Có người đề nghị đem quân lên đánh tỉnh thành Nghệ An; có người nói nên chia quân giữ các phủ huyện đợi giặc đến sẽ đón đánh.

Chân lặng lẽ không nói gì.

Ông Khoáng cũng chưa biết quyết định thế nào. Hỏi Chân, Chân nói:

– Thành Nghệ An là nơi trọng binh của giặc đóng giữ, chưa thể đánh vội được. Nên chặn giữ các phủ huyện là phải.

Ông Khoáng theo lời bàn ấy, bèn cử những thân hào có thế lực, trao cho trách nhiệm, dặn họ cứ nắm lấy hương binh, chia giữ các phủ huyện. Quân lương thì nhờ nhân dân sở tại cung cấp. Các thân hào vâng mệnh đều đi nhận việc.

Tối hôm đó, Chân dẫn Kiên vào yết kiến ông Khoáng, bảo anh em tả hữu ra rồi nói rằng:

– Kế hoạch hôm nay bàn đó là không đúng. Quân ta đều là quân

ô hợp. Số đã tập tành, có thể chiến đấu, chẳng qua độ vài trăm người. Lấy thổ binh cũ giúp vào nữa cũng chỉ được chừng vài nghìn người thôi. Quân giặc ở Bắc Thành thì chỉ độ mười ngày nữa sẽ đến. Quân chúng hợp mà tinh, quân ta chia mà vụng, những phủ huyện ta vừa mới lấy được, chúng lấy đại quân đánh vào tất là tan rã. Nếu lấy toàn bộ số quân ta đánh úp tỉnh thành chưa chắc đã được. Lấy số quan vài nghìn người mới nhóm, chống với mấy mươi vạn quân tinh nhuệ, quân giới quân nhu của ta lại kém xa, đánh dầu có được, thì cũng khó mà giữ nổi. Nếu không giữ được thì công trước đều bỏ hết, thật là đáng tiếc. Nghệ An là cuống họng của xứ Bắc, quân giặc ắt phải đem toàn lực mà giành lấy. Ta mới cử sự lần đầu, binh non lương ít, khí giới lại thiếu. Bỏ chỗ yếu mà đánh chỗ cứng, không phải là đắc sách.

Bây giờ nên nhân lúc quân ngoài Bắc chưa kịp vào, gửi công văn đi các phủ huyện, hư trương thanh thế, thu lương mộ lính, giả làm kế hoạch dự bị lấy lại tỉnh thành để cho quân giặc chuyên chú mặt giữ thành, còn ta thì bí mật đem quân tinh nhuệ theo đường núi đi nhanh vào chiếm lấy các đất Quảng Bình, Thuận Hóa và Thăng Hoa. Mấy thành trì ấy, địa phương hẻo lánh, thủy thổ không lành, người Ngô sợ việc xông pha, chỉ giao cho thổ quan cai trị, hễ quân ta đến thì chúng tất đầu hàng. Nếu có chỗ nào chống lại, cũng dễ dẹp yên. Chỉ độ vài tháng là một dải non sông ấy sẽ về tay ta. Sau đó chúng ta dưỡng uy sức nhuệ, xem thời thế, chờ cơ hội, tiến thì có thể thu được tất Thanh Nghệ mà dòm thẳng ra Đông Kinh; lui thì có thể vạch từ Hoành Sơn vào Nam, giữ hiểm cố thủ, luyện binh chứa lương, chiêu phủ các nạn nhân, thu tập người vong mệnh, bí mật liên lạc với các hào kiệt xứ Bắc, nhằm gây thế lực. Khi nào có thể tiến, mà tiến thì ắt vạn tuyền. Cơ sở như Ba Thục của nhà Hán, Kỳ Tây của nhà Chu ngày xưa, thì cũng thế thôi.

Khoáng và Kiên rất mừng về kế hoạch ấy.

Khoáng nói:

– Ai phụ trách công việc ấy?

Kiên nói:

– Xin cử Xý làm Nam quân tổng tư lệnh, Võ làm phó. Chân làm tham mưu. Ba người đó nhất định làm được việc lớn này. Những phủ huyện trước thu phục được, chẳng qua chỉ dùng làm tiên thanh cho quân ta mà thôi, quân giặc ở Đông Kinh kéo vào thì giữ được không

phải là dễ. Được chẳng mừng gì, thì mất cũng chẳng lo gì. Ở đây chỉ cốt tập hợp nhân tâm là chính. Phủ huyện nào xem có thể giữ được thì giữ, chỗ nào không thể giữ được thì bỏ đi. Những thân hào địa phương cho tùy ý đầu hàng, hoặc khuyên họ dời vào Nam để chờ cơ hội. Nhất thiết không được tham công lao đi phá hoại dân mà làm tổn danh tiếng nghĩa quân. Đáng chú ý nhất chỉ là trại Trùng Quang là chỗ căn cứ mà thôi. Trại này cách xa tỉnh thành, núi khe hiểm trở, tốn nhiều lợi ít, quân giặc cũng không dòm ngó lắm đâu. Nếu quân giặc có đến thì ta đánh cũng dễ thôi; mà quân giặc đã bị thua rồi thì không dám trở lại nữa đâu. Ta chọn lấy vài trăm người, hết sức chăm vào việc canh mục, người ít thì lương thực dễ cấp, đất mở mang được thì lợi ngày càng thêm. Ta không nhũng nhiễu dân, thì dân càng ngày càng về với ta. Dẫu bề ngoài họ có theo giặc thì bề trong họ vẫn đi cùng ta. Ngày sau, miền Nam ta đã thành công rồi, kéo đại quân ra cửa Hoành Sơn, chúng ta ở đây, sẽ được tất cả nhân dân Nghệ An hưởng ứng thì dễ như trở bàn tay. Thế là lấy thoái làm tiến, lấy yếu làm mạnh, dùng mà tỏ ra là không dùng, hay mà tỏ ra là không hay. Tùy thời hành động, chẳng những Nghệ An mà miền Bắc rồi cũng có thể lấy được.

Bàn tính đã xong, khi ấy Khoáng lưu lại giữ trại, có Kiên giúp sức. Chìm, Hạnh, Phúc, Thắng thì chia nhau quản lý các việc trong trại. Mục và mấy người thợ rèn cũng ở lại trại, chăm lo cho nông cụ. Còn thì theo Xý xuất phát. Liên, Triệu, Chí đều xin đi theo quân.

Chân nói:

– Được ba nữ tướng thì còn gì hơn!

Qua ngày sau thì giấy gửi đi khắp các địa phương. Nhân dân gần xa đâu đâu cũng nói nay mai nghĩa binh sẽ tiến đánh tỉnh thành.

Lại mười ngày sau, Thống soái của giặc Ngô ở Đông Kinh quả nhiên kéo hơn 10 vạn quân Ngô vào để giúp việc bình định Nghệ An. Những phủ huyện trước đây nghĩa binh thu phục được, trong khoảng vài tháng, lại trở về tay quân giặc. Giặc cũng nhiều lần cho quân lính đi dòm ngó trại Trùng Quang. Nhưng bốn phía trại đều rừng sâu núi rậm, khe suối hiểm trở, người ngựa của giặc không hiểu địa hình. Kiên phục binh, lấy cung nỏ bắn ra, đánh mấy trận đều thắng. Giặc phải chia quân đóng đồn ở các phủ huyện, và rút đại đội về tỉnh thành. Một khoảng rừng sâu đành phải cắt làm đất riêng cho ta vậy. Đó là những công việc xảy ra sau khi bọn Xý đã kéo quân vào Nam.

Trước khi Xý và Chân sắp khởi hành một ngày, có một người đến xin làm hướng đạo, tên là Quản Năng. Năng là người Thái, đời đời làm quan lang, khi nghĩa binh lấy phủ Tương Dương, Năng liền gia nhập hàng ngũ. Năng có sức mạnh, có can đảm, giỏi nghề bắn, thường bắn được voi và tê ngưu; hàng năm thường chở ngà voi, sừng tê xuống các chợ trung châu để bán, tiếng Lào, tiếng Mường, tiếng Chợ, Năng đều thạo cả. Năng lại thường hay qua lại miền núi các tỉnh tìm voi, tê ngưu để bắn, leo đá vin cây, lẹ như hươu vượn, cho nên những đường miền núi đều thuộc lòng cả. Khi có nghị quyết vào Nam và cần tìm người hướng đạo, thì Năng liền ra ứng tuyển. Năng tuy người Thái, nhưng rất mến phong tục trung châu, thường xuống tỉnh thành để mua hàng hóa, bị bọn quan lại Ngô làm nhục, rất lấy làm căm tức. Đến nay về với nghĩa quân, rất là phấn khởi.

Khi Xý và Chân ra đi thì Năng cắp cung tên đi trước, rất hào hứng. Năng thường nói với mọi người rằng:

– Ta xem giặc Ngô cũng như voi, như cọp. Voi cọp chết dưới cung tên ta rất nhiều rồi. Cung tên của ta cũng sẽ không tha giặc Ngô đâu.

Bấy giờ quân đội trong trại chia làm hai toán:

Toán thứ nhất là bộ phận lưu thủ, do Kiên chỉ huy. Mục, Phúc, Thắng, Chân, Hạnh đều là cán sự. Bà con, thân thuộc của đảng viên đều biên chế vào toán này.

Toán thứ hai là đội Nam tiến, do Xý chỉ huy. Võ làm phó, Chân làm Tham mưu trưởng. Phấn, Lực, Vân, Liên, Triệu, Cương, Quả làm Tham sự. Chí và Tinh phụ trách việc trinh sát. Năng làm hướng đạo.

Điểm tất cả binh sĩ trong trại, chọn những người khoẻ mạnh hơn hết được một nghìn người. Mỗi người mang lương ăn hai tháng. Lấy ngày mồng một tháng Giêng làm ngày xuất quân. Trước ngày đó mười hôm, đã cho Tinh và Chí giả làm người buôn, theo đường quan lộ, qua cửa Hoành Sơn để dò xét tình trạng địa phương các đất Quảng Bình, Thuận Hóa và Thăng Hoa. Vào khoảng thượng tuần tháng Hai, anh em tề tập ở chợ Ba Đồn. Xý và Chân đem đại đội đi đường núi, theo biên giới Ai Lao, xuống sơn phận Quảng Bình, làm theo kế "ám độ Trần Thương" của Hàn Tín ngày trước.

Toàn quân có một nghìn người, chia thành 10 đội, mỗi đội 10 bài, mỗi bài 10 người. Mọi người đều lưng dắt dao, vai mang đãy, áo tơi, giầy cỏ, giả làm người đi rú mà tiến. Lục tục theo đường núi tiến vào,

mỗi đội cứ cách nhau mấy ngày mà xuất phát. Đi dọc đường, dân Lào đều không biết là quân đội.

Lúc ấy các phủ huyện ở Nghệ An, nhân dân ngày đêm kháo nhau rằng:

– Nghĩa quân sửa soạn đánh thành.

Việc Chân, Xý đi vào Nam, quân giặc không hề ngờ tới.

TIẾT THỨ MƯỜI BỐN

Đàn hát giết giặc

Bọn Xý đã vào đến địa hạt Quảng Bình, bèn trú quân ở Ba Đồn. Vừa lúc ấy Chí và Tinh công việc do thám đã xong, cũng về họp với Xý.

Tinh nói với Xý rằng:

– Giặc Ngô cai trị miền Nam, chỉ xem như đất ky my [1] . Quan chức đều dùng người Thổ, người Ngô chỉ có một Thừa tuyên sứ kiêm quản cả mấy đạo Quảng Bình, Thuận Hóa, Thăng Hoa. Nếu ta phủ dụ được người Thổ, khiến họ về với ta thì từ Hoành Sơn vào Nam, có thể cuốn chiếu mà được. Còn Thừa tuyên sứ của giặc, nếu không hàng, thì chỉ có chạy mà thôi. Việc khẩn cấp nhất của chúng ta hiện nay là khoản lương nuôi quân lính trong khoảng vài tháng sắp tới, làm sao cho đủ, không đến phiền nhiễu nhân dân địa phương, để nhân dân vui lòng theo ta. Như thế thì việc lớn sẽ thành.

Chân nói:

– Đến đâu nhờ lương ở đó, dụng binh bao giờ chả thế. Nay muốn tránh cái phiền nhiễu yêu sách thì biết làm thế nào? Khoản lương đem theo chỉ dùng được khoảng một tháng nữa thôi!

Tinh bảo mọi người xung quanh ra ngoài rồi nói với Chân rằng:

– Tôi mới được một tin rất tốt, có số tiền bạc rất lớn, trời sẽ đưa đến biếu ta, nên làm thế nào cho gọn để mà đi lấy.

Xý hỏi:

– Tin gì?

---

1. Nghĩa là không tổ chức cơ quan hành chính một cách chặt chẽ.

Tình nói:

– Khi mới đến Thuận Hóa, tôi dò biết được miền Nam trưng thuế điền thổ và các cống phẩm thổ sản, mỗi năm một lần, phải đem ra nạp ở Đông Kinh. Lệ cứ đến tháng Ba là bắt đầu đệ nạp. Đại khái vào khoảng trung tuần thì đoàn hộ tống sẽ tới Quảng Bình. Phỏng tính số vàng bạc và hóa phẩm có chừng trên dưới năm mươi vạn. Nếu ta chặn đường lấy được thì cung ứng cho quân nhu trong khoảng 5,6 tháng cũng còn dư đủ.

Xý mừng lắm, bảo Chân rằng:

– Thế thì cho binh đi cướp lấy ngay, việc rất dễ dàng.

Chân nói:

– Không được! Chúng nó đã hộ tống vàng bạc, tất thế nào cũng cho người đi dọc đường thám thính trước. Nếu chúng nó biết ở địa phương có giặc cướp vào ra thì tất phải dùng trọng binh hộ tống, hoặc giả lại đổi đi đường thủy, ta muốn chặn lấy, không phải chuyện dễ. Theo ý tôi thì, làm việc này chỉ dùng 5,6 người cũng đủ thôi...

Bọn Xý nghe nói đều ngơ ngác.

Chân ghé vào tai Xý nói nhỏ rằng:

– Thế này... Thế này... nhưng phải bí mật thì giặc mới cung đốn lương hướng cho chúng ta.

Xý rất mừng, bèn hạ lệnh cho toàn quân xếp dỡ, kéo cả vào núi, phân tán hái củi, đi cắt cỏ, ở lẫn lộn vào với thôn trại người Lào. Ăn bốc nằm đất, cùng dân Lào giao thiệp vui vẻ. Dân Lào cũng không biết là quân đội. Lại thường cho người đi canh gác tận đằng xa, cấm không được đem tin tức của quân đội tiết lộ xuống hạ du. Anh em đều không hiểu ý, xúm nhau lại hỏi.

Xý chỉ nói:

– Quân ta trèo non lặn suối, mệt mỏi đã nhiều, tạm nghỉ một tháng để lấy lại sức khoẻ.

Mọi người đều im lặng, nghe theo lệnh trên mà thôi.

Đến tháng Ba, khí trời ấm áp, người buôn bán và khách bộ hành đi lại đã chật cả đường. Người từ phía Bắc vào mua tơ, nón, thuốc lá v.v... đi qua Đèo Ngang ngày có hàng nghìn. Cách chân đèo chừng 10 dặm, có chỗ gọi là chợ Ròn, gần sông Ròn, là một thị trấn khá lớn, vào Nam ra Bắc, tất phải qua đó. Hành khách tự Nam ra Bắc là phải

qua Đèo Ngang. Đèo cao đường dốc, từ chân đèo đến đỉnh, rồi lại từ đỉnh xuống chân đèo, đường dài ước chừng 80 dặm. Đường kề rừng rậm, thường có cọp dữ, cho nên ban đêm người ta không dám qua đèo. Những người đi ra Bắc tất phải ngủ lại chợ Ròn, nghỉ chân một đêm, sáng mai mới qua đèo, từ lâu đã thành thói quen như vậy.

Mấy ngày đầu tháng, có ba người phụ nữ, ăn mặc rất đẹp ở Bắc Thành vào, một chị làm nghề hát, tuổi gần 40, nhưng phong tư yểu điệu chẳng kém con gái ngoài hai mươi, còn hai cô nữa thì đều trẻ non. Lấy mắt người ngoài mà đoán thì chắc là phường ả đào, không nghi ngờ gì nữa. Khi tới chợ Ròn, bọn họ liền thuê một ngôi nhà lớn với một giá cao, mở một hàng cơm rượu, bàn ghế sạch sẽ, rất là đẹp mắt. Trông nom hàng thì có hai trai tráng giống như hai anh em hay chồng con của mấy cô kia, người ngoài cũng không rõ. Tên quán chỉ gọi là quán Cô Bắc. Cơm rượu trong quán không có giá nhất định, tùy khách sang hèn mà định nhiều hay ít thôi. Có khách đi xe ngựa đến quán thì chủ nhà, đầy tớ, tiếng oanh giọng én thỏ thẻ, tiếp đón rất ân cần. Giọng hát xen tuần rượu, tuần rượu tiếp theo câu ca. Rượu nồng, đàn ngọt, vui thú triền miên, bao nhiêu khách sang đến đấy thường cao hứng đến dời chân không dứt, cạn chén mê ly. Chỉ hơn mười ngày, tiếng khen đồn dậy, những người ra Bắc vào Nam ai cũng cho là phải vào uống rượu hàng Cô Bắc mới thật là thú.

Sau ngày rằm tháng Ba, bỗng có tốp khách từ Thuận Hóa ra, ngựa xe tấp nập, quần áo rỡ ràng, theo sau đài tải có đến mấy chục rương hòm và hơn năm chục lính hộ vệ. Đến gần Ròn thì người cả vùng chạy kháo với nhau rằng:

– Quan hộ giải đã đến!

Bây giờ, người lo bái hạ, người lo đón tiếp, người lo chầu chực, rất chi là rộn rịp.

Quan đến rồi, truyền cho người sở tại tìm chỗ nghỉ. Mọi người đều nói:

– Quán Cô Bắc tốt nhất!

Quan bảo khiêng kiệu đến. Vừa đến cửa thì chủ quán đã đứng sẵn bên cửa, vái chào đón tiếp. Quan trông thấy thì ra chủ quán là đàn bà. Môi son nửa hé, mặt đào ửng hồng, có vẻ sợ hãi lắm.

Quan mỉm cười mà nói rằng:

– Trông có vẻ ăn mặc giống như người Bắc ấy nhỉ?

Chủ quán thưa:

– Bẩm vâng, chúng con mới ở Bắc vào đấy ạ.

Quan nói:

– Tốt, tốt! Ta cũng người Bắc Thành đây. Lâu ngày không thấy vẻ đẹp đất Bắc, đi lại chỉ những gái Mọi, hầu Chàm, buồn chết đi được!

Nói xong vẫy cô chủ quán đi trước dẫn đường. Chủ quán rụt rè, trả lời:

– Không dám! Không dám!

Quan bèn cầm tay dắt đi. Mới ngồi được một chốc, hai cậu trai tráng bưng mâm rượu và đồ nhắm lên, làm lễ bái hạ, bộ rất kính cẩn, đều nói tiếng Bắc cả. Quan rất vui vẻ, liền uống mấy chén to, rồi bảo chủ quán rằng:

– Ta đây, vốn là đầy tớ yêu của quan Thừa tuyên Bắc Thành đây. Quan Thừa tuyên bổ cho ta vào Thuận Hóa làm Đề đốc hộ thành. Nay nhân đem tiền thuế và các thứ cống phẩm ra Đông Kinh, quan Thừa tuyên ủy ta làm chức Hộ giải sứ. Chủ quán cũng người Bắc Thành, ta rất muốn kết làm bạn dị hương. Chủ quán có yêu ta thì sau khi làm xong công cán lần này xong rồi, ta sẽ đem chủ quán về luôn ly sở. Chủ quán ưng không?

Chủ quán thưa rằng:

– Em đây chính là đào hát ở Bắc Thành, lấy nghề hát kiếm ăn. Gần đây ở Bắc đánh thuế quá nặng, một gái hát mỗi năm nạp thuế đến mấy trăm quan tiền, sinh kế rất khó. Em nghe ở Nam chưa có thuế ấy, nên mới đến đây, bán nghề kiếm ăn, tấm thân bồ liễu đâu dám nài thương. Nếu được quan lớn đoái đến, cho làm tôi đòi hạng bét cũng đã may mắn lắm rồi.

Lúc ấy quan đã ngà ngà, cười lớn nói rằng:

– Cô đào ơi! Cô đào ơi! Ta vắng cô đào đã lâu, hôm nay ôn lại thú xưa, cô phải cùng ta vui vầy nơi đất khách. Tốt lắm! Tốt lắm!.

Chủ quán nói:

– Dạ! Dạ!

Rồi cúi đầu lạy hai lạy, xin lui vào trong nhà chuẩn bị nhạc cụ.

Một lát sau, đã thấy quần lụa, áo là, lưng cắm nguyệt, tay quạt là tự trong màn bước ra dịu dàng, một trang mình liễu, trăm giọng

tiếng oanh, mắt lại mày qua, vừa múa vừa hát. Bấy giờ hứng rượu của quan càng mạnh, vỗ rát cả lòng bàn tay, bảo chủ quán rằng:

– Được nghe nhạc tiên, thật là thú vui đệ nhất từ mấy năm nay, chỉ tiếc ở đây không có vài cô đào non hầu rượu. Nếu có được thì cuộc vui này mới thật là mỹ mãn!

Chủ quán nói:

– Em có hai đứa hầu gái, đã từng dâng rượu hầu khách, chỉ hiềm sắc không được đẹp, hát không được hay lắm, nện chưa dám đưa ra trình diện quan lớn. Nếu được quan lớn cho phép, xin gọi ra ngay.

Quan la to:

– Sao không cho ra ngay đi?

Chủ quán truyền rằng:

– Cô Viên, cô Hảo đâu? Quan lớn đòi hai cô.

Chốc lát, hai cô dịu dàng đi ra, quần áo lụa là, đến trước mặt quan, cúi mình hai lạy. Quan ngó tận nơi thì hai cô trạc độ trong ngoài hai mươi, mày vành bán nguyệt, mắt dợn sóng thu, mới hé miệng hoa, tình đà say khách.

Quan bảo rằng:

– Bà chủ các cô vừa hát cho bản chức nghe, sao các cô lại không nâng rượu mời ta đánh chén?

Hai cô đồng thanh thưa rằng:

– Vạn phúc! Vạn phúc!

Quan tự tay rót hai chén rượu, mỗi cô lĩnh một chén, tay ngọc dịu dàng, chén quỳnh sóng sánh, má đào khẽ áp mặt quan, trút rượu vào môi, quan rất vui, nuốt được luôn mấy ngụm, và cười khanh khách như muốn phát điên.

Chủ quán đứng dậy thưa rằng:

– Đêm đã khuya, nhà ngoài gió lạnh, xin rước quan lớn vào nhà trong để cuộc vui có thể kéo dài suốt đêm.

Quan khen:

– Phải! Phải!

Rồi gọi người hộ binh theo hầu lấy tráp nhỏ đưa cho quan, quan trao cho chủ quán nói rằng:

– Đồ này không thể rời mình ta được, nhờ chủ quán bưng đi theo ta.

Chủ quán nói:

– Dạ! Dạ!

Rồi đưa quan vào nhà trong. Chủ quán bảo hai cậu trai tráng rằng:

– Các chú xếp tiệc cũ đi, dọn tiệc mới ra, để quan lớn dùng được thâu đêm.

Chốc lát, hai chàng lại bưng mâm lên, chủ quán vẫy tay bảo đi, nói rằng:

– Mâm bàn đủ rồi, các anh là trai không cần ở đây làm gì. Để bạn gái chúng tôi hầu quan lớn đêm nay cho thú vui được trọn vẹn.

Quan rất mừng nói rằng:

– Bà chủ thật hiểu ý người.

Rồi đàn hát lại tiếp tục nổi lên. Rượu ngon, nhấm hết lại dọn ra, bốn người vào việc, kề vai, kề gối, vừa nghe hát vừa uống rượu. Dưới bóng đèn chong, mặt sáp môi son quên cả giới hạn trai gái, câu đùa tiếng cợt, tuyền giọng trăng hoa. Nhưng hứng trong nhà đương say, thì kịch ngoài sân đã bắt đầu diễn.

Nguyên khi quan mới đến, bao nhiêu rương hòm đều đưa vào trong quán cả, rồi quân lính đều cầm gươm giáo đứng canh chung quanh quán.

Quan truyền rằng:

– Chúng bay phải chia phiên nhau mà canh giữ, xem cẩn thận của công, nếu dám sơ suất, ông lớn lấy đầu!

Họ đều dạ ran. Họ đi tuần canh giữ, không dám ngồi. Thế rồi quan đòi rượu bắt hát, đã gần nửa đêm, quân lính đều nói trộm với nhau rằng:

– Đường xa đi mỏi, nếu được một chén rượu thấm môi thì cũng có thể giúp chân thêm khoẻ. Nhưng hạng tiểu tốt chúng ta, phúc đâu dám bì với quan lớn.

Đêm đã khuya, vừng trăng đã treo cao, ánh sáng chiếu xuống như ban ngày. Tiếng hát trong quán khi đứt khi nối. Lính canh ngó trộm vào nhà ngoài thì quan lớn cùng người hát người hầu đều không thấy nữa. Họ ghé tay kề đầu, nói thầm thì với nhau những lời chẳng ai nghe rõ.

Bỗng thấy hai cậu trai tráng đến nói với bọn lính rằng:

– Các ông đi đường nhọc mệt, sao đêm khuya rồi mà chưa ngủ?

Bọn lính nói:

– Chúng tôi được mỗi tháng một quan tiền và mấy đấu gạo, vất vả thế này cũng là đành phận, sáng mai quan cho ngủ ngày vài giờ để bù.

Hai cậu trai tráng nói:

– Các ông có thèm rượu không? Tôi nói bà chủ quán đem rượu ra nhé!

Mọi người đều nói:

– Nếu được một chén rượu thì khoái biết bao nhiêu! Nhưng chúng tôi làm gì có tiền!

Hai cậu trai tráng nói:

– Chủ quán được quan thương yêu lắm rồi, đưa biếu các ông mỗi người một chén, chớ tiền nong làm gì?

Mọi người đều nói:

– May quá! May quá!

Bèn lấy rượu đem đến. Họ giành nhau mà uống. Vài khắc sau, đều say ngã lỏng chỏng, như hoa rơi đầu gió. Một chặp lâu, tiếng ngáy ở xung quanh quán và tiếng hát đùa ở trong quán lẫn lộn với nhau, không phân biệt được. Quan lớn đương hý hửng với ba cô gái đẹp, tay cầm tay, vai kề vai, biết đâu ở ngoài đã bầy ra "trận mê hồn" như vậy.

Đột nhiên thấy hai chàng trai tráng phá cửa vào, nhảy thẳng đến chỗ quan ngồi, tuốt gươm tiến lên. Quan hoảng sợ đứng vụt dậy muốn chạy thì ba cô gái đều xắn áo lòi tay, bóp chặt lấy họng quan, tỏ vẻ rất là hung hãn, bảo quan rằng:

– Bây giờ chúng ta mới dâng rượu đây, còn trước là giả dối.

Quan biết trúng kế, kíp gọi:

– Hộ binh! ...hộ binh! Lại mau! Lại mau!...Chết...!. Kêu luôn hơn mười tiếng, rát họng mà không một ai trả lời. Quan khi ấy đã say nhừ, cựa quậy không được nữa, chỉ nhếch môi nói khẽ rằng: "Các người muốn làm gì?"

Mọi người nói:

– Bao nhiêu tiền của hẵng giao đây hết đã.

– Các người cứ việc lấy đi.

– Chúng tôi không có công văn, bị người ta bắt giữ lại thì làm sao?

– Thì lấy công văn giao cho các người.

– Chúng tôi đi rồi, ông sẽ phát giác với quan địa phương để bắt chúng tôi thì sao?

– Thế thì làm sao bây giờ?

Hai người trai tráng nói:

– Nay lấy kiệu chở quan cùng đi với tôi, đến chỗ nào có thể thả, sẽ thả ra, không làm hại. Như thế là chúng tôi đã làm phúc cho nhiều rồi. Nếu không nghe thì cứ trông lưỡi gươm đây.

Ba cô gái kia cũng nói:

– Chắc là quan lớn phải nghe theo, vì nếu chống lại thì sẽ nguy hiểm.

– Quan bất đắc dĩ gật đầu lia lịa hai ba cái. Hai người trai tráng hô lớn lên rằng:

– Anh em lại cả đây!

Lập tức có vài chục người trai mạnh, ăn mặc gọn gàng kéo vào, kẻ gánh, người khiêng, kẻ khiêng kiệu, người vác hòm, vét sạch những đồ trong quán, rồi ra đi dưới bóng trăng. Lúc ấy đã quá nửa đêm, người xung quanh đều đương ngủ say, không ai biết cả. Sáng sớm dậy xem thì thầy tớ Cô Bắc, với quan Hộ giải đều mất tăm như bóng hạc vàng, còn lại chỉ cái quán không, với hơn năm chục người hộ binh say mềm nằm bừa bãi ở xung quanh quán mà thôi.

Người vùng ấy kinh ngạc không hiểu ra sao cả, nhưng sợ vạ lây đến làng xóm, đành bảo nhau dấu kín chớ tiết lộ ra. Những người hộ binh ngủ đến chiều, dần dần tỉnh dậy, biết quan Hộ giải đã mất rồi, bèn lẻ tẻ trốn chạy về quê nhà. Việc này hơn một tháng sau mới vỡ lở ra. Chủ quán là cô Triệu, hai người hầu là cô Liên và cô Chí, còn hai người trai tráng là Tinh và Phấn. Thứ rượu đưa cho lính hộ binh uống là rượu dầm thuốc mê. Vài chục kiện nhi đến sau cùng là những người giả làm phu chặt củi, đứng chực ngoài cửa quán, do Cương và Quả chỉ huy.

Bày ra mẹo này là ai? Chính là ông Chân.

Tinh và Phấn đưa tên giặc bị bắt đến đầu cửa núi thì trời đã gần sáng, cách xa đường quan lộ chừng mươi dặm. Từ đó đi vào đều là rừng rậm, đường hiểm khó đi, chỉ những người săn, người đi củi mới

đi qua, còn dấu chân người thường thì rất ít.

Bọn Tình dừng kiệu lại, cho các bạn độ giải tiền của đi trước, do Phấn, Liên và Triệu áp giải đến quân thứ trình nạp. Tình và Chí bảo Đề (Đề đốc hộ giải) rằng:

– Chúng tôi rước ông đến đây, không cần ông nữa, nay tha cho về.

Đề trước còn say nhừ, dọc đường chỉ ngủ chết trên kiệu. Giờ mới thật tỉnh. Nghĩ lại công văn, công nhu đều đã mất hết, tay không về thành còn mặt mũi nào. Năm mươi người hộ binh cũng không biết thất lạc đi đâu. Rồi đây quan Ngô lấy phép quân trị tội, đầu cũng khó còn. Trông trước ngó sau, bất giác nước mắt ròng ròng chảy xuống. Hỏi Tình và Chí rằng:

– Bây giờ xin các ông nói thật cùng tôi, các ông là kẻ cướp, phải không?

Tình và Chí nói:

– Bây giờ ông có muốn về không?

– Quan trên ủy thác trọng nhậm cho tôi. Tôi nịch chức đến mực này, về cũng không thể sống được. Các ông giết tôi, tôi cũng vui lòng. Hay là các ông cho tôi đi theo, cũng là điều tôi mong muốn.

– Nay tôi nói thật, chúng tôi không phải là kẻ cướp mà chính là những người vì nhân dân trừ bọn cướp nước đây.

– Các ông nói sao mà quái gở quá. Đón đường giựt của mà lại nói không phải kẻ cướp.

– Các thứ ông độ giải đây là để dâng cho giặc Ngô, ông có biết không? Mồ hôi nước mắt của nhân dân ta được là bao nhiêu, mà chỉ để làm béo bụng giặc Ngô! Chúng tôi thật là muốn trả thù cho nhân dân, mượn lúa nhà Tần để đánh lại nhà Tần, cướp vàng bạc ở tay tụi quan lại, thì là việc làm của bậc đại trí, đại nhân, sao lại nói là cướp được?

Đề kinh sợ nói rằng:

– Thế thì nghĩa quân ở trại Trùng Quang xứ Nghệ An chính là các ông à? Tôi đã từng nghe, nhưng chưa biết rằng các ông đã qua đèo rồi.

– Quân chúng tôi sự thật còn chưa qua đèo, chúng tôi đây chỉ là đội trinh thám mà thôi.

– Các ông có chịu dung nạp tôi không? Tôi rất muốn đi theo các ông.

Tinh cố ý khuyên về, nhưng Để không chịu về, mà nói rằng:

– Tôi bây giờ đối với pháp luật của quân Ngô là một tên tù bị tội chết, theo các ông may ra còn có chỗ sống. Xin các ông thương lấy tôi.

Tinh nói:

– Ông làm quan binh của giặc, nay thu nạp ông, chưa có lệnh trên, cũng không tiện. Chúng tôi sẽ giới thiệu ông với Tổng tư lệnh, còn được hay không thời cái đó là tùy vận mệnh của ông.

TIẾT THỨ MƯỜI LĂM

Mưu kế thần kỳ

Sau ngày mồng một tháng Tư, Phấn, Liên, Triệu đưa tất cả vàng bạc lấy được của quân giặc, cộng hơn 20 gánh, tính thành tiền được hơn mười vạn quan, đến quân thứ trình nạp.

Bọn Xý rất mừng, dọn tiệc khao quân, định ngày đánh lấy các phủ huyện.

Tinh và Chí cũng vừa giải tù đến, tức là quan Hộ giải trước kia đó.

Mọi người xin giết đi.

Chân nói:

– Không nên.

Rồi bảo mở trói, mời lên ngồi, nói rằng:

– Bây giờ ông có chịu quy thuận không?

Để nói:

– Nếu được các ông thương tình tha cho khỏi chết, thì xin hết sức chó ngựa để báo đáp lại.

Xý nói:

– Người này là tâm phúc của giặc Ngô, tạm thời quy thuận, sợ không thành tâm, nếu lưu ở trong quân, sợ sinh ra biến cố khác.

Chân nói:

– Không can gì. Nay nó cùng đường, xin về với chúng ta, không nên đuổi nó. Để đấy, tương lai sẽ có chỗ dùng nó. Phàm dụng binh có thể lấy sự không biết làm uy, như thế mới thật là uy. Muốn phòng nó

phản trắc thời đã có cách xử trí.

Bèn cho Đề vào trong nhà, hỏi rằng:

– Vợ con ông bây giờ ở đâu?

Trả lời rằng:

– Hiện ở Bắc Thành. Tôi vào Thuận Hóa làm quan với giặc Ngô, cũng muốn đưa cả gia quyến vào Nam, nhưng nhiều người cho đấy là nơi ma thiêng nước độc, không thích hợp với người trung châu, nên không đưa đi.

Chân nói:

– Trại lớn ở đất Nghệ An của quân chúng tôi, đất lành khí tốt, lâu ngày đã trở nên đông đúc, nhân dân đều ham đến ở. Ông nay theo quân, sợ quan Ngô làm tội vợ con ông thì chúng tôi mang tiếng bất nhân. Nay cho người đem vợ con ông về trại lớn để đồng hưởng yên vui thì thế nào?

Đề nói:

– Nếu được thế thì hay quá, còn gì hơn nữa. Tôi xa vợ con đã vài năm rồi, nếu được gặp lại thì dù chết cũng nhắm mắt được.

Chân nói:

– Thế thì ông viết thư đi, có ấn kiềm của ông đây đóng vào, chúng tôi sẽ cho người đi ra Bắc Thành đem vợ con ông về.

Đề mừng quá, liền nghe theo.

Chân cho mời Chí và Triệu vào bảo rằng:

– Mục đích cuối cùng của chúng ta là ở Bắc. Đã lâu ta muốn cho người đi ra một lần để dò xét tình hình mọi mặt của giặc. Nhưng vì Nam Bắc cách xa đã mấy năm trời, đất lạ, người cũng không quen, nhiều điều không tiện. Nay được thư của Đề đốc hộ thành xứ Thuận Hóa, có ấn kiềm phân minh, cầm lấy mà đi, ắt là dễ dàng không gì ngăn trở. Xứ Bắc người đông của nhiều, dân trí khai thông hơn tất cả mọi nơi khác của nước ta. Rồi đây muốn cho công cuộc thu phục thành công, ắt phải nhờ đồng bào Bắc giúp đỡ nhiều. Nay hai cô gan to nói giỏi, thấy rộng biết nhiều, xin vì đồng bào ra đi một chuyến. Còn như việc lấy người nhà của lão tù binh này, chẳng qua mượn tiếng đó thôi. Và cũng là để cho lão kiên quyết bền lòng theo ta, chớ không phải chuyên về chuyện này. Tuy vậy, việc đó cũng không nên bỏ lảng. Khi vợ con nó đã về trại ta rồi, thì thân nó tùy ta sai khiến.

Những phường giá áo túi cơm, ngoài bản thân và vợ con ra, có yêu gì nữa đâu! Ta đây sắp sửa có chỗ cần dùng nó, vậy hai cô chịu khó làm việc này.

Chí và Triệu đều vui lòng xin đi, và xin cho kỳ hạn đi về.

Chân nói:

– Chuyến đi này quan hệ rất lớn, đi về lâu mau, không phải ngồi mà đoán được. Xin hai cô tùy tiện!

Chí và Triệu bèn đi. Tiếng tăm của trại Trùng Quang từ đó ngày càng lan tràn khắp nước.

Chí và Triệu đã đi ra Bắc, bọn Xý bèn nhóm họp tướng tá bàn cách đánh lấy các châu huyện đất Quảng Bình.

Chân nói:

– Quan Đề đốc Hộ thành của giặc ở đây, nên mời đến cùng bàn. Tình hình của giặc ở Nam, chúng ta không biết rõ bằng lão. Phải hiểu rõ tình hình giặc, rồi hãy tùy cơ mà tiến thì mới khỏi thất bại.

Liền gọi Đề vào ngồi.

Chân vái chào, mời ngồi mà hỏi rằng:

– Ông ở Thuận Hóa, giặc Ngô trọng dụng ông, tình hình giặc chắc ông biết rõ. Nay chúng tôi muốn tiến quân đánh đất miền Nam, chắc ông cũng có điều hay có thể bảo chúng tôi.

Đề nói:

– Những tinh binh trọng tướng của giặc Ngô đều tập trung ở Bắc, còn một dải đất miền Nam này, chúng xem như đồ phụ thuộc. Thành Thuận Hóa còn có quân Ngô hơn vài trăm người, làm vệ binh cho Thừa tuyên sứ. Ở các xứ Quảng Bình, Thăng Hoa thì không có quân Ngô. Còn lính ở các phủ huyện thì đều dùng người An Nam hoặc con cháu Chiêm Thành sung vào. Chúng chỉ bắt hàng năm phải nộp đủ lương tiền, ngoài ra thì mặc kệ không hề hỏi đến. Bọn thổ quan ấy rất là hiền lành sợ sệt, đánh đuổi chúng thì cũng như đuổi dê đuổi lợn thôi. Tựu trung cũng có người, trước cha ông ở Bắc, vì vua triều Trần bổ nhậm vào, đến nay con cháu tuy có chịu tước phẩm quan Ngô, nhưng trong lòng thì thật không có chữ Ngô. Như cha con Đặng Tất, Đặng Dung hiện làm châu quan ở Thăng Hoa chẳng hạn. Tôi nghĩ rốt cuộc thế nào họ cũng sẽ chống lại quân Ngô.

Chân nói:

– Được. Ông hãy lui, chúng tôi sẽ trù tính và nhờ ông giúp một tay.

Đề đi ra.

Chân mật bảo Xý rằng:

– Không ngờ một dải đất miền Nam sẽ thu được ở trong tay tên hàng tướng này. Thật là việc rất khoái.

Xý nói:

– Bây giờ làm cách gì?

Chân nói:

– Cha con Đặng Tất, vì nhớ cũ, muốn nổi lên, cái đó không có gì đáng nghi ngờ nữa. Ta sẽ khiến một người biện sĩ, mật cầm một bức thư vào yết kiến người ấy, bày tỏ nghĩa Quốc gia chủng tộc, khiến biết rõ tôn chỉ của quân ta. Y tất vui theo. Sẽ khuyên sắp đặt quân lính, chuẩn bị hưởng ứng, đợi khi Thừa tuyên sứ Thuận Hóa bị bắt, y sẽ phất cờ nghĩa, thu phục các phủ huyện ở Thăng Hoa, làm thanh ứng cho chúng ta, thế thời các phủ huyện khác khả dĩ nhổ nước bọt vào bàn tay mà lấy được. Nhưng người của chúng ta đến một cách đường đột thì sợ y không khỏi hoài nghi. Nên bảo Đề tự viết thư, lấy ấn tín đóng vào, trình bày rõ thanh thế quân ta để chứng thực cho lời nói của ta thời y ắt vui lòng liên lạc.

Xý nói:

– Bắt Thừa tuyên sứ, câu chuyện đâu có dễ dàng quá vậy?

– Nếu dùng kỳ kế mà bắt thì có khó gì!

– Sẽ lấy binh lính đánh úp thành Thuận Hóa mà lấy hay sao?

– Muốn đánh thành Thuận Hóa, tất phải có hàng nghìn người mới được, lại đường đi năm sáu ngày mới đến, tiếng tăm lộ ra, giặc ắt phòng bị cẩn mật, đánh úp sao được?

– Thế thì kế gì?

– Tiền thuế và đồ cống phẩm giữa đường bị cướp, chúng ta làm việc ấy rất là thần tốc, mới trong khoảng mười ngày, quan nha ở thành Thuận Hóa ắt chưa biết sự việc, nay bảo tên Đề đốc của giặc phi bẩm một tờ công văn khẩn mật về Thừa tuyên sứ ở Thuận Hóa, xin cho bắt kẻ cướp chuộc tội để lấy lại những của cải bị mất. Nhất định quan phải y cho và sức phải lập tức bắt cho được bọn cướp giải về Kinh xét hỏi. Ta phải như thế, như thế, thì Thừa tuyên sứ tất sẽ bị bắt. Bắt giặc phải bắt chủ, chủ đã vào tay ta, quân tự nhiên tan rã.

– Mưu ấy rất kỳ, nên làm gấp.

Đêm ấy mời Đề vào, yêu cầu Đề tự tay viết một bức công văn, cho trạm chạy ngựa đưa về Thuận Hóa, bẩm với Thừa tuyên sứ.

Công văn đại khái như sau:

"Tên tôi là ... ngày ... tháng, đệ giải của công đến Quảng Bình, gần đèo Hoành Sơn, tạm nghỉ lại chợ Ròn, định đến sáng ngày qua đèo, không ngờ đương đêm, có bọn cường đạo ước hơn 50 đứa chém lính giữ cửa, cướp hết của công. Thế quân cướp rất là hung dữ, quân hộ binh không thể đương nổi. Năm chục người hầu đã chết hết dưới gươm quân cướp, của công bị chúng cướp sạch. May nhờ hồng phúc quan lớn, tôi mới thoát chết, sau khi khổ chiến với giặc, giết được vài tên, bắt sống được vài đứa, duy tướng cướp và cả bọn thì chưa bắt được. Nay xin một mặt nghiêm tra những đứa bị bắt để chúng nó khai hết dư đảng, một mặt sức nhân dân các địa phương hợp sức tìm bắt. Chắc chẳng bao lâu, bắt được hết, sẽ xin giải đến đại đình".

TIẾT THỨ MƯỜI SÁU

Giăng lưới đợi cọp

Công văn của Đề phát đi được mấy ngày, liên tiếp được trấn Thuận Hóa mật sức hỏa tốc cho "tuần biện".

Chân bảo Xý rằng:

– Nội trong mươi ngày là kế của chúng ta thi hành được. Liền khiến người đi đến các làng xã, gọi thợ mộc hơn mười người, ngày đêm làm cũi giải phạm chừng 30 cái.

Theo thường lệ, hễ các quan địa phương giải những phạm nhân trộm cướp bị tội nặng, tất phải làm cũi bằng gỗ cho chắc chắn, bỏ phạm vào trong ấy, như cũi chó lợn để phòng sự trốn chạy, đó là pháp luật rất dã man của quân Ngô. Nước ta gần đây cũng còn bắt chước như vậy, thật đáng đau lòng. Cũi làm kiểu lập phương, xung quanh đều đóng đinh sắt, mặt trên mở một miệng tròn đút lọt cổ tay, làm lỗ đưa đồ ăn đồ uống cho phạm nhân; phía trước cũi có cửa, đóng băng khóa sắt, chìa khóa do quan giám phạm giữ. Tức là cũi giải phạm. Mỗi cũi bỏ một phạm nhân, mỗi phạm nhân có hai người dịch phu khiêng, ba mươi cũi cộng 90 người.

Cũi làm xong. Chân bảo Xý rằng:

– Các ông hãy chịu khổ vài ngày, chúng ta sẽ ăn thịt Ngô Thừa tuyên sứ.

– Được thịt Ngô Thừa tuyên sứ mà ăn thì chết cũng sướng. Cái khổ vài ngày, rồi cũng hóa ngon.

– Những cũi giải này đều làm khóa giả. Đinh cũng làm giả sắt, bằng gỗ sơn đen, người trong cũi có thể tự mở được, khóa hễ đụng một chút là mở. Nay các anh giả làm phạm nhân, những người gánh phạm đều chọn các anh em khoẻ mạnh sung vào, lấy tên Đề của giặc thân tự áp giải. Thừa tuyên sứ tất thân ra hỏi phạm, các anh phá cũi mà ra, gươm giáo kề tay, chỉ trong chốc lát và cách nhau có độ năm bước, thì dù nó có cánh cũng không bay thoát được.

– Chước ấy rất hay, nhưng sợ thằng Đề giặc nó biến tâm, chơi đùa hóa thật thì sao?

– Tôi cũng đã nghĩ đến rồi. Trước đây bảo Chí và Triệu ra Bắc Thành đem vợ con nó về, chính nó cũng đã thấy đi rồi. Nhưng để làm cho nó bền lòng hơn, tất phải có mẹo để ràng buộc nó. Tối nay ông sẽ biết.

Tối ấy mở cuộc đại yến, có đủ mặt tất cả các anh em, chỉ Tinh, Liên, Chí, Triệu không dự, vì Chí, Triệu thì ra Bắc; Tinh, Liên thì đi vào Thăng Hoa vận động cha con họ Đặng. Khi ai nấy đều vào ngồi yên, mọi người đương hết sức vui vẻ nói chuyện tự do, Chân cất chén nói rằng:

– Chúng ta từ khi lìa trại lớn đến nay, lặn lội gió sương đã mấy tháng ròng, anh em chưa từng có một phút nào vui. Hôm nay bày tiệc để gọi là hưởng một chút nhàn trong khi bận rộn. Trong anh em ai hay nghề võ, xin ra đua nghề để làm vui.

Đề nguyên trước con nhà binh lính, nhờ nghề võ sĩ mà khởi gia, nghe Chân nói, tự nghĩ từ khi mình nhập bọn không khỏi bị nhiều kẻ khinh, nhân được lúc này, tự ra biểu diễn để mọi người biết tay. Bèn đứng dậy nói rằng:

– Tiểu đệ lúc bé học nghề võ, cũng có tiếng ở xứ Bắc, các ông nếu không cho là tên giặc bị bắt mà ruồng bỏ, xin đem nghề mọn trình bày, giúp vui cuộc rượu.

Chân nói:

– Trước là thù địch, nay thời anh em một nhà, sao còn phân

biệt? Nếu quả ông muốn đua nghề, nên cử một người trong anh em ra múa đối cho vui. Liền vỗ vai Võ nói rằng:

– Anh Võ sao chẳng vâng lời quan Đề đốc?

Võ nói:

– Xin vâng. Đặt chén kêu keng một cái, liền xuống đứng dưới thềm.

Đề cũng xuống thềm, đứng đối diện với Võ.

Đề nói rằng:

– Côn, quyền, đao, bài, nên diễn món nào?

Võ nói:

– Giúp vui trong tiệc, khí giới làm gì? Hai ta thử đọ nhau bằng tay không cũng được thôi mà.

Liền đó, trên tiệc phát ra một tiếng lệnh, hai người đều tay múa, chân đá, giơ cánh, duỗi lưng, uốn như rắn, liệng như chim, nhảy như sư tử, vọt như cọp, trổ hết khoe tài. Quyền pháp của Đề cũng không phải kém, nhưng khí lực Võ quá mạnh, tay mắt lại mười phần lanh lẹ. Trong chốc lát Võ bị liền mấy đấm, nhưng rốt cuộc, Võ làm thế "lăng không hư kích", bất chợt đá một cái vào lưng, Đề đã ngã lăn ra như núi Ngọc Sơn bị trúc. Mọi người đều reo lên, tiếng vang dậy núi.

Chân sợ Đề xấu hổ với mọi người, liền xuống đỡ dậy, nói rằng:

– Thôi ông Đề say rồi!

Võ cũng chắp tay xin lỗi, cười nói rằng:

– Tôi mắc may mà đắc tội, xin ngài đừng quá trách!

Xý nói:

– Chúng ta đương tính cạnh tranh bằng tâm trí, cần gì tranh nhau bằng sức? Hãy xin mời uống thật say, còn đua võ thì bằng ấy cũng đủ rồi.

Đề nói:

– Các ông thật là người thần, thảo nào xem giặc Ngô chả ra gì!

Mọi người lại trở vào tiệc.

Chân nói rằng:

– Tiệc hôm nay cũng không gọi là để tẩy trần, sáng mai phải chia đường làm việc, không thể lại họp nhau toàn thể được. Đêm

khuya rồi, xin mời các ông về nghỉ.

Tiệc tan, Chân, Xý, Võ với vài người nữa cùng vào nhà riêng, bí mật thảo luận kế hoạch lấy thành Thuận Hóa.

TIẾT THỨ MƯỜI BẢY

Ra biển chém kình

Ngày hôm sau, Chân mời Đề đến. Bọn Võ cũng đều đến nói về kế đệ giải phạm nhân, Xý cùng ba chục người hùng tráng gan dạ, giả làm phạm nhân. Vân, Lực, Phấn đều dự vào số ấy. Chọn trong bộ hạ sáu chục người trẻ tuổi, mạnh dạn và lanh lẹn, làm phu gánh. Cương và Quả làm cai phu trạm. Hộ thành Đề đốc thì làm quan áp giải, Võ làm phó.

Hôm say, bày cũi ra giữa sân, đuổi những người không trách nhiệm ra ngoài, bảo bọn Xý xem xét kỹ các thứ khóa giả, chốt giả, xong rồi cho khiêng cũi ra đi. Chân thân hành ra tiễn chân.

Đến đường cái quan, tạm nghỉ một chốc, Chân ghé vào tai Võ nói nhỏ rằng:

– Tôi cử anh làm phó tên Đề, là mượn anh để giám sát nó. Hôm trước bảo anh đấu võ với nó, để nó biết tài nghệ của anh, tất không dám sinh lòng gì. Dọc đường, anh nên thân mật ân cần với nó, luôn luôn phải cẩn thận từng bước, đến khi bắt được Thừa tuyên sứ rồi thì mới có thể lỏng tay. Và chớ nên say rượu, nhỡ ra hỏng việc.

Võ nói:

– Tôi cũng biết rồi, phải cẩn thận lắm mới được. Còn như uống rượu thì không phải dặn nữa, vì hiện nay chưa phải lúc chúng ta phóng đãng được.

Rồi thì mọi người đều giắt dao vào lưng, vào cũi ngồi. Chân đi chào khắp từng người nói rằng:

– Các anh, vì Quốc gia, vì đồng bào mà đảm đương lấy việc khổ cực này, trời đất, thần minh tất phải soi xét cho tấm lòng anh em. Thôi các anh đi. Em rồi đây cũng sẽ trù tínhh việc kéo ngay đại quân xuống đồng bằng để kịp thời tiếp viện các anh.

Chân tiễn đưa hơn một dặm đường, rồi ân cần dặn lại Đề rằng:

– Chuyến đi này mà thuận lợi tức là kỳ công đệ nhất, anh em được vinh quang, cũng đều nhờ ơn ông cả, ông cố gắng giúp sức.

Võ và mọi người đều vui vẻ từ biệt. Hàng cũi đã khởi hành.

Võ bảo Đề rằng:

– Nay nên viết công văn phát đi các phủ huyện ở dọc đường bảo phải chuẩn bị đón tiếp quan quân giải phạm, để cho người ta khỏi nghi, không giấu mà giấu mới thật là giấu.

Đề cho là phải, bèn đến nhà trạm, phát công văn đi các phủ huyện, cho nên đi qua chỗ nào, nhân dân cũng đều biết là quan Đề đốc Hộ thành Thuận Hóa thân hành áp giải phạm nhân. Đề đi đến đâu là sở tại lo đón rước rất cẩn thận, còn như việc phạm nhân và phu khiêng giả mạo thì không một ai biết cả. Đường đi yên ổn, hơn ba ngày ba đêm đã đến Thuận Hóa. Trời đã chập tối, bọn Võ ở ngoài thành, ngủ để nghỉ chân, trước đem công văn trình Thừa tuyên sứ để chờ định đoạt. Ngô sứ nghe nói đã bắt được quân cướp giải đến, rất mừng, sức cho sớm mai áp giải phạm nhân đến công đường để chờ Ngô sứ tra tấn. Hôm ấy vừa cách hôm nhận bẩm văn của Đề đốc hơn mười ngày.

Mấy người trong cũi được tin sáng mai sẽ tra tấn phạm, ai cũng đều nhấm nháy nhau, tinh thần rất phấn khởi, chuẩn bị diễn tấn kịch trong ngày sắp tới.

Mờ sáng hôm sau, Đề và Võ đã chuẩn bị khiêng phạm đến trước cửa Thừa tuyên sứ đứng chực. Trời gần trưa rồi, chiêng trống inh ỏi, lệ lại lăng xăng, đội vệ binh chừng hơn trăm người, hò trước hét sau, rước một vị quan lớn lên công đường, đấy là Thừa tuyên sứ. Hai bên sập, cách xa độ chừng mười bước, mấy chục võ sĩ vác giáo đứng hầu. Dưới sân, cách chỗ ngồi của Thừa tuyên sứ chừng mười thước, dãy cũi phạm nhân đặt ra hai bên, mỗi bên một hàng, mỗi hàng mười lăm cũi, phu gánh cũi thì đứng lui ở hai bên cửa công đường.

Đề vào trước, Võ vào sau, quỳ trước sân làm lễ khấu đầu, bày tỏ công chuyện bắt phạm.

Thừa tuyên sứ thân hành xuống khám phạm. Xuống vừa được năm sáu bước thì những người phạm ngồi trong cũi cùng thét lên một tiếng, ba mươi cũi đều bị phá toang, phạm nhân vọt ra, tay cầm dao, nhảy múa như bay. Những tiếng kêu: "Bắt... trói... đánh... giết... giết..." ầm lên như mây tuôn sóng dậy. Khi ấy không còn phân biệt

được ai là quan, ai là giặc nữa. Chốc lát thì đầu của Thừa tuyên sứ đã bị xách ra ngoài cửa. Sáu mươi người phu khiêng cùng nhân lúc bọn vệ binh đang ngơ ngác, cướp ngay gươm súng, hét to ầm ĩ, hễ gặp người Ngô là chém.

Bọn Xý thấy việc đã thắng lợi to, liền hô lớn rằng: "Hễ ai không phải người Ngô thì tránh nhanh ra". Chúng đều lao nhao tìm đường chạy trốn.

Bên ta lại hô to:

– Đầu hàng ngay thì khỏi chết!

Những quân Ngô chưa bị giết, biết đại thế đã hỏng, đều lạy xin tha chết. Quá trưa, dinh Thừa tuyên sứ đã bị bọn Xý chiếm được. Vừa lúc ấy thì có tin phi báo đến nói bọn Chân đã kéo đến cả ở ngoài thành. Vì sau khi bọn Xý đi được vài ngày, thì Chân cũng dẫn quân theo đường núi, chẳng quản ngày đêm, đi gấp cho đến Thuận Hóa. Khi đến ngoài thành thì chỉ chậm hơn bọn Xý độ một ngày thôi.

Đại quân đã đến, trong ngoài thành đều bị quân ta chiếm lĩnh. Chân và Xý lại cùng nhau họp để bàn tính công việc vỗ yên.

Chân liền sai yết thị khắp các nơi, tuyên bố ý nghĩa đánh giặc cứu nước, khuyên nhân dân yên nghiệp làm ăn, chớ nên sợ hãi. Một mặt chia quân canh giữ các chỗ hiểm yếu, một mặt gửi thư báo cho cha con Đặng Tất biết tin.

Tất và Dung nghe được tin, liền kéo hết quân lính trong châu ra tiếp thu và phủ dụ các phủ huyện lân cận. Trong khoảng mười ngày, hai xứ Thuận Hóa và Thăng Hoa đều theo mệnh lệnh quân Trùng Quang cả.

Xý hạ lệnh sức cho các địa phương, phàm thổ quan, thổ binh đều y chức cũ. Nhưng bao nhiêu thuế nặng phép nghiệt của giặc Ngô thì trừ bỏ hết. Lòng người gần xa đâu đâu cũng vui mừng về theo.

Sau đó chừng mười ngày nữa, Đặng Tất cũng đem quân đến hội, binh uy càng thêm rầm rộ. Những tù trưởng Lào, Chàm cũng đều phái người đến xin theo. Uy thanh của nghĩa quân ngày càng bành trướng. Các phủ huyện ở Quảng Bình đua nhau đem thành ấp về hàng. Cả một dải đất ở phía Nam Hoành Sơn không còn bóng giặc Ngô nữa.

TIẾT THỨ MƯỜI TÁM

Sắp đặt mưa sấm

Việc chiêu an thành Thuận Hóa đã xong, đặt tiệc khao quân, đại hội anh em để bàn mưu đánh giữ.

Chân bảo Xý rằng:

– Thành Thuận Hóa bị mất, chẳng bao lâu giặc Ngô ắt kéo đại quân vào đánh, chúng ta nên làm chước "tiên phát chế nhân", nhất thiết không để cho chúng nó qua cửa Hoành Sơn một bước, ấy là thượng sách. Nếu để cho quân chúng nó qua Hoành Sơn thì cuống họng miền Nam sẽ về tay chúng. Quân chúng khi đã vào sâu, nếu lui thì chết hết, cho nên chúng tất hết sức liều chết để đánh chúng ta. Ta lấy quân mới gây dựng mà đánh với quân liều chết của chúng, sự hơn thua chưa thể biết được. Nay xin đem đại quân lập tức ra Bắc chặn giữ cửa Hoành Sơn để làm kế chống giữ. Tiến thì có thể dòm xứ Nghệ An, lui thì cũng có thể giữ vững được. Quân Bắc từ xa kéo đến, quân lính mỏi mệt, lương thực khó khăn, nếu bị thua một lần thứ hai nữa thì tất phải bỏ miền Nam cho chúng ta, vì chúng không xem trọng miền Nam này lắm. Chức trấn thủ Thuận Hóa, xin nhờ Đặng công. Đặng công đã ở lâu phương Nam, địa thế nhân tình vốn đã am hiểu, lại có danh vọng người hào kiệt, dân chúng quy phục, một dải thành trì này, chắc sẽ không có biến cố gì đáng ngại.

Mọi người đều nói:

– Phải!

Bèn cử Đặng Tất làm Thuận Hóa lưu thủ đại sứ, để Tình ở lại giúp sức.

Bọn Xý thì đem đại quân tiến về phía Hoành Sơn. Võ làm tướng tiên phong, Chân làm tham mưu trưởng, Liên làm hành quân nữ thư ký, vì ở trong quân mà giỏi văn thư thì chỉ có Chân và Liên, còn người khác thì chỉ hơi thông hiểu văn tự mà thôi.

Ngày rằm tháng Năm, đại quân đã kéo đến Hoành Sơn, bèn đóng dinh ở phía trong cửa quan. Ở nơi cửa quan thì sắp đá làm lũy dài, hai bên tả hữu cách chừng một dặm thì xây hai dinh lớn làm hai cánh tả hữu, do Võ và Phấn giữ. Đại dinh trong cửa quan thì do Xý giữ, Lực làm phó. Cách ngoài cửa quan chừng mười dặm đắp một lũy

nhỏ, có lầu vọng viễn, làm trụ sở của đội xích hậu, tại làng Sơn Đầu, do Năng và Vân giữ. Lương thực khí giới trong quân thì Đặng Trấn sứ bảo đảm tiếp tế. Đặng vốn con cháu "vọng tộc" thời Trần, tổ tiên trước vào làm quan miền Nam Trung, đời đời làm quan ở đất ấy, đến Tất thì làm thổ tri châu ở Thăng Hoa. Cha con Đặng Tất nguyên người Bắc, vốn dòng nhà Nho, đều sành Hán văn, học rộng, thích binh pháp, hay đọc binh thư của Tôn Ngô. Từ khi đã giúp quân Trùng Quang, giúp sức nhiều hơn ai hết, phàm lương thực khí giới cho quân, cung ứng chưa hề thiếu, đều là công lao của cha con Đặng Tất.

Quân doanh ở cửa Hoành Sơn sắp đặt đã xong thì Chí và Triệu vừa ở Bắc về, đến dinh báo cáo tình hình đã dò xét được, và nói gia quyến của Đề đã đem về trại Trùng Quang, phó thác cho ông Khoáng, chỉ đem con trưởng của Đề vào để gặp Đề. Đề có hai trai, một là Thái, một là Phong. Phong còn nhỏ, ở lại trại với mẹ. Thái mười tám tuổi, có sức mạnh, biết nghề võ, giỏi cưỡi ngựa, khômg muốn lưu lại ở trại, xin theo cha tòng quân. Đề thấy con, mừng cuống lên. Đề hiện làm tham mưu cho Võ, liền đem Thái về doanh làm vệ sĩ.

Chí và Triệu nói:

– Lòng người Bắc nay đều rất chán ghét chính sách độc ác của giặc Ngô, nhưng thế giặc đương mạnh, quân đóng ở Đông Kinh thường thường có đến 30 vạn; thêm thổ binh vào nữa, có đến 6, 7 mươi vạn. Thời chưa đến, chưa làm được. Nhưng nghe ở vùng Thanh Hóa có Lê Lợi, đang bí mật tụ tập tráng sĩ, khẩn núi đồn điền, chiêu nạp những người thất tước, nuôi chí rất to, nhưng chưa hoạt động. Giặc Ngô cũng không biết. Tương lai ở Bắc có việc lớn, tất là người này đứng đầu.

Đất Bắc, dân trí đã khai thông hơn miền Nam, nhưng phải cái dở là hay xu thế trục lợi, đã thành thói quen, nịnh hót quân giặc, làm hại đồng bào, người ta cho là thường, không hề lấy làm quái gở.

Độ nọ, tên Thống soái giặc nhóm họp nhân dân trong thành làm trò bơi trải. Ở phía hữu sông Nhị Hà, xây một tòa vọng lâu rất to, tên Thống soái ngồi ở giữa, tập trung ả đào toàn thành, múa hát ở dưới. Ở xung quanh, hai bên bờ sông, người đông như kiến. Tên Thống soái cùng liêu thuộc vừa ăn uống, vừa xem hát. Tên Thống soái rất vui, uống rượu say mềm, rồi đứng ở trước mọi người tuột quần giơ đít ra mà bảo mọi người rằng:

– Nhân dân An Nam có ai giơ miệng hôn đít nó một cái, nó sẽ

thưởng cho hàm Cửu phẩm, lại miễn cho mua "đảm bảo trạng".

Trong khoảng chốc lát, được sắc cửu phẩm đến hàng trăm người. Dân khí như vậy, cho nên bị giặc Ngô khinh rẻ chà đạp là đáng lắm. Chúng tôi còn muốn ở lại ít ngày để cố tìm chỗ ở của Lê Lợi, xét xem chân tướng ra sao, nhưng có giấy báo khẩn cấp, nên phải về ngay, chưa được gặp mặt người ấy. Tiếc quá.

Chân nói:

– Có thể là quân giặc sẽ tiến vào Nam không?

Đáp:

– Đúng. Thành Thuận Hóa thất thủ, ở Đông Kinh đã nghe rồi, nhưng buổi đầu chúng nó cho là thổ dân phiến loạn, chưa biết thực tình đảng ta. Vừa tên sứ giặc ở trấn Nghệ An có thư hỏa tốc báo cáo, thổi to thế lực của đảng ta, xin cho phái binh vào dẹp. Trong mười ngày nữa, quân giặc ắt đến. Khi chúng tôi mới về đến Nghệ An, thấy giặc sắp đặt binh mã, chỉ đợi quân Đông Kinh vào là cùng đi. Chúng tôi nghe được tin ấy, liền về báo cáo, sợ chậm lại sẽ có hại cho quân cơ.

Chân nói:

– Chúng tôi cũng đã liệu đến, ngày sau chưa biết thế nào, nhưng giờ đây giặc đến, thì trước hết là nên cho giặc biết chúng ta lợi hại thế nào. Hôm nay hãy xin về nghỉ, sáng mai xin mời các ông mỗ, đến hội bàn về kế hoạch đối phó.

TIẾT THỨ MƯỜI CHÍN

Nhìn ngắm núi sông

Hôm sau, Võ và Phấn đều đến họp ở doanh Xý. Chân nói rằng: .

– Giặc đến, khí thế đương hăng, ta nên nhân lúc nó mới đến mà đánh gấp. Nhưng giặc nhiều ta ít, phải dùng "kỳ binh" mới thắng được. Nay kiểm điểm quân lực thì nguyên có tinh binh hơn 1000, thổ binh mới gia nhập hơn 4000, có thể chia ra làm năm đội. Trung doanh và chính binh, chia làm hai đội: một trung đội 1000 người, làm quân tiên phong, ông Vân cầm quân, nên đi xa ra ngoài cửa quan mười dặm mà đóng trại, lấy quân ốm yếu sung vào và dàn ra cho

nhiều cờ trống để làm rối tai mắt quân giặc mà thôi; một đại đội 2000 người, làm quân hậu viện, phải chọn hạng tinh tráng sung vào, ông Xý chỉ huy. Hai ông Võ và Phấn thì đem hai trung đội tinh binh, mỗi đội 500 người, chuyên làm "kỳ binh" nấp sẵn ở hai bên tả hữu phía trước trung doanh. Chỗ này hai bên đều là rừng rậm, che được mắt giặc, rất tiện cho việc phục binh. Đề và Lực thì mỗi người đem một trung đội 500 người, chia nhau phục hai bên cửa quan, khi thấy giặc mới xuống đèo thì lập tức kéo quân xông ra, giáp chiến hai bên để chặn đường về của giặc ở dưới, mà ta ở trên cao rất là dễ thắng. Trong quân, có quân Lào mới quy thuận được chừng 500 người, đều giỏi bắn nỏ, nên phân phối vào hai doanh tả và hữu, mỗi doanh vài trăm người. Lúc phục binh nổi lên thì cung tên đi trước, đón giặc mà bắn ở xa để cho gươm giáo tiếp vào. Hai trung đội ngoài cửa quan thì giáp đánh phía sau. Đại đội chính binh ở trung doanh thì đánh mạnh vào phía trước, có quân ông Vân giúp vào nữa thì giặc dầu có đứa sống sót, cũng chẳng bao nhiêu.

Mọi người đều nói:

– Đội quân tiên phong, sao lại dùng người yếu?

Chấn nói:

– Giặc đem đại quân tới, thanh thế đương mạnh, ta tỏ ra kẻ yếu để làm cho nó kiêu. Giặc giận lại kiêu, không biết là ta dối thì dễ mắc mưu. Đội quân ấy vốn là đội quân nhử giặc, cốt lấy thua làm giỏi. Vừa đánh vừa chạy, dẫn giặc lên đèo. Giặc đi đường xa đã mỏi chân, nay lại lên đèo tất là hết sức, nhân lúc thiếu sót ấy mà đánh ngay, chắc là phải được. Hai bên cửa quan đều rừng rậm, quân ta xông ra, giặc không biết được nhiều hay ít, lòng quân dễ loạn thì ta thắng không khó. Ta nuôi sức để đợi giặc, chủ và khách, một bên thong thả, một bên mệt mỏi, thế rất khác nhau, quân giặc tuy nhiều cũng không đáng sợ.

Kế hoạch đã định xong, lại mời Vân đến nói rằng:

– Đội quân của ông dẫn đi không phải cầu thắng giặc, nhưng cái cốt để thắng giặc hoàn toàn là ở nó. Hễ thấy quân giặc đến thì đón đánh ngay, không cần chỉnh trận, mà cũng không nên lui gấp, làm ra vẻ sợ mà không phải sợ, ra vẻ mạnh mà không phải mạnh, cốt sao dụ được giặc qua đèo, ấy là việc khoái đệ nhất.

Lại nói với Võ, Phấn, Đề, Lực rằng:

– Thời gian các ông ra đánh, khẩn yếu nhất là ở lúc giặc mới qua đèo, bỏ mất giờ phút ấy thì rất đáng tiếc. Giặc vừa đi vừa đánh, từ chân đèo lên đỉnh núi, tất đã kiệt sức, nay lại ở nửa chừng, ta lấy hai đội chặn đánh từ trên xuống, lại lấy hai đội từ dưới đánh lên, bụng và lưng giặc đều bị đánh cả, chắc là phá được. Quân giặc đông đảo, một khi đã tan thì khó lòng mà thu thập được. Chúng ta quyết thành công.

Chân lại sai Cương và Quả, mỗi người đem ba người thổ dân, cầm nhiều cờ trống ra mai phục ở hai bên cánh cửa quan chừng mười dặm, và dặn thêm rằng:

– Quân giặc thua rồi, các anh không cần ra đánh, chỉ ở trong rừng, phất cờ đánh trống, hò hét cho ầm ĩ lên để giúp thêm cho tiếng hò hét chiến đấu, chuyên làm việc cướp lương hướng khí giới của giặc mà thôi.

, Chư tướng rất mừng, đều trở về doanh, kiểm điểm quân ngũ, chỉnh đốn khí giới bộ thự đầy đủ, để chờ giặc đến. Mọi người trong các doanh đều có cái khí "giết được quân giặc rồi mới ăn cơm sáng".

Chân lại phái Chí và Triệu làm tiên phong nữ trinh thám, giả ăn mặc làm người buôn xứ Bắc, đi trước ra Hà Thanh, Kỳ Anh để dò tin tức giặc, lấy Năng và Thái đi cùng, vì Năng, Thái đều nhanh nhẹn, giỏi chạy, hễ có tin là có thể chạy ngay về báo với doanh trại.

Hôm sau, Chân lại mộ thêm những người thanh niên nam nữ trong nhân dân ở các làng lân cận, biên chế làm một đội, Chân tự tay cầm quân, dự bị để sau khi chiến thắng cho theo quân mà thu lượm khí giới lương hướng và chôn lấp thây chết.

Vài ngày sau, Thái và Năng về báo rằng quân giặc có ba vạn người đã đến Hà Thanh, tối nay còn nghỉ chân, sáng sớm mai xuất phát.

Bọn Xý nghe thế rất vui mừng hớn hở, y theo kế hoạch trước mà bố trí chu mật, chỉ chờ giặc đến là đánh.

Hôm sau, vào hồi xế bóng, giặc đến Sơn Đầu. Vân xuất quân khiêu chiến. Giặc thấy quân ta ít và yếu nên khinh, chẳng đặt doanh trại, cứ xua quân đuổi Vân. Vân đánh hăng được một lúc. Giặc thấy quân ta không chịu lui, giận lắm, huy động đại quân ồ lên. Vân vừa đánh vừa chạy, chạy rồi lại quay lại đánh, giặc càng tức giận đuổi riết. Đến cửa quan, giặc thấy cửa quan không có binh giữ, bâu lại như ong mà kéo đến. Vân đã lên đến cửa quan, lại đem hết sức ra chống cự.

Giặc đánh mạnh. Vân thua chạy xuống đèo. Giặc qua đèo mới độ nửa chừng thì hai đội quân của Đề và Lực nấp ở hai bên đột nhiên xông ra, đánh trống, reo hò hăm hở xông đến, khí mạnh gấp trăm phần. Giặc chia một nửa trở lại đánh, nhưng bị tên nỏ bắn đến tứ tung.

Đại đội chủ lực của Xý chặn đánh phía trước giặc; hai đội quân của Phấn và Võ nấp sẵn ở trong rừng cũng xông ra, cung nỏ gươm giáo đều tập trung nhằm vào hai bên tả hữu của giặc. Giặc hoảng hốt, tranh nhau cướp đường mà chạy. Lúc ấy trời đã tối, giặc không biết quân ta nhiều hay ít. Lại nghe bốn mặt tiếng người tiếng trống ầm lên, vang ầm cả dãy núi. Quân giặc hồn bay phách rụng, vứt giáp bỏ gươm, giày xéo lên nhau mà chết. Thây xác bừa bãi, máu me đỏ đường lênh láng. Lương thực và khí giới của giặc bỏ lại đầy hang lấp suối, đội quân của Chân thu nhặt được không biết bao nhiêu mà kể.

Quân ta thừa thắng, đuổi theo mãi đến cách địa giới Hà Thanh vài mươi dặm, rồi mới thu quân. Các tướng kéo về doanh hát bài khải ca ầm ỹ, rung động cả cỏ cây. Kiểm điểm lại quân ta tổn thương chừng vài trăm người. Làm lễ hậu táng những người hy sinh vì nước ấy, từ ông Xý trở xuống đều đi đưa, mỗi người đặt một hòn đá lên trên mộ, thành ra ngôi mộ cao như một hòn núi nhỏ. Dựng bia lên trên mộ, đặt tên là núi "Tinh Quốc". Đến nay trong khoảng rừng xanh cỏ rậm, chỗ đó, dấu tích anh hùng vẫn còn.

TIẾT THỨ HAI MƯƠI

Mưu thần tính toán

Sáng hôm sau nữa, lại mở đại hội ở doanh trại chính để khao thưởng quân sĩ. Mọi người đều phục Chân là người trù tính rất hay.

Chân nói:

– Đấy không phải là mưu của Chân này hay, mà chính nhờ các anh em đồng tâm, nên mới có thể lấy ít đánh nhiều, may được thành công. Tiền đồ tương lai còn dài, sự được thua của nhà binh không thể liệu trước được. Mong sao anh em ta càng thêm một lòng một sức, lo chung việc lớn để khôi phục Tổ quốc thì mới được thỏa lòng. Cuộc thắng nhỏ này, chớ vội quá mừng.

Mọi người đều nói:

– Xin vâng.

Vừa lúc ấy thì Tinh từ Thuận Hóa ra, đem theo một viên tải lương lên yết kiến. Người ấy mình cao dáng đẹp, mày nhọn mắt sáng. Đấy là Đặng Dung, con trai Đặng Tất. Bọn Chân đều đứng dậy, bước ra bắt tay mời ngồi.

Dung nói:

– Thân phụ chúng tôi sợ ngoài doanh thiếu lương thực, nên cho chúng tôi tải lương ra, và cũng để hỏi thăm tin tức quân sự một thể. Khi tới Quảng Bình thì nghe tin báo tiệp, chúng tôi xin trân trọng thay mặt thân phụ chúng tôi chào mừng công lớn.

Chân nói:

– Đây là trận thắng đầu tiên của quân ta lúc bắt đầu đại chiến với quân giặc. Đó là nhờ các bực phụ huynh khó nhọc và nhờ tôn bá hết sức giúp đỡ việc lương thì mới may mắn thắng như thế. Nhưng nghĩ đến tiền đồ thì mối lo cũng bắt đầu từ đây.

Dung nói:

– Sau trận thắng này, giặc tất đem đại quân đến báo thù. Các ông nhìn xa, chắc cũng đã có sẵn phương pháp để đối phó.

Chân nói:

– Chúng tôi đương sốt ruột về chỗ ấy đấy, nhưng chưa có mưu lược gì hay. Người có điều gì chỉ giáo cho chúng tôi không?

Dung nói:

– Xin để cho lát nữa bàn kín rồi sẽ xin góp một vài ý kiến mọn.

Đến tối, các tướng ai về trại nấy rồi, Chân giữ Dung lại hỏi kế.

Dung nói:

– Sau khi đại quân lìa Thuận Hóa rồi, thân phụ tôi kiểm điểm lại các tù trong thành, cộng được 150 người, an ủi vỗ về, khuyên họ ra sức giúp ta. Trong ấy có hơn một trăm người Ngô. Lính mộ xứ Bắc đã được người Ngô huấn luyện, ăn mặc y như người Ngô, lại được hơn năm chục người nữa đều là vệ binh của Ngô sứ trước. Chúng nó cảm ơn không giết, xin đi theo để đánh giặc Ngô. Thân phụ tôi cho rằng quân Ngô mới hàng, chưa thể tin được. Nếu các ông có chỗ nào dùng được chúng nó, thì sẽ xin đem chúng đến doanh. Thân phụ tôi bảo hỏi ý kiến các ông.

Chân nói:

– Được thế rất tốt, nên cho đưa chúng đến ngay. Sáng mai nhờ ông chịu khó về Nam, lấy ý ấy nói cùng bác nhà và nhờ bác trấn thủ cho một phía.

Dung nói:

– Em về, sẽ đem ngay bọn lính ra. Nên độ bao giờ đưa đến?

Chân nói:

– Càng chóng càng tốt.

Sáng hôm sau, Dung cáo từ ra về.

Mười ngày sau, Dung đã đem 150 tên hàng binh đến doanh thứ.

Chân, Xý rất mừng, mật nói với Dung rằng:

– Chỗ dùng bọn lính này, chắc ông hiểu rồi.

Dung nói:

– Cũng có chút ý kiến, không biết có đúng hay không? Giặc nay trở lại, quân lính tất là rất mạnh. Trông gương thua lần trước, chúng nó tất phải đặt doanh đắp lũy trước đã, rồi mới dám tiến đánh. Khi đánh vào doanh ta, có được thì chúng mới thừa thắng đuổi theo, nếu thua thì chúng sẽ cố thủ thành lũy làm kế cầm cự lâu dài. Ta đánh giặc, tất phải đốt phá doanh trại của chúng thì mới mong thắng được. Nay xin dùng quân này, giả làm hàng binh để chuẩn bị nội công có được không?

Chân vỗ tay cười to, làm cho cái ghế ngồi gần ngã, nói rằng:

– Trang anh hùng trẻ tuổi. Thật là hợp ý ta quá.

Chân bảo Phấn và Lực điểm lại hàng binh, để ở doanh riêng cho ăn uống rất hậu, rồi dùng lời nói ngọt mà an ủi vỗ về. Đến tối, Chân thân hành đến xem xét, bảo bọn tù binh rằng:

– Làng xóm họ hàng các anh đều ở cả ngoài cùng quan Ngô cai trị, nay tha cho các anh về doanh Ngô thì thế nào?

Tụi hàng binh nói rằng:

– Chúng tôi đội ơn dày được sống, chưa lấy gì báo lại, nên không muốn về.

Hỏi khắp mọi người, đều đáp giống như thế cả.

Chân nói:

– Các ông thành tâm như vậy, chúng tôi rất là kính phục, nhưng sớm chầy quan Ngô tất đem đại quân đến đánh, chúng tôi quân ít,

thế không chống được, tất là phải thua. Nay muốn đầu hàng, làm kế tự tồn, nhưng trước đây chúng tôi đã đánh bại quân Ngô, sợ không có người giới thiệu thì Ngô tướng chẳng dung cho chúng tôi hàng. Nay muốn nhờ các ông ra tận doanh Nghệ An, bày tỏ ý của chúng tôi. Nếu được đồng ý, chúng tôi sẽ xin đem tất cả bọn đến hàng. Các ông có nhận không?.

Hàng binh đều nói:

– Việc ấy chúng tôi xin hết sức. Các ông để cho chúng tôi được sống, chúng tôi rất muốn sống yên vui.

Chân nói:

– Rất cảm ơn các ông. Độ vài ngày nữa các ông có thể ra về.

Chân về trại, mời Phấn và Lực đến mà bảo rằng:

– Nay ta muốn làm kế trá hàng, cho người ra trước ngoài doanh Nghệ An, dự bị nội ứng, ý kiến các ông thế nào?

Phấn nói:

– Như muốn làm kế ấy, chúng tôi xin đảm nhiệm, nhưng sợ quân giặc không tin. Chẳng hay ông có kế gì?

Chân ghé vào tai nói nhỏ:

– Như vậy, như vậy, chúng tất sa vào kế của chúng ta.

Hai người hiểu ý, lui ra.

Sáng hôm sau, Chân tập hợp tất cả tướng tá ở doanh chính của Xý. Dung cùng bọn quan trưởng hành binh đều đến dự hội.

Chân đứng dậy nói rằng:

– Người Ngô, từ khi vào nước ta, đến thành ấp nào như đá chọi trứng, hễ đụng đâu là tan đấy. Hôm trước, chúng ta nhờ may thắng được một trận. Họ tất phải lấy làm xấu hổ tức giận, và sẽ dốc cả quân lính toàn xứ Bắc để rửa cái thẹn đó, chúng ta nếu không biết liệu, thì rồi chết không có đất chôn. Theo ý kiến ngu đệ thì không gì bằng tạm dâng thư xin hàng, làm kế hoãn binh để lo liệu sau.

Mọi người đều nói:

– Mưu chủ nói rất phải. Bây giờ đánh nữa, tất không địch nổi.

Duy Phấn và Lực, hai người cùng lìa chỗ ngồi đứng dậy mà nói rằng:

– Các ông đều là khí phách đàn bà, chứ đại trượng phu hễ thấy

giặc thì chỉ có đánh, đánh được thì tốt, nếu có thua nữa cũng còn vinh. Miệng tôi không thể nói ra chữ "hàng" được.

Mọi người chưa kịp đến. Chí và Triệu đứng dậy mắng rằng:

– Anh lại bỉ bạc phụ nữ chúng tôi à? Chúng tôi cũng nhất định không nói hàng.

Chân nổi giận, đứng dậy nói:

– Từ ngày khởi nghĩa đến nay, kế hoạch của ta chưa có sai lầm bao giờ. Nay ta đã trù tính kỹ, không thể đánh được nữa, vạn bất đắc dĩ mới phải đầu hàng. Phấn và Lực cậy công, kiêu ngạo, dám ở giữa đại hội làm nhục ta, ta còn mặt mũi nào mà ở lại làm việc với các người nữa. Thôi ta đi. Các ngươi liệu lấy, muốn làm gì thì làm! Rồi hầm hầm bước chân xuống thềm, toan ra cửa. Chư tướng đều đứng dậy níu áo Chân, xin Chân nguôi giận để cùng trù tính mưu kế hay hơn.

Chân nói:

– Nếu Phấn và Lực không lạy tạ xin lỗi thì ta quyết không ở lại làm việc nữa.

Mọi người đều khuyên Phấn và Lực nhận lấy lỗi "quá lời".

Phấn, Lực đứng phắt dậy, xắn tay trợn mắt, nhìn chòng chọc vào Chân mà mắng rằng:

– Từ khi khởi nghĩa, trải bao gian khổ mới có ngày nay. Anh chỉ biết uốn ba tấc lưỡi, lại muốn khinh miệt bọn này, hễ có trái ý mảy may gì là bắt tạ tội. Chúng ta ở quân, nói "đánh" là chức phận và chí nguyện của chúng ta, có tội gì mà phải tạ?

Chân bảo Xý rằng:

– Những người cầm quân mà vô lễ đến thế thì tôi xin từ tạ Tổng tư lệnh, cho tôi vào núi hái củi chăn trâu để ngày sau khỏi phải bêu đầu ở chợ Đông Kinh, như thế là may cho tôi.

Xý cũng giận lắm, mắng Phấn, Lực rằng:

– Chúng mày làm nhục đến quân sư như thế, còn có kỷ luật trật tự gì nữa.

Bèn hô vệ binh kéo hai người ra, trói vào cành cây ở trước đình, hạ lệnh rằng:

– Phải nhận tội đi. Nếu không sẽ đánh chết chúng mày để tạ quân sư.

Phấn, Lực đều nói:

– Mày có quyền đánh chúng tao, nhưng chúng tao chết thì chết nhất định không nhận tội.

Xý càng tức lắm, bảo đánh mỗi người hai mươi côn.

Mọi người thấy Chân, Xý đều thịnh nộ, không ai dám xin tha nữa.

Chỉ Chí và Triệu đứng dậy nói rằng:

– Xin nghĩ công trước của hai anh em mà tha đánh cho.

Xý không trả lời.

Đánh xong, đuổi hai người ra và mắng rằng:

– Chúng bay mà còn lếu láo như thế nữa thì sẽ mất đầu!

Buổi họp hôm đó tẻ ngắt. Khi các tướng lĩnh giải tán thì trời đã gần trưa.

Phấn và Lực về trại, bọn tù binh đều đến an ủi. Phấn tức nghẹn cả họng, chỉ thở dài, không nói năng gì. Hồi lâu mới nói rằng:

– Ta nay không còn mặt mũi nào để thấy người nữa. Thề tự tử cho xong đời thôi.

Bọn tù binh an ủi mà nói rằng:

– Xin chớ nóng nảy. Chiều hôm qua quân sư đã cậy chúng tôi đệ bức thư xin hàng. Chúng tôi đã vâng lời rồi. Nay hai ông muốn trả thù ấy thì cứ đi theo chúng tôi là được thôi. Thấy việc ở giữa hội nghị hôm nay, chúng tôi thật cũng bất bình cho hai ông lắm.

Phấn, Lực ngẫm nghĩ một hồi, rồi nói nhỏ với bọn tù binh rằng:

– Chúng tôi nay đầu hàng, thật là có tội với quốc dân, không phải bản tâm của chúng tôi. Nhưng vì hai lão kia thật là không đáng cộng sự. Huống chi lại làm nhục chúng tôi đến mực ấy. Bây giờ chúng tôi không tiếc gì nữa, chỉ làm sao hả được giận, làm sao đâm được dao găm vào bụng nó, thì chết cũng nhắm mắt. Ở đây đều chân tay chúng nó, khó mà hạ thủ. Nếu các anh làm cho chúng tôi được hàng với quan Ngô, thì mấy thằng đã làm nhục chúng tôi, chúng tôi thề sẽ chặt đầu để dâng.

Bọn tù binh nói rằng:

– Nếu quả nó cho chúng tôi về doanh Ngô thì nhất định chúng tôi sẽ tiến dẫn hai ông. Xin đợi tối nay, xem có cơ hội sẽ đi gấp.

Hai người đều nói:

– Cảm tạ, cảm tạ. Nhưng sau khi đã đầu hàng rồi, thì thế nào

cũng xin với quan Thượng tướng Đại quốc giết cho được hai lão già này, chúng tôi mới cam lòng.

Bọn tù binh nói:

– Việc đó không đợi phải nói.

Khoảng 8 giờ tối, Xý và Chân mời bọn trưởng tù binh đến và bảo rằng:

– Bọn các anh có hơn trăm người, nay chọn lấy mười người đi trước, mang theo thư đầu hàng của ta đến thành Hoan. Nếu được nhận cho hàng thì ta sẽ cùng các ngươi và tất cả binh sĩ cùng về.

Bọn tù binh đều nói:

– Thế nào cũng có tin tốt.

Chân nói:

– Sáng ngày các ngươi nên bắt đầu đi, mọi việc đã có ông Đặng Dung liệu lý, không cần phải hỏi ta.

Liền đưa thư giao cho trưởng tù binh, rồi lại dặn rằng:

– Các anh đã quen thuộc ông Dung rồi, ông Dung cùng đi với các anh, nếu có tin tốt, ông Dung sẽ về đón ta.

Bọn tù binh đều nói:

– Dạ! Dạ! Ông Dung giỏi chữ Hán, biết tiếng Ngô, cùng quan Ngô thù đáp, ắt không lầm lỗi, việc này chắc ổn.

Chân chào bọn tù binh, rồi đưa ra khỏi doanh.

Bọn tù binh về doanh, mời Phấn và Lực đến, đưa hàng thư của Chân, Xý cho xem, rồi hỏi hai người rằng:

– Các ông có quyết kế đi không?

Đáp rằng:

– Quyết. Nhưng phải đi đêm nay, nếu để chậm nhỡ hai lão già kia biết, thế nào cũng bắt chúng tôi. Chúng nó với bọn tôi nay là cừu địch rồi.

Bọn tù binh nói:

– Đi ngay là tốt, nhưng phải ông Dung đồng ý mới được.

Nói chưa xong thì bỗng thấy Dung ở ngoài vào, hỏi vặn Phấn, Lực rằng:

– Câu chuyện hai anh mật mưu đó, tôi sẽ phát giác với Tổng tư

lệnh đấy.

Phấn và Lực khóc mà nói rằng:

– Thôi xin ông, ông nỡ giết chúng tôi sao?

Dung nói:

– Tôi đùa đấy thôi. Câu chuyện hôm nay, tôi cũng rất lấy làm bất bình. Hai anh cứ đi, tôi đảm bảo cho.

Đêm ấy, Phấn, Lực thu thập quân bản bộ được hơn trăm người đến nói với trưởng tù binh rằng:

– Nay chúng tôi đem những người bộ hạ của chúng tôi cùng đi với các anh luôn. Chúng đều là tay chân tâm phúc của chúng tôi. Chúng tôi đi, chúng không thể ở lại được. Nay cùng nhau đi ra Bắc, các anh có tán thành không?

Bọn tù binh đều nói:

– Rất tốt. Nay nên đi gấp. Chậm lại, sợ sẽ tiết lộ.

Phấn và Lực nói:

– Chúng tôi đi ngay đây

Vừa lúc đó, Chí và Triệu đến, cùng nói:

– Chúng tôi cứu hai anh không được, chả mặt mũi nào ở lại đây nữa. Cũng xin cùng đi với các anh thôi.

Liền đêm ấy ăn mặc gọn gàng, dao thắt lưng, tất cả hơn hai trăm người, lẳng lặng bỏ doanh ra đi, nhằm thành Nghệ An mà tiến.

Đến Thạch Hà, bọn tù binh cho phát trạm mật báo tin trước về Thừa tuyên sứ Nghệ An.

Ngô sứ được tin ấy, rất mừng, nói rằng:

– Quân giặc nay quy hàng rồi, ta không còn sợ nữa.

Đi đến Nam ngạn sông Dũng Quyết thì hơn mười người tù binh cùng tùy binh đưa Dung đi trước vào thành bái yết Ngô sứ, trình thư xin hàng của Chân, Xý, và báo cáo thực trạng Nam quân, xin cho thu nạp.

Ngô sứ được thư, bảo bọn tù binh rằng:

– Chúng bay làm được việc này là công lớn, rồi đây sẽ có trọng thưởng.

Bọn tù binh xin đuổi tả hữu ra, mật trình rằng:

– Chúng tôi bị giặc bắt, rất nhục, ngày đêm lo nghĩ để thoát lao

lung, khốn nỗi chưa tìm được kế gì. Hôm trước, nhân giặc bảo đệ hàng thư, nhờ cơ hội ấy mới về được với chủ doanh, rất lấy làm sung sướng. Lại có được một tin rất tốt, xin trình luôn chắc chủ soái sẽ vui lòng nghe.

Ngô sứ bảo cứ nói hết.

Tù binh nói:

– Trong doanh giặc có hai tên tướng là Phấn và Lực, vốn có nhiều công lao. Trước đây vì nói thẳng, bị chủ tướng giặc đánh đòn làm nhục, chúng tức giận muốn tự tử. Chúng tôi khuyên nên đầu hàng để rồi kiếm kế trả thù. Chúng nó thường nói với chúng tôi rằng, nếu chủ soái không bỏ chúng nó thì chúng nó có thể lấy toàn cõi Nam Trung dâng lên Thượng quốc. Xin chủ soái gọi vào hỏi xem thế nào?

Ngô sứ rất mừng, cho gọi đến.

Tù binh nói:

– Hãy dẫn hai tên đó vào trước đã.

Phấn và Lực đến thành, liền vào bái yến Ngô sứ, do trưởng tù binh dẫn đường, Dung làm thông ngôn.

Ngô sứ mắng rằng:

– Chúng mày trước chủ trương đánh, nay lại xin hàng, đó là láo.

Phấn và Lực nói:

– Chúng tôi là quân nước Nam, đối với quân Ngô mà nói đánh, đấy là bổn phận. Nhưng khốn nỗi thủ lĩnh của chúng tôi thật không xứng đáng, tự thánh tự thần, lăng nhục tướng sĩ, làm cho chúng tôi nhục nhã quá hơn tù binh. Vì thế mà quân lính thì bỏ, bầu bạn thì lìa, nay mai sẽ bị tiêu diệt. Chúng tôi đây đã bị chúng làm nhục, nay lại chịu diệt với chúng sao! Bị nhục mà không báo được, ấy là "bất dũng", cùng với quân ngu đồng diệt, ấy là "bất trí". "Bất dũng", "bất trí" không phải là trượng phu. Trằn trọc nằm nghĩ, phải đổi hẳn ý hướng. Về hàng với Thượng quốc, mong có chỗ nhờ, một là hả được mối hờn của chúng tôi, hai là bổ cứu được cái ngu ngày trước. Trời đất ở trên đầu chứng minh cho lòng thành của chúng tôi. Nếu nghi là giả dối thì xin chết trước mất sứ quân. Chúng tôi sau khi bị hai lão giặc già làm nhục đã muốn tự tử, chỉ giận mấy người kia làm nhỡ chúng tôi. Nói đến đây tay chỉ bọn tù binh mà nói rằng:

– Các người làm nhỡ việc chúng tôi! Các người làm nhỡ việc chúng

tôi! Bèn đập đầu vào thềm đá. Ngô sứ liền đứng dậy ngăn lại và khiến bọn tù binh dìu hai người dậy. Tù binh ghé vào tai bảo nhỏ rằng:

– Quan sứ đã nghĩ lại rồi, sẽ đối đãi tử tế.

Hai người lại đứng dậy. Ngô sứ cười mà nói rằng:

– Nay ta biết bụng hai anh rồi. Nhưng bọn Xý xin hàng, hai anh nói thật hay là giả.

Hai người thưa rằng:

– Hiện giờ thì không phải giả. Nhưng kết cục thì không phải là thật. Hai tên giặc ấy rất là giảo quyệt. Nay chúng sợ cái tội đánh giết quan quân. Biết rằng nay mai đại quân ở Bắc sẽ kéo vào thì không chống được, cấp thì xin hàng, nhưng hoãn thì chúng sẽ giở quẻ. Nay xin dâng quan lớn kế này: nhân lúc chúng xin hàng, thì cứ cho viết thư vỗ về bảo chúng phải đưa toàn lũ đến hàng, chặn ở giữa đường, giết hết đồ đảng, như thế thì mới hết được hậu hoạ. Nhưng không nên cho chúng vào thành. Quân chúng đương còn vài nghìn, nếu để cho chúng vào thành, ấy là đem giặc vào bụng, sẽ khó tính đó. Nhưng nếu chỉ cho hai người đến ắt sinh nghi, không dám ra Bắc, như thế là xua nó phải làm phản nữa. Nếu giết được hai lão ấy rồi thì từ cửa Hoành Sơn trở vào Nam, không ai dám chống lại nữa, chỉ trong khoảng trở bàn tay đất ấy lại thuộc về Thượng quốc. Kế vạn tuyền, không gì hơn thế. Xin xét cho ý kiến ngu dại của chúng tôi.

Ngô sứ đập tay xuống bàn, cả cười nói rằng:

– Chúng mày nói rất phải, đợi thành công rồi sẽ tiến chúng mày lên quan Thống soái ở Đông Kinh để thưởng cho chức to.

Lại nhìn Dung mà hỏi Phấn, Lực rằng:

– Người này có đồng tâm với chúng mày được không?

Phấn, Lực nói:

– Người này là bạn rất thân và rất tin cậy của chúng tôi.

Ngô sứ lại hỏi Dung. Dung nói:

– Chúng tôi là con Đặng Tất, thổ tri châu Thăng Hoa. Sau khi Thuận Hóa thất thủ, cha chúng tôi bị quân giặc bắt lấy, nay chúng tôi nhờ đi lần này, được thấy mặt trời, biết vận mệnh quân giặc gần hết, cha con chúng tôi sẽ có ngày ra khỏi hang tối mà lên chỗ cao ráo vậy.

Ngô sứ nói:

– Mày về nó với quân giặc bảo phải đưa toàn lũ đến hàng, rồi

phát trạm báo trước cho ta biết, sẽ cho người ra đón chúng ở bờ Nam sông Quyết. Mày phải nói cho khéo, chớ để lộ ác ý, ấy là công đệ nhất của mày.

Dung thưa rằng:

– Quyết không để nhục mệnh.

Ngô sứ mừng lắm.

Khi ấy bèn cho tất cả bộ hạ của Phấn, Lực vào trong thành, biên vào đội quân quy hóa.

Liền ngày hôm đó, viết thư bảo Dung về Nam báo cáo bọn Chân, Xý.

TIẾT THỨ HAI MƯƠI MỐT

Cưỡi gió phá sóng

Một ngày sau khi Phấn, Lực ra Bắc, Chân, Xý giam bọn hàng binh vào trong dinh không lấy quân lính canh giữ, cho ăn uống rất đầy đủ, nhưng cấm không cho nghe tin tức bên ngoài.

Ngày hôm sau, tập hợp tướng tá tâm phúc bàn việc tiến công.

Chân nói:

– Kế ta làm được thì đánh thành Nghệ An nhất định là phải toàn thắng. Nay nên, một mặt, phái người đến chỗ trại chủ, báo cáo quân tình, nhờ ông Kiên mật dụ những hào kiệt địa phương, dự bị hưởng ứng để làm mạnh thanh thế, một mặt khác, phái người vào Thanh Hóa chở lương thực ra để cung cấp quân nhu. Còn chúng ta thì trong mười ngày phải lo chỉnh đốn gấp rút đội ngũ các doanh, đợi có tin ngoài Bắc đưa vào là lập tức kéo đi ngay.

Mọi người nói:

– Ở Bắc giặc nghe tin quân ta thắng, chúng tất đem đại quân đến báo thù. Nghệ An làm sao mà lấy được.

Chân cười mà nói rằng:

– Quân Bắc quyết chưa đến kịp, hoặc có đến thì cũng là sau khi ta đã lấy thành Nghệ An rồi!

Mọi người hỏi:

– Sao ông lại quyết được như vậy?

Chân nói:

– Phấn, Lực đi lần này đủ hoãn được quân Bắc. Đợi ít lúc rồi sẽ biết.

Rồi phái Năng và Thái ngầm theo đường núi đến trại ông Khoáng, báo cáo quân tình và đem mưu của Chân nói cho biết.

Ông Khoáng rất mừng, liền cho người bí mật đi đến các phủ huyện, hẹn ước với các hào kiệt, dự bị hưởng ứng đại quân, lại thu lượm tiền bạc trong trại chở đến quân doanh giúp thêm lương thực.

Mười ngày sau, Năng và Thái về doanh phục mệnh. Vừa lúc Đặng Tất ở Thanh Hóa cũng sai Tinh áp lương đến và đem quân mới ở Thuận Hóa hơn 500 người đến hội.

Chân, Xý bèn định ngày xuất quân. Điểm quân các doanh cộng được hơn 8.000 người, chia làm ba đội. Một đại đội do Võ làm chủ, Tinh làm phó, là quân tiên phong. Một đại đội do Xý làm chủ, Chân làm phó, là quân hậu vệ.

Một trung đội là "kỳ binh", Vân làm chủ, Năng làm phó, xuất phát trước, đi quanh ra lối sau thành Nghệ An để chặn quân giặc ở Bắc vào và để đánh úp mặt Bắc của thành.

Bố trí đã xong, Chân bảo Vân rằng:

– Đội quân do ông chỉ huy nên lẳng lặng theo đường núi, ngậm tăm mà đi cho thật nhanh, đến trước mai phục ở sau thành Nghệ An. Quân giặc có ra thành thì cũng chớ nên động, chỉ chờ khi nào quân giặc ngoài Bắc có kéo vào thì đón mà đánh không cần phải thắng, chỉ làm nghi binh mà thôi. Nếu quân ngoài Bắc không vào thì đợi khi nào thấy trong thành có ngọn lửa là lập tức kéo vào thành thì mới ăn chắc.

Đội quân của Vân xuất phát xong thì vừa lúc Dung ở Bắc về đưa trình bức thư dụ hàng của Ngô sứ. Chân mừng lắm, bèn bảo Dung cầm thư tay và đem lễ vật đi trước đến thành Nghệ An với Ngô sứ, bày rõ tình ý ân cần của bọn Xý đã tuân lệnh đem tất cả để đảng ra hàng. Lời lẽ nói trong thư rất là nhún nhường, lại xin cho biết rõ ngày tháng, hễ được chỉ thị thì xuất phát ngay.

Nguyên trước kia tin quân Ngô bị thua làm rung động cả xứ Bắc, quân Ngô ở Đông Kinh đã chuẩn bị vào cứu. Ngô sứ bỗng được tin Phấn, Lực quy thuận, Chân, Xý xin hàng, tự nghĩ công lớn đã gần

thành, rồi đây nếu đại quân ở Bắc còn kéo vào thì sẽ không phải là công mình nữa, nên vội vàng cho trạm chạy tờ bẩm về Đông Kinh nói rằng: "Ở đây cũng đủ sức diệt giặc, chỉ nay mai là thu phục đất miền Nam, xin đừng cho đại quân kéo vào thêm phiền phí". Vì thế mà đội quân Đông Kinh không kéo vào nữa.

Dung được tin ấy, liền về báo với Chân.

Chân, Xý bèn hạ lệnh xuất phát. Lúc này cánh quân của Vân khởi hành đã 8 ngày rồi.

Nghĩa binh từ khi khởi sự đến nay, cờ xí tươi sáng, chiêng trống ầm vang, hoạt động đường đường chính chính, lần này là lần đầu tiên. Hôm ấy sắc trời trong sáng, gió Nam thổi mạnh. Bọn Xý, sau khi đặt tiệc khao thưởng quân sĩ đã xong, bao nhiêu lương thực khí giới còn lại trong kho đều mang theo hết. Cũng là để tỏ ý quyết liệt nhất sống nhì chết không lui về nữa. Hơn một trăm tù binh chuyên dùng vào công việc vận tống lương thực, đi theo sau quân, lấy một tiểu đội quân ta áp giải.

Chưa được ba ngày, đội quân tiên phong do Võ chỉ huy đã đến bờ Nam sông Quyết. Võ cho một nghìn quân bắn nỏ núp ở trong các bụi lau lách bên bờ sông để chờ quân giặc đến. Đại đội của Xý chia làm hai cánh tả hữu, dàn trận nghiêm chỉnh ở phía Đông và phía Tây núi Hồng Lĩnh, chuẩn bị giết giặc.

Quá trưa ngày hôm sau, giặc Ngô được tin điệp báo nói rằng chỉ có chừng 2000 quân. Ngô sứ rất mừng, tưởng là quân ta dự bị đầu hàng, tất không có chí chiến đấu, bất thình lình đánh sẽ được đại thắng. Bèn đem hơn năm vạn quân ở trong thành, vào khoảng một giờ chiều, kéo ra khỏi thành thẳng xuống phía Bắc sông Quyết. Lúc gần qua sông, Võ huy động đội quân bắn nỏ nhằm bắn chặn mặt sông. Quân Ngô mới qua nửa sông, xôn xao rơi xuống nước, phải vội vàng lui lại. Lại cố gắng qua sông, nhưng vẫn không được, như vậy năm, sáu lần đều bị tên nỏ bắn lui. Đến khi mặt trời đã bắt đầu lặn, đành phải dàn trận ở phía Bắc sông Quyết cầm cự với quân ta.

Lúc ấy, trong thành trống không, chỉ có bọn quan lại rảnh việc với một ít thân binh của Thừa tuyên sứ, chia nhau giữ các cửa thành, ngóng chờ tin báo tiệp.

Trời đã gần tối, tin chiến sự chưa đến, Phấn và Lực đoán quân

giặc chắc đang cầm cự với quân ta, thế là cơ hội hết sức thuận tiện rồi. Bấy giờ Chí, Triệu cũng đều đã lén vào nhà dân ở trong thành, chực để phóng hỏa. Đêm gần canh hai, lửa nấu cơm tối đã tắt hết, bỗng ở phía Bắc cửa thành, lửa bốc lên cháy. Lửa được gió nồm cháy lên ngùn ngụt. Quân lính đến chữa, thế lửa chưa tàn, thì ở cửa Đông, cửa Nam, lửa cũng đều bốc lên cháy. Ở phía tả phía hữu doanh Ngô sứ, lửa cháy rực trời. Trong lúc những người cứu lửa chạy đông chạy tây thì hai tiếng "Giết giặc! Giết giặc!" bỗng ầm lên ở trong thành ngoài thành. Ngô sứ lật đật cho tìm bọn Phấn, Lực thì tất cả bộ hạ của Phấn, Lực đã chạy nhào vào doanh, cướp súng ống chạy đánh lung tung, hò đông hét tây, hễ gặp giặc là giết hết. Bỗng chốc ở doanh Ngô sứ có người hô lớn: "Giặc đến rồi! Giặc đến rồi!" Thừa tuyên sứ kíp lên ngựa đem quân thân binh hơn ba trăm người theo cửa Bắc chạy, toan cướp đường về Đông Kinh.

Đi chưa được mười dặm thì có một đạo quân ở đàng trước mặt kéo đến, hét lớn rằng:

– Người lại đó có phải là Thừa tuyên sứ thì mau xuống ngựa đầu hàng đi thôi!

Ngô sứ hoảng sợ, chỉ huy thân binh liều chết đánh lại. Nhưng thế đội quân trước mặt rất là dữ tợn, rống như cọp mà xông tới. Trong chốc lát, hơn ba trăm quân giặc chỉ còn sống sót chừng mười tên mà thôi.

Ngô sứ bị bắt. Chủ tướng đạo quân ấy là Vân vậy. Vân dắt Ngô sứ đi theo, chỉnh đội ngũ tiến vào thành. Một chốc thì Phấn, Lực, Chí, Triệu cũng đều đến, chia quân đi cứu lửa, trấn giữ các cửa thành, sức cho nhân dân trong thành yên tâm đừng sợ.

Trời vừa sáng, quân giặc ở phía Bắc sông Quyết bỗng nghe thành bị mất, sào huyệt vỡ rồi thì không còn lòng nào chiến đấu nữa; xe cộ im lìm, cờ xí rối loạn, hàng ngũ mất hết trật tự. Quân Xý ở bên kia sông thấy thế, liền chia hai cánh, theo trên dưới dòng sông lập tức chèo đò qua đánh giáp mũi kìm. Quân giặc tan rã, quân Võ cũng mang toàn đội quân sang giết giặc. Ở trên dưới núi Nghĩa Liệt, thây quân giặc chết ngổn ngang. Quân đội tàn dư chừng tám trăm người, vừa đánh vừa chạy, cướp đường tắt mà về Đông Kinh. Quân ta chỉnh đốn lại đội ngũ, kéo vào trong thành. Thành Nghệ An lại về tay chúng ta vậy.

TIẾT THỨ HAI MƯƠI HAI

Xoay trời chuyển đất

Sau khi thu phục được thành Nghệ An, Kiên cũng lấy quân hào kiệt địa phương, thu phục các phủ huyện, đuổi hết quân Ngô, truyền hịch đi xa gần, tỏ rõ ân uy. Phàm những thuế hà khắc, phép độc ác của quân Ngô đều trừ bỏ hết. Nhân dân cả mừng, tiếng "hoan hô vạn tuế" vang dậy đất trời.

Cách một hôm nữa, Xý, Chân, cho Tinh và Chí đến trại lớn, đem bò rượu khao quân trong trại, rước trại chủ là ông Khoáng lên thành. Ông Khoáng đã vào thành, các tướng và hào kiệt địa phương đều đến hội. Vân đưa tù binh là Ngô Thừa tuyên dâng lên, xin trại chủ định đoạt. Ông Khoáng truyền giao lại cho cô Chí. Chí lãnh tù ra, đem chém Ngô sứ ở trước mộ cha, lấy đầu làm lễ tế.

Từ đây mọi người mới biết lai lịch của cô Chí. Kể từ ngày cô bỏ nhà ra đi đến hôm nay là gần mười năm. Cả xứ Nghệ An trẻ già đều khen ngợi, cùng bảo nhau rằng:

– Sinh con gái thì nên như cô Chí!

Hôm sau mở đại tiệc ăn mừng thắng trận. Chân thưa với mọi người rằng:

– Tiền đồ còn dài, đại cục vừa đổi mới, chúng ta nên tuyên bố chính nghĩa toàn quốc. Một dải Nam Trung đã lấy lại được, nay lại hạ thành Nghệ An, quân uy đã mạnh, tất phải Bắc phạt. Chúng ta với quân giặc không thể cùng sống với nhau được. Cầu an trong một cõi, không phải bản thân của anh em chúng ta, xin anh em cùng bày tỏ kế lớn.

Mọi người đều nói:

– Quân ta Bắc phạt, trận thế đàng hoàng, ngọn cờ chính nghĩa, không phải như hồi mới có mầm mống ở sơn trại nữa. Xin lấy danh nghĩa "điếu dân phạt tội" tuyên bố khắp nước, rồi tôn ông Khoáng làm minh chủ để nối nghiệp nhà Trần, để có thể là hiệu lệnh trong toàn quốc, nhiên hậu chọn tướng sắp quân, định ngày Bắc phạt, thời Tổ quốc có thể khôi phục, việc lớn có thể thành công.

Chân nói:

– Ông Khoáng là dòng dõi nhà Trần, đảng ta khởi nghĩa, ông lại là người xướng đầu, nay tôn làm minh chủ, danh chính ngôn thuận, đề nghị ấy rất hợp, nên làm ngay đi.

Mọi người đều nói: "Phải"

Khi ấy nhân tên trại Trùng Quang, tôn ông Khoáng làm vua Trùng Quang.

Vua Trùng Quang lên ngôi, đưa quân ra Bắc, nhiều lần đánh cho đại tướng giặc là Trương Phụ phải thua. Hai hạt Thanh Hóa nội ngoại dần dần đều thu phục được. Non sông đã có cơ sống lại trong khoảng chốc lát. Thế mà công đã gần nên, lại bị thua trận chết sạch sành sanh. Ngày nay, người đi qua bến đò Bô Cô còn gạt nước mắt mà cảm khái vô cùng với tiên triều. Đầu đuôi câu chuyện ấy sử cũ còn ghi. Độc giả cứ suy ra mà biết không cần nói thêm. Chỉ tiếc rằng: Quốc sử chúng ta về việc vua Trùng Quang chép quá sơ lược. Những người đồng tâm đương thời chỉ nói đến Nguyễn Cảnh Chân, tức ông Chân, Nguyễn Xý tức ông Xý và cha con Đặng Tất, Đặng Dung mà thôi, còn người khác thì đều mai một không hề nói đến.

Ôi? Có sao vậy? Vì rằng nước ta hồi ấy, từ Ninh Bình trở vào Nam, người biết chữ rất ít, nhưng câu chuyện dã sử ở dân gian, chỉ chép bằng chữ Thổ. Đến sau Hán văn truyền bá, phép thi cử của triều đình chú trọng Hán Văn thì người nước ta lại khinh rẻ chữ Thổ mà không chép lại. Chữ Thổ thất truyền, lâu ngày rồi người ta bị quên, việc bị lu mờ, vì đó mà tư tưởng yêu nước yêu nòi của người nước ta ngày càng yếu đuối, dần dần tiêu diệt. Ngày nay nghĩ lại, đau đớn biết dường nào! Chúng tôi trước đây độ hai mươi năm, hay đi lại với những người Thổ miền Tương Quỳ, các bạn ấy không hề biết chữ Hán, chỉ hiểu chữ Thổ mà thôi. Mấy cụ già còn lại thường vui vẻ kể lại những câu chuyện mấy trăm năm về trước cho chúng tôi nghe. Đó đều là do dã sử chép bằng chữ Thổ truyền lại ngày nay. Nay đem thuật lại để trình bày với quốc dân ta.

Than ôi! Đồng bào ta ôi! Quốc dân ta ôi! Chớ bảo việc xưa là không có gì đáng kể lại. Nước Việt không địch nổi nước Ngô, đàn bà trẻ con ai chả biết thế. Đất đai nước Ngô gấp ba mươi lần nước ta, nhân dân nước Ngô gấp mấy trăm lần nước ta. Thế mà người Ngô lập quận huyện ở nước ta không đến hai mươi năm. Nói về địa lý thì đất ta liền với đất họ, nói về quốc thế dân tình thì họ biết làu làu, lại

lấy lớn nhỏ, nhiều ít, mạnh yêu mà so sánh với nhau một trời một vực! Thế mà muốn diệt nòi giống ta, nuốt đất đai ta, chôn vùi quốc hiệu ta, không thể làm được. Ông cha chúng ta gây dựng cho chúng ta đời sau, công ơn thực không phải nhỏ vậy.

Vua Trùng Quang thua, vua Lê Thái Tổ nổi dậy, đã quét sạch giặc Ngô, khôi phục bờ cõi. Người đọc sử đều biết được công to đức lớn của vua Lê Thái Tổ là vị anh hùng bực nhất ở nước ta. Nhưng bao nhiêu anh hùng thất bại, anh hùng vô danh, đã có công tìm đường xẻ lối, vỡ núi dọn gai đi trước, để dẫn ra bực đại anh hùng lừng lẫy ấy, thì quốc dân ta không một ai biết mà nói đến. Quá lắm thay!!! Quốc dân ta thật đã quên ơn người trước.

Sau khi vua Trùng Quang chết vì nạn nước, chỉ sót lại hai ông già Kiên và Xý, trở về giữ lấy trại cũ, kéo dài lấy tia lửa tàn. Đến khi nghe tin vua Lê Thái Tổ cất quân, Xý để Kiên giữ trại, mình mặc áo rách, đi ra Tây Đô, tìm Lê Hoàng ở động Lam Sơn, rồi khi Xý đem quân vua Lê tiến đánh Nghệ An, Kiên cũng đem tất cả bộ thuộc đi theo.

Đến lúc giặc Ngô tan, nhà Lê lên, người nước ta làm vua nước ta, Xý bèn làm bực vĩ nhân đệ nhất của triều Lê, mà cái tên "Đồn ông Kiên" đến nay vẫn còn nơi cửa miệng mọi người.

Vĩ đại thật!!! Xã hội đúc nên anh hùng, anh hùng tạo nên thời thế, vì có nhân mà được quả, rồi do quả lại sinh ra nhân. Chúng ta đọc sử, đến đoạn vua Lê dẹp quân Ngô lấy lại nước Việt, không ai không nhảy nhót ngợi ca. Dân ta ơi! Đồng bào ta ơi! Dậy! Dậy! Dậy!.

TRẦN LÊ HỮU *dịch.*

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
TẬP 9

Trang

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập

Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 9

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập :

BAN BIÊN TẬP

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Biên tập kỹ thuật :

NGUYỄN CỪ - ĐÀO TRỌNG CƯỜNG

Sửa bản in :

VI QUANG THỌ - NGUYỄN TRỌNG BÁU

PHẠM THU HÀ

Trình bày bìa :

ĐỖ DUY NGỌC